

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Tập 61

Chuyển ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 18 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi tám, hàng thứ tám.

Đệ thập: Chủ bạn viên minh cụ đức môn. Hoành thụ vạn pháp thành vi nhất đại duyên khởi, pháp pháp giao triệt, cố tùy cử nhất pháp, kỳ tha nhất thiết pháp tức bạn chi nhi duyên khởi, diệc tức cử nhất pháp vi chủ, tắc kỳ tha nhất thiết pháp giai vi bạn, nhi phó u thử nhất pháp cánh dĩ tha pháp vi chủ, tức dư pháp thành bạn nhi tận tập chi. Cố nhất pháp viên mãn nhất thiết pháp chi công đức, thị danh viên mãn cụ đức. Chúng ta học đến đây.

Đây là môn cuối cùng của Thập Huyền, giống như những bài văn khác, môn đầu tiên là tổng cương, môn cuối cùng là tổng kết, đều rất quan trọng. Nhất là môn tổng kết này vô cùng thù thắng. Thế nào là chủ? Thế nào là bạn? Thế nào gọi là viên minh cụ đức? Trong đoạn này đều giải thích rõ.

Xin xem kinh văn: “hoành thụ vạn pháp”, tám môn trước nói về hoành, môn thứ chín nói về thụ. Hoành là gì? Hoành là nói về không gian, hoành biến mười phương. Thụ là nói về thời gian, quá khứ, hiện tại, vị lai, thụ cùng tam tế, nghĩa là bao gồm hết cả vũ trụ, không cái gì lọt ra ngoài. Pháp của thế và xuất thế gian không rời thời gian

và không gian. Trong Phật pháp gọi là hoành thụ, muôn sự muôn vật trong thời gian và không gian gọi là vạn pháp, chúng ta cũng ở trong đó, chẳng riêng con người ở trong đó, tất cả động vật ở trong đó, hoa cỏ cây cối ở trong đó, sơn hà đại địa ở trong đó, vô lượng tinh cầu, tinh hệ đều ở trong đó, bất đồng không gian duy thứ cũng ở trong đó. Trước đây nói, tương dung tương tức, trùng trùng vô tận, đó là gì? Là tự tánh! Trong kinh đức Phật thường nói, tự tánh pháp nhĩ như thị, pháp này vốn là như vậy. Không phải do con người làm, nên không phải sáng tạo ra, tánh đức vốn là như vậy. Trong giáo pháp đại thừa đức Phật thường dùng một câu để miêu tả, gọi là bất khả tư nghị. Quý vị không thể suy nghĩ, chắc chắn suy nghĩ không tới, nếu quý vị suy nghĩ, càng nghĩ càng phức tạp. Vì sao? Vì nghĩ chính là thức thứ sáu. Công năng của thức thứ sáu là năng biến, vạn pháp là sở biến, càng nghĩ nó biến hóa càng nhiều. Cho nên không thể suy nghĩ.

Nghị có nghĩa là gì? Là nghị luận, là nói không được, không cách nào nói được. Bất khả tư nghị là chân thật, nếu con người thật sự buông bỏ ý niệm, không suy nghĩ, không nói nữa, hay quá, chân tướng liền hiện tiền. Chỉ cần quý vị không suy nghĩ, không nói nữa, thì quý vị sẽ đại triệt đại ngộ. Tánh tướng, lý sự, nhân quả trong vũ trụ, đều ở trước mặt, quý vị hiểu được hết. Đạo lý gì vậy? chắc quý vị đã hiểu, chúng ta học ở trong giảng đường nhiều năm như thế, quý vị không suy nghĩ điều gì, không nói điều gì, chẳng phải đã buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước rồi sao? Buông bỏ hết chẳng phải thành Phật rồi sao? Như thế quý vị sẽ thật sự nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, không nhập được vì chúng ta vẫn còn tưởng, vẫn còn thảo luận, nghị luận, như thế không được đâu. Chỉ cần quý vị có tưởng, quý vị vẫn đang nghị luận, nói thiệt, đứng bên lề cũng không có phần.

Trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm là đại học Phật giáo, trường học này là một ngôi trường viên mãn, từ tiểu học đến đại học, tiểu học lớp 1 là Bồ Tát Sơ Tín vị trong Thập Tín. Sơ Tín là Bồ Tát tiểu học lớp 1, chúng ta vào đó được chăng? Không được. Vì sao? Vì điều kiện vào đó là phải buông bỏ tâm thô nhất, phiền não thô nhất là kiến hoặc. Trong tam giới, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, phải buông bỏ quan niệm sai lầm trong tam giới. Quan niệm sai lầm có rất nhiều, đức Phật quy nạp thành 88 phẩm, phẩm nghĩa là loại, chia thành 88 loại. Trong quá trình dạy học, đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng phương tiện thiện xảo, quy nạp 88 loại này thành 5 loại, như vậy dễ học, tiện lợi cho hàng sơ cơ.

Năm loại, thứ nhất là thân kiến, lục đạo phàm phu chúng ta coi thân này là của ta. Đức Phật nói đây là điều thứ nhất trong kiến giải sai lầm. Thân là gì? Thân không phải là mình. Không phải là ta vậy là gì? Thân là cái ta có, chứ không phải ta. Giống

như quần áo, quần áo không phải ta, quần áo là cái ta có. Quý vị nghĩ xem, chẳng những chúng ta nhìn sai, mà trong lục đạo, trời dục giới, trời sắc giới, trời vô sắc giới, đều sai lầm, đều chấp thân này là ta. Trời vô sắc giới thông minh hơn chúng ta. Vì sao? Bởi họ không có thân, không có thân, nhưng họ chấp linh hồn là ta, vẫn là sai lầm! Linh hồn không phải là ta. Cái gì là ta? Linh tánh mới là ta! Linh hồn không phải là mình. Vì sao? Vì linh hồn là giả không có thật. Sao gọi là giả? Bởi nó biến, nó có sanh diệt. Chân ngã bất sanh bất diệt. Có chăng? Có ! Ở đâu? Ở ngay thân này. Bộ phận nào trên thân? Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: Vua Ba Tư Nặc cũng không biết chân tướng sự thật này, thỉnh giáo với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đức Phật nói cho vua biết chân tướng sự thật. Đức Phật có rất nhiều phương tiện, vua Ba Tư Nặc bằng tuổi với đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật nói với vua về chân ngã, chân ngã ở đâu? Đức Phật hỏi vua: Lần thứ nhất ông thấy sông Hằng năm ấy bao nhiêu tuổi? Vua trả lời: Năm lên 3 tuổi mẫu thân dẫn con đi ngang qua sông Hằng, đây là lần đầu tiên con thấy sông Hằng. Đức Phật hỏi: Năm 3 tuổi ông thấy sông Hằng, cái thấy thấy sông Hằng đó, và năm 13 tuổi ông thấy sông Hằng, có khác biệt chăng? Không, không có khác biệt. Năm 23 tuổi thì sao? Cũng không khác biệt, con thấy rất rõ mà, lên 3 tuổi thấy như vậy, 13 tuổi thấy vẫn như vậy. Đức Phật hỏi, năm nay ông bao nhiêu tuổi? Năm nay con 62 tuổi. Vua 62 tuổi thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng 62 tuổi, hai người bằng tuổi nhau. Đức Phật nói, bây giờ ông thấy sông Hằng, và ngày xưa ông thấy sông Hằng có khác chăng? Không khác, thấy không khác. Đức Phật nói, năm nay ông 62 tuổi, so với 10 về trước thân ông thế nào? Thân con không tốt, nó già suy rồi. So với 20 năm về trước thì sao? Lại càng già hơn. Đức Phật nói với vua: Ông xem thân của ông có già, nhưng cái thấy không già. Thân có biến hóa, mỗi ngày đều lão hóa, nhưng cái thấy của ông không già. Đức Phật nói tiếp: có già là giả, không già là chân. Vua Ba Tư Nặc cũng là người thông minh, nên đã hiểu được.

Có biến là có sanh diệt, thân này có sanh diệt, tánh thấy không diệt, không lão hóa, bất sanh bất diệt. Quý vị nói cặp mắt của tôi lão hóa. Cái đó không tính, đó là do cơ khí của quý vị có vấn đề, đeo mắt kính vào chẳng phải lại thấy rõ đó sao? Cho nên đức Phật hỏi là hỏi tánh thấy, cái mà quý vị thấy được đó. Nói cách khác, cái quý vị nghe được, nghe được là tánh nghe. Căn tánh lục căn là chân. Thân này diệt rồi, có sanh diệt diệt rồi, nhưng linh tánh bất diệt, cái này mới thật là quý vị. Sao quý vị lại chấp thân này là mình? Sao có thể chấp nhận nhĩ tử thiệt thân là mình được? Tự tánh ở mắt gọi là thấy, tánh thấy, ở tai gọi là tánh nghe, ở lưỡi gọi là tánh vị, lưỡi nếm vị, ở thân, thân là tiếp xúc. Căn tánh lục căn, đức Phật thường nói phóng quang động địa. Đó là gì? Là tự tánh quý vị, căn tánh lục căn là tự tánh của chúng ta. Khi mê gọi là linh hồn, khi giác ngộ nó chính là tự tánh. Khi mê rất đáng thương, không ra khỏi luân hồi

lục đạo. Đó là gì? Vì chấp cái đó là mình, mê hoặc điên đảo. Khi ngộ rồi, giác mà không mê, không còn trong lục đạo, siêu việt lục đạo. Cho nên trong pháp giới Tứ Thánh gọi là linh tánh, chứ không phải linh hồn. Tuy chưa thật sự giác ngộ, nhưng đã giác ngộ được một phần nào đó. Họ đã buông bỏ, A La Hán buông bỏ chấp trước, không còn chấp trước nên thành chánh giác. Chánh giác là linh tánh, chứ không gọi là linh hồn. Phạm phu lục đạo bất giác, bất giác nên mới gọi là linh hồn. Kỳ thật hồn không linh, nó rất hồ đồ, đâu có linh! Mê hồn, đây là sự thật.

Không Lão Phu tử nói rất hay, phải chăng ông ấy biết được chân tướng? Ông ấy không nói rõ, chúng ta cũng đoán chẳng ra. Trong Di Hệ Từ Truyện, bộ phận đó là trước tác của Không Tử, trong đó nói về một mẫu chuyện mang tên Du Hồn. “tinh khí vi vật, du hồn vi biến”. Đầu thai trong lục đạo là gì? Là du hồn. Nói rất hay. Đạo Phật gọi là thần thức, A Lại Da đến đó đầu thai, tiên lai hậu khứ làm chủ, nghĩa là nói về thần thức. Vì tốc độ của nó quá nhanh, tánh nó không định, cho nên đúng là du hồn, tốc độ rất nhanh, đi khắp nơi, không ổn định, cho nên Phu Tử gọi nó là du hồn. Phu Tử nói: “tinh khí vi vật”, là vật chất, nói hay quá.

Các nhà khoa học lượng tử ngày nay nói vật chất là gì? Vật chất là tâm niệm, cũng gọi là tâm thức, tích lũy liên tục sinh ra huyền tướng là vật chất. Phu Tử nói “tinh khí vi vật”. Tinh là chuyển tướng của A Lại Da, là kiến phần của A Lại Da; khí là nghiệp tướng của A Lại Da, khí là trường, giới khoa học ngày nay gọi khí là trường, nghĩa là một hiện tượng dao động, ngày nay gọi là năng lượng, khí là năng lượng, tinh là thông tin. Hai thứ này hợp lại thành hiện tượng vật chất. Bồ Tát Di Lặc nói: “niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức”. Thức ở đây là tinh, tinh hoa. Năng lượng là khí. Chúng ta cảm nhận như thế, càng thấy càng rõ ràng, Phu Tử đúng là hóa thân của Chư Phật Bồ Tát, không đơn giản đâu. Sao ông ấy nói ra được những điều như vậy? Chúng ta đọc kinh bao nhiêu năm rồi, mà cũng chưa ngộ ra được. Nhưng ngày nay từ Phật pháp, từ trong lượng tử lực học, chúng ta thấy có lý, không tệ tí nào, thế mới hiểu được đây là tam tế tướng của A Lại Da.

Đạo gia nói về tinh khí thần. Nếu đứng về mặt tinh khí thần mà nói, ba chữ này chữ nào thuộc về năng lượng? chữ nào thuộc về vật chất? chữ nào thuộc về thông tin? Đều có thể phối hợp được. Đạo Phật nói là tam tế tướng của A Lại Da, tam tế tướng là chủ tạo vật. Ta từ đâu đến? Ta từ tam tế tướng biến hiện ra. Bản thể của ta là gì? Là tự tánh, là tánh đức. Vì sao có ta? Vì chấp trước thức thứ bảy, thức thứ bảy là mặt na, là ý căn. Chấp trước kiên cố, cho rằng mặt na là ta nên chấp trước không buông, cho nên gọi nó là thần thức. Vì có chấp trước, nên “tứ đại phiền não thường tương tùy”. Tứ đại phiền não, đầu tiên là chấp ngã, chấp trước cái đó là ta, nên khởi lên tham sân si. Ngã

ái là tham, ngã mạn là sân, thứ ba là ngã si. Cho nên gọi tham sân si là căn bản phiền não. Từ đâu mà có? Niệm đầu tiên mê là nó khởi lên ngay, theo ta khởi lên. Điều này cần nên biết. Nếu cái ta đoạn rồi, biết được cái đó chẳng phải ta, chẳng những thân không phải là ta, thần thức cũng không phải là ta. Vấn đề được giải quyết rồi, giải quyết cái gì? Đoạn được tham sân si. Chỉ cần đoạn tham sân si là chứng được chánh giác. Tuy địa vị chánh giác không cao, chỉ là bậc A La Hán. Trong Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quý vị đã chứng được chánh giác rồi. Chứng chánh giác thì không còn lục đạo nữa, miên viễn thoát ly lục đạo luân hồi, lục đạo không còn nữa. Lục đạo do chấp trước biến hiện ra, có chấp trước là có lục đạo, không còn chấp trước là không có lục đạo. Lục đạo không còn, nhưng còn phân biệt, còn phân biệt, chưa đoạn phân biệt, vẫn còn khởi tâm động niệm, đó là gì? Pháp giới Tứ Thánh, là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới, vẫn còn huyễn tướng này tồn tại. Nó cũng không có thật, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nó không có thật. Trong đại thừa giáo gọi những người đó là phàm phu, gọi lục đạo là nội phàm, gọi pháp giới Tứ Thánh là ngoại phàm, nghĩa là phàm phu ngoài lục đạo, không phải hàng thánh nhân. Hàng thánh nhân phải như thế nào? Phải minh tâm kiến tánh mới là thánh nhân. Cho nên tiêu chuẩn thánh nhân trong giáo pháp đại thừa rất cao, phải là người phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, thật sự minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đó mới là thánh nhân. Kinh Hoa Nghiêm nói Bồ Tát Sơ Trụ, từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác, có 41 cấp bậc, 41 cấp bậc này gọi là nhân địa. Vì sao? Vì chưa đoạn tập khí phiền não vô thỉ vô minh, đoạn tập khí rồi là quả vị cứu cánh, gọi là Diệu Giác. Quả vị Diệu Giác không ở cõi Thật Báo, vậy ở đâu? Ở cõi Thường Tịch Quang. Tịnh tông gọi là Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang là tự tánh, hoàn toàn trở về tự tánh một cách viên mãn. Những đạo lý, những sự việc này chẳng thể không biết.

Đức Phật từ bi dạy chúng ta, dạy điều gì? Dạy chúng ta trở về tự tánh. Trở về cách nào? Nếu quý vị là hàng lợi căn, chỉ cần một câu là giải quyết xong, nghĩa là buông bỏ khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước, quý vị sẽ chứng được Bồ Tát Sơ Trụ của Viên Giác, như thế là thành công rồi, sanh về Thật Báo Trang Nghiêm độ. Ở đây nói về Thập Huyền Môn, đó là cảnh giới của quý vị, quý vị đã chứng nhập Thập Huyền Môn. Đây không phải giải ngộ mà là chứng ngộ. Nhập Thập Huyền Môn là nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, cũng có nghĩa là Thật Báo Trang Nghiêm độ của đức Phật Tỳ Lô Giá Na, là thế giới Hoa Tạng. Nhập thế giới Hoa Tạng là nhập thế giới Cực lạc. Vì sao? Quý vị đến đó chắc chắn gặp Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền, hai vị đại Bồ Tát này là lớp trưởng dẫn đầu, các ngài sẽ dẫn quý vị đến thế giới Cực lạc, thăm đức Phật A Di Đà. Như thế là thành công rồi.

Cho nên bất khả tư, bất khả nghị. Câu bất khả tư nghị quá hay. Chúng ta không thể khai ngộ, nguyên nhân vì sao? Vì chúng ta dùng đầu óc này để suy nghĩ. Hông việc rồi! Càng nghĩ càng sai lầm! Đạo lý đức Phật nói quý vị suy nghĩ được chăng? Từ trong tự tánh lưu xuất ra, tự tánh không thông qua ý thức. Ngày nay chúng ta dùng ý thức để hiểu nghĩa kinh, hoàn toàn giải sai hết, vấn đề là ở chỗ này.

Trong tông môn người thật sự khai ngộ, cầu thầy ấn chứng cho họ, thầy có giảng cho họ chăng? Không! Học trò đoạn hết khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước, vừa nghĩ chẳng phải lại khởi lên hết sao? Không thể nói, vừa nói nó cũng khởi lên. Cho nên trong tông môn thi thông thường là ám chỉ, lấy tâm ấn tâm, tâm tôi biết, tâm quý vị biết, được rồi, vấn đề đã được giải quyết. Đó gọi là lấy tâm ấn tâm. Tuyệt đối không ở chỗ ngôn ngữ văn tự, không liên quan gì đến ngôn ngữ văn tự. Nhất ngộ nhất thiết ngộ, thông hết! Chẳng những làu thông kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, mà tất cả pháp của thế và xuất thế gian cũng đều thông hết. Vì sao? Vì nó do tự tánh biến ra, quý vị thấy tánh rồi, sao có thể không biết được.

Từ đó cho thấy, buông bỏ quan trọng biết bao, không chịu buông bỏ, từ từ thôi, đến khi nào quý vị mới thấy được tánh đây? Khi nào buông bỏ là khi đó thấy tánh. Đời này không chịu buông bỏ thì đời sau tính tiếp. Hiểu được đạo lý này, khẳng định đạo lý này, tin tưởng đạo lý này, không buông bỏ được sao? Bảo quý vị buông bỏ, vì tất cả đều là phiền não, khởi tâm động niệm là vô minh phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não, tổng danh xưng gọi là phiền não. Vừa khởi tâm suy nghĩ là phiền não sanh, vừa mở miệng nói chuyện là phiền não sanh.

Những điều này đứng ở chỗ viên minh cụ đức môn mà nói, vì lúc trước quý vị đã học rất nhiều rồi. Nghe rồi không cảm thấy kỳ lạ, có thể tin, tuy chưa buông bỏ được, nhưng tin tưởng, từ từ lãnh hội, cho nên học Phật, không thể dùng tưởng, không thể dùng nói. Dùng cái gì? Dùng sự huân tập không ngừng. Bây giờ mình chưa làm được, phải làm sao? Nghe nhiều, nghe hết lần này đến lần khác. Ngày xưa chắc chắn rất khó khăn, ngày nay dễ dàng hơn nhiều, ngày nay khoa học kỹ nghệ phát đạt, có máy thu âm, thu hình, khi học thu âm lại, nghe lại lần này đến lần khác. Thật sự muốn khế nhập cảnh giới, thì nhất định phải hiểu ý nghĩa câu nói của người xưa: “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Một đời thật sự muốn khế nhập cảnh giới, học một bộ kinh thôi, tuyệt đối không đổi bộ kinh thứ hai, nghe hết lần này đến lần khác. Người xưa nói: “độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến”, là khai ngộ rồi. Một bộ kinh thật sự nghe được 1000 lần, người lợi căn chắc chắn sẽ khai ngộ, người độn căn thì chưa được.

Người xưa đưa ra điển hình cho ta thấy: Trong Pháp Bảo Đàn Kinh có Pháp Đạt thiên sư, đọc kinh Pháp Hoa 3000 lần mà chưa khai ngộ. Đến Tào Khê lễ bái Lục Tổ, Lục Tổ nói với thiên sư, lập tức thiên sư khai ngộ. Chúng ta nghe những lời Lục Tổ dạy mà không khai ngộ, nhưng thiên sư nghe rồi bèn khai ngộ. Nguyên nhân gì? Vì thiên sư có nền tảng 3000 bộ kinh Pháp Hoa, cũng có nghĩa là thiên sư đã đạt đến bờ khai ngộ rồi, còn thiếu một tí nữa thôi. Đến Tào Khê Lục Tổ điểm một cái bèn khai ngộ ngay. Đạo lý là như vậy. Điển hình của người xưa có rất nhiều, chúng ta nghe nhiều và thấy cũng rất nhiều, nhưng sao ta không giác ngộ? Nếu như nghe rồi mà bắt chước làm theo thì sẽ thành công thôi.

Những điều chúng ta thấy, nghe trong thời cận đại, những người niệm Phật vãng sanh tịnh độ, khi qua đời hiện ra tướng tốt, người thì ngồi vãng sanh, người thì đứng vãng sanh, quý vị quan sát kỹ xem, họ đều là nhất môn thâm nhập, một bộ kinh, một câu Phật hiệu. Rất đơn giản, đâu có phiền phức? Thật sự thành công rồi, về thế giới tây phương cực lạc, dễ dàng minh tâm kiến tánh. Vì sao? Vẫn là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Về thế giới tây phương cực lạc sự lợi ích đó rất lớn. Phàm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, đều là Bồ Tát A Duy Việt Trí, điều đó thật đáng nể. Bồ Tát A Duy Việt Trí có năng lực phân thân, phân ra vô lượng vô biên thân. Hàng ngày ngoài việc nghe đức Phật A Di Đà nói pháp, muốn nghe pháp gì có pháp đó, nghe được pháp đó. Chúng ta đoán thử xem họ muốn nghe pháp gì? Chắc chắn họ muốn nghe những bộ kinh mà bình thường họ đã học qua, tuyệt đối họ không học rộng nghe nhiều. Chúng ta có thể tưởng tượng ra, học rộng nghe nhiều là loạn tạp mất. Cho nên chỗ này nhất định phải hiểu, đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng nhiều kinh, thuyết nhiều pháp môn, là vì tất cả chúng sanh, chứ không phải vì ta. Trong tất cả chúng sanh những người biết học, các vị đại sư khảo học trò, họ biết chăng? Câu này hỏi hay quá, biết chăng? Người biết họ bèn học một bộ, người không biết học rất nhiều, học rộng nghe nhiều, sai lầm lớn. Một môn thông rồi, tất cả kinh đều thông. Một môn là thấy tánh.

Đại sư Huệ Năng không biết chữ, ngài khai ngộ năm 24 tuổi, chỉ nghe được một bộ kinh Kim Cang. Bản thân ngài không biết chữ, cũng không biết đọc, nghe người ta đọc mấy câu, Ngài bèn học mấy câu đó, càng đọc càng thấy có vị, nắm được pháp vị rồi. Nửa đêm Ngũ Tổ giảng đại ý kinh Kim Cang cho ngài. Chúng ta phỏng đoán nhiều lắm là 2 tiếng đồng hồ. Giảng đến câu: “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài liền đại triệt đại ngộ. Ngài bèn báo cáo chỗ sở đắc của mình với Ngũ Tổ. Tự tánh như thế nào? Ngài nói lên 5 câu, tổng cộng 20 chữ: Vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không dao động, năng sanh vạn pháp. Ngài nói lên 20 chữ. Lập tức Ngũ Tổ đem y bát truyền cho ngài, bảo ngài phải đi ngay. Biểu diễn cho chúng ta xem đây.

Ngài có cần học kinh giáo chăng? Không cần. Đến giữa đường gặp, gặp Tỳ kheo ni Vô Tận Tạng, Tỳ kheo ni Vô Tận Tạng này cũng rất giỏi, cô ấy thọ trì kinh Đại Niết Bàn. Chúng ta biết phân lượng của kinh Đại Niết Bàn rất lớn, có hai bản, một bản 36 quyển, một bản 40 quyển, cô ấy đọc nhiều năm, đọc rất thông thuộc, đọc tụng hàng ngày. Khi đại sư Huệ Năng đi lẩn trốn, gặp vị Tỳ kheo ni này, nghe cô ấy đọc kinh, đọc xong rồi, vị Tỳ kheo ni này gom lại cất đi. Đại sư Huệ Năng nói với cô ấy: Cô đọc bộ kinh này trong đây nói gì? Đại sư nói ý nghĩa trong kinh cho cô ấy nghe, cô nghe rồi rất hoan hỷ, càng nghe càng hoan hỷ, đem bộ kinh ra thỉnh giáo với ngài, ngài nói, tôi không biết chữ. Cô ấy nói, ngài không biết chữ sao hiểu được? Ngài nói cái này không liên quan đến việc biết chữ hay không biết chữ.

Một đời đại sư Huệ Năng độ được 43 người, trong số học trò của ngài có 43 người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Tỳ kheo ni Vô Tận Tạng là người đầu tiên, người nữ đầu tiên được ngài khai ngộ. Khi đó Lục Tổ mới 24 tuổi, sau khi ngài khai ngộ rồi bèn đi giúp cho người khác, ngài giỏi quá! Nếu quý vị hỏi vì sao vậy? Tự tánh pháp nhĩ như thị, chỉ cần quý vị kiến tánh, vấn đề sẽ được giải quyết. Điều kiện kiến tánh là phải buông bỏ. Buông bỏ từ đâu? Từ chỗ khởi tâm động niệm, nghĩa là không khởi tâm không động niệm. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, không khởi tâm động niệm mới được, khởi tâm động niệm thì không được. Quý vị nghĩ xem không khởi tâm động niệm, lấy đâu ra phân biệt chấp trước? không có phân biệt chấp trước. Cho nên gọi là nhất thời đốn xả, đốn xả là đốn ngộ, một bước bước đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm, siêu việt lục đạo, siêu việt mười pháp giới, một bước lên trời, không dễ đâu.

Khi tôi mới học Phật, thầy giáo giới thiệu Phật pháp cho tôi, đặc biệt nhắc nhở tôi không được học theo ngài Huệ Năng, học không được. Trước thời ngài Huệ Năng không thấy có ai được như vậy, sau thời ngài cũng không có Huệ Năng thứ hai, thầy giáo nói đó là một bước lên trời. Lên trời rồi, được, không sao hết, thành Phật rồi. Không lên được, tan xương nát thịt, té xuống mà chết, hoàn toàn sai lầm. Cho nên thầy giáo bảo tôi học Pháp Tướng Tông, Pháp Tướng Tông là leo cầu thang, lên từ từ, từng bậc từng bậc tiến lên, đó là một bước lên trời. Lý sự đều phải thông hết.

Đạo Phật thật sự có trí huệ, có phương tiện thiện xảo, nghĩa là nói với quý vị một nguyên tắc: “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, trong đây có đạo lý. Nhất môn thâm nhập là gì? Nhất môn thâm nhập là thiên định, là tam muội. Giữ vững nhất môn thâm nhập gọi là trì giới, tam học giới định huệ, quý vị phải giữ quy củ, quy củ dạy quý vị nhất môn thâm nhập, giữ vững một môn, tâm địa thanh tịnh không nhiễm một bụi trần. Phải biết rằng, 84000 pháp môn đều là thiên định, đều là tam muội, tam muội

chính là thiên định, 84000 tam muội, vô lượng tam muội. Quý vị học pháp môn nào bèn gọi pháp môn đó là tam muội. Tôi chuyên về kinh Vô Lượng Thọ, gọi là niệm Phật tam muội, chuyên về Pháp Hoa gọi là Pháp Hoa tam muội, chuyên về Lăng Nghiêm gọi là Lăng Nghiêm tam muội, chuyên về Hoa Nghiêm gọi là Hoa Nghiêm tam muội. Nhất định giữ một môn, tâm sẽ định, không tán loạn. Định đến một trình độ nào đó sẽ hoá nhiên đại ngộ. Đạo lý là ở chỗ này.

Thông thường học thấy khó, khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ không hiểu đạo lý này, đạo lý này quả thật rất thâm sâu. Họ đi đến đâu? Đi đến chỗ học rộng nghe nhiều, đi đến chỗ học rộng nghe nhiều, đại đa số đều thành tựu, họ trở thành học giả của đạo Phật. Người đời thường gọi họ là nhà Phật học. Nhà Phật học không được rồi, nhà Phật học sẽ không khai ngộ, họ nói thao thao bất tuyệt, trước tác rất nhiều, nhưng không có phần liễu sanh thoát tử ra khỏi ba cõi, tương lai vẫn phải chịu sự chi phối của sanh tử, vẫn phải ở trong luân hồi. Ngày xưa thầy Lý thường nhắc nhở tôi như vậy.

Học Phật khó, khó gặp được chân thiện tri thức, khó gặp hộ pháp chân thật, khó gặp đồng tham đạo hữu chân chánh. Có đầy đủ ba điều kiện này rồi, thì nhân duyên của quý vị đã thành tựu. Kinh Di Đà nói: “bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc”, nhân duyên của quý vị đầy đủ, thiện căn là tín giải, phước đức là hành chứng, tín giải hành chứng. Sao có lý không thành tựu!

Đoạn này nói: “Hoành thụ vạn pháp thành vi nhất đại duyên khởi”. Câu này là tổng kết của chín môn trước. “Nhất đại duyên khởi” là gì? Nhất đại duyên khởi là một thể, biến pháp giới hư không giới là một thể, đây là đại duyên khởi.

Trong giới khoa học và triết học ngày nay, vấn đề lớn nhất là vũ trụ từ đâu mà có? Vì sao có vũ trụ? Phật pháp gọi đó là duyên khởi. Nhất đại duyên khởi ở đây là nói về duyên khởi của vũ trụ, duyên khởi của vạn pháp, duyên khởi của sinh mạng, duyên khởi của ta, ta từ đâu đến. Phật pháp nói hay hơn triết học và khoa học. Đạo Phật nói về chánh báo y báo, nói rất hay. Chánh báo là gì? Chánh báo là chính mình, ta từ đâu mà có. Y báo là vũ trụ, muôn sự muôn vật trong vũ trụ là y báo. Tất cả con người là nhân sự y báo, động vật, thực vật, khoáng vật, hiện tượng tự nhiên, là y báo trong cuộc sống của chúng ta, tất cả đều thuộc về y báo, trong y báo chia ra làm nhiều loại.

Duyên khởi này chúng ta học qua Hoàn Nguyên Quán sẽ thấy rõ hơn. Từ nhất thể khởi nhị dụng, nhất thể là tự tánh. Thể tự tánh thanh tịnh viên minh, chính là Thường Tịch Quang mà tịnh tông nói, thể tự tánh thanh tịnh viên minh, từ nhất thể khởi nhị dụng, nhị dụng là xuất hiện y báo và chánh báo. Khi nào y báo chánh báo xuất hiện? Nói thiệt với quý vị, ngay đây thôi, không có quá khứ, cũng không có vị lai, nói

thiệt với quý vị là như vậy. Một niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói chính là hiện tiền đây, không phải quá khứ cũng không phải vị lai, quá khứ đã qua rồi, vị lai lại chưa đến, một niệm ngay đây, niệm niệm đều ngay đây. Quý vị đoạn được, chứng được, thành tựu được, ở một niệm ngay đây, không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải thế giới này hay tha phương khác. Thế giới này, tha phương khác, quá khứ, vị lai đều là huyễn giác, không có thật. Vì sao? Quý vị nghĩ thử xem, nói quá khứ vị lai, thế giới này tha phương khác, trong Bách Pháp đều thuộc về bất tương ưng hành pháp. Không gian là phương phân, thời gian là thời phân, hai cái này đều là 24 bất tương ưng. Bất tương ưng, dùng cách nói ngày nay, gọi là khái niệm trừu tượng, vốn không có thật, là khái niệm sai lầm. Khái niệm này phạm phu có, Phật Bồ Tát không có.

Ở đây quan trọng nhất là, “hoành thụ vạn pháp thành vi nhất đại duyên khởi”, là nhất thể. Ngày nay chúng ta tu Lục Hòa Kính, lấy điều này coi là kiến hòa đồng giải, vũ trụ và ta là một thể, chúng sanh và ta là một thể, vạn vật và ta là một thể, tất cả con người với ta là một thể, đó là Hòa. Chúng ta lấy nhất đại duyên khởi của vũ trụ, dùng thân làm ví dụ, như thân chúng ta, bên ngoài có ngũ quan: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Trong thân có ngũ tạng lục phủ, rất nhiều khí quản. Thực tế mà nói là y chánh không hai. Ngũ quan và ngũ tạng lục phủ bên trong, do cái gì hợp thành? Do tế bào hợp thành, tế bào chia nhỏ ra là phân tử hợp thành, phân tử chia nhỏ ra là nguyên tử hợp thành, nguyên tử chia nhỏ ra là lập tử hợp thành. Đoạn trước chúng ta học qua, mỗi lập tử đều rất nhỏ, hiện tượng vật chất rất nhỏ, nó tương tức tương dung, tất cả tin tức trong biến pháp giới hư không giới đều ở trong đó. Cho nên trong mỗi lập tử đều có mười pháp giới y chánh trang nghiêm hoàn chỉnh. Đoạn trước chúng ta có học qua, là sự thật không giả dối đâu, Bồ Tát Phổ Hiền đã nhập được cảnh giới này. Đức Phật dạy nhất đại duyên khởi là một sinh mạng thể cộng đồng, tự tha là một, sanh Phật không hai, chúng sanh và Phật là một chẳng phải hai. Tâm thanh tịnh bình đẳng giác của ta hiện ra, đây là tánh đức, tâm đại từ đại bi của ta sanh khởi. Quý vị sẽ giống như chư Phật Bồ Tát, Bồ Tát ở đây là pháp thân Bồ Tát, chứ không phải Bồ Tát bình thường. Đối với con người và sự việc quý vị không khởi tâm phân biệt chấp trước, chẳng những không khởi tâm phân biệt chấp trước, mà không khởi tâm động niệm. Đó là cảnh giới gì vậy? Là chư Phật Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, ứng hóa trong lục đạo, ứng hóa tại nhân gian. Các ngài đến đó làm gì? Đến đó hành Tứ đức, chúng ta dùng câu nói trong Hoàn Nguyên Quán, nghĩa là các ngài đến làm việc này, bởi các ngài không phải là nghiệp báo thân nữa, các ngài đến hành Tứ đức, giáo hóa chúng sanh, giúp cho chúng sanh giác ngộ. Nhất định là “tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tác, nhu hòa chất trực, đại chúng sanh khổ”, chắc chắn các ngài làm như vậy. Tuy hàng ngày làm, hàng ngày biểu diễn như vậy, nhưng dấu vết cũng không có, các ngài không khởi tâm

động niệm. Khởi tâm động niệm đã không có, lấy đâu ra phân biệt chấp trước! Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

“Pháp pháp giao triệt”, ý nghĩa của câu này dài và thâm sâu quá. Cơ thể vật chất này, những thứ nguyên tử, điện tử, lap tử cấu thành cơ thể vật chất này, và thân của tất cả chúng sanh là một thứ, đều là do vật chất hợp thành. Hoa cỏ cây cối cũng cùng một thứ vật chất hợp thành, thậm chí đến sơn hà đại địa, biến pháp giới hư không giới cũng cùng một thứ vật chất. Vật chất từ đâu mà có? Từ ý niệm sanh ra, cho nên sức mạnh của ý niệm không thể nghĩ bàn, sức mạnh của ý niệm quá vĩ đại. Cái gì hiện ra vũ trụ này? Ý niệm hiện ra, một niệm bất giác nên vũ trụ này xuất hiện, đây là nhất đại duyên khởi.

Dưới đây nói: “Cổ tùy cử nhất pháp kỳ tha nhất thiết pháp tức bạn chi nhi duyên khởi”. Trong kinh đức Phật cho chúng ta biết, vũ trụ từ đâu mà có? Do một niệm bất giác, gọi một niệm bất giác này là vô minh, từ vô minh này đức Phật còn thêm vào hai chữ nữa, gọi là vô trí vô minh. Ý nghĩa của những chữ này rất thâm sâu, nó đều giúp cho chúng ta giác ngộ. Vô trí nghĩa là gì? Là không có bắt đầu, một niệm bất giác này không có bắt đầu, không có nguyên nhân. Nếu nghiên cứu sao lại có một niệm bất giác này? Nghĩ thử xem, lại khởi lên phân biệt chấp trước nữa rồi. Phân biệt chấp trước là vọng tâm, chắc chắn vọng tâm không thể duyên được đến chân tâm, vọng tâm chỉ có thể duyên đến vọng cảnh, vọng tâm là A Lại Da, cho nên đối nội, lượng tử lực học ngày nay nói nó duyên đến A Lại Da, đối ngoại là hồng quan thế giới, nghĩa là duyên đến vũ trụ, vũ trụ vô lượng vô biên tế, có thể duyên đến vũ trụ.

Trong cuốn Giải Độc Mạt Thế Dự Ngôn, các nhà vật lý học ngày nay, đỉnh cao của khoa học, tôi thấy trong báo cáo, họ nói khoa học ngày nay nói, vũ trụ mà ta thấy được, chỉ là 10 % của vũ trụ, họ nghĩ còn 90 % của vũ trụ đi đâu mất rồi? Không thấy nữa. Hồng quan vũ trụ càng ngày càng lớn ra, lớn đến cuối cùng thì không thấy nữa, không biết nó đi đâu? Trong kinh có đáp án, nó đi đâu? Nó trở về tự tánh, từ tự tánh khởi lên, trở về lại tự tánh, trở về tự tánh thì quý vị tìm không thấy nữa. Nếu quý vị thấy tánh thì sẽ biết nó đi về đâu, nó trở về Thường Tịch Quang rồi. Thật Báo Trang Nghiêm độ của chư Phật, có thể quý vị còn phát hiện ra, nhưng Thường Tịch Quang không thể phát hiện.

Trong báo cáo còn nói, não của con người, sức mạnh của não rất lớn, niệm lực, ý niệm. Trên thực tế, tất cả con người hiện nay, chỉ dùng 10 % của đại não, còn 90% của não nữa, hình như nó đang ngủ quên, vẫn chưa dùng đến nó, nếu dùng được hết chắc chắn rất thông minh. Điều đó nói lên rằng 90% là mê mà không giác, hiện nay não của

chúng ta giác được chỉ là 10 % mà thôi. Nếu chúng ta càng buông bỏ được tập khí phiền não nhiều, thì giác tánh của não từ từ sẽ rộng ra, càng ngày càng thông minh, đúng là một nghe ngàn ngộ. Tất cả đều do vọng tưởng phân biệt chấp trước làm hại. Trong Phật pháp nói về hai loại chướng ngại, một là phiền não chướng, hai là sở tri chướng. Hai thứ này làm chướng ngại tác dụng của bộ não chúng ta, khiến nó miên viễn ở trong trạng thái ngủ quên, không khởi tác dụng, khởi tác dụng chỉ là một bộ phận rất nhỏ.

Phật pháp giúp rất nhiều cho khoa học, quý vị xem, hơn ba ngàn năm về trước, đức Phật đã nói rất rõ ràng, đến nay giới khoa học từ từ đã phát hiện ra, hoàn toàn giống như trong kinh đức Phật nói. Giới khoa học dùng tư tưởng, dùng thức thứ sáu. Trong kinh đức Phật nói sức mạnh của thức thứ sáu, vô cùng to lớn, đối ngoại có thể duyên đến hư không pháp giới, đại vũ trụ, đối nội có thể duyên đến A Lại Da, tam tế tướng của A Lại Da, đối nội là vi quan thế giới, đối ngoại là hồng quan thế giới, nhưng nó không thể duyên đến tự tánh, không thể thấy tánh, rất hiếm có!

“Tùy cử nhất pháp”, nhất pháp đây là chủ. Trên thực tế tùy cử nhất pháp này có nghĩa là gì? Là cử chính mình, ta, chính ta là chủ, ngoài ta đều là bạn, theo ta khởi lên. Cho nên nhất pháp ở đây không phải độc nhất mà là nhậm nhất, bất cứ pháp nào nó cũng có thể làm chủ, ngoài ra đều là bạn. Ta là chủ, trên đến chư Phật Như Lai, dưới đến địa ngục chúng sanh, thậm chí hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa đều là bạn, đều theo ta khởi lên. Nếu nói quý vị là chủ, tôi cũng là bạn của quý vị, quý vị là chủ khởi lên, tôi cũng khởi lên, là pháp sống, chứ không phải pháp chết đâu. Bất cứ pháp nào cũng có thể làm chủ, một cây nhỏ là chủ, tất cả y chánh trang nghiêm nơi đây đều là bạn của nó. Một cây cỏ nhỏ là chủ, vũ trụ này là bạn của nó, Phật pháp nói viên mãn quá! Trong thế giới chư Phật, một vị Phật làm chủ, các vị Phật khác đều làm bạn, cho nên mỗi một vị Phật đều là chủ, mỗi vị Phật đều là bạn, xem trong trường hợp nào, trường hợp bất đồng, thường xuyên thay đổi, đây gọi là chân bình đẳng, gọi là sự sự vô ngại. Chủ không phải là độc nhất, không phải miên viễn là một người, thời thời khắc khắc đều đang biến hóa. Theo cái gì? Tùy theo ý niệm mà biến hóa.

Ở đây chủ và bạn đều khởi lên, trong đó có ẩn có hiện. Chúng ta nói đoàn thể của ta, trong lục đạo, nhân đạo làm chủ, ngoài ra đều là bạn. Nhưng trong nhân đạo, có cái thấy được, có cái không thấy được, không thấy được chư thiên, không thấy được quỷ thần, không thấy được mười phương quốc độ, y chánh trang nghiêm trong mười phương quốc độ cũng không thấy được. Không thấy được là gì? Không thấy được là ẩn, chứ chẳng phải không có. Đây chính là sinh vật bất đồng không gian duy thứ mà giới khoa học nói. Trong Phật pháp có, nó cùng chúng ta đồng thời khởi lên, nhưng ẩn

mà không hiển. Theo công lực tu tập của chính mình, công lực này không gì khác hơn chính là buông bỏ. Thật sự buông bỏ chấp trước, buông bỏ kiến tư phiền não, chúng quả A La Hán, năng lực lục căn của bậc A La Hán lớn hơn nhiều so với chúng ta. A La Hán thấy được đại thiên thể giới, không cần dùng kính viễn vọng. A La Hán thấy được vi trần, giống như ngày nay chúng ta nói về nguyên tử, không cần dùng kính hiển vi. A La Hán thấy được bất đồng không gian duy thứ trong lục đạo, không hề chướng ngại, đột phá không gian duy thứ. Trong đại thiên thể giới, họ không còn chướng ngại nào hết, nhưng quốc độ của chư Phật phương khác họ không thấy được, có sự chướng ngại, bắt buộc phải buông bỏ phân biệt, đối với tất cả pháp đều không phân biệt đó là Bồ Tát, Bồ Tát thấy được tam thiên đại thiên thể giới, công phu cao hơn, còn thấy được quốc độ của chư Phật khác nữa. Đến địa vị Bồ Tát pháp thân thì không còn chướng ngại gì, hoàn toàn phục hồi được năng lực của lục căn, những điều trong Hoàn Nguyên Quán nói đó chính là cảnh giới của họ, là cảnh giới của Bồ Tát pháp thân, từ bậc Sơ Trụ trở lên. Điều này nhất định phải biết, đức Phật dạy chúng ta điều gì? Chúng ta theo Ngài học điều gì? Mục đích đức Phật dạy chúng sanh là dạy họ thành Phật. Nếu quý vị thành Bồ Tát ngài sẽ thở dài nói rằng, thôi được rồi, cũng khá lắm đấy. Đó không phải mục đích ngài mong muốn, mục đích ngài muốn ta thành Phật, muốn chúng ta hoàn toàn phục hồi trở lại giống như ngài vậy. Đức Phật không có tâm riêng tư, không có lòng đố kỵ, không làm chướng ngại ai. Chúng ta phải cảm nhận được tấm lòng của thầy mình, sự hy vọng của thầy mình. Chúng ta phải học tập như thế nào để được giống như ngài đây.

Trong duyên khởi này có hiển hiện, có ẩn mật, nhất định phải hiểu đạo lý này. Thời thời khắc khắc đều có thể quan sát được ẩn hiển. Như cơ thể của chúng ta đây có ẩn hiển, ngũ quan bên ngoài như nhãn nhĩ tỷ thiệt thân là hiển, bên trong ngũ tạng lục phủ là ẩn, chúng ta không thấy được, cũng không nghe được, nhưng thế nào? Nhưng cảm nhận được, nó có ẩn hiển. Thâm sâu hơn là nói đến kiến văn giác tri trong mỗi tế bào của chúng ta, thật sự có, nhưng ẩn mà không hiển. Trong tất cả vật chất đều có thọ tướng hành thức, điều này ở động vật sẽ rất rõ ràng, nhưng ở thực vật và khoáng vật thì không thấy rõ, nó thật có, thật sự khởi tác dụng. Chúng ta hiểu được đạo lý này rồi, hiểu được chân tướng sự thật này. Đức Phật dạy, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều thuận theo tánh đức, đây là điều tốt lành nhất, hạnh phúc nhất, viên mãn nhất, thân tâm khỏe mạnh, pháp hỷ sung mãn.

Khổng Phu Tử nói trong Luận Ngữ: “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”, duyệt ở đây là vui, những điều đã học được, đem thực hành trong cuộc sống hàng ngày, thực hành trong công việc, thực hành trong cách đối nhân xử thế, quý vị sẽ vui.

Thực hành trong cuộc sống, cuộc sống vui, thực hành trong công việc, công việc vui, thực hành trong cách đối nhân xử thế, đối phó vui, không có việc gì mà chẳng vui. Học điều gì? Điều này rất quan trọng, học là học “hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình”. Người xưa dạy chúng ta, không ngoài mười hai chữ này. Thực hành 12 chữ này trong cuộc sống, cuộc sống vui, thực hành trong công việc, bất luận làm công việc gì, công việc vui, đối nhân xử thế, không có chuyện gì là chẳng vui. Nếu trái ngược lại, bất trung bất hiếu, bất nhân bất nghĩa, thì phiền não của quý vị sẽ rất nhiều.

Cụ thể mà nói, người xưa từ bi, trí huệ, đưa ra nhiều nguyên tắc cho chúng ta, như Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo của đạo Phật, đây là quốc học truyền thống của người xưa. Ba cội rễ Thích Đạo Nho, thật sự thực hành được ba cội rễ này, sao không vui được? Làm gì có lý đó?

Trong đạo Phật Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện Nghiệp Đạo, quý vị thực hành hết, sẽ được pháp hỷ sung mãn, thường sanh hoan hỷ tâm. Cho nên chữ học này rất quan trọng, quý vị học điều gì? Sự học có sâu cạn, thứ lớp, nhất định phải từ cạn đến sâu, từ trong ra ngoài, phải thật học. Hiệu quả vô cùng to lớn, đầu tiên là hoan hỷ, học mà không hoan hỷ thì chẳng học được điều gì, quý vị có vấn đề rồi đấy, thật sự học được đâu có lý không hoan hỷ? Câu nói này của Khổng Phu tử sẽ không còn linh nữa, có vấn đề rồi. Đạo Phật nói thường sanh hoan hỷ tâm, quý vị học Phật mà không hoan hỷ, là uổng công học, là sai lầm rồi. Phật pháp không sai, nhưng bản thân mình học sai. Những thứ này đều có thể khảo nghiệm chúng ta.

Dưới đây nói: “diệc tức cử nhất pháp vi chủ, tắc kỳ tha nhất thiếu pháp giai vi bạn”. Ta là chủ, đoàn thể này đều là bạn ta. Quý vị là chủ, tôi lại là bạn quý vị. Cho nên nhất trong đạo Phật là nhậm nhất, chứ không nói độc nhất, điều này thật sự bình đẳng. “Nhi phó ư thử nhất pháp”, cũng giúp cho họ. Ở trong cơ thể của chúng ta, mắt làm chủ, hôm nay tôi muốn thấy một thứ gì đó, tất cả mọi khí quản trong cơ thể đều ủng hộ, không hề phản đối. Nếu hôm nay tôi chú ý nghe một vấn đề gì đó, tai là chủ, công năng của mắt cũng giúp cho tai. Thật sự là như vậy. Tư tưởng của ta nghĩ về một việc gì, năng lượng toàn thân đều tập trung ở chỗ tư duy, thật sự một cái là chủ, tất cả cái khác đều là bạn. Trong một đoàn thể nếu quý vị hiểu được thì nó cũng như vậy, trong đoàn thể công việc rất nhiều, hôm nay tiếp đón khách, một số bạn chuyên phụ trách về việc tiếp đón khách, họ là chủ, tất cả những người khác đều giúp cho họ, chủ khách đều hoan hỷ, khiến cho họ chu đáo mọi mặt. Cho nên nhỏ là cơ thể của con người, lớn là một đoàn thể, đến gia đình, đến xã hội, đến đất nước, không có thứ gì chẳng như vậy.

“Cánh dĩ tha pháp vi chủ tức dư pháp thành bạn nhi tận tập chi”. Không ngừng hướng ra ngoài phát triển. Mấy năm gần đây, chúng ta làm việc tôn giáo hài hòa, đoàn kết hài hòa, đôi khi Phật giáo làm chủ, những tôn giáo còn lại là bạn; đôi khi đạo Cơ Đốc làm chủ, chúng ta đến giáo đường của đạo Cơ Đốc, vì họ là chủ nhân, còn ta là khách, thấy Giesu chúng ta cũng xá chào, ông ấy là chủ, ta tôn kính ông ấy. Giống như có khách đến nhà mình vậy, ta phải mời khách ngồi, đạo lý giống nhau thôi. Một là chủ, còn lại là bạn, đôi đũa bình đẳng, hòa mục tương xử, không bình đẳng sẽ chẳng có hài hòa, bình đẳng là hài hòa, cho nên người xưa nói: “hòa bình”, hai chữ này là biểu lý, làm thế nào mới hòa được? nhất định phải bình, bình đẳng là có hòa mục. Người Nhật không đọc là hòa bình, mà đọc là bình hòa, cũng có lý đấy, khi tôi ở Nhật thấy cũng có lý, TQ gọi là hòa bình, hòa là quả, bình là nhân. Đạo Phật cũng gọi như vậy, trong Phật pháp, trước nói về quả, sau nói về nhân. Vì sao? Quả dễ hiểu được, trước nói về quả, sau nói về nhân, nhưng người Nhật trước nói về nhân, sau nói về quả, cũng rất có lý, chứ chẳng phải không có lý, nói cũng thông được. Trước nói về bình đẳng, sau sẽ có hòa mục, không có sự đúng sai, đều như nhau thôi. Sâu xa hơn nữa, bình là nhân, an là quả, an lại là nhân, lạc là quả. Quý vị quan sát kỹ chữ nho, là phù hiệu trí huệ đấy, khiến cho ta xem rồi sẽ biết phải làm thế nào.

Câu dưới đây vô cùng quan trọng: “Cổ nhất pháp viên mãn nhất thiết pháp chi công đức”. Then chốt câu này ở hai chữ viên mãn, pháp này của mình có viên mãn chăng? Nếu thật sự viên mãn, nó sẽ đầy đủ công đức của tất cả pháp, bất luận pháp nào. Pháp này nghĩa cũng rộng, là nhậm nhất chứ không phải chuyên nhất, pháp pháp đều như vậy. Sự phát hiện khoa học, là một chứng minh rất có lợi cho Phật pháp.

Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của đại sư Hiền Thủ, ngài là người thời đầu nhà Đường, cách chúng ta ngày này là 1700 năm, nói về ba loại chu biến, ngài đưa ra ví dụ một trần, một trần là một pháp. Đại sư Hiền Thủ là Bồ Tát đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Một trần ngài nói ở đây, chắc chắn là một niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói, “niệm niệm thành hình”, hình ở đây chính là trần, hình là hiện tượng vật chất. Ngài nói, một hiện tượng vật chất nhỏ như thế, thời gian tồn tại của nó lại rất ngắn, tuy vừa nhỏ vừa ngắn như thế, có thể chính là tiểu quang tử mà giới lượng tử lực học ngày nay nói, nhưng nó có ba loại chu biến. T

hứ nhất nó vừa hiện hình là chu biến pháp giới. Các nhà thiên văn học ngày nay, từng nói qua, tiểu quang tử phóng quang, nhục nhãn không thấy được, bất cứ vật chất nào cũng phóng quang, đạo Phật gọi là quang, khoa học gọi là điện, khí công gọi là khí, trên thực tế chỉ là một vấn đề. Giới khoa học ngày nay nói tốc độ của nó, ánh sáng cực kỳ nhỏ bé đó vừa phát ra, một giây là 30 vạn Km, Hoàn Nguyên Quán nói, tốc độ

đó không phải tốc độ ánh sáng, cũng không phải tốc độ của điện từ, ánh sáng đó vừa phát là chu biến pháp giới. Giới khoa học ngày nay chưa phát hiện ra, siêu việt hơn quang tốc qua xa, quang tốc không thể so với nó.

Thứ hai là xuất sanh vô tận. Điểm quang nhỏ này theo ý niệm mà biến hóa, vô cùng vô tận không biên tế.

Hiện tượng thứ ba là hàm dung không hữu, hàm dung không hữu chính là viên minh cụ đức mà ở đây nói, danh từ khoa học ngày nay gọi là siêu việt thời không, nó có nghĩa là như vậy. Đó là gì? Một trần đầy. Trên thân ta có bao nhiêu, giới khoa học có số liệu, thân của một người bình thường, có khoảng bao nhiêu nguyên tử hoặc lap tử cơ bản, các nhà khoa học có số liệu, thường lấy con số trăm ức để tính. Bồ Tát Di Lặc nói: “niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức”. Đạo Phật nói mỗi vi trần, mỗi lỗ chân lông, trong đó đều có đầy đủ thông tin của biến pháp giới hư không giới, chẳng những có đầy đủ thông tin, mà còn đầy đủ hình tướng, đúng là không thể nghĩ bàn. Hình tướng, trong khoa học kỹ nghệ ngày nay cũng tin thể có được, toàn bộ tám hình, quý vị cắt tám hình này ra thành bột, chút bột nhỏ đó vẫn có đầy đủ tám hình trong đó. Tự tánh của chúng ta viên mãn, hiện tượng mà tự tánh biến ra, cũng là viên mãn. Hiện tượng nhỏ nhất là vi trần, trong kinh Phật nói về vi trần, cực vi chi vi, khoa học ngày nay gọi là tiểu quang tử, tiểu quang tử nghĩa là lượng tử, trong đó có đầy đủ hiện tượng biến pháp giới hư không giới, không riêng thông tin mà đầy đủ hết thảy.

Đức Phật dạy, Bồ Tát Phổ Hiền nhập được cảnh giới này, Bồ Tát Phổ Hiền nhập được, cũng có nghĩa là ai ai cũng có thể nhập được, chỉ cần tu hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền là gì? Buông bỏ hết khởi tâm động niệm, là Bồ Tát Phổ Hiền, tánh đức hiển lộ đầy đủ, là Bồ Tát Phổ Hiền. Bồ Tát Phổ Hiền có đố kỵ người khác chăng? Không! Bồ Tát Phổ Hiền có khinh mạn người chăng? Không! Hạnh Bồ Tát Phổ Hiền thứ nhất là “lễ kính chư Phật”, ngài thật sự làm được hạ mình tôn kính người. Ngài là bậc mô phạm trong hàng Bồ Tát, không có người nào khiêm hạ hơn ngài nữa. Chư Phật, đâu là chư Phật? Kinh Hoa Nghiêm nói: “tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”, quý vị nên biết, đồng viên chủng trí nghĩa là thành Phật. Tình là hữu tình chúng sanh, vô tình là hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa. Cho nên Bồ Tát Phổ Hiền lễ bái vi trần, trong vi trần có thể giới, trong thế giới có chư Phật, trong thế giới có chúng sanh, trong thế giới có thể giới. Người thường không biết được cảnh giới của Bồ Tát Phổ Hiền, biết được cảnh giới của Bồ Tát Phổ Hiền, sẽ biết được cách học theo ngài. “Xung tán Như Lai”, tất cả chúng sanh, bất luận là tịnh hay nhiễm, thiện hay ác, Bồ Tát Phổ Hiền bình đẳng hết. Chúng ta thấy trong kinh, mỗi thời là thời tốt, mỗi ngày là ngày lành, tôi thêm vào hai câu nữa, mỗi người là người tốt, mỗi việc là việc hay. Nhìn sự việc không thể nhìn

trước mắt, việc trước mắt tốt chưa hẳn là thật, tốt sẽ biến thành xấu, việc trước mắt xấu chưa hẳn đã xấu, trong việc xấu có việc tốt, bất định mà! Thay đổi cách nào? Thay đổi tâm, điều này nhất định phải hiểu. Vì sao dưới mắt Phật tất cả chúng sanh đều là Phật? Chúng ta thấy tất cả chúng sanh đều là chúng sanh? Do tâm không giống nhau. Đạo lý gì vậy? Cảnh tùy tâm chuyển. Nếu tâm ta là chân tâm, quý vị thấy ai cũng là chân, nếu là vọng tâm sẽ thấy tất cả đều là hư vọng. Cho nên trong đạo Phật có hai câu rất hay: “tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển”.

Ngày nay con người không mạnh khỏe, nhiều bài báo cáo đều nói đến vấn đề này, chúng ta thấy trong tài liệu, trong nước nước ngoài đều như vậy cả. Những đứa trẻ ngày nay, thể lực của chúng so với những người đi trước kém xa lắm, chúng không có sức dẻo dai, tinh thần ý chí không thể tập trung, cho nên năng lực học tập rất kém. Nguyên nhân gì vậy? Do tâm đó, nếu chuyển đổi tâm là tốt. Tiêu chuẩn gì? Trong học thuật truyền thống, và pháp đại thừa tiêu chuẩn là tánh đức, tùy thuận tánh đức thì chẳng có gì không tốt, trái ngược tánh đức phiền phức xuất hiện ngay. Cội rễ tánh đức mà người xưa nói là hiếu kính, giống như Phật pháp nói vậy. Trong Tịnh Nghiệp Tam Phước của đạo Phật, Tam Phước là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao của giáo pháp đại thừa. Câu đầu tiên: “hiếu dưỡng phụ mẫu”, câu thứ hai: “phụng sự sư trưởng”, hiếu đối với cha mẹ, kính đối với thầy giáo. Hai chữ hiếu kính là nòng cốt đức hạnh của pháp thế và xuất thế gian, nếu làm trái ngược hai chữ này, thì nền tảng của quý vị sẽ có vấn đề, sao có thân hình đẹp đẽ. Dụng công cách nào, phát huy cách nào, học tập cách nào đều có hạn lượng hết, quý vị trưởng thành, nhưng không được thập toàn thập mỹ. Thế mới biết nền tảng vô cùng quan trọng. Đây là hiếu đạo và sư đạo mà người xưa nói, thời đại này không còn nữa, mọi người đều bỏ qua, cho nên người đời sau này có vấn đề. Cả thế giới đều bỏ qua, cho nên họ có vấn đề hết, sự việc này phiền phức rất lớn. Có hại gì? Sẽ bị nhiều bệnh tật quái dị, ngày xưa không có, ngày nay những căn bệnh kỳ lạ rất nhiều, nhiều thiên tai cho quả địa cầu, ngày xưa không có những chuyện đó.

Mấy ngày trước tôi đến La Mã và Italy để xem thành phố Bàn Bồi. Vì sao phải đi xem? Hai ngàn năm về trước gần thành phố này có một núi lửa, núi lửa thức dậy, bụi tro phủ kín, vì thành phố này cách núi lửa bảy Km, tuy núi lửa không cháy đến thành phố, nhưng tro bụi, gió thổi tro bụi đến đó, rơi xuống giống như bão cát vậy, chôn vùi nguyên cả thành phố, trong khoảng thời gian chỉ mấy giây, rất ít người sống trong thành phố này chạy thoát ra ngoài, mấy phút là hủy diệt hết. Đó là thành phố có nền văn hóa cao, thiên tai trong khoảnh khắc thành phố đã không còn nữa.

Hôm qua có người mang đến cho tôi xem một trận mưa đá ở Úc Châu, tổn thất vô cùng nghiêm trọng, đột nhiên xảy ra trận thiên tai lớn như vậy, từ trước đến nay chưa từng có. Cục đá bao lớn? To như trái bóng gôn vậy, đá rơi xuống, nhà bị hư, xe bị hư, trong mấy giờ đồng hồ đường xá ngập nước hết, xe hơi chìm trong nước, xe cũng bị hỏng, tổn thất rất nặng nề. Những thiên tai kỳ lạ ngày nay, xảy ra đột ngột rất đáng sợ. Rốt cuộc là vì sao? Giới khoa học lượng tử giải thích, trong cuốn Giải Độc Mạt Thế Dự Ngôn, tôi tóm lược lại, quan trọng nhất có mấy câu, tôi ghi chép lại tặng cho mọi người. Do tâm niệm của chúng ta có vấn đề, người xưa nói rất có lý: “hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ”. Nói lên cơ thể của con người nhiều bệnh tật, không được bình thường là do ý niệm của mình. Nơi chúng ta sống trên quả địa cầu này xảy ra thiên tai, là do những người sống trên địa cầu, sự khởi tâm động niệm của họ có vấn đề, cho nên mới xảy ra những chuyện như vậy. Những điều họ nói chúng ta hiểu được, vì sao? Bởi sơn hà đại địa nó có ý thức. Thí nghiệm của tiến sỹ Giang Bồn người Nhật, nước là khoáng vật, nó có thọ tướng hành thức, hoa cỏ cây cối cũng có thọ tướng hành thức, sơn hà đại địa cũng có thọ tướng hành thức. Ý niệm của ta chánh nó sẽ chánh, ý niệm của ta tà nó cũng tà, cùng một đạo lý thôi. Nếu ý niệm của ta chánh, trong kinh gọi là địa thần, Kiên Lao Địa Thần, nếu ý niệm của ta tà, Kiên Lao Địa Thần biến thành lơỉ lỏng địa thần mất rồi, rất dễ nghiêng ngã, rất dễ sụp đổ, núi dễ sập xuống, có tình trạng như vậy đấy. Cho nên kết luận của nhà lượng tử học là ý niệm làm chủ tất cả, sức mạnh của ý niệm có thể làm rung động thiên cung, có sức mạnh lớn như vậy đấy. Sự việc này mãi không phát hiện ra, nhưng trong kinh điển Phật giáo thường đề cập đến, ý niệm là chủ tất cả. Cho nên ý niệm của ta chánh, thân thể mạnh khỏe, tinh thần sáng khoái, tâm sanh hoan hỷ. Không nên suốt ngày nghi ngờ hết điều này đến điều khác, thấy cái này không đúng, thấy cái kia không phải, đó là tự làm khổ mình, ai không đúng? Bản thân mình không đúng, chẳng có chuyện người khác không đúng. Cho nên chư Phật Bồ Tát rất hay, chư Phật Bồ Tát duy trì chánh niệm của mình, cổ nhân nói: “người tu đạo chân chánh, chẳng thấy lỗi thế gian”. Thế gian không có lỗi nghĩa là sao? Là mình không có lỗi, nên không thấy lỗi của thế gian, khi thấy lỗi của thế gian là mình có lỗi, nên mới thấy lỗi của thế gian. Những người làm việc xấu trên thế gian này, họ có lỗi chẳng? Họ không có lỗi. Vì sao? Quý vị cần nên biết vì sao họ làm việc xấu, quý vị sẽ hiểu, sẽ hoá nhiên đại ngộ thôi, có nhân và còn có quả nữa. Cho nên thật sự hiểu được rồi, ba đường thiện ba đường ác trong lục đạo, quý vị sẽ bình đẳng đối đãi với ba đường ác. Vì sao? Tiêu nghiệp mà. Quý vị tu thiện nghiệp, đưa quý vị đến ba đường thiện để tiêu nghiệp, tạo ác nghiệp thì đưa quý vị đến ba đường ác để tiêu nghiệp. Ba đường lành, ba đường ác từ đâu mà có? Do nghiệp lực chiêu cảm ra, vốn không có, có ác nghiệp sẽ có ác đạo, khởi ý niệm gì sẽ hiện ra địa ngục đó, rất kỳ lạ.

Trong Đạo giáo quý vị không tìm ta những địa ngục như vậy, ngày nay một số linh môi tiết lộ ra có địa ngục mới, ngày xưa không có. Nghĩ điều gì hiện ra điều đó, vì sao không thường xuyên nghĩ đến đức Phật A Di Đà? Vì sao không nghĩ đến thế giới cực lạc? Hàng ngày ta nghĩ đến đức Phật A Di Đà, nghĩ đến thế giới cực lạc, chẳng phải thế giới cực lạc và đức Phật A Di Đà sẽ hiện tiền sao? Điều này rất quan trọng, quan trọng hơn bất cứ điều gì khác.

Cho nên học Phật rồi tất cả trở về chánh niệm, niệm luân lý, đạo đức, nhân quả, niệm quốc độ y chánh trang nghiêm của chư Phật Bồ Tát, thì sẽ cứu được thế giới của chúng ta, không hề có vấn đề gì? Cứu cách nào, ngày mai sẽ nói cho quý vị biết.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 62

Chuyển ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 19 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi tám, hàng thứ năm đếm từ dưới lên, chúng ta xem từ câu thứ hai.

Có nhất pháp viên mãn nhất thiết pháp chi công đức thị danh viên mãn cụ đức. Đại Số vân, như bắc thần sở cư, chúng tinh cùng chi.

Hôm qua chúng ta học đến đoạn, “chủ bạn viên minh cụ đức”. Chủ bạn là nói về tất cả pháp, tất cả pháp ở đây, thông thường chúng ta dùng sáu chữ để nói, gồm tánh tướng, lý sự, nhân quả của tất cả pháp. Bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, trong Phật pháp gọi là y báo và chánh báo, khoa học gọi là vật chất và tinh thần, lớn nói đến vũ trụ, nhỏ nói đến tinh thần. Bất cứ pháp nào trong đây, trong kinh điển đại thừa thường đưa ra ví dụ, một vi trần, một lỗ chân lông, vi trần là vật nhỏ nhất trong y báo, mao đoạn là lỗ chân lông của chúng ta, là vật nhỏ nhất trong chánh báo, không gì chẳng phải là viên minh cụ đức. Viên là viên mãn, không khiếm khuyết bất

cứ điều gì, cả vũ trụ đều ở trong một vi trần một cọng lông, sự việc này không cách nào tưởng tượng ra được, cho nên cảnh giới này, trên đề phẩm Tứ Thập Hoa Nghiêm nói: “nhập bất tư nghị giải thoát cảnh giới”, là nói về điều này. Cảnh giới này chúng ta không thể tưởng tượng được, cũng không thể nói rõ ràng được. Đức Thế Tôn có trí huệ, có phương tiện thiện xảo, ngài đã nói rõ ràng cho ta biết, nhưng ta khó mà hiểu được. Nguyên nhân gì vậy? Bởi ta bị nghiệp chướng, thật sự đức Phật đã nói rất rõ ràng, nghiệp chướng của ta làm trở ngại trí huệ, nên ta nghe không hiểu. Nghiệp chướng là gì? Là nghi ngờ, phân biệt, chấp trước, nên không thể hiểu được. Dùng phương pháp gì mới có thể hiểu kinh Phật vậy? Không nghi ngờ, không phân biệt, không chấp trước, thì sẽ hiểu. Trong Khởi Tín Luận, Bồ Tát Mã Minh dạy rằng: Nghe kinh không chấp ngôn thuyết, không nên chấp trước ngôn ngữ, không nên chấp trước danh tự, không nên suy nghĩ ý nghĩa của những danh từ thuật ngữ trong kinh. Nếu nghe được như vậy sẽ hiểu được, và nhập vào cảnh giới đó. Đọc kinh cũng như vậy, văn tự trong kinh điển, văn tự là phù hiệu của ngôn ngữ. Cho nên nghe kinh không được chấp trước ngôn ngữ, đọc kinh không được chấp trước văn tự, chấp trước văn tự thì hỏng việc. Đồng thời cũng không được chấp trước danh từ thuật ngữ, không nên suy nghĩ ý nghĩa của nó. Vì sao không được suy nghĩ ý nghĩa của nó? Quý vị vừa nghĩ là sai rồi, nghĩ là ý của mình, chứ không phải ý của Phật. Vì sao? Phật không có ý. Pháp thân Bồ Tát đã chuyển tám thức thành bốn trí rồi, ý nằm trong tám thức, thức thứ sáu là ý thức, thức thứ bảy là ý căn, ý nằm trong hai thức này. Bây giờ quý vị chuyển đổi rồi, chuyển thức thứ sáu thành diệu quan sát trí, chuyển thức thứ bảy thành bình đẳng tánh trí, không còn ý nữa, nếu có ý là phàm phu rồi. Nghĩa là thế nào? Là dùng A Lại Da, A Lại Da là vọng tâm, quý vị không dùng chân tâm. Đức Phật giảng kinh thuyết pháp cho tất cả chúng sanh, thậm chí thị hiện nhiều hình thức khác nhau, đều là chân tâm, là bản tánh. Cho nên từ tánh đức lưu xuất ra mới viên mãn, viên mãn ở đây là nói về đức, minh là nói về huệ, tánh đức viên mãn, trí huệ viên mãn. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Thế Tôn dạy rằng: “tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”. Câu này chúng ta nghe nhiều rồi, rất quen tai, cũng có thể nói được nữa, nhưng đó chẳng phải là cảnh giới của ta. Chuyển thức thành trí mới là cảnh giới này, gọi là chứng ngộ. Chúng ta học nhiều năm rồi, biết được như vậy, nhưng phải có thiện căn. Thiện căn là gì? Tin tưởng lời chư Phật Bồ Tát nói không chút nghi ngờ, bản thân mình phải mở rộng tâm lượng ra, cho nên hàng đương cơ của kinh Hoa Nghiêm là pháp thân đại sĩ. Đại sư Thanh Lương nói về mười hạng người, trong mười hạng người này, hạng cuối cùng là phàm phu, là hạng phàm phu nào? Là đại tâm phàm phu, tâm lượng rộng lớn. Đối với tất cả sự, tất cả lý, không tính toán thiệt hơn, người ta thường nói tâm lớn hóa giải tất cả, người như vậy nghe được kinh Hoa Nghiêm. Nếu là người bảo thủ,

chấp trước, cái gì cũng phải tính toán, không khế cơ với Hoa Nghiêm, người đó không thích hợp nghe bộ kinh này. Nghe bộ kinh này tâm lượng phải rộng lớn, tâm không tính toán điều gì, tâm như thể tương ứng với Hoa Nghiêm. Cho nên viên mãn không hề khiếm khuyết điều gì. Hai chữ viên minh là then chốt, giống như đại sư Huệ Năng, khi ngài thấy tánh có nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, có nghĩa là như vậy. Tuy không hiện nhưng chẳng thiếu điều gì.

Tinh độ tông nói, cảnh giới cao nhất là Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang như thế nào? Viên minh cụ đức chính là Thường Tịch Quang. Trong Thường Tịch Quang không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng vật chất, không có gì hết. Nó như thế nào? Một màn quang minh, cho nên gọi là Tịch Quang. Tịch là thanh tịnh, thanh tịnh đến cùng, ngay đến hiện tượng vật chất và tinh thần cũng không có, nhưng nó là một màn quang minh chứ không phải đen tối, là quang minh. Đây là bản lai diện mục của chúng ta! Trong kinh đức Phật nói, lục đạo phàm phu, “một niệm bất giác mà có vô minh”, một niệm bất giác này nghĩa là ở trong tự tánh Thường Tịch Quang, xuất hiện A Lại Da, trong A Lại Da có tướng, đây chính là câu cuối trong năm câu đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”. Vạn pháp nghĩa là sao? Là vũ trụ xuất hiện, ta xuất hiện. Ta là chánh báo, vũ trụ là y báo, nghĩa là môi trường sinh sống của chúng ta đồng thời xuất hiện. Vũ trụ ra đời, thời gian bao lâu? Một sát na, một sát na là miêu tả thời gian rất ngắn, ngắn đến mức độ nào chúng ta không thể tưởng tượng ra được. Đỉnh cao của khoa học ngày nay, trong lượng tử lực học gọi là tiểu quang tử, thời gian tồn tại của nó rất ngắn, hiện tượng như thế nào? Nghĩa là trong tiểu quang tử đó, có hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, tuy có hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần nhưng chúng ta không nhìn thấy được. Phải làm cách nào mới có thể nhìn thấy được? chắc chắn hiện tượng này, hiện tượng ý niệm này, do nhiều ý niệm tích lũy lại mới có thể nhìn thấy, mới nhìn thấy hiện tượng vật chất, từ trong hiện tượng vật chất ta thấy được hiện tượng tinh thần. Vật chất này là gì? Vật chất này là thấy được, nghe được, hiểu được ý của con người, bản thân nó cũng có ý, nó hiểu được ý của muôn sự muôn vật nên nó thông, không có chướng ngại, thông suốt. Không có không gian, chẳng có thời gian, không có không gian nên nó không cách ly với vật chất, không có thời gian nên nó không có quá khứ, vị lai, hoàn toàn ở ngay đây. Đó là trạng thái trong Thường Tịch Quang, nhưng vừa khởi niệm, Thường Tịch Quang sẽ không còn, không có Thường Tịch Quang thì gọi là vô minh. Chúng ta ngày nay có vô minh, từ đâu thấy có vô minh? Quý vị xem nơi chúng ta đang sống, nếu lấy đi mặt trời, lấy đi mặt trăng, lấy đi bóng đèn. Nơi này sẽ như thế nào? Là một màn đen tối, đây gọi là vô minh. Quý vị nên biết, nếu mình minh tâm kiến tánh, thì không

phải hiện tượng này, lấy đi hết còn lại một bầu quang minh. Đây là tánh quang trong tự tánh, quang minh của tự tánh là vĩnh hằng, là bất sanh bất diệt.

Ngày nay chúng ta bị vô minh làm chướng ngại ánh quang minh, chứ chẳng phải chúng ta không có quang minh, mỗi người đều có thường tịch quang, chỉ cần ta tịch thì quang sẽ hiện tiền. Tịch là gì? Tịch nghĩa là trong tâm không còn ý niệm, tịch có nghĩa là buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, không còn những thứ này nữa, tịch quang mới hiện tiền. Nếu chúng ta chỉ nói, buông bỏ chấp trước, giỏi lắm rồi, buông bỏ chấp trước thì không còn lục đạo, lục đạo từ chấp trước mà có. Buông bỏ phân biệt, buông bỏ phân biệt thì không còn pháp giới Tứ Thánh, không còn Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật nữa, nghĩa là không còn mười pháp giới. Cái gì xuất hiện? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm xuất hiện, đó là nơi pháp thân Bồ Tát, là chư Phật Như Lai cư trú. Nếu không còn khởi tâm động niệm, ngay cả tập khí cũng không có, là hoàn toàn quay về Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo cũng không có.

Báo cáo của giới khoa học, trong đó có đoạn viết. Trên thực tế các nhà khoa học cũng rất giỏi, chúng ta chẳng thể không phục, ta không bằng họ đâu. Họ phát hiện ra vũ trụ, vũ trụ rất lớn, ngày nay có thể quan sát thấy được, cảm nhận được, chỉ là 10% của vũ trụ, còn 90% của vũ trụ ở đâu? Nhiều nhà khoa học đang nghiên cứu về vấn đề này, vấn đề này có hai kiểu giải thích:

Một là không gian này thật sự có duy thứ, họ không đặt duy thứ vào đó, chúng ta có thể thăm dò thế gian này, quan sát được điều gì? Quan sát được không gian ba chiều, bốn chiều trở lên ta không thấy được, không thấy được không gian cao duy thứ. Duy thứ này trong khoa học nói, đứng về lý luận mà nói thì không có hạn chế, là vô hạn thứ. Khoa học ngày nay thật sự dùng khoa học chứng minh điều này. Ngày xưa Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ nói với tôi, ít nhất có mười một chiều không gian tồn tại, chỉ là không thấy được.

Thứ hai là Đạo Phật nói, ví dụ một người tu hành, từ nhân đạo này, tu tập trang nghiêm, đúng như pháp, lai sanh về thiên đạo, thiên đạo có trời dục giới, trời sắc giới, trời vô sắc giới, từng lớp từng lớp tiến lên, đến lúc ra khỏi lục đạo luân hồi. Ngoài lục đạo có pháp giới Thanh Văn, pháp giới Duyên Giác, pháp giới Bồ Tát, pháp giới Phật, đều là bất đồng không gian duy thứ. Sau khi minh tâm kiến tánh thì không còn mười pháp giới nữa, thật sự giác ngộ. Trên đề kinh Vô Lượng Thọ, “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”. A La Hán chứng được Thanh Tịnh, Thanh tịnh thì không còn lục đạo, Bình Đẳng Giác, là mười pháp giới không còn, nhưng có nhất chân pháp giới, chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Nếu đoạn hết tập khí vô minh, cõi Thật

Báo cũng không còn. Trong kinh Kim Cang Bát Nhã đức Phật nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, ngay cả Thật Báo độ cũng không ngoại lệ, như vậy nó đi đâu? Quay về Thường Tịch Quang, quay về thường tịch quang nên không thấy nữa. Đây là sự giải thích của Phật pháp, giải thích này vô cùng đầy đủ, từ thường tịch quang biến hiện ra, cuối cùng lại trở về thường tịch quang. Thường tịch quang không có gì hết, cho nên tất cả mọi hiện tượng thật sự như mộng huyễn bào ảnh, không có thật. Đức Phật dạy, nó không có thật nên đừng chấp trước, đừng không chế, đừng chiếm lấy riêng mình. Vì sao? Khởi lên những ý niệm đó là tự làm khổ mình, khổ không nói hết. Nên mở rộng lòng ra, tất cả tùy nó, điều này rất hay! Đúng là tâm lớn hóa giải tất cả, quý vị cũng được tự tại. Cần nên học điều gì? Học hiểu rõ chân tướng sự thật, hiểu thấu triệt, sau khi hiểu rõ chân tướng, cũng như ta nằm mộng, đột nhiên cảm thấy mình đang nằm mộng, mộng không có thật, trong mộng thấy con cọp sắp ăn thịt mình, nghĩ lại là đang nằm mộng. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từng lấy thân mình cho cọp ăn, mình cũng có thể làm như vậy. Quý vị sẽ không còn lo sợ nữa, tâm đại từ bi trong tự tánh sanh khởi, chư Phật Bồ Tát đã làm được, quý vị cũng có thể làm được, nhưng mộng thì nhất định phải tỉnh dậy, chỉ là vấn đề sớm hay muộn mà thôi, tỉnh lại có nghĩa là thấy tánh, gọi là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Từ đó cho thấy, Phật là gì? Phật là người thức tỉnh, người tỉnh, Bồ Tát cũng thức tỉnh, nhưng chưa thức tỉnh toàn vẹn, đức Phật thật sự đã thức tỉnh. Mười pháp giới đều đang nằm mộng, nhưng bất luận trong cảnh giới nào, đều phải biết rằng, nhất pháp, dùng cơ thể của ta mà nói, nói đến vật chất, cơ thể của ta nhìn từ bên ngoài, ngũ quan gồm nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, trong thân gồm ngũ tạng lục phủ, nhiều khí quản hợp thành, rất phức tạp. Khí quản hợp thành cách nào? Khí quản do tế bào hợp thành, tế bào do phân tử hợp thành, phân tử do nguyên tử hợp thành, nguyên tử do lap tử hợp thành, quý vị cứ như thế mà phân tích, phân tích đến cùng gọi là lap tử cơ bản. Lap tử cơ bản này theo sự tiến bộ của khoa học, họ nói không có sự nhất định, càng nói càng nhỏ, khoa học lượng tử ngày nay gọi là lượng tử, nhỏ nhất là lượng tử, do lượng tử hợp thành, khắp vũ trụ như: Con người, động vật, thực vật, khoáng vật, đều do lượng tử hợp thành. Đúng là một thể, không hề khác biệt, Vì sao nói nhất thể? Mỗi hạt vi trần, hoặc là lượng tử, lượng tử chính là tiểu quang tử, mỗi tiểu quang tử đều là viên minh cụ đức, đều là viên mãn, tất cả trí huệ, đức năng, tướng hảo trong tự tánh, đều có đầy đủ trong tiểu quang tử, trong mỗi tiểu quang tử đều có đầy đủ. Như cơ thể của ta vậy, mỗi lỗ chân đều có đầy, mỗi tế bào đều có đầy đủ. Trên thân tôi có đầy đủ, trên thân quý vị cũng có đầy đủ không hề khác biệt, hoàn toàn giống nhau. Trên thân chúng ta có đầy đủ, trên thân động vật cũng có đầy đủ không hề khác biệt, không khác biệt với thực vật, không khác biệt với sơn hà đại địa. Thật sự hiểu rõ rồi, quý vị sẽ thừa nhận rằng, biến pháp giới hư

không giới và mình là một thể. Mình khởi lên một ý niệm bất luận là vô tình hay cố ý, ý niệm này sẽ biến pháp giới hư không giới, tất cả mọi hiện tượng vật chất đều tiếp nhận được. Chúng ta khởi lên một ý niệm, giống như máy in báo vậy, tin tức của mình được phát đi, tất cả hiện tượng vật chất đều tiếp nhận được hết, ý niệm đều biết được. Tốc độ của nó nhanh hơn ánh sáng, nhanh hơn điện từ, trong Hoàn Nguyên Quán nói, ý niệm vừa khởi lên là chu biến pháp giới, chu biến pháp giới là nói đến tốc độ của nó, cho nên bất luận là thiện niệm hay ác niệm, tịnh niệm hay nhiễm niệm, ý niệm vừa khởi là biến pháp giới hư không giới, có thể che dấu được ai? Che dấu được chình mình, bởi đôi khi ý niệm khởi lên bản thân mình không biết. Chúng sanh trong lục đạo, che dấu được một nửa, còn một nửa không dấu được, nửa nào vậy? Trên chúng ta, ta không thể dấu được cõi trời sắc giới và vô sắc giới, ta cũng không thể che dấu được cõi trời dục giới, pháp giới Tứ Thánh càng không thể dấu được, mười phương quốc độ của chư Phật dĩ nhiên đều nhận được hết. Đây là chân tướng sự thật, là cảnh giới Hoa Nghiêm.

Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, năm 30 tuổi ngài chứng ngộ, sau khi chứng ngộ bèn giảng dạy, không kiến lập đạo tràng, sống cuộc đời như thế nào? Sống cuộc đời vân du, nơi nào có duyên thì đến đó, không làm phiền ai, ngài ở đâu? ở dưới gốc cây. Phương thức sống là đi khát thực, dọc theo hai bên đường khát thực, không có đạo tràng, ban đêm nghỉ dưới gốc cây, ngồi kiết già nghỉ ngơi. Suốt ngày từ sáng đến tối dạy học. Dùng cách nói ngày nay, hiệu lực của ngài cũng không tồi, pháp duyên thù thắng, học trò theo học với ngài, không rời ngài, trong kinh thường nói là 1255 vị, là số đệ tử thường theo bên ngài. Chúng ta có thể tưởng tượng ra, số người theo ngài chắc chắn nhiều hơn con số này chứ không thể ít hơn được. Nói cách khác, đoàn thể của ngài khoảng 2-3 ngàn người, cuộc sống của họ giống như đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hàng ngày nghe đức Phật giảng kinh thuyết pháp. Chúng ta hiểu rõ ràng rồi, Phật và tôn giáo không thể móc nối được, điều này nhất định phải biết, không phải là tôn giáo, không phải tôn giáo mà ngày nay trở thành tôn giáo, tứ chúng để tử chúng ta có tội đấy, có lỗi với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài là nhà giáo dục, quý vị biến nó thành tôn giáo, còn ra thể thống gì! Đúng là vong ơn bội nghĩa mà.

Giáo dục của đức Phật đời đời truyền thừa, truyền đến TQ là giáo dục chứ không phải tôn giáo. Sau khi đến TQ, xây dựng cơ sở, cơ cấu, gọi cơ cấu này là chùa, nên quý vị sẽ biết nó không phải là tôn giáo, tôn giáo gọi là miếu, gọi là cung chứ không gọi là chùa. Chùa là cơ cấu làm việc của chánh phủ, cơ cấu này vua trực tiếp quản lý, gọi là chùa, cho nên dưới đức vua đơn vị đầu tiên có chín, chín cái này đều gọi là chùa. Nếu quý vị đến Bắc Kinh, đến thăm quan cố cung sẽ thấy được, cơ cấu làm việc trong cố

cung, những tấm bảng treo lên đều là chùa. Quan lớn của chùa là Khanh, trong lịch sử TQ nói đến Tam Công Cửu Khanh, Tam Công là cố vấn của hoàng đế, đây là địa vị cao nhất, cửu khanh là quan lớn của chín đơn vị dưới hoàng đế. Phật giáo truyền vào TQ, xây dựng cơ cấu làm việc này cũng gọi là chùa, ngôi chùa đầu tiên là chùa Bạch Mã, chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Vào thời Hậu Hán, thủ đô đặt ở Lạc Dương, dùng Bạch Mã làm tên, đây là sự sùng đạo của người xưa. Kinh điển, tượng Phật ở Tây Vực, dùng bạch mã chuyên chở về TQ, không thể quên sự vất vả của nó, cho nên dùng nó làm tên gọi. Vua trực tiếp quản lý, là cơ cấu dạy học.

Trong chùa làm những công việc gì? Thứ nhất phiên dịch kinh điển, giống như phòng biên dịch của quốc gia vậy, chủ yếu là phiên dịch kinh điển. Kinh điển được phiên dịch rồi thì đem ra giảng giải, y theo kinh điển mà học tập, cho nên là giáo dục. Vào thời đó không biến đạo Phật thành tôn giáo, cứ như thế đến năm đầu của triều đại nhà Thanh vẫn là giáo dục. Chúng ta thấy như Khang Hy, Ung Chánh, Càn Long, vào thời đó cao tăng rất nhiều, tự viện am đường của đạo Phật, dùng cách nói ngày nay, đa phần đều là trường chuyên, rất nhiều đạo tràng. Trong đạo Phật kinh điển nhiều, pháp môn cũng lắm, quý vị muốn học khoa nào, thì đến khoa đó để học. Vào đời Tùy Đường TQ thành lập 10 tông phái. Tông là đại biệt, giống như học viện vậy, phái như khoa, mỗi học viện đều có rất nhiều khoa, là dạy học, có học vị. Học vị cao nhất trong Phật giáo là Phật, cho nên đó không phải là tên gọi của thần linh, mà là học vị. Quý vị có thể đạt được chăng? Được!

Học vị thứ hai là Bồ Tát, học vị thứ ba là A La Hán. Tiêu chuẩn của nó, trong kinh gọi là: “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Dịch được nhưng không dịch. Vì sao không dịch? Tôn trọng nên không dịch. Đây là lấy danh xưng ba học vị của đạo Phật, tiêu chuẩn này nếu dịch thành chữ Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, dịch được mà, nhưng trong kinh ta vẫn thấy đề “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Nếu đạt được Chánh Giác, điều kiện của Chánh Giác là gì? Trên đề kinh này là Thanh Tịnh, Thanh Tịnh là Chánh Giác, đạt được Chánh Giác gọi là A La Hán, đạt được học vị đầu tiên trong đạo Phật. Thứ hai là Bình Đẳng, đạt được tâm bình đẳng, là đạt được học vị thứ hai gọi là Bồ Tát, Bồ Tát bình đẳng. Học vị thứ ba là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đạt được học vị này là Phật. Cho nên trong đạo Phật, mọi người ai cũng là Phật, không giống như tôn giáo, tôn giáo chỉ có một thượng đế, hai người thì rắc rối to. Trong đạo Phật ai ai cũng có thể gọi là Phật, ai ai cũng có thể gọi là Bồ Tát, đây là danh xưng học vị. Giống như trường học ngày nay, học vị cao nhất là tiến sĩ, ai ai cũng có thể đạt được học vị tiến sĩ, đều được gọi là tiến sĩ, ai ai cũng có thể gọi là

thạc sỹ. Trường học ngày nay cũng có ba học vị, học sỹ, thạc sỹ, tiến sỹ. Đạo Phật cũng có ba học vị, Phật, Bồ Tát, A La Hán, phải hiểu rõ ràng.

Tôn giáo ngày nay thật sự mê tín, xem Phật Bồ Tát là thần, quý vị nghĩ xem có oan cho đức Phật Thích Ca chăng? Đây là sự vô tri của chúng ta thời nay, làm nhục thầy giáo, khiến mọi người trong xã hội sanh tâm ngộ nhận, tội của ta rất sâu dày. Ta không biết được chân tướng sự thật, Kinh Hoa Nghiêm nói cho ta biết chân tướng sự thật, tự tánh là viên minh cụ đức, tự tánh hiện ra tất cả pháp, bản thể của tất cả pháp là tự tánh. Bất luận là tinh thần hay vật chất, cũng không phân biệt lớn nhỏ, tất cả những hiện tượng này đều do tự tánh biến hiện ra, tự tánh biến thành hình tướng, nó không có hình tướng mà biến thành hình tướng, nhưng trong hình tướng có đầy đủ trí huệ đức tướng viên mãn của tự tánh. Ở đoạn trước có nói qua.

Thập Huyền là do ngài Trí Nghiễm – vị tổ thứ hai của tông Hoa Nghiêm đề xuất, ngài Hiền Thủ tóm lược nói ra, đến ngài Thanh Lương mới nói rõ cho chúng ta hiểu. Ta hiểu được đại ý của kinh Hoa Nghiêm, nghĩa thú của kinh Hoa Nghiêm, quả thật người xưa tôn xưng bộ kinh này là Viên Mãn Pháp Luân, cũng rất có lý! Tất cả những điều trong các bộ kinh khác nói không hơn được Hoa Nghiêm.

Quả địa cầu hiện nay có vấn đề, nơi đâu cũng có thiên tai, ngày xưa không có, vì sao có tình trạng như vậy? Đạo Phật biết nguyên nhân, lượng tử lực học cũng biết. Lượng tử lực học thời cận đại nói, nhưng hơn ba ngàn năm về trước đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói qua rồi. Quý vị nên biết nguyên nhân của nguyên nhân, nguyên nhân căn bản là ý niệm, ý niệm của ai? Ý niệm của chính mình, chính mình khởi tâm động niệm! Nếu ý niệm này là chánh, tà chánh phân biệt cách nào? Tương ưng với tự tánh là chánh, tương phản với tự tánh là tà. Nhưng chúng ta vẫn chưa tìm thấy điểm chuẩn. Đức Phật vì để dạy cho hàng sơ học, dạy những người có trình độ như chúng ta, ngài nói về Thập Thiện Nghiệp đạo: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ỷ ngữ, không ác khẩu, không tham, không sân, không si, tất cả mười điều. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, không trái ngược với mười điều này là chánh. Nếu làm ngược lại như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối... là sai, đó là trái ngược với tánh đức. Thuận theo tánh đức là thiện, trái ngược lại là tà. Thiện ác có chuẩn mực.

Người xưa dạy chúng ta về ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, nói rất kỹ, nếu chúng ta tuân thủ theo là thiện, nếu làm trái lại là ác. Quả địa cầu và thân của chúng ta, là một sinh mạng thể cộng đồng. Ý niệm của ta có thể ảnh hưởng đến thân mình, ảnh hưởng đến quả địa cầu nơi mình sinh sống. Vì sao? Trong kinh điển đại thừa đức Phật thường nói: Tất cả pháp “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Thức chính là ý niệm, ý

niệm có thể biến hóa. “Tất cả pháp tùng tâm tướng sanh”, thân của ta là tâm tướng sanh, gia đình ta là tâm tướng sanh, xã hội này là tâm tướng sanh, quốc gia này là tâm tướng sanh, thế giới này, địa cầu này, thái dương hệ này, ngân hà này, đều là tâm tướng sanh. Ý niệm làm chủ tất cả! Ý niệm chánh, tuân thủ theo lời dạy của cổ thánh tiên hiền. Những lời dạy này không phải do các ngài sáng tạo hay phát minh ra, họ đều là những người thấy tánh, thuận theo tánh đức, không có điều gì chẳng thiện. Thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hài hòa, thế giới đại đồng, sao không tốt chứ? Nơi chúng ta sống, không hề bị thiên tai, làm được, chứ chẳng phải không làm được! Hiểu được những đạo lý này rồi, ồ, thì ra chỉ cần chúng ta chuyển đổi ý niệm, đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh, chuyển mê thành ngộ, thì vấn đề sẽ được giải quyết, thiên tai trên quả địa cầu này không lo sợ, có thể hóa giải được.

Quý vị nghĩ thử xem, cần bao nhiêu người chuyển đổi mới có hiệu quả? Chư vị tổ sư trong đạo Phật nói cho ta biết, các ngài nói ra một nguyên tắc, số ít người cũng có thể chuyển nghiệp báo của số đông người, vì sao vậy? Tà không thắng chánh. Ý niệm của số ít người là chánh, con người trên toàn thế giới ngày nay là số nhiều, họ tà niệm đã khiến cho quả địa cầu ra nông nổi này, khiến cho xã hội như vậy. Cần bao nhiêu người chuyển đổi mới có thể làm thay đổi được xã hội này? Các nhà khoa học lượng tử cho chúng ta biết, phỏng đoán nhân khẩu trên thế giới, có khoảng 65 ức người, 65 nhân khẩu. Cần bao nhiêu người mới có thể giúp cho thế giới thay đổi? Họ nói cần khoảng 8 ngàn người, có khoảng 8 ngàn người thật sự khai ngộ, thật sự hồi đầu, trên quả địa cầu có 65 ức người tạo nghiệp, nhưng 8 ngàn người này có thể khiến cho quả địa cầu thay đổi. Quý vị nghe rồi nghĩ rằng khó có thể làm được, 8 ngàn người là thiếu số. Cho nên nếu chúng ta tin tưởng và chấp nhận được, nghĩa là tin tưởng người xưa không nói dối, chư Phật Bồ Tát không nói dối, các ngài đã nói gì? Tà không thắng chánh. Số đông người này là tà, số ít người là chánh, chánh nên chuyển đổi dễ dàng. Vì sao? Bởi con người đều có bản tánh. Người xưa có dạy rằng: “tánh người vốn thiện”. Ngày xưa Tam Tạng Kinh dạy cho trẻ thơ, câu đầu tiên là: “nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Trong Khởi Tín Luận, Bồ Tát Mã Minh nói: “bản giác bản hữu, bất giác bản vô”. Bản giác chính là bản tánh, bản thiện, bản hữu, bất giác là mê, là tà, là bất thiện. Trong tự tánh là thuần tịnh thuần thiện, chỉ cần quý vị chịu khó dạy họ, họ dễ dàng quay đầu, là chuyển đổi được. Cho nên giáo dục vô cùng quan trọng.

Sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni khai ngộ, một đời ngài làm công việc giáo dục, với địa vị như thế nào? Dùng cách nói ngày nay, là thầy giáo chuyên nghiệp, suốt đời dạy học. Ngài dạy điều gì? Dạy chúng ta nhận biết chân tướng của nhân sinh vũ trụ. Đây không phải là mê tín, trong đây có khoa học và triết học tối cao.

Tôi học Phật từ khi học triết học với thầy Phương Đông Mỹ, thầy Phương nói với tôi: Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao của triết học trên toàn thế giới. Tôi đã học 59 năm rồi, chứng minh lời của thầy Phương rất chính xác, thầy không nói dối tôi. Tôi phát hiện chẳng những là triết học tối cao, mà cũng là khoa học tối cao. Ngày nay trên thế giới, những điều khoa học, triết học không thể giải quyết được, đáp án đều ở trong kinh Phật. Sự phát triển của khoa học, có thể chứng minh những điều thâm áo trong kinh Phật, dùng khoa học để chứng minh, đây là một việc tốt. Chúng ta thật sự tin tưởng sự chứng minh ngay nay. Đoạn này nói: “hoành thụ vạn pháp thành vi nhất đại duyên khởi, pháp pháp giao triệt”. Điều này được lượng tử lực học chứng minh. Câu nói này đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói cách đây hơn 3 ngàn năm rồi, chứng minh được vũ trụ với ta là một thể, một sinh mạng thể cộng đồng, bất luận là vật chất hay tinh thần đều là cộng đồng. Cho nên hiệp hội của chúng ta, phát khởi tu Lục Hòa Kính. Mục tiêu là gì? Là cứu quả địa cầu, hóa giải thiên tai. Đúng là Tam Bảo gia trì, khiến cho chúng ta, thấy được báo cáo của giới khoa học, làm tăng trưởng lòng tin của mình. Khoa học lượng tử cho ta biết, trên thế giới có khoảng 8 ngàn người đồng tâm hiệp lực, buông bỏ vạn duyên, nhất tâm cầu nguyện, đây là người ngoại quốc, họ nói lên sự cầu nguyện của người ngoại quốc, sự cầu nguyện trong tôn giáo, sẽ hóa giải được thiên tai của quả địa cầu. Chúng ta nghe rồi thấy rõ, việc cầu nguyện này có hiệu quả chăng? Có ! nhưng trị ngọn không trị gốc. Vì sao? Cách mấy ngày không cầu nguyện, chẳng phải vấn đề lại xuất hiện đó sao? Không thay đổi từ trong tâm, không biết bản chất của niệm lực. Khi cầu nguyện là cầu Thượng đế, cầu thần. Phật pháp không như vậy, Phật pháp thừa nhận có thần tồn tại trong vũ trụ, thần cũng là chúng sanh, bất luận là thiên thần hay địa thần, họ cũng mê hoặc điên đảo thôi, năng lực của họ mạnh hơn chúng ta, đó là sự thật chứ không phải giả, có phước báo, có tu. Đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, họ chưa hiểu được thấu triệt, hiểu được thấu triệt là chư Phật Bồ Tát.

Tổ tông của chúng ta ngày xưa rất có trí huệ, họ biết được, dùng phương pháp nào? Dùng giáo dục. Con người tiếp nhận qua nền giáo dục, lương tâm phát khởi, không dám làm việc xấu, làm việc xấu là một việc rất mất mặt. Cho nên luân lý đạo đức có thể làm chuẩn mực cho một con người, hay hơn pháp luật, khiến cho mọi người xấu hổ khi làm ác. Nhưng trong giáo dục, còn một việc vô cùng quan trọng là giáo dục nhân quả, đây là chân tướng sự thật, phải nói rõ ràng, thật sự có việc này. Nếu con người tin tưởng nền giáo dục nhân quả, thiện có thiện quả, ác có ác báo, nên không dám làm ác. Vì sao? Vì nghĩ đến quả báo trong tương lai họ sẽ sợ, nên không dám làm. Cho nên văn hóa truyền thống ngày xưa, là giáo dục Thích Đạo Nho, dạy người ta nên người. Áp dụng vào thời loạn thế ngày nay có hiệu quả chăng? Có dạy người ta nên người không? Người trong nước không tin, người nước ngoài cũng không tin,

chúng tôi đem kinh nghiệm mấy ngàn năm về trước của người xưa, báo cáo nhiều lần ở Liên Hiệp Quốc, những người tham dự hội nghị đều rất hoan hỷ, đều vỗ tay tán thán. Khi tôi nói chuyện xong rồi, họ đến tìm tôi nói chuyện, họ nói, pháp sư giảng rất hay, nhưng đây là lý tưởng, không làm được! Khi tôi nghe họ nói như vậy, tôi rất kinh ngạc, đây mới thật sự là then chốt của vấn đề. Làm sao đây? Làm cách nào để họ tin đây? Nhất định phải làm thí nghiệm, khoa học rất chú trọng thí nghiệm, làm thí nghiệm họ mới tin tưởng. Tôi vốn sống ở nước ngoài, ở Singapore, ở Úc Châu, muốn làm thí nghiệm, nhân duyên chưa thành thực.

Năm 2005, đã lâu rồi tôi không trở về quê, trở về quê thăm cố hương, rời quê hương ra đi 70 năm rồi, vẫn còn một số anh em bà con, anh em thân tộc còn rất đông. Mọi người cùng nhau ăn cơm, tôi đem những công việc mình đã làm trong thời gian qua nói cho mọi người nghe, rất muốn làm thí nghiệm, khiến cho những người nước ngoài, khiến cho Liên Hiệp Quốc, sanh khởi lòng tin đối với nền văn hóa truyền thống của chúng ta. Mọi người ở quê nhiệt tâm, nói với tôi rằng, được, chúng tôi ủng hộ thầy, về quê làm thí nghiệm. Chúng tôi đã làm thí nghiệm ở thôn Thang Trì huyện Lô Giang, dùng thôn nhỏ này làm thí nghiệm. Cư dân ở thôn này có 4 vạn 8 ngàn người, chúng tôi thành lập một trung tâm ở đây, lớp thầy giáo đầu tiên là 37 người. Tôi yêu cầu thầy giáo phải học Đệ Tử Quy, muốn dạy người trước tiên mình phải làm được, mỗi vị thầy giáo, phải thực hành được 100% Đệ Tử Quy, tôi ra thời hạn cho các thầy giáo là 4 tháng, thầy giáo thật sự rất giỏi. Từ thâm sâu của tâm hồn chúng tôi rất biết ơn và khâm phục, chỉ hai tháng là các thầy đã làm được rồi, thật hiếm có! Khi đó vị chủ trì trung tâm này là thầy Dương nói với tôi, chúng con đã làm được rồi. Tiếp theo phải làm gì? Tôi nói, xuống làng, vào từng nhà, chúng ta đem Đệ Tử Quy ra thực hành, chứ không phải nói, nói sẽ chẳng có ai nghe đâu, phải thực hành. Người trong thôn nhỏ này thấy rất cảm động, sau đó bảo thầy giáo mở lớp dạy ở trung tâm, nam nữ già trẻ, các hàng các nghiệp trong thôn nhỏ này, tự động đến trung tâm học tập, hơn ba tháng, chưa đầy bốn tháng, nếp sống của thôn nhỏ này hoàn toàn thay đổi. Khi đó chúng tôi vô cùng cảm động, vì sao? Chúng tôi dự tính, khoảng 2-3 năm, mới có hiệu quả, không ngờ chưa đầy bốn tháng là có kết quả rõ ràng rồi. Tôi vô cùng cảm thán nói lên hai câu, bởi việc thí nghiệm của chúng tôi đã chứng minh được, “nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Điều chứng minh thứ hai là con người rất dễ dạy, chỉ là không ai chịu dạy họ thôi, dạy là họ sẽ quay đầu trở lại. Thông tin này truyền đến khiến tôi suy nghĩ làm cách nào để báo cáo với Liên Hiệp Quốc? Tôi nói đây là ân đức của tổ tông, là sự gia hộ của tam bảo, hai tháng sau, vào dịp tháng năm, tháng năm năm 2006, tổng bộ tổ chức giáo khoa văn của Liên Hiệp Quốc ở Paris, viết cho tôi một bức thư, hy vọng tháng 10 năm đó tôi tham dự một hội nghị của Liên Hiệp Quốc, yêu cầu tôi tham gia

chủ trì. Hội nghị này kỷ niệm đức Phật Thích Ca Mâu Ni 2550 năm, đây là tiêu đề, thảo luận về vấn đề đệ tử Phật cống hiến đối với nhân loại, cơ hội này thật hiếm có! Vì chúng tôi tham gia chủ trì, cho nên chủ động đưa ra ý kiến, yêu cầu để chúng tôi lấy thí nghiệm làm ở Thang Trì, cho tôi 8 tiếng đồng hồ lên báo cáo, và còn yêu cầu Liên Hiệp Quốc cho tôi một khu vực làm triển lãm, chúng tôi đem thành quả của mấy tháng đó, trong đó có hình, có biểu đồ, có văn tự, làm triển lãm ba ngày, việc làm này vô cùng thành công! Tôi cũng mời 9 tôn giáo lớn ở Singapore đến, biểu diễn ở Liên Hiệp Quốc, tôn giáo có thể đoàn kết, cho nên hội nghị lần đó tôi có hai câu: Câu thứ nhất nói với toàn thế giới, nói với Liên Hiệp Quốc, tôn giáo có thể đoàn kết. Câu thứ hai con người có thể dạy được.

Trong nền văn hóa truyền thống có ba cội rễ là Đệ Tử Quy, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, đều đã khởi tác dụng trên toàn thế, nhiều khu vực trong các nước, đều đang học tập, đang thực hành, đây là việc tốt! Quý vị đang phát khởi học tập Lục Hòa Kính, để tự cứu mình, cứu người, cứu thế giới. Lục Hòa Kính không đơn giản đâu. Đại thừa kinh giáo có dạy rằng, trên thế giới, nếu có một đoàn thể Lục Hòa Kính xuất hiện, thì thiên tai của thế giới này đều được hóa giải, một đoàn thể Lục Hòa Kính. Vì sao? Bởi một tăng đoàn Lục Hòa Kính, chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần bảo hộ. Tam quy y quý vị đều có đọc qua, “quy y Tăng, chúng trung tôn”, câu này là nói về Lục Hòa Kính. Tăng là tăng đoàn, tăng đoàn Lục Hòa Kính, đoàn thể này gồm 4 người trở lên, đều tu tập Lục Hòa Kính. Chúng trung tôn, chúng ở đây là đoàn thể, trong tất cả đoàn thể của thế và xuất thế gian, thì đoàn thể này là tôn quý nhất. Vì sao? Vì nó hòa. Trong tất cả các đoàn thể, chỉ có Tăng đoàn Lục Hòa Kinh là chư Phật Như Lai tán thán.

Thứ nhất là “kiến hòa đồng giải”, nghĩa là xây dựng cộng thức, là việc làm khó khăn nhất. Ngày nay cộng thức được xây dựng từ đâu? Thật sự khẳng định hiểu rõ, chúng sanh trong vũ trụ với ta là một thể, thân thiết hơn một gia đình, là một thể mà, chúng ta xây dựng cộng thức từ đây.

“Giới hòa đồng tu”, nhất định phải thực hành bốn cội rễ, bắt đầu học từ Đệ Tử Quy, phải thực sự thực hành được từng câu từng chữ trong đó. Thực hành giáo dục nhân quả trong Cảm Ứng Thiên. Thực hành giáo dục của đức Phật trong Thập Thiện Nghiệp Đạo, thực hành Sa Di Luật Nghi, người xuất gia bắt buộc phải làm được. Nếu không làm được, đó là giả, chẳng phải chân xuất gia. Người tại gia thực hành ba cội rễ, người xuất gia thực hành bốn cội rễ. Thật sự thực hành được rồi, chẳng những độ được mình, mà còn cứu được thế giới. Làm cách nào vậy? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời làm bậc mô phạm cho chúng ta thấy, phải ghi nhớ, phải nghiêm chỉnh học tập. Tuy

suốt đời đức Thế Tôn dạy học, nhưng ngài không có trường học, đoàn thể của ngài là gì? Là tư thực, trường tư thực với quy mô lớn, rất đông người, chỉ một mình ngài làm thầy giáo, sau này có huynh trưởng, những vị đại đệ tử của ngài, có người thấy tánh, có người chứng quả, họ thay ngài thuyết pháp, thay ngài giảng dạy, nhưng chủ yếu chính là một vị thầy giáo, các vị đại đệ tử là thay ngài giảng dạy. Họ thường xuyên nhận được lời thỉnh mời ở khắp nơi, nơi nào mời đức Phật mà ngài không đi được, thì phái học trò ngài đến đó giáo hóa. Không có tổ chức, điều này phải ghi nhớ. Sau khi Phật giáo truyền vào TQ, vào đời Tùy Đường, nếu dùng cách nói ngày nay, là Phật giáo làm một cuộc đại cách mạng, nghĩa là biến Phật giáo thành trường học, dạy học chánh quy, chính là chế độ tông lâm. Quý vị nên biết, tông lâm Phật giáo ngày xưa, chính là đại học thời nay, có tổ chức, có phân công. Tổ chức trong tông lâm, hoàn toàn giống như tổ chức trong trường học ngày nay. Chủ tịch của tông lâm là hiệu trưởng, thông thường người ta gọi là phương trượng, trụ trì, chính là hiệu trưởng. Hòa thượng Thủ Tọa là giáo vụ trưởng, đại học ngày nay gọi là giáo vụ trưởng, lo về mặt giáo vụ. Duy Na là huấn đạo trưởng, Giám Viện là tổng vụ trưởng. Chỉ là danh xưng không giống nhau thôi, chứ phân công hoàn toàn tương đồng với trường học ngày nay.

Thầy Phương Đông Mỹ, đã từng nói với tôi mười mấy lần, bảo tôi phải nhớ, muốn phục hưng Phật giáo TQ, nhất định phải phục hồi chế độ tông lâm. Cho nên tôi thường nói, muốn xây dựng đại học Phật giáo. Ngày nay giao thông thuận tiện, khoa học phát đạt, quả địa cầu này là một nhà. Mục đích của chúng ta muốn cho thế giới hài hòa, quốc gia với quốc gia hài hòa, dân tộc với dân tộc hài hòa, chánh đảng với chánh đảng hài hòa, tôn giáo với tôn giáo hài hòa. Chúng ta đang truy cầu lý niệm này. Cho nên từ đại học nghĩ đến đa nguyên văn hóa, đại học tôn giáo của đa nguyên văn hóa, chứ không phải một đại học Phật giáo. Như thế, tôn giáo khác nhau, trong tương lai đều là bạn học của nhau, mỗi tôn giáo thành lập một học viện, hợp thành một đại học tôn giáo, cùng là học trò trong một trường học, sở học không giống nhau, nghĩa là học những khoa không giống nhau, nhưng cùng một trường. Do đó khái niệm chủ yếu của mỗi tôn giáo, chúng ta đều phải học tập, không thấy lạ. Giữa tôn giáo với tôn giáo, mới thực sự làm được hòa mục tương xử, bình đẳng đối đãi, toàn tâm toàn ý đưa ra những giáo nghĩa hay, để giáo hóa chúng sanh, giúp cho xã hội hóa giải xung đột, tiến đến an định hòa bình.

Các nhà khoa học lượng tử cho chúng ta biết, chỉ cần 8 ngàn người là cứu được quả địa cầu này. Tôi nghĩ đến việc lần này chúng ta đề xướng tu Lục Hòa Kính, nên mở rộng lý niệm này ra. Trên thế giới, đầu tiên hy vọng tịnh tông hiệp hội hưởng ứng việc này, tôi tin rằng toàn thế giới, có khoảng 200 tịnh tông học hội, chắc là con số này. Mỗi tịnh tông học hội có được 60 người tu Lục Hòa Kính, 60 người thật sự phát

tâm, đoạn ác tu thiện, sửa đổi lỗi lầm, chuyên mê thành ngộ, nghiêm chỉnh học tập kinh điển. Đầu tiên học tập ba cõi rỗi, sau đó trong kinh giáo nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, thật sự phát tâm như thế. Một tịnh tông học hội có 60 người, hai trăm học hội là 12000 người, hơn con số 8000 người. Chúng ta đem công đức này hồi hướng cho toàn thể nhân loại, hồi hướng cho quả địa cầu nơi chúng ta cư trú, chắc chắn có hiệu quả rất tốt đẹp. Thật sự hiểu rõ, “hoành thụ vạn pháp thị nhất đại duyên khởi”, hàng ngày chúng ta niệm Phật hồi hướng nhất định phải ghi nhớ, cuối cùng là hồi hướng mười phương sát độ vi trần pháp giới, không được lãng quên điều này. Mười phương sát độ vi trần pháp giới và chúng ta là một thể. Hy vọng những thiên tai trên quả địa cầu này, thiên tai lớn thành thiên tai nhỏ, thiên tai nhỏ thành không còn thiên tai.

Đạo Phật nói về niệm lực, tạo ra thế giới, tạo ra vũ trụ, khoa học lượng tử ngày nay đã chứng minh được điều này, đây là cơ duyên hy hữu khó gặp, chúng ta gặp được rồi, mong quý vị phát tâm, sự phát tâm này phải từ trong tâm mình chứ không miễn cưỡng. Sự nhận biết phát tâm này vẫn ở chỗ học tập, cho nên việc dạy học là vấn đề quan trọng nhất. Chúng tôi làm thí nghiệm ở Thang Trì, tuy thời gian không dài, nhưng nếp sống ở nơi đây thật sự đã thay đổi. Điều mà mọi người có thể nhận thấy rõ ràng, là số người phạm tội và số người ly hôn giảm xuống, nhân dân hài hòa lễ phép, thật sự thấy được đó là nơi lễ nghĩa, hài hòa, từ trường của khu vực đó hoàn toàn khác hẳn, trong suốt ba năm không hề bị thiên tai. Rất rõ ràng vì khi tôi còn ở đó, tôi ở Thật Tế Thiên Tự giảng kinh Hoa Nghiêm, Tế Xuyên bị động đất lớn, Văn Xuyên động đất lớn, phạm vi dư chấn của nó thật sự rất rộng, tâm chấn ở Tứ Xuyên, tỉnh Hà Bắc ở phương bắc cảm nhận được động đất, có ở Sơn Đông, Giang Tô, Giang Tây, An Vi vân vân đều cảm nhận được, nhưng ở khu vực Lô Giang của chúng tôi lại không thấy có, ở đó có một trạm đo động đất, nhưng đo không thấy động đất, cho nên mọi người cảm thấy vô cùng ngạc nhiên, vì sao bốn bên đều có động đất, mà nơi này lại không có? Phải chăng đúng như các nhà khoa học lượng tử nói? Thôn Thang Trì nhỏ này có bốn vạn tám ngàn người, hồi tâm chuyên ý, mọi người đều muốn làm tốt, không muốn làm người xấu. Tôi giảng kinh ở đó hơn một tháng, giảng kinh Hoa Nghiêm hơn một tháng trời, chúng tôi không cảm nhận có động đất. Đôi khi những khu vực xung quanh có những thiên tai nhỏ, khu vực của chúng tôi không có. Những điều này đáng để chúng ta suy nghĩ, thì ra giảng kinh Phật, mọi người cho rằng đây là tôn giáo, là mê tín, lượng tử lực học ngày nay cũng nói như vậy. Chúng ta chân thật thực hành, làm còn hơn là không làm.

Hoàng Niệm Tô lão cư sỹ dẫn chứng kinh văn trong bốn kinh, nghĩa là trong bốn kinh này cũng có ý nghĩa viên minh cụ đức.

Kim bốn kinh dĩ phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm vi tông, dĩ thập niệm tát sanh nguyện vi đại nguyện chi bốn, chuyên trọng trì danh niệm Phật danh cụ vạn đức, thử nhất cú Phật hiệu viên mãn cụ túc nhất thiết pháp chi công đức. Cử thể thị Hoa Nghiêm Huyền Môn viên minh cụ đức chi nghĩa.

Câu này nói hay quá! Không khác với giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm. Kinh Vô Lượng Thọ quả thật lấy “phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm” làm tông. Tông là gì? Tông là tông chỉ, là điều quan trọng nhất trong việc tu tập bộ kinh này. Chỉ đạo đại cương, nguyên tắc chỉ đạo, chúng ta tu tập bộ kinh này như thế nào? Chính là ở tám chữ: “phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm”. Bồ đề tâm là gì? Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh đức Thế Tôn nói, ngài nói ba câu: chí thành tâm, thâm tâm, phát nguyện hồi hướng tâm. Đây là điều đức Phật nói trong kinh. Chí thành tâm là thể, là bản thể của bồ đề tâm, thâm tâm và phát nguyện hồi hướng tâm là dụng. Thâm tâm là tự thọ dụng, phát nguyện hồi hướng tâm là tha thọ dụng, là đối với người, tâm bồ đề đối với người như thế nào.

Trong Khởi Tín Luận, Bồ Tát Mã Minh cũng nói về bồ đề tâm, ngài nói về ba tâm, thứ nhất là trực tâm, thứ hai là thâm tâm, thứ ba là đại bi tâm. Chúng ta hợp kinh và luận lại xem sẽ dễ hiểu hơn. Trực tâm là tâm chí thành, thâm tâm thì kinh và luận đều nói như vậy. Thâm tâm nghĩa là thế nào? Chư vị tổ sư có chú giải, chú giải cũng rất dễ hiểu, hiểu thiện hiểu đức nghĩa là thâm tâm. Đã lâu tôi thường nói với quý vị về phát bồ đề tâm, tôi thêm vào đó mấy chữ, trong kinh luận đều nói ba chữ, tôi nói năm chữ, mọi người sẽ dễ hiểu, tôi dùng năm câu, mười chữ: Thể của bồ đề tâm là “chân thành”, tự thọ dụng của bồ đề tâm, chính là thâm tâm, rất khó hiểu, tôi dùng văn tự trên đề kinh Vô Lượng Thọ, trên đề kinh có năm chữ: “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”, đây chính là thâm tâm, cho nên tất cả đều là hai chữ, trên chữ Giác thêm vào chữ Chánh, “Thanh Tịnh Bình Đẳng Chánh Giác”, đây là thâm tâm. Phía sau thêm vào hai chữ Từ Bi nghĩa là tha thọ dụng, đối với người khác phải đại từ đại bi, đối với chính mình phải thanh tịnh bình đẳng giác. Thể là chân thành, thanh tịnh chân thành, bình đẳng chân thành, chánh giác chân thành, từ bi chân thành, đây là bồ đề tâm. Mấy chữ trên đề kinh này, đúng là bao la vạn tượng. Nếu lấy tam bảo mà nói, Phật Pháp Tăng tam bảo, thanh tịnh là Tăng bảo, bình đẳng là Pháp bảo, chánh giác là Phật bảo, quý vị xem có đầy đủ tam bảo. Đầy đủ tam học, tam học là giới định huệ, thanh tịnh là giới học, bình đẳng là định học, chánh giác là huệ học. Quý vị xem, trong đây có đầy đủ Tam bảo và Tam

học. Ba học vị cũng ở trong đây, thanh tịnh là A La Hán, bình đẳng là Bồ Tát, giác là Phật, tất cả đều ở trong đó.

Trong cuộc sống hàng ngày, từ sáng đến tối, khởi lên ý niệm là tương ưng với nó, không rời nó. Niệm niệm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, gọi là phát bồ đề tâm. Tâm này phát lên rồi, phải thực hành như thế nào? Thực hành ba cội rễ, thật sự thực hành được ba cội rễ này rồi, là bước đầu thực hành bồ đề tâm, bước đầu rất quan trọng, bước đầu là nền tảng mà, nếu không có bước đầu sẽ chẳng có bước thứ hai. Nếu không thực hành được ba cội rễ này, thì bồ đề tâm chỉ có tiếng chứ không có thật, đó không phải thật có. Niệm niệm không rời bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, chắc chắn thành tựu. Một phương hướng, một mục tiêu, một bộ kinh, một câu Phật hiệu, chẳng có người nào không thành tựu. Trong một đời này viên mãn thành Phật. Tu những pháp môn khác rất khó! Khó chỗ nào? Khó chỗ đoạn phiền não, không đoạn được phiền não. Pháp môn tịnh độ không cần đoạn phiền não, chỉ cần không chế phiền não là được rồi. Không chế phiền não dễ hơn đoạn phiền não nhiều. Dùng phương pháp nào để không chế? Dùng nhất hướng chuyên niệm. Hàng ngày không rời kinh Phật, không sanh tập khí phiền não. Đọc kinh cách nào? Lưu Tố Vân cư sỹ, là tấm gương, cô ấy nói, mỗi ngày nghe kinh 10 tiếng đồng hồ. Nghe kinh gì vậy? Nghe kinh Vô Lượng Thọ, không nghe kinh nào khác. Trong tay cô có đĩa giảng kinh của tôi, đĩa giảng ngày xưa, ngày xưa giảng mỗi đĩa là một giờ đồng hồ, cô ấy vẫn còn nghe những đĩa đó. Mỗi ngày nghe 10 tiếng đồng hồ, 10 tiếng đồng hồ không phải nghe mười đĩa, mà chỉ nghe một đĩa, có nghĩa là một đĩa nghe mười lần. Cô ấy đã nghe như vậy, đại khái nghe mười năm rồi. Nghe nói, cô ấy giảng ở đây, mỗi ngày hai tiếng đồng hồ, bảy ngày giảng mười bốn tiếng, ở đây có đĩa giảng của cô ấy. Sau khi nói chuyện ở đây xong, bên Thâm Quyển mời cô ấy qua bên đó, mỗi ngày giảng 8 tiếng đồng hồ, cô ấy không cần soạn bài giảng. Chúng tôi tin cô ấy không cần nhìn bài giảng, quý vị nghĩ xem, mỗi ngày nghe 10 lần, mỗi đĩa nghe 10 lần, đã nghe 10 năm rồi, mà còn cần nhìn bài giảng nữa sao? Mỗi ngày tám tiếng đồng hồ, càng giảng càng hứng thú, càng giảng càng hoan hỷ, “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Quý vị hỏi cô ấy có nắm chắc vấn đề vãng sanh chăng? Chắc chắn cô ấy trả lời rằng, nắm chắc! Đây không phải lời nói dối đâu, sự thật đấy. Khi nào vãng sanh? Bất cứ lúc nào cũng có thể đi được. Bây giờ còn ở thế gian này thì sao? A Di Đà Phật, cô ấy nói Phật A Di Đà giao nhiệm vụ cho cô ấy, làm gương cho chúng sanh noi theo, bằng không cô ấy đã về thế giới tây phương cực lạc rồi, còn ở thế gian này làm gì nữa? Cô ấy làm tấm gương cho mọi người noi theo, đây là đức thứ hai trong Tứ đức mà Hoàn Nguyên Quán nói, “học vi nhân sư, hành vi thế phạm”. Điều thứ hai trong Tứ đức, “oai nghi hữu tác”, chính là “học vi nhân sư, hành vi thế phạm”, nghĩa là làm gương cho mọi người trong xã hội.

Mới đầu cô ấy cũng rất vất vả, không vất vả thì mọi người sẽ chẳng tin, vất vả rồi mọi người sẽ tin, cô ấy bị bệnh nặng như thế, niệm Phật A Di Đà đã hết bệnh, cho thấy nhất hướng chuyên niệm quan trọng biết bao!

Đời này bản thân tôi không thể làm chủ được, không có cách nào. Ngày xưa tôi ở Mỹ, sống ở Đạt Lạp Tư. Một hôm có người đến hỏi tôi: pháp sư Tịnh Không, việc học kinh giáo, nếu chỉ cho thầy học một môn, thầy sẽ chọn bộ kinh nào? Tôi nói, tôi có ý này từ lâu rồi, hy vọng một đời chỉ học một bộ kinh, tôi sẽ học bộ kinh nào? Tôi chọn Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, tôi thích nhất bộ kinh này. Khi đó chúng tôi chưa thấy được cuốn hội tập kinh Vô Lượng Thọ, đó là vào thời xưa. Sau này Lý Bính Nam lão cư sỹ, đưa cho tôi cuốn hội tập, tôi đọc qua một lần, trong tâm hoan hỷ không gì sánh bằng. Cuốn lão cư sỹ đưa cho tôi, bản thân ông đã từng giảng qua một lần ở Đài Trung, ông dùng bút lông viết lên những lời chú giải, viết thành cuốn hội tập này, vô cùng quý giá. Mới đầu tôi giảng qua ba-bốn lần, giảng kinh Vô Lượng Thọ ba bốn lần đầu, cũng y theo cuốn chú bên lề của thầy Lý. Sau này gặp Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ, thầy đã tặng cho tôi cuốn chú giải, tôi đã tham khảo tài liệu này. Cho nên lần này nữa tổng cộng đã giảng mười lần, lần này giảng cuốn chú giải đó cho quý vị nghe. Tôi biết rất rõ, khi thầy viết cuốn chú giải này, thầy đang bị bệnh, hoàn thành cuốn chú giải này trong khi đang bị bệnh. Lần này chúng ta cùng nhau học tập cuốn Đại Kinh Giải Diển Nghĩa, tưởng nhớ đến lão cư sỹ, tình thương và ân đức của lão cư sỹ đối với chúng ta, vĩnh viễn không bao giờ ta quên. Hội tập của Hạ lão cư sỹ, Hoàng lão cư sỹ chú giải, nếu tôi không giảng kỹ cuốn chú giải này, tôi sẽ có lỗi với thầy ấy. Chúng ta phải nghiêm chỉnh học tập, đây là nguyên tắc chỉ đạo quan trọng nhất. Không học những bộ kinh khác được chẳng? Được ! Vì sao vậy? kinh Vô Lượng Thọ thông rồi, kinh Hoa Nghiêm sẽ thông. Lần này tôi giảng Đại Kinh Giải Diển Nghĩa, sau khi nghe giảng rõ rồi, quý vị xem cuốn Hoa Nghiêm Sớ Sao sẽ chẳng có vấn đề gì, tự nhiên hiểu được. Một kinh thông tất cả kinh thông, đây là bí quyết của Phật pháp. Vì sao thông được? Bởi vũ trụ với ta là một thể. Chẳng những thông tất cả Phật pháp, mà thông được tất cả tôn giáo khác . Vì sao vậy? Một thể mà! Tâm hiện thức biến, cho nên bất cứ tôn giáo nào, chỉ cần học tốt tôn giáo của mình, khi chưa thâm nhập thấy không giống những tôn giáo khác, sau khi thâm nhập rồi, mới biết được tất cả tôn giáo hoàn toàn tương đồng.

Có lần ở trường đại học Indonesia, tôi đến đó tham dự lễ tốt nghiệp, trường đại học Hồi giáo tặng cho tôi học vị tiến sỹ. Trong số sinh viên tốt nghiệp có người hỏi tôi một vấn đề. Cậu ta nói tôn giáo của chúng ta không giống nhau sao có thể đoàn kết được? Hình như ở Indonesia có 5 tôn giáo, tôi nói với cậu, tôi đưa bàn tay lên nói, anh

xem năm ngón tay này không giống nhau, năm tôn giáo không tương đồng, nếu anh nhất môn thâm nhập, nói anh thôi chứ không cần nói đến người khác, anh nhất môn thâm nhập, thâm nhập đến đây vẫn không giống nhau, thâm nhập đến chỗ này là giống nhau rồi, sẽ thông được hết.

Ở đoạn này quý vị cần nên biết, “nhất pháp viên mãn nhất thiết pháp chi công đức”, một cuốn kinh thánh Cựu Tân Ước của đạo Cơ Đốc, đó là một pháp, nó có viên mãn công đức của tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới chẳng? Đúng, nó viên mãn, một bộ kinh Vô Lượng Thọ này cũng viên mãn, pháp pháp đều viên mãn, không có pháp nào chẳng viên mãn, đây gọi là viên minh cụ đức. Lời đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói chúng ta phải tin. Pháp này bất luận là tà pháp hay chánh pháp, chỉ cần thông đến tánh thì tất cả đều thông. Chủ nghĩa Mã Khắc Tư có thể thông được nên văn hóa truyền thống xưa chẳng? Có thể thông được tất cả kinh điển của các tôn giáo trên thế giới chẳng? Chắc chắn được. Chỉ do ta không đến được cảnh giới thấy tánh, pháp pháp đều do tự tánh hiện ra, pháp pháp đều có thể thấy tánh, chẳng có pháp nào là không thấy tánh. Trong tự tánh không có nhiễm tịnh, không có thiện ác, cũng có nghĩa là không có đối lập, hoàn toàn hài hòa. Nếu lâu thông kinh điển đại thừa rồi, điều này rất lợi ích, nếu không thông thì chẳng được lợi ích. Vẫn còn hoài nghi, phân biệt, chấp trước, thì được lợi ích rất ít ỏi, nhưng sự ít ỏi đó cũng là điều quý vị đã thật sự đạt được, cao hơn người thường rồi, điều quan trọng là phải thông, phải đạt, phải thông đến chỗ cùng, sau đó mới có thể xuyên suốt tất cả pháp. Công đức của tất cả pháp ở trong một pháp, một pháp ở đây nghĩa là bất cứ pháp nào, chứ không phải riêng một pháp đặc thù nào cả, bất cứ pháp nào cũng như vậy. Hiểu được đạo lý này rồi, đối với người nào chúng ta cũng phải tôn trọng, giống như đối với đức Phật vậy, đối với tôn giáo nào cũng phải tôn trọng, giống như chúng ta đối với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đối với kinh điển nào cũng phải tôn trọng, không hoài nghi, không phân biệt, không chấp trước, không đối lập. Trong kinh đức Phật dạy: ngày ngày là ngày tốt, thời thời là thời hay. Hơn 30 năm về trước, tôi thêm vào đó hai câu: người người là người tốt, việc việc là việc lành. Đây là sự thật không giả dối đâu. Vì sao? Một pháp có đầy đủ công đức của tất cả pháp, cũng có nghĩa là một người có đầy đủ công đức của tất cả mọi người, một người có đầy đủ công đức của tất cả chúng sanh. Phạm vi này lớn quá! Hoàn toàn ở chỗ dụng tâm không giống nhau. Tông biết rồi, vẫn còn bồn.

“Dĩ thập niệm tất sanh nguyện”, nguyện ở đây là gì? Trong 48 nguyện, nguyện mười niệm tất sanh là nguyện thứ 18. Nguyện thứ 18 là căn bản đại nguyện của đức Phật A Di Đà. Vĩnh sanh không khó! Mười niệm là thế nào? Khi lâm mạng chung, tuy một đời chưa từng niệm Phật, chưa từng gặp Phật pháp, đến khi lâm mạng chung gặp

bạn lành nói cho biết, có một thế giới tây phương cực lạc và đức Phật A Di Đà, chỉ cần niệm mười tiếng là có thể được vãng sanh.

Khi sống ở Mỹ tôi gặp một người như vậy, ở Hoa Thịnh Đốn DC, có vị cư sỹ họ Châu, mở tiệm bánh bao ở đó, bị bệnh ung thư, khi bị nặng, anh ta đau đớn vô cùng, không còn cách nào, gia đình đến cầu Phật, ở đó có hội Phật giáo, họ đến hội Phật giáo của chúng tôi, các bạn trong hội Phật giáo đến thăm anh ta, khuyên anh ta niệm Phật, người này có thiện căn, nghe là tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận, nói với người trong nhà, nói với vợ con, đừng tìm bác sỹ nữa, cũng đừng mong anh ta khỏi bệnh, mà mọi người hãy niệm Phật, trợ niệm giúp anh ta vãng sanh. Khi niệm Phật, anh ta cảm thấy không đau, đau khổ biến mất, được ba ngày thì anh ta vãng sanh, hiện ra điềm lành, khi thiêu để lại xá lợi. Thật sự đây là đại nguyện mười niệm tất sanh, không hề giả dối.

Niệm Phật thật sự vãng sanh về thế giới tây phương cực lạc, sanh về thế giới tây phương cực lạc là làm Phật rồi. Lợi ích thứ nhất khi về tây phương cực lạc là thọ mạng vô lượng, nơi đó là môi trường tu tập tốt nhất, đức Phật A Di Đà đích thân dạy dỗ, mười phương chư Phật đều giúp cho quý vị. Về thế giới đó, có năng lực phân ra vô lượng vô biên thân, đồng thời đi tham vấn mười phương sát độ vô lượng vô biên chư Phật. Đi cúng dường Phật, cúng Phật là tu phước, đi nghe kinh, nghe kinh là tu huệ. Tu một ngày ở thế giới tây phương cực lạc, dùng một ức năm ở thế giới của chúng ta cũng không thể so sánh được. Chúng ta tu một ức năm ở đây, không bằng tu một ngày ở thế giới tây phương cực lạc. Điều này phải hiểu! Đây là chân tướng sự thật. Hiểu rõ rồi, quý vị sẽ không còn lưu luyến gì thế giới này nữa, lưu luyến thế giới này là sai rồi. Muốn trở lại thế giới này, về thế giới cực lạc rồi quay trở lại, trở lại với địa vị Phật chứ không phải là phàm phu nữa. Cho nên nhất định phải nắm bắt cơ hội này, không nắm bắt thì quả là đáng tiếc.

“Chuyên trọng trì danh niệm Phật danh cụ vạn đức”. Một câu Phật hiệu, bốn chữ A Di Đà Phật này là một pháp, một pháp này cũng viên mãn công đức của tất cả pháp. Đạo Phật nói 8 vạn 4000 pháp môn, vô lượng pháp môn, công đức của vô lượng pháp môn đều ở trong bốn chữ này. Ai biết? Phật biết, pháp thân Bồ Tát biết, người khác thì không biết được. Nếu chúng ta không học Kinh Hoa Nghiêm thì làm sao biết được? Nếu không học Thập Huyền Môn thì làm sao biết được? Từ đó chúng ta mới hoát nhiên đại ngộ. Cho nên một câu Phật hiệu này, viên mãn đầy đủ công đức của tất cả pháp.

“Cử thể thị Hoa Nghiêm huyền môn viên minh cụ đức chi nghĩa”. Không hề sai tí nào.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta chỉ học đến đây, ngày mai học tiếp đoạn này.

HẾT TẬP 62

Tập 63

Chuyển ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 20 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi tám, hàng thứ hai đếm từ dưới lên, bắt đầu xem từ câu giữa.

Kinh trung Tam Bối Cửu Vãng Sanh Phẩm vân, nãi chí hoạch đắc nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm u bỉ Phật, thử nhân lâm mạng chung thời, như tại mộng trung kiến A Di Đà Phật, định sanh bỉ quốc, đắc bất thoái chuyển vô thượng bồ đề. Thử minh tịnh tâm niệm Phật nhất thanh chi vô lượng bất khả tư nghị công đức. Chúng ta học đến đoạn này.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Hoa Tạng Thế Giới và phẩm Thế Giới Thành Trụ, phân lượng cũng rất khả quan, nói về vũ trụ. Vũ trụ xuất hiện như thế nào, trước đây có nói qua. Vũ trụ vô cùng rộng lớn, đúng như lời người xưa nói: “lớn không gì lớn hơn”, lớn đến mức độ nào? Không tìm thấy biên tế, nghĩa là không có biên tế. “Nhỏ không gì nhỏ bằng”, trong một vi trần, khoa học ngày nay gọi vi trần là lap tử, lap tử cơ bản. Ý nghĩa lap tử cơ bản, theo sự tiến bộ của khoa học nên thường xuyên sửa đổi. Nửa thế kỷ trước, cho rằng lap tử cơ bản là nhỏ nhất, nhưng sau này phát hiện nó còn có thể phân ra được. Đạo Phật nói cực vi chi vi, nghĩa là không thể phân ra được nữa, đây là cảnh giới tuyệt đối, không thể phân ra được nữa, đương nhiên nhục nhãn của chúng ta không thể thấy được. Trong một vật chất nhỏ như vậy, trong kinh gọi là nhất trần, trong nhất trần này còn có thế giới. Ngày nay thấy khoa học kỹ nghệ, một cái thẻ nhớ, chỉ nhỏ bằng móng tay thôi, trong đó dung chứa biết bao tài liệu, chúng ta cảm thấy vô cùng kinh ngạc, không biết rằng trong một vi trần, dung chứa thông tin cả một vũ trụ này, trong đó có cả một vũ trụ, không tăng không giảm. Khoa học ngày nay gọi là thế giới vi quan, lượng tử lực học, gọi đại vũ trụ là hồng quan thế giới. Đạo Phật nói hồng quan và vi quan là một chẳng phải hai. Tất cả quốc độ của chư Phật trong vũ trụ, ngày nay gọi là tinh cầu, tinh hệ, vô lượng vô biên, vô tận vô số. Sao đức Phật biết được? khoa học không ngoài việc trước dùng số học để suy đoán, sau đó dùng dụng cụ khoa học quan sát phát hiện.

Nếu căn cứ theo lịch sử TQ ghi chép, đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập niết bàn cho đến ngày nay là 3037 năm, nhưng người ngoại quốc chỉ thừa nhận là 2554 năm, sự khác biệt rất lớn, cách nhau gần 500 năm, những việc này chúng ta không cần phải khảo sát, không sao cả, vì sao vậy? Bởi thời gian vốn không có thật, không gian cũng không có thật, thời gian và không gian là một khái niệm trừu tượng, chắc chắn không phải là sự thật. Trước đây chúng ta học qua chương này, thập thế cổ kim. Trường kiếp có thể biến thành một niệm, một niệm triển khai ra có thể biến thành vô lượng kiếp, nghĩa là nói về thời gian có thể kéo dài ra, có thể rút ngắn lại, điều này khoa học ngày nay vẫn chưa làm được. Phật pháp ứng dụng linh hoạt như thế, dùng cái gì? Dùng ý niệm, chính là ý thức, công năng của ý thức rất lớn, đối ngoại duyên đến vũ trụ, đối nội duyên đến A Lại Da, ngày nay gọi là lập tử, có thể duyên đến lập tử, nhưng không duyên đến được tự tánh, không duyên đến được bản tánh. Vì sao? Nếu thật sự muốn thấy bản tánh, bắt buộc phải buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, thì sẽ thấy được, như thế mới thấy được chân tướng sự thật. Nếu quý vị hỏi khắp vũ trụ này, bất luận là hồng quan hay vi quan, sao ngài thấy được rõ như vậy? Ngài đã thấy được. Sao thấy được? Thấy được trong thiên định. Thiên định như thế nào? Là tự tánh bản định. Thông thường tu học công phu thiên định chưa đủ, chưa có năng lực cao như vậy, chỉ có thể thấy được trạng thái như khoa học ngày nay đã thấy, đã là giỏi lắm rồi. Nếu thấy tánh, thấy được tự tánh, bắt buộc phải dùng nội công, chứ không thể dùng bên ngoài, gọi là công phu thiên định, công phu thiên định đến chỗ cuối cùng là quay trở về tự tánh. Khi Lục Tổ Huệ Năng thấy tánh nói, “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, đó chính là tự tánh bản định. Đến khi đó thì sẽ thấy được tất cả. Thế giới đó, bất luận là hồng quan hay vi quan, chúng ta chẳng thể không biết. Vì sao? Tất cả đều là môi trường chúng ta sinh sống. Đức Phật nói về những vũ trụ này, trong những đời quá khứ ta đã từng sống ở nơi đó, tương lai thì sao? Tương lai cũng có khả năng về đó ở nữa, quý vị chẳng thể không biết. Đó là nguyên nhân vì sao đức Phật nói cho chúng ta biết. Thật sự có cơ hội. Nếu bản thân ta tu thiên định, quý vị nên biết, tu thiên định là tổng khái niệm trong Phật pháp. Đạo Phật nói 84000 pháp môn, vô lượng pháp môn. Pháp là phương pháp, môn là cửa. Phương pháp này tu điều gì? Điều là tu thiên định, nhất định quý vị phải hiểu rõ, chẳng phải chỉ có thiên tông tu thiên định đâu, nghĩ như vậy là sai, chỉ cần là Phật pháp thì tất cả đều là thiên định, sử dụng phương pháp không giống nhau. Ngày nay chúng ta dùng phương pháp gì? Chúng ta dùng phương pháp trì danh niệm Phật để tu thiên định, phương pháp bất đồng nhưng thiên định đạt được thì như nhau, là một việc thôi.

Trên đề kinh của bốn kinh này, thiên định có ba bậc, thứ nhất là thanh tịnh, thiên định là tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh chắc chắn không bị nhiễm ô, đây là thiên

định thứ nhất. Thứ hai nghĩa là công phu cao hơn một chút, tâm bình đẳng, Bồ Tát đạt được, A La Hán đạt được tâm thanh tịnh. Cao nhất là chánh giác, đây là cảnh giới đức Phật đạt được, là thiên định cứu cánh viên mãn. Chúng ta dùng phương pháp niệm Phật, niệm Phật nhất định phải buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, thì công phu niệm Phật mới thành tựu. Ngày nay chúng ta niệm Phật A Di Đà, niệm Phật A Di Đà trong đây có hai ý nghĩa, thứ nhất là công phu của chính mình, thứ hai là sự gia trì của đức Phật, đức Phật A Di Đà đến giúp. Thật sự có đức Phật A Di Đà, thế giới cực lạc quả thật là một tinh hệ rất lớn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta, ở phương tây thế giới này, không phải phương tây của quả địa cầu, đây là một thế giới lớn, thế giới Ta Bà là một thế giới lớn, nếu dùng hệ ngân hà để miêu tả, thế giới này có bao nhiêu hệ ngân hà? Có mười vạn ức, thế giới này có mười vạn ức hệ ngân hà, đây là khu vực giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, gọi nơi này là thế giới Ta Bà, ở phương tây của thế giới này, cách thế giới này bao xa? Cách mười vạn ức cõi nước Phật, cách mười vạn ức thế giới lớn như thế giới này, bên kia là thế giới Cực Lạc. Khoảng cách này quá xa, nhưng nếu quý vị muốn đi, chỉ cần một niệm là đến ngay. Vì sao? Trong kinh Hoa Nghiêm, trong Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, bài luận này cho chúng ta biết, tự tánh có ba đức năng thù thắng không gì sánh bằng.

Thứ nhất là ý niệm, khởi tâm động niệm là ý niệm, vừa khởi ý niệm làn sóng của nó lập tức chu biến pháp giới, giống như ngày nay nói tín hiệu phóng xạ vậy. Biến pháp giới hư không giới, Đoạn trước nói bất luận là thế giới hồng quan hay thế giới vi quan, đều nhận được hết, vừa khởi lên một niệm là nhận được hết. Hiểu được chân tướng sự thật này rồi, ý niệm của chúng ta, bất luận là thiện hay ác, bất luận là vô tình hay cố ý, hiện tượng dao động chu biến là giống nhau, đều chu biến pháp giới.

Thứ hai nó có thể đồng thời phát sinh, xuất sanh vô tận, xuất sanh ở đây có nghĩa là biến hóa, cho nên một ý niệm, chẳng những thân tâm mình khởi lên biến hóa, mà khắp vũ trụ đều khởi lên biến hóa. Biến hóa vô cùng vi tế, có khi tự thân nhận biết được, có khi không nhận biết được. Bất luận là đối với mình hay đối với cảnh, trên địa cầu ngày nay có nhiều thiên tai. Từ đâu mà có? Từ ý niệm. Các nhà khoa học ngày nay rất hứng thú với vấn đề này, họ đang nghiên cứu, thật sự hiểu rõ rồi, giúp ích rất nhiều cho việc chữa trị bệnh tật, mở ra một cơ duyên mới, có thể không cần dùng thuốc, mà có thể chữa trị được tất cả mọi căn bệnh. Đối với thế giới bên ngoài, chẳng những chữa được một số biến hóa của địa cầu, thậm chí những hành tinh vận hành trong không trung, đôi khi quy đạo của nó lệch một chút, ý niệm có thể giúp cho nó trở lại bình thường. Đây là sự thật, sức mạnh này từ đâu mà có? Đây là bản năng sẵn có

của chính mình, chứ chẳng phải từ bên ngoài tới. Ngày nay sức mạnh của chúng ta bị biến mất, vì sao bị mất? bởi mê thất tự tánh. Chư Phật Bồ Tát giác ngộ, chúng ta thì mê, ta và chư Phật Bồ Tát chẳng hề khác nhau, giống nhau, nhưng các ngài giác mà không mê, còn chúng ta thì mê mà không giác, vấn đề là ở chỗ này. Mục đích giáo hóa của đạo Phật là gì? Mục đích là giúp cho chúng sanh phá mê khai ngộ, mỗi ngày học tập từ từ sẽ khai ngộ. Khai ngộ rồi mới có thể làm chủ bản thân mình ở thế gian này, mới được tự tại, tất cả mọi vấn đề không phải người khác giải quyết cho mình, mà chính mình phải giải quyết. Cho nên giữa đức Phật và chúng ta là quan hệ thầy trò, ngài là thầy giáo. Ngài dạy cho ta biết chân tướng sự thật này, làm cách nào để giải quyết những chân tướng sự thật này, có lợi nhất đối với ta, đây là việc làm của chính mình, chứ không phải việc làm của đức Phật. Những điều này cần phải biết.

Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh của bốn kinh, đạo Phật gọi là phẩm, người xưa gọi là thiên, là chương, một thiên, một chương văn, đạo Phật gọi là phẩm, có nghĩa giống như thiên và chương vậy, nghĩa là trong thiên này hoặc trong chương này. “Nãi chí hoạch đắc nhất niệm tịnh tâm”, then chốt ở chỗ tịnh tâm, tâm quý vị có thanh tịnh hay không? Trong tâm có tạp niệm thì không được. Tâm tạp niệm, năng lượng của nó vô cùng yếu ớt, năng lượng của tâm thanh tịnh rất mạnh. Tu niệm Phật là tu cái gì? Tu tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh vốn sẵn có, tâm vốn thanh tịnh. Quan sát kỹ, thấy tâm của đứa trẻ rất thanh tịnh, quý vị xem đứa trẻ ra đời, chưa biết đi, chưa biết nói, tâm của nó thanh tịnh, càng lớn càng bị nhiễm ô nhiều, đến lúc thành niên thì tâm rối loạn hết, cho nên năng lực của nó vô cùng yếu ớt. Đứa trẻ, nó thấy được những thứ mà ta không thấy. Quan sát kỹ sẽ thấy, nó nằm ngủ trong nôi, nhìn cử chỉ của nó động đậy, miệng mỉm cười, vì sao vậy? Bởi nó nhìn thấy nhiều thứ. Nếu tâm chúng ta thanh tịnh, thanh tịnh như tâm đứa trẻ, ta sẽ thấy được những thứ mà người thường không thấy, ngày nay người ta gọi là công năng đặc biệt, có gì đặc biệt đâu? đó là bản năng của mình mà, không hề kỳ lạ tí nào. Cho nên tu học Phật pháp, không ngoài việc huấn luyện mình trở về tự tánh, khiến cho bản năng của mình thức tỉnh dậy, phục hồi trở lại đại dụng của nó, đại năng đại dụng. Đạo lý ở chỗ này!

Chư Phật Bồ Tát đều là những người thật sự giác ngộ, thấy chúng sanh trên thế gian này, trong kinh có câu: “người đáng thương”, mê hoặc điên đảo, làm những điều ngu xuẩn, phải chịu khổ hàm oan, đứng ra không phải khổ. Điều này phải nên biết.

Tu học theo tông tịnh độ, một niệm tịnh tâm là then chốt. Nếu tâm thật sự thanh tịnh, tâm thanh tịnh không gì khác ngoài việc buông bỏ, buông bỏ điều gì? Cái gì cũng phải buông bỏ. Vì sao? Bởi thế gian này là giả chẳng phải chân. Tất cả những hiện tượng này, quý vị phải thật sự hiểu rõ. Các nhà khoa học lượng tử thời cận đại cho biết,

hiện tượng vật chất không có thật. Trong kinh đức Phật dạy: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, Kinh Kim Cang quý vị học thuộc rồi, “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Hữu vi pháp có nghĩa là, những thứ thay đổi được gọi là hữu vi pháp, con người sẽ thay đổi, thay đổi trong từng sát na, sanh lão bệnh tử, động vật cũng có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật có thành trụ hoại không, có pháp nào chẳng phải là hữu vi pháp? Tất cả đều là hữu vi pháp, phàm là hữu vi pháp đều không có thật. Đức Phật dùng bốn chữ để miêu tả: “mộng huyễn bào ảnh”, mầu mộng, mọi người đều có kinh nghiệm nằm mộng, cảnh giới trong mộng hiện ra giống như thật, sau khi tỉnh dậy thì không thấy gì hết. Ngày nào ta tỉnh, tỉnh ở đây có nghĩa là gì? Là chánh giác, là tâm thanh tịnh trên đề kinh này, tâm thanh tịnh hiện tiền thì thế giới này không có nữa, cũng giống như tỉnh mộng vậy. Thế giới này là gì? Là luân hồi lục đạo, không còn lục đạo luân hồi nữa, nói cho ta biết đây là giả không có thật. Nếu không tỉnh dậy, ở trong mộng thật sự phải chịu tội, thật sự cảm nhận phải chịu khổ, sau khi tỉnh dậy mới biết “giác hậu không không vô đại thiên”. Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư nói rất hay: “mộng lý minh minh hữu lục thú”, có luân hồi lục đạo, “giác hậu không không vô đại thiên”, đây là cảnh giới gì? Cảnh giới của A La Hán, không cao lắm. Bồ Tát muốn giác ngộ, buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt, pháp giới Tứ Thánh cũng không còn, ngoài lục đạo còn có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cũng không có thật. Buông bỏ hết bốn thứ này, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, phải buông bỏ hết. Tập khí vô tử vô sinh chưa đoạn, lúc này xuất hiện một cảnh giới gọi là nhất chân pháp giới. Trong vũ trụ nhất chân pháp giới nhiều không thể đếm hết, chúng ta tu tập đến một trình độ nào, sẽ tương ứng với một tinh cầu đó, nơi nào có duyên, quý vị sẽ đến nơi đó, sống ở đó bao lâu không nhất định. Thời gian trên địa cầu này rất ngắn, thọ mạng của con người không quá 100 tuổi, 100 tuổi rất ngắn. Một số thế giới khác nếu dùng thời gian của chúng ta để tính, có đến mấy ngàn, mấy vạn tuổi, thậm chí trăm vạn tuổi cũng có. Cho nên chân tướng sự thật của nhân sinh vũ trụ, trong giáo pháp đại thừa nói rất nhiều.

Chúng ta dùng phương pháp quay trở về tự tánh, dùng phương pháp trì danh niệm Phật, bốn chữ A Di Đà Phật, bốn chữ này là tánh đức, là danh hiệu của tự tánh. A Di Đà Phật là tiếng Phạn, dịch thành tiếng Hán, dịch được chứ chẳng phải không dịch được. A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. A Di Đà Phật có nghĩa là gì? Là Vô Lượng Giác, cũng có nghĩa là, chẳng có điều gì không giác, thật sự giác ngộ một cách viên mãn, có nghĩa là như vậy. Giác ngộ viên mãn là tự tánh của chính mình, chứ chẳng phải điều gì khác, là chính mình. Thật sự thế giới tây phương cực lạc có một người như vậy, vị này đã trở về tự tánh, chứng được Vô Lượng Giác. Ngài giúp cho ta, mong ta cũng chứng được như ngài, ngài giúp chúng ta. Cho nên niệm Phật A Di Đà là

ngĩ nhớ đến ngài, cũng là ngĩ nhớ đến chính mình, mình và người không hai, mình và người là một thể, trước đây đã nói đến rất nhiều, thật sự là một thể. Khi niệm Phật không được có tâm phân biệt, nếu phân biệt Phật của người Phật của mình thì phiền phức lắm, phá hoại tâm thanh tịnh niệm Phật của mình. Trong tâm thanh tịnh lấy đâu ra mình và người? Có mình và người khiến tâm thanh tịnh bị nhiễm ô, không còn thanh tịnh nữa. Khi niệm Phật không có ý niệm mình và người, như vậy là thật sự biết niệm, thì khi niệm mới có cảm ứng. Niệm Phật có mình có người vẫn còn hơn không niệm, nhưng năng lượng đó rất yếu, cho nên niệm lâu ngày mà không có cảm ứng, đạo lý ở chỗ này. Đến khi nào mới đạt được nhất niệm tịnh tâm?

Học Phật phải học từ đâu? Quan trọng ở cội rễ, chẳng thể không có cội rễ! Rễ là gì? Rễ là giới luật. Ngày nay Phật giáo suy thoái, suy thoái đến mức như không có, quý vị ngĩ xem có đáng thương chẳng! Người Phật tử tại gia không thực hành được Thập Thiện Nghiệp, người xuất gia không thực hành được Sa Di Luật Nghi. Thập Thiện Nghiệp Đạo và Sa Di Luật Nghi, là nền tảng của giới luật, không làm được điều này thì chẳng có những thứ khác, giống như rễ của cây đại thụ, rễ không có lấy đâu ra thân cây? Lấy đâu ra cành lá? Chúng ta thấy ngày xưa, người tu hành đời này sang đời khác, bất luật tại gia hay xuất gia đều thật sự thành tựu. Ngày nay không thấy những sự thành tựu này nữa. Chúng ta quan sát và suy ngĩ kỹ, họ không có cội rễ, cội rễ ngày xưa, từ nhỏ đã vun trồng. Nếu thật sự hiểu được nền văn hóa truyền thống ngày xưa, sẽ biết được, trên thế giới không tìm thấy nền văn minh cổ thứ hai.

Người xưa hiểu về nền giáo dục, mấy ngàn năm lịch sử không gì khác ngoài việc giáo dục. Làm tốt việc giáo dục này rồi, thì tất cả mọi vấn đề đều giải quyết được. Nghĩa là dạy người ta nên người, ai ai cũng là người tốt, chế độ nào cũng chẳng sao, chế độ không tốt nhưng người tốt vẫn làm việc tốt, chế độ tốt nhưng người không tốt vẫn có tệ nạn. Phương pháp dạy của người xưa như thế nào? Dạy từ khi người mẹ mang thai, gọi là thai giáo, trên thế giới không có.

Người phương tây dùng thuật thối miên, thối miên một người bảo họ trở lại, trở lại thời còn nhỏ, bấy giờ ba tuổi, hai tuổi, một tuổi, ở trong tử cung của người mẹ như thế nào, bảo họ nói ra, họ đều nói được. Như thế mới phát hiện ra, thai nhi trong bụng mẹ đã có tri giác, có cảm thọ rồi, chẳng phải nó không biết gì, nó biết hết, đầu óc vô cùng tinh táo. Tư tưởng và động tác của người mẹ, ảnh hưởng đến thai nhi, nó cảm nhận được, cho nên người xưa nói bắt đầu từ thai giáo. Đứa trẻ chào đời, người thầy đầu tiên của nó là ai? Là người mẹ, người mẹ dạy điều gì? Dạy Đệ Tử Quy, không phải dạy đứa trẻ học, mà người mẹ thực hành Đệ Tử Quy cho đứa bé xem. Đứa trẻ chào đời, mở mắt ra, vênh lỗ tai lên, nó biết nhìn, biết nghe, nó bắt đầu học đấy. Cho nên trong

1000 ngày từ khi chào đời đến năm lên ba tuổi, gọi là cội rễ giáo dục, mầm mống được gieo xuống như vậy đấy. 3 tuổi 1000 ngày này, phàm những điều không đúng không được cho nó thấy, không được để nó nhìn thấy, nghe thấy, những điều tà ác đều không thể được, không được để nó tiếp xúc. Người mẹ phải trông coi kỹ, những điều nó nhìn thấy, nghe thấy đều là chánh, đều là thuần chánh, nó được nuôi dưỡng trưởng thành như vậy. Ngạn ngữ TQ có câu: “tam tuế khán bát niên”, sự giáo dục trong ba tuổi này đến 80 tuổi cũng không thay đổi, nền tảng đó thâm sâu và ổn định biết bao. Năm lên 6 lên 7 bắt đầu đi học, học trường tư thục, thầy giáo làm gương cho nó xem. Cha mẹ làm được, thầy giáo làm được, lòng tin của nó kiên cố, chẳng những thầy giáo thực hành cho nó thấy, mà đem đạo lý vì sao phải làm như vậy giảng giải cho nó nghe, từ từ nó sẽ hiểu được, đây là cội rễ giáo dục, ngày nay không còn nữa. Quý vị nghĩ thử xem, cội rễ giáo dục này bị mất ít nhất cũng một trăm năm, một thế kỷ rồi, từ bốn đến năm đời rồi. Bây giờ muốn phục hồi trở lại chắc chắn khó khăn, nhưng phục hồi được chứ chẳng phải không được, tình tiết của nền văn hóa truyền thống rất sâu. Ngày xưa ở Thang Trì chúng tôi làm chưa đến một năm, hiệu quả rõ ràng, điều này chứng minh, tình tiết nền văn hóa truyền thống rất sâu, con người có tâm lành, chỉ do không có người dạy họ, không ai hướng dẫn cho họ, vừa dạy vừa hướng dẫn, lập tức phục hồi trở lại được ngay. Cứu được xã hội ngày nay, hóa giải nguy cơ xung đột, thật sự phải nương vào nền văn hóa truyền thống xưa, cũng có nghĩa là nương vào nền giáo dục cội rễ. Giáo dục cội rễ có ba điều, quý vị cần nên biết, Đệ Tử Quy của đạo Nho, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của nhà Đạo, Thập Thiện Nghiệp Đạo của nhà Phật. Ba cuốn sách này đều rất mỏng, văn tự không nhiều, nhưng là nền giáo dục cội rễ, cho nên không có nền tảng này, thì chẳng có cách nào trì giới. Người Phật tử tại gia không thực hành được Thập Thiện Nghiệp Đạo, đã giảng qua kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, giảng rất kỹ, nhưng không hành được, vì sao? Bởi không có Đệ Tử Quy, không có Cảm Ứng Thiên. Nếu có Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên, thì Thập Thiện Nghiệp Đạo rất thông thạo, làm được dễ như trở bàn tay, nguyên nhân ở chỗ này. Chúng ta không thể trách bất cứ ai, người nào cũng không có lỗi, làm việc xấu cách mấy, cũng không thể nói họ có lỗi, bởi họ không học, không học mà bắt tội họ, đây là việc làm không có đạo đức, cho nên phải tha thứ cho họ.

Người xuất gia không thực hành được Sa Di Luật Nghi đó là điều đương nhiên, Thích, Đạo, Nho cũng không ngoại lệ. Nền tảng của Thích Đạo Nho chỉ là một, là một điều gì? Chính là hiếu, có thể dùng một chữ để nói lên nền văn hóa xưa, gọi là văn hóa hiếu, trên thế giới không có. Chữ hiếu có nghĩa là gì? Chữ hiếu biểu thị nhân sinh vũ trụ với mình là một thể, văn tự là phù hiệu, văn tự xưa là phù hiệu của trí huệ. Quý vị xem chữ hiếu, bên trên là chữ lão, bên dưới là chữ tử, hợp lại thành đời trước và đời

sau, đời trước còn đời trước nữa, đời sau còn đời sau nữa, là một thể, nó là chữ hội ý. Hiểu được ý nghĩa của chữ này, quá khứ vị lai hiện tại là một thể, chiều ngang, mười phương thế giới là một thể, đạo Phật nói, “thụ cùng tam tế, hoành biến mười phương”, là một tự thể, cho nên con người và con người phải thương yêu nhau. Người kia hại ta, nhục mạ ta, hãm hại ta, ta đối với họ như thế nào? Ta phải thương yêu họ. Vì sao? Bởi họ mê hoặc, không biết mình là một thể, ta biết ta và họ là một thể, ta hận họ được sao? Ta trả thù họ được chăng? Sai, sai lầm trầm trọng! Lưỡi và răng là một thể, răng cắn vào lưỡi, lưỡi có hận răng không? Lưỡi có cần trả thù răng không? Không, vì sao? Bởi nó biết là một thể, cho nên giác và mê không giống nhau.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu hạnh nhẫn nhục, bị vua Ca Lợi cắt thân, quý vị nghĩ xem nỗi sỉ nhục này lớn biết bao? Là một việc tổn thương và đau khổ biết bao? Vị tiên nhẫn nhục này có hận vua Ca Lợi chăng? Không có, không hề oán hận, mà còn nói cho vua biết, tương lai thành Phật, sẽ độ vua đầu tiên. Vị tiên này nói là giữ lời, sau này thành Phật, chính là đức Phật Thích Ca Mâu Ni, còn vua Ca Lợi là ai? Là tôn giả Kiều Trần Như. Trong số học trò được đức Phật giáo hóa, người thành tựu đầu tiên, chứng được quả vị A La Hán là Kiều Trần Như, chính là vua Ca Lợi năm xưa, không hề oán hận. Vì sao? Vì là một thể, còn thân hơn người trong một gia đình nữa. “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”, tình thương này được phát xuất từ đây, từ trong chân tâm, trong tự tánh lưu xuất ra, chứ chẳng phải học được ở đâu, mà từ tự tánh lưu xuất ra, điều này cần nên biết.

Mấy câu này nói cho ta biết, dùng tâm gì để niệm Phật, hiểu được đạo lý này rồi, dùng tâm gì để sinh hoạt, dùng tâm gì để làm việc, dùng tâm gì để tiếp nhân xử thế. Ở thế gian này cùng với chư Phật Bồ Tát không khác, thật sự là đang học Phật. Dùng tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh là tình thương chân thật, chân từ bi, nếu còn phân biệt còn chấp trước, còn mình và người thì không được, đó là mê hoặc, chứ không phải giác ngộ, nếu giác ngộ thì giới hạn này không còn nữa.

Muốn về thế giới cực lạc, trên thực tế rất đơn giản, nghĩa là dùng tâm thanh tịnh niệm Phật, người này khi lâm mạng chung, như trong mộng thấy đức Phật A Di Đà chắc chắn được vãng sanh. Về thế giới tây phương cực lạc chứng được bất thoái vô thượng bồ đề. Bất thoái vô thượng bồ đề ở đây, giống như đức Phật A Di Đà đã chứng được, như người ta thường nói, về thế giới cực lạc thành Phật, đây là sự thật không giả dối đâu. Thông thường cửa ải đầu tiên khó phá nhất, cửa ải đầu tiên là tâm thanh tịnh, đạt được tâm thanh tịnh rồi, bình đẳng giác phía sau sẽ không khó nữa, cửa ải đầu tiên khó nhất. Vì sao? Vì phải phá ngã chấp, không còn chấp trước thân này là ta, cái gì là ta? Vũ trụ này là ta, phải khẳng định điều này, vũ trụ này là ta. Người xưa có câu:

“nhân giả vô địch”, người nhân từ không có địch, vô địch nghĩa là sao? Nghĩa là không có đối lập. Nếu có đối lập với người, thì chẳng phải là người nhân từ, nếu đối lập với công việc, đối lập với tất cả pháp, đều không phải là người nhân từ, nhân từ không có đối lập. Mới bắt đầu học Phật là phải học điều này, học không đối lập với người, phải phá vỡ quan niệm sai lầm này.

Ngày xưa tôi đã tham dự mười mấy lần, hội nghị quốc tế hòa bình, chủ đề của hội nghị này, là hóa giải xung đột hướng đến xã hội an định thế giới hòa bình. Hơn ba mươi năm về trước, bắt đầu từ năm 1970, liên hiệp quốc khai mở hội nghị này. Thế giới càng mở càng loạn, ngay cả những người tham dự hội nghị cũng không có niềm tin. Nguyên nhân gì? Không buông bỏ đối lập. Tôi có cơ duyên tham dự hội nghị này, chúng tôi hiểu, bởi đức Phật dạy phá vỡ năm loại kiến hoặc, thứ nhất là thân kiến, thứ hai là biên kiến, biên kiến là đối lập, là nhị biên, nhị biên là sai lầm, không có nhị biên, lấy đâu ra nhị biên? Vấn đề của bản thân không giải quyết được, mâu thuẫn của bản thân không giải quyết được, làm sao có thể giúp cho người khác giải quyết mâu thuẫn. Năm đó trường đại học Cách Lý Phi Tư đến tìm tôi, cùng giáo thọ trong học viện Hòa Bình, mở hai cuộc hội đàm, tôi đem phương pháp trong đạo Phật nói cho mọi người nghe, mọi người được nghe điều chưa từng nghe. Xung đột ở đâu? Nguồn gốc xung đột ở ngay tự thân. Người học Phật hiểu được, vừa nói là biết ngay, bản tánh và tập tánh xung đột, bản tánh là bản thiện, tập tánh là bất thiện, thiện và bất thiện, đây là sự việc của chính bản thân mình, chứ không phải bên ngoài. Vấn đề này không được giải quyết, thì không thể giải quyết những vấn đề bên ngoài. Nhưng người phương tây rất khó hiểu, họ không hiểu được thế nào là bản tánh, tập tánh. Chúng tôi chỉ còn cách đưa ra ví dụ, ví dụ lợi ích trước mắt, lợi ích trước mắt, quý vị nghĩ đến lợi cho mình, hay nghĩ đến lợi cho người, mọi người đều nói, dĩ nhiên là nghĩ đến lợi cho mình rồi. Tôi nói xung đột khởi lên rồi đây, tôi muốn lợi ích cho tôi, anh muốn lợi ích cho anh, chẳng phải khởi lên xung đột rồi sao? Làm sao có thể hóa giải xung đột này? Phải làm thế nào? Suy nghĩ ngược lại, lợi trước mắt, đầu tiên phải nghĩ đến người, ai ai cũng muốn lợi cho người khác, chẳng phải vấn đề được giải quyết rồi sao?

Khi đó tổng thống Mỹ là Bó Thí, mỗi khi diễn thuyết, vừa mở lời là ông ấy nói lợi ích đối với nước Mỹ, chứ không hề nghĩ đến lợi ích cho nước khác, đó là tự tạo xung đột, làm gì có chuyện hóa giải xung đột? Tôi từng gặp ông ấy và cũng khuyên ông ta, ông cũng không tôi, ông đã nghe lời, nhưng không làm được, trong đó nhân tố rất nhiều, rất phức tạp, chúng ta cũng có thể lý giải được.

Niệm Phật chắc chắn được vãng sanh về tịnh độ, sanh về tịnh độ có nghĩa là sao? Dùng cách nói ngày nay là di dân, trên quả địa cầu ngày nay nhiều phiền phức, chúng

ta di dân về thế giới cực lạc, nơi đó không có thiên tai. Nhưng điều kiện để sanh về nơi đó là tâm thanh tịnh, nếu tâm ta không thanh tịnh thì chẳng thể đi được, tâm thanh tịnh tự nhiên có cảm ứng. Vì sao? Bởi thế giới đó do tâm thanh tịnh biến hóa ra, quả địa cầu ngày nay do tâm không thanh tịnh biến hóa ra, chuyện là như vậy.

Ở đây nói đến “tịnh tâm niệm Phật nhất thanh, vô lượng bất khả tư nghị công đức”, then chốt ở chỗ tịnh tâm. Thế nên biết rằng, nếu dùng tâm bình đẳng niệm một tiếng Phật, công đức đó thù thắng không gì sánh bằng, siêu việt hơn rất nhiều. Thanh tịnh, bình đẳng là công đức chân thật, là công phu chân thật!

Hựu đại nguyện trung hữu văn danh đắc phước nguyện, thập phương chúng sanh dĩ văn danh cố thọ chung chi hậu sanh tôn quý gia, chư căn vô khuyết, thường tu thù thắng phạm hạnh.

Những điều này đều thuộc về 48 nguyện. Phước báo, phước báo chân chánh là thân cận thiện tri thức, trong bài tựa của Đệ Tử Quy nói rất rõ: “phiếm ái chúng, nhi thân nhân”, nếu dùng Phật pháp giải thích hai câu này, sẽ viên mãn vô cùng. Thang Ân Tử nói, tâm lượng của người xưa rất rộng lớn, bao dung nền văn hóa dị tộc. Ấn Độ là dị tộc, chứ không phải bộ tộc trong đất nước chúng ta, là nền văn hóa nước ngoài mà chúng ta chấp nhận, bao dung, văn hóa Phật giáo đã làm cho nền văn hóa xưa thêm phong phú. Chúng ta lấy kinh Phật để giải thích, dùng kinh Phật để giải thích “phiếm ái chúng” thì ý nghĩa của nó rất dài. Đạo Phật nói về chữ “chúng”, chẳng phải nói đến con người. Vậy chúng có nghĩa là gì? Là hiện tượng chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi, gọi là chúng sanh. Dùng cách nói ngày nay nghĩa là hiện tượng nhiều điều kiện hợp lại mà phát sinh ra, hiện tượng đó gọi là chúng sanh. Con người là định nghĩa của phù hiệu, con người là hiện tượng do vật chất và tinh thần hòa hợp mà hiện ra.

Vật chất: đạo Phật gọi là Tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong, đây là hiện tượng vật chất. Địa, thủy, hỏa, phong có nghĩa là gì? Địa là vật chất, quý vị thấy được, dùng địa để nói lên nó là vật chất. Thủy đại, hỏa đại, thủy là độ ẩm, hỏa là độ nóng, trong vật chất này chắc chắn có độ ẩm và độ nóng. Ngày nay không gọi là độ ẩm nữa, khoa học gọi là gì? Gọi là điện, điện dương là hỏa đại, điện âm là thủy đại. Phong đại là gì? Phong là động, nó không tĩnh, là hiện tượng dao động, nó không ngừng động. Khi nó không ngừng, là hiện tượng vật chất, địa, thủy, hỏa phong.

Trong vật chất chắc chắn có tinh thần. Tinh thần là gì? Là thọ tướng hành thức. Thọ tướng hành thức từ đâu mà có? Là kiến văn giác tri trong tự tánh, trong tự tánh gọi là kiến văn giác tri, trong A Lại Da gọi là thọ tướng hành thức. A Lại Da mê, khi mê biến kiến văn giác tri thành thọ tướng hành thức, có cảm thọ, có tư tưởng, có chấp

trước, hành là chấp trước. Cuối cùng là thức, thức ngày nay gọi là ký ức, ký ức này không thay đổi, nghĩa là quý vị có một kho tài liệu, cất giữ ở đó không bị thất lạc, có hiện tượng này. Vật chất nhỏ nhất cũng có hiện tượng này, đều có hiện tượng này, cho nên khắp vũ trụ này đều có cơ thể, là hiện tượng sống chứ không chết. Cục đá có thọ tướng hành thức chăng? Có! Tất cả khoáng vật đều có thọ tướng hành thức, cho nên tinh thần và vật chất không bao giờ tách rời nhau. Vật chất từ đâu mà có? Vật chất là do tinh thần tích lũy lại, là hiện tượng ba động liên tục, đây là điều lượng tử lực học ngày nay nói, giống như Phật pháp nói. Trong đạo Phật Bồ Tát Di Lặc nói, sao có hiện tượng vật chất? Từ ý niệm mà có. Ngài nói: “niệm niệm thành hình”, hình chính là vật chất, “hình giai hữu thức”, thức là hiện tượng tinh thần. Từ niệm đến vật chất đến tinh thần gần như là đồng thời, nhanh quá! Đây là nói về sự khởi nguyên của vũ trụ, cho nên phải biết rằng thật sự là một thể, chẳng phải đức Phật nói dối đâu, ngài nói thiệt đó, chân tướng sự thật là như vậy.

Phật là gì? Phật là bậc giác ngộ, khi còn tại thế, suốt cuộc đời ngài giúp cho mọi người, ngài dùng phương pháp nào? Ngài dạy học, suốt đời dạy học, ngài là giáo viên, ngài không làm hiệu trưởng. Học trò rất đông, chúng ta phỏng đoán có khoảng ba ngàn người, đệ tử luôn bên cạnh ngài là 1250 vị, thường theo không rời ngài, đột xuất đến tham dự chắc nhiều hơn con số này, đây là học trò của ngài, ngài không tổ chức lại số học trò của mình, cũng không chia lớp, giống như trường tư thục của TQ vậy, một vị thầy giáo hướng dẫn một đám học trò. 49 năm như một ngày, không xây dựng trường học, không có ký túc xá. Họ là dân tộc du mục, ban đêm nghỉ dưới gốc cây, ngồi thiền dưới gốc cây, nghỉ ngơi một chút. Những người này bắt luận tại gia hay xuất gia, là chúng thường theo hay đột xuất tham dự, họ đều có công phu thiền định, không có định thì không được, cũng có nghĩa là tâm địa rất thanh tịnh. Theo học với đức Phật Thích Ca Mâu Ni như thế, được phước, phước báo lớn, thân cận thiện tri thức mà.

“Phiếm ái chúng”, phiếm là bình đẳng, là phổ biến. Động vật do chúng duyên hòa hợp mà sanh, thực vật cũng thế, khoáng vật cũng vậy. Chúng ta thương yêu con người, thương yêu loài vật, thương cả con muỗi con kiến, thương hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa. Đối với hiện tượng tự nhiên không có cái gì mà chẳng thương, “phiếm ái chúng” đây, quý vị nghĩ xem phạm vi chữ ái ở đây có lớn không. Có nhiều người nghe tôi nói như vậy, thực hành theo sự hướng dẫn của tôi, họ đã rất thành công. Đối với những động vật nhỏ, như con kiến con muỗi, nó sẽ không cắn quý vị, không làm tổn hại quý vị. Mọi người sống cùng nhau hòa mục tương xử, bình đẳng đối đãi, không làm tổn hại lẫn nhau. Động vật nhỏ trong nhà rất nhiều, nó có không gian sinh sống của nó, ta

có không gian sinh sống của ta, tuy sống cùng nhau, nhưng không xâm phạm lẫn nhau. Tốt!

Ở Úc Châu chúng tôi có một vườn rau, vườn rau này cũng không nhỏ, trồng mười mấy loại rau, cây ăn trái có hơn ba mươi loại, rau rất tốt. Vì sao? Hàng ngày nói chuyện với nó, chúng ta thương yêu nó, nó cũng thương yêu chúng ta. Mấy con sâu ăn rau, chúng tôi nói chuyện với nó, quy định một khu trong vườn, để cho nó ăn, nó muốn ăn thì qua bên đó. Rau bên đó chúng tôi cũng chăm sóc rất kỹ, mấy con sâu đó cũng rất tuân thủ theo quy định, dễ gần gũi hơn con người, nó biết nghe lời, tuyệt đối không vượt quá giới hạn, mười năm như một ngày. Chim ăn trái cây, chúng tôi cũng chỉ định cho nó mấy cây, mấy cây này cho tụi con ăn, tụi con có thể ăn trái trên mấy cây đó, những cây không chỉ định, phải chừa lại cho chúng tôi, tất cả đều giữ quy định. Chúng tôi làm thành công, nhiều người nghe theo sự hướng dẫn của chúng tôi, bản thân họ làm thí nghiệm cũng thành công. Nói lên rằng chúng ta phải “phiếm ái chúng”, mới thật sự có hạnh phúc, cuộc sống mới bình an viên mãn. Đối với động vật, thực vật, sơn hà đại địa, phải dùng tình thương mà đối xử. Đối xử tốt với sơn hà đại địa sẽ không có động đất, không có lụt lội hay hạn hán. Do ta không biết cách đối xử, mà còn đối lập với chúng, vì đối lập nên muốn phá hoại chúng, phá hoại môi trường sinh thái tự nhiên, nó sẽ trả thù, sinh ra phiền phức. Chẳng thể không hiểu đạo lý này, hiểu được đạo lý này rồi, thì thiên tai trên quả địa cầu ngày nay có cách giải quyết, có phương pháp để hóa giải. Nhưng Phật pháp thật sự phải phổ cập, không phổ cập họ sẽ chẳng tin. Họ nói đây là tôn giáo, là mê tín, họ không chấp nhận, không chấp nhận thì xong rồi, quý vị phá hoại môi trường, môi trường báo thù, thiên tai xuất hiện.

“Nhi thân nhân”, thân nhân là phước báo lớn, nhân là người nhân từ, trong Phật pháp gọi là nhân giả, xưng nhân giả đối với ai? Với Bồ Tát, nhân giả là danh xưng của Bồ Tát, kính xưng đối với Bồ Tát. Thân cận bậc có đức hạnh, những người nhân từ, bản thân những người này tu tập, họ cũng giúp cho người khác, đây là thật sự có phước.

Chư Phật Bồ Tát khuyên chúng ta, trong vũ trụ này, vị nhân từ nhất là đức Phật A Di Đà, chúng ta về thế giới cực lạc thân cận với ngài. Thế giới cực lạc rất thù thắng, ở thế giới cực lạc không có chính trị, quý vị thấy trong kinh điển, đức Phật Thích Ca Mâu Ni không hề nói, thế giới cực lạc có quốc vương, có tổng thống, không hề có. Thế giới cực lạc có huyện thị trưởng chăng? Không có! Ở thế giới cực lạc rất đơn thuần, chỉ có hai hạng người, chỉ có hai địa vị, một là thầy giáo một là học trò. Cho nên nơi đó là một trường học, một trường học có quy mô lớn, tất cả chư Phật trong mười phương đều ở đó dạy học, giúp cho đức Phật A Di Đà giáo hóa chúng sanh. Mười phương chư

Phật trở về thế giới cực lạc đều là địa vị là Bồ Tát, là địa vị giáo viên, bản thân đức Phật A Di Đà cũng là địa vị giáo viên. Vì sao? Vì là thế giới bình đẳng, thật sự bình đẳng đối đãi, hòa mục tương xử, nơi đó thật sự làm được như vậy.

Ngày nay mọi người thích tu tập pháp Lục Hòa, bởi thế giới cực lạc là đạo tràng lục hòa kính, chúng ta học ở đây là tương ứng với thế giới cực lạc. Tu Lục Hòa Kính quan trọng nhất là không được có ý niệm đối lập, có đối lập là bất hòa, không được có ý niệm tự tư tự lợi, có tự tư là phá hoại hòa rồi, cho nên phải buông bỏ tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, buông bỏ sự hưởng thụ đối với ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn, như thế sẽ hòa, sẽ thực hành được Lục Hòa Kính. Vì sao không thực hành được Lục Hòa? Bởi không dễ dàng buông bỏ 16 chữ này, buông bỏ là làm được.

“Văn danh đặc phước”, nghe tên là đã được phước rồi, vì sao? Vì đã kết duyên rồi, quý vị có duyên với thế giới cực lạc, có duyên với đức Phật A Di Đà, là có phước, có duyên rồi, tiến lên bước nữa là thân cận ngài, tiếp nhận sự dạy dỗ của ngài, ngài thật sự giúp quý vị phá mê khai ngộ. Đức Phật từ bi cứu tế với tất cả chúng sanh. Ngài dùng cách nào? Dùng cách dạy học. Tại sao phải dùng cách dạy học? Bởi đức Phật biết sự khổ nạn của chúng ta từ đâu mà có? Khổ nạn từ mê hoặc mà có, bởi mê thất tự tánh, cho nên cách suy nghĩ sai lầm, cái nhìn sai lầm, tư tưởng sai lầm, tư tưởng sai lầm dẫn đến hành vi sai lầm, hành vi sai lầm gây nên oan oan tương báo, oan oan tương báo với con người, oan oan tương báo với động vật, oan oan tương báo với thực vật, với sơn hà đại địa. Ngày nay chúng ta thấy được sự việc này. Oan oan tương báo với con người là chiến tranh.

Chúng tôi đọc được một thông tin trên mạng, nước Mỹ đang chuẩn bị lắp ráp tên lửa tối tân, tên lửa này phóng đi, bất cứ điểm nào trên của địa cầu này nó cũng có thể phóng tới. Nói cách khác trên toàn thế giới, đều nằm trong tầm ngắm của tên lửa đó. Ý niệm này không tốt, làm sao có thể làm như vậy chứ! Khởi lên một ý niệm này, ý niệm của con người quan trọng quá, tạo nghiệp này, người đời không thể đối phó với quý vị, ông trời sẽ đến quản quý vị. Trên thực tế ông trời là một tầng cao hơn ta, ý niệm của ta đang tạo nghiệp, ý niệm cũng có cách tiêu hủy ta.

Giới khoa học nói, khoảng 50-60 ngàn năm về trước, khu vực đại tây dương có một nước, khoa học kỹ thuật phát đạt hơn chúng ta ngày nay rất nhiều, Á Đặc Lan Đề Tư, nguyên cả đất nước chìm xuống đáy biển, ý niệm này đáng sợ quá. Vì sao lại làm như vậy? Đây chính là sự đối lập giữa con người với con người, tạo nên sự bất hòa. Ngày nay con người và thực vật đối lập, sao lại đối lập với thực vật? Quý vị dùng phân bón, dùng thuốc trừ sâu, chẳng phải để sát hại những côn trùng kia, mà bản thân thực

vật cũng bị tổn thương, cho nên thực vật ngày nay, nhìn rất đẹp mắt, nhưng đem so với chất dinh dưỡng ngày xưa, e rằng không được bằng một nửa. Đó là gì? Đó là thực vật trả thù quý vị. Động vật báo thù, ngày nay con người ăn thịt, thịt này ăn được chăng? Quý vị ăn thịt nó, nó sẽ đòi mạng quý vị. Cũng do con người tạo nên, muốn loài động vật sinh sản nhanh, nên cho ăn cám tăng trọng giúp cho chúng mau lớn, sinh mạng của chúng cũng bị phá hoại, mang theo rất nhiều mầm bệnh. Con người ăn thịt nó, cho nên ngày nay sinh ra nhiều căn bệnh quái lạ, “bệnh từng khâu nhập”, đó là động vật trả thù quý vị đấy. Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật rồi sẽ không dám ăn thịt nữa.

Ba-bốn năm trước, có lần tôi ở Sơn Đông Khánh Vân, cư sỹ Tề mời tôi về quê anh ta chơi, có một cơ sở chăn nuôi vịt, dẫn tôi đến đó tham quan, xem những con vịt nhỏ, vị chủ quản bắt lên một con vịt nhỏ, đặt lên tay tôi, con vịt to lòng bàn tay tôi, dài cỡ này, con vịt rất mập. Anh ta nói, pháp sư, thầy đoán xem con vịt này được bao nhiêu ngày rồi? Tôi nói ít nhất là 10 ngày. Anh ta nói, mới nở ngày hôm qua, tôi giật mình! Chưa bao giờ thấy, mới nở hôm qua mà hôm nay đã lớn như vậy rồi. Tôi hỏi, con vịt của anh nuôi lớn rồi, cần bao nhiêu ngày thì đem bán ra thị trường? Hai tuần. Ngày xưa ở quê tôi nuôi vịt cho đến lớn, ít nhất phải nửa năm. Còn dám ăn thịt không? Anh ta nói, một phần ba vịt nướng Bắc Kinh là do chỗ anh ta cung cấp. Tôi trở lại nói với mọi người, không được ăn, ăn sẽ mất mạng đấy. Quý vị ăn thịt nó, nó sẽ ăn thịt quý vị.

Quý vị có lỗi với sơn hà đại địa, cố ý khai khẩn, phá hoại, phá hoại sinh thái tự nhiên, sơn hà đại địa cũng báo thù quý vị, động đất, sóng thần, hạn hán, những thứ này là do sơn hà đại địa trả thù quý vị, quý vị đối xử với nó như thế nào, nó sẽ báo thù quý vị như vậy. Nó không phải vật chết đâu, một miếng đất, một hột cát không phải vật chết, nó có cơ thể, có thọ tướng hành thức, làm sao có thể đối xử với nó như vậy chứ! Chân tướng sự thật này, trong kinh điển đại thừa, cách đây ba ngàn năm về trước đức Phật đã nói rất rõ ràng rồi. Nhất định chúng ta phải biết, quan sát kỹ một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni, năm 30 tuổi ngài khai ngộ, Khổng Phu tử cũng như vậy, 15 tuổi lập chí học tập, 30 tuổi thành đạt, đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng 30 tuổi thành đạt, sau khi khai ngộ ngài làm công việc giảng dạy, dạy suốt cuộc đời, năm 79 tuổi ngài nhập Niết Bàn, giảng kinh thuyết pháp 49 năm, làm công việc này hoan hỷ không mệt nhọc.

Năm xưa thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu với tôi, nói cho tôi biết học Phật là sự hưởng thụ tối cao của nhân sinh, hàng ngày tôi không quên thầy giáo, đời này tôi sống được tự tại và vui vẻ như thế này, là do thầy chỉ đường, nếu thầy không chỉ đường, e rằng đời này tôi sẽ khổ không nói hết, lấy đâu ra cuộc sống tự tại và vui vẻ như vậy? Một đời dạy học, giữ vững địa vị của mình, thầy giáo chuyên nghiệp, làm giáo viên

chứ không làm hiệu trưởng. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni một đời làm giáo viên, được đại tự tại. Chúng ta nhận biết rõ ràng, ngài dạy điều gì? Giáo dục phổ cập không ngoài luân lý, đạo đức, nhân quả. Thúc đẩy phổ biến nền giáo dục này trong xã hội, sẽ đạt được xã hội an định, thế giới hòa bình, một số người còn muốn hướng thượng vươn lên, đó là triết học và khoa học, trong kinh Phật có nền khoa học và triết học tối cao.

Ngày xưa tôi theo học triết học với thầy Phương, thầy giảng triết học khái luận cho tôi, cuối cùng có một môn là triết học trong kinh Phật. Thầy nói đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới, triết học trong kinh Phật là đỉnh cao của triết học trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ tối cao của con người. Chúng tôi đã nắm chặt không buông, từ khi thầy Phương giới thiệu cho đến ngày nay, 59 năm rồi, 59 năm phát hiện ra, chẳng những là triết học tối cao mà còn là khoa học tối cao nữa. Quý vị xem khoa học ngày nay nhìn về thế giới hồng quan, chưa đạt được những điều trong kinh Hoa Nghiêm nói, phẩm Hoa Tạng Thế Giới và phẩm Thế Giới Thành Tựu, vẫn chưa đạt đến cảnh giới này. Lượng tử lực học nói đến vi quan, chưa nói đến tự tánh, mới chỉ nói đến A Lại Da, cũng là giới lắm rồi. Những điều lượng tử lực học nói chính là tam tế tướng của A Lại Da, danh từ bất đồng nhưng chung một ý nghĩa. Nghiệp tướng của A Lại Da, chính là năng lượng mà các nhà khoa học nói. Chuyển tướng của A Lại Da là thông tin, cảnh giới tướng là vật chất. Từ từ triết học, khoa học và Phật pháp, dung hợp thành một thể, cho nên chúng ta cần nên nhận biết rõ ràng, đạo Phật không phải là tôn giáo, không dính dáng gì tới tôn giáo cả. Ngày nay coi Phật giáo là tôn giáo, là một sai lầm lớn. Nhưng chúng ta không được trách họ, vì sao vậy? Bởi hành vi của người xuất gia ngày nay đúng là tôn giáo, không học kinh, không dạy học. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mong hàng đệ tử mình, truyền thừa đạo và pháp của ngài. Quý vị thật sự tu tập, thật sự mang ra giảng cho mọi người nghe. Nhất định phải hiểu rõ đạo lý này, phải làm cho sáng tỏ, bằng không làm sao chúng ta xứng đáng với đức Phật Thích Ca Mâu Ni đây. Nền giáo dục hay nhất của thế và xuất thế gian, từ cá nhân, cá nhân thân tâm khỏe mạnh, không cần thuốc gì hết, phục hồi trở lại bình thường, sống đến hai trăm tuổi, vẫn hoạt bát giống như hai ba mươi tuổi vậy, thật sự làm được, chứ chẳng phải không làm được, không cần dùng thuốc, đây là sự lợi ích cho cá nhân, lợi ích cho xã hội, lợi ích cho đất nước, lợi ích cho nhân loại, không gì sánh bằng. Quý vị biến nó thành tôn giáo, nói nó làm mê tín, khiến cho mọi người không chịu tiếp cận, giáo lý hay như vậy mà không chịu tiếp cận, đúng là người không có phước, thật sự không có phước. Tôi may mắn gặp được thầy Phương, nếu thầy không giới thiệu, tôi cũng cho rằng Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, cũng không muốn tiếp cận. Tôi theo học với thầy Phương năm 26 tuổi, tiếp xúc rồi, cảm thấy rất nuối tiếc, sao năm 16 tuổi không gặp được ? 26 tuổi mới gặp được, nhưng cũng rất may, ông trời kéo dài tuổi thọ

cho tôi. Tôi đã phát hiện những bí mật trong kinh điển đại thừa, đúng như lời cô nhân nói: “sáng nghe đạo, tối chết cũng được”, hiểu rõ rồi, không còn hồ đồ nữa.

Câu sau này hay quá: “thọ chung chi hậu, sanh tôn quý gia, chư căn vô khuyết, thường tu thù thắng phạm hạnh”. Câu này hay quá, nói về kiếp sau củ mình. Người xưa nói, được phước báo thù thắng không gì sánh bằng. Phước báo ở đây không phải là có tiền, không phải có thế lực, làm quan lớn, không phải như vậy, Phật pháp không nói đến điều này. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là vương tử, nếu ngài không xuất gia sẽ kế thừa vương vị, ngài buông bỏ hết. Vì sao? Làm vị quốc vương, quốc vương giỏi, chỉ lợi ích cho một đất nước. Ngài làm công việc dạy học, đột phá giới hạn này, giáo hóa tất cả chúng sanh. Quý vị nghĩ xem có ý nghĩa vô cùng và vui sướng biết bao. Làm quốc vương sao có thể sánh được!

Khi đức Phật còn tại thế, 16 đại quốc vương của Ân Độ đều là học trò của ngài, đều theo học với ngài. Đại phú trưởng giả số đông là học trò của ngài, ngài muốn gì cũng có, nhưng ngài không cần gì, ngay cả một căn nhà cũng không cần, ban đêm ngài ở đâu? Dưới cội cây. Quý vị nghĩ xem tự tại biết bao! Khi ngài nhập Niết Bàn không phải ở trong nhà, mà ở trong rừng, ngài làm cho ai xem vậy? cho chúng ta xem đây, khiến cho học trò đời sau học theo ngài. Thật sự buông bỏ hết tất cả, niệm niệm nghĩ đến chúng sanh, nghĩ đến sự khổ nạn của chúng sanh. Chỉ có cách dùng phương pháp dạy học, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, tất cả nỗi khổ đều từ mê lầm mà có. Có nghĩa là sự suy nghĩ sai lầm, nói sai, thấy sai và làm sai, chịu nỗi khổ đó cũng sai, chịu oan. Ba đường ác trong lục đạo từ đâu mà có? Tự mình tạo nên, quả báo do mình tạo nghiệp bất thiện mà chiêu cảm nên. Ba đường thiện từ đâu mà có? Do mình tạo thiện nghiệp mà có. Cho nên nói đều là tiêu nghiệp, ba đường lành tiêu thiện nghiệp của mình, ba đường dữ tiêu nghiệp ác của mình, mình tạo nghiệp mà. Nếu không tạo nghiệp thì chẳng có lục đạo, tâm thanh tịnh hiện tiền, không tạo nghiệp, chứng quả A La Hán, được chánh giác, không còn lục đạo, lục đạo chỉ giống như một cơn mộng vậy, từ trong mộng thức tỉnh. Nhưng vẫn còn nhiều người ở trong đó, họ vẫn đang làm ác mộng. Quý vị đi đến đó được chăng? Đi được. Quý vị đến đó không phải thọ báo, vậy đến đó làm gì? Đến để hướng dẫn họ, dùng phương tiện thiện xảo giúp cho họ giác ngộ, giúp cho họ mau chóng thức tỉnh, đừng làm ác mộng nữa. Có nghĩa là như vậy. Phàm ở trong lục đạo, nhất định phải biết, thời gian làm ác mộng dài, thời gian làm mộng tốt ngắn, điều này là chắc chắn. Cho nên nơi này không tốt đẹp đâu. Ngày nay mọi người nói là chơi trò chơi, đừng chơi trò chơi ở đây nữa, chơi ở đây, nơi này không tốt đâu. Chúng ta sống cùng chư Phật Bồ Tát, “thường tu phạm hạnh”, chính là Tam Phước, Lục Hòa, Lục Độ, Thập Nguyện, điều này trong đạo Phật nói. Từ chỗ

Tam Phước, chúng ta biết được thế nào là Phật pháp. Phật pháp được xây dựng trên nền tảng gì. Đây là điều đức Phật vì công việc giáo dục phổ cập mà nói, nói không cao, nói về luân lý đạo đức.

Tam phước là ba điều, tổng cộng 16 câu. Câu đầu tiên “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Đã lâu rồi tôi đề xướng vun trồng ba cội rễ, đem Nho và Đạo đặt vào trong đó, một số người không hiểu đã trách tôi, nói tôi không phải là người học Phật thuần túy, sao còn học Nho và Đạo nữa? Người nói lên những câu này họ vốn không thông hiểu đại thừa, đại thừa là một thể, không hề phân ra, nếu có ý niệm phân ra thì chẳng phải là đại thừa, sao là một thể được! Kỳ thật ba cội rễ Thích Đạo Nho, chính là phước thứ nhất ta vừa nói đến. Hiếu thân tôn sư phải thực hành như thế nào? Thực hành Đệ Tử Quy là đã hành được hiếu thân tôn sư, tìm được bằng chứng này trong kinh Phật. “Từ tâm bất sát” là giáo dục nhân quả. Quý vị không hại nó, nó cũng chẳng hại quý vị, quý vị thương yêu nó, nó cũng thương yêu quý vị, chúng ta đạt đến chỗ giao lưu với động vật, vô cùng hòa mục. Giáo dục nhân quả, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, câu sau là Thập Thiện Nghiệp Đạo, tu thập thiện nghiệp. Cho nên phước đầu tiên là nền tảng, nền tảng cơ bản, bắt buộc phải đầy đủ điều kiện này, mới có thể làm đệ tử Phật, làm học trò của đức Phật. Theo học với Phật phải có điều thứ nhất là ba nền tảng này.

Điều thứ hai nằm trong giáo lý tiểu thừa, ba câu: “thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oan nghi”, đây là nhập môn, nếu không có nền tảng đầu tiên, thì chẳng thể nhập môn. Lời tôi nói có căn cứ chứ chẳng phải tùy tiện nói ra, chẳng phải ăn càn nói bậy đâu.

Phước thứ ba là tiến lên, trì giới tốt, nhân giới sanh định, nhân định khai huệ. Điều thứ hai là trì giới, bất luận người tại gia hay xuất gia đều phải hạ thủ từ giới. Phước thứ ba là “phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến tấn hành giả”. Bốn câu, ba câu trước là tự lợi, phải phát tâm, phải tin sâu nhân quả, phải học tập đại thừa. Câu cuối cùng “khuyến tấn hành giả”, nghĩa là phải giảng cho người khác nghe, phải giáo hóa chúng sanh, câu cuối cùng là phải khuyên hóa chúng sanh, giống như đức Phật vậy. Bản thân mình tu thành rồi thì phải giúp cho người khác. Đoạn sau đức Phật nói, ba điều này gọi là ba loại phước báo, ba loại tịnh nghiệp. Ba đời chư Phật, quá khứ, hiện tại, vị lai, học tập tất cả cuối cùng thành Phật, đều lấy ba điều này làm nền tảng. Ba điều này là Phật pháp, bất luận tiểu thừa hay đại thừa, tông môn giáo môn, hiển giáo mật giáo, ba điều này là nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Quý vị bỏ qua được chăng? Bỏ qua sao có thể thành tựu được? Không thể được! Chỉ cần quý vị

học với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thì phải tuân thủ theo nguyên tắc này, sau đó mới tiến lên bước nữa học tập đại thừa.

Đoạn văn này rất hay, đoạn văn này do Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ, lấy Thập Huyền trong kinh Hoa Nghiêm, giảng kinh Vô Lượng Thọ, cũng rất đầy đủ, giỏi quá! Kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm không hai không khác. Thông đạt được Thập Huyền thì không còn chướng ngại gì nữa, đến cảnh giới này rồi sẽ thông hết, đúng là “viên minh cụ đức” mà trên đề mục nói, đột phát hết tất cả mọi chướng ngại. “Một là tất cả, tất cả là một”, một căn, một bản, một nguyên lý. Giáo lý hay như vậy, mà mọi người không học thật là đáng tiếc.

Tôi vốn không muốn giảng kinh Hoa Nghiêm, bởi nó dài quá. Chúng tôi đã giảng hơn bốn ngàn tiếng đồng hồ rồi, giảng được bao nhiêu? Mới có một phần năm thôi, giảng hết bộ kinh này phải mất 20 ngàn tiếng đồng hồ. Quý vị đều biết, kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm, cũng chính là kinh Tiểu Hoa Nghiêm, là tinh yếu, tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Cho nên tôi muốn giảng bộ kinh này, vì sao phải giảng bộ kinh lớn này? Ba người đến gặp tôi, họ rất từ bi, người đầu tiên là vị pháp sư người Đài Loan, đến gặp tôi nhiều lần, mong tôi giảng bộ kinh này. Thầy ấy nói: pháp sư, nếu thầy không giảng thì sau này sẽ chẳng có ai giảng nữa. Người thứ hai đến gặp tôi là Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ ở Bắc Kinh, sau khi quen biết, thầy đã khuyên tôi, bất luận thế nào cũng mong tôi giảng kinh Hoa Nghiêm một lần, để cho người đời sau làm tài liệu tham khảo. Người thứ ba là cư sỹ Hàn, trước khi bà ấy lâm chung hai ngày, mong tôi giảng bộ kinh này, bà ấy bị bệnh nặng, tôi mong bà ấy hết bệnh nên đã đồng ý. Hai vị trước đến gặp tôi mong tôi giảng tôi chưa đồng ý. Đây là nhân duyên giảng bộ kinh này.

Tu học Phật pháp, hoàn toàn tương đồng với sự chỉ dạy của người xưa, “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, giống như những lời chư vị tiền bối nói: “giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”, cùng một tư tưởng, nhất môn thâm nhập chắc chắn sẽ thông đạt, thông rồi thì pháp nào cũng thông.

Năm 1999 tôi ở Singapore, đoàn kết 9 tôn giáo, tôi y theo đạo lý gì? Chính là viên dung mà kinh Hoa Nghiêm nói. Chín tôn giáo là một rể, chỉ cần tìm được rể, thì còn vấn đề gì nữa? Nhìn trên cành lá thấy có 9, nhìn từ cội rể chỉ có một, cho nên nó có thể đoàn kết. Tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới, chỉ có một cội rể, cội rể đó là gì? Là bản tánh bản thiện. Con người không rời cội rể này, tất cả động vật cũng là cội rể này, thậm chí đến thiên địa quỷ thần cũng là cội rể này, tất cả động thực vật vẫn là cội rể này, sơn hà đại địa cũng đồng một cội rể. Phật pháp gọi đây là pháp thân,

cho nên trong kinh đức Phật thường dạy: “mười phương ba đời Phật cộng đồng một pháp thân, nhất tâm nhất trí huệ, lực vô úy cũng vậy”. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta có đọc qua, tất cả đều nói lên chân tướng sự thật.

Tam phước, Lục Hòa, trong Lục Hòa quan trọng nhất là kiến hòa đồng giải, dùng cách nói ngày này là xây dựng cộng thức. Xây dựng cộng thức ở đâu? Thông thường người ta thường nói, xây dựng chỗ tịnh nghiệp tam phước, đây là cách nói thông thường. Ngày nay chúng ta nói sâu hơn, cứu cánh hơn, ta dùng kinh Hoa Nghiêm, dùng Hoàn Nguyên Quán, xây dựng ở đâu? Xây dựng chỗ tất cả chúng sanh trong vũ trụ là một thể, xây dựng trên tư tưởng này - một thể. Bài luận văn của đại sư Hiền Thủ, Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, nhất thể, từ nhất thể khởi nhị dụng, nhị dụng ở đây chính là sự phát sinh của vũ trụ. Ta từ đâu mà có? Ta cùng vũ trụ đồng thời phát sinh. Ta là chánh báo, vũ trụ là y báo, đồng thời phát sanh, một sanh tất cả đều sanh. Sự việc này được các nhà khoa học lượng tử chứng minh, nhưng các nhà lượng tử không nói đến nó có ba tác dụng, ba loại chu biến, lượng tử không nói đến. Bất cứ vật chất nào, nó là động, không phải là tĩnh, lập tử cơ bản là động, động ở đây chính là hiện tượng dao động. Năng lượng dao động bao lớn? Vừa động là biến pháp giới hư không giới, cho nên nó nhanh hơn điện, nhanh hơn ánh sáng rất nhiều. Ánh sáng mặt trời chiếu đến quả địa cầu này phải mất 8 phút, chúng ta khởi lên một niệm lập tức chu biến pháp giới. Bất luận là vô tình hay cố ý, năng lượng này giống nhau không hề sai biệt.

Thứ hai “xuất sanh vô tận”, nghĩa là biến hóa vô cùng, xuất sanh vô tận ở đây, khi mới học chúng tôi suy nghĩ hoài mà không thông được. Một hôm đột nhiên nhớ đến lúc còn nhỏ chơi kính vạn hoa, nhiều người tặng cho tôi kính vạn hoa, bây giờ tôi có đến hơn hai mươi cái. Cái này rất đơn giản, ba miếng kiếng, trong đó chứa mấy mảnh giấy vụn, nhiều màu sắc, quý vị xoay nó, quan trọng nhất là xoay, hình vẽ trong đây biến hóa vô cùng, ngày nào cũng xoay, xoay một tuần liên tục cũng không tìm thấy có hai hình vẽ giống nhau. Xuất sanh vô tận chẳng phải là hiện tượng này sao? Đúng là xuất sanh vô tận!

Cái thứ ba rất quan trọng, “hàm dung không hữu”, là nói về tâm lượng. Trong kinh thường có hai câu, mọi người đều rất quen thuộc: “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, là tâm lượng vốn có của chính mình. Quý vị nghĩ xem tâm lượng này có lớn không. Người xưa nói lượng lớn phước lớn, người không có tâm bao dung người khác thật đáng thương, họ rất cô đơn. Lượng lớn phước lớn, có thể bao dung, bao hết hư không, hàm hư không dung vạn hữu, không có cái gì chẳng ở trong đó. Chúng ta phải phục hồi trở lại, buông bỏ, buông bỏ thì sẽ chẳng có chuyện gì nữa. Tất cả mọi phiền

phức đều do ta không buông bỏ được, không buông bỏ được chấp trước, không buông bỏ được phân biệt, không buông bỏ được khởi tâm động niệm, sự phiền phức đều được xuất phát từ đây. Tổng đại cương, tổng nguyên tắc tu tập trong đạo Phật không gì khác ngoài việc dạy ta buông bỏ.

Lần đầu tiên tôi gặp Chương Gia đại sư, đây là lần đầu tiên tôi gặp một vị xuất gia. Khi chưa biết Phật pháp, tôi không hề đụng đến Phật giáo, chưa bao giờ đến chùa, không qua lại với người xuất gia. Được thầy Phương giới thiệu, được người giới thiệu cho tôi làm quen với Chương Gia đại sư, năm đó tôi 26 tuổi. Khi gặp ngài câu đầu tiên là thưa hỏi. Tôi nói, thầy Phương dạy con, con hiểu Phật pháp rồi, nó không phải là mê tín, mà là đại học vấn. Có cách nào khiến cho con mau chóng khế nhập chăng? Tôi đã đưa ra vấn đề này để thưa hỏi. Thanh niên mà, vẫn còn một chút gì đó bông bột lắm. Cho nên Chương Gia đại sư nghe rồi không nói gì hết, đại sư nhìn tôi, tôi cũng nhìn ngài, thầy trò nhìn nhau nửa tiếng đồng hồ. Tôi chờ đại sư trả lời, chờ nửa tiếng đồng hồ ngài nói một chữ thôi, nhưng 20 năm sau tôi mới hiểu được, vì sao khi đó ngài không trả lời? Tâm bông bột. Nhất định phải chờ, chờ đến khi tâm quý vị hoàn toàn bình tĩnh, nói với quý vị mới có tác dụng. Tôi đã gặp được một kinh nghiệm dạy học như thế. Đại sư nói một chữ “có”! Tinh thần của tôi phấn chấn ngay lập tức, vừa phấn chấn tâm lại động nữa rồi, ngài không nói nữa. Lần này ngưng khoảng 7-8 phút, không lâu, khoảng 7-8 phút sau đại sư nói: “nhìn được thấu, buông bỏ được”, ngài nói có 6 chữ, nói rất chậm, rất có lực, nói từng chữ một, nhìn được thấu, buông bỏ được. Sau khi kết duyên này, tôi rất có duyên với đại sư, bảo tôi mỗi tuần đến thăm ngài một lần. Mỗi tuần ngài dành cho tôi 1-2 tiếng đồng hồ, mỗi tuần gặp một lần. Nền tảng học Phật của tôi, được xây dựng nền móng từ chỗ ngài, tôi theo học với ngài 3 năm thì ngài vãng sanh. Tôi theo ngài năm ngài 65 tuổi, 68 tuổi ngài ra đi. Nền tảng này xây dựng rất kiên cố! Sau này tôi mới thật sự hiểu được, từ sơ phát tâm đến khi thành Phật, dùng phương pháp nào? Chính là nhìn thấu giúp quý vị buông bỏ, buông bỏ giúp quý vị nhìn thấu, hai thứ này hỗ trợ lẫn nhau, đến cảnh giới cuối cùng.

Nhìn thấu là gì? Là hiểu rõ, hiểu rõ chân tướng sự thật, hiểu rõ mới buông bỏ được, buông bỏ được thì càng hiểu rõ. Nếu không buông bỏ đó là chướng ngại, muốn hướng thượng vươn lên, chẳng thể không buông bỏ. Buông đến khi không còn gì để buông nữa, vẫn phải buông. Ngày đầu tiên ngài nói với tôi, tôi vô cùng biết ơn ngài, ngài đã nói thẳng với tôi, không nói quanh co, không đàm huyền thuyết diệu, đơn giản như thế, ngắn gọn như thế, chờ đến khi tâm tôi hoàn toàn bình tĩnh mới nói chuyện. Thế mới biết, phương pháp dạy học này hay quá, khiến suốt đời quý vị không thể nào quên, khiến quý vị có ấn tượng sâu sắc, không giống như những vị pháp sư khác, quý vị

hỏi xong, họ lập tức thao thao bất tuyệt nói rất nhiều, nói xong rồi hỏi lại quý vị không biết gì hết, quên cả rồi. Chương Gia đại sư là tấm gương rất tốt, thật sự giống như trong kinh nói, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định. Khi ở bên ngài, không thấy có một chữ nào dư thừa, ngài nói rất chậm, câu cú ngắn gọn, rất có lực, chân thiện tri thức đấy! “Phiếm ái chúng, nhi thân nhân”, bậc thiện tri thức như thế không dễ gặp. Nhưng nhiều người cho rằng, đó là tôn giáo, là mê tín, không chịu tiếp cận. Người học Phật nói đó là Mật tông, lại có người nói đó là hòa thượng chính trị. Quý vị nghĩ xem có đáng tiếc không, đó là gì? Là người đó không có phước báo.

Vào triều đại nhà Thanh phong đại sư làm quốc sư, thầy của đế vương, vào năm Dân Quốc, chánh phủ quốc dân đảng, mời ngài làm tư chánh, tư chánh của phủ tổng thống, cho nên người ta nói ngài là hòa thượng chính trị, không chịu tiếp cận. Sau này ngài vãng sanh, sau khi thiêu để lại hơn 10 ngàn viên xá lợi, mọi người nhìn thấy đều ngẩn người ra, hồi hận vì đã không thân cận ngài. Đó là chứng minh, sau khi vãng sanh để lại hơn 10 ngàn viên xá lợi, xá lợi lớn, lớn hơn hạt đậu xanh, có đến hơn 2 ngàn viên. Thật là hiếm có!

Lục hòa, kiến hòa đồng giải là cội rễ, cội rễ quan trọng hơn hết. Hiện nay chúng ta học kinh Vô Lượng Thọ, y theo kinh Vô Lượng Thọ, y theo Thập Huyền, hay lắm, còn hay hơn tam phước nữa.

Tam học là giới, định, huệ, chẳng thể không có thứ lớp tiến lên.

Lục độ là buông bỏ, Bồ Tát học. Bồ thí là gì? Bồ thí dạy ta buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, buông bỏ vọng tưởng. Bồ tát tu học những điều này. Trì giới là giữ gìn quy củ. Thập Thiện trong đạo Phật, tam quy, ngũ giới cho đến Sa Di thập giới, bắt buộc phải tuân thủ. Ở thế gian, giới luật trong nền văn hóa truyền thống, đạo Phật gọi là giới luật, ngũ luân là giới, ngũ thường là giới, tứ duy là giới, bát đức là giới. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều không được làm trái ngược lại, thì người này là quân tử, giác ngộ rồi là hiền nhân, là thánh nhân. Nền giáo dục ngày xưa, mục đích dạy học là gì? Mục đích dạy học là dạy ta làm thánh, chí tại thánh hiền, đây là tông chỉ của nền giáo dục. Chẳng phải dạy ta thăng quan phát tài, chẳng phải dạy ta tham đồ hưởng thụ. Nếu quý vị là thánh hiền, sự hưởng thụ đó siêu việt hơn người thế gian. Đạo Phật có câu: “thế vị không nông bằng pháp vị”, sự hưởng thụ của thế gian, sự vui sướng của thế gian, đem so với thánh hiền, với chư Phật Bồ tát thì cách xa nhiều lắm, không thể nào so sánh được. Hơn nữa sự hưởng thụ của thế gian đều có tác dụng phụ, đều để lại di chứng, thánh hiền và Phật pháp thì không có, tuyệt đối không có di chứng, cho nên “học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”. Học điều gì? Học luân lý, đạo đức, cũng có

nghĩa là học ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Khi quý vị thật sự học rồi sẽ thấy rất vui, niềm vui này phát xuất từ tự tánh. Trong Phật pháp học giới định huệ, học Lục Độ Ba La Mật của Bồ Tát, vui không gì sánh bằng. Nếu không vui sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại làm việc đại dật này! Tôi và quý vị làm bằng chứng. Tôi học Phật, sang năm là 60 năm, tôi vô cùng biết ơn thầy giáo, vì sao? Đời này sống thật sự hạnh phúc vui sướng, ở nước ngoài tôi thường nói, tôi là người vui sướng nhất trên thế giới. Thông thường người ta nói thân tôi không bị áp lực, tinh thần không bị áp lực, quý vị nghĩ xem vui biết bao. Không có việc gì bận lòng, không có việc gì phiền phức, không có việc gì vướng mắc, không có việc gì lo lắng. Người thế gian có tôi không có, quý vị nghĩ xem tôi có vui không. Từ đâu mà có? Từ trong thánh giáo, sống cuộc đời như vậy, ở thế giới này không dễ dàng đâu, cho nên cảm ơn thầy giáo! Tiết học nào tôi cũng không rời thầy, tôi treo tấm hình của thầy ở đây. Tôi cùng quý vị chia sẻ học tập, quý vị nhìn xem thầy mỉm cười kìa, quý vị nhìn kỹ xem, thầy luôn mỉm cười.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 63

Tập 64

Chuyên ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 21 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi chín, hàng thứ hai, bắt đầu xem từ câu cuối cùng.

Hữu hữu văn danh đắc nhãn nguyện, tha phương Bồ Tát dĩ văn danh cố, ứng thời khả hoạch nhất nhị tam nhãn, chứng bất thoái chuyển.

Đoạn kinh này, nói về công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn. Nguyện nghe tên được nhãn, là một trong bốn mươi tám nguyện, là nguyện thứ 47. Nguyện văn trong kinh nói như vậy: Chư vị Bồ Tát ở phương khác nghe tên, “ứng thời”, ngày nay gọi là lập tức, nghe tên lập tức đạt được ba loại nhãn, chứng được quả vị bất thoái chuyển. Trong nguyện văn chỉ nói đến nhất nhị tam nhãn, chứ không nói ra tên gọi, nhưng ở phẩm thứ mười lăm của bộ kinh này, là phẩm Bồ Đề Đạo Tràng, đức Thế Tôn nói về ba loại nhãn. Chư vị tổ sư đời sau giảng bộ kinh này, đều có dẫn chứng về ba loại nhãn.

Tam nhãn: Thứ nhất là Âm Hưởng Nhãn. Âm hưởng là nghe được danh hiệu. Nói về Bồ Đề đạo tràng là nói đến cây giác ngộ, công đức của cây không thể nghĩ bàn, có thể hiện tướng, hiện tướng quốc độ trong mười phương thế giới. Nếu chúng ta vãng sanh về thế giới cực lạc, nhớ lại thế giới Ta Bà ngày xưa, thời gian còn sinh sống trên quả địa cầu này, chỉ cần khởi niệm, cây Giác Ngộ cũng giống như ti vi vậy, quý vị sẽ thấy được, thấy được quá khứ, thấy được vị lai, là thấy được sắc. Cây, gió thổi cây, đây là cây thất bảo, cho nên hoa quả lá cành đều là thất bảo. Khi gió thổi vào lá cây, giống như chuông gió vậy, âm thanh đó nghe rất hay, quý vị sẽ nghe thấy âm thanh đó đang nói pháp. Trong Thập Huyền, ai học qua Thập Huyền sẽ hiểu, “một là tất cả, tất cả là một”. Đức Phật A Di Đà dùng phương pháp nào giảng kinh thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh? Quý vị nghĩ xem, hàng ngày số người vãng sanh về thế giới cực lạc, không thể tính đếm được, thế giới đó quá lớn, người niệm Phật vãng sanh trong mười phương thế giới, có bao nhiêu! Căn tánh mỗi người không giống nhau, pháp môn tu học cũng không giống nhau, về thế giới cực lạc muốn nghe kinh gì, tất cả những âm thanh mà

quí vị nghe được đều đang nói pháp, đúng là vi diệu không thể diễn tả, tùy duyên diệu dụng, về nơi đó mới biết được.

Tứ Đức trong đại kinh nói, chẳng có cái gì không phải là biểu pháp, chẳng có cái gì không chỉ bảo chúng ta, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Cho nên sự trang nghiêm thù thắng ở thế giới cực lạc không thể nghĩ bàn, mười phương chư Phật tán thán, điều này có thể là giả được sao? Từ điểm này chúng ta nên nhận biết về nó. Do âm hưởng mà khai ngộ, đây là nhân thứ nhất.

Thứ hai Nhu Thuận Nhẫn. Nhu thuận, thập đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền: “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”. Do tâm từ bi nhu nhuyễn chất trực, tùy thuận theo tánh đức. Cái gì không phải là tánh đức? Tất cả đều là tánh đức. Phàm phu không biết, mê thất tự tánh, giác ngộ rồi mới biết, trong cảnh giới đó bất luận là thanh tịnh hay nhiễm ô, là thiện hay ác, đều là tự tánh, rời tự tánh không có pháp nào hết. Vấn đề ở chỗ ta dùng tâm gì để nhìn? Nếu quí vị dùng thanh tịnh bình đẳng giác, ở đây là nói về cảnh giới Hoa Nghiêm, không có pháp nào chẳng phải cảnh giới Hoa Nghiêm. Đó là gì? Trong đại kinh chúng ta thường đọc, rất quen thuộc, gọi là cảnh tùy tâm chuyển. Trong mắt đức Phật nhìn thấy, đúng là cảnh giới Hoa Nghiêm viên mãn, viên minh cụ đức. Trong cõi người, lấy luân lý đạo đức để nhìn thế giới này, nên mới nói rằng: “nhân chi sơ, tánh bản thiện”, nhìn từ tánh, tướng là bất thiện, nhưng nhìn từ tánh thấy nó là thiện, không có bất thiện. Nếu đứng ở chỗ chúng sanh trong ba đường ác, họ thấy, họ mang theo tập khí sâu dày, họ nhìn thấy là tham sân si, cho nên pháp không có định pháp. Từ hàng Thanh Văn trở lên đều biết tất cả pháp không có thật, mộng huyễn bào ảnh, bất khả đắc, chỉ có chân tánh độc nhất tồn tại, vĩnh hằng bất biến. Nói cách khác, bất luận ở pháp nào đều có thể thấy tánh, kiến tánh thành Phật.

Tâm quí vị là tâm gì? Tâm thanh tịnh bình đẳng giác, điều này rất quan trọng. Học kinh Vô Lượng Thọ, tu tập chính là tu thanh tịnh bình đẳng giác, quả vị chứng được là đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm. Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm đây, là điều trong kinh Hoa Nghiêm đức Thế Tôn nói, tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai. Đại thừa là trí huệ, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng, tự tánh vốn sẵn có. Thông thường đứng về mặt nhân quả mà nói, nhân là thanh tịnh bình đẳng giác, quả là đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm. Hiểu được chân tướng sự thật và đạo lý này rồi, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày chúng ta sẽ biết phải dụng công cách nào, làm thế nào mới thành tựu chính mình, tất cả đều hiểu rõ.

Xa rời tất cả nhiễm ô sẽ được tâm thanh tịnh, điều này rất quan trọng, phải triệt để buông bỏ sự nhiễm ô. Chúng tôi thường nói, nói mấy chục năm rồi, buông bỏ tự tư

tự lợi, nói mấy chục năm rồi, có được mấy người thật sự buông bỏ? Buông bỏ danh vãn lợi dưỡng, nó không có thật! Những thứ này đều là phiền não, đều là chướng đạo, chẳng những chướng ngại sự chứng quả của quý vị, mà còn chướng ngại sự khai ngộ của quý vị nữa, có những thứ này thì không thể khai ngộ, cửa ngộ bị đè bẹp rồi. Sự hưởng thụ ngũ dục lục trần đều phải buông bỏ hết.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế ngài biểu diễn cho chúng ta xem, tùy duyên, đi khát thực, người ta cúng cái gì ngài ăn cái đó, vô cùng hoan hỷ, không phân biệt, không chấp trước. Bất luận cúng thứ gì, nói cho quý vị biết, vào miệng đức Phật đều trở thành thức ăn do chư thiên cúng dường, quý vị có tin không? Quý vị không tin! Đúng! Đó không phải là cảnh giới của quý vị. Chúng ta không có năng lực chuyển cảnh giới, nếu cảnh tùy tâm chuyển, đó chẳng phải là đều là thức ăn do chư thiên cúng dường sao? Dở thế nào, khó ăn cách mấy, thậm chí mọc meo, thúi rữa, đến miệng đều trở thành thức ăn ngon, ngài chuyển, ngài có cách chuyển. Chúng ta không chuyển được, chúng ta là tâm tùy cảnh chuyển, khổ quá! Chư Phật Bồ Tát là cảnh tùy tâm chuyển, sao giống nhau được? Cảnh tùy tâm chuyển là chân, tâm tùy cảnh chuyển là giả, phải hiểu đạo lý này. Vì sao? Bất luận vật chất nào cũng đều do tự tánh biến ra. Tự tánh, người xưa gọi là tánh thiện, thiện ở đây không phải thiện đối với ác, mà là từ tán thán, đẹp vô cùng, viên mãn cực kỳ, dùng ngôn ngữ nào cũng không thể tán thán hết được, bất đắc dĩ phải dùng chữ thiện, nó quá viên mãn, không hề khiếm khuyết một điều gì. Do đó, tất cả vật chất nó biến hiện ra, đều là toàn thiện toàn mỹ. Vì sao không nhận ra, tâm chúng ta bất thiện, làm hư mất hình dáng của nó. Đức Phật nói cho ta biết, trí huệ đức tướng của bốn tánh. Những thứ này ngày nay có không? Có! Ở ngay thân chúng ta, ta mê, mê nên nó bị biến chất, trí huệ biến thành phiền não, trong kinh thường nói: “phiền não tức bồ đề”, bồ đề là trí huệ, phiền não và bồ đề là một, giác ngộ rồi gọi là trí huệ, mê thì gọi là phiền não, biến chất mà. Giác ngộ rồi, phiền não hoàn toàn là bồ đề, hoàn toàn là đại thừa.

Tánh đức: giác ngộ là tánh đức, khi mê, khi mê chắc chắn làm ác, ngày nay gọi là tạo nghiệp, khi mê là tạo nghiệp.

Tướng hảo: y chánh trang nghiêm ở thế giới cực lạc là tướng hảo, khi mê biến thành lục đạo luân hồi.

Tự tánh bất sanh bất diệt, ngày nay chúng ta hiện tướng này có sanh diệt chăng? Tướng có sanh diệt vì tướng là giả, tánh bất sanh bất diệt. Tánh của một vi trần bất sanh bất diệt, tánh của một lỗ chân lông bất sanh bất diệt. Nghĩ xem thân này của ta có sanh diệt chăng? Không có, đây là nói thiệt.

Chư Phật Như Lai giảng kinh y theo Nhị Đế mà nói pháp, giảng kinh cũng có nguyên tắc, y vào đâu? Y vào Nhị Đế. Thứ nhất y vào Chân Đế, đây là cảnh giới của các ngài, tất cả đều là chân, là chân quý vị không hiểu đâu. Nói với quý vị giả, y vào quý vị, cảnh giới của quý vị là gì, y vào quý vị mà nói, quý vị sẽ hiểu hết, gọi là Tục Đế. Chân tục nhị đế, Tục Đế đi vòng, dẫn quý vị vào cửa, đến một trình độ nhất định nào đó mới nói Chân Đế cho quý vị nghe.

Trong tiểu thừa nhiều Tục Đế , ít Chân Đế .

Trong đại thừa, tông Hoa Nghiêm nói về Ngũ Giáo: Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên. Tiểu giáo là tiểu thừa, Thi giáo là bắt đầu của đại thừa, vẫn là nhiều Tục Đế , ít Chân Đế. Chung giáo, nghĩa là đại thừa gần đến chỗ viên mãn, hầu như mỗi thứ một nửa. Đốn giáo thuần túy là Chân Đế. Trong Viên giáo có đầy đủ Chân Đế và Tục Đế, nhiều Chân Đế , ít Tục Đế.

Những phương pháp, phương thức, kỹ xảo để nói pháp này, đức Thế Tôn đã làm bậc mô phạm mẫu mực cho chúng ta, những người phát tâm hoằng pháp lợi sanh phải lưu ý điểm này.

Ngày xưa thầy Lý, Lý Bình Nam lão cư sỹ rất từ bi, những kinh nghiệm của bản thân thầy, tuy là người tại gia, những lão cư sỹ có thầy truyền thừa. Thời xưa bất luận đạo Nho hay đạo Phật, đều chú trọng việc truyền thừa. Lão cư sỹ viết một cuốn sách có tên là Nghiên Cứu Giảng Giải Nội Điển. Cuốn sách này viết gì? Giống như phương pháp giảng dạy trong trường đại học sư phạm vậy, cho nên giảng kinh thuyết pháp chẳng thể không hiểu quy củ. Không hiểu quy củ, giảng có hay, lên bục giảng người trong nghề nhìn là biết ngay, người này không học qua phương pháp giảng dạy. Quý vị hiểu quy củ, lên bục giảng, người ta biết ngay người này xuất thân từ lớp chính quy, có thầy truyền thừa. Cho nên việc truyền thừa vô cùng quan trọng.

Mấy năm trước tôi mở lớp bồi huấn ngắn ngày ở Singapore, một học kỳ là ba tháng, học trò học cách giảng một bộ kinh nhỏ, bắt buộc phải học môn học này. Tôi nói tỉ mỉ hai lần, pháp sư Ngô Văn nghe máy ghi âm chép ra, viết thành một cuốn giảng ký, cung cấp cho những người sơ học làm tài liệu. Cho nên học giảng kinh, ngoài việc vun trồng ba- bốn cội rễ ra, đây cũng là một cội rễ, bắt buộc phải nghiêm chỉnh học tập. Ở đây nói tùy thuận tánh đức chính là Nhu Thuận Nhẫn.

Thứ ba, Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nói đến Vô Sanh Pháp Nhẫn, chính là vạch ra một mục tiêu cho chúng ta. Quả vị Như Lai chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nhẫn cũng có nghĩa là Tam Muội, là thiên định, còn có nghĩa là nhận khả, đồng ý. Trong đây hàm

chứa rất nhiều ý nghĩa. Đối với tất cả pháp đức Phật nói là bất sanh bất diệt, chúng ta nghe rồi chấp nhận, khẳng định, thừa nhận, không nghi ngờ, đây gọi là Vô Sanh Pháp Nhân. Chúng ta nghe đức Phật nói như vậy có khẳng định được chăng? Cảm thấy khác với những hiện tượng mà chúng ta hiểu được, ta thấy động vật có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, sơn hà đại địa có thành trụ hoại không, sao lại nói là bất sanh bất diệt? Đến khi nào ta mới thấy được bất sanh bất diệt? Lượng tử lực học thấy được bất sanh bất diệt, tất cả pháp vốn không sanh thì lấy đâu ra diệt! Thấy bất sanh bất diệt là thấy điều gì? Thấy chân tướng của tất cả pháp, chứ chẳng phải thấy giả tướng, thấy chân tướng bất sanh bất diệt. Chúng ta dùng ví dụ, các nhà lượng tử lực học dùng ví dụ, giống như những điều tôi nói vậy. Dùng thước phim điện ảnh, thước phim điện ảnh, ở đây chúng tôi có đạo cụ, đây là thước phim, quý vị thấy từng khung từng khung, mỗi khung là một tấm đèn huỳnh, đặt trong máy chiếu, chiếu lên màn hình là một tấm, đều là tĩnh chỉ, không thấy nó động, nó bất động. Tốc độ trong máy chiếu nhanh, nhanh đến mức nào? Một giây có 24 tấm, mở ống kính ra, tấm phim này chiếu lên màn hình, lập tức đóng lại, mở tấm thứ hai, một giây có 24 tấm, chúng ta thấy trên màn hình rất sống động, giống như thật vậy, kỳ thật mỗi tấm đều là đèn huỳnh trong trạng thái tĩnh, đều là một tấm hình tĩnh chỉ, bất động, lấy đâu ra sanh diệt?

Môi trường hiện thực này, môi trường sinh hoạt này, giống như đạo lý trong phim vậy, thước phim điện ảnh, tấm đèn huỳnh, hiển thị trên màn hình mỗi giây có 24 tấm. Bồ Tát Di Lặc nói, thời gian một giây dài như thế, trong môi trường hiện thực này, bao nhiêu lần sanh diệt? Ngài nói, một khảy móng tay có 32 ức bá thiên niệm. Chúng ta khảy, khảy như tôi đây vẫn chưa gọi là nhanh, tôi nghĩ còn có người nhanh hơn tôi nữa, một giây khảy được năm lần, năm lần có bao nhiêu sanh diệt? 1600 triệu, đơn vị ở đây là triệu, 1600 triệu sanh diệt. Giống như thật vậy, không nhìn thấy giả. Trên thực tế, một giây có 1600 triệu. Vì sao gọi là bất sanh bất diệt? Tốc độ sanh diệt này quá nhanh, không cách nào cảm nhận được, tốc độ của nó quá nhanh, cũng có thể nói là sanh diệt đồng thời, niệm trước diệt, niệm sau sanh, tốc độ quá nhanh, sanh diệt đồng thời, không thấy có sanh diệt, đức Phật nói bất sanh bất diệt. Quý vị nghĩ thử xem, bất sanh bất diệt có nghĩa là gì? Bất sanh bất diệt vốn không tồn tại! Cho nên trong đức Phật dạy: “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, đây là nói về chân tướng, nói về chân chứ không nói về giả, trong tất cả mọi hiện tượng, làm thế nào để nhận chân. Tất cả những hiện tượng này là gì? Tất cả mọi hiện tượng thuần túy là tánh đức, pháp nhĩ như thị. Dùng cách nói ngày nay, gọi đó là hiện tượng tự nhiên của tự tánh, nó vốn là như vậy. Trong kinh nói về khoa học, khoa học cứu cánh viên mãn, khoa học đòi hỏi bằng chứng, đưa bằng chứng đây. Kinh

Phật có bằng chứng, dùng cái gì? Dùng thiên định, công phu thiên định nông cạn khác biệt rất nhiều. Đức Phật dạy rằng tự tánh bản định. Vì sao? Bởi tự tánh vốn không dao động, chính là tự tánh bản định. Đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, đó chính là tự tánh bản định. Thủ Lăng Nghiêm Đại Định là tự tánh bản định, kinh Hoa Nghiêm nói Sư Tử Phấn Tấn Tam Muội, chính là tự tánh bản định. Tâm của ta vốn là định, hiện nay trong tâm có vọng niệm, vọng tưởng, đó là gì? Trí huệ trong tự tánh, vì mê nên biến thành phiền não, buông bỏ được những phiền não này lại trở thành bồ đề, trở thành trí huệ, quý vị phải nghĩ ra phương pháp chuyển đổi trở lại.

Những chân tướng sự thật này cho chúng ta biết, nguyên tắc là phải buông bỏ chấp trước, đừng chấp trước nữa, sẽ thành chánh giác. Buông bỏ chấp trước, chứng quả A La Hán, A La Hán đoạn được phiền não kiến tư hoặc, cũng có nghĩa là buông bỏ. Phiền não kiến tư hoặc là gì? Phiền não kiến hoặc là thấy sai lầm, phiền não tư hoặc là suy nghĩ sai lầm. Phải làm thế nào mới không sai? Không nhìn nó, không suy nghĩ nói, thì sẽ không sai, không có vấn đề gì, đó là chính xác. Phiền não kiến tư hoặc là chấp trước kiên cố, cái này vô cùng phiền phức, giác ngộ mới buông bỏ. Chúng ta phải học cách nào? Đại thừa có phương tiện, khiến chúng ta khởi tâm động niệm không nghĩ đến mình, buông bỏ được ngã chấp, buông bỏ được ngã kiến, không có ta. Trong đại thừa thật sự có phương tiện. Đại thừa dạy thế nào là ta? Biến pháp giới hư không giới là ta, đây là sự thật, không giả dối đâu. Tự tánh là ta, muôn pháp do tự tánh biến hiện ra là ta, tánh tướng không hai, tánh tướng nhất như. Tâm lượng này rộng lớn vô cùng!

Đức Phật dạy ta phải tùy duyên, không nên có thành kiến, đối lập, có đối lập là sai lầm, không thể ra khỏi luân hồi lục đạo. Trong tự tánh không có đối lập, trong tự tánh không có ngã kiến, thân kiến, điều này cần nên biết. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày phải tôi luyện, từ từ buông bỏ thành kiến, buông bỏ đối lập, buông bỏ ngã chấp, gọi đó là chân công phu, chân tu tập. Học cách hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức.

Đầu tiên tâm thanh tịnh hiện tiền, là công phu tu học thật sự đã thành tựu, tâm thanh tịnh, không còn bị ô nhiễm nữa. Ngày nay vật chất bị nhiễm ô, về sinh lý thì vật chất bị ô nhiễm, về tâm lý thì tinh thần bị ô nhiễm, hai loại ô nhiễm này, đều phải buông bỏ hết, sạch hết, thân tâm thanh tịnh. Cảnh giới như vậy, niệm Phật vắng sanh về thế giới cực lạc, sanh về đâu? Sanh về Phương Tiện Hữu Dư độ, người này không ở Phạm Thánh Đồng Cư độ mà ở Phương Tiện Hữu Dư độ. Ở thế giới Ta Bà này, kinh Hoa Nghiêm nói cảnh giới tu tập đó là trình độ nào? Lớp một, tiểu học lớp một, là Bồ Tát Sơ Tín vị trong Thập Tín. Ngạn ngữ có câu: “vạn sự khởi đầu nan”, cửa ải đầu tiên không dễ dàng đột phá, đột phá được cửa ải đầu tiên rồi, những cửa ải sau sẽ dễ dàng,

vào tiểu học lớp một rồi, lớp hai lớp ba sau này sẽ dễ dàng, cửa ải đầu tiên rất khó vượt qua.

Cửa ải đầu tiên phải đoạn năm loại kiến hoặc. Thứ nhất là thân kiến, không còn chấp trước thân này là ta, biết thân này không phải ta, nên nhớ, thân này không phải ta, phải phá thân kiến. Phải coi thân này là gì? Thân này là cái ta có, giống như quần áo vậy, quần áo là cái ta có, chứ không phải ta, thân này không phải là ta, mà là cái ta có. Ta là gì? Thông thường người ta ngộ nhận, linh hồn là ta, thân này có sinh tử, linh hồn bất tử, linh hồn đầu thai trong lục đạo. Đạo Phật gọi là thân thức, chứ không gọi là linh hồn, đạo Phật gọi là thân thức, bởi nó vẫn là mê lầm. Cao hơn chấp trước thân này, vẫn chưa đúng. Đó là gì? Là bản thân mình mê hoặc điên đảo, chẳng thể nói không phải mình, là trạng thái mê hoặc điên đảo, phải giúp nó giác ngộ, giác ngộ rồi gọi là linh tánh, linh tánh mới là ta, linh hồn không phải là ta. Giác ngộ, giác ngộ rồi gọi là linh tánh. Linh tánh tự nhiên thoát khỏi luân hồi lục đạo, linh hồn không ra khỏi lục đạo, nó mê mà, vẫn chấp trước. Linh tánh là gì? Linh tánh và linh hồn là một, không còn chấp trước, không chấp trước cái đó là ta, siêu việt lục đạo luân hồi. Cho nên không được chấp trước, chấp trước là việc không hay tí nào.

Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, mở rộng tâm lượng ra, không nên chấp trước, không nên đối lập, không nên có thành kiến, tôi nghĩ thế này thế nọ, đem sự suy nghĩ của mình gán cho người khác, đều là sai lầm. Chư Phật Bồ Tát không như vậy, các ngài tùy duyên, quý vị làm thế nào đức Phật cũng gật đầu, không có ý kiến. Đức Phật thấy quý vị làm sai, ngài cũng không có ý kiến, thấy quý vị đọa địa ngục, ngài cũng không có ý kiến gì. Vì sao? Bởi ngài biết quý vị chụi hết tội địa ngục rồi, sẽ thoát ra, ngài chờ quý vị. Ngài không có ý kiến gì hết, tuyệt vời quá!

Lục đạo phàm phu là vũ đài lớn, chúng ta biểu diễn trong đó, chư Phật Bồ Tát đứng bên cạnh xem. Ta biểu diễn có nhiễm có tịnh, có thiện có ác, có những quả báo bất đồng, các ngài đứng bên cạnh xem, thấy rất rõ ràng, không hề động tâm, không khởi tâm động niệm, dĩ nhiên không phân biệt chấp trước, tuyệt vời là ở chỗ này, đó là gì? Là tùy duyên diệu dụng. Chúng ta thì không được như vậy, vừa thấy là muốn can thiệp ngay, can thiệp là thế nào? Là vào trong vũ đài biểu diễn với họ, cho nên thật sự tu tập là qua sự việc để luyện tâm, không vào cảnh giới này thì luyện tâm ở đâu? Trong cảnh giới này luyện cái gì? Luyện tâm bất động, luyện không phân biệt, không chấp trước, rất khó.

Pháp môn tịnh độ có phương tiện đặc biệt, nghĩa là vừa khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, lập tức nghĩ đến đức Phật A Di Đà, không được có ý niệm thứ

hai, ý niệm vừa khởi là quay về đức Phật A Di Đà, dùng một câu A Di Đà Phật, thay thế cho tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước. Công đức danh hiệu này không thể nghĩ bàn. Danh hiệu có nghĩa là gì? Danh hiệu nghĩa là vô lượng giác. Nếu quý vị hiểu được, một câu A Di Đà Phật là vô lượng giác, A Di Đà Phật chính là vô lượng giác, vô lượng giác chính là A Di Đà Phật. Niệm Phật A Di Đà chính là niệm vô lượng giác, cho nên niệm Phật sẽ khai ngộ! Được vô sanh pháp nhẫn chính là khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, ngang hàng với công phu thiền định, không có cao thấp.

Chúng bất thoát chuyên, chỉ cần thành tựu vô sanh nhẫn là chúng được tam bất thoái: vị bất thoái, hành bất thoái, niệm bất thoái. Trong kinh Hoa Nghiêm, địa vị này từ sơ trụ trở lên, Viên Giác là sơ trụ trở lên, Biệt Giác là sơ địa trở lên. Chẳng những siêu việt lục đạo, mà siêu việt mười pháp giới, siêu việt mười pháp giới, người này về đâu? Về nhất chân pháp giới, về Thật Báo Trang Nghiêm độ của đức Phật A Di Đà, sao giống được? Quý vị niệm Phật nhất định phải ghi nhớ, tình chấp càng sâu, càng nhiều phiền phức đối với mình, khi lâm mạng chung có được vãng sanh hay không là một vấn đề lớn, tình chấp nặng không nắm chắc phần vãng sanh, cho nên tất cả cứ mặc nó, để nó đi! Để trong tâm những việc này làm gì?

Sáng nay có một người đến thăm tôi, tôi nghĩ chắc có người lường gạt ông ấy, gạt ông ấy một số tiền, ông ấy nhất định muốn tìm lại, đến hỏi tôi, tôi không biết sự việc này, tiền là vật ngoài thân, mất rồi thì thôi! Ông dùng cũng tốt, người đó dùng cũng hay! Đâu cần phải tính toán như vậy? Quan sát chỗ này sẽ biết được người đó có thật sự học Phật hay không, mất nhiều hơn nữa cũng coi như không có chuyện gì, vì sao? Khi sanh ra không mang tới, chết rồi chẳng mang theo, vì sao không nghĩ đến đức Phật A Di Đà, nghĩ đến những thứ này làm gì? Sai lầm rồi! Người thật sự học Phật, không có việc gì chẳng tự tại, thời thời khắc khắc pháp hỷ sung mãn, thật sự được lợi ích. Quý vị nên biết chúng bất thoát chuyên là cảnh giới như vậy.

“Khả chúng Di Đà danh hiệu, diệu đức nan tư”. Then chốt của câu này nằm ở chữ diệu, Hoàn Nguyên Quán nói “tùy duyên diệu dụng”, ý nghĩa của hai chữ “diệu” này giống nhau, “tùy duyên diệu dụng” chính là “diệu đức nan tư”.

“Nhu đông mật”, đông mật là mật tông của Nhật Bản, họ tu quán chữ “A”. “*Nhu đông mật a tự quán vân. Tự a tự xuất nhất thiết đà la ni, tự nhất thiết đà la ni sanh nhất thiết Phật*”.

Chữ A trong văn tự ngày nay là âm mẫu, âm đầu tiên trong mẫu âm. Trên thế giới này, bất đồng văn tự rất nhiều, nhưng mẫu âm đầu tiên phát ra đều là chữ a. Thật sự, vừa mở miệng ra là phát ra âm a. Tất cả ngôn ngữ, đều từ âm a này biến hóa ra, cho

nên nó là mẫu âm đầu tiên, âm nguyên thủy đầu tiên, có thể hiện ra tất cả đà la ni. Đà la ni là tiếng Ấn Độ, dịch sang tiếng Hán là chú, chú ngữ.

“Tự nhất thiết đà la ni sanh nhất thiết Phật”, trong mật tông, tu tập trong mật tông chú trọng ở chỗ tam mật tương ưng. Chú có nghĩa gì không? Có chú có, có chú không, chú có ý nghĩa ít, chú không có ý nghĩa nhiều, vì sao? Bởi có ý nghĩa quý vị sẽ suy nghĩ lung tung, không có ý nghĩa quý vị sẽ chẳng suy nghĩ được, cái này hay! Trong kinh Phật rất nhiều chú, chẳng những chúng ta không hiểu, mà người Ấn độ cũng không hiểu được, chẳng những người Ấn độ không hiểu mà quỷ thần cũng không hiểu được.

Chư Phật Bồ Tát dùng phương pháp này để dạy ta điều gì? Dạy ta buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước. Có phương pháp này, quý vị chỉ niệm thôi, không có ý nghĩa gì hết, chẳng có gì để suy nghĩ, cứ theo đó mà niệm, niệm lâu ngày, tâm sẽ định, cho nên đọc chú là dạy ta được định, cũng có ý nghĩa, có ý nghĩa là dạy ta quán tưởng. Tam mật nghĩa là miệng trì chú, tay kiết ấn, tâm quán tưởng, gọi là tam mật tương ưng. Không tương đồng là để tiếp dẫn những căn tánh không tương đồng, chư Phật Bồ Tát có năng lực, các ngài có thể quán căn cơ chúng sanh, người này thích hợp dùng phương pháp nào, ngài sẽ dùng phương pháp đó, thời gian rất ngắn là người này thành tựu, đây là lợi ích thù thắng nhất khi gặp Phật. Đức Phật thấy đời nay qua đời khác ta làm những việc gì, tu tập pháp môn nào, ngài biết rõ hết, cho nên phương pháp ngài dạy rất khéo cơ. Vì sao? Bởi trong đời quá khứ ta đã từng học qua, tiếp tục tu dễ dàng thành tựu, đạo lý là như vậy.

Chư vị tổ sư dạy chúng ta, đọc tụng, nghe kinh, đều không cho dùng tâm phân biệt chấp trước, dạy ta nghe kinh lìa tướng nói năng, không nên phân biệt chấp trước lời nói. Lìa tướng danh tự, những danh từ thuật ngữ trong kinh, không nên chắt chửa trong lòng. Lìa tướng tâm duyên, không nên suy nghĩ câu nói này có nghĩa là gì, cứ thế mà nghe, Dùng cái gì? Dùng trực giác, dùng trực giác mới dễ dàng đạt được tâm thanh tịnh, nghĩa là trong tâm không có ý niệm gì hết, tập trung tinh thần vào việc nghe kinh, đọc kinh cũng như vậy, toàn bộ tinh thần tập trung vào việc đọc kinh, không chấp trước tướng văn tự, không chấp trước tướng danh tự, cũng không cần suy nghĩ văn tự này có nghĩa là gì, không cần suy nghĩ. Đó là gì? Là tu giới, định, huệ, tôi đã nói qua nhiều lần rồi. Một lúc cử đủ tam học giới định huệ, khi nghe giảng dùng phương pháp này, nghe giảng hai tiếng đồng hồ, thì hai tiếng đồng hồ đó tu giới định huệ. Đọc kinh hai tiếng đồng hồ, cũng đang tu giới định huệ, trong tâm không khởi lên một vọng niệm nào hết, lâu ngày chày tháng hoát nhiên đại ngộ, sẽ thấy tánh.

Trong truyện ký ta thấy người xưa tu tập, ba năm, năm năm khai ngộ, tám năm, mười năm khai ngộ, thời gian không giống nhau, đến cuối cùng đều khai ngộ. Chúng ta biết thời gian không giống nhau, bởi tập khí phiền não dày mỏng không đồng, người phiền não nhẹ dễ dàng khai ngộ, người phiền não nặng thời gian dài hơn một chút, chỉ cần nắm vững không buông, cứ như thế mà dụng công, chẳng có người nào không khai ngộ. Ngộ rồi khởi tu, ngộ rồi khởi tu là trải qua sự việc để luyện tâm. Xem trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, khi đối nhân xử thế có khởi tâm phân biệt chấp trước hay không? luyện công phu như thế. Có đại từ đại bi giống như chư Phật Bồ Tát chăng? Thật sự buông bỏ, thì tâm vô duyên đại từ, đồng thể đại bi lưu xuất ra. Sau khi lưu xuất ra, sẽ có phương tiện tiếp dẫn chúng sanh. Nhân duyên chúng sanh được độ không giống nhau, khi nào họ thành thực, quý vị nhìn thấy một cách rõ ràng, đã thành thực chắc chắn quý vị giúp cho họ khai ngộ, đại triệt đại ngộ. Chưa thành thực quý vị giúp họ tiến lên, từng bước từng bước tiến lên. Người không có thiện căn, giúp họ trồng thiện căn. Đây gọi là giáo hóa chúng sanh tam căn phổ độ. Không riêng tịnh tông tam căn phổ độ, tông môn giáo môn cũng không ngoại lệ. Chẳng có pháp nào không tương ứng với Thập Huyền Môn, cho nên mới nói viên minh cụ đức, trong tất cả pháp, pháp nào cũng viên minh cụ đức. Đây là nói về một chữ, một chữ cũng là viên minh cụ đức. “Nhất tự chi trung chủ bạn công đức vô lượng vô biên, thị tức viên minh cụ đức chi huyền ý”.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới. *Hựu bi quốc độ. Chỉ cho thế giới tây phương cực lạc. Sắc thanh hương vị xúc, nhất nhất viên minh cụ đức. Cố kiến quang kiến thụ văn thanh khứu hương, mặc bất tăng ích thiện căn.* Tăng ích thiện căn nghĩa là tăng trưởng thiện căn.

Chư vị tổ sư của tông môn, hỏi chúng ta, “ông biết không”. Sự nhắc nhở này vô cùng quan trọng, vì sao? Nếu quý vị biết, sẽ giống chỗ này, không khác gì thế giới cực lạc, vấn đề ở chỗ quý vị có biết hay không. Nếu biết, ở đoạn này nói thấy quang, thấy cây, nghe thanh, ngửi hương, đều là tăng trưởng thiện căn của quý vị.

Thiện căn là gì?, thông thường nói rằng năng tín, năng giải là thiện căn. Sau năng tín năng giải là năng ngộ.

Xã hội ngày xưa chưa có khoa học kỹ thuật, chưa có những phương tiện truyền thông, chưa có phương tiện giao thông dễ dàng như ngày nay, giữa con người và con người, có nhiều người đến chết cũng không qua lại với nhau, sống trong thôn này, cả đời cũng không qua thôn bên kia, cho nên xã hội an định, tâm định. Xã hội ngày nay loạn. Tâm định tu tập dễ dàng, bất luận là Thích, Đạo, Nho đều có cao nhân. Vì sao?

Bởi họ bị ô nhiễm không nhiều, rất ít nhiễm ô, tâm địa chân thành, tiếp cận thuần tịnh thuần thiện.

Bậc đế vương thời xưa đều là thánh nhân, người TQ tôn xưng hoàng đế là thánh vương, mệnh lệnh của hoàng đế gọi là thánh chỉ. Đất nước TQ không giống phương tây, chế độ quân chủ phương tây, quân chủ là bá đạo (ngang ngược), TQ không như vậy, những đế vương chân chánh của TQ, được người dân quý mến, vì sao? Bởi họ có đức hạnh, họ đã tiếp nhận nền giáo dục hay. Tổ tông tích đức, bản thân có sự tu dưỡng tốt, mới đạt được địa vị này, cho nên họ lo cho nhân dân vô cùng chu đáo, nhiệm vụ của đế vương có ba chữ: quân thân sư, nghĩa là ba nhiệm vụ của đế vương.

Quân là người lãnh đạo, dẫn dắt nhân dân bá tánh đi đến đâu, quân dẫn đầu! Quân dẫn đầu chắc chắn là “hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình”, bản thân đức vua thực hành, người dân khâm phục, ủng hộ, theo đức vua, nghe lời đức vua.

Nhiệm vụ thứ hai là thân, là cha mẹ của muôn dân, phải nuôi dưỡng họ, nói cách khác, chăm lo đời sống vật chất cho họ.

Nhiệm vụ thứ ba là thầy giáo, phải dạy họ nên người. Nhiệm vụ của bậc đế vương thời xưa có ba chữ, dẫn dắt họ, chăm lo đời sống cho họ, và phải dạy dỗ họ nữa. Cho nên vị quân chủ này, thật sự khiến người dân kính phục, quý mến. Quốc gia này, dân tộc này, mấy ngàn năm rồi trường trị cửu an là nhờ vào họ, họ làm hay quá.

Mười mấy năm về trước, khi tôi mới đến Singapore, pháp sư Diễn Bồi di dân qua bên đó lâu rồi, nghe nói tôi đến Singapore, tôi không báo với thầy ấy nhưng thầy biết, thầy đến sân bay đón tôi, tôi vô cùng cảm động, thầy cũng là vị pháp sư giảng kinh, chúng tôi là bạn. Một hôm thầy mời tôi ăn cơm, hỏi tôi một vấn đề. Thầy nói: pháp sư Tịnh Không, thầy tán thành quân chủ hay tán thành dân chủ? Tôi nói, tôi tán thành quân chủ chứ không tán thành dân chủ. Thầy hỏi vì sao? Quân chủ có trách nhiệm, dân chủ không có trách nhiệm. Vì sao? Thời quân chủ, ngày nhậm chức hôm đó, mệnh lệnh đầu tiên là lập thái tử, vun bồi người kế thừa, họ có trách nhiệm, thật sự vun bồi. Dân chủ không có, ở nước ngoài bốn năm một nhiệm kỳ, sau bốn năm chẳng biết có tiếp tục trúng tuyển hay không, cho nên những điều họ nghĩ cho dân, đều là quá trình ngắn, chứ không dài. Nếu gặp người bất thiện, tuyển cử hao tốn nhiều tiền tài như thế, trong bốn năm này nhất định phải lấy lại, còn phải kiếm thêm một mớ tiền nữa, họ xem như là một việc buôn bán vậy, người dân khổ biết bao. Họ chỉ lo lợi ích cho riêng mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của nhân dân. Quân chủ không như vậy, nếu quân chủ không nghĩ đến lợi ích cho nhân dân, thì sẽ bị nhân dân lật đổ. Đế vương đời cuối cùng đã

phạm phải sai lầm này, bỏ qua lợi ích của nhân dân, cho nên nhân dân khởi nghĩa lật đổ họ, họ bị mất nước. Muốn đời đời kiếp kiếp truyền thừa, thì nhất định phải làm tốt.

Thầy giáo của tôi, thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi, khi đó tôi còn rất trẻ, thầy bảo tôi đọc cuốn Chu Lễ, tôi thích đọc sách cổ, chưa đọc qua cuốn Chu Lễ, thầy Phương nói rất nhiều lần, nhưng tôi vẫn chưa đọc cuốn sách này. Thầy nói cuốn sách này rất hay, hiến pháp nhà Chu. Do ai viết? Do Chu Công viết. Chu Công là em của Chu Vũ Vương, đại pháp trị nước! Thầy Phương giới thiệu với tôi như vậy. Cho đến ngày nay, có thể nói đây là cuốn hiến pháp đầy đủ nhất trên thế giới. Tôi chưa từng đọc, đến nay vẫn chưa từng đọc, tôi không có hứng thú với vấn đề chính trị. Thầy Phương nói, nếu triều đại nhà Chu, con cháu nhà Chu, đều y giáo phụng hành, thì TQ hiện nay có lẽ vẫn là triều đại nhà Chu. Triều đại nhà Chu truyền thừa 800 năm, con cháu đời sau không tôn trọng sự dạy dỗ của tổ tông nên mất nước. Trong tam lễ, tôi chỉ xem qua mấy thiên trong Lễ Ký, cũng không xem hết toàn bộ. Sau này học Phật rồi, thấy Phật pháp hay, chính thầy Phương nói, học Phật là sự hưởng thụ tối cao của con người. Con người muốn đạt được sự hưởng thụ tối cao, phương pháp của tôi là không quản lý ba việc: không quản lý người, không quản lý việc, không quản lý tiền, vui biết bao! Có quản lý là có phiền phức. Ngạn ngữ của đạo Phật có câu, nói về người xuất gia, quý vị muốn hại người kia, thì hãy mời họ làm trụ trì, làm tri sự. Không phải có ý tốt đâu, hại họ đấy! Người này quản lý công việc, phiền phức đầy mình. Nói cách khác, họ đang tạo nghiệp đấy, tương lai quả báo ở đâu? ở tam đồ, là sự thật, không phải giả đâu.

Ai làm tri sự, làm trụ trì trong chùa? Là người có tu. Chúng ta thấy trong cổ tích, rất nhiều vị trụ trì đều là chư Phật Bồ tát tái lai, các ngài đến phục vụ cho mọi người, họ chẳng phải người phàm, họ là bậc thánh tái lai.

Khi tôi mới học Phật, lúc giảng kinh đã nói qua rất nhiều lần. Tôi nghĩ, trước bốn mươi tuổi nên gắng công học tập, phải có sự thành tựu trong đạo nghiệp, như Phu Tử nói: mười lăm tuổi lập chí học tập, ba mươi tuổi đứng vững. Chúng ta học Phật, dĩ nhiên không phải học từ nhỏ, thật sự bắt đầu hiểu được Phật pháp, cũng hai mươi mấy tuổi rồi, cũng phải có mười mấy năm công phu, đến bốn mươi tuổi đứng vững được, trong Phật pháp mới có thể đứng vững, nền tảng sâu dày. Kế đến là báo ân, chẳng thể không báo ân. Báo ân nghĩa là phải làm việc cho thường trụ, phải phục vụ từ 40-60 tuổi, 20 năm phục vụ cho đạo Phật đó là báo ân. 60 tuổi về sau là nghỉ hưu, tự mình nghiêm chỉnh nỗ lực học tập. Sau khi nghỉ hưu, một là tu, hai là dạy học, giảng kinh thuyết pháp, hướng dẫn người tu hành, không quản lý công việc nữa. Điều này là chúng tôi suy nghĩ cho môi trường xã hội ngày nay, chúng ta chu đáo mọi mặt, nhất

định phải hộ trì thường trú, là hộ pháp nội hộ cho thường trú. Trụ trì, phương trượng, tri sự đều là nội hộ, thật sự có tu hành, có đức hạnh, họ hiểu được nên vun bồi cho đời sau, dạy dỗ cho đời sau nên người, để họ làm người kế tiếp.

Đoạn này nói, câu đầu tiên vô cùng quan trọng: “sắc thanh hương vị xúc, nhất nhất viên minh cụ đức”, câu này rất quan trọng. Thế giới cực lạc như vậy, thế giới của chúng ta cũng không ngoại lệ, ở nơi đó là hiển, thế giới chúng ta là ẩn, có, nhưng ta không biết, ở nơi kia có, mọi người đều biết, cho nên có thể tăng trưởng thiện căn. Xem tiếp đoạn dưới, đều trong kinh văn.

Nhược hữu chúng sanh, kiến ngã quang minh, chiếu xúc kỳ thân, mạc bất an lạc, từ tâm tác thiện.

Tóm lại, mấy câu này nói, thế giới tây phương cực lạc, do đức hạnh của Phật và chư đại Bồ tát chiêu cảm. Quý vị thấy được các ngài, chẳng thể không cảm động, sẽ đem tâm chân thành cung kính ra học tập với các ngài, các ngài có sức mạnh nhiếp thọ. Cho nên nói những chúng sanh này về thế giới cực lạc, “kiến ngã quang minh”, ngã ở đây là đức Phật A Di Đà tự xưng. Tướng hảo quang minh, khi tiếp xúc với ngài, nghĩa là thế nào? Trí huệ bát nhã nơi tự tánh lưu xuất ra, đức tướng của tự tánh, quý vị sẽ được chiêu cảm, chiếu đến thân. Ngay khi đó, nó dẫn tới trí huệ quang minh trong tự tánh của quý vị, nó đã phát khởi. Cho nên “phiếm ái chúng nhi thân nhân”, câu này hay quá. Từ tâm làm thiện chính là phiếm ái chúng, tự nhiên tánh đức hiện tiền, giống như đức Phật A Di Đà vậy, như chư Phật, chư Đại Bồ Tát, Quán Âm, Thế Chí vậy. Đầu tiên bản thân mình được an lạc, nghĩa là được pháp hỷ, sau đó triển khai tâm từ bi của chính mình ra, lợi mình lợi người. Học đến đây chúng ta thấy, người dạy học trước nhất định phải được giáo dục, bản thân mình học được rồi, mới có thể dạy người! Ở thế giới tây phương cực lạc, đức Phật A Di Đà dạy cho mình rồi, bản thân mình thành tựu cứu cánh viên mãn, cho nên tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới, vừa tiếp xúc với ngài là chịu sự ảnh hưởng. Nguyên nhân gì? Là sự chiêu cảm của đức tướng trí huệ. Sức mạnh chiêu cảm lớn, chỉ cần được chiêu cảm, là không muốn rời xa ngài.

Khi tôi còn trẻ, theo Chương Gia đại sư, ngài thật sự có năng lực nhiếp thụ, như lời của người thời nay nói, từ trường của ngài rất tốt. Không có việc gì cũng muốn ở bên ngài một hai tiếng đồng hồ, tuy không nói chuyện cũng cảm thấy vô cùng viên mãn, cảm nhận được nhiều lợi ích. Ngài rất ít nói, hiếm có, ba năm cuối đời, mỗi tuần ngài cho tôi hai tiếng đồng hồ, đó là gì? Là thân giáo.

Chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sanh, lấy thân giáo là chủ, ngôn giáo là phụ giúp, có vấn đề gì đó đến thưa hỏi, ngài giải đáp. Nhiều vấn đề, quý vị lãnh ngộ được từ ngôn ngữ cử chỉ của ngài.

Ba dương vô lượng vi diệu âm thanh.

Nói về ao sen, ao sen thất bảo, nước tám công đức, bên ngoài giảng đường.

Đắc văn như thị chủng chủng thanh dĩ, kỳ tâm thanh tịnh, vô chư phân biệt, chánh trực bình đẳng, thành thực thiện căn.

Đoạn trước nói tăng ích thiện căn, ở đây nói thành thực. Tăng ích là tăng trưởng, thành thực rồi. Nghĩa là gì? Trong ao sen, thấy hoa sen, nghe được tiếng nước chảy trong ao sen, phát ra vô lượng âm thanh vi diệu. Chẳng có cái gì không phải đức Phật A Di Đà đang giảng kinh thuyết pháp, đang dạy học. Đây là tánh đức phát huy một cách viên mãn, về thế giới cực lạc sẽ thấy được hết. Nghe được âm thanh này, những điều thấy được, nghe được, tâm quý vị thanh tịnh.

Nghĩ đến môi trường của chúng ta ngày nay, những điều ta thấy ta nghe, khiến ta sanh phiền não. Những điều thấy được khiến quý vị như thế nào? Khiến quý vị sanh tâm tham sân si, khiến quý vị sanh khởi tâm muốn chiếm lấy, muốn khống chế, sanh khởi tâm tự tư tự lợi, sanh khởi tâm tổn người lợi mình, sanh khởi những tâm niệm như vậy. Cho nên hai thế giới này hoàn toàn khác nhau. Về thế giới cực lạc, nhìn thấy sắc, nghe được âm thanh, sanh khởi thanh tịnh bình đẳng giác, không giống nhau.

Tâm thanh tịnh, “kỳ tâm thanh tịnh”, tâm thanh tịnh hiện tiền, “vô chư phân biệt”, tâm bình đẳng hiện tiền, “chánh trực bình đẳng”, giác tâm hiện tiền, chánh trực nghĩa là chân thành, hiện tâm chân thành thanh tịnh bình đẳng giác. Nghĩa là ở thế giới cực lạc, lục căn tiếp xúc, mắt thấy, tai nghe, ngửi được bảo hương, nếm được, tiếp xúc đến, đều có thể tăng trưởng thanh tịnh bình đẳng giác, thành thực thanh tịnh bình đẳng giác. Đại trí đại đức đại năng của Đức Phật A Di Đà giáo hóa chúng sanh, ở thế giới cực lạc mới thể hiện viên mãn, bởi nơi đó không có chướng ngại, nơi đó không có tập khí bất lương. Về nơi đó không thành Phật, chưa đoạn tập khí phiền não, cũng bằng như thành Phật. Chưa đoạn tập khí phiền não, nhưng ở thế giới đó không khởi hiện hành, phiền não không thể sanh khởi. Ở thế giới cực lạc tham sân si không thể sanh khởi, không có gì để tham, vì sao? Tất cả những thứ quý vị cần đều có đầy đủ rồi, còn muốn tham sao? Kỳ thật chúng ta sanh trong môi trường này, ở thế giới này, cái quan trọng nhất nhưng mọi người lại không tham, nghĩ thử xem quan trọng nhất là cái gì? Là không khí, chỉ cần mười phút không có không khí là mất mạng thôi, cái này quan trọng

hơn bất cứ cái gì khác, ai tham không khí? Chẳng có ai tham cả, vì sao? Vì nó nhiều quá. Ở thế giới cực lạc nhiều quá, quý vị tham vàng, vàng mang lót đường đi, quá nhiều rồi. Quý vị muốn tham trân bảo, thích châu báu, châu báu làm vật liệu xây dựng, quý vị muốn những thứ này sao? Có quá nhiều. Tài nguyên phong phú, lấy không tận, dùng không hết, cho nên không cần nữa. Phòng ốc tùy tâm muốn gì, muốn phòng ở như thế nào, nó bèn biến thành như thế đó, muốn làm bằng vật liệu gì, nó biến thành vật liệu đó. Trong kinh nói, muốn ở trên mặt đất, phòng ở sẽ trên mặt đất, muốn ở không trung nói sẽ bay lên không trung, trong phòng sạch sẽ không có gì hết, vì sao? Bởi muốn thứ gì, thứ đó sẽ hiện ra, muốn thay bộ quần áo, quần áo đã mặc lên người, quần áo cũ tự biến mất, không cần cởi bỏ, không cần nơi cất giữ, không cần! Cho nên phòng ốc rất đơn giản, bên trong sạch sẽ không nhiễm một bụi trần, quý vị nghĩ xem tự tại biết bao! Không khởi tâm tham thức ăn đồ mặc, qua lại với tất cả mọi người, mọi người đều hòa khí như thế, dễ thương như thế, cho nên không thể sanh khởi tâm sân hận, tâm ngã mạn cũng không thể sanh khởi. Bất luận là con người, là sự việc hay hoàn cảnh, ở thế giới cực lạc, chắc chắn không khởi phiền não. Cho nên người phiền não nặng phải hạ quyết tâm, mau về thế giới cực lạc, mới có sự thành tựu.

Lưu bố vạn chủng ôn nhĩ đức hương. Nghĩa là gì? Là mũi người được, đoạn trước nói về mắt thấy, tai nghe, đoạn này nói mũi người, “lưu bố vạn chủng ôn nhĩ đức hương”, nguyên cả thế giới cực lạc, giống như không khí vậy, không khí bên đó tốt lắm. Không khí của chúng ta bên này hiện nay bị ô nhiễm nghiêm trọng, nhất là ở Hongkong.

Ngày xưa tôi đọc một cuốn sách, tiên sỹ Thang Ân Tử nói chuyện với Điền Trì Đại người Nhật, cuốn sách này ghi chép lại. Tiên sỹ Thang Ân Tử nói: trên thế giới đô thị không thích hợp cho con người cư trú, một là Hongkong, Hongkong đứng số một, quý vị nên biết đó là năm 70. Lần đầu tiên tôi đến Hongkong giảng kinh, năm 1977, Hongkong ngày đó đẹp hơn bây giờ rất nhiều, Thang Ân Tử nói vào thời điểm đó, đô thị này không thích hợp cho con người cư trú, bây giờ còn xấu hơn ngày xưa nhiều. Ngày nay chúng ta cảm nhận được sự ô nhiễm nghiêm trọng, nước biển ô nhiễm, nhân công đắp đất, biển hải cảng Duy Đa Lợi Á thành vũng nước nhỏ, ngày xưa chỗ này rất rộng, muốn qua bên kia phải đi thuyền, nhân khẩu chưa đông, nhà lầu chưa cao, thông thường cao ốc chỉ khoảng 14-15 tầng. Năm tôi đến Hongkong, họ xây dựng cao ốc đầu tiên là 50 tầng, đây là tòa nhà cao nhất Hongkong. Người dân ở Hongkong cũng rất dễ thương, họ sống có tình người, hoàn toàn khác với ngày nay. Cũng may tiên sỹ Thang Ân Tử đã qua đời, đã rời bỏ thế giới này rồi.

Không khí ở thế giới tây phương cực lạc, “kỳ hữu văn giả”, hít thở, khi hít thở “trần lao cầu tập tự nhiên bất khởi”. Khi hít thở không khí bên đó, đều có thể thành tựu thanh tịnh bình đẳng giác của chính mình.

Phong xúc kỳ thân an hòa diệu thích, do như Tỳ Kheo đắc diệt tận định.

Cảnh giới này chúng ta không cách nào tưởng tượng được, “Tỳ kheo đắc diệt tận định”. Trong thiền định, có hỷ duyệt, có hoan hỷ. Người tu định, ở cõi sắc giới không cần ẩm thực. Dùng cái gì để nuôi dưỡng thân thể? Dùng thiền định, thiền duyệt vi thực, dùng thiền định, các nhà khoa học ngày nay gọi là ý niệm, hoàn toàn dùng ý niệm, không cần những vật chất bên ngoài, tự mình có thể điều tiết. Ở cõi sắc giới ẩm thực rất ít, 18 tầng trời ở cõi sắc giới, càng lên trên càng ít, đến cõi trời vô sắc giới thì không cần ẩm thực nữa, tinh thần no đủ, pháp hỷ sung mãn. Đạt được diệt tận định, bậc A La Hán chúng được diệt tận định. Kinh Lăng Nghiêm gọi là cứu thế đệ định.

Hựu nhược hữu chúng sanh, đồ bồ đề thọ, văn thanh, khứu hương, thường kỳ quả vị, xúc kỳ quang ảnh, niệm thọ công đức, giai đắc lục căn thanh triệt, vô chư não hoạn, trụ bất thoái chuyển, chí thành Phật đạo.

Trong đoạn này, chú trọng câu “thường kỳ quả vị”. Trong lục căn, cũng nói đến thiệt căn, đoạn trước nói về nhãn, nhĩ, tỷ, đoạn này nói về thiệt. Lục căn duyên với cảnh giới lục trần, ở thế giới của chúng ta đều là khổ. Trong kinh đức Phật dạy: “âm khổ thực độc”. Cuộc sống của chúng ta ngày nay thật đáng thương, vì sao? Bởi bị ô nhiễm nghiêm trọng. khoa học kỹ thuật không phải là hay, bình tĩnh mà quan sát, nó mang đến cho ta sự phương tiện không nhiều, nhưng cái giá ta phải trả quá đắt. Phải trả giá như thế nào? Là quả địa cầu này bị hủy diệt, quý vị nghĩ xem có đáng không? Khoa học kỹ nghệ tạo thành sự nhiễm ô, mọi người đều biết, đất và nước bị ô nhiễm rất rõ ràng. Ngày nay nhiều người đang kêu gọi, trong tương lai, tương lai sắp tới, người sống trên quả địa cầu này không có nước sạch, không có nước uống, vấn đề này vô cùng nghiêm trọng!

Đất bị nhiễm ô, nhiễm ô phân bón và thuốc trừ sâu nghiêm trọng, trồng cây được, trồng cây xong, mảnh đất đó không thể trồng cây được nữa, nó bị nhiễm độc rồi, làm sao đây? Những thứ khoa học kỹ thuật này đổ vào đó, nó lớn lên trông rất đẹp mắt, lớn nhanh, nhiều, nhưng giá trị dinh dưỡng, đem so với nhân công làm ngày xưa còn kém xa lắm, không có dinh dưỡng. Độc tố trong nước, đất cũng có độc tố, đến khi nào mới có thể làm sạch, mới trở lại bình thường đây? Không phải là thời gian ngắn đâu. Ngày nay khoa học kỹ thuật phát đạt, chặt phá rừng, phá hoại sinh thái tự nhiên, gây nên điều gì? Gây nên hạn hán, ngập lụt, bão táp. Tham sân si mạn của nhân loại, tâm

thái bất thiện gây nên, thiên tai nghiêm trọng, nhiệt độ của quả địa cầu cao lên, từ cực của nam bắc cực có sự biến hóa, không phải là hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tự nhiên là ôn hòa, đây là do con người gây nên.

Giới khoa học ngày nay từ từ cảm nhận được, khoa học kỹ nghệ sắc bén nhất là lượng tử lực học thời cận đại, họ đã phát hiện, những điều họ nói gần giống như những lời dạy của đức Phật trong kinh điển đại thừa. Họ đã tìm thấy và phát hiện ra những thứ cơ bản, chính là hiện tượng vật chất, họ nói vốn không có cái gọi là vật chất thật sự. Vật chất là gì? Vật chất là huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục mà có. Phật pháp nói : “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nó tùy theo ý niệm của con người mà chuyển biến, nếu ý niệm thiện, chẳng có gì là không thiện, vật chất cũng thiện, hiện tượng tinh thần cũng thiện, tất cả đều là thiện. Ý niệm bất thiện, trên thế gian này chẳng có cái gì là thiện.

Nhà khoa học lượng tử, thật sự mang đến cho con người thời nay một tia hy vọng sống. Họ nói, muốn hóa giải thiên tai, thì phải điều chỉnh lại cách sinh hoạt hàng ngày của ta, thay đổi ý niệm của ta, tất cả những ý niệm bất thiện, phải buông bỏ hết. Phật pháp nói tùy thuận tánh đức, chẳng có gì là không viên mãn. Thế giới cực lạc 100% là tùy thuận tánh đức, cho nên môi trường sinh sống mới tốt đẹp như vậy. Thế giới của chúng ta và thế giới cực lạc, chẳng hề khác nhau. Vật chất hình thành ở thế giới cực lạc, hoàn toàn tương đồng với thế giới của chúng ta, đều là ý niệm tích lũy mà hiện ra huyền tướng. Ý niệm của con người ở thế giới cực lạc thiện, thuần tịnh thuần thiện, hoàn toàn tương ứng với tánh đức. Quả địa cầu này, những người sống trên quả địa cầu này, tâm hành bất thiện, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, đạt đến điểm bão hòa. Khởi tâm động niệm đều là tôn người lợi mình, hoàn toàn là lợi ích cá nhân, ngay cả cha mẹ mình cũng không ngần ngại, cho nên thiên tai trên quả địa cầu ngày nay mới nhiều như thế. Chúng ta vô cùng biết ơn các nhà khoa học lượng tử, họ nói về cõi rỗi này một cách rõ ràng, ấn chứng những lời dạy trong giáo pháp đại thừa. Chúng ta từng học qua, cuốn Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, trong đó nói về duyên khởi của vũ trụ, được các nhà lượng tử lực học chứng minh, từ nhất thể khởi nhị dụng, từ nhất thể, nhất thể ở đây họ chưa nói đến, không thể nói được, họ phát hiện ra khởi nhị dụng. Khởi nhị dụng nghĩa là một niệm bất giác, A Lại Da xuất hiện. Tiếp cận ba loại chu biến, nhưng không rõ ràng như trong Hoàn Nguyên Quán nói. Một niệm chu biến pháp giới, một niệm xuất sanh vô tận, một niệm hàm dung không hữu, họ không nói rõ được như Phật pháp đã nói.

Hành tứ đức, họ đề xướng tứ đức, nhất định chú trọng chỗ đức hạnh. Đức hạnh từ tự tánh lưu xuất ra, người xưa nói tánh bản thiện, đều từ bản thiện lưu xuất ra.

Người xưa dùng bốn đại cương, Phật pháp nói bốn khoa, gồm ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Bốn khoa này chính là tánh đức, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tương ứng với bốn khoa này, không tương phản, quả địa cầu này sẽ phục hồi trở lại bình thường, trở lại bình thường sẽ giống như thế giới cực lạc.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho ta thế giới cực lạc, nói cho ta biết cư dân ở thế giới đó, đều là “chư thượng thiện căn câu hội nhất xứ”, câu này rất quan trọng. Vì sao thế giới đó tốt, tâm con người tốt, thượng thiện mà! Có thầy giáo giỏi hàng ngày dạy học, chư Phật Bồ Tát ở đó, hàng ngày chăm sóc, nhắc nhở mọi người, ác niệm cực kỳ vi tế cũng không có. Thế giới của chúng ta vốn giống như thế giới đó, ý niệm của cư dân nơi đây không tốt, ý niệm của người xưa, có thầy giáo giỏi hướng dẫn, dạy luân lý, đạo đức, nền giáo dục tốt. Đất nước trung hoa, có được hiệu quả trường trị cửu an, là do bốn điều này, truyền thừa mấy ngàn năm rồi.

Ngũ luân: Phu tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín.

Ngũ thường: Nhân nghĩa lễ trí tín

Tứ duy: Lễ nghĩa liêm sỉ

Bát đức: Trung hiếu nhân ái tín nghĩa hòa bình

Là những thứ này, giảng hết rồi, mấy ngàn năm, triều này qua triều khác, chư vị cổ thánh tiên hiền, lưu lại cho ta nhiều trước tác. Hoàng đế Càn Long đời nhà Thanh, gom lại thành một bộ sách, mang tên Tứ Khố Toàn Thư. Quý vị xem có cuốn sách nào, rời bốn khoa này chẳng? Không có. Các vị cổ thánh tiên hiền, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đều tuân thủ theo bốn khoa này, đất nước này được trường trị cửu an. Một trăm năm nay bị bỏ qua, nhất là 50 năm - nửa thế kỷ gần đây, hầu như hoàn toàn trái ngược với tánh đức, ta phải gánh chịu những quả báo trong cuộc sống hiện nay. Người nước ngoài nói, quả địa cầu sắp hủy diệt, gần đến ngày tận thế, chúng ta biết sự hình thành của ngày tận thế, là tự mình gây nên, chứ không phải tự nhiên. Đem so sánh thế giới cực lạc và môi trường chúng ta sinh sống ngày nay, trong kinh nói đều là sự thật. Cây giác ngộ ở thế giới cực lạc, hoa cỏ cây cối, cây lớn, hàng thực vật như hoa cỏ cây cối ở thế giới cực lạc, đều giáo hóa chúng sanh, đối với nhân loại đều khởi phát tánh, thấy được cây giác ngộ, nghe được âm thanh của cây giác ngộ, ngửi được mùi thơm của cây, nếm được trái trên cây, hoặc là tiếp xúc đến ánh sáng của bóng cây, nghĩ nhớ công đức của cây là ý nghiệp. Nghĩ đến cây tốt như vậy, đều được lục căn thanh tịnh, không có não hoạn. Tập khí phiền não tiêu trừ, “trụ bất thoái chuyển”, bất thoái

chuyên ở đây là tam bất thoái, chẳng những vị bất thoái, hành bất thoái, mà đạt được cả niệm bất thoái. Chí thành Phật đạo, cho đến khi viên mãn thành Phật.

Chúng ta xem đoạn cuối cùng. *Hựu Bảo Hương Phổ Huân Nguyên viết. Vẫn trong 48 nguyện, nguyện thứ 43. Kỳ hương phổ huân thập phương thế giới, chúng sanh văn giả giai tu Phật hạnh, khả kiến nhất trần nhất mao mạc bất viên minh cụ đức dã.*

Nói đến điều gì? Nói về bảo hương, chẳng những ở thế giới cực lạc, mùi hương bay xa, bay đến đâu? Bay đến mười phương thế giới. Thế giới của chúng ta có chăng? Có! Vì sao chúng ta không ngửi được? Bởi tập khí phiền não sâu dày. Nếu tâm địa thanh tịnh, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng sẽ ngửi được, đức Phật A Di Đà phóng ra mùi thơm để tiếp dẫn mười phương chúng sanh, giống như chiêu sinh vậy, dẫn về thế giới cực lạc, phương pháp chiêu sinh này rất đặc biệt.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 64

Tập 65

Chuyên ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 22 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi chín, hàng thứ hai.

Hoa Nghiêm Huyền Đàm vị chư pháp hà cố sự sự vô ngại? Tòng duy tâm sở hiện cố chư pháp chi bốn nguyên, phi hữu biệt chủng. Duy tự Như Lai tàng tâm duyên khởi chi sai biệt pháp, cố tất hữu khả hòa dung chi lý.

Thập Huyền nói về sự sự vô ngại. Vì sao sự sự vô ngại? Đối với duyên khởi nhất định phải có sự nhận biết sâu sắc. Cũng có nghĩa là khoa học và triết học ngày nay, mấy trăm năm rồi đều nghiên cứu về vấn đề này, cho đến ngày nay, cũng chưa có một đáp án nào khiến người ta vừa lòng. Vũ trụ từ đâu có? Vì sao có vũ trụ? Sinh mạng từ đâu mà có? Đều là những vấn đề lớn của nền triết học và khoa học. Trong Phật pháp cũng như vậy. Sự việc này trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật nói rõ ràng. Kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh không thể nghĩ bàn, bộ kinh này được đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ở trong đĩnh. Cho đến nay, Phật giáo Nam truyền vẫn chưa thừa nhận bộ kinh này, họ nói bộ kinh này do Bồ Tát Long Thọ tự nói ra, Bồ Tát Long Thọ truyền lại. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ được 600 năm, Bồ Tát Long Thọ ra đời ở Ấn Độ. Mọi người đều biết ngài là Bồ Tát sơ địa ứng hóa thân ở thế gian. Trong truyện ký ghi rằng, người này rất thông minh, sự học của ngài giống như lời người xưa nói, nhìn qua đã được mười hàng, đọc đến đâu nhớ đến đó, ngài đã có năng lực lớn như vậy. Trong thời gian ba tháng, đọc hết tất cả pháp khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế nói trong bốn mươi chín năm, ngài đã học hết. Người thường dùng thời gian ba năm cũng không thể đọc hết được. Muốn đọc hết bộ đại tạng kinh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, có thể 30 mươi năm cũng chưa đọc hết. Chúng ta có lý do để tin, nhưng ngài vẫn còn tập khí phiền não, đứng về mặt tập khí phiền não mà nói, những điều ngài chứng được không thể là viên giáo. Nếu là Bồ Tát Sơ Trụ của viên giáo, chắc chắn không còn tập khí phiền não, ngài vẫn còn tập khí ngạo mạn, cảm thấy trên thế gian này, trong Phật pháp chỉ có một mình ngài, không có ai siêu việt hơn ngài nữa, sự thật là như vậy.

Nhân duyên này khiến Long vương cảm động. Long vương là Bồ Tát Đẳng Giác, Long vương cảm động nên dẫn ngài về long cung tham quan, cho xem bộ kinh Hoa Nghiêm, được đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ở trong định khi ngài mới thành đạo, là đại bản Hoa Nghiêm Kinh. Sau khi xem xong, tập khí ngạo mạn tức thời không còn nữa. Trong 21 ngày đức Thế Tôn nói bộ kinh Hoa Nghiêm, phân lượng của nó là bao nhiêu? 10 đại thiên thế giới vi trần bài kệ. Một đại thiên thế giới, là khu giáo hóa của một đức Phật, quý vị đều biết. Cũng giống như Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ nói, hệ ngân hà là đơn vị thế giới. Bao nhiêu hệ ngân hà? Mười ức hệ ngân hà, một đại thiên thế giới là mười ức hệ ngân hà. Đức Phật nói bộ kinh này phân lượng của nó là bao nhiêu? Mười đại thiên thế giới vi trần bài kệ. Đại thiên thế giới có bao nhiêu vi trần? Không thể đếm được, nhất tứ thiên hạ vi trần phẩm, bộ kinh này có bao nhiêu phẩm? nhất tứ thiên hạ vi trần phẩm. Bồ Tát Long Thọ nhìn thấy, ngài biết chúng sanh trong cõi Diêm Phù không ai có thể thọ trì được, ai thọ trì được bộ kinh này? Pháp thân Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm nói từ bậc Sơ trụ trở lên, 41 vị pháp thân đại sĩ, đây là bộ kinh gì? Là bộ kinh viên mãn, cũng có nghĩa là bộ kinh mười phương ba đời tất cả chư Phật nói, tên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, đây là tổng danh xưng của tất cả kinh, giống như ngày nay gọi là đại tạng kinh vậy, phân lượng của bộ kinh này còn nhiều hơn đại tạng kinh nữa .

Bồ Tát Long vương tiếp tục để ngài xem trung bản, trung bản là gì? Trung bản là tiết yếu, ghi chép lại những tinh hoa trong đại bản, phân lượng là bao nhiêu? Bồ Tát Long Thọ xem rồi cảm thấy vẫn chưa được, chúng sanh trong cõi Diêm Phù, học suốt đời cũng không thể hết.

Kế đến xem tiểu bản, tiểu bản là mục lục đề cương, giống như Tứ Khố Toàn Thư, Tứ Khố Toàn Thư Đề Yếu. Bộ Tứ Khố Toàn Thư hiện nay có 1500 cuốn, đề cương năm cuốn, nghĩa là 5 cuốn mục lục, giới thiệu qua nội dung trong bộ sách này viết gì, đây là mục lục đề cương. Mục lục của bộ kinh này có 10 vạn bài kệ, 40 phẩm, truyền đến thế gian này. Bồ Tát Long Thọ nói bộ này được. Ngài có trí nhớ hay, sức đọc nhanh, đọc qua bộ kinh này một lần và ghi nhớ hết. Sau khi trở lại ngài đọc tụng và viết ra, thế là bộ kinh Hoa Nghiêm được truyền đến thế gian, phân lượng vẫn còn rất lớn. Truyền đến TQ tất cả là ba lần, lần đầu tiên vào thời Đông Tấn, chỉ có một phần ba, là bản khiếm khuyết không đầy đủ. Quý vị nghĩ xem, nguyên văn là 10 vạn tụng, nhưng truyền đến TQ chỉ có 3 vạn 6 ngàn tụng, TQ phiên dịch hoàn chỉnh, có tên là Lục Thập Hoa Nghiêm, 60 quyển. Lần thứ hai vào đời nhà Đường, khi đó Võ Tắc Thiên làm hoàng đế. Võ Tắc Thiên đã thay đổi quốc hiệu, gọi là Chu, cho nên trong tay bà ấy, bộ kinh này được phiên dịch hoàn chỉnh, kê khai kinh do bà ấy viết, có tên là

Kinh Đại Chu , Kinh Đại Chu là kinh Hoa Nghiêm được phiên dịch lần thứ hai. Ngài Thật Xoa Nan Đà từ Ấn độ đến TQ, mang theo kinh Hoa Nghiêm, lần này mang đến là 4 vạn 5 ngàn tụng, nhiều hơn lần trước 9 ngàn tụng, gần một nửa. Toàn bộ kinh là 10 vạn tụng, 4 vạn 5 ngàn tụng được dịch thành chữ Hán, gọi là Bát Thập Hoa Nghiêm, Bát Thập Hoa Nghiêm từ đây mà có.

Triều đại nhà Đường năm Trinh Nguyên, thời Đường Đức Tôn, quốc vương Ô Trà tiến cống cho TQ. Tiến cống nghĩa là dâng tặng phẩm vật cho hoàng đế, tặng phẩm vật cho hoàng đế. Trong lễ vật có phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đây là phẩm hoàn chỉnh, không khiếm khuyết, thật hiếm có. Sau khi phiên dịch tổng cộng có 40 quyển, gọi là Tứ Thập Hoa Nghiêm. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện là phẩm hoàn chỉnh nhất. Hai lần trước truyền vào cũng có phẩm này, nhưng mà thiếu nhiều quá, như phẩm Nhập Pháp Giới trong Bát Thập Hoa Nghiêm, chính là Hạnh Nguyện phẩm, 21 quyển. Lần này truyền đến nguyên bản là 40 quyển, thiếu 19 quyển. TQ ba lần phiên dịch, ngoài những chỗ trùng lặp ra, có được một phần hai kinh Hoa Nghiêm nguyên bản. Tuy thiếu sót không đầy đủ, nhưng thấy được ý nghĩa của nó, nhất là phẩm cuối cùng, chính là 53 tham rất quan trọng, có thể nói đây là cuốn hoàn chỉnh được truyền vào TQ, thật hiếm có. Phẩm này có duyên với TQ. Hiện nay kinh Hoa Nghiêm có ba bản. Hoàng Nhất đại sư thời cận đại rất thích kinh Hoa Nghiêm, ngài giới thiệu Phật pháp đến hàng tri thức phân tử, đều giới thiệu kinh Hoa Nghiêm, giới thiệu cuốn chú giải của ngài Thanh Lương. Trong thời mạt pháp này, lấy kinh điển đại thừa tiếp dẫn chúng sanh. Trong kinh đức Phật có nói đến điều này: vào thời xưa, thời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tiểu thừa khế hợp căn cơ chúng sanh. Ở thời nay, thời dân chủ tự do khai mở, thì đại thừa khế hợp căn cơ chúng sanh, bởi đại thừa là khai mở, tiểu thừa là bảo thủ, bộ kinh này khế hợp căn cơ người thời đại.

Điểm quan trọng nhất của bộ kinh này là cho chúng ta biết, vũ trụ từ đâu có, vạn pháp từ đâu mà có, sinh mạng từ đâu mà có. Những bộ kinh điển đại thừa khác cũng có nói đến, nhưng không nói kỹ, kinh điển đại thừa khác nói: “nhất niệm bất giác nhi hữu vô minh, vô minh bất giác sinh tam tế, cảnh giới vi duyên trường lục thô”

Dùng phương pháp này để nói, nói không sai, không sai tí nào. Nhất niệm bất giác gọi là vô thi vô minh, bởi vô thi vô minh nên khiến cho hàng sơ học, sinh ra sự ngộ nhận nghiêm trọng. Khi chúng tôi mới học cũng như vậy, nghĩ rằng vô thi nghĩa là lâu rồi, không tìm được chỗ bắt đầu, nên gọi là vô thi, kỳ thật chúng ta đã hiểu sai ý nghĩa của nó, nó không có nghĩa là như vậy. Vô thi, rất đơn giản, nghĩa là không bắt đầu, nhưng ý nghĩa này sâu lắm, sao không có bắt đầu? Thật sự không có bắt đầu.

Chúng ta thấy cuộc đời trôi giữa Bồ Tát Di Lạc và đức Phật Thích Ca Mâu Ni, một khay móng tay có 32 ức bá thiên niệm, sao có thể tìm được chỗ bắt đầu! Nó có bắt đầu, nhưng nghĩ đến bắt đầu là nó không còn nữa. Đây là hiện tượng gì? Là sanh diệt đồng thời, cho nên gọi là vô thi. Ý nghĩa chân thật của vô thi là sanh diệt đồng thời, bất sanh bất diệt là nói về hiện tượng này. Nếu không có hiện tượng này mà nói bất sanh bất diệt, thì chẳng có ý nghĩa gì. Có sanh diệt, sanh diệt chính là bất sanh bất diệt, cho nên sanh diệt và bất sanh bất diệt không hai, đây chính là huyền môn. Duyên khởi của vũ trụ là như vậy. Lượng tử học ngày nay cho chúng ta biết, vũ trụ thành hình như thế nào? Trên thực tế chỉ trong một sát na, một niệm bất giác đấy! Một niệm này không có lý do, vì sao có một niệm này? Nếu một niệm này thật sự có lý do, thì thật có một niệm. Một niệm không có lý do, nó là vọng niệm, chẳng phải chân, chẳng phải chân mà truy cứu là sai lầm rồi, ở trong đây khởi tâm động niệm càng sai lầm hơn. Không cần khởi tâm động niệm, chân tướng sự thật ở ngay trước mắt, chân tướng lộ rõ. Vì sao mê? Muốn tìm nguyên nhân của nó lại là mê, mê còn sâu hơn nữa. Đạo lý này nói vô cùng vi tế, vi diệu, không cho ta suy nghĩ, vừa khởi tâm động niệm là mê. Nếu tiếp tục phân biệt nữa càng mê hơn, thêm vào đó chấp trước sẽ mê sâu hơn nữa. Đức Phật dạy, thế gian này là giả không có thật.

Kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Thế nào là hữu vi pháp? Hữu vi pháp nghĩa là có sanh có diệt, pháp có sanh có diệt là pháp hữu vi. Quý vị xem trong vũ trụ có pháp nào chẳng phải là pháp hữu vi. Động vật có sanh lão bệnh tử, là pháp hữu vi, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật là thành trụ hoại không. Cho nên tất cả hiện tượng trong tự nhiên, chẳng có pháp nào không phải là pháp hữu vi. Đã là pháp hữu vi thì nó không có thật, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Bây giờ chúng ta hiểu được hiện tượng này từ đâu mà có. Giới khoa học lượng tử nói rằng, từ ý thức, nghĩa là từ ý niệm, hiện tượng ý niệm tích lũy liên tục, biến thành hiện tượng vật chất. Quý vị không cách nào cảm nhận được một ý niệm, cho nên gọi là vô thi vô minh, nhưng vô thi vô minh tích lũy lại, quý vị sẽ thấy được, nhận ra được, nó biến thành hiện tượng vật chất, tất cả mọi hiện tượng đều do nó biến ra. Vì sao nó biến ra nhiều như vậy? Bởi tần suất ba động của nó không giống nhau, tần suất chậm biến thành vật cứng, thành cục đá; tần suất nhanh hơn sẽ biến thành thực vật, nhanh hơn chút nữa biến thành động vật, do tần suất không giống nhau. Ngoài ý niệm tích lũy ra thì không có gì hết, bản thân ý niệm cũng không tồn tại, cho nên nói vạn pháp giai không là nói lên đạo lý này.

Khoa học ngày nay đang tiến đến tiếp cận với Phật giáo, Phật giáo nói một niệm bất giác là vô minh. Bởi bất giác nên A Lại Da xuất hiện, A Lại Da là vọng tâm, một

niệm bất giác nên từ chân tâm xuất hiện một vọng tâm, sau đó chân tâm bị mê, vọng tâm đứng ta làm chủ. Vũ trụ từ đâu mà có? Vạn pháp từ đâu mà có? Sinh mạng từ đâu mà có? Đều do vọng tâm biến hiện ra, nhưng vọng tâm là năng biến, tất cả pháp là sở biến, y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới là sở biến. Từ đâu có mười pháp giới y chánh trang nghiêm? Từ chân tâm hiện ra, chân tâm năng hiện, năng sanh năng hiện không thay đổi, nhất chân pháp giới không thay đổi, nghĩa là Thật Báo Trang Nghiêm độ của chư Phật Như Lai, vô thị vô minh biến hiện ra, trong đó chắc chắn không có phân biệt chấp trước. Ý niệm của ta chỉ cho cái gì? Ý niệm chỉ cho sự phân biệt chấp trước, cho nên gọi phân biệt chấp trước là ý niệm. Ý niệm quyết định tất cả, ý niệm thanh tịnh, tịnh độ hiện tiền, ý niệm nhiễm ô, uế độ hiện tiền, ý niệm thiện, ba đường lành hiện tiền, ý niệm ác, ba đường ác hiện tiền, sự việc là như vậy. Không có ý niệm thì chẳng có luân hồi, cũng chẳng có mười pháp giới. Trong Chứng Đạo Ca của ngài Vĩnh Gia có nói: “mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên”, chẳng những lục đạo là mộng, mà mười pháp giới cũng là mộng, thật sự tỉnh mộng là giác ngộ. Chỉ có nhất chân pháp giới, Thật Báo Trang Nghiêm độ của chư Phật Như Lai, là nhất chân pháp giới, cảnh giới này miên viễn không biến hóa, thật sự là bất sanh bất diệt. Nó có phải là chân chăng? Vẫn chưa phải là chân, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, Thật Báo độ cũng không ngoại lệ. Đến khi nào thì không còn Thật Báo độ? Đoạn tận tập khí vô thị vô minh Thật Báo độ không còn, chỉ cần có một chút tập khí nó cũng tồn tại, không còn tập khí thì nó sẽ không có. Nó đi đâu? Trở về thường tịch quang.

Khoa học ngày nay phát hiện, họ nói vũ trụ này, ta quan sát được, lý giải được, chỉ là 10% của vũ trụ, 90% của vũ trụ không còn nữa, rốt cuộc nó biến đi đâu? Dùng Phật pháp mà giải thích, 90% vũ trụ đã trở về thường tịch quang, trở về tự tánh. Trở về tự tánh có khởi tác dụng chăng? Có khởi tác dụng. Đứng về mặt luân lý mà nói là khởi tác dụng, vì sao? Trong tự tánh chẳng phải không có gì hết, trong tự tánh có trí huệ, trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, chỉ do chưa đủ duyên nên nó không hiện. Thập Huyền gọi là ẩn hiện. Một niệm bất giác là duyên, nó sẽ xuất hiện, nếu không có một niệm bất giác, nó sẽ chẳng hiện. Không hiện nhưng chẳng thể nói là không có, hiện lại chẳng thể nói là có, có ở đây là huyền có chứ không phải thật có. Cho nên bất luận hiện hay không hiện, chư Phật và pháp thân Bồ Tát đã cư xử như thế nào? Không khởi tâm, không động niệm, đã không có khởi tâm động niệm, lấy đâu ra phân biệt chấp trước! Chư Phật Bồ Tát, dùng cách nói ngày nay, gọi là các ngài có tâm. Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này, thật sự học Phật là học điều gì? Lục căn tiếp xúc với lục trần, không khởi tâm động niệm, đây gọi là học Phật. Đức Phật như vậy đấy,

ngài chẳng hề khởi tâm động niệm, nhưng không khởi tâm động niệm chẳng dễ dàng, không khởi tâm động niệm rất khó.

Người thật sự có công phu, thỉnh thoảng có hiện tượng này, tâm địa thật sự thanh tịnh, công phu thanh tịnh bình đẳng giác hiện tiền một chút. Chúng ta xem trong cuốn niên phổ của lão hòa thượng Hư Vân, ngài nói về cảnh giới này. Tết năm đó, lão hòa thượng ở căn nhà tranh, ngôi nhà tranh này nương vào chùa, ở nhà tranh cũng phải ăn cơm, cũng cần một số đồ để sinh sống, trong chùa cung cấp cho ngài. Tết đến vào trong chùa, lấy một chút dầu muối thức ăn vân vân, lấy xong lại trở về nhà tranh, khoảng cách giữa nhà tranh và chùa, đại khai đi khoảng nửa tiếng đồng hồ, ngài trở về, vào khoảng chập tối, chúng ta biết lão hòa thượng lớn tuổi, đi chậm chậm trở về, tâm địa thanh tịnh, không có ý niệm gì hết. Đi được nửa đường, gặp các vị pháp sư ở hai ngôi chùa, mang đèn trên tay, trên đường đi gặp lão hòa thượng, họ quen nhau mà, họ nói với ngài, Hòa thượng à, trời tối như vậy sao ngài không mang đèn? Lão hòa thượng nghe câu nói này lọt vào tai, bỗng dưng thấy trời tối đen. Khi họ chưa nhắc đến, ngài thấy trời sáng như lúc bắt đầu đi vậy, trời chưa tối, hoàng hôn sắp xuống chứ chưa tối, ngài thấy rất rõ ràng, vừa nhắc đến, ngài đã khởi lên ý niệm, khởi lên tâm phân biệt, bầu trời lập tức tối đen.

Từ đó cho thấy, lúc không khởi tâm động niệm, không trung này trong sáng, đó là thường tịch quang, không phải bầu trời đen tối. Ngày nay ta thấy, khi không có mặt trăng mặt trời, nhìn bầu trời đen tối, gọi là vô minh. Đó là gì? Là do ta khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm hiện ra tướng này, không khởi tâm, không động niệm, vũ trụ là một bầu quang minh, trong kinh gọi là đại quang minh tạng. Khi nào cảm thấy phá được vô minh rồi, không còn thấy đen tối, vô minh không còn nữa, còn thấy đen tối tức là chưa phá được vô minh, phá được vô minh mới thật sự thành Phật, cứu cánh viên mãn.

Trong Thật Báo độ, 41 vị pháp thân đại sĩ, trong thế giới đó không có bóng tối, không có bóng tối là trong sáng. Tuy phá được vô minh nhưng vẫn còn tập khí, cho nên mặc dù không có bóng tối, nhưng vẫn còn hiện tượng, còn hiện tượng này. Nếu đoạn được hết tập khí vô minh, hiện tượng này không còn nữa, không còn Thật Báo độ, hoàn toàn trở về tịch quang. Tịch là thanh tịnh, nghĩa là không còn khởi tâm động niệm nữa, ba động vi tế cũng không còn. Như Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có 32 ức ba thiên niệm, không còn hiện tượng này. Có hiện tượng này là Thật Báo độ xuất hiện, nếu thêm vào đó phân biệt, sẽ xuất hiện pháp giới tứ thánh, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, pháp giới này xuất hiện. Có thêm một chút chấp trước thì lục đạo xuất hiện. Điều này nói lên, cảnh giới biến cách nào? Duy thức sở biến, thức

chính là phân biệt chấp trước. Thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, mọi việc trong mười pháp giới, đều do A Lại Da biến ra. Cũng chính là những thứ khoa học ngày nay nói, như năng lượng, thông tin, vật chất, đều do A Lại Da biến ra, đây chính là tam tế tướng của A Lại Da. Chúng ta hiểu được rồi, khẳng định việc này, mới biết được sức mạnh của ý niệm quá lớn, nó có thể biến hiện y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, cho nên nếu ý niệm thanh tịnh thì tịnh độ xuất hiện. Vì sao thế giới cực lạc lại đẹp như vậy? Chúng ta học kinh Vô Lượng Thọ không gì khác, tâm của những người sống nơi đó đều là thanh tịnh bình đẳng giác, họ thật sự đã giác ngộ, đại triệt đại ngộ. Nhưng chúng ta cần nên biết, đại triệt đại ngộ là cảnh giới của 41 vị pháp thân đại sỹ, là Thật Báo Trang Nghiêm độ, chưa đoạn hết tập khí vô minh, đoạn hết tập khí vô minh rồi, cảnh giới này không còn hiện nữa, cái gì xuất hiện? thường tịch quang xuất hiện.

Không dễ dàng, đã nhiều năm chúng ta học tập giáo pháp đại thừa, hiểu rõ chân tướng sự thật này, sau đó quay trở lại khẳng định, niệm lực quyết định tất cả. Thế giới ngày nay loạn động là vì sao? Bởi ý niệm của con người sống trên quả địa cầu này bất thiện, ý niệm không thanh tịnh, bị nhiễm ô, ác niệm nhiều, thiện niệm ít, cho nên thế giới ngày nay, chúng ta quan sát kỹ sẽ thấy, bất luận nam nữ già trẻ, bất luận công việc gì, quý vị nghĩ thử xem, chúng tôi thường nói 16 chữ, họ có đầy đủ cả. Tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, ý niệm này không tốt. Người thời xưa cũng có nhưng nhẹ hơn chúng ta, ngày nay nghiêm trọng quá, tự tư đến độ ngay cả cha mẹ mình cũng không lo, như thế có đáng sợ không? Khởi tâm động niệm đều là tổn người lợi mình, tạo ngũ nghịch thập ác. Ngày xưa người tạo ngũ nghịch thập ác có ít, tạo ngũ nghịch thập ác nhẹ, chứ không nghiêm trọng như ngày nay. Ngày nay có quá nhiều người tạo ngũ nghịch thập ác, vô cùng nghiêm trọng, cho nên quả địa cầu này mới xuất hiện nhiều thiên tai như thế, thiên tai không phải tự nhiên, thiên tai do ý niệm của ta chiêu cảm nên. Cứu được thiên tai này chăng? Đáp án là khẳng định, chắc chắn cứu được. Cứu cách nào? Chuyển đổi ý niệm thì vấn đề lập tức được giải quyết. Đức Phật dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, chuyển mê khai ngộ, vấn đề sẽ được giải quyết, cuối cùng ngài dạy chúng ta chuyển phàm thành thánh. Nếu thực hành được ba câu này, thì quả địa cầu sẽ biến thành như thế giới cực lạc vậy, đến chỗ chuyển phàm thành thánh thì quả địa cầu này sẽ là thế giới cực lạc. Đức Phật A Di Đà ở đâu? Đức Phật A Di Đà ở đây, không rời chúng ta, gọi là nhất thời đốn ngộ. Nên biết rằng khắp vũ trụ, chẳng có thời gian, chẳng có không gian. Môn trước chúng ta có học qua, thập thế cách pháp dị thành môn trong Thập Huyền, nói về hiện tượng thời gian và không gian, nó không có thật, không có không gian chẳng có cự lý, không có thời gian nên chẳng có trước sau. Trên thực tế pháp thân Bồ Tát đều hiểu rõ, chúng ta sống ở đâu?

Sống ngay đây, miên viễn đều sống ngay đây, bởi mỗi ý niệm, ở đây nói về ý niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói, mỗi ý niệm đều độc lập, chứ không phải chúng nối liền với nhau. Khoa học lượng tử cũng phát hiện ra, họ nói mỗi ý niệm, giống như thước phim điện ảnh vậy, mỗi tấm đều độc lập riêng biệt, tấm trước tấm sau không liên quan gì với nhau, mỗi tấm đều độc lập riêng biệt, giống như Phật pháp nói vậy, trong Hoa Nghiêm nói là tướng tương tư tương tục, bởi nó không có thật, nếu thật sự giống nhau thì nó là tương tục rồi, nó có một chút không giống nhau, mỗi tấm đều không giống nhau, nó là tương tương tư tương tục. Danh từ khoa học dùng, tôi cảm thấy họ dùng danh từ đó hay hơn ta nghĩ, họ dùng danh từ tương liên tục do ý niệm tích lũy, cho nên nó không có thật, không có thật thì phải buông bỏ, không buông bỏ là sai rồi. Buông bỏ điều gì? Buông bỏ phân biệt chấp trước, đừng chấp trước nữa, chấp trước là sai, không cần phải phân biệt! Đây là tâm trạng của chư Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian này, miên viễn là tùy duyên diệu dụng. Thật sự buông bỏ thì trí huệ của tánh đức sẽ hiện tiền, đức năng hiện tiền, tướng hảo hiện tiền. Chẳng phải buông bỏ rồi thì không còn biết gì hết, như thế là không buông bỏ, buông bỏ rồi vô minh hiện tiền, vô minh vẫn là phiền não, nên quý vị không biết gì hết, phiền não hiện tiền, là chưa thật sự buông bỏ. Thật sự buông bỏ là trí huệ hiện tiền, bản thân ta cho rằng đã buông rồi, nhưng thực tế thì chưa buông. Sự ngộ nhận này rất nhiều, cũng rất bình thường, cho nên khi thật sự buông bỏ, cảm giác đó hoàn toàn khác, Phật pháp gọi là khinh an tự tại, đây là đạt được điều thứ nhất. Sau khi buông bỏ rồi cảm giác thấy thoái mái dễ chịu, tâm địa vô cùng thanh tịnh, an lạc, quý vị ở cảnh giới như vậy, khi gặp việc trí huệ lập tức hiện tiền, không cần phải lo lắng.

Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, ngài vì chúng sanh mà giảng kinh thuyết pháp, ngài có khởi tâm động niệm chăng? Không có! Khi người khác đến thỉnh giáo, trong tự tánh tự lưu xuất ra, tuyệt đối không cần phải suy nghĩ, mình phải trả lời người này như thế nào đây. Nếu suy nghĩ thì lạc vào ý thức rồi, những câu trả lời này hoàn toàn nương vào kiến thức của riêng mình, đó là tri thức chứ không phải trí huệ. Trí huệ không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, có vọng tưởng phân biệt chấp trước là tri thức, hoàn toàn khác. Trí huệ không cần dụng tâm, không cần dụng tâm mới là chân tâm, không cần dụng tâm nghĩa là không dùng vọng tâm, khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước là vọng tâm, không dùng vọng tâm, dùng chân tâm.

Kinh Lăng Nghiêm nói xả thức dụng căn, thức là thức A Lại Da, phải xả bỏ. Xả thức có nghĩa là gì? Nghĩa là không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước, đó là xả thức. Sau khi xả thức rồi dùng cái gì? Dùng căn tánh lục căn, căn tánh lục căn

là chân tánh, là trí huệ, là đức tướng. Sự chuyển đổi này trong đại thừa gọi là đốn căn, bậc thượng thượng căn, một niệm chuyển đổi là thành Phật, phàm phu thành Phật.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện cho ta thấy, là như vậy. Lục Tổ Huệ Năng đã thị hiện cho ta thấy, cũng là như vậy, đó là bậc thượng thượng căn, đốn xả, đốn ngộ, đốn chứng, các ngài hoàn thành trong một niệm. Đức Phật dạy: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, vì sao chúng sanh lại ra nông nổi này? Chúng sanh do một niệm mê lầm. Phật là gì? Phật là một niệm giác. Một niệm gì? Một niệm ngay đây. Chúng ta học Phật lâu rồi, biết được điều này từ đâu? Trong kinh điển, cũng gọi là ngộ, nhưng là giải ngộ chứ không phải chứng ngộ, giải ngộ bởi tập khí phiền não của ta chưa buông bỏ, không có lợi ích. Nếu là chứng ngộ thì lợi ích rất lớn. Chứng ngộ được lợi ích gì? Được sự sự vô ngại, lợi ích này lớn quá, sự sự vô ngại đây. Giải ngộ thì sự sự còn có ngại, vẫn còn chướng ngại, lý sự còn chướng ngại. Tuy có chướng ngại, nhưng chúng ta có niềm tin đi về con đường vô ngại, có niềm tin sẽ không bị thoái chuyển, sẽ dũng mãnh tinh tấn. Dùng phương pháp nào? Tiếp tục dùng phương pháp xưa, phương pháp xưa chính là đọc kinh. Đọc kinh phải hiểu được phương pháp này, đọc kinh cùng lúc tu tam học giới định huệ, không khác thiên và mật, cùng một đạo lý. Đọc kinh cách nào? Không chấp tướng văn tự, không chấp tướng danh từ, danh từ thuật ngữ, không chấp tướng tâm duyên, không nên suy nghĩ ý nghĩa của kinh, đọc từ đầu đến cuối, hai tiếng đồng hồ đọc xong bộ kinh này, là tu hai tiếng, tu điều gì? Cùng lúc tu giới định huệ.

Thế nào là giới? Ý theo quy củ đức Phật dạy, không chấp tướng văn tự nghĩa là không phân biệt, không chấp trước danh từ thuật ngữ, không cần nghĩ tới nó, gọi là giới luật, là trì giới. Đọc bộ kinh này hai tiếng đồng hồ, là hai tiếng tu trì giới. Tất cả đều không chấp trước, khi đọc bộ kinh này, tâm ý hoàn toàn để vào kinh văn, không hề có tạp niệm, đó là tu định. Trong định có huệ, huệ là gì? Huệ là căn bản trí. Kinh Bát Nhã nói, căn bản trí là gì? Là bát nhã vô tri, đó là căn bản trí, khi khởi dụng là vô sở bất tri. Từ đâu có vô sở bất tri? Từ vô tri.

Ngày nay chúng ta muốn học rộng nghe nhiều, cái gì cũng muốn biết, đến cuối cùng thì không biết gì hết, vì quý vị hữu tri. Cho nên người thật sự học Phật là phải học vô tri, thì mới vô sở bất tri. Vô tri là gì? Là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Vô sở bất tri là tâm giác ngộ, giác từ đâu có? Từ tâm thanh tịnh bình đẳng hiện ra. Tâm không thanh tịnh, không bình đẳng lấy đâu ra giác! Chúng ta cũng làm theo lời dạy của thầy mình, nhưng không phải, chẳng những không phải là bậc thượng thượng căn, ngay cả bậc thượng căn cũng chưa đạt được. Tôi nghĩ căn tánh của mình, phải dùng góc độ trong kinh Phật để đo lường, chúng ta là hàng trung hạ căn tánh, chứ không phải trung thượng. Học giáo pháp đại thừa lâu rồi, mới hiểu được việc này một cách rõ ràng như

vậy, đúng là chư Phật Bồ Tát che chở, mạng sống của chúng ta kéo dài, có đủ thời gian để lãnh ngộ, có đủ thời gian tu tập, phải kéo dài thêm nữa ta mới có thể chứng ngộ. Từ giải ngộ đến chứng ngộ và sẽ khởi dụng. Thầy giáo hướng dẫn chính xác, ngày đầu tiên tôi thỉnh giáo với thầy, ngài nói với tôi phải “nhìn thấu, buông bỏ”, hiểu rõ rồi. Nhưng tốc độ nhìn thấu chưa đủ, mới nhìn thấu 1-2 phần, ví dụ 100 phần mới nhìn thấu 1-2 phần thôi. Buông bỏ thì sao? Cũng chỉ 1-2 phần thôi. Tuy không nhiều nhưng rất hay, nó có thể giúp quý vị tiến lên, học 59 năm, bây giờ nhìn thấu được khoảng 6-7 phần, buông bỏ cũng khoảng 6-7 phần, cách 100 phần còn xa xôi lắm! Tôi nói thiệt với quý vị đó, quý vị cảm thấy hình như tôi có một chút trí huệ, tôi buông được nhiều hơn quý vị, tôi buông được 6-7 phần, quý vị không buông được phần nào hết. Tôi nói quý vị thấy tôi không tồi, tôi nhìn chư vị tổ sư thấy mình còn cách xa lắm, tôi cách các ngài cự ly tương đối xa. Bây giờ hiểu được rồi, ngày xưa thầy giáo bảo tôi buông bỏ nhìn thấu, nhưng không giảng rõ đạo lý này cho tôi nghe. Nói thiệt khi đó thầy giáo có nói cho tôi nghe tôi cũng không thể hiểu được, chỉ uổng công thầy. Thầy đúng là người có trí, thầy biết được căn cơ, không cần nói, nói cũng chẳng hiểu được, nói cho ta biết phương pháp, để ta thực hành, từ từ sẽ hiểu được, đó chính là phương pháp dạy học rất hay của người xưa, nhưng chúng ta vẫn không bằng. Tất cả pháp duy tâm sở hiện, tất cả pháp duy tâm sở hiện, dĩ nhiên có lý dung hòa, dung hòa thì không có chướng ngại. Hòa là gì? Là hòa mục tương xử; dung là bao dung, hàm dung, trong tất cả pháp lấy đâu ra chướng ngại? Có chướng ngại là không biết bản chất của tất cả pháp. Hiểu rõ rồi thì chắc chắn là hòa mục tương xử, là nhất thể, nói lên tất cả pháp là nhất thể, nhất thể thì đâu có lý không hòa? Giống như một con người vậy, cơ thể của con người, dùng cách nói của các nhà lượng tử lực học, có bao nhiêu lượng tử, tiểu quang tử, hợp thành cơ thể này? Nếu dùng chữ số phải dùng ức làm đơn vị, mấy trăm ức, mấy ngàn ức, hợp thành cơ thể này, coi như là giả thiết, mấy ngàn ức tiểu quang tử, giữa tiểu quang tử và tiểu quang tử có hòa mục chăng? Nó có bao dung nhau chăng? Nếu nó không hòa mục, không hàm dung, chẳng phải nó đánh nhau rồi sao? Nó đánh nhau là con người bị bệnh, chẳng phải đạo lý này sao? Nó không đánh nhau đâu, nó miên viễn hòa mục, nhưng chúng ta đã ngược đãi nó, nên nó bị bệnh. Ngược đãi cách nào? Có tham sân si mạn là ngược đãi nó đấy. Quý vị cần nên biết, tham sân si mạn ai bị tổn thương? chính mình bị tổn thương, mình ngược đãi tế bào của chính mình, ngược đãi nguyên tử, điện tử trong cơ thể mình, quý vị đã ngược đãi nó, khiến nó bị bệnh, khiến nó trúng độc. Cho nên đức Phật dạy tham sân si là tam độc, tam độc này sanh ra đã có rồi.

Kinh luận của Pháp Tướng Tông nói về thức thứ bảy, thức thứ bảy là chấp trước, thức thứ sáu là phân biệt. Thức thứ bảy là bốn đại phiền não thường tương tùy. Thức thứ bảy là gì? Do bốn thức hợp thành, thức nhất là ngã chấp, ngã kiến, người thời nay

chấp thân này là ta, sai lầm, sai lầm thứ nhất, đây là ngã kiến. Theo ngã kiến khởi lên là ngã ái, ngã ái là tham, ngã mạn là sân hận, cuối cùng là ngã si, tham sân si cùng ta đồng thời khởi lên. Cũng có nghĩa là khi phát hiện vũ trụ, ta xuất hiện, tham sân si cũng theo ta xuất hiện, cho nên gọi nó là căn bản phiền não, nhất định phải biết tam độc phiền não. Đức Phật dạy, chuyển mặt na thức thành bình đẳng tánh trí, chuyển được mặt na thức rồi thì vô ngã, vô ngã thì không còn tham sân si, đó là gì? Trên đề kinh này gọi là bình đẳng, bình đẳng hiện tiền. Không phân biệt là chuyển thức thứ sáu, thức thứ sáu là phân biệt, chuyển thức thứ sáu thành diệu quan sát trí, diệu quan sát trí là thanh tịnh, chuyển được thức thứ sáu thì tâm thanh tịnh hiện tiền. Thanh tịnh bình đẳng giác, giác là thức A Lại Da, chuyển thức thứ tám thành đại viên cảnh trí. Ba câu trên đề kinh này, thanh tịnh bình đẳng giác. Chuyển thức thứ sáu thành thanh tịnh, chuyển thức thứ bảy thành bình đẳng, chuyển thức thứ tám thành giác ngộ.

Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, chúng ta có thể luyện được, luyện cho mình cố gắng đừng chấp trước, từ chỗ này tập cho mình, cố gắng đừng chấp trước, bởi chấp trước là luân hồi lục đạo, nhân của luân hồi lục đạo là chấp trước. Nhân của pháp giới tứ thánh là phân biệt, hạ thủ công phu từ đây. Không chấp trước, trong đạo Phật có phương pháp, hạ thủ công phu không chấp trước từ đâu? Đối với tất cả pháp, không có ý niệm không chế, không chế là chấp trước, không có ý niệm chiếm lấy, không có ý niệm đối lập, học ba điều này, ba điều này là công phu cơ bản. Không được đối lập với người, họ đối lập với mình thì được, nhưng mình không được đối lập với họ. Vì sao? Bởi họ mê, mê nên mới đối lập, giác ngộ rồi thì không có đối lập, vì sao? Vì là nhất thể mà, khi giác ngộ rồi biết được người và mình là một thể, không đối lập. Sau khi giác ngộ rồi không không chế, không chế rất vất vả, không chế được chăng? Không không chế được, không chế là tạo nghiệp, chiếm lấy cũng tạo nghiệp. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, ăn no, mặc ấm, có một căn phòng nhỏ che nắng che mưa là đủ rồi, như thế là sống đời sống của thần tiên đấy, không hề có bất cứ áp lực nào, thân tâm khinh an tự tại, tương ưng với đạo. Đạo là gì? Đạo là tự tánh, tương ưng với tự tánh. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã sống đời sống như vậy, đó là tấm gương hay nhất, ngài đã thị hiện cho ta thấy, nếu chúng ta cảm nhận được.

Chúng tôi đã giảng nhiều rồi, vẫn là câu này: *chư pháp chi bản nguyên, duy tự Như Lai tạng tâm duyên khởi chi sai biệt pháp.*

Ở đây nói về vũ trụ, pháp giới, y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, đều là Như Lai tạng tâm khởi lên pháp sai biệt. Như Lai tạng tâm, Như Lai tạng tâm là chân tâm, duyên khởi là A Lại Da, câu này bao gồm, chân vọng hòa hợp A Lại Da. Khởi là sanh khởi, hiện khởi mười pháp giới y chánh trang nghiêm, cho nên đồng một

duyên khởi, mười pháp giới y chánh trang nghiêm đồng một duyên khởi, đồng một duyên dĩ nhiên là hòa mục rồi. Chúng ta ngày nay không hòa, nguyên nhân gì không hòa? Mê! Mê nên tự tư, coi thân này là ta, coi khởi tâm động niệm là ta, coi vọng tâm là ta. Có nhà khoa học nói: “tôi suy tư tức là tôi hiện hữu”, coi điều gì là ta? Cũng hay lắm rồi, họ không xem thân này là ta, nhưng coi sự suy nghĩ được là ta, suy nghĩ được là gì? Là thức thứ sáu, vẫn chưa tìm thấy!

Dưới đây dẫn chứng: *Hoa Nghiêm Kim Sư Tử chương vân, hoặc ẩn hoặc hiển*. Hai chữ này rất quan trọng, khi không có duyên thì nó ẩn, có duyên thì nó hiển. Hiện tượng ẩn hiện này, ở ngay trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, phàm phu mê thất tự tánh, ẩn hiện điều gì? Tập khí phiền não, đôi khi không có cảnh giới này hiện tiền, nó không khởi tác dụng, tham sân si không khởi tác dụng, cảnh giới hiện tiền, tham sân si khởi dậy ngay, hiển đấy. Cho nên đối với việc ẩn hiển, trong cuộc sống hàng ngày, chỉ cần lưu tâm, quan sát kỹ, nó ở ngay trước mắt.

Hoặc nhất hoặc đa, các vô tự tánh. Ẩn hiện không có tự tánh, chắc chắn không có tự tánh. Tánh vô tự tánh là chân tánh, cho nên người khai ngộ không pháp nào là chẳng phải.

Do tâm hồi chuyển. Tâm hiện thức biến, xoay vòng vận chuyển, là nói về đạo lý cơ bản của hiện tượng vạn vật.

Thuyết sự thuyết lý hữu thành hữu lập. Thành: ngày nay gọi là hiệu quả; lập: ngày nay gọi là kiến thiết.

Danh duy tâm hồi chuyển thiện thành môn. Đây là câu nói trong chương Hoa Nghiêm Kim Sư Tử. “Duy tâm thiện thành” chính là môn cuối cùng trong Thập Huyền - “chủ bạn viên minh cụ đức môn”. Có nghĩa là như vậy.

Nói đến đây, thế nào là sự sự vô ngại? Đại sư của tông Hiền Thủ rất từ bi, nói ra từng điều từng điều cho chúng ta hiểu. Vô ngại của Thập Huyền Môn có mười nhân, nghĩa là sự sự vô ngại có mười nhân. Trong Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, ngài Thanh Lương đại sư có dạy, ngày nay chúng ta ghi chép lại, nghĩa là ghi chép ra từ trong tam tạng pháp số: “Huyền môn giả, tức Thập Huyền Môn dã”. Trước đây chúng ta có học qua.

Dĩ thử thập pháp tánh đức vi nhân khởi đại nghiệp dụng. Đại nghiệp dụng nghĩa là vũ trụ xuất hiện, vạn vật xuất hiện, sinh mạng xuất hiện. Những hiện tượng này là khởi đại nghiệp dụng.

Linh bí huyền môn chư pháp hõn dung vô ngại. Hõn dung ở đây đồng nghĩa với hòa dung vô ngại mà trước đây nói. Hòa hợp và hõn hợp cùng một ý nghĩa. Viên dung vô ngại, trùng trùng vô tận, ý nghĩa của chữ huyền nằm trong câu “trùng trùng vô tận.

Cổ vân huyền môn vô ngại thập nhân dã. Thứ nhất là duy tâm sở hiện mà đoạn trước nói. Chúng ta hiểu rõ thập nhân rồi, sẽ biết được, môi trường sinh hoạt của ta thật sự là vô ngại, nhưng điều gì chướng ngại? Chướng ngại do chính mình gây nên, hậu quả chính mình phải gánh chịu. Người xưa nói tự làm tự chịu, không thể trách ai, trách người là sai lầm. Người xưa có câu: việc tốt dành cho người, việc xấu mình nhận lấy. Câu này nói rất có lý, làm được và nói được câu này không phải là người tầm thường. Người thật sự có đức hạnh, có học vấn mới có thể làm được.

1-DUY TÂM SỞ HIỆN

Vị thế gian xuất thế gian nhất thiết chư pháp duy thị chân tâm sở hiện, nhiên pháp duy tâm hiện, toàn pháp thị tâm, tâm ký viên dung, pháp diệt vô ngại.

Ở đây nói về lý rõ ràng, lý sự vô ngại, lý như vậy, sự cũng như vậy. Nên biết rằng, chân tâm chính là tự tánh. Tự tánh không có hình tướng, nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần. Nhưng khi một niệm bất giác, nó đã biến thành vật chất, biến thành tinh thần, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần chính là tự tánh. Thấy tánh, trong thiền tông thấy tánh là thấy điều gì? Chính là ở trong hiện tượng hoát nhiên giác ngộ. Ồ, thì ra nó chính là tự tánh, chính là chân như, chính là pháp tánh, chính là Phật tánh, danh từ rất nhiều, nhưng chỉ có một việc, quý vị thật sự thấy được rồi. Tướng có sanh diệt, tánh không sanh diệt, tánh không sanh diệt là chân, tướng có sanh diệt là giả. Chân vọng là một chặp phải hai. Hiện tượng là gì? Là duyên tụ duyên tán, khi duyên tụ thì nó hiện, duyên tán thì không còn nữa. Cho nên khi duyên tụ chẳng thể nói là có, khi duyên tán chẳng thể nói là không, phải hiểu đạo lý này. Hiểu được đạo lý này rồi, sanh khởi tâm từ bi, sanh khởi tình thương, tình thương chân thành, tình thương thanh tịnh, tình thương bình đẳng. Trước tiên là thương mình, tình thương này nhất định phải phát xuất từ tâm hõn, con người không thương mình mà đi thương người khác, đó là giả không chân thật. Người đó thật sự không hiểu thế nào là thương. Nếu hiểu được thì trước tiên phải thương mình, thương mình mới có thể thương người, thương người như thương thân. Người mê hoặc điên đảo, ngay cả tình thương cũng mê luôn, lấy đâu ra thương! Không phải là thương, là sai lầm, đã mê thì tất cả đều sai.

Pháp do tâm hiện, tất cả pháp là tâm, là chân tâm, tự tánh. Ngày nay chúng ta cũng đang giải ngộ đây. Tâm tánh là viên dung, cho nên pháp cũng viên dung, tất cả pháp đều viên dung, bởi nó chính là tự tánh, cho nên nó vô ngại.

Kinh vân, tri nhất thiết pháp tức tâm tự tánh thị dã. Kinh Hoa Nghiêm nói, khi nào quý vị biết tất cả pháp là tâm tự tánh, thì khi đó khai ngộ, thật sự khai ngộ. Biết được tất cả pháp chính là tự tánh của mình, trong tất cả pháp không có sự xung đột, không có chương ngại.

Trong kinh còn có câu: *Cố bỉ thử tất hữu khả hòa dung chi lý.* Đây là câu cuối cùng trong Hoa Nghiêm Huyền Đàm: *Cố bỉ thử tất hữu khả hòa dung chi lý.* Trong mười nhân, câu cuối cùng trong mỗi nhân đều là câu tổng kết. Câu đầu là duy tâm sở hiện.

2- PHÁP VÔ ĐỊNH TÁNH

Tánh ở đây là nói về tánh chất, tất cả pháp do tự tánh hiện ra, nó không có định tánh.

Vị nhất thiết chư pháp ký duy tâm hiện, tùng duyên nhi khởi, vô định tánh dã.

Tánh ở đây không phải là bản tánh, tánh ở đây là tánh chất, tánh chất của tất cả pháp không có nhất định, là pháp sống. Ở đoạn này, “tâm hiện tùng duyên nhi khởi”. Duyên là A Lại Da, A Lại Da có tứ duyên sanh pháp:

Thứ nhất là nhân duyên, nhân duyên là tánh hiện, những thứ chân tánh hiện ra là nhân duyên. Thứ hai là sở duyên duyên, sở duyên duyên là ý thức. Thứ ba là vô gián duyên. Thứ tư là tăng thượng duyên.

Nói đến duyên, kinh Hoa Nghiêm nói về vô lượng nhân duyên vô cùng phức tạp, tuy nhiều nhưng nó có nề nếp, không rối loạn. Trong việc giảng dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài đã phương tiện quy nạp vô lượng nhân duyên thành bốn loại: nhân duyên, sở duyên duyên, vô gián duyên, tăng thượng duyên. Điều này rất quan trọng đối với chúng ta, phải hiểu được đạo lý này. Nhiều điều trong Phật pháp có thể ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày, giải quyết những vấn đề trong cuộc sống. Thân nhân duyên đầu tiên là quan trọng nhất, thân nhân duyên là duy tâm sở hiện. Duy tâm sở hiện, duy thức có thể biến, duy thức sở biến là sở duyên duyên, sở duyên duyên là thông tin, chỉ cần duy trì được thông tin này không thay đổi, nó sẽ hình thành hiệu quả mà ta mong muốn, kết quả mà ta mong muốn.

Ví dụ niệm Phật, niệm Phật mong cầu điều gì? Điều này quý vị cần nên biết, chẳng phải thăng quan phát tài, chẳng phải mạnh khỏe sống lâu, càng không phải vinh hoa phú quý. Niệm Phật thành Phật, chúng ta mong cầu thành Phật. Tịnh tông dùng phương pháp nào thành Phật? Vãng sanh về thế giới cực lạc rồi thành Phật, ta cầu vãng

sanh chính là cầu thành Phật, vãng sanh và thành Phật là một việc, không thể chia ra làm hai việc, tôi về thế giới cực lạc để thành Phật.

Chúng ta học Pháp Bảo Đàn Kinh, thấy đại sư Huệ Năng quá tài giỏi, khi tôi đọc, khâm phục ngũ thể đầu địa. Ngài đến Hoàng Mai lễ bái Ngũ tổ, Ngũ Tổ hỏi: ông đến đây cầu điều gì? Ngài nói, con đến cầu làm Phật. Quý vị nghĩ thử xem, quý vị đến đạo tràng của Phật giáo, có người hỏi quý vị đến làm gì? Quý vị có trả lời giống như đại sư Huệ Năng, nói rằng con đến làm Phật! Cho nên ngài đã thành Phật. Vì sao? Ý niệm muốn thành Phật đó, chính là sở duyên duyên của ngài. Ngài không có mong cầu gì khác, quý vị nghĩ xem, niệm lực này, sức mạnh này có lớn không. Ngài thật sự đã thành Phật, thời gian tám tháng, ngài ở Hoàng Mai tám tháng. Sau khi được Ngũ Tổ truyền y bát, ngài đã ra đi. Sở duyên duyên đây. Một ý niệm, một mục tiêu, một phương hướng, nắm chặt không buông, đây là vô gián duyên. Niệm niệm không gián đoạn, chỉ nghĩ đến điều này, cầu mong điều này, cuối cùng đã đạt được. Đạt được là tăng thượng duyên, Ngũ Tổ truyền cho ngài đó là tăng thượng duyên. Tứ duyên đầy đủ, quả báo hiện tiền.

Từ ví dụ này, ta thấy trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của mình, bất luận làm điều gì đều là ý niệm này. Ý niệm này có thiện có ác, ý niệm thiện cuối cùng thành quả thiện, ý niệm ác cuối cùng thành quả báo ác. Tạo ác cũng do bốn duyên này, làm thiện cũng do bốn duyên, làm ác cũng là bốn duyên này, ý niệm sở duyên duyên bất thiện, cho nên phải biết dừng, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày không hề mê hoặc. Trong đạo Phật có cầu ắt có ứng.

Khi tôi học Phật, lúc đó còn rất trẻ, cuộc sống vô cùng vất vả. Kết thúc kháng chiến, đất nước bị chiến tranh, hình như năm 23 tuổi tôi đến Đài Loan, cuộc sống vô cùng vất vả, miễn cưỡng sống một mình, khổ không thể nói hết. Muốn học, học phải đóng học phí, không có tiền đóng học phí. Nghe tên thầy Phương Đông Mỹ, phát hiện thầy là người Đồng Thành, quê cũ của mình, tôi đã viết một lá thư nói về cuộc sống của mình, gửi một bài văn cho thầy xem, mong thầy đồng ý cho tôi đến dự thính môn học của thầy. Thầy dạy ở trường Đại Học Đài Loan, không có người giới thiệu, hơn một tuần sau thầy hồi âm cho tôi, hẹn tôi đến nhà thầy để nói chuyện. Tôi đã đến nhà thầy, theo thời gian thầy hẹn đến nhà thầy. Đầu tiên thầy hỏi thăm tình hình ở quê tôi, cũng còn một chút tình đồng hương. Hỏi tôi tình hình học tập trong những năm qua. Tôi thưa với thầy, thời kỳ kháng chiến trôi dạt không nơi nương tựa, chạy nạn khắp nơi, bị thất học ba năm, tốt nghiệp cấp hai, học được nửa năm cấp ba, sau này không còn cơ hội đi học nữa, rất muốn học nhưng không có cơ hội, nên muốn được dự thính môn của thầy. Thầy Phương nói, trường học ngày nay, quý vị nên nhớ là sáu

mười năm về trước, thầy nói trường học ngày nay thầy không giống thầy, trò không giống trò, cậu muốn đến trường nghe giảng, sẽ bị thất vọng lớn. Tôi nghe thầy nói như vậy cảm thấy rất đau lòng, bị thầy từ chối rồi, không còn hy vọng gì nữa, chắc chắn khuôn mặt khi đó rất thê thảm. Một phút sau thầy hỏi tôi, thầy nói tôi đã đọc thư của cậu, bài văn cậu viết tôi cũng đọc qua rồi, những điều cậu nói có thật hay không? Nghĩa là hỏi tôi, tôi chỉ tốt nghiệp cấp hai, có thật chẳng? Tôi nói thật. Thầy nói sinh viên trường Đại Học Đài Loan, cũng không viết được bài văn như vậy. Thầy hỏi tôi có dấu thầy điều gì không? Không! Tuy tôi bị thất học lâu rồi, nhưng thích đọc sách, không rời sách. Cuối cùng thầy nói với tôi, chủ nhật hàng tuần cậu đến nhà tôi, tôi sẽ dạy cậu hai tiếng đồng hồ, thầy đã dạy tôi học như thế, học ở chỗ bàn tròn nhỏ trong phòng khách, một thầy một trò chúng tôi, mỗi tuần học hai tiếng đồng hồ, tôi đã học triết học như vậy, điều này tôi có năm mộng cũng không dám nghĩ đến. Sau này tôi mới hiểu, vì sao thầy không cho tôi đến trường nghe thầy giảng. Nếu tôi đến trường, chắc chắn sẽ quen biết nhiều vị giáo thọ, quen biết nhiều bạn học, sẽ khiến tôi bị nhiễm. Tôi và thầy như một tờ giấy trắng, yêu thích triết học, chưa học qua chánh thức. Thế mới biết một vị thầy tốt, phải tìm người truyền thừa, tìm người như thế nào? Tìm người giống như tờ giấy trắng, không bị nhiễm ô, thật sự ham học, không dễ, không dễ tìm được đâu. Bản thân mình tự đọc sách nên cũng có chút nền tảng, nền tảng này được thầy khẳng định. Thầy dạy tôi, thầy giảng cho tôi một hệ thống, chính là bộ khái luận triết học. Chương cuối cùng giảng về triết học trong kinh Phật, khi đó tôi không hề biết gì về Phật pháp, nghe người ta nói nhiều, cho rằng đây là tôn giáo, là mê tín, là đạo đa thần, là tôn giáo thấp, cho nên tôi không hề có ý muốn đụng vào, chưa bao giờ tiếp xúc với Phật giáo. Sau khi được thầy giới thiệu, tôi mới biết rằng Phật giáo là triết học. Thầy giới thiệu với tôi, thầy nói đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới, chúng tôi học triết học. Kinh Phật là đỉnh cao của triết học trên thế giới; học Phật là sự hưởng thụ tối cao của con người, thầy đặc biệt nhấn mạnh, kinh Hoa Nghiêm là triết học khái luận trong kinh Phật. Trong sách triết học trên thế giới, không có cuốn nào hay hơn kinh Hoa Nghiêm. Cuốn kinh này quá hay, nó có lý luận viên mãn, phương pháp tỉ mỉ, phía sau còn mang theo sự biểu diễn, 53 tham là biểu diễn đầy. Thầy nói một bộ sách giáo khoa như thế, trên thế giới không có cuốn thứ hai. Thầy rất thích kinh Hoa Nghiêm, cũng có thể khi tiếp xúc với đạo Phật ở núi Nga Mi, núi Nga Mi là đạo tràng Hoa Nghiêm, là đạo tràng của Bồ Tát Phổ Hiền, chắc là có liên quan đến vấn đề này.

Sau khi nghe thầy Phương giảng cuốn khái luận triết học này, không bao lâu sau tôi được quen biết Chương Gia đại sư, đây là một vị chuyên học Phật, người ngang hàng với bậc tổ phụ. Ngài dạy, khi gặp khó khăn cầu chư Phật Bồ Tát, sẽ có sự cảm

ứng. Ngài nói, trong đạo Phật có cầu ắt có ứng, nhưng đôi khi có cầu mà chẳng có ứng. Nguyên nhân gì? Chẳng phải không ứng mà bản thân mình có chướng ngại, có nghiệp chướng, sám trừ được nghiệp chướng rồi, cảm ứng sẽ hiện tiền, chẳng phải không ứng. Vào thời đó cuộc sống vật chất vô cùng khó khăn, Chương Gia đại sư có đức hạnh, có học vấn, có công phu. ngài nhìn con người vô cùng thấu triệt, vừa thấy là biết rõ, họ không có phước, thật sự không có phước, đời trước không tu phước, nên đời này không có phước báo. Tôi biết điều này, ngày xưa có nhiều người xem bói cho tôi, mỗi người đều có kho tiền, kho tiền của tôi trống không chẳng có gì hết, cho nên dù kinh doanh, bất luận kinh doanh nghề gì cũng không kiếm ra tiền, không thể phát tài. Người ta buôn bán kiếm được tiền, tôi mà buôn bán thì chắc chắn lỗ vốn, không có kho tiền mà. Làm thế nào để có được kho tiền? Trong đời quá khứ từng tu tập tài bố thí mà có được kho tiền này, tu tài bố thí được giàu sang, tu pháp bố thí được thông minh trí huệ, tu bố thí vô úy được mạnh khỏe sống lâu, có nhân có quả mà. Đời quá khứ không tạo nhân, đời này chẳng thể có quả báo hiện tiền. Hiểu được đạo lý này rồi, bây giờ tu cũng vẫn được, hiểu rồi phải rất ráo tu. Thầy giáo bảo tôi tu tài bố thí, tôi nói, bản thân tôi không thể duy trì được cuộc sống của mình, lấy đâu ra tiền mà bố thí? Thầy hỏi, cậu có một hào không? Tôi nói, một hào thì có. Một đồng được chẳng? Một đồng hơi miễn cưỡng. Thầy bảo tôi bố thí từ một hào một đồng này. Quan trọng nhất phải có tâm bố thí, ý niệm đầy, ý niệm làm chủ tất cả. Được thầy Phương giới thiệu, cho nên tôi bắt đầu đến chùa, những ngày cuối tuần, ngày nghỉ lễ thường đến chùa, biết được trong đây có đại học vấn, nhưng những thứ trong chùa, không giống với những điều thầy Phương nói, cũng may thầy Phương từng nói với tôi, triết học trong kinh Phật không phải ở trong chùa, thầy nói cho tôi biết nó nằm trong kinh điển. Sự hướng dẫn này vô cùng chính xác. Nếu thầy không nói câu này, có thể tôi nghi ngờ thầy Phương nói rằng, thầy nói trong đây có đại học vấn, có triết học, tôi đến chùa tìm nhưng không thấy? tôi sẽ có tâm nghi ngờ. Cho nên thầy Phương hướng dẫn rõ ràng, thầy nói, chùa ngày xưa, người xuất gia trong chùa thật sự là bậc đạo cao đức trọng, họ có học vấn, có đức hạnh. Người xuất gia thời nay họ không học, trong chùa có kinh điển nhưng họ không học, cho nên không giống thời xưa, thời xưa thật học, thật sự mở lớp, thật sự giảng dạy. Sau này chúng ta thấy trong điển tịch, chùa chiền am đường thời cổ đại, thật sự giảng dạy không hề gián đoạn, lên lớp giảng dạy không hề gián đoạn. Chùa ngày xưa không giống chùa thời nay, nó thật sự giống trường học, cho nên mọi triều đại của TQ, những người có học vấn, có đạo đức, rất nhiều người thành công lập nghiệp, nơi những người trẻ học đều là trong chùa, học ở trong chùa, gọi là tự viện chứ không được gọi là chùa. Kinh điển trong tự viện vô cùng phong phú. Vào thời đó những người muốn học, họ học ở đâu? Học trong tự viện. Tàng kinh các trong tự viện chính là thư viện, cất giữ

đầy đủ kinh sách, không riêng gì sách Phật, Thích Đạo Nho ở TQ, sách bách gia chư tử đều có đủ, đều thấy được ở nơi đó. Các vị hòa thượng là những vị thầy giáo giỏi, trong khi học tập gặp phải vấn đề gì, cần thỉnh giáo với họ, họ đều giảng giải cho quý vị, tình nguyện hướng cho dẫn quý vị. Bởi đất nước bồi dưỡng nhân tài, có lợi rất lớn. Ngày xưa không có trường học, học tập trong tự viện. Phật giáo ngày nay thật sự đã biến thành tôn giáo, giáo dục bị biến chất, biến thành tôn giáo, không học tập kinh điển nữa. Câu nói này của thầy giáo khiến tôi thức tỉnh, “trong kinh điển”. Chúng tôi đến chùa làm gì? Đến chùa tìm kinh tạng, tra kinh điển, sao chép kinh, bởi kinh sách thời đó rất ít, trong cửa hàng sách mua không có, chúng tôi muốn học kinh gì phải tự mình sao chép ra, nguồn gốc trí huệ đầy, khỏe mạnh sống lâu, khỏe mạnh còn tạm được, tôi biết thọ mạng của mình rất ngắn. Làm thế nào để kéo dài thọ mạng? Chúng tôi không mong cầu. Sau này gặp được thầy Lý, Lý Bình Nam lão cư sỹ, thầy rất từ bi, gặp đám người trẻ tuổi chúng tôi, khi đó thầy đã 70 tuổi rồi. Đối với những người không có phước, những người thọ mạng ngắn ngủi, thầy rất từ bi, rất quan tâm. Thầy dạy chúng tôi giảng kinh, mục đích giảng kinh là gì? Là kéo dài thọ mạng. Trong vấn đề tích lũy công đức, công đức lớn nhất là giảng kinh dạy học, đây là pháp bố thí, cũng là vô úy bố thí, giúp cho người phá mê khai ngộ, tự mình phá mê khai ngộ, giúp cho người phá mê khai ngộ, trong thế gian pháp đây là pháp môn số một để tích lũy công đức. Thầy phát tâm dạy chúng tôi, chúng tôi cũng học tập nghiêm chỉnh, thật sự kéo dài thọ mạng từ đây. Kéo dài bao lâu? Chúng ta thấy trong sách cổ, cuốn đầu tiên tôi đọc là Liễu Phàm Tứ Huân, tôi đọc cảm thấy rất xúc động, khi đó tôi chưa tiếp xúc với Phật pháp, lão cư sỹ Châu Kính Trụ người Triết Giang tặng cho tôi, tặng tôi cuốn sách này để tôi đọc, trong hơn một tháng, chưa đến hai tháng, tôi đọc cuốn sách này từ đầu đến cuối 30 lần, cảm thấy rất xúc động. Những căn bệnh của tiên sinh Liễu Phàm tôi đều có, tôi không giỏi bằng tiên sinh. Đọc cuốn sách này biết được điều gì? Phải thay đổi vận mệnh, có thể thay đổi được vận mệnh. Biết được thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là đúng, thế nào là sai. Sau này học Phật, gặp được Chương Gia đại sư, ngài đã dạy tôi, giúp tôi thay đổi vận mệnh, tôi đã nghe theo lời dạy của ngài, từng chút từng chút, bắt đầu học cách bố thí từ một hào hai hào. Bởi trong tự viện có in kinh, họ thường mang đến một danh sách, mỗi người góp một chút tiền, một hào hai hào đều được, họ không từ chối. Phóng sanh cũng dùng phương pháp này, một hào hai hào đều được, từ đó bắt đầu hoan hỷ tu bố thí, về sau càng bố thí càng nhiều. Từ năm tôi 70 tuổi trở về sau, Không Lão phu tử nói: “tùy tâm sở dục bất du cự”. Chúng ta chưa đạt đến cảnh giới đó, nhưng hơi giống một chút. Thật sự có nhiều việc tâm tưởng sự thành, càng ngày càng thuận lợi, càng ngày càng tự tại, càng ngày càng hoan hỷ. Đó là gì? Thông thường người ta nói rằng đó là Phật lực gia hộ. Gia hộ cách nào? Đức Phật đem phương pháp,

lý luận chỉ cho ta, bản thân ta phải học, phải thật tu, thì quả báo mới hiện tiền. Nếu không thật tu đức Phật cũng chẳng thể gia hộ được. Cho nên quý vị phải hiểu. Đức Phật gia hộ là kinh giáo gia hộ, gia hộ trên mặt lý luận, phương pháp, ta y theo lý luận, phương pháp mà thực hành, hiệu quả sẽ hiện tiền. Đây là sự thật không giả dối đâu.

Đức Phật là tăng thượng duyên đối với chúng ta, chắc chắn có thân nhân duyên, vì sao? Tâm hiện thức biến mà, mọi người ai cũng có, rất bình đẳng, sở duyên duyên thì khác, mục tiêu của ta ở đâu, phương hướng của ta ở đâu, phải xác lập cho chính xác. Càng đơn thuần, càng chuyên nhất, càng mau thành tựu. Cho nên tôi học với thầy Lý, thầy dạy chúng tôi học kinh chỉ được học một môn, muốn học hai môn một lúc, thầy sẽ nói cho ta biết, ta không có năng lực đó, đó là gì? Đó là bậc thượng căn, ta không có năng lực này, chỉ có thể học một môn thôi. “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Tiêu chuẩn học tập của chúng ta là học một bộ kinh, học xong một bộ kinh rồi, bản thân mình phải giảng mười lần. Giảng ở đâu? Các bạn học đều là hàng cư sỹ, bản thân thầy Lý cũng là cư sỹ, giảng ở nhà cư sỹ. Có bao nhiêu người nghe? 3 người, 2 người, mỗi tuần một lần. Thứ hai giảng ở nhà anh Trương, thứ ba giảng ở nhà chị Lý, thứ tư giảng ở nhà ông Vương. Nhưng khi thầy giáo không lên lớp, chúng tôi sẽ tìm cơ hội đi giảng, tìm người đến nghe, nền tảng được xây dựng trên cơ sở này. Sau khi giảng xong để cho mọi người đặt câu hỏi, xem bản thân mình có giải đáp được chăng? Không giải đáp được thì đi thưa hỏi thầy giáo. Học tập cũng là nhất môn thâm nhập, nắm chặt không buông, không được cùng lúc học hai môn, thầy giáo quy định vô cùng nghiêm khắc. Dự thính được chăng? Được dự thính. Thầy giáo dạy rất nhiều thứ, dạy giảng kinh, diễn giảng, cổ văn, dạy luận ngữ, lễ ký, thơ từ. Khi đó tôi thấy ít nhất có khoảng 7-8 môn học, nên thầy giáo rất bận. Nhưng khi học, đăng ký học môn nào, thì chỉ được phép học môn đó, không được học môn khác. Nhưng khi thầy dạy người khác, quý vị có thể đến dự thính, có thể dự thính, điều này thầy không cấm, nhưng không được đăng ký học, chỉ được đăng ký học một môn. Khi chúng tôi ở Đài Trung mười năm, vẫn dùng cách này để học.

Những điều này đều nói về, “ký duy tâm hiện, từng duyên nhi khởi, vô định tánh dã”.

Dưới đây đưa ra một ví dụ: *Sở vị tiểu phi định tiểu, u vi trần năng hàm thái hư. Đại phi định đại, luân vi vô số nhập mao đoan trung.*

Hôm nay hết giờ rồi, đoạn này cần phải giảng nói tỉ mỉ, ngày mai chúng tôi giảng tiếp.

Tập 66

Chuyên ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 23 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Hôm nay chúng ta tiếp tục học thập huyền vô ngại thập nhân. Bắt đầu xem từ hàng thứ hai.

Pháp vô định tánh, vị nhất thiết chư pháp, ký duy tâm hiện, tòng duyên nhi khởi, vô định tánh dã. Sở vị tiểu phi định tiểu, u nhất vi trần năng hàm thái hư, đại phi định đại, luân vi vô số nhập mao đoan trung. Kinh vân: Kim cang vi sơn số vô lượng, tất năng an trí nhất mao đoan thị dã. Kết luận phía sau còn một câu. Có bi thử tất hữu khả viên dung chi lý.

Chư vị tổ sư nói cho ta biết, đều là nguyên lý nguyên tắc, có thể ứng dụng trong tất cả pháp, nghĩa là pháp không có định tánh. Vì sao tất cả pháp không có định tánh? Bởi do tâm hiện thức biến. Tâm là tự tánh, tự tánh năng sanh năng hiện, nó bất biến. Biến là gì? Biến là duyên, duyên thay đổi, khác nhau rất nhiều. Các nhà khoa học ngày nay gọi duyên là ý niệm, ý niệm thiên biến vạn hóa, ý niệm trước diệt rồi, ý niệm sau khởi lên, có thể ý niệm trước là thiện, ý niệm sau là ác, không cố định. Nếu tất cả là ý niệm ác, đứng về cá nhân mà nói, người đó sẽ có phiền não, bệnh tật. Cơ thể này, năng sanh năng hiện là tự tánh, không sai tí nào. Thể của nó là tự tánh, nhưng hiện tượng là thức, y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới là do thức biến ra. Nếu chuyển tám thức thành bốn trí, thì thế giới đó là nhất chân pháp giới, chứ không phải mười pháp giới.

Chúng tôi thường nói đến Thật Báo Trang Nghiêm độ của chư Phật Như Lai. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta thế giới cực lạc, thế giới cực lạc không biến hóa. Con người thọ vô lượng, tuy thọ vô lượng, thọ mạng rất dài, nhưng không già nua, không bị lão hóa. Vì sao? Vì nó không thay đổi, cho nên hoa cỏ cây cối đều là bốn mùa thường xuân, nó cũng không thay đổi, là một thế giới như vậy. Vì sao? Bởi nơi đó không có vọng niệm. Chẳng những không có phân biệt chấp trước, mà ngay cả khởi tâm động niệm cũng không có. Thế giới đó nương vào đâu mà xuất hiện? Có tập khí khởi tâm động niệm, thật sự không có khởi tâm động niệm, là một thế giới như

vậy đây. Chúng ta chẳng thể không hiểu. Kinh điển đại thừa nói cho ta biết chân tướng sự thật, pháp giới Phật trong mười pháp giới cũng biến hóa. Vì sao? Bởi còn dùng vọng tâm, chứ không phải dùng chân tâm, A Lại Da là vọng tâm.

Chúng tôi dùng cách nói đơn giản nhất để quý vị dễ hiểu, thức thứ tám- thức a lại da, ưu điểm của nó là ký ức, chúng ta ghi nhớ những điều đã học, đều ở a lại da, cho nên a lại da giống như kho chứa vậy, kho chất chứa. Những điều học tập từ vô thủy kiếp đến nay, đều chất chứa ở đó, đó là phòng tài liệu. Thuật thôi miên ở phương tây, họ dùng phương pháp thôi miên, đã nói ra những điều hàm tàng trong a lại da, mà quý vị chất chứa từ nhiều đời nhiều kiếp, đạo lý là như vậy. Nếu như không chất chứa, sao quý vị có thể biết được những chuyện trong quá khứ? Cho nên nó là kho chất chứa đấy.

Thức thứ bảy-mạt na thức là chấp trước. Thức thứ sáu là phân biệt. Tiền ngũ thức: nhãn nhĩ tỷ thiệt thân là gì? Là truyền thông tin, giao tiếp trong ngoài, truyền bên ngoài vào bên trong, truyền bên trong ra bên ngoài, nó lo công việc này, nó không thể làm chủ, chỉ là truyền đạt mà thôi. Tôi dùng cách này để giải thích thì quý vị sẽ dễ hiểu.

Người thật sự làm chủ là ai? Sức mạnh làm chủ lớn nhất chính là thức thứ sáu, nó biến hóa rất giỏi. Thức thứ bảy rất cố chấp. Thật sự làm chủ chính là hai thức này. Ý niệm biến hóa rất nhanh. Ở đây nói nó không có định tánh, “tiểu phi định tiểu”, trong một vi trần bao hàm được cả hư không. Đại cũng không định đại, Luân Vi lớn, Luân Vi là núi Luân Vi, chính là vũ trụ, ngày nay gọi là vũ trụ, là tinh hệ của chúng ta. Dùng Luân Vi để hình dung tinh hệ, tinh hệ xoay tròn, mặt trời xoay quanh hệ ngân hà, hành tinh trên quả địa cầu xoay quanh mặt trời, đều là xoay, luân vi ở đây có nghĩa là như vậy. Những tinh cầu vận hành trong không trung, đều đang xoay tròn, xoay quanh trục tâm, trục tâm nhỏ xoay quanh trục tâm lớn, trục tâm lớn xoay quanh trục tâm lớn hơn. Lớn, lớn như thế nào? Lớn có thể đặt vào trong lỗ chân lông, lỗ chân lông. Hiểu được đạo lý này rồi, suy rộng ra, chúng ta nói nhiễm tịnh, nói theo cách này, nhiễm phi định nhiễm, tịnh phi định tịnh, thiện phi định thiện, ác phi định ác. Hiểu được đạo lý này rồi, vừa điểm là thông được ngay.

Vì sao xã hội ngày nay có nhiều vấn đề như vậy? thiên tai trên quả địa cầu này, xảy ra từng ngày, bởi chúng tôi không xem ti vi, không đọc báo, không tiếp xúc với giới truyền thông, nên không biết nhiều, chúng tôi chỉ nghe các vị đồng tu nói, họ thấy trên ti vi, thấy trên mạng Internet, nghe tin tức. Nghe họ nói như vậy, thấy đáng sợ quá, sao có nhiều như vậy? Những việc này các nhà khoa học có nói, đỉnh cao của khoa học thời cận đại, gọi là khoa học lượng tử, tôi đọc trong sách thấy có một bài viết như thế này: Sinh mạng của chính mình, chính bản thân mình, và địa cầu là một thể cùng tồn

tại, sinh mạng của chúng ta và địa cầu cùng một duyên khởi, cùng một tự tánh, cùng một duyên khởi, quả địa cầu hiện ra những hiện tượng không cân đối, ngày nay đã xuất hiện. Đó là gì? Đó là miêu tả trạng thái mất quân bình trong cơ thể của nhân loại, cơ thể của chúng ta có vấn đề, nội bộ không quân bình, cho nên chiêu cảm địa cầu không quân bình. Động đất, núi lửa bộc phát, khí hậu biến hóa, đó là gì? Là sự phản ứng từ trong ý thức của nhân loại, phát sinh chuyển biến kịch liệt, hậu quả đó do ý niệm và giá trị hình thành. Tôi tin đây là sự thật chứ không giả đâu. Cho nên một niệm bất thiện, sẽ sinh ra nhiều vấn đề. Giải quyết được chăng? Được! Sao không giải quyết được? Các nhà khoa học cũng nói, kỳ thật nhân loại có thể thay đổi những thứ dự ngôn liên quan đến đại thiên tai, thay đổi được những dự đoán này. Thậm chí những đại nạn bức bách ngay trước mắt, chúng ta có sức để ngăn chặn sóng dữ. Thay đổi cách nào? Thay đổi tư tưởng hành vi của chúng ta, quả địa cầu này lập tức được cứu vãn. Ở đây nói về điều gì? Nói về pháp vô định tánh, những điều dự ngôn nói không nhất định. Nói ra những điều dự ngôn này nghĩa là thế nào? Các nhà dự ngôn có nhiều điều họ thông được, họ thấy được, thấy được hiện tượng này, vào thời điểm đó họ thấy được hiện tượng này. Ví dụ một năm trước họ thấy được, một năm sau ý niệm chuyển đổi thành tốt, lập tức hiện tượng đó sẽ thay đổi. Nếu ta không thay đổi, thì sẽ đúng như sự dự đoán của họ, chúng ta thay đổi thì sự dự đoán của họ sẽ không còn linh nữa, đạo lý là như vậy. Gần là nói đến cơ thể của chúng ta, bản thân ta có thể không chế cơ thể mình. Nói xa là gia đình mình, đạo tràng của ta, cho nên việc dạy học rất quan trọng. Tôi cũng thường nói với học trò, khi giảng kinh cũng đề cập đến, vì sao thế giới cực lạc đẹp như thế? Vì sao thế giới Hoa Tạng đẹp như thế? Thật Báo độ của chư Phật thì không còn gì để nói, vì sao? Bởi nơi đó hàng ngày chư Phật Như Lai giảng kinh, ngày nào cũng thuyết pháp không gián đoạn, cho nên tập khí vô minh, ở nơi đó không thể phát tác được, ngày nào đức Phật cũng giảng kinh thuyết pháp, làm sao có thể phát tác được? Lâu ngày chày tháng, dần dần tập khí không còn nữa, tự nhiên biến mất, đạo lý là như vậy. Nếu ở thế giới đó đức Phật không giảng kinh, Bồ Tát cũng không giảng kinh, tôi nghĩ chỉ mấy năm thôi, nó sẽ biến thành giống như quả địa cầu của chúng ta vậy. Cho nên chư Phật Như Lai, hàng ngày giảng kinh thuyết pháp ở đó, giúp cho chúng sanh, từ từ đều thành Phật. Cũng có nghĩa là 41 phẩm vô minh, vô minh đây là tập khí vô minh, chúng ta có học trong kinh Hoa Nghiêm, sau khi đoạn hết tập khí vô minh, trở về thường tịch quang, trở về tự tánh, trở về tự tánh rồi khoa học không thể nào tìm thấy nữa. Còn ở Thật Báo độ thì các nhà khoa học còn thấy được, nhưng họ không biết nguyên nhân gì, vì sao nơi đó không biến đổi, điều này đến nay cũng vẫn chưa phát hiện được. Tôi tin rằng trong tương lai, khoa học tiến bộ hơn nữa sẽ phát hiện ra, còn bây giờ chỉ thấy hiện tượng nhưng không biết được nguyên nhân, nguyên

nhân nằm trong kinh điển đại thừa. Thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi, kinh điển đại thừa là triết học tối cao trên toàn thế giới.

Trải qua gần 65 năm học tập, chúng tôi phát hiện ra, chẳng những là triết học tối cao, mà còn là khoa học tối cao nữa, như khoa học ngày nay phát triển hai đỉnh điểm, một là thế giới hồng quan, trong thế giới hồng quan thấy được, bộ phận lớn của vũ trụ không còn nữa, đây là báo cáo của giới khoa học. Khoa học kỹ nghệ thật sự có thể quan sát và hiểu được được vũ trụ, chỉ thấy được 10% của vũ trụ, 90% vũ trụ không còn thấy nữa. Có người nói hay là nó núp ở chỗ bất đồng không gian duy thứ? Chúng ta suy đoán cách nào, cũng chỉ nằm trong không gian ba chiều, không thể vượt ra ngoài không gian duy thứ, dĩ nhiên đây chỉ là một cách nói. Nhưng đến cuối cùng thật sự không thấy vũ trụ, nó ở đâu? Nó trở về tự tánh rồi, từ tự tánh sanh khởi, cuối cùng lại trở về tự tánh. Tự tánh vô cùng kỳ diệu, nó không phải là tinh thần, không phải là vật chất, cũng chẳng phải thời gian hay không gian, đối với nó thật sự không thể làm gì, nhưng nó ở đâu? Không nơi nào chẳng có, không lúc nào chẳng có, không chỗ nào chẳng có, nó là bản thể của vạn pháp, không có nó thì chẳng có tất cả pháp, chỉ cần thấy có pháp thì biết là có nó.

Khi học tập, chúng tôi thường dùng màn hình để làm ví dụ, chúng ta thấy màn hình ti vi, màn hình vi tính, màn hình giống như tự tánh vậy, tất cả mọi hiện tượng hiện ra không thể tách rời màn hình. Màn hình trước sau vẫn bất động, không hề bị nhiễm ô, tất cả mọi hiện tượng đều hiện lên trên màn hình, thanh tịnh cũng được, nhiễm ô cũng được, thiện cũng được, ác cũng được, có liên quan gì đến màn hình chẳng? Không liên quan gì hết. Trong kinh nói rất hay, tất cả pháp đều do tâm hiện thức biến, theo duyên mà khởi lên gọi là thức biến, phàm những hiện tượng này đều không có định tánh. Chư Phật Bồ Tát thấy tất cả chúng sanh, các ngài không khởi tâm động niệm, vì sao? Bởi nó không định tánh, chúng sanh hư, tuyệt đối chư Phật Bồ Tát không nói nó hư, chúng sanh tốt, tuyệt đối các ngài cũng không nói nó tốt. Chư Phật Bồ Tát đối xử bình đẳng, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt chấp trước. Sự thay đổi đó ở trong một niệm, một niệm giác là thanh tịnh, là thiện, một niệm nhiễm ô là niệm ác, là bất thiện, ý niệm này thay đổi trong từng sát na, dĩ nhiên sự thay đổi này có liên quan đến tập tánh của mình. Chẳng phải một đời ta mê hoặc điên đảo, đời đời kiếp kiếp đều ở trong a lại da, trong a lại da tập khí bất thiện nhiều, tập khí thiện ít. Những tập khí thiện này muốn khởi hiện hành phải có duyên, duyên ở đây, nó liên quan đến cảnh giới của chúng ta. Người xưa thường nói: “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, xem quý vị sanh ở môi trường nào, nếu môi trường tốt thì con người sẽ tốt, môi trường không tốt thì con người chẳng thể không hư, cho nên môi trường ảnh hưởng

đến con người rất lớn. Môi trường nhỏ là gia đình, môi trường lớn là xã hội, là thế giới. Nếp sống trong thời đại ngày nay như thế nào? Có thể nói thời đại này là thời đại đấu tranh, tranh danh trục lợi. Sau khi đức Phật Thích Ca diệt độ ngũ ngũ bách niên, nghĩa là hai ngàn năm trăm năm sau, đấu tranh kiên cố, khởi tâm động niệm tôn người lợi mình.

Hôm nay tôi nghe học trò nói, đây không phải là tin mà là sự thật, một bà lão có năm đứa con, lớn tuổi rồi, không có đứa con nào nuôi mẹ, khiến cho người mẹ này đói mà chết, chánh phủ biết được việc này, kết tội năm người con, người con lớn 2 năm, những người còn lại là 1 năm. Như thế còn ra thể thống gì? Nếu là pháp luật ngày xưa, thì năm người con này đều chịu tội tử hình, đây là đại bất hiếu, điều này thật đáng sợ! Pháp luật thời xưa, có một điều luật gọi là thân quyền xử phạt. Khi tôi còn nhỏ, đã được nghe danh từ này, cho nên rất có ấn tượng. Ấn tượng này đúng ra là quyền từ lâu rồi. Có lần thầy Lý giảng kinh, giảng đến đoạn này, thầy hỏi tôi, thầy có biết không? Tự nhiên tôi nhớ ra, có ấn tượng này. Vào năm dân quốc thứ hai mấy đó, trước thời kháng chiến, hình như năm dân quốc thứ 21-22 thì bị xóa bỏ. Thân quyền xử phạt nghĩa là thế nào? Cha mẹ đến pháp viện thưa kiện con cái nói rằng, đứa con này của tôi bất hiếu, yêu cầu quý vị xử tử nó. Lập tức bị tử hình, không thể chối cãi được. Đó là thân quyền xử phạt. Người thương yêu con cái nhất là cha mẹ, ngay cả cha mẹ cũng không chấp nhận mình, người này còn làm người được chăng? Cho nên người thời xưa chẳng dám bất hiếu, bên ngoài cũng phải đóng giả một chút, không đóng giả, cha mẹ kiện ra quan tòa thì mất mạng ngay, không thể chối cãi, lập tức chấp hành. Hình phạt này có lợi đối với sự an định của xã hội, bị xóa bỏ thật đáng tiếc. Dần dần những pháp lệnh quy tắc giữ gìn xã hội an định, bị xóa bỏ hết, xóa bỏ nên thiên hạ đại loại. Bất hạnh nhất là xóa bỏ nền văn hóa truyền thống, quý vị xem, nhà Nho bị xóa bỏ, nhà Đạo bị xóa bỏ, Phật giáo cũng bị xóa bỏ. Sự ảnh hưởng này ảnh hưởng đến ngày nay, ảnh hưởng xã hội loạn động, miên viên không thể khôi phục được trị an. Ảnh hưởng lớn hơn nữa là sơn hà đại địa, ngày nay gọi là thiên tai tự nhiên. Thiên tai tự nhiên từ đâu có? Do ảnh hưởng ý niệm bất thiện, điều này chúng ta chẳng thể không biết. Thích Đạo Nho đối với nền văn hóa truyền thống, chúng ta dùng cách nói thông thường, là ba đạo này có công đức lớn. Chẳng những giúp cho xã hội an định, mà còn giúp cho nền luân lý đạo đức nâng cao; giúp cho con người khi khởi tâm động niệm, không dám có ý niệm bất thiện, không dám có hành vi bất thiện. Đôi khi luân lý đạo đức không thể kèm chế được, thấy danh cao lợi nhiều, biết là không đúng, nhưng vẫn động tâm, vẫn dám làm, nên gọi là thấy lợi tối con mắt. Biết là sai, nhưng lợi ích này quá lớn, vẫn tham, vẫn dám làm. Nhưng nếu thật sự thông đạt nhân quả báo ứng thì không dám làm, danh vọng cao cỡ nào, lợi ích nhiều cách mấy cũng không dám nhận, người này biết rõ, có

được một ít lợi trước mắt, nhưng hậu quả không thể lường được, chịu hậu quả gì? Tam đồ địa ngục.

Sau khi những thứ này bị xóa bỏ, xã hội bị loạn động, không thể khôi phục trở lại như xưa nữa. Người xưa dùng phương pháp này để giáo hóa chúng sanh đã mấy ngàn năm rồi. Đất nước lớn, dân tộc đông, mấy ngàn năm rồi vẫn trường trị cửu an. Trên thế giới có nhiều vị học giả, chuyên gia, nghiên cứu về lịch sử đông phương, họ rất nể và khâm phục TQ, đất nước này trị cách nào, mà có thành quả tốt như vậy. Họ không biết rằng người TQ hiểu được nền giáo dục, giáo dục mới là biện pháp cơ bản nhất.

Các tôn giáo khác, gần đây tôi tham vấn Giáo Đình của La Mã, họ cũng biết vấn đề xã hội vô cùng nghiêm trọng, quả địa cầu nguy cấp, họ dùng phương pháp gì? Cầu nguyện. Giáo chủ của họ nói với tôi, hàng ngày giáo đồ thiên chúa giáo trên thế giới cầu nguyện, giáo đồ của họ phóng đoán có khoảng hơn 10 ức người. Cầu nguyện có hiệu quả chăng? Dùng tâm chân thành, thanh tịnh, từ bi thì có hiệu quả. Trong đạo Phật tụng kinh bái sám, bao gồm cả tam thời hệ niệm mà chúng ta khởi xướng, đều thuộc về cầu nguyện. Người xưa nói: “thành tắc linh”, cầu nguyện có linh chăng? Những người làm pháp sự này với tâm chân thành thì sẽ linh, thành thì linh, không thành thì chẳng linh, “thành tắc linh” mà. Đây là trị ngọn chứ không phải trị gốc, trị gốc nghĩa là gì? Trị gốc là dạy học. Quý vị nên biết, khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, suốt 49 năm giảng kinh thuyết pháp, không ngày nào gián đoạn, đó là gì? Là trị gốc đấy. Ngài đã làm bậc mô phạm cho chúng ta thấy, nếu quý vị thật sự hiểu rõ rồi, sẽ biết rằng đạo Phật là giáo dục chứ không phải là tôn giáo. Nhưng xã hội ngày nay nói đến tôn giáo, tôi nghĩ có ít nhất 6 dạng hình thức không giống nhau tồn tại. Tôn giáo mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni truyền lại, là giáo dục, chúng ta là người kế thừa.

Sau khi tôi học Phật, quen biết Chương Gia đại sư, tôi sống ở Đài Loan một mình, không có gia quyến, không cần phải lo toan. Đại sư khuyên tôi nên xuất gia, khuyên tôi học đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tôi đọc cuốn sách đầu tiên về đạo Phật, là cuốn Thích Ca Phương Chí, Thích Ca Phổ. Chương Gia đại sư hướng dẫn tôi, mới tiếp xúc Phật pháp, phải nên nhận biết đức Phật Thích Ca Mâu Ni, theo học với ngài sẽ không bị đi sai đường. Nhân duyên này vô cùng thù thắng, ít người gặp được. Sau khi đọc rồi mới biết, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thông minh, hiếu học, xuất thân từ vương tử, 19 tuổi xuất gia, ngài hiếu học, tham học khắp nơi, địa vị thù thắng, lại thông minh, người như vậy, có vị thầy nào không thích học trò như vậy? Ngài được trời giúp đấy. Tất cả cao nhân trong các tôn giáo ở Ấn độ thời đó, ngài đều thân cận, đều học qua với họ, các nhà đại triết học, các vị nhân giả có đại trí huệ, ngài cũng từng thân cận. Trong suốt 12 năm, từ năm 19 đến năm 30 tuổi, tất cả những vị tài giỏi của Ấn độ, ngài đều

thân cận hết. Ấn độ vào thời điểm đó, có thể nói rằng tư tưởng học thuật, tôn giáo, đều là số một trên toàn thế giới, ngài đã ra đời vào thời điểm đó. Nhân duyên này quá thù thắng, có được cơ hội học tập tốt như vậy, còn thù thắng hơn TQ nhiều, xã hội an định hơn TQ. TQ khi đó là thời Xuân Thu Chiến Quốc, xã hội loạn động bất an, xã hội Ấn độ an định. Tôn giáo và học thuật của Ấn độ, rất chú trọng thiên định, trong kinh nói đến tứ thiên bát định, đó là Ấn độ giáo. Tiên thân của Ấn độ giáo là Bà La Môn giáo, lịch sử dài lâu. Tôi có qua lại với họ, vị trưởng lão của họ nói với tôi, tôn giáo này ít nhất là có mặt hơn 10 ngàn năm rồi, họ phỏng đoán khoảng 13 ngàn năm trở lên. Chúng ta có thể tin được, nếu là 13 ngàn năm, họ có mặt sớm hơn Phật giáo 10 ngàn năm, Phật giáo tính đến nay là 3 ngàn năm. Họ tu tứ thiên bát định, đạt được thiên định là đột phá được không gián duy thứ, đột phá được. Những thứ người thường không thấy được, nhưng họ thấy được, người thường không nghe được, họ nghe được, người thường không tiếp xúc được, họ tiếp xúc được. Cho nên ở trong định, họ đi đến 28 tầng trời, họ có thể đi đến cõi trời phi tướng phi phi tướng xứ, họ tận mắt thấy tai nghe, rất rõ ràng. Cõi dưới họ có thể đến được địa ngục A Tỳ, họ đến đó tham quan, khảo sát. Cho nên đối với lục đạo họ rất rõ ràng. Tình hình trong lục đạo, cũng không phải là nhất định, nó tùy theo ý niệm của chúng sanh mà chuyển đổi. Đọa vào địa ngục A tỳ, thời gian tính bằng kiếp số, có thể mau chóng được thoát ra chăng? Được, chỉ cần một niệm thiện là thoát ra được. Nếu chấp trước kiên cố, không khởi được một niệm thiện, thì thời gian sẽ rất dài, không có pháp cố định, điều này cần nên biết, pháp không có pháp cố định. Đức Phật có nói pháp cố định chăng? Không có, đức Phật cũng không nói pháp cố định, mà uyển chuyển. Đức Phật thuyết pháp có nguyên tắc, là ứng cơ thí giáo, nghĩa là ý niệm của chúng sanh chuyển đổi thế nào thì ngài dạy thế đó, uyển chuyển, không cố định, đây là trí huệ chân thật, hoàn toàn không bảo thủ, rất uyển chuyển. Nhưng chúng sanh trong ác đạo, chấp trước kiên cố, gặp được chư Phật Bồ Tát, các ngài khuyên bảo họ, họ chịu nghe chăng? Không nghe, không chấp nhận, không chấp nhận nên tiếp tục chịu tội. Chỉ cần họ có một niệm ăn năn, lập tức chư Phật Bồ tát hiện tiền, các ngài vô cùng từ bi. Quý vị có một niệm muốn học, muốn học là Bồ tát đến dạy ngay, không có ý niệm này thì Bồ tát chẳng hiện tiền, không có ý niệm này, thỉnh thoảng các ngài hiện một tí, dụ quý vị, hướng dẫn quý vị, quý vị thấy rồi muốn học, muốn học thì các ngài đến dạy.

Chư Phật Bồ Tát từ đâu mà có? Từ tự tánh biến hiện ra. Trong tam thời hệ niệm, thấy trong cuốn trung phong: “duy tâm tịnh độ, tự tánh di đà”, thì quý vị sẽ biết được. Đức Phật A Di Đà từ đâu mà có? Đức Phật A Di Đà là tự tâm của mình biến hiện ra, bản tâm chưa bao giờ xa rời quý vị, mọi thời mọi chốn đều không xa rời quý vị, cho nên một niệm là Phật hiện tiền. Ngày nay chúng ta niệm Phật A Di Đà, nhưng sao đức Phật

A Di Đà không hiện tiền? Đức Phật A Di Đà hiện tiền, thật sự đã hiện tiền, nhận được sự cảm ứng, vì sao ta không thấy được? Bản thân ta có nghiệp chướng, nên biết bản thân ta có nghiệp chướng. Những việc này do Chương Gia đại sư nói cho tôi biết, nếu tiêu trừ được nghiệp chướng rồi, quý vị muốn thấy tướng gì sẽ hiện ra tướng đó.

Lần đầu tiên tôi đến Hongkong giảng kinh, đó là năm 1977. Giảng kinh khi đó không có giảng đường lớn như thế này, thư viện của Phật Giáo Trung Hoa, quý vị đến tham quan thì sẽ biết, là một căn phòng nhỏ, một phòng khách, căn phòng nhỏ, đại khái lớn hơn phòng thu hình này một chút, chưa hơn trăm người, chật cứng, không thể đi lại được. Thời đó ở Hongkong rất nhiều pháp sư đến nghe kinh, Thánh Nhất pháp sư cũng thường đến nghe.

Khi đó TQ chưa hoàn toàn mở cửa, có thể đến đó, thầy ấy đến TQ. Pháp sư Nhân Đức ở Cửu Hoa Sơn mời thầy giảng kinh Địa Tạng, thầy hỏi tôi đi được không? Thầy ấy sợ. Tôi nói thật hiếm có, nếu đủ nhân duyên rồi thầy cứ đi đi, có thể sau này không còn nhân duyên nữa, nắm bắt cơ hội, thầy cứ đi đi. Thầy đã đi, giảng kinh một tháng, rất cẩn thận, thận trọng sợ nói sai, thầy giảng kinh viết thành bài giảng, nung vào bài giảng để nói, thầy có đưa cho tôi xem bài giảng này, tôi rất thích.

Thầy từng có ba người xuất gia là đồng tham đạo hữu. Lần đầu tiên đến núi Phổ Đà, lễ bái Quán Âm Bồ Tát. Đến động Triều Âm, ba người đều ở ngoài cửa động lễ bái, lễ bái nửa tiếng đồng hồ thì Bồ Tát Quán Âm xuất hiện, ba người đều thấy được. Khi trở về trên đường đi nói chuyện với nhau, mọi người đều hoan hỷ, tôi thấy được rồi, hỏi người kia có thấy không? Tôi thấy rồi. Thầy thấy như thế nào? Ba người thấy hoàn toàn không giống nhau. Thánh Nhất pháp sư thấy, giống như Bồ tát Địa Tạng đội mũ Tỳ Lô, toàn thân màu vàng, ngài hiện tướng này. Vị pháp sư thứ hai thấy giống như Bạch Y Quán Âm, thường vẽ Bạch Y Quán Âm. Vị thứ ba thấy thầy xuất gia tỳ kheo, ngài hiện tướng xuất gia. Ba người đều thấy, ba hình tướng không giống nhau. Bồ Tát tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng, tâm của mỗi người không giống nhau, sự thành khẩn không giống nhau, thanh tịnh không giống nhau, từ bi không giống nhau, nên sự cảm ứng không giống nhau. Đây là tướng không có tướng nhất định, ba người thấy không giống nhau. Quý vị cần nên hiểu điều này, biết được tất cả pháp không có định pháp, nó thiên biến vạn hóa, thì còn chấp trước làm gì? Còn phân biệt làm gì? Cho nên đức Phật dạy, không phân biệt chấp trước, không khởi tâm động niệm, gọi là chánh quán, là cái nhìn chính xác, nghĩa là không có ý kiến của riêng mình, mới thấy được sự bất định ở bên ngoài, ý niệm của mỗi con người đều bất định, nên hiện tướng không giống nhau, đây chính là pháp vô định tánh.

3- DUYÊN KHỞI TƯƠNG DO

Vị duyên khởi chi pháp, đệ tướng do tích, nhiên pháp giới duyên khởi, nghĩa môn vô lượng, lược cử thập nghĩa, duyên khởi phương thành. Cố vân duyên khởi tương do dã.

Duyên khởi nghĩa là gì? Nghĩa là tất cả pháp từ đâu mà có, tất cả pháp thể là không, bất khả đắc. Bậc A La Hán biết được chân tướng sự thật này, bậc Bích Chi Phật cũng biết được, dễ hiểu. Cho nên hàng A La Hán, đạt được trí huệ là nhất thiết trí, nghĩa là biết được tất cả pháp, đều là không, đều là giả. Kinh Kim Cang nói: “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, A La Hán chứng được, cho nên biết được tổng tướng của tất cả pháp, tổng tướng là không. Kinh Bát Nhã nói: “tất cả pháp là vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Bậc A La Hán biết được tổng tướng. Nhưng tướng sanh khởi như thế nào, thì họ không biết được, đây gọi là đạo chủng trí. Đạo là đạo lý, đạo lý gì sanh khởi; chủng là chủng pháp, chủng chủng pháp nghĩa là tất cả pháp, tất cả pháp từ đạo lý gì sanh khởi, nói về duyên khởi, cho nên ở đây nói về đạo chủng trí. Đạo chủng trí là trí huệ của Bồ Tát, Bồ Tát biết được, biết được pháp này từ đâu mà có, cũng biết được tổng tướng của nó nữa, cho nên Bồ Tát cao hơn A La hán một bậc.

Pháp duyên khởi rất phức tạp. Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: sự sanh khởi của tất cả pháp là vô lượng nhân duyên. Trong kinh đức Phật dạy về bốn duyên sanh khởi pháp, nghĩa là quy nạp vô lượng nhân duyên thành bốn duyên, đây là phương tiện trong việc giảng dạy của đức Phật, ngài đã quy nạp thành bốn loại: thân nhân duyên, sở duyên duyên, vô gián duyên, tăng thượng duyên. Bốn duyên này đều rất phức tạp. Thân nhân duyên là tự tánh, chúng ta có thể hiểu được. Sở duyên duyên vô cùng phức tạp, sở duyên duyên là gì? Sự khởi tâm động niệm trong từng sát na, ý niệm này thiên biến vạn hóa, cùng một ý niệm nhưng mạnh yếu không giống nhau, tương tục không giống nhau, nhưng cảnh giới bên ngoài chịu ảnh hưởng. Bất luận là ý niệm gì, là vô tình hay cố ý, nên biết rằng, ý niệm như tín hiệu phóng xạ, chúng ta không ngừng phóng xạ, cũng không ngừng tiếp nhận, tiếp nhận tín hiệu từ bên ngoài, sẽ ảnh hưởng đến chính mình. Chúng ta phát ra cũng ảnh hưởng đến người khác, chẳng những ảnh hưởng đến người khác, mà còn ảnh hưởng đến hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa. Hơn nữa là ảnh hưởng đến biến pháp giới hư không giới, vì sao? Ngày xưa chúng ta không hiểu, nhưng sau khi học Hoàn Nguyên Quán rồi thì biết được. Trong Hoàn Nguyên Quán nói: Bất luận là vật chất hay tinh thần, nó là một hiện tượng ba động, ba động này nhỏ hơn, yếu hơn đi nữa, thì phạm vi ảnh hưởng của nó bao lớn? Trong Hoàn Nguyên Quán nói về ba loại chu biến:

Thứ nhất là chu biến pháp giới, điều này thật đáng sợ! Một ý niệm cực kỳ nhỏ bé, như Bồ Tát Di Lặc nói, một khay móng ta có một phần ba trăm hai mươi triệu, thời gian bằng một khay móng tay, một niệm trong đó, chu biến pháp giới. Chúng ta không thể tưởng tượng được, khoa học lượng tử ngày nay cũng không thể tưởng tượng được, tôi chưa từng nghe họ nói như vậy. Họ chỉ nói đến khởi tâm động niệm, sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của chính mình, ảnh hưởng đến tâm trạng không ổn định của mình, ảnh hưởng đến những người xung quanh, những người trong gia đình mình, ảnh hưởng đến hiện tượng vật chất ở bốn xung quanh, đều chịu ảnh hưởng. Họ cũng nói rằng nếu quý vị ở bên ngoài, thì sẽ ảnh hưởng đến hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa. Các nhà khoa học chỉ nói đến đây, chứ họ chưa nói đến chỗ chúng ta còn ảnh hưởng đến tinh cầu khác, ảnh hưởng đến tinh hệ khác nữa, họ chưa nói đến. Nhưng Phật pháp đã nói rằng, trong biến pháp giới hư không giới, quý vị ở đây khởi một ý niệm thì tất cả đều biết hết, họ nhận được thông tin này. Cho nên thông tin này bất luận là vô tình hay cố ý, là thiện niệm hay ác niệm, chỉ cần khởi một niệm là biến pháp giới hư không giới, chư Phật Bồ Tát đều nhận được hết. Ý niệm của các ngài khởi lên đều là chánh diện, đều là tốt, chúng ta cũng nhận được. Nếu các ngài không khởi lên những ý niệm này, thì thế giới này đã bị nổ tung từ lâu rồi. Chúng ta nhận được ân đức từ các ngài, các ngài lấy thiện, lấy chánh diện truyền đến cho ta, nếu chúng ta cũng đem chánh diện đến cho các ngài thì ổn rồi, những thiên tai hiện nay sẽ được giảm nhẹ đi, sẽ được hóa giải. Giới khoa học lượng tử đã khẳng định đạo lý này, họ nói sự thật đúng là như vậy. Cho nên sống trong thế giới thiên tai trùng trùng này, các ngài đã cho ta niềm tin, cho ta tia hy vọng. Chúng ta có năng lực điều chỉnh nếp sống xã hội, và môi trường tự nhiên trở nên tốt hơn, điều chỉnh trở lại bình thường.

“Duyên khởi tướng do”. Đại sư Thanh Lương rất từ bi, ngài đã nói lên 10 điều, trong tổng đề mục gọi 10 điều này là Duyên Khởi Thập Nghĩa. 10 điều nghĩa là một điều này giảng rộng ra. Quý vị xem, trí huệ của Bồ Tát, Bồ Tát biết được vũ trụ như thế nào. Trong kinh Hoa Nghiêm Sớ Sao, đại sư Thanh Lương trích trong Sớ Sao:

Duyên khởi giả, vị chư pháp sở khởi nhân duyên, đệ tướng nhiếp trì, thiệp nhập vô ngại, phân vi thập chủng, dĩ thích tiên Thập Huyền Môn chi nghĩa.

Thực tế mà nói, đoạn này giảng giải về những điều trước đây chúng tôi đã giảng. Duyên khởi tương do có 10 nghĩa:

1- chư pháp các dị nghĩa. *Chư Pháp các dị giả, vị chư pháp duyên khởi các bất đồng dã, cái chư pháp đệ hỗ tương vọng, yếu tu thể dụng các biệt, bất tương tạp loạn,*

phương thành duyên khởi. Kinh vân: đa trung vô nhất tánh, nhất diệc vô hữu đa, thị dĩ.

Điều thứ nhất giảng giải cho chúng ta biết, trong kinh đức Phật thường nói về duyên khởi. Ở đây nói có nhân- duyên-quả, ngài không nói nhân khởi mà nói duyên khởi. Vì sao không nói nhân? Nhân muốn thành quả trong đó nhất định phải có duyên. Nếu không có duyên thì nhân chẳng thể biến thành quả. Giống như một hạt dưa, hạt dưa muốn kết thành quả, nếu hạt dưa này không có duyên, chúng ta đặt nó vào trong ly uống trà thì nó sẽ không có duyên, để 100 năm cũng chẳng thể kết thành quả dưa. Duyên của nó là gì? Duyên của nó là đất, phải có phân bón, không khí, nước, ánh nắng mặt trời, con người chăm sóc nó đây là tăng thượng duyên. Có đầy đủ những điều kiện này, nó lớn lên trông rất đẹp mắt, nó sẽ đâm chồi, nảy lộc, khai hoa, đậu quả, thiếu một thứ cũng không được.

Qua đây quý vị sẽ thấy được, pháp giới duyên khởi là vô lượng nhân duyên. Cho nên duyên mỗi mỗi đều khác biệt, giống như ví dụ chúng tôi vừa đưa ra, chủng tử là nhân, thân nhân, đất là duyên, đất và nước không giống nhau, nước và ánh nắng mặt trời không giống nhau, ánh nắng mặt trời và không khí không giống nhau. Nó phải có đầy đủ những điều kiện để nó sanh trưởng, duyên là điều kiện. Phải có đầy đủ nhiều điều kiện nó mới có thể sanh trưởng.

Chư pháp: Pháp không giống nhau, duyên cũng không giống nhau. Con người đến thế gian này, đây là duyên. Nhân là gì? Nhân cơ bản là một thứ, là tương đồng, chính là tâm hiện thức biến, điều này hoàn toàn tương đồng, tất cả pháp đều không ngoại lệ. Nhưng chúng ta đầu thai vào cõi nhân gian này, chọn cha mẹ, đây là duyên phận. Vì sao quý vị chọn cặp vợ chồng kia làm cha mẹ mình? Sao không chọn người khác? Trong kinh đức Phật giải thích rằng. Cha mẹ và con cái là do duyên, nếu không có duyên, đối diện cũng không nhìn thấy, không tìm thấy. Duyên gì? Đức Phật nói có bốn loại duyên:

Thứ nhất là báo ân. Trong đời quá khứ quý vị có duyên với người đó, cha mẹ này có ân với quý vị, gặp lại vô cùng hoan hỷ, quý vị đến để đền ơn. Đứa trẻ đến để báo ân rất tốt, đỡ phải lo, hiếu tử hiền tôn mà! Nó rất thông minh, ngoan ngoãn, biết nghe lời. Quý vị hiểu được đạo lý này rồi, hãy kết thiện duyên rộng lớn với con người, kết ân huệ rộng, thì mới có nhiều người báo ân chứ.

Thứ hai là báo oán: Nghĩa là trong đời quá khứ quý vị là kẻ thù của nhau, nó sinh vào gia đình quý vị để báo oán, để báo thù. Chuyện này phiền phức lớn, đứa trẻ này trong tương lai là kẻ phá phách, nó sẽ khiến cho quý vị nhà tan cửa nát, nó đến báo oán

mà. Xã hội ngày nay, trẻ tốt thì ít, trẻ xấu lại nhiều. Nguyên nhân gì vậy? Cha mẹ quý vị có nhiều ân đức bố thí cho mọi người, hay ý niệm tự tư tự lợi, muốn chiếm đoạt của người khác nhiều? Đạo lý ở chỗ này.

Thứ ba là đòi nợ. Nghĩa là quý vị thiếu tiền nó, nhưng không nợ mạng nó, nó không đòi mạng quý vị đâu, nhưng kiếm được tiền thì phải trả cho nó, gọi là quý đòi nợ. Nếu thiếu nợ ít, đưa trẻ nuôi lên ba lên bốn sẽ chết đi. Vì sao? Quý vị thiếu bao nhiêu tiền thì tốn bấy nhiêu đó thôi, đòi hết nợ thì nó đi, nó không có tình cảm gì với quý vị, quý vị yêu quý nó nó cũng chẳng có tình cảm với quý vị. Nếu thiếu nợ nhiều, có thể nó phải đòi đến năm 10, 20 tuổi, nuôi ăn học tốt nghiệp đại học, lấy được học vị tiến sỹ xong thì chết, đó là đòi nợ nhiều.

Thứ tư là trả nợ: Nghĩa là đứa trẻ này thiếu nợ cha mẹ, cho nên nó chăm lo đời sống vật chất cho cha mẹ rất chu đáo, cũng phải xem nó thiếu nợ bao nhiêu, thiếu nợ nhiều thì phải trả nhiều, nó sẽ chăm lo đời sống vật chất cho cha mẹ thật hậu. Nếu thiếu nợ ít, cuộc sống của cha mẹ, nó miễn cưỡng cung cấp cho một ít đủ ăn là được rồi, không cho dư, nó không lo cho cuộc sống của cha mẹ thật đầy đủ đâu. Sự việc này chúng tôi tận mắt chứng kiến, coi cha mẹ là người gì? Coi cha mẹ giống như người ở vậy. Cha mẹ lớn tuổi rồi, cũng phải có một người ở chăm lo cho, nhưng con cái xem cha mẹ như người ở vậy, tiền sinh hoạt hàng tháng tính chặt chẽ. Chưa học Phật thì chẳng biết được, học Phật rồi sẽ hiểu đây là trả nợ. Trong đời quá khứ cha mẹ thiếu nợ nó không nhiều, nên phải trả nợ ít.

Đức Phật dạy nếu không có bốn duyên trên đây thì chẳng đến gia đình này. Học Phật rồi phải làm gì với gia đình mình đây? Đức Phật dạy chuyển nghiệp thành pháp duyên. Dạy, quý vị hãy dạy họ, dạy luân lý, đạo đức, nhân quả. Hãy hóa giải những oan gia trái chủ trong đời quá khứ thành pháp duyên. Quý vị xem, chẳng phải những điều ta đang học đây sao? Không có định pháp mà, pháp vô định pháp, xem quý vị biết chuyển đổi hay không. Khi Phật pháp chưa truyền vào TQ, lão tổ tông của chúng ta đã biết đạo lý này, cho nên lão tổ tông chú trọng cội rễ giáo dục, cội rễ giáo dục là chuyển đổi duyên, chẳng phải không chuyển đổi được duyên, chuyển được. Quý vị dạy họ, họ chuyển đổi được rồi, quý vị trở thành người ân lớn đức lớn đối với họ. Vì sao vậy? Đúng ra họ là những người báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ. Ngày nay quý vị chuyển đổi được họ rồi, dạy họ trở thành bậc hiền nhân, thánh nhân, thành chư Phật Bồ tát, ân đức này to lớn vô cùng.

Học Phật thời xưa, ngày nào chư vị pháp sư cũng dạy học, giảng kinh, cho nên người học Phật thật sự có giác ngộ. “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”, Phật giáo

ngày nay không còn làm như vậy nữa. Điều này chúng ta cần nên biết. Không còn Phật giáo thì nhân loại thật đáng thương. Giống như đi biển không còn ngọn hải đăng, quý vị mù quáng trong biển lớn, không phương hướng, khổ sở biết bao. Hiểu thấu chân tướng sự thật này rồi, sẽ biết được bậc cổ thánh tiên hiền không hề có một chút tư tâm. Có tư tâm thì làm sao có thể thành thành thành hiền, sao có thể thấy tánh, sao có thể thấy được chân lý. Tự tánh và chân lý ở ngay trước mặt, nhưng nếu có tư tâm thì cũng chẳng thể thấy được. Cho nên bắt buộc phải buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, mới có thể thấy tánh, mới có thể thấy được chân lý. Mới hiểu được kiếp này được làm người rồi, phải thực hành luân lý, đạo đức, nhân quả. Đó là gì? Đó là sự nghiệp của chư Phật Bồ tát, sự nghiệp của thánh hiền. Như thế mới thật sự là ân đức bố thí đối với xã hội, đối với tất cả chúng sanh. Đạo lý chẳng phải khó hiểu, có chiều sâu nhất định, nhưng chẳng phải là khó hiểu. Ngày nào cũng học, huân tập thời gian dài, sẽ giác ngộ. Giác ngộ rồi, hạnh phúc của mình, sức khỏe của mình, thọ mạng của mình, đều nằm trong tầm tay của chính mình. Quý vị có thể thay đổi chính mình, thay đổi gia đình, thay đổi sự nghiệp, thay đổi xã hội, thay đổi sơn hà đại địa. Điều này đã được các nhà lượng tử lực học chứng minh. Thật may mắn, nếu không có khoa học chứng minh, chúng tôi giảng về những thứ này không dễ dàng như vậy đâu. May mắn các nhà khoa học đã làm chứng giúp tôi.

Ở đây nói về duyên khởi của các pháp không giống nhau. Chúng tôi lấy con người làm ví dụ, lấy thực vật làm ví dụ, lấy hoa cỏ cây cối làm ví dụ, lấy sơn hà đại địa làm ví dụ. Quý vị quan sát kỹ sẽ hiểu rõ. Ở trong đây khai mở trí huệ. Chúng ta đối với con người, sự việc, muôn vật như thế nào, mới có thể đạt được thuần chánh không nhiễm tà.

“Cái chư pháp đệ hồ tương vọng, yếu tu thể dụng các biệt, bất tương tạp loạn, phương thành duyên khởi”.

Duyên khởi có quy luật, ai chế định ra quy luật này? Đây là tánh đức. Nếu dùng cách nói thời nay thì gọi là quy luật của đại tự nhiên. Ví dụ con người, chúng ta hãy tư duy kỹ về vấn đề này, đến nay các nhà khoa học vẫn chưa thể giải thích. Con người khi đầu thai, linh hồn đi đâu? Nó dung hợp thành một thể với tinh cha huyết mẹ. Đó là một tế bào. Vì sao tế bào này ở trong tử cung lại lớn thành một cơ thể phức tạp như vậy? Bên ngoài có nhãn nhĩ tử thiệt thân, bên trong có ngũ tạng lục phủ, không hề khiếm khuyết một tí nào. Nó lớn lên ra sao? Nhìn từ khía cạnh vật chất, như tinh trùng, trứng, quý vị xem trong đó có cái gì? Không tìm thấy. Đó là vật chất, bên trong bắt buộc phải có tinh thần. Đầu thai nghĩa là linh đi vào bên trong. Đạo Phật gọi là thần thức, Pháp Tướng tông gọi là a lại da. A lại da này đi vào trong. Kỳ thật trong trạng thái này, dùng

thuật thôi miên thật không thể nghĩ bàn! Thôi miên vào đó, nó có cảm giác, biết được môi trường nó sinh sống, và nói ra, đúng là không thể nghĩ bàn.

Các nhà khoa học phương tây đã làm qua thí nghiệm này. Họ đưa ra kết luận, người xưa nói về thai giao rất có lý. Tuy chưa thành hình một con người, nhưng nó đã cảm nhận được sự khởi tâm động niệm của người mẹ, ăn uống ngủ nghỉ của người mẹ ảnh hưởng đến nó. Ở TQ, tôi tin rằng vấn đề thai giáo, tuyệt đối không phải thời Thái Nhậm mới bắt đầu. Thái Nhậm là mẹ của Chu Văn Vương, tuyệt đối không phải bắt đầu từ bà ấy, trước thời bà ấy đã có rồi. Điều này nói lên rằng từ thời xa xưa, lão tổ tông của chúng ta đã hiểu được đạo lý này, đã biết được chân tướng sự thật này rồi, cho nên mới chú trọng vấn đề thai giáo như thế.

Cổ thánh tiên hiền, dạy trẻ thơ, họ đã đem đạo lý này, viết vào trong Tam Tục Kinh, đây chẳng phải là việc nhỏ mà là đại sự đấy. Trẻ thơ biết đọc Tam Tục Kinh, ý nghĩa trong đó thâm sâu, “nhân chi sơ, tánh bản thiện”, câu này thật ghê gớm. Nói về tự tánh đấy! Thiện ở đây có nghĩa là gì? Thiện có nghĩa là vạn đức vạn năng trong tự tánh. Các nhà khoa học ngày nay gọi là tiểu quang tử. Tiểu quang tử này, nhỏ hơn nhiều so với tinh trùng và trứng, không thể so sánh được. Mắt thường thấy được tinh trùng, tiểu quang tử phải dùng kính hiển vi cao độ mới thấy được. Trong đó có gì? Có đủ thông tin của vũ trụ, đều ở trong đó. Quý vị nên biết, trứng thụ tinh trùng, trong đó có đầy đủ thông tin của cả vũ trụ. Quý vị chăm lo vun bồi cho nó, sao không thể vun bồi thành một vị thánh nhân chứ? Nếu hiểu được đạo lý này mà vun bồi, thì có thể vun bồi trở thành một vị Phật đấy. Vì sao? Bởi họ vốn là Phật, vốn là thánh nhân mà! Đây chẳng phải là gặp duyên, dần dần lớn lên không giống nhau đó sao? Duyên bất đồng mà! Người mẹ phải hiểu được đạo lý này, nghĩa là khi mang thai khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều phải như lý như pháp. Đứa trẻ này hoàn toàn được hun đúc bằng chánh khí, cho nó môi trường tốt. Sau khi đứa trẻ chào đời người mẹ phải làm tấm gương tốt cho nó. Cội rễ giáo dục là ba năm - 1000 ngày, từ khi đứa trẻ chào đời cho đến năm ba tuổi, đây là thời điểm then chốt. Không phải là dạy nó đọc Đệ Tử Quy, mà cha mẹ phải thực hành Đệ Tử Quy cho nó thấy, là thân giáo chứ không phải ngôn giáo. Khi chào đời rồi nó sẽ mở mắt nhìn, lỗ tai biết nghe, nó đang bắt chước, đang học đấy. Thực tế mà nói, chẳng phải chào đời nó mới học, mà ở trong tử cung của người mẹ nó đã bắt đầu học rồi. Điều này mọi người không biết. Nếu không có thuật thôi miên thời cận đại thì chúng ta cũng chẳng biết được. Nếu chỉ nghe lời đức Phật nói trong kinh, có lẽ chúng ta cho là thần thoại, rất khó tin. Sau khi dùng thuật thôi miên, chúng ta mới biết được, đức Phật quá giỏi, vì sao cuộc sống của một đứa trẻ trong tử cung người mẹ mà ngài biết được? Có trong kinh điển. Cứ bảy ngày thai nhi trong tử cung lại có sự

thay đổi, đức Phật nói rất rõ ràng, ngài quá giỏi! Sao ngài biết được? Thành Phật rồi, đúng là vô sở bất tri, vô sở bất năng. Không hỏi, ngài như người không biết gì, nhưng hỏi ngài, thì điều gì ngài cũng biết, ngài sẽ giải thích một cách rõ ràng minh bạch. Ngài không hề có một chút tạp, một chút loạn nào.

Thành duyên khởi nghĩa là kết quả hiện tiền, cho nên ý niệm thật sự không thể nghĩ bàn, nó làm chủ tất cả. Ý niệm của con người chẳng thể không chánh. Trong Phật pháp, chúng ta khởi tâm động niệm, không làm trái ngược Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, đó là chánh. Ba cội rễ Thích Đạo Nho, đây là nền văn hóa truyền thống. Sau khi nắm vững ba cội rễ này rồi, học ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức của nhà Nho. Đó là gì? Là nền tảng của thánh hiền, cần cha mẹ và thầy giáo làm tăng thượng duyên, quan trọng nhất là phải làm cho đứa trẻ thấy. Có được nền tảng này rồi, lại có duyên gặp được Phật pháp, chuyển từ thánh hiền thành Phật Bồ Tát. Trong đạo Phật gặp được bạn lành, gặp được vị thầy giỏi.

Con người thời nay thật đáng thương, không biết được mình đến thế gian này để làm gì, thật đáng thương! Đến thế gian này tự tư tự lợi, tranh danh đoạt lợi, họ đến thế gian này để làm gì? Đến thế gian này tạo ác nghiệp, để chuẩn bị đi đâu? chuẩn bị về ba đường ác. Quý vị nghĩ xem có oan ức không? Trong đạo Phật nói được thân người rồi, cần nên làm gì? Ở cõi nhân gian nghiêm chỉnh tu tập, hướng thượng vươn lên, kiếp này ở cõi người, kiếp sau ở cõi trời. Cõi trời có 28 tầng, từng tầng vươn lên, sau đó siêu việt luân hồi lục đạo, chứng quả A La hán. Như thế mới không uổng một kiếp được làm người. Nếu không hiểu được đạo lý này mà làm càn làm bậy, thuận theo tập khí phiền não của mình thì phiền phức lớn, lai sanh chắc chắn ở tam đồ.

Tam đồ khổ, thời gian ở tam đồ dài. Vì sao vậy? Vì nghiệp chướng của mình phải tiêu trừ hết, tiêu trừ hết rồi mới được ra khỏi tam đồ trở lại cõi người. Có được cơ hội lần nữa, quý vị phải hướng thượng vươn lên. Nếu không gặp được thiện duyên, mà gặp phải những tập khí ác, vẫn còn những tập khí ác trong tam đồ, lại gặp phải ác duyên thì phiền phức to. Cho nên ở cõi người được mấy ngày lại phải trở về ác đạo, trở về tam đồ rồi. Chẳng phải trong kinh Địa Tạng có nói như vậy sao? Mới ra được mấy ngày, sao lại trở về đó nữa rồi? Sự việc này chúng ta cũng thường thấy.

Chư Phật Bồ Tát thấy lỗi mà không trách điều này cũng rất tự nhiên. Thôi được, người cứ đi vài vòng, đi mệt rồi thì người sẽ giác ngộ, nghĩ rằng mình không thể làm nữa, khổ quá rồi, không thể làm nữa! Như thế quý vị mới nghĩ đến chuyện hướng thượng vươn lên. Niềm vui hướng thượng vươn lên đó, nói thiệt với quý vị, người thường không thể nào tưởng tượng được đâu, trong đó có chân lạc đấy. Ăn uống vui

chơi ở thế gian này, tôi thường ví nó là hút thuốc phiện, hút á phiện, chứ chẳng phải là chân lạc, chỉ cho con người chút cảm giác lâng lâng thôi. Học tam giáo Thích Đạo Nho đó mới là chân lạc. Cũng có nghĩa là không đi ngược lại luân lý, đạo đức, nhân quả, đó mới là chân lạc.

Đối với môi trường vật chất, cái đó không quan trọng, đó là gì? Là phước báo, do tu mà có, chứ không phải của tự tánh. Nếu quý vị thấy tánh thì tốt rồi, thấy tánh thì phước báo trong tự tánh hiện tiền, đúng như lời người xưa nói: “lấy không tận, dùng không hết”, phước báo đó là chân. Phước báo khi chưa thấy tánh là gì? Là do tu mà có, do lâm thời tu, không dùng được phước báo của tự tánh, nó không khởi dụng. Có đó, không hề tổn thất tí nào, nhưng không khởi dụng, không dùng được. Người này tu, phước báo đó không ngoài tiền tài, thông minh trí huệ, mạnh khỏe sống lâu. Đức Phật dạy chúng ta phương pháp tu lâm thời này, tu bố thí, bố thí tài được giàu sang, bố thí pháp được thông minh trí huệ, bố thí vô úy được mạnh khỏe sống lâu.

Ta thấy người có đầy đủ ba phước báo này, ba loại đều có nhiều, lịch sử TQ có một người, có thật chứ không giả đâu, Hoàng đế Càn Long đấy. Ông ta tự xưng mình là lão nhân thập toàn. Đời quá khứ tu nhiều phước, nghĩa là tu ba loại bố thí này. Quý vị xem, quý làm thiên tử, phú giàu bốn biển, làm hoàng đế 60 năm, làm thái thượng hoàng 4 năm. Trong lịch sử TQ nói đến người có phước không ai hơn được ông ấy. Trước thời Càn Long không có người như vậy, sau thời Càn Long cũng không có ai. Nguyên nhân gì? Trong đời quá khứ, chẳng phải một đời. Làm một người lãnh đạo đất nước, thông thường mà nói không có 10 đời hành thiện, thì chắc chắn chẳng thể làm được, lấy đâu ra phước báo lớn như vậy? Phước báo như Càn Long, phải mấy chục đời tu tập, mới được hưởng quả báo như vậy. Nói cho quý vị biết, mấy chục đời tu tập, một đời làm hoàng đế là hết. Hưởng hết phước báo rồi, hoàng đế Càn Long sẽ đi đâu? Đời sau lại đầu thai đến cõi người này, nhưng không được huy hoàng như vậy nữa. Vì sao? Bởi ông ấy còn chút phước dư, hưởng hết phước báo nhưng còn chút phước dư, giống như tập khí vậy, vẫn còn được mấy lần làm người ở cõi nhân gian này. Cuộc sống cũng tạm ổn, nhưng đời sau kém hơn đời trước một chút.

Nếu thật sự thông minh giống như đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng là vương tử, nếu không xuất gia là người kế thừa vương vị. Nói thật cũng không thua kém gì Càn Long đâu. Đời đời kiếp đức Phật Thích Ca Mâu Ni tích lũy công đức, ngài sẽ làm vị hoàng đế giỏi. Nhưng ngài đã biểu diễn cho ta xem, ngài làm Phật. Đời này ngài ở cõi nhân gian tu chứng quả vị cứu cánh viên mãn, đúng là thông minh tuyệt đỉnh. Chúng ta hãy bình tĩnh quan sát sự việc này, sẽ khai mở trí huệ, sẽ không còn mê mờ trong vật chất dục vọng nữa. Một đời chứng được quả Phật cứu

cánh viên mãn. Đó là gì? Là duyên bất đồng. Càn Long tu phước báo nhiều như thế, từ nhỏ đã ở hoàng cung, ngày nay gọi là tiếp nhận nền giáo dục của hoàng gia. Đức Phật đã đi con đường này, năm 19 tuổi đức Phật Thích Ca Mâu Ni rời khỏi gia đình, ra đi tham học, tiếp xúc với nhiều tôn giáo, tiếp xúc với nhiều nhà khoa học, tư tưởng của ngài đã thay đổi, môi trường không giống nhau, ngài không trở về làm quốc vương nữa. Sau khi khai ngộ ngài bèn giảng dạy, công đức dạy học rất lớn, ba loại bố thí này đã đạt đến đỉnh cao.

Thứ nhất là bố thí tài. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không tiếp nhận bất cứ sự cúng dường nào, tài gì? Bố thí nội tài, nghĩa là cơ thể, tinh thần, trí huệ, sức lực, ngài đã bố thí những thứ này. Quả báo bố thí nội tài, so với ngoại tài (tiền bạc), vượt trội hơn không biết bao nhiêu lần! Ngoại tài không thể so với nội tài. Đó là bố thí nội tài. Hàng ngày giảng kinh thuyết pháp là bố thí pháp. Giúp con người giải quyết những vấn đề nghi nan tạp chứng đó là bố thí vô úy. Hàng ngày ngài làm công việc này, làm suốt 49 năm, viên mãn rồi. Quý vị nghĩ xem, một đời ngài đã tích được bao nhiêu công đức! Không ai có thể sánh bằng ngài. Vì sao ngài phải thị hiện như vậy? Ngài làm cho chúng ta xem đây. Ngạn ngữ có câu: “ chuyên môn xem phong cách, không chuyên môn xem tập nập”, giới không chuyên môn chẳng nhận ra, nhưng người chuyên môn thì thấy rõ ràng minh bạch. Thấy được rõ ràng rồi sẽ có sự lựa chọn, đó là gì? Là sự chọn lựa của trí huệ.

Có thể nói rằng tôi vô cùng may mắn, cũng có nghĩa là gặp duyên thù thắng. Bản thân tôi không có năng lực lựa chọn, nhưng thầy giáo lựa chọn cho tôi. Bản thân tôi có lợi thế là biết nghe lời. Cho nên khi ở Đài Loan quen biết ba vị thầy, ba vị thầy này dạy tôi, tôi vô cùng biết ơn! Khi đó tôi không hề cúng dường cho ba vị thầy này, không hề nộp một xu tiền học phí nào. Thầy Phương đặc biệt dành thời gian, lợi dụng vào ngày chủ nhật, mỗi tuần hai tiếng đồng hồ, học trò chỉ có một mình tôi. Lúc đó đời sống sinh hoạt của tôi khó khăn, thầy ấy biết, không nộp cho thầy một xu nào cả, vô cùng cảm ơn thầy! Đối với Chương Gia đại sư cũng như vậy, tôi cũng không hề cúng dường cho ngài một xu nào, theo học với ngài ba năm. Sau khi ngài viên tịch, tôi theo học với Thầy Lý, khi đó tôi đã thôi việc rồi, đôi khi thầy Lý còn giúp cho tôi nữa. Tôi thiếu quần áo thầy mua cho tôi, thật là hiếm có! Thầy giáo hướng dẫn cho tôi con đường thành Phật. Nương vào đâu? không gì khác ngoài việc nghe lời, nghe lời 100%. Có niềm tin đối với thầy giáo, có niềm tin đối với những điều mình học được, tin tưởng mình có thể học tốt, không dám nói là học thật tốt, chỉ có thể nói là học tốt. Những điều này là nói về duyên. Ba vị thầy giáo của tôi đây không thể thiếu một người nào,

thiếu một người thì tôi không thể thành tựu. Cuối cùng phải có một người hộ trì nữa, điều này rất quan trọng.

Ngày nay học điều xấu rất dễ dàng, có nhiều người giúp quý vị, học điều hay thì không dễ đâu, có nhiều người ghen tị, nhiều người làm chướng ngại, họ luôn luôn muốn đánh gục quý vị, cho nên điều này phiền phức lớn. Phải có được vị hộ pháp tốt.

Khi tôi xuất gia, chỉ sống ở trong chùa 1 năm, sau này thì sao? Sau này không thể ở trong chùa nữa, họ không cho tôi ở. Vì sao? Bởi tôi học giảng kinh nên họ không cần. Đạo tràng này không phải là giảng kinh, chỉ là tụng kinh bái sám thôi. Nếu tụng kinh bái sám thì họ hoan nghênh, còn muốn giảng kinh thuyết pháp thì đi nơi khác vậy. Tôi không có chỗ nào để đi. Ở Đài Bắc có một đạo tràng nhỏ giảng kinh, cũng là người bạn xuất gia của tôi_ pháp sư Huệ Nhẫn, người quý vị Hongkong biết vị này, sau này thầy đến Hongkong, thầy đã viên tịch mấy năm trước rồi. Thầy ấy thành lập một đạo tràng, rất nhỏ. Thầy tụng kinh bái sám để dành được một số tiền, mua được căn nhà mẫu giáo, ở Mộc San Đài Bắc Đài Loan. Mời tôi đến đó giảng kinh. Tôi ở đó khoảng 10 tháng. Quý vị nghĩ xem, ý niệm thay đổi rồi đó, Thầy Lý thường nói tâm tư nhiều thay đổi. Tâm tư phàm phu thay đổi bất thường.

Một hôm thầy nói với tôi, thầy ấy muốn học giảng kinh. Khi đó tôi đã học ở Đài Trung được một thời gian, tôi học được gần 10 năm ở Đài Trung. Thầy ấy hy vọng tôi đem những gì mình học được ở Đài Trung, bắt buộc trong ba tháng phải dạy lại cho thầy ấy biết. Tôi đâu có tài như vậy? Dù tôi có tài như vậy, nhưng trong ba tháng chưa chắc thầy ấy đã học được. Nếu không được thì sao? Nếu không được thì tôi phải ra đi. Thời gian tôi ở đó có giảng mấy bộ kinh nhỏ, có một số thính chúng, cư sỹ Hàn khi đó cũng là thính chúng. Gặp phải chuyện này tôi có nói với cô ấy, cô ấy rất nghĩa khí, người phương bắc đấy, cảm thấy hơi bất bình. Cô ấy thương lượng với tôi, mời tôi đến nhà cô ấy ở, dẫn tôi về nhà xem. Nhà cô ấy là một căn độc lập kiểu tây, một căn nhà hai tầng độc lập kiểu tây, con trai cô ấy ở tầng trên, có ba phòng. Tôi đến đó xem xong bèn dẫn cô ấy về Đài Trung, gặp Thầy Lý, xin thầy Lý chỉ dạy. Thầy Lý đã đồng ý, cho nên tôi về nhà cô ấy ở. Quý vị nên biết, tôi đã ở nhà cô ấy 17 năm. Cô ấy giúp tôi tìm chỗ giảng kinh, như mượn phòng làm việc của bạn bè, mượn phòng của người ta. Cho nên chúng tôi giảng kinh không cố định một chỗ nào. Chỗ này giảng hai ba tháng lại phải đổi chỗ khác, mượn phòng. Bạn bè cô ấy mời một số người đến nghe, dần dần người đến nghe nhiều hơn. 17 năm sau tôi mới có được một thư viện nhỏ, thư viện đó đại khái lớn gấp ba lần phòng thu hình này thôi, thế là chúng tôi có một đạo tràng nhỏ ở Đài Bắc. Cô ấy đã giúp tôi 30 năm, giúp tôi 30 năm nên mới có sự thành tựu này. Ở nhà cô ấy, nên không có ai làm phiền, ngày nào cũng giảng, cũng tập luyện, gọt dũa

nhiều lần đấy. Nếu không có duyên này thì chẳng thể làm được. Khi đó chỉ có hai con đường, một là tụng kinh bái sám, hai là hoàn tục, chỉ có hai con đường, không còn cách nào khác. Quý vị nghĩ xem khó khăn biết bao!

Chịu nhiều vất vả như thế, cho nên tôi phát tâm giúp cho những người trẻ, người trẻ nào thật sự thích giảng kinh thuyết pháp tôi sẽ cúng dường, tôi hộ trì. Thật sự không có người giúp quý vị học giảng kinh thuyết pháp đâu. Tụng kinh bái sám có tiền, coi trọng đồng tiền thì tiêu rồi. Tiền xu thời xưa, người xưa đúng là có trí, tiền xu ngày xưa hình tròn, ở giữa có lỗ hình vuông, nó giống cái gì? Giống như cái gong, khi phạm tội phải đeo vào cổ vậy. Tạo hình này dạy quý vị khi thấy tiền, phải biết rằng nó không phải là vật tốt. Chẳng thể không cần, nhưng phải hết sức cẩn thận, cho nên nó có dụng ý. Quý vị thấy chữ “tiền”, đứng về mặt văn tự, một bên là kim, một bên là hai con dao. Hai con dao nghĩa là gì? Là hai người tranh dành nhau. Nhìn chữ đó là bảo ta phải hết sức cẩn thận, không tốt đâu. Người mà mắt chỉ thấy tiền thì tiêu đời rồi, mắt thấy tiền đó là địa ngục a tỳ. Quý vị nên biết, trong một hình tròn, ở giữa có lỗ vuông, đó là cửa địa ngục đấy, sao quý vị lại chui vào đó?

Ngày nay in thành ngân phiếu, thành tiền giấy. Ai dùng tiền giấy vậy? Quỷ dùng chứ không phải người dùng đâu. Từ đó cho thấy người xưa rất có trí, người thời nay không thể nào sánh kịp.

“Kinh vân”, kinh vân là chỉ cho kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm nói: *Đa trung vô nhất tánh, nhất diệc vô hữu đa*. Chúng tôi thường giảng nhất đa bất nhị. Nhất chẳng phải định nhất, đa cũng chẳng phải định đa. Ở đây nói về tất cả pháp là vô tánh. Tánh này không phải là chân tánh, nó có nghĩa là tánh chất của mỗi việc, cũng biến hóa vô cùng. Chúng ta phải đối phó cách nào? Đức Phật dạy: không khởi tâm động niệm, pháp nhĩ như thị, nghĩa là tất cả pháp nó vốn như vậy, “chư duyên các dị”.

Chúng ta thấy động vật, con người có duyên của con người, súc sanh có duyên của súc sanh. Chủng loại của súc sanh rất nhiều, duyên của mỗi loài đều khác nhau. Thực vật cũng rất nhiều loại, tất cả đều không giống nhau. Ngay cả sơn hà đại địa cũng chẳng tương đồng. Chư duyên các dị, cho nên nó mới có thể hình thành. Nhưng nói tóm lại một câu, là ý niệm của con người, ý niệm của con người tốt thì duyên sẽ thù thắng. Gia đình quý vị, người trong một gia đình, là do bán ân báo oán, đòi nợ trả nợ, rất phức tạp. Nếu ý niệm của quý vị chánh, tiêu chuẩn của chánh là luân lý, đạo đức. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đều tương ưng với nhân nghĩa lễ trí tín, tương ưng với lễ nghĩa liêm sỉ, tương ưng với trung hiếu nhân ái tín nghĩa hòa bình, thì ý niệm của quý vị thuộc về chánh, đạt đến chỗ chánh. Tất cả những điều bất chánh chịu

ảnh hưởng của quý vị, nên biến thành chánh hết. Tuy người tà nhiều nhưng tà không thắng chánh. Chỉ cần duy trì được chánh niệm, tà niệm xung quanh sẽ được quý vị hướng dẫn dắt trở về chánh.

Trong Phật pháp chính là tam học, lục hòa, tam quy, ngũ giới, thập thiện, chúng tôi thêm vào đó sa di luật nghi nữa, cộng với lục độ, Phổ Hiền thập nguyên, như thế là đủ rồi. Nắm vững những đại cương này, thì tâm ý của người xuất gia sẽ được chánh. Chánh ở đây là căn cơ của chư Phật Bồ Tát. Làm thế nào để thành tựu? nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, như thế quý vị sẽ được tam muội, sẽ khai ngộ. Người xưa làm như vậy, người thời nay cũng không ngoại lệ, đều có thể làm được.

Duyên của người thời nay so với duyên của người xưa, thì duyên của người xưa tốt. Xã hội thời xưa an định, ít cám dỗ. Chánh phủ có trách nhiệm bảo hộ nếp sống của xã hội thuần chánh. Nếp sống không đúng, chánh phủ sẽ can thiệp. Ngày nay thì không được, ngay nay chế độ dân chủ mở cửa tự do, nếp sống của xã hội không có ai chịu trách nhiệm, không có ai lo, cho nên xuất hiện tà tri tà kiến. Giá trị quán thời nay bị điên đảo, coi tà pháp là chánh pháp, xem chánh pháp là tà pháp, cho nên con người có nhiều nạn. Sơn hà đại địa cũng bị nhiễm, cho nên động đất, báo táp, sóng thần, núi lửa thức dậy, độ nóng của địa cầu cao lên. Thiên tai tự nhiên, thực tế mà nó là do con người sống trên quả địa cầu, tâm trạng họ khởi lên sự thay đổi kịch liệt, nên mới xảy ra những hiện tượng này. Ngày nay những hiện tượng này đạt đến mức độ vô cùng nghiêm trọng.

Hình như năm ngoái, bộ phim 2012 của Mỹ chiếu lên, tôi cũng đi xem. Đã lâu lắm rồi tôi không xem phim, tôi bị học trò mời đi xem. Xem xong tôi nói với mọi người, đây là ông trời cảnh cáo nhân loại chúng ta đấy, hãy mau chóng quay đầu. Nếu không quay đầu, quả địa cầu này có thể xảy ra trạng thái giống như trong bộ phim vậy, phát sinh những hiện tượng này.

Tôi gặp được nhân duyên hiếm có, nghĩa là đoàn tôn giáo của Malaysia, giáo chủ của đạo thiên chúa, phát khởi chuyến đi phỏng vấn Phạm Đệ Cương, phỏng vấn giáo hoàng, họ mời tôi cùng đi. Tôi cũng nhân cơ hội này, đến Italy một chuyến. Đặc biệt dành thời gian đến tham quan thành cổ- thành Bành Bối, ở phía nam La Mã, ngồi xe khoảng 3 tiếng đồng hồ. Đây là một thành cổ, hai ngàn năm về trước núi lửa thức giấc, thành cổ này cách núi lửa khoảng 7 km. Không biết hiện nay nó còn khói hay không? Tôi thấy ngọn núi lửa đó. Khi nó thức dậy, bụi của núi lửa đã vùi lấp thành cổ này, trong khoảng thời gian mấy giây thôi, thành cổ này không còn nữa. Sau này người ta gạt lớp tro bụi ra, những nóc nhà trong thành cổ này không còn nữa, bị phá hủy hết,

những bức tường còn giữ được, hoa văn trên những viên ngói đều rất rõ ràng, màu sắc của những bức tranh trên tường, đều duy trì được rất đẹp. Thấy rồi nên biết được đó là nền văn minh rất cao, chỉ trong mấy giây là mất hết.

Khi tham quan bản thân mình lãnh hội được, trạng thái khi đại thiên tai đến, không thể kịp, thậm chí không kịp kêu cứu nữa, không thể kêu được, mấy giây là xong. Đi xem rồi, tôi nói với quý vị đồng tham đạo hữu, đây là việc cảnh cáo trước mắt. Sống trong xã hội ngày nay, bất cứ lúc nào cũng có thể phát sinh thiên tai như vậy. Cho nên trong lòng phải có sự chuẩn bị. Bất luận lúc nào, nơi nào, thiên tai như thế xảy ra, trong lòng đã có sự chuẩn bị rồi, niệm Phật vãng sanh, không được có ý niệm nào khác, cuối cùng một niệm A Di Đà Phật, nguyện thứ 18 trong 48 nguyện của kinh Vô Lượng Thọ, lâm chung một niệm, mười niệm chắc chắn được vãng sanh.

Sống trên thế gian này, hàng ngày phải xem như đây là ngày cuối cùng của mình, phải quán như vậy, thì đối với thế gian này sẽ không còn lưu luyến nữa, sẽ không tạo nghiệp nữa, không muốn làm điều gì, đây là ngày cuối cùng của mình. Ngày cuối cùng điều gì quan trọng nhất? niệm Phật là quan trọng nhất. Cho nên học trò của chúng tôi ngày nay phát tâm, thật hiếm có, đó là tâm bồ đề, khuyên mọi người tu Lục Hòa Kính. Phải giảng rõ ràng minh bạch sự việc này. Tu Lục Hòa Kính, thời thời khắc khắc cầu vãng sanh, thành tựu chính mình, và giúp cho mọi người, bởi vì Lục Hòa Kính là chánh. Ý niệm thuần chánh sẽ ảnh hưởng đến người khác, ảnh hưởng đến thế giới vật chất, cho nên đây là việc tốt.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 66

Tập 67

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 24 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”. Hôm nay chúng ta học tiếp về “duyên khởi thập nghĩa” đoạn thứ hai:

2- Hồ biến tương tư nghĩa. Hồ biến tương tư giả, vị chư pháp sở khởi, cánh hồ châu biến, tương ưng tư trợ, phương thành duyên khởi dã. Như nhất duyên biến ứng đa duyên, thử nhất tắc cụ đa, nhất nhược bất đa, nhất tắc ứng bất biến, bất thành duyên khởi. Đương tri thử pháp giới trung, nhất duyên cụ đa, pháp pháp giai nhĩ, vô bất hồ biến tương tư”. Chúng ta xem đến đoạn này.

Ở trước chúng ta học qua “Chư duyên các dị”. Bây giờ học tiếp “hồ biến tương tư”, tức nói rõ về sự sanh khởi của các pháp trong vũ trụ. Kinh Hoa Nghiêm nói là vô lượng nhân duyên và đã được quy nạp thành mười loại lớn, để tiện trong việc dạy học. Trước đây chúng ta đã học qua hai lần Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Ba đoạn ở trước của Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói về những chân tướng sự thật của vũ trụ, vạn vật, sinh mạng, thậm chí nói đến cái “ta” từ đâu đến? Tại sao sanh khởi? Vì sao lại sanh khởi? Nói về chân tướng sự thật này. Trong Hoàn Nguyên Quán nói về cương lĩnh, và nói về điều này rất tường tận.

“Hồ biến tương tư” : Trong Hoàn Nguyên Quán đưa ra ví dụ là nhất trần. Một vi trần chu biến pháp giới, một vi trần xuất sanh vô tận. Quý vị thử nghĩ xem, đây có phải là vô lượng nhân duyên không? Một vi trần hàm dung không hữu. Ba câu này nói về duyên khởi một cách rõ ràng tận cùng. Một vi trần cũng vậy mà tất cả vi trần cũng như vậy.

Hồ biến: hồ tương chu biến. Các nhà khoa học lượng tử ngày nay cho ta biết, mỗi tiểu quang tử trong lượng tử quần đều có hiện tượng dao động. Giới khoa học đem hiện tượng này ví dụ như một đài phóng xạ, như ti vi, như đài phóng xạ mạng Internet. Cần phải biết khi nói đến chân tướng thì mỗi tiểu quang tử là một đài phóng xạ, mỗi tiểu quang tử đều là một đài tiếp thu. Tốc độ nó phát đi rất nhanh, lập tức liền toả khắp

pháp giới. Trên thực tế mà nói hoạt động của tiểu quang tử siêu việt cả thời gian lẫn không gian, nó không giới hạn chỉ trong thời gian và không gian, sự dao động yếu ớt trải khắp pháp giới như vậy, đó là hổ biến.

Tương tự nghĩa là gì? là xuất sanh vô tận. Vì sao? Vì tất cả những hiện tượng trong pháp giới đều là tổ hợp của những lượng tử quần này. Đây là giúp đỡ lẫn nhau, thành tựu thập pháp giới y chánh trang nghiêm. Cho nên các nhà khoa học đã dùng một hình dung từ, hình dung một cách rất rõ ràng. Ông ta nói hình như lượng tử quần trong vũ trụ, bên dưới của nó giống như một tầng lưới rất lớn vậy, một tầng lưới rất lớn, hổ tương thông đạt, hổ tương liên kết với nhau. Cho nên bất cứ một chút chấn động nhỏ nào, tất nhiên toàn bộ mạng lưới lập tức biết được. “Hổ biến tương tự” thực sự giống như một tấm lưới lớn vậy.

Cho nên câu dưới nói: “*Chư pháp sở khởi, cánh hổ chu biến, tương ưng tư trợ*”.

Ai ở đó chỉ huy? Những tiểu quang tử này nghe lời của ai? Sự sanh khởi của nó, xuất hiện của nó trong khoa học gọi là năng lượng. Có nguyên nhân không? Nó không có nguyên nhân. Khi nào bắt đầu? nó không có bắt đầu. Trong Phật pháp nói “ở ngay đây”. Cách nói này là chân tướng_ chân tướng sự thật. Không gian và thời gian đều từ phân biệt chấp trước của chúng ta mà có. Tất cả hiện tượng sanh khởi, trong niệm đầu tiên không có phân biệt, không có chấp trước. Duy trì được niệm này, là duy trì ở nơi nhất chân pháp giới, là ở thật báo trang nghiêm độ của Chư Phật Như Lai. Thực tế mà nói thì cũng chính là mỗi chúng ta, chính là thật báo trang nghiêm độ của tất cả chúng sanh. Vì thật báo trang nghiêm độ nó giống nhau, cùng chung một đạo lý. Trong đó có người, cây cỏ hoa lá, cũng có sơn hà đại địa. Vì sao lại có loại tình trạng này? Các nhà lượng tử học giúp đỡ chúng ta rất nhiều. Họ phát hiện tất cả vật chất đều là những lượng tử quần, do tần suất chấn động sai khác mà sản sanh. Tần suất chấn động chậm một chút thì biến thành đá, thành khoáng vật, sơn hà đại địa, còn tần suất biến động nhanh hơn, thì biến thành thực vật cây cỏ hoa lá và nhanh hơn nữa thì biến thành động vật.

Ở trong nhất chân pháp giới, chỉ có người không có các động vật khác. Vì sao vậy? Vì động vật là súc sanh. Súc sanh là do ngu si chiêu cảm ra. Người ở trong nhất chân pháp giới giác mà không mê, nên nó không có đường súc sanh. Chúng ta nói chỉ có cõi trời cõi người, trong lục đạo chỉ có cõi trời cõi người, bốn cõi khác đều không có. Như Cực Lạc Thế Giới có cõi trời cõi người. Còn cõi Thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai có cõi trời cõi người chăng? Không có. Vì người ở trong cõi Thật báo đều minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh là Bồ Tát, không phải phổ thông Bồ Tát mà là

Pháp Thân Bồ Tát. Cho nên ở trong đó chẳng những không có nhân thiên, đến cả dục giới thiên, sắc giới thiên đều không có, cũng không có pháp giới Tứ thánh .

Tứ thánh là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát , Phật. Thập pháp giới nó không có. Nó trên cả thập pháp giới. Cho nên thế giới Tây Phương Cực Lạc vô cùng đặc thù, phiền não chưa đoạn cũng có thể vãng sanh, sanh vào cõi Thánh phàm đồng cư của Phật A Di Đà, đây là một thí dụ rất đặc biệt, thực sự tìm không thấy ở các thế giới khác. Cho nên chúng ta nói Tây Phương Cực lạc có cõi trời cõi người, không có A Tu la đạo, không có tam ác đạo. Mặc dù mang theo nghiệp tập đi đến Tây Phương Cực lạc. Đối với Thế Giới Cực Lạc không có duyên, không có duyên, thì những chúng sanh trong đường bất thiện sẽ không xuất hiện.

Duyên khởi, nó không có duyên này. Trong Kinh Phật dạy: Duyên chủ yếu của cõi A Tu la là gì? là công cao ngã mạn. Niệm Phật vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, có tập khí công cao ngã mạn, có chủng tử trong A lại da, nhưng trong thế giới đó không có cơ duyên để ta khởi công cao ngã mạn. Tham là đường ác quý , sân nhuế là đường địa ngục, ngu si là đường súc sanh . Ở Thế Giới Cực Lạc i duyên của tham sân si đều đoạn rồi, mặc dù có tập khí, tập khí là chủng tử nghiệp tập trong A lại da, không có duyên nó sẽ không hiện hành. Thế giới Cực Lạc này vô cùng thù thắng. Tham với tham tương cảm, sân với sân tương ưng. Thế giới Cực Lạc không có vật gì dẫn khởi quý vị phiền não. Chư Phật Như Lai thi hiện ở các thế giới khác, sau khi chúng ta hiểu rõ cần phải giác ngộ phải học tập. Chúng ta không có cách nào để thay đổi thế giới này, thì cũng nên thay đổi chính mình.

Các vị Tổ sư thường nói: *“Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ”*. Câu này ý nói ta không có năng lực thay đổi người khác, nhưng ta có năng lực thay đổi chính mình. Tự mình thật sự đã thay đổi rồi thì có ảnh hưởng người khác không? Có ảnh hưởng. Vì sao? Vì hổ biên tương tư. Làm gì có chuyện không ảnh hưởng. Ảnh hưởng dường như không có cảm ứng. Không có cảm ứng là vì chúng ta nghiệp chướng sâu nặng. Ý niệm, tự tánh biến hiện vật chất, vật chất chính là tự tánh, cho nên năng lượng của nó rất lớn, chỉ động một tí là chu biến pháp giới, năng lượng của nó lớn như vậy đó. Như vậy chúng ta có thể nghĩ Chư Phật Bồ tát trong mười phương pháp giới có bao nhiêu? Năng lượng các ngài phát ra thông tin ta đều nhận được. Khi nhận được không có cảm ứng là vì nghiệp chướng của chúng ta, điều này trước đây, Chương Gia Đại Sư nói với tôi.

Chướng ngại là gì? Chướng ngại này gọi là nghiệp chướng. Trong Phật pháp nói có hai loại. Nghiệp chướng rất nhiều nhưng có hai loại lớn. Một là phiền não, hai là sở

chấp. Hai loại nghiệp chướng này ngăn trở chúng ta không có cách nào cảm nhận được thông tin. Vậy phải làm sao? Phổ Hiền thập nguyện dạy chúng ta sám trừ nghiệp chướng. Nếu có thể sám trừ nghiệp chướng, thì thông tin của mười phương Chư Phật Bồ Tát, chúng ta có thể cảm ứng được, cảm ứng bất khả tư nghị.

Quý vị thử nghĩ xem, xã hội chúng ta bây giờ, các nhà khoa học họ rất thông minh, nên đã nghiên cứu và phát minh ra các khoa học kỹ thuật cao. Như mạng lưới truyền thông hiện nay của chúng ta, vệ tinh đài truyền hình không phải chính là nói hồ biến tương tư sao? Không phải là đạo lý này sao?

Sự thông minh của giới Khoa học có thể đem phương thức truyền tin này dùng phương pháp khoa học kỹ thuật có thể làm đến “hồ biến tương tư”. Chư Phật, Chư Bồ Tát minh tâm kiến tánh, thì sao các ngài làm không được. Cho nên chúng ta càng nghĩ càng có niềm tin, càng nghĩ càng khẳng định là không sai. Chúng ta tin rồi, hiểu rồi, khẳng định rồi thì tiếp theo nên sám trừ nghiệp chướng, khiến bản năng của ta trở về với chánh đạo.

Trong Kinh điển Đại Thừa, Đức Phật thời thời khắc khắc khuyến khích chúng ta buông bỏ chấp trước, chánh giác hiện tiền. Được như vậy mới bắt đầu có năng lực tiếp nhận một bộ phận thông tin. Thông tin này đến từ bốn phương tám hướng. Không những hiện tiền mà thông tin của quá khứ vị lai toàn bộ đều có thể nhận được. Trong Kinh Đức Phật nói: *“Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương”*. Cho nên nếu quý vị hỏi tại sao có năng lực lớn lao như vậy? Bởi vũ trụ là nhất thể. Điều này ở trước chúng ta đã học qua, nó là nhất thể, nên mới có sức mạnh lớn như vậy. Khả năng này trong tự tánh vốn nó đã đầy đủ. Phạm phu nghiệp chướng nặng, không thể hiện được mà thôi.

Đức Phật dạy tất cả chúng ta đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai . Tuy nói có ba sự việc, nhưng ba sự việc này bao quát hết toàn thể vũ trụ. Đại thừa giáo thường nói tánh tướng, lý sự, nhân quả đều bao hàm trong đó. Đức Phật không dạy chúng ta ngoài những điều này, Ngài chỉ dạy trở về tự tánh mà thôi. Trở về tự tánh là như Đức Phật vậy, không có một tí sai biệt nào. Tất cả chúng sanh với tất cả Chư Phật Như Lai là một chẳng phải hai. Chúng sanh mê hoặc điên đảo, nên phân biệt mình với người, đố kỵ, chướng ngại. Còn người giác ngộ không có. Người giác ngộ chỉ có một ý niệm là giúp đỡ chúng sanh chưa giác ngộ mau chóng giác ngộ. Đây là tánh đức, pháp cũng như vậy. Điều này nói rõ thêm những gì Hoàn Nguyên Quán đã nói, hiện tượng sanh khởi của tất cả các pháp là xuất sanh vô tận. Đây mới thành duyên khởi.

Câu dưới nói rõ *“Như nhất duyên biến ứng đa duyên, thử nhất tắc cụ đa”*. Trong một có nhiều, nó hỗ tương nhau như một tấm lưới vậy, một ô lưới là đầy đủ tất cả các ô

lưới. Tất cả trong ô lưới thành tựu một ô lưới này, “nhất tức thi đa, đa tức thị nhất, nhất đa bất nhị”. Cho nên “nhất nhược bất đa”, khi đã cảm ứng thì bất biết, bất biến nên “bất thành duyên khởi”.

Các nhà Lượng tử lực học nói với chúng ta_Căn cứ vào nghiên cứu phát hiện của họ, mỗi lập tử nhỏ đều nên tôn trọng. Vì sao? Vì duyên khởi cần nương vào nó mà hỗ biến tương tư, thiếu một cái cũng không được. Như trên thân của chúng ta, kết cấu của thân thể này. Bên ngoài có ngũ quan, bên trong thì có lục phủ ngũ tạng, thiếu một cái đều không được, đây là nói lớn để quý vị dễ hiểu, thiếu một cái cũng không được. Quá vi diệu!

Nguồn gốc vốn là một cái tế bào, tại sao lại lớn thành như vậy? Ai thao túng ở đó? Ai chủ tế ở đó? Điều này nói không được. Còn các tôn giáo nước ngoài thì nói là thần tạo. Vậy chúng ta hỏi nữa Thần do ai tạo? Trong Phật Pháp không nói Thần tạo, mà nói tự tánh bản lai đều đầy đủ. Quý vị xem trí tuệ đức tướng, đây là đức tướng. Trí tuệ là tinh thần, đức tướng ở trong vật chất. Một tiểu quang tử tổ chức lại thành một thân người. Thân người này dùng quang tử để tính, số chữ này là lấy đơn vị triệu để đếm. Tổng cộng có bao nhiêu ức triệu mới tổ hợp thành thân người. Trừ chúng ta ra, còn tất cả vật chất đều không ngoại lệ, đó chính là vật này hợp thành. Giới Khoa học nói tổ chức hợp thành không giống nhau, là tần suất chấn động không tương đồng, có nhanh có chậm, và như vậy đã hình thành hiện tượng vật chất bất đồng, cũng là tần suất chấn động không đồng nhau, hiện tượng tinh thần không giống nhau, hiện tượng vật chất không giống nhau, chúng ta không dễ phát hiện. Nhưng hiện tượng tinh thần có thể phát hiện. Như chấn động khi chúng ta vui, khi nổi giận. Cái này sai biệt rất lớn, chúng ta cảm nhận được một cách rất rõ ràng. Khi nổi giận toàn thân nóng lên, còn khi bị giật mình thì toàn thân phát lạnh, rất dễ phát giác. Đây chính là tần suất chấn động không giống nhau.

Cho nên hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất toàn là hiện tượng dao động, đến cuối cùng đều trở về dao động, Trong nhất duyên nhất định không thể thiếu chúng, gọi là “*pháp pháp giai nhĩ*”, bất cứ pháp nào cũng đều như vậy. Cho nên bất cứ pháp nào nó đều là bình đẳng, bất cứ pháp nào đều rất quan trọng, không có cái nào là không quan trọng.

Ở trong tất cả pháp, bất cứ hạt cơ bản nào đều quan trọng. toàn bộ biến pháp giới, hư không giới, nhất định không thiếu nó được. Hạt cơ bản này có thể ở trên thân người, cũng có thể ở trên thân thực vật, cũng có thể ở trong khoáng vật. Nó là động chứ không phải tịnh, nó có thể ở trong quá khứ, vị lai. Nó siêu việt thời gian lẫn không gian. Hoạt

động vượt qua thời gian và không gian. Khi xuất hiện ta biết được đó là huyễn tượng , khi nó tiêu diệt thì trở về tự tánh. Như trong kinh Đức Phật dùng nước biển làm ví dụ. Tự tánh giống đại hải. Những hiện tượng này giống như nước biển nổi bong bóng vậy. Bong bóng có sanh có diệt. Khi sanh khởi nó từ nước biển ra, khi diệt thì trở về với biển lớn. Cho nên Đức Phật nói hiện tượng này gọi là bất sanh bất diệt. Trên thực tế Đức Phật dùng bong bóng và nước biển để ví dụ. Kỳ thực nó chính là tiểu quang tử mà các nhà lượng tử học nói. Tiểu quang tử sanh diệt tốc độ rất nhanh. Nó sanh như thế nào? Nó từ tánh sanh. Thể chính là tự tánh. Nhất niệm tự tánh động, liền xuất hiện thứ này. Khi động dập tắt, thì hiện tượng này không còn nữa, tốc độ rất nhanh.

Tại sao chúng ta có thể nhìn thấy? Chúng ta nhìn thấy là tướng tích lũy liên tục, tướng tích lũy liên tục sanh ra hiện tượng này, không có cái nào là không hỗ biến tương tư.

Trong kinh nói: *“Tri dĩ nhất cố chúng, tri dĩ chúng cố nhất”*. Hai câu này trong kinh Phật đã nói.

Tri là gì? tri tức là giác. Bất tri chính là mê. Nếu thật minh bạch thì giác ngộ. *“Nhất tức thi đa, đa tức thị nhất, nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”*. Vì biến pháp giới, hư không giới là chúng ta nói mười pháp giới y chánh trang nghiêm, sẽ dễ dàng lãnh hội hơn. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm chính là “Nhất” _ một. “Nhất” trong Phật pháp nói là vi trần, nó *“hỗ biến tương tư”* mà thành. Lượng tử lực học ngày nay gọi là lượng tử. Đơn vị của lượng tử chính là tiểu quang tử. “Nhất” tuyệt đối không có “nhị”, nó hoàn toàn tương đồng. Nên biết, bất kể tổ hợp hiện tượng vật chất gì, nó hoàn toàn bình đẳng, không có sai biệt.

Chư Phật, Bồ tát với phàm phu sai biệt, chính là giác và mê không giống nhau. Phật dạy chúng ta giác ngộ. Chúng ta vốn là giác ngộ, nhưng hiện tại đang mê, làm sao để quay đầu? là phải nhìn thấu suốt và buông bỏ. Nên ở đoạn sau trong Hoàn Nguyên Quan dạy chúng ta *“ngũ chỉ lục quán”*. Chỉ là buông bỏ, quán là nhìn thấu tất cả. Nhìn thấu là hiểu rõ chân tướng sự thật. Thực sự hiểu rõ rồi, bất luận trước mắt là hiện tượng gì, ta cũng không khởi tâm động niệm, tự tánh bản định. Tình trạng này trong Kinh Bát Nhã nói là *“Bát Nhã vô tri”*. Trạng thái này gọi là *“căn bản tri”*. Bát Nhã vô tri là căn bản trí. Khi khởi tác dụng thì vô sở bất tri, điều này lại khai thị cho chúng ta rất nhiều.

Chúng ta cầu trí huệ từ đâu? Từ trong thiên định. Trước cầu vô tri, Lão Tử biết Ngài dạy chúng ta trước cầu vô vi, sau đó mới có thể vô sở bất vi, tác dụng của nó rất lớn. Năng lượng đó thực sự lớn đến biến pháp giới, hư không giới. Bát nhã vô tri khi khởi tác dụng thì vô sở bất tri. Cho nên bình thương tâm cần phải thanh tịnh, một niệm

cũng không sanh. Khi cảnh giới hiện tiền, không có gì mà ta không biết. Như vậy mới có thể chuyển cảnh giới, gọi là cảnh tuỳ tâm chuyển. đạo lý là như vậy.

3- Câu tôn vô ngại nghĩa. *Câu tôn vô ngại giả, vị phàm thị nhất duyên, yếu cụ tiền chi nhị nghĩa, phương thành duyên khởi vô ngại dã.*

Đó chính là “chư duyên các dị, hồ biến tương tư”. Ngày nay chúng ta nói về Lục hoà kính. Đạo lý này chúng ta phải hiểu “*chư duyên các dị*”. Người đồng phát tâm tu Lục hoà kính rất đông, mà mỗi người đều không giống nhau, nhưng chúng ta cần phải “*hồ biến tương tư*”, thì sự việc mới có thể làm một cách viên mãn. Cho nên mới gọi là “*câu tôn vô ngại*”. Đây mới có thể “*phương thành duyên khởi vô ngại*”.

Dưới đây là giải thích rằng: “*Nhiên tất do các dị, phương đắc đãi duyên, tất do biến ứng, phương tự cụ đức*”.

Đức ở đây là tánh đức. Chắc chắn là do các loại duyên khác nhau. Trong Phật Pháp nói vô lượng nhân duyên, thông thường quy nạp thành bốn loại lớn: Thân nhân duyên, Sở duyên duyên, Vô gián duyên và Tăng thượng duyên. Trong mỗi duyên đều có rất nhiều loại. Thân nhân duyên cũng có rất nhiều loại, nhưng cần phải nói đến căn bản, đó chính là tự tánh_đây là một loại. Cũng giống như gốc rễ của cây vậy, nhưng gốc rễ cây sẽ trưởng thành thân cây và cành cây, trên cành lại mọc lên nhánh cây, trên nhánh có lá, có hoa, có quả. Tất cả đều không rời căn bản này. Căn bản là tự tánh.

Nhìn từ tự tánh, vạn pháp là bình đẳng. Từ trong cái biến hoá tầng tầng lớp lớp của nó mà nói, thì tướng đều là hư vọng. Vì sao tướng là hư vọng? vì tướng có sanh diệt, tướng có biến hoá, bất luận là hình tướng như thế nào. Nhưng đạo lý này tất cả đều đầy đủ, không có ngoại lệ, mà còn là “tương tư”. Tương tư tức là hồ tương ảnh hưởng. Ý niệm của tinh thần, phản ứng của hiện tượng vật chất. Khoa học gia nói là vướng víu thì trong Phật pháp gọi là cảm ứng. Đối phương có cảm, chúng ta liền có ứng. Chúng ta có cảm, đối phương có ứng. Hai bên đều có cảm ứng, danh từ khoa học gọi là “vướng víu”, giống như vướng víu không dứt vậy,đây chính là hồ tương cảm ứng.

Cảm ứng cũng có mặt chánh, mặt phụ. Mặt chánh là tuỳ thuận tánh đức, còn mặt phụ là tương phản tánh đức . Bất luận là mặt chánh hay mặt phụ, không kể là vô tình hay cố ý. Tóm lại mà nói, mỗi niệm của ta đều đang phát xạ, và niệm niệm cũng đang tiếp thu, như vậy ta mới có thể “đới duyên”. Duyên tụ duyên tán. Khi duyên tụ thì thành hình, khi duyên tán thì biến mất. Từ lâu các nhà khoa học đã nói như vậy. Vật chất bất diệt, tinh thần bất diệt. Đây đều là chân tướng sự thật . Và đây cũng là “*pháp vô định pháp*” mà chúng ta học trước đây.

Nếu có sự nhất định, nó sẽ không có biến động. Nhưng nó không phải nhất định, chỉ cần gặp duyên nó sẽ biến hoá, đúng là xuất sanh vô tận. Tất cả pháp không cái nào chẳng như vậy. Trong cảm ứng hiện thị đầy đủ cái đức của nó. Đức là gì? đức là hỗ trợ, cho nên “*tự nhất đa nhất tự tại vô ngại*”, “*tự nhất đa nhất*” ở sau có chú giải, cái gì gọi là “*tự nhất đa nhất*”? Họ đưa ra một ví dụ “*vị như thập số trung*”, một đến mười, nhất là chính mình “*tự nhất*”, đằng sau là nhị, tam, tứ, ngũ cho đến cửu, gọi là “*đa nhất*”. “*Tự nhất đa nhất, tự tại vô ngại*”. Dùng giáo đoàn của chúng ta làm ví dụ là dễ hiểu nhất. Một ban có 10 người, 10 người này là một đoàn thể nhỏ. Đối với chính tôi mà nói là “*tự nhất*”, còn chín người khác là “*đa nhất*”. “*Tự nhất vô nhất, tự tại vô ngại*”. Tự nhất tự tại, đoàn thể chúng ta cũng tự tại.

Trong kinh dạy: “*Chư pháp vô sở y, đản tùng hoà hợp khởi*”. Tất cả pháp đều có hiện tượng này, tất cả pháp không chỗ nương đều từ hoà hợp. Tức là chúng duyên hoà hợp mà hiện tướng hiện khởi. Hiện tướng là duyên tụ, tướng không có nữa thì duyên tan. Làm gì có hiện tượng này? Hiện tướng là giả, duyên tụ duyên tán. Từ chỗ này ta mới nhìn ra tướng không có thật_tướng là giả. Tụ hay tán cũng là duyên. Có duyên thì tướng tụ, không có duyên thì nó tán. Cho nên vô lượng nhân duyên thành tựu Y chánh trang nghiêm của mười pháp giới.

4- Dị thể tướng nhập nghĩa. *Dị thể tướng nhập giả, vị chư pháp dị thể, đệ tướng thiệp nhập dã.*

Loại này không những là hiện tượng tinh thần vô cùng rõ rệt. Hiện tượng vật chất cũng không ngoại lệ.

“*Cái chư pháp lực dụng, đệ tướng y trì, phương thành duyên khởi, như nhất tri đa, tắc đa nhập nhất nội, như đa tri nhất, tắc nhất nhập đa nội dã*”. Tất cả là nói về duyên khởi.

Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, những hiện tượng này toàn bộ đều trong cuộc sống hàng ngày. Khi ta nhìn sắc nghe âm thanh, tinh thần khởi tác dụng là thọ tướng hành và thức. Chúng ta nhìn thấy rồi, chúng ta tiếp nhận rồi. Tiếp nhận có hồi ứng_phản ứng, hồi ứng là tinh thần tình cảm của chúng ta. Hợp với ý mình thì tâm sanh hoan hỷ, thậm chí có ý niệm không chế mãnh liệt, khởi sanh ý niệm chiếm lấy. Thực tế đây là phiền não. Còn không thích thì bài xích. Đây là phương diện tinh thần.

Còn phương diện vật chất, thì như chúng ta uống ly nước. Nước với chúng ta khác nhau, chúng ta uống vào, những vật chất này là “*tướng nhập*”. Nó đi vào trong thân thể của chúng ta, cho nên ăn uống ngủ nghỉ, thực sự là dị thể tướng nhập với tất cả

vật chất . Đây đều là thành tựu duyên khởi. Thành tựu cái gì? thành tựu thân mạng này của chúng ta, trưởng thành của sinh mạng là từng sát na. Nếu cắt đứt mọi ăn uống, giới khoa học nói thân mạng của một người, đại khái chỉ cần bảy ngày là không còn nữa. Ta cần phải dựa vào những vật chất bên ngoài để duy trì mạng sống. Trong duy trì này có vật chất có tinh thần. Cho nên sinh hoạt vật chất và sinh hoạt tinh thần, duy trì sức khoẻ và thọ mạng của chính mình. Thậm chí tình cảm và ý niệm của chúng ta trong cuộc sống hằng ngày. Những thứ này tất cả đều bao gồm trong “*dị thể tướng nhập*”. Chúng ta có cho người khác không? Có, giúp đỡ lẫn nhau. Chúng ta cũng cho người khác, thực sự là tướng nhập. “*Chư pháp lực dụng, đệ tướng y trì*”, các pháp này là mười pháp giới y chánh trang nghiêm, hai bên hỗ trợ để duyên nương tựa. Không phải vật giống nhau cũng có thể tồn tại độc lập. Tìm không cái gì độc lập tồn tại.

Nói cách khác, tất cả pháp trong thế xuất thế gian, ta không thể nói cái nào hữu dụng, cái nào vô dụng. Không có đạo lý này. Chỉ cần có một pháp, nó nhất định có chỗ dùng. Vì bản thân chúng ta nhận thức không rõ ràng. Có một vài thứ ta cho rằng nó vô dụng, nên muốn xoá bỏ. Nhưng sau khi diệt trừ vấn đề lại xuất hiện. Vì không biết duyên khởi của toàn bộ vũ trụ là thăng bằng, cũng chính là sự thăng bằng của địa cầu sinh thái người thời nay nói. Tại sao? Vì nó là “*hổ vi y duyên*”, thiếu một cái cũng không được, thiếu một cái là có vấn đề, liền sanh ra biến hoá. Nhiều thêm một cái cũng sanh ra biến hoá. Duy trì thăng bằng là sinh hoạt lành mạnh nhất, sinh lý của con người cũng như vậy. Thể chất của mỗi người không giống nhau_dị thể, chư duyên các dị. Thích ứng của mỗi người không tương đồng. Chúng ta nói tập quán ẩm thực, tập quán sinh hoạt của mỗi người đều không tương đồng, điều này không thể miễn cưỡng. Thể chất không giống nhau, có người ăn nhiều, có người ăn ít một chút. Nếu có thể thích ứng với tình trạng thân thể của mình, thì đó là lành mạnh nhất. Cho nên ta không thể ham muốn nhiều, ham muốn nhiều đối với cơ thể không tốt.

Ta tham ăn, thích ăn, điều này không được. Ăn quá nhiều sẽ sinh ra bệnh. Làm sao phải khống chế tốt, ăn không nhiều không ít. Như vậy mới có thể bảo vệ trạng thái sức khoẻ tốt nhất. Cho nên ở đây Đức Phật nói cho chúng ta nguyên tắc này, để trong sinh hoạt hằng ngày ta vận dụng như thế nào cho linh hoạt, mới thật sự có lợi ích đối với chúng ta.

5- *Dị thể tướng tức nghĩa.* *Vịchư pháp dị thể, cánh hỗ trợ vọng, toàn thể hình đoạt dã*”. Có nghĩa là gì? bên dưới sẽ nói. “*Nhiên cụ hữu thể vô thể, phương thành duyên khởi, nhược nhất duyên hữu thể, năng khởi chư duyên, tức thị nhất duyên. Nhược nhất duyên vô thể, sở khởi chi duyên, tức thị chư duyên. Nhất duyên hữu thể, vô thể ký nhĩ, chư duyên hữu thể, vô thể diệt nhiên. Kinh vân: nhất tức thị đa, đa tức thị*

nhất”. Điều này ở sau có tiêu chú giải. “*Toàn thể hình đoạt*” là nói “*hữu vô chi thể, cánh hỏ hình tử dĩ đoạt*” là nói ý này.

“*Hữu vô*” là nói hiện tượng vật chất. Thông thường chúng ta nói “không” và “hữu”, nhưng ở đây nói “hữu” và “vô”. “Vô” cũng có nghĩa là “không”. Trong cảnh giới của Hoa nghiêm không hữu bất nhị, không hữu nhất như. Dĩ thể tương tức này, đằng sau còn có tương nhập. Tương tức nghĩa là không hữu làm sao có thể nói rằng, không tức là hữu, hữu tức là không? Ý này rất thâm sâu.

“*Nhược nhất duyên hữu thể, năng khởi chư duyên*”. Duyên này là một pháp, nhân duyên của một pháp. Nhân duyên của pháp này hữu thể, năng khởi chư duyên, đây là nhất duyên. Nếu nhất duyên này là vô thể, thì duyên nó khởi là chư duyên, đó chính là nhiều duyên. Trong đây có nhất duyên và đa duyên.

Chúng ta quan sát từ bốn duyên của đức Phật, thì Thân nhân duyên có thể chăng? Thân nhân duyên nói chung là nghiệp tập chủng tử của A lại da. Cái này nhìn không thấy, vì nó không phải là vật chất. Trong A lại da bao hàm nghiệp tập chủng tử, vô lượng vô biên. Chẳng những tự mình trong quá khứ hiện tại tạo nên, bất luận là vô tình hay cố ý, A lại da đều ghi dấu lại. Đây là Thân nhân duyên gặp duyên khởi hiện hành, chủng tử rất nhiều không có hiện tướng. Điều này ở đây nói là thuộc vô. “*Nhược nhất duyên vô thể*”. Nó gặp được duyên gì? chủng tử nào bị nó dẫn phát ra liền khởi hiện hành. Đây là nói mười pháp giới:

Nhân pháp giới. Vì sao quý vị đến nhân gian? là do duyên trong quá khứ đã giữ ngũ giới thập thiện. Đây là Thân nhân duyên đến pháp giới người.

Ngũ giới_trung phẩm thập thiện là nghiệp duyên của cõi người. Thượng phẩm thập thiện là nghiệp nhân của cõi trời. Quá khứ không tu thập thiện thì không thể được thân người, là nhân của quá khứ tu thập thiện sẽ đến được nhân gian. Đây gọi là thân nhân duyên.

Có Thân nhân duyên còn phải có Sở duyên duyên. Sở duyên duyên cũng là phiền não tập khí. Nói phiền não tập khí nó có ý, tức là ta nói đến ý thức. Trong ý thức thích con đường này. Nó ở trong trung ấm không quên con đường này, niệm niệm nghĩ đến con đường này, tâm tưởng sự thành. Ý niệm chủ tể tất cả. Ý niệm là nhân tố quan trọng nhất trong sự lựa chọn của ta. Cho nên niệm Phật rất quan trọng, niệm niệm của ta đều là A Di Đà Phật, ta sẽ chọn A Di Đà Phật, cái này rất quan trọng. Nếu mỗi niệm đều ham muốn hưởng thọ ngũ dục lục trần là đi đến đường Ngạ quỷ. Tham tâm là Ngạ quỷ, Sân nhuế là địa ngục. Nhất định không thể có sân nhuế. Khi gặp bất cứ khổ nạn gì

cũng không khởi tâm oán hận. Người khác hại tôi như thế nào, cũng không có tâm oán hận, cũng không có tâm báo thù. Đây là thành tựu chính mình, đề cao chính mình. Nếu sai một niệm thì đi đến ác đạo.

Nếu ta gây bất lợi cho người khác ba phần, thì bất lợi cho mình ít nhất bảy phần. Hôm nay chúng ta nói về duyên khởi pháp, điều này quan trọng hơn tất cả. Trong cuộc sống hằng ngày phải cẩn thận hết sức. Chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp không thoát ly luân hồi được, chính là chưa buông bỏ những tập khí này, nên mới tùy nghiệp lưu chuyển. Đây là sai.

Có nghiệp nhân của nhân đạo, đối với nhân gian vẫn còn lưu luyện. Nhân gian lưu luyện là gì? Thân tình là thứ nhất_nợ thân tình. Ngoài ra chúng ta thường nói là độc ác. Thích thì báo ân, oán hận thì phải báo thù, nghiệp nhân nó đến như vậy đó.

Cái này đều nói đến nhất duyên và đa duyên. Ta xem ở trong này, đa duyên, rộng khắp, có nhất duyên. Nhất duyên tìm được mục tiêu rồi_nhất duyên hữu thể. “*Năng khởi chư duyên, tức thị nhất duyên*”, ví như đến nhân gian đi đầu thai, đây là nhất duyên hữu thể. Ý niệm chủ yếu chính là A lại da. Thần thức đi đầu thai, có thân là có thể khởi chư duyên_đây là nhất duyên. Còn duyên vô thể, duyên sở khởi nó vô cùng rộng rãi. Chúng ta cũng dùng tập khí chủng tử bao hàm trong A lại da. Duyên nào khởi hiện hành trước thì đó là sức mạnh của duyên. Duyên này là Sở duyên duyên.

Còn Vô gián duyên là kiên trì không thay đổi. Nếu ý niệm chuyển biến lập tức khởi biến hoá. Ý niệm không thay đổi thì nhất định hình thành, nhất định là kết quả. Như vậy mới hiểu được trong Kinh dạy chúng ta, toàn thể vũ trụ là vô lượng nhân duyên, không cách nào tính toán được. Vô lượng nhân duyên này cần phải biết đó là cái động đầu tiên, nhất niệm bất giác. Nhất niệm bất giác này ở trong tự tánh, biến thành A lại da. Do A lại da biến hiện thế giới, biến hiện chính mình. Mình là chánh báo, vũ trụ là y báo. Ngoài tự thân ra tất cả đều là y báo. Trong y báo có y báo của người và việc, có môi trường của người và việc, môi trường vật chất, môi trường tự nhiên. Người không học Phật sẽ chẳng biết, không hiểu được chân tướng sự thật. Có phân biệt, có chấp trước, rất phiền phức. Nhưng sau khi học Phật biết được phân biệt chấp trước là sai lầm. Buông xả phân biệt chấp trước, cảnh giới được nâng cao. Không nâng cao cảnh giới được là do phân biệt chấp trước của ta buông chưa được.

Ngày nay chúng ta hiểu rồi, thật sự minh bạch rồi, nhất định phải buông bỏ. Không buông bỏ thì ai thiệt thòi? Chính mình thiệt thòi. Tự mình vĩnh viễn không thể thoát ly luân hồi lục đạo. Gặp môi trường này, đối với người tu mà nói là môi trường tốt. Vì sao? Tai nạn trước mắt quá quy mô, ta mới biết khổ, mới thật sự muốn thoát ly. Nếu

hoàn cảnh là xã hội an định, thế giới thái bình, thì ta không muốn rời bỏ. Cảm thấy nhân gian thật không tệ. Phật A Di Đà tiếp dẫn cũng không muốn đi. Cái tốt đẹp của Thế giới ta hương thụ rồi, còn thế giới Cực lạc chỉ nghe mà không nhìn thấy, nên tâm nguyện không kiên cố. Vì vậy đối với người tu hành chân chánh mà nói, môi trường không có tốt xấu, không có nhất định. Chỉ xem ý niệm của mình, cách nhìn của mình như thế nào. Nếu cảnh giác được, thì thế giới này thật không nên ở. Đây không phải là tăng thương duyên tốt sao? Nó có thể giúp ta giác ngộ, giúp ta một đời thành tựu.

Trước đây tôi có nói hai câu nói, người trên thế gian này ai cũng là người tốt, mọi việc đều việc tốt. Người huỷ báng ta, sỉ nhục ta, trở ngại ta, hãm hại ta đều là người tốt, làm gì có người xấu? bất luận họ có ý niệm gì? làm những việc gì? Nếu chúng ta giác ngộ rồi, tất cả đều nhận được ân huệ. Cho nên làm người cần phải luôn sống trong thế giới cảm ân, như vậy đối với chính mình rất tốt, nên nhất định phải dùng trí tuệ đi quan sát, không thể dùng tình cảm vì tình cảm rất phiền phức_ dùng trí tuệ, không dùng tình cảm.

Trong Kinh có câu nói rất hay “*Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất*”, đây là câu mà trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật thường nói, có nghĩa là tương tức. Nhất đa là nhất thể, sau cùng là tương tức.

6. *Thể dụng song dung nghĩa.* *Thể dụng song dung giả, vị hội tiền dị thể tương nhập tương tức.* Tương nhập ở dưới còn một câu, “*nhị chủng giai dung thông dã*”. Bên dưới có giải thích “*cái chư pháp thể dụng, giao thiệp vô ngại, phương thành duyên khởi. Dĩ thể vô bất dụng, cố cử thể toàn thị dụng. Dĩ dụng vô bất thể, cố cử dụng toàn thị thể.*”

Đây là nói tất cả pháp, tất cả pháp có thể có dụng, không thể nói có thể không có dụng, hoặc là có dụng không có thể, điều này không thể. Thể dụng nhất định phải song dung. Đây chính là dị thể tương nhập mà ở trước đề cập. Còn ở sau nói đồng thể là tương nhập, “*dị thể tương tức, đồng thể tương nhập*”. Đây là hai loại thể và dụng dung thông. “*Chư pháp thể dụng, giao thiệp vô ngại*” mới thành duyên khởi.

Có thể có dụng, không thể không dụng, có thể không nói là không có dụng, nên cử thể toàn bộ tác dụng. Đứng về mặt cơ bản mà nói, tự tánh là thể. Trong triết học nói là bản thể. Từ thể khởi dụng chính là mười pháp giới y chánh trang nghiêm, đây là tác dụng của nó, là nói sự duyên khởi của toàn bộ vũ trụ. Chúng ta thu nhỏ lại để xem, xem cái thân hiện tại của chúng ta. Thân này là thể. Chúng ta đến thế gian này đương nhiên có tác dụng. Tác dụng gì? Trong kinh Phật nói rất hay, con người đến thế gian này để làm gì? Đức Phật nói một câu: “*nhân sinh thù nghiệp*”. Con người đến để làm gì? đến để trả nghiệp báo. Trong quá khứ làm thiện tích đức thì đến thế gian để hưởng

phước, còn quá khứ làm việc bất thiện thì đến để nhận tội. Đức Phật đã giải thích như vậy. Cái thể này của chúng ta là khởi tác dụng như vậy. Nhưng những tác dụng và ý niệm biến hoá, nó khởi tác dụng bất đồng.

Nếu cuộc sống này của ta, không nhận được giáo huấn của Chư Phật, Bồ Tát, Thánh Hiền, thì đúng là “*nhân sinh thù nghiệp*”, khi ta hưởng phước hoặc thọ tội, trong đó ta lại đang tạo nghiệp. Nên nghiệp và báo mãi mãi đeo bám không dứt. Nếu ta tạo nghiệp, thì đời sau lại phải thọ báo. Đời đời kiếp kiếp là nguyên nhân gì? Tức là nghiệp nhân nghiệp báo đang tuần hoàn. Ta cần phải thật sự nhìn việc này cho rõ ràng thấu đáo, thì sẽ biết Đức Phật hình dung lục đạo là gì? là khổ hải_khổ hải vô biên. Đức Thế Tôn khuyên chúng ta quay đầu là bờ. Vậy tại sao không quay đầu? Không quay đầu là mê, quay đầu là giác ngộ. Cho nên dụng không giống nhau là do gặp duyên không giống nhau. Quý vị nghĩ xem cái duyên này quan trọng biết bao nhiêu.

Duyên có thiện duyên ác duyên, cũng là do quá khứ kết tập. Vậy nên bất luận cuộc đời này gặp thiện duyên hay ác duyên. Tóm lại mà nói đó đều là duyên. Tự mình phải dùng trí tuệ để xử lý. Có trí tuệ, thì có thể chuyển biến tất cả duyên thành pháp duyên. Điều này đối với chính mình có lợi ích rất lớn. Ngày xưa chư vị cổ đức thường nói thể duyên, duyên của thế gian này nặng nhất chính là tình chấp, rất khó đoạn, rất khó giải trừ. Không có chân thật trí tuệ thì làm chẳng được, mà chân thật trí huệ ở trong hoàn cảnh hiện tại này, nhưng vô cùng khó gặp. Muốn gặp được một thiện trí thức tốt thật không dễ.

Trước đây tôi ở tại Đài Trung, Thầy Lý thường nói với tôi, một học sinh tốt muốn tìm một Thầy giáo tốt không dễ dàng, có thể gặp mà không thể cầu. Nhưng Thầy giáo tốt muốn tìm học trò tốt để truyền pháp của họ lại càng không dễ chút nào. Tìm ở đâu? Từ việc này khiến ta nghĩ đến ở thế giới, bất đồng quốc gia địa phương, thật sự có người truyền đạo pháp, rất khó! Đi đâu để tìm? Cho nên rất nhiều người thành tựu đạo nghiệp mà không tìm được người truyền thừa. Vậy phải làm sao? Họ viết thành sách, đem những gì mình biết dùng văn tự ghi lại truyền cho người đời sau. Xem người đời sau có duyên đọc được sách này của họ không? Từ trước đã dùng phương pháp này, bây giờ khoa học kỹ thuật phát triển, nhiều thêm vài phương pháp. Bây giờ có thể thu âm, quay phim. So với trước đây thì nhiều phương pháp hơn. Nhưng sau khi thiên tai đến rồi, sợ khoa học kỹ thuật mất đi, nếu không có điện chẳng phải tiêu tùng rồi sao? Thu âm và ti vi đều không thể khởi tác dụng. Cho nên sách vẫn là đáng tin cậy hơn. Đó là lý do vì sao người Trung Quốc coi trọng sách. Còn nữa sợ đại thiên tai, tương lai sách không có phải làm sao? Họ khắc lên trên đá. Kinh khắc trên đá của Phòng Sơn Trung Quốc, không phải duyên khởi từ đây sao? Đem Đại tạng Kinh khắc lên trên đá.

Bây giờ chúng ta cũng biết, nếu ở đó phát sanh động đất, cũng có thể làm nó huỷ diệt. Dụng tâm của người xưa, chúng ta không thể không bội phục, không thể không cảm ân. Động cơ của họ, dụng tâm của họ quá tốt, thật là thuần tịnh thuần thiện.

Phòng Sơn Thạch Kinh thực sự có giá trị, So với Đại Tạng Kinh ngày nay, còn nhiều hơn đại tạng kinh thời nay nữa. Nhiều hơn chứ không thiếu, thật sự là vô cùng hoàn chỉnh. Tôi đi tham quan qua. Những điển tịch này, người xưa đã dụng tâm như vậy. Ta thử nghĩ xem, họ đã dùng cách gì để bảo tồn chúng, mới không đến nỗi bị huỷ diệt, thiên tai gì cũng không huỷ được? Tôi nói với quý vị là chỉ có in ấn ra, số lượng in có thể in một ngàn cuốn, đưa đến thư viện các quốc gia trên toàn thế giới cất giữ. Nên bất cứ thiên tai nào, nó cũng không huỷ tiêu toàn bộ, nhất định cũng có vài cuốn lưu lại. Cách bảo tồn này mới thật sự bảo tồn được. Một bộ khắc trên đá cũng không tin tưởng được. Chỉ cần một trận động đất không phải là mất hết sao? Nên ta thông cảm với dụng tâm của người xưa.

Ngày nay có loại kỹ thuật này, dùng ấn loát tinh xảo, có thể in hai ba ngàn cuốn. Phân chia đưa đến toàn thế giới thì có thể bảo tồn. Vậy hữu thể ở đây nói thể và dụng, “cử thể toàn thị dụng”. Là nói tất cả pháp, bất cứ pháp nào, có thể, nhất định có dụng. Dụng không rời thể, thể không rời dụng. “*Hổ bất tương ngại, giao triệt viên dung*”. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, đương nhiên quan trọng nhất là trong đời này, dùng thân này như thế nào, để dùng toàn bộ sanh mạng của chúng ta? Khi đến ta không biết là nó tuỳ nghiệp lưu chuyển mà đến, cũng như Đức Phật giảng vậy, là trả nghiệp mà đến.

Chúng ta rất may mắn, trong đời này có thể gặp được Thánh hiền chỉ dạy. Đây là phước báo thật sự. Thánh hiền dạy bảo hy hữu khó gặp. Gặp được Thánh hiền chỉ dạy thì nên học tập cho tốt, học rồi phải đem xiển dương rộng rãi. Chúng ta phải dùng tinh lực và thời gian của đời này phụng hiến cho chánh pháp cứu trú. Phụng hiến cho tục Phật huệ mạng. Việc này có ý nghĩa có giá trị, không đến một cách vô ích.

Thứ nhất, là báo ân đức của cổ Thánh tiên Hiền. Tục Phật huệ mạng, làm người truyền thừa chánh pháp.

Thứ hai là phổ lợi chúng sanh, con người đến thế gian hạnh phúc chân thật, hạnh phúc lớn nhất là gì? Chính là tiếp thọ giáo dục của Thánh Hiền. Chư vị tổ sư biết rằng, mấy ngàn năm nay tổ tông dạy bảo chúng ta, không những là “*kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên*”. Nhân loại đang hoạt động trong xã hội này, không kể là lớn hay nhỏ, chẳng ai là không lấy việc dạy học làm số một. Nên hai chữ “Tông Giáo” này gọi là đại học vấn. Tại sao lại dùng cách này để dịch tông giáo của ngoại quốc? Dùng hai chữ này mà gọi là Tông Giáo!

Trong thời cổ, chỉ có trong đạo Phật mới nói đến Tông Giáo. Tại sao đạo Phật lại nói đến Tông giáo? Trong đạo Phật nói Tông môn giáo môn. Tông môn đơn thuần chỉ thiên tông. Thiên tông gọi là tông môn. Ngoài Thiên tông ra, chín tông giáo khác gọi là giáo môn. Cho nên chỉ đạo Phật xưng là tông giáo, không liên quan gì đến tôn giáo hiện nay. Điều này quý vị cần phải biết. Tại sao lại phân ra hai hệ thống? Hai loại phương pháp dạy học không giống nhau.

“Giáo môn” ngày nay gọi là giáo dục chính quy, là do cạn mà sâu, học tập đúng lẽ đúng lối. Giống như giáo dục thời nay, có tiểu học, trung học, đại học, nghiên cứu sở. Giáo môn là dùng phương pháp học này, từ từ nâng cao lên. Tông môn giống như một số ít thiên tài vậy. Đây là lớp học đặc biệt, họ không cần trải qua nhiều thứ lớp như vậy. Nói cách khác họ không cần có tiểu học, trung học, đại học, không có. Họ chỉ có Nghiên cứu sở, chính là lớp học này. Đốn ngộ đốn chứng, người như vậy quá ít rồi. Thật sự, vài trăm năm cũng có thể mới gặp được một hai người như vậy. Đây không phải là giáo dục phổ thông, mà gọi là Tông môn giáo môn.

Hai chữ Tông giáo này nếu dùng cách nói của người xưa. Tông có nghĩa là gì? Tông có ba nghĩa: Chủ yếu, trọng yếu, tôn sùng. Xứng đáng để người sùng kính, tôn trọng, Giáo là giáo dục là dạy học. Hai chữ này kết hợp lại có nghĩa là gì? Là giáo dục chủ yếu, dạy học quan trọng, tôn sùng giáo hoá, gọi đó là Tông giáo. Ý nghĩa này hay quá, nói lên rằng một người trong thế gian, không thể không học.

Tông giáo, trong hai chữ này không có mê tín, Nó không liên quan đến mê tín. Nó là phá mê khai ngộ, quả là ly khổ đắc lạc. Những điều này chư đại Thánh hiền đều biết. Nhân sinh tại thế sao lại có nhiều khổ nạn như vậy? Bởi ta mê, không hiểu được chân tướng sự thật. Nói cách khác, ta đối với tất cả pháp trong thế và xuất thế gian, đã nhìn sai, nghĩ sai. Do đó ta nói sai và làm cũng sai. Sai rồi đương nhiên là có quả báo bất thiện, phải chịu khổ chịu nạn. Làm sao mới có thể ly khổ đắc lạc? Giác ngộ là được. Sau khi giác ngộ đối với tất cả các pháp ta đã nhìn thấy rõ ràng, đã suy nghĩ minh bạch. Nên khi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều là chính xác. Tiêu chuẩn này trong Phật pháp nói chính là tự tánh.

Trong “Hoàn Nguyên Quán” nói tứ tịnh đức, đó là tánh đức của tự tánh. Quốc Sư Hiền Thủ có nói bốn điều: “*Tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc, nhu hoà chất trực, đại chúng sanh khổ*”. “*Đại chúng sanh khổ*” này có thể dùng trong xã hội hiện tại, mọi người rất quen thuộc một câu nói, đó chính là toàn tâm toàn lực phục vụ cho nhân dân. Trong Phật pháp đối nhân dân thành chúng sanh_phạm vi của nó lớn hơn. Không chỉ là đối với người, mà phục vụ đối với tất cả chúng sanh. Đây là ai? Là Chư Phật, Chư Bồ

Tát. Triển khai Tứ tịnh đức thì trong Phật pháp chính là giới luật. Văn hoá truyền thống xưa là luân thường đạo đức: Ngũ luân, Ngũ thường, Tứ duy, bát đức_đây là giáo dục. Người xưa dùng cái này trị Thiên hạ. Trị thiên hạ bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ ý niệm _đây là trí tuệ chân thật .

Chu Hy biên tập “Tứ Thư”, là cuốn sách mà thời xưa ai cũng phải đọc. Trong “Đại Học” đã nói hết nhưng điều này. Bắt đầu học từ đâu? Từ cách vật. Cách vật nghĩa là gì? “Vật” là vật dục, là dục vọng. “Cách” là hạn chế nó, không thể buông thả dục vọng. Phải tiết chế nó, phải không chế nó. Dục vọng phải không chế ở một phạm vi nhất định, không thể vượt qua. Vượt qua thì tệ hại liền sanh. Đó không phải là lạc, đó là khổ. Dục vọng càng thấp càng tốt.

Chư đại Thánh hiền cổ kim trong ngoài, đối với sinh hoạt vật chất chỉ yêu cầu ăn đủ no, mặc đủ ấm, có một ngôi nhà nhỏ ở thoải mái là đủ rồi, ngoài ra không cần gì nữa. Họ có thể sống vô cùng tự tại.

Thứ hai là “trí tri”. Dùng Phật pháp để nói thì “cách vật” là phá phiền não chướng. “Trí tri” là phá sở tri chướng. Thật sự giống như lời Thang Ân Tử đã nói, Phật pháp làm phong phú nền văn hoá truyền thống xưa. Dùng Phật pháp để giải thích, nếu trừ bỏ hai chướng này, Bồ đề tâm không phải đã hiện tiền rồi sao? Nên ở dưới là hai câu: thành ý, chánh tâm. Ý thành, tâm chánh là tu thân rồi. Tu thân sau đó tề gia, tề gia sau đó trị quốc, trị quốc sau đó bình thiên hạ. Người xưa học cái gì? Đây toàn đều là giáo dục, một nền giáo dục viên mãn. Từ giáo dục căn bản bắt đầu cho đến cả một đời người, thật là sống đến già thì học đến già. Điều này nói lên chúng ta sanh vào nơi này là nhân duyên tốt đấy. Có thể tiếp nhận được sự chỉ dạy của Thánh hiền, có được cơ duyên này.

Hai ngàn năm trước, Phật Pháp truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc hoàn toàn tiếp nhận. Vì sao? Vì Phật Pháp với truyền thống Trung Quốc đồng một cái gốc. Chúng ta nói duyên khởi “tương tức tương nhập”. Đồng một nguồn gốc là sao? Là hiếu thân, tôn sư. Tịnh Nghiệp Tam Phước câu thứ nhất: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”. Đây là căn bản_gốc của giáo dục . Đây cũng chính là cái gốc của Phật pháp, nó hoàn toàn tương đồng. Gốc tương đồng, thì cành lá hoa quả đều có thể tương tức tương nhập. Cho nên trên toàn thế giới, giữa các dân tộc khác nhau, chỉ có người xưa hiểu được giáo dục. Có thể làm, có phương pháp, thành tựu hiệu quả.

Mấy ngàn năm nay, quốc gia này, khu vực này, trị an lâu dài. Là giáo dục tạo thành. Ngày nay vấn đề xuất hiện rồi làm sao giải quyết? Chỉ cần đem việc dạy học làm cho tốt, vấn đề liền được giải quyết. Tại sao? Vì giáo dục là dạy người. Mọi người

là người tốt, mọi việc đều là việc hay. Quan trọng nhất là con người, cần phải dạy con người cho tốt. Chế độ là thứ hai, không phải quan trọng, quan trọng là dạy tốt con người. Con người cần phải có chánh tri kiến. Mục đích dạy học của người xưa là Thánh hiền. Cho nên từ trước dạy học, đọc sách. Vì sao phải đọc sách? Đọc sách chỉ tại Thánh hiền. Mục đích của họ, phương hướng của họ là theo Thánh nhân nhìn thẳng, theo Thánh nhân học tập.

Dạy học trong Phật Pháp là dạy ta thành Phật, thành Bồ Tát. Phật là Thánh nhân, Bồ tát là Hiền nhân. Danh tướng của Ấn Độ và danh tướng của Trung Quốc không giống nhau. Hai cái này ý nghĩa tương đồng. Nên chúng ta đọc đến “*thể dụng song dung, chư pháp thể dụng, giao thiệp vô ngại*”. Ta thấy những câu này, “dụng” ngay hiện tiền, đặc biệt nói về chư pháp. trên thế giới thời nay nói văn hoá đa nguyên. Vì sao? Vì tin tức phát triển, giao thông phương tiện nhanh nhen, địa cầu biến thành một nhà, quan hệ vô cùng mật thiết. Trên thế giới, chỗ nào có vấn đề, chúng ta đều sẽ bị ảnh hưởng. Chúng ta không thể chỉ lo cho Quốc gia mình cho tốt, chỉ quan tâm khu vực của mình cho tốt mà thôi, không được. Chúng ta muốn toàn thế giới đều tốt. Trên địa cầu tất cả cư dân đều hạnh phúc, chúng ta mới hạnh phúc thật sự. Thật là nhỏ sợi long mà động toàn thân. Chúng ta với địa cầu là một sinh mạng thể cộng đồng. Ta cần phải thể hội như vậy.

Có thể làm được như vậy hay không? Đáp án là khẳng định, có thể làm được. Mọi người đều có suy nghĩ này. Đặc biệt trên địa cầu hiện nay thiên tai quá nhiều.

Lần này chúng tôi phỏng vấn Giáo Hoàng Phạm Đệ Cương. Là chủ giáo ở đây. Chúng tôi gặp mười mấy người, mọi người đều có suy nghĩ như vậy, cần hợp tác, cần học tập qua lại, cùng nhau liên thủ để giáo hoá chúng sanh. Dạy cái gì? dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả. Ba loại giáo dục này là phổ biến thế gian, phổ cập trên toàn thế giới. Như vậy thiên tai mới có thể hoá giải. Địa cầu mới có thể phục hồi bình thường. Hoá giải chúng chủng thiên tai. Ngày nay những hiện tượng thiên tai khác thường xuất hiện quá nhiều, rất không bình thường mà trong quá khứ chưa từng nghe qua. Trong lịch sử không có ghi lại. Bây giờ những thiên tai đều đã xuất hiện. Các nhà khoa học nói, trên địa cầu tai dịch xuất hiện, nguyên nhân thật sự là những người cư trú trên địa cầu này, ý niệm của họ có vấn đề, không như bình thường. Theo duyên khởi này mà nói thì tất cả vạn pháp của toàn thế giới, đều có quan hệ hỗ tương mật thiết. Đúng như điều thường nói là nhỏ sợi long mà động toàn thân. Chỉ có cải chánh ý niệm. Đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, vấn đề mới thực sự được giải quyết. Trở về với tự tánh, trở về với sự giáo huấn của Tổ tông xưa. Hồi phục lại cái luân thường đạo đức, thì xã hội này cứu được rồi.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây thôi.

HẾT TẬP 67

Tập 68

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 25 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “ Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”. Hôm nay chúng học tiếp đoạn trước “Duyên khởi thập nghĩa”.

7- Đồng thể tướng nhập nghĩa. *Đồng thể tướng nhập giả, vị nhất duyên đa duyên vô biệt thể, cố danh vi đồng thể, nhược nhân duyên hữu lực, tắc năng trì đa nhất. Nhược đa nhất vô lực, tắc y bỉ nhất duyên. Thị cố nhất năng nhiếp đa, đa tiện nhập nhất, đa năng nhiếp nhất, nhất tiện nhập đa dã*”. Đoạn này nghĩa là đồng thể tương nhập

Nhất duyên_Hiện tiền đây, đạo tràng nhỏ này của chúng ta. Mỗi người trong đạo tràng nhỏ, nhiều người như vậy tập hợp lại hình thành nên đạo tràng này. Đoàn thể là đa duyên. Mỗi phần tử trong đoàn thể đó là nhất duyên, đều phát tâm tu học Tịnh độ. Đặc biệt hiện nay mỗi vị đều phát đại Bồ đề tâm để tu Lục hoà kính. Vì sao tu Lục hoà kính? Vì khi thiên tai xảy ra, chúng ta phải cứu mình, cứu gia đình, cứu xã hội, cứu đất nước, cứu thế giới, và cứu địa cầu này. Chúng ta đều có sứ mạng, đều có nghĩa vụ này. Ở trong tiểu đoàn thể, cùng nhau học tập, một người là nhất duyên, đoàn thể chính là đa duyên_đây gọi là đồng thể.

Câu dưới nói: “*Nhược nhất duyên hữu lực*”. Đoàn thể của ta nhiều người như vậy, trong đó có một người có lực. “Lực” không dễ hiểu, ta nói đến phước báo vậy, một người có phước_Ngạn ngữ có câu: “*Nhất nhân hữu phước, liên đới nhất ốc*”_Người trong đoàn thể nhỏ này đều có phước hết. Cho nên một người có lực “năng trì đa nhất”. “Đa nhất” là mỗi người. Mỗi người đều có lợi, đều được lợi ích, gọi là “đa nhất thọ huệ”. “Nhược đa nhất vô lực”, như Giới Khoa học nói, hiện nay họ bàn luận về việc hoá giải thiên tai.

Trên địa cầu này hiện nay có hơn 60 ức người. Đây là “đa”, đây là “đa nhất”. Hơn 60 ức người này, đại đa số đều đang tạo tác vô số điều bất thiện. Tạo tác bất thiện thực tế nói là không có phước. Không nên nhìn thấy họ có tiền, họ có địa vị, cuộc sống

hiện tại của họ vô cùng sung túc, thật hiếm thấy. Nhưng khi thiên tai xảy ra, cái gì cũng không còn nữa. Đời sau thì sao? Đời sau càng khổ. Nên phước là gì? Phước không tách rời luân lý đạo đức. Luân lý đạo đức là phước báo chơn chánh nhất. Vậy học Phật, niệm Phật phước báo còn lớn hơn gấp bội. Tại sao? Vì ta biết niệm Phật, phát nguyện cầu sanh tịnh độ, thì trong đời này ta sẽ thành Phật.

Quý vị thử nghĩ xem, phước báo của thế và xuất thế gian, có loại phước báo nào có thể so sánh với quý vị? Biến pháp giới, hư không giới, đệ nhất phước là thành Phật, trở về tự tánh. Trong kinh điển Đại thừa Đức Thế Tôn dạy rằng: Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai. Trí tuệ và đức tướng trong tự tánh đều hiện tiền. Phước báo này, dù mười phương Chư Phật có nói đến vô lượng kiếp cũng không tận, cũng không hết. Phước báo này quá lớn!

Như tình trạng hiện nay vậy, hiện nay trên thế giới, rất nhiều người không tu phước mà tạo nghiệp! Nhưng “nhất duyên”_ “đa nhất vô lực, tắc y bị nhất duyên”_Nhất duyên là thiếu số. Các nhà Khoa học nói: nếu trên địa cầu này, có được tám ngàn người, cách tính này của họ là tính một trên một căn số bậc hai. Một trên một trăm sáu mươi ức căn số bậc hai, đại khái chưa đến tám ngàn người. Đây là thiếu số, chúng ta đem nó tính làm một_nhất. Tám ngàn người tu phước, 60 ức người được nhờ, hưởng phước của họ. Tuy tạo nghiệp cũng không đến nỗi gặp đại thiên tai_ chính là ý này.

Quý vị nghĩ xem, như thế có thể tin tưởng được chăng? Một người có phước có thể giúp nhiều người tạo nghiệp sao? Giới khoa học còn có một ví dụ vô cùng rõ ràng. Giả thuyết của họ là lấy một trăm vạn nhân khẩu ở thành phố, chỉ cần có một trăm người có phước là được rồi. Một trăm vạn mà một trăm người thật sự tu phước_đoạn ác tu thiện, chuyển mê khai ngộ, y theo giáo huấn của Chư Phật, Chư Bồ Tát, chư cổ Thánh tiên Hiền siêng năng tinh tấn thực hành, sẽ có năng lực lớn lao như vậy. Có một số ít người, như đạo tràng này của chúng ta, một trăm người cũng tìm không ra người thật sự phát tâm.

Được hay không? Người xưa có nói như vậy, quý vị đều nghe qua, đều biết là có chuyện như vậy. Cổ nhân nói tà không thắng chánh. Đa số người tạo nghiệp, đó là tà_tà tri tà kiến, tà hành tà nghiệp. Thiếu số người tuy rất ít, toàn thế giới chỉ có tám nghìn người. Một trăm vạn người trong đô thị chỉ có một trăm người. Một trăm người này chánh tri chánh kiến, chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ. Mỗi ngày siêng năng nỗ lực theo cổ Thánh tiên Hiền, theo Chư Phật, Bồ Tát học tập. Sức mạnh này rất lớn. Như thế mới thật sự gọi là tà không thắng chánh.

Chúng ta sống trên thế gian này, cần phải lặng yên để phản tỉnh. Ta đến thế gian này, như lời Đức Thế Tôn nói “*Nhân sinh thù nghiệp*”. Quý vị đến để làm gì? Trong kinh Phật nói rất hay, đại đa số người là đến đền trả nghiệp báo. Sống trong quá khứ tu phước thì đến thế giới này để hưởng phước. Còn sống trong quá khứ tạo nghiệp thì đến thế giới này để chịu tội. Đây là điều Đức Thế Tôn nói với chúng ta. Vì sao đến thế gian này? Do hai nguyên nhân này mà đến. Điều mà Đức Phật Thích Ca nói là quả báo. Có phải nó bất biến chăng? Không phải. Ở trước chúng ta đọc qua, tất cả pháp không có tự thể, do duyên mà sanh, nên không có pháp nào là pháp nhất định. Nó thay đổi trong từng sát na. Vì sao bị biến đổi? Tuỳ theo ý niệm mà thay đổi. Tất cả pháp chắc chắn không tách rời ý thức của ta. Ý thức chính là ý niệm. Ý niệm thiên biến vạn hoá. Niệm trước là ác, niệm sau là thiện, đó chính là biến. Biến nhanh, biến chật chẽ. Sau khi biến rồi còn duy trì được, là lời dạy của thánh hiền. Chúng ta biết trong quá khứ có rất nhiều suy nghĩ sai lầm, rất nhiều quan niệm sai lầm, hiện nay rất phổ biến.

Con người nghĩ đến điều gì? Con người nghĩ đến tiền, nhìn đến tiền. Mắt chỉ thấy tiền thì không thể thoát ra được. Đó chính là xã hội ngày nay. Trên toàn cả thế giới, bất luận là quốc gia địa phương nào. Chúng tôi thường đi du lịch đi tham quan nên biết. Giá trị quan thật là điên đảo. Người xưa coi tiền rất nhẹ, còn đạo đức thì rất coi trọng. Nên xã hội xưa, người cũng có địa vị trong xã hội. Trước đây trong xã hội này có câu: “*Sĩ nông công thương*”. Người xưa sắp thứ tự này là từ trái qua phải. Đây là khi ta nhìn đối diện. Sĩ, Nông, Công, Thương. Nhưng người ngoại quốc thì nhìn tương phản với chúng ta. Người ngoại quốc nhìn vật gì là từ bên này bắt đầu. Từ bên này, thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư. Như đằng sau giảng đường của chúng ta chữ của Lão Triệu Bộc viết “tri ân báo ân” là sắp xếp theo cách của truyền thống xưa Tri ân báo ân. Ngoại quốc thì ngược lại “ân báo ân tri”, họ đọc như vậy. Nhưng Sĩ Nông Công Thương đọc phản lại thì đọc cách nào? “Thương Công Nông Sĩ”, Thương sắp lên hàng số nhất.

Thật vậy, khắp xã hội đều là thương nhân. Quý vị xem, Thầy giáo dạy học, Thầy giáo cũng là học thương_học buôn. Đem việc học để mua bán. Nhà trường biến thành tiệm học_tiệm học. Bác sĩ là y thương. Bất kể làm nghề gì, họ đều đem tiền để ở hàng đầu, đây chính là thương. Điều này so với trước đây thì hoàn toàn điên đảo, đem luân lý đạo đức xếp ở sau cùng. Thậm chí cuối cùng cũng không còn nữa, xem thường nó, không dùng, không cần nữa. Không cần những thứ này, có tiền là được rồi. Cho nên quý vị hãy quan sát thật kỹ càng, Đến cả Tôn giáo cũng biến thành tiệm buôn.

Nếu nhìn theo thứ tự sỹ nông công thương, thì có thể nhận ra. Sĩ nông công thương đây là bình thường. Nếu Sĩ là thứ nhất, thì duyên này có lực, tốt! Họ có thể chỉ

đạo Nông công thương ở bên dưới, xã hội sẽ có trật tự. Nếu như đem đồng tiền xếp ở vị trí đầu tiên, điều này không thể được!

Thời nay là xã hội dân chủ, các vị quan trong xã hội dân chủ là tuyển cử. Tôi nghe nói, mà rất nhiều người nói với tôi. Tuyển cử chỉ cần quý vị có tiền, là có thể mua phiếu tuyển. Như vậy chức vụ cũng biến thành “thương” rồi. Quý vị xem, họ có tiền để mua phiếu tuyển, sau khi được tuyển, họ nhất định sẽ trục lợi một số lớn về lại. Họ nhất định sẽ kiếm, một lần lợi gấp vạn lần. Hình như thế giới này hoàn toàn bị đồng tiền thống trị rồi. Thời cổ đại không phải như vậy. Cổ đại là luân lý đạo đức, học thuật trong xã hội được người tôn trọng nhất.

Xã hội ngày này có vấn đề, nhưng vấn đề ở đâu? ở nơi điền đảo của Sĩ nông công thương, biến thành thương công nông sĩ, vấn đề là ở đây. Địa cầu cũng có vấn đề, rất nhiều thiên tai phát sanh, nguyên nhân là gì? Nguyên nhân vẫn là giá trị quan điền đảo. Nguyên nhân thật sự là do con người làm ra, trong kinh điển Đức Phật cũng nói như vậy. Nho giáo và Đạo giáo cũng nói như vậy. Hiện nay đỉnh cao của lượng tử học cũng đã nói như vậy. Chúng ta không có lý do chẳng tin. Cho nên xã hội loạn động và thiên tai tập nập, có biện pháp để cứu vãn chẳng? Đáp án là khẳng định. Đây chính là “nhất duyên hữu lực”.

Trong xã hội hiện nay, “nhất duyên” là ai? “Nhất duyên” là người học tập nền văn hoá truyền thống. Là người học Phật học Đạo, họ phải cần thực học mới được. Thực sự học Nho giáo phải lập chí làm Không Tử, làm Mạnh Tử, quý vị mới thực sự có thể học được! Người học Đạo giáo phải lập chí học Lão Trang. Người học Phật giáo phải lập chí làm Phật.

Tối hôm qua tôi trở về, có người bạn đồng tu đến thăm tôi, nói cho tôi biết một thông tin . Có một vài đệ tử Phật, muốn ở Quảng Châu xây Chùa Lục Tổ_Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng Đại Sư_ làm một ngôi chùa, đây là việc tốt! Hy vọng tương lai tôi ở nơi đó giảng bộ “Pháp Bảo Đàn Kinh”. Tôi nhận lời Ông ta, được! “Nhất duyên hữu lực”.

Học Phật, quý vị nhìn Lục Tổ quá tốt. Ta phải biết khi Lục Tổ gặp Ngũ Tổ là 24 tuổi, đến Hoàng Mai đi tham vấn Ngũ Tổ. Ngũ Tổ hỏi Ngài: “Ông đến đây làm gì?”. Ngài trả lời: “Con đến làm Phật”. Lục Tổ với người khác không giống nhau. Người khác đến gặp Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi người đến làm gì? Họ trả lời con đến cầu bình an, cầu thăng quan phát tài. Đều là cầu cái này. Quý vị xem, Lục tổ vừa mở miệng là nói mình đến làm Phật. Đại khái trong đời của Ngũ Tổ, chưa từng gặp một người như vậy. Ngài đến làm Phật và Ngài thực sự đã làm Phật rồi. Ngũ Tổ không có phụ lòng Ngài,

Thực sự đã giúp Ngài thành Phật. Đây là gì? đây gọi là học Phật. Học Phật chính là phải học làm Phật, học làm Bồ Tát. Thật sự học làm Phật đó là được giáo hoá chúng sanh. Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật rồi, một đời giáo hoá.

Tôi nói với quý vị, Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo ba nhà đều là làm Thầy. Địa vị của họ trên xã hội đều làm Thầy, đều là dạy học. Trong ba nhà, thành tích hiệu quả của Phật là lớn nhất. Nguyên nhân gì? được Hoàng Thượng ủng hộ. Lão bá tánh và nhân dân khi thấy Hoàng Đế ủng hộ, vậy ai không muốn học! Trước đây Phật giáo là do Hoàng Thượng quản.

Thứ hai thì Nho giáo cũng không tệ. Nho Giáo là do Tể Tướng quản, là quốc gia ủng hộ. Còn Đạo thì duyên kém hơn một tí, nhưng cũng không ít. Vì sao? Vì thành tựu của Đạo là Thần tiên. Người muốn học Thần tiên không ít. Người học Thần tiên thì đi đến Đạo giáo. Ba đạo này đều dạy học. Đạo Phật có “Đại Tạng Kinh”. Đạo gia có “Đạo Tạng”. Nho gia thì cận đại một vài học giả biên tập “Nho Tạng”. Quý vị đi xem điển tịch của ba đạo thì sẽ biết. Dùng cách nói của thời nay, thì nó là học phái, nó là giáo dục. Nên ba đạo này ta không thể coi nó là Tôn giáo. Như vậy là nhìn sai. Trung Quốc không có Tôn giáo. Nếu nói Trung Quốc có Tôn giáo, đó là Trung Quốc bái Tổ Tông. Bái Tổ Tông là kỷ niệm Tổ Tông, không quên ân đức của Tổ Tông. Ý nghĩa quan trọng nhất, như Khổng tử nói. Nếp sống này trong xã hội thực hành rất phổ biến, có thể nhận được cái đức cái hậu cho dân.

Quý vị xem một ngàn trăm năm sau đối với lão Tổ Tông vẫn nhớ mãi không quên, đối với cha mẹ hiện tiền làm gì có lý là bất hiếu. Kỷ niệm Tổ Tiên là khởi phát hiếu tâm cho con người, khởi động hiếu hạnh nơi con người, ý nghĩa này rất thâm sâu.

Hiếu là gốc của văn hoá xưa, là gốc truyền thống giảng dạy. Không có gốc thì làm sao có thành tựu. Nên ý nghĩa này vô cùng sâu rộng. “Nhất duyên hữu lực” chính là nói điều này. Nó “năng trì đa nhất, đa nhất vô lực”, đó chính là “y bỉ nhất duyên”. Cho nên ở xã hội xưa, bất luận là môn nào, chẳng thể không nương vào hiếu kính. Phật pháp cũng như vậy. Pháp môn của Phật pháp là tám vạn bốn ngàn, đó là “đa nhất”. Còn “nhất pháp” là gì? là hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng. Đệ nhất phước của Tịnh Nghiệp Tam Phước, đây là “nhất pháp”. Nên truyền thống văn hoá xưa là lấy hiếu thân tôn sư làm căn bản. Phật pháp cũng lấy hiếu thân tôn sư làm căn bản. Nho với Phật là đồng một cái gốc. Căn bản đã tương đồng, làm gì có đạo lý không dung hoà, tự nhiên dung hoà.

Những năm gần đây chúng tôi tiếp xúc rất nhiều Tôn giáo trên thế giới, đem Kinh điển của họ triển khai để xem, cũng lấy hiếu thân tôn sư làm căn bản. Nói cách

khác, Tôn giáo của toàn thế giới ắt có đạo lý dung hoà, đây là lý, lý là ở đây. Tôn giáo từ đây mà sanh, quý vị quan sát kỹ, trên thế gian này có pháp nào không phải từ đây mà sanh!

Ngày nay mọi người đều hy vọng, xã hội êm ấm, tộc quần êm ấm, quốc gia êm ấm, thế giới êm ấm, Phật giáo nói vũ trụ êm ấm. Có thể làm được không? Có thể làm được. Đồng một tự tánh, hiểu thân tôn sư là tánh đức. Trong tự tánh vốn có. Đây là “nhất pháp”, đây là “nhất pháp hữu lực”, không phải là “vô lực”. Tất cả pháp đều có thể nương vào “nhất pháp” này. Đó chính là có phước rồi. Nếu làm ngược “nhất pháp” này, thì thiên tai liền đến, chính là như vậy.

Đạo Phật thường nói: *“khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn”*. Nếu ta quay lưng với tánh đức, bất trung bất hiếu, bất nhân bất nghĩa. Đó chính khổ hải vô biên. Ta thấy xã hội ngày nay động loạn, địa cầu biến dị, cái gì cũng không bình thường. Quý vị “hồi đầu” sẽ tìm thấy “hữu lực” này. “Hữu lực” này chính là Ngũ luân Ngũ thường, Tứ duy, Bát đức. Phật pháp nói là Tam quy ngũ giới, thập thiện nghiệp đạo. Chúng ta thực sự có thể học tập và lập tức có thể đạt được hiệu quả, tự mình thân tâm an lạc, phiền não ít, trí tuệ trưởng, gia đình hoà mục, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thế giới hoà bình. Lập tức nhìn thấy hiệu quả này. Nhất định phải nhớ, pháp không có pháp nhất định, tùy theo ý niệm mà chuyển. Ý niệm của con người thời này chuyển đổi sai hết rồi.

Thật may mắn, chúng ta ở trong thời đại này, được thân người, nghe được chánh pháp, học tập văn hoá truyền thống, thân cận Chư Phật Bồ Tát. Đây là phước báo rất lớn, đây là nhân duyên vô cùng thù thắng! Chúng ta đã quay đầu, đã tìm được phương hướng, tìm được mục tiêu. Trở về với “hữu lực”, đây là “nhất duyên hữu lực”. Ta siêng năng học tập, mỗi người đều “hữu lực”, thật sự phát tâm. Mọi người cùng nhau tu Lục hoà kính, mỗi người đều “hữu lực”. Hy vọng với sức mạnh này, quý vị phát huy ở gia đình mình, tự mình tu lục hoà, trở về nhà cùng cả nhà tu lục hoà, rồi từ từ khiến thân bằng hảo hữu tu Lục hoà, những người lân cận tu Lục hoà. Thật tu, bắt đầu tu từ đâu? Từ “Đệ Tử Quy” bắt đầu, từ lễ kính Chư Phật bắt đầu, điều đầu tiên là học lễ phép.

Trước đây ta sơ suất, gặp người không chào hỏi. Bây giờ đã hiểu rõ, chúng ta cần hoà mục. Không cần cầu người khác hoà với mình, nhưng mình phải hoà với người khác. Mình phải hòa với người, nhìn thấy người khác phải thân thiết chào hỏi. Cái này cần phải có trí tuệ, phải biết chừng mực và nắm bắt cho chuẩn. Đặc biệt là sống ở Đô thị. Bây giờ toàn ở nhà chung cư, mọi người cùng ở dưới một ngôi nhà lớn, khi gặp mặt gật gật đầu mỉm cười hỏi thăm. Chừng mực này, thái độ này làm ba tháng, sau ba

tháng có thể cúi người một chút trước họ. Từ từ họ sẽ quen. Nếu mới bắt đầu mà gập mình 90 độ hành lễ, sẽ làm họ giật mình. Người này như vậy là sao, sẽ giật mình. Cho nên cứ từ từ. Chúng tôi tin rằng, chỉ từ nửa năm đến một năm, nơi chung cư đó sẽ hoà mục, một người dìu dắt quần thể này, quý vị phải thật sự làm mới được. Thành tâm thành ý, thật thành tâm. Chủ động vì đại chúng phục vụ, kết duyên với đại chúng.

Như trước đây tôi học giảng ở Đài Trung, Thầy Lý nói với tôi, người giảng Kinh hoàng pháp, thì Pháp duyên vô cùng quan trọng. Có người không có Pháp duyên, giảng thì không tệ, rất tốt, nhưng người nghe rất ít, không được mấy người nghe. Có vài người giảng không ra làm sao, nhưng pháp duyên tốt, thỉnh chúng đặc biệt đông, Đây là đạo lý gì? Thầy Lý nói với tôi là do pháp duyên không giống nhau, quý vị cần phải kết duyên với người khác. Kết duyên cách nào? Khi Thầy giảng kinh đây, giảng kinh hôm đó, những người học giảng kinh, ra trước công làm tiếp tân. Đặc biệt là nhìn thấy người lạ, những người này, hoặc là mới đến, hoặc là từ vùng khác đến. Chúng ta phải thân thiết tiếp đãi họ, dẫn họ tìm chỗ ngồi, lo cho họ, đây chính là kết pháp duyên. Thầy Lý còn nói với tôi, mua một ít kẹo đem theo bên mình, một người đến nghe kinh đưa một cái kẹo để kết duyên. Như vậy khiến người khác có thiện cảm. Khi người khác đến đạo tràng này, cảm thấy người ở đây rất thân thiết, khách đến có cảm giác như được về nhà mình. Đây đều là đang tu Lục Hoà Kính. Bình thường ở nhà hoặc ở nhà lán giềng cũng vậy, đặc biệt là ở nơi chung cư, nhà nhà đều biết lo cho nhau. Trong Phật pháp nói là phải biết thăm hỏi. Còn điềm tâm nhẹ, một tuần có thể đưa một hai lần, tốn không nhiều, vô cùng có hạn, nhưng vui vẻ.

Ở đây chúng tôi có đĩa, có những cuốn sách nhỏ để kết duyên. Có thể đem tặng cho nơi chúng ta ở. Họ thích thì giới thiệu cho họ, vấn đề là quý vị phải thật có tâm giúp đỡ người khác phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc. Tâm này là Bồ đề tâm, là tâm độ chúng sanh. Có tâm đương nhiên cần phải có hành động, sức một người không đủ thì nhờ đoàn thể, nương nhờ đoàn thể, vì đoàn thể có lực.

Bên dưới nói: “*Thị cố nhất năng nhiếp đa, đa tiện nhập nhất, nhất năng nhiếp đa*”. Chúng ta nói đến đạo tràng. “Tràng” này có đạo. Đạo là “nhất”, có thể “nhiếp đa”. Rất nhiều người có thể đến đây. “Đa năng nhiếp nhất”, “nhất” sẽ “nhập đa”, tự nhiên có thể dung nhập đoàn thể này. Đây nghĩa là “đồng thể tương nhập”.

8- Đồng thể tương tức nghĩa. *Đồng thể tương tức giả, vị bốn nhất đa nhất, đồng thị nhất thể, cố tương tức dã.*

Ví dụ chúng ta nói “bổn nhất” là một người có trí tuệ, “đa nhất” là đại chúng. Hoặc chúng ta nói trong việc dạy học, dùng ví dụ này cũng được, “bổn nhất” là Thầy giáo, “đa nhất” là học sinh, đồng là nhất thể, cho nên nó tương tức.

“Cái bổn nhất hữu thể”, thể này là trí tuệ, là kỹ năng. “Năng tác đa nhất” là có thể cho mọi người, tức là chỉ đạo mọi người. Có năng lực này để dẫn dắt đại chúng. “Đa nhất” là đại chúng. “Đa nhất vô thể”, những học sinh này không có trí tuệ của Thầy, cũng không có năng lực kỹ thuật của Thầy. “Do bổn nhất thành”, Thầy giáo chỉ đạo họ, dạy dỗ họ, học sinh đều thành tựu, tất cả điều này đều thuộc về duyên khởi. “Đa nhất tức bổn nhất dã”, sau khi học sinh học thành đạt, năng lực trí tuệ của Thầy và trò là tương đẳng.

Có bổn nhất hữu thể, tác đa nhất vô thể, đa nhất hữu thể, tác bổn nhất vô thể.

Đoạn này muốn nói gì? Mới đầu Thầy giáo dạy học sinh, nhưng kết quả sau cùng quá tốt, học sinh vượt qua Thầy giáo.

Người xưa thường nói: “*Thanh xuất ư lam nhi thăng ư lam*”. Dạy học như vậy là đã thành công. Nếu người Thầy giáo giỏi này một đời dạy học, học sinh đều không thể vượt qua Thầy, dạy học như vậy là thất bại. Vì sao? Vì thời nay là thời đại lớn, trình độ ngày càng thấp, thời đại này không như thời đại trước. vậy thời này không bằng thời trước thì trách nhiệm thuộc về ai? Thầy giáo chịu. Vì Thầy giáo không tận tâm tận lực, Thầy giáo không giáo dục tốt.

Quý vị xem, cha mẹ kỳ vọng con cái, luôn hy vọng con cái giỏi hơn mình, là phước của gia đình. Nếu đời này không như đời trước thì suy yếu rồi. Nhà như vậy thì sự nghiệp cũng như vậy. Khi quý vị kinh doanh một nghề, đời sau không được như mình, lại thêm một đời nữa càng không được như vậy, thì sự nghiệp của quý vị coi như hết. Làm cách nào quý vị phải duy trì đời này hơn đời trước. Không có ngành nghề nào mà không như vậy. Chính trị cũng như vậy.

Quý vị xem ngày trước làm quan đội cái mũ, cái mũ đó gọi là “Tấn Hiền Quan”. Tầng ở trước thấp, tầng ở sau cao hơn, tượng trưng cho cái gì? Tầng ở trước là tượng trưng cho thời đại của tôi, tầng ở sau là tượng trưng cho đời sau, hy vọng thành tựu của đời sau vượt qua tôi. Vì Sợ quên, nên cho họ đội mũ đó khi xử lý công vụ để họ nhớ lại. Học sinh mà không hơn Thầy, như vậy là giáo dục thất bại. Thầy giáo cảm thấy xấu hổ. Cho nên học sinh vượt qua thầy giáo là thành tựu nên có. Vì sao? Học trò đạp lên trên vai Thầy mà đi lên. Đây mới là Thầy giỏi, thật sự là một người Thầy.

Nhưng chúng ta cũng từng nhìn thấy, nghe thấy nhiều là Thầy giáo không thích học sinh hơn mình. Học sinh giỏi hơn, Thầy giáo sinh ra đố kỵ. Chuyện này có không? Có! Từ xưa đã có rồi. Trong Lịch sử cũng ghi rất nhiều ví dụ, đây không phải là Thầy giáo tốt. Nhưng Thầy giáo đó rất có đức hạnh, rất có học vấn, chỉ là phiền não đố kỵ quá nặng, không dễ gì hoá giải được nó. Phiền não này sinh ra là có rồi. Nó từ đâu đến? Từ ngã mạn đến. Ngã mạn là một trong bốn đại phiền não của Mạt na thức. Ngã mạn là không tốt, là chương đạo, là tạo tội nghiệp.

Cha mẹ đối với con cái là trách nhiệm, phải nuôi dưỡng, phải dạy dỗ, phải thành tựu cho con cái. Thầy giáo đối với học sinh cũng như vậy. Nhưng ngày nay Thầy giáo không dễ tìm được, Thầy giáo của nhà trường là tiệm học. Thầy giáo đều biến thành thương nhân, vấn đề là mua bán tri thức. Cầm được tiền mới dạy, không cầm tiền thì không dạy. Cầm được tiền nhiều hơn nữa cũng chưa chắc đã thật tâm dạy, thật sự là quá khó. Đúng là thời thế đạo đức ngày càng đi xuống. Nên vì sao ngày càng có nhiều thiên tai như vậy, thì chúng ta hiểu, sẽ minh bạch. Chúng ta tự mình phải làm cách nào cũng đã biết rồi, là tận tâm tận lực đi giúp người. Nhưng Thầy giáo muốn tìm một học sinh thật sự muốn học là việc không dễ dàng gì. Trước đây Thầy Lý nói với tôi mấy lần, một học sinh hiếu học, muốn tìm một vị Thầy giáo tốt thật sự dạy họ, nhưng có thể gặp mà không thể cầu.

Trong một đời nếu ta thật sự gặp được, thì khẳng định sẽ thành tựu. Có thể nói là chẳng thể không thành tựu. Có vị thầy giỏi nào, không hy vọng mình có truyền thừa. Mà còn hy vọng người truyền thừa này nhất định phải giỏi hơn mình. Vì sao? Vì Thầy giáo sẽ đem tất cả kiến thức sở đắc truyền trao cho học trò. Học trò ngoài việc thừa truyền của Thầy, họ còn phải học nhiều thứ khác, nên nhất định sẽ giỏi hơn Thầy. Bất luận là tài năng hay đức hạnh, khẳng định phải hơn thầy. Được vậy Thầy giáo sẽ rất vui mừng.

Thầy giáo tìm được một người truyền thừa như vậy rất khó. Đến đâu để tìm? So với học sinh tìm Thầy giáo còn khó hơn nhiều. Nên trong quá khứ, một Thầy giáo tốt một đời tìm không được người truyền thừa, chỉ có một phương pháp là trước tác “trước thư lập thuyết”. Hy vọng hậu thế có người đọc được sách của mình, và học tập theo giáo huấn của mình. Trước mắt tìm không thấy, thì ký thác vào tương lai. Đây là ý chính của “trước thư lập thuyết”. Chúng ta hãy xem dụng tâm của cổ nhân, lương thiện biết bao và thuần chân biết bao, hiện nay thật là tìm không thấy.

Trong đời tôi, gặp được ba vị Thầy, thật là không dễ dàng chút nào. Bình tĩnh mà suy nghĩ thì đây là nhân duyên vô cùng thù thắng. Tôi gặp được ba vị Thầy không phải

là “học thương”_ học buôn. Tôi chưa nộp một đồng học phí nào cho ba vị Thầy này, nhưng đã theo học với họ thời gian rất dài, không nộp học phí. Họ đặc biệt dành thời gian để dạy tôi, không bao giờ tìm được những người Thầy như vậy nữa.

Câu cuối cùng là “*đa nhất hữu thể, tấc bốn nhất vô thể*”. Đa nhất hữu thể, như trong số học sinh, có người đắc tam muội, có người khai ngộ, có người chứng quả. Đôi khi thầy giáo chưa khai ngộ, chưa chứng quả, nhưng học sinh đã thành tựu.

9- Câu dung vô ngại nghĩa. *Câu dung vô ngại giả, vị dung tiền đồng thể, tương nhập tương tức, nhị chủng giai vô ngại dã.*

Vô ngại chủ yếu chính là vì không có tự tánh. Tất cả pháp không có tự tánh. Tánh mà vô tánh chính là chân như bản tánh. Chân như bản tánh không phải vật chất, cũng không phải tinh thần. Chẳng thể nói nó là không, cũng chẳng thể nói nó là có. Sự biến hoá của tất cả pháp là do ý niệm, ý niệm chính là suy nghĩ. Suy nghĩ chuyển biến rất nhanh, cho nên không có định pháp. Thiện trong sát na có thể biến thành ác. Ác trong sát na thời gian có thể biến thành thiện. Then chốt là ở nơi ý niệm. Sự việc này đã bị giới Khoa học hiện đại phát hiện.

Các nhà Lượng tử vật lý học, họ cũng đã phát hiện. Chứng minh những điều cổ Thánh tiên Hiền nói là thật chứ không phải giả. Hiểu rõ đạo lý này có thể thay đổi vận mệnh chính mình. Có thể thay đổi vận mệnh gia đình mình. Có thể thay đổi vận mệnh của thế giới. Và có thể thay đổi vận mệnh của địa cầu. Chính là nguyện lực này, là suy nghĩ này.

Tại sao ta không nghĩ điều thiện mà phải đi nghĩ điều ác? Nếu ta nghĩ điều ác, thì không có một pháp nào là chẳng ác. Nếu ta nghĩ thiện, thì không có một pháp nào là chẳng thiện. Nhiễm tịnh, thiện ác chỉ trong một niệm. Một niệm tham sân si mạn nghi chính là ma. Một niệm giới định tuệ chính là Phật Bồ Tát. Khi hiểu rõ được đạo lý này, ta thật sự muốn cầu được hạnh phúc chơn chánh viên mãn, niệm niệm đều là thiện niệm, được vậy tốt biết bao. Ý niệm nào là đại thiện? Ý niệm nào là vĩnh hằng? Ý niệm nào là phước báo thứ nhất của thế xuất thế gian? Tôi nói với quý vị, chính là ý niệm A Di Đà Phật . Vì sao? Vì A Di Đà Phật là đức hiệu của tự tánh chúng ta chứ không phải người khác.

Rất nhiều người đã tham gia Tam thời hệ niệm. “ Tam thời hệ niệm” do Trung Phong Thiền Sư viết ra. Ngài là người sống dưới triều Nguyên. Trong lời khai thị Ngài nói: “*Tự tánh Di Đà, duy tâm tịnh độ*”. Phật A Di Đà là ai? Là tự tánh của chúng ta!

Tự tánh của ta gọi là A Di Đà. A Di Đà là phạn ngữ, nghĩa là gì? “A” nghĩa là “vô”, “Di Đà” nghĩa là “lượng” _ Tự tánh.

Trong Kinh Hoa Nghiêm đức Thế Tôn nói, trong tự tánh có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo. Chỉ cần ta nghĩ ra được, có thể nói ra được, toàn là vô lượng. Vô lượng vô biên, vô tận vô số. Câu A Di Đà Phật này bao hàm tất cả. Là tổng danh xưng. Ta niệm ai? Niệm A Di Đà Phật chính là niệm tự tánh. Đạo lý này, chân tướng sự thật này chẳng thể không biết.

Mật tông nói tam mật tương ưng, trong đó có quán tưởng. Câu A Di Đà Phật chính là tất cả. *“Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”* _ Nó bao hàm tất cả. Như vậy ta sẽ hiểu, khi ta đọc Kinh A Di Đà hay là đọc Kinh Vô Lượng Thọ. Một là tất cả, tất cả là một.

Tất cả Kinh giáo mà mười phương ba đời tất cả Chư Phật nói, đều ở trong bộ kinh này. Nếu ta thật sự thông hiểu bộ kinh này. Thông cái gì? Thông đến tự tánh. Quý vị cần phải hiểu, bí quyết khai ngộ chính là nhất, đa thì không cách nào khai ngộ. “Đa” là gì? là tâm lực của ta không tập trung, tuy học rất nhiều thứ, nhưng lực lượng bị phân tán, nên rất khó khai ngộ. Vì thế trước sau nên học một thứ. Cổ nhân nói rất hay, ta có thể dùng bao nhiêu thời gian? Ba năm. Quý vị xem “Truyện Đăng Lục”, “Ngũ Đăng Hội Nguyên”, trong đó người khai ngộ dùng bao nhiêu thời gian? Cũng chỉ là ba năm hoặc năm năm. 3 năm, 5 năm cái gì cũng không nghĩ đến, đều buông bỏ hết, chỉ nghĩ một thứ là họ phải định, vì định có thể khai ngộ! Bắt buộc là phải được định trước, sau đó mới khai ngộ. Không định thì đến khi nào mới hoát nhiên đại ngộ.

Nếu học nhiều, nhiều quá là không được. Nhiều quá thì tinh thần phân tán. Ý niệm phân tán, niệm lực không thể tập trung, thời gian cũng phân tán. Vậy ta học được những gì? Học cái mà hiện nay người thường giảng là học Phật học, chứ không phải học Phật. Phật học là trí thức không phải trí tuệ. Người học Phật là họ cầu trí tuệ. Trí tuệ nhất định phải là *“Nhất môn thâm nhập, trượng thời huân tu”* mới có thể đạt được.

Bất luận là Tông Môn hay giáo môn, Tiểu thừa hay Đại thừa, đạo lý chỉ có một, nguyên lý chỉ có một. Tông môn là nói tham ngộ, không dùng Kinh điển. Ngày xưa Tổ Sư Đạt Ma truyền đến Trung Quốc là pháp môn “Quán tâm”. Sau đó Tổ Sư cải đổi thành “tham hoạt đầu”. Giáo môn là một bộ kinh, một bộ luận. Kiên nhẫn, chuyên chú. Cứ bèn chí một môn như vậy sẽ khai ngộ. Sau khi ngộ rồi lại quảng học đa văn. Chẳng phải không học rộng vì pháp môn vô lượng thế nguyện học. Chưa khai ngộ thì không được. Chưa khai ngộ họ không thể học, vì khi học nhiều quá, vĩnh viễn sẽ không khai ngộ. Sau khi ngộ mới học, học thêm nữa cũng quá dễ dàng. Được như vậy quý vị sẽ

giống như Long Thọ Bồ . Một bộ “Đại Tạng Kinh” cần bao nhiêu thời gian mới học hết? Ba tháng là học xong. Long Thọ Bồ tát như vậy.

Lục Tổ Huệ Năng cũng như vậy. Vì họ đã kiến tánh. Lục căn vừa tiếp xúc lập tức thấu suốt, đâu cần phải phí công sức! Những đạo lý này ta cần phải hiểu. Phương pháp đơn giản nhất, phương pháp ổn định nhất và cũng là phương pháp nhanh nhất. Là ta không cầu gì cả, ta chỉ nhất tâm nhất ý cầu vãng sanh. Lục Tổ Huệ Năng nói: “*Đãn đắc kiến Di Đà, hà sâu bất khai ngộ*” chỉ cần nhìn thấy được Phật A Di Đà là khai ngộ. Điều này là thật chứ không phải giả. Tổ Sư không gạt người khác.

Ở đây khai ngộ thật không dễ, nhưng đến thế giới Cực lạc để khai ngộ lại rất dễ. Vì sao? Một câu A Di Đà Phật niệm ba năm, ta quyết định được sanh Tịnh độ. Nhất tâm nhất ý, ngoài câu A Di Đà Phật ra, cái gì cũng không nghĩ. Quý vị xem Hoàng Trung Xương không phải là điển hình cho ta thấy đó sao?

Trước đây vài năm, ở Thẩm Quyến, mọi người đều biết có một thanh niên khoảng ba mươi mấy tuổi. Anh ta nghe trong đạo Phật có một vài phương pháp, anh ta rất mừng, đến thử, và anh ta đã đến làm thí nghiệm. Nhập thất ở Thẩm Quyến, cư sĩ Hướng Tiểu Lợi hộ thất cho anh ta. Anh ta định thời gian ba năm. Kết quả mới hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng nữa là viên mãn. Nhưng anh ta dự biết được giờ chết và đã ra đi. Đi một cách tự tại, rất thoải mái, không bệnh tật gì. Trong ba năm đó nhất tâm niệm Phật. Anh ta mỗi ngày đọc một bộ “Vô Lương Thọ Kinh”, niệm danh hiệu Phật không dán đoạn. Tôi giảng về phương pháp của Pháp Sư Đế Nhân, anh ta học theo. Pháp Sư Đế Nhân dạy người thợ hàn, niệm mệt rồi thì nghỉ, nghỉ xong rồi thì tiếp tục niệm, không hề bị áp lực. không hề bị ràng buộc, rất tự tại. Hai năm mười tháng đã thành công, đã về Thế giới cực lạc làm Phật.

Chúng ta ở đây giảng kinh dạy học. Đây là “Khuyến chuyển” trong Tam Chuyển Pháp Luân. Khuyến khích mọi người. Hoàng Trung Xương biểu diễn chiêu này là “Chứng Chuyển”. Anh ta đã chứng minh cho chúng ta thấy. Quý vị xem, câu Phật hiệu này có lợi ích không. Thật lợi ích! Mỗi ngày đọc một bộ kinh, anh ta không nghe nữa. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà. Vậy còn có pháp nào có chương ngại, còn có pháp nào không thể thành tựu! Chúng ta học anh ta như vậy và tự mình cũng thành tựu. Nếu anh ta không vãng sanh thì đạo tràng cũng thành tựu. Một vị có tâm như vậy chủ trì đạo tràng, đạo tràng có thể không thành tựu sao! Thật sự là trí tuệ viên mãn, đức hạnh viên mãn. Quý vị nghĩ xem như vậy có thể cứu được thế giới không? Khẳng định có thể tiêu tai giải nạn. Nên ta phải phát đại tâm và phải siêng năng

thực hành. Sau khi học xong quan trọng nhất là phải thực sự xả thân, học rồi mà không ứng dụng cũng như chưa học.

Người học Tịnh độ, tinh điển của Tịnh độ tông là ít nhất trong các tông phái. Chỉ có sáu cuốn “Lục kinh nhất luận”. Nhất luận là “Vãng sanh Luận”. Chúng ta cần phải học hết sao? Không nhất định. Có thể học hết thì tốt, còn không thì trong sáu cuốn này chỉ học một cuốn là được. Mục đích học kinh giáo là gì? Chính là tiêu nghiệp chướng. Giúp chúng ta tín nguyện. Kinh giáo là giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Sau khi thực sự đã tin thì phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Thật tin và thật nguyện sẽ được vãng sanh. Kinh giáo có thể không cần thiết. Một câu Phật hiệu là được. Mỗi ngày phải đọc một bộ kinh đó là để nhiếp tâm. Vì chúng ta còn tập khí phiền não. Khi đọc bộ kinh này sẽ làm cho tâm định lại, không cho vọng tưởng phân biệt khởi dậy, tác dụng là ở đây.

Kinh Vô Lượng Thọ phân lượng rất tốt, không nhiều không ít, có thể hàng phục được tập khí của ta. Trong ngày đó ta niệm Phật A Di Đà, thì trong đầu không xen tạp vọng tưởng, chính là ý này. Người lớn tuổi đọc “Kinh Vô Lượng Thọ” có khó khăn, phân lượng quá nhiều, nên đổi đọc “Kinh A Di Đà”. “A Di Đà Kinh” ngắn, có thể đọc một biến, hai biến, ba biến. Đọc bao nhiêu biến tự mình có thể quyết định.

Quý vị biết đọc kinh này để làm gì không? Đọc kinh này để hàng phục tập khí. Một biến là có thể hàng phục rồi, là được rồi, một biến là được. Nếu đọc một biến vẫn còn tập khí, vẫn còn vọng tưởng thì đọc hai biến. Phải nên hiểu vì sao mà tụng Kinh này, điều này cần phải hiểu rõ. Không phải niệm để Phật A Di Đà nghe. Hoàn toàn là vì chính mình, cần phải biết điểm này.

Đồng thể đương nhiên “*tương nhập tương tức*”, đều không chướng ngại, “*cái thể vô bất dụng, tác hữu đồng thể tương nhập*”. Có thể đương nhiên có dụng, ngược lại có dụng đương nhiên có thể. Thể và dụng không rời nhau. Khẳng định nó có tác dụng. Nên nó có “*đồng thể tương nhập*”. “*Nhi vô tương tức chi nghĩa*”. Bên dưới nói: “*Dụng vô bất thể, tác hữu đồng thể tương tức nhi vô tương nhập chi nghĩa*”. Hai cái này hợp lại, “*kim ký toàn thể toàn dụng, tác diệc nhập diệc tức dã*”. Có thể có dụng, có dụng có thể, nên tương tức tương nhập.

“*Duyên khởi thập nghĩa*” ở trong nhất thiết pháp đều có thể nhìn thấy, trong thân thể của ta cũng có thể nhìn thấy. Ví dụ như trong thân thể, có thể có dụng. Mắt là thể, tác dụng của nó là thấy. Mũi là thể, tác dụng là ngửi mùi. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân bao hàm trong lục phủ ngũ tạng. Mỗi cái đều có thể của nó. Nhưng cùng một thân thể, đồng ở trên một thân, nên tương tức tương nhập, không hề có chướng ngại. Thể có

dụng là nó có đồng thể tương nhập mà không tương tức. Nhưng có tác dụng gì? Dụng nhất định có thể, nó sẽ có đồng thể tương tức. Nên ở trong bất kỳ cơ quan nào, đều có thể nhìn thấy tương dung, tương tức, tương nhập. Tất cả đều nhìn thấy. Quý vị hãy quan sát trên nhiều góc độ, nhiều phương diện mới thực sự có thể nhìn thấy hiện tượng của duyên khởi. Toàn bộ hiện tượng ở trong ba loại trí tuệ gọi là Đạo chủng trí, chính là nhất thiết pháp, Nguyên tắc nào hiện ra hiện tượng này. Trí tuệ này là trí tuệ của Bồ tát. Tam chủng trí là nhất thiết trí. Đạo chủng trí là nhất thiết chủng trí. Nhất thiết trí là A La hán chứng được_ tổng tướng của các pháp . Tổng tướng là gì? tổng tướng là bất khả đắc.

Trong Kinh bát Nhã nói: *“Nhất thiết pháp vô sở hữu tất cánh không, bất khả đắc”*. Đây là nói về tổng tướng, hiện nay trong lượng tử lực học cũng đã phát hiện. Nhất thiết pháp là gì? Là tổng tướng. Là hiện tượng do ý niệm liên tục tích lũy. Nên tất cả tướng đều có thể trở về với một loại tần số ánh sáng. Tần số của vận tốc ánh sáng chính là lượng tử quần, đều có thể trở về. Điều này nói rõ vạn pháp giai không. Nên A la hán chỉ biết “không” mà không biết “hữu”. Quý ngài biết vạn pháp giai không, nên không chấp trước. So với A La hán Bồ tát hiểu hơn một bước nữa về “không”, cũng hiểu nhất thiết vạn pháp này, do nguyên tắc nào biến hiện ra, sao lại phức tạp như vậy, sao lại nhiều như vậy. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói là vô lượng nhân duyên. Vô lượng nhân duyên quy nạp thành mười loại lớn. Nên ở trong bất cứ một pháp nào, ta đều có thể nhìn ra. Trong thân thể ta cũng có thể nhìn ra, mà còn rất rõ ràng. Thậm chí đối với các khí quản trong thân, ở trong một khí quản cũng có thể nhìn thấy hoàn toàn.

Trong “Hoàn Nguyên Quán” cũng vậy. Hiền Thủ Quốc Sư cử nhất trần cho chúng ta thấy. Nhất trần là gì? Nhất trần chính là một Tiểu quang tử ở trong lượng tử. Có lẽ chính là nhất niệm mà Di Lạc Bồ tát đã nói. Nhất niệm đó hữu hình. Hình ở đây chính là hiện tượng vật chất, *“Hình giai hữu thức”*, đồng thời nó cũng có hiện tượng tinh thần. Trong một niệm này đầy đủ vô lượng duyên khởi. vì sao? Vì trong nhất trần đó có vũ trụ, có thế giới. Biến pháp giới hư không giới đều ở trong một vi trần đó. Các trần như thế, mỗi một hạt vi trần cũng đều như thế, Đây là cảnh giới bất khả tư nghì.

Sau cùng của Hoa Nghiêm Kinh là “Phổ Hiền Hạnh nguyện Phẩm” . Bốn mươi quyển kinh văn, chính là nói cho chúng ta cảnh giới này. Quý vị hãy nhìn đề mục của phẩm này *“Nhập bát tư nghì giải thoát cảnh giới Phổ Hiền hạnh nguyện phẩm”* _đây là tựa đề của phẩm này. Phổ Hiền Bồ Tát đã vào cảnh giới này, thế giới trong một vi trần. Trong vi trần thế giới còn có vi trần, và vi trần đó có thế giới trùng trùng vô tận. Cảnh giới này hiện nay giới khoa học còn chưa nói đến. Chỉ nói đến phát hiện vi trần. Trong vi trần có thế giới, trong thế giới có vi trần. Trong vi trần còn có thế giới, thì

điều này các nhà khoa học chưa nói tới. Cho nên một vi trần đầy đủ vô lượng duyên khởi. Như vậy chúng ta mới có thể lãnh hội được trí tuệ của Bồ Tát, so với A la hán cao hơn nhiều!

Trí tuệ của Như Lai gọi là Nhất thiết chủng trí. Nhất thiết chủng trí là gì? A la hán là nhất thiết trí, nghĩa là biết “không”. Bồ tát là đạo chủng trí, nghĩa là biết “hữu”. Đạo chủng trí và nhất thiết chủng trí hợp lại mới thực sự đạt đến cứu cánh viên mãn. Đó là trí tuệ của Phật. Đây mới gọi là trí tuệ cứu cánh viên mãn. Nên cảnh giới Phật chứng đắc gọi là Vô Thượng chánh đẳng Chánh Giác. Quý vị nhất định phải biết.

Đức Phật thường nói thất thiết, đều là nói chính chúng ta. Điều này cũng phải hiểu cho rõ ràng. Từ trước đến nay chưa từng nói đến ngoài tự thân ta ra. Trong tất cả kinh điển đều là nói chính mình. Chính mình với môi trường sinh hoạt của mình. Tức là Y báo và Chánh báo. Nhưng nhất định phải ghi nhớ Đức Phật đã dạy, y chánh là một không phải hai. Câu nói này vô cùng quan trọng!

Y chánh là một không phải hai, chúng ta mới thật sự thể hội được, biến pháp giới hư không giới với chính mình là một thể.

Trong Lục Hoà Kinh, “*kiến hoà đồng giải*”, phải kiến lập trên cơ sở này. Đó là đại Viên Mãn. Ngày nay tại sao ta phải làm như vậy? Vì nhất thể. Chúng sanh hạnh phúc thì ta hạnh phúc. Chúng sanh vui vẻ ta cũng vui vẻ. Chúng sanh chịu khổ ta chịu khổ theo là do nhất thể. Chúng ta mê muội quá sâu nặng, quá lâu, nên không dễ gì lãnh hội được.

Ví dụ duyên giữa mẹ và con. Quý vị xem mẫu thân đối với con cái quan tâm yêu thương săn sóc đó là nhất thể. Trên thực tế vẫn còn hai loại “thể” nữa. Nhưng ở Trung Quốc trên quan niệm là nhất thể. Mẫu tử là nhất thể. Mẫu tử nhất thể ở nơi mẫu thân là thật. Còn ở nơi con cái thì chưa biết, vì họ chưa lãnh được. Nơi mẫu thân xác thực là thật, là nhất thể. Nên tình thương của người mẹ rất vô tư, nghĩa là cho ra mà không cầu hồi báo.

Từ xưa đến nay, nền giáo dục xưa dạy điều gì? Chính là dạy con cái phải biết chân tướng sự thật này, như vậy con cái mới biết hiếu thuận phụ mẫu, mới biết cảm ân. Lấy tình thương của phụ mẫu đối với họ mà đi đối đãi với cha mẹ. Đây là mục tiêu thứ nhất của nền giáo dục truyền thống xưa. Điều này tìm không thấy trong các dân tộc ở nhiều quốc gia trên thế giới. Sanh ở nơi này, làm một con người nơi này. Đối với chính mình thì ân đức đó của tổ tông ngàn vạn năm trước, cái tình cảm đó, không phải ta có thể lý giải. Nếu ta không biết nhất thể, thì tình cảm yêu thương này không sanh khởi được, bị

mê muội rồi. Tình cảm yêu thương này là nó vốn có trong mỗi chúng ta. Nó vốn có trong tự tánh, không phải từ bên ngoài đến, cũng không phải học được. Thầy giáo chỉ dạy dỗ ta, gợi ý cho ta, khiến tánh đức từ trogn tự tánh hiện ra mà thôi. Chứ không phải Thầy giáo cho ta, Thầy giáo chỉ gợi ý và dạy ta từ từ trừ bỏ chướng ngại. Thì chân thành, chân tình của nội tâm sẽ hiển lộ. Một pháp như vậy, các pháp đều như vậy.

10- Đồng dị viên mãn nghĩa. *Đồng dị viên mãn giả, vị tiền cứu nghĩa hữu đồng hữu dị tổng hợp vi nhất, thành đại duyên khởi.*

Đại duyên khởi này trong Phật pháp nói là pháp giới hư không giới và bây giờ một số người gọi là vũ trụ, là đại vũ trụ. Sự xuất hiện của vũ trụ, trong vũ trụ, tất cả vũ trụ thông thường Phật pháp gọi là mười pháp giới y chánh trang nghiêm. Còn giới khoa học nói là vô số thiên hà và tinh cầu. Trong tinh cầu có sinh vật. Không có tinh cầu nào mà không có, như người ta ra bên ngoài vũ trụ đi thám hiểm, đi đến tinh cầu khác phát hiện không có người. Trong Phật pháp nói không phải chẳng có người, mà bất đồng không gian duy thứ. Trong đó có người, chỉ là ta không nhìn thấy họ, họ không nhìn thấy chúng ta. Duy thứ của họ cao hơn mình, thì mình nhìn không thấy họ nhưng họ nhìn thấy ta.

Không gian ba chiều này là cõi Thánh Phạm đồng cư. Trên địa cầu này có thánh nhân ở trong đó. Chúng ta không nhìn thấy họ nhưng họ nhìn thấy ta. Họ có thể nhìn thấy chúng ta. Ngũ Đài Sơn là đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát, Thánh nhân ở nơi đó. Hàng Phạm phu nhìn không thấy các ngài nhưng các ngài sẽ nhìn thấy chúng ta. Nếu có nhân duyên đặc thù, có khi ta sẽ nhìn thấy họ.

Tổ Sư Pháp Chiếu đời thứ tư của Tịnh Độ tông, người thời nhà Đường. Ngài đến Ngũ Đài Sơn lễ bái Văn Thù Bồ Tát, gặp được rồi. Nhìn thấy Đại Thánh Trúc Lâm tự, đạo tràng thù thắng trang nghiêm. Văn Thù Bồ Tát đang ở đó giảng kinh. Tổ Sư Pháp Chiếu đi vào nghe hết một bài giảng, rồi thỉnh giáo Văn Thù Bồ Tát. Bây giờ đã đến thời kỳ mạt pháp, chúng sanh, tức là một số đại chúng, nên học pháp môn nào để thành tựu? Văn Thù Bồ Tát dạy Ngài pháp môn niệm Phật, rồi còn niệm vài câu Phật hiệu. Ngài lãnh hội, truyền lại đời sau gọi là Ngũ hội niệm Phật, tức là phương pháp niệm Phật. Hiện nay có cuốn Phổ Ngũ hội niệm Phật. Nhưng cuốn sách này là người đời sau biên tập lại. Những điều Ngài Pháp Chiếu truyền lại do Bồ Tát Văn Thù dạy đại khái đã thất truyền, đã không còn người biết đến nữa_Ngũ hội niệm Phật_ Đây là phương pháp niệm Phật. Ngài rời Trúc Lâm tự, đi dọc đường Ngài làm ký hiệu. Chuẩn bị để lần sau đến lại, không bị lạc đường nữa. Ngài ra đi làm mấy lần ký hiệu, nhưng khi nhìn lại,

không có, đạo tràng không còn nữa, một rừng núi hoang. Ngài chỉ còn hướng lên trên núi lạy vài lạy rồi đi. Có duyên thì gặp được đạo tràng của Bồ tát.

Trong Tù Bi Tam Muội Thủy Sâm, thấy Ngài Ngô Đạt Quốc Sư đi tham bái Ca Nặc Ca Tôn Giả, đạo tràng A la hán ở Tứ Xuyên, cũng là tình trạng như vậy. Trong rừng là một mảnh hoang sơn. Ngài Ngô Đạt cùng Tôn Giả có duyên. Tôn giả nói với Ngô Đạt Quốc Sư đến chỗ của Ngài, khi nhìn thấy hai cây đại thọ thì đứng một bên chờ, và đạo tràng tự nhiên hiện ra. Vị La hán này giúp Ngài trị mụn mắt người. khi trị lành ra đi rồi, Ngài quay đầu nhìn lại, chỉ còn một mảnh hoang sơn, đạo tràng không thấy nữa. Cho nên trên địa cầu cũng thế, cõi phàm thánh đông cư độ. Ở thế gian này có thiên tai, nhưng chỗ các Ngài thì không. Vì sao? Vì ý niệm không giống nhau. Nhớ đến nhà thì tương ứng với tự tánh. Ngày nay chúng ta chỉ tương ứng với phiền não. Vậy làm sao được? khởi tâm động niệm đều là tự tư tự lợi. Khởi tâm động niệm đều là danh dự lợi dưỡng, đều là ngũ dục lục trần. Đều là tham, sân, si, mạn. Như thế thì hỏng mất. Hoàn toàn trái ngược với tự tánh. Trong tự tánh những thứ này tuyệt đối không có. Chư Phật Bồ tát dạy chúng ta buông bỏ. Buông bỏ điều gì? Trong tự tánh không còn, hoàn toàn buông bỏ là đúng rồi. Trong tự tánh có gì? nói với quý vị, một câu A Di Đà Phật bao hàm tất cả tự tánh. Câu A Di Đà Phật này là tánh đức viên mãn của tự tánh. Là tổng danh xưng. Nếu câu A Di Đà Phật này, không rời tâm của ta, không rời miệng của ta, thì trên thế gian này, bất luận ở đâu ta đều được bình an, ta đều được chư Phật Như lai hộ niệm, long thiên thiện thần bảo hộ. Vì sao? Vì ta hoàn toàn tương ứng với tánh đức.

Đừng về lý mà nói, từ sự mà nói, thì ta thật sự là đệ tử của Di Đà. Phật A Di Đà ở mười phương thế giới, không có vị Phật nào không tôn kính ngài, không tán thán Ngài, làm đệ tử vinh quang của Di Đà! Mười phương Như Lai tán thán Thầy, đương nhiên cũng khen ngợi học trò, đối với học trò đặc biệt long trọng. Ta nên làm hay không? Nếu muốn làm, phải làm thật sự. Trong tâm ngoài Phật A Di Đà ra, không có những tạp niệm khác. Thân thể còn trên thế gian này, thì tùy duyên mà qua ngày sẽ không bị phan duyên, tùy duyên tự tại. Đối với người, với việc, với vật tự nhiên như không, không để trong tâm. Như vậy ta sẽ chuyển phiền não thành Bồ Đề. Chuyển ác nghiệp từ vô thí kiếp đều biến thành thiện nghiệp. Trong sát na liền chuyển được. Sau khi chuyển qua rồi, tâm tình của ta không giống nhau nữa. Tự tại vui vẻ vô cùng. Điều này là thật không phải giả.

“*Linh đa nghĩa môn, đồng thời cụ túc*”. Đa nghĩa môn chính là vô lượng nhân duyên. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm đồng thời cụ túc, “*giai tất viên mãn*”

dã”. Bất cứ pháp nào cũng đầy đủ đồng dị viên mãn nghĩa. Lớn thì đến hư không pháp giới, nhỏ thì đến một vi trần, đầu sợi lông.

Duyên khởi thập nghĩa này. Thập nghĩa này đều là giải thích “*huyền môn vô ngại thập nhân*” câu thứ ba “*duyên khởi tương do*”. Chúng ta đọc qua câu này: “*Vị duyên khởi chi pháp, đệ tương do tịch, nhiên pháp giới duyên khởi, nghi môn vô lượng, lược cử thập nghĩa*”. Đây là Thập nghĩa mà ta đã học ở trước. “*Duyên khởi phương thành, cố vân duyên khởi tương do dã. Cố bỉ thử tất hữu khả viên dung chi lý, hoà dung chi lý*”. Nên tự tánh là hài hoà, tự tánh là hoà bình. Bình là bình đẳng, hoà là hoà mục, hài hoà. Ta phải thật sự có nhận thức này. Đối với người, với vật, và với sự việc, ta có thể hài hoà chăng? Nếu không hài hoà là sai. Vì sao ta không hài hoà? Vì mê mờ tự tánh. Vì sao ta hài hoà? Vì tự đã ngộ tánh. Mê là phàm phu, ngộ chính là Phật Bồ tát. Học Phật là học cái gì? Học khai ngộ chứ không học gì khác.

Phật pháp trong thời đại này, con người trong xã hội ngày nay đã hiểu sai Phật pháp. Tại sao lại có sự hiểu lầm sâu nặng như vậy? Rất nhiều nguyên nhân, rất phức tạp. Chúng ta ngày nay có duyên, thực sự được thiện tri thức dẫn dắt, nên ta hiểu rõ. Phải hiểu Phật giáo cho rõ ràng, hật không dễ_ phải có duyên. Chúng ta thật sự nhận thức Phật giáo tức là giáo dục của đức Phật, phải siêng năng học tập cho tốt. Đối với chúng ta lợi ích rất lớn! Ở nơi thế gian này không có lợi ích nào có thể so sánh với việc học Phật, không có! Lợi ích này thật là ly khổ đắc lạc.

Người trong thế gian hiện nay đều kêu khổ, vậy tại sao không học Phật? Học Phật sẽ an vui. Nhưng họ nói đạo Phật là mê tín, là tôn giáo, nên không muốn tiếp xúc. Cũng khó trách họ, vì sao? Ngày xưa khi tôi chưa gặp thầy Phương Đông Mỹ cũng nghĩ như vậy, so với họ cũng không có gì khác, vô cùng cố chấp. Người Thầy này không dễ, thầy muốn trong tâm mình, tôn kính thầy, ngưỡng mộ thầy, là phải thật nghe lời thầy. Thầy sẽ thật dạy quý vị, như vậy mới được. Trong tâm quý vị không cung kính thầy giáo thì chẳng được. Thật vậy, điều này cũng giống như Ấn Quang Đại Sư thường nói: “*một phần thành kính được một phần lợi ích. Thành kính mười phần thì được mười phần lợi ích*”. Chúng tôi đối với Thầy giáo có mười phần tâm tôn kính. Thực tế mà nói, tôi chưa được mười phần, chắc được khoảng 5-6 phần. Cho nên tôi làm gần đến 60 năm rồi. Tín tâm này mỗi năm càng thêm sâu, đối với ân đức của Thầy giáo thì mỗi năm tình nghĩa càng sâu nặng thêm. Nghĩ đến nếu không có Thầy giáo chỉ dẫn thì làm sao tiếp xúc được. Mặc dù tiếp xúc rồi, nhưng không hiểu! nhìn không hiểu! Nên ân đức này không gì sánh kịp, báo không hết! Phương pháp báo ân duy nhất, là đem những điều tốt mà mình học được, chia sẻ với tất cả đại chúng. Đây chính là báo ân. Trong đại chúng có người thiện căn thành thực, trong lúc chia sẻ họ cũng đã giác ngộ,

họ cũng minh bạch và cũng có thể làm được. Chúng tôi luôn hy vọng, trong quý vị có người chơn chánh học Phật. Ba năm, năm năm thành tựu hơn tôi, là tôi đã thành công! Nếu không giống tôi thì tôi sẽ rất bi ai. Nên từ chỗ này “vô ngại thập nhân” đây mới điều thứ ba.

Từ đó chúng ta thật sự có thể hiểu rõ, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, quan niệm này là thật. Biến pháp giới hư không giới. Tất cả nhân sự vật với ta là một thể. Quan niệm này quan trọng hơn tất cả, chúng ta mới thật sự có thể hy sinh ể giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn. Xã thân vì người, như vậy sẽ giống điều gì? Mẹ hiền vì con cái mà không tiếc hy sinh tánh mạng, người mẹ có thể làm được. Trong cơn động đất chúng ta có thể nhìn thấy những người mẹ bảo hộ con nhỏ của họ. Dùng thân thể mình bảo hộ những đứa con thơ, họ đã chết nhưng con thơ còn sống sót. Ngày nay chúng ta tu Lục Hoà Kính, giúp đỡ chúng sanh khổ nạn trên địa cầu. Cần phải có tinh thần này, cần phải có tình thương yêu này. Chân thành thương yêu sẽ làm được. Vì sao? Là vì nhất thể. Ta nên biết có sanh tử chãng? Không có! Thường nói sanh tử là thân thể, còn thì linh tánh bất diệt. Chúng ta không nói linh hồn, mà nói về linh tánh. Linh hồn là mê, linh tánh là giác ngộ. Học nhiều năm rồi, nên đem linh hồn chuyển biến thành linh tánh, như vậy mới đúng.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây thôi. **HẾT TẬP 68**

Tập 69

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 26 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”. Hôm nay chúng ta tiếp tục học “Huyền môn vô ngại thập nhân” điều thứ tư.

4- PHÁP TÁNH DUNG THÔNG

Vị pháp giới chi tánh, viên dung thông đạt vô ngại, nhiên nhất thiết sự pháp, y tánh kiến lập, bất dị chân tánh. Tánh ký dung thông, sự diệc như chi, cố nhất nhất vi trần, các hàm pháp giới.

Đoạn này nói rõ về chân tướng sự thật, của thầy pháp tướng trong hế xuất thế gian. Pháp tướng này chính là hiện tượng, nó rất nhiều, vô lượng vô biên, vô tận vô số. Nhưng nếu đem nó phân thành ba loại lớn, thì sẽ bao quát tất cả, đều bao hàm rồi.

Ba loại lớn:

Loại thứ nhất là hiện tượng tinh thần, đây là pháp tướng.

Loại thứ hai là hiện tượng vật chất.

Loại thứ ba là hiện tượng tự nhiên.

Ba loại lớn này bao quát hết tất cả. Cũng bao quát cả bất đồng không gian duy thứ. Đây là thuộc hiện tượng tự nhiên.

Pháp tánh và pháp tướng là một. Pháp tánh là thể, pháp tướng là hiện tượng. Hiện tượng từ đâu sanh ra? Là nương vào thể mà sanh ra. Thể đã là viên dung thông đạt vô ngại, vậy trên sự tướng có còn chướng ngại chăng? Trên lý luận mà nói thì không có chướng ngại. Nhưng khi ta quan sát những sự tướng trước mắt, thì nó thật có sự chướng ngại. Chướng ngại từ đâu đến? Chướng ngại này là thật hay giả? Đức Phật nói không có chướng ngại. Chướng ngại mà chúng sanh thường cảm nhận này nó không có thật, từ vọng tưởng phân biệt chấp trước mà sanh ra. Nói cách khác là chính mình làm

chương ngại mình, trên thực tế tất cả sự vật thật sự không có chương ngại, nên ta phải nói là không có chương ngại.

Trong phòng này của chúng ta, vì sao ta không nhìn thấy được phòng bên cạnh? Đây không phải là chương ngại rồi sao? Tại sao khi có một bức tường chắn lại thì ta không đi qua được, đây không phải là chương ngại sao? Không sai, con người chúng ta có chấp trước nó sẽ tạo thành chương ngại. Quý vị xem chúng sanh của U Minh Giới, chúng sanh của thiên đạo, họ đối với điều này không có chương ngại, dù cách tường như vậy nhưng họ vẫn ra vào tự tại. Chương ngại của nhân gian này không làm chương ngại được họ. Nhưng trong U Minh giới, họ lại có chương ngại của chính họ. Do đây mà biết, chương ngại sanh ra từ phân biệt chấp trước. Nên con người khi không có phân biệt, không có chấp trước, còn có chương ngại chằng? Quý vị nên biết lúc này không còn chương ngại nữa, dù chỉ là tạm thời hay trong khoảng sát na. Khi trong tâm ta không có động niệm, sẽ thấy có kỳ tích xuất hiện. Một số người chúng ta nói kỳ tích xuất hiện, trên thực tế rất bình thường.

Chúng ta đọc bài tựa “*Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa*” của Pháp Sư Viên Anh . Trong đời của Pháp Sư Viên Anh có hai thứ rất giá trị, hai thứ này là tác phẩm sau khi Ngài lớn tuổi, chứ không phải tác phẩm khi còn trẻ_ sau 70 tuổi. Một bộ là “*Lãng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa*”. Một bộ nữa là “*Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa*”. Bộ “*Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa*” trong đoạn giảng nghĩa, ngài có kể câu chuyện. Đây là trong Tựa văn “*Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa*” nói, quyết định không phải giả, Lão Hoà Thượng sẽ không bịa đặt sinh sự. Một hôm, Ngài ở trong phòng nơi thất của Phương Trượng. Đột nhiên nghĩ ra một việc và lập tức muốn đi làm. Sau khi từ chỗ ngồi đứng dậy Ngài đi ra. Sau khi đi ra đột nhiên nghĩ lại, cửa phòng của Ngài đang đóng hình như không mở, tại sao đi ra được? quay đầu nhìn lại, cửa thật sự đang đóng, đi lui lại nhưng bước không vào. Không có chương ngại, cửa không có chương ngại.

Trong một sát na thời gian đó, Ngài không nghĩ đến cửa đóng, Ngài không nghĩ đến cửa lập tức đã đi ra. Ý niệm thứ hai, ý niệm phân biệt chấp trước khởi dậy là không được, bước vào không được nữa. Đây chính là ý thức của con người phân biệt cái này là nhà, cái này là cửa lớn, còn cái này là cửa sổ. Ta cứ phân biệt như vậy, chấp trước như vậy, thì chương ngại sẽ khởi tác dụng. U Minh Giới và Thiên đạo không có quan niệm này như chúng ta, nên họ đến đi tự tại.

Nhà của chính mình, chúng ta không có khái niệm này. Nhà của quý ở chúng ta bước ra bước vào, giống như họ bước vào nhà nhân gian của chúng ta vậy, không chương ngại, vì ta không nghĩ đến nó có chương ngại. Thật là người và Quỷ sống lẫn

lộn, phòng nhà chồng lên nhau. Chướng ngại của họ họ qua không được. Chướng ngại của chúng ta ta qua không được. Chướng ngại của ta họ có thể qua được, chướng ngại của họ chúng ta cũng vô ngại. Điều này không phải đã nói rõ chướng ngại từ đâu đến rồi sao? Từ phân biệt chấp trước mà đến. Không có phân biệt chấp trước thì không có chướng ngại. Trong Phật Pháp gọi như vậy là thần túc thông. Trong kinh điển Đức Phật dạy, người như thế nào được chứng đắc? Tam quả La hán.

Chúng ta đều biết La Hán có bốn quả là Sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả. Tam quả La Hán không có chướng ngại. Nên năng lực này gọi là Thần Túc Thông. Từ đó cho thấy bậc thánh buông bỏ được nhiều chấp trước nên chứng được quả vị thứ ba, nhưng vẫn còn một ít chấp trước. Nếu tiếp tục buông bỏ, họ sẽ chứng được tứ quả A la hán. Tam quả là A na hàm, tứ quả là A la hán. Họ còn kém một chút nữa là chứng quả A la hán. Khi đến được cảnh giới này sẽ không có chướng ngại. Bồ Tát thì càng không cần phải nói nữa rồi. Cảnh giới Bồ tát chứng được vượt qua A la hán. Người cõi trời không có chướng ngại ta có thể lý giải, thực sự là không có chướng ngại.

Nếu phân biệt chấp trước nhạt đi. Đương nhiên nếu bảo ta đừng chấp trước, đây là chuyện không thể, nhưng phải nhìn nó nhẹ hơn, đừng coi trọng quá, trước làm nhẹ đi, từ từ mới có thể đoạn trừ nó. Phiền não giảm một phần, thì phẩm vị để vãng sanh thế giới tây phương cực lạc sẽ tăng lên một phần, chính là đạo lý này. Phiền não giảm hai phần, thì phẩm vị đến thế giới Cực Lạc tăng lên hai phần, có lợi ích rất lớn. Còn nếu ta thật sự buông bỏ chấp trước, thì được sanh về Thế Giới Cực Lạc chứ không phải ở cõi Đồng cư, tức là vãng sanh vào cõi Phương Tiện. Nếu có thể không phân biệt chấp trước, đối với tất cả pháp không chấp trước, vãng sanh Thế giới Tây Phương Cực lạc quyết định là sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chứ không phải cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nên biết rằng buông bỏ đối với chúng ta vô cùng quan trọng. Buông bỏ không phải chỉ là buông bỏ trên sự việc, vì sao? Vì việc làm không có chướng ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Chướng ngại là ý niệm sai lầm của ta. Vọng tưởng phân biệt chấp trước, đây là ý niệm sai lầm, với việc làm không liên quan. Đúng là ý niệm làm chủ tất cả.

Quý vị xem, khi ta có loại phân biệt chấp trước là mỗi ngày phải ăn ba bữa cơm, không ăn một bữa là đói. Đây là chấp trước. Nếu ta một ngày ăn một bữa, thì làm gì còn nghĩ đến cơm sáng hay cơm tối, không có. Nhưng có đói chăng? Không đói, không có ý niệm này. Trong kinh Đức Phật dạy: *“Nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh”*.

Gần đây chúng tôi có xem qua một thông tin, hình như là một người Ấn Độ. Nghe nói có sáu bảy mươi năm không ăn không uống, cũng không có đại tiểu tiện.

Nhưng người vẫn sống rất bình thường. Được chăng? Được! Vì sao? Vì pháp tánh viên dung, tánh tướng không chướng ngại. Tại sao anh ta có thể làm được? Anh ta không có ý niệm này. Điều này có thể nói là do anh ta thanh tịnh nên tâm hiện tiền. Đối với lục đạo phàm phu đức Phật hiểu rõ ràng. Nếu bảo ta hoàn toàn không ăn ta làm không được. Nên Phật thị hiện ngày ăn một bữa_Lúc Đức Phật còn tại thế ngày ăn một bữa. Ngày ăn đúng Ngọ, tôi nghĩ dưới góc cây. Ngày một bữa cơm đủ không? Đủ. Nhưng chúng ta bây giờ đủ không? Không đủ. Chắc chắn không đủ. Nguyên nhân gì? Chúng ta tiêu hao năng lượng quá nhiều, cần phải bổ sung. Tiêu hao năng lượng nhiều nhất là gì? Không phải lao tâm cũng không phải lao lực, mà là vọng niệm. Vọng niệm tiêu hao năng lượng nhiều nhất.

Lúc trẻ, khoảng hai mươi mấy tuổi, tôi đã học Phật. Tôi tập không ăn cơm tối. Phương pháp của tôi là giảm thực, một ngày bớt một chút. Khoảng hơn hai tháng, thì buổi tối không ăn, giảm từ từ sẽ trở thành thói quen. Tiết kiệm rất nhiều việc và cũng tiết kiệm rất nhiều thời gian. Năm 31 tuổi tôi theo Thầy Lý_theo Lý Bính Nam lão Cư Sĩ, biết được Thầy Lý ăn cơm ngày một bữa. Hình như sau khi ở Đài Trung một thời gian, tôi theo Thầy Lý học tập, và tôi cũng không ăn cơm sáng nữa, Không khó! Tôi ngày ăn một bữa đến tháng thứ tám, mới nói với Thầy Lý, Tôi đã ăn một ngày một bữa. Thầy Lý hỏi: bao lâu rồi? Tám tháng. Thầy Lý hỏi: Sao rồi? Rất bình thường! Thầy vỗ bàn một cái nói: cố gắng duy trì như vậy!

Sinh hoạt đơn giản có thể không cầu người khác. Cổ nhân dạy: “*Nhân đạo vô cầu phẩm tự cao*” Sinh hoạt đơn giản, cần năng lượng rất ít. Nhưng một bữa cơm của tôi, so với một bữa cơm của Thầy Lý, Thầy Lý ăn còn ít hơn tôi. Thầy là người Sơn Đông, thích ăn thức ăn làm bằng bột mì, và nói với tôi Ấn Quang Đại Sư cũng như vậy. Trong “*Văn Sao*” nói: Dinh dưỡng của thức ăn làm bằng bột mì cao hơn dinh dưỡng của cơm. Ăn cơm ngày một bữa, tốt nhất là dùng thức ăn làm bằng bột mì. Ấn Quang Đại Sư nói rất có đạo lý! Nên trong đời sống hằng ngày Thầy Lý đều dùng thức ăn chế biến từ bột mì, vô cùng đơn giản. Đều ở nơi ý niệm, có ý niệm này, vấn đề lập tức xuất hiện.

Sau khi tôi xuất gia thọ giới. Thọ giới hình như một tháng ba ngày ở nơi giới đàn. Rất nhiều bạn đồng học phát tâm ăn cơm đúng Ngọ. Thọ giới rất mệt, bài học rất nhiều, phải lao tâm lao lực. Khi tôi đang thọ giới, hoàn toàn khai duyên ăn ngày ba bữa. Vì sao? Vì cần thể lực để ứng phó Phật sự này_ba mươi ba ngày Phật sự, nên tôi không làm. Tôi nhìn thấy họ sơ phát tâm căn bản không có cơ sở, ăn mới chưa được hai ngày thì đã đói không nhúc nhích nổi. Nếu ăn lại thì cũng đã sao? Tôi duy trì lâu như vậy, gặp trường hợp này tôi không làm. Đây là tôi khai duyên. Nên tất cả sự việc phải xem

tình huống. Tình huống cho phép sinh hoạt bình thường, thì chúng ta sinh hoạt rất bình thường. Sinh hoạt không bình thường ta phải có biện pháp biến thông. Không nên cố chấp, cố chấp là sai. Nên thể xuất thế gian pháp đều nói với ta phải thông quyền đạt biến, khi có sự thay đổi nhất định phải biết cần phải xử lý như thế nào. Nếu thân thể và tinh thần không tốt, thì trong một tháng này, giờ học dày đặc ta làm sao học tập đây?

Học Phật, Thầy giáo thường nói học Phật là học trí tuệ, không phải học mê hoặc. Trong Phật pháp nói rất rõ ràng, đặc biệt là pháp Đại Thừa, pháp vô định pháp. Chúng ta đọc cái này thật sự hiểu rõ. Quý vị xem đoạn thứ hai nói: *“Pháp vô định tánh, tâm hiện thức biến, từng duyên nhi sanh, ná hữu định pháp?”*. Mục tiêu tu hành, điều này chẳng thể không biết. Mục tiêu là gì? Ở nơi đề kinh này nói rất rõ ràng. *“Thanh tịnh bình đẳng giác”* là mục tiêu. Trì luật rất tốt, hình như mỗi điều luật đều trì rất tốt không có sai phạm, nhưng tâm không thanh tịnh, Như vậy có lợi ích chăng? Vô dụng. Trì luật thanh tịnh_ tôi thấy nhiều người trì luật rất nghiêm, nhưng cống cao ngã mạn, coi thường người khác. Vì cho rằng, họ giới luật thanh tịnh, còn người khác đều không trì giới, đều không như họ. Tâm khởi cống cao ngã mạn là sai.

Giới luật trên hình thức, trên sự tướng nói nhân giới sanh định. Mục đích trì giới là gì? Mục đích trì giới là được định. Nếu cống cao ngã mạn thì không được định, vì tâm không thanh tịnh. Vì sao tu định? Tu định là khai trí huệ_ Định sanh huệ. Trí huệ chưa khai thì định đó uổng công tu. Trì giới không đắc định, giới này không có hiệu quả. Nên nhất định phải biết, Ta tu như vậy mục đích ở đâu? Trì giới tâm được thanh tịnh, tâm thanh tịnh chính là định. Tâm thanh tịnh ở ngay trên đề kinh, là vì được bình đẳng tâm. Bình đẳng so với thanh tịnh càng khó. Được bình đẳng tâm là có thể khai trí tuệ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Quý vị xem trong kinh có ba tiêu chuẩn tu hành. Thanh tịnh tâm là A la hán, Bích Chi Phật. Bình đẳng tâm là Bồ Tát. Giác là Chư Phật Như Lai. Nguyên tắc tổng quát, cương lĩnh tổng quát là buông bỏ, không buông bỏ không được. Tu hành thì bất luận tu pháp môn nào, tu có giới đến đâu, chỉ cần có một chút ngạo mạn là xong. Vì sao? Nếu như vậy trong tu hành họ chỉ có phiền não, không phải là Tam muội. Tam muội là thanh tịnh tâm. Họ không phải Tam muội cũng không phải Trí tuệ, mà sanh phiền não, còn tự cho rằng mình rất cao, cao hơn người một bậc, người khác không được như mình. Tâm ngạo mạn sanh khởi, như vậy là sai.

Phương pháp tu hành này, chính là những gì ngày nay chúng ta nói. Họ đang học Phật học chứ không phải là học Phật. Học không tậ, có thể nói huênh hoang khoác lác, thậm chí viết về bản thân. Phiền não tập khí một chút cũng không sửa đổi, đây là Phật

học. Còn người học Phật không như vậy. Người học Phật là phải chuyển phiền não thành Bồ đề. Tại sao ta chuyển không được? Buông bỏ là chuyển được. Đoạn pháp tánh dung thông này, hiện tại trong lượng tử lực học có nói đến. Họ không phải nói Pháp tánh viên dung, nhưng ý nghĩa hoàn toàn giống nhau.

Quan sát của các nhà Lượng tử lực học, đã được khoa học chứng minh, đó là hiện tượng vật chất, là giả không phải thật. Vật chất là gì? Vật chất chính là lượng tử. Lượng tử là Tiểu Quang Tử được gọi là Lượng Tử quàn, chứ không phải là một Tiểu quang tử. Nhiều tiểu quang tử tích tụ liên tục sanh ra một loại huyễn tượng gọi là vật chất. Nên các nhà khoa học nói, bất luận vật chất như thế nào, đều có thể đem nó trở về với quang tử. Quang tử tức là hiện tượng dao động, nên nó không phải thật. Hiện tượng vật chất là giả, họ cho rằng hiện tượng dao động là thật.

Hiện tượng dao động là gì? Hiện tượng dao động là vô minh, vô minh tức là dao động. Họ có thể phát hiện hiện tượng này, thật không đơn giản. Loại dao động cực kỳ vi tế, trong Phật Pháp nói một niệm bất giác mà có vô minh. Đây là hiện tượng vô minh, cái này vừa mới phát hiện, không có gì giảng thấu triệt như trong kinh Phật, giảng một cách vô cùng viên mãn .

Ở đây đưa ra một ví dụ: *“Nhất nhất vi trần, các hàm pháp giới”*. Điều này ở trước chúng ta đã học rất nhiều. Nhất vi trần_Quốc Sư Hiền Thủ trong *“Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán”*. *“Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán”* là do ngài viết, nói như hiện nay là một cuốn luận văn. Cuốn luận văn này không dài, ở trong có sáu đoạn lớn. Ba đoạn trước là nói về nguyên khởi của Vũ trụ, Ngài đưa ra ví dụ cũng là nhất trần. Nhất trần này không giống hiện nay, các nhà khoa học lượng tử học, họ nói một tiểu Quang tử mà hiện nay nói là thứ nhỏ nhất trong vật chất _là tiểu quang tử . Tốc độ sanh diệt của nó vô cùng nhanh.

Trong Kinh Phật, Di Lặc Bồ Tát nói cho chúng ta biết nhất vi trần này tồn tại thời gian bao lâu? Chúng ta dùng đơn vị thời gian để tính là giây. Trong một giây thì tiểu quang tử chấn động bao nhiêu lần? Chấn động chính là sanh diệt. Một lần chấn động là một lần sanh diệt. Phải y theo Kinh điển nói là một ngàn sáu trăm triệu lần sanh diệt. Một ngàn sáu trăm, đơn vị là Triệu, chúng ta không cách nào tưởng tượng. Vậy quý vị nghĩ phải cần bao nhiêu cái, Tiểu quang tử này tích lũy lại ta mới có thể nhìn thấy nó? Bao nhiêu? Dù sao cũng phải nhìn một đồ vật mà mắt thịt có thể nhìn thấy, chí ít là trên một triệu tích tập vào một chỗ. Chúng ta mới phát hiện cái mà nhục nhãn nhìn thấy là hiện tượng vật chất.

Tần suất chậm sẽ biến thành vật chất. tần suất nhanh thì biến thành hiện tượng tinh thần. Nhanh hơn nữa là hiện tượng của giới tự nhiên. Như ánh sáng của Mặt trời, Mặt trăng và Tinh tú, ánh sáng của chúng phát ra tần suất rất nhanh, nên vô lượng vô biên hiện tượng đều là tần số dao động không tương đồng sanh ra. “*Có nhất nhất vi trần, các hàm pháp giới*”, đây là nói viên dung vô ngại. Pháp giới là đại vũ trụ, Vi trần là tiểu vũ trụ, là vật nhỏ nhất trong vũ trụ. Chúng ta nói một đơn vị, trong một hạt vi trần có cả hiện tượng của vũ trụ . Không phải chỉ nói đến hiện tượng tin tức ở trong đó.

Những thứ này hiện nay khoa học tiên bộ, chúng ta học tập Phật Pháp cũng giúp được rất nhiều. Cái lớn này có thể rút nhỏ tại một điểm không? Bây giờ chúng ta đã nhìn thấy. Quý vị xem hiện nay đang dùng thẻ nhớ kỹ thuật số, thẻ nhớ này lớn khoảng bằng móng tay út. Chắc là chưa bằng, chỉ bằng một phần bốn móng tay út này. Hiện nay ta thấy rất nhiều thẻ nhớ, trong đó lưu giữ rất nhiều tư liệu.

Chúng ta dùng máy ảnh Kỹ thuật số, ở bên ngoài chụp không biết bao nhiêu hình ảnh. Nhưng thẻ nhớ đó chỉ lớn tí ti đây thôi, lớn không bằng cái móng tay. Nếu ta đem ảnh lưu trong đó, đem nó phóng to để lên trên màn hình, không phải rất giống cảnh thật ở bên ngoài sao? Cho nên trong một vi trần cũng có thể giới. Khoa học mà so với Phật pháp thì còn kém xa.

Trong Phật pháp một vi trần là một tí xíu thôi, nhưng trong đó có cả vũ trụ. Điều này khoa học kỹ thuật còn chưa làm được. Có người tặng tôi bộ đĩa “Tứ Khố Toàn Thư”. Một bộ “Tứ Khố Toàn Thư” rất lớn, nó rất dày và giống như một bộ Đại Tạng Kinh, một ngàn năm trăm cuốn. Nhưng có thể thu gọn lại thành bao nhiêu đĩa? Mười mấy đĩa. Mười mấy đĩa một tay là cầm đi được. Một bộ “Tứ Khố Toàn Thư” này, muốn bỏ trong phòng nhiếp ảnh cũng bỏ không hết. Nhưng chỉ cần mười mấy đĩa là chứa đựng toàn bộ và bao hàm ở trong đó, chúng ta cảm thấy thật không thể nghĩ bàn. Nhưng trong Phật Pháp dạy, trong một vi trần có hư không pháp giới, so với khoa học kỹ thuật hiện nay cao minh hơn rất nhiều. Phát minh của khoa học kỹ thuật không so sánh bằng. Tự tánh vốn đầy đủ các hiện tượng này. Cho nên Ấn Độ không làm khoa học kỹ thuật. Vì sao? Vì họ cho rằng Thiên định vượt qua khoa học kỹ thuật. Lợi ích của thiên định vượt qua khoa học hiện nay không biết bao nhiêu lần. Mà khoa học còn có tác dụng phụ, còn có phát sanh sai lầm. Thiên định chắc chắn không có hiện tượng này, không có tác dụng phụ. Từ trong Thiên định khai ngộ, sau khi khai ngộ, không chỉ là biết hết tất cả. Ở sau còn có một câu: “*Vô sở bất năng*” _ không có gì là không thể. Có thể đột phá không gian duy thứ, thì cự ly không còn nữa.

Trong các bạn đồng học có nhiều người từ xa đến, nên quý vị cần đến công cụ giao thông như máy bay, thuyền, tàu lửa. Cần những công cụ giao thông này, còn phải bôn ba dọc đường rất cực khổ mới có thể đến được đây. Nếu quý vị có Thần túc thông, thì không gian không còn nữa, ý niệm vừa nghĩ đến, thì đã hiện thân ở đây rồi. Tốc độ của Thần túc thông quá nhanh! Thân tướng này ở nơi đó diệt rồi, thì ở đây hiện tiền, hầu như là nó đến cùng một lúc. Thân thể ở đó không nhìn thấy, thì ở chỗ này đã xuất hiện rồi. Không có cự ly mà chính là ở tại đây. Không có trước sau, mà ngay lúc này. Thử hỏi đây là đạo lý gì? Pháp tánh viên dung chính là đạo lý này. Nó là viên dung, nó là thông đạt vô ngại.

Trong Kinh Hoa Nghiêm Phật dạy: *“Hoa tạng thế giới sở hữu trần, nhất nhất trần trung kiến pháp giới”*. Trong mỗi hạt vi trần đều nhìn thấy pháp giới viên mãn. Nên thật đúng một là tất cả, tất cả là một. Một vi trần chính là biến pháp giới hư không giới. Mỗi một hạt vi trần đều là biến pháp giới Hư không giới. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta đọc đến, ai có thể đi vào trong thế giới vi trần, để bái phỏng đạo tràng của Chư Phật Bồ Tát nghe kinh nghe pháp? Trong Kinh nói là Ngài Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta nghe câu này rất hưng phấn, rất hoan hỷ, Vì sao? Vì người tu pháp môn Tịnh độ, là người nhất tâm muốn cầu sanh Thế giới tây phương Cực lạc. Người này chính là Phổ Hiền Bồ Tát. Cho nên chúng ta tu Pháp môn này, không phải tu gì khác mà là đang tu Hạnh Phổ Hiền.

Quý vị xem Kinh Vô Lượng Thọ. Phẩm thứ hai *“Đức Tôn Phổ Hiền”*. Lại xem Hoa Nghiêm Kinh đoạn cuối *“Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện Vương đạo quy Cực lạc”* là hạnh Phổ Hiền, tu Tịnh độ là tu hạnh Phổ Hiền. Thông tin này cho ta biết, người của Thế giới Tây phương Cực lạc, mỗi người đều có thể nhập vào pháp giới của vi trần. Ngày nay chúng ta lạy Phật một lạy cuối cùng là lạy mười phương sát độ vi trần pháp giới. Cung kính lễ bái này mới thật sự gọi là viên mãn.

Thập phương sát độ, hiện nay khoa học gọi là Hồng quan thế giới_Đại thế giới. Pháp giới vi trần là Vi quan thế giới. Hiện nay giới khoa học nói Lượng tử lực học chính là Vi quan pháp giới. Trong mỗi vi trần đều có thế giới viên mãn, pháp tánh dung thông.

5- NHƯ HUYỄN MỘNG

Huyễn mộng, huyền giả, do như huyền sư. Năng dĩ nhất vật vi chủng chủng vật, huyền chủng chủng vật nhi vi nhất vật”.

“Huyền” chính là hiện nay gọi là ma thuật. “Huyền sư” chính là người làm ma thuật. Người làm ma thuật biến ra những trò này, tôi nghĩ rất nhiều bạn đồng học đều thấy qua. Đặc biệt là sau khi truyền thông môi giới phát đạt, ở trên truyền hình, ta thường nhìn thấy loại ống kính này, họ có thể lấy vật không giống nhau để biến, chúng ta đều biết đó là giả. Thủ pháp của họ rất nhanh, chúng ta nhìn không ra sơ hở của họ.

Cũng có một ít người làm ma thuật, sau khi biến hoá, họ đem cách thức biến hoá chỉ cho chúng ta, chúng ta mới vỡ lẽ, mới hiểu rõ toàn là giả. *“Mộng giả, như nhất mộng trung sở kiến quảng đại sự nghiệp, tự vị lịch thời cửu viễn”*. Đây là nói nằm mộng. Mộng là mỗi người trong chúng ta đều có kinh nghiệm này. Thật ra thời gian nằm mộng rất ngắn ngủi, nhưng trong giấc mộng cảm thấy thời gian rất dài. Người xưa có một bài văn *“Hoàng Lương Mộng”*, trước đây bài văn này từng có trong sách giáo khoa của cấp hai. Chúng ta ngày xưa đọc sách cũng có đọc qua bài văn này. Nội dung bài văn này đại khái viết về một vị tú tài, rất nhiều vọng tưởng. Trên đường đi du lịch, đi cũng khá mệt rồi, nên vào nghỉ trong một ngôi miếu nhỏ. Lúc này Đạo giáo có một Đạo sĩ, Đạo sĩ đang ngồi thiền, bên cạnh ông ta nấu thức ăn. Thức ăn này là hạt cao lương. Hoàng lương, hạt cao lương, hạt nhỏ. Nấu hạt nhỏ rất nhanh. Anh ta ngồi một bên ngủ gật, trong mộng rất đặc ý, anh ta mộng thấy mình đi thi đậu cử nhân, vài năm sau lại thi đậu tiến sĩ và trúng tuyển Trạng nguyên, sau đó làm quan, quan địa phương, và được thăng quan liên tục. Rồi mười mấy năm sau làm chức tể tướng, rất đặc ý. Những người có ân với anh ta, anh ta liền báo ân. Những người không tốt anh ta cũng báo thù. Cả một đời, đến khi cáo lão về quê cũng mấy mươi năm. Đến khi tỉnh ngủ, Đạo sĩ đó nhìn anh ta không chớp mắt hỏi: *“Anh còn đặc ý không?”*. Đạo sĩ đã nhìn thấy tất cả, nhìn thấy hết. Hạt cao lương còn chưa nấu xong, nhưng trong mộng anh ta đã trải qua năm sáu mươi năm. Đây là một giấc mộng Hoàng lương.

Đích thực đời người cũng như vậy. Đời người mấy mươi năm, thực tế mà nói thì vô cùng ngắn ngủi, chỉ một cái chớp mắt là qua đi rồi. Rất chính xác, đây là hoàn cảnh chân tướng hiện thực, không thể không biết.

“Kinh vân: Như nhân thủy mộng trung, tạo tác chủng chủng sự, tuy kinh ức thiên tuế, nhất dạ vị chung tận”. Con người khi đang nằm mộng, tạo tác trong mộng, tình huống trong mộng, tạo sự nghiệp có lớn đến đâu. Như *“Hoàng Lương Mộng”* đưa ra mộng làm đến chức Tể tướng, mộng đến cả cuộc đời thuận buồm xuôi gió, cáo lão hồi hương. Trong mộng thời gian cực kỳ ngắn. Trong kinh Phật dạy, người đọc Kinh Kim Cang rất nhiều. Đoạn cuối Kinh Kim Cang có một bài kệ, Phật dạy: *“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyền bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán”*. Có thể nhìn được như vậy chính là cách nhìn của Chư Phật Bồ Tát. Gọi là gì? Là chánh tri

chánh kiến. Chúng ta sống trong thế gian này, người lớn tuổi cảm xúc không giống nhau. Khi còn trẻ thời gian mười năm dường như rất dài, mười năm là thời gian rất dài. Khi lớn tuổi rồi nghĩ lại mười năm quá nhanh, sao lại một chút đã qua rồi. Thời gian ngắn hay dài có nhất định chăng? Không nhất định. Tùy theo cảm xúc của mỗi người mà nó không tương đồng. Trẻ con thường cảm thấy thời gian dài, vì chờ Tết lâu quá!

Xã hội bây giờ, do khoa học kỹ thuật phát triển. một số người rất giàu có, cảm xúc này không như trước nữa. Trước đây là xã hội nông nghiệp, hình như tốc độ vô cùng chậm, không thể so với bây giờ. Trước đây trong cảm xúc cái gì cũng chậm. Ra ngoài du lịch cũng đi bộ, một ngày có thể đi được bao nhiêu dặm đường? Từ sáng tinh mơ thức dậy, bốn năm giờ xuất phát, khoảng mười giờ tới đến nơi. 120 dặm đường hiện nay là 60 cây số, đi rất cực khổ.

Thời kỳ kháng chiến đi như vậy chúng ta đều đã đi qua. Kháng chiến tám năm, tôi nhớ tôi đi bộ qua mười tỉnh, đại giang nam bắc đi bộ hết mười tỉnh. Mỗi ngày ít nhất đi bộ 30 cây số, như vậy là còn nhẹ nhàng. Có khi phải đi đến 60 cây số, những lúc đó rất cực khổ. Hoàn toàn là nhờ vào đi bộ, nên chúng tôi biết cái cực khổ này.

Quý vị xem hiện nay, 120 dặm đường là 60 cây số, đi xe hơi nửa tiếng là đến nơi, bộ điệu quá nhanh, mất hết nhân tình thế thái. Ngày xưa nhân tình thế thái rất nồng hậu, người lạ căn bản không quen biết. Trong thời kỳ kháng chiến, chúng tôi là học sinh lưu vong, đi vài ngày, bất luận gặp ai, muốn ở nhà họ một đêm, họ đều nhiệt tình tiếp đãi. Chúng tôi cảm ân, cảm tạ. Lúc đó không có nhà trọ cũng không có quán cơm. Tự mình phải đi tìm chỗ ở, tìm chỗ ăn. Chỉ có trong thành thị mới có nhà trọ, khách sạn, quán cơm. Ở Nông thôn không có, trong thị trấn nhỏ đều không có.

Bây giờ nhớ lại quá khứ, mấy mươi năm thật như cái gậy móng tay. Thực sự như mộng như huyền. Phật dạy điều này, dụng ý là dạy chúng ta cần phải giác ngộ, vì sự thật giống như mộng huyền bào ảnh vậy. nếu hiểu được ta sẽ buông bỏ. Sau khi hiểu rõ cần phải tìm cái gì? Phải tìm cầu sự vĩnh hằng, vì pháp hữu vi đều là pháp sanh diệt. Toàn là mộng huyền bào ảnh. Vĩnh hằng là gì? Vĩnh hằng là tự tánh. Pháp tánh là vĩnh hằng. Pháp tướng là vô thường. Điều này cần phải biết. bây giờ chúng ta coi như đã tìm được một mục đích cụ thể, đó là Thế Giới tây phương Cực Lạc.

Thế giới Cực lạc có thật sự vĩnh hằng chăng? Không, vì nó cũng là hiện tượng, “*phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”. Trong Kinh Diệu Đức Phật không nói Thế giới Cực Lạc là ngoại lệ, ngài không nói như vậy. Cũng không nói Thế giới Hoa tạng là ngoại lệ, phàm có tướng, đều là hư vọng, đều là mộng huyền bào ảnh. Nhưng ở Thế giới Cực lạc có thể chứng được vĩnh hằng.

Thật vậy, Phật A Di Đà nói chính ta có thể chứng được. Đây là điều vô cùng thù thắng, vĩnh hằng là Thường tịch quang. Đến Thế giới Cực Lạc, mỗi người đều có thể chứng được Thường tịch quang, thực sự đưa chúng ta trở về với tự tánh. Trở về tự tánh chính là thành tựu quả Phật viên mãn.

6- NHƯ ẢNH TƯỢNG

Vị nhất thiết pháp tùng tâm sở hiện, nhi năng hàm minh liễu tánh, do như minh kính, các các hồ hiện chư pháp ảnh tượng dã”.

Ở đây đưa ra ví dụ rất hay, giống như tấm gương vậy. Đưa ra ví dụ như cái gương. Vì sao? Vì từ tâm mà hiện. Tâm có kiến văn giác tri, đây là tự tánh vốn có. Tự tánh nên kiến văn giác tri không có sanh diệt. Đây là tánh đức chân thật.

Khi mê không gọi là kiến văn giác tri, mà gọi là thọ tướng hành thức. Nó biến thành A lại da. Quý vị xem A lại da, năm thức trước là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân chính là thọ, nó có cảm thọ. Tướng là thức thứ sáu, thức thứ sáu là tướng. Hành là thức thứ bảy, hành là chấp trước. A lại da là thức, thức là gì? là chứa nhóm chủng tử, nó giống như cái kho vậy. Từ vô lượng kiếp đến nay ta tạo ra các tội nghiệp tập khí, đều ở trong A lại da. A lại da là cái kho tư liệu, là nhà kho. Khi ta khởi tâm động niệm bất luận là thiện hay là ác, toàn bộ ngôn ngữ tạo tác đều ghi ở trong đó, đó là tài liệu lưu trữ. Tuy niên đại lâu rồi, việc làm trong nhiều đời trước, bây giờ không còn nhớ nữa. Vì sao thôi miên có thể nói ra được đời quá khứ? Vì có chủng tử trong A lại da, trong khi thôi miên khiến ta khởi hiện hành, nó vẫn còn_ chính là cái đạo lý này.

Chúng ta nhìn thấy báo cáo của tiến sĩ Ngụy Tư người Mỹ, ông ta xuất bản bốn cuốn sách. Từng có một người thôi miên hồi ức đến tám mươi mấy đời trước, thời gian khoảng hơn bốn nghìn năm. Thời đó vẫn còn ở trong hang động trong núi, hỏi anh ta tình hình sinh hoạt lúc đó, anh ta đều có thể nói ra. Như vậy nghĩa là sao? Là do tác dụng của thức, tức là ta không hề quên, nó đều ở trong đó. Tư liệu lưu trữ này đều có thể phân phối ra ngoài. Thôi miên có thể phân phối ra ngoài. Vậy thì quý vị thử nghĩ xem, sức mạnh của Thiên định càng thù thắng hơn. Thiên định có thể đột phá thời gian và không gian duy thức. Ở đây hiện nay khoa học nói là nhìn xa. Có công phu thiên định, ở đây có thể nhìn thấy nước Mỹ, có thể nhìn thấy Âu Châu. Người ở đó họ đang làm việc gì đều nhìn thấy rất rõ ràng, họ nói những gì cũng nghe rất rõ ràng. Đây là Thiên nhãn thông và Thiên nhĩ thông Thời gian và không gian đã bị đột phá. Nếu ta muốn đến được nơi đó, không cần đến công cụ giao thông. Ý niệm vừa mới khởi người đã đến nơi. Đây là nói mọi việc vô ngại.

Nhưng vì sao có thể thấy? Vì sao có thể nghe? Vì sao có thể hiểu rõ? Vì kiến văn giác tri trong tự tánh đang khởi tác dụng. Phàm phu lục đạo mê, khi mê kiến văn giác tri biến thành thọ tướng hành thức. Cho nên trong tâm tự nhiên có thêm bộ phận tinh thần này, mà trong tự tánh còn có trí tuệ viên mãn.

Đức Phật giảng có ba loại, trí huệ, đức, tướng hảo. Kiến văn giác tri là đức. Tướng hảo, tướng hảo nó có thể hiện ra thế giới vật chất. Nên thể của thế giới vật chất là tự tánh. Tự tánh biến thành hiện tượng vật chất. Sao lại biến thành hiện tượng vật chất? Hiện nay giới khoa học giải thích. Hiện tượng dao động này ta có thể lý giải. Ngày xưa học Phật thầy giáo cũng có nói đến “*Nhất niệm bất giác*”. Nhất niệm bất giác là dao động rất vi tế, chúng ta có thể lý giải. Nhưng vi tế đến mức độ nào thì còn chưa biết. Thực tế mà nói lúc đó lý giải còn rất mơ hồ, không rõ ràng. Nhìn thấy những báo cáo của giới khoa học, chúng ta hiểu được, từ từ cũng đã minh bạch, đã rõ ràng, mới biết rằng tần số dao động không giống nhau. Do nó tích lũy liên tục hiện tượng này, nên bên trong xuất hiện hiện tượng vật chất. Hiện tượng vật chất trên thực tế là tích lũy của ý thức, chính là ý niệm. Không thể nói trong ý niệm không có vật chất, trong ý niệm có vật chất. Tuy có nhưng mắt thịt chúng ta nhìn không thấy. Kính hiển vi cũng không nhìn thấy. Cho đến gần đây giới khoa học mới phát hiện, mới đem hiện tượng này nói ra, so với trong kinh Đức Phật nói thì gần giống nhau, dùng nó để giải thích Kinh Phật, chúng ta sẽ rõ ràng.

Cho nên có kiến văn giác tri, kiến văn giác tri nó như tấm gương sáng vậy, “*các các hồ hiện chư pháp ảnh tượng*”. “*Các các hồ hiện*”, chúng ta dùng cách giải thích của Pháp tướng tông sẽ rõ. Mắt có thể nhìn thấy cảnh giới bên ngoài, con mắt giống như máy ảnh vậy, nhìn thấy nhưng nó không biết. Vậy ai biết? thức thứ sáu biết. Thức thứ sáu là phân biệt thức. Nếu như không có mắt thì thức thứ sáu Ý thức cũng không biết. Vậy thức thứ sáu làm sao mà biết? Thức thứ sáu Ý thức là từ Nhãn thức, Nhãn thức có tướng phần, khi nó chiếu là có tướng phần. Như chúng ta chụp hình vậy nó có phim ảnh. Thức thứ sáu là nhìn phim ảnh đó mà biết. Thức này có thể tiếp xúc ngoại duyên không? Không thể. Nó nhất định phải thông qua Mắt mới có thể nhìn thấy, thông qua Nhĩ nó mới có thể nghe. Không có năm thức trước nó không khởi tác dụng. Cũng như ta xem ti vi, cảnh trên màn hình do đầu nhiếp ảnh phát ra. Mắt chúng ta giống như là thức thứ sáu, nên chúng ta nhìn hình ảnh đó nhưng không nhìn thấy hiện trường. Hiện trường vĩnh viễn nhìn không thấy. Hiện trường là gì? Hiện trường là hiện trường của A lại da thức. Đến khi nào mới có thể nhìn thấy hiện trường? Chuyển thức thành trí sẽ nhìn thấy hiện trường. Vậy chúng ta phải chấp trước, sau khi nhìn thấy, sau khi khởi phân biệt liền khởi ý niệm, tôi muốn không chế nó, tôi muốn chiếm hữu nó.

Đây không phải là thức thứ sáu, mà là thức thứ bảy. Thức thứ bảy làm sao mà biết? Thức thứ bảy nhìn thức thứ sáu truyền cảnh giới tướng qua, như truyền tin vậy nhưng cách một tầng. Nó từ tướng phần của thức thứ sáu, nhìn thấy tướng phần của thức thứ sáu, làm động ý niệm phải không chế, sau đó nó đem ý niệm này truyền cho tiền ngũ thức, truyền cho tiền ngũ thức và tiền ngũ thức chấp hành, nghe mệnh lệnh của nó. Nghĩ phương pháp gì đó để đi không chế, đi chiếm hữu. Từng lớp từng lớp vậy. Tám thức và 51 tâm sở. 51 tâm sở giống như cán bộ của nó, nghe mệnh lệnh của họ để hành sự, còn Tám thức là người lãnh đạo.

Thông tin được thu thập từ nhãn nhĩ tử thiết thân. Những cái này thu thập ở bên ngoài. Thu thập ở trong đó có tướng phần, từng tầng từng tầng vậy. “*Các các hổ hiện chư pháp ảnh tượng*”, nên Duy thức giảng vô cùng kỹ càng. Duy thức là Tâm lý học trong Kinh Điển Phật giáo, nếu quý vị xem Kinh Luận của Duy thức. Khoa Tâm lý học của Đại học nói về Duy thức, quý vị sẽ không xem nổi, chắc chắn không thể hiểu nổi

Trong Kinh Phật giảng về Tâm lý học rất tỷ mỉ, giảng rất hay, sau khi hiểu rõ rồi thì toàn là huyền tướng. Đức Phật dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh*”. Ảnh tượng này là ảo ảnh, tướng này vô cùng rõ ràng, sau khi biết được mới hiểu ra, vốn dĩ chúng ta thấy sắc nghe âm thanh là có một cách thức phức tạp như vậy, tuyệt đối không phải đơn giản. Mắt có thể nhìn nhưng không thể phân biệt, không thể chấp trước. Thấy sắc nghe âm thanh thì ai là người phân biệt? Ý thức phân biệt. Ai chấp trước? Mạt na thức là thức thứ bảy. Ai chịu trách nhiệm ghi nhớ, đem tất cả ghi lại? Là A lại da thức. A lại da thức là phòng tư liệu, tất cả đều cất dữ trong đó. Nếu muốn điều nó ra ngoài, tốc độ của nó rất nhanh.

Ví dụ như chúng ta gặp người này, lần thứ hai gặp lại vì sao vẫn nhớ anh ta? Vì ở trong có tài liệu dự trữ. A lại da thức có tài liệu dự trữ. Bên này nhìn thấy, thì bên kia đem tài liệu dự trữ ra đối chiếu, là nó không sai, rất phức tạp. Trình tự rất phức tạp, nhưng tốc độ rất nhanh, tốc độ nhanh đến khiếp người. Đây là nói đến Tâm lý học Phật giáo. Pháp tướng là nói đến Tâm lý học.

“*Kinh vân: Viễn vật cận vật, tùy giai ảnh hiện, ảnh bất tùy vật, nhi hữu viễn cận*”. Thực sự chúng ta đối với tất cả vật tướng có cự ly xa đều gần ở trước mắt, giống như máy quay phim vậy, vừa mở ống kính ra thì xa hay gần tất cả đều chiếu vào hết. “*Ảnh bất tùy vật*”, Vật là vật tướng ở bên ngoài, ảnh là ta chụp lại. Có tùy vật chăng? Không tùy vật, không có liên quan gì với nó cả, nhưng trong hình ảnh đó có thể nhìn thấy gần xa. Quý vị có cảm xúc này, cảm xúc này là vọng niệm, cũng đều không phải là chân

thực. Đức Phật nói cho ta biết những hiện tượng này, chỉ có một mục đích, là sau khi hiểu rõ, ta tự nhiên biết buông bỏ. Giác ngộ thật sự thì không có vọng tâm.

Vọng tâm là gì? phân biệt chấp trước là vọng tâm, khởi tâm động niệm cũng là vọng tâm, điều này quá khó. Không khởi tâm không động niệm vô cùng khó, Pháp thân Bồ Tát mới có thể chứng được. Ở trong mười pháp giới đều dùng Tâm ý thức. Tứ thánh pháp giới dùng phải chánh. Điều này chúng ta cần phải học tập. Tại sao dùng phải chánh? Chính là phải chân thật, biết nghe lời. Nghe lời của Chư Phật Bồ tát. Hoàn toàn y theo lời dạy mà tu hành, đây tức là dùng phải chánh.

Trong Kinh Điền giảng về lý luận là chánh tri chánh kiến. Trong giới luật định ra những điều luật đó là chánh hành_ Chánh ngữ, chánh hạnh. Dạy chúng ta không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ý ngữ, không ác khẩu, đây là chánh ngữ. Chánh hạnh là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không tham, không sân, không si là chánh hành. Mười điều này đều có thể làm được, làm đến viên mãn. Nói với quý vị là được thành Phật. Đại cương chỉ có mười câu. Mười câu đó thì trong mỗi câu đều bao hàm chín câu kia, nên biến thành một trăm câu. Trong một trăm câu đó mỗi câu lại bao hàm chín mươi chín câu khác. Như ở trước giảng, trong một vị trần đều có pháp giới, trùng trùng vô tận. Nên tế hạnh của Bồ Tát là tám vạn bốn nghìn. Tám vạn bốn nghìn từ đâu đến? Từ thập thiện nghiệp. Triển khai mười thiện nghiệp chính là tám vạn bốn nghìn tế hạnh_ Đó là viên mãn.

Chúng ta hiện nay mới bắt đầu tu là học mười điều. Khi tu tốt mười điều này rồi phát triển thành một trăm điều, trong mỗi điều lại có mười điều khác_ trùng trùng vô tận. Chỉ có tám vạn bốn nghìn thôi sao? Không. Đức Phật giảng Tám vạn bốn nghìn, ở sau không nói quý vị cũng tự sẽ biết_ trùng trùng vô tận! Hiểu rõ đạo lý này thì quý vị sẽ biết. “Đệ Tử Quy” có một trăm mười ba sự việc. Có phải chỉ có một trăm mười ba chuyện? Không chỉ có thế. Trong mỗi sự việc đều có một trăm mười ba việc khác. Hiểu được đạo lý này mà hạ công phu, quý vị mới có thể trở thành Thánh nhân. Nếu ta chỉ biết, một trăm mười ba sự việc này, không thể đem một sự việc triển khai nó ra, trong sinh hoạt hàng ngày không ứng dụng hoạt bát, là vì ta không có trí tuệ.

Trong xã hội này có thể miễn cưỡng nói ta là một người tốt, nhưng không phải quân tử. Quân tử là đưa ra một mà phản ứng ba, nghe một biết mười. Nói cho quý vị biết một việc, trong một việc đó sẽ hiểu được mười việc_ đó là quân tử. Hiền nhân còn giỏi hơn gấp bội, nhưng đến được Thánh nhân mới viên mãn. Chúng ta xem cổ Thánh tiên Hiền, xem Đức Phật thuyết pháp, xem chư vị tổ sư giảng Kinh. Quý vị xem quý ngài chú giải rất đơn giản, điểm đến là dùng. Nhưng người bây giờ thì không được,

điêm đến là dừng đó của Cổ nhân, chúng ta nhìn không hiểu. Không biết họ đang nói gì, nhất định phải dài dòng, nhất định phải nói kỹ mới hiểu.

Khi Đức Phật còn tại thế, có cần phải đi giảng kinh chăng? Không cần giảng. Nhưng trong Kinh ghi chính là Đức Phật giảng. Có cần phải giải thích không? Thính chúng vừa nghe đã hoàn toàn hiểu rõ. Có thể thấy được đây là căn tánh, đời này không như đời trước. Nguyên nhân là gì? Trong xã hội đời này phức tạp hơn so với đời trước, nhưng người bây giờ gọi là tiến bộ, thời đại này tiến bộ hơn thời đại trước. Tiến bộ nhanh quá khiến đầu óc con người đều hồ đồ hết.

Ngày xưa khi chưa tiến bộ, đầu óc rất tĩnh táo. Vì sao? Vì họ không có nhiều thứ lộn xộn như thế. Quý vị nói bây giờ đầu óc chứa đựng biết bao nhiêu? Mỗi ngày xem tivi, lên mạng, xem báo, xem tạp chí. Xem như vậy đầu óc quá phức tạp. Trong xã hội ngày xưa hoàn toàn không có. Chúng ta là người nông thôn, sinh trưởng tại thôn quê. Người thôn quê chỉ biết cái gì? Thật như Cổ nhân nói “*Nhật xuất nhi tác, nhật một nhi túc*”_Mặt trời lên đi làm, mặt trời lặn thì nghỉ, hỏi gì họ cũng không biết. Đầu óc họ rất đơn thuần, nên con người rất chân thật. Người có học nói họ đều tin, đối với người có học họ vô cùng tôn trọng, học qua đạo của Thánh hiền.

Sĩ nông công thương, trong vô hình đã hình thành giai cấp. Người đọc sách tuy hoàn cảnh vật chất rất bần cùng, là tú tài nghèo, nhưng rất có địa vị, trong xã hội mọi người đều đối với họ rất tôn trọng, nghe lời họ. Ngày xưa không có cảnh sát, cũng không có pháp quan. Trong nông thôn có tranh chấp, phát sanh vấn đề thì phải làm sao? Tìm người có học đến nói lý lẽ, họ nói là xong, không có ai không phục, xã hội mới có thể an định, thiên hạ thái bình. Ngày nay tri thức bộc phát, thiên hạ đại loạn, chúng ta kỹ càng nhớ lại, lặng yên để quan sát sẽ nhìn thấy hết.

7- NHÂN VÔ HẠN

Vị vãng tích nhân trung, xưng pháp giới tánh, tu vô lượng thù thắng chi nhân. Cổ kim đắc quả, diệu dụng vô biên”.

Nhân này không phải là nhân khác, là nói cái nhân tu hành. Ngày nay ta gặp được Phật Pháp, sau khi gặp được có thể sanh tâm hoan hỷ, có thể phát tâm học tập kiên nhẫn, do trong quá khứ nhân dày! Không chỉ một đời một kiếp mà là nhân trong nhiều đời. Những gì ta tu học đều gọi là pháp giới tánh. Giáo huấn của hánh hiền, khai thị của Chư Phật Bồ Tát, đều từ trong tánh đức mà ra.

Chư Phật Bồ Tát giảng Kinh hoàn toàn là từ trong tự tánh mà ra. Ý này một số người rất khó hiểu. Bây giờ người với người nói chuyện trong sinh hoạt hằng ngày, khởi

tâm động niệm không phải từ tự tánh. Pháp giới tánh là tự tánh, không phải từ tự tánh. Vậy từ đâu? Từ ý thức. Ý thức là gì? là để tư duy suy xét, điều này nên nói làm sao, nên làm như thế nào, đều phải thông qua suy xét. Suy xét là thức thứ sáu, thức thứ bảy. Thức thứ bảy chấp trước đối với ta có lợi ích không, đây là thức thứ bảy. Nên nó không gọi là tánh. Người được xưng tánh, khi khởi tâm động niệm không có ta là xưng tánh, còn ta thì không gọi là tánh. Vì sao? Vì mặt na thức ở trong đó. Nó ở trong làm chướng ngại. Khi không có Mặt na, khởi tâm động niệm là đại công vô tư. Vì tất cả chúng sanh mà nghĩ, vì tất cả chúng sanh mà làm, tuyệt đối không có vì chút lợi ích nào cho mình ở trong đó. Nếu có một chút lợi ích cho mình xen lẫn trong Mặt na thức, là từ trong tình thức mà sanh ra. Từ tình thức chính là trong A lại da thức sinh ra. Là vọng tâm không phải chân tâm. Chân tâm là tự tánh. Nên tu nhân vô lượng thù thắng, đời đời kiếp kiếp. Bất kể là thành Phật hay không phải một đời thành tựu.

Một đời của Đại Sư Huệ Năng, sao lại nhẹ nhàng như trở bàn tay. Chỉ vài câu là có thể đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đây do nguyên nhân gì? là do đời đời kiếp kiếp trong quá khứ tu tập nhiều. Nên ngay đời này Ngài đã thành thực. Giống như hoa quả, chúng ta ở trong vườn trái cây, nhìn thấy trái chín lớn chín rồi ta mới đi hái, còn chưa chín, chưa chín thì qua vài ngày nữa. Đợi nó chín rồi mới hái nó. Đều phải thông qua thời gian, phải thông qua vô lượng nhân duyên. Chúng ta thấy Ngài Huệ Năng, Ngài đã thành thực, không có gì kỳ lạ.

Chúng ta còn phải thông qua nhiều đời nhiều kiếp, cũng sẽ xuất hiện như Huệ Năng Đại Sư. Nhưng chúng ta không cần phải đi đường vòng. Đó là con đường vòng không phải đường thẳng. Thành tựu đến thế giới Tây phương Cực Lạc là đường thẳng, tuyệt đối không đi đường cong. Bất luận nhân trong quá khứ chúng ta là cạn hay là sâu, không cần đếm xỉa đến nó. Chỉ cần gặp được Tịnh độ nắm bắt pháp môn này, tức là nắm bắt Phật A Di Đà là khẩn thiết nhất.

Biết được tất cả pháp trên thế gian này như mộng huyễn bào ảnh, không phải thật, ta sẽ không cần nghĩ về nó, không cần chấp trước nó nữa. Có cũng tốt, không có cũng tốt, rất tự tại. Mất rồi, người khác dùng, tốt thôi. Đồ vật cuối cùng phải có người dùng. Họ dùng và tôi dùng chẳng phải giống nhau sao? Hà tất ta phải chấp trước? Như vậy tâm lượng sẽ được mở rộng ra. Nếu những lý lẽ và sự việc này không làm cho rõ ràng minh bạch, không để gì buông bỏ được. Rõ ràng, minh bạch thì buông bỏ quá dễ dàng. Bây giờ chúng ta đã biết nó là cần thiết nhất, không có gì ngoài khác. Cứu địa cầu quan trọng. Nhưng vãng sanh so với cứu địa cầu còn quan trọng hơn. Nên như thế nào? Đem chuyện vãng sanh để ở đầu tiên, cứu địa cầu sắp hàng thứ hai là đúng. Cần cứu độ tất cả khổ nạn cho chúng sanh.

Ta không cứu được chính mình, còn có thể cứu người khác chẳng? Chính mình làm sao cứu được mình? Chỉ cần trong tâm có Phật A Di Đà, trên miệng có Phật A Di Đà. Nơi miệng không quan trọng, trong tâm quan trọng nhất. Thật phải có Phật A Di Đà sẽ được cứu. Trong cuộc đời này nhất định được vãng sanh. Trừ Phật A Di Đà ra, cái gì cũng đều buông bỏ hết, “*phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”, sau đó mới có thể thật sự làm đến tùy duyên diệu dụng. Tùy duyên diệu dụng là gì? là tùy duyên bất biến. Có thể tùy duyên với tất cả chúng sanh. Bất biến là gì? là Phật A Di Đà, như như bất động. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoài ra không chứa gì thêm nữa. Đây gọi là tùy duyên diệu dụng. “*Oai nghi hữu tắc*”, đó chính là Lục Hòa Kính mà chúng ta học. Oai nghi có nguyên tắc làm để người khác thấy. Hy vọng mọi người quay đầu là bờ.

Từ ở đâu quay đầu? Từ mê hoặc điên đảo quay đầu, từ sai lầm quay đầu. Chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, chúng ta làm cho họ thấy. Phương pháp không gì khác. Chỉ cần thực hành Đệ Tử Quy, thực hành “Cảm Ứng Thiên”, chính là một tấm gương tốt, có thể cứu xã hội này, cứu những chúng sanh khổ nạn và có thể cứu địa cầu.

Trong Lục hoà kính, Thân đồng trú, khẩu vô tranh, ý đồng duyệt. Cần phải thực hành được như thế. Ba điều này chính là trong tứ đức thường nói là “oai nghi hữu tắc”. Thân thể chúng ta làm như thế nào? Là tùy thời tùy chỗ nuôi dưỡng thành tập quán này. Chân chánh, chân thành, thương yêu tất cả chúng sanh, quan tâm đến tất cả chúng sanh, lo lắng cho tất cả chúng sanh, giúp đỡ tất cả chúng sanh. Chúng ta khởi tâm động niệm, hành vi tạo tác, đều là giúp đỡ tất cả chúng sanh, chứ không vì mình. Nếu niệm này thật thành tâm, thì tùy thời có thể vãng sanh. Vì ta đối với thế gian không còn lưu luyến, nên tùy thời có thể vãng sanh.

Cho nên công phu niệm Phật, niệm đến đây là thuần thực. Ở trong Tịnh Độ tông nói chúng sanh căn cơ chín mùi, quyết định được vãng sanh. Như vậy là chúng ta còn có duyên, trễ vài ngày rồi đi cũng không sao. Hy vọng mọi người nhìn thấy gương tốt này có thể hồi đầu. Như vậy là tốt rồi. Vì sao? Vì chúng sanh với ta là một thể. Không cô phụ đại nguyện phổ độ chúng sanh của Phật A Di Đà. Điều này ta phải cần nghĩ đến. Chúng ta ở thế giới này thêm vài ngày, là giúp đỡ Phật A Di Đà tiếp dẫn đại chúng. Nếu công việc này làm viên mãn, thế nào gọi là viên mãn? Chẳng hạn như quý vị ở đây, không làm được gì, mọi người không tin tưởng, không nghe theo, đây là không có duyên, lúc này có thể đi. Nếu vẫn còn một người có thể tin, có thể phát nguyện, thì đệ tử của Phật không bỏ một ai, sẽ vì người này ở thêm vài ngày. Nếu một người cũng không có thì có thể ra đi, không cần phải ở nhiều. Nhân duyên là vô hạn cần phải hiểu.

Ngày nay chúng ta phát nguyện này, nguyện chân thành, nguyện khẩn thiết, không đi không được. Tôi nói với quý vị, ngày nay quý vị tu nhân thù thắng này chính là nhân viên mãn. Nếu sanh trong quá khứ ta tu ít, thì nhất niệm này có thể bổ túc. Nên pháp vô định pháp_không có pháp nào nhất định. Có thể tăng có thể giảm. Nếu còn một niệm tham đắm thế gian, chưa muốn đi, thì nhân này lập tức lại thiếu, lại bị giảm ít. Ý niệm khẩn thiết lập tức được gia tăng, tăng giảm thêm bớt, không phải pháp nhất định, không cần hoài nghi. Đại khái trong quá khứ ta tu nhân thù thắng ít, không nhiều như người khác. Nếu ta thường nghĩ thì càng nghĩ càng ít. Vì sao? Vì ý niệm của tất cả pháp từ tâm tưởng sanh ra, phải nghe hiểu đạo lý này. Không nên có mặt trái của tư tưởng, có mặt trái của tư tưởng quý vị sẽ đoạ lạc trong mặt trái đó. Có mặt chánh của tư tưởng sẽ nâng cao thành mặt chánh_nhớ rằng tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Không có trước sau, không có nhiều ít, một niệm kiên định đầy đủ viên mãn_phải hiểu đạo lý này. Ai làm cho rõ ràng thì người đó minh bạch. Tín nguyện thành tựu họ được cụ túc, mà còn được phẩm vị vãng sanh.

Thiện Đạo Đại Sư nói rất hay: *“Tứ độ cứu phẩm tổng tại ngộ duyên bất đồng”*, câu này nói quá hay. Có liên quan đến việc tu nhân trong quá khứ chăng? Không có quan hệ, chỉ do đời này gặp duyên không giống nhau. Nếu gặp được duyên tốt, có thiện tri thức đem sự tình nói rõ ràng, minh bạch, thì ngay lập tức được đề cao. Ngày nay chúng ta gặp được duyên này thật quá may mắn.

Phật Pháp trong mấy nghìn năm trước, mọi người đều không gặp được. Vì duyên gì? Hạ Liên Cư Sĩ sưu tập một bộ kinh, đến năm dân quốc mới làm xong, duyên này quá thù thắng. Tập đại thành năm loại nguyên bản dịch, khẳng định hoá độ chúng sanh thời mạt pháp trong chín nghìn năm, đều dựa vào cuốn sách này. Cái thứ hai là gặp được Hoàng Niệm Tổ lão Cư sĩ, quý vị xem, chú giải này làm quá tốt. Cuốn sách nay làm xong chú giải, không bao lâu thì Ông ra đã đi. Duyên này là hy hữu khó gặp, trong tay tôi còn giữ một cuốn.

Hạ lão Cư sĩ ban đầu sưu tập nguyên bản, bản này đính chính mười lần mới trở thành sách cố định. Cuốn sách lần thứ nhất trong tay tôi có một bộ. Tôi đã nhờ bạn đồng tu ở Đài Loan in ra một nghìn cuốn, để làm gì? để làm kỷ niệm. Quý vị xem ban đầu lão Cư sĩ phân ra ba mươi bảy phẩm. Tôi nghĩ đại khái Ông dùng ba mươi bảy đạo phẩm. Dùng số chữ ba mươi bảy phẩm, nhưng sách cố định cuối cùng lại phân thành bốn mươi tám phẩm. Hợp với bốn mươi tám lời nguyện của Phật A Di Đà.

Lúc trước, Từ Châu Pháp Sư và Hạ lão Cư sĩ là người cùng thời đại, từng ở Tế Nam dùng cuốn sách sưu tập ban đầu của Hạ Liên Cư sĩ giảng qua một lần, còn có

nhận xét. Phần nhận xét này, Hoàng Niệm Tổ Lão cư sĩ tặng cho tôi. Bây giờ tôi in một nghìn cuốn, đem lời nhận xét này in ở trước. Lời nhận xét là của Từ Châu Pháp Sư, còn sưu tập là Hạ Liên Cư, bảo tồn nguyên diện mạo để làm kỷ niệm. Rất hiếm!

Chúng tôi gặp được duyên này, đến cả Ấn Quang Đại Sư cũng không gặp được, không dễ dàng, phải trân trọng! Đọc Kinh này, xem đến phần chú giải, mới hoàn toàn minh bạch. Hiện nay có thêm báo cáo của giới khoa học, chỉ cần đối chiếu thì thật không phải giả. Đầy đủ tín tâm kiên định, nguyện vọng khẩn thiết.

Con người từ vô thủy kiếp đến nay tu tập thiện căn, chúng ta có thể trong một niệm bỏ tức toàn bộ. Nhất niệm là bỏ tức rồi. Không cần hâm mộ người khác, chúng ta có thể còn vượt qua họ. Đây đều là thật không phải giả.

Hiện nay con người nói đến tâm thái, thì trong Phật Pháp nói là tâm niệm. Sức mạnh này thật không thể nghĩ bàn. Các nhà khoa học nói một câu như vậy, ý niệm của con người có thể làm dao động một ngọn núi lớn_nó có sức mạnh lớn như vậy. Lời nói này chúng ta tin. Nên ý niệm phải thuần, ý niệm phải chánh.

“Kinh vân: Vãng tu thắng hạnh vô hữu duyên, kim hoạch thần thông diệc vô lượng”. Thần thông của chúng ta thông đến thế giới Cực Lạc, không nên coi thường mình.

8- PHẬT CHỨNG CÙNG

Phật chứng cùng giả, vị Phật chứng quả cùng cực”, chính là ta đã thành Phật. Những gì ta chứng được, chính là những gì ta thấu triệt để đạt đến cứu cánh viên mãn. *“Cổ tam giác viên minh, lục thông tự tại, xưng pháp giới tánh, thuyết viên mãn kinh”.* Viên mãn kinh chính là *“Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”*, cũng chính là *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh”*. Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn tương đồng. Kinh Hoa Nghiêm nói tử mỹ, Kinh Vô Lượng Thọ là lược thuyết, nhưng nội dung hoàn toàn tương đồng. Kinh này là do Phật thuyết. Tam giác viên mãn.

Tam giác là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. A la hán chứng được là tự giác. Bồ Tát chứng được là tự giác, giác tha, nhưng còn chưa viên mãn. Đến Phật mới thật sự viên mãn. Tam giác viên minh, lục thông tự tại. Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Thần túc thông, Lậu tận thông, được đại tự tại. Cho nên *“xưng pháp giới tánh, thuyết viên mãn kinh”*. Biến pháp giới hư không giới, nhất thiết sự lý, nhân quả, tánh tướng, đều nói một cách rõ ràng minh bạch.

“Kinh vân: Phật trụ thậm thâm chân pháp tánh, sở lưu viên mãn tu đa la, thị dã”. Thập huyền môn, ở trong tất cả kinh điển, chỉ có Kinh Hoa Nghiêm có. Còn các kinh

khác không có ý nghĩa của thập huyền. Nhưng trong kinh Tịnh độ có, Kinh Vô Lượng Thọ có, Kinh Di Đà cũng có. Thật quá tuyệt vời!

Chúng ta xem “*Di Đà Kinh Sớ Sao*” của Liên Trì Đại Sư, chính là chú giải của Kinh Di Đà. Liên Trì Đại Sư dùng Hoa Nghiêm Thập Môn khai mở để giảng giải Kinh Di Đà. Nên ba bộ kinh này, trước đây chư vị cổ đức gọi là đại bản, trung bản, tiểu bản. Đại bản Hoa Nghiêm, trung bản Vô Lượng Thọ, tiểu bản A Di Đà. Ba cuốn này là một bộ kinh. Sao lại một bộ kinh? Vì nó cùng một phương hướng, cùng một mục tiêu là Thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Cuối cùng của Kinh Hoa Nghiêm Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực lạc, nhìn thấy Thiện Tài Đồng Tử năm mươi ba lần đi tham cầu học đạo. Lần thứ nhất là bái phỏng Đức Vân Tỳ Kheo. Ngài tu gì? Ngài tu pháp môn Tịnh độ. Điều này rất quan trọng không thể không biết. Người xưa nói “*tiên nhập vi chủ*”_vào trước là chủ. Vị thầy đầu tiên của Thiện tài, ra đi tham học vị thầy đầu tiên là pháp môn Tịnh độ, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc.

Lần tham học cuối cùng, quý vị xem lần đầu lần cuối. Cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Thiện Tài học cái gì? Thiện tài chắc chắn là chuyên tu pháp môn Tịnh độ. Vậy năm mươi ba lần tham học thì sao? Năm mươi ba lần tham học là vì tùy hỷ công đức, quảng độ hữu tình. Nên pháp môn nào Thiện tài cũng học qua, Ngài đều thấu triệt, đều thông đạt, một chút chướng ngại cũng không có. Muốn học cái gì thì dạy cái đó, cuối cùng chỉ quy về Tịnh độ. Đã hiển thị ý nghĩa này ở trong đó. Tu pháp môn đó mà có chướng ngại thì không thể thành tựu, nên phải nhanh quay đầu. Ta đi con đường này không có ai là không thành tựu. Đây là Thiện Tài Đồng Tử làm gương, chứng minh cho chúng ta thấy.

Hôm nay hết giờ rồi, ở sau còn hai đoạn nữa. Ngày mai chúng ta cùng nhau tiếp tục học.

HẾT TẬP 69

Tập 70

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 27 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời xem “ Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải” trang 60 hàng thứ 3. Nhưng chúng ta cần phải học tiếp “ Huyền môn vô ngại thập nhân”, vì còn 2 điều nữa. Bây giờ chúng ta xem điều thứ 9

9- THÂM ĐỊNH DỤNG

Thâm định dụng giả, vị nhập thậm thâm đại định, nhi khởi diệu dụng dã, cái dĩ hải ấn đẳng chư tam muội lực, linh nhất thiết pháp, bĩnh nhiên tề hiện, vô ngại viên dung”, chúng ta xem đến đoạn này.

“Thâm định” chính là thanh tịnh bình đẳng tâm, là chân tâm. Khi Ngài Huệ Năng khai ngộ, Ngài đem Tự tánh chính là Chân tánh mà ngài ngộ được và dùng 5 câu để miêu tả, cái hình dáng của Chân tánh này. Trong đó câu thứ tư nói: Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động. Ngài đã nhìn thấy chân tâm, tự tánh chính là chân tâm, chân tâm không bao giờ bị dao động, như như bất động. Do đây mà biết, Ý niệm của ta không phải là chân tâm. Quý vị hãy quan sát ý niệm, niệm trước diệt đi thì niệm sau liền sanh khởi, nó vĩnh viễn không gián đoạn. Gián đoạn là tốt, cắt đứt là tốt. Nhưng nó không đoạn, phiền phức chính là nó không đoạn. Nó không đoạn được thì phiền phức ở chỗ nào? Không đoạn được chính là luân hồi lục đạo. Khi đã đoạn được thì lục đạo luân hồi tự nhiên cũng không còn nữa. Từ đó cho thấy, trong tự tánh chân tâm không có lục đạo. Chẳng những không có lục đạo, mà đến mười pháp giới cũng không có.

Ở trên nói Mười pháp giới, Lục đạo tức là nói đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật. Đến Phật cũng không có, đây mới là chân thật. Cho nên mười pháp giới đều là duyên khởi, đều là nhân duyên sanh pháp, toàn là vọng tâm, toàn là hư vọng. Trong kinh Kim Cang Phật dạy rằng: “ phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”.

Vì vậy học Phật thực tế mà nói, không chi Phật pháp mà thế xuất thế gian, bất cứ pháp nào, quý vị cũng cần phải hiểu một cách rõ ràng minh bạch, nghĩa là cần phải định tâm. Cho nên tu định trong thời cổ Ấn Độ, Tôn giáo tu định, học thuật cũng tu

định, nên thành tựu của họ mới thù thắng như vậy. Nếu không tu định, thì sự thành tựu đó chỉ có giới hạn mà thôi. Giống như Triết học và Khoa học cận đại vậy, vì họ không tu định, nên dù phát minh ra rất nhiều thứ. Trong này có thể nói là Toán học đã cung cấp một cống hiến lớn lao. Trong toán học phát hiện ra nguyên lý, khả năng tách, sau đó lại dùng cơ giới tinh vi đi cầu chứng tìm tòi. Dùng phương pháp này cũng phát hiện không ít. Nhưng những phương pháp này trong kinh điển Đức Phật dạy là nó có giới hạn. Họ có thể hiểu được vũ trụ, hồng quan thế giới cũng hiểu được vũ trụ, vi quan thế giới có thể hiểu được vi trần. Nhưng hiện tượng trong vi trần, họ không thể nào hiểu được, không biết được. Ngoài hồng quan thế giới ra họ cũng không hiểu được gì.

Ngoài ra đó chính là tự tánh, cho nên họ có thể duyên. Tức là đối với bên ngoài có thể duyên hư không pháp giới, còn bên trong thì duyên A lại da thức, mà không duyên được tự tánh. Tự tánh nhất định cần định công, bắt buộc phải buông bỏ tất cả mọi ý niệm, thì chân tướng lập tức hiện tiền. Nó là chân thực cho nên không cần tìm kiếm, ta tự nhiên mà hiểu rõ. Trong pháp thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, quý vị nhất định phải biết. Pháp là phương pháp, môn là con đường vào cửa. Có rất nhiều phương pháp để minh tâm kiến tánh, chứ không phải một. Con đường để vào cửa rất nhiều, nhiều đến mức độ nào? Điều này chúng ta không cách nào tính lường được.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn chỉ là cách nói quy nạp trong khi Đức Thế Tôn thuyết pháp mà thôi, còn trên thực tế thì vô lượng. Vô lượng từ đâu có? Vô lượng từ vọng niệm của A lại da mà có. Tức là nói khi khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước vô lượng vô biên mà có. Đức Phật nói câu này, dần dần chúng ta có thể lãnh hội được.

Vô lượng vô biên tạp niệm, bây giờ trong khoa học nói tần suất dao động, tần suất vô lượng vô biên. Bất cứ tần số nào, chỉ cần quý vị bất động tức là kiến tánh. Còn khi ta chân động, dù chỉ một cái động vô cùng vi tế hay là vô cùng nhanh chóng, đều không được. Quý vị nhìn thấy hiện tượng này là hiện tượng dao động, giống như ta đang nhìn nước biển vậy. Những gì ta nhìn thấy là sóng biển cuộn cuộn, nhưng thật ra những đợt sóng đó chính là nước biển. Vậy đem nước biển so sánh với tự tánh và đem sóng biển so sánh với A lại da thì thích hợp vô cùng. Thật vậy nó là một không phải hai. A lại da nương vào tự tánh mà sanh khởi, cũng như sóng nương vào nước mà sanh khởi vậy. Khi nào mới có thể nhìn thấy biển lặng? Khi sóng không còn thì tự nhiên biển lặng, chính là đạo lý này vậy. Cho nên không học định là không được.

Chúng ta niệm Phật có phải là tu định không? phải. Khi ta niệm một câu Phật hiệu sẽ làm cho tâm mình định lại. Vì thế bất luận là khởi ý niệm gì, thiện niệm cũng tốt, ác niệm cũng tốt, điều này không cần biết. Chỉ cần có ý niệm là tâm liền động, không phải tịnh. Ý niệm dập tắt thì tâm liền tịnh. Bất kể chúng ta dùng phương pháp gì? Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chúng ta dùng phương pháp trì danh hiệu Phật. Điều này quý vị phải biết, bất luận ý niệm nào trôi dạt. Như cổ nhân dạy: không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm. Giác là gì? Là cần phải dập tắt ý niệm_ đây là giác. Chúng ta là người niệm Phật, bất kể là khởi ý niệm nào, chỉ cần ý niệm vừa khởi, phải cảnh giác được rằng, ý niệm tôi đang sanh khởi. Ý niệm thứ hai phải đổi thành A di đà Phật, chỉ cho phép có một ý niệm duy nhất là A di đà Phật, chứ không cho phép bất cứ tạp niệm nào xen vào. Đây gọi là biết niệm Phật, biết dụng công. Cứ không ngừng dùng câu A di đà Phật để đè bẹp tất cả những ý niệm. Cuối cùng câu A di đà Phật cũng không còn nữa là kiến tánh, nếu còn câu A di đà Phật, thì không thể nhìn thấy tánh được. Vì sao? Vì nó còn dao động, dù là một dao động nhỏ. Nhưng dao động này rất có trật tự, rất bình tĩnh, rất ôn hoà và rất có trật tự, chứ không phải lộn xộn.

Kiến tánh, tức chúng ta tu hành đã viên mãn rồi. Tùy theo ý niệm này của chúng ta, cũng chính là công phu thiền định. Tiểu định thì nhìn thấy tiểu bộ phận, đại định thì nhìn thấy được rộng lớn hơn. Cứu cánh viên mãn của định thì quý vị sẽ nhìn thấy được tất cả. Tùy theo công phu sâu hay cạn, mà cảnh giới của quý vị không giống nhau. Nhất định phải đến thậm thâm đại định. Đây chính là cảnh giới Đức Phật chúng được_ cứu cánh viên mãn.

Ta thấy Huệ Năng Đại Sư thường nói, đó mới là cứu cánh viên mãn. Cứu cánh viên mãn khi nào chúng được? Trong kinh Hoa Nghiêm nói: bậc sơ trụ Bồ tát liền chứng đắc. Hoa Nghiêm là viên giáo, còn biệt giáo là bậc sơ địa Bồ tát chứng đắc. Cảnh giới chứng đắc của các vị Bồ tát này định công là giống nhau, nhưng trí huệ thì bất đồng.

Trí huệ của viên giáo cao, trí tuệ của biệt giáo kém hơn một. So sánh hai bên thì công phu giống nhau, nhưng trí huệ thì nông cạn bất đồng. Cho nên viên đốn căn tánh vô cùng đáng quý. Căn tánh cũng là trải qua thời gian rất dài huân tu mới thành tựu được. Tại sao tác dụng của định thù thắng như vậy? Các nhà khoa học hiện đại đều biết, sự tồn tại của không gian duy thứ xác thực là bất đồng. Từ trên lý luận mà nói, không gian duy thứ là vô hạn. Trước đây Hoàng Niệm lão nói với tôi, Ông ta học khoa học, trên thế giới khoa học chứng minh, ít nhất có mười một loại không gian duy thứ không giống nhau, điều này đã được chứng minh. Còn những điều chưa chứng thực trên lý luận là không có hạn lượng. Trong Phật pháp đại thừa chúng ta có thể lãnh hội được điều này.

Tại sao? Không gian duy thứ từ đâu đến? Điều này giới khoa học không nói ra. Nhưng chúng ta học Phật đã thể hội được nó đến từ đâu. Nó đến từ vọng tưởng phân biệt chấp trước. Chỉ cần có vọng tưởng phân biệt chấp trước, liền có không gian duy thứ. Vì nó là chế tạo, nên khi buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước thì không gian duy thứ tự nhiên không còn nữa. Nếu ta buông bỏ một bộ phận, đối với nhất thiết pháp không còn chấp trước. Đây là buông bỏ một bộ phận rất nhỏ, không chấp trước nữa, không gian duy thứ trong lục đạo cũng không còn. Nhưng bên ngoài lục đạo thì có, chỉ là ta không nhìn thấy, điều này trong Phật pháp có nói. Định mà tiểu thừa A la Hán, Bích Chi Phật chứng được, đó là thâm định. Vì trong lục đạo cũng tu định, tứ thiên thiên cũng tu định. Nếu không có định công, thì nhìn không thấy nó có không gian duy thứ. Nếu định công có thể đột phá sơ thiên, thì ta nhìn thấy sơ thiên, còn đột phá được Nhị thiên, thì nhìn thấy nhị thiên. Định công của tứ thiên thiên có bốn cấp bậc. Cao hơn một chút là vô sắc giới thiên cũng có bốn cấp bậc gọi là Tứ thiên, hợp lại gọi là bát định. Phật dạy đây là Thế gian thiên định, chính là trong lục đạo, không có cách nào đột phá lục đạo. Nếu sâu hơn một chút, sẽ đột phá được.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói đến định thứ chín. Tứ thiên bát định vẫn còn trong lục đạo, nhưng định thứ chín thì đột phá vượt ra ngoài lục đạo. Định thứ chín đi đến đâu? Đi đến tầng thấp nhất của tứ thánh pháp giới_ Thanh Văn pháp giới. Cao hơn định công này một tầng_ Duyên Giác pháp giới, cao hơn nữa_ Bồ tát pháp giới, và cao hơn thêm nữa_ Phật pháp giới. Tất cả đều không đi ra ngoài thập pháp giới. Ra khỏi lục đạo nhưng không ra khỏi mười pháp giới. Nếu ra khỏi thập pháp giới, ở giai đoạn này gọi là thậm thâm đại định. Đây là gì? là tự tánh bản định. Định công này đã đạt đến tự tánh bản định.

Huệ Năng đại sư nói “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, Ngài đã đến cảnh giới này rồi. Cảnh giới này là viên giáo sơ trụ trở lên. Trong Hoa Nghiêm kinh sơ trụ Bồ tát đã thoát ly thập pháp giới. Họ đi đâu? Đến cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai. Các ngài chứng được quả vị hoàn toàn tương đồng với cứu cánh quả địa Phật quả, chỉ là tập khí vô minh còn vương lại một ít chưa đoạn trừ sạch. Nếu đoạn sạch hoàn toàn rồi, thì họ không còn ở nơi cõi thật báo nữa. Cho nên cõi thật báo cũng không phải thật. Cõi thật báo từ đâu đến? Từ A lại da hiện ra. Thế giới đó với thập pháp giới của chúng ta không giống nhau. Thập pháp giới có biến dị và biến hoá, nhưng thế giới đó không có biến hoá. Các vị nên nhớ rằng, vào trong thế giới đó, thân tướng được trẻ mãi, vô lượng thọ, không già yếu. Con người không có biến hoá, sơn hà đại địa cũng không biến hoá, cây cỏ hoa lá cũng không biến hoá. Đứng là cảnh giới trường sanh bất lão trong tâm tưởng của những kẻ phàm phu như chúng ta, cảnh giới

bất sanh bất diệt, đây là cõi thật báo. Tập khí vô thi vô minh đoạn trừ rồi, họ lại bước cao thêm một bậc. Sanh vào chỗ nào? Vào trong thường tịch quang độ.

Đây có thể là điều mà giới khoa học đề cập đến. Vũ trụ này, tại sao đến cuối cùng thì không còn thấy nữa. Theo cách nói của giới khoa học, giả sử vũ trụ này có một trăm phần tử, hiện tại các nhà khoa học có thể lý giải, quan sát được chỉ có một trên mười phần trăm, mười trên một trăm phần trăm của vũ trụ, còn chín mươi phần trăm thì không nhìn thấy. Không biết nó ở đâu? Đại khái 90 % của vũ trụ này đã trở về thường tịch quang rồi. Thường tịch quang không phải vật chất, cũng không phải tinh thần, không có bất cứ hiện tượng nào. Nên bất cứ điều gì, đều đo lường không đến. Chỉ có tập khí vô thi vô minh đoạn sạch rồi, ta tự nhiên hoàn toàn thông suốt. Tuy thường tịch quang cái gì cũng không có, nhưng không thể nói là không. Vì trong thường tịch quang có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức tướng. Trong kinh điển Đại thừa đức Phật thường tán thán, tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ Như lai, đó chính là tán thán thường tịch quang, tán thán tự tánh của con người, cũng chính là tự tánh của mỗi người, tự tánh của mỗi chúng ta. Đây là cảnh giới cứu cánh viên mãn của Phật.

Dưới đây giải thích: “cái dĩ hải ấn đẳng chư tam muội lực”, Hải ấn chính là Như Lai sở chứng. Đem cái sở chứng của mình ví thành đại hải. Đại hải này là tánh hải, tức là tự tánh, tự tánh đại hải. Ấn tức là chúng ta giống như mặt nước, nước khi bình lặng thì như tấm gương vậy. Nó có thể đem cảnh giới bên ngoài, cảnh giới tướng này tất cả đều chiếu vào trong gương một cách rõ ràng. Chữ ấn này có nghĩa là như vậy. Loại Tam muội lực này chính là cứu cánh viên mãn của đại định, có thể đem cảnh giới của tự tánh biến hoá, chính là thập pháp giới y chánh trang nghiêm chiếu soi tất cả, rõ ràng minh bạch, thấu suốt hoàn toàn. “Linh nhất thiết pháp, bình nhiên tề hiện, vô ngại viên dung”. Không chỉ hiện tiền đều chiếu vào trong đó, mà quá khứ vị lai đều ở trong đó, đây gọi là vô ngại. Cho nên trong đó có thể nhìn thấy quá khứ, có thể nhìn thấy tương lai. Trong nhà Phật thường nói: “hoành biến thập phương, thụ cùng tam tế”, nghĩa là nhìn thấu tất cả, không có chút chướng ngại nào.

Câu ở dưới là dẫn chứng kinh điển, trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật dạy: “nhập vi trần số chư tam muội, nhất nhất xuất sanh trần đẳng định”, ngày nay gọi là thế giới vi quan.

Dùng vi trần làm số lượng, số này đếm không hết số vi trần tam muội. Mỗi vi trần tam muội xuất sanh trần đẳng định, đại định của vi trần số. Câu này có ý nghĩa gì? Như loại vi trần vô cùng nhỏ, ngày nay nói về tiểu quang tử trong lượng tử lực học. Lượng tử quần vô cùng nhỏ, cái định vô cùng yếu ớt như vậy, đều không nhiễu loạn,

nó đều bất động, huống gì là lớn, sóng to gió lớn? Như vậy con sóng nhỏ rất vi tế đều bất động, giống như Ngài Huệ Năng đã nói, nó vốn không dao động, thực sự nhìn thấy chân tánh, cái mà quý vị nhìn thấy nó dao động đó là a lại da, là vọng tâm. Vọng tâm từ chỗ vô cùng vi tế, tức là dao động của vi trần này đến toàn bộ đại vũ trụ, đều không thể nào nhiễu loạn được nó, đây là tác dụng của thâm định, điều này vô cùng quan trọng. Chúng ta cần phải tu định. Tu ở đâu? Tu ngay trong cuộc sống hằng ngày. Tu trong lúc làm việc, trong những lúc đối nhân xử thế. Tu bằng cách nào? Tu không chấp trước_ Tiểu Thừa định, tu không phân biệt_ Bồ Tát định, tu không khởi tâm không động niệm_ Như Lai định.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng tam muội, đều không tách rời nguyên tắc này. Năm bắt được nguyên tắc này, thì ứng dụng của ta vô cùng linh hoạt. Mắt nhìn thấy cảnh giới bên ngoài nhưng không vì ngoại cảnh mà dao động, lúc này nhãn căn ở trong sắc trần mà đắc tam muội, không bị sắc trần làm nhiễu loạn. Nếu có định công, sẽ nhìn thấu suốt cảnh giới bên ngoài. Chân tướng của cảnh giới tướng là gì? Chân tướng như Phật thường nói: “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”. Ta có thể ở trong cảnh giới tướng nhìn ra được điều mà ngày nay các nhà lượng tử học đã nói. Tất cả những vật chất hiện tượng là do ý niệm liên tục tích lũy thành một loại ảo giác, nó không phải thật. Mọi loại hiện tượng đều có thể quay về trạng thái dao động. Đây là gì? là trong tướng ta đã nhìn thấy tánh. Tánh tướng nhất như, tánh tướng bất nhị_ Trong tướng nhìn thấy tánh.

Tai nghe âm thanh. Tai ở đây không gọi là nhĩ thức mà gọi là tánh nghe. Tánh nghe ở nơi âm thanh đắc được tam muội, thành tựu tam muội. Khi ta ăn thức ăn, vị căn ở nơi vị trần nhập định, nhập định có biết gì không? biết rất rõ ràng. Đó là gì? Đó là trí tuệ. Như như bất động, đó là đại định. Thật diệu dụng! Điều này không thể không biết, cần phải tinh tấn. Trong cuộc sống hằng ngày, nếu thực hành được thì quý vị sẽ biết.

10- THẦN THÔNG GIẢI THOÁT

Trong mười điều này cũng có thứ tự, không được lộn xộn. Sau khi được định mới có thần thông, thần thông chính là diệu dụng_ thần thông giải thoát. “Giải thoát tức tự tại chi nghĩa”. Tự tại đương nhiên không có chướng ngại, mà có chướng ngại thì không có tự tại.

“ Vị Phật dĩ thần thông bất tư nghị giải thoát chi lực, linh nhất thiết pháp u nhất pháp trung kiến lập, hiển hiện viên dung tự tại”. Đây là thật. Nếu chúng ta nói thật có thể lãnh hội, thật không hoài nghi nữa, khẳng định Đức Phật nói câu này, và đây cũng là điều Phật đã nói.

Chư vị tổ sư thường dạy rằng: “nhất kinh thông, nhất thiết kinh thông”, một pháp môn thành tựu, thì tất cả pháp môn đều thành tựu. Trong đây nói là, chúng ta đưa ra ví dụ để giải thích nhất kinh thông này, nó không phải trong kinh điển Phật giáo, tất cả kinh điển của cổ Thánh tiên Hiền đều thông hết. Vì sao? Vì trong một pháp đã kiến tánh. Pháp pháp đều là tự tánh không có ngoại lệ. vậy thì làm sao không thông? Đương nhiên thông. Do đó phương pháp học tập sẽ thực sự đạt được. Thế mới biết các vị cổ đức thường nói “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, kỳ lai hữu tự”, Họ rất có đạo lý, chứ không phải nói tùy tiện. Đây không phải là kinh nghiệm, mà là thông đạt tự tánh. Chân tướng sự thật tác dụng tánh tướng. Nó là như vậy. Nhưng bạn cần phải thật sự kiến tánh, quý vị chỉ nên chọn một đường duy nhất, nếu đi hai đường sẽ rất khó, đi ba con đường lại càng khó hơn và không có hy vọng, còn đi bốn con đường sẽ gặp ngã tư, khiến quý vị càng đi càng thêm mê muội. Đạo lý thật sự ở chỗ này

Cho nên chỉ cần quý vị kiến tánh, quý vị trong một pháp, kiến lập nhất thiết pháp trong một pháp, một pháp cũng là nhất thiết pháp_ “nhất pháp không, nhất thiết pháp không”, được như vậy tâm của bạn mãi mãi định. Cảnh giới của định là gì? Chưa có ai hỏi bạn, thỉnh giáo bạn, lúc này tâm của bạn là một mớ trống không, cái gì cũng không. Đó là gì? Là Bát nhã hiện tiền, là thể của Bát nhã, chính là đại định. Trong kinh Bát nhã nói Bát nhã vô tri toàn là định cảnh. Nếu có người đến hỏi bạn, thì giống như ném hòn sỏi vào trong nước vậy, sẽ gọi lên những gợn sóng lăn tăn. Quý vị lập tức trả lời, không gì là không biết, hiểu hết các pháp trong thế xuất thế gian. Hàng phàm phu chúng ta tập khí nhiễm ô sâu nặng, nhìn thấy người trong thế gian này học rộng hiểu nhiều, chúng ta cũng muốn đọc qua và học hỏi tất cả. Kết quả thì sao? Đã làm lãng phí rất nhiều thời gian và tinh lực, nhưng không hiểu thêm được gì. Những điều học được là tri thức, những tri thức này trong nhà Phật gọi là sở tri chướng. Quý vị xem, ngoài phiền não chướng ra, lại có thêm một loại chướng ngại nữa. Chướng ngại điều gì? chướng ngại minh tâm kiến tánh của quý vị.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật từ bi, lúc chưa xuất gia Ngài thể hiện cho chúng ta thấy. Ngài là người thông minh hiểu học, người trong thế gian đều tán thán. Năm 19 tuổi ra đi tìm đạo, học đạo 12 năm, cho đến năm 30 tuổi. Các tôn giáo đương thời, những bậc cao nhân trong giới học thuật Ngài đều thân cận học hỏi. Đức Thích Ca Mâu Ni lúc đó đúng là quảng học đa văn. Ngài đã cho chúng ta thấy, đi theo con đường này là sai lầm, không giải quyết được vấn đề. Các Tôn giáo Ấn Độ đương thời, giới học thuật đều coi trọng định công, không ai không tu thiền định, Cho nên tứ thiền bát định trong thời kỳ ấy là hiện tượng phổ biến, không chỉ đạo Phật mới có. Trong kinh điển giảng tứ thiền bát định là nói về thời đại đó, một số người phổ biến cũng đang

học. Lục đạo đã nhìn thấy, không gian duy thứ đã đột phá rồi. Bên trên là trời phi tướng phi phi tướng, ở dưới đến A tỳ địa ngục, chướng ngại này đột phá rồi, nhưng vẫn còn vấn đề là lục đạo từ đâu đến? Tại sao có lục đạo? Ngoài lục đạo ra còn có thứ gì nữa không? Vấn đề này các Tông giáo chưa người nào trả lời được, giới học thuật cũng như vậy.

Cho nên Đức Thích Ca Mâu Ni Phật thể hiện cho chúng ta thấy, khi Ngài nhập định dưới cây Bồ đề, đã đem sở học của 12 năm tham cứu buông bỏ tất cả. Ngài buông bỏ sở tri chướng rồi hoát nhiên đại ngộ. Điều này trong kinh đã ghi chép: khi sao mai vừa mọc, ngài hoát nhiên đại ngộ. Đây mới là minh tâm kiến tánh, mọi vấn đề đã được giải quyết. Đã hiểu rõ lục đạo từ đâu đến, cũng đã biết tại sao có lục đạo, ngoài lục đạo còn có thể giới không? Thế giới rộng lớn vô cùng.

Chúng ta cũng đọc thấy trong Kinh Hoa Nghiêm. Như “Hoa Tạng Thế Giới Phẩm”_ Hồng quan thế giới. “ Thế giới thành tựu phẩm”_ Thế giới tại sao mà đến, Điều này chính là nói ở đây, “linh nhất thiết pháp, bình nhiên tề hiện”, nhất thiết pháp kiến lập trong một pháp, đây là cảnh giới mà Đức Phật Thích ca Mâu Ni đã thành tựu khi tròn ba mươi tuổi. Sau khi đạt được thành tựu này, Ngài bắt đầu đi giáo hoá. Suốt cuộc đời giáo hoá độ sinh, cho đến năm 79 tuổi ngài viên tịch. Trong kinh thường nói: hơn ba trăm hội giảng kinh, 49 năm thuyết pháp. Suốt 49 năm giáo hoá, Ngài chưa từng ngồi nghỉ, một người cũng dạy, hai người cũng dạy, thường niên giảng kinh thanh văn tại ngoại, người mộ danh đến học đạo càng không thể đếm kể. Đệ tử tùy tùng có một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, số đệ tử này không rời xa ngài, Đức Phật đến đâu đều theo đến đó, cuộc sống thật thà đơn giản không phiền đến ai. Họ không có phòng nhà, buổi tối ở đâu? Các ngài ở dưới góc cây. Thời đó rừng nguyên thủy rất nhiều, đến đâu cũng đều nhìn thấy, cho nên các ngài buổi tối tọa thiền dưới góc cây, ban ngày thì đi khát thực, ăn ngày một bữa, cuộc sống đơn giản thông dong tự tại.

Thật giống như hai câu đầu trong Luận Ngữ nói: “Học nhi thời tập chi, bất diệc thuyết hồ. Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?”. “Bằng” ở đây là gì? là học sinh, là người đến tham vấn. Mỗi ngày đều có người đến tham học, thỉnh giáo Ngài, thời gian ngắn thì chỉ vài giờ rồi đi, còn thời gian dài thì cũng vài tháng, nhưng cũng có người theo Ngài một hai năm mới đi. Ai muốn học điều gì thì Ngài dạy điều đó, muốn hỏi Ngài cái gì ngài đều biết tất cả, không hề chướng ngại, đúng là hiển hiện viên dung tự tại. Kinh dạy rằng: “ư nhất trần trung kiến lập tam thế nhất thiết Phật pháp”. Tam thế là quá khứ, hiện tại và vị lai. Nhất thiết Phật pháp tức là đối với nhất thiết pháp giác mà không mê, đối với nhất thiết pháp thật sự đã chứng đại viên mãn.

Đoạn này là “huyền môn vô ngại thập nhân”, chúng ta học đến đây. Bây giờ ta xem tiếp đoạn văn bên dưới, ở trang 60 hàng thứ 3. Bản kinh “ tích công luỹ đức phẩm”, phẩm thứ 8.

Kinh văn nói: “Pháp Tạng tỳ kheo trụ chân thật huệ, đồng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”. Chương này nói về lịch sử của thế giới cực lạc. Cực lạc thế giới làm sao mà có? Chính là thành tựu từ nguyện lực của Phật A Di Đà, tức là nói Ngài ở trong đại thế giới. Đại học Phật giáo Biện Nhất Sở trường đại học Phật giáo này như một con rồng vậy, tức là nói từ trường mầm non Phật giáo, cho đến Nghiên cứu sở. Làm sao mà biết được? vì nó có bốn cõi, có cõi phàm thánh đồng cư. Cõi phàm thánh đồng cư là hạ hạ phẩm, hạ trung phẩm, hạ thượng phẩm. Nó có chín phẩm, giống như bậc tiểu học vậy.

Phương tiện hữu dư độ, có thể so với trung học và đại học. Thanh văn và Duyên giác là trung học. Bồ tát và Phật là đại học. đây là nói Phương tiện hữu dư độ trong phẩm thứ chín. Cao hơn nữa là thật báo trang nghiêm độ của A Di Đà Phật_đó là nghiên cứu sở, cho nên nó rất hoàn chỉnh. Họ ở đó học tập và được mười phương chư Phật tán thán. Học sinh từ đâu đến? là mười phương chư Phật Như Lai đều đem đệ tử của họ đến đây học, là cũng như đưa đệ tử đến Cực lạc thế giới vậy. Chúng ta làm sao biết được, là Đức Phật Thích ca mâu Ni giới thiệu. Đức Phật Thích Ca nếu không giảng cho chúng ta những điều này, không giới thiệu cho chúng ta, chúng ta làm sao biết có Thế giới cực lạc? Hơn nữa thật sự muốn đến thế giới cực lạc để tu học. Không khó!

Điều kiện cơ bản có ba điều_ tín nguyện hạnh. Quý vị thật sự tin, thật sự muốn đi và thật sự dám buông bỏ tất cả nhất tâm niệm Phật là được rồi, thì điều kiện này đã đạt được, được sanh vào phàm thánh đồng cư độ, đây là ưu điểm lớn nhất của thế giới đó, mà các bậc cao tăng thường nói. Đức thứ nhất của cõi Di Đà tịnh độ là gì? là thọ mạng dài lâu. Phật vô lượng thọ và mỗi người đều vô lượng thọ. Ở tha phương thế giới cũng giống như thọ mạng của chúng ta ở cõi này, nó rất ngắn. Chưa học thành công thọ mạng đã đến rồi, đời sau lại được thân người và tiếp tục học, ít nhất phải bỏ lỡ hai mươi năm. Quý vị thử nghĩ xem thành tựu đó khó khăn đến đâu. Những gì học được trong quá khứ, thì trong A lại da có một vài chất liệu của sự tu học này, khi đầu thai chuyển thế thời trong 20 năm đó đã chịu rất nhiều ô nhiễm. Nhưng vì có duyên nên đến lúc đó nhất định có thiện tri thức đến giúp đỡ cảnh tỉnh, quý vị lại đến học tập một lần nữa, học tập chưa thành tựu thọ mạng lại đến rồi, đời đời kiếp kiếp đều như vậy, mấy mươi kiếp cũng không thể thành tựu.

Nếu đối với pháp môn Tịnh độ không có niềm tin, không chịu tiếp nhận, một chút biện pháp cũng không. Gặp được pháp môn này, phải tin tưởng, phải phát nguyện và chịu buông bỏ tất cả pháp môn, thì không có gì là chẳng thành tựu. Vì vậy pháp môn này gọi là pháp môn khó tin. Rất khó tin, nhưng thành tựu thì thật dễ dàng. Khó tin mà dễ hành trì, vững vàng, bảo đảm quý vị sớm thành tựu. Đây là nói đến Phật A Di Đà kiến tạo đạo tràng này, trường học này. Quý vị trú trong chân thật tuệ, đồng mãnh tinh tấn, đây gọi là trí tuệ tự tánh bát nhã. Đồng mãnh tinh tấn cũng có người hướng dẫn, thầy giáo hiểu rõ học sinh này, có hoài bảo, có cái nhìn xa, tâm lượng rất lớn, Tự Tại Vương Như Lai. Họ cũng đi tham học, tham học bao nhiêu nơi? Biến pháp giới, hư không giới, tất cả đạo tràng của Chư Phật, không thiếu chỗ nào. Như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa ở Ấn Độ tham học vậy, tất cả các Tông giáo học phái đều học qua, đây là đồng mãnh tinh tấn. Ngài có một phương hướng một mục tiêu, chuyên chí trang nghiêm diệu độ, chính là thế giới Tây phương cực lạc. Ngài nắm bắt được điểm then chốt trong các đạo tràng của Chư Phật, nếu có khuyết điểm, có giới hạn, ngài liền xả bỏ hết, cho nên đã kiến lập nên một hoàn cảnh tu học cực kỳ hoàn mỹ chứ không phải ngẫu nhiên mà có.

“Cổ tri cực lạc y chánh thanh tịnh trang nghiêm, giai chân thật huệ chi sở lưu hiện”. Câu này rất quan trọng! chánh báo của Cực Lạc Thế Giới, trong toàn bộ thế giới, chánh báo là Phật A Di Đà, ngoài ra là y báo. Y báo chính là mười phương ngưỡng mộ Phật A Di Đà, nên niệm Phật để được vãng sanh về đó. Người từ nơi chúng ta vãng sanh đi, tôi đi rồi, đến cực Lạc Thế Giới, tôi là chánh báo, A Di Đà Phật là y báo của tôi. Ý nghĩa của y chánh này, cần phải hiểu rõ ràng, minh bạch.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói chủ bạn viên dung. Tôi là chủ, còn A Di Đà Phật là bạn của tôi. Quý vị là chủ, tôi và A Di Đà Phật là bạn của bạn. Bất cứ ai cũng đều làm chủ, và bất cứ người đều là bạn_chủ bạn viên dung. Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, như “Vãng Sanh Luận” nói: “tam chủng trang nghiêm nhập nhất pháp cú, nhất pháp cú giả thanh tịnh cú, thanh tịnh cú giả chân thật trí huệ vô vi pháp thân, cổ tri diệu thủ trang nghiêm, tức thị thanh tịnh pháp thân, vô nhị vô biệt”.

Trong Vãng Sanh Luận nói tam chủng trang nghiêm. Thứ nhất là Phật trang nghiêm, thứ hai là Bồ tát trang nghiêm, thứ ba là quốc độ trang nghiêm. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là như vậy. Vãng Sanh Luận tán thán Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Phật là A Di Đà Phật. Bồ tát, hạ hạ phẩm vãng sanh, thánh phàm đồng cư độ là hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh đến cực lạc thế giới chính là Bồ Tát, còn không phải là phổ thông Bồ tát, được oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì, mỗi mỗi đều là A Duy Việt Trí Bồ tát, thật tuyệt!

Pháp môn này gọi là pháp khó tin, là chính câu này. A Duy Việt Trí Bồ Tát là người thế nào? Trong kinh Hoa Nghiêm nói là bậc sơ trụ trở lên, vượt qua Thập pháp giới. Vượt qua thập pháp giới thật không đơn giản! chúng ta ở nơi thế gian này tu, cần tu bao nhiêu năm? Luận kiếp mà tính. Tại sao khi vãng sanh thì làm A Duy Việt Trí Bồ Tát? Có rất nhiều Bồ Tát không tin, sao có chuyện dễ vậy? nhưng đó là sự thật, là do oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Phạm đến thế giới Cực Lạc đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. “ Tam chủng trang nghiêm nhập nhất pháp cú”, nhất pháp cú chính là thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú là gì? là “chân thật trí huệ vô vi pháp thân, cố tri diệu độ trang nghiêm tức thị thanh tịnh pháp thân, vô nhị vô biệt”. Vậy chúng đắc thanh tịnh pháp thân, chỉ cần sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, thì sợ gì phạm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, đến Thế Giới Cực Lạc thì đều chúng đắc thanh tịnh pháp thân, đạt được lợi ích thù thắng này.

Suốt 49 năm thuyết pháp độ sanh, Đức Thế Tôn nói tất cả kinh nhưng chưa nói đến điều này. Chỉ có trong kinh Vô Lượng Thọ nói với chúng ta như vậy, nói đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Trong thập phương chư Phật quốc độ không có đề cập. Trong “ Thọ Lạc Vô Cực Phẩm” kinh, phẩm thứ 32 có một đoạn kinh văn: “ nhất đán khai đạt minh triệt”. Khai là tâm khai, liễu đạt, chúng ta nói khai ngộ, thông đạt, minh bạch, thấu triệt rồi. “Tự nhiên trung tự nhiên tướng”, tự nhiên là tất cả hiện tượng, nhất thiết hiện tượng là tướng tự tánh bản nhiên, nó ở đâu? ở ngay đây. Do chúng ta mê muội không biết tất cả hiện tượng là tướng tự tánh bản nhiên, không hề biết. Tự nhiên có căn bản, tự nhiên quang sắc tham hoi chuyển biến tối thắng. Căn bản của nhất thiết hiện tượng tự nhiên. Căn bản chính là nói chắc chắn là có tự tánh. Căn bản là tự tánh, là tất cả hiện tượng tự nhiên. Chúng ta thường nói các pháp không có tự tánh. Tánh của vô tự tánh chính là căn bản, là chân như tự tánh, nó không có tự tánh của chính mình. Tánh của nó là chơn như tự tại, mà chân như tự tại thì ai cũng có, như trên mặt biển, nổi lên rất nhiều bong bóng, mỗi cái bong bóng đều không có tự tánh. Căn bản là gì? căn bản là nước biển. Tất cả bóng nước đều nương nước biển mà hiển hiện, rồi nước biển bóng nước làm sao tồn tại? Chúng ta đem bong bóng nước so sánh với nhất thiết vạn pháp, nước biển tức là căn bản. Cho nên tất cả hiện tượng tự nhiên khẳng định có căn bản. Căn bản này là chân tánh.

“ Tự nhiên quang sắc tham hoi”. Cái tự nhiên thứ nhất là nói về chúng sanh, chúng duyên hoà hợp mà sanh khởi hiện tượng. Hiện tượng quang minh sắc tướng này gọi là quang sắc. Tham hoi là tham nhập hoi chuyển. Những điều này hiện nay giới khoa học đang nghiên cứu. Hiện tượng của vật chất và tinh thần, cái mà họ phát hiện với những

gì trong kinh nói hoàn toàn tương đồng. Chuyển biến tới thẳng tức là biến hoá vô cùng, ở trong Hoàn Nguyên Quán với những gì chúng ta nói là xuất sanh vô tận.

“Uất đơn thành thất bảo”, “Uất đơn” là Bắc Châu. Chúng ta nói đến tứ đại châu: đông, nam, tây, bắc. Địa cầu này là Nam Diêm Phù Đề châu, nó không ở trên địa cầu chúng ta, nó là một tinh cầu khác_ Bắc châu. Tự nhiên sanh ra y thực quý báu, là những cái mà cuộc sống của chúng ta vô cùng cần thiết. Đây là gì? là Bắc Cầu Lô Châu, ở châu này không có Phật pháp. Người sống ở đó rất tự tại, phước báo cũng rất lớn, nên nhà Phật thường nói phú quý học đạo là khó. Người ở Bắc Cầu Lô châu không tiếp thu Phật pháp, thọ mạng của họ đến một nghìn tuổi, hầu như không có yếu mệnh. Những hưởng thụ vật chất là tùy tâm sở nguyện, muốn cái gì được cái đó. Cuộc sống rất tự do thoải mái, phước báo quá lớn nhưng không có Phật pháp. Cho nên Bồ Tát Vi Đà , quý vị xem trong tự viện thường nói tam châu cảm ứng. Bắc Châu không cảm ứng, người Bắc Châu không cần. Cho nên Ngài hộ trì ba châu. Đó là Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngu Hoá Châu và Nam Thiệm Bộ Châu, ba châu này cảm ứng, nhưng Bắc Cầu Lô Châu thì không. Bắc Châu phước báo rất lớn!

“Hoành lãm thành vạn vật”. Hoành là không gian, lãm là ôm lấy. Nhất thiết pháp đều là tự nhiên sanh. Thế giới này của chúng ta có không ít thứ, nhưng phải cần công nhân đi trồng trọt. Nhưng nó không cần, hoàn toàn là tự nhiên, đến đâu cũng thế, cho nên không thiếu gì. Đây gọi là Thọ Lạc Vô Cực, chính là Thế Giới Tây Phương Cực Lạc .

Trong kinh nói: “nhất đán khai minh, kỳ sở khai minh giả, đương nhơn chi tự tâm dã, thất bảo dự vạn vật, Phật chi quốc độ dã, do tự nhất tâm, nhi hiện diệu độ”.

Đây là giải thích trong kinh vẫn nói về đoạn này. “Nhất đán khai minh” tức là nói hoá nhiên đại ngộ. Ngộ, khai minh là gì? là tâm của chính mình, minh tâm kiến tánh. Khi đã minh tâm kiến tánh, thì thất bảo và vạn vật, cõi Phật tự nhiên mà hiện. cõi Phật làm sao mà hiện? là tự tâm hiện, không phải đến từ bên ngoài. Sau khi khai ngộ quý vị mới biết “tự tánh Di Đà, duy tâm tinh độ”. Thế giới Cực lạc, A Di Đà Phật từ đâu đến? từ trong tự tánh của chúng ta biến hiện ra, liên quan mật thiết với chúng ta . Quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật này rồi, mà muốn vãng sanh thế giới cực lạc, làm gì có lý không được vãng sanh? Cho nên hai câu này cũng ở trong tam thời hệ niệm của Trung Phong Thiền Sư. Di Đà chính là Di Đà trong tâm của mình, tịnh độ là tịnh độ tự tánh biến hiện. Tâm ta chính là A Di Đà Phật và ngược lại A Di Đà Phật chính là tâm ta. Quý vị thật sự hiểu được sự liên quan của chúng ta với Phật và Cực Lạc Thế giới rồi, mới thấy có rất nhiều người dần dần giác ngộ. Nói một cách khẳng định rằng: quē

hương của mình ở Cực Lạc Thế Giới, vãng sanh là trở về nhà. Cả một thời gian dài mãi lưu lạc bên ngoài, cực khổ trăm bề, bây giờ muốn hồi đầu. Quý vị thử nghĩ xem, lưu lạc bên ngoài dễ hay trở về nhà dễ. Trở về so với lưu lạc đương nhiên dễ, những lời này đều là thật.

“Do tự nhất tâm, nhi hiện diệu độ”, đây là tâm hiện. “Do tâm hồi chuyển, dĩ thành thế giới, thị cố sự sự vô ngại, viên minh cụ đức”. Ý niệm của tâm, ngày nay các nhà khoa học cũng phát hiện, sức mạnh của ý niệm rất lớn. Thế giới của ý niệm có thể chuyển biến vũ trụ. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm là do tâm xoay chuyển biến hiện ra. Cho nên nếu minh bạch nguyên lý này và biết rõ tính duyên khởi, thì ta hiểu sự sự vốn vô ngại, vốn là viên minh cụ đức. Viên là viên mãn, minh là quang minh, các đức đầy đủ, không thiếu thứ gì.

Trong kinh dạy: “khai hoa hiện thị chân thật chi tế. Chân thật chi tế giả, chân như thật tướng chi bản tế”. tức là sự thật chân tướng mà ngày nay chúng ta đề cập. “Cổ tri sở hiển hiện giả, đương tương tức đạo, tức sự nhi chân, nhất nhất vô phi chân như thật tướng”. Ở đâu? Ở ngay trước mắt. Trong đại thừa giáo đức Phật thường nói: Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Pháp là thập pháp giới y chánh trang nghiêm, đều là tâm hiện thức biến, đã minh bạch, khẳng định và hiểu rõ rồi. Quý vị sẽ khẳng định và tin tưởng hai câu này. “Sở hiển hiện giả”, lục căn của chúng ta đối với cảnh giới lục trần, nó hiển hiện một cách rõ ràng minh bạch. “đương tương tức đạo, tức sự nhi chân”, “đạo” và “chân” ở đây là chỉ tự tánh, các bậc cổ đức đã khai ngộ đã kiến tánh. Tánh này như thế nào? ở trong hiện tượng tùy tiện chỉ một tướng, tất cả là tự tánh. Giống như Thầy giáo gặt đầu đồng ý, rồi ấn chứng cho họ. “tức sự”, trong sự tướng cũng như vậy, Các bậc cổ đức, khi bị thầy giao tra vấn, học trò giao tay và thầy giáo đồng ý, cũng khai ngộ rồi.

Đây là câu chuyện của thiền môn, nói về công án. Khi mới học Phật pháp, tôi rất thích đọc những sách này. Bây giờ đã nhiều năm chưa đọc lại nó, đã quên tên rất nhiều người, tên triều đại cũng quên. Chỉ nhớ được câu chuyện như vậy: Ngày xưa có một tiểu Hoà thượng, rất nghịch ngợm nhưng cũng rất thông minh. Một hôm Lão Hoà thượng hỏi mọi người, Ngài đưa một ngón tay. Thời đó người xuất gia trên người đem theo giới đao, lão Hoà thượng liền rút giới đao ra, một nhát chặt đứt ngón tay, tiểu Hoà thượng liền được khai ngộ. Quý vị xem đưa lên một ngón tay mà được khai ngộ, cắt đứt một ngón tay mà khai ngộ rồi. Ngài chỉ bắt chước, học người khác, quý vị xem đó chính là pháp không định pháp, quý vị giúp người khác khai ngộ như thế nào? Đó chính là trí huệ chân thật, thật sự có đức hạnh. Hiểu được điểm then chốt này, thì chỉ cần một

cử động là lập tức khai ngộ. Quán căn cơ đó là đại học vấn. Chạm đến, trong một sát na là khai ngộ.

“Nhất nhất vô phi chân như thật tướng”, bất cứ pháp nào, cảnh giới mà lục căn tiếp xúc, không có pháp nào chẳng phải chân như, không có pháp nào chẳng phải thật tướng, cũng không có pháp nào chẳng phải tự tánh. “Diệc tức nhất nhất vô phi tự tâm”, tức là chân tâm của mình.

“Thị cố siêu tình ly kiến, viên cụ thập huyền dã”. Hai chữ này rất quan trọng. “Siêu tình ly kiến” mới khai ngộ được. Nếu có tình chấp thì không thể khai ngộ, nếu còn kiến giải cũng không thể khai ngộ, vì kiến giải là sở tri chướng, mà tình chấp là phiền não chướng. Nếu không buông xả hai thứ này, hoặc không buông hết, đều không cách nào khai ngộ được. Cho nên điều kiện để khai ngộ là “siêu tình ly kiến”. Phải vượt qua tình chấp, điều này rất khó. Ở đây muốn nói rằng khó khăn nhất của phiền não chướng là thân tình. Làm sao để có thể buông bỏ tình thân, buông bỏ thân tình có phải là vô tình chăng?_không phải. Sau khi xả bỏ thân tình mới có chân tình, vì thân tình này là giả, gọi là hư tình giả ý, làm gì có thật? Nó luôn thay đổi. Điều này chúng ta nên biết. Chân tình là vĩnh hằng bất biến, vì tự tánh không thay đổi mà. Khi chúng ta mê thất tự tánh, chân tình sẽ trở thành hư tình giả ý. Cái mà mọi người đang chấp trước là không thật, là hư tình giả ý. Khi chân tình xuất hiện, gọi là đại từ đại bi, vô duyên đại bi, đồng thể đại bi, đây thật là vĩnh hằng bất biến.

Tình thương của Chư Phật Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh, vượt trên tình mẫu tử rất nhiều, không cách nào so sánh được. Vì sao? Vì nó là tự tánh, từ trong tự tánh lưu xuất ra, vĩnh hằng bất biến, cho nên viên mãn thập huyền. Chúng ta học qua Thập Huyền Môn, viên mãn cụ túc. Tất cả pháp, bất cứ pháp nào, cũng đầy đủ Thập Huyền. Như vậy mới nói về tánh tướng lý sự nhân quả của tất cả pháp một cách viên mãn, bất kể pháp nào cũng đều viên mãn, bình đẳng.

Trong kinh nói một vi trần với pháp giới hư không giới đều bình đẳng, huống gì các pháp khác?

Pháp giới hư không giới, ngày nay gọi là hồng quan thế giới. Một vi trần là vi quan thế giới. Vi quan và hồng quan là một không phải hai. Một là tất cả, tất cả là một. Một là vi quan, tất cả là hồng quan. Hồng quan đầy đủ “thập huyền”, vi quan cũng đầy đủ “thập huyền”.

“Hoa Nghiêm chi độc thắng, đoạn tại thập huyền”. Trong tất cả các kinh, Hoa Nghiêm vượt lên tất cả. Thù thắng chỗ nào? Vì kinh Hoa Nghiêm rất viên mãn rất thấu

triệt. Còn các kinh khác phần nào quan trọng thì Đức Phật giảng chi tiết, phần còn lại thì không. Một thể có rất nhiều mặt, ví dụ như chúng tôi dỡ nắp ly này ra, quý vị nhìn từ bên này thì thấy cái nắp này tròn, nhô ra. Nếu nhìn từ bên kia thì cũng thấy tròn, nhưng lõm xuống, nhìn từ phía này lại thấy như vậy, hình dáng không giống nhau. Điều này nói lên rằng, Đức Phật nói những bộ kinh khác là giảng về một mảng nào đó, chứ không phải đầy đủ mọi mặt. Nhưng Hoa Nghiêm nói đủ mọi mặt, nên Kinh Hoa Nghiêm vượt lên tất cả là ở chỗ này. Tất cả các kinh hợp lại chính là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”

Kinh Hoa Nghiêm triển khai tất cả các kinh. Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói từng bộ phận, giảng mặt này. Nhưng ngoài ra khi Đức Phật giảng thì dạy đặc biệt rõ ràng, nhưng nó không hoàn chỉnh. Còn Hoa Nghiêm thì hoàn chỉnh, nên nói Kinh Hoa Nghiêm vượt lên tất cả là vậy.

Kinh Hoa Nghiêm đầy đủ Thập Huyền, Kinh Vô Lượng Thọ cũng đầy đủ Thập Huyền. Đoạn này chúng ta thấy chư vị Tổ sư dẫn chứng kinh văn trong bốn kinh. Trong Thập Huyền Môn, mỗi môn đều có trong kinh văn. Cho nên bên dưới nói: “Kim bốn kinh diệc cụ”. Vô Lượng Thọ Kinh cũng đầy đủ Thập Huyền Môn, chúng bản minh bốn kinh không khác Hoa Nghiêm, nghĩa là bộ kinh này với Hoa Nghiêm không khác.

“ Hoa Nghiêm mạng hậu dĩ Thập Đại Nguyên Vương đạo quy Cực Lạc. Kim bốn kinh toàn hiển tịnh tông đạo dẫn phạm thánh đồng quy cực lạc. Cố xưng bốn kinh vi trung bốn Hoa Nghiêm thành hữu cứ dã”.

Có căn cứ. Trong lúc Đức Phật giảng dạy Đại Thừa giáo, trong kinh có nói Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền, thì không thể viên thành Phật đạo. Nói cách khác, chư vị Bồ Tát muốn thành Phật, nhất định phải tu hạnh Phổ Hiền. Còn người tu Tịnh độ thì sao? Họ cũng đều tu hạnh Phổ Hiền.

Quý vị xem cuốn kinh này của chúng ta, 48 phẩm của Hạ Liên Lão Hội Tập, phẩm thứ hai, quý vị xem đề mục “Đức Tôn Phổ Hiền”, phẩm này nói rõ nhập môn của Tịnh Độ Tông là tu hạnh Phổ Hiền, trong kinh cũng đã nói rất rõ ràng. Ở trang 114, câu đầu tiên: “Hàm cộng tôn tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trú nhất thiết công đức pháp trung”. Đây là cảnh giới của người tu Tịnh độ, câu đầu tiên của phẩm thứ hai. Cho nên Hạ Liên Lão đặt đề mục cho phẩm này là “Đức Tôn Phổ Hiền”. Sự liên quan của Tịnh độ với Phổ Hiền Bồ Tát vô cùng mật thiết. ở nơi Hoa Tạng thế giới Bồ Tát Phổ Hiền là tượng trưng của hành môn.

Quý vị! gia đình chúng ta thờ Phật, tượng Phật là tượng trưng, không thể coi như là một vị thần được, như vậy là sai lầm, là mê tín. Tượng Phật là để cảnh tỉnh chính mình. Thờ Phật công đức rất lớn, vì sợ chúng ta quên tánh Phật, nên sớm tối đến trước Phật đường lễ Phật để cảnh giác mình. Chúng tôi ở đây giảng kinh, đằng sau là Hoa Nghiêm Tam Thánh. Ở giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, còn hai bên là Văn Thù và Phổ Hiền bồ tát, ngòi trên đại tượng là ngài Phổ hiền, còn trên sư tử là ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù tượng trưng cho giải môn, trí tuệ. Phổ hiền tượng trưng cho thực tiễn, thật sự tu tập.

Bồ tát Phổ hiền dạy chúng ta tu hành mười đại cương, cần ghi nhớ! Điều thứ nhất dạy ta lễ kính Chư Phật, đối với mọi người mọi việc và mọi vật cần có lễ phép, phải biết lễ kính. Khi đối nhân, tâm chân thành phải phát xuất từ nội tâm, phải cung kính. Tại sao mà đối với người phải cung kính, vì họ vốn là Phật. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật dạy như vậy, “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Bây giờ họ là một vị Phật hồ đồ, vì đang mê mờ chưa giác ngộ, nhưng họ là Phật, chẳng thể nói họ không phải Phật. Cho nên chúng ta chỉ có thể nói họ là vị Phật hồ đồ. Chúng ta cung kính đối với Đức Phật Thích Ca và Phật Di Đà như thế nào, thì cũng dùng tâm như thế đối với mọi người. Xem tất cả mọi người là Phật Thích ca là Phật Di Đà. Như thế là chúng ta biết học.

Kính lễ chư Phật chúng ta đã làm được rồi, nhưng còn đối với mọi vật như bàn, ghế, tấm ván, đèn thì ta không thể nhìn thấy nó cũng xá chào 90 độ, nếu nghĩ vậy thì ta đã sai, cung kính nó bằng cách nào? Bằng cách đem nó để chỉnh tề rồi lau chùi sạch sẽ, như vậy là cung kính với nó rồi. Vì thế ta nên biết đối với tất cả vạn vật, cỏ cây hoa lá, đều phải chăm lo chu đáo. Đối với sơn hà đại địa cũng cần có tâm cung kính. Vì sao? vì tất cả đều là chân tánh, đều do tự tánh biến ra, những thứ đó đều là tự tánh. Tự tánh ở đâu? chỗ nào cũng có, lúc nào cũng có, thiên biến vạn hoá. Tại sao có thể thiên biến vạn hoá? Nó tùy theo tâm niệm của chúng ta mà biến hoá ra. Khi ta khởi niệm thiện thì không có thứ gì là không phải thiện, chúng ta niệm niệm bất thiện, thì không có thứ gì là không bất thiện, chính là đạo lý này.

Tây Phương Cực Lạc Thế Giới tốt, cũng không có nguyên nhân nào khác. Đức Phật A Di Đà dạy giới, ngày ngày giảng kinh dạy học, tất cả mọi người đều tiếp thụ giáo dục ,đây là ưu điểm lớn nhất, nó là một quốc độ mới xuất hiện. Nơi này lịch sử chưa lâu. Trong kinh dạy Cực Lạc Thế Giới từ kiến lập đến nay mới chỉ có mười kiếp, cho nên thời gian không dài. Phạm muốn đi đến đó phải có điều kiện của nó, không hợp điều kiện thì không thể đi được. Điều kiện là gì? là thiện căn, phước đức và nhân duyên. Trong kinh Di Đà Đức Thế Tôn dạy rằng: “bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhơn duyên đắc sanh bỉ quốc”, kinh dạy quá rõ ràng. Phạm sanh đến cõi Cực Lạc

đều phải là nhiều thiện căn, phước đức, nhơn duyên, thêm nữa là Tín Nguyện Hạnh. Khi đã có thiện căn phước đức nhơn duyên, thì có thể Tin, có thể Nguyện và có thể Hành và quyết định được sanh Tịnh độ. Đơn giản như vậy thôi!

Thiện căn là gì? là năng tín, năng giải. Khi tiếp xúc với một pháp môn mà có thể tin tưởng lý giải không hoài nghi gọi là thiện căn.

Phước đức là gì? Phước đức là năng hạnh, nghĩa là thật sự tu.

Còn nhân duyên? Nhân duyên của người là gặp được thiện hữu. Đức Thế Tôn đã dạy cho chúng ta biết pháp môn này. Nếu gặp được kinh điển, gặp được đạo tràng tu tập như vậy, đều là nhờ nhân duyên. Cho nên nói năng tín, năng giải, thật tu, chân thật niệm Phật, cộng thêm môi trường tu học tốt như vậy thì sao không thành tựu?

Chúng ta học qua kinh Hoa Nghiêm, thấy Thiện Tài Đồng Tử, ngài là biểu pháp, làm tấm gương của một đời tu hành thành Phật để chúng ta noi theo. Thành tựu một đời của Ngài là chúng đắc cứu cánh viên mãn. Chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Thầy của Ngài là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, và ngài đã khai ngộ trong hội thuyết pháp của Văn Thù Bồ tát. Như chúng ta thường nói minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Ngộ rồi khởi tu, sau khi ngộ mới khởi tu. Khởi tu là gì? là tuy đã ngộ rồi, nhưng tập khí phiền não vẫn tồn tại, phải trừ sạch những thứ này, mới có thể chứng quả.

Hai vị Bồ Tát này, chúng ta dùng cách nói đơn giản nhất, nghĩa là Bồ Tát Văn Thù dạy ta nhìn thấu, Bồ Tát còn Phổ Hiền dạy chúng ta buông xả. Cho nên Bồ Tát Văn Thù là huệ giải- lý giải, Bồ Tát Phổ Hiền là thật tu. Sau khi Thiện Tài khai ngộ, Bồ Tát Văn Thù kêu Thiện Tài đi tham học, năm mươi ba lần đi tham vấn cầu học thì thành tựu.

Năm mươi ba tham là gì? chính là xã hội thực tế hiện tại. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày như công việc, đối nhân xử thế. Năm mươi ba tham là tượng trưng cho nam nữ già trẻ, các ngành các nghề trong xã hội, và tất cả đều tiếp xúc. Người tốt cũng tiếp xúc, người xấu cũng tiếp xúc, và tiếp xúc với bất cứ người nào. Đó là gì? là qua sự việc để luyện tâm. Ở trong cách đối nhân, xử thế, tiếp vật để rèn luyện, xem quý vị có thể thông qua các cửa này hay không? Đây là chân thật trí tuệ.

Ngày xưa thầy Phương giới thiệu kinh Hoa Nghiêm cho tôi, nói đây là chân trí huệ, đã thông qua kiểm nghiệm. Tức là các ngành các nghề trong xã hội đều tiếp xúc qua, từ Đế vương cho đến phàm phu tiểu tốt. Từ người học rộng phẩm đức cao sang, cho đến người tạo các ác nghiệp không biết một chữ đều tiếp xúc hết. Tiếp xúc để luyện gì đây? Luyện không khởi tâm, không đông niệm, không phân biệt, không chấp

trước. Luyện như vậy thành tựu được gì? Trong kinh nói là thành tựu thanh tịnh bình đẳng giác. Nếu không thông qua thử thách thực tế này, thì làm sao biết được tâm thanh tịnh bình đẳng giác? Cần thông qua, điều này không dễ. Giải ngộ dễ dàng, nhưng chứng ngộ thì rất khó, ải nào cũng phải thông qua.

Người mà Thiện Tài đi tham học lần thứ nhất là một vị xuất gia -Tỳ Kheo Kiệt Tường Vân, vị Tỳ Kheo này tu pháp môn gì? là chuyên niệm A di đà Phật cầu sanh tịnh độ. Người Trung Quốc thường nói “ tiên nhập vi chủ”. Đây là vị thiện tri thức đầu tiên, do Bồ Tát Văn Thù giới thiệu để Thiện Tài đến tham học. Chúng ta cũng biết, Thầy của Thiện Tài là Văn Thù Sư Lợi, Văn Thù Sư Lợi từ pháp môn này mà thành tựu. Thiện Tài là môn sinh đặc ý được thừa truyền đại pháp của thầy mình, khẳng định không thay đổi pháp môn của Thầy. “Tứ Thập Hoa Nghiêm” quyển thứ 39 nói Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc.

Kiệt Tường Vân Tỳ kheo giảng pháp khai thị cho Thiện Tài, nói về 21 loại pháp môn niệm Phật. Hai mươi một không phải đơn thuần là con số, mà nó tượng trưng đại viên mãn, Mật tông cũng tượng trưng cho đại viên mãn. Vì tượng trưng của Mật tông là Đại thừa, Tiểu thừa, Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn giáo tất cả đều có. Cho nên Thầy Phương cho rằng đây là khái luận triết học trong Phật Kinh .

Vì thế 21 pháp môn này là đem tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn thu tóm quy nạp vào pháp môn Tịnh độ. Toàn là pháp môn niệm Phật, không có pháp nào chẳng phải là pháp môn niệm Phật. Đúng là một là tất cả, tất cả là một. Chúng ta đã thấy trong kinh Hoa Nghiêm, đây là Thập Huyền Môn, thật không thể nghĩ bàn!

Đến lần học đạo cuối cùng, Bồ tát Phổ Hiền thập đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, thì chúng ta hiểu rõ. Đầu và cuối là Tịnh độ, chúng ta sẽ biết được ở giữa. Ở giữa là năm mươi một tham. Ta thấy Thiện tài đi tham học, có lễ bái, tức là lễ kính chư Phật. Có tán thán, cúng dường, sám trừ nghiệp chướng. Sám trừ nghiệp chướng ở đâu? Là nghe Thiện tri thức khai thị, gạt bỏ lo lắng của mình, đó là nghiệp chướng. Và cảm ân đối với vị thiện tri thức này. Cuối cùng là luyến đức lễ từ, có nghĩa là gì? tôi đã đến đây tu học, và cảm ơn sự chỉ dạy của ngài. “ Lễ từ” là gì? Nghĩa là tôi không học pháp môn này, mà chỉ học pháp môn niệm Phật. Pháp môn nào Ngài cũng đều đi tham học và hiểu rõ tất cả, nhưng cuối cùng chỉ chọn cách niệm Phật. Cảm ơn sự chỉ dạy của người -luyến đức. Lễ từ là lễ bái, từ chối không học pháp môn này. Quý vị nhìn xem, cuối cùng vẫn là “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Nhất môn thâm nhập là không nghi, không trở ngại, đi tham học khắp nơi. Thành tựu hậu đắc trí cho mình một

cách viên mãn, chính là vô sở bất tri. Tuy vô sở bất tri, nhưng tâm của Ngài như như bất động, vẫn niệm Phật cho đến cùng.

Cho nên lần tham vấn thứ 53 trong hội Phổ Hiền, Ngài chứng đắc cứu cánh viên mãn Phật quả. Điều này gợi cho chúng ta biết rất nhiều. Đương nhiên học tập không dễ, vì sao? Vì được khai ngộ rồi mới có thể học, còn chưa khai ngộ thì trước phải học cho khai ngộ, sau khi khai ngộ phải trải qua việc luyện tâm. Như vậy mới thật sự khởi đại dụng, ở đây tức nói là “diệu dụng vô phương”.

Phần cuối của kinh Hoa Nghiêm, lấy thập đại nguyện vương dẫn về Cực lạc”. “Kim bốn kinh toàn hiển tịnh tòng, đạo dẫn thánh phàm, đồng quy cực lạc. Cổ xưng bốn kinh vi trung bốn Hoa Nghiêm, thành hữu cứ dã”. Điều này xác thực là có kinh điển làm căn cứ, không phải tùy tiện nói ra. Gọi kinh này là “trung bốn Hoa Nghiêm”, là Bành Tế Thanh cư sĩ thời Càn Long nhà Thanh nói. Bành cư sĩ cũng không phải là người phổ thông, ông ta thông tông thông giáo, hiển mật viên dung, thông minh tuyệt đỉnh. Ông thi đỗ tiến sĩ, nhưng chưa từng ra làm quan, nhất tâm niệm Phật, trong Phật pháp có thành tựu rất lớn. Ông có một trước tác “Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận”, cho nên Ông ta là người đầu tiên nói ra câu này: “Kinh Vô Lượng Thọ tức là trung bốn Hoa Nghiêm”.

“Hựu cứ “Yếu Giải” phán tiểu bản viết: Hoa Nghiêm áo tạng, pháp hoa bí tuý, nhất thiết Chư Phật chi tâm yếu, Bồ Tát vạn hạnh chi từ nam, giai bất xuất ư thử hỷ”.

Đây là điều mà Ngẫu Ích Đại Sư nói vào cuối thời nhà Minh. Ngẫu Ích Đại Sư là Tổ Sư đời thứ 9 của tông Tịnh độ. Ngài viết cuốn “Yếu Giải” này chính là chú giải cho kinh Di Đà, đơn giản chặt chẽ và viết trong 9 ngày là hoàn thành. Cuối sách Ngài có viết một đoạn跋 văn ngắn, ghi lại thời gian viết sách này. Ấn Quang Đại Sư thời cận đại đối với cuốn “Yếu Giải” này đã viết lời bình rằng: “Cho dù cổ Phật tái sanh, để viết chú giải cho kinh A Di đà, cũng không thể hơn cuốn này”. Lời tán thán của Ấn Quang Đại Sư là tán thán đến tối đa, tán thán đến đỉnh điểm.

Trước đây vài năm, Tôi ở Singapore, có một hôm Diển Bồi Pháp Sư người bạn cũ của tôi hỏi tôi: “Sự tán thán của Ấn Quang Đại Sư đối với cuốn Yếu Giải có phải là hơi quá đáng không?”. Tôi nói với Pháp Sư: “vừa đúng mức, không có gì quá đáng”. Đây là sự thật không giả dối đâu

“ Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tuý” đều ở trong Tịnh độ. Là tâm yếu của nhất thiết chư Phật, là chỉ nam của vạn hạnh Bồ tát. Một cuốn kinh Di Đà nho nhỏ mà đầy đủ tất cả. Vậy kinh Vô Lượng Thọ đương nhiên càng đầy đủ. Chúng ta muốn học

Phật, bộ kinh này là đủ rồi, là viên mãn rồi. Nếu sợ phiền phức, muốn đơn giản một chút thì học kinh Di Đà. Còn khi muốn học nhiều một chút, hiểu nhiều một chút, thì học Kinh Vô Lượng Thọ . “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, chắc chắn có thể đắc niệm Phật tam muội, chắc chắn có thể khai ngộ. Khai ngộ vãng sanh sẽ sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm, còn đắc Tam muội vãng sanh thì sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư, đều không ở cõi Đồng Cư. Ở cõi Đồng Cư là chỗ chưa khai ngộ, chưa đắc Tam muội, chúng ta cần phải biết điều này. Hơn nữa, Cực Lạc không xa rời Hoa Tạng Thế giới, Di Đà tức là Tỳ Lô Giá Na.

Tôi ở Singapore giảng kinh này, Tôi nhớ lúc đó tôi nương vào cuốn chú bên lề của Thầy Lý để giảng. Có người hỏi tôi sự liên quan giữa Cực lạc Thế giới và Hoa Tạng thế giới. Tôi đưa ra ví dụ: Hoa tạng thế giới là Singapore, Cực Lạc thế giới là đường Ô Tiết, đây là con đường phồn hoa nhất Singapore. Thật vậy, vì Hoa Tạng thế giới là một con đường rất phồn hoa, rất náo nhiệt. Di Đà là báo thân, còn Tỳ Lô Giá Na là pháp thân. Như vậy Báo thân Phật tức là Pháp thân Phật, cho nên nói bản kinh này là Viên giáo, ai nói không phải. Người xưa phân tịnh tông, kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ là viên giáo, giống như Hoa Nghiêm vậy. Nhưng sự phân giáo này tương sai biệt trong bình đẳng, nếu người đạt đến chỗ viên mãn, thì pháp pháp đều viên mãn, bình đẳng, không cao thấp, đây là tương bình đẳng trogn sai biệt. Điều này không phải giảng trong khi dạy, mà ở nơi người học tập như chúng ta. Chúng ta là người học tập, nếu là viên đốn căn tánh, thì không có gì để nói. Còn không phải viên đốn căn tánh, thì đây cũng là viên giáo. Vì trong Viên giáo cũng có sai biệt.

Hôm nay chúng ta giảng đoạn này một cách viên mãn. Còn bên dưới là trong cương yếu, đoạn thứ bảy của “bộ loại sai biệt”. Nhưng rất quan trọng, rất tinh hoa, đều ở trong đoạn này. Đoạn này chúng ta cần dùng thời gian dài hơn. Hôm nay xin giảng đến đây.

Tập 71

Chuyên ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 06 tháng 07 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang sáu mươi một, hàng thứ tư.

7. Bộ Loại Sai Biệt

Đoạn cuối của mục thứ sáu nói về phân giáo. Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ, đưa ra lời dạy của chư vị tổ sư để dẫn chứng. Ý nghĩa này vô cùng thâm sâu. Khi chưa giác ngộ, chúng ta thấy có tướng sai biệt trong bình đẳng. Ai thấy như vậy? Hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, đều không ngoại lệ. Sau khi giác ngộ, trong tướng sai biệt sẽ thấy được tướng bình đẳng. Hai câu này trong kinh đức Phật có nói. Trong kinh Kim Cang nói rằng: “thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ”. Thị pháp là tất cả pháp. Tất cả pháp thật sự là bình đẳng. Là thể bình đẳng, thể tự tánh thanh tịnh viên minh, hiện ra. Tướng cũng bình đẳng, dụng cũng bình đẳng. Thấy được tướng bình đẳng trong muôn ngàn sai biệt. Giống như những điều Bồ Tát Di Lặc nói, ngài nói về tất cả hiện tượng. Một khảy móng tay có ba mươi hai ức bá thiên niệm, niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức.

Từ đây cho thấy, nếu quý vị nhìn mỗi niệm, nó sinh ra hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, hầu như là sinh diệt đồng thời, hầu như đều là sinh diệt đồng thời. Nói cách khác, giống như kinh Kim Cang nói: “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, cho nên thể-tướng-dụng đều bất khả đắc, bất khả đắc ở đây là bình đẳng.

Suốt 49 năm đức Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp, trong đó có 22 năm đức Phật nói về Bát Nhã, 22 năm. Bát Nhã là gì? Là trí huệ chân thật vốn sẵn có trong tự tánh. Nói thiệt, đó là vĩnh hằng, bất sanh bất diệt mới là chân thật. Có hiện tượng sanh diệt thì không phải là chân thật. Trí huệ bát nhã và đức tướng trong tự tánh, bát nhã chính là trí huệ. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy, tất cả chúng sanh đều có đầy đủ, không ngoại lệ, hữu tình chúng sanh có đầy đủ, vô tình chúng sanh cũng có đầy đủ. Hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, hiện tượng của đại tự nhiên, không có gì là chẳng đầy đủ. Đây là chư pháp thật tướng, nghĩa là chân tướng của các pháp. Đức Phật đã nói điều này một cách rõ ràng.

Chư vị tổ sư phân giáo, bộ Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh này, trong tứ giáo tạng-thông-biệt-viên của tông Thiên Thai, chư vị tổ sư phân nó thuộc viên giáo. Trong ngũ giáo

tiểu- thi-chung- đốn- viên của tông Hiền Thủ, cũng phân là viên giáo. Chẳng những là viên giáo mà còn là đốn giáo. Vì sao là đốn giáo? Bởi một đời thành tựu, không cần chờ đến kiếp thứ hai, trong một đời có thể chứng được cứu cánh viên mãn. Đây là pháp môn không thể nghĩ bàn.

Chúng ta xem đoạn thứ bảy- bộ loại sai biệt. Đầu tiên giới thiệu sơ lược qua, vì sao có đoạn này. Lý do chính là vì thâm cứu bốn kinh. Nếu muốn nỗ lực nghiên cứu, để hiểu rõ về bộ kinh này, thì cần nên biết, đồng bộ, đồng loại kinh luận.

Tất cả kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, những bộ kinh nào đồng bộ với kinh này, những bộ kinh nào đồng loại với kinh này. Và những điển tịch đời thuyết về tịnh độ, để tiện cho việc tham cứu.

Trong đại thừa giáo thường gọi là tham cứu. Nghiên nghĩa là nghiên cứu, trên thực tế ha chữ này có thể thông dụng, nói tham cứu cũng được, nói tham nghiên cũng được, cùng một ý nghĩa thôi.

Người đời, nếu thâm nhập nghiên cứu một học thuật, một môn học, thông thường đều là nghiên cứu. Dùng phương pháp nào để nghiên cứu? Dĩ nhiên phải dụng tâm rồi. Tâm ở đây là tâm ý thức, thông thường gọi tâm này là phân biệt chấp trước. Phân biệt là thức thứ sáu, chấp trước là thức thứ bảy, gọi là tâm thức. Trong giáo pháp đại thừa nói tâm thức không phải là chân tâm, nhưng công năng của nó rất lớn, dùng tâm thức. Tâm sở của thức thứ sáu, trong Bách Pháp Minh Môn Luận nói, có 51 tâm sở, thức thứ sáu đều tương ưng hết. Hầu như không có pháp nào chẳng nằm trong phạm vi nghiên cứu của nó. Nó có năng lực hiểu rõ ràng minh bạch.

Chúng ta thấy các nhà khoa học, triết học trên thế giới hiện nay, phạm vi và kết quả nghiên cứu của họ, có thành tích tương đối khả quan. Nhưng nghiên cứu thì không thể duyên đến tự tánh. Bản thể mà triết học nói, không thể duyên đến, cho nên rốt cuộc bản thể là gì, đến nay vẫn là một vấn đề lớn.

Phật pháp có cách nghiên cứu đến bản thể, vì sao? Vì Phật Pháp dùng chân tâm chứ không dùng vọng tâm. Chân tâm gọi là tham, tham nghiên. Tham cứu và nghiên cứu khác biệt nhau chỗ nào? Vừa rồi nói, nghiên cứu không rời tâm ý thức. A lại da là tâm, mặt na là ý, thức thứ sáu là thức, họ đã dùng tâm- ý -thức này. Tham cứu thì không dùng tâm ý thức. Phương pháp hoàn toàn không giống nhau. Không dùng thức thứ sáu nghĩa là không phân biệt, không dùng tâm phân biệt. Không dùng thức thứ bảy nghĩa là không dùng tâm chấp trước. Không dùng A lại da nghĩa là không khởi tâm không động niệm. Quý vị nghĩ thử xem, không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước. Tất cả đều buông bỏ hết, khi đó chân tâm hiện tiền, đạo Phật nói chân như bản tánh hiện tiền. Nếu dùng tâm ý thức thì tự tánh sẽ không hiện tiền. Đạo Phật gọi là ẩn hiện, tự tánh ẩn đi, vũ trụ hiện tiền.

Các nhà khoa học thời cận đại nói: năng lượng, vật chất, thông tin, đều hiện tiền. Vũ trụ này vô cùng phức tạp, đến cuối cùng quy nạp lại không ngoài ba thứ này- năng lượng, vật chất, thông tin.

Năng lượng chính là nghiệp tướng của a lại da. Vật chất là cảnh giới tướng của a lại da. Thông tin là chuyển tướng của a lại da, cũng chính là kiến phân của a lại da. Vật chất là tướng phân, đây là hiện tượng tinh thần. Cho nên giữa tham cứu và nghiên cứu khác nhau rất nhiều.

Trong Phật pháp, chư vị tổ sư thường nhắc nhở mọi người: “liạ tâm ý thức mà tham”, gọi là tham cứu. Nhất định không được dùng tâm ý thức. Từ đó cho thấy, từ xưa tới nay, trên thế giới này, có rất nhiều nhà khoa học và triết học, họ có liạ tâm ý thức chăng? Không, tất cả dùng tâm ý thức. Phát hiện được những bí mật trong vũ trụ. Khoa học ngày nay đang phát triển theo hai phương diện, họ đều phát hiện những bí mật trong vũ trụ. Thế giới hồng quan, nói về vũ trụ là lớn vô hạn. Phương diện ngược lại, họ nghiên cứu về thế giới vi quan, vũ trụ vi quan là lượng tử lực học. Nghiên cứu về cái nhỏ nhất như nguyên tử, điện tử, lap tử. Lượng tử lực học ngày nay còn nói quang tử, đại khái là vật nhỏ nhất.

Những hiện tượng này từ đâu mà có? Chúng ta cũng chẳng thể không tán phục các nhà khoa học, những điều họ nói hoàn toàn giống trong kinh Phật. Là hiện tượng dao động. Dao động là năng lượng. Sự dao động cực kỳ yếu ớt nhưng rất nhanh, trong Phật pháp gọi là một niệm bất giác. Bất giác là động, giác tâm bất động. Điều này quý vị cần nên biết. Giác là bất động, động là bất giác. Một niệm bất giác, thì a lại da xuất hiện.

Đạo Giáo nói: “đạo sanh nhất, nhất sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật”. Đạo Phật nói nhất niệm bất giác mà có vô minh. Nhất niệm bất giác là nhất. Nhất biến thành nhị, nhị chính là âm dương. Âm dương biến thành tứ tượng. Tứ tượng sanh bát quái. Bát quái sanh vạn vật. Đạo giáo nói như vậy. Đạo Phật nói nhất niệm bất giác, từ tự tánh biến ra một thứ gọi là a lại da. Tam tế tướng của a lại da nghĩa là vũ trụ xuất hiện.

Quý vị quan sát kỹ từ những điều này, bình đẳng sai biệt, sai biệt bình đẳng, là một chẳng phải hai. Cho nên phải thâm nhập một bộ kinh lớn, thật sự thâm nhập rồi, sẽ thấy rằng trong tất cả kinh đều cùng một nguyên lý. Lâu thông một bộ kinh sẽ lâu thông được tất cả kinh, phải là người thật sự khai ngộ mới làm được như vậy. Nếu chưa thật sự khai ngộ sẽ thấy có khác biệt. Sự khác biệt này, nghiên cứu càng thâm nhập thì sự khác biệt càng nhỏ. Đến cuối cùng, đến đỉnh điểm cuối cùng là một. Giống như đi đến điểm giữa của hình tròn vậy, chỉ có một điểm giữa, chưa đến điểm giữa thấy còn khác biệt, càng tiếp cận điểm giữa của hình tròn thì sự khác biệt càng nhỏ. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng sự thật này rồi, thì tánh đức viên mãn của quý vị sẽ hiển lộ.

Trục tâm của tánh đức, từ trước đến nay chư vị cổ đức, đều nói cho chúng ta biết rằng, trục tâm đó chính là tình thương. Trong Ngũ Luân nói phụ tử hữu thân, thân ở đây chính là tình thương. Đó là trục tâm của tánh đức, tất cả chúng sanh đều có, con người có, động vật có, thực vật có, khoáng vật có, sơn hà đại địa cũng có. Quý vị dùng chân tâm yêu thương nó, nó sẽ dùng chân tâm đáp lại quý vị. Điều này không tồi! Nhưng nếu con người có tâm tự tư, thì tình thương sẽ không còn nữa. Tình thương bình đẳng, tình thương chân thành, tình thương thanh tịnh sẽ không còn nữa. Vì sao? Bởi mê lầm. Ý niệm mê đầu tiên, là chấp trước có ta. Mê từ đâu? Mê từ chỗ có ta, cho rằng ngã là thật có, ngã chính là ta, đó là sai lầm. Đức Phật dạy chúng ta có chân ngã, nhưng chân ngã không phải thân này, chân ngã cũng không phải là vọng tưởng. Chân ngã là gì? Chân ngã là chân tâm, chân tâm là chân ngã.

Chân tâm là gì? Trong Phật pháp gọi chân tâm là pháp tánh, đôi khi chúng ta gọi là tự tánh, đó là thật. Nó là bản thể của muôn sự muôn vật, vạn vật đều do nó biến hiện ra, nó năng sanh năng hiện. A lại da năng biến. A lại da là vọng tâm, vọng tâm thì năng biến. Còn chân tâm năng hiện năng sanh. Vậy chân ngã là gì? Chân ngã là pháp thân.

Đạo Phật nói, đức Phật có ba thân. Thứ nhất là pháp thân, pháp thân là chân ngã. Báo thân và ứng hóa thân không phải chân ngã, chân ngã là pháp thân.

Thiền tông có câu: bản lai diện mục khi cha mẹ chưa sanh. Đó là chân ngã. Đạo Phật có nói đến chân ngã. Tứ tịnh đức – thường lạc ngã tịnh. Trong tự tánh sẵn có thường lạc ngã tịnh. Ngã ở đây có nghĩa là gì? Có rất nhiều ý nghĩa nhưng chủ yếu có hai: là chủ thể và tự tại. Năng hiện năng sanh là chủ thể. Năng ẩn năng hiện là tự tại. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm với ta là một thể, đây là chân ngã.

Ai thừa nhận? Pháp thân Bồ Tát thừa nhận, vì sao? Bởi họ đã chứng được. Vì sao họ chứng được? Bởi lực căn đối với lực trần khởi tác dụng, các ngài buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, nên các ngài chứng được. Nếu chưa buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, là lực đạo phàm phu, hoàn toàn mê muội.

Trong kinh điển đại thừa đức Phật dạy, buông bỏ chấp trước, nhưng còn khởi tâm động niệm, còn phân biệt, chỉ không chấp trước thôi. Không còn chấp trước tất cả pháp của thế và xuất thế gian, người này gọi là A La Hán, họ đã giác ngộ. Nhưng có sự khác biệt, bởi họ giác ngộ ít, thật sự giác ngộ. Giác ngộ rồi thì không còn lực đạo nữa. Bởi lực đạo là giả, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, giống như quý vị nằm mộng, trong mộng có lực đạo, khi tỉnh dậy không thấy có lực đạo nữa. Tuy không có lực đạo, nhưng quý vị thấy được gì? Thấy được pháp giới tứ thánh- Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cảnh giới này hiện tiền. Như thế nghĩa là vẫn chưa thật sự tỉnh dậy, vẫn còn trong mộng. Nói cách khác, lực đạo là mộng trong mộng. Tỉnh dậy, pháp giới tứ thánh hiện tiền.

Sao có pháp giới tứ thánh? Vẫn còn mê. Từ sự khởi tâm động niệm phân biệt mà có. Khởi tâm động niệm là vô minh. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là vọng tưởng. Nếu buông bỏ được điều này, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, thì tứ thánh cũng không còn. Tỉnh ngộ từ pháp giới tứ thánh. Khi tỉnh ngộ rồi đó là pháp giới gì? Là nhất chân pháp giới. Đây là chân chứ không phải giả.

Định nghĩa chân giả trong đạo Phật, có biến hóa thì chẳng phải là chân, không còn thấy biến hóa nữa, ví dụ thân người, thân người này miên viễn không già, đây là chân, nếu mỗi năm một già đi, đó là giả chẳng phải chân. Lá cây này miên viên xanh, vĩnh viễn thường xanh, đây là chân. Có thể giới như vậy chăng? Có! Cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật Bồ Tát, là như vậy. Con người ở cõi đó vĩnh viễn không già nua, hoa cỏ cây cối nơi đó vĩnh viễn thường xanh, không hề thay đổi. Vì sao? Bởi đó là tự tánh sở sanh sở hiện, không có a lại da. A lại da sẽ biến đổi, nơi đó không có a lại da nên nó bất biến. Thế giới đó thật sự vô lượng thọ chứ không giả đâu. Con người vô lượng thọ, hoa cỏ cây cối vô lượng thọ, sơn hà đại địa cũng vô lượng thọ, vĩnh viễn không bao giờ biến đổi. Cho nên chúng ta gọi nơi đó là nhất chân pháp giới.

Ai chứng được cảnh giới này? Như vừa nói, người buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước chứng được.

Mười pháp giới là thế giới có biến hóa, bởi nó có a lại da. A lại da là năng biến. Thân thể này và môi trường chúng ta sống đều đang thay đổi, thay đổi trong từng sát na. Buông bỏ được vọng tưởng phân biệt chấp trước rồi, sẽ sanh về thế giới tự tánh năng sanh năng hiện, không có sự thay đổi. Thế giới đó rất đẹp. Thế giới đó là gì? Kinh Hoa Nghiêm gọi là Hoa Tạng thế giới. Kinh Vô Lượng Thọ gọi là thế giới cực lạc, nơi đó vĩnh hằng bất biến.

Nhiều tôn giáo trên thế gian này, họ nói đến thiên đường. Hồi giáo gọi là thiên viên, gần giống nhất chân pháp giới mà Phật giáo nói. Vì sao? Họ nói người ở thế giới đó là vĩnh sanh. Vĩnh sanh nghĩa là bất sanh bất diệt, họ biết được điều này. Nhưng có vào được đó hay không, thì phải xem cách tu tập của mỗi người. Trong việc tu tập quan trọng nhất là định công. Phật pháp nói Tam muội phải có định công, cũng có nghĩa là phải có tâm thanh tịnh, có tâm bình đẳng, cuối cùng quan trọng nhất là tâm giác, giác mà không mê. Trên đề kinh này nói Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Thanh tịnh bình đẳng đến một trình độ nhất định nào đó, tự nhiên khai ngộ, sẽ vào được cảnh giới này. Sau đó chúng ta mới biết được, thì ra nhiều tôn giáo cao cấp, mục đích cuối cùng là tương đồng. Chỉ là chúng ta gọi là cõi thật báo trang nghiêm, còn họ gọi là thiên đường, thiên viên, nhưng cùng một nơi, không hề khác biệt. Cho nên việc thâm nhập kinh tạng giúp cho chúng ta, những kinh giáo khác thật sự có thể giúp chúng ta. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói đồng bộ, đồng loại. Nếu chúng ta không ngừng đem lời dạy của đức Phật quảng bá rộng rãi, quý vị sẽ biết được, tất cả tôn giáo, tất cả triết học và khoa học, không phải đồng bộ với ta thì cũng là đồng loại. Thật sự thâm nhập rồi mới

triệt để hiểu rõ, đối với muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới, Phật pháp nói duy nhất là dùng tâm đại từ đại bi. Tinh bi chính là tình thương, tình thương vô điều kiện, dùng tâm như thế đối với muôn sự muôn vật trong vũ trụ, vì sao? Bởi nó cùng một cội rễ.

Lão tử nói: “Trời đất đồng căn với ta, vạn vật đồng thể với ta.” Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, cũng là cảnh giới của kinh Vô Lượng Thọ. Khi Lão tử nói ra hai câu này, thì Phật pháp chưa truyền vào TQ, nhưng những điều ông nói hoàn toàn tương đồng với kinh Phật. Cái hay của kinh Phật là nói tử mỉ, nói rất ráo.

Thâm cứu cần phải có tham nghiên thì mới có thể thâm nhập được.

Dưới đây trước tiên nói về đồng bộ.

Bổn kinh và tiểu bổn Kinh Di Đà là đồng bộ. Bổn kinh này bản dịch vào đời Ngô. Nước Ngô vào thời Tam Quốc, là Đông Ngô. Thời Đông Ngô có vị cư sỹ tên là Chi Khiêm, bổn này do ông phiên dịch.

Tăng dị danh A Di Đà kinh. Ngài phiên dịch kinh Vô Lượng Thọ. Ở TQ, kinh Vô Lượng Thọ có 12 bản dịch. Ngài dùng kinh Di Đà làm đề kinh này. Trùng tên với tiểu bổn được ngài La Thập dịch vào đời Tần. Đời Diêu Tần, Pháp sư Cưu Ma La Thập phiên dịch tiểu bổn kinh A Di Đà, Ngài Chi Khiêm dịch Kinh Vô Lượng Thọ, cũng mang tên là kinh A Di Đà, tên gọi tương đồng. Cho nên gọi kinh này là đại bổn, kinh A Di Đà dịch vào đời nhà Tần gọi là tiểu bổn.

Sớ Sao nói, Sớ Sao ở đây là Kinh Di Đà Sớ Sao của đại sư Liên Trì. Trong đó nói rằng: “đại tiểu nhị bổn, văn hữu phồn giản, nghĩa vô thắng liệt, phán thuộc đồng bộ.”

Thật sự hai bộ kinh này đều nói về một sự việc. Một bộ nói tử mỉ, kinh Vô Lượng Thọ nói tử mỉ, kinh Di Đà nói lược. Hoàn toàn tương đồng, cùng một bộ.

Tiểu bổn kinh Di Đà hiện nay có ba loại. Kinh A Di Đà hiện nay, đời Diêu Tần tam tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch. Thứ hai là Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ, đời Đường tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch. Thứ ba là Kinh A Di Đà hội tập bổn hai bản dịch vào đời Diêu và đời Đường, đây là hội tập của cư sỹ Bồ Tát giới Hạ Liên Cư hiện nay. Hạ lão cư sỹ, đã hội tập kinh Vô Lượng Thọ, đồng thời cũng hội tập luôn kinh A Di Đà. Hai bổn này ông đều hội tập hết. Đây là nói về đồng bộ

Dưới đây giới thiệu sơ lược. *Tần Đường lưỡng dịch, đại thể tương đồng.* Đoạn này giới thiệu cho chúng ta kinh Phật Thuyết A Di Đà, là tiểu bổn kinh, do ngài La Thập phiên dịch. Đời Đường đại sư Huyền Trang phiên dịch. Hai bổn này đều có trong đại tạng kinh.

Đại thể tương đồng, bảo hữu xuất nhập. Nghĩa là phương pháp dịch không giống nhau.

Tản dịch tinh yếu lưu sóng, chúng sở tông hướng. Bản dịch của ngài La Thập, thật sự là tinh tế văn tắt, văn tự lưu loát, đọc rất dễ chịu, cho nên lưu thông rộng rãi. Người tu theo pháp môn tịnh độ chẳng ai không đọc qua bộ kinh này, đặt nó làm thời công phu tối.

Bản dịch của pháp sư Huyền Trang đời Đường, không có ai đọc, không phải người nghiên cứu kinh giáo thì hầu như chẳng ai đọc bản này. Ngài dịch rất hay. *Đường dịch tác chuẩn xác tượng bị, lực bảo nguyên diện.* Nghĩa là bản lai diện mục của nó- phạm văn.

Ngài La Thập dịch là ý dịch, chứ không phải trực dịch, hoàn toàn nương vào ý nghĩa trong kinh, dùng khẩu ngữ địa phương dịch ra. Cho nên người TQ đọc họ cảm thấy như đọc văn chương của mình vậy.

Huyền Trang đại sư phiên dịch hoàn toàn là phạm văn, ngài trực dịch từ phạm văn, vẫn duy trì những thứ vốn sẵn có, nhưng chúng ta đọc sẽ thấy không suông, đó là văn pháp nước ngoài, đọc thấy không suông. Ngài dịch rất hay, chính xác, không sai tí nào. Đáng tiếc đó là văn pháp nước ngoài, chúng ta không dễ gì tiếp nhận. Cho nên đại đa số đều đọc bản dịch của ngài La Thập. Nguyên nhân là ở chỗ này.

Tiên sư hội tập lưỡng dịch, hiệt kỳ tinh yếu. “Tiên sư”, Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ chú giải. Thầy của ông là cư sỹ Hạ Liên Cư. Hội tập hai bản dịch, nghĩa là của ngài La Thập và ngài Huyền Trang. Dem hai bản dịch này hội thành một bản.

Hiệt kỳ tinh yếu, cánh cứ lục triều thạch kinh, bổ túc Tản dịch sở dịch chi nhị thập nhất tự.

“Lục triều”, ở đây nói sơ lược cho chúng ta về niên đại. Niên đại này bắt đầu từ thời Tam Quốc. Đông Ngô thời Tam Quốc, lập kinh đô ở Nam Kinh ngày nay. Sau này là thủ đô của Đông Tấn. Về sau đời Tống Tề Lương Trần, thành đô của bốn đời này đều ở Nam Kinh. Cho nên gọi Nam Kinh là kinh sư của sáu triều đại.

“Lục triều” ở đây, vào khoảng thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 6 công nguyên. Chúng tôi nói công nguyên, khái niệm này sẽ rõ ràng hơn một chút. Hiện nay là công nguyên năm 2010. Chắc công nguyên năm 300 đến năm 600. Hơn 300 năm này ở TQ là thời Nam Bắc triều. Sáu triều đại của Nam triều, đều xây dựng thành đô ở Nam Kinh, cho nên gọi là lục triều. Ý nghĩa lục triều ở đây là nói về thời đại.

“Thạch kinh”, dưới đây nói rằng: “*án tương dương thạch kinh*”, ở Tương Dương. Kinh ở đây là kinh A Di Đà, được khắc ở trên đá. Chữ này do ai viết? Người Lục triều viết, ai là người viết thì không biết được, họ không lưu tên, nên chẳng biết được, chỉ biết được vào thời đó mà thôi. Khắc trên đá, gọi là “thạch kinh”.

Người dùng tay khắc lên đá đây, nhất tâm bất loạn, nhưng vẫn còn 21 chữ. Kinh hiện nay không có, nhưng kinh A Di Đà khắc trên đá, nhiều hơn 21 chữ. 21 chữ này rất quan trọng, ở đây viết ra cho chúng ta xem.

Có ở chỗ nhất tâm bất loạn. *Chuyên trì danh hiệu, dĩ xưng danh cố, chư tội tiêu diệt. Tứ thị đa thiện căn phước đức nhân duyên.* Chính là 21 chữ này. 21 chữ này thật sự vô cùng quan trọng. Trong kinh Di Đà hiện nay không có 21 chữ này. Nhưng trong bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư có, ông đã thêm 21 chữ này vào trong đó.

Nếu chúng ta hỏi rằng: nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu được chăng? Diệt tội được chăng? Cổ đức từng nói, một câu Phật hiệu, niệm Phật một tiếng, có thể diệt được trọng tội sanh tử trong 80 ức kiếp. Tôi nghĩ, hàng đệ tử Phật học theo tông tịnh độ đều có nghe qua câu này. Đây là lời tổ sư dạy, là thật không giả đâu. Chúng ta suy nghĩ thử xem, nó có sức mạnh lớn như vậy sao? Đọc đoạn văn này rồi, trong đây có phương pháp. Vì sao? Một tiếng niệm Phật đó phải niệm như thế nào? Nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu, sẽ có sức mạnh lớn như vậy.

Ngày nay chúng ta niệm Phật rất nhiều vọng tâm, xem tạp vọng niệm thì công lực của chúng ta bị phá hoại mất rồi. Khi niệm Phật nếu niệm thành tâm thành ý, không có một vọng niệm nào, sức mạnh đó giống như trong đoạn này nói vậy- “chư tội tiêu diệt”. Vì sao? Trong kinh đức Phật thường dạy, ngài đã nói lên một nguyên lý nguyên tắc: “tất cả pháp tùng tâm tướng sanh”. Chúng ta tạo tội là ý niệm bất thiện, ngày nay niệm một danh hiệu Phật là thiện niệm. Hơn nữa câu Phật hiệu này, từ tánh đức viên mãn lưu xuất ra, thì tội gì không diệt được? Ngày xưa chúng ta không hiểu được đạo lý này, ta niệm Phật hiệu sức mạnh đó rất yếu ớt. vì sao? Bởi đối với câu Phật hiệu này chúng ta có nhiều nghi vấn, hoài nghi. Sự hoài nghi này đã phá hoại công đức niệm Phật.

Cho nên Đại Thế Chí Bồ tát dạy ta niệm Phật: “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế”, có đạo lý của nó. Công đức niệm một tiếng Phật không thể nghĩ bàn. “Đô nhiếp lục căn”, mắt chúng ta thấy sắc, tai nghe tiếng, thức thứ sáu ở chỗ lục căn duyên ra ngoài, “đô nhiếp” nghĩa là kéo nó trở lại. Kéo cách nào? Mắt thấy sắc không động tâm, không khởi tâm không động niệm. Tai nghe âm thanh không khởi tâm không động niệm. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, đều làm được đến chỗ không khởi tâm không động niệm, đó gọi là đô nhiếp lục căn. Người như thế quá giỏi! Đó là bậc thánh nhân chứ không phải hàng phàm phu. Hàng phàm phu làm sao có thể không chế được? Tâm của họ luôn hướng ra ngoài. Ngày nay chúng ta dùng tâm gì? Dùng tâm tán loạn niệm Phật. Nếu chúng ta nhất tâm niệm Phật, thì quá giỏi rồi. Niệm Phật giống nhau, nhưng dụng tâm không giống, cho nên hiệu quả bất tương đồng. Chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Chúng ta học giáo lý nhiều năm như thế, hiểu điều này, không còn hoài nghi nữa. Công đức của nhất tâm niệm Phật thật sự rất lớn. Cho nên nói “nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, tương ưng mà. Tương ưng với ai? Tương ưng với tự tánh, tương ưng với tánh đức. Tương ưng với tánh đức chính là tương ưng với Phật A Di Đà. Tương ưng cách nào? Đồng tâm, đồng đức, đồng nguyện, đồng hạnh với đức Phật A Di Đà. Làm được đến chỗ bốn điều đồng này, thì ta và đức Phật A Di Đà là một thể. Quý vị nghĩ xem tội gì không diệt được?

Xung danh ở đây, ngày nay chúng ta gọi là chấp trì danh hiệu. Chúng ta niệm câu nam mô A Di Đà Phật, hoặc niệm A Di Đà Phật. Đứng về hành môn mà nói, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong tứ hoằng thệ nguyện nói: “pháp môn vô lượng thệ nguyện học”. Trong vô lượng vô biên vô tận pháp môn, thì niệm Phật là đức thứ nhất.

Danh hiệu của đức Phật A Di Đà, là đức hiệu của chân như tự tánh, chứ không phải điều gì khác. Niệm Phật A Di Đà là niệm tự tánh của ta.

Danh hiệu này có thể dịch thành tiếng Hán. Không dịch là vì tôn trọng. Dịch ra có nghĩa là gì? A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Vô Lượng Giác. Vô lượng giác là tự tánh, là tánh đức. Ngạn ngữ có câu: “vô sở bất tri vô sở bất năng”, có nghĩa là như vậy, danh hiệu này có nghĩa là như vậy. Tự tánh mới được tôn xưng như vậy- vô sở bất tri vô sở bất năng.

Ngày nào chúng ta cũng niệm, niệm niệm không ngừng, lâu ngày chày tháng thì minh tâm kiến tánh. Quý vị nghĩ xem công đức lợi ích này có lớn không, bất giác kiến tánh. Đến khi nào thì kiến tánh? Chuyên trì danh hiệu nhất tâm bất loạn thì kiến tánh. Ngày nay chúng ta niệm Phật hiệu quả không nhiều, là do chúng ta không nhất tâm, mà là tạp tâm niệm Phật, loạn tâm niệm Phật chứ không phải nhất tâm. Vấn đề là ở chỗ này. Chẳng phải Phật hiệu không linh, mà do chúng ta không biết dụng tâm.

Nghiệp chướng của chúng ta rất nặng. Không cần nói đến quá khứ, nghiệp do đời này tạo, chúng ta dùng phương pháp nào để tiêu trừ? Đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp, không biết tạo bao nhiêu nghiệp tội. Chắc chắn tạo thiện nghiệp ít, tạo ác nghiệp nhiều. Vì sao? Quý vị thấy hiện tượng này, dụng tâm tư duy quan sát sẽ thấy, con người học điều hay khó, học điều xấu rất dễ dàng. Từ đó quý vị có thể nhận ra, vô lượng kiếp, chúng ta tạo thiện nghiệp nhiều hay ác nghiệp nhiều? Chắc chắn là ác nghiệp nhiều.

Trong kinh đức Phật nói cho ta biết một sự thật. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận nói, A lại da của chúng ta tương ưng với thiện, thiện tâm sở có 11, ác tâm sở có 26. Nhiều hơn quá một nửa, cho nên khởi tâm động niệm, dĩ nhiên sức mạnh của ý niệm rất lớn, sức mạnh của thiện yếu ớt, không mạnh như ác niệm. Huống nữa là môi trường bên ngoài, cảm dỗ chúng ta.

Học thánh hiền, học Phật Bồ tát, nhân duyên này rất thù thắng. Bởi đây là môi trường rất tốt, có thể dẫn khởi thiện tâm sở của quý vị. Rời điện Phật, đi vào xã hội, sự nhiễm ô của xã hội sẽ dẫn khởi ác tâm sở của quý vị. Ác tâm sở có 26. Nên biết rằng thiện tâm sở chỉ có 11. Sức mạnh nào lớn?

Người học Phật ở trong điện Phật cũng không tồi, đến nghe kinh hai tiếng đồng hồ. Nhưng ra ngoài 2-3 phút, thì hiệu quả của hai tiếng đồng hồ sẽ không còn nữa. Cho nên những sự và lý này, chúng ta cần nên hiểu rõ ràng minh bạch. Sau đó mới thật sự tin tưởng không nghi ngờ nữa. Thật sự tin tưởng công đức niệm Phật thù thắng không gì sánh bằng.

Người xưa có câu: “đọc kinh không bằng đọc chú, đọc chú không bằng niệm Phật”. Có lý đấy! Vì sao đọc kinh không bằng đọc chú? Bởi kinh dài, chú ngắn, chú ngắn nên dễ nhiếp tâm. Đọc chú không bằng niệm Phật, bởi chú vẫn dài. Một câu Phật hiệu chỉ có bốn chữ, không có gì ngắn hơn nữa. Càng ngắn càng dễ nhiếp tâm.

Đức Phật dạy chúng ta tịnh niệm tương kế, đặc biệt là lâm mạng chung mười niệm ắt vãng sanh. Một ý niệm tiếp một ý niệm, cứ như thế 10 niệm. Thời gian 10 niệm rất ngắn, thời gian khoảng 1 phút là đủ rồi. A Di Đà Phật A Di Đà Phật, một phút là đủ rồi. Trong đó thật sự không có một tạp niệm. Từ phương diện này, quý vị dụng tâm quan sát, lãnh hội. Quý vị sẽ biết được sự thù thắng của pháp môn niệm Phật. Vì sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni đặc biệt giới thiệu cho chúng ta, trong đời nhiều lần ngài tuyên giảng bộ kinh này. Ngài thật sự từ bi đến tột cùng. Khiến cho chúng ta chur tội tiêu diệt, thành tựu đa thiện căn phước đức nhân duyên. Đây là điều kiện tối quan trọng để vãng sanh về thế giới tây phương cực lạc.

Tống đại Nguyên Chiêu sư tải nhập Linh Chi Sớ. Pháp sư Nguyên Chiêu có chú giải kinh A Di Đà, có trong đại tạng kinh, tên là Linh Chi Sớ. Trong cuốn sớ đó có 21 chữ này.

Minh triều Cừ Am pháp sư diệc thôi sùng thạch bốn. Chính là thạch kinh, đều chỉ về 21 chữ này.

U Khê đại sư u Viên Trung Sao. Đây là một trong ba bản chú giải quan trọng về kinh Di Đà. Chư vị cổ đức chú giải kinh Di Đà. Một là Sớ Sao của đại sư Liên Trì. Hai là Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích. Thứ ba là Viên Trung Sao của đại sư U Khê. Học kinh Di Đà chẳng thể không đọc những tác phẩm này- ba bộ cổ chú.

Trong Viên Trung Sao nói: “*Kim truyền ngoa thuyết, phạm độc tập giả, ưng y cổ bốn, nhi tăng chánh chi.*” Ngài kiến nghị như thế, nghĩa là nói ngày nay chúng ta học tập, bản kinh Di Đà của ngài Cưu Ma La Thập, trong đó thiếu 21 chữ, cần nên thêm 21 chữ này vào. Có nghĩa là như vậy.

Hội bốn y tiên đức ý bổ nhập thử nhị thập nhất tự. Hội bốn này của cư sỹ Hạ Liên Cư, hội tập bốn kinh A Di Đà, thêm vào đó 21 chữ này.

Ư thị hội bốn ký bị lưỡng dịch chi trường, phục bổ Tần dịch chi dật thánh ý bị hiển, di khai chánh giải.

Mấy câu này là Niệm lão tán thán thầy mình. Hội bốn của thầy mình, vẫn giữ nguyên những ưu điểm của hai bản dịch. Còn thêm vào đó 21 chữ trong thạch kinh của lục triều.

“Thánh ý bị hiển”, thánh ý ở đây chỉ cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Thánh là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ý của đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này, là viên mãn, đều hiển thị ra. Khiến cho hàng hậu học chúng ta, dễ dàng đạt được sự lý giải chính xác.

Ư thị Tần dịch nguyên văn. Đây là điều Niệm lão nhắc nhở chúng ta. Nguyên văn của kinh Di Đà hiện nay, phải là “nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu”. Ông đặc biệt chú giải, tám chữ này phải đọc một hơi, “nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu”.

Chánh đồng ư Đường dịch chi hệ niệm bất loạn. “Hệ niệm bất loạn”, ngài La Thập dịch là “nhất tâm bất loạn. Ngài Huyền Trang dịch là “hệ niệm bất loạn”. Hai câu này có sự khác biệt rất lớn. Không dễ đạt được nhất tâm bất loạn. Cho nên nhiều người mới học, đọc trong kinh Di Đà câu này, liền nghĩ rằng mình làm không được. Niềm tin không còn nữa.

Nếu thấy được bản dịch của ngài Huyền Trang, là nguyên bản tiếng Phạn. Nguyên bản tiếng Phạn không phải là “nhất tâm” mà là “hệ niệm”. Hệ niệm bất loạn, chúng ta suy nghĩ nếu nỗ lực một chút thì còn có thể làm được. Thật sự giúp cho hàng sơ học xây dựng được niềm tin.

Diệc phục dữ bốn kinh chi nhất hướng chuyên niệm đồng chí. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật không nói là “nhất tâm bất loạn”, mà nói “nhất hướng chuyên niệm”. Ý nghĩa của “nhất hướng chuyên niệm”, gần giống “hệ niệm bất loạn”. Một phương hướng, chuyên niệm Phật A Di Đà. Nhất định phải có niềm tin, không được thường xuyên thay đổi, thường thay đổi sẽ bị mất hết công phu.

Di hiển trì danh diệu pháp, tòng quả khởi tu, quả giác nhân tâm. Tha lực minh gia bất khả tư nghĩ.

Mấy câu này hay quá. Phương pháp chấp trì danh hiệu vi diệu quá, từ quả khởi tu. Quả là gì? Là xung tánh, quả là tự tánh. A Di Đà Phật là danh hiệu của tánh đức, cho nên không phải từ nhân, mà dùng quả làm nhân. Trực tiếp từ chân tâm bản tánh. Quốc sư Hiền Thủ nói: “tự tánh thanh tịnh viên minh thể”. Danh hiệu Phật A Di Đà là “tự tánh thanh tịnh viên minh thể.”

“Quả giác nhân tâm”, lấy quả giác làm nhân tâm để chúng ta tu tập. Nhân quả là một thể, chứ không phải là hai. Không giống với những phương pháp tu tập khác, những phương

pháp khác là tu nhân chứng quả, ở đây nhân quả là một. Thật sự thù thắng không gì sánh bằng.

Đạt được “tha lực minh gia”. Thực tế mà nói tha lực ở đây chính là tánh đức.

Mấy năm gần đây, một số học trò của tịnh tông làm kỳ siêu bạt độ, chúng tôi đề xướng tam thời hệ niệm, do thiền sư Trung Phong viết vào thời đại triều Nguyên. Pháp sự hệ niệm này, trong bài khai thị của thiền sư Trung Phong đã nói rất rõ ràng: “ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm. Thử phương tức tịnh độ, tịnh độ tức thử phương.” Hai câu này nương vào những điều đức Phật nói trong kinh: “Duy tâm tịnh độ, tự tánh Di Đà.” Nhân quả đồng thời, nhân quả không hai. Pháp môn thù thắng như vậy tìm ở đâu? Tìm không ra!

Cho nên niệm danh hiệu Phật này, chẳng những đức được Phật A Di Đà gia hộ, mà tất cả chư Phật Như Lai cũng gia hộ cho quý vị.

Việc gia hộ này, giới khoa học ngày nay đã chứng minh cho chúng ta thấy. Khoa học lượng tử thời cận đại phát hiện ra. Họ phát hiện ý niệm của chúng ta, gọi là tâm thái, ý niệm. Bất luận là thiện niệm hay ác niệm, bất luận là vô tình hay cố ý, ý niệm vừa động là chu biến pháp giới. Sự dao động của nó lập tức biến khắp vũ trụ. Giống như làn điện lưới vậy, thông được hết. Các nhà khoa học đã chứng minh. Cho nên chúng ta khởi tâm động niệm, phải hết sức cẩn thận. Hy vọng rằng tất cả đều là thiện niệm, không nên có ác niệm.

Đừng tưởng rằng chúng ta khởi ý niệm không ai biết. Như thế là sai lầm! Ta vừa khởi ý niệm, biến pháp giới hư không giới đều biết hết. Chỉ có một số chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, tuy tiếp xúc đến, tiếp xúc đến nhưng họ không cảm nhận được, chẳng phải không tiếp xúc đến. Nhưng những người tâm địa thanh tịnh, họ hoàn toàn hiểu rõ. Có thể nói rằng, từ bậc A La Hán trở lên, chẳng ai là không biết. Hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa cũng đều biết hết.

Giống như quốc sư Hiền Thủ nói ba loại chu biến, trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Thứ nhất là chu biến pháp giới. Ý niệm đó, khởi lên ý niệm là chu biến pháp giới. Xuất sanh vô tận, hàm dung không hữu.

Khoa học lượng tử ngày nay đã phát hiện được ba loại chu biến này. Họ nói đó là sự thật chứ không phải giả.

Chúng ta với pháp giới hư không, với chư Phật Như Lai, với bất đồng không gian duy thứ. Thông tin chúng ta phát đi, vì sao không phát thông tin thiện? Thân này khởi tâm động niệm, là đài phóng xạ, đồng thời cũng tiếp nhận. Chẳng những có thể phóng đi, mà còn có thể tiếp nhận thông tin của biến pháp giới hư không giới. Chúng ta có năng lực tiếp nhận. Bởi tiếp nhận nhiều, nên đã làm phá hoại từ trường của chính mình, làm loạn hết.

Phương pháp giữ gìn từ trường của chính mình, đó chính là chánh niệm. Niệm Phật A Di Đà thù thắng hơn bất cứ điều gì khác. Nếu công phu niệm Phật A Di Đà đắc lực, từ trường bất thiện trong mười phương thế giới, chúng ta sẽ không bị ảnh hưởng. Từ trường thiện chúng ta đều có thể tiếp nhận. Từ trường bất thiện ta không bị ảnh hưởng. Đây chính là công phu của chư Phật Bồ Tát. Lý luận tu tập của đạo Phật, có thể dùng khoa học thời cận đại để chứng minh. Không hề giả tí nào.

Ở đây nói về oai thần gia hộ của chư Phật Bồ tát- tha lực minh gia. Việc này khoa học ngày nay đã chứng minh rồi, nó không phải giả đâu.

Thế giới hiện nay, người ta thường nói quả địa cầu bị bệnh, bị bệnh rất nặng, sợ nó sụp đổ mất. Nhiều người đưa ra câu hỏi làm thế nào để cứu quả địa cầu? Làm thế nào phục hồi lại nếp sống xã hội? Đây là vấn đề lớn chứ không phải vấn đề nhỏ đâu.

Ở phương tây nhiều tôn giáo dùng phương pháp cầu nguyện. Cầu nguyện- ý thức tập thể, có thể sinh ra một sức mạnh rất lớn. Sự việc này cũng được các nhà khoa học khẳng định, họ chứng minh cho chúng ta thấy đây là sự thật chứ không phải giả.

Chúng ta thấy tôn giáo lớn nhất trên thế giới, thứ nhất là đạo cơ đốc, đạo cơ đốc bao gồm cả đạo thiên chúa. Tín đồ của họ trên thế giới, có khoảng gần 20 ức người, đông như thế đó. Tôn giáo lớn thứ hai là Hồi giáo, tín đồ của họ có khoảng 15 ức người. Phật giáo trên toàn thế giới, có khoảng hơn 6 ức người, chưa đến 7 ức, xếp vào hàng thứ ba. Tín đồ của những tôn giáo này. Hồi giáo mỗi ngày cầu nguyện 5 lần.

Đầu tháng sáu, tôi đến tham vấn Phạm Đệ Cương, giáo chủ của đạo thiên chúa. Họ phát động tín đồ trên toàn thế giới, hàng ngày cầu nguyện vì thế giới hòa bình. Việc này tốt đấy!

Trong đạo Phật chúng ta, tụng kinh bái sám, làm pháp hội, bao gồm cả tam thời hệ niệm của chúng ta. Đều thuộc về hình thức cầu nguyện. Có hiệu quả chăng? có hiệu quả! Tâm địa càng chân thành thì hiệu quả càng lớn. Thật sự có thể hóa giải thiên tai. Thiên tai lớn hóa thành thiên tai nhỏ, thiên tai nhỏ hóa thành không còn thiên tai.

Cho nên những nhà dự ngôn trên thế giới nói, quả địa cầu của chúng ta sẽ có đại thiên tai. Điều này có chính xác chăng? Chúng tôi có thể nói rằng họ nói rất chính xác. Tương lai có xảy ra như những điều họ nói chăng? Không nhất định! Vì sao không nhất định? Bởi tất cả pháp tu tâm tướng sanh. Nếu tâm chúng ta hiện nay, chỉ nghĩ về điều thiện, không nghĩ về điều ác, thì dự ngôn của họ sẽ không còn linh nghiệm nữa. Chẳng phải dự ngôn không linh nghiệm, mà chúng ta thay đổi nó. Phải hiểu đạo lý này.

Vận mệnh của một con người cũng như vậy, có thể thay đổi được vận mệnh. Thế mệnh cũng có thể thay đổi được. Gia vận của quý vị cũng có thể thay đổi được. Chẳng có điều gì là

không thay đổi được. Thay đổi từ đâu? Thay đổi từ tâm hành. Hiểu được đạo lý này rồi, sẽ thấy không khó thay đổi. Đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện là thay đổi rồi đó. Việc xấu sẽ biến thành việc tốt. Nếu không có nhiều người thiện tâm, thật sự cầu sám hối, thật sự đoạn ác tu thiện, thì kết quả sẽ giống như những nhà dự ngôn nói.

Nhưng chúng ta bình tâm quan sát, người có thiện tâm trên thế gian này không ít. Rất nhiều người biết được sự việc này nghiêm trọng. Mọi người đều thành tâm cầu sám hối. Việc tốt! Chúng tôi nhìn thấy vô cùng hoan hỷ.

Tôi qua lại với họ rất mật thiết. Chúng tôi cũng đề cập đến nền văn hóa truyền thống xưa, và những điều Phật pháp đại thừa nói. Cầu nguyện là việc làm rất tốt, đáng được tán thán, nhưng nó là trị ngọn chứ không phải trị gốc. Vì sao? Nếu như ba tháng, nửa năm ngừng không cầu nguyện nữa, phiền phức lại xuất hiện ngay. Bởi nó không trị gốc, chỉ trị ngọn thôi.

Trị gốc là gì? Trị gốc là giáo dục. Lão tổ tông của chúng ta dạy, đây hoàn toàn là trị gốc - “kiến quốc quan dân, giáo học vi tiên.” Quý vị thấy dạy một con người. Ngày nay thì sao? Ngày nay không dạy nữa.

Ngày xưa đứa trẻ vừa chào đời, cha mẹ có trách nhiệm phải dạy nó. Đây là giáo dục.

Người xưa có câu: “dạy con từ thừa còn thơ, dạy vợ từ thừa bơ vợ mới về”. Quý vị cưới vợ về, bước vào cửa là phải dạy cô ấy rồi, mới về mà. Dạy con cái phải dạy khi còn nhỏ, vừa chào đời là dạy rồi. Quý vị không được xem thường. Đứa trẻ chào đời, mở mắt ra nó đã thấy, lỗ tai biết nghe, nó bắt đầu bắt chước theo đấy. Cho nên cha mẹ, người lớn ở trước mặt đứa trẻ, nhất cử nhất động đều phải có quy củ, để đứa trẻ học được những điều hay. 1000 ngày từ khi chào đời cho đến năm 3 tuổi, gọi là cội rễ giáo dục, quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Ngạn ngữ có câu: “tam tuế khán bát thập”, có lý đấy! 1000 ngày này, những điều thấy, những điều nghe, những điều tiếp xúc được đều là thiện. Những điều nó học được, đến năm 80 tuổi cũng không thay đổi. Cội rễ vững chắc.

Người thời nay không hiểu đạo lý này nên đã bỏ qua. Không dạy cho đứa trẻ, cho nên trẻ con bây giờ rất khó dạy. Quý vị xem 1000 ngày này là thời khắc quan trọng nhất. Bây giờ ai dạy nó? Ti vi dạy nó. Ngày nào cũng xem ti vi, trên ti vi diễn gì? Bạo lực sắc tình, sát đạo dâm vọng. Nó học được hết. Quý vị phải làm sao đây? Đó chẳng phải là thiên tánh, mà là tập tánh. Người lớn đã bỏ qua.

Chúng ta học tập nền giáo dục của thánh hiền, tốt hơn được một chút, hàng ngày đọc sách thánh hiền. Tuy lúc nhỏ bị bỏ qua, bây giờ từ từ bù đắp lại. Vẫn còn có thể quay đầu.

Chúng ta nghĩ đến, những người không có duyên tiếp nhận sự dạy dỗ của thánh hiền. Họ trở nên tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm tổn người lợi mình. Những tư tưởng và hành vi sai lầm này, tuyệt đối không được trách họ, họ không có lỗi. Nhân tố này vô cùng phức tạp.

Nếu chúng ta trách họ, đó là hành vi vô đạo đức. Trong đạo Phật nói, chư Phật Bồ tát thương xót họ, chứ không trách họ đâu, các ngài chỉ sanh lòng thương xót. Vì sao? Bởi họ tạo nghiệp này, tương lai họ sẽ phải chịu quả báo. Nghiệp nhân quả báo không ai trốn khỏi.

Muốn giúp người khác phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ bản thân mình. Trước mình phải làm tốt, thì mới có thể ảnh hưởng đến người khác. Bản thân mình không làm tốt, mà đi khuyên người khác, thì người khác sẽ không tin.

Xã hội ngày nay, việc tốt nhiều trở ngại, người tốt khó làm. Làm người tốt thật sự nơi nào cũng bị trở ngại. Làm việc xấu có người giúp, có người đồng tình, làm việc tốt rất nhiều chướng ngại. Nhưng nhiều chướng ngại cũng phải làm. Tín tâm kiên cố. Sống một ngày làm một ngày. Làm vì ai? Vì để nâng cao cảnh giới của chính mình. Như thế là đúng! Đời này làm người, đời sau không bị đọa lạc xuống dưới mà hướng thượng vươn lên, như thế là đúng.

Thân tâm thanh tịnh, thân cận chư Phật Bồ tát. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, phải thực hành những lời dạy của chư Phật bồ tát và thánh hiền. Thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong cách đối nhân xử thế tiếp vật. Thì “tha lực minh gia” sẽ gia hộ cho quý vị. Điều này không thể nghĩ bàn.

Yếu Giải vân: Nhược chấp trì danh hiệu, vị đoạn kiến tư, tùy kỳ hoặc tán hoặc định, u đồng cư độ phân tam bối cửu phẩm.

Đây là lời dạy của ngài Ngẫu Ích. Chúng ta niệm Phật, chấp trì danh hiệu niệm Phật. Chưa đoạn phiền não kiến tư hoặc. Khi niệm Phật hoặc tán niệm, hoặc là định niệm. Định là công phu sáng tối, công phu cố định. Tán là bình thường, có thời gian là niệm Phật, đây gọi là tán niệm. Nhưng chưa đoạn phiền não kiến tư hoặc. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi phiền não kiến tư hoặc là chấp trước. Trong cuộc sống sinh hoạt, chúng ta đối với người, với việc, với vật, vẫn còn chấp trước. Chưa buông bỏ chấp trước. Công phu niệm Phật như thế, vãng sanh về thế giới tây phương cực lạc, ở cõi phàm thánh đồng cư. Tùy theo công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn, và chấp trước buông được nhiều hay ít, mà phân thành tam bối cửu phẩm.

Chúng ta hiểu được đạo lý này, nghiêm chỉnh thực hành, nâng cao chính mình, cái này là mang theo được. Quý vị nên biết, danh văn lợi dưỡng của thế gian không mang theo được. Giàu có bao nhiêu, khi chết cũng chẳng mang theo được đồng nào, địa vị cao cũng không mang theo được, người thân của mình cũng không mang theo được. Người xưa có câu: “mọi thứ mang không được, chỉ có nghiệp theo mình”. Công phu niệm Phật của chúng ta có thể mang theo được, nó giúp cho chúng ta nâng cao phẩm vị ở thế giới cực lạc. Cái mang theo được chúng ta làm nhiều một chút, nghiêm chỉnh làm, những thứ không mang theo được thì đừng làm.

Mấy hôm nay tôi đi tham vấn Ni Tây Á ở Ấn độ, tham dự luận đàm thế giới tôn giáo hòa bình. Tôi báo cáo với mọi người, và cùng khuyên mọi người nhất định phải làm thật sự.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm bậc mô phạm cho chúng ta. Ở Indonesia, tôi có gặp một số vị xuất gia của đạo Phật. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp. Điều này quý vị phải nên biết.

Khi đức Phật còn tại thế ngày nào ngài cũng giảng kinh thuyết pháp, nhưng không có sách. Điều này quý vị đều biết mà. Kinh điển từ đâu mà có? Sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni niết bàn, học trò của ngài tập hợp lại, trong ký ức của mỗi người, nhớ lại và viết ra những điều đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế giảng dạy, lưu lại, gọi đó là kinh điển. Một đời đức Phật dạy chúng ta những gì? Kinh điển ngày nay chính là lời dạy của ngài. Cho nên không phải bảo quý vị đọc kinh, mà dạy quý vị sống như thế nào, làm người như thế nào, làm việc như thế nào. Ngài dạy quý vị những điều này, chứ không bảo quý vị nghiên cứu nó, chẳng có gì để nghiên cứu cả.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, ngài xuất thân từ bậc vương tử, nếu không xuất gia ngài sẽ làm quốc vương. Ngài xả bỏ vương vị, theo công việc giảng dạy. Khi đức Thế Tôn còn tại thế chức vụ của ngài là thầy giáo, suốt đời dạy học. Năm 30 tuổi khai ngộ, ngài bắt đầu dạy học. Năm 79 tuổi ngài niết bàn, dạy học suốt 49 năm. Thời đó không ghi chép lại, đức Phật không soạn bài giảng, cũng không ghi chép, học trò cũng không ghi chép.

Tôn giả A Nan kiết tập kinh tạng. Tôn giả A Nan là vị thị giả của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hàng ngày theo hầu bên đức Phật. Cho nên tất cả kinh điển đức Phật giảng ngài đều được nghe. Ngài có trí nhớ rất tốt, nghe qua một lần là không bao giờ quên. Cho nên kiết tập kinh tạng để lưu truyền cho đời sau, tôn giả A Nan đã phụ trách việc này. Ngài giảng lại, mọi người cùng nghe, nghe rồi không ai phản đối gì nên ghi chép lại, có một người phản đối thì câu đó được bỏ đi. Làm niềm tin cho đời sau.

Kinh điển ngày nay chúng ta thấy, là những lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế, ngài dạy cho mọi người, đó chính là tài liệu giảng dạy. Chúng ta nương vào kinh điển học tập là đúng, nương vào kinh điển tu tập, thì sẽ không khác gì khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế!

Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni không xây dựng một đạo tràng nào. Ngài nhập niết bàn ở trong rừng, chứ không phải ở trong nhà. Vì sao? Ngài muốn xây dựng đạo tràng cũng chẳng khó khăn, dòng họ ngài là đế vương. Xây dựng đạo tràng chẳng phải là việc dễ dàng sao? Trong khoảng thời gian ngài dạy học, Ấn độ bấy giờ có 16 đại quốc vương, họ đều là học trò của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học vô cùng hoạt bát, ngài không hề cố chấp. Cho nên một số quốc vương đại thần, họ có biệt thự, có hoa viên. Họ mời đức Phật dẫn theo đệ tử ngài, những người này phát tâm cúng dường, đức Phật tiếp nhận.

Như bộ kinh này được giảng ở rừng Kỳ Đà vườn Cấp Cô Độc. Là do thái tử Kỳ Đà và trưởng giả Tu Đạt Đa, đây là vị đại phú trưởng giả. Hai vị đó cúng dường khu vườn này, đức Phật đã tiếp nhận. Tiếp nhận ở đây như lời người thời nay nói, đức Phật tiếp nhận quyền sử dụng, chứ không tiếp nhận quyền sở hữu. Quý vị nói con có khu vườn này cúng dường cho Phật, Phật sẽ không nhận đâu. Đức Phật có thể ở đó mấy năm, ở đó dạy học mấy năm, sau đó ngài ra đi, vật trả lại chủ, trả lại cho quý vị. Vì sao? Bởi không tranh chấp. Chỉ cần có tài sản sẽ khiến cho con người khởi ác niệm. Họ muốn chiếm lấy, muốn không chế số tài sản này. Đó là tạo nghiệp tội. Sao đức Phật có thể khiến cho người khác tạo nghiệp được? Cho nên một đời đức Phật không cần tài sản, ngài không có gì hết. Ngài ở đâu? ở dưới gốc cây. Ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây. Ngài đã sống một đời như thế. Không tranh với người, không tranh với đời. Tự tại biết bao!

Ngài làm bậc mô phạm cho chúng ta, là điển hình viên mãn nhất, là tấm gương hay nhất. Phải như thế chúng ta mới thật sự học được, cái hay của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nếu như có tài sản, sẽ không học được gì, sẽ học sai lệch, chắc chắn tạo nghiệp.

Phật giáo truyền vào TQ, đạo tràng ở TQ do ai xây dựng? Đầu tiên là do đế vương xây dựng, tài sản này thuộc về quốc gia, chứ không thuộc về tư nhân. Sau này đại phú trưởng giả hộ trì Phật pháp, họ xây dựng tự viện am đường, gọi là thập phương đạo tràng, chứ không phải của riêng ai. Họ cúng dường cho người xuất gia, có nơi tu học để thành tựu đạo nghiệp, gọi là thập phương tông lâm.

Người xuất gia không có của riêng. Ngày nay bị biến chất rồi. Người xuất gia thời nay, xuất ra khỏi nhà mình, nhập vào căn nhà khác, căn nhà này còn lớn hơn nhà của mình nữa. Trong môi trường như vậy, làm sao tu tâm thanh tịnh? Làm sao tu tâm bình đẳng?

Tôi từ La Mã trở về, thấy được một hiện tượng, đây cũng là sự thật, chân tướng sự thật trước mắt. Trên thế giới, người tín ngưỡng tôn giáo càng ngày càng ít. Người không tín ngưỡng tôn giáo ngày càng đông. Tôi suy nghĩ, nếu cứ tiếp tục như thế, 30 năm sau, trên thế gian này còn tôn giáo hay không? Người trẻ không tin, người trẻ họ tin khoa học, họ nói tôn giáo là mê tín. Có đúng là như vậy chăng? Đúng là như vậy, tôn giáo đúng là mê tín. Chẳng phải bản thân tôn giáo mê tín, mà hiện nay những người chịu trách nhiệm về tôn giáo mê tín, chứ bản thân tôn giáo không mê tín. Nếu nó mê tín thì làm sao có thể truyền đến ngày nay?

Quý vị xem kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng. Năm xưa ngày nào ngài cũng giảng, chẳng lẽ là mê tín sao? Người mê tín có thể nói được đạo lý hay như vậy sao?

Điều này đã cho tôi sự nhắc nhở rất lớn. Nếu tôn giáo không trở về với việc giáo dục, thì khoảng 30 năm nữa tôn giáo sẽ không còn.

Tôi đến Indonesia tham dự hội nghị lần này, chủ yếu tôi nói về một vấn đề, “giáo dục tôn giáo cứu quả địa cầu”. Tôi đã nói về chuyên đề này. Hy vọng tôn giáo có thể giống như những người khai sáng ra nó. Những người đó nếu dùng cách nói ngày nay thì phải gọi họ là nhà giáo dục xã hội.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học suốt 49 năm. Mô-ha-mét dạy học 27 năm. Chúa Giê-su dạy học 3 năm, bị người ta hại chết. Quý vị nghĩ xem, ai trong số họ là người không dạy học? Kinh điển đều do những vị này giảng dạy khi đó. Cho nên người ngưỡng mộ nhiều, người theo đuổi nhiều, người theo học với họ cũng nhiều. Đòi đòi kiếp kiếp truyền đến ngày nay.

Ngày nay chúng ta cầm cuốn kinh biết đọc, chứ không biết giảng. Không hiểu ý nghĩa của kinh, đó chính là mê tín. Không đem đạo lý trong kinh, biến thành tư duy chính xác của chính mình - chánh tri chánh kiến. Không lấy những lời dạy trong kinh, để sửa đổi hành vi sai lầm của chúng ta. Việc này không liên quan gì đến Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Chúa Giê-su, cũng không liên quan đến kinh điển được lưu truyền lại. Chính bản thân chúng ta đã làm sai. Do bản thân tông giáo đồ chúng ta, nhất là những người làm công việc truyền giáo, chúng ta đã làm sai.

Nhất là danh văn lợi dưỡng thời nay, điều này thật đáng sợ! Trong tôn giáo tranh danh trục lợi. Những hành vi này không khác gì người thế gian. Người thế gian nói, chỉ có hơn chứ không có kém. Tôn giáo như thế còn có thể tồn tại được chăng?

Cho nên lần này tôi đặc biệt nhắc nhở mọi người, trở về với việc giáo dục, mỗi tôn giáo đều là nhà giáo dục xã hội. Giáo dục tôn giáo dạy điều gì? Dạy luân lý, đạo đức, nhân quả. Đúng lúc giáo dục xã hội hiện nay thiếu những điều này. Giáo dục tôn giáo bù đắp lại, thì xã hội này có thể phục hồi trở lại an định, thế giới phục hồi hòa bình. Đó là tôn giáo cống hiến cho xã hội. Ngoài việc này ra, tôn giáo đối với xã hội, đối với nhân loại có lợi ích gì?

Hàng ngày bảo mọi người cầu nguyện, việc cầu nguyện người thường không biết, họ cho rằng đó là hành vi mê tín. Cũng may khoa học ngày nay đã chứng minh, việc cầu nguyện thật sự có lợi ích, họ đã chứng minh cho ta thấy. Nhưng đại đa số con người vẫn chưa tin. Nhất định phải dạy học, phải phục hồi nền giáo dục, giáo dục tôn giáo. Những năm gần đây chúng tôi làm việc giáo dục tôn giáo.

Tôi xuất gia rất may mắn được Chương Gia đại sư hướng dẫn, học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Suốt đời tôi đi theo con đường này, học tập theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm. năm 30 tuổi ngài bắt đầu giảng

dạy. Còn tôi 33 tuổi xuất gia, vừa xuất gia là đi dạy ở phật học viện, bắt đầu giảng kinh. Giảng đến nay là 52 năm rồi. Học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không có đạo tràng, hai bàn tay trắng.

Đạo tràng nhỏ này, do một số cư sĩ ở Hongkong, phát tâm xây dựng, do hội quản trị quản lý. Khi chúng tôi ở Hongkong thì mượn nơi này làm chỗ giảng kinh. Tôi ở Bào Mã Địa, do lão cư sĩ Trần, cũng là người ở đây phát tâm. Đạo tràng 11 tầng này do ông ấy mua và cúng dường, tôi ở phòng của ông ấy. Ông ấy cho tôi mượn, tôi có quyền sử dụng, ông ấy có quyền sở hữu. Tôi không ở nữa thì trả lại cho ông ấy, rất tự tại.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có trí huệ, chúng ta học với ngài cũng là hưởng phước rồi. Tôi ở phòng của ông ấy, ông đưa cho tôi chiếc chìa khóa, tất cả mọi chi phí đều do ông quản lý, tôi không phải lo. Tôi cũng không biết mỗi tháng chi tiêu hết bao nhiêu tiền điện nước, tôi không biết gì hết, tốt! Đi ra khóa cửa, khi về mở cửa, quý vị nghĩ xem tự tại biết bao!

Nếu ông ấy tặng cho tôi căn nhà này tôi có nhận không? Không! Vì sao? Mệt lắm! Có nhà rồi có cần chi tiêu chẳng? Phiền phước biết bao! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tối ngủ dưới gốc cây. Sáng suốt cực kỳ!

Cho nên nhất định không được lụy vào thế duyên, như thế là sai lầm. Phải nhảy ra khỏi hầm lửa này. Bản thân mình phải nhảy ra khỏi, không bị nó làm phiền. Tâm chúng ta an định ở kinh giáo. Hàng ngày học tập, hàng ngày chia sẻ cùng các bạn học. Điều này năm xưa thầy Phương Đông Mỹ có nói với tôi, là sự hưởng thụ tối cao của con người.

Chúng ta đọc tiếp mấy câu dưới.

Khả kiến chúng sanh đản năng tín nguyện trì danh, quyết khả vãng sanh bỉ quốc phàm thánh đồng cư độ, thật bất đãi trì chí sự nhất tâm bất loạn, hoặc lý nhất tâm bất loạn.

Mấy câu này rất quan trọng. Sự nhất tâm bất loạn, nghĩa là đoạn được kiến tư phiền não. Lý nhất tâm bất loạn là đoạn được vô minh phiền não. Không dễ dàng đâu. Chỉ cần chúng ta đạt đến cõi phàm thánh đồng cư. Những điều chúng ta làm ngày nay chắc chắn có thể đạt được, tín nguyện trì danh. Chúng ta thật tin, thật sự phát nguyện cầu sanh về thế giới cực lạc, chắc chắn được vãng sanh.

Trì danh pháp môn diệu dụng, hòa bàn thác xuất, tức chứng hội bản thật đại hữu công u thánh giáo dã.

Thánh giáo là lời chỉ dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Hội bản có hai hội bản. Cư sĩ Hạ Liên Cư đã cống hiến cho chúng ta rất lớn. Tiểu bản hội bản và hội bản đại bản kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta nương vào hai bản này để học tập, tu hành. Tu hành nghĩa là sửa

đổi quan niệm sai lầm của chúng ta, sửa đổi ngôn ngữ hành vi sai lầm của chúng ta, thì đời này chắc chắn chúng ta được vãng sanh.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 72

Chuyển ngữ: Nguyễn Thanh

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 7 tháng 7 năm 2010

Địa Điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_Hong Kong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem "Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải" hai hàng cuối cùng trang 62.

Ât. Đồng loại, phàm xướng đạo ức niệm Di Đà nguyện sanh Cực Lạc chi kinh điển quân thuộc đồng loại, kỳ trung diệc hữu thân sơ, dĩ trì danh niệm Phật vi thân, kỳ tha vi sơ.

Trước nói rõ, cùng một bản kinh ngoài đồng bộ ra còn có đồng loại. Dưới đây Hoàng lão cư sĩ nêu ra cho chúng ta thấy.

Bộ thứ nhất trong đồng loại "*Phật thuyết quán Vô Lượng Thọ Kinh*", kinh này cùng với 2 kinh Đại bản, Tiểu bản ở trên gọi chung là Tịnh Độ Tam Kinh, là kinh điển quan trọng nhất của Tịnh Độ tông, gọi chung là Tịnh Độ Tam Kinh.

"*Nãi Tịnh Tông cơ bản kinh điển cụ đàm thập lục diệu môn*". tức là 16 pháp quán, "*khuyến đạo quán tưởng niệm Phật dĩ trì danh niệm Phật*". 'Thập Lục Quán kinh' là 1 bộ kinh quan trọng nhất của Tịnh Độ tông, chúng ta có thể nhận định như vậy.

"Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh" là khái luận Tịnh Độ tông, từ các phương diện đến giới thiệu pháp môn này, kinh A Di Đà là bản kinh nhỏ, rất tiện để thọ trì, cho nên hơn 1000 năm nay, người tu Tịnh Độ đều đem bản kinh này làm thành khóa tụng buổi sáng và tối, vô cùng giản đơn, đây là từ bi vô lượng của đức Thế Tôn, đích thực cho chúng ta 1 pháp môn, 1 phương pháp rất dễ tu học.

'Thập Lục Quán kinh' tức là Vô Lượng Thọ Phật kinh, trong kinh giảng về 16 loại quán pháp, trong đó có quán tưởng niệm Phật, có quán tượng niệm Phật, có trì danh niệm Phật. Cuối cùng quán thứ 16 là trì danh niệm Phật, càng ở sau cùng, pháp môn này càng quan trọng. Thời xưa Trung Quốc và Ấn Độ đều có quan điểm này, cái tốt nhất, cái thù thắng

nhất là đặt ở sau cùng. Trong biểu diễn văn nghệ như tuồng hát, vở kịch hay nhất thường xếp ở sau cùng, khiến khán giả càng xem càng có hứng thú. Nếu như vở kịch hay nhất diễn trước, xem xong rồi, vở sau không bằng vở trước thì mọi người không xem mà bỏ đi, cái hay nhất nên xếp ở sau cùng.

Vậy chúng ta hiểu rằng trong 16 quán, đem trì danh niệm Phật xếp ở sau cùng, như thế biết được phương pháp tu học của Tịnh Độ tông, trên thực tế trì danh thù thắng hơn quán tưởng và quán tượng. Vì sao vậy? những kinh này trước đây tôi đã giảng qua rồi. Khi tôi học quán kinh, đã từng hỏi thầy Lý, hỏi ông ấy về quán tưởng, quán tượng trong 16 quán, còn thật tướng niệm Phật thì chưa đề cập đến.

Quán tưởng có 14 loại, Trí Giả đại sư đời nhà Đường tu quán tưởng Niệm Phật mà được vãng sanh, cho nên pháp môn này cũng được truyền đến Hàn quốc và Nhật Bản. Ở Trung Quốc tu pháp môn quán tưởng không nhiều, tôi hỏi Thầy tại sao như vậy? Thầy nói với tôi rằng, vì quán tưởng không dễ thành tựu! ví dụ quán thứ nhất, quán tưởng mặt trời, cái gì gọi là thành tựu? bạn mở mắt nhìn buổi hoàng hôn mặt trời xuống núi, vậy thì mặt trời ở trước mặt quý vị, quý vị thật sự nhìn thấy được, khi nhắm mắt lại, cảnh tượng này cũng ở trước mặt bạn, thử xem đến lúc nào bạn mới quán thành được? thật sự quán thành rồi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc Tây Phương, thì phải đem các thứ này bỏ đi, không đem nó bỏ đi, không đem nó bỏ đi thì ta chấp tướng rồi “phạm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” quý vị phải bỏ nó đi, bỏ các thứ này đi thành tựu hơn quán tưởng, khỏi phải mất công, khỏi phải khó khăn.

Thầy nói, niệm Phật tốt, niệm Phật chỉ cần 1 câu danh hiệu, muốn buông bỏ thì rất đơn giản, buông bỏ dễ hơn quán tưởng nhiều. Thiết nghĩ cũng có lý, cho nên cần ghi nhớ, câu nói này trong kinh là nguyên tắc chung, cương lĩnh chung, phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng.

Tại sao bảo ta phải tu quán? Nghĩa là bảo ta phải đem các tạp niệm khác trừ bỏ đi, giống như chúng ta nhứt tâm xưng niệm, nhứt tâm này mới có thể vãng sanh, nhưng không phải nói là nhứt tâm bất loạn, nhứt tâm bất loạn đương nhiên là phẩm vị cao rồi. Sự nhứt tâm bất loạn sanh Phương Tiện Độ, lý nhứt tâm bất loạn sanh Thật Báo Độ. Chúng ta ngày nay là người mới học đạo, có thể sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ đã là thành công rồi, cho nên đại sư Ngẫu Ích ở trong Yếu Giải khuyên chúng ta, đại sư lấy bản thân mình làm ví dụ: tôi một đời cầu sanh Tịnh Độ chỉ hi vọng được vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm thì tôi đã rất hài lòng rồi, đây là Ngài thị hiện cho chúng ta xem, vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm không khó. Đại sư Thiệu Đạo nói “vạn tu vạn nhân khứ”, một người cũng không sót lại.

Niệm pháp như thế nào? Vẫn là cần nhứt tâm xung niệm, điều này cũng rất quan trọng, tức là khi niệm Phật không để vọng tưởng xen lẫn, không thể có vọng niệm, đây gọi là nhứt tâm, khi đạt được nhứt tâm, không nghi ngờ, không xen lẫn, gọi là nhứt tâm. Cho nên thật sự muốn cầu sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, chúng ta nhất định phải biết thế giới này, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà khuyên chúng ta, tất cả chư Phật trong 10 phương 3 đời đều dị khẩu đồng âm khuyên chúng ta, nếu không phải hết sức thù thắng, thì Phật có khuyên chúng ta không? Cơ hội khó gặp! chúng sanh ngu si cho rằng pháp môn này đơn giản, đại khái không cao siêu lắm, cần cầu pháp môn khác, cho rằng pháp môn khác cao siêu hơn pháp môn này, vậy là sai rồi, càng thù thắng càng đơn giản, cở kim trong ngoài đều không ngoại lệ, đơn giản nhất là tối thắng nhất.

Ở trước trong phần khái yếu đã giảng tường tận rồi. Trì danh niệm Phật là xung tánh khởi tu. Lấy quả địa giác của Như Lai làm nhân địa tâm của chúng ta, nhân quả không hai, điều này quá thù thắng. Chúng ta nhất tâm hướng đến thì có thể buông bỏ thế gian, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần trong thế gian này, như người xưa đã nói, đây là mùi vị của thế gian, thông thường mọi người tham luyến, vị thế gian không đậm bằng pháp vị! đậm nhất trong vị pháp là trì danh niệm Phật. Tại sao bạn niệm không được? trì danh mà không thưởng thức được mùi vị của pháp, không thưởng thức được mùi vị, vì thế quý vị thoái tâm. Tại sao không thưởng thức được mùi vị của pháp? Vì khi niệm Phật có nghi ngờ có xen tạp, nghi ngờ pháp môn này có phải là thù thắng nhất hay không? Pháp môn này có thật hay không? Tôi có thật được vãng sanh không? Thật có thế giới Cực Lạc không? do nghi ngờ, hoài nghi.

Điều thứ hai là tham luyến danh văn lợi dưỡng của thế gian không bỏ được. Cho nên quý vị siêng năng niệm Phật, nếu niệm bao nhiêu năm mà không đạt được pháp hỷ, mà không nếm được pháp vị, thì nguyên nhân ở chỗ này.

Đề kinh của “Vô Lượng Thọ kinh” hay, nửa đoạn trên là nói về quả báo, nửa đoạn dưới nói về tu nhân. Ta tu như thế nào? Tu nhân nói đến 5 chữ “thanh tịnh bình đẳng giác”, người học Phật chúng ta tu gì? Tu thanh tịnh tâm. Dùng phương pháp nào? 8 vạn 4 ngàn pháp môn đều là tu thanh tịnh tâm, đều là tu bình đẳng tâm, đều là tu giác. Đạt được thanh tịnh tâm thì quý vị chúng được quả vị A La Hán. Đạt được bình đẳng tâm là thành Bồ Tát rồi. Đại triệt đại ngộ, đó tức là giác, nghĩa là đã thành Phật. Quý vị tu nhân, quả báo đạt được là gì? Đại thừa, đại thừa là trí huệ. “Hoa Nghiêm kinh” nói: ‘tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai’. Đại thừa là trí huệ, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng, ta hoàn toàn đạt được. Đạt được thanh tịnh tâm, vãng sanh thế giới Tây phương Cực Lạc là ở Phương Tiện Hữu Dư độ, thanh tịnh tâm không dễ gì đạt được, đạt được bình đẳng tâm thì phá được 1 màn vô minh, chứng được 1 phần pháp thân, sanh về thế giới Cực Lạc Thật Báo Trang Nghiêm

độ. Trong Hoa Nghiêm kinh, Bồ Tát Sơ Trụ trở lên, pháp thân đại sĩ, giống như thành Phật rồi, điều này khó, đây đều cần phải niệm đến nhất tâm bất loạn.

Sự thù thắng nhất của Tịnh Độ tông là Phàm Thánh Đồng Cư độ, vô cùng thù thắng. Nếu chúng ta thật sự muốn cầu vãng sanh đến Phàm Thánh Đồng Cư Độ, thì mỗi người quyết định đều có thể đạt được, thù thắng nhất là chỗ này.

Thế giới Cực Lạc và các thế giới khác không giống nhau, thật giống Hoa Nghiêm kinh nói “nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”, sanh đến Đồng Cư độ đồng thời cũng giống như sanh đến Phương Tiện độ và Thật Báo độ. Vì sao? Vì ở nơi ấy không có không gian duy thứ, không giống các quốc độ của chư Phật khác, các quốc độ của chư Phật khác thực sự có không gian duy thứ, không đồng không gian duy thứ thì quý vị nhìn không thấy, thế giới Cực Lạc không có. Cho nên mặc dù chúng ta sanh đến Đồng Cư độ, hạ hạ phẩm vãng sanh đến thế giới Cực lạc, ta cũng có thể nhìn thấy Bồ Tát Quan Âm và Bồ Tát Thế Chí, ta cũng có thể nhìn thấy Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền. Các vị ấy ở đâu? Họ ở Thật Báo độ, các vị đại Bồ Tát này ở Thật Báo độ cùng với Phàm thánh Đồng Cư độ hạ hạ phẩm, cũng luôn luôn ở chung 1 chỗ, nhân duyên này khó có được lắm! ta thường thân cận các Ngài, thường nghe các Ngài dạy bảo thì tiến bộ rất nhanh, sẽ không thối lui, không có nguyên nhân thối lui, chỉ có hướng lên cao thêm mà thôi. Chư Phật Như Lai là Thầy giáo, chư đại Bồ Tát là học trò, quý vị đi đâu tìm cho ra môi trường tu học như thế này được?

Sanh đến thế giới Cực lạc quyết định 1 đời thành Phật, thọ mạng dài- vô lượng thọ, quý vị nghĩ xem nhân duyên này thù thắng quá, không gặp được là không có phương pháp, sau khi gặp rồi mà ta còn luyến tiếc thế gian này thì sai rồi. Ở thế gian này chỉ cần một việc không buông bỏ thôi thì cơ duyên một đời này luống qua vô ích. Cho nên chúng ta phải triệt để buông xả, một mảy may cũng không luyến tiếc.

Chúng ta sống ở thế gian này, điều quan trọng nhất là cầu được vãng sanh, trước khi chết, thân thể vẫn chỗ này. Cần học Bồ Tát, cố gắng cố gắng khuyên bảo người khác. Phật độ người có duyên, quý vị khuyên người, họ chịu tin tưởng, chịu phát nguyện, thì người này được độ rồi, quý vị đã giúp họ thành Phật. Quý vị đã thành tựu cũng giúp được người khác thành tựu, quý vị giúp người khác càng nhiều càng tốt. Bồ tát Đại Từ dạy chúng ta rằng: ta có thể thật sự khuyên được 2 người vãng sanh, mạnh hơn tự mình niệm Phật. Nếu quý vị có thể khuyên 10 người, 20 người, bạn đến thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà cần lời nói của người nhân gian chúng ta, nhất định khen ngợi quý vị. Mang theo càng nhiều càng tốt, đây là trong kinh Phật nói không giả chút nào.

Ngoài việc tự mình niệm Phật cầu vãng sanh ra, hãy cố gắng giúp người khác, khuyên bảo người khác, khuyên như thế nào? Phải hiện thân thuyết pháp, khi chết không bệnh hoạn,

biết trước giờ chết, không bị đau đớn, mình vãng sanh như vậy, mọi người nhìn thấy, đây là thật chứ không phải giả.

Hồi trẻ trước khi tôi còn chưa đến Đài Loan, Ở Hong kong mẫu thân của Hà Thế Lễ, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Phụ thân tước sĩ Hà Đông ở Hong kong rất có địa vị, toàn bộ gia đình họ là tín đồ Cơ Đốc giáo thuần thành, dẫu sao họ còn chịu ảnh hưởng nền văn hóa truyền thống xưa, cho nên đối với mẫu thân rất hiếu thảo. Trong nhà có lập bàn Phật, người nào tu người đó, người mẹ hằng ngày niệm Phật, họ thì ngày chủ nhật đến giáo đường, gia đình này rất hòa thuận, có sự giáo dục của truyền thống xưa, khiến họ sống với nhau hòa thuận vui vẻ, khi người mẹ qua đời, liền mở 1 đại hội vãng sanh, bà lão biết trước giờ chết, khi chết bà chết trong tư thế ngồi, báo cho giới báo chí Hong kong những tin tức này, ngày bà chết, ai cũng đến xem, thật đã chết rồi, cho nên các đài phát thanh đều phát tin, thời đó chưa có ti vi như bây giờ, đó là hơn 30 năm về trước. bà ấy chết đi, cả gia đình Hà Thế Lễ niệm Phật. Quý vị thấy đó, không cần nói năng biểu diễn cho họ xem, quý vị thấy đây là thật chứ không phải giả, sau đó họ đem nhà cửa của mình hiến dâng, tức là Đông Liên Giác Uyển ngày nay, Đông Liên Giác Uyển là nhà của tước sĩ Hà Đông hiến cúng làm đạo tràng Phật giáo. Cả đời bà lão không giảng kinh thuyết pháp, nhưng lần biểu diễn này độ được bao nhiêu người! khiến cho bao nhiêu người niệm Phật nhìn thấy sanh khởi lòng tin, không giả chút nào. Giống như loại phương pháp này, tự mình thành tựu cũng thành tựu người khác, đâu đâu cũng như vậy.

Đây là khoảng hơn 40 năm trước, tôi dạy học ở Phật Quang Sơn, Ở đó có một công nhân, công trình của họ là kết thúc trong 1 năm không gián đoạn, công nhân làm việc ở Phật Quang Sơn là người bản xứ. Một hôm buổi tối chúng tôi dẫn theo mấy học trò, ánh trăng rất đẹp, chúng tôi ngồi trên bãi cỏ thảo luận Phật pháp, người công nhân này đến chỗ chúng tôi, cũng đến nghe pháp, nghe một lúc anh ta nói với chúng tôi, khuyên chúng tôi niệm Phật, anh ta nói niệm Phật là thật, không giả chút nào, anh ta đã tận mắt nhìn thấy lảng giềng của anh ta, là 1 bà lão niệm Phật 3 năm, vãng sanh trong tư thế đứng, người bà lão rất từ bi, có lòng quan tâm, vui vẻ giúp đỡ người khác, bà ấy không đi học, không biết chữ, bà lạy Phật, lạy Bồ Tát, cũng lạy thần, bà lạy hết cả, thường thường đi miếu hội. 3 năm trước bà cưới về đứa con dâu, người con dâu này có hiểu đôi chút Phật pháp liền khuyên mẹ chồng chuyên tâm niệm A Di Đà Phật, không cần đi đâu lễ lạy cả, bà mẹ chồng có thiện căn, bà nghe theo lời khuyên của con dâu, liền thiết lập bàn Phật ở trong nhà, mỗi ngày đều niệm A Di Đà Phật. Niệm “A Di Đà Phật”, không tham gia các miếu hội nữa, chuyên tu Tịnh Độ 3 năm. Bà mất vào buổi tối, khi ăn cơm bà lão nói với những trong nhà nói rằng, các con ăn cơm trước, đừng đợi mẹ nghe, rồi bà đi tắm, bà thật sự đã đi tắm, nhưng con trai và con dâu rất hiếu thuận nên vẫn đợi bà, đợi rất lâu mà không thấy bà ra liền đi vào xem sao, thấy mẹ đã tắm xong rồi, gọi thì không nghe tiếng trả lời nên đi tìm bà, cuối cùng thấy bà đứng trước bàn Phật, mặc áo tràng ngay ngắn, trên tay cầm tràng hạt, mặt đối trước tượng Phật, gọi bà không trả lời liền đến bên

chánh nhìn kỹ, bà đã mất. người công nhân này nói với chúng tôi là tận mắt nhìn thấy, không chút giả dối, khuyên chúng tôi phải niệm Phật, phải cầu sanh Tịnh Độ.

Ở Đài Nam, người ở làng Tướng Quân , bây giờ chúng tôi nhắc đến sự việc này, vẫn còn rất nhiều người biết, còn nhớ rất rõ ràng. Cho nên tự mình làm là cảm hóa người khác, quyết định không để bỏ lỡ cơ hội. Trì danh niệm Phật là quán cuối cùng trong Thập Lục Quán kinh. Thứ 16 là trì danh niệm Phật, khuyên chúng ta trì danh niệm Phật, cho nên thù thắng hơn quán tướng và quán tượng niệm Phật. dễ dàng mà vẫn thù thắng.

Thứ 2 *A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni kinh*, *khuyến đạo trì danh*. trong kinh cũng dạy người trì chú, chú này là chú vãng sanh, có người học. Lúc trẻ tôi giảng kinh ở Đài Bắc, có 1 lão cư sĩ, tuổi trẻ đã học Phật, lúc đó tôi ra giảng kinh là khoảng trên 30 chưa đến 40 tuổi, lão cư sĩ này khoảng hơn 15 tuổi, cậu ta nhìn thấy trong kinh giảng đọc đủ 30 vạn biến chú vãng sanh là có thể thấy được Phật A Di Đà, cậu ta làm thật, mất một khoảng thời gian rất dài, đọc đủ 30 vạn biến, cậu ta đến nói với tôi rằng, Pháp sư Tịnh Không, trong kinh nói đọc 30 vạn biến thì có thể nhìn thấy Phật A Di Đà, tôi đọc đủ 30 vạn biến rồi sao vẫn chưa thấy Phật? cậu ta đã khởi sanh vấn đề, phương pháp đọc 30 vạn biến như thế nào. Điểm này quý vị phải chú ý , niệm Phật, đọc chú , đọc kinh đều là 1 tiêu chuẩn.

Chí Bồ Đại Thế Tát nói “ đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tướng đoạn”, đây gọi là niệm Phật, ta niệm 30 vạn biến chú vãng sanh, khi niệm chú vẫn còn vọng tưởng, khi niệm chú còn nghĩ xem có linh hay không linh, như vậy là có vấn đề rồi, làm hỏng hết công phu niệm chú của quý vị rồi, cho nên người xưa nói: đọc kinh không bằng đọc chú, đọc chú không bằng niệm Phật. vì sao? Càng đơn giản càng dễ nhiếp tâm. Kinh văn rất dài, niệm 1 biến từ đầu đến cuối có thể không khởi vọng niệm được không? thật sự không khởi vọng niệm mới gọi là công phu. Trong khi đọc bộ kinh này có rất nhiều tạp niệm trong đó, làm hỏng hết công đức của quý vị, không phải hoàn toàn không có giảm từ từ, cho nên lời chú ngắn, dễ dàng nhiếp tâm, nhưng danh hiệu Phật ngắn nhất, chỉ 4 chữ A Di Đà Phật, hy vọng trong 4 chữ này không có tạp niệm, cái này dễ hơn chú vãng sanh nhiều, chú vãng sanh khó hơn niệm Phật. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, nhất định phải yêu cầu chính mình, thời khóa sáng chiều cũng tốt, ngày thường tán niệm cũng cần chú ý không xen tạp, phải chú ý điều này.

Khi suy nghĩ vấn đề gì nên dừng niệm Phật, sau khi suy nghĩ xong rồi thì niệm danh hiệu Phật trở lại, không thể vừa niệm Phật vừa nghĩ đến sự việc, vừa niệm Phật vừa làm việc, nếu công việc đó không cần trí óc thì được, không trở ngại gì, nếu phải suy nghĩ thì ảnh hưởng đến việc niệm Phật, điều này chẳng thể không biết được.

Tuyệt đối không được nói: pháp môn có vấn đề, kinh chú có vấn đề, cái đó không có vấn đề, mà là chính chúng ta dụng tâm không đúng, vấn đề phát sanh là ở chỗ này. Đây là nói

đến trì chú, trên thực tế người xưa nói rất hay, 4 chữ A Di Đà Phật này là tiếng Phạn, không có dịch ra, giống như chú vậy! đạo lí này không thể không biết được.

Thứ 3 “*Hoa Nghiêm kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm*”, thập đại nguyện vương, đạo quy cực lạc, cho nên người hậu sanh này là Ngụy Nguyên, tức là Ngụy Mặc Thâm đem quyển Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm - quyển cuối cùng, rút ra từ “*Hoa Nghiêm kinh*” phụ ở phía sau Tịnh Độ Tam kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ kinh. Nếu như sau này quý vị ở đâu đó thấy Tịnh Độ Tứ kinh thì biết rằng vì sao có thêm 1 kinh, có thêm Hạnh Nguyện phẩm. Thời đại Hàm Phong cư sĩ Ngụy Mặc Thâm thêm vào trong đó.

Thứ 4 “*Hậu Xuất A Di Đà Phật Kệ kinh*”, bộ này toàn bộ là kệ tụng, gồm có 56 câu, trong ấy có hai câu thế này: *Phát nguyện dụ chư Phật, thế nhị thập tứ chương*. Phát nguyện này là Phật A Di Đà Phát nguyện. Dụ tức là nói với tất cả chư Phật Như lai, trên thực tế tức là hôm nay chúng ta nói Ngài làm báo cáo, báo cáo với chư Phật. ngài phát nguyện lớn, 24 nguyện. *Dữ bản kinh Hán Ngô lưỡng dịch trung, A Di Đà nhị thập tứ nguyện tương đồng*.

Thứ 5 “*Thủ Lăng Nghiêm Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông chương*” khuyến đạo chúng sanh ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai tất định kiến Phật, dĩ niệm Phật tâm, nhập vô sanh nhẫn. Ngài dạy chúng ta phương pháp niệm Phật “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, đều là trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông dạy.

Thứ 6 “*Bát Châu Tam Muội kinh*” hậu Hán Nhục Chi tam tạng Chi Lô Ca Sám dịch, kinh này còn có 1 tên khác gọi là “*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ kinh*” đây là bộ kinh dị dịch, cũng là đồng 1 bản tiếng Phạn nhưng không đồng bản dịch.

Kinh chú cứu thập nhật vi nhất kỳ, bất tọa bất ngọa, tu Phật lập Tam muội. Pháp môn này không dễ tu, vì sao vậy? một kỳ là 90 ngày tức là 3 tháng. 3 tháng không ngủ, không được ngồi, chỉ đi, nhiều Phật, được đi, được đứng, không ngồi, không nằm. Tu pháp môn này phải có sức khỏe tốt, trẻ tuổi có thể được, tuổi lớn rồi thì rất khó khăn, khoảng dưới 40 tuổi thì được. 40 tuổi trở lên thể lực không tốt, quý vị sẽ không tu được.

Chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham vấn, tham vấn, vị thứ nhất là tỳ kheo Cát Tường Vân, Ngài tu là pháp môn này, gọi là “*Phật lập tam muội*”, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh tây Phương Tịnh Độ. Cho nên xem 53 lần tham vấn này dụng ý rất sâu! Trung Quốc và Ấn Độ đều có khái niệm như vậy, vào trước là chủ. Thiện tài trong hội Văn Thù Bồ Tát thành tựu trí tuệ căn bản, thành tựu trí tuệ căn bản như thế nào? chấp trước được buông xả, đắc tâm thanh tịnh. Phân biệt được buông xả, đắc tâm bình đẳng, vọng tưởng được buông xả, khởi tâm động niệm được buông xả, thành vô thượng chánh đẳng giác. Trên đề kinh này, ngài đạt đã được thanh tịnh bình đẳng giác. Người xưa nói: đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong hội Hoa Nghiêm đây là sơ trụ Bồ Tát, pháp thân đại sĩ. Thiện Tài Đồng Tử trong hội Bồ Tát Văn Thù chúng được quả vị này, là Sơ trụ của Viên

Giáo, cho nên thầy giáo biểu Ông đi tham học, quý vị phải biết, điều kiện chân chánh tham học là chỗ này, chưa kiến tánh thì không có tư cách để tham học, minh tâm kiến tánh mới có tư cách tham học.

Dụng ý tham học ở chỗ nào? Tham học là phá trừ tập khí vô minh, vô minh được phá rồi, khởi tâm động niệm được buông xả rồi, vẫn còn tập khí, tập khí phải làm sao? Trong tham học phải đoạn trừ tập khí, cho nên tham học gọi là trải sự luyện tâm, lúc đó phải chịu được sự khảo nghiệm. không kê thuận cảnh hay nghịch cảnh, thầy giáo khích lệ quý vị đi tiếp xúc, cảnh giới bên ngoài không ảnh hưởng bạn. Ở trong tất cả cảnh giới, có thể đem tập khí vô thi vô minh của quý vị tự nhiên loại bỏ đi. Thành tựu Phật quả cứu cánh viên mãn. Cho nên 53 lần tham vấn, 53 vị đó đều là Bồ Tát, là Phật cả. Vậy thiện tri thức không phải 1 người bình thường, là chư Phật Như Lai hóa thân đến. Hóa thân thế nào? Nam nữ lớn nhỏ, các ngành các nghề. Trong đó có thiện có ác. Trên thực tế thì xã hội ngày nay, chúng ta bước vào xã hội, từ sáng đến tối tiếp xúc với những người này, đó là 53 lần tham vấn. Mắt chúng ta thấy sắc, tai nghe tiếng có thể không động tâm chăng? Nếu có thể không động tâm, không khởi tâm, không động niệm thì mới có tư cách tham học. nếu một khi khởi tâm động niệm lúc đó bị cảnh giới chuyển rồi. Cho nên tham học không phải là chuyện đơn giản. Tham học thành tựu hậu đắc trí, căn bản trí là bát nhã vô trí, đó là gì? Đó là định công, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, căn bản trí. Tham học thì sao? Tham học là hậu đắc trí, vô sở bất trí. Có phải học vô sở bất trí ở trong cảnh giới hay không? không phải vậy, cảnh giới hiện tiền, trí tuệ ta sanh khởi, không có cảnh giới, tâm địa trong sạch, một chút suy nghĩ cũng không có, không phải học từ bên ngoài, không phải vậy, cái này không được nghĩ sai. Khi đối diện với tất cả các cảnh giới, tự nhiên ta phát sanh trí huệ để đối ứng nó, Quyết định không sanh phiền não. Phiền não là gì? Là thất tình ngũ dục, thuận cảnh sanh tham ái, nghịch cảnh sanh oán hận, không sanh cái này, nó sanh trí tuệ, chúng ta không thể không biết những đạo lý này.

Ngày nay chúng ta có tham học chăng? không có, chúng ta tùy duyên tùy biến. Thiện Tài Đồng Tử tức là trong “Hoàn Nguyên Quán”, trong tứ đức nói tùy duyênđiều dụng, điều dụng là sanh trí huệ, quyết định không sanh phiền não. Cho nên lần cuối cùng trong 53 tham vấn là đạo sư Cục Lạc, thập đại nguyện vương Bồ Tát Phổ Hiền, chúng ta xem biểu pháp của Ngài- thi chung, đây nói rõ ,Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn gì? Từ đầu đến cuối tu pháp môn niệm Phật, giống như thầy giáo niệm A Di Đà Phật cầu sanh tịnh Độ, nói cho chúng ta sự việc như vậy. tiếp xúc với tất cả thế giới Ngài mới có thể rộng độ chúng sanh, không có pháp môn nào mà Ngài không biết, chỉ cần tiếp xúc là hiểu rõ. Sanh trí huệ không sanh phiền não.

“ *Thiên Thai xung chi vi thường hành tam muội*”, đây là lời Trí Giả đại sư xưng tán họ. “ *xướng danh quán niệm*”, xướng danh tức là niệm Phật, quán niệm Phật A Di Đà.

Thứ 7, *Vãng Sanh Luận, Bồ Tát Thiên Thân tạo, xướng Ngũ Niệm pháp môn, cầu sanh Tịnh Độ, Tịnh Độ tông Tam kinh nhất luận*, Nhất luận là bộ này, đây là kinh điển cơ bản của Tịnh độ tông.

Trong “Vãng Sanh luận” nói rằng: *tu ngũ niệm môn, thành tựu giả tất cánh đắc sanh An Lạc quốc độ*, Quốc độ An Lạc này tức là thế giới Cực lạc. “*kiến bỉ a Di Đà Phật*”.

Ngũ niệm là gì?

Thứ nhất là “*lễ bái*”, lễ bái là tu tâm cung kính, cho nên phải biết rằng cung kính tâm là tánh đức. Cùng 1 ý nghĩa với lễ kính chư Phật trong thập đại nguyện vương Bồ Tát Phổ Hiền. Trong lễ kính chư Phật giảng tam thế, Phật quá khứ, Phật hiện tại và Phật vị lai. Phật quá khứ, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu cho chúng ta. Có “*Quá khứ Thiên Phật Danh kinh*”. Phật hiện tại, như Phật Lô Xá Na. Trong “*Hoa Nghiêm Kinh*” nói, A Di Đà Phật của thế giới Cực lạc là Phật hiện tại. Thế Tôn cũng giới thiệu cho chúng ta Tam Thiên Tôn Phật danh, Phật hiện tại, Phật vị lai. Những vị nào là Phật vị lai? Tất cả chúng sanh đều là Phật vị lai, chúng ta phải dùng thái độ như thế nào để đối đãi với tất cả chúng sanh? chúng ta dùng thái độ như thế nào để đối với Phật A Di Đà thì nên dùng tâm thái đó đối đãi với tất cả chúng sanh, đây gọi là lễ kính chư Phật. Chúng ta nhìn người này không thuận mắt, nhìn người khác thấy ghét, thì nhìn thấy Phật chúng ta thấy ghét. Nhất định phải biết họ vốn là Phật, hiện tại thì sao? Hiện tại họ vẫn là Phật, chẳng qua họ còn điên đảo mê hoặc mà thôi. Chúng ta không nên nhìn cái mê hoặc điên đảo của họ, phải nhìn tự tánh của họ, họ vốn là Phật, điểm này vô cùng quan trọng, làm cho cái tâm cung kính này của chúng ta sanh khởi, tâm cung kính là tánh đức, chúng ta mê thất tự tánh cho nên mới phân các loại sai biệt, giác ngộ rồi là bình đẳng.

Thứ hai là “*xưng tán*”, quý vị xem giống với Hoa Nghiêm kinh Thập Đại Nguyện Vương. Xưng tán Như Lai, lễ kính không phân biệt, cúng kính tất cả. Tán thán thì khác, tương ưng với tánh đức thì tán thán, không tương ưng với tánh đức thì không tán thán. Cho nên trong 53 lần tham vấn của Thiện Tài, có vài vị thiện hữu hành vi không tốt, tham sân si, quý vị xem Thiện Tài cung kính, có cúng dường nhưng không tán thán. Thiện pháp tương ưng với tánh đức, ông có lễ kính, có tán thán, có cúng dường, khác biệt nhau ở chỗ này, vì vậy chúng ta phải tu tập.

Người này là người xấu, người xấu làm việc tốt, việc là việc tốt thì nên tán thán họ, tán thán họ 1 công việc. Họ làm là việc xấu, không tán thán, không nói, không phê bình, nếp sống xã hội mới có thể đoan chánh. Người làm những việc bất thiện này, họ sẽ hổ thẹn, bạn xem tôi làm chút việc tốt, mọi người tán thán tôi, nhưng khi làm việc xấu thì họ không nói gì cả, họ đều có thể bao dung, có thể tha thứ cho tôi, thì họ sẽ quay đầu.

Nhất định phải có thiện tâm thiện nguyện, giúp đỡ người khác, quay đầu là bờ, không nên chỉ trích, khi chỉ trích họ sẽ khởi ác cảm. Chẳng những không thể tiếp nhận mà càng sanh khởi tâm oán hận, việc đó phiền phức rồi, mình đã gây oán kết với họ, sau này ở trong lục đạo oan oan tương báo không bao giờ dứt. Tuyệt đối không được gây oán kết với người khác, nếu bị hại, bị hại cũng không oan kết. Hai ngày trước tôi ở in-do-nê-xi-a, có một vị đồng học hỏi tôi, đại khái là có người lừa gạt anh ta, đã gạt anh ta không ít tiền, anh ta muốn tìm luật sư tố cáo để đòi tiền lại, anh ta hỏi tôi : Con làm như vậy đúng không? tôi nhìn anh ta, anh ta là một nhà xí nghiệp rất giàu có, tôi nói chút tiền đó đối với anh thì không là bao, anh sử dụng hay họ sử dụng đều như nhau cả, hà tất phải tính toán? Đây mới gọi là học Phật. Nếu thật sự anh không có tiền mà bị người ta lừa gạt, có chút ảnh hưởng đến cuộc sống của anh, tôi thấy anh không giống vậy, anh là trưởng giả đại phú, gạt anh vài trăm vạn không bao nhiêu cả, thôi đi, đừng truy cứu nữa, nếu thật sự anh không bỏ được thì kiếp sau họ cũng sẽ trả lại cho anh. Cho nên chân chánh hiểu được nghiệp nhân quả báo, tâm của mình sẽ buông bỏ hết. Người thế gian có chịu thiệt thòi không? không có, một cái thiệt thòi cũng không có, Có bị lợi dụng không? một người cũng không lợi dụng được. Không bị lợi dụng cũng không bị thiệt thòi. Đòi này mình lợi dụng họ, đòi sau phải trả lại cho họ, phải trả thêm lợi tức nữa. làm gì có bị lợi dụng! hiểu rõ đạo lý này thì tâm anh sẽ định, không bị ảnh hưởng cảnh giới bên ngoài, anh sẽ vui sống vẻ hạnh phúc. Khi nhìn thấy họ, anh hỏi họ đạo này có khỏe không, việc lừa gạt số tiền đó, một câu cũng không nhắc đến giống như không có chuyện gì cả, là anh đã có chút trí huệ. Nhìn thấy liền nổi giận, là anh chưa bỏ được phân biệt chấp trước. cảnh giới này đang khảo nghiệm công phu của anh, anh không đạt tiêu chuẩn, anh còn nhớ má cái chuyện này, không đạt tiêu chuẩn.

Thứ ba là “*phát nguyện*” phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc.

Thứ tư là “*quan sát*”

Thứ năm là “*hồi hướng*”.

Ngũ niệm môn. Quan sát tức là tác quán trong chỉ quán, cũng là thông thường chúng ta nói, chúng ta đã hiểu rõ sự thật chân tướng rồi, hết thấy nhân, hết thấy sự, hết thấy vật, tánh tướng lý sự nhân quả, đều rõ ràng, đều tường tận. đây gọi là đã khai mở trí huệ, đem công đức sở tu của mình, hồi hướng cho tất cả chúng sanh, hôm nay đặc biệt hồi hướng các chúng sanh khổ nạn trên toàn thế giới, hóa giải thiên tai, bất luận tín ngưỡng tôn giáo nào cũng tốt, pháp môn bình đẳng không có cao thấp, nên đem tích lũy công đức tu hành của mình hồi hướng, cầu nguyện. Trong tôn giáo nói cầu nguyện, cầu nguyện thế giới hòa bình, cầu nguyện hóa giải thiên tai.

Thứ 8 “*Vãng Sanh Luận Chú*”, đây là cổ chú. Bắc Ngụy sau thời Nam Bắc triều, Đàm Loan đại sư thời Bắc Ngụy viết . Hiện tại đều thu thập trong sách Tịnh Độ Tông, học Vãng

Sanh Luận, chú này tham khảo vô cùng quan trọng. Trước kia tôi giảng vãng sanh Luận cũng xem bộ chú giải này.

Thứ 9 ” *Du Tâm an Lạc Tập*”, đây cũng là *Đường triều Đạo Xước đại sư đại đích trước tác*, cũng đồng loại với bộ kinh này của chúng ta.

Dưới đây là giảng “*Đới Thuyết Tịnh Độ Kinh Luận*” đây là bổ sung thêm, đây thì nhiều quá, có khoảng hơn 100 loại, ở đây lão cư sĩ lược ra 20 loại, luận này nổi tiếng hơn, cũng là các đại đức tổ sư của Tịnh Độ tông, thường trích dẫn khi giảng kinh thuyết pháp.

Phục hữu chư kinh luận, tuy bất chuyên luận Tịnh Độ, dẫn diệc đới nhiếp xưng tán Cực lạc, khuyến đạo vãng sanh, kỳ trung chiếu trước giả, minh hiển đích, chúng sở châu tri, giá lược cử kỳ chủng Ở đây lược cử vài loại, như “*Pháp Hoa kinh*”. “*Bi Hoa Kinh*”, “*Tỳ Nguyễn Vãng Sanh kinh*”, “*Văn Thù Thuyết Bát Nhã Kinh*”, “*Mục Liên Sở Vấn kinh*”, “*Thập Vãng Sanh kinh*”, “*Quán Phật Tam Muội Kinh*”, *Phật ký Văn Thù đương sanh Cực lạc*, “*Văn Thù Phát nguyện Kinh*” cầu sanh *Cực Lạc thế giới*, “*Nhập Lăng Nghiêm kinh*”, *Phật ký Long Thọ, sanh Cực lạc quốc*. Long Thọ Bồ Tát cũng vãng sanh thế giới Cực lạc. “*Tỳ Bà Sa luận*” là tác phẩm của Long Thọ đại sư, “*Đại Trí Độ luận*” cũng là Bồ Tát Long Thọ trước tác. “*Đại Thừa Khởi Tín Luận*” Mã Minh Bồ Tát tác.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết quyển chú giải này, trích dẫn kinh có 83 loại, luận trước có 110 loại, tổng cộng là 193 bộ, trong chú giải này, cho nên chúng ta học chú giải này, lần này phát tâm học chú giải này, cũng bằng học 193 loại kinh luận, không dễ chút nào! Lão cư sĩ viết bộ chú giải này, được làm tài liệu tham khảo rất nhiều. Tôi nghĩ đó cũng là nhờ Phật Bồ Tát gia trì, quá khó quá khó! Cần phải có rất nhiều người sưu tập tài liệu tham khảo khắp nơi tặng cho ông ta, tôi đến nhà của ông ta, nhìn vào trong phòng sách nhỏ, thấy chất đầy sách, rất nhiều sách đều là sách cổ xưa, tôi nói ông từ đâu đến ông ta cũng không biết, thật là Tam bảo gia trì.

“*Tịnh Độ Kinh Luận Ước bách số thập bộ*” ở đây ông ta trích dẫn là 193.

“*Dĩ thượng tựu bốn kinh bộ loại*”, đồng loại, đồng bộ. “*dữ đới thuyết Tịnh tông kinh luận lược cử kỳ yếu, chỉ u mật bộ hữu quan tịnh tông chi điển tịch, vi số thượng đa, quân vị liệt nhập*”. Lão cư sĩ Hoàng là Kim Cang thượng sư của mật tông, trong Mật tông có tu Tịnh Độ, ở đây không trích dẫn.

Đoạn thứ tám dưới đây “*Dịch hội hiệu thích*” , trong này nói 4 việc. ‘Dịch’ là phiên dịch “chỉ cho bản dịch gốc”. ‘Hội hiệu’, hội là hội tập, “chỉ cho các bản do căn cứ các bản dịch gốc mà hội tập”, đây gọi là bản hội tập. Hiệu là hiệu đính, có 1 loại là của cư sĩ Bành Tế Thanh. “Thích” là giải thích, tức là chú giải, chỉ cho các bản chú thích của kinh này, tức là chú giải.

Đoạn thứ nhất dưới đây, “*Giáp, bản kinh dịch bản*” bản phiên dịch. “*kinh nãi ngã Phật lý thuyết. chư sư cạnh dịch, đông lai tối tảo, dịch bản độc đa*”. Bốn câu này là cư sĩ Mai Quang Hi nói trong lời tựa. Phật Thích Ca Mâu Ni không phải một lần mà nhiều lần tuyên giảng, sau đây giới thiệu cho chúng ta, nhiều lần tuyên giảng. Sau khi lưu truyền đến Trung Quốc, pháp sư dịch các kinh này nhìn thấy đều rất hoan hỷ, đều làm công việc này, cho nên từ nhà Hán đến nhà Tống 8 triều đại, cũng khoảng 800 năm, gồm có 20 loại phiên dịch, có thể nói phiên dịch Vô Lượng Thọ kinh nhiều nhất, có 20 loại gọi là ‘đông lai tối tảo’, truyền đến Trung Quốc vào triều đại nhà Hán. ‘Dịch bản độc đa’ là riêng mình nó có rất nhiều bản dịch. Có thể nói Vô Lượng Thọ kinh là thứ nhất.

“*Tự Hán ngật Tống, phàm thập nhị dịch, Tống nguyên nhi giảng, căn tồn ngũ chủng*” cũng tức là nói, trong 20 loại đó có 7 loại bị thất truyền. Người xưa biên dịch bộ Đại Tạng kinh, bắt đầu từ triều Tống mới thu thập lại 1 chỗ. Trước đó không có thu thập, cho nên rất dễ thất lạc, bởi vì quá ít bản. Lúc đó kinh bản toàn là sao chép bằng tay, không có máy in.

Dưới đây là giới thiệu bản dịch này. Loại thứ nhất, đây là giảng trước cái hiện còn, “*Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh*’. *Hậu Hán Nhục Chi*”, Nhục Chi là tên của 1 nước, là Tân Cương bây giờ. “*Sa môn*” là người xuất gia, *Chi Lôu Ca Sám dịchư Lạc Dương, dĩ hạ giản xưng “Hán dịch”*, bộ kinh này bây giờ có trong Đại tạng kinh, bảo tồn có 5 loại, dựa theo triều đại trước sau mà xếp theo thứ tự.

Thứ nhất là, “*Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh*”.

Thứ 2 “*Phật thuyết A Di Đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật đàn Quá Độ Nhân Đạo kinh*’. *Nhất danh ‘Vô Lượng Thọ kinh*’. *Nhất danh ‘A Di Đà kinh’*”. “*Ngô*”, nước Ngô là thời Tam quốc Ngụy Thục Ngô. Nước Ngô thời Tam quốc, cũng là 1 cư sĩ tại gia, ưu bà tắc là cư sĩ, ông là người Nhục Chi, là Tây Vực “*Chi Khiêm Tự Cung Minh*’ *phiên dịch. Dĩ hạ giản xưng ‘Ngô dịch’*”. Đề kinh của bộ kinh này, đều là dùng Phạn văn âm dịch.

‘*Phật thuyết Chư Phật A Di Đà*’ A Di Đà Phật trên tất cả chư Phật, đây là có ý nghĩa. Vì sao? ‘*A Di Đà thị nhất thiết Phật đích tổng danh hiệu*’. quý vị nghĩ xem, A Di Đà không phải không thể dịch, có thể dịch được. A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là giác, Vô Lượng Giác. Quý vị nói xem có vị Phật nào không phải là Vô Lượng Giác chăng? Hiểu rõ rồi niệm 1 câu A Di Đà Phật này, là niệm đầy đủ đến hết thấy chư Phật, một vị cũng không sót, không những Phật quá khứ mà Phật hiện tại và cũng ở vị lai Phật. Thập phương tam thế nhất thiết chư Phật Như Lai là tổng danh xưng, lại là tự tánh danh xưng.

‘*Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật Đàn*’ đây là 1 trong 10 hiệu của Như Lai, 10 hiệu nay phân sau trong kinh văn sẽ giảng đến, trong 10 hiệu có Chánh biến tri, dịch thành chữ Hán là chánh biến tri. Chánh là chánh giác, không sai chút nào. Biến là biến tri, như chúng ta nói, hậu đắc trí trong trí huệ, bát nhã vô tri, vô sở bất tri, đây là ý nghĩa vô sở bất tri.

‘*Dã hữu đẳng giác chánh dịch ý tư*’, chánh đẳng giác này, trên thực tế chúng ta thường nói. Vô thượng chánh đẳng chánh giác, có ý nghĩa này ở trong đây.

Hai chữ ‘*quá độ*’ dưới đây, là ý nghĩa tự độ độ tha. Mình tự độ mình rồi cần phải độ người. Cho nên nói ‘*Quá độ Nhân đạo kinh*’. Nói cách khác. Kinh này là một bộ kinh điển nói về A Di Đà Như lai tế độ. Cứu tế, độ hóa chúng sanh, đây là đại ý đề kinh.

Loại thứ ba gọi là “*Vô Lượng Thọ kinh*”. “*Tào Ngụy*”, đây cũng là thời Tam Quốc, thời Tam quốc nước Ngụy, “*Án Độ sa môn Khương Tăng Khải dịch ư Lạc Dương Bạch Mã tự, dĩ hạ giản xưng ‘Ngụy dịch’,hiện tồn ngũ chủng nguyên dịch bản*”, bản này lưu thông rộng nhất, ông dịch rất tốt.

Loại thứ tư “ ‘*Vô Lượng Thọ Như Lai Hội*’, *Đường triều nam Án Độ tam tạng pháp sư Bồ Đề Lưu Chí phiên dịch*”, bản này trích từ “*Bảo Tích kinh*”, cho nên một hội trong Bảo Tích kinh, là Vô Lượng Thọ Như Lai. “*dĩ hạ giản xưng ‘Đường dịch’*”. ở sau giảng đến Đường dịch đều là nói bộ này.

Loại thứ năm “ ‘*Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh*’*Tống triều thời hâu Tây Vực sa Môn Pháp Hiền dịch, dĩ hạ giản xưng ‘Tống dịch’*”, đây là “*hiện tồn ngũ chủng*”. chúng ta có thể thấy được 5 loại bản dịch gốc “*Vô Lượng Thọ Kinh*”.

“*Chỉ ư dật chi thất chi thất chủng. cứ ‘Khai nguyên thích giáo lục’*”, ‘*Khai nguyên thích giáo lục*’, ‘*thích*’ là Thích Ca Mâu Ni, ‘*Thích giáo*’ tức là Phật Giáo, là mục lục của kinh tạng. Đây là mục lục kinh tạng sớm nhất. Trong mục lục có nhưng sách không có, không tìm thấy sách, cho nên trong mục lục thu lại vẫn còn 7 loại. Dưới đây liệt kê ra.

Loại thứ nhất gọi là “ ‘*Vô Lượng Thọ Kinh*’*nhị quyển. Hán triều An Thế Cao quốc sa môn An Thế Cao dịch*”, bộ kinh này thất truyền thật đáng tiếc. vì sao? An Thế Cao dịch rất tuyệt vời! thời kỳ đầu khi dịch kinh, Ngài thật là giỏi nhất, dịch rất hay. Người ngoại quốc đem kinh Phật dịch thành chữ Hán, khiến người Trung Quốc thấy vô cùng hoan hỉ, trước kia là An Thế Cao. Sau này là Cưu Ma La Thập. Kinh này mất đi thật đáng tiếc.

Loại thứ hai là: “ ‘*Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*’*nhị quyển*”. đây cũng là “*Tào Ngụy*”*Tam Quốc thời đại*. thời đại Tam Quốc, Tào Ngụy. “*sa môn*” người xuất gia này, “*Bạch Diên dịch ư Lạc Dương Bạch Mã Tự*”.

Loại thứ ba là “ ‘*Vô Lượng Thọ Kinh*’*nhị quyển, Tấn triều, sa môn Trúc Đàm Ma La Đa*”, Tấn ngôn, tiếng Trung quốc gọi là Pháp Hộ, là ngài dịch vậy.

Loại thứ tư “ ‘*Vô Lượng Thọ Chí Chơn Đẳng Chánh Giác Kinh*’*nhị quyển*”. có tên gọi khác là “*Lạc Phật Độ lạc Kinh*”. “*Nhất danh ‘Cực Lạc Phật Độ Kinh’. Đông Tấn Tây Vực sa môn Trúc Pháp Lực dịch*”.

Loại thứ năm “ *Tân Vô Lượng Thọ Kinh* hai quyển, *Đông Tấn Ca La Vệ La quốc*”, đây là người Ấn Độ, “*sa môn Phật Đà Bạt Đà La, Tấn ngôn Giác Hiền dịch u Đạo Tràn tự*”. Các vị pháp sư này ở Trung Quốc dịch rất nhiều kinh, nhưng Vô Lượng Thọ kinh đã bị thất truyền.

Loại thứ 6 cũng là “ *Tân Vô Lượng Thọ Kinh* lưỡng quyển, *Tống Lương Châu sa môn Bảo Đàm dịch u Đạo Tràn tự*”.

Loại thứ bảy cũng là “ *Tân Vô Lượng Thọ Kinh* nhị quyển” cũng là “*Tống Kế Tân quốc*” tức là Tân Cương ngày nay. Chỗ này là Tân Cương ngày nay, Đây là người xuất gia “*Đàm Ma la Mật Đa*”. Pháp Tú dịch thành chữ Hán, là ngài dịch vậy. “*dĩ Thượng khuyết thất giả thất*”, đây là 7 loại bản dịch.

Liên tiền tồn thế dĩ ngữ, thế xương thập nhị đại dịch, thật tắc bát đại, là 8 triều đại 20 loại phiên dịch.

Phía dưới ngài nói, “*kế Hán đại, hậu Hán nhị chủng. thời Tam Quốc, Ngô hữu nhất chủng, Ngụy hữu nhị chủng, Tây Tấn hữu nhất chủng, Đông hữu nhị chủng, Lưu Tống nhị chủng. Đường Triều nhất chủng, Triệu Tống hữu nhất chủng. cái dịch thời, phân tại bát đại, dịch bản tắc vi thập nhị chủng*”, Đây là đem bản dịch Vô Lượng Thọ kinh, giới thiệu sơ lược.

“ *‘Chân Giải’ vân*”, “Chân Giải” là pháp sư Đạo Ân người Nhật Bản, làm chú giải “Vô Lượng Thọ kinh”, tên là “Chân Giải”, trong đây có mấy câu như thế này, “*Phàm u chư kinh trung truyền dịch thanh vô như kim kinh, tư nãi dĩ xuất thế chánh ý, lợi ích vô biên cố dã*”. Các vị pháp sư người Nhật này, họ dùng kinh bản Vô Lượng Thọ kinh, phần lớn đều là bản của Khương Tăng Khải, cho nên Ngài nói ‘kim kinh’, đều là chỉ bản dịch của Khương Tăng Khải, Ở Nhật bản rất thịnh hành. Hai câu trong này vô cùng quan trọng “*xuất thế chánh ý, lợi ích vô biên*”, đây là nói pháp môn Tịnh Độ hết sức thù thắng.

“ *‘Hội Sơ’ dã thuyết*”, ‘Hội Sơ’ cũng là pháp sư Tuấn Đế người Nhật Bản, chú giải của Ngài, “*Phàm u chư kinh trung truyền dịch thanh nhiên vô như kim kinh, tư nãi đạo lý u thúy lợi ích tối thượng cố dã. ‘lưỡng sơ đồng nhất trác kiến’*”, câu nói này là lời bình của Thầy Hoàng Niệm Tổ. Nhật Bản 2 loại chú giải có cùng một nhận định ‘Lợi ích tối thượng, lợi ích vô biên’.

“*Tồn thế ngữ chủng, sai dị giáo trước*” tức là hiện tại trong đại tạng kinh, có 5 loại bản dịch gốc, nội dung sai biệt rất rõ.

“ *Bất tợ A Di Đà kinh chi lưỡng dịch dữ Kim Cang kinh chi lục dịch, kỳ văn chi tường lược tuy sao hữu dị nhi nội dung thật thị tương đồng*”. Lấy ví dụ,,Kinh Kim Cang ở trong Đại tạng kinh có 6 bản dịch, 6 bản phiên dịch, hiện tại lưu thông rất rộng rãi, mọi người rất

hoan hỉ đọc là của Đại sư Cưu Ma La Thập dịch, La Thập dịch rất hay, ý dịch, Ngài không phải trực tiếp chiếu theo văn tự dịch, lấy ý nghĩa của kinh văn dùng ngôn ngữ của mình, cũng chính là dùng ngữ khí của người bản địa để dịch. Cho nên chúng ta xem đặc biệt lưu loát, không khác gì văn của mình viết vậy.

“*kim kinh ngữ dịch*” tức là 5 loại bản dịch này, “*bất đản văn tự tường lược sai biệt huyền thù, thả nội dung thâm quảng diệc phục hữu dị. liệt như Di Đà Nhân Địa Đại Nguyên*”. đây là điều vô cùng vô cùng quan trọng.

“*Hán Ngô lưỡng dịch nhị thập tứ nguyên. Tổng dịch vi tam thập lục, nguyên. Nguyên Đường lưỡng dịch thì vi tứ thập bát nguyên*”. sai biệt lớn như vậy.

“*Thảnguyên chi nội dung, các dịch diệc phục bất đồng, khả kiến xuất nhập chi cự*”. cự là to lớn.

“*hiện thế lưu truyền, Nguyên dịch giáo quảng*” bản này của Khương Tăng Khải lưu rất rộng rãi.

“*‘Chân Giải’ chỉ xuất, dĩ Hán Ngô lưỡng dịch, đối hiệu Nguyên bản, thô cử đại giả, kế hữu bát dị*” tức là chỗ bất đồng, rõ ràng 8 điểm không giống nhau.

“*Như dữ Đường bản đối kiểm lược hữu thất dị, kim bất tường lược*”, đây tức là nói rõ trong 5 loại bản dịch gốc sai biệt rất lớn.

“*chỉ ư Tổng dịch, dữ chư dịch sai dị cách đại*”. Đây là vấn đề lớn, nếu như bản gốc tiếng Phạn là một loại, người phiên dịch phải là đại thể tương đồng, không khác nhau nhiều. Có khác nhau nhiều, vấn đề này ở đâu? “*chư dịch hà dĩ bất đồng*”, ‘chư dịch’ này là nói 5 loại bản dịch hiện còn của chúng ta, vì sao không đồng.

“*Thanh Trầm Thiện Đăng cư sĩ ‘Báo Ân luận’ viết*”, ông trước tác 1 bộ sách “Báo Ân luận”, bây giờ giảng là luận văn, luận văn học Phật của ông. Trong đó có một đoạn như thế này: “*kỳ sở dĩ bất đồng chi cố, lược khảo chư kinh, ước hữu tam đoạn*”. Khảo là khảo sát 5 bản kinh này, chúng ta gọi là khảo cứu, 5 bản kinh này, ít nhất có 3 nguyên có thể nói rõ:

Thứ nhất “*dịch thủ xảo chuyết bất đồng*” đây là nói người phiên dịch.

Thứ hai “*Phạn bản truyền tả bất đồng*”, đó tức là không phải một bản tiếng Phạn.

Thứ ba là “*bản sư tiền hậu đa thứ tuyên thuyết bất đồng*”, điều này vô cùng quan trọng. *Bốn sư tam bách dư hội pháp, ký đa chỉ quy Tịnh Độ, tắc tự nhiên lý thuyết bất nhất thuyết. nhi diệc tùy thời tùy cơ, khai thông đại ý, y nghĩa bất y ngữ, hiển nhiên khả tri cố tri Vô Lượng Thọ kinh nãi Phật đa thứ tuyên thuyết, Phạn bản bất nhất, dịch giả sở cứ bất đồng, thả dịch bút chi xảo chuyết hữu sai, ư thị dịch văn tự nhiên sai dị dã.* Đây là quan điểm của

cur sĩ Trầm Thiện Đắng, trong này ông nói điểm thứ 3 vô cùng quan trọng, là người phiên dịch căn cứ bản gốc tiếng Phạn khác nhau, cho nên mới có sai lầm lớn như vậy, nếu như là 1 bản tiếng Phạn, thì có lẽ không có hiện tượng này.

Phía trước nêu kinh Kim Cang có 6 loại phiên dịch, bản gốc là 1 loại, quý vị xem hiện tại 6 loại phiên dịch nội dung đại thể tương đồng, không có sai khác lớn như thế. 4 bản Vô Lượng Thọ kinh này, trong đó khác nhau rất nhiều, cho nên phán đoán ít nhất ba bản không giống nhau.

Đây là nói khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, giảng kinh thuyết pháp đều là giảng 1 lần, không có giảng lại lần thứ hai, chỉ riêng bộ kinh này, bây giờ xem như vậy ít nhất giảng qua 3 lần, mất rồi vẫn còn 7 loại. Nếu như bây giờ còn 7 loại đó, có thể còn có sai khác. Đây là nói rằng Phật Thích Ca Mâu Ni nói ít nhất 3 lần trở lên. Đó biểu thị tánh quan trọng của bộ kinh này, có thể phổ độ hết thảy chúng sanh. đệ nhất pháp trong tất cả pháp pháp môn, hết sức thù thắng, cho nên thường nói, mỗi một lần giảng không thể hoàn toàn tương đồng, giống như chúng ta học Vô Lượng Thọ kinh, tôi học bản này tức là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, tôi dùng bản này giảng bộ kinh này. Trước đây đã giảng qua mười lần, mỗi một lần không giống nhau. Cho nên có học trò đến nói với tôi, cần đem những điều trước đây tôi giảng viết thành giảng ký, tôi nói được, tốt nhất là hội tập, đem 10 loại bản của tôi trước đây, mọi người đều xem xem, chỗ không giống nhau đều trích ra, vậy thì viên mãn hơn, lần này là lần thứ 11, lần thứ 11 chúng tôi thay đổi phương pháp, giảng chú giải, giảng chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cũng là kỷ niệm trước đây ngày chúng tôi quen nhau, rất không dễ dàng. Khi đó, ở trong nước giảng bản này chỉ một mình ông, không có người thứ hai. Ở hải ngoại giảng bản hội tập này chỉ có một mình tôi, cũng không có người thứ hai, chúng tôi gặp mặt nhau vô lượng hoan hỉ. Chúng tôi trao đổi tâm đắc về tu học, giảng thuật, tôi biết ông khổ cực chú giải bộ kinh này, thân mang trọng bệnh ngày đêm không nghỉ, đem bộ kinh này chú giải hoàn thành, sau khi hoàn thành không bao lâu thì ông mất, ở trong hoàn cảnh như thế quả thật không dễ, đây là oai thần Tam bảo gia trì.

Bản Hội Tập này, bộ chú giải này, khẳng định lưu thông đến cùng khi Phật pháp trên thế gian này mất hẳn.

Ở trong kinh Pháp Diệt Tận Phật bảo chúng ta, pháp vận của Phật một vạn hai ngàn năm, tính từ ngày Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ, một vạn hai ngàn năm. Chiếu theo sự ghi chép của người Trung Quốc đại đức ngày xưa, Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến năm nay là 3 ngàn 37 năm, với người ngoại quốc nói không giống nhau, người ngoại quốc nói là hơn 2 ngàn 5 trăm năm, 2 ngàn 5 trăm năm mươi mấy năm. Năm 2006 là 50 năm, ngày nay phải là 54 năm, 2 ngàn 5 trăm 54 năm, chư tổ sư của chúng ta ghi lại là 3 ngàn 37 năm, trong này khác nhau xấp xỉ 5 đến 6 trăm năm, những cái này chúng ta không cần đi khảo chứng, việc

này ai cũng nói không rõ ràng, trừ khi tìm lại Phật Thích ca Mâu Ni, người khác nói là không rõ ràng, đều có căn cứ.

Chúng ta nghĩ đến truyền thừa của pháp môn này, lợi ích vô biên. Từ thời đại hiện nay về sau, chân chánh học Phật có thể đắc độ, tiêu chuẩn đắc độ này, vượt qua luân hồi lục đạo, vượt qua thập pháp giới, chỉ có pháp môn này, nói cách khác chỉ có bộ kinh này, chú giải này, những kinh luận khác tuy nhiều, pháp môn tuy nhiều, không đoạn được phiền não, đây là sự thật, không cần nói phiền não vi tế, phiền não thô trọng nhất, 88 phẩm kiến hoặc, bạn có thể đoạn trừ được không? Có thể đoạn 88 phẩm kiến hoặc mới chứng quả Tu Đà Hoàn, chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, nhưng quyết định không đọa vào ba ác đạo. Tu Đà Hoàn, bảy lần trở lại thiên thượng nhân gian. Đây nói tu hành phải trải qua thời gian dài như vậy. Chứng quả A La Hán mới được vượt qua lục đạo, còn chưa được vượt qua thập pháp giới. Vượt qua Thập pháp giới thì còn phải thời gian rất dài.

Chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm, tiểu thừa Tu Đà Hoàn đoạn phiền não, tầng này với trong kinh Hoa Nghiêm, bằng Thập Tín vị Bồ Tát Sơ Tín đoạn chứng, quý vị thấy đó không dễ dàng đâu. Cái đầu tiên trong kiến hoặc là thân kiến. Thân kiến lấy gì làm tượng trưng? nói rất đơn giản, tự tư tự lợi, có người nào có thể đoạn được cái này? Không chấp trước thân này là ta nữa.

Thứ hai, đoạn biên kiến. Biên kiến là gì? Đối lập, cái này mọi người dễ hiểu, quý vị có thể không đối lập với người, không đối lập với việc, không đối lập với tất cả vạn vật.

Thứ 3 là thành kiến, hôm nay chúng ta giảng chủ quan quán niệm, không có rồi, đã buông bỏ. Có thể hằng thuận chúng sanh, không đơn giản! một điều cũng rất khó.

Cho nên lão Hoàng Niệm nói với tôi, tu thiền khó khai ngộ, cũng khó đạt được thiền định. Trước đây còn có thể đạt thiền định, thời nay thiền định khó đạt được. Tu Mật, tam Mật không thể tương ưng, chỉ có Tịnh Độ, cho nên ông đã tham thiền qua, Thầy của ông là là Hư Vân lão hòa thượng. Học qua Mật, thượng sư Mật tông- thầy của ông là Công Cát lão nhân. Cuối cùng ông niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nói với tôi, một ngày 14 vạn tiếng danh hiệu Phật, vạn duyên buông bỏ, ngày đêm không nghỉ, mệt quá rồi thì chợp mắt ngủ một tý, tỉnh dậy thì tiếp tục danh hiệu Phật, 1 ngày 4 vạn tiếng, nghe lời của thầy! Thầy của ông là Hạ Liên Cư. Khi Thầy Hạ qua đời cũng là niệm Phật vãng sanh, lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng là thông tông thông giáo, Hiền Mật viên dung. Đến cuối cùng toàn bộ đều chọn Tây Phương Tịnh Độ. Cho nên lần này tôi chọn giảng chú giải này, kỷ niệm lão cư sĩ, ông vất vả cực nhọc, chú giải này cần phải truyền đi, giảng kỹ 1 lần thì có thể truyền đi rồi. cho nên chúng ta đặt tên đề mục là “Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa”, tôi đặt tên đề mục này.

Câu nói này của cư sĩ Trầm Thiện Đăng, chúng ta xem qua rồi. Xem ông nói dưới đây “*trầm thị phục minh Phạn bản dị ngộ chi nhân viết*”, trong bản tiếng Phạn này dễ xuất sai

lạc. nguyên nhân gì? “ *Cái phạn giáp giai tả bản, dị chí thoát ngộ*”, Ấn Độ truyền qua là bản gốc tiếng Phạn, tại Cổ Cung Bác Vật viện có bảo tồn, có cơ hội quý vị nên xem. Nó được viết ở lá cây Bôi Đa La, đem lá cây này, loại lá cây ấy giống như cây chuối tiêu của chúng ta, đem nó cắt từng miếng từng miếng lớn giống nhau, hai bên khoét cái lỗ, dùng sợi dây khâu lại, đại khái 1 mặt có thể viết được 5 hàng, viết thêm trên đỉnh được 6 hàng, hai bên đều viết, cho nên dùng dây khâu lại, rất dễ dàng, dây đứt thì nó rãi ra, rất dễ mất đi. Đây là dễ sai sót.

“*Như Hán dịch Đại bản kinh, nãi nhĩ kiếp thời hạ, thoát ngộ số thập tự, hán nghĩa bất quán*”, văn nghĩa này liên kết không được, đây nêu ví dụ, tình hình này rất nhiều.

“*Hựu Tứ Thập Nhị chương tạng bản, tị thị Tứ Thập Nhị Chương kinh*”. Đây là bộ kinh điển thứ nhất dịch tại Trung Quốc, phiên dịch sớm nhất, là từ các kinh trích ra, nó không phải là một bộ kinh, rất nhiều kinh, những điều quan trọng Phật nói, từng điều từng điều ghi chép lại, gồm có 42 đoạn. Ma Đăng và Trúc Pháp Lan, ban sơ họ đến trung Quốc phiên dịch ra. Bản này đều viết bằng tay.

“*Dữ Thạch Khắc Triệu Văn Mãn tả bản cập tạng ngoại lưu thông các bản, chương tiết tiên hậu đa quả các các bất đồng*”. Cái này sai biệt quá lớn rồi. Chúng ta thấy rất nhiều “*Tứ Thập Nhị Chương kinh*”, cầm xem nội dung không giống nhau. Lúc bấy giờ lưu truyền lại, rất nhiều người sao chép, có người chép sót đi, có người chép nhiều thêm mấy chữ, đây cũng là việc thường có. Cho nên Phạn văn lúc bấy giờ truyền đến Trung Quốc, cũng có tình trạng này, không phải một người viết dài như vậy, một người viết một chút, rất nhiều người viết, có khi có thể liên kết lại với nhau, có khi không liên kết được, nếu trong đó nó mất đi một trang, thì ta không liên kết được rồi.

“*Sở dĩ ‘Tứ Thập Nhị Chương kinh’ nhi dữ Pháp Uyển Châu Lâm sở dẫn hựu bất đồng*”. Pháp Uyển Châu Lâm là trước kia thông thường người đọc sách không có thời gian xem kinh Phật, nhất định xem bộ sách này. Đây bằng như nói là Phật Giáo Bách Khoa Toàn Thư, trong đó phân thành 100 loại. Ở trong mỗi kinh luận thì sao chép lại các thứ. Quý vị cần trích dẫn vô cùng tiện lợi, chúng ta tự tra kinh rất khó, người tra được đều là người biên tập triều Đường, đây thuộc về sách loại.

“*Thả hữ ‘Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa’ sở trích tự, nhi chư bản giai vô giả, đại để thông tập đa, tắc truyền tả đa, nhi đắc thất dị đồng diệc đa*”. Đây là nói rõ nguyên nhân, nhiều người sao chép. Đồng một bản gốc, chúng ta 2 người sao chép, chúng ta đem bản sao đối chiếu, thì của hai người có thể không giống nhau, bản gốc giống nhau, sao thì không giống nhau. Sao sót mất, làm không cẩn thận, hoặc là khi sao chép, âm đọc chúng ta viết chữ khác, cho nên sai chữ, việc này khó tránh được. Đây cũng là nghiên cứu vì sao có những sai lầm lớn như vậy.

“Hữu viết ‘Chân Giải’ vân, dĩ thâm chư dịch, thị Phạn bản quảng đa, chí sử truyền dịch văn nghĩa, tồn một tường lược bất đồng nhi”. Đây là “Chân Giải” ông ta cũng cảm thấy đại khái nguyên bản Phạn văn truyền đến Trung Quốc, không chỉ 1 loại. cho nên mới phát sanh tình trạng này.

“Tống minh bản kinh vi Phật đa thú tuyên thuyết,” là suy đoán từ kinh điển phiên dịch lưu lại hiện nay, khẳng định kinh này, Phật không chỉ giảng 1 lần.

“thả tụng tập giả đa” là nhiều người đọc tụng, học tập.

“Phạn bản truyền tả giả đa, Phạn bản hữu đa chủng, tồn một tường lược hữu bất đồng, Phạn giáp ta bản hữu dị thoát lạc, cố kim chư dịch bản thậm hữu sai dị”. Trong này có một câu chúng ta cần đặc biệt lưu ý- ‘tụng tập’, thời đại hiện tại này, Phật giáo suy yếu, suy đến mức độ nào? Phật giáo đã biến thành tôn giáo, chúng ta hậu thế đệ tử Phật, không kể tại gia hay xuất gia đều có tội!

Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, 37 tuổi khai ngộ liền dạy học, dạy suốt một đời mãi đến khi già chết, không bỏ qua một ngày nào. Ngài dạy học lúc đó dạy học không có văn tự, không có sách vở, các kinh điển này là sau khi Phật diệt độ, chúng đệ tử mọi người cùng đề cử tôn giả A Nan, đem kinh mà Phật còn tại thế đã giảng, đọc lại một lần. Trí nhớ của A Nan rất tốt lại nghe hết toàn vẹn, thị giả của Phật Thích Ca Mâu Ni không rời xa một ngày, phụng dưỡng Phật Đà. Thịnh Ngài đọc lại, 500 đồng học làm chứng, nghe A Nan đọc mọi người đều gật đầu, đích thực là Phật có nói như vậy, ghi chép lại. Nếu có một người đề xuất ý kiến, hình như không phải như vậy, thì câu nói này không dùng nữa, làm niềm tin cho đời sau. Cho nên kinh điển là gì? Là Phật thích Ca Mâu Ni lúc bấy giờ giáo huấn cho đại chúng. Nghe xong lời Phật dạy phải y giáo phụng hành, y giáo phụng hành là tập, học là lúc thực hành nó, chúng ta mới chân chánh đạt được lợi ích, cho nên kinh không phải để cho chúng ta đọc, đọc là một phương tiện để ghi nhớ nó.

Quan trọng là ở tập, Tập là gì? Biến nó làm thành hành vi sinh hoạt của chính chúng ta, làm thành kiến giải, tư tưởng của chính chúng ta, cái này quan trọng, mọi người chúng ta ngày nay xem Phật như Thần. Sai rồi! Phật không phải Thần, Phật là người, ở trên cách xưng hô rất rõ ràng, chúng ta xưng Phật Thích Ca Mâu Ni là bổn sư, thầy giáo căn bản. Chúng ta tự xưng mình là đệ tử, chúng ta với Phật Thích ca Mâu Ni có quan hệ như thế nào? Quan hệ thầy trò. Trong tôn giáo không có quan hệ thầy trò, Đạo Phật không phải tôn giáo. Học trò bất tài chúng ta đã biến nó thành tôn giáo. Có lỗi với Ngài, như vậy thì có tội lỗi. Ở Trung Quốc lịch sử Phật giáo biến thành tôn giáo rất ngắn. Thầy Lý đã từng nói với tôi, không vượt qua 300 năm, trong lịch sử ghi lại, thời đại Càn Long. Gia Khánh vẫn chưa thay đổi. Tất cả các đạo tràng tự viện am đường này của Phật giáo đều dạy học, đều lên lớp. Cho nên tự viện am đường là trường học, nó với tự viện không liên can. Cho nên nhà Phật gọi là chùa, chùa

không phải là miếu, trong miếu là tôn giáo, đó là cúng Thần, Phật không gọi miếu, Phật gọi là chùa. Chùa là gì? Chùa là cơ quan làm việc của chính phủ, cơ cấu này trực tiếp thuộc về vua quản lý gọi là chùa, bây giờ nếu có cơ hội quý vị đến Bắc Kinh đến Cố Cung xem, sẽ thấy trong Cố Cung rất nhiều cơ cấu làm việc, treo cái bảng đó cũng là dùng chữ chùa. Cho nên Phật giáo gọi chùa, trực tiếp thuộc về vua quản lý. Giáo dục Phật Đà, từ Hán Minh Đế về sau, Trung Quốc là hai thể hệ giáo dục, một là giáo dục của nhà Nho, thuộc về thể tướng quản lý, cơ cấu này gọi là bộ lễ, lễ bộ là bộ giáo dục, lễ bộ thượng thư tức là trưởng bộ giáo dục. Chùa là giáo dục Phật giáo. Thời đó ngôi chùa thứ nhất là chùa Bạch Mã. Nhớ công của bạch mã, bạch mã chở tượng Phật, có công chở kinh sách, người xưa hiền lành, với súc sanh cũng không quên, nó có công với Phật, cho nên lấy tên của nó đặt là chùa Bạch mã. Đây là giáo dục của đức Phật. Giáo dục của Phật thuộc vua quản lý, không thuộc về thể tướng quản, quý vị xem thể lệ này mãi đến giai đoạn đầu triều nhà Thanh, Khang Hi, Ung Chính, Càn Long đến Gia Khánh, họ đối với Nho Thích Đạo đều thật sự bỏ nhiều công sức. Trong cung đình những tài liệu giảng kinh này, đều ở trong “Tứ khố”. Tôi thấy Tứ khố, thường thường đem các thứ này lật lại xem coi lúc bấy giờ trong cung đình nói như thế nào, đều tồn tại, giảng nghĩa đều tồn tại, đối với Phật giáo đặc biệt tôn trọng, cho nên Phật giáo giảng nghĩa không ở Tứ khố, tại “Đại tạng kinh”, đặc biệt biên soạn một bộ “đại tạng kinh”.

Của Đạo giáo thì ở “Tứ khố”, Nho và Đạo đều ở trong “Tứ khố”, chỉ có Phật giáo là ngoại lệ, đây đối với Phật giáo đặc biệt tôn trọng. Ngày nay chúng ta có sứ mạng, chân chính làm đệ tử Phật phải đem nền giáo dục Phật giáo khôi phục, cho nên chúng ta gọi là giáo dục của đức Phật. Gọi Phật giáo, mọi người sẽ nhầm sẽ nói Phật giáo là tôn giáo, thêm hai chữ, đây là bắt đố dĩ, giáo dục Phật Đà. Chúng ta ngày ngày cùng nhau học tập, đây không phải mê tín. Bây giờ trở thành như thế nào? Người học tập quá ít. Người mang danh nghĩa Phật giáo buôn bán nhiều quá rồi, cái này chúng ta cũng không cần nói nữa, không cần nhắc lại nữa, tự mình siêng năng nỗ lực làm là được. Nhất định phải tìm người cùng chung chí hướng làm hi sinh phụng hiến, làm đệ tử chân thật của Như Lai, sứ mạng công đức này không thể nghĩ bàn.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 73

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 08.07.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, bắt đầu xem từ hàng thứ hai trang 86. Đoạn văn này là Hoàng lão cư sĩ đem năm bản dịch gốc kinh Vô Lượng Thọ, trong năm loại sách này sai biệt rất lớn. Nói cách khác, khi phiên dịch chắc chắn không phải dùng đồng một nguyên bản phạn văn, mới xuất hiện tình hình này.

Căn cứ khảo chứng của chư vị cổ đức ngày xưa, nguyên bản phạn văn chí ít có ba loại không đồng nhau. Tại sao có ba loại? Đương nhiên có khả năng nhất là lúc Đức Thế Tôn còn tại thế giảng qua ba lần, thậm chí trên ba lần. Vì sao? Bởi cuốn sách này đã thất truyền bảy bản phiên dịch. Nên bộ kinh này truyền đến Trung Quốc rất sớm. Thời nhà Hán nó đã có bản dịch của An Thế Cao, chúng ta cũng biết niên đại đó rất sớm. Thời kỳ sớm đã đến Trung quốc.

Cho đến Nam Tống tám triều đại, cũng gần 800 trăm năm. Trong thời gian dài đó, tổng cộng phiên dịch mười hai lần. Nguyên bản phạn văn từ Ấn Độ truyền sang, không ngừng lưu thông vào Trung quốc. Mỗi lần truyền vào có thể không giống với lần trước, và toàn bộ đều phiên dịch. Đây là căn cứ hiện tại đang tồn tại năm loại sách, phán đoán ít nhất có ba loại nguyên bản. Ngoài ra bảy loại đã thất truyền thì không bàn đến nữa. Nếu có bảy cuốn này, có thể vẫn còn phát hiện những cái bất đồng.

Đức Thế Tôn lúc còn tại thế, một đời giảng kinh giáo hoá. Trong kinh điển ghi chép, ngài ba mươi tuổi khai ngộ. Một số người gọi là thành đạo, thành đạo chính là khai ngộ. Sau khi khai ngộ ngài bắt đầu giáo hoá cho đến già chết. 79 tuổi ngài niết bàn. Giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Hội này giống như hiện nay chúng ta mở lớp, một hội là giảng một phần. Một phần này có lớn có nhỏ. Một phần lớn có thể giảng vài năm, cũng có thể giảng một bộ kinh. Như “Đại Bát Nhã Kinh”, đây là một mục lớn. Còn nhỏ thì một hai người đến tìm Thế Tôn thỉnh giáo, đưa ra vấn đề và ngài giảng. Nhỏ thì có thể nói là một hai giờ đồng hồ. Như vậy cũng tính là một hội.

Trong A Hàm chúng ta xem thấy một bộ kinh nhỏ, có văn tự của một vài bộ kinh nhỏ khoảng ba bốn trăm chữ. Đó cũng là một bộ kinh. Như “Bát Nhã Tâm Kinh” đó cũng là một bộ kinh, hai trăm sáu mươi chữ. Nên to có nhỏ có hợp lại cũng có mấy ngàn bộ kinh.

Mấy ngàn bộ kinh này, chúng ta biết lúc Đức Thế Tôn giảng kinh giáo hoá, không có sách, không có văn tự, đến bản thảo không có, đề cương cũng không có. Nguồn gốc của kinh điển là sau khi Thế Tôn diệt độ. Đệ tử của ngài đã nghĩ đến giáo huấn của Thế Tôn, những lời dạy này đáng trân quý, nếu không truyền cho hậu thế thì thật đáng tiếc. Nên từ trong ký ức, trong này cũng có người truyền pháp. Tôn Giả A Nan truyền pháp. Trong tất cả người tu học A Nan là người có ký ức tốt nhất, hầu như sau khi nghe qua một lần, Ngài có thể hoàn toàn nhớ lại không hề quên. Nên thỉnh A Nan phức giảng, đem tất cả những gì Đức Thế Tôn giảng tuyên lại một lần. Năm trăm tỷ kheo làm chứng, năm trăm A la hán nghe. Nghe và mọi người đều đồng ý. Không sai, Đức Thế Tôn đã nói như vậy. Như vậy mới ghi lại.

Nếu có một người phản đối đều không được. Chỉ cần có người nói hình như câu này Đức Phật không nói như vậy, thì câu đó phải xoá đi. Làm như vậy để đặt niềm tin cho hậu thế, nên kết tập kinh điển đã nghiêm khắc như vậy, và lưu truyền về sau. Những tài liệu Phật giảng lúc tại thế vô cùng trân quý. Lưu lại những thứ này, chúng ta đều biết Đức Thế Tôn lúc đó giáo hoá, dạy người hiểu lý lẽ, minh bạch đạo lý. Dạy người hiểu nhân quả. Dạy người làm sao làm người, làm sao xử thế, làm sao đối nhân tiếp vật. Ngài dạy người như vậy, và truyền đến hôm nay kinh điển biến thành tụng. Nó vốn không phải để chúng ta tụng. Nếu để tụng, thì năm đó Thế Tôn nên viết vài bộ kinh để mọi người tụng, không có.

Nên chúng ta nhất định phải hiểu rõ, Đức Thế Tôn là thân phận gì, giống như Không Tử Trung quốc vậy. Địa vị là thầy giáo, chức vụ là thầy giáo. Chức vụ thầy giáo này của Ngài, không thu học phí của người khác, chính là thầy giáo tình nguyện. Làm thầy giáo tình nguyện suốt 49 năm. Người học với ngài rất đông, và sau đó kết tập thành kinh tạng. Tài liệu phong phú này được lưu truyền về sau. Khi truyền đến Trung quốc không phải là hoàn chỉnh, vì lúc đó giao thông không phương tiện. Kinh điển là viết tay, viết trên lá cây Bối Đa La, vô cùng quan trọng. Nên cao tăng Ấn độ đến Trung quốc, Cao tăng Trung quốc đến Ấn độ đi thỉnh kinh, chọn lựa rất kỹ càng tỷ mỉ.

Sách phiên dịch chữ Hán, là tuyển chọn tinh hoa nhất, tốt nhất trong kinh điển phạn văn của Ấn độ. Đương nhiên cũng phải thích hợp với nhu cầu của người đông phương chúng ta. Không đem về được tất cả, thật đáng tiếc vô cùng. Và những thứ còn lại đó hiện nay đã thất truyền toàn bộ. Hiện nay bảo tồn hoàn chỉnh nhất vẫn là bản dịch chữ Hán. Tiếng Tây Tạng bảo tồn một bộ phận. Bản chữ Hán bảo tồn hoàn chỉnh nhất. Nên chúng ta phải hiểu, những kinh điển này Đức Thế Tôn giảng dạy khi còn tại thế.

Chúng ta học Phật là tiếp nhận giáo dục của Phật đà, cần phải hiểu điều này, với Tôn giáo không có tương can gì. Đức Thế Tôn không phải thần, cũng không phải tiên, ngài là con người. Phật nghĩa là gì chúng ta phải hiểu cho rõ ràng. Người Ấn độ xưng là Phật đà, người Trung quốc gọi là Thánh nhân. Phật và Thánh ý nghĩa tương đồng. Định nghĩa của Thánh là thấu triệt chân tướng sự thật. Hay nói cách khác, Thánh nhân là một người minh bạch, phàm phu chúng ta là người hồ đồ. Thánh nhân là người minh bạch, ý nghĩa của “Phật” là giác ngộ. Giác ngộ không phải chính là minh bạch sao? Nên Ấn độ xưng Phật đà với Trung quốc gọi Thánh nhân, ý nghĩa này có thể nói là vô cùng tương đương. Nên ngài không phải thần cũng không phải tiên.

Hiện nay những học sinh hậu thế này có lỗi với thầy giáo. Vì sao? Đem giáo dục của Phật Đà biến thành Tôn giáo. Quý vị nói có hồng bút rồi không? Tôn giáo là mê tín. Trong nhà Phật lễ Phật lễ Bồ Tát, còn chúng ta lễ tổ tiên ý nghĩa tương đồng. Thận chung truy viễn, ý nghĩa tức là kỷ niệm. Với lễ bái thần trong Tôn giáo hoàn toàn không như nhau. Chúng ta kỷ niệm vị thầy giáo này, Chư vị Bồ Tát là học sinh trước đây, là sư huynh của chúng ta. Là những sư huynh vô cùng thành tựu. Như 72 vị hiền của Khổng lão phu tử vậy. Trong ba ngàn

đệ tử, có 72 nhân tài kiệt xuất. Đó là hiền nhân, trong Phật pháp gọi là Bồ Tát, không thể không biết.

Giáo dục tốt như vậy, nội dung tốt như vậy không người biết. Người y theo giáo dục này để học tập quá ít. Chúng tôi thật may mắn khi đã gặp được thầy Đông Phương Mỹ, mới thấu triệt được vấn đề này. Vốn dĩ chúng tôi đều không tin tưởng, vì cho rằng nó là Tôn giáo, là mê tín, bây giờ đã hiểu rõ ràng minh bạch. Sau này tôi gặp được Chương Gia Đại sư, ngài khuyên tôi xuất gia, khuyên tôi phải thật sự làm. Trách nhiệm này rất lớn, sứ mạng này vô cùng thiêng liêng, không dễ dàng gì. Chúng ta phải đem Phật pháp trở về với giáo dục. Đức Thế Tôn là một nhà tư tưởng, một nhà triết học, là một nhà giáo dục. Phải hiểu rõ ràng minh bạch điều này.

Giáo dục này xác thực có thể cứu xã hội, có thể cứu thế giới này. Lời này không phải tôi nói. Niên đại 70, tiến sĩ Thang Ân Tử nước Anh đã nói. Lời này nói là thật, hoàn toàn không phải giả. Ông ta nói cần phải giải quyết vấn đề của xã hội thế kỷ 21. Vấn đề này hiện nay vô cùng nghiêm trọng, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh với Phật pháp đại thừa. Mới biết đúng đắn và thấu triệt điều này thật không dễ! Nhưng không tinh tấn tu học, thì không thể y giáo phụng hành. Những giáo huấn trong kinh điển không nhìn ra được, hướng gì hầu như tuyệt đại bộ phận là kinh được phiên dịch hoàn thành trước triều đại Nam Tống. Nhưng vẫn được xem là rất khó gặp. Các đại sư phiên dịch kinh đều có trí tuệ cao độ. Dùng văn tự rõ ràng nhất, gần như là văn bạch thoại. Ngày xưa dùng văn bạch thoại này, khiến giáo dục Phật giáo tuyên truyền phổ biến khắp nơi. Nên lối hành văn của văn tự trong kinh Phật này, trong văn tự học được xưng là biến văn. Biến của biến hoá, so với cổ văn hoàn toàn không giống nhau, dễ hiểu hơn cổ văn rất nhiều.

Quý vị xem văn chương thời Hán Đường. Quý vị xem Kinh Phật, Kinh Phật này phiên dịch từ thời Hán. Chúng ta so với cổ văn, thì rất dễ hiểu. So ra cổ văn khó hơn rất nhiều. Nên người dịch kinh cũng rất dụng tâm. Tuy rất rõ ràng, nhưng bây giờ không có cơ sở văn học, nên vẫn rất khó khăn. Nên chúng ta học Phật không thể không học thể văn cổ. Bây giờ thầy giáo dạy thể văn cổ cũng không có. Chúng ta rất cảm kích các chuyên gia học giả đời trước, bây giờ họ không còn cũng không có người học. Nhưng tư liệu mà họ lưu lại, nếu chúng ta quả nhiên dụng công, có thể đem những bài học này bổ túc thêm.

Nhật báo quốc ngữ Đài Loan, xuất bản bộ sách “Cổ Kim Văn Tuyển”. Đây là tâm huyết của các chuyên gia học giả đời trước, họ phiên âm rất chính xác, chú giải cũng rất kỹ càng tường tận. Hiện nay toàn tập hình như có mười sáu mươi bảy cuốn, bìa cứng. Nếu chúng ta học tập từ chỗ này, chỉ mất thời gian hai năm, sau đó đọc kinh Phật sẽ không có chút chướng ngại nào. Việc này không thể không làm, phải cần dùng hai năm công phu, để tìm cổ văn đem trở về lại. Nó sẽ giúp chúng ta đột phá văn tự trong kinh Phật, chướng ngại văn tự không còn. Chúng ta có thể xem hiểu, mới có thể biết học như thế nào.

Kinh điển, kinh Vô Lượng Thọ phiên dịch rất đặc thù. Mấy bản dịch này, nội dung trong đó sâu cạn sai biệt rất lớn. Hoàng lão cư sĩ trong chú giải này nói rất tường tận, văn tự không khó hiểu. Bây giờ chúng ta đọc tiếp đoạn sau.

“*Nhật bản nhật kê sư*”, tên của Pháp sư này. “*Diệc đồng trầm thị chi thuyết*”. Ở trước là nói Trầm Thiện Đăng cư sĩ thời nhà Thanh. Ông ta là người dưới thời Đồng Trị, cũng là sau Hàm Phong. Trong “*Báo Ân Luận*” Ngài đã đưa ra vấn đề này. Trong đó Ngài quan trọng nhất, chính là cho rằng người phiên dịch, căn cứ nguyên bản phạn văn không phải một cuốn, mới có xuất hiện vấn đề như bây giờ. Cách nhìn của Đại sư Nhật Khê người Nhật bản với Trầm cư sĩ tương đồng. “*Y vân, dị dịch văn cú, dữ kim kinh, chỉ Ngụy dịch bản*”.

Cuốn sách của Khương Tăng Khải, cuốn này dịch rất tốt. Nên xưa nay, Trung quốc, Nhật bản, Hàn quốc học tập kinh Vô Lượng Thọ đều thích dùng cuốn của Khương tăng Khải. Khương Tăng Khải là thời đại Tào Ngụy tam quốc Trung quốc, là người của thời đó, cũng dịch vào thời đại đó.

“*Sảo sai dị giả bất thiếu*”, y cứ theo bốn cuốn sách khác, với kinh hiện nay họ đang áp dụng học tập sách của Khương tăng Khải. Vừa so sánh đã phát hiện trong đó sai biệt rất lớn, sai biệt không ít. “*Tư phu, đa dị bản*”, tư phu ở đây, chúng ta thử suy nghĩ, nhiều cuốn sách bất đồng như vậy. “*Truyền giả bất nhất*”, người truyền nhiều. “*Có tri tư dị*”, vì thời đó đều là viết tay, không phải in ấn. viết tay có khi viết sai, viết sót, viết thành chữ khác, điều này không thể tránh khỏi. Kinh nghiệm này chúng ta đều có. “*Diệc hoặc phi nhất thời thuyết, lệ như Bát Nhã Chư Kinh*”. Đây chính là Phật nói không phải cùng một lúc mà nhiều lần tuyên giảng. “*Dĩ thử kinh Như Lai bốn hoài, xứ xứ dị thuyết, trí thử đa bốn. Cái thử đại bi chi cực xứ dã*”. Mấy câu này nói rất hay, vì Phật dạy chúng sanh trong một đời tu hành chúng quã.

Ở trong tất cả các kinh, bộ kinh này là thù thắng nhất. Có lý luận, có phương pháp. Từ xưa đến nay, người y theo bộ kinh này tu hành thành tựu rất nhiều. Đây là đại từ đại bi, không phải nói một lần mà nói rất nhiều lần. Nên nguyên bản phạn văn có mấy loại bất đồng. Mỗi lần nói không thể hoàn toàn tương đồng. Tôi y theo cuốn kinh này, cuốn hội tập của Hạ Liên Cư lão cư sĩ. Tôi y theo cuốn sách này giảng bộ kinh này mười lần. Tôi giảng mười lần đó hiện thu vào băng đĩa, mỗi lần đều không giống nhau. Có người muốn đem nó viết thành giảng ký, hỏi tôi căn cứ vào lần nào. Tôi nói tốt nhất cả mười lần đều nghe, quý vị cũng làm cuốn sưu tập. Đây là lần thứ mười một. Lần thứ mười một chúng tôi sẽ hoàn toàn giảng giải chú giải của Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ. Đây cũng là lần quen biết giữa tôi và Hoàng lão cư sĩ. Ông ta lớn hơn tôi khoảng mười mấy tuổi, khi viết chú giải này ông ta đang bệnh, vô cùng đau khổ. Nhưng ngày đêm không nghỉ, đem chú giải này viết hoàn thành. Thật là hy hữu, không dễ dàng gì.

Đây là chư Phật Bồ tát, chư vị tổ sư đại đức từ bi vô lượng. “*Dĩ thượng chư đức*”, chính là chư vị đại đức ở trên. “*Giai chủ bốn kinh nữ Thế Tôn đa độ tuyên thuyết chi pháp thật hữu sở cư*”. Ngày xưa chư vị đại đức này chủ trương, Kinh Vô Lượng Thọ xác thực là Thế tôn nhiều lần tuyên giảng. Không phải như các kinh khác chỉ giảng một lần, không giảng trùng

lặp lại. Bộ kinh này rất đặc thù, nhiều lần tuyên giảng. Bên dưới họ đưa ra một ví dụ. “*Lê như bốn kinh ‘Đường Dịch’ bốn danh ‘Vô Lượng Thọ Như Lai Hội’, nãi ‘Đại Bảo Tích Kinh’ trung nhất hội chi văn. Túc chứng Phật thuyết ‘Bảo Tích Kinh’ thời, diệc tuyên thuyết bốn kinh dã*”.

“Đại Bảo Tích” là một mục lớn, trong mục này phân thành hai mươi mấy hội. Mỗi hội là một mục nhỏ. Hơn hai mươi hội hợp lại thành một mục lớn. Trong mục lớn này ngài giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Đề kinh này gọi là Vô Lượng Thọ Như Lai hội, một hội trong Kinh Đại Bảo Tích, đây chính là chứng cứ của nhiều lần tuyên giảng. “*Trâm thị hựu vân, Ngụy dịch văn từ tường đảm, nghĩa lý viên túc. Cố tự lai giảng gia đa cứ chi. Đường dịch sai dữ tương cận, cái đồng nhất phạm bốn dã*”. Đường dịch này chính là “Vô Lượng Thọ Như Lai Hội” trong Kinh Đại Bảo Tích, với bản dịch lưu thông rộng nhất hiện nay của Khương Tăng Khải thì giống nhiều sai biệt ít. Họ phán định đây là một nguyên bản. Một nguyên bản nhưng hai loại phiên dịch.

Họ nói “*Tổng dịch diệc thậm minh sướng nhi từ cú tiền hậu đại dị hựu nhất phạm bốn dã*”. Ở đây khẳng định không cùng một cuốn. “*Hán ngô nhị dịch, văn từ chuyết sát, nhi nghĩa hữu tương bỏ bị giả tắc hựu nhất phạm bốn dã*”. Đây là xem năm loại bản dịch hiện nay, ít nhất có ba bản tiếng phạm bất đồng. Điều này nói cũng rất có lý. “*Trâm thị tuy vị năng trực tòng cổ phạm giáp thủ chứng, dẫn kim nhược tế cứu tồn thế chi ngữ dịch, khả thôi tri đương niên phạm giáp chí thiếu hữu tam chủng, Cố tri trâm thị chi thuyết khả tin*”. Truyền đến Nhật bản, Nhật bản có mấy vị pháp sư cũng có cách nhìn này. “*Chí u tha sư hữu nhận vi ngữ dịch chỉ thị đồng bốn dị dịch, các bốn sai dị chỉ nhân dịch giả ý lạc bất đồng*”. Lãnh ngộ và cảm thọ của mỗi người không giống nhau. Nên nói nguyên bản hình như là một, có người cũng có cách nhìn này.

Hoàng lão cư sĩ cho rằng: “*Thật vị năng phục nhân*”. Cách nói này không có cách nào bảo người tâm phục khẩu phục. “*Lê như bốn kinh tiểu bốn Tàn Đường lưỡng dịch*”. Tiểu bốn này là kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà có hai cuốn, La Thập đại sư dịch “*La Thập đại sư nhân Tàn nhân thượng giản*”. Lúc đó đại sư đến Trung Quốc là thời đại Diêu Tàn. Diêu Tàn kiến quốc hiện nay là hành lang ranh giới của Cam Túc Hà Tây. Người xưa thích đơn giản dễ hiểu chứ không thích phiền phức. “*Nãi nhiếp thập phương Phật vi lục phương Phật, thủ thành dịch giả ứng cơ chi diệu, văn giản ứng cơ, nhi kinh nghĩa vô thất. Thị thị vi dịch giả chi ý lạc dữ thiện xảo dã*”. Điều này có thể nói thông được.

La Thập đại sư dịch Kinh A Di Đà. Huyền Trang đại sư phiên dịch là trực dịch. Trong đó nói về mười phương Phật. La Thập đại sư dịch thành sáu phương Phật, lược bớt bốn phương. Đây là do người phiên dịch có sở thích và cách nhìn không giống nhau. Nhưng nghĩa trong kinh hoàn toàn không thay đổi. “*Chí u bốn kinh chư dịch chi sai biệt đại dị u thị, bất đản tường lược bất đồng, tả nghĩa lý chi thâm quảng diệc dị. Cố bất ứng thị dịch nhân ý lạc bất đồng dã*”. Thử xem các kinh điển khác, cùng một bản dịch nhưng khác người dịch.

Chúng ta hãy xem năm bản không giống nhau của Kinh Vô Lượng Thọ. Hay nói cách khác, khẳng định đây không phải là một bản phạn văn. Bên dưới đưa ra một ví dụ nói, ví như Di Đà đại nguyện. Điều này rất quan trọng. Nói cách khác đại nguyện này là tin tức quan trọng mà Phật A Di Đà truyền cho thế nhân. Trong bộ kinh này đoạn trọng yếu nhất chính là đại nguyện.

“Lệ như Di Đà đại nguyện, nữ tịnh tông chi duyên khởi dĩ bản kinh chi cương tông. Nhi thập niệm tất sanh chi nguyện”. Câu này quá quan trọng. Chúng ta làm sao để vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc? Khi sắp mạng chung đầu óc phải tỉnh táo, có người nhắc nhở họ niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Mười niệm là có thể vãng sanh. Cơ duyên này là mấu chốt, một đời không gặp Phật pháp, khi sắp mạng chung, trước khi tắt thở có người nói với họ, buông bỏ tất cả niệm Phật cầu vãng sanh. Cầu vãng sanh là cầu tịnh độ, họ nghe sẽ có thể tin. Và họ phát nguyện muốn đi. Điều kiện đầu tiên là đầu óc tỉnh táo. Nếu người bị bệnh ngờ nghệch thì không còn cách nào khác.

Sau khi nghe sẽ hoan hỷ, tin tưởng, phát nguyện. Đây là thiện căn phước đức của chính họ. Mọi người đứng bên cạnh dẫn họ niệm Phật. Niệm mười tiếng Phật hiệu họ tắt thở khẳng định vãng sanh Cực Lạc. Đây là bốn nguyện của Phật A Di Đà, điều này quan trọng biết bao! Đây là tinh túy “Di Đà đại nguyện chi tuý”. *“Thử nguyện kiến ư Ngụy Đường lưỡng dịch”*, đây là vừa đưa ra một ví dụ, sách của Khương Tăng Khải. Cuốn Đại Bảo Tích kinh Vô Lượng Thọ Như Lai hội, có mười niệm tất sanh. Mà nguyện văn trong hai bản dịch thời Hán Ngô không có mười niệm tất sanh. Sao lại có sai biệt lớn như vậy? Đây hầu như là việc không thể có.

“Nhược vị Ngụy Đường lưỡng dịch chi tứ thập bát nguyện, dĩ Hán Ngô lưỡng dịch chi nhị thập tứ nguyện. Giáp thị dịch bút khai hợp chi bất đồng, tắc thật nan tự viên kỳ thuyết”. Nguyện văn này có bốn mươi tám nguyện, có hai mươi bốn nguyện. Người phiên dịch chắc chắn không thể đem bốn mươi tám nguyện biến thành hai mươi bốn nguyện. Cũng nhất định không thể đem hai mươi bốn nguyện này phân khai thành bốn mươi tám nguyện. Điều này không thể được, đây khẳng định là do hai bản phạn văn bất đồng. Cũng nói rõ khẳng định Đức Phật thuyết hai lần, chứ không phải một lần.

Cho nên nói: *“Thế gian yên hữu như thị đại đảm chi dịch nhân, cảm suất tự ý vọng san đại nguyện chi tâm tuý”*. Đây là cách nhận định của Hoàng Niệm Lão: *“Cổ tri tất thị sở cứ chi nguyên phạm bốn bất đồng phương hữu thử dị nhi”*. Đại nguyện này, trong năm cuốn sách thì có ba loại bất đồng, bất đồng quá lớn. Không thể có sai lầm như thế. Có hai mươi bốn nguyện, có bốn mươi tám nguyện, có ba mươi sáu nguyện. Nên căn cứ thuyết này ít nhất có ba loại bất đồng. Phật tại thế tuyên giảng ít nhất ba lần.

“Hựu như ‘Ngô dịch’ nhị thập tứ nguyện trung, hữu quốc vô nữ nhân, dĩ liên hoa hoá sanh chi thắng nguyện”. Điều này rất quan trọng. *“Nhi Ngụy Đường lưỡng dịch tuy cụ tứ thập bát nguyện”*. Không có hai nguyện này, không có nước không nữ nhân và liên hoa hoá sanh, không có hai nguyện này. *“Nhược vị nguyên bản thị nhất chư dịch chỉ thị khai hợp bất đồng”*.

Tắc thỉnh vấn ‘Ngô dịch’ thử nhị nguyên tùng hà nhi lai. Hà dĩ nhị thập tứ nguyên trung hữu chi tứ thập bát nguyên chi bốn cánh nhiên vô chi. Khả kiến chư dịch sở cứ chi nguyên giáp bất nhất’. Chính là nguyên bản phạn văn không phải một cuốn.

“*Chánh như Trâm Thiện Đăng thị sở thuyết bản kinh mong Thế Tôn đa độ tuyên thuyết. Hưu nhân phạn giáp dị thoát lạc nãi hữu bất đồng chi nguyên bản nhĩ. Tùng thượng chi lệ, khả kiến hội tập chư dịch thật hữu tất yếu’.* Trong năm cuốn sách này khác biệt rất lớn, sâu cạn không giống nhau. Đây là lúc Thế Tôn tại thế, vì căn cơ thính chúng bất đồng, nên tuyên giảng thiện xảo phương tiện cũng không tương đồng. Khi kết tập kinh tạng, tất cả đều kết tập, nên nguyên bản không đồng, không phải cùng một bản. Và cả năm bản đều lưu truyền.

Hôm nay chúng ta phải học tập, cần phải đọc cả năm bản này. Vì sao? Trong đó có rất nhiều điều quan trọng. Chẳng hạn như cuốn này có mà cuốn kia không có, nếu ta đọc một bản, thì sẽ không đạt được tin tức viên mãn. Chúng ta nên nghe cả năm lần, mới thật sự thấu triệt. Như vậy đối với người sơ học không tiện lợi. Học Kinh Vô Lượng Thọ phải học cả năm bản. Nên trải qua nhiều thời đại học tịnh độ đều học Kinh A Di Đà . Người học kinh Vô Lượng Thọ không nhiều, nguyên nhân là như vậy. Kinh Vô Lượng Thọ quá nhiều bản, không có bản nào hoàn thiện cả. Nên cổ nhân mới nghĩ đến sưu tập các bản dịch quan trọng thành Tập Đại Thành.

Tập Đại Thành của năm loại nguyên bản dịch, biên tập thành bản mới. Điều này rất cần thiết. “*Thị dĩ tùng Tống chí kim’*”, Vương Long Thư nhà Tống là người đầu tiên làm. Tên của Vương Long Thư là Nhật Hưu. Nhật của nhật nguyệt, Hưu của hưu tức, gọi là Vương Nhật Hưu. Long Thư là địa danh, địa danh này ở Thư thành An Huy, cạnh bên Lô Giang chúng tôi. Ông ta người Đồng Thành Phái, người ở địa bàn này, ông là người Thư thành. Là người làm sách sưu tầm đầu tiên. Người đầu tiên làm sách sưu tầm là một nhà học vấn. Đại thiện tri thức phát tâm này. Năm loại nguyên bản dịch, ông ta chỉ xem bốn bản. Bản dịch đời Đường “Bảo Tích Kinh”, trong đó mục Vô Lượng Thọ ông không nhìn thấy.

Nói cách khác, bộ sưu tập này của ông vẫn bị sót, không thể gọi là hoàn chỉnh. Nhưng bộ sưu tập này rất tốt. Dịch thực thì sau khi xuất bản, được nhập vào “Long Tạng”. Nhật Bản thu nhập vào “Đại Chánh Tạng”. Học tập Kinh Vô Lượng Thọ, người dùng cuốn sưu tập của ông ta rất nhiều, so với người đọc bản của Khương Tăng Khải còn nhiều hơn. Đến Liên Trì Đại Sư chú giải Kinh Di Đà sơ sao, dẫn dụng kinh văn của Kinh Vô Lượng Thọ, đều dùng bản sưu tập của Vương Long Thư. Có thể thấy nó ảnh hưởng rất lớn.

Thứ hai là Bành Nhị Lâm, chính là Bành Tế Thanh. Bành Tế Thanh làm cuốn này là hiệu chính. Là dùng bản của Khương Tăng Khải, trong bản của Khương Tăng Khải có rất nhiều chỗ khó đọc, nên ông ta đem văn tự chỉnh lý lại, cũng đồng nghĩa là lược bớt_ hiệu đính, lược bớt. Ông ta dùng một bản, không thể gọi là hội tập.

Lần thứ hai hội tập là Ngụy Mặc Thâm_Ngụy Nguyên, là người nhà Thanh niên đại Hàm Phong.

Lần thứ ba là cư sĩ Hạ Liên Cư, và tiên sư Hạ Liên Cư là lần thứ ba hội tập, vào năm đầu của dân quốc. Thật không dễ. Bản hội tập này của ông xuất bản lần đầu tiên, trong tay tôi còn có một bộ, là bản tuyển trang. Không giống với bản chúng ta hiện nay. Bản của chúng ta hiện nay phân thành bốn mươi tám phẩm. Nguồn gốc sớm nhất của hội tập này là ba mươi bảy phẩm. Đại khái lấy ý nghĩa ba mươi bảy đạo phẩm để hội tập.

Từ Châu Pháp Sư ở Tế Nam, Bắc Kinh từng giảng qua, mà còn làm qua khoa phán. Khoa phán này của ông, Hoang Niệm lão tặng tôi một phần, Hoang Niệm Lão in ra một phần tặng tôi. Tôi vẫn còn bộ tư liệu này. Bản hiện tại là sau khi Hạ Lão cư sĩ hội tập đã cải sửa mười lần. Sửa đổi mười lần mới hoàn thành định bản này. Định bản này tôi cũng làm khoa phán cho nó, làm rất tường tận. Nên chúng ta có khoa hội. Ở đây có lưu thông, chư vị đều có thể xem được. Khoa hội phân rất kỹ cang. Toàn kinh tư tưởng hệ thống, văn chương mạch lạc, xem qua là hiểu. Ta có thể xem hiểu bản này, thì đối với kinh Phật mới sinh tâm bội phục kính ngưỡng. Tâm này tự nhiên sanh ra.

Đoạn này giảng về năm loại nguyên bản dịch. Bên dưới sẽ nói về bốn loại hội tập và hiệu chính.

“Dĩ thượng ngữ dịch, hồ hữu ưu liệt chương hồi”. Cũng chính là năm loại nguyên bản dịch, đều có sở trường và đều có khiếm khuyết. *“Liệt như thập niệm đắc sanh chi bản nguyện dĩ nhất hướng chuyên niệm chi yếu chỉ. Ư Hán Ngô lưỡng dịch tắc vị chương”*. Hai bản dịch thời nhà Hán, Ngô *“thập niệm đắc sanh”*, bản nguyện này ở đây không có. *“Nhất hướng chuyên niệm”* cũng không có nhắc đến. *“Chỉ u ngữ ác ngữ thông ngữ thiếu chi hồng văn, nãi Thế Tôn khổ khẩu bà tâm chi cáo giới. Ư Đường Tống lưỡng dịch tắc bất cụ”*. Trong hai bản dịch của Đường Tống không có đoạn văn này. Đoạn văn nay vô cùng quan trọng.

Chúng ta hôm nay vì các bạn học tịnh độ, tuyển chọn và quyết định khoá tụng sáng chiều. Còn thời buổi tối thì đọc đoạn văn này.

Nguyện dịch là bản của Khương Tăng Khải, bản này phiên dịch hoàn bị hơn, “vi chư dịch quán”, và lưu thông rộng nhất. *“Đản u quốc vô nữ nhân, dĩ liên hoa hoá sanh lưỡng nguyện”*. Hai nguyện này nó không có, trong bản dịch này không có. *“Cổ Tống Long Thư Vương Nhật Hưu luận chư dịch vân. Kỳ đại lược tuy đồng nhiên kỳ trung thậm hữu sai hồ”*. Ở đây chính là nói năm bản dịch này, đem nó so sánh đối chiếu, và nhìn thấy sự sai biệt. *“Hựu kỳ văn hoặc thất u thái phồn nhi sử nhân yếm quan”*. Văn tự này rườm rà. *“Hoặc thất ử thái nghiêm, nhi tang kỳ bốn chân, hoặc kỳ văn thất trung, nhi kỳ ý tắc thất chi”*. Có rất nhiều khuyết điểm. *“Do thị Thích Ca Văn Phật sở dĩ thuyết kinh, A Di Đà Phật sở dĩ độ nhân chi chỉ. Vạn nhi vô tự, vạn thị tạp loạn”*, *“Uất nhi bất chương”*, uất là trầm buồn. Đây là những hoàng nguyện độ nhân của Thế Tôn với Phật A Di Đà, không có cách nào hiện lên rõ ràng, “dur thâm tích chi”. Dur là Vương Long Thư cư sĩ, nên ông ta phát tâm làm bản tập hội này.

“U thị nãi thủ Hán Ngô Ngụy Tống tứ dịch, hiệu chính hội tập tự vi nhất kinh, danh viết Đại A Di Đà Kinh”. Đây là mở đầu của bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ. Là ở triều Tống có bản như vậy. Bản có sửa chữa, từ nhà Tống đến nay tất cả có bốn bản.

Bản thứ nhất là Đại A Di Đà Kinh. *“Tống quốc học tiến sĩ Long Thư Vương Nhật Hưu hiệu tập”*. Ông ta không nói phiên dịch, ông ta không phải phiên dịch. Ông ta hiệu đính đối chiếu và biên tập lại.

Bản thứ hai là Kinh Vô Lượng Thọ, *“thanh Bồ Tát giới đệ tử Bàn Tế Thanh tiết hiệu”*.

Bản thứ ba gọi là Kinh Ma Ha A Di Đà, cũng là *“thanh bồ tát giới đệ tử thừa quán thiệu dương ngụy nguyên hội dịch”*. Đây là bản hội tập lần thứ hai, tên góc là Vô Lượng Thọ kinh, *“hậu kinh chánh định vương Âm Phước cư sĩ hiệu đính tịnh cải kim danh”*. Ông ta đổi thành Ma Ha A Di Đà Kinh.

Bản thứ tư chính là bản chúng ta đang dùng, *“Phật thuyết đại thừa Vô Lượng Thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh. Hiện đại Bồ tát giới đệ tử vận thành Hạ Liên Cư hội tập”*. Là bản mà chúng ta hiện tại đang dùng.

“U thị bản kinh nãi hữu ngữ chủng nguyên dịch bản, tứ chủng tiết hội tập, cộng hữu cứu chủng”. Chín bản này, chúng ta đã từng in thành một bộ, lượng lưu thông cũng rất lớn. Tiện lợi cho mọi người thích nghiên cứu khảo sát, tiện lợi cho họ làm tham khảo. *“Ngũ dịch chi trung ‘Ngụy dịch’ lưu truyền độc quảng, Vương bản nhất xuất thủ nhi đại chi”*. Vương bản chính là Đại A Di Đà Kinh của Vương Long Thư. *“Liên Trì Đại sư ‘Sớ sao’ trung, ngữ tắc đa tị vương văn. Dĩ Vương bản thế sở thông hành, nhân tập kiến cố”*. Nghĩa là trong kinh Di Đà sớ sao của Liên Trì Đại sư, dẫn dụng kinh Vô Lượng Thọ. Đa phần đều dẫn dụng bản của Vương Long Thư đại A Di Đà kinh.

“Thanh mạt Ấn Quang pháp sư diệc xưng Vương bản vi văn nghĩa tường tất, dữ thế lưu thông. Do thượng khả kiến Vương bản tại ngã quốc chi lưu thông. Viển quá Ngụy dịch”. Sau khi bản hội tập này ra đời, mọi người đều thích bản này, và năm bản dịch này đều không còn học nữa, mà học bản của Vương Long Thư.

Bên dưới nói: *“Vương bản tuy thậm lưu thông, tịnh thâm nhập long tạng dữ nhật bản đại chánh tạng. Dẫn Vương thị chi tác tắc hữu đắc hữu thất”*. Cho nên nó vẫn còn tỳ vết. Có thể thấy việc này thật không dễ. *“Liệt như sớ sao vân”*, đây là lời của Liên Trì Đại sư. *“Vương thị sở hội, giáo chi ngữ dịch, giản dị minh hiển, lưu thông kim thế, lợi ích thậm đại”*. Trước tiên tán thán đối với ngài. *“Đản kỳ bất do phạn bổn, duy chúc hoa văn, vị thuận dịch pháp”*. Ở đây ông ta không phải phiên dịch, không phải từ bản phạn văn trực tiếp phiên dịch qua. Chỉ là châm chúc bản dịch thành hoa văn của tiền nhân. Châm chúc những văn tự này và miên tập lại.

“Nhuộc dĩ phạn bổn trọng phiên, na tị thành lục chủng phiên dịch”. Người khác sẽ không nghị luận về ông ta. *“Cố bỉ bất ngôn dịch nhi ngôn hiệu chính dã”*. Đây là chỗ cần thận của Long Thư. Vậy vấn đề của ông ta ở đâu? *“Hựu kỳ trung khứ thủ cựu văn, diệc hữu vị tận”*. Đây là nói so với bốn loại bản dịch này, chúng ta làm sao để lựa chọn, đây là kiến

thức. Ông ta chọn chưa được thoả đáng. Ở đây có đưa ra ví dụ. “*Như tam bối vãng sanh*”, điều này rất quan trọng. “*Ngụy dịch giai viết phát bồ đề tâm*”. Thượng bối, trung bối, hạ bối đều giảng về phát bồ đề tâm. Nhưng “*Vương thị duy trung bối phát bồ đề tâm*”, trong hạ bối nói là không phát, còn thượng bối thì không đề cập đến. Đây là một đoạn kinh văn vô cùng quan trọng. Vấn đề ở đây rất nghiêm trọng, “tắc cao hạ thất thứ”.

“*Thả văn trung đa thiện căn toàn tại phát bồ đề tâm nhi tam bối bất đồng, đồng nhất phát tâm*”. Quý vị xem, thượng bối, trung bối, hạ bối không giống nhau. Nhưng đều có phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm tám chữ này. “*Phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm*”, đây là điều kiện quan trọng nhất để vãng sanh. Bản hội tập của Vương Long Thư, ở chỗ này có vấn đề. Thượng bối thì không nói đến, hạ bối nói là không phát tâm bồ đề. Điều này không thể, đây là sai lầm nghiêm trọng.

“*Liên Trì đại sư sở luận tinh yếu, chánh trung yếu hại, Vương thị tự tự trung hữu văn tuý tạp nhi thất thống, thác loạn nhi bất luận giả. Tắc dụng kỳ ý nhi tu kỳ từ*”. Mấy câu này, Kỳ văn là nói kinh văn nguyên bản dịch, nguồn gốc bốn bản kinh văn phiên dịch này, “*tạp nhi thất thống, thác loạn nhi bất luận, tắc dụng kỳ ý nhi tu kỳ từ*”. Dụng kỳ ý ở đây là dùng văn tự của mình để nói đại ý trong kinh. Điều này cổ nhân đã có nghị luận, vì ta biên tập sách của người khác, nhất định phải dùng văn tự gốc của họ, không thể dùng văn tự của mình để thay đổi. Ví dụ này nếu mở ra, về sau phiền phức rất lớn. Mọi người đều có thể sửa đổi kinh, như vậy kinh sẽ cải thành như thế nào đây. Nhất định không thể chỉnh sửa. Hội tập cần phải giữ quy tắc này. Đây là Long Thư có nhiều khi đã dùng ý của mình, đem văn tự gốc sửa đổi. Điều này bị người đời sau chỉ trích.

“*Thị chánh Liên Trì đại sư sở chỉ, bất do phạn bản, vị thuận dịch pháp chi thâm bệnh*”. Liên Trì đại sư nói rất hàm súc. Hoàng lão nói rõ cho chúng ta, chúng ta đã hiểu rõ đã minh bạch. Bậc cổ nhân trách cứ người cũng rất nhân hậu. Cũng không phải dùng lời rõ ràng để trách cứ. Rất nhân đạo, rất uyển chuyển. Đây đều là chỗ mà chúng ta nên học tập.

“*Kim nãi hội tập, yên năng bất thủ nguyên ngữ*”. Hội tập nhất định phải nhớ phải giữ nguyên ngôn ngữ. “*Nhi nhậm ý hành văn thị nãi vạn vạn bất khả dã*”. Đây là một cảm ký rất lớn. “*Chỉ u tam bối phát tâm diệc nhiên, thiện cải Ngụy dịch hựu phục cao hạ thất thứ*”. Tam bối phát tâm này là phát bồ đề tâm. Thượng bối không đề cập đến. Trung bối nói phát bồ đề tâm. Hạ bối nói không phát. Đây là một sai lầm nghiêm trọng. Đây là “*Vương bản nan yểm chi từ*”, là sai sót của ông ta.

Đối với bản thứ hai “*Thanh Càn Long Bành Nhị Lâm, danh Siêu Thăng*”. Ông ta còn một tên là Tế Thanh_Bành Tế Thanh. “*Diệc u Vương bản nghĩa hữu vị an*”. Ông ta đối với bản của Vương Long Thọ cũng nghiên cứu rất sâu. “*U sở trước Vô lượng Thọ Kinh khởi tín luận trung. Luận vương bản viết, Vương thị bản giáo vi sưong đạt, cận thế thông hành, nhiên hữu khả nghị giả. Như tự phân trung du bộ thập phương dĩ hạ quảng minh bồ Tát hạnh nguyện. Vi linh hành giả phát khởi đại tâm, tích tập đức bốn, cứu cánh thành Phật. Nãi thị thử kinh*”

khai chương yếu lĩnh nhi vương thị san chi”. Trong bản hội tập của Long Thư không có đoạn này. Đoạn này vô cùng quan trọng, nhưng ông ta đã sơ suất.

“*Chí vãng sanh thượng hạ nhị bối nhất san khứ phát bồ đề tâm*”. Ông ta không nói, câu này không có. Thượng bối vãng sanh, không có phát bồ đề tâm, là câu này. Hạ bối vãng sanh, ông ta nói không phát. Hạ bối vãng sanh này là “*nhất vân bất phát*”. “*Thai sanh nhất tiết, san khứ nghi hoặc, Phật trí nữ chí thắng trí*”. Năm câu kinh văn này, năm câu kinh văn này vô cùng quan trọng. Ông ta không đem nó đưa vào trong. Nên “*tiền tắc quai thành Phật chi chánh nhân*”, chính là phát bồ đề tâm. “*Hậu tắc thất vãng sanh chi chánh trí*”, chính là nghi hoặc Phật trí cho đến Thánh trí. Ông ta đã sơ suất đoạn văn tự này, nên “*thất vãng sanh chi chánh trí*”.

Con người vì sao lại thai sanh, thế giới tây phương Cực Lạc vì sao có thai sanh? Sanh đến biên địa cũng xem là không tệ. Vì sao sanh đến chỗ này? Đối với thế giới Cực Lạc chưa đủ tín tâm. Tín tâm không đủ mà thật niệm Phật, thật nguyện ý cầu vãng sanh. Giống như cá độ vậy, có thì tôi thành công, không thì thôi. Chính ý niệm này, họ không thể nhập phẩm vị, mà sanh đến biên địa. Như vậy cũng rất khó gặp, họ đã thật sự làm. Tuy họ có vấn đề, nhưng họ đã thật sự làm. Lỡ như thật, không phải tôi đã thành công rồi sao? Quý vị xem, chỉ một ý niệm sai lầm. Trong tín tâm bị khiếm khuyết, nên họ sanh đến biên địa. Từ biên địa đến thế giới Cực Lạc phải mất năm trăm năm. Sau năm trăm năm họ tin tưởng, tín tâm thanh tịnh, nghi hoặc không còn, mới có thể nhập vào hạ phẩm hạ sanh. Họ thấp hơn một bậc so với hạ phẩm hạ sanh. Nên quyết định không thể có nghi hoặc trí Phật, không được nghi hoặc.

“*Tha như tự thứ nguyện văn hậu tiên suyễn thác, giai đương hiệu chính. Bành thị giám u Vương bản chi thất, nữ chuyên tự ‘Nguy dịch’ khứ kỳ phồn phức, tịnh án vân thê bản*”. Vân thê là Liên Trì đại sư. “*Tăng nhập tứ thập bát nguyện tiên hậu số mục, nhưng danh Vô Lượng Thọ kinh, thị vi đệ thất bản*”. Bản thứ bảy. “*Vương bản vi đệ lục bản*”, bản của Vương Long Thư là bản thứ sáu. Bành Tế Thanh là bản thứ bảy. Nhưng bản của ông ta là Nguy dịch, chính là bản lược bớt của Khương Tăng Khải, đem những chỗ phiền phức xoá bỏ, làm thành bản chi tiết. Đem 48 nguyện thêm điều mục vào. Bản này cũng có lưu thông nhưng không rộng.

Cho nên “*đản thử bản chỉ thị Nguy dịch chi tiết hiệu bản, nhi phi chư dịch chi hội tập bản*”. So sánh hai bản, bản của Bành Tế Thanh tốt hơn bản của Khương Tăng Khải, khi đọc rất thuận. “*Cận đại Đinh Phước Bảo cư sĩ tác Vô Lượng Thọ Kinh tiên chú*”. Bản căn cứ là bản tiết hiệu của Bành Tế Thanh. “*Bành bản hoàn thị vị năng cứu Vương thị hội bốn chi bệnh*”, nên nó không thể được xưng là bản hoàn thiện.

Bây giờ đến bản ở dưới. Thời nhà Thanh dưới triều đại Hàm Phong, cư sĩ Thiệu Dương Ngụy Thừa Quán “*vi chư dịch cập vương thị hội tập do vị tận thiện, nữ hội tập ngũ chủng nguyên dịch, biệt thành nhất bản, nhưng danh Vô Lượng Thọ Kinh*”. Bên dưới nói “*Ngụy thị chi bản, tập ngũ chủng nguyên dịch, thị vi ngũ hội chi thủy*”. Năm loại nguyên bản dịch ông ta đều xem. “*Vương thị chỉ thị tứ hội bản*”, bốn loại bản hội tập. “*Sở hội vị cập Đường*

dịch”, chính là Đại Bảo Tích kinh Vô lượng thọ Như Lai hội. Bản này ông ta chưa xem. “Đồng trị trung”, sau Hàm Phong là Đồng trị. Đồng trị là Từ Hy Thái hậu nhiếp chính, sau khi Hàm Phong qua đời, vị tiêu Hoàng đế này do mẹ nắm quyền.

“*Vương Âm Phước cư sĩ cực sùng Ngụy bản*”, vô cùng tôn sùng. “*Tăng thân ký vân, cận thể Thiệu Dương Ngụy cư sĩ phục bản Vân Thê đại sư chi thuyết, biên khảo chư dịch, biệt vi nhất thư, bao cử cang tông, văn từ giản đương. Nãi đắc vi thị kinh chi quan miện*”. Đây là tán thán đối với bản của Ngụy Mặc Thâm. “*Vương thị phục bác khảo chúng bản, thủ tụ hiệu thù, tịnh định kinh danh vi Ma ha A Di Đà kinh*”. Đây là bản kinh thứ tám. “*Ngụy thị phát tâm quảng đại, phục tinh u văn tự. Vi cứu Vương Long Thư cư sĩ đồ soạn kinh văn cji thất, bị thủ ngữ dịch, hội thành nhất kinh. Lục câu cú cú hữu lai lịch, kỳ thành thiện bản, sở nguyện cực thắng, sở thành diệc vĩ. Kỳ sở hội tập viễn siêu Vương bản. Vương âm phúc cư sĩ tán chi vi văn kinh, bát chủng chi quan, diệc phi quá dự*”. Những lời này là của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói.

Nhưng đằng sau vẫn còn nuối tiếc, ông ta vẫn còn tiếc nuối. “*Ngụy thị tuy nguyện lực bỏ Vương thị đồ soạn chi quá, tích vị toàn miển*”. Ông ta cũng phạm trục trắc này, dùng ý của mình sửa đổi kinh văn trong nguyên bản dịch, văn tự cũng cải sửa. “*Tư cử kỳ lạc lạc đại giả như hạ*”. Lạc lạc nghĩa là rõ ràng minh bạch, sai sót vô cùng rõ ràng. Chỗ này đã đưa ra bốn điều.

Thứ nhất, “*Ngụy bản đệ nhị nguyện viết, thiết ngã thành Phật, quốc trung thiên nhân, thuần thị hoá sanh, vô hữu thai sanh*”. Bốn chữ vô hữu thai sanh ở đây, các dịch giả khác đều không có. Vậy nó từ đâu đến? Câu này là ông ta tự thêm vào. Đây là đề xuất ra những sai sót của ông ta. “*Thả thử tứ tự dữ nguyên dịch văn tương vi*”. Vì sao lại tương vi? Bản dịch thời nhà Ngụy nói, Trong bản kinh của Khương Tăng Khải có câu như vậy: “*Phật cáo Di lạc, bỉ quốc nhân dân, hữu thai sanh giả*”. Tại sao trong này lại nói không có thai sanh? “*Đường Tống lưỡng dịch đồng chi*”. Hai bản Đường dịch và Tống dịch này, đều có câu này, đều có nói đến thai sanh. “*Nhi Ngụy thị cảnh vị vô hữu thai sanh, thử bảo vi nan án chi tỳ dã*”. Nhầm lẫn này quá rõ ràng.

Thứ hai, “*ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu nhất đoạn số thiên ngôn*”. Đoạn này rất dài, bản của Thời Ngụy đã lược bỏ. “*Sanh thời thống, lão thời thống, bệnh thời thống, tử thời thống, hoạn nạn cùng khổ thống. Dâm dục hoả thiêu, sân phẫn hoả thiêu, tham đạo hoả thiêu, tà nguy hoả thiêu, ngu si hoả thiêu. Thị vi ngũ thống ngũ thiêu. Ngụy cư sĩ nguyện nguyện vô nhất tự bất hữu lai lịch, tích vị năng quán triệt sơ trung*”. Đoạn trên này đối với các bản dịch không có lai lịch, đoạn này không phải là văn lược bớt, mà ông ta dùng ý mình đem ngàn chữ kinh văn cô đọng lại thành như vậy. Đây hoàn toàn là ông ta tự viết không phải là nguyên văn. Nếu từ nguyên văn mà lược bớt thì không cách gì để nói. Đây không phải nguyên văn, hoàn toàn là trích ý của mình. Cho nên đây không có căn cứ.

Thứ ba, “*Ngụy thị hội bản vị Cực Lạc chi cung điện lầu quán, đường vũ phòng các, hoặc xư hư không, hoặc tại bình địa, hoặc y bảo thọ nhi trú*”. Câu này có vấn đề “Hoặc y bảo thọ

nhi trú”, trong đó “y bảo thọ nhi trú”. Câu này trong năm bản dịch đều không có. Đây cũng là ông ta tự nghĩ ra, nó không có căn cứ. “Hội bản trung, quá thị dĩ hậu, Vô Lượng Thọ Kinh diệc diệt. Duy dư A Di Đà Phật tứ tự quảng độ quần sanh”. Đoạn văn này trong năm nguyên bản dịch không có. Do đây có thể thấy “*Ngụy thị chi bản dữ tiên chư bản tương giao. Tuy hậu hậu thắng u tiên tiên, tích nhưng vị năng tận miễn suất tăng quai suyễn chi quá. Đản thử cự thất, thế tại tất cứu dĩ miễn hậu thế nhân tập thậm chí soán cải kinh văn. Cố tu phòng vi đễ tiêm, tuyệt thử tội nguyên*”. Đây là lời bình của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đối với ông ta. Điều này rất quan trọng, vì những gì của cổ nhân, mặc dù sai cũng không được sửa nó. Phải làm sao? Dem tư duy của mình viết một bên. Viết và chú giải một bên, không được tùy tiện sửa nó. Nếu tùy tiện sửa đổi, tình hình này mà đem ra thì thật không thể tưởng. Sau này mọi người xem thấy chỗ nào không thông, không nên như vậy. Tôi sửa một câu, anh cũng sửa một câu, và như thế lưu truyền đến mấy trăm năm sau, thì văn chương này không thể xem được. Nên điều này là tuyệt đối không thể được, đây là cấm kỵ lớn nhất.

Chúng ta rõ ràng nhìn thấy, đây là gì? người ta đã viết sai. Nhưng quyết định không được sửa đổi. Nên cổ nhân thường nói, chữ này có thể là một chữ nào đó nhầm lẫn, và chú giải qua một bên, như vậy là chính xác. Cấm kỵ nhất là tùy tiện sửa đổi của người khác.

Những lời này của Hoàng lão cư sĩ, cũng là nói rõ thầy của ông là cư sĩ Hạ Liên Cư vì sao mà phải hội tập lại. Nguyên nhân là vì hai bản hội tập ở trước. Bản tiết hiệu thứ nhất đều không hoàn thiện, đều có tỳ vết. Nên cần thiết phải làm lại một bản hội tập, “*tịnh vi đại kinh, tảo đắc thiện bản. Thị dĩ tiên sư Hạ Liên Cư lão cư sĩ nãi hữu đệ cửu bản chi tác dã*”. Bản của chúng ta bây giờ là bản thứ chín. Đây là giới thiệu về Hạ lão cư sĩ.

“*Tiên sư Hạ lão cư sĩ, vị quan học nho*”, vị quan là chưa đến tuổi thành niên. Cổ nhân đến tuổi vị thành niên là 20 tuổi. Đây chính là trước năm 20 tuổi đã học nho. “*Tiên trình Châu nhi hậu Lục vương*”, trước học với Nhị Trình Châu nhà Tống là Châu Hy, sau đó học với Lục Cửu Uyên Vương Dương Minh nhà Minh. Đây là hai đại văn hào của nhà Tống và nhà Minh. Bây giờ gọi là nhà triết học, nhà tư tưởng. Đây là nói về nguồn gốc học thuật của ông ta.

“*Phủ tráng nhập Phật*”. Người xưa gọi tráng niên là 30 đến 40 tuổi. 30 đến 40 gọi là tráng. Phủ tráng là vừa mới, đại khái là ba mươi một hoặc ba mươi hai. Tức là vừa mới vào tuổi tráng niên, ông ta đã học Phật. “*Nhiếp thiên mật nhị quy Tịnh độ*”. Ông ta học qua thiên, học qua mật, và cuối cùng học tịnh độ. “*Hạ lão bác quán quần tịch, thâm u văn tự, chuyên công cứu tu, giáo nhần viên minh*”. Đây là tán thán đối với thầy Minh. Ông ta thích học vấn, học Phật vô cùng chăm chỉ. Thật như cổ nhân thường nói “*nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu*”. Bất luận là học thiên, học mật, học tịnh. Căn cơ của ông ta vô cùng thâm hậu. “*U nhâm thân*”, nhâm thân là năm 21 dân quốc, năm 1932 phát nguyện hiệu đính lại kinh này.

“*Án quan tân môn, duyệt thời tam tải. Biến thám ngũ chủng nguyên dịch, động sát tam gia hiệu bản. vô nhất ngữ bất tường tham, vô nhất tự bất hổ hiệu. Kiền cung kính thận, nhật đảo Phật tiên, thiên châm vạn chúc, thời oanh mộng寐, cập kỳ thành dã, tứ chúng hoan hỷ*”.

Tôn giáo câu triết chi huệ minh lão pháp sư, Hạ lão chi quy y sư. Tháp ư phụng kinh nhiếp chiếu ư Phật tiền thân vi ấn chứng”. Đoạn này là nói ông ta dùng thời gian ba năm, hội tập thành bản thứ chín, chính là bản này.

Tôi vừa mới nói qua với quý vị, bản đầu tiên ông ta hội tập, trên tay tôi còn một cuốn. cuốn này đã nhập vào vi tính, chúng ta lên mạng đều có thể xem. Còn khoa phán của Từ Châu Pháp sư, có thể nhìn thấy diện mạo vốn có của nó. Còn định bản này là sau đó ông ta đã trải qua mười lần chỉnh sửa. Định bản đổi thành bốn mươi tám phẩm. Từ đoạn văn ngắn gọn này, chúng ta sẽ hiểu Hạ lão cư sĩ vô cùng siêng năng. Đại khái trong cuộc đời của ông, sự nghiệp lớn nhất chính là việc này. Để pháp môn tịnh độ có được bộ này. Bộ kinh này là đệ nhất kinh của tịnh độ, vô cùng quan trọng. Mà không có bản nào tốt, pháp diệt tận kinh cho đến kinh này đều nói đến. Tương lai khi Phật pháp diệt tận, kinh Vô Lượng Thọ vẫn còn lưu thông ở thế gian một trăm năm.

Chúng ta thử nghĩ đến cuối cùng kinh Vô Lượng Thọ cũng diệt, thì bản kinh nào được lưu thông? Khẳng định là bản này. Bản này so với mấy bản hội tập trước, thì mấy bản trước đều có tỳ vết. Điều không thể làm người khác mãn ý, nhưng trong bản này tìm không ra. Tỳ vết trong bản hội tập của tiền nhân, tất cả đều cải chánh lại, thật sự không có chữ nào ra ngoài nguyên bản. Tự mình chưa cải qua chữ nào. Cho nên đây là Tập Đại Thành của năm bản dịch kia, chọn lọc thích đáng, không có sai lầm. Huệ Minh lão pháp sư ấn chứng cho ông ta.

“Tiên cứu phụ mai Hiệt Vân cư sĩ”, Mai Quang Hy cư sĩ là thầy của thầy Lý. Lý Bính Nam cư sĩ học kinh giáo với Mai lão. Nên bản kinh này khi truyền đến Đài Loan, ở trước có một bài tựa của Mai lão, bài tựa rất dài. Sau khi xem ông ta vô cùng hoan hỷ, lúc đó lưu thông ở Đài Loan, chính mình còn giảng qua một lần. Liên tục phát bài giảng này trên ti vi, và được coi là bản hoàn thiện. Từ Châu Pháp Sư chuyên giảng kinh này ở Kinh Lỗ, chính là Bắc Kinh và Tế Nam, *“tịnh thân vi khoá phán”*. Tôi viết khoa phán là y cứ khoa phán của Từ Châu Pháp sư làm căn bản, và phân phối nó kỹ càng hơn, làm thành một bản khoa phán hoàn chỉnh.

Khoa phán này lúc tôi gặp lão Triệu bộc, tôi tặng ông ta, ông ta vô cùng hoan hỷ. Ông ta nhìn thấy kinh, kinh do Hạ Liên Cư hội tập, chúng tôi viết khoa phán, và Hoàng Niệm Tổ chú giải. Ông ta nói kinh này rất hoàn bị, nên vô cùng hoan hỷ. Phương trượng Hoà thượng Diệu Thiên, ở Cục Lạc am tại Bắc Kinh, mời xã trưởng Sơn đông nữ tử liên xã Ngô Thanh Hương đến chùa giảng kinh này hai tháng. Còn những người phát tâm hoằng dương chuyên tâm trì tụng, không sao kể hết, ấn hành lưu thông liên tục không dứt. *“Thị dĩ tiên cứu phụ Mai lão tán vân ư tịnh tông yếu chỉ, cùng thâm cực vi. Phát tiền nhân vị phát chi uân, hựu tinh đương minh xác, tạc nhiên hữu cú. Vô nhất nghĩa bất tại nguyên dịch chi trung. Vô nhất cú dật xuất bản kinh chi ngoại. Hữu mỹ giai bị, vô đế bất thâu, tuy dục bất vị chi thiện bản bất khả đắc dã”*. Đoạn này trong bài tựa của Mai lão, tán thán đối với lần hội tập này.

“*Tiên cứu chi ngữ, hiện dĩ cử thế công nhận, tịnh tương lai bản kinh thái nhập tân ấn chi tục tạng*”. Đây là một nguyện vọng, hiện tại chưa thực hiện được. “*Đại kinh trần phong thiên tải, kim thử đặc thiện bản, tiên hiện hội kinh chi nguyện nữ viên*”. Từ Vương Long Thư, Bành Tế Thanh, Ngụy Mặc Thâm đều hy vọng làm một bản Vô Lượng Thọ kinh hoàn thiện, và cũng thật sự nỗ lực làm. Nhưng trước sau không sao tránh khỏi những sai sót, cho đến cuối cùng cư sĩ Hạ Liên Cư mới thật sự hoàn thành.

Hoàng nguyện của các vị đại đức xưa nay, đến đây mới thật sự hoàn thành. “*Đại kinh trần phong thiên tải*”. Kinh Vô Lượng Thọ hơn một ngàn năm nay, vì không có bản hoàn thiện, nên người học tập không nhiều. Người Trung quốc học kinh Vô Lượng Thọ kém xa người Nhật bản. Đại khái người Trung quốc thích lựa chọn, Người Nhật Bản thành thật hơn. Truyền đến bên đó toàn bộ tiếp nhận, có thể là do nguyên nhân này. Người Trung quốc tu tịnh độ đều y theo kinh A Di Đà. Ở Trung quốc kinh A Di Đà hoàng dương rộng nhất.

Nhưng sau khi bộ kinh này ra đời, tình huống không giống nhau. “*Đại kinh phóng quang, chúng sanh hữu hạnh. Bản kinh danh, Phật Thuyết Đại Thừa Vô lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh, thị vi đại kinh chi đệ cửu bản*”. Nên kinh Vô Lượng Thọ hiện nay tất cả có chín bản. Nếu chúng ta muốn học tập thì phải dùng bản nào?

Năm 2006, tôi ở Pari tổ chức một hoạt động, sau đó thuận tiện đến Luân Đôn, đi phỏng vấn hai trường đại học Kiếm Kiều ở Luân Đôn. Đây đều là khoa hán học, là trường đại học vô cùng nổi tiếng ở Âu châu. Đào tạo ra không ít nhà hán học. Tôi cùng với các bạn khoa hán học, và giáo thọ của họ giao lưu. Tôi biết có không ít học sinh lấy Kinh Phật viết luận văn tiến sĩ. Trong đó có học sinh nói với tôi, anh ta đã dùng kinh Vô Lượng Thọ viết luận văn. Tôi nói Kinh Vô Lượng Thọ có tất cả chín bản, anh dùng bản nào? Anh ta dùng bản hội tập của Hạ Liên Cư, thật hiếm thấy.

Chú giải này là lúc tôi ở Mỹ, cũng là đang hoàng dương bộ kinh này. Cư sĩ Hoang Niệm Tổ đến Mỹ, ông ta đi một tháng. Chúng tôi ở đó liên lạc được, phần chú giải này ông ta chỉ đem theo một bản, mang theo một bản in giấy nến. Cũng được, coi như là không tệ, chữ cũng xem được, là hơi mờ mờ một chút, in giấy nến. Nên vô cùng đơn sơ. Chỉ mang theo một bản và tặng cho tôi. Vì nghe nói tôi ở đây giảng bản hội tập này. Lúc đó ở trong nước giảng bản hội tập này chỉ mình ông ta. Còn ở hải ngoại giảng bản hội tập này cũng chỉ mình tôi. Nên khi hai chúng tôi gặp mặt, hoan hỷ vô lượng. Thật là tâm đầu ý hợp. Chúng tôi cùng một phương hướng, cùng một mục tiêu. Nên tôi hỏi ông ta, Chú giải này của ông có bản quyền không? Có bản quyền thì không cần bản, nếu không có bản quyền tôi gửi về Đài Loan ấn tống. Ông ta nói không có bản quyền, hoan nghênh ấn tống. Còn muốn tôi viết cho ông ta bài tựa, và muốn tôi đề chữ cho ông ta.

Nên chúng tôi lần đầu tiên in một vạn cuốn ở Đài Loan, in một vạn cuốn sách bìa cứng. Ở hải ngoại bắt đầu lưu thông, sau đó in liên tục. Tôi nghĩ bây giờ cũng trên trăm vạn cuốn rồi. Ông ta rất hoan hỷ. Chúng ta xem tiếp đoạn ở dưới, chú giải của kinh, những điều này điều liên quan đến việc giới thiệu hoàng truyền bộ kinh điển này.

Lão cư sĩ viết rất rõ ràng, Chúng ta hãy xem xem. *“Bính, Bản kinh chú giải ngũ dịch chi trung, ngũ dịch giáo bị”*. Đây là bản của Khương Tăng Khải nhà Tào Ngụy. Trong năm bản dịch thì bản này dịch tốt nhất. Năm đó tôi ở Đài Trung, thầy Lý cũng đem kinh Vô Lượng Thọ giảng qua hai lần. Lần thứ nhất giảng bản của Hạ Liên Cư, bản hội tập. Lần thứ hai giảng bản của Khương Tăng Khải. Lần đó tôi đến Đài Trung duyên phận rất thù thắng, vừa đúng lúc gặp thầy Lý giảng bộ kinh này, bản của Khương Tăng Khải, tôi nghe từ đầu đến cuối. Trước đó một thời gian, ông ta giảng bản hội tập, ông ta đem lời ghi chú ở lề sách cho tôi. Tôi nhìn thấy hoan hỷ vô cùng. Tôi có thể xem hiểu.

Lúc đó tôi cũng muốn giảng bản hội tập này. Thầy Lý nói với tôi, thời tiết nhân duyên chưa thành thực, cần phải đợi thời tiết nhân duyên. Tôi lúc đó còn chưa biết lợi hại, vì bản hội tập này tranh cãi nghị luận rất nhiều. Tranh luận điều gì? Người ta nói Hạ Liên Cư là cư sĩ tại gia, không phải là pháp sư. Nên mọi người không đồng ý lưu thông bản này. Hạ Liên Cư cũng rất giỏi, lúc vãng sanh nói với học trò mình, Hoàng Niệm Tổ bên cạnh. Hạ Liên Cư nói với Hoàng Niệm tổ, bản hội tập của ông ta tương lai sẽ từ hải ngoại lưu truyền đến Trung quốc. Mọi người nghe xong đều ngỡ ngàng, sao lại từ hải ngoại lưu truyền về quốc gia? Đến cuối cùng quả nhiên chúng minh, bộ kinh này sau khi phổ biến lưu thông ở hải ngoại, mới lưu truyền về Trung Quốc.

Nên tôi cũng hiểu vì sao lúc đó thầy Lý không cho tôi giảng. Giảng bản của Khương Tăng Khải không vấn đề gì, nhưng nếu giảng bản hội tập của Hạ Liên Cư thì phê bình sẽ rất nhiều. Tôi lúc đó mới xuất gia chưa lâu, còn rất trẻ. Những vị hoà thượng này muốn đến mắng người, áp lực này chúng tôi không chịu nổi. Bây giờ những lão pháp sư này đều vãng sanh. Nếu chúng tôi biến thành Lão hoà thượng thì không vấn đề gì. Lúc đó rất khó, nên chúng tôi phải nhẫn nại. Thầy Lý đích xác có trí tuệ, chúng tôi không bằng ông ta. Ông ta nhìn sâu và nhìn xa, thời tiết nhân duyên không thành thực tạm thời buông bỏ. Lúc đó kêu tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, đó là một bộ đại kinh. Chúng ta xem đoạn văn này.

“Cổ đại kinh chú sớ, tập u Ngụy dịch”. Hầu như đều dùng bản của Khương Tăng Khải để chú giải. *“Ngã quốc đại đức đa vi tiểu bản Di Đà tác chủ chí u chú đại bản giả”*. Chính là chú giải kinh Vô Lượng Thọ, tức hai bản.

Thứ nhất là *“tùy tịnh ảnh, đường gia tường lưỡng gia”*, Ở sau tiếp *“Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ lục quyển, tùy kinh sự tịnh ảnh tự sa môn Huệ Viễn soạn sớ”*. Bản mà tôi học chính là bản này. Huệ Viễn ở đây và sơ tổ Huệ Viễn của tịnh độ tông, danh hiệu hoàn toàn tương đồng. Nên trong lịch sử xưng ngài là Tiểu Huệ Viễn. Nếu quý vị nhìn thấy có người viết trên văn chương Tiểu Huệ Viễn chính là ông ta. Còn không dùng Tiểu Huệ Viễn chính là Huệ Viễn đại sư ở Lô Sơn, tên hoàn toàn tương đồng. Lúc đó Lô Sơn là thời đại Đông Tấn, còn Huệ Viễn này là nhà Tùy.

Thứ hai, *“danh xưng tương đồng, dĩ khiếu Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, đường gia tường tự kết tạng soạn”*, ông ta viết chú giải. Ở Trung quốc kinh Vô Lượng Thọ chỉ có hai bản này.

Ngoài ra, lưu thông ở Trung quốc còn có hai vị pháp sư của Hàn Quốc. Tân la quốc, nay là Triều tiên. Có Cảnh Hưng, Nguyên Hiểu, hai vị pháp sư đều là người xuất gia. Chú giải của họ cũng có lưu truyền ở Trung quốc.

Thứ nhất là ba quyển “*Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Thuật Văn tán*”. Sa môn Cảnh Hưng nước Tân La trước tác, đây là Cảnh Hưng Chú thích.

Thứ hai là một cuốn “*Vô Lượng Thọ Kinh Tông Yếu*”, cũng là sa môn Nguyên Hiểu, chùa Hoàng Long nước Tân La soạn. “*Tăng nhập đường du học*”, Vào triều nhà Đường Ông ở tại Trung quốc lưu học. “*Hoàn hậu hoá chân hải đông, kỳ số viết hải đông số*”. Nguyên Hiểu pháp sư ở Hàn quốc vô cùng nổi danh. Phật giáo Hàn quốc không có người nào không biết ông ta.

Thứ ba là “*Du Tâm An Lạc Đạo*”, đây cũng là trước tác của Nguyên Hiểu. Là “*Tịnh độ cổ dật thập thư chi nhất*”. Những bản này đều lưu thông ở Trung quốc. Ở dưới nói: “*Đại kinh quang minh, chiếu diệu Nhật Bản, chú thích chi thanh, viễn siêu ngã quốc. Bút giả sở tri giả dĩ nhị thập dư chủng*”. Hơn hai mươi loại này, đại khái đều ở trong “*Vạn Tục Tạng*”. Đây là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nhìn thấy “*kế vi ‘Vô Lượng Thọ Phật Tán Sao’ nhất quyển, Hưng phước tự Thiện Châu tác*”. Thứ hai là ba cuốn “*Vô Lượng Thọ Kinh Thuật Nghĩa*” do Tồi Chứng pháp sư biên tập. Thứ ba là một cuốn “*Vô Lượng Thọ Kinh Tư Ký*”, do Trí Cảnh trước tác. Thứ tư là Bảy cuốn “*Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Uất*” do Nam Sở chùa Tổng Trì Kỳ Châu trước tác. Thứ năm là tám cuốn “*Vô Lượng Thọ Kinh lược tiên*”, năm Hường Bảo thứ năm do Viên Khê, chùa Thiên Lâm Lạc Đông trước tác. Thứ sáu là bảy cuốn “*Vô Lượng Thọ Kinh Sao*” do Liễu Huệ Vọng Tây Lâu trước tác.

Đại khái tổng cộng những bản này, ở đây họ cử ra hai mươi hai loại. Trong hai mươi hai loại này, trong đó có sáu loại trên kệ sách của Hoàng lão cư sĩ có. Khi tôi đến chỗ ông ta đi tham quan và nhìn thấy. Sáu loại này ông ta đều dùng để tham khảo. Đều có một vài chỗ dẫn dụng trong chú giải này.

Sáu loại này, thứ nhất là chúng ta vừa đọc. Bảy cuốn “*Vô Lượng Thọ Kinh Sao*”, chính là Liễu Huệ Vọng Tây Lâu trước tác. Bản thứ hai trong hàng thứ tư câu cuối cùng, mười cuốn “*Vô Lượng Thọ Kinh Hội Sở*”, do Tuấn Đế chùa Thắng Thọ Tiên Việt trước tác. Đây là lão cư sĩ nhìn thấy. Bản thứ tư ở dưới lên từ hàng thứ tư. Thứ hai mươi một, mười tám cuốn “*Vô Lượng Thọ Kinh Chân giải*”, do Đạo ẩn trước tác. Bản này dẫn dụng nhiều. Tiếp theo là bốn quyển “*Vô Lượng Thọ Kinh Hợp Tán*”, Quán Triệt trước tác.

Cho nên ở đây bên dưới đã nói, trong đây các trước tác như thứ sau, thứ mười, thứ hai mươi một, thứ hai mươi hai, những bản này dẫn chứng rất nhiều. “*Hựu chú thích đại kinh hiệu hội bản giả cộng tam chủng*”. Thứ nhất “*Vô Lượng thọ kinh Khởi Tín Luận*” do Bành Tế Thanh triều Thanh thời Khang Hy trước tác. Thứ hai “*Vô Lượng Thọ Kinh Tiên chú*”, bản này của Đinh Phước Bảo. Bản này hiện nay trong nhà Phật lưu hành rất rộng, cũng rất dễ nhìn thấy. “*Dĩ thượng lưỡng chủng sở chú giả giai vi Bành thị chi tiết hiệu bản*”. Chính là bản tiết hiệu của Bành Tế Thanh. Thứ ba “*Phật Thuyết Ma Ha A Di Đà Kinh Trung*

Luận”, do Canh Tâm chánh định vương, thời Quang Tự nhà Thanh trước tác. Bản mà ông ta chú giải là bản hội tập của Ngụy Thừa Quán. “*Mạt hậu, hựu Thanh mạt Trâm Thiện Đăng cư sĩ trước hữu ‘Báo Ân Luận’ tam quyển*”. Trong Báo Ân Luận có “*Tịnh Độ Pháp Môn Cang Tông*”, có “*Vô Lượng Thọ Kinh Cang Tông*”, có “*Vãng Sanh Chánh Nhân Luận*”. Có mấy bản này có thể coi là chú thích kinh Vô Lượng Thọ. Đoạn này chúng ta chỉ giới thiệu đến đây thôi.

Bên dưới chúng ta xem đoạn thứ chín, giải thích tổng quát đề kinh. Chúng ta bắt đầu xem từ trang bảy mươi chín.

“*Phàm kinh chi danh đề, giai trực hiển bản kinh chi yếu chỉ. Sử học giả nhân danh đạt thể, nhất lãm kinh đề, trực khuy toàn kinh đại nghĩa. Thị dĩ Thiên Thai gia chú kinh, tiên thích kinh danh*”. Đoạn văn này chúng ta đọc qua một chút. “*Đại kinh ngũ chủng nguyên dịch, các hữu kinh đề. Vương thị hội bản danh vi đại A Di Đà Kinh dĩ biệt u nguyên dịch dữ tiểu bản. Dẫn ‘đại’ tự chi tăng, vô sở y cứ*”. Đây là tự mình thêm vào. Nếu là bản hội tập thì phải nên dùng nguyên văn. Ông ta tự thêm chữ “đại”, điều này không có căn cứ. “*Bành thị tiết bản dữ Ngụy thị hội bản*”. Hội bản của Ngụy Mặc Thâm. “*Giai danh ‘Vô Lượng Thọ Kinh’ đồng u ‘Ngụy dịch’, tam chủng nhất danh, hốn đồng dị ngộ*”. Tên của nó với tên gốc của kinh là giống nhau, không có sai biệt. Vậy cuối cùng chỉ bản nào không rõ ràng.

“*Chánh định vương thị cải Ngụy thị bản vi Ma Ha A Di Đà Kinh*”. Hai chữ Ma ha này cũng không có y cứ. Đây đều là trong bản hội tập có vấn đề. “*Khảo*”, khảo cứ này “*tùng hán ngật tổng*”, đến Tống triều “*thập nhị dịch trung*”. Đây là mười hai lần phiên dịch. “*Dĩ Vô Lượng Thọ vi danh giả thập, hữu thập bộ. Dĩ thanh tịnh bình đẳng giác vi danh giả hữu lưỡng bộ*”. “*Dĩ chánh giác vi danh giả*” có một bộ. Đầu thời nhà Hán có một bản dịch là “*Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*”. Bản phiên dịch cuối nhà Tống là “*Phật thuyết đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm kinh*”. Nên đề kinh này cư sĩ Hạ Liên Cư “*kim thử hội bản trực thủ Tống dịch kinh đề Phật thuyết đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm kinh*”. Chữ kinh bị trùng lặp nên xoá nó đi, chữ kinh xoá đi là vì trùng lặp. Bên dưới là đọc đề kinh của bản Hán dịch, “*Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*”, hai chữ Vô Lượng cũng trùng lặp và xoá bỏ. Do đó đề kinh biến thành “*Phật thuyết đại thừa Vô Lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh*”. “*Tự nhiên giai diệu*”. Đây mới thật sự là hội tập, không có tự thêm chữ nào cả, chỉ là xoá đi chữ trùng lặp. Nên biến thành đề kinh có mười lăm chữ này.

“*Bất giả phủ cân*”, một chút sửa đổi cũng không có. “*Lưỡng dịch nguyên danh, nhiếp u nhất danh chi trung thập nhị chủng kinh đề tất nhập nhất đề chi nội. Toàn kinh đại chỉ, chiêu nhiên mục tiền, tịnh tông yếu nghĩa, bị u đề nội. Nhân pháp dụ, giáo lý hành, thể tướng dụng đẳng tề hiển u nhất danh chi trung. Như đế võng châu, viên nhiếp nhất thiết diệu pháp, bản kinh hội tập chi diệu, u thử khả kiến lân qua*”. Đây chính là huệ nhãn trong hội tập của Hạ Liên Cư, với người trước đây xác thực không giống nhau. Đề kinh này Chú giải của Hoàng Lão cũng rất tường tận.

Chúng ta hôm nay vẫn còn chút thời gian, tôi đem giải thích của tôi đối với đề này, có một giải thích rất đơn giản. Phật thuyết, đây là được thuyết ra từ chính kim khẩu của Phật. Trong kinh Phật thêm hai chữ Phật thuyết này, nó có ý nghĩa tất cả kinh đều là Phật thuyết. Vì sao các kinh khác không thêm hai chữ Phật thuyết? Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm không có thêm Phật thuyết. Kinh Kim Cang Bát Nhã cũng không có thêm Phật thuyết. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa cũng không thêm chữ Phật thuyết. Vì sao ở đây thêm chữ Phật thuyết?

Thông thường thêm chữ Phật thuyết, câu thứ nhất phần chánh tông là Đức Phật giảng, như vậy mới thêm Phật thuyết. Nếu câu thứ nhất không phải Phật thuyết, thông thường không dùng hai chữ Phật thuyết này. Nên nó có nghiên cứu chứ không phải tùy tiện lập ra.

“*Đại thừa*” là trí tuệ. “*Vô lượng thọ*” là tánh đức. “*Trang nghiêm*” chính là tướng hảo. Quý vị xem, trong kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói, tất cả chúng sanh đều đức tướng trí huệ của Như Lai. Trong đề kinh này trí tuệ đức tướng Như Lai đã có. “*Đại thừa*” là trí tuệ Như Lai. “*Vô lượng thọ*” là đức của Như Lai. Thọ mạng là đức thứ nhất. “*Trang nghiêm*” là tướng hảo. Toàn bộ đã nói ra cho chúng ta biết, đây là quả. Chúng ta học Phật hy vọng đạt được điều gì? Đạt được “*Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm*”. Đây là quả của thế giới Cực Lạc.

Năm chữ bên dưới là “*nhân hành thị tu nhân*”. Tu gì mới có thể chứng quả? Tu “*Thanh tịnh bình đẳng giác*”. Thanh tịnh là giới, trì giới có thể giúp ta được tâm thanh tịnh. Bình đẳng là định. Giác là huệ. Quý vị xem, đây là giới định tuệ tam học.

Còn tam bảo, tạng là thanh tịnh. Lục căn thanh tịnh, chút trần không nhiễm, đây là người xuất gia. Pháp là bình đẳng, Đức Phật nói các pháp bình đẳng không có cao thấp. Pháp là bình đẳng. Phật là giác. Tam bảo cụ túc. Phật dạy chúng ta tu hành như thế nào để chứng quả? Trước tiên là phải buông bỏ. Chúng ta dùng lời trong Kinh Hoa Nghiêm để nói là buông bỏ chấp trước. Đối với các pháp trong thế xuất thế gian không còn chấp trước nữa, thì tâm ta được thanh tịnh, chứng A la hán. Tiến bộ hơn nữa thì đối với tất cả các pháp không phân biệt. Tâm phân biệt buông bỏ, ta sẽ được chánh đẳng chánh giác.

Hay nói cách khác, ta được bình đẳng. Bình đẳng là Bồ Tát. Cuối cùng có thể buông bỏ vọng tưởng. Vọng tưởng là gì? Là khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, không động niệm là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Giác ở đây là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, là thành Phật, chứng vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Quý vị xem, tu nhân chứng quả. Trong tịnh độ hoàn toàn hiển thị trên đề mục này. Nên nếu mọi người hỏi chúng ta, tịnh độ tông của các bạn tu như thế nào? Tu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác. Tịnh độ tông cầu điều gì? Cầu trí tuệ, cầu tánh đức. Vô lượng thọ là tánh đức. Cầu tướng hảo, tướng hảo là trang nghiêm. Rõ ràng minh bạch. Bộ kinh này giảng cái gì? là giảng về những điều này. Nội dung trong tất cả bộ kinh là trên đề mục này, tất cả đều hiển thị ra.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta học đến đây thôi.

Tập 74

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình minh

Thời gian: 09.07.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 80 hàng thứ nhất.

“*Dĩ hạ chánh thích bản kinh đề danh*”. “*Đề trung thủ tự viết Phật*”. Chữ đầu tiên, chữ thứ nhất là chữ Phật. “*Phật giả nãi phạn ngữ Phật đà chi lược xưng*”. Trong phạn ngữ còn có một vĩ âm_âm đuôi, gọi là Phật Đà Da. Người ấn độ nói chuyện đều dùng vĩ âm. Phật Pháp Tăng, Pháp là Đạt ma. Chúng ta thường thường nói Đạt ma da, Tăng già da. Người xưa thích đơn giản, đem vĩ âm đều tĩnh lược hết. Phật đà da chúng ta chỉ lưu lại chữ Phật, vĩ âm xoá đi. Cho nên đây là lược xưng.

“*Nghĩa vi giác giả*”, ý của chữ này với chữ giác của giác ngộ tương đồng, là ý nghĩa của chữ giác. Tuy ý nghĩa của chữ giác so với Trung quốc nói vẫn chưa giống nhau. Ở đây nói có ba loại giác.

Giác giả là đối với mê mà nói, mê là chúng sanh. Giác ngộ gọi là Phật. Giác của người Trung quốc không có ý của ba loại giác. Nó có ba loại giác, “*tam giác câu viên, tức danh vi Phật*”. Bên dưới nói là ba loại giác nào? Tam giác là tự giác, giác tha và giác mãn. Tam giác viên mãn gọi là Phật Đà. Cho nên người xưa cũng tìm không được chữ thích đáng để dịch. Nếu có thể tìm được từ thích đáng, thì chữ giác là được. Nhưng ý nghĩa của giác này không giống với ý của nó, nên lúc phiên dịch kinh bắt đầu đã tạo ra một chữ.

Quý vị nên biết, Chữ Phật này là lúc phiên dịch kinh tạo ra, Trung quốc không có chữ này. Không có chữ “nhân” đứng một bên, nhưng chữ “phát” thì có. Có chữ “phát” này. Chữ “phát” này làm từ phủ định mà nói. Vì Phật đà là người, nên thêm chữ “nhân”. Nên chữ này lúc phiên dịch kinh Phật tạo ra, phiên dịch kinh đã tạo không ít chữ. Hiểu được lai lịch chữ này.

Cái gì gọi là tự giác? Trong kinh đại thừa gọi là khai ngộ. Khai ngộ có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ. Đây là có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn một cách nghiêm khắc thì như trong kinh Phật nói, tiểu ngộ là chánh giác, đại ngộ là chánh đẳng chánh giác, triệt ngộ là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tiêu chuẩn này rất cao.

Nói chung chúng ta một đời học Phật, tiểu ngộ cũng không đạt được, đây là thật. Vì sao? Phải đoạn kiến tư phiền não mới đạt được tiểu ngộ. Đây là việc không dễ dàng gì. Trong kinh Hoa Nghiêm nói vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Kiến tư phiền não là chấp trước. Quý vị

còn chấp trước không? Trong chấp trước cái thứ nhất là ngã chấp, trong ngã chấp khẳng định có tham sân si. Trong pháp tướng nói, chấp trước là mặt na thức, bốn đại phiền não thường tương tùy. Cái thứ nhất là ngã, ba cái tiếp theo là tham sân si. Ngã ái, quý vị có thể không có ư? Ngã mạn, ngã si khẳng định có, sanh ra là có rồi. Nên trong Phật pháp gọi là câu sanh phiền não. Đức Phật cũng gọi nó ta tam độc phiền não.

Vì sao? Tất cả ý niệm bất thiện, hành vi bất thiện đều sanh ra từ ba gốc căn bản này. Phật dạy phải dùng ba phương pháp để đối trị nó. Ba phương pháp này là gì? Giới định tuệ. Dùng giới để đối phó tham, chính là ngã ái. Dùng giới luật để đối phó phiền não này. Dùng định để đối phó ngã mạn, mạn là sân nhuê. Dùng trí tuệ để đối phó ngã si. Quý vị xem, tất cả pháp mà Đức Phật thuyết trong 49 năm, không rời giới định tuệ. Lưu lại nhiều kinh điển như vậy, chư vị tổ sư đại đức đem nó phân loại, chính là dùng giới định tuệ để phân. Nhưng Phật mỗi lần giảng kinh hoặc khai thị, bất luận thời gian dài hay ngắn, cho dù giảng một giờ đồng hồ, trong đó đều bao quát giới định tuệ.

Phân loại kinh điển bằng cách nào? Xem ba điều này, điều nào nói nhiều hơn thì quy về loại đó. Nên tam tạng kinh điển gọi là kinh luật luận. Kinh chính là định học, giảng về định nhiều, giảng về tam muội nhiều. Giới là luật tạng, đại khái là giảng nhiều về phương diện quy củ. Luận tạng là huệ, giảng về huệ. Gọi là tam tạng kinh điển. Kinh luận đối phó tư tưởng kiến giải sai lầm của chúng ta. Giới luật là đối với hành vi ngôn luận của chúng ta. Đây là tam học. Phiền não sâu nặng ta không có cách nào để khai ngộ. Chẳng những không có cách đại ngộ, mà đến tiểu ngộ cũng không có cách nào. Đem chữ ngộ này, tiêu chuẩn của Phật hạ xuống chỗ thấp nhất, thấp nhất là Tu đà hoàn, tiểu thừa sơ quả. Đại thừa sơ tín vị là Bồ Tát, chúng ta làm không được.

Trước đây lúc tôi mới học Phật, học với thầy Lý Bính Nam. Thầy thường nói với tôi, Trung quốc lịch đại tổ sư đại đức rất nhiều vị chứng quả, nhưng không chứng được quả A la hán. Chứng tam quả, nhị quả rất nhiều. Tam quả là A na hàm, nhị quả là Tư đà hàm, mới thật là gọi có tu có chứng. Tronh đại thừa giáo như kinh Hoa Nghiêm, đại khái đều là lục tín trở xuống. Từ sơ tín đến lục tín. Người tu hành tại gia hay xuất gia, chứng được quả này rất nhiều, rất phổ biến. Thất tín vị ngang bằng A la hán của tiểu thừa, đã ra khỏi lục đạo. Còn đến lục tín, chư vị phải biết, chưa ly khai được luân hồi lục đạo. Nhưng chỉ cần chứng được sơ tín vị, thì sẽ ở trong lục đạo trên trời hay nhân gian, tuyệt đối không đoạ vào tam ác đạo. Chỗ tu hành của họ chính là trên trời hoặc nhân gian. Chứng đến đệ thất tín thì xa rời lục đạo, sanh đến Thanh văn pháp giới trong thập pháp giới. Lên trên là duyên giác pháp giới, từng bước từng bước lên cao.

Nghiệp chướng của chúng ta bây giờ sâu nặng hơn so với cổ nhân, sơ tín vị không đạt được. Trong thời hiện đại này, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giảng rất rõ ràng, tu thiền không những nói không thể khai ngộ, đến định cũng không đạt được. Năm đầu của dân quốc, có vài người tu thiền, đạt được thiền định. Đây là thật không phải giả. Như Hoà Thượng Hư Vân, ngài đạt được Thiền định nhưng không khai ngộ.

Đến đời này, đời trước là quá khứ rồi, nhưng đến đời này, cả thiên định cũng không đạt được. Chúng ta không thể không biết điều này. Cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập bản kinh này, như vậy là hồng sao? Chư vị thử nghĩ xem, ngày xưa Vương Long Thư, Bành Nhị Lâm, Ngụy Mặc Thâm, tuy đều là cư sĩ tại gia nhưng không phải là phạm nhân. Thật sự phát đại tâm lợi ích chúng sanh, hoằng dương tịnh độ. Hội tập kinh Vô Lượng Thọ không sao tránh khỏi sai sót. Có ai không hy vọng hội tập được một bản tận thiện tận mỹ, để chân thật cống hiến cho tịnh độ tông? Cuối cùng đến tay của cư sĩ Hạ Liên Cư, mới thật sự hoàn thành một bản hoàn thiện. Thật sự đã tập đại thành năm bản nguyên dịch. Bản này của ông ta ban đầu đã mười lần hiệu đính chỉnh sửa, bây giờ chúng ta dùng chính là định bản.

Bản đầu tiên rất đáng để lưu lại làm kỷ niệm, chúng tôi đã xin bên Đài Loan in một ngàn cuốn, không cần in nhiều. Để người thật sự tu học tịnh độ tông làm kỷ niệm. Xem bản đầu tiên của Hạ Liên Cư, rồi xem tiếp mười lần hiệu đính chỉnh sửa của ông ta. Sau khi chúng ta thấu triệt, cảm ân chư vị đại đức đối với bản hội tập này. Họ đối với Phật Pháp, đối với thời kỳ mạt pháp chín ngàn năm này, đã đưa ra một cống hiến vĩ đại nhất.

Tiêu chuẩn của tự giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Giống như lúc Đức Phật ba mươi tuổi, ngài thị hiện thành đạo cho chúng ta thấy. Khi sao mai vừa mọc ngài hoát nhiên triệt ngộ. Ngài Huệ Năng đại triệt đại ngộ trong giáo huấn của ngũ Tổ, đây gọi là tự giác. “*Tam giác câu viên*”, tự giác này đã viên mãn. A la hán đã tự giác nhưng chưa viên mãn. Bồ Tát đã tự giác nhưng cũng chưa viên mãn. Nhất định phải minh tâm kiến tánh thì tự giác này mới viên mãn. Sau khi tự giác viên mãn, còn phải giác tha. Giác tha là sao? Giúp người khác giác ngộ. Rất nhiều người còn chưa giác ngộ, họ sao lại thành Phật rồi? Bồ Tát giúp người khác giác ngộ, chính là đang giúp chính mình.

Người xưa nói “*giáo học tương trường*”, chính là ý này. Nếu ta không chịu dạy người khác, thì ta rất khó giác ngộ. Trong lúc dạy học, thường hay hoát nhiên giác ngộ. Đôi khi có học sinh vừa hỏi, ta liền giác ngộ. Vì khi không có người hỏi ta đâu có biết. Khi vừa hỏi ta liền giác ngộ. Nên trong lúc dạy học, thành tựu và viên mãn tự giác của chính mình. Đây gọi là giác tha.

Câu viên, là như Bồ Tát cũng có tự giác, giác tha. Nhưng chưa đạt đến viên mãn, chưa đạt đến đại triệt đại ngộ. Nhất định phải đạt đến đại triệt đại ngộ, thì tự giác giác tha sẽ viên mãn. Nên tam giác viên mãn mới gọi là Phật Đà. Chúng ta dùng một câu trong kinh đại thừa, đây là mục tiêu tu học chân thật trong Phật pháp, là những gì mà chúng ta mong cầu. Học Phật cầu điều gì? Cầu A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Câu này có thể dịch sang chữ Hán, nhưng tại sao không dịch? Vì tôn trọng nên không dịch. Nó là mục tiêu của tất cả những người học Phật. Dịch thành chữ Hán có nghĩa là Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Trong đề kinh, chánh giác là tâm thanh tịnh. Chánh đẳng chánh giác là tâm bình đẳng. Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chính là chữ giác cuối cùng. Quý vị xem “*thanh tịnh bình đẳng giác*”, chúng ta đem nó dùng ở nơi tâm bồ đề. Ở trên tôi thêm một chữ chánh Chánh giác, vì đều là hai chữ. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Phật đà chính là

ý nghĩa này. Nên biết rằng Phật là một chúng sanh có đầy đủ ba loại giác, còn chúng sanh chính là vị Phật chưa giác ngộ. Nên trong Phật pháp nhất định phải biết, Phật pháp không phải Tôn Giáo. Vì sao? Chúng sanh với Phật là bình đẳng. Trong Tôn giáo, thượng đế và người không thể bình đẳng. Là thần với người tuyệt đối không thể bình đẳng.

Nhưng chúng ta phải biết, trong Phật giáo Phật, Bồ tát với tất cả chúng sanh là bình đẳng. Sai biệt ở đâu? Một người là giác ngộ, còn một người chưa giác ngộ. Chúng sanh là Phật chưa giác ngộ, người học Phật nhất định phải hiểu một cách rõ ràng. Người khác hỏi, ta nhất định phải nói với họ rõ ràng, minh bạch. Vì sao? Xã hội bây giờ đối với Phật giáo ngộ nhận quá sâu. Cho Phật giáo là mê tín, coi Phật giáo như là một Tôn giáo. Chúng ta là đệ tử Phật phải có sứ mạng, phải có trách nhiệm đem chánh danh của Phật giáo. Người xưa thường nói, danh bất chánh thì ngôn bất thuận. Tôi vừa xuất gia cũng muốn làm việc danh chánh Phật giáo, kiến nghị lên hội Phật giáo Trung quốc, trong Phật giáo thêm vào chữ giáo dục của đức Phật. Họ nghe rồi cũng rất hoan hỷ, nhưng không hết mình mở rộng. Nên chúng tôi đã tự làm.

Ở Đài Loan tôi có một cơ cấu nhỏ “*Phật đà giáo dục cơ kim hội*”. tôi sẽ dùng giáo dục Phật đà. Đạo tràng này của chúng tôi cũng là “*Phật đà giáo dục hiệp hội*”, thêm vào hai chữ. Chúng ta tu học là giáo dục của đức Phật. Giáo dục của đức Phật dạy điều gì? Điều này cần phải biết, giáo dục của đức Phật dạy điều gì? Dạy chúng ta nhận thức thật tướng các pháp. Dùng văn bạch thoại bây giờ nói, giáo dục của đức Phật dạy chúng ta nhận thức chân tướng của tất cả pháp. Ở đây mê tín chỗ nào! Mục tiêu cuối cùng của Phật giáo là gì? Mục tiêu cuối cùng là phải thành tựu vô thượng chánh đẳng chánh giác. Không mê tín, giác mà không mê. Mỗi người đệ tử học Phật, chí ít phải đem chữ Phật này có thể nói một cách rõ ràng minh bạch. Chúng ta mới không có lỗi với Phật. Nếu nói không rõ ràng, nói không minh bạch thì thật có lỗi với Đức Phật.

Tiếp tục xem bên dưới “*hựu Phật giả nãi thập hiệu chi nhất*”. Trong kinh đại thừa thường nói, Phật có mười danh hiệu. Vì sao có nhiều như vậy? Tượng trưng trí tuệ đức tướng của ngài. Trong kinh Hoa Nghiêm Phật nói, tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai. Mà trí tuệ đức tướng của Như Lai thì một danh hiệu nói không rõ ràng, nên phải dùng đến mười danh hiệu. Mười cũng là đại biểu viên mãn. Mười danh hiệu này, nếu ta đem tất cả giảng rõ ràng minh bạch. Thì cũng thật sự đã hiểu Phật một cách thấu triệt, và giới thiệu cho người khác. Ở đây ta đem mười danh hiệu này đọc qua một lượt.

Thứ nhất là Như Lai, thứ hai Ứng Cúng, thứ ba Chánh Biến Tri, thứ tư Minh hạnh Túc, thứ năm Thiện Thệ, thứ sáu Thế Gian Giải, thứ bảy Vô Thượng Sĩ, thứ tám Điều Ngự Trượng Phu, thứ chín Thiên Nhơn Sư, thứ mười Phật. “*Thập hiệu cụ túc vi thế sở tôn*”. Thế ở đây là thế gian_ thế gian sở tôn. “*Cố danh Thế Tôn*”. Tôn ở đây có nghĩa là vâng theo. Sùng kính, tôn trọng đầy đủ trong mười hiệu này, chính là đầy đủ mười đức lớn, nên xưng là Thế Tôn. Đây là vị trí đáng để thế nhân tôn trọng, nên xưng là Thế Tôn.

“*Thế Tôn phạn âm Bạc Già Phạn*”. Trong kinh điển chỉ cần chúng ta nhìn thấy Bạc Già Phạn. Bạc Già Phạn là phạn ngữ, nghĩa là Thế Tôn. Bên dưới Hoàng Niệm Tổ dẫn chứng kinh luận,

để chúng ta đối với Phật có nhận thức sâu sắc hơn. “*Phật địa kinh vân, thị Bạc Già Phạn tối thanh tịnh giác, cực u pháp giới, tận u hư không, cùng vị lai tế*”. Đây là nói phạm vi đức dụng của Ngài, rộng lớn vô hạn. Không phải như chúng ta bình thường nói, thân tâm chúng ta thanh tịnh. Hoàn cảnh cư trú chúng ta thanh tịnh, đạo tràng này thanh tịnh. Phạm vi này quá nhỏ. Thanh tịnh giác của Ngài là biến pháp giới hư không giới. Có chỗ nào không thanh tịnh chẳng?. Chúng ta nghĩ đến ngã quý, địa ngục, ở đây không thanh tịnh. Phật là đáng tối thanh tịnh giác, có thể khiến địa ngục, ngã quý đều thanh tịnh luôn chẳng? Đều thanh tịnh, không sai tí nào. Vì sao? Khi tôi mới học Phật, giúp tôi rất nhiều là một vị cư sĩ. Họ Châu, ông Châu Kính Trụ. Ông ta với Lý Bính Nam cùng tuổi, cũng cùng một thầy tu tịnh độ. Họ học tịnh độ với Ấn Quang Đại sư, kể cho tôi nghe câu chuyện. Câu chuyện này là thật không phải giả.

Đầu năm dân quốc, anh ta là con rể của ông Chương Thái Viêm. Vợ anh ta là con gái của Chương Thái Viêm. Chương Thái Viêm là Quốc học đại sư của Trung quốc thời đầu năm dân quốc, rất có danh tiếng. Anh ta nói, nhạc phụ anh ta từng ở tại Đông Nhạc Đại đế, Sơn đông thái sơn Đông Nhạc đại đế. Làm phán quan cho Đông Nhạc đại đế hơn một tháng. Có thể là phán quan lâm thời có việc không thể lên triều, nên nhờ ông ta thay thế hơn một tháng. Địa vị của phán quan rất cao_tương đương với bí thư trưởng hiện nay_Trên thực tế là xử lý công vụ cho Đông Nhạc đại đế, đều là phán quan làm. Hơn một tháng đó rất cực khổ_Việc này ông Châu đều nhìn thấy, chứ không phải giả_Ban ngày làm việc, buổi tối người ta nằm trên giường ngủ say, ông ta đến sau và ngủ dưới đất. Đông Nhạc đại đế đến nha môn xử công vụ. Mỗi ngày hai người hầu khiêng kiệu đến mời Đông Nhạc lên kiệu. Ông ta đã lên triều , nên ngày đêm không có tin tức rất cực khổ.

Anh ta nói nhạc phụ anh ta từng kiến nghị với Đông Nhạc đại đế, trong địa ngục có một loại hình phạt gọi là pháo lạc. Ông ta nói hình phạt này không nhân đạo, quá tàn khốc. Để một trụ đồng, lấy lửa đốt cho nó đỏ lên, bắt tội nhân ôm lấy trụ đồng đó. Khi tội nhân ôm vào cả thân thể đều thiêu cháy, người bị thiêu cháy. Ông ta nói hình phạt này quá tàn khốc, có thể xin Đông Nhạc đại đế phế bỏ nó? Đông Nhạc đại đế mỉm cười nói với ông ta “*Ông đi xem trước đã*”, và sai hai người hầu dẫn ông ta đi xem. Đi được đoạn đường khá xa, đến chỗ đó, hai người hầu nói “*phán quan, đến rồi, chính là ở đây*”. Ông ta nhìn không thấy. Ông ta là một Phật tử, nên lập tức nghĩ đến, Đông Nhạc đại đế với Diêm Vương không tương quan, do nghiệp lực biến hiện. Ông ta không có nghiệp lực này nên nhìn không thấy địa ngục.

Trong kinh Địa Tạng chúng ta nhìn thấy ai đến địa ngục? Một vị Bồ Tát đến địa ngục để độ chúng sanh. Ngoài ra là do ta có tội nghiệp thì địa ngục này hiện tiền. Ta không có tội này, cũng không phải là Bồ Tát, thì ta không nhìn thấy. Chúng ta từ nơi công án này có thể lãnh hội được, Phật là tối thanh tịnh giác. Những cảnh giới bất thiện này, Phật có thể nhìn thấy chẳng? Không nhìn thấy. Vì sao không nhìn thấy? Phật không có nghiệp này. Tâm Phật thanh tịnh, ngài nhìn địa ngục cũng thanh tịnh. Trừ khi chúng sanh trong địa ngục cầu cứu, Cầu chư Phật Bồ Tát cứu họ, Phật Bồ Tát liền ứng ngay. Tuy có ứng để đến địa ngục hoá độ

chúng sanh. Nói thật thì Phật ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm, phàm phu chúng ta nhìn không thấy.

Đức Thế Tôn xuất hiện ở thế giới này. Ngài ở đâu? Ngài trú ở cõi Thật báo trang nghiêm, chúng ta nhìn không thấy, gọi là bất đồng không gian duy thứ. Chúng ta nhìn thấy Thế Tôn hình như giống với chúng ta. Thật vậy, ngài ngày ăn một bữa, tối nghỉ dưới góc cây. Chúng ta nhìn thấy tướng này của Phật, ngài thị hiện tướng như vậy. Còn tướng trên sinh hoạt thực tế thì không nhìn thấy. Hình như trong kinh cũng có đoạn kinh văn như vậy, không dài. Thế Tôn cũng thị hiện, có người đến thỉnh giáo ngài.

Đức Phật kiết già ngồi như vậy. Ngài bỏ một chân xuống, đầu chân sát đến đất. Đầu chân sát đất, sơn hà đại địa hoàn toàn biến thành kim sắc thế giới, để mọi người xem. Như vậy là sao? Như vậy sẽ nhìn được điều gì? Cõi thật báo trang nghiêm. Phàm phu nhìn không thấy. Nên trong cảnh giới Phật, xác xác thực thực. A tỳ địa ngục ở trong cảnh giới Phật cực kỳ thanh tịnh. Trên lý mà nói là pháp giới bình đẳng. Trong pháp giới bình đẳng quyết định không có đối lập. Nhiễm tịnh là đối lập, phàm thánh là đối lập, thiện ác là đối lập, thiên đường địa ngục là đối lập. Ở trong nhất chân pháp giới không có đối lập. Những điều này có tồn tại không? Tồn tại, không có đối lập. Tuy tồn tại, nhưng mỗi cái không chướng ngại nhau. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói cảnh giới không thể nghĩ bàn, đây là chân tướng sự thật. Vì sao? Tất cả hiện tượng toàn là huyền tướng, *“phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”*, *“nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”*. Hiện tượng không phải thật, mà hiện tượng tồn tại chỉ trong một niệm. Một niệm nào? Bồ Tát Di Lặc nói, một giây móng tay có ba trăm hai mươi triệu ý niệm. Một cái giây móng tay có ba trăm hai mươi triệu, ta có thể tìm thấy sanh diệt ư? Ý này nói gì? Là hiện tượng của thập pháp giới. Nhất chân pháp giới cũng không ngoại lệ. Thuần chân không có vọng niệm, chỉ có một cảnh giới, gọi là thường tịch quang.

Tịnh độ tông giảng có bốn loại tịnh độ, thường tịch quang cao nhất. Thường tịch quang là tự tánh, trong đó không có hiện tượng vật chất, cũng không có hiện tượng tinh thần. Thậm chí năng lượng mà ngày nay trong khoa học nói trong thường tịch quang cũng không có. Trong A lại da có tam tế tướng. Thường tịch quang là tự tánh, mà trong tự tánh không có, không có những hiện tượng này. Nhưng không thể nói nó không có. Ngài Huệ Năng khi kiến tánh đã nói đầu ngón tự tánh vốn tự đầy đủ, tuy cụ túc nhưng nó không hiện hành. Đến năng lượng, hiện tượng này đều không thể hiện hình, nhưng nó đầy đủ. Nên nó có thể sanh vạn pháp. Chỉ cần một ý niệm cực kỳ vi tế động, tự tánh liền biến hiện ra A lại da. A lại da hiện tất cả pháp, y chánh trang nghiêm.

Chúng ta là chánh báo. Ngoài tôi ra, bao quát nhất chân pháp giới đều là y báo của tôi. Trong y báo có nhân sự y báo, có vật chất y báo, có hoàn cảnh y báo. Y báo và chánh báo là đồng thời khởi lên. Đệ thất thức chính là tôi. Triển khai tám thức năm mươi một tâm sở chính là toàn thể vũ trụ. Hôm nay chúng ta nói thập pháp giới y chánh trang nghiêm, trong một niệm là đều hiện. Hiện ra đầy đủ hết, chỉ một niệm! Thời gian một niệm này quá nhanh, nên

trong đại thừa giáo thường nói bất sanh bất diệt. Thật là không sanh không diệt. Nói lời này hoàn toàn không có ý nghĩa, như vậy là biến thành hý luận. Xác thực có sanh diệt, nhưng thời gian sanh diệt quá ngắn. Chúng ta không có biện pháp thể hội được. Nên ngày nay giới lượng tử học nói với chúng ta vật chất là gì? Vật chất là hiện tượng do ý niệm tích lũy liên tục mà có, không phải là thật.

Từ đây mà biết, thiên đường địa ngục đều không phải thật. vậy trời dục giới, trời sắc giới ở đâu là thật? Lục đạo, thập pháp giới, đều không thể vượt qua nguyên lý này. Chúng ta hiểu rõ những chân tướng sự thật này, cũng nhìn thấy ở đây “*Bạc Già Phạn tối thanh tịnh giác, cực u pháp giới, tận u hư không, cùng vị lai tế*”. Như vậy chúng ta đã hiểu điều này là thật không phải giả. A la hán đã giác ngộ. Giác ngộ, nói cách khác là không gian cuộc sống của ngài lớn hơn so với chúng ta. Quý vị xem, không gian sinh hoạt của chúng ta hiện tại không có cách nào ly khai địa cầu. Mạnh hơn một chút so với cổ nhân, ngày xưa giao thông không phương tiện, tin tức không phát đạt, rất nhiều người đến già chết cũng không qua lại với nhau. Ở trong thành này cả đời, mà thành thị kế bên chưa từng đi qua, cổ nhân họ sống như vậy.

Còn không gian của chúng ta bây giờ rất lớn. Có công cụ giao thông, có tin tức, nên không gian sinh hoạt hiện nay là cả địa cầu. Nếu chúng ta muốn suy nghĩ một việc gì, cũng phải thay cư dân trên toàn bộ địa cầu suy nghĩ, như vậy mới đúng. Vì sao? Họ với chúng ta là nhất thể. Nên bây giờ người ta gọi là thôn địa cầu, nói câu này rất có đạo lý. Chúng ta sống cùng một thôn, làm sao có thể không quan tâm? Làm sao có thể không chiếu cố?

Nhưng A la hán đã thành chánh giác, ra khỏi luân hồi lục đạo. Không gian sinh hoạt của họ lớn hơn chúng ta. Trong kinh nói, không gian sinh hoạt của họ là một tiểu thiên thể giới. Một đơn vị thế giới, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói là một hệ ngân hà. Một tiểu thiên thể giới là một nghìn hệ ngân hà. Không gian sinh hoạt của A la hán rộng lớn như vậy_một ngàn hệ ngân hà! Đối với chúng ta mà nói, điều này thật không thể nghĩ bàn. Nhưng ở trong Phật pháp mà nói thì quá nhỏ.

Không gian sinh hoạt của Bồ Tát cao hơn, rộng hơn so với A la hán, là tam thiên đại thiên thể giới. Bồ Tát chưa kiến tánh, còn Bồ tát đã kiến tánh thì cảnh như ở đây, không thua Phật bao nhiêu. “*Cực u pháp giới, tận u hư không, cùng vị lai tế*”, câu sau cùng vị lai tế là chỉ thời gian, ở trước là không gian. Cũng chính là nói, không gian và thời gian đã đột phá. Đó đều là không gian sinh hoạt của ngài. Chỗ nào chúng sanh có cảm, ngài lập tức nhận được tin tức. Nhân được tin tức, còn phải xem nhân duyên. Thế mới nói “*Phật không độ người không có duyên*”. Chúng sanh này với Bồ tát này có duyên, Bồ tát liền thị hiện. Cần lấy thân gì để độ thì liền hiện thân đó. A la hán cũng có năng lực này, nhưng bị hạn chế trong tiểu thiên thể giới. Cũng nên lấy thân gì để độ, họ cũng có thể hiện thân đó.

Họ có thần túc thông, thần túc thông là phi hành biến hoá. Thật ra, phi hành chỉ là một ví dụ, không phải thật, thật thì không phải phi hành. Vì sao? Họ đã đột phá không gian duy thức của lục đạo. A la hán đã đột phá, sau khi đột phá, đối với không gian mà nói thì không có cự li. Còn đối với thời gian thì không có trước sau, đây mới là thật. Đây chính là ý niệm, niệm

lực. Trong kinh nói là niệm lực, trong ngũ lực nói là niệm lực, không thể nghĩ bàn. Khoa học hiện nay từ từ cũng đã phát hiện. Ý niệm không thể nghĩ bàn, cho nên ý niệm phải tốt. Không kể ý niệm này của chúng ta là thiện hay ác, là hữu ý hay vô ý. Hiện nay giới khoa học nói, ý niệm của chúng ta không thể không cẩn thận. Vì sao? Bất cứ ý niệm nào, nó ảnh hưởng toàn thể địa cầu. Giới khoa học đã nói như vậy.

Nhưng Phật Pháp nói thì không chỉ địa cầu. Trong “Hoàn Nguyên Quán” chúng ta nhìn thấy, bất luận là ý niệm gì. Niệm thô niệm tế, niệm thiện niệm ác, niệm nhiễm niệm tịnh. Ý niệm vừa mới động, thì biến pháp giới hư không giới, châu biến pháp giới, xuất sanh vô tận, bao hàm có không. Đây là trong “Hoàn nguyên quán” nói, là thật không phải giả. Hiện nay giới khoa học không dám nói là ảnh hưởng các tinh cầu khác, nhưng họ nói ảnh hưởng đến toàn thể giới của chúng ta. Phát hiện này không dễ. Chúng ta xem tiếp một đoạn trong “Thành Thật Luận”.

“Thành thật luận đẳng hợp vô thượng sĩ dữ điều ngự trượng phu vi nhất hiệu, tắc tùng Như Lai chí Thế Tôn vi thập hiệu, thập hiệu chi tường thích”. Chính là giải thích tường tận, bên dưới là phẩm thứ tư, chính là *“Pháp tạng nhân địa”*. Nên chỗ này, chúng ta sẽ nói từng điều một. Sau này khi giảng đến phẩm thứ tư, sẽ giải thích tường tận.

“Thượng minh Phật tự vi cực thánh chi thông hiệu”. Hai chữ thông hiệu phải đặc biệt chú ý đến. Nó không phải là chuyên dùng của một người nào. Tu học của chúng ta đạt đến cảnh giới này, thì xưng là Phật Đà. Chúng ra học đã nhiều năm như vậy, nó thật là giáo dục của Phật giáo. Phật, Bồ tát, A la hán, vừa đúng như danh xưng học vị trong trường học hiện nay. Học vị cao nhất là Phật đà, như học vị tiến sĩ trong trường hiện nay. Học vị thứ hai là Bồ Tát, như học vị thạc sĩ. Học vị thứ ba là A la hán, như học vị học sĩ.

Trong giáo dục Phật giáo, danh xưng của ba học vị, nên nó là thông hiệu. Nếu đạt được cảnh giới này, thì đạt được danh hiệu này. Tiêu chuẩn của Phật pháp, học vị thứ nhất là đoạn kiến tư phiền não. Chỉ cần kiến tư phiền não đoạn, người này được xưng là A la hán. Trí tuệ đức tướng thân thông của A la hán hoàn toàn cụ túc. Trong tự tánh nó vốn có và toàn bộ hiện ra.

Học vị thứ hai là Bồ tát. Bồ Tát không những phải buông bỏ chấp trước, còn phải buông bỏ phân biệt. Cũng chính là nói, phân biệt này trong một số kinh điển đại thừa gọi là trần sa phiền não. Họ cần phải phá kiến tư phiền não, còn phải phá trần sa phiền não. Đây là Bồ Tát, thành chánh đẳng chánh giác. Học vị cao nhất là vô thượng chánh đẳng chánh giác, chính là đem vô minh phiền não cuối cùng đoạn trừ. Vô minh phiền não trong kinh Hoa Nghiêm gọi là vọng tưởng. Tôi thường dùng không khởi tâm, không động niệm. Nói câu này mọi người dễ hiểu hơn. Lực căn tiếp xúc với cảnh giới lực trần bên ngoài, không khởi tâm động niệm. Không khởi tâm động niệm có thể thấu triệt chăng? Có thể thấu triệt, thật thấu triệt.

Quý vị phải hiểu, khởi tâm động niệm ta dùng là tâm thức, chính là A lại da. Dùng tâm thức, vọng tâm. Không khởi tâm, không động niệm, dùng chân tâm.

Do đây mà biết, ở trước chúng ta đã nói về ba học vị. A la hán và Bồ tát. Bồ tát này gọi là quyền giáo Bồ tát, cũng là Bồ Tát trong thập pháp giới. Trong kinh nói Bồ tát không phải là Ma ha tát. Nên trong kinh thường giảng Bồ tát ma ha tát. Ma ha tát là pháp thân Bồ Tát. Đó là gì? Là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trên thực tế họ đều đã thành Phật.

Trong kinh Hoa Nghiêm xưng họ là pháp thân Bồ Tát, trên thực tế họ là chân Phật không phải Phật giả. Thiên Thai đại sư giảng phân chúng tức Phật, Bồ tát trong thập pháp giới là tương tự tức Phật, Phật trong thập pháp giới cũng là tương tự tức Phật. Điều này chúng ta không thể không hiểu rõ ràng. Chúng ta đã đến cảnh giới nào rồi, thì tự mình biết. Biết được thì quá tốt, không biết thì tạo tội nghiệp. Vì sao? Không biết thì cống cao ngã mạn, tự cho mình đúng. Biết rõ ràng mình bạch mình chưa được, không so được với Phật, không so sánh được với chư vị tổ sư đại đức, với quả thấp nhất Tu đà hoàn và sơ tín vị Bồ Tát đều không so sánh được. Tập khí ngã mạn đó của chúng ta mới có thể hoá giải. Pháp trong thế xuất thế gian, chúng ta trên con đường học thuật, hoặc là trong khoa học kỹ thuật có thành tựu. càng có thành tựu thì càng cảm thấy mình thật ghê gớm, đáng được kiêu ngạo, như vậy là ta tiêu rồi.

Không Tử nói, người này *“như hữu chu công chi tài chi mỹ, sử kiêu thả lận, kỳ dư tắc bất túc quán dã”*. Những vị thánh hiền này, thật là người có đức hạnh có học vấn. không quan tâm anh ta. Vì sao? Anh ta là giả không phải thật. Là thật, cổ nhân cũng có một câu *“học vấn thâm thời ý khí bình”*. Càng có học vấn thì càng là người có đức hạnh, càng khiêm tốn, càng hạ mình, càng biết tôn kính người khác. Quý vị xem, Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương ngài đã làm được, người khác chưa chắc làm được. Ngài đã làm được viên mãn một trăm phần trăm_lễ kính chư Phật.

Phổ Hiền bồ tát không những đối với người bần cùng hạ tiện, lễ phép cung kính. Mà đối với tất cả chúng sanh. Bao gồm điều gì? kể cả cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, tất cả đều cung kính. Ngày nay giới khoa học cũng đề xuất một phương pháp, tôi xem rồi cũng rất tán thán. Họ nói đối với tất cả vật chất cơ bản của vật chất, tức là hạt cơ bản. Đối với mỗi hạt cơ bản đều phải tôn trọng. Vì sao? Dù nó có nhỏ đến đâu thì trong đó cũng bao hàm hiện tượng tinh thần viên mãn, chính là tin tức viên mãn, không thể coi thường. Tất cả hiện tượng vật chất đều do nó hình thành. Nó là cơ sở của vật chất.

Trong Phật pháp nói, Phật pháp nói vi trần, cực kỳ vi tế. Nó có thọ tướng hành thức. Di Lạc Bồ tát nói niệm niệm thành hình là hiện tượng vật chất, trong hình đều có thức, đó là thọ tướng hành thức. Nên vật chất dù có nhỏ đến cùng cực đều có thọ tướng hành thức. Điều này nói với chúng ta rằng, biến pháp giới hư không giới là có cơ thể, nó sống chứ không phải chết. Sơn hà đại địa là sống.

Chúng ta nhìn thấy giáo hoàng của Thiên chúa giáo, mỗi lần đi phỏng vấn một quốc gia, xuống máy bay việc đầu tiên ông ta làm là gì? chính là hôn mặt đất, có lý! Không phải là vô lý. Ông ta hiểu, ông ta không phải không hiểu. Làm như vậy để chúng ta thấy. Quý vị xem,

ông ta đến chỗ chúng ta, đến đại địa ông ta đều có thể nồng nhiệt như thế, thì nhân dân cư trú ở địa phương này làm sao có thể không yêu!

Nên Phật, Bồ tát, A la hán, chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng, Họ không phải là thần, họ cũng không phải là tiên. Nó là học vị tu học trong đạo Phật, có ba đẳng cấp_học vị, đều là thông hiệu, không phải chuyên dùng để chỉ một người nào. Bồ tát cũng có rất nhiều Bồ tát, đó chính là mỗi khoa, mỗi hệ không giống nhau. Quan Âm Bồ tát không phải là một người, rất nhiều. Quý vị tìm vị Quan Âm Bồ tát nào? Giống như bạn đang đi tìm một thạc sĩ vậy, thạc sĩ quá nhiều, nó phân khoa. Quan Âm chuyên môn thị hiện dạy từ bi. Địa Tạng dạy ta hiểu dưỡng cha mẹ phụng sự sư trưởng, khoa mục không giống nhau. Văn Thù dạy ta trí tuệ. Phổ Hiền dạy ta thực tiễn, dạy ta làm sao đem những gì học được thực hành trong sinh hoạt, thực hành trong công việc, thực hành trong đời nhân xử thế tiếp vật. Danh hiệu Bồ tát là học khoa không giống nhau, nhưng đều là thông hiệu.

Phổ hiền Bồ tát không phải một người, Quan Âm Bồ tát cũng không phải là một người, rất nhiều rất nhiều! người học pháp môn này đều xưng là Quan Âm. Học pháp môn đó toàn gọi là Phổ Hiền. Nên trong học vị nhất định phải thêm tên, mới hiểu được đây là chỉ người nào. Nếu không thêm tên không được, sẽ không phân biệt được. Thông hiệu này chúng ta đã hiểu.

“*Kim tỳ luận bản kinh*”, bộ kinh hiện tại này “*đề trung Phật tỳ*” là ai? Phật là thông hiệu, Phật quá nhiều. Vậy thì ai? “*Tức ta bà giáo chủ*”. Ta bà là danh xưng chỉ thế giới này của chúng ta. Phạm ngữ gọi là ta bà thế giới. Ta bà giáo chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu ni Như Lai. Là Thích ca mâu Ni Phật. Như lai đằng sau có giải thích, ý nghĩa rất sâu rất rộng. Ý nghĩa phổ thông nhất, trong kinh Kim Cang nói: “*Như lai giả, kim Phật như cổ Phật chi tái lai*”. Ý này dễ hiểu, Phật Phật đạo đồng, Phật Phật bình đẳng. Kim Phật và cổ Phật không phải hai. Đây là một ý ví dụ đơn giản trong chữ Như lai.

Chúng ta xưng Bổn Sư, vị thầy căn bản. Người xưa quen xưng là tiên sư, chúng ta xưng Khổng Tử là đại thành chí thánh tiên sư. Đại thành là tập đại thành của Khổng Tử. Trung quốc cổ thánh tiên hiền, lão tổ tông lưu lại rất nhiều giáo huấn, nhưng lúc đó đều là khẩu truyền, không có viết thành văn tự. Ông ta đem giáo huấn của cổ thánh tiên hiền truyền lại, chỉnh lý lại, viết thành văn tự lưu cho hậu nhân. Nên trong “*Luận Ngữ*”, rất nhiều lời không phải của Khổng Tử nói, đều là của cổ thánh tiên hiền. Ông ta đã đem nó chỉnh lý và viết thành văn tự lưu lại đời sau. Nên Khổng Tử nói rất rõ ràng, một đời của ngài là “*thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ*”. Khổng Tử không lừa gạt người khác, không lừa gạt hậu nhân. Đây chính là nói, tự ông ta không có thứ gì.

Trong đời những điều ông học, ông tu, ông dạy, đều là giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Chỉ là trước đây bị phân tán trong nhân gian. Trung quốc rất nhiều tộc quần, nhưng đã bị phân tán. Khổng Tử có thể đem nó sưu tập lại, dùng văn tự viết ra và lưu truyền đến bây giờ. Đây là tập đại thành.

Chí thánh, cũng như chúng ta xưng Phật vậy. Thánh nhân cũng có đẳng cấp, họ đạt đến cảnh giới cao nhất, như trong Phật pháp nói vô thượng chánh đẳng chánh giác, đối với họ dùng tôn xưng này. Đại thánh chí thánh tôn sư, ông ta là thầy giáo. Phật là thầy giáo, người Ấn độ xưng là Bổn Sư, một vị thầy căn bản. Người Trung quốc gọi tiên sư là cùng với ý nghĩa này. Người hậu thế học Phật, y theo các kinh điển mà đức Phật giảng ngày xưa, kinh điển là tài liệu. Tài liệu lúc đó, tài liệu này cũng không phải Đức Thế Tôn viết. Thật ra Khổng lão phu tử vẫn có một bản trước tác, Hệ Từ Truyện trong kinh dịch là ông ta viết.

Chúng ta nhìn thấy trước tác của Khổng Tử, đây là trước tác tượng trưng. Lịch sử của “Xuân thu” Lỗ quốc là ông ta viết, ngoài ra thì rất ít. Quý vị xem truyện, Xuân thu có ba truyện. Lưu truyền rộng nhất là Tả Truyện Tả Khuru Minh. Truyện là gì? truyện là chú giải, nó có kinh có truyện. Kinh là Khổng tử viết, truyện ghi chép tường tận chuyện Tả Khuru Minh, gọi “Xuân Thu Tả Truyện”. Có “Công Dương truyện”, “Cốc Lương truyện”. Đây là lịch sử của nước Lỗ đương thời, đều là trước tác của ông ta. Nên cuộc đời của ông ta “tín nhi háo cổ, thuật nhi bất tác”. Đức Thế Tôn với Khổng tử, thái độ cầu học hoàn toàn tương đồng.

Chúng ta thấy Tứ Thập Hoa Nghiêm của đại sư Thanh Lương, trên đề kinh, đại sư Thanh Lương nói, Đức Thế Tôn lúc tại thế giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Từng câu từng chữ mà ngài nói, đều là lời của Cổ Phật nói. Trên kinh điển của Cổ Phật ngài không có thêm một chữ nào, so với những gì Phu tử nói thì càng phải nghiêm cẩn hơn. Không thêm chữ nào trong kinh điển cổ Phật. Chúng ta có thể tin tưởng không? Có thể tin tưởng. Dựa vào đâu để tin tưởng? Dựa vào Như Lai, kim Phật như cổ Phật tái sanh. Như vậy không phải đã nói rõ ràng rồi ư?

Chúng ta chứng được cảnh giới này, cảnh giới tương đẳng ! Tôi nói với họ nói giống nhau, có chỗ nào nói sai? Hoàn toàn tương đẳng. Những gì Bồ tát nói đều không như nhau, vì sao? Bồ Tát chứng được cứu cánh viên mãn. Nhưng Chư Phật Như Lai nói hoàn toàn giống nhau, quyết định không thể là hai. Nên quan hệ của chúng ta và Phật là quan hệ thầy trò. Nghiêm khắc mà nói thì Phật là Thầy chúng ta, Bồ tát là sư huynh chúng ta, A la hán cũng là sư huynh, đều là đệ tử Phật. Họ là tiên kỳ, chúng ta là hậu kỳ, bạn học khoá trước khoá sau. Nhưng họ đã có thành tựu, chúng ta bây giờ thành tựu không như họ. Nên những vị sư huynh này có thể dạy chúng ta, cũng có năng lực giáo hoá chúng ta. Quan hệ phải hiểu cho rõ ràng minh bạch, sau đó mới hiểu Phật giáo không phải Tôn giáo. Trong tôn giáo tuyệt đối không có cách nói này.

Danh hiệu Thích Ca Mâu Ni này, Trung hoa dịch là Năng Nhơn Tịch Mặc. Thích Ca Mâu Ni là tiếng Ấn độ. Ý nghĩa gì? Ở đây phiên dịch, Thích Ca dịch là Năng Nhân, Mâu Ni dịch là Tịch Mặc. Bên dưới có giải thích, Năng Nhân là kỳ dụng, Tịch Mặc là kỳ thể. “Cứu cánh cực giới, đại thừa nguyện thuyên, sanh ngữ trực thể, thị hiện thành Phật, vi độ ngã đẳng, diễn thuyết bốn kinh”. Nhân là nhân từ, trong danh hiệu đều là biểu pháp, đều là dạy học. Vậy Phật giáo là gì? Những gì của Phật giáo đều ở trong danh hiệu. Năng Nhân, dùng cách nói bây giờ tức là có thể lấy nhân từ để đối nhân và tiếp vật. Dạy chúng ta đối nhân đối sự đối

vật, đều phải dùng nhân ái, “*Nhân giả ái nhân*”. Mâu Ni là đối với chính mình, dùng tâm như thế nào để đối với người, dùng tâm như thế nào để đối với chính mình. Tịch Mặc là thanh tịnh bình đẳng giác, đối với chính mình phải thanh tịnh, phải bình đẳng. Chỉ cần dùng tâm thanh tịnh bình đẳng, tự nhiên sẽ giác ngộ. Tâm thanh tịnh sanh trí tuệ. Bình đẳng so với thanh tịnh còn cao hơn một tầng, đã khai ngộ.

Như vậy chúng ta sẽ hiểu, chúng ta vì sao không khai ngộ? Vì không bình đẳng. Tôi cảm thấy tôi giỏi hơn người khác, họ không được như tôi. Vậy thì làm sao khai ngộ, như vậy thì hết cách. Chỉ thanh tịnh thôi cũng chưa được. Thanh tịnh chỉ có thể sanh trí tuệ, không phải đại triệt đại ngộ. Bình đẳng mới đại triệt đại ngộ. Những gì A la hán đạt được là thanh tịnh, Bồ tát đạt được là bình đẳng. Bồ tát vừa khai ngộ là thành Phật. Đại triệt đại ngộ là viên mãn, là thành Phật.

Bây giờ chúng ta đã biết, buông bỏ tất cả chấp trước, tâm mới được thanh tịnh. Buông bỏ tất cả phân biệt, tâm sẽ bình đẳng. Không phân biệt là bình đẳng, Phân biệt là không bình đẳng, đến khi nào giác ngộ? Không khởi tâm, không động niệm là đại triệt đại ngộ. Không khởi tâm không động niệm là phá vô minh phiền não, đã thành Phật. Nên Tịch Mặc là thể, là tự thọ dụng. Nhân từ là ngài tự thọ dụng. Phật thị hiện đến thế giới này là vì độ chúng sanh, nên đem nhân từ đặt trước tiên.

Chúng ta giả thiết, Đức Thế Tôn nếu đến thế giới Cực lạc làm Phật, ngài còn dụng tên này Chẳng? Không dùng nữa. Vì sao? Người ở thế giới Cực Lạc đều nhân từ, đều thanh tịnh, danh hiệu này không còn chỗ dùng. Vậy phải làm sao? Đổi một danh từ. Đổi danh từ gì? Đổi thành A Di Đà Phật. Làm Phật ở thế giới Cực lạc nhất định là A Di Đà Phật. Còn làm Phật ở thế giới này, nhất định là Thích Ca mâu Ni. Vì sao? Người của chúng ta, con người ở trên địa cầu này, con người ở thế giới ta bà này, phạm vi càng lớn. Đối với người không có nhân từ, đều là tự tư tự lợi, nên dùng nhân từ đến dạy họ. Người ở những chỗ này đối với chính mình tâm không thanh tịnh, nên danh hiệu của ngài chính là tông chỉ giáo dục dạy học của ngài, đều ở trong danh hiệu.

Nếu chúng ta hiểu được danh hiệu, thì chúng ta sẽ hiểu được một đời của Đức Thế Tôn giảng điều gì, dạy điều gì, sẽ hiểu được.

“Cứu cánh cực giới”. Câu này là nói ngài chúng được cứu cánh viên mãn. Quả này là quả đức. Cũng như chúng ta học ở trường và tốt nghiệp, đã tốt nghiệp viên mãn. Những gì cần học đã học xong, bài tập đều làm xong, nhận được học vị tiến sĩ. Như vậy Phật ở đây là quả vị cao nhất. “Thừa đại nguyện thuyền”, đây là nhân địa thượng từng phát đại nguyện. Trước đây các vị Bồ Tát này đều phát qua, chúng ta hiện nay cũng đã phát. Đã phát thì phải phát thật sự, phải từ tâm phát mới hữu dụng, chỉ phát bằng miệng không hữu dụng, nhưng trên miệng đều đã phát. Đã phát nguyện gì? Nguyện như Phật vậy. Chúng sanh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành. Đây là tứ hoằng thế nguyện. Chư Phật Bồ tát dù đại nguyện có nhiều, đều không ra ngoài bốn nguyện này.

Phật A Di Đà có 48 nguyện, đem nó quy nạp tường tận thì vẫn ở trong bốn nguyện này. Bốn nguyện này là tổng nguyện, bao hàm tất cả các nguyện khác. Nên Đức Phật sau khi thành Phật, là phải thực hiện bốn nguyện này. Nếu không thực hiện thành ra ngài nói dối, trở thành gạt mình gạt người, như vậy làm sao thành Phật? Không những A la hán không có gạt mình gạt người. Nói cho chư vị biết, tiêu thừa sơ quả Tu đà hoàn, đại thừa sơ tín vị Bồ tát, đây là giới luật cơ bản họ đều làm được, làm một cách viên mãn. Tuyệt đối không có gạt mình gạt người, nói lời là giữ lời. Nên trong pháp giới hư không giới, trong vô lượng vô biên quốc độ, có rất nhiều cõi Phật. Trong đó có lục đạo, có mười pháp giới.

Trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Hoa tạng thế giới và phẩm thế giới thành tựu. Trong đó nói đến, chúng sanh trong những cõi chư Phật. Đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo, mê mà không ngộ, họ mê quá sâu nặng. Vì mê nên họ tạo tội nghiệp. Khi mê thì trí tuệ bất nhã trong tự tánh biến thành phiền não. Vừa mê thì đã lập tức thay đổi, trí tuệ biến thành phiền não, đức năng biến thành tạo nghiệp, tướng hảo biến thành lục đạo tam đồ, biến thành những thứ này. Vừa giác ngộ, giác ngộ thì lập tức hồi đầu, phiền não biến thành trí tuệ, tạo nghiệp biến thành đức năng, lục đạo biến thành tướng hảo, biến thành cõi thật báo trang nghiêm. Cho nên nó đều không phải là thật, nó tùy theo ý niệm mà biến đổi.

Ý niệm tốt nhất, nói với chư vị, chính là “A Di Đà Phật”. Nếu ta học được điều này, ý niệm tốt nhất. Thế xuất thế gian pháp không có ý niệm thứ hai có thể vượt qua ý niệm này. Tất cả quốc độ của chư Phật trong mười phương đều không hơn thế giới Cực Lạc. Vì sao? Ý niệm không giống nhau. Ý niệm A Di Đà Phật này, thật là cứu cánh cực quả, thuần tịnh thuần thiện. Vì sao không nắm bắt điều này?

Chúng ta thấy từ xưa đến nay, thật sự có người đại phước đức, người đại trí tuệ. Đại phước đức, đại trí tuệ này, có thể là bản cùng hạ tiện không biết chữ. Họ nắm bắt được câu A Di Đà Phật này. Quý vị xem lúc họ sắp lâm chung, đứng như vậy vãng sanh, ngồi như vậy vãng sanh, ra đi một cách tiêu sái, họ đã thành tựu. Một số người phú quý như chúng ta không thể so với họ. Nên phải hiểu, minh bạch đạo lý này.

Chúng ta phải siêng năng học tập họ, cần phải nắm bắt câu Phật hiệu này, niệm này ở đây. Bất luận làm gì, câu Phật hiệu này là chỗ nương tựa của chúng ta. Thật có thể nương tựa được, nương tựa ai cũng không chắc chắn. Vì sao? Toàn là giả. Phật hiệu mới là thật, Phật hiệu là tánh đức, Phật hiệu là đáng tin nhất. Nên Đức Phật phải thực hiện bốn nguyện của ngài, đã phát nguyện này, thì nhất định phải làm được. Chúng sanh trên thế giới này có duyên với ngài, có duyên tức có cảm. Nên chúng ta biết, tất cả hiện tượng vật chất trong thọ tướng hành thức đều có. Thọ tướng hành thức này, nó đang phóng quang trong từng sát na. Phóng quang này là hiện tượng dao động, mỗi cái dao động đều châu biến pháp giới. Nên chư Phật Như Lai họ đều nhận được, sau khi nhận được phải xem có duyên hay không. Có duyên thì họ đến, không có duyên thì họ không đến. Có duyên sẽ đến. Nên Phật không độ người không có duyên.

Chúng ta với ngài không có duyên, nếu ngài đến, ta không thể hội được, ta không tin tưởng ngài, không chịu tiếp nhận giáo huấn của ngài. Ngài đến như vậy chúng ta thêm tạo tội nghiệp. Chư Phật Bồ tát ứng hoá ở thế gian, tuyệt đối không để người thế gian tạo mặt trái của tội nghiệp. Nên ta có thể tiếp nhận thì ngài sẽ đến dạy, còn ta không thể tiếp nhận ngài sẽ tránh. Điều này là điều nên làm, đến đời ngũ trược, chính là thế giới của chúng ta. Bây giờ có thể nói là ác trược đến cực điểm. Thiên tai quá nhiều!

“*Thị hiện thành Phật*”, thị hiện này chính là biểu diễn. Ngài đã thành Phật từ lâu. Đây là ngài chỉ làm gương cho chúng ta thấy, ngài đã làm như tứ tịnh đức trong Hoàn Nguyên Quán, “*tuỳ duyên diệu dụng, oai nghi hữu tác*”. Làm tấm gương này cho chúng ta, nhu hoà chất trực, không có ngạo mạn, thái độ nhu hoà, nội tâm chân thành.

“*Vi độ ngã đẳng, diễn thuyết bốn kinh*”. Diễn ở đây là làm ra, là biểu diễn, thân giáo! Thánh nhân trong thế xuất thế gian dạy người, đều dùng thân giáo để biểu diễn. Làm cho mọi người thấy, để ta từ từ cảm nhận, từ từ giác ngộ và ta từ từ hồi đầu. Không phải nói suông như vậy, nói họ không nghe. Đến lúc họ thật sự có cảm nhận, họ đã hồi đầu, thì họ sẽ đến thỉnh giáo, lúc đó mới nói với họ. Nên thuyết pháp cần phải thỉnh mời, chính là đạo lý này. Chúng ta không thỉnh giáo, ngài sẽ không nói với chúng ta. Nhưng sao? Ngài sẽ làm cho chúng ta thấy. Làm được sau đó mới nói được, đây là thánh nhân. Nói được có thể làm được là hiền nhân. Nói được làm không được, biến thành gạt người. Đối gạt người khác làm sao có thể thành tựu?

“*thị tức nhất thiết chúng sanh đại ân đại đức chi từ phụ*”. Đây là cảm ân đối với Phật. Vị thầy này giống như phụ thân của mình vậy, đối với con cái yêu thương vô bờ, toàn tâm toàn lực đến dạy dỗ chúng. “*Vô pháp bất tri, vô pháp bất kiến chi đạo sư*”. Khắp nơi khắp chốn, trong kinh điển chúng ta thấy. Quý vị cần phải biết, đạo sư chính là tôn xưng đối với Phật. Đại sư cũng là xưng Phật, tôn xưng đối với Phật.

Trong kinh điển chúng ta thấy, những pháp sư phiên dịch kinh điển, lâu thông tam tạng, nên gọi tam tạng pháp sư. Họ không xưng là đại sư. Đây thuộc về lễ nghĩa, không thể không hiểu. Chúng ta xưng đại sư, như vậy là hơi quá đáng. Hiện nay trên xã hội có người đối với bạn rất tôn kính, gặp mặt gọi bạn là đại sư, thì ta phải nói với họ, danh xưng này không thể dùng, chỉ đối với Phật mới có thể dụng, nếu không chúng tôi không gánh vác nổi. Vì không phù hợp với thực danh.

Ví dụ ta không phải Tổng thống, khi người khác gặp mặt mình “*tổng thống tiên sinh*”, chúng ta nghe cảm thấy thế nào? Chúng ta không phải Phật, mà bây giờ gọi là Phật, thì tình hình cũng giống như vậy. Không thể xưng đạo sư, không thể xưng đại sư. Nhất định phải hiểu điều này, không hiểu sẽ khiến người khác cười mình. Nên người thường xuyên đọc kinh hay học kinh giáo đều hiểu. Chúng ta xưng hô đối với một số người xưng là trưởng lão, như vậy là rất tôn kính, không thể xưng đại sư.

“*Đại giác viên mãn chi thích tôn dã*”. Đây chính là Phật trong bản kinh này, tức là xưng Đức Thế Tôn của chúng ta. Trong đề mục này có nói một chữ, bây giờ nói chữ thứ hai “*thuyết*”.

“*Thuyết giả, duyệt dã*”. Ngày xưa, “thuyết” và “duyet” đồng một chữ, nhưng nghĩa bất đồng, đọc đều đọc duyệt.

Quý vị xem, câu đầu tiên trong luân ngữ chúng ta nhìn thấy, “*học nhi thời tập chi, bất diệc thuyết hồ*”. Chữ đó là thuyết, là chữ thuyết có bộ ngôn một bên. Về sau có thêm bộ tâm đứng một bên, nhưng ý nghĩa tương đồng. “*bất diệc duyệt hồ*”, đây là cổ âm. “*Duyệt sở hoài dã*”, chính là trong tâm của họ nhớ mãi không quên. Nhớ mãi không quên là gì? là dạy học, là giáo hoá chúng sanh. Duyên của chúng sanh bây giờ đã thành thực, có thể tiếp nhận, ngài hoan hỷ biết bao! Đây chính là “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, Nguyện này có thể thành hiện thực. duyên đã chín muồi, có thể hiện thực. Nên “*duyet sở hoài*”. Tâm nguyện này, duyên phận đã đến.

“*Phật thuyết nhị tự hiển thử kinh thị Thế Tôn kim hữu sở tuyên, phi dư nhân chi thuyết dã*”. Kinh Phật rất nhiều, nhưng có rất nhiều kinh, trên đề kinh không có Phật thuyết. Kinh điển có hai chữ Phật thuyết đứng đầu số lượng không nhiều. Vì sao có kinh có hai chữ Phật thuyết đứng đầu, có kinh không có? Điều này là lúc phiên dịch, có thể lệ, có ví dụ. Phạm là chánh tông phần, câu nói thứ nhất là Phật nói, thì kinh điển này hai chữ Phật thuyết đứng đầu. Nếu câu đầu tiên là Bồ tát, hoặc là người khác thỉnh giáo, như vậy thì không thêm chữ Phật thuyết.

Bộ Kinh này câu đầu tiên trong chánh tông phần xác thực là Phật thuyết, “*Phật cáo A Nan*”. Câu đầu tiên là Phật dạy A Nan, không phải là A Nan hỏi Phật, là Phật nói với A Nan. Hình như là câu đầu tiên phẩm thứ tư. Không sai, phẩm thứ tư “*Pháp tạng nhân địa Phẩm*”. Phẩm thứ tư mới là chánh tông phần. Trang 179, quyển thứ hai, chánh tông phần. Chánh tông phần, quý vị xem kinh văn. Pháp tạng nhân địa phẩm thứ tư, câu thứ nhất “*Phật cáo A Nan, quá khứ vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh thế gian Tự Tại Vương Như Lai*”. Quý vị xem, câu đầu tiên là Phật thuyết. Trong Chánh tông phần câu đầu tiên là Phật thuyết. Cho nên sau này khi quý vị nhìn thấy trong đề kinh có chữ Phật thuyết là sẽ hiểu.

“*Phật dĩ độ chúng sanh vi nguyện, kim chúng sanh cơ thực, kham thọ tịnh độ đại pháp, cứu cánh giải thoát, cố kim lạc thuyết, dĩ sứng bốn hoài*”. Duyên phận này là vô cùng hy hữu khó gặp. Vì sao? Chúng sanh rất nhiều, căn tánh không tương đồng, sở thích không giống nhau. Những điều này với những gì học tập trong quá khứ đều có liên quan. Trong quá khứ học tiểu thừa, thì bây giờ gặp tiểu thừa họ liền hoan hỷ. Đại thừa họ không thể tiếp nhận. Học thiên, gặp được thì vui vẻ thích thiên. Học giáo lý, giáo lý có rất nhiều. Có người thích Thiên Thai, có người thích Hiền Thủ, có người thích Pháp tướng. Đây không phải chỉ một đời này mà do tập khí trong quá khứ. Đời đời kiếp kiếp học rất lung tung, học rất nhiều.

Trong quá trình học tập nhiều thứ như vậy, chúng ta đối với loại nào thật tâm thích, sau đó nếu gặp lại. Chúng tử này sẽ được A lại da dẫn phát ra, chính là nguyên nhân này. Chúng ta hôm nay tiếp thu pháp môn tịnh độ thật không dễ. Tôi tiếp thu tịnh độ rất khó, khoảng hai mươi năm sau khi học Phật, mới thật sự tiếp thu. Khi đã thật sự tiếp nhận thì vô cùng hoan hỷ. Cũng chính là nói, trước đây có tu, căn cơ đó được chôn vùi rất sâu, và đào từ từ, đào suốt hai

mười năm mới đào nó được. Không phải như có một số người, vừa tiếp xúc họ đã thích. Chúng ta nhìn thấy cũng rất vui, tự than là không được như họ. Tôi cũng phải học hai mươi năm mới tin, sao họ vừa tiếp xúc liền tin tưởng, liền thích?

Trong đó cũng có hoan hỷ khi tiếp xúc, nhưng khi học không lâu họ lại thôi tâm, họ lại đi học cái khác. Trường hợp này rất nhiều, cũng rất bình thường, chúng ta cũng chẳng thấy có gì lạ. Bất luận họ tu học pháp môn nào, chúng ta đều tán thán, đều hoan hỷ. Không nên có tâm phân biệt. Chúng ta cần phải học Phật, Phật đối với chúng sanh đều bình đẳng như nhau. Phật đối với tất cả chúng sanh, chúng sanh khởi tâm động niệm, Phật không có khởi tâm động niệm. Chúng ta cần phải học không khởi tâm, không động niệm, không bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng. Như vậy mới được coi là có công phu, có định lực, trong Phật Pháp thường nói là tam muội. Không bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng.

Chúng ta phải biết tại sao họ lại như vậy, phải biết trong quá khứ họ học rất nhiều học rất khó, vừa thấy đã hoan hỷ, khẳng định trong quá khứ đã học qua. Còn học đến nửa đường họ thay đổi, như vậy là vì trong quá khứ đối với pháp môn này họ học cũng có trình độ tương đương. Đời này gặp duyên, họ sẽ bỏ pháp môn này để học pháp môn khác. Như vậy có thể thành tựu chăng? Sự việc như vậy họ tịnh không biết gì. Nếu họ biết khẳng định trở lại học tịnh độ. Vì sao? Học tịnh độ có thể thành tựu trong một đời, ngoài ra thì chưa biết được.

Tuy trong quá khứ có căn rất sâu, muốn đời này phải thành tựu. Thành tựu cũng đâu có gì khác, chỉ là phiền não của chúng ta có thể đoạn hay không? Điều này rất hiện thực. Tôi có thể buông bỏ chăng? Trong mấy mươi năm này, chỉ ít tôi cũng có ba bốn mươi năm. Tôi nói có mười sáu chữ “*buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn*”. Mười sáu chữ này buông bỏ, chúng ta có thể thành tựu chăng? Không thể. Tôi nói là thật không phải giả. Nó chỉ dẫn chúng ta đến cửa, mà chưa vào cửa. Mười sáu chữ này buông bỏ, chúng ta mới tới đến cửa, nơi cửa của Tu đà hoàn, trước cửa của sơ tín vị Bồ Tát. Muốn bước vào, như vậy phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Ở đó cao hơn chúng ta ở đây. Chính là nói, phải buông bỏ thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Buông bỏ tất cả năm loại kiến hoặc, ta mới có thể vào cửa. Năm loại kiến hoặc chưa buông bỏ, thì chưa vào cửa, chỉ ở ngoài cửa. Điều này không thể không biết.

Tuy chưa vào cửa, nhưng nếu gặp được tịnh độ, quyết định vãng sanh. Mười sáu chữ này có thể làm được, nhất định được sanh tịnh độ. Sanh đến tịnh độ. cho dù là cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, tức là một đời thành tựu viên mãn. Đến thế giới Cực Lạc làm gì? Đến thế giới Cực Lạc đi cầu học. Phật A Di Đà là thầy giáo. Văn thù, Phổ Hiền là đồng học, là sư huynh. Ngày ngày gặp mặt, chư vị thượng thiện như câu hội tại một chỗ. Nếu chúng ta có thể tham dự môi trường học tập này, thì có thể không thành công sao? Sự thù thắng của tịnh độ, mười phương chư Phật Như Lai đều tán thán, không phải là giả. Thật như Thiệt Đạo Đại Sư nói: “*Vạn tu vạn nhân khứ*”.

Vì sao bây giờ người học tịnh độ nhiều, nhưng người thực sự vãng sanh thì ít? Như vậy là vì sao? Đó là vì họ tu học không đúng pháp. Còn người xưa tu học, họ thấu triệt kinh điển

trước. Kinh điển là gì? là dùng để giới thiệu. Tác dụng của kinh điển là giới thiệu. Đem thế giới tây phương Cực Lạc giới thiệu cho chúng ta. Có lý luận, có phương pháp, có cảnh giới. Trên mọi phương diện chúng ta đều cần phải hiểu cho rõ ràng minh bạch, sau đó y theo đạo lý phương pháp đề tu học, như vậy thì không có gì là không thành tựu.

Phàm niệm Phật không thể vãng sanh, không phải trên lý luận có vấn đề, mà chính là trong phương pháp có vấn đề. Nhưng không học vẫn là không được. Trong Phật Pháp nói: “tín giải hành chứng”, bốn giai đoạn này. Vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc chính là chứng quả. Chứng quả gì? Quả vô thượng bồ đề. Đây là thật không phải giả. Điều này là chính Phật A Di Đà nói trong bốn mươi tám nguyện. Chỉ cần sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, thì chúng ta chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí là người ra sao? Các vị cổ đức nói, họ là người đã viên chứng tam bất thoái.

Chúng ta đều biết, chúng tam bất thoái, trong kinh Hoa Nghiêm nói là bậc sơ trú Bồ tát. Xuất ly mười pháp giới, sanh đến cõi thật báo trang nghiêm của Như Lai, như vậy mà không tuyệt sao! Sơ trú của viên giáo, sơ địa của biệt giáo. Đây là chúng tam bất thoái. Vì sao? Viên chứng. Viên là viên mãn, viên mãn chứng được tam bất thoái. Đó không phải là sơ địa. Cổ nhân nói là thất địa trở lên, phẩm vị này quá cao. Làm sao cõi phàm thánh đông cư hạ hạ phẩm vãng sanh cũng như vậy? Đó là do bản nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì chúng ta. Cũng chính là nói, trên thực tế chúng ta là cõi phàm thánh đông cư. Nhất phẩm thì phiền não còn chưa đoạn, nhưng quyền lợi ở thế giới tây phương Cực Lạc. Phật A Di Đà đối xử với chúng ta, là quyền lợi của Bồ tát thất địa. Trí tuệ, thần thông, đạo lực của chúng ta, hình như gần với Bồ tát thất địa. Như vậy đến đâu để tìm? Ngoài thế giới Cực Lạc ra, thì đi xem “Đại tạng kinh”.

Đức Thế Tôn xưa nay chưa từng nói, có thế giới Phật nào giống như thế giới Cực Lạc, chưa nói qua. Chỉ có thế giới Cực Lạc có. Thật phải đem sự việc này nhận thức rõ ràng, khẳng định vậy. ta vẫn còn động tâm chăng? Bất cứ pháp môn nào đều sẽ không động tâm. Đặc biệt ngày nay, xã hội động loạn, thế giới quá nhiều thiên tai. Nên cần phải nắm bắt thời gian, để làm gì? Niệm Phật. Chúng ta cũng vì quan hệ hoàn cảnh mà để Kinh Hoa Nghiêm dừng lại. Nên tái đề khởi bộ kinh này để cúng dường đại chúng. Tiến độ của bộ kinh này hình như hai tiếng đồng hồ, bình quân chỉ có thể giảng một trang. Như vậy xem ra, bộ kinh này đại khái cũng cần đến hơn một ngàn tiếng đồng hồ. Hơn một ngàn tiếng đồng hồ giảng xong, đại khai mắt khoảng hai năm.

Sau khi giảng xong bộ này, lại tiếp tục giảng Kinh Hoa Nghiêm. Chư vị nên biết, nắm bắt được pháp môn này, là chúng ta nắm bắt được cơ hội viên mãn làm Phật trong cõi đời này, khó được hơn bất cứ điều gì. Trước là đem thế giới tây phương Cực Lạc thế, như bây giờ gọi là làm visa, thủ tục đều làm xong, chúng ta mới học tiếp những kinh luận khác. Không sao, chúng ta tùy thời có thể đi. Chúng ta thật sự có thể đi. Học hay không học đều không sao, visa này chưa làm xong là không được! Chúng ta có nắm chắc được vãng sanh thế giới Cực Lạc chăng? Lắc đầu, không nắm chắc. Như vậy làm sao được? Nên lúc này, ngay ở đây làm

visa để đến thế giới tây phương Cực Lạc. Hy vọng mỗi người đều có thể làm được, như vậy là yên tâm.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây thôi.

Tập 75

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Ngày giảng: Ngày 10 tháng 07 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “*Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*”, trang 81 hàng thứ 2, vẫn là đề kinh.

“*Đại thừa giả, dụ dã. Thừa dĩ vận tải vi nghĩa*”. Chữ này âm cổ đọc là “thắng”, bây giờ mọi người đều đọc “thừa”. Bây giờ đọc “thắng” không ai hiểu. Chúng ta tùy tục mà dùng là Đại thừa. Ví dụ như ngày xưa, khi chúng ta đi đâu thường ngồi thuyền, ngồi xe, cưỡi ngựa. Cưỡi ngựa là “thừa mã”. “Thừa” tức là vận tải_chuyên chở.

“*Đại giả sở thừa*”, hoặc là nói “*sở thừa giả đại*”. Đó gọi là Đại thừa. Đây là giải thích ý nghĩa của hai chữ này, “đại giả sở thừa” không phải người phổ thông, mà người có đạo đức, có đức hạnh. Chư Phật Bồ Tát là đại nhân, các ngài thường chuyên chở, hoặc là “*sở thừa giả đại*”, như hiện nay một số người học Phật. Chúng ta cũng học kinh giáo Đại thừa, nên chúng ta càng phải chuyên chở rất lớn_đây gọi là Đại thừa.

“*Biệt u thanh văn duyên giác cần cầu tự giác chi tiểu thừa*”, sai biệt là ở chỗ này. Đối lập với đại thừa là tiểu thừa. Người tiểu thừa chỉ cầu tự giác, đại thừa không như vậy, không những cầu tự giác mà còn phải giác tha. Giúp đỡ tất cả chúng sanh đi đến giác ngộ. Tâm lượng họ rộng lớn, những gì họ làm cũng lớn, nên được xưng là đại thừa.

Chúng ta theo học Kinh Điển Phật Giáo nhiều năm nên đã thâm nhập thấu triệt. Năm 26 tuổi tôi theo thầy Phương Đông Mỹ học Triết học, và nhận thức về Phật giáo. Những gì tôi nhận biết về Phật giáo không giống với một số người trong xã hội hiện nay. Tôi làm quen với Phật giáo là thầy Phương giới thiệu cho tôi về triết học trong Phật giáo. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một nhà đại Triết học. Học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Học triết học, Vì sao? Vì hưởng thụ cao nhất. Nếu không vì việc này thì học nó làm gì! Có phải thật

vậy chăng? thật vậy. Tôi học đến nay là 59 năm, sang năm là một giáp. Tôi chứng minh cho mọi người thấy thật sự là hưởng thụ cao nhất của đời người.

Cho nên tôi không bao giờ quên ân đức của Thầy Phương. Nếu không có Thầy chỉ điểm, tôi trước sau vẫn bị mê mờ trong bóng tối, không biết thế gian những điều tốt như vậy, một số người muốn giới thiệu mà không có, nên rất hy hữu khó gặp. Thầy Phương nói với tôi nó là Triết học tối cao.

Sau nhiều năm nghiên cứu tôi đã phát hiện, đây không chỉ là triết học tối cao mà còn là khoa học tối cao nữa. Vì sao? Có những vấn đề mà khoa học và triết học không giải quyết được, nhưng Kinh Điển đại thừa đã giải quyết toàn bộ, quá tuyệt!

Trong kinh chúng ta thường đọc “*Thập phương sát độ, vi trần pháp giới*”, Thập phương sát độ khoa học hiện nay nghiên cứu là Hồng quan thế giới. Vi trần pháp giới là Vi quan thế giới. Vi quan là lượng tử lực học trong Kinh Phật đều có. Đến bây giờ lượng tử lực học vẫn chưa giải thích rõ ràng, nhưng trong Kinh Phật nói rất rõ, rất minh bạch_Lời của Thầy Phương không sai. Kinh điển Phật Giáo đúng là đỉnh cao của triết học trên toàn Thế giới, cũng là đỉnh cao của khoa học.

Muốn học khoa học hay triết học, ta không thâm nhập vào Phật Pháp thì ta đến đâu để học? Nó ở trong pháp đại thừa. Giới khoa học hiện đại phát hiện, giữa Vũ trụ có ba thứ, chứng thực A lại da trong kinh Phật nói. Giới khoa học cận đại cũng nói giữa vũ trụ chỉ có ba thứ, trừ ba thứ này ra cái gì cũng không có. Trong ba thứ này, một là vật chất, hai là năng lượng và ba là tin tức.

Ba ngàn năm trước, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Pháp tướng duy thức, và đã nói ra điều này. Ba thứ này là Tam tế tướng của A lại da. Nghiệp tướng của A lại da là năng lượng, cảnh giới tướng là vật chất và chuyển tướng là tin tức, nhưng trong duy thức nói ba thứ này là A lại da thức, Mạt na thức và Ý thức. Mỗi thức đều có bốn phần: Tự chứng phần, Chứng tự chứng phần, Kiến phần, Tướng phần. Kiến phần là tin tức, tướng phần là vật chất.

Phật pháp không phải mê tín, đã được giới khoa học cận đại chứng minh, họ nói rất hay. Tám thức, 51 tâm sở, mỗi thức đều có bốn phần. Đây có nghĩa là gì? Ý nói rằng tinh thần và vật chất là một không phải hai, vĩnh viễn không phân khai. Bất cứ tâm tâm sở nào nó đều có tướng phần, tướng phần là hiện tượng vật chất. Đều có kiến phần, kiến phần là hiện tượng tinh thần. Tinh thần trong A lại da chính là thọ tướng hành thức_đây là tinh thần. Ở nơi chân tâm hoặc ở trong tự tánh, nó không gọi là thọ tướng hành thức. Thọ tướng hành thức là đời phiền não, trong tự tánh không có. Trong tự tánh gọi là kiến văn giác tri, nên sau khi đại triệt đại ngộ thì chuyển thức thành trí. Chuyển A lại da thành đại viên cảnh trí, chính là kiến văn giác tri. Không gọi là thọ tướng hành thức mà gọi là kiến văn giác tri.

Trong thọ tướng hành thức có phiền não, có tập khí. Trong kiến văn giác tri không có. Trong kinh giáo thường nói: không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm. Lúc này là kiến văn giác tri. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thì kiến văn giác tri sẽ biến thành thọ tướng hành thức. Các nhà khoa học còn chưa phát hiện ra vật chất, năng lượng, tin tức từ đâu mà có, chưa nói ra. Trong Phật pháp có, nó từ đâu đến? Nó đến từ trong tự tánh.

Tự tánh không phải tinh thần cũng không phải vật chất. Nó ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào. Nó là bản thể của tất cả vạn pháp. Tất cả vạn sự vạn pháp nương nó mà sanh ra mà hiện tiền. Nó cái gì cũng không phải, nhưng nó cái gì cũng có thể hiện.

Huệ Năng Đại Sư minh tâm kiến tánh, Ngài lộ ra cho chúng ta một chút tin tức, ngài nói ra năm câu nói, nói rõ bản chất của tự tánh. Bản chất tự tánh là gì? Ngài nói: *“hà kỳ tự tánh, bốn tự thanh tịnh”*. *“hà kỳ tự tánh”*, câu này dùng cách nói hiện nay mà nói là đâu ngờ tự tánh vốn thanh tịnh, bây giờ vẫn thanh tịnh, từ trước đến nay chưa hề có một chút ô nhiễm. Đây là gì? là chân tâm. Cho nên chân tâm là thanh tịnh tâm. Thanh tịnh tâm này quyết định không thọ nhiễm ô. Ở chỗ Thánh cũng không tăng, nơi phàm cũng không giảm. Nơi Chư Phật Bồ Tát cũng không thêm chút nào. Chúng ta ở nơi phàm phu cho đến làm súc sanh muỗi, trùng, kiến, hay đoạ trong tam đồ lục đạo, có chút nhiễm ô nào không? Không có, một chút nhiễm ô cũng không.

Nhưng nhiễm ô là gì? Nhiễm ô là A lại da. A lại da có nhiễm có tịnh, có thiện có ác, chân tâm không có. Mục đích học Phật cuối cùng là gì? Là phản vọng quy chân_xa rời vọng tưởng trở về chân như. Trở về tự tánh, đây là mục đích của việc học Phật. Học Phật là phải thật sự buông bỏ thế gian. Đức Thế Tôn đã làm gương cho chúng ta. Ngài xuất thân là vương tử, có thể kế thừa vương vị, vậy mà ngài không cần vương vị, ngài đã giác ngộ nên không cần nữa, chỉ cần trở về với tự tánh. Ngài là đại thừa, ngài không phải là tiểu thừa. Nếu ngài là tiểu thừa thì chính mình trở về với tự tánh là được rồi, không cần phải dạy người khác_Ngài là đại thừa. Ngài ngoài tự giác ra còn phải giác tha, giúp đỡ người khác giác ngộ. Cho nên sau khi khai ngộ ngài bắt đầu đi giáo hoá. Ba mươi tuổi khai ngộ bắt đầu giáo hoá, giáo hoá cho đến già chết, 79 tuổi ngài niết bàn. Trong kinh ghi: giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp 49 năm. Ngày ngày đều dạy học, lấy việc này làm vui không hề mệt mỏi, không có ngày nào nghỉ. Một người cũng giảng, hai người cũng giảng. Bất luận khi nào, bất luận ở trường hợp nào. Đức Phật từ bi, không có người nào là không dạy. Vĩnh viễn chưa từng nghe nói ngài đã mệt mỏi. vì sao? Vì năng lượng trong tự tánh sung túc, chắc chắn không có bị quyện, không có mệt nhọc, không giống như chúng ta. Vì sao chúng ta làm một chút việc thì đã thấy quá khổ cực, quá mệt mỏi. Là do nguyên nhân gì? Vì chúng ta có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Những thứ đó sẽ sản sanh mệt nhọc. Trong tự tánh không có, tìm không thấy.

Chúng ta học Phật là phải quan sát tỷ mỉ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Một đời của ngài là biểu diễn cho chúng ta thấy, đó là trong tứ tịnh đức “tuỳ duyên diệu dụng”, “oai nghi hữu tác”. Ngài làm để cho chúng ta xem. Điều này là thật không phải giả. Nên giáo dục Phật giáo, ở trước chúng ta đọc đến Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Quan hệ giữa chúng ta và Phật là quan hệ thầy trò, cần phải biết điều này.

Đức Thích Ca Mâu Ni là một vị thầy căn bản, giáo dục Phật giáo do ngài hưng khởi lên. Phật có nghĩa là gì? là giác ngộ. Nếu dịch tiếng Trung Quốc chính là giáo dục của giác ngộ, chứ không phải là mê tín. Giáo dục giác ngộ do Đức Phật kiến lập nên. Chúng ta gọi ngài là bậc thầy căn bản_ Bổn Sư, chúng ta tự xưng là đệ tử, đệ tử là học sinh, nên quan hệ giữa chúng ta với Đức Phật là quan hệ thầy trò. Đây làm gì có mê tín, với Tôn giáo có liên quan gì đâu? Nhưng người bây giờ coi Phật giáo như một Tôn giáo. Cũng có đạo lý, Vì sao? Đến cả Khổng lão phu tử cũng đã biến thành Tôn giáo. Khổng lão phu tử biến thành Tôn giáo, thì Phật đương nhiên cũng có thể biến thành Tôn giáo. Chẳng qua nếu chiếu theo văn tự xưa, thì ý nghĩa của Tôn giáo là tốt. Đó là Tôn giáo thật không phải Tôn giáo giả. Ý nghĩa của Tôn giáo ngày xưa, Tôn có nghĩa là gì? Tôn là chủ yếu, là trọng yếu, là tôn sùng. Quý vị tra từ điển sẽ có ba nghĩa. Giáo là giáo dục, là dạy học, khi hợp lại Tôn giáo là gì? là giáo dục chủ yếu, dạy học trọng yếu, giáo hoá tôn sùng. Ý nghĩa này thật quá tuyệt vời! Đây chính là nói tất cả mọi người không thể không học. Không chỉ tất cả mọi người, mà trong Phật pháp nói là tất cả chúng sanh. Mười pháp giới hữu tình chúng sanh không thể không học. Hai chữ Tôn giáo này bao hàm ý nghĩa quá hay, ở đây không có chút mê tín nào cả.

Hai chữ Tôn giáo này từ nước ngoài dịch ra, ngày xưa vốn không có danh từ này. Trong nhà Phật xưng Tôn giáo nhưng không phải là ý nghĩa này. Trong nhà Phật xưng Tôn giáo là nói Tông môn tông giáo. Tôn là chuyên chỉ cho Thiền tông. Ngoài Thiền tông ra thì chín tông phái khác đều gọi là giáo môn. Nên hợp lại gọi là Tôn giáo, là ý này, là ngôn ngữ từ bên ngoài đến. Ngôn ngữ từ bên ngoài đến nhưng người xưa đã dùng hai chữ này để phiên dịch ra. Đây là đại trí huệ và thật sự có học vấn. Vì sao họ không dịch thành cái gì khác mà dịch thành hai chữ Tôn giáo, dịch quá hay.

Đó chính là nói, tất cả những người khai sáng ra các Tôn giáo trên thế giới, Kinh Điển của họ đều đáng được tôn sùng, đều là những thứ quý. Từ trên danh từ phiên dịch ngày xưa, các bậc cổ Thánh tiên Hiền, đã khẳng định đối với các Tôn giáo ngoại quốc. Nếu để chúng ta dịch thì sẽ dịch không ra. Còn đối với các điển tịch của các Tôn giáo ngoại quốc này, chưa có người thực sự nhận thức được. Họ làm sao nghĩ đến hai chữ này.

Chúng ta học Phật là có sứ mạng, có trách nhiệm, phải danh chánh. Danh không chánh thì ngôn không thuận, phải đem tất cả ý nghĩa của danh xưng này, nói rõ ràng, nói minh bạch. Tôi học Phật học hết 60 năm, tôi không có một chút mê tín nào, mà còn sung mãn trí tuệ, phiền não nhẹ, trí tuệ tăng trưởng. Trí tuệ có thể giải quyết tất cả mọi vấn đề, trí thức làm

không được. Dùng trí thức giải quyết vấn đề, về sau thường có di chứng, nhưng trí tuệ thì không.

Học thuật đông phương từ xưa đến nay là cầu trí tuệ, với tây phương không giống nhau. Tây phương cầu, đặc biệt là tây phương cận đại, sau khi cách mạng khoa học, thì học thuật tây phương tìm tòi toàn là trí thức. Cho nên đã tạo thành sự động loạn cho toàn xã hội như hôm nay, tạo thành nguy cơ cho địa cầu. Điều này đáng để cho ta suy nghĩ. Vậy có cơ hội để cứu vãn không? Có. Đáp án là khẳng định. Lời dự báo của cô kim trong ngoài. Có người hỏi tôi, tôi nhận định như thế nào? Nhận định của tôi cũng là khẳng định, nhưng kết quả của lời dự ngôn là không xác định. Điều này quý vị học Phật cần phải biết, đặc biệt là học đại thừa. Một lời dự ngôn, đằng sau có rất nhiều kết quả bất đồng chứ không phải một, không phải như họ nói. Như họ nói cũng có khả năng, nhưng cũng có kết quả ngoài ra.

Vì sao? Trong Kinh Điền Đức Phật dạy: *“nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”*. Trong tâm ta ý niệm đang chuyển biến từng sát na. Một niệm trước là ác niệm thì đó là tai nạn. Niệm ở sau biến thành thiện niệm, tai nạn tự nhiên không còn. Nếu ta tiếp tục vẫn là ác niệm đó, thì tai nạn sẽ lại hiện tiền. Đức Phật dạy, tai nạn của mỗi người chính là nỗi đau của ta. Hoàn cảnh bị thiên tai chính là động đất, sóng thần, gió bão. Nóng lạnh vô thường là khí hậu biến hoá, dẫn đến thiên hà đại địa đều phát sanh tai biến. Vì nguyên nhân gì? Toàn là do ý niệm. Nghe ta nói như vậy, mọi người cho rằng chúng ta mê tín. Cũng may, các nhà khoa học đỉnh cao của cận đại đã chứng minh. Hiện nay tây phương vừa mới hưng khởi, đây là một khoa học mới, vừa mới hưng khởi.

Liệu pháp của ý niệm, đây là nói trị bệnh. Rất nhiều nghi nan tạp chứng, không cần uống thuốc, không cần chích_chỉ cần ý niệm. Ta có thể đem nhiễm ô của mình và những ý niệm bất thiện buông bỏ tất cả, khiến cho tâm địa hồi phục đến chỗ thuần chân thuần thiện, thì bệnh tự nhiên lành. Hiện nay ở ngoại quốc rất nhiều người đang làm thực nghiệm, thực nghiệm này có hiệu quả tương đối, cho nên các nhà khoa học hiện nay đều đang nghiên cứu, đây là một hình thức mới của khoa học. Đặc biệt là ý niệm của tập thể, có thể hoá giải thiên tai.

Tôi nhìn thấy trong báo cáo, còn dẫn dụng câu chuyện *“Giang bốn thắng tỳ bà hồ”*. Thực nghiệm này của họ tại Liên hiệp quốc đã làm mấy lần báo cáo. Giới khoa học trên toàn thế giới đều biết. Hồ Tỳ Bà là một eo biển, nước chết. Hơn 20 năm mà mùi vị rất khó ngửi và rất dơ bẩn. Họ nghiên cứu và thử nghiệm nước ở đây, biết được nước có năng lực nhìn thấy, có năng lực nghe, hiểu được ý của người. Thực nghiệm này bị họ phát hiện, nước là khoáng vật. Nó là sống, nó không phải chết, nó có kiến văn giác tri. Nên họ tìm hơn 100 người, rồi mời một vị pháp sư, hơn 90 tuổi. Họ nói với tôi, ở nơi đó cầu nguyện hơn một giờ, khiến hơn 100 người này, mọi người đều đem ý niệm, tạp niệm đều buông bỏ hết, chỉ khởi một ý niệm là chuyên chú. Điều này rất quan trọng, phải chuyên chú, một chút tạp niệm cũng không có, chỉ

một niệm này. Nước sạch rồi, tôi yêu bạn, chỉ khởi một ý niệm này thôi. Ở nơi đó đọc liên tục lặp đi lặp lại, đọc một giờ đồng hồ. Sau ba ngày, nước nơi eo biển này thật sự trong sạch, mùi uế tạp không còn và bảo trì được sáu tháng.

Lần trước tôi ở Đài Loan, họ biết tôi ở Đài Loan nên đến thăm tôi. Tôi nói với họ, cầu nguyện nơi hồ Tỳ bà đó, nên hai tháng cầu nguyện một lần, như vậy nước sẽ vĩnh viễn trong sạch. Quý vị xem, một lần mà quý vị có thể duy trì sáu tháng, thật không dễ. Cho nên cầu nguyện có linh không? Linh. Nhưng trị ngọn mà không trị gốc. Xem, mới nửa năm không cầu nguyện lại hồi phục như cũ, nên nó trị ngọn mà không trị gốc.

Trị gốc là gì? trị gốc là dạy học, là giáo hoá. Nếu dân cư lân cận eo biển đó, mọi người đều biết, phải bồi dưỡng tâm cho thanh tịnh, nuôi dưỡng thiện niệm, thì hoàn cảnh cư trú của họ vĩnh viễn trong sạch. Nên cầu nguyện có thể cứu cấp, nhưng cứu nhất thời, không thể cứu lâu dài.

Mấy ngàn năm trước, xã hội trị an lâu dài là nhờ vào đâu? Nhờ vào giáo dục. Nhờ giáo dục của Thánh hiền. Nho giáo là giáo dục của Thánh hiền. Phật giáo và Đạo giáo cũng là giáo dục của Thánh hiền.

Tôi nhớ năm 2006 đang ở Pari, hoạt động này do Liên hiệp quốc tổ chức. Ông Trương là đại biểu của Liên hiệp quốc, có mời tôi ăn cơm hai lần, và hỏi tôi một vấn đề. Ông ta nói Phật và Đạo là Tôn giáo, vậy Nho giáo có phải là Tôn giáo không? Lúc đó tôi trả lời, Nho Thích Đạo đều không phải là Tôn giáo. Thời xưa gọi là “Tam gia”, Nho gia, Phật gia, Đạo gia. Nên Tôn giáo là rất muộn, đến thời nhà Thanh mới truyền ra. Những điều này từ ngoại quốc đến Trung Quốc mới dịch thành Tôn giáo, còn trước kia không có, chỉ gọi là Nho Thích Đạo tam gia, cũng xưng là tam giáo, tam giáo này là dạy học là giáo hoá. Giáo hoá của ba nhà, dạy học của ba nhà, không có danh từ Tôn giáo như hiện nay, mà nó là học phái.

Truyền thống là lấy Khổng Mạnh làm tượng trưng_Khổng Mạnh tập đại thành. Đạo là lão trang, sau trở thành Đạo giáo. Trở thành Đạo giáo là tam quốc Trương Đạo Lăng. Ông ta triển khai ra, Nhưng cách mạng của ông ta thất bại, vì lệnh đã truyền xuống. “Ngũ đầu mẽ đạo” đã truyền ra.

Phật giáo là từ bên ngoài truyền vào, các bậc đế vương phái đặc sứ nghênh đón về. Đón về và tiếp xúc mới thấy căn bản của Phật giáo đồng nhất với truyền thống văn hoá xưa. Văn hoá ngày xưa được kiến lập trên cơ sở “hiếu đễ”. Phật pháp đại thừa cũng như vậy. Chúng ta xem câu đầu tiên của Tịnh nghiệp tam phước “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”, căn bản so với nền văn hoá xưa hoàn toàn tương đồng, cho nên toàn thể mọi người đều tiếp thu.

Như Thang Ân Tử nói, người xưa tâm lượng rất lớn, ông ta rất bội phục. Có thể bao dung văn hoá khác nhau của các dân tộc. Đây là chỉ Phật giáo, có thể bao dung tất cả, kết quả Phật giáo đã làm phong phú thêm văn hoá bản địa. Điều này trong lịch sử các thời đại quý vị có thể nhìn thấy. Học thuyết của Nhị trình, Châu hy, Minh triều Lục vương đều dùng đại thừa để giải thích kinh điển Nho gia. Đem tứ thư ngũ kinh nâng lên và coi ngang nhau với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa.

Các vị tổ tông ngày xưa rất đơn giản, họ chỉ nêu rõ những nét chính của vấn đề, dùng Phật pháp giải thích là đã biến thành Phật pháp. Trong “Đại học” nói tam cương là minh đức, thân dân, chí u chí thiện, nhưng khi dùng đại thừa giải thích thì đó chính là cảnh giới Hoa Nghiêm. Đây chính là Phật pháp làm phong phú thêm văn hoá truyền thống xưa. Đem minh đức giảng thành tự tánh. Quý vị xem, ở trước còn để thêm chữ “minh”. Tự tánh bị mê mờ, phải đem tự tánh hồi phục trở lại_ “minh minh đức”. Quý vị xem, đây là dùng Phật pháp đại thừa giải thích.

“Thân dân” là phổ độ chúng sanh, phải độ chúng sanh đến đâu? Đến chỗ chí thiện là thành Phật. Tất cả chúng sanh đều viên thành Phật đạo. Dùng cách này để giải thích, tứ thư trở thành “Hoa Nghiêm Kinh”. Đây là những gì Thang Ân Tử nói, Phật pháp làm phong phú thêm văn hoá bản địa. Phật pháp đối với văn hoá xưa đã cống hiến quá lớn, đã nâng văn hoá bản địa lên đến mức độ cao. Và thực hiện ở nơi tám mục, đây chính là tám cương lĩnh để tu hành.

Thứ nhất là cách vật, dùng Phật pháp để giải thích cách vật, cách vật là sao? là đoạn phiền não. Vật là dục vọng là vật dục. Cách là cách đầu. Chúng ta phải cùng vật dục đánh một trận, phải chiến thắng nó, khai trừ vật dục. Điều này trong Phật pháp gọi là đoạn phiền não, dẫn đến phá sở tri chướng. Cách vật là phá phiền não chướng. Nếu buông bỏ hai chướng ngại này, thì chân tâm hiện tiền, phải thành ý thì chân tâm hiện tiền. Ý thành thì tâm chánh. Tâm chánh chính là tác dụng của tâm, khởi dụng của tâm chính mà không tà_ chánh tri chánh kiến.

Thành ý là thể của tâm, còn chánh tâm là dụng của tâm. Quý vị xem toàn là dùng Phật pháp để giải thích, nên với pháp đại thừa có gì phân biệt đâu? Nếu ta không hiểu được Phật pháp, thì không có cách nào đem tứ thư ngũ kinh của Nho gia giảng đến đỉnh cao, ta làm không được. Nhị trình, Lục vương ở trong những gì họ nói có Phật pháp đại thừa, nên vượt qua những bậc cổ đức thời Hán Đường.

Nếu hôm nay chúng ta dùng Phật pháp đại thừa để giải thích triết học và khoa học tây phương, thì cũng vậy có thể đem nó dung hoà cùng một cảnh giới với kinh đại thừa. Đây là những gì Phật pháp nói “*viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*”. Cái tốt như vậy ở ngay trước mắt mà không biết, thật đáng tiếc. Thực tế mà nói, chúng ta nói đến chỗ này, cảm thấy

may mắn vô cùng. Vì sao? Lúc trẻ tôi cũng bị mê hoặc, cũng không biết gì, không ngờ gặp được thầy Phương, thầy có thể nói ra. Đương thời tôi có thỉnh giáo thầy Phương, tôi hỏi thầy những thứ này thầy học từ đâu? Thầy nói. Thầy Phương thật sự là người rất thông minh. Hai mươi mấy tuổi dạy học ở mỹ, một giáo thọ giỏi, được người đời cho rằng ông là một nhà đại triết học. Thời gian kháng chiến ông về nước và dạy ở đại học trung ương. Có một năm thầy bị bệnh, lúc đó hình như ở Trùng Khánh hay ở Thành Đô_đại học trung ương, thầy đến núi Nga mi dưỡng bệnh, đây là nguyên nhân thầy kết duyên với Phật. Thầy nói núi Nga mi là một nơi rất tốt, non xanh nước biếc.

Tôi đi đến đó hai lần, thầy trong chùa báo, tạp chí, sách tất cả đều không có, chỉ có kinh Phật. Người đọc sách thì thích sách, nhưng không có sách xem thì xem kinh Phật, càng xem càng thú vị. Nên Phật pháp của thầy là tự tu, đương nhiên là cũng nhờ trước đây học có cơ sở tốt, căn kẻ thâm hậu. Thầy là đời thứ mười sáu của Phương Bao. Phương Bao là người khai sáng ra phái Đồng thành, trong văn học rất có địa vị, là người sáng lập phái Đồng thành, nên đây là một thế gia.

Và sau lần dưỡng bệnh đó, thầy không rời xa kinh Phật, thâm nhập nghiên cứu. Sau đó dạy học ở trường đại học Đài Loan. Tôi tiếp xúc với thầy là lúc thầy đã lớn tuổi. Ở Đài Loan hơn 20 năm thầy giảng toàn Kinh Phật. Chính thức mở khoá. Ở đại học Đài Loan dạy mấy mục lớn: Đại thừa Phật học, Nguyên Tán Phật học, Tuỳ Đường Phật học, thầy mở dạy những môn này. Khi lớn tuổi, từ đại học Đài Loan nghỉ hưu, nhưng đại học Phụ Nhân lại mời đi. Ở khoá tiền sĩ của đại học Phụ Nhân mở dạy triết học Hoa Nghiêm. Thầy lên lớp giống như Đức Phật Thích ca vậy, không có bản thảo cũng không có tư liệu, lên bục giảng là tuỳ khẩu mà nói. Nên học sinh nghe thầy giảng không dễ dàng gì. Vì thầy không có tư liệu cho quý vị. Nhưng lúc đó đã có thu âm, như vậy cũng không tệ. Các bạn học đem theo máy ghi âm thu lại, sau đó chỉnh lý và viết thành sách "*Phương Đông Mỹ Tiên Sinh Toàn Tập*".

Thầy viết rất ít, đại khái chỉ có hai ba loại. Bộ phận anh văn thầy tự viết, những thứ khác chỉnh lý lại cũng rất nhiều. Toàn bộ là do học sinh ghi lại từ trong máy ghi âm. Tôi không biết thầy có xem qua không. Thầy không xem qua cũng có thể vợ ông ta xem qua_bà Phương xem. Bà Phương đối với những sách xuất bản này rất cẩn thận. Khi tôi học với thầy Phương, mỗi tuần hai giờ đồng hồ cũng không có giáo án, không có giảng nghĩa, đề cương đều không có. Mỗi tuần hai tiếng dạy cho tôi một bộ triết học đại cương rất có hệ thống.

Từ triết học khang đức tây phương bắt đầu giảng, giảng đến triết học đông phương của Trung Quốc, rồi giảng triết học Ấn Độ, cuối cùng giảng đến triết học trong kinh Phật. Ký ức tốt, đối với thầy Phương tôi không thể không khâm phục. Như vậy mới biết những thứ này là đại học vấn. Và thầy Phương đã đem những thứ này giới thiệu cho tôi. Tôi đã minh bạch, đã giác ngộ biết rằng quan niệm trước đây là sai. Đem Phật giáo xem thành Tôn giáo, xem thành mê tín, sai rồi. Bây giờ thật sự đã quay đầu.

Thầy Phương nói với tôi, câu nói này vô cùng quan trọng, khiến tôi không bị mất phương hướng. Thầy nói: *“Triết học Phật giáo không ở trong tự viện”*, lời dặn dò này rất quan trọng, *“Nó ở trong kinh điển”*. Thầy nói trước đây người xuất gia trong tự viện, đó mới thật là nhà đại triết học. Vì sao? Vì họ nghiên cứu, họ học tập, đích thực cao nhân. Người xuất gia trong tự viện họ làm gì? mỗi ngày họ đều nghiên cứu kinh điển, ngày ngày đều truy cứu học vấn.

Cho nên ngày xưa thời đại đế vương, người trẻ tuổi muốn đọc sách phải đi đâu? Đến chùa. Lâu kinh tạng của chùa không phải hoàn toàn cất giữ kinh tạng, chur tử bách gia mỗi thứ đều có, là một nhà thư viện. Người xuất gia đều học, đều thông! Nên người trẻ tuổi ở trong chùa đọc sách. Có vài gia đình giàu có, thì cúng dường cho chùa một ít. Còn nếu gia đình quá thanh bần chỉ cần bạn đọc sách cho tốt, nhà chùa sẽ chăm lo đời sống sinh hoạt cho quý vị. Vì quốc gia bồi dưỡng nhân tài.

Quý vị đến đó đọc sách, khi gặp vấn đề gì, vị xuất gia nào cũng có thể giúp ta giải quyết, đều có thể giúp ta giảng giải, và đều là những thầy giáo tốt. Nhưng người xuất gia thời hiện đại, không nghiên cứu kinh giáo, không học tập. Cho nên ta tìm ra người xuất gia để học thật khó khăn. Đây là lời cảnh tỉnh vô cùng quan trọng. Nếu không nói câu này, tôi đến chùa vừa nhìn thấy không đúng, tôi sẽ hoài nghi đối với thầy.

Vì sao? Vì những người chuyên môn nghiên cứu Phật giáo trong tự viện nói với chúng ta không giống nhau. Tôi có một vài vấn đề, hỏi họ đều không biết làm sao được? nên lời dạy bảo này rất quan trọng. Chúng ta đi đến chùa chỉ là xem sách chép kinh. Vì lúc đó kinh sách một số tiệm sách mua không được, không có lưu thông. Đến chùa chép kinh, có vấn đề hỏi họ, nên mọi người rất vui vẻ. Tôi có vấn đề liền hỏi hai người, một là thầy Phương, hai là Chương Gia Đại Sư. Lúc đó chỉ dạy và hướng dẫn cho tôi là hai vị này. Tôi gặp vấn đề gì đều thỉnh giáo họ, càng học càng hứng thú.

Tôi học bảy năm và xuất gia. Xuất gia là Chương Gia Đại Sư khuyên dạy. Đại sư khuyên tôi xuất gia, đặc biệt dặn dò tôi, không được đi làm quan. Tôi lúc đó còn trẻ, tôi hỏi ngài vì sao. Ông ta nói tôi làm quan là một quan thanh liêm, thật sự vì nhân dân làm việc. Nếu những thuộc hạ của tôi đều là tham quan ô lại, thì tôi phải làm sao? Tôi nghe hỏi như vậy sưng người ra, tôi có thể quản chính mình rất tốt, nhưng không có cách nào quản tốt người khác. Hiện tượng quan trường với tướng tượng của chúng ta không giống nhau. Lời của Đại sư là thật, Đại sư dạy tôi, sao không học như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài đến cả vương quốc còn không cần. Tôi nghĩ đúng, có đạo lý. Đặc biệt là khi nghe thầy Phương nói: *“học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người”*. Cho nên ngài kêu tôi xuất gia, dạy tôi học Đức Thích Ca.

Mới bắt đầu, đọc cuốn sách đầu tiên là sách chứ không phải kinh. “Thích ca phổ” và “Thích Ca phương chí”. Đây là Chương Gia Đại Sư dạy tôi đọc. Tôi học với thầy Phương là

không có sách, không có bất cứ tài liệu nào, đến đại cương cũng không có. Giống như nghe kể chuyện vậy, thầy kể tôi nghe. Đến Chương Gia Đại Sư thì ngài chỉ định một vài cuốn sách cho tôi học tập.

Tôi học cuốn thứ nhất là học “Thích Ca Phổ” và “Thích Ca Phương chí”, là truyện ký của Đức Phật Thích Ca. Trong đại tạng kinh có, do người nhà Đường viết. Mới biết Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người, ngài không phải thần, cũng không phải tiên nhân. Chính là những vị mà chúng ta thường nói là Thánh nhân. Như Trung quốc xưng Khổng tử, Mạnh tử, xưng là thánh nhân. Phật người xưa cũng gọi là thánh nhân. Người Ấn Độ gọi là Phật đà, là Bồ Tát. Còn người xưa gọi là thánh nhân, hiền nhân, sự tình là như vậy.

Trước tiên chúng ta phải làm cho rõ ràng, không thể mê tín, mê tín là sai. Mục tiêu học Phật ở đâu? Là giác ngộ. Có thể giác ngộ không? Có. Vì sao? Vì ta vốn là giác ngộ. Ta vì sao mà mê? Vì lục căn của ta ở trong lục trần, mắt thấy sắc tai nghe âm thanh và khởi phân biệt chấp trước thì sẽ mê. Điều này khi chúng ta xem trong đại thừa kinh sẽ thấy rất nhiều.

Buông bỏ chấp trước, đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian không còn chấp trước, đến ý niệm chấp trước cũng không có, được rồi, quý vị đã giác ngộ. Dem chướng ngại buông bỏ thì ta đã giác ngộ. Giác ngộ là tự mình có, như Mã Minh Bồ Tát nói trong Khởi Tín Luận: “bỏ giác bỏ hữu, bắt giác bỏ vô”. Ta đem bắt giác buông xả, thì bỏ giác sẽ hiện tiền. Khi đó cái gì hiện tiền? Chánh giác hiện tiền. Đối với tất cả đều không chấp trước nữa. Chấp trước làm chướng ngại chánh giác. Chỉ cần đem chấp trước buông bỏ, không còn chấp trước thì chánh giác hiện tiền, mọi người sẽ gọi là A la hán.

A la hán là một học vị, ở trong nhà Phật là địa vị thấp nhất_tiểu thừa. Học vị này ta đã nắm được. Và nâng cao lên nữa, không những không chấp trước, đến cả phân biệt cũng không còn, với ý niệm phân biệt trong thế xuất thế gian đều không còn, đây gọi là Bồ tát, ta đã giác ngộ. Giác ngộ này cao hơn cả A la hán_ là chánh đẳng chánh giác. Và càng lên cao nữa, là không khởi tâm, không động niệm. Đến khởi tâm động niệm đều không có. Đây là đại định, là tự tánh bản định, thật sự đã hoàn nguyên. Trong đại thừa giáo nói, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, bây giờ gọi danh hiệu là Phật đà. Giác ngộ của ta gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vô thượng chánh đẳng chánh giác trong tự tánh ta vốn có, không phải bên ngoài vào. Chướng ngại dọn sạch thì hồi phục, gọi là minh tâm kiến tánh. Sau khi kiến tánh, không có gì là không biết, không có gì là không thể. Vì sao? Vì thập pháp giới y chánh trang nghiêm là tự tánh hiện, là tự tánh sanh, là A lại da biến. Tánh thức đều là chính mình, lúc này ta thấu triệt tất cả, còn có gì mà ta không biết chứ. Cho nên ta ở trong sở hiện, sở sanh, sở biến mà học tập, đó là tri thức.

Nhưng nếu quay đầu nhìn lại, ta ở trong năng hiện, năng sanh, năng biến hạ công phu, thì ta đã tìm thấy nó, tìm thấy nguồn gốc, đó là trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết tất cả vấn đề.

Không riêng gì vấn đề trong cuộc sống hằng ngày, thế nên thì tiểu địa cầu này có đáng là bao? Biến pháp giới hư không giới, đại trí tuệ! Đức Phật nói người người đều có, không phải chỉ mình ngài có. Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc. Quý vị xem, ở đây nói rất rõ ràng rất minh bạch. Cái này có thể không trừ diệt sao? Học Phật không có gì khác, chính là buông bỏ.

Nên tôi cảm ân Chương Gia Đại Sư. Chúng tôi ngày đầu tiên gặp mặt, tôi liền hỏi Đại Sư một vấn đề. Tôi nói, tôi từ thầy Phương mà biết Phật pháp vô cùng thù thắng, thật là đại học vấn, là triết học cao nhất, vậy có phương pháp nào có thể thâm nhập thật nhanh không? Tôi đưa ra vấn đề này. Vấn đề này đề ra thật là đại học vấn. Chương Gia Đại Sư nhìn tôi, mới ngày đầu tiên gặp mặt, tôi cũng nhìn Đại Sư, tôi nhìn đại sư đợi ngài trả lời. Nhìn bao lâu? Nhìn nửa giờ đồng hồ, không nói một câu nào. Đến mười mấy năm sau tôi mới hiểu được, đó là một phương pháp dạy học cao minh đặc thù.

Vì sao? Chúng ta còn trẻ, tâm động khí loạn. Khi ta đang tâm động khí loạn, mà nói thì cũng như gió thổi bên tai, nghe tai này lọt qua tai khác, không có lợi ích. Nửa tiếng thời gian, Ngài nhìn tôi, tôi nhìn lại ngài, tâm định rồi, nửa tiếng đồng hồ đã trấn tĩnh rồi. Đại sư muốn để tôi thật sự định lại mới nói chuyện với tôi. Có một chút hiện tượng nông nổi, ngài sẽ không nói chuyện. Sau đó tôi theo Chương Gia Đại Sư ba năm, mỗi tuần hai tiếng đều ở trong thiền định, nói chuyện không nhiều, nhưng đã cho tôi ấn tượng rất sâu, cả đời cũng không quên được.

Sau khi đợi khoảng nửa tiếng, Đại sư chỉ nói một chữ “có”, chữ có này làm cho tôi biến động, trong tâm lập tức chấn động. Rồi ngài lại tiếp tục không nói nữa. Thời gian lần này ngắn một chút, khoảng bảy tám phút, trầm mặc bảy tám phút. Rồi sau đó rất chậm, nói từng chữ từng chữ một “*nhìn phải thấu, buông phải được*”. Chỉ nói với tôi sáu chữ. Tuy là hai tiếng đồng hồ nhưng trên thực tế nói chuyện không nhiều, không vượt qua hai mươi câu. Đại sư nói chuyện rất chậm, nhất định nhìn thấy ta không còn trạng thái xao động, lúc đó ngài mới nói. Còn một chút xao động, thì ngài sẽ nhìn chúng ta mà không nói gì.

Hôm đó tôi ra đi, đây là lần đầu tiên Đại Sư đưa tôi đến cổng, vỗ vai tôi và nói: “*tôi hôm nay nói với bạn sáu chữ, bạn phải đi làm cho tốt trong sáu năm*”. Tôi thật sự đã nghe lời, thật đã hạ công phu ở chỗ nhìn thấu và buông bỏ. Ý nghĩa buông bỏ thật quá sâu quá rộng, lúc đó tôi lãnh hội được rất nông cạn, nhưng phải làm, từ nơi chỗ buông bỏ bắt đầu làm. Buông bỏ giúp ta nhìn thấu triệt, nhìn thấu triệt giúp ta buông xả. Nhìn thấu triệt là trí huệ, buông xả là định công, trở lại cái thanh tịnh bình đẳng giác. Giác là nhìn thấu, thanh tịnh bình đẳng là buông bỏ, đây là công phu thật mà trong kinh điển ta học được. Nếu có thể ứng dụng trong cuộc sống, thì rất lợi ích, thật là pháp hỷ sung mãn.

Sáu mươi năm lại đây, đối với tôi cũng không phải là con đường rất bình thản, mà gặp nghèngh trắc trở, chướng ngại trùng trùng, nhưng đều thông qua. Làm sao để thông qua?

Buông xả thì sẽ thông qua, đừng chấp trước. Thuận cảnh không nên tham luyến, phải buông xả tham luyến. Còn nghịch cảnh thì phải buông bỏ sân nhuế, vĩnh viễn duy trì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, đây gọi là đạo. Không nên bị cảnh giới bên ngoài làm lay chuyển, gọi đó là công phu. Nói theo cách nói hiện nay là không bị hoàn cảnh bên ngoài làm ảnh hưởng. Hoàn cảnh thì không có cách nào để ly khai, chỉ yêu cầu ta không bị nó ảnh hưởng, không bị hoàn cảnh lay chuyển_ trí tuệ đã khai rồi.

Điều kiện đầu tiên là phải nhẫn nhục, phải chịu thiệt thòi. Không thể nhẫn là không được, nếu sợ thiệt thòi cũng làm không được, tâm của ta cũng sẽ không bao giờ định được. Nên cổ nhân nói rất hay, thiệt thòi là phước, một chút cũng không sai. Đâu đâu đều phải nhường người khác, nhất định không nên bỏ trong tâm. Tâm của ta mới phóng quang, mới chiếu kiến. Cái gì cũng so đo tính toán là không xong, là sai, tâm của ta sẽ loạn, trí tuệ của bạn cũng không còn.

Cho nên người xưa rất biết giáo dục, ngàn vạn năm đều xem việc giáo dục nặng nhất, đến trị quốc cũng đều là giáo dục “*kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên*”. Kiến quốc là kiến lập một chính quyền, quân dân là lãnh đạo nhân dân. Cái gì quan trọng nhất? là dạy học. Chỉ cần làm tốt giáo dục, thì thiên hạ sẽ thái bình, không có việc gì xảy ra.

Nên xã hội ngày xưa, con người có 360 ngành nghề, 360 không phải là chữ số. Một năm 360 ngày là tượng trưng sự viên mãn, chính là các ngành các nghề. Ngành nghề nào được người hâm mộ nhất? Làm quan là người hâm mộ nhất, nên phải cố gắng đọc sách. “*Học nhi ưu tấ sĩ*”, sĩ chính là làm quan.

Làm quan trên xã hội rất có địa vị, cũng có thu nhập tốt, mọi người đều rất tôn trọng, lại không có làm việc. Điều này mới vui, không làm việc, không có án để xử. Vì sao? Trong xã hội người người đều là người tốt, mọi việc đều việc tốt, không có người làm ác. Một tháng có một hai vụ án là nhiều rồi, nên không có ai không muốn làm quan. Vì sao xã hội lúc đó lại tốt như vậy? con người lại tốt như vậy? Phải giáo dục từ nhỏ.

Các đế vương thời cổ đại, họ giao trách nhiệm dạy học cho gia trưởng, động viên gia trưởng, khen thưởng gia trưởng khi dạy tốt, gọi là giáo dục gia đình! Nhà của ngày xưa, người bây giờ không cách nào thể hội được. Vì sao? Vì ta chưa thấy qua và cũng chưa nghe qua. Nhà của thời xưa là đại gia đình, bây giờ không có nhà rồi. Tôi hỏi bạn nói bạn có nhà, nhưng bạn chỉ biết có ba mẹ mình, còn tổ phụ tổ mẫu bạn có biết không? Vì họ không cùng ở một chỗ. Còn tăng tổ phụ và tăng tổ mẫu, cao tổ phụ cao tổ mẫu thì sao? Không biết. Thời xưa ngũ đại đồng đường cùng sống chung một mái nhà, cho nên nói cử tộc.

Ở trên có tổ phụ tổ mẫu, tăng tổ phụ mẫu, cao tổ phụ mẫu. ở dưới có con, cháu, chất. Trên dưới chín đời, đồng đường, gọi là cử tộc, đây là một gia đình. Một gia đình nhân khẩu ít cũng khoảng hơn 200 người. Nên nhà là một tổ chức của xã hội. Thông thường một số gia

đình bình thường có khoảng trên dưới 300 người, số người hưng vượng thì sáu đến bảy trăm, đây là một đại gia tộc.

Quý vị xem tiểu thuyết “Hồng Lô Mộng”, đó chính là một gia tộc. Một nhà người đó khoảng gần 300 người, trong sách viết như vậy. Nên nhà nhất định phải có gia đạo, có gia quy. Như “Đệ Tử Quy” chính là gia quy, phải tuyệt đối tuân thủ, từ già đến bé không có ai chẳng tuân thủ. Không tuân thủ nhà sẽ loạn. Có gia học, tư thực là gia học. Nói như bây giờ chính là trường học của các con em trong gia đình mình, nên khi còn tuổi nhi đồng nhất định phải tự mình dạy nó thật tốt. Dạy tốt rồi, học cũng rất ưu tú có thể tham gia các cuộc thi của quốc gia, cuộc thi của quốc gia là quốc gia tuyển chọn nhân tài. Sau khi tuyển chọn, quốc gia sẽ phát bổng lộc, tức là có đãi ngộ. Cuộc sống của bạn có quốc gia chiếu cố, như bây giờ là phát tiền công cho công nhân vậy. Ta phải học cho tốt không ngừng tham gia thi cử, tương lai phò chính. Cho nên bồi dưỡng nhân tài là trách nhiệm của mỗi gia đình, còn quốc gia tuyển khảo. Tuyển chọn để làm nhân viên công vụ của quốc gia, chế độ này quá tốt.

Từ Hán Võ Đế đời nhà Hán kiến lập nên chế độ này, cho đến thời Mãn Thanh, đã thay đổi biết bao nhiêu triều đại, nhưng chế độ này vẫn không cải biến. Chế độ tốt nên không thay đổi. Xã hội này, quốc gia lớn như vậy, nhân khẩu nhiều như vậy, mà nền trị an lâu dài làm sao mà được? là do có đạo lý, tức là giáo dục, giáo dục tốt.

Trường học của con em trong gia đình tốt hơn so với trường học hiện nay. Vì sao? Vì được gia trưởng và lão tổ tông quan tâm, Vì đây là cốt nhục của họ phải dạy cho tốt. Trẻ con lớn lên phải có triển vọng, vinh tông diệu tổ, nở mặt nở mày. Nên ngày xưa trẻ em sinh ra trên thế gian này, quý vị đến thế gian này làm gì? Vì gia đình. Họ là vì gia đình của họ, cả đời này bất luận ta làm ngành nghề gì, người ủng hộ ta là ai? Là gia đình ta ủng hộ khuyến khích ta. Nên lúc nhỏ cầu học là ở nhà dạy ta, gia đình mang trách nhiệm. Tương lai lớn tuổi, gia đình lại nuôi dưỡng khi già. Nên người già tuổi về chiều, mới thật sự gọi là hưởng phúc.

Một đời của mình vì gia đình mà công hiến, đến khi già thì gia đình nuôi. Bên dưới bạn những vị văn bói hiếu tử hiền tôn rất nhiều, như vậy làm sao họ không vui vẻ! Người già ngày xưa là hạnh phúc nhất. Trong đời của một người, hưởng phúc là lúc tuổi về già, khi tuổi lớn là hưởng phúc.

Tuổi nhi đồng chăm chỉ học tập. Khi thiếu niên mạnh khỏe thì vì gia đình, vì xã hội công hiến, còn khi già là hưởng phúc. Đây là xã hội của ngày xưa, xã hội này quá tốt, quá mỹ mãn. Truyền thống này sao bây giờ không còn nữa? Sao lại không có? Nói cho quý vị biết, chúng ta cùng Nhật bản chiến tranh, phải đánh tám năm mới tan. Trước khi kháng chiến có. Chúng ta ở làng quê nông thôn, một thôn trang chính là người một nhà. Trang họ Vương này là một nhà của họ. Trang bên kia là trang họ Lý, đó là một nhà.

Còn có từ đường. Cúng tế từ đường đây là xuân thu, một năm hai ba lần cúng tế. Ngoài cúng tế ra, từ đường còn làm nhà trường, cũng tức là gia học. Tư thực thì lên lớp ở đâu? ở từ đường. Nên từ đường kiêm luôn việc gia học. Sau khi kháng chiến thắng lợi, không nhìn thấy tình trạng này nữa. Tôi đi tham quan vài nơi ở Giang nam, các vùng miền nam An Huy tôi cũng đi xem rồi. Thôn trang vẫn còn nhưng người không có, chỉ còn vài người già sống ở đó, còn lớp trẻ đều đi các nơi để mưu sinh. Muốn khôi phục cái này không phải dễ. Chế độ này quá tốt, chúng ta cần phải giảng giải nhiều, tuyên truyền nhiều.

Những năm gần đây tôi nghĩ đến các nhà xí nghiệp, hy vọng xí nghiệp có thể đem tinh thần truyền thống gia đình ngày xưa tiếp tục kế thừa. Ông chủ của xí nghiệp phải là Bồ Tát, không phải Bồ tát không làm nổi. Phải thật sự học Phật mới được. Ông chủ xem nhân viên của mình đều như anh chị em ruột của mình. Còn nhân viên còn nhỏ là con cái của mình. Nhân viên trưởng bối là chú bác của mình. Phải thật sự phát tâm nuôi già dạy trẻ. Vì vậy các xí nghiệp nên xây dựng một ngôi trường cho con em, nên xây dựng viện an dưỡng. Viện an dưỡng không thu nhận người già khác, mà chỉ có những nhân công lớn tuổi. Nhân công này với bạn trở thành người một nhà. Cả đời toàn tâm toàn lực vì công ty phục vụ. Một công ty chính là một mái nhà.

Trước đây nhà là quan hệ máu huyết, nhưng nhà bây giờ là đạo nghĩa. Đây là thuộc về đại thừa. Nhà của ngày xưa xác thực nó là quan hệ huyết mạch, truyền thống luân lý đạo đức xưa là đủ rồi. Nếu ngày nay xí nghiệp đều trở thành nhà, thì ông chủ xí nghiệp không thể không học đại thừa, không học đại thừa sẽ không trị tốt, tâm lượng của họ không cách nào rộng mở. Nên phải thực sự phát tâm bồ đề, hành đạo bồ tát. Kinh doanh xí nghiệp là hành đạo bồ tát, thì sẽ làm một cách tốt đẹp. Tuyệt đối không thua truyền thống của gia đình, thật có thể hồi phục.

Chúng ta tin tưởng Trung Quốc, chí ít phải còn một ngàn năm hưng thịnh, trị an dài lâu. Đó chính là siêng năng học tập Nho Thích Đạo tam gia. Ngày nay học tập ba nhà Nho Thích Đạo vẫn chưa đủ, còn phải học tập văn hoá tôn giáo của các dân tộc trên thế giới. Vì sao? Để bổ sung thêm cho mình, lấy sở trường của người và bỏ đi sở đoản của mình, không ngừng bổ khuyết thêm chính mình, như vậy là chính xác.

Như thời nhà Hán Trung Quốc, họ lấy Phật pháp để bổ khuyết cho mình. Hôm nay chúng ta xem xem Cơ đốc giáo có gì tốt không? Có. Thiên chúa giáo cũng có, Ấn độ giáo cũng có, Hồi giáo cũng có, không thể không học. Không học thì chúng ta kiến thức hẹp hòi, của mình học xong rồi, nhất định phải học thêm của người khác. Chúng ta có thể áp dụng, có thể hấp thụ, có thể bổ khuyết cho mình, đây là đại học vấn. Nên giữa Tôn giáo và Tôn giáo cần phải đoàn kết, giữa Tôn giáo với nhau phải học tập qua lại.

Tôi ở Âu Châu, chúng tôi có một quy mô không lớn, một học viện Tịnh độ nho nhỏ, chúng tôi mới bắt đầu từ năm nay. Tháng bảy, tức tháng sau là bắt đầu, chúng tôi chính thức mời hai vị giáo thọ. Một vị dạy tinh thân sinh hoạt của Hồi giáo, còn một vị dạy Cơ đốc giáo. Chúng tôi đã khởi đầu xung phong, trong học viện Phật giáo chính thức mở khoá trình của các Tôn giáo khác, và khẳng định tất cả Tôn giáo đều là giáo dục của xã hội. Tôi cũng động viên các tôn giáo khác, nhất định phải trở về với việc dạy học. Không thể chỉ dựa vào nghi thức quy tắc và cầu đảo, như vậy không được. Điều này chúng ta đã nói qua, đây là chỉ trị ngọn, còn tu học theo kinh điển là trị gốc.

Ở trong thời đại nhiều thiên tai này, thì việc hồi phục ổn định của xã hội, hồi phục êm ấm cho thế giới, nhất định phải nhờ vào giáo dục Tôn giáo. Giáo dục Tôn giáo dạy những gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả. Hiện nay trong tất cả giáo dục trên thế giới đều thiếu ba thứ này. Giáo dục Tôn giáo cần phải đem ba thứ này bổ sung vào, như vậy Tôn giáo đối với xã hội có công hiển rồi. Không còn mê tín, không còn tiêu cực nữa. Điều này mọi người cần phải siêng năng nỗ lực đi làm.

Tôi lớn tuổi như vậy, nhưng có một vài hoạt động quốc tế vẫn đến tìm tôi. Tôi phải suy nghĩ, nếu có thể không đi tôi sẽ không muốn động, ở nhà giảng kinh. Còn nhất định phải đi, thì đi vì cái gì? Đi để nói mọi người trở về với giáo dục Tôn giáo. Tôn giáo phải đoàn kết, Tôn giáo phải hỗ trợ học tập, không nên có bài xích. Tôi làm việc này, chỉ có Tôn giáo đoàn kết, mới có thể hoá giải xung đột, mới có thể an định xã hội, mới có thể hài hoà thế giới. Đây là ý nghĩa trong kinh Phật giáo đại thừa.

Chúng ta xem tiếp bên dưới, Hoàng lão cư sĩ dẫn dụng mười hai môn luận thuyết “*ma ha diển giả*”. Ma ha diển là tiếng phạn, dịch thành tiếng Trung quốc là đại thừa. “*U nhị thừa vi thượng, cố danh đại thừa*”. Nhị thừa này chính là Thanh văn, Duyên giác. So với Thanh văn thì Duyên giác cao. Thanh văn là A la hán, Duyên giác là Bích chi phật, cả hai đều thuộc tiểu thừa.

“*Phật đại nhân thừa thị thừa cố danh vi đại*”, đại nhân này là xung Phật. Phật Bồ tát, sở hành, sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền của các ngài. Trong chữ thừa này có rất nhiều ý nghĩa, đây có nghĩa là lớn. “*Hựu năng diệt trừ chúng sanh đại khổ, dự*”, dự là cho họ, “*đại lợi ích sự, cố danh vi đại*”. Ý nghĩa chữ đại giải thích sơ lược một chút. Nó có thể diệt khổ. Thật sao? Thật. Thật có thể diệt khổ, thật có thể được lợi ích lớn.

Khổ từ đâu đến? Khổ từ mê đến. Khi mê ta sẽ suy nghĩ lung tung, tư tưởng của ta sẽ sai lầm, ngôn ngữ của ta cũng sai lầm. Vì ngôn hành là tư tưởng chỉ đạo, tư tưởng sai thì ngôn hành cũng sai. Ta làm việc sai thì phải chịu báo khổ. Đại thừa là trí huệ, khi ta có trí tuệ thì tư duy của mình là thuần chánh, và ngôn hạnh là hợp tình hợp lý hợp pháp sẽ không làm sai sự việc, như vậy ta đã hưởng phúc rồi

Người xưa thật có trí tuệ, quý vị xem người xưa hoạ với phước rất giống. hai chữ này rất gần nhau, chỉ kém có một chút. Đây chính là nói hoạ và phước chỉ trong một niệm. Một niệm vì mình tự tư tự lợi, hoạ lập tức đến. Một niệm vì người, phước sẽ đến ngay. Vì người mới thật sự vì mình, vì mình là thật sự đang hại mình. Phải hiểu đạo lý này.

Xã hội bây giờ, chúng ta lặng yên để quan sát, nó đang mê. Mê ở đâu? Mê vì tiền ở trong mắt. Ngày xưa dùng tiền đồng, đầu năm dân quốc nhà Thanh dùng tiền đồng, nó tròn, ở giữa có một lỗ, có một lỗ vuông. Trong đó có hàm nghĩa, trong tròn cần có vuông. Tròn nếu không vuông là có vấn đề, gọi là ngoài tròn trong vuông. Làm người như vậy là đúng. Nó có ý nghĩa biểu pháp trong đó.

Tiền có phải là thứ gì tốt chẳng? Không phải thứ gì tốt. quý vị xem âm hán việt của chữ “tiền”, bên này là “kim”, bên kia hai người cầm dao. Đang làm gì? cướp! Đây không phải việc tốt, nên đây là thứ rất nguy hiểm. Nhìn thấy chữ này ta liền nghĩ đến ý nghĩa của nó. Tiền đủ dùng là được không thể tham nhiều, tham nhiều hoạ hại sẽ đến, tai nạn sẽ đến.

Lúc này con người cần phải hiểu nhân quả. Tài sản của mình, nhưng số mạng mình có không? Số mạng không có. Nếu muốn dùng phương pháp không chánh đáng để đạt được. Tôi nói với quý vị, quý vị đạt được hay số mạng ta có, quý vị nói như vậy không oan uổng sao. Số mạng không có thì dù có dùng thử đoạn gì đều không đạt được. Cầm súng đi cướp cũng cướp không được, đi cướp chưa được thì ở sau cảnh sát đã bắt đi ngồi tù rồi.

Bạn là ăn trộm thì đi trộm, nhưng còn chưa trộm được thì cảnh sát đã đem bạn đi. Đây chính là số mạng không có, dù ăn trộm ăn cướp đều không đạt được. Còn số mạng có thì trộm về hay cướp về cũng đều là số mạng có. Quý vị nói quý vị có oan không! Con người thật sự hiểu được đạo lý này, thì tâm của họ là định,

Khi tôi không có, tôi sẽ không đi trộm cắp, sẽ không cướp giết. Vì sao? Vì tâm thanh tịnh, vì số mạng không có. Số mạng có, thì đến thời tự nhiên sẽ có. Không cần nóng vội. Có thể cầu được tiền tài chẳng? Trong Phật giáo, trước đây Chương Gia Đại Sư dạy tôi. Khi tôi mới học Phật, cuộc sống vô cùng gian khổ, đó là số mạng không có giữ tiền tài. Người khác số mạng có tài vật cất giữ, còn tôi thì trống rỗng, cái gì cũng không có. Nói cách khác, người ta làm sự nghiệp gì cũng có thể kiếm tiền, còn tôi làm gì đều kiếm không ra_số mạng không có.

Siêng năng làm việc kiếm được chút tiền, nhưng chỉ có thể duy trì sinh hoạt. Thầy giáo là đại thiện tri thức. Tôi với Chương Gia Đại Sư, tôi 26 tuổi, Đại sư 65 tuổi, ngang hàng với tổ phụ. Đại sư nhìn rất rõ ràng, ngài dạy tôi, nói với tôi là tiền tài từ đâu đến? Tiền tài từ bố thí đến, ngài dạy: *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”*_dạy tôi đạo lý này. Thật có cảm ứng! Còn không có cảm ứng, chắc là trên lý luận bạn không như pháp, phương pháp có vấn đề.

Như lý như pháp, cảm ứng đạo giao rất nhanh, nên dạy chúng ta phương pháp cầu tài_bổ thí tài.

Người khác sao lại có nhiều của cải như vậy? nhờ trong quá khứ tu bổ thí tài nhiều, nên trong mạng họ có. Phải hiểu đạo lý này. Trong mạng chúng ta không có, không có cũng không gấp. Còn trẻ, bây giờ tu vẫn kịp. Tôi nói với Thầy, tôi không có tiền. Tiền lương một tháng rất ít, chỉ miễn cưỡng đủ sinh hoạt. Thầy hỏi tôi “một hào có không”, một hào thì có. Một đồng có không? Một đồng còn có thể, còn miễn cưỡng, bạn từ một đồng một hào đó bắt đầu bổ thí. Trong tâm phải thật có ý niệm bổ thí_phải có tâm này.

Tôi học vì lúc đó đã đi thăm chùa, đến chùa để chép kinh, nhìn thấy trong chùa có in kinh. Mọi người cầm cuốn sổ đến góp tiền để ấn kinh, ra bao nhiêu cũng không đủ. Nên chúng tôi nhìn thấy in kinh cũng viết một đồng hai đồng, họ đều thu. Còn có phóng sanh, quyên vài hào để phóng sanh họ cũng nhận, điều này rất tốt, vì từ từ sẽ dưỡng thành thói quen. Đây là bổ thí tài sẽ được của cải, có hiệu quả.

Tôi đã bổ thí 60 năm, càng thí càng nhiều! Năm trước, tôi ở nhà in sách thương vụ Đài Loan, đặt một trăm bộ “Tứ Khố Toàn Thư”. Tôi mua nhiều, là khách hàng lớn của họ, nên đặc biệt giảm giá cho tôi. Một trăm bộ bao nhiêu tiền? Năm trăm vạn mỹ kim. Tôi lấy về làm gì? Số sách này đem tặng các trường đại học, tặng vào thư viện. Khoảng tháng sau sách in xong. Càng thí càng nhiều! Tiền không nên lưu giữ. Tiền cất giữ sẽ biến thành giấy bỏ, không dùng được, nên cái này gọi là giấy bạc. Ở đây có đi thì bên kia có về, không nên sợ. Đi nhiều thì về nhiều, đi ít thì về ít, không đi thì không về, mọi việc là như vậy.

Nên bây giờ, tôi sau 70 tuổi, thật giống như Khổng lão phu tử nói “tuỳ tâm sở dục bất cự củ”, tâm tưởng sự thành_sau 70 tuổi. Đây đều là thầy dạy tôi. Tôi tin tưởng và thật làm. Bổ thí pháp được thông minh trí tuệ, tôi xem cái này còn nặng hơn cả tài bảo, nên có tiền tôi đều in kinh làm pháp bổ thí.

Quý vị nghe tôi giảng kinh thời gian cũng nhiều cũng lâu rồi, và nghe tôi giảng pháp hằng năm không giống nhau, quý vị sẽ nhìn ra trí tuệ tăng trưởng, năm này với năm khác không giống nhau. Tôi học với thầy Lý 10 năm, nghe thầy Lý giảng kinh, thầy Lý kêu tôi ngồi hàng đầu, đối diện ông ta và không cho ghi bài. Lúc đầu tôi viết một ít, thầy xuống hỏi tôi, bạn vừa mới viết mà viết cái gì vậy? tôi nói tôi viết bài. Bạn viết cái này làm gì? Tôi nói sợ quên. Thầy nói với tôi không cần viết, cảnh giới mỗi năm không giống nhau. Năm nay viết những thứ này đến sang năm không dùng được nữa. Tôi nghĩ hoàn toàn đúng. Chuyên tâm lắng nghe, không nên ở chỗ này mà lơ đãng. Nên tôi theo thầy Lý 10 năm mà không có vở, nhưng trí tuệ ngày ngày thêm tăng trưởng, ngày ngày càng tiến bộ, ta làm sao có thể dừng lại ở đó, làm gì có đạo lý này? Nhưng các bạn học khác viết bài thầy cũng không nói gì, còn tôi viết bài thầy dạy tôi không nên viết. Đây là bồi dưỡng trí tuệ, là bổ thí pháp.

Bồ thí vô úy được mạnh khoẻ trường thọ. Điều này đối với tôi mà nói rất quan trọng. Thầy tôi đối với tôi đều rất rõ ràng, thời trẻ đoán mạng. Người thanh niên này không có phước báo lại đoán mạng, cũng may còn có chút trí tuệ, còn chịu nghe lời, có thể cứu được. Nên dạy tôi học pháp bồ thí vô úy. Bồ thí vô úy học từ đâu? Bắt đầu làm từ việc ăn chay, nên tôi vừa học Phật, năm 20 tuổi, học Phật khoảng sáu tháng là tôi ăn chay trường, không kết oán thù với chúng sanh. Thật vậy, mình ăn thịt nó nữa cân nhưng tương lai trả nó gấp bội. Oan thân trái chủ của ta rất nhiều.

Tôi học Phật sáu tháng sau là không ăn thịt, không ăn các thứ cay nồng, và còn phóng sanh, tích cực phóng sanh. Về sau hoàn cảnh kinh tế tốt hơn, tôi bồ thí thuốc men. Trong bệnh viện bồ thí tiền thuốc, người nghèo đi khám bệnh, khi không có tiền thì lấy số tiền này. Mới đầu chữ số còn ít, nhưng từ từ cúng dường nhiều hơn, thì bồ thí này của tôi cũng tăng lên rất nhiều.

Mấy năm gần đây ở Âu Châu, tôi đã ở Âu Châu 10 năm, sang năm là tròn 10 năm. Tôi ở trong thành nhỏ đó, có một bệnh viện công lập do chính phủ xây dựng. Thành nhỏ người không nhiều, chỉ có khoảng tám chín vạn người dân. Ở bệnh viện này, một năm tôi tặng mười hai vạn tiền phí thuốc men, chỉ định chỉ dùng cho người nghèo.

Còn có một trung tâm chăm sóc người sắp chết do Cơ đốc giáo tổ chức, họ làm rất tốt, tâm lượng của họ cũng rất lớn. Con người khi sắp lâm chung, bất luận là dùng tôn giáo nào, họ đều không phản đối, mà còn hiệp trợ. Điều này rất tốt nhưng không dễ. Họ thiếu kinh phí, tôi cũng giúp đỡ họ mười năm, một năm mười hai vạn. Đây là thuộc về bồ thí vô úy. Mỗi năm 24 vạn, mà đã làm mười năm. Nên Thầy dạy tôi nhất định là bồ thí tài, bồ thí pháp và bồ thí vô úy, thì quả báo đạt được là tiền của dùng không thiếu. Ta cần dùng tiền tự nhiên sẽ có. Như vậy quá tốt, quá tự tại. Khi không dùng thì không có, khi dùng nó sẽ đến.

Bồ thí pháp tăng trưởng trí tuệ. Bồ thí vô úy mạnh khoẻ trường thọ. Phật pháp hay quá, ta muốn cái gì là có thể đạt được cái đó. Chỉ cần ta hiểu được đạo lý hiểu được phương pháp. Như lý như pháp đi cầu, không có gì không đạt được.

Quý vị xem, cầu thành Phật, cầu đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có thể đạt được, thì việc nhỏ nhặt bình thường của thế gian mà kể gì! Ta cầu không được là do nghiệp chướng của mình, ta có thể sám trừ nghiệp chướng. Những gì ta cầu lập tức cảm ứng. Phật pháp có thể giải quyết mọi vấn đề cho chúng ta. Đây là nói vấn đề rất hiện thực vẫn có thể giải quyết.

Chúng ta học Phật, nghe giáo huấn của thầy, tôi đối với thầy không một chút nghi ngờ, khi hiểu rõ tâm tự nhiên sẽ định, không còn sợ hãi gì nữa. vọng niệm gì đều không cần nghĩ, nghĩ nó cũng vô dụng, nghĩ là sai lầm_đừng nghĩ. Đến thời phải đến thì tự nhiên đến, còn không đến cầu cũng vô dụng. Thầy giáo yêu thương học sinh, Phật Bồ tát còn yêu thương hơn. Nên Chương Gia Đại Sư an tâm cho tôi, lúc tôi mới sơ học. Thầy nói phát nguyện suốt

đòi phụng hiến cho Phật pháp, thì một đời của ta có Phật Bồ Tát lo cho, mình không cần lo lắng gì. Tôi tiếp nhận, tôi tin tưởng, một chút cũng không hoài nghi. Thuận cảnh là Phật Bồ Tát sắp đặt, nghịch cảnh cũng là sắp đặt.

Sau đó học Hoa Nghiêm, đối với đạo lý này hoàn toàn minh bạch. Thuận cảnh quyết định không có chút gì tham luyến, bạn đã được đề cao. Nghịch cảnh không có chút nào sân nhuế, cũng đã được đề cao, đều là giúp bạn đề cao. Thiện Tài năm mươi ba lần tham vấn học đạo trải qua việc luyện tâm, phải ở trong hoàn cảnh để tôi luyện. Không vượt qua rèn luyện sẽ bị đào thải, bạn có thể chịu được tôi luyện. Tôi luyện gì? Tôi luyện tham sân si mạn. Đặc biệt là tâm tham. Cái này là quan trọng nhất, là vấn đề căn bản. Trong thuận cảnh cần phải học không có tham luyến, ở chỗ này tu thanh tịnh tâm. Trong nghịch cảnh không có sân nhuế, tu thanh tịnh tâm, những gì tu ở đây là chính xác. Tu điều gì? tu thanh tịnh, tu bình đẳng, tu giác ngộ. Năm chữ đăng sau trên đề kinh này chính là thành tựu thanh tịnh bình đẳng giác. Quả báo ở trước ta đạt được, quả báo là gì? Đại thừa. Đại thừa là trí huệ. Vô lượng thọ là đức hạnh. Trang nghiêm là tướng hảo, ta đều đạt được. Trang nghiêm rất quan trọng, trước mắt chúng ta, thân thể của mình là năm này mạnh khoẻ hơn so với năm trước, năm này vui hơn năm trước, năm này so với năm trước tự tại. Đây là gì? Là môn học quan trọng để độ hoá chúng sanh.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trong kinh nói có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Từ đâu mà có? Do tu mà có. Trong quá khứ, thời Đức Phật Phất Sa, ngài đã thành tựu. Sau khi thành tựu, phải dùng thời gian một trăm kiếp để tu tướng hảo. Vì sao? Phương tiện để tiếp dẫn đại chúng, không phải chính mình cần. Mọi người trong xã hội, nhìn thấy người có tướng hảo, họ đặc biệt thân thiết. Cho nên nói tướng hảo là một công cụ để mê hoặc chúng sanh. Nếu ta tướng mạo không tốt, rất xấu xí, mọi người nhìn đã thấy ghét muốn đi cho xa, thì còn có thể độ chúng sanh chăng?

Nhất định phải tướng hảo. Tướng hảo có thể nhiếp thọ tất cả chúng sanh. Không Phải vì mình mà vì chúng sanh. Những điều này chúng ta không thể không biết. Đây đều thuộc về giúp chúng sanh diệt khổ, giúp chúng sanh được lợi ích. Người bây giờ họ thật sự không hiểu được, họ sống trong xã hội này và họ đang muốn những gì, “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*”. Trong đây có đạo lý có phương pháp, chứ không phải mù mờ đi tìm cầu, như một số người thấp hương cầu khẩn. Làm như vậy không đạt, nó có nhân quả. Phải biết tu nhân gì thì gặt quả đó.

Tôi đời này là hiện thân thuyết pháp cho mọi người. Tôi vừa mới nói, tôi không có tiền tài, túi tiền trống không. Nhưng bây giờ muốn làm việc gì đều không có vấn đề. Quý vị hỏi tôi có muốn làm việc không? Việc gì cũng không muốn làm. Tôi học Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ muốn dạy học, lên lớp giống như bây giờ. Tôi lên lớp dạy học như vậy, tôi bây

giờ mỗi ngày dạy bốn tiếng không vấn đề gì. Nhưng có vài người nói tuổi quá lớn, bốn tiếng không được, phải giảm bớt hai tiếng, Họ cảm thấy không kham nổi.

Nhưng bốn tiếng đồng hồ đối với tôi mà nói là vừa đẹp. Buổi sáng hai tiếng buổi chiều hai tiếng quá tốt, không mệt. Không lên lớp mà nói chuyện với người khác, chẳng phải là lãng phí thời gian như nhau sao. Nên trong mạng không có tiền tài thì đừng có tưởng nữa. Không có thọ mạng, thì thọ mạng kéo dài. Thọ mạng của tôi là 45 tuổi, nhưng hôm nay đã 84 tuổi. Tuổi thọ của tôi kéo dài hơn so với người khác. Ông Viên Liễu Phàm kéo dài tuổi thọ 21 năm, tôi vượt qua quá nhiều so với ông ta.

Sau khi học Phật đã minh bạch, chân tướng sự thật cũng đã rõ ràng. Không có ý tham sanh, cũng không có ý sợ chết. Hiểu rõ sanh tử, đây gọi là liễu sanh tử. Liễu là thấu đáo, thấu triệt. Thấu triệt sanh tử là sự việc ra sao, thấu triệt rồi. Thấu triệt thì phải làm việc thấu triệt, không thể làm việc hồ đồ. Thấu triệt đời này của chúng ta, thân thể tuy đã chết nhưng tinh thần không chết. Chúng ta đi về đâu? Quyết định cầu sanh Tịnh độ, như vậy mới đúng, còn đâu tôi cũng không muốn đi, tôi chỉ muốn đến thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc để làm gì? đi du học. Phật A Di Đà là thầy giáo, ở đó có thầy giỏi. Văn Thù, Quan Âm, Phổ Hiền, Thế Chí là bạn đồng học.

Ở trong hoàn cảnh đó tu học, trong một đời quyết định thành Phật viên mãn, viên mãn trở về tự tánh. Đây là những hy vọng tìm cầu trong từng mỗi niệm của chúng ta. Sau khi thành Phật lại rộng độ chúng sanh, giống như Chư Phật Như Lai vậy, Lúc đó có năng lực có thần thông, biến pháp giới hư không giới, ở đâu chúng sanh có nạn là đến đó để giúp đỡ họ, thật sự được đại tự tại! Đây là sự thật, tuyệt đối không phải giả. Phật Pháp đối với những đạo lý này, nói rất rõ ràng rất minh bạch. Đây là diệt khổ và hoàn toàn được lợi.

Người hiện nay nếu nói không cần Phật giáo, phản đối Phật giáo, đó là cực tuyệt. Tôi khổ bạn không cần lo, tôi chấp nhận tôi khổ, bạn có nhiều lợi ích tôi cũng không cần. Không phải như vậy sao? Đã cực tuyệt. Đây là người ngu không phải người thông minh. Thật như vậy thì anh ta cần phải chịu khổ, anh ta cần phải gặp khó khăn. Đức Phật ở bên cạnh đợi, ngày nào giác ngộ rồi thì đến tìm ngài, Ngài lúc nào cũng đợi. Chúng ta không tìm ngài, ngài không tìm chúng ta. Khi chúng ta tìm ngài có cầu tất sẽ ứng. Phật đối với tất cả chúng sanh là bình đẳng, không có hậu người này bạc người kia. Thật là “Thiên xứ kỳ cầu thiên xứ ứng”.

“*Hựu Quan Thế Âm, Đắc Đại Thế*”. Đắc Đại Thế chính là Đại Thế Chí Bồ Tát. “*Văn Thù Sư Lợi, Di Lặc Bồ Tát đẳng chư đại sĩ chi sở thừa, có danh vi đại*”. Đây là cử ra các bậc đại nhân. Quan Thế Âm Bồ Tát, tất cả danh từ ở đây đều giống như một môn học trong trường học hiện nay. Họ mời một thầy giáo để làm tượng trưng, tượng trưng một khoa. Họ không phải là ai mà là Quan Thế Âm Bồ Tát. Người học pháp môn của Quan Thế Âm rất nhiều, tất cả là Quan Thế Âm Bồ Tát. Học pháp môn Đại Thế Chí, thì toàn bộ gọi là Đại Thế

Chí Bồ Tát, nên Đại Thế Chí không phải một người, Quan Âm cũng không phải một người. Vậy chúng ta tìm người nào, nhất định đem danh tánh viết ở bên dưới. gì gì gì Quan Thế Âm Bồ Tát, như vậy mới được, không như vậy ta tìm không thấy.

Quan Âm Bồ Tát tượng trưng từ bi, đại từ đại bi, “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*”. Đây là tượng trưng cho Quan Thế Âm. Đại Thế Chí và Văn Thù Bồ Tát đều là tượng trưng cho trí tuệ. Trí tuệ của Văn Thù Bồ tát có thể có dụng. Đại Thế Chí là đặc biệt ở trên tác dụng. Chỉ có trí tuệ mới là thể lực lớn nhất. Vì sao? Nó có thể giải quyết vấn đề. Trí tuệ giải quyết vấn đề không có hậu di chứng, nên có trăm lợi mà không có một hại. Trí tuệ giải quyết vấn đề. Di Lặc cũng tượng trưng từ bi, miệng lúc nào cũng tươi cười. Người ta làm tượng Bồ Tát Di lặc, tượng Bồ đại hoà thượng. Bồ đại hoà thượng khi lâm chung tuyên bố với mọi người, Ngài là Bồ tát Di Lặc tái sanh, nói rồi là đi. Đây là thật không phải giả, cho nên người xưa tạc tượng Di Lặc Bồ tát đều tạc giống Bồ đại hoà thượng. Quý vị ngay lúc này ngàn vạn lần cần phải ghi nhớ rằng, xã hội bây giờ rất nhiều bịa đặt sanh sự. Nói người này là Phật gì đó tái sinh. Người đó là Bồ Tát gì đó tái sinh. Năm đó ở bên mỹ tôi nghe được rất nhiều. Nhưng thân phận bộc lộ họ lại không đi, vì đó là giả. Thân phận vừa bộc lộ, không kể mình nói hay người khác nói, đã nói ra họ lập tức đi ngay. Thật, không có một chút giả dối. Nói rồi không đi là giả không phải thật. Đây là một quy củ trong Phật pháp. Quý vị phải hiểu để không bị dối gạt, không bị mắc lừa.

Nếu người khác đến nói bạn, bạn là Bồ tát gì đó tái sanh, nhưng bạn cũng đâu có đi. Nếu nói mà bạn lập tức chết thì đó là sự thật, nói rồi sao bạn còn sống ở đó. Không phải thật, là giả, gạt người. Phải hiểu điều này. Cuối cùng Phật pháp là thật hay giả, nên từ chỗ này phân biệt. Nên nó đại biểu một pháp môn.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học tập đến đây.

Tập 76

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 11 tháng 07 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 81 hàng thứ năm, bắt đầu xem câu cuối cùng.

“Hựu dĩ thử thừa năng tận nhất thiết chư pháp biên độ cố danh vi đại”. Chúng ta tiếp tục học đại thừa là gì? Lúc còn tại thế, Đức Thế Tôn giảng kinh giáo hoá suốt 49 năm. Mười hai năm đầu giảng A hàm là tiểu thừa, sau thời Phương đẳng là thuộc về đại thừa, nên quý vị có thể lãnh hội được. Trong 49 năm, mười hai năm giảng tiểu thừa. Tiểu thừa là cơ sở của đại thừa. Tiểu thừa thiên về giáo dục căn bản vững chắc, luân lý, đạo đức, nhân quả, Những thời giảng về tiểu thừa này vô cùng đầy đủ, là nền giáo dục rất hay dùng để phổ tế nhân gian.

Bây giờ chúng ta giảng về giáo dục quốc dân_ giáo dục phổ cập, có thể làm nền móng cho một người, là điều kiện cơ bản để làm người. Nội dung lấy năm giới và thập thiện nghiệp làm căn bản. Ngũ giới thập thiện tuy thấy rất đơn giản, chỉ có vài điều, nhưng nếu triển khai nó dùng trong sinh hoạt hằng ngày. Quý vị xem tiểu thừa tứ quả tứ hướng, họ ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, biến thành ba ngàn oai nghi. Ta có thể có xem thường nó chăng?

Bây giờ chúng ta xem lại Đệ Tử Quy của Nho giáo, những năm gần đây đã có một số người giác ngộ, siêng năng học tập và đạt được lợi ích chân thật. Tất cả nội dung văn tự chỉ nói một trăm mười ba việc. Hình như nói nhiều hơn ngũ giới thập thiện trong phật pháp. Ngũ giới thập thiện triển khai có ba ngàn điều. Một trăm mười ba điều này triển khai ra có thể ít hơn ba ngàn oai nghi sao? Làm sao để triển khai là do trí tuệ của chúng ta. Người ta nói “Cử nhất phản tam, văn nhất tri thập”, là đạo lý này.

Đại thừa Phật pháp nói, một lần nghe ngàn lần ngộ, tức là nói chúng ta học rồi thì làm sao để triển khai chúng? Ngạn ngữ nói: “hoạt học hoạt dụng”. Nếu biết ứng dụng thì mỗi ngày sẽ nghĩ đến nó. Hàng ngày suy nghĩ, hôm nay tôi từ sáng đến tối, sinh hoạt, làm việc, đối nhân xử thế, tiếp vật, đối chiếu từng cái từng cái. Chỗ nào tôi làm được, chỗ nào chưa làm được, như vậy từ từ sẽ phát hiện, một điều biến thành mười điều, mười điều biến thành một trăm. Có giới hạn không? Không có, thật sự không có.

Bồ Tát có thể đem mười thiện nghiệp biến thành tám vạn bốn ngàn điều, tám vạn tế hạnh. Là gì? là thập thiện nghiệp đạo. Điều này nói rõ trí tuệ Bồ Tát, tâm của Bồ Tát, lớn hơn trí tuệ A la hán, cần mật hơn tâm của A la hán. Nên đó mới gọi là viên mãn! Thập thiện viên mãn là thành Phật. Vì sao? Biểu lộ tánh đức viên mãn. Tóm lại là phải biết dụng tâm, phải

làm thật sự. Thật sự làm trong Phật pháp còn có oai thần bất khả tư nghị của Phật Bồ tát gia trì, tự nhiên đạt được cảm ứng, mới thật sự đạt được pháp hỷ sung mãn.

Hiện nay rất nhiều người học Phật thôi chuyên, đây cũng bình thường. Một nghìn người học Phật, trong đó có một hai người không thôi chuyên là quá tốt. Nên thôi chuyên là hiện tượng bình thường. Vì sao họ thôi chuyên? Người đó vì sao không thôi chuyên? Điều này trong nhà Phật nói họ có nếm được pháp vị hay không. Nếu không nếm được pháp vị, lúc học sẽ rất cực khổ, lúc học có rất nhiều dấu hỏi trong đó. Gặp trắc trở, thôi tâm là hiện tượng rất bình thường. Còn học rồi mà họ không thôi tâm, luôn kiên trì là vì họ đã nếm được pháp vị.

Làm sao mới có thể nếm được pháp vị? người xưa nói rất nhiều, nói rất đơn giản và cũng nói rất rõ ràng. Cái gì càng quan trọng thì càng đơn giản. Quý vị xem, Tam tự kinh chỉ có ba chữ “quý dĩ chuyên”. Thế xuất thế gian pháp đều coi trọng nguyên tắc này. Chuyên trong Phật pháp nói là tam muội. Chúng ta học “Vô Lượng Thọ Kinh”_chuyên, nhất tâm định trên đó, thì những gì ta đạt được là niệm Phật tam muội. Học “Hoa Nghiêm Kinh”, nhất tâm định trong Hoa Nghiêm, đạt được Hoa Nghiêm tam muội. Nên nhất định phải ghi nhớ, trong Kinh Bát Nhã cũng chính là trong Kinh Kim Cang Đức Phật nói: pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. Pháp môn này không chỉ định là pháp môn nào.

Hay nói cách khác, pháp môn này bao quát tất cả, bao quát tất cả Phật pháp. Trong bốn mươi chín năm thuyết pháp, Đức Thế Tôn thuyết bao hàm tất cả các pháp khác. Tất cả pháp của thế xuất thế gian đều ở trong đó. Ngài không có nói pháp môn bình đẳng không có cao thấp. Đây là ngoài pháp thế gian, ngài không có nói như vậy. Không có cách nói này cũng bao hàm trong đó.

Chúng ta thử nghĩ xem, nếu ta để tâm ở chỗ luận ngữ, nhất tâm chuyên chú nơi đó, thì có thể khai ngộ không? Có thể! Cũng là đạo lý này. Thời xưa, thầy giáo dạy học, lúc đó quan hệ thầy trò không như bây giờ. Thời đó thật sự có quan hệ thầy trò, bây giờ không còn, đạo nghĩa thầy trò không còn. Thầy đối với học sinh là trách nhiệm, trách nhiệm phải dạy học sinh đến lúc khai ngộ, thầy như vậy mới coi là hết trách nhiệm. Nhưng nếu học sinh không phối hợp, thì không còn biện pháp nào, nên tư chất của thầy là đạo. Xã hội bây giờ không còn nữa.

“Luận Ngữ” có thể khai ngộ, có thể đắc tam muội, có thể khai ngộ. Tân cựu ước của Cơ đốc giáo có thể khai ngộ chăng? Có thể! Kinh Hồi giáo có thể, bất cứ kinh nào cũng đều có thể, bất cứ bộ điển tịch nào đều giống nhau. Chỉ cần chúng ta thật sự hiểu được “chuyên”, chuyên về một môn. Huệ Năng Đại Sư biểu diễn cho chúng ta thấy, Ngài không biết chữ, chưa đọc qua sách, nhưng ngài cũng đại triệt đại ngộ. Không biết chữ, không đọc sách, cũng không thể nói ngài không có học. Ngài học gì? Nói cho quý vị biết, ngài học Kinh Kim Cang.

Kinh Kim Cang không học viên mãn, ngài chỉ học ở giữa có mấy câu, quý vị thấy có lợi hại không? Ngài chỉ chuyên chú nơi mấy câu đó mà đã khai ngộ.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh ghi mọi người đều xem qua. Ngài bán củi, sau khi bán hết củi, cầm tiền chuẩn bị đi. Đó là một nhà trọ nhỏ, Ngài vừa bước ra nghe trong đó có người đọc kinh. Ngài có thể nghe hiểu, nghe rồi cảm thấy rất có ý nghĩa. Sau đó bước vào gõ cửa, hỏi người ở trong. Bạn vừa mới đọc là gì thế? Người đó nói tôi đọc kinh Kim Cang. Ngài nghe rồi cảm nhận được, rồi Ngài đem những câu nghe được giảng giải cho Trương cư sĩ nghe. Nghe xong ông ta cảm thấy người này quá tuyệt. Không biết chữ, cái gì cũng chưa học qua, chỉ tình cờ nghe mấy câu mà có thể thâm nhập nghĩa vị. Nghĩa là nghĩa lý, vị là pháp vị, ngài đã nắm được. Đương nhiên trong Pháp Bảo Đàn kinh không có ghi rõ ràng như vậy. Chắc chắn rồi, ở đó nói rất hợp ý, nói đến nỗi Trương cư sĩ bội phục lay sát đất, và khuyên ngài đi đến Hoàng Mai để tham học.

Ngài rất đáng thương, ở nhà còn có mẹ già, mẹ con nương tựa nhau để sống. Ngày ngày nhờ vào việc bán củi để sống. Nếu ngài muốn đi đến Hoàng Mai học tập, vậy mẹ già ai nuôi? Những người bạn học Phật này tập trung một số người, mọi người góp tiền. Góp được mười hai lạng bạc đưa ngài. Sắp đạt việc gia đình xong, mới có thể yên tâm đi.

Vì sao Ngài có năng lực này, mà một số người như chúng ta không có? Điều này phải nói sao đây? Phải nói là do tâm thanh tịnh. Tâm của ngài thanh tịnh, không có tạp niệm, là người con hiếu. Trong mắt chỉ có mẹ. Mỗi ngày lao động vất vả kiếm ít tiền để nuôi mẹ, ngoài điều này ra không có tạp niệm nào, đây là điều kiện thứ nhất. Điều kiện thứ hai là trung hậu thật thà, chúng ta gọi là tư tưởng đơn giản. Điều kiện thứ ba theo trong kinh Phật nói thì ngài có thiện căn thâm hậu. Chỉ cần gặp được duyên, thiện căn này từ A lại da thức khởi dậy. Nên ở Hoàng Mai tám tháng, kỳ thật Ngài đâu cần đến tám tháng. Tám tháng đó là Ngũ tổ Hoàng Nhẫn rèn luyện ngài, tu tám tháng khổ hạnh, trồng cội phúc. Trong Phật pháp phước huệ song tu, có huệ không có phước cũng không được.

Phước là gì? là làm phụng lao, ngày nay chúng ta gọi là làm việc nghĩa. Ở trong đạo tràng tam bảo làm việc nghĩa là tu phước, do Sư phụ thiết kế cho ngài mà người khác không biết, nhưng ngài biết rõ, ngài minh bạch. Tám tháng không được phép vào thiên đường, cũng không được đến giảng đường. Ngày ngày đã gạo bữa củi, chia cho ngài công việc này, làm suốt tám tháng. Người hiểu được thì biết đây toàn là thiên cơ. Người không biết, thì cho rằng ngài ở đó làm việc nghĩa, bây giờ gọi là làm công quả. Nhưng đến cuối cùng truyền pháp, Ngũ tổ Hoàng Nhẫn đã truyền pháp cho ngài, mà không truyền cho ai khác. Không có gì khác, mà quý ở chỗ chuyên chú, chuyên nhất. Chỗ này là nói đại thừa.

Đại thừa có thể cùng tận tất cả các pháp. Chư pháp có biên giới không? Không có biên cũng không có giới. Điều này ở trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta đọc được, nó rất lớn, đó

không phải nhỏ. Câu này trong đại thừa gọi là minh tâm kiến tánh. Đại thừa là từ trong tự tánh lộ ra ngoài. Tự tánh làm sao có thể chứng được. Trong đại thừa kinh giáo Đức Phật giảng rất rõ ràng, buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, buông bỏ khởi tâm động niệm, sẽ nhìn thấy tự tánh. Mỗi người đều có thể, không phải chỉ người nào đó có lợi. Nên Phật nói rất hay “*tất cả chúng sanh vốn là Phật*”, lại nói “*tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật*”. Vốn là như vậy rồi, chỉ cần ta chịu buông bỏ. Buông bỏ triệt để, không có một chút do dự nào. Tất cả chúng sanh buông bỏ chính là trở về. Do ba loại chướng ngại này, chướng ngại trí tuệ, chướng ngại đức năng.

Đức năng một số người gọi là thần thông, là diệu dụng của lục căn. Mắt, mở mắt nhìn thấy gì? Nhìn thấy biến pháp giới hư không giới. Chúng ta bây giờ cách một trang giấy là nhìn không thấy được là chướng ngại. Đây là gì? là bản năng tự tánh, khi chưa khởi vô minh. Huệ Năng Đại Sư giảng rất hay, vốn tự đầy đủ. Trí tuệ, đức năng, tướng hảo đều đầy đủ, không có thứ nào không đầy đủ. Vô minh khởi rồi có thể sanh vạn pháp. Nên vạn pháp đã sanh khởi rồi. Quý vị nhất định phải nhớ kỹ, không thể nói nó có, phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng, là thật chứ không phải giả.

Tôi xem qua Kinh Bát Nhã mấy lần, viết ra mười hai chữ, là tổng kết của tôi. Trong sáu trăm quyển “Đại Bát Nhã” Đức Phật giảng những gì? Đức Phật giảng hai mươi hai năm. Trong đó tôi tổng kết lại mười hai chữ “*nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*”. Thực tế mà nói thì đây chính là trong kinh Kim Cang nói “*phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”, tất cả pháp đều có thể dùng, không thể có ý niệm không chế, không thể có ý niệm chiếm lấy, đó gọi là diệu dụng. Khởi tâm động niệm tôi muốn chiếm lấy, muốn không chế. Vậy là tạo nghiệp là sai lầm. Vì sao? Vì nó không phải thật. Không chiếm lấy được, vì nó sanh diệt trong từng sát na.

Chúng ta thấy Di Lạc Bồ Tát. Di Lạc Bồ Tát báo cáo với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rằng, một gậy móng tay có ba mươi hai ức một trăm ngàn niệm, cũng chính là nói hiện tượng dao động nó dao động rất vi tế. Trong một gậy móng tay tần số dao động bao nhiêu? Ba mươi hai ức một trăm ngàn cái. Trăm ngàn là đơn vị. Chúng ta dùng cách tính bình thường là ba trăm hai mươi triệu. Tần số của một cái gậy móng tay có ba trăm hai mươi triệu. Đây gọi là vô minh.

Mỗi cái hiện tượng dao động, đều đầy đủ ba loại chu biến. Chu biến pháp giới, xuất sanh vô tận đây là thật. Không chỉ là xuất sanh ở trước mắt chúng ta, khi lục căn chúng ta tiếp xúc hoàn cảnh này, không chỉ như thế. Như trong kinh Hoa Nghiêm giảng về Hoa Tạng Thế Giới. Trong “thế giới thành tựu phẩm” nói, trong một dao động cực kỳ vi tế thì toàn bộ xuất hiện, không có trước sau, gọi là nhất thời đều hiện, hiện thập pháp giới y chánh trang nghiêm, hiện cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai. Hay nói cách khác là hiện thế giới Cực Lạc, hiện thế giới Hoa Tạng, toàn bộ ở trong một niệm đó. Khi không có niệm này, thì trong

tự tánh không có hiện tượng này, hiện tượng gì cũng đều không có cả. Đây chính là vốn tự đầy mà ngài Huệ Năng nói.

Tịnh độ tông nói “thường tịch quang”, trong đó không có hiện tượng gì cả, nhưng ta không thể nói là nó không có. Vì sao? Vì nó có thể hiện. Chỉ cần một động nhẹ nó lập tức hiện. Lúc hiện ta không thể nói nó có. Vì sao? Vì sát na sanh diệt, nó rất nhanh, căn bản là không thể được.

Trong pháp tướng duy thức nói, giữa vũ trụ có gì? chỉ có thức. Gọi là duy thức, duy độc nhất chỉ có thức. Thức chính là A lại da, mà ngày nay giới khoa học gọi là ba tướng vi tế. Họ nói vật chất, năng lượng, tin tức chính là ba tướng vi tế của A lại da. Vì vậy không thể nói có, cũng không thể nói không, nên dùng thái độ nào để đối đãi? Dùng thanh tịnh bình đẳng giác. Như vậy cuộc sống chúng ta trải qua là cuộc sống pháp thân đại sĩ của Chư Phật Như Lai, không còn giống nhau nữa. Đời này chúng ta có thể đạt được chăng? Đáp án là khẳng định. Chỉ cần chúng ta có thể y giáo tu hành, thì có thể đạt được. Vô lượng vô biên phương pháp, không chỉ có một. Nhưng bất cứ một phương pháp nào, đều phải chuyên chú, đây là mấu chốt. Phải kiên nhẫn miệt mài, chúng ta có thể đạt được. Còn thường xuyên thay đổi thì rất khó khăn. Thường xuyên thay đổi, thường chọn lựa đường đi, như vậy sẽ vô cùng khó khăn. Ta chỉ có một con đường, giống như một vòng tròn vậy. Chúng ta ở bất cứ điểm nào nơi vòng tròn, chỉ cần là cong xuống, cong xuống 90 độ, nhất định đạt đến tâm vòng tròn. Đến tâm vòng tròn là minh tâm kiến tánh, là tất cả đều thông đạt. Góc độ không đúng là sai, không đến được tâm của vòng tròn, thường đổi vị trí rất khó đến được tâm vòng tròn_ chính là đạo lý này.

Chúng ta học tập nhiều năm như vậy, những nguyên lý nguyên tắc này chúng ta đều hiểu rõ. Bây giờ chỉ kém một chút là gì? Công phu chưa đủ. Thực tế nói là chưa đủ chuyên chú. Nếu đủ chuyên chú, làm gì có lý không thành tựu! Chính là do chúng ta buông bỏ chưa đủ. Càng học là càng phải có tiến bộ. Từ đâu nhìn ra được? càng học buông bỏ càng nhiều. Như vậy chúng ta thật sự đã tiến bộ. Không còn có vọng tưởng, không còn có phân biệt chấp trước. Đây là công phu bước đầu. Lục căn ở trong cảnh giới của lục trần không còn khởi tâm động niệm. Công phu này thâm hậu rồi, không còn là công phu bình thường. Nên có thể cùng tận các pháp khắp cùng biên giới. Lời này cũng không phải giả, thật sự kiến tánh, đã nhìn thấy tự tánh. Tự tánh là cùng tận biên giới tất cả pháp. Tất cả pháp không có tận cùng biên giới.

Đại thừa trong câu này nói, minh tâm kiến tánh là đại thừa, trong pháp đại thừa, trong tất cả pháp, mục tiêu cuối cùng chỉ có một, đó là minh tâm kiến tánh.

Chúng ta niệm phật cầu sanh tịnh độ. Vì sao cầu sanh tịnh độ? Vẫn là vì minh tâm kiến tánh. Chúng ta nghiệp chướng sâu nặng, ở trên thế gian này tu hành, không thấy được tánh,

cũng không minh được tâm. Phải làm sao? Đổi đạo tràng khác, đổi hoàn cảnh tu hành để đến thế giới Cực Lạc. Đến đó thân cận Phật A Di Đà. Ở trong hội Phật A Di Đà minh tâm kiến tánh. Chúng ta không thể không biết điều này!

Đến thế giới Cực Lạc không phải vì cái gì khác, chính là vì để minh tâm kiến tánh. Nếu ta có năng lực, ở đây minh tâm kiến tánh, thì đến hay không đến thế giới Cực Lạc đều không quan hệ gì. Đây đều là sự thật! Còn ở thế gian này nhìn không thấy, Chư Phật Bồ Tát dạy chúng ta, đến bên đó sẽ dễ hơn. Cái đầu tiên có thể bảo chúng là thọ mạng vô lượng. Ở thế giới này thọ mạng quá ngắn. Tu học trong thời gian ngắn như vậy thành tựu không dễ. Nếu ta có thọ mạng vô lượng, thì đời này chắc chắn thành tựu. Vì thế vô lượng thọ là đức thứ nhất của Tịnh độ. Không có thọ mạng cái gì cũng không thể thành tựu. Điều đầu tiên là cần phải có thọ mạng, mới có thời gian học tập.

Chúng ta xem trước bên dưới. Lão cư sĩ tiếp tục nói với chúng ta, “*hựu Bát Nhã Kinh trung, Phật tự thuyết ma ha diễn vô lượng vô biên, dĩ thị nhân duyên cố danh vi đại*”. Ma ha diễn là tiếng phạn, phiên dịch thành chữ Hán ý nghĩa là đại thừa. Đích thực vô lượng vô biên này là sự thật.

Trong kinh Bảo Tích nói: “*Chư Phật Như Lai chánh chân chánh giác sở hành chi đạo, bỉ thừa danh vi đại thừa*”. Chánh là không tà. Không lệch lạc, không tà gọi là chánh. Chánh chân, chân tức là không giả, giác là không mê. Phá nhất phẩm vô minh kiến nhất phần pháp thân. Bên trên là những pháp thân đại sĩ, trong Hoa Nghiêm kinh nói, Hoa Nghiêm là viên giáo, là sơ trú bồ tát trở lên, chính Thiên Thai Đại Sư nói “*phân chứng tức Phật*”. Tri kiến của họ, ngôn hành của họ, chính là chỗ này nói chánh chân chánh giác, lộ rõ tánh đức viên mãn.

Trong kinh có thuật ngữ gọi là pháp nhĩ như thị. Pháp nhĩ như thị tức là hoàn toàn tự nhiên, không có một chút nào miễn cưỡng. Tự nhiên, nó là như vậy. Đây chính là đại thừa. Trong kinh điển đã nói cho chúng ta biết những ý nghĩa của đại thừa. “*Dĩ thượng kinh luận minh đại thừa giả, duy Như Lai dĩ đại Bồ tát năng thừa, đại giả sở thừa cố, hựu sở thừa chi đạo, thị Chư Phật Như Lai chi sở hành, sở thừa giả đại, cố danh đại thừa*”. Đây là dẫn kinh điển làm căn cứ, Đức Phật trong 49 năm, ở các địa phương khác nhau, các hội thuyết pháp khác nhau nói ra. “*Hựu thử đại giả, đương thể dắc danh, thường biến vi nghĩa, thể vô biên nhai, tuyệt chư đối đãi, hoành cai thập phương, thụ thông tam thế, quá khứ vô thủy, vị lai vô chung. Vô hữu nhất pháp tiên chi, duy thử tiên ư chư pháp*”. Đây là giảng về thể của đại thừa.

“*Đại thừa pháp đương thể dắc danh*”. Thể ở đây là ý gì? là hai chữ thường biến. Thường là vĩnh hằng, chúng ta thường nói bất sanh sát diệt. Biến là châu biến pháp giới, nó không lúc nào không có, không chỗ nào không có. Nó là bản thể của tất cả pháp. Tất cả pháp từ nó biến

hiện ra. Nó là tự tánh. Thực tế mà nói nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần, không phải cái gì cả. Nhưng tất cả các pháp đều từ nó mà sanh, từ nó mà hiện.

Chúng ta muốn dùng một ví dụ để so sánh, nhưng tìm không thấy. Ví dụ cũng có thể ví dụ phảng phất thôi, không có cách nào ví dụ đến chân thật. Trong quá trình học tập của chúng ta, thường lấy màn hình ti vi để làm ví dụ. Màn hình hoàn toàn sạch sẽ, không có gì cả. Nó cái gì cũng không phải. Nhưng khi chúng ta nhấn kênh, nó liền hiện hình tướng. Âm thanh sắc tướng toàn bộ đều hiện ra. Trên màn hình ti vi này, có thể có vài trăm kênh, nội dung vô cùng đa dạng phong phú. Chúng ta không nhấn vào kênh thì cái gì cũng không có. Đây là tự tánh, ta không thể nói nó không có. Là vốn tự đầy đủ mà Ngài Huệ Năng nói. Sau khi bấm vào kênh thì “năng sanh vạn pháp”. Tất cả những hình ảnh này không có một chút nào, dù nhỏ như vi trần rời xa màn hình, đều không có. Rời xa màn hình thì nó không thể hiện, nó hiện không ra, nhất định phải nhờ màn hình này, kể cả không gian.

Chúng ta nói thời gian không gian, đều từ trong màn hình này thị hiện ra. Không có màn hình này, thời gian không gian đều không có. Trong kinh thường nói tất cả pháp. Trong Phật pháp dùng trăm pháp làm tượng trưng. “Bách Pháp Minh Môn Luận” của Pháp tướng tông. Đem tất cả pháp quy nạp thành một trăm loại này. Mỗi loại đều là vô lượng vô biên, đều là vô số vô tận. Để phương tiện giáo nên dùng phương pháp quy nạp này.

Phàm phu chúng ta bị cảnh giới này mê hoặc, nên cứ cho là thật. Ở trong đó khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước. Như vậy là phiền phức, đã mê muội trong đó, càng mê càng sâu, không dễ gì giác ngộ. Có nhiều căn rất nhạy bén, vừa tiếp xúc là giác ngộ, nó lập tức hồi đầu. Đây không phải là công phu tu hành trong một đời một kiếp. Phải tu hành trong nhiều kiếp, mới có thể khởi một chút tác dụng. Trên lý luận nói rất đơn giản. Lý luận làm tăng trưởng tín tâm của chúng ta. Mê hay ngộ chỉ trong một niệm. Một niệm buông bỏ là giác ngộ, chính là niệm này buông không được.

Tôi ý niệm gì đều cũng không có, ý niệm gì đều không có là đang lạc vào trong vô minh_vẫn là không được. Nên thế gian này không ít người tu hành, công phu không tệ, có thể tu đến trời phi tướng phi phi tướng_Vô sắc giới. Cho rằng mình đã nhập một nửa niết bàn, cho rằng mình đã kiến tánh. Vì sao? Vì họ không có bất cứ ý niệm nào. Thật là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hoàn toàn không có. Đây không phải kiến tánh sao? Thật ra họ đã ngộ nhận, họ chưa thật sự buông bỏ. Nhưng cho thấy đạt được như vậy cũng không đơn giản.

Đi trên con đường rẽ, bước vào con đường mê, mà cho rằng chánh đạo. Đến khi mất định công, phiền não khởi hiện hành. Lúc này như thế nào? Lúc này họ phỉ báng Phật báng Pháp báng Tăng . Phật lừa tôi, nói tôi tu hành buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước sẽ kiến tánh. Tôi kiến tánh rồi sao còn khởi phiền não? Đây là ngộ nhận, đi sai đường. Vô minh mà cho rằng tự tánh. Làm sao phân biệt những cảnh giới đó?

Cảnh giới trong trời vô sắc, cho đến vô tướng thiên trong tứ thiên thiên, đều là cảnh giới tương đồng. Niệm là không còn nữa, giống như phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm đều không còn. Nhưng là sao? Tâm là định rồi, không biết đến sự việc bên ngoài_mê mà không giác, đây không phải là thật. Thiên định thật sự không phải như vậy. Thật sự thiên định, tâm phải định, nhưng cảnh giới bên ngoài vẫn rõ ràng minh bạch_giác mà không mê, đó là chánh đạo_chánh chân chánh giác.

Những gì ta giác ngộ được, làm sao mới biết nó là chánh chân? Đức Phật Thích Ca giảng kinh điển này, là một tiêu chuẩn. Cảnh giới mà chúng ta giác đó, chúng ta xem lại lời dạy của Đức Phật Thích Ca, nếu hoàn toàn tương đồng, thì giác của chúng ta là chánh chân chánh giác. Còn nếu giác của ta không giống Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là sai. Đó là tà giác không phải chánh giác_chúng ta đã sai. Nên sau khi khai ngộ, kinh điển là chứng minh, làm chứng cứ, Phật đạo đồng. Khai ngộ mới thật sự thành Phật. Kim Phật và cổ Phật đều không có chút sai biệt nào. Nên Kim Phật giống như cổ Phật tái sanh, đây là ý nghĩa của Như Lai.

Chúng ta khi chưa khai ngộ, đọc kinh là tu định. Còn khi chưa khai ngộ, đọc kinh là đề đối chiếu. Cảnh giới tôi vào có gì sai lầm không? Tác dụng không như nhau. Vậy chúng ta phải nghĩ, mục đích đọc kinh là được định, nên phải đọc như thế nào? Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, đọc kinh để tu định cũng là một pháp môn. Đọc một cách cung kính, đọc bộ kinh này từ đầu đến cuối, nếu phân lượng của kinh ít, ta đọc thêm vài lần, đọc hết bắt đầu đọc lại. Như vậy thời gian tu định sẽ dài ra. Còn nếu phân lượng lớn như Pháp Hoa hay Lăng Nghiêm, thì một ngày một biến. Biến này đọc cho kỹ cho thuần thục cũng cần sáu tiếng, phân lượng lớn.

Hoa Nghiêm là bộ kinh lớn, bình thường đọc kinh Hoa Nghiêm một ngày đọc tám tiếng. Nếu đọc chậm, thì vừa gõ mõ vừa đọc từng chữ từng chữ. Một bộ Kinh Hoa Nghiêm, khoảng hơn một tuần mới tụng xong. Lúc tụng phải cung kính đọc từng chữ từng chữ, nhất định không thể nghĩ ý nghĩa trong kinh. Nếu xen vọng tưởng vào sẽ mất định, nhưng đọc kinh là để tu định. Cũng là giới định tuệ hoàn thành một lúc, đây gọi là niệm tụng. Không thể nghĩ đến ý nghĩa, không có ý nghĩa. Dùng phương pháp này để diệt trừ vọng niệm. Một ngày có thể định vài giờ, không có vọng niệm, tu học như vậy vài năm, vọng niệm tự nhiên không còn. Đến lúc vọng niệm không còn, thì kinh cũng không cần phải đọc nữa. Là phương pháp!

Vọng niệm có thể không khởi tác dụng một thời gian dài, sẽ giác ngộ. Không kể là duyên gì, vừa tiếp xúc là hoát nhiên đại ngộ, có loại công hiệu này. Nên tánh thể là không sanh không diệt, châu biến pháp giới, pháp giới ở trong đó, nó lớn hơn sovới pháp giới. Trong kinh Lăng Nghiêm có một ví dụ, lấy tự tánh ví dụ với hư không, đem hư không ví dụ với một đám mây. Đám mây đó ở trong hư không, thì hư không lớn hay đám mây lớn? Qua ví dụ này Đức Phật dạy, hư không ở trong tự tánh, như mây ở giữa hư không. Tự tánh là thật sự của

chính mình, phải biết rằng học Phật là trở về với tự tánh. Thế không có bên bờ, thế là tự tánh, tuyệt chư đôi đũa. Câu này qua trọng. Đôi đũa là gì? là đôi lập.

Hôm nay chúng ta nói tương đối, không có tương đối. Hôm nay nhìn không thấy tánh, đây cũng là chướng ngại nghiêm trọng. Vì sao? Chúng ta khởi tâm động niệm đều là đôi lập. Đôi lập với người, đôi lập với sự việc, đôi lập với thiên địa vạn vật.

Chư Phật Bồ tát không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, nên không có ý niệm đôi lập. Chúng ta muốn thành tựu, từ chỗ này hạ thủ, cũng là một cánh cửa rất tốt. Trong kiến hoặc, đây là năm loại lớn. Thân kiến rất khó đoạn. Biên kiến_ hạ thủ từ nơi biên kiến. Biên kiến là đôi đũa, chúng ta cần phải học. Nhưng ở đây cần có căn cứ lý luận. Vì sao chúng ta có thể không đôi lập với tất cả pháp? Trước tiên chúng ta phải khẳng định, tất cả pháp với ta là nhất thể, nên không thể đôi lập. Cách nói của nhất thể này, khi Phật giáo chưa truyền vào Trung Quốc, các vị tổ tông đã nói. Trong “Lão Tử” nói qua, thời của Lão Tử Phật pháp còn chưa truyền vào Trung quốc. Lão tử nói thiên địa với ta đồng căn, vạn vật với ta nhất thể. Trong Hoàn Nguyên Quán không phải nói như vậy sao?

Quý vị có thể nói Lão tử không phải Phật? vậy ông ta làm sao có thể nói ra được lời này? Có thể nói ra lời này, vậy ông ta còn đôi đũa sao? Không còn. Xác thực trong mắt ông ta biến pháp giới hư không giới ở trong nhất thể, tánh đức mới hiện ra. Tất cả chúng sanh với ta là một thể. Chúng sanh này tạo tội nghiệp, ai đang tạo? Ta đang tạo. Chúng sanh đó đang tu thiện, ai đang tu thiện? Ta đang tu thiện. Tâm chúng ta đôi đũa với tất cả chúng sanh khẳng định là thanh tịnh bình đẳng giác. Tuyệt đối sẽ không khởi tâm động niệm, rõ ràng minh bạch.

Tu thiện giúp họ tăng trưởng. Tạo ác phải dùng phương tiện thiện xảo giúp họ hồi đầu, ta sẽ không trách cứ họ. Chúng ta có trí huệ, có phương tiện thiện xảo giúp họ hồi đầu. Cũng như trên thân thể chúng ta, chúng ta đều biết thân thể chúng ta là do tế bào tích tụ mà thành. Tế bào là những nguyên tử, phân tử, điện tử, càng nói càng nhiều. Nếu tế bào của chúng ta có một bộ phận biến thành độc bệnh. Nếu vậy thì sao? Chúng ta làm sai việc, chúng sanh làm sai việc, tự tánh mê muội, nó biến thành độc bệnh. Biết rằng chúng ta là nhất thể, nên giúp đỡ họ hồi phục bình thường, thì không có chuyện gì nữa, không nên trách cứ họ.

Dùng phương pháp nào giúp họ trở về bình thường? là giáo hoá. Chư Phật Như Lai ngày ngày đang giáo hoá. Thế giới cực lạc chưa từng gián đoạn giáo hoá. Thế giới Hoa Tạng cũng đều như vậy. Từ từ dạy, siêng năng dạy, đều sẽ hồi đầu. Nếu không dạy, họ sẽ tuý nghiệp lưu chuyển, họ sẽ trở thành hư. Người xưa nói “*gần mực thì đen gần đèn thì sáng*”. Một người có thể không bị hoàn cảnh làm phiền, đó là Thánh nhân, chứ không phải là phàm phu. Phàm phu nhất định bị hoàn cảnh ảnh hưởng. Đây cũng là nguyên nhân vì sao chúng ta chọn đến thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc hoàn cảnh tốt, thuần thiện không có ác. Cho nên chúng ta

tập khí ác có sẵn, đem đến thế giới Cực Lạc là đời nghiệp vãng sanh. Ở đó không có ác duyên, nên tuy có ác tập khí nhưng không phát tác, không có ác duyên. Sống ở đó thời gian dài lâu, tự nhiên tập khí ác này không còn nữa. Tập khí ác, tập khí ác nguyên thủy của nó là bốn đại phiền não của A lại da. Có thể nói là nguyên thủy tập khí, nên nó sanh ra đầy đủ. Nó xuất hiện từ khi nào?

Hoàn Nguyên Quán nói, từ nhất thể khởi nhị dụng. Khi khởi nhị dụng là đã có, đã sanh khởi. Mạt na là tứ đại phiền não thường tương tùy. Ngã kiến chính là ngã chấp, chấp trước thân này là tôi. Ngã ái_tham, ngã mạn_sân nhuế, ngã si_tham sân si. Tham sân si với ta đồng thời khởi dậy, mê rồi. Đây là độc bệnh sớm nhất của tự tánh, nên Đức Phật gọi đây là tam độc phiền não, minh tâm kiến tánh không còn nữa. Minh tâm kiến tánh là gì? là chuyển phiền não thành Bồ đề, chuyển thức thành trí. Mấy câu bên dưới dễ hiểu:

“Hoành cai thập phương, thụ thông tam thể. Quá khứ vô thí, vị lai vô chung, vô hữu nhất pháp tiên chi”. Nó ở trước, không có pháp nào ở trước nó cả. Nó là tự tánh. *“Duy thử tiên u chư pháp”*. Ý này rất lớn. Trong Hoàn Nguyên Quán nói, tự tánh là thể thanh tịnh viên minh, nó rất lớn.

“Nhu phó đại sĩ kệ, hữu vật tiên thiên địa, vô hình bốn tịch liêu, cố cưỡng danh vi đại”. Phó đại sĩ cũng là người tái sanh. Truyền thuyết rằng, ông ta là hoá thân của Di lạc Bồ tát ở nhà cư sĩ, thị hiện và tu hành chứng quả. Vị của hai câu này gần giống với Lão tử. Vật có trước thiên địa. Vật ở đây là gì? là tự tánh. Nó vô hình, vật này không có hình. Cũng như hiện nay chúng ta nói, nó không phải vật chất, cũng không phải là tinh thần. Nó không phải cái gì cả. Lục căn không tiếp xúc được, đến nghĩ cũng không đến. Lục căn tiếp xúc không được gọi là tịch liêu, thanh tịnh tịch diệt. Cưỡng danh, miễn cưỡng đặt cho nó cái tên gọi là đại. Những cái này tất cả là nói tự tánh.

Hay nói cách khác, từ trong tự tánh mà lộ ra, đây gọi là đại thừa. Pháp đại thừa ra từ tự tánh, và trở về với tự tánh. Đây là chính mình, không phải ai khác. Như Kinh Niết Bàn nói: *“Sở ngôn đại giả, danh chi vi thường. hựu vân sở ngôn đại giả, kỳ tánh quảng bác, do như hư không. Kim thử kinh trung đại thừa nhị tự, chánh dụ thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật chi tịnh tông đệ nhất nghĩa đế”*. Trong tất cả kinh điển đều nói về tự tánh. Nên bộ kinh này cũng không rời tự tánh.

Hoàng lão cư sĩ lấy đại thừa trong kinh làm ví dụ, đó là nhân pháp dụ trong kinh. Chư kinh lập đề không ngoài ba nguyên tắc này. Trong bộ kinh này cũng cụ túc hữu nhân, bên dưới sẽ nói đến. Đại thừa là ví dụ, thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật. Tâm này là chân tâm. Chúng ta dùng chân tâm tức làm Phật, chân tâm là Phật, vốn là Phật. Dùng chân tâm đó là bạn đã làm Phật. Dùng vọng tâm đó là phàm phu.

Vọng tâm có khởi tâm động niệm. Vọng tưởng phân biệt có chấp trước. Chân tâm không có. Tâm của chúng ta bây giờ là chân vọng hoà hợp. Vọng tâm không rời xa chân tâm, nó từ chân tâm biến hiện ra. Vì sao gọi là vọng? Vì nó mang theo vọng tưởng phân biệt chấp trước. Trong chân tâm không có vọng tưởng phân biệt chấp trước. Nó từ khởi tâm động niệm biến hiện ra. Ngày nay gọi là độc bệnh, tế bào này mang theo độc tố.

Nếu chúng ta có thể buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, chúng ta không dùng thứ này, tôi chỉ dùng chân tâm, như vậy chúng ta sẽ trở lại trạng thái bình thường. Tâm chân chánh hiện nay gọi là tâm bồ đề.

Trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta xử sự đối nhân tiếp vật, dùng tâm chân thành là đúng. Tâm chân thành là chân tâm, là Phật, là Phật tâm. Thật không phải giả, “thành tác bất hư”. Dùng chân tâm đối với chính mình, dùng chân tâm đối đãi người khác. Dùng chân tâm đối với người khác là sao? Thanh tịnh bình đẳng giác là đối với chính mình. Đối với người khác thì từ bi, từ bi không có điều kiện. Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. Vì sao không có điều kiện? Vì tự nó là nhất thể, nhất thể thì không có điều kiện. Nên từ bi này, trong từ bi là chỉ chân thành. Chân thành từ bi, thanh tịnh từ bi, bình đẳng từ bi, chánh giác từ bi. Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ tát, đối với tất cả chúng sanh là dùng tâm từ bi này.

Chúng ta cần phải nhớ, chúng ta cần phải học tập, chân thành từ bi, thanh tịnh từ bi. Thanh tịnh không có ô nhiễm, chân thành không phải hư giả, trong bình đẳng không có cao thấp, trong chánh giác không có mê hoặc. Từ bi tức là tình thương. Tình thương như vậy mới gọi là thuần chân thuần thiện, không có một ly một tí tác dụng phụ nào. Có thể dùng tâm này tức là Phật Bồ Tát. Bồ đề tâm không phát là phạm phu, không ra khỏi lục đạo, không ra khỏi mười pháp giới. Bồ đề tâm vừa phát, không những vượt ra ngoài lục đạo, vượt ra ngoài mười pháp giới. Nên điều kiện cơ bản đầu tiên của đại thừa là phát bồ đề tâm. Tâm bồ đề không phát, không phải đại thừa.

Nhưng pháp môn tịnh độ của chúng ta là đại thừa giáo, không phát bồ đề tâm, niệm Phật cả đời cũng không thể vãng sanh. Điều này quan hệ trọng yếu! Làm sao biết được. Quý vị xem, trong kinh này ba đời vãng sanh. Nguyên nhân chính của vãng sanh trong hai phẩm có nói, bất luận là thượng bồi trung bồi hạ bồi. Cho đến tu tập các pháp môn khác, Từ Châu Pháp sư phán định chắc chắn vì nhất tâm tam bồi. Tức là bất cứ pháp môn nào, ta chỉ dùng bồ đề tâm mà tu, đem công đức hồi hướng cầu sanh về tịnh độ, như vậy là tất cả được sanh.

Pháp môn thế giới Cực Lạc rộng lớn không có cái nhìn lệch lạc. Bất luận tu pháp môn nào, cho đến tu học các tông giáo khác. Chỉ cần lúc lâm chung đem công đức tu học hồi hướng cầu sanh tịnh độ, toàn bộ đều có thể đi. Thật quá tuyệt!

Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, chúng ta phải học. Học dùng đại từ đại bi xử sự đối nhân tiếp vật. Tâm địa này phải thường phản tỉnh, xem thanh tịnh hay không thanh tịnh? Sao

gọi là không thanh tịnh? Trong đó có thất tình lục dục là không thanh tịnh. Nó bình đẳng không? Trong đó còn có cao thấp là không bình đẳng. Không thanh tịnh không bình đẳng, là mang theo mê hoặc, là không giác.

Từ đây mà biết, sách của các bậc cổ đức dạy không thể không học. Đặc biệt là kinh sách Phật. Vì sao? Chỉ có thường thường đọc kinh, thường thường nghe giảng, mọi người cùng nhau chia sẻ, hỗ trợ động viên. Hãy tìm tâm bồ đề của chúng ta ra, bởi vì bồ đề tâm rất quan trọng. “*Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, đây là điều kiện tất yếu của tam bói vãng sanh. Hạ bói trung bói thượng bói, tất cả đều là nhất hướng chuyên niệm phát bồ đề tâm. Nên không phát bồ đề tâm là không được. Chúng ta có lúc nhìn thấy, rất nhiều ông bà già niệm Phật và thật đã vãng sanh. Lúc chết đơan tướng hy hữu, biết trước giờ đi. Đứng như vậy chết, ngồi như vậy chết. Họ không biết cái gì gọi là tâm bồ đề, có hỏi họ cũng không biết. Họ chỉ biết niệm A Di Đà Phật, còn không biết gì là tâm bồ đề. Tỷ mỹ quan sát khởi tâm động niệm, đối nhân tiếp vật của họ, họ thật sự bồ đề tâm. Họ đối nhân rất bình đẳng, rất từ bi. Chúng ta quan sát kỹ càng sẽ phát hiện được. Còn chúng ta hỏi họ bồ đề tâm là gì họ không hiểu. Họ không biết cái gì là tâm bồ đề. Họ dùng chân tâm, tâm thành khẩn để đối nhân. Cho nên họ có thể vãng sanh.

Chúng ta cần thận quan sát người vãng sanh, họ có ngạo mạn không? Họ có tự cho mình hơn người không? Người có tâm này không thể vãng sanh. Niệm Phật có tốt hơn nữa cũng không vãng sanh được. Điều này chúng ta không thể không hiểu. Chúng ta phải đem những tập khí này buông bỏ tất cả, đây là nghiệp chướng. Phải thường phản tỉnh, cần thận quan sát. Tôi tiếp vật đối nhân có gì sai sót chăng? Có sai sót, nhưng tự mình phát hiện sẽ không còn nữa. Mọi người cũng không nói cho ta biết. Vì sao? Vì nói ra mà chúng ta không tiếp nhận, sẽ kết oán thù với chúng ta. Như vậy thì hà tất nói với chúng ta. Thầy giáo đối với học sinh cũng không nói.

Tôi ở Đài Trung, theo thầy Lý mười năm, tôi nhìn thấy thầy đối với học trò. Có học sinh thầy đối với họ rất dữ, có đánh có mắng. Có một vài học sinh, thầy đối với họ rất khách khí, phạm sai làm gì, thầy nhắc cũng không nhắc nữa, chúng tôi cảm thấy rất lạ. Thời gian lâu thì thấy hoài nghi! Hoài nghi này bị thầy biết được. Khi không có ai, thầy tìm tôi và nói với tôi. Bạn nhìn thấy có phải là rất hoài nghi không? Dạ có. Thầy nói với tôi, người như thế nào nên nói, người như thế nào không nên nói? Có thể tiếp thu mới nên nói, nói đến mức độ nào? Phải biết họ có thể tiếp thu đến mức độ nào. Đây gọi là quán căn cơ, đây là học vấn, đây là công phu. Họ phải chịu học, phải nghe lời, đối với thầy phải thật cung kính, như vậy mới thật dạy.

Còn tâm cầu học chưa đến mức độ này, nếu nói với họ thì trước mặt phục tùng sau lưng chống đối. Thầy cảnh giác được, nên đối với họ phải có chừng mực. Phạm một vài sai lầm thầy sẽ không nói. Vì sao? Vì không kết oán thù với người khác. Nếu họ sanh oán hận, thì

oán hận đó tương lai họ oan oan tương báo, mấy cũng không xong, hà tất phải kết oán với họ? Cứ để họ sanh tâm hoan hỷ, từ từ sẽ học tập theo. Lâu ngày, có thể họ sẽ giác ngộ. Nên hoá độ chúng sanh phải khế lý khế cơ. Cơ là căn cơ, nhất định phải biết. Phật độ người hữu duyên. Nếu đó là học sinh tốt, đối với thầy cung kính thì có đánh cũng đánh không đi. Sao lại đi? Vị thầy đó phải hết sức dạy họ. Nói vài câu đã không vui, thầy sẽ không để ý đến họ, cũng không nói gì thêm với họ. Nên chúng ta nhìn thấy thầy giáo đối với những học sinh này ứng xử không giống nhau. Như vậy mới hiểu cần phải học tập.

Hiện nay, trong thời đại này, đi đâu để tìm một học sinh, ngày ngày gây phiền phức mà vẫn vui vẻ theo mình, tìm không thấy! Đi đến đâu để tìm.

Tôi còn nhớ một công án trong Thiền Lâm Bảo Huấn, tôi quên tên rồi. khoảng ba bốn mươi năm trước đọc qua, Tôi cũng đã từng giảng qua, chỉ giảng qua một lần. Có một người xuất gia, thân cận một vị hoà thượng. Lão hoà thượng nhìn thấy người bạn trẻ này thì không vui. Nhưng người này ngày nào cũng đến nghe giảng kinh, nghe rất chăm chỉ. Lão hoà thượng vô duyên vô cớ, anh ta cũng không phạm gì sai, nhưng cứ trách mắng quát tháo anh ta. Nhưng anh ta vẫn cung kính, vẫn không đi. Lão hoà thượng kêu người đuổi anh ta đi, kêu anh ta sau này đừng đến. Bị đuổi rồi, đuổi đi, nhưng trên thực tế không đi. Mỗi lần anh ta đều đứng ngoài cửa sổ để nghe kinh, không để Lão hoà thượng nhìn thấy, nhưng vẫn nghe. Vài năm sau, Lão hoà thượng lớn tuổi, phải truyền pháp. Anh ta vẫn trốn ở ngoài cửa. Lão hoà thượng kêu truyền pháp, truyền cho ai? Đi ra ngoài cửa, đem anh ta vào và truyền cho anh ta, lúc này mọi người mới vỡ lẽ.

Đây là vì sao? Vì anh ta có những phiền não tập khí, cần phải dùng phương pháp hành hạ, để anh ta tiêu nghiệp chướng. Nên cổ nhân đặc biệt tuyển chọn người truyền pháp vô cùng cẩn thận, vô cùng nghiêm khắc. Vì pháp này truyền qua nhiều thế hệ, từ đời này sang đời khác. Bây giờ không còn nữa.

Bây giờ dùng phương pháp này của cổ nhân, người trẻ tuổi chịu không nổi, không thể tiếp nhận. Cho nên pháp đã bị đoạn, pháp đã bị diệt. Hiện nay yêu cầu điều gì? là tự động tự phát. Bây giờ người thật sự phát đại tâm rất ít, quả là hiếm thấy. Đây là sao? Đối với nhận thức về pháp này, họ không quen, không biết pháp này là tốt. Chúng ta ở trong xã hội này, tâm mình có thể không thay đổi sao? Xem nặng danh lợi, thì nhân tâm lập tức thay đổi.

Chúng ta học Phật, học đến cuối cùng rồi sao? Khó khăn thất vọng, học đến không ai để ý đến chúng ta. Cuộc sống của chính mình đều không thể bảo chứng. Lúc này phải làm sao? Ta còn học không? Cần phải kiên trì. Người này khẳng định vãng sanh thế giới Cực Lạc để làm Phật. Nếu trong hoàn cảnh này, ta thối chuyển, thì sẽ lưu chuyển trong lục đạo luân hồi. Lúc này có thể kiên trì, đây không phải là chuyện đơn giản. Chúng ta nếu không ở trong pháp này, thường thức pháp vị chân thật này. Thực sự lý giải, thật có tâm từ bi. Sau khi học xong,

giúp đỡ tất cả chúng sanh đau khổ, nói Phật huệ mạng. Họ sẽ duy trì không được, tâm họ sẽ thay đổi, nhưng không phải là việc dễ dàng.

Không thể chịu tận cùng khổ nạn, chịu hết hành hạ, và chịu tận cùng sĩ nhục, giống như nhân nhục tiên nhân vậy, gặp Ca Lợi Vương cắt thân thể, tìn tâm bất thối, ông ta đã thành Phật. Ca Lợi Vương giết ông ta, và ông ta thành Phật. Câu chuyện này ở trong kinh Đại Bát Niết Bàn nói rất tường tận. Thật sự biết được điều này là tốt. Trên thế giới này có tìm cũng tìm không thấy nữa. Nó thật sự giúp chúng ta thoát ly luân hồi lục đạo. Thật sự có thể giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng vô thi kiếp. Nên kinh điển được gọi là Pháp bảo. Chúng tôi có thể nói, chỉ có bảo này mới là thật, còn những bảo của thế gian đều là giả, không phải thật. Chúng ta phải có nhận thức này. Tôi không có sai lầm chút nào, như vậy là thật sự giải quyết vấn đề.

Hình như là tháng trước, có bạn đồng tu, tôi không nhớ là ai, tặng tôi một cuốn sách. Chính là cuốn sách này, cuốn sách Khải Tán Quân Đoàn. Tôi xem rồi, và học hỏi được rất nhiều. Việc này là thật không phải giả. Quân đoàn này là hai ngàn một trăm năm trước, La Mã Khải Tán đại đế phái ra. Để làm gì? muốn chinh phục Trung Quốc. Từ La Mã xuất phát đến Trung quốc, đi bộ đi suốt ba năm, đến hành lang Hà Tây, bây giờ là Cam túc. Đi đường dài như vậy, lúc đó chỉ có đi bộ, không có công cụ giao thông, không có xe. Ba phần hai là cỡi binh cỡi ngựa, còn ba phần một là bộ binh. Khi đến Trung Quốc, người chết trên đường hết khoảng ba phần một. Khi đến Tân Cương, ở đó cũng đánh mấy trận, chết rất nhiều người. Khi đến hành lang của Hà Tây quân đội hơn mười vạn người, còn lại khoảng hơn một vạn người. Qua mấy lần chiến tranh đến cuối cùng thì toàn quân hoàn toàn bị tiêu diệt. Chỉ còn lại hơn hai trăm người, toàn bộ tự sát_ hai ngàn một trăm năm trước.

Hồn quỷ trong quân đoàn này, bây giờ là cô hồn dã quỷ, rất sôi nổi. Điều này nói cho chúng ta biết một sự thật như thế nào? Thân có sanh diệt, nhưng linh hồn không diệt. Vậy chúng ta biết linh hồn không chết_ thân có sanh tử, linh hồn bất tử. Chúng ta phải làm sao mới có thể tính toán thay cho cái bất tử đó. Thân sanh tử chưa quan trọng. Còn sau khi chúng ta chết đi về đâu? Đây mới là vấn đề lớn. Sau khi chết, đương nhiên thù thắng nhất là đến thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà. Hôm nay chúng ta đi con đường này, đây là con đường vô cùng quang minh.

Đến thế giới cực để làm gì? Giống như Huệ Năng Đại Sư gặp Ngũ tổ vậy. Tôi đến làm Phật. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc là để nhìn thấy Phật A Di Đà. Còn bạn đến làm gì? Tôi đến làm Phật. Phật A Di Đà nhất định rất hoan hỷ. Nên phải nhớ, niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc để là gì? Đi làm Phật. Không phải làm Phật người ta không nhận bạn. Nhưng ta vừa nói tôi đến để làm Phật, đây gọi là bồ đề tâm đã phát đầy đủ rồi, thật đã phát bồ đề tâm. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc đi làm Phật.

Trước đây thầy Lý dạy chúng tôi, nói với chúng tôi những người trẻ tuổi thông minh này cần phải có mắt trước sau. Nhìn thấy quá khứ, nhìn thấy vị lai. Quá khứ ở trong lục đạo luân hồi tạo vô số tội nghiệp. Bây giờ chúng ta nhìn thấy thế giới Cực lạc, vậy tương lai chúng ta phải chọn con đường này. Trong cuộc đời này, cái gì cũng đều có thể buông bỏ. Tôi nhất định đi trên con đường này đến cùng, đi đến thành công, như vậy là chúng ta hoàn toàn đúng. Cần phải học vô lượng pháp môn, đến thế giới cực lạc tiếp tục học.

Hôm nay tất cả tinh lực thời gian, tất cả đều đặt ở nơi việc cầu sanh tịnh độ, quyết định thành công. Đại kinh đại luận đều muốn học, pháp môn vô lượng thế nguyện học. Nên trước đây tôi thường giảng về tứ hoằng thế nguyện. Chúng ta bây giờ đang tu hai điều trước. Chúng sanh vô biên thế nguyện độ, cái này cần phát. Phiền não vô tận thế nguyện đoạn, chúng ta cần phải làm điều này. Pháp môn vô lượng thế nguyện học. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành. Hai nguyện này lưu đến thế giới cực lạc. Vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, và hoàn thành hai nguyện này, chắc chắn!

Bây giờ chúng ta lợi dụng khoa học kỹ thuật cao, chúng ta dùng mạng internet, dùng truyền hình vệ tinh. Tôi thấy tương lai cách nhìn của tôi không vượt qua được năm năm. Mạng lưới của mạng tiến bộ quá nhanh, so với vệ tinh thì càng phương tiện hơn. Giá thành vệ tinh cao, mạng internet rẻ hơn, giá thành ngày càng thấp. Bất luận ở chỗ nào trên thế giới, chúng ta dùng công cụ này, đều giống như cùng nhau học tập vậy. Đây là một chuyện tốt.

Người giảng kinh ngày càng ít, nhưng công cụ đã này bù đắp. Nhưng vẫn hy vọng người thật sự phát tâm, siêng năng giảng dạy, để tục Phật huệ mạng, chánh pháp cứu trú. Điều này nhờ vào ai? Ta kỳ vọng dựa vào bất cứ ai cũng dựa không được. Dựa vào chính mình. Chúng ta được không? Chỉ cần chúng ta phát tâm là được. Vì sao? Chư Phật Như Lai gia trì chúng ta. Ta không phát tâm, các ngài muốn gia trì cũng không gia được. Thật phát tâm mới thật gia trì.

Thực tế nói, chúng ta có năng lực gì? Bất luận là ở đức hạnh hay học thuật, so với người xưa thì kém quá xa! Đây là thật không phải giả. Nhiều năm như vậy ở trên bục giảng, cùng học tập với mọi người. Hoàn toàn đều là tam bảo gia trì. Tôi nói thật với mọi người. Tam bảo vì sao gia trì tôi? Vì không ai làm, tôi phát tâm làm. Nếu chúng ta phát tâm làm, quý ngài sẽ gia trì chúng ta, họ phát tâm làm, Phật sẽ gia trì họ. Phật rất công bằng, ai thật sự phát tâm thì được các ngài thật sự gia trì. Trong đây có một điều là Phật Bồ tát gia trì chúng ta, nhưng chương ngại lớn nhất của ta là danh văn lợi dưỡng.

Có danh văn lợi dưỡng lẫn lộn vào trong đó, thì sức mạnh Phật gia trì không còn nữa. Chỉ cần chúng ta viễn ly danh văn lợi dưỡng, thì sức mạnh gia trì vô cùng rõ ràng, vô cùng mạnh mẽ. Cho nên phát tâm là được.

Bây giờ trong kinh hai chữ đại thừa là ví dụ “*thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*”. Đây là đệ nhất nghĩa của Tịnh độ tông. “*Năng niệm chi tâm, bốn lai thị Phật, thị năng thừa giả đại. Khởi tâm niệm Phật, niệm niệm tác Phật, cố sở thừa giả đại*”. Hai câu này là tinh túy của Tịnh độ tông, chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Tín tâm của Tịnh độ tông là từ chỗ này kiến lập.

Trung Phong Thiền Sư, trong khai thị nơi Tam thời hệ niệm, có hai câu nói rất hay, “*ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*”_ tâm tôi tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm tôi_với lời này ý nghĩa hoàn toàn tương đồng, khi nghe càng thâm thiết hơn. Ở đây tức là tịnh độ, Tịnh độ tức là ở đây. Vì sao? Tâm tịnh tức cõi tịnh độ của Phật. Tâm mình tôi thanh tịnh, tâm người khác không thanh tịnh. Đây vẫn là Tịnh độ chăng? Là tịnh độ.

Tâm ta thanh tịnh, thì ở nơi đây cũng cảm thấy là tịnh độ. Vì sao? Cảnh tùy tâm hiện. Tâm ta thanh tịnh không thể chuyển cảnh giới, như vậy nói rõ tâm của ta chưa thật sự thanh tịnh. Thật thanh tịnh thì thật chuyển được cảnh giới. Phật Thích Ca lúc còn tại thế, Chúng ta thấy ngài ở cũng như chúng ta, hoàn cảnh giống nhau. Nhưng trên thực tế thì sao? Trên thực tế ngài ở Tịnh độ, mà chúng ta nhìn không thấy. Phạm phu chúng ta nhìn thấy Đức Phật Thích Ca, buổi tối ở dưới góc cây ngễ nơi thiên toạ. Dưới góc cây trải một ít cỏ. Dùng cỏ làm thành chỗ ngồi, ngài ở nơi đó ngồi thiền. Bồ tát nhìn thấy không phải vậy, Bồ tát nhìn thấy Đức Thế Tôn nhìn trên bảo toạ Kim Cang, chứ không phải ngồi ở dưới đất.

Cuối cùng ai nhìn thấy mới là thật? Đều là thật, đều không phải là giả. Bảo toạ đó của Đức Thế Tôn, là trong tâm của ta hiện ra. Tâm ta thanh tịnh, thì nhìn thấy bảo toạ. Còn tâm không thanh tịnh thì nhìn thấy toà bằng cỏ. Nói rõ thật là cảnh từ tâm hiện, một chút cũng không giả, nên chúng ta tin tưởng. Thân thể không tốt, không sao. Bây giờ giới khoa học nói với chúng ta so với Phật pháp hoàn toàn thống nhất, chỉ cần điều chỉnh tâm, bệnh của bạn sẽ lành.

Trung quốc có một vài thầy Trung y nổi tiếng, trong lúc họ chẩn đoán trị liệu, nói với chúng ta, bệnh trị lành, nhưng 70% là bệnh tâm. Y dược khởi tác dụng chỉ có thể chiếm 30%. Cho nên tâm thái lành mạnh, thì bệnh rất dễ trị. Tâm thái nếu không tốt, thì dù thần tiên cũng trị không lành. Không phải tâm thái người khác có thể chuyển được bạn, là chính mình chuyển mình. Điều này rất quan trọng. Cho nên chúng ta tin tưởng, ta tâm thái tốt, trên thân không có bệnh gì. Tâm thái chúng ta tốt, thì ngay ở chỗ này, sơn hà đại địa ở đây sẽ không xảy ra thiên tai. Vì sao? Hoàn cảnh cũng tùy tâm chúng ta mà chuyển.

Hiệp hội của chúng ta, mấy ngày nay mời tập hợp một số bạn đồng đạo chí hợp tâm đồng. Mọi người cùng nhau siêng năng tu Lục Hoà Kính. Mục đích là gì? Mục đích đối với chính mình mà nói là thân tâm mạnh khoẻ, gia đình hoà hợp, sự nghiệp thuận lợi, vạn sự như ý. Còn có một tác dụng càng lớn, là Hongkong, Quảng Đông, giải đất của khu vực này không

có thiên tai. Tâm thái này của chúng ta vừa chuyển, sẽ sản sinh sức mạnh lớn như vậy. Quý vị xem, tự độ và cũng đã độ người. Tự cứu cũng chính là cứu cả khu vực này. Đây là mê tín chằng?

Trước đây một số người nghe rồi cho là mê tín, bây giờ có khoa học chứng minh. Hôm qua có một bạn đồng học tải trên mạng một bài nói về sự việc này. Quá hay! Là do các nhà lượng tử học nói. Chúng ta có thể tin tưởng, chúng ta có thể tiếp nhận. Nên ở dưới nói: *“hưu năng tu giả, tức thị tâm thị Phật chi tâm. Sở tu giả, tức thị tâm tác Phật chi tâm. Năng tu sở tu, chỉ thị nhất tâm, tức tâm tức Phật, tâm Phật bất nhị”*. Đây đều là trong kinh giáo Đức Phật dạy chúng ta.

Chúng ta học nhiều năm như vậy, đối với kinh giáo có tín tâm. Vì sao? Phật pháp thù thắng công đức lợi ích, chúng ta đã đạt được, một chút cũng không thật. Thầy không gạt tôi, nói với tôi, học Phật là hưởng thọ cao nhất của đời người, và tôi đã đạt được. Càng lớn tuổi càng tự tại.

Sang năm, tôi học Phật đã 60 năm. Sang năm là tròn 60 năm. Giảng kinh 53 năm. Tôi học Phật bảy năm là ra giảng kinh, giảng kinh dạy học. Cả đời chưa từng thay đổi phương hướng, chính là học Đức Thế Tôn. Đức Phật Thích Ca thị hiện cho chúng ta là thầy giáo tư thực. Vì ngài không có chính thức tổ chức trường lớp_Thầy giáo tư thực. học sinh của ngài rất đông. Trong kinh điển chúng ta thường nhìn thấy, một nghìn hai trăm năm mươi lăm người đệ tử tùy tùng. Không phải tùy tùng thì cũng lâm thời đến, tôi nghĩ không dưới số người này. Nên ngài rất vui vẻ, nhiều người như vậy theo ngài học tập. Pháp duyên thù thắng, pháp hỷ sung mãn. Nên ngài càng dạy càng cao hứng. 49 năm chưa có một ngày nghỉ ngơi.

Sau khi Phật diệt độ, cho đến bây giờ ảnh hưởng rất lớn, ảnh hưởng đến toàn thế giới. Chánh pháp cứu trụ, nối Phật huệ mạng dựa vào thời đại của chúng ta. Thật sự phát tâm và phải thật sự làm.

Ngày nay Phật giáo trên thế giới có sáu loại hình thái. Chúng ta phải nhận thức rõ ràng, con đường chúng ta đi là giáo dục của Đức Thế Tôn. Chúng ta học Phật, là tiếp thu giáo dục của Ngài. Chúng ta học được cái tốt của giáo dục, và phát tâm đem giáo dục xung tánh của Đức thế Tôn, cần phải phát dương quang đại, phổ độ chúng sanh. Như vậy chúng ta nhất định phải học Đức Thích Ca Thế Tôn. Tôi thành tựu rồi, phải giảng kinh, cần phải giáo hoá. Đi đến đâu để giảng? đến gia đình mọi người giảng. Gia đình của họ có một hai người, một hai người đó là thánh chúng của tôi.

Mỗi tuần không cần quá nhiều, quá nhiều người ta sẽ phiền chúng ta, không thích, rồi đuổi ta đi. Một ngày, cố định một tuần một ngày, chúng ta đến vài nhà. Thứ hai đến nhà ông Trương, thứ ba đến nhà ông Lý. Chúng ta mỗi ngày đều luyện giảng, từ từ sẽ giảng thành công. Những thánh chúng này giúp đỡ chúng ta. Có thể giảng một bộ kinh giống nhau. Quý vị

xem, một tuần bảy nhà. Một tuần có thể giảng bảy lần giống nhau, rất tốt! Có thể duy trì ba năm, căn cơ của chúng ta vững vàng. Sau khi giảng xong mời thỉnh chúng góp ý. Phải khiêm tốn tiếp nhận. Sau khi giảng xong, tiếp tục nghiên cứu thảo luận, chia sẻ. hiệu quả rất thù thắng.

Ngày trước chúng tôi ở Đài Trung học kinh giáo, là dùng phương pháp này. Nên phải kết thiện duyên với các Phật tử, vì sao? Để họ cho tôi đến nhà giảng pháp_kết pháp duyên. Thầy giáo cũng không còn cách nào khác. Liên xã thư viên, giảng đường đều là một. Các bạn cùng học giảng kinh khoảng hơn hai mươi người, như vậy làm sao phân phối? Giảng đường thì phân phối giảng kinh. Một năm khó khăn lắm mới phân đến một lần, cho nên thời gian rất ít. Quá ít, bữa đực bữa cái, học cũng không được gì. Công việc này cần phải ngày ngày làm. Ngày ngày làm mới kết được nhiều thiện duyên, đến nhà các bạn đồng tu đi giảng. Thật vậy, kiên nhẫn sẽ thành công.

Mấy câu này vô cùng quan trọng “*năng tu sở tu, chỉ thị nhất tâm, tức tâm tức Phật, tâm Phật bất nhị. Hựu khả vân, năng tu giả, tức thị tâm thị Phật chi Phật. Sở tu giả, tức thị tâm tác Phật chi Phật. Tự Phật tha Phật, chỉ thị nhất Phật, tự tha bất nhị. Tự tha uyển nhiên, năng sở bất nhị, tu chứng bất vô, siêu tình ly kiến, cường danh vi đại*”. Những câu này ý nghĩa rất sâu. Nhưng mỗi câu đều là lời chân thật. “*Năng tu, xác thực thị tâm thị Phật chi Phật*”, Phật ở đây là ai? Là chính mình. “*Năng tu, thị tâm tác Phật chi Phật*”. “*Thị tâm thị Phật chi Phật*” là tự tánh Phật của chúng ta. Tự tánh của ta vốn là Phật, như bây giờ đang mê, mê muội tự tánh, cho nên phải “sở tu”. “*Sở tu, thị tâm tác Phật chi Phật*”, hôm nay điều quan trọng nhất đối với chúng ta là làm Phật, ta vốn là Phật, hiện tại lại muốn làm Phật.

Quý vị nghĩ xem, chúng ta có thể làm Phật chăng? Có thể. Vì sao? Chúng ta vốn là Phật. Tại sao chúng ta không thể làm Phật? Thánh phàm đều ở trong một niệm. Một niệm giác tức là Phật. tôi hôm nay dựa vào cái gì để giác? Nhờ vào Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Chỉ cần chúng ta không bỏ rơi Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, thì kinh này sẽ giúp ta giác. Chúng ta hằng ngày đều học tập, chính là giúp chúng ta giác ngộ. Không cần tìm phiền phức khác, bộ kinh này là được. Nhưng thật sự muốn thành tựu, thì nền tảng phải vững vàng, như cỗ nhân vậy, khó được! Từ nhỏ đã phải nắm vững căn cơ này. Đời này của chúng ta, và ở trên mấy đời đều sơ suất việc này.

Chúng ta nhất định phải đem Đệ tử quy, Cảm ứng thiên, Thập thiện nghiệp. Thập thiện nghiệp có thể dùng trích bản in giản lược của tôi, vô cùng đơn giản. Trích của tôi chỉ có khoảng hơn sáu trăm chữ. Khi in ra tôi thấy chỉ vừa một trang giấy, là “*Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh Tiết Bốn*”.

Trước đây, Ngẫu Ích Đại Sư cũng có một bản in giản lược, thích hợp dùng trong thời đại đó. Còn bản in giản lược của tôi thích hợp dùng trong xã hội bây giờ. Nên chúng ta chỉ cần

có nền tảng của Đệ tử quy và Cảm ứng thiên. Trong cảm ứng nói về quả báo thiện ác, tất cả nói một trăm chín mươi lăm sự việc. Trong Đệ tử quy có một trăm mười ba sự việc. Trước tiên là học thuộc nó, sau đó thường thường kiểm điểm khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của chúng ta. Đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện. Rồi tiếp tục học Thập thiện nghiệp đạo, như vậy thì không khó chút nào.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây thôi.

Tập 77

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: Ngày 12 tháng 07 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “*Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*”, trang 82 hàng thứ nhất. Ta bắt đầu xem từ câu cuối cùng ở bên dưới.

“*Hựu khả vân, năng tu giả, tức thị tâm thị Phật chi Phật. Sở tu giả, tức thị tâm tác Phật chi Phật*”. Hai chữ Phật này có gì sai biệt chăng? Chúng ta đem hai chữ Phật này giải thích rõ ràng trước. “Thị tâm thị Phật” là tự tánh. Tự tánh chính là Phật, Phật chính là tự tánh. Nên từ trên tự tánh mà nói, thì trong kinh Hoa Nghiêm Đức Thế Tôn giảng nhiều nhất, “*nhất thiết chúng sanh bổn lai thị Phật*”. Nhất thiết chúng sanh ở đây không phải chỉ riêng chúng ta. Mỗi người đều là Phật, không phân nam nữ già trẻ, giàu nghèo sang hèn đều như nhau.

Phật nói chúng sanh, nghĩa gốc của hai chữ chúng sanh này, hiện tượng chúng duyên hoà hợp mà sanh khởi gọi là chúng sanh. Động vật là chúng duyên hoà hợp, Khoáng vật cũng là chúng duyên hoà hợp. Bao gồm cả sơn hà đại địa, cây cỏ hoa lá. Không có thứ gì không phải là Phật, đây gọi là “*thị tâm thị Phật*”. Vì sao? Tất cả vạn pháp trong toàn thể vũ trụ là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Tâm đã là Phật rồi, thì còn có cái gì không phải Phật! Đây tức là bổn lai thị Phật. “*Thị tâm thị Phật*” chính là bổn lai thị Phật chi Phật. Tuy vốn là Phật nhưng vì hiện tại chúng ta đang mê, làm mất tự tánh. Lạc mất tự tánh nên gọi là chúng sanh, gọi là phàm phu. Phàm phu và Phật không có gì sai biệt, chỉ là mê ngộ bất đồng. Phàm phu giác ngộ là Phật, chính là đạo lý này.

Nên ở dưới “thị tâm tác Phật”, là phàm phu hồi đầu. Tôi bây giờ muốn làm Phật, nên đây là “thị tâm tác Phật chi Phật”, đó là chúng ta bây giờ. Ta bây giờ muốn làm Phật, có thật được thành Phật không? Thật. Vấn đề là tâm niệm này nó không thể lâu dài. Bây giờ đang nghe kinh nghe pháp, thì tâm này không tệ, tôi phát tâm làm Phật. Nhưng ý niệm sau nó lại đọa lạc vào trong phàm phu. Vấn đề là ở đây. Nếu hiện tại tâm làm Phật này vĩnh viễn bảo trì, thì Phật bây giờ và thị tâm thị Phật ở trước là tương ưng, hợp thành một. Như vậy chúng ta thật đã thành Phật. Lời này không phải lời nói chơi, sự thật này hoàn toàn chính xác. Nếu bạn hỏi tôi có thể thành Phật chăng? Bạn không cần hỏi người khác, hãy hỏi chính bạn, có phải thật sự muốn thành Phật chăng? Thật sự muốn thành Phật, thì làm gì có chuyện không thể thành Phật?

Trong đại thừa giáo, Đức Phật thường nói tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Thật vậy, tâm tướng cái gì là hiện ra cái đó. Nếu chúng ta nghe hiểu lời này, thật sự rõ ràng, thật sự minh bạch. Chúng ta sẽ nghĩ như vậy, ta sẽ từng niệm nhớ Phật A Di Đà, mỗi niệm nhớ thế giới Cực Lạc. Tưởng thế giới Cực Lạc thì thế giới Cực Lạc sẽ hiện tiền. Tưởng A Di Đà Phật thì Phật A Di Đà với chính mình sẽ tương ưng. Thật giống như Trung Phong Thiền Sư nói “Tâm tôi tức A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm tôi”. Tôi và A Di Đà Phật là một không phải hai. Trong tất cả chánh niệm, đây là chánh niệm thứ nhất. Bạn muốn hỏi, phải nghĩ bao lâu tôi mới có thể biến thành A Di Đà Phật?

Điều này trong kinh Di Đà nói vô cùng cụ thể. Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật cho đến nhược thất nhật. Xưa nay các vị tổ sư đại đức dạy, bậc thượng căn lợi trí một ngày là thành tựu. Người căn cơ kém độn bảy ngày cũng có thể thành tựu. Còn nghĩ bảy ngày vẫn chưa thành tựu, thì lời trong kinh nói có tính chăng? Trong kinh nói là thật. Nhưng “thất”_bảy_có hai loại giải thích. Một là chữ số_bảy ngày. Cái thứ hai là biểu pháp. Biểu pháp gì? Thất đại biểu viên mãn. Thất có nghĩa là gì? Đông- tây- nam- bắc- thượng- hạ_ ở giữa gọi là thất, cho nên viên mãn. Số liệu viên mãn này không nhất định, nhưng đây là nói theo cách thông thường.

Chúng ta nhìn trên sự tướng, từ “Vãng Sanh truyện” mà nhìn, từ “Tịnh Độ Thánh Hiền Lục” mà nhìn. Từ cổ chí kim chuyên niệm A Di Đà Phật, họ niệm bao lâu là có thể biết trước giờ chết tự tại vãng sanh? Tuyệt đại đa số là ba năm. Ba năm này tức là bảy ngày. Thất tượng trưng cho viên mãn, nó viên mãn. Nếu ba năm chưa đủ, thì năm năm khẳng định thành tựu. Thật vậy, không phí quá nhiều thời gian. Vấn đề chính là chuyên nhất, phải chuyên tâm, phải nhất tâm thì thành Phật không khó. Buông bỏ vạn duyên, nhất tâm chuyên chú. Chúng tôi tin rằng mỗi người tuyệt đối không quá ba năm sẽ thành tựu được thế giới Cực Lạc.

Khi thật sự thành tựu được, nhưng thế gian này còn cần chúng ta, cần ta làm gì? Cần ta mang theo vài chúng sanh đến thế giới Cực Lạc, giúp Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sanh.

Chúng ta với chúng sanh có duyên, chúng sanh tin tưởng và chúng sanh đồng ý nghe chúng ta, như vậy là có duyên.

Nếu chúng ta đã thành tựu, duyên niệm Phật vãng sanh thành tựu. Còn không có duyên, người học Phật rất đông, mọi người không tin tưởng, không nghe ta khuyên cáo. Lúc này ta có thể đi, công đức độ hoá chúng sanh được coi là viên mãn, là đạo lý này vậy. Cho nên thật là một chữ rất linh hoạt, chứ không phải là cứng nhắc. “Thị tâm tác Phật chi Phật”, thân hiện tại này của chúng ta, tâm vọng tưởng bây giờ. Thị tâm ở trước là chân tâm, tâm này là vọng tâm.

“*Tự Phật tha Phật, chỉ thị nhất Phật*”. Ở đây nói “tha Phật” là tự tánh. “Tự Phật” là nói tự thân hiện tại của chúng ta, tự tha bất nhị. Tuy đang mê, mê rồi thì thân tướng này từ đâu đến? Vẫn là do tự tánh hiện. Ly khai tự tánh không có pháp nào có thể đắc. Chúng ta thường nghe trong đại thừa giáo nói “sanh Phật bất nhị”. Sanh là chúng sanh, tất cả chúng sanh. Phật là tự tánh, cũng chính là nói tánh tướng bất nhị. Tự tánh là Phật của “thị tâm thị Phật”. Bây giờ chúng ta hiện tướng này, tướng này là Phật của “thị tâm tác Phật”, nói như vậy mọi người sẽ dễ hiểu. Tự tánh là năng hiện năng sanh, hiện tượng là sở hiện sở sanh. Năng sở bất nhị, như vậy sẽ dễ hiểu.

“*Tự tha bất nhị, tự tha uyển nhiên. Năng sở bất nhị, tu chứng bất vô*”. Tu là gì? Là làm thật tu thật. Thật sự buông bỏ vạn duyên, thật sự thành tâm niệm Phật. Đây gọi là tu. Công phu tu phải đến nơi, công phu thành tựu là đã chứng đắc. Nên có tu có chứng. Tu chứng này là nói về cái gì? Nói đầy đủ trong bốn chữ: Tín- giải- hành- chứng. Trong chữ tu đã bao quát ba điều, có thể tin, có thể hiểu, có thể hành. Trong chữ tu bao quát ba việc này, và đằng sau là có thể chứng. Chứng là chứng quả. Chúng ta đối với pháp môn Tịnh độ, có thể tin, có thể nguyện. Thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh độ.

Làm thật, làm thật là nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, như vậy mới thật làm. Đúc Phật đến tiếp dẫn vãng sanh thế giới Cực Lạc tức là chứng quả. Tịnh Độ tông chứng quả là vãng sanh. Tín- giải- hành- chứng, nên chúng ta phải siêng năng thực hành nó. Trong “Hoàn Nguyên Quán” nói “oai nghi hữu tắc”. Vì sao? Thực hiện nó chính là độ chúng sanh. Chúng ta không chiếu theo quy cũ mà làm, có thể tự độ, không vấn đề gì. Nhưng không thể lợi tha. Tịnh độ tông là đại thừa, mà đại thừa không bỏ chúng sanh, niệm niệm đều muốn giúp đỡ chúng sanh. Niệm niệm đều có tâm thành tựu cho chúng sanh, chính là ý niệm này. Tất cả là vì giúp chúng sanh.

Giúp đỡ họ, nhưng có duyên hay không là vấn đề của chính họ. Chúng ta ngày nay không có thần thông, nên không biết chúng sanh với Phật có duyên hay không. Nhưng chúng ta có thể thành thật quy củ, đem tín- giải- hành- chứng mà mình tu chứng thể hiện cho họ thấy. Nếu có duyên họ sẽ tin tưởng, có thể được độ ngay đời này. Còn nếu không có duyên cũng là

cơ hội để họ trông chút ít thiện căn. Họ nhìn thấy hình tượng này của chúng ta. Có câu “*nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng*”. Nhìn thấy là “lịch nhĩ căn”. Nghe thấy là “lịch nhĩ căn”. Trong A lại da đều đã trông chủng tử của Phật, đều là trông thiện căn. Tuy đời này họ đang mê hoặc, vẫn không tin tưởng.

Công đức thiện căn này không thể nghĩ bàn. Vì sao? Trong kinh nói, thiện căn này gọi là chủng tử kim cang, vĩnh viễn không hư hoại. Họ tạo nghiệp thì thọ báo, họ tạo thiện nghiệp thì tam thiện đạo thọ báo. Họ tạo ác nghiệp thì tam ác đạo thọ báo. Lúc nào họ đối với quả báo trong lục đạo, cảm thấy chán ngấy ghét bỏ. Thì chủng tử Phật pháp trong A lại da của họ sẽ hiện hành, sẽ khởi tác dụng. Chỉ cần chủng tử này khởi tác dụng, chỉ cần họ nghĩ đến Phật, niệm đến Phật, Phật sẽ hiện tiền. Đức Phật từ bi đến cực điểm. Nên đời sau, nhất định nhân này trong A lại da rụng xuống chủng tử này, họ sẽ được độ. Quý vị nói công đức này có nhiều không?

Pháp thế gian, pháp thế gian là nói lục đạo. Tất cả công đức trong lục đạo đều không so sánh được công đức thù thắng này. Nên chúng ta hãy thể hiện một con người học Phật cho mọi người xem, sẽ tích công đức rất lớn. Người xuất gia không được, như vậy sẽ phá giới, tạo tác chủng chủng ác nghiệp. Họ mặc lên bộ y phục này, cạo trọc đầu, ra bên ngoài đi một vòng. Quý vị biết, họ có thể để bao nhiêu người trông chủng tử Phật vào trong A lại da thức? Điều này người khác làm không được, nhưng người này đã thật sự tích đức. Nhưng nếu anh ta tạo ác thì sao? Tạo ác đương nhiên có ác báo, điều này khẳng định rồi. Nhân quả của chính mình thì nhất định phải tự mình gánh vác. Mặc dù họ có đọa trong ác đạo, nhưng khi gặp thiện tri thức họ sẽ hồi đầu rất nhanh.

Hình như trong “Thái thượng cảm ứng thiên”, có một công án, nói về một người xuất gia. Không giữ thanh quy, tạo sát đạo dâm vọng. Nhưng sư huynh của ông ta tu hành rất nghiêm chỉnh, đương nhiên anh ta không thể hoà hợp với sư huynh, và nghĩ cách hại sư huynh. Có người đem tin này nói với sư huynh anh ta. Sư huynh anh ta liền bỏ trốn trong đêm. Trốn vào trong thâm sơn để tu hành. Ở trong núi không ra và tu hành rất tốt. Người xuất gia tạo ác nghiệp này, qua vài năm thì chết. Sau khi chết đọa vào đường súc sanh, đọa vào đường súc sanh biến thành một con hổ, đầu thai làm hổ. Trước đây một cô gái phát sinh quan hệ với anh ta, và một người đứng giữa giúp họ liên lạc cũng là một cô gái. Hai người này cũng đều đọa lạc. Một người đầu thai làm heo, một người đầu thai làm chó. Và gặp được vị sư huynh trước đây của người đọa làm hổ. Sư huynh này tu rất tốt, sư huynh tu không tệ và rất có đạo hạnh. Có một hôm nhìn thấy lão hổ, muốn ăn con heo và con chó này. Sư huynh biết, vừa nhìn đã rõ ràng, lập tức ngăn ngừa, gọi tên của nó. Anh vẫn còn tạo ác sao, đời trước anh hại người, đời này sao lại còn muốn giết họ? Khi con hổ này vừa nghe, nó thật sự đã giật mình tỉnh lại, ngoan ngoãn không nhúc nhích. Sư huynh của nó nói với nó, anh tự tạo nghiệp phải thọ quả báo. Anh phải lo tu hành, niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Lão hổ nghe lời và

từ ngày đó không ăn thịt mà ăn chay. Sau khi ăn chay hầu như đói gần chết, và nó thật đã vãng sanh.

Còn con heo và con chó này cũng có linh tánh, cũng biết hối hận ăn năn, nên ở trong chùa theo đại chúng tu hành.

Chúng ta biết thiện căn này không phải chỉ trong một đời, mà phải nhiều kiếp trong quá khứ tu hành nó mới có được thiện căn thâm hậu như thế. Đọa vào thai súc sanh, được người chỉ điểm nó liền giác ngộ, lập tức hồi đầu. Nên nói thiện ác nhân quả có báo ứng. Thiện căn thật sự thâm hậu sẽ gặp được thiện tri thức. Chư Phật Bồ Tát thị hiện thường đến chỉ điểm ta.

Chúng ta từ một vài cảm ứng qua sự tích này, cảm ứng này là thật không phải do người bịa đặt, cũng không phải tùy tiện viết ra, thật có việc này. Mới biết rằng trong đạo Phật tích tụ công đức tu tập là chân thật không hư. Nếu ta có tiền hậu nhãn, có thể nhìn thấy ba đời, quá khứ -hiện tại -vị lai, thì tâm ta sẽ bình yên. Và chúng ta cũng biết phải dụng công như thế nào. Thật giác ngộ, thật sự hồi đầu, nên nhất định quyết tâm. Trong đời này tôi nhất định thành tựu. Thật sự có tín nguyện kiên định, thì Phật A Di Đà gia trì chúng ta. Chư Phật Như Lai cũng gia trì chúng ta. Nguyện này nhất định có thể viên mãn, quyết định không phải là nguyện không. Nên tu chúng rất quan trọng, cần phải có sự tu chúng rõ ràng, để mọi người thấy, để người khác thấy.

Trái lại nếu tu tập không tốt, thì tạo tội nghiệp rất nặng, vô cùng nặng. Còn nếu tốt thì công đức vô lượng. “Siêu tình ly kiến”, câu này trong “Hoàn Nguyên Quán” nói. “Tuỳ duyên diệu dụng”, tình là gì? tình là tình chấp. Kiến là sao? Kiến là tà kiến. Chúng ta nói cụ thể hơn một chút, kiến là thành kiến, là kiến giải sai lầm, cũng chính là cách nhìn sai lầm. Phải rời xa điều này, và vượt khỏi tình chấp. Kiến này trong Phật pháp nói có năm loại kiến hoặc.

Còn tình thì sao? Tình là năm loại tư hoặc. Tham- sân- si- mạn- nghi_đây là tình. Đây thuộc về tình chấp. Thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến_đây là kiến. Siêu tình ly kiến tức là đoạn kiến tư phiền não. Đoạn kiến tư phiền não là tiểu thừa A la hán. Vượt qua A la hán gọi là đại thừa. Trong Hoa Nghiêm giảng về chữ tình này, chính là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước_đây đều thuộc về tình. Kiến là thành kiến của chính mình, cách nhìn của mình hoàn toàn sai. Tại sao? Trong thanh tịnh tâm không có tình kiến. Có tình kiến thì thanh tịnh tâm không còn. Có tình kiến thì bình đẳng tâm không còn. Có tình kiến chính là mê không phải ngộ. Siêu tình ly kiến là giác mà không mê. Cách nói này của tôi, khiến quý vị đối với ý nghĩa của bốn chữ càng rõ ràng hơn.

“Cưỡng danh vi đại”, cưỡng là bắt đắc dĩ, nó không có tên. Giống như Lão Tử nói: “*danh khả danh, phi thường danh*”. Danh là giả thiết, chứ không phải thật, gọi là đại thừa. “*Dĩ thứ vi năng thừa sở thừa, cưỡng danh vi đại*”. Câu này là tổng kết, giải thích đại thừa. Mấy câu cuối cùng là tổng kết. “*Năng thừa giả đại, sở thừa giả dã đại*”. Năng thừa là giáo huấn của

Phật, là kinh đại thừa. Đây xưng là đại thừa. Sở Thừa là những gì chúng ta tu học, chúng ta y theo kinh điển đại thừa tu học. Nên chúng ta cũng là học đại thừa.

“*Cổ kinh đề trung, dĩ đại thừa vi dụ, dĩ minh toàn kinh yếu chỉ*”. Nhưng trên thực tế, tự tánh vốn đầy đủ tánh bát nhã, chính là ý nghĩa của đề kinh “Đại Thừa”. Đại thừa nói đến đây thôi. Bên dưới nói tiếp Vô Lượng Thọ.

“*Vô Lượng Thọ, phạn ngữ vi A Di Đà. Tức bốn kinh sở thuyết, Cực Lạc thế giới giáo chủ chi thánh hiệu*”. Nên Phật A Di Đà cũng được xưng là Vô Lượng Thọ Phật, thánh hiệu của giáo chủ. “*A Di Đà tam tự thị mật ngữ*”. Âm này là phạn âm, phạn ngữ. Ngữ văn cổ Ấn độ, “*hàm vô biên mật nghĩa*”. Nó hoàn toàn là tánh đức.

Chúng ta học qua Hoàn Nguyên Quán. Mở đầu Hoàn Nguyên Quán là giảng về nhất thể. “*Hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến*”. Đây là tánh đức viên mãn thể, tướng, dụng. Dùng danh tự như thế nào để có thể bao hàm ý nghĩa này? Chính là A Di Đà. A Di Đà bao hàm tất cả, danh hiệu này có thể dịch. A dịch sang chữ Hán là vô. Vô trong hữu vô. Di Đà dịch sang tiếng Trung ý nghĩa là lượng. Nên A Di Đà là vô lượng.

Chúng ta nói ba điều trước của Hoàn Nguyên Quán, “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể vô lượng*”. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng là y báo và chánh báo, cũng là vô lượng. Y báo vô lượng, mọi người không có điều gì để nói. Vì sao? Biến pháp giới hư không giới là y báo của chúng ta, vô lượng vô biên. Còn chánh báo thì sao? Chánh báo là tôi. Tôi cũng là vô lượng? Đúng vậy. Chúng ta bây giờ là đời trước của người này? Đời trước tái sanh? Có khi đầu thai ở trên trời, có khi đầu thai ở nhân gian, có khi đầu thai ở địa ngục. Kỳ thật, trong lục đạo, thì đạo nào mà chưa đi qua? Không chỉ một lần, vô lượng! Chính là linh hồn này của chúng ta đi đầu thai. Không những đầu thai ở trên địa cầu này, thế giới ta bà, mà còn thế giới của tha phương Chư Phật, ở đâu mà ta chưa đầu thai qua. Cho nên y, báo chánh báo vô lượng.

Hướng gì, trong ba loại châu biến nói. Bất luận là tinh thần, tinh thần là thọ tướng hành thức. Vật chất là nhục thể của chúng ta, đó là vật chất. Tinh thần hoạt động là dao động, vật chất hoạt động cũng là dao động. Dao này mới nhất động.

Ba loại chu biến, cái thứ nhất gọi là chu biến pháp giới. Có phải là vô lượng chăng? Vừa mới động tức là châu biến pháp giới, sanh ra vô tận. Sanh ra cái gì? Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, đều là từ dao động này sanh ra. Hàm chứa không hữu. Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới, pháp nhĩ như thị. Pháp ở đây chính là thể, tướng, dụng. Nó vốn là như vậy, dùng ba chữ A Di Đà để gọi nó, không quá đáng chút nào. Vừa tốt tức là A Di Đà, là vô lượng. Thể, tướng, dụng toàn là vô lượng.

“Kim nhược dịch phạn văn chi hoa ngữ”. A Di Đà là phạn văn đem nó phiên dịch thành hoa ngữ. “Hiển mật chỉ u hiển thuyết tắc khả dịch thành vô biên đức hiệu”. Vô lượng vô biên đức hiệu, tự tánh vô lượng vô biên. Tự tánh khởi tác dụng vô lượng vô biên. Trong tác dụng bất luận là y báo hay chánh báo, thì ba loại châu biến của nó, chính là ba loại hiện tượng vô lượng vô biên. Dùng danh hiệu này vô cùng thích hợp. “Kim kinh phiên vi Vô lượng thọ”. Thọ mạng chỉ là một loại, một loại trong vô lượng. Nhưng một loại này là quan trọng nhất.

Quý vị thử nghĩ xem, nếu không có thọ mạng. Vô lượng vô biên này ai hưởng thụ? Nên trong tất cả đức hạnh, thọ mạng là đệ nhất đức. Chúng ta có mạng phú quý, có trí tuệ, đức năng. Nhưng nếu ta không có thọ mạng, thì không phải toàn bộ đã hết rồi sao. Nên thọ mạng là đệ nhất. Vì thế trong kinh Di Đà Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta ý nghĩa của vô lượng, ý nghĩa của A Di Đà. Ngài nói cho chúng ta biết vô lượng thọ, vô lượng quang. Giới thiệu hai loại này. Ý nghĩa hai loại này, thọ là thời gian, quang là không gian. Dùng cách nói của chúng ta hiện nay, là thời gian và không gian vô lượng vô biên. Trong thời và không gian nó bao hàm tất cả đều ở trong đó.

Dùng ý nghĩa này để giải thích ý nghĩa A Di Đà, “thị thủ kỳ trung thủ yếu chi nghĩa. Kinh trung vô lượng quang, vô biên quang đẳng thập nhị thánh hiệu, đồng vi A Di Đà chi đức hiệu”. Trong kinh văn Đức Phật giảng mười hai loại quang. Toàn là hình dung A Di Đà, tán thán A Di Đà. “Hán dịch”, là tập hợp năm loại sách. “Hán dịch bốn tác phiên vi Vô Lượng Thanh Tịnh Phật. Vô lượng giác, vô lượng thanh tịnh bình đẳng giác”. Giác và Phật cùng một ý nghĩa, nên dịch thành vô lượng giác, ý nghĩa cũng là vô lượng Phật.

“Dĩ thượng đa chủng thánh hiệu, hàm viết vô lượng”, đều nói đến vô lượng. “Thật tác Phật chi công đức, trí tuệ, thần thông, đạo lực, y chánh trang nghiêm thuyết pháp hoá độ nhất nhất vô lượng”. Có thể nói Phật A Di Đà là tổng danh hiệu của tất cả chư Phật. Quý vị nói vị Phật nào không gọi là A Di Đà Phật! Chỉ cần thành Phật tức là A Di Đà. Nên Trung Phong Thiền Sư nói rất hay, “ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm”. Câu này quá tuyệt!

Vô lượng vô biên pháp giới. Trong pháp giới vô lượng vô biên chư Phật, cho đến chư Phật quốc độ. Từ đâu đến? Đều từ tự tánh biến hiện ra. Hay nói cách khác là tướng phần của tự tánh, hiện tướng tự tánh. Khi khai ngộ ngài Huệ Năng nói với chúng ta, khi không hiện tướng đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ. Đầy đủ trí tuệ đức tướng.

Trong kinh Hoa Nghiêm Đức Phật dạy, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, trong tự tánh chúng ta vốn có. Khi không hiện là thường tịch quang. Trong thường tịch quang không có bất cứ hiện tượng nào. Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên tất cả đều không có. Nhưng ta không thể nói nó là không. Trong đó nó có trí tuệ đức tướng viên mãn. Lúc nó có duyên, duyên này chính là nhất niệm bất giác. Từ tự tánh

biến hiện thành A lại da. A lại da xuất hiện tam tế tướng. Tam tế tướng này, ngày nay giới khoa học nói là năng lượng, tin tức, vật chất. Tam tế tướng này triển khai là hồng quan vũ trụ. Hiện nay giới khoa học nói là lượng tử lực học. Trong hai loại này, tất cả vạn sự vạn vật đều bao hàm trong đó. Chúng ta không có cách nào vượt qua hai phạm vi này. Hồng quan là đại vũ trụ, vi quan là tiểu vũ trụ, đại tiểu bất nhị.

Dưới đây nói: “*Cái dĩ Thế Tôn diệu đức vô lượng, cố đức hiệu diệc vô lượng. Nhất nhất danh trung sở hàm chi đức diệc vô lượng, thị dĩ trì danh sở chiêu chi đức vô hữu lượng*”.

Đây là tiếp nhận được niệm Phật, tiếp rất hay! Chư vị Tổ sư đại đức xưa nay khuyên dạy chúng ta, niệm kinh không như niệm chú, niệm chú không như niệm Phật. Điều này đã nói ra rồi. Vì sao? Niệm câu A Di Đà Phật này “*sở chiêu chi đức vô hữu lượng*”. Niệm câu A Di Đà Phật này, chúng ta nên dùng tâm thanh tịnh để niệm, dùng tâm bình đẳng mà niệm, dùng tâm chân thành mà niệm. Thì câu A Di Đà Phật này, công đức vô lượng vô biên. Vấn đề gì đều được giải quyết.

Chúng ta ngày nay niệm Phật nhưng tại sao không giải quyết được vấn đề? Tâm của chúng ta niệm chưa chân thành, trong đó có hoài nghi có tạp niệm, khiến công phu niệm Phật đó bị phá hoại. Người ta niệm Phật có một trăm phần trăm công đức, còn ta niệm Phật chỉ có hai ba phần công đức. Càng chân thành, càng thanh tịnh, càng bình đẳng, thì công đức đó càng lớn, đồng một câu niệm Phật. Vì sao? Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, và chân tâm tương ưng. Một câu danh hiệu này là chân tâm. Chúng ta vọng tâm, trong đó có hoài nghi, có tạp niệm_vọng tâm. Vọng tâm khi niệm câu này chân tâm, chân tâm cũng biến thành vọng tâm. Quá trình là như vậy. Cảnh tùy tâm chuyển, danh hiệu cũng là cảnh, cũng tùy tâm chuyển. Nên xem chính chúng ta đã dùng tâm như thế nào, hiệu quả thù thắng, không thể nghĩ bàn.

Quý vị đã thật sự hiểu rõ, hôm nay chúng ta gặp được khó khăn như thế nào, tao ngộ ma nạn ra sao. Một câu A Di Đà Phật là giải quyết được. Không chỉ tiêu tai miễn nạn. Chân tâm niệm Phật cũng cảm động tà ma, sau khi nghe được họ cũng được độ. Tà ma cũng là người, trong quá khứ họ cũng đã từng tu hành, cũng đã từng niệm Phật. Do phiền não tập khí nặng mà biến thành tà ma. Chỉ cần có người chỉ điểm họ, nhất niệm hồi đầu. họ chính là thiện tri thức. Chuyển là thành chánh, chuyển mê thành ngộ. Người niệm Phật phải thường xuyên giữ tâm này. Không nên có hy vọng, mà phải có tâm này. Nếu có hy vọng, thì sẽ có thất vọng, và dễ phát sanh phiền não. Không có hy vọng, vĩnh viễn không sanh phiền não. Chỉ xem ta lúc nào chuyển qua lại, chúng ta sẽ rất may mắn, rất hoan hỷ. Nếu chưa chuyển qua lại, quý vị cũng biết là do tập khí nghiệp chướng quá nặng. Lực hoá độ của chúng ta đối với họ còn chưa đủ, nên chưa thể giúp họ chuyển đổi. Từ từ không nên vội. Không nên khởi tâm động niệm, tất cả thuận theo tự nhiên. Đây gọi là diệu dụng.

Chúng ta xem đoạn tiếp “Kim kinh đề trung thủ tiêu vô lượng thọ giả, dĩ thử tam tự thống nhiếp nhất kinh sở thuyết. Cái vô lượng thọ thị pháp thân thường trú chi thể. Thọ thị như như trí chi thể, quang thị như như trí chi tướng. Cố kinh đề tiêu thọ giả, quang đức tức nhiếp ư trung”. “Thọ thị như như trí chi thể” là căn bản trí. “Quang thị như như trí chi tướng” là căn bản trí khởi tác dụng. Khởi tác dụng gọi là hậu đắc trí.

Trong kinh Bát Nhã, Đức Phật nói bát nhã vô tri. Vô tri là nói căn bản trí. Vô tri là gì? Là thanh tịnh bình đẳng giác, là tự tánh. Khi không khởi tác dụng, nó là thanh tịnh bình đẳng giác. Giác này là sống, nó không phải không có cảm giác, nó không phải chết. Khi nó khởi tác dụng, thì không gì không biết, không gì không thể. Không gì không biết là trí khởi tác dụng. Không gì không thể là đức khởi tác dụng. Bên dưới còn có một cái là tướng khởi tác dụng. Tướng khởi tác dụng là gì?

Trong đề kinh nói “Trang nghiêm”. Trang nghiêm là tướng hảo. Tương hảo, người thế gian như chúng ta hiện nay gọi là gì? Là hạnh phúc, mỹ mãn, viên mãn. Đây là tướng vô lượng thọ. Tướng trang nghiêm thanh tịnh viên mãn này, với danh văn lợi dưỡng mà thế gian thường nói. Địa vị cao, của cải lớn với điều này không liên quan. Vậy từ chỗ nào hiện ra hạnh phúc viên mãn? Họ vui vẻ vô cùng. Cũng chính là nói, trong sinh hoạt họ không có đau khổ, ly khổ đắc lạc.

Quý vị xem, ngày nay làm quan lớn, làm tổng thống, làm quốc vương, họ có vui vẻ không? Phát tài lớn, họ có vui không? Không vui, vì họ vẫn còn phiền não, vẫn còn không như ý. Có câu “bất như ý sự thường bất cử”, họ cũng không ngoại lệ. Chúng ta đã thấy rõ ràng, minh bạch, mới biết rằng cái gì là hạnh phúc chân thật mỹ mãn. Luận ngữ ở trước có một câu là hạnh phúc mỹ mãn, “học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”. Duyệt ở đây là gì? Là vui sướng từ trong nội tâm phát xuất ra, chứ không phải bên ngoài tác động vào, đây là thật. Bên ngoài tác động vào, trong Phật pháp gọi là lạc, lạc của khoái lạc, không gọi là hỷ.

Trong Phật pháp hỷ và lạc là có phân biệt. Hỷ là gì? là của nội tâm. Trong nội tâm phát sinh ra ngoài, đây là hỷ, gọi là hỷ duyệt, là thật sự vui vẻ. Ngũ dục lục trần bên ngoài là tác động. Chữ Lạc này trước đây tôi giảng kinh thường áp dụng cho những người nghiện ngập hút chích để hình dung. Lạc ở đây, hình như chỉ lạc một lúc nào đó, còn sau đó hậu di chứng rất phiền phức. Nó không phải là thật, chỉ là tác động. Hỷ lạc thật sự phải từ nội tâm phát ra. Nhà Phật nói Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Đây là hạnh phúc chân thật, vui vẻ thật sự. Không bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng.

Lúc Đức Phật còn tại thế đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Ngài thị hiện làm một khổ hạnh tăng. Ngày ăn một bữa, đêm nghỉ dưới góc cây. Tất cả tài sản là ba y một bình bát. Ba tấm y và một bình bát là tài sản của ngài, toàn bộ chỉ bao nhiêu đó. Trong cách nhìn chúng ta thì khổ không nói hết. Ngày tháng như vậy làm sao mà sống? Nhưng ngài lại vô cùng hạnh phúc

vui vẻ. Điều này từ chỗ nào hiển thị ra? Từ việc giáo hoá của ngài. Giảng kinh giáo hoá, quý vị thấy ngài vui vẻ biết bao, tinh thần tốt biết bao. Học không chán, dạy không mệt. Trong kinh điển, chúng ta chưa từng nghe nói Đức Thế Tôn uể oải mệt nhọc, chưa từng thấy qua. Giảng kinh giáo hoá, còn làm tấm gương cho người khác, minh hoạ cho người khác xem. Không bao giờ mệt nhọc ghét bỏ, vô cùng vui vẻ. Như vậy mới thật sự gọi là hạnh phúc mỹ mãn của nhân sinh.

Trước đây thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi, học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Nhìn từ đâu? Nhìn từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng ta nhìn thấy hưởng thụ cao nhất. Mọi người nói đây là hưởng thụ trên mặt tinh thần, nhưng trên mặt vật chất thì rất nghèo nàn. Nói như vậy là sai, là hoàn toàn không hiểu rõ vật chất là gì? Cảnh tuỳ tâm chuyển, đó là đại tự tại. Chúng ta không được là do ta mê. Mê muội tự tánh là sao? Là tâm tuỳ cảnh chuyển, khổ không nói hết. Vì ta bị hoàn cảnh bên ngoài quản lý, thao túng. Còn lạc thọ chăng?

Con người thật sự có thể chuyển cảnh giới, thì lạc sẽ hiện tiền. Thật chuyển cảnh giới, thì bên ngoài là cảnh giới gì? Bên ngoài là thế giới Cực Lạc. Nên lời của Trung Phong Thiền Sư là thật không phải giả “thử phương tức Tịnh độ, Tịnh độ tức thử phương”. Tại sao? Vì cảnh giới của họ đã theo tâm chuyển. Học Phật không phải là học gì khác, mà chính là học tài năng này. Người mê muội tự tánh là đang tạo ác nghiệp. Cuộc sống của họ là thế giới ta bà cực khổ hiện tại này. Người thật sự học Phật, người thật sự niệm Phật. Cảnh giới vừa chuyển, thì địa cầu hiện nay sẽ ra sao? Là thế giới Cực Lạc. Chúng ta nhìn thấy đông đảo chúng sanh, mỗi người đều là Phật.

Như Thiện Tài Đông tử năm mươi ba lần bái phỏng tham học vậy. Nhìn thấy xã hội này, nam nữ già trẻ các ngành các nghề, toàn là thiện tri thức thị hiện, giống như đang trên vũ đài biểu diễn vậy, còn mình ở dưới xem kịch. Biểu diễn có chánh diện, cũng có phản diện, đều diễn rất tốt. Dem tánh tướng, lý sự, nhân quả trong vũ trụ, từ sáng đến tối, đầu năm đến cuối năm, không có kết thúc biểu diễn. Chúng ta sống trên địa cầu này như ở trong nhà hát để xem kịch vậy. Quý vị xem tự tại biết bao nhiêu. Những điều tôi nói đều là thật không phải giả. Cho nên phải học, học Chư Phật Bồ Tát chuyển cảnh giới. Nhưng không vì cảnh giới chuyển.

“Hựu “Chân Giải” vân, Cực Lạc tịnh độ tam chủng trang nghiêm”. Ba loại nào? Trong đó nó có chú giải. *“Phật trang nghiêm, Bồ tát trang nghiêm, quốc độ trang nghiêm, nhất thiết quy thọ mạng”*. Nếu không có thọ mạng, thì tam chủng trang nghiêm này toàn là uổng phí. Tam chủng trang nghiêm này, tôi giải thích giản lược, quý vị sẽ hiểu rõ.

Phật là Thầy Giáo. Phật trang nghiêm, thầy giáo tốt. Tốt đến mức độ nào? Không thể hình dung. Tuyệt đối không phải ngôn từ có thể nói được, có thể hình dung. Trang nghiêm là thầy giáo tốt. Thứ hai là bạn học tốt, Bồ tát là bạn học. Chúng ta sanh đến thế giới Cực Lạc, mặc

dù là cõi Thánh phàm đông cư hạ hạ phẩm vãng sanh, chúng ta cũng là Bồ tát, mà không phải là phổ thông Bồ tát. Ta là Bồ Tát như thế nào? Trong kinh nói rất rõ ràng, chính Phật A Di Đà tự nói, chúng ta là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Như thế thì hồng mất!

Tôi mang nghiệp đi vãng sanh, nhất phẩm phiền não còn chưa đoạn. Thâm chí rất nhiều người, chính chúng ta tự thân nhìn thấy. Cả đời không học Phật, không biết có Phật pháp. Đến khi sắp chết bị bệnh ung thư vô cùng thống khổ. Lúc này gặp được người có duyên, người niệm Phật, khuyên họ bỏ trị liệu, không cần trị liệu nữa, trị liệu rất cực khổ, giống như sống để chịu khổ vậy. Mà nhất tâm niệm Phật cầu sanh thế giới Cực lạc. Đem chỗ tốt của thế giới Cực Lạc, đơn giản nói cho họ biết. Họ lập tức tin tưởng, và khuyên người nhà của họ buông bỏ tất cả, giúp họ niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Người nhà cũng rất nghe lời, rất phối hợp, cùng nhau giúp anh ta trợ niệm. Niệm hai ba ngày, anh ta vãng sanh, thật sự đã đi.

Người như vậy, khi sanh đến thế giới Cực Lạc ở địa vị nào? Tôi nói với quý vị, anh ta ở cõi phàm thánh đồng cư hạ phẩm hạ sanh. Khi đến đó vẫn là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Bản nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì anh ta. A Duy Việt Trí là viên chứng tam bất thoái. một số người như chúng ta mà nói, quả vị bất thoái là A la hán. Đến A la hán mới chứng được quả vị bất thoái. Hành bất thoái là Bồ Tát, niệm bất thoái là pháp thân đại sĩ. Chúng ta thường gọi là Phật, đó chính là Phật. Vì sao? Họ đã chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, họ đã chứng được. A Duy Việt Trí mới chứng được. Trong kinh Hoa Nghiêm là sơ trú trở lên, vượt qua thập pháp giới.

Quý vị xem, thế giới tây phương Cực lạc, là nhờ oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Sanh đến đó, mỗi người đều là A Duy Việt Trí Bồ tát, không có ngoại lệ. Lợi ích tốt như vậy, trong mười phương quốc độ của chư Phật không có. Biến pháp giới hư không giới, chỉ có thế giới Cực Lạc này có, ngoài ra đều không có. Đời này chúng ta có thể gặp được, ta chịu dễ dàng bỏ qua chẳng? Như vậy là sai. Cơ hội này nhất định phải nắm bắt nó, ngàn năm khó gặp. trong bài kệ khai kinh nói: *“bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”*. Lời này là chân thật không hề hư dối.

Bành Tế Thanh cư sĩ nói với chúng ta, pháp môn tịnh độ này, vô lượng kiếp đến nay hy hữu khó gặp được ngày này. Ta làm sao gặp được? Ta gặp được nhưng lỡ bỏ qua cơ hội, như vậy mới thật là đáng tiếc. Vì sao? Nếu gặp được, đời này ta sẽ có cơ hội thành Phật. A Duy Việt Trí Bồ tát tức là thành Phật, chúng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nhất định không nên bỏ lỡ qua một lần nữa.

Câu thứ ba, quốc độ trang nghiêm, là hoàn cảnh quá tốt. quý vị xem, thầy giáo giỏi, bạn học tốt, hoàn cảnh tu học tốt. Đi đến đâu để tìm? Hong Kong được coi là chỗ có phước báo, nếu không có phước báo, chúng ta làm sao có thể ở đây giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này? Có thể ở đây giảng Hoa Nghiêm, giảng kinh Vô Lượng Thọ, là chỗ này phước báo lớn, rất

lớn. Xung quanh chỗ này có thiên tai, nhưng chỗ này không có thiên tai. Chúng ta phải trân quý, phải siêng năng tu học, nhất định không để nó qua vô ích. Đây mới gọi là thật sự minh bạch, thật sự không có lỗi với chính mình, không có lỗi với tổ tông, không có lỗi với Tam bảo.

Bên dưới vẫn là lời trong Chân giải, *“hựu an lạc quốc độ y chánh tam chủng trang nghiêm”*. Tam chủng trang nghiêm là ở trước đã nói Phật, Bồ Tát, Quốc độ. *“Nhập nhất pháp cú, vô lượng thọ cố”*. Nhất pháp cú ở đây là gì? Nhất pháp cú chính là vô lượng thọ, tức là câu phật hiệu này. *“Cố kinh đề trung, tiêu vô lượng thọ đức hiệu, tắc pháp tạng nhân địa nguyện hành dự quả địa Phật đức”*. Pháp tạng là Phật A Di Đà, pháp danh trước khi xuất gia thành Phật, gọi là Pháp tạng tỳ kheo. Ngài khi chưa thành Phật tu hành phát nguyện, quả thành tựu là thế giới Cực lạc, quả địa là Phật đức.

“Cực Lạc chi y chánh chủ bạn”. Y là hoàn cảnh, hoàn cảnh quá tốt. Chánh báo là bản thân của mỗi người. Chủ là thầy giáo, bạn là đồng học. Nên thế giới Cực Lạc không có tổ chức chính trị, không có quốc vương, không có đại thần, không có tổng thống, cũng không có quan viên. Người ở thế giới Cực lạc rất đơn thuần, chỉ có thầy giáo và học sinh. Nên quý vị phải biết, đây là một trường học. Phật A Di Đà chọn chỗ này, ở đó dạy học. Ngoài việc tu học ra không làm gì khác. Như vậy thế giới Cực Lạc có tịch mặc quá chăng? Không hề, rất náo nhiệt.

Phật A Di Đà mỗi ngày vì chúng sanh tuyên thuyết diệu pháp, ta nghe rồi hoan hỷ vô lượng. Hoan hỷ đến đâu? Vui đến quên ăn quên ngủ. Thật vậy không phải giả. Nơi thế giới Cực Lạc đó không có ăn cơm, cũng không có ngủ, quên thật sự. Quý vị nói vui về biết bao nhiêu. Huống chi trong kinh nói với chúng ta về sinh hoạt của người ở thế giới Cực lạc. mỗi người đều thần thông quảng đại, tùy thời đến thập phương thế giới đi lạy Phật, đi nghe pháp. Lạy Phật đương nhiên cúng dường. Dùng cái gì để cúng dường? Dùng một ít hương hoa, trân bảo. Từ đâu đến? từ trên tay biến hiện ra. Trên tay có thể sanh ra vô lượng trân bảo cúng dường. Cúng Phật là tu phước. Ở bên chỗ Phật đó nghe pháp là tu huệ, phước huệ song tu. Nên ở thế giới Cực Lạc tu hành thành Phật dễ, rất dễ dàng và rất nhanh. Vì ta ở đó có năng lực tiếp xúc Chư Phật Như Lai, có năng lực này. Đều là tùy theo ý niệm của ta. Ta muốn gặp mười phương Phật, thập phương Phật lập tức có thể gặp được. Vì sao? Vì ta có thể hoá thân để đi. Thân của mình ở trước Phật A Di Đà như như bất động, đã phân thân đến mười phương thế giới. Trước mặt bất cứ vị Phật nào đều có ta. Chúng ta ở đó tu cúng dường, ở đó nghe pháp, pháp môn gì cũng đều nghe được. Không chỉ tám vạn bốn ngàn Pháp môn.

Chúng ta thật sự muốn học Phật để được đến thế giới Cực Lạc. Nếu ta không đến thế giới Cực Lạc, thì học Phật nghe pháp rất cực khổ, phải dùng thời gian bao lâu! Chúng ta ở trên thế gian này đời này qua đời khác đầu thai chuyển kiếp. Một lần đầu thai ít nhất phải mất mười mấy hai mươi năm, nhưng còn phải xem nhân duyên. Có khi trong một đời gặp được Phật

pháp, như có khi một đời đã bỏ lỡ. Không nghe được Phật pháp khẳng định tạo nghiệp, tạo nghiệp phải thọ quả báo. Quý vị nói có phiền phức không? Hôm nay gặp được duyên này, mới biết được duyên này thù thắng biết bao.

Hai câu ở sau rất quan trọng, “toàn bộ kinh chỉ, nhiếp vô bất tận”. Bộ kinh đại thừa Vô Lượng Thọ này. Trong đó những lý luận, những phương pháp, trong mỗi câu danh hiệu đều đầy đủ tất cả. Lại nói với quý vị, không những một câu danh hiệu này đầy đủ toàn bộ tinh độ tông, nó đồng thời đầy đủ toàn bộ tất cả pháp mà Đức Thế Tôn giảng trong suốt 49 năm. Tất cả không ngoài câu này. Nó còn đầy đủ biến pháp giới hư không giới, và tất cả pháp Chư Phật nói trong quá khứ, hiện tại, vị lai, viên mãn cụ túc.

Người niệm câu A Di Đà Phật này rất đông, nhưng người thật sự hiểu được công đức của câu A Di Đà Phật thì không nhiều. Chúng tôi ở trên bục giảng, đặc biệt là giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ.

Trong lời tựa của lão cư sĩ Mai Quang Hy, giới thiệu rất rõ ràng. Trong đó có một đoạn nói rằng, chư vị tổ sư đại đức của thời đại Tuỳ Đường. Thời kỳ đó trong lịch sử gọi là thời đại hoàng kim của Phật giáo. Chư vị Tổ sư, Cao tăng thực đức rất nhiều. Đại thừa tiểu thừa có mười tông phái, đều kiến lập dưới triều đại Tuỳ Đường. Hàn quốc, Nhật bản, Việt nam, các vùng lân cận đến Trung quốc du học. sau khi trở về, trở thành tổ sư của Quốc gia họ. Đó không phải là người bình thường, đã từng nghiên cứu, cũng hiểu kỳ như chúng ta.

Chúng ta tìm hiểu kỹ càng, thì kinh điển mà Đức Thế Tôn thuyết trong 49 năm, đã nói rất nhiều, bộ kinh nào quan trọng nhất, có thể tượng trưng cho một đời thuyết pháp của Thế Tôn? Mọi người hầu như đều nhất trí tôn sùng “Kinh Đại phương Quảng Phật Hoa Nghiêm”. Nên địa vị kinh Hoa Nghiêm trong Phật Giáo rất cao, được xưng là vua trong các kinh, là căn bản pháp luận. Tất cả kinh đều là quyền thuộc của Hoa Nghiêm, giống như một cây đại thọ vậy, Hoa Nghiêm là thân cây. Còn tất cả các kinh khác là cành lá hoa quả trên cây này. Hoa Nghiêm là căn bản. Cuối cùng của Hoa Nghiêm, một đời viên mãn thành tựu điều gì? là Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo quy Cự Lạc.

Vốn dĩ Hoa Nghiêm cứu cánh viên mãn, là tại thế giới tây phương Cự Lạc. Do đó mọi người sẽ ý thức được. Vô Lượng Thọ Kinh là phiên dịch sớm nhất, bản dịch rất nhiều. Người thời đó đều đã từng thấy qua, đều đọc qua. Nên các vị tổ sư đại đức đều khẳng định, “Hoa Nghiêm” cuối cùng quy “Vô Lượng Thọ”. “Vô Lượng Thọ” biến thành đệ nhất.

Chúng ta nghĩ lại, ngày nay kinh Vô Lượng Thọ có chín bản. bản của Hạ Liên Cư là tốt nhất hoàn bị nhất. Tập hợp năm cuốn và dịch thành, đính chính bản su tập của Vương Long Thư, và nhầm lẫn trong bản su tập của Ngụy Mặc Thâm, đều sửa lại. Đây là một cuốn sách tốt nhất.

Trong cuốn sách này phân thành 48 phẩm. Chúng ta cũng giống như các vị tổ sư đại đức xưa nay. Trong 48 phẩm này, phẩm nào quan trọng nhất? Đương nhiên là đệ lục phẩm. Phẩm thứ sáu là chính Đức Phật A Di Đà giảng. Bốn mươi tám nguyện là chính ngài tự thuyết. Đức Thế Tôn kể lại cho chúng ta, chứ không phải Đức Thế Tôn thuyết. Điều này đương nhiên rất quan trọng. Trong 48 nguyện, nguyện nào quan trọng nhất? Chư vị cổ đức nói là nguyện thứ mười tám. Nên Nhật bản có phái Bản Nguyện Niệm Phật. Họ chuyên học tập nguyện thứ 18 này, 47 nguyện còn lại họ không học, họ chỉ cần nguyện thứ mười tám. Như vậy có thể thành tựu chăng? Có vấn đề. Tại sao? Mỗi nguyện trong 48 nguyện đều viên mãn bao hàm 47 nguyện khác. 48 nguyện là một nguyện, chúng ta không thể có thiếu sót. Phái này của Nhật bản lợi dụng điểm tốt, nên nó không viên mãn.

Nguyện thứ 19” phát bồ đề tâm”. Nguyện thứ 18 “lâm mạng chung thời thập niệm tất sanh”. Hai nguyện này rất quan trọng, nguyện 19 và 18 không thể phân. Vì kinh văn trong Kinh Vô Lượng Thọ, rõ ràng minh bạch nói với chúng ta. Quý vị xem trong kinh này “tam bối vãng sanh”, “vãng sanh chánh nhân”. Quý vị xem đã rõ ràng rồi. Bất luận là thượng bối, trung bối, hạ bối, hoặc là tu học các pháp môn khác. Khi sắp mạng chung, đem công đức mà mình tu học, hồi hướng cầu sanh tịnh độ tất cả đều được.

Pháp môn này không nói là anh nhất định phải tu tịnh độ, anh tu các pháp môn khác không thể vãng sanh như vậy. Chỉ cần “phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. “Nhất hướng chuyên niệm” này, “lâm chung thập cú” cũng là “nhất hướng chuyên niệm”. Đây là các tổ sư đại đức ngày xưa vì chúng ta mà nói, như vậy chúng ta đã hiểu rõ. Biến pháp giới hư không giới, mười phương ba đời tất cả chư Phật Bồ Tát tu hành, chỉ một câu A Di Đà Phật này. Triển khai câu A Di Đà Phật này, chính là 48 nguyện. Triển khai 48 nguyện chính là toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ. Và triển khai rộng toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ, chính là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm.

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm là trình bày căn kể tỷ mỹ của kinh Vô Lượng Thọ. Nên Bàn Tế Thanh cư sĩ nói Kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bản Hoa Nghiêm, A Di Đà Phật chính là tiểu bản Hoa Nghiêm. Nói như vậy rất có lý. Triển khai rộng kinh Hoa Nghiêm chính là đại tạng kinh mà hiện nay nói. Và tiếp tục triển khai 49 năm thuyết pháp của Thế Tôn chính là tất cả kinh điển mà mười phương ba đời tất cả Chư Phật nói. Một câu A Di Đà Phật là tổng cương lĩnh. Khi chư vị tổ sư chưa phân tích như vậy, chúng ta không biết. Phân tích như vậy mới phát hiện được, A Di Đà Phật là bảo trong các thứ bảo, là vô thượng pháp bảo. Là sao? Là tự tánh A Di Đà Phật của chính mình.

Học Phật không có gì khác, mà là trở về với tự tánh. Chúng ta thật sự đã học hiểu, đại thừa giáo thường nói “sẽ như thế nào?” Ý của lời này sâu sắc vô cùng. Biết rồi, nếu thật sự đã biết. Thì hiện tại ta đang sống trong A Di Đà. Nói cách khác, hiện tại ta đang sống trong thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc ở đâu? ở ngay tại đây. Chúng ta đã chuyển cảnh trước mắt

thành cảnh Cực Lạc. Cũng chính là tuy ta ở trên địa cầu, còn chưa đi đến thế giới Cực Lạc. Dù ta ở trên địa cầu này nhưng tâm tình giống như đang ở thế giới Cực lạc vậy. Thật giống nhau sao? Thật giống nhau. Vì sao? Vì ta đã không còn vọng tưởng phân biệt chấp trước.

Hay nói cách khác, lục căn của ta đã ở trong cảnh giới lục trần, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Như vậy ta với thế giới Cực Lạc có gì phân biệt! giống nhau. Vừa khởi tâm động niệm là không giống nhau nữa. Vừa phân biệt chấp trước thì sai biệt càng lớn. Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát, bất luận ứng hoá ở đâu, họ tuyệt đối không khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, làm gì có phân biệt chấp trước! Họ ở thế giới nào? Nhất chân pháp giới. Cảnh giới của họ là gì? cảnh giới của họ là thường tịch quang. Thật sự thâm nhập pháp môn bất nhị. Đây hoàn toàn là sự thật. Cũng là những gì đại thừa Trung quốc nói, đại triết đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Như lục tổ Huệ Năng của thiên tông, sau khi khai ngộ, ngài trú trong cảnh giới này, mà phàm phu chúng ta không biết. Chúng ta có nhìn cũng không nhận ra.

Nhưng nếu nhìn tỷ mỹ, cũng có thể nhìn ra một việc là nhìn họ rất tự tại. Ta có thể nhìn thấy họ thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Chúng ta tỷ mỹ quan sát, tất cả pháp trong thế xuất thế gian họ đều không để trong tâm. Tâm họ hoàn toàn thanh tịnh không nhiễm chút trần. Tâm và thường tịch quang tương ứng. Sinh hoạt hành vi với tất cả chúng sanh hoà quang đồng trần. Chúng ta nhìn không thấy, dấu tích đều không nhìn thấy. Mỉm cười với tất cả mọi người. Thật sự làm được nhu hoà chất trực. Như vậy là đã nhập vào cảnh giới.

Không nhập vào cảnh giới vì họ có chấp trước, có phân biệt, họ có phiền não tập khí, cũng chính là có tham- sân- si- mạn. Vô lượng thọ, chúng ta chỉ học đến đây. Ở dưới trang nghiêm có một điều:

“Trang nghiêm giả “Tham Huyền Ký” viết, trang nghiêm hữu nhị nghĩa, nhất thị cụ đức nghĩa, nhị giao sức nghĩa”. Trang nghiêm là mỹ hảo. Mỹ hảo có hai nghĩa.

Thứ nhất là đức, cụ đức. Trong tự tánh vốn đủ đức tướng. Nghĩa thứ hai giao sức. Giao là giao hô, sức là trang sức. Đây là dùng ý nghĩa của thế gian để giải thích. Chúng ta có tụ hội tốt lành, như người thế gian làm hỷ sự, làm chúc thọ. Nhất định có nơi chốn trang nghiêm, bây giờ gọi là lễ đường. Lễ đường cần phải trang hoàng bố trí. Đây là ý nghĩa của “giao sức”. Nên trong kinh Di Đà nói: *“ kỳ phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm”.* Câu này trong kinh Di Đà, hầu như trong mỗi đoạn đều có. Nhìn thấy chỗ dạy học của thế giới Cực Lạc, vô cùng trang nghiêm. Trang nghiêm này không phải do con người thiết kế, người thiết kế không có tốt đẹp như vậy, là tự nhiên. Vì sao như vậy? Nó là tự tánh biến hiện. Tự tánh chính là tốt đẹp như vậy, bất luận biến ra sao, biến có nhiều hơn nữa thì vẫn đẹp đẽ như nhau. Nếu quý vị không tin, giống như ống vụn hoa này, trong này chỉ vài miếng nhỏ màu

sắc không giống nhau bỏ vào trong đó. Ba mảnh lưu ly, nếu bạn xoay chuyển, bất luận chuyển ra sao thì đồ án ở trong đó đều có quy củ, tuyệt đối không lộn lạo.

Ông vạn hoa này cũng có tánh đức, chẳng lẽ tự tánh của chúng ta không bằng ông vạn hoa? Tôi nói với quý vị, con người chúng ta, con người là ai tạo? Tại sao trong đó khí quản lại nhiều như vậy, nó hoàn toàn không sai lạc, mỗi cái đều có công năng của nó. Nó là một bộ cơ khí, không phải nhân tạo _ đây là tự tánh.

Thân người của chúng ta tự nhiên, khi tạo nó hoàn bị như vậy, mỹ mãn như vậy, một chút khuyết điểm cũng không có. Thế giới tây phương cực lạc y chánh trang nghiêm, toàn là do tự tánh biến ra. Chúng ta không nên hoài nghi, không nên suy nghĩ lung tung, vì chúng ta không thể nghĩ ra. Chúng ta nghĩ là gì? toàn là vọng niệm. Vọng niệm làm sao có thể nghĩ ra được chân thật? Làm sao biết được chân thật? Buông bỏ vọng niệm, chân thật sẽ hiện tiền. Chân thật không phải không thể biết, có thể biết. Chúng ta tuy biết nhưng cũng nói không được. Việc này chỉ có người chứng mới biết được.

Người xưa có một ví dụ, như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Nước này là nóng hay lạnh, nói với quý vị như thế nào đều không rõ, nói không ra. Nhưng uống một hớp thì sẽ rõ. Ta uống một hớp cũng nói không ra. Bây giờ chúng ta nói nhiệt độ là bao nhiêu, có thể tin tưởng chẳng? Không tin tưởng được. Vì sao? Mỗi người cảm nhận không giống nhau. Có người ăn rất nóng, nhưng anh ta cảm thấy ngon, rất thích hợp với anh ta. Có người cho rằng quá nóng, có người cho là vừa tốt. Mỗi người không giống nhau, không có tiêu chuẩn. Nên các vị tông môn đại đức nói câu này rất hay, lạnh nóng tự biết, chính ta tự hiểu.

Vãng sanh luận xưng Cực Lạc tam chủng trang nghiêm. Ở trước đã nói qua là Phật, Bồ tát, Quốc độ. “*Tế luận tắc hữu nhị thập cửu chủng trang nghiêm*” . Có hai mươi chín loại này trong nguyên văn Vãng Sanh luận. Hai mươi chín loại đó chính là ba loại này triển khai ra, quy nạp lại là ba loại này, “văn phồn bất dẫn”. Xem “Vãng Sanh Luận” sẽ biết, “*kim bốn kinh viết nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ*”. Câu này nói, Phật A Di Đà tại đây tu hành. Ngài xác thực nhất tâm nhất ý. “Nhất hướng” là một phương hướng, một mục tiêu kiến tạo thế giới Cực Lạc, cũng chính là kiến tạo chỗ tu học này. Vì sao kiến tạo? Giúp chúng sanh có duyên sớm ngày thành Phật, sớm ngày thành tựu. Đây là phát vô thượng bồ đề tâm. Giúp người có duyên trong biến pháp giới hư không giới.

Như thế nào là người có duyên? Có thể tin, có thể hiểu, có thể phát nguyện, có thể hành. Như vậy là có duyên với Phật A Di Đà. Ở trong một đời, thời gian dài ngắn là do mỗi người, A Di Đà Phật nhất định tiếp dẫn họ, nhất định hoan nghênh họ, một người cũng không sót.

Có người sơ học hoài nghi. Trước đây khi tôi ở Đài Trung học với thầy Lý, có người bạn học hoài nghi. Người trong mười phương thế giới rất nhiều, Phật A Di Đà có thể nắm bắt hết sao? Lỡ ngài quên tôi thì biết làm sao? Quý vị nói Phật A Di Đà có quên không? Bây

giờ chúng ta biết sẽ không quên. Vì sao? Ý niệm chúng ta vừa nhất động, ở đây giống như điện đài vậy, luồng điện phát xạ qua là chúng ta nhận được liền. Thì làm sao mà nhầm lẫn được! cũng như vi tính vậy.

Trong Hoàn Nguyên Quán chúng ta nhìn thấy, đó là thật không phải giả. Ý niệm của tâm chúng ta, còn vật chất của chúng ta. Vật chất là cơ thể này của chúng ta. Cơ thể này của ta cũng có dao động. Tế bào của cơ thể này, mỗi tế bào nó đều đang động. Dao động này với ý niệm của chúng ta là nhất trí. Ý niệm của chúng ta nhất tâm chuyên chú thế giới Cực Lạc. Tế bào toàn thân đều chuyên chú, mỗi tế bào, tế bào còn nói rất lớn. Bây giờ giới khoa học nói gì? tiểu quang tử chính là lượng tử. Trong Phật Pháp gọi là vi trần, mỗi hạt vi trần, Bồ Tát Di Lặc nói rất rõ ràng, “*niệm niệm thành hình*”, hình ở đây là vi trần. “*Hình giai hữu thức*”, trong mỗi hạt vi trần đều có thọ tướng hành thức. Nên khi những thứ này dao động, thì con người chúng ta cơ khí rất lớn. Một ý niệm của chúng ta dao động, thì khiến tất cả cùng dao động, đều tập trung hướng đến một mục tiêu, một phương hướng. Sức mạnh này rất lớn, Phật A Di Đà có thể nhận được. Năng lượng của ngài không thể nghĩ bàn. Năng lượng của ngài là tự tánh viên mãn phát huy. Năng lượng chúng ta có thể nói chín mươi chín chám chín phần trăm, bị tập khí phiền não làm chướng ngại, nên nó không phát ra được.

Khi chúng ta thật sự có thể khởi tác dụng với chư Phật Bồ Tát, năng lượng này rất ít, nhưng năng lượng chư Phật rất lớn, nên năng lượng chúng ta lập tức chu biến pháp giới, các ngài sẽ nhận được, đây chính là cảm ứng. Chúng sanh có cảm các ngài lập tức có ứng. Chúng ta mỗi tiếng đều niệm A Di Đà Phật, thì mỗi tiếng đều có cảm ứng. Nên “nhất niệm tương ưng, nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng, niệm niệm Phật”. Vì sao chúng ta không nhận được sự cảm ứng của Phật A Di Đà? Có hồi ứng.

Thân thể của chúng ta là cơ quan phát xạ, cũng là cơ quan tiếp nhận. Chúng ta có tiếp nhận được chăng? Có. Nhưng vì sao không có cảm giác? Vì phiền não tập khí quá nặng. Nếu tâm chúng ta chân thành, thanh tịnh, bình đẳng. Phật A Di Đà cảm ứng, chúng ta sẽ nhận được. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn, khi nào ta mạng chung ngài đều biết, và đến lúc đó ngài sẽ xuất hiện, chúng ta sẽ nhìn thấy, ngài đến tiếp dẫn chúng ta. Chứng minh trong kinh nói về ngài là thật không phải giả. Ngài không gạt chúng ta.

Ngài nói, người niệm Phật trong mười phương, khi sắp mạng chung. Thật sự nhớ ngài, cầu nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, ngài đều tiếp dẫn. Tiếp dẫn của ngài là hoá thân. Hoá thân đó vô lượng vô biên vô tận vô số. Nên trong mười phương thế giới một người cũng không sót. Vi tính, máy tính, nếu so với Phật A Di Đà thì kém xa, không cách nào để so sánh. Bây giờ mọi người đối với vi tính đều thừa nhận, đều tin tưởng, vậy tại sao không thừa nhận tánh đức của tự tánh? Nên không thể hoài nghi. Thật sự hoài nghi, hoài nghi ngài làm hay. Như đánh cược vậy. Tôi làm như vậy xem có được không? Nếu vãng sanh tôi có lợi, còn

không thể vãng sanh thì thôi vậy. Thái độ đó, Phật cũng sẽ đến tiếp dẫn, họ cũng được vãng sanh nhưng sanh về biên địa.

Nên thế giới Cực Lạc cũng có biên địa. Biên địa là gì? chính là thái độ này đi vãng sanh, họ vẫn được vãng sanh. Nhưng họ phải ở biên địa năm trăm năm. Năm trăm năm là năm trăm năm của cõi nhân gian chúng ta. Nhân gian năm trăm năm, ở thế giới Cực Lạc chỉ mấy ngày. Đây là nói chúng ta và họ có khác biệt về thời gian, nên họ đã bỏ lỡ thời gian như vậy. Năm trăm năm họ không thể thấy Phật, nhưng họ ở trong biên địa có thể nghe được Phật pháp. Cũng rất hạnh phúc, như Dạ ma thiên vậy, giống niềm vui của chư thiên. Chỉ là không thể đi đến gặp Phật.

Do đây mà biết, hạ hạ phẩm vãng sanh, đến thế giới Cực lạc đều thấy Phật. Nếu chúng ta hiểu đạo lý này, thì cần phải học Phật A Di Đà. Làm sao học ngài? Nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ. Ngay lúc này đây phải chuyên chú phải nhất tâm, không nên nghĩ gì khác. Tưởng A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật. Đây chính là thế giới tây phương trang nghiêm Cực lạc. Chúng ta dùng danh hiệu Phật A Di Đà, trong danh hiệu bao hàm trí tuệ công đức vô lượng. Trí tuệ công đức này là thế giới trang nghiêm Cực lạc. Cũng chính là nói thế giới Cực Lạc chúng ta trang nghiêm, có tôi một phần ở trong đó. Điều này rất quan trọng.

Chúng ta trang nghiêm đạo tràng này, tương lai chính chúng ta đi đến đó. Ở thế gian này chúng ta phải buông bỏ tất cả, và kết duyên với thế giới đó. Ở thế gian này và trang nghiêm thế gian này. Nhưng chúng ta chỉ trang nghiêm để người thế gian này thọ dụng, chúng ta không thọ dụng, giống như Đức Thế Tôn vậy. Cúng dường đại chúng, chúng ta trang nghiêm thế giới tây phương Cực Lạc, thì ở đó chúng ta có thọ dụng.

Chúng ta niệm một tiếng Phật hiệu, giống như dán lên một miếng vàng thiếp ở thế giới tây phương Cực Lạc. Còn niệm hai tiếng thì dán lên hai miếng vàng thiếp, giống như dán vàng vậy. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch, quý vị sẽ làm thật sự! “Trang nghiêm chúng hành”, Hành là hành vi trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta. Hành vi trong sinh hoạt hằng ngày đều xưng tánh. Như thế nào mới không xưng tánh? Ta dùng tâm vọng tưởng phân biệt chấp trước là không xưng tánh. Chúng ta làm việc, đối nhân xử thế, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày. Chỉ cần thật sự có thể làm được không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, là xưng tánh!

Có thể làm được không phân biệt, không chấp trước sẽ xưng tánh. Không khởi tâm, không động niệm là hoàn toàn xưng tánh, gọi là tánh viên mãn. Điều này chúng ta không dễ dàng làm được, chúng ta có thể làm một nửa. Một nửa này chính là không phân biệt không chấp trước, khi ở cùng mọi người một nơi, không nên thường nghĩ đến cá nhân. Vì có bản ngã thì có phân biệt chấp trước, chúng ta sẽ bị phiền não xoay chuyển. Sống chung với mọi

người phải học điều gì? Vô ngã. Tôi với họ là nhất thể. Tôi với chúng sanh là nhất thể. Tôi với cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa là nhất thể. Không có phân biệt, như vậy rất tốt, và lâu ngày sẽ quên bản ngã, đã phá ngã chấp. Ngã chấp phá liền sanh thể giới tây phương Cực Lạc, không phải ở cõi đồng cư, mà sanh lên cõi phương tiện hữu dư, đã nâng lên rất cao.

Còn không khởi tâm không động niệm, thì sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Đến thế giới Cực Lạc là thành Phật, hoàn toàn tương ưng với Phật A Di Đà. Nên những việc này nó hiện tiền trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Đối nhân xử thế tiếp vật đều có thể học tập. Vấn đề là ta phải biết trang nghiêm chúng hành.

“Hựu Phật dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hành”. Đây là Phật nói ở trong kinh. Trang nghiêm, có thể trang nghiêm là bỏ đề tâm, thật phát tâm. Chính là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi. Khi nào khởi tác dụng? Khởi tác dụng trong sinh hoạt hằng ngày. Mặc áo ăn cơm khởi tác dụng. Ở nhà làm việc nhà khởi tác dụng. Quét nhà lau bàn khởi tác dụng. Trên công việc cũng khởi tác dụng. Đối nhân xử thế tiếp vật không có cái nào là không khởi tác dụng. Tâm chân thành không phải hư ngụy. Tâm thanh tịnh không nhiễm ô. Tâm bình đẳng không cống cao ngã mạn. Tâm chánh giác không mê hoặc. Tâm từ bi chính là lòng yêu thương, không có tự tư tự lợi. Tất cả đều dùng hết. Đây là có thể trang nghiêm. Chúng ta dùng tâm niệm này, câu Phật hiệu này, niệm ở đây. Chúng ta thật sự đã trang nghiêm hoàn cảnh trước mắt, cũng trang nghiêm thế giới tây phương Cực Lạc. *“Cực Lạc quốc độ như thị công đức trang nghiêm bất khả tư nghị”*.

Trong thập phương thế giới mỗi ngày có bao nhiêu chúng sanh, vãng sanh vào thế giới Cực Lạc. Chúng ta phải buông bỏ tất cả tham - sân - si - mạn - nghi, nhất tâm chuyên chú. Đối với thế giới tây phương Cực Lạc, nhất định không hoài nghi, không nên vọng tưởng. Mỗi ngày có bao nhiêu người đi đến thập phương thế giới, Cực Lạc thế giới! Quá nhiều, đếm không hết. Như vậy thế giới Cực Lạc có phải là quá tải rồi chẳng? Ta cứ tưởng giống như địa cầu của chúng ta vậy. Hiện tại là sáu trăm bảy mươi ngàn ức người, quá nhiều không thể tưởng được. Tương lai bảy trăm ngàn ức quá ghê gớm phải không? Nếu ta cứ dùng thái độ này để hoài nghi thì ta không thể đến đó được. Tại sao? Chúng ta nhất định phải hiểu mới có thể đoạn nghi sanh tín.

Thế giới Cực Lạc là cõi pháp tánh, còn thế giới của chúng ta là cõi pháp tướng. Thế chất không giống nhau. Pháp tướng có hạn, nhưng pháp tánh vô hạn. Pháp tướng có lớn nhỏ, pháp tánh không có lớn nhỏ. Trong kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng. Trong kinh này cũng giảng rất rõ ràng. Phải hiểu rõ đạo lý này, mới có thể đoạn trừ được nghi vấn. Nếu không cứ suy nghĩ lung tung, nghĩ rằng thế giới Cực Lạc cũng như chúng ta ở đây, thì khuyết điểm lại đến. Hoàn toàn không giống nhau. Tánh đức không thể nghĩ bàn.

“Hựu bỉ Cực Lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm, như thượng sở dẫn, chánh hiển kinh đề trung trang nghiêm chi nghĩa. Cái pháp tạng nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”.

Hết giờ rồi, chỗ này ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục học. Chúng ta hôm nay học đến đây.

Tập 78

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: ngày 13 tháng 07 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 83 hàng thứ 6. Chúng ta bắt đầu xem từ đoạn giữa.

“Cực lạc quốc độ như thị công đức trang nghiêm bất khả tư nghị. Hựu, bỉ cực lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm. Như thượng sở dẫn, chánh hiển kinh đề trung trang nghiêm chi nghĩa”. Chúng ta xem đến chỗ này. Đây là chúng ta tiếp tục học hai chữ trang nghiêm trong đề kinh.

Trong kinh Di Đà Đức Phật thường nói đến “*kỳ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm*”. Cực lực tán thán thế giới Cực Lạc, công đức tu hành của chư Phật chư Bồ Tát, đây là “*năng trang nghiêm*”. Còn quả báo y chánh của thế giới Cực Lạc là “*sở trang nghiêm*”. Trong kinh đại thừa Đức Phật thường nói: “*tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển, cực lạc thế giới A Di Đà Phật, thân hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo*”. Như vậy thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, Phật thọ vô lượng. Người sanh đến tây phương thế giới Cực Lạc, bất luận là phẩm vị nào, cho dù là cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh. Thì thọ lượng, tướng hảo, trang nghiêm của họ với Phật A Di Đà không có gì sai biệt.

Từ chỗ này hiển thị công đức giáo hoá của Phật và công đức tu học của chư Bồ Tát, thù thắng biết bao nhiêu! Cho nên trong quả báo chúng ta nhìn thấy công đức tu hành, nhân quả bất nhị. Từ nhân thấy quả, từ quả thấy nhân. Chúng ta sẽ hiểu rõ, “*năng trang nghiêm*” là tu công đức_công đức tu hành. Chúng ta quy nạp lại nói, vô lượng công đức đều không ngoài bồ đề tâm. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi đều đạt đến cứu cánh viên mãn.

Người vãng sanh về cõi phàm thánh đồng cư, chúng ta biết phiền não của họ chưa đoạn. Cõi phương tiện, đã đoạn kiến tư phiền não, nên công phu của họ, chí ít cũng tu đến tiểu thừa tu đà hoàn, Bồ Tát sơ tín vị của đại thừa. Họ vãng sanh vào cõi phương tiện hữu dư. Cõi phương tiện hữu dư cũng có tam bối cửu phẩm. Như vậy chúng ta có thể thấu triệt, tiểu thừa tứ quả tứ hướng. Tứ hướng là sơ quả hướng bất đàm, quả này vẫn ở trong cõi đồng cư. Sơ quả trở lên đến A la hán là bảy giai cấp, phân phối trong chín phẩm. Chúng ta đại khái cũng biết giai cấp vãng sanh này. Lên cao hơn nữa thì phân biệt cũng đoạn, phân biệt là trần sa vô minh. Chấp trước là kiến tư vô minh. Vô minh chính là phiền não, còn phải phá nhất phẩm vô thi vô minh. Không khởi tâm không động niệm, mới có thể sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Nhưng thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng.

Oai thần đại nguyện của Phật A Di Đà, gia trì cho những người đời nghiệp vãng sanh. Tuy phẩm vị không cao, nhưng có trí tuệ- đạo lực- đức năng- phước báo. Đức Phật thường giảng “trí tuệ đức tướng”, đều đồng với A Duy Việt Trí Bồ Tát. Điều này thật không thể nghĩ bàn! Vì sao? Vì ở thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà có thể gia trì. Chư Phật Như Lai của thế giới tha phương tại sao không thể gia trì những chúng sanh đời nghiệp này? Người học Phật chúng ta đều hiểu, Phật Phật đạo đồng. Vì sao Phật A Di Đà thù thắng?

Phật Phật đạo đồng là không sai, trí tuệ cũng đồng, đức tướng tương đồng, tướng hảo tương đồng. Họ có bất đồng, nhưng bất đồng điều gì? Ở chỗ phát nguyện bất đồng. Phật A Di Đà phát ra hoằng nguyện xác thực là rất thù thắng. Khi ngài chứng đắc quả vị cứu cánh, những nguyện mà ngài phát tất cả đều hiện thực, không có nguyện nào là hư nguyện, nên thành tựu vô cùng thù thắng trang nghiêm. Ở thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà chưa từng gián đoạn việc giáo hoá. Bồ Tát vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, không có gián đoạn học tập, mỗi ngày đều học. Ngạn ngữ có câu: “*Sống đến già, học đến già học không hết*”. Chư Phật Bồ tát ở thế giới Cực lạc.

Đây là ba loại trang nghiêm mà Vãng sanh luận nói, Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm, Quốc độ trang nghiêm. Giáo hoá của Phật không có trung đoạn, không có kết thúc. Học tập của Bồ Tát không có gián đoạn cũng không có kết thúc. Quốc độ thù thắng trang nghiêm, quả báo bất khả tư nghị! Những thứ cần học có thể học hết được chẳng. Xung tánh, tánh đức là viên mãn. Khi chứng đắc là viên mãn. A Duy Việt Trí Bồ Tát, thông thường mà nói thì đã chứng đắc viên mãn. Họ đã buông bỏ khởi tâm động niệm, thật sự đã nhập vào cảnh giới bình đẳng tánh_ bình đẳng chính là Phật.

Khởi tâm động niệm không còn, đương nhiên cũng không có phân biệt chấp trước. Ở trong cảnh giới này, lên lớp mỗi ngày không gián đoạn. Đạo lý này chúng ta có thể lãnh hội chẳng? Chư vị trong Tông môn nói “biết không”. Nếu thể hội được, chúng ta thử nghĩ xem, đem nhân sự của ta, nói “*nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý*”. Ở thế giới này của chúng ta, lớn tuổi rồi. Lúc còn trẻ học rộng hiểu nhiều, tuổi đã lớn, ta còn thể lực rất tốt, còn hoàn cảnh

rất tốt, thì ta làm sao để tiêu khiển thời quang? Dùng phương thức nào? Trên thế gian này chúng ta thấy, Đức Thế Tôn tuy đã lớn tuổi. Người xưa nói “*đời người sống đến tuổi bảy mươi là xưa nay hiếm*”. Thời cổ đại bảy mươi là tuổi nghỉ hưu. Sau khi nghỉ hưu thì làm gì? dạy học. Thời xưa có gia học, đa số là lợi dụng từ đường để mở lớp dạy học, chính là trường tư thục. Người già đến học đường để dạy học, là việc mà họ vui nhất. Điều này khiến chúng ta có thể từ từ lý giải được, Phật A Di Đà giáo hoá chưa từng gián đoạn. Vì học sinh mới, mỗi ngày không biết bao nhiêu, có bao nhiêu người đến. Học sinh mới này, tuy là A Duy Việt Trí Bồ Tát, nhưng được oai thần của Di Đà gia trì, nên họ vẫn còn học tập.

Vì sao? Vì phiền não tập khí của họ chưa đoạn hết, chỉ là trí tuệ thần thông đạo lực của họ, hình như gần giống với Phật, nên Phật gia trì. Khi nào tự mình thật sự đạt được công phu này, mới không cần Phật gia trì. Lúc này ta thật sự chứng được pháp thân, thật sự chứng được pháp thân. Cũng chính là nói ta thật sự đoạn tận vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Không còn nương vào sự gia trì của Phật, tự mình đã thật sự đoạn tận. Điều này phải cần một thời gian mới đoạn tận. Như các vị đại Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Thế Chí ở thế giới Cực lạc khẳng định là giúp Phật A Di Đà. Giúp đỡ cõi phàm thánh đồng cư và cõi phương tiện hữu dư. Vì Bồ Tát của hai cõi này chưa kiến tánh.

Có thầy giáo tốt, Phật là thầy giáo. Các vị pháp thân Bồ Tát, Đẳng giác Bồ Tát đảm nhiệm việc trợ giảng, giúp Phật A Di Đà, giúp các vị Bồ tát mới vãng sanh. Quý vị xem, công đức này thù thắng biết bao, hình ảnh này thù thắng biết bao! Trong thập phương thế giới tìm không thấy.

Chúng ta muốn học Phật, muốn ở trong Phật pháp thành tựu viên mãn. Cơ hội này không thể bỏ qua, bỏ qua cơ hội này quả là đáng tiếc. Đức Phật A Di Đà đã làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Người xưa thường nói, học không chán dạy không mệt. Ở đây chúng ta thấy, ta thử nghĩ học tập của chúng ta, một vấn đề học vài lần là đã không muốn học nữa. Cho rằng học như vậy là không tệ, kỳ thật còn kém quá xa. Vì sao? Bởi chúng ta đã hiểu đạo lý này, bất cứ một sự việc nào, bất cứ cuốn sách nào, không nhất định là kinh Phật. Một số người chỉ học vài lần là đã hiểu. Ở trong pháp đại thừa nói, không có. Vì sao? Học đã hiểu là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh mới được coi là học hiểu. “*Nhật kinh thông, nhất thiết kinh thông*”. Bất luận sách giáo khoa nào đều có thể kiến tánh, nếu không làm sao có thể nói, các pháp bình đẳng không có cao thấp?

Các pháp này chưa hề giải thích đây là Phật pháp. Chưa giải thích là Phật pháp, thì các pháp này chính là tất cả pháp. Vì sao có thể kiến tánh? Nó từ tự tánh hiện ra. Tại sao không thể trở về tự tánh? Trở về tự tánh là kiến tánh. Cho nên pháp không thể nghĩ bàn. Phật không thể nghĩ bàn, pháp không thể nghĩ bàn. Học tập Phật pháp được xưng là Tăng, Tăng là người xuất gia, học tập lục hoà kính, được xưng là Tăng. Bốn người trở lên ở một chỗ gọi là tăng

đoàn. Tăng đoàn của lục hoà kính cũng không thể nghĩ bàn. Chuyển phàm thành thánh, như vậy thật quá tuyệt! Hiểu rõ đạo lý này thì có gì mà không thông?

Các cửa đều thông đạo vô thượng. Đạo vô thượng chính là minh tâm kiến tánh. Cửa cửa đều thông, không có thể xuất thế pháp. Thế xuất thế pháp là đối với ai mà nói? Đối với lục đạo phàm phu mà nói. Vì sao họ có thể xuất thế pháp? Là do vọng niệm của họ tạo thành. Nếu họ giác ngộ, thì thế xuất thế pháp sẽ không còn. Nhưng pháp thế xuất thế không còn. Về không gian, thập phương không còn. Về thời gian, tam thế không còn. Đây mới thật sự gọi là nhất chân pháp giới. Quý vị nói pháp nào không bình đẳng? Pháp pháp đều bình đẳng. Nên chúng ta nói thanh tịnh bình đẳng giác. Bình đẳng là pháp bảo, thanh tịnh là tăng bảo, giác là Phật bảo.

Trong danh đề này có tam bảo, có tam học. Tam học là giới định tuệ. Thanh tịnh là giới học, bình đẳng là định học, giác là huệ học. Giới định tuệ tam học, danh đề này đã bao hàm tất cả Phật pháp. Nên bất luận học gì, học đến khi đạt được tam muội, đại triệt đại ngộ, thì môn này mới gọi là thông. Mới như trong kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri*”. Vô tri là gì? Vô tri là tam muội. Trong tam muội nó vốn đầy đủ, gọi là căn bản trí. Từ tam muội khởi dụng, khởi dụng là hậu đắc trí. Hậu đắc trí là “vô sở bất tri”. Nên pháp là bình đẳng, dù bất cứ pháp nào.

Có thể xem thường “Đệ Tử Quy” chăng? “Đệ tử Quy” có thể minh tâm kiến tánh. Khi kiến tánh thì bình đẳng với Hoa Nghiêm, không có gì khác, trước sau bất nhị. “Đệ Tử Quy” là bài học mở đầu. “Hoa Nghiêm Kinh” là bài học cuối cùng. “Kinh Đại Phương Quảng Học Hoa Nghiêm” là thực hiện tánh đức viên mãn cuối cùng, trước sau là một, không phải hai.

Hay nói cách khác, đơn giản như Đệ Tử Quy cũng có thể minh tâm kiến tánh. Quý vị có thể tin tưởng không? Là thật không phải giả. Nên chúng ta phải dùng tâm bình đẳng, thanh tịnh bình đẳng giác, để nhìn tất cả pháp trong thế xuất thế gian. Ta không nên có so sánh, so sánh thì biết khi nào ta mới thâm nhập cảnh giới? biết đến ngày nào ta mới khai ngộ? Dùng thanh tịnh bình đẳng giác, thì pháp nào cũng có thể thành tựu, đều có thể chúng được cứu cánh viên mãn. Ta không thể không biết điều này.

Nên bên dưới ngài dạy: “*Hựu bỉ Cực Lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm. Như thượng sở dẫn, chánh hiển kinh đề trung trang nghiêm chi nghĩa. Cái pháp tạng nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ. Trang nghiêm chúng hành, thị kỳ thù thắng nguyện hạnh dã*”. Điều này chúng ta cần phải học. Học như thế nào? Nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ. Học bằng phương pháp nào? Về lý, trong Hoàn nguyên quan Hiền Thủ Quốc sư nói: “*hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến*”_đây là lý. Rõ về lý rồi, nên phải đem lý này, ứng dụng trong sinh hoạt hằng ngày. Thì sinh hoạt đó chính là sinh hoạt của Chư Phật Bồ Tát, không phải Bồ Tát thường, mà là pháp thân Bồ Tát.

Khi pháp thân Bồ Tát khởi dụng, Đại Sư căn cứ “Kinh Hoa Nghiêm”, quy nạp có bốn đức. Thực hành tứ đức phải tùy duyên diệu dụng. Mỗi điều trong tứ đức này. Trong đó cảnh giới không có biên tế, vô lượng vô biên. Nhưng cái đầu tiên phải biết là tùy duyên diệu dụng. Tùy duyên nói cho dễ hiểu là tùy thuận chúng sanh, là tùy hỷ công đức_đây là tùy duyên.

Còn diệu dụng là gì? Nó ở trong tùy duyên, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây là người như thế nào? Là Chư Phật Như Lai, là pháp thân đại sĩ, chứ không phải là người thường, có thể hoà quang đồng trần với tất cả chúng sanh, lại không bị nhiễm ô. Vĩnh viễn thường trú trong thanh tịnh bình đẳng giác.

Chúng ta dùng câu đơn giản hơn để nói đó là hằng thuận chúng sanh. Nhất định không bị chúng sanh làm ảnh hưởng. Năng lực này quá tuyệt. Chúng ta thử nghĩ xem, chúng ta rất nhiều phiền não, rất nhiều ưu tư. Tại sao? Vì chúng ta bị hoàn cảnh ảnh hưởng. Đặc biệt là hoàn cảnh nhân sự. Trong cảnh duyên, chỉ một dao động vi tế tâm chúng ta đã bất an. Đây là phàm phu, tâm tùy cảnh mà chuyển. Chúng ta bị hoàn cảnh xoay chuyển, chúng ta bị hoàn cảnh khống chế. Hoàn cảnh nhân sự khống chế chúng ta, hoàn cảnh vật chất cũng khống chế chúng ta, hoàn cảnh tự nhiên cũng khống chế chúng ta. Không phải chính là như vậy sao? Khổ không nói hết. Điều này là thật sao? Không, là giả.

Vì sao? Trong kinh điển Đức Phật dạy “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Nó làm sao ảnh hưởng ta được? Không phải cảnh bên ngoài ảnh hưởng chúng ta, mà do vọng niệm của chúng ta. Vọng niệm phân biệt chấp trước, ảnh hưởng thanh tịnh bình đẳng giác của chúng ta, chính là đạo lý này. Thực tế nói thì bên ngoài không ảnh hưởng, bên ngoài thật sự có thể ảnh hưởng, thì Chư Phật Chư Bồ Tát đều bị ảnh hưởng mới đúng. Vì sao các ngài có thể không bị ảnh hưởng.

Chúng ta bị ảnh hưởng không? Sở dĩ các ngài không bị ảnh hưởng, vì họ đã hoàn toàn thấu triệt thật tướng các pháp. Từ nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến. Đây chính là thấu đáo triệt để thật tướng các pháp. Thấu triệt rồi thì sao? Thấu triệt thì sẽ buông bỏ. Chúng ta ngày nay đã học đại thừa giáo, cũng có thể nói ra được. Ở chỗ chúng ta cũng nói qua nhiều lần. Chúng ta đây không phải là chân trí tuệ, chúng ta là nghe nói, nghe Chư Phật Bồ Tát nói, chứ không phải cảnh giới của chính mình.

Cho nên ngộ ở đây là giải ngộ, không phải là chứng ngộ. Chứng ngộ mới có kết quả, sẽ không bị ảnh hưởng. Bây giờ chúng ta đã biết là giải ngộ, không phải thân chứng, mà sự chứng đắc của Chư Phật Bồ Tát. Nói ra để chúng ta nghe và hình như tôi cũng đã hiểu. Tôi cũng có thể nói ra, nói cũng gần như Chư Phật Chư Bồ Tát, không nói sai. Nhưng chúng ta vẫn như vậy, vẫn bị ảnh hưởng. Như vậy là sao?

Nếu là trước đây thì Chương Gia Đại Sư sẽ nói, chúng ta chưa buông bỏ. Nếu thực sự đã buông bỏ, thì chúng ta sẽ không bị ảnh hưởng, mà được đại tự tại. Đó mới gọi là chân ngộ,

nếu buông bỏ được gọi là chứng ngộ. Đã biết chưa buông bỏ là giải ngộ. Tín giải hành chứng, ta đang giải. Chúng ta phải thông qua hành. Hành là gì? là trải qua việc luyện tâm. Người nào cũng đều phải tiếp xúc. Nếu ta không tiếp xúc, lỡ có người ở hoàn cảnh đó làm chướng ngại ta, thì ta sẽ không thể khai ngộ. Tiếp xúc để làm gì? Rèn luyện! trải qua việc luyện tâm. Không có trải qua rèn luyện, chúng ta làm sao có thể chứng quả? Cho nên phải hành, hành là thật sự làm. Thật sự làm chính là thật sự tiếp nhận rèn luyện. Tiếp nhận rèn luyện của người, tiếp nhận rèn luyện của sự việc, tiếp nhận rèn luyện của vạn vật. Giống như Thiện Tài Đông Tử năm mươi ba lần tham học ở trong Kinh Hoa Nghiêm, tiếp nhận rèn luyện của năm mươi ba vị thiện tri thức.

Chịu không được khảo nghiệm, chịu không được rèn luyện, thì vẫn phải lăn lộn trong luân hồi lục đạo, không biết bao giờ mới ra khỏi được. Dù Phật pháp có thông đạt đến đâu, giảng có lưu loát đến đâu cũng vô dụng.

Trước đây, thầy Lý thường nói với chúng tôi, chúng ta sanh tử như thế nào, vẫn là sanh tử như thế đó. Chính là nói chúng ta cũng phải lăn lộn trong lục đạo luân hồi. Trong lục đạo không có gì khác, báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, vẫn là làm những chuyện này. Chúng ta chưa buông bỏ. Điều này nói rõ, buông bỏ được mới là công phu chân chánh, không còn tính toán. Đối nhân, đối sự, đối vật quyết định sẽ không khởi ý niệm không chế chiếm hữu. Điều này rất quan trọng. Quyết định sẽ không đối lập với tất cả nhân sự vật. Vì sao? Biến pháp giới hư không giới với chính mình là nhất thể, nhất thể thì làm sao đối lập?

Người xưa dùng răng và lưỡi làm ví dụ. răng và lưỡi có thể đối lập chăng? Răng cắn trúng lưỡi làm lưỡi chảy máu. Lưỡi có cần báo thù không? Nó sẽ không báo thù. Vì sao? Vì nó không đối lập, nó là nhất thể. Hiện nhất thể, khởi nhị dụng. Nhị dụng là y chánh trang nghiêm và duyên khởi của sanh mạng vũ trụ. Nó sanh ra từ đây, và trở về với nhất thể.

Học Phật không có gì khác. Học Phật để biết trở về với nhất thể. Thực sự đã trở về nhất thể, thì gọi là thành Phật.

Hôm nay chúng ta tu học đại thừa, chính là đi trên con đường này. Ta cũng biết, đích thực là chúng ta không có năng lực đoạn trừ phiền não. Cũng chính là chúng ta chịu không được khảo nghiệm. Vậy phải làm sao? Tìm Phật A Di Đà. Đây là bắt đắ dĩ mới cầu Phật A Di Đà, đến thế giới Cực Lạc tiếp nhận giáo huấn của Phật A Di Đà. Kỳ thật giáo huấn của A Di Đà Phật, cũng không ra ngoài phạm vi của Đức Thế Tôn. Phật Phật đạo đồng. Cũng không ra ngoài những phương pháp của Phật Thích Ca. Chẳng qua ưu điểm lớn nhất của thế giới Cực Lạc là mỗi trường tu học. Trong nhân sự không có người ác.

Không có người ác, nhưng phải làm sao đoạn trừ phiền não tập khí? Ở thế giới tây phương Cực Lạc, mỗi ngày chúng ta có thể tùy thời đến mười phương quốc độ học tập. Quốc độ của chư Phật trong mười phương, có thập pháp giới, có lục đạo. Chúng ta đi đâu để

tham học, và đến đâu để tiếp nhận khảo nghiệm. Sẽ có Phật lực của Phật A Di Đà gia trì chúng ta. Ta mê thì Phật sẽ khiến chúng ta hồi đầu. Đây là tình hình tu học ở thế giới tây phương Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc tu học rất đặc thù. Bản thân ta ở trước Phật A Di Đà, nhưng phân thân ta thì đến tha phương thế giới tham học. Đồng thời có thể phân thân vô lượng vô biên. Đương nhiên năng lực này, là Phật A Di Đà gia trì chúng ta. Kỳ thật đây là bản năng tự tánh, có thể đồng thời phân rất nhiều thân. Ở một nơi, ở một thế giới, cũng có thể đồng thời phân vô lượng thân, đồng thời ở vô lượng cõi của chư Phật, không có một chút chướng ngại nào gọi là sự sự vô ngại. Một mặt là học tập, một mặt là giáo hoá chúng sanh.

Giáo hoá chúng sanh bằng cách nào? Chúng ta đang học tập chính là thị hiện cho người khác thấy. Người căn tánh lợi, vừa thấy liền hiểu rõ, liền giác ngộ, chính là đạo lý này. Đây là những gì chúng ta phải học. Học như thế nào nhưng phải nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ, chúng ta phải thường ghi nhớ. Bốn đức nhập thế của chư Phật Bồ Tát. “Tuỳ duyên” cần phải học “diệu dụng”. Diệu dụng là không bị cảnh duyên làm phiền. Phải học “oai nghi hữu tác”, oai nghi hữu tác là giữ quy củ. Như vậy là sao? Đây là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, làm cho chúng sanh thấy.

Trong oai nghi hữu tác, quan trọng nhất là trì giới, phải làm cho được. Phải thực hành theo “Đệ Tử Quy”, thực hành theo “Cảm ứng Thiên”, và phải thực hành theo “Thập Thiện nghiệp”. Đó là oai nghi hữu tác. Làm như vậy để mọi người xem. Người đã học Phật, nhìn thấy quý vị như vậy, họ sẽ tinh tấn không giải đãi. Còn người không học Phật, nhìn thấy như vậy, họ sẽ bị cảm động mà phát tâm học Phật. Tự hành trì và hoá độ người khác. Dùng ngôn giáo độ tha được xếp thứ hai, còn thân giáo đứng đầu. Chư Phật Như Lai đều trước dùng thân giáo sau dùng ngôn giáo. Khởi tâm động niệm, ngôn đàm cử chỉ của ta làm họ cảm động. Họ sẽ đến thỉnh giáo chúng ta, và chúng ta giải thích cho họ. Họ phục.

Còn chúng ta chỉ dùng ngôn giáo mà tự mình không làm được. Họ không phục. Điều này ta không thể không biết. Đối nhân tiếp vật “nhu hoà chất trực”, điều này phải học. Nhu hoà thì phải học Bồ Tát Di Lạc, đối đãi với tất cả chúng sanh luôn luôn hoan hỷ vui vẻ, luôn luôn thân thiết như vậy. Vì sao? Bồ Tát biết được là một thể. Trong nhu hoà này có oai nghi nghiêm chỉnh? Có. Không phải nhu hoà một cách mê muội. Nhu hoà mê muội ta cũng không thể dạy chúng sanh. Nên dạy chúng sanh, như cha mẹ dạy con cái, và trẻ em. Ân cần và oai nghi nghiêm đều quan trọng, điều này có đạo lý, như vậy mới thật sự nhu hoà chất trực. Nhưng cũng phải tuỳ thời, tuỳ người, tuỳ chỗ và tuỳ sự việc. Sự việc gì phải dùng phương pháp nào, để giúp đỡ tất cả chúng sanh, đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ. Khi nên dùng oai_oai nghiêm, khi nên dùng nhu_từ tường. Khi nào nên dùng phương pháp gì, đó là trí tuệ. Trí tuệ để ở trước mắt, “thay chúng sanh khổ”.

Chúng ta ở trên thế gian này, đã sống đến một trăm tuổi, cho dù là một sát na. Một sát na này không thể sống uổng phí trôi qua, mà phải thành tựu trí tuệ đức tướng cho chính mình.

Giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, tự lợi lợi tha. Chuyến đi này không uổng phí. Xác thực là đề cao chính mình và giúp đỡ người khác, đây chính là công đức, đối mình đối người công đức vô lượng, cụ túc trang nghiêm. Đây cũng là Pháp tạng tỳ kheo nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ, trang nghiêm chúng hành. Trong tất cả, chúng ta nói khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đây gọi là chúng hành. Bất cứ hành vi nào, khởi tâm động niệm đều tương ưng với pháp tánh, đều tương ưng với tứ đức.

Tứ đức này chính là tùy duyên diệu dụng, oai nghi hũu tắc, nhu hoà chất trực, đại chúng sanh khổ đều tương ưng với những điều này. Nếu nói tỳ mỷ hơn nữa, thì ngôn ngữ tạo tác, khởi tâm động niệm tương ưng với “Đệ tử quy”, tương ưng với “Cảm ứng thiên”, tương ưng với “Thập thiện nghiệp”. Đây là điều mục. Tứ đức này là tổng cương, tổng cương lĩnh. Tổng cương lĩnh biết, nhưng ta không biết phải làm sao, phải tỳ mỷ liệt ra từng điều từng điều cho chúng ta. Đây là hạnh nguyện thù thắng. Chư Phật Bồ tát ứng hoá tại thế gian, và biểu hiện ra tất cả, “nhân hành hoạch quả”. Quả chính là chúng.

“Cổ viết, ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hành, quả cảm lạc sát”. Chúng ta thấy câu này của ngài. Ngã ở đây chính là Phật A Di Đà tự xưng. *“Tại thế giới Cực Lạc, tha dĩ kinh thành tựu trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hành. Thanh tịnh chi hành năng trang nghiêm, thành tựu trang nghiêm Phật độ thị sở trang nghiêm”*. Tóm lại mà nói, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, phải tương ưng với thanh tịnh bình đẳng giác, thì sẽ xuất hiện thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc là đệ nhất phước địa. Người xưa nói: người có phước ở đất phước, đất phước người có phước ở. Biến pháp giới hư không giới là phước địa đệ nhất. Đệ nhất phước cư, địa phương cư trú. Nên mười phương chư Phật tán thán.

Bên dưới nói: *“cổ viết, bỉ cực lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm. Vô lượng công đức thi tập kết đại phước huệ hành. Cụ túc trang nghiêm thị viên mãn quả đức hiện tiền”*. Ở đây, chúng ta cần phải yên tĩnh tư duy và quan sát kỹ càng. Phước của chúng sanh từ đâu mà có? chỗ có Phật là có phước. Chỗ không có Phật thì không có phước.

Trong kinh Phật nói về bốn châu. Trong kinh Phật giảng Đông tây nam bắc bốn châu. Nam thiêm bộ châu, địa cầu cầu chúng ta thuộc Nam thiêm bộ châu. Đông tây nam châu có Phật Pháp. Bắc cầu lô châu không có Phật pháp. Một số kinh nói người ở đó phước báo lớn, thọ mạng dài, đều sống trên một nghìn tuổi. Rất ít đoản mạng, cũng rất ít chết yểu. Tài nguyên vô cùng phong phú, cuộc sống không phải lao碌. Vì thế cuộc sống của họ rất thoải mái, không muốn tu đạo. Nên đây chính là điều đạo Phật nói *“phú quý học đạo nan”*. Cuộc sống của họ quá nhàn nhã, không muốn học điều này. Vậy phước họ hưởng hết rồi thì sao? Phước hưởng hết thì không còn nữa. Dù phước có lớn đến đâu thì cũng đến lúc hưởng hết. Sau khi hưởng hết, phước đã hưởng hết, thì những nghiệp đã tạo trong quá khứ lại hiện tiền. Họ vẫn luân hồi trong lục đạo, vẫn tùy nghiệp thọ báo.

Người có phước báo sanh đến cõi trời hưởng phước trời. Trên trời tuy không tạo nghiệp, nhưng phước trời hưởng hết thì phải làm sao? Trong quá khứ ở nhân gian, trong la sát, trong súc sanh, trong ngạ quỷ tạo không ít ác nghiệp, như vậy thì phải thọ báo. Trong địa ngục chỉ thọ báo không có tạo nghiệp, giống như ở thiên đường. Thiên đường cũng chỉ có thọ báo, không có tạo nghiệp. Nhưng cõi trời là phước báo, thiện báo. Còn địa ngục là ác báo, khổ báo. Phước hưởng hết, tội cũng thọ hết. Sau khi tội báo trả xong từ địa ngục ra.

Khi giảng pháp chúng tôi, thường cảnh tỉnh mọi người. Lục đạo không phải một người nào đó kiến lập, mà từ ý niệm của chính mình biến hiện ra. Đúng là nhất thiết pháp từ tâm tưởng sanh. Thiện niệm của ta sẽ biến thành thiên đường, còn ác niệm thì biến thành địa ngục. Thiên đường làm tiêu hao phước báo của ta. Chúng ta có phước phải mất đi. Còn địa ngục tiêu tội nghiệp của ta, gọi là tiêu thọ. Tội tiêu hết, thoát địa ngục. Phước hưởng tận, rời thiên đường. Trong A lại da thức vẫn còn tội nghiệp. Tội tiêu hết, trong quá khứ tạo được thiện nghiệp trong A lại da, do vì thiện nghiệp không lớn, đến không được thiên đường, nhưng sẽ ở lại nhân gian hưởng thụ.

Nhân gian thiện ác hỗn tạp, thiện ít ác nhiều. Ngày tháng như vậy làm sao mà sống? Nếu gặp được phật pháp, phước báo lớn nhất, họ được giải thoát. Trong đời này họ đã biết, nhất định phải duy trì thiện niệm không có ác niệm. Chỉ có thiện niệm, chỉ có thiện hành, không còn tạo ác nghiệp, tâm địa từ từ thanh tịnh bình đẳng. Xem tất cả chúng sanh đều là Phật Bồ Tát. Vì sao? Lời Phật nói là thật không phải giả. Tất cả chúng sanh vốn là Phật, vốn là Bồ Tát.

Các bậc cổ thánh tiên hiền nói: “*nhân tánh bản thiện*”. Tự tánh của tất cả mọi người vốn là thiện. Phật nhìn tất cả chúng sanh, không phải nhìn pháp tướng của họ, mà là nhìn pháp tánh của họ. Từ tánh mà nhìn thì toàn là Phật, không còn khởi phân biệt chấp trước. Phàm phu không có năng lực này, mê và chấp tướng, không kiến tánh! Kiến tánh chính là bình đẳng, chỉ kém một chút. Một chút sai biệt này nhưng ảnh hưởng quả báo thì rất lớn. Đúng là sai chi hào ly, thất chi thiên lý.

Một niệm sai biệt này, đúng là thiên thượng nhân gian, không giống nhau. Nên chúng ta phải khẳng định, chỗ nào có Phật pháp là chỗ đó có phước. Chỗ Phật Pháp hưng thịnh nhất là thế giới Cực Lạc. Làm sao biết nó thịnh nhất? Thập phương chư Phật đều tán thán. Trong Kinh Di Đà chúng ta cũng thấy sáu phương Phật tán thán. Còn trong kinh Vô Lượng Thọ nhìn thấy mười phương Phật tán thán. Những lời Phật nói nhất định không phải là vọng ngữ, quyết định không phải là ý ngữ.

Kinh Kim Cang nói: “*Chư Phật Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, bất cuồng ngữ giả, bất vọng ngữ giả*”. Quý vị tin chăng? Sở dĩ không tin Phật nên nghiệp chướng rất nặng. Chúng ta tự mình phải hiểu rõ là chúng ta tin Phật. Tin ở đây cổ nhân nói là “lộ thủy đạo

tâm”. Chịu không được khảo nghiệm, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần hiện tiền. Họ sẽ không tin và đã quên Phật. Đây không phải là thật sự tin

Thật sự tin từ đâu đến? Chúng ta là người thường, không phải bậc thượng căn lợi trí, là người bình thường. Tín tâm chúng ta kiến lập phải dựa trên kinh giáo. Chỉ có thông qua học tập kinh giáo, từ từ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, mà đạo Phật gọi là tánh tướng lý sự nhân quả, lý giải rõ ràng minh bạch. Thì chúng ta sẽ thật tâm buông bỏ. Lúc này gọi là tín tâm chân thật. Vì sao? Chúng ta đã thật sự làm.

Chúng ta thấy đại tạng kinh của Phật giáo rất nhiều. Đời này của ta có thể đọc hết chẳng? Tôi tiếp xúc qua rất nhiều người sơ học, bàn đến điều này họ đều lắc đầu, tôi làm không được. Chúng ta làm sao để giúp họ? giúp họ cần phải có trí tuệ, và còn phải có kinh nghiệm. Chúng ta đã học nhiều năm như vậy, đã hơn nửa thế kỷ, và hiểu “nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”. Phật giáo nhiều kinh điển như vậy, bất cứ bộ kinh nào cũng được. Tìm một bộ kinh văn tự ít đơn giản, một bộ kinh là có thể giúp ta minh tâm kiến tánh. Vậy giới thiệu bộ nào đây? Ta phải xem căn cơ, vì căn cơ chúng sanh bất đồng. Như một số người bình thường, có thể phổ biến hợp với khổ cơ của đại chúng.

Trước đây tôi ở Đài Trung, học kinh giáo với thầy Lý. Tôi tham gia lớp của thầy. Lớp đó thầy dạy đến tháng thứ hai rồi. Thầy đã mở lớp một tháng, tôi đi học vào tháng thứ hai. Lớp này một tuần thầy lên một tiết. Trên thực tế tôi chỉ thiếu có bốn tiết học. Mới bắt đầu thầy dạy kinh gì? Là “A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh”_kinh điển tiểu thừa, trong kinh A Hàm. Chúng ta nghe tên này thì sẽ hiểu, kinh này rất hợp căn cơ chúng sanh “A Nan Vấn Sự Phật”. Cũng chính là hỏi chúng ta học Phật có gì tốt không? Là lành hay là dữ? Kiết là tốt.

Cuối cùng chúng ta học Phật là kiết hay là hung? Trong kinh này Phật dạy chúng ta học Phật như thế nào sẽ được kiết lợi. Còn học như thế nào, nếu học sai thì bị hung tai. Điều này nói với người mới học Phật rất hay. Thực sự trong kinh này giảng về bốn sự việc.

Đoạn lớn thứ nhất giải đáp vấn đề này. Đoạn lớn thứ hai là dạy không sát sanh. Đoạn thứ ba là giảng về đạo của Thầy trò. Sau cùng là tán tụng của Tôn giả A Nan, cũng chính là chia sẻ học tập tâm đắc của ngài, dùng kệ tụng để nói ra. Đây là giới thiệu cho những người sơ học, rất tốt. Nhưng từ trước giờ chưa tiếp xúc qua Phật pháp. Chúng ta cần giúp họ nhận thức Phật pháp, điều này rất quan trọng. Sau khi làm quen với Phật giáo họ sẽ muốn học. Chúng ta có thể giới thiệu họ bắt đầu từ “A nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh”. Kiên định tín tâm của họ, giúp họ nhận thức sâu hơn nữa.

Nếu họ thật muốn học, thì giúp họ lựa chọn pháp môn. Ở đây có điều kiện chủ quan, và điều kiện khách quan, đều cần phải suy nghĩ đến. Sau đó phải quan sát căn cơ của họ. Nếu người này thật thà, nghe lời, chịu làm, thì người đó thiện căn lớn, nhất định họ sẽ thành công. Gặp được, phải giúp đỡ. Không giúp đỡ sẽ có lỗi với người này. Từ vô lượng kiếp đến nay,

lần này đến nhân gian và gặp được rồi, đây gọi là hữu duyên. Có duyên không giúp đỡ, là có lỗi, đó là không nên. Nhất định nên giúp đỡ họ. Giúp đỡ mà họ không tiếp nhận, không sao. Chúng ta phải biết chúng tử Phật đã trồng trong A lại da thức. Đòi sau chúng tử này khẳng định gặp duyên sẽ khởi tác dụng. Cho nên Phật độ chúng sanh, tiếp dẫn chúng sanh, giáo hoá chúng sanh là một công việc lâu dài. Không phải nhất thời, mà đòi đòi kiếp kiếp. Hiền thị đại từ đại bi của Chư Phật Bồ Tát. Phật pháp là ở chỗ này, giống như trong đã nói “*nhật nguyệt thanh minh, tai lợi bất khởi*”. Sẽ không có tai nạn.

Chúng ta hôm nay nói về hoá giải xung đột, từ từ xã hội an định, thế giới hoà bình. Phật pháp đại thừa thật có hiệu quả! Nên ngày xưa, niên đại bảy mươi, tiến sĩ Thang Ân Tử người nước Anh nói. Ông ta nói phải giải quyết vấn đề của xã hội thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Không Mạnh và Phật pháp đại thừa là hiểu biết đúng đắn và thấu triệt. Điều này không phải người thường có thể nói được.

Bây giờ là thế kỷ 21, quả nhiên là một cục diện hỗn loạn. Hỗn loạn này và thiên tai của địa cầu, trong lịch sử mấy ngàn năm trước không hề có, chưa từng có đại nạn. Điều gì có thể giải quyết? Văn hoá truyền thống xưa có thể giải quyết. Phật pháp đại thừa có thể giải quyết. Cá nhân ta có thể tiếp nhận, có thể thâm tín không thay đổi, có thể thâm nhập kinh tạng y theo giáo pháp mà hành trì. Như vậy thì vấn đề cá nhân sẽ được giải quyết, cá nhân được lợi. Được lợi gì?

Thứ nhất là thân tâm mạnh khoẻ, thứ hai gia đình ấm êm, thứ ba sự nghiệp thuận lợi, thứ tư là chỗ ở thuận hoà. Vì sao? Vì ta có phước. Chúng ta có phước thì ở tại chỗ này, người ở chỗ này cũng có phước, người có phước ở đất phước. Nhờ đó mà xã hội êm ấm, chỗ này không có tai nạn. Chúng ta ảnh hưởng, cũng chính là thật sự có thể giúp thế giới được yên bình. Lợi ích rất nhiều, nói không thể hết!

Đây là nói một cách dễ hiểu, chúng ta lập tức có thể đạt được, như nhà Phật thường nói “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*”. Đây hoàn toàn là sự thật

Lúc tôi mới học, Chương Gia Đại Sư dạy tôi, nếu ta cầu mà không ứng. Đó không phải không ứng, là tự mình có nghiệp chướng. Sám trừ nghiệp chướng. cảm ứng sẽ hiện tiền. Cho nên phải khẳng định thế giới Cực Lạc là phước địa thứ nhất, là phước cư đệ nhất. Người sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, là người có phước báo nhất trong biến pháp giới hư không giới. Chúng ta hy vọng chính mình cũng được tham dự vào hàng ngũ này. Điều này chúng ta có thể làm được chứ không phải làm không được.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai bên dưới. Đoạn bên dưới này hoàn toàn là kinh văn, mà Hoàng Niệm Lão đã dẫn chứng ra. Hãy xem sự trang nghiêm thù thắng của thế giới tây phương Cực Lạc. Trang nghiêm những gì? Chúng ta đọc qua nó một chút, giảng giải để lại ở sau.

“*Hựu kinh trung, vinh sắc quang diệu, bất khả thắng thị*”. Thị là xem. Phong cảnh ở đó rất đẹp chúng ta xem không chán. “*Vô lượng quang viên, chiếu diệu vô cực*”. Thế giới Cực Lạc không cần nhật nguyệt đăng quang. Vì sao? Trên thân mỗi người đều có ánh sáng. Tất cả hiện tượng vật chất đều phóng quang, quang minh thế giới. Ánh sáng này nhu hoà không chói mắt, thanh lương. Giống như người trên thế gian này hình dung về ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng mặt trăng mọi người đều thích, nó không nóng. Còn ánh sáng của mặt trời quá nóng, nó là hoả cầu. Quang minh của thế giới tây phương Cực lạc, là nhiều màu sắc, là thanh lương.

“*Bạch châu ma ni dĩ vi giao lạc minh diệu vô tỷ*”. “Ma ni” là tổng xưng của bảo châu. Đây là nói màu trắng trong bảo châu. “Giao lạc” là hệ thống, là trang sức, trang sức phổ biến, minh diệu vô tỷ. “*Hoa quả hằng phương, quang minh chiếu diệu*”. Hoa không tàn, quả sẽ không thay đổi. Nó là thực vật, thực vật trong thế giới này của chúng ta có sanh trụ dị diệt. Thế giới Cực Lạc không có. Tại sao? Sanh trụ dị diệt là biến hoá. Tại sao thế giới này của chúng ta bị biến hoá? Người ở thế gian này có vọng niệm, có phân biệt, có chấp trước. Nên động vật là sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật có thành trụ hoại không. Điều này nhà Phật gọi là tứ tướng, bốn loại hiện tượng. Thế giới Cực Lạc không có.

Phàm là người sanh đến thế giới Cực Lạc, mặc dù là đời nghiệp vãng sanh, nhưng do nguyện lực oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Ở thế giới Cực lạc tìm không thấy duyên của vọng tưởng phân biệt chấp trước. Trong A lại da tuy có nhân, chính là ta có tập khí này. Không có duyên, tập khí không phát ra được, không khởi tác dụng. Người thế giới tây phương Cực Lạc không có sanh lão bệnh tử. Nên cây cỏ hoa lá sẽ xanh mãi, trái cây chín hoài, ta có thể hái xuống ăn. Trái cây vĩnh viễn không bị biến hoại. Đây đều là trang nghiêm không thể nghĩ bàn.

“*Tuỳ phong tán phức, duyên thủy lưu phân*”. Đây là nói hoa giữa không trung. “*Vô lượng quang minh, bách thiên diệu sắc, tất giai cụ túc*”. Thế giới này đẹp vô cùng. “*Kỳ diệu trân dị, châu biến hiệu sức, quang sức hoảng diệu, tận cực nghiêm lệ*”. “Kỳ diệu trân dị” là chúng ta không thể tưởng tượng. Nhưng ở thế giới Cực Lạc đến đâu cũng có thể nhìn thấy. “Hiệu sức” là trang sức ngày nay chúng ta gọi là bố trí. “*Hàm hiển bị Phật thế giới cụ túc trang nghiêm châu biến kỳ quốc. Thị trang nghiêm nhất từ trung sở hàm giao sức chi nghĩa*”. Những câu trên kinh này là trích tại đây, nói rõ ý nghĩa của hai chữ trang nghiêm. Một là giao sức, một là cụ đức. Điều này là hôm nay chúng ta giảng về trang sức, nói rõ ý nghĩa này.

“*Chỉ u cụ đức giả, tắc như kinh đệ cửu phẩm trung như thật an trú cụ túc trang nghiêm*”. Đệ cửu phẩm là “Viên mãn thành tựu phẩm”. Trong kinh vẫn có như thật an trú cụ túc trang nghiêm. Những điều này ai bố trí? ai thiết kế? Nói với quý vị, thế giới Cực Lạc không có người thiết kế, cũng không có ai đi làm những công việc này, hoàn toàn là tự nhiên. Cảnh

giới này thật không thể nghĩ bàn. Trong kinh Phật có nói “*tự tánh pháp nhĩ như thị*”, đây là hiện hiện tánh đức viên mãn, tuyệt đối không phải do người làm.

Thế giới Cực Lạc có, Thế giới của chúng ta có chăng? Chúng ta cũng có, có ở nơi bản thân của chính mình, là thân thể này của chúng ta. Thân thể rất kỳ diệu. Khi cha mẹ sanh ra. Quý vị xem bên ngoài thì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Còn bên trong thì lục phủ ngũ tạng. Ai thiết kế? ai chế tạo? Nó ở ngay trước mắt. Vấn đề trước mắt tại sao ta không hoài nghi, lại đi hoài nghi thế giới Cực Lạc? Việc trước mắt này quý vị thấy đích thực là không thể nghĩ bàn. Chúng ta cũng có thể dùng câu nói của Phật “*tự tánh pháp nhĩ như thị*”. Không có ai thiết kế cả. Tự nhiên như vậy. Thế giới Cực Lạc như vậy, thế giới Cực Lạc không có ai thiết kế. Ở đó không có nhà thiết kế công trình, cũng không có nhân viên kỹ thuật trang hoàng, không có! Đẹp không thể tưởng. Nhà thiết kế cao minh đến đâu cũng thiết kế không được như vậy.

Những điều kỳ diệu này đến bao giờ chúng ta mới hiểu được. Minh tâm kiến tánh sẽ biết, lúc hoát nhiên đại ngộ sẽ biết. Như thế nào mới có thể minh tâm kiến tánh? Trong kinh điển giảng rất nhiều, buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, ta sẽ thấy chân tướng. Chân tướng của biến pháp giới hư không giới hoàn toàn sáng tỏ. Thấy được thật tướng các pháp là đại triệt đại ngộ, là minh tâm kiến tánh.

Chúng ta ở thế gian này nghiệp chướng sâu nặng. Trong tâm mỗi người đều tự hiểu, ở nơi thế giới này tu hành, muốn đạt đến cảnh giới này là điều không thể. Không có thọ mạng dài như vậy. Nên Phật dạy chúng ta đổi địa điểm, nói theo cách nói bây giờ gọi là di dân. Chúng ta di dân đến thế giới Cực Lạc. Điều kiện mà thế giới Cực Lạc cần là đức hạnh, không cần mang theo tài sản. Những vật cần dùng trong cuộc sống không cần đem theo bất cứ thứ gì. Vì ở đó đã quá viên mãn.

Điều kiện thiết yếu là tín nguyện hạnh. Đó là chúng ta tin tưởng, muốn đi và chịu niệm Phật. Chỉ cần một câu Phật hiệu này. Câu Phật hiệu này chính là tín hiệu liên lạc của chúng ta với thế giới tây phương Cực Lạc. Chỉ cần chúng ta niệm không ngừng, thì tín hiệu này sẽ thông, sẽ nhận được. Khi đã nhận được, thì thật sự khi nào muốn đi thì lúc đó đi. Không có hạn chế thời gian, nhưng cần phải tin mới được.

“*Cố tri cực lạc thế giới như thị trang nghiêm giả, cái do ư như thật nhi an trú dã*”. “Như thật an trú” này, làm cách nào an trú? Đem chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi an trú trong tam nghiệp thân khẩu ý của chúng ta. Đây chính là “*như thật an trú*”. Tâm của chúng ta chân thành, ngôn ngữ chúng ta chân thành, hành vi chúng ta chân thành. Tâm chúng ta thanh tịnh, ngôn ngữ ý niệm chúng ta thanh tịnh. Bình đẳng, chánh giác, từ bi cũng như vậy, Chúng ta đã thật sự an trú. Vì sao phải làm như vậy? Vì người người ở thế giới tây phương Cực Lạc đều như vậy, đều như thật an trú, nên họ cụ túc trang nghiêm.

Như thật an trú là nhân, cụ túc trang nghiêm là quả báo. Nên nguyện thứ 19 “phát bồ đề tâm” trong 48 nguyện, nguyện thứ 18 “nhất hướng chuyên niệm”, như thật an trú. Chúng ta có thể nhất hướng chuyên niệm, làm gì có lý không vãng sanh!

Hôm nay chúng ta niệm Phật, nhưng tại sao không tương ưng? Chính là tâm chúng ta không chân thành. Mặt trái của chân thành là hư ngụy. Mặt trái của thanh tịnh là ô nhiễm. Mặt trái của bình đẳng là ngạo mạn. Mặt trái của từ bi là tự tư. Mặt trái của chánh giác là mê hoặc, hồ đồ. Chúng ta dùng tâm như vậy nên nó không tương ưng, niệm Phật làm sao niệm tốt được? Vấn đề là ở đây. Nên thế giới Cực Lạc như thật an trú, chúng ta bây giờ cần phải học. Đây chính là tam bối vãng sanh.

Bất luận là thượng trung hạ tam bối, hay là nhất tâm tam bối, đều dạy chúng ta phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm. Tám chữ này chúng ta phải làm được. Phát bồ đề tâm chính là như thật an trú. Đem chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi an trú trong tam nghiệp thân khẩu ý của chúng ta. Như vậy là sao? Chúng ta đã thật sự hạ quyết tâm muốn cầu sanh tịnh độ. Chúng ta không muốn trôi lăn trong lục đạo luân hồi nữa. Lần sau đến thế giới này là vì nguyện lực mà đến, không phải thân nghiệp báo. Giống như chư Phật bồ tát ứng hoá để đến thế gian này. Khẳng định sẽ đến.

Vì sao? Vì có duyên với người thế giới này. Chúng sanh có cảm nhất định có ứng, không phải tự mình muốn hay không muốn đến. Trong muốn hay không muốn đến đó còn có phân biệt chấp trước. Khi phân biệt chấp trước này không còn, chúng sanh ở đây có cảm tự nhiên có ứng. Điều này ở sau khó giải thích,

“Thật giả, chân thật chi tế dã, thị vị cụ đức”. Chúng ta đem điều này để vào trong bồ đề tâm. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Đây là đức. *“Hựu đệ thập ngũ phẩm trung”*. Phẩm bồ đề đạo tràng có hai câu như vậy *“nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện. Thứ chánh hiển sự sự vô ngại pháp giới chi viên minh cụ đức dã”*. Ở trước trong thập huyền chúng ta học qua.

“Sự sự vô ngại”, đây là giảng đến cứu cánh viên mãn. Còn trong các kinh đại thừa khác giảng đến lý sự vô ngại. Chỉ có Hoa Nghiêm giảng đến sự sự vô ngại. Ở trong kinh này, cũng có rất nhiều kinh văn, ví dụ sự sự vô ngại. Trang nghiêm chúng ta học đến đây. Câu ở dưới là thanh tịnh, chính là thanh tịnh bình đẳng giác.

“Thanh tịnh giả, thân khẩu ý tam nghiệp, ly nhất thiết ác hành phiền não cấu nhiễm chi vị”. Đây là tổng thuyết cái gì gọi thanh tịnh. Thân, tạo tác của thân, ngôn ngữ của miệng, ý niệm của ý. Đây gọi là ba nghiệp. Ly nhất thiết ác hành, không có hành vi ác. Tiêu chuẩn của ác này là mặt trái với thập thiện _thập ác. Như vậy chúng ta sẽ hiểu, thân lìa sát đạo dâm. Khẩu lìa vọng nghiệp, ý ngữ, ác khẩu. Ý niệm lìa tham sân si_ không tham, không sân, không si. Như vậy gọi là tu thập thiện. Người tu thập thiện chơn chánh chính là Bồ Tát.

Còn ác hạnh là loại phiền não thứ hai. Phiền não thông thường chỉ kiến tư phiền não, trần sa phiền não. Kiến tư phiền não trong Hoa Nghiêm gọi là chấp trước. Trần sa phiền não là phân biệt. Do đó tất cả pháp trong thế xuất thế gian không còn chấp trước. Không còn chấp trước, tâm chúng ta được thanh tịnh.

Tâm vì sao không thanh tịnh? Vì không lìa được chấp trước. Tâm vì sao không bình đẳng? Do không lìa được phân biệt. Chúng ta đều biết, buông bỏ chấp trước, tâm thanh tịnh sẽ hiện tiền. Buông bỏ phân biệt, tâm bình đẳng hiện tiền. Chúng ta cần phải ở chỗ này nỗ lực, không nên chấp trước quá đáng. Bất cứ việc gì có thể bỏ qua được thì rất tốt. Trong sinh hoạt hằng ngày, trong công việc và đối nhân xử thế tiếp vật.

Đạt đến một tiêu chuẩn, nên người xưa nói lễ tiết. Cái gì là lễ? có tiết độ, có tiêu chuẩn. Đạt đến tiêu chuẩn này là được, không nên vượt qua, cũng không nên không đạt được. Như vậy là tốt. Ở chỗ này, công việc, tiếp vật, đối nhân xử thế trong sinh hoạt, phải học tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng. Cũng chính là nói cố gắng buông bỏ phân biệt chấp trước

Cái sau cùng là giảng về cấu nhiễm. Cấu nhiễm ở đây gọi là nhiễm ô. Nhiễm ô chỉ điều gì? Phải làm nhạt thất tình luyến dục. Thế giới này của chúng ta gọi là uế độ. Thế giới tây phương Cực Lạc gọi là tịnh độ, tịnh độ chính là không có nhiễm ô. Trong nhiễm ô quan trọng nhất là tình chấp, rất nặng nề. Tham sân si mạn là nhiễm ô. Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần. Những thứ này nhiễm ô tự tánh, nên nhất định phải lìa bỏ nó.

“*Thám huyền Ký vân, tam nghiệp vô quá vân thanh tịnh*”. Tam nghiệp là thân khẩu ý. Bên dưới nói: “*Cái vị thân khẩu ý tam nghiệp giai vô quá thất dã*”, đây là Bồ Tát. Địa vị thấp nhất là A la hán. A la hán đã làm được. “*Hựu thanh tịnh độ*”, chỉ tịnh độ. Thân thanh tịnh, chỉ thân Phật. Người thanh tịnh, chỉ Như Lai. Đây là giảng về thanh tịnh. Tiêu chuẩn chính là tam nghiệp không sai lầm. Tam nghiệp không sai lầm là người. Người này là ai? Người này là Phật. Thân thanh tịnh là thân Phật.

Phật ở đây, Thiên Thai đại sư giảng có sáu loại Phật. Lý tức Phật, nghĩa là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả chúng sanh bản lai là Phật, rất gần với cách nói của người xưa nói: “nhân chi sơ tánh bản thiện”. Tánh người vốn thiện, đây là tự tánh. Biến thành bất thiện là tập tánh, không phải bản tánh của chúng ta. Nên Phật Bồ Tát nhìn người, tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh. Vì sao? Các ngài nhìn bản tánh của con người chứ không nhìn tập tánh. Vì sao? Vì bản tánh mới là thật, vĩnh hằng không thay đổi.

Chúng ta hiện tại tuy bất thiện, bất thiện tương lai sẽ trở thành thiện. Vì sao chúng ta bất thiện? Vì ta mê. Sẽ có ngày ta giác ngộ. Giác ngộ rồi, thì những bất thiện đều buông bỏ hết. Nên thiện là thật, bất thiện là giả. Như chúng ta thấy một người, người rất tốt, người tốt. Uống rượu say rồi quậy phá. Chúng ta biết người này rất tốt, nên khi tỉnh rượu là không còn việc gì nữa, hà tất phải tính toán?

Ngày nay chúng ta thấy người tạo tội nghiệp sâu nặng, cũng không nên để trong tâm. Giống như chúng ta thấy người rất tốt vậy. Phật Bồ tát nhìn tất cả chúng sanh làm ác này, đều dùng cách này. Nên các ngài luôn luôn từ bi, không đem những người ác, việc ác, hành vi ác này bỏ trong tâm, tuyệt đối không có. Nếu các ngài để trong tâm thì tâm họ sẽ bị nhiễm ô. Chỉ có người mê muội tự tánh, mới đem sai lầm của người khác để trong tâm của mình, thật không đáng! Chính mình làm sao? Tâm chính mình là lương thiện, biến thành thùng rác của người khác. Quý vị nói như vậy thông minh chẳng? Lương tâm thiện tâm của chính mình, lại đem bỏ rác của người khác, bỏ nhiễm ô của người khác. Như vậy là sai.

Chúng ta học Phật, phải học Đức Phật nhìn chúng sanh như thế nào. Phật nhãn nhìn tất cả chúng sanh toàn là Phật, nhìn mọi việc đều việc tốt. Người người đều người tốt, việc việc đều việc lành. Làm ác cũng là việc tốt. Vì sao? Vì tốt xấu hai nhị biên đều không thể được. Có pháp thân Bồ Tát nào không nhập bất nhị pháp môn? Nhập bất nhị pháp môn, nhị biên đều đã rời, trung đạo cũng không có, tâm thanh tịnh chơn chánh hiện tiền. Vì vậy trên A la hán thì tam nghiệp đều đã thanh tịnh. Càng hướng lên trên thì trình độ thanh tịnh càng sâu. Dưới đây đưa

“Vãng Sanh Luận”, *“hựu Vãng Sanh Luận vị, tam chủng trang nghiêm nhập nhất pháp cú, nhất pháp cú giả thanh tịnh cú”*. Ba loại trang nghiêm này, ở trước chúng ta đã học qua: Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm, Quốc độ trang nghiêm. Ba loại trang nghiêm này nhập nhất pháp cú. Nhất pháp cú là thanh tịnh cú. *“Thanh tịnh cú chân thật trí huệ vô vi pháp thân”*. Đây là tự tánh đầy đủ trí tuệ đức tướng. Sau khi khai ngộ Ngài Huệ Năng có nói: đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ. Chính là ý này.

“Thử dĩ kinh đề trung, trang nghiêm thanh tịnh diệu hợp thiên nhiên. Tam chủng trang nghiêm giả, vô lượng trang nghiêm dã. Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm, Quốc độ trang nghiêm”. Mỗi loại đều vô lượng trang nghiêm. *“Kim tề nhập nhất thanh tịnh cú trung”*, tam chủng trang nghiêm nhập nhất thanh tịnh cú, *“thị nhất thiết tức nhất”*, đảo ngược lại nhất tức nhất thiết. Đây gọi là bất nhị pháp môn.

Thanh tịnh, từ trong ý này mà nói, chính là tự tánh vốn đầy đủ trí tuệ đức tướng. Trong kinh Hoa Nghiêm Thế Tôn thường nói, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, không phải từ bên ngoài tu vào. Trong tự tánh vốn đầy đủ. Khi nào chúng ta buông bỏ hết chương ngại, nó sẽ hiện tiền. *“Hựu kinh vân, tâm tịnh tức Phật tịnh độ, biểu nhất tức nhất thiết. Hoa Nghiêm huyền chỉ, hựu u thử xứ kiến chi”*. Tâm tịnh tức Phật tịnh độ, câu này xưa nay chư vị tổ sư trong khi giảng dạy chú giải dẫn chứng rất nhiều. Nên chúng ta đối với câu này rất quen thuộc.

Chúng ta biết, nhưng không làm được. Vì tâm chúng ta không thanh tịnh, nên hoàn cảnh cư trú của chúng ta cũng không thanh tịnh. Nếu tâm chúng ta thanh tịnh, thì hoàn cảnh cư trú của chúng ta hiện nay sẽ thanh tịnh. Ta cần phải có tín tâm, phải khẳng định cảnh tùy tâm

chuyển, tướng do tâm sanh. Cũng chính là nói tướng tùy ý niệm của chúng ta mà đang chuyển biến. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh. “Nhất” ở đây chính là tâm. “Nhất thiết” chính là tất cả pháp. Tất cả pháp từ đâu đến? Từ tâm tướng sanh. Tất cả pháp không rời nhất tâm, nhất tâm hiện tất cả pháp. Đây là diệu chỉ của Hoa Nghiêm. Huyền là huyền diệu.

Chúng ta tu học bất luận tu pháp môn nào, thì đó là phương pháp, là con đường. Tu điều gì? Tu tâm thanh tịnh. Chúng ta sẽ thật sự hiểu chúng ta tu là gì. Tâm thanh tịnh hiện tiền là vô lượng công đức. Tâm người thanh tịnh, thân đương nhiên thanh tịnh. Thân tâm mạnh khoẻ, không có bất cứ bệnh gì. Hiện nay người phương tây rất coi trọng chữa lành bệnh. Đau bệnh như vậy làm sao trị liệu? Làm sao trị lành nó? Tâm thanh tịnh thì toàn bộ đều tốt. Bây giờ họ đã hiểu đạo lý này. Đây là nền khoa học vừa mới hưng khởi. Đề chú ý đến và làm qua rất nhiều lần thực nghiệm, chứng minh ý niệm này có năng lượng rất lớn. Nếu không ngừng tiếp tục làm thực nghiệm, tôi tin tưởng hai ba năm, nhất định sẽ khẳng định, xác định thành lập khoa học mới hưng khởi này.

Ý niệm có thể trị lành tất cả, không những bệnh của thân thể, mà vấn đề trong gia đình, thậm chí nói đến những thiên tai của địa cầu ngày nay. Ý niệm có thể chuyển biến được nó. Bây giờ mọi người coi trọng việc cầu đảo, địa cầu thiên tai quá nhiều. Phát động mọi người cùng nhau cầu nguyện, có hiệu quả không? Có hiệu quả. Tôi không hoài nghi chút nào, nhưng đây là trị ngọn, không phải trị gốc. Chỉ vài ngày không cầu nguyện, thì đâu lại vào đấy. Nên đây không phải trị gốc, trị ngọn có hiệu quả.

Trị gốc, trị gốc phải giáo dục. Giáo dục của đức Phật, giáo dục Khổng Mạnh. Giáo dục Khổng Mạnh với giáo dục Phật học đại thừa, mới có thể giải quyết tất cả vấn đề. Điều này ta không thể không biết, không thể không siêng năng học tập.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 78

Tập 79

Chuyên ngữ: Nhật Chí

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: ngày 14 tháng 07 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 84, bắt đầu xem từ câu thứ hai, hàng thứ sáu từ dưới lên.

“Hựu Hán dịch xưng A Di Đà Phật vi Vô Lượng Thanh Tịnh Phật”. Trong năm bản dịch, bản dịch của triều Hán. Đề kinh là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Đề mục này khi Hạ Liên Cư hội tập đã áp dụng, nghĩa là nửa sau của đề kinh hiện nay.

Trong kinh Phật xưng A Di Đà Phật, chính là “Vô Lượng Thanh Tịnh Phật”. Bốn chữ A Di Đà Phật này là tiếng Ấn Độ, tiếng Phạn của Ấn Độ xưa, có thể phiên dịch thành “Vô Lượng Thanh Tịnh Phật”. A dịch là VÔ, DI ĐÀ dịch là LƯỢNG, PHẬT dịch là GIÁC. Trong đề kinh chúng ta thấy Thanh Tịnh – Bình Đẳng – Giác. Dùng một chữ GIÁC này, tức Thanh Tịnh Bình Đẳng ở trên, đều bao gồm cả trong đó rồi. Cho nên, chúng ta gọi Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, cũng chính là hàm nghĩa Phật A Di Đà. Cho nên trong đề mục này, tên của Phật, tên của Bồ Tát đều mang ý nghĩa rất thâm sâu. Nó là tượng trưng, tượng trưng cho pháp môn này. Pháp môn cũng giống như các khoa mục ở nhà trường của bây giờ vậy. Quý vị nghiên cứu hạng mục nào, thì nó đại diện cho hạng mục đó.

Trong hạng mục này có 3 cấp bậc. Thứ nhất là Thanh tịnh, thứ hai là Bình đẳng, thứ ba là Giác mà không mê. Chỗ này vẫn đang giảng đề kinh. Trong đề kinh bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Ba ý nghĩa này là đại diện cho ba sự thành tựu của việc tu học. Ba cái đều coi là thành tựu, giống như học vị ở nhà trường hiện nay vậy. Tức là nói đến Tiến sĩ, Thạc sĩ và Cử nhân. Trường học bây giờ đều chia thành như thế.

Trong đạo Phật cũng có học vị, học vị cao nhất là Đức Phật, học vị thứ hai là Bồ Tát và học vị thứ ba là A La Hán. Trong đề kinh này, vừa đúng đã hiển thị ba học vị này. Nếu quý học Phật đạt được tâm thanh tịnh, vậy quý vị là A La Hán. Học vị thứ nhất quý vị đã đạt được.

Thế nào gọi là thanh tịnh tâm? Kiến Tư phiền não ở trong lòng quý vị buông xả hết, không còn nữa. Nếu lấy tiêu chuẩn trong kinh Hoa Nghiêm để nói, thì đối với mọi việc của thế gian không còn chấp trước nữa. Vì sao? Bởi ta đã hiểu rõ tất cả pháp trong thế gian đều không thật. Như trong kinh Kim Cang nói: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào”.

Nó không phải thật. Đến thân của chính mình cũng không phải thật, huống gì là vật ngoài thân.

Vậy tại sao ta không buông xả? không buông xả là sai. Tâm ta đã bị nhiễm ô, trong tâm có phiền não chính là nhiễm ô. Cho nên tâm thanh tịnh, phải thành tựu công phu này, thì thật sự đạt được thanh tịnh. Đây là học vị thứ nhất.

Lên cao hơn nữa, chẳng những chúng ta không còn chấp trước đối với tất cả pháp mà đến ý niệm phân biệt cũng đều không có. Điều này quả thật rất cao, đây là Bồ Tát. Quý vị đã đạt được học vị thứ hai.

Cao lên hơn nữa. Chẳng những không còn phân biệt, mà khởi tâm động niệm cũng đều không có, như như bất động. Đây chính là GIÁC, giác mà không mê. Đây là học vị cao nhất, là Phật. Cho nên thanh tịnh là A La Hán, bình đẳng là Bồ Tát và giác là Phật.

Giáo dục của đức Phật dạy điều gì? Mục tiêu cuối cùng chính là khiến ta đạt được điều này. Đây là tự tánh. Trong tâm thanh tịnh của tự tánh, vốn đầy đủ. Mọi người đều có. Cho nên đức Phật nói hết thảy chúng sanh vốn là Phật. Bởi vì tánh Phật này quý vị đã có sẵn. Đã có, tại sao bây giờ lại không có? Vì mê. Mê trong cảnh giới của hư vọng, ở trong đó ta khởi lên tự tư tự lợi, khởi lên ý niệm này, khởi lên thị phi nhân ngã, khởi lên tham sân si mạn. Quý vị đã bị ô nhiễm. Ô nhiễm, thì gọi là phàm phu. Ta vốn là Phật, bây giờ gọi là phàm phu. Phàm phu trong mắt Đức Phật, vẫn là một vị Phật. Bởi vì Phật nhìn vào tự tánh của quý vị, chứ không nhìn vào tập khí của quý vị.

Trong Tam Tự Kinh nói: “*Nhân chi sơ tánh bản thiện*”. Bản thiện là gì? Thanh tịnh Bình đẳng Giác là bản thiện. Đó không phải do ta giác ngộ được. Trong bản tánh của ta vốn có, bây giờ mê mất bản tánh, nên bản tánh không thể khởi tác dụng. Không phải không khởi tác dụng, cũng khởi tác dụng, nhưng khởi tác dụng lệch lạc. Tác dụng đã lệch lạc, thanh tịnh biến thành phiền não. Trong giáo lý Đại thừa nói biến thành Kiến tư phiền não, Bình đẳng biến thành Trần sa phiền não, Giác biến thành Vô minh phiền não. Tất cả đều đã biến chất. Cho nên, giáo lý Đại thừa dạy chúng ta “*phiền não tức Bồ đề*”. Khi đã giác ngộ, thì ba loại phiền não sẽ trở về Thanh tịnh Bình đẳng Giác vốn có.

Hiện tại quý vị đang mê, nên đã biến chất. Biến thành 3 loại phiền não này, chính là ý nghĩa này. Phiền não là giả. Vì sao? Tánh của nó có thể thay đổi. Nó sẽ biến đổi. Còn Thanh tịnh Bình đẳng Giác là chân thật vĩnh hằng không thay đổi. Mặc dù chúng ta bây giờ đang ở trong nhân đạo, trong phàm phu. Hoặc giả trong tương lai quý vị đọa vào cõi Súc sanh, Ngã quỷ hay đọa vào Địa ngục thì Thanh tịnh Bình đẳng Giác này có còn hay không? Thưa, vẫn còn. Nó không bao giờ thay đổi, chỉ là ta càng mê càng sâu, nên phiền não đã gây ra biết bao khổ đau. Khổ đau như trong giấc mộng, không phải chân thật, thức tỉnh rồi thì không sao cả. Thức tỉnh chính là giác ngộ.

Ở trước tôi có nói với quý vị, Thanh tịnh tâm hiện tiền tức là quý vị đã thức tỉnh. Thức tỉnh thì Lục đạo không còn nữa. Vì Lục đạo này vốn không thật, là giả, giống như một giấc mộng mà thôi. Tỉnh ngộ là thuộc thế giới nào? Tỉnh ngộ rồi là pháp giới của tứ Thánh, vượt ra ngoài Lục đạo, không còn Lục đạo nữa. Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật, 4 pháp giới này sẽ hiện ra. Nhưng 4 Pháp giới này vẫn còn ở trong mộng. Lục đạo là mộng trong các mộng. Điều này chúng ta không thể không biết. Không còn khởi tâm, động niệm nữa thì mới là chân thật tỉnh ngộ. Tỉnh ngộ thì mười Pháp giới không còn. Mười pháp giới là giả, không phải thật. Từ đâu có mười pháp giới? Từ vọng niệm sanh khởi vậy. Đạo lý này rất thâm sâu. “Kinh Hoa Nghiêm” đã nói rõ ràng rồi. Điều này, cũng như những gì thầy Phương Đông Mỹ nói. Triết học tối cao, khoa học tối cao, Khoa học và Triết học đều muốn giải quyết vấn đề này. Bây giờ khoa học đạt tới đỉnh cao, chúng ta rất bội phục, khoa học và Phật pháp càng ngày càng xích lại gần nhau. Từ từ trong kinh Phật nói trong ba ngàn năm trước, bây giờ Khoa học đã chứng minh. Tuy đã chứng minh, nhưng với Phật pháp vẫn còn cách một bậc. Đạo lý này trong kinh Phật nói rất rõ ràng. Giới khoa học và các nhà triết học trên thế gian, họ sử dụng tâm như thế nào? Họ dùng tâm phân biệt để nghiên cứu. Dùng tâm chấp trước, tâm phân biệt. Chấp trước là Mạt na thức, Phân biệt là Đệ lục Ý thức. Trong 8 thức, công năng của 2 thức này rất lớn, phạm vi hoạt động của nó vô cùng rộng. Trong kinh đã nói cho chúng ta biết, Ý thức, đối với bên ngoài có thể duyên đến Hư không pháp giới. Ngày nay chúng ta gọi là Thế giới vĩ mô, đối bên trong có thể duyên đến A lại da. Đó là Lượng tử lực học_ Vi mô thế giới. Hiện giờ Khoa học đang đi trên hai loại cực đoan này. Hai cực đoan này, trong kinh Phật đã nói rõ hơn so với các nhà Khoa học. Giới khoa học đã duyên đến A lại da, rất lợi hại, chúng ta không thể không khâm phục. Họ cho chúng ta biết, trong vũ trụ chỉ có 3 loại, ngoài 3 loại này ra, cái gì cũng không có. Ba loại đó là gì? Vật chất, Năng lượng và Thông tin. Ba loại này là 3 tướng nhỏ nhiệm của A lại da. Nghiệp tướng của A lại da chính là Năng lượng mà Khoa học gia đề cập đến. Chuyển tướng của A lại da chính là Thông tin mà họ đã nói và Cảnh giới tướng của A lại da chính là Vật chất mà họ từng nói. Tên tuy bất đồng nhưng sự việc lại giống nhau.

Ba ngàn năm trước, thời của Đức Phật Thích ca Mâu ni không có công nghệ gì cả, nhưng tại sao Ngài lại biết rõ ràng như vậy? Nhà khoa học phát hiện được 3 loại này, rất giỏi. Nhưng 3 loại này từ đâu mà có? Họ không nói được. Họ chỉ có thể nói 3 loại này đột nhiên phát sinh, nhưng tìm không ra nguyên nhân. Trong kinh Phật nói, nó có nguyên nhân. Điều này Khoa học và Triết học không thể với tới. Tại sao vậy? Bởi vì, vấn đề này phải dùng đến tâm thanh tịnh mới có thể quan sát được. Do đâu đức Phật có thể biết? Nhà Phật tu thiền định. Trong thiền định, nếu đạt được trạng thái lắng đọng thâm sâu thì có thể thấy được, bởi vì thiền định có thể đột phá rào cản của không gian, cảnh giới hiện lượng, tự mắt họ nhìn thấy được. Một tí cũng không giả dối.

Quý vị tu thiền định đạt đến trình độ đó, quý vị cũng thấy được. Họ tu đạt đến trình độ như thế, họ cũng có thể thấy. Đạt trình độ nào? Trong kinh Hoa Nghiêm, hàng Viên giáo sơ trụ Bồ tát sẽ thấy được. còn trong Biệt giáo thì nói Sơ địa Bồ tát. Có loại công phu này, cũng chính là điều chúng tôi thường giảng.

Sáu căn của chúng ta: mắt nhìn sắc, tai nghe tiếng; sáu căn tiếp xúc với cảnh vật bên ngoài, nếu không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, thì quý vị sẽ thấy cảnh giới này hiện ngay trước mắt. Kinh Hoa Nghiêm nói, cấp bậc của Bồ tát trong Thế giới Hoa tạng, có tất cả 41 cấp bậc. Chúng ta thử nhìn lại Tịnh độ xem, Cửu phẩm, Tam búi, Tứ độ trong thế giới Tây phương cực lạc, cùng với ý nghĩa của Hoa Tạng là một không khác. Nhưng thế giới của Cực lạc và Hoa Tạng, có nhiều điểm không tương đồng.

Ở thế giới Hoa Tạng, nhất định không được khởi tâm động niệm, thì mới có thể chứng được. Cấp bậc của Tây phương Tịnh độ thì không cao như thế. Chỉ cần quý vị lắng đọng phiền não, không đoạn chỉ lắng đọng thôi, thì quý vị có thể sanh về thế giới Cực lạc, sự khác biệt này vô cùng lớn. Cho nên, được mười phương chư Phật khen ngợi. Hôm qua tôi đã nói với các vị, học Phật tu Tịnh độ, một lòng cầu sanh thế giới Cực lạc. Còn hôm nay, chúng tôi nói vấn đề di dân, di dân sang thế giới Cực lạc. Nơi đó, hoàn cảnh rất tốt, đó là không gian vũ trụ. Mọi thứ trong quốc độ của chư Phật, phước báo vô cùng lớn, không có phước báo nào lớn hơn ở đây. Vậy thì quý vị hiểu được, chúng ta phải tu tập phước báo rất lớn, phước báo vô lượng vô biên. Tu pháp môn nào đây? Niệm Phật A Di Đà, chính là phương pháp này. Chúng ta, mỗi người đều niệm A DI ĐÀ PHẬT, phước báo của mỗi người vẫn có sự sai khác. Sự sai khác này, do đâu mà có? Do dụng tâm không giống nhau. Chúng ta dùng tâm tạp loạn để niệm Phật, còn họ thì dùng tâm thanh tịnh niệm Phật. Vậy chúng ta có phước báo, nhưng phước báo của ta không bằng họ. Tâm họ thanh tịnh. Người kia dùng tâm bình đẳng niệm Phật, phước báo của họ lại lớn hơn. Còn có người dùng tâm Thanh tịnh Bình đẳng Giác để niệm Phật, như vậy càng lớn hơn nữa. Không giống nhau. Phật hiệu thì giống, nhưng công đức của họ cảm được thì không giống. Đây là do sự dụng tâm của chúng ta. Cho nên, trong Kinh luôn khuyên bảo chúng ta: “Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Điều này rất quan trọng, phải chú tâm, một lòng chuyên chú. Lúc niệm Phật, hãy buông bỏ tất cả, trong tâm đừng nhớ nghĩ điều gì khác, chỉ nhớ A DI ĐÀ PHẬT, “nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”, chỗ nào có Phật thì có phước báo, chỗ nào không có Phật thì không có phước báo. Điều này nhất định phải biết. Những nơi không có phước báo, chúng ta là người niệm Phật, hãy đem phước báo niệm Phật của mình hồi hướng cho ở đó, phải giúp đỡ nơi đó. Nơi nào không có phước báo, như vùng quê. Có thể giúp được sao? Có thể. Bây giờ khoa học đã chứng minh, ý niệm của chúng ta, thường hay nghĩ đến một nơi nào đó, thì ý niệm này lập tức đi đến đó. Phước báo của chúng ta, trí tuệ của chúng ta, công đức của chúng ta cũng vậy, sẽ bay đến nơi đó. Người ở bên đó có thể tiếp nhận không? Chúng ta không phải lo vấn đề này. Khăng định họ sẽ nhận được tin tức của chúng ta.

Nhưng có tác dụng hay không, thì phải xem mức độ phiền não của họ. Phiền não của họ dày quá, nghiệp chướng nặng quá, tuy nhận được nhưng họ cũng chẳng có cảm giác gì. Như chúng ta bị tê liệt vậy. Nếu phiền não của họ nhẹ, họ có trí tuệ, thì họ sẽ cảm nhận được. Cái này, Phật, Bồ tát gọi là Phật lực gia trì. Phạm phu chúng ta đích thực cũng có loại năng lực này. Chỉ cần tâm chúng ta thanh tịnh, chỉ cần chúng ta thật sự có nguyện lực này, chúng ta hãy hồi hướng việc tu học của mình cho họ, thì họ có thể được lợi ích. Những sự việc này, trước đây rất khó nói, vì quá huyền nhiệm, ai có thể tin đây? Chỉ có người chân thật hiền lành mới có thể tin tưởng.

Khoa học bây giờ giải quyết được nhiều việc, đặc biệt là ngành Lượng tử lực học. ngành khoa học này mới phát triển, vừa mới bắt đầu, rất tân tiến. Sở dĩ chúng ta có thể lãnh hội được, sau 3 đến 5 năm nữa, ngành khoa học này sẽ được tuyên truyền rộng rãi với công chúng. Nó khẳng định ý niệm chi phối tất cả. Đây chính là chỗ mà trong kinh Đại thừa Phật thường nói: “Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”. Môn khoa học này nếu như được phổ biến phát huy, thì xã hội của chúng ta sẽ được cứu, những thiên tai trên trái đất của chúng ta cũng được cứu. Bây giờ mọi người không có biện pháp nào, không biết phải làm sao. Các nhà lượng tử lực học chứng minh, sơn hà đại địa là có cơ thể, cùng với chỗ nói trong kinh Phật không khác. Bồ tát Di Lặc cũng cho chúng ta hay rằng: “Một khảy móng tay này có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”, mỗi niệm được hình thành. Đây chính là vật chất. Vật chất từ đâu đến? Từ nơi ý niệm chứa nhóm mà biến hiện ra, “Hình giai hữu thức”. Thức là cái gì? Nó có tác dụng tinh thần, vật chất và tinh thần không bao giờ tách rời nhau. Trong vật chất có tinh thần. Tinh thần có thể thu nạp thông tin từ bên ngoài. Nếu như thông tin ấy tốt lành, là thanh tịnh, là thiện, thì những thiên tai trong sơn hà đại địa này cũng không còn, có thể khôi phục lại bình thường. Nhiệt độ quả đất tăng cao, rắc rối to rồi. Sức mạnh nào có thể khiến nó khôi phục bình thường? Ý niệm.

Nếu trên thế gian của chúng ta, thế giới này, có một phần ngàn người, trong 1000 người có một người, suy nghĩ lương thiện, suy nghĩ trong sạch, thì thiên tai có thể giảm bớt đi. Còn nếu như nói thế gian của chúng ta đây, có thể làm được 1/100 thôi, trong 100 người, hết 99 người là tà tri tà kiến, còn một người có chánh tri chánh kiến, thì tai họa trên trái đất này có thể sẽ không còn. 99 người tạo nghiệp, họ hưởng phước báo từ nơi một người có chánh niệm. Tại sao? Chúng ta có thể tin tưởng. Ông bà thường nói, tà không thắng chánh. Vậy 99 người kia đều tà, không thắng được một người chánh, chuyện này rất có đạo lý. Cho nên chúng ta hãy tin tưởng chớ nghi ngại.

Chúng ta muốn thay đổi mình, thì tu học Phật pháp là một thực nghiệm, làm thực nghiệm chính với bản thân mình. Suy nghĩ của mình thiện, hiện tại chúng ta nói tâm rất tốt, tâm thiện lương, không có ác niệm, không có phiền não, không có lo âu, không bị trói buộc, không bị áp lực, như vậy Bạn là người rất tự tại, sức khỏe trường thọ, không bị già yếu,

không dùng bất cứ thứ gì để tắm rửa, chẳng cần thiết. Không cần dùng đến thuốc men. Có bệnh, có bệnh thì tự nó sẽ khỏi. Bệnh từ đâu có? Bệnh từ nơi ý niệm bất thiện sanh ra. Phật nói cho chúng ta biết, tham, sân, si là Tam độc. Cái này rất tai hại. Trong bạn có 3 phiền não độc hại này, bên ngoài rất dễ bị cảm đau nhức. Nếu như hiểu được đạo lý này, thì bệnh của ta từ đâu mà có? Là do trong tế bào của ta có siêu vi trùng. Ta hãy thay đổi cái suy nghĩ của mình, thì những tế bào siêu vi trùng của ta đang mang, sẽ có thể biến mất và khôi phục lại bình thường. Chẳng phải không có đạo lí.

Các nhà khoa học bây giờ đã từ nơi thuyết Lực học lượng tử nói ra điều này. Đã có khoa học chứng minh rồi, không phải là mê tín.

Phật giáo chúng ta đã 3000 năm, lịch sử Trung Quốc chúng ta đã từng ghi lại. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến nay là 3037 năm. Người ngoại quốc nói thì mới hơn 2500 năm thôi. Điều này không cần phải tranh luận. Vấn đề này nếu tranh luận, thì không bao giờ có đáp án, trừ khi tìm được đức Phật Thích Ca, nếu không thì ai có thể biết! Cho nên không cần phải tranh cãi.

Ngày trước, con người được lợi ích của Phật pháp. Vì nguyên nhân gì? Vì họ thật thà, họ chánh tín nên họ được thọ lợi ích. Ngày nay, con người đòi hỏi phải đem chứng cứ ra mới tin tưởng. Không có chứng cứ thì không tin tưởng, còn nói ta là người mê tín.

Chúng ta là người học Phật, cần phải cảm kích những khoa học gia Lượng tử cận đại này. Họ đứng trên khía cạnh thế giới Vi mô, đem những điều đức Phật từng nói chứng minh hết thảy, đặc biệt, chứng minh ý niệm chi phối tất cả. Vấn đề này khoa học vừa phát minh, vừa phát hiện. chúng tôi hi vọng rằng, sau vài ba năm nữa nó sẽ được công bố rộng rãi. Ý nghĩ quyết định tất cả. Toàn bộ xã hội này cũng như thế. Mọi người trong xã hội cần phải tin tưởng thiện tâm. Xã hội Trung Quốc, tại sao trước đây tốt đẹp như thế? Người Âu châu trước 2 cuộc thế chiến, có một số học giả đã nghiên cứu về lịch sử Trung Quốc, họ hết sức khâm phục. Trung Quốc được thống nhất từ thời nhà Tần, mãi đến bây giờ vẫn còn giữ được sự thống nhất này. Trên thế gian này, không thể tìm thấy ở quốc gia thứ hai. Âu châu bị La mã thống trị 1000 năm, sau khi mất nước, họ không thể thống nhất. Mấy ngàn năm nay, quốc gia này lãnh thổ rộng lớn như thế, nhân khẩu nhiều như thế, sắc tộc phức tạp như thế, tại sao được an ổn lâu dài? Họ đã nghiên cứu, kết luận của nghiên cứu chỉ ra rằng: người Trung Quốc, có thể là vì coi trọng mối quan hệ giáo dục gia đình. Tôi nghe được, tôi nói với họ là, điều này hoàn toàn đúng, kết luận này là chính xác. Câu chuyện này là do thầy hiệu trưởng trường đại học Queensland nói cho tôi biết.

Hôm nọ, thầy hiệu trưởng mời tôi dùng cơm ở phòng khách của ông ta, nói cho tôi nghe về sự việc này. Không sai, nhưng vẫn còn thiếu sót nhỏ, chính họ không thể nói được. Người Trung Quốc đã dạy những gì? Họ không nói được. Những gia đình của người Trung

Quốc, là gia đình như thế nào? Họ cũng không nói cụ thể. Nên biết, nhà của người Trung Quốc là đại gia đình. Người Trung Quốc thời nay không còn nhà nữa. Thật là bi ai. Người Trung Quốc trước khi kháng chiến, vẫn còn, nhưng không nhiều. Khi tôi ở quê nhà, trong thôn làng mọi thứ rất rõ ràng, thôn này gọi là Vương thôn, người trong thôn này được xem như là người một nhà. Thôn bên kia là Lý thôn, ở đó cũng là người nhà, “Ngũ đại đồng đường bất phân gia”. Cho nên, các vị đã từng xem qua Hồng Lâu Mộng, Hồng Lâu Mộng chính là miêu tả một gia đình, gia đình cộng đồng. Gia đình này, nhân khẩu đại khái khoảng 300 người. Lượng nhà mất dần, con người suy yếu, một hai trăm người, căn nhà này rất lạnh lẽo. Muốn dân tộc mạnh mẽ, mỗi gia đình có khoảng 700 người. 500 đến 700 người thì mới vọng tộc được. Gia đình là một tổ chức của xã hội. Gia đình lớn như thế, nếu không có quy cũ có tồn tại được không? Nó có lộn xộn không? Cho nên người xưa nói: tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Quý vị có khả năng trị gia, thì quý vị có sức mạnh trị nước. Gia, nói rộng ra cũng chính là nước. Nó có đạo lý. Gia có gia đạo, có gia quy, có gia học, có gia nghiệp. Nghiệp là sự nghiệp. Sự nghiệp kinh doanh của quý vị. Gia học, chính là trường tư thục. Tư thục, chính là trường học của con em một nhà chúng ta. Nó không cần phải chiêu sinh ở bên ngoài. Những em nhỏ trong gia tộc của ta cùng chung học một trường. Trường học, phần nhiều dùng Từ đường, bởi vì Từ đường ngoài việc dùng cúng quảy trong năm ra, thì ở đó không còn hoạt động gì nữa, cho nên, Từ đường đều biến thành trường học. Lúc nhỏ tôi cũng học ở Từ đường. Lúc đó học trường Tư thục, học ở nhà.

Gia quy, bây giờ còn gọi là Đệ tử quy, một bộ phận trong gia quy, tức là một bộ phận của cộng đồng học tập, mỗi nhà đều có gia quy đặc biệt riêng của nó. Tại sao? Sự nghiệp làm ăn của họ không giống nhau. Sự nghiệp bất đồng, cho nên, nó có những quy định bất tương đồng mà buộc phải tuân thủ. Vì đây là cộng đồng, bất kể bạn làm ngành nghề nào, nhất định phải tuân theo nó. Quy cũ là nền tảng. Ngôi nhà không những lo nuôi dạy trẻ em mà còn phải chăm lo cho người già nữa. Cho nên, người sống trên thế gian này, tại sao? Mọi người đều biết nhau, vì nhà. Làm cho tổ tông sáng ngời, cửa nhà rộng lớn. Làm nhà, làm ở khu đất này, nhà của tôi chính là khu vực này. Họ đã yêu nước, yêu nước từ nơi việc yêu nhà mà ra. Nếu con người không thích nhà thì họ sao có thể yêu nước được? Không bao giờ có chuyện gì. Người Trung Quốc ở khắp nơi trên thế giới, bạn xem những Hoa kiều, họ biết gắn bó với nhau. Từ đâu mà được vậy? Từ nhà. Người ngoại quốc rất ái mộ, nghiên cứu, họ đi tìm hiểu những nơi xa xôi, nhưng chưa thâm nhập, họ thâm nhập được có hiệu quả, nó sẽ có tác dụng.

Gia giáo của người xưa rất quan trọng. Bắt đầu dạy từ lúc nào vậy? Từ ngày người mẹ mới mang thai, gọi là thai giáo. Quý vị thử nghĩ xem, lợi hại biết là bao. Bây giờ loại thai giáo này, được người Tây phương chứng minh. Họ dùng cái gì để chứng minh? Họ dùng thôi miên. Thôi miên kêu quý vị quay lại, quay lại khi đang còn ở trong tử cung của người mẹ, quý

vị có cảm giác như thế nào, sẽ nói ra. Người mẹ khởi tâm động niệm, nó cũng có cảm giác. Người mẹ ăn uống nó cũng có cảm giác. Cho nên, thai giáo có ý nghĩa rất lớn.

Khi người mẹ mang thai, không nên có tà niệm. Tư tưởng, suy nghĩ phải trong sạch, chơn chánh. Không nên có phiền não, không nên u buồn. Nếu bạn có phiền não, có âu sầu, tức là đã gieo hạt giống bệnh hoạn cho thai nhi rồi. Người mẹ phải chú ý vấn đề này. Đứa nhỏ vừa ra đời, cha mẹ nhất định phải thực hành được đệ tử quy, làm để cho đứa bé xem, trẻ con nhìn. Nó vừa sanh ra, con mắt mở to nó có thể nhìn, tai nó có thể nghe, nó đã được học tập, bắt chước. Cho nên người xưa dạy trẻ con, lúc trẻ con bắt đầu học tập, cái gì không hay thì không để cho nó nhìn thấy. Không nên để nó nghe được, không nên cho nó tiếp xúc. Những gì nó thấy, đều là chơn chánh, hoàn toàn tốt đẹp. Nếu để nó nhìn 1000 ngày, thì lúc lên 3 tuổi, từ khi sanh đến lúc 3 tuổi là 1000 ngày, giai đoạn này gọi là cội rễ giáo dục. Dạy người của người xưa là dạy như thế đó.

Sau giai đoạn giáo dục kiểu này xong, đứa trẻ bắt đầu có thói quen. Người Trung Quốc nói: “Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên”. Có nghĩa là, cự li giữa thói quen và bản tánh rất gần nhau. Không thể phân biệt. Nên ngôn ngữ có câu: “3 tuổi tương 80”. 3 tuổi nuôi dưỡng thành công, thì 80 tuổi cũng không thay đổi. Khả năng này quá lớn.

Bây giờ nền giáo dục này không còn nữa, đã mất bốn đến năm đời nay rồi. Chúng ta không thể trách ai cả. Tại sao ta không học được? vì cha mẹ của quý vị không được học. cha mẹ của quý vị không biết. Trước đó nữa, ông bà nội của quý vị cũng không biết, cho nên cha mẹ quý vị không học được. Ngược về trước nữa, ông bà cố của quý vị cũng lơ là vấn đề này, nên ông bà nội không được học. Đại khái là phải truy tìm đến đời ông sơ nữa kìa! May ra ông mới hiểu.

Tôi chừng này tuổi, sống ở quê hương tôi, bởi vì văn hóa ở quê nhà rất tốt, bắt nguồn của phái Đổng thành, cho nên không khí học hành rất là thịnh, người ở quê đó đều được học. Chúng tôi còn ở vùng sâu vùng xa, biết được sự việc này, chính mắt mình nhìn thấy, sau khi kháng chiến thắng lợi thì không còn nữa, đến Trung Quốc đi rất nhiều địa phương. Tôi rất để tâm đến vấn đề này. Nhà có còn hay không? Còn. Giống như ở Giang Nam Trung Quốc, những dãy nhà vẫn còn đó, nhưng người không có, không ai tới lui nữa. Cho nên di tích xưa còn không ít, quý vị đến đó có thể thấy, không có người.

Chúng ta chiến tranh 8 năm với người Nhật Bản, tổn thất lớn nhất của chúng ta là cái gì? Nhà chúng ta không còn nữa. Chết bao nhiêu người, mất biết bao nhiêu tài sản, điều này không thành vấn đề. Truyền thống xưa của chúng ta, tinh thần nhà chung của ta không còn, đây mới là tổn thất không gì thay thế được. Xã hội hôm nay của chúng ta đây, xảy ra bao tai họa lớn như thế, căn nguyên chính là ở chỗ này. Giáo dục gia đình kiểu như vậy, bây giờ không còn nữa. Sở dĩ tinh thần giáo dục nhà của người xưa, mạnh mẽ như thế, là bắt nguồn

từ Tề gia trị quốc bình thiên hạ. Chính là điểm này. Bây giờ làm sao khôi phục đây? Chúng tôi nghĩ không thể nào được, không có biện pháp khôi phục. Cho nên chúng tôi suy nghĩ rất nhiều, và thường nghe người ta nói: “Nhà xí nghiệp”, nó đã nhắc nhở cho tôi rất lớn. Nếu như xí nghiệp chơn chánh, có thể đem tinh thần và truyền thống xưa, tinh thần của nhà, gia đạo của nhà, gia quy, gia học, gia nghiệp, nếu như có thể khôi phục trở lại, thì dân tộc ta, ít nhất vẫn còn 1000 năm nữa hưng thịnh ở đời.

Giáo dục thuở ban sơ dạy những gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả. Đây chính là điểm cơ bản của 3 nhà Thích, Đạo và Nho vậy. Gốc rễ truyền thống văn hóa của chúng ta. “Đệ tử quy” của Nho gia; “Thái thượng cảm ứng biên” của Đạo giáo; “Thập thiện nghiệp đạo” của Phật giáo. Ba điều cơ bản này. Hồi trước người ta đi học, lúc nhỏ không thể không tiếp nhận 3 điều đó. Ba điều cơ bản này, đều do cha mẹ chỉ dạy, sáu bảy tuổi đi học, đến trường Tư thực, những quy cũ này, nó đã học được rất thành công, đến trường học, thầy giáo thay thế cho cha mẹ. Thầy giáo cũng đem những khuôn phép này, làm lại cho học sinh xem, học sinh mới phục, mới bội phục quý vị.

Thầy giáo làm tấm gương, thầy giáo giảng giải, tại sao phải hiếu thuận. Cho nên, giảng giải phải từ 6 tuổi trở về sau. Trước 6 tuổi chỉ có học, không giảng giải. “Đệ tử quy” là trước 6 tuổi phải hoàn thành rồi. Đặc biệt, trước 3 tuổi đã làm xong. Điều này, người ngoại quốc không thể nào biết được. Lúc chúng tôi nói chuyện với họ, sau khi nghe xong họ vô cùng kinh ngạc, mới hiểu tại sao Trung Quốc có được mấy ngàn năm an bình thịnh trị. Vấn đề này ắt có đạo lý của nó. Không phải ngẫu nhiên mà có được. Trung Quốc mấy ngàn năm nay, xã hội đã lấy việc giáo dục đặt lên hàng đầu. Nhà cũng như thế. Gia giáo là số một. Tại sao? Vì mọi người được giáo dục tốt, thì họ đều là người tốt. Việc của mỗi người làm đều là việc tốt, người tốt làm việc tốt, cho nên xã hội phồn vinh, xã hội hưng thịnh. Cuộc sống đích thực của nhân dân chính là cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn.

360 nghề. Người Trung Quốc ưa nói 360 nghề. Tại sao? Vì một năm có 360 ngày. Từ chỗ này mà ra. Đây, chính là nói về nghề nghiệp trong xã hội. tất cả nghề nghiệp, nghề nào tốt đẹp nhất, người ta ưa thích nhất? Nói cho quý vị biết, chính là làm quan. “Học không giỏi thì làm lính”, đánh giặc. Tại sao vậy? Vì nghề này có địa vị rất cao. Họ là quan viên, đối xử không tệ. Khó khăn nhất là cái gì? Không có việc gì làm. Vì sao không có việc? Vì không có vụ án nào. Không có ai phạm tội. Cho nên làm quan là nghề thoải mái nhất, nghề nhàn rỗi nhất. Chúng tôi đọc Tứ Khố Toàn Thư, những tập trong Tứ Khố Toàn Thư là văn học, quý vị hãy xem bên trong đó, hơn một nửa đều là ghi chép lại việc làm quan, họ không có việc làm, ở trong nhà làm thơ, viết từ, viết văn chương, du sơn ngoạn thủy, cả tháng trời mới được mấy vụ án, là quá lắm rồi, nhiều lắm rồi, thế mới hiểu được sự tốt đẹp của xã hội lúc đó, chính là nhờ gia giáo của mỗi người dạy họ sống tốt. Trong xã hội không có ai hại ai, không gây án

mạng. Cho nên làm quan rất nhẹ nhàng; làm vua thì gọi là “Buông tay mà trị”. Vua cũng không có việc làm, thiên hạ thái bình. Đó là Thái bình thiên tử. Giáo dục làm thành công.

Ngày nay, chúng ta xem xã hội bây giờ. Xã hội hôm nay, trong các ngành nghề, khổ nhất là nghề gì? Là làm quan. Vô cùng khổ sở, giải quyết vụ án không hết. Trước đây làm quan không có vụ án nào cả, bây giờ thì giải quyết hoài cũng không xong. Tại vì sao? Vì giáo dục lơ là, người học hư hỏng, đặc biệt là do hai thứ, đem dạy dân chúng hỏng hết, dạy cho toàn thể xã hội rối thêm. Hai thứ ở đây là cái gì? Thứ nhất là truyền hình, thứ hai là Internet bây giờ, gặp mỗi người, quý vị hỏi thử xem, một ngày xem ti vi bao nhiêu tiếng đồng hồ? Đây là làm giáo dục, truyền hình đã dạy họ cái gì? Dạy họ bạo lực tình dục, sát đạo dâm vọng. Điều này có thật, không phải giả. Chỉ cần những thứ này còn tồn tại, muốn xã hội được hòa bình yên ổn, thì vĩnh viễn không bao giờ làm được. Vấn đề này không thể không biết. Hai thứ này sẽ hủy diệt một quốc gia, sẽ hủy diệt một dân tộc, sau cùng là hủy diệt cả thế giới. Quá nguy hại.

Vấn đề này, chẳng phải tôi cảnh giác đâu, mà do thầy của tôi là Phương Đông Mỹ tiên sinh – ngài nói cho tôi biết. Thời trai trẻ tôi ở Đài Loan, lúc đó tôi còn nhỏ tuổi, khi đó đại khái khoảng 40 tuổi, ba bốn mươi tuổi, Đài Loan từng có một lần, đề xướng phục hưng văn hóa Trung Hoa. Một hôm nọ, có 3 vị quan viên của Bộ giáo dục, đến nhà của thầy Phương, thỉnh giáo người nhà của thầy, ngay hôm đó tôi cũng ở đấy, tôi ở tại nhà thầy. Những quan viên này đã đề xuất một vấn đề, rằng, chính phủ đang đề xướng phục hưng văn hóa Trung Hoa, nên làm như thế nào cho chu đáo? Sau khi thầy Phương nghe xong câu hỏi này, ít nhất là 5 phút đồng hồ, biểu lộ dáng vẻ nghiêm túc, một câu cũng không nói. Sau 5 phút thầy bắt đầu nói, thầy nói có, phương pháp thì có. Họ bèn hỏi phương pháp đó là gì? Ngài nói: thứ nhất, lúc đó ở Đài Loan có 3 đài truyền hình. Truyền hình phải đóng cửa. Đài Loan còn có mấy mươi đài truyền hình vô tuyến. Tất cả phải dẹp bỏ. Báo chí ngừng phát hành, tạp chí ngừng xuất bản. Ba vị quan viên này la lên. Thầy, việc này không thể làm được! Thầy Phương bèn nói: những thứ này, hằng ngày đang phá hoại văn hóa truyền thống của Trung Quốc, chỉ cần tồn tại những thứ này, anh lại muốn phục hưng ư? Làm không được đâu. Lời này là chân thật, một chút cũng không giả dối. Cho nên, hiện tượng xã hội của Đài Loan, mãi đến bây giờ, vẫn còn hỗn loạn. Cảnh báo của thầy Phương, lúc đó những quan viên này lại hỏi: nước Mỹ bây giờ là cường quốc số một của thế giới. Họ đặt câu hỏi khá hay. Thầy nói: La mã sẽ có một ngày diệt vong. Xin hỏi thầy: nước Mỹ tương lai diệt vong, nhân tố đầu tiên là cái gì? Ngay lập tức thầy Phương trả lời: Truyền hình. Nước Mỹ tương lai sẽ diệt vong. Nguyên nhân của nó là do truyền hình. Sau đó, đặc biệt nói rõ cho họ biết, Đài Loan chưa đạt đến mức độ này. Truyền hình Đài Loan, nếu cuồng vọng như Hoa Kỳ, không có hạn chế của nó, thì sau những chương trình vừa xuất hiện đó, Đài Loan cũng sẽ tiêu luôn. Giáo dục! Nên biết, điều quan trọng ở đây là cái gì? Là làm chủ giáo dục. Ngày nay, giáo dục hôm nay không còn là vấn đề quan trọng của quốc gia nữa, phương tiện truyền thông mới là quan

trọng. Cho nên, những người làm quan, đáng thương, vô cùng đau khổ, giải quyết công việc không xong.

Bây giờ tự do dân chủ rồi. Thời xưa không có đâu. Lúc đó là thời đại quân chủ, ngôn luận không được tự do, phát hành báo chí cũng không được. Chính phủ phải bảo đảm đời sống tinh thần của nhân dân. Họ có sứ mạng đó. Cho nên, họ có tiêu chuẩn. Những tiết mục văn nghệ trình diễn phải có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn của nó, như trong Luận ngữ đã nói: “Tu vô tà - Suy nghĩ không tà”. Những tiết mục muốn biểu diễn, đều phải phù hợp tiêu chuẩn này. Không thể để quần chúng sau khi xem xong khởi lên tà tư tà niệm. Họ áp dụng tiêu chuẩn đó. Bạn xem, thời xưa họ đã dùng đến 3 chữ này. Tiêu chuẩn của 3 chữ này, tại Trung Quốc đã dùng nó mấy ngàn năm rồi. Chỉ cần để người ta tiếp xúc được, nhìn thấy được, nghe được rồi mà sinh ra tà niệm thì quyết định cấm hẳn. Bây giờ bắt chước người ngoại quốc, cái này phải là tự do dân chủ thì xong rồi; nhân dân phải chịu khổ, phải chịu nạn.

Trong cuộc sống của chúng ta, vận may vô cùng ở đây là gặp được Phật pháp. Gặp được Phật pháp rồi thì cuộc sống này không còn khổ nữa. Cuộc đời này sống rất hạnh phúc, rất viên mãn. Điều này, thầy Phương ban đầu đem Phật pháp giới thiệu cho tôi; học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Tôi học được, năm tới là tròn 60 năm. Tôi giảng kinh, dạy học đã 52 năm. Năm tới là “Ngũ thập tam tham”, tức là 53 năm. Hạnh phúc mỹ mãn vô cùng. Lời của thầy Phương là thật, không chút giả dối.

Phật pháp đã giảng cái gì? Chân tướng của nhân sanh và vũ trụ. Chân tướng của nhân sanh và vũ trụ là mục tiêu cuối cùng của triết học cần phải học, cũng là mục tiêu sau cùng của khoa học. Nhưng mục tiêu sau cùng này, kỹ thuật khoa học trước mắt, so với trong kinh Phật nói vẫn còn lạc hậu rất nhiều. Trí tuệ của đức Phật do đâu mà có? Phật nói: trí tuệ của Phật, mỗi người trong chúng ta ai ai cũng có. Một chút cũng không nghi ngờ. Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như Lai. Do vậy, giáo học của Phật không có gì khác, tức chính là đem tự tánh của quý vị, đức tướng trí tuệ vốn có của quý vị khôi phục lại. Điều ngài muốn giảng là cái này. Đức tướng trí tuệ của chúng ta, sao mất tiêu rồi? làm sao quên mất rồi? Ngài nói: chính là do Kiến tư phiền não, Trần sa phiền não, Vô minh phiền não, 3 loại phiền não này đã làm chướng ngại. Cho nên Phật dạy chúng ta phải buông xả. Buông xả Kiến tư chính là không chấp trước, bất luận đối nhân, xử sự, tiếp vật, không có suy nghĩ đối lập. Có đối lập thì sai rồi. Không có đối lập, thì nó hài hòa. Tự tánh vốn hài hòa, không có đối lập. không có không chế, không có chiếm hữu. Khởi tâm động niệm là vì người khác. Không phải vì mình. tại sao vậy? vì mình và người vốn không hai. Lợi ích cho người khác đích thực chính là lợi ích cho mình. Lợi ích cho xã hội, chính là lợi ích chơn chánh cho gia đình. Điều này, Phật pháp nói là phước báo, quý vị tu phước. Đạo lý này rất là thâm sâu. Chúng tôi học 59 năm, mới hiểu rõ ràng, mới thông suốt được; cát hung, họa phước có, nhân của mình, thì quả cũng của mình, chẳng liên quan gì đến người khác cả. Cho nên, hôm nay chúng ta học được chỗ

này, dạy bạn niệm A Di Đà Phật. niệm A Di Đà Phật lợi ích rất nhiều, kể không hết. Lợi ích đầu tiên xin nói cho bạn biết, đó là thân tâm khỏe mạnh. Ở tuổi trung niên trở lên, hạnh phúc thật sự chính là thân thể khỏe mạnh. Quý vị giàu có, địa vị cao, nhưng thân thể của quý vị không được khỏe, thường hay sanh bệnh. Đây là khổ. Giàu mà không vui, sang trọng mà chẳng vui, thì không bằng nghèo mà vui sướng, bần tiện mà an nhàn, vui vẻ. Con người ở trên đời này cần niềm vui. Niềm vui và phú quý không liên can. Vậy liên quan với cái gì? TRÍ TUỆ. Đối với nhân sinh vũ trụ, tánh tướng, lí sự, nhân quả đã hiểu tường tận rồi, thì vui sướng biết bao! Tôi từ đâu sanh ra, tương lai tôi chết rồi sẽ đi về đâu, cần phải hiểu rõ ràng tường tận, một tí cũng không mơ hồ, vấn đề này, nói chung người thế gian không cách nào làm được. Phật nói cho chúng ta biết, cái này là thật, không phải giả. Chính xác muôn ngàn, một chút chẳng giả. Quý vị nghĩ xem, môn học này tốt đẹp nhường nào, viên mãn biết bao. Đáng được học tập.

Xin tiếp tục xem.

Lại như nguyện thứ 18 trong đó viết rằng: “khi tôi làm Phật”. “Tôi” là tên tự xưng của đức Phật Thích ca Mâu ni. “Nhân dân trong quốc độ chư Phật, thực hành đạo Bồ tát, thường dùng tâm tịnh khiết niệm ta”. Tịnh khiết tâm chính là Thanh tịnh tâm; “thì khi lâm chung, ta cùng vô số chúng Tỷ kheo hiện đến tiếp dẫn họ, đứng ở trước ta, tức sanh về nước ta, làm A duy Việt trí”. Nguyện này rất hay. Ngài phát ra nguyện này. Nhưng mà nguyện của Ngài đã thực hiện xong. Nếu không làm tròn lời nguyện thì Ngài không thành Phật. Phật A Di Đà ở thế giới Tây phương Cực là đã thành Phật, thuyết minh về 48 lời nguyện của Ngài, nguyện nguyện đã thực hiện xong. Ở đây thì 18 lời nguyện thôi. Mỗi lời nguyện trong đó rất hay.

Trước kia, ngài hành đạo Bồ tát. Hành đạo Bồ tát là học Phật, làm Phật tức là đã thành tựu rồi, tu học viên mãn. Đạt được học vị này, học vị cao nhất này, đức Phật, ngài đã đạt được. Cho nên, Phật pháp không phải là tôn giáo. Trong tôn giáo chỉ có Thần, con người không thể thành Thần, không thể bình đẳng với Thần. Phật giáo không phải vậy. Phật giáo là giáo dục. Đức Phật là một học vị cao nhất, mà mọi người đều có thể đạt được, cũng giống như học vị Tiến sĩ ở trường. Bạn chỉ cần tu học đàng hoàng, thì nhất định bạn sẽ lấy được nó. Cho nên, Phật thì rất nhiều. không giống như thượng đế, chỉ có một. Thần cũng chỉ có một. Phật thì ở đâu cũng có. Phật ở trong các ngành nghề, Phật ở trong nam nữ già trẻ bé lớn. Do vậy, cần phải hiểu rằng, nó là danh xưng của học vị. Bồ tát cũng như thế, A la hán cũng như thế, đều là tên gọi của học vị mà thôi.

“Nhân dân trong nước của chư Phật”, “cõi nước chư Phật chính là hết thầy chư Phật – lãnh thổ ngài dạy học”, nhân dân trong lãnh thổ này, được học tập với Ngài. Vấn đề này, ở trong kinh, chúng ta thấy rất rõ ràng rồi. Rất nhiều bạn đồng học, tụng kinh Địa Tạng rất giỏi. Ở trong kinh Địa Tạng, quý vị sẽ phát hiện, phát hiện cái gì? Phát hiện rất nhiều tín đồ tôn giáo đã học Phật với Phật. Nhưng Phật không kêu họ phải từ bỏ tôn giáo của họ, thì bạn mới

biết được, Phật chỉ dạy học. Bất luận tín ngưỡng tôn giáo nào, đều có thể đến học Phật, đến cầu học, giống như ở nhà trường vậy. nhà trường học sinh rất nhiều, tín ngưỡng tôn giáo cũng không giống nhau. Nó đều đi đến trường, nó cũng được đến lớp để học tập với thầy giáo. Điều này bạn cần phải biết, bạn đã đọc rõ ràng rồi.

Bà la môn nữ, là một tín đồ của Bà la môn giáo. Bà la môn giáo chính là Ấn Độ giáo bây giờ. Tiền thân của Ấn Độ giáo là Bà la môn giáo. Không cần dạy họ cải đạo. Cô ấy là học sinh giỏi của Phật, đệ tử giỏi. Cô ấy cũng là tín đồ tốt của Bà la môn giáo. Phật không bảo cô ta phải từ bỏ tôn giáo, rồi đến đây học. Điều này nhất định phải hiểu.

Đạo Phật là dạy học, là giáo dục. Dạy cái gì? Dạy quý vị khai mở trí tuệ, dạy quý vị làm sao hiểu rõ được thật tướng của nhơn sinh vũ trụ, dạy quý vị biết, phải làm thế nào để khơi dậy tánh linh của chính mình, làm như thế nào để thay đổi phẩm chất cuộc sống của bạn. Cái để học ở đây rất nhiều. Phong phú hơn so với đại học ngày nay rất nhiều.

Kinh Địa Tạng, chính là giáo án dạy học của đức Phật Thích ca Mâu ni khi còn tại thế. Điều này quý vị nên biết, lúc Ngài còn tại thế, chưa có chữ viết, những giáo án này, là sau khi Ngài qua đời, do những học sinh của ngài, từ trong trí nhớ của mình ghi chép ra, lưu truyền cho hậu thế. Giống như Không tử vậy.

Không lão phu tử, khi còn sống dạy học, không có giảng nghĩa, cũng không có tài liệu văn tự phát cho mọi người. Không có. Luận ngữ, là sau khi Không tử chết rồi, học sinh mới đem những lời nói của ông ghi chép lại, thành một cuốn sách, lưu truyền hậu thế. Thích ca ra đời sớm hơn Không tử một chút. Đại khái cùng thời đại với Lão tử. Cho nên, chúng ta đối với Phật đã phải hiểu biết, quý vị không hiểu biết, mù quáng tin theo, nói sao làm vậy, thì thành ra mê tín rồi. Tôn chỉ dạy học của Phật pháp là phá mê khởi chánh tín. Tại sao quý vị còn mê tín? Đâu có đạo lý này! Điều này chúng ta không thể không biết. Đặc biệt là xã hội bây giờ, còn rất nhiều người nảy sinh hiểu biết sai lạc đối với Phật giáo. Cách nhìn sai lầm. Thời chúng tôi còn trẻ tuổi cũng không ngoài lệ ; cũng chịu sự ảnh hưởng của thầy giáo nhà trường. Thầy dạy học nói cho chúng tôi biết: tôn giáo là mê tín. Phật giáo là tôn giáo. Đứng trên phương diện tôn giáo, Phật giáo là tôn giáo thấp nhất. Tại sao vậy? Vì tôn giáo cấp cao thì chỉ có 1 ông Thần, chỉ có một ông thôi. Phật giáo thì phiến thần giáo, đa thần giáo, cái gì cũng bái lạy. Đây là tôn giáo cấp thấp. Từ nhỏ chúng tôi đã bị dụ dỗ bởi lý luận này. Cho nên, cả đời không có ý muốn đi tìm tôn giáo. Không tiếp cận, không gặp nó. Nhân duyên học Phật của tôi, là bắt nguồn từ khi tôi học triết học với thầy Phương Đông Mỹ, thầy dạy cho tôi một bộ Triết học khái luận. Môn học sau cùng nhất là “Triết học kinh Phật”. Tôi cảm thấy kỳ lạ. Phật giáo là một tôn giáo cấp thấp, nhưng tại sao nó lại có triết học? Thầy giáo Phương nói với tôi: “anh còn trẻ không hiểu”. Thầy lại nói: :Thích ca Mâu ni Phật, là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới này. Anh học triết học, thì đây là triết học gia rồi.” Ô! Hồi giờ chưa nghe qua.

Triết học kinh Phật, là đỉnh cao nhất của nền triết học trên toàn thế giới. cũng chưa nghe ai nói qua. “Học Phật là sự hưởng thụ tối cao của đời người”. Ngay tại lớp học này, tôi bị thầy Phương xoay chuyển cách suy nghĩ của mình. Tôi bèn hướng về ông ấy thỉnh giáo. Tôi nói: “Thầy học được điều này từ đâu vậy?” Thầy nói với tôi: Trong thời kỳ kháng chiến, thầy dạy học ở đại học Trung Ương. Thầy là một triết học gia. Lúc hai mươi mấy tuổi thì trở thành giáo thọ nổi tiếng, giáo thọ lừng danh rồi. Có một thời gian thầy bị bệnh, nằm dưỡng bệnh tại núi Nga Mi. Thời gian kháng chiến, chính phủ đặt ở Trùng Khánh, nên đại học Trung Ương cũng giống như một thành đô vậy. Thầy ở núi Nga Mi dưỡng bệnh. Thầy nói, lúc đó ở trên núi, trên núi rất thanh tịnh. Về sau, tôi lại đến đó 2 lần. Trên núi không có báo, không có tạp chí, sách gì cũng không có, chỉ có kinh Phật. Thầy bèn lấy kinh Phật làm niềm vui, mỗi ngày đều xem kinh Phật, càng xem càng thú vị. Từ đó về sau, thầy không thể xa rời kinh Phật. Hằng ngày thầy đều xem kinh Phật. Thực sự phải nói là chúng tôi đã mê, mê với kinh Phật. Phát hiện kinh Phật là đại tri thức. Phát hiện trong triết học, có rất nhiều vấn đề không thể nào giải quyết được, nhưng ở trong kinh Phật đều có, đều tìm được đáp án. Do đó, thầy Phương nói với tôi, ông nói: “triết học trong kinh Phật, anh cần phải học nó. Không ở trong các chùa. Chùa miếu không có nó. Tôi hỏi tại sao vậy? Chùa chiền trước đây, người xuất gia thực học, có đạo đức, lại có học vấn. Thầy nói, hiện tại chùa chiền, những người xuất gia này họ không học. Tôi mới hiểu ra rằng, ông ta nói anh cần nên học, anh hãy học từ trong kinh điển, lời này, thật sự mà nói, vô cùng quan trọng. Nếu không nói lời này, nếu tôi đi đến chùa miếu gặp những người xuất gia này, đi thảo luận với họ, cầu học nơi họ, họ trả lời không xong, thì tôi sẽ hoài nghi, thầy giáo nói lời này là có vấn đề. May mà thầy nói ra trước. Anh nên đi tìm kinh điển, không nên đi hỏi người xuất gia.

Sau này, tôi cũng gặp được người xuất gia, gặp được Chương Gia đại sư, tôi xin cầu học với vị này. Người này rất đặc biệt, có duyên đặc biệt với tôi. Đại sư rất hiền lành. Sự tu hành của vị này, đã cảm động đến những người thanh niên như chúng tôi.

Có một hôm, tôi tiếp xúc với đại sư, câu nói đầu tiên tôi thỉnh giáo đại sư; tôi nói: “con từ thầy giáo Phương biết được, Phật pháp là nền triết học cao thượng, là đại tri thức, con xin hỏi đại sư: trong nhà Phật, có phương pháp gì khiến con nhanh chóng thể nhập được nó hay không?” Với vấn đề của tôi vừa hỏi, Chương Gia đại sư chỉ nhìn tôi, tôi cũng nhìn ngài, cả hai chúng tôi nhìn nhau hơn nửa tiếng đồng hồ, một câu cũng không nói. Hơn nửa tiếng đồng hồ trôi qua, đại sư mới cất lời, nói một câu: CỐ. Chữ cố này, đã khiến chúng tôi chấn động. Đại sư lại im lặng, sau bảy tám phút đồng hồ, đại sư mới nói, cách nói của đại sư rất chậm, từng chữ từng chữ một, “nhìn được thấu, buông được xuống”. cuộc hội ngộ lần thứ nhất, thời gian khoảng 2 tiếng đồng hồ, nói chuyện không quá 10 câu. Mười mấy hai mươi năm sau, tôi mới hiểu được sự việc tại sao lại như vậy. Đây là cách thức dạy học của Phật pháp. Thanh niên như chúng tôi, nóng lòng thấp thỏm, đặt vấn đề như thế, nhưng không trả lời quý vị, cứ nhìn quý vị, đợi khi cơn nóng vội của quý vị lắng dịu xuống rồi, tâm của quý vị định trở lại

rồi mới nói cho quý vị hay, lúc này, những gì nói với quý vị, quý vị nghe mới tiến bộ, nghe rồi sẽ khai ngộ, sẽ nhớ lâu hơn, cuộc đời của quý vị sẽ không còn thoái chuyển nữa. Từ chỗ này, chúng ta mới thấy được, cách dạy học của các bậc đại đức thời xưa.

Sau khi tôi hiểu được, tôi cũng từng dạy học ở nhà trường mấy năm, nhìn thấy tâm tánh nóng vội của học sinh bây giờ, mức độ vội vàng lo âu đó, vượt hơn tôi gấp mười lần. Tôi lúc đó, thầy giáo quả trách tôi tâm vội vàng thô tháo, muốn tôi phải định tâm trở lại. Tâm tánh nóng vội của học sinh thời nay muốn định tĩnh cũng không thể được. Do vậy, tôi không muốn làm thầy giáo nữa. Tôi không đi dạy nữa. Nhưng tôi rất muốn, thường được nói chuyện với các vị thầy giáo. Các vị đó còn dạy. Học sinh bây giờ, thật sự mà nói, rất khó dạy, nó bị truyền hình, internet làm hư rồi. Quý vị làm sao có thể dạy chúng nó hồi đầu đây? Thật khó khăn vô cùng! Những tình trạng này bây giờ, chúng ta không thể không giải quyết, cho nên, việc dạy học hôm nay của chúng ta, cách thức chọn lựa là dùng truyền hình mạng internet. Chúng ta sử dụng mạng lưới internet, đến nay đã được 15 đến 20 năm. Sử dụng cách thức này. Chúng ta dùng truyền hình vệ tinh đã được 8 năm nay. Công cụ này rất hay. Điều này, cũng được thầy Phương nói cho tôi biết, công cụ đó rất tuyệt vời, trong tương lai nếu có điều kiện thì sẽ dùng đến nó. Dùng công cụ này để dạy học, thì nó như một người thầy có thể đứng ngang hàng muôn ngàn thầy giáo khác. Có loại phương tiện này, quốc gia, xã hội sẽ được nhờ, mấu chốt là ở nơi người lãnh đạo quốc gia; người lãnh đạo phải chọn chánh giác ngộ, thỉnh mời vài vị thầy giáo giỏi, bồi dưỡng cho năm sáu mươi học sinh, lúc này có thể sử dụng truyền hình, nhưng truyền hình này, luôn luôn ở một tần số nhất định. “Truyền thông giáo dục”, để cho những người dạy học này ngày đêm không ngừng, một môn học là một giờ đồng hồ, 24 tiếng đồng hồ không bị gián đoạn, cả thế giới đều học được. Thầy giáo không đủ, có thể cho phát lại, giống như chúng ta bây giờ chia ra phát lại 3 lần, mỗi lần 8 tiếng, 8 tiếng, 8 tiếng, phối hợp với thời gian bất đồng của từng khu vực trên toàn thế giới, thì họ có thể xem được. Hiện tại chúng ta, mỗi ngày phát ra 8 tiếng đồng hồ, nhưng phát lại có 2 lần thôi. Nếu như nhà nước kêu gọi, toàn dân phải học tập, giống như xã hội xưa, thì tôi nghĩ rằng một năm, xã hội sẽ ổn định, thiên tai cũng không còn. Do đâu mà thiên tai không còn? Đây chính là câu hỏi lớn. Trong kinh, đức Phật đã giảng tường tận rồi, chẳng phải một hai câu nói rõ ràng được. Bởi vì suy nghĩ của con người, có thể ảnh hưởng đến cỏ cây hoa lá, ảnh hưởng đến núi đất sông ngòi. Những nguyên lý nguyên tắc này, chân tướng sự thật của nó, đã được kinh Hoa Nghiêm giảng giải rõ ràng tường tận rồi. Đây là “đệ nhất kinh” của nhà Phật. Vấn đề đơn giản nhất nữa chính là bộ kinh “Vô Lượng Thọ”. Trong đây nói, nhân dân các nước, có người hành Bồ tát đạo, tức là đã học Phật. Người học Phật, chính là đang đi trên đường đạo Bồ tát.

Bồ tát là tiếng Ấn Độ, nghĩa của nó là giác ngộ. Chúng ta không muốn mê mờ nữa. Chúng ta muốn đi con đường giác ngộ. Giác ngộ là đối với tất cả sự vật trong vũ trụ này. Đạo lý quá rõ ràng minh bạch. Chúng ta tiếp nhận lời giáo huấn của đức Phật, nương theo phương

pháp của ngài dạy để học tập. Điều này thật vô cùng quan trọng. Nếu quý vị muốn đời mình thăng hoa, không còn cách nào khác, phải buông bỏ phiền não, xả bỏ tập khí. Điều này rất quan trọng. Tập khí phiền não của bạn, không buông xuống những chướng ngại đó, chướng ngại gì? Chướng ngại sự giác ngộ của quý vị, chướng ngại sự thăng tiến của quý vị.

“Thường niệm ngã tịnh khiết tâm”; tịnh khiết tâm, phía sau đã nói, chính là thanh tịnh tâm. Nên biết rằng, Phật A Di Đà, tâm của ngài rất thanh tịnh, vì ngài đã giác ngộ, ngài đã buông xả. Tâm của ngài rất bình đẳng. Ngài đã làm tấm gương cho chúng ta noi theo. Chỉ cần chúng ta niệm Phật, niệm đạt đến tâm thanh tịnh, thì sẽ tương ứng với tâm của đức Phật A Di Đà. Thanh tịnh tâm của ngài, ta cũng có tâm đó; tâm tâm tương ứng. Quý vị cho rằng, thế giới Cực lạc không có vấn đề. Nguyên vọng của bạn đạt được rồi. Khi thọ mạng hết, Ta và chúng Tỷ kheo nhiều vô số... Ta là chỉ cho Phật A Di Đà, dẫn theo chúng Tỷ kheo nhiều đông không thể kể hết, “bay đến rước họ”, Ngài đến đón tiếp quý vị, đứng ở trước mặt quý vị, dìu dắt quý vị sang thế giới Cực lạc, tức là sanh về nước của ngài, dẫn quý vị đến thế giới Cực lạc. Đằng sau câu nói, có thể dễ dàng. “làm A duy việt trí”. A duy việt trí là tiếng Ấn Độ, Phạn văn, nghĩa của nó thế nào? Là Bất thoái chuyển Bồ tát. Ở đây không phải là Bồ tát thông thường. Do đó, một nguyên này bạn phải ghi nhớ; trong nguyên thứ 18 nói, mười niệm tất sanh, ở đây Hán dịch là làm A duy việt trí Bồ tát. A duy việt trí Bồ tát tức là đã thành Phật.

Kinh Hoa Nghiêm thuộc hệ giáo lý Đại thừa thường nói, có 3 loại phiền não. Không chấp trước, tức là quý vị đã chứng được A la hán; không phân biệt, quý vị chứng được Bồ tát; không khởi tâm, không động niệm, quý vị là Phật rồi. A duy việt trí không khởi tâm động niệm. Nên biết, chúng ta vãng sanh là mang nghiệp vãng sanh; chúng ta không có năng lực cao như thế. Thậm chí, đến như chấp trước cũng không chịu buông xả hết, chỉ có thể nói rằng, chúng ta còn phân biệt chấp trước chút ít thôi, không còn nhiều giống như trước đây nữa. Bây giờ giảm bớt đi tí rồi, thì sự công phu này sẽ có thể vãng sanh. Vãng sanh về thế giới Cực lạc, sẽ làm A duy việt trí Bồ tát. Đây là nhờ vào sự gia trì thần thông, uy đức và trí tuệ của Phật A Di Đà. Nói cách khác, điều này là do Ngài ban cho ta, chẳng phải do ta tu mà được. Vấn đề này rất hay. Trong tất cả các kinh Phật, xưa nay chưa từng nói qua, chỉ có trong kinh này nói. Chúng ta tin rằng Phật không bao giờ nói dối, từng câu từng chữ của đức Phật đều là chân thật.

A duy việt trí là quả vị bất thoái, địa vị này của Bồ tát không còn thoái chuyển, hành bất thoái, niệm bất thoái. Do đó, viên chứng Tam bất thoái. Chứng đắc viên mãn Tam bất thoái. Nói một cách nghiêm túc, đến lúc này mới là thật chân chánh. Sự tu hành của Bồ tát, tu đến địa vị nào mới là chơn chánh, viên mãn chứng đắc Tam bất thoái? Địa vị thứ 7. Địa vị cao. Nhưng vấn đề chứng đắc, ở hàng Sơ trụ của Viên giáo thì đã chứng đắc rồi. Siêu việt Thập pháp giới. Những người như thế, sanh về thế giới thật báo trang nghiêm, không ở Đồng

cur độ, hay Phương tiện nữa. Do vậy có thể biết, sanh ở Đồng cư độ là thuộc Hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng là A duy việt trí Bồ tát, hoàn đắc trở lại.

Tại sao Bồ tát trong mười phương muốn vãng sanh về thế giới Cực lạc, đạo lý chính là ở chỗ: không có phân biệt. Bạn đang ở trong cõi nước của đức Phật khác, mong muốn tu đạt đến cấp bậc này thật không dễ, thời gian tu rất dài. Về thế giới Cực lạc rồi, vừa bước vào cõi này thì sẽ chứng đắc, cho nên pháp môn này còn gọi là pháp môn khó tin. Đoạn sau có nói, Hoàng lão còn ghi chú ở trong đây; Tịnh khiết tâm tức là Thanh tịnh tâm, cũng là câu thanh tịnh ở trong Vãng sanh luận. Phật danh, Vô lượng Thanh tịnh Phật. Phật tâm, là Vô lượng Thanh tịnh tâm. Tóm lại, câu Nhất pháp tức là câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh này, tức là chỉ cho Pháp thân vô vi trí tuệ chân thật, cũng tức là câu Phật hiệu. Quy kết lại không ngoài bốn chữ A DI ĐÀ PHẬT. A Di Đà Phật chính là Thanh tịnh trí tuệ. A di đà Phật chính là thanh tịnh. A di đà Phật chính là Vô vi Pháp thân. Người niệm Phật nên hiểu được những ý nghĩa này. Người ta muốn hỏi, tại sao phải niệm A di đà Phật? Không biết. Niệm A di đà Phật, có lợi ích gì chẳng? Trả lời không được. Vậy ai dám tin tưởng quý vị đây? Muốn tin tưởng quý vị, nhưng người kia bảo là mê tín, cũng chẳng sai. Anh ta mê tín. Mê tín nên nghĩ: có thể đạt được lợi ích gì không? Thật không phải dễ. cho nên các bạn đồng học phải biết, học Phật, không đến lớp biết đâu mà hành trì?

Khi đức Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, cả đời Ngài lên lớp dạy học, không dạy chúng ta tụng kinh. Lúc đó chưa có kinh sách. Một quyển cũng không có. Ngày ngày chỉ nghe Ngài thuyết giảng, nghe rõ ràng, nghe hiểu rồi, thì đem tất cả những suy nghĩ bất thiện sửa đổi trở lại, vậy gọi là tu hành. Cho nên, “tu hành”, hai chữ này: tu là sửa đổi, hành là hành vi. Hành vi sai lầm, sửa đổi trở lại gọi là tu hành. Danh từ này phải hiểu cho rõ; hành vi có 3 loại lớn: Thứ nhất là tư tưởng. Thứ hai là lời nói. Thứ ba là sự tạo tác của thân thể.

Tư tưởng chính là hành vi của tâm. Lời nói là hành vi của miệng. Sự tạo tác của thân thể là việc làm của thân. Hành vi thì còn nhiều, nhưng không ngoài 3 loại thân khẩu ý này. Ý chính là tâm, bao quát tất cả rồi.

Ba loại hành vi bất chánh, sai lầm này, hãy sửa đổi nó chân chánh trở lại, đây gọi là tu hành. Ngày nay, rất ít người hiểu được, ý nghĩa đích thực của danh từ này. Cái gì gọi là tu hành? Mỗi ngày gõ mõ, tụng kinh lạy Phật gọi đó là tu hành ư? KHÔNG PHẢI! hàng ngày tụng kinh, hàng ngày lạy Phật, nhưng còn suy nghĩ lung tung, hành vi của bạn hoàn toàn chẳng liên can gì. Vậy làm sao có thể được lợi ích? phải thực sự thay đổi trở lại. Những ý nghĩ ích kỷ riêng tư là hành vi sai lầm, danh văn lợi dưỡng là hành vi sai lầm, tham luyến Ngũ dục Lục trần là sai lầm, đem những suy nghĩ sai lầm này tu sửa trở lại. Từ đâu mà tu? Xin thưa quý vị, phải từ nơi căn bản mà tu. Đức Phật thường giảng: nhờ giới được định, nhờ định khai tuệ. Ba nguyên tắc này, hôm nay chúng ta nhìn lại xem, hàng đệ tử tại gia của Phật, Thập thiện nghiệp đạo vẫn chưa làm được. Đệ tử xuất gia của đức Phật, Sa di Luật nghi vẫn

chưa làm xong. Chưa làm được là còn giả, chẳng phải thật. Tại sao họ vẫn chưa làm được? Họ không có nền tảng. Do đó, muốn học, học cả đời cũng học không giống. Tu hành nhất định phải có nền tảng. Nền tảng thứ nhất là Đệ tử quy. Đệ tử quy quý vị làm chưa xong, thì Thập thiện nghiệp đạo sao có thể làm được? Không thể nào. Sau đó nữa, quý vị làm càng không được. Cho nên, chúng ta phải biết, trước tiên phải có nền tảng. Hiện giờ không có nền tảng, mà muốn tu hành, hay theo từ những nền tảng trước mà khởi, cũng giống như một ngôi nhà vậy. Ở trong Phật pháp, Đệ tử quy là cơ sở của chúng ta, giống như cái móng của ngôi nhà. Cảm ứng thiên như là làm móng nhà vậy. Hai loại này, nền móng đã vững rồi mới xây nhà lâu được. Thập thiện nghiệp đạo là tầng thứ nhất. Sa di luật nghi là tầng thứ hai, tầng trên của nhà lâu. Lên cao nữa, Tỷ kheo là tầng thứ ba. Bồ tát là tầng thứ tư. Do đó, hôm nay, một tầng cũng không thể thành tựu. Cơ sở là không có Nho và Đạo.

Khi xưa Phật ở Ấn Độ, người thời đó tại sao tu dễ thành công? Lúc đó có Tiểu thừa, có Tiểu thừa Phật giáo. Trong Tiểu thừa giảng lý luận, nói đạo đức, nói nhân quả. Cho nên trong kinh Phật dạy cho chúng ta, ở trong “Phật tạng kinh” có đoạn nói: Phật tử trước không học Tiểu thừa, sau học Đại thừa, thì chẳng phải Phật tử. Phật nói mấy câu này rất quan trọng.

Học Phật không từ trên cơ sở nền tảng, mà bắt đầu học từ Đại thừa, Phật nói, Phật không tán đồng, Phật không công nhận. Cũng giống như đi học, khi nhỏ quý vị phải học từ mẫu giáo, tiểu học, trung học, đại học. Đâu phải bỗng dưng lên đại học liền, mà trước đó không học gì cả. Không ai thấu nhận quý vị đâu. Cho nên kinh Tiểu thừa, trong đại tạng kinh rất đầy đủ. “Tứ A hàm” chính là kinh Tiểu thừa. Tôi không được học những kinh đó. Chương Gia đại sư nói với tôi: ngài nói, Tam tạng văn tự Pali của Nam truyền, so với Tứ A hàm bằng kinh điển chữ Hán của chúng ta, chỉ nhiều hơn 50 bộ, vậy mà phiên dịch rất hoàn chỉnh, tổng cộng gần 3000 bộ. 3000 bộ kém hơn 50 bộ, khoảng cách sai lệch này vô cùng nhỏ. Do đó có thể biết, kinh Tiểu thừa truyền sang Trung Quốc thì đã hoàn bị rồi.

Tiểu thừa ở vào thời kỳ nhà Tùy nhà Đường đã có hai tông phái, đây là cơ sở để học Phật, khoa mục mang tính chung, không thể không học, đó là Câu xá tông và Thành thật tông. Nhưng hai tông phái này, cuối đời nhà Đường đã bị suy yếu. Đời nhà Tống thì không còn nữa. Bây giờ, rất nhiều người không biết đến sự tồn tại của hai tông phái này, thế là, giữa thời nhà Đường về sau, người Trung Quốc chúng ta rất thông minh chẳng học Tiểu thừa. Vậy đã học gì? Dùng Nho và Đạo thay thế. Nho và Đạo là “sản phẩm” của Trung Quốc. Nội dung của nó, không thua kém Phật giáo Tiểu thừa. Những gì trong đó nói còn viên mãn hơn Tiểu thừa. Do đó, người xuất gia, và cư sĩ tại gia ở Trung Quốc, không ai không đọc Tứ thư ngũ kinh, mọi người đều đọc sách của Lão Trang, Lão tử, Trang tử. Họ đã dùng cái cơ sở này, để học Đại thừa Phật giáo, cho nên một chút chương ngại cũng không có. Quý vị xem, đời Tùy, Đường đến nay đã hơn 1700 năm rồi. Hơn 1700 năm nay, đã bao triều đại trôi qua, các bậc cao Tăng thạc đức, những cư sĩ tại gia, người tu hành thành công không ít, hơn hẳn Hán

Đường. Ở đây muốn nói lên rằng, phương pháp này là hiệu quả chính xác. Chúng ta có thể tiếp nhận nó. Cho nên ngày nay, chúng ta học Đệ tử quy, học Cảm ứng thiên; ban đầu có người đến hỏi tôi, họ nói: những thứ này là của Nho giáo, là của Đạo giáo, chúng ta học Phật tại sao phải học nó? Đặt câu hỏi này, tức là đối với Phật giáo Trung Quốc đã có 2000 năm lịch sử, họ không hiểu. Nếu họ hiểu thì đã không đặt câu hỏi này. Dùng Nho dùng Đạo để làm nền tảng tu học, cái này chẳng phải tôi đề xuất, mà do các bậc Tổ sư ở thời kỳ giữa nhà Đường đề xuất. Ba nhà Thích, Đạo, Nho, từ hình thức bên ngoài bạn thấy đó, chiếc áo mặc tuy không giống, hoàn cảnh sống cũng chẳng giống, ngoại trừ hình thức ra, nội dung bên trong thì luôn dung hòa nhất thể. Người học Nho cũng có thể đọc kinh Phật. Quyển Tứ thư của Chu Hi biên soạn rất là hay. Cảm hứng của ông ta từ đâu mà có? Tôi rất hoài nghi, có thể ông ta có được nhờ đọc kinh Hoa Nghiêm. Cách lý luận của kinh Hoa Nghiêm rất đầy đủ, có phương pháp tinh tế, phía sau còn kèm theo cả luận chứng. Chúng ta xem, Tứ thư của ông ta sáng tác và kinh Hoa Nghiêm rất giống.”Trung dung” là lí luận. “Đại học” là phương pháp, “Luận ngữ”, “Mạnh tử” là luận cứ. Quý vị xem, lí luận và phương pháp, đi sát với thực tế của cuộc sống. Không tử làm sao chu đáo đến vậy? Luận ngữ. Mạnh tử sao hay vậy? Không tử là thánh nhân, Mạnh tử là hiền nhân. Thánh hiền làm thế nào có được những phương pháp lí luận phù hợp với cuộc sống như thế. Tức là họ làm để cho quý vị thấy. Vậy chẳng phải giống với kinh Hoa Nghiêm đó sao? Đạo lí và phương pháp của kinh Hoa Nghiêm, lấy Thiện Tài đồng tử làm nhân vật chính, thực hiện tham vấn với năm mươi ba vị thiện tri thức. Họ làm để cho quý vị thấy. Cho nên, càng đọc Tứ thư càng thấy giống kinh Hoa Nghiêm. Khẳng định như thế, vì Chu Hi đã từng học Phật. và trong giới tu sĩ Phật giáo, có không ít Cao tăng thạc đức thường qua lại rất thân thiết với ông ấy. Chúng tôi cho rằng, có đạo lí của nó. Viết một tác phẩm hay như thế, từ đoạn sau của cuốn sách ta thấy được, trong quá khứ, người Trung Quốc đọc sách, họ không đọc Tứ thư này. Nói chung, Tứ thư có thể học thuộc nó.

Ngày nay, ở Luân Đôn, chúng tôi thấy các trường đại học Niu Tân, đại học Kiếm Kiều và đại học Luân Đôn, học sinh khoa Hán học của ba ngôi trường này, đều có thể học thuộc lòng Tứ thư, chúng tôi không thể không khâm phục; nói chuyện với nhau đều sử dụng tiếng Bắc Kinh làm tiêu chuẩn, đọc những cổ văn của Trung Quốc. Không hổ thẹn là Hán học gia của Âu châu. Tôi thấy vậy vô cùng hoan hỉ, cũng rất lấy làm khen ngợi.

Đoạn sau nói, “Cho nên phát tâm Đại thừa, trì danh niệm Phật, khi sắp qua đời, được Phật tiếp dẫn vãng sanh. Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm chính là tôn chỉ của bốn kinh”. Câu này dễ hiểu. nghĩa lý bên trong rất thâm sâu. Phía trước đã nói qua, phía sau vẫn còn lặp lại mấy lần nữa. Sự lặp lại này là có đạo lí của nó; tức là muốn gây ấn tượng sâu sắc cho chúng ta, thời thời khắc khắc thức tỉnh chúng ta. Thuyết minh những lời khai thị này vô cùng quan trọng. Phát tâm Đại thừa rất quan trọng. Phát Đại thừa tâm chính là phát Bồ đề tâm.

Thế nào là Bồ đề tâm? Những năm gần đây, chúng tôi đem Bồ đề tâm ở trong kinh luận đã nói, làm mới lại, tức là nương vào nghĩa lí trong kinh điển để chỉnh sửa lại, viết thành 10 chữ, mong mọi người dễ hiểu hơn. Thẻ của Bồ đề tâm, Bản thể, chính là Chân thành. Chúng ta học Phật, là mong tương lai thành tựu. Nếu quý vị không dụng tâm chân thành, thì quý vị sẽ không bao giờ thành tựu. Người khác dùng tâm giả dối để đối xử với ta, ta lại dùng tâm chân thành vậy chẳng phải thiệt thòi sao? Vâng, bị thiệt thòi. Người xưa nói, thiệt thòi là phước. Quý vị muốn có phước không? Phước là cái gì? Tức là quý vị đã đến thế giới Cực lạc làm Phật rồi. Nếu quý vị không muốn làm Phật, muốn bị luân hồi, được rồi, khi họ dùng tâm giả dối đối xử ta, ta cũng dùng tâm giả dối đối xử lại với họ, vậy thì bạn vẫn còn luân hồi trong Lục đạo rồi. Không thoát khỏi Lục đạo. Nên biết, thiệt thòi là phước. Người bị thiệt thòi có thể đến thế giới Cực lạc. Người không thiệt thòi thì tiếp tục luân hồi trong sáu nẻo. Vậy hãy suy nghĩ xem, quý vị có muốn chịu thiệt thòi không? Được thiệt thòi mới thật là vui sướng! Lợi dụng thì không tốt, lợi dụng thì trong lòng thường hay lo sợ, tâm hồn bất an. Thiệt thòi mới tốt. Cho nên, học Phật phải học chịu sự thiệt thòi. Ai không học thiệt thòi thì không có cách nào học Phật được. Không nên chống trái người khác. Họ chống trái với ta cũng được, nhưng ta không nên chống trái với họ. Họ hủy báng ta cũng được, ta không nên hủy báng lại họ. Họ sỉ nhục ta cũng được, ta không nên sỉ nhục họ. Họ hãm hại ta cũng được, ta không được hãm hại họ. Vì sao vậy? Vì ta là Bồ tát. Bồ tát đâu có thể làm hại người khác! Chỉ có Bồ tát mới có thể đến thế giới Cực lạc.

Lợi ích của thế giới Cực lạc; lợi ích thứ nhất là Vô Lượng Thọ. Thọ mạng của chúng ta ở thế gian này rất ngắn ngủi. Vô lượng thật sự, chẳng phải Vô lượng giả. Thật Vô Lượng Thọ. Nên dùng Đại thừa tâm, chân thành tâm để đối xử với mọi người. Thanh tịnh tâm, Bình đẳng tâm, Chánh giác tâm, tự thọ dụng, tức là đối với chính mình. Đối với người khác, dùng tâm từ bi, tâm yêu thương. Đối đãi người, phải từ bi. Nên học theo hạnh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Khi đức Thích ca Mâu ni Phật còn ở nhân địa hành Bồ tát đạo, thời kỳ học Phật, bị vua Ca Lợi cắt sê thân thể, bị sỉ nhục không gì bằng, vô cùng tàn khốc. Vua Ca Lợi đưa Ngài đến chỗ chết. Ca Lợi tức là tiếng Ấn Độ, dịch ra tiếng Trung Quốc là Hung Bạo. Ca Lợi vương, người Trung Quốc chúng ta hay nói là Bạo quân. Bồ tát bị ông ta giết. Nhưng Bồ tát, một chút oán hận cũng không có, lại còn nói với vua Ca Lợi: tương lai tôi thành Phật, việc đầu tiên tôi làm là đến độ ông. Điều này chúng ta nên học tập. Nghịch cảnh khiến phải chịu cái chết như thế, cũng có thể chịu được. Ngày nay, người khác hủy báng quý vị vài câu, sỉ nhục quý vị vài câu, quý vị đã chịu không nổi rồi, vậy quý vị có thể học Phật được không? Không thể được. Nên nhẫn nhục. Trong cái nhẫn có niềm vui. Không có gì không thể nhẫn. Cho nên, nhẫn nại đổi thành nhẫn nhục. Đây là do các pháp sư thời nay phiên dịch. Đặc biệt dùng danh từ này, bởi vì người Trung Quốc rất coi trọng chữ Nhục. Quý vị xem, trong sách xưa thường nói “sĩ khả sát bất khả nhục”. Bị nhục không thể chịu đựng nhưng chặt đầu thì không vấn đề

gì. Không chấp nhận bị làm nhục. Người Trung Quốc có khuyết điểm này. Cho nên, chữ nhẫn nại đổi thành nhẫn nhục. Nhục có thể nhẫn, thì không có gì không thể nhẫn được. Nhẫn nhục, hoàn toàn là đối với người Trung Quốc (TQ) mà nói. Gốc của danh từ này, nó vốn là Nhẫn nại. Bởi vì người xưa rất coi trọng chữ Nhục, cho nên dịch thành Nhẫn nhục. Học Phật phải buông xả, buông xả là bố thí. Chân thành buông xả, siêng năng nhẫn nhục, thì quý vị dễ dàng thành tựu.

Buông xả không nổi. Cái gì không buông xả được? Danh, lợi. Hai thứ này không buông không được. Người khác hại quý vị, hủy báng quý vị, quý vị bắt nạt nhẫn, như vậy làm sao thành tựu được? Khi quý vị đang bước đi trên mảnh đất Bồ đề đạo, một tí cũng không thể vươn lên cao, vậy thì sai rồi. Tu hành, tức là tu sửa những hành vi sai trái. Không thể coi việc nhẫn nhục là hành vi sai trái. Không thể coi việc buông xả là việc làm sai lầm. Đối đãi với người chút từ bi, đặc biệt là đối với người hại ta, nên đối xử từ bi đặc biệt với họ. Tại vì sao? Vì người hại ta, sẽ có lợi ích cho ta. Lợi ích gì đây? Họ đến thử thách ta, xem công phu của ta đạt đến giai đoạn nào rồi. Ta nên vui mừng. Họ thật sự có lợi ích với ta. Nhưng có điều, tâm của họ chẳng phải là thiện tâm, họ tạo nghiệp. Họ tạo nghiệp tương lai sẽ có ác báo. Người giúp đỡ ta thăng hoa trên đạo lộ tu hành, nhưng tương lai sẽ chịu ác báo. Ta phải xử lý thế nào đây? Dùng công đức tu hành của mình để hồi hướng cho họ. Hi vọng họ, trong tương lai khi chịu quả báo hiện tiền, cái khổ họ chịu sẽ giảm nhẹ. Khi chúng ta đã thành tựu rồi, phải nâng đỡ dìu dắt họ, để báo ân. Đây là Phật pháp. Đây gọi là học Phật. Quý vị nên làm! Cho nên, Phật Bồ tát, việc đầu tiên là cảm ơn, chính những người gây phiền phức, những người gây chướng ngại khắp nơi cho ta, ta bỏ qua tất cả thì mới dễ dàng thành tựu. Do đó, trong ánh mắt của Bồ tát, mọi người đều là người tốt, mọi việc là việc tốt. Sự thật là vậy. Một tí cũng không giả.

Phát tâm Bồ đề, có được tâm này rồi, chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh giác, Từ bi. Nhất hướng chuyên niệm. Dùng cái tâm này, chỉ một phương hướng, đó là Tây phương Cực lạc thế giới, chuyên niệm A di đà Phật. Ngay trong ý muốn niệm A di Đà Phật đó, chính là đã di dân sang Cực lạc thế giới rồi. Chúng ta được di dân đến thế giới Cực lạc. Chúng ta được thân cận với đức Phật A di đà, đó là vị thầy tốt nhất. Phật Thích ca Mâu ni vì chúng ta mà giới thiệu. Mười phương chư Phật cũng vì chúng ta mà giới thiệu. Thế giới Cực lạc là hoàn cảnh tốt nhất cho việc học Phật. Chúng ta đến đó rồi là coi như đã thành tựu. Ở thế giới này, thành tựu rất khó, thời gian rất dài, đến nơi ấy thì rất nhanh. Vãng sanh về thế giới Cực lạc, cũng như cách nói ngày nay là Di dân; di dân qua đó rồi thì không còn sanh tử nữa.

“Lại như câu Thanh tịnh, là biểu thị lý thể thực tế”. Lý thể thực tế này chính là Chân như bản tính, cũng giống như chỗ nói trong Tam tự kinh của chúng ta, “Nhân chi sơ tánh bản thiện”. Lý thể thật tế là bản thiện. Chữ thiện này chẳng phải thiện của thiện ác. Các vị nên

hiểu rõ vấn đề này. Chữ thiện này, ý nghĩa của nó là khen ngợi. Vì nó không có chút tư hào nào khiếm khuyết; hoàn mỹ, viên mãn, nó có ý nghĩa như vậy. Một chút khiếm khuyết cũng không có. Bất luận là nói về trí tuệ, nói về đức hạnh, hay nói về tướng hảo. Bất luận nói về cái gì, nó đều hoàn toàn viên mãn, nó đều Thanh tịnh Bình đẳng. Nó có ý nghĩa như vậy đó.

Từ câu Thanh tịnh nảy sinh ra 3 loại trang nghiêm. 3 loại trang nghiêm đồng nhập vào một câu Thanh tịnh. 3 loại trang nghiêm, phía trước đã nói qua rồi. Đây là nói về thế giới Cực lạc. Cho nên, Cực lạc thế giới, chúng ta phải biết rằng, Cực lạc thế giới chẳng phải là một quốc gia. Nó chỉ là một khu vực. Vì sao vậy? Vì nó không có chính phủ, nó cũng chẳng phải giống như thiên đường của tôn giáo. Trong thiên đường có Thiên chủ, có Thiên vương, nó có tổ chức chính trị, nó có bá quan văn võ. Thế giới cực lạc không có những thứ đó. Cực lạc thế giới, như chúng ta thấy trong tất cả các kinh đã giới thiệu. Chúng ta học nhiều năm nay cũng biết rồi. Cực lạc thế giới người rất đông, nhưng chỉ có 2 loại: một là thầy giáo, hai là các học sinh. Do đó, nó là nơi để học. Điều này chúng ta phải nắm bắt cho rõ. Chưa từng nghe nói ở thế giới Cực lạc, nào là quốc vương, nào là thiên chủ. Không có. Chỉ nhắc đến Phật A di đà, Phật A di đà là thầy giáo. Ngoài thầy giáo ra, còn lại toàn là học sinh. Học sinh đều có cấp bậc; có sinh viên Đại học, có học sinh Trung học và học sinh Tiểu học. Nhưng, những học sinh này không cần chia lớp, họ cùng nhau ngồi chung một lớp. Thật không thể nghĩ bàn! Vì vậy thế giới Cực lạc không có tổ chức. Học sinh tuy rất đông, nhưng họ rất có quy cũ. Họ có trật tự một cách rất tự nhiên. Họ đều giữ quy cũ, không có ồn ào. Không cần tổ chức. Vậy nên chúng ta biết, cấp bậc Bồ tát, A la hán đều có ở trong đó, không cần phân ban. Không nói lớp này, người nào làm Trưởng lớp, không có. Vấn đề này, lúc đức Phật Thích ca Mâu ni còn tại thế, đã từng biểu hiện cho chúng ta thấy rồi. Chúng ta muốn học Phật, nên học với Phật Thích ca Mâu ni. Điều này Chương Gia đại sư dạy cho tôi đó. Quý vị mới thực sự học được mọi thứ. Đức Thích ca Mâu ni Phật khi còn tại thế, phương pháp dạy học của Ngài giống với Phật A di đà. Học sinh rất nhiều. Quý vị thấy trong kinh điển đã ghi chép lại cho chúng ta biết, thường theo chúng học, không rời khỏi thầy giáo. Thầy giáo đi đến đâu thì học sinh đi đến đó. 1255 người, lúc nào cũng theo thầy giáo. Tôi tin rằng, sẽ không ít người như vậy, Tăng đoàn của đức Phật Thích ca Mâu ni, ít nhất là 3000 người. Một Tăng đoàn lớn như thế, nhưng không nghe nói nó có sự tổ chức, chia thành bao nhiêu lớp, người nào lớp trưởng của một ban. Không có. Hoàn toàn là trường tư dạy học, nghiêm chỉnh một cách tự nhiên, người trình độ cao thì dịu dặt người trình độ thấp. Người trình độ cao là Bồ tát. Chúng Bồ tát, các vị này đã lấy được bằng cấp học vị. Người thấp hơn một bậc là A la hán. Thấp hơn A la hán, là những phàm phu chưa được khai ngộ. Đây chính là chỗ chúng tôi thường giảng, Phàm thánh đồng cư độ của những người đời nghiệp vãng sanh. Trong Phàm thánh đồng cư độ không có A la hán, không có học vị, nó tương tự như học sinh Trung học và Tiểu học. Gặp được người nào, Phàm thánh đồng cư độ gặp được A la hán nào thì A la hán đó sẽ dạy họ. gặp được Bồ tát nào thì vị Bồ tát đó sẽ dạy họ, đều có thể giúp đỡ họ, vô cùng thân thiết,

giống như chị em huynh đệ vậy. Thế giới như vậy, chúng ta không thể không biết. Chúng ta nên học, học với Phật Thích ca Mâu ni. Cho nên, Phật pháp không cần có tổ chức. Không giống với tôn giáo khác. Tôn giáo khác có tổ chức, từng bậc từng bậc. Thiên chúa giáo và Cơ đốc giáo, Giáo hoàng Vatican là chính phủ Trung ương của chúng họ, mỗi quốc gia đều có cơ quan Giám mục, người lãnh đạo của khu vực của họ. Ở Trung Quốc chúng ta, mỗi tỉnh đều có chủ giáo Giám mục địa phận, mỗi huyện cũng có Giám mục. Nó có tổ chức hành chính. Trong Phật giáo không có. Quý vị nói xem, như vậy có tốt hay là không? Không tốt. Nếu có, thì trong lòng bạn có phân biệt, có chấp trước, vậy là không buông xả được. Nó không có. Quý vị nghĩ xem, Phật giáo khuyên chúng ta hãy đem những chướng ngại đang gồng gánh này, tất cả rửa sạch trống trơn. Không cần tổ chức. Cho nên chúng ta đến thế giới Cực lạc mới đúng thân phận của học sinh. Đến nơi đó thành Phật. Thành Phật chính là hết nghiệp. Sau khi hết nghiệp, quý vị không thể ở lại thế giới Cực lạc nữa, mà nơi nào có duyên thì đến nơi đó để giáo hóa chúng sinh. Hết nghiệp rồi thì đi phân phát. Không phải phân phát, mà ở địa phương nào có duyên với quý vị thì tự nhiên quý vị đến nơi đó. Chúng sanh có cảm thì quý vị mới có ứng. Đi đến nơi đó dạy học; dạy học nhất định phải giống với Phật A di đà, cũng giống với Phật Thích ca Mâu ni. Thanh cao biết nhường nào! Tự tại biết bao! Nếu bạn có tổ chức, thì quý vị sẽ bị loạn tâm, có phân biệt, có chấp trước, thế là hỏng rồi. Những việc quý vị làm, là thế gian pháp, không ra khỏi Lục đạo luân hồi. Đạo lý này không thể không hiểu. Từ đó quý vị có thể thấy, đây mới là trí tuệ chân thật. Thành tựu chân thật.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 80

Chuyển ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 15 tháng 07 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 85, hàng 2.

Bình đẳng giả, ly sai biệt dã. Kinh vân, tâm Phật chúng sanh, tam vô sai biệt, chánh hiển bình đẳng chi nghĩa.

Đề kinh này là bình đẳng giác. Chúng ta phân chia danh đề này làm ba câu để đọc. Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác.

Bình đẳng nghĩa là không sai biệt. Tâm Phật chúng sanh đồng một thể tánh. Đều do tự tánh biến hiện ra. Trong kinh điển đại thừa đức Phật thường dạy: “mười phương ba đời Phật, cộng đồng một pháp thân”, chính là ý nghĩa này.

Ba đời Phật là nói về quá khứ, hiện tại, vị lai. Quá khứ đã thành Phật. Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta một bộ phận. Kinh Tam Thiên Phật Danh có ba quyền- thượng trung hạ. Quyền thượng là quá khứ thiên Phật, quyền trung là hiện tại thiên Phật, quyền hạ là vị lai thiên Phật. Phật vị lai nghĩa là chưa thành Phật. Ở đâu? Tất cả chúng sanh trong lục đạo hiện nay, đều là Phật vị lai. Trong Phật pháp gọi là hữu tình chúng sanh.

Hữu tình chúng sanh. Tình, trong duy thức nói là thọ tướng hành thức. Có cảm thọ, cảm thọ khổ lạc ưu hỷ xả, có tư tưởng, chấp trước, ký ức. Gọi là hữu tình.

Ngày nay chúng ta biết được động vật có tình, thực vật có tình, khoáng vật cũng có tình. Thật hiếm có, chúng ta thấy được báo cáo của giới khoa học lượng tử, họ cho chúng ta biết, trong hư không cũng có tình. Đây là điều các nhà khoa học thời cận đại nói, họ khẳng định không có cái không thật sự. Đạo Phật nói chắc chắn không có không vô. Ở trạng thái chân không, trong đó còn có nguyên tử, nó hoạt động rất mạnh, nhục nhãn của chúng ta không thấy được.

Trên thực tế họ đã phát hiện ra những thứ này, rất giống trong kinh đức Phật nói về ý niệm, chính là một niệm bất giác. Đạo Phật nói vô thi vô minh. Vô thi nghĩa là không bắt đầu. Giới khoa học cũng phát hiện ra rồi, thật sự không có nguyên nhân. Thật sự không có bắt đầu, họ cũng nói sát na sanh, sát na diệt. Giống như Bồ Tát Di Lạc nói, một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm, mỗi niệm đều độc lập riêng biệt.

Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Chính là những ý niệm này tích lũy liên tục mà sanh ra huyền tướng, nó không có thật. Cho nên hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, hiện tượng đại tự nhiên trong vũ trụ, đều do đây mà có.

Các nhà khoa học cho rằng, có thể đây là nguồn gốc của vũ trụ và sanh mạng. Họ đã phát hiện ra. Nhưng nói rõ ràng nhất, minh bạch nhất là kinh điển đại thừa.

Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, chưa có nhiều dụng cụ khoa học, sao ngài biết được? Ngài dạy chúng ta, hiểu rõ tất cả là bản năng của mỗi chúng sanh. Quý vị vốn nhìn thấy. Ngày nay khoa học muốn thấy được nguyên tử, điện tử, phải dùng kính hiển vi tối tân. Chư Phật Bồ Tát thì không cần. Trong kinh nói chúng ta có ngũ nhãn viên minh. Chúng ta có ngũ nhãn: chúng ta có nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn. Chúng ta đều có đủ. Nhưng bây giờ nó ở đâu? Nếu có đủ năm loại nhãn này, thì đâu cần kính hiển vi! Không cần!

Đức Phật dạy, do chúng ta mê thất tự tánh. Giống như trong Tam Tự Kinh vậy. Phật pháp thật sự làm cho nền văn hóa xưa thêm phong phú. Nếu dùng cảnh giới Hoa Nghiêm để giảng về tam tự kinh, có thể giảng thông. “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Thiện ở đây không phải thiện đối với ác. Thiện ở đây là danh từ tán thán, khen ngợi. Hay quá, viên mãn quá, không hề khiếm khuyết tí nào. Trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Kiến văn giác tri của quý vị, không có điều gì chẳng viên mãn.

Quý vị có thể thấy, có thể thấy được điều gì? Thấy được tiểu quang tử mà giới khoa học ngày nay nói, lập tử cơ bản. Quý vị có thể thấy được tiểu quang tử này phát sinh như thế nào. Do nhất niệm bất giác biến hiện ra. Niệm niệm bất giác, đó chính là tiểu quang tử tích lũy lại, tiểu quang tử là ý niệm, ý niệm tích lũy lại biến thành hiện tượng vật chất. Trong hiện tượng vật chất có kiến văn giác tri. Kiến văn giác tri vốn sẵn có trong tự tánh.

Động vật do tự tánh biến hiện ra, thực vật do tự tánh biến hiện ra, khoáng vật cũng do tự tánh biến hiện ra, hư không pháp giới đều do tự tánh biến hiện ra. Mỗi lập tử trong đó, đều có đầy đủ kiến văn giác tri, quý vị có thể thấy được từng lập tử. Trong đó có âm thanh, điệu âm, âm thanh vi diệu, quý vị đều có thể nghe được. Nó có hương, có vị, quý vị có thể ngửi được, nếm được. Điều này trong kinh đức Phật có nói.

Những điều khoa học ngày nay phát hiện ra, vi trần trong Phật pháp gọi là cực vi chi vi, có thể là lượng tử mà giới khoa học ngày nay nói. Nhưng lượng tử nó có thể tích, bởi nó là vật chất, nó có hiện tượng tinh thần, họ đã nhìn thấy. Họ thấy được sắc, nhưng hương và vị thì chưa phát hiện ra. Sắc thanh hương vị, họ cũng chưa phát hiện được âm thanh.

Đức Phật nói viên mãn hơn. Vũ trụ do vật chất cơ bản cấu thành, đem nó phân tích thấy đều giống nhau, pháp bình đẳng mà, không hề có chút sai biệt. Vì sao biến hiện ra vũ trụ phức tạp như vậy?

Đức Phật dạy, từ ý niệm sanh ra, ý niệm phức tạp. Phức tạp đến mức nào thì bản thân chúng ta không biết được. Vì sao? Bởi tâm chúng ta quá thô. Nếu thanh tịnh bình đẳng giác của chúng ta hiện tiền, thì chúng ta sẽ biết được, sẽ hiểu rõ. Tâm chúng ta quá thô. Minh động niệm nhưng bản thân mình không biết được. Chẳng những cực kỳ vi tế ta không biết được. Trong kinh đức Phật nói rất rõ ràng. A Lại da là ý niệm rất vi tế. Ai biết được? Trong kinh nói, Bồ tát Bát địa biết được, đã chứng minh được!

Các nhà khoa học hiện nay đem so với Bồ tát Bát địa, không được đâu, còn kém xa lắm! Khoa học mới phát hiện ra có những thứ này, nhưng chưa rõ ràng. Bồ tát Bát địa thấy được rõ ràng rồi.

Những vị Bồ tát dưới Bát địa giống như chúng ta, chúng ta cũng biết, nhưng là nghe nói. Học kinh điển đại thừa, trong kinh có nói đến. Chúng ta biết chắc chắn đức Phật không vọng ngữ. Những điều đức Phật nói chắc chắn là chân, chứ không phải giả. Điều này chúng ta tin tưởng, chúng ta tin được, đức Phật không vọng ngữ.

Đức Phật dạy chúng ta, phù hợp khoa học, chứ chẳng phải do đức Phật nói là chúng ta tin. Đây không phải ý của đức Phật.

Đức Phật dạy, bây giờ các người tin tưởng, các người lý giải được rồi, nhưng đức Phật yêu cầu ta phải chứng thực, mới gọi là cái của chúng ta. Nếu không chứng thực được, thì đó không phải của chúng ta, mà là của chư Phật Bồ tát nói. Tuy quý vị biết, nhưng chẳng được lợi ích. Nếu quý vị chứng thực được- hành chứng. Hành nghĩa là gì? Là buông bỏ. Vì sao quý vị không thể chứng thực? Phải hỏi quý vị, vì sao tâm của quý vị không chân thành? Không buông bỏ vọng tưởng, quý vị không chân thành.

Vọng tưởng là vô thi vô minh, chính là khởi tâm động niệm. Ý niệm của quý vị, ý niệm này diệt, ý niệm kia khởi, miên viễn không ngừng lại. Có cái này thì không có chân thành. Vì sao? Bởi cái này là giả. Khởi tâm động niệm là giả chẳng phải chân.

Trong tự tánh, đại sư Huệ Năng nói rất hay: “vốn không dao động”. Vốn không dao động, trong kinh điển đại thừa đức Phật thường gọi là tự tánh bản định. Người xưa nói rằng tự tánh bản thiện. Bản định là bản thiện, không dao động.

Chẳng những chúng ta có vọng tưởng, nghĩa là có khởi tâm động niệm, mà còn phân biệt, chấp trước nữa. Tiêu rồi! Khởi tâm động niệm là gọn sóng, phân biệt là sóng, chấp trước là sóng lớn. Tâm của quý vị không định được.

Tu học Phật pháp, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Bất luận pháp môn nào cũng phải tu định. Nếu không định thì chẳng thể khế nhập. Cho nên trong Phật pháp định là cốt lõi tu tập. Những phương pháp khác là giúp cho quý vị được định. Dạy quý vị trì giới, giới giúp cho quý vị được định, đây là phương pháp. Nhân giới được định, định đến trình độ nhất định, sẽ hoát nhiên đại ngộ, trí huệ khai, đó gọi là chứng đắc. Định không chứng được. Muốn chứng được trước bắt buộc phải có định.

Sau khi khai trí huệ, đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, chúng ta nói tất cả muôn vật, tánh-tướng, lý-sự, nhân-quả của muôn vật ta đều hiểu rõ.

Tâm kinh nói: “Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không.”

Ngũ uẩn là gì? Ngũ uẩn là vũ trụ. Sắc là vật chất, thọ tướng hành thức là tinh thần. Gọi là ngũ uẩn. Đây là đứng về mặt A lại da mà nói, chứ tự tánh thì không có. Trong tự tánh không hiện tướng. Tự tánh bản định khi không hiện tướng, có ngũ uẩn chăng? Có! Đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Đó là khi không hiện tướng. Cho nên không hiện tướng chẳng thể nói nó là không có. Có thọ tướng hành thức nhưng là ẩn không hiện.

Tự tánh không phải là vật chất cũng chẳng phải là tinh thần, nhưng có thể hiện vật chất, có thể hiện tinh thần.

Gặp được duyên, duyên ở đây chính là một niệm bất giác. Gặp được duyên này thì năng sanh vạn pháp. Hoàn Nguyên Quán gọi là “xuất sanh vô tận”.

Vô tận, nhưng có một cái làm chủ nó. Vì sao nó sanh? Ý niệm! Cho nên Phật pháp nói: “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”. Ý niệm đây! Sức mạnh của ý niệm rất lớn. Ý niệm có sức mạnh. Sức mạnh của chúng ta không lớn bao nhiêu, nguyên nhân vì sao? Bởi ý niệm của chúng ta tán loạn. Nghĩa là ý niệm của ta không thể tập trung. Ý niệm tập trung sẽ sanh ra một sức mạnh rất lớn.

Tu tập trong Phật pháp, bảo quý vị nhất tâm xưng niệm. Nhất tâm ở đây là gom ý niệm tán loạn tập trung lại, năng lượng đó đúng là không thể nghĩ bàn.

Lễ phép đầu tiên của Phật giáo là chấp tay. Chấp tay tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng cho nhất tâm. Bình thường 10 ngón tay đều tán loạn, tâm tán loạn, thu tâm tán loạn lại thành nhất tâm. Nó tượng trưng cho ý nghĩa này. Cho nên khi chấp tay phải chấp sát, bởi nó tượng trưng cho nhất, nó tượng trưng cho tán loạn thu lại thành một.

Cảnh giới nhất tâm biến ra, chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật, gọi là nhất chân pháp giới. Tâm tán loạn biến thành mười pháp giới, biến thành lục đạo, biến thành tam đồ. Đều do tâm tán loạn biến ra.

Chúng ta không nói đến một đời, chỉ nói một ngày thôi, từ sáng đến tối có bao nhiêu vọng niệm? “Niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức”. Vũ trụ từ đâu mà có? Do tự tánh biến hiện ra. Tự tánh của ai? Tự tánh của chính mình! Không liên quan gì đến người khác. Mỗi người biến hiện cảnh giới của riêng mình, hỗ tương trùng điệp. Trong sự trùng điệp đó có cộng nghiệp và bất cộng nghiệp.

Cộng nghiệp, nghĩa là chúng ta có thể thấy được. Bất cộng nghiệp là chỉ có mình biết được, chứ người khác không biết được. Người có định sẽ biết được. Vì sao? Bởi định công đột phá không gian duy thứ. Cho nên không gian duy thứ nếu đứng về mặt lý luận mà nói, như các nhà khoa học nói, là vô hạn lượng. Đây là lời chân thật. Không gian duy thứ từ đâu mà có? Từ vọng niệm mà có, nghĩa là từ phân biệt chấp trước mà có. Có phân biệt chấp trước là có không gian duy thứ. Không còn phân biệt chấp trước thì sẽ phá được không gian duy thứ. Sự việc là như vậy.

Cho nên tu tập chú trọng công phu. Thế nào là công phu? Chẳng phải ta đọc bao nhiêu bộ kinh, ta đọc bao nhiêu danh hiệu Phật, không phải như thế, đây không phải là công phu. Công phu là gì? Đây là phương pháp. Dùng những phương pháp này thành tựu công phu của quý vị. Công phu nghĩa là buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, buông bỏ khởi tâm động niệm, gọi đó là công phu. Khó quá!

Ngày nay chúng ta sử dụng phương pháp trì danh niệm Phật, đây cũng là pháp môn. Dùng pháp môn này thành tựu công phu của chính mình. Đầu tiên chúng ta niệm để buông chấp trước. Phương pháp nay hay quá, chỉ chấp trước A Di Đà Phật. Quý vị xem, trong kinh nói, “chấp trì danh hiệu”. Chấp chính là chấp trước, trì là bảo trì, không cho nó mất. Chấp trì danh hiệu này, còn những thứ khác buông bỏ hết đừng chấp trước. Dùng một chấp trước để buông bỏ tất cả chấp trước. Bởi vì bảo quý vị buông bỏ hết tất cả chấp trước, không dễ dàng gì, khó có thể làm được, luôn luôn phải chấp trước. Đây là pháp phương tiện. Trong vô lượng pháp môn đây là pháp môn số một. Dùng câu Phật hiệu này, bởi câu Phật hiệu này thật sự rất hay, trong tất cả thời, tất cả xứ đều có thể niệm được, không bị trói buộc vào bất cứ hình thức nào. Niệm tiếng lớn, niệm tiếng nhỏ, niệm thành tiếng hay mặc niệm đều được hết, niệm trong tâm cũng được. Quý vị xem, rất dễ!

Mục đích ở đâu? Dùng một niệm để gạt bỏ tất cả vọng niệm. Nếu ta niệm câu Phật hiệu này, vẫn còn xen lẫn tạp niệm khác, thì công phu niệm Phật của quý vị bị phá hoại hết rồi. Như vậy là công phu không đắc lực.

Hôm qua có người hỏi tôi: Niệm Phật mà tạp niệm nhiều quá, dùng phương pháp nào để gạt bỏ tạp niệm? Công phu không đắc lực! Nếu công phu đắc lực thì sẽ ít tạp niệm.

Điều này liên quan đến tín nguyện. Nếu thật sự phát nguyện: đời nay buông bỏ hết tất cả, chỉ hướng đến một mục tiêu, cầu sanh tịnh độ, thấy được đức Phật A Di Đà. Nếu quý vị

chỉ đơn thuần có một mục tiêu như vậy, một phương hướng như vậy, thì những thứ khác tự nhiên sẽ buông bỏ hết.

Nếu nghĩ rằng, tôi muốn ở thế gian này làm cái này làm cái khác, thì vọng niệm của quý vị rất nhiều. Đến khi nào mới có thể đạt được tâm thanh tịnh? Sự thật này chúng ta chẳng thể không biết.

Trong kinh Vô Lượng Thọ đức Phật dạy chúng ta: “phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Ngài đem phương pháp cầu sanh về thế giới cực lạc, thân cận đức Phật A Di Đà xếp vào vị trí số một, chứ không nói về những điều khác. Vì sao? Bởi chỉ có sự thành tựu này mới gọi là thành tựu viên mãn. Vãng sanh, phàm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng là chân thật thành tựu viên mãn. Vì sao? Bởi đến thế giới cực lạc là địa vị Bồ tát A Duy Việt Trí.

Chúng sanh khổ, chúng sanh có nạn. Ai đến cứu họ? Đây là việc làm của chư Phật Bồ tát. Chúng ta là Phật, Bồ tát chẳng? Không phải. Vì sao? Bởi chư Phật Bồ tát không có vọng tưởng.

Ở thế gian này chẳng phải không có Phật Bồ tát. Có! Chư Phật Bồ tát thừa nguyện thị hiện rất nhiều. Thật sự có các ngài. Thị hiện ở thế gian này. Quý vị hỏi các ngài có vọng tưởng chẳng? Không có! Các ngài có phân biệt chấp trước không? Không có! Các ngài thật sự không có. Phân biệt chấp trước của các ngài là hòa quang đồng trần. Các người chấp trước, ta thuận theo sự chấp trước của các người. Các người phân biệt, ta thuận theo sự phân biệt của các người. Như vậy sẽ dễ nói chuyện với quý vị, dễ qua lại với quý vị! Tâm các ngài thanh tịnh, không nhiễm một bụi trần. Đó thật sự là Bồ tát.

Quý vị cần nên biết. Vào thời đại chúng ta, bất luận trong nước hay nước ngoài, rất nhiều chuyện bịa đặt .

Năm xưa, khi tôi sống ở Mỹ. Có người nói với tôi rằng: người kia là Bồ tát Văn Thù thị hiện, người này là Phật gì đó thị hiện. Một số học trò đến hỏi tôi. Tôi nói với họ, chư Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian này, là thật có chứ không phải giả. Nhưng có một quy định, nếu thân thể các ngài bị tiết lộ, thì các ngài lập tức nhập niết bàn. Đó là thật, chứ không phải giả. Nếu thân thể các ngài bị tiết lộ, mà vẫn ở thế gian này chứ không nhập niết bàn, thì đây là giả, tuyệt đối không phải thật. Từ đây, từ chỗ thị hiện này, lưu lại cho hàng đệ tử chúng ta, làm tài liệu tham khảo chính xác.

Bồ Đai hòa thượng, thật sự có nhân vật này. Truyện ký của ngài trong Cao Tăng Truyện, Ngài chính là Bồ Tát Di Lạc chúng ta thờ ngày nay. Ngài xuất hiện vào triều đại nhà Tống, cùng thời đại với Nhạc Phi, vào thời Tống Cao Tông. Trong truyện ký có ghi chép một số việc của ngài. Không ai biết họ tên ngài, cũng không ai biết tuổi tác của ngài. Chỉ biết

rằng, khi đó ở Phụng Hóa có một người xuất gia như thế. Hàng ngày khoác túi vải lớn trên vai đi hóa duyên. Người ta cúng dường cho bất cứ vật gì ngài cũng bỏ vào túi, không nhòm ngó tới. Cho nên người ta mới gọi ngài là Bồ đại hòa thượng. Lỗ tai to và dài. Gặp người là cười múm mém. Khi sắp lâm chung, ngài tuyên bố với mọi người, ngài là Bồ tát Di Lạc thị hiện. Nói xong ngời xếp bằng mà vắng sanh. Đây là thật chứ không phải giả.

Hoặc là người khác tuyên bố thân thể của các ngài, người khác vừa tuyên bố là các ngài nhập niết bàn ngay. Đó cũng là thật.

Hòa thượng Phong Can chùa Quốc Thanh, là đức Phật A Di Đà thị hiện. Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù Phổ Hiền. Thị trưởng khi đó, mẫu thân bị bệnh. Hòa thượng Phong Can chữa khỏi bệnh cho mẹ ông ấy. Ông biết ơn vô cùng, thỉnh giáo với vị hòa thượng này. Đúng lúc ông được phân đến địa phương làm thái thú, nghĩa là làm thị trưởng ở đây. Ông thỉnh giáo với hòa thượng: Núi Thiên Thai là khu vực con trông coi, trong đây có bậc cao tăng chân chánh chăng? Có! Hòa thượng nói có. Là ai vậy? Là Hàn Sơn, Thập Đắc. Ông đến ngôi chùa đó thân cận hai vị này. Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù, Phổ Hiền. Đây là do hòa thượng Phong Can nói ra.

Ông thị trưởng đi đến đó, người ta đến lễ bái tham học, muốn gặp được thánh hiền tăng. Nói đến Hàn Sơn, Thập Đắc mọi người đều cười. Họ nói: Sao ông lại tìm hai người đó, hai người đó khùng khùng điên điên, thần kinh mà! Sao lại tìm họ? Trong đây có rất nhiều cao tăng. Hai người đó chỉ là người làm việc trong bếp thôi. Một người gánh nước, một người đốt lửa. Sao ông lại tìm hai người này? Ông thị trưởng không nói gì, ông biết hai vị này là Bồ tát thị hiện, nhất định phải đến đánh lễ. Hai vị khùng khùng điên điên này cười ông. Chạy ra ngoài, ông chạy theo sau, đuổi theo. Chạy đến bên ngọn núi, ngọn núi tách ra, hai vị đó đi vào trong, nói một câu: “Di Đà bẻm mém”. Nói xong ngọn núi khép lại, không thấy nữa. Đó là thật.

Ông ta nghe nói câu “Di Đà bẻm mém”. Hòa thượng Phong Can nói với ông, như vậy Phong Can chính là Di Đà. Thân thể của hòa thượng Phong Can bị bại lộ. Ông trở về tìm hòa thượng Phong Can, hòa thượng Phong Can đã viên tịch rồi, không còn nữa.

Trong lịch sử TQ, hiện tượng này rất nhiều. Nói xong là niết bàn. Nói xong mà vẫn còn là lường gạt người đấy! Làm gì có lý như vậy! Người xưa làm cho chúng ta thấy. Nhiều thời đại thật sự có, chẳng những có người xuất gia, mà có cả người tại gia nữa.

Chúng ta học đến Phó Đại Sĩ, vị cư sĩ triều đại nhà Đường, ông cũng là hóa thân của Bồ Tát Di Lạc. Những thường thức này, khi chúng tôi mới học Phật, thầy giáo phó chúc cho chúng tôi, sau này gặp phải, đừng bị mắc lừa. Những việc này chẳng thể không biết.

Nhất là vào thời cận đại này, khi xã hội bỏ qua nền giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả. Xã hội thiếu đi chánh khí, khí hạo nhiên. Người nước ngoài gọi là từ trường. Bởi chúng ta làm mất đi nền giáo dục của cổ thánh tiên hiền. Ở nước ngoài cũng làm mất nền giáo dục của tôn giáo. Tất cả đều làm mê tín, nếp sống của xã hội xấu đi. Người nước ngoài nói từ trường xấu đi. Yêu ma quỷ quái xuất hiện. Nếu xã hội có chánh khí. Có yêu ma quỷ quái chẳng? Có, nhưng nó không dám xuất hiện. Nó phải ẩn nấp, không dám hiện thân. Ngày nay nó đã hiện ra. Cho nên nhiều chuyện bịa đặt, nhất định chúng ta phải biết.

Khi đức Phật Thích Ca sắp niết bàn. Tôn giả A Nan thỉnh giáo với Phật: Khi Phật còn tại thế, Phật là thầy của chúng con, ngài nhập niết bàn rồi, chúng con tôn ai làm thầy? Chúng con phải học tập với ai đây? Đức Phật trả lời, ngài không giới thiệu ai hết. Đức Phật nói với A Nan, nghĩa là ngài nói với chúng ta, “lấy giới làm thầy”, “lấy khổ làm thầy”.

Nếu muốn thật sự thành tựu đạo nghiệp, nhất định phải đem những chuyện ở thế gian, như danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tài sắc danh thực thùỵ, buông bỏ hết. Vì sao? Nếu không buông được những thứ này, thì làm sao có thể đạt được thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác là tánh đức. Người xưa nói, tự tánh bản thiện, bản tánh bản thiện. Tam tự kinh nói, nhân chi sơ tánh bản thiện. Tự tánh của quý vị là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Hiện nay mê thất tự tánh, cho nên mới có tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn. Trong tự tánh không có những thứ này. Đó là gì? Là tập tánh, trong tập tánh có, không có trong tự tánh. Tam tự kinh nói tiếp: “tánh tương cận tập tương viễn”.

Đứng về mặt tự tánh mà nói thì mọi người đều là Phật. Đức Phật dạy: tất cả chúng sanh vốn là Phật. Cổ thánh tiên hiền nói: tất cả chúng sanh đều là thánh hiền - “ai ai cũng có thể làm Nghiêu Thuấn”, Nghiêu Thuấn là thánh nhân. Tự tánh của quý vị là như vậy, tánh giống nhau. Ngày nay chúng ta gọi là bình đẳng, nhưng tập thì tương viễn.

Tập là tập tánh, là thói quen, “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”. Khái niệm giáo dục từ đây mà có. Vì sao phải dạy? “Nếu không dạy, tánh bèn dờ”. Nếu không dạy dỗ cẩn thận, tập tánh với bản tánh càng ngày càng xa, xa đến mức không còn thấy thiện, mà chỉ thấy ác thôi. Phiền phức lớn đấy.

Từ đó quý vị sẽ biết được, mục đích giáo dục từ xưa đến nay là gì? Là hy vọng tập tánh của quý vị sẽ tương ứng với bản tánh. Như thế là đúng. Mục đích cuối cùng là trở về bản tánh, giống như Phật pháp vậy. Phật pháp dạy học là dạy chúng ta trở về tự tánh. Tự tánh là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Trở về chỗ này, thì sự giáo dục này viên mãn, thành công rồi!

Chỉ cản trở về tự tánh, thì đối với vũ trụ, nhân sinh, muôn sự muôn vật, chẳng có điều gì quý vị không thông đạt, không hiểu rõ. Vì sao? Bởi tự tánh có trí huệ viên mãn, tự tánh có

đức năng viên mãn, ngày nay chúng ta gọi là tài nghệ, tự tánh có phước báo viên mãn. Tướng hảo chính là phước báo. Không cần cầu, có đủ hết.

Ba loại phước báo này giống ai? Như đức Phật A Di Đà trong kinh đức Phật nói. Thế giới cực lạc của đức Phật A Di Đà, quý vị xem, phước báo của ngài lớn biết bao. Phước báo của quý vị giống như ngài vậy, so với ngài ta không thiếu một điều gì. Đức Phật A Di Đà, thân có vô lượng tướng, tướng vô lượng vẻ đẹp. Chẳng phải chỉ có 32 tướng 80 vẻ đẹp đâu. Đó là cõi nhân gian này. Bản thân mình là thân kim cang bất hoại, thật sự là vô lượng thọ.

Ngày nay chúng ta ra nông nổi này, đó là gì? Là tập tánh. Tập tánh biến hiện ra, vọng tưởng trong tập tánh. Những đạo lý và chân tướng sự thật này, đều phải hiểu rõ ràng minh bạch. Mê thất tự tánh thì con người sẽ rất khổ. Trí huệ trong tự tánh không thể hiện tiền. Phải làm sao đây? Học tập, cầu học khắp nơi. Những điều ta học được ngày nay là tri thức chứ không phải trí huệ. Đó là sự khác biệt lớn nhất giữa người phương tây và người phương đông.

Phương đông từ xưa đến nay, như TQ, Ấn độ, mục đích dạy học là trí huệ. Phật giáo nói khai ngộ, Nho giáo và Đạo giáo cũng nói đến khai ngộ. Chú trọng ngộ tánh, chú trọng đức hạnh, chú trọng sự điềm tĩnh. Điềm tĩnh gần với định công. Trí huệ giải quyết được mọi vấn đề nhưng không để lại di chứng về sau. Tri thức có thể giải quyết được vấn đề cục bộ, nhưng có nhiều hậu di chứng, đó chẳng phải là phương pháp.

Cho nên đầu tiên chúng ta phải hiểu, Phật pháp thật sự vô cùng viên mãn, bất luận là lý luận, phương pháp, hiệu quả hay kinh nghiệm, đều đáng để cho chúng ta học tập.

Sự thành tựu của Phật pháp không phải thành tựu người khác mà là thành tựu chính mình. Sự y cứ của Phật pháp đều là tánh đức của chính mình. Chúng ta học với ai? Chẳng phải học với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chẳng phải học với đức Phật A Di Đà, mà là học với tự tánh của chính mình. Phật A Di Đà là tự tánh biến hiện ra.

Quý vị xem thiền sư Trung Phong khai thị trong tam thời hệ niệm, ngài nói rất rõ ràng: “Tâm con tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm con”. Phật A Di Đà từ đâu mà có? Tâm ta biến hiện ra. Do tâm gì biến hiện ra? Thanh tịnh bình đẳng giác biến hiện ra. Phật A Di Đà chính là thanh tịnh bình đẳng giác của tự tánh. Nơi đây là tịnh độ, tịnh độ là nơi đây. Ngài nói vô cùng rõ ràng minh bạch. Tự tha bất nhị, tánh tướng nhất như. Đây là sự thành tựu của Phật pháp.

Ý niệm khác biệt của hàng phàm phu chúng ta, khác biệt chính là phân biệt, rất khó đoạn. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cần phải học. Học điều gì? Học không khác biệt, cũng có nghĩa là học không phân biệt, cố gắng làm phai nhạt phân biệt, phai nhạt chấp trước, như thế là tiến bộ. Thật sự không phân biệt nữa, chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng được quả

vị A La Hán, đã siêu việt được lục đạo rồi. Luân hồi lục đạo từ chấp trước mà có, không còn chấp trước thì lục đạo sẽ không có. Không còn phân biệt thì mười pháp giới không còn.

Đến khi nào mới biết mình thật sự đoạn được phân biệt chấp trước? Không còn mười pháp giới là quý vị thật sự đoạn được phân biệt chấp trước. Nếu lục đạo và mười pháp giới vẫn còn, quý vị sẽ biết được mình vẫn còn chấp trước, vẫn còn phân biệt, vẫn chưa đoạn! Đức Phật nói lời chân thật, không giả dối.

Nhưng về lý nhất định chúng ta phải biết. Tâm là thể, năng sanh năng hiện, bao gồm cả năng biến của A lại da.

Phật và chúng sanh, Phật là giác ngộ, chúng sanh thì mê hoặc. Đều là sở sanh sở hiện sở biến. Giác và mê là hai, nhưng đều từ tâm sanh, tam vô sai biệt. Đây gọi là chân bình đẳng.

Nhập Phật Cảnh Giới Kinh viết: Bồ đề giả, danh vi bình đẳng. Bình đẳng giả, danh vi chân như, nãi chí bình đẳng giả tức thị nhập bất nhị pháp môn. Cố tri hữu sai biệt tức thị nhị, tức bất như. Cố vân bình đẳng tức nhập bất nhị, tức thị chân như. Khả kiến bình đẳng chí nghĩa thâm thâm.

Đoạn kinh này hay quá, giống như kinh Hoa Nghiêm nói: “một là tất cả, tất cả là một”. Nếu ta ngộ nhập Phật pháp, trong đó là thông. Người xưa nói rất hay: “thông được một bộ kinh sẽ lâu thông tất cả kinh”. Thông được một pháp môn, sẽ thông tất cả các pháp môn. Còn một pháp không thông, nghĩa là pháp môn đó quý vị chưa thấu triệt. Thật sự thấu triệt rồi thì đâu có lý chẳng thông!

Bồ đề là tiếng Ấn độ, dịch thành tiếng Hán có nghĩa là giác ngộ. Người thật sự giác ngộ, tâm là bình đẳng. Trong tâm còn vọng niệm nghĩa là chưa giác ngộ. Vẫn còn bất bình là chưa giác ngộ. Vẫn còn chấp trước cũng chưa giác ngộ. Bình đẳng là giác ngộ. Bình đẳng chính là chân như trong kinh nói. Chân như chính là bản tánh.

“Nãi chí bình đẳng giả tức thị nhập bất nhị pháp môn”. Câu này nói hay quá. Nhị là có sai biệt, chúng ta khởi tâm động niệm là nhị, lạc vào hai rồi. Khi nào nhập được pháp môn bất nhị? Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, thấy rõ ràng, nghe minh bạch, mà không khởi tâm động niệm, đây gọi là nhập pháp môn bất nhị. Cảnh giới này, trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật nói rất hay. Kinh Lăng Nghiêm nói xả thức dụng căn. Phương pháp tu tập này, phải là bậc thượng căn lợi trí, chúng ta không làm được đâu.

Chúng ta thấy sắc nghe âm thanh là dùng nhãn thức, nhĩ thức. Thức là phân biệt. Không dùng phân biệt là tánh thấy tánh nghe, đó là dùng bồ đề. Tánh thấy thấy là sắc tánh, tánh nghe nghe là thanh tánh. Là tánh chứ không gọi là trần.

Phàm phu nhãn thức thấy là sắc trần, nhĩ thức nghe là thanh trần. Trần có nghĩa là gì? Là nhiễm ô.

Tánh là chân thành, là chân như, không nhiễm ô. Đó gọi là gì? Là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Kiến tánh có nghĩa là như vậy. Mắt thấy sắc tánh, tai nghe thấy thanh tánh.

Tánh có nghĩa là gì? Kinh Bát Nhã nói: “tất cả pháp”, tất cả pháp ở đây chính là cảnh giới lục trần, lục căn lục trần, năng kiến sở kiến. “Tất cả pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Đức Phật giảng kinh Bát Nhã 22 năm, ngài giảng về điều gì? Trí huệ chân thật, vô thượng bồ đề. Ngài nói về chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Những bộ kinh hay như thế, ngày nay dần dần các nhà khoa học đã chứng minh. Đó là việc tốt. Giới khoa học dùng phương pháp thực nghiệm, từ việc thực nghiệm này họ có được kết luận, đức Phật nói không sai. Nhất là nói về duyên khởi của vũ trụ, vạn vật, sinh mạng, nhân sinh, những thứ này từ đâu mà có. Sự việc này cho đến ngày nay, quý vị xem trên thế giới, biết bao nhiêu nhà khoa học, triết học, bao gồm cả các nhà tôn giáo. Mấy ngàn năm rồi nghiên cứu về vấn đề này. Nếu tính cả đạo Bà la môn vào đó, thì phải là hơn 10 ngàn năm rồi, nhân loại nghiên cứu về vấn đề này.

Đạo bà la môn rất giỏi, họ dùng phương pháp tuyệt, họ dùng thiên định đây. Nhập thiên định thâm thâm, trong cảnh giới thiên định, đột phá không gian duy thức. Lục đạo do họ phát hiện ra. Điều này cần nên biết.

Trong công phu thiên định, họ có thể thấy được 28 tầng trời, bên dưới thấy được ngạ quỷ, địa ngục. Là cảnh giới hiện lượng. Hiện lượng nghĩa là tận mắt thấy được, chứ chẳng phải người khác nói cho họ biết, cũng chẳng phải lý luận suy đoán. Họ thật sự nhìn thấy.

Quý vị nhập được cảnh định này, quý vị sẽ thấy được, họ nhập được cảnh định này, họ cũng thấy được. Cho nên người thấy được rất nhiều. Hầu như tất cả tôn giáo ở Ấn độ, đều tu tứ thiên bát định. Học phái Ấn độ, học phái triết học cũng tu thiên định. Cho nên ở Ấn độ, lục đạo được phổ biến khẳng định. Vì sao? Bởi rất nhiều người thấy được rồi.

Năm xưa đức Phật Thích Ca Mâu Ni, 19 tuổi ngài rời vương cung đi tham học. Nền tảng công phu là tứ thiên bát định, dĩ nhiên ngài học rất giỏi. Ngài cũng rất rõ ràng minh bạch. Khi giảng kinh ngài thường đưa ra những điển hình này. Ngài cũng dạy chúng ta hạ thủ công phu từ đây, vì sao? Đây gọi là thế gian thiên định. Xuất thế gian thiên định càng cao hơn. Đây là nền tảng. Nếu không có thế gian thiên định, thì làm sao có thể tu xuất thế gian thiên định?

Xuất thế gian thiên định thấp nhất là A la hán. Trong hội Lăng Nghiêm, định của bậc A la hán tu, gọi là cửu thứ đệ định. Tứ thiên cộng Tứ Không Định, định này có 8 đẳng cấp.

Định thứ 9 siêu việt rồi. Bậc A la hán chứng được. Siêu việt luân hồi lục đạo. Lên trên nữa, định của hàng Bồ tát càng sâu hơn. Bồ tát tiến lên nữa, có khoảng hơn 40 đẳng cấp. Chúng ta tính từ bậc A la hán, định thứ chín, đẳng cấp thứ chín. Bích Chi Phật là 10. Trong mười pháp giới, Bồ tát là thứ 11, Phật là thứ 12. Lên trên nữa vẫn còn 41 đẳng cấp, 41 vị pháp thân đại sỹ ở hội Hoa Nghiêm. Cấp bậc từ từ hướng thượng nâng lên. Đây gọi là chân tu hành, chân công phu.

Bất luận tu tập pháp môn nào, quý vị chẳng thể nói không cần trải qua những gian đoạn này, không thể được. Bất luận tu pháp môn nào, đều phải theo thứ lớp này tiến lên. Đây là Phật pháp, Phật pháp cao thâm mà.

Xã hội của chúng ta ngày nay, ngay cả giới triết học và khoa học, có trí huệ của bậc A la hán, nhưng không có đức hạnh của A la hán. Đức hạnh chính là định, họ không có định của bậc A la hán. Họ nghiên cứu, dùng máy móc tinh vi quan sát được. A la hán thấy được, thiên nhãn, huệ nhãn của bậc A la hán thấy được, không cần dùng máy móc, họ còn thấy được rõ hơn quý vị nữa. Lên cao nữa như các vị Bồ tát thì chẳng cần phải nói.

Đến chỗ nhập pháp môn bất nhị, hàng Bồ tát Sơ trụ trong hội Hoa Nghiêm mới nhập được. Cũng chính là điều trong đạo Phật thường nói: đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, là nhập pháp môn bất nhị.

Trong mười pháp giới có nhị, bởi họ vẫn còn vi tế phân biệt. Đến cõi thật báo, siêu việt mười pháp giới, thật sự không còn ý niệm đối lập nữa. Điều này ngày nay chúng ta đang học, họ cách nào? Học không đối lập với người, họ đối lập với ta, ta không đối lập với họ. Không đối lập với sự việc, cũng không đối lập với tất cả vật. Từ trong nội tâm hóa giải đối lập.

Làm cách nào để đạt đến chỗ công phu như thế? Khi đạo Phật chưa truyền sang TQ, người xưa đã đưa ra vấn đề, không khác gì lời Phật dạy.

Lão tử nói: “thiên địa với ta đồng căn, vạn vật với ta nhất thể”. Ta và thiên địa vạn vật đồng căn một thể, thì làm gì có hai nữa? Đây chẳng phải là điều đức Phật nói sao? Đó chính là nhập pháp môn bất nhị mà đạo Phật nói. Cho nên người xưa, tôi cho rằng họ đều là chư Phật bồ tát tái lai, đến TQ hóa độ chúng sanh.

Người xưa không tin có thần, quý vị đọc lịch sử xưa xem, người xưa không mê tín, ở đó không có tôn giáo. Nước ngoài có tôn giáo, ở đó không có tôn giáo. Ở đó có thánh nhân, có hiền nhân. Những điều các vị thánh hiền này dạy chúng ta, có nhiều chỗ tương ưng với Phật pháp. Cho nên Phật pháp truyền vào TQ, được người TQ vô cùng hoan nghênh. Đạo lý là ở chỗ này.

Tôn giáo truyền vào TQ, người TQ tỏ ra lạnh nhạt với nó, không hoan nghênh cho lắm. Nhưng người xưa rộng lượng, từ bi, bao dung không bài xích, đối xử rất tốt. Chúng ta có thể hòa bình chung sống. Thật sự đã bao dung tôn giáo.

Ở đây cho thấy ý nghĩa bình đẳng vô cùng thâm sâu. Trong Phật pháp trước nói về thanh tịnh, sau nói về giác, đều có nghĩa lý vô cùng thâm sâu.

Kim đề trung viết bình đẳng giác, khả hữu tứ giải.

Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ hợp bình đẳng giác lại. Tôi giảng kinh đem bình đẳng giác phân ra. Ở đây ông hợp bình đẳng giác lại, cũng được. Vì sao? Bởi bình đẳng là định, nhân định khai ngộ, giác là khai ngộ. Thanh tịnh là giới. Bình đẳng là định. Giác là trí huệ. Khai ngộ rồi.

Nếu đứng về mặt thể dụng mà nói, bình đẳng là thể của khai ngộ, từ đây mà khai ngộ. Khai ngộ là dụng của bình đẳng. Bình đẳng là thể, giác là dụng. Chúng ta đang nói về thể-tướng -dụng. Thanh tịnh là tướng. Bình đẳng là thể. Giác là dụng. Đây là đứng về mặt thể-tướng-dụng mà nói.

Bình đẳng giác có bốn nghĩa.

Nhất viết bình đẳng phổ giác nhất thiết chúng sanh. Câu này có nghĩa là *phổ linh nhất thiết chúng sanh bình đẳng thành Phật chi pháp.*

Ý nghĩa này hay quá. Đức Phật nhìn chúng sanh đều là Phật. Bồ tát thấy chúng sanh đều là Bồ tát. Pháp bình đẳng đấy. Đây là thật sự đã giác ngộ. Phạm phu thì thấy Phật Bồ tát cũng là phạm phu. Từ đó cho thấy, trong kinh nói tất cả pháp từ tâm tướng sanh, không sai tí nào.

Pháp chẳng phải là chân, nó hoàn toàn do cách nhìn của quý vị. Nếu quý vị thấy tất cả chúng sanh đều là Phật, thì tâm của quý vị sáng tỏ, tự tại và thanh tịnh biết bao. Nói cách khác, thanh tịnh bình đẳng giác trong tự tánh của quý vị đã xuất hiện rồi.

Tất cả chúng sanh thật sự là Phật chăng? Đúng là Phật! Chúng ta thấy họ không phải là Phật, là do chúng ta nhìn nhầm, Phật không nhìn nhầm đâu. Đây là sự thật.

Vì sao đức Phật không nhìn nhầm? Bởi ngài nhìn về tánh, tánh là bình đẳng. Vì sao chúng ta nhìn sai? Bởi chúng ta nhìn về tướng. Tướng không giống nhau.

Người xưa đưa ra ví dụ: lấy vàng làm đồ trang sức, đồ trang sức đều là vàng. Chúng ta thấy như nhẫn, lắc tay, dây chuyền, không giống nhau! Nhẫn chẳng phải là lắc tay, lắc tay chẳng phải là dây chuyền. Chúng ta nhìn từ hình tướng. Đức Phật thấy thế nào? Đức Phật thấy đều là vàng ròng. Nhẫn là vàng ròng, lắc tay là vàng ròng, dây chuyền cũng vậy, tất cả đều là vàng ròng. Bình đẳng mà!

Chấp tướng thì không thấy tánh, thấy tánh thì không chấp tướng. Nếu chúng ta không chấp tướng, không riêng gì con người, mà muôn sự muôn vật đều là bản tánh hiện ra. Bình đẳng giác hiện tiền. Chấp tướng thì không được, sẽ khác nhau rất nhiều. Trong tâm quý vị vọng niệm sẽ nhiều. Nếu thanh tịnh bình đẳng giác, trong tâm sẽ không có vọng niệm. Không có vọng niệm được lợi ích lớn, là chân tự tại.

Đức Phật dạy chúng ta, phàm phu lục đạo chấp tướng. Pháp giới tứ thánh tuy không chấp tướng, nhưng họ có phân biệt, cho nên cũng chưa thấy tánh. Họ không chấp tướng nhưng có phân biệt. Nhất định phải buông bỏ hết phân biệt chấp trước, sau đó mới có thể đạt được không khởi tâm không động niệm. Đó là thấy tánh.

Đức Phật lấy *bình đẳng phổ giác*. Phổ biến giác ngộ tất cả chúng sanh. Chúng ta đem câu này, dùng ngôn ngữ hiện nay để giải thích. Đức Phật dùng phương pháp bình đẳng phổ biến, giúp cho tất cả chúng sanh giác ngộ. Như thế mọi người sẽ dễ hiểu. Đây gọi là chân từ bi.

“Phổ linh nhất thiết chúng sanh bình đẳng thành Phật chi pháp”. Đây là phương pháp gì? Chính là phương pháp mà kinh Vô Lượng Thọ nói. Phương pháp này nói đơn giản chỉ có 8 chữ: “phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm”. Bất luận nam nữ già trẻ, phú quý bần tiện, thượng trí hạ ngu, dùng phương pháp này đều sẽ thành Phật. Đây là bình đẳng, chân bình đẳng. Về đến thế giới tây phương cực lạc, đức Phật A Di Đà bản nguyện oai thần gia trì, ai ai cũng là Bồ tát A Duy Việt Trí, đây gọi là bình đẳng thành Phật. Không giống những phương pháp khác.

Tông chỉ tu tập này được viết trên đề kinh. Dưới đây nói: *Kim kinh trung phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm chi pháp, phổ bị tam căn. (Thượng trung hạ tam căn) Bản kinh vị đương lai nhất thiết hàm linh giai y thử pháp nhi đắc độ thoát, chánh hiển bình đẳng phổ giác chi nghĩa.* Đây là ý nghĩa thứ nhất.

Pháp môn này thù thắng không gì sánh bằng! Chúng ta phải tin tưởng đức Phật. Không được có cảm giác tự ti, tôi tạo nhiều nghiệp, tội lỗi sâu dày, e rằng không thể vãng sanh. Như vậy quý vị đã cô phụ đức Phật A Di Đà rồi. Hiện nay đức Phật A Di Đà giúp cho quý vị một đời thành Phật, vì sao quý vị không dám làm? Như thế là sai. Quan trọng nhất là phải nhận lấy.

Khoa học lượng tử ngày nay cũng cho chúng ta biết, bất luận quá khứ quý vị tạo tội nghiệp nặng cách mấy, khi ta chuyển đổi ý niệm, thì tất cả sẽ được hóa giải. Vì sao? Bởi tội và phước đều không có thật. Tất cả mọi hiện tượng đều chẳng phải là chân. Tất cả mọi hành vi cũng chẳng phải chân. Nếu nó thật có thì phiền phức rồi. Những việc này từ đâu mà có? Đều từ ý niệm mà có. Một niệm bất giác là ác, một niệm giác là thiện.

Khi nói đến chỗ cao hơn nữa, nói cho quý vị biết, không có tương tự thực sự. Giống như chúng ta xem phim vậy, phim nhựa ngày xưa, từng tấm phim nhựa. Ở chỗ này tôi có đạo cụ đây. Quý vị xem từng tấm từng tấm phim. Nó có tương tự chăng? Nó không tương tự. Mỗi tấm đều khác nhau, độc lập riêng biệt. Ý niệm của chúng ta cũng như vậy, mỗi ý niệm đều độc lập riêng. Niệm trước và niệm sau có tương tự, nhưng hoàn toàn không tương đồng. Nếu hoàn toàn tương đồng, thì Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm nước, ý niệm trước của ta, ta dùng tâm thương yêu kết thành tinh. Ngày mai ta vẫn dùng tâm thương yêu của mình để làm thí nghiệm, thì kết tinh đó phải tương đồng, vì sao nó lại không giống nhau? Một giây trước và giây sau không giống nhau. Cho nên tiếng thầy Giang Bồn Thắng nói với tôi, ông ấy làm mười mấy năm rồi, chưa phát hiện có hai tấm hoàn toàn tương đồng. Ông hỏi tôi vì sao như vậy? Tôi đem đạo lý của Phật pháp giảng cho ông ấy nghe. Tuy nói một mình ông làm, tình thương yêu của ông, giây phút trước và sau không giống nhau. Tuyệt đối không có tương đồng. Có bằng chứng trong Phật pháp. Ngày nay trong khoa học lượng tử cũng có bằng chứng. Khoa học lượng tử cũng nói như vậy, họ cũng dùng phim nhựa làm ví dụ. Thực sự là như vậy.

Cho nên một niệm giác, một niệm là thiện, những bất thiện đằng trước không còn nữa. Đây gọi là chân sám hối. Vì sao thường xuyên sám hối mà không hết tội? Quý vị cho rằng tội nghiệp của mình trước đây sâu nặng, thường nghĩ như vậy. Ý niệm đó khởi lên, ác niệm lại xuất hiện, không có cách nào làm sạch được. Quý vị hiểu rõ đạo lý này rồi, ý niệm của chúng ta niệm niệm không tương đồng. Ý niệm này của ta thiện, không nghĩ đến những ý niệm trước thì tự nhiên nó sẽ không còn. Vì sao cứ nghĩ đến nó vậy? Sai lầm rồi!

Người học Phật nghĩ đến điều gì là tốt nhất? Nghĩ đến đức Phật A Di Đà là tốt nhất. Vì sao? Phật A Di Đà là tượng trưng cho tự tánh viên mãn, tượng trưng toàn thể của tự tánh. Một câu A Di Đà Phật là bao gồm tất cả. Không nên tán mất tu tất cả những tán thiện đó. Quý vị như vậy là đại viên mãn.

Muốn học kinh, một đời đức Phật giảng bao nhiêu kinh. Quý vị nên biết, đó chẳng phải đức Phật nói với chúng ta, mà ngài nói với những người thời đó. Những người đó không liên quan gì đến chúng ta. Đức Phật ứng cơ thuyết pháp. Nếu năm nay chúng ta gặp đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài nói với ta bộ kinh này, đó là ngài độ ta. Nhưng đức Phật rất từ bi, tất cả kinh đều có đối tượng. Có một bộ kinh không có đối tượng, ai cũng thích hợp, đó chính là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà.

Nói cách khác, tuy bộ kinh này đức Phật nói cách đây 3 ngàn năm về trước. Nhưng ta có thể nói là ngài nói với ta. Vì sao? Pháp bình đẳng mà. Những bộ kinh khác không bình đẳng, có đối tượng đặc biệt. Căn tánh quý vị không tương đồng. Đó là nhân bệnh mà cho thuốc. Bộ kinh này là thuốc vạn linh, bệnh gì cũng chữa được. Không cần chẩn đoán, chắc chắn chữa khỏi bệnh cho quý vị. Đây là bài thuốc phổ thông, bệnh gì cũng thích hợp. Cho nên

trong kinh được ví là thuốc A Già Đà. A Già Đà là tiếng Ấn độ, giống như TQ gọi vạn linh đơn vậy. Bất luận căn bệnh gì, chỉ cần có được thuốc này thì chắc chắn chữa khỏi bệnh.

Thứ hai *Dĩ bình đẳng pháp giác ngộ chúng sanh.*

Thứ nhất là bình đẳng phổ giác nhất thiết chúng sanh. Ở đây thêm một pháp nữa. Pháp là phương pháp, là môn đạo.

Tịnh Ảnh Sớ viết, vô tác vô sở hữu đẳng, vi bình đẳng pháp. Trì danh chi pháp, tâm tác tâm thị, ám hợp đạo diệu, xảo nhập vô sanh. Tùng hữu niệm nhập vô niệm, nhân vãng sanh chứng vô sanh. Niệm đắc năng sở lưỡng vong, tức thị Kim Cang Bát Nhã chi ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Diệc tức Tịnh Ảnh Sớ chi vô tác vô sở hữu. Dĩ như thị pháp giáo đạo chúng sanh hoành xuất tam giới, thành cứu cánh giác, thị vị dĩ bình đẳng pháp giác ngộ chúng sanh.

Đoạn kinh này cũng nói rất rõ ràng. Tịnh Ảnh Sớ là một bộ chú giải kinh Vô Lượng Thọ, do vị pháp sư đời nhà Đường viết. Trong đó giải thích về hai chữ bình đẳng. “Vô tác vô sở hữu đẳng” gọi là pháp bình đẳng.

Có tác là có phân biệt, có chấp trước. Có sở hữu cũng là có phân biệt, chấp trước, như thế là không bình đẳng rồi.

Chư Phật Bồ tát ứng hóa tại thế gian, có tác chăng? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta mà ngài giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm. Trong lòng chúng ta là ngài có tác, có sở hữu. Nhưng với Phật thì ngài vô tác, vô sở hữu. Câu này giải thích thế nào?

Phàm phu chúng ta, bảo quý vị dạy một tiết, thì phải chuẩn bị trước, chuẩn bị là có tác, có sở tác. Năm xưa đức Phật giáo hóa chúng sanh, quý vị nên biết, ngài không có bài giảng, không có sách, tùy khẩu thuyết. Nguồn gốc của kinh là sau khi ngài niết bàn, học trò của ngài từ chỗ nhiều năm tiếp nhận sự dạy dỗ, tự mình nhớ lại, đức Phật đã dạy như thế nào, đem viết ra thành sách lưu truyền lại đời sau. Nguồn gốc là như vậy.

Đức Phật Thích Ca như vậy, Khổng lão phu tử còn tại thế cũng như vậy. Khổng lão phu tử còn viết mấy bài, không nhiều. Chúng tôi biết Dịch Kinh Hệ Từ Truyền, là bài viết của Khổng lão phu tử. Xuân Thu, bộ sách này do Khổng tử viết. Truyện là giải thích, là chú giải. Có ba nhà chú giải. Tả Khưu Minh có Cốc Lương Truyện. Khổng tử viết một số sách.

Đức Phật thì không. Đức Phật không viết một bài nào hết. Cho nên ngài nói, ai nói ngài thuyết pháp suốt 49 năm, là phỉ báng Phật. Đức Phật phủ định những điều mình nói trong suốt 49 năm. Ngài không nói pháp, ngài thật sự không nói pháp. Vì sao nói nhiều như vậy mà nói thật sự không nói pháp? Bởi nói mà không nói, không nói mà nói. Cái này diệu đấy, càng nói càng huyền rồi. Thế nào là không nói? Ngài không khởi tâm động niệm mà!

Khi chúng ta nói pháp, trong đó có khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Ngài thì không có. Ngài không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Sao ngài nói được? Tự nhiên lưu xuất ra, từ tự tánh lưu xuất ra. Quý vị xem kinh sách ghi chép lại hay như thế, trong tự tánh có điều lý, có thứ tự, không hề loạn tí nào. Pháp nhĩ như thị, tự nhiên mà!

Chúng ta nghĩ lại xem, thân thể của mình, thân thể này do cha mẹ sanh ra. Đầu tiên là tế bào đơn, vì sao ở trong thai mẹ lại lớn lên thành một cơ thể phức tạp như thế này? Bên ngoài có nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, bên trong có ngũ tạng lục phủ, kinh mạch hoàn chỉnh không thiếu cái nào. Ai tạo ra? Ai thiết kế? Ai chế tạo vậy? Không có! Pháp vốn như vậy.

Đức Phật thuyết pháp vô cùng viên mãn, cũng giống như cơ thể của chúng ta, từ tự tánh tự nhiên lưu xuất ra. Cơ thể của con người thật sự cũng có sự khác biệt nào đó, như sức khỏe bất đồng, diện mạo bất đồng. Trong đời phú quý bần tiện bất đồng. Những khác biệt này là do nghiệp lực biến hiện ra. Ở đây nói, tất cả pháp từ tâm tướng sanh.

Đời quá khứ tu phước, đời này đến hưởng phước. Đời quá khứ tạo nghiệp, thì đời này đến thọ tội, chịu khổ chịu nạn. Đức Phật dạy: nhân sinh thù nghiệp! Tuy có nghiệp lực, nhưng có thể thay đổi, chứ chẳng phải không thể thay đổi.

Liễu Phàm Tứ Huấn là điển hình dạy chúng ta thay đổi vận mệnh hay nhất. Số không có tiền của, có thể có tiền. Số không được thông minh trí huệ có thể được thông minh trí huệ. Số không thọ có thể được trường thọ. “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”. Những lời này khi tôi mới học Phật, thầy giáo dạy tôi - Chương Gia đại sư dạy tôi. Trong đây có đạo lý, có phương pháp. Cầu như lý như pháp, thì cảm ứng không thể nghĩ bàn.

Tôi học Phật 59 năm, hoàn toàn thực hiện, tôi nương vào lời dạy dỗ của thầy, hoàn toàn thực hiện, cho nên không hề có chút nghi ngờ nào.

Có phước báo, khi hưởng phước vẫn phải tu phước, thì phước báo của quý vị đời đời kiếp kiếp hưởng không hết. Nếu hưởng phước mà không biết tu phước, sẽ hưởng hết phước. Ngạn ngữ có câu: “Giàu không quá ba đời”. Đó chính là hưởng phước mà không biết tu phước. Nếu biết tu phước, thì phước báo của họ đời đời kiếp kiếp không hết.

Ở TQ, ngài Ấn Quang đưa ra hai người, một là Khổng lão phu tử. Quý vị xem Khổng lão phu tử, Khổng Đức Thành bảy mươi mấy đời rồi. Gia đạo không suy, đây là tích đức lớn. Đức lớn ở đây là dạy học. Một đời Khổng tử không làm việc gì khác chỉ dạy học. Dạy điều gì? Dạy đạo thánh hiền. Phu tử là người thật thà. Chúng ta dùng từ thật thà, nghe lời, làm thật, ông đã làm được sáu chữ này. Những điều ông học, ông tu, ông dạy, ông truyền lại, chẳng phải của mình. Ông không nói dối, ông thật thà. Là của ai? Của cổ thánh tiên hiền. Cho nên người đời sau tôn xưng ông là Tập Đại Thành Giả.

Từ xưa đến nay, mấy vạn năm về trước rồi, khi đó chưa có văn tự, chưa phát minh ra văn tự, tất cả đều là khẩu truyền. Đời đời kiếp kiếp truyền lại, đến đời Phu tử thì có văn tự rồi, dùng văn tự ghi chép lại truyền cho đời sau. Cho nên ông là Tập Đại Thành Giả.

Bản thân ông nói là những lời chân thật chứ không phải là khiêm hạ. Chúng ta phải lãnh hội được điểm này, ông nói bản thân mình một đời là “thuật nhi bất tác”. Điều này nói lên rằng ông không sáng lập, không phát minh ra. Những điều ông tu, ông học, ông truyền lại, hay dạy học, đều là của cổ thánh tiên hiền, bản thân ông không sáng lập ra.

“Tín nhi hiếu cổ”, thái độ này thật hiếm có. Ông tin tưởng cổ thánh tiên hiền. Thích những lời dạy của cổ thánh tiên hiền. Ông nghiêm chỉnh học tập, ông lý giải được, và thật sự làm được.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không khác Khổng tử, cũng là nhân vật nhất lưu. Trong kinh Hoa Nghiêm, trên đề kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm. Đại sư Thanh Lương chú giải. Trong đó có mấy câu: Tất cả pháp mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, đều là những điều cổ Phật từng nói. Đức Thế Tôn không thêm một chữ nào vào kinh điển của cổ Phật. Ngài còn nghiêm khắc hơn Khổng lão phu tử nữa. Chúng ta có thể tin được những lời này chẳng? Tin được. Nương vào đâu? Ngài thấy tánh mà. Chỉ cần thấy tánh thì kim Phật như cổ Phật tái lai. Mọi người đều thấy tánh, những người thấy tánh nói ra đều giống nhau, làm sao khác được! Ngài là cổ Phật, quý vị là kim Phật, quý vị thấy tánh rồi, đương nhiên sẽ nói giống như ngài thôi. Không tăng không giảm.

Từ đó cho thấy, mục đích Phật pháp dạy con người, chính là minh tâm kiến tánh.

Chúng ta niệm Phật cầu sanh về thế giới cực lạc, đến đó làm gì? Ở thế gian này, môi trường này, chúng ta không thể thấy tánh, không thể thành Phật. Đến môi trường ở thế giới cực lạc, đến đó để làm gì? Để minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đến đó để làm việc này. Điều này chúng ta chẳng thể không biết.

Cho nên Phật Phật đạo đồng. Quý vị xem, ở TQ, chúng ta ở đây thuộc về Quảng Đông, có duyên sâu dày với thiên tông Lục Tổ Huệ Năng. Ngài đã khai ngộ. Chúng ta biết, ngài không biết chữ, không đi học. Chỉ cần thấy tánh, thì trí huệ của ngài, đức năng của ngài, không khác gì cổ Phật cả. Thực tế mà nói, tướng hảo cũng không khác.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở Ấn độ, hiện Phật thân, Lục Tổ Huệ Năng hiện thân Tỳ kheo. Giống như 32 ứng nói, cần lấy thân gì để độ, bèn hiện thân đó để hóa độ. Điều là viên mãn không khiếm khuyết. Cần lấy thân gì để độ bèn hiện thân đó. Tất cả kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, dĩ nhiên ngài không đọc qua, cũng chẳng cần đọc. Quý vị đọc cho ngài nghe, ngài giảng lại cho quý vị nghe. Khi quý vị đọc không khai ngộ, nghe ngài giảng rồi bèn khai ngộ. Vị thầy này quá tài giỏi!

Chư vị lịch đại tổ sư, nói thiệt nhé, ngài là người độ chúng sanh giỏi nhất, không ai hơn được ngài. Học trò của ngài rất đông, những người đại triệt đại ngộ, đạt được cảnh giới như ngài, có 43 người. Trước thời Lục Tổ không có, sau thời Lục Tổ cũng không có, đây là không tiền tuyệt hậu đây!

Điều này chứng minh cho ta thấy Phật Phật đạo đồng, chứng minh chân tướng sự thật này. Cho nên thái độ “tín nhi hiếu cổ”, là đại thánh đại hiền, là chư Phật Bồ tát làm gương cho chúng ta.

Nếu bản thân mình nương vào sự tưởng tượng của mình mà làm, thì đều đi đường vòng. Các ngài đi đường thẳng chứ không đi đường vòng. “Tín nhi háo cổ, thuật nhi bất tác”. Tuyệt đối không có tâm danh lợi, chân thật học tập, đều thành thánh thành hiền, thành Phật thành Bồ Tát.

Đây là Tịnh Ảnh Sơ giải thích về ý nghĩa chân thật của pháp bình đẳng.

Bổn kinh trì danh chi pháp, tâm tác tâm thi. Phương pháp trì danh là tâm làm Phật, tâm là Phật. Tâm là Phật là tánh đức, tâm tác Phật là tu đức. Tánh tu bất nhị. Tánh tu viên mãn tương ưng. Tu đức là Bồ tát, tánh đức là Phật. Quý vị vốn là Phật, ngày nay lại phát tâm làm Phật. Dùng phương pháp nào phát tâm làm Phật? Phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm, là phát tâm làm Phật.

Ám hợp đạo diệu. Đạo ở đây là nói đạo thiên tông, đạo mật tông, không dễ tu đâu. Nhưng niệm Phật phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm thì dễ dàng. Đạo hoàn toàn tương ưng.

Xảo nhập vô sanh. Xảo diệu, từ hữu niệm niệm đến vô niệm. Mới bắt đầu thì có, vì sao? Bởi có phân biệt có chấp trước. Niệm đến ba năm năm năm, thật sự nhất tâm, ngoài câu Phật hiệu ra không có niệm thứ hai nào khác. Cuộc sống sinh hoạt, tùy duyên diệu dụng.

Diệu dụng là gì? Tùy duyên thôi, Phật hiệu không gián đoạn. Miệng không niệm thành tiếng, nhưng trong tâm không gián đoạn, diệu dụng đây! Xảo nhập vô sanh rồi!

Từ hữu niệm niệm đến vô niệm, vô niệm mà niệm, mới đầu là hữu niệm mà niệm, niệm đến cuối cùng là vô niệm mà niệm. Vẫn là niệm Phật. Vì sao nói vô niệm? Không còn phân biệt chấp trước, niệm này không còn nữa. Không còn khởi tâm động niệm. Vãng sanh về thế giới tây phương cực lạc, trực tiếp sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Công phu này có cao thấp. Vô niệm, nếu niệm không chấp trước, thì sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư. Không khởi tâm không động niệm, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chỉ dùng một phương pháp. Nếu còn hữu niệm, thì sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Tất cả đều được vãng sanh. Niệm đến chỗ vô niệm, tiêu chuẩn của vô niệm là không khởi tâm không động niệm, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Thời gian mấy năm thôi là thành công rồi.

Làm thế nào để niệm đến chỗ vô niệm? Niệm đến chỗ vô niệm nghĩa là gì? Nghĩa là chúng ta niệm hết tập khí phiền não, chứ không có gì khác.

Ấn Quang đại sư dạy chúng ta một phương pháp, rất hay: Dán chữ tử trên trán, thường xuyên nghĩ rằng, mình sắp chết rồi. Nghĩ xem khi lâm chung quý vị mang được thứ gì? Quý vị hiểu rõ ràng rồi, hiểu thông rồi, chẳng phải buông bỏ hết rồi sao? Phương pháp này hay quá!

Tôi thường dạy mọi người, bản thân tôi cũng làm như vậy, mỗi ngày tôi đều coi là ngày cuối cùng của đời mình. Hôm nay là ngày cuối cùng của tôi, tôi nên làm điều gì đây? Chân thật niệm Phật, những thứ khác đều buông bỏ hết. Cho nên vì sao tâm thanh tịnh, chính là đạo lý này. Tôi sắp chết rồi, không mang theo được gì, chỉ có câu A Di Đà Phật là mang theo được. Những thứ không mang theo được phải buông hết. Như thế quý vị mới có thể đạt được tâm thanh tịnh.

Đối với thế gian này còn một chút lưu luyến, thì phiền phức lớn đấy. Khó buông xả nhất là thân tình.

Tôi may mắn, khi mới học Phật Chương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, nên không bị cửa ải thân tình này. Ngài dạy tôi học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp, ngài không kiến lập đạo tràng, không có một đạo tràng nào hết. Cho nên ngài không bị vướng mắc. Học trò ai ai cũng học theo ngài, đệ tử ngài khi đó đều học theo ngài, không ai kiến lập đạo tràng.

Phương thức sinh hoạt, đều là ngày ăn một bữa, tối ngủ dưới gốc cây, sống đời sống đơn giản nhất, cũng chính là cuộc sống hạnh phúc nhất, mỹ mãn nhất. Vì sao? Bởi nó giúp cho quý vị đạt được tâm thanh tịnh bình đẳng giác. Quý vị nghĩ xem hạnh phúc và vui sướng biết bao!

Nhân vãng sanh chứng vô sanh. Sanh về thế giới tây phương cực lạc, đại triệt đại ngộ là chứng vô sanh. Niệm đến chỗ năng sở lưỡng vong. Lưỡng vong nghĩa là không chấp trước hai đầu nữa. Tâm là năng niệm và Phật là sở niệm dung thành một phiến, năng sở bất nhị, sanh Phật bất nhị. Như kinh Kim Cang nói: “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Quý vị xem, tương ứng với bát nhã đấy. Thiên tông đạt được cảnh giới này không dễ dàng đâu, nhưng niệm Phật dễ dàng đạt được cảnh giới này. Làm được mà.

Đây cũng chính là “vô tác vô sở hữu” mà Tịnh Ảnh Sớ nói. Hoàn toàn là bát nhã, vô tác mà tác, tác mà vô tác.

Dĩ như thị pháp giáo đạo chúng sanh hoành xuất tam giới. Không phải thụ xuất. Thụ xuất là từng lớp từng lớp đi lên. 28 tầng trời, từng tầng từng tầng leo lên, như leo cầu thang vậy. Leo lên rồi, trên là tứ thánh, Thanh Văn- Duyên Giác- Bồ Tát- Phật. Vẫn còn bốn tầng. Siêu việt mười pháp giới mới gọi là thật sự thành tựu. Chúng được Bồ tát Sơ trụ của viên

giáo. Đây chính là điều thiên tông nói : đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Bồ tát Sơ trụ, trong kinh đại thừa nói, các ngài lấy địa vị là Phật để xuất hiện ở thế gian. Cần lấy Phật thân để độ, các ngài có thể hiện 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, lấy thân này để giáo hóa chúng sanh. Thật sự làm được không khởi tâm, không động niệm. Lên cao nữa, chúng ta thấy trong hội Hoa Nghiêm nói rất rõ, các ngài và cứu cánh Phật quả thật sự bình đẳng, còn kém một chút gì? Chưa đoạn tập khí vô thi vô minh. 41 phẩm, 41 địa vị này, là nói về tập khí dày hay mỏng, chứ không nói về điều gì khác. Cho nên trong cảnh giới đó, nghĩa là trong cõi Thật báo, 41 vị pháp thân đại sĩ và cứu cánh viên mãn Phật, trí huệ, đạo lực, thần thông, tướng hảo đều bình đẳng hết. Hoạt động của các ngài là biến pháp giới hư không giới. Chúng sanh có cảm, các ngài có ứng.

Cho nên trong đây, trong kinh luận thường nói, đức Phật không độ người vô duyên với ngài. Cảm ứng nghĩa là có duyên. Bất luận thiện duyên hay ác duyên đều bình đẳng, thiện duyên cũng được, ác duyên cũng được, quý vị thành Phật rồi thì dễ dàng độ cho họ, họ có duyên với quý vị. Đến khi đó tất cả đều trở thành pháp duyên.

Hoành xuất tam giới, thành cứu cánh giác. Về thế giới tây phương cực lạc, chắc chắn chúng được quả Phật cứu cánh viên mãn. Đó chính là pháp bình đẳng. Giác ngộ chúng sanh.

Thứ ba: Bình đẳng giác chỉ Như Lai chi chánh giác, chánh giác vô nhất thiết cao để thâm thiền chi biệt. Có viết bình đẳng giác.

Nghĩa là thấy tánh, thấy tánh thì bình đẳng. Thấy tánh rồi chắc chắn không còn phân biệt chấp trước.

Thứ tư: Chuyên tựu bốn kinh bình đẳng giác diệt tức cực lạc giáo chủ chi thánh hiệu.

Bình đẳng giác chính là Phật A Di Đà, biệt hiệu của đức Phật A Di Đà là Bình Đẳng Giác.

Dĩ thượng chư nghĩa, Bôn ý nghĩa, đề trung cụ nhiếp, đều bao gồm trên đề kinh này. Đề kinh này phía sau vẫn còn một đoạn nữa. Cuối cùng nói về chữ kinh. Giảng chữ kinh xong rồi, chúng tôi sẽ tập hợp lại để giải thích.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 81

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang tám mươi lăm, dòng thứ hai từ dưới đếm lên, xem từ chữ Kinh.

“*Kinh giả, Phạn ngữ Tu Đa La. Trục dịch vi Tuyến, ý dịch vi Khế Kinh. Khế giả, nhất giả khế Lý. Lý giả, Thật Tế lý thể dã. Nhị giả khế Cơ, Cơ giả, cơ nghi, chúng sinh căn cơ dã, kiêm chỉ thời cơ, thời tiết nhân duyên dã. Cố khế Cơ giả, thiết hợp chúng sanh thủy bình dữ thời đại dã*” (Kinh: Tiếng Phạn là Tu Đa La, dịch sát nghĩa là Tuyến (sợi dây), dịch ý là Khế Kinh. Khế: Một là Khế Lý, Lý là Thật Tế lý thể. Hai là khế Cơ, Cơ là cơ nghi, tức căn cơ của chúng sanh, đồng thời có nghĩa là thời cơ, thời tiết nhân duyên. Do vậy, Khế Cơ là phù hợp trình độ của chúng sanh và thời đại). Chúng ta đọc tới chỗ này. Kinh là những lý luận và phương pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật thuở tại thế đã dùng để giáo hóa hết thảy chúng sanh, nhưng thuở ấy Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng viết thành tài liệu giảng dạy. Vào thời cổ, dường như đều giống như vậy. Như tại Trung Quốc, Khổng Tử chỉ dùng ngôn ngữ để dạy dỗ, không có sách giáo khoa, ngay cả đại cương cũng chẳng có. Nhìn từ chỗ này, suốt bốn mươi chín năm, đức Phật giảng kinh, dạy học mỗi ngày chẳng gián đoạn, sau khi Ngài viên tịch, các học trò dựa trên ký ức, dùng văn tự ghi chép lời thầy đã dạy, lưu truyền hậu thế; đây là cội nguồn của kinh điển Phật giáo. Kinh điển là những lời “giảng nghĩa” trong lúc Phật giáo học thuở ấy, nay chúng tôi dùng chữ “giảng nghĩa” cho mọi người dễ hiểu! Phân lượng [kinh điển nhà Phật] vô cùng to lớn, công tác kết tập gian truân do tôn giả A Nan phúc giảng (nhắc lại lời giảng). Trong các đệ tử, cũng như trong số các đồng học, ngài A Nan có trí nhớ tốt nhất. Sở trường đặc biệt của Ngài là trí nhớ mạnh mẽ, gần như nghe qua một lần sẽ vĩnh viễn chẳng quên mất. Ngài có năng lực ấy, sức lý giải rất mạnh. Vì thế, mọi người cùng đề cử Ngài phúc giảng, [tức là] nhắc lại những gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong thuở ấy. Có năm trăm vị đồng học, các đồng học đều chứng quả A La Hán. Các vị A La Hán và Bồ Tát ngồi ở dưới nghe, chứng minh lời Ngài nói chẳng sai! Nếu có một vị nào bảo: “A Nan! Hình như đức Phật chẳng nói câu này”, câu ấy phải gạt bỏ, chẳng thể lưu thông. Nghiêm ngặt như vậy chủ yếu nhằm mục đích giữ chữ Tín với đời sau, chẳng phải là đa số thông qua, hề có một người có ý kiến sẽ không thể ghi lại [câu nói ấy]. Vì thế, kinh điển được thẩm tra nghiêm ngặt; nói cách khác, những câu nói [được chép trong kinh Phật] đều do chính miệng Thích Ca Mâu Ni Phật thốt ra. Đó là nguồn gốc của kinh điển vậy!

Chữ “*Kinh*” là chữ Hán, chúng ta dùng chữ này để dịch chữ Ấn Độ. Tiếng Ấn Độ [gọi Kinh] là Tu Đa La (Sūtra), Tu Đa La vốn có nghĩa là Tuyến (sợi dây). Vì sao? Do trước đây, vào thời kỳ đầu, chép kinh trên lá cây, tức lá cây Bối-đa-la. Đương nhiên thuở ấy vẫn chưa có

giấy, nên dùng lá cây Bối-đa-la. Lá cây ấy rất bền, có thể giữ rất nhiều năm chẳng bị hư hoại. Lá cây được cắt thành từng miếng, cắt thành miếng dài, hai bên đục lỗ. Mỗi bên đục một lỗ, dùng dây khâu qua [để buộc lại cho khỏi lạc mất]. [Các miếng lá] đã xỏ dây được gọi là một quyển sách, khi dịch [sát nghĩa chữ Sūtra] thì dịch theo cách như vậy. Quý vị đến Cổ Cung sẽ có thể thấy hình dạng nguyên thủy của kinh lá Bối. Nếu dịch nghĩa thì nên dùng ý nghĩa của chữ Kinh trong tiếng Hán để dịch sẽ rất hay. Bởi lẽ, những giáo huấn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc lưu lại, chúng ta đều gọi là Kinh. Do giáo huấn của đức Phật cũng vô cùng quý báu, dùng chữ Kinh này để phiên dịch là hay nhất.

Trước chữ Kinh, thêm chữ Khế (契). Khế là Khế Lý. Lý là Thật Tế lý thể, Lý là gì? Lý là chân tướng sự thật. Nói theo cách bây giờ, Thật Tế lý thể là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, mọi người dễ hiểu điều này. Do vậy, kinh nhất định giảng chân tướng sự thật, chẳng phải là nói mò, chẳng phải là nói tùy tiện. Đây là chân tướng sự thật thứ nhất.

Thứ hai là phải Khế Cơ, tức là thích hợp trình độ của chúng sanh. Quý vị giảng quá sâu, họ nghe sẽ không hiểu. Quý vị giảng quá cạn, họ sẽ chẳng hứng thú! Nhất định phải thích hợp! Lại còn phải thích hợp thời đại. Vì thế, kinh điển sống động. Kinh Phật do đức Phật nói. Quý vị thấy, mỗi triều đại đều chú giải kinh điển rất nhiều. Chú giải là gì? Chú giải nhằm khế cơ. Trong mỗi triều đại, trong mỗi xã hội và dân tộc khác nhau, họ cần những gì, dùng phương pháp gì để giảng [cho thích hợp], đó là sống động. Lời Phật giảng là nguyên lý, nguyên tắc, các vị tổ sư đại đức giảng giải, tức là đã giảng theo kiểu hiện đại hóa, người hiện thời đều có thể thụ dụng, đó là Khế Cơ.

[Kinh Phật] ắt phải phù hợp hai điều kiện ấy. Nếu nói khế cơ chẳng khế lý, đó là ma thuyết, chẳng do Phật thuyết. Rất thích hợp với người nghe, người ta rất thích nghe, nhưng chẳng phù hợp Lý, chẳng phải là chân tướng sự thật, đây là tà thuyết. Nếu khế lý chẳng khế cơ, sẽ là lời lẽ vô ích. Lý hay lắm, nhưng người ta nghe chẳng hiểu, nghe xong chẳng vận dụng được! Vì vậy, ắt phải phù hợp hai điều kiện ấy thì mới gọi là “*kinh điển*”. Đây là cách thông thường để giới thiệu những ý nghĩa được bao hàm trong chữ Kinh, trên thực tế, còn có rất nhiều ý nghĩa mà các đồng học học Phật chúng ta chớ nên không biết. Không biết, tức là quý vị chưa phải là kẻ thông hiểu!

“*Kim vị tinh văn, lược khứ Khế tự*” (nay vì nói gọn, lược bỏ chữ Khế), người Trung Quốc chuộng đơn giản, tuyệt đối chẳng thích rườm rà, không giống người Ấn Độ. Người Ấn Độ ưa rườm rà, càng nói chi tiết càng hay! Người Trung Quốc yêu cầu như thế nào? Nói tới trọng tâm rồi thôi, chẳng dây cà dây muống. Người Trung Quốc là như vậy đó. Vì thế, ngôn ngữ và văn tự Trung Quốc thời cổ đòi hỏi phải đạt tiêu chuẩn gồm bốn chữ là “*giản, yếu, tường, minh*”, tức là đơn giản, tóm tắt, nhưng vẫn phải cặn kẽ, vẫn phải rõ ràng. Ấn nói như vậy mới là ăn nói giỏi, văn chương như thế mới là văn chương hay. Nhưng người Ấn Độ lại khác, quả thật chẳng ngại phiền. Người Hoa nói gì chẳng lặp đi lặp lại, văn chương nhắc đi nhắc lại sẽ gọi “trùng lặp”, chẳng phải là văn chương hay! Nhưng kinh Phật chẳng vậy, kinh Phật là nhắc đi nhắc lại. Lặp đi lặp lại cũng có lợi, đối với kẻ trung hạ căn sẽ rất hữu

ích. “*Giản, yếu, tường, minh*” thật sự chỉ hữu ích cho người thượng thượng căn, kẻ trung hạ căn nghe một lần chưa hiểu, nhưng không được nghe lần nữa! Không giống như kinh Phật, quý vị nghe một lần không hiểu, chẳng sao! Phía sau còn nhắc lại nhiều lượt, quý vị cứ thông thả mà học, nói chung rồi sẽ nghe hiểu! Đây là Phật từ bi, từ bi hơn Khổng lão phu tử rất nhiều! Khổng Tử và Mạnh Tử chẳng từ bi như Phật, mà đòi hỏi rất cao, cho nên [sách Nho mới chép]: “*Cử nhất ngưng, bất dĩ tam ngưng phản*” (nêu lên một góc, chẳng suy ra được ba góc kia), Khổng lão phu tử chẳng dạy quý vị, [chê bai]: “Nhà người quá đần độn!” Giống như căn nhà này, tôi bảo quý vị góc này vuông vức đúng chín mươi độ, quý vị phải nghĩ là ba góc kia cũng giống như thế. Nếu quý vị chẳng nghĩ ra, phải dạy quý vị từng thứ một thì Khổng lão phu tử chẳng dạy quý vị, “*gã này đần quá!*” Nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật rất từ bi, Ngài sẽ dạy quý vị: “Góc này chín mươi độ, nhìn sang góc kia, góc kia cũng là chín mươi độ”, Ngài chẳng nề hà phiền phức. Từ chỗ này, ta thấy được lòng từ bi của đức Phật. Vì vậy, nói thật thà, học Phật dễ hơn học Nho. Vì thế, Phật giáo truyền sang Trung Quốc, Phật giáo là giáo dục, giáo dục Phật giáo thịnh vượng hơn giáo dục Nho gia. Vì sao? Thuận tiện, hòa đồng, ba căn thượng trung hạ, thượng thượng căn, hạ hạ căn Phật đều dạy. Khổng lão phu tử dạy học thì [học trò] phải là trung thượng căn trở lên. Thấp hơn trung thượng căn, phu tử sẽ chẳng muốn dạy, “rõ ràng là người quá đần độn!” Đây là một nhân tố khiến cho nền giáo dục Phật giáo có thể phổ biến, phổ cập toàn dân tại Trung Quốc, tỏ rõ tấm lòng yêu thương của đức Phật.

Chữ Kinh này có bốn ý nghĩa, thông thường, hễ giảng kinh, nhất định phải giới thiệu. Kinh có bốn ý nghĩa là “*quán, nhiếp, thường, pháp*”:

1) Quán (貫) là “*quán xuyên sở thuyết chi lý*” (thông suốt, xuyên suốt Lý đã được nói). Nói theo cách bây giờ là phù hợp lý luận, thật sự là một môn học thuật cao sâu, người hiện thời gọi là “*la-tập*” (Logic, luận lý học) giảng về biện chứng pháp (Dialectics)¹, nói theo danh từ Phật pháp là Nhân Minh (Hetuvidyā). Vì thế, trong Phật pháp có khoa Nhân Minh Học. Nhân Minh Học nay được gọi là La Tập, hoặc Biện Chứng Pháp. “*Quán*” là có phương pháp tuân theo Luận Lý Học, vì thế, giảng hết sức mạch lạc, có trật tự; người Trung Quốc gọi điều đó là “*hữu điều bất vãn*” (有條不紊: sắp xếp mạch lạc, hợp phương pháp, chẳng rối loạn), quý vị nghe rất dễ hiểu, rất minh bạch.

2) Ý nghĩa thứ hai là Nhiếp (攝), “*Nhiếp tắc nhiếp trì sở hóa chi sanh (chúng sanh)*” (Nhiếp là thu giữ những chúng sanh được giáo hóa). Đây là Nhiếp Trì. Trì là gìn giữ, [tức là] gìn giữ những chúng sanh đã được giáo hóa. Nếu dùng bốn chữ tiêu chuẩn này để nhận định thì văn chương Trung Quốc chỉ đạt được điều thứ nhất là Quán, thực hiện được chữ ấy! Tất cả văn chương đạt được điều ấy, còn ba chữ sau đó chưa chắc đã đạt được! “*Nhiếp*” là nhiếp thọ hết thầy chúng sanh, cũng là giống như nó có sức hấp dẫn, sức thu hút. Sau khi tiếp nhận,

¹ Biện Chứng Pháp: Cách lý luận nhằm giải quyết những quan điểm khác nhau về cùng một vấn đề, áp dụng những lý luận, giải thích hợp lý.

quý vị rất ưa thích, muốn bỏ mà chẳng thể bỏ được. Điều này chẳng đơn giản. Vì thế, kinh Phật khiến cho quý vị đọc một lần, vẫn muốn đọc lần thứ hai, lần thứ ba, càng đọc, càng ưa thích, sức nhiếp thọ của kinh có thể chiếm lĩnh tâm hồn người đọc; điển tịch của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc có sức mạnh này. Chẳng hạn như Tứ Thư, Ngũ Kinh có năng lực này. Quý vị thuở bé đọc Tứ Thư, đến lúc bảy tám mươi tuổi, đọc Tứ Thư vẫn hứng thú tràn trề, chúng có sức mạnh ấy! Quý vị đọc tiểu thuyết, sau khi đọc một hai lượt, chẳng muốn đọc lần thứ ba. Tiểu thuyết dù hay cách mấy, thuở bé, tôi thích coi, ưa chuộng nhất bốn bộ tiểu thuyết Trung Quốc là Tam Quốc, Thủy Hử, Tây Du Ký, và Hồng Lô Mộng, [mỗi bộ] đại khái tôi đọc tới mười lần, nhưng sau khi đọc mười lần, suốt đời này, chẳng muốn đọc lại nữa! Nói cách khác, sức nhiếp thọ của chúng chỉ lớn chừng đó, sau khi xem mười lượt sẽ chẳng muốn đọc nữa! Chẳng giống như kinh Phật, quý vị đọc kinh Phật một vạn biến cũng chẳng chán, càng đọc càng ưa thích, sức nhiếp thọ to lớn.

3) Chữ thứ ba là Thường (常). “*Thường tắc cổ kim bất dịch*” (Thường là xưa nay chẳng thay đổi). Người hiện thời gọi [điều này] là Chân Lý. Những điều kinh Phật giảng chính là chân lý, chân lý vĩnh hằng chẳng thay đổi. Những điều đức Phật giảng từ ba ngàn năm trước là chính xác, tới nay, ba ngàn năm sau vẫn chính xác. Tại Ấn Độ, dạy người Ấn Độ chính xác, truyền sang Trung Quốc, dạy người Trung Quốc vẫn chính xác! Cũng có nghĩa là những lý luận và phương pháp của đức Phật siêu việt thời gian và không gian, nên gọi là Thường. Điều này hết sức khó đạt được!

4) Điều cuối cùng là Pháp (法), “*Pháp tắc cận viễn đồng tuân*” (pháp là xa gần cùng tuân thủ). Người thời cổ và người hiện tại đều phải tuân những phương pháp đã được dạy trong kinh điển.

Có thể phù hợp bốn điều kiện ấy mới gọi là Kinh. Văn chương của phàm nhân sáng tác chẳng thể trọn đủ bốn điều kiện này, nên chẳng thể gọi là Kinh. Trọn đủ bốn điều kiện này mới có thể gọi là Kinh. Như Tứ Thư của Trung Quốc có thể gọi là Kinh, vì quả thật Tứ Thư có “*quán, nhiếp, thường, pháp*”, phù hợp bốn điều kiện ấy. Nói tới Ngũ Kinh thì phần lớn là có [bốn điều kiện ấy]. Trong thời đại hiện tại, có thể dùng tinh thần, chứ không thể dùng phương pháp [được nói trong Ngũ Kinh], vì phương pháp phù hợp thời đại đó, [chẳng phù hợp thời đại này], chẳng giống như kinh Phật. Những điều được giảng trong kinh Phật là sống động. “*Thượng thuật tứ tự, khả tận Kinh tự chi nghĩa*” (bốn chữ vừa nói trên đây, có thể gồm trọn hết những ý nghĩa của chữ Kinh). Thông thường để giải thích chữ Kinh, luôn dùng bốn chữ “*quán, nhiếp, thường, pháp*” này!

“*Hựu Phật sở thuyết giả, thông danh vi Kinh*” (lại nữa, những điều do đức Phật nói đều gọi chung là Kinh), những gì do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, “*cổ đề trung Kinh chi nhất tự thị Thông Danh*” (nên một chữ Kinh trong tựa đề là tên chung). Phàm những gì do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng đều gọi là Kinh; vì thế, Kinh là Thông Danh (tên chung). Tất cả hết thảy những giáo huấn của thánh hiền cũng gọi là Kinh, nhưng Kinh [của thánh hiền] chưa chắc đã có hội đủ ý nghĩa gồm trong bốn chữ “*quán, nhiếp, thường, pháp*”. Tuy đều là Kinh,

nhưng có rất nhiều thứ chẳng phù hợp định nghĩa “*quán, nhiếp, thường, pháp*” này. Đây chính là chỗ vượt trội của kinh Phật so với các thứ kinh điển khác! Những câu này nhằm giới thiệu Kinh danh xưng chung.

Tiếp đó, sách Chú Giải viết: “*Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác*”, mười bốn chữ ấy, “*thị bốn kinh độc cụ chi biệt danh*” (là tên riêng chỉ mình kinh này có). Đều do đức Phật nói, nhưng không giống những kinh khác [thì danh xưng ấy] được gọi là Biệt Danh. Như vậy đề mục kinh này gồm mười lăm chữ bao gồm Thông Đề (Thông Danh) và Biệt Đề (Biệt Danh). Mười bốn chữ đầu là Biệt Đề, một chữ Kinh sau đó là Thông Đề.

“*Chư kinh lập danh, bất ly nhân, pháp, dụ. Hoặc đơn, hoặc phức, khả đắc thất loại: Đơn nhất giả tam, cụ nhị giả tam, cụ túc giả nhất, cộng thành thất loại*” (Đặt tên các kinh, chẳng ngoài nhân, pháp, dụ, có thể là đơn hoặc phức, chia thành bảy loại: Đơn danh, tức chỉ một thứ, gồm ba loại, gồm hai thứ có ba loại, có đủ ba thứ chỉ có một loại, cộng thành bảy loại). Đây là nói đến việc đặt tên kinh Phật có quy củ, chẳng phải là nói tùy tiện. Vì thế, người thông hiểu vừa nhìn vào [đề mục kinh, đã biết] kinh này là thật hay là ngụy tạo. Những kinh ngụy tạo có đề mục chẳng phù hợp nguyên tắc này. Chẳng phù hợp nguyên tắc này, sẽ chẳng phải là kinh Phật chân chánh. Kinh Phật chân chánh nhất định phải phù hợp nguyên tắc này, tức bảy tiêu chuẩn. Nói tóm lại, bảy tiêu chuẩn chẳng ngoài “*nhân, pháp, tỷ dụ*”, trong đề mục nhất định lấy những điều ấy làm nguyên tắc.

“*Đơn nhân*”, là chỉ dùng người (nhân) làm đề mục, “*A Di Đà Kinh, A Di Đà thị nhân*” (kinh A Di Đà, A Di Đà là người), A Di Đà là Biệt Đề, Kinh là Thông Đề, trong tựa đề kinh ấy chỉ có Nhân, không có Pháp, không có tỷ dụ.

“*Đơn pháp, Đại Bát Nhã Kinh, Bát Nhã thị Pháp*” (Đơn pháp là như kinh Đại Bát Nhã, Bát Nhã là Pháp), không có Nhân, không có Dụ, tức là không có tỷ dụ.

“*Đơn dụ, Phạm Võng kinh*” (chỉ có Dụ là như kinh Phạm Võng), Phạm Võng (Brahmajala) là cái lưới của Đại Phạm Thiên. Dùng cái lưới của Đại Phạm Thiên để sánh ví. Vì thế, Phạm Võng là tỷ dụ, không có Nhân, mà cũng chẳng có Pháp.

Ba loại ấy được gọi là “*đơn tam đề*” (ba loại đề mục kinh chỉ dùng một thứ để đặt tên).

“*Phức nhị đề*” cũng có ba loại; trong ấy có:

- Nhân Pháp, tức là trong đề mục có người và pháp, như Văn Thù Ván Bát Nhã Kinh. Văn Thù là Nhân, Bát Nhã là Pháp, trong ấy chẳng có tỷ dụ.

- Dùng Pháp và Dụ để đặt tên như Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Diệu Pháp là Pháp, Liên Hoa là tỷ dụ, trong ấy chẳng có Nhân.

- Dùng Nhân và Dụ để đặt tên kinh như Bồ Tát Anh Lạc Kinh, Bồ Tát là Nhân, Anh Lạc là tỷ dụ, trong ấy chẳng có Pháp.

Ba thứ này gọi là “*phức tam chủng lập đề*”.

Nhân, pháp, dụ thấy đều có đủ, cả ba thứ ấy đều có, đầy đủ nhân, pháp, dụ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, đề kinh có đủ cả ba thứ ấy. Phật là Nhân, Đại Phương Quảng là Pháp, Hoa Nghiêm là tỷ dụ (Dụ). Do vậy, Nhân, Pháp, Dụ đều có.

Đây là bảy nguyên tắc để đặt tựa đề cho kinh Phật. Nếu chẳng tương ứng [với bảy nguyên tắc ấy], nhất định chẳng phải là kinh Phật. Nếu bảo nó là kinh Phật thì đó là giả, chẳng thật! Kinh Phật thật sự sẽ chẳng trái phạm quy củ này.

“*Kim bốn kinh đề diệc cụ túc Nhân, Pháp, Dụ*” (nay tựa đề kinh này cũng trọn đủ Nhân, Pháp, Dụ). Hạ lão cư sĩ hội tập kinh này, đặt tựa đề trọn đủ Nhân, Pháp, Dụ. “*Đề trung Phật tự biểu thử độ quả nhân*” (chữ Phật trong tựa đề biểu thị người đã chứng quả trong cõi này): “*Phật*” là Thích Ca Mâu Ni Phật, tức là vị đã chứng quả trong cõi này. “*Quả nhân*” là người đã chứng Phật quả, là Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta học Phật nhất định phải biết, bất luận ở chỗ nào cũng phải nói rõ ràng với người khác, nếu người ta hỏi đến Phật thì Phật là giáo dục. Chúng ta tiếp nhận sự giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật, nói rõ Phật chẳng phải là tôn giáo, chẳng liên quan gì đến tôn giáo! Kể từ khi tôi được tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu tiếp xúc Phật giáo, tôi học theo sự giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng theo tôn giáo. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch điều này. Hiệp hội của chúng ta là hiệp hội giáo dục của đức Phật, chớ nên mơ hồ, khiến cho người khác nẩy sanh hiểu lầm!

Phật, Bồ Tát, A La Hán là những danh xưng học vị trong nền giáo dục của đức Phật, mà cũng là những danh xưng chung. Phật là học vị tối cao, Bồ Tát là học vị thứ hai, A La Hán là học vị thứ ba, có cùng một ý nghĩa với [các học vị] tiến sĩ, thạc sĩ, học sĩ như trong nhà trường hiện thời. Thích Ca Mâu Ni Phật tu học đã đạt tới tầng lớp cao nhất, nên gọi Ngài là Phật Đà. Còn những vị như Văn Thù, Phổ Hiền được nhắc đến trong kinh sách, tuy chưa đạt tới tối cao, nhưng tu cũng rất khá, thuộc vào học vị Bồ Tát. Lại còn có Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên là A La Hán, thuộc học vị thứ ba. [Gọi Phật, Bồ Tát, A La Hán là nói tới] danh xưng học vị, các Ngài chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là tiên, các Ngài là người. Phải hiểu rõ ràng, minh bạch thì chúng ta mới thật sự học được thứ này thứ nọ trong Phật pháp có lợi ích cho chúng ta.

Lợi ích phổ biến nhất là thân tâm khỏe mạnh, quý vị có muốn hay không? Quý vị học Phật, khẳng định phải đạt được điều đầu tiên này! Nhà Phật nói “*trường sanh bất lão*” là thật, chẳng phải là mê tín, đáng tiếc là chúng ta công phu chẳng tới mức, phải nâng công phu lên cao hơn, nâng cao tới cảnh giới nào? Nâng cao tới A La Hán là được rồi, A La Hán trường sanh bất lão. Nay chúng tôi chỉ mới dính dáng một chút bên ngoài, hưởng nhờ một tí bên bề ngoài, hết thấy mọi người quý vị thấy tôi tuổi tác không ngừng tăng lên, nhưng cũng chẳng suy lão, thật đấy, chẳng giả! Năm 1999, tôi giảng kinh tại Tân Gia Ba, có một vị cư sĩ là nữ tu Thiên Chúa Giáo tại Tân Gia Ba, đến gặp tôi, muốn quy y Phật môn. Bà ta hỏi: “Tôi có đủ điều kiện để quy y hay không?” Tôi nói: “Chẳng có vấn đề gì, bà hội đủ điều kiện”. Tôi quy y cho bà ta, năm ấy, bà ta đã một trăm lẻ một tuổi, được gọi là “*người thanh niên một trăm lẻ một tuổi*”. Bà làm công tác thiện nguyện chăm sóc người già. Người già đều là bảy, tám chục

tuổi! Bà ta phục vụ, chăm sóc họ mỗi ngày, chăm nom hai mươi mấy người già, rất khó có! Hiện thời, thân thể bà ta vẫn vô cùng khỏe mạnh. Mấy hôm trước, tôi nghe nói bà ta muốn sang một viện dưỡng lão ở Tân Cương phục vụ nửa năm. Năm 1999, bà ta đã một trăm lẻ một tuổi, năm nay là năm 2010, bà ta phải là một trăm mười một tuổi, không phải vậy, năm 1999, bà ta đã một trăm lẻ một tuổi, năm nay là một trăm mười hai tuổi. Một trăm mười hai tuổi vẫn làm công tác thiện nguyện, vẫn chăm sóc người già sáu, bảy chục tuổi, bà ta chẳng già, vẫn nói mình là thanh niên! Đầu tiên là thân tâm khỏe mạnh, quý vị chẳng có phiền não, mà có trí huệ, phiền não nhẹ đi, trí huệ tăng trưởng. Gia đình quý vị hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, nơi quý vị sống hòa thuận, chẳng có gì không tốt đẹp! Đây là lợi ích hiện tiền của Phật pháp. Một người tu hành như vậy ở nơi ấy, các nhà Lương Tử Học cho biết: Người ấy ở khu vực nào, trong vùng phụ cận, tỷ lệ phạm tội chắc chắn rất ít, do nguyên nhân nào? Từ trường tốt đẹp! Một đạo tràng thành lập ở đây, người thật sự học tập rất nhiều, tỷ lệ phạm tội trong khu vực này sẽ giảm bớt với một mức độ to lớn, đó là sự thật. Vì vậy, chúng ta nói tới Phật, Pháp, Tăng, nói chung phải hiểu ý nghĩa thật sự. Nếu không, người ta sẽ nói chúng ta mê tín, sai lầm rất lớn. Do vậy, chữ Phật ở đây là “*thử độ quả nhân*”, trong thế gian này, Ngài là một người tu học đã đạt được học vị tối cao.

“*Vô Lượng Thọ thị bỉ phương quả nhân*” (Vô Lượng Thọ là người chứng quả trong phương kia), Vô Lượng Thọ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là A Di Đà Phật đạt học vị tối cao. A Di Đà dịch là Vô Lượng Thọ, Phật là danh xưng học vị. Ngài và Thích Ca Mâu Ni Phật có học vị tương đồng, bình đẳng. “*Cổ đề trung cụ lưỡng độ quả nhân*” (do vậy, trong tựa đề kinh có hai vị chứng quả trong hai cõi), trong một tựa đề kinh có hai người, chẳng phải là một người, mà là hai người, đều đạt được học vị tối cao.

Bảy chữ “*trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác*” là pháp, “*Đại Thừa nhị tự*” (hai chữ Đại Thừa) là tỷ dụ. “*Thừa giả*” (Thừa là), âm cổ là Thặng (乘), nay chúng ta thường đọc là Thừa, âm cổ đọc là Thặng, có nghĩa là xe, thuở ấy là xe ngựa! “*Thử kinh khả vận tải vô lượng chúng sanh hàm đạt bảo sở*” (kinh này có thể chuyên chở vô lượng chúng sanh cùng đến được chỗ có của báu), nói theo cách bây giờ, “bảo sở” là “bảo địa” (nơi đất báu). Bộ kinh này có thể chở chúng ta sang Tây Phương Cực Lạc thế giới bảo địa. Như trong kinh Pháp Hoa đã nói: “*Đại bạch ngưu xa*”. Đại bạch ngưu xa là xe ngựa. Thời cổ, xe ngựa lớn nhất, có thể ngồi được rất nhiều người. Tôi nhớ lúc bé, đi học tại Nam Kinh, lúc ấy đang học Sơ Trung (trung học đệ nhất cấp, cấp hai), phương tiện giao thông ở Nam Kinh rất ít, xe ngựa rất nhiều. Xe ngựa rất rẻ, hình như là một hai xu, rất rẻ! Một cỗ xe ngựa, tôi nhớ thường ngồi được mười bốn đứa học trò, mười bốn đứa nhỏ ngồi chung một chiếc xe ngựa đi học. Do vậy, dùng Đại Thừa làm tỷ dụ, Đại Thừa là cỗ xe ngựa lớn.

“*Chư kinh giai cụ Giáo, Hành, Lý*” (các kinh đều có đủ Giáo, Hành, Lý), hết thầy các kinh đều có bốn ý nghĩa ấy, ở đây, [lời chú giải] đã tính lược một chữ, lẽ ra phải là Giáo - Hành - Lý - Quả. Một bộ kinh nhất định có bốn ý nghĩa ấy; ở đây, Quả bị lược đi, Quả là chứng quả, tức đạt được học vị. “*Phật Thuyết Đại Thừa thị Giáo*” (Phật Thuyết Đại Thừa là

Giáo), đây là giáo học. “*Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác thị Hành*” (Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là Hành). Như vậy thì đây là Giáo kinh mà cũng là Hành kinh, quý vị hành sẽ đạt được, chẳng hành sẽ chẳng đạt được! “*Vô Lượng Thọ thị Lý*” (Vô Lượng Thọ là Lý), Vô Lượng Thọ [là Lý] mà cũng là Quả. Các vị tổ sư đại đức xưa nay giải thích tựa đề kinh chẳng hoàn toàn giống nhau. Có những vị có cách giảng riêng, nhưng đều giảng hợp lý, đúng lý, đúng pháp, nên [thuyết của các Ngài] đều được công nhận. Do vậy, chúng ta đọc nhiều về giáo pháp Đại Thừa, đối với những thứ do tổ sư đại đức đã giảng từ xưa, quý vị có thể dung hội, hòa hợp, tham khảo nhiều bản [chú giải khác nhau]. Ở Trung Quốc, vào thời cổ, kinh Vô Lượng Thọ có hai bản chú giải chú giải để tham khảo. Những tác phẩm chú giải của Nhật Bản càng nhiều, có hơn hai mươi thứ như trong phần trước chúng ta đã thấy. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giới thiệu, phần nhiều là nhìn vào cách người khác giảng giải tựa đề kinh và Huyền Nghĩa. Bậc tu hành lão luyện, thật sự thâm nhập Kinh Tạng thường chẳng nhìn xem quý vị giảng giải nội dung kinh như thế nào, chẳng xem phần ấy, mà xem phần Huyền Nghĩa. Huyền Nghĩa là gì? Là báo cáo tâm đắc tu học của quý vị, trong ấy có cảnh giới của chính quý vị, nên bậc tu hành lão luyện thường thích xem phần ấy. Kẻ sơ học thích xem cách giảng từng câu kinh một, xem lời chú giải.

“*Vô Lượng Thọ biểu tam tế nhất như, Niết Bàn thường trụ chi Pháp Thân bốn thể*” (Vô Lượng Thọ biểu thị ba đời giống hệt nhau, Pháp Thân bốn thể thường trụ Niết Bàn). “*Tam tế*” (三際) là quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng có thể nói là Lý Thể được chứng bởi tam thế chư Phật. Lý Thể ấy thường được gọi là “*chư pháp Thật Tướng*”, tức là chân tướng của hết thảy các pháp, chẳng hề mê tín! Khoa học và triết học hiện tại đang nghiên cứu những gì? Chân tướng của vũ trụ và vạn vật. Trải qua nhiều niên đại như thế, những triết học gia và khoa học gia xưa nay trong ngoài nước đã nghiên cứu, có thể nói là họ đã đạt thành tựu khá khả quan; nhưng còn có khá nhiều nghi vấn chưa thể giải đáp! Nói tới khởi nguyên của vũ trụ, các khoa học gia hiện đại cho rằng có một vụ Bùng Nổ Lớn (Big Bang), nhưng thuyết Bùng Nổ Lớn ấy chẳng thể nói trọn vẹn, cái gì đã bùng nổ? Do nguyên nhân nào mà bùng nổ? Chẳng thể giảng rõ ràng những điều ấy. Nói Big Bang là chỉ nhìn vào một hiện tượng, quan sát thấy bằng viễn vọng kính: Trong vũ trụ, thấy tất cả những tinh cầu [bùng nổ] ấy dường như đều ở quá xa chúng ta. Đây là một hiện tượng Bùng Nổ, [do nhìn] từ chỗ này [mà lập ra thuyết ấy]. Thuyết ấy chẳng thể nói trọn vẹn, chỉ do tạm thời quan sát hiện tượng mà có được kết luận như vậy, vẫn phải tiếp tục nghiên cứu. Hiện thời, Lượng Tử Lực Học (Quantum Mechanics) lại phát hiện, phát hiện gì vậy? Phát hiện hiện tượng vật chất sanh khởi là “*vô trung sanh hữu*” (từ trong Không mà sanh ra Có), tốc độ vô cùng nhanh chóng, sau khi sanh ra, bèn tiêu diệt trong khoảng sát-na. Cách nói này hết sức giống với những điều được giảng trong kinh Phật; bởi lẽ, Phật pháp giảng nguyên khởi của vũ trụ là A Lại Da nguyên khởi, A Lại Da là gì vậy? Hiện thời, A Lại Da quả thật đã bị các nhà Lượng Tử Lực Học phát hiện; nhưng còn có một vấn đề: A Lại Da do đâu mà có? Họ chẳng có cách nào [khám phá], nhưng kinh Phật có thể nói rõ: A Lại Da do đâu mà có? Vì sao có A Lại Da?

Do vậy, thưở ấy, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp với tôi, [đã bảo] Thích Ca Mâu Ni Phật là một bậc đại triết học gia. Tôi học Triết với cụ, chúng tôi muốn tìm triết học gia, chẳng tìm tôn giáo, không tìm đến mê tín! Cụ nói: “*Thích Ca Mâu Ni là đại triết học gia, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học cả thế giới. Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi được cụ uốn nắn quan niệm sai lầm trước kia như vậy, tôi cứ tưởng Phật giáo là tôn giáo, mê tín, cụ đã chuyển đổi quan niệm sai lầm ấy. Tôi học Phật từ lúc bắt đầu học với thầy Phương cho tới nay là năm mươi chín năm, sang năm là một giáp. Năm mươi chín năm học tập, chứng tỏ lời thầy nói là thật, chẳng giả. Vì thế, tôi nhớ mãi không quên ân đức của thầy. Nếu không được thầy chỉ dẫn, làm sao chúng tôi biết trên thế giới có thứ tốt đẹp như vậy, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, quý vị nói có đáng tiếc lắm không? Bao nhiêu người bỏ lỡ!

Hiện thời, chúng tôi đã nghiên cứu, học tập Phật giáo năm mươi chín năm, phát hiện nó không là đỉnh cao nhất trong triết học, mà còn là khoa học đạt tới đỉnh cao nhất. Những vấn đề mà khoa học và triết học hiện tại chẳng thể giải quyết, đều có toàn bộ [lời giải đáp] trong kinh Đại Thừa. Khoa học gia phát hiện vấn đề ấy, chúng ta mở kinh Phật ra xem thấy ngày càng gần gũi, rốt cuộc họ có thể đạt tới cảnh giới của Phật hay chẳng? Chẳng thể nào! Vì sao chẳng thể? Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng: Ý thức là tâm phân biệt, năng lực của tâm ý thức rất lớn, chúng ta hãy nghĩ thức thứ sáu tức ý thức, bên ngoài có thể duyên khắp pháp giới hư không giới. Khoa học hiện thời gọi điều này là “*hoàng quan thế giới*” (đại vũ trụ, vũ trụ vĩ mô, macrocosm). Quý vị có thể phan duyên toàn bộ vũ trụ, bên trong quý vị có thể duyên tới A Lại Da. Hiện thời, Lương Tử Lực Học đã thật sự duyên đến A Lại Da. Họ nói tới ba tế tướng của A Lại Da, đương nhiên chẳng rõ ràng, minh bạch như trong kinh Phật đã giảng! Hiện nay, họ phát hiện trong vũ trụ, thứ gì cũng đều không có, chỉ có ba thứ, giống như trong Pháp Tướng Duy Thức đã giảng. Các nhà Pháp Tướng Duy Thức chẳng thừa nhận trong vũ trụ có thứ gì, họ chỉ thừa nhận duy thức, [nghĩa là] chỉ có thức, chỉ có một mình thức! Thức là ba tế tướng, tức nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng, họ dùng các danh từ ấy. Hiện thời, các nhà Lương Tử Lực Học nói gì? Vật chất, năng lượng, thông tin là ba tế tướng của A Lại Da. Năng lượng là nghiệp tướng của A Lại Da, diễn đạt bằng những danh từ khác nhau, nhưng là cùng một chuyện! Thông tin là chuyển tướng của A Lại Da, cảnh giới tướng được các nhà khoa học hiện tại gọi là “vật chất”. Hoàn toàn tương đồng với Pháp Tướng, chẳng đơn giản! Vũ trụ sâu xa kín nhiệm!

Đức Phật dạy đến khi nào mới có thể thấy sự sâu xa kín nhiệm ấy, là ai? Trong kinh Phật nói Bát Địa Bồ Tát có công phu định lực ấy. Bởi lẽ, các khoa học gia dùng dụng cụ, máy móc để quan sát, phát hiện, Phật pháp không như thế, Phật pháp dùng công phu định lực! Ngài nhập định rất sâu, từ trong Định thấy được. Trong Định, chẳng có giới hạn thời gian và không gian, chẳng có chiều không gian. Ngài trực tiếp thấy, cho nên thấy rõ ràng hơn các khoa học gia. Các khoa học gia phải nhờ vào dụng cụ, máy móc, họ chưa đoạn ý niệm. Vì vậy, đức Phật nói phải đoạn sạch ý niệm, quý vị chớ nên dùng tâm ý thức! Dùng tâm ý thức

sẽ chẳng thể thấy chân tướng, vì sao? Cái mà quý vị trông thấy chính là huyền tướng, tâm ý thức cũng là huyền tướng! Huyền tướng có thể duyên huyền tướng, chẳng thể duyên chân tướng. Vì thế nói: Các khoa học gia chắc chắn chẳng thể kiến tánh. Nếu khoa học gia, triết học gia buông phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm xuống, họ sẽ thành Phật, mới có thể thật sự thấy chân tướng. Do vậy, chúng ta có thể nói: Các nhà Lượng Tử Lực Học đã mon men bên lề Phật pháp. Nếu họ thật sự có thể tiến thêm một bước đột phá nữa, buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, họ sẽ chứng đắc, không cần dùng dụng cụ khoa học, chẳng cần phiền phức như vậy. Do các lẽ đó, nói Thật Tế lý thể, nói “*tam tế nhất như*”. “*Niết Bàn thường trụ*”, Niết Bàn (Nirvāna) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là bất sanh bất diệt. Trong Phật pháp, “*Pháp Thân bốn thể*” được gọi là Chân Như, mà cũng là Chân Tâm, hoặc Bản Tánh, rất nhiều danh từ, tới mấy chục loại! Vì sao đối với một chuyện mà đức Phật nói ra lắm danh từ như thế? Đây là giáo học thiện xảo, dạy quý vị chớ nên chấp trước tướng danh từ! Nói cách nào cũng được, chỉ cần nói đúng chuyện này, phá chấp trước, phá phân biệt đây mà! Nói một danh từ, quý vị liền chấp trước, phân biệt. Nói mấy chục danh từ đều nhằm nói về chuyện này, danh tướng là giả, đừng chấp trước, quý vị mới hiểu nghĩa chân thật do đức Phật đã giảng.

Pháp Thân bốn thể “*diệt tức chúng sanh bốn cụ chi Phật Tánh*” (cũng chính là Phật Tánh mà chúng sanh vốn sẵn có), Pháp Thân bốn thể là Phật Tánh của chính mình. “*Thị tâm thị Phật chi bốn tâm. Có phán thuộc u Lý, cái kỳ vi Thật Tế lý thể dã*” (là bốn tâm “tâm này là Phật”, nên phán định [Vô Lượng Thọ] thuộc về Lý, vì nó chính là Thật Tế lý thể). Nói tới cuối cùng, vũ trụ và chính mình là một, chẳng hai. Đây là gì? Nêu rõ quan hệ luân lý trong Phật pháp. Phật pháp giảng luân lý thật tuyệt vời, rất ráo viên mãn. Tổ tiên Trung Quốc nói tới luân lý, lấy thí dụ như trong hiện thời là một gia tộc, từ gia tộc mở rộng đến người ngoài: “*Phàm thị nhân, giai tu ái*” (phàm là người, đều phải yêu thương). Quan hệ luân lý như trong Phật pháp giảng, không chỉ là hết thầy mọi người và chính mình là nhất thể; Lão Tử nói “*thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể*” (trời đất và ta cùng một căn bản, vạn vật và ta cùng một thể), hai câu ấy hết sức gần với Đại Thừa Phật pháp, luân lý Phật pháp giảng điều gì? Hoa, cỏ, cây cối và chính mình là nhất thể; núi, sông, đại địa và chính mình là nhất thể; hư không pháp giới và chính mình là nhất thể. Giảng luân lý viên mãn, giảng đến rốt ráo. Hiểu rõ ràng mối quan hệ, phẩm đức thứ nhất trong tự tánh là gì? Là Ái. Phật không gọi là Ái, vì sợ nói Ái, người ta sẽ nẩy sanh hiểu lầm, vì trong Ái có tình, Ái đó sẽ chẳng thật, bị biến đổi; nhà Phật nói là từ bi. Từ bi là Ái, trong từ bi có trí huệ, chẳng có tình. Khi giác ngộ gọi là trí huệ, khi mê, trí huệ bèn biến thành tình, nên gọi là “tình thức”. Vì lẽ đó, trí huệ và tình thức là một chuyện. Một thể mà có hai phương diện! Khi ngộ thì là trí huệ, lúc mê gọi là “tình chấp”. Đức Phật dạy chúng ta hãy giác ngộ, chớ nên mê hoặc. Chúng sanh trong mười pháp giới đều mê, chẳng giác, đến khi nào mới thật sự giác ngộ? Từ bậc Sơ Trụ trong Viên Giác như kinh Hoa Nghiêm [đã nói] trở lên là giác ngộ. Trong tâm các Ngài, hoàn toàn là trí huệ, chẳng còn có tình chấp. Trong mười pháp giới, Phật pháp giới có chín

phần giác ngộ, vẫn còn một phần tình chưa đoạn. Đạt đến địa vị Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, tình chẳng còn, trí huệ mười phần viên mãn hiện tiền, mới hữu dụng, mới chẳng lui sụt, mới chẳng đọa lạc. Vì thế, mục tiêu chung cực của giáo học Phật pháp là dạy chúng ta trở về tự tánh, trí huệ viên mãn trong tự tánh chính là Thật Tế lý thể.

“*Phật Thuyết Đại Thừa thị Giáo, tức y thứ Vô Lượng Thọ chi Lý thể, trực chỉ Đại Thừa vi dụ, vị tuyên thuyết chúng sanh bốn cụ chi đại kinh, phán chi vi Giáo, nghĩa thậm phân minh*” (“Phật Thuyết Đại Thừa” là Giáo, nghĩa là nương theo lý thể của “Vô Lượng Thọ” để trực chỉ Đại Thừa. [Vô Lượng Thọ] là tỷ dụ, vì đức Phật tuyên thuyết Đại kinh để nói về cái chúng sanh vốn sẵn có đủ. Ý nghĩa phán định chữ “Phật Thuyết Đại Thừa” là Giáo hết sức rõ ràng). Ý nghĩa này rất rõ ràng, rất minh bạch. Phần đầu [bản chú giải] kinh này, Hoàng lão cư sĩ đã nói một câu rất hay, “*chúng sanh bốn cụ chi đại kinh*” (đại kinh nói về cái chúng sanh vốn sẵn có đủ, hoặc có thể hiểu là: Đại kinh mà chúng sanh vốn sẵn có). Nay chúng ta học kinh Vô Lượng Thọ là học kinh Vô Lượng Thọ của ai? Chẳng phải là A Di Đà Phật, chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni Phật, mà là chính mình. Vì sao? Trong tâm của chính mình, trong chân tâm, trong tâm thanh tịnh đã trọn đủ Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Người Trung Quốc cũng nói tới bốn tánh. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là “*nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” (thoạt đầu, con người tánh vốn lành). Đối với Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, Tam Tự Kinh dùng một chữ là Thiện, bốn tánh vốn lành! Thiện nghĩa là gì? Chính là mười bốn chữ trong tựa đề kinh. Chính mình, chẳng phải bên ngoài, học điều này để làm gì? Học để chúng ta trở về bốn thiện, quý vị liền thành Phật. Hiện thời chúng ta như thế nào? Hiện thời, chúng ta “*tánh tương cận, tập tương viễn*” (tánh gần giống như nhau, do huân tập mà khác xa), tánh của chúng ta là một, đều là thanh tịnh, bình đẳng, giác, đều là Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, đều là như vậy; nhưng hiện thời mê muội, lệch lạc, tà vạy, lệch sang tập tánh. Tập tánh là gì? Ích kỷ, tự lợi, thị phi, nhân ngã, tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn, làm những chuyện ấy, lệch lạc rồi! Tiếp nhận sự giáo dục của đức Phật là gì? Từ lệch lạc, tà vạy quay trở lại, trở về Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, trở về bốn thiện. Từ tập tánh trở về bốn thiện là đúng. Điều đó gọi là sự giáo dục của đức Phật. Sự giáo dục của đức Phật là gì? Quý vị vốn là Phật, nay quý vị đang mê muội, lệch lạc, nên là chúng sanh. Chúng sanh chẳng làm gì, cứ luân hồi trong lục đạo, bị khốn khổ ngàn ấy bèn oán trời hờn người, chẳng biết là tự làm, tự chịu! Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, [sẽ thấy Phật pháp] vốn là sự giáo dục tốt nhất trong thế gian và xuất thế gian!

Thầy Phương về già dạy học tại Đài Loan, từ lúc tôi được biết cụ cho đến khi cụ mất, trong hơn hai mươi năm, hết thầy những lớp cụ dạy đều là giảng kinh Phật, nhưng cụ chẳng giảng từng bộ kinh một mà giảng đại ý. Cụ dạy học cũng giống như Phật Thích Ca hay Khổng Tử, dạy học chẳng có sách giảng nghĩa, chẳng có sách giáo khoa. Cũng may là thuở ấy, cụ còn phóng khoáng hơn thầy Lý một chút. Thầy Lý giảng kinh chẳng cho phép người khác thâm âm, thâm hình càng không chấp nhận! Nếu quý vị mang máy ghi âm đến, Ngài sẽ

chẳng giảng, nhưng thầy Phương cho phép học trò ghi âm, chuyện này cũng tốt lắm. Quý vị đọc Toàn Tập [của cụ Phương Đông Mỹ] sẽ thấy đó là do học trò ghi lại, ghi từ đâu ra? Chép từ băng âm ra. Sách do chính cụ viết không nhiều lắm, chỉ có mấy loại, hiện thời Toàn Tập có kích thước lớn như vậy toàn là chép từ băng âm ra. Cụ chẳng thích dùng sách, cũng chẳng thích dùng bài giảng soạn sẵn, mà tùy ý nói ra không hạn chế. Tôi theo cụ một thời gian, cụ đặc biệt giảng cho một mình tôi. Vì thế, tôi là học trò rất đặc biệt, các bạn đồng học rất hâm mộ. Ở Hương Cảng, tiên sinh Đường Quân Nghị^{2[2]} là học trò của cụ. Những học trò thuở đầu ai nấy đều có thành tựu rất khá. Vì thế, phương pháp cổ nhân đã sử dụng hiện thời vẫn còn có người dùng, nhưng học sinh phải có một trình độ nhất định. Chưa đạt đến trình độ, nghe giảng cũng chẳng hiểu thầy đang giảng gì! Thật sự nghe hiểu, sẽ thấy vô cùng thú vị.

Do vậy, phải hiểu: Hết thầy các kinh Phật, không chỉ là một bản kinh này, mà hết thầy đều là tự tánh, là một phần của Tánh Đức, một phần là toàn phần. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Một tức là nhiều, nhiều tức là một*”. Chuyện này vừa mới được Lượng Tử Lực Học phát hiện. Lượng Tử Lực Học phát hiện bất luận một tế bào nào, một phân tử còn nhỏ hơn tế bào, nhưng trong một phân tử có thông tin viên mãn về vũ trụ, họ phát hiện điều này! Trong Phật pháp, điều này được nói rất nhiều. Phật pháp nói trong mỗi một hạt vi trần có toàn thể vũ trụ. Trong vi trần có thế giới, thế giới chẳng rút nhỏ, vi trần chẳng phình to, trong ấy có thế giới viên mãn. Đối với thế giới ấy, chúng ta đã đọc kinh Hoa Nghiêm, thấy kinh nói ai có thể thấy thế giới trong vi trần? Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát có thể đến tham học và giáo hóa chúng sanh trong thế giới ở trong vi trần. Mỗi hạt vi trần đều là như vậy, chẳng có ngoại lệ, một chính là nhiều, nhiều chính là một. Một và nhiều chẳng hai! Trong tự tánh không có lớn hay nhỏ, chẳng có xa hay gần. Không có xa gần là chẳng có không gian; không có trước sau là chẳng có thời gian, không có đối lập. Đây chính là Tánh Đức viên mãn thấu lộ.

Tiếp đó, sách viết: “*Hựu tùng Giáo khởi Hành, cố hạ văn trung Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác tức thị Phật sở giáo hóa chi diệu hạnh dã*” (Lại còn từ Giáo khởi Hành nên Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác chính là diệu hạnh do đức Phật giáo hóa). Nay chúng ta nói Trang Nghiêm là “*mỹ hảo*” (đẹp đẽ), Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là điều chúng ta tu học.

^{2[2]} Đường Quân Nghị (1909-1978), người huyện Nghi Tân, tỉnh Tứ Xuyên, là một nhà tư tưởng, triết học kiêm giáo dục nổi tiếng của Trung Hoa hiện đại, cụ được coi là truyền nhân của tiên sinh Phương Đông Mỹ. Năm 1949, cụ cùng Tiền Mục, Trương Phi Giới v.v... sáng lập Á Châu Văn Thương Học Viện (nay là Hương Cảng Trung Văn Đại Học Viện), từng sang Mỹ dạy học theo lời mời của Quốc Hội Mỹ, dạy học tại nhiều đại học ở Đài Loan, Hương Cảng. Trước tác rất phong phú về nhiều đề tài, nổi tiếng nhất là các tác phẩm Trung Tây Triết Học Tư Tưởng Chi Tỷ Giáo Nghiên Cứu Tập, Trung Quốc Triết Học Nguyên Luận, Triết Học Khái Luận, Nguyên Giáo Thiên v.v...

Tôi cũng có một cách giảng riêng khác với cách giảng của cụ Hoàng, tôi nghĩ cách tôi nói khiến cho mọi người dễ hiểu hơn. Tôi đem [tựa đề kinh] phối hợp với ba giai đoạn tu học là A La Hán, Bồ Tát, và Phật. Buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, tâm thanh tịnh hiện tiền; đây là A La Hán. Bước thứ nhất là quý vị khôi phục tâm thanh tịnh. Tiến hơn bước nữa là buông phân biệt xuống, chẳng còn có ý niệm phân biệt, tâm quý vị đặc định. Chẳng còn phân biệt là tâm bình đẳng hiện tiền; đây là Bồ Tát. A La Hán còn có phân biệt, Bồ Tát chẳng phân biệt. Cuối cùng, khởi tâm động niệm đều không có, sự giác ngộ ấy chính là Phật Đà. Vì thế, “thanh tịnh, bình đẳng, giác” là ba tầng tu học theo thứ tự, ba giai đoạn. Bậc thượng thượng căn bỏ ngay, đoạn ngay khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, Lục Tổ Huệ Năng trong Thiên Tông là người như vậy. Ngài có thể buông xuống ngay lập tức, nên thành Phật, phàm phu bèn thành Phật. Vì thế, nói theo lý luận, phàm phu thành Phật cần bao nhiêu thời gian? Một niệm! Trong một niệm, phàm phu có thể thành Phật. Quý vị nghĩ xem, trong một niệm chúng ta có thể tiêu diệt tội nghiệp hay không? Quý vị chẳng hiểu rõ ư? Hễ một niệm giác thì mầm mống tội lỗi đã tạo trong vô lượng kiếp sẽ chẳng còn nữa, đều tiêu hết, thành Phật rồi!

Trong kinh, đức Phật có nêu một tỷ dụ: “*Phòng tối ngàn năm*”. Căn phòng ấy tối tăm cả ngàn năm, chẳng hề có ánh đèn chiếu tới. Phòng tối ngàn năm tỷ dụ điều gì? Tỷ dụ thời gian quý vị tạo tác tội nghiệp rất dài, tội rất nặng, nhưng thắp một ngọn đèn sẽ chiếu sáng, tối tăm chẳng còn nữa! Vì thế, chúng ta hiểu đạo lý này, buông khởi tâm động niệm xuống sẽ thành Phật. Trong kinh Đại Thừa, khởi tâm động niệm được gọi là “*căn bản vô minh*”. Tất cả hết thấy các hiện tượng hư vọng, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là huyễn tướng, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, hết thấy mọi người đều biết đọc những câu ấy, nhưng quý vị có cảm nhận được hay chẳng? Chúng ta chia nó thành từng giai đoạn. Chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, lục đạo sẽ chẳng còn. Vì thế biết: Tạo thành lục đạo nghiêm trọng nhất chính là chấp trước. Chẳng còn chấp trước, lục đạo sẽ chẳng còn! Còn có tứ thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, đó là gì? Phân biệt. Quý vị có phân biệt, sẽ có [tứ thánh pháp giới]. Chẳng có phân biệt, tứ thánh pháp giới sẽ chẳng có, mười pháp giới cũng chẳng có, chỉ còn lại cái được gọi là Nhất Chân pháp giới. Chẳng có khởi tâm động niệm sẽ vượt thoát mười pháp giới. Nay chúng ta hiểu rõ: Sở dĩ cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai tồn tại là vì tập khí vô thi vô minh chưa đoạn sạch, nên các Ngài hiện tướng này. Khi tập khí đoạn sạch, tướng ấy sẽ chẳng có. Do vậy, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, đức Phật chẳng nói “trừ cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai ra”, chẳng nói câu ấy. Chẳng nói câu ấy thì nói cách khác là cõi Thật Báo cũng vậy, cũng là chẳng thật. Tập khí vô thi vô minh đoạn sạch, sẽ là hình dạng ra sao? Vẫn còn có, trong Tịnh Độ gọi là cõi Thường Tịch Quang hiện tiền. Thường Tịch Quang là tự tánh của chúng ta. Thường Tịch Quang là Bản Tế. Thường Tịch Quang chính là Bản Tâm đang được nói ở đây.

Ở đây, Thường Tịch Quang được gọi là “Thật Tế lý thể”, quy về Thường Tịch Quang. Thường Tịch là nói về tự tánh.

Huệ Năng đại sư minh tâm kiến tánh là thấy gì vậy? Thấy Thường Tịch Quang. Ngài mô tả Thường Tịch là như thế nào, chứ các nhà khoa học chẳng thể nói được!

- Thứ nhất là thanh tịnh, “*nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, may may ô nhiễm cũng chẳng có, chưa hề bị ô nhiễm. Trong lục đạo chẳng ô nhiễm, trong địa ngục A Tỳ cũng không ô nhiễm, chân tánh của quý vị trước nay chưa hề bị ô nhiễm.

- Thứ hai là “*vốn chẳng sanh diệt*”, bất sanh, bất diệt, vĩnh hằng.

- Thứ ba là “*vốn tự trọn đủ*”. Trong Thường Tịch Quang, thứ gì cũng đều không có. Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, cũng chẳng phải là hiện tượng tự nhiên, nhưng những thứ ấy đều ẩn tàng trong đó, chẳng tỏ lộ ra. Vốn tự trọn đủ, giống như máy TV. Chúng ta tắt nguồn điện thì thứ gì cũng chẳng có, nhưng quý vị chẳng thể nói là nó không có. Quý vị bật điện lên, nó bèn xuất hiện. Nhà Phật gọi điều này là “*ẩn hiển*”. Trong Thường Tịch Quang, [những hình tướng, hiện tượng] đều ẩn, thứ gì cũng chẳng có.

- Nếu gặp duyên, “*có thể sanh ra vạn pháp*”. Có thể sanh ra vạn pháp là Hiện, sanh ra mười pháp giới, sanh ra cõi Thật Báo của chư Phật là Hiện. Khi hiển, quý vị chẳng thể nói là nó có. Khi chẳng hiển, chẳng thể nói là nó không có. Tự tánh vốn định, do vậy, định rất quan trọng.

- Huệ Năng đại sư bảo: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng dao động*”, cũng là chân tâm bất động. Vọng tâm bị động, chứ không phải là chân tâm. Chúng ta nói “*khởi tâm động niệm*”, nghĩ Đông tưởng Tây là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Đây là thức thứ sáu, tức Ý Thức thuộc A Lại Da, phải hiểu rõ ràng! Khoa học [vận dụng] tận hết sức lực, đúng như đức Phật đã nói, có thể phát hiện A Lại Da, chứ chẳng thể kiến tánh, vì sao? Kiến tánh cần phải buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Các khoa học gia chẳng buông những thứ ấy xuống, nên họ chẳng thể kiến tánh. Đạt đến cảnh giới này, khoa học chẳng thể tiến cao hơn được nữa, vẫn mong truy tầm, khảo sát bản thể vũ trụ, nhưng chẳng tìm được. Chắc chắn là tìm không được! Buông xuống sẽ tìm được. Chuyện này đòi hỏi phải có công phu định lực. Vì thế, Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác chính là diệu hạnh giáo hóa của đức Phật.

“*Nhất cú A Di Đà, dĩ chi trang nghiêm tự tâm, thanh tịnh tự tâm, thị tức y giáo tu hành dã*” (Một câu Di Đà dùng trang nghiêm tự tâm, thanh tịnh tự tâm thì chính là “y giáo tu hành”). Đây là quy về Tịnh Độ Tông, quy về phương pháp tu hành được giảng trong bộ kinh này, tức là một câu A Di Đà, “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Đặc biệt, trong xã hội hiện tiền, tai nạn rất nhiều, chúng ta buông xuống vạn duyên, buông xuống hết thấy, thật sự buông xuống giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng đều chẳng có, tâm quý vị vui sướng lắm, tự tại lắm! Đây mới là như Phương tiên sinh đã nói: “*Sự hưởng thụ tối cao trong đời người*”. Chính mình chắc chắn sanh về Tịnh Độ, hề sống thêm một ngày trên thế giới này thì phải thêm nỗ lực một ngày, để làm gì? Nâng cao phẩm vị! Nâng cao phẩm vị bằng cách nào? Trọn chẳng lưu luyến thế gian này, phẩm vị của quý vị mới có thể nâng cao. May may vướng mắc đối với thế

gian này chính là sợi dây trói buộc khiến cho quý vị chẳng thể vãng sanh, quý vị đã sai rồi, hãy buông hết thả xuống! Vì thế, chúng ta sống trong thời đại này, đối với một người tu hành thật sự mong chứng quả, mong thành Phật mà nói thì là hoàn cảnh tốt đẹp! Lắm tai nạn là hoàn cảnh tốt đẹp, vì nó bức bách quý vị không dụng công cũng chẳng được, ép quý vị không buông xuống cũng chẳng xong. Đó gọi là Nghịch Tăng Thượng Duyên. Nếu là đời thái bình thịnh trị, hết thả đều có thể vừa lòng như ý, quý vị sẽ chẳng muốn rời đi, vẫn mong sống trên thế giới này thêm vài năm nữa. Nếu thấy hiện thời tai nạn dồn dập như thế, trong tâm sẽ mong “ước gì ta vãng sanh ngay lập tức, vãng sanh ngay hôm nay là tốt nhất!” Tâm thành tựu sẽ dũng mãnh, tinh tấn, khiến cho quý vị có cái tâm cảnh giác rất cao trong hoàn cảnh, chẳng mê hoặc mảy may nào! Vì thế, trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói: “Trong thế gian này, ai cũng là người tốt, mọi chuyện đều là chuyện tốt” Người tìm đến gây chuyện, tạo chướng ngại đều là người tốt, đều là chuyện tốt. Vì sao? Khiến cho chúng ta chẳng còn mảy may lưu luyến thế giới này. Đối với người tu hành, đó là chuyện tốt, quyết định thành tựu trong một đời này, lại còn thành tựu rất nhanh!

Tiếp đó, sách viết: “*Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (chẳng nhờ vào phương tiện, tự được tâm khai). “*Bất giả phương tiện*” là chẳng cần nhờ đến phương pháp nào khác giúp đỡ, chỉ đơn độc một câu A Di Đà Phật là được rồi, tự được tâm khai. “*Tâm khai*” là khai ngộ, minh tâm kiến tánh. “*Viên hiển bốn cụ chi bình đẳng giác, thị dĩ Hành hiển Lý dã*” (hiển lộ trọn vẹn bình đẳng giác sẵn có. Ấy là dùng Hành để hiển Lý). Chúng ta thật sự niệm, thật sự hành, trong sự niệm Phật của quý vị có Định, Định sanh ra Huệ. Khi thật sự buông xuống, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm bình đẳng hiện tiền, lẽ đâu chẳng khai ngộ? Hễ khai ngộ, tất cả nghiệp chướng đều tiêu. Chúng ta hãy nghĩ xem, đời Đường, Huệ Năng đại sư thật sự khai ngộ trong phương trượng thất của Ngũ Tổ, nghiệp chướng tiêu sạch, vì sao vẫn phải ẩn núp trong phùng thợ săn mười lăm năm, pháp duyên mới thành thực, vì sao? Nghiệp chướng của chính mình đã tiêu rồi, nhưng phước báo của chúng sanh chưa hiện tiền, chúng sanh có nghiệp chướng, nên chẳng có cách nào! Quý vị không có cách nào tiêu nghiệp giùm họ được! Ất phải [chờ đến lúc] nghiệp chướng của chúng sanh cũng tiêu mất thì quý vị mới có thể giúp đỡ họ. Điều này được gọi là gì? “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Chúng sanh có nghiệp, chúng sanh đáng thương, vẫn chưa thể tiếp nhận, quý vị đành phải thông thả chờ đợi họ, Huệ Năng đại sư có thể chờ mười lăm năm. Sau đấy, các vị Bồ Tát giúp đỡ Ngài. Ngài Ấn Tông là Bồ Tát, rất phi phạm, chẳng có tí xíu tâm ghen ghét nào, Ngài là Bồ Tát, chẳng phải là phạm nhân. Có tâm ghen ghét sẽ chèn ép, luôn mong không chế, lợi dụng, chiếm hữu Lục Tổ để tạo tiếng tăm, lợi dưỡng cho chính mình. Ngài Ấn Tông không như thế, nhận biết đại sư thật sự đắc pháp từ chỗ ngài Hoàng Mai, là vị pháp sư được truyền y bát, lúc đó, Lục Tổ vẫn còn là một cư sĩ chưa xuống tóc, Ấn Tông bèn quy y cho đại sư. Vì thế, ngài Ấn Tông là thầy quy y của Lục Tổ. Sau khi xuống tóc, Ấn Tông bái Lục Tổ làm sư phụ, bái Ngài làm thầy. Do vậy, Huệ Năng là thầy truyền pháp cho Ấn Tông; mà Ấn Tông lại là thầy thế độ của Huệ Năng.

Hết sức phi phạm! Thuở ấy, tại vùng Lãnh Nam^{3[3]}, Quảng Đông, ngài Ấn Tông có danh vọng rất cao, pháp duyên rất thịnh, Ngài bái đại sư làm thầy, tôn thầy lên cao, ngay lập tức, đại sư bèn được nổi tiếng. Ấn Tông làm hộ pháp cho Ngài, thỉnh Ngài giảng kinh, giáo học, ai không phục? Ai chẳng nghe theo? Ấn Tông dẫn đầu đến nghe, đến học. Điều này được Phật pháp diễn tả là: “*Nhất Phật xuất thế, thiên Phật ủng hộ*” (một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ).

“*Hựu đắc vãng sanh giả ngộ Vô Sanh Nhân, tùng Thê khởi Dụng, phục dĩ thử bình đẳng diệu pháp, bình đẳng phổ độ nhất thiết chúng sanh, vãng sanh Tịnh Độ, đồng chứng Đại Giác, phục thị tùng chúng hạnh hiển Lý đã*” (Hơn nữa, được vãng sanh bèn ngộ Vô Sanh Nhân, từ Thê khởi Dụng, lại dùng diệu pháp bình đẳng này bình đẳng phổ độ hết thảy chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ, cùng chứng Đại Giác. Đây cũng chính là từ các hạnh hiển lý vậy). Vãng sanh mới thật sự chứng đắc Vô Sanh. Địa vị Vô Sanh Pháp Nhân rất cao! Theo kinh Đại Thừa đã giảng, hàng Đẳng Địa Bồ Tát^{4[4]} mới chứng đắc, nhưng thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân là từ Thất Địa trở lên. Vô Sanh Pháp Nhân là gì? Thật ra, nay chúng ta cũng biết, hiện thời chúng ta chưa phải là chúng ngộ, mà là giải ngộ. Chẳng phải là chúng ngộ thì chưa dùng được, chẳng phải là cảnh giới của chúng ta. Chúng ta biết đích xác, vì sao? Quý vị đọc đoạn đối thoại giữa Di Lạc Bồ Tát và Thích Ca Mâu Ni Phật, sẽ biết hết thảy các pháp bất sanh, hết thảy các pháp bất diệt. Nhân (忍) là quý vị thừa nhận, đồng ý, tán thành: Hết thảy các pháp thật sự bất sanh. Pháp là gì? Di Lạc Bồ Tát đã giảng: “*Trong một khoảnh ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình*”, “*hình*” là hiện tượng vật chất. “*Hình đều có thức*”, thức là hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất do đâu mà có? Do huyền tượng từ ý niệm liên tục tích lũy lại! Cách nói này là cách nói của các khoa học gia Lượng Tử, vì họ cũng phát hiện vật chất và tinh thần đột nhiên phát sanh, trong Không sanh ra Có, thời gian rất ngắn ngủi, vừa sanh ra liền bị tiêu diệt, chẳng còn nữa. Đây là hiện tượng Vô Sanh. Khoa học gia dùng máy móc để chứng đắc, vẫn chưa thật sự hiểu rõ ràng, nhưng người tu hành do công phu định lực chứng đắc, công phu định lực là gì? Tâm thanh tịnh hiện tiền. Khoa học gia giống như chúng ta, chưa rời khỏi phân biệt, chấp trước, nhờ vào máy móc để quan sát tình hình vật chất là như thế đó.

3[3] Lãnh Nam là phía Nam rặng Ngũ Lĩnh, bao gồm toàn bộ vùng Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam, Giang Tây (đó là nói theo thời Đường), hiện thời Lãnh Nam chỉ bao gồm Quảng Đông, Quảng Tây và Hải Nam. Ngũ Lĩnh là một quần thể núi bao gồm năm rặng Việt Thành Lĩnh, Đô Bàn Lĩnh, Manh Chủ Lĩnh, Kỳ Điền Lĩnh, và Đại Dữu Lĩnh, là ranh giới thiên nhiên phân cách lưu vực của hai sông Trường Giang và Châu Giang. Do thế núi hiểm trở, văn hóa cũng như quân đội Trung Nguyên khó thể xâm chiếm, khống chế vùng này, hơn nữa đây là địa bàn cổ của tộc người Bách Việt, có những nét văn hóa dị biệt, đặc sắc riêng, người Hán với thói quen ngạo nghễ cổ hữu bèn gọi nơi này là “*man di chi địa*”.

4[4] Đẳng Địa Bồ Tát: Bồ Tát chứng đắc từ Sơ Địa trở lên.

Vì thế, các nhà khoa học nói: Dựa trên sự nghiên cứu nguyên tử và các hạt cơ bản, đạt đến kết luận cuối cùng, trong vũ trụ chẳng có những thứ vật chất gì cả! Hiện tượng vật chất và tinh thần đều là một hiện tượng tích lũy liên tục của ý niệm. Vì thế, trong khi giảng kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi thường xuyên nhắc nhở các đồng học: Hiện tượng ấy là hiện tượng gần giống như liên tục (tương tự tương tục tương), chẳng phải là thật sự liên tục, mà thật sự là sanh khởi trong mỗi niệm, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều độc lập, niệm trước và niệm sau khác nhau, niệm niệm đều khác nhau, chúng là tương tự, chẳng phải là hoàn toàn giống nhau. Vì thế, chẳng thể nói là “liên tục”, mà nói là “tương tự tương tục”. Do đó, tôi cảm thấy các nhà khoa học nói như vậy rất hay, họ nói là “tích lũy”. [Các hiện tượng vật chất và tinh thần] đều là huyễn tướng của ý niệm được tích lũy liên tục; cách nói này rất khá, giảng rất rõ ràng. Quý vị thật sự thừa nhận Vô Sanh Nhẫn, biết những thứ ấy (các hiện tượng tinh thần và vật chất) chẳng phải là thật, kể cả thân thể chúng ta, quý vị liền an tâm. An tâm liền tự tại. Hễ an tâm, các tế bào trong toàn bộ thân thể sẽ khôi phục bình thường. Quý vị chẳng an lòng, hôm nay nghĩ tới chỗ này, ngày mai nghĩ đến gan, hôm sau lại nghĩ đến phổi, hôm sau nữa lại nghĩ đến tim, trong lòng luôn căng thẳng. Căng thẳng sẽ như thế nào? Dễ sanh ra bệnh tật, tế bào bèn sanh ra sự biến hóa. Quý vị biết hết thấy đều bình thường, hễ sanh ra liền lập tức diệt, căn bản là quý vị chẳng còn nghĩ tới nó, liễu giải chân tướng sự thật, mặc kệ nó! Toàn bộ sẽ khôi phục bình thường, những tế bào vốn mắc bệnh sẽ khôi phục bình thường. Do vậy, đây là chỗ tốt đẹp tối thiểu do học Phật, học được điều gì? Quý vị chẳng ngã bệnh! Tôi lại bảo quý vị: Quý vị chẳng chết, sanh tử là giả. Đó là thật, chẳng phải là lời giả dối, tuyệt đối chẳng phải là mê tín!

Do vậy, đối với sanh tử, Phật pháp nói “liễu sanh tử” thì “liễu” là gì? Hiểu rõ! Thật sự hiểu rõ sanh tử là chuyện gì, hiểu rõ ràng; vì thế, quý vị chẳng sợ hãi nó một chút nào! Sanh tử là chuyện gì? Thay một bộ quần áo mà thôi! Thân thể vật chất này sử dụng một khoảng thời gian đã trực trặc rồi, trực trặc thì thay đổi cái khác, giống như quần áo đã mặc dơ, rách nát, hoặc chẳng thích mặc nữa, bèn thay bộ khác, chuyện này rất bình thường. Tinh thần bất diệt, không chỉ là thay đổi, quý vị thấy thân thể này vứt bỏ, nhưng còn có linh tánh. Chúng ta nói “linh hồn” thì linh hồn đang mê; sau khi giác ngộ chẳng gọi là “linh hồn” mà gọi là “linh tánh”. Học Phật chẳng phải là làm chuyện gì khác, mà là nâng cao linh tánh của chính mình. Thân thể là cái kèm theo, linh tánh dựa vào cái thân này, thân thể chẳng có tí xíu bệnh tật nào. Do linh hồn có mê, mê rồi nên nó có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, linh tánh chẳng mê. Do vậy, sẽ hình thành “*Kim Cang bất hoại thân*” như kinh Phật đã nói, chuyển mê thành ngộ là Kim Cang bất hoại thân. “*Từ Thể khởi Dụng*” là gì vậy? Ứng hóa trên thế gian là từ Thể khởi Dụng. Lại dùng phương pháp này, tức là dùng phương pháp “thanh tịnh, bình đẳng, giác” để bình đẳng phổ độ hết thấy chúng sanh. Phương pháp này tuyệt diệu, “thanh tịnh, bình đẳng, giác” ở ngay trong một câu A Di Đà Phật. Toàn bộ câu A Di Đà Phật này là tiếng Phạn, có thể dùng “thanh tịnh, bình đẳng, giác” để dịch ý nghĩa của nó. A Di Đà Phật nghĩa là gì? “Thanh tịnh, bình đẳng, giác”, dùng phương pháp này để độ hết thấy chúng sanh, giúp

họ vãng sanh thế giới Cực Lạc cùng chúng Vô Thượng Bồ Đề, Đại Giác là Vô Thượng Bồ Đề, là quay về tự tánh. Đây là từ các hạnh để hiển Lý. Các hạnh gồm nhiều hạnh môn, kể cả cuộc sống hằng ngày và công việc của chúng ta, xử sự, đãi người, tiếp vật, toàn là A Di Đà Phật, hoàn toàn là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Điều khẩn yếu là chúng ta phải thật sự hiểu rõ, thật sự biết dùng, biết dùng phương pháp đơn giản nhất là trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự đãi người, tiếp vật, trong tâm có A Di Đà Phật. Trong tâm trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng đều không có. Câu này (tức câu “*từ Thể khởi Dụng*”) có ý nghĩa như vậy đó. Trong tâm chẳng cần nghĩ đến “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chỉ nghĩ tới A Di Đà Phật, bốn chữ đơn giản là được rồi, sẽ nhập cảnh giới ấy. Vận dụng “thanh tịnh, bình đẳng, giác” vào cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật, do các hạnh mà hiển Lý, đây là tự tánh.

“*Nhược dĩ kinh đề phối Tam Đại*” (nếu đem tựa đề kinh phối hợp với Tam Đại), Tam Đại là Thể, Tướng, Dụng. Trong tựa đề kinh có những ý nghĩa ấy hay không? “*Vô Lượng Thọ thị Thể đại, Trang Nghiêm Thanh Tịnh thị Tướng đại, Bình Đẳng Giác thị Dụng đại*” (Vô Lượng Thọ là Thể đại, Trang Nghiêm Thanh Tịnh là Tướng đại, Bình Đẳng Giác là Dụng đại), thật sự có ý nghĩa Tam Đại, rất rõ rệt. Chúng ta đọc phần tiếp theo: “*Y Hán dịch Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác tức A Di Đà Phật nghĩa*”(Căn cứ theo bản Hán dịch, Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác tức là ý nghĩa của chữ A Di Đà Phật). Trong năm bản dịch gốc, bản dịch đời Hán có tựa đề là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh; tựa đề này là dịch theo nghĩa, nguyên văn tiếng Phạn là A Di Đà. “*Cánh khả dĩ bốn kinh đề phối tam giác. Vô Lượng Thọ Phật thị ngã Bốn Giác. Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, dĩ trang nghiêm tự tâm thị danh Thi Giác. Thi Giác hợp Bốn Giác, trực xu Cứu Cánh Giác, tức đề trung Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác dã*” (ta có thể đem tựa đề kinh này phối hợp với Tam Giác. Vô Lượng Thọ Phật là Bốn Giác của ta. Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm để trang nghiêm tự tâm là Thi Giác. Thi Giác hợp với Bốn Giác, tiến thẳng đến Cứu Cánh Giác chính là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác trong tựa đề kinh). Đây là phối hợp với ba món Giác: Thi Giác, Bốn Giác, và Cứu Cánh Giác. Trong đó, Bốn Giác là Lý thể, Thi Giác là bắt đầu tu hành. Chúng ta suốt ngày mê muội, bất giác, quý vị phải hiểu: Niệm Phật là giác chứ không mê. Nhưng quý vị phải biết: Nếu không hiểu, mà chẳng nghe kinh, chẳng học giáo, quý vị niệm câu A Di Đà Phật này vẫn là mê hoặc, điên đảo, mê tín, A Di Đà Phật là gì? Không biết! Người ta nói A Di Đà Phật là gì? “Tượng Phật được thờ trong nhà tôi là A Di Đà Phật”, kẻ ấy bèn chỉ vào tượng đó, về căn bản chẳng biết A Di Đà Phật là gì! A Di Đà Phật là tự tánh, là bốn tánh của chính mình, là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” chính mình vốn sẵn đủ. Liễu giải thì khi niệm sẽ tương ứng, giống như phương pháp được gọi là Tam Mật Tương Ứng trong Mật Tông: Tay kết thủ ấn, nay chúng ta gọi là “thủ ngữ”, miệng trì chú, trong tâm quán tưởng, thấy đều tương ứng thì mới được. Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật này cũng giống như thế, khi niệm A Di Đà Phật chấp tay niệm cũng được, cung kính! Lăn tràng hạt niệm Phật cũng được. Cầm tràng hạt trên tay nhưng không lăn cũng được! Vì sao? Nhắc nhở chính mình. Không lăn tràng hạt để nhắc nhở chính mình, [cầm tràng hạt] giống như thủ

ấn, giống như kết ấn, bằng với kết ấn. Một câu A Di Đà Phật chẳng rời miệng, giống như tri chú. Trong tâm thanh sạch, chẳng nhiễm mây trần. Hoặc là miệng niệm Phật, trong tâm có Phật, niệm một tiếng A Di Đà Phật, biết A Di Đà Phật là tự tánh của chính mình, biết A Di Đà Phật là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” của chính mình, biết A Di Đà Phật là đại viên mãn của chính mình, chẳng phải là chẳng có gì khác [Tam Mật Tương Ứng] ư? Cùng là một chuyện! Còn đơn giản, thuận tiện hơn Mật Giáo! Trong Mật Giáo có rất nhiều quy củ, pháp môn này không có, hoàn toàn khiến quý vị thoải mái. Vì thế, nếu quý vị biết niệm, đúng là một pháp môn sẽ là hết thấy các pháp môn. Một câu A Di Đà Phật này bao gồm trọn hết thấy Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ! Quý vị nói xem pháp môn này có thù thắng, vi diệu lắm hay không?

Tiếp đó là: *“Hựu khả giải vi Bình Đẳng Giác thị ngã Bốn Giác. Khởi tâm niệm Phật, dĩ tự trang nghiêm, thị vi Thi Giác. Thi Bốn bất ly, trực xu giác lộ, đón nhập Tịch Quang, chứng Vô Lượng Thọ. Như thị tặc Bình Đẳng Giác thị ngã nhân tâm, Vô Lượng Thọ thị ngã Quả Giác. Như thị diệu nghĩa triển chuyển vô tận, tất tại nhất đề chi trung”* (Lại có thể hiểu như sau: Bình Đẳng Giác là Bốn Giác của ta, khởi tâm niệm Phật để tự “trang nghiêm” là Thi Giác. Thi, Bốn chẳng rời nhau, thẳng tiến trên đường giác ngộ, chóng vào được Tịch Quang, chứng Vô Lượng Thọ. Như vậy, Bình Đẳng Giác là nhân tâm (cái tâm dùng làm nhân, cái tâm tu nhân) của ta, Vô Lượng Thọ là Quả Giác của chúng ta). Diệu nghĩa được phát triển đến vô tận như thế, nhưng đều nằm gọn trong tựa đề). Những ý nghĩa ấy đều bao gồm trong tựa đề kinh, trong tựa đề kinh bao hàm vô lượng nghĩa, thật vậy, chẳng giả! *“Thị cố Viên Trung Sao só viết: ‘Văn thủ đề danh tự, hoạch vô lượng công đức’. Sao viết: Như Kim Quang Minh, cập chư Đại Thừa, đa tác thử thuyết”* (Vì vậy, trong sách Viên Trung Sao có lời só như sau: “Nghe tựa đề kinh được vô lượng công đức”. Lời Sao giảng: “Như kinh Kim Quang Minh và các kinh Đại Thừa khác phần nhiều nói như vậy”). Từ các bản chú só kinh Đại Thừa của cổ đức, chúng ta thấy nói như vậy rất nhiều! Không chỉ là tựa đề kinh trọn đủ viên mãn vô lượng nghĩa, mà trong các buổi giảng, chúng tôi đã từng báo cáo cùng quý vị: Một câu A Di Đà Phật trọn đủ vô lượng nghĩa. Trong một câu A Di Đà Phật dung nhiếp trọn vẹn tựa đề của mười hai bộ kinh, [nói “mười hai bộ kinh” ở đây] là nói tới mười hai bản dịch gốc [của kinh Vô Lượng Thọ]. Mỗi tựa đề đều được bao gồm trong Phật hiệu. Vì vậy, quý vị niệm một câu Phật hiệu này là niệm trọn hết tựa đề của mười hai bộ kinh, niệm tựa đề là niệm toàn bộ bản kinh. Niệm toàn bộ kinh này sẽ giống như niệm toàn bộ kinh Hoa Nghiêm và hết thấy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, chẳng sót một bộ nào! Chúng ta học phân giải thích tựa đề kinh của cụ Hoàng Niệm Tổ đến đây [là xong].

Tiếp theo đây, tôi sẽ đơn giản giới thiệu cách tôi giảng tựa đề bộ kinh này như thế nào khi tôi giảng kinh này trong quá khứ. Hiện thời, chúng tôi giảng bộ kinh này lần thứ mười một, trước kia đã giảng mười lần, nhưng cả mười lần, chúng tôi không giảng bản Chú Giải của cụ Hoàng Niệm Tổ, chỉ là giảng kinh, chẳng giảng chú giải. Tham khảo chú giải, sử dụng một phần, còn lần này là học tập bản Chú Giải chẳng sót một chữ nào. *“Phật Thuyết Đại Thừa”*,

Phật là Thích Ca Mâu Ni Phật nói, ý nghĩa này rất rõ rệt. Phật là Thích Ca Mâu Ni Phật, Bồ Đề Su. “*Thuyết*” là thỏa thích điều từng áp ủ trong lòng. Đức Phật xuất hiện trên thế gian này, nhằm mục đích gì? Vì rộng độ chúng sanh, giúp chúng sanh mau chóng thành Phật. Dùng phương pháp gì để giúp chúng sanh có thể thành Phật trong một đời? Bằng pháp môn này, bằng bộ kinh này! Đức Phật thấy chúng sanh cơ duyên thành thực; cơ duyên là gì? Họ có thể tin, nghe hiểu, lý giải. Sau khi nghe hiểu, họ sẽ chịu làm, chịu phát nguyện vãng sanh, cơ duyên đã chín muồi! Phật bèn giảng bộ kinh này cho mọi người, nhằm mãn nguyện của quý vị, một đời này, quý vị chắc chắn sẽ được như nguyện, sanh về thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành chứng quả, thành Phật độ sanh giống như Ngài. Đây là ý nghĩa của hai chữ Phật Thuyết.

“*Đại Thừa*” là trí huệ, vì trong phẩm [Nhu Lai] Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã bảo chúng ta: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Nhu Lai*”. Tôi [dùng điều đó để] dung thông, phối hợp với tựa đề kinh này thì “*Đại Thừa*” là trí huệ sẵn có trong bốn tánh, “*Vô Lượng Thọ*” là tự tánh trọn đủ các đức, “*Trang Nghiêm*” là tự tánh vốn trọn đủ tướng hảo. Trí huệ và đức tướng là quả. Quả đương nhiên có nhân, nhân là gì? Nhân là “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Tu ba nhân ấy, quý vị sẽ chứng quả Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, tức Phật quả. Thanh tịnh: Người học Phật chúng ta tu gì? Tu “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Dùng phương pháp gì để tu? Tám vạn bốn ngàn pháp môn! Tám vạn bốn ngàn là phương pháp, đường lối. Tu gì? Tu “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, kinh này trực tiếp chỉ dạy chúng ta. “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là Tam Học, Tam Huệ. Tam Học là Giới - Định - Huệ, thanh tịnh là Giới, bình đẳng là Định, giác là Huệ, Giới - Định - Huệ Tam Học. “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là Tam Tạng, mười hai bộ kinh (thể loại kinh) trong Tam Tạng. Thanh tịnh là Luật Tạng, bình đẳng là Kinh Tạng, giác là Luận Tạng. Quý vị thấy đó là Tam Học, Tam Tạng. Lại còn là Tam Bảo, thanh tịnh là Tăng Bảo, lục căn thanh tịnh chẳng nhiễm mây trần là Tăng Bảo, tức người tri giới. Hiện thời xuất hiện vấn đề: Tại gia học Phật chẳng thể hành Thập Thiện Nghiệp đạo, xuất gia học Phật chẳng làm được Sa Di Luật Nghi, nên vấn đề xuất hiện! Vì thế, bất luận tại gia hay xuất gia học Phật cũng đều chẳng thể thành tựu. Trong vài chục năm qua, chúng tôi thấy vấn đề này quá nhiều, nghĩ bao nhiêu năm mới nghĩ ra vì sao có hiện tượng ấy, vì sao cổ nhân chẳng giống như vậy? Cổ nhân dù tại gia hay xuất gia đều có thể tu hành chứng quả, vì sao người hiện tại lại không được?

Suy đi nghĩ lại, cuối cùng tìm ra cội rễ của vấn đề. Kể từ sau khi nhà Mãn Thanh mất nước cho đến hiện tại, trong một trăm năm thuộc thế kỷ này, chúng ta đã sơ sót không vun bồi căn bản giáo dục. Trước kia, quả thật là hai mươi năm đầu thời Dân Quốc, tức là hai mươi năm sau khi nhà Mãn Thanh mất nước, vẫn còn ảnh hưởng, người trong xã hội thuở ấy vẫn còn phổ biến coi trọng giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, hết sức coi trọng! Chúng tôi thuở bé cũng được hưởng lây một chút, vun bồi căn bản giáo dục rất trọng yếu. Cổ ngữ Trung Quốc có câu: “*Giáo nhi anh hài, giáo phụ sơ lai*” (dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ

thuở ban sơ mới về), dạy con cái là dạy ra sao? Từ thuở trứng nước, con sanh ra gọi là “*anh hài*”. Dạy con dâu, khi cưới vợ về, vừa vào cửa liền dạy dỗ, dạy vợ từ thuở ban đầu; nếu không, vợ sẽ dưỡng thành thói quen, chẳng nghe lời quý vị. Con thơ từ lúc được sanh ra phải dạy dỗ. Nó sanh ra, mở mắt ra sẽ thấy, tai sẽ nghe tiếng, tuy nó chưa thể nói chuyện, nhưng đã học tập, học gì vậy? Học theo người lớn. Đầu tiên là cha mẹ mỗi ngày dẫn dắt nó. Cha mẹ khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm, cử chỉ đối với nó đều có ấn tượng. Một nghìn ngày từ lúc được sanh ra cho đến ba tuổi được gọi là “vun bồi căn bản giáo dục”. Có được một nghìn ngày ấy, cổ nhân bảo “*tam tuế khán bát thập*”; [nghĩa là] dạy dỗ kỹ càng một ngàn ngày [từ lúc sanh ra] cho đến lúc ba tuổi thì tám mươi tuổi sẽ không thay đổi, có căn bản rồi! Đầu thời Dân Quốc, xã hội Trung Quốc chẳng an định, quân phiệt cát cứ, tiếp đó, chiến tranh với người Nhật. Sau tám năm kháng chiến, Trung Quốc chiến bại, chẳng có chiến thắng, bại ở chỗ nào? Vứt bỏ truyền thống văn hóa Trung Quốc, chẳng còn gia giáo. Không chỉ chẳng có gia giáo, mà gia tộc cũng chẳng còn! Hãy nên biết Trung Quốc thời cổ là đại gia đình, ngũ đại đồng đường^{5[5]}, chẳng tách thành tiểu gia đình. Vì thế, mỗi nhà có gia quy, có gia đạo, gia học, gia nghiệp. Sau khi kháng chiến thắng lợi, toàn bộ đều chẳng còn. Đây là chúng ta bị đánh bại, bề ngoài là thắng lợi, chứ thật sự là bị đánh bại!

Nếu thật sự chiến thắng, xã hội ngày nay sẽ ổn định vững bền, phải thịnh vượng giống như thuở Hán, Đường, đại quốc mệnh mệnh. Vì sao ngày nay chúng ta vẫn khổ sở, xã hội động loạn như thế, đây là chiến bại, bề ngoài là thắng lợi, chứ trên tinh thần đã xong hết cả rồi, chúng ta chớ nên không biết nguyên nhân ấy! Do vậy, tôi đã nghĩ học Phật thì phải tìm lại sự vun bồi căn bản giáo dục ấy. Dùng gì để vun bồi? Dùng ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, mọi người đã sơ sót những điều này. Căn bản của Nho là Đệ Tử Quy, căn bản của Đạo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, căn bản của Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu ba căn bản này đã được dạy dỗ tốt đẹp từ nhỏ, thì Sa Di Luật Nghi rất dễ dàng, vì mỗi điều đã nói trong Thập Thiện Nghiệp đã đều có thể làm được. Lúc ấy mới khiến cho chúng tôi nghĩ ra vì sao người thuở trước học Phật dễ thành tựu như vậy mà hiện thời không được, hiện thời vun bồi căn bản giáo dục do ai dạy? TV dạy! Học sinh lên lớp học theo Internet. Dạy gì? Dạy bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối! Căn bản để học Phật của quý vị được vun bồi bằng bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, làm sao quý vị học Phật tốt đẹp cho được? Xã hội làm sao yên ổn cho được? Có thể nào chẳng xảy ra tai nạn? Toàn bộ vấn đề đã được bộc lộ, chúng ta thấy rõ ràng, rành rẽ. Vì thế, nhiều năm qua, chúng tôi cực lực đề xướng phải học ba căn bản, nhằm học bù đắp những chỗ sai sót. Học Phật là học từ đâu? Học từ Đệ Tử Quy, không làm được Đệ Tử Quy thì quý vị học Phật một trăm năm, hay ba trăm năm đều vô dụng, thiếu căn bản! Nếu làm được Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ chẳng có vấn đề. Quý vị không vun bồi cội rễ ở chỗ này, đúng là [học Phật] ba trăm năm, tối đa bất quá là trở thành học giả mà thôi. Tối đa là giống như tôi đã thấy tại nước Anh, những nhà Hán học, những vị

^{5[5]} Năm thế hệ cùng sống chung một nhà.

giáo sư lừng danh, hoặc những người giống như họ, chẳng thể thật sự thụ dụng Phật pháp, những lợi ích trước mắt đều chẳng đạt được, sức khỏe, trường thọ, phiền não nhẹ bớt, trí huệ tăng trưởng, đó là những gì [lẽ ra] quý vị phải đạt được trong hiện tiền, nhưng quý vị vẫn lăm lăm phiền não, thiếu trí huệ, còn làm sao được nữa? Sai lầm rồi! Sai lầm do coi nhẹ căn bản. Vun bồi căn bản giáo dục trọng yếu lắm; may sao là trong mấy năm nay, trong nước đã dần dần coi trọng Đệ Tử Quy, dần dần cũng coi trọng Cảm Ứng Thiên, tốt lắm! Quốc gia, dân tộc vẫn còn có tiền đồ.

Trong phần trước, chúng ta đã nói tới sự trọng yếu của Phật; Phật là phước báo bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian. Quý vị chẳng học Phật sẽ không tu phước. Chẳng tu phước sẽ chẳng có phước báo, thiếu phước báo sẽ khổ sở. Đại phú đại quý trong thế gian này là do tu từ đâu? Đòi quá khứ đã tu trong Phật môn, trong Phật môn có thể tu cái nhân đại phú đại quý, cảm được quả báo phú quý. Hiện tại, hưởng phú quý, nhưng chẳng tu nữa, phước báo sẽ hưởng hết rất nhanh. Sau khi hưởng hết, khổ nạn sẽ hiện tiền. Đây là đạo lý nhất định, chớ nên không biết. Vì thế, sau khi vun bồi tốt đẹp ba căn bản, quý vị lại khéo học Phật, phước huệ song tu, tiền đồ sẽ tốt đẹp vô lượng, có sao chẳng làm? Bởi lẽ, nhà Phật tu hành là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, thanh tịnh là Chánh Giác, bình đẳng là Chánh Đẳng Chánh Giác, sau đây là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong giáo pháp Đại Thừa, từ trong kinh điển, chúng ta thường đọc thấy A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tức là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Do vậy, tu thanh tịnh như thế nào? Chẳng chấp trước, đoạn Kiến Tư phiền não là thanh tịnh. Chẳng phân biệt, đoạn Trần Sa phiền não bèn bình đẳng. Không khởi tâm, chẳng động niệm, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác liền hiện tiền, đạt được quả báo Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm. “*Trang Nghiêm*” có ý nghĩa vô cùng rộng! Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thấy đều hàm nhiếp trong ấy. Đây là nói đại lược về tựa đề bộ kinh này.

Tôi nói kiểu này đơn giản, dễ hiểu, dễ lãnh hội, quý vị mới biết nội dung giáo học trong bộ kinh này phong phú khôn sánh, thật sự giúp chúng ta giải quyết hết thảy vấn đề. Bất cứ một nghề nghiệp nào trong xã hội nảy sinh vấn đề, đều có thể tìm được lời giải quyết trong đây. Về chánh trị, cũng chẳng phải là ngoại lệ, đều có thể giúp quý vị giải quyết những chỗ nảy sinh vấn đề. Có sao quý vị chẳng học? Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

Tập 82

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang tám mươi tám, dòng thứ ba đếm từ dưới lên.

“*Chánh thích kinh nghĩa*” (chính thức giải thích ý nghĩa kinh văn), đây là phần lớn thứ ba trong [bản Chú Giải] kinh này, chính thức giải thích ý nghĩa trong kinh văn. “*Tiền minh toàn kinh cương tông*” (trong phần trên, đã nói về cương lĩnh và tông chỉ của cả kinh), nêu cương lĩnh và tông chỉ, “*dữ kinh đề tổng nghĩa*” (và ý nghĩa tổng quát của tựa đề kinh). “*Cẩn dĩ cục tâm hạn lượng chi ngôn, lược chương Tịnh Tông vô tận chi diệu*” (kính cẩn dùng cái tâm hạn hẹp để phô bày đại lược sự mầu nhiệm vô tận của Tịnh Tông), đây là lời khiêm hư của cụ Hoàng Niệm Tổ. “*Cục tâm hạn lượng*” ý nói: Chưa khai ngộ, tâm lượng phạm phu. Sau khi khai ngộ, tâm lượng sẽ giống như Phật, Bồ Tát, quả thật là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm trọn khắp hư không, tâm lượng rộng khắp các cõi nhiều như cát). “*Cục*” (局) là có giới hạn, “*cục tâm hạn lượng*” là tâm lượng và kiến giải phạm phu. “*Lược chương Tịnh Tông*”, đây là một bộ kinh điển trọng yếu nhất trong Tịnh Tông, quả thật là vô tận diệu nghĩa. “*Tư y tiên lệ, toàn kinh phân tam*” (nay dựa theo lệ trước, chia toàn bộ kinh này thành ba phần), “*tiên lệ*” là thông lệ giảng giải kinh văn của cổ thánh tiên hiền, luôn chia một bộ kinh thành ba phần lớn, tức là ba bộ phận. Bộ phận thứ nhất gọi là Tự Phần, bộ phận thứ hai là Chánh Tông Phần, bộ phận thứ ba gọi là Lưu Thông Phần. Tự (序) là như trong các tác phẩm văn chương hiện thời, phía trước có phần Tự Luận (dẫn nhập), giữa là Chánh Thuyết (nội dung chánh yếu), sau đó là Tổng Kết, ba đoạn lớn như vậy. Trong kinh Phật, bản thân mỗi kinh có ba đoạn, thứ nhất là Tự, sau Tự là Chánh Tông, sau Chánh Tông là Lưu Thông, [phần này] cũng gần như quá nửa là đức Phật dặn dò chúng ta nên thực hiện nghĩa lý, giáo huấn và cảnh giới của bộ kinh này như thế nào trong cuộc sống hằng ngày, nâng cao chính mình, thậm chí thực hiện trong công việc, trong toàn bộ công tác. Đây là dạy quý vị sau khi chính mình đã thành tựu, còn phải tạo ảnh hưởng người khác, mong cho người khác cũng có thể tu học, cùng nâng cao cảnh giới giống như chính mình. Đây là Lưu Thông Phần.

“*Ngẫu Ích đại sư viết: Tự như thủ, ngũ quan câu tồn. Chánh Tông như thân, phủ tạng vô khuyết. Lưu Thông như thủ túc, vận hành bất trệ*” (Ngẫu Ích đại sư nói: “Tự như đầu, ngũ quan đầy đủ. Chánh Tông như thân, phủ tạng chẳng thiếu, Lưu Thông như chân tay, vận hành không trệ ngại”). Thuở tại thế, suốt đời Ngẫu Ích đại sư cũng giảng kinh giáo học. Ngẫu Ích đại sư là người xuất gia thuở trước, sống vào những năm cuối triều Minh và những năm đầu triều Thanh. Ngài sống vào cuối đời Minh, viên tịch trong đời Thanh, là tổ sư đời thứ chín

của Tịnh Độ Tông. Trước tác vô cùng phong phú, tuy tuổi tác chẳng cao lắm, sáu mươi mấy tuổi đã viên tịch, nhưng Ngài lưu lại trước tác vô cùng phong phú, đúng là trước tác suốt cả đời. Đối với chuyện giải thích kinh chia thành ba phần, Ngài đã nêu thí dụ, dùng con người chúng ta làm tỷ dụ: Tụ Phần giống đầu người, ngũ quan đầy đủ, vừa nhìn thấy vẻ mặt liền biết quý vị là người như thế nào. Kế đó là Chánh Tông giống như thân thể, bên trong có ngũ tạng, lục phủ. Lưu Thông Phần giống như tay chân, quý vị có thể hoạt động, có thể khởi tác dụng. Tiếp đó, cụ Niệm Tổ nói: “*Y đại sư ý, Tụ như thủ (đầu đã) chỉ kinh chi Tụ Phần do nhân chi hữu thủ. Do thủ chi ngũ quan (mi, nhãn, nhĩ, tỵ, khẩu) khả khuy kỳ nhân chi thiện, ác, trí, ngu*” (Theo ý đại sư, “Tụ như đầu” tức là Tụ Phần của kinh giống như người có đầu, từ ngũ quan (lông mày, mắt, tai, mũi, miệng) có thể biết được phần nào con người ấy là thiện hay ác, trí hay ngu), quý vị vừa nhìn liền hiểu rõ. “*Quán nhất kinh chi Tụ phẩm, tiện khả tri toàn kinh chi Đại, Tiểu, Thiên, Viên*” (Nhìn vào Tụ Phần của một bộ kinh, liền có thể biết toàn bộ bản kinh ấy là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Thiên Giáo hay Viên Giáo). Từ Tụ Phần, quý vị có thể thấy, trong Tụ Phần có ý nghĩa biểu thị pháp. Nếu quý vị hiểu, vừa nhìn vào Tụ Phần sẽ hiểu rõ ràng, rành rẽ [những ý nghĩa biểu thị pháp ấy]. “*Có Tụ Phần trung, diệc tất hàm hữu thâm văn*” (Vì thế trong Tụ Phần ắt phải có những đoạn kinh văn ý nghĩa sâu xa). Điều này chẳng sai tí nào! Trong Tụ Phần chứa đựng những ý nghĩa sâu xa, quyết định chẳng khác gì Chánh Tông và Lưu Thông. “*Kim y đại sư chi chỉ, phán phân bốn kinh như hạ*” (Nay y theo ý chỉ của đại sư, phân định kinh này như sau), chia làm ba phần:

- 1) Phần thứ nhất từ phẩm thứ nhất tới phẩm thứ ba, đó là Tụ Phần
- 2) Từ phẩm thứ tư đến phẩm bốn mươi hai là Chánh Tông Phần, tức là phần diễn nói chánh yếu trong kinh này.
- 3) Từ phẩm bốn mươi ba đến phẩm bốn mươi tám là Lưu Thông Phần. Phần này rất dài, đều thuộc về phần Lưu Thông.

“*Kim chi tam phần, diệc chánh như ngã quốc Tịnh Ảnh, Gia Tường lưỡng gia đối bốn kinh Ngụy dịch bốn chi phán phân*” (Nay ba phần này cũng chính là cách phán định của hai vị Tịnh Ảnh và Gia Tường^{6[1]} của Trung Quốc đối với bản Ngụy dịch của kinh này). Quy củ

^{6[1]} Gia Tường Cát Tạng (549-623) là cao tăng đời Tùy. Ngài quê ở Kim Lăng, họ An, tên Thế, tổ tiên vốn là người An Tức, về sau di cư đến Kim Lăng, nên đôi khi người ta còn gọi Ngài là Hồ Cát Tạng. Năm lên bốn tuổi, Sư theo cha yết kiến ngài Chân Đế, được ban pháp danh là Cát Tạng. Sau đấy, cha Ngài xuất gia hiệu là Đạo Lượng. Sư thường theo cha đến chùa Hưng Hoàng nghe ngài Pháp Tuyên giảng Tam Luận, năm lên bảy tuổi bèn xin xuống tóc với ngài Pháp Lăng. Do ngài Pháp Lăng chuyên nghiên cứu Tam Luận giáo học, nên Sư chuyên học Trung Luận, Bách Luận và Thập Nhị Môn Luận. Năm mười chín tuổi, Sư lên giảng kinh khiến cho thính chúng kinh ngạc trước biện tài. Năm Sư ba mươi hai tuổi, ngài Pháp Lăng thị tịch, nên Sư lui về chùa Gia Tường ở Cối Kê, chuyên tâm giảng thuyết, viết sách, người hỏi đạo cả ngàn người, pháp duyên rất thịnh. Do cách sách chú giải về Tam Luận của Sư được các tăng chúng hân thưởng, nên mọi người chỉ gọi Sư bằng danh hiệu Gia Tường đại sư, chứ không gọi tên húy.

của lịch đại tổ sư đại đức đều giống nhau, nhất định chia một bộ kinh thành ba phần. Phân đoạn sớm nhất là pháp sư Đạo An, [Ngài làm như vậy] sớm nhất. Sau này, tuy các vị chú giải kinh đều chia chánh kinh thành ba phần, nhưng ba phần chia từ chỗ nào trọn chẳng giống nhau. Đó là mỗi vị có cách nhìn khác nhau, chúng ta phải chú tâm quán sát mới hiểu được điều này.

Tiếp theo đây là bộ phận thứ nhất, tức Tự Phần: “*Hựu Tự Phần phục phân vi nhị*” (Lại nữa, Tự Phần lại được chia thành hai phần), trong Tự Phần có hai khoa lớn. Thứ nhất là Thông Tự, thứ hai là Biệt Tự. “*Thông Tự, hựu danh Chứng Tín Tự, chư kinh giai cụ*” (Thông Tự còn gọi là Chứng Tín Tự, các kinh đều có), mở đầu hết thấy kinh đều có. “*Như Thiên Thai dữ Gia Tường đẳng*” (như các vị Thiên Thai, Gia Tường v.v...), Thiên Thai là Trí Giả đại sư, ngài Gia Tường chú giải kinh Vô Lượng Thọ. “*Y Pháp Hoa Luận dĩ lục chủng thành tựu vi Chứng Tín Tự. Lục thành tựu giả, Tông Mật đại sư viết*” (dựa theo Pháp Hoa Luận^{7L1}, lấy sáu thứ thành tựu làm Chứng Tín Tự. Sáu thứ thành tựu là như Tông Mật đại sư nói), Tông Mật là tổ sư đời thứ năm của tông Hoa Nghiêm, là học trò tổ Thanh Lương. Thứ nhất là Tín, thứ hai là Văn, thứ ba là Thời, thứ tư là Chủ, thứ năm là Xứ, thứ sáu là Chủng. “*Lục duyên bất cụ, giáo tắc bất hưng*” (sáu duyên chẳng đủ, giáo pháp chẳng thể hưng khởi). Đây là nói về giáo học; giáo học nhất định phải có sáu duyên này thì mới có thể thành tựu. Thiếu một điều, giáo học sẽ chẳng thể thành tựu. Vì thế, [sáu điều ấy] gọi là Lục Chủng Thành Tựu. Sáu thứ thành tựu:

- Thứ nhất là Tín Thành Tựu, trong phần sau sẽ nói đến. Chữ “*nhu thị*” trong kinh văn là Tín Thành Tựu, nói rõ bộ kinh này quả thật do đức Phật nói, chân thật đáng tin, đó là Tín Thành Tựu.
- Thứ hai là Văn. “*Văn*” là khi tôn giả A Nan kết tập Kinh Tạng, Ngài nói: “Thích Ca Mâu Ni Phật nói kinh này, chính tôi đích thân nghe”. Chẳng phải là nghe nói lại, nên đáng tin cậy.
- Thứ ba là giảng vào thời gian nào?
- Thứ tư là do ai nói? “*Chủ*” là Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất định do đức Phật nói.

Sư cũng từng viết thư thỉnh ngài Trí Khải (Trí Giả đại sư) giảng Pháp Hoa. Sư từng tự chép hai ngàn bộ kinh Pháp Hoa, tạo hai mươi lăm pho tượng Phật, cạn hết lòng thành lễ sám. Năm Vũ Đức nguyên niên (618) đời Đường Cao Tổ, triều đình tuyển chọn mười vị cao tăng để thống lãnh tăng chúng, Ngài cũng được cung thỉnh vào đó. Tháng Năm năm Vũ Đức thứ sáu (623), Sư tắm gội, thay áo mới, thắp hương, niệm Phật, viết xong tác phẩm Tử Bất Bộ Luận, rồi an tường viên tịch. Bình sinh, Sư giảng Tam Luận hơn một trăm lần, kinh Pháp Hoa ba trăm lần, giảng các kinh Đại Phẩm, Hoa Nghiêm, Duy Ma, và Đại Trí Độ Luận hơn mười lần. Trước tác phong phú, nổi tiếng nhất là các bộ Trung Quán Luận Sớ, Thập Nhị Môn Luận Sớ, Bách Luận Sớ, Tam Luận Huyền Nghĩa, Đại Thừa Huyền Luận, Pháp Hoa Huyền Luận, Pháp Hoa Nghĩa Sớ v.v.. Hầu như các kinh Đại Thừa quan trọng như Pháp Hoa, Niết Bàn, Thắng Man, Đại Phẩm, Kim Quang Minh, Duy Ma, Nhân Vương, Vô Lượng Thọ v.v... Ngài đều viết chú sớ.

^{7L1} Pháp Hoa Luận chính là bộ Pháp Hoa Luận Sớ của ngài Gia Tường Cát Tạng, gồm ba quyển.

- Thứ năm, giảng ở nơi nào?

- Thứ sáu là khi giảng kinh bộ kinh này, có bao nhiêu người đang nghe?

Do vậy, sự giáo học ấy mới là viên mãn, trong đó, thiếu một điều cũng không được, giáo học cũng chẳng thể thành tựu. Vì thế, gọi là Chứng Tín. “*Dĩ chứng kinh văn, xác vi Phật thuyết, chân thật khả tín, cố danh Chứng Tín*” (Dùng sáu điều ấy để chứng thực kinh văn, xác quyết đây là lời Phật dạy chân thật đáng tin; vì thế gọi là Chứng Tín). Hai phẩm đầu trong kinh này đều thuộc về Chứng Tín, phẩm thứ nhất là “*Pháp hội thánh chúng đệ nhất*”, phẩm thứ hai là “*Đức tuân Phổ Hiền đệ nhị*”. Hai phẩm này đều là Chứng Tín, cũng đều nói về sáu thứ thành tựu.

Phẩm thứ ba mới là phần Phát Khởi kinh này, “*hựu danh Phát Khởi tự*” (còn gọi là Phát Khởi Tự), đó là Biệt Tự. Chứng Tín Tự là phần đầu hết thấy các kinh văn đều có, nên gọi là Thông Tự. Tuy [kinh nào cũng] có, nhưng trong đó, quan trọng nhất là người nào tham gia, tức là nêu ra đức hiệu của các vị thượng thủ nào. Giống như nay chúng ta nhìn vào một cuộc họp, quý vị thấy những người nào tham dự, liền biết cuộc họp ấy nhằm bàn thảo vấn đề gì! Nếu hội nghị toàn là giới giáo dục, [tức là, người tham gia toàn là] các nhân sĩ thuộc giới giáo dục, các vị chủ quản giáo dục như hiệu trưởng, giáo vụ, quản giáo vụ, nhất định họ sẽ thảo luận [về đề tài] giáo dục. Nếu những người tham dự hội nghị này toàn là nhân viên tài chánh, kinh tế, mậu dịch, họ nhất định bàn về kinh tế. Do vậy, quý vị nhìn thấy người nào tham dự, sẽ biết pháp hội ấy thảo luận chuyện gì. Vì thế, trong phần Thông Tự, [nhìn vào] tên hiệu của các vị thượng thủ được liệt kê khác nhau, sẽ biết tánh chất khác biệt của bộ kinh này, thảo luận những gì. Phát Khởi Tự là “*phát khởi toàn kinh chi đoan do*” (đầu mỗi phát khởi cả bộ kinh). Vì sao đức Phật giảng bộ kinh này, trong phần Phát Khởi Tự sẽ nói rõ nguyên nhân phát khởi của cả bộ kinh này. “*Dĩ pháp bất cô khởi, khởi tất hữu do, chư kinh các biệt, cố hựu danh Biệt Tự*” (vì pháp chẳng thể tự khởi lên một mình. Phát khởi phải có duyên do. Duyên do phát khởi của các kinh khác nhau, nên lại gọi là Biệt Tự). Pháp nhất định có nguyên nhân, chẳng thể nói không có nguyên nhân nào mà sanh khởi được, quyết định là có nhân duyên. Nhân duyên phát khởi của mỗi bộ kinh khác nhau; vì thế, gọi là Biệt Tự.

“*Lệ như Tiểu Bản A Di Đà Kinh*” (chẳng hạn như Tiểu Bản A Di Đà Kinh), kinh A Di Đà được phát khởi không do ai hỏi, mà do đức Phật tự nói. Đây là chuyện như thế nào? Pháp môn này quá trọng yếu, tuy chẳng có ai khái thỉnh, không có ai thỉnh pháp, nhưng đức Phật thấy hết thấy chúng sanh duyên đã chín muồi. Duyên như thế nào sẽ được gọi là “chín muồi”? Có người nghe rồi sẽ có thể tin tưởng, lý giải, phát nguyện, nương theo phương pháp này tu hành vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tuy không có ai hỏi, nhưng đức Phật thấy trong đại chúng có người như vậy, cho nên chẳng cần hỏi, đức Phật tự mình nói ra. Cũng chính vì pháp môn này là pháp khó tin, nên không ai có thể hỏi. Vì sao? Phạm phu thành Phật trong một đời, ai có thể tin tưởng? Nếu quý vị nói tu hành ba đại A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng kiếp mới có thể thành tựu, sẽ có rất nhiều người tin tưởng. Phạm phu nghiệp

chương sâu nặng, có thể thành Phật trong một đời, chưa hề có ai nghĩ đến vấn đề này, cho nên không có ai hỏi; nhưng đức Phật thấy trong các chúng sanh quả thật có căn cơ ấy, họ thật sự hiểu, thật sự làm, sẽ thành tựu trong một đời. Quý vị nói xem pháp môn này có thù thắng lắm hay chẳng? Pháp môn thù thắng khôn sánh, cho nên đức Phật chẳng đợi ai hỏi, tự mình nói ra. Còn bộ kinh này thì “*bốn kinh tặc nhân Thế Tôn phóng quang, hiện thụy*” (kinh này do đức Thế Tôn phóng quang minh, hiện tướng lành), cuối phần Biệt Tự chúng ta có thể thấy, [đức Phật] làm như vậy để dẫn dắt tôn giả A Nan khai thỉnh, nêu câu hỏi. “*Các kinh bất đồng, cố danh Biệt Tự. Kim kinh đệ tam phẩm thuộc chi*” (Mỗi kinh chẳng giống nhau nên gọi là Biệt Tự. Phẩm thứ ba của kinh này thuộc về phần Biệt Tự), đây là Biệt Tự của bộ kinh này. Từ phẩm thứ tư trở đi là phần Chánh Tông.

Trước hết, chúng ta xem đoạn lớn thứ nhất giảng về Thông Tự, “*Pháp hội thánh chúng đệ nhất*”, trong đây bao hàm học vấn to lớn, tuy kinh văn không dài, chỉ có bốn hàng kinh văn. Chúng ta đọc kinh văn:

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung. Dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu. Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt. Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều Trần Như, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tôn giả Ca Diếp, tôn giả A Nan đấng, nhi vi thượng thủ. Hựu hữu Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, cập Hiền Kiếp trung nhất thiết Bồ Tát, giai lai tập hội.

如是我聞。一時佛在王舍城耆闍崛山中。與大比丘眾萬二千人俱。一切大聖。神通已達。其名曰。尊者憍陳如。尊者舍利弗。尊者大目犍連。尊者迦葉。尊者阿難等。而為上首。又有普賢菩薩。文殊師利菩薩。彌勒菩薩。及賢劫中一切菩薩。皆來集會。

(Tôi nghe như thế này: Một thời, đức Phật ở tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật, với các đại tỳ-kheo chúng một vạn hai ngàn người câu hội. Hết thấy các vị đại thánh đã đạt thần thông, tên các Ngài là: Tôn giả Kiều Trần Như, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tôn giả Ca Diếp, tôn giả A Nan v.v... làm thượng thủ. Lại có Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát và hết thấy Bồ Tát trong Hiền kiếp đều đến nhóm hội).

Đoạn Thông Tự được nói đến chỗ này. Đối với đoạn kinh văn này, chúng ta xem trong năm bản dịch gốc, trong mỗi bản liệt kê số người rất nhiều, lão cư sĩ Hạ Liên Cư khi hội tập đã chỉ chọn năm vị tôn giả làm đại biểu, ba vị Bồ Tát, năm vị Thường Tùy đệ tử, tính lược rất nhiều. Năm vị ấy có thể làm đại biểu cho toàn bộ kinh hay không? Có thể chứ, từ năm vị ấy, có thể thấy nghĩa thú của cả bộ kinh, [tức là] nghĩa lý của cả bộ kinh hướng về đâu. Nay chúng ta học tập kinh văn. Câu đầu tiên là “*như thị ngã văn*”. Trong phần Thông Tự ở đầu mỗi bộ kinh đều có bốn chữ này. “*Chư kinh giai trí thủ tứ tự u kinh thủ, cái tôn Thế Tôn chi di giáo*” (Các kinh đều dùng bốn chữ này để đặt ở đầu kinh là do tôn trọng di giáo của đức Thế Tôn). Kinh văn được mở đầu bằng bốn chữ ấy là do Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy. Tiếp

đó, sách viết: “*Thế Tôn tương bát Niết Bàn*” (đức Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn), khi Thích Ca Mâu Ni Phật sắp viên tịch, “*A Nan bi bất năng thắng*”, [nghĩa là] tôn giả A Nan quá đỗi bi thương, tuy Ngài đã chứng Sơ Quả, tình chấp vẫn còn rất sâu. Ngài A Nê Lô Đà (Anirudha) dạy A Nan, kinh Di Đà chép là A Nậu Lô Đà, “*đô bi hà ích*” (đau buồn suông ích chi), đức Phật sắp diệt độ, lão nhân gia rời khỏi chúng ta, bi thương có được gì? Có ích lợi chi đâu? Ông hãy nên ngay lập tức thưa hỏi đức Phật bốn chuyện. Đối với bốn chuyện ấy, [trong bản chú giải này], cụ Hoàng chỉ nhắc tới một chuyện. Trong kinh Niết Bàn, trạng huống lúc đó được ghi chép rất rõ ràng. Ngài A Nê Lô Đà dạy tôn giả A Nan, vì A Nan nghĩ không ra. Ngài nói sau khi đức Phật diệt độ, có bốn chuyện lớn cần phải được chính miệng đức Phật dặn dò.

Thứ nhất là đức Phật tại thế, mọi người chúng con nương theo đức Phật làm thầy, nương theo Phật để trụ, Phật ở nơi đâu, chúng con đều cùng ở đó. Nay Phật mất đi, chúng con nương theo ai? Đây chính là như trong nhà Phật nói “y chỉ một người nào đó”. Có ai thay mặt đức Phật hay không? Đức Phật trả lời, chẳng dặn dò nương theo bất cứ ai, mà là “*y Tứ Niệm Xứ trụ*” (nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ). Nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ, chẳng khác gì nương vào Phật mà trụ. Phần thứ nhất của ba mươi bảy đạo phẩm là Tứ Niệm Xứ.

Điều thứ nhất trong Tứ Niệm Xứ, đức Phật dạy chúng ta “*quán Thân bất tịnh*”. Quý vị phải thường nghĩ thân thể này chẳng phải là thứ sạch sẽ, chớ nên lưu luyến thân thể này, đừng thường vì thân thể này mà sanh phiền não, vì thân thể này mà tạo nghiệp chướng. Nếu vậy, quý vị đã sai mất rồi, thân là giả! Trong Phật pháp thường nói “*tá giả tu chân*” (nhờ vào cái giả để tu cái thật), chúng ta dùng cái thân thể huyễn giả này để tu hành, nâng cao linh tánh của chính mình. Điều này trọng yếu! Thân là công cụ, quý vị hãy khéo lợi dụng nó, chớ nên lợi dụng nó để tạo nghiệp, phải lợi dụng nó để tu hành, đó là đúng. Không biết tu hành, chắc chắn sẽ tạo nghiệp! Quả báo của tạo nghiệp: Tạo thiện nghiệp sẽ vào tam thiện đạo để tiêu nghiệp. Tam thiện đạo hay tam ác đạo đều nhằm tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng có thiện và ác. Tạo nghiệp bất thiện sẽ vào tam ác đạo để tiêu nghiệp, quý vị thấy: Đều là tiêu nghiệp, bình đẳng! Vì sao? Trong tự tánh thanh tịnh tâm không có nghiệp chướng, thiện nghiệp lẫn ác nghiệp đều không có. Ác nghiệp bất hảo, thiện nghiệp cũng bất hảo! Phải giác ngộ điều này, chỉ cần tạo nghiệp, quý vị sẽ không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Luân hồi trong lục đạo, chắc chắn thời gian quý vị ở trong ác đạo dài lâu, thời gian ở trong thiện đạo ngắn ngủi. Đó là sự thật, chúng ta chớ nên không cảnh giác. Vì sao? Hễ sanh ra đời là có phiền não, phải biết rằng thiện hay ác đều là phiền não, phải biết điều này, chúng đều là phiền não. Trong ấy, thiện ít, ác nhiều. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận, đã quy nạp những nghiệp ấy (nghiệp chướng) thành hai mươi sáu loại bất thiện, thiện cũng được quy nạp thành mười một loại. Quý vị thấy: So sánh giữa hai loại này, ác còn nhiều hơn hai lần thiện, ác có hai mươi sáu thứ, thiện chỉ có mười một! Chúng ta suy ra sẽ biết vì sao con người học điều tốt lành rất khó khăn, học theo chuyện xấu rất dễ dàng! Tự tánh không có thiện hay ác, nó có thể hiện, có thể sanh, có thể hiện vạn pháp, có thể sanh vạn pháp. A Lại Da có thể biến, trong A Lại Da

có thiện và ác, có nhiễm và tịnh. Vì thế, trong kinh, đức Phật thường nói: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”.

Lại nhìn vào hoàn cảnh bên ngoài, hoàn cảnh có thánh nhân trụ thế thì hoàn cảnh thiện nhiều, ác ít; khi không có thánh nhân trụ thế, chắc chắn là hoàn cảnh ấy ác nhiều, thiện ít. Đối với xã hội hiện thời của chúng ta, chuyện này quả thật là quá rõ rệt, nói rõ điều gì? Cho thấy trong thời đại này không có thiện nhân! Không chỉ nơi chúng ta đang sống không có thiện nhân, mà cả thế giới đều không có. Thiện nhân xuất hiện trên thế gian, đặc biệt là bậc đại thánh, đại hiền, chư Phật, Bồ Tát, các Ngài thật sự từ bi. Vì sao các Ngài không đến? Không có chúng sanh cảm, cảm ứng mà! Cho nên các Ngài chẳng ứng. Hằng ngày, tâm chúng ta mong mỏi Phật, Bồ Tát hiện đến, các Ngài có đến hay không? Chẳng đến! Chúng ta cảm, vì sao các Ngài chẳng ứng? Chúng ta chẳng cảm bằng chân tâm, cho nên các Ngài không tới. Do chân tâm, các Ngài sẽ đến. Chúng ta cầu Phật, Bồ Tát, mục tiêu thứ nhất là gì? Làm sao để các Ngài phù hộ tôi thăng quan, phát tài, cho nên các Ngài không tới. Nếu khi quý vị dấy lên ý niệm, chẳng vì phù hộ tôi, mà do chúng sanh trong thế gian quá khổ, cầu Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ thế giới này, cứu khổ, cứu nạn, các Ngài sẽ đến. Nay chúng ta thấy các tai nạn, bao nhiêu người trên toàn thể thế giới cầu đảo? Nhưng họ vì ai mà cầu đảo? Có ai chẳng vì chính mình? Cũng [có người cầu đảo] vì chúng sanh, nhưng vì chính mình là chủ yếu, chúng sanh chỉ là kèm thêm! Tâm thái như vậy làm sao quý vị cảm động Phật, Bồ Tát cho được? Đâu có đạo lý ấy! Phải làm như thế nào? Hoàn toàn chẳng có chính mình! Hoàn toàn không có chính mình sẽ chẳng phải là người bình thường, trong quá khứ đã có cơ sở tu học của thánh hiền, trong A Lại Da Thức có chủng tử mạnh mẽ, đời này gặp thiện duyên, gặp được thiện hữu giúp đỡ, nên người ấy giác ngộ, hiểu rõ, người như vậy hẳn cảm bèn có ứng. Vì thế, quán thân bất tịnh rất trọng yếu. Tu học Phật pháp, nếu muốn nhập môn, điều thứ nhất là buông xuống Thân Kiến, đừng chấp trước thân là ta. Thân chẳng phải là Ta thì thân là gì? Thân là cái ta có, giống như y phục. Y phục chẳng phải là ta, mà là cái ta có. Thân thể cũng là cái ta có, chẳng phải là ta. Đức Phật dạy chúng ta hãy nương vào đó để trụ.

Thứ hai, “*quán Thọ là khổ*”, Thọ là gì? Thọ là hưởng thụ. Thích Ca Mâu Ni Phật đã làm được! Thuở tại thế, Ngài giữa trưa ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, toàn bộ tài sản là ba y một bát, đó là toàn bộ tài sản của Ngài, thứ gì cũng chẳng có. Không giống người thế gian chấp trước thân là ta, phải cho cái thân này hưởng thụ, vì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, lại còn thêm ý, vì lục căn mà hưởng thụ, tạo đủ thứ tội nghiệp. Trong khi hưởng thụ, dường như là sung sướng, nhưng đó chẳng phải chân lạc, vì sao? Sau khi sướng sẽ khổ! Sướng biến thành khổ, chân thật ở chỗ nào? Chúng ta lắng lòng quan sát, không gì chẳng là tạo ác nghiệp. Sát sanh ăn thịt, ngộ đó là sướng! Chẳng biết những thứ quý vị đã ăn đều là hữu tình chúng sanh, đó là sanh mạng. Quý vị giết chúng nó, chúng nó có cam tâm tình nguyện để cho quý vị giết hại hay chẳng? Trong kinh, đức Phật đã dạy: “*Nhân tử vi dương, dương tử vi nhân*” (người chết thành dê, dê chết thành người). Nay con người ăn dê, đời sau nó đầu thai làm người, những người ăn dê hiện thời, về sau chết đi, đầu thai làm dê, lại bị nó ăn, oan oan tương báo,

chẳng hết, chẳng xong! Nếu quý vị thấy nhân quả ba đời, sẽ biết nhân quả thông ba đời. Chẳng phải là thân người này chết đi là xong, đâu có dễ dàng như vậy? Trong các buổi giảng, trong quá khứ, chúng tôi thường nói, không thể chết được, chết thì còn làm gì được nữa! Nói thật đấy! Không thể chết thì làm như thế nào mới không thể chết? Niệm Phật sẽ không chết! Quý vị phải biết: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là ra đi trong khi sống, chẳng phải chết rồi mới đi, quý vị phải hiểu rõ ràng! Khi quý vị lâm chung, đầu óc sáng suốt, tai mắt thấy nghe rõ ràng, thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, theo Ngài ra đi, chẳng cần đến thân thể này, vứt bỏ, ra đi trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới ra đi. Do vậy, pháp môn này là “*pháp môn bất tử*”, ai có thể hỏi cho được? Vì thế, kinh Di Đà là “*vô vấn tự thuyết*” (không ai hỏi mà tự nói). Hơn nữa, bất luận người nào, chỉ cần quý vị tin tưởng, đối với ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, chỉ cần trọn đủ ba điều kiện ấy, không một ai chẳng vãng sanh, pháp môn này đến nơi đâu để tìm? Bất luận tạo bao nhiêu tội nghiệp vẫn chẳng sợ, chỉ cần quý vị chuyển biến ý niệm, thật sự cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, nghiệp chướng sẽ tiêu mất. Quá khứ, đời này thiếu nợ mạng của chúng sanh, thiếu nợ tình, thiếu nợ tiền bạc, sau khi quý vị thành Phật, bất luận họ ở trong đường nào, quý vị đều thấy rõ ràng, sẽ chẳng trái bổn nguyện, nhất định giúp đỡ họ, giúp cho họ giác ngộ, giúp họ niệm Phật vãng sanh thành Phật. Ân lãn oán đều báo! Đối với các oan gia đối đầu, dùng đức báo oán. Do vậy, phải hiểu: Những gì chúng ta hứng chịu đúng là khổ! Trong kinh, đức Phật thường nói tam khổ hoặc bát khổ, trong những phần sau sẽ giảng giải.

“*Quán Tâm vô thường*”, “*tâm*” là vọng tâm. Chân tâm quý vị sẽ chẳng quán được. Đây là chân tâm đã bị mê mất rồi, nên thành vọng tâm, vọng tâm là vô thường. Thật ra, Di Lặc Bồ Tát nói một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, nên gọi là “*vô thường*”. Nó chẳng phải là như như bất động, vọng niệm toi bờ, niệm trước diệt, niệm sau dậy lên, tốc độ quá nhanh.

“*Quán Pháp vô ngã*”, Ngã là gì? Ngã có nghĩa là “*chủ thể, tự tại*”. Quý vị hãy quán sát cẩn thận, trong hết thảy các pháp đều không có chủ thể, đều là tùy duyên. Duyên sanh, duyên diệt, trong ấy không có chủ thể, chẳng tự tại. Chỉ có cang găn với Tánh Đức, mới phát hiện có chủ thể, có tự tại. Do vậy, trong Phật pháp, hể minh tâm kiến tánh, Tứ Đức “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*” sẽ hiện tiền. Ngã ấy là Chân Ngã, Chân Lạc. Thường là vĩnh hằng bất diệt. Lạc là chẳng có nỗi khổ nào! Là Khổ là Lạc, chủ thể chân chánh, tự tại xuất hiện. Sau đó là Tịnh, Tịnh là thanh tịnh. Khi kiến tánh, câu đầu tiên Huệ Năng đại sư thốt ra là “*nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, tâm thanh tịnh hiện tiền, pháp thanh tịnh hiện tiền, thấy hết thảy các pháp đều thanh tịnh. Đó là câu hỏi thứ nhất “*chúng con nên nương vào ai để trụ?*” Đức Phật dạy “*nương vào Tứ Niệm Xứ mà trụ*”.

Câu hỏi thứ hai là khi đức Phật tại thế, chúng con đều tôn Phật làm thầy. Phật khuất bóng, chúng con nương cậy ai làm thầy? Phật pháp quả thật có người truyền thừa. Truyền Tông Môn là tôn giả Đại Ca Diếp, truyền Giáo Hạ là tôn giả A Nan. Đức Phật chẳng dạy nương theo ngài Ca Diếp hay ngài A Nan làm thầy, không có! Đức Phật chẳng nói như thế. Đức

Phật dạy chúng ta: “*Dĩ giới vi sư*” (lấy giới làm thầy). Chỉ cần quý vị có thể trì giới, sẽ chẳng khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế. Đức Phật còn thường nói: “*Dĩ khổ vi sư*” (lấy khổ làm thầy), vì sao? Có thể chịu khổ, sẽ có thể trì giới. Chẳng thể chịu khổ, sẽ không thể trì giới; chắc chắn quý vị sẽ phá giới, phạm giới. Vì thế, lấy giới làm thầy, dùng khổ để phụ trợ quý vị trì giới, thành tựu tịnh giới thì quý vị mới có thể đắc Định. Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ, quý vị mới có thể thành tựu. Nếu không có Giới, Phật pháp sẽ biến thành Phật học. Chư vị phải biết: Có Giới là học Phật, chẳng có Giới là Phật học. Không có Giới, sẽ không có Định, chẳng có Huệ, coi Phật học một loại học thuật bậc nhất trong thế gian để nghiên cứu, chẳng liên quan gì đến cuộc sống của chúng ta, sai mất rồi, toàn thể Phật pháp bị biến chất. Do vậy, hiện tại tìm kiếm Phật pháp trên thế gian, đến nơi đâu để tìm? Tìm không ra! Thời cổ, đến nơi nào cũng tìm được. Tất cả tự viện am đường đều là trường học, giống như hiện thời gọi là “trường học chuyên khoa”, quý vị muốn học thứ gì, quý vị đến trường đó để học. Núi Thiên Thai ở tỉnh Chiết Giang là trường chuyên khoa của tông Pháp Hoa, quý vị thích kinh Pháp Hoa thì đến núi Thiên Thai. Thích kinh Hoa Nghiêm thì đến núi Ngũ Đài; núi Ngũ Đài là trường chuyên khoa của tông Hoa Nghiêm. Thích Pháp Tướng Duy Thức, quý vị đến chùa Đại Từ Ân ở Trường An, hiện thời là Tây An⁸¹. Huyền Trang đại sư, Khuy Cơ đại sư đều dạy học nơi đó. Thích Tịnh Độ, Huệ Viễn đại sư mở trường chuyên khoa ở Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Gần như mỗi tự viện am đường đều có khóa trình chủ tu, quý vị đến nơi đó, thật sự có cao nhân hướng dẫn, chỉ dạy, quý vị đi cầu học, có thể y chỉ, thân cận thiện tri thức ở nơi đó; hiện thời không có.

Lúc tôi học Phật, muốn tìm một nơi, nhưng tìm không ra. Đi khắp nơi trên cả thế giới, tìm năm mươi chín năm vẫn chưa tìm ra. Kể ra vận số cũng còn khá, được mấy vị cư sĩ hộ trì, chẳng đến nỗi phải hoàn tục; nếu không, chẳng có đường nào để đi. Học hết sức nhọc nhằn! Điều khó có là thuở đầu tôi thân cận ba vị thầy, theo thầy mười ba năm, đặt vững căn bản. Chẳng có mười ba năm vun bồi căn cội ấy, nếu muốn tự học, sẽ chẳng thể nào, mà cũng chẳng có cách nào! Vì thế, cổ nhân nói: “*Thập tải hàn song, nhất cử thành danh*” (mười năm khổ nhọc, thi đậu, thành danh)⁹¹ là có đạo lý. Không có mười năm công phu, đã thế, mười

⁸¹ Thành phố Tây An (tỉnh Thiểm Tây) chính là tên gọi hiện thời của Trường An. Thành phố này còn được gọi là Kiếu, Kiếu Kinh, Tông Châu, Nội Sử, Đại An, Hàm Dương, Thường An, Đại Hưng, Phụng Nguyên, Kinh Triệu, Phụng Thành, Đấu Thành, Tây Kinh, hoặc chỉ gọi đơn giản là An, nằm ở trung tâm vùng Quan Trung, đã có lịch sử hơn sáu ngàn năm, vốn có tên là Phong Kiếu từ thời Tây Châu. Nơi này từng là kinh đô của các triều đại Châu, Tần, Hán, Tấn, Tiền Triệu, Tiền Tần, Hậu Tần, Tây Ngụy, Bắc Châu, Tùy và Đường. Cái tên Tây An phát xuất từ tên gọi Tây An Phủ được đặt ra dưới triều Nguyên.

⁹¹ Thành ngữ này dựa theo hai câu trong Nho Lâm Ngoại Sử: “*Thập niên hàn song khổ độc thư, nhất cử thành danh thiên hạ tri*” (mười năm song lạnh chăm đọc sách, thi đậu thành danh thiên hạ quen). Theo sách đó, hai câu thơ ấy lại dựa theo ý bài thơ Trúc Ổ Thính Cầm của Thạch Tử Chương đời Nguyên: “*Thập niên hàn song tích tuyết dư, độc đắc nhân gian vạn quyển thư*” (Mười năm song lạnh

năm còn phải thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, quý vị mới có thể thành tựu. Người hiện thời khác hẳn tiền nhân, cũng chịu ảnh hưởng bởi hoàn cảnh, [ra chuộng] học rộng nghe nhiều! Họ học rất nhiều thứ, lãng phí rất nhiều thời gian, rốt cuộc học được gì? Học rộng, nhưng chẳng tinh tường. Cổ nhân dạy học khác hẳn, tôi theo thầy Lý mười năm, mười năm chỉ học năm bộ kinh. Tôi đã nói với quý vị, tôi học hơn ba mươi bộ kinh, đều là bàng thính (dự thính). Thầy dạy cho các bạn học khác, tôi nghe ké, còn học chính thức chỉ có năm bộ. Nói ra, quý vị nghe sẽ thấy rất đơn giản. Bộ thứ nhất tôi học là A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh, bộ thứ hai là A Di Đà Kinh, bộ thứ ba là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, một quyển, tức quyển cuối cùng [của kinh Hoa Nghiêm] giảng về mười đại nguyện vương, bộ thứ tư là kinh Kim Cang, bộ thứ năm là kinh Lăng Nghiêm, mười năm đấy nhé!

Khi dạy, thầy quy định rất nghiêm ngặt, nhưng Ngài không bó buộc học trò, vì sao? Thời đại hiện nay là dân chủ tự do rộng mở, nếu quý vị kiểm chế quá ngặt nghèo sẽ vi phạm nhân quyền, không được đâu, sẽ phải ngồi tù! Vì thế, khác hẳn trước kia. Trước kia, cha mẹ có thể dạy con cái, thầy có thể dạy trò, nay thì không thể, chỉ có thể nói là dùng thân phận đồng học, dâng kiến nghị cho quý vị tham khảo, quý vị tiếp nhận hay không, quý vị có chủ quyền, chủ quyền ấy rất thiêng liêng, ai cũng không thể can thiệp! Vì thế, trong thời đại này, có thể thành tựu hay không là do chính mình chịu trách nhiệm, thầy có muốn lãnh trách nhiệm cũng chẳng thể được, người ấy đâu có chịu! Kể ra chúng tôi vẫn còn ngoan ngoãn một chút, nghe lời, nên mới có một chút thành tựu. Nếu chẳng nghe lời, tôi cũng học rộng nghe nhiều, thế là xong luôn! Quả thật cổ nhân nói có lý, “*một kinh thông, hết thầy các kinh sẽ thông*”. Tuy chúng ta chưa thông một kinh, nhưng đã dốc sức rất nhiều nơi một bộ kinh. Một bộ kinh phải học rất nhiều lượt, chẳng phải một lần là xong! Mỗi lượt đều khác nhau, dần dần sẽ nắm được pháp vị. Đặt võng vàng cơ sở rồi, đối với kinh chưa học, quý vị muốn học tập sẽ chẳng khó. Chẳng hạn như tôi chưa từng học kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa cũng chưa hề học, nhưng tôi đều giảng được! Đổ công sức nơi kinh Lăng Nghiêm, học Lăng Nghiêm với thầy Lý, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm bảy lần. Đó là cơ sở, đấy cũng là một bộ kinh lớn. Tôi nhớ năm 1977, lần đầu tiên tôi sang Hương Cảng, giảng kinh Lăng Nghiêm suốt bốn tháng, pháp duyên lần ấy cũng thù thắng.

Vì thế, hiện thời đạo thầy trò rất khó thành tựu là có nguyên nhân, vì sao? Trong thời đại hiện thời, không có đạo cha con, Phật pháp là sư đạo, sư đạo kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Xã hội này chẳng có hiếu đạo, đương nhiên cũng chẳng có sư đạo. Vì thế, vấn đề này nghiêm

tuyệt phủ đầy, đọc khắp nhân gian muôn quyển sách). Do vậy, “*thập niên hàn song*” chỉ quá trình học tập khổ luyện, không sao nhãng. Cũng có thuyết giải thích câu trong Nho Lâm Ngoại Sử lại xuất phát từ hai câu thơ trong bài Tỳ Bà Ký của Cao Minh đời Nguyên: “*Thập niên hàn song vô nhân vấn, nhất cử thành danh thiên hạ tri*” (Mười năm song lạnh không ai hỏi, thi đậu thành danh cả nước quen). Dù xuất phát từ đâu, từ ngữ “*thập niên hàn song*” đều có nghĩa là gắng công chuyên chú học tập, không sao nhãng!

trọng, chẳng phải là vấn đề nhỏ nhoi, có quan hệ đến sự tồn vong của mạng mạch quốc gia, dân tộc và văn hóa truyền thống. Thật sự phải là gì? Phải là bậc Bồ Tát tái lai, thật sự phát đại tâm, phải cảm nhận chính mình có sứ mạng, hy sinh tánh mạng cũng không bận lòng hồng học tập văn hóa truyền thống. Sau khi học xong, sẽ dạy truyền thống văn hóa, phát huy rực rỡ văn hóa truyền thống. Đó là gì? Đó chính là Chúa Cứu Thế, Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là người phạm! Người phạm đến thế gian để cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, đến hưởng thụ sự vui sướng do ngũ dục lục trần, đến làm những chuyện ấy. Vì thế, đức Phật dạy “*lấy khổ làm thầy*” vô cùng hữu lý. Thật sự có thể chịu khổ, nhẫn nhục, người ấy mới có thành tựu. Người ấy nhất định thành tựu giới luật, giới luật nhằm mục tiêu nào? Mục tiêu của giới luật là tâm thanh tịnh. Chỉ có trì giới quý vị mới có thể khôi phục cái tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là Thiên Định. Có công phu định lực đạt đến độ sâu nhất định, trí huệ sẽ khai.

Đối với Thiên Định, quý vị phải biết, hễ chúng ta nói đến Thiên Định, trong đầu mọi người đều nghĩ đến quan niệm: Ngồi xếp bằng, nhìn vào vách thì gọi là “tham Thiên”; đó là phương pháp sơ học trong Thiên Tông. Quý vị phải hiểu Thiên Định theo nghĩa rộng, đừng hiểu theo nghĩa hẹp. Tám vạn bốn ngàn pháp môn thầy đều là Thiên Định, phương pháp tu học Thiên Định khác nhau, đường lối khác nhau, nên gọi là pháp môn! Nếu chẳng phải là tu Thiên Định, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Nếu là tu Thiên Định thì gọi là Phật pháp. Nay Tịnh Độ Tông chúng ta dùng phương pháp gì để tu Thiên Định? Nay chúng ta dùng một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, dùng phương pháp chấp trì danh hiệu để tu Thiên Định. Cách tu ra sao? Trước hết, quý vị phải hiểu Thiên Định nghĩa là gì? Giảng hai chữ Thiên Định theo cách nào? Thiên là gì? Định là gì? Ngoài chẳng chấp tướng là Thiên, trong chẳng động tâm là Định, toàn bộ tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tu phương pháp này! Chúng ta mới có một chút chấp trước, hoặc mới có một tí phân biệt, liền A Di Đà Phật! Tổ sư Tông Môn bảo: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm!*” Thiên Định là giác, ý niệm mới dấy lên, bất luận thiện niệm hay ác niệm, hễ niệm dấy lên là trật rồi! Vì sao? Trong tâm thanh tịnh không có ý niệm. Ý niệm dấy lên thì làm sao? Trở về A Di Đà Phật, thấy đều quy vào A Di Đà Phật. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật cũng không có, quý vị sẽ minh tâm kiến tánh. Đây là dùng một niệm để xóa trừ tất cả những niệm khác. Tịnh Tông dùng phương pháp này, nên gọi là Niệm Phật. Dùng phương pháp Niệm Phật để đạt đến minh tâm kiến tánh, đạt tới đại triệt đại ngộ.

Bất luận pháp môn nào, Tịnh Tông chẳng phải là ngoại lệ, mục tiêu cuối cùng là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Vì vậy, trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã dạy: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, lời này là thật, chẳng giả. Phương pháp khác nhau, nhưng phương hướng như nhau, mục tiêu giống nhau. Vì thế, không có giới thì làm sao được? Quý vị chẳng thể chịu khổ, sẽ chẳng thể trì giới. Quý vị chẳng thể trì giới sẽ không thể đắc Định; chẳng thể đắc Định, làm sao có thể khai Huệ? Vậy thì những điều quý vị mong cầu, nghiên cứu sẽ là Phật học, là pháp thế gian, chúng ta chớ nên không biết! Một bộ kinh A Di Đà có thể giúp quý vị tới Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong thế gian này, quý vị thông

minh, hiểu học, nghiên cứu thấu suốt Tam Tạng mười hai bộ kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật, học thuộc nhuần nhừ, nhưng không có giới! Không có giới, nói đến chữ này, quý vị phải hiểu: Quý vị chẳng có Giới - Định - Huệ. Vì lẽ đó, trước kia, thầy Lý thường nói: Trong lục đạo luân hồi, quý vị đáng sanh tử ra sao thì vẫn sanh tử như thế ấy, chẳng có một tí xíu biện pháp nào! Chớ nên xem thường những ông già, bà cả, chẳng thể khi dễ họ! Họ do một bộ kinh Di Đà, một câu A Di Đà Phật, niệm vài chục năm, khi lâm chung, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, biết trước lúc mất. Đó là gì? Giới - Định - Huệ thành tựu, họ dùng được! Họ tới Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật, còn quý vị vẫn luân hồi trong lục đạo!

Chư vị phải biết đây là chân tướng sự thật thì quý vị mới hiểu. Năm 2007, một nhà Hán Học của trường Kiềm Kiềm (Cambridge) là giáo sư Mạch Đại Duy (David McMullen) sang Hương Cảng kiếm tôi, muốn tôi sang Kiềm Kiềm mở một học viện, ông ta đã chọn sẵn tên cho tôi rồi, [học viện] Đại Thừa Phật Học thuộc đại học Kiềm Kiềm. Tôi rất cảm kích ông ta, đúng là hảo ý. Trên thế giới, Kiềm Kiềm được xếp hàng thứ ba. Theo quy chế đại học của Anh Quốc, các trường như Ngưu Tân (Oxford), Kiềm Kiềm, nói chung đều có từ năm mươi học viện (academy) trở lên, họ theo quy chế ấy. Tôi cảm tạ ông ta, tôi nói tôi không thể đi, vì sao? Quy chế và quy ước trong trường các vị là nghiên cứu Phật học, chẳng tu Giới - Định - Huệ, quý vị nghiên cứu Phật học, chẳng phải là học Phật. Quý vị phải biết: Phật học và học Phật là hai chuyện [khác nhau], học Phật có Giới - Định - Huệ. Không có Giới - Định - Huệ sẽ là Phật học, chẳng phải là học Phật. Phật học là tri thức, học Phật là trí huệ, khác nhau! Trí huệ và tri thức là hai chuyện. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, chẳng để lại hậu quả. Tri thức giải quyết vấn đề sẽ để lại cả đồng hậu quả, chúng ta chớ nên không biết điều này. Do vậy, ngài A Nậu Lô Đà dạy A Nan hỏi bốn câu ấy, rất trọng yếu! Lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy! Nếu chúng ta không coi trọng chuyện này, xong luôn! Ở trong thế gian này, quý vị dùng Phật pháp để đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng thì được, có thể đạt được! Quý vị nói [sinh viên] khoa Hán học của Âu Châu lấy kinh Phật để viết luận văn nhằm giành học vị Tiến Sĩ, chẳng có vấn đề gì, có thể đạt được, tương lai cũng có thể là một vị giáo sư hay nhà Hán học nổi tiếng. Thầy Lý nói: “*Đáng sanh tử như thế nào thì vẫn sanh tử như thế ấy*”, quý vị không có cách nào vãng sanh thành Phật!

Câu hỏi thứ ba, cũng là hỏi rất hay! Hiện thời, hiện tượng này rất nhiều, trong đoàn thể, kẻ chẳng tuân thủ quy củ của người xuất gia thì nên làm sao? Lúc đức Phật tại thế, đức Phật có thể kiểm chế họ, đức Phật có thể giáo huấn họ. Nay đức Phật đã khuất, sau này, gặp những kẻ như vậy, ai sẽ giáo huấn họ? Đức Phật dạy một phương pháp rất hay, đừng quan tâm đến họ, đó là Mặc Tẫn (Brahma-danda). Mặc Tẫn là không bận tâm đến kẻ ấy, dùng phương pháp này. Không lão phu tử của Trung Quốc nói: “*Kính nhi viễn chi*”(kính trọng nhưng giữ khoảng cách), chẳng kết oán với người khác. Chúng tôi nghe thấy [điều này trong] giáo huấn của thánh nhân, theo thầy Lý mười năm, tôi thấy lão nhân gia đã làm được. Trong đoàn thể của cụ cũng có những học trò chẳng nghe lời, bề ngoài tuân phục, bên trong chống đối, cụ đối với kẻ ấy như thế nào? Chúng tôi thấy thầy đúng là kính nhi viễn chi, thấy kẻ ấy, thầy

nhất định rất tôn kính, lễ độ, luôn luôn rất hoan hỷ. “Viễn” là gì? Viễn là quý vị tùy tiện làm gì, tôi trọn chẳng can thiệp, chẳng nghe, chẳng hỏi đến! Quý vị thích làm gì thì làm. Đúng rồi, chính xác! Lão nhân gia nêu gương cho chúng ta thấy. Trong xã hội hiện tại, điều này vô cùng trọng yếu, phải biết kính nhi viễn chi đối với kẻ bất thiện! Viễn chẳng phải là cố ý giữ khoảng cách. Chẳng phải! Gặp mặt vẫn rất thân thiết, nhưng hết sức khách sáo, lễ tiết gì cũng chu đáo; nhưng quý vị làm gì, tôi không can thiệp, tôi làm gì, quý vị cũng chẳng dính líu tới. Đây chẳng phải là đối xử tốt đẹp ư? Mọi người đều vui vẻ ư? Thích Ca Mâu Ni Phật đúng là có trí huệ, thật sự có trí huệ. Nói đến hòa hài thì làm như vậy mới thật sự đạt được hòa hài. Phải học chẳng phê bình kẻ khác, đừng nên can thiệp vào chuyện của người khác, chính mình nêu gương tốt cho kẻ khác thấy, điều này rất trọng yếu. Họ nhìn thấy, hiểu, có cảm nhận, tốt lắm! Nhìn nhưng không hiểu, chẳng sao! Họ nhìn lâu ngày sẽ hiểu. Một năm, hai năm mà nhìn không hiểu thì chắc họ nhìn thấy mười năm, hai mươi năm sẽ hiểu, không nhất định! Vì thế, thái độ nhu hòa, chất trực quan trọng lắm! “*Oai nghi hữu tắc*” (oai nghi theo đúng khuôn khổ) là chính mình phải thực hiện Giới - Định - Huệ.

Câu hỏi thứ tư là mọi người đều biết, trong tương lai nhất định sẽ dùng văn tự ghi chép những điều Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, đã dạy trong một đời để truyền cho hậu thế. Vậy thì đầu kinh văn, câu đầu tiên phải viết như thế nào? Đức Thế Tôn chỉ dạy, dùng “*như thị ngã văn*”. Đây là khi đức Phật diệt độ, A Nan hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi bốn vấn đề. Đây là vấn đề thứ tư trong bốn vấn đề. “*Nhất thiết kinh thủ, đương trí như thị ngã văn, Phật tại chỗ phương đẳng lục sự*” (Đầu hết thấy các kinh, nên để “*như thị ngã văn*”, Phật tại chỗ, thời chỗ...”, [tức là] sáu thứ thành tựu [vừa nói trên đây]). Tôi nghe như thế này, đức Phật vào lúc nào, ở địa điểm nào, cùng với người nào, tức là sáu sự đã nói trong phần trước, tức sáu món thành tựu.

“*Như thị ngã văn*”, chữ Ngã này chỉ A Nan. A Nan vừa mở miệng liền bảo mọi người, “*như thị*” là tôi đã nghe đức Phật giảng dạy như thế, tức là khi đức Phật giảng bộ kinh này, tôi đích thân nghe đức Phật nói. “*Biểu như thị pháp môn nãi ngã A Nan sở văn ư Thích Tôn giả dã. Thủ chánh khả phá đương thời chi nghi*” (biểu thị pháp môn như thế ấy do chính A Nan tôi được nghe từ đấng Thích Tôn. Câu này phá được nỗi nghi ngờ của người đương thời). Vì khi kết tập Kinh Tạng, tôn giả A Nan phước giảng, tức là nhắc lại các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng. Phước giảng là đại sự, Phật pháp mới có thể lưu truyền mười phương ba đời, công đức ấy vô lượng vô biên! Vì thế, ngài A Nan thăng tòa, không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật gia trì, mà hết thấy chư Phật cũng đều gia trì Ngài. Do lẽ đó, trên đài, hình tượng của ngài A Nan giống như đã thành Phật, vì thế, mọi người hoài nghi, có phải là A Nan đã thành Phật đó chẳng? Hoặc là Phật từ phương khác đến? Như vậy, thứ nhất là nghi Phật, tức Thích Ca Mâu Ni Phật trở lại, quay lại. Thứ hai là nghi A Nan thành Phật. Thứ ba là nghi Ngài là Phật từ phương khác đến. A Nan vừa nói “*như thị ngã văn*”, những nghi vấn ấy đều được giải quyết, [mọi người] đều hiểu trên đài là tôn giả A Nan. Vì thế, các đồng học thường nghe giảng kinh, có khi quý vị có thể nhận thấy người đang giảng kinh trên giảng đài đều có Phật,

Bồ Tát gia trì. Không được Phật, Bồ Tát gia trì, sẽ không giảng được. Vì thế, giảng trên đài, oai nghi, tướng mạo, thần thái của người ấy khác với lúc ở dưới giảng đài. Quan sát cẩn thận sẽ có thể nhận ra: Quả thật được Tam Bảo gia trì!

Tiếp đó, còn có vấn đề: “*Hoặc nghi viết: Phật thành đạo nhập niên, A Nan phương xuất gia*” (Hoặc nghi: Phật thành đạo hai mươi năm, A Nan mới xuất gia). Phật thành đạo năm ba mươi tuổi, A Nan mới sanh ra. Lại phải qua hai mươi năm sau, A Nan mới xuất gia. A Nan xuất gia năm hai mươi tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật đã năm mươi tuổi. Trong khoảng thời gian trước đó, những kinh đức Phật đã giảng A Nan chưa hề nghe, khi kết tập làm sao Ngài có thể phức giảng được? Chúng ta đọc tiếp lời chú giải: “*Hựu thập niên phương mạng vi thị giả. Như thử, tắc tập niên tiền Phật sở thuyết kinh, A Nan hà năng giai viết ngã văn*” (Lại nữa, mười năm sau mới được [đức Thế Tôn] sai làm thị giả. Như thế thì đối với những kinh do đức Phật trong ba mươi năm trước đó, làm sao A Nan có thể đều nói là “tôi nghe”). Kết tập Kinh Tạng, phía trước [mỗi kinh] đều thêm câu “*như thị ngã văn*”, quả thật có nghi vấn này. Tiếp đó, [sách Chú Giải] có ba lời giải thích: Thứ nhất là “*triển chuyển*”, thứ hai là “*Phật trùng thuyết*”, thứ ba là “*A Nan tự thông*”, [nghĩa là] tự mình khai ngộ.

- “*Triển chuyển văn: Báo Ân kinh ngôn, A Nan sở bất văn kinh, tụng chư tỳ-kheo văn, hoặc chư thiên tử thuyết*” (Triển chuyển văn: Kinh Báo Ân nói những kinh nào A Nan không được nghe trước đó thì nghe từ các tỳ-kheo khác, hoặc nghe chư thiên nói). Nghe từ đồng học, từ những vị đồng học đã thân cận [đức Thế Tôn] từ thuở đầu, những vị đồng học ấy như ngài Kiều Trần Như đã nói trong phần trước là vị chứng A La Hán đầu tiên ở Lộc Dã Uyển, có thể nói là hết thấy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, Ngài nghe toàn bộ, chẳng sót buổi nào. Các Ngài có quan hệ thân thích với Thích Ca Mâu Ni Phật và A Nan. Do vậy, đây là người khác nói với Ngài.

- Thứ hai là “*Phật trùng thuyết*”, trong kinh Báo Ân có chép: “*A Nan nhân Phật mạng vi thị giả, nãi cầu tam nguyện*” (A Nan tuân lệnh đức Phật làm thị giả, bèn cầu xin được thỏa ba điều nguyện). A Nan xuất gia, sau khi xuất gia, làm thị giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, khi ấy, Ngài bèn cầu xin ba chuyện, trong ấy có một điều như sau: “*Sở vị văn kinh, thỉnh Phật trùng thuyết*” (những kinh con chưa được nghe, xin Phật nhắc lại), những kinh đức Phật đã giảng trong hai mươi năm, con chưa được nghe, xin Phật giảng lại cho Ngài, giảng lần nữa, “*Phật hứa chi*” (đức Phật chấp thuận). Trong kinh có chép một đoạn như vậy.

- Thứ ba là “*A Nan tự thông: Kim Cang Hoa Kinh ngôn, A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội, sở vị văn kinh, tự năng ức trì*” (A Nan tự thông hiểu: Kinh Kim Cang Hoa nói A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội, những kinh chưa được nghe, có thể tự ghi nhớ). Quý vị thấy: Khai ngộ đây! Quý vị thấy ở Trung Quốc, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư khai ngộ, chẳng nghe người khác giảng kinh, chỉ có lúc tiếp nhận y bát ở Hoàng Mai, hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn đêm khuya giảng đại ý kinh Kim Cang cho Ngài, chắc chắn là không có kinh sách, chúng tôi dự đoán thời gian tối đa là hai tiếng đồng hồ, giảng tới câu: “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên chẳng trụ vào đâu để sanh tâm), Ngài hoát nhiên đại ngộ,

bền thông suốt. Hết thầy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, quý vị đọc cho Ngài nghe, Ngài bền có thể giảng cho quý vị nghe. Quý vị là người đọc chẳng giác ngộ, Ngài giảng cho quý vị nghe, rất có thể là quý vị sẽ đại triệt đại ngộ. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng chẳng phải là một thí dụ rất rõ rệt đó ư? Vị này là người được Huệ Năng đại sư độ đầu tiên, đắc độ đầu tiên, Ngài gặp trên đường lánh nạn. Tại thôn Tào Hầu gặp gỡ, vị tỳ-kheo-ni này cả đời thọ trì kinh Đại Niết Bàn. Kinh Đại Niết Bàn kích thước cũng rất lớn, có hai bản dịch, một bản bốn mươi quyển, bản dịch kia gồm ba mươi sáu quyển, đều là phân lượng khá lớn. Con người xưa kia tốt đẹp, thâm nhập một môn! Như thiền sư Pháp Đạt học kinh Pháp Hoa mười năm, thâm nhập một môn. Thâm nhập một môn, Sư đắc tam-muội, tâm thanh tịnh, trong tâm chẳng có gì khác, chỉ có một thứ này. Vì thế, Lục Tổ bảo ni sư hãy niệm kinh. Sau khi niệm xong, Lục Tổ vừa nghe một đoạn đã giảng ý nghĩa của đoạn ấy cho ni sư nghe. Ni sư nghe xong: “Hay quá!”, hết sức hoan hỷ, cầm quyển kinh hướng về Huệ Năng đại sư thỉnh giáo. Huệ Năng đại sư bảo: “Ta không biết chữ, người đừng đưa kinh cho ta”. Ni sư hỏi: “Chẳng biết chữ thì làm sao Ngài giảng hay như thế?” Tổ dạy: “Chuyện ấy chẳng dính dáng gì đến biết chữ hay không biết chữ”. Chúng ta có thể suy ra: Huệ Năng đại sư có năng lực ấy thì A Nan cũng có năng lực ấy. Chỉ cần chuyên, nay chúng ta nói là “chuyên chú”, còn Phật pháp gọi là “chuyên nhất”. Khi đạt đến nhất tâm bất loạn sẽ khai, tự được tâm khai, tự nhiên thông suốt. Khi con người đã kiến tánh, thứ gì cũng đều thông. A Nan là đại Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phàm nhân, diễn tuồng cho chúng ta xem. Trên sân khấu, Ngài chứng quả Tu Đà Hoàn, trên thực tế, là bậc Đại Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân, Ngài minh tâm kiến tánh. Vì thế, một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ, chúng ta biết điều này, sau khi quý vị liễu giải sẽ chẳng còn hoài nghi.

Do A Nan kết tập Kinh Tạng, Ngài là người lưu truyền Giáo Hạ của Phật, Ca Diếp là người lưu truyền Tông Môn, truyền Thiền Tông. Vì thế, [Phật giáo] được gọi là “*Tông Môn Giáo Hạ*”. Bản thân Phật giáo xưng là Tông Giáo, khác với chữ “tôn giáo” hiện thời, Tông là Tông Môn, Giáo là Giáo Hạ. Tại Trung Quốc có mười tông, Thiền Tông xưng là Tông Môn, chín tôn phái kia đều gọi là Giáo Hạ. Đây là phương thức giáo học khác nhau. Tông Môn trước tiên bảo quý vị tham cứu, không có sách giáo khoa. Ngộ rồi sẽ bắt đầu tu, [tức là] sau khi đại triệt đại ngộ, mới cho phép quý vị xem kinh. Trước khi khai ngộ, chẳng được phép xem kinh. Đây là [pháp môn dành cho] nhân vật thiên tài đặc biệt, chẳng dành cho người tầm thường. Vì thế, lúc tôi vừa tiếp xúc Phật pháp, ba vị thầy đều cảnh cáo tôi. Ba vị thầy đều chưa gặp mặt tôi, nhưng đã cảnh cáo tôi một chuyện, bảo tôi ngàn vạn phần đừng mon men Thiền Tông. Đó là [pháp môn dành cho] kẻ thượng thượng căn, là nhân vật thiên tài trong Phật môn. Nếu anh muốn học pháp môn ấy, đó là “một bước lên trời”. Nếu một bước không lên trời được, rớt xuống sẽ tan thân nát xương, xong luôn! Vì thế, tiên sinh Phương Đông Mỹ dạy tôi Pháp Tướng Duy Thức, Ngài chỉ điểm cho tôi con đường ấy. Sau khi học Phật, tôi thân cận Chương Gia đại sư, tôi theo Phương tiên sinh đại khái nửa năm, theo Chương Gia đại sư ba năm, Chương Gia đại sư đặt vững cơ sở cho tôi. Chương gia đại sư dạy tôi

“thấy thấu suốt, buông xuống”, đây là pháp môn tổng quát, tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh, bất luận tu pháp môn nào cũng đều phải thực hiện từ nơi đây! Ngài dạy tôi học Thích Ca Mâu Ni Phật, tác phẩm Ngài dạy tôi đọc đầu tiên là Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí: “Anh nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật, khéo học tập theo Ngài, sẽ chẳng đến nỗi đi sai đường”. Chúng tôi mới liễu giải sau khi khai ngộ vào năm ba mươi tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật liền tiến hành dạy học, dạy suốt bốn mươi chín năm. Vì thế, Phật pháp chẳng phải là tôn giáo.

Hiện thời, Phật giáo biến thành tôn giáo, đệ tử Phật môn chúng ta có tội lỗi. Thầy chúng ta là một đại giáo dục gia, là đại thánh đại hiền, có sao lại khiến cho Ngài dính mắc vào tôn giáo, tôn giáo là mê tín? Chúng ta hiểu rõ ràng, bất luận nơi nào, chúng ta đều phải bảo cho mọi người biết: “Phật pháp chẳng phải là tôn giáo”. Lời này chẳng phải do tôi nói đầu tiên, mà do Âu Dương đại sư (Âu Dương Cán Vô) nói trước tiên. Hình như vào năm Dân Quốc 12 (1933), tôi còn chưa sanh ra. Ông ta ở đại học Đệ Tứ Trung Sơn, nay là đại học Sư Phạm Nam Kinh, đã có lần giảng diễn rất nổi tiếng với đề mục “*Phật pháp chẳng phải là tôn giáo, chẳng phải là triết học, mà là nhu cầu thiết yếu trong hiện thời*”, giảng về đề tài như thế. Phật giáo là gì? Phật giáo là giáo dục của đức Phật, là giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật, rất rõ ràng. Chúng ta học Phật là tiếp nhận sự giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài giáo dục là dạy gì? Dùng một câu nói trong kinh điển để nói thì sẽ là “*chư pháp Thật Tướng*”. Câu này giải thích ra sẽ là: Thật Tướng của nhân sinh và vũ trụ, Ngài dạy chúng ta điều này. Nói cụ thể cùng quý vị, nói theo cách người hiện thời, nội dung lời Ngài nói là gì? Nói cụ thể sẽ không ngoài năm hạng mục lớn. Năm hạng mục ấy là luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, và khoa học. Năm hạng mục đều giảng đến mức viên mãn rất ráo, quá sức quý báu! Người đời sau gọi giáo học của lão nhân gia và các sách vở, tức là những tài liệu dạy học thuở ấy là Pháp Bảo, có lý lắm! Vì thế, bản thân chúng ta phải khéo học, phải nghiêm túc học, phải uốn nắn những ngộ nhận của xã hội, đó là trách nhiệm và sứ mạng của chúng ta. Thầy Phương cả đời nỗ lực làm chuyện này, rất đáng tiếc là cụ mất quá sớm, bảy mươi chín tuổi đã ra đi. Khi ấy tôi nghĩ, nếu thầy sống thêm năm năm nữa, hiệu quả sẽ vô cùng rõ rệt, có thể khiến cho đại chúng trong xã hội suy nghĩ lại, xác định đúng vị trí của Phật pháp. Phật pháp thật sự chẳng phải là tôn giáo.

Tiếp đó, cụ Hoàng lại giải thích cặn kẽ chữ “*như thị*”, “*như thị*” là Tín Thành Tụ. “*Cư lục chủng thành tựu trung chi thủ vị*” (đứng đầu trong sáu món thành tựu), [đây là] điều đầu tiên phải tin tưởng. Quý vị tiếp nhận giáo dục, chẳng có lòng tin đối với thầy, chẳng có lòng tin đối với môn quý vị đang học, sẽ chẳng thể nào học thành công được! Vì thế, đầu tiên, phải tin tưởng thầy, thứ hai là tin tưởng vào môn học thì quý vị mới thật sự học được điều gì đó. Nếu tâm quý vị chẳng mười phần cung kính thầy, sẽ chẳng đạt được mười phần lợi ích. Trong Văn Sao, Ân Quang đại sư đã giảng rất nhiều lần: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Thành kính đối với ai? Thành kính đối với thầy, tin

tưởng môn học, có lòng thành tín, quý vị mới thật sự học được. Cùng một môn học, cùng một vị thầy, vì sao hiệu quả học tập của mỗi trò khác nhau? Chẳng có chi khác, do lòng tin khác nhau! Đạo lý ở chỗ ấy! Thầy xét coi học trò nào có thể dạy được, học trò nào chẳng có cách dạy! Vì sao thầy biết? Thầy chẳng có thần thông, thầy chỉ coi trò có tâm tôn kính hay không? Thầy cũng trọn chẳng đòi hỏi quý vị tôn kính thầy như thế nào, chẳng phải vậy, mà là thầy xem quý vị có thể tiếp nhận được bao nhiêu?

Do tôi được cha dạy tôn sư trọng đạo từ nhỏ; thuở ấy, khoảng chừng năm Dân Quốc hai mươi mấy, tôi nhớ hình như tôi năm, sáu tuổi, hoặc sáu bảy tuổi, vào trường tư thực, nay gọi là trường học dành cho con em trong gia đình, [thầy dạy] là họ hàng, ở trong nhà cô tôi, thuở ấy là đại gia tộc. Do tôi vẫn còn tiếp xúc với đại gia đình, nên có ấn tượng. Thôn trang ấy có phạm vi rất lớn. Ước chừng tới hai trăm người, là một gia tộc, chẳng tách ra thành từng nhà riêng biệt, mười người anh em [của cha tôi] chẳng tách riêng. Vì vậy, cả nhà từ trên xuống dưới có khoảng chừng hai trăm người, là gia tộc rất lớn. Họ có một từ đường. Từ đường từ Xuân Thu tế lễ ra, chẳng dùng để làm gì. Vì thế, trường tư thực mở ngay trong từ đường. Tư thực là trường học cho con em trong gia tộc, trẻ nhỏ trong gia tộc đều đến học tại đó. Tôi nhớ các bạn học dường như không nhiều lắm, phải là từ ba mươi đến năm mươi người, không nhiều lắm! Lớn tuổi thì đại khái có mười bảy, mười tám, nhỏ tuổi thì giống như chúng tôi, rất bé, sáu, bảy tuổi. Cùng dạy trong một phòng học, một vị thầy. Ngày nhập học, cha dẫn tôi đi, mang theo lễ vật, biểu “*thúc tu*”¹⁰¹ cho thầy, cho nên mang theo lễ vật dâng lên thầy. Vào trường học, tức là đại điện (gian chính của từ đường), đại điện là nơi tế tổ được đổi thành lễ đường. Chính giữa điện, đặt một bài vị, chữ trên bài vị tôi đều đọc được, vì khi đó, cha đã dạy cho tôi biết mặt chữ tại nhà, đại khái có thể nhận biết tới năm trăm chữ. Vì thế, mấy chữ trên bài vị tôi đều đọc được: “*Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Khổng Phu Tử Thần Vị*”, tôi nhận biết bài vị ấy, bài vị rất lớn. Thầy ngồi bên cạnh, hai bên là học trò, bạn học đứng hai bên. Cha tôi dẫn tôi, cha ở trước, tôi ở đằng sau, hướng về Khổng lão phu tử hành lễ tới kính, tức là ba lần lạy, chín lần dập đầu. Sau khi lạy xong, cha tôi mời thầy ngồi trên ghế, thầy ngồi phía dưới bài vị Khổng Tử, [cha con cùng] hướng về thầy ba lần quỳ, chín lần dập đầu, chúng tôi biết tôn sư trọng đạo từ chỗ này. Quý vị thấy cha tôi đối đãi thầy, ba lần quỳ, chín

¹⁰¹ Thúc tu (束脩) theo nghĩa gốc là mười miếng thịt khô bó lại, là một lễ vật thông dụng thời cổ. Chương Thuật Nhi trong sách Luận Ngữ có ghi: “*Tử viết: Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hối*” (Khổng Tử nói: Từ lúc tiếp nhận thịt khô làm lễ vật đến giờ, ta chưa bao giờ hối hận). Ý nói: Từ khi khởi sự dạy học đến nay, ta chưa bao giờ hối hận. Về sau, chữ “*thúc tu*” dùng theo nghĩa rộng để chỉ lễ vật hay một món tiền do phụ huynh biểu cho thầy dạy, xin cho con nhập học. Chữ này còn được mở rộng ra để chỉ lương bổng của thầy giáo, hoặc thời điểm bắt đầu làm quan như truyện Diên Đốc trong Hậu Hán Thư có câu: “*Thả ngô tự thúc tu dĩ lai, vi nhân thần bất hãm ư bất trung, vi nhân tử bất hãm ư bất hiếu*” (từ khi ta làm quan đến giờ, làm bề tôi người khác chẳng đến nỗi bất trung, làm con người khác chẳng đến nỗi bất hiếu). Thậm chí mở rộng ra thành sự ước thúc, tu dưỡng chính mình, giữ trọn lòng nghiêm túc, cung kính.

lần dập đầu [trịnh trọng như thế], chúng tôi còn dám nói gì nữa hay không? Thầy và bậc trưởng thượng trong nhà biểu diễn cho quý vị xem, dạy quý vị biết tôn sư trọng đạo như thế nào. Tôi học từ chỗ ấy, nên cả đời luôn rất tôn kính thầy.

Sau này, quý vị thấy tôi học Phật tại Đài Loan, tôi chiếm được một chút tiện nghi đối với ba vị thầy. Tôi chẳng có may mắn quan hệ gì với thầy, nhưng sau khi thân cận thầy, thầy đặc biệt quan tâm, đặc biệt chăm chút tôi. Tôi thân cận thầy Phương, chỉ cầu thầy đồng ý cho tôi đến dự thính tại trường thì duyên ấy đã vô cùng hy hữu. Nào ngờ thầy cho phép tôi mỗi tuần đến nhà thầy, dạy tôi hai tiếng, chỉ có mình tôi là học trò. Thuở ấy, tôi được sùng ái mà đâm ra sợ, cảm kích năm vóc sát đất. Lúc đó, đời sống tôi rất nghèo khó, một đồng biểu thầy cũng không có, thầy tình nguyện dạy miễn phí cho tôi. Do nguyên nhân nào? Mười mấy năm sau, chúng tôi mới nghĩ ra, đối với thầy, tâm tôi có một phần cung kính. Tôi và thầy chẳng quen biết, tôi viết một lá thư gửi đến Ngài, thư viết bằng bút lông, dùng lối chữ Công Khải¹¹, đúng quy củ viết một bức thư, gửi một bài văn cho thầy xem, bài văn ấy viết bằng lối chữ Tiểu Khải¹², hết sức cung kính. Đại khái là trong trường học, người có tâm cung kính đối với thầy như thế rất ít. Vì thế, lần đầu tiên gặp mặt, thầy gọi tôi đến nói chuyện, hiểu rõ tình hình cuộc sống của tôi, hiểu rõ chí thú của tôi: Tôi ưa thích triết học, nhưng chưa hề học qua, chưa hề thân cận một vị thầy triết học nào, cũng chưa từng đọc những sách triết học nào, là một tờ giấy trắng. Đó là gì? Thầy thích nhất, chưa từng bị ô nhiễm. Vì thế, thầy chẳng cho tôi đến trường nghe kinh, sợ bị ô nhiễm. Đến trường nghe kinh, nhất định quen biết rất nhiều thầy và bạn học, sẽ bị ô nhiễm, thầy ngăn ngừa ô nhiễm! Đây là sư thừa Trung Quốc thời cổ, nghe lời dạy của một vị thầy mà thôi! Một vị thầy chỉ dạy quý vị, quý vị sẽ đi theo một con đường, có thể đạt thành tựu. Hai vị thầy là hai loại tư tưởng, hai phương hướng, có hai con đường! Ba vị thầy là ngã ba đường, bốn vị thầy là ngã tư, xong luôn! Vì thế, trường học hiện thời phiền phức lắm. Quý vị thấy mỗi ngày có bao nhiêu lớp, mấy vị thầy dạy quý vị, dạy đến nỗi quý vị hồ đồ! Nguyên nhân vì sao giáo sư David McMullen từ Cambridge đến kiếm tôi mà tôi không đi là ở chỗ này. Vì thế, phương pháp dạy học truyền thống của Trung Quốc thật là hay, đời nào cũng xuất hiện thánh hiền. Hiện nay chẳng có, vì ngay cả trẻ nhỏ cũng bị dạy

11¹¹¹ Công Khải tức là loại chữ Khải (một trong bốn cách viết chữ Hán), chữ viết đầy đủ nét, rõ ràng, ngay ngắn, không viết tắt, dễ đọc, nên còn gọi là Chân Thư, Chánh Thư. Khải có nghĩa là khuôn mẫu, mực thước.

12¹²¹ Tiểu Khải tức là lối chữ Khải viết chữ nhỏ. Thể loại này do Chung Diêu sáng chế vào đời Ngụy (thời Tam Quốc). Lối viết này thường được sử dụng thể hiện sự trang trọng, mực thước, không quá nhỏ, không quá lớn, gây cảm giác hài hòa, đẹp đẽ. Thường được mô tả là “nét chữ trông như chim hồng bay lượn trên mặt biển”. Khoảng cách giữa các dòng chữ phải cân đối, nét bút chặt chẽ, bay bướm, nhưng mực thước. Cỡ chữ phải đều nhau, rất khó viết, nên mỗi khi tỏ ý tôn kính ai, thường viết bằng chữ Tiểu Khải. Thuở ấy, người ta đã bắt đầu viết chữ Hán bằng bút chì, bút máy, hoặc bút nguyên tử (bút Bic), hầu như không ai sử dụng bút lông để viết nữa, nên lão pháp sư trịnh trọng dùng bút lông, viết thư theo lối chữ cổ để tỏ lòng cung kính, chân thành.

đến mức rối tung, đầu óc bị dạy đến nổi mê muội, hồ đồ. Vì thế, Trung Quốc từ xưa tới nay, cổ thánh tiên hiền dạy dỗ, nguyên tắc chỉ đạo giáo dục tối cao là: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (đường lối giảng dạy quý ở chỗ chuyên tâm). Do vậy, ba vị thầy đối với tôi đều là chuyên, chẳng thể học tạp, học loạn mảy may nào, chắc chắn là chẳng thể! Tôi theo thầy Lý mười năm, những môn học được chỉ là đôi chút. Đó là gì? Vun bồi căn bản giáo dục. Tuy Ngài chẳng giảng giới luật vì Ngài là tại gia cư sĩ, Ngài bảo tôi đọc Ngũ Chung Di Quy, dùng Ngũ Chung Di Quy thay thế giới luật. Học giảng kinh, Ngài có mở lớp học, đối với hơn hai mươi bạn học [thuộc lớp ấy], Ngũ Chung Di Quy là một giáo trình các học trò học giảng kinh bắt buộc phải học. Hiện thời, hết sức khó khăn! Nếu muốn tìm được cơ duyên ấy thì thầy tìm trò, trò tìm thầy đều chẳng dễ dàng, cổ nhân bảo: “*Khả ngộ, bất khả cầu*” (chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu)!

Tiếp đó, sách viết: “*Trí Độ Luận viết: Phật pháp đại hải, tín vi năng nhập*” (Trí Độ Luận nói: “Biển cả Phật pháp, do lòng tin có thể vào”). Phật pháp quả thật là đại hải, “*hải*” là Tánh hải. Giáo học Phật pháp nhằm trở về tự tánh, trở về tự tánh, quý vị sẽ đắc đại viên mãn. Không có cách nào hình dung sự đại viên mãn này. Nói đơn giản là như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, không có gì chẳng viên mãn. Sự viên mãn ấy chẳng do quý vị học được, mà vốn sẵn có trong tự tánh, chỉ cần kiến tánh sẽ thấy đều chứng đắc. Do vậy, người kiến tánh được gọi là Phật. Phật Phật đạo đồng, Phật Phật trí huệ giống nhau, đức năng giống nhau, tướng hảo giống nhau, không có gì khác nhau. Tuyệt đối chẳng thể nói vị Phật này biết nhiều hơn vị Phật kia một chút, không hề có, [các vị Phật đều] viên mãn. Chứng đắc của hết thấy chư Phật chẳng tăng, chẳng giảm. Thật ra, hết thấy chúng sanh chúng ta và Phật chẳng khác gì nhau, chỉ là mê mất tự tánh mà thôi. Ngày nào chúng ta buông mê hoặc, điên đảo xuống, quý vị sẽ thành Phật. Quý vị và chư Phật Như Lai chẳng sai biệt, pháp thể gian thông suốt toàn bộ, pháp xuất thế gian cũng thông suốt. Vì sao? Hết thấy các pháp chẳng lìa tự tánh, hết thấy các pháp đều là do tự tánh sanh và hiện, ngay cả những gì do A Lại Da biến ra, hết thấy đều hiểu rõ. Làm thế nào để có thể cầu được? “*Quý dĩ chuyên*”, hễ chuyên bèn có thể cầu được, còn tạp sẽ chẳng có cách nào! Phải buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống. Trong kinh Đại Thừa thường nói điều này, quý vị thấy: Buông chấp trước xuống, quý vị sẽ chứng quả A La Hán, thành Chánh Giác. Nếu buông phân biệt xuống, quý vị sẽ là Bồ Tát, thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu chẳng khởi tâm bất động niệm, quý vị sẽ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là Phật. Minh tâm kiến tánh, đúng như Huệ Năng đại sư đã nói, chẳng dính dáng gì đến biết chữ hay không biết chữ, học hay chẳng học, mà liên quan đến buông xuống hay không! Dầu quý vị học cho nhiều, nhưng không buông xuống được, quý vị sẽ là học giả trong thế gian, chẳng thể nào sánh bằng bậc Tu Đà Hoàn trong Phật giáo, mà cũng chẳng được thụ dụng như bậc Tu Đà Hoàn. Tu Đà Hoàn có trí huệ, quý vị có trí thức, nhưng không có trí huệ. Nhất định phải hiểu rõ ràng điều này.

“*Hựu Hoa Nghiêm Kinh thuyết, tín vi thủ. Như nhân hữu thủ, chỉ trân bảo xứ, tùy ý thái thủ. Nhược nhân vô thủ, không vô sở hoạch. Khả kiến, tín giả nãi nhập pháp chi sơ môn, xả thủ mạc do*” (Kinh Hoa Nghiêm lại dạy: “Tín làm tay, như người có tay đến chôn trân bảo, tùy ý nhặt lấy. Người nếu không tay, không được thứ gì”. Rõ ràng, Tín là cửa đầu tiên để nhập pháp, bỏ Tín thì không cách nào nhập được). Tín rất trọng yếu! Vì thế, đại kinh, đại luận, đại kinh là Hoa Nghiêm, đại luận là Đại Trí Độ Luận, đều nói: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức), ý nói: Cội nguồn của đạo là Tín, hết thảy các công đức đều là sanh từ tín tâm. Không tin, quý vị chẳng có công đức, có thể tu phước đức, nhưng chẳng có cách nào tu công đức. Công đức nhất định phải phát xuất từ tín tâm, chúng ta chớ nên không biết điều này. Chúng ta học Phật, có đạt thành tựu trong Phật pháp hay không? Nói thật ra, quý vị hãy chú tâm quan sát, quý vị có tin Phật hay không? Có tin pháp hay không? Có tin thiện tri thức hay không? Nếu đối với ba điều ấy mà lòng tin chẳng đủ, trong Phật môn, quý vị chỉ có thể tu được phước báo, phước đức, chẳng có công đức; nhưng phước đức chẳng thể giải quyết vấn đề! Phước đức có thể giải quyết cuộc sống trước mắt: Có phước báo, có thể đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng, nhưng chẳng có mảy may dính dáng đến liễu sanh tử, thoát luân hồi, vãng sanh thành Phật. Phải biết điều này! Nhưng chuyện này đối với những người truy cầu tri thức mà nói thì cũng là chuyện rất bình thường, họ nói sao? Đó là mê tín, chẳng hợp khoa học, họ chịu thua thiệt rất lớn. May sao, trong hiện tại, Lượng Tử Lực Học xuất hiện, đây là ngành khoa học mới xuất hiện, tôi tin trong năm năm nữa, nó sẽ phổ biến. Từ những phát hiện của Lượng Tử Lực Học, những nguyên lý và nguyên tắc do đức Phật đã giảng đều được chứng thực. Trước hết, họ chứng minh một chuyện: Vũ trụ xuất hiện trong sát-na, từ Không mà sanh Có. Cách nói này hết sức gần với Phật pháp. Trên thực tế, chẳng phải là từ Không sanh ra Có, mà là một niệm bất giác, tự tánh biến hiện một A Lại Da. A Lại Da là Tạo Vật Chủ (Tạo Hóa), từ A Lại Da xuất hiện vũ trụ vạn vật, sanh mạng, kể cả bản thân chúng ta. Điều này rất gần gũi. Vì thế, những điều này có lợi. Có thể thấy: Tín là sơ môn để nhập pháp, bỏ lia lòng tin sẽ không có cách nào [nhập đạo].

“*Hựu vi nhiếp pháp chi thượng thủ, cố vân: Tài nhập tín môn, tiện đặng tổ vị*” (Tín lại là điều quan trọng nhất để gồm thâu các pháp (lãnh hội các pháp), nên có câu: “Vừa vào cửa Tín, liền lên địa vị Tổ”). Đây là nói đến Chân Tín. Vì sao Huệ Năng đại sư nghe Ngũ Tổ nói mấy câu bèn khai ngộ? Chẳng có gì khác, lòng thành tín đã đạt tới viên mãn, cho nên vừa được chỉ điểm bèn thông suốt. Vì sao nay chúng ta chẳng thể? Trong tín tâm của chúng ta xen tạp hoài nghi, chẳng phải hoàn toàn là thành tín, mức độ tin tưởng chẳng đủ! Trong đây có đại học vấn! Tín tâm viên mãn dẫn đến thành tựu viên mãn. Tín tâm cũng chẳng dễ dàng sanh khởi! Đặc biệt là đối với khoa học hiện thời. Các nhà khoa học theo đuổi hoài nghi, hoàn toàn trái nghịch với đường lối nhập đạo của nhà Phật. Trong Phật pháp, mảy may hoài nghi cũng chẳng thể có. Quý vị có một phần hoài nghi, sẽ có một phần chướng ngại. Có mười phần hoài nghi, sẽ có mười phần chướng ngại. Chúng ta chia tín tâm thành một trăm phần, tín tâm viên mãn một trăm phần, sẽ lập tức có thể thành Phật, ở đây nói là: “*Tài nhập Tín môn,*

tiện đấng tổ vị”, Huệ Năng đại sư là một ví dụ! Tín tâm một trăm phần, có mười phần tin tưởng là đã khá lắm, cũng rất khó có! Tôi theo mấy vị thầy, tôi nghĩ khi ấy thầy thấy tôi tín tâm bất quá được mười phần mà thôi, một trăm phần chỉ được mười phần. Nếu tôi là một trăm phần trăm, tôi sẽ giống như Huệ Năng đại sư, thành Phật, thật sự chẳng sai tí nào! Chúng ta phải nâng cao bản thân như thế nào, phải làm cho lòng tin sâu đậm hơn như thế nào? Tín tâm liên quan đến đọc tụng Đại Thừa. Nay quý vị nghe một bộ kinh này, có thể thật sự nghe bộ kinh này đến ba ngàn lượt, tín tâm của quý vị tối thiểu có thể đạt tới hai ba chục phần trăm, sẽ có năng lực lãnh ngộ khá, Giới - Định - Huệ sẽ dần dần hình thành. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 83

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi hai, dòng thứ ba.

“*Hựu Như Thị giả, chỉ sở văn chi pháp thể, tức Thật Tướng chi Lý Thể. Thật Tướng diệu lý, cổ kim bất biến, cố viết Như. Như Lý nhi thuyết, cố viết Thị*” (Lại nữa, Như Thị chỉ pháp thể của điều được nghe, tức là Lý Thể của Thật Tướng. Diệu lý Thật Tướng xưa nay chẳng thay đổi, nên gọi là Như. Đúng như Lý mà nói nên gọi là Thị). Chúng ta xem đoạn này trước. Vừa mới mở kinh ra [thì câu đầu tiên] là “*như thị ngã văn*”. Hai chữ Như Thị là Tín Thành Tụ, trong phần trước chúng ta đã đọc về Tín Thành Tụ. Những ý nghĩa được bao hàm trong hai chữ Như Thị nói về pháp thể của cái được nghe (sở văn), cũng có nghĩa là nói những đạo lý do đức Phật đã nói trong khi giảng kinh và giáo học đã căn cứ vào đâu? Nhất định phải biết điều này. Ngài căn cứ trên những gì, Ngài nói những điều gì đều được hoàn toàn bao quát trong hai chữ này. Pháp thể là [bản thể của] pháp do đức Phật nói và pháp chúng ta được nghe. Lý Thể là gì? Là Lý Thể của Thật Tướng. Nói theo cách bây giờ, Thật Tướng là chân tướng. Nói cách khác, những điều đức Phật đã giảng, những điều chúng ta nghe từ nơi đức Phật đều giảng về chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Chư vị hãy suy nghĩ: Vấn đề này rất trọng yếu, các triết gia và khoa học gia xưa nay, trong ngoài nước đều nghiên cứu vấn đề này, chân tướng của vũ trụ rốt cuộc là gì? Vì sao có vũ trụ? Vì sao có vạn vật? Nếu nói sát sao hơn một chút, ta do đâu mà có? Vì sao có ta? Những chân tướng sự thật ấy do đức Phật nói ra, chúng ta cũng do học từ đức Phật mà biết.

Lúc tôi mới học Phật, chẳng biết Phật pháp rốt ráo là gì, nghe người trong xã hội nói sao thì cũng hòa theo thế ấy. Người ta nói như thế nào? Người ta bảo Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, chúng tôi cũng thật sự tin tưởng Phật giáo là tôn giáo, mê tín. Vì thế, trong một thời gian rất dài, chúng tôi chẳng có ý muốn tiếp xúc Phật giáo. Du sơn ngoạn thủy chẳng thể nào không thấy chùa miếu, vào trong ấy ngắm nghía, cũng chẳng có ai giới thiệu [Phật giáo] với chúng tôi. Thấy trong chùa thờ rất nhiều tượng thần; vì thế, đã tạo cho chúng tôi một quan niệm sai lạc: Phật giáo là tôn giáo, là đa thần giáo, là phiếm thần giáo! Trong tôn giáo học, đa thần giáo và phiếm thần giáo là tôn giáo cấp thấp; tôn giáo cao cấp chỉ có một vị chân thần. Điều ấy tạo thành sai lầm nghiêm trọng đối với những kẻ bình phàm chẳng thông hiểu Phật pháp. Nếu cả đời này, tôi chẳng gặp giáo sư Phương Đông Mỹ, sẽ chẳng thể tiến nhập Phật môn. Tôi theo học Triết Học với thầy Phương, thầy chỉ bảo tôi, giảng cho tôi nghe một bộ Triết Học Khái Yếu, phần cuối cùng là triết học trong kinh Phật. Thầy bảo tôi: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là một triết gia vĩ đại nhất thế giới, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời”*. Chúng tôi học Phật năm mươi chín năm, phát hiện triết học trong kinh Phật không chỉ là triết học, mà còn là khoa học, và cũng là đỉnh cao nhất trong khoa học toàn thế giới. Học Phật không chỉ là hưởng thụ tối cao, mà còn là phước báo tối cao trong cuộc đời! Người có phước mới có thể tiếp xúc [Phật pháp], chẳng được tiếp xúc là thiếu phước! [Phật giáo] chẳng phải là tôn giáo. Tôi mới hiểu rõ ràng, minh bạch, tiếp nhận sự giáo dục của Phật Đà là phước báo lớn bậc nhất trong đời người. Đức Phật giảng về chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, Thật Tướng của các pháp.

“Thật Tướng diệu lý, cổ kim bất biến, cố viết Như” (diệu lý Thật Tướng xưa nay chẳng thay đổi nên gọi là Như). Đây là một hạng mục nghiên cứu chủ yếu trong triết học và khoa học, mãi cho đến hiện tại, có thể nói là khoa học hiện đại và kinh Phật đã trở nên rất gần gũi. Khoa học Lượng Tử nghiên cứu về thế giới vi mô. Khoa học phát triển theo hai phương hướng:

- Một là thế giới vĩ mô (macrocosm), tức vũ trụ. Những điều được giảng trong phẩm Thế Giới Hoa Tạng và Thế Giới Thành Tựu của kinh Hoa Nghiêm chính là thế giới vĩ mô.
- [Hai là] thế giới vi mô (microcosm), chính là ba tế tướng của A Lại Da như đức Phật đã giảng, nói đến khởi nguyên của vũ trụ.

Trong hiện thời, Lượng Tử Học rất tuyệt vời, cũng nói đến A Lại Da khiến cho chúng tôi thật sự bội phục năm vóc sát đất. Nói tới chân tướng vũ trụ thì khởi nguyên của vật chất cũng là khởi nguyên của vũ trụ, vũ trụ do vật chất hợp thành, vật chất do đâu mà có? Các nhà Lượng Tử Học bảo chúng ta: *“Vật chất là từ Không sanh ra Có”*. Trong Không vì sao có thể sanh ra Có? Họ không thể nói được, chỉ phát hiện những thứ từ trong Không sanh ra Có; lại còn xuất hiện với tốc độ vô cùng nhanh trong thời gian tột bậc ngắn ngủi, tạm bợ, gần như vừa hiện ra bèn lập tức tiêu diệt, hiện tượng thứ hai lại xuất hiện. Do vậy, rốt cuộc vật chất là gì? Vật chất là một thứ hiện tượng tích lũy liên tục của ý niệm (trong Lượng Tử Học nói tới *“thông tin”*, đó cũng là ý niệm); nói nghiêm ngặt, vật chất chẳng tồn tại! Trong giáo pháp

Đại Thừa, đức Phật thường bảo: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, tướng ấy là hiện tượng vật chất, mà cũng bao gồm cả hiện tượng tinh thần, đều là hư vọng. Kinh Kim Cang dạy: “*Hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, có hay không? Chẳng thể nói chúng không có, mà cũng chẳng thể nói là chúng thật sự có. Vì sao? Hiện tượng ấy ở ngay trước mắt, “*đương thể tức không, liễu bất khả đắc*” (bản thể chính là Không, trọn chẳng thể được), chân tướng đây! Hiện tượng này rất khó hiểu, chẳng ngờ hiện thời Lượng Tử học đã phát hiện! Các nhà Lượng Tử Lực Học bảo chúng ta: Trong vũ trụ chỉ có ba thứ, trừ ba thứ ấy ra, quả thật thứ gì cũng đều không có. Ba thứ do họ phát hiện chính là ba tế tướng của A Lại Da; họ nói trong vũ trụ có năng lượng, vật chất, và thông tin, thông tin là hiện tượng tinh thần. Đây là một môn khoa học mới nổi lên^{13[1]}, tôi tin tưởng ba năm nữa, tôi đa là năm năm, mọi người trên cả thế giới sẽ thừa nhận, khẳng định học thuyết này, đây là một phát hiện chưa lâu!

Họ nói tới năng lượng, trên thực tế [năng lượng] là nghiệp tướng của A Lại Da trong Phật pháp. Nghiệp tướng là hiện tượng dao động hết sức vi tế, chúng ta không có cách nào cảm nhận hiện tượng dao động ấy, [vì nó] vô cùng vi tế. Theo kinh Phật, ai mới có thể phát hiện, có thể thấy hiện tượng ấy? Kinh dạy chúng ta: Bát Địa Bồ Tát; quý vị nghĩ xem, công phu định lực ấy sâu lắm. Nếu chúng ta suy tính, dựa theo kinh Hoa Nghiêm để nói, luận theo thứ tự công phu định lực thì trong các địa vị thuộc hàng Thập Tín Bồ Tát, địa vị Sơ Tín mới tu thành tiểu định. Những đẳng cấp trong Phật pháp là nói theo trình độ công phu định lực sâu hay cạn, chứ không phải nói về điều gì khác, quý vị không có Định sẽ chẳng được. Nếu muốn đắc Định, quý vị nhất định phải trì giới, “*do Giới đắc Định, do Định khai Huệ*”. Khai Huệ là gì? Trong Định, quý vị sẽ thấy. Địa vị Thập Tín là mười đẳng cấp đầu tiên, công phu định lực từ [cấp bậc] thứ nhất, thứ nhì cho đến thứ mười. Trong kinh, đức Phật thường nói Tứ Thiên Bát Định, đó là tám cấp bậc. Tám cấp bậc ấy là Thiên Định thế gian, chưa thoát khỏi lục đạo nên gọi là Thiên Định thế gian. Đến môn Định thứ chín mới gọi là xuất thế gian, [địa vị] thứ chín, thứ mười trong [Thập Tín là xuất thế gian]; đó là các địa vị thuộc Thập Tín như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, nhưng địa vị thứ mười vẫn chưa ra khỏi mười pháp giới. Đến tầng bậc mười một (Sơ Trụ) mới vượt thoát mười pháp giới. Sau khi vượt thoát mười pháp giới, còn có bốn mươi một đẳng cấp. Quý vị thấy [các đẳng cấp ấy là] Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa; Bát Địa trong Thập Địa, tức Bát Địa Bồ Tát mới thấy được A

^{13[1]} Lượng tử lực học (Quantum mechanism) có thể coi như bắt nguồn từ sự phát hiện ra tia bức xạ từ âm cực (cathode ray) của Michael Faraday vào năm 1838 và sự phát hiện bức xạ của thể đen (black body radiation) vào năm 1859 bởi Gustav Kirchoff, nhưng cơ sở lý thuyết chỉ hình thành cụ thể và thu hút sự chú ý mạnh mẽ của giới khoa học kể từ khi Max Planck đưa ra thuyết lượng tử vào đầu thế kỷ 20 và Albert Einstein đã vận dụng giả thiết của Max Planck để giải thích hiện tượng quang điện. Lý thuyết Lượng Tử tiếp tục được hoàn thiện bởi Niels Bohr, W. Heisenberg, Max Born, John Von Neuman, Paul Dirac....

Lại Da, quý vị nghĩ xem: Công phu định lực ấy sâu lắm! A La Hán và hàng Bồ Tát thông thường vẫn chưa thấy được, từ Bát Địa trở lên mới thấy. Nói cách khác, có thể thấy được nguyên khởi và đầu mối của vũ trụ là Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa (Đẳng Giác), và Diệu Giác, năm địa vị tối cao. Công phu định lực ấy từ sơ cấp mãi cho đến địa vị tối cao, thành Phật, là năm mươi hai đẳng cấp, năm đẳng cấp cao nhất mới có thể thấy [A Lại Da], những cấp thấp hơn đều chẳng thấy. Công phu định lực vi tế rất sâu như vậy, cho nên họ có thể cảm nhận những dao động cực kỳ vi tế.

Vì thế, diệu lý Thật Tướng do đức Phật đã giảng là do chính Ngài đích thân thấy. Các nhà khoa học dùng Toán Học, Toán Học là mẹ của khoa học, họ tìm được căn cứ lý luận từ Toán Học, sau đấy lại dùng phương pháp khoa học để chứng minh, đặc lực nhờ dùng các dụng cụ khoa học để quan sát, chứng minh, có thể phát hiện A Lại Da, chẳng đơn giản! Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã từng giảng chuyện này, thức thứ sáu, tức Ý Thức, nay chúng ta gọi nó là “tư tưởng”. Thức thứ sáu tức Ý Thức là phân biệt; năng lực của tư tưởng quá lớn, đối với bên ngoài, nó có thể tưởng toàn thể vũ trụ, tức là thế giới vĩ mô, đối với bên trong, nó có thể duyên tới A Lại Da, đấy là nói về thế giới vi mô; dùng thức thứ sáu tức Ý Thức, nó có tác dụng lớn như thế. Sử dụng thức thứ sáu (Ý Thức), có thể duyên tới A Lại Da, quý vị hãy nghĩ xem, cho đến hiện thời khoa học mới phát hiện [A Lại Da], nhưng trong kinh Phật đã nói tới [chuyện ấy], giống như đã tiên đoán vậy! Trước khi khoa học phát triển, hoàn toàn cậy vào công phu định lực. Công phu định lực chưa đạt tới trình độ Bát Địa, quý vị sẽ chẳng thấy. Trong ba tế tướng, nghiệp tướng là năng lượng, cảnh giới tướng là vật chất, chuyển tướng là thông tin. Kinh Hoa Nghiêm bảo chúng ta: Toàn thể vũ trụ là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, năng hiện, năng sanh là tự tánh. “*Tự tánh thanh tịnh viên minh thể*” như trong sách Hoàn Nguyên Quán đã nói chính là Lý Thể của Thật Tướng đang được nói tới ở đây, nó là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Thể ấy chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nhưng nó có thể sanh ra vật chất và tinh thần, nó có thể sanh, có thể hiện. Sau khi những hiện tượng ấy được hiện ra, chúng bèn thiên biến vạn hóa, biến thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, biến như thế nào? Ý niệm biến, thức biến, “*thức*” là A Lại Da, Mạt Na, và Ý Thức, nó biến hóa, nó có thể biến. Nhưng nếu không có năng hiện năng sanh, nó sẽ chẳng thể biến; vì vậy, nhất định phải có sở hiện sở sanh thì nó mới có thể biến. Sự biến hóa ấy là thiên biến vạn hóa, điều này được sách Hoàn Nguyên Quán diễn tả là “*xuất sanh vô tận*”. Năng lượng chính là loại thứ nhất trong ba thứ “*châu biến*” (trọn khắp) [được nhắc tới] trong Hoàn Nguyên Quán, “*châu biến pháp giới*” (trọn khắp pháp giới), năng lượng của ý niệm, năng lượng của hiện tượng vật chất [đều trọn khắp pháp giới].

Vật chất chẳng chết cứng, bất luận vật chất nào cũng do các hạt cơ bản [hợp thành], nói “tế bào” hãy còn quá lớn, phân tử của tế bào [cũng hãy còn quá lớn], [phân tử do các] hạt cơ bản [hợp thành]. Hiện thời, các nhà vật lý học Lượng Tử nói vật chất cơ bản vẫn còn có thể chia nhỏ, lại tách ra thành lượng tử (quantum), lượng tử gọi là tiểu quang tử (photon), chẳng còn gì nhỏ hơn thứ này; nhưng trong đó có hiện tượng vật chất mà quý vị có thể thấy được, [nó

cũng] có hiện tượng tinh thần, “hiện tượng tinh thần” là nói về Thọ, Tướng, Hành, Thức, nó có cảm thụ. Chúng ta đối xử với nó bằng thiện ý, chúng sẽ phản ứng tốt đẹp; đối đãi bằng ác niệm, nó sẽ phản ứng chẳng tốt đẹp. Tình hình này giống như tiên sĩ Giang Bôn Thắng đã làm thí nghiệm đối với nước. Vì vậy, chúng ta mới biết những điều kinh Phật đã nói, trước kia chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được, cũng rất khó tin tưởng. Quý vị nói núi, sông, đại địa hiểu được ý nghĩ của con người ư? Hiểu chứ! Hoa, cỏ, cây cối hiểu được ý nghĩ của con người thì chúng ta còn có thể tưởng tượng được, vì sao? Chúng là sinh vật, chứ núi, sông, đại địa là khoáng vật mà cũng hiểu được ý nghĩ của con người ư? Thật sự hiểu! Nước là khoáng vật. Ông Giang Bôn Thắng làm thí nghiệm mười hai năm, đã nhiều lần báo cáo tại Liên Hiệp Quốc, đúng vậy, chẳng giả chút nào! Tôi sang Nhật Bản, đặc biệt đến thăm phòng thí nghiệm của ông ta, tôi đến đấy đôi ba lần, chẳng giả tí nào! Chúng tỏ điều gì? Chúng tỏ vật chất, chẳng phải là sinh vật, nay chúng ta gọi chúng là “vô sanh”, [nghĩa là] chẳng phải là sinh vật, chúng có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩa của con người. Chuyện này nói rõ điều gì? Phật pháp nói toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ sống động, chẳng phải là chết cứng. Do vậy, con người sống trên địa cầu, địa cầu là [một vật thể] sống, quý vị chớ nên có lỗi đối với nó! Nay chúng ta ở trên địa cầu, mặc sức phá hoại hoàn cảnh tự nhiên, địa cầu tức giận, nổi nóng, nay chúng ta nói là “thiên tai xảy ra”. Thật ra, chẳng phải là thiên tai, mà là địa cầu nổi giận, chúng ta có lỗi với nó, mặc sức phá hoại nó, cho nên nó báo thù: Động đất, lũ lụt, núi lửa bùng nổ, sóng thần, nhiệt độ địa cầu tăng lên, [địa cầu đang] nổi giận đấy!

Chúng ta hiểu đạo lý này, tức là hiểu rõ diệu lý Thật Tướng, có thể hóa giải những tai nạn ấy hay không? Có thể! Những nhà tôn giáo thông thường dùng phương pháp gì? Họ dùng cách cầu đảo. Những pháp hội kinh sám Phật sự trong Phật môn chúng ta, kể cả Tam Thời Hệ Niệm như chúng tôi đề xướng, đều thuộc loại cầu đảo. Cầu đảo bằng cách nào? Thiện niệm của tập thể, rất nhiều người nhóm lại, những ý niệm do chúng ta phát khởi đều là thuần thiện. Thiện niệm có thể giảm nhẹ tai nạn, có thể khiến cho [tai nạn] chậm xảy ra, chứ không thể tiêu diệt; bởi lẽ, đó là trị đẳng ngọn, chẳng trị tận gốc. Cách vài ngày quý vị chẳng cầu đảo, tai nạn lại hiện tiền. Trị tận gốc bằng phương pháp nào? Giáo dục trị tận gốc. Trong giáo dục, kinh điển là sách giáo khoa, [kinh Phật] là sách giáo khoa của Thích Ca Mâu Ni Phật, dạy bảo chúng ta, chúng ta hiểu rõ: Khởi tâm động niệm nhất định phải tương ứng với Tánh Đức. Nói theo cách bây giờ, Tánh Đức tương ứng với pháp tắc của thiên nhiên, tùy thuận thiên nhiên thì mưa hòa, gió thuận, tai nạn gì cũng đều không có. Nếu chẳng tùy thuận thiên nhiên, phiền phức sẽ xảy ra, tai nạn gì cũng đều xảy ra. Quy tắc của thiên nhiên đúng mực là gì? Trước khi Phật giáo truyền sang Trung Quốc, tổ tiên cũng phát hiện; vì thế, tôi nói tổ tiên là Phật, Bồ Tát hóa thân, đúng vậy, chẳng giả, họ nói giống như Phật. Tổ tiên dạy chúng ta Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, đức Phật cũng giảng những điều ấy. Ngũ Luân là nói về quan hệ, ta và hết thảy mọi người có quan hệ gì? Ta và hết thảy động vật có quan hệ gì? Với hết thảy thực vật có quan hệ gì? Với núi, sông, đại địa có quan hệ gì? Với toàn thể vũ trụ có quan hệ gì? Đây là luân lý, nói về các mối quan hệ. Giảng quan hệ thấu triệt và viên mãn

nhất là nền giáo dục của đức Phật! Quan hệ gì vậy? Nhất thể. Phát hiện toàn thể vũ trụ là một sanh mạng, có chung một Thể, hết thấy chúng sanh và ta là nhất thể. Nếu quý vị hiểu rõ ràng mối quan hệ ấy, chấp nhận nó, quý vị sẽ yêu thương con người, chẳng hại người, hại người là hại chính mình. Người trong thế gian dẫu đáng ghét đến mấy đi nữa vẫn là chính mình, chẳng phải là người ngoài, quý vị có thể chỉ trích kẻ ấy hay chẳng? Quý vị có thể gây tổn hại cho người ấy hay chẳng? Chẳng thể, mà phải là như thế nào? Phải dạy dỗ kẻ ấy, giúp cho kẻ ấy quay đầu. Tổ tiên nói con người tánh vốn lành: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người ban đầu tánh vốn lành). Không chỉ con người tánh vốn lành, mà như kinh Phật có nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, “*hết thấy chúng sanh*” bao gồm cây cối, hoa cỏ, bao gồm núi, sông, đại địa, bao gồm các hiện tượng thiên nhiên; trong bất luận hiện tượng nào cũng đều có trí huệ, đức năng, tướng hảo, nhất thể mà!

Quan niệm giáo học của đức Phật và quan niệm giáo học của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc hoàn toàn tương đồng, đúng như ngạn ngữ đã nói: “*Anh hùng sở kiến, đại lược tương đồng*” (Anh hùng nói chung có cách nhìn giống nhau). Thích Ca Mâu Ni Phật chưa hề gặp gỡ các vị tổ tiên của Trung Quốc như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Châu Công, vì sao có cách nghĩ giống nhau, phương pháp giáo học giống nhau? Vì sao vậy? Phật pháp nói “*minh tâm kiến tánh*”, chỉ cần quý vị kiến tánh, sẽ hoàn toàn tương đồng, tìm được diệu lý Thật Tướng, xưa nay chẳng thay đổi, vĩnh hằng! Nay nói đến “*chân lý*” thì quý vị đã tìm được chân lý, chứng thực chân lý, cho nên khởi tâm động niệm thuần tịnh, thuần thiện, đấy là Phật, Bồ Tát. Cổ nhân Trung Quốc nói tới Ngũ Luân chỉ bàn về con người, nói đến mức cao nhất là “*phàm thị nhân, giai tu ái*” (hễ là người thì đều phải yêu thương), chẳng bao gồm những loại khác. Phật pháp truyền tới Trung Quốc, chúng ta vừa nhìn bèn thấy Phật pháp giảng tử mĩ hơn. Phật pháp nói: Không chỉ là người khác và ta là nhất thể, mà hết thấy động vật và ta là nhất thể, hết thấy thực vật và ta là nhất thể, núi, sông, đại địa và ta là nhất thể, mở rộng quan hệ luân lý ấy. Ông Thang Ân Tỹ (A. J. Toynbee) đã nói ông ta hết sức bội phục người Trung Quốc có tâm lượng lớn, do lượng lớn nên phước lớn, có thể tiếp nhận văn hóa của dị tộc. Phật giáo là văn hóa dị tộc, từ Ấn Độ truyền đến, là ngoại lai, chẳng phải là thứ có sẵn tại Trung Quốc, mà vẫn có thể tiếp nhận; nhưng Phật pháp đã thật sự làm phong phú văn hóa bản địa của Trung Quốc. [Văn hóa] bản địa Trung Quốc chỉ nói Ngũ Luân, chỉ luận định trong phạm vi ấy. Phật pháp truyền đến, chúng ta vừa nhìn vào đã thấy mối quan hệ ấy (Ngũ Luân) được mở rộng, bao quát cả vũ trụ, hiện tượng tự nhiên cũng được bao gồm, Phật pháp đã nâng cao những thứ [vốn có của] Trung Quốc, có đạo lý ấy! Vì thế, trong hai ngàn năm qua, tại Trung Quốc, Phật pháp và văn hóa Trung Quốc đã hoàn toàn dung hợp thành một thể, chẳng tách rời. Nếu tách rời Phật pháp ra, văn hóa Trung Quốc sẽ biến thành hết sức hữu hạn. Thuở sanh thời, cụ Triệu Phác Sơ thường nói một câu: “*Nếu chúng ta chẳng cần đến văn hóa Phật giáo thì người Trung Quốc ngay cả nói năng cũng chẳng nói được!*” Nghĩa là gì? Trong cuộc sống hằng ngày, trong ngôn ngữ có rất nhiều thành ngữ phát xuất từ kinh

Phật, đã biến thành thói quen, mở miệng hay ngậm miệng luôn dùng những thuật ngữ trong kinh Phật. Câu nói ấy rất có lý!

Đây là một môn đại học vẫn, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu: “*Đây là đỉnh cao nhất trong triết học của toàn bộ thế giới triết học*”; nay chúng ta nhìn lại thì cũng là đỉnh cao nhất trong khoa học toàn thế giới. Hiện thời, khoa học và triết học còn có rất nhiều vấn đề chưa được giải quyết, [nhưng lời giải đáp cho những vấn đề ấy] hoàn toàn ở trong kinh Phật. Kinh Phật có thể giải thích những vấn đề vũ trụ, mà chẳng thể giải quyết những tệ trạng nảy sinh trên quả địa cầu nhỏ nhoi này ư? Đâu có lẽ ấy! Còn như những hiện tượng rối ren trong xã hội, đúng là dễ dàng, đáng gọi là “*lông gà, vớ tời*” (vụn vặt), đáng kể chi đâu? Quý vị thật sự hiểu, sẽ biết cách giải quyết như thế nào, lại còn [giải quyết] trong một thời gian rất ngắn, dễ dàng! Ngày nay, nếu mọi người đều nghiên cứu Phật pháp Đại Thừa, sẽ như tiên sĩ Thang Ân Tử đã nói “*dùng học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Đại Thừa Phật pháp*” [để giải quyết những vấn đề trong xã hội], phải tốn thời gian bao lâu để thế giới này khôi phục an định, hòa bình? Theo cách nghĩ và cách nhìn của tôi, tôi đa là một năm, người trên thế giới sẽ hưởng phước. Cách làm ra sao? Thật sự có năm sáu chục giáo viên đã nghiên cứu Đại Thừa Phật pháp và học thuyết Khổng Mạnh; không chỉ là đã nghiên cứu mà còn thật sự làm theo, áp dụng những điều đã học vào cuộc sống, vào công việc, áp dụng vào đời người, tiếp vật. Nói theo Phật pháp, người ấy có tín, có giải, có hạnh, có chứng, tự mình đã đạt tới giai đoạn có thể dạy người, lợi dụng khoa học kỹ thuật cao, truyền hình vệ tinh, mạng Internet, trong xã hội có một băng tần tốt đẹp đường ấy, dạy học chẳng gián đoạn suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, [làm như vậy suốt] một năm, toàn thế giới đều nảy sinh những sự biến hóa, biến thành tốt đẹp!

Tôi tin tưởng, dựa vào đâu mà tin tưởng? Cậy vào thí nghiệm đã làm trong ba năm tại Thang Trì trong quá khứ. Chúng tôi dùng một tiểu trấn, cư dân trong tiểu trấn ấy là bốn vạn tám ngàn người, chúng tôi thực hiện Đệ Tử Quy để xem thử có làm được suông sẻ hay không? Thực hiện thí nghiệm nhỏ nhất ấy, chúng tôi dùng một món trong ba cội gốc của Nho, Thích, Đạo để thí nghiệm. Không ngờ, chưa đầy bốn tháng, tiểu trấn ấy đã dấy lên sự biến hóa rất lớn, khiến cho người ta được mở rộng tầm mắt. Chúng ta cảm nhận được, chứng tỏ câu nói của cổ thánh tiên hiền: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”, khiến cho chúng ta đích thân tận mắt thấy nhân dân dễ dạy đường ấy! Chỉ dạy một thứ trong ba cội rễ của văn hóa truyền thống mà hiệu quả đã to ngàn ấy. Nếu cả ba cội rễ đều dạy, hiệu quả sẽ to hơn nhiều! Khi ấy, các giáo viên dạy học của chúng tôi gồm ba mươi bảy người; vì vậy, tôi nghĩ, nếu quốc gia có thể bồi dưỡng năm sáu chục giáo viên như vậy, họ thật sự thực hiện, [tức là đối với] ba món căn bản [của Nho, Đạo, Thích] đều làm được, hằng ngày dạy trên đài truyền hình, chính mình có nơi chốn thực nghiệm, quý vị đến đó xem, đích thân đến đó học tập, trong một năm, xã hội an định, thiên hạ đại trị!

Qua nhiều năm học tập, tôi đã nhìn thấy, hiểu rõ, chúng tôi chẳng đủ điều kiện, muốn tìm một nơi để thực nghiệm, nhưng tìm chẳng ra. Cuộc thực nghiệm tại Trang Trì đã làm suốt ba

năm, rất khó có, đến cuối cùng vẫn phải giải tán; nhưng hiện thời tại Cát Long Ba (Kuala Lumpur) của Mã Lai, họ tiếp tục thực hiện, hiện thời đã bồi dưỡng huấn luyện đến lần thứ ba. Nếu thực hiện thành công, sẽ ảnh hưởng cả thế giới, quý vị thật sự nêu gương, sau đây, để cho những giáo viên đó lên đài truyền hình quốc gia giảng giải, đề xướng giáo dục toàn dân trong cả xã hội. Chánh phủ Mã Lai rất muốn làm theo kiểu ấy, tôi tin họ sẽ có thể thực hiện thành công. Con người có thiện hạnh, thiện hạnh có nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn, trong tôn giáo thường nói là “*được chư thần phù hộ*”, sẽ có thể làm chuyện ấy viên mãn, làm thành công!

Vì chân lý vĩnh hằng không thay đổi, nên gọi là Như, đúng lý mà nói, những điều Ngài nói hoàn toàn tương ứng với đạo lý ấy, chẳng hề trái nghịch, nên gọi là Thị. Đây là ý nghĩa chân thật của hai chữ Như Thị. Đó là cách giải thích thông thường, vì câu đầu tiên trong tất cả các kinh Phật là “*như thị ngã văn*”, cách nói ấy thích hợp tất cả các kinh điển. Tiếp theo đó, [cụ Hoàng viết] “*kim y bốn kinh*” (nay xét theo kinh này), chúng ta giảng hai chữ Như Thị trong kinh này như thế nào? “*Ngẫu Ích đại sư viết*” (Ngẫu Ích đại sư nói), Ngẫu Ích đại sư là người cuối đời Minh đầu đời Thanh, Ngài sanh vào năm cuối thời Vạn Lịch nhà Minh, viên tịch vào đời Thanh, là tổ sư đời thứ chín của Tịnh Độ Tông, đời thứ tám là Liên Trì đại sư. Qua trước thuật của Ngài (Ngẫu Ích đại sư), chúng ta thấy thuở trẻ Ngài vô cùng bội phục Liên Trì đại sư, hết sức tôn kính, mong học theo Liên Trì đại sư. Liên Trì đại sư đã vãng sanh, nhưng những trước tác của Liên Trì đại sư vẫn còn đó; nay chúng ta thấy Liên Trì Đại Sư Toàn Tập, bộ sách này hãy còn, tổ Ngẫu Ích bèn học theo bộ sách ấy, nương theo trước tác của Liên Trì đại sư để học tập, làm học trò của Liên Trì đại sư. Giống như Mạnh Tử ở Trung Quốc vào thời cổ, Mạnh Tử ngưỡng mộ Khổng Tử, muốn học theo Khổng Tử, Khổng Tử đã khuất bóng, nhưng trước tác của Khổng Tử hãy còn, Ngài bèn tự học tập theo trước tác của Khổng Tử, chỗ nào không hiểu bèn hỏi học trò của Khổng Tử. Ngài thật sự học thành công, đó gọi là “*tư thực đệ tử*”. Ngài học vô cùng giỏi. Quý vị thấy Trung Quốc nói “Khổng Mạnh”, có thể thấy được thành tích học tập của Ngài. Chúng ta biết trong các đệ tử của Khổng Tử có Tăng Tử (Tăng Sâm). Quý vị đọc Luận ngữ, thấy nhiều chỗ đề “*Tăng Tử nói*”, [những chỗ do Khổng Tử nói, sẽ ghi là] “*tử thuyết*”. Những học trò của Khổng Tử thuở ấy đều thua Mạnh Tử, tư thực đệ tử cũng có thể vượt trội những học trò do đích thân Khổng Tử giảng dạy, xuất loại bạt tụy. Ngày nay, [hễ nói đến Nho giáo, người ta] nói Khổng Mạnh, chẳng nói Khổng Tăng, chẳng nói Khổng Hữu¹⁴[2]. [Mạnh Tử] đã thành công! Ngẫu Ích đại

¹⁴[2] Tăng Tử (505-435 trước Công Nguyên) tên thật là Tăng Sâm, tự là Tử Dư, người xứ Nam Vũ, nước Lỗ, có mỹ hiệu là Tông Thánh. Ông nổi tiếng với câu nói “*ta mỗi ngày ba lượt phản tỉnh*”. Tương truyền ông là tác giả các sách Đại Học và Hiếu Kinh của Nho Gia. Ông cũng được xếp vào hai mươi bốn tấm gương hiếu hạnh (Nhị Thập Tứ Hiếu) và có lăng mộ, miếu thờ riêng tại huyện Gia Tường, thành phố Tế Ninh, tỉnh Sơn Đông.

sư là tư thực đệ tử của Liên Trì đại sư, trong Phật môn, quả thật thành tựu của Ngài cũng vượt trội những học trò do chính Liên Trì đại sư dạy bảo thuở ấy, [trong số các môn đệ của tổ Liên Trì], chẳng có ai sánh bằng ngài Ngẫu Ích.

Do vậy, nhìn từ những trường hợp ấy, đúng là “*su phụ lãnh tấn môn, tu hành tại cá nhân*” (thầy dẫn trò nhập môn, tu hành do cá nhân). Có thành tựu hay không, chẳng liên quan đến thầy cho lắm, mà vấn đề ở chỗ quý vị khéo học, tức là quý vị biết học. Câu thường xuyên được nói trong Tông Môn là “*hội ma?*” (hiểu không?) Câu ấy có ý nghĩa rất sâu! Thật sự biết học, không chỉ học giống như Khổng Tử, mà có khi còn vượt trội, học trò giỏi hơn thầy! Cổ nhân đã nói: “*Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam*” (màu xanh phát xuất từ màu chàm mà trội hơn màu chàm), đây là học trò vượt trội thầy, do biết học. Chẳng biết học thì thầy dạy bảo quý vị hằng ngày, quý vị vẫn chẳng thể thành tựu! Do vậy, chữ Hội (hiểu) này có quan hệ khá lớn! Thế nào mới là Hội? Thật sự hiểu thì nói thật ra sáu chữ đã gồm trọn: “*Thật thà, nghe lời, thật sự hành*”, người ấy là người biết học. Quý vị phải biến những thứ đã học thành cuộc sống của chính mình, chẳng hạn như Ngũ Luân giảng về quan hệ, quý vị hiểu rõ, biết tôn ty trên dưới, đối với bậc trưởng thượng phải tôn kính, đối với kẻ dưới phải yêu thương, phải làm được [như thế]. Làm những gì? Mười hai chữ! Tất cả đức hạnh, Ngũ Luân, Tứ Duy, Bát Đức của Trung Quốc được gom chung lại thành mười hai chữ “*hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm sỉ, nhân ái, hòa bình*”. Mười hai chữ ấy được hoàn toàn biểu hiện trong cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, tức là quý vị đã hiểu. Quý vị học theo thánh sẽ là thánh nhân, học theo hiền sẽ là hiền nhân, trọn chẳng kém cổ thánh tiên hiền, mà cũng có thể là quý vị sẽ vượt trội họ. Quý vị học Phật, có thể thành Phật; học Bồ Tát, có thể thành Bồ Tát. Chư vị phải biết “Phật, Bồ Tát” là thuật ngữ trong Phật môn, nghĩa là gì? Phật là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “giác ngộ”. Phật nghĩa là gì? Phật là người giác ngộ, giác chứ không mê, người ấy được gọi là Phật, có ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với chữ Thánh của Trung Quốc. Thánh (聖) là người hiểu rõ, thông đạt, thấu suốt hết thấy sự lý, người ấy được gọi là “*thánh nhân*”. Vì thế, Phật và thánh rất gần gũi. Thuở ấy, vì sao dịch kinh chẳng dùng chữ Thánh để dịch chữ Phật, mà vẫn giữ nguyên âm gốc? Phật bao hàm những ý nghĩa rộng và sâu hơn thánh, tại Trung Quốc chẳng tìm được chữ nào thích hợp; vì thế, dịch âm, rồi giải thích thêm. Vì Phật được dịch là Giác, thì trong Giác lại có ba thứ giác, có tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn, chẳng tìm được [chữ nào tương ứng với] những ý nghĩa ấy tại Trung Quốc. Trong chữ Phật có ý nghĩa trí huệ, nhưng cũng chẳng có cách nào dùng chữ “trí huệ” để dịch [chữ Phật], vì trí huệ của Phật có ba loại: Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, và Nhất Thiết Chứng Trí, chữ “trí huệ” của Trung Quốc chẳng có những ý nghĩa

Hữu Tử là môn đệ của Khổng Tử, tên là Hữu Nhược, tự là Tử Hữu, người huyện Phì Thành, tỉnh Sơn Đông, được xếp vào hàng Thất Thập Nhị Hiền, chủ trương “*lễ vi dụng, hòa vi quý*”. Do có hình dáng rất giống Khổng Tử, nên sau khi Khổng Tử mất, ông được các bạn đồng học kính trọng. Ông là người chuộng cổ, thông hiểu lễ nhạc, đề xướng tôn trọng lễ giáo.

ấy. Vì thế, chữ Phật hàm nghĩa sâu rộng hơn chữ Thánh, nhưng ý nghĩa rất gần gũi. Quý vị hiểu ý nghĩa ấy, nó là danh xưng của học vị trong Phật môn.

Trong kinh, đức Phật đã nói rất hay: *“Hết thấy chúng sanh vốn là Phật”*, hiện thời quý vị có phải là Phật hay không? Phải! Trong mắt Phật, đúng là như vậy! Quý vị phản đối Phật là phản đối chính mình, phản đối điều gì nơi chính mình? Phản đối sự giác ngộ của chính mình. Nói cách khác, quý vị chẳng muốn giác ngộ, chẳng phải là đã biến thành kẻ hồ đồ ư? Quý vị có mong làm một kẻ hồ đồ hay chẳng? Hay là mong làm một người có trí huệ? Phật là người có trí huệ; quý vị vốn là Phật, vì sao chẳng thể giác ngộ, mà bị mê hoặc? Vì như đức Phật đã giảng: Quý vị mê mất tự tánh, sau khi đã mê bèn nẩy sanh tự tư tự lợi. Tự tư tự lợi mở rộng ra nhất định sẽ là [đuôi theo] tiếng tăm, lợi dưỡng, khởi tâm động niệm tôn người lợi mình, đấy là sai lầm. Quý vị vốn khởi tâm động niệm là vô ngã, lợi ích chúng sanh, nay quý vị đang mê. Quý vị phải biết vô ngã, khởi tâm động niệm lợi ích chúng sanh, hết thấy hành vi cũng nhằm lợi ích chúng sanh, đó chính là “bỏ lai diện mục” (diện mạo vốn có) của quý vị. Tại Trung Quốc, Mao Chủ Tịch có nói: *“Toàn tâm toàn ý vì nhân dân phục vụ”*, [người làm được như vậy] là Phật. Phản đối Phật là phản đối “toàn tâm toàn lực vì nhân dân phục vụ”, chẳng phải là có ý nghĩa như thế hay sao? Do vậy, quý vị phải hiểu thấu suốt, rõ ràng thì mới được. Nếu không, sẽ là lời đùa bỡn. Phật là gì? Chẳng biết, ngỡ Phật là thần, oan uổng lớn tày trời! Ngỡ Bồ Tát là thần, có hồng bút hay là không? Trong Phật giáo chẳng có thần, trong tôn giáo mới có thần, Phật giáo chẳng phải là tôn giáo. Trong Phật giáo chỉ có hai thứ quan hệ: Một là thầy, hai là trò. Bồ Tát là học trò, A La Hán là học trò, chúng ta cũng là học trò. Bồ Tát và A La Hán đã đạt được quả vị, giống như đi học trong nhà trường, người nào đạt được học vị Thạc Sĩ thì là Bồ Tát; đạt được học vị Học Sĩ thì là A La Hán. Chúng ta học trong nhà trường chưa đạt được học vị; nói cách khác, chúng ta học Tiểu Học, học Trung Học, phải học Đại Học mới có học vị. [Phật, Bồ Tát, La Hán] là những danh xưng học vị. Học vị tối cao là Phật Đà tương đương học vị Tiến Sĩ, mỗi cá nhân đều có thể đạt được, ai nấy đều có thể thành Phật, giống như Trung Quốc nói *“ai cũng đều có thể thành thánh nhân”*, có ý nghĩa như vậy đó! Học Phật, chẳng có mấy may mê tín. Hết sức đáng tiếc, hiện thời khá nhiều đệ tử Phật môn, bất luận xuất gia hay tại gia, chẳng thể hiểu rõ hay nói rõ về Phật pháp, điều này thật đáng tiếc! Nếu tôi không gặp ba vị thầy tốt đẹp là thầy Phương, Chương Gia đại sư và lão cư sĩ Lý Bình Nam, chắc chắn là chúng tôi mê tín, nhất định chẳng chịu nhập Phật môn, vì sao? Chẳng biết gì về Phật môn! Gặp được ba vị ấy giảng giải rõ ràng, minh bạch Phật pháp, chúng tôi mới thật sự phát tâm, thật sự tinh nguyện học tập nền giáo dục của đức Phật, biết đây là một môn đại học vấn. Đức Phật dạy những điều gì? Nếu nói theo cách bây giờ, chẳng ngoài năm hạng mục sau đây: Đức Phật dạy chúng ta luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, và khoa học, năm môn công khóa đều đạt đến tột đỉnh, đạt đến rốt ráo viên mãn. Những thứ tốt đẹp dường ấy, đã gặp gỡ mà không chịu sốt sắng học tập, quý vị nói có phải là đáng tiếc lắm hay chẳng? Nghiêm túc học tập, chẳng phí uổng sanh trong nhân gian lần này, lần này đến đây có ý nghĩa, có giá trị. Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Triêu văn đạo, tịch tử khả hỷ”* (Sáng

nghe đạo, tôi chết cũng được). Học Phật, nhất là học tập Đại Thừa, đối với câu nói này rất bội phục, vì sao? Trong Phật pháp, tất cả toàn bộ những vấn đề của bản thân chúng ta đều được giải quyết, thân tâm tự tại, đúng như thầy Phương đã nói, là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người, tôi còn thay đổi câu ấy thành: “*Phước báo khôn sánh, phước báo lớn nhất trong đời người!*”

Ngẫu Ích đại sư nói: “*Y Thật Tướng lý, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định vô phi, viết Thị*” (nuông theo lý Thật Tướng, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định chẳng sai, đó là Thị), Ngẫu Ích đại sư nói câu này hoàn toàn quy về pháp môn Tịnh Độ. “*Y Thật Tướng lý niệm Phật*”, câu này khẩn yếu, mấu chốt ở ngay trong câu này. Nay chúng ta niệm Phật, chẳng phải là nuông theo lý Thật Tướng. Vì sao chúng ta niệm Phật chẳng thể thành tựu, chuốc lấy sự chán ghét của người khác, [họ nghĩ] quý vị đang làm chuyện mê tín? Không thể trách người khác, bản thân chúng ta nuông theo tập khí phiền não niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, làm sao có thể vãng sanh cho được? Không thể được! Quý vị niệm Phật nhằm mục đích nào? Quý vị hãy suy xét, tuyệt đại đa số là vì thăng quan, vì phát tài, nên cầu Phật, Bồ Tát phù hộ, chẳng phải là cầu sanh Tịnh Độ. Động cơ (motivation) niệm Phật của kẻ ấy chẳng thanh tịnh, mục đích niệm Phật của người ấy trái ngược với phương hướng mà Phật pháp đã giảng, làm sao có thể có thành tựu cho được? Phật, Bồ Tát không thể nào phù hộ quý vị thăng quan, phát tài, chẳng có lẽ ấy! Vậy là quý vị đi tìm thần thánh [để cầu xin]; thật ra, thần thánh cũng chẳng thể thật sự phù hộ quý vị, lừa gạt quý vị đó thôi! Quý vị nghe lừa, chẳng nghe lời khuyên, chẳng có cách nào hết! Nhưng quý vị mong thăng quan, phát tài, Phật thật sự có thể giúp đỡ, vì sao? Quý vị muốn được quả báo ấy, quả ắt có nhân, đức Phật biết nhân, có thể giảng đạo lý ấy rõ ràng, giảng rõ phương pháp, quý vị nuông theo lý luận và phương pháp ấy để hành, quả báo có thể hiện tiền, điều ấy được gọi là “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Thật đấy! Cầu phước báo, đắc phước báo, cầu thông minh, trí huệ, được thông minh, trí huệ, cầu trường thọ được trường thọ, cầu con cái được con cái, đúng là “*hữu cầu tất ứng*”. Năm xưa, Chương Gia đại sư dạy tôi đạo lý này, Ngài nói rất rõ ràng: “*Anh hãy học tập đúng lý, đúng pháp, vẫn do chính anh tu nhân đắc quả báo*”. Đức Phật chỉ có thể chỉ dẫn quý vị trên phương diện lý luận và phương pháp, vẫn phải do chính quý vị làm. Nếu bản thân quý vị không làm, sẽ chẳng đạt được! Bởi lẽ, “*ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, chẳng tu chẳng đắc*”. Đức Phật nói như thế, chẳng phải là mê tín. Mục đích của người niệm Phật là muốn cầu sanh về thế giới Cực Lạc, quý vị nhất định nuông theo lý Thật Tướng. Lý Thật Tướng là gì? Ba điều kiện trong pháp môn Tịnh Tông, tức Tín, Nguyện, Hạnh. Chúng ta thấy người tu Tịnh Độ có mấy kẻ thật sự trọn đủ ba điều kiện ấy? Mỗi cá nhân đều nói “tôi tin tưởng, tôi phát nguyện”, thật ra, quý vị chú tâm phản tỉnh, [sẽ thấy] lòng tin của quý vị chẳng phải là chân tín. Quý vị tiếp xúc tiếng tăm, lợi dưỡng của thế gian, vẫn còn bị động tâm, tham luyến, [tức là] tín chẳng thật, nguyện cũng chẳng thật, chẳng phải là “*chân tín, thiết nguyện*” (tin chân thành, nguyện thiết tha). Do vậy, quý vị niệm Phật nhiều năm mà chẳng có cảm ứng gì, đến cuối cùng bèn chẳng tin tưởng. Vấn đề này chẳng

phải do Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng chẳng do kinh điển, mà do công phu của chính chúng ta không đủ, bản thân chúng ta hiểu lầm kinh điển, chẳng lý giải chính xác, hiểu biết nửa vời, tu mù, luyện đui, vẫn khiến cho chư Phật và kinh điển bị oan uổng, quý vị nói xem tội lỗi ấy có nặng lắm hay chẳng?

Trong phần sau, cụ Hoàng Niệm Tổ có giải thích ba câu nói ấy của đại sư, chúng ta xem lời giải thích của cụ Hoàng. “*Cái Thật Tướng diệu lý, chỉ thị đương tiền nhất niệm tâm chi tự tánh*” (bởi diệu lý Thật Tướng chỉ là tự tánh của một niệm tâm hiện tiền), câu này giảng rất hay! Tự tánh của nhất niệm chẳng dễ hiểu, chúng ta cùng nhau học tập một thời gian dài, nghe câu nói ấy sẽ chẳng thấy khó hiểu, vì sao? Kinh Hoa Nghiêm đã giảng rõ ràng nhất niệm tâm là gì? Là như sách Hoàn Nguyên Quán đã nói “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, đây là nhất niệm tâm. Dùng tâm ấy để niệm Phật, quả báo sẽ rất thù thắng; đây chính là như trong Tịnh Tông đã nói: “*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, chẳng giả tí nào. Quý vị và Cụ Lạc thế giới A Di Đà Phật liên kết, thật sự thông suốt. Quay trở lại suy nghĩ, nay chúng ta đang dùng tâm gì? Dùng tâm vọng tưởng, tâm tạp loạn, cái tâm ấy quá nhiều ý niệm. Nhất niệm là định, chẳng có tạp niệm nào, tức là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã yêu cầu “*nhiep trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”, trong câu này, Đại Thế Chí Bồ Tát nói tám chữ, há có lẽ nào chẳng thành tựu! “*Nhiếp trọn sáu căn*” là buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống; đây gọi là “*nhiep trọn sáu căn*”. “*Tịnh niệm tiếp nối*” là ý niệm thanh tịnh, tịnh niệm là gì? Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp là tịnh, đây là nhất niệm tâm. Rời khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là tự tánh, trong tự tánh không có những thứ ấy. “*Tương kế*” là chẳng gián đoạn, niệm niệm chẳng gián đoạn. Đây là “*như thị ngã văn*”.

“*Phi sanh, phi diệt, vô khứ, vô lai, trạm nhiên thường trụ, cố danh viết Như*” (chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đi, chẳng đến, lặng trong, thường trụ, nên gọi là Như), mấy câu này do cụ Niệm Tổ nói. Tâm này chẳng phải là tâm sanh diệt, chẳng có đến, đi, là nhất niệm ngay trong hiện tại. “*Trạm nhiên thường trụ*”, thường trụ là chân tâm, “*trụ*” là định, Niệm Phật tam-muội. Niệm niệm đều là một câu A Di Đà Phật, niệm niệm là tâm thanh tịnh, niệm niệm chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị tương ứng với Như.

“*Y thử tâm tánh niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Năng niệm thị Thật Tướng tâm (thị chân tâm), sở niệm thị Thật Tướng Phật, sở sanh thị Thật Tướng độ, hàm vị Thật Tướng chánh ấn chi sở ấn. Cố đại sư viết, quyết định vô phi, viết Thị*” (Nương theo tâm tánh ấy niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Chủ thể để niệm là cái tâm Thật Tướng (tức là chân tâm), đối tượng được niệm là Thật Tướng Phật, cõi được sanh về cõi Thật Tướng, đều được chánh ấn Thật Tướng in vào. Vì thế, đại sư nói: “Quyết định chẳng sai là Thị”). Mấu chốt trong mấy câu này là tâm Thật Tướng. Tâm Thật Tướng là chân tâm, năng niệm là chân tâm, sở niệm là chân Phật. Phật do đâu mà có? Phật do tâm quý vị hiện, duy tâm sở hiện. Trong phần khai thị của Hệ Niệm Phật Sự, thiền sư Trung Phong đã giảng về A Di Đà Phật, hai câu ấy rất trọng yếu, hoàn toàn giống như lời giảng ở đây: “*A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (A Di Đà Phật chính là tâm ta), tâm ta là A Di Đà Phật. Năng niệm là tâm Thật Tướng, chân tâm, A Di Đà Phật do tâm quý

vị hiện, duy tâm sở hiện, quý vị thấy trong mỗi quan hệ luân lý, nó có cùng một Thể với quý vị. “Độ” (cõi nước) là gì? Thể giới Cực Lạc! Thiền sư Trung Phong nói: “*Thử phương tức Tịnh Độ, Tịnh Độ tức thử phương*” (Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này). Thể giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay nơi đây. Quý vị là chân tâm sẽ thấy thể giới này là Tịnh Độ; quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ thấy thể giới này là uế độ, cảnh chuyển theo tâm mà!

Chân tướng sự thật này được các nhà khoa học Lượng Tử hiện thời phát hiện, họ bảo cho chúng ta biết, chúng ta đối với địa cầu sanh khởi tín tâm khôn sánh, chúng ta có thể cứu vớt địa cầu. Cứu vớt bằng cách nào? Quý vị chuyển biến tâm thái, địa cầu sẽ chuyển biến. Hiện thời trên địa cầu có lắm bệnh tật như thế là do tâm thái của chúng ta không bình thường, trái nghịch Tánh Đức. Cũng là như người Trung Quốc đã nói, người Trung Quốc gọi Tánh Đức là “hiếu, đễ, trung, tín”, quý vị bất hiếu, bất đễ, bất trung, bất tín, chẳng có lễ, nghĩa, liêm, si, vô lễ, vô nghĩa, vô liêm, vô si, nhân ái hòa bình cũng không có, cho nên địa cầu nầy sanh vấn đề. Nếu chúng ta đổi lại, mười hai chữ ấy thấy đều làm được, trên địa cầu này sẽ chẳng có tai nạn gì; thật đấy, chẳng giả tí nào! Thân thể chúng ta có bệnh, quý vị thấy thầy lang Bành Hâm nói bệnh do đâu mà có? Quý vị trái nghịch nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, vô tín, cho nên ngũ tạng, lục phủ có bệnh. Nếu quý vị giác ngộ, buông xuống những thứ trái nghịch tự tánh, nâng cao Tánh Đức, tức là Ngũ Thường, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, quý vị thật sự có thể làm được, những tế bào bị bệnh bên trong [thân thể] sẽ khôi phục bình thường rất nhanh chóng, khôi phục bình thường là khỏe mạnh. Có cần dùng đến thuốc men hay không? Không cần! Chính mình có thể tự điều trị. Chuyện này là thật, chẳng phải giả. Quý vị thấy hiện thời có nhiều người bị ung thư, bệnh viện bó tay, hết cách, tuyên bố người bệnh chỉ có thể sống tới đa ba tháng, nhưng người ấy gặp văn hóa truyền thống, hiểu đạo lý này, điều chỉnh tâm thái, sau ba tháng bèn lành bệnh, kiểm tra lại chẳng còn nữa, kỳ tích phát sanh! Chẳng kỳ quái một tí nào! Kỳ tích ở chỗ nào! Là đạo lý gì? Hết thầy các pháp sanh từ tâm tưởng, tâm tưởng thuần chánh, sẽ khỏe mạnh, trường thọ, tất cả tật bệnh sẽ khôi phục bình thường, chẳng phải là mê tín!

Cổ nhân bảo chúng ta như vậy, mà trong kinh điển, đức Phật cũng dạy chúng ta như vậy, rất khó có, chúng ta rất cảm kích. Cận đại, các khoa học gia ngành Lượng Tử cũng nói như vậy. Điểm mấu chốt là quý vị có thể tin tưởng hay không? “*Tín vi đạo nguyên, công đức mầu*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức), mấu chốt ở chữ Tín này. Chân tín, chẳng hoài nghi một tí nào, sẽ khôi phục, các tế bào bị bệnh sẽ khôi phục bình thường. Vì sao? Do hết thầy các pháp sanh từ ý niệm. Các nhà khoa học Lượng Tử cho biết tế bào là vật chất, tế bào khỏe mạnh là vật chất, virus cũng là vật chất, chẳng phải là thứ gì khác. Vật chất nghe theo ai? Nghe theo ý niệm. Vì thế, ý niệm của chúng ta cải tà quy chánh, toàn bộ những tế bào trong ấy sẽ khôi phục bình thường. Thuần tịnh, thuần thiện, quý vị là thân Kim Cang bất hoại, Phật có thể chứng đắc, mà chúng ta cũng có thể chứng đắc. Thứ gì là cội nguồn của tật bệnh? Tham, sân, si, còn thêm ngạo mạn, [trở thành bốn thứ là] tham, sân, si, mạn, đấy là [cội

nguồn] của tất cả hết thầy bệnh tật, chuyển biến tế bào khỏe mạnh thành tế bào bệnh tật là do bốn thứ ấy. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta: “*Siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si*”, đối với chính mình mà nói, sẽ khỏe mạnh, trường thọ, hạnh phúc, vui sướng, quý vị thật sự có thể làm được, gia đình quý vị mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi; sống ở nơi nào, quý vị có thể cảm hóa nơi ấy, nơi ấy hòa hài, chẳng gặp tai nạn. Thật sự làm được, chẳng phải là làm không được! Vì thế, phải dùng chân tâm. Tâm Thật Tướng là Thật Tướng Phật, là tự tánh Di Đà; thế giới Cực Lạc là Thật Tướng độ, duy tâm Tịnh Độ, “*đều được chánh án Thật Tướng in vào*”, câu này là tỷ dụ. Từ thời cổ, người Hoa dùng ấn chương để thể hiện sự tín nhiệm; con dấu biểu thị chữ Tín. [Ở đây], con dấu ấy là Thật Tướng chánh án. Không có gì chẳng phải là Thật Tướng, nó hoàn toàn tương ứng với Thật Tướng, hoàn toàn tương ứng. Vì thế, Ngẫu Ích đại sư nói “*quyết định không sai là Thị*”. Chúng ta học Như Thị đến đây.

Tiếp đến là nói về Ngã Văn. “*Ngã văn giả, Văn Thành Tự*” (Ngã Văn là Văn Thành Tự), tức là Văn Thành Tự trong sáu món thành tự. “*A Nan kết tập pháp tạng thời tự ngôn, như thị pháp môn, ngã tụng Phật văn*” (khi ngài A Nan kết tập pháp tạng tự nói: “Pháp môn như thế tôi nghe từ đức Phật”). Đây là nói rõ, Ngài lên tòa phúc giảng (複講: nhắc lại lời giảng, trùng tuyên), chẳng phải do chính Ngài nói, mà do nghe đức Phật đã nói như vậy. “*Ngã*” là chính mình, “*Văn*” là tôi đích thân nghe, bảo đại chúng như vậy hòng chứng tín. Trong hết thầy các việc học tập và tu hành thuộc Phật pháp, điều này vô cùng trọng yếu. Theo lịch sử Trung Quốc ghi chép về Phật pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt, cũng là đã qua đời, cho đến nay là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, lịch sử Trung Quốc ghi chép như vậy. Ngài nhập diệt năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương, tính từ khi đó cho đến nay là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm. Đương nhiên người ngoại quốc cũng có căn cứ, họ nói năm nay là năm thứ hai ngàn năm trăm năm mươi bốn [kể từ khi đức Phật nhập diệt]. Trung Quốc và ngoại quốc ghi chép gần như sai lệch sáu trăm năm, chúng ta chớ nên bận tâm đến điều này, đừng nên phân biệt, chấp trước. Nói chung, tôi thiếu Thích Ca Mâu Ni Phật cách chúng ta hai ngàn năm trăm năm trở lên theo cách ghi chép của người Trung Quốc. Trong quá khứ, những vị đại đức trong Phật môn Trung Quốc, kể cả lão hòa thượng Hư Vân, và những vị đại đức thời đầu Dân Quốc, đều dùng [cách ghi Phật lịch] theo niên đại của Trung Quốc, tức là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, đều dùng lối này. Thời gian lâu dài như thế, những vị đại đức hoàng pháp và hộ pháp trải các đời, đặc biệt là những vị hoàng pháp, giảng kinh, giáo học, hộ bồi dưỡng, học tập thành công như thế nào? Toàn là học theo kiểu của ngài A Nan, phải biết điều này, tức là đều do giảng tiểu tòa mà thành công.

Tôi đến Hương Cảng giảng kinh Lăng Nghiêm lần đầu, suốt bốn tháng, lần đầu tiên, tôi ở đó bốn tháng, vào năm 1977, hơn ba mươi năm trước đây, nhằm lúc pháp sư Diển Bồi ở nơi đấy, tôi và Ngài đã quen biết tại Đài Loan. Các Ngài có một chiếc xe bus đi ngoạn cảnh Hương Cảng, mời tôi đi cùng, chúng tôi ngồi cùng một chỗ. Ngài nhắc tới các pháp sư hoàng pháp, nói tới Phật học viện, vô cùng cảm khái bảo: “Phật học viện không đào tạo nổi nhân tài!” Vào lúc ấy, còn có những vị đại đức giảng kinh, thầy đều xuất thân từ giảng tiểu tòa,

Ngài chỉ tôi: “Kể cả ông nữa!” Đúng vậy! Chúng tôi là giảng tiểu tòa, là phúc giảng. Phúc giảng do ngài A Nan khởi đầu, ngài A Nan lên tòa giảng kinh, hoàn toàn là phúc giảng lời dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng thể thêm vào đó một tí ý kiến nào của chính mình. Cổ nhân giáo học rất nghiêm ngặt, chính mình có ngộ xứ, quý vị chẳng thể giảng [những gì thuộc về ngộ xứ ấy], mà vẫn phải giảng theo lời thầy, vì sao? Huấn luyện định lực và sự khiêm hư cho quý vị, cũng là quyết định không thêm một chữ nào vào lời giảng của thầy. Đây là gì? Thật thà, nghe lời! Tới khi nào mới có thể nêu tỏ ý nghĩa của chính mình? Khi chính mình đã có ngộ xứ, khai ngộ. Trước khi chính mình khai ngộ, quyết định tuân thủ lời thầy dạy; trước kia, nghiêm ngặt như thế đó. Do vậy, đời nào cũng xuất hiện cao tăng, cao nhân, phương pháp ấy hay lắm! Nhưng trong hiện thời, dân chủ cởi mở, tự do, sẽ không thể hạn chế. Do vậy, ít người xuất hiện trong đời này, chẳng bằng quá khứ. Vì sao? Chẳng nghiêm ngặt như vậy. Nghiêm ngặt thì có lợi ở chỗ nào? Trong ấy, có Tam Học Giới - Định - Huệ. Hiện tại, quý vị có thể tự do phô diễn ý tưởng, chính mình sưu tập tài liệu, chứ Giới - Định - Huệ chẳng có. Không có Giới - Định - Huệ, sẽ biến thành gì? Biến thành Phật học, biến thành học thuật, khác hẳn trước kia: Hoàn toàn từ Giới - Định - Huệ bồi dưỡng Tánh Đức của quý vị. Muốn thật sự phục hưng Phật giáo, vẫn phải dùng phương pháp cũ; không dùng đến biện pháp cũ, sẽ bồi dưỡng thành học giả, chuyên gia, giống như trong đại học hiện thời bồi dưỡng những tiến sĩ, đức hạnh thua sút rất xa. Đức hạnh là gì? Thật thà, nghe lời, thật sự tu tập, họ chẳng có những đức hạnh ấy. Ngài A Nan nêu gương đầu tiên, mấy ngàn năm qua đã bồi dưỡng pháp sư giảng kinh bằng phương pháp này. Bồi dưỡng theo cách nào? Pháp sư thăng tòa giảng kinh, trong một giảng đường có hai điều kiện để tuyển chọn, tức là hai điều kiện [bắt buộc] đối với người học kinh để làm pháp sư giảng kinh: Thứ nhất là có trí nhớ tốt, nghe xong một lần sẽ chẳng quên mất; thứ hai là có sức lý giải mạnh mẽ. Đây là hai nguyên nhân cơ bản, không có hai điều kiện này, quý vị chẳng có cách nào học giảng kinh; không có cách nào học giảng kinh thì cùng nhau học tập để tương lai làm hộ pháp. Chùa miếu là một ngôi trường, người giảng kinh là giáo viên, người chẳng giảng kinh làm chức viên (người có chức trách), lo liệu các chuyện hành chánh hằng ngày. Trong nhà trường có hai loại người là giáo viên và chức viên. Vì thế, giáo viên nhất định phải hội đủ hai điều kiện này!

Bất luận là giáo viên hay chức viên, đức hạnh cơ bản giống như nhau, chúng tôi gọi những đức hạnh cơ bản ấy là bốn “căn cội”, tức là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, lại còn có giới luật, phải trì giới; đây là khoa mục chung phổ biến. Mấy người học giảng kinh được thầy chọn ra, ngồi ở hàng đầu tiên, đối diện thầy, họ ngồi ngay hàng thứ nhất. Hàng thứ nhất phải đảm nhiệm phúc giảng. Nghe thầy giảng buổi này xong, ngày mai quý vị phải nhắc lại lời thầy giảng hôm trước một lần, không thêm vào ý nghĩa của chính mình. Thầy giảng như thế nào, quý vị bèn giảng như thế đó. Thầy giảng trật, quý vị cũng giảng trật, cũng chẳng cần phải sửa cho đúng, hoàn toàn chiếu theo thầy, cổ nhân dùng phương cách này. Trong quá khứ, chúng tôi học giảng kinh tại Đài Trung theo phương pháp

ấy. Thầy Lý giảng kinh một lần cho chúng tôi nghe, chúng tôi ghi nhớ, ngày mai chúng tôi phải giảng lại cho thầy nghe, hoàn toàn giống hệt, chẳng thể thêm thắt, có thiếu cũng chẳng sao, đã quên thì có thể chẳng giảng, nhưng chẳng được thêm vào! Thuở ấy, tôi theo thầy, chiêm được một chút tiện nghi, tôi có trí nhớ tốt, có đủ hai điều kiện này, sức lý giải và trí nhớ rất tốt. Tôi nghe một lượt, nói chung trong vòng một tuần, do trí nhớ mạnh mẽ, tôi có thể nhớ được chín mươi lăm phần trăm, tôi có năng lực ấy. Vì thế, tôi được thầy để mắt tới. Nếu không có năng lực ấy, quý vị chẳng có cách nào học được! Mức độ thấp nhất là quý vị có thể nhớ được bảy mươi phần trăm thì mới có điều kiện học giảng kinh. Nếu chưa đạt được bảy mươi phần trăm, chẳng có cách nào học tập! Khi đó không có máy ghi âm, đúng là phải cạy vào trí nhớ tốt; vì thế, khá khó khăn! Tôi theo thầy Lý mười năm, học năm bộ kinh, quyết định tuân thủ quy củ làm môn hạ của thầy. Chúng tôi luyện tập giảng kinh tại Đài Trung Liên Xã, còn một nơi nữa là chùa Linh Sơn, bọn học trò chúng tôi luyện tập giảng kinh ở hai nơi ấy. Phức giảng, quyết định nghiêm ngặt tuân thủ quy củ. Tôi sang Hương Cảng giảng kinh Lăng Nghiêm, tôi học bộ kinh lớn ấy từ thầy Lý, Ngài giảng ba năm, tôi cũng giảng ba năm, phức giảng. Đã phức giảng kinh ấy một lượt, trong tâm nắm vững, người Hương Cảng mời, tôi liền nhận lời; nhưng giảng kinh ở Hương Cảng, tôi có thể phát huy, cũng tham khảo chú giải các vị cổ đại đức; đây là Khế Cơ, căn cơ Hương Cảng và Đài Loan khác nhau! Vì thế, trong học tập và chính mình vận dụng cũng khác nhau, học tập là cơ sở, nhất định phải chiếu theo quy củ, theo nề nếp, chớ nên sai lầm thì căn cội của quý vị mới được vun bồi sâu xa. [Học giảng kinh theo lời phức giảng] huân luyện nhẫn nhục, chính mình có kiến giải gì muốn giảng, nhất định phải nhẫn, [thầy] chẳng chấp thuận, [chẳng phải là thầy hẹp hòi, không cho quý vị phát biểu ý kiến, mà nhằm] bồi dưỡng công phu định lực và lòng khiêm hư cho quý vị. Sợ nhất là ngạo mạn, nếu một người có may mắn ngạo mạn thì xong rồi, giống như trong Luận Ngữ có nói, phu tử đã nêu tỷ dụ: “*Như hữu Châu Công chi tài chi mỹ, sử kiêu thả lận, kỳ dư tắc bất túc quán dã*” (Dẫu có tài hay khéo như Châu Công, nhưng nếu vừa kiêu ngạo lại vừa keo kiệt thì những điều [tốt đẹp] khác chẳng đáng để xét tới nữa). Quý vị muốn đạt được học vấn ấy thì điều ấy kỳ nhất, may mắn ngạo mạn sẽ hủy sạch toàn bộ. Do vậy, quý vị áp chế điều gì? Giằn ép tập khí ngạo mạn. Đối với chuyện bồi dưỡng thể hệ kế tiếp, cổ thánh tiên hiền dụng tâm vất vả; do vậy, có thể biết là chẳng dễ dàng, thật sự quan tâm quý vị, thật sự bồi dưỡng quý vị.

Con người hiện thời thiếu phước, nếu dùng chuyện này bó buộc họ, họ sẽ cảm thấy tự do bị xâm phạm, chẳng phục, xong luôn. Do vậy, thầy có thể dạy hay không? Chẳng thể dạy! Chúng tôi ở Đài Trung gồm hơn hai mươi học trò theo thầy, trong số đó, chúng tôi biết, có ba bốn người thầy hoàn toàn nghe theo họ, chính họ thích như thế nào, thầy bèn chiều theo như thế ấy, chẳng hề chỉ trích. Đối với những ai thật sự nghe lời, thầy rất nghiêm khắc, có đánh, có chửi! Chúng tôi cũng thấy sao mà thầy đối xử đặc biệt tốt với những đồng học khác, luôn cười hề hề? Tuy chúng tôi không nói ra, nhưng thầy nhìn ra thái độ của chúng tôi, tìm tôi, cho biết vì sao thầy đối xử tốt đẹp đối với những người ấy như thế? Họ không chịu học,

chẳng nghe lời. Kẻ chẳng nghe lời, không chịu học, quý vị chỉ trích hấn, hấn chẳng tiếp nhận, còn oán hận, có gì phải kết oán với kẻ khác? Quý vị chịu học, tôi bèn dạy; quý vị không chịu học, được thôi! Tùy ý, dự thính! Chúng tôi mới liễu giải dụng tâm của thầy Lý! Đây là chỗ chúng ta phải học tập, quyết định chớ nên đắc tội với người khác, điều ấy quan trọng lắm! Chịu học là chuyện của hấn, không chịu học cũng là chuyện của hấn, cần gì miễn cưỡng? Trường học thời cổ có thể miễn cưỡng, vì sao? Cả xã hội đều yêu cầu như vậy. Xã hội hiện thời là tự do, cởi mở, xã hội chẳng đòi hỏi, chúng ta phải tùy thuận thói đời, phải tùy thuận tâm tình thế gian, chớ nên không biết điều này! Sau khi quý vị hiểu rõ, cuộc sống, xử sự, đãi người, tiếp vật của quý vị sẽ sống động, hoạt bát, chẳng khô khan tí nào, thiện nhân ưa thích quý vị, mà kẻ bất thiện cũng ưa thích quý vị. Đó gọi là học Phật, đúng là “*Bồ Tát ở chỗ nào đều làm cho hết thảy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ*”, thật đấy! Học Phật mà còn có chấp trước, oán hận, làm lẫn quá đỗi, quý vị học Phật bằng cách nào? Đức Phật dạy quý vị đoạn phiền não, tăng trưởng Bồ Đề. Chúng ta thấy ngài A Nan kết tập pháp tạng, “*như thị pháp môn, ngã tùng Phật vãn*” (pháp môn như thế, ta nghe từ đức Phật), nhất định phải có ý nghĩa thâm mật trong ấy. Chúng ta đã học tập thì hãy vận dụng ngay trong cuộc sống.

Lại đọc đoạn tiếp theo: “*Thánh nhân vô ngã, nhi A Nan nhưng tự xưng vi Ngã giả, bất hoại giả danh cố*” (Thánh nhân vô ngã, nhưng A Nan vẫn tự xưng là Ta, vì chẳng hoại giả danh). Thánh nhân tu hành đến trình độ nào mới là thánh nhân? Vừa nhập môn, Tu Đà Hoàn, trong Đại Thừa thì như kinh Hoa Nghiêm đã nói, địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Thập Tín bèn vô ngã, là thánh nhân, chúng ta thường gọi họ là Tiểu Thánh, họ thật sự là thánh nhân. Vì sao? Đã đạt được vô ngã. Tiểu thánh phá tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới. Trong khi dạy học, đức Phật đã quy nạp chúng thành năm loại lớn cho thuận tiện. Tám mươi tám [phẩm Kiến Hoặc] quá nhiều, quá rườm rà, nên chia thành năm loại lớn. Thứ nhất là Thân Kiến, Tiểu Thừa Sơ Quả chẳng còn chấp trước thân là ngã, họ biết thân chẳng phải là ngã, nên sẽ không chấp trước thân là ngã. Thân là gì? Thân là ngã sở hữu (cái ta có), giống như quần áo. Quần áo chẳng phải là ngã, mà là ngã sở hữu. Thân chẳng phải ngã, mà là ngã sở hữu, thấy thân giống như y phục, cho nên gọi là Tiểu Thánh. Người bình thường sẽ không được, phàm nhân nhất định chấp trước thân là ngã. Ngã là gì? Linh tánh là ngã, chẳng phải là linh hồn; nhưng linh tánh và linh hồn là một, không hai. Linh hồn là mê, linh tánh là giác ngộ; linh hồn đã giác ngộ gọi là linh tánh, linh tánh mê thì gọi là linh hồn. Linh hồn chẳng thoát khỏi lục đạo, linh tánh ra khỏi lục đạo, vượt thoát lục đạo luân hồi. Tiểu thánh không có Thân Kiến, chẳng có Biên Kiến. Chẳng có Biên Kiến là không có đối lập.

Những năm qua, chúng tôi tham gia hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, thảo luận chủ đề “*hóa giải xung đột*”. Xung đột từ đâu sanh ra? Từ đối lập sanh ra. Nếu không có đối lập, xung đột do đâu mà có? Do vậy, quý vị phải hiểu: Trong Phật môn không có đối lập, mâu thuẫn, hay xung đột. Người khác đối lập, mâu thuẫn, xung đột đối với ta, ta đối với người ấy chẳng có, đừng nên đòi hỏi người khác đối xử [tốt đẹp] với chính mình, mà phải đòi hỏi ta

đôi đũa người khác như thế nào thì quý vị mới có thể thành tựu trong Phật pháp. Đòi hỏi người khác đối xử với ta như thế nào, trật rồi! Đó gọi là gì? Cầu pháp ngoài tâm, biến thành ngoại đạo. Phật pháp cầu trong tự tâm, chẳng cầu ở bên ngoài, vì sao? Tâm có thể chuyển cảnh giới. Thí dụ như người khác hủy báng, lăng nhục, hãm hại ta, kẻ chẳng học Phật bèn nói: “Đó là kẻ oan gia đối đầu của ta, ta phải trả thù hắn”, khởi lên ý niệm ấy. Ý niệm ấy sai lầm, do chẳng biết Tự và Tha là nhất thể. Quý vị báo thù lần này, oan oan tương báo, luân hồi trong lục đạo chẳng xong, khổ chẳng thể nói nổi, trật rồi! Người giác ngộ sẽ như thế nào? Người giác ngộ biết ta và kẻ khác là nhất thể, kẻ khác hủy báng, làm nhục, tổn hại ta là vì kẻ ấy mê, chẳng giác, hãy nên tha thứ, chẳng có dấu vết gì, chẳng cần nói là tha thứ, dấu vết gì cũng không có, vẫn hoan hỷ đối với kẻ ấy. Kẻ ấy là gì? Bồ Tát. Lại suy nghĩ sâu xa hơn, người ấy tạo lợi ích cho ta, là ân nhân của ta. Kẻ ấy hủy báng ta, coi thù ta có phải là chẳng khởi tâm động niệm hay chẳng? Ta chẳng khởi tâm động niệm là ta được nâng cao. Người ấy giúp ta nâng cao, ta đã vượt qua cửa ải khảo thí ấy. Kẻ ấy hãm hại ta, ta chẳng có chút tâm oán hận nào. Chư vị đọc kinh Đại Thừa thấy khi Thích Ca Mâu Ni Phật tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, Ngài được gọi là Nhẫn Nhục tiên nhân, gặp vua Ca Lợi cắt chặt thân thể, đó là chuyện thể thảm, đau đớn dường ấy. Thích Ca Bồ Tát chẳng có mảy may tâm oán hận nào, lại còn bảo vua Ca Lợi: *“Trong tương lai, tôi thành Phật sẽ độ bệ hạ đầu tiên, vì sao? Báo ân bệ hạ. Vì bệ hạ đối xử tử tế với tôi như vậy, khảo nghiệm xem tôi có tâm nhẫn nhục hay không, tôi có thể nhẫn”*. Tốt nghiệp Nhẫn Nhục Ba La Mật, ải cuối cùng đã tốt nghiệp rồi. Chịu nổi khảo nghiệm, phạm những ai đến khảo nghiệm đều là ân nhân. Tất cả hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, hễ có hình tướng đều là hư vọng, quý vị chấp trước chúng để làm gì? Sai lầm rồi! Thấy đều buông xuống, ai cũng là người tốt, chuyện gì cũng là chuyện tốt, lẽ nào quý vị chẳng sanh tâm cảm ơn?

Thật sự học Phật, đối với bất luận kẻ nào cũng đều cảm ơn, kẻ ấy đối xử tốt với ta, ta cảm kích kẻ ấy; kẻ ấy đối xử xấu với ta, ta cũng cảm kích kẻ ấy, đều là giúp ta nâng cao. Người đối xử tốt với quý vị, chẳng tham luyện sự tốt đẹp ấy, sẽ đoan gì? Đoan phiền não, đoan tham luyện, tham ái. Kẻ xử tệ với quý vị, [giúp quý vị] đoan sân khuê. Ở chỗ này, tùy thuộc quý vị buông xuống tham, sân, si bao nhiêu, thật sự buông xuống, giống như chẳng có chuyện ấy. Nếu quý vị hãy còn đôi chút oán hận, chẳng buông xuống, trong thuận cảnh còn hoan hỷ đôi chút, chưa buông xuống. Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn được gọi là thất tình, ngũ dục, đó là phiền não, phải rèn luyện trong hoàn cảnh, tức hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau) và hoàn cảnh vật chất, luyện tới mức chẳng sanh phiền não, tâm bình, khí hòa, [giống như] trong tựa đề bản kinh này, tâm thanh tịnh hiện tiền. Kẻ khác đối với quý vị tệ bạc như thế ư? Đại ân, đại đức! Quý vị còn muốn trả thù bậc đại ân đại đức, xong luôn! Vẫn phải tiếp tục luân hồi trong lục đạo! Khi nào sẽ có thể thoát ra? Khi nào gặp những chướng nạn, gặp những khảo đảo, tâm bình, khí hòa, sẽ có thể thoát ra. Vì vậy, người tu hành sống ở đâu? Vĩnh viễn sống trong thế giới cảm ơn. Trong thế giới này, chẳng ai đối

với quý vị chẳng khởi tác dụng, chẳng có ai không giúp đỡ, thành tựu quý vị, tùy thuộc quý vị có hiểu hay không, có nhận biết hay không?

Lần này tôi sang thăm Ấn Ni (Indonesia), cũng gặp được một xí nghiệp gia, nói chung kinh doanh khá lắm, mời tôi dùng cơm, hỏi tôi một vấn đề: Có kẻ gạt tiền ông ta, nói chung chẳng ít. Ông ta hỏi tôi: “Có nên kiện kẻ ấy ra tòa để lấy tiền lại hay không?” Tôi nói: “Ông học Phật bao lâu?” “Hơn mười năm!” Tôi nói: “Nếu ông thật sự học Phật, coi như chuyện ấy đã xong! Vì sao? Số tiền ấy tuy nhiều, nhưng ông có tiền, là một vị đại tài chủ. Đối với ông mà nói thì [món tiền ấy] chẳng thấm vào đâu, cần gì phải so đo, cần gì phải ghim trong lòng? Ông cũng chẳng phải là thiếu tiền xài, cũng lại chẳng thiếu món tiền ấy, kẻ ấy dùng cũng giống như ông dùng, có gì khác nhau?” Tôi coi thử ông ta nghe [nói như vậy] có hiểu hay không. Nếu ông ta hiểu, sẽ là thật sự học Phật. Nếu nghe mà chẳng hiểu, còn có oán khí, vẫn đi thưa kiện, uống công học Phật rồi, phí hoài mười mấy năm học Phật. Đây là gì? Trong khi bị khảo nghiệm công phu, quý vị chẳng thể buông xuống được! Đến cửa ải ấy, vẫn chưa buông xuống được, vẫn là giẫm chân tại chỗ, học Phật chẳng tiến một bước nào!

Vì thế, nói tới vô ngã, quý vị thấy điều kiện nhập môn là vô ngã, không có đôi lập, không có thành kiến. Tiếp đó là Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến, người Hoa gọi hai thứ này là Thành Kiến. Không có Thành Kiến, quý vị mới có thể tùy duyên. Điều cuối cùng là không có tà kiến, tri kiến của quý vị rất chánh đáng, chẳng thiên lệch, chẳng tà. Chẳng thiên lệch, chẳng tà là do Phật pháp mà đạt được! Nương theo giáo huấn của đức Phật để sống, làm việc, đãi người, tiếp vật chẳng có chuyện gì, vui sướng lắm, hạnh phúc lắm! Nếu quý vị so đo với người khác, quý vị đáng thương lắm, phiền não vô lượng. Toàn là giả, lục đạo luân hồi là giả, mười pháp giới là giả, có gì làm chuyện giả? Coi giả là thật, đó là mê hoặc, điên đảo, sai lầm mất rồi! Hãy nên biết: Người thật sự tu hành là như cổ đại đức đã nói “*tá giả tu chân*” (nương vào cái giả để tu cái thật), hết thấy đều là giả, ta rèn luyện chính mình trong cái giả, rèn luyện sao cho vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình đều sạch sành sanh, luyện tới mức nhất niệm bất sanh. Tâm thanh tịnh hiện tiền là A La Hán, tâm bình đẳng hiện tiền, quý vị là Bồ Tát. Nếu chánh giác hiện tiền sẽ thành Phật, [những tâm này] đều nằm trong tựa đề kinh [Vô Lượng Thọ].

Chúng ta đọc tiếp: “*Thật Tướng vô tướng*”. Khi A Nan tự xưng là Ta, chẳng hoại giả danh; bởi lẽ, qua lại với người thế gian, mọi người đều nói Ngã, nếu mình nói chẳng phải là Ngã, mọi người sẽ nghĩ đầu óc ta có vấn đề, cho nên ta cũng nói Ngã. Nhưng ta nói Ngã, ta biết nó là giả, chẳng thật, trọn chẳng chấp trước. Khi quý vị nói Ngã bèn thật sự chấp trước, chẳng giống như [ngài A Nan nói Ngã] ở đây. Do phải hàng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức thì mới có thể trao đổi ý kiến, thực hiện công cuộc giáo học. Do vậy, Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này cũng nói Ngã. Các Ngài hiểu Thật Tướng vô tướng, “*cổ phi đồng u phàm phu chi hữu Ngã*” (chẳng giống như phàm phu có Ngã), phàm phu thật sự chấp trước thân này là ta, Phật, Bồ Tát chẳng vậy. “*Thật Tướng vô bất tướng*” (Thật Tướng chẳng phải là không có tướng), chẳng phải là không có tướng vì nó hiện huyền tướng, “*cổ phi đồng u*

Nhị Thừa chi vô ngã” (nên chẳng giống Nhị Thừa vô ngã), người Nhị Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, họ thật sự chấp trước thân này chẳng phải là ta, chấp trước thân vô ngã, chẳng có cách nào trao đổi với người khác. Vì thế, Bồ Tát rất hoạt bát, thông quyền đạt biến, bên trong không có ta, nhưng bên ngoài quý vị nói gì ta cũng đều có thể tùy thuận, ta chẳng tranh cãi với quý vị. Quý vị nói thân này là ta, không sai! Thân này là ta. Đây là Bồ Tát, là Đại Thừa.

Tiếp đó, cụ giải thích: “*A Nan tùy thuận thế gian, giả danh vi Ngã, vô quai u Đệ Nhất Nghĩa Đế*” (A Nan tùy thuận thế gian, giả gọi là Ngã, chẳng trái nghịch Đệ Nhất Nghĩa Đế). Đệ Nhất Nghĩa Đế là vô ngã, Đệ Nhất Nghĩa Đế là tự tánh, trong tự tánh chẳng chấp trước Ngã, chẳng có ý niệm về Ngã. “*Hựu Quán Kinh Sớ vân, vô ngã tắc vô văn*” (Lại nữa, Quán Kinh nói: “Không có Ngã nên không nghe”), không có Ngã thì ai nghe? Ai nói, ai nghe? “*Vô văn tắc hóa đạo tuyệt*” (không có nghe thì sự giáo hóa chấm dứt), giáo học coi như xong, chẳng thể thành lập! “*Vị truyền hóa bất tuyệt, giả danh thuyết Ngã*” (vì truyền thừa, giáo hóa bất tuyệt, nên giả gọi là Ngã), “*truyền*” (傳) là lưu truyền giáo pháp, giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật, giáo hóa chúng sanh, đời đời truyền cho nhau, nhất định phải giả danh nói là Ngã. Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, nếu chẳng thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, Phật giáo sẽ đoạn diệt. Do vậy, tiếp xúc với người đời, nhất định phải hằng thuận chúng sanh, họ nói Ngã, ta cũng nói Ngã, chẳng có vấn đề, dễ dàng trao đổi, thông quyền đạt biến, chớ nên không biết những chuyện này. Bởi thế, Phật pháp là sống động, chẳng khô khan chút nào!

Lại xem chữ kê tiếp, tức Văn trong Ngã Văn. “*Văn giả, nhĩ căn phát nhĩ thức*” (Văn là nhĩ căn sanh ra nhĩ thức), Văn là từ nơi tai sanh khởi nhĩ thức nên người ấy mới có thể nghe. Nhĩ Căn là nhục thân, nếu trong ấy chẳng có nhĩ thức sẽ chẳng thể nghe. Người đã chết, thần thức rời khỏi thân, tuy có tai, nhưng chẳng thể nghe. Vì thế, Nghe chẳng phải là tai nghe, mà là thức, tức là Nhĩ Thức. “*Kim bất vân nhĩ văn, nhi ngôn ngã văn*” (nay chẳng nói tai nghe, mà nói ta nghe), Nghe quả thật là do tai, nhưng không nói tai nghe mà nói ta nghe. “*Cái dĩ Ngã tự thông thấu chư căn thức đẳng*” (vì chữ Ngã bao gồm trọn vẹn các căn thức). Mắt thấy, từ nhãn căn phát sanh nhãn thức, quý vị mới có thể thấy. Nếu lục căn chẳng phát sanh các thức, [lục căn] sẽ chẳng có cách nào khởi tác dụng. Khi thần thức rời khỏi thân thể, lục căn được gọi là đã chết, chẳng khởi tác dụng. Vì vậy, dùng một chữ Ngã là đã nói trọn sáu căn. “*Dĩ tổng đại biệt, dĩ ngã đại nhĩ, cố viết ngã văn. Dĩ thượng như thị biểu tín thuận*” (Dùng tổng quát thay thế riêng biệt, dùng ngã thay cho Tai, nên nói là “ta nghe”. Những điều như trên đây nhằm biểu thị sự tín thuận), tín thuận thầy, tín thuận giáo huấn của thầy. “*Ngã văn biểu sư thừa*” (“ta nghe” biểu thị sư thừa), những gì ta nói hoàn toàn là lời thầy đã nói, ta vâng nhận những lời thầy dạy. “*Ngã chi sở văn, giai Thế Tôn kim khẩu sở tuyên, truyền thừa hữu tự, quyết phi tha thuyết, hoặc vi ức tạo, dĩ chi chứng tín*” (những điều tôi nghe đều do miệng vàng của đức Thế Tôn tuyên nói, truyền thừa có chỗ khởi nguồn đích xác, quyết chẳng phải do kẻ khác nói, hoặc là tôi bịa đặt, dùng điều đó để chứng tín). Đây là nói tới sự truyền thừa,

có căn cứ. Chúng ta học Phật, vị thầy bậc nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật, đời đời cũng không trái nghịch, quý vị nói tâm ấy có sâu đậm lắm chăng? Hiện thời, rất nhiều học trò sau khi tốt nghiệp bèn quên tuốt thầy, thậm chí đối với cha mẹ, chính mình trưởng thành bèn độc lập, cha mẹ cũng chẳng cần tới! Tại Trung Quốc còn đỡ hơn một chút, tại ngoại quốc thật sự đều là như vậy. Trẻ nhỏ lớn lên, thành tựu, rời khỏi gia đình, có khi suốt đời chẳng hề gặp lại cha mẹ. Chúng tôi ở Mỹ rất nhiều năm, khoảng chừng mười lăm năm, người Mỹ là như vậy. Thỉnh thoảng, gặp dịp lễ tết, con cái gửi bưu thiếp hỏi thăm một lần, [cha mẹ] nhận được vui sướng khôn cùng, con cái vẫn chưa quên bằng ta! Khá nhiều người, con cái đã rời đi, suốt đời chẳng có tin tức gì, đây là xã hội của họ. Tại Mỹ, mười sáu tuổi coi như đã thành niên. Nếu [thiếu niên] mười sáu tuổi bỏ nhà trốn đi, quý vị đừng tìm nó, có tìm cũng vô ích. Quý vị tìm đến cảnh sát, cảnh sát nói: “Đã mười sáu tuổi rồi mà quý vị còn phải lo cho nó ư?” Nó có thể tự lập, cảnh sát cũng chẳng tìm cho quý vị. Vì vậy, ý vị tình người chẳng có, chẳng biết phụng dưỡng cha mẹ, chẳng biết tôn trọng thầy.

...Gần đây nhất cũng có những bạn bè từ trong nước đến thăm tôi, chúng tôi cho họ xem gia phả của chúng tôi. Gia phả là lịch sử gia đình; vì sao người Hoa ái quốc như vậy? Vì sao yêu quê hương đến thế? Nguyên nhân ở chỗ này! Người Hoa có từ đường, kỷ niệm tổ tiên, đời đời chẳng quên gốc, cắm cội rất sâu. Người Hoa có lịch sử gia đình, truyền thừa từ đời này sang đời kia, làm sao họ chẳng trân quý cho được! Trong Cách Mạng Văn Hóa, từ đường không còn, gia phả bị đốt, chúng tôi ở hải ngoại chẳng làm gì được, hằng ngày đọc nghĩ tới chuyện ấy, nên làm như thế nào? Từ đường bị hủy cũng không sao, gia phả có còn hay không? Còn có ai giữ được hay không? Chúng tôi là người ở hải ngoại quan tâm chuyện này nhất. Hỏi dò khắp nơi, nhiều năm chẳng có tin tức gì, hỏi người trong gia tộc họ cũng không biết. Năm 2005, tôi đích thân về quê hương, gia tộc chúng tôi vẫn được coi là một gia tộc lớn, ở quê nhà hãy còn một vạn năm ngàn người chưa rời khỏi. Anh em trong họ rất nhiều, tôi hỏi mọi người gia phả có còn hay không? Có ai biết hay không? Trong số ấy, có người cho tôi biết hãy còn. Tôi hỏi: “Ở đâu?” Trong nhà người ấy. “Cớ sao lại dời đến nhà anh?” Khi từ đường bị hủy, người ấy lén lút đem gia phả giấu đi, giấu trong nhà không ai biết, mãi cho đến hôm tôi hỏi người ấy, người nhà của ông ta cũng chẳng biết. Ông ta bỏ bộ sách ấy trong một chiếc rương nhỏ, xếp dưới gầm giường, không ai biết. Tôi nói bây giờ ông có thể lấy ra, không sao đâu, hãy lấy ra cho chúng tôi xem. [Gia phả] gồm ba mươi bảy quyển in theo lối khâu gáy bằng chỉ, chúng tôi như có được món quý báu nhất, mất đi bộ sách ấy thì sẽ chẳng còn cội rễ gì nữa! Do vậy, tôi yêu cầu mọi người, cho chúng tôi in ra ba trăm bộ, một trăm bộ gửi đến thư viện các trường đại học nổi tiếng ở hải ngoại, họ sẽ bảo tồn, chẳng thể bị mất đi. Mọi người đồng ý, làm chuyện ấy thành công.

....Truyền thừa Phật pháp, từ Thích Ca Mâu Ni Phật cho đến các vị thầy trong mỗi đời, lịch đại tổ sư đại đức đều có truyền thừa, đều biết do đâu mà có, chẳng phải do chính mình tùy tiện tưởng tượng, chẳng phải là như vậy, thật sự có chứng cứ, đó gọi là Chứng Tín. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tập 84

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi ba, dòng thứ hai, xem từ chữ “nhất thời”.

“*Nhất thời giả, Thời Thành Tựu dã. Cái thời vô thật pháp, trường đoản tùy tâm, diên xúc đồng thời, tam kỳ, nhất niệm. Như Sớ Sao viết: Hoặc thuyết giả đắc đà-la-ni, nhất sát-na khoảnh, nhất tự chi trung, thuyết nhất thiết pháp môn, hoặc thính giả đắc tịnh nhĩ căn, u nhất sát-na, văn nhất tự thời, u dư nhất thiết tất vô chương ngại; hoặc thuyết giả thời thiếu, thính giả thời đa, hoặc thuyết giả thời đa, thính giả thời thiếu, hoặc thuyết giả thân lực diên xúc tùy nghi, thính giả căn khí lợi độn bất nhất*” (“Nhất thời” là Thời Thành Tựu. Do Thời chẳng phải là thật pháp, dài hay ngắn tùy tâm, kéo dài hay rút gọn cùng một lúc, ba A-tăng-kỳ trong một niệm. Như Sớ Sao đã nói: “Hoặc kẻ nói đắc đà-la-ni, trong khoảng một sát-na, trong một chữ, nói hết thấy pháp môn. Hoặc người nghe đắc nhĩ căn thanh tịnh, trong một sát-na, lúc nghe một chữ, đối với những thứ khác đều chẳng chương ngại. Hoặc người nói trong một thời gian ngắn, người nghe [cảm thấy] thời gian lâu dài. Hoặc kẻ nói lâu lắc, người nghe thành chốc lát. Hoặc người nói dùng thân lực kéo dài hay rút ngắn tùy nghi, người nghe là căn khí lợi hay độn chẳng phải chỉ một loại”). Chúng ta đọc tới đây. Đây là nói về Thời Thành Tựu. Đức Phật nói kinh vào lúc nào, điều này cũng do đức Thế Tôn dạy ngài A Nan. Sáu thứ thành tựu do đức Phật dạy, sau “*nư thị ngã văn*” là “*nhất thời*”, Phật ở nơi nào. Chẳng ghi chép năm, tháng, ngày, chỉ nói là “*nhất thời*”. Lúc chúng tôi mới học Phật, vừa mới nhập môn, đối với chuyện này, chúng tôi rất hoài nghi. Cổ nhân Trung Quốc luôn ghi chép năm, tháng, ngày, thời cổ dùng Can Chi để ghi chép. Vì sao đối với kinh Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh bốn mươi chín năm, vì sao chẳng chép thời gian, chỉ nói mơ hồ là “*nhất thời?*” Nói chung là chẳng rõ rệt! Trải qua bao nhiêu thời gian, nghiên cứu kinh tạng đôi chút, mới thật sự hiểu rõ, nói “*nhất thời*” là thật, nói ra năm, tháng, ngày là giả, chẳng thật, “*nhất thời*” là thật. Tiếp đó, giải thích căn cứ theo kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói Thời chẳng phải là thật pháp. Thời gian, đối lập với thời gian là không gian, thời gian và không gian đều chẳng thật. “*Thật*” là chân thật, [thời gian và không gian] chẳng phải là thật. “*Trường đoản tùy tâm*”: Quý vị thấy thời gian dài hay ngắn, cảnh chuyển biến theo tâm. Không chỉ là thời gian được cảm nhận chẳng giống nhau theo ý niệm sai khác của chúng ta, mà không gian cũng giống như thế. Không gian lớn hay nhỏ tùy tâm, dần dần nhập cảnh giới Đại Thừa bèn hiểu rõ [điều ấy]. Không chỉ như thế, trong kinh Phật, đúng là chúng ta

thấy “*diên xúc đồng thời*”, “*diên*” (延) là một thời gian dài, “*xúc*” (促) là thời gian ngắn ngủi. [Ngắn là] một sát-na, dài là vô lượng kiếp, vô lượng kiếp và một sát-na đồng thời. Cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới ấy là chân thật. “*Tam kỳ nhất niệm*”: Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là một thời gian dài, nhất niệm là thời gian ngắn ngủi. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp có thể rút gọn thành nhất niệm, nhất niệm có thể kéo dài thành ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đó là thời gian rất ư là dài!

Đức Phật nói “*nhất thời*” là chính xác, đối với người học Phật chúng ta mà nói, nói “*nhất thời*” đã ban cho chúng ta hy vọng chân thật. Chúng ta nghĩ thuở ấy, đức Phật giảng kinh này tại “*Vương Xá thành, Kỳ Xà Quạt sơn*”, tức là Linh Sơn, cùng một địa điểm với kinh Pháp Hoa. Chúng ta có thể tham dự hội ấy hay không? Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, chúng ta có thể đích thân đến nghe hay không? Có thể! Trong Phật giáo sử Trung Quốc có chép: Khi Trí Giả đại sư đọc kinh Pháp Hoa, nhập Định, trong Định đại sư thấy đức Thế Tôn đang giảng kinh Pháp Hoa, Ngài còn ngồi bên cạnh nghe một buổi, nghe một lần. Sau khi xuất định bảo với mọi người, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Pháp Hoa tại Linh Sơn, pháp hội còn chưa giải tán, Ngài đích thân tham dự một buổi. Trong Định đột phá chiều không gian và thời gian, Trí Giả đại sư sau Thích Ca Mâu Ni Phật hơn một ngàn năm, mà Ngài có thể tiến nhập đạo tràng hơn một ngàn năm trước, có thể đích thân nghe đức Phật giảng kinh. Không chỉ có thể trở lại quá khứ, mà cũng có thể vượt đến tương lai. Thích Ca Mâu Ni Phật có thấy thời đại hiện tại của chúng ta hay không? Thấy được! Nếu chẳng thấy, cơ sao Ngài có thể nói đoạn kinh văn Ngũ Thiêu, Ngũ Thống? Đoạn ấy miêu tả gì vậy? Xã hội hiện thời của chúng ta, Ngài đã thấy! Không chỉ thấy hiện tại, mà còn thấy tới lúc pháp diệt tận. Đức Phật có nói một bộ kinh là Pháp Diệt Tận Kinh, đây là thời đại nào? Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm, lúc ấy là một vạn hai ngàn năm [sau khi đức Phật diệt độ], đức Phật đã nói rõ trạng huống lúc ấy. Chẳng phải là tiên đoán, mà là chính mắt thấy, thấy chính xác.

Khi chúng tôi còn trẻ, thấy rất nhiều dự ngôn của Trung Quốc và ngoại quốc. Tôi từng hỏi thầy Lý, Thôi Bối Đồ¹⁵[3], Thiêu Bính Ca¹⁶[4] của Trung Quốc có đúng hay không?

¹⁵[3] Thôi Bối Đồ là một trong bảy tác phẩm tiên tri nổi tiếng nhất. Về bảy tác phẩm dự ngôn nổi tiếng, có thuyết bảo đó là Càn Khôn Vạn Niên Ca của Khương Tử Nha, Mã Tiền Khóa của Khổng Minh, Tàng Đầu Thi của Lý Thuần Phong, Mai Hoa Thi của Thiệu Khang Tiết, Thiêu Bính Ca của Lưu Bá Ôn, Hoàng Thi, và Kim Lăng Tháp Bi Văn của Lưu Bá Ôn (trong thuyết này, Thôi Bối Đồ không được nhắc tới). Thuyết thứ hai nói bảy tác phẩm ấy là Mã Tiền Khóa, Thôi Bối Đồ, Thiêu Bính Ca, Càn Khôn Vạn Niên Ca, Tàng Đầu Thi và Mai Hoa Thi. Thuyết thứ ba gần giống thuyết thứ hai, nhưng thay Mai Hoa Thi bằng Hoàng Bá Thiên Sư Thi. Theo các nhà nghiên cứu, Thôi Bối Đồ xuất hiện vào khoảng thời gian 626-649, không rõ do ai trước tác. Dân gian thường cho rằng tác phẩm này do Lý Thuần Phong và Viên Thiên Cương biên soạn. Theo đó, Lý Thuần Phong vận dụng Châu Dịch để tiên đoán lịch sử Trung Quốc từ thời Đường đến hai ngàn năm sau, cho đến khi Viên Thiên Cương đẩy vào lưng, bảo hãy ngưng lại (nên gọi là Thôi Bối Đồ). Lời dự ngôn gồm năm mươi tám đoạn. Bản Thôi Bối Đồ lưu hành hiện thời có lời giải thích của Kim Thánh Thán. Mỗi một lời dự đoán bao gồm ba phần Sấm (lời dự đoán chính), Tụng là một bài thơ ngắn nói rộng thêm lời Sấm, Đồ là hình vẽ và phần Quái Tượng chỉ rõ lời Sấm ứng với que nào trong Châu Dịch. Chẳng hạn, lời đoán thứ hai như sau: “*Lũy lũy thạch quả, mạc minh kỳ số, nhất quả nhất nhân, tức tâm tức cố. Tụng viết: Vạn vật thổ trung sanh, nhị cửu tiên thành thật, nhất thống định*

Thầy bảo tôi: Trong các dự ngôn của cổ nhân Trung Quốc, dự ngôn của thiền sư Hoàng Bá đáng tin, vì sao? Ngài thấy trong Định. Còn những thứ như Thôi Bối Đồ không nhất định hoàn toàn chuẩn xác, vì tác giả dựa vào lý số, toán học [để suy đoán]. Kinh Dịch của Trung Quốc là một cuốn sách cao thâm về toán học, từ toán học có thể suy đoán, toán học là mẹ của khoa học. Nhưng chúng đúng là “*sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm*”, chẳng thể hoàn toàn chính xác, trong ấy vẫn còn có sai lầm. Còn có những tin tức do bọn đồng cốt truyền lại, tùy thuộc [những linh quý dựa xác bọn đồng cốt] thuộc đẳng cấp nào. Tin tức do đồng cốt [có quý thần] cao cấp [dựa thân] truyền lại thường chính xác, nhưng [tin tức của bọn đồng cốt thuộc] tầng lớp rất thấp sẽ chẳng chính xác. Chúng ta biết quỹ đạo có Ngũ Thông, do quả báo mà có, chẳng phải do tu được, do quả báo mà đạt được. Tầng lớp thông linh cũng khác nhau, và [tùy thuộc] tâm thái mỗi cá nhân khác nhau. Nay chúng ta hiểu điều này, tâm thái chủ tể hết thay: Tâm thái tốt, tầng lớp của quý bèn cao, tâm thái bất thiện, tầng lớp của quý cũng rất thấp; nhưng chúng đều có năng lực vượt qua thời gian và không gian, nhưng [quý thuộc] tầng lớp thấp thì mức độ vượt qua chẳng lớn. Những chuyện giống như vậy, trong đời này, đặc biệt là trong thời đại này, chúng ta thường gặp. Vì vậy, chính mình chớ nên không hiểu rõ. Hễ gặp bèn chẳng thấy nó là chuyện hiếm hoi, kỳ lạ gì, đó là một hiện tượng bình thường trong vũ trụ. Chúng ta nhớ một câu nói của đức Thế Tôn: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, chớ nên ghim trong lòng, hễ tiếp xúc thì có thể tham khảo, nhất định phải dùng định huệ của chính mình để ứng phó, chớ nên dùng tình thức. Dùng tình thức để ứng phó sẽ thường bị thua thiệt, bị lừa. Phải dùng định huệ, tâm thanh tịnh sẽ chẳng bị chúng ảnh hưởng, dùng trí huệ để quan sát, chúng ta sẽ biết ứng phó tin tức nhận được như thế nào, đó là chính xác. Vì vậy, phải nhớ Phật pháp là “*phá mê khai ngộ*”, chẳng mê tín!

Trung Nguyên, âm thịnh dương tiên kiệt” (quả to đầy ăm ắp, chẳng biết số bao nhiêu, cứ một quả, một nhân, vừa mới lại vừa cũ. Tụng rằng: Vạn vật sanh từ đất, hai chín thành trái trước, thống nhất, Trung Nguyên yên, âm thịnh, dương cạn trước), Kim Thánh Thán giảng: “[*Đồ hình vẽ*] một đĩa đầy ắp quả mận, gồm hai một trái, tức là từ Đường Cao Tổ đến Chiêu Tuyên Đế (Đường Ai Đế Lý Chúc) là hai mươi một đời vua. ‘*Nhị cửu*’ có nghĩa là vận của nhà Đường là hai trăm tám mươi chín năm. ‘*Âm thịnh*’ chỉ Võ Tắc Thiên nắm quyền, dâm dật, hôn mê, rối loạn triều chánh, khiến nhà Đường nghiêng ngả. Sau đấy, đến thời thịnh trị Khai Nguyên (Đường Huyền Tông), tuy đẹp đẽ sánh ngang thời Trinh Quán (Đường Thái Tông), nhưng rồi Dương Quý Phi chuốc họa, tông thất phải bôn tẩu...”

16^[4] Thiêu Bính Ca là tác phẩm dự ngôn lưu truyền trong dân gian, tương truyền do quân sư của Minh Thái Tổ là Lưu Bá Ôn nói ra. Theo đó, Minh Thái Tổ (Châu Nguyên Chương) đang ăn thiêu bính (một loại bánh ngọt) thì có Lưu Cơ (Lưu Bá Ôn) cầu kiến, Thái Tổ lấy chén úp lên bánh rồi thách Lưu Bá Ôn đoán dưới chén là gì, Lưu Bá Ôn trả lời đúng, nhân đó, hai người bàn về vận số của nhà Minh. Những lời dự đoán ấy được gọi là Thiêu Bính Ca. Thiêu Bính Ca lời lẽ bí hiểm, được rất nhiều người giải thích rất chi tiết, nhưng cũng chỉ là phỏng đoán dựa trên những sự kiện lịch sử đã xảy ra, gần giống như cách giải thích sấm Trạng Trình tại Việt Nam.

Chúng ta thấy ở đây, Hoàng lão cư sĩ nói với chúng ta, trước tiên là những điều kinh nói. “*Như Sớ Sao viết*” (như Sớ Sao nói), Sớ Sao là A Di Đà Kinh Sớ Sao do Liên Trì đại sư trước tác. Trong Sớ Sao, có mấy câu giảng về “*nhất thời*” theo cách như vậy. “*Thuyết giả đắc đà-la-ni*”, “*đà-la-ni*” là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tổng Trì, bao gồm hết thảy các pháp, trì hết thảy các nghĩa. Trong Phật học, danh từ này được dùng rất phổ biến, đây cũng là đặc định khai ngộ. Người học Phật nhất định phải coi trọng Tam Học Giới - Định - Huệ, không thể coi thường. Nếu Giới chẳng trọng yếu như vậy, cần gì Thích Ca Mâu Ni Phật phải coi trọng đường ấy, có gì phải buốt lòng rát miệng khuyên dạy ngàn ấy? Nó đúng là rất trọng yếu, là cội rễ! Ngày nay, chúng ta học Phật chẳng thể thụ dụng là do nguyên nhân gì? Chúng ta bỏ sót căn bản. Các đồng học tại gia học Phật sơ sót Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo là đại pháp căn bản để tu học Phật pháp. Quý vị thấy: Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, nói từ pháp nhân thiên. Pháp nhân thiên là gì? Trong lục đạo, quý vị đạt được phương pháp của nhân đạo và thiên đạo, đó là gì vậy? Thập Thiện Nghiệp Đạo. Lên cao hơn là nói tới Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề. Nói cách khác, từ trong lục đạo, quý vị đạt được nhân đạo, thiên đạo, mãi cho đến khi chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn, thảy đều dựa vào Thập Thiện Nghiệp Đạo; há chẳng phải là trọng yếu ư? Giống như nay chúng ta xây một cao ốc, xây cao ốc cao đến mấy chục tầng, hay một trăm tầng, Thập Thiện Nghiệp Đạo là gì? Là nền móng, là nền tảng. Quý vị thiếu cơ sở, dù xây hai ba tầng còn chẳng thành, làm sao có thể xây cao ốc một trăm tầng? Càng lên cao, quý vị mới hiểu căn cơ càng bền vững. Hiện thời, chúng ta thấy chẳng ai làm được Thập Thiện; vì vậy, tôi thường nghĩ vì sao người thuở trước làm được, mà nay chúng ta chẳng làm được? Tôi nghĩ thật lâu rồi mới vỡ lẽ: Người thuở trước có thể làm được là do giáo dục gia đình tốt đẹp! Giáo dục gia đình: Trẻ nhỏ vừa sanh ra đã được cha mẹ dạy dỗ, cho nên nó thật sự đặt vững căn cơ. Sau này, khi đọc kinh, qua kinh điển chúng tôi thấy được điều này.

Từ giữa đời Đường trở đi, Phật giáo Trung Quốc chẳng dùng Tiểu Thừa nữa, Tiểu Thừa cũng lấy Thập Thiện Nghiệp Đạo làm cơ sở. Trung Quốc không dùng Tiểu Thừa, mà chọn Nho và Đạo làm cơ sở cho Đại Thừa, trải qua hơn một ngàn bảy trăm năm, đã thí nghiệm thành công. Quý vị thấy từ giữa đời Đường cho đến đầu thời Dân Quốc, trong mỗi triều đại, người tu hành thật sự có khai ngộ, chứng quả, đắc công phu định lực rất nhiều. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng đều có thể giúp quý vị đắc tam-muội. Đắc tam-muội là đắc Thiền Định, niệm Phật đến mức tâm thanh tịnh hiện tiền là Niệm Phật tam-muội thành tựu. Chúng tôi mới dần dần hiểu rõ: Chúng ta phải học tập bổ sung, bù đắp bằng Đệ Tử Quy của Nho gia và Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo gia, có hai cơ sở này thì Thập Thiện Nghiệp Đạo, Tam Quy, Ngũ Giới sẽ dễ dàng, thật sự đạt được, Tam Quy là thật, chẳng giả. Hiện thời, Tam Quy là giả, chẳng thật. Quý vị thấy Tam Quy là “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Đọc Lục Tổ Đàn Kinh, chúng ta liền hoảng nhiên đại ngộ. Lục Tổ Huệ Năng là người đời Đường, nhằm thời đại Võ Tắc Thiên. Thuở ấy, lão nhân gia truyền quy y, chẳng

đọc “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, Ngài chẳng đọc như thế, mà đọc như thế nào? “*Quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh*”. Vì sao Ngài đọc theo cách ấy? Chúng ta hãy suy nghĩ kỹ! Khẳng định là Phật pháp truyền tới Trung Quốc đã hơn một ngàn năm, truyền đã lâu như thế, cho nên xuất hiện rất nhiều sai lệch, lầm lẫn. Mọi người hãy nghe nói Phật, Pháp, Tăng, chắc là nghe nói đến Phật bèn nghĩ tới tượng Phật, nghe nói “quy y Pháp” bèn nghĩ tới kinh sách, “quy y Tăng” bèn nghĩ tới người xuất gia. Sai rồi! Đó chẳng phải là ý nghĩa thật sự của Tam Quy, ý nghĩa thật sự của Tam Quy là Giác, Chánh, Tịnh. Vì thế, Tổ truyền quy y bèn nói “*quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh*” rồi mới giải thích “*Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh*”. Ngài giải thích cho chúng ta, vừa giải thích như thế, chúng ta bèn hiểu rõ.

Quy y Phật nghĩa là gì? Giác chứ chẳng mê. Chúng ta từ mê hoặc, điên đảo, quay về nương vào tự tánh giác, đó là quy y Phật thật sự. [Phật trong Tam Quy] là tự tánh Phật của quý vị, chẳng phải là Phật ở bên ngoài. Tượng Phật ở bên ngoài là gì? Nhằm nhắc nhở quý vị, Phật tượng trưng điều gì? Phật tượng trưng tự tánh giác. Quý vị thật sự quy y, chẳng phải là quy y bên ngoài, mà là từ mê hoặc, điên đảo quay lại, ta phải giác ngộ, chẳng còn mê hoặc nữa. Quy y Pháp, chánh chứ không tà, ta từ tà tri, tà kiến, tà hạnh quay lại, nương theo chánh tri, chánh kiến, chánh hạnh. Tiêu chuẩn này thuộc về giới luật, nền tảng của giới luật là Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy dạy quý vị chánh tri, chánh kiến, chánh niệm, chánh hạnh, [những điều ấy] đều ở trong tự tánh. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên gồm một trăm chín mươi lăm điều, thiện ác báo ứng cũng là tự tánh. Nói chung, Phật pháp từ đầu tới cuối, từ sơ học cho đến địa vị Như Lai, chẳng rời khỏi tự tánh. Rời khỏi tự tánh sẽ là ngoại đạo, cầu Phật ngoài tâm, đấy là ngoại đạo. Phật là gì? Phật là tự tánh của quý vị, nhất định phải biết điều này. Quy y Tăng, người xuất gia đại diện Tăng. Thấy người xuất gia bèn ngay lập tức cảnh tỉnh: Ta hãy nên tịnh, đừng nhiễm. Ta từ ô nhiễm quay lại, nương vào tự tánh tịnh. Quý vị thấy Huệ Năng đại sư khai ngộ, câu đầu tiên Ngài nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”. Quy y “vốn tự thanh tịnh” là quy y Tăng chân thật, chẳng liên can tới cảnh giới bên ngoài. Vì thế, Phật pháp được gọi là “*nội học*”, hoàn toàn tương ứng với tự tánh. Tự tánh tịnh, tự tánh chánh, tự tánh giác, quả thật đã được nói trong tựa đề bộ kinh của chúng ta “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”.

Tự tánh tịnh, thanh tịnh là Tăng Bảo, bình đẳng là Pháp Bảo, giác là Phật Bảo. Tam Quy Y là gì? Chính là năm chữ “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đó là đúng. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác, quý vị thật sự quy y. Thầy lấy Tam Quy, Tam Quy là Phật pháp, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tông Môn hay Giáo Hạ, Hiền giáo hay Mật giáo, làm nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao, từ khởi tâm động niệm cho đến ngôn ngữ, tạo tác, chẳng thể rời khỏi thanh tịnh, bình đẳng, giác, đấy là nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Quý vị thấy: Vừa vào cửa Phật, trước hết liền truyền dạy nguyên tắc này cho quý vị; từ nay trở đi, quý vị nương theo phương hướng và mục tiêu ấy để tu học thì mới có thể siêu phàm nhập thánh. Đấy là Tam Quy Y thật sự. Nay chúng ta thọ Tam Quy, thọ xong thì sao? Vẫn mê chứ chẳng giác, vẫn nhiễm chứ chẳng tịnh, vẫn tà chứ chẳng chánh, chẳng khác

gì chưa thọ, chẳng thay đổi gì hết! Tam Quy kiêu đó là giả, chẳng thật! Nếu thật sự Tam Quy, trong tâm quý vị chẳng rời khỏi giác, chánh, tịnh. Trong kinh, đức Phật bảo chúng ta, ngày đêm có ba mươi sáu vị thần hộ pháp bảo vệ quý vị; đối với mỗi điều trong Ngũ Giới đều có năm vị thần hộ giới. Ngũ Giới quý vị đều làm được thì có hai mươi lăm vị thần hộ giới bảo vệ quý vị. Quý vị sẽ không bị tà mị dựa thân, chẳng bị là do thần hộ pháp và thần hộ giới của quý vị rất nhiều. Học Phật mà vẫn còn có hiện tượng bị ma quỷ dựa thân, cho thấy quý vị chưa làm được [Ngũ Giới], thần hộ giới lẫn thần hộ pháp đều lánh xa, bỏ đi, chẳng hộ trì quý vị. Nhất định phải hiểu đạo lý này.

Chúng ta thọ Tam Quy hoặc thọ giới, có cần phải đến giới đàn tiếp nhận theo nghi thức [truyền giới] hay không? Thưa quý vị, nghi thức không quan trọng. Thuở tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư bảo tôi: *“Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức”*, thực chất là gì? Quý vị thật sự phát tâm muốn học, sẽ được! “Tôi thật sự phát tâm muốn học Phật, tôi đọc kinh điển thấy viết về Tam Quy Y, tôi thật sự muốn học, nghiêm túc học tập, tôi hiểu rõ”, tức là quý vị thật sự thọ. Thấy Ngũ Giới dạy “chẳng sát sanh”, chính mình bèn phát nguyện, suốt đời này ta trọn chẳng tổn thương, gây hại hết thấy chúng sanh, quý vị đạt được giới điều này! Chẳng trộm cắp, ta phát tâm suốt đời này trọn chẳng chiếm chút tiện nghi nào của người khác, quý vị đạt được giới điều này. Tại giới đàn, tiếp nhận những nghi thức, nhưng chẳng làm được thì vẫn vô dụng! Đây chẳng phải là thật. Những vị thần hộ pháp chỉ nhận thật, chẳng nhận giả. Hễ giả, họ vừa nhìn bèn cười khi, xong chuyện! Còn thật thì tuy chẳng trải qua những nghi thức tại giới đàn, họ vẫn một mực thủ hộ quý vị. Đạo lý này là sự thật, chúng ta phải hiểu rõ ràng. Dường như vào năm 1999, tôi sang Tân Gia Ba, giảng kinh, dạy học tại Cư Sĩ Lâm, quen biết Tổng Thống hiện thời là tiên sinh Nạp Đan (Sellapan Rama Nathan), khi ấy, ông ta mới vừa từ Mỹ trở về. Ông ta là đại sứ của Tân Gia Ba tại Mỹ, vừa mới trở về. Chúng tôi dùng cơm với nhau, ngồi với nhau, ông ta cho biết: Ông ta là người Ấn Độ, là tín đồ Ấn Độ giáo. Tầng ba của [tòa cao ốc này] là Ấn Độ giáo. Ông ta nói: *“Tôi vô cùng ưa thích Phật giáo, Phật giáo trọng thực chất, không trọng hình thức”*. Ông ta nói một câu như thế, khi ấy, tôi nghe xong, hết sức kinh ngạc. Trong quá khứ, tôi chỉ nghe Chương Gia đại sư nói câu ấy, chưa nghe người thứ hai nào nói, không ngờ ông ta có thể nói ra câu ấy. Đây là bậc thông hiểu, chẳng phải là kẻ lơ mơ. Về sau, ông ta trở thành Tổng Thống Tân Gia Ba, mãi cho đến bây giờ vẫn là Tổng Thống Tân Gia Ba. Khi tôi ở Tân Gia Ba, mỗi năm tối thiểu có đôi ba lần gặp gỡ; vì thế, chúng tôi cũng rất thân thuộc!

Đắc đà-la-ni chính là đắc định, khai ngộ, người ấy có năng lực trong khoảng một sát-na, thời gian ấy rất ngắn, vài giây, trong một chữ, nói hết thấy các pháp môn. Hết thấy các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, có thể trình bày trọn hết trong một giây, trong một chữ ư? Có thể! Nếu có người biết nghe, đó là gì? Là thông tin! Quý vị thấy hiện thời một bộ Đại Tạng Kinh, chẳng ít, đóng thành sách bìa cứng gồm một trăm hai mươi tập, có thể rút gọn lại trong một con chip, đúng là nhỏ như một cái móng tay, trong con chip ấy là toàn bộ Đại Tạng Kinh. Cổ nhân cũng có một phương pháp xảo diệu, kinh Hoa

Nghiêm rất dài, thật đầy, chẳng giả; tôi chẳng biết ở Đại Lục hiện thời có [còn làm như vậy] hay không. Cổ nhân đúc bộ kinh Hoa Nghiêm lên chuông, mặt ngoài, bên trong hồng chung đều là kinh văn, chuông vừa gõ, toàn bộ kinh Hoa Nghiêm [được xướng lên]. Quý vị thấy đó. Trong một niệm sẽ là toàn bộ kinh Hoa Nghiêm. Người biết nghe thì ngay trong một niệm liền hiểu rõ toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, được thụ dụng. Cũng giống như vậy, ở Đại Lục, kinh Pháp Hoa, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Kim Cang, kinh Di Đà được đúc trên chuông rất nhiều, họ có khuôn mẫu để đúc trên chuông. Đây là “*trong một chữ, chứa đựng hết thấy các pháp môn*”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Một tức hết thấy, hết thấy tức một*” chính là ý nghĩa này.

“*Hoặc thính giả đắc tịnh nhĩ căn, u nhất sát-na, văn nhất tự thời, u dư nhất thiết tất vô chướng ngại*” (Hoặc là người nghe đắc nhĩ căn thanh tịnh, trong một sát-na, khi nghe một chữ, đối với hết thấy các thứ khác đều không chướng ngại). Đây là nói người nghe khai ngộ. Người ấy nghe một chữ, hay nghe một câu bèn hiểu rõ toàn bộ, đây là gì? Đắc tịnh nhĩ căn. Chúng tôi nghĩ đến trường hợp Lục Tổ Huệ Năng đại sư, Ngài ở trong phương trượng thất của Ngũ Tổ, Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang cho Lục Tổ, chúng tôi phỏng đoán thời gian ước chừng một giờ, tôi đa là hai giờ, không thể lâu hơn hai tiếng đồng hồ. Ngũ Tổ giảng đại ý kinh Kim Cang, giảng đến câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), Lục Tổ bèn hoát nhiên đại ngộ, thừa bày điều tâm đắc gồm năm câu: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh; nào ngờ tự tánh, vốn chẳng sanh diệt; nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”. Những câu ấy tuyệt diệu, trong tự tánh chẳng thiếu thứ gì! Như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói, trí huệ và đức tướng chẳng thiếu, thấy đều trọn đủ. Thấy đều trọn đủ là đầy đủ y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, đều thuộc trong tự tánh, chẳng lìa khỏi tự tánh. “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng lay động*”, vốn chẳng lay động là tự tánh vốn định. Cái tâm của chúng ta hiện thời là niệm này diệt, tức niệm trước diệt, niệm sau sanh, đây chẳng phải là tự tánh, mà là A Lại Da. Tự tánh là chân tâm, A Lại Da là vọng tâm, vọng tâm là động, chân tâm là định, chẳng dấy động. Câu cuối cùng: “*Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra muôn pháp*”. Nó hiển lộ, có thể sanh ra vạn pháp. Hễ nó ẩn thì hết thấy các pháp đều chẳng thấy.

Tự tánh chẳng phải là sắc pháp, chẳng phải là vật chất, mà cũng không phải là tinh thần. Trong kinh miêu tả tự tánh bằng từ ngữ Thường Tịch Quang. Thường là vĩnh hằng, Tịch là tịch tĩnh, trong ấy thanh tịnh, chẳng bị ô nhiễm, không có ý nghĩa sanh diệt, nó là quang minh, cho nên còn gọi là Đại Quang Minh Tạng. Đây là sự miêu tả của kinh điển đối với tự tánh, tự tánh ở nơi đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại. Thời gian và không gian đều do nó biến hiện. Đây là Huệ Năng đại sư đắc tịnh nhĩ căn, trong một thời gian rất ngắn, nghe mấy câu, toàn bộ đều chẳng chướng ngại, đều hiểu rõ, thông đạt rành rẽ hết thấy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, chẳng hiểu làm tí nào! Người nói đắc đà-la-ni, nghe đắc tịnh nhĩ căn, giáo học quá thuận tiện, quá dễ dàng! Dưới tòa của Huệ Năng đại sư quả thật có mấy người [giống như vậy], khai ngộ trong hội của Ngài tổng cộng bốn mươi ba người, trong ấy có vài người có tình hình như thế. Đặc biệt

rõ rệt là Vĩnh Gia đại sư, tác giả của bài Chứng Đạo Ca. Quý vị thấy Vĩnh Gia đại sư là một trường hợp như vậy, khai ngộ nhờ một câu nói của Lục Tổ, khai ngộ rồi Ngài muốn rời đi. [Lục Tổ hỏi]: “Sao ông đi nhanh như thế?” Quý vị thấy Ngài trả lời vô cùng ý nghĩa: “Ở lại một đêm!” Đến ngày hôm sau mới đi, vì thế gọi là “*nhất túc giác*” (một đêm giác ngộ). Ngài trụ một đêm tại nơi hiện thời là Nam Hoa Tự một đêm, ngày hôm sau mới đi. Vốn Ngài muốn đi ngay trong lúc ấy, quay đầu đi luôn, thật sự khai ngộ. Ngài là một trong bốn mươi ba người khai ngộ; đây là thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác. Từ truyện ký Trung Quốc, chúng ta thấy xuất gia lần tại gia đều có người đạt được cảnh giới ấy!

“*Hoặc thuyết giả thời thiếu, thính giả thời đa*” (Hoặc người nói trong thời gian ngắn, người nghe [cảm thấy] thời gian dài). Khi nói, thời gian cũng chẳng nhiều, người nghe cảm thấy thời gian rất dài, nghe rất nhiều. Hoặc là người nói thời gian dài, người nghe [cảm thấy] thời gian ít, cho thấy rõ ràng thời gian chẳng phải là pháp cố định. “*Hoặc thuyết giả thần lực diên xúc tùy nghi*” (hoặc người nói dùng thần lực kéo dài hay rút ngắn tùy nghi), đây là nói tổng quát, người giảng kinh có thần thông, thời gian dài hay ngắn có thể biến hóa theo ý niệm. Người ấy có ý niệm “hy vọng thời gian lâu dài” nó sẽ biến thành dài, chẳng cần một thời gian dài, chỉ trong thời gian ngắn, người nghe có thể khế nhập cảnh giới, thời gian bèn có thể rút ngắn. “*Thính giả, căn khí lợi độn bất nhất*” (căn khí của người nghe là lợi căn hay độn căn chẳng phải chỉ một): Căn khí nhạy bén có thể ngộ nhập trong một sát-na; căn khí độn phải mất một thời gian khá dài mới có thể ngộ nhập, chúng ta thường nói “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*” là đối với căn cơ nào? Độn căn! Lợi căn không cần. Nhưng chúng sanh trong lục đạo lợi căn quá ít, độn căn nhiều; vì thế, nhiều kinh luận đều thiên về độn căn để giảng, đề xướng “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, đây là nói với kẻ độn căn, chẳng phải dành cho kẻ lợi căn, chẳng dạy lợi căn theo cách ấy! Lợi căn thật sự là “*nghe một, ngộ cả ngàn*” giống như Huệ Năng đại sư là bậc lợi căn, trong thời gian rất ngắn, qua mấy câu, đã hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ, thông đạt hết thảy các pháp. Độn căn cũng là như vậy, họ có thể huân tu lâu dài, mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm bèn đại triệt đại ngộ.

Vì sao căn tánh khác nhau? Nói thật ra, [ai này] có cùng một tự tánh, há lẽ nào khác nhau; nhưng do trong kiếp quá khứ, hoàn cảnh sống của mỗi cá nhân khác nhau, nếu bỏ sót giáo huấn của thánh hiền sẽ bị nhiễm dơ; có người bị ô nhiễm nghiêm trọng, có người ô nhiễm nhẹ hơn, chẳng phải là do đạo lý ấy hay sao? Ô nhiễm nhẹ, căn cơ bèn nhạy bén; ô nhiễm nghiêm trọng, căn cơ chậm lụt. Nếu suy xét cẩn thận, [căn cơ lợi hay độn] cũng liên quan đến đời quá khứ. Chúng ta biết: Chúng ta luân hồi trọn chẳng phải chỉ một đời này, trong quá khứ, đường nào cũng đều đã sanh vào, mọi người đều giống như vậy, chẳng có ngoại lệ. Trong quá khứ, quý vị cũng đã làm thiên vương, thiên thần, mà cũng đã biến thành súc sanh, cũng từng đọa địa ngục, đều như nhau. Nhưng trong lục đạo, nhân đạo rất đặc thù, nhân đạo là máu chốt: Sanh lên thiên đường phải qua nhân đạo, đọa tam đồ cũng trải qua nhân đạo, thoát khỏi tam giới chúng Bồ Đề cũng ở ngay trong nhân đạo. Nhân đạo là máu chốt, là cốt lõi. Tu thiện, tu phước trong nhân đạo, đời sau hưởng báo trong thiên đạo. Phải nên thay một

chữ trong “hưởng phước” cho thích hợp hơn, tức là “tiêu phước”. Quý vị tu phước, phước báo ấy phải tiêu trừ, vì sao phải tiêu trừ? Trong tự tánh không có thứ ấy, đó là ô nhiễm, chẳng thanh tịnh. Huệ Năng đại sư nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, tội và phước đều chẳng phải là thanh tịnh, trong tự tánh không có những thứ ấy. Do vậy, quý vị tu phước báo nhiều như vậy, phải lên cõi trời để tiêu. Hưởng phước là tiêu phước báo. Quý vị làm chuyện bất thiện thì sao? Vào trong tam đồ để tiêu tội nghiệp, thấy đều tiêu trừ, bèn trở lại nhân gian, lại trở về nơi này. Nếu quý vị gặp gỡ Phật pháp, rất khó có, quý vị vượt thoát, đây là tình trạng thật sự trong lục đạo. Lúc ở trong nhân đạo, đúng là tùy theo ý niệm của chính mình mà đường nào cũng đều có thể vào, nhưng quý vị ở trong đường nào mà nghiệp thuộc đường ấy chưa tiêu, sẽ chẳng thể rời khỏi đường ấy! Đó là căn khí lợi hay độn không giống nhau.

“*Cổ vị tam thừa phàm thánh sở kiến Phật thân báo hóa, niên tuế đoãn trường, thành Phật cứu cậ, các các bất đồng cố*” (cổ nhân nói: “Tam thừa phàm thánh thấy báo thân và hóa thân của Phật có thọ mạng dài hay ngắn, thành Phật đã lâu hay gần đây, mỗi người mỗi khác”), đây cũng là hiện tượng có thật. Do vậy, ta biết lời đức Phật dạy là đúng: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, câu này quá quan trọng. Trong hết thấy cảnh giới, nếu chúng ta thường có thể khởi lên câu này, quý vị sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, mà có thể chuyển đổi cảnh giới. Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, tâm tưởng của ai? Tâm tưởng của chính mình. Đã là sanh từ tâm tưởng của chính mình, vì sao ta chẳng sanh Phật? Sanh Phật bằng cách nào? Niệm Phật bèn sanh Phật, niệm niệm là A Di Đà Phật, niệm niệm bèn sanh A Di Đà Phật. Trong Cao Tăng Truyện có chép, vị tổ thứ hai của Tịnh Tông là Thiện Đạo đại sư đời Đường, theo truyện ký ghi chép, lão nhân gia niệm Phật, niệm Phật hiệu một tiếng, trong miệng tỏa ra một tia bạch quang, trong bạch quang có một tượng A Di Đà Phật, niệm mỗi câu đều hiện tượng Phật. Theo truyện ký cho biết, Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật tái lai, đó chính là A Di Đà Phật thị hiện cho chúng ta thấy, thị hiện điều gì? “*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật có ánh sáng hay không, có Phật hay không? Có! Khẳng định là có. Vì sao không thấy? Chúng ta nghiệp chướng chưa tiêu trừ, ánh sáng và Phật rất nhạt, người bình phàm chúng ta chẳng thấy được. Thiện Đạo đại sư niệm Phật, quang minh và Phật mọi người đều có thể trông thấy vì tâm Ngài thuần, thuần tịnh, thuần thiện, đúng là niệm niệm tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác; cho nên Ngài hiện tướng rõ rệt như vậy. Đạo lý là như vậy đó!

“*Tam thừa phàm thánh*”: Tam thừa là Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, đây là thánh, tam thừa đều là thánh. Phàm là lục đạo phàm phu. Chúng ta học Phật, thấy thân Phật, Phật có báo thân, hóa thân, tuổi thọ dài hay ngắn, thành Phật đã lâu hay gần đây, mỗi người thấy khác nhau. Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này, thế thọ, tức tuổi thọ trên thế gian này là tám mươi tuổi, người Trung Quốc tính tuổi theo lối hư tuế (tuổi ta) là tám mươi tuổi, người ngoại quốc nói tuổi thật sự, nên là bảy mươi chín tuổi. Đức Phật thị hiện thành đạo lúc ba mươi tuổi, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sau khi thành đạo bèn bắt đầu giáo học.

Dạy cho đến khi Ngài viên tịch, bảy mươi chín tuổi viên tịch. Vì thế, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội. Chúng ta thấy sách này nhắc tới thân tướng của Thích Ca Mâu Ni Phật, đó là Ứng Thân, tức thân ứng hóa, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Kinh ghi chép thân [Phật] cao một trượng sáu, tức “*trượng lục kim thân*”. Khi chúng ta thấy “một trượng sáu”, [bèn nghĩ] quá lớn, cao gấp đôi người thông thường! Chẳng phải vậy! Thước trong hệ thống đo lường thuở ấy chẳng dài như vậy. Chúng ta hãy xem [trước tác] của Hoàng Nhất đại sư. Hoàng Nhất đại sư nghiên cứu giới luật, Ngài có bài Châu Xích Khảo (khảo sát về thước đời Châu), Ngài đã nghiên cứu đời Châu, một thước vào đời Châu dài bao nhiêu? Gần như bằng sáu tấc hiện thời, [nói theo] thị xích¹⁷[5], tức [một thước đời Châu bằng] sáu tấc của một thị xích Trung Quốc [hiện thời]. Đo lường thời cổ và hiện tại khác nhau. Do vậy, chiếu theo đó, Thích Ca Mâu Ni Phật là người [có chiều cao] rất bình thường, chẳng có gì đặc biệt lắm. Thị hiện tám tướng thành đạo, hợp tình, hợp lý, chúng ta đọc được điều ấy từ kinh thư.

Hóa thân cũng rất nhiều. Thuở trước, tôi sang Hương Cảng giảng kinh lần đầu, pháp sư Thánh Nhất bảo tôi, thuở ấy, Đại Lục vẫn chưa mở cửa, bọn họ gồm ba vị pháp sư đi triều bái Quán Thế Âm Bồ Tát. Triều Âm Động ở Phổ Đà Sơn là nơi Bồ Tát thường hiện thân, họ thành tâm thành ý đến lạy, lễ bái ở cửa động, họ là ba người xuất gia. Ba người kết bạn, lạy ở cửa động nửa giờ, Quán Âm Bồ Tát xuất hiện, ba người đều hoan hỷ. Lúc trở về, ba người trò chuyện, [hỏi nhau] có thấy Bồ Tát hay không? Thấy! Ba người đều thấy, “nhưng ông thấy như thế nào?” Pháp sư Thánh Nhất thấy Bồ Tát có hình dạng giống như Địa Tạng Bồ Tát, đội mũ Tỳ Lô, Địa Tạng Bồ Tát đội mũ, kim thân, tức toàn thân là sắc vàng, Ngài thấy hình tượng ấy. Một pháp sư khác thấy Bồ Tát hiện hình Bạch Y Quán Âm giống như chúng ta thường thấy [hình tượng] Bạch Y Quán Âm, thầy ấy thấy hình dáng đó. Còn một vị pháp sư nữa thì thấy Ngài là người xuất gia, mang hình dáng tỳ-kheo. Quý vị thấy ba người cùng lúc lạy Quán Âm Bồ Tát tại động Triều Âm, đều thấy được Bồ Tát, nhưng hóa thân khác nhau, thời gian dài hay ngắn cũng khác nhau. Có người thấy hơn nửa giờ rồi tướng ấy chẳng còn nữa. Có người thấy mấy phút; đây là mỗi cá nhân duyên phận khác nhau. Những việc như vậy rất phổ biến, cũng có thể là bản thân chúng ta đã từng gặp.

Chúng ta lại thấy cụ Niệm Tổ viết tiếp: “*Kim chỉ thủ Phật cập đệ tử sư tư cơ cảm tương ngộ chi khoảnh, thuyết thính sự tất, tiện danh Nhất Thời dã*” (Nay chỉ lấy lúc Phật và đệ tử, thầy trò cơ cảm gặp gỡ, nói nghe xong xuôi bèn gọi là Nhất Thời). Đây là cách nói của những nhà giảng kinh từ xưa, những pháp sư giảng kinh đều chọn cách nói này để giải thích chữ “*nhất thời*”, “*nhất thời*” là lúc gặp gỡ. Thích Ca Mâu Ni Phật khai thị, giảng kinh Vô

¹⁷[5] “Thị xích” (市尺) là đơn vị đo lường được áp dụng tại Đài Loan và Hương Cảng. Chữ “*thị xích*” hàm ý thước được dùng trong thị trường nhằm phân biệt với Công Xích (mét) và Anh Xích (foot). Một thị xích bằng 1/3 mét, tức 33,33 cm. Một thị xích gồm mười thốn (tấc), như vậy một thước đời Châu bằng sáu thốn của thị xích, tức là chừng 18 cm.

Lượng Thọ cho chúng ta, giảng viên mãn bộ kinh Vô Lượng Thọ này thì gọi là “*nhất thời*”. Rất nhiều nhà giảng kinh đều nói theo cách này; vì thế, quý vị thấy Phật Địa Luận cũng giảng giống như vậy: “*Thuyết thính cứu cánh, tổng ngôn nhất thời*” (nói nghe xong xuôi, gọi chung là “nhất thời”). Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, chúng ta nghe pháp, Ngài giảng xong, chúng ta cũng nghe xong, đây là “*nhất thời*”. “*Thị cố kinh trung bất ngôn mỗ niên, mỗ nguyệt, đản dĩ sự cập đệ tử, cơ ứng hòa hợp, thuyết thính sự tất, tức danh nhất thời*” (Vì thế trong kinh chẳng nói năm nào, tháng nào, chỉ lấy chuyện thầy và đệ tử cơ cảm tương ứng, hòa hợp, nói và nghe xong xuôi, liền gọi là Nhất Thời). “*Cơ ứng*”: Cơ là học trò, chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng, “*cơ ứng hòa hợp*” cũng chính là cảm ứng đạo giao. Nói nghe đã viên mãn, bèn gọi là Nhất Thời.

Tiếp đó, cụ Hoàng bảo chúng ta: “*Hựu kinh trung bất cử niên nguyệt giả, các địa lịch pháp bất đồng*” (lại nữa, trong kinh chẳng nêu năm tháng vì lịch pháp các nơi sai khác), lịch pháp Ấn Độ và Trung Quốc khác nhau, dấu ghi chép năm, tháng, ngày thì người Hoa cũng chẳng có cách nào khảo sát. “*Hựu thế giới thời phân bất nhất*” (lại nữa cách phân định thời gian trên thế giới chẳng giống nhau). Nếu quý vị mở rộng phạm vi, hướng đến đại thế giới, nay chúng ta gọi là “*múi giờ sai khác*” (thời sai) thì múi giờ sai biệt khác nhau. “*Tứ Thiên Vương Thiên nhất nhật, tiện thị nhân gian ngũ thập niên*” (một ngày trên cõi trời Tứ Thiên Vương là năm mươi năm trong nhân gian), Tứ Thiên Vương là tầng thấp nhất của sáu tầng trời thuộc Dục Giới, gần chúng ta nhất, [bốn thiên vương trong tầng trời ấy] được gọi là Tứ Đại Thiên Vương. Thời gian trên cõi trời ấy khác biệt với thời gian trên địa cầu rất lớn, một ngày của họ bằng năm mươi năm trong nhân gian. Đao Lợi Thiên lại lâu gấp đôi. Người Trung Quốc gọi [chúa tể] Đao Lợi Thiên là Ngọc Hoàng Đại Đế, một ngày trên trời Đao Lợi bằng một trăm năm trong nhân gian. Lên cao hơn, tầng gấp bội. Một ngày trên trời Dạ Ma bằng hai trăm năm trong nhân gian. Một ngày trên Đâu Suất Thiên, đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát ở đó, một ngày ở đó bằng bốn trăm năm trong nhân gian. Vì thế, Đâu Suất Thiên thấy nhân gian rất đáng thương, con người sống một trăm tuổi, chỉ là một phần tư của một ngày [trên Đâu Suất Thiên], tức sáu giờ, họ thấy chúng ta chỉ sống sáu giờ, chưa được nửa ngày. Vì thế, nói “*thời phân chẳng nhất định*”.

“*Thả hiện đại khoa học chứng minh*” (hơn nữa, khoa học hiện đại chứng minh), lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ học khoa học, “*thái dương vi nhiều Ngân Hà hệ trung tâm vận hành nhất châu (tức thái dương thượng chi nhất niên)*” (mặt trời xoay quanh hệ Ngân Hà một vòng, tức là một năm mặt trời), một vòng ấy được gọi là một năm, tức “*thái dương niên*”, một năm mặt trời bằng bao nhiêu năm trên địa cầu? “*Tương đương u địa cầu thời gian chi nhị vạn vạn niên*” (tương đương với thời gian hai vạn vạn năm trên địa cầu), hai ức năm! Mặt trời xoay quanh Ngân Hà một vòng, một năm mặt trời là hai ức năm trên nhân gian. “*Tất thời gian tùy vật thể vận động tốc độ nhi biến dị, bản phi định lượng. Cố kinh trung kỳ ngôn nhất thời tối thiết thực tế*” (vậy thì thời gian tùy thuộc tốc độ chuyển động của vật thể mà thay đổi khác biệt, vốn chẳng phải là một đại lượng cố định. Vì thế, trong kinh nói “nhất thời” sát với thực

tế nhất). Nói thật ra, nói “*nhất thời*” hay quá, “*nhất thời*” là gì, rốt cuộc giải thích như thế nào? Nay chúng tôi đã hiểu, liễu giải ý Phật, tức là như Di Lặc Bồ Tát đã nói một niệm, trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, một niệm ấy là “*nhất thời*”. Tất cả hết thấy hiện tượng vật chất trong vũ trụ đều là huyễn tướng tích lũy liên tục của ý niệm, do vậy, nói “*nhất thời*” rất chính xác, rất chân thật. “*Nhất niệm*” là một phần trong ba trăm hai mươi triệu phần của một cái khảy ngón tay, chẳng phải là một giây; nếu là giây thì giây hãy còn dài, niệm là [một phần rất nhỏ] của một cái khảy ngón tay.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Phật giả, Chủ Thành Tựu dã*” (Phật là Chủ Thành Tựu), Chủ là chủ tịch đại hội, chủ giảng trong giảng đường, ở đây, chúng tôi dùng chữ “*chủ giảng*” mọi người sẽ dễ hiểu. Vì đức Phật giáo học, nên lão nhân gia là chủ giảng. “*Phật vi nhất thiết chúng sanh chi tông chủ, cố danh vi Chủ*” (Đức Phật là đáng chánh yếu được hết thấy chúng sanh tôn sùng, nên gọi là Chủ). Đối với ý nghĩa chữ Tông (宗), tại Trung Quốc, nói thông thường sẽ có ba ý nghĩa: Thứ nhất là chủ yếu, ý nghĩa thứ hai là trọng yếu, ý nghĩa thứ ba là tôn sùng. Vì vậy, chúng ta dùng ba ý nghĩa này để nói về Phật giáo, giáo dục của Phật Đà là gì? Giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế gian này là giáo dục chủ yếu, là giáo học trọng yếu, là sự giáo hóa đáng tôn sùng. Bản thân Phật môn xưng là Tông Giáo, chẳng liên quan gì đến ý nghĩa được bao hàm trong danh từ “tôn giáo” hiện thời. Bản thân Phật môn xưng là Tông Giáo, vì nó có hai thứ phương pháp giáo học hoàn toàn khác nhau là Tông Môn và Giáo Hạ. [Tông Môn] là Thiên Tông, phương pháp giáo học của Thiên Tông và chín tông [còn lại] khác nhau, chín tông kia gọi là Giáo Hạ, giống như trong trường học, [Giáo Hạ] là nói với ai? Nói với kẻ độn căn. Trong Phật pháp, thường nói là [những giáo huấn] “giảng cho căn cơ trung hạ”, [căn cơ trung hạ] chiếm tỷ lệ tối đa, nên phải dùng Giáo, Giáo là giáo học trong một thời gian dài. Vì vậy, đề xướng “*thâm nhập một môn, huân tu dài lâu*” dành cho người thuộc căn cơ trung hạ. Đối với người thượng thượng căn, thông minh tuyệt đỉnh, thiên tài, chẳng cần phải phiền phức như thế, họ có năng lực đốn ngộ.

Vì thế, nói thật ra, đốn ngộ là ngộ như thế nào? Buông xuống bèn khai ngộ, trong kinh, đức Phật đã nói điều này rất rõ ràng. Chúng ta đều nên ghi nhớ, cũng có thể nói là đối với vọng tưởng, phân biệt, chấp trước như kinh Hoa Nghiêm đã nói, quý vị có thể đốn xả ba thứ ấy, hễ buông xuống bèn khai ngộ. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ở dưới cội Bồ Đề, ban đêm thấy sao Mai, do triệt để buông xuống bèn đại triệt đại ngộ. Trong phương trạng thất của Ngũ Tổ, Huệ Năng đại sư nghe câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, Ngài buông xuống bèn khai ngộ, một ngộ, hết thấy ngộ. Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, không có pháp nào chẳng thông đạt, chẳng bị pháp nào chướng ngại, đây là khai ngộ thật sự. Hễ còn có một pháp chẳng hiểu rõ, chẳng thông đạt, tức là chưa khai ngộ, chẳng phải là triệt ngộ. Bởi lẽ, ngộ có triệt ngộ, đại ngộ, và tiểu ngộ, rất nhiều tầng lớp. Kẻ độn căn tích tập tiểu ngộ thành đại ngộ, tích tập đại ngộ thành đại triệt đại ngộ, dần dần, thời gian ấy rất dài. Phải ngộ như thế nào? Hãy nhớ buông xuống. Không buông xuống, học cách nào cũng chẳng ngộ.

Khai ngộ chẳng dính dáng đến học hay không học, trong Đàn Kinh đã ghi chép lời Huệ Năng đại sư nói với tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Do vậy ta biết, [khai ngộ] chẳng liên quan đến học tập kinh giáo nhiều hay ít, chẳng có mối liên hệ gì. Thông thường, đối với người khai ngộ thì người khai ngộ chú trọng buông xuống, một môn sẽ hữu hiệu nhất, dễ dàng buông xuống. Học rất nhiều pháp môn, đâm ra sẽ khó khăn, chẳng dễ gì buông xuống, dễ biến thành học thuật, biến giáo huấn của Phật Đà thành Phật học, biến thành một thứ học thuật, không thể thụ dụng. Thật sự được thụ dụng thì phải đạt được học vị trong Phật môn. Buông chấp trước xuống, quý vị chứng quả A La Hán. Buông phân biệt xuống, quý vị là Bồ Tát, đạt được Chánh Đẳng Chánh Giác. Buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị là Phật Đà, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật giảng như vậy rất nhiều. Chúng ta phải thường thấu hiểu trong tâm, biết phải tu hành ra sao, giúp chính mình đắc Định. Điều này vô cùng quan trọng, đắc Định là tam-muội. Chúng ta tu pháp môn Niệm Phật, đắc Niệm Phật tam-muội, có ích to lớn cho sự vãng sanh của chúng ta. Chưa đạt được Niệm Phật tam-muội, vãng sanh sẽ sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu đắc tam-muội, sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu khai ngộ, đại triệt đại ngộ, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, khác nhau! Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, lịch đại tổ sư Bồ Tát buốt lòng rất miệng nói lời chân thật, dạy chúng ta thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Quý vị có thể học tập như vậy, quyết định thành tựu trong một đời. Thành tựu là vãng sanh, vãng sanh là thật sự thành tựu, vãng sanh đúng là thành Phật trong một đời. Do kháng kháng một mực, tâm người ấy sẽ định. Lan man quá nhiều, tâm luôn xao động, phập phều, nói chung là chẳng thể định, chúng ta thử xem sẽ biết. Quý vị đồng thời học mấy pháp môn, tâm sẽ chẳng thể định. Học một pháp môn trong một thời gian dài, tâm sẽ định. Trì giới giúp quý vị đắc định; vì thế, trì giới vô cùng trọng yếu, chớ nên xem nhẹ.

Tiếp đó, sách viết: “*Hựu lục thành tựu trung, Chủ Thành Tựu tối vi chủ cốt*” (Lại nữa, trong sáu thứ thành tựu, Chủ Thành Tựu là chủ yếu nhất), điều này trọng yếu nhất. Phật là vị chủ giảng, tức là chủ giảng trong buổi học, không có Ngài, những điều thành tựu khác há có tác dụng gì? Do vậy, [Chủ Thành Tựu] trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác. Tiếp đó, sách giải thích chữ “Phật”, chữ này rất trọng yếu. Xã hội hiện tại nầy sanh sự hiểu lầm nghiêm trọng đối với Phật. Sự hiểu lầm ấy chướng ngại rất nhiều người trong cả đời này, khiến cho họ đối với cơ hội tốt đẹp ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. Vì nói về mặt lợi ích nhỏ nhất của cơ hội này thì nó có thể giúp quý vị khỏe mạnh, trường thọ, Phật pháp có thể giúp quý vị thăng quan, phát tài, phá mê, khai ngộ, tăng trưởng trí huệ. Những thứ nhân gian chúng ta cần đến, Phật pháp đều giúp được, thật sự có thể giúp, chẳng giả tí nào! Lúc tôi mới học Phật, thầy bảo tôi: “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Bất luận quý vị cầu gì, quý vị thấy: Cầu thành Phật mà còn có thể làm được, thì cầu phú quý trong cõi trời người đáng gọi là “lông gà, vò tỏi”, quá dễ dàng! Thầy nói trong kinh Phật có căn cứ lý luận, đạo lý, và phương pháp để cầu, đúng lý, đúng pháp, không có gì chẳng cầu được! Quý vị cầu chẳng được, không có cảm ứng, là do nguyên nhân nào? Quý vị không đúng pháp, chẳng đúng lý. Đúng lý, đúng pháp mà cầu

không được là do quý vị nghiệp chướng rất nặng. Chỉ cần sám trừ nghiệp chướng, những điều mong cầu sẽ cảm ứng lập tức hiện tiền, thật đấy, chẳng giả đâu! Nói theo nguyên lý, đó là nguyên lý vĩnh hằng không thay đổi trong kinh Phật, hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, chẳng giả tí nào. Hiện thời các nhà Lượng Tử Lực học đã phát hiện đạo lý này. Tôi tin tưởng khoa học Lượng Tử dăm ba năm nữa sẽ rất phổ biến, rất hữu ích cho nhân loại, thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết nhiều vấn đề.

Đức Phật dạy chúng ta, nay mọi người cầu của cải, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, trường thọ, mọi người mong cầu những điều ấy, trong Phật pháp có phương pháp. Tôi biết phương pháp ấy là do thuở tôi học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi, [lúc ấy] tôi hai mươi sáu tuổi. Số mạng tôi rất khổ, là số mạng bần tiện, bần là không có của cải, tiện là không có địa vị xã hội, bần tiện đến tột cùng! Thầy dạy tôi cách thoát khỏi bần tiện, muốn thoát khỏi, dùng phương pháp gì? Ngài bèn dạy tôi: “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Cửa cải do đâu mà có? Cửa cải là quả báo, quả ắt có nhân. Nhân là gì? Nhân là tài bố thí, xả tài được phước. Mạng tôi nhằm trúng vận mạng bần tiện, lấy đâu ra tài? Cuộc sống vô cùng khôn khó, gần như tự lo cho mình còn không xong, tiền đâu để bố thí? Thầy hỏi tôi: “Một cắc có hay không?” Một cắc thì vẫn còn được! “Một đồng có được hay không?” Một đồng cũng rất miễn cưỡng, còn có thể, chứ nhiều hơn thì không nổi! Thầy dạy tôi: “Anh hãy bắt đầu từ một cắc, một đồng, phải dưỡng thành cái tâm bố thí, thường có lòng giúp đỡ người khác”. Sau đấy, tôi còn hiểu: Tôi không có tiền thì tôi làm công quả. Công quả là nội tài bố thí, phước báo còn lớn hơn nữa. Tiền tài là ngoại tài, ngoại tài dẫu nhiều, phước báo không lớn, nội tài phước báo lớn. Tôi dùng thể lực, thời gian, và trí huệ của chính mình để phục vụ đại chúng, đó đều gọi là “nội tài bố thí”, đều thuộc tài bố thí, đạt được của cải. Thầy dạy, tôi bèn thật sự làm. Nhân của thông minh, trí huệ là quả báo là gì? Nhân là pháp bố thí. Pháp là gì? Ta biết, ta hiểu, bèn hoan hỷ truyền dạy người khác, vui vẻ dạy người khác, người khác chẳng hiểu, ta dạy họ, đó gọi là pháp bố thí. Pháp bố thí có quả báo là tăng trưởng thông minh, trí huệ.

Loại thứ ba là vô úy bố thí, quả báo là được khỏe mạnh, trường thọ. Vô úy là gì? Giúp hết thấy chúng sanh khổ nạn rời lìa kinh hoảng, sợ hãi, đó là vô úy bố thí. Đặc biệt là khi đau khổ, ngã bệnh, cần người khác giúp đỡ, khi gặp nạn gấp cần người khác giúp đỡ, gặp người có khó khăn bèn giúp một tay, sẽ được khỏe mạnh, trường thọ. Trong cuộc sống hằng ngày, quan trọng nhất là chẳng sát sanh, không ăn thịt. Đó là gì? Đấy là vô úy bố thí, quý vị chẳng tổn hại chúng sanh. Tích cực phóng sanh. Phóng sanh là cứu mạng, một con cá, một con tôm cũng là một cái mạng, quý vị có thể giúp cho chúng sống thêm vài ngày, chúng rất cảm ơn quý vị; quả báo là được khỏe mạnh, trường thọ. Tôi tiếp nhận lời giáo huấn của thầy; vì thế, quý vị thấy tôi bắt đầu học tập chưa đầy nửa năm bèn ăn chay trường. Vì sao? Vì tôi biết chính mình thọ mạng chẳng dài, rất nhiều người xem tướng, đoán số cho tôi, nói tôi sống không quá bốn mươi lăm tuổi. Tôi tin tưởng, thọ mạng của chính mình đã định sẵn là bốn mươi lăm tuổi, học Phật đến năm bốn mươi lăm tuổi, nhất định phải có thành tựu, vì sau bốn mươi lăm tuổi sẽ chẳng còn [cái thân] nữa! Do vậy, tôi cũng rất sốt sắng học tập ba thứ bố thí

ấy. Khó khăn đến đâu, tâm bố thí vẫn là chân tâm, thật sự làm. Hiệu quả vô cùng rõ rệt, đúng là từ khi phát tâm ấy, một đồng, một cắc bố thí, sau đôi ba năm, thâm nhập tăng hơn nhiều, hữu hiệu. Bố thí càng nhiều hơn, càng thí càng nhiều, chẳng giả tí nào, chứng minh những điều đức Phật đã giảng trong kinh là thật.

Pháp bố thí là học kinh giáo. Lên đài giảng kinh, ba thứ bố thí đầy đủ. Giảng kinh cần đến thể lực, thời gian, tinh thần, đấy là gì? Nội tài bố thí. Giảng giải kinh điển Phật pháp cho mọi người, đó là pháp bố thí. Sau khi quý vị thật sự nghe hiểu kinh điển, học tập, có thể tiêu trừ hết thảy khổ nạn, đó là vô úy bố thí. Vì vậy, thuở ấy, thầy cổ vũ, khích lệ tôi giảng kinh, lên đài giảng kinh. Khi thầy khích lệ tôi, tôi sợ hãi, thưa: “Con đến Đài Trung là để nghe kinh, theo thầy học tập, con chẳng dám lên đài giảng kinh. Con còn nghe nói, trong Phật môn có lời truyền: ‘Nói trật một chữ, sẽ phải đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời’, sợ quá, làm sao dám giảng?” Cuối cùng vẫn nghe theo quyết định của thầy. Thầy nói: “Đúng vậy, nói trật một chữ, tự đọa làm thân chồn hoang, chuyện ấy chẳng phải là giả, thật đấy! Nhưng vào thời cổ, giảng kinh phải chứng quả thì mới có thể giảng kinh; chưa chứng quả, chẳng thể giảng kinh. Vì thế, cổ thánh tiên hiền chú giải kinh đều là người đã chứng quả, chẳng phải là phàm nhân; nhưng trong thời đại hiện tại, không chỉ chẳng có người chứng quả, mà người khai ngộ cũng không có. Nếu chúng ta chẳng phát tâm giảng, Phật pháp sẽ bị tiêu diệt trong đời này”. Thầy nói lời ấy, lời lẽ nghiêm trọng, cách làm ra sao? “Chúng ta nhất định phải phát tâm cứu vớt Phật giáo. Do vậy, anh nhất định phải phát tâm học giảng kinh. Giảng bằng cách nào trong khi chính mình chưa khai ngộ? Giảng chú giải của cổ nhân. Chúng ta giảng trật là do cổ nhân chú giải trật, họ chịu trách nhiệm, chúng ta chẳng lãnh trách nhiệm”. Thầy chỉ điểm khiến chúng tôi tỉnh ngộ. [Giảng kinh trong hiện thời] giống như chú giải của cổ nhân viết bằng lối văn Văn Ngôn, chúng ta dịch Văn Ngôn thành văn Bạch Thoại, chúng ta có thể làm được điều này. Nếu chúng ta gặp khó khăn khi đọc Văn Ngôn, nay các pháp sư cận đại có chú giải bằng văn Bạch Thoại, chúng ta dùng những thứ ấy. Thầy chỉ định chú giải của những vị nào có thể đọc, vì sao? Họ có tu, thật sự tu hành, chẳng nói tùy tiện. Thầy chỉ định tôi đọc [các bản chú giải] của pháp sư Đế Nhân, pháp sư Đàm Hư, pháp sư Viên Anh, và pháp sư Hưng Từ, kể ra bảy tám thứ, “anh đọc những tác phẩm của các vị pháp sư ấy sẽ chẳng trật”. Chúng tôi đi theo con đường ấy mới phát khởi tâm học giảng kinh; vì lẽ đó, chẳng rời chú giải của cổ nhân.

Tôi giảng kinh Hoa Nghiêm theo hai vị thầy, một vị là Thanh Lương, vị kia là cư sĩ Lý Thông Huyền, [tức là dựa trên hai bản chú giải Hoa Nghiêm Kinh] Sớ Sao của Thanh Lương đại sư và Hợp Luận của Lý Thông Huyền. Tôi tham khảo hai bản chú giải ấy để giảng. Lần này, chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, hoàn toàn dùng bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Tôi vô cùng cảm tạ cụ đã soạn chú giải cho kinh này hay như thế, thật khó có! Tôi và cụ đến lúc tuổi già mới gặp được nhau, lúc ấy, cụ đã bảy mươi mấy tuổi, tôi ngoài sáu mươi. Người đầu tiên gọi tôi là “lão pháp sư” chính là cụ. Sáu mươi tuổi là lão nhân, tôi đã hơn sáu mươi tuổi. Gặp cụ ở Bắc Kinh, cụ liền bảo học trò gọi tôi là lão pháp sư. Viết bản

chú giải này chẳng dễ dàng, cụ một thân bệnh tật nặng nề, ngày đêm chẳng ngủ, chẳng nghỉ ngơi, hoàn thành bản chú giải này, tôi thấy vậy vô cùng cảm động. Sau khi sách hoàn thành, cụ muốn tôi viết lời tựa, tôi cũng vâng lệnh viết, quý vị đã thấy [lời tựa ấy] trong bản Chú Giải. Vì vậy, tôi giảng lần này nhằm kỷ niệm cụ, đặc biệt treo hình cụ ở đây. Lúc cụ vãng sanh, gần như là trong thời gian nửa năm, mỗi ngày cụ niệm Phật hiệu mười bốn vạn câu, sanh về thế giới Cực Lạc. Sau khi hoàn thành chú giải, cụ thật sự buông xuống hết thảy. Cụ đã học rất nhiều, từng học Thiên, theo lão hòa thượng Hư Vân học Thiên, cũng học Mật, Tông Môn, Giáo Hạ cụ đều đã từng nghiên cứu, tới lúc mạng chung đều buông xuống hết, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng. Điều này có liên quan đến thầy cụ. Thầy của cụ là cư sĩ Hạ Liên Cư. Cư sĩ Hạ Liên Cư cũng thông Tông, thông Giáo, cuối cùng, lúc mất là một câu Phật hiệu, nhất tâm chuyên cầu Tịnh Độ.

Tôi theo thầy Lý mười năm, nói thật ra, thầy cũng là Tông, Giáo, Hiền, Mật đều thử qua, cụ dạy tôi chớ nên lãng phí thời gian, mà hãy thâm nhập một môn, chuyên tu Tịnh Độ, thời gian [đã tốn để học các tông, các pháp khác] đúng là lãng phí. Quý vị thấy: Đến cuối cùng, hữu dụng vẫn là một câu Phật hiệu, giúp cụ vãng sanh. Do vậy biết: Người thật sự vãng sanh với phẩm vị cao là ai? Ông già bà cả ở làng quê, chuyện gì cũng đều chẳng biết, thứ gì cũng chưa từng học, cứ một câu A Di Đà Phật niệm suốt ngày từ sáng đến tối. Lúc ra đi, đứng mất, ngồi mất, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, thật tuyệt vời! Vì thế, thầy Lý thường nói: *“Học theo kẻ ngu, tự mình muốn học theo kẻ ngu, mà mấy chục năm học chẳng giống!”* Ngu nhưng không ai sánh bằng, cổ nhân nói câu ấy hết sức có lý! Thông minh, tự cho mình là thông minh, chẳng bằng bà cụ già ở nông thôn, suốt đời nhất tâm, một môn, phẩm vị vãng sanh cao. Quý vị thấy người đồ đệ làm nghề vá nôi, chuyện này rất nhiều người biết, pháp sư Đế Nhân đã nói về trình độ và thành tựu của người thợ vá nôi như sau: *“Những vị phương trượng trụ trì các đại đạo tràng tại các danh sơn đương thời đều chẳng bằng ông, đại pháp sư giảng kinh, giáo học cũng chẳng bằng ông”*. Quý vị thấy ông ta chẳng sanh bệnh, biết trước lúc mất, đứng mất. Sau khi đã chết, vẫn đứng sừng sững ba ngày, chờ thầy đến lo liệu hậu sự. Người đã chết vẫn đứng ba ngày, có vị pháp sư giảng kinh, hay phương trượng trụ trì nào có thể sánh bằng ông ta? Ông ta niệm một câu A Di Đà Phật ba năm, thời gian cũng chẳng dài, nêu gương tốt đẹp!

Khoảng bốn mươi năm trước, lúc Phật Quang Sơn vừa mới khai sơn, lập một Phật Học Viện, pháp sư Tinh Vân tìm tôi, tôi dạy mười tháng ở đó, đảm nhiệm chức chủ nhiệm giáo vụ. Có một ngày, có một người thợ làm công dài hạn [cho nhà chùa] bảo tôi: Ở quê ông ta thuộc vùng nông thôn Đài Nam, hàng xóm có một bà cụ già, chuyện gì cũng chẳng biết, con dâu của cụ hiểu Phật pháp đôi chút. Bà cụ lạy thần, lễ Phật, gì cũng lạy tuốt! Cưới cô con dâu ấy về, nàng dâu khuyên mẹ chồng đừng đi khắp nơi lạy lục lung tung, hãy lập Phật đường trong nhà, chuyên niệm A Di Đà Phật. Mẹ chồng rất nghe lời nàng dâu, thật sự làm, niệm ba năm, đứng vãng sanh. Người công nhân ấy kể cho tôi biết, đó là chuyện thật, chẳng giả tí nào, chính mắt ông ta thấy, niệm Phật ba năm đầy nhé! Những người ấy vãng sanh phẩm vị

tuyệt đối chẳng phải là hạ bói vãng sanh. Vãng sanh với thành tựu giống như vậy, phẩm vị chắc chắn là thượng bói, chẳng phải là trung hạ. Ra đi tiêu sái, tự tại đường ấy, những người ấy thị hiện cho chúng ta thấy.

Chuyện gần nhất là mấy năm trước, phải là bốn hay năm năm trước, ông Hoàng Trung Xương ở Thâm Quyển, là một người trẻ tuổi, ba mươi mấy tuổi, phát nguyện thí nghiệm: “Tôi bế quan niệm Phật ba năm thử coi có được hay không?” Mỗi ngày một bộ kinh Vô Lượng Thọ, bản hội tập, thời gian còn lại đều là niệm A Di Đà Phật. Chiều theo phương pháp lão hòa thượng Đệ Nhàn đã dạy người thợ vá nồi, niệm mệt bèn nghỉ ngơi, chẳng phân biệt ngày hay đêm, niệm mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp. Ông ta phát tâm niệm ba năm, niệm tới hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng nữa mới viên mãn, đã ra đi. Biết trước lúc mất, niệm hai năm mười tháng bèn thành công, vãng sanh. Ông này được bà Hướng Tiểu Ly hộ trì. Hướng Tiểu Ly đã thật sự bảo vệ, đưa một người về thế giới Cực Lạc, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Đại Từ Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị có thể diu dắt hai người vãng sanh, công đức ấy vượt trội chính mình niệm Phật. Vì sao quý vị có thể vãng sanh? Đến lúc lâm chung, họ sẽ theo A Di Đà Phật cùng đến tiếp dẫn quý vị. Điều này cho thấy công đức đưa người khác đi vãng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, phải giảng rõ ràng chữ Phật này, phải giảng minh bạch, thật sự có chuyện ấy, chắc chắn chẳng phải là mê tín.

Đối với bốn ý của chữ Phật, chúng ta hãy xem đoạn sau đây: “*Phật giả, Phạn ngữ vi Phật Đà*” (Phật là Buddha trong tiếng Phạn), trong rất nhiều kinh điển, phía sau còn có một chữ nữa, tức là Phật Đà Da (Buddhaya), đó là tiếng Phạn. “*Kim chỉ ngôn Phật, nãi tinh văn dã*” (nay chỉ nói là Phật là lược bớt vậy). Người Hoa chuộng đơn giản, chẳng thích rườm rà, lược bớt âm cuối, đối với chữ Phật Đà Da, chỉ chừa lại một chữ Phật, hai chữ ở phía sau đều lược bớt, tinh lược. “*Dịch vi Hoa ngôn, tắc vi Giác Giả. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn*” (dịch sang tiếng Hán là Giác Giả, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn). Chữ này nghĩa là gì? Nghĩa là giác ngộ. Giác Giả là người giác ngộ, giác ngộ là gì? Một là tự giác, tức là chính mình giác ngộ. Thứ hai là giác tha, tức giúp cho người khác giác ngộ. Thứ ba là tự giác và giác tha đều đạt tới viên mãn. Viên mãn là gì? Minh tâm kiến tánh là viên mãn, nói theo kiểu này. Nếu giác mãn là hết thấy chúng sanh đều giác ngộ, vậy thì rất nhiều chúng sanh vẫn chẳng giác ngộ, làm sao quý vị có thể thành Phật cho được? Vì thế, Giác Tha chẳng có ý nghĩa này! Giác Tha là gì? Giác Tha giúp đỡ tự giác. Người Trung Quốc nói: “*Giáo học tương trợ*” (dạy và học giúp nhau cùng tiến bộ), thật sự giáo học là giác ngộ. Có rất nhiều thứ chính mình không biết, nhưng trong khi dạy học, khi cùng các bạn học hỏi đáp, trí huệ sẽ dấy lên, liền hiểu rõ; vì thế, “*giáo học tương trợ*”. Trong giáo học cũng có thể đắc tam-muội, cũng có thể hoát nhiên đại ngộ. Vì thế, viên mãn là “*minh tâm kiến tánh bèn viên mãn*”; chưa đạt đến minh tâm kiến tánh, vẫn là Bồ Tát. Minh tâm kiến tánh bèn thành Phật.

“*Tự giác dị ư phàm phu bất giác*” (tự giác: Khác với phàm phu bất giác), tự giác thuộc giai đoạn nào? A La Hán. A La Hán thật sự tự giác, cũng có thể nói là buông xuống chấp trước đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, tự giác rồi. Quý vị chẳng

buông xuống, dẫu học nhiều đến đâu, giảng nhiều đến đâu, trước tác suốt một đời, vẫn là bất giác, chẳng thoát ly sanh tử luân hồi. Người tự giác xuất ly lục đạo, thật sự tự giác. Phạm phu, tức là lục đạo phạm phu, dẫu sanh lên trời Phi Tướng Phi Tướng, tức là tầng cao nhất trong hai mươi tám tầng trời, vẫn không thoát khỏi lục đạo, chẳng thể coi là giác ngộ được! “*Phạm phu*” là chúng sanh trong lục đạo. “*Giác tha dị ư Nhị Thừa chi độc giác*” (giác tha là khác với Nhị Thừa chỉ giác ngộ riêng mình), đây là Bồ Tát. Nhị Thừa là Thanh Văn và Duyên Giác, cũng là A La Hán và Bích Chi Phật, tâm lượng của họ chẳng lớn, chỉ cầu tự giác. Họ cũng giác tha, nhưng chẳng chủ động dạy người khác. Có ai theo họ học tập, họ thích kẻ ấy bèn dạy bảo; nếu chẳng ưa thích bèn chẳng đoái hoài, đó là nói về duyên phận, chẳng giống như Bồ Tát. Đối với hết thảy chúng sanh, Bồ Tát bình đẳng dạy bảo, làm bạn chẳng thành của chúng sanh, chúng sanh chẳng tìm Ngài, Ngài chủ động tìm đến để dạy quý vị, chủ động mà! Thích giúp đỡ người khác, đây là Bồ Tát. “*Giác mãn dị ư Bồ Tát chi tại nhân*” (giác mãn, khác với Bồ Tát đang tu nhân), “*mãn*” là minh tâm kiến tánh, viên mãn. Người ấy có thể buông khởi tâm động niệm xuống. Khởi tâm động niệm gọi là vọng tưởng; chẳng khởi tâm, không động niệm, buông vọng tưởng xuống, trở về nương vào tự tánh, bèn minh tâm kiến tánh, đây là thành Phật, cho nên gọi là viên mãn. Bồ Tát thì sao? Bồ Tát còn đang tu học, vẫn chưa đạt đến viên mãn. Vì thế, Bồ Tát chỉ là buông phân biệt, chấp trước xuống, nhưng khởi tâm động niệm chưa buông xuống. Buông khởi tâm động niệm xuống bèn thành Phật.

“*Tam giác câu viên, chúng thánh trung tôn, cố xưng vi Phật*” (ba thứ giác đều viên mãn, là bậc cao quý nhất trong các vị thánh, nên gọi là Phật). Sở dĩ Phật là người giác ngộ viên mãn, Giác Giả là bậc giác ngộ viên mãn, mang ý nghĩa này. Vì thế, Phật chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là tiên, mà là người, người nào vậy? Là chính mình. Bản thân chúng ta đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn chấp trước nữa, biết “*hễ có hình tướng đều là hư vọng*”, thật sự có thể buông xuống, quý vị là tự giác. Người Ấn Độ gọi bậc tự giác là A La Hán, A La Hán tự giác. Buông phân biệt xuống, không chỉ chẳng chấp trước, mà đối với hết thảy các pháp ngay cả tâm phân biệt đều không có, người ấy là Bồ Tát. Không chỉ chẳng phân biệt, ngay cả khởi tâm động niệm cũng không có, tâm địa thật sự trở về thanh tịnh, bình đẳng, giác, người ấy thành Phật. Vì thế, Phật là chính mình, chẳng phải là ai khác. Phật, Bồ Tát, A La Hán là ba danh xưng học vị trong Phật giáo, mỗi cá nhân đều có thể đạt được những học vị ấy. Nếu quý vị thật sự hạ tâm quyết định, trong một đời này, phân biệt, chấp trước thảy đều buông xuống, quý vị bèn thành Phật. Chẳng phải là ai khác, chẳng liên quan đến người khác. Người khác thành Phật, liên quan gì đến ta? Thích Ca Mâu Ni Phật giáo học nhằm mong mỗi chính chúng ta sẽ thành Phật, không phải là đi lạy vị Phật nào khác! Lạy vị Phật khác, Ngài sẽ lắc đầu, quý vị đến tìm ta để làm gì? Sai lầm rồi! Sau khi quý vị hiểu rõ, chính mình phải đổ công, chính mình thật sự buông xuống, chuyện này chẳng dính dáng gì đến học hay chẳng học, buông xuống là được! Học mà chẳng thể buông xuống, sẽ biến thành một nhà Phật học. Thuở xưa không có những học giả trong Phật môn như hiện

thời, chẳng có danh xưng ấy. Cổ nhân đều là thật tu, quý vị có thể buông xuống bao nhiêu, linh tánh sẽ được nâng cao lên bấy nhiêu. Quý vị chẳng thể buông xuống, tập khí phiền não sẽ khiến quý vị đọa lạc thấp hơn. Quý vị có thể buông xuống, sẽ được nâng cao lên, đạo lý là như vậy. Vì thế, ba thứ giác, tự giác, giác tha viên mãn. Do đã viên mãn nên là “*chúng thánh trung tôn*” (bậc tôn quý trong các thánh). “*Chúng thánh*”: Từ Tu Đà Hoàn trở lên là thánh nhân. Từ Tu Đà Hoàn đến A La Hán có tám đẳng cấp. Bồ Tát từ địa vị Sơ Tín tới Phật là năm mươi hai đẳng cấp, đều gọi là thánh nhân. Trong nhiều vị thánh nhân như thế, Ngài có địa vị tối cao, được gọi là Phật, chúng thánh trung tôn.

“*Hựu vân trí giả, trí tức giác chi nghĩa*” (Lại gọi là bậc Trí, Trí có nghĩa là giác), đây là trí huệ, Phật có trí huệ. “*Trí vô bất tri, sở vị đặc Nhất Thiết Chủng Trí, tức giác mãn chi nghĩa*” (Trí không gì chẳng biết, nói “đặc Nhất Thiết Chủng Trí”, nghĩa là giác mãn). A La Hán chứng đắc Nhất Thiết Trí, Bồ Tát chứng đắc Đạo Chủng Trí, Phật chứng đắc Nhất Thiết Chủng Trí, đây là trí huệ đạt tới rốt ráo viên mãn, không gì chẳng biết. Bồ Tát còn có điều chẳng biết, A La Hán cũng thế, còn Phật thì không gì chẳng biết. Phật là ai? Chính mình. Chính mình thật sự buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị bèn khế nhập cảnh giới này. “*Tại bốn kinh trung, thử xứ Phật tự, tức chỉ đại ân từ phụ, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*” (trong kinh này, chữ Phật ở đây chỉ đấng đại ân từ phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật). Trong kinh này, Phật ở chỗ này là ai? Người giảng bộ kinh này là Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng phải ai khác. Đặc biệt chỉ ra trong bộ kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật tượng trưng ý nghĩa gì. Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, học tới đây, ngày mai tôi sẽ giới thiệu Thích Ca Mâu Ni Phật với quý vị.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 85

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi bốn, dòng thứ tư, xem từ câu thứ hai:

“*Tại bốn kinh trung, thử xứ Phật tự, tức chỉ đại ân từ phụ, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*” (trong kinh này, chữ Phật ở đây chỉ đấng đại ân từ phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật). Ngày hôm nay có các đồng học mới đến tham dự, duyên phận thù thắng khôn sánh, do vậy, ở đây, tôi phải giới thiệu Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong phần trước, đã giới thiệu ý nghĩa bao hàm trong một chữ

Phật này. Đối với sáu thứ thành tựu được nói trong kinh này: “*Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành*” (ta nghe như thế này, một thời, đức Phật ngự tại thành Vương Xá), “*Phật*” là Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài là Thuyết Pháp Chủ trong hội này. Nói theo cách bây giờ, trong khóa giảng này, Ngài là “*chủ giảng*”; do vậy, vị này vô cùng quan trọng. “*Đại ân từ phụ*” là [từ ngữ do] người đời sau tán thán ân đức thầy. Nếu chẳng có Phật Thích Ca giáo huấn, có thể nói chúng ta chắc chắn phải trải qua bao kiếp dài lâu, thời gian rất dài, dùng kiếp làm đơn vị, luân hồi trong lục đạo! Luân hồi trong lục đạo chắc chắn là khổ chẳng thể nói nổi. Phải biết lục đạo là sự thật, chúng tôi giới thiệu Bốn Sư bèn bàn tới [chuyện này]. Người học đạo trước hết phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu quý vị chẳng nhận biết Ngài, sẽ đi theo rất nhiều đường vòng. Nếu quý vị nhận biết Ngài, sẽ đỡ phải đi theo rất nhiều đường vòng, thật sự đạt được lợi ích từ sự giáo dục của Phật Đà. Do vậy, chúng ta gọi Phật Đà là Thích Ca Mâu Ni Phật, Phật Đà là danh xưng học vị trong nền giáo dục của đức Phật. Chúng tôi nói theo cách bây giờ là “*học vị*” cho mọi người dễ hiểu. Giống như trong hiện thời, nhà trường có ba loại học vị, cao nhất là Tiến Sĩ, kế đó là Thạc Sĩ, kém hơn nữa là Học Sĩ. Trong giáo dục nhà Phật cũng có ba học vị, cao nhất gọi là Phật Đà, tương đương Tiến Sĩ, thứ hai là Bồ Tát, tương đương Thạc Sĩ, thứ ba là A La Hán, tương đương Học Sĩ (Cử Nhân). Do vậy, chư vị nhất định phải biết: Phật, Bồ Tát, La Hán là người, chẳng phải là thần, mà cũng không phải là tiên, đây là những danh xưng rất thông thường, nhất định phải hiểu điều này!

Phật là thầy, Bồ Tát và A La Hán đều là học trò, đều là học trò của thầy, bất quá, họ đã đạt được học vị. Nay chúng ta học Phật vẫn chưa đạt được học vị; tuy chưa đạt được học vị, nhưng quan hệ giữa chúng ta và họ (Bồ Tát, A La Hán) là bạn học lớp trước và lớp sau. Vì thế, Bồ Tát là bạn học lớp đàn anh của chúng ta, A La Hán cũng là bạn học lớp đàn anh. Hiểu rõ ràng, minh bạch quan hệ này, ở cùng một chỗ với các học trò đàn anh sẽ thuận tiện hơn, chứ ở cùng một chỗ với Phật ắt sẽ nghiêm túc, đối với thầy do tôn sư trọng đạo, nên ở trước Phật, chúng ta ắt sẽ cung kính, còn đối với Bồ Tát sẽ có thể thoải mái hơn một chút. Do vậy, phải hiểu rõ những danh xưng này, chớ nên mơ hồ. Danh tự Thích Ca Mâu Ni Phật cũng là biểu thị pháp; do vậy, thật ra, [danh xưng] Phật Đà giống như danh xưng “*thánh nhân*” tại Trung Quốc. Người Trung Quốc nói “*thánh nhân, hiền nhân, quân tử*”. Quý vị thấy trong truyền thống văn hóa Trung Quốc cũng có ba học vị, chúng ta gọi Khổng phu tử là thánh nhân, học trò của Khổng Tử được gọi là hiền nhân. Thánh nhân tương đương với Phật Đà như người Ấn Độ đã nói, ý nghĩa vô cùng gần gũi. Quý vị thấy trong phần trước, chúng tôi đã nói Phật có nghĩa là giác ngộ, có trí huệ, đại triệt đại ngộ thì gọi là Phật. Thánh của Trung

Quốc thì sao? Thánh là hiểu rõ cội gốc. Thánh nhân là gì? Người hiểu rõ. Đối với phàm phu chúng ta mà nói, chúng ta là kẻ hồ đồ, chẳng hiểu rõ. Người hiểu rõ, thông đạt đạo lý và sự tương vũ trụ, nhân sinh, người như vậy được gọi là thánh nhân. Học theo thánh nhân, nhưng chưa đạt tới tiêu chuẩn thánh nhân thì gọi là hiền nhân. Học trò của Khổng Tử được gọi là hiền nhân, hiền nhân tương đương với Bồ Tát trong Phật pháp. Hiện thời, tuynói Phật giáo rất hưng thịnh, mọi người quý vị nói Phật giáo rất hưng thịnh, nhưng tôi nói: Theo cái nhìn của tôi, Phật pháp hiện thời suy vi đến cùng cực, vì sao? Mọi người mê tín, sùng bái Phật, Bồ Tát, A La Hán như thần tiên. Các Ngài chẳng dính líu gì đến thần tiên, thần tiên vẫn là phàm phu, chẳng khác chúng ta cho mấy! Rất nhiều thần tiên cũng học Phật, hễ học Phật thì là đồng học với chúng ta, họ chưa chứng A La Hán; vì thế, họ chẳng phải là La Hán, mà cũng chẳng phải là Bồ Tát, phải hiểu rõ ràng, minh bạch điều này!

Chúng ta nói danh hiệu của Phật là tông chỉ giáo học của Ngài trong thế gian này. Ở nơi này, Ngài dạy điều gì? Danh hiệu chính là điều Ngài dạy. Quý vị nói Phật giáo dạy điều gì? Thích Ca Mâu Ni. Thích Ca (Śākya) nghĩa là gì? Nghĩa là nhân từ, [danh hiệu Thích Ca Mâu Ni] dịch ra là Năng Nhân, Ngài có lòng nhân từ. Trên thực tế, trong sự đối đãi của chúng ta trong xã hội hiện thời, chúng sanh trong xã hội thiếu khuyết lòng nhân từ, thiếu lòng yêu thương. Không chỉ chẳng yêu thương người khác, ngay cả chính mình cũng chẳng yêu thương! Vì thế, yêu thương người khác chẳng dễ dàng, phải yêu thương chính mình thì mới có thể yêu thương người khác. Ngay đối với chính mình mà cũng chẳng yêu thương thì làm sao yêu thương người khác? Vì thế, đức Phật giáo học trên thế gian này nhằm dạy điều gì? Dạy nhân từ. Thích Ca nghĩa là nhân từ, dạy dỗ chúng ta đối đãi người khác phải có lòng yêu thương, phải có tâm từ bi, đại từ đại bi đối đãi hết thảy chúng sanh, Ngài dạy điều này. Đây là nội dung giáo học của Phật pháp. Đối với chính mình thì sao? Đối với chính mình là Mâu Ni. Những từ ngữ này đều là tiếng Ấn Độ, tức tiếng Ấn Độ thời cổ, Mâu Ni (Muni) nghĩa là gì? Từ “thanh tịnh, bình đẳng, giác” trong tựa đề kinh này, Mâu Ni là tịch tĩnh, tôi dùng năm chữ trong tựa đề kinh này để giảng [từ ngữ Mâu Ni], quý vị sẽ thấy rất dễ hiểu. Mâu Ni là tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, giác chứ không mê; đây là ý nghĩa của Mâu Ni, quý vị thấy danh hiệu này thật hay. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta điều gì? Dạy bản thân chúng ta phải thanh tịnh, bình đẳng, giác, dạy chúng ta phải đại từ đại bi đối đãi hết thảy chúng sanh, đây là sự giáo dục của Phật Đà, dạy điều gì? Dạy những điều ấy! Vì thế, tông chỉ giáo học được nêu bày trong danh hiệu; đây chẳng phải là tên vốn sẵn có của Ngài, cái tên ngoài đời của Ngài là Tất Đạt Đa (Siddhārtha).

Do vậy, danh hiệu của Phật, Bồ Tát đều là tông chỉ giáo học và các môn học của các Ngài. Quý vị nhìn vào danh hiệu bèn biết Ngài dạy khóa trình nào, danh hiệu chính là tông khóa trình; tức là trong những điều được dạy bởi Phật pháp, có vô lượng vô biên khoa mục, nhưng [những khoa mục ấy] đều chẳng rời khỏi tông chỉ này, khẳng định môn nào cũng đều tương ứng với “thanh tịnh, bình đẳng, giác, đại từ, đại bi”. Hễ rời khỏi những điều ấy sẽ chẳng phải là Phật giáo, đức Phật chẳng dạy quý vị như vậy! Vì thế, quý vị thấy: Do chúng ta không nhận biết Phật, hiểu lệch lạc, nên nay chúng ta đến chùa cầu xin Phật, Bồ Tát hồng thăng quan phát tài, cầu Phật, Bồ Tát phù hộ, đó là mê tín, điên đảo! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế chẳng có chuyện ấy. Thuở lão nhân gia tại thế, chiếu theo lịch sử Trung Quốc ghi chép, sau khi đức Phật diệt độ, từ khi Phật nhập diệt đến nay, theo như lịch sử Trung Quốc ghi chép là ba ngàn không trăm ba mươi bảy năm. Theo lịch sử Trung Quốc ghi chép, đức Phật giáng sanh vào năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, nhập diệt vào năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương, người Hoa nói đức Phật có thọ mạng là tám mươi năm, người ngoại quốc nói theo tuổi thật sự, [nên nói] đức Phật thọ bảy mươi chín tuổi. Đúng là bảy mươi chín tuổi vì người Trung Quốc dùng hư tuế (tuổi ta), [nên nói đức] Phật khuất bóng khi Ngài tám mươi tuổi. Chúng ta đọc kinh điển thấy Ngài xuất thân là vương tử, cha Ngài là quốc vương nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatsu) thuở ấy. Nước Ca Tỳ La Vệ hiện thời là Ni Bạc Nhĩ (Nepal), ở phía Nam núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalaya), nước ấy chẳng lớn, là một tiểu quốc. Vì trong thuở ấy, [Ấn Độ] giống như Trung Quốc vào thời nhà Châu. Dưới triều Châu, [Trung Quốc] chưa thống nhất, cho nên gọi là [thời kỳ] chư hầu, nước ấy là một nước chư hầu. Cũng có thể nói thông tục, [quốc vương Ca Tỳ La Vệ] là tù trưởng một bộ lạc, gọi như vậy cho mọi người dễ hiểu hơn, [vua Tịnh Phạn] là quốc vương một tiểu quốc, là người đứng đầu một bộ lạc. Vì vậy, đức Phật xuất thân là vương tử, bản thân Ngài là quý tộc, tuổi trẻ, hiếu học. Quý vị thấy Ngài có thân phận như vậy, tuổi trẻ, hiếu học. Từ nhỏ, Ngài có tâm địa vô cùng từ bi, thấy những chúng sanh khổ nạn, bèn sanh lòng thương xót, làm thế nào để giúp họ có thể sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn? Trông thấy sanh, lão, bệnh, tử, Ngài dấy lên ý niệm xuất thế. Do thuở đó, tại Ấn Độ có rất nhiều tôn giáo, Ngài rất ngưỡng mộ cuộc sống của những người tu hành theo tôn giáo. Vì thế, năm mươi chín tuổi, Ngài rời khỏi gia đình, Phật môn chúng ta nói là “đi tham học”, hoặc cũng nói là “tìm thầy, hỏi đạo”.

Thời đại của đức Phật sớm hơn Khổng Tử một chút. Tại Ấn Độ, quả thật [thời đại ấy] là thời đại văn hóa hoàng kim. Trong mỗi tôn giáo, Ấn Độ cũng là một quốc gia tôn giáo và triết học, những tôn giáo và các học phái có một điểm rất đặc thù

mà người Trung Quốc không có, đó là tu Thiên Định. Quý vị phải biết Tứ Thiên, Bát Định được nói trong kinh Phật chẳng phải là Phật giáo. Tứ Thiên, Bát Định là Bà La Môn giáo, cũng là Hưng Đô giáo (Hinduism) hiện thời, cũng có người gọi Bà La Môn giáo là Ấn Độ giáo. Lầu ba ở phía dưới chúng ta là Ấn Độ giáo. Đối với lịch sử của bọn họ, do tôi có qua lại với họ, những trưởng lão của họ bảo tôi: Tôn giáo của họ phải có lịch sử lâu hơn một vạn năm. Tôi tin tưởng điều đó, Ấn Độ giáo không coi trọng lịch sử, mà chú trọng tu hành. Vì sao không coi trọng lịch sử? Thời gian và không gian là giả, chẳng thật! Đã chẳng thật, có gì cứ phải chấp trước nó? Đó là lý do vì sao họ không xem trọng lịch sử, mà coi trọng Thiên Định. Người đang trong Thiên Định có thể đột phá các chiều không gian, khoa học gia biết điều này. Các khoa học gia cận đại đã thật sự chứng thực có những chiều không gian khác nhau trong thế gian này. Nói theo lý luận, các chiều không gian khác nhau không có ngăn mé, chẳng biết có bao nhiêu [chiều không gian khác nhau]. Khoa học gia đã thật sự chứng minh, mọi người thừa nhận chứng minh ấy là xác thực, tôi thiểu có mười một chiều không gian khác nhau. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo chúng tôi chuyện này, cụ học khoa học, học vô tuyến điện, trong đại học dạy những khoa mục ấy, Ngài cho tôi biết một số kiến thức thuộc về phương diện khoa học tương ứng với Phật pháp.

Chúng tôi học Phật đã nhiều năm như thế, thấu hiểu ít nhiều về vấn đề chiều không gian, chiều không gian do đâu mà có? Do phân biệt, chấp trước mà có. Chư vị hãy nghĩ xem, mỗi cá nhân chúng ta có bao nhiêu phân biệt, chấp trước? Khởi tâm động niệm đều là phân biệt, chấp trước, nên tạo thành các không gian có chiều khác nhau. Huống chi trên thế giới này, người lại đông ngàn ấy, mỗi cá nhân đều khởi tâm động niệm, cho nên chiều không gian cũng rất phức tạp, đúng là chẳng có cách nào [để nhận biết], chẳng có số lượng, nhưng trong Thiên Định có thể đột phá. Tứ Thiên, Bát Định tổng cộng gồm tám cấp bậc Thiên Định. Nếu quý vị tu các món Thiên Định ấy, sẽ đúng như cổ nhân đã nói: “*Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, chẳng tu chẳng đắc*”. Nếu quý vị tu, đạt được [các món Thiên ấy], sẽ thấy lục đạo, người khác tu cũng trông thấy, ta tu ta cũng thấy, mọi người chúng ta cùng nhau thảo luận, điều anh thấy và những điều tôi thấy đều giống nhau, chứng minh chúng chẳng phải là giả, mà là thật. Đẳng cấp Thiên Định của quý vị càng cao, quý vị thấy không gian càng lớn. Tứ Thiên gồm mười tám tầng trời, lên cao hơn còn có Tứ Không Thiên, Tứ Không Thiên chẳng có thân thể. Tứ Thiên có thân thể, có cung điện, có nơi cư trụ, Tứ Không Thiên không có, phàm nhân chúng ta thường gọi Tứ Không Thiên là “linh giới”, họ có linh hồn, nhưng không có nhục thể. Vì sao không có nhục thể? Họ chẳng cần nhục thể, nhục thể phiền phức quá, không cần đến nhục thể sẽ tự tại lắm! Nói thật ra, vào thuở xưa,

khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc đã có tư tưởng ấy. Lão Tử có nói một câu như sau: “*Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân*” (Ta có mối họa hoạn lớn vì ta có thân), Ngài nói: “Mối lo âu lớn nhất của ta là gì? Ta có thân, thân thể là có, không có thân thể sẽ tự tại lắm!” Không có thân thể chính là Tứ Không Thiên, thật sự có [cõi trời ấy]; vì thế, tôi gọi [chư thiên trong] Tứ Không Thiên là “phàm phu cao cấp”. Khi tôi giảng kinh dùng danh từ ấy, phàm phu cao cấp! Họ chẳng cần thân thể, không cần đến thân thể sẽ chẳng cần phải ăn cơm, cũng chẳng cần phải mặc quần áo, cũng chẳng cần phải có nhà để ở, quý vị thấy giảm bớt nhiều chuyện lắm! Đó là phàm phu cao cấp.

Chỉ cần có công phu định lực, đạt đến Sơ Thiên, tuy Sơ Thiên chẳng nhìn thấy các cõi cao hơn, nhưng họ có thể thấy những cõi thấp hơn, cõi thấp hơn là gì? Có thể thấy địa ngục. Địa ngục cũng vô cùng phức tạp, chỗ khổ nhất gọi là địa ngục Vô Giá (Avīci Niraja), người ấy đều có thể thấy. Vì thế, lục đạo chẳng phải là [một thuyết riêng biệt của một] tôn giáo nào, chẳng phải là suy nghĩ loạn xạ, mà thật sự có chuyện ấy. Chúng ta hiểu rõ lý luận Phật pháp, vì sao có lục đạo? Vì sao có thiên đường? Thiên đường cũng chẳng đơn thuần như trong tôn giáo đã nói, có rất nhiều loại thiên đường, thiên đường rất phức tạp. Hơn nữa, trời còn có hai mươi tám tầng bậc cao thấp khác nhau. Những điều này do cổ Bà La Môn phát hiện, cũng có thể nói là từ một vạn năm trước khi Phật Thích Ca xuất thế, người ta đã hiểu rõ ràng, rành rẽ, nhưng vì sao có thiên đường và địa ngục? Trong Định, họ (các tu sĩ Bà La Môn) có thể thấy những chuyện ấy, do nguyên nhân gì có những chuyện ấy, chẳng ai có thể giải đáp. Do nguyên nhân nào mà có lục đạo? Lục đạo có từ lúc nào? Chẳng ai biết! Lục đạo còn có lúc kết thúc hay chẳng? Cũng chẳng ai biết! Ngoài lục đạo còn có thế giới [nào khác] hay không? Những câu hỏi ấy đều chẳng có ai giải đáp. Chúng ta hãy suy nghĩ: Phật Thích Ca là một người trẻ tuổi, hiếu học, thuở ấy Ngài tham học, tiếp xúc tất cả các tôn giáo tại Ấn Độ. Ngài cũng tiếp xúc tất cả các học phái, cũng đã từng học với họ suốt mười hai năm, từ năm mười chín tuổi học đến lúc ba mươi tuổi, tức là mười hai năm. Nói chung, những gì có thể tiếp xúc, Ngài đều tiếp xúc toàn bộ, những vấn đề ấy có được giải quyết hay không? Chẳng giải quyết! Chúng ta hãy so sánh, thuở trẻ chúng tôi cũng giống như vậy, chuyện gì đều muốn dò tìm cận kề đến nơi đến chốn, chưa tìm đến nơi sẽ chẳng cam lòng; nhưng có những vấn đề giống như mấy vấn đề chúng tôi vừa nêu trên đây, chẳng thể giải đáp. Vì không học được từ chỗ nào, đức Phật buông những điều đã tham học trong suốt mười hai năm xuống, ở dưới cội cây Tát Bát La (Pippala) bên sông Hằng, nhập Định dưới cây to ấy, nhập Thiên Định càng sâu hơn. Quý vị thấy Thiên Định thông thường là tám tầng lớp, Ngài nhập càng sâu hơn, Thiên Định càng sâu hơn Ngài

bền giác ngộ. Sau khi xuất Định, đại triệt đại ngộ, đó là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Những vấn đề ấy hoàn toàn được giải đáp, biết lục đạo hình thành như thế nào, biết vũ trụ hình thành ra sao, hiểu rõ ràng, rành rẽ.

Chúng ta có thể tin tưởng những điều đức Phật đã nói hay chẳng? Có thể chứ! Vì sao? Ngài nhập đến tầng lớp ấy, thấy toàn thể vũ trụ, sự phát sanh và nguyên khởi của vũ trụ, nguyên khởi của sanh mạng, ta do đâu mà có, đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Trong các môn đệ của Phật, cũng có những vị nhập Định đến tầng lớp ấy cũng trông thấy, mọi người thấy giống như nhau, chẳng giả! Căn bệnh của chúng ta là đa nghi, lắm nỗi hoài nghi. Quý vị thấy, tôi vẫn chưa thấy, nhưng thấy mọi người nói giống hệt nhau, chúng ta có lý do để tin tưởng. Không ngờ ba ngàn năm sau, trong hiện tại, các nhà khoa học nghiên cứu khoa học theo hai phương hướng: Một là thế giới vĩ mô (macrocosm), chuyên nghiên cứu đại vũ trụ. Hai là đi theo hướng ngược lại, tức thế giới vi mô (micorcosm), thế giới vi mô là Lượng Tử Lực Học, nghiên cứu nguyên khởi của vật chất. Quý vị thấy: Nói thông thường thì chúng ta nói một tế bào, lại phân tích tế bào liền biến thành phân tử. Lại phân tích phân tử, phân tử do đâu mà có? Do nguyên tử hợp thành. Nguyên tử do các điện tử (electron) và hạt nhân nguyên tử (atomic nucleus) hợp thành. Lại phân tích nguyên tử sẽ là các hạt cơ bản (elementary particles), hiện thời lại phân tích các hạt cơ bản thành khoa khắc (quark, hạt vi lượng), hiện thời lại phân tích hạt vi lượng thành lượng tử (quantum), lượng tử còn gọi là tiểu quang tử (photon), chẳng biết trong tương lai còn có thể chia nhỏ hơn nữa hay không. Hiện thời là mới phân tích đến đây thì ngừng, chưa thể chia nhỏ hơn nữa. Phát hiện chuyện gì? Phát hiện hiện tượng vật chất vốn là một huyền tượng do những tiểu quang tử ấy liên tục tích lũy sanh khởi. Vì thế, ở đây, các nhà lượng tử lực học cho chúng ta biết: Trong vũ trụ chỉ có ba thứ, những thứ gì khác đều không có, ba thứ ấy là năng lượng, vật chất, và thông tin.

Quý vị thấy từ ba ngàn năm trước, từ trong Định, đức Phật đã phát hiện, Ngài trông thấy, tài giỏi hơn các nhà khoa học. Các nhà khoa học trước hết từ Toán Học mà tìm ra lý luận này, sau đây mới dùng các dụng cụ để quan sát, thấy gì? Vật chất xuất hiện như thế nào? Vật chất từ trong Không sanh ra Có. Tốc độ của nó lại quá nhanh, trong khoảng sát-na bèn chẳng còn, từ lúc sanh khởi đến khi tiêu diệt gần như đồng thời, tốc độ quá nhanh, nhanh đến nỗi chúng ta không có cách gì tưởng tượng. Trong kinh điển, Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, cũng có thể coi Di Lặc Bồ Tát giống như một vị giáo sư chuyên dốc sức nơi Tâm Lý Học trong nhà trường hiện thời, chúng ta gọi Ngài là nhà tâm lý học trong Phật môn. Đức Phật hỏi Bồ Tát, cuộc hỏi đáp ấy thật ra nhằm chỉ bảo chúng

ta. Đức Phật hỏi Ngài, người thế gian bình phàm chúng ta dấy lên một niệm, “*tâm hữu sở niệm*” (tâm có bao nhiêu niệm), [nghĩa là] dấy lên một niệm thì niệm ấy rất thô, phân tích ra sẽ có bao nhiêu tế niệm? Trong tế niệm có bao nhiêu hiện tượng vật chất? Có bao nhiêu hiện tượng tinh thần? Đức Phật hỏi một vấn đề như vậy. Di Lặc Bồ Tát trả lời: Trong một khảy ngón tay, quý vị thấy thời gian của một cái khảy ngón tay rất ngắn. “*Trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”. Trong một giây, tôi có thể khảy khoảng chừng bốn lần, tôi tin có người khảy nhanh hơn tôi, nếu là năm lần thì trong một giây có bao nhiêu niệm, tức [bao nhiêu] tế niệm? Nói theo cách giảng của Di Lặc Bồ Tát sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Quý vị thấy trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm, tức tế niệm, đơn vị là một triệu. Đây cũng là sự sanh diệt của các hiện tượng vật chất như các nhà khoa học đã thấy trong hiện tại, thời gian ấy là bao lâu? Là một phần trong một ngàn sáu trăm triệu phần của một giây, tức là trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu lần sanh diệt. Quý vị làm sao có thể nắm bắt được? Do vậy, họ phát hiện hiện tượng vật chất chẳng phải là thật.

Vật chất sanh khởi như thế nào? Vật chất là ý thức, là niệm, niệm là tinh thần, hiện tượng tinh thần tích lũy liên tục biến thành vật chất. Vì thế nói: Trong vũ trụ chỉ có ba thứ hiện tượng tồn tại; kinh Đại Thừa gọi ba thứ hiện tượng ấy là [ba tế tướng của] A Lại Da, A Lại Da mới là Tạo Vật Chủ (Tạo Hóa), y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do nó tạo ra. Khoa học gia gọi nghiệp tướng của A Lại Da là năng lượng, cảnh giới tướng của A Lại Da được các nhà khoa học gọi là vật chất, chuyển tướng của A Lại Da, chuyển tướng là chuyển biến, được khoa học gọi là thông tin. Ba tế tướng của A Lại Da rất tuyệt. Bất quá, trong kinh đức Thế Tôn gọi thông tin là thức thứ sáu, tức Ý Thức, Ý Thức là phân biệt, chuyên chú trọng phân biệt. Nó có năng lực phân biệt vô cùng mạnh mẽ, đối với bên ngoài nó có thể duyên tới hư không pháp giới, đối với bên trong nó có thể duyên đến A Lại Da, nhưng chẳng thể kiến tánh, vì sao? Vì nó có phân biệt, chấp trước. Như thế nào thì mới có thể kiến tánh? Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống sẽ kiến tánh, sẽ thành Phật. Vì thế, tuy nó (A Lại Da) có năng lực ấy, các khoa học gia có năng lực ấy, họ vẫn là phàm phu, chẳng thể chứng quả A La Hán, mà cũng chẳng phải là Bồ Tát. Phải như thế nào mới chứng đắc Phật, Bồ Tát, A La Hán? Phải buông xuống. Khoa học gia chẳng buông xuống. Hễ buông chấp trước xuống bèn chứng quả A La Hán, buông phân biệt xuống bèn chứng Bồ Tát, buông khởi tâm động niệm xuống sẽ là Phật Đà. Do vậy, Phật, Bồ Tát, A La Hán là ai? Là chính quý vị, chỉ cần quý vị chịu buông xuống là được! Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn*

là Phật”, đúng vậy, chẳng giả, chẳng sai tí nào! Vì thế, chúng ta phải nhận biết Phật, hiểu rõ ràng, minh bạch.

Rốt cuộc, Phật pháp giảng những gì? Chúng ta dùng danh hiệu để giảng [thì Phật pháp] giảng về Thích Ca và Mâu Ni, điều này chẳng sai, nhưng rất mơ hồ. Con người hiện thời mong quý vị nói cụ thể hơn một chút có được hay không? Thích Ca Mâu Ni Phật giảng những gì trong bốn mươi chín năm? Nói theo cách hiện thời, những điều Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm đều ở trong kinh điển, kinh điển giảng những gì? Giảng luân lý. Luân lý là gì? Nói về các mối quan hệ của con người, [tức là] quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa người và động vật, người và thực vật, người và khoáng vật, quan hệ với núi, sông, đại địa, quan hệ giữa con người và hiện tượng tự nhiên. Quan hệ với hiện tượng tự nhiên là quan hệ với vũ trụ; lại còn có quan hệ giữa con người và các chiều không gian khác nhau. Những mối quan hệ ấy đều thuộc về luân lý, phạm vi rộng hơn luân lý được giảng trong học thuật truyền thống Trung Quốc rất nhiều! Luân lý trong truyền thống Trung Quốc tối đa chỉ giảng quan hệ giữa con người với nhau và quan hệ giữa người với động vật: “*Phàm thị nhân, giai tu ái. Ái ốc cập điểu*” (phàm là người đều phải yêu. Yêu nhà, yêu lây cả chim). Ta yêu mền căn nhà của ta, trên mái nhà có chim làm tổ, ta cũng yêu mền chúng. Quý vị yêu thương những động vật ấy, quan hệ luân lý Trung Quốc chỉ giảng tới đây. Quan hệ luân lý trong nhà Phật nói thật viên mãn, ngay cả các chiều không gian khác nhau trong vũ trụ cũng được bao gồm trong ấy. “*Chiều không gian bất động*” là nói tới trời, đất, quỷ thần. Trời đất, quỷ thần là chúng sanh giống như chúng ta, họ cũng mê, chẳng giác, phước báo khác nhau, nhưng họ là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Đức Phật giảng đạo đức, nhân quả, lại thừa cùng quý vị, Ngài giảng triết học, khoa học, năm hạng mục ấy Ngài đều giảng đến rất ráo viên mãn, thật tuyệt diệu! Vì thế, khoa học được giảng trong kinh Phật đem so với khoa học hiện thời thì khoa học vẫn thua kinh Phật một khoảng cách lớn, triết học cũng giống như vậy.

Chúng ta sanh nhằm thời đại này chẳng may mắn lắm, vì sao? Trong thời đại này, chẳng có người chân chánh học Phật. Vào thời xưa, một trăm năm trước, trong thế kỷ trước, những vị đại đức trong Phật môn, bất luận tại gia hay xuất gia, đều có thể giảng giải đạo lý. Hiện thời không có, người tại gia giảng không được, mà người xuất gia cũng chẳng giảng được! Chúng ta học hành trong nhà trường đã bị hướng dẫn sai lầm, giáo viên trong nhà trường bảo chúng ta “tôn giáo là mê tín, Phật giáo càng là mê tín”, tôi đã học khái niệm này từ nhỏ trong nhà trường. Vì sao Phật giáo càng là mê tín? Tôn giáo cao cấp chỉ thờ một vị thần, trong vũ trụ

chỉ có một vị chân thần (chúa thật), còn Phật giáo [thần thánh] gì cũng lạy. Gì cũng lạy thì là đa thần giáo, phiếm thần giáo (Pantheism). Đa thần giáo và phiếm thần giáo là tôn giáo cấp thấp trong các loại tôn giáo. Từ nhỏ, chúng tôi tiếp nhận sự giáo dục, quan niệm như vậy, cho nên khi lớn khôn, chẳng tiếp xúc tôn giáo, [cho là] mê tín. Thấy người khác thắp hương, [cười nhạo kẻ ấy] mê tín, ở bên cạnh cười chê kẻ ấy. Chúng tôi sống trong hoàn cảnh như thế. Nếu tôi chẳng gặp tiên sinh Phương Đông Mỹ, suốt đời này trọn chẳng có duyên với tôn giáo! Tôi theo thầy Phương học triết học, ảnh chụp ở bên kia là ảnh thầy Phương. Tôi theo thầy học triết học, thầy giảng cho tôi một bộ triết học khái luận, tôi vô cùng cảm kích thầy. Trong phần cuối cùng, thầy giảng về triết học trong kinh Phật. Khi ấy, tôi vô cùng kinh ngạc, nói: “Thưa thầy! Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, lại còn là phiếm thần giáo, là tôn giáo cấp thấp, làm sao nó có triết học cho được?” Thuở ấy, tôi hai mươi sáu tuổi, thầy gần như cùng lứa tuổi với cha tôi, thầy phải lớn hơn tôi hai mươi mấy tuổi. Thầy bảo tôi: “*Anh trẻ tuổi, không hiểu, chúng ta học triết học, Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới*”. Tôi chưa hề nghe ai nói điều ấy, chưa hề có ai bảo tôi, Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia, tôi rất kinh ngạc.

Thầy nói: “*Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học trên toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi tiếp xúc Phật giáo do nghe buổi giảng ấy, thay đổi cách nhìn sai lầm trong quá khứ như vậy đó, biết trong Phật giáo có những điều tốt đẹp. Thầy lại đặc biệt dặn dò tôi: “*Thời cổ, trong Phật môn có những vị cao tăng đại đức thật sự là những vị đại học vấn, mà cũng là người có đạo tâm, có đạo đức, có học vấn*”. Thầy nói hiện thời chẳng có: “*Nếu bây giờ anh học triết học trong kinh Phật, học ở nơi nào? Trong kinh điển. Anh đến chùa miếu sẽ không thấy, nhưng trong chùa miếu có kinh điển, anh tìm trong kinh điển sẽ tìm được*”. Phương hướng này vô cùng trọng yếu! Nếu thầy không chỉ sẵn cho tôi chuyện này, tôi đến chùa miếu nhìn vào những người xuất gia, tôi cảm thấy họ vẫn làm chuyện mê tín, sẽ nảy sinh hoài nghi đối với lời thầy nói. Ngài an bài tốt đẹp con đường ấy cho tôi: “*Anh hãy đổ công nơi kinh điển*”. Ưu điểm của chúng tôi là thật thà, nghe lời, thật sự làm. Từ lúc tiếp xúc thuở ấy cho đến nay là năm mươi chín năm, sang năm là một giáp, tức sáu mươi năm. Sáu mươi năm tu học, chứng tỏ lời thầy nói chẳng sai chút nào, lại còn nhận thấy trong kinh Phật không chỉ có triết học tối cao, mà còn có khoa học tối cao.

Lại nhìn ra thế giới hiện thời, triết học chẳng thể giải quyết vấn đề, khoa học chẳng thể giải quyết vấn đề, trong kinh Phật vốn đã có toàn bộ [giải pháp cho

những vấn đề ấy]. Từ ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng rõ ràng, thật phi phạm. Vì vậy, vào thập niên bảy mươi, tức là trong niên đại 1970, tiến sĩ Thang Ân Tỷ (A.J. Toynbee) của nước Anh đã nói một câu: *“Giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Đại Thừa Phật pháp”*. Người Anh nói như vậy, ông ta là một triết gia và sử gia nổi tiếng trên thế giới. Tôi sang thăm Luân Đôn hai lần, mục tiêu là đến thăm ba trường đại học của Luân Đôn là Ngưu Tân (Oxford), Kiếm Kiềm (Cambridge) và đại học Luân Đôn, ba trường này là trung tâm nghiên cứu Hán học của Âu Châu, là các trường có khoa Hán Học nổi tiếng trên thế giới. Tôi gặp những giáo sư và sinh viên nơi đó, tôi rất cảm động, họ đều là người phương Tây, nói toàn giọng Bắc Kinh đúng tiêu chuẩn, tôi chẳng bằng họ. Họ có thể đọc sách vở Trung Quốc, xem văn chương Văn Ngôn của Trung Quốc. Lại còn có một sinh viên kể với tôi anh ta dùng kinh Vô Lượng Thọ viết luận văn tiến sĩ. Tôi hỏi anh ta: “Kinh Vô Lượng Thọ hiện thời có chín phiên bản, anh dùng loại nào?” Anh ta dùng bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư, giống như bản chúng ta đang sử dụng, dùng bản ấy để viết luận văn tiến sĩ. Ngoài ra, có một đồng học khác, cũng là người ngoại quốc, dùng sách Mạnh Tử để viết luận văn. Còn có một người dùng tác phẩm của Vương Duy¹⁸[1], [Vương Duy] là một nhà văn học đời Đường, tôi thấy vậy rất vui vẻ.

Ở nơi ấy, tôi cũng giảng cho họ một buổi, tuy thời gian chẳng dài, nhưng rất khơi gợi hứng thú nơi họ. Các vị giáo sư và đồng học cùng ngồi nghe. Tôi lên bục giảng, trước hết, nêu câu hỏi. Tôi nói: “Ông Thang Ân Tỷ là người Anh giống như quý vị. Quý vị đều theo ngành Hán Học, đối với Nho, Thích, Đạo của Trung Quốc đều hiểu rất rõ ràng, đều đã dốc công sức nơi ấy”. Tôi nói:

- Ông Thang Ân Tỷ đã bảo: *“Để giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Đại Thừa Phật pháp”*. Nay quý vị đều nghiên cứu những thứ ấy, quý vị hãy nghĩ xem có đúng hay không? Học thuyết Khổng Mạnh có thể [giải quyết] được hay không? Dùng được hay chẳng? Đại Thừa Phật pháp có thể [giải quyết] được không?

Tôi nêu ra câu hỏi ấy. Bọn họ nhìn tôi cười chẳng nói năng gì, tôi đợi mấy phút. Sau khi tôi đợi mấy phút mà chẳng có ai nói gì, tôi hỏi ngược lại: “Chẳng lẽ tiến

18[1] Vương Duy (701-761), tự Ma Cật, quê ở huyện Kỳ, tỉnh Sơn Tây. Ông là thi gia và họa gia nổi tiếng đời Đường, có ngoại hiệu là Thi Phật. Ông tinh thông Phật học, đặc biệt sùng mộ kinh Duy Ma Cật nên lấy hiệu là Ma Cật. Ông đỗ Tiến Sĩ năm Khai Nguyên thứ chín (721), làm quan đến chức Đại Nhạc Thừa. Phong cách vẽ tranh sơn thủy theo lối thủy mặc của ông rất được các thiền sư thời ấy ưa chuộng và mô phỏng theo.

sĩ Thang Ân Tử nói sai rồi ư?” Họ cũng không trả lời, nhìn tôi cười, không trả lời, rất lợi hại! Cuối cùng tôi bảo họ: “Lời ông Thang Ân Tử nói chẳng sai, nhưng rất nhiều người đọc rồi hiểu sai, hiểu lầm ý ông ta”. Tôi nói: “Tôi nêu ra câu hỏi này, tôi nói đến Nho, Thích, Đạo, chắc chắn quý vị lập tức liền nghĩ. Nói tới Nho, quý vị nghĩ đến Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, đúng hay không?” Họ gật đầu. “Nói tới Phật, quý vị nhất định nghĩ tới Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, những kinh điển Đại Thừa ấy. Nói đến Đạo, quý vị nghĩ đến Lão Trang”. Đúng vậy! Tôi nói:

- Đây là gì? Đây là hoa quả của Nho, Thích, Đạo. Đơm hoa, kết quả, rất đẹp đẽ, dễ coi, những thứ ấy có thể giải quyết vấn đề trong xã hội hiện thời hay không? Chẳng thế! Lời ông Thang Ân Tử nói chẳng sai, quý vị phải hiểu, giống như thực vật, hoa quả do đâu mà có? Từ thân cây mọc ra. Hoa quả mọc trên cành nhánh, cành nhánh mọc từ thân cây, thân cây mọc từ rễ, quý vị cứ suy xét ngược lại từng tầng một, đến cuối cùng, thứ gì quan trọng nhất? Rễ! Căn cội của Nho là gì? Căn cội của Đạo là gì? Căn cội của Phật là gì? Rễ trồng vững, sẽ có thể nảy mầm, tăng trưởng mạnh mẽ, trưởng thành, đơm hoa, kết quả.

Hiện thời như thế nào? Không có rễ! Quý vị hằng ngày nghiên cứu Nho, Thích, Đạo, giống như hoa cắm trong bình chẳng có rễ, chết ngắc, chẳng sống; vì thế, biến thành học thuật, vô dụng! Làm thế nào để có thể giải quyết vấn đề? Ông Thang Ân Tử nói chẳng sai, chúng ta phải tìm ra căn cơ của Nho, Thích, Đạo, thực hiện từ căn bản. Lời ông ta nói là thật, tuyệt đối chẳng giả. Thật sự có thể cứu vớt tình trạng xã hội suy đồi trong thế kỷ hai mươi mốt, mà cũng có thể cứu vớt nguy cơ trên địa cầu. Cội rễ của Nho là Đệ Tử Quy, cội rễ của Đạo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, cội rễ của Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo, những thứ ấy là trọng yếu! Trước đây học Nho, học Phật, học Đạo đều vun bồi vững vàng những căn cội ấy. Nếu quý vị chẳng vun bồi vững vàng những căn cội ấy, quý vị học gì cũng vô dụng. Cuối cùng, tôi bảo họ:

- Tôi rất phục quý vị, thật đấy, chẳng giả đâu, từ trong đáy lòng mà nói như vậy. Chư vị học tập, Nho học, Đạo học, Phật học. Tại ngoại quốc, người ta chẳng viết chữ hoặc xem chữ từ bên này (bên phải trang giấy). Đối với Nho học, Đạo học, Phật học, chư vị có thể đạt được học vị Tiến Sĩ, có thể làm một vị giáo sư, có thể là một nhà Hán học của châu Âu; nhưng chắc chắn cả đời này quý vị chẳng thể sung sướng, tự tại, tiêu sái như tôi được. Khẳng định là quý vị chẳng thế! Chắc chắn là suốt một đời này, quý vị vẫn sống trong thế giới phiền não này.

Mọi người đều cười. Tôi nói:

- Vì sao? Tôi học tương phản với quý vị. Quý vị hãy nhìn lại, từ đây hãy nghĩ tới quá khứ, học Phật, học Nho, học Đạo khác hẳn! Ý vị khác hẳn! Học Nho phải học giống như Khổng Tử, “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (học rồi luyện tập, cũng chẳng sướng sao), vui sướng khôn sánh! Học Phật phải học giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Học Đạo phải học giống như Lão Trang, đây là gì? Trí huệ. Chư vị học hỏi Nho học, Đạo học, đó là tri thức. Tri thức và trí huệ là hai chuyện [khác nhau]. Tri thức giải quyết vấn đề chỉ có thể giải quyết cục bộ, còn mang lại rất nhiều hậu quả. Trí huệ giải quyết vấn đề viên mãn, không để lại hậu quả.

Tôi nói:

- Quý vị hãy khéo học hai chữ ấy, quý vị hãy từ chỗ này mà học Nho. Học Nho và Nho học khác nhau!

Vì thế, giáo sư Mạch Đại Duy (David McMullen) của bọn họ là một nhà Hán học hiện thời, sau khi nghe tôi giảng diễn còn đặc biệt tới Trung Quốc, tới trung tâm Thang Trì để khảo sát, ở nơi đó bốn ngày. Sau khi về nước, lại đến Hương Cảng tìm tôi, nói chuyện với tôi sáu tiếng đồng hồ. Ông ta mời tôi sang Luân Đôn dạy học. Tôi cũng rất cảm ơn ông ta đã coi trọng tôi. [Ông ta mời tôi] sang đại học Kiếm Kiều ở Luân Đôn để lập một học viện Đại Thừa Phật học. Hệ thống giáo dục của Anh quốc tuân theo quy chế học viện^{19[2]}, như Ngưu Tân và Kiếm Kiều, nói chung mỗi trường đều có hơn năm mươi học viện. Tôi rất cảm kích ông ta, rất khó có, Kiếm Kiều là trường đại học được xếp hạng thứ ba trên cả thế giới. Tôi cảm ơn ông ta, nói: “Tôi không thể đi”. Ông ta hỏi: “Vì sao?” Tôi nói: “Quy chế trong trường quý vị hạn chế tôi, tôi chẳng thể dạy học sinh được!” Ông ta nói: “Thầy dùng phương pháp nào để dạy?” Tôi đáp: “Tôi không có phương pháp, tổ tiên chúng tôi có phương pháp”. Ông ta nghe như vậy, rất kinh ngạc, ông ta là nhà Hán học, nghe nói tổ tiên chúng ta còn có phương pháp bí mật, cho nên ông ta hết sức kinh ngạc. Ông ta nói: “Phương pháp của tổ tiên ở chỗ nào?” Tôi nói: “Nói thật ra, ông đã từng học qua, nhưng không để ý”. Ông ta nhìn tôi, tôi hỏi: “Đã đọc Tam Tự Kinh hay chưa?” Đọc rồi, ông ta thuộc lòng Tam Tự Kinh,

^{19[2]} Nguyên văn “thư viện” (書院). Đây là chữ dùng để dịch chữ Academy của tiếng Anh. “Thư viện” theo nghĩa nguyên thủy là một cơ cấu giáo dục trong hệ thống quan học (giáo học do chính quyền chỉ đạo), không phải là thư viện (library) như trong tiếng Việt (thư viện theo nghĩa tiếng Việt sẽ được gọi là “đồ thư quán” trong tiếng Hán). Cơ cấu này bắt nguồn từ thời Khai Nguyên nhà Đường. Về sau thư viện trở thành một hệ thống trường chuyên khoa giảng giải theo một trường phái triết học nào đó, như Lý Học thư viện thời Tống chẳng hạn. Khi giáo dục được tổ chức theo khuôn mẫu Tây phương, người Hoa liền dùng ngay chữ Thư Viện để dịch chữ Academy hoặc College trong hệ thống đại học của Anh, hoặc để dịch chữ School trong hệ thống đại học của Mỹ.

thuộc lòng Luận Ngữ, chẳng đơn giản! Tôi nói: “Tám câu đầu trong Tam Tự Kinh là nguyên tắc chỉ đạo tối cao để giáo hóa chúng sanh của tổ tiên Trung Quốc từ ngàn vạn năm qua!” Ông ta nghe xong, ngơ ngác. Tôi nói: “Ông thuộc lòng Tam Tự Kinh, cũng đọc nhuễn như rồi. Tôi tin ông đã từng giảng qua, nhưng chưa giảng đến tầng ý nghĩa này”. Ông ta thừa nhận [tôi nói đúng].

Tôi nói:

- Giáo dục con người, đầu tiên quý vị phải khẳng định quan điểm: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”, quý vị thật sự giáo dục, nhất định khẳng định con người tánh vốn lành. “*Thiện*” ở đây chẳng phải là thiện trong thiện ác, mà “*thiện*” là từ ngữ ca ngợi, tốt đẹp, viên mãn nhất, chẳng có mảy may khiếm khuyết nào, đó là thiện, chẳng phải là thiện trong thiện ác. Cũng như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, người Trung Quốc gọi điều đó là “*bổn thiện*”, phải thừa nhận điều này! Sau đây, quý vị phải tin tưởng: “*Tánh tương cận, tập tương viễn*” (tánh giống như nhau, do huân tập (giáo dục) mà khác biệt), bổn tánh của mỗi cá nhân giống nhau. Phật pháp nói mỗi cá nhân vốn là Phật, còn trong truyền thống Trung Quốc, bổn tánh của mỗi người đều là bổn thiện, đều tương đồng. “*Tập tương viễn*”, vì sao biến thành bất thiện? Do tập tánh. “*Tập tánh*” tức là nói quý vị bị ô nhiễm bởi hoàn cảnh. Cổ nhân Trung Quốc nói: “*Cận châu tắc xích, cận mặc tắc hắc*” (gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen). Nếu quý vị ở cùng thiện nhân, sẽ biến thành thiện nhân. Quý vị ở cùng người ác, sẽ học theo thói xấu, biến thành ác. Đó gọi là “*tập tánh*”, chẳng phải là bổn tánh. Mục đích của giáo dục là gì? Giáo dục nhằm mục đích khiến cho quý vị từ tập tánh trở về bổn tánh, đây là giáo dục. Giáo dục nhằm biến ác nhân thành thiện nhân, biến người xấu thành người tốt, biến kẻ mê hoặc, điên đảo thành người thông minh, trí huệ, đây là giáo dục. Học trò chẳng thể dạy được, bèn khai trừ nó, đó là giáo dục thất bại, há có lẽ ấy? Học trò chẳng có khuyết điểm, mà do quý vị chẳng khéo dạy, chẳng biết dạy. Cớ sao quý vị dạy chẳng ra gì lại bắt tội học trò? Như vậy là quý vị làm lẫn quá rồi!

Tôi nói với ông ta như thế, ông ta bèn hoảng nhiên đại ngộ. Quý vị thấy tác phẩm ấy, trong các trường tại Luân Đôn, chẳng có ai theo ngành Hán Học chẳng đọc, đó là nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Vì thế, “*câu bất giáo, tánh nãi thiên*” (nếu chẳng dạy, tánh sẽ biến đổi), tư tưởng giáo dục phát sanh từ chỗ này, quý vị nhất định phải dạy. Nếu không dạy, kẻ ấy sẽ càng biến đổi tệ hại hơn! Con người do được dạy dỗ mà thành tốt đẹp, mà cũng do được dạy dỗ mà tệ hại hơn. Kẻ khác biến thành xấu xa, quý vị quyết định chẳng thể trách móc hẳn, chính quý vị đã

dạy kẻ ấy thành kẻ xấu! Ngày nay do ai dạy? Hiện thời, trẻ nhỏ vừa sanh ra, mở mắt ra đã học, học từ nơi đâu? Học từ TV.

Trẻ hơi lớn lên, tôi chẳng biết ở Trung Quốc [như thế nào], chứ tôi ở Mỹ rất nhiều năm, lớp một Tiểu Học của Mỹ đã dùng điện não (computer), đã xem Internet. Lên Internet chơi gì? Bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, thầy đều học hết. Vì thế, học trò Tiểu Học đi học bỏ súng trong túi giết bạn học, nó chẳng có ác ý, đùa chơi mà! Từ Internet nó học được điều ấy, thật sự đùa giỡn, giết thầy, giết bạn học, giết giỡn chơi mà! Quý vị làm thế nào đây? Làm sao kết tội con mình? Đây là một vấn đề lớn trong xã hội. Năm xưa, hình như lúc tôi ở Tân Gia Ba, vào năm 1999, đồng học bên Mỹ gửi cho tôi xem một cuốn tạp chí, trong ấy có bài tường trình tình trạng phạm tội của thanh thiếu niên nước Mỹ, đọc xong, tôi sửng sò! Đã rất lâu chẳng sang Mỹ, tôi liên lạc với bên ấy, đặc biệt vì chuyện này mà sang đó một chuyến. Tôi đến Lạc Sam Cơ (Los Angeles) của Gia Châu (California), nhờ đồng học liên lạc cho tôi, thực hiện hai cuộc phỏng vấn trên đài truyền hình California của Mỹ. Một cuộc phỏng vấn về vấn đề giáo dục, chúng tôi có tất cả bốn người, một người là kiểm sát trưởng (Attorney General) của địa khu Lạc Sam Cơ (Greater Los Angeles), vị này là quan tòa, là một vị lãnh đạo của ngành tư pháp. Một người là thị trưởng thành phố Phách Tát Địch Na (Pasadena), còn một vị là hiệu trưởng phân hiệu Los Angeles của đại học California. Bốn người chúng tôi tham dự một giờ phỏng vấn, tọa đàm trên đài truyền hình. Tôi hỏi vị kiểm sát trưởng: “Tôi đọc báo cáo trên số tạp chí này, đó có phải là thật hay chẳng?” Ông ta bảo tôi: “Thật đấy”. Tôi nói: “Tỷ lệ phạm tội không ngừng tăng lên, quý vị có cách nào không chế, ổn định nó hay không?” Ông ta đáp: “Chẳng có cách nào!” Chính họ cũng biết vấn đề này rất nghiêm trọng. Vì thế, tôi hội kiến Tổng Thống Bồ Thập (Bush), tôi cũng bảo ông ta: “Điều đáng lo ngại của Mỹ trọn chẳng phải là ở ngoại quốc”, tôi nói liền khi ấy. Tôi nói: “Đối với thanh thiếu niên thuộc thế hệ kế tiếp, phải làm như thế nào? Có nghĩ tới vấn đề ấy hay không?” Tôi rời nước Mỹ, nghe nói trong khi trò chuyện, ông Bush có nhắc đến vấn đề này, chẳng thể giải quyết! Cuộc phỏng vấn thứ hai dành cho thân sĩ tôn giáo, viện trưởng học viện Cơ Đốc Giáo dẫn theo hai vị giáo sư, kể cả chúng tôi là bốn người, ba người đến từ học viện. Chúng tôi thảo luận vấn đề ấy, tôn giáo giải quyết bằng phương pháp nào? Quan điểm như thế nào? Vấn đề vô cùng nghiêm trọng.

Năm xưa, một hôm, có ba viên chức từ bộ Giáo Dục, hình như một người là bí thư, hai người kia là xứ trưởng^{20[3]} đến phỏng vấn tiên sinh Phương Đông Mỹ. Hôm ấy, khéo sao tôi chạm mặt họ tại nhà thầy Phương, họ hỏi thầy Phương một vấn đề: “Hiện thời chánh phủ bắt đầu phục hưng văn hóa Trung Quốc, phải làm sao thì mới có thể thực hiện?” Nêu ra câu hỏi ấy, tôi thấy thầy biểu lộ thái độ vô cùng nghiêm túc, im lặng năm phút, nhìn mọi người, không khí trong phòng khách nhỏ hết sức nghiêm túc. Năm phút sau, thầy nói: “Có!” Mọi người rất chú ý nghe. Điều thứ nhất, tại Đài Loan khi đó có ba đài truyền hình, hãy đóng cửa ba đài truyền hình ấy, lại còn rất nhiều đài phát thanh vô tuyến cũng cần phải đóng cửa, ngưng xuất bản báo chí lẫn tạp chí. Mấy quan chức nghe nói đều ngây người: “Thưa thầy! Không thể làm được!” Thầy nói: “Những thứ ấy hằng ngày phá hoại văn hóa Trung Quốc, đã có những thứ ấy thì còn có thể phục hưng [văn hóa truyền thống] hay sao?” Đúng là chẳng sai tí nào! Chúng tôi học tập theo thầy, tiếp nhận sự chỉ dạy của thầy; vì thế, từ đấy trở đi, tôi không đọc báo, chẳng xem tạp chí, chẳng nghe radio, chẳng xem TV, gần như là năm mươi năm; vì thế, tâm địa thanh tịnh, không bị ô nhiễm. Những thứ ấy có quyền ô nhiễm quý vị mỗi ngày, nhưng ta có quyền chẳng tiếp nhận. Tôi chẳng thể khuyên người khác đừng tiếp nhận, nhưng chính mình có thể chẳng tiếp nhận. Tôi mỗi ngày đọc kinh điển Đại Thừa, đọc sách vở của cổ thánh tiên hiền, vui sướng khôn sánh, chuyện gì tôi cũng không biết, người khác hỏi tôi như thế nào? Thiên hạ thái bình, không có chuyện gì! Quý vị thấy cuộc sống thoải mái lắm, đừng nên tiếp xúc chúng (truyền hình, truyền thanh, báo chí), chẳng có chuyện gì hết! Đức Phật dạy chúng ta, nhất là trong kinh Đại Thừa, dạy chúng ta tu gì? Tu thanh tịnh, bình đẳng, giác. Mỗi ngày gìn giữ sự thanh tịnh, bình đẳng, giác, quyết định đừng nên nhiễm ô, chớ nên dao động, chớ nên vọng động, chớ nên mê hoặc, đấy là tốt; vì vậy, phải hiểu điều này. Hiện thời, những phiền toái trong xã hội do đâu mà có? Hiểu rõ ràng, rành rẽ!

Giáo dục của đức Phật tốt đẹp như thế, tổ tiên chúng ta thỉnh về Trung Quốc, quý vị phải biết [sự kiện] lịch sử này! Phật giáo chẳng tự truyền đến, Hán Minh Đế phái đặc sứ sang Tây Vực thỉnh về, do đế vương Trung Quốc thỉnh về, do tổ tiên thỉnh về. Sau khi truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc được tiếp xúc, đôi bên đàm luận đều hoan hỷ khôn sánh, vì sao? Căn bản đồng nhất. Văn hóa truyền thống Trung Quốc có căn bản là hiếu đạo, chớ nên không biết điều này. Căn bản của Phật pháp cũng là hiếu đạo, phù hợp khít khao. Nguyên tắc chỉ đạo giáo học

^{20[3]} Xứ trưởng là tiếng gọi chung những công chức cao cấp, thông thường là các trưởng ban, trưởng phòng, hoặc chánh sự vụ trong một bộ hoặc một sở tại Đài Loan.

trong Phật pháp là tịnh nghiệp tam phước. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, đức Phật đã nói ba điều là nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Điều thứ nhất “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp*”, quý vị thấy hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy được đặt hàng đầu, chẳng khác gì [quan niệm văn hóa truyền thống của] Trung Quốc, đặt vững căn cơ tại chỗ này. Tu học Phật pháp có thứ tự từ cạn tới sâu, giống như học hành trong nhà trường, từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, đến nghiên cứu sinh. Phật pháp cũng giống như vậy, tiến dần dần theo thứ tự. Giáo học trong Phật pháp, nhất định là trước hết học Tiểu Thừa, Tiểu Thừa là Tiểu Học trong Phật pháp; nhưng tại Trung Quốc, từ giữa đời Đường trở đi, chẳng học Tiểu Thừa, dùng Nho và Đạo thay thế, còn thù thắng hơn Tiểu Thừa. Từ giữa đời Đường đến hiện tại là một ngàn bảy trăm năm, xuất hiện bao nhiêu cao nhân, bất luận tại gia hay xuất gia, trọn chẳng thua kém Ấn Độ, chúng ta vượt lên trước, Phật pháp và văn hóa truyền thống của Trung Quốc dung hợp thành một thể.

Ông Thang Ân Tử cũng từng có nói, ông ta tán thán người Trung Quốc có tâm lượng rất lớn, có thể bao dung văn hóa dị tộc. Phật giáo thuộc về Ấn Độ, chẳng phải là Trung Quốc, nhưng người Trung Quốc có thể bao dung, dung hợp thành một thể, Phật pháp phong phú hóa văn hóa bản địa của Trung Quốc, nói thật hay! Chúng ta dùng kinh điển Đại Thừa để giải thích sách Nho và kinh điển của Đạo gia, Lão Trang, sẽ nâng cao chúng lên giống như Phật pháp vậy! Chúng ta nói con người tánh vốn thiện, nhưng “thiện” ấy rất khó giảng. Nếu hiểu “thiện” là thiện ác thì rất thấp, trình độ rất thấp. Quý vị dùng câu “*hết thấy chúng sanh vốn là Phật*” và “*hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*” để giải thích “bồn thiện”, nâng cao ý nghĩa của nó giống như kinh Hoa Nghiêm. Phật pháp đã phong phú hóa văn hóa bản địa của Trung Quốc, phải hiểu đạo lý này! Bởi lẽ, tôn giáo là giáo dục, tôi học nhiều năm như thế, nhận ra những tôn giáo lớn trên cả thế giới, mỗi tôn giáo đều là giáo dục, trong kinh điển của họ đều giảng về luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học, chỉ là giảng theo mức độ khác biệt, nhưng đều là những thứ tốt đẹp. Đoàn kết tôn giáo có lợi ở chỗ hóa giải xung đột, xúc tiến xã hội an định, thế giới hòa bình. Đặc biệt năm nay tôi tham gia hai lượt hoạt động quốc tế, cuối tháng này, tham gia tại Mã Lai cũng là một hoạt động. Tôi đi tham dự để làm gì? Không có gì khác, chỉ là tuyên truyền giáo dục tôn giáo, mong mỗi mỗi tôn giáo đều trở về giáo dục, tôn giáo bèn có thể phục hưng, mà cũng là giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả [được phục hưng]. Trong ấy có triết học, có khoa học, đó là [giáo dục] dành cho một ít người, còn ba thứ trước (luân lý, đạo đức, nhân quả) là giáo dục phổ cập trong thế gian, phổ cập khắp thế giới, mọi người đều có thể học, học luân lý, đạo đức, nhân quả, cả thế

giới sẽ có thể trở về trật tự vô cùng tốt lành. Tất cả những tai nạn trên địa cầu này đều có thể hóa giải, hiện thời các nhà Lượng Tử Lực học đã chứng thực điều này, chẳng phải là mê tín, mà là có đạo lý. Đối với những điều trọng yếu trong giáo dục truyền thống Trung Quốc và giáo dục tôn giáo của ngoại quốc, làm thế nào để dung hợp giáo dục tôn giáo của ngoại quốc và giáo dục truyền thống của Trung Quốc thành một thể, đây là chuyện phải nên làm của người hiện thời.

Vì thế, ở Úc, tôi có Tịnh Tông Học Viện, khóa trình tại Tịnh Tông Học Viện là Nho, Thích, Đạo. Kể từ tháng này trở đi, chúng tôi tặng thêm Cổ Lan Kinh (Koran) của Y Tư Lan giáo (đạo Hồi), tặng thêm Tân Cựu Ước của Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo. Chúng tôi đã hẹn sẵn với một vị trưởng lão Do Thái giáo, ông ta đã nhận lời, có thể là mùa Xuân năm sau sẽ giảng sáu trăm mười sáu điều giới luật của Do Thái giáo tại học viện chúng ta. Những giới luật ấy thuộc về luân lý, đạo đức, trong ấy cũng có nhân quả. Chúng ta học tinh hoa của các tôn giáo khác nhau, nhằm phong phú thêm truyền thống Nho, Thích, Đạo của chúng ta. Đây là chính xác, chúng ta dẫn đầu thực hiện. Tôi dẫn đầu lần này, những tôn giáo khác sẽ theo bước, vì sao? Nếu họ chẳng tiến theo, sẽ chẳng có cách nào qua lại với chúng ta, nhất định phải tiến theo. Vì thế, đoàn kết tôn giáo dựa trên đâu? Dựa trên học tập kinh điển của lẫn nhau, chúng ta mới thật sự có thể hóa giải mâu thuẫn, hóa giải đối lập giữa các tôn giáo, tự nhiên sẽ chẳng còn xung đột. Mong mỗi dùng giáo dục tôn giáo để dẫn đến an định, hòa bình trên toàn thế giới; đây là chuyện tốt đẹp! Chúng tôi làm chuyện này mấy năm, có lòng tin đối với chuyện này, chúng ta chớ nên tiến hành một cách cục bộ, thực hiện cục bộ tốt đẹp nhưng đại hoàn cảnh bất hảo, có ảnh hưởng quá lớn, chúng ta phải thực hiện trên cả thế giới. Bởi lẽ, đối tượng giáo hóa của mỗi tôn giáo đều là cả thế giới, chẳng cục bộ, quan niệm hoàn toàn tương đồng. Vì vậy, chúng ta nhất định phải có nhận thức rõ ràng về Phật giáo và Phật. Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi: *“Anh muốn học Phật, phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật. Anh chẳng nhận biết Ngài, trong tương lai sẽ đi vào đường vòng. Khi đi vào ngõ rẽ, chính anh cũng chẳng biết”*. Bởi lẽ, trong xã hội hiện tại có sáu thứ hình thức tôn giáo bất đồng, chúng ta chớ nên không biết.

Năm ấy, tôi giảng tại Miami, Hoa Kỳ, giảng Nhận Thức Phật Giáo, hiện thời đã in thành sách, đó là bài giảng tại Miami. Thuở ấy, tôi từng giảng trong xã hội có bốn thứ Phật giáo khác nhau, hiện thời có sáu thứ, tức là tặng thêm hai thứ. Thuở ấy, có bốn thứ:

- Loại thứ nhất là Phật giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo dục, tức giáo dục của Phật Đà. Nhất định phải biết: Cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật kể từ ngày khai

ngộ, Ngài ba mươi tuổi khai ngộ, bảy mươi chín tuổi viên tịch, sau khi khai ngộ bèn dạy học cả đời, chẳng gián đoạn ngày nào. Kinh thường nói: “*Giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm*”. Hơn ba trăm hội là tổ chức khóa học, nay chúng ta gọi việc đó là tổ chức khóa học, cả đời Ngài tổ chức hơn ba trăm khóa học, giáo học bốn mươi chín năm. Đức Phật giáo học suốt đời, chẳng hề dựng chùa miếu. Dựng chùa miếu là tình hình khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc mới dựng chùa miếu; dựng chùa, chứ không nói đến miếu. Tự viện, am đường là đạo tràng giáo học của Phật giáo, những nơi ấy là trường học. Tự viện, am đường là trường học, chẳng phải là [cơ sở] tôn giáo, dạy học ở nơi ấy. Trong tự viện hiện thời, vẫn gọi các vị chấp sự (có trách nhiệm quản trị) giống như xưa kia, chẳng hạn Trụ Trì, Phương Trượng, những danh xưng ấy tương đương với Hiệu Trưởng của nhà trường hiện thời, Thủ Tọa hòa thượng tương đương với Chủ Nhiệm Giáo Vụ, hoặc Giáo Vụ Trưởng trong trường đại học; Duy Na tương đương với Huấn Đạo Trưởng. Hiện thời Duy Na làm gì? Cầm dùi gõ chuông [trong khi tụng kinh], chẳng phải vậy! Duy Na là người chủ trì trật tự, trông coi đức hạnh, dạy các lớp về giới luật, là Huấn Đạo Trưởng; Giám Viện là Tổng Vụ Trưởng. Quý vị thấy danh xưng khác nhau, nhưng tánh chất phân công hoàn toàn tương đồng. Bởi lẽ, Phật giáo Trung Quốc theo chế độ tùng lâm, chánh quy hóa giáo học, thời Thích Ca Mâu Ni Phật tại Ấn Độ không có [chế độ này], hoàn toàn là giáo học theo kiểu tư thực, giống như Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử cũng có ba ngàn đệ tử, bảy mươi hai người hiền, tức là có bảy mươi hai người thật sự thành tựu. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, chúng ta cũng nên biết Ngài có ba ngàn đệ tử, kinh điển chép về Thường Tùy Chúng, tức là một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị chẳng rời Phật, kinh điển thường ghi chép chuyện ấy. Tôi tin rằng khi đức Phật giảng kinh, số người đến tham dự trong những lúc đó chẳng phải chỉ có vậy. Vì thế, đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật cũng phải là ba ngàn. Suốt đời giáo học, chẳng dính dáng gì đến tôn giáo. Thuở Phật tại thế, hoàn toàn không có những nghi thức tôn giáo!

Cùng nhau lên lớp, nhưng tu hành là mỗi cá nhân [tự thực hiện], đức Phật chẳng dạy người nào tu như thế nào, không có! Chỉ là lên lớp, quý vị có vấn đề nghi nan gì, hướng về đức Phật thỉnh giáo, Ngài sẽ giải đáp. Vì cuộc sống hằng ngày đều là thác bát (khất thực), giữa trưa ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, đó gọi là “*thầy dẫn trò vào cửa, tu hành do cá nhân*”. Thuở đức Thế Tôn tại thế đúng là như vậy, ai nấy đều có thể tự kiểm chế mình. Vì vậy, trong Phật môn không có tổ chức, học trò Thích Ca Mâu Ni Phật đông dường ấy, chẳng chia thành lớp, chẳng mời ai làm trưởng lớp, không có! Nếu có, [kinh điển] sẽ ghi chép, không có! Hoàn toàn là giáo học tư thực. Trong các học trò, có người thành tựu, học rất khá,

bèn giúp đỡ những kẻ kém hơn, giống như là trợ giáo của thầy. Có tình hình ấy, nhưng chưa có tổ chức, chẳng lập đạo tràng. Nay chúng ta hãy suy nghĩ vì sao đức Phật chẳng lập đạo tràng? Ngài muốn lập đạo tràng sẽ chẳng khó khăn gì, gia tộc là vương tộc. Khi ấy, vua của mười sáu nước lớn tại Ấn Độ đều là học trò Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị nói xem: Ngài muốn dựng đạo tràng chẳng phải là rất dễ dàng ư? Trong các học trò, có người là quốc vương, trưởng giả, đại thần, cư sĩ giàu có rất nhiều, nhưng đức Phật không cần! Vì sao không cần? Nay chúng ta hiểu rõ, tạo dựng chùa miếu to lớn, tráng lệ, nguy nga, sẽ có kẻ động lòng, muốn không chế, toan chiếm hữu, chẳng có đạo tâm, “thanh tịnh, bình đẳng, giác” bị phá hoại. Chẳng tạo dựng là có lý, chẳng dựng thì những người theo học đều có đạo tâm, chẳng mong cầu, mới có thể đạt được “không có tiếng tăm, lợi dưỡng”.

Vì thế, ở nơi đây, chúng ta học tập trong đạo tràng nhỏ này, đạo tràng này chẳng phải là của tôi, mà do các cư sĩ ở Hương Cảng tạo dựng, mời tôi đến nơi đây giảng kinh, chẳng phải là đạo tràng của tôi. Tôi không có đạo tràng, nơi nào mời, tôi bèn đến đó, tự tại lắm! Trong nước có những người mời tôi, đưa ảnh chụp những ngôi chùa đã dựng cho tôi xem, cung điện nguy nga, tráng lệ mời tôi đến. Tôi nói: “Tôi không thể đi, vừa nhìn [bèn nói] tôi không thể đi”. Họ hỏi: “Vì sao?” Tôi nói: “Thầy tôi là Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng ở nơi nào to dương ấy, tôi không dám ở”. Tôi nói: “Nếu quý vị thật sự thỉnh tôi đến ở, hãy dựng một tòa nhà nhỏ theo lối tứ hợp viện^{21[4]}, xềnh xoàng, tặng cho người ta, người ta đều chê, chê quý vị quá quê kệch. Đó là gì? Đó là đạo tràng bình an có thể tu đạo. Xây cất nguy nga, tráng lệ dường ấy, mỗi người đều động tâm muốn chiếm lấy, làm sao quý vị sống an ổn cho được?” Bởi lẽ, Thích Ca Mâu Ni Phật có trí huệ, từ ba ngàn năm trước đã nêu gương cho chúng ta. Nay chúng ta càng nghĩ càng thấy có lý, càng nghĩ thấy càng đúng, vĩnh viễn là tâm an lý đắc, chẳng bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu. Chúng ta phải học, học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, chớ nên học theo thế tục. Học theo thế tục là xong luôn, quý vị sẽ luân hồi trong lục đạo. Hãy học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, có thể làm Phật trong một đời này, tối thiểu là làm Bồ Tát, mới kể như là quý vị tu học có thành tựu. Do vậy, quý vị hãy suy nghĩ xem, nhận thức Thích Ca Mâu Ni Phật quan trọng lắm!

Nếu nói theo cách bây giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật mang thân phận gì? Ngài là một nhà giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, Ngài mang thân phận của một

21[4] Tứ hợp viện (còn gọi là Tứ Phòng) là một kiểu xây nhà truyền thống, gồm bốn dãy nhà xây vây kín theo hình chữ Khẩu (口), bao quanh một cái sân ở giữa. Nếu giữa sân không có dãy nhà nào thì gọi là “nhị tẩn nhất viện” (hai lớp nhà, một sân), nếu chính sân xây một dãy nhà ngăn sân làm đôi (tức chữ Nhật 日) thì gọi là “tam tẩn nhị viện” (ba dãy nhà, hai sân) v.v...

người làm nghĩa vụ giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, dạy học chẳng lấy học phí, vô cùng nhiệt tâm dạy dỗ quý vị, chẳng lấy tiền công. Khổng lão phu tử dạy học còn nhận một chút tiền công, còn có một chút học phí tượng trưng, đức Phật không cần, Ngài làm công tác thiện nguyện. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều nhằm nêu gương cho học trò đời sau, chứ chẳng có gì khác! “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*” (học làm thầy người, hành làm khuôn mẫu cho đời), Ngài đã làm được. Đối với Tứ Đức được giảng trong Tu Hoa Nghiêm Áo Chi, tức bài luận văn của Hiền Thủ quốc sư, tức là tác phẩm Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Ngài thật sự làm được. “*Tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc, nhu hòa chất trực, đại chúng sanh khổ*” (tùy duyên diệu dụng, oai nghi có chừng mực, nhu hòa, ngay thẳng, chịu khổ thay cho chúng sanh). Trong kinh Phật, chẳng có một câu nào là lời giả, thật sự làm được, lại còn làm viên mãn ngàn ấy. Chúng ta học Phật phải học tập những chỗ này, chẳng có chính mình, chính mình ở chỗ nào? Vũ trụ là chính mình, hết thấy chúng sanh là chính mình. Chúng ta thấy vũ trụ có cùng một thân thể với chúng ta, thấy hết thấy chúng sanh đều là những tế bào trên thân chúng ta, đó là đúng! Thích Ca Mâu Ni Phật xác thực là thấy như thế. Chúng ta không có cách nào tưởng tượng cách nhìn ấy, khi nào quý vị thật sự buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, minh tâm kiến tánh, quý vị sẽ có cách nhìn giống như Phật, hoàn toàn tương đồng, chân thật, chẳng dối. Vì thế, khẳng định Phật giáo là giáo dục, giáo dục mới là Phật giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật truyền lại, là sự giáo dục của Phật Đà.

Nhưng hiện thời Phật giáo lại biến chất, biến thành tôn giáo. Thời gian biến thành tôn giáo chưa lâu! Chúng ta đọc lịch sử, thấy trước thời đại Càn Long, Gia Khánh của nhà Thanh trước kia, Phật giáo vẫn chưa biến chất. Tự viện, am đường mỗi ngày vẫn giảng học, vẫn lên lớp, nghi thức tôn giáo nhiều nhất là công khóa sớm tối, đó là khoa mục chung. Thời gian tụng niệm công khóa sớm tối cũng không dài, đó là gì? Đó là kỷ niệm thầy, mang ý nghĩa niệm niệm chẳng quên ân đức của thầy, chẳng phải là lạy thần, mà là kỷ niệm thầy. Giống như chúng ta học tập ở đây, chúng tôi treo ảnh chụp của thầy ở phía đối diện, chúng ta mỗi ngày học tập ở nơi đây, hướng về thầy khom mình xá do ý nghĩa như sau: Chẳng quên gốc, hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, [đó là] chẳng quên gốc! Nhất định phải hiểu ý nghĩa rõ ràng, chớ nên hiểu lầm! Chẳng phải là lạy thần, chẳng phải là cầu Ngài phù hộ. Lên lớp là tách ra thành từng giảng đường riêng biệt. Vì thế, trong một ngôi chùa, có mấy vị Thủ Tòa Hòa Thượng, đó là “phân tòa giảng kinh”, mỗi người có giảng đường riêng. Quý vị thích học khoa mục nào thì vào giảng đường dành cho khoa mục ấy, theo vị thầy đó. “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (đường lối giáo hóa chú trọng chuyên nhất), giáo học trong Phật môn không giống giáo học

của thế gian. Theo truyền thống, Nho, Thích, Đạo của Trung Quốc gần như đều tuân thủ nguyên tắc sau đây: “*Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu*” (thâm nhập một môn, huân tu lâu dài). Chú trọng khai ngộ, nhất định phải hiểu Tam Học Giới - Định - Huệ, Giới là gì? Quy củ! Quý vị nhất định phải giữ quy củ, những gì thầy dạy quý vị chính là quy củ, quý vị phải tuân thủ. Thâm nhập một môn, cho nên trước hết phải vun bồi căn bản.

Vào thời cổ, trên thực tế, đối với ba căn bản Nho, Thích, Đạo, tôi thiếu là cha mẹ giúp quý vị vun bồi căn cội Nho và Đạo. Vào thời cổ tại Trung Quốc, giáo dục bắt đầu từ khi nào? Bắt đầu từ lúc mẹ có mang, thai giáo! Vun bồi căn cội rất sâu. Thai giáo có hiệu quả hay không? Hiện thời, ở ngoại quốc, qua thuật thôi miên, phương Tây đã phát hiện con ở trong thai mẹ đã hiểu rất rõ ràng. Mẹ khởi tâm động niệm, ăn uống, cử động, sẽ có cảm ứng rất lớn đối với con. Do vậy, từ thuật thôi miên, họ đã nghĩ cổ nhân Trung Quốc nói thai giáo hết sức có lý, trẻ còn ở trong thai chẳng phải là vô tri. Trẻ nhỏ vừa được sanh ra, cha mẹ là người gần gũi nhất. Phàm những người lớn tiếp xúc với trẻ, ăn nói, cử chỉ đều phải giữ lễ, đoan trang. Vì sao? Cho trẻ thấy, nghe, tiếp xúc, hoàn toàn là những điều hay lẽ phải, những thứ phản diện, bất thiện, chẳng để cho trẻ thấy, nghe, tiếp xúc, nhằm bảo vệ trẻ. Bảo vệ đến ba tuổi tức là một ngàn ngày, một ngàn ngày ấy gọi là “vun bồi cội rễ giáo dục”. Trong ấy, người mẹ là chánh yếu, mẹ thật sự yêu thương con, thật sự là yêu thương chính mình, yêu thương con cái. Đối với một ngàn ngày vun bồi cội rễ ấy, cổ ngôn ngữ Trung Quốc có câu: “*Tam tuế khán bát thập*”, ba năm, tức là vun bồi cội rễ một ngàn ngày trong ba năm, tới tám mươi tuổi cũng chẳng thể biến đổi, cội rễ sâu xa lắm! Cũng có nghĩa là trẻ sẽ chẳng tiêm nhiễm những thứ bất thiện trong xã hội.

Hiện tại, vì sao trẻ nhỏ đều học theo cái xấu? Chẳng vun bồi căn cội, đến ba tuổi mới dạy sẽ chẳng kịp! Trẻ đã học theo thói xấu rồi. Bây giờ [mà nói như vậy] thì ai hiểu? Một trăm năm trước, ai nấy đều hiểu. Sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, xã hội Trung Quốc động loạn, quân phiệt cát cứ, sau đấy, chiến tranh với người Nhật, mãi cho đến hiện nay vẫn chưa có cách nào khôi phục an định. Nhất là trong tám năm kháng chiến, chúng tôi cảm thấy trong tám năm kháng chiến tổn thất lớn nhất, chết nhiều người ngàn ấy, phá hoại sanh mạng, tài sản nhiều ngàn ấy, tôi vẫn cảm thấy là chuyện nhỏ, nhỏ bé không đáng kể, tổn thất lớn nhất là truyền thống văn hóa bị xóa sạch, tổn thất ấy quá lớn. Những thứ truyền thống của Trung Quốc đã duy trì Trung Quốc bao năm như vậy, mấy ngàn năm quốc gia ổn định lâu dài, sau khi chiến tranh nổ ra, mọi người bận bịu đối phó người Nhật, mỗi ngày lo lánh nạn, tôi là kẻ địch thân bị hại nên tôi biết. Sau cuộc chiến,

chẳng thể khôi phục lại được, đáng tiếc lắm! Gia tộc của Trung Quốc tuyệt lắm, hiện thời chẳng còn gia tộc, nhà tan, người mất. Chư vị phải hiểu, quý vị đọc sách cổ thấy nói: “Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, vì sao tề gia, quốc sẽ bình trị? Thời cổ, “gia” là đại gia đình, chẳng phải là tiểu gia đình, một thôn trang là một nhà. Thôn trang kia là Vương thôn, toàn là người một nhà, một nhà mấy trăm người [đều là họ Vương]. Các vị nếu đã đọc Hồng Lâu Mộng, [gia đình họ Giả trong] Hồng Lâu Mộng là một nhà, [bộ tiểu thuyết ấy] miêu tả một nhà. Gia đình thông thường, nói chung có khoảng ba trăm người, nếu nhân đình hưng vượng sẽ là sáu, bảy trăm người. Gia đình rất suy, chẳng đông lắm, cũng có một hai trăm người, đó là rất suy. Vì họ là đại gia đình nên phải chú ý đến gia đạo, gia quy, gia học, gia nghiệp, có tổ chức, chẳng thể rối loạn chút nào. Hễ loạn thì nhà ấy coi như tiêu rồi!

Đệ Tử Quy là gia quy, là một phần chung cho gia quy [của từng gia tộc, ngoài phần ấy ra] còn có những phần khác nhau, vì sự nghiệp kinh doanh của mỗi gia đình khác nhau, cho nên gia đình nào có gia quy của gia đình nấy. Những điều này đều được chép trong gia phả. Chúng ta mở gia phả ra xem sẽ biết, tổ tông lập ra quy củ. Gia học là tư thực, tức trường học dành cho con em trong gia đình. Vì thế, tại Trung Quốc, vào thời cổ, xã hội giao việc giáo dục, tức giáo dục cơ sở cho gia đình tự phụ trách. Quốc gia không có chuyện này, chẳng lo việc giáo dục, giáo dục là chuyện của bản thân gia đình quý vị. Quý vị nói gia trưởng (chủ gia tộc) lo việc học hành, quá nửa dùng từ đường làm trường học, vì từ đường trừ Xuân Thu tế tự ra, chẳng có hoạt động gì. Vì thế, từ đường là trường học. Quý vị thấy gia trưởng là ông bà nội hoặc ông bà cố, quan tâm đến lớp hậu duệ đời sau ngàn ấy, mời thầy sẽ nhất định mời người thật sự có đạo đức, có học vấn đến dạy, phụ trách. Không giống như trường học hiện thời! Trường học hiện thời đối với quý vị chẳng có mối liên quan nào, dẫu quý vị bỏ nhiều tiền trong phong bì đem tặng họ, họ vẫn chẳng quan tâm, chẳng thể mua được lòng yêu thương của họ! Do vậy, tổ tiên thật sự yêu thương con cháu. Quý vị thấy họ mời thầy, gia trưởng, tổ tông của chúng ta dập đầu lạy thầy, vì sao? Tôn sư trọng đạo. Đây là gì? Biểu diễn cho những đứa học trò là con em [của chính họ] xem. Quý vị thấy: Lúc đó, lũ học trò là con em thấy tổ tông, ông nội, cha mẹ trông thấy thầy đều cúi lạy, quý vị có thể nào chẳng tôn kính thầy ư?

Tôi học được lòng tôn kính thầy, lúc khoảng chừng sáu tuổi, vào trường tư. Chúng tôi là gia học, cha tôi dẫn tôi đi học, học trò không đông lắm, khoảng chừng hơn ba mươi người, chưa đến bốn mươi người, lớn nhất là mười mấy tuổi, có những học sinh lớn mười lăm, mười sáu tuổi, học trò nhỏ tuổi giống như tôi là

sáu, bảy tuổi, cùng học chung một phòng, một thầy. Ngày nhập học, đầu tiên là ở lễ đường, giữa lễ đường thờ bài vị Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư, tức bài vị của Không lão phu tử, thầy ngồi nơi đó, các đồng học chia ra đứng hai bên. Trước hết, chúng tôi đến lạy bài vị Không Tử, cha tôi ở đằng trước, tôi ở đằng sau, hướng về bài vị Không Tử hành lễ ba lần quỳ, chín lần dập đầu, đây là lễ tiết đời Thanh. Sau khi lạy xong, cha tôi mời thầy ngồi lên ghế, thầy ngồi phía dưới bài vị Không Tử, [cha tôi] hướng về thầy hành lễ ba lần quỳ, chín lần dập đầu. Quý vị nghĩ xem: Thầy tiếp nhận trọng lễ của cha mẹ quý vị như vậy, nếu chẳng dạy học trò đàng hoàng, lẽ nào chẳng có lỗi đối với cha mẹ người ta? Trả tiền công cho thầy tùy ý, thầy trọn chẳng đòi hỏi chuyện ấy. Quý vị dư giả thì cấp dưỡng thầy nhiều một chút, nghèo khổ thì châu cấp thầy ít một chút, đạt ý nghĩa là được rồi! Thật sự nghèo túng, mà trò học giỏi, thật sự có thể học, thầy còn bù đắp cho chi dụng trong nhà, chẳng dễ dàng! Thuở ấy, thầy thật sự hữu đạo, thầy thật sự có sư đạo. Hiện thời chẳng có, hiện nay trò chẳng thể dạy, quý vị hơi nghiêm khắc một chút, gia trưởng bèn nói thầy xâm phạm nhân quyền, còn đi thưa lên chánh quyền, thầy còn bị phạt, làm sao dạy được? Vì thế, hiện thời học sinh ở nhà chẳng hiếu thảo với cha mẹ, ở trường chẳng kính trọng thầy. Chẳng kính trọng thầy, chẳng có lòng tôn trọng thầy, thứ gì cũng đều chẳng học được!

Vì thế, hiện thời đâu có thánh hiền làm thầy, nhưng đã không có học trò, tới đâu để tìm được một học trò có lòng tôn kính thầy? Chẳng phải là thầy đòi hỏi học trò phải tôn kính, chẳng phải vậy, ngàn muôn phần chớ nên hiểu lầm! Một phần cung kính được một phần lợi ích, tùy thuộc học trò có thể học được bao nhiêu. Quý vị nhìn từ lòng cung kính của trò đối với thầy và môn học, thiếu tâm cung kính sẽ chẳng học được, chớ nên không hiểu đạo lý này! Trong đời này, tôi có một chút thành tựu là do đã được hưởng lợi ích nào? Hưởng lợi ích nhờ lúc sáu tuổi cha tôi dẫn tôi vào trường, cúi lạy thầy, tôi được hưởng lây [lòng cung kính ấy], suốt đời cũng chẳng thể quên, biết cung kính thầy. Tại Đài Loan, tôi gặp được ba vị thầy, chẳng thân thuộc, chẳng quen biết, nhưng do tâm cung kính, các thầy đặc biệt chiếu cố tôi, đạo lý ở ngay đó. Các Ngài thật sự dạy tôi chẳng đi quanh queo, đúng là chẳng đi theo những con đường vòng vèo, thật sự dạy. Người khác thân cận thầy, thầy chẳng nói đến những điều ấy, Ngài dạy tôi phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Đối với người khác, tôi thường ở bên cạnh thầy quan sát, thầy chẳng dạy người khác học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, vì sao? Người ta không thể học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng tôi nghe lời, nên thầy dạy tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng tôi mới hiểu Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học, chúng tôi đi theo con đường ấy, đi suốt năm mươi chín năm chẳng thay đổi phương hướng. Trừ giảng kinh, dạy học ra, không có ý niệm

thứ hai, tâm bèn thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, trí huệ có thể giải quyết vấn đề của chính mình mà cũng có thể giúp người khác giải quyết vấn đề.

Hiện thời, sau khi tôi đến Úc châu, tham dự hoạt động trong nhà trường. Tôi đến Úc Châu là do bộ trưởng di dân Úc Châu mời tôi đến, cấp cho tôi thẻ thường trú. Thẻ thường trú làm tại Hương Cảng, [ông ta] mong tôi sang Úc giúp Úc đoàn kết tôn giáo, đoàn kết các sắc dân. Vì vậy, sau khi đến Úc, tôi mới biết chánh phủ Úc rất thông minh, họ giao công tác ấy cho trường đại học. Điều này hay lắm, vì đại học sẽ không thiên vị bất cứ tôn giáo nào, mà cũng không thiên vị bất luận sắc dân nào, họ là trung lập. Chấp hành nhiệm vụ ấy là nhà trường, do vậy, tôi tham dự, thực hiện công tác ấy trong nhà trường. Tôi cũng giúp nhà trường thành lập một trung tâm, tức là trung tâm văn hóa đa nguyên, đây là cơ sở hoạt động của chúng tôi. Sau biến cố Mười Một tháng Chín, tôi được nhà trường giao phó đại diện nhà trường, đại diện Úc Châu tham dự hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc. Đã nhiều năm như vậy, trước sau tham dự mười mấy lần, có bảy lần trong số ấy do Liên Hiệp Quốc chủ đạo. Do tham dự, phạm vi hoạt động và giao tiếp của tôi lớn hơn, có năm mộng cũng không ngờ tới, đi theo phương hướng quốc tế. Trong mỗi lần hoạt động quốc tế, chúng tôi đều lấy việc tuyên dương văn hóa truyền thống của Trung Quốc làm đề tài trung tâm. Chúng tôi đã được ông Thang Ân Tử khai thị: *“Giải quyết vấn đề trong xã hội hiện tiền, thật sự chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Đại Thừa Phật pháp”*; vì thế, cực lực đề xướng ba môn căn bản. Tại ngoại quốc, tôi còn thêm vào một thứ, tức là giáo dục tôn giáo, ba cội rễ của Nho, Thích, Đạo, cộng thêm giáo dục tôn giáo. Giáo dục tôn giáo nhất định phải là học tập lẫn nhau, hiểu biết lẫn nhau, mới chẳng đến nỗi nảy sanh mâu thuẫn, chẳng đến nỗi nảy sanh đối lập. Cơ sở của sự hòa hài ở chỗ này, căn bản hòa hài ở chỗ này. Nhất định phải làm tốt điều này thì sẽ có thể biến hòa hài xã hội, hòa hài thế giới thành hiện thực, chứ chẳng phải là một điều lý tưởng! Những điều ấy là nguyện vọng chung của tất cả các tôn giáo, mà cũng là mục tiêu giáo học chung cực suốt đời của Thích Ca Mâu Ni Phật lão nhân gia.

Năm 2006, tôi tham gia hoạt động của tổng bộ Văn Hóa Khoa Học Giáo Dục Liên Hiệp Quốc (UNESCO), lần hoạt động ấy là lần quan trọng nhất trong tất cả các hoạt động của chúng tôi, tôi lãnh trách nhiệm tổ chức, chủ trì hoạt động này. Đề mục là kỷ niệm Thích Ca Mâu Ni Phật lần thứ 2.2550 22[5], chủ đề là “công hiến của Phật tử đối với nhân loại”. Chúng tôi thực hiện rất thành công, báo cáo tỉ mỉ cách giáo học truyền thống của Trung Quốc và thành quả thí

22[5] Ở đây, Hòa Thượng nói lầm, năm 2006 phải là Phật lịch 2550.

nghiệm. Trong bài báo cáo, tôi đề nghị, mong mỗi Liên Hiệp Quốc có thể thành lập một đại học tôn giáo toàn cầu, mỗi tôn giáo có thể thiết lập một học viện, liên kết các tôn giáo trên toàn thế giới, mục tiêu chủ yếu là một thế giới hòa hài. Đề nghị xong, vẫn tự hầy còn, Liên Hiệp Quốc trọn chẳng thực hiện, không có cách nào thực hiện. Đối với đề nghị này, xưa kia, hình như vào năm 1987, lần đầu tiên trở về nước, gặp gỡ lão cư sĩ Triệu Phác Sơ là đồng hương²³[6]. Lần gặp mặt ấy, các đồng tu ở Hương Cảng theo tôi cùng đi, chúng tôi có hơn hai mươi người rất náo nhiệt. Tôi nêu ra vấn đề này với cụ Phác Sơ, khi ấy, cụ nghe nói, rất vui vẻ, nhưng tuổi đã lớn quá rồi, đúng là tâm thì có thừa, nhưng chẳng đủ sức. Chuyện này trọng yếu, vẫn thường được nhắc đến, thường xuyên nghĩ tới, mong mỗi có một ngày quốc gia có thể thật sự thành lập một trường học như vậy. Phải nên là hai trường, một trường về các sắc dân, đoàn kết các sắc tộc, trường kia nhằm đoàn kết tôn giáo. Học hiệu văn hóa đa nguyên đoàn kết các sắc tộc. Trung Quốc có năm mươi sáu dân tộc²⁴[7], văn hóa của mỗi dân tộc đều đáng để học tập, học tập lẫn nhau. Trung Quốc có năm tôn giáo, nên có thể lập ra năm học viện. Ngoài năm học viện ra, còn có thể thiết lập học viện quản lý, bồi dưỡng nhân tài hộ pháp, như vậy sẽ rất có lợi cho quốc gia và văn hóa truyền thống. Chúng ta thường nghĩ tới [điều này], tâm tưởng sự thành, rồi sẽ có một ngày thực hiện được. Ngày hôm nay chúng tôi giới thiệu Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, học tập tới đây. Nay đã hết thời gian rồi, cảm ơn mọi người.

23[6] Cụ Triệu Phác Sơ và Hòa Thượng đều là người tỉnh An Huy, cụ Triệu quê ở huyện Thái Hồ, còn Hòa Thượng quê ở huyện Lư Giang.

24[7] Đây là các dân tộc được chính quyền Hoa Lục công nhận, bao gồm: Hán, Tráng (người Choang), Mãn, Hồi, Miêu (H'mong), Duy Ngô Nhĩ (Uigur), Thổ Gia (Bizika), Di (Nisu), Mông Cổ, Tây Tạng, Bồ Y (Buxqyaix), Đờng (Gaem), Dao, Triều Tiên (Chosen), Bạch (Baipho), Cáp Nê (Haqniq), Cáp Tát Khắc (Kazak), Lê, Thái, Xá, Lật Túc (Lisaw), Ngật Lão (Kláo), Đông Hương (Sarta), Cao Sơn, Lạp Hồ (Lad Hull), Thủy, Ngõa, Nạp Tây, Khương, Thổ, Mộc Lão, Tích Bá, Kha Nhĩ Khắc Tư (Kirgiz), Đạt Oát Nhĩ (Daur), Cảnh Pha, Mao Nam, Tát Lạp (Salar), Bồ Lang (Blang), Tháp Cát Khắc (Tajik), A Xương, Phổ Mễ, Ngạc Ôn Khắc (Evenki), Nộ, Kinh, Cơ Nặc, Đức Ngang, Bảo An, Nga, Dũ Cổ (Yughur), Ô Tư Biệt Khắc (Uzbek), Môn Ba (Monpa), Ngạc Luân Xuân (Oronco, Oroqen), Độc Long, Tháp Tháp Nhĩ (Tatar), Hách Triết (Nanaitser), và Lạc Ba (Lho pa). Đông nhất là dân Hán (hơn một tỷ) và ít nhất là Lạc Ba (chỉ có 2.965 người). Nếu nói chi tiết thì tại Đài Loan còn có một số các sắc dân thiểu số nữa, ngoài tộc Cao Sơn ra, nhưng chính quyền Hoa Lục không công nhận, như Pangcah Amis, Paiwan, Atayal, Bunun, Rukai v.v...

Tập 86

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi bốn, dòng thứ năm, xem từ câu thứ hai:

“Tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quạt sơn trung, Xứ Thành Tụ dã. Vương Xá thành cổ hữu nhị thuyết, nhất viết Thượng Mao thành (hoặc tác Thượng Đệ thành, cựu thành), nhất viết Hàn Lâm thành (tân thành), lưỡng thuyết bất nhất” (Tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quạt là Xứ Thành Tụ. Thành Vương Xá, xưa kia có hai thuyết, một thuyết nói nó là thành Thượng Mao (còn gọi là thành Thượng Đệ, tức là thành cũ), thuyết kia nói nó là thành Hàn Lâm (thành mới), hai thuyết khác nhau). Đây là điều thứ tư trong sáu thứ thành tụ, tức Xứ Thành Tụ, là nơi chôn đức Phật giảng kinh. Đức Phật giảng ở đâu? Kinh văn chép: *“Tại Vương Xá thành”*, chẳng nói *“trụ”* mà nói *“tại”*. Trung Quốc vào thời cổ, dùng chữ hết sức cẩn thận. Đức Phật chẳng còn chấp trước thân tướng, như trong kinh Kim Cang Bát Nhã đã nói: *“Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”*, đức Phật thật sự chứng đắc, chứng đắc Pháp Thân. Pháp Thân ở đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại. Do vậy, chẳng thể nói Ngài ở nơi đâu, trọn khắp pháp giới tận hư không giới đều là chỗ trụ của Ngài. Cho nên chỉ có thể nói Phật ở tại nơi đâu. Giống như chúng ta đến Bắc Kinh thăm hoàng cung, thấy Tử Cấm Thành to ngàn ấy, hoàng thượng ở trong đó, nơi đó lớn dường ấy, hoàng thượng ngự nơi nào? Ở trong một căn nhà nào? Hay trong đình các nào? Trong quá khứ, chẳng thể nói hoàng thượng *“trụ”*, vì sao? Vua là *“tứ hải chi nội, mạc phi vương thổ”* (trong bốn biển, chẳng có chỗ nào không phải là đất đai của nhà vua), lãnh thổ quốc gia chính là trụ xứ của vua, vua ở trong quốc gia này. Hiện thời, vua đang ở chỗ nào? Ở trong quốc gia, chẳng thể nói vua trụ chỗ nào. Nếu ra ngoại quốc, [có thể nói] vua trụ trong Trung Quốc. Đối với triều Thanh thì nói [vua nhà Thanh] trụ trong Đại Thanh quốc, nói như vậy thì được. Đối với Phật, quý vị biết Pháp Thân của Phật là trọn khắp pháp giới, hư không giới, trong đại vũ trụ; đại vũ trụ chẳng có gì ra ngoài, không có lớn ra ngoài, không gì nhỏ chẳng gồm trong. Do vậy, đối với Phật đều nói là *“tại”*, Ngài tại chỗ nào!

Thuở đức Phật tại thế, thành Vương Xá cũng là một tiểu quốc. Đức Phật xuất thế nhằm đời Châu tại Trung Quốc. Chư vị phải hiểu, thuở ấy, quốc gia chưa thống nhất. Vì vậy, chúng ta đọc sách vở thấy vào đời Châu có “tám trăm chư

hầu”. Một [nước] chư hầu rộng chừng bằng một huyện hiện thời, còn nhỏ hơn huyện một chút. Một huyện có thể có hai ba nước [chư hầu]. Bởi lẽ, đại quốc là một trăm dặm, tiểu quốc là năm mươi dặm, kích thước là năm mươi dặm, có thể nói giống như một hương trấn hiện thời, vào thời cổ là một tiểu quốc. Đời Châu có hơn tám trăm quốc gia. Tại Ân Độ cũng giống như vậy, cũng đều là những tiểu quốc san sát, trong kinh nói là “*mười sáu đại quốc vương*”, những nước tương đối lớn thì ước chừng to bằng một huyện hiện thời, đã rất lớn rồi, đại quốc đấy nhé! Hiểu đại lược hoàn cảnh địa lý và lịch sử như vậy. “*Tại Vương Xá thành*”, nơi nào trong thành Vương Xá? Trong núi Kỳ Xà Quật. Ngoài thành Vương Xá có năm quả núi; đây là một quả núi trong năm quả núi ấy. Nói ra mọi người đều biết đức Phật đã giảng không ít kinh ở núi này, phía sau sẽ còn giới thiệu, cho nên trước hết nói về Xứ.

Thành Vương Xá: Có hai thành Vương Xá, một là cựu thành, hai là tân thành. Chúng ta đọc đoạn này sẽ biết: Từ trước tới nay, các vị tổ sư đại đức đều khẳng định đức Phật trụ nơi cựu thành, vì tân thành sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch mới được xây, đương nhiên Phật trụ tại cựu thành, chẳng trụ tại tân thành. Do vậy, Ngài trụ tại thành Thượng Đệ. Chúng ta xem đoạn kinh văn được trích dẫn kế tiếp và cách giảng của các vị đại đức xưa kia. “*Kim cú Trí Độ Luận trung viết: Phật niết-bàn hậu*” (nay dựa trên Trí Độ Luận đã nói: “Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn”), điều này rất trọng yếu. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật bát Niết Bàn, tức là sau khi Ngài nhập diệt, “*A Xà Thế vương, dĩ nhân dân chuyển thiểu cố, xả Vương Xá đại thành, kỳ biên cánh tác tiểu thành*” (do nhân dân trở nên ít hơn, vua A Xà Thế bèn bỏ thành lớn Vương Xá, xây một thành nhỏ bên cạnh). Thành nhỏ là tân thành, tức thành Hàn Lâm. Do vậy, có thể biết: Sau khi đức Phật diệt độ, thành thị ấy chẳng hưng vượng cho lắm, dần dần suy vi, số người ít ỏi. Sau khi dân chúng đã ít đi, vua A Xà Thế cảm thấy chẳng thuận tiện lắm, bèn bỏ thành cũ, xây một thành mới ở bên cạnh. Thành mới nhỏ hơn, quy mô nhỏ hơn, đấy là thành Hàn Lâm. “*Chân Giải vân: “Bốn Vương Xá thành giả, Thượng Đệ cựu thành dã*” (Sách Chân Giải viết: “Thành Vương Xá vốn là thành cũ Thượng Đệ). “*Bốn*” là nguyên gốc, thành Vương Xá ban đầu là cựu thành. “*Cánh tác tiểu thành giả, Hàn Lâm tân thành dã*” (Lại dựng tiểu thành chính là thành mới Hàn Lâm), đấy là tân thành. “*Thử ký Phật diệt hậu, Xà vương trúc chi, Phật hà trụ hậu thành hồ*” (Thành ấy đã do vua A Xà Thế xây dựng sau khi đức Phật diệt độ, lẽ đâu Phật trụ trong thành sau?) Đức Phật đã viên tịch, làm sao Ngài có thể ngự tại thành sau (thành Hàn Lâm)? Đương nhiên [thành Vương Xá thường được nhắc tới trong kinh] là thành trước (thành Thượng Đệ), thành trước là cựu thành. “*Kim chánh Phật sở trụ xứ, minh tri Thượng Đệ thành dã*” (nay biết rõ nơi đức

Phật trụ chính là thành Thượng Đệ), đó là cự thành, mà cũng là đại thành. “*Thử thuyết khả chứng, Phật thuyết thử kinh thị tại cự thành*” (lời này đủ chứng tỏ: Đức Phật nói kinh này tại cự thành).

“*Từ Ân Truyện vân*” (sách Từ Ân Truyện chép), hãy nên biết Từ Ân Truyện là Đại Đường Tây Vực Ký. Từ Ân Truyện là tác phẩm do Huyền Trang đại sư ghi lại những chuyện trong thời gian Ngài lữ du. Trong sách ấy, có một đoạn như thế này: “*Vương Xá cự thành, xứ Ma Yết Đà quốc trung, cổ tích quân vương đa trụ kỳ nội. Kỳ thành hựu sinh hảo hương mao, cổ cử vi xưng*” (Cự thành Vương Xá thuộc nước Ma Yết Đà (Magadha), xưa kia quân vương thường ngự trong ấy. Thành ấy lại sanh loại cỏ tranh rất thơm, nên gọi như vậy); vì thế, gọi là Hương Mao thành. “*Hựu Nhật Vọng Tây Sớ viết: Nhược y Tông Gia, ưng thị Thượng Mao*” (Lại nữa bộ Vọng Tây Sớ của Nhật có nói: “Nếu theo ý Tông Gia, [thành Vương Xá] phải là Thượng Mao”). Thượng Mao là cự thành, Tông Gia là Thiệu Đạo đại sư. Người Nhật hết sức sùng kính Thiệu Đạo đại sư, thông thường chẳng gọi tên Ngài mà gọi là Tông Gia. “*Vọng Tây sư ý, diệc vị kinh trung chi Vương Xá thành, tức Thượng Mao cự thành. Thử thuyết khả tín, cổ bất dẫn dị thuyết*” (ý của sư Vọng Tây cũng là thành Vương Xá trong kinh chính là cự thành Thượng Mao. Thuyết này đáng tin, nên chẳng dẫn thuyết khác). Những vị cổ đức khác cũng có những điểm tranh luận, chẳng cần nhắc tới, chúng ta tin tưởng thuyết này, vì tân thành được xây dựng sau, tức là sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ mới kiến tạo, đức Phật chẳng thể nào ngự tại tân thành, cho nên [thành Vương Xá được nhắc tới trong kinh] phải là cổ thành.

Chúng ta lại đọc đoạn tiếp theo: “*Pháp Hoa Luận vân: Như Vương Xá thành thắng dư nhất thiết thành xá cổ, hiển thử pháp môn tối thắng nghĩa*” (Pháp Hoa Luận chép: “Như thành Vương Xá vượt trội hết thảy các thành thị khác, cho thấy pháp môn này mang ý nghĩa tối thắng”). Đây là nói đến ý nghĩa biểu thị pháp trong nhà Phật, ý nghĩa này rất quan trọng. Người Hoa nói là “*địa linh nhân kiệt*”, nơi ấy có linh khí, nhất định có thánh hiền trụ tại nơi ấy. Chúng ta học Phật nhiều năm như thế, chúng ta biết đức Phật đã dạy chúng ta một câu rất quan trọng: “*Cảnh chuyển theo tâm*”, “*cảnh*” là hoàn cảnh. Do vậy, chúng tôi đổi lại, “*nhân kiệt địa linh*”, [nghĩa là] nơi đây có thánh hiền trụ thì nơi đây tự nhiên có linh khí, vì sao? Cảnh chuyển theo người. Hai cách nói này đều thông suốt, đều có lý. Nếu nơi này rất linh, nhất định sẽ un đúc, sanh ra thánh hiền, bậc đại thánh, đại hiền sẽ sanh ở nơi đây. Mặt khác, đại thánh đại hiền ở chỗ này, nơi này sẽ tụ tập linh khí. Vì thế, nhân kiệt địa linh hay địa linh nhân kiệt, [nói kiểu nào] cũng đều thông suốt, nhưng ý nghĩa khác biệt. Đức Phật trọn chẳng xuất sanh tại thành

Vương Xá, nhưng do đức Phật giảng rất nhiều kinh ở nơi ấy, nên nơi ấy có linh khí. Hơn nữa, trong các nước lớn tại Ấn Độ thời cổ, có thể nói là thành này hưng vượng nhất, là thành thị lớn nhất. Đức Phật giảng kinh tại nơi đây, cho thấy bộ kinh này thù thắng khôn sánh, mang ý nghĩa này. Vì thế, tiếp đó, sách viết: “*Ngũ Thiên Trúc hữu thập lục đại thành*” (Năm xứ Thiên Trúc có mười sáu thành lớn), đây là mười sáu đại quốc vương thường được kinh nhắc tới, họ đều là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, đều quy y đức Phật, theo Phật học tập, là hộ pháp tại gia của đức Thế Tôn, họ cũng là tại gia đệ tử. Trong mười sáu đại thành ấy, thành Vương Xá lớn nhất, kinh Pháp Hoa giảng tại nơi đây, kinh Vô Lượng Thọ cũng giảng ở chỗ này, giảng chẳng ít kinh tại đây, thời gian đức Phật trụ tại nơi này khá dài.

Tiếp đó, sách lại nói: “*Hựu Đại Bảo Tích Kinh Luận vân: ‘Vấn vân: Hà cố thử pháp duy Vương Xá thành thuyết, phi dư thành khuếch?’*” (Lại nữa, Đại Bảo Tích Kinh Luận²⁵[8] viết: “Hỏi: Vì sao pháp này chỉ nói ở thành Vương Xá, chẳng giảng diễn tại các thành khác?”). Đây là lời vấn đáp được giả lập trong bộ luận ấy, vì sao kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ phải giảng tại thành Vương Xá? Vì sao đức Phật chẳng giảng ở nơi khác? “*Đáp viết: Thích thử pháp môn pháp vương trụ xứ cố. Dụ như Vương Xá, vương sở chỉ trụ, cố danh Vương Xá. Thử pháp môn diệc phục như thị, pháp vương trụ xứ, thích thành thử nghĩa cố, thuyết trụ Vương Xá thành*” (Đáp: Nhằm nói rõ pháp môn này là trụ xứ của đấng Pháp Vương. Ví như thành Vương Xá là chỗ cư ngụ của vua, nên gọi là Vương Xá. Pháp môn này cũng giống như thế, là chỗ cư ngụ của đấng Pháp Vương. Để biểu thị nghĩa này, nên nói là “trụ thành Vương Xá”). Sự, Lý, biểu thị pháp, hoàn toàn tương ứng, “*thử pháp*” là pháp “niệm Phật thành Phật” trong kinh Vô Lượng Thọ. Bởi lẽ, “*pháp vương*” là Phật, kinh này nói về điều gì? Trụ xứ của Phật, quý vị học bộ kinh này, trụ trong kinh này, quý vị bèn thành Phật, biểu thị ý nghĩa ấy. Vì thế, sánh ví với Vương Xá. Người Hoa gọi Vương Xá là “hoàng cung”, ai ngự trong hoàng cung? Hoàng thượng ngự. Chỗ hoàng thượng ở gọi là hoàng cung, là vương xá. “*Thử pháp*” (pháp này), ở đây nói, đối với pháp này, cũng giống như thế. Bộ kinh này nói về điều gì? Trụ xứ của chư Phật Như Lai, nói tới điều này, quý vị có thể tiến nhập pháp môn này, sẽ thành Phật, nêu bày ý nghĩa này. Do vậy, nói là “*trụ Vương Xá thành*”, quý vị thấy ý nghĩa này thù thắng dường ấy. Do vậy, nhất định phải hiểu nghĩa thú được biểu thị trong Phật pháp, không cần

25[8]Đại Bảo Tích Kinh Luận do ngài An Huệ soạn, được ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch sang tiếng Hán vào thời Bắc Ngụy, gồm bốn quyển. Tuy mang tựa đề là Đại Bảo Tích Kinh Luận, phần này chỉ nhằm giải thích hội bốn mươi ba trong kinh Bảo Tích (tức hội Phổ Minh Bồ Tát). Luận này nhằm giải thích danh xưng Bảo Tích, các thứ tà hạnh và chánh hạnh của hàng Bồ Tát.

dùng đến ngôn ngữ, quý vị vừa nhìn, vừa tiếp xúc, liền hiểu rõ. Trong đạo tràng của Phật giáo Trung Quốc, hoàn toàn là biểu thị pháp, nhưng người hiện thời chẳng hiểu. Kiến trúc, hình thức, cho đến màu sắc của đạo tràng, không có gì chẳng nhằm biểu thị pháp. Những gì lục căn của quý vị tiếp xúc toàn là biểu thị pháp. Nếu quý vị thật sự hiểu, chẳng cần nói một câu nào, quý vị vào tự viện, am đường, đi một vòng, Phật pháp ở ngay trong đó, tâm quý vị sẽ đầy ắp. Người hiện thời gọi điều này là “nghệ thuật hóa sự giáo học”, quý vị thấy từ mấy ngàn năm trước, Phật pháp đã đi theo hướng nghệ thuật.

Trước tiên, giới thiệu ý nghĩa biểu pháp của thành [Vương Xá], núi cũng biểu thị pháp. “*Kỳ Xà Quật sơn, thị Vương Xá thành ngoại ngữ sơn chi nhất. Tịnh Ảnh Sớ viết: Kỳ Xà sơn*” (Núi Kỳ Xà Quật là một trong năm quả núi ngoài thành Vương Xá. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Núi Kỳ Xà”). Kỳ Xà (Grdhakūta) là tiếng Ấn Độ, là tiếng Phạn, “*thử phiên danh Linh Thửu Sơn dã*” (Hán dịch là núi Linh Thửu). Người Trung Quốc thường nói tới Linh Sơn, “*Linh Sơn nhất hội*” là nói về nơi này. Vì sao gọi là Linh Thửu sơn? “*Thử sơn đa hữu linh tiên cư trụ, cố danh vi Linh*” (Núi này có nhiều bậc linh tiên cư trụ, nên gọi là Linh). Người Hoa gọi là “thánh hiền”, người Ấn Độ gọi là “*linh tiên*”. “*Diệc hữu Thửu cư chỉ thử sơn*” (Cũng do có chim Thửu sống trong núi này), loài chim này giống như chim ung, cũng sống trên núi này nên gọi là Thửu. “*Hựu thử sơn danh tự thửu đầu, hựu danh Thửu Đầu sơn*” (Lại đỉnh núi này giống đầu chim Thửu, nên còn gọi là Thửu Đầu Sơn). Giống như Hương Cảng của chúng ta, mọi người đều biết núi Sư Tử của Hương Cảng. Chúng ta từ Hương Cảng nhìn sang Cửu Long^{26[9]}, núi ấy quả thật rất giống một con sư tử nằm phục nơi ấy, chúng ta gọi núi ấy là Sư Tử Sơn. Núi này (núi Kỳ Xà Quật) cũng có chót núi giống như đầu chim ung, nên gọi là Thửu Đầu Sơn. “*Tây Vực Ký chí thử sơn viết*” (Sách Tây Vực Ký viết về núi này như sau), đây là ghi chép của Huyền Trang đại sư lão nhân gia: “*Bắc Sơn chi dương*”^{27[10]} [nghĩa là] phía Bắc thành Vương Xá, phía Bắc của núi ấy, “*cô tiêu đặc khởi, kỳ thể thửu điểu, hựu loại cao đài, không thúy tương ánh, nùng đạm phân sắc*” (núi đột nhiên cao vót lên như chim Thửu đậu, cũng giống như cái đài cao. Sắc núi biếc in lên không trung, đậm nhạt rõ nét). Có thể thấy vẻ đẹp

26[9] Hương Cảng là một hòn đảo nằm đối diện với bán đảo Cửu Long, cách nhau bởi eo biển Lý Ngư Môn. Đặc khu Hồng Kông gồm ba khu Cửu Long, Tân Giới và đảo Hương Cảng. Khu Tân Giới do chính quyền nhà Thanh cho Anh thuê thêm nhằm mở rộng địa giới đặc khu Hương Cảng, nằm từ phía Bắc giới tuyến bán đảo Cửu Long đến bờ Nam sông Thâm Quyến và 233 hòn đảo lân cận.

27[10] Dương là phía Nam của núi, nhưng đối với sông thì Dương lại là phía Bắc. “*Bắc sơn chi dương*” (tức là phía Nam của phía Bắc núi). Nói cho rõ hơn là phía Bắc núi này có chót núi, nhưng vách phía Nam của chót núi ở phía Bắc ấy.

của núi ấy qua lời hình dung của Huyền Trang đại sư. “*Như Lai ngự thế thù ngũ thập niên*” (Như Lai ngự trong cõi đời năm mươi năm), tức là Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Trong bốn mươi chín năm ấy, “*đa cư thử sơn, quảng thuyết diệu pháp*” (thường ở núi ấy, thuyết nhiều diệu pháp). Trong một đời Ngài, thời gian đức Phật trụ tại chỗ này lâu nhất; vì thế, giảng rất nhiều kinh ở nơi đây.

“*Trí Độ Luận viết: Kỳ sơn ư ngũ sơn trung tối thắng cố*” (Trí Độ Luận nói: “Núi Kỳ Xà Quật thù thắng nhất trong năm quả núi”). [Sở dĩ, thù thắng nhất là vì]: Thứ nhất, “*thử sơn tinh xá, cận thành nhi nan thượng*” (tinh xá trong núi này gần thành, nhưng khó lên), núi rất hiểm trở, không dễ gì trèo lên được. “*Cận thành cố khát thực bất bì*” (gần thành nên khát thực chẳng vắt vẻo), thưở ấy đối với nơi cư trụ, giảng học, đức Thế Tôn chọn lựa chỗ gần thành thị hoặc hương trấn, vì sao? Mọi người đều ra ngoài ôm bát khát thực, nếu ở quá xa sẽ chẳng thuận tiện. Cách xa khoảng ba dặm đường là thích hợp nhất. Ba dặm đường thì khát thực khá thuận tiện. “*Nan thượng cố tạp nhân bất lai*” (do khó lên nên hạng người tạp nhạp chẳng đến). Do vậy, vào thời cổ, tại Trung Quốc, tự viện, tùng lâm đều được xây dựng trên núi cao, cũng do ý nghĩa này. Người bình thường chẳng có chuyện gì, chẳng muốn trèo lên núi, vì sao? Lên núi ấy cũng tốn thời gian tối thiểu chừng nửa ngày, người ta phải làm việc nửa ngày, đâu có thời gian rảnh rỗi để trèo lên núi ấy? Tự viện, am đường thưở ấy, thời đức Phật không có tự viện, đức Phật luôn ở trong núi rừng, nghỉ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, không có chỗ trụ cố định, nhưng luôn ở trong một khu núi, vừa thuận tiện khát thực, mà cũng chẳng quá xa, nên có thể hiểu rõ tình trạng sống của họ. Thứ hai, “*thị Kỳ sơn phước đức cát xứ*” (núi Kỳ Xà Quật là chốn phước đức cát tường), vì sao? Chỗ ấy “*chư thánh nhân hỷ trụ xứ, Phật vi chư thánh chủ cố đa trụ*” (là chỗ các vị thánh nhân thích ở. Đức Phật là chúa các vị thánh, nên hay ngự ở đây). Các vị thánh hiền đều chuộng tu hành ở nơi này, đức Phật cũng chẳng rời họ. Những vị ấy, hiền nhân, La Hán, Bồ Tát đều thường hướng về đức Phật thỉnh giáo, nếu đức Phật trụ quá xa, cũng chẳng thuận tiện cho họ. Vì hướng dẫn những vị này, nên đức Phật cũng hay ngự tại nơi này. Đây là nguyên nhân thứ hai, [khiến cho núi này] được gọi là “*phước đức cát xứ*”. Thứ ba, “*Kỳ Xà sơn thị tam thế chư Phật trụ xứ cố*” (núi Kỳ Xà là trụ xứ của tam thế chư Phật), đây là một nơi được quá khứ, hiện tại, vị lai Bồ Tát thành Phật chọn lựa để tu hành, giáo học, giảng kinh, truyền pháp, là một nơi rất thích đáng. Do vậy, chư Phật đều thích chỗ này.

Thứ tư, “*thị trung thanh tịnh, hữu phước đức, nhàn tĩnh cố*” (do trong núi ấy là nơi thanh tịnh, có phước đức, vắng vẻ). Núi này thanh tịnh, thích hợp để

đường đạo. Kinh Phật thường nói A Lan Nhã. A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán Tịch Tĩnh xứ (chốn vắng lặng, yên tĩnh). A Lan Nhã cũng có tiêu chuẩn, thời cổ, những nơi như vậy quá nửa là lấy nông nghiệp làm [phương thức sinh nhai] chủ yếu. Làm ruộng chẳng thể không có trâu cày, tiếng trâu kêu rất to. Nơi họ (những người tu hành) ở không nghe thấy tiếng trâu kêu trong nông thôn, nên cũng rất thanh tịnh, hoàn toàn khác với xã hội hiện thời. Trong xã hội hiện tại, gần như tìm không được nơi thanh tịnh, trên núi cao còn có tạp âm của máy bay. Vì thế, con người trước kia thật sự có phước báo. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, con người chẳng còn phước báo nữa. Chúng ta chớ nên không biết điều này. *“Nhất thiết chư Phật hành xứ, thập phương chư Bồ Tát tán thán cung kính, bát bộ đại lực chúng thần sở thủ hộ, cung kính cúng dường xứ cố. Chư Đại Thừa kinh đa tại thử sơn thuyết”* (là hành xứ của hết thầy chư Phật, là nơi được mười phương chư Bồ Tát cung kính, khen ngợi, tám bộ đại lực chúng thần thủ hộ, cung kính, cúng dường. Các kinh Đại Thừa phần nhiều được nói tại núi này). Đây là nói: Đúng như thế, trên núi này, có nhiều thần tiên, nhiều thánh nhân, có thần hộ pháp cung kính cúng dường nơi ấy. Vì thế, đức Phật nói rất nhiều kinh Đại Thừa tại nơi ấy. Chúng ta xem điều thứ năm, tức điều cuối cùng: *“Thị trung thập phương vô lượng trí huệ phước đức lực đại Bồ Tát, thường lai kiến Thích Ca Mâu Ni Phật, lễ bái, cung kính thỉnh pháp cố. Chư Đại Thừa kinh đa tại thử sơn thuyết”* (Trong núi này, mười phương vô lượng đại lực, trí huệ, phước đức Bồ Tát thường đến gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, lễ bái, cung kính nghe pháp. Các kinh Đại thừa phần nhiều giảng tại núi này). Nêu ra những nhân duyên khiến cho thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế đã ngự tại núi này giảng kinh, thuyết pháp trong một thời gian dài. Núi này hết sức có duyên phận với đức Phật. Pháp Hoa Luận cũng nói: *“Kỳ Xà Quạt sơn thắng dư chư sơn. Phật tại u thử thuyết, hiển thử pháp tối thắng. Cố bốn kinh tức tại thử sơn thuyết”* (Núi Kỳ Xà Quạt vượt trội các núi khác, đức Phật thường ngự ở đây thuyết pháp nhằm hiển thị pháp này là tối thắng. Vì lẽ đó, kinh này được nói tại núi này). Đây là dẫn chứng kinh điển nhằm giới thiệu nơi chốn đức Phật nói kinh này, hòng chứng tín với chúng ta: Thật sự có một nơi để thuyết pháp.

Chúng ta xem câu kệ đó: *“Dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu”* (cùng với các vị đại tỳ-kheo một vạn hai ngàn người cùng nhóm họp), đó là thỉnh chúng. *“Bốn phẩm độc tiêu tỳ-kheo chúng cập Bồ Tát chúng”* (phẩm này chỉ nêu tỳ-kheo chúng và Bồ Tát chúng). Khi cụ Hạ hội tập bộ kinh này, đã chia phần Chúng Tín thành hai phẩm, kinh văn rất dài, trong phẩm thứ nhất, thỉnh chúng chỉ nói đến tỳ-kheo chúng và Bồ Tát chúng, số người không nhiều! Phẩm thứ hai, *“đệ nhị phẩm mật quảng tiêu dư tam chúng đệ tử, cập chư thiên chúng”* (cuối

phẩm thứ hai sẽ nêu đủ ba chúng đệ tử và các thiên chúng:), kinh văn được trích dẫn ở đây, “*Hữu hữu tỳ-kheo-ni ngũ bách nhân, thanh tín sĩ thất thiên nhân*” (lại có năm trăm tỳ-kheo-ni, bảy ngàn thanh tín sĩ), đây là tại gia cư sĩ; “*thanh tín nữ*” là tại gia nữ cư sĩ, có năm trăm người, có “*Dục Giới thiên, Sắc Giới thiên, chư thiên, Phạm chúng, tất cộng đại hội*” (Dục Giới thiên, Sắc Giới thiên, chư thiên, Phạm chúng đều cùng nhóm họp trong đại hội). Cuối kinh lại có một đoạn văn như thế này: “*Chư Bồ Tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành*” (các vị Bồ Tát, Thanh Văn, trời, rồng tám bộ, hết thảy đại chúng nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ lớn, tin nhận, vâng làm). Từ sự ghi chép này, chúng ta biết pháp hội này rất thù thắng, ngay cả trời người trong tam giới đều đến tham dự. “*Khả kiến thuyết kinh thời, hội trung hữu chư đại Bồ Tát, Thanh Văn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thanh tín sĩ, thanh tín nữ, trực chí chư thiên, Phạm chúng*” (có thể thấy lúc Phật thuyết kinh, trong hội có các đại Bồ Tát, Thanh Văn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thanh tín sĩ, thanh tín nữ, cho đến chư thiên, Phạm chúng), đây là Đại Phạm Thiên, “*thiên long bát bộ*” thảy đều đến nghe pháp, “*hàm lai thỉnh pháp, thử nữi Lục Thành Tựu trung chi Chúng Thành Tựu*” (đều đến nghe pháp. Đây chính là Chúng Thành Tựu trong sáu thứ thành tựu), quý vị thấy có những người nào tham gia pháp hội này. “*Hội trung, hữu Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên nhân đẳng*” (trong pháp hội có Bồ Tát, Thanh Văn, các hàng trời người v.v...) và những người ở trên thế giới này, địa cầu này, “*tứ chúng đệ tử nhị vạn nhân đồng văn, phi thị A Nan độc văn, thị khả chứng tín*” (tứ chúng đệ tử một vạn hai ngàn người cùng nghe, chẳng phải chỉ mình A Nan được nghe, điều ấy đủ để chứng tín vậy). Chẳng phải là một mình A Nan nghe! Khi ấy, bọn phàm phu mắt thịt chúng ta trông thấy những người phàm. [Chỉ riêng] những người phàm mà đã đông hơn hai vạn, pháp hội này thù thắng quá!

Tiếp đó, lại nói chi tiết, giải thích. Trước hết, nói tỳ-kheo là gì? “*Dữ đại tỳ-kheo*”, “*dữ giả, cộng đồng chi nghĩa*” (và các đại tỳ-kheo: Dữ (與) có nghĩa là cùng chung). Rất nhiều vị đại tỳ-kheo tham gia pháp hội này, “*biểu Phật dữ đại chúng cộng tại hội trung*” (biểu thị Phật cùng đại chúng cùng ở trong hội), đều ở trong đại hội này. “*Tỳ-kheo thị Phạn ngữ, danh hàm tam nghĩa, có bất phiên*” (Tỳ-kheo (Bhiksu) là tiếng Phạn, danh từ này bao hàm ba ý nghĩa, nên chẳng dịch). Tại Trung Quốc, chẳng tìm được danh từ thích đáng để phiên dịch, nên dịch âm rồi ghi thêm lời giải thích. Danh từ này có ba ý nghĩa:

- Thứ nhất là Khất Sĩ. Khất (乞) là xin xỏ, người Hoa gọi họ là Khất Cái (乞丐: ăn mày). Khất cái xin cơm ăn, nhưng là Sĩ. Sĩ (士) là người có đạo đức, có học vấn,

đúng là mỗi ngày họ đi khát thực. Tại Trung Quốc vào thời cổ, nhân dân được chia thành bốn giai cấp “sĩ, nông, công, thương”, địa vị trong xã hội khác nhau. Sĩ là người đọc sách, được thể gian tôn trọng nhất. Tuy người đọc sách chẳng có địa vị, cũng chẳng có của cải, nhưng được mọi người tôn kính, vì sao? Người ấy đọc sách hiểu lý, người Hoa tôn trọng họ. Trước đây, đọc sách đúng là đọc sách thánh hiền, từ nhỏ, vỡ lòng đã đọc sách thánh hiền, hiểu lý, hiểu sự. Mãi cho đến đời Hán, nhằm thời Hán Vũ Đế, người đọc sách mới có lối ra (được trọng dụng), vì sao? Quốc gia cần quý vị. Chư vị phải biết: Trung Quốc được thống nhất là do Tần Thủy Hoàng thống nhất. Tuy đã thống nhất, xã hội động loạn, cũng có nghĩa chẳng phải là đời thịnh trị an định đích thực, không có! Mãi cho đến đời Hán, Hán Vũ Đế là vị hoàng đế thứ bảy [của nhà Hán] mới chính thức đi theo phương hướng chế độ hóa, quốc gia thống nhất, cần nhân tài giúp đỡ nhà vua cai trị. Hình thành một nước lớn thật sự, chẳng phải là tiểu quốc, những chư hầu giống như thời cổ hoàn toàn không còn nữa, [các nước chư hầu] đều biến thành quận, huyện; quận giống như tỉnh²⁸[11] hiện thời. Dưới tỉnh có huyện, đối với các nhân viên công vụ thuộc các tầng lớp ấy, cần phải có nhân tài. Tìm người ở đâu? Tìm người đọc sách. Vì thế, học giỏi sẽ là Sĩ. Sĩ là vì quốc gia phục vụ, tiếp nhận chức vụ do đế vương [giao phó]. Vì vậy, hình thành chế độ khảo thí.

Do vậy, đối với người đọc sách trong nước, học hành là chuyện thuộc về gia đình, là gia học, dạy dỗ trong nhà, tư thực là trường học dành cho con em trong gia đình. Bởi lẽ, xưa kia, Trung Quốc từ cổ lấy nông nghiệp để lập quốc, luôn là đại gia đình, người càng đông, càng dễ làm lụng, ít người sẽ bị khó khăn, đông người sẽ dễ kiếm sống. Do vậy, để con em trong gia đình có thể học hành, nhất định phải mời thầy về dạy trong nhà; vì thế, tư thực là trường học của con em trong gia đình. Học hành rất khá, sẽ tham gia các kỳ thi của chánh phủ, huyện khảo (thi cử cấp huyện). Thi đậu trong cuộc thi tại huyện sẽ gọi là Tú Tài, tức là quý vị đã được chọn; nhưng vẫn có tuyển cử, tuyển cử cũng là chế độ được đặt ra vào thời Hán Vũ Đế, quan viên địa phương phải tuyển nhân tài cho quốc gia. Tuyển những ai? Chọn từ nhi đồng, chọn lấy đồng tử. Đồng tử nghĩa là chưa

28[11] Khái niệm chia nước thành tỉnh chỉ thật sự xuất hiện từ đời Minh trở đi. Trước đó, đất nước được chia thành quận, huyện, châu, hành châu, đạo, đô hộ phủ, lộ. Thoạt đầu, Tỉnh có nghĩa là một cơ quan công vụ trung ương, chẳng hạn Thượng Thư Tỉnh, Trung Thư Tỉnh, Môn Hạ Tỉnh. Đến đời Nguyên, mới thành lập những cấp hành chánh địa phương gọi là Hành Trung Thư Tỉnh (gọi tắt là Hành Tỉnh) trực thuộc Trung Thư Tỉnh, nhưng có toàn quyền xử lý sự vụ tại địa phương. Đến đời Minh, chữ Hành trong Hành Tỉnh bị lược bỏ, chỉ gọi là Tỉnh, đồng thời chế độ Tam Tỉnh (Thượng Thư Tỉnh, Trung Thư Tỉnh, Môn Hạ Tỉnh) ở Trung Ương bị phế trừ, Tỉnh ở các địa phương trở thành cơ quan hành chính độc lập, tuy vẫn phải nghe theo lệnh trung ương, nhưng quyền hạn rộng rãi rất nhiều, và khu vực quản hạt của Hành Tỉnh; do đó cũng được gọi là Tỉnh. Từ đó, cả nước được chia thành mười sáu tỉnh. Huyện trở thành đơn vị trực thuộc tỉnh. Đến đời Thanh lại chia nhỏ hơn thành năm mươi hai tỉnh.

thành niên. Tại Trung Quốc, “*thành niên*” là hai mươi tuổi. [Tuyển đồng tử] là phỏng vấn, điều tra những kẻ chưa tròn hai mươi tuổi, quan viên xưa kia chẳng giống hiện thời có TV, có hình chụp, quý vị biết mặt, trước kia [dân chúng] không biết [mặt mũi quan viên]. Nếu ông ta chẳng mặc quan phục, quý vị sẽ chẳng biết ông ta là quan. Ông ta mặc thường phục, đi thăm dò, tuyển nhân tài cho quốc gia. Tiêu chuẩn tuyển nhân tài là gì? Chính là hai chữ “*hiếu liêm*”. Chọn lấy kẻ hiếu liêm, [nghĩa là] đứa nhỏ này hiếu thảo với cha mẹ, ở nhà có thể hiếu thảo với cha mẹ thì đối với quốc gia sẽ có thể tận trung, trung với đất nước, trung với nhân dân. Điều kiện thứ hai là liêm khiết, liêm khiết sẽ chẳng tham ô. Quý vị thấy quốc gia chọn người để dùng dựa trên hai chữ: Một là Hiếu, hai là Liêm. Thi đậu huyện khảo (thi Hương) là Tú Tài, sẽ chẳng cần phải lo lắng về cuộc sống, quốc gia ban cho quý vị một phần bổng lộc, thưởng ấy là cấp gạo. Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huán, [sẽ thấy] tiên sinh Liễu Phàm thi đậu Tú Tài, một năm được nhận chín mươi mấy thạch gạo, sống được, chẳng phải lo lắng. Chăm chỉ học hành, chuyên tâm học hành, lại tham gia khoa thi của tỉnh (tỉnh khảo, thi Hội). Đỗ khoa thi của tỉnh sẽ là Cử Nhân. Những kẻ ưu tú, Cử Nhân đặc biệt ưu tú, đều có thể được bổ nhiệm làm huyện trưởng, hiện thời gọi [chức vụ này] là huyện thị trưởng, hoặc làm những mặc liêu²⁹[12] cao cấp, tương đương với chức bí thư trưởng hiện thời, là mặc liêu bậc nhất. Lại đi thi, vừa nhậm chức, vừa học hành, còn có thể tham gia cuộc khảo thí của quốc gia gọi là Điện Thí (thi Đình), thi đỗ sẽ gọi là Tiến Sĩ. Thời đó, Tiến Sĩ, Cử Nhân, Tú Tài đều là danh xưng học vị, là học vị thời cổ, giống như các danh xưng học vị Tiến Sĩ, Thạc Sĩ, Học Sĩ trong nhà trường hiện thời. Thi đậu Tiến Sĩ thường được trung ương bổ nhiệm. Nhân tài của đất nước được bồi dưỡng như vậy. Mãi cho đến đời Mãn Thanh, gần như chế độ này được áp dụng trong hai ngàn năm. Hai ngàn năm đã thay đổi triều đại bao nhiêu lần, nhưng chế độ này chẳng biến đổi, bất luận kẻ nào làm hoàng đế đều dùng phương pháp này để chọn lựa nhân tài. Bởi lẽ, đây là một chế độ rất tốt đẹp, đã duy trì Trung Quốc suốt hai ngàn năm, khiến lịch sử ghi chép [Trung Quốc là một nước] ổn định lâu dài, đó là [quy chế] hiếu liêm. Chế độ này hay lắm! Chế độ này rất trọng yếu, cho nên tuyển cử hiếu liêm. Hiếu liêm là từ nhỏ đã học trong gia đình, học từ trường tư thực, cha mẹ dạy bảo, thầy dạy bảo quý vị: Trung và hiếu là nhất thể. Liêm là không cho sẽ chẳng lấy, trong Phật pháp nói là “chẳng trộm cắp”, quý vị mới có thể tận trung giữ chức, giống như Mao Chủ Tịch đã nói: “*Toàn tâm toàn lực vì nhân dân phục vụ*”. Nếu chẳng có hai chữ ấy, kẻ ấy chẳng vì nhân dân phục vụ, sẽ vì chính mình mà phục vụ, vấn đề ấy vô cùng nghiêm trọng.

29[12] Mặc liêu: Phụ tá, cộng sự của các trưởng quan.

Do vậy, Khất Sĩ, Sĩ là người đọc sách, thật sự có học vấn, có đức hạnh, bản thân Thích Ca Mâu Ni Phật cũng là khất sĩ. “*Vị khất thực, khất pháp. Khất thực vị ký xuất gia dĩ, khất cầu tự hoạt, bất sự kinh doanh, vô sở trữ tích. Vạn duyên câu phóng, nhất ý thanh tu, cố viết khất thực dưỡng thân*” (Tức là khất thực, khất pháp. Khất thực là đã xuất gia rồi thì xin ăn để nuôi thân, chẳng làm ăn, không tích chứa, bỏ hết vạn duyên, một dạ thanh tu, nên nói: “Xin ăn để nuôi thân”). Thân thể chúng ta sống trong thế gian này, cần phải có điều kiện cơ bản sinh tồn, điều đầu tiên là ăn uống. Những người tu hành, đọc sách, tu dưỡng đạo đức, chẳng theo đuổi sự nghiệp kinh doanh, họ sống bằng cách nào? Sống bằng cách khất thực, đi xin từng nhà. Người Hoa trọn chẳng tôn trọng kẻ ăn mày, trong xã hội, ăn mày có địa vị thấp nhất, gọi là “bần tiện”, Bần (貧) là chẳng có của cải, Tiện (賤) là chẳng có địa vị xã hội. Nhưng người khất thực khác hẳn, có học vấn, có đức hạnh, nên tại Ấn Độ, hết sức tôn kính loại người này, chỉ cần gặp, nhất định sẽ cúng dường. Vì thế, khất thực tại Ấn Độ vào thời cổ, cũng như tại Thái Lan hiện thời, theo Phật giáo Nam Truyền, không có vấn đề gì, người ta thật sự cúng dường quý vị. Hiện thời, tại Trung Quốc, [khất thực] cũng rất khó khăn. Quý vị chẳng thể khất thực tại Hương Cảng, không có ai cúng dường quý vị! Vì thưở ấy tại Ấn Độ, theo phong tục, tập quán, mọi người rất tôn trọng những người [tu hành] ấy, cho nên họ sống theo cách ấy, giữa trưa ăn một bữa. Khất thực mà phải một ngày đi xin ba lượt sẽ làm phiền người ta, quý vị còn tu hành gì được nữa? Suốt ngày từ sáng đến tối ra ngoài tìm thứ gì để ăn, cũng chẳng tránh khỏi là quá tham lam! Vì thế, đức Phật quy định ăn một bữa, mọi người càng tôn kính.

Ăn một bữa, có đủ hay không? Đủ! Thân thể chúng ta là một cỗ máy, để cỗ máy ấy hoạt động cần phải có năng lượng. Khởi nguồn của năng lượng là ẩm thực. Ẩm thực là nguồn cội để bổ sung năng lượng; nhưng máy móc có máy hao xăng, có máy đỡ tốn xăng, rốt cuộc tiêu hao năng lượng ở chỗ nào? Chín mươi lăm phần trăm là tiêu hao bởi vọng niệm. Phiền não và vọng niệm tiêu hao năng lượng rất nhiều, quý vị phải bổ sung với một mức độ lớn; ba bữa vẫn chưa đủ, còn phải ăn điểm tâm. Nếu tâm địa thanh tịnh, không có tạp niệm, một bữa là đủ, khẳng định đã đủ rồi! Dẫu lao tâm, lao lực, khối lượng công việc nhiều đến mấy, tiêu hao năng lượng ít ỏi. Năm xưa tôi cầu học, thân cận thầy Lý tại Đài Trung, tức lão cư sĩ Lý Bình Nam, khối lượng công việc của lão nhân gia, nói chung, tôi thiếu phải bằng năm người, thầy phải làm công việc của năm người. Nếu quý vị muốn gặp thầy, nhất định phải hẹn trước một tuần. Nếu không, thầy chẳng có thời gian, thời gian của thầy đã sắp xếp kín hết rồi. Khối lượng công việc to như thế, mỗi ngày thầy chỉ ăn một bữa, bắt đầu từ năm ba mươi mấy tuổi, mãi cho đến khi chết già, mấy chục năm! Mỗi bữa lại còn ăn rất ít, mạn đầu bé xíu. Mỗi bữa thầy

ăn hai cái mạn đầu (bánh bao không nhân), mỗi cái to bằng quả trứng gà! Thừa quý vị, tiền chi dụng mỗi ngày là hai đồng Đài Loan, một tháng là sáu mươi đồng. Sáu mươi đồng chỉ bằng khoảng một dollar mấy chục xu. Thời đó, hình như một dollar bằng bốn chục đồng Đài Loan, một dollar rưỡi là tiền chi dụng hằng tháng của thầy. Không dễ dàng! Là tại gia cư sĩ, nhưng lão nhân gia hành trì cả đời giống hệt như người xuất gia, nhưng chẳng mặc y phục của người xuất gia!

Tôi theo học với lão nhân gia tại Đài Trung, trước khi đến Đài Trung, tôi đã học Phật khoảng hơn một năm. Tôi học Phật nửa năm bèn ăn chay, giữ trường trai, khoảng một năm rưỡi, tôi luyện tập bỏ bữa tối, mỗi ngày ăn hai bữa. Đến Đài Trung, thấy thầy [hành trì như vậy], tôi nói tôi phải nên học theo Ngài, cũng học giữa trưa ăn một bữa. Tôi học đến tháng thứ tám mới trình với thầy, thưa với thầy, tôi nói: “Mỗi ngày con ăn một bữa”. [Thầy hỏi] “đã bao lâu?” “Tám tháng rồi!” “Thế nào? Thân thể có cảm giác chẳng thoải mái hay chẳng?” “Thưa không! Rất bình thường”. Thầy vỗ bàn: “Hãy vĩnh viễn giữ như thế. Vì sao? Cuộc sống đơn giản, suốt đời chẳng phải cầu cạnh ai”. Cổ nhân Trung Quốc nói rất hay: “*Nhân đáo vô cầu, phẩm tự cao*” (con người đạt tới mức không mong cầu, phẩm hạnh tự cao), buông xuống vạn duyên! Nhưng mỗi bữa tôi ăn nhiều hơn thầy, rốt cuộc là trẻ tuổi, tu dưỡng chẳng bằng thầy, khối lượng công việc của tôi chẳng nhiều như thầy, nhưng mỗi bữa tôi phải ăn ba cái mạn đầu. Chi dụng mỗi ngày phải dùng tới ba đồng, một tháng tốn chín mươi đồng, còn thầy sáu mươi đồng là được rồi, chúng tôi không có cách nào, làm không được! Do vậy biết: Tâm vị lão nhân ấy thanh tịnh, chẳng có tạp niệm. Cụ bảo tôi: Cụ bắt đầu [hành trì như vậy] khoảng ba mươi sáu, ba mươi bảy tuổi. Khi tôi quen biết thầy, cụ đã bảy mươi tuổi, cụ mất năm chín mươi bảy tuổi. Tôi ở cùng với thầy, cụ đã bảy mươi mà thoát nhìn như người năm mươi mấy tuổi. Chúng ta còn thấy tám hình do ông Giang Dật Tử chụp cho thầy ngồi dưới một gốc cây to, cụ ngồi nơi đó, hình chụp năm cụ chín mươi tuổi, quý vị thoát nhìn ngỡ cụ chừng sáu mươi mấy tuổi. Vì thế, biết: Khỏe mạnh chẳng do ăn những thứ tốt lành. Thầy Lý ăn những thứ vô cùng đơn giản, do chính mình nấu, chẳng có ai chăm sóc, tự mình chăm sóc mình, ăn ở do chính mình lo liệu, tự mình nấu cơm, rửa chén, rửa niêu, giặt quần áo. Chúng tôi tiếp xúc, không thể chẳng bội phục cụ. Chín mươi lăm tuổi cụ mới chịu để cho hai đồng học chăm sóc, trước khi chín mươi lăm tuổi, chẳng có ai chăm sóc, cho thấy thân thể cụ khỏe mạnh nên mới có thể tự lo liệu. Vì thế, thầy đã nêu gương cho chúng tôi. Đức Phật dạy chúng ta khát thực nuôi thân, quý vị mới thật sự có thể buông xuống được, thật sự chẳng có phiền não.

“*Khất pháp giả, tham sự phỏng đạo, lộ túc phong xan, tuân cầu diệu pháp, kỳ thành thánh quả, cố viết, khất pháp dưỡng tâm*” (Khất pháp là tìm thầy hỏi đạo, nằm sương dãi gió, tìm cầu diệu pháp mong thành thánh quả, nên nói là: “Khất pháp để dưỡng tâm”). Người sống trong thế gian, thật sự giác ngộ thì điều gì trọng yếu nhất? Đạo trọng yếu nhất. Nhà Phật nói như vậy, mà cổ thánh tiên hiền Trung Quốc cũng nói một câu, lúc đó, Phật pháp chưa truyền tới Trung Quốc. Quý vị thấy Phu Tử đã nói: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ*” (sáng nghe đạo, tối chết cũng đành), chẳng sống uổng; bởi lẽ, cổ nhân học hành vì trọng đạo. Người hiện thời học hành, hiện thời tới trường là vì lẽ nào? Để trong tương lai sẽ có công việc tốt trong xã hội, phát đạt, vinh hoa, phú quý, nhằm mục đích này. Bậc thánh hiền không có quan niệm này, Khổng Tử cả đời thật sự sống nghèo hèn, chẳng có của cải, cũng không có địa vị, là dân nghèo. Ngài làm quan Tư Khẩu³⁰[13] nước Lỗ, nước Lỗ hiện thời là huyện Khúc Phụ, Tế Nam là nước Tề. Thuở đó, nước Lỗ là một huyện hiện thời, vua nước Lỗ chẳng phải là huyện trưởng hiện thời ư? Làm quan Tư Khẩu nước Lỗ ba tháng, bị người ta hạ bệ, vì sao? Ngài muốn làm một vị quan tốt. Quý vị muốn làm một ông quan tốt, vì nhân dân phục vụ; còn kẻ khác muốn vì công danh, phú quý của chính mình, quý vị sẽ đụng chạm kẻ ấy, chẳng giống như kẻ ấy, còn có thể tiếp tục làm nữa hay chẳng? Do vậy, Khổng Tử thông minh, từ chức, không làm nữa, về nhà dạy học, lo giảng dạy, dạy năm năm, qua đời. [Sau này], Hán Vũ Đế chấp nhận đề nghị của Đồng Trọng Thư, Hán Vũ Đế muốn thống trị quốc gia, dạy bảo dân chúng; lúc ấy, đối với chư tử bách gia, dùng phương pháp của ai để dạy? Đồng Trọng Thư³¹[14] đề nghị Khổng Mạnh, Hán Vũ Đế chấp nhận, bèn dùng đạo Khổng Mạnh làm quan niệm chủ yếu để giáo dưỡng nhân dân trong nước, tôn Khổng Tử làm Vạn Thế Sư Biểu. Khổng Tử lúc sống có năm mộng cũng chẳng nghĩ tới! Nếu nghĩ đến chuyện này, cần gì phải làm quan? Cần gì phải chu du liệt quốc? Giáo học thật hay! Chuyện này có người đã nghĩ tới, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nghĩ tới. Quý vị thấy Ngài ba mươi tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ không làm quốc vương, mà

30[13] Tư Khẩu là một chức quan được thiết lập từ thời Tây Châu, địa vị kém Tam Công (Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo), ngang hàng với Lục Khanh (Thái Tế, Thái Tông, Thái Sử, Thái Chúc, Thái Sĩ, Thái Bốc). Tư Khẩu cùng với Tư Mã, Tư Không, Tư Sĩ, Tư Đồ hợp thành Ngũ Quan. Chức Tư Khẩu chuyên chưởng quản nhà giam, lo việc kiểm soát trị an, an ninh nội chánh, kể cả tư pháp, tương đương với chức Hình Bộ Thượng Thư sau này. Tại các nước chư hầu như Sở, Trần v.v... chức quan này được gọi là Tư Bại.

31[14] Đồng Trọng Thư (179-104 trước Công Nguyên), là một nhà tư tưởng, triết gia, chính trị gia, và là một nhà giáo dục, quê ở Quảng Xuyên (nay là huyện Táo Cường, tỉnh Hà Bắc), tinh thông Xuân Thu Công Dương Truyện, là bậc đại sư về Kim Văn Kinh, nổi danh ngang hàng với Khổng An Quốc. Từ bé, ông nổi tiếng chăm học, do tinh thông Công Dương Truyện nên về sau được Hán Cảnh Đế phong tặng danh hiệu Bác Sĩ. Khi Hán Vũ Đế hạ chiếu cầu hiền, bài đối sách (sớ trả lời) của ông chủ trương tôn sùng Khổng học, biến Khổng học thành tư tưởng chỉ đạo chính thống, áp dụng phương hướng “*tiền đức, hậu hình*” (trước hết dùng đức để cảm hóa, rồi mới dùng đến hình phạt) rất được Vũ Đế tán thưởng. Ông cũng đề xướng trung ương tập quyền, hình thành tư tưởng đế chế.

dạy học, dạy suốt bốn mươi chín năm, bảy mươi chín tuổi viên tịch. Phật pháp gọi con đường mà bậc thánh hiền đã đi là “*thành Phật chi đạo*” (con đường thành Phật). Không Tử đến tuổi già bất đắc chí, một dạ mong làm quan để thi thố quan niệm ái dân, ái quốc của Ngài, nhưng chẳng có ai dùng, bất đắc dĩ trở về quê nhà dạy học. Về quê hương năm ấy, Ngài đã sáu mươi tám tuổi, bảy mươi ba tuổi mất, dạy học năm năm. Quý vị thầy Ngài dạy học năm năm, trở thành Vạn Thế Sư Biểu, đây là sự nghiệp thánh hiền. Tại Ấn Độ, [điều này được gọi] là “*thành Phật chi đạo*”, tại Trung Quốc là sự nghiệp thánh hiền. Chẳng phải là bậc thánh hiền sẽ chẳng thấy!

Nói theo bây giờ, con đường này rất khó đi, quý vị thiếu quyết tâm, không có nghị lực, chẳng thể chịu khổ, sẽ đi chẳng lọt! Không chỉ chịu khổ, mà còn phải chịu hết mọi nỗi khuất nhục thì mới có thể đi trót lọt. Tôi đi theo con đường này năm mươi chín năm, rất nhiều đồng học biết, chẳng phải là dễ đi. Trước lúc bảy mươi tuổi, người đến kiếm chuyện nói chung đặc biệt nhiều. Sau bảy mươi tuổi, đỡ hơn một tí, vì bảy mươi tuổi, sắp đi, Không Tử bảy mươi ba tuổi đã mất, bảy mươi tuổi gần như là xong rồi! Mọi người buông tha quý vị, chứ trước khi bảy mươi tuổi, người ta chẳng buông tha! Do vậy, con đường này cũng rất khó đi, sau khi đi hết, quý vị sẽ thành Phật, thành Bồ Tát, thành thánh, thành hiền. Nếu quý vị chẳng thể chịu khổ, bị kẻ khác chướng ngại, chướng nạn, nói thật ra, chẳng phải là ai khác, mà là chính mình. Bất luận kẻ khác hủy báng cũng thế, mà làm nhục cũng thế, hãm hại cũng thế, đều là tốt, đều là các trạm kiểm soát liên tiếp, khảo thí đấy! Nếu quý vị vượt qua được, [những người ấy] sẽ là những vị thầy tốt. Không có những người đó, làm sao quý vị được mài giũa nên người? Quý vị làm sao có thể bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, Bát Nhã? Đều do vượt qua những trạm kiểm soát mà thành. Sau đấy, ta sẽ cảm ơn những người ấy; không có họ, làm sao quý vị thành tựu cho được?

Xưa nay, trong ngoài nước, nói đến chuyện thành tựu thuận buồm xuôi gió, tuyệt đối chẳng tìm được, há có ai được vậy? Phật cũng không được! Quý vị thầy cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật, bao nhiêu kẻ đến kiếm chuyện! Trong là Lục Quân tỳ-kheo³²[15], trong nhà bất hòa, trong các đệ tử, họ gây ra rất nhiều vấn đề. Ngoài là lục sư ngoại đạo, nội ngoại giáp công. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện cho chúng ta thấy: Như như bất động, dùng Định, dùng Huệ để hóa giải những

32[15] Lục Quân tỳ-kheo (sad-vargika-bhikṣu) là từ ngữ chỉ chung sáu ác tỳ-kheo thường cấu kết kéo bè kéo đảng với nhau, chẳng tuân giữ luật nghi, làm nhiều điều ác. Phần lớn những giới luật được chế định nhằm ngăn ngừa những lỗi ác do họ vi phạm. Tên họ là Nan Đà (Nanda), Bạt Nan Đà (Upananda), Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin hoặc Udāyin), Xiển Na (Chanda), A Thụyết Ca (Asvaka), Phất Na Bạt (Punarvasu).

chương nạn ấy. Nay chúng ta muốn cầu học, khó khăn, từ xưa đến nay chưa hề có ngoại lệ, nhất là trong thời đại hiện tại càng khó khăn, thiếu công phu nhẫn nhục, chẳng có bổ thí, trì giới [sẽ càng khó khăn hơn], ba thứ ấy là cơ bản. Phải nhẫn nhục, nếu không, quý vị sẽ chẳng thể thành tựu. Thật sự phát tâm, nhằm lúc khó khăn hiện tiền, chúng ta chỉ có cách cầu Phật, Phật lực gia trì, tự nhiên có người hảo tâm đến giúp đỡ, hộ trì chúng ta; nhưng bản thân chúng ta tâm niệm phải đoan chánh, kiên định, hễ có mảy may nào lệch về phía tiếng tăm, lợi dưỡng là xong luôn, đây là gì? Là nghiệp chướng của chính mình! Bao nhiêu kẻ thất bại ở chỗ này, thật đấy, công phu mấy chục năm bị hủy trong một buổi, rất đáng tiếc! Hễ bị hủy bèn phải luân hồi, lại chẳng biết đến đời nào, kiếp nào, quý vị mới được làm thân người, lại gặp gỡ Phật pháp, quay lại, thử coi quý vị có thể xuôi lọt trong đời ấy hay không? Đời nào có thể xuôi lọt thì quý vị sẽ thành tựu trong đời ấy. Trong thuận cảnh, tâm có mảy may tham luyến, xong rồi! Khi gặp nghịch cảnh có đôi chút tâm oán hận, cũng xong luôn! Quý vị muốn thành công, chỉ có một tấm lòng cảm ơn. Thuận cảnh, thiện duyên, cảm ơn; nghịch cảnh, ác duyên, vẫn cảm ơn, quý vị mới có thể thành tựu.

Tôi vừa mới nói với quý vị, về sau, Hán Vũ Đế chọn lựa nhân tài cho quốc gia, chọn người vừa hiếu vừa liêm. Trong Phật môn, cũng chẳng có ngoại lệ, hai chữ ấy thiếu sót một chút cũng không được. Đạo thánh hiền là văn hóa truyền thống của Trung Quốc, đạo thánh hiền cũng bao gồm Phật đạo, chẳng có ngoại lệ! Nho, Thích, Đạo muốn thành tựu, phải vun bồi căn cội hiếu liêm thật sâu. Có căn cội sâu xa ấy, quý vị mới có thể trì giới, trì giới là gì? Giữ quy củ, quý vị mới có thể nhẫn nhục. Đây đủ những điều kiện ấy, coi như quý vị đã có phân nửa điều kiện để thành công. Trong cuộc sống thường nhật, phải tiết kiệm, chính là vì muốn vun bồi phước. Có phước thì phải trao cho đại chúng hưởng, chớ nên tự hưởng. Người khổ nạn trong thế gian này nhiều lắm, hãy thường nghĩ đến họ. Phải khiêm hư, phải nhún nhường, thật sự hóa giải, tiêu trừ tập khí ngạo mạn của chính mình. Người khác có tập khí ngạo mạn, chẳng thể nói ta không có, trong [ý niệm] “ta không có” đã tràn ngập ngạo mạn, nhưng chính mình chẳng biết. Vì sao nói tràn ngập ngạo mạn? Vì theo như đức Phật đã dạy, ngạo mạn là bả sinh, kể từ đời nào? Kể từ khởi nguyên của sanh mạng. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất hay: “*Nhất niệm bất giác bèn có vô minh*”, từ trong tự tánh biến thành một vọng tâm, tức A Lại Da. Trong A Lại Da, trọn đủ tham, sân, si, mạn. Quý vị thấy Mạt Na là chính mình, chính mình do đâu mà có? Phát sanh đồng thời với vũ trụ.

Có bốn thứ thường đi theo tứ đại phiền não (tham, sân, si, mạn), thứ nhất là Ngã Kiến, chấp trước thân là ta. Trong A Lại Da, không chỉ chấp trước thân, mà còn

chấp trước ý thức là ta, chúng ta thường gọi ý thức là linh hồn, hoặc gọi là linh tánh. Vì sao linh tánh vẫn chấp trước? Trong tứ thánh pháp giới, gọi là linh tánh, hay là A Lại Da, hay Mạt Na, [đều do] chưa chuyển thức thành trí. Chuyển Mạt Na thành Bình Đẳng Tánh Trí là gì? Là minh tâm kiến tánh, là Viên giáo Sơ Trụ Bồ Tát trong Hoa Nghiêm, vượt thoát mười pháp giới. Chỉ cần chưa vượt thoát mười pháp giới, vẫn là dùng A Lại Da để xử sự. Bất quá, trong tứ thánh pháp giới, sử dụng A Lại Da chánh đáng, vì sao sử dụng chánh đáng? Hoàn toàn chiếu theo giáo huấn của Phật, Bồ Tát, thật sự làm được. Cho nên người ấy thuần chánh, giống như Phật, nhưng chưa dùng chân tâm, mà dùng A Lại Da. Nếu chuyển thức thành trí, bèn vượt thoát mười pháp giới, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Thật đấy, chẳng giả đâu! Vì vậy, trong tứ thánh pháp giới, Bồ Tát, Phật vẫn dùng A Lại Da, vẫn là thức thứ sáu, tức ý thức phân biệt, thức thứ bảy là Mạt Na chấp trước, vẫn có những thức ấy, nhưng rất nhạt, chúng ta nhất định phải biết điều này. Khi nào ta chẳng còn ngạo mạn? Khi minh tâm kiến tánh, quý vị thoát ly mười pháp giới sẽ có thể nói như vậy, tham, sân, si mạn đều không có. Quý vị chưa vượt thoát mười pháp giới, làm sao có thể nói là chẳng có tham, sân, si, mạn? Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, mới thật sự nhận biết chính mình. Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Con người phải tự hiểu mình”*, tự mình phải nhận rõ mình, ta là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân.

Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới cũng chẳng phải là thánh nhân. Quý vị thấy trong giáo pháp Đại Thừa, [các hữu tình] trong lục đạo gọi là “nội phàm”, lục đạo là giới tuyến. Ngoài lục đạo, tứ thánh pháp giới gọi là “ngoại phàm”, vẫn là phàm phu, nhưng là phàm phu ở ngoài lục đạo. Nhất định phải đoạn sạch vô minh, vượt thoát mười pháp giới thì mới là thánh nhân. Trong Phật môn, họ được gọi là tiểu thánh, A La Hán [là tiểu thánh], đó là tôn kính họ, họ chưa phải là thánh thật sự, vì sao? Trong ba loại đại phiền não (Kiến Tư, Trần Sa và Vô Minh), họ chỉ đoạn Kiến Tư. Đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng chấp trước pháp thế gian và xuất thế gian, nhưng còn có phân biệt, vọng tưởng, nên gọi họ là “tiểu thánh”. Nếu lên cao hơn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật thuộc trong tứ thánh pháp giới, cao hơn tiểu thánh một chút, chúng ta thường gọi chung các Ngài là thánh nhân, chẳng phải là đại thánh. Đại thánh là gì? Phá vô minh, vượt thoát mười pháp giới, chứng đắc Sơ Trụ trong Viên Giáo, đấy là đại thánh. Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ được gọi là đại thánh, chúng ta gọi họ là Bồ Tát Ma Ha Tát, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ là Ma Ha Tát. Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới được gọi là Bồ Tát. Thêm vào chữ Ma Ha Tát thì chẳng phải là trong mười pháp giới, mà thuộc về Nhất Chân pháp giới, là Bồ Tát trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đối với người học giáo pháp

Đại Thừa, đây là kiến thức thông thường, kiến thức cơ bản, chớ nên không biết. Biết những điều này, chúng ta cũng rất khiêm hư, biết chúng ta thật sự là phàm phu, đúng là phàm phu, làm sao có thể ngạo mạn cho được? Vì thế, nhất định phải học khiêm ty, đạo lý ở chỗ này. Khiêm ty thì mới có thể “*khất pháp dưỡng tâm*”.

Những người nào dạy chúng ta? Phải biết, phải học theo Thiện Tài đồng tử, ai là thiện tri thức? Trừ ta ra, mỗi cá nhân đều là thiện tri thức. Thiện Tài đồng tử thành tựu như thế đó! Thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, thấy đều là thiện tri thức. Thanh Lương đại sư đã nói rất rõ ràng, năm mươi ba lần tham học là trải qua sự việc để luyện tâm, luyện tâm gì? Luyện thanh tịnh, bình đẳng, giác. Hoàn cảnh có thuận và nghịch, hoàn cảnh và nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau) có thiện và ác, toàn bộ hoàn cảnh và nhân sự đều là thiện tri thức. Trong tâm mục của Thiện Tài đồng tử, thiện tri thức là Phật, vị thiện hữu ấy là Phật, chẳng phải là Bồ Tát, [thiện hữu là] chư Phật Như Lai thị hiện chỉ dạy ta. Đây là học đạo sống động, chẳng phải là trên văn tự. Người ấy biểu hiện rất khá, là thiện nhân, chúng ta thấy người ấy trong tâm hoan hỷ, thôi rồi! Hỷ là gì? Hỷ là cảm tình, thất tình, ngũ dục, mừng giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn, quý vị động tâm thì sao? Động tâm bèn bị nhiễm dơ. Thấy thiện hạnh, trong tâm thật sự khởi lòng bất chước, tôn kính, nhưng chớ nên tham luyến. Người ấy có biểu hiện rất đáng ghét, gặp mặt quý vị liền căm hận, chửi mắng, đánh đập quý vị, đó là thiện tri thức, chớ nên có tâm oán hận. Hễ có tâm oán hận, thôi rồi, quý vị lại dấy động thất tình ngũ dục. Do vậy, trong hoàn cảnh, trong quan hệ giữa con người với nhau, phải đoạn gì? Đoạn sạch thất tình ngũ dục, chẳng phải là quý vị đã thành Phật ư? Nếu quý vị có thất tình ngũ dục, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo, ngay cả tiểu thánh cũng không thể chứng đắc. Đoạn thất tình ngũ dục, chứng tiểu thánh, thoát lục đạo. Thoát lục đạo, còn có tứ thánh, vẫn phải rèn luyện trong tứ thánh. Đó là rèn luyện vi tế.

Đối với những [rèn luyện] vi tế ấy, cũng chẳng động tâm, thật sự vĩnh viễn trụ trong Vô Lượng Thọ. Cái nhân để tu trong kinh Vô Lượng Thọ là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Quý vị thường ở trong thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó là nơi chôn chúng ta vừa mới đọc: “*Thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật*”, nó tượng trưng cho ý nghĩa này. Tâm thật sự thường trụ trong thanh tịnh, bình đẳng, giác, sẽ thành công! Quý vị mới có thể thật sự cảm ơn hết thấy hoàn cảnh, cảm ơn hết thấy nhân sự. Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần là gì? Toàn là Phật, Bồ Tát, quý vị đã thấy Phật, thành tựu rồi! Những điều ghi chép trong kinh Phật chính là sách giáo khoa. Đây là gì? Hướng dẫn, chỉ dẫn quý vị. Công phu chân

thật ở chỗ nào? Trong cuộc sống. Quý vị thành tựu, đoạn phiền não, chứng Bồ Đề là chứng đắc trong cuộc sống, chẳng liên quan gì đến sách vở. Vì thế, giống như Lục Tổ đại sư đã nói, Ngài nghe tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng niệm kinh Niết Bàn. Niệm xong, Tổ giảng đạo lý cho bà ta, giảng đến nỗi tỳ-kheo-ni vô cùng vui vẻ, cầm kinh bôn đến hỏi, hướng về Tổ thỉnh giáo. Ngài nói: “Ta không biết chữ”. [Ni sư hỏi]: “Không biết chữ, có sao Ngài giảng hay như thế?” “Điều ấy chẳng dính dáng tới chuyện biết chữ hay không biết chữ!” Sống động! Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là gì? Nếu quý vị nghĩ kinh bôn là kinh Hoa Nghiêm, trật rồi, đó chẳng phải là kinh Hoa Nghiêm. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm là toàn thể vũ trụ, là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, sống động! Cuộc sống sinh động là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Đại Phương Quảng là Thể - Tướng - Dụng của tự tánh, lẽ nào nằm trong sách vở? Đâu có đạo lý ấy!

Chúng ta học Phật, chết cứng nơi sách vở, quý vị làm sao có thể khai ngộ cho được? Bởi lẽ, sách vở là hướng dẫn, giống như chúng ta đi đường phải xem bản đồ, bản đồ chẳng phải là nơi đó. Quý vị muốn đến nơi ấy, nhưng chẳng thật sự tìm cách đến nơi đó, chỉ cần nhìn vào [bản đồ], có đến được hay chẳng? Quý vị vứt bỏ bản đồ thì mới đi đến được. Con người hiện thời cố gắng học và vận dụng sống động, lời ấy rất có ý vị, chúng ta phải học và vận dụng sống động, Phật pháp ở chỗ nào? Phật pháp ở ngay trong cuộc sống, trong mặc áo, ăn cơm, trong đãi người, tiếp vật. Đại Thừa ở nơi đâu? Đại Thừa ở trong công việc. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật thuở ấy được nhiều người tôn kính như vậy, quý vị thấy pháp hội này có hơn hai vạn người [tham dự]. [Con số] hơn hai vạn [chỉ] là người, mắt chúng ta không thấy những thánh chúng chẳng phải là người, còn có [những thánh chúng thuộc các] chiều không gian khác biệt. Chiều không gian khác biệt cũng có thể coi như là chư đại Bồ Tát, Thanh Văn, A La Hán, những vị này chẳng thuộc trong lục đạo. Trong lục đạo còn có chư thiên, Dục Giới thiên, Tứ Thiên Thiên, “*Phạm chúng*” là Tứ Thiên Thiên. [Kinh văn] không nhắc tới Tứ Không Thiên, vì chư thiên Tứ Không Thiên chẳng đến. Tứ Không Thiên còn gọi là Trường Thọ Thiên, họ chẳng đến nghe pháp. Bát bộ quỷ thần cũng thuộc Dục Giới, đều là những [hữu tình] chúng ta chẳng thấy được! Chẳng biết những thánh chúng không trông thấy nhiều gấp số thánh chúng ta thấy được trong hiện tiền bao nhiêu lần? Đến học đều là học Phật pháp sống động, chẳng phải là học thứ chết cứng, nhất định phải biết điều này. Do vậy, Khất có hai ý nghĩa ấy, quý vị thấy: “*Khất thực dưỡng thân, khất pháp dưỡng tâm*”, “*tâm*” ấy là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. Đó là ý nghĩa thứ nhất.

Ý nghĩa thứ hai là Phá Ác, bởi tỳ-kheo có ba ý nghĩa, Ác là gì? Ác là phiền não. “*Chánh huệ quán sát, phá phiền não ác, Kiến Tư Hoặc tận*” (chánh huệ quán sát, phá phiền não ác, Kiến Tư Hoặc hết sạch), Hoặc là mê hoặc, đoạn hết Kiến Tư Hoặc. Kiến là gì? Kiến giải sai lầm, quý vị thấy sai; Tư là quý vị suy nghĩ sai lầm. Hằng ngày quý vị hoàn toàn nhìn sai, nghĩ trật. Vì sao sai trật? Quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi là trật. Nếu quý vị có cách nhìn chính xác, không sai, cách nghĩ cũng chẳng trật, bèn thoát lục đạo, tiến vào tứ thánh pháp giới. Chỉ cần quý vị ở trong lục đạo, chúng ta phải thừa nhận chính mình thấy trật, nghĩ sai. Đức Phật ban cho chúng ta mấy trường hợp cụ thể, quý vị hãy xem, trong kinh nói đến tám mươi tám thứ [phiền não]. Để dạy kẻ sơ học, đức Phật lại đơn giản hóa, quy nạp tám mươi tám thứ thành năm loại lớn: Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến. Kiến (見) là quý vị nhìn sai, kiến giải sai lầm. Đầu tiên, có phải là quý vị nghĩ thân này là ta? Vì có ta, sẽ có tự tư tự lợi, có tiếng tăm, lợi dưỡng, có thị phi, nhân ngã, đó là sai lầm thứ nhất. Sai lầm thứ hai là Biên Kiến. Biên Kiến là gì? Đối lập. Ta đối lập với người khác, đối lập với sự, đối lập hết thủy vạn vật. Trong tự tánh thanh tịnh viên minh thể, không có Thân Kiến, mà cũng chẳng có Biên Kiến. Năm thứ Kiến Hoặc ấy không có, năm thứ Tư Hoặc cũng chẳng có, Tư Hoặc là tư tưởng sai lầm.

Năm thứ Tư Hoặc là gì? Tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi ở đây là nghi hoặc thánh giáo, trên thực tế là nghi hoặc đối với tất cả hết thảy các pháp, trong đó, trọng yếu nhất là thánh giáo. Thánh giáo quyết định là chính xác, người ta đã minh tâm kiến tánh, từ tự tánh mà nói ra, lẽ đâu chẳng chính xác? Chúng ta chưa kiến tánh, thấy người ta do kiến tánh nên thấy những thứ khác với chúng ta, [bèn cho rằng] người ấy trật rồi, ta chẳng sai, đó gọi là Nghi. Khi nào đoạn sạch Kiến Tư phiền não, quý vị “*siêu xuất tam giới*” (vượt thoát tam giới). Tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, tức là lục đạo. Vượt thoát tam giới là vượt thoát lục đạo. Ngoài lục đạo có tứ thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, đó là “ngoại phạm”, tức là phạm phư ở ngoài tam giới. Tuy đã đoạn Kiến Tư, nhưng chưa đoạn Trần Sa, chưa đoạn vô minh, vẫn là có phiền não, nhưng không có phiền não thô nặng, chứ vi tế phiền não vẫn còn! Vì thế, tỳ-kheo có ý nghĩa Phá Ác. Nay chúng ta tập khí phiền não nặng nề ngàn ấy, có thể gọi là tỳ-kheo được chăng? Tỳ-kheo thật sự làm, [tức là] thật sự đoạn phiền não. Dùng phương pháp gì? Rất nhiều phương pháp, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là phương pháp, nhưng đối với người sơ học, quan trọng nhất là trì giới, bắt đầu từ chỗ ấy. Quý vị chẳng trì giới, làm sao có thể đoạn phiền não?

Do trong nhiều năm như vậy, chúng tôi đã đến nhiều nơi trên thế giới, phạm vi tiếp xúc rất rộng, thấy các đồng tu tại gia chẳng thể hành Thập Thiện, đồng tu xuất gia chẳng thể thực hiện Sa Di Luật Nghi, vấn đề này nghiêm trọng lắm. Nghiêm trọng đến mức độ nào? Chẳng phải là đệ tử Phật thật sự! Đệ tử Phật thật sự phải nghiêm túc làm. Người khác có làm hay không, chẳng ăn nhằm đến ta, ta phải làm, quý vị mới có thể thành tựu. Chớ nên nói người khác không làm, ta làm để làm gì? Ta làm, chẳng phải là bị thua thiệt ư? Vậy là quý vị sai mất rồi! Trên thực tế, quý vị làm sẽ chiếm tiện nghi, kẻ khác chẳng làm, sẽ bị thua thiệt, thua thiệt là kẻ ấy. Kẻ ấy bị thua ở chỗ nào? Bị thua ở chỗ phải tiếp tục luân hồi trong lục đạo, kẻ ấy bị thua ngay chỗ đó. Quý vị thật sự làm, luân hồi một lần này, sau đây chẳng còn luân hồi nữa, chẳng còn làm chuyện ngốc nghếch nữa! Nhất là gặp được pháp môn Tịnh Độ, đời sau ta quyết định sanh về thế giới Cực Lạc, lục đạo nhường cho quý vị rong chơi, ta chẳng còn chơi đùa với quý vị nữa, phải có ý niệm ấy thì mới được! Chúng ta đến đâu? Tới thế giới Cực Lạc, cùng vui chơi với chư Phật, Bồ Tát, chư thượng thiện nhân, đó là đúng. Tâm ấy phải kiên định, có kiên định thì quý vị mới chịu buông xuống. Chưa buông xuống được sẽ chẳng thể vãng sanh, thật đấy, chẳng giả đâu! Phải buông xuống lúc nào? Buông xuống ngay trong hiện tại, vì sao? Chúng ta chẳng biết sẽ chết lúc nào, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Mạng người trong hơi thở*”, một hơi thở không hít vào được sẽ sang đời sau, cho nên phải buông xuống ngay trong hiện tại. Buông xuống sẽ thật sự tự tại! Buông xuống, phiền não sẽ nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng. Vì vậy, quý vị thấy tỳ-kheo vượt thoát tam giới, vượt khỏi lục đạo luân hồi, nhưng chưa vượt thoát mười pháp giới.

Ý nghĩa thứ ba là Bồ Ma, ma ở đây là ma vương. “*Như Niết Bàn thuyết: - Ma tánh cấu*” (như kinh Niết Bàn nói: “Tánh ma như bản”), tánh ma ô nhiễm, “*cấu*” (垢) là ô nhiễm. “*Cử Trung Hoa Đại Tự Điển, Cấu hữu bát nghĩa, kim thủ kỳ nhất, cấu giả ác dã*” (theo Trung Hoa Đại Tự Điển, chữ Cấu có tám nghĩa, nay lấy ý nghĩa thứ nhất thì Cấu là ác), chẳng lành! “*Tê, kỳ tha thảng kỳ*” (Tê là đồ kỳ kẻ khác hơn mình), nay chúng ta nói [“*cấu tê*”] là ngạo mạn, đồ kỳ; người khác hơn mình, trong tâm khó chịu, đó là sai lầm. Tâm đồ kỳ cũng là bầm sanh, quý vị rất chú tâm quan sát, sẽ thấy gì? Trẻ nhỏ ba bốn tháng, bé con, còn chưa biết đi, còn đang bò. Quý vị để hai đứa bé cạnh nhau, chúng lớn như nhau, quý vị cho đứa trẻ này một miếng đường để ăn, đứa bên cạnh trông thấy, ghen tỵ, nó cũng rất khó chịu, quý vị quan sát cẩn thận [sẽ thấy]. Vì thế, đồ kỳ, ngạo mạn là phiền não bầm sanh, là tập khí nhiều đời nhiều kiếp. Nếu không khéo rèn luyện, dạy dỗ từ nhỏ, làm sao đoạn được phiền não? Người chẳng có tâm đồ kỳ, tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh không có đồ kỳ, trong tâm bình đẳng không có ngạo mạn,

đây là Tánh Đức. Trong hết thầy chỗ, hết thầy mọi lúc, gặp những sự việc, trong tâm vẫn khởi lên ý niệm ấy, thì phải ngay lập tức hồi quang phản chiếu, công phu của chúng ta thua kém quá xa. Hồi quang phản chiếu là giác, cô đại đức đã nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”, hễ giác, quý vị bèn quay lại, sanh lòng hổ thẹn, sám trừ nghiệp chướng.

Sám trừ nghiệp chướng là gì? Nay mọi người gọi là “*phát lộ sám hối*”. Sau khi phát lộ sám hối, gặp chuyện vẫn làm y hệt, làm y hệt xong rồi mai lại phát lộ, hằng ngày phát lộ [có ích gì đâu]. Chư vị phải biết: Khi thật sự sám hối sẽ chẳng còn tạo nữa. Phát lộ sám hối có lợi gì chẳng? Phát lộ sám hối là biểu diễn trên sân khấu nhằm khuyên người khác, rất tốt, dùng chính mình làm gương để khuyên dạy người khác, đây là tốt, tự lợi, lợi tha; nhưng lợi ích chân thật là sau đây không tạo nữa. Khổng phu tử đã nói “*bất nhị quá*”, [nghĩa là] chỉ phạm khuyết điểm một lần, chẳng còn lặp lại nữa. Phu tử tán thán, Ngài có học trò đông ngàn ấy, chỉ có một người làm được, [tức là] Nhan Hồi. Ngài khen ngợi Nhan Hồi bất nhị quá. Do vậy biết: Những học trò khác đều không làm được, quý vị mới biết chuyện này khó khăn, chẳng dễ dàng. Trong Phật môn, A La Hán mới có thể bất nhị quá, chẳng phải là phạm nhân. Do vậy, đã phát tâm xuất gia, phải thật sự làm. Căn bệnh này vô cùng sâu, có thể sanh ra cả đống ác nghiệp; do vậy, tâm đồ kỵ vô cùng xấu! Chớ nên coi thường nó, phải thống thiết đổ công sức nơi đây! Ma là như vậy đây, ngạo mạn, đồ kỵ; do vậy, hấn là ma, chẳng phải là Phật. “*Cố hoài khủng bố*” (nên ôm lòng sợ hãi), thấy người khác tốt đẹp hơn mình, trong tâm khó chịu, sợ người khác lại hơn mình. “*Hựu cụ kỳ nhân, đa hóa chúng sanh*” (lại sợ người ấy giáo hóa nhiều chúng sanh), người tu hành ấy, tức tỳ-kheo, giáo hóa chúng sanh, chúng sanh đều theo người ấy, người ấy có nhiều tín đồ, ma lại sanh lòng đồ kỵ. Vì sao? Hấn tranh giành tín đồ với quý vị, chẳng nề hà bất cứ thủ đoạn nào để lôi kéo tín đồ, phá hoại, chướng ngại quý vị, khiến cho tín đồ của quý vị nẩy sanh hiểu lầm, xa lìa quý vị, để hấn lôi kéo, làm chuyện như vậy. Vì thế, hấn sợ người [tu hành] ấy. “*Đa hóa chúng sanh, đồng xuất sanh tử, không kỳ cảnh giới*” (giáo hóa nhiều chúng sanh, cùng thoát sanh tử, trống không cảnh giới của ma), trống không cảnh giới của ma là gì? Người trong ma giới ít đi. Phật giới đông người hơn, hấn sợ điều này. “*Cố sanh khủng bố*” (nên sanh lòng sợ hãi).

“*Nhược nhân xuất gia thọ giới, yết-ma thành tựu, địa hành dạ-xoa, không hành dạ-xoa, thiên hành dạ-xoa, triển chuyển tán thán, thanh truyền Dục Giới Lạc Thiên, ma vẫn tâm bố*” (Nếu người xuất gia thọ giới, yết-ma thành tựu, địa hành dạ-xoa, không hành dạ-xoa, thiên hành dạ-xoa lần lượt truyền nhau tán thán, tiếng [ca ngợi] lên đến tận tầng trời thứ sáu trong Dục Giới, ma nghe tiếng, tâm

sợ hãi). Ma là thiên vương của Đệ Lục Thiên, ma vương chính là thiên vương cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên. Vì sao? Người ấy phát tâm xuất gia thọ giới, yết-ma là hoàn thành nghi thức thọ giới, quý dạ-xoa lần lượt truyền nhau tán thán, Đệ Lục Thiên Tha Hóa Tự Tại thiên vương nghe biết, trong tâm Tha Hóa Tự Tại thiên vương cũng rất khó chịu. Vì ông ta có lòng đố kỵ, ghen ghét Phật, Bồ Tát sẽ độ thoát từng chúng sanh trong lục đạo, người thuộc quyền thống trị của ông ta sẽ dần dần ít đi, Dục Giới do ông ta thống lãnh. Hiện thời quý vị phải biết, ma vương rất sung sướng, rất hoan hỷ, vì sao? Xuất gia thọ giới chẳng thật, là giả, ai có thể trì giới? Ai có thể làm được? Ma xét thấy hiện thời các đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật thì kẻ tại gia chẳng thể hành Thập Thiện, kẻ xuất gia chẳng thể hành Sa Di Luật Nghi. Ma có thể vui sướng đến chết, chẳng phải lo âu tí nào. Thật sự có một hai người, đương nhiên ma vẫn có lòng đố kỵ, nhưng người [thật sự xuất gia thọ giới] rất ít, Ma chẳng bận tâm. Nếu có nhiều người, ma sẽ lo ngại. Khi rất ít người [thật sự xuất gia thọ giới], người có cùng một tâm, tâm cùng một lý này, đương nhiên ma chẳng bận lòng! Vì thế, chúng ta chớ nên chẳng biết điều này! Chúng tôi giới thiệu ba ý nghĩa của tỳ-kheo đến đây.

Chúng ta học những văn tự này, trí huệ bèn mở mang, chúng ta nên học theo cách nào? Phải biết tận hết sức tránh né những chướng ngại trên đường Bồ Đề ư? Chướng ngại tuyệt đối nhất định phải có, quý vị thấy đó: Quý vị thật sự muốn tu đạo, Lục Dục Thiên chẳng dung tha, sẽ luôn chướng nạn quý vị. Quý vị thật sự thành công thì thừa quý vị, Lục Dục Thiên là đại thiện tri thức. Vì sao? Ông ta khảo đảo, thử thách quý vị mỗi ngày, kết quả là quý vị vượt qua được, ông ta sẽ đánh lễ quý vị, tôn quý vị làm thầy, hộ trì pháp của quý vị, biến thành thần hộ pháp. Ông ta là người tốt, chẳng phải là kẻ xấu. Quý vị không vượt qua được, không vượt qua được sẽ phải trở lại, ông ta bèn vui đập quý vị. Vì thế, [những kẻ thử thách, chướng ngại ta] đều là Phật, Bồ Tát, là thiện tri thức. Hãy suy nghĩ: Hiện thời, chẳng phải là quý vị có thể thành tựu hay không đều cậy vào những kẻ làm phiền, thử thách quý vị đó ư? Không có họ, làm sao chúng ta có thể vượt lên cao hơn được? Sau mỗi lần chướng nạn, chắc chắn sẽ được nâng cao hơn với một mức độ lớn, bất luận là trí huệ, hay phước báo, thầy đều được nâng cao. Đây là kinh nghiệm của chúng tôi trong gần sáu mươi năm học tập, kinh nghiệm này vô cùng quý báu.

Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo, giải thích chữ Đại, trước chữ tỳ-kheo thêm một chữ Đại. “*Đại giả, Phạn ngữ vi Ma Ha*” (Đại, tiếng Phạn là Ma Ha). Đây là chữ dịch âm trong kinh Phật, tiếng Phạn là Ma Ha, tiếng Hán là Đại. Nó “*cụ hữu tam nghĩa*”, [nghĩa là] nó có ba ý nghĩa là Đại, Đa và Thắng (thù thắng, siêu thắng).

“*Đại giả, Di Đà Sớ Sao vân, thiên vương đại nhân sở cộng kính ngưỡng, phi tiểu đức dã, danh Đại*” (Đại là như sách Di Đà Sớ Sao giảng: “Thiên vương và đại nhân đều cùng kính ngưỡng, chẳng phải là kẻ đức nhỏ, nên gọi là Đại”). Tỳ-kheo trì giới, tu định, là bậc đại đức, do Giới đắc Định. Nếu quý vị chẳng trì giới, tâm tán loạn, rất nhiều vọng tưởng, những vị thiên vương và bậc đại nhân chẳng tôn kính quý vị. Quý vị thật sự trì giới, tâm sẽ thanh tịnh, tâm thanh tịnh là định, những thiên vương và đại nhân thấy quý vị mạnh mẽ hơn họ, họ chẳng bằng quý vị, lẽ nào chẳng tôn kính quý vị? Giới phải thực hiện từ nơi đâu? Quý vị chớ nên không biết điều này, làm từ *Đệ Tử Quy*, *Cảm Ứng Thiên*. Một trăm mười ba chuyện trong *Đệ Tử Quy* có làm được hay chẳng? Thật sự làm. Một trăm chín mươi lăm chuyện trong *Cảm Ứng Thiên* là quả báo thiện ác, khởi tâm, động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, quý vị có thể tương ứng [với những chuyện ấy], quý vị có thiện, có thể đoạn trừ ác. Quý vị là đại đức, chẳng phải là tiểu đức. Người trong thế gian hiện thời chẳng tôn trọng quý vị, nhưng thiên địa quỷ thần tôn kính, ủng hộ quý vị, họ nhìn thấy, con người chẳng nhìn thấy. Người thế gian thật sự có học vấn, có đức hạnh sẽ nhìn thấy đáng vẻ của quý vị khác hẳn. Huống hồ những vị này là đệ tử Phật, mỗi ngày học tập giáo huấn của đức Phật. Chư vị nhất định phải nhớ, học tập, chú trọng tại tập, tập là thực hiện. Những gì quý vị đã học nếu làm không được, chỉ có học, không có tập, sẽ biến thành gì? Biến thành học thuật, biến thành Phật học. Học rồi làm được, đấy là học Phật, người ấy giống hệt Thích Ca Mâu Ni Phật, thầy là tấm gương tốt nhất cho chúng ta, thật sự học được. “*Tịnh Ảnh*”, trong phần trước đã giới thiệu *Tịnh Ảnh Sớ*, trong *Tịnh Ảnh Sớ* có nói: “*Khoáng bị cao đức, quá dư cận học*” (Đức cao quý mệnh mông hơn hẳn những kẻ cận học khác), “*quá*” là vượt hơn, “*có danh vi Đại*” (nên gọi là Đại). Đức cao, học rộng, Ngài học nhiều thứ lắm. “*Đức cao*” là gì? Những gì Ngài đã học đều làm được, làm được, đức bèn cao. Học rất nhiều, đấy là “*học phú*” (học rộng). Học rộng nhưng chẳng làm được, tức là có học vấn rộng rãi, nhưng đức chẳng cao, không được rồi! Đó là học giả (scholar), hiện thời gọi học giả là chuyên gia (expert), chẳng thể gọi là thánh hiền. Người thật sự làm được thì là thánh hiền. Làm được phân nửa là hiền nhân; thấy đều có thể làm được thì là thánh nhân. Đây là ý nghĩa của chữ Đại.

Lại nói đến Đa, “*Đa giả, nội điển ngoại tịch, vô bất bác thông, phi quả giải dã, danh Đa*” (Đa là nội điển, ngoại tịch, không sách vở nào chẳng thông suốt rộng rãi, chẳng phải là kẻ hiểu biết ít ỏi, nên gọi là Đa). Điều này nói về quảng học đa văn. “*Nội điển*” là điển tịch nhà Phật, là giáo huấn của Phật, Bồ Tát. “*Ngoại tịch*” là trừ Phật pháp ra, tất cả tôn giáo, tất cả học thuật, không gì Ngài chẳng thông đạt. Vì sao Ngài thông đạt? Trong quá khứ, tổ sư đại đức Trung Quốc đã

bảo: “*Một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông*”, một môn thông, môn nào cũng đều thông, vì sao? Thông là gì? Kiến tánh là thông, chưa kiến tánh sẽ chẳng thông. Vì sao có thể kiến tánh? Hết thấy các pháp chẳng lìa tự tánh, hết thấy tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, thiện pháp, ác pháp, toàn bộ đều từ tự tánh lưu xuất, vấn đề là quý vị thật sự hiểu. Từ một pháp, quý vị tham cứu, chớ nên nghiên cứu. Nghiên cứu là gì? Quý vị dùng tâm ý thức thì là nghiên cứu, lìa tâm ý thức là tham cứu. Tham cứu mới có thể kiến tánh, nghiên cứu chẳng thể kiến tánh. Do vậy, khoa học gia có thể phát hiện A Lại Da, nhưng chẳng thể kiến tánh, vì sao? Kiến tánh nhất định phải lìa tâm ý thức, tức là chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước bèn kiến tánh. Khoa học gia vẫn phân biệt, vẫn chấp trước, vẫn khởi tâm động niệm; vì thế, những thứ họ học được là tri thức, chẳng phải là trí huệ. Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống sẽ là trí huệ, chẳng phải là tri thức.

Trí huệ là “*một thông, hết thấy đều thông*”, Huệ Năng đại sư là một tấm gương rất hay, Ngài chưa hề đi học, nhưng quý vị hỏi Ngài về pháp thế gian lẫn xuất thế gian, không có gì Ngài chẳng thông. Thời ấy, không có ai hỏi những vấn đề khoa học, nhưng nếu hỏi Ngài, Ngài sẽ trả lời, hiểu toàn bộ, không có gì chẳng hiểu! Xưa nay, trong, ngoài nước, khoa học hiện thời gọi là thế giới vĩ mô và thế giới vi mô, không có gì Ngài chẳng hiểu. Chưa hề tiếp xúc, nhưng chỉ cần tiếp xúc bèn thông đạt, vừa nhìn hay nghe liền hiểu rõ toàn bộ, một thông, hết thấy đều thông, đây là Đa! Đa do “*ting chuyên*” mà có. Văn tự Trung Quốc rất hay khéo, “*ting*” là thông, chẳng ting sẽ chẳng thông. Học dẫu nhiều nhưng không ting, nên chẳng thông. Học một thứ mà ting, sẽ thông suốt toàn bộ. Ở ngoại quốc, không tìm được văn tự như Trung Quốc, đây là phù hiệu trí huệ. Văn tự Trung Quốc quả thật là trí huệ, nó chỉ dạy quý vị. Vì thế, tổ tiên không có bí mật gì, do họ không có tâm đồ kỵ, luôn mong mỗi con cháu có thể hơn họ. Có thể vượt hơn hay chẳng? Thừa quý vị, chắc chắn là chẳng thể, vì họ bình đẳng, quý vị đạt đến trình độ ấy, sẽ bình đẳng với họ, chẳng có cách nào vượt hơn. Giống như một khối cầu, quý vị thông suốt toàn bộ, trên khối cầu chẳng thể nhô ra chút nào, mà cũng chẳng thể hụt đi chỗ nào. Vì thế, Phật Phật đạo đồng là do đạo lý này, bình đẳng, “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, quý vị cũng trở về thanh tịnh, bình đẳng, giác. Do vậy, hãy chú ý hai chữ “*ting thông*”, hai chữ ấy ý vị vô cùng. A! Ngày hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tới đây.

Tập 87

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi bảy, dòng thứ tư, bắt đầu từ câu cuối cùng:

“*Thắng giả, thắng quá dư học, siêu ư cửu thập lục chủng ngoại đạo chi thượng*” (Thắng là vượt hơn những kẻ học khác, vượt lên trên cả chín mươi sáu thứ ngoại đạo). Chữ Đại có ba ý nghĩa là Đại, Đa, Thắng, trong phần trước đã học [Đại và Đa]. Hôm nay, [chúng ta] xem từ chữ Thắng. “*Thắng quá dư học*” (vượt hơn những kẻ học khác), “*thắng*” (勝) là thù thắng, cũng có nghĩa là vượt trội. Thuở ấy, tại Ấn Độ, lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, nổi tiếng nhất là chín mươi sáu loại ngoại đạo. Ngoại đạo trọn chẳng phải là những người tu đạo ở ngoài Phật pháp, chẳng mang ý nghĩa ấy! Các đồng học chúng ta nhất định phải biết: Cầu pháp ngoài tâm đều gọi là ngoại đạo. Nếu người học Phật chúng ta cũng cầu pháp ngoài tâm thì cũng gọi là ngoại đạo, loại ngoại đạo này gọi là “*môn lý ngoại*” (門裡外), tức là ngoại đạo trong Phật môn, trên thực tế, có chẳng ít người! Phật pháp được gọi là “*nội học*”, “*nội*” (內) là gì? Nội là tự tánh, do vậy, hết sức coi trọng trở về tự tánh. Vì sao? Chúng ta đã học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ đại sư, tôi nhắc tới cuốn sách này mọi người liền hiểu, sẽ hiểu rất rõ nội và ngoại. Giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm*”, nếu hướng về tâm để cầu, đấy là nội học, gọi là Phật pháp. Nếu trái ngược phương hướng ấy, hướng ra ngoài để cầu thì là ngoại đạo. Do vậy, có thể biết: Chúng ta học Phật, ngoại đạo trong Phật môn cũng chẳng ít, mấy ai chẳng phan duyên bên ngoài? Nhãn Căn phan duyên Sắc Trần bên ngoài. Nhĩ Căn phan duyên Thanh Trần bên ngoài. Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp đều ở bên ngoài, phàm kẻ học theo những thứ ấy đều gọi là ngoại đạo. Do vậy, biết: Ý nghĩa được bao hàm trong từ ngữ “*ngoại đạo*” vô cùng rộng, mấy ai có thể hướng theo tâm tánh? Quả thật chỉ có Đại Thừa Phật pháp! Tiểu Thừa vẫn còn phan duyên bên ngoài; chỉ có Đại Thừa Phật pháp khởi tâm động niệm quán chiếu tự tánh, nên gọi là “*nội học*”. Vì thế, kinh Phật, đặc biệt là kinh Đại Thừa, được gọi là “*nội điển*”. Chúng ta hiểu rõ sự khác biệt giữa nội và ngoại. Do vậy, [từ ngữ] “*ngoại đạo*” chẳng phải là coi rẻ người khác, chẳng phải là xem nhẹ, cũng chẳng có nghĩa là hạ thấp, mà là tông chỉ, phương hướng, mục tiêu tu học [của họ] khác với pháp Đại Thừa. Mục tiêu, phương hướng, và tông chỉ của pháp Đại Thừa đều là minh tâm kiến tánh; bất luận pháp môn nào, Tông Môn, Giáo Hạ, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền giáo, Mật giáo, mục tiêu cuối cùng đều là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Trong sự giáo dục của đức Phật, đạt đến kiến tánh thì người ấy được coi như đã tốt nghiệp, [tức là] tốt nghiệp pháp Đại Thừa. Tốt nghiệp là thành Phật.

Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh dưới cội Bồ Đề, điều ấy được gọi là “*thành đạo*”, hoặc còn gọi là “*thành Phật*”. Tại Trung Quốc, mọi người đều coi nhân vật đại biểu [cho sự đại triệt đại ngộ] là Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông đời Đường. Thật ra, tại Trung Quốc, người đại triệt đại ngộ trong Tông Môn và Giáo Hạ rất nhiều. Từ Cao Tăng Truyện và Cư Sĩ Truyện, quý vị có thể thấy: Bất luận tại gia hay

xuất gia đều đạt tới cảnh giới ấy. Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc tới cảnh giới ấy, vì chuyện này hết sức trọng yếu. Học Phật rốt cuộc là học gì? Kinh giáo chẳng phải là trọng yếu nhất, nhưng [những điều được giảng trong kinh điển] là phương pháp trọng yếu nhất, phải hiểu điều này. Kinh giáo đã là phương pháp thì dụng ý ở chỗ nào? Dụng ý là đức Phật giảng rõ ràng, minh bạch nội và ngoại, quý vị sẽ giác ngộ. Sự giác ngộ ấy được gọi là giải ngộ; “tín, giải” là giải ngộ. Sau khi giải ngộ, quý vị có thể khởi hạnh, sau đây mới có thể chứng ngộ. Chứng ngộ mới đáng kể, chứ giải ngộ chẳng đáng kể đến! Nói theo cách bây giờ, giải ngộ thuộc về Phật học, chứng ngộ là học Phật. Bởi lẽ, quý vị chẳng tin, sẽ không thể lý giải, làm sao tu hành? Tu hành là tu gì? Chúng ta bèn hiểu rõ ràng, minh bạch dụng ý của kinh điển. Không có kinh điển, chúng ta vĩnh viễn mê hoặc, chẳng hiểu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, kinh điển giảng rõ chân tướng. Vũ trụ do đâu mà có? Trong Phật pháp nói tới “pháp giới”, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, kinh điển thường nhắc tới những thứ này, chúng do đâu mà có? Cớ sao có mười pháp giới? Khoa học và triết học hiện thời đều nghiên cứu vấn đề này, không chỉ là trong hiện tại, mà xưa nay, trong ngoài nước, bao nhiêu người đang tra xét, nghiên cứu, thăm dò. Ai hiểu rõ ràng, minh bạch? Thích Ca Mâu Ni Phật hiểu rõ, thật sự hiểu rõ. Các khoa học gia và triết học gia hiện thời thảo luận vấn đề, nhưng chẳng thể giải quyết vấn đề. Trong kinh Đại Thừa đã có toàn bộ [giải đáp], cho thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự hiểu rõ.

Tại Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền, tổ tiên cũng hiểu rõ. Hiểu rõ như thế nào? Một câu thơ, “buông xuống liền hiểu rõ”, vì sao? Hiểu rõ là bản năng (năng lực sẵn có) của chúng ta, mỗi cá nhân đều hiểu rõ, chẳng có ngoại lệ. Vì vậy, đức Phật thường nói: *“Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật”*. Trong phần trước, chúng tôi đã giảng ý nghĩa chữ Phật rất cẩn kẽ, dùng tới hai tiếng đồng hồ để giới thiệu Thích Ca Mâu Ni Phật. Chữ “*Phật*” có nghĩa là giác ngộ, chữ “*thánh nhân*” của Trung Quốc có nghĩa là hiểu rõ, [danh xưng Phật và “*thánh nhân*”] có ý nghĩa tương đồng, hiểu rõ là giác ngộ, giác ngộ là hiểu rõ. Người Trung Quốc gọi người hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh là thánh nhân, cổ Ấn Độ gọi là Phật Đà. Đức Phật dạy: Bản năng của chúng ta hoàn toàn đều là thông đạt, hiểu rõ, chẳng có cao hay thấp; bởi lẽ, hết thảy chúng sanh vốn là Phật. Nay vì sao biến thành phàm phu? Đã mê rồi, mê mất tự tánh. Kinh Hoa Nghiêm nói về bản năng của tự tánh rất hay: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, “*hết thảy chúng sanh*” bao gồm chúng ta trong ấy, chúng ta chẳng phải là ngoại lệ, đều có trí huệ, đức năng và tướng hảo giống hết Như Lai, chẳng sai biệt. Cuối cùng, đức Thế Tôn nói một câu: *“Nhưng do vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc”*, quý vị thấy: Lật lá bài tẩy của chúng ta lên, [sẽ thấy rõ] vì sao chúng ta chẳng thể giống như Phật? Chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó là mê. Vọng tưởng là gì? Khởi tâm động niệm là vọng tưởng. Từ vọng tưởng khởi phân biệt, từ phân biệt khởi chấp trước, càng mê càng sâu. Trong giáo pháp Đại Thừa, vọng tưởng thường được gọi là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não, [đó là] ba loại đại phiền não. Chúng ta mê mất tự tánh, trọn chẳng phải là thật sự mất đi, mà là

mê mắt. Khi nào quý vị chẳng mê, nó sẽ hiện tiền, khởi tác dụng. Do vậy, đức Phật chẳng dạy chúng ta điều gì khác, mà dạy chúng ta hãy buông xuống, ba loại phiền não ấy thấy đều buông xuống, quý vị sẽ thành Phật, [bởi lẽ] quý vị vốn là Phật.

Phàm phu thành Phật phải mất bao lâu? Nói theo Lý là trong một niệm! Một niệm buông xuống, quý vị bèn thành Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện cho chúng ta thấy, nhất niệm! Tại Trung Quốc, Lục Tổ Huệ Năng đại sư cũng thị hiện cho chúng ta thấy, cũng là một niệm. Kinh điển thường nói tới bậc thượng thượng căn, vượt trội chín mươi sáu loại ngoại đạo. Quý vị phải biết: Phật Thích Ca và Huệ Năng đại sư biểu diễn, thị hiện, há chỉ vượt trội chín mươi sáu loại ngoại đạo, mà là siêu việt viên mãn! Điều cốt yếu là quý vị có thể buông xuống. Chúng ta chẳng phải là hạng thượng thượng căn, không có cách nào đốn xả, “trong một niệm hoàn toàn buông xuống” chúng ta làm không được. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta thấy chuyện này rất nhiều, rất rõ ràng, rất minh bạch, mà cũng có thể nói: “*Chỗ nào cũng là đạo*”, nhưng làm không được, thật vậy, chẳng giả! Đức Phật dạy chúng ta: Chẳng thể đốn xả thì quý vị xả từ từ. Nói tóm lại một câu, mỗi ngày đều phải bỏ; chẳng bỏ, quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng có tiến bộ. Thừa chư vị, môn học vấn này chẳng tiến ắt lùi. Quý vị không tiến bộ, chắc chắn sẽ lùi bước; lùi bước rất đáng sợ! Nay chúng ta được làm thân người, nhưng trong lục đạo, dưới chúng ta là A Tu La đạo, La Sát đạo, quỷ đạo, súc sanh đạo, địa ngục đạo, quý vị nói xem: Có thể lùi bước hay chẳng? Vì thế, chẳng tiến về phía trước sẽ chẳng được, chẳng thể không tiến cao hơn! Nếu muốn tiến lên cao hơn, bí quyết là buông xuống, buông xuống từ chỗ nào? Trong mấy chục năm qua, tôi thường khích lệ các đồng học: “*Hãy buông tự tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông tham luyến ngũ dục, lục trần, buông tham, sân, si, mạn xuống*”, tôi nói mười sáu chữ. Tôi chẳng khoa trương mảy may nào, mà thật thà kính khuyên các đồng học: Làm được mười sáu chữ ấy, tự tự lợi chẳng còn, tiếng tăm, lợi dưỡng chẳng có. Ngũ dục lục trần cũng buông xuống, tham, sân, si, mạn mỏng nhạt, có nhập Phật môn hay không? Thừa quý vị, chưa nhập, tôi dẫn quý vị đến cửa ngõ, chưa nhập môn. Quý vị phải biết, phải hiểu rõ: Nhập môn thì nhất định phải tuân thủ tiêu chuẩn của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tiêu chuẩn của tôi thấp hơn Ngài, dẫn quý vị đến cửa ngõ. Tiêu chuẩn của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thể biến đổi: Phải buông tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc xuống, quý vị mới có thể nhập môn. Tám mươi tám phẩm ấy thuộc về chín địa vị trong tam giới.

Nhằm thuận tiện dạy học, tám mươi tám phẩm quá nhiều, quá rắc rối, đức Thế Tôn đã quy nạp chúng thành năm loại lớn hòng dễ nói hơn: Loại thứ nhất trong năm loại lớn là Thân Kiến. Chúng ta luôn chấp trước thân này là ta, thứ kiến chấp này rất đáng ghét. Quý vị chấp trước có ta, khởi tâm động niệm, hết thấy tạo tác đều nhằm phục vụ ta, trật rồi! Đức Phật bảo: “Không có ta, thật sự không có ta”, quý vị ngỡ là “có ta” sẽ hồng bát. Một mê, hết thấy đều mê, mê đến cùng cực. Vì vậy, đầu tiên phải hiểu thân chẳng phải là ta, thân là gì? Thân là cái ta có, giống như quần áo. Quần áo chẳng phải là ta, nó mặc trên thân ta, ta có nó, phải hiểu rõ ràng quan niệm này. Ta mà còn phải buông xuống, hưởng gì những thứ ta có! Hễ buông

xuống thứ này (chấp Ngã), năm thứ sau đều [buông xuống] rất dễ dàng. Loại thứ hai là Biên Kiến, nay chúng ta gọi Biên Kiến là đối lập. Ta còn chẳng có, đối lập với ai? Đương nhiên chẳng có đối lập, quý vị còn có thành kiến nữa chẳng? Thành kiến cũng không có. Vì thế, nói thật ra, mấu chốt của tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc là Ta (Ngã).

Sau khi đã phá ngã, thật sự buông xuống, biết vô ngã, giống như Thiên Tông Nhị Tô Huệ Khả đến gặp Đạt Ma tổ sư, cầu Đạt Ma tổ sư an tâm cho Ngài. Ngài tìm đến tổ Đạt Ma, tổ Đạt Ma nói: “Ông đến tìm ta có chuyện gì?” “Tâm con bất an, cầu đại sư an tâm cho con”. Đạt Ma tổ sư nói: “Ông lấy tâm ra, ta sẽ an nó cho ông”. Một câu nói ấy nhắc nhở Ngài, quay lại tìm, chẳng tìm được, tìm nửa ngày rồi nói: “Con tìm tâm trọn chẳng thể được”. Đạt Ma tổ sư nói: “*Dữ như an tâm cánh*”, [nghĩa là] ta đã an cái tâm cho ông ổn thỏa rồi! Do một câu nói này, [Nhị Tô] bèn đại triệt đại ngộ. Quý vị thấy người ta vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tổ Đạt Ma truyền y bát cho Huệ Khả, đây là vị Tổ đời thứ hai của Thiên Tông. Đây là bậc thượng thượng căn, nhất thời đốn xả. Có thể đốn xả bèn đốn ngộ, may mắn vòng vèo cũng chẳng có. Mấu chốt là “có Ta”, tất cả hết thấy tội ác, nghiệp chướng đều từ đây sanh ra, quý vị nói nó có đáng sợ lắm hay không? Nếu thật sự có ta, thân thật sự là ta thì còn thông cảm được, quý vị vì nó mà tạo những nghiệp chướng ấy. Nó không có, căn bản là chẳng tồn tại! Đức Phật nói những lời ấy, kẻ bình phàm chúng ta rất khó tiếp nhận, rất khó lý giải, nhưng hiện thời, quả thật khoa học đã giúp đỡ Phật giáo rất lớn. Hiện thời trong ngành khoa học tiên tiến nhất, các nhà vật lý Lượng Tử Học đã phát điều gì? Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy, vô ngã, về căn bản không có Ngã tồn tại. Nói tới nhục thân này, họ biết nhục thân chẳng phải là ta, nhục thân là huyễn tướng, chẳng thật, nhưng phải bỏ thì mới được. Chẳng thể bỏ, quý vị tạo nghiệp hằng ngày.

Trong Phật pháp có chân ngã hay không? Thưa quý vị, có! Minh tâm kiến tánh, chân ngã bèn hiện tiền. Quý vị thấy trong tự tánh có bốn tịnh đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Ngã có nghĩa là gì? Ngã có nghĩa là chủ thể, tự tại. Quý vị hãy nghĩ xem: Trên cái thân này có hai ý nghĩa ấy hay không? Có chủ thể hay không? Nếu thật sự có chủ thể, năm nào cũng là mười tám thì sẽ tốt đẹp lắm! Vì sao con người có già, bệnh, chết? Có thể làm chủ thì năm nào cũng là mười tám. Dân gian Trung Quốc tán thán Bồ Tát, “*Bồ Tát, Bồ Tát, niên niên thập bát*” (Bồ Tát năm nào cũng mười tám), chẳng già! Chúng ta có cách nào làm được hay chẳng? Nếu quý vị kiến tánh, quả thật chẳng có may mắn vấn đề nào, đúng là như vậy. Đạo lý này rất sâu, nếu giảng ra thì chẳng phải là hai giờ, ngay cả hai mươi bốn giờ vẫn giảng không xong, thật đấy, chẳng giả chút nào! Do vậy, trong tự tánh có Ngã, có chủ thể, thật sự tự tại, đắc đại tự tại, trên thân chúng ta chẳng tìm được định nghĩa này. Có chân lạc, có Thường, Thường là vĩnh hằng không thay đổi, Lạc là vĩnh viễn chẳng khổ, lia khổ là Lạc, Tịnh là vĩnh viễn chẳng nhiễm ô. Huệ Năng đại sư kiến tánh đã báo cáo đơn giản, ngắn gọn với hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn, câu đầu tiên là: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, quý vị thấy trong ấy có Tịnh, tức là Tịnh trong bốn tịnh đức. Câu thứ hai là “*nào ngờ tự tánh, vốn chẳng sanh diệt*”, đó là

Thường, bất sanh, bất diệt, đó chính là Thường. “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”, đó là Ngã. Cuối cùng là “*có thể sanh vạn pháp*”, vốn tự trọn đủ, có thể sanh vạn pháp, đây là tự tại! Vì vậy, hễ kiến tánh sẽ đạt được Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, chúng thật sự có; nhưng nơi thân phàm phu hoàn toàn không có, hữu danh vô thực, tìm bốn chữ ấy không được, đều là giả. Chúng ta chớ nên không biết điều này; sau đây, mới biết chúng ta học Phật là học gì? Mong đạt được gì? Phải biết cách học ra sao? Đây là một điều rất trọng yếu.

Chúng ta đọc lời chú giải tiếp theo: “*Tái giả, Phật Địa Luận lánh hữu tam nghĩa*” (Ngoài ra, Phật Địa Luận còn nêu lên ba nghĩa khác). Cũng là nói về sự thù thắng ấy, Phật Địa Luận nêu ra ba ý nghĩa. Thứ nhất là “*tối cực lợi căn*”, [tức là] căn tánh nhạy bén đạt tới mức cao tốt nhất, “*Ba La Mật Đa chủng tánh*”, người Trung Quốc nói là “bậc thượng thượng căn”, mang ý nghĩa ấy. Người thượng thượng căn “nghe một, ngộ cả ngàn”, hễ tiếp xúc bèn hiểu rõ, họ có cần học hay không? Không cần, vì sao không cần? Bậc thượng thượng căn là người kiến tánh, vì hết thảy các pháp là tâm tướng, thức biến, kinh Hoa Nghiêm nói là “*duy tâm sở hiện*”. Tâm ấy là chân tâm, là tự tánh, là tự tánh sanh, tự tánh hiện, duy thức biến. Quý vị hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ tánh thức thì sáu căn tiếp xúc cảnh giới sẽ tự nhiên thông đạt, không cần học. Ngài A Nan kết tập kinh tạng, có thật sự cần phải nghe Thích Ca Mâu Ni Phật phúc giảng hay chẳng? Chẳng phải! Ngài phúc giảng như thế nào? Ngài đã kiến tánh, chỉ cần quý vị nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng một bộ kinh nào đó, Ngài bèn biết toàn bộ, chẳng nghe cũng biết, chẳng học cũng biết. Tánh là cùng một tánh, tướng là thiên sai vạn biệt, nhưng tánh là một. Vì thế, học Phật giống như tựa đề bộ kinh này rất hay, hoàn toàn viết ra nhân quả của sự minh tâm kiến tánh. Nhân là gì? Thanh tịnh, bình đẳng, giác. Bất luận tu học pháp môn nào, tám vạn bốn ngàn pháp môn, Hiền giáo, Mật giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, tu gì? Tu thanh tịnh, tu bình đẳng, tu giác. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, “*pháp*” là phương pháp, tu phương pháp thanh tịnh, bình đẳng, giác, “*môn*” là môn đạo (đường lối), môn kính (đường neo), phương pháp tu hành, đường lối vô lượng vô biên. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện có nói: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”, đúng là chẳng giả tí nào! Thừa chư vị, trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã nói: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, bất luận một môn nào! Vì sao? Đều do tự tánh hiện, tâm sanh, tâm hiện, đều do thức biến; vì vậy, chúng bình đẳng. Nói cách khác, bất luận một môn nào, quý vị chỉ tìm được năng sanh, năng hiện, năng biến của nó, chẳng phải là quý vị thành Phật ư? Từ hết thảy các pháp tướng, chúng ta thấy chúng là sở sanh, sở hiện, sở biến, quý vị tìm được cội nguồn của chúng, chúng do đâu mà có, tìm được cái năng sanh, năng hiện, năng biến rồi, năng biến là A Lại Da, năng sanh, năng hiện là tự tánh, chẳng phải là đã kiến tánh ư? Đó là nội học. Tìm bên ngoài sẽ vĩnh viễn chẳng tìm được, đức Phật gọi kẻ tìm bên ngoài là ngoại đạo, phương hướng sai lầm. Hãy hướng vào trong mà tìm, tìm bên ngoài sẽ vĩnh viễn chẳng tìm được. Vì thế, người hễ quay đầu, căn tánh bèn nhạy bén, người Trung Quốc nói đó là trí huệ thượng thượng, là chủng tánh Ba La Mật Đa.

Thứ hai, “*đắc Vô Học quả vị*”. Quả Vô Học là A La Hán, ở đây, kinh nói là “*Đại A La Hán*”, quả Vô Học này chẳng phải là Tiểu Thừa A La Hán, mà là Đại A La Hán. Đại A La Hán là ai? Thập Địa Bồ Tát! Trong Đại Thừa, Thập Địa Bồ Tát được gọi là Vô Học, trong Tiểu Thừa A La Hán là Vô Học. Thập Địa Bồ Tát thù thắng lắm!

Loại thứ ba: “*Đắc tiểu quả dĩ, xu đại Bồ Đề*” (đã đắc tiểu quả, tiến lên đại Bồ Đề) cũng đúng! “*Tiểu quả*” là Tiểu Thừa A La Hán hoặc Bích Chi Phật, chúng đắc quả vị này, hồi Tiểu hướng Đại, nên biến thành đại tỳ-kheo. Phật Địa Luận giảng ba ý nghĩa ấy. “*Dĩ thượng tam nghĩa, cố danh viết Đại*” (Do ba nghĩa trên đây nên gọi là Đại).

“*Hựu Gia Tường sư vị Đại hữu tam nghĩa*” (Ngài Gia Tường lại bảo: “Đại có ba nghĩa”). Bản chú giải kinh này của ngài Gia Tường là Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, khi giải thích chữ Đại, Ngài đã dùng ba ý nghĩa sau đây: “*Nhất sanh đại giải, nhị phá đại ác, tam chứng đại quả*” (Một là sanh sự hiểu biết lớn lao, hai là phá ác lớn, ba là chứng đại quả). “*Sanh đại giải*” là trí huệ. “*Phá đại ác*” là buông đại ác xuống, đại ác là gì? Tham, sân, si, mạn, triệt để buông xuống. “*Chứng đại quả*”, nói theo cách thông thường, đại quả là Pháp Thân đại sĩ, vượt thoát mười pháp giới; nói cách khác, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thầy đều buông xuống, đoạn hết. “*Do thượng khả kiến đại tỳ-kheo giả nãi đức cao vọng trọng, hồi Tiểu hướng Đại chi tỳ-kheo, nãi tỳ-kheo chúng trung chi tôn túc*” (Do những điều trên, ta thấy đại tỳ-kheo là bậc tỳ-kheo đức cao trọng vọng, từ Tiểu Thừa hướng đến Đại Thừa, là bậc tôn túc trong các tỳ-kheo), người Trung Quốc gọi các vị ấy là “*trưởng lão*”. Kinh nói rõ, một vạn hai ngàn người tham gia pháp hội này. “*Dĩ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu*” (và các đại tỳ-kheo một vạn hai ngàn người cùng nhóm họp), nay những người đến tham gia pháp hội Vô Lượng Thọ Kinh chẳng phải là người thường, kinh Phật gọi họ là bậc đại quyền thị hiện. “*Đại*” là chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ đến giúp đỡ Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, thị hiện đủ mọi cách. Đây là “*một đức Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ*”, đây là nói về Đa (nhiều), chẳng phải chỉ có một ngàn! Chư Phật, Pháp Thân đại sĩ, có vị thị hiện làm học trò Phật, xuất gia hay tại gia, có những vị thị hiện làm hộ pháp của đức Phật. Còn có những vị thị hiện làm nhân vật phản diện đến chướng ngại Phật pháp, đến gây rối Thích Ca Mâu Ni Phật, họ chẳng phải là phạm nhân. Đề Bà Đạt Đa cũng là cổ Phật tái lai, đến thị hiện, Lục Quân tỳ-kheo cũng thế. Chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, quý vị đọc năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài sẽ thấy có ý vị, bèn hiểu: Đều là chư Phật Như Lai thị hiện đủ mọi lẽ nhằm thành tựu một người tu hành. Nếu người tu hành thật sự hiểu, phải bao lâu mới thành Phật? Một đời! Đây là kẻ bình phàm, chẳng phải là bậc thượng thượng căn. Bậc thượng thượng căn thành Phật trong một niệm. Phạm nhân thành Phật, chắc chắn có thể làm được trong một đời. Quý vị thật sự có thể lý giải, thật sự hạ quyết tâm buông xuống. Trước hết, hãy bắt đầu từ tự tu tự lợi, từ tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, thực hiện từ những điều này, không ngừng tiến lên. Tập khí phiền não rất nặng, thật đấy, chẳng giả đâu! Sức dụ dỗ, mê hoặc của ngoại duyên quá lớn. Đây đều là chân tướng sự thật. Nếu chúng ta chẳng kiên trì, chẳng thể chịu khổ, chẳng thể nhẫn nhục, sẽ chẳng có một

tí biện pháp nào. Làm sao để có thể giúp đỡ chúng ta? Đọc kinh, nghe giáo là phương pháp tốt nhất.

Cả đời này, tôi học Phật năm mươi chín năm, giảng kinh năm mươi hai năm, chẳng bị thế tục cảm nhiễm, do đâu mà đắc lực? Đắc lực do giảng kinh, và đọc kinh mỗi ngày, mỗi ngày chẳng rời khỏi kinh giáo, chẳng tách rời kinh giáo, chẳng lìa khỏi Phật, Bồ Tát. Mỗi ngày giảng kinh có nhiều thính chúng như vậy, thính chúng đều là Phật, Bồ Tát, đều là thiện tri thức của tôi. Họ đến đốc thúc tôi, mỗi ngày đều muốn nghe, nên tôi phải học mỗi ngày. Tôi chẳng học, lấy gì để giảng cho họ nghe? Họ đốc thúc tôi. Trong tâm mục của tôi, họ chẳng phải là thính chúng, mà là giám học, đều là thầy của tôi, thị hiện mọi lẽ. Học trò là ai? Chính tôi là học trò. Giống như Thiện Tài đồng tử, chính mình là học trò; trừ chính mình ra, hết thầy đều là chư Phật, Bồ Tát, thị hiện đủ mọi cách, thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, đến thành tựu, giúp đỡ tôi. Vì thế, Thiện Tài thành Phật trong một đời. Nếu tôi tự cho mình là đúng, tôi là thầy, là pháp sư, các vị đều là học trò, là đồ chúng của tôi, thừa quý vị, tôi không chỉ chẳng thể thành tựu, sợ rằng còn phải đọa lạc. Vì sao? Có những ý niệm ấy, chắc chắn sẽ nảy sanh tham, sân, si, mạn, tức ngạo mạn, chắc chắn tạo tội nghiệp; một vạn hai ngàn người thị hiện, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử chẳng phải là uổng công ư? Có mấy ai hiểu được, nhìn ra, thấy được đường nẻo này, thật sự đúng lý, đúng pháp, y giáo tu hành.

Tiếp đó nói: “*Vạn nhị thiên nhân câu*” (một vạn hai ngàn người cùng nhóm họp), tham gia pháp hội lần này là một vạn hai ngàn người, “*tiêu tỳ-kheo chi nhân số*” (nêu ra số lượng các tỳ-kheo). Chúng ta cần phải biết điều này, vì sao? Tham gia pháp hội, ngoài các tỳ-kheo còn có rất nhiều người, có thể thấy pháp hội này thù thắng. “*Hội Sớ viết: Chư kinh đa tiêu thiên nhị bách ngũ thập nhân, kim kinh dữ Pháp Hoa tiêu vạn nhị thiên nhân, cái thị xuất thế bốn hoại, nhất đại thắng hội, có thập phương đại đức giai vân tập hồ*” (Bộ Hội Sớ viết: “Các kinh thường nêu một ngàn hai trăm năm mươi người. Kinh này và kinh Pháp Hoa lại nói một vạn hai ngàn người. Đó là do bốn hoại xuất thế, là pháp hội thù thắng trong cả một đời, nên mười phương đại đức đều như mây nhóm đến đó chẳng?”). Chữ “*hồ*” (乎) là đánh dấu hỏi, là một nghi vấn, nhằm nói rõ điều gì? Hội này chẳng phải là pháp hội tầm thường, mà là một pháp hội thù thắng khôn sánh. Đức Phật giảng kinh Pháp Hoa, tỳ-kheo một vạn hai ngàn vị; giảng bộ kinh này cũng là một vạn hai ngàn người, có nghĩa là giáo nghĩa kinh này và kinh Pháp Hoa ngang nhau, bình đẳng. Kinh Pháp Hoa là Nhất Thừa Viên giáo. Từ xưa, các tổ sư phán giáo, phán định Đại Thừa, Tiểu Thừa, ngoài Tiểu Thừa và Đại Thừa còn có Nhất Thừa. Đại Thừa là Bồ Tát, Tiểu Thừa là Thanh Văn, Nhất Thừa là Phật. Pháp hội này giảng gì? Giảng pháp môn thành Phật, đó là Nhất Thừa. Nếu tiêu chuẩn tối cao trong một pháp môn là giảng cách tu thành Bồ Tát, đấy là Đại Thừa; nếu chỉ giảng [phương pháp] thành A La Hán, thành Bích Chi Phật, đó là Tiểu Thừa. Tổ sư đại đức thường nói về kinh Pháp Hoa như sau: “*Thành Phật Pháp Hoa, khai trí huệ Lăng Nghiêm*”, kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ, kinh Pháp Hoa thành Phật, bộ kinh này thì sao? Kinh này thành Phật! Kinh Hoa Nghiêm

cũng là thành Phật, kinh Hoa Nghiêm thành Phật như thế nào? Đến cuối cùng mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Kinh Pháp Hoa cũng không ngoại lệ, phạm là kinh Nhất Thừa thành Phật đều dính líu đến kinh Vô Lượng Thọ. Trong lời tựa cho bản hội tập, lão cư sĩ Mai Quang Hy đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Vì thế, chuyện được ghi chép bởi câu này có ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu, chúng ta vừa nhìn liền hiểu tầm trọng yếu của bộ kinh này. Thuở trước, vào thời Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư lập Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, thuở ấy, Ngài đã căn cứ trên kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta không biết Huệ Viễn đại sư đã dựa theo bản dịch nào, nhưng trong mục lục, chúng ta thấy có ghi bản dịch của An Thế Cao, nên chúng ta có lý do để tin tưởng: Huệ Viễn đại sư phải dùng bản dịch của ngài An Thế Cao, đáng tiếc là bản ấy đã thất truyền. Trong các vị đại sư phiên dịch trải các đời, An Thế Cao và Cưu Ma La Thập là hai vị đại sư phiên dịch được người Trung Quốc thích đọc nhất. Họ dịch theo lối dịch ý, chẳng phải là trực dịch. Nay chúng ta thấy bản dịch của hai vị đại đức ấy trong Đại Tạng Kinh đều vô cùng hoan hỷ. Do Đông Tấn vẫn còn rất gần với thời đại của ngài An Thế Cao, chúng tôi có lý do để tin tưởng: Vào thuở ấy, Viễn công đại sư phải có được bản dịch ấy. *“Thượng thuyết thâm thị”* (thuyết trên đây thật đúng), tức là [cụ Hoàng Niệm Tổ nhận định] sách Hội Sớ nói rất có lý. *“Hội chúng chi thịnh, chánh biểu Thế Tôn thuyết pháp chi thắng dã”* (Đại chúng tham dự pháp hội đông đảo, biểu thị đức Thế Tôn thuyết pháp thù thắng), kinh Vô Lượng Thọ giảng pháp thù thắng khôn sánh. *“Hựu Câu giả, cộng tập chi nghĩa”* (lại nữa, Câu có nghĩa là cùng nhóm họp lại). *“Câu”* (俱) là mọi người cùng nhau học tập, cùng nhau đề xướng, cùng nhau hoằng dương, cùng nhau phổ độ hết thầy đại chúng, có ý nghĩa này.

Hai câu kế tiếp đó: *“Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt. Thượng nhị cú, tán chư đại tỳ-kheo chi đức”* (Câu “hết thầy đại thánh thần thông đã đạt” khen ngợi đức của các đại tỳ-kheo). Đây là tán thán. Hai câu này là tổng tán, đến phần sau, chúng ta sẽ thấy lời biệt tán, tán thán rất nhiều. Tán thán phẩm đức của các vị đại tỳ-kheo, trong ấy chứa đựng ý nghĩa rất sâu, [những đức năng của các vị đại tỳ-kheo] chính là đức năng vốn sẵn đủ trong tự tánh của chúng ta. Quý vị thấy những đức năng ấy trong tự tánh thầy đều có, chỉ là hiện tại bị mê mất. Đọc xong sẽ có ý niệm: Chúng ta phải tìm lại Tánh Đức, quá tốt đẹp! Tìm như thế nào? Buông tập khí phiền não xuống, Tánh Đức sẽ trở lại. Chúng ta có thể buông xuống một phần, Tánh Đức sẽ hiển lộ một phần. Có thể buông xuống hai phần, Tánh Đức sẽ hiển lộ hai phần. Không nhất định phải buông xuống viên mãn, buông xuống viên mãn sẽ thành Phật, viên mãn hiện tiền. Chỉ cần thật sự làm, quý vị sẽ có lòng tin tràn trề, sẽ ngập tràn pháp hỷ. Trong Phật môn thường nói là “phiền não nhẹ, trí huệ tăng trưởng”. Phiền não mỗi ngày nhẹ dần, trí huệ mỗi ngày tăng thêm. Phiền não mỗi năm giảm dần, trí huệ mỗi năm tăng trưởng. Phiền não mỗi tháng giảm nhẹ, trí huệ mỗi tháng tăng trưởng. Tới lúc mỗi tháng phiền não nhẹ dần, trí huệ tăng dần, quý vị sẽ pháp hỷ sung mãn; mỗi ngày đều tăng trưởng, gần như quý vị sẽ nhanh chóng thành Phật, cách Vô Thượng Bồ Đề chẳng xa!

“*Nhất thiết, nữ cai la sự vật chi xưng*” (“Nhất thiết” là tiếng để gọi chung tất cả sự vật), tức là bao gồm tất cả hết thảy. “*Hựu nhất thiết, phổ dã. Nhất thiết đại thánh, tán tán chi từ*” (“nhất thiết” còn có nghĩa là khắp cả. “Nhất thiết đại thánh” là lời khen ngợi). Trong Gia Tường Sớ có giải thích: “*Du tâm Không lý; ẩn, hiển nan trắc, cố xưng thánh nhân*” (Tâm đạo nơi lý Không; ẩn, hiển khó lường, nên gọi là thánh nhân”), ý nghĩa này dễ hiểu. Thấy thánh nhân dụng tâm khác với chúng ta, tâm chúng ta trái nghịch tâm họ. Tâm chúng ta chẳng Không, trong ấy có quá nhiều thứ tạp nhạp. Tâm chúng ta trái nghịch lý (lý là tự tánh). Tự tánh đúng là thứ gì cũng chẳng có, nó là Không, là Lý Thể để vạn sự vạn pháp nương vào. Vạn sự vạn pháp trong vũ trụ do đâu mà có? Những đạo lý, năng sanh, năng hiện, năng biến, Lý Thể là tự tánh, mười pháp giới đều bao gồm trong ấy. Thức biến, mười pháp giới là thức biến. Tự tánh chẳng phải là vật chất, cũng chẳng phải là tinh thần. Nó có thể hiện vật chất, mà cũng có thể hiện tinh thần. Khi nó hiện, tức là Hiện, Hiện là hiện. Khi chẳng hiện thì gọi là Ẩn. Khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”, đó là Ẩn, chẳng hiện. Vốn tự trọn đủ, tuy cái gì cũng chẳng phải là nó, nhưng nó có thể hiện bất cứ điều gì. Câu cuối cùng là “*có thể sanh ra vạn pháp*”, đó là Hiện. Tổ nói năm câu thì câu thứ ba là Ẩn, câu cuối cùng là Hiện, đều chẳng thể nghĩ bàn. Câu “chẳng thể nghĩ bàn” này có ý nghĩa vô cùng sâu, quý vị chẳng cần phải suy tưởng, chẳng cần phải thảo luận, vì sao? Hễ suy tưởng thì toàn bộ đã trật rồi! Quý vị thảo luận cũng sai luôn! Đừng suy tưởng, đừng thảo luận, chân tướng sẽ hiện tiền, quý vị thấy toàn bộ. Quý vị tư duy nó thì toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sẽ hiện tiền.

Cớ sao mê? Do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước bèn mê. Mê thì chẳng thể giác ngộ, mê chỉ có càng mê hơn, càng mê càng sâu! Đức Phật dạy chúng ta, buông xuống là được, đừng quan tâm tới nó, chỉ buông xuống. Buông chấp trước xuống bèn thành A La Hán, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Buông phân biệt xuống, phân biệt là Trần Sa phiền não, buông phân biệt xuống là Bồ Tát. Buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị bèn thành Phật, trong hội Hoa Nghiêm những vị ấy được gọi là Pháp Thân đại sĩ. Tu hành trong Phật pháp, ngàn lời, vạn câu đều là một câu, đều khuyên quý vị hãy buông xuống, phải giữ cho thân tâm thanh tịnh. Quan trọng nhất là tâm, tâm thanh tịnh, thân sẽ thanh tịnh, vì sao? Thân là một hiện tượng vật chất gần gũi chúng ta nhất, là cảnh giới, là tướng cảnh giới, cảnh chuyển theo tâm. Tâm là ý niệm, ý niệm là Mạt Na Thức và thức thứ sáu, tức Ý Thức. Thức thứ sáu (Ý Thức) phân biệt, thức thứ bảy chấp trước. Chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Hai thứ này vừa chuyển, A Lại Da và năm thức trước cũng chuyển theo. Tám thức chuyển có trước sau, thức thứ sáu và thức bảy chuyển trước, chuyển biến nơi nhân. Năm thức trước và thức thứ tám chuyển nơi quả. Quý vị thấy cảnh chuyển theo tâm. Có thể chuyển cảnh giới thì tu hành mới có công phu, mới thật sự biết tu. Chẳng chuyển được cảnh giới, quý vị tu uổng công. Nói “tu uổng công” thì vẫn là ca ngợi quý vị, chứ về căn bản, quý vị chẳng tu! Những sự lý, nhân duyên như vậy, nhất định phải đọc nhiều kinh luận Đại Thừa [mới hiểu được].

Đọc kinh cũng có bí quyết màu nhiệm, hễ hiểu sẽ có thụ dụng, lại còn rất nhanh chóng. Chẳng hiểu, sẽ khó khăn. Hiểu là gì? Thâm nhập một môn, huân tu dài lâu, đắc tam-muội ngay trong môn ấy. Tam-muội là Định, tâm thanh tịnh hiện tiền. Vì mỗi ngày quý vị nghĩ đến nó, chẳng có hơi sức đâu để nghĩ đến điều gì khác, toàn bộ những thứ tạp nhạp trong thế gian đều buông xuống, trong tâm chỉ giữ một thứ là Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh, chỉ một thứ ấy. Giữ lâu ngày, tạp khí phiền não tự nhiên đoạn hết. Đoạn phiền não, tam-muội hiện tiền, sau một thời gian lâu dài, quý vị sẽ đại triệt đại ngộ, khai ngộ kinh Vô Lượng Thọ. Một ngộ, hết thấy ngộ; không chỉ đối với hết thấy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, mà vô lượng đại pháp do mười phương ba đời hết thấy Như Lai đã giảng, quý vị đều thông suốt toàn bộ. Vì sao? Chẳng lìa tự tánh. Quý vị đã tìm được năng sanh, năng hiện, năng biến, đối với sở sanh, sở hiện, sở biến, không gì chẳng thông đạt, hiểu rõ toàn bộ. Tin tức này tốt đẹp, rất khó gặp gỡ, chúng ta đã gặp, phải tin tưởng. Hễ tin tưởng, quý vị bèn có phước. Vì sao? Tin tưởng thì quý vị sẽ thật sự muốn học, đúng như pháp tu hành, nên thật sự đạt được lợi ích. Nếu quý vị không tin, sẽ chẳng phát khởi ý nguyện học tập; nói theo nhà Phật là “chẳng phát tâm Bồ Đề”. Bởi lẽ, đối với tín, giải, hành, chứng, chẳng thể lý giải thấu triệt giáo huấn của Phật, Bồ Tát, lý giải chính xác, quý vị tu tập bằng cách nào? Quý vị tu học toàn là sai lầm, dẫu dụng công, dù nỗ lực, vẫn chẳng đạt được hiệu quả, cuối cùng mất lòng tin đối với Phật pháp! Nếu bị mất lòng tin, nầy sanh hoài nghi, lại hủy báng Phật pháp, tạo nghiệp quá nặng, chẳng bằng không học. Đồng tu học Phật, bất luận xuất gia hay tại gia, chớ nên không biết điều này!

Thật sự muốn học thì vun bồi cội rễ giáo dục quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Quý vị không có cội rễ, dẫu nỗ lực cũng uổng công. Giống như trồng cây, thiếu rễ, quý vị trồng cách nào nó cũng chẳng sống được! Rễ quan trọng! Tại Trung Quốc, vào thời cổ, người học Phật có bốn cội rễ; vì thế, đời nào cũng đều có người chứng quả, khai ngộ, đắc Định rất nhiều. Đắc Định là đắc tâm thanh tịnh. Khai ngộ, chứng quả, tâm bình đẳng, tâm chánh giác đều hiện tiền, chánh giác là chứng quả. Đối với bốn cội rễ ấy, phải biết Phật giáo Trung Quốc kể từ giữa đời Đường trở đi, không còn vun bồi cội rễ Tiểu Thừa. Xưa kia, Tiểu Thừa có Thành Thật Tông và Câu Xá Tông. Từ giữa đời Đường trở đi, tổ sư đại đức đề xướng dùng Nho, dùng Đạo thay thế Tiểu Thừa; vì thế, Nho, Thích, Đạo biến thành một nhà. Ngày nay chúng ta phải vun bồi căn cội, hãy hành theo giáo huấn của tổ tiên, vì hơn một ngàn bảy trăm năm qua, người thành tựu rất nhiều. Chúng ta dùng Đệ Tử Quy của Nho gia, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo gia, dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật pháp, đây là ba cội rễ, người xuất gia còn có một thứ nữa là Sa Di Luật Nghi, [do] bốn căn cội, quý vị mới thành tựu thù thắng. Hiện thời, chúng ta không thể thực hiện câu “*du tâm Không lý*” trong Gia Tường Sớ, nhưng Pháp Thân Bồ Tát thật sự có thể làm được câu ấy. Hiện thời, chúng ta có thể “*du tâm Di Đà*” đã tuyệt lắm rồi, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng đều không có. Cuộc sống, công việc hằng ngày, đãi người, tiếp vật hoàn toàn tuân thủ theo giáo huấn của ba cội rễ, hoặc bốn cội rễ, sẽ là thánh nhân trong thời hiện đại, đương nhiên Phật

pháp sẽ hưng vượng. Phật giáo hưng vượng phải nhờ vào các đệ tử nghiêm túc nỗ lực học tập, khiến cho đại chúng bình phẩm trong xã hội chẳng đến nỗi hiểu lầm [Phật giáo], tự nhiên tôn trọng, ủng hộ quý vị, hướng theo quý vị học tập.

“*Hội Sớ viết: Sơ Quả dĩ thượng, tất danh thánh giả. Dĩ cứu đại A La Hán, cố danh Đại Thánh*” (Sách Hội Sớ giảng: “Từ Sơ Quả trở lên đều gọi là Thánh. Đã cùng tốt quả Đại A La Hán thì gọi là Đại Thánh”). Sách Hội Sớ giảng theo lối thông thường. Sơ Quả Tu Đà Hoàn là thánh nhân, là vị thánh nhỏ nhoi, vì sao? Ngài có thể đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, chứng quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa. Nếu là Đại Thừa, nói theo kinh Hoa Nghiêm, người chứng đắc địa vị Sơ Tín trong [các địa vị thuộc] Thập Tín Bồ Tát là nhập môn. Vì vậy, đối với chuyện nhập môn, tiêu chuẩn như tôi đã nói vẫn chưa được. Tôi thừa cùng quý vị, tiêu chuẩn như tôi đã nói chỉ đưa đến cửa ngõ, hết sức gàn gù, cũng có nghĩa là quý vị thật sự buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục, lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, quý vị sẽ ở trước cửa ngõ. Muốn vào cửa, nhất định phải đoạn sạch Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến. Đoạn hết năm thứ kiến giải sai lầm ấy, quý vị sẽ chứng đắc Tiểu Thừa Sơ Quả. Nếu học Đại Thừa, sẽ là Sơ Tín vị Bồ Tát, là thánh nhân, thật sự là thánh nhân. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, còn ở trong lục đạo, nhưng chắc chắn chẳng đọa tam ác đạo. Lại còn bảy lần sanh trong cõi trời hay trong nhân gian, luôn tu học, tối đa là bảy lần, quý vị chắc chắn chứng quả A La Hán. Trong Đại Thừa, tái sanh bảy lần, chứng đắc Đệ Thất Tín trong Thập Tín vị, bèn vượt thoát lục đạo. Thất Tín, Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín thuộc vào tứ thánh pháp giới, Thất Tín là Thanh Văn pháp giới, Bát Tín là Duyên Giác, Cửu Tín là Bồ Tát, cao nhất là Phật, lại vượt thoát mười pháp giới, vượt thoát mười pháp giới là đại thánh. Những địa vị ấy (địa vị thấp hơn Sơ Trụ) đều chẳng thể coi là đại thánh, chỉ được coi là thánh nhân. Vượt thoát mười pháp giới, từ Sơ Trụ của Viên Giáo trở lên, là Pháp Thân đại sĩ, trụ tại nơi đâu? Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Trên thực tế, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình. Tới khi đó, quý vị mới thật sự hiểu rõ: “*Tự tánh Như Lai, duy tâm Tịnh Độ*”. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới là tự tâm hiện, tự tánh biến, chẳng phải là bên ngoài. Đó là quê nhà của quý vị, là nơi chốn quý vị vốn sẵn có. Vì thế, trở về cõi Thật Báo của A Di Đà Phật là quay về nhà, đâu có gì khó khăn!

Thật sự học Phật, quý vị chẳng thể không nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng thể không liễu giải Thích Ca Mâu Ni Phật. Quý vị học tập giống như Ngài, có lẽ nào chẳng thành Phật trong một đời! Đức Phật dạy chúng ta buông xuống, Ngài thật sự buông xuống, thứ gì cũng đều không có. Ngài sống cuộc đời đơn giản nhất, ba y một bát, đó là tài sản của Ngài. Toàn bộ tài sản là ba y một bát, đều mang theo thân. Thật vậy! Nếu nói theo phía tục nhân chúng ta, cái gì trên thân quý vị sẽ là của chính quý vị, chẳng ở trên thân sẽ chẳng phải là của chính mình. Tối thiểu là có quan niệm ấy! Trên thân quý vị có tiền, trong bóp có bao nhiêu tiền, đó là của chính mình, còn tiền cất trong ngân hàng chẳng phải là của quý vị. Căn nhà

quý vị đang ở trong ấy, sống trong ấy, nó là của quý vị. Sau khi quý vị bước ra khỏi cửa, căn nhà ấy chẳng phải là của quý vị. Trong cuộc sống hằng ngày, quý vị có thể quán như thế, sẽ gần gũi Phật pháp, tham, sân, si dần dần bị hóa giải, đó là chân tướng sự thật, chớ nên không hiểu rõ. Quý vị thấy bà Lưu Tô Vân giảng về chữ “*trượng phu*” (chồng) rất khéo, trượng phu là gì? Trong vòng một trượng thì là chồng mình, ngoài một trượng bèn chẳng phải. Tôi nói với mọi người chuyện sít sao nhất, cái gì quý vị có trên thân là của quý vị, cái gì chẳng ở trên thân thì chẳng phải là của quý vị, tâm khai ý giải, may mắn vướng mắc cũng không có.

Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời nêu gương cho chúng ta. Vì thế, chúng ta phải học theo Ngài, học giống như Ngài. Ngài suốt đời theo đuổi sự nghiệp gì? Giáo học, kể từ ngày khai ngộ lúc ba mươi tuổi bèn bắt đầu giáo học, tới bảy mươi chín tuổi viên tịch, [dạy suốt] bốn mươi chín năm chẳng gián đoạn, chẳng thiếu một buổi học nào, là một vị thầy hết sức tận tụy. Ngài mang thân phận là một vị thầy chuyên nghiệp, thừa quý vị, chẳng hề dính dáng gì đến tôn giáo. Ngày nay hễ nhắc tới Phật giáo, hết thầy mọi người đều nghĩ Phật giáo là tôn giáo, chúng ta chẳng xứng đáng, đã “đày” Thích Ca Mâu Ni Phật vào trong tôn giáo. Vì thế, tôi nói tứ chúng đệ tử chúng ta đều phạm tội lỗi, thầy cả đời dạy học, sao lại bị tống vào tôn giáo, lẽ nào lại như vậy? Phật pháp truyền tới Trung Quốc, chúng ta đọc lịch sử, [kể từ lúc truyền vào] cho tới thời đầu nhà Thanh, [trải các triều] Khang Hy, Ung Chánh, Càn Long cho tới Gia Khánh, Phật pháp vẫn là dạy học. Trong lịch sử [Trung Quốc], Phật giáo biến thành tôn giáo chưa đầy ba trăm năm, đây là chuyện trong thời gần đây. Trước đó, tự viện, am đường là trường học, bao nhiêu người thành danh trong lịch sử học hành ở chỗ nào? Học từ trong chùa chiền! Chùa chiền là trường học, người đọc sách có thể sống trong chùa. Chùa chiền rất từ bi, có thể tiếp đãi người ấy. Trong chùa chiền, người xuất gia đều là thầy tốt, có năng lực dạy bảo quý vị. Trước đây, người đi thi Cử Nhân, hay thi Tiến Sĩ, đến đâu để học? Đều là đến chùa chiền, chùa chiền có kinh sách. Không chỉ là kinh Phật, tạng kinh lâu (lâu chứa kinh) là thư viện, trong ấy thứ gì cũng có. Không thiếu thầy giáo, học trò bất luận có vấn đề gì, tìm người xuất gia, người xuất gia đều có thể dạy quý vị. Vì thế, người có tiền sống trong chùa, bỏ ra một ít tiền ăn ở; người không có tiền, chùa chiền vẫn chiếu cố quý vị. Quý vị thấy Phạm Trọng Yêm cả đời đọc sách trong chùa, nhà rất nghèo túng, vì thế, sống trong chùa tự lo liệu ăn uống. Mỗi ngày, ông ta nấu một nồi cháo, nấu đặc một chút, chia thành bốn phần, để sống hết ngày. Học hành tốt đẹp, quý vị thấy về sau ông ta thi đỗ, công danh thành tựu, xuất tướng nhập tướng^{33[1]}, cảm niệm nhà chùa đã thành tựu cho ông ta. Nếu không, ông ta đến đâu để học hành? Vì thế, thời cổ, chùa chiền có công hiển vô cùng to

^{33[1]} Xuất tướng nhập tướng (出將入相): Ra ngoài là một vị tướng cầm quân, về triều là người đứng đầu trăm quan. Chữ Tướng (將) thứ nhất là tướng quân, chữ Tướng (相) thứ hai là Thừa Tướng hoặc Tế Tướng. Về sau, đến đời nhà Thanh, các vị quan được phong làm Đại Học Sĩ, hoặc tuyển vào Bí Thư Các cũng gọi “bái tướng” vì được trực tiếp bàn định triều chánh, xử lý chánh sự hằng ngày nên rất có thể lực.

lớn đối với xã hội, thay quốc gia đào tạo bao nhiêu nhân tài. Chúng ta chớ nên không thông hiểu những chuyện lịch sử này!

Trước đây, chùa chiền là trường học, chẳng có kinh sám Phật sự. Danh xưng của chấp sự trong chùa chiền cho đến nay vẫn giữ nguyên, nhưng đã biến chất. Trụ Trì, Phương Trượng của tự viện là chức vị gì? Hiệu Trượng. Thủ Tọa Hòa Thượng là Giáo Vụ Trượng, Duy Na là Huấn Đạo Trượng, Giám Viện là Tổng Vụ Trượng. Quý vị thấy có giống như phân công trong nhà trường hiện thời hay không? Trong một ngôi chùa, có vài vị Thủ Tọa Hòa Thượng, chẳng phải là một, chia thành các giảng tòa giảng kinh. Điện đường là phòng học, pháp sư giảng kinh rất nhiều, chẳng phải là một, giống như trường học, chia thành lớp, nhưng [trong mỗi lớp] đều là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Giảng đường này giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng đường kia giảng kinh Pháp Hoa, giảng đường khác giảng kinh Vô Lượng Thọ, quý vị muốn học gì bèn vào giảng đường đó. Quý vị chỉ có thể học một môn, chẳng thể học hai môn. Vì thế, trước đây nói là “đến tự viện, viết thảo kinh đơn”, [tức là] đến nơi ấy ghi danh [xin học một bộ kinh nào đó], giảng đường [giảng bộ kinh ấy] sẽ cho quý vị một chỗ ngồi, ký túc xá cho quý vị một cái giường, để quý vị có thể an tâm học tập ở nơi đó. Kỳ hạn là một bộ kinh, quý vị học xong một bộ kinh có thể rời khỏi. Nếu muốn học thêm một bộ nữa, lại ghi danh tiếp, học tiếp một bộ, nhưng thông thường, một bộ kinh phải giảng mấy tháng. Kinh dài phải mất một hai năm. Nhà chùa đúng là một trường học, cơ sao biến thành tình trạng như hiện thời? Thuở ấy, tôi học Phật cũng cảm thấy rất kỳ quái, bèn hỏi lão hòa thượng. Lúc đó, tôi theo lão hòa thượng Đạo An ở Đài Loan, Ngài rất quan tâm đến tôi, tuổi Ngài cũng đã rất cao. Tôi thỉnh giáo Ngài, tôi nói kinh sám Phật sự vì sao mà có? Do ai làm? Ngài suy nghĩ, rồi nói: “Rất có thể là do Đường Minh Hoàng^{34[2]} làm”. Ngài cũng có căn

^{34[2]} Đường Minh Hoàng (695-762) chính là Đường Huyền Tông, tên thật là Lý Long Cơ, con trai thứ ba của Đường Duệ Tông (Lý Đán). Sử thường gọi là Minh Hoàng vì sau khi nhà vua mất, các văn quan xu phụ đã dâng một thụy hiệu dài dằng dặc là Chí Đạo Đại Thánh Đại Minh Hiếu Hoàng Đế. Lý Long Cơ anh tuấn, oai vệ, lắm tài nghệ, thuở trẻ là một vị vua rất tận tụy. Trước đó, khi Lý Trị (Đường Cao Tông, chồng Võ Tắc Thiên) chết, Võ Tắc Thiên đã đưa con trai là Lý Hiễn lên ngôi làm vua bù nhìn, tức Đường Trung Tông, rồi lấy cơ phước vị vua này chỉ trong một tháng, đưa em trai của Lý Hiễn là Lý Đán lên ngôi, tức Đường Duệ Tông. Đường Duệ Tông làm vua được sáu năm thì bị Võ Tắc Thiên ép phải nhường ngôi cho bà ta lên làm vua nhà Đại Châu Lý Đán bị giáng xuống làm Thái Tử và đổi tên thành Võ Luân. Trong giai đoạn ấy, Lý Long Cơ đã ngấm ngầm tuyển mộ dũng sĩ chờ thời. Khi Võ Tắc Thiên bị ép thoái vị, quần thần lại tôn Lý Hiễn làm vua lần nữa. Vì hoàng hậu muốn trở thành Võ Tắc Thiên thứ hai, nên ngấm ngầm hạ độc Lý Hiễn, lập Lý Trọng Mậu lên thay, tức Đường Thương Đế. Lý Long Cơ liền liên kết với Thái Bình công chúa (con gái Võ Tắc Thiên) đập tan âm mưu này, hạ ngục Vi Hậu, giáng Lý Trọng Mậu xuống làm Ôn Vương, đón cha là Lý Đán về làm vua như cũ. Nhà Đường đạt đến thời thịnh trị Khai Nguyên khi Lý Long Cơ làm vua. Vua chỉnh lý hệ thống hành chính, trừ diệt tham quan, trọng dụng hiền tài, trừng trị quý tộc chiếm đoạt đất của dân lành. Về già, ông sủng ái Dương Quý Phi, bỏ mặc cho

cứ, vì thời Đường Minh Hoàng gặp phải loạn An Sử, tức là An Lộc Sơn tạo phản, do Dương Quý Phi dẫn khởi. Cuộc bạo loạn ấy khiến cho nhà Đường gần mất ngôi, may mắn là được một nhóm người như Quách Tử Nghi dẹp yên cơn biến loạn ấy. Sau khi yên ổn, tại mỗi nơi chiến trường, Đường Minh Hoàng dựng một ngôi chùa, đặt tên là chùa Khai Nguyên, vì cuộc động loạn xảy ra trong niên hiệu Khai Nguyên. Mỗi địa phương dựng một ngôi Khai Nguyên Tự, dựng chùa nhằm truy điệu quân dân tử nạn. Đó là khởi đầu, mang tánh chất kỷ niệm giống như Trung Liệt Từ³⁵[3], thỉnh các vị xuất gia tụng kinh siêu độ, hồi hướng cho họ. Quốc gia làm như vậy, nên trong dân gian, người già qua đời, cũng thỉnh pháp sư đến niệm kinh. Đương nhiên đó là ngẫu nhiên, có thể thỉnh pháp sư về nhà niệm kinh, nhất định đều là những vị quý nhân hay quan chức hiển đạt, chẳng phải là bình dân. Người xuất gia làm chuyện này là kèm thêm, thỉnh thoảng làm kèm thêm. Pháp sư Đạo An bảo tôi, có thể đó là khởi đầu, vì trước đó, chưa hề nghe nói tới [chuyện tăng sĩ làm kinh sám Phật sự].

Tôi nghĩ: Thật sự biến thành tình hình như hiện tại là do Từ Hy, Từ Hy Thái Hậu tạo oan nghiệt. Dưới đời nhà Thanh trước kia, đế vương thường lễ thỉnh học giả Nho, Thích, Đạo giảng học trong hoàng cung. Hoàng thượng dẫn phi tần, văn võ bá quan đến nghe giảng, chế độ này mãi cho đến đời Hàm Phong vẫn còn (hoàng đế Hàm Phong là chồng của Từ Hy Thái Hậu), vẫn còn gìn giữ. Giảng nghĩa trong cung đình, giảng nghĩa Nho, Thích, Đạo. Họ đặc biệt tôn trọng Phật pháp, [nhưng giảng nghĩa Phật pháp không bảo lưu] trong Tứ Khố, giảng nghĩa của Nho gia và Đạo gia đều có trong Tứ Khố Toàn Thư. Đôi khi, tôi mở [bộ Tứ Khố] ra xem, coi cách giảng trong hoàng cung của người thuở trước rốt cuộc là như thế nào. Giảng Tứ Thư theo cách nào? Giảng Ngũ Kinh theo cách nào? Những bản giảng nghĩa ấy vẫn còn tồn tại, nhưng đối với Phật pháp, bên đặc biệt biên tập một bộ Đại Tạng Kinh, gọi là Càn Long Đại Tạng Kinh, không xếp [những bài giảng kinh Phật] vào Tứ Khố, đó là đặc biệt tôn trọng Phật pháp. Do lịch đại đế vương đều là đệ tử Tam Bảo, những vị đại đức thuộc hàng đức cao vọng trọng đều phong làm quốc sư. Triều đình nhà Thanh làm như vậy đó. Sau khi

anh trai Dương Quý Phi là Dương Quốc Trung lũng đoạn triều chính dẫn đến chuyện An Sử (An Lộc Sơn và Sử Tư Minh) làm loạn, đến nỗi vua tôi phải chạy vào đất Thục (Tứ Xuyên). Mãi cho đến khi thái tử Lý Hanh được quần thần tôn lên ngôi hoàng đế ở Linh Châu, tức Đường Túc Tông, tập trung quân lực đập tan An Lộc Sơn mới đón Đường Minh Hoàng về lại Trường An, tôn Đường Minh Hoàng làm Thái Thượng Hoàng.

³⁵[3] Trung Liệt Từ là nơi thờ các vị anh hùng trung lương liệt sĩ, còn được gọi bằng các danh xưng như Trung Hồn Từ, Anh Liệt Từ, Anh Hồn Từ, Anh Linh Từ, Trung Liệt Miếu, Chiêu Trung Từ, Hiến Trung Từ. Một nơi nổi tiếng nhất chính là Pháp Nguyên Tự ở Bắc Kinh. Ngôi chùa này do Đường Thái Tông hạ chiếu xây dựng với danh xưng Mẫn Trung Tự nhằm kỷ niệm, truy điệu tướng sĩ trận vong trong cuộc đông chinh Cao Ly, đến đời Thanh chùa được đổi tên thành Pháp Nguyên Tự.

Hàm Phong qua đời³⁶[4], con còn rất nhỏ, con trai Từ Hy Thái Hậu làm tiểu hoàng đế, quyền lực triều chánh lọt vào tay bà ta, thù liêm thánh chánh³⁷[5]. Cho nên con trai bà ta [có niên hiệu] là Đồng Trị, tức là bà ta và con trai cùng trị vì quốc gia, phiền phức khá lớn. Bà ta tin tưởng quý thần, bãi bỏ chuyện thỉnh đại đức giảng học trong cung đình, điều này có ảnh hưởng quá lớn đối với văn hóa truyền thống Trung Quốc. Vì sao văn hóa truyền thống hiện thời suy vi đến nỗi này? Đầu sỏ là Từ Hy Thái Hậu, tin tưởng cầu cơ, chẳng tin kinh điển, cũng chẳng nghe lời, tin tưởng các vị cao tăng đại đức. Bà ta cầu cơ phù loan, kết quả là quốc gia tiêu vong từ đó. Thuở tôi còn trẻ, Chương Gia đại sư kể cho tôi nghe chuyện này. Chương Gia đời trước³⁸[6] là quốc sư của Từ Hy Thái Hậu, toàn là hữu danh vô thực, bà ta cũng chẳng hỏi ý Ngài. Trong quá khứ, hễ thật sự gặp đại sự nghi nan, đế vương bèn hỏi ý kiến các vị đại đức, tức các vị đại đức Nho, Thích, Đạo, họ cũng giống như cổ vấn của hoàng thượng. Từ Hy Thái Hậu rất tôn trọng họ, nhưng chẳng nghe lời, mà nghe theo quý thần. Vì vậy, [Phật giáo Trung Quốc] phải là hoàn toàn bị biến chất vào lúc ấy.

Hiện thời, tự viện am đường Phật giáo nhìn không ra diện mục giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật, hoàn toàn chẳng nhìn thấy, Phật giáo bị biến thành mê tín. Hơn nữa, trong tôn

³⁶[4] Hàm Phong (1831-1861) là vua thứ chín của nhà Thanh, tên thật là Ái Tân Giác La Dịch Trữ (Aisin-Gioro Iju), con thứ tư của Đạo Quang, lên ngôi năm mười chín tuổi. Triều đại của nhà vua bị lung lay bởi cuộc biến loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Toàn khởi xướng, đồng thời miền Bắc Trung Hoa nổ ra cuộc biến loạn của Niệm Quân (một phong trào nông dân dấy loạn do Trương Lạc Hành lãnh đạo). Khi vừa dẹp yên hai cuộc biến loạn này, chiến tranh Nha Phiến nổ ra, liên quân Anh Pháp tấn công Thiên Tân, triều đình nhà Thanh phải bỏ chạy về hành cung ở Nhiệt Hà để lánh nạn. Vua chết tại hành cung Nhiệt Hà lúc 31 tuổi. Nói chung, nhà vua nhu nhược, thiếu quyết đoán và ham mê tử sắc.

³⁷[5] Thù liêm thánh chánh (buông rèm nghe việc triều chánh): Khi vua còn quá nhỏ, thường mời Thái Hậu giúp việc cai trị. Do trong cổ lễ, phụ nữ không tiện lộ mặt trước nam giới nếu người ấy không phải là chồng, cha, anh, hay em trai ruột, nên triều thần thường kê ghế sau ngai vàng, căng rèm cho Thái Hậu ngồi. Trên thực tế, vua còn quá nhỏ nên Thái Hậu toàn quyền cai trị. Khi vua Hàm Phong chết, con là Đồng Trị (Ái Tân Giác La Tải Thuần, Dzai Sun) mới năm tuổi. Trước đó, Hàm Phong đã chỉ định tám vị đại thần làm Cố Mạng Phụ Chánh Đại Thần. Khi Hàm Phong chết, Tải Thuần được triều thần tôn lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Kỳ Tường, nhưng Từ An Thái Hậu (Nữ Hồ Lộc Thị), Từ Hy Thái Hậu (Diệp Hách Na La Thị) và Cung Thân Vương (Dịch Hân) đã đảo chánh (sử gọi sự kiện này là Tân Dậu Chánh Biến), hạ bệ tám vị đại thần, đoạt quyền phụ chánh, đổi niên hiệu từ Kỳ Tường sang Đồng Trị. Theo các sử gia Trung Hoa, Đồng Trị có nghĩa là “đồng quy ư trị”, hoặc “mẫu tử đồng trị thiên hạ”. Tuy mang tiếng là vua, Đồng Trị chỉ là bù nhìn trong tay Từ Hy, đến năm mười tám tuổi bèn chết. Tuy Từ An cũng mang tiếng cùng thù liêm thánh chánh với Từ Hy, nhưng hầu như trên thực tế chẳng có quyền lực gì.

³⁸[6] Người Mãn Châu và Tây Tạng tin Chương Gia đại sư là hóa thân của A La Hán Tôn Đạt, chuyển thế đến đời thứ năm bèn giáng sanh ở tỉnh Thanh Hải (Trung Hoa), từ đời thứ mười ba trở đi bèn có hiệu là Chương Gia Hoạt Phật (theo tên gọi của vùng ấy). Vì thế, Chương Gia đại sư (thầy của lão pháp sư Tịnh Không) được coi là đời thứ mười chín, tuy Ngài chỉ là vị Chương Gia đời thứ bảy. Chương Gia đời thứ năm và thứ sáu đều là quốc sư dưới thời Từ Hy.

giáo, Phật giáo lại là tôn giáo cấp thấp. Tôn giáo cao cấp chỉ có một thần, một vị chân thần, trong Phật giáo thờ Phật, Bồ Tát quá nhiều, người ta nghĩ các Ngài đều là thần, nên gọi Phật giáo là phiếm thần giáo, hoặc đa thần giáo. Phiếm thần giáo, đa thần giáo là tôn giáo cấp thấp. Từ chúng đệ tử chúng ta ngày nay đều có nghĩa vụ giảng rõ ràng, rành rẽ chuyện này cho xã hội. Cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo dục, nói theo cách bây giờ là văn hóa xã hội giáo dục đa nguyên, giáo dục trọn khắp thế gian, có thể mang lại an định, hòa bình cho xã hội, có thể mang lại hạnh phúc mỹ mãn cho hết thảy chúng sanh, là giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, những điều ấy đều được gồm trong Phật giáo. Một số ít học giả, chuyên gia lại mong muốn tiến cao hơn, trong kinh Phật có giáo dục triết học và giáo dục khoa học, đều giảng đến mức viên mãn rất ráo. Ngày nay, [kẻ khác] nói Phật giáo là tôn giáo, chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận, nó đã thật sự biến thành tôn giáo. Chúng ta đi theo con đường này là đi theo con đường giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lúc tôi mới xuất gia, các đồng tham, đồng học cũng đều rất muốn đi theo con đường này, nhưng lại sợ hãi, sợ gì vậy? Sợ đi theo con đường này trong tương lai sẽ chết đói, không có ai cúng dường! Kinh sám Phật sự, học ba tháng đánh pháp khí, xướng niệm là được rồi, đã có thể kiếm tiền; làm mười năm, hay tám năm, tích góp có thể dựng một ngôi chùa nhỏ, [nên đại đa số người xuất gia] đều đi theo con đường ấy, chứ giảng kinh, giáo học mọi người đều sợ. Tôi sống cả đời chẳng chết đói, vẫn sống khá lắm, nhưng con đường này (giáo học, giảng kinh) vô cùng khổ cực, vì sao khổ sở ngàn ấy? Chúng ta phải hiểu rõ ràng, rành rẽ nguyên nhân, chẳng đi theo [con đường này] sẽ chẳng được! Hy vọng mọi người nỗ lực khôi phục nền giáo dục Phật giáo. Nếu chẳng khôi phục giáo dục, Phật giáo chẳng có địa vị trong xã hội, rất đáng thương! Tất cả các tôn giáo, không chỉ riêng Phật giáo, đều phải trở về giáo dục, vì sao? Quý vị thấy mỗi vị sáng tổ tôn giáo đều là nhà giáo dục xã hội. Gia Tô (Jesus) dạy ba năm, bị kẻ khác hại chết. Mục Hãn Mặc Đức (Mohammed, Muhammad) dạy hai mươi bảy năm. Quý vị quan sát cẩn thận, vị giáo chủ sáng lập tôn giáo nào thoát đầu chẳng phải là dạy học? Nếu tôn giáo trở về giáo dục, tôn giáo sẽ được xã hội chấp nhận, vì nó công hiến, tạo lợi ích cho xã hội, mọi người tự nhiên ủng hộ, giúp đỡ quý vị phát triển. Quý vị là giáo dục, xã hội cần quý vị, khác hẳn! Do vậy, chúng tôi học tập đến chỗ này, cảm khái rất sâu.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: *“Diệc khả tuy ngoại hiện Thanh Văn, nội bí Bồ Tát chi hạnh, cố danh đại thánh”* (Cũng có thể hiểu là tuy bề ngoài hiện làm Thanh Văn, bên trong ẩn giấu hạnh Bồ Tát nên gọi là Đại Thánh). Đây là nói về sự biểu thị pháp, xác thực có ý nghĩa này, nhưng trong kinh Đại Thừa, đức Phật cũng dạy rõ, chuyện này chẳng phải là giả. Trong các đệ tử thường tùy của đức Phật, quả thật có không ít vị đã thành Phật, thả chiếc bè Từ, đến giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo học. Như Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất đều đã sớm thành Phật, lần này Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện làm Phật, các Ngài đến làm đệ tử. Chẳng phải là người thông hiểu, lão luyện, sẽ chẳng thể nêu câu hỏi, họ cùng đức Phật một hỏi, một đáp, cố ý làm bộ không hiểu để đức Phật giải thích cho mọi người nghe, chẳng phải là các Ngài thật sự không hiểu. Ngay cả ngài A Nan cũng chẳng phải là phạm nhân, A Nan

thị hiện Sơ Quả, Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất thị hiện làm Tứ Quả La Hán, Bồ Tát chúng lại càng không cần phải nói nữa! Chư vị đều biết Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm đã sớm thành Phật, hiện tại mang thân phận Phật ở thế giới phương khác, nhưng đến khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật bèn mang thân phận Bồ Tát, đều là đến thị hiện. Do vậy, “ngoại hiện Thanh Văn” là ý nghĩa về mặt Hiền, “nội bí Bồ Tát hạnh” là Ẩn. Ẩn và hiện khác nhau, những vị này đều là bậc đại thánh.


“*Tịnh Ảnh Sơ viết, Đại hữu lưỡng nghĩa, nhất, vị cao danh Đại*” (Tịnh Ảnh Sơ giảng: “Đại có hai nghĩa: Một là địa vị cao lớn, nên gọi là Đại”), chủ yếu nói các vị tỳ-kheo có địa vị cao. Trong Phật pháp có học vị, nên Phật pháp đích xác là giáo dục. Phật, Bồ Tát, A La Hán là các danh xưng học vị trong Phật môn. Quý vị buông chấp trước xuống, đoạn Kiến Tu phiền não, sẽ đắc Chánh Giác, sẽ được gọi là A La Hán. Vì vậy, đây là học vị, quý vị chứng đắc học vị thứ nhất. Quý vị lại có thể buông phân biệt xuống, và cũng đoạn sạch Trần Sa phiền não, bèn chứng học vị thứ hai là Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là Bồ Tát. Lại tiến thêm bước nữa, không khởi tâm, chẳng động niệm, và cũng buông vô thi vô minh xuống, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, bèn gọi là Phật Đà, đây là học vị tối cao. Vì thế, Phật Đà, Bồ Tát, A La Hán là ba học vị trong nền giáo dục của đức Phật; hết thầy chúng sanh vốn là Phật, tức là ai cũng đều có thể đạt được học vị tối cao. Điều này khác với tôn giáo! Trong tôn giáo, chỉ có một Thượng Đế, thần cũng chỉ có một, con người và thần chẳng ngang hàng, không thể nào [có chuyện con người tu thành Thượng Đế]. Nhà Phật chẳng giống như vậy, nhà Phật là “*hết thầy chúng sanh đều có thể thành Phật*”, kinh nói rất hay: “*Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh*”. Đã có Phật tánh, nhất định có thể chứng đắc Phật quả. Do vậy, nói theo tự tánh, vốn là Phật. Nói theo phương diện tu hành, quý vị nhất định có thể đạt được học vị này. Đó là địa vị cao, là ý nghĩa của chữ Đại. Thứ hai là “*đức thắng*”, [nghĩa là] đức thù thắng, vượt trội hết thầy tiểu thánh, nên gọi là Đại. “*Hội chánh vi thánh*” (hiểu biết đúng đắn là thánh), Chánh là chánh tri chánh kiến, đây là thánh nhân. Tại Trung Quốc, các Ngài được gọi là Thánh, ở Ấn Độ, các Ngài được gọi là Phật. Chúng ta chớ nên không biết những ý nghĩa được bao hàm trong các danh từ thuật ngữ này.

“*Tổng thượng khả kiến, hoặc tùng đức nhi ngôn, khế u Không lý, hội hợp chánh đạo viết Thánh*” (Tổng hợp những điều trên đây, ta thấy: Nếu từ đức mà nói thì khế hợp lý Không, hiểu đúng chánh đạo nên gọi là Thánh). Đây là giải thích ý nghĩa chữ Thánh trong Đại Thánh. “*Hoặc tùng vị nhi ngôn, Sơ Quả dĩ thượng, xưng Thánh*” (Hoặc từ địa vị mà nói thì từ Sơ Quả trở lên đều gọi là Thánh); đây là tiểu thánh, chúng ta gọi Tu Đà Hoàn là vị thánh nhỏ, Ngài thật sự là thánh nhân, trọn chẳng phải là phàm nhân. “*Duy hội Tiểu hướng Đại, hành Bồ Tát đạo, trực thú Phật quả giả (nãi danh cứu đại A La Hán)*” (chỉ có những ai hội Tiểu hướng Đại, hành Bồ Tát đạo, hướng thẳng đến Phật quả (mới gọi là tốt cùng quả Đại A La Hán)), thật sự hội Tiểu hướng Đại, sớt sáng nỗ lực tu học Đại Thừa sẽ được là “*đại thánh*”. Mặt khác, “*đại quyền thị hiện*” đương nhiên lại càng chẳng cần phải nói nữa, đều là

Bồ Tát tái lai, Pháp Thân đại sĩ tái lai, đương nhiên là đại thánh. Ý nghĩa “*đại thánh*” được nói đến đây.

Tiếp đó, nói về thần thông, tức “*thần thông dĩ đạt*” (thần thông đã đạt). “*Hựu Tịnh Ảnh viết, thần thông dĩ đạt, thần kỳ đức thắng, sở vi thần dị*” (Ngài Tịnh Ảnh lại nói: “Thần thông đã đạt là khen ngợi đức của họ thù thắng, việc làm thần dị”), “*sở vi*” (所為) là những việc họ làm, thần thông biến hóa. Chúng ta phải nhìn ra ý nghĩa của chữ Thần (神). Văn tự Trung Quốc là phù hiệu trí huệ, quý vị thấy chữ này ở trước mặt chúng ta, đối trước văn tự, bên trái là chữ Thị (示), tức chữ Thị trong Thị Hiện (示現). Phía trên chữ Thị là một vạch ngắn, chẳng phải là một chấm, hiện thời [trong chữ Thần, vạch ngắn phía trên chữ Thị được viết thành] một chấm. Nếu quý vị viết [chữ Thần theo lối] chữ Triện sẽ thấy, trong lối chữ Triện, chẳng phải là một chấm, mà là một vạch. Phía trên là một vạch ngắn, phía dưới là một vạch dài. Vào thời cổ, chữ này được gọi là Thượng, tại thượng (ở trên). Phía dưới có ba vạch, ba vạch là diễn tả hình tượng, tức là hiện tượng tự nhiên, [điều đó được gọi là] “*thùy tượng*” (biểu thị hình tượng). Thể hiện ý nghĩa gì? Hiện tượng được biểu hiện trên trời. Nói theo cách bây giờ sẽ là “hiện tượng tự nhiên”, mọi người hiểu ngay: Chữ Thị biểu thị hiện tượng tự nhiên. Cảnh đó là chữ Thân (申). Chữ Thân viết theo lối Cổ Triện sẽ giống như có ba cái ả, chính giữa có một thanh gươm báu kéo xuống³⁹[7], nên gọi là Thông; [ý nói]: Vượt qua ba ả thông suốt. [Do vậy chữ Thần] có ý nghĩa: Người thông đạt hiện tượng tự nhiên được gọi là Thần, đây là giải thích ý nghĩa gốc của chữ này. Có một lần tôi đến thăm Cục Tôn Giáo Trung Quốc, cục trưởng Diệp Tiểu Văn tiếp đãi tôi, có nhắc tới chữ Thần này, tôi viết ra cho ông ta xem, giảng cho ông ta nghe. Ông ta bảo: “Nói như vậy thì vô thần luận nói chẳng suông!” Tôi đáp: “Đúng vậy! Chữ Thần có ý nghĩa ấy”. Quý vị phải hiểu ý nghĩa bao hàm trong văn tự Trung Quốc, quả thật là phù hiệu trí huệ. Người Trung Quốc nói thần nhân và thánh nhân; thần nhân và thánh nhân ý nghĩa tương thông. Thần là người thông đạt hết thấy hiện tượng vũ trụ, người ấy gọi là thần nhân. Thánh nhân: Thánh là hiểu rõ, người hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh gọi là thánh nhân. Do vậy, thần thánh thường dùng chung. Họ là người, chẳng dính dáng gì đến quỷ thần. Giảng rõ ràng, minh bạch. Sách Thuyết Văn Giải Tự⁴⁰[8] giảng rất rõ ràng, đây là phù hiệu trí huệ.

³⁹[7] Để hình dung chữ Thị và chữ Thân viết theo lối triện như thế nào, xin quý vị xem hình ảnh trong các link sau:

- Chữ Thị  - Chữ Thân 

⁴⁰[8] Thuyết Văn Giải Tự là một trong các bộ tự điển chữ Hán đầu tiên của Trung Quốc, do Hứa Thận biên soạn vào thời Hán Hòa Đế. Ông đã có những lập luận khá độc đáo về cách phân chia bộ thủ, phân loại cách hình thành chữ Hán, lập ra khái niệm Lục Thư (sáu cách cấu tạo chữ Hán). Nội dung nhằm giải thích 9.353 chữ thông dụng thời ấy và 1.163 chữ được xếp vào loại Dị Thể Tự. Cho đến hiện thời, tác phẩm này vẫn được coi là sách gối đầu giường cho các nhà nghiên cứu Hán tự.

“*Vô úng viết thông*” (Không bị úng trệ là Thông), đây là nói tới chướng ngại. Không có chướng ngại bèn thông đạt. “*Sở vị Thân Thông, Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng, cập dữ Lưu Tận*” (tức là Thân Thông (Thân Túc Thông), Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng và Lưu Tận), những thứ này [ngoại trừ Lưu Tận] được gọi đơn giản là “*ngũ chủng thân thông*” (năm thứ thân thông). Năm thứ ấy, hiện thời, trong nước gọi người có năng lực này là “*công năng đặc dị*”, Phật pháp nói những năng lực ấy là bản năng (năng lực sẵn có) của chúng ta, mỗi cá nhân chúng ta đều có; nhưng vì sao bị mất đi? Vì quý vị vọng niệm quá nhiều, phiền não dấy lên, nên bị chướng ngại, nguyên nhân là như vậy đó. Vì thế, tu Định nhằm dễ dàng khôi phục năng lực ấy. Tu Định là tu tâm thanh tịnh. Tâm phải đạt đến thanh tịnh, bình đẳng, năng lực ấy sẽ tự nhiên khởi lên, hiện tiền. Vì thế, điều này chẳng có gì là hiếm hoi, lạ lùng, chúng là bản năng của con người. Tâm thanh tịnh sẽ khôi phục. Quý vị đọc kinh điển thấy Tu Đà Hoàn có thể đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, cũng là buông xuống, bèn khôi phục hai thứ năng lực, một là Thiên Nhân, hai là Thiên Nhĩ. Hạng người bình phàm như chúng ta không thấy, nhưng Ngài có thể thấy, có thể nhìn xuyên vách tường, chúng ta gọi đó là “*công năng đặc dị*”. Ngài có thể nghe những âm thanh chúng ta không nghe được. Nếu là Tu Đà Hoàn, chúng ta đang tiến hành hoạt động giảng kinh giáo học ở tầng mười một, người ở mười tầng dưới làm gì, quý vị vừa nhìn liền thấy toàn bộ. Đó là Tu Đà Hoàn thật sự. Nếu nói “ta đã chứng đắc quả Tu Đà Hoàn”, mà hỏi có thấy chuyện sát vách hay không? Chẳng thấy! Đó là giả, chẳng thật. Tu Đà Hoàn nhất định có năng lực ấy.

Nếu quý vị chứng Nhị Quả Tư Đà Hàm, quý vị có thêm hai thứ năng lực nữa là Tha Tâm và Túc Mạng, trong tâm người khác nghĩ chuyện gì, quý vị sẽ biết. Túc Mạng là đối với chính mình, đời đời kiếp kiếp quá khứ của ta [đều biết rõ]. A La Hán có thể biết năm trăm đời quá khứ. Tôi tin Nhị Quả phải biết ba đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời chẳng có vấn đề gì. Ngài biết trạng huống trong đời đời kiếp kiếp quá khứ. Tam Quả A Na Hàm, Thần Túc Thông giống như Tôn Ngô Không, có thể biến hóa, có thể phân thân, nhưng lợi hại hơn, thánh nhân Tam Quả mà! Tứ Quả là A La Hán, Lưu Tận Thông, cũng có nghĩa là đoạn hết Kiến Tư phiền não, thoát ly lục đạo luân hồi. Trong lục đạo, Ngài chẳng có tí chướng ngại nào, cũng là ra vào lục đạo tự tại. Nay chúng ta chẳng thể ra khỏi lục đạo, nhưng Ngài có thể thoát ra. Đây là bản năng, chẳng hiếm hoi, lạ lùng tí nào, công phu định lực của quý vị càng sâu, năng lực càng mạnh. A La Hán chỉ có thể biết năm trăm đời quá khứ; nói cách khác, năng lực ấy chẳng phải là rất lớn. Bồ Tát có nhiều tầng cấp, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, càng lên cao, năng lực ấy càng lớn, càng thù thắng. Thiên Nhân của A La Hán có thể thấy một tiểu thiên thế giới; ngài A Nậu Lưu Đà là một vị A La Hán đặc biệt trong các vị A La Hán, vì mắt Ngài đã hỏng, đức Thế Tôn dạy Ngài tu Thiên Nhân, Ngài tu thành công. Thiên Nhân của Ngài khác các vị A La Hán thông thường, có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới. A La Hán thông thường chỉ có thể thấy một tiểu thiên thế giới, chỉ riêng Ngài có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới là khả năng thấy được [bằng Thiên Nhân] của các vị Bồ Tát thông thường. Đối với tam thiên đại thiên thế

giới, các phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Tựu của kinh Hoa Nghiêm nói thế giới vô lượng vô biên, quý vị không có chướng ngại, sẽ đều có thể thấy. Vì vậy, triết học và khoa học được giảng trong kinh Phật là cảnh giới Hiện Lượng, chẳng phải là tầm thường; [những cảnh giới ấy do] đức Phật đích thân trông thấy. Các nhà khoa học hiện thời suy diễn từ toán học [rút ra] những thông tin, sau đây dùng dụng cụ khoa học để quan sát, thấy được một chút; nói chung, vẫn chưa thể nói rõ ràng. Phật pháp giảng vô cùng rõ ràng, vì sao? Đức Phật trông thấy, năng lực ấy được khôi phục toàn bộ, các khoa học gia và triết học gia chẳng có cách nào sánh bằng, phải biết điều này! Ở đây, đức Phật dạy chúng ta, chỉ cần quý vị khéo tu, sẽ có thể chứng đắc, đó là bản năng của quý vị. Ngài giảng trí huệ, đức năng, tướng hảo, những đức năng ấy đều là những thứ chính quý vị vốn sẵn có, phải nên khôi phục. Sau khi quý vị khôi phục, đúng là không gì chẳng biết, không gì chẳng thể, chẳng phải là giả, tuyệt đối chẳng phải là mê tín. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

Tập 88

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi tám, xem từ dòng thứ năm:

“Hựu Tịnh Ảnh viết: Thần thông đã đạt, thán kỳ đức thắng. Sở vi thần dị, cố danh viết Thần. Vô ứng viết Thông. Sở vi Thân Thông, Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng, cập dữ Lưu Tận. Cố tri Thần vi bất trắc chi nghĩa, Thông vi vô ngại chi nghĩa” (Ngài Tịnh Ảnh lại nói: “Thần thông đã đạt: Khen ngợi đức của họ thù thắng. Việc làm thần dị nên gọi là Thần. Không bị ứng trệ là Thông, [Thần Thông] chính là Thân Thông (Thần Túc Thông), Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng và Lưu Tận. Vì vậy, Thần nghĩa là chẳng lường được, Thông nghĩa là vô ngại”). Hôm qua chúng ta đã học đến chỗ này, do thời gian hạn chế nên chưa giảng xong đoạn này; hôm nay lại tiếp tục giảng lần nữa. *“Thần thông đã đạt”*, “*đạt*” (達) là thông đạt (通達). Trong Phật pháp nói đến sáu thứ thần thông này. Thuở đức Thế Tôn tại thế, chúng ta biết Ấn Độ thuở ấy là một nước tôn giáo, tôn giáo thịnh vượng nhất, cũng là một nơi có trình độ học thuật cao nhất nếu nói theo [quy mô] cả thế giới. Vì thế, đức Phật xuất hiện ở nơi ấy, vô cùng hợp lý! Đức Phật chẳng xuất hiện tại Trung Quốc, mà xuất hiện ở Ấn Độ, tức là trình độ văn hóa của Ấn Độ cao hơn Trung Quốc. Thật ra, Phật cũng xuất thế ở Trung Quốc, nhưng chẳng dùng thân phận Phật, tôi cảm thấy Khổng, Mạnh,

Lão, Trang, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang đều là Phật, Bồ Tát tái lai. Trong quá khứ, tôi từng hỏi lão cư sĩ Lý Bình Nam xin Ngài chứng thực một phen. Sau khi nghe xong, Ngài cười, bảo tôi: “*Nói theo Lý thì hợp lẽ, nhưng về mặt Sự chẳng có chứng cứ*”. Thiếu chứng cứ về mặt Sự, nhưng nói theo Lý cũng suông. Nay chúng ta gọi sáu thứ năng lực ấy là “công năng đặc dị”, thật ra chúng là “bản năng” (năng lực sẵn có) của chúng ta, hết thảy chúng sanh ai nấy trọn đủ, ai không có? Ai nấy đều có. Vì sao chúng chẳng hiện ra? Do có chướng ngại ngăn trở. Chướng ngại ấy thường được gọi là “nghiệp chướng”, nói tóm lại là phiền não. Phiền não có ba loại lớn: Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não, và Kiến Tư phiền não; ba loại này khiến cho bản năng, trí huệ và tướng hảo của chúng ta thấy đều bị chướng ngại. Vì thế, trong kinh Đại Thừa đức Phật thường nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, sáu thứ ấy là đức, thuộc về năng lực, sáu thứ ấy cũng bị chướng ngại. “*Tướng*” là tướng hảo, nó cũng được người Hoa gọi là “phước báo”. Trong nhà Phật, phước báo được gọi là “tướng hảo”. [Do phiền não mà trí huệ, đức tướng] đều bị chướng ngại, [Phật và chúng sanh] vốn là bình đẳng.

Người phát hiện sáu thứ ấy sớm nhất chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni Phật, ai phát hiện? Bà La Môn giáo, tức là Hưng Đô giáo (Hinduims) hiện thời. Họ có lịch sử hơn một vạn năm, tôi tin họ, tôi có qua lại với họ. Hình như lâu ba [trong cao ốc này] là Ấn Độ giáo. Họ không coi trọng lịch sử, cho nên không ghi chép lịch sử, tương truyền [Ấn Độ giáo đã tồn tại] hơn một vạn năm. Hiện thời, những người nghiên cứu lịch sử trên thế giới thừa nhận họ có tối thiểu tám ngàn năm trăm năm lịch sử. Chiếu theo ghi chép của Trung Quốc cổ đại về Phật giáo, như những người cùng thời đại với lão hòa thượng Hư Vân đều dùng niên đại [Phật giáo] theo cách ghi chép của Trung Quốc thời cổ: Năm Thích Ca Mâu Ni Phật xuất sanh tương đương với năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương của Trung Quốc, đức Phật viên tịch nhằm năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương, sách vở Trung Quốc đều ghi chép như thế. Nếu ghi chép theo lối ấy, từ lúc Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch cho tới ngày nay phải là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, gần như sai lệch sáu trăm năm so với cách nói của người ngoại quốc. Chúng ta không cần phải khảo sát chuyện này, [vì nó] chẳng có mấy may ý nghĩa gì, chúng ta [chỉ quan tâm] liễu giải chân tướng sự thật. Do thuở đức Thế Tôn xuất hiện tại Ấn Độ, Ấn Độ đã có văn hóa cao như vậy; đương nhiên năm thứ thần thông trong Bà La Môn giáo đều có, chỉ có Lưu Tận là không có, năm thứ trước họ đều có; vì thế, chúng ta cũng chớ nên xem thường [Bà La Môn giáo]. Hãy suy nghĩ sẽ thấy vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh nơi ấy, rất có lý!

Phàm phu làm như thế nào để đạt được các loại bản năng ấy? Hiện thời, công năng đặc dị có hai loại:

1) Một là do bẩm sanh. Nói chung, người bình thường, lúc còn chưa biết nói có thể là đều có, vì bẩm tánh thiên chân, tâm địa thanh tịnh, chưa bị ô nhiễm, nên có năng lực ấy. Chúng ta quan sát cẩn thận trẻ thơ, sẽ nhận thấy khi trẻ đang ngủ trong nôi, có lúc nó tự mỉm cười, cũng như nó có rất nhiều động tác biểu lộ giống như có người đùa với nó, chơi với nó. Thật

đấy! Nó có thể thấy, nghe. Dần dần khôn lớn, công năng đặc dị bẩm sinh [bị mất đi], phổ biến nhất là Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, người bình thường chúng ta nhìn không thấy, nhưng họ (người có công năng đặc dị) nghe được, người bình phàm chúng ta chẳng nghe được, nhưng họ có thể thấy, hai thứ [năng lực] này bình thường nhất, và khôi phục cũng dễ dàng nhất. Năng lực bẩm sinh ấy, chúng ta gọi là “công năng đặc dị”, có thể mất đi hay không? Có thể! Tôi đã từng phỏng vấn hai ba người có năng lực ấy, tôi hỏi họ tới hai mươi mấy tuổi có bị mất đi hay không? Có thể! Năng lực của họ lúc hai mươi mấy tuổi kém lúc mười mấy tuổi. Lúc mười mấy tuổi, năng lực mạnh mẽ, hai mươi mấy tuổi yếu đi, khoảng chừng ba mươi mấy tuổi sẽ chẳng còn nữa. Vì sao? Đầu óc có quá nhiều thứ, quá phức tạp, nên mất đi năng lực. Vì thế, chúng tôi biết [công năng đặc dị có thể bị mất].

2) Một loại khác là người tu đạo. Ngoài Phật giáo ra, gần như tất cả các tôn giáo ở Ấn Độ đều tu Thiền Định, do Thiền Định có thể đạt được [thần thông]. Đạt được lớn hay nhỏ tùy thuộc công phu định lực của quý vị sâu hay cạn. Công phu sâu, năng lực đặc biệt mạnh. Công phu cạn hơn một chút, năng lực cũng cạn hơn một chút, tỷ lệ thuận với công phu tu hành. Quý vị thấy Bà La Môn của cổ Ấn Độ đã nhìn thấy lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi là thật, chẳng giả, chẳng do đức Phật nói, chẳng phải là [điểm đặc biệt] của Phật giáo, mà do Bà La Môn giáo nói. Vì sao họ biết? Họ thấy trong Định. Người trong trạng thái Thiền Định sẽ đột phá các chiều không gian, các khoa học gia đã chứng thực điều này, thật sự tồn tại những chiều không gian khác nhau. Rốt cuộc có bao nhiêu chiều không gian? Nói theo lý luận thì chẳng có số lượng, nhưng nói theo tình hình thực tế, hiện thời các khoa học gia khẳng định tối thiểu có mười một chiều không gian khác nhau!

Năm xưa, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ kể cho tôi nghe chuyện ấy, cụ nghiên cứu khoa học, có căn cơ Phật pháp rất sâu, bản chú giải chúng ta đang đọc hiện thời là do cụ viết. Tôi đến thăm cụ rất nhiều lần, là bạn già của cụ, mà cụ cũng là thầy của tôi. Cụ là truyền nhân của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Từ bản chú giải này, chúng ta có thể thấy lão cư sĩ đã vun đắp Phật học khá sâu dày, duyên phận với Phật thù thắng khôn sánh. Nếu nói theo cách nói thông thường của Trung Quốc, cụ chẳng phải là phàm nhân tái lai, cụ và Hạ lão cư sĩ cũng phải do có sứ mạng mà đến đây, tức là chỉnh lý kinh Vô Lượng Thọ một lần nữa, biên tập thành một bản hoàn hiện để hết thảy chúng sanh trong chín ngàn năm đời mai sau thuộc thời Mạt Pháp học Phật sẽ đắc độ trong một đời do nương tựa bộ kinh điển này. Cụ Hạ hội tập hoàn thành, để học trò của cụ là cụ Hoàng Niệm Tổ soạn chú giải cho kinh này. Sau khi hội tập kinh này thành công, cụ Hạ đã giảng mấy lượt, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nghe từ đầu đến cuối. Cụ bảo tôi, khi đó cụ có chép bút ký, đáng tiếc là khi viết bản chú giải này thì những bản bút ký, tài liệu thời đó đều bị mất sạch. Hơn nữa, cụ viết tác phẩm này trong khi đang bệnh, chính mắt tôi thấy, tôi vô cùng cảm động.

Vì thế, đức Phật bảo chúng ta sáu thứ [năng lực] ấy là bản năng. Ngũ thông của thiên thần là báo đắc (do quả báo mà có), quý vị sanh lên trời tự nhiên sẽ có. Quỷ thần cũng có ngũ thông, cũng do báo đắc. Nói thật ra, con người cũng có “báo đắc ngũ thông”, nhưng vì tập

khí phiền não quá nặng nên bị mất đi. Tâm chúng ta càng thanh tịnh, chúng sẽ được khôi phục. Quý vị thấy trong tựa đề kinh này, học Phật là học gì? Tuy nói là tám vạn bốn ngàn pháp môn, đó là phương pháp, “*pháp*” là phương pháp, “*môn*” là môn kính (門徑: đường lối), phương pháp và đường lối rất nhiều, không phải chỉ là tám vạn bốn ngàn. Quý vị thấy trong Tứ Hoằng Thệ Nguyên có nói: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyên học*”, thật đấy, chẳng có số lượng. Tu gì? Bất luận pháp môn nào, [nói theo] tựa đề kinh này, đều là tu “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, tu những điều ấy. Hiện nay, chúng ta chọn lựa phương pháp Trì Danh Niệm Phật của Tịnh Độ Tông, phương pháp ấy thuận tiện, chẳng có bất luận trói buộc gì, đi, đứng, ngồi, nằm đều có thể tu. Thật sự tu đến mức công phu tương ứng, nói thật ra, cũng chẳng kém “tam mật tương ứng” của Mật Tông. Trì Danh của Tịnh Tông và Mật Tông chẳng khác gì nhau. Trong tâm quán tưởng, chúng ta niệm Phật, trong tâm phải có A Di Đà Phật, đó là tâm quán tưởng. Miệng niệm, ra tiếng hay không ra tiếng đều được, niệm thầm, hoặc là Kim Cang Trì. Nói Kim Cang Trì nghĩa là miệng máy động nhưng không có âm thanh. Tay kết ấn, chúng ta tay lần tràng hạt cũng là kết ấn, không dùng tràng hạt cũng là kết ấn. Vì thế, phương pháp này vô cùng thuận tiện, hết sức thiện xảo.

Phải niệm đến mức nào? Phải niệm đến mức tâm thanh tịnh hiện tiền, phải biết điều này. Hằng ngày niệm Phật, một ngày niệm mấy vạn tiếng, trong tâm vẫn rối ren toi bời, tuy niệm, chẳng có công phu. Điều trọng yếu nhất là công phu hiện tiền, quý vị thấy kinh Di Đà dạy “*nhất tâm bất loạn*”, kinh Vô Lượng Thọ dạy “*nhất hướng chuyên niệm*” (một dạ chuyên niệm), tâm thanh tịnh có thể hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền, sáu thứ bản năng ấy sẽ dần dần khôi phục. Vì vậy, vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật xuất hiện như thế nào? Ta do đâu mà có? Các khoa học gia hiện thời cũng rất lỗi lạc, dần dần nói càng ngày càng giống với Phật pháp, nhưng từ ba ngàn năm trước, đức Thế Tôn chẳng có dụng cụ khoa học, vì sao Ngài biết? Ngài thấy bằng Thiên Nhãn, nghe bằng Thiên Nhĩ, đó là cảnh giới Hiện Lượng trong Định, chẳng phải là Tỷ Lượng. Quá nửa những thứ do các khoa học gia hiện thời phát hiện là Tỷ Lượng, họ quan sát Hiện Lượng bằng các máy móc tinh vi, không có máy móc sẽ chẳng thể nhìn thấy, họ dùng kính hiển vi có độ khuếch đại rất cao để quan sát tế bào hoặc quan sát nguyên tử. Hiện thời, ngày càng thấy tinh vi hơn, họ thấy lượng tử. Lượng tử còn gọi là tiểu quang tử, phát hiện hạt căn bản do đâu mà có? Từ các tiểu quang tử tích lũy thành, trở thành một hạt căn bản. Hạt căn bản tích lũy thành nguyên tử, càng ngày càng lớn, đó là thế giới vi mô.

Tha Tâm là trong tâm người khác dấy lên niệm gì đều biết, rất lợi hại, có chuyện này hay không? Có! Năm xưa tôi ở Đài Loan, thuở ấy vừa mới học Phật chưa bao lâu đã xuất gia. Lão pháp sư Lạc Quan, hiện thời những vị pháp sư thuở ấy đều đã mất, họ thuộc thế hệ trước. Ở Đài Loan có pháp sư Chủ Vân là bạn già của tôi, Ngài lớn hơn tôi năm tuổi, cũng đã khuất, có viết một cuốn sách nhan đề Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn). Đây là chùa Giang Thiên ở Nam Kinh thuộc Trung Quốc Đại Lục, tức Kim Sơn Tự, ở trên một hòn đảo nhỏ trong sông Trường Giang. Đây là một đạo tràng Thiên Tông rất nổi tiếng, Kim Sơn Hoạt

Phật xuất hiện ở đây, Ngài có pháp danh là Diệu Thiện, tức là pháp sư Diệu Thiện. Hành vi, dáng vẻ rất giống Tể Công, cũng rất lôi thôi, suốt năm khoác một chiếc áo dài, bên trong là một cái quần ngắn, bên ngoài mặc áo dài, ăn mặc không giống ai! Xuân, Hạ, Thu, Đông đều đóng bộ như thế, mùa Đông cũng chẳng lạnh, mùa Hè cũng chẳng nóng. Ngài có Tha Tâm Thông. Pháp sư Lạc Quan ở cùng chỗ với Ngài suốt bốn tháng. Người sùng bái pháp sư Diệu Thiện rất nhiều. Pháp sư Lạc Quan thường nghĩ xem thử có thể phát hiện [pháp sư Diệu Thiện có] lỗi lầm nào hay chẳng, rất chú ý nhìn Sư. Dường như khi pháp sư [Lạc Quan] khởi tâm động niệm, Kim Sơn Hoạt Phật đều biết, trong khi nói năng, hoàn toàn nói toạc ra những điều pháp sư đang suy nghĩ. Vị pháp sư ấy nói: [Kim Sơn Hoạt Phật] thật sự có Tha Tâm Thông. Quý vị thấy vị pháp sư ấy (Kim Sơn Hoạt Phật) cả đời chẳng tắm rửa, cổ áo đóng hờm đen thui, nhưng quý vị ngửi thấy mùi hoa sen. Đích thân Ngài trông thấy. Pháp sư Chử Vân rất hâm mộ, đến khắp nơi hỏi dò chuyện Kim Sơn Hoạt Phật rồi viết thành sách. Về sau, pháp sư Lạc Quan cũng viết một bộ⁴¹[9]. Pháp sư Lạc Quan đích thân ở cùng Ngài chừng bốn tháng, hiểu Ngài khá rõ. Quả thật, qua cuộc sống thường nhật của Ngài có thể thấy những năng lực ấy, Ngài có Tha Tâm Thông.

Túc Mạng: Túc Mạng là biết một hai đời quá khứ. Đức Phật nói A La Hán có thể biết năm trăm đời quá khứ, năm trăm đời vị lai. Ngài có thể biết quá khứ, vị lai, đây là Túc Mạng Thông. Thần Túc Thông: Thần Túc là biến hóa đủ mọi lẽ, Ngài có thể phân thân, có thể biến hóa, giống như trong tiểu thuyết Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, nhưng trên thực tế, A La Hán không chỉ có bảy mươi hai phép biến hóa; so với A La Hán, Tôn Ngộ Không thua kém quá xa. Lậu Tận là đoạn Kiến Tư phiền não, tức là chứng quả A La Hán, đó là Tiểu Thừa. Đây là nêu ra [các thứ] thần thông, thông thường kinh Phật nói sáu thứ thần thông. Trong sáu thứ thần thông ấy, trừ Lậu Tận Thông ra, các tôn giáo khác tại Ấn Độ, thậm chí các học phái đều tu Thiền Định, ít nhiều đều đạt được [năm món thần thông ấy]. Vì thế, đức Phật xuất thế ở nơi nào, chúng ta có thể tưởng tượng bèn biết [trình độ văn hóa và tôn giáo nơi ấy] phải là như vậy. Tại Trung Quốc, tuy học thuật cũng rất phát triển, nhưng người Hoa chẳng chú trọng tu Thiền Định. Cũng tu, cũng nói tới chuyện “tu thân dưỡng tánh”, nhưng chưa đạt tới trình độ ấy, chưa phát hiện thần thông. Trong Phật môn bảo “tu Định, nhưng chưa đắc Định”. Người ấy tu Định, nhưng công phu chưa tới mức. Nếu công phu đạt tới mức, thần thông sẽ hiện tiền; công phu ấy nhất định phải là từ đoạn phiền não mà có!

Quý vị thấy trong Phật môn, từ phần trước của bản kinh này, chúng ta đã học: Kiến Tư phiền não là chấp trước, chúng ta buông xuống chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, tâm đạt được thanh tịnh, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh, sáu thứ thần thông đều trọn đủ, đều xuất hiện, đây là cảnh giới của A La Hán. Chứng đắc A La Hán, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa. Vì thế, các tôn giáo tại Ấn Độ tuy tu Định, có thể đạt tới Phi

41^[9] Tức là bộ Kim Sơn Hoạt Phật Thần Dị Lục.

Tường Phi Phi Tường Xứ Thiên, tức là chỗ cao nhất trong lục đạo, vẫn chưa thoát khỏi lục đạo, nguyên nhân là do họ chẳng đoạn tập khí phiền não. Nếu thật sự đoạn trừ, sẽ vượt thoát. Do vậy, A La Hán tu Đệ Cửu Định. Quý vị thấy Tứ Thiên Bát Định, Thiên Định thế gian chỉ đạt tới chỗ này, Định thứ chín là vượt thoát, tức là vượt thoát lục đạo luân hồi, trong Phật pháp mới được coi là tu hành đắc Tiểu Quả. Tiểu Quả là A La Hán hay Bích Chi Phật, vượt thoát tam giới, vượt khỏi lục đạo. Lại lên cao hơn nữa, phải đoạn trừ Trần Sa phiền não, kinh Hoa Nghiêm gọi Trần Sa phiền não là phân biệt. Cũng tức là chẳng phân biệt hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, phân biệt vi tế hơn chấp trước, điều này cũng phải đoạn trừ, quý vị nâng cao lên thành Bồ Tát, Phật, [ở đây] là Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới, đạt tới cảnh giới ấy. Tu hành trong cảnh giới ấy, phải buông căn bản vô minh xuống, căn bản vô minh là khởi tâm động niệm, vi tế cùng cực nhất. Quý vị nhìn vào cuộc đối thoại giữa đức Thế Tôn và Di Lặc Bồ Tát sẽ thấu hiểu tin tức ấy, vi tế đến mức độ nào? Trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, buông niệm vi tế xuống, quý vị sẽ thành Phật, bèn vượt thoát mười pháp giới. Cảnh giới gì hiện tiền? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, người bình phàm chúng ta gọi [cảnh giới ấy] là Nhất Chân pháp giới, hiện tiền.

Chư vị phải biết: Mười pháp giới có sanh, có diệt, trong Nhất Chân pháp giới không có sanh diệt, cảnh giới ấy hiện tiền, theo kinh Hoa Nghiêm là từ Sơ Trụ trở lên, tức là từ Sơ Trụ của Viên Giác trở lên. Để đạt đến quả vị rốt ráo còn có bốn mươi hai địa vị là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, còn có bốn mươi hai địa vị. Khi chúng ta học Hoa Nghiêm sẽ hiểu rõ, khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra các đẳng cấp? Bốn mươi hai tầng cấp lại do đâu mà có? Có bốn mươi hai tầng cấp sẽ chẳng bình đẳng, chẳng bình đẳng sẽ không ra khỏi mười pháp giới. Do vậy, chúng ta thật sự hiểu rõ, thật sự là pháp giới bình đẳng, chẳng có giai cấp. Vì sao không có giai cấp mà đức Thế Tôn phải nói bốn mươi hai địa vị? Đây là để cho chúng ta hiểu rõ tập khí vô thi vô minh chưa đoạn. Những vị tổ sư đại đức trong quá khứ khi giảng kinh Đại Thừa đã nói rất tỉ mỉ: Quả thật các vị ấy (hàng Pháp Thân đại sĩ) đã thật sự đoạn [phiền não], nhưng chưa đoạn tập khí. Tập khí có trở ngại Sự hay không? Chẳng trở ngại Sự, tập khí Vô Minh chẳng trở ngại Sự. Tập khí Kiến Tư trở ngại Sự, sẽ tạo nghiệp; tập khí Trần Sa tương đối nhẹ hơn một chút, nhưng tập khí Vô Minh chẳng trở ngại Sự. Vì thế, có thể nói là trí huệ, thần thông, đạo lực của các Ngài chẳng khác gì Phật quả rốt ráo viên mãn. Từ kinh Đại Thừa, chúng ta thấy các Ngài có thể đối với chúng sanh hữu duyên trong mười phương các cõi Phật khắp pháp giới tận hư không giới, hễ chúng sanh có cảm, các Ngài bèn có thể ứng, nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy: Nên dùng thân Phật để đắc độ bèn hiện thân Phật, nên dùng thân Bồ Tát đắc độ bèn hiện thân Bồ Tát, cho đến nên dùng hoa, cỏ, cây cối để độ bèn hiện thân hoa, cỏ, cây cối, thật sự đắc đại tự tại! Năng lực ứng hóa bình đẳng, viên mãn, chẳng có mảy may sai biệt, đó là sáu thứ bản năng được khôi phục viên mãn. Chúng ta phải liễu giải thần thông, chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng! Chúng là bản năng, bị nghiệp chướng của chính chúng ta ngăn trở [nên chẳng thể hiển hiện]. Hễ nghiệp chướng tiêu trừ, năng lực bèn khôi phục.

Tiếp theo đó là giải thích đơn giản ý nghĩa của Thần và Thông. Thần là thần kỳ, chẳng thể lường, vượt ngoài kiến thức thông thường của chúng ta. Ngày hôm qua tôi đã phân tích cùng quý vị, thông đạt chân tướng của vạn sự vạn vật, kinh Phật gọi [chân tướng ấy] là “*chư pháp Thật Tướng*”, thông đạt chư pháp Thật Tướng sẽ được gọi là Thần, người Trung Quốc gọi hạng người ấy là Thánh. Thần và Thánh có cùng một ý nghĩa, đều là “thông đạt, hiểu rõ”. Tiếp đó, Thông là chẳng có chướng ngại, Thần là thông đạt chẳng bị chướng ngại. Tiếp đó, “*Đạt giả, Gia Tường viết: Đạt giả, ngôn chứng*”, (“Đạt”, ngài Gia Tường bảo: “Đạt ý nói là chứng”), có nghĩa là chứng. “*Chứng Lục Thông, Tam Minh đẳng thị dã*” (chính là chứng Lục Thông, Tam Minh v.v...). Tam Minh vẫn là Lục Thông, Tam Minh là Thiên Nhân Minh, Túc Mạng Minh, và Lộ Tận Minh, ba thứ năng lực ấy đã đạt tới rất ráo viên mãn. Trên thực tế, ba thứ này đạt tới rất ráo viên mãn thì cả sáu thứ kia đều đạt đến rất ráo viên mãn, tại Như Lai quả địa gọi là Tam Minh, tại [địa vị] Bồ Tát gọi là Lục Thông, cũng là do trình độ công phu [sai khác] mà có danh xưng khác biệt.

“*A Nan đương thời, tuy vị đắc Lộ Tận*” (tuy thuở ấy ngài A Nan chưa đắc Lộ Tận). Lúc đức Thế Tôn tại thế, ngài A Nan thị hiện làm Tu Đà Hoàn, chỉ chứng Sơ Quả. Vì sao? Vì đa văn, chuộng đa văn, cũng có nghĩa là: Công phu định lực còn yếu kém một chút. Những đồng học khác đều là chuyên tâm tu hành, đều có thể chứng từ Tứ Quả trở lên, ngài A Nan vẫn mang thân phận Tu Đà Hoàn; vì sao cũng có thể gọi là “đại thánh?” Ở đây, tuy Ngài chưa đắc Lộ Tận, “*đản dĩ đương cơ, ưng tu tịnh liệt*” (do là đương cơ nên cũng xếp vào số các vị [đại thánh]). Vì A Nan sẽ truyền giáo pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Có hai người truyền pháp của đức Thế Tôn: Tôn giả Đại Ca Diếp truyền Thiên, truyền Tông Môn, A Nan truyền Giáo Hạ, đa văn đệ nhất. Trên thực tế [hai Ngài] đều là đại quyền thị hiện, đại quyền là Pháp Thân Bồ Tát, thậm chí là cổ Phật tái lai. Một đức Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ. Trên sân khấu, các Ngài mang thân phận khác nhau, nhưng sau sân khấu đều là chư Phật Như Lai lỗi lạc. Do vậy, cũng xếp [ngài A Nan] vào hàng đại thánh.

Tiếp đó, trong Tịnh Ảnh Sớ có giải thích: “*A Nan tăng thượng lợi căn, tuy cư học địa, vị đắc Vô Học quả vị*” (A Nan lợi căn tăng thượng, tuy còn ở địa vị Hữu Học, chưa đạt được quả vị Vô Học). Vô Học là A La Hán, đây là Tứ Quả, Tứ Hướng trong Tiểu Thừa, quả vị A La Hán là Vô Học, đã tốt nghiệp. Ngài A Nan mới là Sơ Quả, trong tám tầng cấp, Sơ Quả thuộc loại thứ hai. “*Nhi thành vô thượng thắng diệu công đức, cố viết đại thánh*” (nhưng thành tựu công đức vô thượng thắng diệu, nên gọi là Đại Thánh). Ngài là bậc lợi căn tăng thượng, người Hoa nói là “*nghe một, ngộ cả ngàn*”, trí nhớ và sức lý giải vô cùng mạnh mẽ, không chỉ các vị A La Hán dưới tòa của đức Thế Tôn chẳng bằng Ngài, mà rất nhiều vị Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng bằng, đều kém hơn. Pháp Thân đại sĩ chẳng cần phải nói nữa, Quyền Giáo Bồ Tát đều chẳng bằng Ngài. Vì thế, Ngài cũng được xếp vào đây, gọi là “đại thánh”. “*Ư thần thông trung, liễu giải tất cánh*” (đã hiểu biết trọn vẹn thần thông), phải đặc biệt mở dấu ngoặc ở đây: “*Liễu giải tất cánh*” là liễu giải triệt để, nên gọi là “*dĩ đạt*”. “*Thị cố A Nan diệc đắc danh liệt nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt*” (Do vậy, ngài A Nan cũng

được nêu tên trong số “nhất thiết đại thánh thần thông dĩ đạt”). Vì thế, đây là lời tán thán, ngài A Nan cũng được kể trong ấy. Đây là giới thiệu đơn giản, tán thán đức hạnh [của Thanh Văn chúng].

Tiếp đó, liệt kê năm vị tôn giả, năm vị này đều có tánh chất đại biểu. Ý nghĩa được bao hàm [trong danh hiệu của] mỗi vị đều vô cùng sâu. Sau khi hiểu rõ, mới biết những người được kể tên trong kinh điển nhất định là để biểu thị sự thù thắng của pháp hội ấy. Giống như hội nghị trong thế gian, quý vị thấy những ai tham gia hội nghị bèn hiểu rõ hội nghị ấy có tánh chất gì, họ đang thảo luận vấn đề gì. Xin quý vị hãy nhìn vào những vị ấy, thật sự liễu giải, biết bộ kinh này đại biểu điều gì, bàn luận những gì. Trên thực tế, những vị đệ tử ấy hội nào của đức Thế Tôn cũng tham gia, vì sao khi kết tập phải nhắc đến danh hiệu vị này, mà chẳng nhắc tới vị kia? Biểu thị pháp; dụng ý ở chỗ này. “*Kỳ danh viết, tôn giả Kiều Trần Như*” (Tên các Ngài là: tôn giả Kiều Trần Như), đây là vị thứ nhất. “*Tôn giả*” là văn tự Trung Quốc, tiếng Phạn là A Lê Da (Ārya), A Lê Da dịch sang nghĩa tiếng Hán là: “*Thánh giả, tôn giả, vị trí đức cụ tôn giả, nãi A La Hán chi tôn xưng*” (Thánh Giả, Tôn Giả, tức là bậc trí và đức đầy đủ đáng tôn trọng, cũng là tiếng tôn xưng bậc A La Hán). Hiện thời, ở Trung Quốc cũng có thói quen xưng hô như vậy, tại Trung Quốc Đại Lục rất phổ biến, tôn kính người nào đó thì [thêm từ ngữ] “đáng tôn kính” [vào sau tên người đó], đây chính là “tôn giả”, đây là một cách xưng hô tôn kính nhất. Tại Trung Quốc, rất nhiều từ ngữ được dùng trong đàm thoại vốn phát xuất từ kinh Phật. Vì vậy, trước kia, cụ Triệu Phác Sơ thường nói: “*Nếu người Trung Quốc không dùng đến Phật giáo thì nói năng cũng chẳng được!*” Câu nói ấy rất có lý, quý vị thấy rất nhiều ngôn từ trong đàm thoại toàn bộ đều phát xuất từ kinh Phật. “*Tôn kính*” là chữ phát xuất từ “*tôn giả*” trong kinh Phật. Có đức đáng tôn trọng nên nói là tôn giả, đây là bậc có đạo đức, có địa vị. “*Hội Sớ viết: Tôn vị tôn quý, hữu đức khả quý, cố viết Tôn Giả*” (Sách Hội Sớ giảng: “Tôn là tôn quý, có đức đáng quý, nên gọi là Tôn Giả”), nhằm giải thích hai chữ ấy có nghĩa là người ấy đức hạnh, học vấn, địa vị, công hiến cũng đều có điểm đặc thù, Vì thế, được đại chúng trong xã hội gọi là “tôn giả”, nghĩa là đáng tôn kính.

Tiếp đó, nói về tên của các Ngài: “*Kiều Trần Như Phạn văn toàn danh, tác A Nhã Kiều Trần Như. A Nhã thị danh, Kiêu Trần Như thị tánh*” (Kiêu Trần Như: Tên gọi đầy đủ trong tiếng Phạn là A Nhã Kiều Trần Như (Ājñātakaundinya). A Nhã là tên, Kiêu Trần Như là họ). Họ ấy được dịch ra [tiếng Hán] sẽ là Liễu Bồn Tế, hoặc Tri Bồn Tế. Đơn giản hơn một chút [sẽ dịch] là Dĩ Tri hoặc Vô Tri, có mấy ý nghĩa ấy. Lão cư sĩ rất dụng tâm, nhằm thuận tiện cho chúng ta, cụ đã giải thích chữ Vô Tri: “*Vô Tri chi nghĩa, phi vô sở tri, thị tri Vô chi nghĩa*” (Vô Tri không có nghĩa là chẳng biết gì, mà có nghĩa là biết được cái Không). Đối với ý nghĩa này, chắc kẻ sơ học vẫn chẳng hiểu rõ lắm. Kinh Bát Nhã dạy: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”, Vô Tri là Căn Bản Trí, không gì chẳng biết là Hậu Đắc Trí. Vô Tri là Căn Bản Trí, tức là biết Vô. Ngài là người thứ nhất khai ngộ, chứng A La Hán sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo. Kinh Niết Bàn có nhắc tới câu chuyện vua Ca Lợi cắt chặt thân thể. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, một mực tu hành, người ta

thường gọi Ngài là Nhẫn Nhục tiên nhân. Một hôm, gặp vua Ca Lợi. Ca Lợi (Kalingarāja) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Bạo Ngược, là một ông vua hung bạo, chẳng phải là một ông vua tốt. [Nhẫn Nhục tiên nhân] gặp phải một người như thế, bị nhà vua cắt chặt thân thể. Vua hỏi tiên nhân: “Nhà ngươi sống trong hang núi, tu gì vậy?” Tiên nhân nói: “Tu Nhẫn Nhục”. Được lắm, ta coi thử ngươi có nhẫn nổi hay không? Chặt ngươi một đao, có thể nhẫn hay không? Nhẫn được! Lại chặt một nhát nữa, một mực xử tử lăng trì tiên nhân. Vua Ca Lợi nói: “Thử coi ngươi còn sanh lòng tức giận hay chẳng? Có oán hận hay không?” “Chẳng oán hận”. Cuối cùng, trước khi chết, [tiên nhân] bảo vua Ca Lợi: “Trong tương lai, tôi thành Phật, người tôi sẽ độ đầu tiên là bệ hạ”. Nhẫn Nhục tiên nhân là Thích Ca Mâu Ni Phật, tôn giả Kiều Trần Như là vua Ca Lợi thuở ấy. Nói sao làm vậy, đúng là người thứ nhất được độ là tôn giả. Vì thế, Ngài là đệ tử đầu tiên của đức Thế Tôn, là người thành tựu đầu tiên. Điều này đại biểu điều gì? Đại biểu bộ kinh này là bộ kinh bậc nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật, nương theo bộ kinh này tu hành sẽ là đệ tử bậc nhất của Phật Thích Ca, biểu thị ý nghĩa ấy. Pháp môn này là pháp môn bậc nhất để Thích Ca Mâu Ni Phật phổ độ chúng sanh, nên xếp ngài Kiều Trần Như lên đầu. Các vị thấy rất nhiều kinh điển có nêu tên ngài Kiều Trần Như đầu tiên hay không? Chẳng có! Chỉ có kinh Vô Lượng Thọ kinh xếp tên Ngài vào đây, chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Tri Vô là thật sự liễu giải chư pháp Thật Tướng, đúng như kinh Đại Bát Nhã đã nói: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Đó là Căn Bản Trí. Thật sự hiểu rõ, khẳng định, quý vị nói Ngài còn có gì chẳng thể buông xuống? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống sẽ chứng quả, chứng quả gì? Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thành Phật. Nếu thành Phật mà tập khí còn chưa đoạn hết, Thiên Thai đại sư gọi quả vị Phật ấy là Phần Chứng Túc Phật, chưa phải là viên mãn Phật, mà là Phần Chứng Túc Phật. Xét theo Lý, Phần Chứng Túc Phật và viên mãn Phật có sai biệt do tập khí phiền não chưa đoạn trọn vẹn, nhưng về mặt tướng, mặt Sự, chẳng có sai biệt mảy may. Vì tập khí chẳng phải là Kiến Tư phiền não, chẳng phải là Trần Sa phiền não. Tập khí Kiến Tư và Trần Sa phiền não có tác dụng; tập khí vô minh gọi là khởi tâm động niệm, tập khí vô minh chẳng trở ngại Sự, chẳng hề chướng ngại tự hành, hóa tha, cho nên Ngài có thể hiện thân khắp pháp giới.

Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: A là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô. Quý vị thấy A Di Đà Phật, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác, hoặc dịch là Trí. Danh hiệu này chẳng phải là không thể dịch sang tiếng Hán, nhưng do tôn trọng nên không dịch. Do bao hàm nhiều nghĩa nên không dịch, nó có hai ý nghĩa, nên vẫn phải dịch âm rồi chú giải thêm. “*Nhã chi ngôn Trí*” (Nhã là Trí), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Trí. Hợp [hai chữ A và Nhã] lại là Vô Trí. Vô Trí nghĩa là gì? “*Chứng vô thành trí*”, tức là vô sở hữu trí, thật sự liễu giải hết thấy các pháp vô sở hữu, “*cố danh Vô Trí*” (nên gọi là Vô Trí). “*Vô, thị nhất thiết chư pháp bốn tánh*” (Vô là bốn tánh của hết thấy các pháp), cho nên “*danh vi Bốn Tể*” (gọi là Bốn Tể). Bốn Tể là bốn tánh. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta học bốn tánh đã nhiều năm ngàn ấy,

tuy chưa phải là cảnh giới của chính mình, nhưng nghe đức Phật giảng trong kinh, nghe nhiều lượt, cũng biết một hai điều, có thể nói rõ ràng, minh bạch chuyện này, tuy chưa phải là cảnh giới của chính mình, vì sao? Chưa buông khởi tâm động niệm xuống. Trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật thường giảng: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, kinh Kim Cang dạy: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế*”. Đó là Liễu Bản Tế, Bản Tế là bản tánh, là chân tâm. Kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta về y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, quý vị có thể tham thấu suốt hai câu ấy, tâm sẽ định. Hết thấy các pháp do tâm hiện, do tự tánh hiện, mà cũng do Bản Tế hiện.

Bản Tế, bản tánh, chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, hiện tượng gì cũng đều không có, nhưng nó có thể sanh, có thể hiện. Thuở ấy, Huệ Năng đại sư kiến tánh, đã nói năm câu nhằm hình dung tình trạng kiến tánh, được hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn chứng minh. [Trong đó], câu thứ ba là “*nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”. Câu cuối cùng là “*nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp*”. Gộp hai câu này lại để xem, khi tự tánh chẳng khởi tác dụng, thứ gì cũng đều không có, quý vị chẳng thể nói nó là Không, vì thứ gì nó cũng trọn đủ. Thứ gì cũng trọn đủ, nhưng đều chẳng hiện. Khi nó khởi tác dụng bèn có thể sanh ra vạn pháp. Vì thế, khi nó chẳng hiện, tức là ẩn, khi hiện là hiển lộ. Ẩn và hiển chẳng hai. Khi ẩn, chẳng thể nói nó là Vô, khi hiện tướng, nó có thể sanh ra vạn pháp, chẳng thể nói nó Hữu. Giống như hiện thời chúng ta nhìn vào màn hình TV, quý vị thấy màn hình TV hể vạn trùng băng tần, tướng bèn hiện tiền. Khi tướng hiện tiền, chẳng thể nói nó là Có. Khi tắt máy đi, chẳng còn hiện tướng, chẳng thể nói nó là Không. Chúng ta dùng tỷ dụ này, tỷ dụ này rất thô, dễ liễu giải, tự tánh giống như vậy đó. Vì sao nó có thể hiện? Điều này được kinh Phật giảng rất nhiều, kinh Đại Thừa thường nói: “*Nhất niệm bất giác bèn có vô minh*”, vô minh là gì? Vô minh là A Lại Da. A Lại Da do đâu mà có? Nhất niệm bất giác. Bản Tế là từ trong bản tánh dấy lên A Lại Da, A Lại Da chẳng có lý do gì, quý vị cũng chẳng thể hỏi vì sao một niệm bất giác? Vì sao có A Lại Da? Chính quý vị hãy khéo suy nghĩ, quý vị hỏi câu ấy, phân biệt nổi lên, chấp trước cũng dấy lên, quý vị càng mê sâu hơn. Làm như thế nào mới có thể liễu Bản Tế? Liễu (了) là hiểu rõ. Vì thế, các nhà khoa học chẳng thể sánh bằng các vị đại thánh này. Những vị đại thánh này có thể kiến tánh, khoa học gia chẳng thể kiến tánh. Vì sao? Họ biết hỏi, phát hiện: “*Vì sao có cái này, vì sao có cái kia?*”, thêm vô đó bao nhiêu dấu hỏi. Quý vị thấy từ khởi tâm động niệm biến thành phân biệt, phân biệt do khởi tâm động niệm mà có, chấp trước do phân biệt mà có, càng bị hãm sâu hơn.

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói chuyện này từ ba ngàn năm trước, Ngài giảng cho chúng ta biết tám thức, giảng về tác dụng của mỗi thức. Nói theo cách bây giờ, A Lại Da là ký ức, vì sao chúng ta có thể nhớ được những chuyện đã từng trải qua? Có nhớ được chuyện trong đời quá khứ hay không? Vẫn nhớ! Vì sao biết quý vị nhớ được? Quý vị thấy hiện thời thuật thôi miên ở ngoại quốc có thể làm cho một người trở về khá nhiều đời trong quá khứ. Tôi đọc một báo cáo, nói chung là rất khó có, người [được thôi miên] ấy có thể trở lại hơn

tám mươi đời trong quá khứ, tình hình mỗi đời đều biết rõ ràng. Tám mươi đời là trở lại hơn bốn ngàn năm trước, còn ở trong hang động, chưa có nhà ở, người ấy có thể nói ra tình hình cuộc sống lúc đó. Vì sao người ấy có thể nhớ được? A Lại Da là kho tài liệu, những chuyện chúng ta đã trải qua trong đời đời kiếp kiếp, tài liệu đều được gìn giữ trong đó. Quý vị thấy thôi miên có thể lôi ra các tài liệu. “Tái lai” là công phu định lực bình thường, trong Thiền Định có thể lấy ra toàn bộ những ký ức từ đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. A Lại Da là ký ức, Mạt Na là chấp trước, Ý Thức là phân biệt, năm thức trước chỉ có tác dụng chiếu kiến, chứ không có tác dụng nào khác. Chúng ta mắt thấy, tai nghe, giống như máy chụp ảnh, mắt giống như máy chụp ảnh, thu vào sắc tướng bên ngoài, tác dụng của nó ở chỗ này. Nhãn Thức không phân biệt, cũng chẳng chấp trước. Thức thứ sáu, tức Ý Thức, thấy như thế nào? Thức thứ sáu, tức Ý Thức, chẳng thấy bên ngoài, mà thấy hình ảnh được soi chiếu bởi Nhãn Thức. Thức thứ sáu, tức Ý Thức, duyên theo Tướng Phần của Nhãn Thức. Tướng Phần từ bên ngoài chiếu vào [Ý Thức], [Ý Thức bên] duyên theo Tướng Phần ấy, khởi lên phân biệt nơi Tướng Phần. Thức thứ bảy lại duyên theo Tướng Phần của thức thứ sáu, từ Tướng Phần của thức thứ sáu mà khởi chấp trước, hư vọng! [Thức thứ sáu và thức bảy] chẳng thật sự thấy cảnh giới bên ngoài, cảnh giới bên ngoài chỉ có trong năm căn trước, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, chúng là cảnh giới Hiện Lượng.

Do vậy, thức thứ sáu và thức thứ bảy là đối tượng được duyên (sở duyên) bởi A Lại Da. A Lại Da có cảnh giới Hiện Lượng, thức thứ sáu và thức thứ bảy chẳng có cảnh giới Hiện Lượng, chúng đứng là Tỷ Lượng, đó là hư vọng. Quý vị thấy chúng khởi phân biệt, khởi chấp trước nơi đó, há chẳng phải là giống như chúng ta xem TV, từ hình tướng của TV bèn dấy lên phân biệt, chấp trước, chẳng phải là ở ngay nơi hiện trường (cảnh giới thật sự). Khi nào có thể đạt đến hiện trường? Chuyện A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, quý vị sẽ thấy hiện trường. Khi quý vị chưa chuyển thức thành trí thì quý vị chưa thấy hiện trường, nay chúng ta ngộ đó là hiện trường, sai rồi, chẳng phải vậy! Chẳng phải là hiện trường! Tâm Lý Học của Duy Thức cao lắm, khoa Tâm Lý Học trong đại học hiện thời đem so với Duy Thức sẽ thua kém quá xa. Duy Thức giảng thật vi tế, giảng thật sự có lý. Vì vậy, mỗi ngày chúng ta tạo nghiệp, quý vị nói xem có phải là tạo nghiệp oan uổng lắm không? Chẳng phải là hiện trường! Thật sự thấy hiện trường, sẽ chẳng tạo nghiệp. Hiện trường là cảnh giới gì? Quý vị trông thấy chân tướng, trong kinh Phật nói “*Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không*”. Hết sức khó có, phát hiện của các khoa học gia Lượng Tử hiện thời ngày càng gần với giáo pháp Đại Thừa, họ phát hiện ba tế tướng của A Lại Da. Tám thức, năm mươi một Tâm Sở, tám thức có bốn phần, Tâm Sở cũng có bốn phần: Tự Chứng Phần, Chứng Tự Chứng Phần, Tướng Phần, và Kiến Phần. Đó kiến thức cơ bản thông thường trong Phật pháp Đại, Tiểu Thừa, quý vị chớ nên không biết. Nếu quý vị không biết, sẽ chẳng có phương pháp nào tác quán, chẳng có cách nào tu Chỉ Quán. Phương pháp tu hành Chỉ Quán được kiến lập trên cơ sở này, quý vị phải liễu giải chân tướng sự thật.

Hiện thời, khoa học có thể hiểu rõ cuộc đàm thoại giữa đức Thế Tôn và Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát đáp câu hỏi của đức Phật: *“Tâm hữu sở niệm?”* (tâm có mấy niệm), phàm phu chúng ta dấy lên một niệm, trong tâm dấy lên một niệm thì trong một niệm ấy có bao nhiêu niệm vi tế hiển hiện? Trong niệm ấy có mấy Tướng Phần, có mấy Kiến Phần? Kiến Phần là thức, Tướng Phần là hình trạng, chúng ta gọi nó là vật chất. Do vậy, Tướng Phần là cảnh giới tướng, Kiến Phần là chuyển tướng. Vì sao? Nó có thể chuyển biến, *“duy thức sở biến”* là nói về chuyển tướng, nó có thể biến. Di Lặc Bồ Tát trả lời: *“Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”*. Hiện thời khoa học dùng giây làm đơn vị, tức là đối với thời gian dùng giây làm đơn vị. Trong một giây, chúng ta có thể khảy ngón tay mấy lần? Nói chung, tôi khảy vẫn chưa đủ nhanh, tôi tin là có người khảy nhanh hơn tôi. Tôi có thể khảy bốn lần, tôi tin [người khác] có thể khảy đến năm lần. Chúng ta tính ra, một cái khảy ngón tay là ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, tức là ba trăm hai mươi triệu niệm. Nếu tính một giây có thể khảy năm lần, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu, đơn vị là triệu. Một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm vi tế. Niệm ấy xuất hiện gì? Xuất hiện hiện tượng vật chất, và cũng xuất hiện hiện tượng tinh thần, hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời. Khoa học gia phát hiện, họ nói hiện tượng vật chất là từ Không sanh ra Có, tốc độ quá nhanh, giống như vừa sanh ra bèn tiêu diệt ngay lập tức. Trước mắt, chúng ta thấy hiện tượng vật chất là gì? Là huyền tướng do ý niệm liên tục tích lũy phát sanh. Phát hiện của các nhà Lượng Tử Lực Học hiện đại và lời giảng của Di Lặc Bồ Tát đúng là *“không bàn định mà cùng phù hợp”*. Đức Phật dạy: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”* là nói tới chuyện này, giống như chúng ta vặn đúng một băng tần của TV, trên màn hình bèn hiện tướng, tình trạng là như vậy đó. Quý vị thấy tướng được hiện trên màn hình là do những điểm sáng nhỏ liên kết thành, hợp thành, chẳng thật. Mỗi điểm sáng nhỏ chẳng phải là giống như Di Lặc Bồ Tát đã giảng, trong một giây lóe sáng bao nhiêu lần? Một ngàn sáu trăm triệu lượt, trong một giây [đã là như vậy] thì nó có thật ở chỗ nào? Chúng ta hoa mắt, lầm tưởng là chân thật, vẫn khởi phân biệt, khởi chấp trước trong ấy rồi tạo nghiệp, quý vị nói xem có oan uổng hay không? Nhưng [chúng ta] chẳng biết những vị thánh giả đã thấy rất rõ ràng: *“Bản thể chính là không, trọn chẳng thể được!”* Do vậy, quý vị có thể tán thưởng hiện tượng, nhưng ngàn muôn phần đừng nên chấp trước chúng, chớ khởi ý niệm không chế, chiếm hữu chúng, [nếu không chế, chiếm hữu] quý vị đã hoàn toàn trật lất rồi. Căn bản là không có chuyện này!

Chúng ta phải học theo chư Phật, Bồ Tát, phải biết nhìn những hiện tượng ấy như thế nào? Chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng thể nói là nó có, cũng chẳng thể nói là nó không có, giữ thái độ ấy, quyết định chẳng chấp trước. Dùng tâm thái gì? Dùng tâm thái thuần tịnh thuần thiện để nhìn vũ trụ, vũ trụ hoàn toàn bảo trì hiện tượng bình thường. Nói theo cách bây giờ, sự bình thường ấy là lành mạnh nhất, viên mãn nhất, tốt lành nhất. Người Trung Quốc nói *“chỉ u chí thiện”* (đạt tới tốt lành tốt bậc), thuần tịnh, thuần thiện là *“chỉ u chí thiện”*. Trong tôn giáo gọi *“chỉ u chí thiện”* là thiên đường, Phật môn gọi nó là thế giới Hoa Tạng hay thế giới Cực Lạc. Thật ra, thế giới Hoa Tạng, thế giới Cực Lạc và chúng ta có

gì khác nhau? Thừa quý vị, giống hệt, chẳng có sai biệt một tí nào, nhưng trong sự giới thiệu của đức Thế Tôn, sai biệt rất lớn. Sai biệt do đâu mà có? Sai biệt là do tâm tướng khác nhau, nên sai biệt to lớn. Trong tâm quý vị tướng thiện, thứ gì trong thế giới này cũng đều tốt đẹp. Trong tâm quý vị nghĩ đến tham, sân, si, mạn, nghĩ đến tự tư tự lợi, thị phi, nhân ngã, chẳng có gì trong thế giới này là thiện. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất hay, tướng tùy tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm, ý niệm của quý vị có thể chuyển biến thế giới. Tôi nghĩ dăm ba năm nữa, Lượng Tử Lực Học sẽ phổ biến khắp cả thế giới, sau khi đại chúng đều có thể tiếp nhận, địa cầu là nơi chúng ta cư trú sẽ biến đổi, vì sao? Con người liễu giải, hiểu rõ chân tướng sự thật, chỉ cần ý niệm của chúng ta là thiện, tất cả tai nạn trên địa cầu đều không có, vì nó là cảnh giới, cảnh giới do tâm hiện, thức biến.

Vì sao trước đây hoàn cảnh tốt đẹp như vậy, sau khi khoa học phát triển, bèn có lắm tai nạn dường ấy? Cũng vì trước kia, tâm con người thuần hậu, dục vọng rất thấp. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn cho chúng ta thấy Ngài gần như không có dục vọng, suốt đời sống một cuộc đời đơn giản nhất, ba y, một bát, tối nghỉ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, cả đời lão nhân gia đã làm cho chúng ta thấy. Thứ gì cũng đều không có, thứ gì Ngài cũng chẳng cần, mỗi ngày giảng kinh, giáo học, mang thân phận gì? Thầy, nói theo cách chúng ta, Ngài mang chức nghiệp giáo sư. Ba mươi tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ bèn dạy học, chẳng gián đoạn ngày nào, bảy mươi chín tuổi viên tịch. Vì thế, trong kinh thường nói lão nhân gia cả đời giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Hội giảng kinh giống như hiện thời chúng ta mở khóa học, Ngài tổ chức các khóa học hơn ba trăm lần, thời gian có lúc dài, lúc ngắn, nhỏ thì là mấy người, [giảng] mấy giờ, lớn là mấy năm, thảo luận một chuyên đề lớn. Pháp hội lớn hay nhỏ như vậy rất nhiều, Ngài thị hiện cho chúng ta, chẳng chấp trước mây may, hết sức cởi mở. Có những quốc vương hay đại thần có hoa viên, có biệt thự, thỉnh Ngài đến đó, trụ ở nơi ấy giảng kinh, Ngài cũng nhận lời. Ngài cũng chẳng nhất định cần [phải có nơi chốn u tịch để giảng dạy], ta nhất định phải trụ trên núi, chẳng phải vậy, tùy duyên, vô cùng tùy thuận, hòa đồng. Kinh giảng xong, nơi khác có người mời đi, Ngài bèn đến nơi khác. Sống động, hoạt bát, tự tại lắm, chẳng có mây may trói buộc gì!

Chúng ta phải quan sát sâu xa, liễu giải, học tập những điều ấy. Bởi lẽ, lão nhân gia thật sự tùy duyên tự tại, mây may dục vọng đều chẳng có. Vì sao? Ngài thật sự đạt được vô ngã; vì thế, vô ngã mới là thật sự nhập môn Phật giáo. Quý vị thấy Tu Đà Hoàn đã phá Thân Kiến, chẳng còn nghĩ thân là ta. Phá Biên Kiến, phá Biên Kiến sẽ chẳng thấy đối lập, Biên (邊) là nhị biên (hai bên), tức đối lập. Đối lập mới có mâu thuẫn, mới có xung đột. Do vậy, những điều ấy thấy đều không có. Không có thành kiến, Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến đều thuộc về thành kiến, thành kiến được nói thành hai loại. Đức Phật giảng sâu hơn một chút, một là thành kiến nơi nhân, hai là thành kiến nơi quả, hai thứ. Giới Thủ Kiến là thành kiến nơi nhân. Kiến Thủ Kiến là thành kiến nơi quả. Loại cuối cùng là Tà Kiến, tức cách nhìn sai lầm, nên gọi là Tà Kiến. Những thứ ấy đều buông xuống hết, đều đoạn sạch hết, sẽ chứng quả Tu Đà Hoàn. Trong Đại Thừa, theo kinh Hoa Nghiêm, đó là địa vị Sơ Tín Bồ Tát, chính là thánh

nhân, mới nhập môn! Nhập môn rất khó, sau khi nhập môn sẽ dễ dàng, đúng là thuận buồm xuôi gió, từng bước tiến cao hơn.

Thuở ấy, lúc tôi mới học Phật, người xuất gia tôi được tiếp xúc lần đầu tiên là Chương Gia đại sư, tôi hướng về lão nhân gia thỉnh giáo: “Tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho con, nên con biết trong ấy có đại học vấn, triết học cao cấp, có phương pháp nào khiến cho chúng ta khế nhập rất nhanh hay chẳng?” Chương Gia đại sư bảo: “*Thấy thấu suốt, buông xuống, anh sẽ khế nhập!*” Đúng vậy, Ngài chẳng nói lời giả, ngày đầu tiên đã giải bày toàn bộ. Tôi học nhiều năm như thế mới biết, từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai, dùng công phu gì? Thấy thấu suốt giúp buông xuống, buông xuống giúp thấy thấu suốt. Hai thứ này giúp lẫn nhau thành tựu mãi cho đến địa vị Như Lai. Bắt đầu từ chỗ nào? Trước hết, bắt đầu từ buông xuống, buông tự tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục, lục trần xuống, quý vị bắt đầu từ chỗ ấy. Quý vị chẳng thực hiện từ chỗ ấy, sẽ chẳng có cách nào thấy thấu suốt. Sau khi thấy thấu suốt, nó sẽ giúp quý vị buông xuống sâu hơn, đó là công phu giúp đỡ, thành tựu lẫn nhau. Đây là bí quyết trong Phật pháp, không có gì khác, nói xuyên suốt, chẳng có tí ti hiềm hoi, lạ lùng nào, siêu phàm nhập thánh! Hiện thời, các nhà khoa học Lượng Tử nói hết thấy các pháp đều thuộc về “trong Không sanh ra Có”, sanh rồi bèn diệt, sanh diệt đồng thời, đây là nói chúng ta đã hiểu rõ Bản Tế, nên gọi là Liễu Bản Tế.

“*Kiều Trần Như ư Thế Tôn sơ chuyển pháp luân, độ ngũ tỳ-kheo thời, thủ tiên ngộ đạo*” (lúc đức Thế Tôn chuyển pháp luân lần đầu tiên, độ năm tỳ-kheo, ngài Kiêu Trần Như ngộ đạo đầu tiên). Ngài chứng quả A La Hán, người đầu tiên chứng quả A La Hán chính là Ngài. Trong Pháp Hoa Văn Cú, Pháp Hoa Văn Cú do Trí Giả đại sư soạn, có nói: “*Thị Thích Ca pháp trung đệ nhất đệ tử*” (là đệ tử thứ nhất trong pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật), câu này rất quan trọng. Trong kinh này, nếu đã ghi tên của Ngài, tức là biểu thị pháp: Kinh này là kinh bậc nhất để Phật Thích Ca độ chúng sanh, biểu thị ý nghĩa ấy. “*Tăng Nhất A Hàm Kinh Đệ Tử phẩm trung, Phật xưng vi chi: - Ngã Thanh Văn trung đệ nhất tỳ-kheo, khoan nhân, bác thức, thiện năng khuyến hóa, tương dưỡng thánh chúng, bất thất oai nghi*” (Trong phẩm Đệ Tử của kinh Tăng Nhất A Hàm, đức Phật đã khen ngợi [ngài Kiêu Trần Như]: “Tỳ-kheo bậc nhất trong các Thanh Văn của ta, lòng nhân rộng lớn, kiến thức rộng rãi, khéo khuyên răn, giáo hóa, dẫn dắt bồi dưỡng thánh chúng, oai nghi chẳng thiếu sót”). Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán tôn giả, giống như Khổng lão phu tử tán thán những người thành tựu trong các môn đệ, phu tử thường khen ngợi Nhan Hồi. Điều khó có nhất của Nhan Hồi là “*bất nhị quá*” (chẳng tái phạm lầm lỗi), điều này rất khó thực hiện, thật sự sám hối. [Ngài Kiêu Trần Như] là tỳ-kheo bậc nhất trong các đệ tử Thanh Văn, là người chứng A La Hán đầu tiên. “*Khoan nhân*”: Khoan hồng, độ lượng, nhân từ, bác ái; lại hiểu học. “*Bác thức*” là hiểu học, chúng ta nói là tri thức uyên bác. “*Thiện năng khuyến hóa*”: Ngài giáo học vô cùng thành công. Đệ tử Thích Ca Mâu Ni Phật thuở ấy không có khoa học kỹ thuật hiện đại, đức Phật muốn phổ độ chúng sanh nhất định phải có các đệ tử giúp sức. Những môn đệ hằng ngày đi khát thực đều nhằm giáo hóa chúng sanh. Khi khát thực, nhất định phải thuyết pháp

cho trai chủ, chẳng thể nào xin xong bèn bỏ đi, chẳng có đạo lý ấy. Người ta dùng tài bố thí, bố thí quý vị một bát cơm, người xuất gia báo đền thí chủ bằng pháp bố thí. Nếu người ta hỏi vấn đề gì, nhất định quý vị phải giải đáp giúp người ấy. Lúc chẳng có câu hỏi nào, quý vị phải biết quan sát căn cơ, thuyết pháp cho người tức là “vô vấn tự thuyết” (không hỏi mà tự nói), phải thuyết pháp cho người ấy. Nếu chẳng có gì hết, thì cuối cùng tối thiểu là phải chúc phước cho người ấy, chúng ta nói là “kỳ đảo chúc phước”, phải chúc phước cho thí chủ thì mới có thể tiếp nhận sự cúng dường của người ta. Chẳng nói tức là đã tiếp nhận cúng dường suông, sau đó chẳng có gì hết, không thể được! Vì thế, hãy gặp dịp bèn giáo dục, giáo dục trọn khắp cõi đời.

Lời đức Phật làm cách nào để truyền đến tai quần chúng, khiến cho quần chúng nghe sự giáo hóa của Phật bèn y pháp phụng hành? Kinh thường nói những vị đệ tử ấy là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, kinh này nói có một vạn hai ngàn vị tỳ-kheo, nhiều quá, giống như kinh Pháp Hoa. Vì thế, quý vị hiểu thuở Phật Đà tại thế, Phật giáo là gì? Là giáo dục, giáo dục chính công! Đức Phật chẳng thay đổi, mãi cho đến khi Ngài viên tịch lúc bảy mươi chín tuổi, hoàn toàn là giáo học, chúng ta phải biết điều này. Hiện thời, Phật giáo biến thành tôn giáo, thế hệ chúng ta những kẻ học trò đời sau, là kẻ đại bất hiểu, có sao biến [giáo hóa] của thầy thành tôn giáo và mê tín? Dựa vào điều này, chúng ta đáng đọa địa ngục, lẽ nào chẳng có lỗi đối với thầy? Vì thế, ngày hôm nay, chúng ta có sứ mạng phải thay thầy đảo ngược tình thế, xoay ngược lại cục diện bằng cách nào? Bản thân chúng ta làm gương, chúng ta đi theo phương hướng giáo dục của đức Phật, khiến cho mọi người thấy chúng ta chẳng phải là tôn giáo. Trong tôn giáo có thần, trong Phật giáo chẳng có thần. Chúng tôi tiếp xúc rất nhiều tôn giáo, các tôn giáo đều nói trong vũ trụ chỉ có một chân thần, chúng ta gọi chân thần là bản tánh, chân tâm là tự tánh, vũ trụ do tâm hiện, thức biến. Họ nói chân thần tạo ra vũ trụ, tạo ra vạn vật, [còn Phật giáo bảo vạn vật do] tâm hiện, thức biến, chúng ta nói với họ như vậy, họ có thể tiếp nhận thì rất khó có. Vì thế, tôi hy vọng các tín ngưỡng tôn giáo hãy khéo học tập giáo dục tôn giáo. Dùng tiếng Hán để giải thích hai chữ Tôn Giáo sẽ thấy hay tột bậc. Tiếng ngoại quốc truyền tới Trung Quốc, thuở ấy, người Trung Quốc đúng là có trí huệ, học vấn, đức hạnh, đã dùng hai chữ “*tôn giáo*” (宗教)^{42[10]} để dịch [chữ Religion] rất hay! Phải giảng chữ Tôn như thế nào? Quý vị tra tự điển sẽ thấy nó có ba ý nghĩa: Chủ yếu, trọng yếu, tôn sùng. Giáo là giáo dục, giáo học, giáo hóa. Hợp lại để nhìn, tôn giáo sẽ trở thành gì? Giáo dục chủ yếu, giáo học trọng yếu, giáo hóa đáng tôn sùng. Chúng ta đem những ý nghĩa trong danh từ này để nói rõ với các tôn giáo trên thế giới, chẳng có ai không hoan hỷ.

Kinh chẳng phải để cho quý vị tụng. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, chưa có kinh sách, chúng ta biết kinh có từ lúc nào? Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật vãng sanh, các môn đệ trong quá khứ đã từng nghe thầy giáo huấn, ghi chép lại theo trí nhớ thành văn tự, lưu truyền cho hậu thế, đấy là kinh điển. Kinh điển do vậy mà có! Thuở ấy, thầy dạy học toàn là nói miệng,

^{42[10]} Đúng ra phải đọc là Tông Giáo, nhưng chúng ta quen đọc chữ này thành “tôn giáo”.

ngay cả bản thảo bài giảng cũng không có, đại cương cũng không có. Quý vị nghe hiểu rõ ràng, thông suốt, phải làm theo, phải thực hiện, y giáo phụng hành. Cuối mỗi bài giảng đều là “*y giáo phụng hành*”, hoặc “*tín thọ phụng hành*” (tin nhận vâng làm), thường dùng bốn chữ ấy, tin tưởng thầy chẳng hoài nghi, hoàn toàn tiếp nhận, tiếp nhận là làm theo, đó gọi là học Phật. Chỉ niệm kinh suông, chẳng thể thực hiện những giáo huấn và nghĩa lý trong kinh thì sẽ là mê tín, tôn giáo ấy có ích gì cho xã hội? Tháng trước, vào đầu tháng Sáu, tôi đã theo phái đoàn tôn giáo Mã Lai đến thăm Phạm Đệ Cương (Vatican), gặp gỡ Giáo Hoàng và các giám mục thuộc Tòa Thánh, nghe họ báo cáo. Hồng Y Đào Nhiên (Jean-Louis Tauran) bảo tôi: “Trong thời đại này, người tín ngưỡng tôn giáo mỗi năm một ít hơn”. Họ đã thống kê, người chẳng tin tưởng tôn giáo mỗi năm một đông hơn, họ rất lo ngại. Trong lúc trao đổi, tôi cũng có trình bày, báo cáo, tôi nói vì sao thuở giáo chủ lập giáo có nhiều người tin tưởng dường ấy, có nhiều tín chúng ngàn ấy, học trò đều có thể y giáo phụng hành? Do giáo dục tốt! Quý vị xem nhé: [Tôn giáo] là giáo dục trọng yếu, giáo học chủ yếu, giáo hóa đáng tôn sùng, ai chẳng hoan hỷ? Trải qua các đời mãi cho đến hiện thời, trên cả thế giới, đạo Thiên Chúa có hơn mười ức tín đồ, nếu tính cả đạo Cơ Đốc, họ là một nhà, gộp thành hơn hai mươi ức; đây là tôn giáo lớn nhất trên thế giới. Phỏng đoán Y Tư Lan giáo (Islam) tối thiểu cũng có hơn mười ba ức [tín đồ], Phật giáo ít hơn một chút, khoảng chừng bảy sáu ức. Đó là những tôn giáo lớn trên thế giới, số người của ba tôn giáo gộp lại sẽ chiếm đến hai phần ba số người trên cả thế giới.

Hiện thời, ta thấy có hiện tượng suy yếu, vì sao bị suy yếu? Trước đây, tôn giáo là giáo học, lên lớp. Đặc biệt là Phật giáo, Phật giáo truyền tới Trung Quốc, tự viện, am đường là trường học, chẳng phải là miếu thờ; miếu là nơi cúng tế quỷ thần. Phật giáo gọi là Tự, mọi người hãy hiểu nguồn gốc của Tự là gì? Cơ quan làm việc của chính phủ, trực tiếp cai quản bởi hoàng thượng được gọi là Tự. Tự có địa vị cao nhất trong các cơ quan làm việc của chánh phủ. Lại còn, được vĩnh viễn thiết lập, chẳng thể thay đổi. Nếu quý vị có dịp đến thăm Cố Cung tại Bắc Kinh, sẽ thấy trong Cố Cung có chín Tự, tức chín cơ sở làm việc, treo biển đề bên ngoài [cho biết đó là] cơ cấu trông nom việc gì. [Những cơ quan công quyền] thuộc về Tể Tướng gọi là Bộ. Bộ có thể dẹp đi, hay thay đổi, có thể tăng thêm, tức là lập thêm, mà cũng có thể phế trừ; nhưng Tự thì không thể, Tự được thiết lập vĩnh cửu. Bởi lẽ, Phật giáo truyền đến Trung Quốc được đế vương tôn trọng như vậy, nên gọi cơ cấu ấy là Tự. Vì thế, dưới hoàng đế có mười Tự, cũng viên mãn. Trước kia là chín Tự, thêm vào Phật Tự, trở thành mười Tự, viên mãn. Hoàng thượng dẫn đầu, dân chúng tôn kính hoàng thượng, cho nên giáo dục của Phật giáo phổ cập nhanh hơn Nho và Đạo, khắp mọi nơi trên cả nước đều có, ảnh hưởng rất lớn. Trong Tự luôn luôn là giáo học, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy suốt một đời. Vì thế, những người xuất gia trong chùa chiền có đức hạnh, có học vấn, thật sự dạy! Dạy ai? Quá nửa là người đọc sách; bởi lẽ, trước kia không có trường học, quốc gia chẳng lập trường học, trường học rất ít, những kẻ thích đọc sách đến đâu? Đến chùa miếu. Quý vị thấy Trung Quốc trải các đời, bao nhiêu Trạng Nguyên, Tể Tướng, toàn là học hành trong chùa miếu.

Mọi người đều biết Phạm Trọng Yêm, ông ta là điển hình, học ở đâu? Trong chùa miếu. Chùa miếu bồi dưỡng nhân tài cho quốc gia, học khá rồi bèn đi thi, thi cử để lấy học vị. Trước kia học vị cấp huyện là Tú Tài, ở tỉnh là Cử Nhân, thi ở trung ương gọi là Điện Thí (thi Đình), [thi đậu sẽ có học vị] Tiến Sĩ, giống như Tiến Sĩ, Thạc Sĩ và Học Sĩ hiện thời. Thi lấy công danh, [thuở ấy] gọi là công danh, công danh là học vị. Giành được học vị, chánh phủ bổ nhiệm quý vị phục vụ đất nước, giao phó chức vụ. Do vậy, [nhà chùa] là trường học. [Các cơ cấu] của Nho, Thích, Đạo đều là trường học.

Lần này, tôi tham gia hoạt động của họ vì nghe những tin tức ấy; lúc đó, tôi nói: “Tôn giáo nhất định phải khôi phục giáo dục, thật sự có công hiến đối với xã hội, chẳng còn là mê tín. Làm chuyện hình thức là không được rồi! Chỉ có những nghi thức suông, không có giáo học, chắc chắn sẽ đi vào con đường diệt vong. Người ta không tin quý vị, cầu đảo có ích lợi hay không? Hữu dụng, nhưng người ta nói quý vị chẳng hợp khoa học, là phường mê tín. Nhất định phải là dạy học. Thuở tại thế, Gia Tô dạy ba năm, Ngài bị kẻ khác hại chết. Lúc còn sống, Mục Hãn Mặc Đức dạy hai mươi bảy năm. Thích Ca Mâu Ni dạy bốn mươi chín năm, có vị nào chẳng dạy học? [Các Ngài] đều là những vị thầy vô cùng tốt, thật sự có đức hạnh, có học vấn, chúng ta nhất định phải biết điều này. Đi theo con đường cũ của Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo dục Phật giáo, không có những nghi thức siêu độ như trong nhà chùa hiện thời. Thời đức Phật hoàn toàn không có, ngay cả khóa tụng sáng tối cũng không có, quý vị tự mình tu hành như thế nào là chuyện của quý vị. Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi ngày cùng đại chúng lên lớp, quý vị có nghi vấn có thể nêu ra để thảo luận, trong kinh Phật là một bên hỏi, một bên đáp. Vì thế, muốn duy trì tôn giáo tồn tại, nhất định phải coi trọng giáo học và giáo dục tôn giáo. Hiện thời, do khoa học kỹ thuật phát triển, giao thông thuận tiện, nhanh chóng, địa cầu đã biến thành người một nhà, chẳng thể giống như trong quá khứ, dẫu đến già chết chẳng qua lại với nhau, thời đại ấy đã qua rồi! Vì thế, hiện thời, cần phải nghĩ đến những vị thánh hiền, đại thánh đại hiền đã giáo hóa chúng sanh, nay chúng ta hiểu rõ, phương hướng là một, mục tiêu là một, nhưng phương pháp khác nhau. Do vậy, chúng ta tiếp xúc kinh điển của mỗi tôn giáo, phải chọn lấy những điểm tương đồng, chấp nhận những điểm dị biệt, nhằm phong phú hóa sự giáo học trong hiện tại của chúng ta, giúp chính mình nâng cao cảnh giới nhằm giải quyết vấn đề xã hội, đặc biệt là hóa giải xung đột, xúc tiến xã hội an định, thế giới hòa bình. Tôn giáo như vậy sẽ có công hiến lớn nhất đối với thế giới và nhân loại, ai chẳng ủng hộ quý vị? Ai chẳng tán thán? [Điều ấy] sẽ dẫn đến các sự nghiệp đều có thể cùng tồn tại. Phật giáo theo hình thức tôn giáo cũng có thể tồn tại, chẳng cần phải biến đổi nó. Hiện thời, tại Trung Quốc còn có Phật giáo kiểu du lịch ngoạn cảnh, Phật giáo học thuật đã có từ rất lâu. Các đại học thường dùng kinh điển Phật giáo để giảng dạy, đó là Phật giáo theo kiểu học thuật. Hiện tại, nghe nói còn có Phật giáo theo mô hình xí nghiệp, [những hình thức ấy] đều được, đều có thể cùng tồn tại, nhưng Phật giáo theo kiểu giáo dục là cội rễ, đó là nguyên thủy Phật giáo, trọng yếu hơn bất cứ hình thức Phật giáo nào khác!

Người Trung Quốc coi trọng giáo dục nhất: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (dựng nước, cai trị nhân dân, giáo hóa làm đầu). Trước đây là gia tộc, tức đại gia đình, trong gia đình trọng yếu nhất là giáo dục, tức gia giáo! Tư thực là trường học dành cho con em trong gia đình, [gia đình theo kiểu] đại gia đình. Một gia đình giống như trong Hồng Lâu Mộng đã viết là một gia đình thông thường, nói chung là nhân số trong một gia đình gồm khoảng ba trăm người, rất bình thường. Nhân đình hưng vượng thì sáu bảy trăm người, rất suy cũng có một hai trăm người, đại gia đình! Vì thế, chẳng có giáo dục sẽ không được, nhất định là coi trọng giáo dục, coi trọng quy củ. Đệ Tử Quy là gia quy. Vì lẽ đó, người Trung Quốc nói “*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”. Có thể tề gia, sẽ có thể trị quốc. Quý vị cai quản gia đình tốt đẹp, sẽ có thể chăm lo những chuyện quốc gia, mở rộng ra là được rồi! Hiện thời, chúng ta đáng thương, không có gia tộc. Sau chiến tranh Trung - Nhật, chúng ta bị tổn thất lớn nhất không phải là sanh mạng hay tài sản, mà là truyền thống gia tộc của Trung Quốc bị xóa sạch, chẳng còn. Trước Kháng Chiến thì có, sau Kháng Chiến chẳng tìm thấy nữa. Đó là chuyện khiến chúng tôi đau lòng nhất. Gia tộc của Trung Quốc khiến cho xã hội ổn định bền vững mấy ngàn năm qua; tìm khắp thế giới chẳng thấy [có điều gì khác giống như] sự cống hiến của gia tộc đối với đất nước. Nó phát huy hiệu quả thật to, gia tộc quá tốt đẹp. Bởi lẽ, người yêu mến gia đình, yêu mến quê hương, tự nhiên sẽ ái quốc. Gia tộc không có, quý vị nói đến chuyện hiếu thảo cha mẹ, tôn kính thầy, nói đến chuyện yêu thương người khác sẽ rất khó khăn.

Sáng hôm nay, tôi thức dậy, tôi chẳng đọc báo, mấy chục năm qua, tôi chẳng xem báo, nhưng chúng tôi hiện thời ở chung cư, mở cửa ra, cách vách là một nhà khác, sáng ra là báo được đặt ở cửa nhà họ. Tôi đi qua, liếc qua tờ báo đặt ở cửa, tin thứ nhất là gì? Một đứa trẻ mười lăm tuổi giết mẹ và em gái, còn ra thể thống chi nữa! Mỗi ngày đều thấy chuyện như vậy, trước kia chẳng thể nào như vậy được! Xưa kia, thầy Lý giảng kinh có kể cho chúng tôi nghe một chuyện, dường như là vào đời Thanh, có một huyện thành, nảy ra một đứa con bất hiếu giết cha. Triều đình biết chuyện, đây là chuyện lớn, phải tâu lên triều đình. Huyện trưởng bị cách chức, tri huyện bị cách chức, tri phủ bị ghi [trong hồ sơ là] hai lần phạm lỗi lớn, tuần phủ (là tỉnh trưởng) bị ghi một lần. Ngoài ra còn như thế nào? Trước kia là [mỗi thành thị] có tường thành, tường thành bị phá một góc, triệt một góc thành, xấu hổ, nhục nhã quá! Có sao thành ấy lại nảy nòi một kẻ tồi bại dường ấy! Hiện thời quý vị đọc báo, giết mẹ vẫn chẳng sao! Xưa nay nghe nói có chuyện giết cha, chưa nghe nói giết mẹ! Xã hội hiện thời đến nông nổi này, do nguyên nhân nào? Con người không hiểu luân lý, không biết đạo đức, không biết nhân quả, cả thế giới hiện thời thiếu sót những điều này. Khéo sao tôn giáo đảm nhận ba loại giáo dục ấy, trong kinh điển của bất luận tôn giáo nào cũng đều nhấn mạnh giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả. Trong tôn giáo cao cấp, có giáo dục triết học và giáo dục khoa học. Tôn giáo có thể gánh vác sự nghiệp hoàng dương rực rỡ giáo học, chính mình nghiêm túc học tập, cảm hóa chúng sanh, tôn giáo thật sự có cống hiến đối với xã hội. Xưa kia, những vị giáo chủ sáng lập tôn giáo đã dụng tâm như thế, chúng ta chớ nên không biết!

Đây là nói tôn giả Kiều Trần Như khéo khuyên răn, giáo hóa. Khéo khuyên răn, giáo hóa thì quan trọng nhất là lấy thân làm gương. Chính mình không làm được, bảo người khác làm, người ta chẳng tin tưởng, tự mình phải làm trước. “*Tương dưỡng thánh chúng*”, “*tương*” (將) có nghĩa là dẫn đầu, quý vị thấy Ngài nêu gương, dẫn đầu, xướng suất các đồng học, quả thật là đã thực hiện “*học vi nhân sư, hành vi thế phạm*” (học làm thầy người, hành vi làm khuôn mẫu cho cõi đời). Đoàn thể của Thích Ca Mâu Ni Phật không có tổ chức, quý vị thấy những học trò ưu tú đều là những tấm gương tốt cho các học trò bình phàm, chẳng đánh mất oai nghi. Đây chính là “*oai nghi hữu tắc*” trong Tứ Đức như trong Hoàn Nguyên Quán đã nói.

“*Kim kinh thủ liệt tôn danh*” (nay kinh này kê tên tôn giả đầu tiên), quý vị thấy trong bộ kinh này, nêu tên vị thượng thủ thứ nhất là Ngài. “*Chánh biểu năng văn thọ thử kinh pháp giả, giai thị đệ nhất đệ tử*” (nhằm biểu thị những người có thể nghe nhận kinh pháp này đều là đệ tử thứ nhất của đức Phật). Trong đây có hai tầng ý nghĩa:

1) Thứ nhất là quý vị có thể nghe. Nghe bộ kinh này là ai? Là đệ tử bậc nhất của Thích Ca Như Lai.

2) [Thứ hai là] quý vị có thể tiếp nhận, y giáo phụng hành, sẽ có thân phận giống như ngài Kiều Trần Như, là nhân vật giống hệt như ngài Kiều Trần Như.

“*Bốn kinh Phi Thị Tiểu Thừa phẩm viết*” (phẩm Chẳng Phải Là Tiểu Thừa trong kinh này có đoạn), kinh văn có một đoạn như thế này: “*Đắc văn A Di Đà Phật danh hiệu, năng sanh nhất niệm hỷ ái chi tâm, quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành. Đương tri thử nhân, phi thị Tiểu Thừa. Ư ngã pháp trung, đắc danh đệ nhất đệ tử*” (Được nghe danh hiệu A Di Đà Phật, có thể sanh một tâm vui thích, quy y, chiêm lễ, tu hành đúng như lời dạy. Hãy nên biết người ấy chẳng phải là Tiểu Thừa. Ở trong pháp ta, được gọi là đệ tử bậc nhất). Đây là lấy kinh này để làm chứng, nhằm chứng tỏ những ý nghĩa bao hàm trong việc ngài Kiều Trần Như được nêu danh đầu tiên trong các vị thượng thủ, đây cũng chẳng phải là xếp đặt tùy tiện. Câu kinh văn này quan trọng, quý vị thấy đó: Được nghe danh hiệu A Di Đà Phật, danh hiệu A Di Đà Phật chẳng dễ gì được nghe, nghe xong, nếu có thể hiểu ý nghĩa, thì mới có thể tu hành. Nghe danh hiệu này, chẳng hiểu ý nghĩa, cũng gieo trồng thiện căn, cũng gieo chủng tử trong A Lại Da, nhưng trong đời này, [chúng tử ấy] chẳng dễ gì hiện hành, cũng chẳng dễ gì khởi tác dụng!

Do vậy, chúng ta học Phật phải biết: Nghe kinh quan trọng hơn bất cứ điều gì khác! Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng suốt bốn mươi chín năm, những vị thường tùy đệ tử nghe chẳng thiếu buổi nào, một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị ấy, chẳng thiếu một buổi giảng nào! Đây là kinh nghiệm của bản thân chúng tôi trong một đời này, nhân duyên khiến tôi xuất gia là do tiếp nhận lời khuyến cáo của Chương Gia đại sư, lão nhân gia khuyên tôi xuất gia. Lại còn khuyên tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, tôi nghe lời, thật sự đi theo con đường của Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời học tập, dạy học. Tôi học tập bảy năm, bắt đầu dạy học. Học tập bảy năm rồi xuất gia. Vừa xuất gia bèn dạy trong Phật học viện, cũng nhận lời mời giảng

kinh bên ngoài, bắt đầu dạy học, [đến nay là] năm mươi hai năm! Trong xã hội như vậy, tôi đến rất nhiều nơi trên các quốc gia, chẳng bị lui sụt, không trở thành tệ hại, nhờ vào đâu? Nhờ vào kinh điển, mỗi ngày chẳng rời khỏi kinh điển. Chẳng rời khỏi kinh điển là chẳng rời khỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, mỗi ngày ở cùng một chỗ với Phật, tận hết sức đoạn tuyệt ngoại duyên. Ngoại duyên có sức dụ dỗ, mê hoặc con người lớn nhất. TV, thời chúng tôi chưa có Internet, hiện thời có Internet, radio, TV, nhật báo, tạp chí. Tôi một mực cự tuyệt những phương tiện truyền thông ấy, vài chục năm chẳng tiếp xúc những thứ ấy. Người ta hỏi tôi, tôi cảm thấy thế giới này khá lắm, mỗi ngày đều thái bình, đều chẳng có chuyện gì phát sanh, chẳng nghe, chẳng hỏi tới, mỗi ngày tiếp xúc Thích Ca Mâu Ni Phật, mỗi ngày tiếp xúc chư đại Bồ Tát. Vì thế, tâm yêu thích sự giáo dục của đức Phật ngày một tăng trưởng, pháp hỷ sung mãn, đúng là thường sanh tâm hoan hỷ, thấu hiểu lời cổ nhân đã nói: “*Thế vị chẳng nòng đạm bằng pháp vị*” [nghĩa là] ý vị trong nhân gian thiên thượng lục đạo chẳng thể sánh bằng pháp vị. Nếu quý vị thật sự nếm được, sẽ nảy sanh tâm hoan hỷ. Quy y, chiêm lễ, tu hành đúng như lời dạy, nhất định tuân theo giáo huấn của đức Phật, những khuyết điểm, tập khí, hành vi bất thiện thấy đều uốn nắn, sửa sai. Đây là nói về Tịnh Tông. Hãy nên biết người ấy chẳng phải là Tiểu Thừa, ở trong pháp ta được gọi là đệ tử bậc nhất. Tức là trong pháp Tịnh Độ, chứ chẳng phải pháp môn nào khác. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây. Hãy ghi nhớ ý nghĩa biểu thị pháp của ngài Kiền Trần Như.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 89

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi chín, hàng thứ bảy từ dưới đếm lên, đây cũng là đoạn thứ hai trong trang này:

“*Tôn giả Xá Lợi Phất, Phạn ngữ Xá Lợi, dịch vi Thu Lộ. Phạn ngữ Phất, dịch vi Tử, có viết Thu Tử, nhân mẫu đặc danh*” (“Tôn giả Xá Lợi Phất”: Chữ Xá Lợi trong tiếng Phạn là chim Thu Lộ, Phất (Putra) trong tiếng Phạn được dịch là Tử (con). Do vậy, tên Ngài được dịch là Thu Tử, do mẹ mà có tên ấy). Trước hết, giới thiệu tôn giả Xá Lợi Phất. Trong Phật pháp, ngài Xá Lợi Phất tượng trưng trí huệ bậc nhất, trong các kinh Đại, Tiểu Thừa thường thấy nhắc đến Ngài. [Hai vị đại đệ tử thường được nhắc đến nhiều nhất là] Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên, Đại Mục Kiền Liên tượng trưng thần thông bậc nhất. Trong hết thảy các

kinh do đức Phật đã nói đều có trí huệ, đều có thần thông, “thần thông” là thông đạt, hiểu rõ. Xá Lợi (Śāri) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thu Lộ, là tên một loài chim, người Hoa gọi [loài chim ấy] là Lộ Tư (鷺鷥). Chử Phất (Putra) trong tiếng Phạn dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tử; vì thế, danh hiệu Xá Lợi Phất dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thu Tử, tức là con bà Thu Lộ, “*nhân mẫu đắc danh*” (do mẹ mà có tên ấy). “*Kỳ mẫu thân hình đoan chánh, nhĩn tịnh như Thu Lộ, nữi danh Thu Tử*” (Bà mẹ Ngài thân hình đoan chánh, mắt trong trẻo như mắt chim Thu Lộ, nên Ngài có tên là Thu Tử). Nêu ra nguyên do Ngài mang tên ấy, mẹ Ngài vô cùng xinh đẹp, vô cùng đoan chánh, trang nghiêm, đặc biệt là trông mắt vô cùng trong sáng giống như [mắt] chim Thu Lộ, nên người ta gọi bà là Thu Lộ và con bà được gọi là Thu Tử. “*Vị thị Thu Lộ chi tử. Hựu danh Châu Tử, diệc biểu kỳ mẫu nhĩn tịnh như châu. Hựu danh Thân Tử, biểu mẫu thân đoan chánh*” (Ý nói Ngài là con bà Thu Lộ. Ngài lại còn được gọi là Châu Tử, cũng là ý nói mắt mẹ Ngài trong trẻo như hạt châu. Ngài lại còn được gọi là Thân Tử, biểu thị ý nghĩa thân mẹ Ngài đoan chánh). Tên họ Ngài có liên quan đến mẹ, mẹ Ngài tướng mạo vô cùng đoan trang. “*Xá Lợi Phất tại Phật Thanh Văn đệ tử trung, trí huệ đệ nhất*” (Trong các hàng đệ tử Thanh Văn của đức Phật, ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất).

Tiếp theo đó là một câu chuyện nhỏ, ở đây bèn tiện dịp nhắc tới: “*Tại mẫu thai thời, năng linh mẫu đắc diệu biện, thắng ư nữi cứu Câu Hy La*” (Lúc còn trong thai, Ngài đã khiến cho mẹ nói năng hùng hồn hơn cả ông cậu Câu Hy La), vị này về sau cũng chứng A La Hán. Trong kinh Lăng Nghiêm có kể câu chuyện này. Cậu của Ngài là tôn giả Câu Hy La (Kausthila) biện tài vô ngại, chị của vị này là mẹ ngài Xá Lợi Phất. Mỗi lần biện luận, bà đều cãi thua em trai, người em trai bà ta quả thật rất tài giỏi. Nhưng sau khi bà có mang Xá Lợi Phất, đột nhiên biện tài nâng cao trên một mức độ to lớn; hề cùng Câu Hy La biện luận, Câu Hy La thường thua cuộc! Do vậy, Ngài nghĩ: “Nói chung, đây chẳng phải là biện tài của chị, bà ta mang thai đứa bé này nhất định nó là người hết sức có trí huệ”. Ngài nói với chị như vậy, sau này quả nhiên chẳng sai! Đứa bé ấy đúng là trí huệ bậc nhất.

Quý vị thấy phần kế tiếp nêu lên hành trạng của ngài Xá Lợi Phất. “*Bát tuế đặng tọa*” (tám tuổi lên giảng tòa), lên tòa giảng kinh là một tiểu Sa Di, tiểu Sa Di giảng kinh, A La Hán đều ở bên cạnh nghe. “*Thập lục xuất quốc, nghị luận vô song. Thất nhật chi nội, biến đạt Phật pháp*” (mười sáu tuổi đi các nước, nghị luận chẳng ai sánh bằng. Trong vòng bảy ngày, hiểu trọn Phật pháp). Ở đây, “*biến đạt Phật pháp*” bao hàm ý nghĩa đại triệt đại ngộ. Mười sáu tuổi vẫn còn là một thiếu niên, đã thông đạt trọn khắp Phật pháp. Vì vậy, phàm phu thành Phật đúng là trong một niệm. Tại Trung Quốc, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng thông hiểu trọn khắp Phật pháp lúc hai mươi bốn tuổi, còn ngài Xá Lợi Phất là mười sáu tuổi. Trong kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn cũng bộc lộ thân phận của tôn giả: Ngài là cô Phật tái lai, cùng với Mục Kiền Liên, hai vị ấy đều đã thành Phật, đến thị hiện trong thế gian này, thị hiện làm đệ tử Thanh Văn của Thích Ca Mâu Ni Phật. Đây là các vị Pháp Thân đại sĩ, hoặc chư Phật Như Lai, nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy. Các Ngài là những người đến

giúp đỡ, đúng là “*một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ*”, từ chỗ này chúng ta có thể thấy [điều ấy]. Những bậc giác ngộ trong Phật pháp, họ chẳng có ý niệm ham cao, chuộng xa, chẳng bị ghen ghét chướng ngại. Pháp duyên của Thích Ca Mâu Ni Phật chín muồi, đến xuất hiện trong thế gian này dưới thân phận Phật, Ngài xuất hiện một mình có thể độ nổi chúng sanh hay chăng? Lúc ấy sẽ chẳng thể độ, nhất định phải có rất nhiều người phối hợp với Ngài, đến giúp đỡ, những ai sẽ giúp đỡ? Nhất định là những vị nội hạnh (thông hiểu, lão luyện), chứ những kẻ lơ mơ ngoài rìa sẽ chẳng thể giúp được! Những vị [nội hạnh] ấy tuyệt đại đa số là chư Phật Như Lai, một số ít là Pháp Thân Bồ Tát, Pháp Thân Bồ Tát đều là Địa Thượng Bồ Tát.

Tức là trong bốn mươi một địa vị như kinh Hoa Nghiêm đã nói, các Ngài thuộc tầng lớp cao nhất là Thập Địa Bồ Tát, chẳng phải là Tam Hiền. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng được gọi chung là Tam Hiền, tập khí vô thi vô minh của Tam Hiền Bồ Tát vẫn còn nồng đậm, Thập Địa Bồ Tát rất mỏng, ngày càng gần với quả vị Diệu Giác viên mãn rốt ráo, [các đệ tử Phật] là những vị ấy. Chúng ta hiểu rõ, kinh đã nói tỉ mỉ, Sơ Trụ Bồ Tát thị hiện trong lục đạo, hay trong mười pháp giới, có năng lực thị hiện ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, thị hiện thân Phật trong lục đạo để phổ độ chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thân Phật, Lục Tổ Huệ Năng đại sư thị hiện thân tỳ-kheo, ở đây, tôn giả Xá Lợi Phất cũng thị hiện thân tỳ-kheo. Chúng ta phải biết, phải học tập điều này, phải có tâm rất hoan hỷ, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giúp cho người khác thành tựu những điều tốt đẹp. Người ta làm chuyện tốt đẹp cần có kẻ khác chạy việc vặt, cần có người phục vụ, thấy không có ai [làm những chuyện đó] thì chúng ta phải đến [giúp đỡ]. Còn có những vị thị hiện làm quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ để ngoại hộ, những vị ấy chẳng phải là phàm nhân!

“*Bốn kinh thuyết thử nhất thiết thế gian nan tín chi pháp, duy đại trí giả thì năng thâm tín bất nghi. Có liệt Thượng Thủ, căn thứ Kiều Trần Như*” (Kinh này nói đến pháp hết thấy thế gian khó tin được, chỉ có bậc đại trí mới có thể tin tưởng sâu xa chẳng nghi ngờ. Vì vậy, tên Ngài được kể trong các vị Thượng Thủ, ngay sau ngài Kiều Trần Như). Ngài được xếp vào thứ hai, trong hội này, đức Thế Tôn thuyết pháp gì? Pháp môn này là vô thượng vi diệu pháp trong [hết thấy các pháp] thế gian lẫn xuất thế gian. Vì sao? Có thể làm cho chúng sanh chưa đoạn tập khí phiền não thành Phật trong một đời, đúng là khó tin. Một phẩm tập khí phiền não chưa đoạn, làm sao có thể thành Phật ngay trong thân này? Khó tin thì ai có thể tin? Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát chẳng tin. Vì thế, họ phải đi lòng vòng, lòng vòng là “*thụ xuất*” (thoát khỏi tam giới theo chiều dọc). Con đường này là hoành xuất, tức là thoát ra từ ngay trong lục đạo! Quý vị nghĩ thử xem thoát ra theo chiều dọc khó dường nào? Quý vị phải trải qua Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên, Tứ Thiên, Bát Định. Quý vị còn phải trải qua tứ thánh pháp giới mới có thể thoát ra. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong tứ thánh pháp giới phải đoạn sạch sành sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mới có thể vượt thoát mười pháp giới. Chuyện này cần thời gian bao lâu, thời gian lâu chừng nào? Kinh Phật thường nói là vô lượng kiếp. Trên thực tế, thời gian chẳng phải là một pháp

cổ định, pháp do đức Phật nói là viên dung. Đối với vô lượng kiếp, có thể nói là kẻ kém may mắn sẽ thật sự phải trải vô lượng kiếp. Vô lượng kiếp nên nói như thế nào? Nhân đạo trong lục đạo là chỗ mấu chốt, hãy chuyển biến chỗ đó, sẽ nhất định thành Phật trong nhân đạo. Trong lục đạo, chưa hề nghe nói Phật có thể thị hiện thân Phật để thuyết pháp trong đường nào khác, không có! Lục đạo chúng sanh có cảm, Phật đều ứng, nhưng chẳng thể dùng thân Phật để xuất hiện, chỉ có trong nhân gian, nhân gian là mấu chốt!

Con người tạo tác các thứ nghiệp. Người tạo thiện nghiệp, quả báo là trong ba đường lành, vì sao vào trong ba đường lành? Để tiêu phước báo. Phước chẳng phải là chuyện tốt, người thế gian nghĩ nó là chuyện tốt đẹp, nhưng người tu đạo biết nó chẳng phải là chuyện tốt. Tạo tác hết thảy nghiệp bất thiện thì sao? Vào trong tam ác đạo để tiêu nghiệp bất thiện. Do vậy, quý vị biết nhân gian, cõi trời, lục đạo luân hồi, nói xuyên suốt là chẳng qua để “tiêu nghiệp” mà thôi. Nếu quý vị chẳng tạo nghiệp, lục đạo sẽ chẳng có, quý vị vĩnh viễn thoát lìa lục đạo, thật đấy, chẳng giả tí nào. Chẳng tạo “chấp trước” như kinh Hoa Nghiêm đã nói, tức là chẳng còn chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, đoạn Kiến Tư phiền não, lục đạo bèn chẳng còn. Lục đạo không có, tứ thánh pháp giới sẽ hiện tiền, vẫn là bốn tầng bậc. Thấp nhất là Thanh Văn A La Hán, ở nơi ấy, toàn bộ đều là A La Hán. Lên cao hơn là Bích Chi Phật, lên cao hơn nữa Bồ Tát, lên cao hơn nữa là Phật, Phật ở đây là Phật trong mười pháp giới. Trong Tịnh Độ, tứ thánh pháp giới được gọi là cõi Phương Tiện Hữu Dư, lục đạo được gọi là cõi Phàm Thánh Đồng Cư; vượt thoát mười pháp giới mới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Những cõi ấy do đâu mà có? Toàn là do tâm của chính mình biến hiện, phải nhớ điều này! Bốn cõi, mười pháp giới toàn là do “tâm hiện, thức biến”, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm, thật đấy, chẳng giả đâu! Chính mình biến hiện cho chính mình thụ dụng, ngay cả địa ngục A Tỳ cũng do chính mình biến hiện. Tâm hạnh quý vị bất thiện bèn biến hiện cảnh giới ấy, quý vị đến đó chịu khổ, đấy là tự làm, tự chịu!

Vì thế, hiểu đạo lý này, chúng ta bèn hiểu rõ ý niệm có quan hệ quá lớn, khởi tâm động niệm chớ nên có ác niệm, ác niệm là phiền não. Đừng nên sanh phiền não, sanh phiền não sẽ có quả báo, chẳng phải là sanh xong rồi thôi! Dẫu thân và miệng chúng ta chưa làm, mới dấy lên một niệm, niệm ấy đã kết thành nghiệp, chẳng cần đến thân và miệng. Hễ khởi tâm động niệm, quý vị đã tạo nghiệp. Trong A Lại Da có chủng tử của nghiệp tập ấy, gặp duyên, quả báo sẽ hiện tiền. Do vậy, chẳng đoạn một phẩm phiền não, cơ sao có thể thành Phật? Há có đạo lý ấy? Ngay cả Tu Đà Hoàn mà còn chưa đạt được, làm sao có thể thành Phật cho được? Thật vậy! Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới, chưa đoạn phiền não, chữ “phiền não” [ở đây] nhằm nói tới Kiến Tư phiền não chưa đoạn. Sanh đến thế giới Cực Lạc, dẫu là hạ hạ phẩm vẫn sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, vẫn là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trong lời nguyện thứ mười hai, A Di Đà Phật đã nói như vậy, A Di Đà Phật chẳng nói lời giả! A Duy Việt Trí là Bồ Tát như thế nào? Bồ Tát đã đạt ba món Bất Thoái. Chúng ta biết Vị Bất Thoái, vừa mới chứng đắc Vị Bất Thoái là Tu Đà Hoàn; do vậy, Tu Đà Hoàn là thánh nhân; tuy là vị thánh nhỏ nhoi mới đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc,

chúng Vị Bất Thoái, Vị Bất Thoái là gì? Chẳng lui sụt thành phàm phu, chẳng đọa trong tam ác đạo. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, vị ấy đã được đảm bảo chẳng đọa trong tam đồ, bảy lần sanh tử trong cõi trời hay trong nhân gian, bất luận có Phật xuất hiện trên thế gian hay không, vị ấy đều có thể chứng đắc quả A La Hán, luôn có thể chứng quả. Cũng tức là tuy vị ấy chưa vượt thoát lục đạo luân hồi, Ngài là thánh nhân, chẳng phải là phàm nhân, Vị Bất Thoái mà! Hạnh Bất Thoái là Bồ Tát. Bồ Tát phát Bồ Đề tâm, Hạnh bèn chẳng thoái; chẳng phát Bồ Đề tâm sẽ thoái chuyển. Bồ Đề tâm chẳng dễ phát. Địa vị cao nhất là Niệm Bất Thoái, chúng ta thường nói [Niệm Bất Thoái] là “một mục tiêu, một phương hướng, dũng mãnh tinh tấn”, đây là ai? Pháp Thân Bồ Tát, vượt thoát mười pháp giới.

Từ giáo pháp Đại Thừa, chúng ta thấy chân tướng sự thật ấy, mới hiểu pháp môn này thật sự khó tin. Thật sự khó tin nhưng chúng ta tin, chúng ta tin vào khái niệm ấy có đúng hay không? Lòng tin ấy có tầng cấp, quý vị thấy phàm nhân chúng ta thường nói “mê tín, chánh tín, và chân tín”, tức là ba cấp bậc. Kẻ mê tín đông đảo, thấy kẻ khác tin nên chúng ta cũng tin, trong kinh luận Tịnh Độ rớt cuộc giảng lý luận gì, không biết! Do không biết, nên gọi là mê tín. Quý vị thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch kinh giáo thì gọi là chánh tín. Chánh tín vẫn chưa phải là chân tín. Tuy hiểu minh bạch, rõ ràng, vẫn chưa muốn sanh về, vẫn còn rất lưu luyến thế gian này, đó chẳng phải là chân tín; chẳng thể nói quý vị mê tín, vì quý vị thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch. Khi nào tình chấp của quý vị đối với lục đạo, cõi trời, nhân gian đều buông xuống hết, quý vị sẽ thật sự tin tưởng, chỉ có người chân tín mới có thể thành tựu trong một đời, vì sao? Người ấy chắc chắn vãng sanh. Nếu quý vị hỏi vì sao người ấy có thể chắc chắn vãng sanh? Người ấy chẳng hề có may mắn vướng mắc thế gian này, đạo lý là như thế đó! Không ai chướng ngại quý vị, mà là chính mình chướng ngại chính mình. Vì sao quý vị vẫn tham luyến thế gian này? Nói thật ra, do tập khí đấy! Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc gọi [tập khí] là “tập tánh”, bản tánh vốn thiện, tập tánh bất thiện. Tập tánh là từ vô thi kiếp cho tới nay, đời đời kiếp kiếp dưỡng thành, chẳng phải chỉ trong một đời này, mà là đời đời kiếp kiếp, rất phiền phức. Do vậy, phải có tâm dũng mãnh mới có thể đoạn dứt chuyện ấy, cắt đứt hoàn toàn. Thật sự nhận biết Tây Phương Cực Lạc thế giới, may mắn hoài nghi đều không có, quyết tâm sanh về thế giới Cực Lạc trước để thân cận A Di Đà Phật.

Thân cận để làm gì? Một mục tiêu là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong hội của A Di Đà Phật, tới thế giới Cực Lạc để làm chuyện ấy. Triệt ngộ thì quý vị sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới; nhưng thế giới Cực Lạc rất kỳ diệu, bốn cõi chẳng chướng ngại, bốn cõi dung hội cùng một chỗ, đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn. Thích Ca Thế Tôn cũng có bốn cõi, nhưng bốn cõi của Ngài có chiều không gian khác nhau, Ngài ngự trong cõi Thật Báo. Pháp Thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo biết chúng ta tồn tại, nhưng chúng ta chẳng biết các Ngài ở đâu. Đó là có chướng ngại, không chỉ Lý Sự chướng ngại, mà còn là Sự Sự chướng ngại; nhưng trong cõi Thật Báo bèn hoàn toàn đột phá [những chướng ngại ấy]. Trong cõi Phương Tiện, Lý Sự vô ngại, nhưng Sự Sự có ngại. Tới cõi Thật Báo, hết thấy chướng ngại đều không có! Trong đời này, chúng ta có duyên phận thù thắng

như vậy, cho thấy thiện căn trong đời quá khứ sâu dày. Nếu chẳng phải là thiện căn rất sâu dày, quý vị làm sao có thể gặp gỡ pháp môn này? Người học Phật đông lắm, nhưng mấy kẻ gặp gỡ pháp môn này? Khi gặp gỡ, có nhận biết hay không? Có liễu giải hay chẳng? Nhận biết, liễu giải, thật sự liễu giải, chẳng ai không phát tâm. Phát nhất niệm tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tâm ấy được gọi là Vô Thượng Bồ Đề tâm, trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng như vậy. Ấn Quang đại sư đọc câu ấy, bội phục năm vóc sát đất, [bảo]: “*Chẳng phải là bậc tái lai sẽ chẳng thể thốt lên lời ấy*”. Chúng ta hiểu Bồ Đề tâm, nói theo cách hiện thời, [Bồ Đề tâm] là trọn đủ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, nhất niệm chân tâm hướng tới Tịnh Độ, năm thứ ấy thấy đều trọn đủ. Vì thế, danh tự của ngài [Xá Lợi Phất được ghi] ở đây nhằm nói rõ, chẳng phải là đại trí huệ thì làm sao có thể tin tưởng sâu đậm, chẳng nghi ngờ pháp môn này? “*Danh liệt đệ nhị*” (tên được nêu thứ hai): Đệ nhất đương nhiên quan trọng hơn, trong phần trước chúng ta đã học, vị thứ nhất là tôn giả Kiều Trần Như. Tôn giả Kiều Trần Như tượng trưng cho đệ tử bậc nhất của đức Thế Tôn. Tại Lộc Dã Uyển, Thích Ca Mâu Ni Phật vừa mới thuyết pháp, tại Lộc Dã Uyển độ năm tỳ-kheo, Ngài là người đầu tiên chứng A La Hán, nói rõ pháp môn này là pháp thành Phật bậc nhất, chẳng phải là chứng A La Hán, mà là thành Phật bậc nhất. Vì thế, tên của Ngài được xếp vào bậc nhất.

Chúng ta lại xem vị thứ ba, “*tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tức A Di Đà kinh trung Ma Ha Mục Kiền Liên*” (tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tức Ma Ha Mục Kiền Liên trong kinh A Di Đà), Ma Ha là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đại. Ma Ha có nghĩa là lớn, “*Mục Kiền Liên thị tánh, dịch vi*” (Mục Kiền Liên là họ, dịch là), Mục Kiền Liên là tiếng Phạn, dịch sang chữ Hán có nghĩa là Tán Tụng, thông thường rất ít nhắc đến ý nghĩa này, mà nói là “*Thái Thục, Lai Bặc Căn đẳng*” (Thái Thục, Lai Bặc Căn v.v...), đây mới là ý nghĩa gốc trong tiếng Phạn, nêu ra nguyên do danh xưng của dòng họ Ngài. Thục (菽) thuộc loại đậu⁴³, chúng ta thường gọi Lai Bặc (菜菔) là La Bặc (蘿蔔: củ cải). Chúng ta biết dòng họ của Ngài là nông dân. Nhìn từ ý nghĩa này, nay chúng ta nói họ là “thái nông”, tức nông dân trồng rau. “*Kỳ tộc xuất gia nhân đa, cố ư tôn giả tánh thị quán dĩ Đại tự, viết Đại Thái Thục (Đại Mục Kiền Liên) dĩ giản biệt chi*” (dòng họ ấy có nhiều người xuất gia, nên trước tên họ của tôn giả, thêm chữ Đại, thành Đại Thái Thục (Đại Mục Kiền Liên) để phân biệt). Thời cổ, nông dân rất khổ cực, cũng chẳng thể rất giàu có, người Trung Quốc bảo “nhờ trời kiếm miếng ăn”, chắc chắn họ là người thật thà, thuần phác. Người đến thế gian này, xuất hiện trong thế gian này để theo đuổi công việc ấy, suốt đời làm việc, ít tạo bất thiện nghiệp, thiện nghiệp tích lũy dần dần. Thiện nghiệp là gì? Những nhà nông ấy trồng trọt, thâm hoạch mùa màng, nuôi sống hết thầy đại chúng trong xã hội, âm thầm cày cấy. Con người có tập khí này, động vật cũng có tập khí này. Họ chỉ mong mùa màng sung túc, hằng ngày đều nghĩ tới chuyện ấy. Vì thế, đối với nghề nghiệp này, có thể là cả mấy đời đều làm nghề ấy, chẳng

⁴³ Thục là tên gọi chung các loại đậu.

nghe đời, mà cũng có thể là hoàn cảnh khách quan cũng không cho phép. Do đức Phật nói “*hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, chúng ta có thể lý giải: [Dòng họ ấy] có nhiều người xuất gia, chắc chắn là xuất gia tu hành thành tựu thù thắng, mọi người thấy vậy nhất định rất hâm mộ, có mấy vị thành tựu sẽ khơi gợi rất nhiều người học tập theo. Vì thế, trong danh xưng của tôn giả, phải thêm chữ Đại vào trước chữ Mục Kiền Liên để phân biệt, gọi “*Đại Mục Kiền Liên*” là tôn xưng Ngài.

“*Kỳ danh vi Câu Luật Đà, phụ vi Tướng Quốc*” (Tên Ngài là Câu Luật Đà (Kolita), cha làm Tướng Quốc), chúng ta biết thuở ấy Trung Quốc chưa thống nhất, đời Châu có tám trăm chư hầu, đều là những bộ lạc nhỏ. Ấn Độ cũng giống như thế. Cha của Thích Ca Mâu Ni Phật là quốc vương, tức quốc vương nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatsu). Nước này hiện thời thuộc địa bàn nước Ni Bạt Nhĩ (Nepal), dấu tích xưa hầy còn. Đến Ấn Độ triều thánh, rất nhiều người nhất định đến thăm nơi Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh. Nước ấy không lớn, nói chung còn nhỏ hơn một huyện hiện thời. Một hương, một trấn của chúng ta hiện thời vào thuở ấy là một tiểu quốc. Cha của ngài Đại Mục Kiền Liên làm Tướng Quốc, cũng là trợ thủ của quốc vương, có thân phận giống như Tổng Lý (Thủ Tướng) hiện thời. “*Tùng Câu Luật Đà thụ thân kỳ cầu đắc tử, nhân dĩ danh chi*” (do cầu khẩn thần cây Câu Luật Đà mà có con; vì thế, đặt tên như vậy). Cha Ngài cầu con từ thần cây, kết quả sanh được một con trai, nên dùng chữ Câu Luật Đà để đặt tên. “*Ư Phật đệ tử, thần thông đệ nhất*” (thần thông bậc nhất trong các vị đệ tử đức Phật), trong các vị đệ tử đức Phật, Ngài có thần thông đệ nhất. Các đệ tử đức Phật có thần thông [nhưng không bộc lộ], riêng Ngài thường thể hiện thần thông; nhưng trong kinh giáo, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta chẳng được dùng thần thông để làm Phật sự. Vì sao? Nếu dùng thần thông để làm Phật sự, sẽ có kẻ giả mạo Phật, Bồ Tát, sẽ có chuyện ấy phát sanh. Yêu ma, quỷ quái đều có thần thông. Đức Phật dùng giảng kinh, giáo học, bọn chúng sẽ chẳng có cách nào. Đức Phật dùng giới luật, giảng kinh, giáo học, dùng các phương pháp ấy để giáo hóa chúng sanh, đây là chánh pháp tồn tại trong thế gian, tà môn, ngoại đạo chẳng thể làm được.

Trong Trí Độ Luận có mấy câu như thế này: “*Như Xá Lợi Phất trí huệ trung đệ nhất, Mục Kiền Liên thần túc đệ nhất*” (như Xá Lợi Phất là trí huệ bậc nhất, Mục Kiền Liên thần túc bậc nhất). Người Trung Quốc thường gọi Thần Túc là “*thông linh*”, thuộc loại cảm ứng. Trong sáu thứ thần thông, Thần Túc Thông cao nhất, có thể phi hành, biến hóa. Người Hoa đọc Tây Du Ký, thấy Tôn Ngộ Không thị hiện thần thông, bất quá thần thông rất bé. Quý vị thấy sách viết hẳn chỉ có bảy mươi hai phép biến hóa. Đứng ra, bảy mươi hai chẳng phải là con số. Nếu là con số, năng lực của hẳn vô cùng hữu hạn. Nếu nói theo ý nghĩa biểu thị pháp, sẽ nói thông suốt, thần thông rộng lớn, đúng là tự tại vô ngại. Trong các đệ tử đức Phật, Mục Kiền Liên có năng lực ấy. “*Hựu Xá Lợi Phất thị Phật hữu diện đệ tử, Mục Kiền Liên thị Phật tả diện đệ tử*” (Lại nữa, Xá Lợi Phất là đệ tử bên phải Phật, Mục Kiền Liên là đệ tử bên trái Phật). Bên phải là trí huệ, bên trái là thần thông, trí huệ và thần thông hợp lại bền viên mãn, năng lực giáo hóa chúng sanh đúng là tự tại vô ngại. “*Tôn giả thần thông thậm quảng, lệ như*

cử nhất thành Thích chủng, thượng thặng Phạm thiên” (Tôn giả thần thông rất rộng, chẳng hạn như đem toàn bộ người họ Thích trong một thành bay lên trời Phạm thiên). Chuyện này là do Lưu Ly Vương (Virūdhaka) diệt dòng họ Thích Ca⁴⁴, đương nhiên đức Thế Tôn cũng rất đau buồn, nhưng không có hành động gì, vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật biết đây là nhân quả, quá khứ tạo tác cái nhân bất thiện, đời này nhất định phải chịu quả báo ấy, không thể tránh được. Ngài Mục Kiền Liên không biết cái nhân ấy [thì cái nhân ấy] nhất định là đã rất lâu, vì như thường nói “A La Hán có thể biết năm trăm đời quá khứ, và năm trăm đời vị lai”. Chuyện này chắc chắn phải lâu hơn năm trăm đời, nên sức thần thông của A La Hán chẳng thấu đạt. Đức Phật biết, hiểu rất rõ ràng, khuyên dạy người trong họ hãy tránh né. Do lẽ đó, khi ấy, ngài Mục Kiền Liên bèn cứu năm trăm người, đặt trong bát, đem bát ấy lên cõi Đại Phạm Thiên. Đại Phạm Thiên là Sơ Thiên, đặt ở nơi ấy để lánh nạn, chờ cho chuyện ấy qua đi. Còn dòng họ Thích Ca thì sao? Nghe lời Thích Ca Mâu Ni Phật, một nhóm bỏ trốn. Nhóm này trốn sang Tây Tạng vì Nepal ở phía Nam núi Himalayas, vượt sang bên kia núi là Tây Tạng. Sau khi họ trốn tới Tây Tạng, từ đây chẳng còn trở lại nữa. Vì thế, dòng họ Thích Ca còn có một chi họ hiện đang sống ở vùng Hậu Tạng⁴⁵. Năm xưa, Chương Gia đại sư kể cho tôi biết chuyện này. Ngài Mục Kiền Liên cứu những người ấy, đưa lên Đại Phạm Thiên.

44²¹ Tỳ Lưu Ly (còn phiên âm là Duy Lô Lặc) là con trai thứ của vua Ba Tư Nặc (Prasenajit), em trai thái tử Kỳ Đà (Jetakumāra), và là vua nước Câu Tát La (Kosala). Sau khi vua A Xà Thế (Ajatasatru) hại chết cha là Tần Bà Sa La (Bimbisara), bèn tấn công Câu Tát La, chiếm vùng Kashi. Tỳ Lưu Ly thừa dịp hạ bệ Ba Tư Nặc, khiến cha phải chết trên đường lưu đày, trở thành vua nước Câu Tát La rồi tấn công Ca Tỳ La Vệ, sát nhập nước này vào Câu Tát La. Cuối cùng, nước Câu Tát La cũng bị A Xà Thế sát nhập vào nước Ma Kiệt Đà (Magadha). Theo kinh Tăng Nhất A Hàm, Tứ Phần Luật, Nghĩa Túc Kinh và Duy Lô Lặc Vương Kinh, nguyên nhân gần khiến Tỳ Lưu Ly tàn sát dòng họ Thích Ca là do vua Ba Tư Nặc muốn cưới một công chúa dòng họ Thích Ca để tăng thêm thanh thế. Vợ của ngài Ma Ha Nam (trưởng tộc dòng Thích Ca khi ấy) chê dòng dõi Ba Tư Nặc chẳng xứng với dòng họ thánh nhân của mình bèn đem một tỳ nữ (tức cô Nāgamundā) giả danh là công chúa của dòng họ Thích Ca gả cho Ba Tư Nặc, cô này trở thành phu nhân Vāsavakhattiyā. Lúc Tỳ Lưu Ly lên tám tuổi, vua cha bảo về quê ngoại thăm viếng họ hàng, đồng thời xin học bắn cung với ngài Ma Ha Nam (nổi tiếng thiện xạ thuở ấy). Lúc đó, họ Thích vừa kiến tạo một giảng đường mới, muốn thỉnh Phật đến cúng dường. Khi ấy, Tỳ Lưu Ly và năm trăm đồng tử vào giảng đường chơi, lên tòa sư tử ngồi. Hoàng tộc Thích Ca trông thấy, chửi bới “ngươi là đồ tiện dân, con của mẹ đầy tớ”, tổng cổ Tỳ Lưu Ly ra ngoài. Hoàng tử ôm hận, thề quyết chí báo thù. Sau khi hạ được thành, Tỳ Lưu Ly giết đến chín ngàn chín trăm chín mươi vạn người họ Thích, máu chảy thành sông. Vua tuyển năm trăm mỹ nữ họ Thích làm thiếp, nhưng họ khảng khái chống cự, nên vua tức giận, sai chặt chân tay, khoét mắt, quăng xuống hầm sâu. Nghe thảm trạng ấy, đức Phật bèn dẫn các tỳ-kheo đến thành Ca Tỳ La, thuyết pháp cho năm trăm Thích nữ, khiến họ đắc pháp nhãn tịnh, sanh thiên (chuyện này cũng được chép trong kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân). Sau khi quay về Xá Vệ, vua sát hại anh là Kỳ Đà để trừ hậu họa. Đến ngày thứ bảy, vua dẫn quân đội và các cung nữ cắm trại vui chơi bên sông A Chi Hà, do sát nghiệp đã giết quá nhiều người, trong số đó có cả những vị tu hành chân chánh, nên nửa đêm cuồng phong bạo vũ, nước sông dâng lên nhấn chìm toàn bộ đại quân và nhà vua.

Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Ngài: “Ông hãy đi xem coi người trong bát hiện thời như thế nào?” Ngài lên xem, hoàn toàn hóa thành máu loãng, không ai còn sống. Đức Phật dạy: “Định nghiệp! Phật cũng chẳng có năng lực xoay chuyển!”

Những sự thị hiện này cũng nhằm bảo chúng ta: Chúng ta là người thật sự học Phật, sống trong thế gian này, từng ly, từng tý, bất luận thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, thấy đều là chư Phật Như Lai đang thị hiện, hay năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, [cách nghĩ như vậy] quyết định là chính xác. Thị hiện điều gì vậy? Quý vị giết người khác, chắc chắn người ta sẽ giết quý vị, oán hận chẳng giải trừ, đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo chẳng xong. Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên người trong họ nhất định đừng chống lại [Tỳ Lưu Ly], chớ nên có oán hận, món nợ ấy đến đây kết liễu, sau này chẳng còn đối địch nữa. Điều ấy chắc chắn là chính xác. Mấy ai có trí huệ như vậy, thấy địch thủ đến xâm phạm mà chẳng chống cự? Chỉ có Phật pháp biết. Chiến tranh ắt phải có nhân, có cuộc chiến tranh nào chẳng do cái nhân trước đó gây ra hay chẳng? Không thể nào có chuyện ấy! Chúng ta biết quá khứ đã tạo tác tội nghiệp, những người bị sát hại trong chiến tranh, nếu chẳng giết người, mà bị kẻ khác giết, sẽ sanh lên trời, chẳng đọa tam đồ; kẻ sát nhân có tội, trong tương lai đọa tam đồ. Quý vị thấy kẻ ấy đọa tam đồ, đưa quý vị sanh lên trời. Đức Phật thấy rõ ràng chuyện này, A La Hán, Bồ Tát thấy rõ ràng: Trốn chẳng được, giết người phải đền mạng, thiếu nợ phải trả tiền, trốn chẳng được! Thiếu nợ bèn hoan hỷ trả nợ. Cách trả nợ cũng khác nhau. Có lúc quý vị cho kẻ khác mượn tiền, hẳn chẳng trả lại, có thể là gì? Kiếp trước quý vị đã vay tiền hắn, sau khi mượn, quý vị chẳng trả, nên kẻ ấy cũng lấy lại bằng cùng một cách. Vậy thì sao? Hoan hỷ, chớ nên ghim chuyện này trong lòng nữa, coi như thiếu nợ hắn, đưa cho hắn. Nếu chẳng phải là thiếu nợ hắn, đời sau hắn phải trả lại quý vị. Chúng ta có muốn [như vậy] hay là không? Chớ nên! Vì sao? Nếu muốn, quý vị vẫn phải luân hồi. Quý vị chẳng luân hồi, hai bên chẳng gặp nhau, không thể tháo gỡ được! Quý vị có chịu luân hồi nữa hay không? Nếu chẳng muốn luân hồi nữa, nay ta sang thế giới Cực Lạc làm Phật, hãy một nét bút sổ toẹt. Thiếu hắn, bèn trả cho hắn; chẳng thiếu hắn thì chẳng cần đến nữa! Tặng cho hắn, như vậy là xong! Điều gì cũng chẳng cần so đo, buông xuống vạn duyên, chúng ta mới tới thế giới Cực Lạc được. Chỉ cần có một chuyện, có mảy may vướng mắc sẽ chẳng xong. Vì thế, nay chúng ta sống trên thế gian này, bất luận kẻ nào đối xử với ta ra sao, chúng ta đều phải tiếp nhận, chớ nên có chút ý kiến nào, sao cũng được, chuyện gì cũng đều gặt đầu. Đó là gì? Đó là đại đạo để chúng ta về Tây Phương thành Phật. Nếu chuyện tí tẹo mà vẫn so đo thì mỗi ngày mười vạn câu Phật hiệu vẫn chẳng đáng trông cậy, tới lúc đó, quý vị không đi được! Một niệm cuối cùng vẫn so đo cùng kẻ khác, còn làm sao được nữa? Chúng ta nói học Phật có tiến bộ, tiến bộ là gì? Hết thấy đều chẳng so đo, điều gì thấy cũng chấp nhận được,

45^[1] Hậu Tạng (Yü-Zang, hoặc Ü-Tsang, còn gọi là Vệ Tạng), bao gồm miền Tây và trung ương Tây Tạng hiện thời, bao gồm lưu vực sông Tsangpo, các quận phía Tây núi Kailash, và phần lớn đồng bằng Chang Tang. Thật ra vùng này gồm hai vùng là Ü và Tsang, thủ đô Lhasa nằm trong vùng Tsang.

điều gì cũng đều tốt đẹp, đó là tiến bộ. Đây là một ví dụ [về thần thông của ngài Mục Kiền Liên].

Tiếp đó, lại nói đến ví dụ thứ hai: “*Ngoại đạo di sơn, chế chi bất động*” (ngoại đạo dời núi, ngăn trở chẳng cho lay động). Có thể dời núi hay không? Có thể dời núi, lấp biển. Hiện thời dùng máy móc, xưa kia, thật sự có thể dùng pháp thuật để thực hiện. Hiện tại, các nhà Lượng Tử Lực bảo chúng ta: Nếu ý niệm của con người có thể thật sự tập trung tại một chỗ, sức mạnh của nó sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Nói theo lý luận là “*cảnh chuyển theo tâm*”. Vì thế, trên địa cầu có tai nạn, chúng ta là những kẻ sống trên đó, sức một người chẳng đủ, nhưng ý thức của tập thể sẽ có sức mạnh to lớn. Bao nhiêu người? Có thể là mấy chục người, hoặc một trăm người, sức mạnh ấy vô cùng đáng kể. Chúng ta thấy một thí dụ thực tế từ tiền sĩ Giang Bôn Thắng của Nhật Bản. Hồ Tỳ Bà (Biwa Ko)⁴⁶^[41] là một eo biển, trong khoảng hơn hai mươi năm, eo biển ấy rất bẩn thỉu, mùi vị rất khó ngửi. Ông ta tìm hơn một trăm người, dùng phương pháp kỳ đảo. Kỳ đảo là tập trung ý niệm, tìm một vị lão hòa thượng cầm đầu mọi người. Văn kỳ đảo rất đơn giản: “Nước hồ trong sạch, ta yêu mến người”. Quý vị thấy một câu nói đơn giản dường ấy, khiến cho mọi người thấy đều buông xuống ý niệm, trong tâm tưởng ý niệm ấy, miệng đọc câu ấy, nước hồ trong sạch. Hơn một trăm người: “Nước hồ trong sạch, ta yêu mến người”, đọc câu này tiếp nối câu kia, tập trung ý niệm suốt một giờ, làm suốt một giờ. Quả nhiên ba ngày sau, nước eo biển ấy thật sự sạch sẽ, chẳng còn mùi hôi. Truyền thông và TV Nhật Bản đều đăng tin. Giữ được nửa năm lại trở lại tình trạng cũ, lại do bẩn. Tôi bảo ông ta: “Tốt nhất là cứ hai tháng quý vị tới đó cầu nguyện một lần, eo biển ấy nói chung sẽ có thể suốt năm chẳng do bẩn, chẳng có mùi hôi”. Vì thế, cầu đảo hữu dụng! Những kinh sám Phật sự trong Phật môn chúng ta, kể cả Tam Thời Hệ Niệm do chúng tôi đề xướng đều thuộc loại này, nhưng loại này trị đằng ngọn, chứ chẳng trị tận gốc. Trị tận gốc là phải chuyển biến ý niệm của chúng ta, đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện; đấy là trị tận gốc. Trị tận gốc mới có năng lượng hóa giải nhiều tai nạn trên địa cầu. Trị tận gốc đòi hỏi giáo dục; giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo sẽ có thể làm được. Ngài Mục Kiền Liên có thể dùng pháp thuật để chế ngự, khiến núi ấy bất động, ngoại đạo dời núi nhưng chẳng dời được, vì ngài Mục Kiền Liên đã giần xuống.

Tiếp đó, nói: “*Cập hàng phục độc long đẵng đẵng, nan dĩ cụ thuật*” (và những chuyện như hàng phục rồng độc v.v... khó thể thuật trọn). Sự tích thần thông của Ngài rất nhiều. Miệng rồng nhả hơi độc tổn hại con người, Ngài có năng lực bắt nó hàng phục. Đây là nêu ra rất nhiều ví dụ về thần thông. Vì sao đức Phật cần có đệ tử như vậy? Trong khi hướng dẫn, giáo hóa chúng sanh, có những lúc cần phải dùng đến. Bản thân đức Phật chẳng hiện thần thông, thần thông của đức Phật to hơn Mục Kiền Liên, nhưng chẳng hiện, mà để ngài Mục Kiền

⁴⁶^[41] Hồ Biwa nằm ở phía Đông Bắc thành phố Kyoto (Kinh Đô) rất to, có diện tích đến 670 km², đổ ra vịnh Osaka bằng sông Seto. Người Nhật tin hồ này là trụ xứ của Đại Biện Thiên trên mặt đất vì hồ có tên là Tỳ Bà vốn là một nhạc cụ yêu thích của Đại Biện Thiên (Sarasvatī).

Liên thị hiện; khiến cho hết thầy đại chúng, từ bản thân của đệ tử Phật, sẽ liễu giải chính mình sẵn có năng lượng chẳng hạn chế. Đó là bản năng trong tự tánh, là Tánh Đức của tự tánh.

Lại xem vị thứ ba: *“Tôn giả Ca Diếp, Ca Diếp tánh dã, thử dịch vi Quy hoặc Âm Quang, danh Tất Ba La, diệc thụ danh”* (Tôn giả Ca Diếp: Ca Diếp (Kāśyapa) là họ, Hán dịch là Quy, hoặc Âm Quang. Ngài tên Tất Ba La (Pippali), cũng là tên một loài cây), cũng là tên một loài cây. *“Nhân phụ mẫu đảo u cai thụ thần nhi sanh, cố dụng dĩ vi danh”* (Do cha mẹ cầu đảo nơi thần cây ấy sanh ra Ngài, nên lấy tên cây để đặt tên). Vị này đại diện cho người truyền pháp của Tông Môn. Phật pháp phân chia tổng quát thì có hai chi phái: Một là Tông Môn, hai là Giáo Hạ. Ngài Ca Diếp truyền Thiên Tông, ngài A Nan truyền Giáo Hạ. Bốn mươi chín năm giáo học dùng hai phương pháp ấy. Đức Phật dạy kẻ thượng thượng căn học Thiên, còn đối với kẻ trung hạ căn, đức Phật dạy họ học Giáo; thử ấy, có hai loại căn tánh như thế. Nay chúng ta gọi người thượng thượng căn là “học trò thiên tài”, ngộ tánh đặc biệt cao, thật sự là “nghe một, ngộ cả ngàn”. Loại học trò này rất dễ dạy, giống như ngài Đại Ca Diếp là “nghe một, ngộ cả ngàn”. Ba căn thượng, trung, hạ giống như chúng ta đi học trong nhà trường hiện thời, từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học tiến dần theo thứ tự. Quý vị thấy đức Phật suốt đời giảng kinh, lúc đại triệt đại ngộ, giảng bộ kinh đầu tiên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, giảng kinh ấy trong Định. Người thế gian chúng ta không thấy, người thế gian thấy Thích Ca Mâu Ni Phật ở dưới cội Tất Bát La (Pippala Vrksa), tức là loại cây hiện thời gọi là cây Bồ Đề, Ngài nhập Định dưới cội cây. Kinh chép là mười bốn ngày, cũng có kinh nói là hai mươi một ngày, đức Phật nhập Định dưới cội cây. Ai biết Ngài đang giảng kinh Hoa Nghiêm tại đó? Vì vậy, hiện thời Nam Truyền Tiểu Thừa chẳng thừa nhận có Đại Thừa, họ bảo Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói. Họ thừa nhận Đại Thừa Phật pháp do ai tạo? Long Thọ Bồ Tát, [Tiểu Thừa cho rằng] kinh Hoa Nghiêm do Long Thọ Bồ Tát giảng, chẳng phải do đức Phật nói.

Sau khi đức Phật diệt độ sáu trăm năm, tại Ấn Độ xuất hiện ngài Long Thọ. Trong kinh, đức Phật có tiên đoán, có bài kệ tiên đoán đến lúc ấy sẽ xuất hiện ngài Long Thọ là Sơ Địa Bồ Tát. Ngài quả thật thông minh, trong ba tháng thông đạt hết thầy các pháp, đối với các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, Ngài học xong trong ba tháng. Thế là tâm ngạo mạn dấy lên, cảm thấy trọn khắp Ấn Độ, hiện thời nói là “cả thế giới”, chẳng ai có thể hơn nổi chính mình. Do vậy, Đại Long Bồ Tát, Đại Long là Đẳng Giác Bồ Tát, dẫn ngài Long Thọ vào trong cung rồng. Đến cung rồng, thấy Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật lúc mới thành đạo đã giảng trong Định suốt mười bốn ngày. Phân lượng bao nhiêu? *“Mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm!”* Ngài vừa nhìn bèn choáng váng, tập khí ngạo mạn ngay lập tức chẳng còn nữa, những thứ Ngài đã học quá ít. Vì sao? Trong Định, thời gian và không gian đều chẳng có. Vì thế, một niệm có thể triển khai thành vô lượng kiếp, vô lượng kiếp có thể rút gọn thành một niệm. Long Thọ Bồ Tát đến nhìn, lại xem đến Trung Bản Hoa Nghiêm,

nhân gian vẫn chưa thể tiếp nhận, phân lượng quá lớn. Lại xem tới Hạ Bồn, Trung Bồn giống như bản tinh hoa, Hạ Bồn là mục lục đề yếu (tóm tắt những điểm chánh yếu). Ngài thấy bản ấy, được! Mười vạn bài kệ, bốn mươi phẩm, bèn lưu truyền bộ này trong nhân gian. Người ta rất tài giỏi, sau khi đọc xong một lần, có thể ghi nhớ toàn bộ; vì thế, [kinh Hoa Nghiêm] do Ngài chuyên thuật (thuật lại). Đương nhiên, Ngài chẳng thêm một chữ nào vào kinh văn, Ngài có thể tụng thuộc lòng, kinh Hoa Nghiêm do Ngài truyền. Vì thế, Nam Truyền Phật giáo chẳng thừa nhận, cho kinh ấy do chính Long Thọ Bồ Tát soạn ra, mạo nhận danh nghĩa Thích Ca Mâu Ni Phật để lưu thông.

Đại Thừa và Tiểu Thừa cách biệt hơn một ngàn năm, mà cũng chẳng kính phục nhau! Đại Thừa coi thường Tiểu Thừa, Tiểu Thừa nói Đại Thừa chẳng đúng pháp, giả trá, chẳng thật! Chúng ta nói theo Lục Hòa Kính, đây là bất hòa, Đại Thừa và Tiểu Thừa bất hòa, đều do Thích Ca Mâu Ni Phật truyền lại mà quý vị thấy con cháu đời sau bất hòa. Trên thực tế, nếu đều học, vấn đề bèn có thể giải quyết, chớ nên vạch giới hạn, không chịu học tập, đó là trật mắt rồi! Nếu đều chịu học tập sẽ có thể dung thông. Nam Truyền Tiểu Thừa khá chấp trước, năm xưa, hình như là lần thứ hai hay lần thứ ba tôi sang Cát Long Ba (Kuala Lumpur), gặp một pháp sư Tiểu Thừa rất có tiếng tăm tại Nam Dương (Indonesia), bước đến hỏi tôi, trách móc Thích Ca Mâu Ni Phật, rất chẳng phục. Tôi hỏi vì sao? Ông ta nói: “Đức Phật đã nói nếu Ngài chẳng độ hết chúng sanh sẽ chẳng thành Phật, nay tôi vẫn chưa thành Phật, có sao Ngài đã thành Phật trước?” Vạn hỏi tôi chuyện như thế. Tôi nói: “Thuở Phật tại thế, Ngài đã độ hết các chúng sanh, thật sự đã độ hết, ông cũng đã được Ngài độ rồi!” Ông ta ngơ ngác: “Độ tôi như thế nào?” “Ngày nay ông luôn miệng nói đến Phật, trong A Lại Da Thức của ông đã có Phật, ông có biết hay không? Đức Phật do độ chúng sanh nên đến thế gian này, chẳng phải là đã nói rất rõ ràng ư? Độ chúng sanh căn cơ chín muồi! Ông chưa chín muồi!” Giống như trồng cây, trồng một cây đào [chẳng hạn]. Tôi xách giỏ tới cây ấy hái trái đào, tôi hái quả nào? Đương nhiên hái quả chín trước. Trái nào chín trước, tôi bẻ lấy, trái chưa chín bèn đợi hai hôm sau”. Tôi nói: “Ông vẫn chưa chín muồi, lại qua hai, ba đời sau, ông sẽ chín muồi, sẽ được hái đi, chẳng phải là không độ ông, mà do ông chưa chín muồi! Vì sao chưa chín muồi? Thấy ông hời hợt, bộp chộp, chẳng phục, [đương nhiên] biết ông chưa chín muồi. Hễ chín, đức Phật sẽ đến độ ông!” Đây là lời thật, Phật độ chúng sanh quả thật là như vậy. Căn cơ chín muồi sẽ giúp cho quý vị thành Phật, chưa chín muồi sẽ giúp quý vị chín muồi; nếu không có thiện căn, sẽ giúp quý vị gieo thiện căn, chia ra khá nhiều tầng lớp. Mỗi lần Ngài đến đều là độ khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều gồm thâu, thật sự chẳng sót một ai! Hiện thời, trên thế giới này, rất nhiều người chẳng tin Phật, bài xích Phật giáo, quý vị nói xem Phật có độ họ hay không? Thấy đều đắc độ. Vì sao? Trong đầu họ có một chữ Phật, miệng họ có thể nói đến chữ Phật. Đó là đắc độ, [do đã] có chủng tử Phật trong A Lại Da Thức. Hủy báng Phật, hãm hại Phật, trong tương lai thấy đều được độ, kinh Đại Thừa thường nói như thế! Tiếp đó, [sách Chú Giải] trích dẫn Pháp Hoa Văn Cú, Pháp Hoa Văn Cú do Trí Giả đại sư soạn. “*Kỳ tiên đại học đạo*” (đời trước học đạo), đây là nói về tổ tiên của tôn giả Ca Diếp, tổ

tiên Ngài học đạo, “*linh quy phụ tiên đồ dĩ ứng, tòng đức mạng tộc, cố vân Quy thị*” (rùa thiêng đội bản đồ của tiên ứng hiện. Tên dòng họ được đặt theo đức hạnh, nên gọi là họ Quy). Có chuyện như thế đấy! Vì thế, tổ tông của Ngài gọi bộ tộc của mình là Ca Diếp. Ca Diếp là tiếng Phạn. “*Hựu vân Âm Quang, nhân ư Tỳ Bà Thi Phật thời*” (còn dịch là Âm Quang vì trong thời Tỳ Bà Thi Phật), đây là thời gian xa xưa, Ngài là vị Phật thứ nhất trong bảy vị Phật quá khứ. Trong thời Tỳ Bà Thi Phật (Vipashyin), đức Thế Tôn (Thích Ca Mâu Ni Phật) là Bồ Tát, đã có thành tựu khá khá. Từ kinh Phật, chúng ta đọc thấy: Trước khi thành Phật, Bồ Tát nhất định phải dùng thời gian một trăm kiếp để tu tướng hảo. Đây chẳng phải là chấp tướng, tướng hảo thuộc về phước báo, thành Phật là trí huệ. Trí huệ viên mãn, nhưng phước báo chưa viên mãn sẽ không được, khi quý vị độ chúng sanh sẽ có chướng ngại. Nếu phước báo rất viên mãn, người ta trông thấy ai nấy đều ưa thích quý vị, muốn tiếp xúc quý vị, sẽ độ họ dễ dàng. Nếu vừa nhìn liền chán ghét, tránh xa quý vị, quý vị chẳng thể độ họ được! Vì thế, tướng hảo là một loại phương tiện nhằm tiếp dẫn chúng sanh. Quý vị thấy thị hiện kiểu ấy, không gì khác, chỉ là thị hiện nhằm dạy chúng ta chẳng thể không tu phước, phước huệ viên mãn mới gọi là Phật. Có huệ thiếu phước chẳng được, có phước thiếu huệ cũng không được, nhất định phải là phước huệ viên mãn, biểu thị ý nghĩa này.

Vào thuở đó, tức nhằm thời Tỳ Bà Thi Phật, tôn giả Ca Diếp “*vi dã kim sư*” (là thợ luyện kim). Nay chúng ta gọi là người làm đồ trang sức, giống như người hành nghề làm các món trang sức bằng vàng hiện thời. Trên đường phố Hương Cảng, chúng ta thường thấy tiệm Châu Đại Phước bán đồ trang sức, kinh doanh ngành vàng bạc, trang sức. Tôn giả là thợ kim hoàn, “*dữ nhất bản nữ, cộng dĩ hoàng kim trang nghiêm Phật tượng*” (cùng một cô gái nghèo dùng vàng ròng trang hoàng tượng Phật). Dùng vàng ròng trang nghiêm tượng Phật, tức là thép vàng, dùng những mảnh vàng để thép tượng Phật. “*Tự nhĩ dĩ lai, cửu thập nhất kiếp, thân như hoàng kim, quang sắc hoảng diệu, yểm tế dư sắc, cố danh Âm Quang*” (Từ đây trở đi, trong chín mươi một kiếp, thân như vàng ròng, quang sắc chói lòa che lấp các sắc khác nên gọi là Âm Quang). Từ ấy tới nay, trong chín mươi một kiếp, Ngài đạt được quả báo. Quý vị thấy: Dùng vàng ròng cúng dường Phật, cúng dường Phật là gì? Trang hoàng tượng Phật, thép vàng tượng Phật. Hiện thời, tại Thái Lan, [tập quán này] cũng rất phổ biến. Tại Thái Lan, đối với những tượng Phật được thờ bên ngoài chùa, bên cạnh có bán vàng lá, có rất nhiều người đến mua, mua xong tự mình thép vàng, đây là do có điển cố vậy. Vì thế, tôn giả được quả báo thân kim sắc, đắc quả báo ấy. Kim sắc có quang minh, màu sắc, quang minh chói ngời, rất mạnh, che lấp, phủ trùm các sắc khác; do đó gọi là Âm Quang. Âm (飲) giống như nuốt, “*quang thôn chư sắc, tức Âm Quang nghĩa*” (ánh sáng nuốt mất các sắc khác, chính là ý nghĩa của chữ Âm Quang).

Ở đây, trọng yếu nhất là ngài Ca Diếp biểu thị Thiên Tịnh bất nhị. Trong kinh Đại Tập, Thích Ca Mâu Ni Phật có nói một câu, xưng niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật là tu gì? Chính là tu vô thượng thâm diệu Thiên. Thích Ca Mâu Ni Phật bảo niệm Phật là vô thượng thâm diệu Thiên. Mục tiêu chung cực của Thiên là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành

Phật”; mục tiêu chung cực của niệ́m Phật cũng là điều ấy, chỉ là tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong hội của A Di Đà Phật sẽ chứng đắc viên mãn rốt ráo. Điều này cũng có nghĩa là tu hành trong thế giới Sa Bà có quá nhiều chướng duyên, quá nhiều chướng ngại, tam căn thượng trung hạ đều chẳng có cách nào hóa giải những chướng nạn và chướng duyên ấy. Tới thế giới Cực Lạc sẽ chẳng có chướng ngại, ở nơi ấy, mỗi ngày ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật, quý vị tiếp xúc toàn là chư Phật Như Lai, chư thượng thiện nhân. Chúng ta biết những vị thượng thiện nhân là các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị, những người quý vị được tiếp xúc toàn là những người như vậy. Vì sao biết toàn bộ đều là [thượng thiện nhân]? Chính mình cũng vậy! Sanh về thế giới Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát chính là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Tuy người ấy chưa đoạn phiền não, khi chưa đoạn sẽ được trí huệ và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, nên trí huệ, thần thông và đạo lực của người ấy chẳng khác A Duy Việt Trí Bồ Tát, mang ý nghĩa này! Đó là pháp khó tin!

Tiếp đó, vẫn chưa giới thiệu xong. “*Tôn giả, Đầu Đà hạnh đệ nhất*”, ý nghĩa này rất trọng yếu. “*Đầu Đà giả, Phạn ngữ*” (Đầu Đà (Dhuta) là tiếng Phạn), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đẩu Tẩu, hoặc Đào Thái, Đẩu Tẩu là gì? Khi trên thân chúng ta có tro bụi, lắc mình tro bụi bèn rơi rớt, vì thế, cũng có nghĩa là “*đào thái*” (gạt bỏ). “*Dĩ thập nhị hạnh đào thái trần lao phiền não*” (dùng mười hai hạnh ấy để trừ bỏ trần lao phiền não), mười hai hạnh ấy là khổ hạnh. Nói thật ra, tôn giả Đại Ca Diếp sanh trong gia đình phú quý, có địa vị rất cao trong xã hội, là con em nhà giàu sang, nhưng tu khổ hạnh, đại diện cho những người tu khổ hạnh. Lúc diệt độ, đức Phật cũng dạy chúng ta “*lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy*”, tôn giả Ca Diếp là một tấm gương tốt.

Mười hai hạnh, ở đây nói tới mười hai hạnh của Ngài, thứ nhất là “*trụ A Lan Nhã*”. A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịch Tĩnh Xứ (nơi yên vắng). A là Vô, Lan Nhã là nơi thanh tịnh, tức là nơi chẳng ồn ào. Nơi chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu sẽ gọi là Lan Nhã. Vào thời cổ, nói chung, tiếng kêu [của động vật] là âm thanh lớn nhất, vì nơi Phật hoạt động đều ở ngoài thành, Ngài chẳng trụ trong đô thị, luôn ở núi, rừng, bên bờ sông, những nơi ấy đều là nơi đức Phật thường du hóa. Do trong nông thôn, xã hội nông nghiệp nuôi gia súc, tiếng trâu kêu lớn nhất, Ngài lấy điều này làm tiêu chuẩn. Nơi các Ngài ở không nghe thấy tiếng trâu kêu trong thôn làng, cũng rất an tĩnh, lấy chuyện này làm tiêu chuẩn; đây là “*trụ Lan Nhã*”.

Thứ hai là “*thường hành khát thực*”, đây là phương cách sinh hoạt của họ, mỗi ngày ra ngoài khát thực.

Thứ ba là “*thứ đệ khát*” (khát thực theo thứ tự), cách khát thực bình đẳng. Nhà này bố thí cúng dường quý vị một ít cơm, không nhất định là đầy một bát, có người chỉ cúng dường chút ít, chẳng hạn như cúng dường chừng một muống, ít xị, chắc chắn chẳng đủ, sang khát thực ở nhà thứ hai, nhà thứ hai vẫn chưa đủ, đến nhà thứ ba. Đức Phật cho phép quý vị khát thực bảy nhà. Bảy nhà không đủ, chẳng thể đến nhà thứ tám. Đến nhà thứ tám là quý vị có

tâm tham. Nếu một nhà, hai nhà đã đủ, quý vị chẳng thể đến nhà thứ ba. Đây là quy củ khát thực, phải tuân theo quy củ này. Khát thực theo thứ tự là bình đẳng.

Thứ tư là “*nhật trung nhất thực*” (giữa trưa ăn một bữa), mỗi ngày chỉ có một lần ra ngoài khát thực.

Thứ năm là “*tiết lượng thực*” (ăn có chừng mực); bởi lẽ, Phật pháp thật sự là pháp bình đẳng. Khát thực trong Phật pháp, xin được một bát cơm có phải là xin được bèn ăn ngay hay không? Vừa đi vừa ăn trông không đẹp mắt, chắc chắn người ta sẽ coi thường quý vị. Sau khi xin xong, trở về tăng đoàn, chẳng hạn như cùng tụ tập dưới cội cây, dọn cơm chung lại, sau đó, chính mình cần bao nhiêu bèn xớt lấy bấy nhiêu, ăn có chừng mực. Do vậy, đúng như cổ nhân Trung Quốc đã nói: “*Nhất bát thiên gia phạn*” (một bát cơm ngàn nhà), chẳng phải là giả. Quý vị thấy chúng thường trụ trong tăng đoàn, Thường Tùy Chúng một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, kể thêm Thích Ca Mâu Ni Phật thành một ngàn hai trăm năm mươi sáu người, thấy đều ra ngoài khát thực, đúng là “*cơm ngàn nhà*”, khi trở về, dọn chung một chỗ, lợi hòa đồng quân! Quý vị xin được bát cơm ngon, người kia xin được cơm dở hơn một chút, gộp chung lại, thực hiện lợi hòa đồng quân, là tăng đoàn Lục Hòa Kính.

Thứ sáu, “*quá trung bất ẩm tương*”, điều này chẳng thể hiểu là giờ Ngọ, vì nếu hiểu là giờ Ngọ sẽ không thích đáng. “*Quá trung*” là sau giữa trưa, nếu hiểu là giờ Ngọ thì tại Trung Quốc giờ Ngọ từ mười một giờ sáng đến một giờ chiều. Hơn nữa, thời gian giữa trưa mỗi ngày khác nhau, phải sai lệch vài phút, sai lệch từ ba đến bốn phút, mỗi ngày đều có chênh lệch. Trước kia, dùng Nhật Quỹ (Sundial, đồng hồ mặt trời) để đo bóng nắng coi khi nào là giữa trưa. Hiện thời thì sao? Hiện thời, đài thiên văn phát hành nhật lịch, tức thiên văn nhật lịch (astronomical almanac), mỗi ngày đều ghi chép rất rõ ràng, giữa trưa ngày hôm nay là mấy giờ, mấy phút, mấy giây. “*Quá trung bất ẩm tương*” (sau giữa trưa không được uống chất tương), có thể uống nước, Tương (漿) là gì? Có chất trầm lắng, như sữa bò, hoặc nói như người Trung Quốc là sữa đậu nành, loại này có chất trầm lắng. Nước đường thì được, nước đường chẳng trầm lắng, mật ong pha với nước, có thể dùng. Sau giữa trưa, hết thấy những thứ trầm lắng đều không ăn.

Thứ bảy, “*trước phẩn tảo y*” (mặc áo phẩn tảo), phẩn tảo y (糞掃衣) là gì? Quần áo của người khác đã mặc rách, chẳng cần nữa, vứt đi, quý vị nhặt lấy, lượm lấy những thứ nhất định còn có thể dùng, lọc ra, những chỗ rách nát không thể dùng bèn cắt bỏ, chỗ có thể dùng thì giữ lại, trong tương lai, đã gom góp được khá nhiều, bèn chằm từng miếng lại; đây chính là ca-sa hiện thời. Với những miếng vải nhỏ thì quý vị may được y hai mươi lăm điều, miếng lớn thì may y bảy điều, hoặc y năm điều. Vì thế, y sau khi may xong phải đem nhuộm màu. Chẳng nhuộm màu sẽ rất khó coi, chất liệu khác nhau, màu sắc khác nhau. Nhuộm cho chúng có cùng màu là được rồi. Nhuộm thành màu cà-phê nên gọi là “*nhhiễm sắc y*”.

Thứ tám, “*đản tam y*” (chỉ có ba y), Ấn Độ là xứ nhiệt đới, không có bốn mùa, chỉ có một mùa, nên ba y là đủ rồi. Buổi tối nghỉ dưới gốc cây, ba y có thể dùng làm mền đắp giữ ấm, đến sáng, khi đi khát thực, khát thực là một môn công khóa trọng yếu, cho nên phải mặc lễ

phục, ba y đều phải khoác trên thân. Bình thường, ở trong đoàn thể, nghe kinh bèn đắp y bảy điều là được rồi. Khi làm việc, đắp y năm điều, một cái y năm điều là đủ rồi. Vì thế, y năm điều được gọi là “*công tác y*”, tức quần áo lao động.

Thứ chín là “*trùng gian tọa*” (ngồi nơi mồ mả), “*trùng*” (塚) là phần mộ, đến nơi nào để tọa Thiên? Đến bên cạnh mộ phần, để quý vị thường nghĩ đến cái chết, có thể giúp quý vị buông xuống vạn duyên, buông tham, sân, si, mạn xuông, Ngài chọn nơi ấy để ngồi.

Thứ mười là “*thụ hạ túc*” (nghỉ dưới cội cây), buổi tối, lúc nghỉ ngơi bèn ở dưới cội cây.

Thứ mười một là “*lộ địa tọa*” tức ngồi nơi trên mặt đất.

Thứ mười hai là “*đản tọa bất ngọa*” (chỉ ngồi không nằm), trong Phật môn gọi là “*bát đảo đơn*” (chẳng ngã mình xuống đơn). Lúc nghỉ ngơi bèn ngồi, tĩnh tọa, chẳng nằm xuống ngủ.

“*Dĩ tư khổ hạnh, tảo trừ trần lụy, trừng tịnh thân tâm, Ca Diếp niên lão, bất xả Đầu Đà. Phật mẫn kỳ suy, khuyến mạng hưu tức, Ca Diếp Đầu Đà như cố*” (Dùng các khổ hạnh ấy để quét sạch trần lụy, lắng trong thân tâm. Ca Diếp tuổi già chẳng bỏ hạnh Đầu Đà. Đức Phật thương Ngài suy yếu, khuyên hãy thôi nghỉ, Ca Diếp vẫn giữ hạnh Đầu Đà như cũ). Đến lúc tuổi già, đức Phật khuyên Ngài chẳng cần tu khổ hạnh như vậy, nhưng ngài Ca Diếp vẫn chẳng thay đổi, suốt đời tu khổ hạnh nêu gương tốt cho các đồng học. Mọi người thấy vậy đều phấn chấn tinh thần, sốt sắng, nỗ lực tu hành. “*Phật nãi thâm tán vân: ‘Hữu Đầu Đà hạnh, ngã pháp cửu tồn’. Cố vân Đầu Đà đệ nhất*” (đức Phật bèn ca ngợi sâu xa: “Có hạnh Đầu Đà, pháp của ta sẽ tồn tại lâu dài”). Vì thế, Ngài được gọi là bậc Đầu Đà đệ nhất). Do vậy, trong di giáo dạy bảo các đệ tử đời sau, đức Phật chỉ nói hai câu: “*Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”. Giới được đặt vào hàng thứ nhất, vì sao? Không có giới, Phật pháp sẽ tiêu diệt. Chư vị phải biết Phật pháp tiêu diệt chẳng phải do không có chùa miếu hay không có kinh Phật, chẳng phải vậy! Chùa miếu càng tráng lệ, giàu có, nguy nga hơn, [nhưng là nơi dễ] ngấm cảnh, du lịch, vẫn tồn tại, kinh điển hãy còn, nhưng kinh điển bị các trường học trong thế gian coi như học thuật để nghiên cứu, gọi bằng danh xưng đẹp đẽ là “Phật học”. Quý vị thấy Phật pháp đã biến thành Phật học, còn lại thứ ấy. Điều gì chẳng có? Người trì giới chẳng có, người khổ hạnh chẳng có, Phật pháp bèn diệt. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Điều gì khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài? Ai nấy đều trì giới, ai nấy chẳng sợ khổ, bằng lòng tu khổ hạnh, trong cuộc sống bằng lòng chịu khổ một chút, tốt lắm, vì sao? Khiến cho chúng ta chẳng tham luyến thế gian này. Nếu cuộc sống quá giàu có, dư dả, sống rất khá, quý vị chẳng rời khỏi thế gian này, A Di Đà Phật đuổi tay mời quý vị sang thế giới Cực Lạc, quý vị vẫn thừa với Ngài: “Con ở đây khá lắm, sợ rằng chẳng kém thế giới Cực Lạc”. Quý vị sẽ nghĩ như vậy, chẳng muốn ra đi. Do vậy, quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, tôn giả Đại Ca Diếp là cổ Phật tái lai, nêu gương cho chúng ta. Vì sao chúng ta khó đoạn phiền não dường ấy? Rất nhiều đồng tu đã rất cảm khái nói với tôi, rất muốn đoạn, nhưng vì sao chẳng thể đoạn nổi? Quý vị chẳng thể chịu khổ, nên chẳng đoạn được! Quý vị chẳng thể trì giới, sẽ đoạn không được, đơn giản như thế đấy! Vì sao người trước kia đều có thể làm được, nhưng nay chúng ta chẳng thể làm? Người hiện thời học khoa học, chú trọng dinh dưỡng, ăn uống

bền chú trọng màu sắc, hương vị. Đó là gì? Mỗi ngày đều tăng trưởng phiền não, làm sao quý vị có thể đoạn phiền não được? Quý vị đã đi theo đường lối trái ngược!

Vì thế, quý vị lắng lòng tư duy sẽ biết, hiện thời chúng ta tu hành bị chướng ngại chỗ nào? Do chính mình tạo tác, chẳng có người nào khác chướng ngại chính mình. Thật sự muốn Phật pháp hưng vượng, mà chẳng tuân thủ lời răn dạy của Phật Đà, sẽ chẳng có cách nào thành tựu. Vì thế, trong Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, lão cư sĩ Giang Vị Nông vẫn đề xướng khát thực; trong quá khứ, tôi giảng kinh Kim Cang có tham khảo bộ Giảng Nghĩa của cụ. Hiện thời, có thể khát thực hay không? Có thể, nhưng chắc là chẳng thể nào khát thực theo thứ tự được! Ở Hương Cảng, quý vị đi khát thực bảy nhà, sợ rằng chẳng có ai cúng dường quý vị. Nếu quý vị đi hết một con đường, có lẽ sẽ gặp được một người, người học Phật ở Hương Cảng chẳng ít. Thật sự học Phật, sẽ có long, thiên, thiện thần, Phật, Bồ Tát gia hộ, quý vị sẽ gặp người thiện tâm tới cúng dường quý vị. Nói chung, phải hình thành một phong khí mới được, sẽ bớt nhiều việc lắm; nhưng chúng ta ở nơi này thuộc vùng ôn đới, chẳng phải là nhiệt đới, ba y chẳng đủ. Vì thế, Phật pháp truyền tới Trung Quốc, ba y tại Trung Quốc hoàn toàn biến thành lễ phục. Người Trung Quốc vẫn mặc y phục của chính mình. Áo hải thanh rộng tay chính là y phục đời Hán. Phật giáo được truyền vào từ đời Hán, vẫn y như cũ gìn giữ trang phục đời Hán, điều này rất tốt. Áo rộng tay to là lễ phục của chúng ta. Bình thường chúng ta mặc “*trường quải*” (áo tràng tay hẹp, áo nhật bình) là y phục đời Minh, làm việc khá thuận tiện, áo hải thanh đời Hán dùng làm lễ phục. Trong khi làm Phật sự, cũng như trong học tập, về phương diện lễ tiết, chúng ta đáp y. Y ấy là y hai mươi lăm điều, là đại lễ phục, y bảy điều là lễ phục thông thường, bình thường. Y ấy (y hai mươi lăm điều) là đại lễ phục, khi giảng kinh, lên lớp là đại lễ, bèn mặc lễ phục đại lễ. Khi lạy Phật là đại lễ. Bình thường, trong sinh hoạt hằng ngày, ăn cơm, y bảy điều là được rồi. Tiếp đãi tân khách thì thông thường y bảy điều là được rồi. Đó là lễ phục chia theo đẳng cấp. Y năm điều là quần áo lao động, nhưng tại Trung Quốc đã chẳng còn thích hợp, chỉ giữ lại làm kỷ niệm, chẳng thích hợp để sử dụng. Vì thế, Phật pháp sống động, hoạt bát, trọn chẳng khô khan. Như tôn giả Ca Diếp vì chúng ta thị hiện mười hai hạnh Đầu Đà ấy, có những điều chúng ta có thể làm được, có những điều không bắt buộc [phải làm theo], sống động, cũng chẳng chết cứng. Nhưng chúng ta phải hiểu dụng ý của Ngài ở chỗ nào, vì sao Ngài phải làm theo cách như vậy? Thật sự quét sạch trần lụy, lắng trong thân tâm, phương pháp ấy rất có hiệu quả.

Đoạn tiếp theo là “*vưu ưng thâm tĩnh giả*” (càng phải nên phản tĩnh sâu xa), chúng ta càng phải nên phản tĩnh sâu xa. “*Đại Ca Diếp tôn giả, tức truyền Phật tâm ấn chi Thiên Tông Sơ Tổ*” (tôn giả Đại Ca Diếp là Sơ Tổ Thiên Tông truyền tâm ấn của Phật), công án và điển cố này xuất phát từ quyển thứ ba của bộ Đại Phạm Thiên Vương Vấn Phật Quyết Nghi Kinh, [điển cố] “*niêm hoa vi tiếu*” (giơ cành hoa, mỉm cười) xuất phát từ kinh ấy. “*Phạm vương chí Linh Sơn*” (Phạm vương đến Linh Sơn), Đại Phạm thiên vương, Linh Sơn là núi Kỳ Xà Quật thuộc thành Vương Xá, “*dĩ kim sắc Bát La hoa hiến Phật*” (dùng hoa

sen⁴⁷ sắc vàng dâng lên đức Phật), dùng hoa cúng dường Phật. “*Xả thân vi tòa*” (xả thân làm tòa), Đại Phạm Vương cũng đến biểu diễn pháp. Nếu chẳng phải là cỗ Phật tái lai thì tối thiểu là Thập Địa Bồ Tát, tức Pháp Vân Địa Bồ Tát tới biểu diễn. “*Xả thân vi tòa*”, quý vị thấy thiên vương rất cung kính đức Phật, thỉnh Phật ngồi trên người ông ta. “*Thỉnh Phật vi chúng sanh thuyết pháp*” (xin đức Phật hãy vì chúng sanh mà thuyết pháp), Đại Phạm Vương chẳng phải là người thường. “*Thế Tôn dâng tọa, niêm hoa thị chúng*” (đức Thế Tôn lên tòa, cầm cành hoa giơ lên cho đại chúng thấy), đức Thế Tôn cũng cho ông ta được mãn nguyện liền ngồi đôi chút, chẳng thể ngồi quá lâu. Ngồi quá lâu là chẳng thông hiểu nhân tình. Do có vấn đề tình người trong ấy, nên thời gian càng ngắn càng hay. Được thỉnh thuyết pháp, đức Phật bèn giơ cành hoa lên, hoa ấy là gì? Chính là đóa hoa do Đại Phạm Thiên Vương cúng dường, “*niêm hoa thị chúng*”, đưa lên cho mọi người xem. “*Nhân thiên bách vạn*” (trời và người trăm vạn), người chẳng đông lắm, nhưng thiên thần đông đảo, do các Ngài theo Đại Phạm Vương đến nơi ấy. “*Tất giai võng thố*” (thầy đều ngơ ngác), mọi người chẳng hiểu ý nghĩa cầm hoa của đức Phật, chẳng ai biết! “*Độc hữu Kim Sắc Đầu Đà phá nhan vi tiếu*” (chỉ mình Kim Sắc Đầu Đà lộ vẻ mỉm cười), chỉ có tôn giả Ca Diếp mỉm cười. “*Thế Tôn vân: Ngô hữu chánh pháp nhãn tàng, Niết Bàn diệu tâm, Thật Tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, phó chúc Ma Ha Ca Diếp*” (đức Thế Tôn nói: “Ta có chánh pháp nhãn tàng, diệu tâm Niết Bàn, Thật Tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, phó chúc Ma Ha Ca Diếp”). Đức Phật trao cành hoa ấy cho ngài Ca Diếp; đây là công án đầu tiên trong Thiền Tông. Tôn giả Ca Diếp lộ vẻ mỉm cười là vì Ngài đã hiểu rõ, minh bạch, khai ngộ, từ một động tác của đức Thế Tôn, Ngài bèn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Về sau, Ngài truyền y bát của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thoạt đầu, Thích Ca Mâu Ni Phật truyền cho Ca Diếp chẳng phải là y bát, mà là đóa hoa do Đại Phạm Vương cúng dường. Đây là công án “*niêm hoa vi tiếu*”.

Tiếp đó, sách viết: “*Thử tức thế truyền chi niêm hoa công án. Thế Tôn truyền tâm u Ca Diếp, vi Thiền Tông Sơ Tổ, Ca Diếp tái truyền u A Nan*” (Đây chính là công án “niêm hoa” được lưu truyền trong cõi đời, đức Thế Tôn truyền tâm cho ngài Ca Diếp, làm Sơ Tổ Thiền Tông. Ca Diếp lại truyền cho A Nan). A Nan là Nhị Tổ. “*Kim Thượng Thủ trung, tiêu cử Đại Ca Diếp, chánh biểu Thiền Tịnh bất nhị chi thâm ý*” (Nay nêu tên ngài Đại Ca Diếp trong các vị Thượng Thủ chính là biểu thị ý nghĩa sâu xa “Thiền Tịnh chẳng hai”). Quý vị xem thấy ý nghĩa biểu thị pháp của Ngài. Phật giáo truyền tới Trung Quốc thì Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ một ngàn năm. Đức Phật có tiên đoán, Ngài nói một ngàn năm sau khi pháp hội này truyền đến nước Chấn Đán ở phương Đông, Chấn Đán là Trung Quốc. Trong pháp vận của đức Phật, đức Phật đã nói Chánh Pháp là một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm. Chánh Pháp, giới luật thành tựu, người có thể trì giới sẽ có thể chứng quả. Thời Tượng Pháp, trì giới không được, căn khí của con người chẳng tốt đẹp như trước

47⁵¹ “*Bát La hoa*” là gọi tắt của chữ “*Ưu Bát La hoa*” (Utpala), tức hoa sen.

kia, phải tu Thiền Định. Vì thế, một ngàn năm trong thời kỳ Tượng Pháp là Thiền Định thành tựu. Mạt Pháp một vạn năm, Tịnh Độ thành tựu. Đức Phật nói lời ấy trong kinh Đại Tập. Phật pháp truyền tới Trung Quốc nhằm đúng một ngàn năm sau khi đức Phật diệt độ, bắt đầu thời Tượng Pháp. Tượng Pháp là Thiền thành tựu, nên Thiền Tông hưng vượng tại Trung Quốc, đúng là một ngàn năm. Thiền Tông Trung Quốc vượt trội Ấn Độ rất nhiều; do vậy, nhiều người tu Thiền, đông đảo người ngưỡng mộ Thiền, phong khí Thiền học rất hưng thịnh. Cũng có kẻ hiểu biết Thiền Tông nửa vời, số ấy càng đông, những kẻ ấy càng kiêu căng, ngã mạn, không chỉ coi thường Tịnh Độ, ngay cả Giáo Hạ cũng không để vào mắt, toàn là nẩy sanh hiểu lầm, nhưng trong xã hội đã tạo thành ảnh hưởng trái nghịch. Phải làm như thế nào để hưng khởi pháp môn thù thắng như vậy hòng thật sự lợi ích chúng sanh? Vì vậy, các vị tổ sư đại đức thiện xảo phương tiện, quý vị thấy bao nhiêu vị giống như Vĩnh Minh Diên Thọ đã làm như vậy. Trước hết, Ngài tham Thiền, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong nhà Thiền rồi quay về tu Tịnh Độ. Sự thị hiện ấy nhằm dụng ý gì? Biết có rất nhiều kẻ học Thiền chẳng thể thành tựu, quý vị quay về tu Tịnh Độ sẽ có thể vãng sanh, chắc chắn thành tựu. Cho nên Ngài mới nói: *“Hữu Thiền, hữu Tịnh Độ, do như đời giác hổ”* (Có Thiền, có Tịnh Độ, giống như hổ mọc sừng), câu này nhằm khuyên lơn người học Thiền, chẳng phải dành cho người tu Tịnh Độ. Tu Tịnh Độ lại muốn tập Thiền, quý vị sai mất rồi! Thấy tu Thiền chẳng thể thành tựu, khuyên họ, họ chẳng tiếp nhận, không chịu nghe. Vì thế, nói quý vị đã có Thiền, lại còn thêm Tịnh Độ càng hay hơn! Phương tiện thiện xảo như vậy để dẫn dắt, tiếp dẫn kẻ ấy, mang ý nghĩa như thế đó. Vì thế, người tu Tịnh Độ, quý vị đã tu Tịnh Độ, chớ nên đi theo đường vòng, nếu học Thiền là trật rồi, mật ý ở chỗ này, nhất định phải hiểu! Chẳng phải là những vị tổ sư đại đức xưa kia kiếm chuyện phiền phức, bảo quý vị phải học hai pháp môn. Ta thâm nhập một môn, quý vị phải hiểu đạo lý này, phải hiểu lời ấy tổ sư dùng để nói với ai, chẳng phải là nói với chúng ta! Ngàn muôn phần đừng nên thấy [chư tổ] dạy người khác thứ gì, chúng ta bèn vớ lấy để dùng, làm rồi, chẳng thích hợp cho chúng ta. Thật sự hiểu rõ cái gọi là *“Thiền Tịnh bất nhị”*, khẳng khẳng một mực một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Thật vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo một câu A Di Đà Phật là vô thượng thậm thâm vi diệu Thiền. Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tập 90

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ một, dòng thứ năm đọc từ dưới lên, xem từ câu “*tôn giả A Nan đấng*” (tôn giả A Nan v.v...):

“*Tôn giả A Nan đấng, Đường, Tổng dịch tác A Nan Đà, lược xưng A Nan, dịch viết Khánh Hỷ, Hoan Hỷ, hựu vân Vô Nhiễm, nữ Bạch Phạn Vương chi tử, Phật chi đường đệ dã. Sanh u Phật thành đạo nhật, Tịnh Phạn Vương ký văn Thái Tử thành Phật, hựu văn cung trung dẫn tử, cánh tăng hoan hỷ, nữ viết: ‘Kim nhật đại cát, thị hoan hỷ nhật’. Ngữ lai sứ ngôn, thị nhi đương tự vi A Nan*” (“Tôn giả A Nan v.v...”: Đời Đường, Tổng dịch là A Nan Đà (Ānanda), gọi tắt là A Nan, Hán dịch là Khánh Hỷ, Hoan Hỷ, còn dịch là Vô Nhiễm. Ngài là con của vua Bạch Phạn (Śuklodana), em họ của Phật, sinh nhằm ngày Phật thành đạo. Vua Tịnh Phạn (Śuddhodana) nghe tin Thái Tử thành Phật, lại nghe trong cung sanh con trai càng thêm hoan hỷ, bèn phán: “Hôm nay đại cát, là ngày hoan hỷ”, bảo với sứ giả: “Đứa trẻ ấy nên đặt tên là A Nan”). Chúng ta xem tới đây. Ở đây, sau “*tôn giả A Nan*” có chữ Đẳng (等), Đẳng là còn có những người khác, vì trong năm bản dịch gốc, bản kể tên nhiều nhất có hơn ba mươi vị, khi cụ Hạ hội tập, đã chọn lấy những vị mang tính chất biểu thị pháp trọng yếu, những vị khác đều tinh lược; vì thế, dùng chữ Đẳng. Bản Đường dịch và Tổng dịch đều phiên âm là A Nan Đà, Đà là âm cuối, người Trung Quốc, đặc biệt là cổ nhân Trung Quốc chuộng đơn giản, nên lược bớt âm cuối. Giống như chữ Phật, sau chữ Phật có âm cuối, tức Phật Đà Da, âm cuối cũng bị tinh lược. Vì thế, gọi gọn là A Nan, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Khánh Hỷ, hoặc Hoan Hỷ, cũng có nghĩa là Vô Nhiễm, Ngài là con của vua Bạch Phạn. Cha của đức Thế Tôn là vua Tịnh Phạn có bốn anh em, mỗi người đều có hai con trai. Vì thế, Phật Thích Ca có tám người anh em họ. Trong số tám người anh em họ, đức Phật lớn nhất, A Nan nhỏ nhất, đứng vào hàng thứ tám. A Nan sinh nhằm ngày đức Phật thành đạo, Thích Ca Mâu Ni Phật ba mươi tuổi thành đạo, người em này nhỏ hơn đức Phật ba mươi tuổi, vì đức Phật thành đạo lúc ba mươi tuổi. Sinh nhằm ngày hôm ấy, cũng là ngày đức Phật thành đạo, tin vui báo về hoàng cung, vua Tịnh Phạn nghe tin Thái Tử thành Phật, chứng quả, lại nghe trong cung sanh ra đứa bé này, là em họ của đức Phật, tức là cháu trai của nhà vua, nên vô cùng hoan hỷ. Vua bèn nói: “Hôm nay là ngày đại cát, là ngày hoan hỷ”, bảo người đến báo tin: “Đứa bé ấy nên đặt tên là A Nan”, tức A Nan Đà, mang ý nghĩa hoan hỷ.

“*Hựu tôn giả đoan chánh, thanh tịnh, như hảo minh kính, kiến kỳ tướng giả, văn kỳ thanh giả, đồ kỳ oai nghi giả, mạc bất hoan hỷ, cố dĩ vi danh*” (Hơn nữa, tôn giả đoan chánh, thanh tịnh như tấm gương trong vắt. Trông thấy hình dạng Ngài, nghe tiếng Ngài, xem oai nghi của Ngài, không ai chẳng hoan hỷ, nên đặt tên như vậy). Cái tên này vô cùng thích hợp.

A Nan cũng là bậc tái lai, chẳng phải là phàm nhân. Đức Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, A Nan có ba mươi tướng; vì thế, rất hiếm có. “*Đoan chánh, thanh tịnh, như hảo minh kính*”, gương sáng đặc biệt đẹp đẽ; vì thế, có người thấy đũa bé ấy, hoặc nghe tiếng nó nói, thấy động tác của nó, không ai chẳng hoan hỷ, ai trông thấy cũng yêu mến đũa bé ấy. Vì thế, bác cả đặt tên cho đũa bé là A Nan, danh tương xứng thực. “*Hựu tôn giả tùy Phật nhập thiên cung, long cung, tâm vô nhạo trước, cố danh Vô Nhiễm*” (Ngoài ra, tôn giả theo Phật vào long cung, thiên cung, tâm không ham đắm, nên gọi là Vô Nhiễm). Sau khi xuất gia, Thích Ca Mâu Ni Phật từng dẫn Ngài lên xem thiên cung, tức Dục Giới Thiên, cũng đã từng đến thăm cung rồng, là nơi Đại Long Bồ Tát ở, bất luận tại long cung hay thiên cung, Ngài đều chẳng bị nhiễm ô, tâm địa thanh tịnh. Vì thế, danh hiệu ấy cũng có nghĩa là Vô Nhiễm. “*Phật thọ ngũ thập ngũ tuế thời, A Nan xuất gia*” (Khi đức Phật đã năm mươi lăm tuổi, A Nan mới xuất gia), A Nan xuất gia lúc hai mươi lăm tuổi, “*thị Phật nhị thập ngũ niên*” (hầu Phật hai mươi lăm năm) thì gặp lúc Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ. Người Trung Quốc nói theo tuổi ta [nên bảo đức Phật diệt độ lúc] tám mươi tuổi, người ngoại quốc nói theo tuổi thật sự, tuổi thật sự là bảy mươi chín tuổi. Ngài làm thị giả cho đức Phật hai mươi lăm năm, chăm sóc đức Phật hai mươi lăm năm. “*Phật sở tuyên thuyết, tất năng ức trì, bất vong nhất tự*” (các pháp do đức Phật tuyên thuyết Ngài đều nhớ giữ, chẳng quên một chữ). Trong các vị đệ tử của đức Phật, Ngài có trí nhớ tốt nhất, sức lý giải đặc biệt mạnh mẽ. Từ hội Lăng Nghiêm chúng ta có thể thấy, đức Thế Tôn giảng kinh Lăng Nghiêm, Ngài có thể hoàn toàn lý giải những ý nghĩa do đức Phật đã nói. Cùng lúc ấy, tôn giả Phú Lô Na đã đắc Tứ Quả La Hán, nhưng nghe chẳng hiểu, mà ngài A Nan có thể nghe hiểu, chứng tỏ căn tánh của Ngài chẳng giống người khác! Vì thế, Ngài truyền thừa pháp tạng của đức Phật. Tôn giả Ca Diếp truyền Thiên Tông của đức Phật, còn Giáo Hạ do ngài A Nan truyền. “Thầy đều có thể ghi nhớ, chẳng quên một chữ” vô cùng khó, nên Ngài đương nhiên là bậc tái lai. “*Niết Bàn xưng A Nan đa văn sĩ. Hựu Ca Diếp tán viết: ‘Phật pháp đại hải thủy, lưu nhập A Nan tâm’. Cố viết, đa văn đệ nhất*” (Kinh Niết Bàn gọi A Nan là bậc Đa Văn. Ngài Ca Diếp cũng khen rằng: “Nước biển cả Phật pháp chảy vào tâm A Nan”, nên gọi Ngài là đa văn bậc nhất). Trong mười vị đại đệ tử, Ngài là đa văn đệ nhất.

“*Đẳng giả, Ngụy dịch trung liệt tam thập nhất nhân*” (Chữ “đẳng”: Trong bản Ngụy dịch nêu tên ba mươi một vị [Thượng Thủ]), đây là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải đời Ngụy, kể tên ba mươi một vị Thượng Thủ; trong quá khứ, bản này lưu thông rộng nhất. Trong năm bản dịch gốc, bản dịch này hoàn bị nhất, phiên dịch rất khá; vì thế, mọi người học tập kinh Vô Lượng Thọ đều dùng bản này. Trong quá khứ, tôi học bộ kinh này tại Đài Trung, thầy Lý giảng từ đầu đến cuối một lần, giảng bản dịch của ngài Khang Tăng Khải. Lần đầu tiên Ngài giảng chỉ dùng bản của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Lần thứ hai chỉ dùng bản của ngài Khang Tăng Khải. “*Kim hội bản căn liệt cử kỳ trung Thượng Thủ ngũ nhân chi danh, cố viết A Nan đẳng, dĩ khái kỳ dư*” (nay bản hội tập chỉ nêu tên năm vị Thượng Thủ trong số ấy, nên viết là “A Nan đẳng” để chỉ chung các vị còn lại), những vị khác đều tinh lược, [nêu tên năm

vị như đã nói trên] nhằm biểu thị pháp. Trong pháp môn này, A Nan biểu thị niệm Phật là đa văn đệ nhất. Chúng ta chớ nên không biết ý nghĩa này. Học rộng nghe nhiều liên quan gì với niệm Phật? Có liên quan! Niệm Phật mà có thể niệm tới mức đạt Niệm Phật tam-muội, đây là nhập Định, đã đắc Thiên Định. Sau khi đắc Thiên Định, công phu định lực đạt tới một trình độ nhất định, hoát nhiên đại ngộ, người ấy sẽ khai ngộ. Sau khi khai ngộ sẽ là đa văn, đối với các kinh, quý vị chưa từng nghe, vừa nghe liền hiểu rõ, vừa đọc liền hiểu rõ. Vì thế, sáu căn vừa tiếp xúc bèn thông đạt; đó đúng là đa văn bậc nhất!

Đối với trường hợp này, chúng ta không nói đến các đệ tử đức Thế Tôn, mà nhìn vào Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng thuộc đời Đường của Trung Quốc, đó là một thí dụ rất hay. Ngài chưa nghe kinh, Huệ Năng đại sư không biết chữ, đương nhiên chẳng thể đọc kinh, nhưng Ngài nghe [liền hiểu]. Quý vị thấy người đầu tiên gặp Ngài là tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Vị tỳ-kheo-ni này suốt đời thọ trì kinh Đại Niết Bàn. Kinh Đại Niết Bàn phân lượng cũng rất nhiều, có hai loại bản dịch: Một là bản bốn mươi quyển, hai là bản ba mươi sáu quyển⁴⁸^[6]. Sau khi được truyền y bát, thầy bảo Huệ Năng đại sư hãy đi lánh nạn, ẩn cư, đi xuống phương Nam. Ngài hỏi thầy: “Con nên đi ẩn cư nơi đâu?” Thầy nói: “Ông từ đâu đến, hãy trở lại nơi đó”. Trên đường, Tổ gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, nghe bà ta đọc kinh Niết Bàn; sau khi nghe xong, bèn giảng bộ kinh ấy cho tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, tức là giảng kinh Đại Niết Bàn. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng nghe giảng, vô cùng hoan hỷ, bèn cầm kinh hương về Tổ thỉnh giáo. Tổ bảo bà ta: “Ta không biết chữ”. Ni sư hỏi: “Ngài không biết chữ, có sao có thể giảng hay như thế?” Tổ nói: “Chuyện ấy chẳng dính dáng gì đến biết chữ hay không”. Câu nói này vô cùng trọng yếu, minh tâm kiến tánh, đây là điều khẩn yếu! Chỉ cần kiến tánh, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều là tâm hiện, thức biến. Quý vị kiến tánh, sự nhận biết cũng chẳng có vấn đề gì, thông suốt toàn bộ. Sự nhận biết do đâu mà có? A Lại Da. A Lại Da vẫn do tâm hiện. Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều hoàn toàn hiểu rõ. Ngài ở nơi đó vài ngày, tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng niệm kinh cho Ngài nghe, Ngài bèn giảng cho bà ta nghe, tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng nghiệm nhiên khai ngộ. Trong đời Huệ Năng đại sư, có tất cả bốn mươi ba người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh dưới tay Ngài, trong đó có một nữ nhân là vị tỳ-kheo-ni này, vì sao? Chúng ta phải hiểu một câu nói của cổ nhân: “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Tâm tỳ-kheo-ni thanh tịnh, nếu bà ta niệm bộ kinh ấy năm năm, mười năm, tâm sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, tâm thanh tịnh đoạn phiền não, tối thiểu là khuất phục phiền não, phiền não chẳng thể dấy lên hiện hành. Thật sự gặp gỡ cao nhân, gặp thiện tri thức, đối với bộ kinh quý vị đang thọ trì, đúng vào lúc máu chốt bèn chỉ điểm một chút, quý vị sẽ thông, [được chỉ điểm] đôi chút bèn quán thông.

48^[6] Bản bốn mươi quyển do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào đời Bắc Lương. Khi bản này truyền đến phương Nam, các vị như Huệ Nghiêm, Huệ Quán, Tạ Linh Vận đã chiếu theo bản dịch mang tựa đề Nê Hoàn Kinh của ngài Pháp Hiển để hội tập thành bản gồm ba mươi sáu quyển. Do vậy, bản này được gọi là Nam Bốn Niết Bàn Kinh, còn bản dịch gốc của ngài Đàm Vô Sấm được gọi là Bắc Bốn Niết Bàn Kinh.

Huệ Năng đại sư chưa từng đọc kinh, đi bán củi ngẫu nhiên nghe có người đọc kinh, Ngài ở ngoài cửa sổ nghe tiếng đọc kinh bên trong, nghe rất hoan hỷ. Đứng nghe một hồi lâu, nghe xong, tiến vào gõ cửa. Vị cư sĩ đọc kinh ấy mở cửa, gặp Ngài, giảng cho Ngài nghe ý nghĩa của bản kinh Ngài vừa mới nghe, Ngài nghe xong, vô cùng kinh ngạc. Vị lão cư sĩ ấy cũng chẳng phải là phàm nhân, trò chuyện cùng Ngài, nhận biết Ngài, nói theo cách chúng ta bây giờ là “thiện căn thật sự sâu dày, chẳng phải là phàm nhân”, bèn khuyên Ngài đến Hoàng Mai⁴⁹, bái hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn [làm thầy]. Ngài kể với ông ta tình cảnh khó khăn của chính mình: Trong nhà còn mẹ già, mỗi ngày phải cậy vào Ngài bán củi để sống qua ngày; Ngài ra đi, sẽ không có ai chăm sóc mẹ già. Vị cư sĩ ấy hết sức nhiệt tâm, mời mấy đồng tu họp lại, [quyên góp], tặng cho Ngài mười lượng bạc để làm chi phí lo liệu việc nhà: “Mẹ anh đã có người chăm sóc”. Ngài bèn yên tâm ra đi, đến núi Hoàng Mai ở tám tháng, chẳng hề bước vào giảng đường, cũng chẳng vào Thiền đường. Lão hòa thượng chỉ giao cho Ngài công việc giã gạo và chẻ củi trong xưởng xay gạo. Đó là việc chính của Ngài, đúng với nghề cũ, bảo Ngài làm công quả suốt tám tháng. Tới khi truyền pháp lại nghiêm nhiên truyền cho Ngài, chẳng ai ngờ được! Truyền pháp vào một đêm khuya, nửa đêm canh ba trong phương trượng thất, hai Ngài là “*tâm tâm tương ấn*”⁵⁰. Nhẫn hòa thượng giảng đại ý kinh Kim Cang cho Ngài nghe, chắc chắn không dùng đến sách, chúng tôi phỏng đoán chẳng thể lâu hơn hai giờ, giảng đến câu “*ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*”, Ngài bèn khai ngộ. Một ngộ, toàn bộ thông, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thấu suốt. Quý vị chỉ cần đem kinh điển nhà Phật đọc cho Ngài nghe, Ngài có thể giảng cho quý vị nghe. Há chẳng phải là đa văn đệ nhất ư? Bí quyết trong sự truyền pháp của Phật pháp là ở chỗ này, nhưng quý vị phải có căn bản. Quý vị thấy đó: Do Giới đắc Định, do Định khai Huệ.

Trong một đời này, có thể nói là chúng tôi nhận thấy sau khi Kháng Chiến nổ ra, trong thời chiến tranh, từ lúc chiến tranh bắt đầu mãi cho đến hiện thời, trong Phật môn, bất luận tại gia hay xuất gia chẳng có ai khai ngộ. Lão pháp sư Đàm Hư đã nói lời này, thuở trước, tại Hương Cảng, cụ Đàm Hư là học trò của lão pháp sư Đệ Nhàn, suốt đời cũng là pháp sư giảng kinh. Ngài sáng lập Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán tại Hương Cảng. Năm 1977, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm suốt hai tháng tại đó. Tôi giảng tất cả bốn tháng, hai tháng sau, tôi giảng tại

⁴⁹ Hoàng Mai nay thuộc thành phố Hoàng Cương, phía Đông tỉnh Hồ Bắc, thuộc vùng giáp ranh của ba tỉnh Hồ Bắc, An Huy và Giang Tây.

⁵⁰ Nguyên văn “*linh tê nhất điểm thông*”, dựa theo một câu thơ cổ của Lý Thương Ẩn: “*Thân vô thái phượng song phi dực, tâm hữu linh tê nhất điểm thông*” ý nói tâm không đôi cánh như chim phượng để bay lượn, nhưng tâm linh giống như sừng con tê ngưu (tê giác), hề có một điểm trắng bèn thông suốt. Theo truyền thuyết, có một loại tê ngưu tên là Thiên Tê, mình có một vệt trắng kéo dài từ đầu đến đuôi nên được coi là một con vật thiêng, gọi là Linh Tê, chạm vào sừng nó, bất cứ điểm trắng nào trên sừng cũng có thể thông qua được phía bên kia sừng. Do đó sừng Linh Tê cũng được dùng để chỉ sự tương thông của đôi bên. Từ ngữ này về sau mở rộng với ý nghĩa là đôi bên tâm tương ứng chỉ cần nói một câu liền hiểu nhau ngay, và thường được coi là từ ngữ tương ứng của “*tâm tâm tương ấn*”.

giảng đường Quang Minh của lão hòa thượng Thọ Dã tại đường Lam Đường (Blue Pool road), Hương Cảng, giảng suốt hai tháng. Cụ Đàm nói cả đời Ngài chưa nghe nói có ai khai ngộ, đặc Định thì có như lão hòa thượng Hư Vân đặc Định, đặc Thiên Định, nhưng chưa nghe nói có ai khai ngộ. Trong thời đại hiện tại, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi: “Ngay cả tu Thiên đặc Định cũng chưa hề nghe nói có ai!” Đối với chuyện học Mật thì cụ là Kim Cang Thượng Sư bên Mật Tông. Cụ bảo tôi, từ thời Kháng Chiến mãi cho đến nay, trước lúc vãng sanh, cụ nói với tôi như vậy, người học Mật Tông tại Trung Quốc thành tựu, tam mật tương ứng chỉ có sáu người! Vì vậy, cụ bảo tôi: *“Từ nay về sau, chẳng có cách nào học Mật và học Thiên, chẳng thể thành tựu. Thật sự có thể thành tựu chỉ có pháp môn Niệm Phật”*. Bởi vậy, lúc lão nhân gia vãng sanh, thân thể chẳng khỏe lắm, cụ cho tôi biết mỗi ngày cụ niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu, chuyên niệm A Di Đà Phật, ngày đêm chẳng gián đoạn. Hết mệt mỗi bên nghỉ ngơi đôi chút, mỗi ngày là mười bốn vạn câu, lúc lâm chung cũng biết trước khi mất. Quý vị thấy học Thiên, học Mật, nhưng đến lúc khẩn yếu sẽ thấy đều buông xuống, chỉ giữ một câu A Di Đà Phật. Đây là lão nhân gia thị hiện cho chúng ta.

Chúng ta sanh nhằm thời Mạt Pháp, hiện thời chưa phải là lúc cuối cùng của thời Mạt Pháp, Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa. Trong chín ngàn năm ấy, Phật pháp có lúc hưng thịnh, có khi suy vi, lên xuống như hình sóng. Trước kia, Chương Gia đại sư đã bảo tôi điều ấy. Hiện thời, suy đến cùng cực, có người tu hành thật sự hay không? Chúng tôi tin chắc là có! Tuy không ai biết, nhưng có người chân tu. Vì sao biết? Nếu không có người tu hành chân chánh, người tu hành chân chánh có đại phước báo, chúng sanh trên địa cầu tạo nghiệp nhiều dường ấy, nhưng người tu hành chân thật có thể không chế khiến địa cầu chẳng đến nỗi bị hủy diệt, đó là người có đại phước đức. Chúng ta chẳng biết những người ấy, họ ở trong núi sâu, không có duyên thì quý vị gặp gỡ cũng chẳng thể thấy. Trong tương lai, Phật giáo lại hưng thịnh. Hưng thịnh trong tương lai, chẳng phải là Thiên hay Mật, mà là Giáo. Trong Giáo, chúng ta biết, có thể là Tịnh Tông hưng vượng nhất. Trong kinh Đại Tập, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy chúng ta điều ấy, Ngài thọ ký, người hiện thời bảo là “dự ngôn”, thời kỳ Mạt Pháp Tịnh Độ thành tựu. Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu; thời kỳ Tượng Pháp, Thiên Định thành tựu, và thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu.

Kinh Vô Lượng Thọ là kinh điển trọng yếu trong Tịnh Độ, là kinh điển căn bản của Tịnh Tông như vậy, nhưng trước nay chẳng có một bản tiêu chuẩn, đây là điều khiến cho những người tu học pháp môn này từ xưa đến nay đều cảm thấy tiếc nuối. Phiên dịch thật nhiều, trong hết thấy các kinh, chẳng có kinh nào có nhiều bản dịch như kinh này, tới mười hai bản dịch! Từ đời Hán đến đời Bắc Tống có mười hai lần phiên dịch trong khoảng tám trăm năm, nhưng những bản dịch ấy nay chỉ còn giữ được năm loại, thất truyền bảy loại, rất đáng tiếc! Gộp chung năm bản dịch lại để xem, trong ấy sai biệt rất lớn. Vì thế, cổ đại đức phán đoán, không phải chỉ có một bản gốc. Nhìn vào năm bản dịch gốc hiện thời, nguyên bản tiếng Phạn tối thiểu phải có ba loại, nên các Ngài đoán định thừa Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, tối thiểu phải giảng kinh Vô Lượng Thọ ba lượt, cho nên có ba phiên bản khác nhau. Hãy còn bảy thứ

thất truyền, nếu thật sự có thể tìm được bảy loại ấy, rất có thể là sẽ phát hiện bản gốc còn nhiều hơn nữa! Điều này cho thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thọ tại thế, mỗi kinh chỉ giảng một lần, chẳng giảng lần thứ hai, nhưng kinh này tối thiểu giảng ba lượt, từ ba lượt trở lên. Nhiều lần tuyên giảng, cho thấy kinh này trọng yếu. Thời Mạt Pháp tính đến sau này, hãy còn có chín ngàn năm nữa, kinh này có thể độ hết thầy chúng sanh thành tựu trong một đời, chẳng tuyệt lắm ư?

Vì vậy, các vị đại đức xưa nay đều có ý nghĩ phải hội tập. Người hội tập đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư, là người đời Tống. Người hội tập thứ hai là cư sĩ Ngụy Mặc Thâm trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh trước kia. Cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập lần thứ ba, vì hội tập không dễ dàng. Những điều được chọn giữ lại hay bỏ đi từ năm bản dịch gốc là đại học vấn, biên tập cũng là học vấn. Những bản hội tập trong quá khứ, chọn lọc, biên tập đều chưa được viên mãn cho lắm, đều có những điểm đáng tiếc nuối. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư bỏ ra mười năm công phu, hội tập trọn ba năm, bẻ quan ba năm, chỉnh lý thành một bản hội tập. Sau đấy, lại tốn thời gian bảy năm, qua mười lần san đính, tạo thành bản hoàn thiện cuối cùng. Bản chúng ta thấy hiện thời là bản hoàn thiện cuối cùng. Những bản biên soạn lúc đầu, chúng ta còn tìm được. Bản đầu tiên là bản hoàn thành sau ba năm, cụ Hạ bẻ quan ba năm hoàn thành bản hội tập. Gần đây, chúng tôi cũng ấn hành bản ấy để làm kỷ niệm cho các đồng học. Bản gốc là ba mươi bảy phẩm, bản hiện thời chúng ta đang đọc là bốn mươi tám phẩm. Trong lời tựa, cụ Mai Quang Hy cho biết, thọ ấy, lão pháp sư Từ Châu đã giảng bản hội tập tại Bắc Kinh, Ngài cũng giảng tại Tế Nam, lại còn soạn khoa phán. Đó là bản ba mươi bảy phẩm thọ ấy, chẳng phải là bản hiện tại. Đối chiếu hai bản ấy, chúng ta biết lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã thật sự dụng tâm khổ nhọc, ta thấy lòng kiên trì, cảnh giới, cũng như văn tài của cụ, cuối cùng đã biên soạn thành một bản kinh viên mãn, soạn thành một bản kinh tiêu chuẩn.

Cụ đã giảng bản ấy một lần, học trò cụ là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng giống như A Nan, đã nghe thầy giảng, lại còn ghi bút ký tỉ mỉ. Cụ bảo tôi, trong cách mạng Văn Hóa, bản bút ký ấy bị [Hồng Vệ Binh] vứt bỏ. Vì thế, khi viết bản [Chú Giải] này, cụ hoàn toàn dựa vào ký ức, tham khảo hơn một trăm loại kinh, luận, chú giải, trích dẫn những lời chú giải trong ấy, biên soạn thành một bản chú giải kinh hoàn thiện. Chúng ta có phước báo, có duyên phận, ngày nay có thể gặp gỡ, vô cùng khó có! Tôi và kinh này quả thật có duyên phận, vừa thấy liền hoan hỷ, hết sức hoan hỷ, trong quá khứ đã giảng mười lượt, lần này là lần thứ mười một. Lần thứ mười một bèn quyết định chọn Vô Lượng Thọ Kinh Chú Giải, giảng bản chú giải của cụ, khiến cho chúng ta lý giải Tịnh Tông càng thâm nhập hơn, mới có thể phát khởi tâm nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chẳng còn nghi hoặc, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, lẽ đâu chẳng thành tựu! Người trẻ tuổi hạ quyết tâm dùng thời gian mười năm để bài trừ hết thầy khó khăn. Khó khăn là gì? Là xóa bỏ vọng niệm, chuyên dốc công sức nơi một môn, sau mười năm, quý vị sẽ là đệ tử truyền thừa Tịnh Tông của đức Thế Tôn, là đệ tử bậc nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài Kiều Trần Như đã biểu thị pháp ở chỗ này. Đời này, chúng ta đến thế gian này đáng giá, làm những chuyện khác đều là giả, làm chuyện này là thật.

Hãy nghiêm túc học tập cư sĩ Lưu Tố Vân, bà ta đã đem lại lòng tin cho mọi người chúng ta. Tới lúc năm mươi lăm tuổi bà ta mới bắt đầu học Phật, khi học Phật duyên phận cũng vẫn là khá lắm. Một đồng tu tặng cho bà ta một bộ kinh Vô Lượng Thọ, nên biết đây là bộ tôi giảng năm 1999 tại Tân Gia Ba, sáu mươi giờ, tôi giảng một tháng, mỗi ngày hai tiếng. Khi ấy, chỉ dùng băng cassette để thu. Sau này, làm thành đĩa từ, tức CD, không có hình ảnh. Bà ta kể với tôi, bà ta học bộ kinh ấy, niệm một câu A Di Đà Phật, mười năm giống như một ngày. Mỗi ngày nghe kinh mười tiếng, nghe như thế nào? Nghe một đĩa, tức là nghe băng giảng một giờ, nghe một đĩa suốt mười lần. Dầu công việc bận rộn cũng nghe tối thiểu bốn lần, không hề ít hơn bốn lần, thông thường thời gian mỗi ngày đều là mười biến. Tâm tín nguyện của bà ta do đây phát khởi, tín, giải, hành, chứng bà ta đều làm được. Những nghĩa lý trong kinh biến thành tư tưởng của chính mình, những răn dạy trong kinh biến thành hành vi của chính mình. Năm nay bà ta sáu mươi lăm tuổi, [làm như thế suốt] mười năm. Quý vị thỉnh bà ta giảng kinh Vô Lượng Thọ, bà ta chẳng cần dùng đến cuốn kinh, mà giảng rành rẽ, mỗi ngày giảng tám tiếng hay mười tiếng chẳng hề mệt nhọc.

Trước kia, chúng tôi không biết đến người này. Năm ngoái, tôi chữa răng tại Đài Loan, có một đồng tu gửi cho tôi một CD, đó là phim tài liệu do ngành truyền thông quay, dài nửa tiếng, tức là CD về bà Lưu Tố Vân. Người ta đi săn tin, chứ không phải đến phỏng vấn bà ta, đến chỗ bà ta, nghe nói có một người như thế, bị mắc chứng Hồng Ban Lang Sang (Systemic Lupus Erythematosus) vô cùng nghiêm trọng, vì sao niệm Phật được lành bệnh, họ cảm thấy rất lạ lùng, bèn đến phỏng vấn bà ta, phỏng vấn nửa tiếng. Tôi xem CD ấy, cảm thấy rất kinh ngạc, và cũng vô cùng bội phục, bà ta dụng công vô cùng đúng phương pháp. Học Phật thật sự nhập cảnh giới, chẳng bận tâm đến căn bệnh, mỗi người đều lo lắng thay cho bà ta, còn bà ta ngày nào cũng vui sướng, mỗi ngày nghe kinh, niệm Phật chẳng gián đoạn. Bác sĩ bảo bà ta: “Bệnh ấy chẳng có cách nào trị”. Được rồi! Không có cách thì khỏi cần trị, về nhà niệm Phật, niệm đến mức lành bệnh. Bác sĩ bảo bà ta, dầu lành bệnh, dầu sẹo trên mặt chắc chắn chẳng thể mất đi. Kết quả là bác sĩ gặp mặt bà ta, chẳng có dấu sẹo nào hết, bèn hỏi: “Bà bôi thuốc gì mà ngay cả dấu sẹo cũng chẳng có?” Bà ta đáp: “Chẳng bôi gì hết, thứ gì cũng chẳng bôi”. Bà ta kể, lúc kết hôn có mua hai lọ Tuyết Hoa Cao để bôi chân, chứ chưa hề bôi lên mặt. Bà ta nói niệm Phật được lành bệnh, bác sĩ tin tưởng. Vì sao tin tưởng? Người này cả đời chẳng vọng ngữ, thật sự khó có! Suốt đời chẳng nói dối! Còn một ưu điểm nữa là cả đời chẳng có tâm ham danh lợi, người ta luôn tranh danh đoạt lợi, còn bà vô cùng coi nhẹ danh lợi. Vì thế, tôi cảm thấy bà ta trong quá khứ là một người tu hành, có thiện căn sâu dày dường ấy! Bà ta thị hiện phương pháp cho chúng ta, mười năm bèn thành công, thành công nơi một bộ kinh Vô Lượng Thọ, học tập bất luận kinh điển nào cũng chẳng có tí ti khó khăn nào! Đúng như Phật pháp đã nói: “*Một kinh thông, hết thấy các kinh thông*”, đây là một tấm gương tốt.

Từ tấm gương này, chúng tôi biết: Sau này, Phật pháp sẽ rất hưng vượng. Vì sao? Gương này được đề ra, học tập kinh giáo chẳng khó! Chỉ cần một bộ kinh, học kỹ càng suốt mười

năm, chẳng phải là sẽ thấu suốt ư? Nếu quý vị muốn mọi người cùng học, chúng ta lập một Phật học viện, thành lập một lớp Phật học thì cần phải có đại phước báo. Bản thân chúng ta có phước báo, mà chúng sanh cũng phải có phước báo. Chúng sanh không có phước báo sẽ chẳng thể thành công! Vì thế, nhân duyên chẳng dễ gì đạt được! Cả đời này, tôi mấy lần bỏ lỡ duyên phận, chẳng biết làm sao được, trong tâm tôi hiểu rất rõ, chẳng có cách nào! Lần đầu tiên là duyên phận của tôi với pháp sư Tinh Vân. Bốn mươi năm trước, Phật Quang Sơn vừa mới thành lập, trên núi ấy chỉ có một Phật học viện, tức Đông Phương Phật Giáo Học Viện. Sư mời tôi làm chủ nhiệm giáo vụ; khi ấy, học trò là một trăm ba mươi người. Tôi có ý nghĩ chia một trăm ba mươi người ấy thành nhiều tổ, cứ ba người một tổ, tức là chia thành bốn mươi tổ, mỗi tổ chuyên học một kinh. Thâm nhập một môn, huân tu dài lâu. Bốn mươi tổ là bốn mươi bộ kinh, học suốt mười năm, chẳng thể nói là một trăm ba mươi người đều thành tựu, nhưng một phần ba, tức bốn mươi người, mỗi người đều là chuyên gia của một bộ kinh. Quý vị nói người học kinh Di Đà mười năm là gì? A Di Đà Phật tái lai. Tiểu tổ ba người khác học phẩm Phổ Môn suốt mười năm, họ là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai. Chọn ra mười bộ kinh, nếu chúng ta cả đời chẳng rời khỏi Phật Quang Sơn, bao nhiêu năm qua, có nhiều nhân tài hoằng pháp như thế, có thể nói là tột đỉnh. Ai tu một bộ kinh mười năm? Đều đứng đầu, đúng là Phật quang chiếu khắp toàn cầu. Hết sức đáng tiếc, pháp sư Tinh Vân không chấp nhận đề nghị ấy. Sư bảo tôi: “Làm như vậy không giống như trường học”. Khi ấy, tôi thưa với Sư: - Trường học chưa chắc đã tạo nên nhân tài, nhưng biện pháp cố hữu ấy của Trung Quốc đã đào tạo nhân tài. Vì sao? Tôi học trong hội của lão cư sĩ Lý Bình Nam mười năm, học theo cách thức xưa cũ. Thầy Lý dùng phương pháp dạy học trong tư thực mà hữu hiệu! Một bộ kinh, giảng xong lần thứ nhất bèn giảng lần thứ hai, giảng xong lần thứ hai bèn giảng lần thứ ba, trọn chẳng dùng cùng một bài giảng, mỗi biến tự mình đều phải tích cực chuẩn bị, mười lần sẽ đặt vững cơ sở. Nếu giảng mười năm, tối thiểu là giảng bốn năm chục lần, nhuần nhuyễn, cổ nhân nói đó là “quen tay thành khéo”, lẽ nào chẳng thành công! Nếu quý vị có thể vun bồi bền vững bốn căn cội (Cảm Ứng Thiên, Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo và Sa Di Luật Nghi), Phật pháp sẽ hưng vượng, sẽ trở lại đời thịnh trị. Duyên phận đầu tiên ấy [chẳng thành], rất đáng tiếc, tôi rời khỏi Phật Quang Sơn.

Duyên phận thứ hai là khi Hàn quán trưởng vãng sanh. Trước khi bà ta vãng sanh, chúng tôi đã dự định mở một lớp hướng dẫn hai ba chục đồng học chuyên tu. Nào ngờ, sau khi bà ta mất, con cái bà ta chẳng có hứng thú đối với chuyện ấy, chúng tôi cũng cảm thấy chính mình phước đức, nhân duyên chẳng đủ. Lần thứ hai chúng tôi cũng thất vọng.

Lần thứ ba là tại Cư Sĩ Lâm của cư sĩ Lý Mộc Nguyên ở Tân Gia Ba. Trước tiên, chúng tôi làm thí nghiệm, mở lớp ngắn hạn trong ba tháng. Lớp ấy dạy được năm lần, rất có thành tích, chúng tôi trọn đủ lòng tin, muốn mở lớp Phật học dài hạn, từ ba năm đến năm năm, nhưng lại có một người phá hoại trong ấy, khiến cho chúng tôi chẳng thể không rời khỏi Tân Gia Ba. Chúng tôi không thể trách móc bất luận kẻ nào, đó là duyên phận trong Phật pháp. Duyên phận Phật pháp đáng ở chỗ nào, chúng tôi không biết, chúng tôi là phạm phu tục tử. Tới Úc,

sang năm, chúng tôi đến Úc được mười năm, Tịnh Tông Học Viện thành lập mười năm, hoàn cảnh tu học ổn định, nhưng trong các đồng học, bất luận xuất gia hay tại gia chẳng y giáo phụng hành, hiện thời có thể ép họ được hay không? Chẳng thể! Trong thời đại hiện tại, thời đại rộng lớn, hoàn cảnh rộng lớn, dân chủ, tự do, rộng mở, chúng ta chỉ có thể khuyên lơn, hướng dẫn, chẳng thể đòi hỏi quá mức. Khuyên lơn, hướng dẫn mọi người chuyên dốc công sức nơi một môn, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, khuyên mọi người vun bồi ba hay bốn căn cội. Họ đã học lung tung, chẳng học một thứ. Nếu học một thứ, chắc chắn mười năm sẽ có thành công, chẳng kém cư sĩ Lưu Tổ Vân.

Vì thế, Lưu cư sĩ đã nêu gương tốt nhất. Chỉ cần thật sự học, có một bộ CD, hoặc một bộ băng thâu âm, là được rồi! Thật sự buông tiếng tăm, lợi dưỡng, buông hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, chẳng sợ chịu khổ, ai nấy đều thành tựu. Ưu điểm của cư sĩ Lưu Tổ Vân là có thể chịu khổ, có thể trì giới, điều này kẻ bình phàm chẳng dễ gì làm được, nhưng bà ta làm được. Tôi nghe bà ta nói trong CD, bà ta có một người bạn thân, mời người bạn thân ấy dùng cơm, chỉ có một món ăn, giá xào với đậu hũ sợi, một món thôi! Người bạn nói: “Mời tôi đến để ăn món này sao?” Đúng vậy! Bà ta hỏi: “Chẳng đủ ăn thì tôi xào thêm một chút nữa”. “Vẫn là món đó hả?” “Đúng vậy, vẫn món đó”. Quý vị bèn hiểu bình thường người ta ăn cơm chỉ có một món, đơn giản, chẳng lãng phí thời gian, thời gian quý báu nhất! Chẳng thể chịu khổ, không được rồi! Trì giới chịu khổ, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, đây là bí quyết thành công và hộ trì chánh pháp tồn tại lâu dài, chúng ta chớ nên không lưu ý.

Chúng ta lại coi tiếp đoạn dưới: *“Nhi vi Thượng Thủ, kim xưng Thủ Tọa vi Thượng Thủ”* (“mà là Thượng Thủ”: Hiện tại gọi vị Thủ Tọa là Thượng Thủ). Trong Phật môn hiện thời, Thủ Tọa Hòa Thượng được gọi là Thượng Thủ. *“Các kinh trung Thượng Thủ nhân số bất đồng, lệ như Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh u đại Bát Số nhất thiên nhị bách ngũ thập nhân, liệt Xá Lợi Phát, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, A Nê Luật Đà đẳng tứ nhân đẳng vi Thượng Thủ. Kim kinh tắc Kiền Trần Như ngũ nhân đẳng vi Thượng Thủ, thị nữ nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt chi đại tôn giả trung chi Thượng Thủ”* (Trong các kinh, số lượng Thượng Thủ khác nhau, chẳng hạn như Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh là một ngàn hai trăm năm mươi vị Đại Bát Số, kể tên bốn vị Xá Lợi Phát, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, và A Nê Luật Đà cùng làm Thượng Thủ; nay kinh này lấy năm vị như Kiền Trần Như v.v... làm Thượng Thủ, họ là Thượng Thủ trong các đại tôn giả “hết thảy đại thánh, thần thông đã đạt”). Đặc biệt giới thiệu một chút. Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh là kinh A Di Đà do ngài Huyền Trang đại sư phiên dịch. Bản dịch của Cư Ma La Thập đại sư có mười sáu vị tôn giả, trong ấy có tên họ của mười sáu vị, bản dịch của Huyền Trang đại sư chỉ kể tên bốn vị. Đây là do người phiên dịch, chúng ta biết Cư Ma La Thập và Huyền Trang phải dịch từ cùng một nguyên bản, ý nghĩa trong hai bản dịch ấy đại đồng tiểu dị. Những vị này là Thượng Thủ của Thanh Văn chúng, trong Thanh Văn chúng các Ngài đều là Đại A La Hán. Chữ Đại trong *“đại tỳ-kheo, đại A La Hán”* là mấu chốt, Đại là gì? Đại Thừa. Tiểu Thừa A La Hán là Tiểu Thừa Tứ Quả, Đại Thừa A La Hán là Pháp Vân Địa Bồ

Tát. Vì A La Hán dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Học, Ngài đã học xong những khóa trình (lớp học, môn học) cần phải học, tốt nghiệp rồi! Vô Học trong Tiểu Thừa gọi là A La Hán; Vô Học trong Đại Thừa cũng gọi là A La Hán. A Lan Hán có nghĩa là Vô Học, nhưng Vô Học trong Đại Thừa là Thập Địa Bồ Tát, tức Pháp Vân Địa Bồ Tát, được gọi là Đại A La Hán. Do kinh này là kinh Đại Thừa, quý vị thấy chữ Đại A La Hán có ý nghĩa khác biệt.

Chúng ta xem tiếp đoạn kể đó: “*Án ‘nhất thiết đại thánh, thần thông đã đạt’ chi cú*” (xét ra, câu “hết thầy đại thánh thần thông đã đạt”), câu này, “*bốn vị Bồ Tát tán đức*” (vốn để ca ngợi đức hạnh của Bồ Tát), hai câu này vốn là để tán thán Bồ Tát. “*Như Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ Kinh vân: - Dữ đại tỳ-kheo chúng tứ vạn nhị thiên câu, Bồ Tát bát vạn tứ thiên, nhất thiết đại thánh, thần thông đã đạt*” (như kinh Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ⁵¹ chép: “Cùng với bốn vạn hai ngàn đại tỳ-kheo, tám vạn bốn ngàn Bồ Tát, hết thầy đại thánh thần thông đã đạt”). Đây là tham khảo lời Phật dạy trong kinh khác. “*Kim thử kinh trung, dĩ tán thán Bồ Tát công đức chi ngữ, dĩ tán Thanh Văn*” (Nay trong kinh này, dùng lời tán thán công đức của Bồ Tát để tán thán Thanh Văn). Câu tiếp đó là khẩn yếu, “*chánh biểu thử đẳng thường tỳ thánh chúng, bốn Pháp Thân đại sĩ, ản Bốn thù Tịch*” (chính là nhằm biểu thị các vị thánh chúng thường theo hầu Phật vốn là Pháp Thân Đại Sĩ, ản Bốn thù Tịch). Những vị này là ai? Cổ nhân Trung Quốc đã nói rất hay: “*Một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ*”. Giống như đóng tuồng, người này đóng vai chính, người khác đóng vai phụ; chẳng có những vai phụ diễn, tuồng sẽ hát không hay. Duyên của Thích Ca Mâu Ni Phật chín mươi, Ngài đến thế gian này thị hiện thành Phật, đóng vai chánh, những vai phụ diễn thì sao? Vai phụ diễn có thể là thầy Ngài, hoặc có thể là giống như Ngài, đều đã thành Phật, đó gọi là “*cổ Phật tái lai*”, thật đấy! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói rõ: Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đã thành Phật từ kiếp lâu xa, đến tham gia pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, đến nơi đây gặp dịp đóng một vai, làm học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, các Ngài thật sự là đại thánh, cũng chẳng phải là tiểu thánh, giống như các vị Đẳng Giác Bồ Tát hoặc Thập Địa Bồ Tát rất nhiều! Do vậy, trong hội này, há thật sự có phạm phu? Còn có những vị hộ pháp thời đức Phật tại thế, những vị tại gia cư sĩ, [trong số ấy] cũng có rất nhiều chư Phật, Bồ Tát tái lai. Hoàng pháp lẫn hộ pháp đều là hạng nội hạnh, chẳng phải là bậc nội hạnh sẽ không được! Do vậy, chúng ta có thể hiểu, cư dân sống tại Ấn Độ thuở ấy phước báo to lớn, cảm chư Phật, Bồ Tát giáng lâm, vì chúng sanh tuyên nói diệu pháp. Đặc biệt là pháp môn này tiếp dẫn đại chúng, thành tựu viên mãn trong một đời, đến đâu để tìm pháp môn này? Bởi thế, những vị Pháp Thân đại sĩ này, như kinh Hoa Nghiêm đã nói, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, ản Bốn, tức là ản giấu quả vị sẵn có của chính mình, “*thù tịch*” là biểu diễn, sắm một vai trên sân khấu, [đó là] ản Bốn thù Tịch. “*Hoặc tha phương thánh chúng, trợ Phật hoằng hóa, vi Ảnh Hưởng Chúng*” (hoặc thánh chúng từ phương khác, giúp Phật hoằng hóa, đóng vai trò

51¹ Đây là hội thứ ba, tức hội Kim Cang Mật Tích trong kinh Đại Bảo Tích, kinh này do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch.

làm những người gây ảnh hưởng). Cũng có những vị Phật từ thế giới phương khác, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật tại nơi đây, cũng đến góp sức vào cuộc vui, đến sắm một vai diễn. Sắm vai gì không nhất định, có vị sắm vai tỳ-kheo xuất gia, có vị sắm vai tại gia Bồ Tát, chẳng nhất định, đúng là nên dùng thân gì đặc độ, bèn hiện thân ấy, đều nhằm giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, đây gọi là Ảnh Hưởng Chúng.

“*Nhất thiết đại thánh, chỉ kỳ bốn địa, bốn thị cứu cánh Bồ Đề chi nhân cố*” (Câu “hết thầy đại thánh” chỉ Bốn Địa của họ: Vốn là bậc Bồ Đề rốt ráo). Rốt ráo Bồ Đề là người đã chứng đắc địa vị Diệu Giác. Trong kinh Hoa Nghiêm, đây là địa vị Bồ Tát tối cao. Diệu Giác còn cao hơn Đẳng Giác một cấp, đây là rốt ráo Bồ Đề. “*Thần thông dĩ đạt giả*” (Thần thông đã đạt là...) đó là “*thị quyền tích*”, tức là thần thông biến hóa, mang thân phận Thanh Văn trong hội này. Quý vị thấy bốn vị trước đã chứng đắc địa vị A La Hán, còn ngài A Nan là Sơ Quả Tu Đà Hoàn, đây là sắm những vai biểu diễn khác nhau, “*du hý thần thông lai thử độ cố*” (do du hý thần thông mà đến cõi này). Các vị này đều có duyên với chúng sanh trong thế giới Sa Bà, không có duyên sẽ chẳng đến, đều là hữu duyên. Vì thế, chúng sanh có cảm, toàn bộ các Ngài đều đến, cùng theo Thích Ca Mâu Ni Phật đến đây. “*Cố tri sở liệt chi Thanh Văn chúng, giai thị đại quyền thị hiện, trợ ngã Thế Tôn, khai hiển Tịnh Độ pháp môn dã*” (Do vậy, biết các hàng Thanh Văn vừa được nêu trên đều là bậc đại quyền thị hiện hỗ trợ đức Thế Tôn ta khai hiển pháp môn Tịnh Độ). Nhất định phải hiểu ý nghĩa này; vì thế, đọc kinh quý vị chớ nên không liễu giải sự quyền biến thị hiện, chớ nên chẳng liễu giải Ẩn và Hiện, tức Ẩn Bốn Hiện Tích, “*thùy tích*” là hiện ra hình tướng, dấu vết.

“*Tổng thượng ngũ thánh*” (Xét chung, năm vị thánh [nói trên]), sau khi giới thiệu riêng từng vị xong, bèn gộp chung lại để nói, chúng ta xem năm vị [Thượng Thủ được nêu tên] trong phần trước. “*Liễu Bốn Tế*”, tức tôn giả Kiều Trần Như, “*vị liễu tri kỳ cứu viễn chi bốn tế, cố thủ liệt chi*” (do biết rõ Bốn Tế lâu xa nên được nêu tên đầu tiên). Liễu là hiểu rõ, Bốn Tế là bốn tánh, người Trung Quốc thường gọi Liễu Bốn Tế là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Kiến tánh là chân Phật, chẳng phải là giả Phật. Người kiến tánh thoát ly mười pháp giới. Còn bị giới hạn trong mười pháp giới là chưa giác ngộ, chưa kiến tánh, kiến tánh bèn thoát lìa. Người [kiến tánh] vẫn ở lại trong mười pháp giới, nên gọi là đại quyền thị hiện, giống như những vị này, ẩn Bốn thùy Tích, là thật, chẳng giả. Chư vị nhất định phải biết, trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói “*tướng chuyển theo tâm, cảnh chuyển theo tâm*”. Tâm quý vị vừa chuyển, bèn là Pháp Thân Bồ Tát. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta thấy thân tướng của Pháp Thân Bồ Tát: “*Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hảo*”, chẳng phải là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Hoàn cảnh cư trụ của các Ngài là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, là Nhất Chân pháp giới, chẳng phải là uế độ.

Những người minh tâm kiến tánh trong thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, cùng ở với chúng ta, chúng ta thấy họ giống hệt như chúng ta, chẳng có gì khác biệt. Khác nhau ở chỗ chúng ta là phàm phu mắt thịt thấy Phật, Bồ Tát toàn là phàm phu mắt thịt, còn Phật, Bồ Tát thấy chúng ta thấy đều là Phật, Bồ Tát, mỗi người có cách nhìn khác nhau. Vì sao? Chư Phật,

Bồ Tát nhìn vào tự tánh của chúng ta, tự tánh của quý vị là Phật. Chúng ta nhìn Phật, Bồ Tát, chẳng thấy tánh, chỉ thấy tướng của các Ngài, chấp tướng, cho nên các Ngài chẳng giống bọn phàm phu chúng ta. Mỗi ngày ăn cơm, đi ra ngoài khát thực, người ta cho gì ăn nấy, chúng ta thấy như vậy, không có cách nào lý giải họ. Họ ra ngoài xin được một bát cơm, cơm ấy chẳng dễ ăn cho lắm. Có thể là kẻ ăn mày ra ngoài xin một chút đồ ăn. Trong kinh A Hàm thường nói cơm ấy như thế nào? Thiu rồi, hư rồi, bốc mùi. Kẻ ăn xin rất đáng thương, xin được một chút đồ, gặp Phật, Phật có phước báo, bèn lấy bát cơm ấy cúng dường Phật để tu phước. Đức Phật cũng rất vui vẻ, ăn ngay trước mặt người ấy, chúc phước cho kẻ ấy. Cơm ấy kẻ bình phàm chẳng thể nuốt trôi, nhưng Phật có thể ăn. Phật ăn vào mùi vị ra sao? Thiên trụ diệu cúng (đồ cúng dường mẫu nhiệm từ bếp cõi trời). Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm. Tâm người ăn mày ô nhiễm, nên cơm dơ bẩn. Khi dâng lên Phật, Phật là thân tâm thanh tịnh, thứ ấy liền biến thành thứ tốt đẹp nhất, thật đấy, chẳng giả đâu! Thần thông diệu dụng mà! Chúng ta thấy đức Phật ngồi dưới cội Bồ Đề, dưới gốc cây lốt cỏ, tĩnh tọa nơi ấy. Bồ Tát chẳng thấy như vậy, mà sẽ thấy phía trên có lọng báu, phía dưới là tòa báu Kim Cang. Thân tướng đức Phật chẳng phải là ba mươi hai tướng, mà là thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, các Ngài thấy như vậy. Cảnh chuyển theo tâm, tướng do tâm sanh, chúng ta xem nhiều kinh luận, sẽ dần dần thấu hiểu chuyện ấy là thật, chẳng giả. Vì thế, tôn giả Kiều Trần Như tượng trưng minh tâm kiến tánh. Trong kinh này, điều đó có nghĩa là kinh này là kinh điển để minh tâm kiến tánh trong một đời. Trong đời này, quả thật chúng ta chưa minh tâm kiến tánh, nhưng vãng sanh thế giới Cực Lạc sẽ minh tâm kiến tánh. Tổ sư đại đức đã nói: “*Đản đắc kiến Di Đà, hà sâu bất khai ngộ?*” (Chi cần thấy Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ), lẽ đâu chẳng khai ngộ? Kể tên Ngài đầu tiên nhằm làm cho chúng ta phát khởi lòng tin, tức là lòng tin đối với Tịnh Tông, sanh khởi nguyện tâm.

“*Thân Tử trí huệ đệ nhất*”, Thân Tử là Xá Lợi Phất, “*biểu Di Đà chi Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại Thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí chi thâm quảng vô ngại*” (biểu thị Phật trí, trí chẳng nghĩ bàn, trí chẳng thể nói, trí Đại thừa rộng lớn, trí thù thắng tối thượng không gì bằng, không chi sánh, sâu rộng không bờ bến của Phật Di Đà), tượng trưng điều gì? Tượng trưng trí huệ Bát Nhã viên mãn vốn sẵn có trong tự tánh. Ở nơi đâu? Trong bộ kinh này! Nếu chúng ta muốn khai phát trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh của chính mình thì kinh này là một phương pháp. Trí huệ ấy đúng như đức Thế Tôn đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Năm thứ trí được nói đến ở đây chính là trí huệ vốn sẵn có của Như Lai, nói Như Lai là nói tới tự tánh của chúng ta. Trong tự tánh của chúng ta vốn có năm thứ trí huệ viên mãn ấy. Năm thứ trí huệ được dành lại để giảng trong phần sau, nên ở đây chẳng chú giải, trong phần sau sẽ có.

“*Mục Liên chi thần thông đệ nhất, hiển du hý thần thông chi thế nguyện*” (Mục Liên thần thông bậc nhất, hiển thị thế nguyện du hý thần thông). Trong lúc tu nhân, Bồ Tát đã phát nguyện “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, muốn độ chúng sanh, nhưng quý vị chẳng có

năng lực, sẽ không thể độ được. Vừa có trí huệ vừa có năng lực, ở đây năng lực được biểu hiện ra chính là thần thông. Thần là chẳng có chướng ngại, kinh Hoa Nghiêm giảng bốn thứ vô ngại, Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Đó là thần thông, Thông là thông đạt. Nói gộp lại, pháp giới chẳng chướng ngại, quý vị mới có thể phổ độ chúng sanh, mới có thể thực hiện Tứ Hoằng Thệ Nguyện đã phát trong lúc tu nhân. Trong lục đạo, trong mười pháp giới, nên dùng thân gì đặc độ, quý vị có thể hiện thân ấy, hiện thân vô ngại. Nên dùng phương pháp gì để giúp người ấy giác ngộ, bèn dùng phương pháp đó. Thân chẳng phải là thân nhất định, pháp cũng chẳng có định pháp (pháp nhất định), sống động, hoạt bát; như kinh Lăng Nghiêm đã nói: Bồ Tát hiện thân, “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng tiếp nhận của họ). Chính Ngài không có thân, chúng sanh thích thân gì Ngài bèn hiện thân ấy. Chúng sanh mong Phật đến độ họ, hoặc là Bồ Tát đến độ họ, bèn thuận theo lòng quý vị mong muốn mà hiện thân. Quý vị hoan hỷ sẽ dễ đắc độ, chẳng hoan hỷ sẽ khó khăn!

“*Đại Âm Quang*”, đây là tôn giả Ca Diếp, tức ngài Đại Ca Diếp, “*hiển Di Đà thù thắng quang minh, vô bất chiếu kiến, quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (Đại Âm Quang hiển thị quang minh thù thắng của Phật Di Đà không gì chẳng chiếu tỏ, là tôn quý nhất trong các quang minh, là vua của các đức Phật). Hai câu này là lời đức Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật đến tột bậc. Chúng ta biết, Phật Phật bình đẳng, trong pháp bình đẳng, đức Thế Tôn vẫn tán thán A Di Đà Phật như vậy, “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”. Ngài Đại Âm Quang trong quá khứ, chín mươi một kiếp trước, dùng vàng ròng cúng dường Phật, thếp vàng tượng Phật, nên cảm chín mươi một kiếp quang minh kim sắc, mang ý nghĩa này, hiển thị quang minh thù thắng của A Di Đà Phật.

“*Hựu Ca Diếp thị Tông Môn Sơ Tổ, A Nan vi Nhị Tổ*” (lại nữa, Ca Diếp là Sơ Tổ Thiền Tông, ngài A Nan là Nhị Tổ). Trong Thiền Tông, Thiền Tông do Thích Ca Mâu Ni Phật truyền cho Ma Ha Ca Diếp, tôn giả Ca Diếp lại truyền cho A Nan. A Nan là Sơ Tổ Giáo Hạ, là Nhị Tổ của Thiền Tông. “*A Nhã Kiều Trần Như biểu đương nhân chi Bốn Tế*” (A Nhã Kiều Trần Như biểu thị Bốn Tế của hành nhân). Bốn Tế là bốn tánh, tượng trưng cho bốn tánh của chúng ta. “*Xá Lợi Phất biểu chúng sanh bốn cụ chi trí huệ*” (Xá Lợi Phất tượng trưng trí huệ vốn có của chúng sanh). Kinh nói tới năm thứ trí huệ viên mãn. “*Mục Liên tức chúng sanh bốn hữu chi thần thông*” (Mục Liên chính là thần thông vốn có của chúng sanh). Quý vị thấy: Đều là trở về tự tánh. Âm Quang biểu thị “*linh quang độc diệu, huýnh thoát căn trần*” (linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần), hai câu ấy là của Thiền Tông. Linh quang là trí huệ trong tự tánh, Căn là sáu căn, Trần là sáu trần. Huýnh (迥) là xa xôi, [“*huýnh thoát*”] là vượt thoát xa lìa lục căn, lục trần, đây là vượt thoát mười pháp giới. “*Khánh Hỷ biểu khánh khoái bình sanh, tâm tâm tương kế*” (Khánh Hỷ biểu thị luôn luôn vui sướng, tâm tâm tiếp nối). Gặp gỡ Phật pháp, hoan hỷ, tin nhận phụng hành hoan hỷ, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề hoan hỷ, niệm niệm liên tiếp, chánh pháp thường trụ thế gian, vĩnh viễn bất đoạn.

Khi pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật kết thúc, tức là một vạn hai ngàn năm sau, nói thật ra, thời gian trọn chẳng dài. Một vạn hai ngàn năm Phật pháp bèn kết thúc, chẳng còn nữa! Vị Phật kế tiếp, tức vị Phật thứ năm, [chính là] Di Lặc Bồ Tát đến thành Phật trong thế gian này, khi nào Ngài sẽ giáng hạ? Trong bản chú giải này, cụ Niệm Tổ cũng [cho biết]: Năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm sau, Di Lặc Bồ Tát mới đến thành Phật trong thế gian này. Bởi vậy, hiện thời có kẻ nói Di Lặc Bồ Tát đã chứng quả thiên bàn, đó là nói dối, chẳng thật, chẳng có lẽ ấy! Cách tính toán thời gian như thế nào? Tính theo [thời gian trên] cõi trời Đâu Suất. Một ngày trên trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian, thời gian sai biệt rất lớn, một ngày trên trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian! Một năm [trên cõi trời ấy] cũng giống như chúng ta, vì họ tính theo độ số của một vòng tròn là ba trăm sáu mươi độ, nên một năm là ba trăm sáu mươi ngày. Họ có thọ mạng dài bao lâu? Bốn ngàn năm. [Tuổi thọ] trên cõi trời Đâu Suất là bốn ngàn năm. Quý vị hãy tính toán từ từ, sẽ tính ra thời gian khớp với thế gian này là năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, khi ấy, Ngài sẽ giáng thế. Trong thời gian rất dài ấy, chẳng có Phật pháp. Không có Phật pháp, con người rất khổ. Vì thế, đức Phật từ bi đến tột bậc, không có Phật thì kiếm người thay mặt Phật. Có người thay mặt đức Phật, người thay mặt đức Phật là ai? Người thay mặt đức Phật là Địa Tạng Vương Bồ Tát. Thời gian Địa Tạng Vương Bồ Tát độ chúng sanh còn dài hơn Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật độ chúng sanh mới là một vạn hai ngàn năm. Quý vị thấy Địa Tạng Vương độ chúng sanh phải trải qua thời gian bao lâu? Phạm khi Phật chẳng xuất thế, thầy đều do Địa Tạng Bồ Tát thay mặt. Vì thế, quý vị thấy mở đầu kinh Địa Tạng thật sự náo nhiệt, kinh này chẳng sánh bằng, kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng sánh bằng. Mười phương hết thầy chư Phật đều tới tham gia pháp hội. Vì sao? Trong quá khứ, mười phương chư Phật đều là học trò của Địa Tạng Bồ Tát. Học trò chẳng quên ân thầy, ngày hôm nay thầy mở pháp hội, lẽ nào trò chẳng đến? Đã thành Phật cũng phải đến để trang nghiêm đạo tràng. Vì vậy, pháp hội Địa Tạng trang nghiêm thù thắng khôn sánh.

“*Cổ tri nhất bộ đại kinh, chánh thị phó pháp truyền tâm*” (Vì vậy, biết một bộ Đại kinh đúng là phó pháp, truyền tâm), bốn chữ ấy (phó pháp truyền tâm) trọng yếu! Ngày nay chúng ta tiếp nhận bản kinh này, chẳng khác nào Thích Ca Mâu Ni Phật đem vô thượng diệu pháp truyền cho quý vị. “*Phó pháp*” là A Nan, tức truyền Giáo. Người “*truyền tâm*” là truyền Thiền Tông, tức tôn giả Ca Diếp. Trao một bộ kinh này cho quý vị, pháp và tâm đều truyền cho quý vị. Đó là Tông Môn lẫn Giáo Hạ thầy đều truyền cho quý vị. “*Nhất cú danh hiệu, trực hiển bốn lai diện mục*” (một câu danh hiệu hiển lộ thẳng thừng diện mạo vốn có). Bốn lai diện mục là gì? Thường Tịch Quang! Vô Lượng Thọ! Trong kinh Di Đà, đức Phật nói rõ câu danh hiệu ấy biểu thị ý nghĩa Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Vô Lượng Quang là Thường Tịch Quang, Vô Lượng Thọ là bất sanh bất diệt, chính là như khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng sanh diệt*”. Vốn chẳng sanh diệt là Vô Lượng Thọ. Ai nhận biết một câu A Di Đà Phật? Người niệm rất nhiều, nhưng chẳng nhận biết. Thật sự nhận biết, quý vị sẽ khăng khăng một câu Phật hiệu, thật sự buông xuống vạn duyên. Một

câu Phật hiệu là bổn tánh của quý vị, là hết thầy kinh giáo do Như Lai đã nói. Trong hội Hoa Nghiêm, chúng tôi đã giảng điều này rất rõ ràng, chẳng giả tí nào, những vị tổ sư đại đức xưa kia đã phân tích. Mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai độ vô lượng vô biên chúng sanh, nói vô lượng vô biên Phật pháp, cuối cùng nói gọn một câu là A Di Đà Phật để tổng kết.

“*U thử tiến đắc, thi xưng đởi giác chi hồ*” (Lãnh hội được điều này thì mới đáng xưng là “hồ mọc thêm sừng”), phải hiểu đây là một thứ phương tiện xảo để tổ sư tiếp dẫn người học Thiền Tông. Vì sao tổ sư nói như vậy? Dường như do Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư nói, đúng rồi, Ngài nói trong Tứ Liệu Giản. Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư đại triệt đại ngộ trong Thiền Tông, quay trở lại chuyên tu Tịnh Độ, chuyên niệm A Di Đà Phật, Ngài là tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông, tức Tịnh Tông Lục Tổ, là A Di Đà Phật tái lai. Quý vị thấy thuở ấy, phong thái Thiền vô cùng hưng thịnh, coi rẻ tu Tịnh Độ, Ngài đến biểu diễn, trước hết là tu Thiền, đại triệt đại ngộ nơi Thiền rồi tu Tịnh, nhằm bảo với người khác ý nghĩa gì? Tịnh còn thù thắng hơn Thiền, làm sao có thể khinh mạn cho được? Vì thế, Ngài khuyên những kẻ tu Thiền, “*có Thiền, có Tịnh Độ, giống như cọp thêm sừng*”. Quý vị tu Thiền, lại còn thêm Tịnh, tuyệt lắm! Vốn là cọp mà cọp lại mọc sừng. Khuyên người học Thiền, biết kẻ ấy chẳng phải là căn tánh Thiền Tông, mê nơi Thiền, chẳng thể khai ngộ, mà cũng chẳng đắc Định, dùng phương pháp ấy để dẫn dắt, tiếp dẫn kẻ ấy. Quý vị bảo kẻ ấy trực tiếp bỏ Thiền tu Tịnh, hẳn sẽ chẳng cam lòng, chẳng vâng chịu, chẳng thể tiếp nhận, nên dùng phương tiện xảo như thế để khuyên chỉ hắn. Lại còn đích thân nêu gương. “*U thử tiến đắc*” (lãnh hội được điều này), giống như thiền sư Trung Phong, quý vị thấy thiền sư Trung Phong vì người đời sau soạn một bản nghi thức Tam Thời Hệ Niệm, tác phẩm ấy do chính Ngài biên soạn. Trong ấy, có một câu trọng yếu: “*A Di Đà Phật tức thị ngã tâm, ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ*” (A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật. Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ). Hề mê, quý vị thấy có sanh, có diệt. Sau khi ngộ, sẽ là bất sanh bất diệt. Do mê hay ngộ nên [cảm nhận] cảnh giới sai khác, chứ cảnh giới chẳng có mê hay ngộ, mê hay ngộ là do tự tâm của chúng ta. Sự thật là chẳng có sanh diệt.

Vì thế, các vị tổ sư đại đức khuyên dạy chúng ta, “*đản đương mạch trực niệm khứ, tiệ thị vô thượng thâm Thiền*” (chỉ nên thẳng thừng mà niệm sẽ là vô thượng thâm Thiền). Câu “*vô thượng thâm Thiền*” là do chính Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, nhất tâm trì danh, tức là niệm một câu A Di Đà Phật, chính là vô thượng thâm diệu Thiền, hình như câu này được chép trong kinh Đại Tập. “*Vô luận định trì, tán niệm, quyết định công bất đường quyên*” (Chẳng nệ định trì hay tán niệm, quyết định chẳng phí uổng công lao). “*Định trì*” là định khóa (ấn định thời hạn, giờ khắc nhất định), “*tán niệm*” là chẳng thuộc về định khóa, hề có dịp bèn niệm Phật. Tán niệm chẳng phải là tâm tán loạn. Tâm tán loạn niệm Phật chẳng được, phải nhất tâm, phải dùng cái tâm cung kính để niệm Phật. “*Tán*” có nghĩa là chẳng thuộc vào lúc thực hiện định khóa, định khóa của chúng ta là khóa tụng sáng tối. Nhằm lúc

chẳng phải là định khóa, trong hết thầy thời, hết thầy chỗ, Phật hiệu chẳng gián đoạn thì gọi là “*tán niệm*”, chắc chắn chẳng phí uổng công phu định lực. Những lời này đều do lão cư sĩ đã trích lược từ kinh văn và ngữ lục của tổ sư đại đức, đúng là chẳng giả tí nào!

“*Bốn kinh tiên liệt Thanh Văn, hậu chương Bồ Tát*” (Kinh này trước nêu Thanh Văn, sau kể Bồ Tát). “*Chương*” (彰) là nêu rõ, trước hết, nêu bày chúng Thanh Văn, sau đó là Bồ Tát chúng. “*Chánh như Phật Địa Luận đệ nhị*” (đúng như trong quyển hai của Phật Địa Luận), điều này được nói trong quyển thứ hai [của bộ luận ấy]: “*Tiên thuyết Thanh Văn, hậu thuyết Bồ Tát. Thanh Văn chúng giả, cận đối Thế Tôn, thân thọ hóa cố. Hựu chư Thanh Văn, thường tùy Phật cố, hình đồng Phật cố. Thị cố chư kinh đa thị tiên Thanh Văn, nhi hậu Bồ Tát*” (Trước nói Thanh Văn, sau nêu Bồ Tát. Chúng Thanh Văn gần gũi Thế Tôn vì được đức Phật đích thân giáo hóa. Hơn nữa, các Thanh Văn do thường theo đức Phật nên hình tướng giống với đức Phật. Vì vậy, phần nhiều các kinh thường nêu Thanh Văn rồi mới nói đến Bồ Tát). Đây là nói về sự biểu thị pháp của đại chúng, trình bày đơn giản về sự sắp xếp theo thứ tự thuận của các Ngài. Thanh Văn là học trò chưa khai ngộ, tuy đắc Định, A La Hán là đắc Định, Cử Thủ Đệ Định chúng quả A La Hán, nhưng chưa đại triệt đại ngộ, chưa minh tâm kiến tánh, chúng ta biết các Ngài chỉ đoạn Kiến Tư phiền não. Trong kinh Đại Thừa thường nói đến tam giới trong lục đạo, tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, chúng Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Nếu đem Tư Hoặc, Tư Hoặc gồm tám mươi một phẩm, chia ra phối hợp với chín địa, mỗi địa gồm chín phẩm thì chín lần chín thành tám mươi một phẩm Tư Hoặc. Đoạn hết Tư Hoặc, Tư Hoặc là tham, sân, si, mạn, nghi, gồm năm loại lớn ấy. Vì thế, Nghi là phiền não rất nghiêm trọng, hoài nghi đấy! Đối với gì mà nói [là nghi]? Đối với thánh giáo mà nói, quý vị hoài nghi Thích Ca Mâu Ni Phật, hoài nghi kinh điển nhà Phật, hoài nghi giáo huấn của đức Phật. Còn có một thứ nữa là hoài nghi chính mình, bản thân ta tạo tác tội nghiệp quá nặng, ta có thể thành tựu trong một đời này hay không? Niệm ấy thuộc về nghi, đó là phiền não rất nghiêm trọng.

Đoạn hết tham, sân, si, mạn, nghi, tám mươi tám phẩm trong tam giới thầy đều đoạn hết, lục đạo sẽ chẳng còn. Lục đạo là giả, chẳng thật. Lục đạo giống như nằm mộng, quý vị đoạn được nó là tỉnh mộng. Vĩnh Gia đại sư nói rất hay: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (trong mộng rành rành sáu thú, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang), tỉnh rồi. Tỉnh giác là cảnh giới gì? Là tứ thánh pháp giới, vẫn còn ở trong mộng. Bởi lẽ, lục đạo là mộng trong mộng, sau khi ra khỏi lục đạo, từ trong mộng tỉnh giác, vẫn thuộc về giác mộng này. Vẫn phải đoạn nữa, số lượng [phiền não] cũng rất nhiều, kinh Hoa Nghiêm gọi chúng là “*phân biệt*”, phân biệt nhẹ hơn chấp trước, nhưng rất khó đoạn, vì sao? Quá nhiều! Quý vị thấy ý niệm phân biệt, niệm trước diệt, niệm sau liền sanh. Phân biệt được gọi là Trần Sa phiền não. Trần Sa là tỷ dụ rất nhiều, khởi tâm động niệm đều phân biệt. Đoạn phân biệt phiền não thì là Bồ Tát. Do vậy, trong tứ thánh pháp giới, chúng ta biết, Thanh Văn đoạn Kiến Tư, vẫn có tập khí Kiến Tư. Bích Chi Phật đoạn tập khí Kiến Tư, có Trần Sa phiền não. Đoạn Trần Sa phiền não, thành Bồ Tát, lại tiến cao hơn một cấp, nhưng vẫn có tập khí

Trần Sa. Tập khí Trần Sa đoạn hết, sẽ thành Phật, tức là Phật trong mười pháp giới, là vị trí cao nhất trong mười pháp giới. Tuy thành Phật, hãy còn vô thi vô minh phiền não, tức là khởi tâm động niệm. Phải đoạn hết vô minh phiền não, chẳng khởi tâm, không động niệm, khi ấy, thật sự tỉnh giác, tứ thánh pháp giới chẳng còn, mười pháp giới không có. Do vậy, tứ thánh pháp giới cũng chẳng phải là thật. Mười pháp giới không có, xuất hiện cảnh giới gì? Nhất Chân pháp giới. Vì sao gọi là Nhất Chân? Trong pháp giới ấy không có biến hóa, trong mười pháp giới có biến hóa, chứ pháp giới này không có biến hóa. Vì sao? Không có phân biệt, chấp trước. Biến hóa do phân biệt, chấp trước sanh ra, ngay cả thời gian và không gian cũng đều có biến hóa. Vì thế, hễ vào trong Nhất Chân pháp giới, thời gian lẫn không gian đều không có. Thời gian không có, chẳng có trước sau. Không gian không có, khoảng cách chẳng còn. Trọn khắp pháp giới hư không giới là Nhất Chân pháp giới. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ngay nơi đây. A Di Đà Phật thành Phật khi nào? Ngay giây phút này! Thời gian và không gian chẳng có, đó là thật sự thành Phật.

Thiên Thai đại sư giảng: Phật trong mười pháp giới gọi là Tương Tự Tức Phật, vượt thoát mười pháp giới sẽ là thật, tức Phần Chứng Tức Phật. Vì sao phần chứng? Chưa viên mãn. Vì sao chưa viên mãn? Chẳng khởi tâm động niệm, nên vô thi vô minh chẳng còn, nhưng tập khí vô thi vô minh hãy còn. Tập khí ấy chẳng dễ đoạn, không giống với những thứ trước đó. Trước đó là tập khí Kiến Tư và tập khí Trần Sa đều dễ đoạn, đều có phương pháp đối trị, chỉ riêng vô thi vô minh là không có phương pháp đối trị. Quý vị chỉ có một phương pháp, nếu đối trị nó sẽ ngay lập tức lọt vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, toàn bộ đều có! Vì vậy, khi đó, cổ đại đức nói là “vô công dụng đạo”, để mặc nó, tuyệt đối chẳng quan tâm tới nó, tuyệt đối đừng khởi tâm động niệm, tự nhiên tập khí ấy sẽ bị đào thải từ từ. Phải mất thời gian bao lâu? Kinh nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chúng sẽ chẳng còn. Do vậy, thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói với ai? Chẳng phải là nói với kẻ phạm nhân! Nói theo phía người phạm sẽ là vô lượng kiếp! [Nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp] là nói với Pháp Thân Bồ Tát, tức Viên Giáo Sơ Trụ, ngày nào quý vị minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, tính từ lúc ấy, sẽ phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, tập khí vô thi vô minh sẽ tự nhiên chẳng còn. Do vậy, trong Nhất Chân pháp giới, đức Phật nói có bốn mươi một tầng cấp, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi một giai cấp, bốn mươi một giai cấp ấy do đâu mà có? Do tập khí vô minh dày hay mỏng, do vậy mà có! Không có cách nào có thể đoạn tập khí vô minh. Hễ quý vị có một cách, quý vị thấy đó, nhất định là quý vị khởi phân biệt, khởi chấp trước, bèn đọa lạc. Vì thế, ở đây, chẳng thể khởi tâm động niệm. Trong cảnh giới ấy, quả thật không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Vì thế, chúng ta phải liễu giải, thế giới ấy là thế giới bình đẳng, bốn mươi một địa vị là bình đẳng. Không chỉ bốn mươi một địa vị bình đẳng, ngay cả Phật quả rốt ráo, tức địa vị Diệu Giác cũng bình đẳng, thật sự bình đẳng.

Từ kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, Sơ Trụ Bồ Tát vừa mới giác ngộ, đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh, có năng lực: Chúng sanh trong mười pháp giới có cảm, Ngài có thể ứng.

Nên dùng thân Phật để đắc độ, Ngài bèn có thể hiện ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, có thể hiện thân Phật. Nên dùng thân Bồ Tát đắc độ, có thể hiện thân Bồ Tát. Thân nào cũng đều có thể hiện, pháp gì cũng đều có thể giảng, chẳng có chướng ngại, có khác gì với địa vị Diệu Giác hay chăng? Đúng là chẳng sai biệt! Quý vị thấy: Khởi tác dụng, tự hành, hóa tha chẳng bị chướng ngại, chỉ có một chỗ khác biệt là chưa hoàn toàn thoát khỏi tập khí. Do vậy có Nhất Chân pháp giới, trong cảnh giới ấy, thân tướng quý vị vĩnh hằng không thay đổi, cũng có nghĩa là chẳng có sanh, lão, bệnh, tử. Trong thế gian này, chúng ta có sanh, lão, bệnh, tử, có biến hóa! Trong thế giới ấy chẳng có, cây cối, hoa, cỏ chẳng có Xuân sanh, Hạ tăng trưởng, Thu gặt hái, chẳng có! Hoa vĩnh viễn tươi tốt như vậy, vĩnh viễn đẹp đẽ như vậy, vĩnh viễn thơm tho như vậy. Núi, sông, đại địa, những thứ ấy đều chẳng thay đổi, là vĩnh hằng. Vì thế gọi là Nhất Chân, chẳng có biến hóa. Do vậy, phải biết: Biến hóa là do cái tâm chúng ta. Tâm chúng ta biến hóa, nên cảnh giới bên ngoài thấy đều có biến hóa. Vì vậy, người nhập Định, trong Định chẳng có biến hóa, cảnh giới trong Định chẳng biến hóa. Do đó, trong Định có thể thấy quá khứ, có thể thấy vị lai. Vì quý vị chẳng có biến hóa, nên có thể thấy cảnh giới bên ngoài biến hóa. Quý vị không có thời gian và không gian, nên có thể đến quá khứ, và cũng có thể đến tương lai. Vì thế, Định phát sanh thần thông, đó là đức năng, bản năng của quý vị bộc lộ.

Nhất Chân pháp giới là thật ư? Thật ra, chẳng phải là thật. Nhất Chân pháp giới cũng chẳng thật. Nó là gì? Tập khí vô thi vô minh biến hiện, ngày nào đoạn hết tập khí vô thi vô minh, cảnh giới này sẽ chẳng thấy nữa! Sau khi không thấy thì thứ gì hiện tiền? Thường Tịch Quang hiện tiền, Thường Tịch Quang là bản tánh của chính mình, hoàn toàn trở về tự tánh. Trong Thường Tịch Quang, quý vị chẳng thấy hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng thấy hiện tượng tinh thần, một bầu quang minh. Do vậy, trong kinh có bốn chữ để hình dung nó, tức là Đại Quang Minh Tạng, đấy là Thường Tịch Quang. Huệ Năng đại sư nói sáu câu là nói về cảnh giới nào? Cảnh giới Thường Tịch Quang. Câu cuối cùng nói về cảnh giới trong pháp giới hư không giới. Quý vị thấy phần trước đã nói: Câu đầu tiên là “*vốn tự thanh tịnh*”, chẳng nhiễm ô, tự tánh chẳng có nhiễm ô. Nay chúng ta ở trong lục đạo, cho đến đọa trong tam đồ, có nhiễm ô hay không? Không có! Tự tánh vĩnh viễn chẳng bị nhiễm ô. Nhiễm ô là gì? Nhiễm ô là A Lại Da, đặc biệt là Mạt Na, Mạt Na gọi là “*nhiễm ô ý*”. Do tự tánh chẳng bị nhiễm ô, tự tánh không có sanh diệt, “*vốn chẳng sanh diệt*”, đấy mới là chính mình, là linh tánh của chính mình, là bản tánh của chính mình, chớ nên không biết điều này. “*Vốn tự trọn đủ*”, câu này nói về Ấn, nó trọn đủ, nhưng chẳng hiển hiện. Trọn đủ gì vậy? Trọn đủ hết thầy y báo và chánh báo trang nghiêm trong pháp giới hư không giới, vốn tự trọn đủ. “*Vốn chẳng dao động*”, chưa từng lay động. Động là khởi hiện tượng, không động bèn chẳng hiện tượng.

Như vậy thì pháp giới do đâu mà có? Nhất niệm bất giác bèn có vô minh. Vô minh là A Lại Da, [hay nói rõ hơn] vô minh là nghiệp tướng của A Lại Da. Từ nghiệp tướng biến hiện một chuyển tướng, từ chuyển tướng biến hiện một cảnh giới tướng. Chúng được gọi là ba tế tướng của A Lại Da. Tốc độ chuyển biến quá nhanh, Di Lạc Bồ Tát bảo là trong một cái khảy

ngón tay có bao nhiêu niệm? Bao nhiêu nghiệp tướng? Đối với nghiệp, chư vị phải biết nghiệp là chân động, khoa học hiện tại gọi nó là chân động, tức là nó động. Đối với nhất niệm của chúng ta, trong một cái khay ngón tay có bao nhiêu chân động, tần suất ra sao? Ngài bảo chúng ta, ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, trăm ngàn là đơn vị, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn thành ba trăm hai mươi triệu, quý vị thấy một cái khay ngón tay là ba trăm hai mươi triệu. “Niệm niệm thành hình”, “hình” là hiện tượng vật chất, mỗi một niệm đều có một hiện tượng vật chất. Trong một cái khay ngón tay, sẽ thấy một hiện tượng vật chất, nó là ba trăm hai mươi triệu niệm, các hình tướng ấy tích lũy tại nơi đó, các khoa học gia dùng kính hiển vi trông thấy. Nếu quý vị nhìn trong một giây, sẽ thấy nó tồn tại một giây rồi bỗng nhiên không có, một giây tích lũy bao nhiêu? Tôi nghĩ khay nhanh, có thể khay năm lần, khay năm lần là một ngàn sáu trăm triệu, quý vị thấy một ngàn sáu trăm triệu lượt tích lũy, để cho quý vị thấy hiện tượng ấy trong một giây, sau một giây sẽ chẳng còn thì các khoa học gia có thể thấy được; chứ các khoa học gia chẳng có cách nào thấy một phần trong một ngàn sáu trăm triệu phần của một giây, họ chẳng nhìn thấy điều ấy; nhưng thấy được [trong một giây] là đã rất giỏi rồi, chúng tôi thật sự rất bội phục. Trong một giây họ có thể thấy chuyện này, biết trong Không sanh ra Có, sanh rồi liền lập tức diệt, tốc độ quá nhanh chóng!

Chuyển tướng là thông tin, khoa học gia gọi nó là thông tin. Nghiệp tướng là năng lượng, dao động là năng lượng; cảnh giới tướng là vật chất. Do vậy, các khoa học gia, tức các khoa học gia Lượng Tử, nói trong vũ trụ chỉ có ba thứ ấy (năng lượng, thông tin và vật chất). Trừ ba thứ ấy ra, thứ gì cũng đều không có. Trong Phật pháp, quý vị thấy các vị đại sư thuộc Pháp Tướng Duy Thức nói trong vũ trụ thứ gì cũng đều chẳng có, chỉ có A Lại Da, đây cũng là ba tế tướng của A Lại Da, nên gọi là Duy Thức. Chỉ có mình Thức, ngoài Thức ra, toàn bộ đều là giả. Giống như kính vạn hoa; kính vạn hoa có gì? Có ba mảnh màu khác nhau. Chuyển động là năng lượng, năng lượng đang chuyển động. Nhìn từ chuyển động, quý vị thấy có vô lượng vô biên kiểu mẫu kết cấu (pattern) xuất hiện. Thật sự hiểu rõ thì chúng đâu có nhiều ngàn ấy! Chẳng qua là ba mảnh nhỏ màu sắc rực rỡ khác nhau mà thôi! Nay chúng ta thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong cả vũ trụ, tức là chúng đang động. Nếu chúng không động, sẽ biến thành ba thứ (nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng). Khoa học Lượng Tử đối với Phật pháp rất hữu dụng. Dựa theo cách ghi chép năm tháng của Trung Quốc, cho đến năm nay, Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ ba ngàn năm, người Trung Quốc nói là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm. Từ khi đức Phật diệt độ cho đến hiện thời, khoa học gia phát hiện A Lại Da, cho thấy Pháp Tướng Tông nói chẳng sai tí nào! Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây!

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 91

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm lẻ ba, xem hàng thứ sáu kể từ dưới lên.

“*Bốn kinh tiên liệt Thanh Văn, hậu chương Bồ Tát, chánh như Phật Địa Luận đệ nhị vân: - Tiên thuyết Thanh Văn, hậu thuyết Bồ Tát. Thanh Văn chúng giả, cận đối Thế Tôn, thân thọ hóa cố. Hựu chư Thanh Văn, thường tùy Phật cố, hình đồng Phật cố. Thị cố, chư kinh đa thị tiên Thanh Văn, nhi hậu Bồ Tát*” (Kinh này trước là liệt kê Thanh Văn, sau nêu bày hàng Bồ Tát. Đúng như Phật Địa Luận, quyển thứ hai đã nói: “Trước nói Thanh Văn, sau nói Bồ Tát. Vì hàng Thanh Văn thân cận đức Thế Tôn, được Ngài đích thân giáo hóa. Lại nữa, các vị Thanh Văn thường theo đức Phật, có hình dáng giống như Phật. Do vậy, các kinh phần nhiều liệt kê chúng Thanh Văn trước, sau đó mới nói đến hàng Bồ Tát”). Trong phần trước, chúng ta đã nói tới ý nghĩa này. Khi kết tập Kinh Tạng, Sáu Thứ Thành Tựu trong phần trước chính là lời chào đầu của đức Thế Tôn, liệt kê các vị Thượng Thủ hoàn toàn nhằm biểu thị pháp. Từ các vị Thanh Văn và Bồ Tát, chúng ta liền biết tánh chất của bộ kinh này. Từ những vị biểu thị pháp, chúng ta sẽ thấy: Qua bộ kinh này, đức Thế Tôn muốn dạy chúng ta pháp môn nào. Như đã nói trong phần trước, ngài Liễu Bồn Tể tượng trưng cho tự tánh, Bồn Tể là là bồn tánh, Liễu là hiểu rõ. Nói theo cách bây giờ, [Liễu Bồn Tể] chính là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, biểu thị ý nghĩa này, thành tựu trong một đời. Thông thường, ta thấy [những vị Thượng Thủ được nêu tên] nhiều nhất là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, gần như mỗi bộ kinh đều có hai Ngài, điều đó tượng trưng cho trí huệ và thần thông trong tự tánh, đồng thời [biểu thị] bản năng (năng lực sẵn có) của sáu căn chẳng có chướng ngại. Mắt thấy thì chúng ta có thể thấy khắp pháp giới hư không giới, có thể thấy tự tánh, có năng lực to dường ấy, căn tánh của sáu căn đều chẳng thể nghĩ bàn. Ngài Ca Diếp biểu thị Thiên Tịnh bất nhị, tôn giả A Nan biểu thị đa văn đệ nhất, khiến cho chúng ta trông thấy những vị ấy liền biết tánh chất trọng yếu của bộ kinh này, chúng ta học tập bộ kinh này sẽ có thể đạt tới cảnh giới như thế nào!

Hôm nay chúng ta xem tới phần Bồ Tát Chúng. “*Hựu hữu Phổ Hiền Bồ Tát*” (lại có Phổ Hiền Bồ Tát), xếp Phổ Hiền trước Văn Thù giống như trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm cũng xếp ngài Phổ Hiền đầu tiên, Văn Thù thứ hai. Phổ Hiền tượng trưng Hành môn, Văn Thù tượng trưng Giải môn. Nói cách khác, bộ kinh này chú trọng thực hành, phải thật sự làm, chú trọng Hành môn. Chúng ta đọc lời chú giải của Hoàng lão cư sĩ, “*Bồ Tát nãi Phạm ngữ chi lược tồn*” (Bồ Tát là nói tắt của tiếng Phạm), đây là nói tới [nguyên gốc của chữ Bồ Tát] trong tiếng Phạm, người Trung Quốc chuộng đơn giản, nên đã rút gọn [từ ngữ ấy], “*cụ túc ưng vân Ma Ha Bồ Đề Chất Đé Tát Đỏa*” (nói đầy đủ phải là Ma Ha Bồ Đề Chất Đé Tát Đỏa). Phía trước còn thêm chữ Ma Ha, Ma Ha có nghĩa là Đại. “*Bồ Đề Chất Đé Tát Đỏa*”, Ma Ha dịch là Đại, Bồ Đề dịch là Đạo, Chất Đé (Citta) dịch thành Tâm, Tát Đỏa (Sattva) dịch thành Chúng Sanh hoặc Hữu Tình, gộp lại là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, trong giáo pháp Đại Thừa, cách này được gọi là Cổ Dịch. [Nói đến] cổ hay kim bèn lấy Huyền Trang đại sư làm đại biểu, [những nhà dịch kinh] trước thời ngài Huyền Trang đại sư gọi là Cổ Dịch, sau Huyền Trang đại sư gọi là Kim Dịch. Chúng ta đọc chú giải thấy nói Cổ Dịch hay Kim Dịch là theo ý nghĩa này, [chứ Kim Dịch] chẳng phải là [dịch thuật theo lối] hiện đại. Thời cổ dịch [Bồ Tát] là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, Huyền Trang đại sư dịch từ ngữ này thành Giác Hữu Tình, vì Bồ Đề (Bodhi) là giác ngộ, Tát Đỏa (Sattva) là hữu tình chúng sanh. Tình của họ chưa đoạn, [tức là] chưa đoạn tình thức, vẫn chưa thể chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, chưa chuyển tám thức thành bốn trí. Bạc Bồ Tát như vậy được gọi là Bồ Đề Tát Đỏa, đã giác ngộ. Nếu Ngài chuyển tám thức thành bốn trí sẽ gọi là Ma Ha Tát. Ma Ha Tát là Pháp Thân đại sĩ, Pháp Thân đại sĩ là Phật. Cho nên “*giản xưng Bồ Đề Tát Đỏa, nghĩa vi Giác Hữu Tình*” (gọi đơn giản là Bồ Đề Tát Đỏa, nghĩa là Giác Hữu Tình). Giác Hữu Tình là do Huyền Trang đại sư dịch, trước thời Huyền Trang đại sư, [từ ngữ ấy] được dịch là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh.

“*Đồng Phật sở chứng chi vị Giác, vô minh vị tận chi vị Tình*” (sở chứng giống như Phật thì gọi là Giác, chưa hết vô minh nên gọi là Tình). Ở chỗ này, hoàn toàn nói về hàng Pháp Thân Bồ Tát. Có sao nói Pháp Thân Bồ Tát chưa hết vô minh? Tập khí vô minh chưa hết, chứ vô minh đã thật sự đoạn xong, chẳng khởi tâm, không động niệm, nhưng tập khí vẫn có. Các Ngài ở nơi đâu? Các Ngài không ở trong mười pháp giới, mà ở ngoài mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Nói chư Phật Như Lai, nhưng thật ra là nói tới cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình, vô minh đã đoạn, chứng đắc Pháp Thân, bốn cõi [Tịnh Độ] ấy đều rõ ràng, rành rẽ. Quý vị đến cõi Phương Tiện, hay đến cõi Đồng Cư, nhằm hóa độ chúng sanh. Ấy là do chúng sanh có cảm, tức là chúng sanh trong mười pháp giới có cảm, bốn thánh pháp giới là cõi Phương Tiện, lục đạo là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Do chúng sanh có cảm, Bồ Tát bèn ứng, cảm ứng đạo giao trọn chẳng sai chạy, rất chuẩn xác, hễ có cảm bèn có ứng. Cảm ứng có bốn loại, trong phần trước chúng tôi đã nói rồi, có bốn loại là hiển cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm hiển ứng, minh cảm

minh ứng (cảm và ứng rõ rệt; cảm rõ rệt, ứng ngấm ngấm; cảm âm thầm, ứng rõ rệt; cảm và ứng đều âm thầm). Phạm phu chúng ta phiền não quá nặng, tập khí quá sâu, chúng ta có thể cảm Phật, Bồ Tát hay không? Có cảm, các Ngài sẽ ứng, tuy có ứng nhưng chúng ta không biết. Chúng ta là hiển cảm, các Ngài là minh ứng (ứng ngấm ngấm), minh cảm minh ứng (cảm lẫn ứng đều ngấm ngấm) chúng ta cũng không biết, đều chẳng thể nhận biết, nên Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì và che chở chúng ta. Nếu là hiển ứng thì sẽ rất rõ rệt, quý vị thấy, nghe, trong tâm cảm nhận, rất rõ rệt! Có [những trường hợp cảm ứng] rõ rệt, chẳng phải là không có, trong các đồng tu thường có những người như vậy, [những trường hợp như vậy] đều thuộc loại cảm ứng. Vì thế, chúng ta phải hiểu câu “*vô minh vị tận*” này có nghĩa là vị ấy chưa đoạn hết tập khí.

“*Hữu Giác thị sở cầu Phật đạo, Hữu Tình thị sở hóa chúng sanh*” (lại nữa, Giác là Phật đạo được mong cầu, Hữu Tình là chúng sanh được hóa độ). Đây là một ý nghĩa khác của Giác Hữu Tình, nói theo phương diện giáo hóa chúng sanh. Phần trước là Tự Thọ Dụng, ở đây là Tha Thọ Dụng. Dùng gì để giáo hóa chúng sanh? Dùng Phật pháp. Vì thế, chúng ta thấy ở đây [kinh điển] đã ban cho chúng ta một tấm gương rất hay: Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, chẳng tách lìa giáo huấn của đức Phật. Bồ Tát có thể nói không giống hệt như Phật, tức là lời lẽ có thể khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng khác! Đó là “*y nghĩa, bất y ngữ*” trong Tứ Y Pháp như đức Phật đã nói, chẳng giống như phức giảng. Phức giảng nhất định phải vừa y nghĩa lại còn y ngữ. Bồ Tát giáo hóa chúng sanh có thể y nghĩa, chẳng y ngữ thì quý vị mới có thể khế cơ; nếu không, sẽ chẳng khế cơ! Vừa y nghĩa vừa y ngữ là gì? Đó là phức giảng kinh do Phật, Bồ Tát đã nói nhằm tạo tín tâm cho đại chúng, ta chẳng thay đổi một chữ nào do Phật, Bồ Tát đã nói, hoàn toàn nói đúng như thế, nhằm kiến lập tín tâm, mang ý nghĩa này. Nếu giúp chúng sanh lý giải bèn sống động, linh hoạt, hãy nên thuận theo nghĩa, chứ không lập lại y hệt từ ngữ. Giải thích cho họ, kinh văn tuyệt đối chánh xác, chẳng thêm vào một chữ nào, nhưng giảng giải thì sống động, linh hoạt, phải giảng ý nghĩa rõ ràng ngõ hầu người khác sẽ thật sự thấu hiểu. Do vậy, “*hữu tình*” là những chúng sanh được giáo hóa, những hữu tình chúng sanh ấy đều chưa đoạn tập khí phiền não.

“*Lợi sanh vi cấp, quảng độ quần sanh đồng đặng Đại Giác, có vị Giác Hữu Tình*” (gấp rút lợi sanh, rộng độ quần sanh chúng lên Đại Giác, nên [Bồ Tát] được gọi là Giác Hữu Tình), ý nghĩa này hay hơn ý nghĩa trong phần trước. Bồ Tát thật sự phát tâm đại Bồ Đề, lấy chuyện giúp đỡ và thành tựu người khác làm đầu, mong mỗi người khác được thành tựu trước, hy vọng người khác sớm thành tựu. Địa Tạng Bồ Tát đại diện chuyện này, “*địa ngục bất không, thế bất thành Phật*” (địa ngục chẳng trống, thế chẳng thành Phật). Quý vị đọc kinh Địa Tạng, mở quyển kinh ra, sẽ thấy một điều chẳng hề thấy trong hết thảy các kinh khác: Trong số các vị thượng thủ của đại chúng [tham dự pháp hội của] Địa Tạng Bồ Tát, mười phương chư Phật Như Lai đều đến tham gia pháp hội. Chư Phật Như Lai là ai? Toàn bộ đều là học trò của Địa Tạng Bồ Tát. Hết thảy học trò của Địa Tạng Bồ Tát đều đã thành Phật,

Ngài vẫn còn làm Bồ Tát. Điều này nhằm bảo chúng ta: Bồ Tát phải nên có tâm lượng như vậy, chính mình thì cần gì phải lo [sớm được] thành tựu? Đúng là toàn tâm toàn lực giúp đỡ người khác. Giúp đỡ chúng sanh căn cơ chín muồi, khiến cho họ thành Phật trước; giúp kẻ căn tánh chưa chín muồi được chín muồi, giúp kẻ thiếu căn tánh gieo thiện căn. Tâm nguyện của Bồ Tát viên mãn; đúng là chẳng bỏ một ai! Hữu duyên thì Bồ Tát độ kẻ ấy; vô duyên, Bồ Tát bèn kết duyên với kẻ đó để đời sau, kiếp sau [trở thành] hữu duyên, chúng ta phải học tập chuyện này. Đặc biệt là trong Đại Thừa, nhất là Tịnh Tông, Tịnh Tông phải lấy bốn nguyện của Phật Di Đà làm nguyện lực của chính mình, A Di Đà Phật đúng là chẳng bỏ một ai. Vì thế, Bồ Tát có nghĩa là Giác Hữu Tình. “*Bồ Tát nhị tự tắc thị tối lược giả dã*” (hai chữ Bồ Tát là giản lược nhất), đó là tinh lược, người Hoa chuộng đơn giản, cho nên chỉ nói là Bồ Tát, lược bớt âm cuối.

Tiếp đó, [lời chú giải] ghi: “*Vân hà vi Đại Đạo Tâm Chúng Sanh*” (vì sao gọi là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh?), đây là giải thích cho chúng ta [ý nghĩa của chữ Bồ Tát theo lối] cổ dịch. “*Dĩ cụ tứ chủng đại cố*” (do có đủ bốn thứ Đại), Bồ Tát nhất định trọn đủ bốn thứ Đại ấy. “*Tứ chủng giả*” (bốn thứ là), Thanh Lương Sớ giảng rất khéo. “*Nhất giả, nguyện đại, cầu đại Bồ Đề cố*” (một là nguyện đại vì cầu đại Bồ Đề). Đây là điều kiện đầu tiên của Bồ Tát, chúng ta thường gọi đại nguyện này là “phát Bồ Đề tâm”, đây là “nguyện đại”. Đối với Bồ Đề tâm, nay chúng tôi nói rõ ràng hơn, thêm vào mấy chữ nữa. Tâm chân thành là Thể của Bồ Đề tâm; bốn thể của Bồ Đề tâm là chân thành, chân thật, chẳng giả. “*Thành*” (誠) là chẳng hư ngụy. Học Phật, nếu là học Đại Thừa, đối với hết thầy người, đối với hết thầy sự, đối với hết thầy vạn vật, chúng ta nhất định phải dùng tâm chân thành. Tâm chân thành là Tự Thọ Dụng, tức là Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác như đã nói trong tựa đề kinh chính là Tự Thọ Dụng. Đối với chính mình, dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác, đối người khác là đại từ đại bi. Từ là ban vui, Bi là dẹp khổ. Chúng ta cần phải dùng trí huệ như thế nào, phương pháp ra sao để giúp người khác lìa khổ được vui, đó là Bồ Đề tâm.

Hiện thời, chúng sanh trong thế gian này gặp quá nhiều khổ nạn, khổ nạn do đâu mà có? Do mê hoặc mà có. Đã biết như thế, chúng ta dùng phương pháp gì để giúp họ? Hãy giúp họ giác ngộ. Dùng phương pháp gì để giúp họ giác ngộ? Thân hành và ngôn giáo. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời nêu gương, chúng ta nhìn vào đó phải hiểu, phải học theo Ngài. “*Thân hành*” tức là những gì Ngài đã nói Ngài đều làm được toàn bộ, chẳng giả tí nào, trong và ngoài như nhau. Đức Phật có vì chính mình hay chẳng? Nói thật cùng quý vị, vì chính mình! Hết thầy chúng sanh là chính mình, ta và người chẳng hai, vì người khác mới là thật sự vì chính mình. Vì chính mình mà chẳng biết vì chính mình, như vậy là sai rồi. Vì thế, dạy chúng ta giác ngộ, giác ngộ điều gì? Giác ngộ pháp môn Bất Nhị. Toàn thể vũ trụ là một Thể! Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta: Hết thầy chúng sanh và chư Phật Như Lai có cùng một tâm, một nguyện, một trí huệ, cho đến mười lực, bốn vô úy, mười tám pháp Bất Cộng, không có gì chẳng giống nhau. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta hãy thật sự

nhận thức chính mình, chính mình và toàn thể vũ trụ là một, chẳng hai, vĩnh viễn chẳng tách rời. Chúng sanh gặp nạn là chính mình bị khổ nạn, chúng sanh lìa khổ là chính mình lìa khổ, chúng sanh được vui là chính mình được vui, ta và người chẳng hai. Do vậy, như thế nào thì quý vị sẽ có thể nhập Phật môn? Quý vị thấy trong kinh luận đã dạy: Buông tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới xuống, quý vị sẽ nhập môn. Tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc chia thành năm loại lớn, đầu tiên là Thân Kiến, chấp trước thân này là ta; thân chẳng phải là ta, trật mắt rồi! Chư Phật Như Lai minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là chúng đắc Pháp Thân, Pháp Thân là gì? “Pháp” là hết thấy các pháp, hết thấy các pháp đều là thân của ta, đó là Pháp Thân. Chấp trước thân này là ta, vứt bỏ thân khác, giống như đối với cái thân của quý vị, chấp trước một sợi lông là ta, những thứ khác đều chẳng phải là ta! Chúng ta nói kẻ ấy mê mắt rồi. Nay chúng ta là kẻ mê, chẳng biết vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ và chính mình là một thể, một tâm, một trí huệ.

Người kiến tánh mới thật sự hiểu rõ, chẳng còn có phân biệt nữa, chăm sóc hết thấy chúng sanh giống như chăm sóc chính mình, coi hết thấy chúng sanh như người nhà, quyến thuộc của chính mình. [Cách nhìn như vậy] vẫn còn cách biệt một tầng, trên thực tế là chăm sóc chính mình. Mỗi vị Pháp Thân Bồ Tát đều có cách nhìn và cách nghĩ như vậy, vì sao? Chân tướng sự thật [là như vậy]. Trước kia, chúng ta đã học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ đại sư, chẳng phải là chuyện này đã được Ngài giảng rất rõ ràng, minh bạch rồi hay sao? Từ một Thể khởi hai tác dụng, một Thể là tự tánh. Quý vị thấy đầu kinh này nêu tên ngài Liễu Bồn Tế, tức tôn giả Kiền Trần Như. Bồn Tế là lý thể, sách Hoàn Nguyên Quán [gọi Bồn Tế] là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, đó là Bồn Tế. Y báo và chánh báo trang nghiêm đều do tự tánh biến hiện, cùng một Thể, có sao quý vị nói chúng chẳng phải là chính mình? Há có lẽ ấy! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường bảo: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”. Tâm là chính mình, thức là chính mình, tâm là chân tâm của chính mình, thức là vọng tâm của chính mình, chân - vọng chẳng hai! Đức Phật bảo chúng sanh đã mê rồi, mê ở chỗ nào? Mê ở chỗ này, chẳng biết hết thấy các pháp do tánh thức của chính mình biến hiện, dấy lên phân biệt, chấp trước, đối lập ở trong ấy, nảy sanh mâu thuẫn, trật mắt rồi, lầm lẫn quá đỗi! Kinh Phật dạy những đạo lý này, nói về những chân tướng sự thật này. Nếu những nhà khoa học hiện thời có thể tìm hiểu kinh Phật, tôi tin tưởng cảnh giới của họ sẽ được nâng cao với một mức độ lớn, nhập vào cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Trong Lượng Tử Lực Học đã nói đến A Lại Da, chỉ cần chuyên A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, họ bèn viên thành Phật đạo. Cách chuyển ra sao? Buông xuống là chuyển, buông khởi tâm động niệm xuống, thông đạt, hiểu rõ hết thấy các pháp, đây là quả vị của Như Lai, trong Phật pháp gọi chuyện này là “chứng đắc”.

Nguyện đại thì chẳng thể không có đại nguyện. Nghĩ đến chính mình, nhất định phải nghĩ đến chúng sanh, nhất là chúng sanh đang mê hoặc, điên đảo, chúng ta dùng phương pháp gì để giúp họ giác ngộ? Hiện thời chúng sanh tham đắm, tham tài, tham sắc, bản thân chúng ta

hãy buông những thứ ấy xuống, buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, rất muốn buông xuống, nhưng buông chẳng được là do nguyên nhân nào? Trong Phật pháp thường nói: “Nghiệp chướng của chính mình quá nặng”, thật đấy, chẳng giả đâu! Nguyên nhân thứ hai là do chưa hiểu rõ chân tướng sự thật! Nghiệp chướng sâu nặng là Phiền Nã Chướng, chưa hiểu rõ chân tướng là Sở Tri Chướng, đó là Nhị Chướng. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện thân hành, ngôn giáo; thân hành giúp chúng ta phá Phiền Nã Chướng, ngôn giáo giúp chúng ta phá Sở Tri Chướng. Ân đức của Phật đối với chúng ta quá lớn, vấn đề là chúng ta phải khéo học, phải biết học, biết học thì quý vị sẽ tiến bộ rất nhanh. Thế nào là biết học? Biết học là quý vị hiểu rõ rồi thật sự làm, đó gọi là “biết”. “Thật sự làm” là gì? Buông xuống là thật sự làm, thấy thấu suốt là hiểu rõ. Chúng ta hãy nghĩ xem Thích Ca Mâu Ni Phật có thứ gì chẳng buông xuống được? Ngài suốt đời nêu gương cho chúng ta, thật sự buông xuống. Quý vị thấy bản thân Ngài có tự tư tự lợi hay chẳng? Có thấy tiếng tăm, lợi dưỡng hay chẳng? Nơi thân đức Phật có tập khí tham, sân, si, mạn hay không? Còn có hiện tượng tham luyến ngũ dục, lục trần hay chẳng? Chúng ta nhìn kỹ lưỡng, hoàn toàn chẳng có! Thuở tại thế, đức Thế Tôn thường ở dưới cội cây, chẳng ở trong nhà. Toàn bộ đều làm cho chúng ta thấy, đặc đại tự tại. Nếu nói theo cách bây giờ, sự tự tại ấy chính là trong tâm chẳng lo nghĩ, chẳng có áp lực tinh thần, thân tâm khỏe mạnh, đặc đại tự tại.

Điều thứ hai là Hạnh Đại, Hạnh Đại chính là “*nhị lợi thành tựu cố*” (do thành tựu tự lợi và lợi tha), thật sự làm, y giáo tu hành. Nhị lợi là tự lợi và lợi tha, là cùng một chuyện, lợi tha chính là tự lợi, tự lợi chính là lợi tha, quyết định chẳng tách rời! Nay chúng ta chưa làm được, tự và tha tách rời, giới hạn rạch rời; đấy là nguyên nhân khiến cho chúng ta vĩnh viễn chẳng nhập môn. Nếu chúng ta thật sự biết tự tha bất nhị, sẽ nhập môn chẳng khó! Nay ta tự lợi, nay ta nói cuộc sống của cá nhân ta là tự lợi, ta ăn uống mỗi ngày chỉ nhằm duy trì thân mạng, quần áo nhằm giữ cho ta ấm áp. Đó là tự lợi, chẳng sai! Nhưng vì sao ta cần tới thân thể này? Cần tới thân thể này nhằm phục vụ người khác. Đó là lợi tha, là bất nhị. Vì sao ta hiện thời dùng mãnh học hành khó nhọc ở nơi đây? Ta học thành công, sẽ nêu gương cho kẻ khác nhìn vào, giảng giải những đạo lý và chân tướng sự thật ấy cho kẻ khác nghe, đó là lợi tha, là một, chẳng hai! Nếu sau khi ta học thành công, trong tương lai làm đại pháp sư, trong tương lai sẽ đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng trong Phật môn, trật rồi! Như vậy là quý vị đã hoàn toàn đi ngược lại Phật pháp, vì sao? Quý vị có hai, Phật pháp chẳng hai; hãy vĩnh viễn ghi nhớ: Nhập pháp môn Bất Nhị. Ta thấy người khác nay đang chịu khổ mắc nạn, chính mình phải dụng công gấp bội, vì sao? Ta thành tựu sớm một ngày, kẻ ấy sẽ chịu khổ ít hơn một ngày, ta thành tựu chậm một ngày, người ấy phải chịu khổ thêm một ngày! Người khổ nạn đông như thế đang ở trước mặt, đốc thúc quý vị ngay lập tức dụng công, quý vị trông thấy, chẳng thể không phát phần, chẳng thể không nghiêm túc. Vì thế, những chúng sanh khổ nạn ấy đang thị hiện trước mặt chúng ta, đốc thúc chúng ta nghiêm túc thật sự tu tập hòng sớm có ngày thành tựu. Quý vị nói xem họ là phàm phu hay là Phật? Chẳng phải là Phật,

chẳng phải là phàm phu, tùy thuộc quý vị có cách nhìn như thế nào! Nếu quý vị có cách nhìn giống như Thiện Tài đồng tử, trừ chính mình ra, hết thấy chúng sanh đều là thiện tri thức, đều là thầy của chính mình thì sau khi thành tựu cũng giống hệt như chư Phật, Bồ Tát, thị hiện đủ mọi hình tướng hòng giúp đỡ chúng sanh có căn cơ chín muồi. Ta và người phân chia theo cách nào? Thật sự là chẳng tách rời! Đây là cửa ải đầu tiên để người thật sự học Phật khế nhập cảnh giới của Phật, rất khó đột phá cửa ải này, không có đại nguyện và đại hạnh sẽ rất khó khăn.

Thứ ba, “*thời đại, kinh tam vô số kiếp có*” (thời đại, vì trải qua ba vô số kiếp). Kiếp (kalpa) là đơn vị thời gian rất dài, phải trải qua bao nhiêu kiếp? Vô số kiếp, lại còn phải trải qua ba lần vô số kiếp nên đây là một công việc lâu dài, chẳng phải là một khoảng thời gian ngắn ngủi. Chúng ta phải biết: Tu hành trong thế giới này phải trải qua thời gian dài ngàn ấy. Chúng ta mong sớm có ngày thành tựu, hòng sớm có ngày giúp đỡ chư Phật Như Lai hóa độ chúng sanh, giống như Văn Thù, Phổ Hiền, Ca Diếp, A Nan. Chúng ta thấy người khác thành Phật, bèn thị hiện làm đệ tử hay làm ngoại hộ của người ấy, khẳng định là như thế, thành tựu đại nghiệp hóa độ chúng sanh của Phật Đà. Phải mong rút ngắn thời gian, phải nghe lời đức Phật khuyến cáo, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, gần gũi A Di Đà Phật, thời gian sẽ được rút ngắn với một mức độ to lớn. Quý vị thấy ở đây là “*trải qua ba vô số kiếp*”, kinh Quán Vô Lượng Thọ nói niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc sẽ đạt phẩm vị gì? Hạ phẩm hạ sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, là phẩm vị thấp nhất trong thế giới Cực Lạc, tu hành trong thế giới Cực Lạc, phải tu bao lâu mới viên mãn thành Phật? Trong kinh, đức Phật bảo là mười hai kiếp. Kẻ hạ hạ phẩm vãng sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đến thế giới Cực Lạc, mười hai kiếp sẽ viên mãn, chúng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Ba vô số kiếp so với mười hai kiếp, thời gian rút ngắn khiến chúng ta chẳng dám tưởng tượng nổi! Thật đấy, chẳng giả đâu! Đức Phật chắc chắn chẳng vọng ngữ, chúng ta phải tin tưởng!

Do vậy, sau khi hiểu rõ chân tướng sự thật này, nhiều vị cổ đại đức xưa kia đã buông hết những kinh giáo và pháp môn khác xuống, suốt đời hành một môn này. Rất nhiều vị cổ đại đức cả đời niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, niệm một câu A Di Đà Phật, những vị đó ai nấy đều vãng sanh. Còn nữa, tuyệt đại đa số trong ấy, có thể nói là đến tám hay chín phần trong mười phần, tỷ lệ như vậy đó, ba năm đã làm xong. Căn cứ vào đâu mà chúng ta có con số ấy? Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, từ Vãng Sanh Truyện trong Đại Tạng Kinh, quý vị thấy người xuất gia, kẻ tại gia niệm Phật vãng sanh phải niệm bao lâu? Ba năm hoặc năm năm bèn thành công, đã vãng sanh. Chúng ta hiểu rất rõ ràng, nhất định chẳng phải là họ niệm Phật ba năm hoặc năm năm, do đã hết tuổi thọ [nên vãng sanh], chẳng phải vậy! Mà do chính mình công phu đã thành tựu, thỉnh cầu A Di Đà Phật đến tiếp dẫn sớm hơn. Các điều kiện đã hội đủ rồi, đã thực hiện Tín - Nguyện - Hạnh viên mãn, thật sự tin tưởng, thật sự phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, ta muốn học hết thấy kinh luận, pháp môn thì đến thế giới Cực Lạc sẽ lại học. Trước tiên, ở thế giới này, chỉ giữ lấy thế giới Cực Lạc, hoàn

toàn chẳng quan tâm đến những điều khác. Như thế thì sẽ thành tựu với tốc độ nhanh chóng ngàn ấy. Chuyện này là thật, chẳng giả. Ngoài Vãng Sanh Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và bút ký của cô nhân ra, trong một đời này, chúng tôi đã thật sự thấy chuyện này: Người đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, đều là biết trước lúc mất, lâm chung chẳng ngã bệnh, ra đi tự tại và tiêu sái đường ấy, chẳng phải là lừa người. Họ là hạng nhất trong những người học Phật, ngài Kiền Trần Như làm đại biểu, là đệ tử bậc nhất của Như Lai.

Điều kiện thứ tư là “*đức đại, cụ túc Nhất Thừa chư công đức cố*” (đức đại, do trọn đủ các công đức Nhất Thừa). Nhìn vào bốn điều đại này, đức đại khó lắm! Chúng ta phải như thế nào mới trọn đủ hết thủy công đức Nhất Thừa? Thừa quý vị, thật sự phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm, tôi chẳng nói nhất tâm, nhất tâm chẳng dễ gì làm được, mà là nhất hướng (một bề), nhất hướng chuyên niệm quý vị sẽ trọn đủ các công đức Nhất Thừa. Nhất Thừa là một Phật Thừa. Chỉ cần trong tâm quý vị có A Di Đà Phật, sẽ trọn đủ các công đức Nhất Thừa, chẳng phải là Đại Thừa, Đại Thừa chẳng sánh bằng Nhất Thừa, Đại Thừa là Bồ Tát, Nhất Thừa là chư Phật Như Lai. Công đức thù thắng khôn sánh, chẳng khó khăn gì!

Hiện thời mọi người đều biết, trên quả địa cầu này phát sanh tai nạn. Các khoa học gia thuộc cơ quan vũ trụ và hàng không của Mỹ, đúng ra là các khoa học gia thuộc cơ quan quản trị vũ trụ (NASA) của Mỹ, đã cho biết rất có thể là Ngân Hà sẽ thẳng hàng^{52[1]}, giống như

^{52[1]} Đây là một hiện tượng “giả thuyết” được mệnh danh gọi là Galactic Aligment. Trong Thái Dương Hệ, mặt trời và các hành tinh hầu như cùng thuộc một mặt phẳng thường được gọi là mặt phẳng hoàng đạo (plane of ecliptic). Nhìn từ Trái Đất, hoàng đạo chính là quỹ đạo mà mặt trời chuyển động trên bầu trời để mọc và lặn mỗi ngày (do trong thực tế, trái đất xoay quanh mặt trời, chứ không phải mặt trời xoay quanh trái đất, nên sự “chuyển động” của mặt trời trên “hoàng đạo” được gọi là chuyển động biểu kiến). Trên hoàng đạo có mười hai chòm sao mà mặt trời phải lần lượt đi qua (do vậy, tử vi Tây Phương mới lập ra khái niệm mười hai cung hoàng đạo, thường gọi là Zodiac). Theo chu kỳ, mặt trời sẽ chậm lại một độ vào mỗi bảy mươi hai năm, tức là chậm lại một cung hoàng đạo mỗi 2.160 năm. Sự thay đổi này được gọi là Tuế Sai (Precession). Sau khoảng 26.000 năm, Bắc Cực sẽ vạch đủ một vòng tròn, tức là mặt trời bị chậm lại đúng 360 độ. Thuyết “Ngân Hà thẳng hàng” được một người chuyên chủ trương chủ nghĩa bí truyền là John Major Jenkins (ông này chỉ là một nhà văn, không trực thuộc một cơ quan nghiên cứu hàng không vũ trụ nào và cũng chẳng có học vị gì về thiên văn) đưa ra vào năm 1990 dựa trên sự kiện lịch cổ của người Maya chấm dứt vào ngày Đông Chí năm 2012, tức ngày 21 tháng 12. Jenkins cho rằng người Maya đã quan sát Great Rift, tức một đám mây bụi tối dọc theo Ngân Hà, họ gọi nó là Xibalba. Jenkins cho rằng người Maya đã nhận biết sự giao nhau giữa Great Rift và đường hoàng đạo. Theo giả thuyết đó, mặt trời sẽ thẳng hàng chính xác với đường xích đạo của Ngân Hà vào ngày Đông Chí năm 2012. Từ đó, những người theo chủ nghĩa Mặt Thê (Tận Thê) cũng như theo trào lưu

người Mã Nhã (Maya) đã tiên đoán, họ nói vào năm 2012. Các khoa học gia thuộc cơ quan quản trị vũ trụ nói không phải là 2012 mà là 2013, họ cũng cảnh cáo, một cơn bão mặt trời có thể gây tổn hại nghiêm trọng cho địa cầu. Tất cả các thiết bị khoa học rất có thể bị mất điện, toàn thể địa cầu mất điện. Phàm những máy móc dùng điện, như máy bay, tàu thủy trong hiện thời, hệ thống thông tin, vệ tinh truyền thông hoàn toàn chẳng sử dụng được, giống như tòa cao ốc chúng ta đang ở, thang máy chẳng chạy, những đồ dùng bằng điện trong gia đình đều ngưng hoạt động, đèn điện chẳng thắp sáng, điện thoại chẳng hoạt động, mang lại ngàn ấy khó khăn cho chúng ta! Tai nạn ấy phỏng chừng mất bao lâu mới có thể khắc phục? Phỏng đoán là phải mười năm mới có thể khôi phục, chuyện này phiền phức rất lớn. Chúng ta ban ngày chẳng nhìn thấy mặt trời, một bầu đen kịt⁵³[2], họ nói trong khoảng thời gian phỏng

New Age cho rằng năm 2012 sẽ đánh dấu một kỷ nguyên mới, kết thúc thế giới hoặc vô số tai ương. Họ còn cho rằng Mặt Trời sẽ có bão từ cực đại hoặc thế giới sẽ hủy diệt do va chạm của Trái Đất với một lỗ đen hay hành tinh Nibiru (các nhà thiên văn không công nhận có hành tinh này). Các nhà thiên văn như David Morrison chẳng hạn cho rằng xích đạo của Ngân Hà không cố định và không bao giờ có thể vẽ chính xác, do đó, khó thể có hiện tượng Ngân Hà thẳng hàng. Dựa trên niềm tin này, rất nhiều thuyết tận thế được đưa ra và đều gán cho NASA như cơ quan thẩm quyền đã lưu hành tuyên bố đó, nhưng nếu ta kiểm lại trong trang nhà của NASA thì không hề thấy những thông tin đó! NASA phải dành riêng một vài trang để trả lời về câu hỏi liệu thế giới có chấm dứt vào năm 2012 hay không (tham khảo <http://www.nasa.gov/topics/earth/features/2012.html>). Đồng thời những nhà nghiên cứu văn hóa Maya cũng cho biết trong các thư tịch của người Maya không hề thấy nhắc đến thuyết tận thế như những nhà “giả khoa học” khẳng định.

53^[2] Những điều này không hề thấy trong các thông tin về bão mặt trời (Solar flare). Năm 1989, một cơn bão mặt trời đã khiến cho hệ thống điện tại Quebec ngưng hoạt động trong vòng vài giờ. Bão mặt trời là hiện tượng bình thường trong chu kỳ hoạt động mười một năm của mặt trời, mặt trời phóng ra một lượng lớn điện tử, ion và nguyên tử tạo thành một đám mây từ tính gây ảnh hưởng đến các tinh tú trong Thái Dương Hệ. Nó sẽ gây ra các trận bão địa từ (geomagnetic storm) trên trái đất, khiến các thiết bị điện tử và mạng điện bị ảnh hưởng, nhiễu loạn hệ thống radio sử dụng các làn sóng ngắn, phi thuyền v.v... nhưng không làm cho bầu trời tối đen như trong các “báo cáo khoa học” của những người theo chủ thuyết tận thế. Mặt trời đã hoạt động rất mạnh trong ngày 13 tháng 07 vừa qua, nhưng chúng ta chẳng thấy có tổn thất gì đáng kể! Những thông tin được nói ở đây là do hòa thượng đọc từ các báo cáo được đăng tải tùy tiện trên Internet do các đồng tu in ra, đưa cho Ngài. Các vị đồng tu ấy nhiều khi không suy xét kỹ, không kiểm tra kỹ lưỡng tính chính xác của các thông tin ấy từ các cơ quan khoa học có thẩm quyền, mà chỉ dựa vào những lời quyết đoán của các nhà giả khoa học đội lốt các nhà nghiên cứu. Chẳng hạn như bà Lynne McTaggard, một tác giả thường viết nhiều về tận thế, đã được các trang nhà (homepage) của người Hoa viết về tận

chùng từ ba bốn tháng đến nửa năm chẳng thể thấy mặt trời, có thể sẽ gặp tai nạn như vậy. Vì thế, người học Phật chúng ta, tôi thường nói với mấy đồng tu khá gần gũi đôi chút, trong tâm chúng ta chẳng kinh hãi tí nào, chẳng hề hoảng sợ, chúng ta chẳng tham sống, sợ chết, chúng ta phải định kỳ hạn vãng sanh vào lúc nào? Nhằm cuối năm 2012. Nếu chuyện ấy phát sanh thì chúng ta đã đi trước rồi, tai nạn ấy hữu ích cho chúng ta, giúp chúng ta tiến hơn, thúc chúng ta phải nhanh chóng tu hành, kéo trễ tràng chẳng kịp, lại phải luân hồi. Luân hồi rất khổ, ta chẳng còn luân hồi nữa! Thời gian của chư vị còn dài lắm, sống thọ cả trăm tuổi, [hãy nghĩ] thọ mạng của ta chỉ có hai năm, thời gian đã định rồi, cũng là biết trước lúc mất, triệt để buông xuống, chuyện đáng làm là hãy nhanh chóng tích công lũy đức, chớ nên làm chuyện hồ đồ nữa! Vì thế, tôi dùng thời gian này để cùng mọi người học kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, hy vọng bộ kinh này có thể lưu truyền hậu thế, tôi tin tưởng [kinh này sẽ] phổ độ các chúng sanh trong hơn tám ngàn năm nữa. Pháp sẽ chẳng bị diệt, chúng sanh quay đầu thì Phật, Bồ Tát bèn đến! Chúng ta liễu giải kinh Vô Lượng Thọ và danh hiệu A Di Đà Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới, *“thử diệc hàm nhiếp Pháp Hoa chi lục đại”* (điều này cũng bao gồm [giáo nghĩa] sáu đại trong Pháp Hoa), [trong bản chú giải] kinh Pháp Hoa [của Trí Giả đại sư] có nói tới sáu đại. Điều thứ nhất trong sáu đại là *“tín đại pháp”*. Pháp môn này là đại pháp, không có pháp môn nào có thể phổ độ chúng sanh trong chín ngàn năm cuối thời

thế gán cho danh hiệu là một “khoa học gia người Mỹ nổi tiếng” thật ra chỉ là một nhà báo, một nhà diễn giảng không chuyên nghiệp, chưa hề làm việc tại một trường đại học nào, chưa từng có công trình nghiên cứu nào, chỉ tự tuyên bố đã tự chữa được căn bệnh “nan y” của chính mình, và in cuốn *What Doctors Don't Tell You* để chỉ trích việc chích vaccine cho trẻ nhỏ, cũng như xuất bản nhiều sách để trình bày luận thuyết, suy diễn của chính mình về vũ trụ, thiên văn v.v... Các “công trình nghiên cứu” của bà ta đã bị phê bình là lẫn lộn giữa kiến thức thật sự và những niềm tin vô căn cứ, kiến thức lỏng lẻo, sai lạc, chẳng hạn lầm lẫn thuốc cúm Tamiflu với vaccine, cũng như kết tội một loại vaccine chống cúm không hề tồn tại, đồng thời chứa đựng rất nhiều hiểu biết sai lầm về khoa học Lượng Tử. Do đại chúng xô xao về chuyện này, Hòa Thượng bèn tiện dịp khuyên chúng ta hãy vững tâm tinh tấn tu hành hơn, tranh thủ thời gian tích cực tu hành mong sớm vãng sanh hồng viên thành Phật đạo. Nếu đọc kỹ, chúng ta sẽ thấy Ngài khuyên chúng ta nên tinh tấn tu hành, đừng hoảng sợ. Nếu Ngài thật sự tin thế giới hủy diệt thì trong đoạn sau, Hòa Thượng sẽ chẳng nói: *“Vì thế, tôi dùng thời gian này để cùng mọi người học kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, hy vọng bộ kinh này có thể lưu truyền hậu thế, tôi tin tưởng [kinh này sẽ] phổ độ các chúng sanh trong hơn tám ngàn năm nữa”* và *“thầy bảo tôi, phải có lòng tin nơi Phật, Phật pháp sẽ chẳng diệt vong, cũng có nghĩa là thế giới này chẳng phải sẽ chấm dứt như người ngoại quốc nói. Có tai nạn là thật, nhưng chẳng thể tận thế, trong nhà Phật chẳng có thuyết tận thế”*.

Mạt Pháp của đức Thế Tôn, chỉ có pháp này. Cổ đại đức đã chứng minh cho chúng ta thấy Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đến cuối cùng đều quy vào Tịnh Độ, đều quy vào kinh Vô Lượng Thọ, chúng tỏ pháp này là đại pháp, phải tin tưởng, quyết định đừng hoài nghi. [Điều thứ hai là] “*giải đại nghĩa*”, ngày nay chúng ta may mắn dường ấy, suốt hai ngàn năm qua, kinh Vô Lượng Thọ chẳng có một bản hoàn thiện, quý vị đọc các bản dịch gốc cảm thấy rất khó khăn, đâu có bản nào đọc trôi chảy, thông suốt, hoan hỷ, chẳng có chương ngại như bản này! Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ lại viết lời giảng nghĩa để giảng giải, [đó là] giải đại nghĩa. [Điều thứ ba là] “*phát đại tâm*”, phát đại tâm là thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. [Điều thứ tư là] “*xu đại quả*” (tiến đến đại quả), tức là một phương hướng, một mục tiêu, một bề chuyên niệm, hết thầy thời, hết thầy chỗ, trong tâm thường nghĩ đến A Di Đà Phật, trong tâm thật sự có Phật. [Điều thứ năm và sáu là] “*tu đại hạnh, chứng đại đạo*”, mỗi ngày đọc tụng, niệm Phật chính là tu đại hạnh. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho dù là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng là chứng đại đạo, vì sao? Mười hai kiếp bèn viên mãn. “*Dĩ cụ thượng thuật chư đại cố, danh vi Đại Đạo Tâm Chúng Sanh*” (do trọn đủ các điều đại như đã nói trên đây, nên gọi là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh), giải thích chữ Bồ Tát như vậy đó.

Tiếp đó, cụ Niệm Tổ giới thiệu Phổ Hiền Bồ Tát (Samantabhadra). “*Phổ Hiền diệc danh Biến Cát*” (Phổ Hiền còn gọi là Biến Cát), Biến (遍) là phổ biến, trọn khắp pháp giới hư không giới; Cát (吉) là cát tường. “*Thanh Lương Sớ vị Phổ Hiền hữu tam*” (Thanh Lương Sớ giảng có ba loại Phổ Hiền), nói đến ba loại, nhưng trên thực tế, Phổ Hiền rất nhiều. Thưa quý vị, người thật sự phát tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy chính là Phổ Hiền Bồ Tát. Vì sao? Tựa đề của phẩm thứ hai trong kinh này là Đức Tuân Phổ Hiền, chúng ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới của pháp môn Phổ Hiền, những vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc đều có thể gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta chưa tu mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, nhưng một câu A Di Đà Phật đã gồm trọn mười đại nguyện, chẳng thể nghĩ bàn. Đức đại, [tức là] đức của Phổ Hiền đại sĩ ở ngay trong một câu danh hiệu này, nói cặn kẽ là trong bộ kinh Vô Lượng Thọ này toàn là nói về đức của Phổ Hiền đại sĩ, tuyệt diệu thay! Chữ “*Thanh Lương*” chỉ bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, [trong bộ sớ giải kinh] Tứ Thập Hoa Nghiêm [của ngài Thanh Lương] có câu: “*Đệ nhất cá vị tiên, dẫn phát Phổ Hiền tâm*” (thứ nhất là Vị Tiên, chỉ phát tâm Phổ Hiền). Nay chúng ta phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là tâm Phổ Hiền, nay chúng ta là Vị Tiên Phổ Hiền. Thứ hai là “*vị trung*”, tức là đang thuộc vào địa vị này, đó là Đẳng Giác Bồ Tát. Thứ ba là “*vị hậu*”, vị hậu là đã thành Phật, “*thành Phật bất xả nhân hạnh*”, có nghĩa là “*vị thành Phật nhưng bất xả nhân địa đích tu hành*” (ý nói đã thành Phật, vẫn chẳng bỏ sự tu hành trong lúc tu nhân). Thành Phật, đắc quả tức là thành Phật; sau khi thành Phật, vẫn dùng thân phận Bồ Tát để giúp A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương cõi nước. Dùng thân phận Bồ Tát

vì thân phận Bồ Tát thuận tiện, thân phận Phật chẳng thuận tiện. Phật là sư đạo, sư đạo là tôn sư trọng đạo, chẳng thuận tiện; Bồ Tát là đồng học, [Bồ Tát và chúng sanh sẽ được hóa độ] là đồng học lớp trước và lớp sau, thuận tiện rất nhiều! Vì thế, chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sanh, rất ít khi dùng thân phận Phật, mà dùng thân phận Bồ Tát, như ba mươi hai ứng thân đã nói trong Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm, nên dùng thân gì để độ kẻ khác bèn thị hiện thân ấy. Thấy đều là Phổ Hiền Bồ Tát.

“*Sớ vị Phổ Hiền chi nghĩa vi: Quả vô bất cùng viết Phổ, bất xả nhân địa viết Hiền*” (Lời sớ giảng ý nghĩa của [danh hiệu] Phổ Hiền: “Quả không gì chẳng cùng tột là Phổ, chẳng bỏ sự tu hành trong lúc tu nhân là Hiền”), tách hai chữ ra để giảng. “*Thử tức Vị Hậu chi Phổ Hiền, thị vi Như Lai chi hóa hiện dã*” (Đây là Vị Hậu Phổ Hiền, do Như Lai hóa hiện). Hóa Thân của Phật, toàn bộ ba mươi hai ứng thân là Hóa Thân của Phật, dầu hóa hiện làm Phật, vẫn là Hóa Thân. Thuở tại thế, thân của Thích Ca Mâu Ni Phật là thân gì? Ứng Hóa Thân, chẳng phải là Báo Thân. Chúng ta chẳng thấy Báo Thân, Báo Thân quá lớn. Báo Thân của Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ thấy Báo Thân của A Di Đà Phật, quý vị phải biết: Thấy được Báo Thân của A Di Đà Phật tức là bản thân quý vị đã chứng đắc Báo Thân. Nếu quý vị chẳng chứng đắc Báo Thân, sẽ chẳng thể thấy Báo Thân của Phật. Do vậy, nói chung, thấy Phật trong cõi Đồng Cư thì vẫn là thấy Ứng Hóa Thân, tới khi nào sẽ thấy Báo Thân của Phật? Minh tâm kiến tánh. Cũng chính là như tôi vừa mới nói: Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, tu hành nơi ấy mười hai kiếp, quý vị chứng đắc Báo Thân; do quý vị đã thành Phật nên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quý vị thấy Báo Thân của A Di Đà Phật. Lúc ấy mới thật sự là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trước lúc đó, A Duy Việt Trí Bồ Tát của quý vị là do bồn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chẳng phải là quý vị thật sự đạt được, nhưng trí huệ, thần thông, và đạo lực của quý vị chẳng khác A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trong thế giới của mười phương chư Phật chẳng có điều tốt đẹp này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là có, quý vị hãy suy nghĩ, có nên sang nơi ấy hay chẳng? Không chỉ nên đi, mà còn nên đi ngay cho nhanh. Đừng lưu luyến thế gian này nữa! Lưu luyến thế gian này, nếu chính mình chẳng vững vàng, quý vị chẳng thể nào không tạo nghiệp. Do đó, quý vị phải suy nghĩ cẩn thận về sự khác biệt một trời một vực giữa lẽ lợi - hại, được - mất trong hai chỗ tu hành này, kẻ thông minh phải nên biết chọn lựa như thế nào!

“*Chí ư Hội Sớ vân*” (Còn như sách Hội Sớ nói), Hội Sớ là bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ của người Nhật, có những câu như thế này cũng nhằm giải thích [danh hiệu] Phổ Hiền: “*Thế biến pháp giới*” (Thế trọn khắp pháp giới), đó là ý nghĩa Phổ, “*vị lân cực thánh*” (địa vị gần với đáng thánh tột bậc), nên gọi Hiền. Đây cũng là Vị Trung Phổ Hiền, tức Đẳng Giác Bồ Tát. Giảng rõ cho chúng ta biết ý nghĩa của Phổ Hiền Bồ Tát. “*Hội Sớ hựu vân: Năng đạo ngự nhất thiết*” (sách Hội Sớ lại nói: “Có thể hướng dẫn, chế ngự hết thảy”), đạo (導) là dẫn đạo (引導: hướng dẫn), chỉ đạo, ngự (御) là thống ngự (統御: cai quản, kiểm

ché), mang ý nghĩa dẫn dắt, lãnh đạo, chữ “*nhất thiết*” chỉ chúng sanh. Đối với chúng sanh thuộc mười pháp giới trong hết thấy các cõi Phật đều có năng lực giúp đỡ, chỉ dạy, dìu dắt chúng sanh. “*Phát thập đại nguyện vương, nguyện Tây Phương vãng sanh, đặc dục tán Di Đà*” (phát ra mười đại nguyện vương, nguyện vãng sanh Tây Phương hòng đặc biệt khen ngợi, giúp đỡ đức Di Đà), giúp đỡ A Di Đà Phật, “*cố u thử kinh thị vi thượng thủ*” (nên trong kinh này, Ngài là thượng thủ). Trong kinh này, Ngài đứng đầu trong các vị Bồ Tát nhằm biểu thị pháp, chúng ta đọc đến những đoạn này sẽ hiểu: “*Hựu Thám Huyền Ký viết: Đức châu pháp giới viết Phổ, chí thuận điều thiện viết Hiền*” (lại như sách Thám Huyền Ký giảng: “Đức bao trùm pháp giới là Phổ, hiếu thuận, nhu hòa đến cùng cực là Hiền”)⁵⁴[3]. Thám Huyền Ký là tác phẩm chú giải bộ Lục Thập Hoa Nghiêm của quốc sư Hiền Thủ, [Lục Thập Hoa Nghiêm] là bản dịch [kinh Hoa Nghiêm] đời Tấn. Trong tác phẩm ấy, lão nhân giảng: “*Đức châu pháp giới*”, tánh đức viên mãn là Phổ. “*Chí thuận điều thiện*”, Thuận (順) là gì? Người Trung Quốc nói là hiếu thuận, “*điều*” (調) là điều lý (調理: điều hòa, giữ cho cân bằng), Thiện là Chí Thiện (tốt lành tốt bậc), người Hoa nói “*minh đức, thân dân, chí u chí thiện*”⁵⁵[4], đó là ý nghĩa của chữ Hiền.

“*Đại Nhật Kinh Sớ nhất viết*” (Đại Nhật Kinh Sớ⁵⁶[5] quyển một nói), đây là sách Mật Tông, “*Phổ Hiền Bồ Tát giả, Phổ thị biến nhất thiết xứ, Hiền thị tối diệu thiện nghĩa, vị Bồ*

⁵⁴[3] Câu này khá khó dịch nên tạm dịch như thế. “Chí thuận” có nghĩa là hiếu thuận đến tột bậc, tức là thể hiện cái tâm cứu vớt chúng sanh tốt bậc không ai sánh bằng, giống như lòng con hiếu thảo với cha mẹ, luôn nghĩ đến phụng dưỡng cha mẹ, nên nói là “chí thuận”. “Điều thiện” là luôn tu dưỡng sao cho tương ứng với tánh đức (ở đây tánh đức được diễn tả bằng chữ Chí Thiện). Chúng tôi tạm dùng chữ Nhu Hòa để diễn tả sự tu dưỡng, điều ngự cái tâm cho đạt tới mức thánh thiện (tức là tương ứng với tánh đức), nói cách khác là giữ cho cái tâm luôn tương ứng với thanh tịnh và bình đẳng như lão hòa thượng thường nói.

⁵⁵[4] Câu này trích từ sách Đại Học trong Tứ Thư của Nho gia, nói đầy đủ là: “*Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chí u chí thiện*”. Đại Học vốn là chương thứ bốn mươi hai trong sách Lễ Ký. Sách Tứ Thư Tập Chú của Châu Hy giảng: “*Chữ Thân nên đọc là Tân. Đại học là cái học của bậc đại nhân. Minh là làm cho sáng tỏ. Minh đức là bản tánh được thừa hưởng tự nhiên, rộng rang, sáng suốt, chẳng tối tăm, trọn đủ các lý để ứng với vạn sự. Thân (tức Tân) là đổi thay những cái cũ kỹ, ý nói đã tự thông hiểu minh đức lại giúp người khác cùng đạt đến chỗ bỏ những cái cũ kỹ, nhiễm ô*”. Như vậy câu này có thể hiểu thô thiển là “đạo của bậc đại nhân là tự thấu hiểu chân tánh của chính mình, giúp cho người khác cùng sửa đổi khuyết điểm, cùng nhau đạt đến chỗ tốt lành nhất”.

⁵⁶[5] Đại Nhật Kinh Sớ là tác phẩm chú giải kinh Đại Nhật do ngài Nhất Hạnh ghi lại lời ngài Thiện Vô Úy giảng kinh Đại Nhật (tức kinh Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thành Biến Gia Trì) cho Đường Huyền Tông. Tác phẩm này khá đồ sộ, gồm hai mươi quyển, ngoài lời giải

Đề tâm sở khởi nguyện hạnh, cập thân khẩu ý, tất giai bình đẳng, biến nhất thiết xứ, thuần nhất diệu thiện, bị cụ chúng đức, cố dĩ vi danh” (Phổ Hiền Bồ Tát: Phổ là khắp hết thấy các chỗ, Hiền nghĩa là sự lành mẫu nhiệm nhất; tức là nguyện hạnh do tâm Bồ Đề khởi lên và thân, miệng, ý thấy đều bình đẳng, trọn khắp hết thấy các chỗ đều là thuần nhất diệu thiện, đầy đủ các đức. Vì vậy, lấy đó làm tên). Cách giải thích này cũng rất rõ ràng, rành rẽ. Hai chữ Phổ và Hiền đều là tánh đức viên mãn, hết thấy chúng sanh chẳng ai không có, thấy đều có. Nay chúng ta mê mất tự tánh, tánh đức có còn hay không? Vẫn còn, chỉ là ẩn, chẳng hiện. Đã mê thì trí huệ biến thành phiền não, đức hạnh biến thành tạo nghiệp, chúng ta tạo nghiệp thiện, nghiệp ác, đức hạnh biến thành tạo nghiệp, tướng hảo biến thành lục đạo. Cũng có nghĩa là trí huệ và đức tướng trong tự tánh của chúng ta sau khi mê bèn bị biến dạng. Sự biến dạng ấy cũng chẳng thật sự là biến dạng, khi nào chúng ta quay đầu, sự biến dạng ấy cũng sẽ khôi phục bình thường, khôi phục bình thường chính là tánh đức Phổ Hiền. Vì thế, câu kệ tiếp [trong sách Chú Giải] rất hay: “*Vị Bồ Đề tâm sở khởi nguyện hạnh*” (tức là nguyện hạnh do tâm Bồ Đề khởi lên), câu này rất quan trọng, nguyện và hạnh của quý vị phải tương ứng với Bồ Đề tâm. Vì vậy, mười sáu chữ “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*” là quan trọng, trong hết thấy lúc, hết thấy chỗ, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều phải tương ứng với chúng, chúng ta sẽ thuộc vào Bồ Đề đạo. Chúng ta dùng tâm gì để niệm Phật? Dùng Bồ Đề tâm để niệm Phật, Bồ Đề tâm sung mãn thân, khẩu, ý của chúng ta, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta mà thị hiện thân hành, ngôn giáo, hiển thị Bồ Đề tâm nơi thân tâm của chính mình, dùng tâm chân thành đãi người, tiếp vật, dùng thanh tịnh, bình đẳng, giác, dùng đại từ đại bi, tự tha bất nhị. “*Tất giai bình đẳng, biến nhất thiết xứ*”(thấy đều bình đẳng, trọn khắp hết thấy các chỗ), tín, giải, hành, chứng của chúng ta cũng trọn hết thấy các nơi, một chính là hết thấy, hết thấy chính là một, đây là cảnh giới Hoa Nghiêm. “*Thuần nhất diệu thiện*”, thuần nhất diệu thiện là nói tổng quát. Vì sao Phật, Bồ Tát pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ? Nếu chúng ta nhập cảnh giới ấy, quý vị nói xem quý vị có hoan hỷ hay không? Giống như chư Phật, Bồ Tát, pháp hỷ sung mãn. “*Bị cụ chúng đức*” (trọn đủ các đức), Bị (備) là chẳng khuyết, những đức năng vốn sẵn có trong tự tánh thấy đều hiện ra. Đó là ý nghĩa của Phổ Hiền.

“*Phổ Hiền, Văn Thù nữ Thích Ca Như Lai chi nhị hiệp sĩ*” (Phổ Hiền và Văn Thù là hai vị hiệp sĩ của Thích Ca Như Lai), “*hiệp sĩ*” (脅士)^{57[6]} chính là [vị Bồ Tát thân cận ở] hai

thích của ngài Thiện Vô Úy, sách còn ghi thêm những kiến giải riêng của ngài Nhất Hạnh. Những phần đó được ghi rõ là “*tu vị*” (riêng tôi cho rằng), hoặc “*kim vị*” (nay cho rằng). Đây là một tác phẩm trọng yếu cho hành giả Mật Tông để tìm hiểu về Thai Tạng Giới nói riêng và giáo nghĩa Mật Tông nói chung.

^{57[6]} Hiệp là cái hông, do vậy, Hiệp Sĩ có thể hiểu theo nghĩa đen là người đứng sát sườn ta, là phụ tá gần gũi nhất.

bên. “*Thị Phật tả hữu*” (hầu hai bên Phật). Phía sau chúng tôi là tượng Tam Tôn Phật, chính giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân, Lô Xá Na là Báo Thân, Thích Ca Mâu Ni Phật là ứng thân, tam thân là một thân, một thân là tam thân. Nói theo Thể, Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân; nói theo Dụng, trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, bèn gọi là Lô Xá Na, tức Báo Thân; ứng hóa trong mười pháp giới là Ứng Thân, Thích Ca Mâu Ni Phật là Ứng Thân. Một tức là ba, ba tức là một, chẳng tách rời! Phía sau chúng tôi, Văn Thù và Phổ Hiền ở hai bên Phật. “*Nãi Thích Tôn hội trung thượng thủ, tại Hoa Nghiêm hội thượng diệc thị thượng thủ. Hữu, Phổ Hiền Bồ Tát vi nhất thiết chư Phật chi trưởng tử*” (là Thượng Thủ trong hội của đức Thích Ca. Trong hội Hoa Nghiêm, họ cũng là Thượng Thủ. Phổ Hiền Bồ Tát còn là con trưởng của hết thầy chư Phật), “*trưởng tử*” là danh hiệu chung. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh Tứ Thập Tụng có câu: “*Nhất thiết Như Lai hữu trưởng tử, bỉ danh hiệu viết Phổ Hiền tôn*” (Hết thầy Như Lai có trưởng tử, danh hiệu của Ngài là Phổ Hiền). Vì thế, quý vị phải biết, danh hiệu của Bồ Tát chẳng phải là danh xưng chuyên biệt của một người nào. Quý vị học pháp môn này bèn gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Trong kinh Hoa Nghiêm, người học kinh Hoa Nghiêm là Phổ Hiền Bồ Tát, mà cũng là Văn Thù Bồ Tát. Quý vị lý giải, tức là hiểu rõ, lý giải kinh Hoa Nghiêm, sẽ là Văn Thù; quý vị áp dụng những điều đã lý giải vào cuộc sống, thực hiện trong công việc, áp dụng vào sự đãi người, tiếp vật, bèn gọi là Phổ Hiền. Phổ Hiền tượng trưng Hạnh môn, Văn Thù tượng trưng Giải môn, giải hạnh bất nhị, đều là nói theo mặt Dụng. Về Thể thì Tỳ Lô Giá Na tượng trưng bản thể, tượng trưng cho thanh tịnh viên minh thể của tự tánh, đều là biểu thị pháp.

“*Khả kiến Phổ Hiền chánh thị Như Lai Pháp Thân chi sở lưu hiện, hóa tác Đẳng Giác đại sĩ, tương tán Thích Tôn, diễn xướng thánh giáo. Nhược cứ Mật giáo, Phổ Hiền tức thị Mật giáo Sơ Tổ Kim Cang Tát Đỏa. Kim Cang Tát Đỏa tức thị Kim Cang Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát*” (có thể thấy Phổ Hiền chính là từ Pháp Thân của Như Lai xuất hiện, hóa thành vị Đẳng Giác Đại Sĩ tán trợ Thích Tôn, xướng diễn thánh giáo. Trong Mật giáo, Phổ Hiền chính là Kim Cang Tát Đỏa, Sơ Tổ của Mật giáo. Kim Cang Tát Đỏa chính là Kim Cang Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát). Ở đây, Ngài được xếp đứng đầu các vị Bồ Tát; trong phần trước, chúng ta thấy tôn giả Ca Diếp biểu thị Thiên Tịnh bất nhị, ở chỗ này, Phổ Hiền Bồ Tát cũng nhằm biểu thị Mật Tông và Tịnh Độ bất nhị. Trong Mật Tông, Phổ Hiền Bồ là Sơ Tổ của Mật Giáo, Mật Tông do Ngài truyền thừa, nhưng trong Mật Tông Ngài được gọi là Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva) hay Kim Cang Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajrapāni). Tiếp đó, “*Thánh Vô Động Tôn Đại Oai Nộ Vương Bí Mật Đà La Ni Kinh viết: Thủ Kim Cang Thủ thị Pháp Thân đại sĩ, thị cố danh Phổ Hiền*” (Thánh Vô Động Tôn Đại Oai Nộ Vương Bí Mật Đà La Ni Kinh chép: “Ông Kim Cang Thủ này là Pháp Thân Đại Sĩ; vì vậy, tên là Phổ Hiền”), sự biểu thị pháp của Ngài ở đây có ý nghĩa sâu xa, có thể nói là sâu rộng không ngần mé. “*Hữu Kim Cang Trí chi Ngũ Bí Tát Quyết viết: Kim Cang Tát Đỏa giả, tức thị Phổ Hiền Đại Bồ Tát di danh dã, diệc danh nhất thiết Như Lai trưởng tử, diệc danh Đại A Xà Lê*” (Sách Ngũ Bí Tát

Quyết của ngài Kim Cang Trí cũng ghi: “Kim Cang Tát Đỏa chính là tên khác của Phổ Hiền Đại Bồ Tát, Ngài cũng được gọi là con trưởng của hết thầy Như Lai, cũng gọi là Đại A Xà Lê”). Chúng ta xem mấy câu này, Kim Cang Tát Đỏa chính là biệt danh của Phổ Hiền Bồ Tát, là danh xưng trong Mật Tông. “*Diệc danh Như Lai trưởng tử*” (cũng gọi là con trưởng của Như Lai), đây là danh xưng trong kinh Hoa Nghiêm. “*Diệc danh Đại A Xà Lê*”, Đại A Xà Lê là danh xưng trong Mật Giáo. A Xà Lê (Ācārya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Quý Phạm Sư, [có nghĩa là] tư tưởng và ngôn hạnh của vị ấy có thể làm gương mẫu, khuôn phép cho người tu hành. Bất luận quý vị tu pháp môn nào hay tông phái nào, Phổ Hiền Bồ Tát là gương mẫu chung. Mỗi nguyện trong mười đại nguyện vương đều hàm nhiếp chín nguyện kia; do vậy, mười nguyện biến thành một trăm nguyện, một trăm nguyện ấy nếu lại triển khai sẽ gồm trọn vô lượng vô biên hồng nguyện của Bồ Tát, chẳng sót một nguyện nào; từ tâm Bồ Đề mà sanh, chân thật, chẳng dối!

“*Lễ kính chư Phật*”, chư Phật là gì? Tự tánh là chư Phật, Thể của hết thầy chúng sanh, nói theo Triết Học là bản thể, Lý Thể có thể sanh, có thể hiện chính là tự tánh. Trong Phật pháp có nói: “*Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”. Nói cách khác, tâm và pháp là một, chẳng hai. Tâm đã là Phật, lẽ nào pháp chẳng phải là Phật? Chúng ta bèn hiểu rõ ý nghĩa của “*lễ kính chư Phật*”, lễ kính chư Phật là hết thầy cung kính, như vậy thì mới có thể đoạn sạch sành sanh những tập khí ngạo mạn cực kỳ vi tế từ vô thủy kiếp đến nay, vì sao? Lễ kính chư Phật thì Lễ là hình thức bề ngoài, Kính là trong tâm. Trong tâm thật sự có ý kính trọng, cung kính hết thầy. Cung kính hết thầy mọi người, như vậy thì đối với hết thầy chư Phật, Bồ Tát chẳng cần phải nói nữa, vì sao? Hết thầy mọi người là vị lai Phật. Cung kính hết thầy động vật, muỗi, trùng, kiến, những loài cựa quậy, bò trườn trong giới động vật, nay chúng ta biết vi khuẩn là động vật nhỏ nhất. Nhìn dưới kính hiển vi, vi khuẩn giống như tiểu trùng, chúng cử động, đó là chư Phật, phải lễ kính chúng. Cây cối, hoa, cỏ cũng do tâm hiện, tâm sanh. Đá, bùn, cát, các khoáng vật cũng do tâm hiện, thức biến, cho đến hư không, chẳng có một pháp nào chẳng phải là tâm hiện, thức biến, toàn là chư Phật. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình dữ vô tình, đồng viên chung trí*” (tình và vô tình cùng viên mãn Chung Trí), “*tình*” là hữu tình chúng sanh, “*vô tình*” là thực vật, khoáng vật, hư không, đại địa như chúng ta thường nói. Trong pháp Đại Thừa, toàn bộ đều do tự tánh hiện, không có thứ gì chẳng phải là tự tánh. Tự tánh ở nơi đâu? Tùy tiện lấy một pháp nào cũng đều là nó, người minh tâm kiến tánh bèn biết [điều này]. Do đó, lễ kính chẳng có ngần mé, đúng là vật to lớn chẳng ra ngoài, vật nhỏ bé không gì chẳng ở trong, đấy là Tánh Đức của tự tánh, là Tánh Đức viên mãn. Nếu chúng ta muốn kiến tánh, quý vị làm như thế sẽ kiến tánh rất dễ dàng. Quý vị chẳng tu theo cách như vậy, kiến tánh rất khó, vì sao? Quý vị có nghiệp chướng. Nghiệp chướng là gì? Bất kính! Tự tánh của quý vị vốn trọn đủ lễ kính, nay quý vị ngạo mạn đối với kẻ khác, thấy kẻ ấy chẳng vừa mắt, đấy chính là nguyên nhân vì sao quý vị chưa thể kiến tánh! Phổ Hiền Bồ Tát đã nói rõ ràng, đã dạy quý vị rồi, nhưng quý vị chẳng tin tưởng, không

chịu y giáo phụng hành, ai thua thiệt? Chính mình bị thiệt thòi, chứ Phổ Hiền Bồ Tát chẳng bị thiệt thòi. Pháp Tánh và Pháp Tướng chẳng bị thiệt thòi, mà chính mình bị thiệt thòi to lớn! Sau khi mê, chưa tỉnh lại, không có cách nào giác ngộ. Nếu muốn giác ngộ, phải khởi đầu bằng lễ kính, Phổ Hiền Bồ Tát dạy như thế đó!

Thứ hai là “*xung tán Như Lai*”, thứ ba là “*quảng tu cúng dường*”, quảng tu cúng dường chính là Cộng Sản chủ nghĩa, chính là “*lợi hòa đồng quân*” trong Lục Hòa Kính. Tiếp theo đó là “*sám trừ nghiệp chướng*”. Chưa làm được ba điều trước, sẽ chẳng thể sám trừ hết sạch nghiệp chướng. Sám thế nào cũng chẳng sạch, vẫn còn lưu lại khúc đuôi! Ba điều trước đã làm được, nghiệp chướng sẽ sám trừ sạch sành sanh. Quý vị bèn suy nghĩ, ta đối với hết thầy người, sự, vật, hễ còn có tí xíu tâm chẳng cung kính, đó là nghiệp chướng, ta thấy kẻ khác làm chuyện tốt mà chẳng khen ngợi, nghiệp chướng đấy! Thấy người khác làm chuyện bất hảo bèn rêu rao, đó cũng là nghiệp chướng. Do vậy, khen ngợi là khen ngợi điều thiện, chẳng khen ngợi sự ác. Ta thấy chúng sanh chịu khổ bị nạn, cuộc sống của bản thân ta còn khá, sau khi đã thấy, [nếu chính mình] có nhân duyên để giúp đỡ họ mà chẳng chịu làm, đó là nghiệp chướng! Quý vị làm thế nào để sám trừ nghiệp chướng? Do vậy, ba điều trước có đạo lý rất sâu! Mười đại nguyện ấy, mỗi điều sau sâu hơn điều trước, điều sau có thể bao gồm điều trước, nguyện thứ hai bao gồm nguyện thứ nhất, nguyện thứ nhất chẳng bao gồm nguyện thứ hai, cuối cùng là “*phổ giai hồi hướng*” gồm trọn các điều khác. Nhất định phải hiểu đạo lý này, nhất định phải thật sự làm, thực hiện bằng tâm chân thành của chính mình, như vậy là đúng! “*Tác A Xà Lê*” (làm A Xà Lê), A Xà Lê chính là nêu gương, đúng là “*học làm thầy người, hạnh làm gương cho đời*”, học làm thầy người là ngôn giáo, hạnh làm khuôn mẫu cho đời, đó là thân hành, phải thật sự làm mới được.

“*Kim thử kinh trung, Phổ Hiền đại sĩ, liệt tối thượng thủ, chánh hiển Mật Tịnh bất nhị*” (Nay trong kinh này, Phổ Hiền Đại Sĩ được kể tên là bậc Thượng Thủ cao nhất, chính là để hiển thị Mật, Tịnh bất nhị), ý nghĩa này hay lắm, nói thật hay! “*Có tiên sư Hạ lão vân*” (Vì vậy, tiên sư là Hạ lão cư sĩ nói), tức là lão cư sĩ Hạ Liên Cư, “*Tịnh Độ tức thị Mật giáo hiển thuyết*” (Tịnh Độ chính là hiển thuyết của Mật giáo), câu này nghĩa là gì? Khuyến kẻ học Mật hãy trở về Tịnh Độ. Vì sao? Mật chẳng dễ gì thành tựu! Cụ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi, nước Trung Hoa mới 58^[7] thành lập đã nhiều năm như thế, nhưng tu Mật Tông chỉ có sáu người thành tựu. Lão nhân gia kể cho tôi biết chuyện này, quá khó khăn! Tu Thiên Tông, theo lão pháp sư Đàm Hư cho biết, Ngài nói suốt đời Ngài chưa thấy một ai tham Thiên khai ngộ, chưa hề thấy, mà cũng chưa hề nghe nói đến, đặc Thiên Định thì có, như lão hòa thượng Hư Vân đặc Thiên Định, nhưng chẳng khai ngộ, quý vị bèn biết Thiên khó lắm! Ở đây, tôn

58^[7] Tân Trung Quốc là từ ngữ do chính quyền Trung Cộng đặt ra để gọi nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, nhằm phân biệt với Trung Hoa Dân Quốc.

già Ca Diếp biểu thị pháp “Thiền Tĩnh bất nhị”. Nếu quý vị mong thật sự thành tựu, hãy tu Tĩnh Độ, Thiền có thể tu kèm, “*có Thiền, có Tĩnh Độ*”. Câu ấy nói rõ chẳng thể thành tựu nơi Thiền, bèn có thể thành tựu nơi Tĩnh. Học Mật cũng giống như vậy, ở đây, Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị pháp, chẳng thể thành tựu nơi Mật thì thành tựu bằng Tĩnh. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng học Thiền và Mật, cuối cùng niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng học Thiền và Mật, cụ học Thiền với lão hòa thượng Hư Vân, học Mật với Cống Cát lão nhân⁵⁹[8], cụ cũng tu Tĩnh Độ. Cuối cùng, trong lúc ngã bệnh, cụ bảo tôi: Mỗi ngày niệm Phật mười bốn vạn câu, ngày đêm chẳng giải đãi, niệm Phật vãng sanh Tĩnh Độ. Những vị ấy đều là đại thiện tri thức, đã nêu gương cho chúng ta trong thời kỳ Mật Pháp này! Vì sao [các Ngài] thị hiện những chuyện như thế? Đây là lòng từ bi vô tận, dạy chúng ta đừng đi theo đường vòng, các Ngài đã đi đường vòng cho chúng ta thấy, cuối cùng các Ngài đều trở về Tĩnh Độ, đạt được thành tựu. Chúng ta còn phải học Thiền hay học Mật nữa hay chẳng? Chẳng cần! Chúng ta trực tiếp tu Tĩnh Độ là được rồi, theo đường thẳng, không đi loanh quanh, biểu thị ý nghĩa ấy. “*Tạng Mật Hồng giáo tổ sư Liên Hoa Sanh Đại Sĩ, tức A Di Đà Phật chi hóa thân Phật, cổ Hồng giáo tôn sùng Di Đà, khuyến sanh Cực Lạc, viễn tịnh u kỳ tha giáo phái. Mật Tĩnh bất nhị chi chỉ, u bốn giải trung tam bất tường luận*” (tổ sư Liên

⁵⁹^[8] Cống Cát lão nhân (1903-1997) họ Thân, tên là Thư Văn, thuộc hoàng tộc nhà Thanh, sanh tại Bắc Kinh, tập võ từ năm sáu tuổi. Năm mười hai tuổi, theo học kiếm thuật và luyện nội công theo Đạo giáo, và có chí nguyện xuất gia từ nhỏ. Năm 1920, bà vâng lệnh cha kết hôn với ông Vũ Anh Đình, nhưng do sẵn chí xuất trần, bà xin thoái hôn, hành hiệp khắp vùng Nam Bắc. Năm 1922, bà gặp hòa thượng Đạo Giai chùa Pháp Nguyên điếm hóa, bèn bỏ tu Tiên, học Phật, chuyên tâm dạy học, đề xướng khuyến học và các biện pháp giảm đói nghèo cho dân chúng. Bà từng tham gia du kích kháng Nhật khi chiến tranh Hoa Nhật nổ ra. Không lâu sau, bà bị thương nặng, bị quân Nhật bắt được. Trong thời gian tù đầy, bà sáng chiếu niệm thánh hiệu Quán Âm, được cảm ứng, thoát hiểm. Từ đó, bà ăn chay trường, chuyên tâm hành trì Phật pháp. Chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, bà theo chánh phủ Dân Quốc thiên cư về Trùng Khánh, theo học tại Hán Tạng Giáo Lý Viện, quy y với Thái Hư đại sư. Bà cũng xin học Thiền với Hư Vân đại sư. Năm 1940, bà chuyển tới Khang Định, đảm nhiệm chức Bí Thư của chính quyền tỉnh Tây Khang, hứng thú học Mật tăng cao. Tuy gặp nhiều vị đại đức Mật Tông, bà chỉ tôn sùng Cống Cát Hoạt Phật (Konga, Gangkar Rinpoche, 1893-1957), nên đến chùa Cống Cát tại núi Gangkhar Dzongsar thuộc vùng Khang Định xin quy y, được truyền pháp quán đảnh, bà xin bế quan tu hành suốt ba năm, được Cống Cát Hoạt Phật ban đạo hiệu Cống Cát Lão Nhân. Bà tinh tấn tu hành, trở thành một vị thượng sư đức cao trọng vọng của dòng Karmapa Kagyu tại Hoa Lục. Tuy tu hành, bà vẫn tích cực hành nghề y tại Thượng Hải, Tô Châu. Bà từng sang Đài Loan hoằng pháp vào năm 1958, sáng lập Cống Cát Tinh xá tại Trung Hòa (Đài Bắc), lập viện chữa trị Đông Y tại nơi đó. Bà từng tuân lệnh Karmapa đời thứ mười sáu thành lập Cống Cát Tinh xá tại Phi Luật Tân cũng như sang hoằng pháp tại Mã Lai, Thái Lan, Tân Gia Ba, và Hương Cảng.

Hoa Sanh Đại Sĩ (Padmasambhava) của Hồng giáo⁶⁰[9] Mật tông Tây Tạng chính là hóa thân của A Di Đà Phật. Vì vậy, Hồng giáo tôn sùng A Di Đà Phật, sôt sáng khuyên sanh về Cực Lạc hơn các tông phái khác. Trong bản giải thích kinh này, tạm chắng bản luận chi tiết về yếu chỉ “Mật, Tịnh bất nhị”). Sự thị hiện này, đặc biệt là một chiêu cuối cùng của Niệm công lão nhân (cụ Hoàng Niệm Tổ) nhằm bảo chúng ta, hãy chuyên niệm A Di Đà Phật, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ bèn thành công.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp, “*Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát*”. “*Văn Thù Sư Lợi, diệc vân Mạn Thù Thất Lợi*” (Văn Thù Sư Lợi còn gọi là Mạn Thù Thất Lợi), đây là dịch âm tiếng Phạn, cách dịch khác nhau, âm thanh cũng chắng sai khác mấy, cũng rất gần gũi, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Diệu Thủ, hoặc còn dịch là Diệu Cát Tường, “*diệc vân Diệu Đức, thị chư Phật chi sư*” (còn dịch là Diệu Đức, Ngài là thầy của chư Phật). Trong kinh có nói Ngài là thầy của bảy vị Phật quá khứ. Quý vị thấy bảy người học trò đều đã thành Phật mà lão nhân gia vẫn thuộc địa vị Bồ Tát, giúp người khác thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, nêu gương cho chúng ta thấy. “*Phóng Bát kinh viết: Kim ngã đấc Phật, giai thị Văn Thù Sư Lợi chi ân dã. Quá khứ vô ương số chư Phật, giai thị Văn Thù Sư Lợi đệ tử. Đương lai giả diệc thị kỳ oai thần lực sở trí. Thí như thế gian tiểu nhi hữu phụ mẫu*” (Kinh Phóng Bát chép: “Nay tôi được thành Phật đều do ơn của Văn Thù Sư Lợi. Quá khứ vô ương số chư Phật đều là đệ tử của Văn Thù Sư Lợi. Các vị [Phật trong] tương lai cũng cậy vào sức oai thần của Ngài mà thành. Ví như trẻ nít trong cõi đời có cha mẹ”). Những người nương cậy Bồ Tát, bao nhiêu Bồ Tát trong quá trình tu hành đều được Văn Thù Bồ Tát chiếu cố. Trên thực tế, Văn Thù Bồ Tát cũng đã thành Phật trong kiếp số lâu xa, nhưng luôn dùng thân phận Bồ Tát, tuy đã thành Phật, nhưng giống như Phổ Hiền Bồ Tát, đã thành Phật vẫn chắng bỏ nhân địa. Chúng ta thấy kinh chỉ nói Ngài là thầy của bảy vị Phật, ở đây, chúng ta thấy, “*quá khứ vô ương số chư Phật đều là đệ tử của Văn Thù Sư Lợi*”, trong kinh đức Phật đã dạy điều này! “*Văn Thù giả, Phật đạo trung phụ mẫu dã*” (Văn Thù là cha mẹ trong Phật đạo), trong Phật đạo và trong Bồ Tát đạo, Ngài giống như cha mẹ, chiếu cố những kẻ tu hành phát tâm học đạo.

“*Tâm Địa Quán Kinh viết: - Tam thế giác mẫu Diệu Cát Tường*” (Kinh Tâm Địa Quán nói: “Mẹ giác ngộ của ba đời là Diệu Cát Tường”), Diệu Cát Tường là Văn Thù Sư Lợi. “*Tam thế giác mẫu*”, Giác là Phật, [tam thế giác mẫu] là mẹ của ba đời chư Phật. “*Hựu Diệu Đức giả, Pháp Hoa Gia Tường Sở nhị*” (Lại nữa, Diệu Đức, theo quyền hai trong tác

⁶⁰[9] Hồng Giáo còn gọi là Cổ Mật, tức tông phái Nyingma pa, là tông phái Mật Tông cổ nhất tại Tây Tạng. Gọi là Hồng Giáo, Hồng Phái hoặc phái Hồng Mạo vì chư tăng thường mặc ca-sa có màu đỏ sậm, đội mũ đỏ, nhằm phân biệt với tông phái Gelugpa của Đại Lai Lạt Ma (Hoàng Mạo phái, đội mũ vàng, khoác ca-sa vàng phủ lên ca-sa đỏ), Bạch Giáo (Kagyupa, tuy gọi như vậy, nhưng phái này vẫn mặc ca-sa nâu đỏ) và Hoa Giáo (Sakyapa). Hồng Giáo tôn sùng đại sĩ Liên Hoa Sanh làm sáng tổ.

phẩm sơ giải kinh Pháp Hoa của ngài Gia Tường), “*nhi*” là quyển thứ hai, “*viết: Văn Thù, thử vân Diệu Đức*” (nói: “Văn Thù, cõi này dịch là Diệu Đức”), Văn Thù là dịch âm tiếng Phạn, Văn Thù Sư Lợi dịch sang tiếng Hán là Diệu Đức hay Diệu Cát Tường. “*Dĩ liễu liễu kiến Phật Tánh cố, đức vô bất viên, quả vô bất tận, xưng Diệu Đức dã*” (do thấy rõ ràng Phật Tánh, đức không gì chẳng viên mãn, quả không gì chẳng cùng tột, nên xưng là Diệu Đức). Vì sao dịch là Diệu Đức? Đức đã trọn vẹn, quả đã chứng đến địa vị cùng tột, “*quả vô bất tận*” là đã chứng đến địa vị cùng tột, cũng tức là công đức viên mãn, nên gọi là Diệu Đức. “*Hội Sớ viết: Cụ tam đức bí tạng, thần hóa bất tư nghị, cố danh Diệu Đức*” (Hội Sớ chép: “Trọn đủ ba đức bí tạng, thần thông và giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là Diệu Đức”). Trong kinh Đại Thừa thường nói đến tam đức bí tạng, Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát được gọi là Tam Đức. “*Cụ*” (具) là đầy đủ, đây là nói đến sự chứng đắc. Chứng đắc tam đức bí tạng là Pháp Thân Bồ Tát. Trong tam đức bí tạng, A La Hán chỉ có một đức là giải thoát, A La Hán vẫn chưa có Bát Nhã và Pháp Thân, giải thoát [của A La Hán] thường nói là giải thoát một nửa, giải thoát chẳng viên mãn. Quyền Giáo Bồ Tát cũng chưa chứng đắc Bát Nhã và Pháp Thân, Pháp Thân Bồ Tát mới chứng đắc, người Trung Quốc thường nói là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, đây là chứng đắc, kiến tánh thành Phật là chứng đắc. Theo kinh Hoa Nghiêm, Sơ Trụ trong Viên Giáo đã chứng đắc [tam đức bí tạng], nhưng chẳng thể nói là viên mãn. Vì sao? Các Ngài chưa đoạn tập khí, tập khí vô thi vô minh vẫn còn. Trong phần trước, tôi đã nói, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới đoạn hết tập khí, đoạn hết tập khí bèn trở về tự tánh viên mãn, đó là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Vì vậy, Ngài trọn đủ tam đức bí tạng, cũng tức là đã thật sự chứng quả từ lâu, nhưng chẳng bỏ hạnh đã tu nơi nhân địa, giống như Phổ Hiền. Vì thế, nói Ngài là thầy của chư Phật, thần hóa chẳng thể nghĩ bàn, [tức là] thần thông và giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn, cho nên gọi là Diệu Đức.

“*Diệu Cát Tường giả, Viên Trung Sao viết: - Vi diệu tam đức, đồng Phật sở chứng, cố diệc vân Diệu Cát Tường. Hoặc nghiệp khổ tam, hữu thiếu phần tại, giai vị cát tường*” (Diệu Cát Tường: Sách Viên Trung Sao giảng: “Chứng ba đức vi diệu giống như Phật nên cũng gọi là Diệu Cát Tường. Ba thứ Hoặc, Nghiệp, Khổ nếu còn có chút phần đều chẳng phải là Cát Tường”). Chúng ta phải ghi nhớ câu này, Hoặc là mê hoặc, Nghiệp là tạo nghiệp, Khổ là chịu báo, đó là gì? Là những thứ trong lục đạo luân hồi. Mê hoặc, tạo nghiệp, chịu báo, ba chuyện này hễ còn chút phần, đều chẳng thể gọi là Cát Tường. Trong quá khứ, người thế gian chúng ta khen ngợi người khác bèn nói “*cát tường*”, thật ra là lời lẽ khen ngợi hữu danh vô thực! Tiêu chuẩn Cát Tường theo nhà Phật có mức độ thấp nhất là A La Hán, vì sao? A La Hán đã đoạn hết Hoặc, Nghiệp, Khổ, đã đoạn xong, vượt thoát lục đạo luân hồi, đối với bốn thánh pháp giới được gọi là Cát Tường, nhưng chưa thể thêm vào chữ Diệu! Diệu là Pháp Thân Bồ Tát thì mới có thể xưng là Diệu Cát Tường. “*Vi diệu tam đức, đồng Phật sở chứng*” (chứng ba đức vi diệu giống như Phật), này là Diệu Cát Tường. “*Vị cư cứu cánh, tam đức viên chương, cố hựu hiệu Diệu Cát Tường dã*” (Địa vị đạt đến rốt ráo, ba đức hiển lộ trọn vẹn,

nên lại có hiệu là Diệu Cát Tường). Quý vị thấy địa vị đạt đến rốt ráo. Đạt đến rốt ráo là Diệu Giác, chẳng phải là Đẳng Giác, Ngài thị hiện thân phận Đẳng Giác, Đẳng Giác là Ngài thả chiếc bè Từ, chứ thật ra Ngài đã thành Phật từ rất lâu rồi! “*Văn Thù u Bồ Tát chúng trung, trí huệ đệ nhất, bốn vi Long Chung Tôn Vương Như Lai*” (Trong các vị Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là bậc trí huệ bậc nhất. Ngài vốn là Long Chung Tôn Vương Như Lai), Ngài đã thành Phật xưa kia, đây là Phật hiệu của Ngài. “*Hiện tại Bắc phương Thường Hỷ quốc thành Phật, hiệu Bảo Tích Như Lai*” (hiện tại Ngài thành Phật trong cõi Thường Hỷ thuộc phương Bắc, hiệu là Bảo Tích Như Lai), nguyên lai Bảo Tích Như Lai cũng là Ngài. Theo như kinh Đại Bảo Tích đã nói, [Bảo Tích Như Lai] vốn vẫn là Ngài. “*Vị lai thành Phật, hiệu Phổ Kiến Như Lai*” (trong tương lai thành Phật, hiệu là Phổ Kiến Như Lai), trong tương lai, Ngài lại thị hiện thành Phật, đặc đại tự tại.

Ở đây, đã thấu lộ cho chúng ta một tin tức, tin tức gì vậy? Đoạn hết tập khí vô thỉ vô minh, cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng không có, đúng là “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, cõi Thật Báo cũng chẳng thật, chỉ có Thường Tịch Quang là thật. Có người hỏi, trong Thường Tịch Quang, ta có khởi tác dụng hay chẳng? Quý vị đọc đến đây, [sẽ thấy] có khởi tác dụng. Trong Thường Tịch Quang, khi nào chúng sanh hữu duyên có cảm, Ngài sẽ ứng, “*ứng*” ở đây là có thể thật sự hiện thân Phật, xuất hiện. Văn Thù Bồ Tát là một thí dụ, Ngài chẳng cần phải thị hiện tám tướng thành đạo, có thể thị hiện quả vị rốt ráo để xuất hiện. Đây chính là “*có cảm*”, nói chung là người nào cảm? Pháp Thân Bồ Tát hẳn có cảm bèn ứng. “*Cổ tri Văn Thù đại sĩ nãi quá hiện vị tam thế thành Phật giả, kim thị hiện hội trung, đại trí độc tôn, biểu thử pháp môn duy đại trí phương năng tín nhập*” (Do vậy biết: Đại Sĩ Văn Thù thành Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Nay Ngài thị hiện làm bậc đại trí độc tôn trong hội này, biểu thị chỉ có người đại trí mới có thể tín nhập pháp môn này). Thật vậy! Chẳng phải là bậc đại trí, đại thiện căn, đại phước đức thật sự sẽ chẳng thể ngay lập tức tiếp nhận pháp môn này. “*Hựu Diệu Đức giả, liễu liễu kiến Phật tánh cố, kim lân Phổ Hiền vị liệt thượng thủ, chánh biểu Thiên Tịnh bất nhị*” (Hơn nữa, Diệu Đức là thấy rành rõ Phật tánh nên kinh văn đặt Ngài làm Thượng Thủ tiếp ngay theo Phổ Hiền chính là để biểu thị ý chỉ “*Thiên, Tịnh bất nhị*”). Vì Văn Thù Bồ Tát cũng là tổ sư của Thiên Tông, nên núi Ngũ Đài cũng là đại bản doanh, là tổ đình của Thiên Tông. Ở đây, chúng ta thấy ý nghĩa biểu thị pháp của Văn Thù và Phổ Hiền.

Tôi giảng kinh Hoa Nghiêm kinh được một nửa, nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp nào? Do thưở ấy, tôi chưa có tín tâm đối với Tịnh Độ, nhưng cũng chẳng hoài nghi, cũng chẳng phản đối, không muốn tu Tịnh Độ, vẫn là muốn học Giáo. Kết quả là lật xem phần sau kinh Hoa Nghiêm, đều thấy [các vị Bồ Tát] phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ. Lại đọc phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, đúng là đều dạy thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Tuy tham phỏng mỗi vị thiện tri thức, đến cuối cùng đều là lễ từ, tức là “*luyến đức lễ từ*”, cảm ơn đại đức đã giáo huấn. “*Lễ từ*”: [Lễ] là lễ tạ, Từ là chẳng học pháp môn ấy, Ngài

vẫn là một câu Di Đà niệm tới cùng, từ đầu tới cuối chẳng thay đổi pháp môn. Lúc ấy, tôi mới nghiêm túc xem xét chỗ vi diệu của Tịnh Tông, như vậy rồi mới tiếp nhận. Vì thế, rất khó khăn, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Lăng Nghiêm đã dẫn tôi về Tịnh Độ. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tới chỗ này.

Tập 92

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ sáu, xem từ dòng thứ tám, cũng là đoạn thứ hai.

“*Di Lạc Bồ Tát, cập Hiền kiếp trung nhất thiết Bồ Tát, giai lai tập hội*” (Di Lạc Bồ Tát và hết thầy Bồ Tát trong Hiền kiếp đều đến nhóm hội). Đối với câu kinh văn này, trong Chú Giải, cụ Niệm Tổ đã giới thiệu, Di Lạc (Maitreya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Từ Thị, tức là từ bi. “*Bồ Tát chi tánh dã, danh A Dật Đa*” (là họ của Bồ Tát, Ngài tên là A Dật Đa). A Dật Đa (Ajita) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Năng Thắng (không ai có thể trỗi hơn được), có nghĩa là thù thắng khôn sánh. “*Cụ túc tắc vi Từ Thị Vô Năng Thắng*” (nói đầy đủ là Từ Thị Vô Năng Thắng), cũng có nghĩa là trong các vị Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát từ bi nhất. Trên thực tế, Phật Phật đạo đồng, chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát chẳng hề bất bình đẳng. Trí huệ, đức năng, và tướng hảo đều bình đẳng. Những danh hiệu như vậy trong kinh điển không gì chẳng nhằm thể hiện ý nghĩa biểu thị pháp, pháp môn nào sẽ dùng vị Bồ Tát nào làm đại diện, mang ý nghĩa biểu thị pháp. Di Lạc đặc biệt biểu thị lòng từ bi thù thắng, như Văn Thù tượng trưng trí huệ thù thắng, Phổ Hiền tượng trưng sự thực hành thù thắng, Địa Tạng tượng trưng “hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy” thù thắng. Thật ra, đều là bình đẳng, chúng ta phải hiểu điều này! Hiện thân, làm việc, ngôn ngữ, danh hiệu trong Phật pháp, không gì chẳng nhằm biểu thị pháp. Nói cách khác, hết thầy đều là phương tiện dạy học, mục đích là không gì chẳng khiến cho hết thầy chúng sanh thấy hình tượng Bồ Tát, đó là thân hành, nghe Bồ Tát giáo huấn, có thể đạt giác ngộ, trở về tự tánh, đây là mục tiêu chung cực trong học tập Phật pháp.

Tiếp đó, cụ Hoàng dẫn chứng: “*Di Đà Sớ Sao vân*” (sách Di Đà Sớ Sao viết). Sớ Sao do Liên Trì đại sư soạn, trong Sớ Sao có một đoạn như vậy, những điều được nói trong đoạn ấy đều là những điều được nói trong kinh điển. “*Dĩ tại mẫu thai trung, tức hữu từ tâm, cố dĩ danh tộc*” (Do khi Ngài còn trong thai, mẹ liền có tâm Từ, nên lấy đó làm họ): Khi mẹ có thai Ngài, tâm từ bi vô cùng rõ rệt; vì thế, bộ tộc của Ngài lấy tên là Di Lạc. Di Lạc là họ của Ngài, dòng họ là bộ tộc, tại cổ đại Ấn Độ là như vậy, mà ở Trung Quốc cũng là như thế. Trung Quốc cổ đại thường lấy dòng họ làm danh xưng của bộ tộc. “*Hựu quá khứ sanh trung, ngộ Đại Từ Như Lai, nguyện đồng thử hiệu, tức đắc Từ Tâm tam-muội*” (Lại nữa, trong đời quá khứ, gặp Đại Từ Như Lai, nguyện có cùng danh hiệu ấy, liền đắc Từ Tâm tam-muội). Trong kiếp trước lâu xa, Bồ Tát gặp Phật nghe pháp, gặp được một vị Phật có hiệu là Đại Từ Như Lai, Ngài làm đệ tử của Đại Từ Như Lai, phát nguyện đời đời kiếp kiếp mong có cùng danh hiệu với thầy. Danh và thực nhất định tương xứng, danh hiệu giống nhau, trí huệ, đức năng, hành trì nhất định chẳng khác thầy, đó là “*thầy trò đạo hợp*”, là truyền nhân của thầy. Do phát nguyện ấy bèn đắc Từ Tâm tam-muội. Tam, đúng mực, còn dịch là Chánh Định, tâm đã định, định trong đại từ đại-muội (Samādhi) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Thọ, tức sự hưởng thụ chánh đáng, còn dịch là Chánh Định, tâm đã định rồi, định trong đại từ đại bi.

“*Hựu tích vi Bà La Môn, hiệu Nhất Thiết Trí, u bát thiên tuế, tu tập Từ hạnh*” (Xưa kia, Ngài lại là Bà La Môn có hiệu là Nhất Thiết Trí, tu tập hạnh Từ trong tám ngàn năm). Trong đoạn này nói đến rất nhiều thời đại, đây cũng là sự tích tu hành của Di Lạc Bồ Tát trong đời quá khứ. Lại nữa, trong thời đại ấy, Ngài từng hiện thân làm Bà La Môn. Bà La Môn giáo của cổ Ấn Độ là một tôn giáo vô cùng xa xưa, lịch sử đã lâu đời, hậu thân của tôn giáo này chính là Hưng Đô Giáo (Hinduism) trong hiện tại, người Hoa gọi tôn giáo ấy là Ấn Độ giáo. Nghe nói tôn giáo ấy có hơn một vạn năm lịch sử, chúng ta có thể tin tưởng lời này, người Ấn Độ không coi trọng lịch sử cho lắm, họ chú trọng tu Định, khai ngộ. Điều này cũng có lý, tu Định, khai ngộ là thật; trừ chuyện này ra, như đức Phật đã dạy trong kinh: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, những điều này đều là sự thật. Hiện thời, trên thế giới thừa nhận Ấn Độ giáo có lịch sử tối thiểu là tám ngàn năm trăm năm, họ nói Phật giáo chỉ có hơn hai ngàn năm trăm năm lịch sử. Nói như vậy, tối thiểu Ấn Độ giáo lâu hơn Phật giáo năm ngàn năm, thật sự là một tôn giáo cổ xưa. Bà La Môn giáo coi trọng tu Định, trong kinh điển, đức Phật thường nhắc tới Tứ Thiên Bát Định, những món Thiên Định ấy do Bà La Môn giáo của cổ Ấn Độ đề xướng. Thuở đó, ở Ấn Độ, tất cả các tôn giáo, kể cả các học phái đều coi trọng tu Thiên Định. Trong Định có thể đột phá các chiều không gian, có thể thấy quá khứ, mà cũng có thể thấy tương lai. Họ có năng lực thấy trạng huống trong toàn thể lục đạo, học thuyết lục đạo luân hồi do họ đề ra, đó là cảnh giới do họ đích thân chứng nghiệm trong Định. Nói theo hiện thời, điều này cũng thuộc về Triết Học và Khoa Học, bất quá họ chẳng dùng máy móc khoa học, mà dùng

công phu Thiền Định để hoàn toàn thấy được, hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ! Đây là giới thiệu đơn giản về Bà La Môn giáo.

[Thuở ấy], Di Lạc Bồ Tát tu hành trong đạo Bà La Môn rất có thành tựu, phải thuộc vào hàng đại sư, nên có hiệu là Nhất Thiết Trí. Trong tám ngàn năm, Ngài thường tu hạnh Từ. Tám ngàn năm là thời gian, niên đại được nói ở đây cũng là niên đại trên địa cầu, Ngài tu đại từ đại bi. Chữ “*huru*” (lại nữa) tiếp đó nhằm nói đến một thời đại nữa, tức là một thời đại khác, chỉ rõ Bồ Tát tu từ bi không chỉ một đời, một kiếp, mà là đời đời kiếp kiếp, vĩnh viễn tiếp tục không ngừng! Vì thế, ngày nay chúng ta vẫn lấy Di Lạc Bồ Tát tượng trưng cho lòng từ bi trong Đại Thừa Phật pháp. Tiếp đó, nói “*Phát Sa Phật thời*” (thời Phát Sa Phật), đây là danh hiệu của một vị cổ Phật, “*dữ Thích Ca Như Lai đồng phát Bồ Đề tâm, thường tập Từ Định*” (cùng phát tâm Bồ Đề với Thích Ca Như Lai, thường tu tập Từ Định). Trong đời ấy, Ngài là bạn học của Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật, đều là học trò của Phát Sa Phật, cùng tu học có thành tựu, Di Lạc và Thích Ca đều mang thân phận Bồ Tát. Tiếp đó, sách Sớ Sao lại nêu ra: “*Tư Ích Kinh vân: Chúng sanh kiến giả, tức đắc Từ Tâm tam-muội*” (Kinh Tư Ích chép: “Chúng sanh trông thấy liền đắc Từ Tâm tam-muội”). Hết thấy chúng sanh trông thấy Bồ Tát, tâm từ bi đều sanh khởi. Do vậy, tại Trung Quốc, các vị tổ sư đại đức thờ Di Lạc Bồ Tát ngay tại cửa chùa. Chùa miếu được xây dựng theo lối chánh quy, bước vào đầu tiên là sơn môn, tức là Thiên Vương Điện. Tứ Đại Thiên Vương là thần hộ pháp trong Phật môn. Tứ Đại Thiên Vương được bày hai bên, chính giữa thờ Di Lạc Bồ Tát, nhưng Di Lạc Bồ Tát được tạc tượng khác với Ấn Độ. Tại Ấn Độ, Di Lạc Bồ Tát [được tạc tượng] rất giống Quán Thế Âm, Đại Thế Chí; ở Trung Quốc thờ tượng Bồ Đại hòa thượng.

Trong lịch sử, thật sự có một vị Bồ Đại hòa thượng, trong Cao Tăng Truyện có chép truyện ký của Ngài. Ngài sanh nhằm thời đại Tống Cao Tông (1107-1187) nhà Nam Tống. Rất nhiều đồng học biết trong lịch sử Trung Quốc có danh nhân Nhạc Phi, tinh trung báo quốc. Bồ Đại hòa thượng cùng thời với Nhạc Phi, xuất hiện tại huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Tuy truyện ký ghi chép rất tỉ mỉ, vẫn chẳng biết dòng họ và lai lịch của Ngài. Rốt cuộc, Ngài là người nơi nào, không biết, tên họ gì cũng không biết, thậm chí đối với pháp danh xuất gia của Ngài cũng không biết, chẳng ai biết! Người ta gọi Ngài là Bồ Đại hòa thượng (hòa thượng túi vải) do Ngài hằng ngày cầm một cái túi to đi khắp nơi hóa duyên, người ta cúng dường thứ gì Ngài đều bỏ vào túi. Mỗi ngày gặp người khác đều thật sự hoan hỷ, mặt tràn đầy vẻ tươi cười, người cũng rất mập mạp. Vì thế, tạo tượng Di Lạc Bồ Tát đều là tạo hình tượng của Bồ Đại hòa thượng. Theo truyền thuyết, khi vãng sanh, Ngài bảo người khác Ngài là Di Lạc Bồ Tát thị hiện. Nói xong bèn tịch, chẳng sanh bệnh, nói ra thân phận bèn ngồi xếp bằng vãng sanh. Vào thời cổ có chuyện như thế, là thật. Phật, Bồ Tát thị hiện trong nhân gian chúng ta, hễ thân phận bộc lộ bèn tịch, chẳng thể lưu lại trong nhân gian nữa. Nếu bộc lộ thân phận mà vẫn không tịch, vẫn sống trong nhân gian, tức là giả trá, chẳng thật! Các đồng học học Phật chúng ta phải hiểu điều này, sẽ chẳng bị kẻ khác lừa gạt! Kẻ

đó nói hẳn là Bồ Tát hay Phật sống nào đó tái lai, nói xong vẫn chẳng tịch, vậy thì mục đích của hẳn là gì ta có thể đoán ra được, vẫn là tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng. Nói rồi bèn tịch thì là thật, chẳng giả tí nào! Do vậy, từ đó trở đi, người Hoa đặt tượng lão nhân gia ở ngay sơn môn, khiến cho hết thấy chúng sanh hể bước vào sơn môn sẽ thấy vị đầu tiên là Ngài. Vì sao? Đây là như kinh đã dạy: “*Chúng sanh kiến giả, tức đắc Từ Tâm tam-muội*” (chúng sanh trông thấy liền đắc Từ Tâm tam-muội), biểu thị pháp ấy, khiến cho hết thấy chúng sanh hể bước vào cửa Phật, thấy Ngài đầu tiên, tâm từ bi sẽ sanh khởi. Quý vị thấy Bồ Tát hoan hỷ đường ấy, vẻ mặt tràn đầy vẻ tươi cười, bụng to đùng, tượng trưng điều gì? Có thể bao dung. Chớ nên so đo với bất cứ ai, mà có thể bao dung, có thể rộng lòng tha thứ, có thể xử sự, đãi người, tiếp vật bằng đại từ đại bi, biểu thị những ý nghĩa này. Do vậy, đây là giáo dục, là lên lớp.

Đã nói tới Thiên Vương Điện, chúng tôi cũng tiện dịp giới thiệu đôi chút về ý nghĩa biểu pháp của Tứ Đại Thiên Vương. Họ hộ trì Phật pháp, chớ nên không biết họ hộ trì chúng ta ra sao! Họ hộ trì bằng cách chỉ dạy chúng ta hộ trì chính mình như thế nào, tức là hộ trì thân tâm của chính mình. Có thể hộ trì thân tâm của chính mình, hạ người như thế được gọi là “biết yêu thương chính mình”. Yêu mình thì có thể yêu người; chẳng yêu thương chính mình, làm sao có thể yêu thương người khác, há có lẽ ấy? Tứ Đại Thiên Vương tượng trưng cho sự yêu thương chính mình, họ được chia thành bốn vị thiên vương Đông, Nam, Tây, Bắc:

1) Đông Phương Thiên Vương có danh hiệu là Trì Quốc (Hộ Quốc thiên vương, Dhrtarāstra, Đề Đầu Lại Tra). Ý nghĩa Hộ Quốc được mở rộng thành hộ trì chính mình, hộ trì gia đình, hộ trì dòng họ, hộ trì láng giềng làng xóm, hộ trì xã hội, hộ trì quốc gia, hộ trì dân tộc, hộ trì toàn thể thế giới, quý vị phải hiểu ý nghĩa này. [Cần phải lưu ý] một chuyện trọng yếu nhất trong hộ quốc, từ xưa tổ tiên đã dạy chúng ta đạo Trung Dung, điều kiện trọng yếu nhất là phải biết sử dụng Trung, chớ nên thái quá mà cũng đừng bất cập sẽ đạt đến chỗ tốt đẹp, đó chính là tốt lành nhất, “*chỉ u chỉ thiện*”. Tiêu chuẩn của Trung là gì? Trong Phật pháp, [Trung được hiểu] sâu hay cạn khác nhau, quá nhiều. Sách Trung Dung⁶¹[10] trong Tứ Thư của triết học Trung Quốc giảng về Trung, trong ấy tổ tiên Trung Quốc đã giảng về tiêu chuẩn [của Trung].

61^[10] Trung Dung là một chương trong sách Lễ Ký, tức chương 31, chưa rõ tác giả là ai, có thuyết nói là do Khổng Cấp (tự là Tử Tư). Khổng Cấp (438-402 trước Công Nguyên) là cháu nội của Khổng Tử, tức con trai của Khổng Lý, từng theo học với Tăng Tử (Tăng Sâm, một trong những môn đệ đặc ý của Khổng Tử). Khổng Cấp được hậu thế xưng tặng mỹ hiệu là Thuật Thánh. Dựa theo văn phong, chỉ có thể đoán sách Trung Dung được hoàn thành cuối thời Chiến Quốc. Mãi đến đời Tống, thiên sách này mới được rút ra thành một bản lưu hành riêng và Châu Hy đã quy định Tứ Thư gồm Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học và Trung Dung.

Danh hiệu của thiên vương khiến chúng ta hiểu Ngài biểu thị ý nghĩa nào. Tay Ngài cầm đàn tỳ bà, tỳ bà là nhạc khí, không phải là nói vị thiên vương này thích ca hát, không phải là ý nghĩa ấy! Đàn tỳ bà biểu thị Trung Đạo. Nhạc khí sử dụng dây thì dây đàn không thể rất căng, quá căng sẽ bị đứt, cũng chẳng thể quá chùng, quá chùng sẽ không phát ra tiếng, phải điều chỉnh thích đáng, phù hợp, âm sắc sẽ hay đẹp, mang ý nghĩa ấy! Quý vị phải điều chỉnh sao cho thích đáng, vừa phải. Trong Đại Thừa Phật pháp, [Trung] được gọi là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế, biểu thị ý nghĩa ấy. Ai có thể hành Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế? Chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ, còn Phật và Bồ Tát thuộc trong mười pháp giới vẫn chưa làm được. Quý vị phải hiểu Trung, chẳng lệch, chẳng tà mới là Trung, người ở trong lục đạo chẳng làm được, vì sao? Họ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là lệch lạc, tà vạy, chẳng phải là chánh. Trung và Chánh có ý nghĩa giống nhau. Trung Đạo được hành trong bốn thánh pháp giới là tương tự, chưa thật, vì sao? Đã đoạn phân biệt và chấp trước, nhưng chưa hết vọng tưởng, vẫn còn có khởi tâm động niệm, nên chẳng phải là Trung Chánh thật sự. Nhất định phải đạt đến minh tâm kiến tánh, trong cảnh giới sáu trần, sáu căn thật sự làm được “chẳng khởi tâm, không động niệm”, đây mới là thật sự đạt được Trung Chánh, đó là tiêu chuẩn cao nhất của Trung Đạo. Pháp Thân Bồ Tát chúng đắc, chúng đắc bèn vượt thoát mười pháp giới, chứ không phải chỉ là lục đạo. Hộ Quốc thiên vương biểu thị ý nghĩa này. Chúng ta thấy tượng Hộ Quốc thiên vương bèn hiểu ý nghĩa biểu thị pháp, xử sự, đãi người, tiếp vật phải hành Trung Đạo, chẳng lệch lạc, chẳng tà vạy, mang ý nghĩa này.

2) Nam Phương Thiên Vương có đức hiệu là Tăng Trưởng (Virūdhaka, Tỳ Lô Lặc Xoa), danh hiệu của Ngài là Tăng Trưởng. Tăng Trưởng có nghĩa là không ngừng tiến lên, tiến bộ, mong cầu tiến bộ! Tổ tông Trung Quốc đã dạy: “*Cầu nhật tân, nhật nhật tân*” (ngày một mới, mỗi ngày một mới mẻ hơn), chính là ý nghĩa này. Nói theo Phật pháp sẽ là Tinh Tấn Ba La Mật, Tinh Tấn là trọn chẳng thoái chuyển, mang ý nghĩa này. Tay Ngài cầm kiếm, tức bảo kiếm, bảo kiếm tượng trưng trí huệ, chỉ có trí huệ mới có thể thật sự giúp cho chúng ta tiến bộ, tiến bộ nhưng không để lại hậu quả. Tại Ấn Độ vào thời cổ và tại Trung Quốc xa xưa, tông chỉ giáo dục có mục tiêu chung cực là cầu trí huệ. Phật pháp sau khi truyền đến Trung Quốc đã thúc đẩy Nho và Đạo đều theo đuổi trí huệ. Trí huệ do đâu mà có? Kinh điển cho chúng ta biết: Tự tánh của chúng ta vốn trọn đủ trí huệ. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, nói rất rõ ràng, rất rành mạch. [Nói] “Như Lai” là nói tới tự tánh, chẳng phải là ai khác, trong tự tánh của chúng ta có trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, nay chúng ta nói là năng lực, năng lực kỹ thuật. Hiện thời, người bình phàm chúng ta gọi “tướng hảo” là phước báo, không có gì chẳng viên mãn. Nay vì sao chúng ta có sai biệt? Chúng ta so với Phật và Pháp Thân Bồ Tát khác biệt một trời một vực, vì sao vậy? Đức Phật dạy: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chúng đắc*”, câu này đã nói toạc ra. Thật vậy, chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước,

nên trí huệ và đức tướng sẵn có trong tự tánh chẳng thể hiện tiền, chúng bị những thứ ấy chướng ngại.

Do đó, đức Phật dạy chúng ta ba phương pháp nhằm phá ba thứ chướng ngại ấy. Ngài dạy Giới, nếu trì giới thanh tịnh sẽ phá được Kiến Tư phiền não. Kiến Tư phiền não là chấp trước, có thể phá chấp trước, khôi phục tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh là bản tâm, tâm thanh tịnh là phước báo. Chư vị phải ghi nhớ, chúng ta mong cầu phước thì: Tâm chẳng thanh tịnh sẽ chẳng có phước; tâm đã thanh tịnh, phước báo bèn hiện tiền. Thật đấy, chẳng giả đâu! Có phước, sẽ có địa vị và của cải trong xã hội; nếu tâm không thanh tịnh, phước ấy là giả, chẳng thật. Có địa vị và của cải mà tâm thanh tịnh, phước đó là thật, người ấy thật sự hưởng phước. Thứ hai là dạy chúng ta tu Định, tu Định có thể phá Trần Sa phiền não, tức là phân biệt, đạt được gì? Được bình đẳng, đấy là như kinh Vô Lượng Thọ kinh đã nói “thanh tịnh bình đẳng giác”, đạt được bình đẳng. Tâm bình đẳng hiện tiền, bình đẳng là Đại Định, chẳng nổi sóng gió, bình lặng rồi, đấy là cảnh giới của Bồ Tát, đã tiến cao hơn. Cuối cùng đức Phật dạy chúng ta giác, chánh giác, giác chứ không mê, giác có thể phá căn bản vô minh, thành Phật, trở về tự tánh. Đức Phật dạy chúng ta ba phương pháp Giới - Định - Huệ. Vì vậy, trong kinh Phật thường nói: “*Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt bật tham, sân, si). Thứ nghiêm trọng nhất trong Tham là chấp trước, thứ nghiêm trọng nhất trong Sân là phân biệt, thứ nghiêm trọng nhất trong Si là vọng tưởng, đức Phật dạy chúng ta phương pháp phá ba thứ chướng ngại ấy, trí huệ và đức năng sẵn có trong tự tánh của chúng ta đều hiện tiền, chẳng phải là hướng ra ngoài để cầu. Do vậy, Phật pháp được gọi là Nội Học, kinh Phật được gọi là Nội Điển, chẳng hướng ra ngoài cầu mà cầu từ bên trong là trí huệ, hướng ra ngoài để cầu bèn là tri thức. Tri thức và trí huệ là hai chuyện [khác hẳn nhau]. Giáo dục của người phương Tây nhằm cầu tri thức, chẳng phải là cầu trí huệ. Trí huệ do Giới, Định, Huệ mà có, còn tri thức thật sự là từ tâm ý thức của chúng ta, chúng ta dụng tâm nghiên cứu, làm như vậy càng chẳng ăn khớp với Giới, Định, Huệ, trong ấy chẳng có Giới, Định, Huệ. Giáo dục phương Đông coi trọng Giới, Định, Huệ, đặc biệt là Phật giáo.

Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, đúng như tiến sĩ Thang Ân Tử (Toynbee) đã nói, nó đã phong phú hóa nền văn hóa bản địa của Trung Quốc. Nho gia coi trọng Giới, Định, Huệ, Đạo gia cũng xem trọng Giới, Định, Huệ, tăng trưởng mà! Nâng cao Giới, Định, Huệ, đó là tăng trưởng, Giới, Định, Huệ thúc đẩy hết thảy tiến bộ trong xã hội. Giới, Định, Huệ cũng có thể thúc đẩy quý vị thăng quan, phát tài, nó là chánh đáng, chẳng để lại hậu quả, cao minh hơn phương Tây nhiều. Ở phương Tây, tri thức, khoa học, kỹ thuật phát triển, đến hiện thời chúng ta có thể thấy, chẳng qua là ba trăm năm, chúng ta thấy gì? Thấy ngày tàn của thế giới. Vì vậy, hiện thời họ cũng dần dần giác ngộ, học theo Trung Quốc, học tập Ấn Độ. Trong mấy năm gần đây, họ tìm cầu hóa giải xung đột, khôi phục sự an định trong xã hội và thế giới, chung sống hòa bình. Họ chẳng làm được điều này, khiến cho xã hội rối loạn, địa

cầu bị tổn hại. Địa cầu đã bị tổn hại, theo họ nói, tức theo lời các nhà khoa học, hiện thời địa cầu triển khai sự trả thù đối với nhân loại, sự trả thù ấy chính là tai nạn. Vì sao? Các nhà Lượng Tử Học hiện đại đã biết, hết thảy tất cả hiện tượng vật chất, giống như vi trần được nói tới trong kinh Phật, một hạt vi trần là vật chất, nó có Thọ, Tướng, Hành, Thức, có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ, ý niệm, hành vi của con người. Nó có ưa, ghét. Ngôn hạnh của con người tốt đẹp, nó sẽ ưa chuộng. Tâm hạnh của con người tạo ác, nó sẽ chán ghét, chẳng phải là vô tri. Do vậy, trong Phật pháp nói vạn sự vạn vật trong toàn bộ vũ trụ đều là thể hữu cơ, sống động, chẳng chết cứng! Hiện thời, các nhà khoa học Lượng Tử phát hiện điều này, là thật, chẳng giả.

Hiện nay, tư tưởng và hành vi của loài người chúng ta có lỗi với địa cầu! Phá hoại sự cân bằng sinh thái tự nhiên, phạm lỗi với nó, nó phải báo thù. Có thể hóa giải tai nạn hay không? Các nhà Lượng Tử Học nói “có thể”, Phật pháp cũng giống như vậy, cũng có cách nói như thế. Chúng ta chỉ cần thay đổi tâm thái, nhận biết chân tướng của hiện tượng tự nhiên, điều chỉnh tâm thái của chính mình, vứt bỏ tham, sân, si, mạn, đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện. Hết thảy vạn vật ưa chuộng thiện pháp, chúng ta tìm lại mười hai chữ “*hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ, nhân ái, hòa bình*” của tổ tông, khởi tâm, động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều tương ứng với đức hạnh, xã hội sẽ hòa hài, chẳng có tai nạn. Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm, “cảnh” là hoàn cảnh. Đối với đại hoàn cảnh của chúng ta, địa cầu là đại hoàn cảnh, vô lượng vô biên tinh hệ trong không gian cũng là đại hoàn cảnh của chúng ta. Khoa học gia đã đưa cảnh cáo nghiêm trọng nhất, năm 2012, Ngân Hà thẳng hàng, người Maya đã tính như vậy. Chúng tôi thấy có một tài liệu tức là bài phát biểu của tổng cục vũ trụ của Mỹ tuyên bố chuyện Ngân Hà thẳng hàng là có thật, nhưng họ nói không phải là năm 2012, mà là năm 2013, sai khác một năm. Chúng ta có thể hóa giải tai nạn này hay không? Có thể, vì sao? Trong hoàn cảnh cư trụ, tâm chúng ta chánh đáng, không chỉ địa cầu chẳng có tai nạn, mà các tai nạn trong các tinh hệ (hệ thống tinh tú) thuộc vũ trụ cũng có thể hóa giải. Người thâm nhập Đại Thừa biết [như vậy], có tín tâm, chẳng hoài nghi tí nào!

Trong quá khứ đã từng có người bảo cho tôi biết, hy vọng người học Phật chúng ta sẽ nghiêm túc, nỗ lực tu học, thay đổi quỹ đạo của các tinh hệ trong vũ trụ. Lúc đó, tôi nghe xong, hết sức ngỡ ngàng, há có loại năng lực ấy? Phật, Bồ Tát cũng làm không được, lẽ đâu chúng ta có năng lực như vậy? Học kinh Hoa Nghiêm, học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ đại sư, chúng tôi hoảng nhiên đại ngộ “thật sự có loại năng lực ấy”. Các nhà khoa học cận đại đã phát hiện ý niệm có năng lượng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có bất cứ năng lượng nào có thể sánh bằng năng lượng sanh bởi ý niệm; nhưng trong kinh điển, chúng ta thường đọc thấy điều gì? Không thể liễu giải thấu triệt ý nghĩa của nó. Quý vị thấy trong kinh Phật, từ lúc mới học Phật, chúng ta đã đọc đến rồi, vũ trụ sanh ra như thế nào? “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Đọc đọc nhuễn như cả rồi, nhưng ý nghĩa thật sự được bao hàm [trong câu nói ấy] chẳng biết; vì vậy, chẳng thể sử dụng được, vẫn mê trong cảnh giới y

như cũ, chẳng biết chân tướng sự thật của cảnh giới, không biết Thật Tướng của các pháp, rất oan uổng, rất đáng tiếc! Trời cao đã cho chúng tôi sống thọ, chúng tôi rất cảm kích! Nếu tôi chết từ năm năm trước, sẽ chẳng biết đến chuyện này, tôi thật sự biết là đã đọc đến năm lòng rồi, nhưng chẳng thấu triệt, chẳng thật sự hiểu, chẳng dùng được! Thật sự hiểu, vận dụng được, ứng dụng điều ấy vào đời sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, học sống động, dùng sống động, tức là quý vị đã thật sự học được! Sách Hoàn Nguyên Quán giảng rõ ràng, minh bạch, lại còn đọc các báo cáo khoa học hiện thời, đối chiếu những điều này, tín tâm của chúng tôi mười phần đầy đủ. Các khoa học gia đã phát hiện, tuy phát hiện, họ chẳng nói rõ ràng và thấu triệt như trong Phật pháp.

Do vậy, chúng tôi nghĩ, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp với tôi, bảo tôi: *“Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới”*, lão nhân gia giới thiệu điều này với tôi. Nay tôi nhận thấy, không chỉ là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới, mà đồng thời cũng là đỉnh cao nhất của khoa học toàn thế giới. Ngày nay, có những vấn đề mà khoa học chưa thể giải quyết, nhưng Đại Thừa Phật pháp đã giải quyết toàn bộ! Quý vị nghĩ xem, các nhà khoa học biết chuyện Ngân Hà xếp thẳng hàng, nhưng bó tay không có cách giải quyết! Phật pháp biết có biện pháp để thay đổi nó, vì sao? Toàn thể vũ trụ do tâm hiện, thức biến, ta muốn sửa đổi một chút khuyết điểm chẳng phải là chuyện thực hiện dễ dàng ư? Ta có thể sáng tạo nó, lẽ đâu chẳng thể thay đổi nó? Phải tin tưởng chuyện này! Trong Tịnh Độ Tông nói tới Tín, Nguyện, Hạnh, tuyệt đối tin tưởng, chẳng có mảy may hoài nghi nào. Sức của một người chúng ta chẳng đủ! Đúng vậy, lời này có lý lắm, chẳng phải là vô lý! Nếu nay chúng ta thật sự chứng đắc địa vị Pháp Thân Bồ Tát thì được, chúng ta có năng lực, một người là được rồi! Chắc sẽ có người hỏi, chư Phật Như Lai rất nhiều, Pháp Thân Bồ Tát càng nhiều hơn nữa, vì sao các Ngài chẳng sử dụng thần thông và pháp thuật để hóa giải tai nạn cho chúng ta? Nếu các Ngài chẳng hóa giải tai nạn, từ bi ở chỗ nào? Chúng ta hỏi, Phật, Bồ Tát sẽ bảo: *“Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt”*, tâm, Phật, chúng sanh có sức mạnh bình đẳng. Nghiệp này do chúng ta tự làm, tự chịu, quý vị tạo tội nghiệp thì người khác sẽ chẳng thể chịu thay, quý vị gây ra sai sót này thì chính mình phải bù đắp, hóa giải, Phật, Bồ Tát chẳng thể hóa giải giùm quý vị. Phật, Bồ Tát nói cho quý vị biết lý luận và phương pháp hóa giải, quý vị phải hiểu rõ lý luận, nương theo phương pháp ấy, sẽ thật sự có thể hóa giải vấn đề, đó là chánh lý.

Sự rối loạn hiện thời do chúng ta gây ra, trong cảnh giới của Phật, Bồ Tát có tai nạn hay không? Không có. Tôi nói với quý vị những câu này đều là lời thật, trong cảnh giới của các Ngài chẳng có tai nạn, nhưng trong cảnh giới của chúng ta có tai nạn. Trong kinh điển thường nói điều này, mỗi người tự lo chuyện sống chết, mỗi người tự nhận lãnh nghiệp báo. Đã làm sai, đừng sợ, nhất niệm hồi đầu, vấn đề lập tức được giải quyết. Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ”* (làm không được thì hãy quay lại xét mình), câu này quan trọng lắm! Oán trời, trách người, tội càng thêm tội, không chỉ chẳng thể giải quyết

vấn đề, mà còn khiến cho vấn đề càng thêm nghiêm trọng, chỉ có quay lại tự vấn, vấn đề sẽ thật sự được giải quyết. Kẻ khác chẳng có làm lỗi, thiên nhiên chẳng có làm lỗi. Vì sao thiên nhiên biến hiện tai nạn nhiều ngàn ấy? Do tâm bất thiện của chúng ta cảm vờ, chẳng phải là thiên nhiên cố ý, nó vô tình. Thiên nhiên biến hóa theo lệnh của ai? Nghe theo ý niệm của chúng ta! Ý niệm của chúng ta tốt lành, thiên nhiên trở thành tốt lành, ý niệm của chúng ta bất thiện, thiên nhiên trở thành bất thiện, đạo lý là như thế đó. Ý niệm làm chủ tể hết thảy, ý niệm thay đổi hết thảy. Quý vị bất thiện thiên nhiên trở thành thiện hay ác đều do ý niệm. Ý niệm của Phật là thanh tịnh, bình đẳng, giác, nên trong cảnh giới của Ngài không có tai nạn. Ý nghĩa biểu thị pháp của Tăng Trưởng Thiên Vương rất sâu, rất rộng, chúng ta phải nghiêm túc học tập. Giới, Định, Huệ trọng yếu hơn bất cứ gì khác, do Giới đặc Định, do Định đặc Huệ.

3) Vị thiên vương thứ ba là Quảng Mục Thiên Vương (Virūpākṣa, Tỳ Lô Bác Xoa) ở phương Tây. Phương Tây và phương Bắc nhắc nhở chúng ta tâm thái tu học. Chúng ta phải làm như thế nào để thật sự đạt được trí huệ? Vì mấu chốt của toàn bộ chính là trí huệ, mục tiêu là hộ quốc, có trí huệ thì mới có thể hộ quốc. Thiếu trí huệ sẽ chẳng thể hộ quốc. Hộ quốc là đại nguyện, tăng trưởng trí huệ là đại đức, đại năng, cầu bằng cách nào? Đa văn, quảng học đa văn, thành tựu trí huệ chân thật. Ở đây, coi trọng Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết, quý vị đạt được quảng học đa văn. Quý vị thấy đạo cụ do Ngài cầm trên tay: Một tay cầm ròng hoặc rắn, ròng và rắn tượng trưng cho lăm nổi thay đổi, quan hệ giữa con người lăm nổi thay đổi, xã hội lăm chuyện thay đổi, vạn vật có nhiều điều thay đổi, thiên biến vạn hóa. Tay kia cầm một viên châu, châu biểu thị điều gì? Biểu thị “chẳng thay đổi”. Trong nhiều nổi thay đổi, quý vị nắm giữ sự chẳng thay đổi. Thường thay đổi là Sự, chẳng thay đổi là Lý, thường biến đổi là Tướng, chẳng biến đổi là Tánh. Cũng có thể nói quý vị dùng “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, vĩnh hằng chẳng thay đổi để quan sát thế giới này và vũ trụ, trí huệ bèn hiện tiền, biết dùng phương pháp gì để an định xã hội này. Thật sự lưu lộ lòng từ bi viên mãn vốn có trong tự tánh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn lìa khổ, được vui, phá mê, khai ngộ.

Giúp đỡ họ lìa khổ được vui như thế nào? Chẳng phải là người ta không có tiền bèn cho tiền, họ không có ăn bèn cho ăn, kẻ ấy không có cái mặc bèn cho [quần áo], từ bi cứu tế như thế là nhỏ nhoi, nhỏ bé nhất! Phật là đại từ đại bi, đức Phật dùng phương pháp gì để giúp đỡ hết thảy chúng sanh trong thế gian và xuất thế gian? Giáo học, phải hiểu đạo lý này! Vì sao? Khổ do đâu mà có? Khổ do mê mà có, quý vị chẳng liễu giải Thật Tướng của các pháp (tức chân tướng của vạn pháp trong vũ trụ), đã mê rồi. Do mê nên quý vị suy nghĩ loạn xạ, làm càn, làm quấy, tạo đủ mọi điều bất thiện, chống trái pháp tắc trong thiên nhiên, phá hoại quy luật thiên nhiên, khiến cho hết thảy bị mất cân bằng, tai nạn bèn xảy ra. Vốn không có tai nạn, chúng ta chưa hề nghe nói thế giới Cực Lạc có tai nạn, cũng chẳng hề nghe nói thế giới Hoa Tạng có tai nạn. Cõi trời có tai nạn thì có nghe nói, chứ đối với nơi Phật, Bồ Tát ngự,

chưa hề nghe nói có tai nạn, do nguyên nhân nào? Mỗi ngày đều là giáo học, mỗi ngày đều lên lớp. Đạo lý ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết.

Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện trên thế gian, có vị nào chẳng giáo học? Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta, mười chín tuổi xuất gia, tham học, ba mươi tuổi thành đạo, học xong trong mười hai năm. Sau khi thành đạo, trong Phật pháp nói là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*” vào lúc ba mươi tuổi. Sau khi kiến tánh bắt đầu giáo học, mãi cho đến khi chết già, lão nhân gia bảy mươi chín tuổi viên tịch. Do vậy, kinh chép suốt đời đức Phật “*giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm*”, mọi người đều biết rõ chuyện này. Phật giáo có phải là tôn giáo? Chẳng phải! Phật giáo là giáo dục. Chúng ta thấy rõ ràng thân phận của Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời dạy học, mang chức nghiệp của một vị thầy, chẳng bỏ sót ngày nào, lão nhân gia đúng là thân hành, ngôn giáo. Những gì Ngài dạy người khác, Ngài đều thực hiện toàn bộ, đó là một vị thầy tốt. “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*” (học được làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời), tám chữ ấy Thích Ca Mâu Ni Phật thực hiện một trăm phần trăm, thực hiện viên mãn, chúng ta phải nhận thức điều này. Ngài dạy học nhưng chẳng mở trường, không tạo lập cơ sở vật chất, dạy học ở chỗ nào? Phần lớn thời gian là trong núi rừng, dưới gốc cây, bên bờ nước, nơi phong cảnh tốt đẹp, thầy ngồi dưới gốc cây, trò cũng ngồi dưới cội cây, các Ngài chọn lựa những nơi ấy, học ngoài trời! Suốt đời Ngài chẳng xây cất, chúng tôi thường nghĩ vì sao? Ngài muốn dựng đại đạo tràng thật là chuyện dễ dàng! Gia đình, gia tộc đức Phật là vương tộc, đủ sức để dựng đạo tràng cho Ngài. Kinh điển ghi chép, thuở ấy ở Ấn Độ, vua mười sáu nước lớn, chẳng nhắc tới những vua nước nhỏ, mười sáu vị đại quốc vương đều là đệ tử Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài muốn tạo dựng một đạo tràng, chẳng phải là chuyện dễ dàng ư? Chỉ cần nói một chút, chẳng cần tốn sức nghĩ ngợi, đạo tràng bèn thành tựu, nhưng Ngài chẳng dựng. Vì sao? Đại từ đại bi, thể hiện lòng từ bi khôn sánh. Có đạo tràng sẽ có kẻ tranh chấp, người đến học tập tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thể nói là toàn thể, nhưng trong ấy nhất định có kẻ tâm chẳng thanh tịnh toan không chế, chiếm hữu đạo tràng ấy! Vì vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật không làm chuyện này, từ bi đến tột bậc. Một kẻ có ác niệm, Ngài đều ngăn chặn hẳn.

Phương thức sống là mỗi ngày ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây, đoạn sạch sành sanh tham, sân, si, mạn, nghi, tâm đặt nơi Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa. Học trò Phật chẳng ít, chúng ta dựa theo tướng tượng, sách vở cổ điển của Trung Quốc ghi chép đệ tử của Khổng Tử là ba ngàn người, trong số đó có bảy mươi hai người hiền (Thất Thập Nhị Hiền). Tôi tin Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng kém Khổng Tử, kinh điển thường ghi chép một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, [những vị ấy tương đương với] Thất Thập Nhị Hiền của Khổng Tử, Thích Ca Mâu Ni Phật có hơn một ngàn vị [hiền nhân]. Mỗi buổi giảng, mọi người tới tham gia, chẳng phải là [những người] thường tiếp xúc [đức Phật], ở đây không ghi chép, chỉ nói là đại chúng rất đông, tôi nghĩ đại chúng sẽ chẳng ít hơn một ngàn năm trăm người, gộp thành ba ngàn. Chúng ta thấy kinh này nói tỳ-kheo tăng đến hai vạn người, chuyện này rất ít được nói tới.

Chúng ta thấy trong hội Pháp Hoa và hội Vô Lượng Thọ người [tham dự] rất đông, do vậy, từ chỗ này ta có thể nhận biết: Đức Phật dạy học cả đời, học trò đông ngàn ấy, nhưng chẳng có tổ chức, đức Phật chẳng chia thành mấy lớp, người nào thuộc lớp nào, mời ai làm trưởng lớp nào. Nếu thuở ấy mà có, kinh điển nhất định ghi chép, đây là đại sự [lẽ nào] chẳng ghi chép. Thầy chỉ có một, học trò đông đức, các học trò ưu tú bèn giúp đỡ những học trò căn tánh kém cõi hơn một chút, đều là tự động, tự phát, đều là người một nhà, đệ tử cùng một thầy, các đệ tử ở cùng nhau giống như anh em trai, chị em gái. Đây là nói tới luân lý trong Phật pháp, không chỉ là đem kinh điển dạy chúng ta, mà quý vị thấy Ngài nêu gương cho chúng ta xem, ai nấy đều thi hành Lục Hòa Kính. Chúng tôi thường nghĩ thuở Phật Đà tại thế, thầy dạy mỗi ngày, trò học tập mỗi ngày. Thiên vương phương Tây tượng trưng cho chuyện này, ý nghĩa ấy quá sâu!

4) Thiên vương ở phương Bắc là Đa Văn (Vaisravana, Tỳ Sa Môn). Tây Phương Quảng Mục, Bắc Phương Đa Văn, xem nhiều, nghe nhiều. Bắc Phương Thiên Vương tay cầm lọng, lọng có dụng ý ngăn ngừa ô nhiễm. Hiện thời, trong xã hội đề xướng “hoàn bảo” (bảo vệ môi trường), lọng tượng trưng cho sự bảo vệ môi trường, dẫn khởi ý nghĩa ngăn ngừa ô nhiễm thân tâm. Quý vị thấy: Xem nhiều, nghe nhiều, ngăn ngừa ô nhiễm, khôi phục thanh tịnh, bình đẳng, giác, thật sự bảo vệ chính mình. Ngài dạy chúng ta bảo vệ chính mình ra sao. Đó chính là hình tượng được tạc của Tứ Đại Thiên Vương. Danh hiệu gia trì công đức của chúng ta, quý vị phải hiểu điều này. Họ dùng gì để che chở quý vị? Dùng danh hiệu này, dùng [hình tượng của bốn vị thiên vương] để biểu thị ý nghĩa này, quý vị đã thật sự hiểu rõ, sẽ biết trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, tuân thủ những nguyên lý và nguyên tắc ấy, sẽ đạt được thân tâm an định, đạt được thanh tịnh, bình đẳng, đó là gia trì thật sự. Chẳng phải là thấp hương, lễ bái, dập đầu cầu nguyện, xin các Ngài phù hộ cho con, như thế là mê tín. Mê tín thì làm sao có thể truyền được hai ngàn năm trăm năm? Nhưng hiện thời đúng là mê tín, vốn là trí huệ, nay biến thành mê tín. Trí huệ có thể truyền hai ngàn năm trăm năm; mê tín thì sợ rằng hai mươi lăm năm cũng chẳng truyền được, thật đấy, chẳng giả đâu!

Hai tháng trước, vào tháng Sáu, chúng tôi theo đoàn phỏng vấn tôn giáo của Mã Lai đến thăm Vatican ở La Mã, gặp gỡ Giáo Hoàng. Hồng Y Giáo Chủ Đào Nhiên (Jean-Louis Tauran) thuộc Tòa Thánh cùng chúng tôi trao đổi, nghe ông ta báo cáo. Ông ta cho chúng tôi biết: Trong xã hội hiện thời, người tín ngưỡng tôn giáo mỗi năm một ít đi. Họ có thống kê, người chịu lễ rửa tội mỗi năm một ít hơn. Trong nhà Phật gọi là Quy Y, tức là người quy y [đạo Thiên Chúa] mỗi năm một ít hơn. Theo lập trường của một giáo sĩ, họ rất lo ngại, cứ như vậy, tôn giáo sẽ dần dần biến mất trên địa cầu. Lần lượt đến phiên tôi trình bày, tôi cũng tha thiết thưa với mọi người, vì sao lúc các vị giáo chủ sáng lập tôn giáo thuở ấy, cũng như thời các vị cổ thánh tiên hiền kế thừa truyền thống, một mục kéo dài mấy ngàn năm cho đến hiện thời là do nguyên nhân nào? Hiện thời chúng ta gặp gỡ quần chúng, quần chúng bỏ rơi, rời khỏi chúng ta. Trong quá khứ, giáo chủ, tổ sư đại đức truyền giáo ở nơi đâu, tín chúng từ

phương xa tụ hội đến, nay chúng ta ở đây họ bèn bỏ đi, do nguyên nhân nào? Chúng ta suy nghĩ vào thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo học, một nền giáo dục tốt đẹp như vậy, người ta nghe thấy bèn hoan hỷ, nên người ta kéo đến, nay thì sao? Chẳng có giáo học. Rất nhiều tôn giáo ở ngoại quốc lo cầu nguyện, Phật giáo tại Trung Quốc thì lo làm kinh sám Phật sự, pháp hội, ngay như Tam Thời Hệ Niệm của chúng ta cũng giống như chuyện cầu nguyện của họ, những người trẻ tuổi trong xã hội trông thấy chẳng tin, [chê là] mê tín. Thôi rồi! Hễ nói đến mê tín thì còn ai muốn đến nữa? Đương nhiên đều bỏ đi, đạo lý ở chỗ này!

Chúng ta phải cứu vãn tôn giáo như thế nào? Phải đưa tôn giáo trở về giáo học. Phải biết: Kinh điển chẳng phải để tụng! Vì sao? Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài chẳng viết một bộ kinh nào! Kinh điển do đâu mà có? Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch, các đệ tử nhớ lại các giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật mà họ đã được tiếp nhận trong một đời, cũng là hội tập, thỉnh tôn giả A Nan nhắc lại, đại chúng cùng nghe, xem A Nan có nói sai hay không. Năm trăm vị A La Hán chứng minh, chép lại thành văn tự lưu truyền hậu thế, đó là nguồn gốc của kinh điển. Chúng ta hiểu rõ kinh điển nhằm dạy chúng ta hiểu lý, vâng giữ quy củ, sống như thế nào, dùng tâm thái gì để làm việc, đãi người, tiếp vật, nhằm nâng cao linh tánh của chính mình, đức Phật dạy chúng ta những điều ấy, chẳng dạy chúng ta niệm kinh, càng chẳng dạy chúng ta siêu độ. Siêu độ là phải đem công đức chân thật của chính mình, đối với xã hội và hết thảy đại chúng dâng hiến công đức chân thật, hồi hướng cho thân nhân của quý vị. Phương pháp siêu độ trong Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh là như thế, chẳng có kinh sám Phật sự, nói theo Lý cũng thông suốt. Vì thế, chúng ta chớ nên không biết, chớ nên chẳng giác ngộ điều này. Chúng ta dạy học mỗi ngày, cùng nhau học tập mỗi ngày, biến các đạo lý được giảng trong kinh điển thành tư tưởng và kiến giải của chúng ta, và cũng biến rất nhiều lời khuyên bảo trong kinh điển thành hành vi trong cuộc sống của chính chúng ta, kinh điển có cống hiến quá lớn đối với chúng ta. Từ kinh điển, chúng ta học tập cách làm người, biết làm một người tốt, chính mình làm được sẽ ảnh hưởng cả nhà, nhà chúng ta sẽ là một gia đình thật sự hạnh phúc mỹ mãn; hạnh phúc mỹ mãn ấy do đức Phật dạy dỗ. Lại mở rộng ra, chúng ta sẽ có xã hội hài hòa, thế giới hòa hợp, đó là cống hiến chân thật của chư Phật, Bồ Tát đối với thế giới và nhân loại, chẳng giá tí nào! Phật giáo là như thế, mà các tôn giáo khác cũng đều như thế. Các tôn giáo học tập lẫn nhau, chỉ có học tập lẫn nhau mới có thể nâng cao chính mình, giống như tại Trung Quốc, Nho và Đạo tiếp nhận Phật pháp, học tập kinh điển, nâng cao văn hóa bản địa, có cùng một đạo lý!

Quảng Mục thiên vương đã thị hiện ngăn ngừa tạp loạn, Đa Văn thiên vương thị hiện ngăn ngừa ô nhiễm. Thiên Vương Điện gồm bốn vị thiên vương và Di Lạc Bồ Tát đã ban cho chúng ta bài học thứ nhất. Hết sức đáng tiếc là hiện thời mọi người đã bỏ sót, quên khuấy ý nghĩa này, coi Di Lạc Bồ Tát và các thiên vương như thần tiên, đốt hương, lễ bái cầu phước! Há có chuyện như thế ư? Mười phần mê tín. Sa sút như vậy, Phật giáo sẽ dần dần bị suy diệt, mà cũng có thể chẳng còn nữa! Phật giáo bị diệt trong đời này của chúng ta, người trong thời

đại chúng ta có thể thành tựu hay chẳng? Niệm Phật có thể vãng sanh hay chẳng? Tôi nghĩ chẳng thể nào, thả đều vào địa ngục. Vị thầy tốt như thế, nhưng quý vị làm cho đại chúng trong xã hội nầy sanh hiểu lầm nghiêm trọng đối với thầy, quý vị có tội lỗi hay không? Chúng ta làm sao để xứng với thầy? Phương pháp duy nhất là quay đầu. Thật sự quay đầu là bỏ, nghiêm túc học tập kinh giáo, thực hiện trong cuộc sống, nâng cao phẩm chất cuộc sống, công hiến chân thật, đây là mới là Phật pháp tồn tại lâu dài trong nhân gian, chánh pháp tồn tại dài lâu. Thừa mọi người, trong ấy có giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục triết học, giáo dục khoa học viên mãn. Những gì đại chúng trên thế gian đang theo đuổi trong hiện thời, trong kinh Phật đều có cả, đó là lòng đại từ đại bi chân chánh. Vì thế, chúng sanh hãy trông thấy, nghe tên đều đắc Từ Tâm tam-muội.

Tiếp theo là *“hựu Bi Hoa kinh vân: Phát nguyện u đao binh kiếp trung, ủng hộ chúng sanh”* (lại nữa, kinh Bi Hoa nói: “Phát nguyện ủng hộ chúng sanh trong kiếp đao binh”). Nay chúng tôi đọc câu này, cảm xúc thật sâu! Trong nhiều tiên đoán về sự ngày tận thế, có một tiên đoán hầu như mọi người đều nhắc tới, chiến tranh thế giới lần thứ ba là vũ khí nguyên tử, hoặc chiến tranh sinh hóa, chúng là đại tai nạn hủy diệt địa cầu. Di Lạc Bồ Tát phát nguyện trong kiếp đao binh, tức là nói về thời đại này, Ngài sẽ đến ủng hộ chúng sanh, chúng ta thường nói: Ngài đến che chở, gia trì chúng sanh. Chúng ta mỗi ngày thắp hương, lạy lục Ngài có được hay chẳng? Không được, sai lầm rồi, đó là mê tín. Phải nên như thế nào? Phát huy rộng lớn tinh thần đại từ đại bi của Di Lạc Bồ Tát; hiện thời trong thế gian này chẳng có lòng yêu thương, Di Lạc Bồ Tát tượng trưng cho sự yêu thương. Quý vị nghĩ xem đại từ đại bi có thể nào chẳng hiểu thuận với cha mẹ ư? Bất hiếu với cha mẹ là thiếu từ bi. Có thể chẳng kính trọng sư trưởng ư? Bất kính sư trưởng là thiếu từ bi. Lòng đại từ đại bi của quý vị thiếu năng lực mở rộng đến xóm giềng làng nước, đến quốc gia, dân tộc, đó chẳng phải là chân ái! Cổ nhân Trung Quốc đã nói: *“Nhân dân cập vật”* (nhân từ đối với dân và vật), *“nhân”* là nhân từ, đối đãi nhân từ với hết thảy mọi người, tâm yêu thương thanh tịnh, bình đẳng, sau đây còn mở rộng đến cả loài vật. Đây là Đại Thừa Phật pháp đã phong phú hóa văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Vật là gì? *“Vật”* là vạn vật, tức vạn vật trong trời đất. Tâm yêu thương của chúng ta như Phật pháp đã nói: *“Từ bi trọn pháp giới, thiện ý ngập nhân gian”*, chẳng phải là khẩu hiệu, mà là thật sự làm được, làm rất viên mãn, làm rất thù thắng. Thật sự có thể làm được, chúng ta mới thật sự bước vào Phật môn, vượt qua Thiên Vương Điện, quý vị mới thấy Phật, Bồ Tát. Chẳng vượt được cái ải Thiên Vương Điện sẽ chẳng thấy Phật, Bồ Tát, ý nghĩa này sâu lắm!

Di Lạc Bồ Tát là ai? Phải hiểu rõ ràng, Di Lạc Bồ Tát là lòng từ bi trong tự tánh của chính mình. Phật, Bồ Tát từ bi, các Ngài thị hiện hình tướng, ngôn ngữ, âm thanh, nhằm dẫn khởi lòng từ bi trong tự tánh của chúng ta. Quý vị thấy: Trong đời quá khứ, Di Lạc gặp Đại Từ Như Lai, nguyện có cùng danh hiệu ấy, thật sự đã đồng, vì sao? Chúng đắc Từ Tâm tam-muội. Từ Tâm tam-muội là tâm từ bi vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, an trụ trong từ bi, hết

thầy thời, hết thầy chỗ luôn một lòng từ bi đối với hết thầy chúng sanh, có ý nghĩa này! Bản thân chúng ta đã làm được sẽ cảm động, lan truyền sang người khác. Chẳng thể khiến người khác cảm động là vì bản thân chúng ta làm chẳng đủ, đừng nên trách người khác là căn tánh của họ chậm lụt, hoặc nghiệp chướng nặng nề, chẳng phải vậy. Đó là do chính mình nghiệp chướng nặng nề. Tánh con người vốn lành, quý vị nhất định phải thừa nhận lời Phật dạy: *“Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Từ bi là một phần của đức, là một phần vô cùng trọng yếu, là phần máu chót. Phật pháp nói từ bi, trong Ngũ Luân của Trung Quốc có nói *“phụ tử hữu thân”* (cha con có tình thân ái), thân ái chính là từ bi. Giáo dục Trung Quốc phát xuất từ chỗ này, lại trở về nguồn đúng chỗ này. Quý vị thấy trong nhà Phật, quý vị bước vào cửa là từ bi, mắt quý vị thấy vị đầu tiên chính là Di Lặc Bồ Tát; quý vị rời khỏi tự viện, vẫn phải từ sơn môn ấy đi ra, quý vị vẫn phải trông thấy Ngài, từ đầu đến cuối là một bầu từ bi, đây là Phật pháp. Phật pháp giáo dục điều gì? Giáo dục từ bi, giáo dục yêu thương, lại còn là giáo dục lòng yêu thương thanh tịnh, bình đẳng. Phật giáo chẳng có công hiến đối với xã hội là vì đệ tử học Phật trong Phật môn chúng ta chẳng thực hiện lòng yêu thương ấy, chẳng nói rõ ràng lòng yêu thương đó. Chẳng nói rõ ràng là lẽ đương nhiên, vì sao? Chẳng làm được! Có làm được thì quý vị mới có thể nói rõ ràng, làm không được thì làm sao có thể nói rõ ràng cho được? Há có đạo lý ấy? Yêu thương có thể hóa giải xung đột, đối lập, mâu thuẫn, cho nên chẳng còn chiến tranh, có thể hóa giải đao binh kiếp!

Chúng ta xem câu cuối cùng, *“thị tắc từ long tức thế”* (vì thế, lòng Từ chan chứa đương thời), đại từ đại bi, long (隆) là hưng long (興隆: chan chứa, dồi dào), *“tức thế”* là hiện tại, đang trong hiện tiền, *“bi trấn hậu kiếp”* (lòng Bi đến tận các kiếp sau), *“hậu kiếp”* là tương lai. Chúng ta có thể yêu thương, bảo vệ hiện tại, xung đột trong thế gian hiện thời đã được hóa giải, xã hội đã an định, thế giới hòa bình. Không chỉ là hết thầy chúng sanh trong hiện tại được lợi ích, mà đời sau cũng được lợi ích. Chúng ta phải giống như cỏ nhân, khéo dạy dỗ thế hệ kế tiếp, điều này trọng yếu lắm! Trong xã hội hiện tại, mọi người không hiểu sự giáo dục, bao nhiêu phụ nữ hoặc người mẹ trẻ tuổi chẳng biết dạy bảo con thơ ra sao! Hiện thời còn có khá nhiều giáo viên chẳng biết dạy học trò như thế nào! Tôi đã gặp rất nhiều, kẻ làm mẹ tìm tôi kẻ khổ, kẻ làm thầy cũng như vậy! Những chuyện ấy không thể trách họ được, kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất hay: *“Tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã”* (Người đời trước chẳng biết, chẳng hiểu đạo đức, không có ai nói với họ, trọn chẳng đáng trách), đừng trách móc họ! Quý vị chê trách họ sẽ là tàn nhẫn, nhân duyên của chuyện này rất phức tạp.

Trung Quốc kể từ sau khi nhà Thanh mất nước, một trăm năm qua, xã hội lâm vào cảnh động loạn, chẳng được an định, quân phiệt cát cứ, chiến tranh kháng Nhật. Đặc biệt là cuộc chiến tranh kháng Nhật đã đánh sụp văn hóa truyền thống khiến nó chẳng còn nữa, tối thiểu là chúng ta đã đánh mất [văn hóa truyền thống] bốn thế hệ. Người hiện thời chẳng biết đến giáo dục truyền thống, quý vị hỏi cha mẹ, họ cũng chẳng biết, quý vị hỏi ông bà cố họ cũng

không biết. Nói chung là phải ông bà sơ thì họ mới biết, làm sao quý vị trách họ được? Hiện thời muốn phục hưng văn hóa truyền thống nhất định gặp khó khăn. Cổ nhân nói rất hay: “*Gần sơn ắt đỏ, gần mực thì đen*”. Trong xã hội hiện thời, chẳng thấy sơn đâu nữa, không có, toàn là đen thui, vì sao? Đại biểu cho màu đen ấy chính là TV, Internet, truyền thông, nhật báo, tạp chí, mỗi cá nhân trên toàn cầu hàng ngày tiếp xúc những thứ ấy, dễ tiếp xúc bèn bị ô nhiễm. Tiếp xúc mà chẳng bị nhiễm bản thì Quảng Mục thiên vương làm được, chứ chúng ta chẳng làm được! Quảng Mục thiên vương có Định Tâm Châu, tâm Ngài là định, thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, tâm Ngài chẳng dao động, chẳng biến đổi. Người ta có bản lãnh to lớn, viên châu của Ngài chính là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Chúng ta có thể nào chẳng bị nhiễm bản ư? Vì thế, con cái bị nhiễm bản từ nhỏ, chính mình cũng bị nhiễm bản. Quý vị phải biết, bản thân quý vị bị nhiễm bản bảy phần, con cái quý vị bị nhiễm bản mười hai phần, đến thời cháu quý vị chỉ sợ bị trở thành nhiễm bản đến hai mươi bốn phần, đáng hãi quá! Vì thế, thế giới có thể bị tận thế!

Do đâu có ngày tận thế? Do ý niệm bất thiện cảm ứng, nguyên nhân là như thế đó. Nếu muốn cứu vãn, đoạn kinh văn này hay lắm, cứu từ chỗ nào? Cứu bằng tâm từ bi, cứu bằng tâm yêu thương. Trước hết, chính mình quay đầu, tự yêu thương. Tự yêu thương nhất định phải học theo Tứ Đại Thiên Vương, phải học theo Di Lạc Bồ Tát, thật sự tự yêu thương chính mình. Mắt ta chẳng thể không nhìn, tai chẳng thể không nghe, thật sự giữ gìn sự thanh tịnh, bình đẳng, giác của chính mình như thế nào để chẳng bị xã hội quấy nhiễu, chẳng bị xã hội dẫn dụ, mê hoặc, đó là quý vị thật sự tự yêu thương. Quý vị đã có thể tự yêu thương, nhất định sẽ cảm động cả nhà, con cái trong nhà quý vị sẽ dễ dạy. Thầy biết tự yêu thương sẽ cảm động học trò, con người tánh vốn lành. Chỉ cần thầy tâm chánh, hạnh chánh, tôi nghĩ học trò cũng hoan hỷ, cũng bằng lòng theo học lớp của quý vị. Cả nhà quý vị tốt đẹp, sẽ ảnh hưởng xóm giềng, ảnh hưởng thân thích, bạn bè. Khiến cho cả thế giới khôi phục như thế nào? Ít nhất phải là một trăm năm, phải mất một thế kỷ, thế giới này mới có thể khôi phục bình thường, lại còn phải có nhiều người ngàn ấy thật tâm thực hiện. Nếu không có những người ấy thực hiện, sẽ là như chúng ta thường nghe nói trong hiện thời, tận thế! Địa cầu bị hủy diệt. Chúng ta quan sát cẩn thận chuyện này xem có thể xảy ra hay chăng?

Vì vậy, đọc đến chỗ này, “*chí cực chi từ*” (lòng Từ tốt bậc), câu này hay lắm, khuyên chúng ta phải phát tâm học tập Di Lạc Bồ Tát, phải học giống hệt như Ngài, “*siêu xuất phàm tiếu, có Vô Năng Thắng*” (vượt trội phàm phu, Tiếu Thừa, nên không ai có thể hơn được). Vô Năng Thắng là nói biến đổi bản thân chúng ta, đoạn ác, tu thiện, phá mê, khai ngộ, chuyên phàm thành thánh, khởi điểm là lòng Từ đến tốt bậc. Bốn chữ ấy chẳng hai, chẳng khác với khái niệm “*phụ tử hữu thân*” trong Ngũ Luân của Trung Quốc. Hiện thời, giáo học truyền thống bị coi nhẹ, chẳng nhắc tới, [chỉ có] thiểu số, rất ít người học tập Đại Thừa đọc được điều này trong kinh điển, hiểu minh bạch, rõ ràng, nghiêm túc nỗ lực thực hiện, cứu chính

mình, cứu gia đình, cứu con cháu, cứu người đời, cứu địa cầu bằng một câu nói này. Vì thế, nói là Vô Năng Thắng.

Lại xem đoạn kế tiếp, “*Đại sĩ vị cư Bồ Xứ*” (đại sĩ thuộc địa vị Bồ Xứ), dùng chữ Đại Sĩ để gọi Di Lạc Bồ Tát, thật sự có vị này. Ngài thuộc địa vị nào? Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát, là hậu bồ Phật sau Thích Ca Mâu Ni Phật. Phật Thích Ca là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp, chúng ta nay thuộc pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng có nghĩa là sự giáo hóa của Ngài có ảnh hưởng đến một vạn hai ngàn năm. Theo cách ghi chép của người Trung Quốc, [từ khi] Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho tới hiện thời là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, những vị đại đức trong Phật giáo Trung Quốc từ xưa đều tuân theo cách tính niên đại này. Ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, sau đây còn có chín ngàn năm nữa, [gộp thành] một vạn năm, thời Mạt Pháp mới qua một ngàn năm, còn có chín ngàn năm sau nữa, tức là sự giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật hãy còn ảnh hưởng tới chín ngàn năm. Trong chín ngàn năm, đương nhiên có lúc [Phật pháp] hưng vượng, có lúc suy vi. Trong quá khứ, Chương Gia đại sư đã nói cho tôi biết chuyện này, nay chúng ta đang thuộc giai đoạn Phật pháp suy vi, suy đến tột cùng sẽ hưng vượng trở lại. Thầy bảo tôi, phải có lòng tin nơi Phật, Phật pháp sẽ chẳng diệt vong, cũng có nghĩa là thế giới này chẳng phải sẽ chấm dứt như người ngoại quốc nói. Có tai nạn là thật, nhưng chẳng thể tận thế, trong nhà Phật chẳng có thuyết tận thế.

Ngài hiện đang ở đâu? “*Tại Đâu Suất nội viện*”, Di Lạc Bồ Tát ở nơi ấy, cõi trời Đâu Suất, tức tầng trời thứ tư trong Dục Giới. Từ quả đất của chúng ta tính lên, tầng thứ nhất là Tứ Vương Thiên, tầng thứ hai là Đạo Lợi Thiên, tầng thứ ba là Dạ Ma Thiên, tầng thứ tư là Đâu Suất Thiên, Ngài ở trong tầng thứ tư, trên đó còn hai tầng nữa, [đó là] Dục Giới. Lại lên trên nữa là Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Vì vậy, Ngài ngự trong tầng trời thứ tư trong Dục Giới. “*Tứ thiên niên hậu*” (bốn ngàn năm sau), bốn ngàn năm là thọ mạng trong cõi trời Đâu Suất, [cụ Hoàng] mở đầu ngoặc ở đây, “*chi Đâu Suất Thiên chi tứ thiên niên*” (chỉ bốn ngàn năm trong trời Đâu Suất), chẳng phải là bốn ngàn năm trong nhân gian chúng ta, thời gian sai khác rất lớn. Vì một ngày trong Đâu Suất Thiên bằng bốn trăm năm trong nhân gian, nên nhân gian sống một trăm tuổi, Đâu Suất Thiên thấy [nhân gian chúng ta] rất đáng thương, tương đương với gì? Sáu giờ. Bốn lần sáu là hai mươi bốn, hai mươi bốn giờ, một ngày của họ bằng bốn trăm năm trong nhân gian chúng ta. “*Tương đương ư địa cầu thượng chi ngũ thập thất ức lục thiên vạn niên*” (tương đương năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm trên địa cầu), cũng có nghĩa là tính theo thời gian trên địa cầu, sau năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, Ngài sẽ đến thế gian này thành Phật, tức vị Phật thứ năm. “*Hạ sanh thử giới thành Phật*” (hạ sanh thành Phật trong cõi này). Thời gian trong thế gian này không có Phật rất dài! Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật đã suy rồi, hiện thời học Giáo cũng thế, mà học Thiền cũng thế, học Mật cũng thế, thật sự vô cùng khó khăn. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo với tôi điều này, cụ đích thân học Thiền, học Thiền với lão hòa thượng Hư Vân, theo Cống Cát lão nhân học Mật. Cụ bảo tôi, trong đời cụ, chẳng có ai học Thiền khai ngộ, đặc Định còn được mấy

vị, không nhiều lắm, đặc Thiền Định nhưng chưa thể khai ngộ. Cụ cho biết kẻ học Mật kể từ khi nước Trung Hoa mới được thành lập cho tới hiện thời, kẻ học Mật có thành tựu tại Trung Quốc Đại Lục chỉ có sáu người, quá ít ỏi! Bản thân cụ niệm Phật vãng sanh, khi ấy, cụ cho tôi biết, mỗi ngày cụ niệm Phật bèn niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu, ra đi rất thù thắng, thật sự niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ. Chúng ta chớ nên không biết những sự thật này.

Trong tương lai, Di Lặc Phật hạ sanh làm Phật, “tam hội Long Hoa, độ sanh vô lượng” (ba hội Long Hoa, độ sanh vô lượng). Ngài khác Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật cả đời giảng kinh hơn ba trăm hội, trong tương lai Di Lặc Bồ Tát hạ sanh chỉ có ba hội. Hội của Ngài rất lớn, số người rất nhiều. Hội của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng lớn, có những hội nhỏ chỉ có hai ba người, cũng là một hội. Một hôm hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài bèn thuyết pháp cho họ, [lời thuyết pháp ấy] cũng được ghi chép trong kinh A Hàm, quý vị thấy kinh văn rất ngắn, hai, ba trăm chữ, là một hội. Đại hội có khi lâu đến mấy năm, khác hẳn, dài ngắn khác nhau, nơi chốn cũng khác nhau. Long Hoa tam hội là ba lần đại pháp hội tại cùng một chỗ, độ sanh vô lượng, trong kinh điển đã nói như thế.

Hiện tại thuộc vào pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, kẻ học Phật nhưng chưa thể đắc độ, đã gieo thiện căn, trong tương lai đến năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, trong khoảng thời gian ấy, chúng ta đã luân hồi chẳng biết bao nhiêu lần trong thế giới này. Đức Phật chẳng còn, có người thay thế Phật, điều này rất khó có, Địa Tạng Vương Bồ Tát thay thế Phật. Vì thế, Địa Tạng Vương Bồ Tát rất cực nhọc! Trong năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, Phật pháp đều do Địa Tạng Vương thay thế, Ngài ở nơi đây giáo hóa chúng sanh, vun bồi thiện căn, đợi khi Di Lặc Phật hạ sanh sẽ tham gia Long Hoa tam hội. Chúng ta có muốn làm như vậy hay không? Làm như vậy cũng được, nhưng thời gian rất dài. Nếu quý vị muốn thành Phật nhanh chóng hơn một chút, hãy niệm Phật để đến thế giới Cực Lạc gặp A Di Đà Phật, như vậy thì sẽ rất nhanh. Cho tới lúc nào Di Lặc Bồ Tát hạ sanh làm Phật, quý vị từ thế giới Cực Lạc hạ sanh lần nữa giúp đỡ Ngài, giống như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên là loại người như vậy, quý vị thừa nguyện tái lai, giúp đỡ Di Lặc Phật giáo hóa chúng sanh, trở thành đại đệ tử trong hội của ngài Di Lặc. Tôi tiết lộ tin tức này cho quý vị, còn cách làm ra sao chính mình có thể quyết định. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học đến đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 93

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ bảy, dòng thứ hai, xem từ dòng thứ hai.

“*Bốn kinh dĩ thượng tam đại sĩ vi Bồ Tát chúng trung thượng thủ, cái nhân tam đại sĩ Tịnh Độ duyên thâm, chánh hảo ảnh hưởng hải hội đại chúng đồng quy Tịnh Độ*” (Trong kinh này, ba vị đại sĩ trên đây là thượng thủ trong hàng Bồ Tát, do vì ba vị đại sĩ có duyên sâu đậm với Tịnh Độ, rất phù hợp để tạo ảnh hưởng khiến đại chúng cùng quay về Tịnh Độ). Mấy câu này vô cùng hay, khiến tôi cảm xúc rất sâu, vì quả thật ba vị đại Bồ Tát ấy đã hướng dẫn tôi quay về Tịnh Độ, pháp môn này quả thật là pháp khó tin. Đặc biệt là nói [pháp môn này] với những người hiện đang được gọi là “thành phần trí thức” càng đặc biệt khó khăn, vì sao? Sở Tri Chương quá nặng. Nếu lại thêm Phiền Não Chương, chuyện này sẽ rất phiền phức. Phiền Não Chương nhẹ nhàng, Sở Tri Chương nặng nề, cũng rất khó trở về Tịnh Độ. Chúng ta xem tiếp trang sau: “*Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm trung Phổ Hiền Bồ Tát u Thệ Đa lâm trung, phát thập đại nguyện vương*” (trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Phổ Hiền Bồ Tát ở trong rừng Thệ Đa phát ra mười đại nguyện vương). Thệ Đa Lâm tức là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên⁶²[1], chúng ta thấy Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Quý vị phải nhớ: Mười nguyện ấy giống như một tòa cao ốc mười tầng, lễ kính là tầng thứ nhất, xưng tán là tầng thứ hai, cúng dường là tầng thứ ba, sám trừ nghiệp chướng là tầng thứ tư, càng về sau càng phát triển cao hơn, tầng sau nhất định bao gồm tầng trước, nhưng tầng trước chẳng bao gồm tầng sau. Tầng thứ nhất không bao hàm tầng thứ hai, nó có thể độc lập; tầng thứ hai nhất định có tầng thứ nhất, không có tầng thứ nhất sẽ chẳng thể xây dựng được. Từ chỗ này, chúng ta biết: Nếu không có lễ kính, tâm cung kính chẳng thể sanh khởi, thứ gì cũng chẳng có. Quý vị không có tầng thứ nhất, toàn bộ đều chẳng có! Ngàn vạn phần chớ nên sơ sót. [Nếu nghĩ] cung kính qua loa một chút là được rồi, không được đâu nhé! Qua quít không được! Hễ qua quít là thôi rồi! Vì vậy, quý vị thấy trong pháp thế gian, người Trung Quốc từ xưa tới nay [tự hào Trung Hoa là] “*lễ nghĩa chi bang*” (đất nước lễ nghĩa). Chúng ta mở sách Lễ Ký ra xem, câu đầu tiên là “*Khúc Lễ viết, vô bất kính*” (Khúc

⁶²[1] Thệ Đa là cách phiên âm khác của chữ Jeta. Thái Tử Kỳ Đà (Jetakumāra) cùng trưởng giả Cấp Cô Độc xây dựng tinh xá này.

Lễ63[2] nói: “Không gì chẳng kính”), quý vị thấy, [cổ nhân] đặt lễ kính vào hàng đầu, bèn biết pháp môn này trọng yếu ngàn ấy!

Giữa những người quá thân thuộc với nhau, suông sã một tí, cần gì phải bày vẽ màu mè như thế? Trọn chẳng biết đây không phải là bày vẽ màu mè, mà [lễ kính] phát xuất từ trong nội tâm, tánh đức tự nhiên lưu lộ, lại còn phải vĩnh viễn chẳng suy thì pháp thế gian và pháp xuất thế gian mới có thể kiên lập. Lễ kính hơi suy một chút, chắc chắn sau đó sẽ nảy sanh vấn đề. Người sáng mắt hiểu rõ: Lễ số bị suy kém một chút, đó là tín hiệu cho thấy [đoàn thể] bị phân tán, sắp phải chia tay, đã có chuyện thay đổi! Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ: Chẳng thể điên đảo thứ tự! Cùng một đạo lý, Bồ Tát tu sáu Ba La Mật, thứ nhất là bố thí, thứ hai là trì giới, thứ ba là nhẫn nhục, thứ tư là tinh tấn; nếu chẳng có bố thí, toàn bộ những điều sau đó cũng chẳng có! Kẻ không chịu bố thí làm sao trì giới được? Chẳng thể nào! Không thể trì giới, làm sao kẻ ấy tu nhẫn nhục cho được? Trong Phật pháp, đức hạnh có rất nhiều thứ, nhưng chắc chắn không thể đảo lộn thứ tự các đức hạnh trong tu hành. Hễ thứ tự bị xáo trộn bèn rối loạn, đến cuối cùng chẳng có chuyện nào thành tựu! Đối với lễ kính, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta “*lễ kính chư Phật*”, từ cơ sở này mà tu thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây mới là công đức xứng tánh viên mãn, làm sao có thể coi thường cho được? Những gì do chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ đã kiên lập, nhất định có đạo lý to lớn trong ấy, chúng ta phải tin sâu chẳng nghi, phải nghiêm túc học tập, tuân thủ các lời răn dạy mới hòng thành tựu. “Phổ giai hồi hướng” là tầng lầu thứ mười ở tận trên cùng, là chót đỉnh của tháp báu, “phổ giai hồi hướng” nghĩa là gì? Chính là nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, cơ sở của phổ độ là lễ kính.

Sau khi đã phát mười đại nguyện vương, Phổ Hiền Bồ Tát nói tiếp, những điều ấy đều là lời phát nguyện của Ngài, “*thị nhân lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na*” (người ấy lúc sắp lâm chung, trong sát-na cuối cùng), tức là trong hơi thở cuối cùng, “*nhất thiết chư căn tất giai tán hoại*” (hết thấy các căn thấy đều hư hoại), cái thân vật chất bị tan nát. “*Nhất thiết quyền thuộc tất giai xả ly*” (hết thấy quyền thuộc thấy đều lìa bỏ), khi ấy quý vị không buông xuống cũng chẳng được, chẳng còn là người nhà quyền thuộc của quý vị nữa, duyên trong đời này đã hết, đã chấm dứt rồi. “*Nhất thiết oai thế tất giai thoái thất*” (hết thấy quyền uy, thế lực thấy đều lui mất), oai đức, quyền lực của quý vị đến lúc ấy đã chấm dứt rồi. “*Phụ tướng đại thân*”, nếu quý vị mang thân phận quốc vương thì [từ ngữ “phụ tướng đại thân”] nói đến Tể Tướng, bầy tôi của quý vị. “*Cung thành nội ngoại*” (cung thành trong ngoài), đây

63^[2] Khúc Lễ là một cuốn sách nhỏ, không rõ ai là tác giả, được ghép thành một bộ phận của Lễ Ký. Khúc Lễ ghi chép chi tiết về những ứng xử nhằm đúng lễ, đúng mực, kể cả những câu châm ngôn dạy thái độ sống như “*ngạo bất khả trường, dục bất khả tùng, chí bất khả mãn, lạc bất khả cực*” (chớ nên tăng trưởng lòng kiêu ngạo, chớ nên chạy theo lòng ham muốn, chớ nên đắc chí, chớ nên vui sướng quá mức).

là của cải và cung điện của quý vị. “*Tượng mã xa thặng*” (xe voi, xe ngựa), đây là công cụ giao thông, đều rực rỡ, xa hoa nhất, thù thắng nhất. “*Trân bảo phục tạng*” (kho tàng quý báu), những món quý báu, đồ cổ quý vị đã thu thập. “*Như thị nhất thiết vô phục tương tùy*” (hết thấy những thứ như vậy chẳng còn theo ta nữa), chẳng có thứ gì là của quý vị, khi ấy quý vị liền biết, nguyên lai, ngay cả cái thân của chính mình cũng chẳng phải là của chính mình! Có thân thể này, quý vị có hết thấy những thứ đó, thân thể chẳng còn, toàn bộ hết thấy những thứ kèm theo đều chẳng còn nữa! Những điều ấy nói với chúng ta một chân tướng sự thật, mỗi cá nhân đều chẳng thể tránh khỏi, cái thân xác thịt này đã có sanh nhất định phải chết, đó là hiện tượng tự nhiên. Một năm có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông luân chuyển, luôn đổi dời chẳng ngừng, không thể ngưng lại được, biến hóa trong từng sát-na. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta, phàm thứ gì không mang theo được hãy buông xuống, chớ nên ghim trong lòng. Thứ gì thật sự mang theo được hãy nên giữ nơi tâm, niệm niệm chẳng xả, đó là đúng!

Tôi nhớ cư sĩ Lưu Tố Vân có báo cáo, quý vị có thể xem đĩa CD của bà ta, trong ấy bà ta có kể một câu chuyện thật, chẳng giả, một bạn gái thân thiết than vãn chồng cô ta lãng nhãng bên ngoài. Bà ta bảo người bạn gái ấy: “Đó là chồng cô dan díu bên ngoài, cô có biết hai chữ trượng phu giải thích như thế nào hay không? Trượng là xa đến một trượng, trong vòng một trượng là chồng cô, ngoài một trượng chẳng phải nữa. Cô bận tâm làm gì?” Đó là khuyên người khác buông xuống, chẳng nên tự tìm phiền não. Cùng một đạo lý, chúng ta hãy mở rộng ra để quan sát, thân thể này, một hơi thở chưa đoạn thì còn sống, là của chính mình; hễ một hơi thở chẳng hít vào được nữa, chẳng phải là của ta. Quần áo quý vị mặc trên người là của chính quý vị, bỏ chúng vào trong tủ áo bèn chẳng phải là của quý vị. Căn nhà quý vị đang ở, hôm nay quý vị ở trong căn nhà ấy thì nó là của quý vị, quý vị rời khỏi nhà, nó chẳng phải là của quý vị nữa. Trong túi quý vị chứa bao nhiêu tiền thì là của quý vị, tiền trong ngân hàng chẳng phải là của chính mình. Nếu chúng ta có thể quán như thế, tâm thanh tịnh sẽ rất nhanh chóng hiện tiền, đây là nói lời thật với quý vị, chẳng nói giả dối. Buông xuống, bảo quý vị hãy thời thời khắc khắc quán tưởng, tự nhiên quý vị có thể buông xuống. Sau khi buông những thứ tạp nạp xuống, Phật hiệu mới dấy lên được, đó là thật, vì sao? Mang theo được! Khi ta mạng chung sẽ sang thế giới Cực Lạc. Trong sát-na cuối cùng, nếu quên mất Phật hiệu, vẫn mê luyến những thứ ấy, quý vị lại luân hồi trong lục đạo, chẳng phải là bỏ lỡ cơ hội vãng sanh Tây Phương ư? Thật đáng tiếc! Tôi cũng gặp chuyện giống như người bạn thân tố khổ với Lưu cư sĩ, tôi cũng từng gặp phải chuyện đó. Một vị nữ cư sĩ kể về chồng bà ta dan díu bên ngoài, hỏi tôi nên làm sao? Tôi nói: “Điều ấy rất hợp để giúp cho bà niệm Phật, bà đừng bận lòng, cứ để chồng làm theo ý muốn sẽ hay hơn. Không chỉ chẳng oán hận, mà còn cảm tạ người tình của chồng. Nếu không, bà phải chăm sóc chồng, công phu niệm Phật chẳng đắc lực! Có một người tốt như thế đến giúp đỡ bà, đó là chuyện tốt, Bò Tát đấy!” Chuyện thế gian chẳng có gì tuyệt đối phải, trái, đúng, sai, chẳng có, đều là trong một niệm của chính mình. Một niệm đã giác ngộ, ai nấy đều là người tốt, chuyện gì cũng là chuyện tốt,

đều do trong một niệm, tùy thuộc quý vị chuyển ý niệm theo cách nào! Vì vậy, niệm nhiều những đoạn kinh văn như thế này sẽ có lợi.

Tiếp theo đó là *“duy thủ nguyện vương bất tương xả ly”* (chỉ có nguyện vương này chẳng bỏ lìa), chẳng phải là bảo quý vị niệm mười đại nguyện vương, mà là bảo quý vị hãy hành. Lễ kính chư Phật là quan hệ luân lý rất ráo viên mãn trong Phật môn, quý vị thấy pháp thế gian được thực hiện từ đâu? Từ *“phụ tử hữu thân”*, tức là thực hiện bằng tình thân ái. Trong Đại Thừa Phật pháp, Hoa Nghiêm là Nhất Thừa Phật pháp được thực hiện từ đâu? Thực hiện từ *“lễ kính chư Phật”*. Xét theo ý vị, ý vị thế gian và pháp vị là một vị, chẳng hai, chớ nên không biết điều này; nhưng phạm vi của lễ kính chư Phật to lớn, lớn đến mức độ nào? Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Đại nhi vô ngoại, tiểu nhi vô nội”* (không gì lớn ở ngoài, không gì nhỏ nhoi chẳng ở trong), toàn bộ đều bao gồm trong ấy. Chư Phật là gì? Chư Phật là tự tánh, chúng ta gọi người minh tâm kiến tánh là Phật. Quá khứ Phật là Phật đã thành, hiện tại Phật cũng đã minh tâm kiến tánh, vị lai Phật là ai? Vị lai Phật chính là chúng ta, là hết thảy hữu tình chúng sanh, hoàn toàn là vị lai Phật, muỗi, trùng, kiến là vị lai Phật, các loài trùng ngoạ, bay, bò là vị lai Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói càng khéo: *“Tinh và vô tinh đều cùng viên thành Chứng Trí”*, ý nghĩa này bao hàm điều gì? Hữu tình chúng sanh là vị lai Phật, vô tình chúng sanh cũng là vị lai Phật. Vô tình là gì? Hoa, cỏ, cây cối, núi, sông, đại địa, các hiện tượng vũ trụ toàn bộ đều là vị lai Phật, đều do tự tánh biến hiện, lìa khỏi tự tánh sẽ chẳng có một pháp nào để được. Nhà Phật thường nói: *“Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm”*, tâm tức là Phật, Phật tức là tâm. Những năm qua, chúng tôi đề xướng Tam Thời Hệ Niệm là trợ tu; trong nghi thức ấy, thiền sư Trung Phong đã bảo: *“Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta. Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này”*, loại nhận thức, ngôn hạnh như thế được gọi là *“lễ kính chư Phật”*.

Quý vị thấy Phật pháp giảng luân lý, đúng là giảng đến ráo viên mãn; đối với một sợi lông trong chánh báo, y báo trên đầu một sợi lông của chúng ta được gọi là một hạt vi trần. Các nhà khoa học hiện thời phân tích, biết nguyên tử có thể phân tích [nhỏ hơn], điện tử vẫn có thể phân tích, phân tích đến hạt cơ bản, phân tích đến khoa khắc (quartz), vẫn còn có thể phân tích [nhỏ hơn nữa], hiện thời đã phân tích đến tiểu quang tử (photon); các nhà khoa học đặt cho nó cái tên là lượng tử (quantum), nói chung là chẳng còn cách nào phân tích nhỏ hơn nữa! Đó là vật chất nhỏ nhất trong vũ trụ; trong Phật pháp [vật chất nhỏ nhất] được gọi là *“cực vi chi vi”* đã bị họ phát hiện. Các nhà khoa học nói trên thế giới không có vật chất, họ nói rõ vật chất chẳng tồn tại, vật chất là gì? Vật chất là hiện tượng được phát sanh bởi ý niệm tích lũy, hiện tượng ấy chính là tiểu quang tử, nó là từ trong Không sanh ra Có. Hơn nữa, tốc độ vô cùng nhanh chóng, vừa thấy nó sanh, nó đã diệt, gần như là gì? Sanh diệt đồng thời, tốc độ nhanh ngàn ấy! Vì thế, hiện tượng vật chất là một thứ huyền tượng tích lũy liên tục phát sanh. Hơn nữa, họ còn phát hiện những vật chất vô cùng vi tế ấy cũng có tác dụng tinh thần, [tác dụng] tinh thần là gì vậy? Trong tự tánh, chúng được gọi là “kiến, văn, giác, tri”

(thấy, nghe, hay, biết). Khi mê, nơi hiện tượng vật chất, chúng (kiến, văn, giác, tri) được gọi là Thọ, Tướng, Hành, Thức, đây chính là A Lại Da, [nói chính xác hơn, đó] là ba tế tướng của A Lại Da. Nói theo Lý, quả thật có thứ tự trước sau, nhưng trên mặt Sự, chẳng nhìn ra thứ tự trước sau, nó quá nhanh chóng, quá lạ lùng! Từ ba ngàn năm trước, trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói: *“Một niệm bất giác bèn có vô minh”*. Vô minh là ba tế tướng, từ ba tế tướng sanh ra sáu thô tướng. Tướng thứ nhất trong sáu thô tướng là Trí Tướng, người hiện thời gọi Trí là tri thức (kiến thức), thưa quý vị, Trí ấy chẳng phải là trí huệ, mà là tri thức. Loại thứ hai là Tương Tục Tướng, thứ ba là Chấp Thủ Tướng; thứ tư là Phân Biệt; thứ năm là Nghiệp Tướng, tạo nghiệp, thứ sáu là Nghiệp Hệ Khở Tướng, đó là quả báo. Quả báo luân hồi trong lục đạo, ba tế, sáu thô, có thể nói là sáu thô bao gồm y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Cũng như khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã báo cáo năm câu, câu cuối cùng là *“nào ngờ tự tánh, có thể sanh vạn pháp”*, ba tế, sáu thô sanh ra vạn pháp, sáu thô tướng chính là vạn pháp. Nay chúng ta mê nơi sáu thô tướng, chẳng thể giác ngộ, chẳng thể quay đầu, khi nào quay đầu sẽ giác ngộ, sẽ tu hành chứng quả. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta quay đầu, dùng phương pháp gì? Chỉ có nguyện vương này chẳng lia bỏ. Quý vị tu hành mười đại nguyện vương, thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, bèn thành tựu trong một đời này.

“U nhất thiết thời, dẫn đạo kỳ tiền” (trong hết thảy các thời, nó dẫn đường trước mặt), nguyện vương ấy diu dắt quý vị. *“Nhất sát-na trung tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới”* (trong một sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc), mười đại nguyện vương này là mười nguyện phải phát, chẳng phải phát bằng miệng, chỉ phát nguyện bằng miệng, chẳng khởi tác dụng, phải từ trong tâm phát ra, phải thực hiện lễ kính. Lễ là bề ngoài, Kính là trong tâm, biểu hiện ra ngoài bằng chân tâm thương yêu, cung kính. Nay chúng ta trông thấy người khác, ắt phải cúi gập người chín mươi độ để chào, đối với bất cứ ai đều biểu thị sự lễ kính. Đối với muỗi, kiến, có cần phải cúi gập người chín mươi độ để chào hay chẳng? Quý vị cũng cúi gập người chín mươi độ để chào, người ta sẽ nói quý vị là kẻ ngốc! Thấy hoa, cỏ, cây cối cũng cúi gập người chín mươi độ để chào ư? Chẳng phải vậy! Chân tâm yêu thương, hãy chấp tay niệm Phật hồi hướng, thuyết pháp cho nó. Cái bàn, băng ghế dài cũng là một trong các vị Phật, ta có nên hành lễ với cái bàn hay chẳng? Chẳng phải, lễ kính bàn ghế là lau chùi sạch sẽ, sắp xếp ngay ngắn, đó là lễ kính! Vì vậy, lễ kính do người, do thời, do nơi chốn, sống động, chứ không chết cứng, chẳng phải là khô khan, mà là sống động, linh hoạt. Trong tâm thật sự thành kính, sẽ chẳng có gì không đúng pháp, thứ gì cũng đều đúng pháp, chúng ta thật sự có thể cảm động người khác, có thể giúp cho người khác “quay đầu là bờ”. Vì thế, tự hành thật sự là hóa tha, thật sự hóa tha nhất định phải tự hành. Tự hành và hóa tha là một chuyện, chẳng phải hai chuyện.

Vãng sanh thế giới Cực Lạc, *“đáo dĩ, tức kiến đáo A Di Đà Phật”* (đã đến [cõi Cực Lạc] liền thấy A Di Đà Phật). Vì sao? Đó là pháp Nhất Thừa, dùng mười đại nguyện vương tu

pháp môn Niệm Phật, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là trong cõi Đồng Cư, cũng chẳng phải trong cõi Hữu Dư, mà là trực tiếp sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Quý vị không tin thì hãy thử xem, quý vị có thể đối với đá, đối với bùn cát cung kính chân thành dường ấy, quý vị sẽ cung kính người khác chẳng khác gì cung kính A Di Đà Phật. Tâm chân thành như vậy sẽ tự nhiên tương ứng với cõi Thật Báo Trang Nghiêm của A Di Đà Phật, vì sao? Chư Phật Như Lai đối với vạn sự, vạn pháp, vạn vật đều cung kính như thế, quý vị học theo chư Phật Như Lai không hai, không khác, nên phẩm vị của quý vị trong bốn cõi, ba bậc, chín phẩm nơi thế giới Tây Phương sẽ cao. Nho gia nói đến quan hệ nhân luân cao nhất là “*phàm thị nhân, giai tu ái*” (hễ là người đều phải yêu), chẳng nói đến động vật. Nếu động vật cũng nói đến thì là “*ái ốc cập điểu*” (yêu nhà, yêu lây cả chim), đó là nói đến động vật; nhưng chẳng nói đến cây cối, hoa, cỏ, chẳng nói đến núi, sông, đại địa, chẳng nói đến hiện tượng tự nhiên. Phật pháp thầy đều nói tới, toàn bộ được bao gồm trong ấy; vì thế, luân lý rất ráo viên mãn ở trong kinh Đại Thừa. Người ấy đến nơi đó thấy A Di Đà Phật, thấy Pháp Thân và Báo Thân của A Di Đà Phật Pháp Thân, chẳng phải là Ứng Hóa Thân.

“*Hựu kê vân*” (lại nói kê rằng), tiếp theo đó là tám câu kê, đây là Phổ Hiền Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ [bài kê này được chép] trong quyển bốn mươi của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, chúng ta hãy đọc mấy câu kê đó. “*Nguyện ngã*” (nguyện tôi), “*ngã*” là Phổ Hiền Bồ Tát tự xưng, “*lâm dục mạng chung thời*”, tức là khi thọ mạng chấm dứt, “*tận trừ nhất thiết chư chướng ngại*” (trừ sạch hết thảy các chướng ngại), khi mất chẳng có chướng ngại, vì sao? Thầy đều buông xuống. Hễ có một chuyện chẳng buông xuống được sẽ trở thành chướng ngại, chuyện nhỏ nhỏ bé đến mấy cũng rất phiền phức, chướng ngại quý vị chẳng thể vãng sanh, chướng ngại khiến quý vị tiếp tục luân hồi trong lục đạo, quý vị nói xem chuyện này có phiền phức hay không? “*Diện kiến bỉ Phật A Di Đà, tức đắc vãng sanh An Lạc sát*” (gặp mặt đức Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi An Lạc), chẳng có chướng ngại nên quý vị mới có thể thấy Phật, sanh Tịnh Độ. “*Ngã ký vãng sanh bỉ quốc dĩ, hiện tiền thành tựu thử đại nguyện*” (tôi đã vãng sanh cõi ấy rồi, hiện tiền thành tựu đại nguyện này), mười đại nguyện vương phải được thực hiện viên mãn rốt ráo khi nào? Trong thế giới Cực Lạc. Vì vậy, quý vị thật sự thực hiện viên mãn rốt ráo mười đại nguyện vương, thế giới Cực Lạc sẽ hiện tiền, vì sao? Thế giới Cực Lạc do ý niệm của quý vị biến hiện. Đúng là “*phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này*”, ý niệm mười đại nguyện vương biến hiện thành cõi Thật Báo Trang Nghiêm của A Di Đà Phật. “*Nhất thiết viên mãn tận vô dư, lợi lạc nhất thiết chúng sanh giới*” (hết thảy viên mãn chẳng còn sót, lợi lạc hết thảy chúng sanh giới), chính mình đã thành tựu, lại thành tựu hết thảy chúng sanh giới. Lợi ích như thế nào? Giáo hóa. Phổ Hiền Bồ Tát cũng là trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, khởi cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh hữu duyên. Chúng sanh có cảm, Ngài bèn hiện thân, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát “*nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy*”. Tám câu ấy là lời phát nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát.

Kể đó, chúng ta lại xem Văn Thù Bồ Tát, [xem xong lời] phát nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, lại xem tới ngài Văn Thù, lời nguyện của ngài Văn Thù hầu như hoàn toàn giống với Phổ Hiền Bồ Tát: “*Nguyện ngã mạng chung thời, diệt trừ chư chương ngại, diệt kiến A Di Đà, vãng sanh An Lạc sát*” (nguyện tôi lúc mạng chung, diệt trừ các chương ngại, gặp gỡ A Di Đà, vãng sanh cõi An Lạc), cõi An Lạc chính là thế giới Cực Lạc. “*Sanh bỉ Phật quốc dĩ, thành mãn chư đại nguyện, A Di Đà Như Lai, hiện tiền thọ ngã ký*” (Sanh về cõi ấy rồi, thành mãn các đại nguyện, A Di Đà Như Lai, bèn hiện tiền thọ ký), Như Lai thọ ký Bồ Tát thành Phật viên mãn. “*Như thị lưỡng đại sĩ, phát thù thắng đại nguyện, cầu sanh Cực Lạc, khả khuyến nhất thiết Bồ Tát, giai ngưỡng tín Văn Thù chi đại trí, nhập Phổ Hiền chi đại hạnh, phổ đạo chúng sanh, đồng quy Cực Lạc*” (Hai vị đại sĩ phát đại nguyện thù thắng, cầu sanh Cực Lạc như vậy, có thể khuyến hết thảy các vị Bồ Tát đều ngưỡng mộ, tin tưởng đại trí của Văn Thù, nhập đại hạnh của Phổ Hiền, dẫn dắt trọn khắp các chúng sanh đều về Cực Lạc). Xưa kia, khoảng chừng ba mươi năm trước, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, cũng dùng một thời gian rất dài [mà chỉ] giảng được một nửa. Khi ấy, mỗi tuần tôi giảng ba ngày, hai ngày giảng Bát Thập Hoa Nghiêm, một ngày giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, mỗi tuần giảng sáu giờ, mỗi lần hai giờ. Giảng được một nửa, bỗng có ngày tâm tình sôi nổi, đột nhiên nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn gì? Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài là đệ tử đặc ý của Văn Thù Bồ Tát, cũng có thể nói Ngài là truyền nhân của Văn Thù Bồ Tát, Ngài tu pháp môn gì? Điều này thuộc phần sau, vẫn chưa giảng đến, tôi vừa mới thưa cùng quý vị, đối với đoạn văn này, vừa mới đọc đến đoạn văn này trong quyển bốn mươi của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm. Tôi lật kinh ra, xem đến phần sau, thấy đoạn này, hoảng nhiên đại ngộ, lúc đó mới thật sự tin tưởng Tịnh Độ, nhất tâm quy mạng pháp môn Tịnh Độ, cũng nguyện sanh về cõi Cực Lạc giống như Bồ Tát, đích thân phụng sự A Di Đà Phật. Trước đó, thầy Lý đã khuyên tôi rất nhiều lần, nhưng tôi cũng chẳng có cách nào tiếp nhận. Tôi học Phật là do theo tiên sinh Phương Đông Mỹ học Triết Học Nhập Môn, thầy Phương đặc biệt giới thiệu kinh Hoa Nghiêm cho tôi, bảo tôi “bộ sách ấy” vốn là khái luận của Đại Thừa Phật học, cụ dùng danh xưng ấy để giới thiệu. Cụ nói “bộ sách” ấy viết hay lắm, trên cả thế giới không có sách Triết Học nào hay hơn được! Trong sách ấy có lý luận viên mãn, có phương pháp tinh tế, phía sau lại còn kèm theo năm ba mươi lần biểu diễn, biểu diễn gì vậy? Thực hiện lý luận và phương pháp ấy như thế nào trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự, đãi người, tiếp vật; vì thế, thầy Phương mới nói: “*Đây là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Thầy Phương không khuyên tôi tu Tịnh Độ, thầy dạy tôi hãy nhập môn từ Pháp Tướng Tông, đối với những thành phần tri thức thông thường thì phải giới thiệu như vậy. Phần tử tri thức ham học, nghe nhiều, Pháp Tướng Duy Thức hết sức phù hợp khẩu vị của họ. Do vậy, họ bài xích Tịnh Độ, cho là gì? “*Giáo pháp của mấy bà già! Thích Ca Mâu Ni Phật đại từ đại bi, thấy những kẻ ngu si ấy chẳng có cách nào học tập, bèn khuyên họ niệm A Di Đà Phật*”. Tâm thái nhìn nhận Tịnh Độ như vậy là nhìn sai bét rồi!

Chương Gia đại sư là Thượng Sư bên Mật Tông, Ngài khuyên tôi “*Mật Giáo nhất định phải tu học từ Hiển Giáo*”, dạy tôi hãy nương theo kinh luận Đại Thừa, Ngài cũng chẳng khuyên tôi tu Tịnh Độ. Sau này, gặp thầy Lý, thầy Lý học với Ấn Quang đại sư là bậc đại đức trong Tịnh Tông, biết sự thù thắng của Tịnh Độ, nhưng cụ khuyên tôi rất nhiều lần, tôi chẳng bài xích, chẳng khinh dễ Tịnh Độ. Cụ đưa Ấn Quang Văn Sao cho tôi xem, tôi đọc xong một lượt, đối với Tịnh Độ có chút ấn tượng, chẳng hề hủy báng, cũng tán thán, nhưng chính mình chẳng chịu học, mà học kinh điển Đại Thừa. Thầy giảng kinh Hoa Nghiêm tại Đài Trung, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm tại Đài Bắc, giảng đến một nửa đột nhiên nghĩ đến chuyện này, xem đoạn văn này mới quay đầu là bờ, thật sự phát tâm. Vì thế, tôi từ học Phật mà trở về Tịnh Độ, nói chung, hai mươi năm trước chẳng thật sự dụng tâm đọc kinh Tịnh Độ, hai mươi năm sau mới bắt đầu nghiêm túc đọc tụng kinh luận Tịnh Độ. Tôi tin tưởng, Phật, Bồ Tát đã bảo là pháp khó tin, đối với tôi quả thật khó tin. Nếu không có Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, tôi chẳng thể trở về Tịnh Độ, những bộ đại kinh ấy đã dẫn dắt tôi về Tịnh Độ. Vì thế, tôi có ấn tượng rất sâu đối với mấy câu này. Hết thấy Bồ Tát đều ngưỡng mộ, tin tưởng Văn Thù đại trí, Phổ Hiền đại hạnh. “*Ngưỡng*” (仰) là kính ngưỡng, chẳng còn bàn cãi chi nữa, hai vị Bồ Tát này là đại trí, đại hạnh. “*Phổ đạo chúng sanh đồng quy Cực Lạc. Thị cố thử kinh, liệt vi thượng thủ. Thứ lệ Di Lạc giả, Đại Bảo Tích Kinh, Phát Thắng Chí Nhạo hội, Di Lạc vấn Phật, nhược hữu chúng sanh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm, chuyên niệm hướng u A Di Đà Phật, thị nhân mạng chung đương đắc vãng sanh bỉ Phật thế giới*”(hướng dẫn trọn khắp chúng sanh cùng về Cực Lạc. Vì thế, kinh này xếp các Ngài vào hàng thượng thủ. Kế đó, nêu tên ngài Di Lạc. Trong pháp hội Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo của kinh Đại Bảo Tích, ngài Di Lạc hỏi Phật: “Nếu có chúng sanh phát mười loại tâm, do mỗi tâm chuyên niệm, hướng về A Di Đà Phật, người ấy mạng chung sẽ sanh về thế giới của đức Phật ấy”). Đây là trong kinh Bảo Tích, trong hội ấy, Di Lạc Bồ Tát có nói mấy câu như vậy. Ngài nói nếu có chúng sanh phát mười loại tâm, chúng tôi trích lục mười loại tâm ấy từ Tam Tạng Pháp Số, đều sao lục từ kinh Bảo Tích, rất quan trọng.

Kinh dạy như thế này: “*Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn: Như Phật sở thuyết, A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới công đức lợi ích*” (Di Lạc Bồ Tát bạch Phật: “Như đức Phật đã nói về công đức và lợi ích trong thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật”), những điều ấy do đức Thế Tôn giảng cho Di Lạc Bồ Tát, “*nhược hữu chúng sanh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm chuyên niệm bỉ Phật, thị nhân mạng chung đương đắc vãng sanh dã*” (nếu có chúng sanh phát mười loại tâm, dùng mỗi tâm để chuyên niệm đức Phật ấy, người đó mạng chung sẽ được vãng sanh). Chúng ta phải nghiêm túc học tập mười loại tâm ấy, hai loại đầu tiên biểu thị lòng đại từ đại bi của Di Lạc Bồ Tát.

Thứ nhất là “*vô tổn hại tâm*”, người niệm Phật đều phải tu mười loại tâm ấy. “*Niệm Phật chi nhân, u chư chúng sanh, thường khởi đại từ chi tâm, bất gia tổn hại, linh đắc khoái lạc, thị danh vô tổn hại tâm*” (người niệm Phật thường khởi tâm đại từ đối với các chúng sanh,

chẳng gây tổn hại, khiến cho họ được vui sướng, nên gọi là tâm chẳng tổn hại). Từ bi làm đầu, phát tâm ấy như thế nào? Người bình thường chẳng phát được, chỉ có Đại Thừa Bồ Tát, vì sao? Đại Thừa Bồ Tát mới thật sự biết chúng sanh trong pháp giới vốn cùng một Thể. Sách Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư đã giảng nguyên khởi của vũ trụ, đây là một đại vấn đề, là một vấn đề lớn trong triết học và khoa học, mãi cho đến hiện thời cũng chẳng có cách nào giải quyết. Biết có chuyện ấy, nhưng chuyện ấy rốt ráo là như thế nào, chẳng ai có thể nói được. Vũ trụ do đâu mà có? Vì sao có vũ trụ? Con người do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Trọng yếu nhất là ta, ta do đâu mà có? Chỉ trong Đại Thừa Phật pháp là những vấn đề ấy được giảng rõ ràng, ngay cả các nhà khoa học Lượng Tử hiện thời cũng chẳng có cách nào giảng rõ ràng như đức Phật. Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch thì khắp pháp giới hư không giới và chính mình vốn là một, một Thể, một thân, thân ấy được gọi là Pháp Thân, chẳng phải là thân nghiệp báo, mà là Pháp Thân. Thân nghiệp báo là một phân tử, một tế bào, một sợi lông trong Pháp Thân.

Pháp Thân không có sanh diệt, đạo lý “chẳng sanh diệt” này nói rất sâu. Trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật bảo chúng ta “vốn chẳng sanh”. Nếu chẳng sanh, lấy đâu ra diệt? Có hiện tượng hay không? Có, nhưng khó hiểu. Có hiện tượng thì có sanh diệt, cơ sao có thể nói là “vốn chẳng sanh?” Trong khi giảng kinh, đức Phật rất khéo dùng tỷ dụ, khiến cho chúng ta từ tỷ dụ sẽ thấu hiểu. Tỷ dụ được dùng nhiều nhất là nằm mộng, vì mỗi cá nhân đều có kinh nghiệm nằm mộng, nên dùng mộng làm tỷ dụ mọi người sẽ chẳng cảm thấy xa lạ, xưa, nay, trong, ngoài nước mọi người đều nằm mộng. Vì thế, trong kinh Kim Cang, đức Phật nói bốn câu kệ: *“Hết thấy các pháp hữu vi”,* hết thấy các pháp hữu vi là Pháp Thân, *“như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương cũng như chớp, hễ nên quán như thế”*. Như mộng, huyễn, bọt, bóng là không có sanh diệt; vốn không sanh, há có diệt! Vì sao? Giả, chẳng thật, khi nằm mộng thì có, sau khi tỉnh mộng bèn chẳng còn nữa, rỗng tuếch! Khi mộng thì chẳng sanh, khi tỉnh cũng không diệt, căn bản là không có chuyện này. Phật dùng điều này để tỷ dụ điều gì? Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là mộng cảnh. Có thời gian dài hay ngắn hay không? Thừa quý vị, không có, trong mộng có thời gian, sau khi tỉnh lại bèn chẳng còn thời gian nữa. Không chỉ chẳng có thời gian, mà không gian cũng chẳng có, không gian là gì? Ngay trong giây phút này. Đối với những lời kinh ấy và những ý nghĩa ấy, chúng ta phải rất chú tâm quán chiếu, thấu hiểu thì mới có thể nhận thấy đức Phật nói chẳng sai! Khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một; ngoài chính mình ra, thứ gì cũng chẳng có! Giống như trong mộng, toàn bộ cảnh giới trong mộng đều do tâm của chính mình biến hiện. Trong mộng có nhiều người, nhiều sự, nhiều vật, toàn bộ đều do tự tâm biến hiện. Thật sự đúng như đức Phật đã nói: *“Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Ngoài tâm chẳng có mộng, ngoài mộng chẳng có tâm”*. Quý vị dần dần thấu hiểu, thật sự thấu hiểu, tâm từ bi sẽ phát xuất. Vì sao? Chẳng có ai không yêu thương chính mình! Đã biết toàn thể vạn

sự, vạn vật trong vũ trụ là chính mình, tâm đại bi mới có thể sanh khởi được. Đó là chân tâm, chẳng phải là hư vọng, tâm yêu thương chân thành.

Thật ra, trước khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, tổ tiên Trung Quốc cũng đã từng nói đến đạo lý này, nhưng chẳng nói tí mĩ như trong kinh Phật. Lão Tử nói: “*Thiên địa dĩ ngã đồng căn, vạn vật dĩ ngã nhất thể*” (trời đất và ta cùng cội rễ, vạn vật và ta cùng một thể), chẳng phải là ý nghĩa này ư? Lão Tử và Thích Ca Mâu Ni Phật chưa hề gặp mặt, cũng chẳng trao đổi tin tức, đó gọi là “anh hùng có cách nhìn đại lược giống nhau!” Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy, Lão Tử cũng nói đến. Nếu chẳng thấy, làm sao Ngài có thể nói được? Ất phải có nhận biết giống như vậy, nhận biết vũ trụ là một Thể, tâm từ bi chân thành mới sanh ra được. Sau đây thì sao? Đối với hết thảy chúng sanh chắc chắn không có tâm tổn hại, quý vị yêu thương họ. Quý vị không chỉ giết họ, mà ngay cả gây tổn hại cho họ cũng chẳng thể làm được, đó là tánh đức trong tự tánh thấu lộ viên mãn. Không chỉ chẳng gây tổn hại, mà quý vị nhất định có tâm thành tựu người khác, khiến họ được vui sướng, thật sự có lòng giúp đỡ kẻ khác, khiến cho kẻ khác thành tựu. Nếu ta chẳng quen biết kẻ đó, kẻ đó lại chẳng có liên quan gì với ta, ta cần gì phải làm chuyện tốt ấy, cần gì phải giúp đỡ kẻ chẳng thân thiết, chẳng có quan hệ gì với ta? [Đó là tâm thái của kẻ] chưa giác ngộ, là tâm phàm phu! Người thật sự giác ngộ chẳng có tâm ý thức ấy! Người ấy chỉ biết căn tánh [chúng sanh] là lợi hay độn, đã chín muối hay chưa. Nếu căn tánh chín muối, nhảy bén, bèn giúp đỡ, thành tựu kẻ đó trước. Nếu kẻ đó thành Phật, sẽ phổ độ chúng sanh. Đối với người chí thân và bạn bè thân thiết của ta, nếu căn cơ của họ chưa chín muối, ta có thể tạm thời bớt giúp họ một chút, họ chưa chín muối mà! Một nguyên tắc là thành tựu điều tốt đẹp cho người khác, chẳng thành tựu điều ác, nhất định phải hiểu nguyên tắc này. Do vậy, không có tâm tổn hại, đối với hết thảy chúng sanh, đối với núi, sông, đại địa, cây cối, hoa, cỏ, chẳng có tâm tổn hại.

Điều thứ hai, “*vô bức não tâm. Niệm Phật chi nhân, thân tâm an tĩnh, ư chư chúng sanh, thường khởi đại bi chi tâm, thâm gia mãn thương, linh đắc thoát khổ, thị danh vô bức não tâm*” (Tâm vô bức não: Người niệm Phật, thân tâm an tĩnh, thường khởi tâm đại bi đối với các chúng sanh, sanh lòng thương xót sâu xa, khiến cho họ được thoát khổ, điều đó gọi là “vô bức não tâm”). Bức (逼) là bức bách, nay chúng ta gọi là “áp lực”. Não (惱) là khiến cho kẻ khác sanh phiền não. [Vô tổn hại tâm và vô bức não tâm] đều thuộc về từ bi. Ở đây, kinh nói rất hay, điều trước là từ tâm, điều này là bi tâm. Bi là tâm thương xót. Tâm thương xót đầy lên, ở đây, nói rất hay, “*thân tâm an tĩnh*”. Nếu thân tâm chẳng thể an tĩnh, bi tâm chẳng thể sanh khởi, [bi tâm là] tâm thương xót, tâm đồng tình, vì sao? Thân tâm an tĩnh sanh trí huệ. Từ bi và trí huệ có mối liên quan, thân tâm chẳng an sẽ sanh phiền não, trong phiền não lấy đâu ra từ bi? Có lúc trong phiền não cũng có từ bi, đó là hai thứ trước trong bốn loại từ bi như kinh Phật đã dạy, phàm phu có hai thứ ấy. Loại thứ nhất là Ái Duyên Từ Bi, nói chung là đối với thân bằng hảo hữu của chính mình, ta yêu mến họ, họ có quan hệ với ta, ta bèn giúp đỡ, yêu thương, chăm sóc họ. Nhưng nếu chẳng phải là thân bằng hảo hữu, tâm ấy chẳng thể

sanh khởi. Đó là Ái Duyên Từ Bi. Người đọc sách có đức hạnh, có học vấn, tâm lượng mở rộng, đây cũng là như Đệ Tử Quy nói, người ấy đã đạt tới mức “*hễ là người, đều phải yêu thương*”, đạt đến cảnh giới ấy, trong Phật pháp gọi [cảnh giới ấy] là Chúng Sanh Duyên Từ Bi, mở rộng lòng yêu thương của chính mình, có thể từ bi đối với hết thảy chúng sanh, điều này rất khó có. Tại Trung Quốc, chúng ta gọi người như vậy là thánh hiền, đại thánh, đại hiền, tâm từ bi của họ thấu đến hết thảy chúng sanh là những người chẳng có may mắn quan hệ với họ. Điều thứ ba thuộc về Bồ Tát trong Phật môn, tức là Pháp Duyên Từ Bi. Ngài chưa phải là Phật, đang học Phật. Phật dạy vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và ta là một Thể, Ngài học tập, Ngài cũng giống như Phật mở rộng tâm từ bi của chính mình đến rộng khắp hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Ngài chưa đoạn khởi tâm động niệm, chẳng còn phân biệt, chấp trước, nhưng vẫn còn khởi tâm động niệm. Đến cuối cùng là Vô Duyên Từ Bi, lòng từ bi này là của Phật. Ở đây nói tới Vô Duyên Từ Bi thì Vô Duyên là không có điều kiện. Hiện thời, có thể dùng hai chữ “điều kiện” để giải thích chữ Duyên, [vô duyên] là vô điều kiện. Vì sao vô điều kiện? [Ta và chúng sanh có cùng] một Thể, [đã là] một Thể, há có điều kiện? Do vậy, Phật là vô duyên đại từ đại bi, Bồ Tát là pháp duyên, thánh hiền là chúng sanh duyên, các phàm phu chỉ có ái duyên. Vì thế, người đạt đến địa vị thánh hiền có tâm từ bi, lòng yêu thương mở rộng, đúng là “*phàm là người, đều nên yêu thương*”. Thấy người tuổi tác chẳng khác cha mẹ ta cho lắm, bèn lễ kính người ấy chẳng khác cha mẹ của chính mình. Thấy kẻ tuổi nhỏ bằng cỡ con cái mình, bèn chăm nom kẻ ấy hết như con cái của chính mình. Đó là thánh hiền thế gian. Sự tu học trong Phật pháp chẳng có gì khác, cứ từng bước tiến cao hơn, quyết định chẳng có tâm thái bức nã!

Thứ ba là hộ pháp, “*nhạo thủ hộ tâm. Niệm Phật chi nhân, ư Phật sở thuyết chánh pháp, đương tu bất tích thân mạng, thủ hộ, ái tích, thị danh nhạo bảo hộ tâm*” (tâm yêu thích gìn giữ, bảo vệ. Người niệm Phật đối với chánh pháp do đức Phật đã nói, hãy nên chẳng tiếc thân mạng để bảo vệ, yêu mến, đó là tâm yêu thích bảo vệ). Đây chính là như chúng ta thường nói, chánh pháp tồn tại lâu dài. Phải làm như thế nào mới hòng chánh pháp tồn tại lâu dài? Quý vị nhất định phải tuân thủ pháp thì mới có thể hộ pháp. Không tuân thủ pháp, quý vị dùng điều gì để hộ pháp? Do vậy, trong bốn chữ này, đức Phật chẳng nói “*nhạo hộ pháp tâm*” (tâm thích hộ pháp), mà nói “*thủ hộ tâm*”, chữ Thủ (守) là mấu chốt, có thể làm được hay không? “*Thủ*” là thọ trì. Ngày nay Phật pháp suy vi, chúng ta muốn tuân thủ Phật pháp, chiếu theo Phật pháp để tu hành, tự nhiên có hộ trì trong ấy; nhưng quý vị có tin tưởng chánh pháp do đức Phật đã nói hay không? Có thể lý giải hay không? Đây là mấu chốt. Thật sự lý giải thì quý vị mới có tín tâm, chẳng hiểu rõ thì lòng tin ấy chính là mê tín, mê tín sẽ bị dao động rất dễ dàng. Do vậy, Phật pháp nói tới chánh tín, chánh tín là gì? Quý vị hiểu rõ ràng, minh bạch lời đức Phật dạy, đây là chánh tín. Hiểu rõ ràng, minh bạch rồi quý vị mới thật sự y giáo phụng hành. Ta thật sự quy y, quy y là bái sư, bái ai làm thầy? Bái A Di Đà Phật làm thầy, bái Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy. Quy y chính là bái sư, quy y Tam Bảo, chẳng nói

quy y vị pháp sư nào! Trong giáo pháp Đại Thừa đã nói rõ ràng, minh bạch. Nhất là trong Lục Tổ Đàn Kinh, tổ sư đời thứ sáu của Thiên Tông là Huệ Năng đại sư đã nói đơn giản, minh bạch. Ngài truyền trao quy y cho người khác, dạy người ta “quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh”, Ngài chẳng nói “quy y Phật, Pháp, Tăng”. Vì sao? Chúng ta có thể suy ra rằng: Trong thời Ngài, Phật pháp đã truyền đến Trung Quốc khoảng chừng hơn bảy trăm năm, thời gian lâu ngần ấy, cho nên càng truyền càng bị sai ngoa. Người bình phàm nảy sinh hiểu lầm đối với Phật pháp, hễ nhắc tới quy y Phật, bèn nghĩ đến tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc, quy y Pháp, ngay lập tức nghĩ đến kinh điển; quy y Tăng liền nghĩ đến người xuất gia. Quý vị quy y như vậy là sai bét rồi, quy y chẳng phải là ý nghĩa ấy!

Do vậy, Tổ chẳng dùng Phật, Pháp, Tăng, mà dùng Giác, Chánh, Tịnh rồi lại giải thích cho quý vị. Phật là Giác, Phật có nghĩa là Giác, giác mà không mê là quy y Phật. Quý vị thấy trong ấy há có mê tín? Chánh chứ không tà, chánh tri, chánh kiến, chẳng phải là tà tri, tà kiến, đó là quy y Pháp. Sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó là quy y Tăng, mang ý nghĩa ấy. Vì thế, Phật là tự tánh giác, Pháp là tự tánh chánh, Tăng là tự tánh tịnh, nói tới tự tánh Tam Bảo, chẳng phải là bên ngoài, quý vị mới thật sự quy y. Chư Phật Như Lai xuất hiện trên thế gian để biểu diễn, thân hành, ngôn giáo, đích thân biểu diễn giác, chánh, tịnh, miệng giảng cho quý vị cũng là giác, chánh, tịnh, hoàn toàn giúp chúng ta trở về tự tánh. Quy (皈) là quay đầu, Y (依) là nương cậy, quay đầu nương theo gì? Nương theo trí huệ và đức tướng trong tự tánh, chẳng phải là cậy vào bên ngoài, ngàn muôn phần các đồng học phải ghi nhớ điều này! Nếu quy y một vị pháp sư hay hòa thượng nào đó, hổng bét rồi, vị ấy có đại triệt đại ngộ hay không? Vị ấy có minh tâm kiến tánh hay không? Nếu vị ấy chưa đại triệt đại ngộ, chưa minh tâm kiến tánh, vị ấy là phạm phu trong lục đạo, ta quy y vị ấy chẳng phải là vẫn tạo nghiệp lục đạo ư? Thầy tạo nghiệp lục đạo, dẫn dắt quý vị vẫn tạo nghiệp lục đạo, chẳng ra khỏi được! Vì thế, đối với chánh pháp do đức Phật đã nói, chẳng thể không học tập, chớ nên không hiểu rõ ràng; sau khi hiểu rõ bèn phải thực hiện, ta chẳng tiếc thân mạng cũng phải thực hiện. Thân mạng là tỷ dụ, [chẳng tiếc thân mạng] tức là chẳng sợ khổ. Đức Phật dạy chúng ta buông xuống, chúng ta buông xuống, thân mạng cũng chẳng cần thì còn có gì chẳng buông xuống được? Phật dạy chúng ta trì giới, chúng ta thật sự làm.

Tịnh Tông Học Hội thành lập, khi ấy, tôi ở Mỹ, tôi khuyên các đồng tu học tập năm khoa mục. Kinh Phật có nội dung quá phong phú, học trọn hết thì quá phức tạp, cũng chẳng thể nhớ nổi! Đơn giản là nhớ kỹ năm khoa mục, chẳng cần dùng đến sách vở mà quý vị có thể ghi nhớ kỹ càng. Đầu tiên là chúng ta phải học Tam Phước. Con người chẳng thể không có phước báo, trước tiên là tu tam phước. Tam phước là “tánh, tu bất nhị”, chúng có sẵn trong tự tánh, chúng ta chịu tu theo tam phước trong tự tánh là đúng. Câu đầu tiên là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp*”. Đó là gì? Tu phước. Tu phước theo kiểu ấy sẽ hoàn toàn tương ứng với tánh đức trong tự tánh. Đức Phật coi trọng, quý vị thấy nhà Phật thường nói “*phước huệ song tu*”, đặt phước đằng trước, đặt

huệ đằng sau. Người thế gian chúng ta cũng hy vọng có phước trước, rồi mới cầu trí tuệ, nên Phật làm cho chúng sanh mãn nguyện. Như vậy thì phước báo của quý vị do tu từ đâu mà thành? Từ hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp, phước báo do đấy mà có. Chúng ta chiếu theo đó để tu, phát tâm cách nào cũng tu chẳng thành, tu mấy năm vẫn chẳng có hiệu quả, thôi đi, chẳng cần nữa! Vẫn là ta làm theo kiểu của ta, thoái chuyển rồi, người như vậy quá nhiều! Do đó, chúng ta hãy nên phản tỉnh sâu xa, vì sao cổ nhân làm được? Chẳng cần nói đến thời rất xa, một trăm năm hay tám mươi năm trước, nói chung, người thuộc tám mươi năm trước quá nửa là có thể làm được. Một trăm năm trước, tôi thiếu có từ tám mươi đến chín mươi phần trăm có thể làm được! Người hiện thời làm không được, vì nguyên nhân gì? Tuổi nhi đồng của chúng ta đã coi nhẹ, bỏ sót, không vun bồi căn cơ giáo dục. Căn cơ ấy là gì? Chính là ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, tức là những điều chúng tôi đề xướng trong mấy năm gần đây. Căn bản của Nho là Đệ Tử Quy, dùng nó làm đại biểu, căn bản của Đạo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, căn bản của Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Tám mươi năm trước, trẻ nhỏ ắt phải học ba thứ ấy nên chúng có căn bản. Ai dạy chúng nó? Cha mẹ dạy, cha mẹ thầy đều làm được. Từ lúc sanh ra, trẻ nhỏ đã thấy, nghe từ cha mẹ, tai nghe quen, mắt nhìn quen, tự nhiên học được. Cổ nhân Trung Quốc có câu: “*Thượng lương bất chánh, hạ lương oai*” (kèo trên chẳng ngay, kèo dưới lệch), “kèo trên” là gì? Kẻ làm cha mẹ! Cha mẹ đã chánh, lẽ nào con cái bất chánh? Cha mẹ bất chánh, làm sao con cái chánh cho được? Vấn đề xuất hiện ở chỗ này.

Vì vậy, chúng tôi đưa ra ba căn bản giáo dục ấy, “hiếu thân, tôn sư” (hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy) được thực hiện bằng Đệ Tử Quy, “từ tâm chẳng giết” được thực hiện bằng Cảm Ứng Thiên, câu cuối cùng là tu Thập Thiện Nghiệp. Do có rất nhiều người hỏi tôi: “Thưa pháp sư Tịnh Không! Vì sao thầy đề xướng Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên? Những thứ ấy đều chẳng phải là Phật giáo”. Họ không biết, từ giữa đời Đường trở đi, Phật giáo Trung Quốc không học Tiểu Thừa. Trong kinh điển, đức Phật đã dạy: “*Phật tử không học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa, chẳng phải là đệ tử Phật*”, Phật không thừa nhận. Có sao quý vị chẳng làm theo quy củ của đức Phật? Các kinh luận Tiểu Thừa được dịch sang tiếng Hán vô cùng đầy đủ, tôi chẳng chú tâm nghiên cứu, nhưng Chương Gia đại sư bảo tôi, đối chiếu Tam Tạng của Nam Truyền Tiểu Thừa với Tứ A Hàm [trong Hán Tạng, tạng Nam Truyền] chỉ nhiều hơn [các kinh điển Tiểu Thừa trong Hán Tạng] năm mươi mấy bộ. Gần ba ngàn bộ kinh điển mà chỉ nhiều hơn năm mươi mấy bộ, có thể thấy Tứ A Hàm đã được phiên dịch khá hoàn bị. Phật giáo sau khi được truyền đến Trung Quốc, đúng là trước học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa, đặt vững cơ sở nơi Tiểu Thừa; vì sao từ giữa đời Đường trở đi chẳng cần nữa? Hai tông Tiểu Thừa, tức Thành Thật Tông và Câu Xá Tông, chẳng còn nữa, hiện thời ngay cả tên gọi cũng chẳng nghe nói tới. Tổ sư đại đức Trung Quốc dùng Nho và Đạo để thay thế Tiểu Thừa vẫn được! Quý vị thấy một ngàn bảy trăm năm qua, trải các đời, bao nhiêu cao tăng đại đức, bao nhiêu vị tổ sư xuất hiện, cũng có nghĩa là dùng Nho và

Đạo để thay thế bèn tốt đẹp, càng thân thiết hơn nữa. Hơn nữa, tâm lượng của Nho và Đạo rộng rãi hơn Tiểu Thừa, chẳng thua kém Tiểu Thừa. Chúng ta phải hiểu chuyện lịch sử này, hiểu sự dụng tâm của tổ sư đại đức, dùng Nho và Đạo để thực hiện phước thứ nhất trong ba phước, phước thứ nhất là căn cơ. Có ba căn bản ấy, đức hạnh của quý vị sẽ thành tựu, có đức hạnh bèn có phước báo thật sự. Không có đức hạnh, phước báo ấy là giả, chẳng thật, thường là giống như hoa Đàm thoáng hiện! Do vậy, ngạn ngữ có câu: “*Phú bất quá tam đại*” (chẳng ai giàu ba đời), đạo lý là ở chỗ này, vì sao? Kẻ đó thiếu căn cơ. Phải có căn cơ thì mới có thể kéo dài đời đời kiếp kiếp. Kẻ ấy biết tích công lũy đức, dẫu phú quý vẫn tu đức, tiếp tục tu không ngừng, đời đời kiếp kiếp hưởng thụ chẳng cùng, những điều này đều là thật.

Có phước thứ nhất thì mới có thể nhập Phật môn, quý vị thấy điều thứ hai là “*thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”, tức là đã nhập môn. Trước khi nhập môn phải có điều kiện, điều kiện là phước thứ nhất. Phước thứ nhất là như trong kinh điển ta thường thấy nói “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” vì họ trọn đủ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, họ là thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên mới có thể thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, đó là nhập môn. Tam Quy, giới luật, oai nghi đều có thể tu khá lắm, đức hạnh thành tựu giống như A La Hán, như Bồ Tát. Điều ấy mới khiến cho quý vị thật sự tu Giới, tu Định, tu Huệ trong Đại Thừa. Điều thứ ba là “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*”, đó là tam phước. Mười loại tâm như chúng ta đang đọc ở đây đều là Bồ Đề tâm, mỗi điều đều là Bồ Đề tâm, mỗi điều đều đầy đủ viên mãn chín điều kia. Bồ Tát phát tâm là đệ nhất. Đã phát tâm, quý vị bèn có phương hướng, có mục tiêu. Sau đây là tin sâu nhân quả, câu này rất quan trọng, câu quan trọng nhất là “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”, quý vị có thể tin tưởng nhân quả ấy, trở về Tịnh Độ, chắc chắn thành tựu trong một đời này, chẳng còn bị lạc đường nữa! Đọc tụng Đại Thừa, chính mình đã thành tựu. Câu cuối cùng là dạy người khác, đã tự hành, phải hóa tha. Bồ Tát phải độ chúng sanh; nếu không giúp đỡ người khác, chẳng phải là Bồ Tát! Vì thế, sau đó bèn khuyến tấn hành giả, quý vị phải khuyên lon, phải giúp người khác tinh tấn, phải giúp người khác thành tựu. Quý vị thấy ba phước thành tựu sẽ tự nhiên giống như Bồ Tát, Bồ Tát là như thế nào? Bồ Tát là Lục Hòa. Lục Hòa Kính là Bồ Tát, Lục Hòa Kính chẳng có tâm tổn hại, chẳng có tâm bức nã, thật sự thích thủ hộ. Có đầy đủ đức hạnh như vậy rồi mới thâm nhập kinh tạng, tu Giới, Định, Huệ, tu Bồ Tát hạnh. Bồ Tát hạnh là Lục Độ, tu mười nguyện Phổ Hiền, tiếp nhận mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Đây là khi Tịnh Tông Học Hội thành lập tại Mỹ, chúng tôi đã viết một bài giới thiệu duyên khởi. Trong duyên khởi, nhắc đến năm khoa mục ấy, lấy [năm khoa mục ấy] làm tiêu chuẩn, phương hướng và mục tiêu tu học của chúng ta. Con người hiện thời có nói: “*Học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời*”. Chúng ta khởi tâm, động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều nêu gương tốt đẹp cho xã hội, chớ nên nêu gương xấu!

Thứ tư, “*vô chấp trước tâm. Niệm Phật chi nhân, thường dĩ trí huệ quán sát u nhất thiết pháp, bất sanh chấp trước, thị danh vô chấp trước tâm*” (Tâm chẳng chấp trước: Người niệm Phật thường dùng trí huệ quán sát hết thấy các pháp, chẳng sanh chấp trước, đó là tâm không chấp trước). Vô chấp trước cần có gì? Phải có trí huệ, không có trí huệ là không được, phải có trí huệ chân thật. Trí huệ do đâu mà có? Từ tâm thanh tịnh phát ra, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Chớ nên chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, vì sao? Trong kinh giáo Đại Tiểu Thừa, đức Phật đã giảng vô cùng rõ ràng luân hồi trong lục đạo do đâu mà có? Do chấp trước mà ra. Chẳng còn chấp trước nữa, quý vị cũng rất dễ vượt thoát luân hồi. Chỉ cần quý vị có chấp trước, sẽ chẳng vượt thoát luân hồi; luân hồi do chấp trước biến hiện. Đức Phật bảo ngoài lục đạo còn có bốn thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, [bốn pháp giới ấy] cao hơn chúng ta. Họ do nguyên nhân gì mà có? Họ có tâm phân biệt, chẳng có tâm chấp trước, họ có tâm phân biệt cho nên có bốn thánh pháp giới. Chấp trước là Phiền Nã Chướng, vô lượng vô biên phiền não đều từ đây sanh ra, quý vị buông xuống bèn chẳng còn có chuyện gì nữa! Phân biệt là Sở Tri Chướng, hai thứ chướng ngại này đều chướng ngại con người minh tâm kiến tánh. Nếu chúng ta trở về tự tánh, hai thứ chướng ngại ấy đều chẳng còn nữa. Vì vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: Chúng ta buông chấp trước xuống (Kiến Tư phiền não đã đoạn), bèn chứng quả A La Hán, thành Chánh Giác, chứng quả A La Hán vượt thoát lục đạo. Bởi lẽ, lục đạo là mộng cảnh, chỉ cần Chánh Giác hiện tiền, lục đạo chẳng còn nữa, đã tỉnh giấc rồi, đã tỉnh khỏi giấc mộng rồi. Sau khi tỉnh lại, vẫn còn trong mộng, [bởi lẽ] lục đạo là mộng trong mộng, đó là gì? Bốn thánh pháp giới. Bốn thánh pháp giới vẫn là mộng cảnh. Ất phải buông phân biệt xuống, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng phân biệt. Tâm phân biệt đoạn mất, tâm ấy càng thù thắng hơn tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh không có chấp trước, nhưng có phân biệt. Trong tâm bình đẳng không chỉ chẳng có chấp trước, mà phân biệt cũng không có. Nay chúng ta nói là “hòa hài” (hỗ tương hợp tác, ý kiến hòa hợp), nói đến hòa bình khó lắm. Vì sao hòa bình khó khăn dường ấy? Người nào đạt được hòa hài chân thật? Bồ Tát! A La Hán cũng chưa làm được, vì sao? Bồ Tát chứng đắc tâm bình đẳng, hễ bình đẳng bèn hòa!

Bởi lẽ đó, người Trung Quốc nói đến hòa bình thì “*hòa*” do đâu mà có? Do bình mà có, tức là do bình đẳng mà có. Người Trung Quốc nói đến quả trước, sau đấy mới nói đến nhân. Người Nhật nói thành “*bình hòa*” (heiwa) tức là nói nhân trước, quả sau; quý vị hãy xem văn tự của Nhật Bản. Bất bình lẽ nào có hòa hợp? Cao hơn thanh tịnh! Vì vậy, trong bốn thánh pháp giới, chủ yếu là tu tâm bình đẳng. Trong tựa đề kinh này có “*thanh tịnh bình đẳng*”, Bồ Tát tu bình đẳng. Buông phân biệt xuống, bình đẳng hiện tiền, trong Phật pháp nói quý vị đã chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác. A La Hán chứng Chánh Giác, Bồ Tát chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác, Đẳng là bằng với Phật. Lại lên cao hơn nữa là phá vô minh phiền não, vô minh phiền não là gì? Khởi tâm động niệm. Quý vị thấy: Không chỉ chẳng có phân biệt, chấp trước, mà kể cả khởi tâm động niệm cũng không có, đó gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng

Chánh Giác, đã thành Phật. Hành nhân tu hành chứng quả, “hành nhân” là học trò. Nói theo cách bây giờ, cũng có thể nói [hành nhân] là người tu hành, có thể giải thích hành nhân là người tu hành, phải thường dùng Giới, Định, Trí Huệ. Ngài nói “thường dùng trí huệ”, tôi thêm vào trước đó Giới và Định, vì trí huệ do Giới và Định mà có. Giới có thể đắc Định; không trì giới, tâm quý vị sẽ chẳng định được! Trì giới chẳng nhằm mục đích nào khác, nhằm đắc Định! Thiền Định vẫn là phương tiện, chưa phải là mục đích, vì sao phải tu Định? Nhằm khai trí huệ; tâm định, trí huệ sẽ khai. Trí huệ quán hết thấy các pháp, quý vị mới thật sự có thể triệt để buông xuống chấp trước, phân biệt, khởi tâm động niệm! Vì sao? Đó là giả, là chướng ngại, chướng ngại trí huệ và đức tướng sẵn có trong tự tánh của quý vị. Quý vị nói nay ta muốn phát tài, ta mong sẽ có hết thấy của cải, quý vị có thể có toàn bộ địa cầu được hay không? Có thể. Quý vị có thể biến toàn thể địa cầu thành hoàng kim, châu bảo được không? Có thể. Vì sao nay quý vị không làm được? Vì quý vị có chấp trước, khiến cho toàn bộ đức năng trong tự tánh bị chướng ngại, quý vị sống khổ sở ngàn ấy! Nếu khôi phục, quý vị sẽ giống như A Di Đà Phật. Quý vị thấy Ngài trụ trong thế giới Cực Lạc, Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu với chúng ta một phần vạn, làm sao có thể giới thiệu trọn hết cho được?

Trong thế giới Cực Lạc, thân thể như thế nào? Thân Kim Cang bất hoại, thật sự là vô lượng thọ, chẳng giả, vĩnh viễn chẳng già yếu. Quý vị có muốn hay không? Hoàn cảnh cư trụ của quý vị là cung điện bảy báu; hiện thời chúng ta dùng những thứ trần châu, mã não làm đồ trang sức, quý báu khôn ngần. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, những thứ ấy là vật liệu để xây dựng, chỗ nào cũng có! Hoàng kim quý báu vô cùng, nhưng trong thế giới Cực Lạc, hoàng kim để lót đường, giống như nhựa đường trong thế gian này được dùng để lót đường! Từ chỗ này, quý vị nghĩ xem sự phú quý nơi ấy là gì? Chính là những thứ quý vị vốn tự mình sẵn có! Thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, trong thế gian này chẳng có chút gì hiếm hoi, lạ lùng! Giống như quý vị thuộc gia đình đại phú đại quý, nay đến nơi đây du lịch văn cảnh, thấy thổ dân ở nơi này đeo những món trang sức bằng đồng hay bằng thiếc. Quý vị thấy họ cảm thấy những thứ đó đẹp đẽ khôn xiết, quý vị cười mà thôi, hiểu rõ rồi! Quả thật người trong thế giới Cực Lạc, đừng nói thế giới Cực Lạc, chư thiên [trong thế giới Sa Bà] thấy loài người chúng ta đáng thương lắm! Nếu chúng ta nhất niệm hồi quang, tiến lên, đặc biệt là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị thấy hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư là cảnh giới gì? [Cảnh giới ấy do] A Di Đà Phật tự nói, tuyệt đối chẳng phải là lời giả, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Điều này có nghĩa là: Chỉ sợ quý vị không đến được thế giới Cực Lạc, chỉ sợ chẳng vãng sanh; hễ thật sự đến thế giới Cực Lạc, đến nơi ấy với phẩm vị thấp nhất thì trí huệ, thần thông, đạo lực và sự hưởng thụ của quý vị chẳng khác Thất Địa Bồ Tát. Pháp môn này được gọi là pháp khó tin, đúng là khó tin! Nhưng chúng ta tin tưởng Phật chẳng nói dối, chẳng nói lời giả, lời Phật nói chắc chắn chân thật, chẳng giả, chúng ta thật sự làm thì sẽ thật sự đạt được.

Cơ hội này chẳng phải là ngàn năm khó gặp, thời gian một ngàn năm quá ngắn ngủi! Cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: “*Vô lượng kiếp lai hy hữu nan phùng địch nhất thiên*”(một ngày khó gặp hiếm có từ vô lượng kiếp đến nay), chúng ta đã gặp gỡ! Võ Tắc Thiên đã viết lời kệ Khai Kinh cho kinh Hoa Nghiêm: “*Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*”(trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ); nay chúng ta đã gặp gỡ, nếu ở trước mặt mà bỏ lỡ, đúng là quý vị đã sai lầm quá đổi! Đặc biệt là chúng ta thấy trong hiện thời tai nạn nhiều ngàn ấy, các đồng học học Phật hiểu rõ, trong tâm đã có căn cứ, biết tai nạn phát sanh như thế nào, cũng biết dùng phương pháp gì để hóa giải, hãy giành lấy duyên phận thù thắng này, nắm chắc niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc, điều đó càng thù thắng hơn. Hoàn cảnh hiện thời có lợi rất lớn, vì sao? Chẳng có hoàn cảnh như vậy thì quý vị vẫn chẳng phát tâm, hãy còn lưu luyến thế gian này. Nay đã biết trong hoàn cảnh hiện tiền, chẳng thể lưu lại được, chẳng có vật nào ở ngoài thân mà hòng giữ được, ngay cả thân thể của chính mình sợ còn chẳng giữ được! Hãy thừa cơ hội này mà ra đi thì tốt lắm! Thời gian hai ba năm là đủ rồi, nhiều vị đại đức xưa nay đã chứng minh cho chúng ta thấy. Vì thế, phải dùng Giới, Định, Huệ để quan sát hết thấy các pháp, điều quan trọng là chớ sanh chấp trước. Hãy thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, học theo Thích Ca Mâu Ni Phật hết thấy tùy duyên: Đối với chuyện ăn uống, sinh sống, người khác cúng dường gì ăn nấy, chớ nên chấp trước, đừng nên phân biệt, hãy thực hiện từ chỗ này, hãy tùy duyên trong ăn uống, sinh sống. Chớ nên cầu cạnh bất cứ ai, hãy tùy phận sống qua ngày, thật thà niệm Phật, điều này trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác, đó gọi là tu hành chân thật. Thật sự chẳng có tâm chấp trước, đối đãi bình đẳng với hết thấy mọi người, đối xử hòa thuận, và cũng thật sự thực hiện Lục Hòa Kính. Phần sau hãy còn sáu điều nữa, nhưng hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây!

Tập 94

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ bảy, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, xem từ chữ thứ ba trong dòng thứ ba từ dưới đếm lên.

“Thứ liệt Di Lặc giả, Đại Bảo Tích Kinh Phát Thẳng Chí Nhạo Hội, Di Lặc vấn Phật: Nhược hữu chúng sanh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm chuyên niệm hương ư A Di Đà Phật, thị nhân mạng chung đương đắc vãng sanh bỉ Phật thế giới. Thế Tôn! Hà đẳng danh vi phát thập chủng tâm?” (Kinh Đại Bảo Tích, pháp hội Phát Khởi Bồ Tát Thủ Thẳng Chí Nhạo, có chép ngài Di Lặc hỏi Phật: “Nếu có chúng sanh phát mười tâm, đối với mỗi tâm chuyên niệm hương về A Di Đà Phật, người ấy mạng chung sẽ được vãng sanh thế giới của đức Phật ấy. Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là phát mười thứ tâm?”). Trong phần trước, chúng ta học đến chỗ này, [chúng tôi] trích lục đoạn kinh nói về “phát mười thứ tâm” trong kinh Đại Bảo Tích. Trong phần trước, chúng ta đã học bốn tâm trong mười thứ tâm, thứ nhất là vô tổn hại tâm, thứ hai là vô bức não tâm, thứ ba là nhạo thủ hộ tâm, thứ tư là vô chấp trước tâm, trong mỗi tâm bao hàm ý nghĩa sâu rộng vô tận. Hôm nay, chúng ta lại xem tâm thứ năm: *“Khởi tịnh ý tâm. Niệm Phật chi nhân, năng ly thế gian tạp nhiễm chi pháp, phục ư lợi dưỡng đẳng sự, thường sanh tri túc chi tâm, thị danh khởi tịnh ý tâm”* (Khởi tịnh ý tâm: Người niệm Phật có thể lìa pháp tạp nhiễm thế gian, tâm lại thường biết đủ đối với những sự như lợi dưỡng v.v... thì gọi là khởi tịnh ý tâm). Điều này nói tới “chẳng tham”, hai điều trước đó là “chẳng giết”, điều thứ ba là hộ pháp, điều thứ tư vô cùng quan trọng, buông chấp trước xuống. Vì trong các kinh Đại Tiểu Thừa, đức Phật thường dạy chúng ta, nếu chúng ta có thể chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, đức Phật nói quý vị sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi. Do điều này có thể biết lục đạo luân hồi do đâu mà có? Do chấp trước mà có, chỉ cần quý vị có ý niệm chấp trước, hiện tượng luân hồi bèn xuất hiện.

Người thật sự giác ngộ sẽ như Vĩnh Gia đại sư đã nói trong Chứng Đạo Ca. Ngài Vĩnh Gia là người đời Đường, cùng thời đại với Lục Tổ của Thiên Tông, và cũng là học trò của Lục Tổ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật trong hội của Lục Tổ. Suốt đời Lục Tổ, trong số các học trò có bốn mươi ba người thành tựu, “thành tựu” là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới, thật sự thành tựu! A La Hán chỉ là tiểu thành tựu, chẳng thể coi là thành tựu thật sự. Ngài chỉ

thoát ly lục đạo luân hồi, chưa thoát ly mười pháp giới. Chúng ta biết luân hồi do ý niệm chấp trước mà xuất hiện; do vậy, Vĩnh Gia đại sư bảo: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú*” (trong mộng rành rành phô sáu nẻo), “*lục thú*” là lục đạo luân hồi; “*giác hậu không không vô đại thiên*” (giác rồi ba cõi rỗng toang hoang), đã giác ngộ sẽ không chấp trước. Chấp trước là mê, mê mà bất giác nên mới chấp trước, nhưng chấp trước nghiêm trọng nhất là tình chấp, thứ này cũng chẳng thật. Chấp trước chẳng còn thì lục đạo chẳng còn! A La Hán chẳng còn chấp trước, nhưng còn có phân biệt. Có phân biệt thì có bốn thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, có những pháp giới ấy xuất hiện. Những pháp giới ấy vẫn là mộng, cũng chẳng thật. Lục đạo là mộng trong mộng, quý vị thấy đó, mê rất sâu!

Từ lục đạo tỉnh giấc, cảnh giới hiện tiền là bốn thánh cảnh giới, bốn thánh cảnh giới vẫn là mộng, vẫn chẳng thật. Lại phải buông phân biệt xuống! Không chỉ chẳng chấp trước, mà còn vĩnh viễn lìa khỏi phân biệt đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Sau đây, lại nâng cao công phu tới mức “chẳng khởi tâm, không động niệm”, sẽ chẳng thấy mười pháp giới. Đúng như đức Thế Tôn đã dạy trong kinh Bát Nhã: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, mười pháp giới có tướng, nên chúng chẳng thật, đạt đến một trình độ nhất định sẽ chẳng thấy cảnh giới nữa, nó tiêu mất. Vì thế, các nhà khoa học hiện đại bảo chúng ta: Vũ trụ to lớn vô cùng tận, khoa học hiện thời có thể thăm dò vũ trụ vĩ mô, nhưng chỉ có thể thăm dò mười phần trăm của toàn thể vũ trụ. Nói cách khác, hãy còn chín mươi phần trăm vũ trụ chưa thấy! Chúng ta nghe câu ấy bèn hiểu, người tu học Đại Thừa bèn hiểu rõ, lời các nhà khoa học nói là thật, chín mươi phần trăm chẳng thấy, vì sao không thấy? Đã tỉnh mộng, sau khi tỉnh giấc, chẳng thấy cảnh giới trong mộng nữa, do đạo lý này. Vì thế, họ đã dò xét chân tướng vũ trụ khá lắm, chúng ta rất bội phục, [nhưng họ] vẫn chưa đạt đến rốt ráo, vẫn chưa triệt để. Nếu đạt đến triệt để, tôi tin là sẽ hoàn toàn giống như kinh Đại Thừa đã nói.

Mười pháp giới chẳng còn, xuất hiện cảnh giới gì? Chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai như trong Phật pháp thường giảng, hoặc thế giới Cực Lạc như trong Tịnh Độ Tông đã nói, hoặc thế giới Hoa Tạng như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói. Những thế giới ấy đều là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chúng ta còn gọi nó là Nhất Chân pháp giới. Nó có thật hay không? Nếu nó là thật, thì trong kinh Bát Nhã, đức Thế Tôn phải nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, trừ cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật ra!*”, phải nói theo cách ấy. Đức Phật chẳng nói ngoại trừ cõi Thật Báo của chư Phật; do vậy, có thể biết cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai cũng được gộp vào trong ấy, chúng ta chẳng nghe sai lời Phật dạy, có đúng hay không? Đúng! Cõi Thật Báo Trang Nghiêm vì sao mà có? Nó cũng là hư vọng, là hư vọng cuối cùng; nhưng hư vọng ấy rất khó đột phá, vì sao? Nó do tập khí vô thi vô minh hiện ra. Tập khí vô thi vô minh: Vô thi vô minh là khởi tâm động niệm, chẳng khởi tâm, không động niệm, vô minh bèn bị phá. Tuy đã phá vô minh, tập khí vẫn còn, nhưng tập khí ấy chẳng nẩy sanh chương ngại đối với chính mình và đối với sự giáo hóa chúng sanh. Do vậy, sau khi phá vô minh, nói theo thực tế, trí huệ,

thần thông, đạo lực vô cùng giống với quả vị rốt ráo, chỉ là kèm theo tập khí. Trừ điều này ra, chẳng có gì khác với quả vị rốt ráo.

Địa vị Diệu Giác là Phật quả rốt ráo, trong mười pháp giới, thuận theo nghiệp cảm của chúng sanh, Ngài có thể hiện thân thuyết pháp, có thể hiện vô lượng vô biên thân. Do vậy nói: “*Nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy*”. Sự ứng hiện ấy không do ý nghĩ của chính mình, chư vị phải hiểu, trong Viên Giác, từ hàng Sơ Trụ Bồ Tát trở lên không có ý nghĩ của riêng mình. Nếu chính mình vẫn còn có ý nghĩ, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nếu chúng ta hỏi: A La Hán có ý nghĩ của riêng mình hay chẳng? Không có! A La Hán có phân biệt, nhưng chẳng có ý nghĩ. Nếu chính mình có ý nghĩ, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo. Bởi lẽ, một điều kiện để thoát lục đạo là phá Kiến Tư phiền não, do ý nghĩ thuộc về Tư Hoặc nên chẳng thể có [ý nghĩ mới hòng thoát khỏi lục đạo]. Sơ Quả Tu Đà Hoàn đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, điều nghiêm trọng trong Kiến Hoặc là có Thành Kiến. Thành Kiến là ý nghĩ, chủ trương, cách nghĩ, cách nhìn của ta, chấp trước những thứ này, trật rồi. Hễ có chấp trước ấy thì ngay cả Sơ Quả cũng chẳng chứng được, thật sự là lục đạo phàm phu. Vì thế, điều này được gọi là công phu. Công phu tu hành chẳng có chi khác, chẳng phải là niệm kinh cho nhiều, hay công phu định lực sâu bao nhiêu, không phải vậy! Công phu thật sự là hoàn toàn buông xuống, đừng nên chấp trước, chớ nên phân biệt, chớ nên khởi tâm động niệm, thả đều buông xuống, đó là công phu, như vậy thì mới có thể thật sự nâng cao linh tánh của chính mình. Vì vậy, trong mỗi điều đều bao hàm ý nghĩa sâu rộng vô tận, chúng ta phải ghi nhớ trong tâm, phải nghiêm túc học tập.

Hôm nay, chúng ta xét tới “*khởi tịnh ý tâm*”. Khởi (起) là sanh khởi. Ý chớ nên nhiễm ô, ý là tâm, đó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm là thanh tịnh, quyết định chẳng có nhiễm ô. Ý là vọng tâm, hiện thời chúng ta luôn dùng vọng tâm. Ai dùng chân tâm? Chư Phật Như Lai dùng chân tâm, Pháp Thân Bồ Tát dùng chân tâm, những ai chưa minh tâm kiến tánh đều sử dụng vọng tâm, tức là ý niệm, luôn dùng thứ này. Bồ Tát và Phật trong mười pháp giới đều dùng vọng tâm, bất quá người ta sử dụng rất chánh đáng, chánh đáng là gì? Ý họ thanh tịnh, còn ý của chúng ta là nhiễm ô, họ vẫn dùng ý. Từ Pháp Thân Bồ Tát trở lên không dùng ý nữa, ý chẳng còn, ý biến thành gì? Ý biến thành Bình Đẳng Tánh Trí, chư vị phải biết: Ý là Mạt Na Thức. Kinh luận Tướng Tông dạy chúng ta, chuyển Mạt Na thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, chuyển thức thứ sáu (Ý Thức) thành Diệu Quán Sát Trí, chuyển thức thành trí, thoát khỏi mười pháp giới. Trong mười pháp giới thì chưa chuyển, nhưng họ đúng là thật thà, biết nghe lời, thật sự làm, thực hiện một trăm phần trăm những điều đức Phật đã chỉ dạy. Vấn đề là chưa chuyển được. Hễ chuyển được, bèn vượt thoát mười pháp giới, đạt đến Nhất Chân pháp giới. Vì thế, ở đây Bồ Tát dạy chúng ta, quý vị thấy người niệm Phật nếu làm được mười thứ tâm này, không chỉ vượt thoát lục đạo luân hồi, mà cũng sẽ nhanh chóng vượt thoát mười pháp giới.

Đầu tiên là tách rời pháp thể gian tạp nhiễm, “*tạp*” (雜) là chẳng thuần, quá phức tạp rời, “*nhiễm*” (染) là chẳng thanh tịnh, là nhiễm ô, phải tách rời những thứ ấy, tách rời là buông xuống. Tạp nhiễm vô lượng vô biên, những điều mắt chúng ta thấy, tai chúng ta nghe, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều là pháp tạp nhiễm. Hiện tại xã hội tạp nhiễm tới mức bão hòa, tạp nhiễm tới cùng cực, nảy sinh một hiện tượng vô cùng rõ rệt trong xã hội, [hiện tượng ấy chính là] xã hội động loạn, môi trường sống thay đổi, môi trường sống là hoàn cảnh tự nhiên của chúng ta. Nay chúng ta nói địa cầu có tai nạn nhiều dường ấy, khắp nơi đều có, do nguyên nhân nào? Là vì pháp tạp nhiễm đã quá mức, nên biến thành nông nổi ấy! Cổ nhân Trung Quốc có nói một câu được ghi trong Tả Truyện, tức là bộ Tả Truyện do Tả Khâu Minh viết, đó là tác phẩm chú giải kinh Xuân Thu của Khổng Tử. Ông này rất lỗi lạc! Trong sách ấy, có một câu như sau: “*Nhân khí thường tắc yêu hưng*”, [nghĩa là] nếu người ta vứt bỏ đạo lý thường hằng, “*thường*” là gì vậy? Chính là Ngũ Thường, cũng có thể nói là năm thứ pháp đúng mực. Nếu con người chẳng cần đến những thường pháp ấy, toàn bộ yêu ma quỷ quái sẽ xuất hiện, xã hội hiện thời thuộc về tình cảnh này.

Trong Ngũ Thường:

1) Điều thứ nhất là Nhân. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín là Ngũ Thường. Nhân là gì? Nhân là suy từ mình mà nghĩ đến người. Quý vị thấy chữ Nhân (仁) trong tiếng Hán là hai người, Nhân trong “*nhân từ*” là hai người, nghĩ đến chính mình liền lập tức nghĩ đến người khác. Do vậy, “*nhân giả ái nhân*” (người nhân từ yêu thương con người), “*phàm thị nhân, giai tu ái*” (hễ là người, đều phải yêu thương), đó là Nhân. Con người hiện thời chẳng yêu thương người khác. Không chỉ chẳng yêu thương người khác, mà con người hiện thời cũng chẳng yêu thương chính mình, vì sao? Con người phải giữ vững Ngũ Thường. Làm được Ngũ Thường, đó là yêu thương chính mình, là “*tự ái*” (tự yêu thương mình). Do vậy, kẻ chẳng yêu thương chính mình thì còn làm sao được nữa? Thiếu căn cơ! Trong xã hội hiện thời, tìm chẳng ra!

2) Thứ hai là Nghĩa, Nghĩa được giải thích ra sao? Nghĩa là tuân theo Lý, tức là hết thảy đều tuân theo một đạo lý, tuân thủ đạo lý gì vậy? Quy luật, pháp tắc của thiên nhiên, giống như thực vật mùa Xuân sanh, mùa Hạ tăng trưởng, mùa Thu thu hoạch, mùa Đông ẩn tàng. Đó là quy luật thiên nhiên. Đời sống của con người phải phù hợp Ngũ Thường và Ngũ Hành, thân tâm mới khỏe mạnh. Trong thời đại hiện tại, sùng bái, đề cao khoa học, khoa học làm gì? Phá hoại toàn bộ môi trường thiên nhiên! Thực vật sanh sôi vào mùa Xuân, mùa Hè ta cũng bắt nó sanh, tiết Thu cũng bắt nó sanh, trời Đông cũng bắt nó sanh, rối loạn nó, sanh, trụ, dị, diệt đều bị rối tung, đây là bất nghĩa. Vì thế, nói về Nghĩa theo phương diện con người thì nói đơn giản là tư tưởng và hành vi của chúng ta hợp tình, hợp lý, hợp pháp bèn gọi là Nghĩa. Trái nghịch tình, lý, pháp sẽ là bất nghĩa. Lễ là lễ tiết, lễ tiết trọng yếu. Vì thế, cổ nhân rất coi trọng lễ tiết, chẳng dám khinh mạn, lễ tiết nhỏ nhất cũng chẳng bỏ sót. Vì sao?

Đây là tôn trọng thiên nhiên, tôn trọng đạo. Nếu chẳng có lễ, toàn bộ đều chẳng có. Giống như cất nhà, hay xây cao ốc, nó là nền tảng; không có nền tảng, lầu cao cách mấy cũng chẳng xây thành công. Phật pháp coi trọng lễ, xếp nó thành điều thứ nhất. Quý vị thấy mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, thứ nhất là lễ kính chư Phật, rất trọng yếu, làm sao có thể coi thường được? Vì thế, Trung Quốc từ xưa tới nay được gọi là “*lễ nghĩa chi bang*” vì người Trung Quốc hiểu lễ, tôn trọng lễ. Vừa mở Lễ Ký trong Ngũ Kinh của Nho gia ra, câu đầu tiên là: “*Khúc Lễ viết, vô bất kính*”(sách Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”). Chẳng có chuyện gì không cung kính. Đối với người, đối với sự, đối với vật đều phải cung kính. Vì sao phải cung kính? Đức Phật đã giảng thấu triệt nhất, vì toàn thể vũ trụ và bản thân chúng ta là một Thể, một tự tánh, tâm hiện, thức biến.

Hiện tại các nhà khoa học rất khó có, giúp chúng ta giải quyết rất nhiều vấn đề, nâng cao tín tâm của chúng ta. Các khoa học gia bảo: Trong vũ trụ chẳng có vật chất, hiện tượng vật chất là gì? Là một loại huyền tượng do ý niệm của chúng ta liên tục tích lũy sanh ra. Vì sao vật chất có chất rắn, chất lỏng, và chất khí, vì sao có những hiện tượng ấy? Đối với chất rắn như phù sa, đá tảng, đá cục, các nhà khoa học phát hiện: Do tốc độ dao động của ý niệm chúng ta khá chậm, biến thành trạng thái vật chất như đá tảng, phù sa, tức trạng thái rắn. Nếu tần suất nhanh hơn một chút, nó biến thành chất lỏng, giống như nhục thể của loài động vật chúng ta, tuy cũng là vật chất, nhưng chẳng cứng chắc như chất rắn. [Tần suất] mau hơn nữa, biến thành chất hơi. Nhanh nhất bèn biến thành sóng điện từ (electromagnetic wave), sóng ánh sáng cũng là một loại sóng điện từ. Vì thế, hết thấy hiện tượng vật chất đều trở về quang tử (photon), là năng lượng. Năng lượng và vật chất chuyển biến trở thành lẫn nhau, khoa học gia đã phát hiện điều này từ lâu, nhưng hiện thời vẫn chưa thể biến vật chất thành năng lượng dễ dàng như ý muốn. Bom nguyên tử đã được phát minh dựa trên đạo lý này. Làm thế nào để biến năng lượng thành vật chất? Họ biết chuyện này là có thể, nhưng vẫn chưa biết phương pháp! Phật pháp đã biết, Phật pháp quả thật có thể biến năng lượng thành vật chất, hiện tượng ấy rất phổ biến trong báo độ của chư Phật Như Lai. Do vậy, quan sát từ góc độ này, thế giới của Phật, Bồ Tát thật sự là cảnh giới khoa học cao nhất, thù thắng hơn chúng ta quá nhiều!

Nhưng khoa học kỹ thuật nhất định phải được kiến lập trên cơ sở luân lý, đạo đức, nó mới thật sự có thể giúp cho con người đạt tới cảnh giới hạnh phúc mỹ mãn. Nếu thiếu khuyết luân lý, đạo đức, khoa học kỹ thuật có thể đi ngược quy luật thiên nhiên, đi theo chiều hướng tương phản, đem lại tai hại cho nhân loại và thiên nhiên. Bậc thánh triết phương Đông, tổ tiên, chư Phật, Bồ Tát đều hiểu điều ấy, nên đã đặt nền tảng của giáo dục trên luân lý, đạo đức, nhân quả. Chẳng vun bồi vững bền những căn cội ấy thì khoa học kỹ thuật phải tiến bộ thong thả một chút, chẳng thể tiến quá nhanh, nhất định phải đi sau luân lý, đạo đức mới không xuất hiện vấn đề. Nếu vứt bỏ luân lý, đạo đức, cứ mê mết lo tiến triển khoa học, hậu họa sẽ vô cùng, xã hội và địa cầu chúng ta hiện thời xuất hiện tai nạn nhiều ngàn ấy là do nguyên nhân ở chỗ này, chúng ta thấy rất rõ ràng; nhưng những lời ấy chẳng phải do chúng

tôi nói trước tiên, mà là những điều thường được nhắc tới trong ngôn luận của tiến sĩ Thang Ân Tử nước Anh trong thập niên bảy mươi. Thời đại ấy hoàn toàn chưa nghiêm trọng lắm, hiện thời vấn đề nghiêm trọng đã xuất hiện, chúng ta suy nghĩ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, suy nghĩ lời bàn luận của tiến sĩ Thang Ân Tử, đúng là chẳng giá!

Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín chẳng do bậc thánh hiền phát minh hay sáng tạo; nếu chúng ta giữ quan niệm [thánh hiền đã sáng chế những điều ấy], quý vị đã hoàn toàn sai lầm. Nếu quý vị hỏi một vị đại thánh đại hiền chân chánh, Ngài sẽ nói lời thật cùng quý vị, cả đời Ngài có sáng tạo hay không? Không có! Có phát minh hay không? Không có. Khổng Tử nói thật thà, Khổng Tử bảo cả đời Ngài “*thuật nhi bất tác*” (kể lại chứ không trước tác), có nghĩa là Ngài chẳng sáng tạo, chẳng phát minh. Những điều Ngài học, tu, dạy, truyền lại toàn là những thứ của cổ nhân trong quá khứ, chẳng có gì là của chính mình. Ngài nói lời chân thật, thật thà. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín được tổ tông các đời truyền thừa, chẳng phải do Ngài nói. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, Ngài có sáng tạo, phát minh hay không? Ngài nói “không có”, và còn nói rõ ràng hơn Khổng phu tử, lời ấy đã được Thanh Lương đại sư nêu ra trong bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm Huyền Nghĩa. Thích Ca Mâu Ni Phật nói hết thảy các kinh do Ngài đã giảng trong bốn mươi chín năm chẳng phải là của Ngài, mà do các vị cổ Phật đã nói. Ngài còn nói: “*Ta chẳng nói nhiều hơn một chữ so với kinh của chư cổ Phật đã giảng*”, nói còn nghiêm ngặt hơn Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử chỉ nói “*thuật nhi bất tác*”, một câu nói hàm hồ, chung chung! Thích Ca Mâu Ni Phật nói cụ thể dường ấy, chẳng thêm vào kinh giáo của cổ Phật một chữ nào. Quý vị thấy “*tín nhi hiếu cổ*” (tin tưởng, chuộng cổ), tin tưởng, yêu thích những thứ của cổ nhân; còn người hiện thời ra sao? Người hiện thời chẳng tin những thứ của cổ nhân, [cho rằng] mọi thứ của cổ nhân đã lỗi thời, đều có thể vứt bỏ, chẳng cần đến nữa, hiện thời phải sáng tạo cái mới. Tôi còn nghe nói: “Trong vườn trẻ, thầy cho bài tập đòi hỏi trẻ nhỏ phải sáng tạo cái mới”, tôi nghe mà kinh sợ, từ bé tí như vậy mà đã bắt chúng nó sáng tạo cái mới, đáng sợ chưa? Những thứ của cổ thánh tiên hiền đều bị đào thải sạch sành sanh, vậy thì thế giới này phải hủy diệt. Tôi vừa mới nói, [những ngôn luận, tư tưởng, trước tác của] cổ thánh tiên hiền chẳng phải là sáng tạo, mà là tánh đức, những gì được đời đời truyền lại đều là tánh đức trong tự tánh, đều là những thứ chúng sanh vốn sẵn có trong tánh đức. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, Như Lai là tự tánh, trong tự tánh của hết thảy chúng sanh vốn có vô lượng trí huệ, vô tận trí huệ, chẳng phải do bên ngoài mà có. Không chỉ có trí huệ, mà còn có đức năng, nay ta gọi [đức năng là] năng lực, không gì chẳng thể, trong tự tánh của quý vị vốn sẵn có [những đức năng ấy]. Thứ ba là nói tới tướng hảo, nay ta gọi tướng hảo là phước báo. Trí huệ, năng lực, và phước báo mọi người đều bình đẳng, chẳng có mảy may sai biệt nào! Nay vì sao không có? Vì sao bất bình đẳng? Do phiền não khởi tác dụng, phiền não là gì? Khởi tâm động niệm, phân biệt,

chấp trước, những thứ ấy dày hay mỏng khác nhau, cho nên trí huệ và đức tướng tỏ lộ không giống nhau.

Ở đây, đức Phật dạy chúng ta là dạy hàng sơ học, hãy lìa khỏi các pháp tạp nhiễm trong thế gian. Cội rễ của tạp nhiễm chính Ngũ Chấp như chúng tôi đã nói trong phần trước, trong chấp trước nói đến Ngũ Chấp, chấp trước cái thân là ta, đó là cội nguồn của hết thảy họa hoạn. Vì thế, nhà Phật nói Vô Ngũ. Vô Ngũ chẳng phải là thật sự không có Ngũ, mà là nói lục đạo chúng sanh chấp trước thân là ta, [sự chấp trước ấy] sai lầm. Có Chân Ngũ hay không? Có Chân Ngũ. Nay chúng ta không nhận biết Chân Ngũ, ngỡ Giả Ngũ là Chân Ngũ, Giả Ngũ là gì? Giả Ngũ là cái ta có, giống như quần áo, quần áo là cái ta có. Hiện thời một người nhiễm nhiên có những thứ hồ đồ như vậy, quên khuấy [Chân] Ngũ, coi y phục là ta. Tình hình của lục đạo chúng sanh là như thế, coi quần áo là ta, quên bẵng cái Ngũ thật sự, hết thảy toàn là lo toan cho quần áo, quý vị nói xem có oan uổng hay không? Do vậy, đức Phật bảo chúng ta đã mê, đó là căn cội, nguồn gốc, khởi đầu của mê. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta trước hết phải phá Ngũ Chấp. Phá trừ Ngũ Chấp, chẳng còn chấp trước thân này là ta, chúc mừng quý vị, quý vị thật sự nhập Phật môn, là đệ tử Phật, đã chứng quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, chứng Sơ Tín trong địa vị Thập Tín Bồ Tát của Đại Thừa. Thập Tín là Tiểu Học trong Phật giáo, Sơ Tín là lớp Một, giống như kinh Kim Cang đã nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, người như vậy mới học lớp Một. Cửa ngõ Phật pháp cao lắm, dẫu quý vị nghiên cứu kinh điển giỏi giang đến mấy, nói đến nổi hoa trời rơi loạn xạ, mà vẫn ngỡ thân này là ta, quý vị chưa vào được cửa! Quý vị học suốt đời vẫn là Phật học, Phật học là gì? Tri thức, tức kiến thức về Phật học và Phật giáo, vô dụng! Đức Phật đòi hỏi chúng ta phải học gì? Học trí huệ, chẳng phải là học tri thức. Trí huệ và tri thức là hai chuyện [khác nhau], trí huệ là quý vị học được thì phải làm được, thật sự thọ dụng. Một người đạt đến vô ngã sẽ tự tại lắm!

Chư vị biết vô ngã sẽ tự tại ở chỗ nào? Nếu quý vị chứng vô ngã, sẽ vĩnh viễn trẻ trung, vĩnh viễn chẳng ngã bệnh, thân tâm khỏe mạnh, đấy là điều đầu tiên quý vị đạt được. Vì sao quý vị bị bệnh? Ngũ mới có bệnh, không có Ngũ, ai sanh bệnh? Bệnh ở chỗ nào? Chẳng còn nữa. Vì thế, mỗi tế bào trên toàn thân quý vị đều bình thường, khỏe mạnh. Vì sao có Ngũ thì bị bệnh? Có Ngũ thì có tự tư tự lợi, có tham, sân, si, mạn. Quý vị thấy nhà Phật gọi tham, sân, si là Tam Độc, đó là vi trùng gây bệnh nguyên thủy nhất, trong tế bào của quý vị có những thứ ấy. Trong tế bào có những vi trùng độc tham, sân, si như thế, bên ngoài rất dễ bị cảm nhiễm. Bên trong không có vi trùng, bên ngoài sẽ chẳng bị lây bệnh, đạo lý là như vậy. Đây là chỗ khác biệt giữa Trung Y và Tây Y, Tây Y không biết đạo lý này, còn Trung Y thì hiểu. Một người mắc bệnh nghiêm trọng nhất, nếu tâm thái tốt đẹp, thầy thuốc cho người ấy dùng một chút thuốc, rất dễ dàng khôi phục sức khỏe. Vì thế, quý vị thấy hễ có Ngũ Chấp sẽ kèm theo lắm nỗi phiền não ngàn ấy. Từ phiền não sẽ sanh khởi ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ bên ngoài là ngoại duyên, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là lục

trần, là tạp nhiễm. Đức Phật quy nạp vô lượng vô biên tạp nhiễm thành mấy loại lớn để thuận tiện dạy học. Nếu chẳng tách lia những thứ ấy, tâm quý vị làm sao có thể thanh tịnh cho được? Còn có tiếng tăm, lợi dưỡng, chúng đều là giả, đem theo không được! Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức dạy chúng ta, hễ thứ gì mang theo không được thì chớ nên để trong lòng. Có thì tốt lắm, không có cũng tốt lắm! Căn bản là chẳng bận lòng, tâm quý vị mới thanh tịnh.

“*Phục u lợi dưỡng đẳng sự*” (lại đối với các sự như lợi dưỡng v.v...), lợi dưỡng là nói tới ngũ dục, lục trần, người hiện thời rất coi trọng chúng, chúng là đối tượng tham muốn của quý vị. Có những sự ấy, có thân thể thì cần phải nuôi dưỡng nó, nhưng câu tiếp đó quan trọng lắm: “*Thường sanh tri túc chi tâm*” (thường sanh tâm biết đủ). Thích Ca Mâu Ni Phật đã làm cho chúng ta thấy, cả đời lão nhân gia hiện diện trên thế gian, Ngài chẳng xuất thân từ chốn bần cùng, mà đến từ gia đình phú quý, cha là quốc vương, xuất thân từ vương tộc. Cả đời Ngài sống theo nếp sống của một vị Tăng khổ hạnh, thể hiện “tri túc thường lạc” (biết đủ, thường vui). Đã thế, lại còn bắt đầu [cuộc sống khổ hạnh ấy] khi còn rất trẻ, mười chín tuổi rời khỏi gia đình, đi ra ngoài cầu học, tầm sư phỏng đạo mười hai năm. Thường nghĩ thế gian này có quá nhiều chúng sanh khổ nạn, họ sống cuộc đời như thế nào? Chúng ta hơi dư dả đôi chút, [cuộc sống] đã tốt đẹp hơn họ nhiều lắm, vẫn còn chưa biết đủ hay sao? Không biết đủ là tội nghiệt (mâm mống tội lỗi)! Kẻ không biết đủ do muốn chiếm hữu, muốn không ché, bèn tạo tội nghiệp. Nếu đối với chỗ này mà có tâm cảnh giác, có thể giác ngộ, trong cuộc sống vật chất chúng ta có thể làm được “tri túc thường lạc”, tâm quý vị sẽ thanh tịnh. Đây là “*khởi tịnh ý tâm*”, tâm quý vị ngày càng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, thân sẽ thanh tịnh. Trong ý, buông tự tư tự lợi xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, những nhân tố gây bệnh trong tế bào trên thân thể vật chất này chẳng còn nữa, bị hóa giải, bèn khôi phục bình thường. Thân tâm khỏe mạnh, vĩnh viễn chẳng ngã bệnh, cuộc sống vui sướng lắm, cứ sao chúng ta chẳng làm? Điều quan trọng là chẳng tham, mở rộng ý nghĩa thành chẳng sân và chẳng si.

Chúng ta lại xem điều thứ sáu tiếp đó: “*Lục, vô vong thất tâm. Niệm Phật chi nhân, cầu sanh Tịnh Độ, thành Phật Chứng Trí, u nhất thiết thời, niệm niệm bất xả, thị danh vô vong thất tâm*” (Sáu, tâm chẳng quên mất. Người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thành Phật Chứng Trí, trong hết thảy các thời, niệm niệm chẳng bỏ, đó là tâm chẳng quên mất). Điều này có ý nghĩa chẳng phức tạp, hoàn toàn quy nạp vào pháp môn Tịnh Độ. Chẳng mất ý niệm, vô lượng pháp môn của Như Lai chẳng mất, Ngài dạy chúng ta chẳng quên niệm Phật, đúng như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Do đặc biệt trong thời đại hiện tại, tai nạn rất nhiều, khi nào tai nạn xảy ra, không ai biết. Tôi cũng nghe một người nói, anh ta nghe một người thông linh nói sẽ có rất nhiều tai nạn, rốt cuộc hỏi người ấy khi nào tai nạn sẽ phát sanh? Hỏi rất nhiều lượt, câu trả lời vẫn là một câu: “Thiên cơ chẳng thể tiết lộ”. Có hay không? Thật sự có, nhưng khi nào thì không ai biết. Lại còn gần như chẳng hề cảnh cáo trước, hễ nói là xảy ra bèn xảy ra.

Hai tháng trước, vào đầu tháng Sáu, tôi theo đoàn phỏng vấn tôn giáo Mã Lai đến thăm La Mã, thăm Vatican, tiện dịp viếng thăm khu Nam La Mã, lái xe đại khái gần ba tiếng, thăm cổ thành Bàng Bôi (Pompeii). Hai ngàn năm trước, thành này bị tro núi lửa chôn vùi. Nghe nói khi ấy, cư dân trong thành thị đó trốn được một phần, còn lại chừng hơn bốn ngàn người không chạy trốn được, đều gặp nạn. Thời gian bao lâu? Chỉ có mấy giây! Tôi đặc biệt đến thăm thành ấy, mong hiểu rõ tình trạng thuở ấy. Vì sao? Trong thế giới hiện tiền, rất có thể là trạng huống như vậy xảy ra tại bất cứ nơi nào, chúng ta phải chuẩn bị tâm lý, nó xảy ra quá đột ngột, quá nhanh chóng, giống như chúng ta coi phim 2012, trở tay không kịp! Bất cứ ý niệm gì cũng chớ nên đẩy lên, trong khoảnh khắc ấy chỉ nên đẩy lên ý niệm niệm Phật, dầu đều chết sạch thì mỗi cá nhân sẽ đi đến những chỗ khác nhau!

Vì thế, nói tới lục đạo luân hồi, mỗi cá nhân đến mỗi chỗ khác nhau. Ai quyết định quý vị sẽ đến chỗ nào? Thừa quý vị, chẳng có ai quyết định! Lúc ấy, chẳng phải do thiên thần quyết định, cũng chẳng do Diêm La Vương quyết định, mà do ý niệm của chính quý vị! Trong Phật pháp đã nói rất hay, ý niệm cuối cùng của quý vị là gì? Nếu niệm cuối cùng tâm tham, bất luận quý vị nghĩ đến tài sản hay là người nhà, quyền thuộc, ý niệm cuối cùng quý vị nghĩ đến là tham. Tâm tham sẽ đọa trong ngạ quỷ đạo. Nếu niệm cuối cùng là sân hận, có oán giận, oán khí, trong tâm bất bình, sẽ là địa ngục đạo. Ý niệm cuối cùng là hồ đồ, ngu si, dầu chẳng có vọng niệm gì, nhưng mơ mơ màng màng, quá nửa sẽ vào súc sanh đạo. Niệm cuối cùng là A Di Đà Phật, quý vị sanh sang thế giới Cực Lạc. Niệm cuối cùng nghĩ về Chân Chúa, quý vị sẽ sanh lên trời, niệm cuối cùng là như thế đó. Khi thọ mạng đời này chấm dứt, đời sau đến nơi nào là do một niệm cuối cùng, đó là mấu chốt. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, trời già rất công bằng, chẳng có hậu đãi kẻ này, xử bạc kẻ kia, hoàn toàn đúng như cổ nhân Trung Quốc đã nói: “*Tự làm, tự chịu*”. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật, như vậy thì phải huấn luyện ngay trong hiện tại, huấn luyện gì vậy? Huấn luyện ý niệm này: Thời thời khắc khắc đều có ý niệm A Di Đà Phật. Tai nạn xảy đến chẳng sao cả, xảy đến thì ta sang thế giới Cực Lạc; khi nó chưa xảy ra, ta tiếp tục niệm Phật, đây là đúng, hoàn toàn đúng. Chủ thể tương lai của chính mình là ý niệm của chính mình. Chúng tôi có lý do để tin tưởng, trong kinh điển của mỗi tôn giáo đều nói như thế, những vị đại thánh đại hiền chẳng lừa gạt người khác.

Trong đoạn văn tự này, câu “*cầu sanh Tịnh Độ*” dễ hiểu, sanh về Tịnh Độ để làm gì, vì sao? Để thành Phật Chứng Trí; nói cách khác, trong thế giới Cực Lạc chỉ có một mục tiêu, chỉ có một phương hướng, đó là chỉ cầu thành tựu Nhất Thiết Chứng Trí của Phật. Câu này cũng có nghĩa là đến thế giới Cực Lạc, ở trong hội của A Di Đà Phật, cầu Phật chỉ dạy chúng ta, giúp chúng ta chúng đắc minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, “*thành Phật Chứng Trí*” chính là ý nghĩa này, trở về tự tánh. Trở về tự tánh, trí huệ viên mãn trong tự tánh là Nhất Thiết Chứng Trí. Trong Phật pháp, danh từ này bao gồm hai ý nghĩa, hai thuật ngữ, thứ nhất là Nhất Thiết Trí, thứ hai là Đạo Chứng Trí. Nhất Thiết Trí cũng là Căn Bản Trí, liễu

giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, nhà Phật thường nói: “*Vạn pháp đều không*”, kinh Bát Nhã dạy: “*Hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, trọn chẳng thể được*”. Câu này thoát nhìn dường như chẳng sâu, trên thực tế rất ư là sâu. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giáo học, giảng kinh Bát Nhã suốt hai mươi hai năm, gần như chiếm một nửa thời gian giáo học của Ngài để giảng đạo lý này. Hai mươi hai năm Bát Nhã được tổng kết bằng một câu này, một câu nói này gồm trọn hai mươi hai năm, quý vị biết nó rất sâu, rất rộng. Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian không có pháp nào ngoại lệ, “*vô sở hữu, rốt ráo không, trọn chẳng thể được*”.

Hết sức khó có, hiện thời, các nhà khoa học Lượng Tử Lục Học đã dần dần chứng thực câu nói này. Lời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng là lời thật, chẳng giả, thật sự thấu triệt rõ ràng thì quý vị mới buông xuống hết thảy. Hiểu rõ chân tướng sự thật, chân tướng sự thật ấy là gì? Toàn thể vũ trụ và chính mình là một Thể, không phải là “một nhà”, một nhà vẫn chưa phải là một Thể. Đức Phật bảo chúng ta, quan hệ giữa khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, điều này được gọi là luân lý trong nhà Phật. Do vậy, lòng từ bi của Phật không có điều kiện, đối với hết thảy mọi người, hết thảy sự vật, vạn vật trong trời đất, tâm từ bi bình đẳng, tâm từ bi thanh tịnh. Người hiện thời gọi từ bi là tâm yêu thương. [Từ bi] là tâm yêu thương bình đẳng, chẳng có sai khác. Vì sao? Một Thể, người ấy biết là [vạn pháp và chính mình là] một Thể, đó là Nhất Thiết Trí. Đạo Chung Trí là chuyện như thế nào? Là mỗi chuyện, mỗi vật, phát sanh như thế nào, vì sao nó phát sanh, đối với các đạo lý sai khác đó, người ấy đều hiểu rõ, chẳng có gì không hiểu rõ, biết sự biến hóa phức tạp trong vũ trụ đều là bản năng trong tự tánh. Hai thứ trí huệ ấy đều chứng đắc, đều khôi phục, thì mới thật sự đáng gọi là “*không gì chẳng biết, không gì chẳng thể*”. “*Không gì chẳng biết*” là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh, “*không gì chẳng thể*” là vô lượng đức năng vốn sẵn có trong tự tánh, hiển thị ra ngoài thành tướng hảo, đó gọi là y báo và chánh báo trang nghiêm.

Đối với người mới học Phật mà nói, vì sao phải học Phật? Nhằm chứng đắc, khôi phục trí huệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tánh, vì những điều này. Có thể làm được hay không? Có thể. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy: “*Bốn Giác vốn có, bất giác vốn không*”, hai câu ấy dạy chúng ta phải tin tưởng chắc chắn, đức Phật nói trí huệ và đức tướng sẵn có trong tự tánh của chúng ta. Nếu là vốn có, đương nhiên có thể khôi phục. Những thứ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vốn không có, trong tự tánh chẳng có, hiện tại dường như có, nhưng tự tánh không có, đương nhiên có thể buông chúng xuống. Nói theo phía người bình phàm chúng ta, đương nhiên là có thể đoạn trừ chúng. Học Phật là học gì? Học điều này: Trở về tự tánh mà thôi. Trở về tự tánh khó khăn, quý vị đọc kinh thông suốt, hiểu rõ, đó là giải ngộ. Quý vị đã hiểu rõ, nhưng chưa thực hiện, chưa làm được. Làm được là chứng ngộ, làm được mới hữu dụng, thật sự hữu dụng. Ta hiểu rõ, liễu giải rồi, vẫn chưa làm được. Muốn làm, nhưng chẳng đơn giản như vậy, làm thế nào để buông tập khí vô thi phiền não xuống? Tám vạn bốn ngàn pháp môn như trong Đại Thừa đã nói chính là tám vạn bốn ngàn phương

pháp khác nhau giúp quý vị buông xuống, có vô lượng pháp môn, giáo pháp Đại Thừa dạy chúng ta như thế. Trong các phương pháp nhiều ngàn ấy, quý vị chỉ cần dùng một phương pháp là được, không cần phải tìm thật nhiều thứ, nhưng phương pháp [được chọn] ấy phải là phương pháp mà chúng ta suy gẫm thấy chính mình có thể làm được. Phương pháp có khó và dễ, căn tánh của mỗi cá nhân khác nhau; vì thế, đức Phật cho phép chúng ta chọn lựa tự do. “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, lời ấy rất hay! Trong các pháp môn, chẳng có pháp môn nào ưu việt, không hề có, đều là bình đẳng! Ưu việt tùy thuộc bản thân quý vị, căn tánh của quý vị sai khác, phương pháp nào dễ sử dụng đối với chính mình thì chúng ta dùng phương pháp đó. Đức Phật đặc biệt giới thiệu với chúng ta một pháp môn, tức là pháp Niệm Phật, pháp môn này thuận tiện, dễ dàng, ôn hòa, thích đáng, rất nhanh chóng, thật sự nương theo phương pháp này để tu học, gần như Thích Ca Mâu Ni Phật có thể đảm bảo chúng ta sẽ thành công trong một đời này; đó là người niệm Phật. Vì vậy, trong hết thảy các thời niệm niệm chẳng bỏ ý niệm cầu sanh Tịnh Độ và một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, câu ấy rất quan trọng, giúp chúng ta trở về tự tánh. Đây là dạy chúng ta nhớ Phật, niệm Phật, trong tâm thường nghĩ đến Phật, đặc biệt phải nghĩ tới Phật giáo hóa, độ thoát chúng sanh, công đức vô lượng vô biên. Phật chẳng có tâm riêng tư, vì sao? Ngài biết hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới và Ngài là một Thể, làm sao Ngài có tâm riêng tư cho được? Niệm niệm vì chúng sanh chính là niệm niệm vì chính mình, niệm niệm giúp chúng sanh chính là niệm niệm giúp chính mình, lý này rất ư là sâu. Do chư Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng bỏ mình vì người, nên các Ngài mới có thể thật sự quay đầu, thật sự buông xuống, thật sự đạt đến thành tựu viên mãn.

Tiếp theo đó là điều thứ bảy: “*Vô hạ liệt tâm. Niệm Phật chi nhân, thường hành bình đẳng chi tâm, ư chư chúng sanh, tôn trọng cung kính, bất sanh khinh mạn, thị danh vô hạ liệt tâm*” (Tâm chẳng kém hèn: Người niệm Phật tâm thường hành bình đẳng, đối với các chúng sanh tôn trọng, cung kính, chẳng sanh lòng khinh mạn, đó là tâm chẳng kém hèn). Trong bình đẳng mới có sự đối đãi hòa thuận. Phật pháp và cổ thánh tiên hiền Trung Quốc có chung quan niệm, giáo hóa chúng sanh thì nói quả trước, nói nhân sau. Vì sao? Chúng sanh bình phàm rất thực dụng, họ phải thấy kết quả trước, hiểu rõ rồi, đã thấy tốt xấu rồi mới giảng cái nhân cho họ, họ sẽ tin tưởng, tiếp nhận dễ dàng. Bình đẳng là nhân, hòa hài là quả, người Hoa gọi là hòa bình, hòa là quả, bình là nhân. Người Nhật Bản học theo văn hóa Trung Quốc, nhưng người Hoa nói “hòa bình”, còn người Nhật nói là “bình hòa”, đúng hay không? Cũng đúng, “bình hòa” là nói nhân trước, nói quả sau. Có bình đẳng rồi mới có hòa hài! Vì thế, ngày nay chúng ta muốn nói đến thế giới hòa bình, thế giới hòa hài, nếu thế giới này chẳng bình đẳng thì hòa hài chỉ là khẩu hiệu, không thực hiện được! Xã hội này là xã hội rất bất bình đẳng, cho nên nơi nào cũng nảy sanh xung đột, hóa giải xung đột bằng cách nào? Đối đãi bình đẳng, hòa hài sẽ xuất hiện, có thể hóa giải xung đột. Lời này nói dễ dàng, nhưng thực hiện chẳng đơn giản. Chúng ta phải suy nghĩ, nghiêm túc tư duy, cổ thánh tiên hiền làm

như thế nào? Dùng phương pháp gì để làm? Các Ngài dùng giáo dục. Mục đích của giáo dục là ở chỗ nào? Mục đích của giáo dục là giúp đại chúng giác ngộ. Đại chúng thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ, khắp pháp giới hư không giới và ta là một Thể, tâm bình đẳng sẽ hiện tiền. Quý vị thấy các nhà Pháp Tướng Duy Thức chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đăng Tánh Trí, hòa hài bèn xuất hiện. Mạt Na là Ý Thức, đã mê thì gọi là Ý Thức, là Mạt Na Thức. Đã giác ngộ, nó chính là Bình Đăng Tánh, tức Bình Đăng Tánh Trí trong tự tánh. Muốn giúp cho con người chuyển thức thành trí, trừ giáo dục ra, không có phương cách nào khác. Trong cách nhìn theo Phật pháp của chúng tôi, tổ tông của mỗi dân tộc trên thế giới đều là Phật, Bồ Tát thị hiện, nói theo tôn giáo thì họ đều là chân thân thị hiện. Nói như vậy hợp lý, mỗi vị đều là bậc minh tâm kiến tánh. Vì vậy, họ lưu lại giáo huấn tương ứng với tánh đức viên mãn, ngôn ngữ, trí huệ, lời bàn xúng tánh đều từ tự tánh lưu lộ, chẳng phải do sáng tạo, chẳng phải là phát minh. Bởi lẽ, *“con người có cùng cái tâm này, tâm cùng một lý này”*.

Tôi bàn với giáo sư Mạch Đại Duy (David McMullen) của khoa Hán học trường đại học Kiếm Kiều (Cambridge) về phương pháp và quan điểm giáo học, những thứ tốt đẹp của cổ nhân Trung Quốc đã truyền lại mấy ngàn năm, chẳng ai thay đổi được. Ông ta hỏi tôi: “Mấy câu nào vậy?” Tôi bảo: “Đó là tám câu đầu trong Tam Tự Kinh”. Ông ta có thể đọc thuộc lòng Tam Tự Kinh. Là một nhà Hán Học, không biết ông ta đã đọc thuộc lòng bao nhiêu lượt, nhưng chẳng thấu hiểu. Quan điểm giáo học đầu tiên là phải thừa nhận *“con người tánh vốn lành”*, giống như trong sự giáo dục của Phật Đà. Quý vị thấy quan điểm trung tâm trong nền giáo dục của đức Phật là *“hết thấy chúng sanh vốn là Phật”*, ý nghĩa hoàn toàn giống với *“nhân chi sơ, tánh bản thiện”* (người thoát đầu, tánh vốn lành) [trong Tam Tự Kinh]. Vì thế, quý vị làm công tác giáo dục, giáo học, đầu tiên quý vị phải khẳng định con người tánh vốn lành. Mục đích giáo dục là đâu? Mục đích chính là phải giúp hết thấy chúng sanh trở về bản thiện, trong Đại Thừa Phật pháp, bản thiện là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó mới là bản thiện, bản thiện chính là thành Phật. Vì sao phải dạy? Câu tiếp đó đã nói rõ ràng: *“Tánh tương cận, tập tương viễn”* (Tánh thì giống nhau, do được huân tập mà trở thành khác nhau). Tánh vốn lành, giống nhau, hoàn toàn giống nhau, nhưng do huân tập nên ngày càng cách xa bản tánh. Tập tánh là gì? Thói quen, bản tánh vốn lành, tập tánh bất thiện. Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Cận châu tắc xích, cận mực tắc hắc”* (Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen); một đứa bé hết sức dễ bị cảnh giới bên ngoài cảm nhiễm, nó ở cùng người tốt sẽ biến thành người tốt, ở cùng kẻ ác sẽ biến thành xấu xa, đó gọi là tập tánh. Mục đích của giáo dục là làm sao giúp cho con người từ tập tánh bất thiện quay về bản thiện, đó là mục đích của giáo dục. Vì vậy, quan điểm giáo dục được phát triển từ chỗ này. *“Cầu bất giáo, tánh nữ thiên”* (nếu chẳng dạy, tánh sẽ biến đổi). Chỉ cần dạy cho con người tốt đẹp, chuyện bất hảo nào trong xã hội cũng chẳng phát sanh, bất cứ tai nạn nào trên địa cầu cũng chẳng nảy sanh. Do vậy, người Trung Quốc hiểu giáo dục, có trí huệ về phương diện giáo dục, có phương pháp và kinh nghiệm giáo dục, nên giáo dục có hiệu quả. Vô cùng đáng tiếc là sau khi nhà

Mãn Thanh vong quốc một thế kỷ, trong một trăm năm ấy, chúng ta đã coi nhẹ, khinh rẻ những giáo huấn của tổ tông, xã hội mới xuất hiện các phiền phức nhiều ngàn ấy, núi, sông, đại địa phát sanh các tai biến nhiều đường ấy. Truy tới căn bản [thì ra] giáo dục có vấn đề!

“*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (đường lối giáo dục quý ở chỗ chuyên nhất), chúng ta muốn học tốt đẹp, muốn học theo bậc thánh, muốn học theo người hiền, có thể làm được hay không? Chỉ cần quý vị kiên trì, ngăn ngừa hết thầy nhiễm ô, như đã nói trong phần “*khởi tịnh ý tâm*” ở trên thì sẽ thực hiện được. Vâng giữ tám câu giáo huấn của tổ tông, ai nấy đều có thể trở thành thánh nhân, hiền nhân. Chẳng gặp thiện tri thức chân chánh hoặc thầy tốt, có thể lấy cỏ nhân làm thầy, trước tác của cỏ nhân hãy còn, hãy khéo đọc, học tập, y giáo phụng hành, có thể thực hiện. Tại Trung Quốc, người nêu gương đầu tiên là Mạnh Tử, Mạnh Tử học theo Khổng Tử. Khổng Tử đã chẳng còn, qua đời rồi, nhưng Thi, Thu, Lễ, Nhạc do Khổng Tử san định hãy còn, những văn tự do Khổng Tử biên tập giáo huấn của cỏ thánh tiên hiền hãy còn. Mạnh Tử có được những tác phẩm ấy bèn nghiêm túc học tập, chỗ nào không hiểu rõ bèn thỉnh giáo các đệ tử của Khổng Tử, Ngài học thành công, học giống như Khổng Tử, vượt trội các đại đệ tử của Khổng Tử thuở ấy. Vì thế, hiện thời nhắc tới Khổng Mạnh, chẳng nói Khổng Tăng, tuy Tăng Tử cũng khá lắm, Hữu Tử cũng khá lắm, nhưng chẳng nhắc tới, chỉ nhắc tới Khổng Mạnh. Quý vị thấy vị tư thực đệ tử này chưa hề gặp Khổng Tử, chiếu theo những trước tác còn lưu lại của Khổng Tử để học tập, nghiêm nhiên vượt trội những học trò do chính Khổng Tử chỉ dạy thời ấy, nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Sách của Khổng Tử còn đó, Tứ Thư, Ngũ Kinh, nếu chúng ta chiếu theo đó, nghiêm túc học tập, bỏ ra mười năm công phu cũng có thể làm được như Mạnh Tử, chẳng phải là làm không được, vì sao không làm? Thời gian mười năm không dài, chỉ cần thật sự bỏ mười năm công phu, cỏ nhân nói rất hay: “*Thập tải hàn song, nhất cử thành danh*” (mười năm quanh quẽ miệt mài, một mai thi đậu công danh rõ ràng). Trong Phật pháp, Ngẫu Ích đại sư đã nêu gương cho chúng ta. Ngẫu Ích đại sư ngưỡng mộ ngài Liên Trì, học theo Liên Trì đại sư. Liên Trì đại sư đã vãng sanh, chẳng còn tại thế, nhưng trước tác của Liên Trì đại sư còn đó, học trò của Ngài là Thành Thời tu chỉnh, khắc ván lưu thông. Ngẫu Ích đại sư có được những bộ sách của Liên Trì đại sư bèn nghiêm túc học tập. Liên Trì là tổ sư đời thứ tám của Tịnh Tông, Ngẫu Ích trở thành tổ sư đời thứ chín. Vì thế, có thầy và có hoàn cảnh học tập là đại phước báo! Điều ấy có thể gặp, chứ chẳng thể cầu, không có hoàn cảnh ấy vẫn có thể học thành công, đó là Mạnh Tử và Ngẫu Ích đại sư.

Trong hiện tại, chúng ta vừa phát hiện một người, tại miền Đông Bắc Trung Quốc có cư sĩ Lưu Tố Vân, dùng thời gian mười năm để học một bộ kinh Vô Lượng Thọ, học thành công. Hiện thời, bà ta giảng kinh Vô Lượng Thọ không cần dùng kinh bản, giảng chỗ nào cũng thấm đẫm đạo lý, pháp duyên thù thắng, đến nơi nào cũng được người ta hoan nghênh. Mười năm, một quyển sách, bà ta học như thế nào? Bà ta có một bộ đĩa CD, thuở ấy, bà ta đã năm mươi lăm tuổi! Năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu, khi đó, bà có được một bộ đĩa CD kinh

Vô Lượng Thọ, sáu mươi giờ. Chúng tôi không biết bà ta, tới năm nay tôi mới gặp mặt bà, bà ta đã thành công, mười năm bèn thành công. Bà ta kể mỗi ngày nghe một đĩa CD, tức là một giờ, đối với một giờ giảng bà ta nghe mười lần. Vì bà ta nghe tôi giảng kinh có nói một câu như sau: “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, bà ta ghi nhớ câu ấy, thật sự làm theo. Thâm nhập một môn, tức là nghe một bộ kinh đến cùng, chẳng có ý niệm thứ hai, mỗi ngày nghe mười lần [đĩa CD ghi âm] một giờ giảng. Ngày hôm sau đổi sang đĩa kế tiếp, cũng nghe mười lần. Nghe sáu mươi ngày xong, ngày thứ sáu mươi một quay lại nghe từ đầu. Nghe như vậy mười năm, không chỉ toàn bộ kinh đều thuộc, mà mỗi chữ tôi nói bà ta đều nhớ nằm lòng. Một kinh thông, hết thấy các kinh thông, hiện thời bất cứ kinh giáo Đại Thừa nào đưa đến trước mặt, bà ta chẳng bị mảy may chướng ngại gì! Đây là một tấm gương rất tốt đẹp. Năm nay bà đã sáu mươi lăm tuổi, mười năm, thành công rồi. Tôi giảng kinh thường nhắc tới bà ta, bà ta đã nổi tiếng tại Đại Lục, khắp nơi mời bà ta giảng kinh, đó là một nhân vật giống như Mạnh Tử và Ngẫu Ích đại sư. Có người hỏi bà ta học như thế nào mà thành công? Bà ta bảo bí quyết gồm sáu chữ: Thứ nhất là “lão thật” (thật thà), thứ hai là “thính thoại” (nghe lời), thứ ba là “chân cán” (thật sự làm). Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, bà ta thật sự làm! Mười năm bèn thành công. Chúng ta thử nghĩ xem, chẳng phải là chúng ta không thể thành tựu, mà vì đã lãng phí thời gian, người ta mười năm dốc sức một bộ kinh, còn chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ trong mười năm, uổng phí mười năm!

Sau đây, chúng ta suy nghĩ thấy tổ sư đại đức xưa kia có phước báo, quý vị thấy bao nhiêu người thành tựu y chỉ một vị thầy, ở trên núi vài chục năm chẳng hạ sơn. Hôm nay, pháp sư Trung Tây Tùy Công (Nakanishi Zuikou) của Nhật Bản đến thăm chúng ta. Trong quá khứ, tôi đã đi thăm Nhật Bản sáu lần, có một lần tôi đến thăm núi Tỷ Duệ (Hiei-zan) của Nhật Bản. Có người bảo tôi, các tổ sư khai sơn của mười ba tông phái Phật giáo tại Nhật Bản⁶⁴[3] đều tu hành trên núi này. Tôi lên núi đặc biệt hỏi dò xem thời gian tu hành của các

⁶⁴^[3] Mười ba tông phái của Phật giáo Nhật Bản là 1) Hoa Nghiêm Tông (do Lương Biện sáng lập). 2) Thiên Đài Tông (do Tối Trừng sáng lập). 3) Pháp Tướng Tông (do Đạo Chiêu sáng lập). 4) Luật Tông (do Giám Chân sáng lập). 5) Lâm Tế Tông (do Vinh Tây sáng lập). 6) Tào Động Tông (do Đạo Nguyên và Oánh Sơn sáng lập). 7) Hoàng Bá Tông (do Ấn Nguyên Long Kỳ sáng lập). 8) Nhật Liên Tông (do Nhật Liên sáng lập). 9) Dung Thông Niệm Phật Tông (do Lương Nhẫn sáng lập). 10) Thời Tông (do Nhất Biến sáng lập). 11) Tịnh Độ Tông (do Pháp Nhiên sáng lập). 12) Tịnh Độ Chân Tông (do Thân Loan sáng lập). 13) Chân Ngôn Tông (do Không Hải sáng lập). Tuy có mười ba tông, nhưng nếu xét đến pháp môn hành trì và kinh điển chánh yếu để y cứ thì chỉ có bảy tông là Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm Tông), Thiên Thai (Thiên Đài Tông, Nhật Liên Tông), Duy Thức (Pháp Tướng Tông), Luật Tông, Thiền Tông (Lâm Tế, Tào Động, Hoàng Bá), Tịnh Độ (Dung Thông Niệm Phật Tông, Thời Tông, Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Chân Tông) và Mật Tông (Chân Ngôn Tông).

vị tổ sư đại đức trên núi ấy bao lâu. Lão hòa thượng trên núi bảo tôi, vị lâu nhất hơn ba mươi năm không hạ sơn, vị ít nhất là mười bốn năm, nên các Ngài mới có thành tựu như vậy, trở thành nhất đại tổ sư. Pháp duyên thù thắng chưa phải là chuyện tốt, khiến cho quý vị suốt ngày từ sáng đến tối đi khắp nơi, tâm bị rối nháo nhào, thời gian cũng rối beng, chẳng thể thành tựu! Người thành tựu an định một chỗ, như như bất động. Tôi là một kẻ chẳng có phước báo, chẳng có cách nào, chẳng có đạo tràng, nên nơi nào hữu duyên bèn đến nơi đó, nhưng tôi giữ vững một nguyên tắc, tôi đến bất cứ nơi nào cũng đều là để giảng kinh, nơi không thể giảng kinh tôi sẽ không đến. Do vậy, tôi có thể duy trì vững vàng cho đến hiện tại, suốt năm mươi hai năm giảng kinh không gián đoạn nên mới có một chút thành tựu. Nếu tôi có phước báo như các vị tổ sư đại đức xưa kia, có một ngọn núi, năm mươi hai năm chẳng hạ sơn, đến nay tôi sẽ tuyệt lắm, khá vô cùng! Vì thế, các đồng học trẻ tuổi phải hiểu rõ đạo lý này, ai thành tựu quý vị? Chính mình thành tựu chính mình. Xưa nay, trong ngoài nước, hễ là người có thành tựu, tuyệt đối chẳng phải do được thầy ở bên cạnh thường chỉ điểm, không có, đều do chính mình thành tựu. Nắm vững những nguyên tắc và nguyên lý do thầy chỉ dạy, thật sự phát tâm dũng mãnh, tâm tinh tấn, giữ chí thường hằng, không ai chẳng thành tựu! Cư sĩ Lưu Tố Vân là một tấm gương vô cùng tốt, người ta năm mươi lăm tuổi mới tiếp xúc, các vị còn chưa tới năm mươi lăm tuổi, phải học theo bà ta, mười năm trở thành đại pháp sư. Nếu bà ta xuống tóc, xuất gia, lên tòa, giảng kinh bèn là đại sư. Do vậy, chuyển Mật Na Thức thành Bình Đẳng Tánh, điều này vô cùng trọng yếu. Thật sự chuyển được, nhất định sẽ có biểu hiện như thế này: Tôn trọng cung kính các chúng sanh, chẳng sanh lòng khinh mạn, đối với người cũng thế, mà đối với chính mình cũng thế, ta và người bình đẳng, chúng sanh và Phật bình đẳng. Quý vị đối với người, đối với cây cối, hoa, cỏ, đối với núi, sông, đại địa, đối với hết thảy chúng sanh, quyết định chẳng có tâm khi dễ, chẳng có thái độ ngạo mạn, thể hiện sự tôn trọng, cung kính, chắc chắn là như vậy. Đây là lễ kính, chẳng sân.

Tiếp đó, điều thứ tám là “*sanh quyết định tâm. Niệm Phật chi nhân, bất trước thế gian ngôn luận, ư Vô Thượng Bồ Đề chi đạo, thâm sanh chánh tín, tất cánh bất hoặc, thị danh sanh quyết định tâm*” (Sanh tâm quyết định: Người niệm Phật chẳng đắm chấp ngôn luận thế gian, đối với đạo Vô Thượng Bồ Đề, sanh lòng chánh tín sâu xa, rốt ráo chẳng mê hoặc, đó là sanh tâm quyết định). Điều này là “chẳng si”. Quý vị thấy đó, không tham, không sân, không si. Những ngôn luận thế gian, đặc biệt trong hiện thời, chánh luận ngày càng ít ỏi, lệch lạc, tà vạy ngày càng nhiều! Các đồng học theo tôi lâu dài cũng biết tôi có một thói quen, tôi học Phật năm mươi chín năm, mười năm đầu, có khi xem nhật báo, tạp chí, TV, tôi buông bỏ những thứ ấy gần năm mươi năm rồi, chẳng xem TV, chẳng đọc nhật báo, tôi nhất loạt cự tuyệt những tạp chí tin tức, vì sao? Nhiễm ô. Cũng có đồng học thường gửi sách cho tôi xem, tôi cầm lấy, trước hết xem trang bản quyền, phía sau in: “*Sở hữu bản quyền, in lại nhất định truy cứu trách nhiệm*”, tôi sẽ không đọc sách ấy, bảo người ta đem đi. Người ta hỏi vì sao ư? [Tôi trả lời: Tác giả] tâm lượng quá nhỏ. Tâm lượng quá nhỏ thì có thể viết được thứ tốt đẹp

gì? Quý vị thấy khi cổ nhân Trung Quốc ra sách, chẳng phải vậy! “*Hoan nghênh tái bản, công đức vô lượng*”, chẳng có sở hữu bản quyền. Một người tâm lượng to lớn, tâm lượng lớn, phước sẽ lớn, trí huệ cũng lớn; tâm lượng nhỏ bé, phước cũng bé tí, trí huệ cũng nhỏ nhoi, vậy thì cần gì phải lãng phí thời gian của chúng ta? Thời gian của chúng ta rất hữu hạn, chẳng muốn lãng phí vào đó; nhưng nếu là ngôn luận của thánh hiền thế gian thì có thể xem, có thể nghiên cứu. Tuy vậy, hoàn cảnh hiện tại đã khác, tai nạn nhiều lắm, khiến cho chúng ta sanh khởi tâm cảnh giác cao độ, chúng ta ứng phó ra sao, đây là chuyện cấp thiết trước mắt, chỉ có đem toàn bộ thời gian, tinh lực dùng vào Phật pháp.

Kinh luận Phật pháp cũng nhiều vô cùng, thưa quý vị, kinh có thể cứu nạn gấp, thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết nguy cơ trước mắt chính là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, thật sự dùng được! Nhất là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Hiện thời, trong chín phiên bản tiếng Hán khác nhau của kinh Vô Lượng Thọ, bản của Hạ Liên Cư là bản tốt nhất trong chín bản khác nhau. Chúng ta có duyên gặp gỡ, đó là phước báo nhiều lắm! Do vậy, năm nay, tôi quyết định tạm ngừng [giảng] kinh Hoa Nghiêm một năm để giảng bộ kinh này, mọi người chúng ta cùng nhau học tập kỹ càng. Tôi cũng giảng [kinh này] giống như giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng cận kề bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cũng là cảm ơn một phen tri giao giữa chúng tôi lúc tuổi già. Cụ viết bản chú giải này, dụng tâm rất khổ sở. Đã thế, thân đang mang bệnh nặng, vẫn hoàn thành tác phẩm này. Tôi biết rõ, vô cùng kính phục, lần này, chúng tôi chia sẻ tâm đắc và cảm tưởng do đọc bộ kinh này cùng mọi người, tạo thành Diễn Nghĩa. Vì vậy, lần giảng kinh này có tựa đề là Tịnh Độ Đại Kinh Giải, Đại Kinh do cụ Hạ hội tập, Giải do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết, cuối cùng, chúng tôi đem phần tâm đắc khi học tập tạo thành Diễn Nghĩa, giúp cho các Tịnh Tông đồng học hiện tiền và mai sau có một bản hoàn thiện hòng có thể tu học, mang ý nghĩa rất lớn. Đại biểu cho đạo Vô Thượng Bồ Đề, [cứu độ chúng sanh nghiệp khổ] trong chín ngàn năm thời Mạt Pháp là cuốn kinh này và bản chú giải này. Sanh lòng chánh tín sâu xa, rất ráo chẳng mê hoặc. Đó là “*sanh quyết định tâm*”.

Thứ chín, “*vô tạp nhiễm tâm. Niệm Phật chi nhân, tu tập công hạnh, chủng chư thiện căn, tâm thường viễn ly nhất thiết tạp nhiễm phiền não, thị danh vô tạp nhiễm tâm*” (Tâm chẳng tạp nhiễm: Người niệm Phật tu tập công hạnh, gieo các thiện căn, tâm thường xa lìa hết thảy phiền não tạp nhiễm, đó là tâm không tạp nhiễm). Học điều gì cũng phải chuyên, chớ nên tạp, kỳ nhất là xen tạp. Nhưng trường học hiện thời là tạp nhiễm, chương trình học trong nhà trường hiện thời, nói chung từ nhà trẻ đến lớp tiến sĩ đều là học tập nhiều môn, lại còn sắp xếp các môn học xen kẽ. Chẳng hạn như Tiểu Học, giờ thứ nhất học Ngữ Văn, giờ thứ hai học Toán. Khái niệm ngữ văn còn chưa hấp thụ đã thay đổi đề mục. Đó là tạp, là nhiễm. Trung Quốc vào thời cổ kỳ nhất cách dạy học ấy. Cổ nhân Trung Quốc tuân thủ nguyên tắc của tổ tông: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*”, tức là “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, một môn chưa học nhuần nhuyễn, quyết định chẳng thể học môn thứ hai. Xưa kia,

tôi theo lão cư sĩ Lý Bình Nam học kinh giáo, thầy Lý áp dụng cách dạy học trong trường tư thực, tức là học từng môn một, quý vị không thể đồng thời học hai môn. Thầy nói rõ ràng với quý vị, học đồng thời hai môn thì một môn quý vị cũng chẳng học được! Vì sao? Phân tâm. Thời gian cũng bị chia vụn, tinh thần cũng bị phân tán, làm sao học tốt cho được? Chỉ cho phép học một môn, học xong một môn mới có thể học môn thứ hai. Học từng môn một, phương pháp này có thể sử dụng trong nhà trường. Tôi tin tưởng dùng trong nhà trường, thành tích của học trò nhất định sẽ vô cùng tốt đẹp, vì sao? Tập trung tinh thần. Chẳng hạn như Tiểu Học có bốn môn chủ yếu, Ngữ Văn, Toán, hoặc là Sử, Địa, ngoài ra còn có Ngoại Ngữ. Các môn học chánh yếu không sắp xếp xen kẽ. Ngữ Văn là cơ sở của tất cả khoa học, trọng yếu nhất, dành thời gian nhiều một chút, sáu năm Tiểu Học dùng thời gian ba năm để học Ngữ Văn, không có các môn khác, chuyên học Ngữ Văn. Toán thì dành ra một năm để chuyên môn học Toán. Quý vị thấy học theo kiểu này, trong cặp chỉ có một quyển sách, rất nhẹ nhàng, thông dong, đầu óc chỉ nghĩ tới một chuyện, chẳng nghĩ tới chuyện thứ hai, chắc chắn tinh thần tốt đẹp, thân thể tốt đẹp, thành tích học tập cũng tốt đẹp. Đây chính là như cách nói của tổ tông Trung Quốc: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*”, chớ nên xen tạp. Khi đã xen tạp, sẽ rối loạn.

Tổ tiên có trí huệ, người hiện thời xem thường tổ tông, nên họ bất hiếu với cha mẹ, ngộ con người hiện thời rất thông minh, luôn vượt trội tổ tông. Hiện thời con cái đều nghĩ mình vượt trội cha mẹ rất nhiều, cha mẹ quá cổ lỗ, trở thành đồ cổ rồi, vô dụng, chẳng theo kịp thời đại, ngay cả computer cũng chẳng biết dùng, xem thường cha mẹ. Không biết trí huệ của cha mẹ và tổ tông có thể giải quyết vấn đề, những quan niệm hiện thời đã đem lại tai nạn. Tôi cũng thảo luận vấn đề này với nhiều người làm công tác giáo dục, kể cả một số giáo sư đại học và các hiệu trưởng, họ nghe xong cũng cảm thấy tôi rất có lý, có thể làm thí nghiệm. Nếu có trường học nào chọn phương pháp này để làm thí nghiệm, thí nghiệm thành công sẽ là công đức vô lượng, có thể giúp khá nhiều trường học thay đổi phương pháp dạy học, thật sự có thể cứu vớt thế hệ kế tiếp. Chúng ta phải tôn trọng, cung kính tổ tông, những thứ của tổ tông là chân thật, thật tốt đẹp! Chẳng xảy ra chuyện gì! Vứt bỏ tổ tông, phiền phức gì cũng đưa đến. Điều này cũng thuộc loại “chẳng si”. Hai điều tám và chín đều là “chẳng si”.

Điều cuối cùng là niệm Phật, “*khởi tùy niệm tâm. Niệm Phật chi nhân, tuy quán Như Lai tướng hảo, nhi bất sanh ái trước chi tâm; u vô niệm trung, thường niệm bỉ Phật, thị danh khởi tùy niệm tâm*” (Khởi tùy niệm tâm: Người niệm Phật tuy quán tướng hảo của Như Lai, nhưng chẳng sanh tâm yêu đắm, trong vô niệm thường niệm đức Phật ấy, đó là khởi tùy niệm tâm). Quán tướng hảo của Phật Như Lai, [quán] tướng hảo của Như Lai là [quán những tướng hảo nơi] Báo Thân Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, đây là Ứng Thân, chúng sanh có cảm, Ngài bèn ứng. Ứng Thân Phật thị hiện ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, cũng chính là vì người thế gian đã gọi những tướng đó là tướng tốt theo thuật xem tướng, Thích Ca Mâu Ni Phật thấy đều có đầy đủ. Kinh dạy: Trong thế giới Cực Lạc,

quý vị thấy thân A Di Đà Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Trên thế gian, đức Phật dùng tướng hảo để tiếp dẫn chúng sanh, chúng sanh ưa chuộng tướng hảo, Phật tướng hảo đệ nhất, họ thấy tướng hảo của Phật sẽ theo Phật, học theo Ngài, mục đích của Ngài là ở chỗ này. Báo Thân Như Lai là bình đẳng, nếu chúng ta minh tâm kiến tánh, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật thì thân chúng ta và thân Phật chẳng khác, vì sao? Từ tự tánh hiển thị, quả thật là vô thượng phước huệ trang nghiêm, nhưng chẳng sanh tâm yêu đắm. Yêu đắm là phiền não, “yêu” là phân biệt, “đắm” là chấp trước, lẽ nào sanh lòng yêu đắm? Không thể nào! Hiện tiền, trong vô niệm chúng ta phải thường niệm A Di Đà Phật, chữ “*bỉ Phật*” [trong đoạn kinh văn của pháp hội Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo trong kinh Bảo Tích vừa được trích lục trên đây] chỉ A Di Đà Phật. Niệm Phật thì tâm là tâm Phật, tức là như kinh đã nói “*niệm Phật làm Phật*”. Vốn là Phật, nay lại làm Phật, há lẽ nào chẳng thành Phật?

Ở đây, chúng ta đã học tập xong câu “*hà đẳng danh vi phát thập chủng tâm?*” (những gì gọi là phát mười thứ tâm) trong kinh Đại Bảo Tích. Đối với mười thứ này, chỉ cần làm được một thứ sẽ hội đủ điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mười thứ tâm thấy đều làm được, quyết định vãng sanh, quyết định thấy Phật. “*Do thị tâm cố, đương đắc vãng sanh bỉ Phật thế giới*” (do tâm ấy sẽ được vãng sanh thế giới Cực Lạc). “*Khả kiến Di Lặc đại sĩ chánh thị tương tán Thích Tôn đồng hoàng Tịnh Tông diệu pháp dã*” (có thể thấy Di Lặc đại sĩ thật sự phụ trợ đức Thích Ca cùng hoàng dương diệu pháp Tịnh Tông). Đây là lời kết luận của cụ Hoàng Niệm Tổ sau đoạn kinh văn này: Di Lặc Bồ Tát quả thật đang hiệp trợ Thích Ca Mâu Ni Phật, hiệp trợ A Di Đà Phật hoàng dương pháp môn Tịnh Độ. Đương nhiên Di Lặc Bồ Tát đã ở Tây Phương Cực Lạc thế giới; do vậy, đến thế giới Cực Lạc sẽ thấy chân thân của Di Lặc Bồ Tát. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 95

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ bảy, xem từ ba chữ cuối cùng:

“*Hựu bốn kinh trung đệ tam thập nhị phẩm hạ, Di Lạc đương cơ*” (lại nữa, trong kinh này từ phẩm ba mươi hai trở đi, ngài Di Lạc là đương cơ). Đức Phật thuyết bộ kinh này gồm tổng cộng bốn mươi tám phẩm, trong ba mươi một phẩm đầu, tôn giả A Nan là đương cơ, trong các phẩm cuối từ phẩm ba mươi hai đến phẩm bốn mươi tám, Di Lạc Bồ Tát là đương cơ, điều này cũng hy hữu và là duyên phận thù thắng. Người đương cơ biểu thị loại căn cơ nào thích hợp để tu học pháp môn này. Di Lạc làm đương cơ có ý nghĩa rất sâu, vì trong thời kỳ Mạt Pháp của đức Thế Tôn, trong xã hội hiện thời có rất nhiều tin đồn Di Lạc Bồ Tát đã thành Phật, sắp đến thế gian này hóa độ chúng sanh. Đây là lời lẽ yêu mị dối người, về căn bản chẳng có chuyện này! Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng, khi nào Di Lạc Bồ Tát sẽ đến thành Phật trong thế gian của chúng ta? Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy “*tứ thiên niên chi hậu*” (sau bốn ngàn năm), bốn ngàn năm ấy là bốn ngàn năm trên cõi trời Đâu Suất, không phải là bốn ngàn năm trong nhân gian chúng ta. Nay Di Lạc Bồ Tát đang ở Đâu Suất Thiên, thọ mạng của Đâu Suất Thiên là bốn ngàn tuổi. Sự khác biệt thời gian giữa Đâu Suất Thiên và thế gian chúng ta rất lớn, hiện nay [sự sai biệt ấy] được gọi là “thời sai”, một ngày trên ấy bằng bốn trăm năm trong nhân gian. Nếu nói theo nhân gian, thọ mạng con người rất dài thì sống được một trăm năm, trên trời Đâu Suất cũng là một ngày gồm hai mươi bốn giờ, dùng thời gian trên trời Đâu Suất để tính toán, [người trong nhân gian thọ trăm tuổi] sống được bao nhiêu giờ? Sáu giờ. Sáu giờ của họ bằng một trăm năm của chúng ta, sai khác rất lớn. Đổi theo cách tính thời gian trên địa cầu, sẽ là năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, năm mươi bảy ức! Thời gian còn dài quá, rất ư là lâu! Trên thế gian nếu không có Phật xuất thế sẽ hết sức đáng thương, năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, tôi tính sai rồi! Nhưng Phật, Bồ Tát vô cùng từ bi, trong lúc không có Phật xuất thế, tuy hiện thời Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ, nhưng sức ảnh hưởng của Ngài, tức là pháp vận của lão nhân gia là một vạn hai ngàn năm. Dựa theo cách ghi chép của tổ sư đại đức Trung Quốc từ xưa, Thích Ca Mâu Ni Phật sanh vào năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, lão nhân gia nhập diệt vào năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương. Nếu tính theo cách này, phải biết từ khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ đến nay là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, khác với cách tính của người ngoại quốc. Theo cách tính của người ngoại quốc thì là hơn hai ngàn năm trăm năm, sai biệt sáu

trăm năm. Chúng ta chẳng cần phải khảo cứu chuyện này, “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, chuyện này không quan trọng, điều quan trọng nhất là hiểu lý, chúng ta niệm Phật, cầu nhất tâm bất loạn, đó là trọng yếu.

Do vậy, tuy Phật chẳng tại thế, kinh điển vẫn còn. Kinh Đại Thừa nói chỗ nào có kinh điển, chỗ đó có Pháp Thân của Như Lai hiện diện. Đức Phật dùng kinh giáo để độ chúng sanh, những thứ khác đều thuộc loại kỷ niệm, chẳng hạn như xá-lợi của Phật hoặc xương ngón tay đức Phật đều thuộc loại kỷ niệm. Dầu quý vị đến xem cho nhiều, lễ bái nhiều đến đâu đi nữa, vẫn chẳng thể khai ngộ, cũng chẳng thành Phật. Chúng ta muốn khai ngộ, muốn thành Phật, vẫn phải nương theo giáo huấn trong kinh điển để nghiêm túc tu hành. Đó là chánh pháp, chẳng phải là mê tín, phải hiểu đạo lý này. “Di Lạc làm đương cơ” có nghĩa là trong thời kỳ Mạt Pháp, Di Lạc Bồ Tát dạy chúng ta pháp môn gì? Dạy chúng ta niệm Phật, dạy chúng ta cầu sanh Di Đà Tịnh Độ, chẳng phải là Di Lạc Tịnh Độ. Phải hiểu ý nghĩa này. Nếu chẳng hiểu ý nghĩa này, phần sau kinh, từ phẩm ba mươi hai trở đi, ngài Di Lạc làm đương cơ sẽ chẳng có ý nghĩa gì hết! Do vậy, chúng ta phải hiểu, phải thấu hiểu ý nghĩa biểu thị pháp của đức Phật. Không chỉ là hiện thời Di Lạc Bồ Tát dạy chúng ta phải niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, mà trong tương lai, tức là vào năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm sau, khi Di Lạc Bồ Tát đến thành Phật trong thế gian này, vẫn giảng bộ kinh này, vẫn tuyên dương Tịnh Độ, khuyên dạy mọi người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, [phải là như vậy] thì sự biểu thị pháp mới là viên mãn. Nếu không, Ngài biểu thị pháp có ý nghĩa gì đâu? Đối với những chỗ như thế này, xem kinh phải chú tâm, chớ nên hời hợt qua loa đọc lướt qua. Vì thế, ở chỗ này, [kinh điển] đã đặc biệt nhắc nhở chúng ta.

Lại xem tiếp, “*đệ tứ thập lục phẩm, Phật phó chúc Di Lạc đại sĩ viết: - Ngã kim như lý tuyên thuyết như thị quảng đại vi diệu pháp môn*” (trong phẩm bốn mươi sáu, đức Phật phó chúc Di Lạc đại sĩ: “Ta nay đúng lý tuyên thuyết pháp môn vi diệu rộng lớn như thế”), đó là nói về bộ kinh này, “*nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán*” (được hết thảy chư Phật khen ngợi). Ở đây chúng ta thấy, mười phương hết thảy chư Phật Như Lai tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên dương pháp môn này, khuyên dạy đại chúng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. “*Phó chúc nhữ đẳng tác đại thủ hộ, đương linh thị pháp cửu trụ bất diệt*” (dặn dò, giao cho các ông hãy bảo vệ lớn lao, khiến cho pháp này tồn tại lâu dài chẳng diệt). Đó là lời phó chúc của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng là lời căn dặn Di Lạc Bồ Tát, ông phải hộ trì pháp môn này, khiến cho pháp môn này tồn tại lâu dài trong thế gian, chẳng bị diệt mất. “*Di Lạc thừa Phật phó chúc, hoằng trì thị kinh*” (Di Lạc tuân lời Phật phó chúc, hoằng dương, hộ trì kinh này). Hoằng (宏) là hoằng dương, Trì (持) là y giáo phụng hành, Di Lạc Bồ Tát cũng niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. “*Thị cố đại sĩ, bất đản đương lai Long Hoa hội thượng tất thuyết thử kinh*” (vì vậy, đại sĩ không chỉ trong tương lai ắt nói kinh này trong hội Long Hoa), Ngài tiếp nhận lời phó chúc của Thích Ca Mâu Ni Phật, lẽ nào trong ba hội Long Hoa chẳng giảng kinh này? Thích Ca Mâu Ni Phật nhiều lần tuyên thuyết bộ kinh này, chúng

ta có thể suy luận trong tương lai Di Lạc Bồ Tát xuất hiện trong cõi đời, Ngài [thuyết pháp] chỉ có ba hội, không giống như đức Thế Tôn [Thích Ca Mâu Ni Phật]. Đức Thế Tôn là hơn ba trăm hội, ngài Di Lạc chỉ có ba hội. Chúng ta có lý do để tin tưởng, trong mỗi hội, Ngài đều giảng bộ kinh này, đều tuyên dương pháp môn này thì mới chẳng phụ bạc sự phó thác của Thích Ca Mâu Ni Phật. Pháp môn này trọng yếu ngàn ấy! “*Trực thị tận vị lai tế diệc tất thường thuyết bất tuyệt*” (mãi cho đến đời vị lai ắt cũng thường nói chẳng dứt), chúng tôi đồng ý với cách nhìn của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trong câu này. Vì sao? Vì chỉ có pháp môn này có thể khiến cho người thuộc hết thầy căn tánh thượng trung hạ thành tựu viên mãn trong một đời. Chỉ có pháp môn này là thành tựu viên mãn trong một đời, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều chẳng thể khiến cho quý vị thành tựu trong một đời. Do vậy, chúng ta rất may mắn gặp được pháp môn này, khó có lắm! Bài kệ Khai Kinh có câu: “*Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”, cư sĩ Bành Tế Thanh nói: “*Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*” mà chúng ta đã gặp. Những người nói các câu ấy đều khó có, nếu chẳng phải thật sự là bậc tái lai sẽ không thể nói ra lời ấy được! Nay chúng ta có duyên nghe được, hãy nên nắm chắc nhân duyên hy hữu khó gặp này, quyết định thành tựu trong một đời này. Phải thật sự y giáo phụng hành, phải quyết định nắm chặt cơ hội này, chớ nên bỏ lỡ, đó là đúng. Di Lạc Bồ Tát được giới thiệu tới đây.

Tiếp theo đó là giới thiệu Hiền Kiếp, vì trong kinh vẫn có nói: “*Cập Hiền Kiếp nhất thiết Bồ Tát*” (và hết thầy các vị Bồ Tát trong Hiền Kiếp). Kiếp (Kalpa) là một danh xưng thời gian trong Phật pháp, là một khoảng thời gian rất dài. Kiếp được nói đến ở đây là “đại kiếp”. Kiếp có ba thứ: Tiểu kiếp, trung kiếp, và đại kiếp. Có rất nhiều cách giải thích tiểu kiếp, trong kinh có đến mấy cách nói, nhưng đức Phật thường dùng tuổi thọ của con người để nói. Tuổi thọ con người ngắn nhất là mười năm, đây là nói theo tuổi thọ bình quân (tuổi thọ trung bình) của cư dân trong thế gian này. Nói chung, tuổi thọ trung bình trong thế giới hiện thời là bảy mươi tuổi, cổ nhân thường nói: “*Nhân sanh thất thập cổ lai hy*” (người sống bảy mươi xưa nay hiếm). Trong thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật xuất thế, tuổi thọ bình quân là một trăm tuổi. Khi con người thọ mười tuổi, cứ mỗi một trăm năm, tăng thêm một tuổi, tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi là đạt tới cực hạn; từ tám vạn bốn ngàn tuổi, cứ mỗi trăm năm bèn giảm một tuổi, lại giảm đến mười tuổi, [một chu kỳ] một tăng một giảm được gọi là một tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Hiền Kiếp (Bhadra-kalpa) là danh xưng của đại kiếp hiện thời. Chúng ta đang sống trong đại kiếp ấy, một đại kiếp có bốn trung kiếp, trung kiếp là Thành, Trụ, Hoại, Không, đó là bốn trung kiếp, mỗi trung kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp, thời gian được tính theo cách như vậy. Hiện thời là Trụ kiếp trong Thành, Trụ, Hoại, Không, nay chúng ta đang thuộc Trụ Kiếp, “*danh vi Hiền Kiếp*” (có tên là Hiền Kiếp).

“*Tại thử đại kiếp trung, hữu thiên Phật xuất thế*” (trong đại kiếp này có một ngàn vị Phật ra đời). Vì sao gọi là Hiền? Trong đại kiếp này có một ngàn vị Phật xuất hiện trong thế gian

này. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thứ tư, vị thứ năm kế tục là Di Lặc Bồ Tát, đến thế gian này làm Phật, đây là vị Phật thứ năm. Phải biết sau khi pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật kết thúc, vẫn phải là sau năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, Di Lặc Bồ Tát mới đến thế gian này thị hiện thành Phật. Thời gian không có Phật, không có giáo huấn của thánh nhân, tập tánh của chúng sanh rất khó dứt trừ, khổ chẳng thể nói được! Phật, Bồ Tát từ bi, trong thời gian không có Phật ấy, Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện trụ trong thế giới, tiếp nhận sự phó thác của chư Phật Như Lai, thay thế Phật hóa độ chúng sanh. Chúng ta hãy suy nghĩ, trong khoảng thời gian dài ngàn ấy, Phật xuất hiện đúng là “*hoa Đàm thoáng hiện*”, thời gian xuất hiện quá ngắn ngủi. Địa Tạng Bồ Tát từ bi đến cùng cực, pháp hội của Địa Tạng Bồ Tát thù thắng hơn các pháp hội Vô Lượng Thọ, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật tại Đạo Lợi Thiên Cung giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, ai đến tham gia pháp hội? Mười phương hết thấy chư Phật Như Lai. Quý vị nói xem có tuyệt diệu hay không? Trong các kinh điển khác, chúng ta thấy lúc đức Thế Tôn mở pháp hội, người nào tham gia? Mười phương Bồ Tát đến tham gia, Thanh Văn đến tham gia, chư thiên đến tham gia, chẳng thấy chư Phật Như Lai đều đến tham gia. Vì sao? Địa Tạng Bồ Tát phát tâm là thật, “*địa ngục bất không, thế bất thành Phật*” (địa ngục chẳng trống, thế không thành Phật). Từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng biết có bao nhiêu chư Phật Như Lai trong quá khứ đều là học trò hay tín đồ của Địa Tạng Bồ Tát, quý vị thấy họ đều thành Phật cả rồi, mà Địa Tạng vẫn thuộc địa vị Bồ Tát, vẫn ở trong thế giới khổ nạn hồng giúp đỡ hết thấy chúng sanh.

Địa Tạng tượng trưng cho “hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy”, hai câu trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*” là cội rễ của hết thấy điều lành thế gian và xuất thế gian, Bồ Tát đại diện cho pháp môn này. Vì vậy, chúng ta trông thấy tượng Bồ Tát, nghe danh hiệu Bồ Tát, phải nghĩ tới “*hiếu thân, tôn sư*” (hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy). Nếu kẻ nào bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, khỏi cần phải nói nữa, dẫu là kẻ tu hành tốt đẹp đến mấy vẫn là giả, chẳng thật, vì sao? Kẻ ấy trái nghịch Tánh Đức. Do vậy, tại Trung Quốc vào thời cổ, quốc gia tuyển lựa nhân tài, quá nửa là những người ấy sẽ được trao quyền cai trị, điều kiện tiên quyết là phải hiếu thảo. Người ấy có thể hiếu thảo với cha mẹ, nhất định sẽ có thể yêu dân, trung với nước nhà, yêu mến, bảo vệ nhân dân. Điều kiện thứ hai là liêm khiết. [Gọi gộp chung hai điều ấy là] hiếu liêm, liêm sẽ không tham ô. Từ thời Hán Vũ Đế định ra quy chế ấy, “*cử hiếu liêm*”, “*cử*” (舉) là tuyển cử, nơi nào có trẻ nhỏ là đưa con hiếu thảo, liêm khiết, quan viên nơi ấy phải chăm sóc nó cẩn thận. Thật vậy, quả nhiên là khá lắm, sẽ tuyển lựa nó, quốc gia vun bồi nó. Chế độ ấy vẫn được thực hành mãi cho đến khi chánh quyền Mãn Thanh vong quốc. Chỉ sau khi nhà Mãn Thanh sụp đổ, Dân Quốc thành lập, chế độ ấy mới chẳng còn nữa! Chế độ ấy hay lắm. Quý vị thấy bao nhiêu triều đại thay đổi, nhưng chế độ như vậy vĩnh viễn được gìn giữ, chẳng có triều đại nào không coi trọng vấn đề này, không triều đại nào dám phế bỏ chế độ ấy. Vì vậy, đây là một chế độ rất tốt đẹp!

Hiền Kiếp, một ngàn vị Phật xuất hiện trong thế gian này. “*Bi Hoa Kinh ngũ viết*” (kinh Bi Hoa, quyển thứ năm nói), “*ngũ*” là quyển thứ năm, trong quyển ấy có một đoạn như thế này: “*Thử Phật thế giới*” (thế giới của vị Phật này), chữ “*Phật*” ở đây chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật, nay đang trụ trong thế giới này, “*đương danh Sa Bà, thời hữu đại kiếp, danh viết Hiền Thiện. Thị đại kiếp trung, hữu thiên Thế Tôn, thành tựu đại bi, xuất hiện u thế*” (sẽ có tên là Sa Bà, khi ấy có đại kiếp tên là Hiền Thiện. Trong đại kiếp ấy, có một ngàn vị Thế Tôn thành tựu đại bi, xuất hiện trong cõi đời), có một đoạn như thế. Nói rõ Thích Ca Mâu Ni Phật, Di Lạc Bồ Tát trong tương lai xuất hiện trong thế gian này, thế giới này cũng gọi là Sa Bà, đại kiếp ấy gọi là Hiền Kiếp hoặc Hiền Thiện. Sa Bà là tên gọi của thế giới, Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh trong thế gian này, chúng tôi giới thiệu đơn giản danh từ này đôi chút⁶⁵[1]. “*Giới danh, hựu tác Sa Ha, Sa Ha Lô Đà*” (tên của thế giới, còn gọi là Sa Ha, hoặc Sa Ha Lô Đà), đều là tiếng Phạn, dịch âm khác nhau đôi chút, nhưng âm đọc đại khái vẫn là tương tự. “*Tân dịch vi Sách Ha*” (Tân dịch là Sách Ha), ở đây, Tân và Cựu lấy Huyền Trang đại sư để phân chia giới tuyến. Phiên dịch trước thời Huyền Trang đại sư là Cựu Dịch, những danh xưng nói trong phần trước đều là Cựu Dịch. Huyền Trang đại sư dịch thành Sách Ha, tương đối gần âm tiếng Phạn hơn, đó là Tân Dịch. Chúng ta học kinh giáo, do trước kia Huyền Trang đại sư phiên dịch kinh không ít, cho nên chúng ta phải nên hiểu đôi chút về ý nghĩa của Cựu Dịch và Tân Dịch để chẳng đến nỗi nảy sinh hiểu lầm. Sa Bà nghĩa là gì? “*Kham nhẫn chi nghĩa, nhân nhi dịch viết Nhẫn Độ*” (nghĩa là có thể chịu đựng, do vậy, [Sa Bà] còn được dịch là Nhẫn Độ, tức cõi chịu đựng). Kham Nhẫn là quý vị thật sự có thể chịu đựng. Thế giới này rất khổ, cư dân ở nơi đây có thể chịu đựng; vì thế, gọi là Sách Ha. Do đó, còn dịch là Nhẫn Độ, Độ là cõi đất này. [Nhẫn Độ nghĩa là] chúng sanh trong cõi này thật sự có thể chịu đựng nhiều nỗi khổ nạn; khổ nạn do đâu mà có? Chúng ta biết, trong kinh Hoa Nghiêm đã giảng rất rõ ràng, khổ nạn là do chúng ta mê hoặc tự tánh, tùy thuận tập tánh, tập tánh bất thiện, tạo tác đủ thứ nghiệp bất thiện, nên cảm quả báo. Nhân quả báo ứng rất hiện thực, khắp nơi đều là nó, bất cứ lúc nào cũng đều phát sanh, chỉ cần chúng ta lảng lờ chú tâm quan sát, sẽ biết chuyện này chẳng tơ hào sai chạy, thiện có thiện quả, ác có ác báo.

Vì sao nơi A Di Đà Phật trụ được gọi là thế giới Cực Lạc, còn thế giới của chúng ta gọi là thế giới Sa Bà? Cực Lạc và Sa Bà có gì khác biệt? Nói thật thà, hai thế giới bình đẳng, chẳng có mảy may sai biệt nào. Nhưng trong kinh Vãng Sanh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu thế giới Cực Lạc, thế giới ấy thật tốt đẹp, chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có kẻ bất thiện, chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có ngôn hạnh bất thiện, cũng chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có tai nạn gì! Thủy tai, phong tai, động đất, chưa hề nghe nói! Do nguyên nhân gì? Đức

⁶⁵ Ở đây, Hòa Thượng giảng thêm về danh xưng Sa Bà, những câu này trích từ Phật Học Đại Từ Điển của Đinh Phước Bảo, chứ không phải là những câu được viết trong bộ Chú Giải của cụ Hoàng Niệm Tổ.

Phật cũng từ bi nói rõ với chúng ta: Thế giới ấy toàn là các vị thượng thiện nhân sống cùng một chỗ. Chúng ta bèn hiểu rõ: Thế giới Cực Lạc là một thế giới mới, giống như một khu vực mới trong thế gian này, vừa mới thành lập; thế giới Sa Bà là một khu rất cổ lỗ, đời đời kiếp kiếp chứa những nghiệp chướng tập khí chưa đoạn. Một khu vực mới được thành lập, trong ấy có cư dân hay không? Không có, khu vực mới không có cư dân cũ, [cư dân trong Tây Phương Cực Lạc] đều do A Di Đà Phật dùng bốn nguyện và oai thần tiếp dẫn người trong mười phương thế giới sanh về thế giới Cực Lạc; bởi lẽ, nó là một khu vực mới.

Đến chỗ Ngài phải thỏa một điều kiện, điều kiện gì vậy? Điều kiện là Thập Thiện. A Di Đà Phật bảo chúng ta [cư dân trong cõi Cực Lạc] đều là thượng thiện nhân ở cùng một chỗ, chúng ta muốn đến đó, ắt phải tu thượng phẩm Thập Thiện mới có thể vãng sanh. Mỗi ngày niệm Phật, niệm rất khá, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, lâm chung có thể vãng sanh hay không? Tùy thuộc cái tâm của quý vị là thiện hay bất thiện. Muốn xem lòng của quý vị mà thiện bất thiện. Mười vạn câu chẳng sai, có công phu, nếu quý vị tu Thập Thiện, thượng phẩm Thập Thiện, ngay lập tức phê chuẩn, có thể di dân sang thế giới Cực Lạc. Mỗi ngày mười vạn câu Phật hiệu, tâm địa bất thiện, vẫn còn tham, sân, si, mạn, còn có tự tư tự lợi, kẻ ấy chẳng thể vãng sanh. Vì sao? Công phu niệm Phật trọn đủ, đạt tiêu chuẩn, cho năm mươi điểm, nhưng các mặt khác không đủ điểm số, chẳng thể vãng sanh! Do vậy, phải ghi nhớ, thượng phẩm Thập Thiện! Phải thật sự làm, chẳng thật sự làm sẽ không được! Hiện thời, tu thượng phẩm Thập Thiện như thế nào? Mấy năm qua, chúng tôi đặc biệt đề xướng ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, đó là thượng phẩm Thập Thiện. Do vậy, chớ nên sơ sót! Đệ Tử Quy hoàn toàn chẳng thực hiện sẽ không thể về thế giới Cực Lạc, Cảm Ứng Thiên không thực hiện chẳng đến thế giới Cực Lạc. Hai thứ Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy đều thực hiện sẽ chẳng khác thượng phẩm Thập Thiện cho mấy, tôi tin [người ấy] chắc chắn có thể làm được [thượng phẩm Thập Thiện]. Chớ nên chẳng chú ý những lời đức Phật đã dạy trong kinh, chớ nên coi thường, nhất định phải hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch, trong một đời này chúng ta hội đủ điều kiện của Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ ổn thỏa, thích đáng đến được thế giới Cực Lạc. Điều này có cùng một đạo lý với việc di dân trong hiện thời, chúng ta hội đủ điều kiện sẽ có thể di dân sang thế giới Cực Lạc.

Tu hành trong thế gian này vô cùng khó khăn, khó khăn lớn nhất là thọ mạng quá ngắn, tức là nói thời gian chúng ta tu học không đủ, còn chưa thành công, thọ mạng đã hết rồi. Đời sau sanh làm người, được tiếp tục mang thân người, tối thiểu bị gián đoạn hai mươi năm. Trong hai mươi năm chết sống ấy, gần như quên sạch sành sanh những thứ đã tu trong đời trước. Đời này tiếp tục tu bèn nhanh hơn một chút, vẫn chẳng bằng thọ mạng lâu dài hòng có thể viên mãn thành tựu trong một đời. Đến thế giới Cực Lạc, chuyện ấy sẽ được giải quyết. Người sanh về thế giới Cực Lạc sẽ giống như A Di Đà Phật, A Di Đà Phật vô lượng thọ, nên ai nấy trong thế giới Cực Lạc đều là vô lượng thọ. Vì vậy, gọi là “*thành tựu viên mãn trong một đời*” vì họ có thời gian. Dựa vào điều này, chúng ta thật sự hiểu minh bạch, rõ ràng:

Chẳng thể không vãng sanh! Đức Phật dạy chúng ta, những gì trong thế gian này chẳng thể đem sang thế giới Cực Lạc, hãy buông xuống toàn bộ; những gì có thể đem sang thế giới Cực Lạc, hãy khéo học tập, tu hành. Chớ nên không biết những gì có thể mang theo. Những gì sẽ mang theo được? Giới, Định, Huệ mang theo được, Thiền Định, Bát Nhã mang theo được, đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức mang theo được. Tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian chẳng mang theo được. Chẳng mang theo được thì phải thật sự buông xuống, chẳng có tơ hào lưu luyến; đối với những gì mang theo được bèn nghiêm túc học tập.

Học Phật, mục tiêu chung cực là mong cầu minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đúng là trở về tự tánh. Chỉ cần chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn sẽ thành tựu viên mãn trong một đời. Vì sao gọi là một đời? Vãng sanh thế giới Cực Lạc là một đời. Phải biết: Vãng sanh là vãng sanh ngay trong lúc còn sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh. Chư vị đồng học nhất định phải hiểu rõ điều này! Vì thế, vãng sanh là bất tử, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, quý vị còn chưa tắt hơi, vẫn là người sống. Quý vị thấy Phật đến tiếp dẫn, theo Phật ra đi, già biệt người nhà, chào từ biệt họ rồi ra đi. Thân thể chẳng cần đến nữa, bỏ đi, chẳng mang theo thân thể, đây là thứ rất bản thủ, thế giới Cực Lạc là thế giới thanh tịnh, chẳng có thứ gì bản thủ. Thân là cội nguồn của hết thảy ô nhiễm, cần phải vứt bỏ nó. Do vậy, đến thế giới Cực Lạc là ra đi trong khi còn sống, chẳng chết, ra đi trong lúc sống. Đến thế giới Cực Lạc, nơi đó là hóa sanh, chẳng phải là thai sanh. Thế giới Cực Lạc là hóa sanh, nên chẳng có nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử. Đã thế, đức Phật giới thiệu thể chất [của người trong cõi Cực Lạc] là “*tử ma chân kim sắc thân*” (thân có như vàng ròng màu tía được trau giồi sáng bóng), thân Kim Cang bất hoại, đều là từ tự tánh lưu lộ, giống như Phật, thân Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Nếu quý vị thật sự thấy, thật sự hiểu rõ, đã hiểu rõ thì quý vị còn chẳng vãng sanh ư? Quý vị còn có gì để lưu luyến trong thế gian này? Mấy may lưu luyến đều chẳng có, nhất tâm hướng về. Trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư nói ý niệm “nhất tâm hướng về” chính là phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, giảng rất tuyệt! Nói cách khác, quý vị đã hoàn toàn hội đủ điều kiện vãng sanh. Do vậy, so sánh giữa hai thế giới, chúng ta rất coi trọng điều này.

“*Pháp Hoa Văn Cú nhị viết*” (Sách Pháp Hoa Văn Cú, quyển hai, chép) Pháp Hoa Văn Cú là tác phẩm chú giải [kinh Pháp Hoa] do Trí Giả đại sư soạn. Trong ấy có giải thích chữ Sa Bà: “*Sa Bà thử phiên Nhân, kỳ độ chúng sanh an ư thập ác, bất khểng xuất ly*” (Sa Bà, cõi này dịch là Nhân. Chúng sanh trong cõi ấy an trụ trong Thập Ác, chẳng chịu xuất ly). Đây là hoàn cảnh hiện tại của chúng ta. “*Tùng nhân danh độ, cố xưng vi Nhân*” (do con người mà đặt tên cõi nước; vì thế gọi là Nhân). Thật vậy, người trên thế giới này, đúng là an trụ trong Thập Ác, tức mười ác nghiệp: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, ác khẩu, tham lam, nóng giận, ngu si, quý vị thấy đó, mười điều ấy đều là tội nghiệp. Tạo tác mười loại nghiệp ấy, quả báo là trong tam đồ, tức ngạ quỷ, địa ngục, và súc

sanh, quả báo ở nơi ấy, chẳng chịu xuất ly, lắm nỗi khổ sở! Vì họ (chúng sanh trong thế giới của chúng ta) có thể chịu đựng [những nỗi khổ sở ấy], nên trong tiếng Phạn bèn gọi [thế giới này] là Sa Bà. “*Bi Hoa kinh vân: Vân hà danh Sa Bà? Thị chư chúng sanh nhân thọ Tam Độc cập chư phiền não, cố danh Nhân Độ, diệc danh Tạp Hội, cứu đạo cộng cư cố*” (Kinh Bi Hoa nói: “Cớ sao tên là Sa Bà? Các chúng sanh ấy chịu đựng Tam Độc và các phiền não, nên gọi là Nhân Độ, còn gọi là Tạp Hội, [là chỗ để chúng sanh] thuộc chín đường cùng ở”). Trong thế gian này, Tạp Hội là tạp cư (ở lẫn lộn), tổ chất của nhân dân rất phức tạp. [Kinh Bi Hoa] cũng nói các chúng sanh trong cõi ấy có thể chịu đựng tham, sân, si, mạn; tham, sân, si là Tam Độc, “*cập chư phiền não*” (và các phiền não), phiền não nặng nhất là ngạo mạn và hoài nghi. Sự hoài nghi ấy chẳng tầm thường, mà là hoài nghi giáo huấn của thánh hiền. Hiện thời, chúng ta còn phải thêm một câu, “hoài nghi truyền thống của tổ tiên”, những thứ đó đều là phiền não. Vì thế được gọi là Nhân Độ. Ý nghĩa Tạp Hội được câu tiếp theo nói rất rõ ràng: “*Cứu đạo cộng cư*” (chín đường cùng ở). Cớ sao có chín đường? Thông thường chúng ta chỉ nói sáu đường, nếu tách ra thành chín đường thì cũng có thể nói thông suốt. Trong thiên đạo có Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, và Vô Sắc Giới Thiên, đó là ba đường, một biến thành ba. Trong địa ngục có Vô Gián địa ngục, có tám địa ngục lạnh, tám địa ngục nóng; do vậy, một cũng biến thành ba. Vì lẽ đó, đúng là vô cùng phức tạp, vì sống trong thế gian này, trong thế giới này, ai nấy tâm đều bất thiện, tạo nghiệp khác nhau, quả báo cũng chẳng giống nhau. Đoạn này nhằm giải thích vì sao thế giới này gọi là Sa Bà

Tiếp đó, trong “*Pháp Hoa Huyền Tán*”^{66[2]} nói “*Phạn vân Sách Ha, thử vân Kham Nhân, chư Bồ Tát đẳng hành lợi lạc thời, đa chư oán tật chúng khổ bức não, kham nại lao quyet nhi nhân thọ cố, nhân dĩ vi danh. Sa Bà giả, ngoa dã*” (tiếng Phạn là Sách Ha, cõi này dịch là Kham Nhân. Khi các vị như Bồ Tát v.v... hành lợi lạc, bị nhiều sự oán ghét, các thứ khổ sở bức bách, não hại, nhưng các Ngài có thể chịu đựng nhọc nhằn, mệt mỏi, kiên nhẫn hứng chịu. Vì thế, lấy đó làm tên [của thế giới. Phiên âm thành] Sa Bà là sai). Ý nghĩa này khác với phần trước, trong phần trước nói về chúng sanh cư trụ, tức cư dân trong thế giới này, họ có thể chịu đựng những khổ nạn trong thế gian, đó gọi là “tự làm, tự chịu”. Trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa^{67[3]} nói đến chư Phật, Bồ Tát, chúng sanh trong thế gian này tuy

^{66[2]} Pháp Hoa Huyền Tán có tên đầy đủ là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Tán, gồm mười quyển, do ngài Khuy Cơ soạn. Trong tác phẩm này, Khuy Cơ đại sư đã dựa trên lập trường Pháp Tướng Duy Thức, nhất là lý luận trong Nhiếp Đại Thừa Luận để phán định Nhất Thừa, Tam Thừa, phê bình các thuyết của tông Thiên Thai và Hoa Nghiêm. Ngài trích dẫn rất nhiều đoạn từ Pháp Hoa Luận của Thế Thân Bồ Tát để nhận định về duyên khởi của kinh Pháp Hoa, xiển minh tông chỉ, giải thích tựa đề kinh, cũng như giải thích đại lược nội dung chánh kinh.

^{67[3]} Ở đây, tên tác phẩm bị nói lầm, phải là Pháp Hoa Huyền Tán.

khổ, nhưng họ có cảm, có người mong cầu Phật, Bồ Tát, trong khi chịu khổ, chịu nạn, họ cầu Phật, Bồ Tát gia hộ, cầu Phật, Bồ Tát đến cứu chúng con. Chúng sanh dậy lên ý niệm ấy, Phật, Bồ Tát lập tức nhận được tin tức ấy, các Ngài có đến hay không? Đến chứ! Các Ngài đến giúp đỡ chúng ta, nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy. Các Ngài đến nơi đây để độ bọn chúng sanh chúng ta, trạng huống như thế nào? [Các Ngài] chịu khổ giống như chúng ta, có thể còn chịu khổ nhiều hơn chúng ta, có nghĩa là Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian để độ chúng sanh rất khổ, chẳng dễ độ! Nói tới ý nghĩa này. Quý vị thấy [sách Pháp Hoa Huyền Tán viết] “*chư Bồ Tát đặng*”, chữ “*đặng*” ấy nghĩa là gì? Có A La Hán, Bích Chi Phật, còn có chư thiên, chư thiên từ bi cũng đến thế gian giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, họ đến “*hành lợi lạc thời*” (khi hành lợi lạc), lợi lạc chúng sanh, đến giúp chúng sanh, đến cứu khổ cứu nạn, nhưng như thế nào? “*Đa chư oán tặc chúng khổ bức nã*”, [nghĩa là] Bồ Tát đến đây hảo tâm cứu giúp chúng sanh, nhưng vẫn có rất nhiều kẻ oán giận, ganh ghét các Ngài, còn có rất nhiều kẻ gây cho các Ngài đủ mọi nỗi phiền não. Hiện thời, hiện tượng này được thấy rất rõ rệt: Người tin tưởng cầu Phật, Bồ Tát, kẻ không tin bèn nhục mạ người ấy là mê tín, nghĩ hết mọi cách để bài xích, chướng ngại người ấy. Độ chúng sanh rất khổ, nhưng những vị Bồ Tát ấy có thể nhẫn nại. “*Kham nại lao quyện*” (chịu đựng mệt mỏi, nhọc nhằn), đó là vất vả, khổ sở, “*nhĩ nhẫn thọ cố*” (kiên nhẫn hứng chịu). Ở đây, Bồ Tát tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, thứ gì cũng đều nhẫn nại, “*nhân dĩ vi danh*” (do vậy, bèn lấy đó làm tên). Quý vị thấy đó, cư dân khổ sở, Phật, Bồ Tát đến nơi đây độ chúng sanh cũng khổ, nên gọi là thế giới Kham Nhẫn; do vậy, lấy đó làm tên. “*Sa Bà giả, ngoa dã*” ([phiên âm thành] Sa Bà là sai): Sa Bà là phiên âm thời cổ, phải nên phiên là Sách Ha, âm này (tức Sa Bà) so với nguyên âm khác biệt nhiều hơn⁶⁸[4]. “*Tây Vực Ký nhất viết*” (Tây Vực Ký quyển một viết), Tây Vực Ký do Huyền Trang đại sư viết, Ngài sang Ấn Độ thỉnh kinh mười mấy năm, có viết một quyển sách ghi lại những chuyện thấy nghe trên đường đi, mang tựa đề là Tây Vực Ký. “*Sách Ha thế giới tam thiên đại thiên quốc độ, vi nhất Phật hóa nhiếp dã*” (thế giới Sách Ha là cõi nước tam thiên đại thiên, là nơi hóa độ, nhiếp thọ của một vị Phật), đây là nói về Thích Ca Mâu Ni Phật, [nói về] khu vực giáo hóa của một vị Phật. “*Cựu viết Sa Bà*” (lỗi xưa, phiên âm là Sa Bà), “*hựu viết Sa Ha, giai ngoa*” (lại còn dịch là Sa Ha, đều sai). Những âm này đều không chính xác, nên Ngài phiên là Sách Ha. Đây là thuyết minh đơn giản câu “*đương danh Sa Bà*” (nên đặt tên là Sa Bà).

“*Thời hữu đại kiếp*” (khi ấy, có đại kiếp), “*thời*” là lúc hiện tại, trong khoảng thời gian ấy, đại kiếp có tên là Hiền Kiếp, “*danh viết Hiền Thiện*” (tên là Hiền Thiện); trong đại kiếp ấy, “*hữu thiên Thế Tôn, thành tựu đại bi xuất hiện u thế*” (có một ngàn vị Thế Tôn, thành tựu

⁶⁸[4] Đây là nói theo cách phát âm đời Đường, chứ nếu căn cứ theo âm đọc Quan Thoại hiện thời (Sa Bà là Suō Pó và Sách Ha là Suǒ Hē), sẽ thấy cả hai âm đều chẳng có âm nào gần với âm tiếng Phạn Sahaloka-dhatu

đại bi, xuất hiện trong cõi đời), “*thành tựu đại bi*” là đặc biệt nói rõ các vị Bồ Tát thị hiện thành Phật trong thế giới này nhằm giáo hóa chúng sanh, mang ý nghĩa này. “*Cứ Phật Tổ Thống Ký*” (Theo Phật Tổ Thống Ký), Phật Tổ Thống Ký⁶⁹[5] là một quyển sách trong Phật môn, có thể nói là sách lịch sử nhà Phật, có chép danh hiệu của mấy vị Phật, “*đệ nhất Phật danh Câu Lưu Tôn Phật, thứ vi Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, tam vi Ca Diếp Phật*” (vị Phật thứ nhất tên là Câu Lưu Tôn Phật, vị kế đó là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, vị Phật thứ ba là Ca Diếp Phật), vị thứ tư là hiện tại, “*tức vi kim chi Thích Ca Mâu Ni Phật, thứ hậu hữu Di Lặc*” (tức là Thích Ca Mâu Ni Phật trong hiện thời, sau đây có ngài Di Lặc), đây là vị Phật thứ năm. Sau đó là chữ “*đẳng*” (vân vân), sau đây còn có “*cửu bách cửu thập lục Phật tương kế xuất thế*” (chín trăm chín mươi sáu vị Phật kế tiếp nhau xuất thế). Đây là giới thiệu giản lược một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp lần lượt xuất hiện trên thế gian trong đại kiếp này. “*Kim thử hội trung, Di Lặc dĩ kỳ tha Hiền Kiếp trung thành Phật chi cửu bách cửu thập ngũ đại sĩ giai lai tập hội*” (nay trong hội này, Di Lặc và chín trăm chín mươi lăm vị đại sĩ sẽ thành Phật trong Hiền Kiếp đều đến nhóm hội). Thích Ca Mâu Ni Phật ngự tại Linh Sơn, kinh này được nói tại Linh Sơn, cùng địa điểm với kinh Pháp Hoa, giảng kinh ở nơi ấy. Di Lặc Bồ Tát và chín trăm chín mươi lăm vị đại Bồ Tát sẽ thành Phật trong thế gian này vào thời tương lai của Hiền Kiếp đều đến tham gia pháp hội này. “*Thính Phật thuyết pháp, cố tri Hiền Kiếp trung vị lai nhất thiết chư Phật giai tất đồng tuyên thử kinh*” (nghe đức Phật thuyết pháp, nên biết hết thầy chư Phật vị lai trong Hiền Kiếp tất sẽ đều cùng tuyên nói kinh này). Cụ Niệm Tổ có cách nhìn như thế, lý giải như thế, chúng ta thấy một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp đều đến tham dự pháp hội này, trong tương lai các Ngài thành Phật, lẽ nào chẳng giảng kinh này? Lẽ nào chẳng tuyên dương pháp môn này?

Tiếp theo đó, cụ Niệm Tổ thuyết minh đơn giản: “*Biệt thuyết, Hiền Kiếp cộng nhất thiên linh ngũ Phật*” (Thuyết khác cho rằng trong Hiền Kiếp có một ngàn lẻ năm vị Phật), tức là không kể Di Lặc Bồ Tát, đây là một cách nói khác. Sau Di Lặc Bồ Tát còn có một ngàn vị Phật xuất thế, đó là [ý nghĩa của câu] “*Di Lặc dĩ hạ nhất thiên linh nhất nhân*” (từ Di Lặc trở đi là một ngàn lẻ một người), hiện thời chưa thành Phật, còn đang mang thân phận Bồ Tát. “*Phi sở thường kiến, cố bất tường lục*” (do chẳng thường thấy nên chẳng sao lục chi tiết), chẳng rườm rà, tinh lược [phân nêu danh hiệu cụ thể của các vị Phật trong Hiền

⁶⁹[5] Phật Tổ Thống Ký, đúng ra phải là Phật Tổ Thống Ký (佛祖統紀) là một tác phẩm do ngài Chí Khánh soạn vào đời Tống gồm năm mươi bốn quyển, chép về lịch sử Phật giáo. Sách bắt đầu bằng Thích Ca Mâu Ni Phật Bản Kỳ, kế tiếp là truyện ký của lịch đại tổ sư Trung Quốc. Theo sách này, đức Phật giáng sanh vào năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương (1029 trước Công Nguyên). Sách chép các sự kiện Phật giáo từ năm 1027 trước Công Nguyên đến năm Hàm Thuận thứ năm (1259) đời Tống Độ Tông, chú trọng chủ yếu sự truyền thừa của tông Thiên Thai, đồng thời nói thêm một số tông phái khác.

Kiếp]. “*Dĩ thương đệ nhất phẩm, dĩ Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng, lục chủng thành tựu, vi bốn kinh chứng tín. Kinh trung đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân, siêu việt dư kinh, đồng u Pháp Hoa*” (Trong phẩm thứ nhất, dùng Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng, sáu thứ thành tựu để chứng tín kinh này. Giống như kinh Pháp Hoa, chúng đại tỳ-kheo trong kinh này là một vạn hai ngàn vị, trội vượt các kinh khác). Chúng ta đặc biệt lưu ý sự biểu thị pháp này, nói rõ tầm quan trọng của kinh này. Quý vị thấy đức Phật nói hết thảy các kinh, thông thường số lượng các vị tỳ-kheo đều là một ngàn hai trăm năm mươi người, chỉ riêng kinh Pháp Hoa là một vạn hai ngàn người, kinh này cũng là một vạn hai ngàn người, cho thấy pháp hội này và Pháp Hoa bình đẳng. Trong quá khứ, tổ sư đại đức bảo: Hết thảy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm có thể chia thành ba loại là Tiểu Thừa, Đại Thừa, và Nhất Thừa, chia thành ba loại ấy. Tiểu Thừa giảng về Thanh Văn và Duyên Giác, nói theo cách bây giờ là học hành đã đạt được học vị, Đại Thừa là Bồ Tát, Nhất Thừa là thành Phật. Đối với “kinh thành Phật” (kinh dạy pháp môn tu thành Phật), các vị tổ sư đại đức từ xưa đã khẳng định kinh thành Phật chỉ có ba bộ, tức là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Phạm Võng. Kinh Phạm Võng chưa được truyền toàn bộ đến Trung Quốc, chỉ có một phẩm được truyền đến Trung Quốc, đó là Bồ Tát Giới Phẩm, tức là phẩm Bồ Tát Tâm Địa Giới trong bộ kinh ấy. Bộ kinh đó phân lượng cũng rất lớn, nhưng chưa được truyền tới. Tại Trung Quốc chỉ có Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, nhưng tổ sư đại đức phán định kinh này cao hơn Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, vì sao? Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đến cuối cùng đều là “mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”. Nói cách này hợp lý, mà nói theo Lý cũng thông suốt. Nói cách khác, Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là kinh Nhất Thừa, thành Phật trong một đời, [cho nên] kinh này cũng là thành Phật trong một đời.

Sau đó lại nói: “*Hựu Phổ Hiền tối vi thượng thủ, đồng u Hoa Nghiêm kinh, diệc biểu bốn kinh chi đồng u thượng chi Viên Giáo nhị kinh dã*” (Hơn nữa, giống như kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát là vị Thượng Thủ đầu tiên của kinh này, điều này cũng biểu thị kinh này giống như hai kinh Viên Giáo vừa được nhắc đến trên đây). Đây là hai bộ kinh Nhất Thừa trong Viên Giáo, kinh này (kinh Vô Lượng Thọ) ngang hàng với hai kinh đó, chẳng sai biệt! Vì vậy, vào đời Thanh trước kia, cư sĩ Bành Tế Thanh đã gọi kinh này là Trung Bản Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là Tiểu Bản Hoa Nghiêm, quý vị thấy có ý nghĩa như vậy. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý những đề xướng, chỉ dạy của các vị tổ sư đại đức. Trong toàn bộ Phật giáo, trong bốn mươi chín năm hoằng truyền của Thích Ca Mâu Ni Phật, bộ kinh này chiếm địa vị ra sao? Có thể nói bộ kinh này là chí cao vô thượng! Không chỉ ngang hàng với Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, trên thực tế, nó còn cao hơn Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng viên mãn là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, thật sự đạt tới viên mãn rất ráo, chúng ta chớ nên chẳng biết điều này. Nếu chúng ta nương theo Pháp Hoa và Hoa Nghiêm để tu hành, hy vọng thành công trong một đời này hết sức xa vời, mờ mịt. Các pháp môn ấy phải tu Định, Pháp Hoa tam-muội chẳng dễ thành tựu,

Pháp Giới Quán như trong kinh Hoa Nghiêm người tầm thường chẳng thể quán thành. Quý vị thấy phương pháp trong bộ kinh điển này, trong bốn mươi tám nguyện có nói “khi lâm chung, mười niệm nhất định vãng sanh”. Do vậy, Thiện Đạo đại sư tán thán pháp môn này là “*vạn người tu, vạn người đến*”, chẳng bỏ sót một ai! Chúng ta đã gặp gỡ, may mắn lắm! Dầu trong đời này, chúng ta học Phật cũng thế, mà không học Phật cũng thế, trong quá khứ và đời này đã tạo chẳng ít tội nghiệp, có thể vãng sanh hay không? Có thể! Chỉ cần quý vị sau khi nghe pháp môn này, hạ quyết tâm “quay đầu là bờ”, ta chẳng còn làm ác nữa, ta thật sự nhất tâm tu học Thập Thiện, thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, là được rồi. Quá khứ tạo tác tội Thập Ác, Ngũ Nghịch cũng được, vẫn có thể vãng sanh, tuyệt diệu chưa? Đúng là quay đầu là bờ! Chúng ta chớ nên không biết điều này, nhất định phải quý trọng duyên phận thù thắng khôn sánh này.

Chúng ta học phẩm thứ nhất tới đây, dưới đây, chúng ta xem phẩm thứ hai là **Đức Tuân Phổ Hiền**. Chúng ta thấy trước đó cụ Hoàng Niệm Tổ mào đầu: “*Đệ nhị phẩm thị thượng phẩm thánh chúng chi bổ sung*” (phẩm thứ hai là phần nói chi tiết thêm về thánh chúng trong phẩm trước). Chúng Thành Tựu trong sáu thứ thành tựu chỉ nói đến xuất gia Bồ Tát, tại gia Bồ Tát chưa nhắc tới, phải nói bổ sung trong phần kế tiếp. “*Bốn phẩm chi thủ, ư Bồ Tát chúng trung, niệm xuất thượng thủ chi Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ*” (đầu phẩm này, trong hàng Bồ Tát, lại nêu lên mười sáu vị Chánh Sĩ thượng thủ như Hiền Hộ v.v...), mười sáu vị đại Bồ Tát ấy đều là Đẳng Giác Bồ Tát, toàn là tại gia Bồ Tát. “*Phẩm末*” (phẩm cuối cùng), tức cuối phẩm bốn mươi tám, “*phục tiêu dư chi tam chúng cập chư thiên đại chúng, dĩ bổ túc thượng phẩm*” (lại nêu ba chúng kia và chư thiên đại chúng nhằm bổ túc phẩm đầu), tức phẩm trước của phẩm này, “*lục thành tựu trung chi Chúng Thành Tựu*” (Chúng Thành Tựu trong sáu thứ thành tựu), nói rõ ở đây. “*Vưu ưng trước nhãn*” (càng đáng chú ý nhất), tức là phải lưu ý, “*bốn phẩm danh Đức Tuân Phổ Hiền*” (phẩm này có tên là Đức Tuân Phổ Hiền), ý nghĩa của tiêu đề này vô cùng trọng yếu, “*cái biểu dự hội chi vô lượng vô biên chư đại Bồ Tát, hàm cộng tuân tu Phổ Hiền chi đức*” (biểu thị vô lượng vô biên chư đại Bồ Tát dự hội đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền). Quý vị nói xem kinh này có tuyệt vời hay chẳng? “*Đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền*” là ở nơi đâu? Trong kinh Hoa Nghiêm, tức là trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, chư Phật, Bồ Tát vị nào cũng đều tu “*Phổ Hiền chi đức*”, “*Phổ Hiền chi đức*” là mười đại nguyện vương, thành tựu viên mãn trong một đời. Kinh này chẳng ra ngoài lệ ấy. “*Phổ Hiền chi đức, thật diệc vô lượng*” (đức của Phổ Hiền thật sự cũng là vô lượng), nói thật với quý vị thì là vô lượng vô biên, “*nhị kỳ tâm trung chi tâm, yếu trung chi yếu, tắc vi thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc dã, thị vi bốn phẩm chi cương*” (nhưng điểm cốt lõi, trọng yếu nhất lại chính là “mười đại nguyện vương dẫn dắt về Cực Lạc”. Đó là cương lĩnh của phẩm này). Tổng cương lĩnh của phẩm kinh này là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền nguyện, Phổ Hiền đức thật sự là vô lượng, vô biên, vô tận, vô số. Cụ Hoàng nói rất hay, “*tâm yếu*”: “*Tâm trung chi tâm, yếu trung chi*

yếu” (điều cốt lõi nhất trong các điều cốt lõi, điều trọng yếu trong các điều trọng yếu) chính là mười đại nguyện vương. Do vậy, chúng ta phải học mười đại nguyện vương, có thể học bao nhiêu bèn học bấy nhiêu, đối với chính mình chắc chắn có lợi ích.

Đầu tiên là phải học *“lễ kính chư Phật”*, đối với bất cứ ai đều phải lễ kính. Vì sao? Hết thấy chúng sanh là vị lai Phật, há có thể chẳng lễ kính ư? Chúng ta lạy Phật, phải lạy ba đời mười phương chư Phật, ba đời là đời quá khứ, đời hiện tại, trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu, đời vị lai, đức Phật đã nói *“hết thấy chúng sanh đều là vị lai Phật”*. Chúng ta chẳng cung kính một người hay chẳng cung kính một động vật nhỏ chính là chẳng cung kính vị lai Phật. Từ chỗ này, có thể thấy được đại đức và đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Không chỉ là đối với hết thấy hữu tình chúng sanh, chúng ta phải có ý niệm kính trọng chân thành, phải lễ kính viên mãn, trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật còn dạy: *“Tinh và vô tình, cùng viên thành Chủng Trí”*. Chúng ta chỉ nói động vật là hữu tình, còn vô tình thì sao? Thực vật, khoáng vật, núi, sông, đại địa là vô tình. Vô tình chúng sanh cùng viên thành Chủng Trí, câu này chẳng thể nghĩ bàn, cũng có nghĩa là vô tình chúng sanh cũng sẽ thành Phật. Nay chúng tôi đã hiểu rõ, trước kia chẳng hiểu nổi câu này! Bao nhiêu năm qua, chúng tôi đã bị khốn đốn bởi câu kinh văn này, giảng theo cách nào? Tôi thân cận rất nhiều vị đại đức, thưa hỏi họ câu này thì họ cũng chẳng giảng câu này rõ ràng cho lắm. Giảng kha khá một chút là hữu tình chúng sanh thành Phật thì núi, sông, đại địa cũng đều thành tựu. Cách giảng ấy không sai, nhưng chưa thể khiến cho chúng tôi tâm phục, khẩu phục. Mãi cho đến lúc chúng tôi học tập Hoa Nghiêm, học bộ Tu Hoa Nghiêm Áo Chi Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư mới hoảng nhiên đại ngộ. Tác phẩm ấy giảng về nguyên khởi của vũ trụ rõ ràng, minh bạch. Trước khi đọc kinh luận ấy, tuy kinh giảng rất rõ ràng, minh bạch, nhưng đối với căn tánh của chúng tôi thì vẫn chưa được, thô tâm đại ý, chưa thấu hiểu được! Kinh thường nói: *“Nhất niệm bất giác bèn có vô minh”*, lại nói: *“Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục thô”*, đối với những điều kinh luận Duy Thức đã nói, chúng ta cũng biết nói, nhưng thường là nói chẳng rõ ràng, đối với những phần kinh văn ấy, từ đầu đến cuối là lơ mơ, chẳng hiểu rõ. Từ Hoa Nghiêm, từ Hoàn Nguyên Quán mới hiểu rõ ràng, mới hiểu điều gì? Nguyên lai là trong tất cả hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần, tâm và vật chẳng thể tách rời, vĩnh viễn chẳng tách rời. Trong một vi trần có tin tức viên mãn, đương nhiên hữu tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí. Hiểu rõ chân tướng của chuyện này, không chỉ có tâm cung kính đối với con người, mà đối với một tảng đá, một hạt cát hay bụi đều trọn đủ tâm cung kính, quý vị mới thực hiện được sự lễ kính chư Phật của Phổ Hiền Bồ Tát. Ta cung kính hết thấy mọi người, cung kính thiên địa, quỷ thần, nhưng thiếu tâm cung kính đối với bùn, cát và những hiện tượng tự nhiên thì sự lễ kính chư Phật của quý vị vẫn còn thiếu sót to lớn, mà chính mình chẳng biết! Phạm vi của lễ kính to như thế, phạm vi của mỗi điều trong chín điều kia đều là khắp pháp giới hư không giới. Chúng ta là người tu học Đại Thừa, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chớ nên không biết điều này.

Đã biết, hãy thật sự làm, trong tương lai phẩm vị vãng sanh sẽ cao, phẩm vị của chính mình được nâng cao với một mức độ lớn.

Bây giờ chúng ta xem kinh văn, đoạn kinh này nói về mười sáu vị Chánh Sĩ nhằm bổ sung phần Bồ Tát Chúng phía trước.

(Kinh) Hựu Hiền Hộ đấng thập lục Chánh Sĩ, sở vị: Thiện Tư Duy Bồ Tát, Huệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Nguyên Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát, nhi vị Thượng Thủ.

(經)又賢護等十六正士。所謂善思惟菩薩。慧辯才菩薩。觀無住菩薩。神通華菩薩。光英菩薩。寶幢菩薩。智上菩薩。寂根菩薩。信慧菩薩。願慧菩薩。香象菩薩。寶英菩薩。中住菩薩。制行菩薩。解脫菩薩。而為上首。

(Kinh: Lại có nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ, tức là: Thiện Tư Duy Bồ Tát, Huệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Nguyên Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát làm Thượng Thủ).

Đây là giới thiệu đức hiệu của mười sáu vị Thượng Thủ Bồ Tát. Ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu, bao hàm ý nghĩa đặc biệt. Trong hàng xuất gia Bồ Tát thuộc phần trước, chỉ nêu tên ba vị, tại gia Bồ Tát nêu ra mười sáu vị, điều này có ý nghĩa gì? Chúng ta phải hiểu rõ, pháp môn này đặc biệt dành cho các đồng học tại gia tu tập, thích hợp nhất đối với sự tu hành tại gia. Mười sáu vị Bồ Tát có địa vị bình đẳng với Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc. Tại gia có thể thành tựu Đẳng Giác Bồ Tát, chúng ta chớ nên không hiểu đạo lý này. Chúng ta đọc lời chú giải của lão cư sĩ: “Chánh Sĩ giả”, trước tiên giải thích Chánh Sĩ là gì, “Độ Thế Kinh viết: Khai Sĩ, Đại Sĩ, Thánh Sĩ, Lục Sĩ, Chánh Sĩ đấng, giai Bồ Tát chi dị xưng” (Kinh Độ Thế 70[6] nói: “Khai Sĩ, Đại Sĩ, Thánh Sĩ, Lục Sĩ, Chánh Sĩ v.v... đều là tên gọi khác của Bồ Tát”). Trong kinh Phật có nhiều cách xưng hô như thế, quý vị thấy những danh xưng ấy toàn là biệt hiệu của Bồ Tát. Trong kinh Độ Thế nói tới Khai Sĩ, thì Khai (開) là khai ngộ, chẳng

70^[6] Bản kinh này có tên gọi đầy đủ là Độ Thế Phẩm Kinh, do ngài Pháp Hộ xứ Đại Nhục Chi dịch vào đời Tây Tấn, gồm sáu quyển. Đây là một bản dịch khác của phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm.

phải là khai ngộ tầm thường, mà là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, người như vậy được gọi là Khai Sĩ, Bồ Tát, hoặc Pháp Thân Bồ Tát. Đối với danh xưng Đại Sĩ, quý vị thấy chúng ta nói Quán Âm Đại Sĩ, Phổ Hiền Đại Sĩ, đây cũng chính là Ma Ha Tát trong tiếng Phạn, [nghĩa là] Đại Bồ Tát, đều là danh xưng của Pháp Thân Bồ Tát. Thánh Sĩ: Thánh nhân, chẳng phải là con người, thánh ở đây là đại thánh, chẳng phải là tiểu thánh. A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát được coi là tiểu thánh, còn những vị này là đại thánh. Lực Sĩ là danh xưng thường dùng trong Mật Tông, như Kim Cang Lực Sĩ^[7] thường được nói tới trong [các kinh sách của] Mật Tông. Chánh Sĩ: Chánh là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, gọi là Chánh Sĩ. Pháp Thân Bồ Tát đều là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chỉ kém một chút là tập khí vô minh vẫn còn, do [tập khí] có dày hay mỏng khác nhau, cho nên có bốn mươi một đẳng cấp. Đối với hết thảy cảnh duyên, các Ngài thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm, chúng ta phải biết điều này.

Chúng ta lại xem tiếp: “*Chân Giải vân*” (sách Chân Giải nói), trong phần trước tôi đã giới thiệu cùng quý vị, đây là tác phẩm chú giải của tổ sư đại đức Nhật Bản, “*Chánh vị chánh đạo, Sĩ vị sĩ phu*” (Chánh là chánh đạo, Sĩ là sĩ phu), đây là bậc sĩ đại phu, “*tại gia chi xưng. Thủ đẳng đại sĩ, ngoại hiện phàm hình, nội tâm đạt chánh đạo cổ, cư gia danh vị*

^[7] Kim Cang Lực Sĩ (Vajrapāṇibalin): Trong Mật Tông, danh xưng này có hai cách hiểu:

1. Danh xưng của một vị hộ pháp thần, thường là Bồ Tát hoặc cổ Phật thừa nguyện ủng hộ Phật pháp, hóa hiện thân tướng dũng mãnh, phần nộ, đáng sợ, cầm Kim Cang Xử hộ trì Tam Bảo. Vị Kim Cang Lực Sĩ nổi tiếng nhất tên là Mật Dao, còn gọi là Na La Diên đã phát nguyện hộ trì một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp. Theo hội Kim Cang Lực Sĩ trong kinh Đại Bảo Tích, vào thời quá khứ, Chuyển Luân Thánh Vương Dũng Quân có một ngàn lẻ hai người con trai. Hai người con trai út là Pháp Ý và Pháp Niệm. Pháp Ý phát nguyện khi một ngàn vị vương tử thành Phật, sẽ theo hộ trì, làm Kim Cang Lực Sĩ để hộ trì những pháp bí yếu của Phật.

2. Kim Cang Lực Sĩ là từ ngữ gọi gộp chung của Kim Cang và Lực Sĩ. Kim Cang còn gọi là Nan Thắng Kim Cang là danh xưng của các vị hộ pháp cầm Kim Cang Xử thủ hộ, ngăn ngừa kẻ ác phá hoại. Lực Sĩ cũng là thần thủ hộ tương ứng thường đi chung với Kim Cang, nên còn gọi là Đối Diện Kim Cang. Các tự viện thường đắp tượng hai vị này thủ hộ hai bên Đại Hùng Bảo Điện. Có thuyết lại nói vị bên trái là Tả Phù Kim Cang (tức Mật Dao Kim Cang), vị bên phải là Hữu Bật Kim Cang (tức Na La Diên). Hiểu theo nghĩa này thì Na La Diên khác với Mật Dao Kim Cang.

Như vậy là khi dùng danh xưng Lực Sĩ, đã hạn cuộc trong ý nghĩa các vị Đại Bồ Tát hóa thân làm thần hộ pháp.

Chánh Sĩ” (là danh xưng của người tại gia. Các vị Đại Sĩ này ngoài hiện hình tướng phạm phu, bên trong thấu hiểu sâu xa chánh đạo, sống tại gia, gọi là Chánh Sĩ). Đây là tại gia Bồ Tát, tại Trung Quốc, người tu hành tại gia được gọi là Cư Sĩ. Cư sĩ là người tại gia tu đạo nên gọi là Cư Sĩ. Nói chung, đối với các vị Đại Sĩ, tức hàng Pháp Thân Bồ Tát, có nhiều danh xưng, đối với tại gia Bồ Tát [thì các danh xưng] Khai Sĩ và Chánh Sĩ cũng được dùng rất nhiều, thường thấy [sử dụng trong giới Phật giáo]. “*Ngoại hiện phạm hình*”, “*phạm hình*” là thân phận tại gia, trên thực tế là “*thâm đạt chánh đạo*”, “*đạt*” (達) là thông đạt, chẳng phải là nông cạn, tầm thường, mà là “*thâm đạt*”, “*thâm*” nghĩa là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đời Đường, thuở Lục Tổ tại thế, trong hội của Ngài có bốn mươi ba người minh tâm kiến tánh, trong đó có tại gia cư sĩ chứng đắc quả vị Pháp Thân Bồ Tát.

“*Hựu Hội Sớ viết: Thập lục Chánh Sĩ giả, Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh ngôn*” (sách Hội Sớ lại nói: “Mười sáu vị Chánh Sĩ, kinh Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh nói”), đây là danh xưng của một bộ kinh, tức là Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh⁷²[8], kinh ấy nói: “*Bồ Tát bát vạn tứ thiên cập thập lục Chánh Sĩ*” (Bồ Tát tám vạn bốn ngàn và mười sáu vị Chánh Sĩ). Có thể thấy là mười sáu người này thường được đức Thế Tôn nêu lên làm thí dụ, gương mẫu, khuôn phép trong khi giảng kinh, giáo học. “*Tắc minh tri Chánh Sĩ chi danh, vân cư gia Bồ Tát*” (cho thấy danh xưng Chánh Sĩ chỉ hàng tại gia Bồ Tát), nói rõ mười sáu vị này đều là tại gia đại Bồ Tát, chẳng phải là kẻ tầm thường. “*Chánh vị chánh đạo, Sĩ vị cư sĩ*” (Chánh là chánh đạo, Sĩ là cư sĩ), Hoàng lão cư sĩ nói như vậy, chúng ta càng dễ hiểu. “*Thử đẳng đại sĩ, tuy bảo quang hòa trần*” (các vị đại sĩ ấy, tuy sống lẫn với phạm nhân), Trung Quốc cũng có một thành ngữ có tánh chất hoàn toàn tương đồng là “*hòa quang đồng trần*”, hòa quang đồng trần và câu này (bảo quang hòa trần) có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau. “*Cửu xuất u tà đạo, thâm đạt u chánh pháp, cố vân Chánh Sĩ dã*” (đã thoát khỏi tà đạo từ lâu, thông đạt sâu xa chánh pháp, nên gọi là Chánh Sĩ), đây là cổ đại đức giải thích danh từ này. “*Chuẩn thượng khả tri, Chánh Sĩ giả, tức tại gia Bồ Tát*” (chuẩn theo những điều trên đây có thể biết Chánh Sĩ chính là tại gia Bồ Tát), đây là lời tổng kết, nhằm kết luận mười sáu vị trên đây toàn là tại gia Bồ Tát. “*Hựu thập lục giả, Mật Tông dĩ thập lục số, biểu viên mãn vô tận*” (Lại nữa, Mật Tông dùng con số mười sáu để biểu thị sự viên mãn vô tận); do vậy, đối với mười sáu vị này, con số mười sáu cũng nhằm biểu thị pháp, dùng các Ngài để đại diện viên mãn chúng tại gia. “*Xuất Sanh Nghĩa vân*” (sách Xuất Sanh Nghĩa nói), Xuất Sanh

⁷²[8] Kinh này có tên gọi đầy đủ là Văn Thù Sư Lợi Phật Độ Nghiêm Tịnh Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn. Đây là một bản dịch khác của hội Văn Thù Sư Lợi Thọ Ký trong kinh Đại Bảo Tích. Kinh này trần thuật công đức và sự nghiêm của cõi Tịnh Độ của ngài Văn Thù sau khi thành Phật.

Nghĩa⁷³[9] là tên một quyển sách, là một bộ luận, chúng ta cũng có thể nói trong bài luận văn ấy lại giảng: “*Quyết hữu hà sa trần hải số lượng, cử thập lục vị yên, diệt trần sa chi số bất xuất u thử hỹ*” (Số lượng dầu nhiều như hằng sa biển các vị trần, cũng chỉ nêu ra mười sáu vị mà thôi, số nhiều như trần sa cũng chẳng ra ngoài số này), nói rõ “mười sáu” là biểu thị pháp. Chúng ta đừng nên nghĩ nó là một con số, mà phải thấy nó là biểu thị pháp, ý nghĩa sẽ càng viên mãn. Vì sao? Trong đại hội này, hàng tại gia học Phật chứng đắc minh tâm kiến tánh chắc chắn không chỉ là mười sáu vị, cho nên “mười sáu” biểu thị sự viên mãn. Ý nghĩa này hay lắm, gồm trọn hết thấy những người tại gia đã đạt tới trình độ này.

Tiếp đó là giới thiệu từng vị một, đầu tiên là giới thiệu Hiền Hộ. “*Hiền Hộ đấng thập lục Chánh Sĩ, thường kiến kinh luận*” (Nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ thường thấy [nhắc tới] trong kinh luận). Trong khi giảng kinh, giáo học, đức Phật thường lấy các vị này làm thí dụ. “*Thắng Tư Duy Phạm Thiên Kinh cập Tư Ích Kinh, liệt thập lục danh. Trí Độ Luận tiêu thập lục, đản căn liệt lục danh*” (Kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên và kinh Tư Ích có nêu tên mười sáu vị này. Trí Độ Luận nhắc đến mười sáu vị, nhưng chỉ nêu tên sáu vị đầu), nêu ra

⁷³[9] Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Kim Cang Đảnh Du Già Tam Thập Thất Tôn Xuất Sanh Nghĩa, do ngài Bất Không dịch, nội dung giải thích ý nghĩa từ Pháp Thân xuất sanh ba mươi bảy tôn thánh trong Kim Cang Giới Mạn Đà La. Ba mươi bảy tôn thánh chính là:

- Năm vị Phật ứng với Ngũ Trí của Như Lai (Đại Nhật Như Lai, A Súc Như Lai, Bảo Sanh Như Lai, Vô Lượng Thọ Như Lai, và Bất Không Như Lai), mỗi vị Phật có bốn vị Bồ Tát châu hầu. Chẳng hạn như Vô Lượng Thọ Như Lai kết Di Đà Định Ấn, có các vị Bồ Tát Kim Cang Pháp, Kim Cang Lợi, Kim Cang Nhân, Kim Cang Ngũ châu hầu.

- Bốn vị Ba La Mật Bồ Tát: Kim Cang Ba La Mật, Bảo Ba La Mật, Pháp Ba La Mật và Nghiệp Ba La Mật (bốn vị này châu hầu Đại Nhật Như Lai).

- Mười sáu vị Đại Bồ Tát (các vị này vây quanh bốn vị Như Lai còn lại): Kim Cang Tát Đỏa, Kim Cang Vương, Kim Cang Ái, Kim Cang Hỷ, Kim Cang Bảo, Kim Cang Quang, Kim Cang Tràng, Kim Cang Tiểu, Kim Cang Pháp, Kim Cang Lợi, Kim Cang Nhân, Kim Cang Ngũ, Kim Cang Nghiệp, Kim Cang Hộ, Kim Cang Nha, Kim Cang Quyên.

- Tám vị cúng dường Bồ Tát: Kim Cang Hy Hỷ, Kim Cang Hoa Man, Kim Cang Ca Vịnh, Kim Cang Pháp Vũ, Kim Cang Phần Hương, Kim Cang Giác Hoa, Kim Cang Đăng Minh, Kim Cang Đồ Hương. Bốn vị đầu gọi là Nội Cúng Dường do Đại Nhật Như Lai lưu xuất để cúng dường bốn vị Như Lai kia, bốn vị sau là Ngoại Cúng Dường, do bốn vị Phật kia lần lượt lưu xuất để cúng dường Đại Nhật Như Lai.

- Tứ Nhiếp Bồ Tát: Kim Cang Câu, Kim Cang Tác, Kim Cang Tỏa, Kim Cang Linh.

mười sáu vị, nhưng [Trí Độ Luận] chỉ kể tên sáu vị. “*Luận viết*” (Luận chép), Luận ở đây là Đại Trí Độ Luận, “*Thiện Thủ*”, Thiện Thủ chính là Hiền Hộ, tức là sự thủ hộ hiền thiện, có ý nghĩa này. “*Đẳng thập lục Bồ Tát thị cư gia Bồ Tát. Hạ liệt ngũ danh, tư bất cụ dân*” (mười sáu vị Bồ Tát là tại gia Bồ Tát, kể đó nêu tên năm vị, ở đây không nêu tên đầy đủ), tinh lược, chúng tỏ những vị này đều là đại Bồ Tát tại gia học Phật, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ được đức Thế Tôn nhắc đến. “*Tư Ích Kinh vân: Nhược hữu chúng sanh văn danh giả, tất cánh đắc Tam Bồ Đề, cố vân Thiện Thủ*” (Kinh Tư Ích nói: “Nếu có chúng sanh nghe tới tên Ngài sẽ rốt ráo đắc Tam Bồ Đề. Vì vậy, gọi Ngài là Thiện Thủ”). Tam Bồ Đề (Sambodhi) là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Có thể thấy những vị Bồ Tát này, trí huệ, thần thông, đạo lực có thể làm cho hết thảy chúng sanh nghe danh hiệu các Ngài cũng đạt được Tam Bồ Đề. Vì thế, danh hiệu, pháp danh đức hiệu của Ngài là Hiền Hộ, Thiện Thủ có nghĩa là Hiền Hộ. “*Hựu Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh*” (lại nữa, kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ), đức Thế Tôn đặc biệt giới thiệu Hiền Hộ Chánh Sĩ với mọi người, giảng về Ngài trong buổi giảng ấy, trong kinh ấy có nói: “*Vương Xá đại thành hữu ưu-bà-tắc, danh viết Hiền Hộ, vi chúng thượng thủ*” (Đại thành Vương Xá có ưu-bà-tắc tên là Hiền Hộ, là thượng thủ của đại chúng), Ngài là thượng thủ của hàng cư sĩ. “*Hựu Đại Bảo Tích Kinh Hiền Hộ Trưởng Giả hội*” (lại nữa trong hội Hiền Hộ Trưởng Giả của kinh Đại Bảo Tích), Bảo Tích là một trong hơn ba trăm hội của đức Thế Tôn; hội này có quy mô rất lớn, trong hội này, đức Phật nói rất nhiều kinh điển, nói mấy chục bộ. Đây là một đại pháp hội, thời gian cũng rất dài, trong hội này, tức là trong hội Đại Bảo Tích cũng có nói kinh Vô Lượng Thọ. “*Phật thuyết Hiền Hộ trưởng giả chúng lạc sự*” (đức Phật nói về các điều vui sướng của trưởng giả Hiền Hộ), “*lạc*” là yêu chuộng, chuyện vui sướng. “*Kỳ thọ ư khoái lạc quả báo, tuy phục Dao Lợi Đế Thích Thiên Vương do bất năng cập, hưởng phục nhân gian*” (hưởng quả báo vui sướng, dầu là Dao Lợi Đế Thích Thiên Vương còn chưa thể sánh bằng, hưởng hồ nhân gian). Có nhân ất có quả, Phật pháp đã thật sự đem lại sự thọ dụng chân thật cho con người.

Thuở tôi học Phật, vì lúc tuổi trẻ học hành trong trường, chịu ảnh hưởng của giáo viên, thầy đôi khi cũng bàn tới tôn giáo, luôn bảo tôn giáo là mê tín. Vì thế, đối với tôn giáo, chúng tôi cũng hiểu lắm rất sâu, chẳng muốn tiếp xúc tôn giáo, luôn nghĩ tôn giáo là mê tín. Nhân duyên khiến tôi học Phật là do học Triết Học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, thầy Phương giảng một bộ Triết Học Khái Luận, phần cuối cùng là Triết Học Trong Kinh Phật. Tôi rất hiếu kỳ, hỏi thầy: “Tôn giáo là mê tín, Phật giáo là phiếm thần giáo, đa thần giáo, là mê tín nhất trong các thứ mê tín, làm sao có triết học cho được?” Thầy bảo tôi: “Anh còn trẻ, không biết, Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới”. Tôi học Triết Học, chưa hề nghe nói Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia. Thầy lại bảo tôi: “Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trong toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người”. Kinh nói tới điều này, Hiền Hộ Bồ Tát học Phật tới mức pháp hỷ sung mãn; nói cách

khác, đạt tới sự hưởng thụ cao nhất trong thế gian. Câu này có cùng một ý nghĩa với câu nói của thầy Phương bảo tôi thuở ấy. Tôi đọc câu này có cảm xúc cũng rất sâu, có đạt được sự hưởng thụ tối cao ấy hay không? Tôi đã học Phật năm mươi chín năm, sang năm là đúng một giáp, đã sáu mươi năm rồi, thật sự đạt được, hằng ngày đều đạt được, hoan hỷ khôn sánh, chứng thực lời cổ đức đã bảo: “*Ý vị thế gian há nồng đậm bằng pháp vị?*” Nếu đem ý vị của nhân gian thiên thượng sánh với pháp vị, chẳng có cách nào sánh bằng!

Nhân gian thiên thượng là gì? Nói tới sự phú quý trong nhân gian; người Trung Quốc nói tới Ngũ Phước, Phú là có của cải, Quý là địa vị cao cả, vào thời cổ là tước vị, đế, vương, công, hầu, những tước vị ấy sang quý. Còn có ba điều nữa là “*đa nam nữ*”, tức là đông con lắm cháu, “*đa tử đa tôn*”. “*Hiếu đức hiếu thiện*” (ham đức, chuộng lành), chẳng thể thiếu một điều nào. Hễ thiếu một điều, dầu trong quá khứ tu đại phú đại quý, sẽ hưởng hết rất nhanh, khi hưởng hết sẽ lụn bại, phú quý đã hưởng hết rồi! Nếu người ấy ham thiện, chuộng đức, quý vị thấy vừa hưởng phú quý vừa tu phú quý thì phước báo mới chẳng hưởng hết, đời đời kiếp kiếp dằng dặc không dứt. Điều cuối cùng, lúc mất tốt lành, tức “*thiện chung*”. Người Hoa nói là “*thiện chung*”, [tức là] lúc mất, đầu óc tỉnh táo, sáng suốt, chẳng đau khổ. Người như vậy rời khỏi thế gian, đời sau chẳng vào nhân gian hưởng thụ phú quý, mà sẽ cao hơn đời này, sẽ sanh lên trời để hưởng phước trời. Đó là Ngũ Phước. Trong Ngũ Phước, quan trọng nhất là điều cuối cùng, vì lẽ nào? Nó quyết định quả báo của quý vị trong đời sau. Nếu chết chẳng tốt lành, hiện thời chúng ta thường thấy người già lú lẫn, chuyện này rất phiền phức, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Người già bị lú lẫn, dầu chúng ta niệm Phật trợ niệm cho họ, họ cũng chẳng được hưởng gì, chẳng đạt được lợi ích ấy, chắc chắn sẽ phải lưu chuyển theo nghiệp. Nếu người ấy suốt đời tích đức, hành thiện, chúng ta tin tưởng người ấy tuổi già chẳng thể nào mắc phải chứng bệnh ấy, vì sao? Người ấy có phước báo, có các thiện hạnh và thiện đức bảo vệ. Chúng ta học Phật càng phải chú ý điều này, học Phật mà lúc mất bị lú lẫn thì cũng là theo nghiệp chịu báo. Đừng nói là quý vị tu học, tu Thiên hay tu Mật, cho tới lúc ấy hoàn toàn chẳng dùng được, mà niệm Phật cũng chẳng có cách gì!

Chúng ta liễu giải sự thật này, biết chân tướng này, chỉ biết nay chúng ta đang lúc khỏe mạnh, phải nên tu gì, cách tu như thế nào. Đây là những điều chúng tôi thường nói trong những năm qua, chớ nên sơ sót ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, chớ nên không nghiêm túc học tập. Quý vị thật sự muốn tích lũy công đức, công đức và phước đức khác nhau, chớ nên coi phước đức là công đức. Quý vị làm chuyện tốt, giúp đỡ người khác, đó là phước đức. Quý vị thấy thuở ấy, Đạt Ma tổ sư đến Trung Quốc, Lương Vũ Đế tiếp kiến Ngài. Có thể nói Lương Vũ Đế là một vị hộ pháp lớn nhất trong Phật giáo sử Trung Quốc, thật sự tận tâm tận lực hộ trì Phật pháp. Ông ta dùng thân phận đế vương, lập cho Phật giáo bốn trăm tám mươi tòa đạo tràng, tự viện, am, đường, hộ trì mấy chục vạn người xuất gia, chiếu cố họ, chính mình rất đặc ý. Đạt Ma tổ sư đến Trung Quốc, hai người gặp mặt, Lương Vũ Đế khoe khoang chính mình đã thay Phật môn làm những chuyện tốt đẹp như thế, hướng về Tổ đình giáo,

trên thực tế là khoe khoang: “Trong Phật môn, trăm đã làm chuyện tốt đẹp nhiều ngàn ấy, công đức có lớn hay không?” Đạt Ma tổ sư trả lời bằng một câu: “Trọn chẳng có công đức”. Lương Vũ Đế nghe câu ấy chẳng chịu nổi, rất bực mình, đuổi Tổ đi, chẳng biếu tặng gì. Đạt Ma tổ sư nói chẳng sai, Ngài là người thật thà. Nếu tán thán nhà vua vài câu: “Rất lớn, rất lớn”, vua sẽ khoái chí, hộ trì Tổ, [do Tổ không làm như vậy] nên nhà vua hậm hực. Đây là [Tổ Đạt Ma] nói rõ Lương Vũ Đế làm chuyện gì? Phước đức, chẳng phải là công đức. Công đức là gì? Công đức là tu hành. Trì giới có công, có công phu sẽ đạt được gì? Đắc Định, đắc Định là đức; có công phu tu Định sẽ khai trí huệ, do Định khai huệ, khai trí huệ là đức. Vì thế, những thứ ấy là thật, chẳng giả, chẳng dính dáng gì đến chuyện quý vị tu bồ thí, cúng dường. Bồ thí, cúng dường là tu phước, nhất định phải biết điều này. Nếu khi ấy Lương Vũ Đế hỏi: “Trăm có phước đức hay không”? Nhất định tổ Đạt Ma sẽ giơ ngón cái lên: “Rất ư là lớn, phước đức của bệ hạ rất lớn!”

Phước đức và công đức khác nhau, quả báo của phước đức là trong ba thiện đạo, công đức chẳng phải vậy, công đức là vượt thoát lục đạo luân hồi, thành Phật, làm Tổ, đó là công đức. Công đức và phước đức nhất định phải phân biệt rõ ràng, phải hiểu rõ ràng. Chúng ta thường thấy trong chùa miếu ghi cái rương đựng tiền để người ta bỏ tiền vào là Công Đức Sương (ruương công đức), lầm rồi, há phải là công đức? Người hiểu biết sẽ ghi là Phước Điền Sương (ruương ruộng phước). Đó là đúng, quý vị đến gieo phước, [đó là] phước điền, chẳng có công đức. Dẫu quý vị bồ thí chùa miếu nhiều đến mấy vẫn chẳng có công đức, mà là phước đức. Nhất định phải hiểu rõ điều này, đừng nên lầm lẫn. Chúng ta học Phật, phải phước huệ song tu, công đức và phước đức đều phải nên tu; quý vị chỉ tu công đức, không tu phước đức, sẽ thiếu phước! Trong kinh Phật có câu chuyện: “*Tu huệ, bất tu phước, La Hán thác không bát*” (Tu huệ, chẳng tu phước, La Hán đi khát thực, bát rỗng tuếch), A La Hán chúng đắc A La Hán quả, đó là công đức, nhưng thiếu phước báo, đi ra ngoài khát thực, chẳng được ai cúng dường, thiếu phước mà! Ngược lại, “*tu phước, bất tu huệ, đại tượng quải anh lạc*” (tu phước, chẳng tu huệ, voi to đeo chuỗi báu). Thời cổ, công cụ giao thông chưa có xe cộ. Tại Ấn Độ và Nam Dương đều dùng voi để thay thế, quốc vương ra ngoài ngồi trên lưng voi. Voi ấy là người tu hành trong quá khứ, tu phước, chẳng tu huệ, đời này đầu thai đọa trong súc sanh đạo, là vật cưỡi của quốc vương, khắp mình đeo các chuỗi báu, đó gọi là “*đại tượng quải anh lạc*”. Trong kinh, đức Phật thường nêu lên tỷ dụ này, dụng ý rất sâu. Nếu chúng ta thấu hiểu, hãy phước huệ song tu.

Đức Phật trọn chẳng cấm chúng ta tu phước, nhưng tu Huệ trọng yếu hơn tu phước, phải lấy tu Huệ làm chánh yếu, phải tu công đức. Trợ tu là phụ trợ thì tu phước kèm theo, phước huệ song tu. Bất luận tại gia hay xuất gia đều phải hiểu đạo lý này, vì sao? Đã gặp gỡ Phật pháp, Phật pháp thù thắng ở chỗ nó tạo cơ hội cho quý vị, ngay trong một đời này có thể viên thành Phật đạo, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, chuyện này rất hiếm có. Chẳng dễ thoát khỏi luân hồi! Đã sa vào hầm sâu này, chỉ có gặp gỡ Phật pháp thì quý vị mới có cơ hội vượt thoát

luân hồi. Nhất là gặp gỡ Tịnh Độ, gặp gỡ Tịnh Độ mà nếu thật sự chịu tu tập, không ai chẳng thành công, thật sự giải thoát! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì có thể nói thân thể này của chúng ta là thân cuối cùng trong lục đạo luân hồi, đời sau chẳng còn luân hồi nữa, điều này trọng yếu lắm! Quý vị nghĩ xem còn có chuyện gì quan trọng hơn chuyện này? Đời này chẳng thể vãng sanh, chắc chắn đời sau lại phải tiếp tục luân hồi. Chúng ta chẳng biết nỗi khổ luân hồi, nếu biết sẽ kinh sợ. Chắc chắn là luân hồi trong lục đạo thì thời gian trong tam ác đạo lâu dài, thời gian trong ba thiện đạo ngắn ngủi, tạm bợ; quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, chắc chắn thời gian trong ác đạo sẽ dài lâu. Điều này chẳng khó hiểu, quý vị nhìn vào hoàn cảnh sống, trong cuộc sống hằng ngày, từ sáng đến tối, quý vị khởi lên mấy ý niệm là Giới, Định, Huệ? Khởi mấy ý niệm là tham, sân, si? Quý vị so sánh một chút sẽ hiểu ngay. Nếu thời gian khởi tham, sân, si dài hơn thời gian Giới, Định, Huệ, sẽ đi vào tam ác đạo, tâm tham là ngã quý đạo, sân khuể là địa ngục đạo, ngu si là súc sanh đạo. Do vậy, nếu lắng lòng phản tỉnh một phen, [sẽ thấy] rất đáng sợ! Trong một ngày, từ sáng đến tối, xử sự, đãi người, tiếp vật, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, dấy lên niệm nào, nói câu nào, làm chuyện gì, quý vị hoàn toàn hiểu rõ, chẳng cần hỏi ai khác, còn chẳng biết đời sau bản thân mình sẽ sanh vào đâu ư? Vì vậy, muốn vãng sanh thì phải nắm vững câu Phật hiệu, đọc kinh mỗi ngày, tối thiểu là niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, niệm một bộ kinh, niệm Phật hiệu càng nhiều càng tốt. Chắc chắn thời gian niệm Phật hiệu phải dài hơn thời gian suy nghĩ lung tung, quý vị mới có thể nắm chắc. Nếu không chống lại được, vãng sanh còn phải đánh dấu hỏi, chưa xác định. Tụng kinh, niệm Phật là công đức chân thật, tu thiện tích đức là chuyện tốt đẹp, phước huệ song tu, như vậy là đúng. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tới đây.

Tập 96

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười, dòng thứ hai từ dưới đếm lên, xem từ câu thứ hai:

“*Hựu Danh Nghĩa Tập viết: “Bạt Đà Bà La”* (Lại nữa, sách Danh Nghĩa Tập⁷⁴[10] nói: “Bạt Đà Bà La”), đây là tiếng Phạn, “*phiên vi Hiền Hộ, tự hộ hiền đức, phục hộ chúng sanh cố. Hoặc vân Hiền Thủ, dĩ vị cư Đẳng Giác, vi chúng hiền chi thủ cố*” (dịch là Hiền Hộ, tự gìn giữ hiền đức, lại hộ trì chúng sanh. Hoặc dịch là Hiền Thủ, do Ngài ở địa vị Đẳng Giác, là Thượng Thủ của các bậc hiền nhân). Đoạn này giải thích ý nghĩa biểu pháp trong danh hiệu. Tiếng Phạn Bạt Đà Bà La (Bhadrapāla), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Hiền Hộ. Hiền là gì? Hộ là gì? “*Tự hộ hiền đức*” (tự gìn giữ hiền đức) là ý nghĩa của chữ Hiền, “*phục hộ chúng sanh*” (lại hộ trì chúng sanh) là ý nghĩa của chữ Hộ. Do vậy, Hiền là đối với chính mình mà nói, Hộ là đối với đại chúng mà nói. Hiền đức vô lượng vô biên, cũng giống như người Hoa dạy trẻ nhỏ, quý vị thấy họ dạy trẻ con, lúc mới nhập học, nói chung là sáu bảy tuổi, học Tam Tự Kinh. Tam Tự Kinh là khái luận của văn hóa truyền thống Trung Quốc, quý vị thấy vừa nhập môn sẽ dạy tác phẩm này, vun đắp khái niệm này trước hết. Phương pháp dạy học như thế thật sự là trí huệ lỗi lạc, chẳng giống như người ngoại quốc. Người ngoại quốc dạy trẻ nhỏ, họ nói rất thực tế, cho là trẻ nhỏ chẳng hiểu lý luận lớn lao như “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thoát đầu, tánh vốn lành), làm sao chúng nó có thể hiểu được? Chúng nó có thể hiểu điều gì? Con cún sữa, con mèo bé nhảy nhót, chúng hiểu những điều này, bèn dạy cho chúng những điều ấy. Tuy [nhìn bề ngoài] trẻ chẳng hiểu, quý vị chẳng thể nói chúng nó không hiểu, chớ nên coi thường chúng. Trẻ nhỏ có trí huệ vô cùng cao. Các bác sĩ tâm lý học của Tây phương trong thời cận đại đã dùng thuật thôi miên để chúng thực điều này. Không chỉ là trẻ thơ sau khi được sanh ra, mà ngay cả trước khi sanh, ở trong thai mẹ, chúng cũng rất thông minh, hoàn toàn hiểu rõ tâm tình của mẹ, mẹ ăn uống gì, chúng nó đều có thể cảm nhận được. Làm sao quý vị có thể nói là chúng không biết? Những người ấy sau khi phát hiện [sự thật trên đây], mới thật sự nghĩ cổ nhân Trung Quốc nói “thai giáo” rất hữu lý!

Hiền đức là như trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật đã dạy: “*Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Trí huệ là đức, trí huệ chính là đức được nói tới trong “*hiền đức*” ở đây. Ở chỗ này, đức năng và tướng hảo được gọi là Hiền, chúng vốn sẵn có trong tự tánh. Trong câu nói này, đức Phật hoàn toàn nói tới cương lĩnh của nó (tánh đức). Trong khi dạy học, đức Phật bảo chúng ta, Thập Thiện là hiền đức, chính mình vốn sẵn có. Tam Quy, Ngũ Giới, Lục Hòa, Lục Độ, mười nguyện Phổ Hiền đều là nói tới cương mục, cũng chẳng nhiều. Chúng tôi khẳng định tổ tông đều là Phật, Bồ Tát tái lai, lời họ nói hoàn

⁷⁴[10] Sách Danh Nghĩa Tập có tên gọi đầy đủ là Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập, gồm bảy quyển do ngài Pháp Vân biên soạn, hoàn thành vào năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Nam Tống. Sách được chia thành 44 thiên, gồm 2.000 từ ngữ nhằm giải thích các danh từ thường dùng trong kinh Phật. Đối với mỗi từ gồm có phần nêu các cách phiên âm khác nhau của cùng một từ ngữ, phân biệt cách dịch nào là dịch theo ý, cách dịch nào là dịch sát nghĩa, đồng thời dẫn chứng các kinh luận tương quan.

toàn tương tự với kinh Phật. Nếu quan sát kỹ lưỡng, có đến bảy tám phần trong mười phần giống như những điều do các vị sáng lập các đại tôn giáo trên toàn thế giới đã nói trong kinh điển, chỉ sai khác một hai phần trong mười phần. Chỗ không giống nhau là gì? Tập quán sinh hoạt. Trên thế giới này, chúng sanh đông dưng ấy, hoàn cảnh cư trú khác nhau, bối cảnh văn hóa khác nhau, cho nên có những thói quen khác nhau, Phật, Bồ Tát hằng thuận chúng sanh, hoàn cảnh ấy, phong tục tập quán ấy sẽ có lợi cho họ. Tập quán của người thuộc hàn đới là sống trong cảnh trời băng đất tuyết, họ đến vùng nhiệt đới chẳng thể chịu được, không thể chịu đựng khí hậu nơi đó. Cũng giống như vậy, người vùng nhiệt đới đến vùng băng giá cũng sống chẳng quen. Hiện thời, giao thông thuận tiện, trước kia giao thông bất tiện, đúng là có những trường hợp cho đến khi chết già vẫn chẳng qua lại với nhau, hoạt động cả đời chỉ là mấy thôn trang thân cận, có bao giờ tới huyện thành hay không? Cả đời cũng chẳng đi đến. Vì thế, thánh nhân giáo hóa tùy thuận tánh đức.

Thánh nhân Trung Quốc dạy chúng ta điều gì? Cũng rất đơn giản, mấy ngàn năm chẳng thay đổi, tổng cương lĩnh gồm mấy hạng mục là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Trung Quốc ngàn vạn năm truyền thừa những thứ ấy. Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh của Nho gia, thậm chí mở rộng đến Tứ Khố Toàn Thư, trong ấy nói những gì? Há chẳng phải là những điều ấy? Tuyệt đối chẳng rời khỏi bốn khoa mục ấy. Bốn khoa mục là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Chúng ta quy nạp chúng lại, nói thật sự là mười hai chữ, “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nhân ái, hòa bình”, mười hai chữ ấy và bốn khoa mục, khi quý vị đọc kỹ, bốn khoa mục ấy sẽ quy nạp thành mười hai chữ. Mấy ngàn năm giáo học của Trung Quốc, tổ tông các đời truyền thừa đều là những thứ ấy, chưa hề biến đổi. Chỉ sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, Dân Quốc thành lập, những điều ấy mới bị coi nhẹ, bỏ sót. Thời Dân Quốc vẫn chẳng thay đổi những điều ấy, nhưng không coi trọng và nghiêm túc như trong thời đại đế vương xưa kia. Vua chúa xưa kia nghiêm túc coi trọng điều này, khiến cho xã hội an tường, hòa hợp, hóa giải khá nhiều tai nạn. Hiện thời chúng ta đã hiểu rõ những nguyên lý ấy; đúng là kinh Phật đã dạy chẳng sai chút nào: “*Tương do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm*”. Tâm thái của chúng ta tốt đẹp, niệm niệm chẳng rời khỏi mười hai chữ này. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều chẳng vi phạm “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nhân ái, hòa bình”, quý vị chẳng vi phạm chúng. Mười hai chữ này được nói trong kinh điển nhà Phật, so với các điển tịch của nhiều nhà tôn giáo trên thế giới, quý vị thấy hoàn toàn giống nhau.

Cốt lõi của mười hai chữ là Ái, tức là Ái trong “nhân ái, hòa bình”. Nhà Phật chẳng nói Ái, mà nói từ bi, từ bi chính là Ái. Vì sao đức Phật không nói Ái, mà phải nói từ bi? Vì người thế gian thấy chữ Ái này, trong Ái có tình, nên gọi là ái tình. Ái rất tốt, nhưng tình là bất hảo! Do vậy, đức Phật không nói Ái, mà nói từ bi. Từ bi là Ái, trong đó có lý trí, điều này tốt lắm! Trong Ái phải có lý tánh, phải có trí huệ, chớ nên dùng cảm tình. Ái bằng cảm tình chẳng phải là thật, mà là giả ái, là hư tình giả ý, nhất định phải biết điều này. Vì sao? Nó bị biến đổi.

Từ bi là Chân Ái, vĩnh hằng chẳng thay đổi, chân thật! Vì lẽ đó, Phật giáo dùng từ bi, không dùng Ái; nhưng trong các sách vở của nhiều tôn giáo trên thế giới chúng ta thấy nói “thần yêu thương con người”, hoặc “Thượng Đế yêu thương con người”. Chúng ta biết lòng yêu thương ấy chính là từ bi như trong nhà Phật đã nói, chẳng phải là xử sự bằng cảm tình, chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Chúng ta thấy trong kinh Cổ Lan (Koran), mấy câu trọng yếu trong phần trước đều được nhắc đến, “*Chân Chúa quả thật nhân từ*”. Nhân từ tốt lắm, nhân từ và từ bi như trong nhà Phật đã nói hoàn toàn giống nhau. Phía sau nhân từ là trí huệ, là lý tánh, chẳng phải là cảm tình, đây là cốt lõi của tánh đức, là trung tâm điểm của tánh đức. Tất cả hết thấy hiện đức đều phát xuất và được phát huy rạng rỡ từ nơi đây. Người có thể hộ trì hiện đức của chính mình sẽ gọi là “biết yêu thương chính mình”.

Vì vậy, người nào thật sự yêu thương chính mình? Nói theo Phật pháp, nói nghiêm ngặt thì là Pháp Thân Bồ Tát thực hiện trăm phần trăm sự “yêu thương chính mình”. Ở đây, nhóm Hiền Hộ gồm mười sáu vị tôn giả thật sự là Pháp Thân Bồ Tát. Không chỉ là Pháp Thân Bồ Tát, mà còn là Đẳng Giác Bồ Tát trong các vị Pháp Thân Bồ Tát, địa vị cao cả. Trong năm mươi một địa vị Bồ Tát của Phật giáo, các Ngài đã đạt tới địa vị cao nhất. Lên cao hơn nữa sẽ là Phật quả viên mãn rốt ráo, được gọi là địa vị Diệu Giác. Đẳng Giác đạt đến tối cao, Pháp Thân Bồ Tát có bốn mươi một địa vị, địa vị [Đẳng Giác] này cao nhất. Chúng ta có thể nói theo kinh Hoa Nghiêm, Sơ Trụ Bồ Tát, trong kinh Hoa Nghiêm, Sơ Trụ Bồ Tát thực hiện được sự “yêu thương chính mình”, thật sự yêu thương chính mình. Biết thân là giả, chẳng thật, chẳng còn vì thân thể này tạo nghiệp, ý niệm tự tư tự lợi chẳng còn, ý niệm tiếng tăm, lợi dưỡng chẳng có, chẳng còn đuổi theo tiếng tăm, lợi dưỡng, chúng là giả, chẳng còn tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần trong thế gian; tham, sân, si, mạn sẽ giảm bớt trên một mức độ lớn. Muốn đoạn chúng rất khó, thật sự đoạn được sẽ thành A La Hán; vì thế, đoạn những phiền não ấy rất khó khăn! Trong giai đoạn tu học của chúng ta, chúng đã được giảm nhẹ, chẳng nghiêm trọng như trong quá khứ, đó gọi là Hiền Hộ. Đây là điều chúng ta hãy nên làm, có thể hộ trì tánh đức của chính mình; ở đây [sách Danh Nghĩa Tập] nói là “*tự hộ hiện đức*”. Người ấy đúng như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói: Đã đạt được sự hưởng thụ cao nhất trong đời người.

Quý vị phải biết sự hưởng thụ cao nhất trong đời người chẳng liên quan gì đến của cải và địa vị. Điển hình và khuôn phép tốt nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật. Chẳng phải là Ngài không có [của cải, địa vị], Ngài sanh ra trong gia đình phú quý, phú quý từ lúc mới lọt lòng. Nếu Ngài chẳng xuất gia, sẽ nối ngôi vua, người Hoa nói: “*Quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải*” (thiên tử sang quý, giàu có khắp bốn biển), Ngài có thân phận như thế. Đức Phật thông minh, giác ngộ từ nhỏ, hiểu rõ, mười chín tuổi bèn lìa bỏ cuộc sống trong cung vua, rời khỏi gia đình đi học đạo; nay chúng ta gọi là “du học”, thưở ấy gọi là “tham học”, tức là đi học hỏi những bậc cao nhân trong giới tôn giáo và giới học thuật. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý*” (người có cùng cái tâm này, tâm có cùng lý này). Chúng ta có thể

hiếu, Ngài có thân phận là vương tử, lại vừa thông minh, hiếu học, tuổi trẻ như thế, mười mấy hai mươi tuổi. Ai không ưa thích hạng học trò như thế? Trong thời đại ấy, Ấn Độ đích xác là nước tôn giáo [phát triển nhất] trên toàn cầu, bất luận tôn giáo hay học thuật đều đạt tới cảnh giới rất cao. Họ sử dụng phương pháp, tuy chẳng giống như khoa học kỹ thuật hiện đại, họ sử dụng Thiên Định. Thiên Định có thể đột phá các chiều không gian, người bình phàm chúng ta gọi điều đó là “thần thông”. Những thứ chúng ta không thể thấy bằng mắt thịt, khi nhập Định, trong Định họ có thể trông thấy. Trong Định có thể thấy quá khứ, tương lai. Do vậy từ cổ đến nay đều có những dự ngôn (lời tiên đoán), thưở chúng tôi còn trẻ, đối với những thứ ấy cũng hiếu kỳ.

Tôi thân cận lão cư sĩ Lý Bình Nam, thỉnh giáo lão nhân gia: Có thể tin tưởng những dự ngôn hay không? Có nên dựa theo đó hay không? Lão nhân gia bảo tôi: Dự ngôn chẳng rời khỏi Lý Số, đó là cơ sở của chúng. Tại Trung Quốc, dự ngôn chẳng rời khỏi kinh Dịch. Nếu tính toán rất chuẩn xác, quả thật có thể tin tưởng, nhưng loại tính toán này đúng là “*sai chi hào ly, làm lạc ngàn dặm*”. Vì sao có dự ngôn rất chuẩn xác, có dự ngôn không chuẩn xác, những điều đã nói chẳng hề xảy ra? Đó là vì trong ấy có đôi chút sai lầm sẽ chẳng chuẩn xác. Vì thế, nhà Phật nói họ dùng Tỷ Lượng, suy lường, nhưng thầy nói: Nếu là những điều thấy trong Định sẽ hết sức chuẩn xác. Vì thế, thầy bảo tôi: Thiên sư Hoàng Bá có mấy bài thơ dự ngôn chuẩn xác, nhưng những bài thơ ấy rất khó hiểu, giống như câu đố, rất khó suy luận thấu triệt. Đó là cảnh giới trong Định, là cảnh giới Hiện Lượng. Phàm là những loại dự ngôn giống như vậy đều rất đáng tin.

Trong xã hội hiện thời, sợ chẳng thể thấy người nào có thể nhập Định, chẳng còn có người như vậy nữa. Trong thế kỷ trước, còn có người tu hành đắc Định như lão hòa thượng Hư Vân, trong thế kỷ này tìm không ra! Phiền não tập khí trong tâm rất nặng, quý vị chẳng có cách nào nhập định. Ngoài xã hội thì như người ngoại quốc nói “tử trường hết sức bất hảo”. Chẳng nói chi khác, sóng vô tuyến điện quấy nhiễu quý vị đắc Định. Quý vị thấy hiện thời sóng vô tuyến điện là bao nhiêu? Đừng nói chi khác, cell phone của mỗi cá nhân phát ra sóng điện đã ghê gớm lắm rồi. Chúng ta mắt thịt nhìn không thấy. Nếu chúng ta thấy thì cả địa cầu bị những sóng điện từ bao phủ kín mít. Trong hoàn cảnh ấy, người ta chẳng có cách nào khiến tâm chẳng dao động, bộp chộp được? Tâm dao động, tính tình bộp chộp là gì? Do sóng điện từ quấy nhiễu, rất phức tạp. Trong quá khứ, khi chưa có những kỹ thuật ấy phát minh, không có hiện tượng này, hiện thời phiền phức ngày càng nghiêm trọng. Khoa học đổi mới khác lạ mỗi tháng, mỗi ngày, tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực quá lớn. Đúng là “được không bù nổi mất”. Nhiễu loạn tâm tình, chướng ngại cuộc sống bình thường, tâm thái bình thường, tư duy bình thường của chúng ta. Ngày nay chúng ta tự bảo vệ chính mình ra sao? Tận hết sức giảm bớt những thứ này. Trước kia không có điện thoại, chẳng phải là cũng sống được hay sao? Hiện thời chẳng lẽ không có thứ ấy liền chẳng thể sống hay sao? Đâu có đạo lý ấy! Họ cứ phát minh, ta có quyền cự tuyệt, chẳng dùng đến nó. Trong cuộc sống hằng

ngày, chỉ có người khác gọi điện thoại cho tôi, trước nay, tôi chẳng gọi điện thoại cho ai. Vì sao? Tôi chẳng muốn tạo tội nghiệp ấy: Dùng loại sóng điện này nhiễu loạn người khác, phải hiểu điều này. Người khác gọi tôi, tôi không có cách nào, chẳng thể không tiếp nhận. Nay thì khá hơn, có người khác nhận giùm tôi, tôi chẳng cần phải nghe nữa. Vì thế, nói chung phải nghĩ tới phương pháp bảo vệ chính mình. Tổ tiên đã ban cho người Trung Quốc ân huệ quá lớn. Ân huệ lớn nhất là phát minh ra văn tự. Văn tự là một phương tiện chuyển tải truyền thông. Văn tự Trung Quốc là phù hiệu trí huệ, quý vị không biết đọc cũng không sao. Trông thấy hình dạng của chữ, sẽ hiểu được ý nghĩa của nó. Đó là trí huệ. Trong văn tự ngoại quốc không có hiệu quả như thế. Phù hiệu trí huệ thì quý vị nhìn lâu sẽ khai ngộ. Chẳng thể sửa đổi văn tự ấy, chúng ta thiếu trí huệ như tổ tông thì làm sao có thể sửa đổi văn tự ấy?

Do vậy, phải luôn nghĩ “*bổn tánh bổn thiện*” (bản tánh vốn lành), bổn thiện là hiếu, đễ, trung, tín, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, trước hết có nghĩ sẽ xứng với tổ tông hay không? Có xứng với cha mẹ hay không? Tâm hạnh ta chẳng lành, cha mẹ chẳng hoan hỷ, tổ tông chẳng thể tiếp nhận, vậy thì không thể làm như thế được! Chúng ta hành hiếu, hành đễ, “đễ” là tôn kính bề trên, tôn kính những người cùng hàng. Phải tôn kính những người cùng vai vế hoặc bậc trưởng bối, đó là đễ đạo, thực hiện từ “anh em yêu thương, hòa thuận”, cho đến yêu thương, nhường nhịn hết thảy những người có cùng độ tuổi, vai vế với ta. Trung với nước nhà, trung với dân tộc, trung với xã hội, trung với lãnh đạo. Trung là gì? Chịu trách nhiệm. Con người nói năng phải giữ chữ tín, làm người nhất định phải giữ sự tín nhiệm, không nói dối, không nói đôi chiều, chẳng nói thêu dệt, chẳng ác khẩu, đều thuộc về chữ Tín này. Lễ, nghĩa, liêm, si, xử sự, đãi người, tiếp vật, chớ nên coi thường, thiếu sót lễ. Nghĩa là hợp tình, hợp lý, hợp pháp; liêm là liêm khiết, biết tiết kiệm là mỹ đức, quyết định chẳng lãng phí. Phải thường nghĩ thế gian này còn có rất nhiều kẻ khổ nạn, kẻ chẳng có cái ăn, cái mặc, chẳng có nhà cửa để ở rất nhiều. Dầu họ không ở trước mặt, nhưng thường nghĩ tới họ, hãy có duyên phận bèn tận tâm tận lực giúp đỡ họ, thường nghĩ đến người khác, phải mở rộng tâm lượng.

Xưa kia, tôi ở Tân Gia Ba, tôi và chín tôn giáo tại Tân Gia Ba đối xử với nhau hết sức hòa thuận. Bất luận tôn giáo nào cần giúp đỡ, chúng tôi cũng tự động ra tay giúp đỡ. Có một lần, có một nữ tu cho tôi biết: Người bên Phi Châu rất đáng thương, Thiên Chúa Giáo cử sang đó một đoàn chữa bệnh, hình như có ba bác sĩ, mấy người y tá sang đó giúp đỡ họ, bà ta kể với tôi tin ấy. Khi đó, tôi tặng năm vạn Mỹ Kim để họ thay tôi dùng làm phí tổn y tế, bổ thí thuốc men. Một tuần sau, bà ta lại gọi điện thoại cho tôi, cho biết bên đó giao thông vô cùng lạc hậu, rất khó khăn, có thể tặng một cái xe cứu thương hay không? Tôi nói được, tôi sẽ tặng cho bà một xe cứu thương. Các tín đồ Phật môn biết chuyện ấy đến chắt vấn tôi, họ nói: “Thưa pháp sư! Tiền của tín đồ chúng tôi kiếm chẳng dễ, có sao thầy lại lấy đem cho ngoại đạo?” Tôi hỏi: “Cái gì mà ngoại đạo?” [Họ đáp]: “Thầy cho tiền Thiên Chúa Giáo, chẳng phải là ngoại đạo ư?” Tôi hỏi ngược lại họ: “Chúng ta có muốn lập viện dưỡng lão hay

không?” Muốn! “Có muốn lập cô nhi viện hay không?” Muốn! “Chúng ta có nên mở bệnh viện hay không?” Muốn! Người ta có bệnh khổ có cần phải cứu kẻ ấy hay không?” Phải! “Người ta đã phái một đội y tế đi cứu giúp, chúng ta đầu tư một chút, tặng một ít tiền cho họ, chúng ta đã có quyền cổ đông (shareholder) trong ấy, có sai làm gì chẳng?” Họ mới thôi bắt bẻ, bỏ đi. Do vậy, bất luận kẻ nào làm một chuyện tốt, lợi ích xã hội, chính là chúng ta làm. Bản thân chúng ta không có sức, bèn sanh tâm hoan hỷ, khen ngợi kẻ ấy, hễ có sức thì tận tâm tận sức giúp đỡ họ, chuyện tốt mà! Cần gì cứ nhất định phải chính mình làm mới là chuyện tốt, người khác làm thì không phải, [có cách nghĩ như vậy tức là] tâm lượng quá nhỏ, đã trái phạm Tánh Đức. Bất luận kẻ nào làm chuyện tốt, đúng là chuyện tốt, ích lợi xã hội, có lợi cho chúng sanh khổ nạn, chúng ta phải nên giúp đỡ, chẳng bàn ra tán vào. Không có sức bèn hoan hỷ, tán thán, tuyên dương người ta. “*Tự hộ hiền đức*” [là như vậy đó].

Bốn chữ cuối trong mười hai chữ ấy là “*nhân ái, hòa bình*”, đó là đạt tới chỗ cùng cực. Mười hai chữ ấy giống như một tòa cao ốc có mười hai tầng, quý vị phải biết cội rễ ở chỗ nào? Cội rễ là hiếu, hiếu là tầng thứ nhất, để là tầng thứ hai, hòa bình là cao nhất. Nó có cội rễ, có cơ sở. Quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của Tịnh Tông, câu đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”, câu thứ hai là “*phụng sự sư trưởng*”, hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy là căn cơ học Phật. Không có hai câu này, dẫu học Phật tốt đẹp cách mấy, [vẫn là] thiếu cội rễ, làm sao có thành tựu cho được? Người Trung Quốc lập quốc đã năm ngàn năm trên mặt đất, cội rễ sâu chắc, đó là gì? Hiếu để. Mười hai chữ ấy đã được cày cấy trên đất báu Trung Quốc năm ngàn năm, tuy hiện thời bị coi nhẹ, bỏ sót, căn bản có bị lay động hay không? Không có. Thí nghiệm của chúng tôi tại Thang Tri đã chứng thực. Chúng tôi vốn cho rằng phải mất từ hai đến ba năm thí nghiệm mới có thể thấy hiệu quả; không ngờ từ ba đến bốn tháng đã có hiệu quả rõ rệt, cho thấy căn bản vẫn còn. Đúng là thâm căn cố đế, con người hết sức dễ dạy. Một dải Mã Lai và Nam Dương tiếp xúc Trung Quốc, được văn hóa truyền thống của Trung Quốc hun đúc, tôi nghĩ ít nhất là một ngàn năm. Vì thế, nơi ấy cũng là phước địa, cũng là đất báu. Đề ra mười hai hạng mục đức hạnh ấy, mọi người hoan nghênh, đây là Tánh Đức.

Do vậy Hiền Hộ, phải hộ trì đức của chính mình là điều trọng yếu, những điều khác chẳng trọng yếu. Có thể hộ trì chính mình, sẽ có thể hộ trì người khác, đó là “*phục hộ chúng sanh*” (lại hộ trì chúng sanh). Thế nào là “hộ chúng sanh”? Giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa nhất định phải bằng thân hành, ngôn giáo, chính mình không làm được, mà bảo người khác làm, người ta sẽ không tin. Ất phải chính mình làm được, quý vị mới có thể cảm hóa người khác, đó là “*tự hành, hóa tha*”, là ý nghĩa của hai chữ Hiền Hộ. Danh hiệu này bao quát hết thầy những đồng tu tại gia học Phật. Đây là tên của một người, đại diện cho hết thầy các vị tại gia học Phật, có ý nghĩa rất sâu. Ngài là đại diện chung, mười lăm vị kia đại diện [cho những đức] riêng biệt, còn vị này là tổng đại biểu. Tại gia còn phải khéo hộ trì tánh đức của chính mình, huông hồ xuất gia thì càng chẳng cần phải nói nữa. Chúng ta thấy chư Phật Như

Lai, chư đại Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, có ai chẳng học tập như vậy? Ai nấy đều có thể thành tựu chính mình, lợi ích chúng sanh.

Tiếp đó, sách viết: “*Hoặc vân Hiền Thủ*” (Hoặc còn gọi là Hiền Thủ). Ý nghĩa này xuất phát từ tiếng Phạn, Bạt Đà Bà La còn có nghĩa là Hiền Thủ. Hiền Thủ là “*chúng hiền chi thủ*” (đứng đầu trong các bậc hiền nhân), là gương mẫu, khuôn phép trong các vị Bồ Tát, có địa vị cao nhất trong đại chúng, nên gọi là Hiền Thủ. “*Đĩ vị cư Đẳng Giác*” (do Ngài thuộc địa vị Đẳng Giác), ở đây nói rõ ràng, minh bạch, thân phận gì vậy? Đẳng Giác Bồ Tát. Có cùng địa vị với Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc Bồ Tát, các Ngài đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Trong bốn mươi một đẳng cấp, Ngài thuộc đẳng cấp thứ bốn mươi một cao nhất. Vì thế, so với bốn mươi địa vị Pháp Thân Bồ Tát trước đó, địa vị của các Ngài cao nhất, Đẳng Giác cao nhất, nên là thủ tọa của họ, mang ý nghĩa này. “*Khả kiến Hiền Hộ Chánh Sĩ, nữi thị sanh u Vương Xá thành, vị đẵng Đẳng Giác chi tại gia Bồ Tát*” (Có thể thấy Hiền Hộ Chánh Sĩ thị hiện sanh trong thành Vương Xá, là vị tại gia Bồ Tát thuộc địa vị Đẳng Giác). Thật sự có vị này, thưở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, hàng tại gia học Phật cũng chứng đắc địa vị Đẳng Giác. Đầu thời Dân Quốc, người sáng lập Chi Na Nội Học Viện là Âu Dương Cán Hộ đại sư, người đời sau tông xưng ông ta là “đại sư”, chứ ông ta là tại gia cư sĩ. Tuy thời gian hoạt động của Chi Na Nội Học Viện không dài, chỉ có hai năm, nhưng hai năm ấy thật sự có công đức, kéo dài huệ mạng của Phật pháp. Đầu thời Dân Quốc, những đại cư sĩ tại gia, như cư sĩ Giang Vị Nông và hàng xuất gia, ngay cả pháp sư Thái Hư, pháp sư Thái Hư là học sinh dự thính trong Nội Học Viện, cư sĩ Vương Ân Tường^{75[11]}, những vị đại đức trứ danh ấy đều xuất thân từ Phật Học Viện. Ông ta (Âu Dương Cán Hộ) nói rất rõ ràng, Phật pháp là sư đạo, sư đạo là giáo dục. Ông ta có lần giảng diễn, phát biểu vào năm Dân Quốc thứ mười hai (1923) tại Đệ Tứ Trung Sơn Đại Học, lần giảng diễn ấy đã chấn động toàn quốc vào thời đó. Đề tài giảng diễn là “*Phật pháp không phải là tôn giáo hay triết học, mà là nhu cầu tất yếu cho hiện thời*”, đề tài giảng diễn như vậy. Đệ Tứ Trung Sơn Đại Học nay là đại học sư phạm Nam Kinh, ở ngay thành phố Nam Kinh. Đã là sư đạo thì trong giáo học thầy lớn nhất, tôn sư, trọng đạo, hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng. Học trò chẳng có tâm tôn kính thầy, sẽ chẳng học được gì. Đúng như Ấn Quang đại sư đã nói: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Thầy dạy quý vị, quý vị có thể đạt được bao nhiêu chẳng do thầy,

75^[11] Cư sĩ Vương Ân Tường (1897-1964) là người huyện Nam Sung, Tứ Xuyên, có tên tự là Hóa Trung. Ông học Duy Thức với Âu Dương Cán Hộ và được coi là đệ tử nhập thất. Năm 1925, đảm nhiệm dạy Duy Thức tại Chi Na Nội Học Viện. Năm 1942 sáng lập Đông Phương Văn Giáo Nghiên Cứu Viện, kể từ năm 1957 ông dạy học tại Phật Học Viện Trung Quốc. Ông sở trường về Duy Thức, các tác phẩm Nhiếp Đại Thừa Luận Sớ, Duy Thức Thông Luận, Tâm Kinh Thông Giải, Phật Học Thông Luận, Nhân Sinh Học, Khởi Tín Luận Liệu Giản của ông được đánh giá rất cao.

mà do tâm cung kính của chính mình. Quý vị có thể đạt được bao nhiêu sẽ tỷ lệ thuận với tâm cung kính của chính mình, đạo lý như thế đó!

Đặc biệt nói rõ, quý vị học Phật, thầy là lớn nhất. Tôi là người xuất gia, thầy tôi là tại gia, hãy nhớ, thầy là người lớn nhất, thấy thầy phải đánh lễ ba lạy giống như thấy Phật. Thầy là cư sĩ, xác thực như thế. Trong thời đại này, chừng hơn tám mươi năm trước, ông ta đã nói ra câu ấy. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Chúng ta chỉ biết Thích Ca Mâu Ni Phật, còn có một vị Phật tại gia, nhưng mọi người quên khuấy. Thân phận [của vị thầy] tại gia ấy và địa vị của Thích Ca Mâu Ni Phật giống nhau, tại gia Phật là cư sĩ Duy Ma Cật, cùng thời đại với Thích Ca Mâu Ni Phật. Hai vị Phật đồng thời, một tại gia, một xuất gia. Quý vị thấy học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta xem kinh thấy gần như mỗi bộ kinh đều có hai vị là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất tượng trưng trí huệ đệ nhất, Mục Kiền Liên tượng trưng thần thông đệ nhất. Cư sĩ Duy Ma giảng kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật sai hai người học trò ấy đi nghe kinh. Họ trông thấy cư sĩ Duy Ma, vừa đánh lễ ba lạy, vừa đi nhiễu ba vòng theo chiều phải, lễ tiết hoàn toàn giống như gặp A Di Đà Phật. Đức Phật từ bi, vào lúc ấy diễn xuất cho chúng ta thấy, dạy người đời sau chúng ta biết tôn trọng đạo, đặc biệt dạy người xuất gia: Tại gia có người tu hành khai ngộ, minh tâm kiến tánh, đặc đạo, chúng quả! Họ đạt tới địa vị ấy, chính là Phật, chính là thầy. Chúng ta đối với người ấy cung kính giống như đối với Phật, chớ nên hạ thấp, khinh dễ người ấy; nếu làm như vậy thì đã hoàn toàn sai mất rồi!

Trong lần diễn giảng ấy, Âu Dương đại sư đã nói rất rõ ràng, minh bạch. Tuy vậy, chúng tôi là hàng hậu sanh, lần diễn giảng phát biểu ấy, tôi còn chưa ra đời. Tôi sanh năm Dân Quốc 16 (1927), ông ta giảng diễn vào năm Dân Quốc 12 (1923). Chúng tôi đọc bài diễn thuyết, hiểu dụng ý của ông ta: Người xuất gia phải học khiêm hư. Tại gia cư sĩ có đức năng, tu hành tốt đẹp hơn ta thì ta phải nên trông lòng học tập người ấy, coi người ấy là thầy thì mới có thể thành tựu chính mình. Do vậy, trong bộ kinh này, càng hiển thị thâm ý ấy. Quý vị thấy đối với hàng xuất gia Bồ Tát chỉ nêu ra ba vị, tại gia Bồ Tát nêu lên mười sáu vị. Mười sáu vị này hoàn toàn bình đẳng với ba vị trước, đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Bởi lẽ, thuở Phật tại thế, quả thật có Hiền Hộ Chánh Sĩ sanh tại thành Vương Xá, là tại gia Bồ Tát đã chứng địa vị Đẳng Giác, trên thực tế đều là tại gia Phật. Ngài Duy Ma đại diện cho tại gia Phật, thuộc địa vị Diệu Giác. Vì thế, tại gia có thể tu hành thành Bồ Tát, thành Phật. Đó chính là như Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm đã nói: “*Nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy*”. Đặc biệt là trong thời đại hiện tại, hiện thân làm người tại gia giáo hóa chúng sanh dễ dàng, so với người xuất gia dễ dàng hơn nhiều. Tại gia có thể kinh doanh các thứ sự nghiệp khác nhau, có thể khởi tác dụng xưởng suát trong các nghề nghiệp khác nhau, đó chính là ý nghĩa của Hiền Thủ.

Chúng ta lại xem lời khai thị của cụ Hoàng Niệm Tổ kể đó: “*Nhược án kim kinh biệt ý*” (Nếu xét theo ý riêng trong kinh này), kinh này là kinh Vô Lượng Thọ, chuyên giảng pháp môn Tịnh Tông, dạy chúng ta niệm Phật đời nghiệp vãng sanh. Dựa theo bộ kinh này để thấy ý nghĩa của giảng tòa lần này. “*Cứ Ban Châu Tam Muội Kinh*” (theo kinh Ban Châu Tam Muội), trong kinh Ban Châu Tam Muội có một đoạn như thế này: “*Thử Bạt Đà Hòa*” (ông Bạt Đà Hòa này), có cùng ý nghĩa với âm tiếng Phạn Bạt Đà Bà La trong phần trước, chỉ là phiên dịch khác nhau, âm đọc cũng không sai biệt cho lắm. Bạt Đà Bà La và Bạt Đà Hòa chẳng khác nhau lắm, đều có nghĩa là Hiền Hộ. Bạt Đà Hòa Bồ Tát, “*thị Niệm Phật tam-muội phát khởi nhân*” (là người phát khởi Niệm Phật tam-muội), quý vị thấy Ngài tu gì? Ngài chuyên tu Tịnh Độ, là người khởi đầu Niệm Phật tam-muội, thưở đức Phật tại thế, “*thân kiến Di Đà*” (đích thân thấy Phật Di Đà), Ngài đã thấy A Di Đà Phật. Kinh chẳng nói rõ sự đích thân trông thấy ấy là thấy trong Định, hay thấy trong mộng, có lúc quả thật đang trong lúc hoàn toàn tỉnh táo mà thấy, đích thân thấy Phật Di Đà. “*Kim cố lai thử thắng hội, trợ hiển Niệm Phật tam-muội vô thượng pháp môn*” (nay đến hội thù thắng này để giúp hiển thị pháp môn Niệm Phật tam-muội vô thượng). Ngài hiện diện trong hội này, lại còn được kể tên đầu tiên, chúng ta biết hội này giảng điều gì? Giảng niệm Phật bậc nhất. Ngài là người phát khởi Niệm Phật tam-muội, biểu thị niệm Phật bậc nhất. Ngài được kể tên đầu tiên trong đại hội, pháp hội lần này nhằm giảng niệm Phật là bậc nhất, biểu thị ý nghĩa này.

Vị Bồ Tát thứ hai, tức vị tại gia Bồ Tát thứ hai, “*Thiện Tư Duy Bồ Tát, Đường dịch vi Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ Tát*” (Thiện Tư Duy Bồ Tát, bản dịch đời Đường ghi là Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ Tát), bản dịch đời Đường nằm trong kinh Đại Bảo Tích. Trong Vô Lượng Thọ Như Lai Hội của kinh Đại Bảo Tích, danh xưng của Ngài được phiên dịch là Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ Tát. “*Ngụy dịch*”, bản dịch đời Ngụy là bản được lưu hành phổ biến nhất tại Nhật Bản. Các đại đức Nhật Bản vào thời cổ đọc kinh Vô Lượng Thọ quá nửa dùng bản này, tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải. “*Ngụy*” ở đây là nhà Tào Ngụy trong thời đại Tam Quốc. “*Án Tử Đồng Tử Kinh Hiện Sanh Phẩm*” (xét theo phẩm Hiện Sanh trong Tứ Đồng Tử Kinh^{76[12]}), trong kinh ấy có giới thiệu, “*Thiện Tư Duy đẳng Chánh Sĩ, thị tha phương thế giới lai thử thị hiện chi tại gia Bồ Tát*” (các vị Chánh Sĩ như Thiện Tư Duy v.v... từ thế giới phương khác đến cõi này thị hiện làm hàng tại gia Bồ Tát), vị Bồ Tát này không thuộc thế giới Sa Bà, mà là khách, từ thế giới phương khác đến, cũng đến tham gia pháp hội lần này, hiển thị sự thù thắng của pháp hội lần này, cảm động các Bồ Tát ở những thế giới phương khác đến tham dự.

^{76[12]} Bản kinh này có tên gọi đầy đủ là Tứ Đồng Tử Tam Muội Kinh do ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy, ba quyển, chính là một bản dịch khác của sáu phẩm đầu kinh Phương Đẳng Bát Nê Hoàn Kinh. Trong kinh này, đức Phật sắp nhập diệt tại thành Câu Thi Na, đã giảng đạo Niết Bàn cho A Nan, A Nậu Lô Đà và bốn vị đại Bồ Tát tại gia.

“*Kinh vân: Đông phương khứ thử Phật sát thập thiên câu-chi, hữu nhất thế giới danh Bảo Minh*” (kinh dạy: “Từ phương Đông của cõi Phật này đi qua mười ngàn câu chi cõi Phật, có một thế giới tên là Bảo Minh”). Thế giới này của chúng ta gọi là Sa Bà, mỗi thế giới có một vị Phật giáo hóa trong ấy. Mỗi thế giới là khu vực giáo hóa của một vị Phật. “*Phật danh Sư Tử Minh Thanh Như Lai. Hữu nhất Bồ Tát danh Thiện Tư Nghị*” (Phật hiệu là Sư Tử Minh Thanh Như Lai, có một Bồ Tát tên là Thiện Tư Nghị), đây chính là ngài Thiện Tư Duy đang được nói đến ở đây. “*Ứng thác lai đảo thử độ, hóa sanh A Xà Thế vương cung nội*” (thác sanh đến cõi này, hóa sanh trong cung vua A Xà Thế), Ngài đến thế giới này để đầu thai, sanh trong cung vua A Xà Thế. Đây gọi là Ứng Thân, chẳng phải là Hóa Thân, ứng hóa trong thế gian này, là Bồ Tát từ phương khác đến. Danh hiệu Thiện Tư Nghị và Thiện Tư Duy có ý nghĩa giống nhau, nói rõ ý niệm và tâm thái của Bồ Tát thuần tịnh, thuần thiện. Thiện ở đây chẳng phải là thiện trong “thiện - ác”, mà có ý nghĩa giống như câu “*nhân tánh bốn thiện*” trong Tam Tự Kinh, thiện là như vậy đó. Thiện trong “thiện - ác” có trình độ rất thấp, trong lục đạo có thiện - ác; ra khỏi lục đạo, thiện - ác chẳng còn, thiện - ác không có thì mới gọi là Tịnh Độ. Vì vậy, họ (những người đã thoát khỏi lục đạo) có nhiễm và tịnh, chẳng có thiện và ác. So với lục đạo để nói, [cảnh giới] họ [an trụ] là Tịnh Độ, lục đạo là nhiễm ô. Thiện ở đây còn cao hơn [so với Thiện trong] Tịnh Độ, trong Phật pháp gọi cảnh giới ấy là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, đây mới là chân thiện. Do các Ngài (các vị Bồ Tát thuộc nhóm Hiền Hộ Bồ Tát) là Đẳng Giác Bồ Tát, nhất định thuộc vào tầng bậc cao nhất, nên chúng ta không thể dùng định nghĩa [về Thiện] trong lục đạo phạm phụ để giải thích, [nếu hiểu theo ý nghĩa so sánh với lục đạo phạm phụ] sẽ là sai lầm!

Tiếp đó nói: “*Nam phương khứ thử ngũ bách ức thế giới, hữu nhất thế giới, Phật danh Bảo Tích Thiện Hiền Như Lai, hữu nhất Bồ Tát danh Tịch Tĩnh Chuyển*” (Nơi phương Nam cách đây năm trăm ức thế giới có một thế giới, Phật hiệu Bảo Tích Thiện Hiền Như Lai, có một vị Bồ Tát tên là Tịch Tĩnh Chuyển), đây chính là ngài Huệ Biện Tài được nhắc đến trong kinh này, Huệ Biện Tài được gọi là Tịch Tĩnh Chuyển [trong kinh Tứ Đồng Tử]. “*Ư thử Xá Vệ thành nội, sanh đại cư sĩ Tụ Sư Tử gia. Tây Phương khứ thử quá bát ức bách thiên Phật sát, Lạc Âm Như Lai sở, hữu nhất Bồ Tát danh Vô Phan Duyên*” (trong thành Xá Vệ này, sanh trong nhà cư sĩ Tụ Sư Tử. Ở phương Tây, cách khỏi đây tám ức trăm ngàn cõi Phật, ở chỗ đức Lạc Âm Như Lai có một vị Bồ Tát tên Vô Phan Duyên), [Vô Phan Duyên] chính là ngài Quán Vô Trụ đang được nói đến ở đây. “*Ư thử Ba La Nại quốc, hóa sanh đại cư sĩ Thiện Quý gia. Bắc phương khứ thử lục vạn tứ bách thiên ức Phật độ, trụ Bồ Đề Phần Chuyển Như Lai sở, hữu nhất Bồ Tát danh Khai Phu Thần Đức*” (hóa sanh vào nhà đại cư sĩ Thiện Quý trong nước Ba La Nại này. Về phương Bắc, cách đây sáu vạn bốn trăm ngàn ức cõi Phật, ở chỗ đức Trụ Bồ Đề Phần Chuyển Như Lai có một vị Bồ Tát tên Khai Phu Thần Đức), [Khai Phu Thần Đức] chính là ngài Thần Thông Hoa đang được nói đến ở đây. “*Sanh thử Tỳ Da Ly thành đại tướng Sư Tử gia. Thử tứ đồng tử dữ vô lượng đại chúng, cộng lai Sa*

La Song Thọ sở, cung kính cúng dường” (sinh trong nhà đại tướng Sư Tử của thành Tỳ Gia Ly này. Bốn đồng tử này cùng với vô lượng đại chúng đến rừng Sa La Song Thọ cung kính cúng dường). Đây là ghi chép về các vị Bồ Tát ở phương khác, các Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát nơi phương khác, có duyên rất sâu với Thích Ca Mâu Ni Phật, hiển thị điều thường được nói trong kinh: “*Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ*”. Mọi người thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đến quả địa cầu này thì hiện thành Phật độ chúng sanh, chư Phật Như Lai, Đẳng Giác Bồ Tát có duyên phận sâu đậm với Thích Ca Mâu Ni Phật thấy đều theo đến. Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh tại nước Ca Tỳ La Vệ, trong vương cung của đại vương Tịnh Phạn, những vị ấy mỗi vị tìm một chỗ, đều cùng giáng sanh, dùng đủ thứ thân phận bất đồng, có vị là thân phận Bồ Tát, có vị là thân phận Thanh Văn, có vị là thân phận Duyên Giác, có vị mang thân phận xuất gia, có vị mang thân phận tại gia, cũng có vị mang thân phận quốc vương, đại thần, đủ mọi thân phận khác biệt đến hộ trì Thích Ca Mâu Ni Phật. Mọi người đến diễn một vở tuồng, Thích Ca Mâu Ni Phật đóng vai chánh, các vị kia đều đóng vai phụ, khiến cho vở tuồng được diễn viên mãn, biểu diễn sống động, hoạt bát, vì sao? Để giáo hóa chúng sanh. Ở đây, chúng ta thấy điều gì? Hòa hài, chẳng ghen ghét, chẳng tranh danh đoạt lợi. Ai làm người cầm đầu, lãnh đạo cũng được, cũng hoan hỷ, chúng ta phải học điều này. Mục tiêu và phương hướng chung chỉ có một, mong mỗi giúp cho những chúng sanh mê hoặc, còn chưa giác ngộ phá mê khai ngộ, lia khổ được vui, nhắm tới mục tiêu này. Mục tiêu và phương hướng giống nhau, nên mọi người đều cùng đến. Mấy vị này thường được đức Phật nhắc tới trong kinh điển, lại còn là những vị cư sĩ tu hành chứng quả, cũng rất nổi tiếng tại Ấn Độ thuở ấy, hẳn nhắc tới mọi người đều biết.

Lại xem tiếp: “*Hựu thử hạ Quang Anh Bồ Tát đẳng tứ Chánh Sĩ, như Phật Danh Kinh đệ thất thuyết, Quang Anh, Huệ Thượng*” (Thêm nữa, bốn vị Chánh Sĩ như Quang Anh Bồ Tát v.v... tiếp theo đó như quyển bảy kinh Phật Danh⁷⁷[13] có nói: Quang Anh, Huệ Thượng), Huệ Thượng ở đây là Trí Thượng. “*Tịch Căn, Nguyễn Huệ tứ Bồ Tát, từng tứ phương Phật độ lai tập thử giới chi tướng*” (Tịch Căn, Nguyễn Huệ, bốn vị Bồ Tát, từ cõi Phật ở bốn phương nhóm đến cõi này), hóa thân đến! Trong phần trước, ta thấy Ứng Thân, đến thế gian này đầu thai, gọi là Ứng Thân, hoặc là Hóa Thân. “*Hựu Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh diệc thuyết, thử tứ Chánh Sĩ từng tứ phương lai, đồng thượng sở thuyết*” (Hơn nữa, kinh Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh cũng nói bốn vị Chánh Sĩ này từ bốn phương đến, giống như trong kinh Tứ Đồng Tử đã nói). Cũng có thể nói là trong kinh, đức Phật cũng đã nhiều lần giới thiệu các vị này. “*Hựu Nguyệt Đẳng Tam Muội Kinh đệ tam thuyết: - Hương Tượng Bồ Tát*

⁷⁷[13] Kinh Phật Danh có tên đầy đủ là Phật Thuyết Phật Danh Kinh, gồm mười hai quyển, do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch vào thời Nguyên Ngụy. Do trong kinh liệt kê hơn một vạn vị Phật (khoảng chừng 11.093 vị Phật), đồng thời liệt kê thêm danh hiệu của vài trăm vị Bích Chi Phật và Bồ Tát, nên bản dịch tiếng Việt ghi là kinh Vạn Phật.

tùng Đông phương A Súc Phật, dĩ na-do-đa Bồ Tát, cộng lai vấn tán Thích Ca Mâu Ni Phật” (Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội, quyển thứ ba lại nói: “Hương Tượng Bồ Tát từ cõi của A Súc Phật ở phương Đông cùng với na-do-đa (na-do-tha) Bồ Tát cùng đến chào hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật”). Trong mười sáu vị trên đây, ngài Hương Tượng xếp thứ mười hai. Ngài từ cõi của Đông phương A Súc Phật, là đệ tử của A Súc Phật, dẫn theo rất nhiều người. Chúng ta thường dịch Na-do-đa (Nayuta) là Vô Số, số lượng nhiều lắm. Ngài dẫn theo Bồ Tát nhiều đường ấy, cùng nhau thưa hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, sau khi chào Thích Ca Mâu Ni Phật, bèn thỉnh an Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Dĩ thượng Hiền Hộ đẳng nhất trục đảo Hương Tượng*” (Trên đây, từ Hiền Hộ cho đến Hương Tượng Bồ Tát), tổng cộng là mười vị. “*Kỳ dư lục nhân như Chân Giải vân*” (còn sáu vị kia thì như sách Chân Giải nói), Chân Giải là chú giải kinh Vô Lượng Thọ của pháp sư Đạo Ân người Nhật, bản chú giải ấy có tên là Chân Giải. Trong Tịnh Tông Nhật Bản, Sư hết sức nổi tiếng, bản chú giải của Sư cũng được truyền đến Trung Quốc. Do vậy, tổ sư đại đức của Tịnh Tông Trung Quốc cũng tham khảo bản chú giải của Sư, đây là bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ hay khéo, rất nổi tiếng. “*Kỳ dư Trí Tràng*” (ngoài ra, Trí Tràng), tức là Bảo Tràng. “*Bảo Anh, Trung Trụ, Chế Hạnh, Giải Thoát đẳng*” (Bảo Anh, Trung Trụ, Chế Hạnh, Giải Thoát v.v...), mấy vị này, “*tuy vị kiến kinh chứng*” (tuy chưa thấy kinh văn khác để làm chứng), khi đức Phật nói kinh, chẳng nhắc đến tên các Ngài, nhưng trong kinh Vô Lượng Thọ này, đức Phật đã nói đến. “*Chuẩn tiền tư chi*” (chuẩn theo những điều trên đây để suy luận), chúng ta dùng tiêu chuẩn phía trước cũng có thể biết, “*tất ưng thị tha phương lai đại sĩ dã*” (nhất định là các đại sĩ từ phương khác đến), nhất định phải là từ thế giới phương khác đến đây, tham gia một lần hoạt động của Thích Ca Mâu Ni, tức đại hội kinh Vô Lượng Thọ. “*Án Chân Giải sở chú thị Ngụy dịch*” (Xét ra, sách Chân Giải dùng bản dịch đời Ngụy để chú giải), tức bản của ngài Khang Tăng Khải, bản dịch của ngài Khang Tăng Khải rất nổi tiếng tại Nhật Bản. “*Ngụy dịch căn liệt thập ngũ Chánh Sĩ chi danh*” (bản Ngụy dịch chỉ kể tên mười lăm vị Chánh Sĩ), ở đây là mười sáu vị, bản Ngụy dịch chỉ có mười lăm, kể tên mười lăm vị. “*Kỳ trung khuyết Huệ Biện Tài Bồ Tát, thử Bồ Tát kiến ư Đường dịch. Chân Giải dĩ vi Tín Huệ tức Huệ Biện Tài*” (trong ấy, thiếu Huệ Biện Tài Bồ Tát, vị Bồ Tát này thấy ghi trong bản dịch đời Đường. Sách Chân Giải cho rằng Tín Huệ chính là Huệ Biện Tài). Hiện thời, Tín Huệ và Huệ Biện Tài tách thành hai người, chia ra làm hai người, nên mới “*hợp thập lục chi số*” (gộp thành con số mười sáu). Vì mười sáu nhằm biểu thị pháp trong Mật Tông, mười sáu tượng trưng cho sự viên mãn, chẳng phải là con số thật sự, mà nhằm biểu thị pháp. “*Cố tri Tín Huệ Bồ Tát diệc ưng như Bảo Tràng đẳng Chánh Sĩ, diệc thị tha phương lai giả*” (Nên biết Tín Huệ Bồ Tát cũng giống các vị Chánh Sĩ như Bảo Tràng v.v... cũng từ phương khác đến). Ngài chẳng phải là Bồ Tát trong thế giới Sa Bà, mà thuộc vào số những vị Bồ Tát ở phương khác đến tham dự pháp hội lần này.

“*Chân Giải u thử, cánh hữu xiển minh*” (Đối với điều này, sách Chân Giải càng giảng rõ). Ở đây, có trích lục đoạn văn trong sách Chân Giải: “*Văn viết: Sơ liệt Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ giả, chương thử pháp bất dĩ xuất gia phát tâm vi bản*” (Nguyên văn: “Đầu tiên nêu lên nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ để chỉ rõ pháp này chẳng lấy phát tâm xuất gia làm gốc”). Chương (彰) là hiển thị (nêu rõ, chỉ rõ), chương minh (tỏ bày rõ ràng) pháp môn này chẳng lấy phát tâm xuất gia làm căn bản, mà cũng chẳng phải chủ yếu vì họ (người xuất gia) mà nói. “*Thứ liệt tha phương lai giả, chương thập phương Phật độ trung, tất dĩ thử pháp vi xuất thế đại sự cố, cộng lai tinh tấn cầu thử pháp. Thứ nghị thậm đắc kinh chỉ*” (Kể đến, nêu ra các vị đến từ phương khác, ngụ ý: Trong các cõi Phật khắp mười phương đều dùng pháp này làm đại sự xuất thế, cùng tinh tấn đến cầu pháp này. Lời bàn định ấy rất phù hợp với tông chỉ của kinh). Không lấy xuất gia thì lấy gì làm gốc? Lấy tại gia làm gốc. Đặc biệt trong chín ngàn năm về sau trong thời Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, có thể là người xuất gia càng ngày càng ít, kẻ tại gia tu hành ngày càng đông. Người tại gia tu hành tu pháp môn nào đạt thành tựu? Pháp môn này! Chắc chắn thành tựu. Những vị tại gia Bồ Tát này thị hiện, chứng minh tại gia có thể thành Phật, có thể thành Đẳng Giác, các Ngài đến làm mẫu, khiến cho quý vị sanh khởi tín tâm. Sách Chân Giải nói kiểu này rất tương ứng với tông chỉ của kinh. Tiếp theo là “*cái tại gia tu hành, tối nghi trì danh niệm Phật dã*” (vì tu hành tại gia thì trì danh niệm Phật là thích hợp nhất). Đầu tiên là ngài Hiền Hộ nêu gương cho chúng ta. “*Thập phương đại sĩ tất lai thỉnh pháp, biểu thử pháp thù thắng, thật vi đại sự nhân duyên cố*” (mười phương đại sĩ ắt đều đến nghe pháp, biểu thị pháp này thù thắng, thật sự là đại sự nhân duyên). Đại sự là liễu sanh tử, thoát tam giới, chứng Bồ Đề, đắc đại quả; đây là đại sự nhân duyên.

Kể đó, Hoàng lão cư sĩ nghị luận: “*Hựu Hiền Hộ biểu Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát*” (lại nữa, Hiền Hộ biểu thị Như Lai khéo hộ niệm các Bồ Tát). Quả thật danh hiệu có ý nghĩa này. Như Lai có hai ý nghĩa, nói theo Lý là tự tánh. Tư tưởng và ngôn hạnh của con người tương ứng với tánh đức, thì trí huệ và đức tướng trong tự tánh sẽ thường hiện tiền; vì sao? Tâm tâm tương ấn, hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng; kinh Hoa Nghiêm nói “tâm hiện, thức biến”. Tự tánh có thể nâng cao năng lượng, nó là căn cứ lý luận để nâng cao cảnh giới của chúng ta, đây là ý nghĩa thứ nhất. Thứ hai, Như Lai là Thích Ca Mâu Ni Phật, là A Di Đà Phật, là những vị đã tu hành chứng đắc địa vị Diệu Giác. Ý thức của chúng ta chính là “niệm đầu” (ý niệm), ý niệm chẳng thể nghĩ bàn. Từ Hoàn Nguyên Quán, chúng ta thấy: Bất luận hữu tâm hay vô tâm, ý niệm là dao động. Dao động hết sức yếu ớt, nhưng tốc độ của nó quá nhanh, chẳng khởi dao động thì thôi, hễ dao động dấy lên, lập tức trọn khắp pháp giới. Chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng chuyện này, không ngờ các nhà khoa học Lượng Tử hiện thời đã phát hiện, họ nói hết sức gần gũi với cách giảng của Thích Ca Mâu Ni Phật, họ nói sự dao động ấy cũng trọn khắp pháp giới. Đã là trọn khắp pháp giới, chư Phật Như Lai trong mười phương pháp giới đều nhận được tin tức ấy. Đã nhận được, há lẽ nào chẳng gia

trì? Như vậy thì tin tức phát ra là Cảm, chư Phật, Bồ Tát hồi đáp là Ứng; cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Tôi tin tưởng chắc chắn là trong vòng năm năm, Lượng Tử Lực Học sẽ rất phổ biến, đây là chuyện tốt, sẽ khiến cho người bình phàm chúng ta sanh khởi tín tâm khôn sánh. Trên địa cầu có lắm tai nạn như vậy, có thể hóa giải những tai nạn ấy hay không? Có thể! Lượng Tử Học đã trao cho chúng ta lý luận, lý luận ấy ở ngay trong kinh Đại Thừa, từ ba ngàn năm trước Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói tới rồi. Xưa nay đều nói như vậy, có thể thấy điều ấy là thật, chẳng giả. Vì thế, chỉ cần thay đổi ý niệm, vấn đề bèn được giải quyết.

Bởi lẽ, vào nửa sau năm ngoái, tôi xem đĩa CD của bà Lưu Tố Vân. Đó là [một đĩa ghi lại] cuộc săn tin của một ký giả báo chí, chẳng nhằm điều tra bà ta. Người ấy đi săn một tin khác ở miền Đông Bắc, nghe có chuyện lạ lùng như thế này: Một người mắc chứng Hồng Ban Lang Sang nghiêm trọng ngàn ấy, nghiêm nhiên không cần thuốc men, cũng chẳng tiêm thuốc, do niệm Phật mà lành bệnh. Cảm thấy lạ lùng, bèn đến phỏng vấn bà ta. Tôi xem cuộc phỏng vấn được ghi hình nửa giờ, đó là gì? Ý niệm, hoàn toàn tương ứng với cách nói của Phật và của các nhà Lượng Tử Lực Học. Bệnh tật nặng nề ngàn ấy, bà ta chẳng bận tâm. Chư vị phải biết, nếu nhiễm bệnh, thường bận tâm về căn bệnh, sẽ rất khó lành, cuối cùng là một con đường chết mà thôi! Người chẳng có bệnh tật, cơ thể rất khỏe mạnh, thường nghĩ chỗ này đau, chỗ kia nhức, chắc chắn sẽ sanh bệnh! Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, quý vị nghĩ đến bệnh tật mỗi ngày, làm sao chẳng thể không ngã bệnh? Trong quá khứ, tôi có một người bạn, là bạn xuất gia. Thầy ấy xuất gia từ nhỏ, bị quân đội bắt làm lính, không có cách nào khác! Do vậy, theo quân đội đến Đài Loan, thầy ấy mong thoát khỏi quân ngũ để tiếp tục cuộc sống xuất gia. Làm cách nào đây? Tuổi quá trẻ, mỗi ngày bèn nghĩ mình bị bệnh tim nặng. Thầy ấy nghĩ như thế chưa đầy một năm, quả thật, khám sức khỏe thấy bị bệnh tim. Do vậy, [quân đội] cho giải ngũ, thoát khỏi quân đội, nhưng bệnh tim cả đời chẳng lành, hại thầy ấy suốt đời, từ tâm tưởng sanh đây mà! Khi ấy, chúng tôi tuổi trẻ, chẳng biết đạo lý này trong Phật pháp. Nếu biết đạo lý này, khuyên bảo thầy ấy, hãy khôi phục ý niệm bình thường, chẳng còn nghĩ bị bệnh tim nữa, hằng ngày nghĩ đến A Di Đà Phật, bệnh tim sẽ chẳng còn, bệnh sẽ chẳng đeo theo nữa! Tâm tưởng sự thành! Mỗi ngày nghĩ tới A Di Đà Phật, trong tương lai quý vị sẽ làm Phật! Mỗi ngày nghĩ tới bệnh tật, chắc chắn quý vị sẽ bị bệnh nặng. Phải hiểu đạo lý này!

Thuở trước, tôi ở Mỹ, rất ít bị bệnh, có một lần bị cảm, đi bác sĩ, bác sĩ là người Hoa, nói chuyện với tôi cũng rất hợp ý. Có một ngày tôi bảo ông ta: “Bệnh lành không phải do thầy thuốc chữa lành”. Ông ta rất kinh ngạc, hỏi vì sao? Tôi nói: “Niềm tin chiếm tới bảy mươi phần trăm, bác sĩ [chữa trị] chiếm ba mươi phần trăm. Người bệnh tin tưởng bác sĩ, bác sĩ tin tưởng người bệnh, bệnh ấy rất dễ chữa lành, tín tâm mà! Nếu bác sĩ hoài nghi người bệnh, người bệnh cũng nghi ngờ bác sĩ, nghi ngờ thuốc thang, bệnh ấy chỉ có nặng thêm, chẳng thể bình phục tốt đẹp được!” Ông ta nghe xong, cảm thấy rất có lý. Đúng là như vậy, chẳng sai chút nào! Tín tâm làm chủ tể hết thấy, giống như hiện thời các nhà Lượng Tử Lực Học rất

khẳng định bảo chúng ta: Ý niệm, năng lượng chẳng thể nghĩ bàn, ý niệm làm chủ tể hết thảy. Thậm chí ý niệm có thể thay đổi quỹ đạo của tinh cầu trong vũ trụ, có năng lượng to lớn như thế. Bản thân mỗi cá nhân đều có ý niệm, nhưng vấn đề là phải tập trung, sức mạnh mới lớn. Ý niệm của chúng ta phân tán, suốt ngày suy nghĩ loạn xạ, nên sức mạnh của nó cũng rất yếu ớt; do vậy, tu Định, Định là gì? Định là tập trung ý niệm. Quý vị thấy trong kinh Di Giáo, đức Phật đã nói: “*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện*” (chế tâm một chỗ, không chuyện gì chẳng làm được). Câu này rất quan trọng. Quý vị có thể tập trung ý niệm, tập trung tại một chỗ, không chuyện gì chẳng làm được. Chúng ta muốn hóa giải hết thảy những tai nạn trên địa cầu, tập trung ý niệm sẽ làm được. Vì thế, kỳ đảo có hiệu quả, chẳng phải là không có hiệu quả. Lúc kỳ đảo, ý niệm phải tập trung thì mới có thể nảy sinh tác dụng. Nếu ý niệm không tập trung, kỳ đảo sẽ chẳng thể sanh ra hiệu quả. Đều có đạo lý, chẳng phải là mê tín. Do vậy, Hiền Hộ biểu thị Như Lai khéo hộ niệm chư Bồ Tát, dùng gì để khéo hộ niệm? Thiện là tốt nhất, hộ niệm tốt nhất, đối với các vị Bồ Tát này, “*Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, tam căn phổ bị, vạn loại tề thâm*” (biên nguyện Nhất Thừa, sáu chữ hồng danh, thích hợp khắp ba căn, gồm thâm muôn loài), [dùng] bốn câu này [để “thiện hộ niệm”].

Thuở tôi còn trẻ, tôi nhớ đã giảng kinh điển Tịnh Độ là bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, tôi tham khảo bản chú giải của pháp sư Quán Đảnh thuộc thời đại Càn Long nhà Thanh trước kia. Trong chú giải, Ngài có nói một câu: Chúng ta gặp khó khăn, cầu Phật, Bồ Tát gia trì, dùng những phương pháp trong Phật giáo để hóa giải tai nạn. Ngài nói: Nghiệp chướng của quý vị rất nặng, hết thảy kinh giáo sám pháp cũng chẳng có cách nào tiêu trừ nghiệp chướng của quý vị được, phương pháp gì cũng đã dùng hết cả rồi, vẫn chẳng thể tiêu trừ, cuối cùng còn có một phương pháp, khẳng định có thể tiêu trừ, phương pháp gì vậy? Một câu A Di Đà Phật, nhất tâm chuyên niệm. Khi ấy, chúng tôi đọc chú giải thấy Ngài viết như vậy, không tin, tuy không phản đối, cũng giới thiệu lời Ngài nói, nhưng chẳng tin tưởng điều ấy, [vì] không liễu giải đạo lý. Sau này, chúng tôi học kinh Hoa Nghiêm, học tập Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư mới hoảng nhiên đại ngộ. Lại thấy Lương Tử Lực Học hiện đại cũng nói như vậy, ý niệm tập trung, sức mạnh ấy rất lớn, tập trung ở chỗ nào? Tập trung trong một câu A Di Đà Phật, sáu chữ hồng danh, hoặc bốn chữ đều được. Vì sao? Càng đơn giản, hiệu quả càng lớn. Một câu Phật hiệu thật sự hữu dụng. Dùng một câu Phật hiệu để gia trì hết thảy chư Bồ Tát, từ Sơ Phát Tâm cho đến Đẳng Giác. Tâm quý vị một niệm thanh tịnh niệm câu Phật hiệu này, sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. Trong câu Phật hiệu ấy, A Di Đà Phật là gì? Là danh xưng của tự tánh. Dem dịch ra, đấy là tiếng Ấn Độ, tức tiếng Phạn, dịch là Vô Lượng, Phật là Giác Ngộ, [A Di Đà Phật] là Vô Lượng Giác Ngộ, Vô Lượng Giác, Vô Lượng Trí Huệ, Vô Lượng Giác Ngộ. Đó là bản năng trong tự tánh, tự tánh vốn là vô lượng giác. Dùng câu danh hiệu này để khai phát vô lượng trí huệ, vô lượng giác ngộ trong tự tánh của chính mình, tác dụng ấy quá lớn! Thuở đầu chúng tôi học tập kinh giáo, những danh từ thuật ngữ ấy đều rất quen thuộc, vì sao không thể sanh khởi tín tâm? Chúng tôi chẳng tham

cứu thấu triệt kinh giáo, mà cũng chẳng có ai giảng rõ ràng, minh bạch cho chúng tôi. Chúng tôi dùi mài kinh giáo chẳng bỏ, tốn ngàn ấy năm công phu, dần dần thông hiểu, từ từ giác ngộ, bèn khẳng định, chẳng còn hoài nghi, phương pháp này khởi tác dụng.

Trong Phật môn, chúng ta niệm A Di Đà Phật, Cơ Đốc giáo niệm Thượng Đế có được hay không? Được! Y Tư Lan giáo (Islam) niệm Chân Chúa, có được hay không? Được! Cùng một đạo lý! Chỉ cần quý vị tập trung ý niệm vào một niệm, sẽ sanh ra năng lượng chẳng thể nghĩ bàn, năng lượng ấy có thể giải quyết hết thảy vấn đề. Do đó, phải hiểu rõ đạo lý, phương pháp chính xác, nhất định chẳng hoài nghi, chẳng mê tín. Hiện tại, rất nhiều người nói tôn giáo là mê tín, chúng ta nghe xong cảm khái ngàn muôn, ai mê tín? Kẻ ấy mê tín. Vì sao nói kẻ ấy mê tín? Quý vị nói tôn giáo là mê tín, tôn giáo là gì, quý vị có biết hay không? Kẻ ấy không biết. Không biết thì xét theo thái độ, quý vị không có tư cách để nói chuyện! Quý vị thiếu tư cách để so sánh, thiếu tư cách để phê bình! Quý vị hiểu rõ ràng, nói nó là đúng hoặc chẳng đúng, quý vị có thể nói được. Quý vị chẳng hiểu rõ ràng, sẽ đúng là mê tín. Tự làm, làm người, tội lỗi ấy rất ư là nặng. Định luật nhân quả thuộc vào mười pháp giới; chưa vượt khỏi mười pháp giới, quyết định có nhân quả, không có cách nào vi phạm định luật nhân quả. Sau khi vượt thoát mười pháp giới, quý vị giác ngộ toàn bộ, hiểu rõ hoàn toàn, chính mình mới thật sự làm chủ tể, bốn chữ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thật sự làm được, cho nên có Chân Ngã. Thân thể này là Giả Ngã, chẳng phải là Chân Ngã. Sau khi minh tâm kiến tánh, đã tìm được Chân Ngã. Định nghĩa của Ngã là tự tại, là chủ tể. Quý vị thật sự có thể làm chủ. Hiện tại, chúng ta chưa thể làm chủ. Nếu có thể làm chủ, mỗi năm ta đều là mười tám tuổi, đấy mới thật sự là làm chủ! Mỗi năm một già yếu hơn, tức là chưa làm chủ được. “Tôi mỗi ngày vui sướng lắm”, quý vị chẳng làm được! Ngã có nghĩa là chủ tể. Kiến tánh, chủ tể hiện tiền, quý vị thật sự có thể làm chủ. Vì thế, cuối cùng nói: “*Chánh thị Hiền Hộ chi nghĩa*” (Chính là ý nghĩa của Hiền Hộ). Biện nguyện Nhất Thừa, sáu chữ hồng danh, thích hợp khắp ba căn, gồm thâm vạn loại, mười sáu chữ ấy đã bao gồm toàn bộ nội dung kinh Vô Lượng Thọ. Thích Ca Mâu Ni Phật triệu tập pháp hội này, giảng khóa học này, giảng những điều gì? Chính là giảng mười sáu chữ ấy. Đặc biệt là Nhất Thừa rất lỗi lạc. Nhất Thừa là thành Phật, đạt đến viên mãn rốt ráo.

Chúng ta lại xem tiếp: “*Hựu Thiện Tư Duy, biểu chánh trí minh liễu, thâm tín Phật huệ, tịnh biểu Pháp Tạng nhân địa ngữ kiếp tư duy, kết đắc đại nguyện chi thắng nhân*” (Thêm nữa, Thiện Tư Duy biểu thị chánh trí minh liễu (hiểu trọn vẹn rõ ràng), tin sâu Phật huệ, lại còn biểu thị: Ngài Pháp Tạng lúc còn tu nhân, tư duy trong năm kiếp, kết thành thắng nhân đại nguyện). Do vậy, danh hiệu đều nhằm biểu thị pháp, tượng trưng cho chánh trí sáng tỏ. Chánh trí không do bên ngoài mà có, mà chính mình vốn sẵn có, như đức Phật đã nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ của Như Lai*”, đấy là chánh trí. Trí huệ của chúng ta không sáng tỏ, có chướng ngại, thứ gì chướng ngại? Vọng tưởng là tầng chướng ngại thứ nhất, phân biệt là tầng chướng ngại thứ hai, chấp trước là tầng chướng ngại thứ ba. Do ba tầng chướng

ngại, trí huệ của chúng ta chẳng thể thấu lộ, trí huệ chẳng có. Thật ra, đó là thật, chẳng giả, vì sao trí huệ chẳng thể thấu lộ? Sau khi trí huệ xuyên qua ba thứ chướng ngại ấy, nó cũng tỏ lộ, nhưng tỏ lộ thành gì? Đã bị biến chất, biến thành gì? Biến thành phiền não. Vì thế, trong kinh, đức Phật đã nói rất hay: “*Phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn*”, lời này rất vi diệu. Phiền não và trí huệ là một chuyện, khi không mê, nó được gọi là trí huệ; khi đã mê bèn gọi là phiền não. Do vậy, có thể đoạn phiền não hay không? Chẳng thể đoạn. Phiền não đã đoạn, trí huệ chẳng còn! Chúng là hai mặt của một Thể. Do vậy, lời chánh thuyết trong kinh Phật là: “*Chuyển phiền não thành Bồ Đề*”, phải chuyển biến nó, chẳng thể đoạn nó. Vì nó là Tánh Đức trong tự tánh, quý vị chẳng thể đoạn được, nó vĩnh viễn tồn tại, chẳng sanh, chẳng diệt, nhưng nó có mê và ngộ, mê là phiền não, ngộ là trí huệ.

Chỉ có chánh trí sáng tỏ, quý vị mới tin sâu Phật huệ. Phật là người chứng đắc minh tâm kiến tánh, vì sao? Ngài chẳng có phiền não, hoàn toàn chuyển biến thành trí huệ, quý vị tin tưởng Ngài. Chúng ta chưa chuyển được, vẫn là phiền não, chẳng chuyển thành Bồ Đề. Sau khi chúng ta đã chuyển được, sẽ giống như các Ngài, Phật Phật đạo đồng, không tăng, không giảm. Vì vậy, Phật pháp vĩnh viễn là pháp bình đẳng. Trí huệ của Phật là trí huệ của chính chúng ta, đã hiểu rõ, chẳng còn chướng ngại nữa! Nói theo phía Phật, phiền não của chúng ta chính là trí huệ của Phật, do trong ấy có chướng ngại, nên trí huệ bị biến chất, chuyện là như thế đó! Biến chất là nhất thời, là tạm thời, chẳng phải là vĩnh hằng, rất dễ khôi phục bình thường. Khôi phục bình thường sẽ chẳng hai, chẳng khác với Phật; vì thế, Phật tôn trọng phàm phu, chẳng có mảy may tâm lý khinh mạn. Trong mắt Phật, hết thảy chúng sanh đều giống như Ngài, chẳng hai, chẳng khác. Chỉ cần quý vị giác ngộ, chỉ cần quý vị chịu buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị sẽ giống như Ngài. Vì thế, tin sâu Phật huệ rất khó khăn, chúng tôi huân tập kinh giáo một thời gian lâu như thế mới dần dần thông hiểu, chẳng còn có mảy may hoài nghi!

Về phương diện biểu pháp thì sao? Ngài cũng hiển thị “*Pháp Tạng nhân địa*”, Pháp Tạng Bồ Tát là kiếp xưa của A Di Đà Phật. Trước khi Ngài thành Phật, trong quá trình tu hành, Ngài có pháp hiệu là Pháp Tạng, tức từ-kheo Pháp Tạng, hoặc Pháp Tạng Bồ Tát. Trong khi tu nhân, Ngài đã tu bao lâu? Năm kiếp, “*ngũ kiếp tư duy*”, hai chữ [tư duy] trọng yếu, Ngài nghĩ tới gì? Nghĩ tới thế giới Cực Lạc, tư duy năm kiếp, suy nghĩ thành công, thế giới Cực Lạc hiện tiền. Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, chẳng phải là đạo lý như vậy ư? Nay chúng ta hiểu rõ, chúng ta có nhiều đồng học ngàn ấy, nếu quý vị hiểu được thâm ý hàm tàng trong câu này, A Di Đà Phật lại còn chứng minh cho quý vị, thế giới Cực Lạc thật sự do Ngài tưởng ra, từ trong Không sanh ra Có. Nếu chúng ta có thể sử dụng thời gian năm mươi năm, dùng thời gian một trăm năm để suy tưởng, suy tưởng khiến cho địa cầu khôi phục bình thường giống như thế giới Cực Lạc; có thể thành công hay không? Chắc chắn có thể thành công. Chỉ có một niệm, chẳng thể có niệm thứ hai. Niệm thứ hai là xen tạp, phá hoại niệm này. Cùng một đạo lý giống như vậy, chúng ta chỉ có một niệm thanh tịnh, nghĩ thân tâm của

chính mình mạnh khỏe, có thể đạt được thân tâm khỏe mạnh hay không? Có thể! Thế gian có pháp hay không? Không có pháp, pháp gì cũng không có. Hễ có thì là gì? Có thì là tâm thái, là ý niệm. Vì thế, các nhà khoa học ngày nay bảo: Tất cả các hiện tượng vật chất trong thế gian đều do ý niệm tích lũy liên tục phát sanh huyễn tướng, được gọi là vật chất. Trên thực tế, không có vật chất, bất cứ vật chất gì cũng có thể trở về năng lượng, các khoa học gia đã đưa ra [luận điểm] này rất sớm. Vật chất và năng lượng có thể chuyển biến thành lẫn nhau, họ đưa ra một học thuyết như vậy. Hiện thời, Lương Tử giảng rõ ràng hơn, hết thảy vật chất đều là ý niệm tích lũy. Một ý niệm tốt, một ý niệm thuần tịnh, thuần thiện, khi hiển lộ sẽ là thế giới Cực Lạc.

Hiện thời, xã hội rối ren ngàn ấy, tai nạn trên địa cầu nhiều ngàn ấy, do gì? Do ý niệm bất thiện, tự tư tự lợi, tham, sân, si, mạn, tôn người, lợi mình, đều do những ý niệm ấy. Người trên cả thế giới đều có những ý niệm như thế, đó là ý thức của tập thể, sức mạnh to lớn, sức mạnh ấy có thể hủy diệt địa cầu. Chúng ta đã hiểu rõ đạo lý này, muốn cứu vớt địa cầu này thì phải chuyển biến ý niệm. Một số ít người chuyển được thì cũng có thể sanh ra hiệu quả chẳng nghĩ bàn. Khoa học gia đã cung cấp một vài con số, đối với số lượng con người trên toàn thế giới, lấy căn bậc hai của một phần trăm con số ấy, sẽ chưa tới tám ngàn người, không phải là tám ngàn vạn, mà là tám ngàn người. Cũng có nghĩa là trên thế giới này, nếu có tám ngàn người tập trung ý niệm, chuyển biến tâm thái thành tốt đẹp nhất, thiện nhất, sẽ có thể hóa giải tai nạn trên thế giới này. Chúng ta có thể tin tưởng [điều ấy] hay không? Hiện thời, cư dân trên địa cầu là sáu mươi ức, [thế mà] tám ngàn người có thể cứu [toàn thể cư dân trên địa cầu], quý vị có tin hay không? Người đông như thế làm chuyện xấu, tám ngàn người tốt có thể cứu! Tôi tin tưởng, dựa vào đâu để tin tưởng? Tổ tông chúng ta có nói: “*Tà chẳng thắng chánh*”, con người đa số là tà tri tà kiến, tám ngàn người ấy chánh tri chánh kiến, tôi tin tưởng câu ấy, tà chẳng thắng chánh. Phải phát chân tâm, chẳng có chính mình, hễ thêm một chút tâm tự lợi mình vào đó là không được, sẽ là vọng tâm. Chúng ta dùng chân tâm, làm thế nào để biến vọng tâm thành chân tâm? Bốn câu ấy hay lắm: “*Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, tam căn phổ bị, vạn loại tề thâm*”, mười sáu chữ ấy quá hay! Trọng yếu nhất là học theo A Di Đà Phật, Nhất Thừa nguyện hải trong khi tu nhân, Nhất Thừa là thành Phật, đạt đến rốt ráo viên mãn. Thế giới Cực Lạc do mười sáu chữ ấy tu thành, thiện tư duy đấy! Dùng thời gian năm kiếp [để tư duy], rốt cuộc xuất hiện thế giới Cực Lạc. “*Kết đắc đại nguyện chi thắng nhân*”, cái nhân thù thắng khôn sánh! Do vậy, thế giới Cực Lạc là quả báo thù thắng khôn sánh!

“*Huệ Biện Tài*” Bồ Tát, “*biểu minh tín Phật huệ, biện tài vô ngại, tức kinh trung*” (Huệ Biện Tài biểu thị tin hiểu Phật huệ, biện tài vô ngại như trong kinh) đã nói: “*Diễn từ biện, thọ pháp nhãn, thường dĩ pháp âm giác chu thế gian chi nghĩa*” (các ý nghĩa “diễn nói từ vô ngại biện tài, trao truyền pháp nhãn, thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian”). Mấy câu kinh văn này, trong phần sau sẽ được nói đến. Sở dĩ, trong xã hội hiện thời, chúng ta trong hết

thầy thời, hết thầy chốn, chẳng bị cảm nhiễm, còn có thể gìn giữ cái tâm thanh tịnh của chính mình, hiểu rõ trí huệ, là do cậy vào đâu? Cậy vào kinh giáo. Tôi tin tưởng các đồng học có cùng cảm nghĩ với tôi, sự vui sướng nhất trong một ngày của chúng ta là gì? Khi cùng nhau học tập kinh giáo, vui sướng khôn sánh! Thầy Phụng bảo tôi: “[*Học Phật là*] sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”, chúng tôi mới hiểu Thích Ca Mâu Ni Phật suốt ngày giáo học, vui sướng khôn sánh. Thật vậy, chẳng giả! Ngài giáo học chưa hề chẳng gián đoạn, một người Ngài cũng dạy, hai người Ngài cũng dạy, không câu nệ số người bao nhiêu, chẳng có thời gian nhất định, chẳng có nơi chốn nhất định, thấy người [tìm đến học] Ngài bèn dạy, chẳng bỏ sót một ai. Đó là bậc thầy khuôn mẫu, là giáo viên điển hình, một vị thầy tốt đẹp! Toàn tâm toàn ý dạy quý vị, chẳng có mảy may tự tư tự lợi, chẳng có! Giúp quý vị khai ngộ, minh tâm kiến tánh, trở về tánh đức. Quý vị thấy sung sướng lắm chứ! Trong giáo lý Đại Thừa, đức Phật thường nói: “Bồ Tát ở chỗ nào đều khiến cho hết thầy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ”, pháp hỷ sung mãn. Thật đấy, chẳng giả tí nào!

Tiếp đó: “*Quán Vô Trụ, kiến Đường dịch, Ngụy dịch tác Không Vô*” ([*Danh xưng*] Quán Vô Trụ thấy ghi trong bản dịch đời Đường, bản dịch đời Ngụy ghi là Không Vô). Bản Khang Tăng Khải và trong kinh Đại Bảo Tích đều dịch là Không Vô, có cùng ý nghĩa với Quán Vô Trụ. “*Biểu kinh trung: Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng, u bỉ tướng trung, thật vô khả đắc*” (Biểu thị ý nghĩa sau đây trong kinh: “Ví như người khéo làm huyễn thuật, hiện các tướng lạ, nhưng các tướng ấy thật sự chẳng thể có được”). Đây là kinh văn trong phần sau, chúng tôi cũng dành lại để giảng sau. Đoạn kinh văn ấy ý vị vô cùng. “*Diệc biểu Pháp Tạng vĩnh kiếp nhân hạnh, thuyết Không, Vô Tướng, Vô Nguyện chi pháp*” (cũng biểu thị ngài Pháp Tạng bao kiếp tu nhân hạnh, nói các pháp Không, Vô Tướng, Vô Nguyện). Trong danh hiệu này, cũng biểu thị A Di Đà Phật trong khi tu nhân, năm kiếp tu hành, đó là nhân hạnh (hạnh được tu tập trong khi tu nhân); nói Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, đây cũng là ba pháp ấn trong Đại Thừa Phật pháp, chúng ta dành lại để học tập trong phần sau.

“*Thần Thông Hoa, biểu tòng thần thông lực, tập vạn hạnh chi đức hoa, dĩ tự trang nghiêm, cụ túc phương tiện, thành tựu chúng sanh. Như kinh vân: Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện*” (Thần Thông Hoa biểu thị sức thần thông, muôn hạnh kết thành đức hoa để tự trang nghiêm, đầy đủ phương tiện thành tựu chúng sanh như kinh chép: “Đạo chơi mười phương, hành phương tiện quyền biến”), Ngài đại biểu ý nghĩa này. Tự mình thành tựu và giúp đỡ chúng sanh, chẳng thể không có sức thần thông. Sức thần thông có phạm vi rộng lớn vô hạn. Quý vị nhìn chữ Thần (神) này, chúng tôi thường nói văn tự Trung Quốc là phù hiệu trí huệ. Chúng ta thấy bên trái chữ Thần là chữ Thị (示), quý vị xem chữ này viết theo lối chữ Triện sẽ thấy rất rõ ràng. Phía trên là một vạch ngắn nằm ngang, phía dưới là một vạch dài nằm ngang, đó chữ là Thượng viết theo lối chữ Triện thời cổ. Chữ Hạ thì phía trên dài, phía dưới ngắn, đó là chữ Hạ. Phía dưới chữ Thượng có ba vạch sổ xuống, mang ý nghĩa biểu thị các hình tượng trên bầu trời. Nói theo cách bây giờ, tức là hiện tượng tự nhiên.

Chữ “*Thị*” tượng trưng hiện tượng tự nhiên, quý vị thấy hiện tượng tự nhiên. Bên phải là chữ Thân (申), chữ Thân viết theo lối chữ Triện sẽ giống như ba cái ải. Ba cửa ải ấy quý vị đều có thể vượt qua, đấy chính là ý nghĩa của chữ Thân. Gộp các ý nghĩa ấy lại, quý vị có thể thông đạt hiện tượng tự nhiên bèn gọi là Thần. Do vậy, đối với hiện tượng tự nhiên trong vũ trụ, quý vị đều biết, đều hiểu rõ, bèn gọi là Thần, mang ý nghĩa ấy. “*Thần*” và “*Thông*”, sự thông đạt ấy mang ý nghĩa tương thông, nên thường cùng nhau khởi tác dụng, vì thế gọi là Thần Thông. Quý vị có thể thông đạt hết thấy các pháp, quý vị có năng lực ấy. Đấy là gì? Đó là trí huệ, chỉ có trí huệ mới có thể thông đạt, tri thức không được. Tác dụng của tri thức chẳng lớn, nó có hạn cuộc, mà còn để lại hậu quả; trí huệ không có [những rắc rối ấy], trí huệ xử lý vấn đề chẳng hạn cuộc, lại còn chẳng để lại hậu quả. Trong thế giới hiện thời, dùng tri thức, chẳng dùng trí huệ. Phạm là người dùng trí huệ, tâm thanh tịnh, tâm Định. Vì thế, trong Phật pháp dùng “long tượng” để biểu tượng [điều ấy]: “*Na Già*⁷⁸**[14]** *thường tại Định, vô hữu bất định thời*” (đức Phật thường trong Định, không lúc nào chẳng định), dùng long tượng để biểu thị. Chúng ta chưa thấy rồng, nhưng đã thấy voi. Chúng ta thấy voi to giống như nhập Định. Nó đứng, bốn phương tám hướng bình ổn; bước đi, chậm rãi, từng bước một, luôn ở trong Định. Đi, đứng, nằm, ngồi, quý vị thấy nó tâm luôn Định, Bồ Tát phải lấy điều đó làm khuôn mẫu, phải thường học theo. Thời thời khắc khắc tâm thanh tịnh, tâm bèn Định. Định sanh Huệ, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, phản ứng là trí huệ, chẳng phải là tri thức.

Vì thế, con người chớ nên tâm tư lao chao, bộp chộp. Kẻ tâm trí lao chao, bộp chộp, thầy chẳng muốn nhận, vị thầy thật sự truyền đạo chẳng muốn nhận quý vị. Vì sao? Quý vị chẳng học được! Thầy thấy quý vị trầm tĩnh, ổn trọng, ổn định, người này là nhân tài, là pháp khí, thầy sẽ thật sự giúp quý vị. Quý vị không muốn học, thầy cũng tìm cách khiến cho quý vị học. Vì sao? Thầy vì truyền đạo, chẳng phải vì một ai! Quan trọng là chánh pháp đại đạo phải có người tiếp nhận, truyền thừa, điều này là quan trọng! Gặp người như thế, thầy chắc chắn chẳng vứt bỏ, phải thành tựu kẻ ấy, tuy kẻ ấy chẳng có liên quan gì đến ta, vẫn phải truyền đạo. Đó là đại từ đại bi, chịu trách nhiệm đối với chánh pháp, chịu trách nhiệm đối với hết thấy chúng sanh. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây. Ngày mai chúng ta học từ Quang Anh Bồ Tát.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

⁷⁸^[14] Na Già có nghĩa gốc là rồng (phiên âm của chữ Nāga). Kinh Phật thường gọi Phật hoặc A La Hán là Ma Ha Na Già, nhằm sánh ví bậc đại lực dụng, giống như rồng có thể ẩn hiện khôn lường. Huyền Ứng Âm Nghĩa quyển 3 giảng: “*Na Già có ba nghĩa, một là rồng, hai là voi, ba là Bất Lai, Khổng Tử Kinh gọi Phật là Na Già, do Phật chẳng còn sanh tử*”. Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 5, giảng: “*Ma Ha Na Già là biệt hiệu của Như Lai, do Ngài có đại dụng không ngăn mé, chẳng thể nghĩ bàn*”

Tập 97

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười hai, dòng cuối cùng, xin xem từ chỗ đó.

“*Quang Anh, biểu quang minh anh phát. Hựu kinh trung Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang đẳng, quang trung cực tôn, thị Quang Anh nghĩa*”(Quang Anh biểu thị quang minh chiếu rọi. Lại nữa, các câu “Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang v.v... tôn quý nhất trong các quang minh” trong kinh là ý nghĩa của chữ Quang Anh). Trong mười sáu vị tại gia Bồ Tát, Quang Anh là vị thứ sáu. Vị Bồ Tát thứ sáu là Quang Anh biểu thị quang minh chiếu rọi. Trong kinh này, xưng tán A Di Đà Phật là “*Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang*”, cuối cùng nói “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh tôn quý nhất, là vua trong các vị Phật), đây là lời chư Phật Như Lai tán thán A Di Đà Phật, tán thán đến tột bậc. Quang cũng tượng trưng cho trí huệ, biểu thị Tánh Đức trong tự tánh của chúng ta.

Vị kế tiếp là “*Bảo Tràng (kiến Đường dịch, Ngụy dịch tác Trí Tràng), biểu trí huệ thù thắng do như bảo tràng*” (Bảo Tràng (danh xưng này thấy trong bản Đường dịch, bản Ngụy dịch ghi là Trí Tràng), biểu thị trí huệ thù thắng giống như tràng báu), quá nửa đều là tán thán trí huệ Bát Nhã vốn có trong tự tánh, mà cũng là tán thán đức năng và tướng hảo. Tánh Đức vô lượng, vô biên, khi đức Phật giới thiệu [các Tánh Đức] bèn quy nạp chúng thành ba loại lớn. Vô lượng đức năng nói chung chẳng ngoài trí huệ và đức tướng (đức năng và tướng hảo).

“*Trí Thượng, kiến Đường dịch, Ngụy dịch*” (Danh xưng Trí Thượng thấy ghi trong bản Đường dịch, [nhưng trong] bản Ngụy dịch), danh hiệu Bồ Tát được dịch là Huệ Thượng, biểu thị “*vô đẳng, vô luân, tối thượng thắng trí, oai đức quảng đại bất tư nghị trí*” (trí không gì sánh bằng, trí thù thắng tối thượng, trí oai đức rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn), đây là lời tán thán năm thứ trí huệ của Vô Lượng Thọ Phật trong kinh. Nói tóm lại, “*như thị vô thượng diệu trí, siêu xuất nhất thiết, cố danh Trí Thượng*” (diệu trí vô thượng vượt trội hết thảy như thế, nên gọi là Trí Thượng). Trong năm thứ trí, trí cuối cùng là “*oai đức quảng đại bất tư*

ngộ trí”, tán thán đến tột bậc. Qua những lời tán thán A Di Đà Phật trong kinh, chúng ta bèn hiểu [những câu tán thán ấy chính là] tán thán Tánh Đức trong tự tánh. Mỗi chữ, mỗi câu trong bộ kinh Vô Lượng Thọ hoặc Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh đều nhằm tán thán Tánh Đức chẳng thể nghĩ bàn, có thể tán thán trọn hết hay không? Tán thán chẳng cùng tận, đây là lời thật! Dầu cho mười phương hết thầy chư Phật Như Lai dùng thời gian vô lượng kiếp cùng nhau tán thán vẫn chẳng thể nói trọn hết; bởi lẽ, công đức trong tự tánh thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta, chuyện này chỉ có chúng mới biết, chúng ta thật sự chúng đắc sẽ hiểu. Chưa chúng đắc, không có cách nào tương tượng, nghĩ chẳng ra, mà cũng chẳng nói được! Nói thật ra, người chúng đắc cũng chẳng có cách nào nghĩ bàn. Giúp đỡ hết thầy chúng sanh là hoằng pháp lợi sanh, để giúp hết thầy chúng sanh thì cũng có thể nói chút phần, hy vọng là từ chút phần ấy, người đó sẽ tự có thể tu, có thể chúng, khi chúng đắc sẽ hiểu viên mãn.

Vị tiếp theo là Tịch Căn, sách Hội Sớ giải thích: “*Tịch diệt cảnh trí, chư căn thanh tịnh, có danh Tịch Căn*” (cảnh trí tịch diệt, các căn thanh tịnh, nên gọi là Tịch Căn). Tịch là nói tới Định, tự tánh vốn định. Lục Tổ Huệ Năng đại sư khi kiến tánh đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng lay động*”, câu này là nói tự tánh vốn định, có lay động hay không? Chẳng có! Lay động thì chẳng phải là tự tánh. “*Một niệm bất giác bèn có vô minh*”, đã bị lay động rồi! Vì sao có một niệm bất giác? Một niệm bất giác ấy phát sanh khi nào? Trong giáo pháp Đại Thừa, câu hỏi này được gọi là “*căn bản đại vấn*” (câu hỏi to lớn căn bản). Đức Phật dạy chúng ta: Chuyện này chẳng có nguyên nhân, mà cũng chẳng có thời gian, và cũng chẳng có không gian. Nếu quý vị hỏi khi nào thì có, đức Phật [trả lời bằng cách] dùng một danh từ hết sức xảo diệu, “*hễ hơi động một chút bèn là vô minh*”, đức Phật gọi hiện tượng ấy là “*vô thi vô minh*”, hai chữ Vô Thi hay khéo đến tột bậc! Khi chúng tôi mới học Phật, ngỡ đức Phật nói hai chữ ấy thì đại khái [có nghĩa là] thời gian đã quá lâu chẳng thể nói được, dù chúng ta nói ngàn vạn năm, ức vạn năm, ức triệu vạn năm, nói chung là vẫn chẳng thể diễn tả được, nên mới nói là “*vô thi*”. Chúng tôi đã hiểu sai ý nghĩa, “*vô thi*” chẳng mang ý nghĩa ấy. Dầu thời gian dài đến mấy đi nữa, đức Phật vẫn có thể nói được; nếu nói không được, làm sao có thể gọi Phật là Nhất Thiết Trí? Vô thi có ý nghĩa rất đơn giản: Không có khởi đầu nên gọi là vô thi, khéo quá, tuyệt khéo! Cớ sao không có khởi đầu? Rõ ràng là có khởi đầu! Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, lục đạo luân hồi do đâu mà có? Chẳng phải là từ vô thi biến hiện ư? Tuy biến hiện, vì nó chẳng phải là thật, nên giống như chúng ta nằm mộng, mỗi cá nhân chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, trong mộng có vô lượng vô biên cảnh giới. Quý vị thường nằm mộng, có hai giấc mộng giống hệt nhau hay không? Không có, chưa từng có hai giấc mộng giống hệt nhau. Cũng có khi có hai giấc mộng khá giống, đó là giấc mộng thuộc loại cảm ứng, có thể mộng thấy cùng một chuyện, đó là do cảm ứng. Chứ đối với những giấc mộng thông thường, chẳng thể nào có hiện tượng giống nhau. Vậy thì tôi hỏi quý vị, giấc mộng của quý vị nảy sanh lúc mấy giờ, mấy phút? Quý vị cũng chẳng nói

được! Nếu quý vị hỏi Phật, Phật dạy đó là nằm mộng vô thi, vì sao? Nó là giả, chẳng thật, nên đức Phật gọi nó là vô thi vô minh. Vì sao có hiện tượng này? Đã mê! Hễ giác sẽ chẳng có hiện tượng này, khi mê bèn có hiện tượng ấy. Giống như một người làm việc đã lâu, rất mệt, khi rất mệt mỏi, mắt sẽ thấy những thứ chẳng bình thường; đó là “hoa mắt”, chẳng phải là quý vị thật sự thấy. Quý vị ngỡ là thấy, nhưng thật ra là do hoa mắt, mệt mỏi. Bất quá, trong khi có hiện tượng như vậy, phàm nhân rất dễ để cho đồng cốt [thỉnh quý thần] dựa vào thân mình. Người tinh thần sung mãn, chúng sẽ chẳng dám [léo hánh]. Người đang lúc mệt mỏi tốt bậc, chúng rất dễ xâm nhập, mượn thân thể quý vị để dựa xác, sẽ xuất hiện những chuyện đó. Chúng ta hiểu hai chữ “vô thi” là không thật, về căn bản, chẳng có chuyện này.

Vì thế, đức Phật thường dùng mộng cảnh để tỷ dụ lục đạo. Kinh Kim Cang đã nói “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, hình dung các hiện tượng. “*Như sương, cũng như chớp*” hình dung thời gian tồn tại của những tướng được hiện ấy hết sức ngắn ngủi, tạm bợ. Ngắn ngủi, tạm bợ đến mức nào? Ngắn ngủi, tạm bợ đến mức sanh diệt đồng thời. Sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng rõ ràng về sự thật của hiện tượng này. Chúng ta nói “sanh diệt trong từng sát-na”, nhưng thời gian một sát-na đã là quá dài! Kinh Nhân Vương nói một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, đó là đức Phật nói phương tiện, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt, [nói sanh diệt trong từng] sát-na chẳng phải là quá dài ư? Trong một sát-na có tới chín trăm lần sanh diệt. Nếu chúng ta nghĩ tới cuộc đời thoại giữa Di Lặc Bồ Tát và đức Thế Tôn, Di Lặc Bồ Tát nói: “*Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệ*”. Hiện thời chúng ta dùng giây làm đơn vị thời gian, nói chung, trong một giây chúng ta có thể khảy từ bốn đến năm lần. Nếu khảy năm lần, tính theo tốc độ ấy, trong một giây có bao nhiêu lần sanh diệt? Một ngàn sáu trăm triệu. Trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu lần sanh diệt, quý vị lý giải hiện tượng sanh diệt này như thế nào? Quá nhanh! Vì vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, nói đến rất ráo, bảo là “*hoạt tại đương hạ*” (sống ngay trong khi ấy). Câu này là thật, chẳng giả tí nào; nó cho thấy thời gian chẳng thật, không gian cũng chẳng thật. Lúc mê, dường như có hiện tượng thời gian và không gian, khi giác ngộ bèn chẳng có! Không có thời gian, nên chẳng có trước, sau, quý vị thấy được toàn bộ quá khứ, hiện tại, vị lai. Chẳng có không gian, nên chẳng có khoảng cách, thế giới Cực Lạc cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật, ở nơi đâu? Ở ngay nơi đây. Trong Tam Thời Hệ Niệm, thiền sư Trung Phong đã nói rất ý vị: “*Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này*”, Tịnh Độ là thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay nơi chúng ta đây! Nơi này chính thế giới Cực Lạc. Câu này có ý nghĩa nhằm nói với quý vị: Không có thời gian và không gian! Trong Nhất Chân pháp giới, không có thời gian và không gian. Do vậy, Tịch là tự tánh vốn định. Diệt là diệt điều gì? Trong Phật pháp nói tới ba loại phiền não lớn, tức là Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não, và Kiến Tư phiền não, chúng đều bị tiêu diệt, đều chẳng còn nữa. Đó là cảnh giới gì? Tối thiểu phải là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Đại chúng trong ấy, ai nấy đều đoạn sạch ba loại đại phiền não, cũng giống như kinh Hoa

Nghiêm thường nói “*chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước*”, đều đạt tới cảnh giới ấy, đó là “*tịch diệt cảnh trí*”, tâm thanh tịnh tịch diệt, trí huệ hiện tiền. Tâm thanh tịnh giống như một tấm gương, có thể chiếu trọn khắp pháp giới hư không giới, dẫu vi tế đến mấy, chẳng hạn như “lượng tử” đang được nói đến trong hiện thời, người ấy đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Bản năng và trí huệ trong tự tánh được diễn tả bằng câu “*pháp nhĩ như thị*” (pháp vốn là như vậy đó). Các căn thanh tịnh, nên gọi là Tịch Căn, biểu thị ý nghĩa này.

“*Chân Giải vân: Cảnh trí tịch diệt, căn bản nghiêm tịnh, vân Tịch Căn*” (sách Chân Giải giảng: “Cảnh trí tịch diệt, căn bản nghiêm tịnh, gọi là Tịch Căn”), cũng chẳng giải thích khác với ý nghĩa trong phần trước cho mấy. Về căn bản đều là nói tới tự tánh. Nghiêm là trang nghiêm, Tịnh là thanh tịnh, [nghiêm tịnh là] trang nghiêm thanh tịnh, nên có đức hiệu là Tịch Căn. Nhìn vào đức hiệu này, [muội sáu vị tại gia Bồ Tát] toàn là Pháp Thân Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát. “*Kim cú bốn kinh trung Chân Thật Công Đức phẩm vân: Cứu cánh Bồ Tát chư Ba La Mật, nhi thường an trụ bất sanh bất diệt chư tam-ma-địa. Chánh biểu Tịch vi căn bản, chiếu dụng vô cùng, Chiếu nhi thường Tịch, cố biểu thọ mạng vô lượng*” (nay căn cứ theo phẩm Chân Thật Công Đức trong kinh này có nói: “Rất ráo các Ba La Mật của Bồ Tát, thường an trụ trong các Chánh Định bất sanh bất diệt”. Điều ấy biểu thị Tịch là căn bản, chiếu có tác dụng vô cùng. Chiếu nhưng thường Tịch, nên thọ mạng vô lượng). Phần trước (tức cách giải thích của sách Hội Sớ) biểu thị trí huệ vô lượng, phần này (tức lời giải thích của sách Chân Giải) biểu thị thọ mạng vô lượng. Đây là nói theo đức, [tức là] nói theo phương diện Tánh Đức. Trong vô lượng vô biên đức năng, thọ mạng là đệ nhất. Nếu không có thọ mạng, hết thấy đều như không. Có thọ mạng, quý vị mới có thể hưởng thụ, Tánh Đức mới có thể khởi tác dụng. Không có thọ mạng, sẽ chẳng khởi tác dụng. Nói đến thọ dụng thì ai đang thọ dụng? Ngã! Chẳng phải là thân này, mà là Chân Ngã xuất hiện. Chân Ngã là gì? Linh tánh là tự tánh, tự tánh mới là Chân Ngã. Tự tánh có thể sanh ra vạn pháp, tự tánh trọn đủ vô lượng trí huệ và đức năng. Chúng ta học Phật thì mục tiêu cuối cùng của học Phật là gì? Là tìm lại Ngã, tìm lại Chân Ngã! Đừng chấp trước Giả Ngã nữa, chúng ta phải tìm lại Chân Ngã. Giả Ngã ở trong Chân Ngã, giống như Chân Ngã là toàn bộ thân thể, còn Giả Ngã là gì? Giả Ngã là một sợi lông trên thân, hoặc một tế bào nơi thân. Nay chúng ta quên khuấy, quên bẵng Chân Ngã, coi một sợi lông là Ngã, coi một tế bào là Ngã, chuyện là như thế đó! Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã lấy biển cả làm tỷ dụ, sánh ví biển cả như tự tánh, lũ chúng sanh ta đông đảo chúng là gì? Là trong biển cả nổi lên một bọt nước, sóng vừa cuộn sẽ có rất nhiều bọt. Chấp trước một bọt nước là ta. Khi nào bọt nước vỡ tan, mới biết biển cả là Ngã, bọt nước là Giả Ngã, biển cả là Chân Ngã, mới biết tự tánh là Chân Ngã. Từ tự tánh dấy lên hiện tượng, giống như biển cả dấy lên bọt nước. Đã nhận ra biển cả, mới biết vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới đều là ta, chẳng còn phân biệt nữa,

đó mới là thật sự giác ngộ. Cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa có quan hệ gì với chính mình? Ngã! Chân Ngã!

Cũng giống như nằm mộng, trong giấc mộng, mộng thấy chính mình, cũng mộng thấy rất nhiều người, cũng mộng thấy cây cối, hoa, cỏ, cũng mộng thấy núi, sông, đại địa, do đâu mà có? Toàn là do ý thức biến hiện. Lìa khỏi ý thức, quý vị chẳng có mộng, lấy đâu ra mộng? Khi ngủ, ý thức khởi tác dụng. Khi ngủ, thân thể vật chất giống như được nghỉ ngơi, nhưng tinh thần chẳng nghỉ ngơi, nó vẫn khởi tác dụng. Khi nào tinh thần được nghỉ ngơi? Nhập Định. Vì thế, nhập Định là tinh thần được nghỉ ngơi. Tinh thần được nghỉ ngơi thì thân thể cũng nghỉ ngơi trong trạng thái nhập định, chẳng phải là nhập định thì không được nghỉ ngơi. Do vậy, nếu chúng ta muốn giữ gìn sức khỏe, muốn thân thể khỏe mạnh, điều quan trọng nhất là tinh thần được nghỉ ngơi. Từ xưa tới nay, người hiểu đạo dưỡng sinh đã biết tĩnh tọa vào lúc sáng tối, chẳng cần một thời gian dài, từ năm phút đến mười lăm phút là đủ rồi, ngồi ở nơi đó. Thức dậy bèn ngồi trên giường, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, khiến cho thân lẫn tâm đều được nghỉ ngơi, điều này có ích rất lớn khiến cho thân thể khỏe mạnh. Ngồi xếp bằng hay không chẳng sao, cứ ngồi theo lối thông thường là được rồi, chỉ cần buông ý niệm xuống, chuyện khẩn yếu nào cũng đều chẳng nghĩ tới. Đây là một phương pháp hết sức tốt theo đạo lý dưỡng sinh, tương thông với ý nghĩa Tịch Căn trong kinh Phật đã nói. Chớ thấy thời gian rất ngắn [mà coi thường], rất hữu dụng, vì từ trước đến nay quý vị chưa hề nghỉ ngơi. Có thể nghỉ ngơi trong mấy phút, sẽ cảm thấy rất thù thắng.

Tiếp theo là “*Tín Huệ, Hội Sớ vân: Tín tâm trí huệ, vĩnh đoạn nghi vọng*” (Tín Huệ, sách Hội Sớ viết: “Tín tâm trí huệ, vĩnh viễn dứt lười nghi”). Nói theo thế gian hay xuất thế gian, hai câu này đều vô cùng trọng yếu, đạo của thánh hiền thế gian, hay đại đạo xuất thế gian của Phật, Bồ Tát. Trong kinh luận thường nói: “*Phật pháp đại hải, tín vi năng nhập*” (Biển cả Phật pháp, do lòng tin mà có thể vào). Chúng ta học Phật đã ngàn ấy năm, có nhập hay không? Chẳng nhập! Vì sao chẳng nhập? Chúng ta tự nghĩ chính mình có tín tâm, ta đã tin Phật, ta là đệ tử chánh tín của Phật. Thật ra, chưa hiểu rõ ràng đạo lý chân thật trong Phật pháp! Chẳng thể nói là không tin, nhưng chẳng thể nói là đã hoàn toàn tin! Trong lòng tin ấy, vẫn còn cả đống dấu hỏi chưa thể giải quyết, chúng ta thường nói là “bán tín bán nghi”. Chúng ta ở trong tình trạng như vậy, cho nên học Phật nhiều năm, chẳng thể thọ dụng! Đối với chuyện này, có phương pháp nào để có thể giúp chúng ta hay không? Chẳng thể, chẳng có cách nào! Phật có đến cũng chẳng có cách nào! Trong không có biện pháp, Phật vẫn có biện pháp, Phật có pháp phương tiện. Pháp phương tiện là giảng kinh, quý vị phải nghe nhiều, nghe thường xuyên, nghe chẳng gián đoạn, nói chung sẽ có ngày quý vị hoằng nhiên đại ngộ, vĩnh viễn cắt đứt lười nghi, tín tâm xuất hiện. Nếu không trải một thời gian rất dài, tín tâm chẳng dễ gì thành tựu. Có những người học Phật chưa bao lâu, tín tâm đã thành tựu, là do trong đời quá khứ, người ấy có thiện căn sâu dày, chúng ta chẳng sánh bằng, thiện căn trong đời quá khứ mà! Học Phật trọn chẳng phải là một đời này, trong quá khứ tín tâm chưa

sâu dường ấy, nửa tin, nửa ngờ, đời này gặp gỡ [Phật pháp] vẫn là bán tín bán nghi. Nhưng nếu có cơ hội như thế, nghe kinh mỗi ngày, học tập mỗi ngày, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, khi nào quý vị sẽ vĩnh viễn cắt đứt lưới nghi? Duyên phận mỗi người mỗi khác! Có người thiện căn dày, hai ba năm, tín tâm đã thành tựu. Có kẻ mười năm, tám năm, hai mươi năm, ba mươi năm không chùng! Cũng có người suốt đời vĩnh viễn vẫn thuộc giai đoạn bán tín bán nghi, rất nhiều! Chúng ta tiếp xúc các đồng tu, quý vị hãy lắng lòng quan sát, sẽ có thể nhìn ra. Chúng ta cũng có thể nói “*một phần tín tâm bèn có một phần thành tựu, mười phần tín tâm bèn có mười phần thành tựu*”. Do vậy, “*tín vi đạo nguyên, công đức mẫu, trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện căn*” (tín là nguồn đạo, mẹ công đức, nuôi lớn hết thầy các thiện căn), lời ấy có lý lắm! Tín Huệ Bồ Tát biểu thị pháp này, đối với pháp thế gian và xuất thế gian mà có thể thành tựu trong một đời thì điều thứ nhất là tín tâm!

Tôi học Phật, nói thật ra, chẳng phải là kẻ có tín tâm rất mạnh mẽ, tôi cũng là kẻ bán tín bán nghi. Tôi tin thầy, thật sự đặc lực là nhờ vào đó. Từ thuở bé, cha mẹ đã dạy tôn sư trọng đạo. Thuở ấy, đâu biết trọng đạo là gì, chỉ là tôn sư, phải tôn trọng thầy, phải nghe lời, thầy dạy làm sao bèn làm như vậy, chẳng dám chống trái, từ nhỏ đã học điều này. Sau này học Phật, điều ấy khởi tác dụng rất lớn. Tôi gặp gỡ ba vị thiện tri thức, họ đồng ý dạy tôi là nhờ vào đâu? Nhờ tôi có chút lòng cung kính thầy nên thầy chịu dạy! Hiện thời, nói thật ra, người học Phật rất nhiều, đặc biệt là những kẻ trẻ tuổi chẳng có lòng cung kính thầy! Vì sao? Đối với cha mẹ, họ đều chẳng cung kính, làm sao có thể cung kính thầy? Thành tựu trong học tập đúng là đời sau kém đời trước! Quý vị phải truy cứu vì sao? Nguyên nhân ở chỗ nào? Nguyên nhân là đối với đạo, đối với thầy, đối với nghiệp (tức học nghiệp của quý vị), tâm cung kính chẳng bằng đời trước! Hiện thời, tâm cung kính mỗi đời một kém hơn! Nói cách khác, chắc chắn là sự thành tựu của mỗi đời một kém hơn; nhưng chúng ta chớ nên nản chí, nếu nghiệp chướng của chúng sanh tiêu tan kha khá, chư Phật, Bồ Tát sẽ đến, sẽ đến thị hiện. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, chư Phật, Bồ Tát nhiều ngàn ấy cũng đều thị hiện. Các Ngài thông hiểu, biết hiểu thuận với cha mẹ, biết tôn sư trọng đạo, sẽ có thể nêu gương cho mọi người thấy. Đó là gì? Nghiệp chướng của chúng sanh đã tiêu tan kha khá, các Ngài sẽ đến. Nghiệp chướng rất nặng, các Ngài chẳng đến, vì sao? Đến chẳng có ích gì; có đến, những kẻ ấy cũng chẳng tin. Nhà Phật thường gọi điều này là “*thời tiết nhân duyên*”, nhân duyên đến thời, các Ngài đều thị hiện.

Tiếp theo, “*Chân Giải vân: Minh tín Phật trí, vô thượng trí huệ. Hựu bốn kinh trung: Dĩ tăng cúng dường chư Như Lai, tắc năng hoan hỷ tín thử sự; nhân thân nan đắc, Phật nan tri, tín huệ văn pháp nan trung nan*” (Sách Chân Giải viết: “Tin rõ Phật trí là vô thượng trí huệ”. Kinh này lại nói: “Do từng cúng dường các Như Lai nên có thể hoan hỷ tin được sự này” và “thân người khó được, Phật khó gặp, tín huệ nghe Phật pháp là điều khó nhất trong các điều khó”). Trong kinh, đức Phật nói mấy câu này, nói rõ trong thời kỳ Mạt Pháp mà gặp gỡ pháp môn này, có thể tin tưởng, có thể hoan hỷ, sẽ là hạng người nào? Trong đời quá khứ, quý vị

đã từng cúng dường Như Lai. “*Chư Như Lai*” ở đây bao gồm bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Trong đời quá khứ, quý vị đã từng gặp gỡ, từng tiếp nhận giáo huấn của các vị Phật, Bồ Tát ấy, nhưng tu hành chưa thành công, nên vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Trong đời này, thiện căn trong đời quá khứ chín muồi, duyên ấy lại tiếp tục, lại tiếp nối duyên ấy. Vì thế, nhà Phật thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”, hữu duyên là gì? Trong đời quá khứ từng cúng dường chư Như Lai, đây là kẻ hữu duyên. Quý vị tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận, ắt có thể hoan hỷ tin tưởng chuyện này. Nếu tiếp xúc nhưng chẳng sanh tâm hoan hỷ, tiếp xúc bèn có lăm nổi hoài nghi, tức là chẳng có duyên với Phật!

Hai câu kệ tiếp đã được lịch đại tổ sư trích dẫn rất nhiều: “*Nhân thân nan đắc, Phật nan tri*”, [có nghĩa là] khó được làm thân người, khó nghe Phật pháp, mang ý nghĩa này. Được làm thân người, chưa chắc trong đời này quý vị đã có thể nghe Phật pháp. Chỉ cần chúng ta lắng lòng quan sát cẩn kẽ, sẽ thấy chuyện này ở ngay trước mắt. Trên thế giới hiện thời, dân cư cả thế giới thường được phỏng đoán là trên dưới sáu mươi lăm ức⁷⁹[1], trong sáu mươi lăm ức người như thế, được mấy phần có dịp nghe Phật pháp? Nói thông thường, trên thế gian hiện thời, trong những người có tín ngưỡng tôn giáo, do Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo tuyên truyền rộng rãi nhất, số lượng tín đồ thường được nói đại khái là từ hai mươi ức người trở lên, là tôn giáo lớn nhất trên thế giới này. Kế đó là đạo Y Tư Lan (đạo Hồi), tôi tiếp xúc với họ rất nhiều, có người bảo tôi, đại khái trên cả thế giới tín đồ đạo Hồi có chừng mười lăm ức. Theo cách nhìn của tôi, dẫu chưa đến mười lăm ức thì chắc chắn cũng không ít hơn mười ba ức, đây là một tôn giáo lớn trên thế giới. Thứ ba phải là Phật giáo, người theo tín ngưỡng Phật giáo chưa được một nửa của họ, tôi tin người có tín ngưỡng Phật giáo trên cả thế giới chẳng vượt quá sáu ức. Hiện thời, trên toàn cầu, người có tín ngưỡng tôn giáo mỗi năm một ít hơn. Thống kê [số lượng tín đồ] Phật giáo vô cùng khó khăn, vì mọi người trong Phật giáo không coi trọng chuyện này. Con số thống kê của Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo tương đối đáng tin, vì họ có người chuyên môn làm công việc này, [thống kê] mỗi năm có bao nhiêu người chịu phép rửa tội. Năm nay chịu rửa tội ít hơn năm ngoái rất nhiều, mỗi năm một ít hơn, họ nói rất chính xác. Do nguyên nhân nào? Khoa học phát triển, tinh thần khoa học chẳng có chi khác, chẳng đưa ra được chứng cứ, người ta sẽ không tin. Họ nói: “Các người lý tưởng, chẳng phải là sự thật”, họ đòi hỏi chứng cứ!

Khéo sao mấy năm nay, khoa học tiên phong, tiên phong tức là chưa chín muồi, vừa mới đề ra khái niệm khoa học mới, chẳng hạn như đối với nguyên khởi của vũ trụ, đối với nguyên khởi của sanh mạng có cách nhìn mới mẻ, lập luận khác với những nhà khoa học trước kia. Cách nhìn mới mẻ ấy ngày càng gần với cách nói trong tôn giáo, nhưng vẫn cần phải thông qua thí nghiệm để chứng minh thì mọi người mới tin tưởng, chẳng còn hoài nghi. Chúng tôi

⁷⁹[1] Hiện thời, Úc là một trăm triệu (khác với cách hiểu thông thường Úc là một trăm ngàn của Việt Nam).

nghĩ tới thiểu vẫn phải mất năm năm hay mười năm nữa, hiện thời loại khoa học ấy mới manh nha, đến khi ấy sẽ chín muồi! Đây là một chuyện tốt đẹp, những chuyện đã nói trong kinh điển nhà Phật đều được chứng minh, dùng khoa học để chứng minh, khiến cho chúng tôi nghĩ tới người trong thời cổ, đối với những lời kinh điển dạy, họ vừa nghe liền tin tưởng, chẳng hoài nghi, chúng ta chỉ có thể tán thán họ có thiện căn sâu dày nên có thể tin tưởng. Chúng ta hoài nghi, phải trải qua vài chục năm học tập mới thật sự tin tưởng, chẳng hoài nghi; người ta vừa tiếp xúc bèn tin tưởng, chẳng hoài nghi. So giữa chúng ta và họ, họ đỡ tốn thời gian mười mấy năm hay hai mươi năm. Nếu họ có thể thật sự thâm nhập một môn, huân tu dài lâu, thành tựu của họ nhất định cao hơn chúng ta, chúng ta chẳng thể đuổi kịp họ. Tiếp đó, [sách Chú Giải] viết: “*Thử Tịnh Độ Tông, thị nan tín pháp. Nhược năng tín nhập, giai nhân túc cụ huệ căn*” (Tịnh Độ Tông là pháp khó tin. Nếu có thể tin nhập đều là do đã có huệ căn từ đời trước). Trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, người ấy đã trọn đủ huệ căn nên mới có thể tin tưởng và khế nhập. Những điều này đều nói về tín tâm, tín tâm rất quan trọng.

Có tín còn phải có nguyện thì đời này mới có thể thành tựu viên mãn. Vì thế, kế tiếp là Nguyện Huệ Bồ Tát. “*Nguyện Huệ, biểu A Di Đà Phật đại nguyện chi vương, trí huệ quảng đại. Hựu khả dữ Tín Huệ Chánh Sĩ hợp tham, chánh biểu Tịnh Độ dĩ tín nguyện trì danh vi Tông*” (Nguyện Huệ biểu thị A Di Đà Phật là bậc đại nguyện vương, trí huệ rộng lớn; lại có thể phối hợp với Tín Huệ Chánh Sĩ, biểu thị Tịnh Độ dùng “tín, nguyện, trì danh” làm Tông). Thật sự tin tưởng Tịnh Tông, thật sự chẳng hoài nghi, nhất định phải phát nguyện, nguyện sanh về Tịnh Độ, muốn thân cận A Di Đà Phật, đến thế giới Cực Lạc làm học trò của A Di Đà Phật. Thế giới Cực Lạc tốt đẹp, do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu cho chúng ta. Ngài giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ nhiều lượt, cũng có thể nói là đã nhiều lần giới thiệu thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc tốt đẹp, tốt đẹp ở chỗ nào? Trong thế giới này, hết thầy chúng sanh tạp cư, các nghề nghiệp, thế giới Cực Lạc đơn thuần, chẳng phức tạp tí nào! Trong thế giới này, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp là bao nhiêu? Hiện thời có mấy trăm loại; thế giới Cực Lạc chỉ có hai loại người, quý vị thấy đơn thuần, đơn giản lắm, hai loại người là gì? Một là thầy, hai là trò. Chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có chánh phủ hay có quốc vương, thiên vương, chưa hề nghe nói tới, cũng chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có đại thần, quý vị biết [thế giới ấy] quá đặc thù. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc là học trò, A Di Đà Phật là thầy. [Chúng sanh trong] mười phương thế giới cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, đều là học trò của A Di Đà Phật. Nói theo cách bây giờ, thế giới Cực Lạc là gì? Là trường học. Ở bên đó, A Di Đà Phật lập ra một trường học. Trường gì vậy? Trường học dạy phàm phu thành Phật. Phàm phu trong mười phương thế giới chỉ cần thật sự tin tưởng, chịu phát tâm đến nơi đó, ai nấy đều thành Phật, tốt nghiệp bèn thành Phật, [nơi đó] là trường học để thành Phật viên mãn trong một đời. Vì thế, chúng ta học Phật, mong thành Phật, đến thế giới Cực Lạc thành Phật nhanh nhất, thời gian ngắn nhất, thành tựu nhanh nhất, lại còn thành tựu [địa vị] Phật rốt ráo viên mãn. Chẳng giống như thế giới này, thành

Phật còn phải trải qua Phật pháp giới trong mười pháp giới, ngôi vị Phật ấy vẫn chưa phải là chân Phật. Quý vị nói xem nơi ấy (cõi Cực Lạc) có thù thắng lắm hay không? Gặp cơ hội này chẳng dễ dàng, đâu được làm thân người, nghe Phật pháp, trong những người được nghe Phật pháp, được mấy phần có cơ hội nghe pháp Tịnh Độ này? Quý vị phải xét như vậy, mới nhận thấy đúng là chẳng nhiều nhồi gì! Người thật sự hiểu Tịnh Độ, khẳng khái một mực tu học Tịnh Độ chẳng có mấy! Vì thế, hai vị Bồ Tát này (Tín Huệ và Nguyễn Huệ) biểu thị “tín nguyện trì danh”, đó là tông chỉ tu học của Tịnh Tông.

Vị tiếp theo, “*Hương Tượng Bồ Tát nãi Đông phương A Súc Phật quốc Bồ Tát*” (Hương Tượng Bồ Tát là Bồ Tát trong nước A Súc Phật ở phương Đông), đây là Bồ Tát từ thế giới phương khác đến tham gia pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, đến làm Ảnh Hưởng Chúng. “*Tằng ư Duy Ma hội thượng, tác đồng văn chúng. Hương tượng thân xuất hương phong, thử Bồ Tát thân hương diệc như chi. Hương tượng lực đại, biểu Di Đà nguyện lực vô biên*” (Tùng ở trong hội Duy Ma làm đại chúng cùng nghe pháp. Thân hương tượng toát ra mùi thơm, mùi hương nơi thân của vị Bồ Tát này cũng giống như vậy. Hương tượng⁸⁰[2] có sức mạnh to lớn, biểu thị Di Đà nguyện lực vô biên). Chư Phật, Bồ Tát giảng kinh, giáo học, những người có công phu định lực sẽ trông thấy các vị Bồ Tát từ các thế giới phương khác đến tham dự pháp hội ấy, ngồi trên không trung để nghe giảng. Nhục nhãn của chúng ta không trông thấy, nhưng họ (người có công phu định lực sâu) có thể thấy thiên long bát bộ, chư thiên Sắc Giới, chư thiên Dục Giới, chư thiên thuộc mười tám tầng trời trong Sắc Giới và sáu tầng trời trong Dục Giới đều đến nghe kinh, thần hộ pháp đến trang nghiêm đạo tràng. Vị Bồ Tát này đến từ cõi A Súc Phật ở phương Đông, đức Phật từng giới thiệu Ngài trong hội Duy Ma. Cư sĩ Duy Ma giảng kinh, Duy Ma là tại gia Phật, thuộc địa vị Diệu Giác, Bồ Tát cũng đến làm Đồng Văn Chúng (đại chúng cùng nghe). Đồng Văn Chúng là Ảnh Hưởng Chúng, vì sao? Vị Bồ Tát này là Đẳng Giác Bồ Tát, chẳng phải là Bồ Tát thông thường, Ngài đến làm Ảnh Hưởng Chúng, khiến cho mọi người nhìn vào, quý vị thấy Đẳng Giác Bồ Tát từ thế giới phương khác đều đến tham gia pháp hội này, nghe cư sĩ Duy Ma giảng kinh, nhất định là cư sĩ Duy Ma rất lỗi lạc. Nếu không, lẽ nào Đẳng Giác Bồ Tát đến nghe giảng? Khiến cho tín tâm của thính chúng hiện tiền trong đại hội kiên định, khiến cho đại chúng sanh khởi tâm cung kính đối với vị đại đức giảng kinh, chắc chắn sẽ khiến cho đại chúng đang nghe kinh sanh tâm tôn trọng pháp bản, kính điển, tôn trọng pháp môn [đang được giảng], sẽ đạt được lợi ích. Vì thế, gọi là Ảnh Hưởng Chúng. Thân hương tượng tỏa ra hơi thơm, thân Bồ Tát cũng có mùi thơm, có mùi thơm lạ. Ngài có đại lực, biểu thị A Di Đà Phật nguyện lực to lớn. A Di Đà Phật muốn độ hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới thành

⁸⁰[2] Hương tượng (Gandha-hastin) là một loài voi có thể tiết ra mùi thơm, có sức mạnh rất lớn. Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận quyển ba mươi, voi ấy rất mạnh, mạnh bằng mười con voi thường.

Phật viên mãn trong một đời. Đại nguyện lực như vậy cảm vời hết thầy chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ trong mười phương ba đời tán thán.

“*Bảo Anh, biểu Di Đà nguyện hải, nữ vô lượng công đức diệu bảo chi sở trang nghiêm, năng linh phạm phu vô công đức giả kính đấng Bất Thoái, chứng nhập Niết Bàn. Thị nữ bảo trung chi anh, cố viết Bảo Anh*” (Bảo Anh biểu thị Di Đà nguyện hải, được trang nghiêm bằng chất báu màu nhiệm vô lượng công đức, có thể khiến cho phạm phu chẳng có công đức mau chóng đạt lên địa vị Bất Thoái, chứng nhập Niết Bàn, là thứ quý báu nhất trong các chất báu, nên gọi là Bảo Anh). “*Bảo*” (寶) là tỷ dụ, nhằm sánh ví Di Đà nguyện hải, tức là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà là diệu bảo của hết thầy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới, không ai gặp gỡ mà chẳng đắc độ. Vì vậy, Tịnh Tông Học Hội thành lập, nguồn gốc của Tịnh Tông Học Hội là do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập kinh Vô Lượng Thọ, đã hội tập kinh xong xuôi, lão nhân gia đề xướng hưng khởi Tịnh Tông Học Hội. Vào thời cổ, gọi là Liên Xã; đạo tràng, Niệm Phật Đường của Tịnh Độ Tông là Liên Xã. Nhằm phù hợp nhu cầu của thời đại và quan niệm con người hiện đại, lão cư sĩ dùng chữ Học Hội hoặc Học Viện, như vậy thì sẽ khiến cho mọi người nhìn vào danh xưng, nghĩ tới ý nghĩa, trông thấy danh xưng ấy chẳng đến nổi nảy sanh hiểu lầm. Vì trước kia gọi là Liên Xã, khiến người ta nghĩ tới tôn giáo, cho là mê tín, nên cụ sửa lại danh xưng. Chúng ta tụ hội với nhau để cùng nhau tu tập (cộng tu) nên gọi là Học Hội, cùng nhau tụ tập để học tập kinh giáo nên gọi là Học Viện, cũng là đưa Phật giáo trở lại giáo dục, thực hiện như vậy đó. Khi ấy, cụ đề xướng nhưng hoàn toàn chưa thành lập, chỉ đề ra các danh hiệu ấy, chẳng thành lập. Tôi diện kiến lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lão cư sĩ đem chuyện này ủy thác cho tôi, hy vọng tôi giảng kinh, giáo học ở ngoại quốc sẽ cổ vũ, khích lệ mọi người thành lập Tịnh Tông Học Hội. Vì vậy, Tịnh Tông Học Hội đầu tiên được thành lập tại Ôn Ca Hoa (Vancouver), Gia Nã Đại, nghe nói hiện thời hội ấy vẫn còn. Thuở ấy, hội trưởng đầu tiên là cư sĩ Trần Đại Xuyên, tôi giảng kinh tại Vancouver, thành lập Gia Nã Đại Tịnh Tông Học Hội. Học hội thứ hai tại Thánh Hà Tây (San Jose) nước Mỹ, thuộc vùng phụ cận thành phố Tam Phiên (San Francisco), thành phố Tam Phiên ở phía Tây San Jose, thành lập Mỹ Quốc Tịnh Tông Học Hội. Hội trưởng của học hội thứ hai là cư sĩ Dương Nhất Hoa, hiện thời vẫn là ông ta. Lần ấy, chúng tôi học tập Lục Hòa Kính tại Hương Cảng, ông ta đến tham gia, đó là học hội thứ hai. Tôi nhớ tôi ở Mỹ mười mấy năm, tại Mỹ và Gia Nã Đại nói chung có tất cả ba mươi mấy học hội, có những hội mấy năm gần đây đã mất liên lạc, thật sự có liên lạc với chúng tôi dường như chưa đến mười hội, nhưng Tịnh Tông Học Hội tại Mã Lai nhiều nhất, nghe nói chánh thức thành lập hơn năm mươi cơ sở, những cơ sở chưa đăng ký đại khái cũng tới hơn năm mươi hội, gộp chung, Mã Lai có hơn một trăm Tịnh Tông Học Hội, đứng đầu thế giới, pháp duyên ở đó thù thắng khôn sánh!

Lão cư sĩ đặc biệt bảo chúng ta: “*Năng linh phạm phu vô công đức giả kính đấng Bất Thoái, chứng nhập Niết Bàn*” (Có thể làm cho phạm phu không có công đức mau chóng đạt

tới địa vị Bất Thoái, chúng nhập Niết Bàn), mấy câu này tuyệt diệu! Chúng ta đúng là phàm phu sát đất, lấy đâu ra công đức? Nhưng gặp gỡ kinh Vô Lượng Thọ, mỗi ngày có thể niệm kinh Vô Lượng Thọ một lần, dùng làm công khóa sáng tối để niệm một lần, mỗi ngày quý vị tích lũy, tích lũy chẳng ít công đức, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chẳng còn luân hồi nữa, luân hồi rất khổ sở, chớ nên mê hoặc nữa! Nếu mong tái lai, rất đơn giản, quý vị tới thế giới Cực Lạc, gặp A Di Đà Phật, quý vị nói trên quả địa cầu này, tức địa cầu thuộc thế giới Sa Bà, thân bằng hảo hữu rất nhiều, con muốn giúp họ, tiếp dẫn họ về thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật gật đầu. Trí huệ, thần thông, và đạo lực của Ngài sẽ gia trì quý vị, quý vị là Bồ Tát tái lai, trở lại [thế giới Sa Bà]. Khi trở lại, quý vị chẳng mê hoặc, chẳng đọa lạc, quý vị có thể dẫn một nhóm người sang thế giới Cực Lạc, đó là một chủ ý hay, là một biện pháp tốt. Đến thế giới Cực Lạc mới thật sự biết chỗ hay đẹp của thế giới Cực Lạc, quay về khuyên dạy đại chúng cùng sanh Cực Lạc quốc. Bảo Anh biểu thị ý nghĩa này.

Trung Trụ Bồ Tát, “*Trung Trụ, an trụ Trung Đạo, bất lạc nhị biên, đương tướng tức đạo, tức Sự nhi Chân, tịnh niệm tương kế, tức niệm ly niệm, thị Trung Trụ nghĩa*” (Trung Trụ: An trụ trong Trung Đạo, chẳng rơi vào hai bên (chấp Có, chấp Không), từ ngay nơi tướng chính là đạo, ngay nơi Sự tức là Chân, tịnh niệm nối tiếp, từ ngay nơi niệm lìa được niệm là ý nghĩa của Trung Trụ). Mấy câu này giải thích hết sức hay, chữ “*an trụ*” nói về tâm, tâm trụ nơi đâu? Tâm đã được an trụ, thân sẽ chẳng có vấn đề. Thân như thế nào? Thân lìa khổ và vui, hai bên khổ và vui đều lìa cả rồi, Trung Đạo đấy! Tà - chánh là nhị biên (hai bên), thiện - ác là nhị biên, an - nguy là nhị biên, nhị biên đều tách rời, đó là Trung Trụ. Nói rõ ràng, Không - Có là nhị biên, chân - vọng là nhị biên. Giáo pháp Đại Thừa dạy chúng ta: “*Nhị biên bất trụ, Trung Đạo bất tồn*” (chẳng trụ vào nhị biên thì Trung Đạo cũng chẳng còn). Nếu quý vị trụ nơi Trung Đạo, Trung Đạo đối lập với nhị biên, vẫn là một bên, vẫn là trật. Vì thế, đối với Trung Trụ, Trung Đạo cũng chẳng có, chẳng rơi vào nhị biên. Câu này giảng hết sức hay, chẳng rơi vào nhị biên, ai chẳng rơi vào nhị biên? Pháp Thân Bồ Tát. Không chỉ người trong lục đạo chẳng làm được, mà bốn thánh pháp giới cũng chẳng làm được, ai làm được? Người mình tâm kiến tánh làm được, người đại triệt đại ngộ thật sự vĩnh viễn an trụ trong Trung Đạo. An trụ Trung Đạo, có ý niệm “ta đang an trụ trong Trung Đạo” hay không? Chẳng có ý niệm ấy. Hễ có ý niệm ấy, tức là lại “có trụ”. Trung Đạo là một bên, nhị biên là bên kia, người ấy vẫn chẳng có cách nào trụ trong Trung Đạo! Không rơi vào nhị biên sẽ là Trung Đạo thật sự. Bốn câu tiếp đó nhằm hiển lộ ý nghĩa của Trung Đạo: “*Đương tướng tức đạo*”, Đương (當) là ngay lập tức, Tướng là hiện tượng; nói cách khác, hiện tiền là Trung Đạo. Cách trụ như thế nào? Trong hoàn cảnh hiện tiền, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là Trung Đạo. Khởi tâm động niệm là lệch lạc; phân biệt, chấp trước là tà, sai mất rồi!

Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, thưở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Pháp Thân Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát từ cõi này hay phương khác nhiều ngàn ấy đều đến thế gian.

Có không ít vị đến nơi đây đầu thai để thị hiện, các Ngài chẳng mê hoặc. Tuy chẳng mê hoặc, giả vờ mê hoặc, lên sân khấu biểu diễn một vai nhằm giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh. Trên thực tế, các Ngài quả thật là “*đương tướng tức đạo*” (từ ngay nơi tướng chính là đạo), từ ngay nơi Sự chính là Chân, chỉ những ai có công phu thật sự mới thấy được các Ngài đang biểu diễn, đang diễn tuồng, đang dạy người khác, mới thấy được trí huệ của Bồ Tát và phương tiện thiện xảo của Phật, Bồ Tát. Áp dụng vào Tịnh Tông, tịnh niệm nối tiếp, từ ngay nơi niệm mà lìa niệm, đó là Trung Đạo, đây chính là thật sự hiểu “*đương tướng tức đạo, tức Sự nhi chân*” như đã nói trong phần trước. Bậc Tông môn đại đức trong Thiên Tông khảo nghiệm học trò: “Người hiểu chưa?” Hiểu thì quý vị là Bồ Tát, chẳng phải là phàm phu; không hiểu thì là phàm phu, chẳng phải là Bồ Tát. “Hiểu không” là gì vậy? Thật sự hiểu, buông phân biệt, chấp trước xuống mới là thật sự hiểu. Quý vị còn có phân biệt, chấp trước, tức là chẳng hiểu, quý vị là phàm phu. A La Hán buông chấp trước xuống, Bồ Tát buông phân biệt xuống, Pháp Thân đại sĩ, Đẳng Giác Bồ Tát khởi tâm động niệm cũng không có, chẳng khác chư Phật Như Lai, an trụ trong Trung Đạo. Tiêu chuẩn an trụ trong Trung Đạo là Pháp Thân Bồ Tát, theo kinh Hoa Nghiêm, trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ trở lên thuộc về cảnh giới này, thật sự an trụ trong Trung Đạo. Ngày nay, trên địa cầu tai nạn rất nhiều, các Ngài có bị tai nạn hay không? Các Ngài chẳng bị. Vì sao chẳng bị? Các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Tai biến biến hóa như thế nào, các Ngài hiểu rõ ràng, minh bạch, biết gì là nhân, biết gì là quả, chẳng có mảy may gì liên quan đến các Ngài, giống như các Ngài đang xem diễn tuồng, hoặc xem biểu diễn ảo thuật vậy. Trụ trong Trung Đạo mới được, tối thiểu cũng phải trụ trong bốn thánh pháp giới, đừng trụ trong lục đạo. Nếu trụ trong bốn thánh pháp giới, quyết định chẳng chấp trước, hề có chấp trước nhất định là lục đạo phàm phu, chắc chắn phải chịu khổ. Muốn hưởng vui, quý vị làm lành sẽ hưởng vui; quý vị tạo ác phải chịu khổ, chẳng có cách nào, trong lục đạo có nhân quả báo ứng.

“*Chế Hạnh, biểu nghiêm trì tịnh giới, chế ác hành thiện*” (Chế Hạnh biểu thị trì giới thanh tịnh nghiêm ngặt, ngăn ác, làm lành), Chế (制) là ngăn dứt. [Chế Hạnh] là dứt ác làm lành, nghiêm trì giới luật. “*Hựu niệm Phật tức thị trì giới*” (lại nữa, niệm Phật chính là trì giới), chúng ta có phải học giới luật hay không? Người niệm Phật chẳng cần. Giới luật có ba loại lớn, thứ nhất là Luật Nghi Giới, nhất định phải tuân thủ từng điều một, đặc biệt là đối với kẻ sơ học, giới luật cũng rất trọng yếu. Người thật sự niệm Phật, suốt ngày từ sáng đến tối là mười vạn câu Phật hiệu, sự niệm Phật ấy chính là trì giới, đó là gì? Đạo cộng giới. Niệm Phật là tu đạo, tu đạo Tây Phương, tu đạo Di Đà, từng bước hướng gần đến thế giới Cực Lạc, điều này thuộc về Đạo Cộng Giới. Phật hiệu là giới luật, trong tâm là Phật, nơi miệng là Phật, thân chính là Phật, lấy đâu ra chuyện xấu để làm! Đó là trì giới. Loại thứ hai là gì? Định Cộng Giới, người ấy đã nhập định, nhập Định sẽ chẳng làm chuyện xấu xa, chẳng có ác niệm, cũng chẳng có ác hạnh; vì vậy, Định Cộng Giới, tức là trong Định có giới, trong Đạo có giới. Nếu chẳng tu Đạo, chẳng tu Định mà muốn trì giới, sẽ chẳng có giới, mà Phật pháp cũng chẳng có

luôn! Chư vị đồng tu chớ nên không biết điều này: Không có giới luật, Phật pháp sẽ tiêu diệt! Bởi thế, ngày nay chúng ta niệm Phật vẫn phải nhấn mạnh trì giới, vì sao? Niệm Phật là chúng ta thành tựu chính mình, trên địa cầu còn có nhiều chúng sanh phải chịu khổ, trì giới sẽ có thể lìa khổ, được vui. Giới là thiện pháp, đoạn ác, tu thiện; thiện có thiện quả, tức quả báo [tốt lành], ác có ác báo. Đức Phật giảng cho chúng ta mười tiêu chuẩn, tức Thập Thiện Nghiệp Đạo. Quý vị tu Thập Thiện, quả báo là trong tam thiện đạo, thật sự thiện. Hiện thời, loài người bất thiện, quý vị thấy làm người khổ quá! Xã hội hỗn loạn dường ấy, trên địa cầu tai nạn nhiều ngàn ấy, do nguyên nhân gì? Chuyện này ngay các nhà khoa học cũng biết, các thứ tai biến trên địa cầu cho thấy tâm thái của cư dân trên địa cầu có vấn đề. Phản ứng đối với tâm thái bất thiện xuất hiện thành hiện tượng. Cảnh chuyển theo tâm, nếu cư dân trên địa cầu ai nấy tuân thủ nhân, nghĩa, đạo đức, hiếu, đễ, trung, tín, xã hội hòa hài, tai nạn chẳng dấy lên, thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng ta là người học Phật, có tin tưởng những gì đức Phật đã giảng trong kinh hay không? Nói đến Tín Huệ Bồ Tát, quý vị có tin hay không? Quý vị không tin thì vẫn phải hứng chịu quả báo. Hưởng hết mọi nỗi khổ, đến cuối cùng quý vị tin tưởng. Khi nào quý vị tin tưởng, khi ấy tai nạn sẽ đình chỉ, ác báo của quý vị chấm dứt. Quý vị chẳng tin thì ác báo vẫn kéo dài, vẫn tiếp tục không ngừng, đạo lý là như vậy đó!

Chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đã giảng những điều này suốt mấy ngàn năm, cổ nhân tin tưởng, người hiện thời chẳng tin. Vì sao? Thời cổ không có khoa học, lòng người thuần hậu, tử tế, nên đều có thể tiếp nhận, tin tưởng. Người thông minh, do người có trí huệ dìu dắt, người thật sự có trí huệ sẽ tin tưởng. Kẻ có kiến thức nhưng thiếu trí huệ sẽ chẳng tin. Gần ba trăm năm qua, khoa học phát triển mạnh mẽ, mọi người tin theo khoa học, chẳng còn tin tưởng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, chẳng còn tin tưởng luân lý đạo đức nên mới biến thành nông nổi hiện thời, chúng ta chớ nên không biết. Nếu chúng ta muốn giúp đỡ xã hội này, giúp họ lìa khổ được vui, phải bắt đầu thực hiện từ bản thân, phải nêu gương tốt cho người khác nhìn vào. Họ nhìn quý vị dăm ba năm chẳng tin, nhìn vào quý vị mười năm hay tám năm chẳng tin, nhưng nhìn quý vị hai chục, ba chục năm sẽ tin. Giúp đỡ người khác chẳng dễ dàng, lúc đầu hứng chịu hết mọi nỗi cực nhọc, người ta không tin, hủy báng, khinh nhục, thậm chí hãm hại, quý vị đều phải chấp nhận, luôn nêu gương tốt. Gây cho ta khó khăn gì đi nữa, vẫn chẳng oán hận mảy may, mỗi ngày vẫn vui sướng. Vì sao? Quý vị tiếp xúc Phật, pháp hỷ sung mãn. Họ nhìn lâu ngày, khổ sở cũng chịu đựng chán chê rồi, vẫn phải tiếp tục chịu khổ, chúng ta tin tưởng rồi sẽ có ngày họ quay đầu, giác ngộ, biết lỗi, sám hối, cuối cùng hiểu rõ, người ấy được gọi là “đắc độ”. Do vậy, hiện thời độ hết thấy chúng sanh nhất định gặp khó khăn, tùy thuộc các Bồ Tát có thể chịu đựng hay không? Bồ Tát có thể chịu được; vì sao? Ngài vĩnh viễn trụ trong Trung Đạo, nên chẳng bị cảnh giới bên ngoài khuấy nhiễu, nhất tâm niệm Phật hồng nâng cao cảnh giới của chính mình, nói theo người thế gian là tích tập vô lượng vô biên công đức. Bồ Tát không hưởng những công đức ấy, mà hồi hướng những công đức ấy cho hết thấy chúng sanh khổ nạn, giúp họ sớm có ngày giác ngộ,

sớm có ngày quay đầu. Vì vậy, trì giới cũng có nghĩa là Ché Hạnh. Hạnh là hành vi, Ché là không ché, [Ché Hạnh là] không ché những tư tưởng và hành vi sai lầm của chúng ta. Đây là ý nghĩa trì giới.

Cuối cùng là vị thứ mười sáu: “*Giải Thoát, biểu diệt trừ kết phược, có danh Giải Thoát*” (Giải Thoát biểu thị trừ diệt kết phược, nên gọi là Giải Thoát). Kết (結) và Phược (縛) đều là những danh xưng khác của phiền não. Quý vị tạo tác nghiệp, bất luận thiện nghiệp hay ác nghiệp, những nghiệp ấy chưa gặp duyên, sẽ chẳng thể dấy lên hiện hành, nhưng chúng tồn tại, giống như thắt nút, chưa tháo ra. Vì thế, chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, cả đời phải giữ sao cho chẳng kết oán với bất cứ ai, điều này rất quan trọng. Kẻ khác kết oán với ta, ta chẳng kết oán với họ, sẽ chẳng có chuyện gì. “*Kết*” là phải cả hai phía thì mới kết được, một phía đã buông bỏ, sẽ chẳng thể thắt chặt. Đôi phương kết, ta không kết! “*Phược*” cũng là danh xưng khác của phiền não, giống như dùng thừng trói chặt quý vị ở một chỗ, chẳng chừa quây được. Trong ấy có thiện, có ác, nhưng thật ra đều là ác, lấy đâu ra thiện? Nhưng chúng sanh ngỡ đó là thiện, đây là gì? Tình chấp. Người thế gian nói tới ái tình, đó chính là một sợi thừng trói thắt chặt quý vị nơi đó, chẳng chừa quây được, đó là ái tình. Vì thế, phải thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt sẽ giải thoát. Tháo nút buộc, cởi trói xong, quý vị được đại tự tại; do vậy, gọi là Giải Thoát Bồ Tát.

Tiếp đó, sách viết: “*Như kinh vân: Thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, khả đắc trường thọ Nê Hoàn chi đạo. Hựu, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ*” (Như kinh nói: “*Riêng thân mình độ thoát, đạt được phước đức, có thể đắc đạo Nê Hoàn trường thọ*”, và “*kẻ gặp được kinh này, tùy ý mong muốn, đều được đắc độ*”). Trong kinh này có hai câu như vậy, biểu thị ý nghĩa này. Kinh này có công đức chẳng thể nghĩ bàn. “*Trị*” (值) là gặp gỡ. Chúng ta gặp bộ kinh Vô Lượng Thọ này, mỗi ngày tụng niệm, lại còn phải lý giải. Biết niệm nhưng không lý giải, hiệu quả chẳng lớn. Vừa biết niệm, vừa có thể hiểu, sẽ khởi tác dụng. Biến sự lý giải thành tư tưởng và kiến giải, biến các giáo huấn trong kinh thành hành vi trong cuộc sống của chúng ta, quý vị thật sự nhập kinh Vô Lượng Thọ, thật sự nhập cảnh giới Di Đà. Trong kinh này nói đến cảnh giới của A Di Đà Phật, nhập cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới từ chỗ nào? Từ hiện tại mà nhập, ngay trong giây phút này chính là nó, tự và tha chẳng hai. “*Tự*” là hoàn cảnh cư trụ của chúng ta, Tha là Tây Phương Cực Lạc thế giới, là một, chẳng hai!

Vì thế, gặp gỡ kinh này, quả thật là tùy theo ý nguyện đều có thể đắc độ, nương theo lý luận, phương pháp, và cảnh giới trong kinh điển để tu hành, giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn khi nào đi bèn đi. Có người nóng lòng muốn đi, có thể thành công trong vài ngày hay không? Kinh Di Đà dạy “*nhược nhất nhật*”, một ngày bèn có thể thành tựu; “*nhược nhị nhật, nhược tam nhật*”, cuối cùng nói bảy ngày, “*bảy*” chẳng phải là [chỉ vòn vẹn] bảy ngày, mà “*bảy*” có ý nghĩa biểu thị pháp, tượng trưng cho viên mãn, có nghĩa là tùy ý, quý vị thích

đi ngày nào bèn đi trong ngày ấy. “Bây” mang ý nghĩa tùy ý, viên mãn, thích khi nào đi bèn đi khi ấy, muốn ở lại thế gian này thêm mấy năm nữa chẳng trở ngại gì! Vì sao? Ở lại thế gian này chẳng có chuyện gì khác, chỉ vì còn có những kẻ hữu duyên, ta trụ thêm vài ngày để dẫn bọn họ cùng đi, do chuyện này! Nếu không dẫn theo ai thì phải đi trong hiện tại, ở lại nơi đây để làm gì? Chẳng có mảy may ý nghĩa gì! Do vậy, hiểu đạo lý này, từ xưa tới nay, tai nạn là cộng nghiệp, mấy ngàn người hoặc mấy trăm người cùng chết sạch trong một trận tai nạn. Chúng ta không có Thiên Nhân, chẳng có Túc Mạng Thông, không biết chuyện là như thế nào, dường như tai nạn từ trên trời giáng xuống, và cũng thấy có những kẻ nào đáng chết, người nào chẳng đáng chết, thật sự có người tốt [bị chết bất ngờ trong tai nạn ấy]! Người tốt lẫn người xấu đều có, vì sao đều cùng nhau gặp nạn? Người có Thiên Nhân Thông và Túc Mạng Thông có thể thấy người tốt do [chết vì] tai nạn ấy bèn sanh lên trời. Trời già rất công bằng, kẻ ấy sanh lên thiên đường hưởng phước. Kẻ tạo tác ác nghiệp bèn đọa xuống, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Cùng chết như nhau, nhưng sanh vào các chỗ khác nhau. Do vậy, người niệm Phật thời thời khắc khắc ghi nhớ A Di Đà Phật trong tâm, dầu là do cộng nghiệp phải tử vong lần này, người ấy sanh về thế giới Cực Lạc, quý vị mới thật sự nhìn thấy chân tướng sự thật.

“*Thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức*” (thân riêng độ thoát, đạt được phước đức), phước đức ấy là phước đức trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là phước đức trong nhân gian hay cõi trời. Vì thế, chúng ta tu phước, tốt nhất là chớ nên hưởng phước. Vì sao? Phước ấy có thể mang đi được. Chúng ta có tâm hưởng phước, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, vì sao? Phước báo trong nhân thiên. Hiện thời, phước báo trong nhân gian đã suy, tôi nghe nói phước báo cõi trời cũng chẳng bằng quá khứ. Chúng ta có thể tin tưởng điều này, vì sao? Cảnh chuyển theo tâm, cùng một đạo lý như vậy. Vì thế, có phước phải để cho người khác hưởng, chúng ta biết trong thế gian này còn có rất nhiều người có phước báo chẳng bằng chúng ta. Tuy chúng ta thiếu phước, vẫn đỡ hơn họ rất nhiều, phải nghĩ cách giúp họ, chiếu cố họ nhiều hơn một chút, đó là chuyện tốt đẹp. Nói chung, con người chịu khổ nạn một chút sẽ có lợi, tâm cảnh giác sẽ cao, chẳng còn lưu luyến thế gian này, quý vị nói có phải là trọng yếu lắm hay không? Nếu hưởng phước trong thế gian này, sẽ quên bằng thế giới Cực Lạc, “ở đây khá lắm!” Lưu luyến thế gian này, sẽ là chuyện hỏng bét. Vì thế, thà chịu khổ một tí, có tâm cảnh giác cao độ, quyết định cầu sanh thế giới Cực Lạc.

Câu cuối cùng: “*Nhi vi thượng thủ, biểu dĩ thượng thập lục Chánh Sĩ vi hội trung vô lượng vô biên, nhất thời lai tập chi tại gia Bồ Tát trung chi thượng thủ*” (Câu “nhi vi Thượng Thủ” (làm Thượng Thủ) biểu thị mười sáu vị Đại Sĩ là Thượng Thủ của vô lượng vô biên Bồ Tát tại gia cùng một lúc đến dự hội). Lão cư sĩ nói câu này hay lắm, “trong hội, vô lượng vô biên tại gia Bồ Tát cùng một lúc đến nhóm họp” là thật, chẳng giả. Do vậy, đức Phật mở pháp hội này, nói bộ kinh này, chúng ta mắt thịt chỉ thấy loài người, ở đây nói là hơn một vạn hai ngàn người, đại hội mà! Chúng ta chẳng nhìn thấy các vị Bồ Tát từ mười phương thế giới

vân tập, chư thiên đại chúng thuộc Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên trong tam thiên đại thiên thể giới đều tới, đúng là vô lượng vô biên. Quý vị nói pháp hội này thù thắng lắm không? Trong nơi nhóm hội ấy, người tại gia đông đảo, hàng xuất gia cũng chẳng ít, nhưng tại gia đông hơn. Hơn nữa, ở đây tại gia học Phật và tại gia thành tựu là chủ yếu. “*Cứ Hội Số cập Chân Giải nghĩa*” (xét theo ý nghĩa được trình bày trong Hội Số và Chân Giải), ở đây nói đến vị thứ nhất, “*Phổ Hiền, Văn Thù chánh thị Thích Ca hội trung chi thượng thủ. Cố cử lưỡng đại sĩ tổng nhiếp hội trung nhất thiết Bồ Tát*” (Phổ Hiền và Văn Thù đúng là thượng thủ trong hội của Phật Thích Ca. Vì thế, lấy hai vị đại sĩ để gồm trọn hết thầy các vị Bồ Tát trong hội). Vì Văn Thù và Phổ Hiền là trợ thủ của Thích Ca Mâu Ni Phật, tượng trưng trí huệ, Văn Thù tượng trưng trí huệ đệ nhất, Phổ Hiền tượng trưng tận lực thực hiện bậc nhất, người hiện thời nói là “*chân cán*”(thật sự làm), dùng hai chữ này cho mọi người dễ hiểu. Phổ Hiền tượng trưng cho “*chân cán*”. Hai vị Bồ Tát này đại diện thế giới Sa Bà, là thượng thủ trong pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, đại diện hết thầy Phật, Bồ Tát. Thứ hai, “*Di Lạc thị đương lai Hiền Kiếp thành Phật chư Bồ Tát chi thượng thủ*” (Di Lạc Bồ Tát là thượng thủ của các vị Bồ Tát sẽ thành Phật trong tương lai của Hiền Kiếp). Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong một ngàn vị Phật thuộc Hiền Kiếp, Di Lạc là thứ năm, từ nay về sau còn có chín trăm chín mươi lăm vị Phật, Di Lạc Bồ Tát đại diện cho những vị ấy, các vị ấy thầy đều tham dự pháp hội này. Điều này có dụng ý rất sâu, nói rõ một ngàn vị Phật xuất thế trong Hiền Kiếp, mỗi vị Phật cũng sẽ giảng kinh Vô Lượng Thọ, mỗi vị Phật đều đề xướng pháp môn Tịnh Độ, khuyên mọi người cầu sanh thế giới Cực Lạc hồng chúng đắc quả vị viên mãn rốt ráo trong một đời.

“*Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ thị hội trung cư gia Bồ Tát chi thượng thủ. Thủ thuyết ôn thỏa*” (Mười sáu vị Chánh Sĩ thuộc nhóm Hiền Hộ là thượng thủ của các vị tại gia Bồ Tát trong hội, thuyết này ôn thỏa). Đây là hai vị đại đức trong quá khứ của Nhật Bản đã tổng kết đoạn kinh văn này. Cụ Hoàng Niệm Tổ khẳng định thuyết ấy rất thỏa đáng, nói rất viên mãn. Quý vị thấy trong phần tổng kết, cụ chọn thuyết của hai vị pháp sư Nhật Bản trong Hội Số và Chân Giải. “*Cố bất thái Tịnh Ảnh chi thuyết*” (nên chẳng lấy thuyết của ngài Tịnh Ảnh), Tịnh Ảnh Số là chú giải [kinh Vô Lượng Thọ] của người Trung Quốc. Chú giải của Trung Quốc chỉ có hai loại. Trong ấy nói như thế nào? “*Bỉ tương Văn Thù, Phổ Hiền diệc tịnh u Hiền Kiếp thành Phật chi Bồ Tát trung*” (Tịnh Ảnh Số xếp Văn Thù và Phổ Hiền vào số các vị Bồ Tát sẽ thành Phật trong Hiền Kiếp), sai mất rồi! Quý vị thấy đại đức Nhật Bản đã tách rời Văn Thù và Phổ Hiền ra [khỏi các vị Bồ Tát sẽ thành Phật trong Hiền Kiếp], họ là đại biểu của đức Thế Tôn trong hội này. Khi đem so [thuyết của Tịnh Ảnh Số] với [cách nói của] hai vị pháp sư Nhật Bản, thuyết của hai vị pháp sư Nhật Bản rất hay, hay hơn thuyết của Tịnh Ảnh Số. Chúng ta xem chú số của cổ đại đức phải rất thận trọng, phải lắng lòng, dùng trí huệ chân thật để lý giải, thấu hiểu. Sau khi hiểu ý nghĩa rõ ràng, sẽ biết chúng ta nên làm như thế nào, thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật. Kinh Vô

Lượng Thọ là sống động, người hiện thời gọi [cách vận dụng này] là vận dụng sống động, chẳng phải là mê tín. Đức hiệu của mỗi vị Bồ Tát biểu thị điều gì? Tu đức. Danh hiệu Phật biểu thị quả đức, chẳng lia rời tự tánh. Trong giáo pháp Đại Thừa, tổ sư đại đức thường dạy chúng ta xứng tánh khởi tu, danh hiệu Bồ Tát là xứng tánh. Trong Phật giáo Trung Quốc, Phật giáo Trung Quốc là Đại Thừa, lấy tứ đại Bồ Tát làm tổng đại biểu, chớ nên không biết điều này!

Vị thứ nhất, Cửu Hoa Sơn Địa Tạng Bồ Tát đại biểu sự hiểu thân tôn sư. Vị thứ hai là Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát, đại biểu đại từ đại bi, mắt đến tận tay⁸¹[3], cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn, từ bi cứu giúp thế giới. Vị thứ ba, Ngũ Đài Sơn Văn Thủ Bồ Tát, đại biểu trí huệ. Hiểu thân tôn sư, đại từ đại bi, phổ độ chúng sanh đều phải cậy vào trí huệ. Không có trí huệ, sẽ bị biến chất. Nhà Phật thường nói: *“Từ bi lắm họa hại, phương tiện thành hạ lưu”*. Vốn sẵn từ bi, phương tiện là độ chúng sanh, *“từ bi là gốc, phương tiện làm cửa”*, vì sao từ bi trở thành họa hại, phương tiện trở thành hạ lưu? Thiếu trí huệ! Phải nhờ vào trí huệ [mới tránh khỏi những khuyết điểm ấy]. Phổ Hiền, Nga Mi Sơn Phổ Hiền đại biểu “thật sự làm”, nói kiểu này mọi người sẽ thấy dễ hiểu! Chẳng giả, thật sự, thật sự thực hiện “hiểu thân tôn sư, từ bi cứu vớt thế giới”, đó là Phổ Hiền, dùng bốn vị đại Bồ Tát này để biểu pháp. *“Triều sơn”* (lên núi chiêm bái) là triều (hướng về, châu hầu về) điều gì? Hiểu bốn ý nghĩa này, thật sự làm được, tức là đã triều toàn bộ [bốn ngọn danh sơn]. Nếu chẳng hiểu, quý vị đến bốn quả núi lễ bái Bồ Tát nứt toác cả đầu vẫn uống công, điều gì cũng chẳng đạt được! Phải hiểu rõ ràng, minh bạch lý này, tứ đại Bồ Tát tượng trưng cho Tu Đức, Thích Ca Mâu Ni Phật tượng trưng cho Tánh Đức. Thích Ca Mâu Ni, năng nhân, tịch mặc là Tánh Đức, năng nhân là nhân từ, tịch mặc là thanh tịnh, tâm địa thanh tịnh, tiếp độ chúng sanh nhân từ, còn Bồ Tát tượng trưng cho phương pháp cụ thể [để thực hiện những điều đó], mê tín ở chỗ nào? Nhà Phật bài trừ mê tín, lấy đâu ra mê tín? Các đồng học chúng ta cùng nhau học tập, đúng là phải lý giải, phải hiểu rõ, phải thật sự làm, đưa Phật giáo trở về giáo học. Chúng ta thật sự làm chuyện tốt đẹp, chẳng khiến cho Thích Ca Mâu Ni Phật thất vọng, xứng đáng sự truyền thừa của lịch đại tổ sư. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

⁸¹[3] Hình tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Âm có ngàn cánh tay, giữa mỗi bàn tay có một con mắt.

Tập 98

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười bốn, đọc từ phần kinh văn, in chữ to, xem từ phần kinh văn.

Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức. Cụ túc vô lượng hạnh nguyện. An trụ nhất thiết công đức pháp trung. Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện. Nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn.

咸共遵修普賢大士之德。具足無量行願。安住一切功德法中。遊步十方。行權方便。入佛法藏。究竟彼岸。

(Điều cùng tuân tu đức của Đại Sĩ Phổ Hiền, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy các pháp công đức, dạo chơi mười phương, hành phương tiện quyền biến, nhập pháp tạng của Phật, rốt ráo đạt đến bờ kia).

Đây là tổng cương lĩnh của cả phẩm, tán thán công đức của Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta đọc lời chú giải của cụ Niệm Tổ: “*Bổn phẩm tụng hàm cộng tuân tu*” (phẩm này từ câu “điều cùng tuân tu”) cho đến cuối phẩm này “*bất khả tư nghị*” (chẳng thể nghĩ bàn). Trong bản này là trang một trăm bốn mươi bảy, nếu chúng ta lật ra xem, [sẽ thấy] kinh văn phẩm này đến câu cuối cùng là lời tổng kết, hoàn toàn là tán thán đức của Phổ Hiền Bồ Tát. Lão cư sĩ nói: “*Giai thị tán thán Phổ Hiền đại sĩ kỳ hội trung nhất thiết Bồ Tát chi đức*” (đều là tán thán đức của Phổ Hiền đại sĩ và hết thảy các vị Bồ Tát trong hội). Trên thực tế, đức của hết thảy Bồ Tát trong hội đều là đức của Phổ Hiền đại sĩ. Kinh văn phẩm này khá dài, có thể nói là mỗi chữ, mỗi câu chúng ta đều nên học tập, vận dụng vào cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật, đó là chúng ta tu đức của Phổ Hiền đại sĩ.

Chúng ta xem lời chú giải kế tiếp: “*Đại sĩ giả tức Bồ Tát, tức Đại Đạo Tâm Hữu Tình*” (Đại sĩ là Bồ Tát, tức Đại Đạo Tâm Hữu Tình). Cổ nhân dịch là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, Huyền Trang đại sư dịch là Giác Hữu Tình. Đại Đạo Tâm Hữu Tình thì nói cách khác, vị ấy vẫn chưa đoạn sạch tình, nên là Bồ Tát. Nếu sau Đại Đạo Tâm không có hai chữ ấy (Hữu Tình) sẽ là Phật Đà, sai biệt ở chỗ này. “*Sĩ vị sĩ phu*” (sĩ là sĩ phu), người Hoa gọi

người đọc sách dạy học là “*sĩ đại phu*”. Vào thời cổ, đó là người dạy học, hiện thời gọi là thầy giáo. Thời cổ không gọi là thầy mà gọi là “*phu tử*”, Khổng phu tử tức là thầy Khổng, nay gọi là “*thầy*”, cổ nhân gọi là Phu Tử. Vì thế, gọi là “*sĩ phu*” tức là người đọc sách, dạy học. “*Đại giả, tức tiên thích Đại Đạo Tâm chi Đại*” (Đại chính là chữ Đại trong phần giải thích về Đại Đạo Tâm ở phần trước), chẳng lập lại điều này, chẳng nhắc lại. “*Bốn kinh hội trung, dĩ Phổ Hiền Bồ Tát vi nhất thiết Bồ Tát chi Thượng Thủ*” (pháp hội kinh này lấy Phổ Hiền Bồ Tát làm Thượng Thủ của hết thầy các vị Bồ Tát), dùng Phổ Hiền Bồ Tát làm đại diện cho vô lượng vô biên Bồ Tát tham gia pháp hội, lấy Ngài làm đại biểu. “*Dur Văn Thù, Di Lặc, Hiền Hộ đẳng xuất gia, tại gia Bồ Tát*” (các vị khác như Văn Thù, Di Lặc, Hiền Hộ, các vị tại gia hay xuất gia Bồ Tát), đều bao gồm hết, “*kỳ thập phương lai hội vô lượng vô biên chi chư đại Bồ Tát, giai tất tuân hành Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (và vô lượng vô biên các vị đại Bồ Tát đến từ mười phương, ắt đều tuân hành đức của Phổ Hiền đại sĩ). Từ mấy câu kinh văn ngắn ngủi này, chúng ta có thể thấu hiểu rõ ràng, hội Vô Lượng Thọ này và hội Hoa Nghiêm chẳng hai, chẳng khác! Để biểu thị pháp, trong kinh Hoa Nghiêm cũng lấy Phổ Hiền Bồ Tát làm con trưởng, tức là ý nghĩa Thượng Thủ đang nói ở đây. Trong phần sau, cụ Hoàng cũng nói: “*Phổ Hiền đại sĩ nữ Hoa Nghiêm trưởng tử, kỳ chí đức tức thập đại nguyện vương, đạo quy Cực Lạc dã*” (Phổ Hiền đại sĩ chính là trưởng tử trong hội Hoa Nghiêm, đức tốt cùng của Ngài là mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc). Nói đến cùng tốt, đức của Phổ Hiền Bồ Tát chính là một câu “*mười đại nguyện dẫn về Cực Lạc*”. Do đây, ta có thể biết tầm quan trọng của mười đại nguyện vương. Kinh luận và cổ đại đức cũng thường nói, Bồ Tát chẳng tu mười nguyện Phổ Hiền (tức là Phổ Hiền hạnh), sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Do điều này ta có thể biết Phổ Hiền hạnh nguyện là khoa mục ắt phải tu học của tất cả các vị Bồ Tát. Tuy cương lĩnh chỉ có mười điều, tức mười câu, nhưng tế hạnh vô lượng vô biên. Từ kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, chúng ta có thể thấu hiểu, Thập Thiện chỉ có mười điều, Đại Thừa Bồ Tát đã triển khai mười điều ấy thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Quý vị thấy mười điều có thể biến thành tám vạn bốn ngàn điều, Bồ Tát đấy! Mười nguyện Phổ Hiền chẳng phải chỉ có chừng đó chữ, mà là vô lượng vô biên, vô số vô tận hạnh nguyện, nhưng chẳng vượt ngoài mười cương lĩnh ấy, ta mới biết mười cương lĩnh đó trọng yếu ngàn ấy! Tám vạn bốn ngàn nhớ không xuể, mười điều này dễ nhớ. Nhớ mười điều, thực hiện được thì tám vạn bốn ngàn tế hạnh bèn viên mãn.

Ở chỗ này, [cụ Hoàng] nêu lên danh xưng của mười nguyện. “*Vị đại sĩ thập chủng quảng đại hạnh nguyện. Nhất giả, lễ kính chư Phật*” (tức là mười đại nguyện rộng lớn của Đại Sĩ. Một là lễ kính chư Phật), chúng tôi giới thiệu đơn giản mỗi điều một chút. Chư vị phải biết đối với điều thứ nhất này, mười điều giống như một tòa cao ốc mười tầng, điều thứ nhất là tầng đầu tiên. Chư vị phải biết, chẳng có tầng thứ nhất sẽ không thể có tầng thứ hai, không có tầng thứ hai sẽ không thể có tầng thứ ba. Nói cách khác, tầng sau chắc chắn bao gồm tầng trước, tầng trước chẳng nhất định bao gồm tầng sau. Có lễ kính không nhất định có xưng tán,

có xung tán chắc chắn có lễ kính. Do vậy, chúng ta hiểu rõ: Tu hành phải có thứ tự, không thể nhảy cóc được, ta chẳng cần mấy điều trước, chỉ cần một điều sau, có được hay không? Chắc chắn là chẳng thể được! Lễ kính xếp đầu tiên. Lễ là lễ tiết, đó là nhìn từ biểu hiện bên ngoài; Kính là thành kính, là Tánh Đức trong nội tâm. Tánh Đức lưu lộ ra ngoài sẽ tự nhiên là lễ. Lễ có cần phải học hay không? Có tâm chân thành cung kính, không cần học mà tự nhiên đúng lễ, thật đấy, chẳng giả tí nào! Nếu bên trong chẳng có tâm thành kính, bên ngoài học lễ thì lễ ấy là hư ngụy, chẳng thật, người sáng mắt vừa nhìn đã thấy thấu suốt, giả trá! Cố ý tạo tác! Chúng ta hiểu thực chất của lễ là kính, hết thấy cung kính. Tâm cung kính là Tánh Đức, có sẵn trong tự tánh, không do học được. Nay chúng ta phải học lễ, vì sao? Đã mê mất tự tánh, thời gian mê quá dài, mê quá lâu, nên chẳng còn thấy tâm thành kính nữa, dùng tâm gì? Tâm hư ngụy, tương phản của thành kính là hư ngụy. Ai trong chúng ta chịu thừa nhận chính mình dụng tâm hư ngụy? Đều chẳng thừa nhận, toàn là nghĩ tâm của chính mình là chân tâm; nhưng Phật, Bồ Tát thấy chúng ta dụng tâm hư ngụy, chẳng phải là chân tâm. Hư ngụy là gì? A Lại Da, là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Giới hạn giữa chân và vọng là gì? Nói theo cách định nghĩa của người hiện thời, dùng điều gì để vạch ranh giới? Chân tâm vĩnh hằng chẳng thay đổi, vọng tâm biến hóa trong từng sát-na. Dùng đạo lý này để hoạch định ranh giới, chúng ta cũng đành chịu phục, đích xác là tâm chúng ta chẳng chân thành, niệm trước diệt, niệm sau sanh, sanh diệt chẳng trụ, chẳng ngừng. Tốc độ nhanh chóng, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng. Hiện thời, các nhà khoa học Lượng Tử đã phát hiện tốc độ của nó quá nhanh. Phật, Pháp Thân Bồ Tát trong cảnh giới Thiên Định rất sâu đã thấy, [những điều được các Ngài] thấy trong Thiên Định là cảnh giới Hiện Lượng. Thiên Định cực sâu, tốc độ vô cùng nhanh, dẫu dao động tột bậc yếu ớt, các Ngài vẫn có thể thấy rõ ràng. Khoa học hiện thời dùng các máy móc tinh vi để quan sát, còn Phật, Bồ Tát thấy trong Định. Chúng ta chẳng thể không bội phục những nhà khoa học ấy, từ các dụng cụ tinh vi, họ cũng thấy được ba thứ tế tướng của A Lại Da.

Nói thật ra, những máy móc ấy vẫn chẳng sánh bằng công phu định lực. Máy móc thấy những điều đương nhiên, chẳng biết nguyên do. Trong Thiên Định, Phật, Bồ Tát trông thấy các hiện tượng, [hiểu rõ] căn nguyên vì sao có những hiện tượng ấy, đều thấy thấu suốt. Điều này cho thấy: Nếu so sánh giữa công phu Thiên Định và máy móc khoa học, công phu định lực vượt trội, chẳng có gì sánh bằng được! Nếu chúng ta chọn lựa giữa hai phương pháp, chắc chắn mọi người sẽ chọn Thiên Định. Nếu chúng ta hỏi, khoa học có thể phát hiện căn nguyên hay không? Dựa theo lời đức Thế Tôn đã dạy trong kinh điển, chuyện ấy chẳng thể được. Vì sao? Họ chẳng đoạn tập khí phiền não, sẽ chẳng thấy chân tướng. Tập khí phiền não chướng ngại tự tánh, [nên chỉ] có thể thấy ba tế tướng của A Lại Da. Trong kinh, đức Phật đã giảng, Ngài nói tám thức, công năng của tám thức khác nhau, công năng lớn nhất là thức thứ sáu, tức ý thức. Nay chúng ta gọi thức thứ sáu, tức ý thức, là tư tưởng. Triết gia Tây phương có nói: *“Tôi tư duy, nên tôi tồn tại”* (Ergo cogito, ergo sum). Đức Phật nói: Đối với bên

ngoài, tư tưởng có thể duyên đến hư không pháp giới, các nhà Vật Lý Học hiện tại gọi [hư không pháp giới] là “vũ trụ vĩ mô”, thức thứ sáu có thể duyên tới, ắt cần dùng các dụng cụ khoa học tinh vi [để phụ trợ], nó sẽ duyên tới. Đối nội, nó có thể duyên tới A Lại Da. Đức Phật đã nói những lời này từ ba ngàn năm trước, hiện nay đã được chứng thực. Phàm phu chúng ta duyên chẳng tới, các nhà khoa học thông minh sử dụng máy móc, dùng Toán Học, có thể duyên tới, nhưng chẳng duyên được tự tánh, nên vẫn không thể giải quyết vấn đề. Các phát hiện này, nói theo cách bây giờ thì là tri thức (kiến thức), tri thức uyên bác, nhưng chẳng phải là trí huệ. Trong Thiền Định, đức Phật thấy bằng trí huệ. Trí huệ khác với tri thức ở chỗ: Một đặng là đoạn sạch phiền não, một đặng là phiền não vẫn còn. Khoa học gia chưa đoạn phiền não, giống hệt như chúng ta, có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; nhưng chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ đã đoạn sạch phiền não, chẳng còn. Không chỉ là phân biệt, chấp trước chẳng còn, mà ngay cả khởi tâm động niệm đều không có. Vĩnh viễn chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là cảnh giới gì? Nói theo Tịnh Tông sẽ là cảnh giới Thường Tịch Quang. Không khởi tâm, không động niệm, nó có thể khởi tác dụng hay không? Có thể, chúng sanh có cảm, tự nhiên sẽ có ứng, cảm ứng đạo giao, pháp vốn là như vậy. Sống động, chẳng chết cứng, có thể nào chẳng khởi tác dụng? Vì khắp pháp giới hư không giới là một tự thể, Nhất Chân, chỉ có một tự thể này!

Ngày hôm qua, tôi xem một bản tin do một đồng học hạ tải (download) từ Internet. Hạ tải xong, kể với tôi tin tức ấy, hiện thời các nhà khoa học lại phát hiện điều gì? Trong lỗ đen có vũ trụ, trong vũ trụ chẳng biết có bao nhiêu lỗ đen, trong mỗi lỗ đen đều có một vũ trụ. Chuyện vừa được phát hiện như thế, trong kinh Phật có [đề cập] hay không? Có! Ở đâu vậy? Trong các phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Trụ của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, những điều ấy vẫn thuộc trong phạm vi của thức thứ sáu (ý thức). Quý vị thấy nó (ý thức) có thể duyên tới vũ trụ vĩ mô, và duyên tới A Lại Da là duyên theo vũ trụ vi mô. Vũ trụ vĩ mô và vũ trụ vi mô [ý thức đều duyên được]. Đối với chúng ta mà nói, những điều này đều là chuyện tốt, vì sao? Giúp chúng ta tăng thêm tín tâm đối với Đại Thừa Phật pháp, nhưng để thật sự giải quyết vấn đề, vẫn cần đến Đại Thừa Phật pháp. Khoa học đã giúp đỡ Đại Thừa Phật pháp chẳng ít, giúp gì vậy? Giúp chúng ta kiến lập tín tâm kiên định, chẳng còn hoài nghi, tin vào Giới, Định, Huệ của chính mình, tin tưởng lời đức Phật đã dạy trong kinh: “*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện*” (Chế tâm một chỗ, không chuyện gì chẳng thực hiện được). Lợi ích thân thiết nhất là giúp cho thân tâm của chúng ta khỏe mạnh, rất có lợi! Bản thân chúng ta dùng ý niệm để điều chỉnh cho thân tâm khỏe mạnh, dụng ý niệm để biến đổi dung mạo đẹp đẽ hơn, chẳng có khuyết điểm gì! Quý vị nói tới thẩm mỹ viện bên ngoài, đó là hại người, phá hoại sinh thái tự nhiên. Dùng ý niệm để sáng tạo sinh thái tự nhiên, đó là chính đáng, thường hằng. Nếu mở rộng ra, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hòa hài, thiên hạ thái bình, mở rộng đến hoàn cảnh cư trụ của chúng ta, núi, sông, đại địa sẽ

vĩnh viễn không có tai biến, do ý niệm đầy! Khoa học phát triển đến cảnh giới này, đối với nhân sinh mới có lợi ích chân thật.

Chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật, Tánh Đức trong tự tánh tự nhiên lưu lộ ra ngoài. Cốt lõi của Tánh Đức là ái. Cổ nhân Trung Quốc đã nói: “*Phụ tử có thân*” (cha con có tình thân thiết), ở đây, sự thân ái được Phổ Hiền Bồ Tát gọi là “lễ kính”. Lễ kính là ái, là biểu hiện của ái. Chư Phật, [nói tới] chư Phật [tức là] bao gồm hết thầy chúng sanh. Trong kinh, đức Phật thường nói: “*Hết thầy chúng sanh vốn là Phật*”, há có thể chẳng cung kính? Hoàn Nguyên Quán nêu thí dụ, lấy một vi trần [làm thí dụ], quý vị nghĩ xem, đối với một hạt vi trần, chúng ta đều phải lễ kính, huống hồ những thứ khác? Vi trần là cơ bản của vật chất, tất cả hết thầy vật chất đều do vi trần tụ tập; vì thế, danh xưng khoa học của nó là “hạt cơ bản” (elementary particles), trong Phật pháp gọi là một vi trần. Khoa học nói nó là cơ sở của tất cả vật chất, hiện thời cơ sở của mọi vật chất được gọi là lượng tử (quantum), còn nhỏ hơn hạt cơ bản, nhục nhãn chẳng thể thấy lượng tử. Liễu giải chân tướng sự thật, tâm lễ kính tự nhiên sanh khởi, cung kính hết thầy. Người có tâm thành kính, chắc chắn chẳng hại kẻ khác, quyết định sẽ chẳng hại hết thầy vạn vật, kể cả cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa, yêu thương, che chở chúng giống như yêu thương thân nhân chúng ta. Các động thực vật, núi, sông, đại địa như thế sẽ đáp tạ [lòng yêu thương ấy] bằng sự viên mãn, tận thiện, tận mỹ.

Có thể giới ấy hay không? Có! Kinh Hoa Nghiêm nói đến thế giới Hoa Tạng, trong kinh luận Tịnh Độ nói tới thế giới Cực Lạc, [những thế giới ấy] đều có tình hình như thế. Cư dân bên ấy, ai nấy đều thực hiện mười đại nguyện vương, quý vị thấy đó “*hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ), nói rõ điều gì? Nói rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới của “*Phổ Hiền đại sĩ chi đức*”. Hễ người nào vãng sanh thế giới Tây Phương, người ấy đã tu viên mãn đức của Phổ Hiền đại sĩ. Chẳng tu viên mãn, làm sao đến được? Vì thế, nay chúng ta rất muốn đến, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ, [cho tới hiện thời] vẫn còn thuộc phẩm Tự, kinh văn của phần Chúng Tín dài lắm, phải chia làm hai đoạn lớn, dài ở phần nào? Dài ở chỗ [nói về] đức của Phổ Hiền đại sĩ. Bởi lẽ, một phẩm kinh này hoàn toàn giảng về đức của Phổ Hiền đại sĩ, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai cũng tu viên mãn những điều đã được nói trong một phẩm này. Chúng ta thật sự muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể không làm! Không làm, sẽ chẳng đến được, làm một ít phần cũng được! Coi toàn phần đức của Phổ Hiền đại sĩ là một trăm phần, chúng ta có được một phần sẽ có thể vãng sanh, phẩm vị bên kia cao hay thấp khác nhau, chúng ta chỉ có một phần, vãng sanh thế giới Cực Lạc phẩm vị sẽ thấp một chút. Nếu thật sự làm viên mãn, vãng sanh sẽ là thượng thượng phẩm vãng sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta chỉ có một phần, hoặc hai phần, hạ hạ phẩm vãng sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, được rồi! Có thể vãng sanh là giới rồi! Do vậy, phải tu đức của Phổ Hiền đại sĩ, tận tâm tận lực tu, chẳng thể không tu. Đầu tiên là phải học lễ kính, đối với bất cứ ai đều phải có tâm cung kính,

đều phải lễ phép. Người khác đối với ta chẳng có, nhưng ta đối với người khác bèn có, đây là đúng! Nhất định phải thật sự làm thì mới được, niệm A Di Đà Phật suông, chẳng tu đức, sẽ không được! Giải và Hành tương ứng với A Di Đà Phật. Chỉ niệm không tu, chẳng có cách nào! Niệm và thật tu mới thành tựu vô lượng công đức, chớ nên không biết điều này. Trước hết là học lễ kính.

“*Nhị giả, xưng tán Như Lai*” (hai là khen ngợi Như Lai). Quý vị thấy ở đây Ngài chẳng nói khen ngợi chư Phật, mà ngay lập tức thay đổi, chúng ta phải hiểu rõ dụng ý thay đổi danh xưng. Trong kinh, hễ nói “chư Phật” là nói theo Tướng, nói Như Lai là nói theo Tánh. Nói “chư Phật” là nói theo Sự, nói Như Lai là nói theo Lý, quý vị càng thấy rõ ràng hơn! Xưng tán là gì? Xưng tán thì chẳng thể tùy tiện ca ngợi! Kẻ khác chẳng có đức hạnh thật sự, chớ nên khen ngợi; người ta có đức hạnh thì nhất định phải khen ngợi. Cũng có thể nói, người ấy làm lành thì phải khen ngợi; kẻ ấy làm ác, chớ nên khen ngợi. Kẻ làm chuyện tham, sân, si, mạn, há nên khen ngợi? Nếu người ấy tu Giới, Định, Huệ, đáng nên khen ngợi. Bỏ mình vì người, đáng nên khen ngợi. Tự tư tự lợi, chớ nên khen ngợi, phải hiểu những điều này. Qua năm mươi ba lần tham học, Thiện Tài đồng tử đã biểu diễn cho chúng ta thấy, quý vị thấy: Đối với lễ kính chư Phật, Ngài tham phỏng thiện tri thức, xuất gia hay tại gia, nam, nữ, già, trẻ, chẳng bắt kính một ai. Trong xã hội, bậc thiện nhân làm lành, cung kính người ấy. Kẻ ác làm ác, gặp gỡ cũng cung kính, chẳng phân biệt. Nói theo Tướng là chẳng có phân biệt; nhưng khen ngợi thì có những trường hợp chẳng khen ngợi. Có lễ kính, có cúng dường, nhưng chẳng khen ngợi. Rõ rệt nhất là ba vị thiện tri thức, chẳng hạn như Thắng Nhiệt Bà La Môn. Thiện Tài đến tham phỏng, có lễ kính, có cúng dường, nhưng chẳng khen ngợi, vì sao? Vị Bà La Môn này [đại diện] cho ngu si, trong tham, sân, si, vị ấy đại diện cho si, nên chẳng khen ngợi vị ấy. Chẳng khen ngợi Cam Lộ Hỏa Vương vì nhà vua đại diện cho sân hận, hết sức nóng nảy. Thiện Tài đồng tử tham phỏng cô Phật Tô Mật Đa chẳng khen ngợi, vì sao? Cô ta là kỹ nữ, tượng trưng cho tham ái. Quý vị thấy ba vị ấy đại diện tham, sân, si, Thiện Tài đồng tử lễ kính, cúng dường họ, nhưng không khen ngợi, chúng ta phải hiểu điều này. Người nào tâm hạnh phù hợp, nói theo kiểu Trung Quốc là “*hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si*”, chúng ta khen ngợi. Nếu kẻ ấy bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, chúng ta lễ kính, cúng dường kẻ ấy, nhưng không khen ngợi. Thiện Tài dạy chúng ta [như vậy]. Danh từ được sử dụng ở đây, chư Phật và Như Lai khác nhau. Trong Phật pháp, người có tâm hạnh tương ứng với Thập Thiện Nghiệp Đạo phải khen ngợi. Kẻ tương ứng với Thập Ác, chẳng khen! Thập Ác là giết, trộm, dâm, dối, tham, sân, si, mạn, đối với kẻ ấy chẳng khen ngợi, nhưng nhất định phải lễ kính, nhất định phải cúng dường, chúng ta phải học điều này!

Thứ ba, “*quảng tu cúng dường*”, điều này trọng yếu! Quý vị xem nó được đặt thành điều thứ ba, vô cùng trọng yếu! Người trong thế gian bất luận thuộc quốc gia nào, chủng tộc nào, tuy văn hóa khác nhau, tín ngưỡng khác nhau, nhưng tâm cầu của cải giống nhau, tâm cầu trí huệ giống nhau, cầu khỏe mạnh, sống lâu giống nhau, quý vị thấy tối thiểu là ba thứ này

giống nhau. Bất luận đi tới đâu, quý vị hỏi người ta có muốn ba thứ ấy hay không? Muốn! Năm xưa tôi ở Mỹ, gần như các thành phố lớn đều đã đi qua, tôi gặp kẻ khác đều hỏi, tôn giáo bất đồng, những người hàng xóm của chúng tôi cũng rất thân thiết, tôi đều hỏi họ có muốn ba thứ ấy hay không? Muốn. Họ cũng chẳng phải là Phật giáo đồ, nhưng hỏi họ, họ muốn! Bất luận tin theo đạo nào, họ đều muốn. Ba thứ ấy do đâu mà có? Đều do rộng tu cúng dường mà có, nhưng họ không biết. Mười năm trước, năm 1999, tôi ở Tân Gia Ba, có duyên phận thường qua lại với chín đại tôn giáo ở Tân Gia Ba⁸²[4], về sau, chúng tôi rất thân thuộc, đều biến thành bạn thân thiết, rồi chuyện gì cũng đều bàn luận. Có rất nhiều người hỏi tôi: “Thầy rất có tiền, tiền do đâu mà có?” Thật đấy! Trong các tôn giáo, Phật giáo xác thực là có tiền nhất, tiền do đâu mà có? Do bố thí, càng thí càng đưa tới nhiều hơn. Đừng nên hỏi xin tiền người khác, cứ tận hết sức tu bố thí, nó sẽ đưa tới. Dân gian Trung Quốc thờ thần Tài, thần Tài là ai? Chính là đại phu⁸³[5] Phạm Lãi của nước Việt thời Xuân Thu, có lẽ người bình thường biết đến Phạm Lãi chẳng nhiều lắm, nhưng người biết Tây Thi rất nhiều. Tây Thi là vợ của Phạm Lãi. Thuở trẻ, [Tây Thi] bị quốc vương là Câu Tiễn phái sang nước Ngô, làm gián điệp trước mặt Ngô vương Phù Sai, sưu tập tình báo. Do vậy, nước Ngô lẽ đâu chẳng vong quốc? Nước Ngô đã mất rồi, cô ta trở về ôm lấy chồng, cùng nhau rời khỏi Câu Tiễn, đi buôn bán. Người này thông minh, có trí huệ, yêu nước, thực hiện hy sinh, hiến dâng. Buôn bán được mấy năm bèn phát tài, sau khi phát tài bèn đem của cải cứu giúp nhân dân đói nghèo, tức là tán tài, đi khắp nơi kết duyên, bố thí, cúng dường. Bố thí hết rồi, từ món vốn nhỏ nhoi lại buôn bán, sau hai ba năm lại phát tài, quý vị thấy lịch sử ghi là ông ta “tam tụ, tam tán” (ba lần đại phát tài, ba lần phân chia hết tài sản). Trong mạng ông ta có tiền của. Bố thí hết rồi, mấy năm sau lại phát đạt, lại còn phát tài nhiều hơn trước, phát tài rồi lại tán tài, tam tụ, tam tán. Đây là điển hình, khuôn mẫu cho giới thương nhân. Vì thế, người Trung

⁸²[4] Chín đại tôn giáo ở Tân Gia Ba là Ấn Độ giáo, Phật giáo, Do Thái giáo (Judaism), Bái Hỏa giáo (Zoroastrianism), Đạo giáo, Cơ Đốc giáo (Công giáo và Tin Lành), Hồi giáo, Tích Khắc giáo (Sikh) và Ba Cấp Y giáo (Bahá'í)

⁸³[5] Đại phu là một chức quan rất cổ tại Trung Quốc, đã có từ thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc, có vai trò chủ yếu là cố vấn của nhà vua, không quy định chức vụ cố định, tùy cơ cấu cai trị của từng nước mà đại phu có quyền hạn khác nhau, nhưng thấp hơn chức Khanh. Lại còn chia ra nhiều bậc khác nhau như Trưởng Đại Phu, Thượng Đại Phu, Trung Đại Phu v.v... Lạn Tương Như từng làm Thượng Đại Phu nước Triệu, Khuất Nguyên làm Tam Lư đại phu nước Sở (chức vị Tam Lư chưởng quản vương tộc nước Sở. Vương tộc nước Sở gồm ba chi phái là Chiêu, Khuất và Cảnh. Tam Lư đại phu cai quản cả ba dòng này). Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa, đại phu là cận thần của hoàng đế, cũng chia ra nhiều bậc. Chẳng hạn, Trung Đại Phu trực thuộc Lang Trung Lệnh. Đời Hán, đặt thêm các chức Ngự Sử Đại Phu, Thái Trung Đại Phu, Gián Đại Phu. Trung Đại Phu về sau đổi thành Quang Lộc Đại Phu, nhiệm vụ chủ yếu là nghị luận chính sự. Phạm Lãi giữ chức Thượng Đại Phu nước Việt, kiêm nhiệm Thượng Tướng Quân trong công cuộc bình Ngô.

Quốc coi ông ta là Tài Thần, trong quá khứ thờ Tài Thần là thờ Phạm Lãi. Tôi thấy ở Đài Loan cũng thờ thần tài, nhưng xem ra là ai? Quan Công! Quan Công chẳng dính dáng gì đến phát tài. Quan Công tượng trưng cho nghĩa khí, trong mười hai đức mục, Quan Công đại diện cho lễ nghĩa liêm sỉ, trọn chẳng tượng trưng cho của cải. Thờ Phạm Lãi làm Tài Thần thì có lý, phải học tập ông ta quý vị mới có thể phát tài. Do vậy, bố thí hết sức trọng yếu. Kẻ muốn phát tài, hãy tu tài bố thí. Của cải chẳng dành cho chính mình, của cải phải vì quảng đại quần chúng, quý vị mới thật sự phát tài.

Chúng ta muốn thông minh, trí huệ, hãy nên tu pháp bố thí, quả báo của pháp bố thí là thông minh trí huệ. Quả báo của vô úy bố thí là được khỏe mạnh, sống lâu. Vô úy là gì? Khi người khác gặp khó khăn, hoặc lúc họ kinh hoàng, sợ hãi, quý vị có thể giúp người ấy hóa giải, khiến cho người ấy thân tâm bình an, đó là vô úy bố thí, quả báo là được khỏe mạnh, sống lâu. Tu vô úy bố thí thuận tiện nhất, đơn giản nhất là ăn chay, đừng ăn thịt chúng sanh. Quý vị thấy chúng sanh khi bị giết đáng thương lắm, chúng chẳng có năng lực chống cự, bị quý vị giết, ăn, nổi oán hận của chúng vĩnh viễn chẳng hóa giải! Do vậy, trong kinh, đức Phật có dạy chúng ta hai câu danh ngôn: “*Dục tri thế gian đao binh kiếp*” (muốn biết kiếp nạn đao binh trên thế gian), đao binh kiếp là chiến tranh. Nếu quý vị thật sự muốn biết chiến tranh trên thế gian này do đâu mà có, vì sao có chiến tranh? Nếu mong cho thế gian này vĩnh viễn không có chiến tranh, đức Phật có dạy một câu: “*Trừ phi chúng sanh bất ngật nhục*” (trừ phi chúng sanh chẳng ăn thịt). Nếu chúng sanh chẳng ăn thịt nữa, chiến tranh trên thế gian này chẳng còn nữa. Nói cách khác, chiến tranh là do chúng ta ăn thịt, đó thật sự là nhân tố thứ nhất, oan oan tương báo, chẳng xong, chẳng kết thúc. Vì thế, không sát sanh, không ăn thịt là vô úy bố thí. Tích cực hơn nữa, khi chúng ta thấy chúng sanh bị bắt, bị giết, có thể cứu một mạng cho chúng, bèn dùng tiền chuộc để phóng sanh, đó là chuyện tốt. Cứu cho chúng một mạng, chúng sẽ cảm ân đội đức quý vị, đó là vô úy bố thí. Phạm vi của vô úy bố thí cũng vô cùng rộng lớn, chúng ta phải biết tu công đức ấy như thế nào, đó cũng là tu công đức khỏe mạnh, sống lâu. Phải yêu thương, che chở tiểu động vật, cây cối, hoa, cỏ, vì sao? Chúng nó đều có linh tánh. Trong Phật môn, giới luật của người xuất gia có câu: “*Thanh tịnh tỳ-kheo bất đạp sanh thảo*” (tỳ-kheo thanh tịnh chẳng giẫm lên cỏ tươi). Cỏ mọc rất tươi tốt, quý vị đạp lên nó để đi, nó có vui lòng hay chẳng? Chẳng phải là nó không có tri giác, nó có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ con người. Không chỉ cây cối, hoa, cỏ có Thọ, Tướng, Hành, Thức, kể cả núi, sông, đại địa, bùn, cát, đá đều có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Vì thế, phải cung kính hết thảy, do đạo lý này, chúng nó chẳng phải là vô tri, chết cứng. Do vậy, chúng ta đối với hết thảy mọi vật đều phải cung kính, vì vật chất và tinh thần vĩnh viễn nối liền, vĩnh viễn không thể tách rời! Trong kinh, đức Phật dạy, trong một hạt trần sa, hiện thời các nhà Lượng Tử Lực Học cũng phát hiện, trong một hạt vi trần có thông tin viên mãn của toàn thể vũ trụ. Do đó, Hiền Thủ đại sư bảo một vi trần trọn khắp pháp giới, xuất sanh vô tận. Vi trần còn như thế, hà huống cây cối, hoa, cỏ, hết thảy các động vật? Vì thế, chúng ta hiểu

đạo lý này, quảng tu cúng dường mới là thật sự cúng dường chính mình, khiến cho chính mình có của cải vô tận, trí huệ, tướng hảo đều từ chỗ này mà có. Chư Phật, Bồ Tát thật sự làm.

Thứ tư, “*sám hối nghiệp chướng*”. Ba thứ trước đều là Tu Đức, tích công lũy đức. Nếu chẳng sám trừ nghiệp chướng, công đức do quý vị tu tập, tích lũy sẽ bị rò rỉ, giống như chúng ta cầm một cái chén đựng nước, phía trên rót nước vào, nhưng dưới đáy bị nứt, bị rò, sẽ rỉ mất, quý vị chẳng chứa đựng công đức được. Ất phải vá lỗ rò ấy, nghiệp chướng là lỗ rò, nó tổn hao công đức, phải vá kỹ nó. Dùng phương pháp gì để vá? Sám hối. Dùng phương pháp gì để sám hối? Phạm phũ chúng ta luân hồi trong lục đạo, mê mất tự tánh, chẳng biết chỗ tốt đẹp do tu điều lành, cứ tạo tác cả đồng ác nghiệp, giết, trộm, dâm, dối, tham, sân, si, mạn, có ai chẳng tạo? Chính mình cũng không phải là ngoại lệ. Sau khi học Phật mới hiểu rõ, làm sai rồi! Trật rồi, đã sai lầm mất rồi! Không sao! Hy vọng từ nay trở đi chẳng làm sai nữa, đó là đúng. Chương Gia đại sư dạy tôi phương pháp sám hối, “sau này chẳng tạo nữa”, đó là chân sám hối. Sám trừ nghiệp chướng, theo như Khổng môn, Khổng phu tử có một học trò tu sám trừ nghiệp chướng tốt đẹp nhất, người ấy cũng là học trò đặc ý nhất của Ngài, tức Nhan Hồi. Quý vị thấy phu tử tán thán Nhan Hồi “*bất nhị quá*”, tức là chỉ phạm khuyết điểm một lần, sau khi đã biết rồi, tuyệt đối chẳng phạm sai lầm đã phạm trước đây. Đó là chân sám hối. Trong Phật pháp dạy chúng ta “*phát lộ sám hối*”, [tức là] chính mình đã làm chuyện sai quấy, chớ nên bùng bít, phải có dũng khí bày tỏ khuyết điểm của chính mình khiến cho mọi người đều biết. Dũng ý ấy rất sâu! Quý vị hướng về mọi người công bố rồi, vẫn chẳng biết xấu hổ mà tái phạm ư? Nếu tái phạm, người ta sẽ nói: “Vài hôm trước, người đã phạm, có sao người lại phạm?” Do vậy, đối với chính mình sanh ra sức ước thúc có tác dụng rất lớn, lợi ích thật sự của phát lộ sám hối chính là ở chỗ này, vừa cổ vũ, khích lệ người khác, vừa bày tỏ khuyết điểm của chính mình, quyết định sau này chẳng tạo nữa, đó là chân sám hối. Dầu sám hối phát lộ, sau đây vẫn tạo thì chẳng phải là chân sám hối. Trong danh từ này, Sám là tiếng Phạn, dịch âm tiếng Ấn Độ là Sám Ma (ksama), người Hoa tỉnh lược âm cuối, dùng một chữ Sám. Hối là tiếng Hán, [chữ Sám] có ý nghĩa rất gần với chữ Hối, nên kết hợp hai chữ Phạn và Hán, như thế gọi là “*Phạn Hoa hợp dịch*”, gộp chung lại để phiên dịch. Vì thế, Sám Hối có ý nghĩa thật sự là “về sau chẳng tạo nữa, chẳng phạm lần thứ hai”, đó là chân sám hối. Chớ nên che giấu, bùng bít tội nghiệp. Giấu diếm thì tội nhỏ biến thành tội lớn, tội lớn biến thành trọng tội, phiền phức to. Thật sự hối lỗi, sửa lỗi, đổi mới, về sau chẳng tạo nữa, nghiệp chướng tiêu trừ. Nghiệp chướng đã tiêu trừ, công đức của quý vị mới có thể tích lũy. Nghiệp chướng chẳng tiêu trừ, giấu diếm tội nghiệp do chính mình đã tạo, chẳng muốn nói với người khác, sợ kẻ khác biết, dầu quý vị làm nhiều chuyện tốt đến mấy, vẫn chẳng có cách nào bù đắp tội nghiệp (mầm mống tội lỗi) của chính mình. Nói theo Phật pháp, sau khi chết, vẫn phải đọa địa ngục, đáng sợ ngàn ấy! Nhất định phải giải quyết vấn đề trong một đời này; nếu đời này chẳng thể giải quyết, nói “sau khi chết sẽ giải quyết”, đâu có đơn giản như

vậy! Vì sao? Con người sau khi đã chết, so với hiện tại càng hồ đồ hơn, thần trí chẳng có cách nào nhảy bén như trong hiện tại! Nga quý, súc sanh, địa ngục thua kém nhân đạo quá xa! Do vậy, chúng ta được làm thân người thì điều tốt đẹp là có thể sám hối nghiệp chướng, đoạn ác, tu thiện, tích công lũy đức, đều được thành tựu trong một đời này, chớ nên đợi đến đời sau. Trong đời này, gặp gỡ pháp môn Tịnh Độ, được nghe mười đại nguyện vương, mười đại nguyện vương được xếp trong Chúng Tín Tụ của bộ kinh này, quý vị nói xem ý nghĩa sâu chùng nào? Đây là trí huệ chân thật, thiện xảo phương tiện của Phật, Bồ Tát nhằm nhắc nhở chúng ta. Sám hối thông với hết thảy Phật pháp, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiển Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, môn nào cũng đều là pháp môn sám hối.

Thứ năm, “*tùy hỷ công đức*”. Tùy hỷ công đức là phá trừ ganh ghét, ngạo mạn. Ganh ghét, ngạo mạn là đại phiền não, vì sao con người tạo nghiệp? Chủ yếu đều là ở chỗ này, thấy người khác có chuyện tốt đẹp, chính mình chẳng bằng kẻ ấy, lòng ganh ghét, ngạo mạn dấy lên, nghĩ hết mọi phương cách để gây chướng ngại, phá hoại kẻ ấy. Nếu chúng ta hỏi, người tu tùy hỷ công đức, tu Phổ Hiền hạnh nguyện, có thật sự bị kẻ ấy chướng ngại, phá hoại hay không? Chẳng có! Bất luận dùng thủ đoạn gì, hủy báng người ấy cũng thế, lăng nhục người ấy cũng thế, hãm hại người ấy cũng thế, người ấy thật sự chẳng bị hại. Không chỉ chẳng bị hại, mà còn được thành tựu. Các bằng hữu đọc kinh Kim Cang rất nhiều, trong kinh Kim Cang có một câu chuyện, Nhẫn Nhục tiên nhân bị vua Ca Lợi cắt chặt thân thể, rất nhiều người biết chuyện ấy. Nhẫn Nhục tiên nhân là tiền thân của Thích Ca Mâu Ni Phật, vua Ca Lợi có tổn hại được Ngài hay không? Chúng ta thấy là tổn hại, nhà vua lăng trì xử tử Nhẫn Nhục tiên nhân, thủ đoạn rất tàn khốc để giết chết Nhẫn Nhục tiên nhân; nhưng nhìn về phía Nhẫn Nhục tiên nhân, [những hành động ấy] thành tựu ông ta, viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật! Chịu tai nạn như vậy, chẳng có chút tâm oán hận nào, điều này chẳng dễ dàng! Một chút tâm oán hận cũng chẳng có. Không chỉ chẳng có tâm oán hận tâm, mà còn sanh khởi tâm báo ân. Báo ân gì vậy? Thành tựu viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật cho Ngài, giống như khảo thí, vượt được cái ải ấy, vừa vượt qua bèn thành Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật! Khi ấy, vua Ca Lợi hỏi Ngài: “Người có oán hận hay không?” “Chẳng có! Trong tương lai, ta thành Phật, người sẽ độ thứ nhất là đệ hạ”. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, người thứ nhất đắc độ là tôn giả Kiều Trần Như, Kiều Trần Như là vua Ca Lợi thuở ấy. Làm sao quý vị có thể hại nổi người thật sự tu đạo? Chẳng thể nào! Nhưng quý vị hại người ấy có tội hay không? Có tội. Tội kết ở chỗ nào? Chẳng phải là kết từ chỗ Nhẫn Nhục tiên nhân. Nhẫn Nhục tiên nhân tu sáu Ba La Mật, Nhẫn Nhục là chủ tu, năm thứ kia là trợ tu, một chủ, năm bạn. Ngài trụ trong thế gian giáo hóa rất nhiều chúng sanh, quý vị giết chết Ngài, những người tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài chẳng có thầy, do công phu chẳng đủ, bèn bị thoái chuyển! Quý vị phải lãnh cái tội ấy, vua Ca Lợi phải gánh cái tội ấy. Vua Ca Lợi giết Nhẫn Nhục tiên nhân, mắc tội, hủy hoại duyên phận đắc độ của hết thảy chúng sanh, tội lỗi ấy là

địa ngục A Tỳ, cho nên vua Ca Lợi đọa địa ngục A Tỳ. Chỉ có Phật pháp giảng rõ ràng, rành rẽ nghiệp nhân quả báo này!

Mở đầu kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo cũng có một câu chuyện giống như vậy. Có hai người xuất gia giảng kinh, thuyết pháp, giảng rất hay, người tin tưởng rất đông, nay chúng ta nói là quy y nhiều, cúng dường cũng nhiều, sanh tâm cung kính thầy. Có người xuất gia khác thấy vậy, dấy tâm ganh ghét, trong lòng khó chịu, tung tin đồn trong giới tín đồ: “Vị pháp sư này tuy giảng kinh khá lắm, nhưng thiếu đức hạnh”, ác ý hủy báng. Sau khi thính chúng nghe lời đồn đại, tín tâm đối với pháp sư dấy lên hoài nghi, thoái chuyển cũng rất nhiều, đã phá hoại pháp hội đạo tràng giảng kinh của pháp sư rồi! Có năm người xuất gia đọa địa ngục. Thật ra, kết tội ở chỗ nào? Đoạn dứt thiện tâm và duyên nghe pháp của thính chúng, kết tội ở chỗ này. Hai vị pháp sư giảng kinh ấy chẳng oán hận kẻ phá hoại, hai vị cũng thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Vì thế, hại người, người chẳng bị hại, cuối cùng hại đến ai? Hại chính mình. Đối tượng bị quý vị làm hại chẳng bị hại, nhưng do duyên phận nghe pháp của cả đồng người bị quý vị đoạn dứt, quý vị hãm hại những người ấy, gây hại cho thính chúng ấy, chứ chẳng hại được vị pháp sư ấy, quý vị nói có oan uổng hay không? Trong tâm muốn hại người nhưng chẳng hại được, đối với những kẻ chẳng mong hãm hại, quý vị lại hại nhóm người đó, đây là gì? Ngu si, thiếu trí huệ!

Nếu kẻ ấy thông minh, thấy rõ ràng, sẽ chẳng làm chuyện này, mà sẽ làm như thế nào? Tùy hỷ công đức. Vị pháp sư ấy nhọc nhằn giáo hóa đồ chúng, người nhiều ngàn ấy được lợi ích, thành tựu do pháp sư dạy dỗ. Nếu kẻ ấy thông minh, sẽ nắm được toàn bộ công đức của pháp sư, có thể hay không? Có thể chứ! Tán thán, cung kính vị pháp sư đó, làm cho nhiều tín đồ đều đến tiếp nhận giáo huấn của pháp sư ấy, pháp sư dạy họ thành công, do công lao của ai? Công lao của người giới thiệu. Quý vị thấy: Đều do tôi đưa quý vị đến. Nếu tôi không đưa đến, do đâu mà quý vị biết? Công đức tùy hỷ và công đức của pháp sư to như nhau, có khi còn trội hơn. Nếu quý vị ảnh hưởng nhiều người, sẽ vượt trội nhiều lắm. Lợi ích người khác là lợi ích chính mình thật sự, hại người khác thật ra là hại chính mình, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Người hiểu rõ đạo lý này, trong quá khứ, khi chúng tôi còn trẻ, chưa học mười nguyện Phổ Hiền, chẳng biết, đến khi gặp phải tình hình như vậy, trong tâm rất khó chịu. Học mười nguyện Phổ Hiền rồi mới biết, hoàng nhiên đại ngộ, nguyên lai chính mình quả thật chẳng bị chướng ngại, bị chướng ngại là kẻ khác, là quần chúng. Nhưng trong xã hội hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta lợi dụng công cụ khoa học kỹ thuật cao, tốt lắm! Đưa Phật pháp đến gia đình của mỗi cá nhân, đó là gì? Giảm bớt ganh ghét, chướng ngại xung đột. Thính chúng đến đây chẳng nhiều lắm, mấy người, kẻ khác thấy quý vị thính chúng chẳng nhiều, cũng coi như chẳng đáng kể! Thính chúng của quý vị càng đông, trong tâm họ càng khó chịu, sức ganh ghét, chướng ngại càng mạnh. Họ thấy quý vị chẳng được mấy người, cũng là chẳng đáng kể gì [nên không quýy rồi]! Vì thế, khoa học kỹ thuật, công

nghệ cao cũng giúp nhiều đồng tu nghe pháp, giác ngộ, y giáo phụng hành hơn, đạt được lợi ích chân thật.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, phải biết tu tùy hỷ công đức. Tu tùy hỷ đạt được công đức chiếm tiện nghi rất nhiều, vì sao? Bỏ công sức rất ít, thu được hiệu quả quá lớn. Thí dụ như giảng kinh, pháp sư giảng kinh còn phải chuẩn bị bài giảng, còn phải nhọc nhằn giảng trên giảng đài, kẻ khác ở bên cạnh khuyên mấy người đến nghe, công đức bình đẳng với pháp sư, quý vị nói xem người nào được lợi hơn? Hiểu rõ chuyện này, nhãn quang của chúng ta phải nhìn xa hơn một chút, nhìn to hơn một chút, Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật nhọc nhằn! Năm kiếp tu hành kiến lập thế giới Cực Lạc, vất vả ngàn ấy; quý vị thấy mười phương chư Phật, Bồ Tát đều khuyên dạy người khác đến thế giới Cực Lạc, tu hành, tiếp nhận giáo huấn. Phật Di Đà ở nơi ấy nhọc nhằn răn dạy, các Ngài chỉ là khuyên lon, hướng dẫn người khác, công đức trời vượt A Di Đà Phật. Quý vị thấy người sang Tây Phương Cực Lạc thế giới đông ngàn ấy, vì sao? Do hết thầy chư Phật khuyên lon, hướng dẫn. Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên lon bọn đệ tử chúng ta trong thế giới Sa Bà hãy cầu sanh Tịnh Độ, Thích Ca Mâu Ni Phật rất thoải mái, rất đỡ tốn công. Quý vị nghiệp chướng quá nặng, tiêu tan nghiệp chướng chẳng dễ dàng, hãy đến thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật sẽ giúp quý vị tiêu tan. Mê quá sâu, thời gian mê quá dài, phá mê khai ngộ chẳng dễ dàng, hãy đến thế giới Cực Lạc, đều tìm A Di Đà Phật, Ngài có cách giúp đỡ quý vị. Quý vị thấy Thích Ca Phật chỉ cần nói mấy câu ấy, người ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật, cảm ơn ai? Cảm ơn Thích Ca Mâu Ni Phật. Không có Thích Ca Mâu Ni Phật, làm sao biết thế giới Cực Lạc, làm sao biết đến chỗ nào? Vì thế, thành tựu của Thích Ca Thế Tôn và thành tựu của A Di Đà Phật chẳng hai, chẳng khác, tùy hỷ công đức mà! Đây là người thông minh bậc nhất, phải hiểu đạo lý này, tùy hỷ sẽ đạt được công đức chân thật.

Thứ sáu, “*thỉnh chuyển pháp luân*”. Điều này đòi hỏi phải có phước báo kha khá, phải có trí huệ. Tùy hỷ dễ dàng, người thiếu phước báo cũng có thể thành tựu đại phước báo. Thỉnh chuyển pháp luân chẳng dễ dàng, thỉnh pháp sư đến nơi này giảng một bộ kinh [chẳng dễ dàng]. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, trưởng giả Cấp Cô Độc nhận biết Phật giáo, biết Phật pháp tốt đẹp, hy vọng lễ thỉnh đức Thế Tôn đến đại thành Xá Vệ giảng kinh, giáo học. Tìm không được địa điểm thích đáng vì mọi người đều biết Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng đến một mình. Nếu Ngài đến, cũng phải tiếp đãi đệ tử Thường Tùy Chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Tìm được hoa viên và biệt thự của Thái Tử Kỳ Đà, cơ sở ấy rất thích hợp. Ông ta có tiền, trưởng giả Cấp Cô Độc giàu có, là bậc đại phú trưởng giả, tính mua hoa viên của Thái Tử, tìm Thái Tử thương lượng. Thái Tử Kỳ Đà nói giỡn: “Ông muốn mua hoa viên của ta? Được! Ông đem vàng ròng lót đi, lót được bao nhiêu, ta bán cho ông bấy nhiêu”. Ông ta thật sự dùng vàng ròng lót. Thái Tử Kỳ Đà cảm động: “Thích Ca Mâu Ni Phật là người như thế nào mà ông bỏ [tiền của] như vậy?” Ông ta giới thiệu Thích Ca Mâu Ni Phật với Thái Tử Kỳ Đà, Thái Tử Kỳ Đà nói: “Không được! Công đức này ông chẳng thể làm một

mình, ta phải có một nửa”. Trưởng giả Cấp Cô Độc nói: “Không được! Ngài đã hứa bán, tôi đã mua hoàn toàn, tôi đã dùng vàng ròng lót hết rồi!” Rốt cuộc, thái tử Kỳ Đà cũng rất thông minh: “Được! Ông có thể lót vàng ròng, nhưng hoa, cỏ, cây cối trong hoa viên này của ta rất nhiều, ông chẳng phủ vàng lên hoa, cỏ, cây cối, nên hoa, cỏ, cây cối là của ta, ta chặt trụ hết, biến thành một bãi đất hoang!” Cuối cùng thỏa thuận, được rồi! Đất là của trưởng giả Cấp Cô Độc, hoa, cỏ, cây cối là của Thái Tử Kỳ Đà, nên gọi là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên (cây của thái tử Kỳ Đà, vườn của ông Cấp Cô Độc). Quý vị thấy quý vị không có cơ sở, làm sao có thể thỉnh Ngài? Đó là “thỉnh chuyên pháp luân”, ắt phải là đại phú đại quý mới có sức ảnh hưởng như thế được!

Thỉnh Phật chuyên pháp luân là giảng kinh, dạy học, công đức ấy to lớn. Nói theo mặt Sự, công đức và phước đức giống nhau, nhưng dụng tâm khác nhau. Hoàn toàn nhằm lợi ích người khác, thỉnh Phật đến đây giảng kinh, làm cho nhiều người tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, không vì chính mình, chính mình chẳng có mây may tham cầu nào! Đó là công đức. Nếu khi thỉnh Phật đến giảng kinh, thuyết pháp, hồi hướng công đức ấy cho ta, phù hộ ta bình an, phù hộ gia đình ta sự nghiệp phát đạt, sẽ biến thành phước đức, do ý niệm khác nhau! Làm sao chúng ta biết chuyện họ làm là công đức? Thái Tử Kỳ Đà và trưởng giả Cấp Cô Độc đều là Bò Tát hóa thân, một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ, các Ngài chẳng phải là phàm phu, biểu diễn cho chúng ta xem, nhằm bảo cho chúng ta biết đây là chuyện tốt đẹp. Nếu quý vị muốn tu phước, phước báo lớn nhất, phước lớn nhất là gì? Giúp người khác phá mê khai ngộ. Ta chẳng có năng lực, Phật có trí huệ, Phật thông minh, thỉnh Ngài đến giáo học, đến thành tựu công đức ấy. Dụng ý ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết điều này.

Ngày nay, chúng ta hiểu, một vị pháp sư hoặc cư sĩ thật sự tu hành đúng như lời dạy, vị ấy có thể thành tựu. Sau khi thành tựu, ở trong thế gian này giảng kinh, thuyết pháp độ bao nhiêu chúng sanh! Do vậy, chúng ta biết rõ: Có thể bồi dưỡng một, hai pháp sư, thành tựu họ, trong tương lai, vị ấy thành tựu trong một đời; đó là thành tựu người hộ pháp. Công đức ấy thù thắng, hoặc phước đức ấy lợi ích vô biên. Nhất là trong thời đại hiện tại, giáo huấn của cổ thánh tiên hiền đang ở ranh giới tồn tại hay mất đi, tiếp tục hay tuyệt diệt. Nếu chẳng có ai cứu vãn, thế hệ sau không có ai kế tục, giáo huấn của thánh hiền sẽ bị gián đoạn nơi đây, chẳng còn nữa! Nhận biết có mấy người thật sự phát tâm, thật sự muốn học, hãy toàn tâm toàn lực bồi dưỡng họ, giúp đỡ họ, đó là gì? Cứu vãn Phật pháp, cứu vãn đại đạo của cổ thánh tiên hiền. Chúng ta không bàn đến công đức, mà bàn đến chuyện người thế gian mong cầu phước, phước báo của quý vị ở chỗ nào? Thừa thật cùng quý vị, chẳng khoa trương mây may, đời sau quý vị sẽ làm thiên vương trên cõi trời, chẳng phải là đế vương trong nhân gian. Đế vương trong nhân gian chẳng có phước báo lớn như thế, phải hiểu điều này!

Hiện thời, phước bậc nhất là gì? Bồi dưỡng nhân tài, thầy trò tốt đẹp, toàn tâm toàn lực thực hiện, khuynh gia bại sản, vứt bỏ tánh mạng cũng phải làm. Quả báo của quý vị là trên cõi trời, trên trời có sáu tầng, mỗi tầng sau thù thắng hơn tầng trước. Người có trí huệ chân thật, người có phước báo chân thật mới có thể đến đó. Do vậy, quý vị có thể biết: Nếu chướng ngại vị pháp sư hoặc những người có thể thành tựu ấy, chướng ngại họ, hủy báng họ, hãm hại họ, chẳng phải là quý vị hại một mình người ấy, mà là đoạn dứt toàn bộ Phật pháp, chướng ngại toàn bộ giáo huấn của thánh hiền, tội lỗi ấy [có quả báo] là địa ngục A Tỳ. Quý vị giết một ức người, tội vẫn còn nhỏ, chướng ngại sự giáo huấn của thánh hiền, tội lỗi ấy không chỉ là giết một ức người. Đối với công đức, họa - phước, cát - hung, hãy chú tâm quan sát và tư duy, quý vị sẽ liễu giải. Thời cổ có người làm như vậy, như trưởng giả Cấp Cô Độc thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật đến giảng kinh, ông ta cũng chưa giảng một bộ kinh nào, mà dùng vàng ròng lót đất, bỏ sạch tài sản cũng phải làm. Vì sao? Ông ta hiểu rõ, thông hiểu, chẳng ngu xuẩn! Ông ta thật sự học Phật, tâm thanh tịnh, đã thành Phật, vẫn mong hưởng thụ phước báo trong nhân gian, cõi trời, bèn sanh lên trời!

Thứ bảy, “*thỉnh Phật trụ thế*”. Đây là thời đức Phật tại thế, thỉnh Ngài trụ thế lâu dài để giáo hóa chúng sanh nhiều hơn. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ ngự trong thế gian này do duyên phận. Thuở ấy, khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo, không ai biết, người bình thường chỉ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi dưới cội Bồ Đề, ai biết Ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh? Không ai biết. Do không ai biết, không có ai thỉnh pháp, Phật sẽ ra đi, diệt độ. Coi như là xong! Chư thiên thuộc Ngũ Bát Hoàn Thiên trong Tứ Thiên Thiên trông thấy. Từ cõi trời họ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật khai ngộ dưới cội Bồ Đề, đã thành Phật, không có ai khải thỉnh, họ từ trời xuống, huyễn hóa thành hình dạng con người, cùng nhau khải thỉnh, thỉnh Phật trụ thế, thỉnh Phật giảng kinh, giáo hóa chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật nhận lời, chẳng nhập diệt. Lúc ấy, Ngài mới từ gốc Bồ Đề đứng lên, đi đến Lộc Dã Uyển gần đó không xa. Trong Lộc Dã Uyển có năm người, đều là họ hàng của Ngài. Khi Ngài rời khỏi gia đình, năm vị ấy đi theo, chăm sóc cuộc sống hằng ngày của Ngài. Ngài tìm năm người ấy thuyết pháp cho họ. Trong năm người ấy có Kiều Trần Như. Kiều Trần Như nghe đức Thế Tôn thuyết pháp cũng giác ngộ, chứng quả A La Hán, cũng là buông Kiến Tư phiền não xuống. Đó là thỉnh Phật trụ thế.

Phật ở trong thế gian, độ kẻ hữu duyên, kinh nói rất hay: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Vô duyên là gì? Không tin, không hiểu, chẳng thể lý giải, quý vị giảng kinh cho kẻ ấy, kẻ ấy chẳng hiểu, chẳng thể tiếp nhận, đương nhiên càng không thể y giáo phụng hành, người như vậy gọi là kẻ vô duyên. Ta nghe xong tin tưởng, tuy không hiểu, ta cũng không làm được, vẫn là có duyên với Phật, duyên ấy là gì? Duyên cạn, chẳng sâu! Có thể tin, có thể hiểu, duyên sâu hơn một chút. Có thể hành, càng sâu hơn. Có thể chứng, vãng sanh là chứng, đó là căn đã chín muồi! Do vậy, Phật đến thế gian, ưu tiên bậc nhất là độ chúng sanh [căn cơ] đã chín muồi, họ chắc chắn có thể thành Phật. Khi đức Phật tại thế, người căn tánh nhạy bén rất

nhiều, nghe đức Phật thuyết pháp, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, có hạng người này! Đại triệt đại ngộ nhưng vẫn còn có chỗ chưa làm được thì gọi là giải ngộ, đức Phật ở trong thế gian nhằm giúp người ấy thăng tiến. Có người trong hai ba năm từ giải ngộ đạt đến chứng ngộ, có những người bảy, tám năm, có những người mười mấy năm, hai mươi mấy năm đều có, căn tánh mỗi người khác nhau. Vì thế, đức Phật dạy mọi người, căn tánh khá cạn, có thể tin, nhưng vẫn chưa thể lý giải, quý vị thấy trước hết đức Phật nói A Hàm mười hai năm, giúp họ tăng tấn. Mười hai năm ấy là giáo dục cơ sở, là Tiểu Thừa. Tiếp theo đó là Phương Đẳng tám năm, tiến nhập Đại Thừa, là lớp dự bị của Đại Thừa. Lại Bát Nhã hai mươi hai năm, thuần là Đại Thừa, cũng có thể nói là trong suốt cuộc đời giáo học của đức Thế Tôn, khoa mục này là khoa mục chủ yếu, khoa mục cốt lõi. Trong bốn mươi chín năm, khoa mục này giảng hết hai mươi hai năm. Cuối cùng, Pháp Hoa tám năm, giống như chương trình nghiên cứu sinh. Pháp Hoa là quy về pháp Nhất Thừa, thành Phật. Bát Nhã là Bồ Tát. Từng tầng một nâng người ta cao lên, những người này đều là kẻ hữu duyên.

Chưa thể đại triệt đại ngộ, chưa thể minh tâm kiến tánh, nhưng cũng có cơ sở khá tốt, những người này dành lại cho ai? Kinh giảng rất rõ ràng, dành cho Di Lặc Bồ Tát đến độ. Vì thế, trong tương lai Di Lặc Bồ Tát thành Phật, [những người đắc độ trong] Long Hoa tam hội, là những người chưa minh tâm kiến tánh, chưa chứng quả trong hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, trong tương lai đều sẽ thành tựu trong hội ấy. Trong một thời gian lâu dài như thế, Địa Tạng Bồ Tát thay Phật giáo hóa chúng sanh, duy trì cho chúng sanh cục diện ấy, cũng là từ từ nâng họ cao lên hòng chẳng đến nỗi thoái chuyển. Địa Tạng Bồ Tát lấy gì làm trung tâm trong giáo học? Thừa quý vị, “hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy”, phải biết điều này! Những điều ấy là hiếu và kính. Hiếu kính là pháp căn bản của pháp thế gian và xuất thế gian, hết thầy thiện pháp đều sanh từ hiếu kính. Hiếu kính không có thì thiện pháp đều không có! Hết thầy các pháp nếu đặt vững căn cội trên hiếu kính thì chúng ta biết pháp ấy là chánh pháp. Vì sao? [Hiếu kính là] đức bậc nhất trong Tánh Đức. Đã nắm được cốt lõi của Tánh Đức, lẽ đâu chẳng thành tựu?

Trong mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, nếu nói về nguyện chỉ có bảy điều ấy, bảy điều ấy là nguyện, cổ đại đức bảo ba điều sau là hồi hướng. “*Thường tùy Phật học*” là hồi hướng Bồ Đề, “*hằng thuận chúng sanh*” là hồi hướng chúng sanh, “*phổ giai hồi hướng*” là hồi hướng pháp giới, cũng là hồi hướng Tánh Đức. Câu “*thường tùy Phật học*” vô cùng trọng yếu, “*thường*” là vĩnh viễn chẳng gián đoạn, chúng ta học theo ai? Học theo Phật, chẳng sai, vì sao? Phật là bậc đại triệt đại ngộ, phước huệ viên mãn. Nói theo Lý, phước huệ trong tự tánh của chúng ta và phước huệ của Như Lai không hai, không khác, nhưng chúng ta đã mê, mê mất rồi, Phật giác ngộ, chẳng mê. Chúng ta mong mỗi phước huệ trong tự tánh của chính chúng ta hiện tiền, chúng ta đi theo Ngài sẽ chẳng sai. Ngài thị hiện, nói rõ với chúng ta: Toàn là phước huệ sẵn có trong tự tánh, làm sao có thể sai lầm được? Vì thế, chỉ bảo chúng ta phải học theo Phật. Hiện thời, Phật chẳng tại thế, nhưng kinh bản vẫn còn trên cõi đời. Kinh

bỏ tuy nhiều, tám vạn bốn ngàn pháp môn, “*pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Đối với căn tánh của chúng ta trong hiện thời quá ít thì không được, quá nhiều bèn tiêu hóa không nổi, tìm một [bộ kinh] chẳng dài, chẳng ngắn, thích hợp với căn tánh của chúng ta là kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Được! Suốt đời này, chúng ta học một bộ kinh này, thật sự học bộ kinh này, thừa quý vị, mười năm, quý vị đâu chẳng đại triệt đại ngộ, cũng sẽ đại ngộ, thấp hơn đại triệt đại ngộ một bậc. Quý vị đại ngộ, khẳng định là có, chỉ cần quý vị thực hiện được chữ Thường này! Thường là chớ nên gián đoạn, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài.

Chúng ta thấy từ xưa đến nay, quả thật có nhiều người chẳng biết chữ, chưa hề học hành, thứ gì cũng chẳng biết. Có người bảo kẻ ấy, A Di Đà Phật hay lắm, quý vị hãy niệm câu Phật hiệu này, tương lai nhất định được lợi ích. Người ấy có thiện căn, chẳng hoài nghi, tiếp nhận, từ hôm ấy trở đi, thật sự suốt ngày từ sáng đến tối luôn là A Di Đà Phật, niệm ba năm, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, rất tiêu sái đứng vãng sanh, hoặc ngồi vãng sanh, chẳng ngã bệnh, ra đi, đến thế giới Cực Lạc, thời gian ba năm thôi! Nếu chúng ta dụng công nơi kinh giáo mười năm, lẽ đâu chẳng khai ngộ? Trong kinh Di Giáo, đức Thế Tôn đã nói: “*Chế tâm một chỗ, không gì chẳng thành tựu*”. Ta muốn đến thế giới Cực Lạc, muốn thân cận A Di Đà Phật, làm chuyện này, quý vị hãy tập trung tâm vào một chỗ, một bộ kinh này, một câu Phật hiệu, quý vị sẽ làm được, chẳng khó! Trên thế gian, làm chuyện khác khó khăn, chứ chuyện này chẳng phải cầu cạnh ai khác, chỉ cần chính mình hạ quyết tâm là có thể làm được! Bí quyết thành công ở ngay trong câu này!

Nguyện kẻ tiếp trọng yếu, vì thân người chúng ta vẫn ở trong thế gian này, sống như thế nào? Hằng thuận chúng sanh, tùy thuận. Thế nào cũng được, tôi muốn tới thế giới Cực Lạc, thế giới này chẳng ăn nhằm gì đến tôi, có gì là không chịu được? Còn có gì để ham hố, tranh giành? Thật sự làm được “*không tranh với người, không cầu nơi đời*”. Nhất là hiện thời địa cầu lắm tai nạn ngàn ấy, chỗ nào an toàn? Chẳng có chỗ nào! Nếu tâm đã định, chỗ nào cũng an toàn. Nếu tâm chẳng định, nơi đâu cũng chẳng an toàn. Tâm định bèn ở trong thế giới Cực Lạc, mỗi ngày niệm tại đâu, nghĩ tại đó, chẳng có tai nạn, tốt lắm; có tai nạn cũng tốt lắm, có tai nạn sẽ sớm ra đi. Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, chẳng hoan hỷ mà cũng chẳng bi ai, đối đãi [mọi vật] bằng cái tâm bình thường, kết thiện duyên với hết thảy chúng sanh. Chúng sanh làm chuyện sai quấy, quý vị trông thấy, kẻ ấy có tập khí ngạo mạn, ganh ghét, chẳng khuyên hấn, chẳng phê bình, cũng chẳng ghim chuyện đó trong lòng, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật. Đối với người có thiện căn bèn khuyên kẻ ấy niệm Phật. Đối với kẻ chẳng có thiện căn, hãy để mặc kẻ ấy.

Cuối cùng là “*phổ giai hồi hướng*”, câu này [có cùng ý nghĩa] với một câu nói trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, tức là câu nói về ba thứ châu biến, trong đó, loại thứ ba là “bao hàm Không và Có”, tâm lượng của quý vị đã mở rộng. “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”, có tâm lượng to như thế, quý vị mới có thể thành Phật.

Không có tâm lượng to như thế, chẳng thể thành Phật, tối đa là thuộc địa vị Bồ Tát. Thành Phật là phải giúp đỡ hết thảy chúng sanh khắp pháp giới hư không giới đều có thể chứng đắc rốt ráo viên mãn, đó là cái tâm thành Phật. Chẳng còn phân biệt nữa, giống như trong tựa đề kinh này, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm bình đẳng hiện tiền, tâm đại giác hiện tiền. “Thanh tịnh, bình đẳng, giác” là tâm vô thượng Bồ Đề, đó là chân tâm của chúng ta. Niệm niệm chẳng vì chính mình, niệm niệm vì toàn thể của cả vũ trụ, phổ giai hồi hương. Hồi hương cho hết thảy hữu tình chúng sanh, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa, hết thảy hiện tượng tự nhiên trong khắp pháp giới hư không giới. Vì sao? Những hiện tượng ấy đều là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, toàn là tự tánh, có cùng một Thể với chính mình, chẳng có mảy may sai biệt. Chúng ta có tâm phân biệt là trật rồi, có tâm chấp trước càng trật hơn. Những lầm lỗi thảy đều buông xuống, trở về Nhất Chân. Trong Nhất Chân, mười đức hạnh to lớn này đều trọn đủ viên mãn. [Ở đây, tôi chỉ] giới thiệu đơn giản mười điều này, giới thiệu tỉ mỉ [xin hãy nghe hay đọc trong bài giảng] kinh Hoa Nghiêm. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 99

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười lăm, dòng thứ năm, xem từ câu thứ hai.

“*Như thượng thập nguyện, nguyện nguyện giai viết: Ngã thử đại nguyện, vô hữu cùng tận, niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn, thân, ngữ, ý nghiệp, vô hữu bì yếm*”(Mười nguyện như trên, nguyện nào cũng đều nói: “Đại nguyện này của tôi chẳng có cùng tận. Niệm niệm nối tiếp chẳng có gián đoạn. Thân, ngữ, ý nghiệp chẳng có nhọc mỏi”). Trong đoạn kinh văn này, lúc Phổ Hiền Bồ Tát phát nguyện, đối với mỗi nguyện đều dùng mấy câu này để tổng kết. Ở đây nói “*ngã thử đại nguyện*” (đại nguyện này của tôi), nguyện thứ nhất là “*lễ kính chư Phật*”, nguyện thứ hai là “*xưng tán Như Lai*”, cho đến nguyện thứ mười là “*phổ giai hồi hương*”, mỗi nguyện chẳng có cùng tận, tương ứng với khắp pháp giới.

Đúng như “*tam chủng châu biến*” (ba thứ trọn khắp) trong Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, thứ nhất là “*trọn khắp pháp giới*”. Trong Hoàn Nguyên Quán, Ngài nói là “dao động”. Dao động ấy hết sức vi tế, rất nhanh, mỗi dao động đều lập tức trọn khắp pháp giới. Tốc độ ấy chẳng có cách nào tưởng tượng được, chắc chắn không phải là tốc độ ánh sáng hay tốc độ sóng điện từ như đã nói trong hiện tại, chẳng có cách nào sánh bằng. Ánh sáng mặt trời từ mặt trời chiếu đến địa cầu phải mất hơn tám phút, nhưng dao động trong tự tánh vừa động liền trọn khắp pháp giới. Đó là loại thứ nhất trong ba thứ trọn khắp. Nguyên của Phổ Hiền Bồ Tát cũng là một thứ dao động, bất luận là hữu ý hoặc vô tình, bất luận là thiện nguyện hay là ác niệm, đều là cùng một đạo lý. Vì thế, chuyện này chẳng phải là giả, mà là thật!

Đối với mấy câu tổng kết này của Phổ Hiền Bồ Tát, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng phải là như vậy. Hữu tình có ý niệm, ý niệm ấy động, tức là hiện tượng dao động; vô tình chúng sanh thuộc về vật chất, vật chất có dao động hay không? Có. Hiện thời, coi như chúng ta đã hiểu rõ, chẳng dao động nó sẽ không tồn tại, nhất định phải dao động nó mới tồn tại. Giống như chúng ta xem phim ảnh, phim ảnh là từng tấm phim một chiếu rất nhanh qua ống kính [của máy chiếu], khiến cho chúng ta thấy huyền tượng trên màn bạc, ngỡ chúng đang cử động. Trên thực tế, chẳng phải là như vậy, mỗi tấm phim đều độc lập. Nếu chúng chẳng cử động (tức là từng tấm phim không được kéo qua ống kính), sự chuyển động [của hình ảnh trên màn bạc] bèn ngưng dứt. Nếu chúng chẳng còn được liên tiếp chiếu qua ống kính nữa, màn bạc trống rỗng, hiện tượng là như vậy đó. Hiện thời, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, đó là tướng dao động liên tục. Các nhà khoa học còn thêm vào một câu, [hiện tượng vật chất] là hiện tượng tích lũy liên tục của ý niệm, do ý niệm tích lũy thành. Ý niệm tích lũy thành vật chất, nên vật chất có hiện tượng dao động. Nếu “sóng” [ý niệm] chẳng động, vật chất sẽ chẳng còn nữa, chẳng tồn tại. Các hiện tượng dao động ấy đều trọn khắp pháp giới, lập tức trọn khắp pháp giới. Khoa học hiện thời vẫn chưa thể ứng dụng hiện tượng dao động ấy để truyền đạt thông tin. Sự truyền đạt ấy quá nhanh, ánh sáng và sóng điện từ đều chẳng thể sánh bằng. Do vậy, câu này là thật, chẳng phải là nói tỷ dụ, mà tương ứng với pháp giới!

Câu thứ hai, “*niệm niệm tương tục*” (niệm niệm tiếp nối), nói theo cách bây giờ là “tương ứng với thời gian”. Thời gian có tồn tại hay không? Niệm niệm liên tục, thời gian tồn tại dưới hình thái này. Nếu niệm niệm chẳng liên tục, thời gian chẳng có, đã đoạn rồi. Vì thế, thời gian cũng là huyền tượng do niệm niệm liên tục sanh ra. “*Vô hữu gián đoạn*” (chẳng có gián đoạn), đây là tương ứng với tự tánh, tự tánh bất sanh bất diệt, chẳng gián đoạn. Bất quá, ở đây, hai câu trước nói đến trạng thái dao động của tự tánh. Thật ra, tự tánh bất động, trạng thái dao động ấy chẳng thật, nó khiến cho tự tánh sanh ra ảnh hưởng, nhưng tự tánh quả thật chẳng gián đoạn, tự tánh chẳng biến đổi. Tiếp đó là “*thân, ngữ, ý nghiệp*”, tức là tương ứng với tam nghiệp. Mỗi nguyện đều tương ứng với pháp giới, tương ứng với thời gian, tương

ứng với tự tánh, tương ứng với ba nghiệp thân - ngữ - ý. “*Vô hữu bì yếm*” (chẳng có nhọc mỗi), tự tánh vốn là như thế. Đây là Phổ Hiền Bồ Tát đã nêu khuôn phép, gương mẫu tu hành cho chúng ta, nêu gương cho ai? Điều là nêu gương cho Pháp Thân Bồ Tát. Phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, phẩm này có tựa đề đầy đủ là Nhập Bát Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm. Bát Tư Nghị Cảnh Giới là sở nhập (cái được chứng nhập), tức là trở về tự tánh; Phổ Hiền Hạnh Nguyên là năng nhập (cái có thể nhập, phương tiện hoặc chủ thể thực hiện sự chứng nhập ấy). Chỉ có tu Phổ Hiền hạnh nguyện mới có thể nhập cảnh giới ấy. Tịnh Tông gọi cảnh giới ấy là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Bốn câu này, kể thêm câu cuối là “*vô hữu bì yếm*” (chẳng có nhọc mỗi) thành năm câu, chính là Phổ Hiền Bồ Tát vì chúng ta hình dung Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang có tác dụng, chẳng phải là vô tác dụng; chúng sanh có cảm, Thường Tịch Quang bèn hiện tướng, thuận theo tâm của chúng sanh để ứng với khả năng nhận lãnh của họ.

Đoạn tiếp theo, “*Hạnh Nguyên Phẩm*” (trong phẩm Hạnh Nguyên), có mấy câu như sau, “*Hạnh Nguyên Phẩm phục vân*” (Hạnh Nguyên Phẩm lại nói), tức là nói thêm, “*nhược nhân tụng thử nguyện giả*” (nếu ai tụng nguyện này), tinh lược những câu kể đó, [chỉ sao lược đoạn này], “*thị nhân lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na, nhất thiết chư căn tất giai tán hoại*” (người ấy lúc lâm chung, trong sát-na cuối cùng, hết thảy các căn thảy đều hư hoại); đây là nói về người thường đọc tụng phẩm Hạnh Nguyên. Kinh văn của cả phẩm Hạnh Nguyên rất dài, gồm có tất cả bốn mươi quyển, cổ đại đức nhằm tạo thuận tiện cho hành nhân tu học, “*hành nhân*” là đệ tử Phật môn, tức là người y theo kinh giáo để tu hành, đặc biệt lấy ra một quyển để lưu thông đơn độc, hòng làm cho người bình phàm học tập dễ dàng. Thanh Lương đại sư làm chuyện này, lão nhân gia lấy ra quyển cuối cùng [của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm]. Thông thường chúng ta nói đến Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm thì quá nửa là nói tới quyển cuối cùng này. Tông Mật đại sư đã chú giải quyển ấy tỉ mỉ, đó chính là tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Biệt Hành Sớ Sao, [gọi tên như vậy] do nó chẳng phải là toàn bộ kinh, chỉ là quyển cuối cùng của cả bộ kinh, tức quyển cuối cùng trong bốn mươi quyển. Quyển này đặc biệt trọng yếu, quyển này chính là “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*” như trong kinh điển thường nói. Quyển này dẫn dắt về Cực Lạc, mà cũng là trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, đến cuối cùng, đồng tử tham phỏng Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát đưa Thiện Tài về thế giới Cực Lạc, vô cùng thù thắng!

Nói theo người tu hành pháp môn này, ở đây [kinh Hoa Nghiêm] nói là “*độc tụng*”, đối trước kinh bốn đề niệm thì là “*độc*” (讀: đọc), chẳng đối trước kinh bốn [mà đọc thuộc lòng] thì gọi là “*tụng*”. Tụng (誦) là niệm thuộc lòng, niệm rất thuần thực, có thể niệm thuộc lòng một quyển kinh văn này. Đọc cũng thế, mà tụng cũng vậy, chẳng thể không hiểu ý nghĩa của kinh. Kinh có bốn loại, “*giáo, lý, hành, quả*”, văn tự, ngôn thuyết là Giáo, trong Giáo có Lý, tức là có đạo lý. Chẳng thể không hiểu rõ Lý, hiểu rõ là Giải. Quý vị đã hiểu rõ đạo lý ấy, sau

khi liễu giải phải hành. Mười đại nguyện vương này đều được áp dụng trong cuộc sống hằng ngày, sẽ thay đổi hết thảy tâm thái sai lầm của chúng ta. Điều thứ nhất, quý vị có thể nói ai chẳng ngạo mạn hay không? Ngạo mạn là phiền não bảm sanh, chẳng cần phải học! Một niệm bất giác, A Lại Da liền xuất hiện, tám thức, năm mươi một Tâm Sở là hiện tượng tinh thần. Thức thứ tám, tức A Lại Da, là căn bản của mê hoặc, ba tế tướng từ A Lại Da biến hiện thành Mạt Na, Mạt Na là thức thứ bảy. Từ thức thứ bảy lại biến hiện thức thứ sáu, thức thứ sáu là ý thức. Thức thứ bảy có tên tiếng Phạn là Mạt Na (Manas-vijñāna), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Nhiễm Ô Thức, [hàm ý] nó chẳng sạch sẽ, chấp trước. Bốn đại phiền não thường đi theo Mạt Na, chúng có từ lúc mới sanh ra. Bốn đại phiền não, thứ nhất là Ngã Kiến, chính là chấp trước có Ngã, còn chưa có thân, chưa phải là chấp trước thân, mà là chấp trước có Ngã. Do có Ngã nên mới đi tìm thân thể, tìm thân thể để đầu thai, tìm thân thể trong lục đạo. Ngoài Ngã Kiến có Ngã Ái, Ngã Ái là là tham, Ngã Mạn, quý vị thấy [Ngã Mạn] là ngạo mạn, Ngã Mạn là sân khuê, Ngã Si. Tham, sân, si là Tam Độc phiền não. Khi nào sẽ có? Một niệm bất giác bèn có. Tuy có, chẳng nghiêm trọng như hiện thời. Hiện nay, chúng ta tham, sân, si quá nghiêm trọng, cảm vờ khá nhiều tai nạn xuất hiện. Do vì chẳng chuyển thức thành trí, vẫn dùng tám thức, chúng ta biết Phật, Bồ Tát trong bốn thánh pháp giới vẫn dùng tám thức. Đã dùng tám thức thì chúng ta biết Ngã Kiến, Ngã Ái, Ngã Mạn, Ngã Si đương nhiên vẫn còn, nhưng rất nhẹ nhàng, rất vi tế. Trong bốn thánh pháp giới hãy còn [bốn đại phiền não ấy]; trong lục đạo thì thô tháp, nặng nề, chúng biến thành Kiến Tư phiền não. Trong kinh Phật đã nói rất cặn kẽ, trong tam giới có tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc và tám mươi một phẩm Tư Hoặc, chúng do những thứ ấy (Ngã Kiến, Ngã Ái, Ngã Mạn, Ngã Si) biến hiện ra.

Do vậy, chúng ta phải thừa nhận, chưa thể chuyển tám thức thành bốn trí thì Ngã Mạn hãy còn, chẳng dễ đoạn. Pháp Thân Bồ Tát đã đoạn, tuy đã đoạn nhưng vẫn còn có tập khí, khi học kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đã thảo luận chuyện này rất nhiều. Kinh điển cho biết, muốn đoạn hoàn toàn tập khí, phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp. A-tăng-kỳ (Asamkhyā) là đại kiếp, ba A-tăng-kỳ, A-tăng-kỳ là con số rất lớn, phải trải qua thời gian dài ngàn ấy, tập khí mới chẳng còn. Tập khí chẳng có, chúng ta biết cõi Thật Báo sẽ chẳng có. Cõi Thật Báo do tập khí biến ra. Thật vậy, chưa đoạn vô minh, hễ còn có một phẩm vô minh chưa đoạn thì vẫn ở trong mười pháp giới, chẳng ở trong cõi Thật Báo. Phải đoạn hết một phẩm vô minh ấy, thật sự đoạn thì mới có thể vượt thoát mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình. Trong cảnh giới ấy, tự - tha bất nhị, khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước đều chẳng có, ở đây, chúng ta cũng gọi nó là Nhất Chân pháp giới, nó là thật, mười pháp giới là giả, lục đạo lại càng chẳng cần phải nói nữa! Chúng ta phải thường huân tập những kinh giáo ấy, phải đọc tụng, phải nghe giảng, phải hiểu nghĩa, phải thường tư duy. Tư duy là tác quán, biến nó thành một thứ vũ trụ quan và nhân sinh quan của chúng ta. Đó là vũ trụ quan và nhân sinh quan

chánh xác nhất, chẳng có mảy may sai lầm. Đối với vũ trụ quan và nhân sinh quan của chư Phật Như Lai, chúng ta cũng có thể nhập cảnh giới ấy, đó là “thật sự tu hành”. Thường tác quán như thế, nói thật ra, phép quán ấy chính là sáu hạng mục trong Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ đại sư, tức là “*hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến*” (hiển lộ một thể, khởi hai tác dụng, phô bày ba thứ trọn khắp), sau đó là “*tứ đức, ngũ chỉ, lục quán*”.

Người ấy “*lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na*” (lúc lâm chung, trong sát-na cuối cùng), “*tối hậu*” là lúc tắt hơi, đã hết thở, thần thức ly khai thân thể, khi ấy “*nhất thiết chư căn tất giai tán hoại*” (hết thảy các căn thảy đều hư hoại), đó là gì? Nơi thân thể, sáu căn chẳng khởi tác dụng, mắt không thể thấy, tai chẳng thể nghe. “*Nhất thiết chư căn*” là sáu căn, sáu căn mất tác dụng. Vì sao? Thức đã rời khỏi, trong tâm quý vị, A Lại Da đã rời khỏi, Mạt Na đã rời khỏi, ý thức đã rời khỏi, năm thức trước cũng đã rời khỏi thân thể này! Thức có tồn tại hay không? Tồn tại, nó rời khỏi [thân thể], nhưng nó tồn tại, thế tục chúng ta gọi nó là “*linh hồn*”, linh hồn rời khỏi thân thể. Khi con người chưa chết, linh hồn có thể rời khỏi thân thể hay không? Đôi khi cũng có, [hiện tượng ấy được] gọi là “*linh hồn xuất khiếu*”. Thân thể người ấy chưa hoại, còn hít thở, nhưng linh hồn tạm thời rời khỏi thân thể trong một khoảng thời gian ngắn, sẽ khởi lên tác dụng có năng lực lớn hơn bình thường. Lìa khỏi thân thể giống như lơ lửng trong không trung, người ấy có thể trông thấy thân thể của chính mình, và cũng có thể thấy động tác của hết thảy mọi người chung quanh. Như vậy là linh hồn có thể rời khỏi thân thể. Chúng ta nằm mộng, mộng là linh hồn đang khởi tác dụng, chẳng phải là thân thể, mà là linh hồn đang khởi tác dụng.

Nói tới linh hồn thì cũng có sự hiểu lầm, hồn có, nhưng nó quyết định chẳng linh! Nói là hồn thì được, chứ nó chẳng linh. Vì vậy, Khổng Tử chẳng nói linh hồn, mà gọi là “*du hồn*”. Quý vị đọc kinh Dịch: “*Tinh khí vi vật, du hồn vi biến*”⁸⁴[1], dùng “*du hồn*” để nói rất hay, chẳng phải Khổng lão phu tử không biết. Vì tốc độ hoạt động của hồn rất nhanh, nó hết sức không ổn định, giống như ý niệm của chúng ta, niệm trước diệt, niệm sau sanh, niệm này tiếp nối niệm kia, ở trong trạng thái ấy, nên gọi “*du hồn*” là chánh xác. Nó chẳng thông minh, nếu thật sự linh thì làm sao có thể vào trong ba ác đạo đầu thai? Chẳng có đạo lý ấy! Vào trong ba ác đạo đầu thai, vẫn chưa phải là mê hoặc, điên đảo mà vào, làm tưởng là cảnh giới tốt đẹp, sau khi đến đó bèn bị lừa, chẳng thoát ra được, tình hình nói chung là như vậy.

⁸⁴[1] Có rất nhiều cách giải thích câu này, nói chung khó hiểu và không rõ ràng, nên chúng tôi chọn cách giải thích đơn giản của giáo sư Từ Tinh Dân trong tác phẩm *Độc Dịch Giải Thuyết*. Theo đó, sanh mạng của chúng ta do Âm Dương của cha mẹ kết hợp, trước đó, du hồn của chúng ta nhập vào thai, nhờ vào tinh khí của cha mẹ để thành thân hình, đó là “*tinh khí vi vật*”, hoặc gọi là Sanh. Khi thân thể chúng ta suy lão, âm dương phân ly, do vậy, hồn mất nơi nương tựa, đó là chết. Hồn mất nơi nương tựa, phiêu đảng nên gọi là Du Hồn. Cho đến khi âm dương giao hội, do khí phận tương cảm, lại nương gá vào để chuyển thế lần nữa, nên gọi là “*du hồn vi biến*”

Chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, lục đạo là giới hạn. Tu hành tốt đẹp, có thể sanh lên thiên đạo, có thể đạt đến Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên, nhưng chẳng thoát lìa lục đạo. Tu hành đến một mức công phu nhất định, thật sự có một chút giác ngộ, chưa phải là đại triệt đại ngộ, thật sự có giác ngộ trong Phật pháp, bèn thoát ly lục đạo. Đã thoát ly lục đạo thì chúng ta sẽ không gọi nó là linh hồn nữa, mà thường gọi là “linh tánh”. Cách gọi này cũng chánh xác, vì linh tánh là chính mình chân thật. Linh tánh như chúng ta thường nói ấy thuộc về bốn pháp giới, chẳng thuộc trong lục đạo. Ở đây, [sách Chú Giải] cho biết, người sắp mất, trong một sát-na, sát-na ấy là lúc vô cùng mầu chót, nên lâm chung trợ niệm hết sức có lý!

Sáu căn đã hư hoại, chẳng khởi tác dụng, “*nhất thiết thân thuộc tất giai xả ly*” (hết thân thuộc thấy đều lìa bỏ). Người nhà quyến thuộc chia tay quý vị, cũng là duyên phận cùng nhau tụ hợp của quý vị đã hết, sau này còn có thể tiếp tục hay không? Điều ấy phụ thuộc duyên phận, có lúc duyên phận vào lúc ấy đã hết. Do vậy, con người phải giác ngộ, đức Phật đã giảng rất hay về mối quan hệ giữa con người với nhau, gồm bốn thứ duyên: Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, đều có lúc kết thúc. Duyên ấy chẳng còn, dẫu gặp gỡ cũng chẳng nhận ra. Do vậy, nó chẳng thật, là giả. Chúng ta đến thế gian này, quan hệ với mọi người là bốn thứ duyên phận ấy. Sau khi học Phật, đã hiểu rõ, giác ngộ, phải chuyển biến bốn thứ duyên ấy thành pháp duyên, sẽ là tốt đẹp. Chuyển biến thành pháp duyên, đó là tự độ, độ người. Trong tương lai, quý vị thành Phật, những người hữu duyên ấy bất luận ở chỗ nào, tụ tán trong khắp pháp giới, hư không giới, họ gặp khổ nạn, khẩn cầu, quý vị sẽ tiếp nhận được làn sóng [ý niệm] ấy, họ có duyên với quý vị mà! Sau khi quý vị nhận được, chắc chắn sẽ lập tức ứng, cảm ứng đạo giao. Chúng sanh có cảm, Bồ Tát bèn ứng, quý vị sẽ đến giúp họ.

Đối với cảm ứng, kinh Phật đã giảng rất rõ ràng, có bốn hình thái khác nhau, hiển cảm hiển ứng, minh cảm minh ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm hiển ứng (cảm và ứng rõ rệt; cảm và ứng ngấm ngấm; cảm rõ rệt, ứng ngấm ngấm và cảm ngấm ngấm, ứng rõ rệt), bốn thứ hình thái bất đồng. Trong đời quá khứ, chúng ta đời đời kiếp kiếp kết nhiều duyên với chư Phật, Bồ Tát. Khi chúng ta gặp khó khăn, tâm và miệng cầu Phật, Bồ Tát gia trì, cầu Phật, Bồ Tát phù hộ, Phật, Bồ Tát có gia trì quý vị hay không? Gia trì! Có khi gia trì, nhưng ta chẳng cảm nhận được, đó là âm thầm gia trì quý vị. Quý vị là Hiển [Cảm], vì cầu Phật, Bồ Tát, Phật rõ rệt, Bồ Tát âm thầm phù hộ quý vị, [đó là Minh Ứng]. Học Phật, đối với giáo lý đã đạt đến trình độ nhất định, tức là trình độ lý giải, quý vị sẽ có thể tin tưởng. Thuở đầu, học rất khó, lúc mới học, hiển ứng thì biết, chứ minh ứng (ứng âm thầm) kẻ ấy chẳng biết, bảo là chẳng linh. Tuyệt đối chẳng phải là không linh! Vì sao Bồ Tát ứng mà chẳng hoàn toàn hiển ứng, lại còn có minh ứng? Chúng ta phải hiểu điều này! Chư Phật, Bồ Tát ứng, nhưng chẳng khởi tâm, động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước; nếu khởi tâm động niệm sẽ biến thành phàm phu. Các Ngài chẳng thoái chuyển, vĩnh viễn trụ trong Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang ở chỗ nào? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng hiện diện, nên

cảm ứng đạo giao ngay lập tức. Phật, Bồ Tát hiển ứng hay minh ứng (ứng ngấm ngấm), đều do ý niệm và tâm thái của chúng ta [cảm vờ]. Kinh giảng rất hay, “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng lãnh hội của họ), chẳng do ý nghĩ của Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát chẳng có ý nghĩ gì.

Ở đây, đối với câu “*nhất thiết thân thuộc tất giai xả ly*” (hết thảy thân thuộc đều phải lia bỏ) chúng ta phải giác ngộ đoạn kinh văn này, “*thân thuộc*” là người đã kết duyên với ta trong quá khứ. Sau khi học Phật, phải dùng phương pháp trí huệ để biến họ thành pháp quyến, đó là đúng. Nếu tình chấp rất sâu, nhất định sẽ nẩy sanh chướng ngại đối với sự tu hành của chúng ta. Không chỉ chướng ngại quý vị chúng quả, mà còn chướng ngại quý vị vãng sanh, ngay cả nghĩa lý của kinh giáo cũng bị nó chướng ngại. Bị nó chướng ngại điều gì? Quý vị hiểu sai, chẳng phải là nghĩa chân thật của Như Lai. Nghĩa chân thật của Như Lai là Tánh Đức, Tánh Đức từ trong tự tánh tự nhiên lưu lộ. Quý vị vừa khởi tâm động niệm, nó đã bị lệch lạc rồi. Do vậy, đối với thân thuộc, có cần phải làm ra vẻ thân ái như thế hay không? Phải! Vì sao? Nhằm giáo hóa chúng sanh ngu muội, dạy cho họ luân lý, đạo đức, khiến cho họ được sống trong một xã hội trật tự, ban cho họ cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn trên thế gian này, ban cho họ điều ấy. Phật, Bồ Tát phải làm như thế cho họ thấy, nêu gương hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si; đây là một cơ sở của hòa hài, ổn định, hỗ trợ hợp tác, đức hạnh trên thế gian. Để dạy loại chúng sanh ấy, Phật, Bồ Tát ắt phải làm như vậy, phải biểu diễn, thực hiện. Nếu có cảm tình thật sự sẽ là phàm phu. Bồ Tát biểu diễn giống như đang diễn xuất trên sân khấu, biểu diễn vô cùng giống như thật, quý vị chẳng nhìn thấy sơ sót nào, người rất sáng mắt mới có thể thấy rõ ràng, kẻ bình phàm chẳng thể thấy rõ! Ngài biểu diễn hết sức giống như thật thì mới có thể cảm hóa chúng sanh, mới có thể dạy họ trung, hiếu, liêm, si, mới có thể dạy dỗ chúng sanh, ý nghĩa là như thế đó. Trên thực tế thì sao? Trên thực tế, tâm các Ngài vĩnh viễn “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” như trong kinh đã nói, chúng ta phải biết điều này. Nếu biết thì chúng ta sẽ biết học, “*học*” là tu học, chúng ta mới có thể học giống hệt. Về mặt Sự, sẽ giống như lục đạo phàm phu; về Lý, bèn như Nhất Chân pháp giới, cả hai phía đều giống, đó là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian. Quý vị thấy điều đầu tiên mà người thế gian khó bỏ nhất là thân tình, nên đặt điều này lên đầu.

Lại xem điều kế tiếp, “*nhất thiết oai thế tất giai thoái thất*” (hết thảy oai thế thảy đều lui mất). Trên thế gian, quý vị có thể lực, “*oai*” (威) là quyền lực. Quý vị có quyền, có thế, làm một vị quan to. Lúc mất, chẳng mang theo được gì. Chẳng thể mang theo tước vị, quyền lực, oai thế được! Điều này cho quý vị biết chúng là giả, thân tình là giả, mà oai thế cũng giả trá. “*Phụ tướng đại thân, cung thành nội ngoại, tượng mã xa thặng, trân bảo phục tạng*” (Phụ tướng, đại thân, cung thành trong ngoài, xe voi, xe ngựa, kho tàng quý báu), quý

vị là đế vương, dưới tay có Tể Tướng, đại thần, có cung điện, có Tử Cấm Thành^{85[2]}, hưởng thụ phước báo trên thế gian. Xe voi, xe ngựa là phương tiện giao thông của quý vị, “*trân bảo phục tạng*” (kho tàng quý báu) là những thứ quý báu do quý vị cất giữ. “*Như thị nhất thiết, vô phục tương tùy*” (hết thấy những thứ như thế chẳng còn theo ta nữa), chẳng mang theo được gì. Câu này bảo chúng ta phải thật sự giác ngộ, thật sự minh bạch, phải nên hiểu rõ: Đối với cái có thể mang theo được thì dụng tâm, cái gì không mang theo được, chớ nên bận lòng về nó; hễ quan tâm đến nó là sai mất rồi. Dụng tâm sai lầm, thứ gì cũng chẳng mang theo được! Cổ nhân dạy con cái như thế nào? Tích công lữ đức cho con cháu, hết thấy của cải trên thế gian chẳng cần để lại cho chúng nó, con cháu của họ là con cháu tốt lành. Vì sao? Họ biết tu phước, tương lai tiền đồ vô lượng. Tổ tông có đức, tự mình biết tu phước, đức hạnh của tổ tông sẽ phù trợ con cháu, đó là đúng! Để lại của cải cho chúng nó, nếu là hạng con cháu bất hiếu, sẽ bại hoại dễ dàng. Chúng nó do có được quá dễ dàng, sẽ chẳng biết quý trọng, coi thường, nên bị bại hoại. Những gương xưa nay trong ngoài nước giống như vậy rất nhiều, lịch sử đã ghi chép, tin tức rất phong phú, nhất định phải giác ngộ, những thứ ấy chẳng thể mang theo được!

“*Duy thử nguyện vương, bất tương xả ly*” (chỉ có nguyện vương này là chẳng lìa bỏ), đây là thứ quý vị mang theo được, mang theo được mười nguyện, quý vị có thể mang thứ này theo được! Mười nguyện này là Tánh Đức vốn có trong tự tánh; do mê mất tự tánh, nên coi thường, bỏ sót, tư tưởng và tâm hạnh đều trái phạm Tánh Đức. Chúng ta biết lỗi, nay phải tìm lại Tánh Đức; đã làm sai thì phải “quay đầu là bờ”. Tiếp đó, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng

^{85[2]} Tử Cấm Thành là cung điện của nhà vua. Tử Cấm Thành là danh xưng chỉ có từ thời Minh trở đi, chỉ cho hai nơi:

1. Cố Cung nhà Minh ở Nam Kinh, còn gọi là Nam Kinh Cố Cung, do Châu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ) bắt đầu xây dựng vào năm Chí Nguyên 27 (1367). Khi ấy, Châu Nguyên Chương vẫn còn là Ngô Vương, chưa xưng đế, nên còn gọi là Ngô Vương Tân Cung. Cung ở phía Nam núi Chung Sơn, có kích thước 790x750 mét, gồm nhiều điện như Phụng Thiên, Cần Thân, Văn Lô, Vũ Lô, Càn Thanh Cung, Khôn Ninh Cung, Đông Tây Lục Cung, chia thành bốn cửa chính là Ngọ Môn, Tây Hoa, Huyền Vũ, Đông Hoa. Phía sau cửa Ngọ Môn lại có thêm một lớp cửa là Phụng Thiên Môn. Sau khi Minh Thành Tổ dời đô về Bắc Kinh, nơi này được gọi là Cố Cung, và dùng làm hành cung nếu vua xuống phương Nam. Khi bọn phi Thái Bình Thiên Quốc tấn công Nam Kinh dưới đời nhà Thanh đã phá hủy, đốt cháy toàn bộ cung điện này.

2. Tử Cấm Thành (Cố Cung Bắc Vật Quán) tại Bắc Kinh là cung điện do Minh Thành Tổ xây khi dời đô lên Bắc Kinh và được dùng làm cung điện nhà vua mãi cho đến khi nhà Thanh sụp đổ.

ta “*thường tùy Phật học*”, câu này trọng yếu. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời vì chúng ta thị hiện điều gì? Lão nhân gia thị hiện “quay đầu là bờ”, tích lũy công khôn sánh, tích lũy đức to khôn sánh, giúp hết thảy chúng sanh khổ nạn, khiến cho hết thảy chúng sanh khổ nạn lìa khổ, được vui. Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng cho tiền chúng sanh, cũng chẳng cho họ vật dụng cần thiết. Thích Ca Mâu Ni Phật cho chúng sanh điều gì? Giúp chúng sanh giác ngộ, đó là thật, chẳng giả! Dùng phương pháp gì? Dùng giáo học, nêu gương, thân làm, miệng dạy. Đích thân làm cho quý vị thấy, miệng nói cho quý vị nghe, khiến cho quý vị hiểu rõ, giác ngộ. Vì sao? Vô lượng vô biên nỗi khổ đều do mê sanh ra. Do đã mê rồi nên quý vị nghĩ trật, nhìn lầm, nói sai, làm quấy, quả báo làm sao tốt đẹp cho được? Quả báo là lục đạo luân hồi. Chỉ có thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ, vũ trụ là như thế nào, nhân sinh ra sao, ta từ đâu đến, tương lai sẽ đi về đâu, hiểu rõ toàn bộ, kẻ ấy tự tại, chẳng mê nữa. Kẻ ấy chẳng mê, nên chẳng nghĩ trật, chẳng nói sai, chẳng làm quấy, hằng ngày tích lũy công đức, hằng ngày tích lũy phước đức, phước huệ song tu thì mới có thể giải quyết vấn đề.

Thích Ca Mâu Ni Phật giúp con người giải quyết vấn đề từ căn bản, chẳng phải là cành nhánh. Dẫn nói đến “*cầu*”, trong phần trước, tôi đã nói rất nhiều, trong các buổi giảng, [chúng tôi thường nói] chúng ta muốn cầu của cái, cầu thông minh trí huệ, cầu khỏe mạnh, sống lâu, đức Phật đã dạy quý vị phương pháp, chỉ cần quý vị nương theo lý luận và phương pháp mà Ngài đã dạy để thực hiện, chắc chắn sẽ đạt được! “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng), chẳng phải là không cầu được. Pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng cầu được, thật đấy, chẳng thể nghĩ bàn! Cầu như thế đắc đại tự tại, trong tâm cũng chẳng có chút gánh nặng nào, chẳng phải bận lòng. Cầu tài, của cải sẽ cuồn cuộn đưa tới, nhưng phải có trí huệ; nếu chẳng có trí huệ, dấy tâm tham tài, của cải chẳng phải là thứ tốt đẹp, mang lại tội nghiệp cho quý vị, như vậy là sai mất rồi. Vì vậy, Phật pháp từ đầu tới cuối luôn đặt trí huệ vào vị trí thứ nhất. Có trí, lẽ đâu chẳng có của cải? Có của cải, chưa chắc đã có trí huệ. Có trí huệ, nhất định có của cải. Do đó, quý vị chú tâm quan sát, trong thế gian và xuất thế gian, chỉ có lòng từ bi của Phật là chân thật. Nương theo mười nguyện này tu tập, suốt đời chúng ta không gì chẳng được như nguyện, hưởng thụ quả báo chân thật của chính mình.

Nguyện vương này, “*ư nhất thiết thời dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na trung tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới*” (trong hết thảy thời, nó dẫn đường đằng trước, trong một sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc), nếu mười nguyện trọn đủ, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Đáo dĩ, tức kiến A Di Đà Phật*” (đã đến, liền thấy A Di Đà Phật), thấy Báo Thân Phật, chẳng phải là cõi Hữu Dư, chẳng ở trong Đồng Cư, mà ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, thấy Báo Thân Phật. “*Kỳ nhân tự kiến sanh liên hoa trung, mộng Phật thọ ký*” (người ấy tự thấy sanh trong hoa sen, được Phật thọ ký), quý vị nói xem có vui sướng lắm hay không? Cũng giống như nói “đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp mặt A Di Đà Phật bèn thành Phật”, Phật thọ ký cho người ấy. “*Đắc thọ ký dĩ*” (đã được

thọ ký), thọ ký bèn thành Phật, “*kinh u vô số bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp*” (trải qua vô số trăm ngàn vạn ức na-do-tha⁸⁶[3] kiếp), đó là nói tới thời gian, “*phổ u thập phương bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới*” (khắp trong bất khả thuyết bất khả thuyết⁸⁷[4] thế giới), nói tới nơi chốn. “*Đĩ trí huệ lực, tùy chúng sanh tâm nhi vi lợi ích*” (dùng sức trí huệ thuận theo tâm chúng sanh để tạo lợi ích), tạo lợi ích ứng với khả năng tiếp nhận [của chúng sanh], quý vị đến mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh giống như Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, nên dùng thân Phật để độ được, bèn hiện thân Phật, nên dùng thân Bồ Tát để độ được, bèn hiện thân Bồ Tát. Thuận theo tâm chúng sanh mà hiện tướng, hiện các thứ tướng bất đồng, có thể đồng thời hiện vô lượng vô biên thân trong các nơi chốn khác nhau. Phật, Bồ Tát ứng hóa nhất định hoàn toàn tương ứng với căn tánh của chúng sanh, tự nhiên tương ứng. Tánh Đức có năng lượng to lớn như vậy, pháp được nói sẽ tự nhiên tương ứng; chúng sanh vừa tiếp xúc, vừa nghe nói bèn khai ngộ. Chưa có năng lực như vậy, làm sao có thể độ chúng sanh? Vì vậy, tu mười đại nguyện vương vắng sanh Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, trí huệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tánh đều khôi phục, đúng là con đường tắt để Bồ Tát thành Phật.

“*Năng u phiền não đại khổ hải, bạt tế chúng sanh, linh kỳ xuất ly, giai đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới*” (có thể ở trong biển cả khổ sở, phiền não, cứu vớt chúng sanh, khiến cho họ thoát khỏi, đều được vãng sanh thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật). Cứu khổ cứu nạn phải cứu đến cùng, không thể chỉ cứu nửa vời, đưa những người ấy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều viên mãn. Lý luận và phương pháp đưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều nằm trong bộ kinh này, chúng ta chớ nên quên mất bộ kinh này, hãy luôn nhớ câu kinh văn đầu tiên “*hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân tu đức

⁸⁶[3] Một na-do-tha (na-dữu-đa) là một con số khá lớn. Cụ thể lớn bao nhiêu thì có nhiều thuyết khác biệt. Đời Nguyên, Châu Thế Kiệt đã cho rằng Na Do Tha là một vạn vạn lần A Tăng Kỳ. Một A Tăng Kỳ là 10 lũy thừa 104, tức là sau con số một (1) có 104 số 0. Na Do Tha là sau số một có 112 con số 0. Thuyết này hơi khác với lời dạy trong kinh Hoa Nghiêm (theo phẩm A Tăng Kỳ của kinh Hoa Nghiêm thì Na Do Tha chỉ là 10 lũy thừa 28).

⁸⁷[4] Bất khả thuyết bất khả thuyết là một con số rất lớn trong kinh Hoa Nghiêm. Phẩm A Tăng Kỳ nói Tâm Vương Bồ Tát hỏi Phật về các con số, đức Phật bèn dạy: Một trăm lạc xoa là một câu chi, câu chi lần câu chi là một a dữu đa, a dữu đa lần a dữu đa là một na do tha, na do tha lần na do tha là một tối thắng... cho đến bất khả tư nghị lần bất khả tư nghị là một bất khả tư nghị chuyển, bất khả tư nghị chuyển lần bất khả tư nghị chuyển là một bất khả lượng, bất khả lượng lần bất khả lượng là một bất khả lượng chuyển, bất khả lượng chuyển lần bất khả lượng chuyển là một bất khả thuyết, bất khả thuyết lần bất khả thuyết là một bất khả thuyết chuyển, bất khả thuyết chuyển lần bất khả thuyết chuyển là một bất khả thuyết bất khả thuyết. Một lạc-xoa là mười vạn (100.000).

của Phổ Hiền đại sĩ), câu này quá trọng yếu! Do vậy, trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh trước kia, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đã soạn bản hội tập cho kinh Vô Lượng Thọ, và chính ông ta cũng đem quyển kinh Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm này ghép vào sau Tịnh Độ tam kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Trong tương lai, chư vị đồng tu thấy Tịnh Độ Tứ Kinh liền biết Tứ Kinh là gì, chính là do Ngụy Mặc Thâm thêm phẩm Hạnh Nguyên vào đó. Hợp lý! “*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*”, thật sự có lý. Đến đầu thời Dân Quốc, Ân Quang đại sư là một vị tổ sư trong thời cận đại của Tịnh Độ Tông, lão nhân gia đem chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, chương này không dài, chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, còn ngắn hơn Bát Nhã Tâm Kinh. Bát Nhã Tâm Kinh là hai trăm sáu mươi chữ, [còn chương Đại Thế Chí Viên Thông là] hai trăm bốn mươi bốn chữ, ghép vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh, nay gọi là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Cần biết rằng: Tịnh Độ vốn chỉ có ba kinh, bản thứ tư là do cư sĩ Ngụy Mặc Thâm thêm vào, bản thứ năm do Ân Quang đại sư thêm vào. Chúng ta nghĩ xem còn có thể thêm vào hay không? Không thể tăng thêm, đã viên mãn, quý vị có muốn tăng thêm cũng không được, đã viên mãn rồi. Trong chín ngàn năm của thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ khế hợp căn cơ của hết thảy chúng sanh, năm bộ kinh này có thể phổ độ hết thảy chúng sanh, giúp mọi người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thọ trì hoàn toàn năm bộ rất tốt; thật ra, cả năm bộ đều chẳng dài. Trong kinh luận Tịnh Tông, dài nhất là bộ kinh Vô Lượng Thọ này, còn như Đại Thế Chí Viên Thông Chương chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, cũng là một bộ, rất thích hợp với căn tánh của người thời Mạt Pháp. Nếu nói theo kiểu Trung Quốc, kinh luận Tịnh Tông quả thật là “*giản yếu tường minh*”, tức là đơn giản, ngắn gọn, mà cũng tỉ mỉ, rõ ràng, thích hợp nhất cho đại chúng trong hiện tại và mai sau tu học.

“*Hựu kỳ trung đệ thập nguyện phổ giai hồi hướng, hiển Phổ*” (lại nữa, trong ấy, nguyện thứ mười là hồi hướng khắp cả, hiển thị ý nghĩa chữ Phổ), hiển lộ chữ Phổ, “*tùng sơ (đệ nhất nguyện) lễ kính nãi chí đệ cửu nguyện hằng thuận chúng sanh*” (từ ban đầu (nguyện thứ nhất) là lễ kính cho đến nguyện thứ chín là hằng thuận chúng sanh), đều nhằm hiển thị chữ Hiền trong đức hiệu của Phổ Hiền Bồ Tát. “*Cố tri thập chủng đại nguyện, hiển Phổ Hiền nghĩa. Hiền tắc thụ cùng tam tế, Phổ tắc viên nhiếp vô dư*” (nên biết mười đại nguyện hiển thị ý nghĩa Phổ Hiền. Hiền là theo chiều dọc rốt ráo ba đời, Phổ là nhiếp trọn vẹn, chẳng sót), chúng ta nói là “theo chiều ngang trọn khắp mười phương”. Hiền là nói thời gian quá khứ, hiện tại, tương lai; Phổ là nói mười phương, tức bốn phương, bốn góc, trên dưới, bao quát toàn bộ. “*Thanh Lương Sớ vân, quả vô bất cùng viết Phổ, bất xả nhân môn viết Hiền. Chánh hiển kinh trung Phổ Hiền, tức Vị Hậu Phổ Hiền*” (Thanh Lương Sớ giảng: “Quả không gì chẳng cùng tốt là Phổ, chẳng xả hạnh tu nhân là Hiền. Điều này chỉ rõ Phổ Hiền trong kinh chính là Vị Hậu Phổ Hiền”), hai câu này giải thích rất ráo [ý nghĩa của danh hiệu] Phổ Hiền. Quả không gì chẳng cùng tốt, Cùng (窮) là đã đạt đến tốt bậc, chúng ta nói là “rốt ráo viên mãn”, đó là gì? Hoàn Nguyên Quán giảng “*một Thế, hai tác dụng, ba thứ trọn khắp*”, là quả

không gì cùng tột. Khó có nhất là chẳng bỏ Nhân môn, Nhân môn là gì? Tứ Đức, Ngũ Chi, Lục Quán là những Nhân môn được nói trong Hoàn Nguyên Quán. Đã thành Phật, đã chứng địa vị Diệu Giác từ lâu, vẫn đến thị hiện trong nhân gian, thị hiện gì? Nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, thị hiện làm kẻ sơ học, thị hiện làm Tiểu Thừa. Chúng sanh thuộc căn tánh gì, bèn thị hiện thuận theo căn tánh của chúng sanh thì mới có thể tiếp dẫn hết thảy chúng sanh, mới có thể thỏa mãn nhu cầu của chúng sanh có căn tánh bất đồng. Chư Phật Như Lai chẳng có mấy may ý nghĩ của riêng mình, đó là “*hằng thuận chúng sanh*”. Hễ có một tí ý nghĩ của riêng mình sẽ chẳng hằng thuận. Hằng thuận là trí huệ chân thật, thiện xảo phương tiện, thần thông, đạo lực vô tận, nhưng phàm phu không biết. Điều này chỉ rõ Phổ Hiền được nói trong kinh, tức là vị Bồ Tát được nhắc đến trong kinh này, cũng như Phổ Hiền được nói trong kinh Hoa Nghiêm đều thuộc địa vị gì? Là Vị Hậu Phổ Hiền, tức là đã thành Phật, thuộc địa vị Diệu Giác. Chúng đắc địa vị Diệu Giác, nhưng Ngài lui xuống địa vị Bồ Tát để giúp đỡ chúng sanh, vì sao? Phật pháp là sư đạo, chúng ta phải biết điều này. Thầy cao vời vợi bên trên, học trò mang lòng kính sợ thầy, vừa kính trọng vừa sợ hãi, nên dạy lũ học trò chẳng thuận tiện cho lắm, vậy thì thầy làm sao? Thầy thay đổi thân phận, mang thân phận bạn học. Thân phận bạn học thuận tiện hơn nhiều, nói sao cũng dám nói, nên dễ dạy. Vì thế, Phật dạy chúng sanh chẳng dùng đến thân phận Phật, lui xuống làm thân phận Bồ Tát, đó là Vị Hậu Phổ Hiền.

“*Diệc tức Thiện Đạo đại sư sở vị, tòng quả hương nhân chi tướng*” (cũng chính là “*tướng từ quả hương về nhân*” như Thiện Đạo đại sư đã nói). Ngài vốn đã chứng quả, nay trở về nhân địa, quả là Phật, nhân là Bồ Tát, dùng thân phận Bồ Tát để ứng hóa trên thế gian. Bồ Tát như thế nào? Thừa quý vị, quá nửa đều là Thập Tín Vị Bồ Tát, địa vị không cao. Thập Tín rất gần chúng ta, nội dung giảng dạy cũng là nội dung rất gần gũi, dễ hiểu, chúng ta có thể tiếp nhận, nghe hiểu, mà cũng thật sự có thể làm được. Đó là một vị thầy giỏi. Trong thời đại hiện tại, thánh giáo suy vi, đại chúng bình phàm, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp đều chẳng học [thánh giáo]. Nếu quý vị lấy sách vở Đại Thừa quá sâu để dạy họ, về căn bản là họ nghe không hiểu. Dẫu có hiểu, cũng hoàn toàn chẳng ăn khớp với cuộc sống của họ, họ chẳng dùng được! Điều đó có nghĩa là gì? Kinh giáo chẳng khế cơ! Tuy khế lý, [tức là] nói theo Lý chẳng sai, nhưng chẳng đúng với căn cơ của chúng sanh. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm là tài liệu dạy học cho nghiên cứu sinh, chúng sanh hiện thời là căn cơ gì? Căn cơ Tiểu Học. Quý vị lấy tài liệu học tập của nghiên cứu sinh để dạy Tiểu Học, làm sao họ có thể tiếp nhận cho được? Đó gọi là khế lý, chẳng khế cơ. Đối với những tài liệu để giảng dạy trong các trường học hiện thời, người trẻ tuổi học tập rất nhiều thứ, Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, quý vị thấy trong ấy dạy những gì? Người học đông đảo như thế, nhưng nói theo Phật pháp, những tài liệu giảng dạy ấy khế cơ mà chẳng khế lý, hoàn toàn chẳng ăn khớp với giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả. Học trò có thể học được một ít công nghệ, có thể kiếm sống trong xã hội, nhưng chẳng biết làm người! Giáo dục làm người họ chưa được học, còn

giáo dục để làm việc họ học chẳng ít. Chúng ta sống trong thời đại này, gặp gỡ căn tánh như vậy, phải hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ mới biết dùng phương pháp gì để giúp họ vừa khế cơ vừa khế lý.

Do vậy, lão cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện trong thời đại này chẳng phải là ngẫu nhiên, cụ hội tập kinh Vô Lượng Thọ một lần nữa, chỉnh lý thành bản hoàn thiện, bản hoàn thiện ấy do hội tập năm bản dịch gốc hợp thành. Trong quá khứ cũng có người làm, nhưng thành quả có khuyết điểm, chẳng viên mãn. Đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư đời Tống hội tập, lần thứ hai do ông Ngụy Mặc Thâm hội tập trong niên hiệu Hàm Phong đời Thanh, lần thứ ba do Hạ lão cư sĩ hội tập vào đầu thời Dân Quốc. Họ đều chẳng phải là người bình phàm, mà toàn là hàng Bồ Tát đầy bản lãnh, thị hiện cho chúng ta thấy. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ban cho chúng ta bản chú giải này, dụng ý rất u là sâu, vì sao? Thời Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa, trong chín ngàn năm ấy, Tịnh Độ là đương cơ, trong chín ngàn năm ấy cần đến Phật pháp thì cần loại Phật pháp nào? Cần bộ kinh này, cần pháp của Vô Lượng Thọ Phật. Chúng tôi cũng hiểu rõ chân tướng sự thật này; vì thế, lần này chúng tôi chọn giảng bản chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ để mọi người cùng nhau học tập. Chúng tôi nhắm đến mục đích hy vọng những thứ này (bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ và bản chú giải của cụ Hoàng) có thể lưu truyền hậu thế, dành cho người đời sau tham khảo, giúp họ học tập, giúp họ kiến lập tín tâm, nguyện lực, y giáo phụng hành, vãng sanh Tịnh Độ, mục đích ở chỗ này.

Tiếp đó, “*hựu Phổ Hiền kệ vân*” (lại nữa, bài kệ của Phổ Hiền có nói), trong bài kệ của Phổ Hiền Bồ Tát: “*Ngã ký vãng sanh bỉ quốc dĩ, hiện tiền thành tựu thử đại nguyện. Phổ nguyện trăm nich chư chúng sanh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát*” (Tôi đã vãng sanh cõi ấy rồi, hiện tiền thành tựu đại nguyện này, nguyện khắp chúng sanh đang chìm đắm, mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang). Bài kệ này “*thị tức Phổ Hiền tự ngôn*”, [tức là] do Phổ Hiền Bồ Tát tự nói, “*ngã ký vãng sanh Cực Lạc quốc dĩ, thành tựu sở phát chi thập chủng đại nguyện*” (ta đã vãng sanh cõi Cực Lạc, thành tựu mười thứ đại nguyện đã phát), nói cách khác, viên mãn mười thứ đại nguyện, thế giới Cực Lạc hiện tiền. Vì sao? Thế giới Cực Lạc do mười thứ đại nguyện ấy kiến lập. Trong khi tu nhân, A Di Đà Phật đã phát bốn mươi tám nguyện, quý vị đem so với mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, [sẽ thấy] hoàn toàn tương ứng. Nói cách khác, mười nguyện Phổ Hiền triển khai thành bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà, bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà cô đọng thành mười nguyện Phổ Hiền. Vì vậy, tu hành viên mãn mười nguyện, thế giới Cực Lạc tự nhiên hiện tiền. Do nguyên nhân nào? Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, mười nguyện là nhân, thế giới Cực Lạc là quả. Nhân đã viên, quả đương nhiên sẽ trọn đủ, đạo lý là như thế đó. Điều khó có là hai câu kết thúc, “*phổ nguyện trăm nich chư chúng sanh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát*”, đó là hồi hướng. Sau đó lại có “*nãi dĩ thù thắng hạnh nguyện công đức, giai tất hồi hướng chúng sanh đồng sanh Cực Lạc*” (dùng công đức thù thắng của hạnh nguyện để hồi hướng cho chúng sanh ắt đều cùng sanh về Cực Lạc). Bồ Tát thị hiện trên thế gian, thực hiện mười nguyện này, làm

cho chúng ta thấy, với dụng ý gì? Dụng ý nhằm ảnh hưởng chúng sanh trong thế giới Sa Bà, khuyên họ hãy bắt chước. Thời thời khắc khắc nhắc nhở, thời thời khắc khắc khuyên dụ, hướng dẫn, mang ý nghĩa ấy. Vì Phổ Hiền Bồ Tát thành Phật đã lâu, đã sớm tu hành viên mãn, Ngài thả chiếc bè Từ, đến thế gian này, ứng hóa có thân phận và kiến thức giống như chúng ta, làm cho chúng ta thấy Ngài chịu tu, Ngài đã tu thành công. Chúng ta sẽ lấy Ngài làm gương mẫu, làm điển hình, Ngài có thể tu thành công, ta nghĩ ta nhất định cũng có thể tu thành công. Từ bi đạt tới tột bậc! Học rồi, đức của Phổ Hiền sẽ từ trong tâm chính mình lưu lộ, trong một đời chúng ta, từng chút thiện hạnh nhỏ nhặt đều chẳng vì chính mình, ta đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh, nguyện hết thấy chúng sanh đồng sanh Cực Lạc. Đại nguyện ấy không chỉ tương ứng với Phổ Hiền, mà còn tương ứng viên mãn với A Di Đà Phật, niệm niệm chẳng vì chính mình, chỉ có hết thấy chúng sanh.

“*Phổ giai hồi hướng, nãi thành Phổ nghĩa*” (“phổ giai hồi hướng” nhằm thành tựu nghĩa Phổ), ý nghĩa của chữ Phổ đã thành tựu. “*Di Đà tứ thập bát nguyện, nhiếp nhất thiết chúng sanh, thị phổ giai hồi hướng chi bản nguyên*” (Bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà nhiếp thọ hết thấy chúng sanh là cội nguồn của phổ giai hồi hướng). Nói cách khác, phổ giai hồi hướng là bốn nguyện phổ độ hết thấy chúng sanh đều chứng Phật quả rốt ráo viên mãn của A Di Đà Phật. Ở đây, cụ Hoàng đã chỉ ra rất hay: Mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát đến cuối cùng là dùng phổ giai hồi hướng để viên mãn, chính là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật được viên mãn. Do vậy, “*Phổ Hiền thập đại nguyện vương, chánh thị Di Đà đại nguyện chi đệ tam thập ngũ nguyện chi quảng diễn*” (mười đại nguyện vương của Phổ Hiền chính là sự mở rộng của nguyện thứ ba mươi lăm trong Di Đà đại nguyện). Nguyện thứ ba mươi lăm là “*nhất sanh bổ xứ nguyện*”, ở đây, lời nguyện đã được trích lục như sau: “*Sanh ngã quốc giả, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bổ Xứ, trừ kỳ bốn nguyện vị chúng sanh có, bị hoàng thế khai, giáo hóa nhất thiết hữu tình giai phát tín tâm, tu Bồ Đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo*” (kẻ sanh về nước ta, rốt ráo ắt đạt tới địa vị Nhất Sanh Bổ Xứ, ngoại trừ người nào do bốn nguyện vị chúng sanh [mà khoan đạt đến địa vị ấy], mặc áo giáp hoàng thế, giáo hóa hết thấy hữu tình đều cùng phát tín tâm, tu hạnh Bồ Đề, hành đạo Phổ Hiền). Ở đây, tôi không giảng đoạn kinh văn này, trong phẩm thứ sáu ở phần sau, chúng ta đọc đến đoạn kinh văn ấy sẽ lại giảng giải tường tận.

“*Do thị khả kiến, hội trung thánh chúng, đa thị tăng sanh Cực Lạc, phi hoàng thế khai, du hóa thập phương, trợ Phật hoàng hóa*” (do vậy, có thể thấy: Thánh chúng trong hội phần nhiều đã từng sanh về Cực Lạc, khoác áo giáp hoàng thế, dạo khắp mười phương, giúp Phật hoàng dương, giáo hóa), mấy câu này nói hay quá! Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này tại Linh Sơn, bộ kinh này và kinh Pháp Hoa được giảng cùng một chỗ. Kinh Pháp Hoa giảng tại núi Linh Thứu, bộ kinh này cũng được giảng tại núi Linh Thứu, cùng một nơi, thính chúng cũng giống như trong kinh Pháp Hoa, đại tỳ-kheo chúng một vạn hai ngàn người cùng nhóm họp, khác hẳn các pháp hội khác! Trong các pháp hội khác, [kinh văn thường]

chép là một ngàn hai trăm năm mươi người, bộ kinh này là một vạn hai ngàn người. Trong đại chúng, có rất nhiều vị đã từng vãng sanh thế giới Cực Lạc, lại trở về. Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh ở nơi đây, các Ngài quay lại, vì sao quay lại? Chính vì nguyện thứ ba mươi lăm này, bốn nguyện của các Ngài là vì chúng sanh. Đặc biệt có duyên phận với chúng sanh trong thế giới này, bản thân các Ngài chưa chứng đến Đẳng Giác, nhưng các Ngài quay lại giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn. Người như vậy rất nhiều, trong hàng xuất gia đã có, mà trong hàng tại gia lại càng nhiều. Tại gia độ chúng sanh càng thuận tiện hơn, biến thành người nhà, quyến thuộc, bằng hữu đến độ quý vị, giúp quý vị sanh khởi tín tâm đối với pháp môn Tịnh Tông, giúp quý vị hiểu rõ ý nghĩa trong kinh, y giáo tu hành, giúp quý vị hành Phổ Hiền đạo, tức là hành mười đại nguyện vương.

Trong quá trình thành lập Tịnh Tông Học Hội, lần trước chúng tôi đã thưa bày đại lược cùng quý vị, nhưng [bài viết trình bày] duyên khởi của Tịnh Tông Học Hội được viết tại Thánh Hà Tây, Gia Châu (San Jose, California) của nước Mỹ, tại một thị trấn nhỏ tên là Khố Phách Đề Nặc (Cupertino). Lúc đó, tôi ở bên ấy, viết ra duyên khởi của Tịnh Tông Học Hội. Trong bài viết về duyên khởi, chúng tôi nêu ra năm khoa mục mà người tu Tịnh Độ nhất định phải nghiêm túc học tập, thực hiện. Năm khoa mục ấy là Tịnh Nghiệp Tam Phước, Lục Hòa Kính, Giới - Định - Huệ Tam Học, Lục Ba La Mật, và Phổ Hiền Thập Nguyện, năm khoa mục như vậy. Thời gian trôi qua rất nhanh, đã hơn hai mươi năm rồi, có hiệu quả hay không? Dường như hiệu quả chẳng rõ rệt. Đồng học tại gia chẳng thể thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, đồng học xuất gia chẳng thể thực hiện Sa Di Luật Nghi, như vậy là vãng sanh sẽ có vấn đề. Chúng tôi cũng nghiêm túc phản tỉnh, vì sao cổ nhân làm dễ dàng dường ấy, mà người hiện thời làm khó khăn dường ấy, làm không được, nguyên nhân ở chỗ nào? Chúng tôi cũng tốn không ít thời gian nghiên cứu vấn đề này, đã tìm được kết luận. Trong đời này, chúng ta chẳng vun bồi cõi rỗi giáo dục, cho nên chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp. Do vậy, chúng tôi bèn nghĩ, trong giáo dục truyền thống Trung Quốc, căn bản giáo dục nào được vun bồi? Ba căn bản Nho, Thích, Đạo. Căn bản của Nho là gì? Luân lý, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Trong quá khứ, lớp tuổi nhi đồng hết sức nghiêm túc học tập những đức mục này. Không có văn tự, nhưng cha mẹ dạy bảo, bậc trưởng thượng trong nhà quý vị dạy dỗ, thân thích, bằng hữu dạy bảo, thậm chí người xa lạ chẳng quen biết, trông thấy quý vị phạm quy củ cũng đều chỉ trích, dạy dỗ, được dưỡng thành từ nhỏ. Trẻ nhỏ thấy nhiều, nghe nhiều, đúng là “tai nghe, mắt nhiễm, trở thành thói quen”, chính mình làm chuyện quấy, bị kẻ khác chỉ trích, bèn tuân phục, cúi đầu, chẳng dám cãi lại. Chúng tôi nghĩ đến vấn đề này, nghĩ sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, xã hội loạn động bất an, mãi cho đến hiện tại vẫn chẳng an định. Vun bồi căn bản giáo dục đều bị coi nhẹ, sơ sót, không chỉ chẳng nhìn thấy, mà cũng chẳng ai nói tới, điều này rất đáng sợ!

Do vậy, trong lúc nhiều người đang nói tới văn hóa truyền thống của Trung Quốc, chúng tôi mới nghiêm túc đưa ra ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, Đệ Tử Quy của Nho gia, Cảm

Ứng Thiên của Đạo gia và Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật gia. Quả thật, trong thời quá khứ, người Trung Quốc từ nhỏ đều biết đến ba căn bản này, đều được giáo dục nên học Phật rất dễ dàng. Mở kinh bôn ra xem, ta thấy *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*, chúng ta chẳng xa lạ chút nào, quay đầu nghĩ lại, đại khái là nói đến chúng ta, ta cũng đáng thuộc trong số đó. Thập Thiện Nghiệp Đạo đã làm được, quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân, Thập Thiện Nghiệp Đạo không làm được, nhân quả trong Cấm Ứng Thiên không biết, quý vị chưa được giáo dục. Có cơ sở Nho và Đạo, chỉ cần tiếp xúc Thập Thiện Nghiệp Đạo liền hiểu rõ, có thể thực hiện. Vì vậy, trong Phật pháp, bất luận xuất gia hay tại gia, nghiêm túc học tập, lẽ nào không thành tựu! Hiện thời, những thứ này bị coi thường, bỏ sót, chẳng có nữa, chẳng có thì sẽ như thế nào? Người ta biết làm việc, nhưng chẳng biết làm người! Phương pháp làm việc đã học, nhưng quy củ làm người chẳng học, con người chẳng biết làm người, xã hội sẽ động loạn. Hiện thời, muốn xã hội an định, muốn xã hội hòa hài, ngoại trừ tìm lại những thứ của tổ tiên, chẳng có biện pháp nào tốt đẹp hơn. Do vậy, chúng tôi vẫn đề xướng Đệ Tử Quy, Cấm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, hàng xuất gia còn có thêm Sa Di Luật Nghi. Chúng ta nghĩ xem trong số những người dạy các môn này trong hiện thời, có ai từ thế giới Cực Lạc trở lại hay không? Tôi nghĩ chắc chắn là có! Những vị Pháp Thân Bồ Tát ấy tới thế gian thị hiện gì vậy? Thị hiện làm giáo viên Tiểu Học; thật đấy, chẳng giả đâu! Đây là ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, nên dùng thân gì để độ được liền hiện thân ấy, chắc chắn là như vậy. *“Tăng sanh Cực Lạc, phi hoàng thế khái, du hóa thập phương, trợ Phật hoàng hóa”* (tăng sanh Cực Lạc, khoác giáp hoàng thế, du hóa mười phương, giúp Phật hoàng hóa) (chúng ta chớ nên khinh dễ, phải tôn trọng, phải lễ kính).

“Nhu thị triển chuyển giáo hóa, triển chuyển độ thoát” (lần lượt giáo hóa, lần lượt độ thoát như vậy), đó là pháp luân thường chuyển, chúng ta nghiêm túc nỗ lực dạy người khác, người khác học được, lại đi dạy kẻ khác nữa. Đặc biệt là trong thời đại hiện tiền, những nơi làm mẫu quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Thiếu những nơi ấy, tuy chúng ta có dạy, tốn thời gian nhiều đến đâu đi nữa, hao tổn tinh thần đến đâu đi nữa, hiệu quả chẳng rõ rệt, vì sao? Người khác chẳng nhìn thấy. Vì thế, nhất định phải có chỗ thí nghiệm, thực hiện trong một phạm vi nhỏ, trong một khu vực nhỏ, hoặc một thị trấn nhỏ, thực hiện một trăm phần trăm, có một nơi như thế. Tôi tin tưởng mọi người chúng ta thật sự phát tâm, Tam Bảo gia trì, nguyện vọng ấy sẽ được thực hiện, sẽ xuất hiện. Dạy bên ngoài, quý vị có tin hay không? Quý vị đến nơi ấy mà xem, hãy đến tham quan. Sau khi họ thấy, chẳng còn hoài nghi nữa, cũng sẽ thật sự làm. Có thể sanh ra hiệu quả hay không, điều này rất trọng yếu! Hiện thời có rất nhiều người đang tu phước trong Phật môn, dựng chùa to miếu lớn, có lợi ích hay không? Trước đây, thầy Lý còn tại thế, thường bảo chúng tôi: *“Hữu miếu vô đạo, bất năng hưng giáo”* (Có chùa, nhưng chẳng có đạo, giáo pháp chẳng thể hưng thịnh). Lão nhân gia cả đời không coi trọng đạo tràng, nên đạo tràng rất sơ sài, cụ coi trọng bồi dưỡng nhân tài. Hiện thời, chúng ta không chỉ phải coi trọng bồi dưỡng nhân tài, mà còn phải coi trọng những tiểu

khu gương mẫu. Tại Tam Trọng, Đài Loan có một con phố, có hai vị thầy vất vả lo toan tại đó suốt mười ba năm, rất có thành tích, nay đã được chánh phủ công nhận. Người thật sự có tâm, thật sự là bậc Bồ Tát từ Tây Phương Cực Lạc thế giới trở lại, thay A Di Đà Phật làm chuyện tốt đẹp, thật sự cứu khổ, cứu nạn, cứu giúp hết thảy chúng sanh, lập ra những chỗ làm gương. Đó là sự nghiệp Bồ Tát, sự nghiệp thần thánh, sự nghiệp nào trong thế gian đều chẳng thể sánh bằng! Trong quá khứ, chúng tôi đã thực hiện tại trấn Thang Trì của huyện Lô Giang ba năm, nay đã chuyển đến nơi đây. Ba năm ở Lô Giang là giáo dục toàn dân, làm thành công, dọn sang bên này, tôi chú trọng bồi dưỡng giáo viên, làm cơ sở huấn luyện thầy trò. Trong tương lai có duyên phận như vậy, tiểu trấn, tiểu khu nào muốn làm, chúng tôi sẽ có giáo viên đến dạy; không có thầy đến dạy sẽ chẳng thành công. Do vậy, chúng tôi đọc đến đoạn này, nghĩ đến những vị thầy tốt đẹp ấy, thật sự thực hiện rồi hy sinh, dâng hiến, vốn là từ thế giới Cực Lạc trở lại, trong quá khứ đã đến thế giới Cực Lạc, nay giúp Phật giáo hóa chúng sanh, xoay vần giáo hóa, xoay vần độ thoát. “*Thị cố kinh trung vô lượng vô biên nhất thiết Bồ Tát, giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (Vì thế, vô lượng vô biên hết thảy các vị Bồ Tát trong kinh đều tuân theo đức của Phổ Hiền đại sĩ). Có phải là từ thế giới Cực Lạc quay lại hay không? Từ câu nói ấy, quý vị sẽ thấy được tin tức. Câu nào vậy? “*Giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức*”. Nếu từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đến, người ấy chắc chắn có tập khí này, không cần ai phải dạy, chính người ấy thể hiện lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường, sám trừ nghiệp chướng, hiển thị ra, tự nhiên làm cho quý vị thấy, thật đấy, chẳng giả đâu!

Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới: “*Cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung. Thượng lương cú sơ tán chư đại sĩ chi thật đức*” (Đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy các pháp công đức. Hai câu trên khen ngợi thật đức của Đại Sĩ). Hai câu này nói chung về các vị đại Bồ Tát, họ có công đức chân thật, trọn đủ vô lượng hạnh nguyện. Vô lượng hạnh nguyện là mười đại nguyện vương được mở rộng, khuếch trương, giống như các vị đại Bồ Tát đã mở rộng Thập Thiện Nghiệp Đạo thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Tám vạn bốn ngàn tế hạnh của Bồ Tát quy nạp thành Thập Thiện Nghiệp, ở đây cũng là mười điều của Phổ Hiền, mở rộng thành vô lượng vô biên hạnh nguyện. “*Vô lượng giả, kỳ đa, kỳ đại, vô pháp xưng lượng, cố danh vô lượng*” (vô lượng là nhiều, lớn, chẳng có cách nào đo lường, nên gọi là vô lượng). Trong Nhiếp Đại Thừa Luận Thích có nói, Thích (釋) là giải thích, “*bất khả dĩ thí loại đắc tri vi vô lượng*” [nghĩa là] chẳng có cách nào dùng tỷ dụ để sánh ví mà hòng biết được thì gọi là “vô lượng”. Giải thích hai chữ này! “*Hạnh vị Lục Độ, Tứ Nhiếp đẳng đại hạnh*” (“Hạnh” là các đại hạnh như Lục Độ, Tứ Nhiếp v.v...). Bồ Tát biểu hiện cho chúng ta thấy, nhằm khẳng định những điều ấy, làm cho chúng ta xem. Bọn phàm phu chúng ta có tâm hạnh tương phản, Bồ Tát thích bố thí, phàm phu ưa tích trữ. [Phàm phu] tích trữ những thứ không mang theo được, còn Bồ Tát thì thứ gì không mang theo được đều bố thí hết. Phàm phu chuộng làm ác, Bồ Tát chuộng trì giới. Bố thí độ keo tham, trì giới độ

ác nghiệp, nhẫn nhục độ sâu khuể, tinh tấn độ giải đãi, Thiên Định độ tán loạn, trí huệ độ ngu si, Bồ Tát dùng sáu điều này để tự độ, độ người khác.

Tứ Nhiếp Pháp là phương thức tiếp dẫn chúng sanh, nói theo cách bây giờ, chúng là các cách thức để Bồ Tát giao tiếp công chúng. Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh như thế nào? Ngài có bốn phương pháp:

1) Phương pháp thứ nhất là Bố Thí. Bố thí ở đây khác với Bố Thí trong Lục Độ, bố thí ở đây là gì? Mời khách nhiều, tặng quà nhiều, người thế gian chúng ta thường nói là “*lễ đa, nhân bất quái*” (lễ nhiều, người ta chẳng trách). Bồ Tát thật sự dùng phương pháp như thế, tặng quà nhiều, mời khách nhiều, tạo dựng cảm tình. Sau khi đã tạo dựng quan hệ tốt đẹp rồi, sẽ dễ nói chuyện.

2) Ái Ngữ là lời lẽ tốt đẹp thật sự quan tâm, thuốc hay đắng miệng, thật sự có thể nói lời chân tâm với họ.

3) Lợi Hành là hành vi của Bồ Tát nhất định có lợi cho chúng sanh.

4) Cuối cùng là Đồng Sự, hết sức lỗi lạc, hăng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Bồ Tát có trí huệ, Bồ Tát có thần thông. Dầu quý vị có ác hạnh, Ngài vẫn có thể tùy thuận, trong tùy thuận sẽ uốn nắn quý vị, khiến cho quý vị giác ngộ, quay đầu là bờ.

Trong Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư đã giảng Tứ Đức, đó là Tánh Đức, là đại căn đại bản của đức hạnh Bồ Tát. Giống như bản nguyện của A Di Đà Phật và bản nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, đó là đại căn đại bản. Thứ nhất là “*tùy duyên diệu dụng*”, thứ hai là “*oai nghi có pháp tắc*”, oai nghi có pháp tắc là nêu gương tốt cho người ta thấy, chớ nên nêu gương xấu, phải nêu gương tốt. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều phải nêu bày dáng vẻ tốt đẹp, dáng vẻ ấy tương ứng với Tánh Đức, tại Trung Quốc chắc chắn phải là dáng vẻ tốt đẹp tương ứng với hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nhân ái, hòa bình. “*Nhu hòa chất trực*”, đây là thái độ biểu hiện trong tiếp xúc với đại chúng, một niềm hoan hỷ, tâm địa chân thành, biểu lộ ra ngoài một niềm hoan hỷ. “*Đại chúng sanh khổ*” (chịu khổ thay cho chúng sanh), chúng ta có thể biểu diễn đại nguyện chịu khổ thay cho chúng sanh rất khá, có thể làm rất tốt, thật sự giúp nhiều chúng sanh quay đầu là bờ. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

Tập 100

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười sáu, xem dòng thứ năm từ dưới đếm lên, chúng ta đọc từ chỗ ấy:

“*Cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung. Thượng lương cú sơ tán chư đại sĩ chi thật đức. Vô lượng giả, kỳ đa, kỳ đại, vô pháp xưng lượng*” (Đây đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy các pháp công đức. Hai câu này khen ngợi thật đức của Đại Sĩ. Vô lượng là nhiều, lớn, chẳng có cách nào đo lường), nói không được, “*có danh vô lượng. Nhiếp Đại Thừa Luận Thích vân: Bất khả dĩ thí loại đắc tri*” (nên gọi là vô lượng. Nhiếp Đại Thừa Luận Thích nói: “Chẳng thể dùng thí dụ, so sánh để biết được”). [Thông thường], do thí dụ sẽ có thể biết được, nhưng [ở đây] vẫn chẳng có cách nào thí dụ sao cho thích hợp nên gọi là Vô Lượng. Vô lượng hạnh nguyện, “*Hạnh vị Lục Độ, Tứ Nhiếp đẳng đại hạnh*” (Hạnh là các đại hạnh như Lục Độ, Tứ Nhiếp v.v...), trong phần trước chúng tôi đã trình bày rồi. “*Nguyện vị Tứ Hoàng Thệ dữ thập đại nguyện đẳng thắng nguyện*” (Nguyện là các nguyện thù thắng như Tứ Hoàng Thệ Nguyện và mười đại nguyện v.v...), Tứ Hoàng Thệ Nguyện là tổng nguyện (nguyện chung) của hết thảy chư Phật, Bồ Tát trong giáo pháp Đại Thừa, chỉ nói bốn câu, nhưng bốn câu đã bao gồm toàn bộ vô lượng đại nguyện trong lúc tu nhân của hàng Bồ Tát. Nguyện thứ nhất là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, nói theo cách bây giờ, chữ Độ (度) này là giúp đỡ, góp sức thành tựu họ. Chúng sanh vô lượng vô biên, trong kinh giáo đã nói: “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*” (trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai). Chắc chắn Phật, Bồ Tát chẳng bỏ qua bất cứ một ai, bất cứ chúng sanh nào, vì sao? Các vị Bồ Tát biết hết thảy chúng sanh và chính mình là một Thể, so với “một nhà” còn thân thiết hơn. Một chúng sanh bị khổ, chịu nạn, há có thể bỏ qua? Đã là một chúng sanh cũng chẳng bỏ qua, hiện thời chúng sanh khổ nạn nhiều ngàn ấy, vì sao Phật chẳng độ họ? Chúng ta nhất định phải hiểu điều này, trong kinh đã có giải thích: “*Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt*” (tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt). Ý nghĩa của “ba thứ chẳng sai biệt” rất rộng, chẳng phải chỉ có một ý nghĩa. Cách giải thích thứ nhất là ba điều ấy bình đẳng, một mà ba, ba mà một, chúng sanh, Phật, tâm là một chuyện, chẳng phải là ba chuyện, mà là một, chẳng phải là ba. Cách giải thích thứ hai là sức của ba thứ ấy bằng nhau. Nghiệp lực của chúng sanh, nguyện lực của chư Phật và sức mạnh của tâm là bình đẳng. Tâm là Thể, Phật và chúng sanh đều là tác dụng, một đẳng là tác dụng chánh diện, Phật là chánh diện, một

đẳng là tác dụng phản diện, chúng sanh là tác dụng phản diện. Cũng có thể nói, Phật là tác dụng thiện, chúng sanh là tác dụng bất thiện, sức mạnh bằng nhau. Do vậy, chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Tội nghiệp của chúng sanh chẳng tiêu trừ, sức mạnh của Phật chẳng tăng thêm, sức mạnh của tâm cũng chẳng tăng thêm. Tâm, Phật, chúng sanh, nghiệp lực bất thiện của chúng sanh ắt phải tiêu trừ thì sức mạnh của Phật mới giúp được. Tâm chẳng có thiện hay ác, nó là bản thể, nhưng bất luận là chân hay vọng, đều là từ Thể khởi lên tác dụng. Tâm tùy duyên, có thể thuận theo duyên nhiễm hay tịnh; chúng sanh tạo tội nghiệp, nó bèn thuận theo duyên nhiễm hiện ra lục đạo luân hồi, hiện ra quả báo trong tam đồ, nó tùy duyên. Chư Phật, Bồ Tát đoạn ác, tu thiện, tích công, lũy đức, nó cũng tùy duyên. Thế giới Hoa Tạng là tâm tùy duyên, thế giới Cực Lạc cũng là tâm tùy duyên, nó có thể thuận theo duyên nhiễm hay tịnh, chưa hề có khởi tâm động niệm. Vì thế, đức Phật mới nói: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, chữ “*tâm tưởng*” chỉ ý niệm của chúng ta, người hiện thời gọi là “*tâm thái*”, nó làm chủ, chủ tể thiên biến vạn hóa, có ý nghĩa như thế đó.

Do vậy, nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là bản nguyện độ chúng sanh, là thật, chẳng giả. Quả thật, trong cửa nhà Phật chẳng bỏ một ai. Phật, Bồ Tát đối với hết thấy chúng sanh bình đẳng, nghiệp chưa tiêu trừ, bèn giúp kẻ ấy tiêu trừ nghiệp chướng. Tiêu trừ nghiệp chướng lại chẳng thể miễn cưỡng, phải hằng thuận chúng sanh, khi nào chúng sanh giác ngộ, ngộ có tiểu ngộ và đại ngộ, đẳng cấp khác biệt rất nhiều. Đối với chúng sanh chưa giác ngộ, Bồ Tát luôn dùng thiện xảo phương tiện giúp họ giác ngộ. Sau khi họ bắt đầu giác ngộ, vẫn dùng thiện xảo phương tiện giúp họ nâng cao, hy vọng họ giác ngộ càng sâu rộng hơn mãi cho tới lúc viên mãn. Chúng ta thường gọi viên mãn là “*thành Phật*”, thành Phật là viên mãn, đây là nguyện độ chúng sanh. Nói đúng ra, [Tứ Hoằng Thệ Nguyện] thật sự là nói đến một nguyện này, ba nguyện sau là để hoàn thành chuyện này. Ngày nay, chúng ta cũng phát nguyện này, nguyện đã phát, nhưng chẳng có năng lực giúp chúng sanh; vì thế, ba nguyện sau nhằm thành tựu chính mình. Quý vị thấy: Dạy người khác là dạy chính mình trước, độ chúng sanh cũng là độ chính mình trước. Chưa độ được mình mà có thể độ người, chẳng có lẽ ấy! Kinh Phật thường nói “*chẳng có đạo lý ấy*”. Nếu quý vị muốn giúp người khác, nhất định phải thành tựu chính mình trước. Do vậy, điều thứ hai là “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”, phải đoạn trừ tập khí phiền não, đoạn trừ là gì? Thành tựu đức hạnh của chính mình, điều này rất trọng yếu. Xưa nay, trong ngoài nước, trong sự giáo dục của thánh hiền, đức hạnh luôn được đặt hàng đầu. Nếu người nào chẳng có đức hạnh, kẻ ấy ngu si chút nào càng tốt chút ấy, do chẳng tạo tội nghiệp to lớn. Nếu kẻ ấy thông minh, hấn sẽ hại người, làm hại rất nhiều. Vì thế, giáo dục phẩm đức được đặt hàng đầu!

Phẩm đức đã thành tựu, nguyện kế tiếp là “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”, đây là nói tới yêu cầu phải có tri thức và trí huệ. Thiếu tri thức, thiếu trí huệ, chẳng thể giúp mình, mà cũng chẳng thể giúp người. Nguyện cuối cùng, trí huệ và học thuật đều phải đạt đến rốt ráo viên mãn, quý vị mới có thể phổ độ chúng sanh. Cho nên nguyện cuối là “*Phật đạo vô*

thượng thế nguyện thành”, thành Phật là giống như hiện nay chúng ta đi học đạt được học vị cao nhất là học vị Tiến Sĩ. Phật, Bồ Tát, A La Hán là các danh xưng học vị trong Phật môn; học vị cao nhất là Phật Đà, học vị hạng hai là Bồ Tát, học vị hạng ba là A La Hán. A La Hán đã giác ngộ, tiểu ngộ, Bồ Tát đại ngộ, Phật là đại triệt đại ngộ, chuyện là như thế đó. Chúng ta phải biết kiến thức Phật học thông thường này. Do vậy, biết chúng ta phải phát Tứ Hoàng Thế Nguyện này, vì sao? Nguyện là động lực. Tập khí phiền não của chúng ta rất nặng, vì sao phải đoạn phiền não? Chẳng phải vì chính mình, mà vì giúp đỡ hết thảy chúng sanh, sức mạnh ấy rất lớn! Ta đoạn phiền não sớm một ngày, sẽ giúp chúng sanh sớm một ngày, chúng sanh được lợi ích sớm một ngày, chẳng phải vì chính mình. Vì chính mình thì lười biếng một chút vẫn chẳng sao, ta chậm một hai năm, hoặc chậm trễ một hai kiếp chẳng sao! Quý vị thấy chúng sanh khổ nạn nhiều ngàn ấy, há nỡ lòng nào! Vì thế, đây là động lực đại từ đại bi thúc đẩy, nguyện lực thúc đẩy, hy vọng chính mình ngay lập tức buông tập khí phiền não xuống.

Sau khi buông xuống mới có thể thành tựu pháp môn, trí huệ mới có thể thành tựu. Nếu chẳng buông tập khí phiền não xuống mà quảng học đa văn thì những gì quý vị học tập toàn là tri thức, chẳng phải là trí huệ, trí huệ và tri thức khác biệt ở chỗ này. Trong tri thức chẳng có tập khí phiền não, nó sẽ là trí huệ; nếu vẫn mang tập khí phiền não thì là tri thức. Bởi lẽ, tri thức chỉ có thể giải quyết vấn đề cục bộ, chắc chắn còn có hậu quả! Trong xã hội hiện thời, chúng ta thấy rất rõ ràng! Có người nói xã hội hiện thời là xã hội tri thức bùng nổ, chẳng sai chút nào, ai nấy đều đang cầu tri thức, nhưng chẳng biết đến luân lý, đạo đức. Cũng có người nói con người hiện thời biết làm việc, nhưng chẳng biết làm người, lời này có lý! Không biết hiếu thuận với cha mẹ, không biết tôn kính tôn trưởng, thậm chí kẻ làm cha mẹ còn trẻ tuổi chẳng biết dạy dỗ con cái ra sao, đây là tập khí phiền não chưa đoạn. Trung Quốc từ xưa tới nay, bất luận là giáo dục gia đình (trước đây tự thực là gia giáo), giáo dục trong nhà trường, hay trong xã hội, đều đặt luân lý, đạo đức vào vị trí hàng đầu. Luân lý, đạo đức là “*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”, xếp nó vào vị trí thứ nhất. Người thiếu tri thức chẳng sao, biết làm người, biết hiếu, đễ, trung, tín, biết lễ nghĩa, liêm, si, nhân ái, hòa bình, kẻ ấy là người tốt, chẳng tạo tội nghiệp. Dẫu kẻ ấy chẳng có cống hiến cho quốc gia, xã hội, nhưng chẳng gây tổn hại, quý vị nghĩ xem: Giáo dục rất trọng yếu! Sau khi đã có cơ sở ấy, lại cầu tri thức, tri thức là trí huệ. Trong Phật pháp gọi đoạn sạch tập khí phiền não là Căn Bản Trí, trí huệ của quý vị có căn bản rồi, giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả là căn bản; toàn bộ tri thức do cầu được sẽ biến thành trí huệ, gọi là Hậu Đắc Trí. Tác dụng của Hậu Đắc Trí là thiện xảo phương tiện. Chẳng dùng trí huệ ấy để cầu lợi ích cho chính mình, mà dùng để mưu cầu phước lợi cho hết thảy chúng sanh, đây là chuyện tốt đẹp; nhưng nếu chưa thành Phật, đức hạnh và trí huệ quý vị sẽ chưa đạt tới viên mãn. Chưa đạt tới viên mãn, quý vị độ chúng sanh sẽ không viên mãn, vì sao? Quý vị chỉ có thể giúp kẻ có phước huệ thấp hơn quý vị, quý vị có thể giúp họ, chứ đối với kẻ có phước huệ cao hơn chính mình, quý vị sẽ chẳng thể giúp được. Vì thế, phát nguyện muốn thành Phật, thành Phật có thể giúp Đẳng Giác Bồ Tát, chỉ có

thành Phật mới có thể giúp họ. Chưa thành Phật, không giúp được Đẳng Giác Bồ Tát. Quý vị là Đẳng Giác Bồ Tát, không thể giúp Đẳng Giác Bồ Tát. Nếu quý vị là Thập Địa Bồ Tát thì kể cả Thập Địa lẫn Đẳng Giác quý vị đều chẳng giúp được! Đó là đại ý của Tứ Hoàng Thệ Nguyên, nhất định phải cầu đạt đến rốt ráo viên mãn, người Trung Quốc nói “hoàn mỹ” thì hoàn mỹ là chẳng khuyết điểm, đạt đến Phật Đà mới chẳng có khuyết điểm, chứ Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn thua một bực.

“*Dữ thập đại nguyện đẵng*” (và mười đại nguyện v.v...), mười đại nguyện đã nói đại lược trong phần trước. “*Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện đẵng*”, “*đẵng*” là nói tới những thứ khác, như bốn mươi tám nguyện do ngài Pháp Tạng đã phát trong hội này, hoặc các vị Bồ Tát trong khi tu nhân đã phát ra vô lượng vô biên đại nguyện thù thắng. “*Nguyện dĩ đạo hạnh, hạnh dĩ mãn nguyện*” (nguyện để hướng dẫn hạnh, hạnh nhằm mãn nguyện), nguyện nhằm dẫn dắt quý vị tu hành. Nếu chẳng nguyện, quý vị tu hành chẳng thể thành tựu. Vì sao? Chẳng có phương hướng, thiếu mục tiêu. Giống như lái thuyền trong biển cả, chẳng có phương hướng, chẳng có mục tiêu, chúng ta biết là rất nguy hiểm. Không chỉ chẳng đạt được mục đích, mà còn gặp nguy hiểm tột cùng bất cứ lúc nào. Thật đấy, chẳng giả đâu! Vì thế, con người chẳng thể không có nguyện, trong Phật pháp gọi là “nguyện”, tại Trung Quốc, thế tục thường nói đến “chí”. Người chẳng thể không có chí; vì thế, chí và nguyện thường được gộp chung, nhà Phật gọi là Nguyện. Hết thầy chư Phật, Bồ Tát có chung một nguyện độ chúng sanh, phổ độ chúng sanh. “*Phổ*” có nghĩa là bình đẳng, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, mang ý nghĩa bình đẳng. Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, vì sao? Nhằm giúp đỡ hết thầy chúng sanh khổ nạn. Trong các hành động giúp đỡ, có một nguyên tắc bất biến, đó là “giúp chúng sanh phá mê khai ngộ”, điều này rất trọng yếu! Phật, Bồ Tát biết tất cả hết thầy khổ nạn và quả báo của chúng sanh, căn nguyên của quả báo bất thiện là do mê mất bản tánh, mê chứ không giác, đó là cội nguồn chung, căn cội của hết thầy khổ nạn và quả báo. Phật, Bồ Tát giáo học từ chỗ này, nắm vững từ căn bản thì mới có thể sanh ra hiệu quả thù thắng. Vì thế, cứu khổ cứu nạn là giúp chúng sanh phá mê, khai ngộ. Như vậy là chúng ta hiểu rõ, thủa tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học, mỗi ngày [đều dạy] chẳng gián đoạn, chỉ cần gặp Ngài đều là người có duyên. Gặp một người bèn dạy một người, gặp hai người bèn dạy hai người. Ngài dạy học chẳng câu nệ thời gian, cũng chẳng có nơi chốn nhất định, bất luận chỗ nào, bất luận lúc nào, hễ gặp gỡ, Ngài bèn dạy. Bậc thầy như vậy, xưa nay rất ít thấy người nhiệt tâm dường ấy, vì sao? Ngài biết quan hệ giữa người khác và chính mình. Đó là luân lý nhà Phật, luân lý cũng được giảng đến mức viên mãn. Hết thầy chúng sanh và ta là một Thể. [Đã là] một Thể thì gặp người khác, kẻ ấy đã mê, tạo tác bất thiện, há lẽ nào chẳng dạy? Không chỉ phải dạy, mà còn nhất định phải giúp cho kẻ ấy giác ngộ, đó là “chẳng bỏ một ai”. Vì thế, nguyện trọng yếu vô cùng. Nguyện chánh xác, phương hướng mục tiêu chánh xác thì hạnh của chúng ta chánh đáng, tư tưởng, lời lẽ, và hành vi đều chánh đáng. Tư tưởng, lời lẽ, hành vi bất chánh, nói cách khác, [nguyên nhân là do] chí nguyện chẳng lập, chí

nguyện chẳng kiên cố, nên tư tưởng và hành vi của kẻ ấy trong [cuộc sống] hằng ngày mới có lệch lạc.

Hạnh nhằm mãn Nguyên, nhất định phải tu hành thì mới có thể thỏa mãn nguyện vọng của quý vị. Chúng ta muốn đoạn phiền não, phải học pháp môn. Phiền não chẳng đoạn, học pháp môn bằng cách nào? Pháp môn nhất định phải giúp quý vị đoạn phiền não, vì sao? Trong giai đoạn này, đoạn phiền não là chủ yếu. Phiền não chẳng đoạn, pháp môn chẳng thể thành tựu. Phương pháp đoạn phiền não và học pháp môn vô lượng vô biên, “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”, vô lượng, vô biên; nhưng để đoạn phiền não, chỉ có thể chọn lựa mấy thứ trong vô lượng vô biên pháp môn, không thể quá nhiều, nhiều quá lại chuốc lấy một đống lớn phiền não! Không chỉ chẳng đoạn được, mà ngược lại [phiền não] còn tăng trưởng. Hiện tượng như thế rất phổ biến, xưa nay trong ngoài nước đều có, chẳng phải là ngoại lệ. Do vậy, đọc tụng Đại Thừa cũng là một pháp môn trong tám vạn bốn ngàn pháp môn. Ta đọc tụng nhằm mục đích nào? Chẳng phải là pháp môn vô lượng thế nguyện học, không nhằm mục đích này, mà nhằm giúp ta đoạn phiền não. Phiền phức lớn nhất trong các phiền não là vọng niệm và vọng tưởng. Quý vị thấy đó, niệm trước diệt, niệm sau sanh, tuyệt đối chẳng thể ngưng dứt, đương nhiên càng chẳng thể đoạn dứt. Vọng niệm toi bờ, cả đồng ý niệm bất thiện, dùng phương pháp gì? Vô lượng pháp môn quy nạp lại chỉ có mấy thứ, trì giới là một phương pháp, tu Định là một phương pháp, tác Quán là một phương pháp, đó là Chỉ Quán, niệm Phật là một phương pháp, đọc kinh cũng là một phương pháp. Đọc kinh phải đọc như thế nào? Dùng phương pháp đọc kinh để chấm dứt vọng niệm. Không đọc kinh, vọng niệm rất nhiều. Đọc kinh nhằm tập trung cái tâm một chỗ, chế tâm nhất xứ. Cũng là nói “buông xuống tất cả ý niệm, cung kính niệm bộ kinh này”. Như kinh Vô Lượng Thọ, tốc độ không nên quá nhanh, mà cũng đừng quá chậm, phải khiến cho vọng tưởng chẳng xâm nhập, nhằm mục tiêu này. Ta đọc kinh này từ đầu đến cuối một lần, đại khái phải từ một giờ rưỡi đến hai giờ, đây là quý vị tu hành một tiếng rưỡi hoặc tu hai giờ. Đọc kinh là đoạn phiền não, nhất định phải hiểu mục tiêu này. Do vậy, sau khi đọc một bộ kinh, vọng niệm cũng chẳng có, công phu khá lắm! Đọc một bộ kinh, trong hai tiếng đồng hồ chẳng khởi một vọng niệm, công phu tốt đẹp lắm. Hai tiếng đồng hồ chẳng khởi một vọng niệm, nói thông thường, phải huấn luyện bao lâu? Đại khái huấn luyện từ ba năm đến năm năm mới có thể đạt tới trình độ này. Vì thế, niệm một bộ kinh, khởi lên mười hoặc hai mươi vọng tưởng là bình thường. Muốn đạt đến mức khởi hai, ba vọng tưởng ước chừng phải mất ba năm công phu, chẳng có ba năm công phu, sẽ chẳng làm được. Có thể khởi một vọng tưởng, đại khái phải đến năm năm công phu. Tâm quý vị đã định, định lâu sẽ khai trí huệ, phương pháp đọc tụng là như vậy.

Đọc tụng quyết định không nên nghĩ trong kinh có ý nghĩa gì, vì quý vị vừa nghĩ tới ý nghĩa thì ý nghĩa là vọng tưởng, vọng tưởng lại xâm nhập rồi. Chỉ niệm, chẳng có ý nghĩa gì, dùng cách này để dứt vọng tưởng. Niệm Phật, tu Định, trì giới đều dùng phương pháp này,

mục tiêu tương đồng, dụng ý như nhau. Vì thế, phương pháp đọc tụng này đối với phần tử tri thức hữu hiệu nhất, nhiều năm qua tôi sử dụng biện pháp này. Tôi niệm Phật không được, niệm Phật suốt ngày cả một vạn tiếng Phật hiệu, vẫn cứ khởi vọng tưởng y như cũ, nhưng xem kinh hoặc đọc kinh thì được; vì thế, đây là do căn tánh của mỗi cá nhân khác nhau. Lúc mới học cũng có thể thử xem, trì chú, trì giới đều có thể thử xem phương pháp nào thích hợp với chính mình, sử dụng rất thuận tiện, chính mình cũng rất ưa thích, bèn dùng phương pháp ấy. Vì thế, hiện thời mỗi ngày, thông thường vào lúc ít khách, thời gian đọc kinh của tôi sẽ chẳng ít hơn bốn giờ đồng hồ, dùng phương pháp này để đoạn ý niệm của chính mình. Trọn chẳng nghĩ đến ý nghĩa trong kinh, hề nghĩ sẽ là cầu giải, đó là một pháp môn khác. Hiện thời tôi đọc kinh, mục đích của tôi là nhằm tu Định, nhằm ngưng dứt vọng niệm, công phu ở chỗ này. Nghiên cứu cầu giải, một mặt nâng cao cảnh giới của chính mình, giúp cho Chỉ Quán của chính mình, triết học hiện thời gọi Chỉ Quán là vũ trụ quan và nhân sinh quan, nâng cao cảnh giới của chính mình về phương diện ấy. Mặt khác, chúng tôi chia sẻ tâm đắc trong học tập với đại chúng, cũng giúp cho mọi người có thể liễu giải nghĩa lý của kinh. Sau khi liễu giải, biết chính mình mỗi ngày phải sống như thế nào, đó là tu hành, tu hành là cuộc sống. Nói cách khác, chúng ta chẳng sống cuộc đời lục đạo luân hồi, chúng ta ở nơi đây (trong lục đạo) mà sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát, có thể đạt tới thanh lương, tự tại, người thế gian gọi [cuộc sống ấy] là “hạnh phúc mỹ mãn”. Cuộc sống của Phật, Bồ Tát là hạnh phúc mỹ mãn. Nói cách khác, dùng kinh điển để chỉ đạo chúng ta sống như thế nào, mang ý nghĩa này. Do vậy, Hạnh mới có thể mãn Nguyên. Dùng một chữ Hạnh để bao gồm hành vi sai lầm của chúng ta, bao gồm tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, tạo tác. Nương theo kinh giáo để uốn nắn, sửa đổi cách nghĩ lầm, thấy trật, nói sai, làm quấy, đó là tu hành. Tu hành ở chỗ nào? Tu hành trong hết thấy thời, hết thấy chỗ. Thật vậy, tu nơi khởi tâm động niệm, đó là cội rễ của Hạnh. Khởi tâm động niệm thiện, ngôn hạnh của quý vị chắc chắn là thiện. Khởi tâm động niệm bất thiện, ngôn hạnh đương nhiên sẽ bất thiện, căn nguyên của nó là ý niệm. Vì thế, Hạnh nhằm mãn Nguyên. “*Hạnh như túc, nguyện như mục, hổ tương y trì*” (Hạnh như chân, Nguyên như mắt, nương tựa lẫn nhau), đây là nói về mối quan hệ giữa Hạnh và Nguyên, Nguyên lãnh đạo quý vị, chỉ dẫn quý vị phương hướng và mục tiêu chánh xác, quý vị mới có thể đạt đến.

“*Cụ túc*”, trong kinh Phật thường dùng hai chữ này. Ở đây, giải thích ý nghĩa hai chữ này rất hay, “*viên mãn vô dư*”, [nghĩa là] viên mãn, chẳng khiếm khuyết mảy may nào, đó là “*cụ túc*”, “*cụ túc*” có nghĩa là viên mãn. “*Hạnh Nguyên Phẩm vân*”, [nghĩa là] trong phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên có nói, “*văn thử nguyện vương*” (nghe nguyện vương này), quý vị nghe mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, đại khái quý vị cũng có thể hiểu rõ ý nghĩa của mười điều ấy, “*đọc, tụng, thư tả*” (đọc, tụng, biên chép), đều là công phu. Đối trước kinh điển để niệm là Đọc (讀), Tụng (誦) là niệm thuộc lòng, niệm rất thuộc, không cần xem kinh cũng có thể đọc thuộc lòng, đó là Tụng. Ngoài đọc tụng ra là biên chép, nay chúng

ta gọi là “*mặc tả*” (默寫: chép thuộc lòng), nhưng khi viết có thể nhìn vào kinh bản để chép thì chúng ta gọi là “*sao kinh*” (抄經), không xem kinh để viết thì gọi là “*mặc tả*”. “*Thư tả*” là hai loại này. “*Thị chư nhân đặng, v nhất niệm trung, sở hữu hạnh nguyện giai đắc thành tựu*” (Những người ấy trong một niệm, tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu). Quý vị hãy suy nghĩ mấy câu này, nếu chúng ta chẳng nhất tâm xưng niệm, sẽ chẳng có hiệu quả ấy! Kinh Di Giáo nói “*ché tâm nhất xứ*”, nhất tâm xưng niệm và ché tâm nhất xứ có cùng một ý nghĩa, người thế gian chúng ta nói là “chuyên tâm”. Khi tụng niệm công khóa, khi tu hành, tâm vô nhị niệm, kinh văn [hiển hiện] rõ ràng, minh bạch trong tâm của chính mình. Trong khi ấy, mười nguyện này, nguyện nào cũng đều trọn đủ, đều được thành tựu. Trong một nguyện, viên mãn chín nguyện khác, nguyện nào cũng là như thế, quý vị thấy mười nguyện biến thành một trăm nguyện. Do vậy, [mỗi đời trong ba đời] đem phối hợp với ba đời, quá khứ, hiện tại, tương lai, lại thành cửu thế. Cửu thế là nói theo thời gian, [tức là] đời quá khứ của quá khứ, đời hiện tại của quá khứ, đời vị lai của quá khứ, đời quá khứ của hiện tại, đời hiện tại của hiện tại, đời vị lai của hiện tại; đời vị lai của vị lai, đời hiện tại của vị lai, đời quá khứ của vị lai. Quý vị chia ra như vậy, [cửu thế cộng với “tam thế” ban đầu sẽ thành “thập thế”, mỗi thế có mười nguyện nên] mười nguyện sẽ biến thành một ngàn nguyện. Do lý do đó, mười điều thiện của Bồ Tát có thể lần lượt biến thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, do từ chỗ này mở rộng ra. Mười nguyện Phổ Hiền đương nhiên cũng là tám vạn bốn ngàn tế hạnh, lại mở rộng ra, đúng là vô lượng, vô biên, vô số, vô tận, “*một tức là nhiều, nhiều tức là một*”, đây là câu nói tổng kết trong kinh Hoa Nghiêm. Đều ở trong một niệm tâm, niệm niệm như vậy, chẳng thể nghĩ bàn!

“*Thử chánh hiển tòng quả hương nhân, dĩ Di Đà chi thiện xảo phương tiện gia trì hồi hướng, thành tựu vô lượng siêu xuất Thập Địa chư thánh chi hạnh nguyện*” (Điều này chỉ rõ từ quả hương về nhân, dùng phương tiện thiện xảo của Phật Di Đà để gia trì hồi hướng thành tựu vô lượng hạnh nguyện vượt trội các vị thánh trong Thập Địa). Đoạn kinh văn ngắn này trong phẩm Hạnh Nguyện cho thấy Như Lai từ quả hương đến nhân. Phổ Hiền Bồ Tát đã chứng đắc quả vị rốt ráo, thuộc địa vị Diệu Giác, thị hiện thân phận Đẳng Giác Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm. Đẳng Giác Bồ Tát là nhân vị (địa vị tu nhân), Diệu Giác là quả vị (địa vị chứng quả). Nói cách khác, chúng sanh có cảm, tự tánh Thường Tịch Quang có ứng, tướng của Ứng Thân ấy là Đẳng Giác Bồ Tát. Đó là “*từ quả hương đến nhân*”, người Hoa gọi [chuyện này] là “*thả chiếc bè Từ*”. Ngài quay lại, dần dần tiến lên cao hơn; nay Ngài lui lại, lui lại để giúp đỡ chúng ta. Nếu Ngài không lui xuống, cứ trụ trong địa vị ấy, chúng ta sẽ không thể tiến lên. Ngài đến đi tự do, chúng ta chẳng tự do, nên Ngài cần phải lui xuống giúp đỡ chúng ta, giúp bằng cách nào? Quý vị thấy, Phổ Hiền Bồ Tát dùng thiện xảo phương tiện của Phật Di Đà để gia trì, hồi hướng, thả chiếc bè Từ, vẫn xin A Di Đà Phật dùng thiện xảo phương tiện nơi bốn nguyện gồm bốn mươi tám nguyện để gia trì, hồi hướng, đây là biểu diễn cho chúng ta thấy. Chúng ta trông thấy, hiểu rõ, có nên nương tựa A Di Đà Phật hay

không? Đã chúng đắc địa vị Diệu Giác, quay trở lại thị hiện như vậy, chẳng có chi khác, chỉ nhằm khuyến cáo chúng ta nhất định phải nương cây A Di Đà Phật. A Di Đà Phật ở chỗ nào? Một bộ kinh này là A Di Đà Phật, phải hiểu điều này. Chúng ta mỗi ngày cúng dường tượng A Di Đà Phật, mỗi ngày đốt hương, dập đầu lạy lục cầu Ngài phù hộ, đó là mê tín, như vậy là có lỗi với A Di Đà Phật, coi A Di Đà Phật như thần tiên, sai lầm rồi! Thờ hình tượng nhằm ý nghĩa gì? Thờ tượng để nhắc nhở chúng ta thường nghĩ đến kinh Vô Lượng Thọ. Giáo huấn của A Di Đà Phật dành cho chúng ta hoàn toàn ở trong bộ kinh điển này, nghe danh hiệu liền nghĩ đến kinh điển, thấy hình tượng cũng phải nghĩ đến kinh điển, tác dụng ở chỗ này. Thời khắc khắc dùng hình tượng để nhắc nhở chúng ta, dạy chúng ta niệm niệm chớ quên. Người học Phật thờ hình tượng Phật, Bồ Tát là do ý nghĩa ấy. Phải biết điều này; nếu không, sẽ là làm chuyện mê tín. Vì sao người học Phật chúng ta thờ hình tượng Phật nhiều như thế? Tánh Đức của chúng ta vô lượng vô biên, [nếu chỉ] dùng một danh hiệu, một hình tượng, sẽ chẳng có cách nào hiển thị Tánh Đức viên mãn của chúng ta.

Do vậy, A Di Đà Phật đại diện kinh Vô Lượng Thọ, Quán Thế Âm Bồ Tát đại diện phẩm Phổ Môn, Phổ Hiền Bồ Tát đại diện phẩm Hạnh Nguyện, Văn Thù Bồ Tát đại diện kinh Bát Nhã, Địa Tạng Bồ Tát đại diện kinh Bồ Nhị Nguyện, chúng ta trông thấy hình tượng các Ngài bèn nghĩ đến giáo huấn trong các bộ kinh điển ấy. Các kinh điển ấy dạy gì? Kinh Vô Lượng Thọ biểu thị đại viên mãn, Quán Âm Bồ Tát biểu thị từ bi. Nghe các danh hiệu ấy, thấy các hình tượng ấy, phải nghĩ ta nên giống hệt như Quán Âm Bồ Tát, dùng tâm đại từ đại bi đối đãi hết thảy chúng sanh, mang ý nghĩa này, chớ nên hiểu sai! Địa Tạng Bồ Tát biểu thị hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, đây là căn bản của giáo học. Giáo dục của thánh hiền thế gian và xuất thế gian sanh ra từ đâu? Sanh từ hiếu thảo cha mẹ và tôn trọng thầy. Vì thế, danh hiệu của Bồ Tát là Địa Tạng, Địa là đại địa, Tạng là kho báu. Nay quý vị thấy [người ta] thăm dò đại địa để tìm khoáng sản. Địa ở đây là nói tới tâm địa, kho báu trong tâm địa là vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, dùng phương pháp gì để khai thác? Dùng hai phương pháp là hiếu thảo cha mẹ và tôn trọng thầy để khai thác kho báu trong tự tánh, dùng ý nghĩa này. Nghe danh hiệu, thấy hình tượng, bèn lập tức nghĩ đến [hiếu thân, tôn sư], quý vị thấy Tánh Đức thường thấu lộ ra ngoài, đó là chuyện tốt. Văn Thù Bồ Tát biểu thị trí huệ, Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị “thật sự làm”, dùng danh từ này cho dễ hiểu. Phổ Hiền Bồ Tát là thật sự làm, khai phát Tánh Đức trong tự tánh. Đặt ra những thứ ấy, những nghệ thuật phẩm ấy đều là thiện xảo phương tiện trong nhà Phật, chẳng có chút xíu mê tín nào! Do vậy, thật sự hiểu, đã hiểu rõ ràng, chúng ta sẽ bội phục Phật pháp năm vóc sát đất, đó gọi là gì? Nghệ thuật hóa giáo học. Nghệ thuật hóa là trong thời cận đại, từ sau Đệ Nhị Thế Chiến, trong xã hội chúng ta nghe nói đến danh từ “nghệ thuật hóa” rất nhiều, thứ gì cũng đều nhấn mạnh nghệ thuật, ngay cả chiến tranh cũng nhấn mạnh nghệ thuật, chánh trị cũng là nghệ thuật, công thương cũng là nghệ thuật, đều nhấn mạnh nghệ thuật hóa! Từ ba ngàn năm trước, Phật đã thực hiện nghệ thuật hóa, thấy đều tiến nhập nghệ thuật hóa giáo học, chúng ta

chẳng thể không bội phục. Ba ngàn năm sau, con người mới nghĩ tới, mới theo đuổi nghệ thuật. Do vậy, trong Phật pháp, hết sức coi trọng điêu khắc, hội họa, âm nhạc, mỹ thuật, kiến trúc, thứ gì cũng đều nhằm biểu thị pháp, thứ gì cũng đều là giáo học. Quý vị thật sự thấu hiểu, chẳng cần nói câu nào. Bước vào chùa miếu, quý vị cũng thu được một bài học rất phong phú, rất viên mãn. Những điều này đều nhằm nói về thiện xảo phương tiện, gia trì hồi hướng, tất cả hết thảy đều là gia trì.

Cuối cùng nói “*phổ giai hồi hướng*”, tâm lượng của chúng ta đã khôi phục bình thường. Tâm lượng bình thường là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm trọn khắp thái hư, lượng như các cõi nước nhiều như cát), người Hoa thường nói “*lượng to, phước lớn*”. Đức Phật bảo chúng ta, tâm lượng của mỗi cá nhân chúng ta vốn còn to hơn hư không pháp giới, quý vị vốn sẵn là như vậy. Nay chúng ta phải tìm lại cái vốn có, phải tìm lại tự tánh, hồi hướng là đạt tới viên mãn, tìm lại nó một cách viên mãn. Cách luyện tập trong lúc thường ngày là như thế nào? Phải luyện tập ngay trong hiện tại. Hiện thời, tâm lượng rất nhỏ, phải vận dụng trong thường nhật, khởi tâm động niệm đừng nghĩ vì chính mình, hãy thường nghĩ vì chúng sanh, tâm lượng bèn rộng mở. Thật vậy, trí huệ hiện tiền, phước báo cũng to lớn. Niệm niệm nghĩ vì chính mình, buôn bán mong phát tài, niệm niệm mong mình phát tài, tiền của sẽ có hạn. Vì sao? Trong mạng đã định sẵn, quý vị chẳng có cách nào vượt qua [hạn mức đã định sẵn ấy]; nhưng nếu chuyển biến ý niệm, ta phát tài chẳng vì chính mình, mà phát tài nhằm giúp hết thảy chúng sanh khổ nạn, tuyệt lắm, đấy chẳng còn là tài vật trong mạng của quý vị nữa, vì sao? Tánh Đức tỏ lộ, của cải sẽ vô lượng vô biên, vì sao? Tất cả chúng sanh khổ nạn đều hưởng phước của quý vị, đó là thật!

Vào hai ngàn năm trăm năm trước, nhằm thời đại Xuân Thu, [tức là] nhằm thời đại Ngô - Việt thời Xuân Thu, quý vị thấy Phạm Lãi buôn bán chẳng vì chính mình, rất nhanh, mấy năm đã phát tài to. Sau khi phát tài, thấy người ta nghèo cùng, khổ sở, đều giúp đỡ, tán tài, chia cho mọi người, khiến cho mọi người có thể sống qua ngày. Chính mình lại từ cái vốn nhỏ nhoi để bắt đầu buôn bán, trong mạng cũng có, hơn nữa, lại làm chuyện tốt đẹp to tát dường ấy, ông ta thật sự có thể phát tài, phát tài là vì có đại đạo, bổ thí mà! Từ món tiền vốn nhỏ để bắt đầu buôn bán, chưa đầy hai ba năm lại phát tài, phát tài nhiều hơn lần trước, lập tức chia hết của cải. Sau khi chia sạch, lại làm từ đầu, rất tuyệt! Ba lần tụ tài, ba lần tán tài, nên sau này, người Hoa thờ ông ta làm Tài Thần. Người Hoa thờ ai làm Tài Thần? Phạm Lãi! Điều này rất có lý, ông ta là một vị thương nhân Bồ Tát, dạy quý vị kinh doanh, buôn bán như thế nào? Chẳng vì chính mình, mà vì chúng sanh. Bản thân quý vị tu phước, đời đời kiếp kiếp hưởng chẳng hết, quý vị thấy quý vị đã cứu vớt bao nhiêu người? Quý vị bổ thí, thi ân, trong tương lai, con cháu trong nhà quý vị ai nấy đều là con hiếu, cháu hiền, vì sao? Chúng nó đến báo ân, chẳng đến báo oán, chẳng đến đòi nợ. Phạm Lãi nêu gương cho chúng ta thấy. Đặc biệt là trong thế giới hiện đại, hết thảy nhân mạng khoa học, khoa học đòi hỏi chúng có,

chúng ta cũng phải nêu gương. Tán tài chẳng thua thiệt, tán tài là chiếm đại tiện nghi, nhưng chẳng ai biết chuyện này.

Đến hồi hướng mới thật sự là viên mãn, do vậy, người ấy thành tựu vô lượng hạnh nguyện vượt trời chư thánh thuộc Thập Địa. Người ấy thực hiện triệt để, viên mãn. Những vị Bồ Tát ấy học theo A Di Đà Phật; A Di Đà Phật kiến lập Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm gì? Chẳng phải vì chính mình, chẳng dính vào tiếng tăm, lợi dưỡng cho chính mình, mà nhằm giúp lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật khắp pháp giới hư không giới, tiếp dẫn họ đến thế giới Cực Lạc, tạo ra một đạo tràng thích hợp nhất để tu hành thành tựu trong thế giới Cực Lạc, hoan nghênh họ đến đó. Chẳng đòi hỏi điều kiện rất cao, mà là điều kiện rất đơn giản, quý vị thật sự là thiện nam tử, thiện nữ nhân, cũng tức là quý vị có thể làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo, tin tưởng pháp môn này, bằng lòng vãng sanh, Ngài sẽ đến tiếp dẫn quý vị. [Điều kiện căn bản để vãng sanh là] tín nguyện trì danh, quý vị thấy đơn giản lắm! Nhưng chúng ta chớ nên quên, đừng sơ sót một điều kiện trọng yếu như Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu: “*Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”, câu này trọng yếu lắm. Quý vị có tín, có nguyện, có hạnh, đến cuối cùng quý vị chẳng thể vãng sanh, bèn trách “Phật lừa ta”. Phật chẳng lừa quý vị, Phật đã nói rất rõ ràng, quý vị ít thiện căn, phước đức, nhân duyên, sẽ chẳng thể đến đó. Đến đó, nhất định phải là người nhiều thiện căn. Thiện căn là gì? Thiện căn là tín nguyện, quý vị thật sự tin tưởng, nguyện thiết tha. Đó là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là thật sự làm, ta thật sự thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, vì nơi ấy toàn là chư thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ. Tiêu chuẩn của thiện là mười thiện nghiệp, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói đôi chiều, không nói thêu dệt, không ác khẩu, không tham, không sân, không si. Làm được điều kiện này vài phần là được rồi. Làm viên mãn cả mười điều kiện sẽ thành Phật, chúng ta có thể làm đến một phần trăm thì được rồi, nắm chắc vãng sanh Cực Lạc thế giới! Do vậy, mười nguyện ấy chẳng thể không tu, cách tu mười nguyện ấy ra sao? Tôi đã nói rất nhiều lần, thực hiện Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên chính là tu Thập Thiện Nghiệp Đạo. Vì Thập Thiện Nghiệp Đạo chỉ đề ra cương lĩnh, chẳng nói chi tiết. Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy là hạng mục chi tiết, còn mười điều [trong Thập Thiện Nghiệp Đạo] là tổng cương lĩnh. Quý vị thực hiện hai thứ ấy thì Đệ Tử Quy đã làm được, Thập Thiện Nghiệp cũng làm được, quý vị là chư thượng thiện nhân. Tuy là tiểu thiện, khi vãng sanh, A Di Đà Phật trước hết dùng Phật quang chiếu gọi quý vị. Phật quang vừa chiếu, tiểu thiện sẽ biến thành đại thiện, nâng lên cao, đó là Phật lực gia trì. Phật lực gia trì là tương đối, [nghĩa là] quý vị có bao nhiêu, Ngài tăng thêm bấy nhiêu. Chúng ta tu nhiều, Ngài sẽ tăng thêm nhiều, chớ nên không hiểu đạo lý này!

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*An trụ nhất thiết công đức pháp trung, nhất thiết công đức pháp chỉ Phật quả chi vô tận công đức*” (An trụ trong hết thảy pháp công đức: Chử “hết thảy công đức” chỉ Phật quả công đức vô tận). Chúng ta thường nói viên mãn xứng tánh là

hết thấy công đức, thật vậy, cũng chẳng có gì hiếm lạ, vì sao? Vốn trọn đủ trong tự tánh, hết thấy chúng sanh ai nấy đều có phần, chẳng phải là nói Phật có, còn chúng ta chẳng có. “Chúng ta có” là có như thế nào? Tuy có, nhưng hiện thời bị chướng ngại, tuy có, nhưng không lấy ra được. Ví như quý vị có tài sản ức vạn, đều để trong ngân hàng, cất trong ấy, hiện thời quý vị ở bên ngoài, muốn ăn một bữa cơm, túi không có tiền, vẫn phải tạm thời làm lụng một chút, người ta mới cho quý vị ăn một bữa. Chẳng phải là quý vị không có, nhưng hiện thời chẳng lấy ra được, có chướng ngại, đạo lý là như vậy đó. Phật và Pháp Thân Bồ Tát chẳng có chướng ngại; vì thế, đối với Tánh Đức viên mãn có thể tự tại khởi tác dụng, đối với vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông có thể tự tại khởi tác dụng, đạo lý như vậy đó. Đức Phật đã nói rất rõ ràng, nếu chúng ta diệt trừ chướng ngại, chướng ngại của chúng ta chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chướng ngại chia thành ba loại lớn ấy, mỗi loại đều là vô lượng vô biên, gồm ba loại lớn ấy! Đức Phật nói rất rõ ràng, hoàn toàn diệt trừ ba loại lớn ấy, quý vị sẽ thành Phật, chẳng khác gì A Di Đà Phật, trí huệ và đức tướng trong tự tánh sẽ hiện tiền viên mãn. Chưa có năng lực trừ diệt hoàn toàn thì trừ từng phần, có tất cả ba phần, trong ba phần diệt trừ một phần, đã khởi tác dụng rồi. Trừ từ bên ngoài, tức là trước hết, hãy trừ từ bên ngoài, phần ở bên ngoài chính là chấp trước. Nếu là thật sự [đoạn trừ], chúng ta buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị chúng quả A La Hán, hết thấy công đức trong tự tánh thấu lộ một phần ba. Một phần ba đã là thần thông rộng lớn rồi! Người Hoa đọc Tây Du Ký rất nhiều, biết Tôn Ngộ Không thần thông quảng đại, nhưng A La Hán vượt trội Tôn Ngộ Không chẳng phải chỉ là một vạn lần, Tôn Ngộ Không chẳng thể sánh bằng A La Hán! Quý vị biết đó là vì năng lực khôi phục, thần thông khôi phục. Nếu lại khử thêm một phần, tức là lại trừ khử phần phân biệt, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn phân biệt, chư vị phải biết, không chấp trước sẽ đắc tâm thanh tịnh, tựa đề kinh này là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chẳng chấp trước, tâm thanh tịnh hiện tiền, [đó là] A La Hán. Chẳng phân biệt, tâm bình đẳng hiện tiền. Bồ Tát chẳng phân biệt, A La Hán còn có phân biệt, Ngài chẳng chấp trước, nhưng có phân biệt. Đối với phân biệt, Bồ Tát cũng chẳng có, Tánh Đức trong tự tánh thấu lộ hai phần ba. Cuối cùng là đại triệt đại ngộ, đó là giác, “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, sự giác ấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, hoàn toàn chẳng có chướng ngại, [Tánh Đức trong tự tánh] thấu lộ toàn bộ.

Ở đây, nói đến vô tận công đức. Phật quả có công đức vô tận, đó là viên mãn xứng tánh, thanh tịnh, bình đẳng, giác đều đã đạt được. Nếu chẳng giải thích như vậy, chỉ nói “hết thấy các pháp công đức” thì Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật đều có thể nói [là các Ngài trọn đủ hết thấy các pháp công đức]. Phía sau thêm vào một câu, nói rõ là công đức vô tận nơi Phật quả. Như vậy là không phải là nói tới [quả vị] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chẳng nói tới các địa vị ấy, mà nói tới quả địa Như Lai, thật sự chứng đắc viên mãn “thanh tịnh, bình đẳng, giác” thì mới là cảnh giới đó. Đây là nói người vãng sanh Tây Phương Cực

Lạc thế giới đều an trụ trong hết thảy các pháp công đức nhằm cổ vũ, khích lệ chúng ta cầu sanh thế giới Cực Lạc. Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nói thật ra, sự hưởng thụ của chúng ta nhiều nhất là bằng Thanh Văn, chưa viên mãn, nhưng thế giới ấy là thế giới đặc thù, chẳng giống những thế giới khác! Trong nguyện thứ hai mươi, A Di Đà Phật đã nói hễ ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới “*đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát*”. Câu này rất trọng yếu, trong các cõi Phật khắp mười phương chẳng có điều này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là có. Do bản nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy chưa đoạn phiền não, nhưng trí huệ, thần thông, và đạo lực của quý vị bằng với A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát là gì? Là Phật! Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đến bên kia được đãi ngộ, được hưởng thụ sự đãi ngộ nơi Phật quả, tìm đâu ra điều này! Cũng có thể nói là quý vị đến thế giới Cực Lạc bèn thành Phật. Sự “*thành Phật*” ấy chẳng phải là thật sự thành Phật, mà do A Di Đà Phật gia trì quý vị. Loại đãi ngộ ấy do A Di Đà Phật ban cho quý vị, chẳng do chính bản thân quý vị đạt được, chính mình vẫn còn phải tu [hòng thật sự đạt đến]. Bất quá chính mình tu sẽ rất dễ dàng, lại còn rút ngắn thời gian với một mức độ to lớn. Quý vị thấy đó, tu hành trong thế giới [Sa Bà] này phải mất vô lượng kiếp, trụ trong vô lượng kiếp; đến thế giới Cực Lạc tu hành, chúng ta nói về quả vị thấp nhất là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tu hành trong thế giới Cực Lạc, tu đến mức an trụ trong hết thảy các pháp công đức phải mất thời gian bao lâu? Mười hai kiếp. Quý vị thấy vô lượng kiếp lập tức rút ngắn thành mười hai kiếp. Đối với hoàn cảnh học tập [tốt đẹp, thuận tiện] ấy, quý vị có nên đến đó hay không? Khắp pháp giới hư không giới, chẳng thể tìm đâu ra một nơi nào giống như vậy! Chỉ có một chỗ gương mẫu như thế, hết sức đáng quý! Mười phương hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều tán thán, đều khuyên dạy chúng ta phải sanh về đó, nhưng chúng ta vẫn chẳng muốn sanh về, quý vị nói xem nghiệp chướng của quý vị nặng nề lắm thay! Bao nhiêu vị Bồ Tát mong tưởng đến đó mà chẳng có duyên phận này, chẳng gặp gỡ duyên phận này. Do duyên phận, nay chúng ta được gặp gỡ, nhưng chẳng mong sanh về, đúng là làm lạc quá đời! Đó là [pháp tu] rốt ráo viên mãn, thành tựu trong một đời!

“*Nhân Vương Kinh Sớ vân: Thí vật danh Công*” (Nhân Vương Kinh Sớ giảng: “Thí cho chúng sanh gọi là Công”), Công ở đây là công đức, hai chữ “*công đức*” giải thích ra sao? Ở đây có nói: “*Quy kỷ viết Đức*” (Quy về mình là Đức). Do vậy, công đức và phước đức khác nhau, ngàn vạn phần đừng coi tu phước là công đức; nếu vậy, quý vị đã hoàn toàn sai lầm mất rồi! Công là “*thí vật*”, ở đây là “*vật*,” chẳng nói “*thí cho người*” mà nói “*thí vật*”. Nếu nói là người thì trong mười pháp giới chỉ có nhân đạo, Ngài nói “*vật*” bao gồm toàn bộ mười pháp giới trong ấy. Đối với những kẻ ngang vai vế chúng ta thì nói là “*bố thí*”, đối với những bậc cao hơn chúng ta như chư thiên thì gọi là “*cúng dường*”. Cúng dường cũng là bố thí, [nhưng nói “*cúng dường*” thì] danh xưng tôn kính hơn một chút. Trên là cúng chư Phật, Bồ

Tát, chư thiên, thiện thân; dưới là cúng dường cứu giới chúng sanh, đều gọi chung là “vật”. Trong chữ Vật này có hai ý nghĩa:

- Một là đối tượng bố thí của chúng ta, nay chúng ta nói là hết thầy người và vật.

- Thứ hai là nội dung bố thí, có tài bố thí, pháp bố thí và vô úy bố thí. Chúng ta dùng này ba thứ này để bố thí hay cúng dường, trên là đến thiên thân, dưới là chúng sanh trong địa ngục, tâm lượng ấy lớn lắm!

Các nhà khoa học hiện thời nói đến các chiều không gian khác nhau, chúng ta thường gọi chúng là “mười pháp giới”, tức các chiều không gian khác nhau. Trong các chiều không gian khác nhau đều có sinh vật, [bao gồm] lục đạo chúng sanh chưa khai ngộ, hoặc là chúng sanh thuộc bốn thánh pháp giới tuy đã khai ngộ nhưng chưa viên mãn, họ đều là đối tượng để chúng ta bố thí hay cúng dường, đó là “tu Công”. Quý vị tu Công nhất định được lợi ích, lợi ích gì vậy? Quy về chính mình là Đức. Quý vị thí tài bèn được của cải. Thưa quý vị, càng thí sẽ càng nhiều!

Năm 1999, tôi ở Tân Gia Ba, đề nghị với cư sĩ Lý Mộc Nguyên, khi ấy ông ta làm Tổng Vụ của Cư Sĩ Lâm, Lâm Trưởng là ông Trần Quang Biệt, nhưng ông Lý giống như Chấp Hành Đồng Sự (giám đốc điều hành), hết thầy mọi việc trong Cư Sĩ Lâm đều do ông ta quản trị. Tôi khuyên ông ta nên thí thực, tức là cho người khác ăn cơm, cách làm ra sao? Cho mọi người đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm miễn phí, chẳng phân biệt là tôn giáo nào, kẻ ấy có tin tưởng tôn giáo hay không chẳng quan trọng, chỉ cần đến ăn cơm, chúng tôi đều hoan nghênh, hoan nghênh kẻ ấy đến ăn cơm. Lại còn ăn cơm không gián đoạn. Ăn theo lối buffet, đến ăn lúc nào cũng được, suốt ngày đêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ chẳng gián đoạn, ban đêm vẫn mở cửa. Ban đêm thì có mạn đầu (bánh bao không nhân), bánh mì, điểm tâm, cháo, thức ăn lót dạ^{88[5]}, nước trà, hai mươi bốn giờ chẳng gián đoạn. Ước chừng mỗi ngày có hơn một ngàn người đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm. Cuối tuần hoặc ngày lễ, cả ba bốn ngàn người, vô cùng náo nhiệt. Khi đó, Cư Sĩ Lâm thâm nhập vẫn còn khá lắm, chúng tôi thực hiện cách ấy. Làm chưa đến một tháng, Cư Sĩ Lâm chẳng cần phải bỏ ra đồng nào để mua sắm, vì sao? Người Tân Gia Ba đều biết tới, những đệ tử Phật môn mỗi ngày đem gạo đến biếu, dầu cũng biếu cho, rau dưa đưa đến biếu, thứ gì cũng chẳng phải mua. Biếu tặng nhiều quá, người ăn được quá ít, mỗi ngày mấy ngàn người mà vẫn ăn quá ít, những thứ ấy chẳng thể giữ được, giữ lại chúng sẽ hư mất, đặc biệt là rau dưa, làm thế nào đây? Cư Sĩ Lâm tìm hai xe chở hàng nhỏ, mỗi ngày đưa đi bố thí, biếu tặng bên ngoài, đưa đến đâu? Các tôn giáo khác, họ có viện dưỡng lão, cô nhi viện, trường học, thầy đều đem tặng hết. Tất cả các tôn giáo chúng tôi đều

^{88[5]} Nguyên văn Tiểu Thái. Theo cách gọi của người Đài Loan, đây là những món ăn lật vật được chuẩn bị với số lượng ít, thường dùng như món khai vị, hoặc lót dạ trước khi ăn các món chính thức, chẳng hạn dưa leo trộn chua ngọt, sứa trộn, đậu nành non trộn thật cay v.v...

bồ thí, bồ thí hết cả, càng thí, càng nhiều! Do vậy, những tôn giáo ấy cũng rất thân thiết với chúng tôi. Đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm, có chẳng ít món ăn, quày buffet của chúng tôi có từ mười lăm đến hai mươi món ăn. Mỗi ngày đều là như vậy, đều là mới nấu nóng hổi. Ông Hoàng Kim Huy là Tổng Thống Tân Gia Ba xưa kia, có một hôm đến Cư Sĩ Lâm dùng cơm, chúng tôi cùng ăn chung. Ông ta nói với ông Lý Mộc Nguyên: “Các vị thật sự giỏi quá! Trong nhà tôi thức ăn chỉ có năm món, quý vị có đến hai mươi mấy món”. Do ông ta đến thăm, nên hôm đó đặc biệt tăng thêm thức ăn, nấu thêm mấy món nữa! “Quá phong phú, quý vị lấy tiền từ đâu ra?” Khi các tu sĩ hoặc tín đồ các tôn giáo đến đây ăn cơm cũng đều hỏi như vậy, thấy có nhiều người ngân ấy, quý vị lấy tiền từ đâu ra? Ông Lý Mộc Nguyên nói: “Chúng tôi có ông chủ làm hậu thuẫn”, họ hỏi: “Ông chủ là ai?” “A Di Đà Phật”, chúng mình đức Phật nói chẳng sai, càng thí, càng nhiều, thứ gì cũng có, chẳng phải bận lòng chút nào!

Hiện thời, quý vị thấy trong nước cư sĩ Tề Tổ Bình ở núi Đông Thiên Mục, chỗ bà ta là núi hoang, chẳng có gì cả, phát tâm bồ thí, mười mấy năm qua càng thí càng nhiều. Đúng như trong Phật môn đã nói: *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*. Quý vị phải hiểu rõ đạo lý và chân tướng sự thật này, quý vị đã hiểu rõ, sẽ yên tâm lớn mật bồ thí, chẳng sợ hãi. Quý vị hiểu đây là phước huệ chân thật, do bồ thí mà có. Tài bồ thí được của cải, pháp bồ thí được thông minh, trí huệ, vô úy bồ thí được khỏe mạnh, sống lâu. Quý vị thấy ba điều này có ai chẳng mong muốn! Của cải do đâu mà có? Trong mạng có của cải là do trong đời quá khứ quý vị đã tu tài bồ thí. Không phải trời già quyết định, cũng chẳng phải do Phật, Bồ Tát ban cho! Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu không đắc! Một người là như thế, một gia đình là như thế, một nước cũng là như thế. Nếu người lãnh đạo nước Mỹ hiểu đạo lý này, cần gì phải phát động chiến tranh? Chẳng cần! Quý vị vẫn là *“hữu cầu tất ứng”*. Hơn nữa, phát động chiến tranh sẽ “cái được chẳng bù nổi cái mất”. Trung Đông nảy sinh chiến tranh vì sao? Vẫn chẳng phải vì dầu hỏa! Nước quý vị có tiền, vì sao không mua dầu, mà phải tốn kém quân phí nhiều ngàn ấy? Quân phí nhiều ngàn ấy để chiếm lãnh địa phương đó, điều gì cũng chẳng đạt được, chẳng biết phải tốn kém hơn món tiền bỏ ra mua dầu chẳng biết bao nhiêu lần, lại còn chuốc lấy tiếng xấu, còn chuốc cả đồng phiền phức. Phiền phức gì vậy? Chiến tranh khủng bố. Tôi còn bảo đồng học truy tìm trên Internet, tìm được một tin, nhưng không lưu ý, là mỗi năm nước Mỹ tiêu tốn cho cuộc chiến tranh chống khủng bố vượt xa chi phí do hai cuộc Thế Chiến lần thứ nhất và lần thứ hai gộp lại. Kinh khủng quá! Chẳng phải là chính mình chuốc lấy phiền phức ư? Tôi hy vọng các đồng học tìm trên Internet tin này, hạ tải xuống để tôi xem kỹ lưỡng hơn. Họ học Phật thì tốt hơn, nhưng chẳng học Phật! Học Phật bèn hiểu rõ, muốn gì có nấy, nhưng chẳng tạo tội nghiệp. Do vậy, đối với “cầu” trong Phật pháp, xưa kia, Chương Gia đại sư đã dạy tôi, có đạo lý, có lý luận, có phương pháp. Đúng lý, đúng pháp, có cầu ắt ứng, chẳng có gì là mê tín trong ấy! Cần gì phải tạo tội nghiệp? Tạo tội nghiệp chỉ khiến đức bị khuyết, chỉ khiến cho của cải, trí huệ, sức khỏe và tuổi thọ trong mạng của quý vị bị giảm xuống, chẳng thể tăng lên. Vì thế, giáo huấn của thánh hiền có giá

trị, có chỗ hữu dụng, chẳng thể không tìm lại. Không chỉ phải tìm lại, mà còn phải đích thân đốc sức hành, phát huy rộng lớn.

Tịnh Ảnh Sớ đã giải thích công đức như sau: “*Công vị công năng, chư hạnh giai hữu lợi ích chi công, cố danh vi Công*” (Công là công năng, các hạnh đều có công năng lợi ích nên gọi là Công). “*Chư hạnh*”: Tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, hành vi được gọi là “*chư hạnh*”, chúng đều có công năng lợi ích. Nếu chúng tùy thuận Tánh Đức, đó là Công. Trái phạm Tánh Đức thì tạo nghiệp (tạo nên những mầm mống tội lỗi, khổ quả), như vậy là có tội! Theo bước thánh hiền, cổ thánh tiên hiền, chư Phật, Bồ Tát, thánh hiền của các tôn giáo Tây Phương, đều là Công. Vi phạm giáo huấn của thánh hiền là Tội. “*Thử công thị thiện hành gia đức*” (công ấy là đức sẵn có của người làm lành), chúng tôi đổi một chữ trong câu này cho mọi người dễ hiểu, tức là “*thiện hành nhân gia chi đức*” (đức của người làm điều thiện), “*thiện hành gia đức*” có nghĩa như vậy. Đức ấy cũng đạt được, quý vị có được của cải, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu. “*Cố danh công đức*” (nên gọi là công đức). Cách giải thích chữ Công Đức này cũng rất hay. “*Đức thể danh pháp*” (Thể của đức là pháp), đức ấy do đâu mà có? Do pháp, tức là an trụ trong hết thảy các pháp công đức. Lại phải giải thích chữ Pháp này. “*Phạn vân Đạt Ma*” (tiếng Phạn là Dharma), Dharma là tiếng Ấn Độ, tiếng Phạn là Dharma, người Hoa dịch là Pháp, “*thông ư nhất thiết*” (chỉ chung hết thảy), đây là danh từ chung để chỉ hết thảy vạn sự vạn vật. “*Vô luận tiểu giả, đại giả, hữu hình giả, vô hình giả, chân thật giả, hư vọng giả, thị sự vật giả, thị đạo lý giả*” (bất luận là lớn, nhỏ, hữu hình, vô hình, chân thật, hư vọng, là sự vật hay là đạo lý), nói ngắn gọn, dùng một chữ để xưng hô là Pháp. Đó là cách xưng hô theo Đối Pháp⁸⁹[6]. Trong toàn thể vũ trụ, trong giáo pháp Đại Thừa thường dùng sáu chữ để bao gồm toàn bộ hết thảy mọi sự trong vũ trụ. Sáu chữ là:

- Tánh - Tướng: Trong triết học gọi Tánh là bản thể của vũ trụ, Tướng là hiện tượng. Kinh Phật dùng danh từ này, Triết Học hiện thời cũng dùng danh từ này.

- Thứ hai là Lý - Sự. Lý là lý luận, Sự là tất cả hết thảy tạo tác, biến hóa. Sách Hoàn Nguyên Quán nói “*xuất sanh vô tận*”, đó là Sự, nó biến hóa. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới [đều thuộc về Sự]. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể là Lý. Do vậy, Lý là Thể, Sự là Tướng, đặc biệt coi trọng sự biến hóa.

- Hai chữ sau đó là Nhân - Quả.

⁸⁹[6] Đối Pháp hiểu theo nghĩa hẹp là Luận Tạng, hiểu theo nghĩa rộng là danh từ thuật ngữ trong Phật pháp. Đối Pháp nghĩa là dùng trí huệ nơi thánh đạo vô lậu để quán sát đạo lý Tứ Đế và thật quả Niết Bàn.

Tánh - Tướng, Lý - Sự, Nhân - Quả đã bao gồm trọn hết toàn thể vũ trụ, chẳng sót một pháp nào. Phật pháp thường nói như thế.

“*Duy Thức Luận viết*” (Duy Thức Luận nói), nêu kinh luận để giải thích danh tướng này, “*Pháp vị quỹ trì. Quỹ vị quỹ phạm (軌範), khả sanh vật giải*” (Pháp là quỹ trì (duy trì theo đúng đường lối). Quỹ (軌) là đường lối, khuôn khổ, có thể khiến cho chúng sanh khởi lên kiến giải). Quỹ là quỹ đạo (軌道: đường lối định sẵn), cũng là “trật tự” như ta nói trong hiện thời. Trong toàn thể vũ trụ, quý vị thấy tinh hệ, ngân hà, chúng ta nói tới ngân hà, những tinh cầu ấy vận hành trong vũ trụ đều có quỹ đạo, tuy rất nhiều, cũng là vô số vô lượng; nhưng chúng có trật tự nhất định, chẳng xảy ra va chạm, điều đó gọi là Quỹ; vì thế, nay chúng ta gọi là “pháp tắc thiên nhiên”. Trên địa cầu có rất nhiều sinh vật, những sinh vật cùng tồn tại, sinh trưởng trên địa cầu, có liên quan với nhau. Do liên quan lẫn nhau mới tạo thành cân bằng sinh thái trên địa cầu, địa cầu phát triển tốt đẹp, quý vị chớ nên phá hoại. Nếu con người tùy thuận thiên nhiên, sẽ thuận lợi nhất; phá hoại thiên nhiên, tai nạn sẽ xảy đến. Chúng tôi nêu một thí dụ rõ rệt nhất. Cha mẹ sanh ra chúng ta có thân thể này, đó là tự nhiên. Chúng ta tùy thuận tự nhiên, khéo yêu thương thân thể này, quý vị sẽ cả đời khỏe mạnh, hạnh phúc. Nếu quý vị chẳng ưa thích nó, muốn đến thẩm mỹ viện, biến đổi khuôn mặt tự nhiên thành dáng vẻ như quý vị tưởng tượng. Có thể hay không? Có thể chứ! Sau khi đi thẩm mỹ viện, [thỏa ý] đại khái được mấy năm, quý vị phải khổ cả đời, đau khổ cả đời, nỗi khổ ấy do chính quý vị chuốc lấy. Ở Úc Châu Học Viện, có một nữ cư sĩ làm công quả, thuở trẻ đi sửa mũi, sống mũi được nâng cao hơn, sau lúc bốn mươi tuổi đau khổ không chịu nổi, mỗi ngày phải chịu tội, gặp tôi kể chuyện ấy. Tôi nói: “Bà đã phá hoại cân bằng sinh thái tự nhiên, nên hiện thời phải chịu tai nạn này”.

Khoa học kỹ thuật phát triển, mọi người đã hiểu sai lời cổ nhân: “*Nhân định thắng thiên*”, hiện thời người ta hiểu câu ấy nghĩa là gì? Con người nhất định có thể thắng thiên, tức là chiến thắng tự nhiên, trật lất rồi! Trước đây người ta nói “*nhân định thắng thiên*” nghĩa là con người phải định, nói về tu Thiên Định. Có Thiên Định rất sâu, Định sanh trí huệ, năng lực ấy có thể thắng thiên, có ý nghĩa như vậy. Nay tâm quý vị dao động, hời hợt, học được một chút khoa học kỹ thuật, liền nghĩ mình vạn năng, có thể thắng thiên hay không? Quý vị thấy hiện thời quý vị thay đổi sinh thái tự nhiên, khiến cho địa cầu tức giận, nổi nóng, nó phải trả thù. Nó lay động nhẹ nhẹ, những cao ốc, dinh thự bèn sụp đổ hoàn toàn, quý vị có đầu lại nó hay không? Cổ nhân nói chẳng sai, nhưng hiện thời rất nhiều ý nghĩa đã bị vắn vẹo, hiểu lệch lạc mất rồi! Bởi lẽ, đối với tự nhiên, cổ nhân kính trời, kính quỷ thần. Không phu tử cũng chẳng phải là ngoại lệ: “*Kính quỷ thần nhi viễn chi*”, “*viễn chi*” là gì? Chẳng để cho quỷ thần thao túng! Thật ra, điều ấy tương ứng với mười đại nguyện vương, lễ kính chư Phật, kể cả trời, đất, quỷ thần, bao gồm núi, sông, đại địa, không gì chẳng kính. Quỷ thần cung cấp tin tức thiện, chúng ta có thể tiếp nhận; nếu là bất thiện, vi phạm pháp tắc thiên nhiên, chúng ta chẳng cần phải tiếp nhận nó. Tương ứng với pháp tắc của thiên nhiên thì

chúng ta có thể tiếp nhận, chấp nhận. Trong trời đất, quỷ thần có kẻ thiện lương, chẳng phải là không có, nhưng kẻ bất thiện cũng chẳng ít, chúng ta chớ nên không biết. Nhất định phải dùng định lực, tâm chớ nên bộp chộp, hời hợt, đừng nên bị xung động bởi cảm tình, hãy dùng lý trí để xử sự hòng khỏi mắc phải lỗi lầm!

Con người hiện thời đi sau tiên bộ khoa học, thật vậy, chúng ta có lỗi với địa cầu, có lỗi với núi, sông, đại địa, khai thác bừa bãi, phá hoại tùy tiện, chẳng có một chút tâm cung kính nào. Phật pháp cho chúng ta biết cây cối, hoa, cỏ đều có linh tánh. Trong kinh điển, đức Phật bảo chúng ta cây cối nào có chiều cao bằng con người thì cây ấy có thần cây. Chẳng phải là cây thành thần mà là do linh thể (spirits) dựa vào cây, họ nghĩ cây ấy là nơi cư trú của họ, nguyên nhân là như vậy đó. Vì thế, trước kia, người xuất gia tu hành trên núi, chặt mấy cây để dựng một túp lều tranh, đức Phật cho phép, nhưng ba ngày trước khi quý vị muốn chặt cây ấy, phải cúng tế thần cây, tụng kinh hồi hướng cho họ, xin phép họ ba ngày sau sẽ chặt cây, xin họ dọn nhà đi, thông báo, loan tin cho họ. Đâu có giống như trong hiện thời, chặt phá cả đống, chẳng thèm thông báo, quý vị nói xem như vậy thì thần cây có tức giận hay không? Họ sẽ kiếm chuyện với quý vị. Đào quặng, vừa đủ bèn ngưng, chớ nên có tâm tham. Có tâm tham, phiền phức sẽ xảy đến. Hiện thời đã làm quá lộ rồi, quá sức quá lộ, nên núi, sông, đại địa biến đổi nhiều, rõ rệt lắm! Đến tột cùng, rất có thể toàn thể đại lục sẽ bị chìm xuống đáy biển!

Trong quá khứ đã từng có chuyện này, các nhà khoa học nói: Trên địa cầu, khoảng chừng năm vạn năm trước, khoa học kỹ thuật cũng khá phát triển. Trên thế giới này có nước Đại Tây (Atlantis), do cũng làm quá lộ, luân lý, đạo đức, nhân quả đều chẳng cần đến nữa, tin tưởng nhân định thắng thiên, tùy ý phá hư địa cầu, tùy tiện thay đổi núi, sông, đại địa đến nỗi lục địa chìm xuống đáy biển. Chỗ hiện thời là Đại Tây Dương, vào thời cổ là Đại Tây quốc. Chuyện này có thật hay không? Hiện nay, rất nhiều nhà thám hiểm đã ngồi tàu ngầm đến đáy biển quan sát, phát hiện thật sự có di tích thành thị dưới đáy biển, chứng tỏ chuyện này chẳng giả, biên giới của khu vực ấy gần sát nước Mỹ và Ba Tây. Trong quá khứ, địa cầu đã có tấm gương ấy, nếu người hiện thời làm quá lộ, cũng có thể gặp tình trạng này. Đối với những chuyện này, Phật pháp đã tiết lộ tin tức, chúng ta phải coi trọng, Phật, Bồ Tát chẳng nói lời giả. Làm người phải theo quy củ, phải tuân thủ, giữ vững “quỹ đạo” của chính mình, phải nêu gương điển hình cho đại chúng. Bởi lẽ, hết thảy các pháp đều có quỹ phạm (đường lối, phạm vi riêng biệt) “*khả sanh vật giải*”, chữ “*vật*” này chỉ chúng sanh, [“*khả sanh vật giải*” nghĩa là] khiến cho chúng sanh thấy những hiện tượng ấy sẽ có thể lý giải, biết Sự và Lý của nó, có thể lý giải [Sự và Lý ấy].

“*Lệ như vô thường*” (chẳng hạn như [danh từ] Vô Thường), vô thường là danh tướng. “*Sử nhân sanh khởi vô thường chi giải*” (khiến cho người ta phát khởi sự thấu hiểu đối với vô thường), danh từ này có thể khiến cho một số người đối với tất cả hết thảy các

pháp trong thế gian sanh khởi sự lý giải về vô thường, biết kinh Phật giảng hết thấy các pháp chẳng thật, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, vì sao? Nó vô thường, chẳng thể tồn tại vĩnh hằng, biến hóa trong từng sát-na. Không phải chỉ riêng địa cầu biến hóa trong từng sát-na, mà khắp pháp giới hư không giới đều biến hóa trong từng sát-na; hiện thời, các nhà khoa học đã phát hiện chân tướng sự thật này. Ai chủ trì sự biến hóa trong từng sát-na ấy? Đức Phật dạy: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”, chủ thể là niệm, tức ý niệm. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Học đã phát hiện chuyện này, trong kinh, đức Phật giảng đạo lý sâu như vậy, người bình thường rất khó hiểu, nếu được Lượng Tử Học chứng minh sẽ rất hữu ích cho Phật pháp. Quả nhiên chứng thực những điều được nói trong kinh giáo Đại Thừa đều là sự thật, đối với Phật pháp và sự giáo học của các tôn giáo sẽ khởi tác dụng rất lớn, người ta chẳng còn coi tôn giáo là mê tín nữa. Giáo dục tôn giáo sẽ có tác dụng rất lớn đối với nhân loại, thật sự có thể hóa giải hết thấy tai nạn, giúp xã hội khôi phục an định, hòa hài. Chúng ta phải khẳng định cổ thánh tiên hiền chẳng phải là vô tri, chẳng phải là mê tín, mà thông minh hơn chúng ta nhiều lắm, chúng ta thua kém họ rất xa!

“*Trì vị trụ trì, bất xả tự tướng, nhất thiết chư pháp, các hữu kỳ tướng*” (Trì [trong quỹ trì] có nghĩa là gìn giữ, chẳng bỏ tự tướng, hết thấy các pháp mỗi pháp đều có tướng của nó), ý nói hết thấy các pháp có thể duy trì trong một khoảng thời gian. Trên thực tế, nó biến hóa trong từng sát-na, nhưng biến hóa rất nhỏ yếu, chúng ta nhìn không ra. Chẳng hạn như con người biến đổi mỗi ngày, già yếu trong từng sát-na, luôn biến hóa, nhưng nếu chỉ vài ngày thì chúng ta không thấy người đó già suy, phải sau một hai năm mới thấy người ấy thật sự biến đổi đôi chút, chẳng đột nhiên biến đổi, mà biến đổi trong từng sát-na. Hiện tượng này được gọi là Trì hay Bảo Trì. Tiếp đó, sách viết: “*An trụ nhất thiết, Hội Sớ thuyết: An trụ giả, bất động nghĩa*” (“An trụ hết thấy”: Hội Sớ nói: “An trụ nghĩa là bất động”), “*bất động*” ở đây chẳng phải là thật sự bất động. “*Đức thành bất thoái, cố viết An Trụ*” (đức thành tự, chẳng lui sụt, nên gọi là An Trụ), câu này nói rất hay. “*Vô đức bất cụ, cố vân nhất thiết*” (không đức nào chẳng đủ, nên nói là “hết thấy”), ý nghĩa này cũng vô cùng hay. Tu đức có thành tự, A Lại Da gần với chân tâm, đó là hiện tượng trong bốn thánh pháp giới, chưa thật sự chuyển thức thành trí, nhưng có thể tuân thủ giáo huấn của thánh hiền, nghiêm túc gìn giữ giáo huấn của thánh hiền, người ấy có đức này. Thể của đức ấy là Tánh Đức. Tu đức tương ứng với Tánh Đức; do vậy, tuy là vô thường, tốc độ [biến đổi] của nó thông thả. Hiện tại, khoa học đã tăng nhanh tốc độ vô thường, giáo huấn của thánh nhân khiến vô thường chậm lại, quý vị thấy hai thứ hiệu quả khác nhau. Vì thế, giáo huấn của thánh hiền đem lại an trụ, bình an, hòa hài, khoa học đem lại động loạn cho xã hội. Hiện thời, mỗi cá nhân chúng ta đều biết nói điều này, nhưng mỗi cá nhân đều chẳng cam lòng, chẳng bằng lòng, nhưng chẳng làm sao được, đều mong làm sao để khôi phục sự bình thường, đó là đại sự; nhưng nếu ý niệm của mọi người đều khôi phục bình thường sẽ chẳng khó, nhất định phải cậy vào giáo huấn của thánh hiền. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

Tập 101

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm mười bảy, dòng thứ bảy từ dưới đếm lên, chúng ta đọc từ câu “*an trụ nhất thiết*”.

“*An trụ nhất thiết giả, Hội Sở vân: An trụ giả, bất động nghĩa. Đức thành bất thoái, cố viết an trụ. Vô đức bất cụ, cố vân nhất thiết*” (“An trụ hết thầy”: Sách Hội Sở giảng: “An trụ nghĩa là bất động. Đức thành tựu, chẳng lui sụt, nên bảo là an trụ. Không đức nào chẳng đầy đủ nên nói là hết thầy”). Trong phần trước, chúng tôi cũng đã nói đến câu này, từ chỗ này là khởi đầu của một đoạn. An trụ, bất luận là sơ học hay là người tu học đã lâu, đều vô cùng quan trọng, cổ nhân nói “*thân an tắc đạo long*” (thân yên ổn, đạo sẽ hưng thịnh). Chúng tôi nghĩ đến thời cận đại, trong thế kỷ này, chẳng có cao tăng đại đức xuất hiện trên thế gian. Phật pháp là như thế, mà pháp thế gian cũng chẳng phải là ngoại lệ. Không chỉ tại Trung Quốc, mà gần như tại tất cả mọi nơi trên toàn thế giới chúng ta đều thấy [tình trạng như vậy]. Do nguyên nhân nào? Trong thế kỷ này chẳng có hai chữ “an trụ”! Các xã hội trên toàn thế giới đều rơi vào tình trạng chao đảo, bất an, nên lòng người chẳng thể định, rất khó thành tựu! Trên thực tế, có vấn đề như thế này: Đại hoàn cảnh bất hảo, xã hội động loạn, nhưng nếu cá nhân thật sự có thiện căn, có phước đức, vẫn có thể thành tựu. Thiện căn là tín tâm kiên định, phước đức là có thể chịu đựng khổ sở, khó khăn, người như vậy rất ít, nhưng chẳng phải là không có! Do vậy, lúc đức Phật sắp nhập diệt, tôn giả A Nan từng hỏi Phật: “*Phật tại thế, chúng con nương tựa Ngài làm thầy. Ngài chẳng trụ thế, chúng con nên nương cậy ai?*” Đức Phật dạy một câu: “*Lấy giới làm thầy*”, lại còn nói thêm: “*Lấy khổ làm thầy*”. Nói cách khác, trong thời đại hiện tiền, chúng ta có thể trì giới, có thể chịu khổ thì sẽ có thể thành tựu. Đây đủ hai điều kiện ấy, bất luận ở trong thuận cảnh hay trong nghịch cảnh, đều có thể như như bất động. Cổ đại đức đã dạy chúng ta bí quyết thành công: “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Thí dụ như trong hoàn cảnh hiện thời, chính mình có thể tìm được một nơi rất hẻo lánh, một chỗ rất lạc hậu; chỗ lạc hậu là nơi bình yên, mọi người chẳng tranh chấp, chẳng có ai đến giành giật, chắc chắn là điều kiện vật chất rất kém cỏi, nhưng là nơi [tu hành] tốt đẹp. Càng kém cỏi càng tốt, một cái lều tranh bé tí, quý vị tặng cho người ta, người ta chẳng thêm, coi thường, đó là chỗ bình yên!

Có thể an định mười năm bất động, quý vị an trụ ở nơi ấy, học một bộ kinh giáo đến cùng. Người ta chỉ cần có hai điều kiện như vậy, trì giới bằng cách thực hiện Đệ Tử Quy,

Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, đều thuộc về trí giới, cần phải học. Chẳng có những thứ ấy tức là thiếu cội rễ, căn cơ của các bậc đại thánh đại hiền thế gian và xuất thế gian thuộc trong ba thứ ấy. Ba thứ ấy chẳng khó, [dành ra] thời gian một năm [để tu tập] là đủ rồi! Ba thứ ấy chẳng phải để học suông, chẳng phải để học thuộc lòng, mà là mỗi điều đều phải làm được. Đệ Tử Quy gồm một trăm mười ba điều; Cảm Ứng Thiên cũng chẳng thể coi là nhiều, nhân quả thiện ác tổng cộng gồm một trăm chín mươi lăm điều; Thập Thiện Nghiệp Đạo là mười điều. Đã vun bồi bền vững hai căn cội trước (Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên) thì Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ chẳng có vấn đề gì! Cũng có nghĩa là Thập Thiện Nghiệp nói chi tiết sẽ là Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy. Vun bồi bền vững những căn cội ấy, quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân, hội đủ điều kiện! Mười năm học một bộ kinh Vô Lượng Thọ này nhuần nhuyễn, mỗi ngày đọc một lần. Nếu có duyên phận, có thể nghe giảng sẽ càng hay hơn! Nghe giảng thì hiện thời chúng ta có đĩa CD/DVD, có Internet, cũng có truyền hình vệ tinh. Do vậy, có duyên phận thì có thể thu lấy để nghe, mỗi ngày có thể nghe từ bốn tiếng đồng hồ trở lên, chẳng thể ít hơn bốn tiếng đồng hồ. Những thời gian khác bèn chuyên niệm A Di Đà Phật, tâm quý vị sẽ định. Định chừng dăm ba năm sẽ đắc Niệm Phật tam-muội, lại có trường hợp đôi ba năm rất có thể khai ngộ. Đắc tam-muội là đắc Định, Định có thể khai huệ. Do vậy, thật sự mong thành tựu thì trong bất luận hoàn cảnh nào cũng đều có thể tu hành.

Trong đời loạn, mọi người ở cùng một chỗ cùng nhau tu hành khá khó khăn, như trong thời đầu Dân Quốc, xác thực là thuở ấy có các vị cao tăng đại đức thật sự muốn mở trường học nhằm bồi dưỡng nhân tài kế tục, nhưng vì chiến tranh, đều chẳng có cách nào thực hiện viên mãn. Pháp sư Ứng Từ mở Hoa Nghiêm Đại Học, chưa đầy một năm đã phải đóng cửa. Âu Dương đại sư lập Chi Na Nội Học Viện coi như có thành tựu [tốt đẹp] nhất, nhưng cũng chỉ làm được hai năm, chẳng thể tiếp tục. Sau chiến tranh, tại Đài Loan, lão cư sĩ Lý Bình Nam mở lớp học kinh tại Đài Trung Liên Xã nhằm bồi dưỡng nhân tài giảng kinh, các đồng học có hơn hai mươi người, tôi là người tham gia cuối cùng, cũng chỉ dạy được hai năm, chẳng mở lớp tiếp theo, duyên chẳng dễ dàng. Tôi học kinh giáo với thầy Lý từ ngay trong lớp học ấy. Nếu chẳng có lớp ấy thì thật sự là ngay cả kinh giáo tôi cũng chẳng được học! Tuy thời gian chẳng dài, tôi vẫn được gặp gỡ. Vì thế, “*an trụ hết thầy*” quan trọng hơn bất cứ gì khác. Chẳng có cơ duyên, chúng ta phải nghĩ cách tìm cơ hội, một người sống cuộc đời đơn giản, kham khổ, chẳng cần được hộ trì rất nhiều, có được một hai người nhiệt tâm hộ pháp chiếu cố quý vị bèn chẳng có vấn đề gì! Cuộc sống càng đơn giản càng hay, người thật sự tu hành một ngày ăn một bữa là được rồi, mỗi ngày ăn một bữa giữa trưa!

Đại khái, lão cư sĩ Lý Bình Nam gặp gỡ Phật pháp khi cụ đã ngoài ba mươi tuổi, còn trẻ hơn tôi, tôi gặp Phật pháp lúc hai mươi sáu tuổi. Cụ bảo tôi [cụ gặp Phật pháp] lúc tuổi đã ngoài ba mươi. Sau khi gặp Phật pháp không lâu, cụ bèn quá ngộ chẳng ăn, [mỗi ngày] ăn hai

bữa, rồi hai ba năm sau bữa sáng cũng bỏ luôn, mỗi ngày ăn một bữa, suốt đời chẳng thay đổi. Rất khó có! Giảm bớt rất nhiều chuyện. Tự mình chăm sóc chính mình, ăn cơm do tự mình nấu, quần áo do chính mình giặt, tự mình chăm sóc bản thân mãi cho đến lúc chín mươi lăm tuổi vẫn là tự mình chăm sóc chính mình. Hai năm cuối cùng cụ mới đồng ý tiếp nhận hai học trò phát tâm chăm nom. Trước đó, có người muốn chăm sóc cụ, cụ không chịu. Tôi học Giáo với cụ tại Đài Trung, cũng chịu ảnh hưởng bởi sự thân giáo của cụ. Do vậy, lúc tôi ở Đài Trung là ba mươi mấy tuổi, tôi cũng học theo cụ mỗi ngày ăn một bữa. Tôi ăn đến tháng thứ tám mới trình với cụ, tôi nói: “Thưa thầy, hiện thời mỗi ngày con ăn một bữa”. “Đã bao lâu?” “Tám tháng rồi ạ!” “Thế nào? Thân thể có biến hóa hay không?” Tôi thưa: “Rất bình thường”. Cụ vỗ bàn: “Hãy vĩnh viễn gìn giữ, suốt đời chẳng phải cầu cạnh ai!” Cuộc sống đơn giản, nhu cầu rất ít, một người nhiệt tâm hộ pháp là đủ rồi, chẳng cần phan duyên. Cổ nhân nói: “*Nhân đáo vô cầu, phẩm tự cao*” (người đạt đến không mong cầu, phẩm hạnh tự cao). Nhất định phải biết tiết kiệm, tích phúc, trọng yếu hơn bất cứ điều nào khác! Do vậy, có quyết tâm, có nghị lực, trong xã hội rối ren, chính mình có thể như như bất động. Hãy học theo Quảng Mục thiên vương trong tứ đại thiên vương, Ngài biểu thị ý nghĩa sau đây: Trong thời cuộc rối ren, có thể giữ cho chính mình bất động, thứ gì cũng có thể thành tựu. Do vậy, ở đây, tôi biểu lộ ý nghĩa ấy cùng quý vị: “*An trụ giả, bất động nghĩa*” (An trụ nghĩa là bất động).

“*Đức thành bất thoái*” (đức thành tựu chẳng lui sụt), “*đức*” được nói ở đây là Giới và Định. Chúng ta có thể học tốt đẹp Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp, hoàn toàn thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, tâm vĩnh viễn bất thoái. Sau đây, một mục tiêu, một phương hướng, chuyên tu Tịnh Độ, phương hướng ấy là Tây Phương Cực Lạc thế giới, mục tiêu ấy là thấy A Di Đà Phật, tâm phải định, quyết định chẳng thay đổi, đức sẽ thành tựu, thành tựu bất thoái, đó là “*an trụ*”.

“*Vô đức bất cụ, cố vân nhất thiết*” (Không đức nào chẳng đủ, nên gọi là “hết thầy”): Có thể buông xuống hết thầy, đó là “*vô đức bất cụ*”. Chúng ta buông xuống chấp trước đối với hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian. Không chỉ chẳng chấp trước, mà tốt nhất là phân biệt cũng chẳng có. Làm thế nào để có thể đạt được? Chuyên tâm nơi kinh giáo, nhất tâm niệm Di Đà, sẽ thực hiện được! Kinh Hoa Nghiêm nói “*một tức là hết thầy, hết thầy tức là một*”, một bộ kinh này là đủ rồi. Không chỉ là những kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, mà giáo huấn của mười phương ba đời hết thầy Như Lai và Pháp Thân Bồ Tát cũng đồng thời viên mãn trọn đủ trong ấy. Đặc biệt là trong xã hội giống như hiện thời, nắm vững bộ kinh này, một câu Phật hiệu, chẳng có ai không thành tựu. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này, phải hiểu rõ, thật sự phát tâm y giáo phụng hành. “*Tiền dẫn Hạnh nguyện Phẩm trung, u nhất niệm trung, sở hữu hạnh nguyện giai đắc thành tựu giả*” (trong phẩm Hạnh nguyện như đã dẫn trong phần trước, trong một niệm, tất cả hạnh nguyện

đều được thành tựu). Trong phần trước đã từng dẫn câu kinh văn này của phẩm Hạnh Nguyên, ở đây, [cụ Hoàng] giải thích: “*Tức thị nhất niệm trung, viên thành hạnh nguyên*” (tức là trong một niệm, thành tựu viên mãn hạnh nguyên). “*Viên*” (圓) là viên mãn, “*thành*” (成) là thành tựu, [“*viên thành hạnh nguyên*” là] trong một niệm thành tựu viên mãn Phổ Hiền đại hạnh và Di Đà đại nguyện. “*Cố năng an trụ u Như Lai nhất thiết Phật quả công đức chi pháp*” (nên có thể an trụ trong hết thảy các pháp công đức nơi Phật quả của Như Lai), pháp môn Niệm Phật đã được đại diện viên mãn.

Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo: “*Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện*”. [Những đoạn kinh văn ở] phía trước câu này nói về sự thành tựu trong tự hành nơi sự tu hành của chúng ta, còn câu này nói về hóa tha (hóa độ người khác). Sau khi chúng ta thành tựu, phải giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn, cho nên chẳng thể trụ tại một nơi. Hai hôm trước, có một vị pháp sư Nhật Bản đến thăm viếng, đó là sư Trung Tây Tùy Công (Nakanishi Zuikou), tôi quen biết Sư chắc cũng mười năm. Mấy năm trước, tôi đã sang Nhật Bản sáu lần, tôi đến thăm núi Tỳ Duệ (Hiei-zan) của Nhật Bản, người Nhật gọi núi này là “*mẹ của Phật giáo*”. Phật giáo Nhật Bản có mười ba tông phái, nhiều hơn Trung Quốc. Tổ sư khai sơn của mười ba tông phái ấy đều tu hành trên núi ấy. Do vậy, tôi nhất định phải đến viếng núi ấy hòng liễu giải đôi chút. Thuở ấy, những vị tổ sư đại đức tu hành trên quả núi ấy, chẳng hạ sơn, thời gian trụ tại đó lâu nhất là bao nhiêu năm? Họ bảo tôi: “Hơn ba mươi năm!” Hơn ba mươi năm chẳng hạ sơn! Ngắn nhất là bao nhiêu? Mười bốn năm. Do vậy, các vị ấy có thành tựu. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Thập tải hàn song, nhất cử thành danh*” (mười năm quanh quẽ, thi đậu thành danh). Chẳng đồ công sức từ mười năm trở lên sẽ chẳng được, điều ấy chính là khuôn mẫu rất tốt cho chúng ta. Tôi di dân sang Úc, lập ra Tịnh Tông Học Viện để cúng dường đại chúng, hy vọng đại chúng thật sự an tâm tu hành ở nơi đó, có thể đạt được một chút thành tựu. Thuở ấy, tôi ấn định kỳ hạn tu học là chín năm, có người bảo tôi “thời gian chín năm quá dài, có thể rút ngắn thành bảy năm hay không?” Tôi cũng không giữ vững chủ ý, khéo sao đúng dịp ấy, sang Nhật Bản họp, sau khi đến thăm núi Tỳ Duệ trở về, [tôi thấy] chín năm chẳng thể giảm bớt! Người ta tu hành trên núi tối thiểu là mười bốn năm, thời gian chín năm của chúng ta há còn có thể giảm bớt được sao? Xác định [thời gian tu hành tối thiểu phải] là chín năm.

Năm nay đã tròn chín năm rồi, sang năm là kỷ niệm tròn mười năm, học viện của chúng ta có thành tựu hay không? Thừa cùng quý vị, chẳng có! Do nguyên nhân nào? Chẳng thể thực hiện đúng theo quy củ. Chúng tôi đã dạy ba căn cơ Nho, Thích, Đạo chẳng ít năm, nhưng chẳng có ai thật sự chịu làm! Lại còn có một điều nữa là “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*” cũng chẳng có ai làm được! Do vậy, tôi bảo mọi người, vì tuổi tác của họ kể ra cũng chưa cao, nói chung cũng gần năm mươi tuổi rồi, vẫn còn được hay sao? Được chứ! Ở Đại Lục đã có một tấm gương: Một vị tại gia cư sĩ năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu học tập,

bắt đầu [học Phật] từ năm mười lăm tuổi (trước đó chẳng hề tiếp xúc Phật pháp), sáu mươi lăm tuổi đạt thành tựu. Tiếc là bà ta tại gia, chẳng xuống tóc; nếu xuống tóc, sẽ lập tức thăng tòa thành đại pháp sư. Bà ta cho tôi biết bà đã học một bộ kinh Vô Lượng Thọ suốt mười năm, học như thế nào? Mỗi ngày bà ta nghe một đĩa CD ghi lời giảng kinh Vô Lượng Thọ của tôi, nên biết đó là bài giảng trong mười năm trước, chưa được tỉ mỉ như hiện thời. Toàn bộ bản kinh giảng xong trong sáu mươi giờ. Sáu mươi đĩa CD, mỗi ngày bà ta nghe một đĩa, mỗi đĩa là một giờ, nhưng bà ta nghe lập đi lập lại đến mười tiếng đồng hồ, nên mỗi ngày nghe kinh mười tiếng! Bà ta nói: Đối với bà ta, nghe kinh hết sức hữu dụng! Vì sao? Vọng niệm chẳng còn nữa, ngoài nghe kinh ra là niệm Phật. Nghe bộ kinh này từ đầu đến cuối xong xuôi, lại nghe từ đầu, nghe xong bèn nghe lại từ đầu, nghe suốt mười năm bèn thành công. Bà ta không chỉ thuộc lòng kinh văn, mà ngay cả chú giải cũng nằm lòng. Hiện thời, lên tòa giảng kinh, bà ta chẳng cần đến kinh sách, cũng chẳng cần tài liệu tham khảo. Hơn nữa, lại còn ra sao? Hễ tiếp xúc bèn thông suốt. Giảng vô cùng viên mãn, thật sự khiến cho kẻ khác trông thấy chẳng thể nào không bội phục. Bà sống trong một gia đình rất khổ nhọc, điều kiện vật chất tốt bực kém cõi, nhưng có thể chịu đựng khổ sở, chịu đựng nhọc nhằn, suốt đời chẳng tranh chấp với ai, chẳng mong cầu gì nơi cõi đời, nên thành công. Đây là một tấm gương tốt cho chúng ta, bà ta năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu, tôi thấy các đồng học trong Tịnh Tông Học Viện chúng ta nói chung vẫn chưa đến năm mươi lăm tuổi, vẫn còn kịp chán! Nếu đến sáu mươi lăm tuổi mà chẳng có thành tựu gì thì thôi rồi, vấn đề nghiêm trọng lắm đấy!

Sau khi đã thành tựu, muốn báo ân Phật và báo ân chúng sanh thì báo đáp như thế nào? “*Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện. Thử nhị cú sơ tán đại sĩ chi Quyền Đức*” (Đạo chơi mười phương, hành phương tiện quyền biến: Hai câu này trước hết là tán thán Quyền Đức của bậc đại sĩ). Đây là phương tiện thiện xảo của các vị Bồ Tát. “*Du bộ thị du hành dữ du hóa chi nghĩa*” (“Du bộ” nghĩa là du hành và du hóa). “*Du hành*” là tâm sư phỏng đạo, khi chính mình còn chưa thành tựu, chỗ nào có bậc cao nhân, có bậc đại đức, ta bèn đến thân cận, hướng về vị ấy thỉnh giáo, đó là “*du hành*”. Như thầy Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, mười chín tuổi lìa nhà, đó là du hành, đi tham học, đến khi ba mươi tuổi Ngài đã tham học mười hai năm. Những cao tăng đại đức trong giới tôn giáo và các bậc cao nhân trong giới học thuật Ấn Độ Ngài đều thân cận, đức hạnh và học vấn đã thành tựu. Tuy thành tựu, vấn đề vẫn chưa được giải quyết, người bình thường sẽ ngừng ở đó, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng cam tâm, không đành chịu, Ngài ngồi dưới cội cây Tất Bát La (Pippala) bên sông Hằng, [cây ấy] nay được gọi là Bồ Đề Thọ (cây Bồ Đề), nhập Định tại đó, buông bỏ học trong mười hai năm xuống, nhập Thiền Định sâu hơn. Lại nhập Thiền Định sâu hơn Tứ Thiền Bát Định đã học trước đó, cuối cùng thành tựu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, khi ấy, đức Phật đã ba mươi tuổi. Sau khi kiến tánh, kiến tánh bèn thành Phật, chẳng còn du hành nữa, mà là du hóa; “*hóa*” là giáo hóa chúng sanh. Sau khi chính mình đã thành tựu,

nhất định phải thành tựu người khác. Thành tựu chính mình là vì lẽ nào? Nhằm giáo hóa người khác. Đây cũng là như trong Tứ Hoàng Thệ Nguyên đã nói: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, phải thực hiện nguyện ấy, chẳng thể nói rồi không làm! “*Thập phương*”: Suốt đời lão nhân gia xác thực là du hóa, chẳng có nơi chốn nhất định, nhưng học trò khâm phục Ngài tột bậc, Ngài đi đến nơi đâu, họ theo đến đó. Số lượng những học trò [thường xuyên] theo Ngài chẳng ít! Từ kinh điển, ta thường thấy [ghi chép con số Thường Tùy Chúng] là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, một đoàn thể to ngàn ấy! Buổi tối nghỉ ngơi dưới cội cây, mỗi người tìm một cội cây to để ngồi nhập Định, nghỉ ngơi dưới gốc cây. Ban ngày thì giảng kinh, giáo học trong rừng cây, nhưng ban ngày còn có một công khóa nữa, phải đi ra ngoài khát thực. Giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây, suốt một đời sống như vậy. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta: “*Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”. Ngài đã làm được, nêu gương cho chúng ta thấy. Đúng là “buông xuống vạn duyên”, trong tâm chẳng có tạp niệm, chẳng có vọng tưởng, lúc ấy mới có thể thành tựu.

“*Thập phương giả, Đông, Tây, Nam, Bắc tứ phương*” (Mười phương là bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc), kể đó là “*Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc*”, đó là bốn phương bàng. Những phương này được gọi chung là “bát phương”, cộng thêm phía trên và phía dưới thành mười phương. “*Cái biểu không gian chi nhất thiết xứ sở*” (ấy là biểu thị hết thảy nơi chốn trong không gian). Phật môn thường nói “*thập phương tam thế*”, nay chúng ta nói thập phương là “*không gian*”, tam thế nay được gọi là gọi là “*thời gian*”. Dùng “*thập phương*” và “*tam thế*” để bao gồm toàn bộ phạm vi hoạt động. “*Du bộ thập phương, biểu đại sĩ thân thông du hý, tự tại du hành, hóa độ thập phương thế giới nhất thiết chúng sanh*” (“*Du bộ thập phương*” biểu thị đại sĩ thân thông du hý, tự tại du hành, hóa độ hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới). Sau khi kiến tánh sẽ có năng lực ấy. Sau khi kiến tánh, sáu thứ thân thông đều trọn đủ. Trong phần trước đã giảng “*cụ túc*” (trọn đủ) là viên mãn. Sau khi kiến tánh, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều đoạn, toàn bộ chẳng còn nữa. Trong cảnh giới của các Ngài, thời gian và không gian cũng chẳng còn nữa. Do thời gian chẳng có, nên con người có thể trở về quá khứ, mà cũng có thể tiến nhập vị lai. Quý vị thấy những vị Bồ Tát ấy có bản lãnh, có thể giáo hóa chúng sanh trong quá khứ, mà cũng có thể giáo hóa chúng sanh trong đời vị lai. Các Ngài có năng lực ấy, năng lực ấy là gì vậy? Bản năng (năng lực sẵn có)! Năng lực ấy ở đâu ra? Vốn sẵn có! Khi khai ngộ, Huệ Năng đại sư đã bảo: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”. Trí huệ, đức năng, và sáu thứ thân thông đều thuộc về đức năng. Tướng hảo thì giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói, “*nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy*”, các Ngài có thể hiện vô lượng vô biên thân. Chúng sanh ưa thích thân gì, các Ngài bèn có thể hiện thân ấy, thiên biến vạn hóa. Do vậy, hóa độ chúng sanh trong hết thảy các thế giới khắp mười phương chẳng có chướng ngại.

“*Hành quyền phương tiện giả, Quyền đối Thật nhi thuyết*” (“Hành Quyền phương tiện”: Quyền là nói đối ứng với Thật). Thật (實) là chân thật, Quyền (權) là quyền biến. Chân thật là Thể, là tự tánh, tánh thể. Quyền là khởi Dụng (sinh khởi tác dụng). Từ Thể khởi Dụng chẳng do ý nghĩ của chính mình, quý vị phải hiểu điều này! Chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ ứng hóa trong thế gian, bất luận là đường nào trong lục đạo đều chẳng khởi tâm động niệm. Như Thích Ca Mâu Ni Phật cũng giống như vậy, Ngài ứng hóa trên thế gian chẳng hề khởi tâm động niệm. [Nếu là] chẳng khởi tâm động niệm, có sao Ngài có thể hiện tướng? Làm sao có thể thuyết pháp cho được? Đây là Ngài “*hành quyền phương tiện*”. Chúng ta trông thấy tướng mạo của đức Phật, nhưng chính đức Phật chẳng chấp tướng. Chúng ta nghe đức Phật thuyết pháp, trên thực tế, đức Phật hoàn toàn chẳng thuyết pháp. Do vậy, trong kinh Bát Nhã nói: Nếu ai nói đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, kẻ đó bán Phật! Không nói mà nói, nói nhưng chẳng nói, quả thật, đức Phật chẳng nói. Vì sao Ngài có thể nói? Chúng sanh có cảm, Ngài tự nhiên phản ứng. Sự “*ứng*” ấy chính là pháp vốn sẵn như thế (pháp nhĩ tự nhiên). Đã có người từng hỏi đức Phật chuyện này, trong các đệ tử đức Phật, ngài Xá Lợi Phất trí huệ đệ nhất, có người hướng về đức Phật thỉnh giáo: “Trí huệ của ngài Xá Lợi Phất do đâu mà có? Vì sao có trí huệ to lớn ngàn ấy?” Đức Phật dùng cái trống làm tỷ dụ, trống thì mọi người đều từng thấy, nó là một thứ nhạc khí đã có từ lâu đời. Ngài nói: “Cái trống thì các ông có biết hay không?” [Đại chúng thưa]: “Dạ biết”. “Trong bụng cái trống có gì hay không? Chẳng có gì, rỗng tuếch. Hai tấm da bọc lấy một khoảng trống rỗng. Đức Phật dạy: “Tâm Xá Lợi Phất giống như cái trống, trong ấy thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng nếu quý vị gõ nó, gõ mạnh ắt kêu to, gõ nhẹ ắt kêu nhỏ. Chẳng gõ sẽ không kêu”. Bất luận quý vị hỏi ngài Xá Lợi Phất vấn đề gì, Ngài đều đối đáp lưu loát. Ngài có dấy lên ý niệm hay không? Chẳng có! Do vậy, đúng là “*không nói mà nói*”, “*nói*” chính là ứng. Ngài chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước, Ngài có nói gì đâu! Cùng một đạo lý giống như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, có nói hay chẳng? Một chữ cũng chẳng nói! Vì sao chúng ta có nói? Khởi tâm động niệm, suy nghĩ lời này nên nói theo cách nào, đó là “*có nói*”! Người ta chẳng khởi tâm, không động niệm, có sao có thể thuyết pháp? Bởi lẽ, nói chính là “*không nói mà nói*”. Lũ phàm phu chúng ta chẳng biết nghe, người biết nghe sẽ nghe theo cách nào? Nghe mà chẳng nghe, chẳng nghe mà nghe, đó là biết nghe, hoàn toàn đối ứng với Phật. Do vậy, chúng ta nghe đức Phật thuyết pháp thường hiểu sai ý Phật, [những ý nghĩa mà chúng ta tưởng là hiểu ý Phật, thật ra] đều là ý nghĩa của chính mình, chẳng phải là ý nghĩa của Phật. Vì thế, “*nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” rất khó thực hiện! Chúng ta phải hiểu Quyền và Thật, chúng đắc Thật thì mới có Quyền. Chẳng chúng Thật sẽ chẳng có phương tiện thiện xảo. Chúng ta có phương tiện, nhưng chẳng có thiện xảo trong đó!

“*Cụ quyền nghi dữ quyền biến chi nghĩa*”: Chữ Quyền này có hai ý nghĩa là quyền nghi (權宜: mềm mỏng khéo léo biến hóa sao cho thích hợp với tình thế) và quyền biến (權

變: ứng xử linh động). “*Tục vị thông quyền đạt biến*” (nói thông tục là “thông đạt quyền biến”), nói theo cách hiện thời, người ấy thông minh, trí huệ, có thể tùy cơ ứng biến, nói đến loại người này. “*Thông quyền đạt biến*” là tùy cơ ứng biến, năng lực ứng biến vô cùng mạnh mẽ. Những vị Bồ Tát ấy đã ứng biến đến mức viên mãn rất ráo, cũng là như cổ nhân đã nói: “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*” (dùng không thay đổi để ứng phó muôn vàn sự thay đổi), họ đã làm được, thật sự chẳng thay đổi, có thể ứng phó vô lượng vô biên biến hóa. Chúng ta chẳng có cách nào học được điều này. Tuy không học được, nhưng nếu chúng ta dùng phương pháp Giới - Định - Huệ để tu học, đến một ngày nào đó, chúng ta cũng có thể đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, năng lực trí huệ ấy hoàn toàn xuất hiện, chẳng cần phải học mà thấy đều xuất hiện. Vì sao? Trong tự tánh vốn sẵn trọn đủ, trọn đủ trí huệ, trong trí huệ có Thật Trí và Quyền Trí, trọn đủ thần thông, trọn đủ tướng hảo. “*Quyền diệc tức Phương Tiện chi dị danh*” (Quyền cũng chính là tên gọi khác của Phương Tiện). Do đó, phương tiện và quyền xảo thường được nói gộp chung. Phương (方) là phương pháp, Tiện (便) là tiện nghi (thuận tiện). Tiện Nghi (便宜) nghĩa là phương pháp thích hợp nhất. Phương pháp thích hợp nhất chẳng có nhất định, do người, do sự, do thời, do nơi chốn mà [áp dụng những phương pháp] khác biệt, vận dụng xảo diệu dường ấy nên gọi là “*phương tiện pháp*”. Vì thế, nó (Quyền) là tên gọi khác của Phương Tiện.

“*Pháp Hoa Văn Cú viết*” (sách Pháp Hoa Văn Cú nói), bộ sách này do Trí Giả đại sư trước tác. Ngài giải thích: “*Phương giả, pháp dã*” [có nghĩa là] Phương là phương pháp, “*Tiện giả, dụng dã*” (Tiện là sử dụng). [Phương Tiện] là sử dụng rất thuận tiện, trôi chảy, chẳng bị chướng ngại. “*Thiền ngôn chi, Phương thị phương pháp, Tiện thị tiện lợi. Ấn Phật giáo nghĩa, tắc như Đại Tập kinh vân*” (Nói nông cạn, Phương là phương pháp, Tiện là tiện lợi. Xét theo ý nghĩa của lời Phật dạy thì như trong kinh Đại Tập đã nói), đây là như trong kinh, đức Phật đã nói: “*Năng điều chúng sanh, tất linh thú hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thị danh Phương Tiện*” (có thể điều phục chúng sanh, khiến cho họ đều hướng đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì gọi là Phương Tiện). Ý nghĩa này sâu xa! Quý vị có thể “điều” chúng sanh, “điều” (調) là điều giáo (調教: điều phục, giáo hóa). Người Trung Quốc thường điều phục (uốn nắn vào khuôn khổ) rồi mới dạy bảo. “*Điều giáo*” chúng sanh cần phải có trí huệ, phải có phương pháp. Chúng sanh rất dễ dàng tiếp nhận, mà cũng có thể hiểu rất rõ ràng, vui vẻ y giáo phụng hành, họ sẽ thành công. Ở đây, đức Phật đã nói cho chúng ta biết mục tiêu này, có thể nói đó là tông chỉ giáo học của Phật pháp. Nếu người khác hỏi chúng ta, Phật giáo nhằm dạy điều gì? Tông chỉ của ngàn kinh muôn luận giống nhau, bất luận là Hiền Giáo, Mật Giáo, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Tông Môn, Giáo Hạ, chư vị phải biết đều là một mục tiêu này, tức là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Từ ngữ này là tiếng Phạn dịch âm, có thể dịch nghĩa sang tiếng Hán, vì sao chẳng dịch? Do tôn trọng nên không dịch. Nó chính là tông phương hướng, tông mục tiêu mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy con người. Điều này vô cùng trọng yếu, cho nên giữ nguyên [âm đọc] tiếng Phạn, vì tôn trọng chẳng

dịch. Dịch sang nghĩa tiếng Hán hóa ra khá đơn giản, [chỉ gồm] sáu chữ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A dịch thành Vô, Nậu Đa La dịch là Thượng, Tam dịch thành Chánh, Miêu dịch thành Đẳng, chữ Tam kế tiếp cũng là Chánh, Bồ Đề là Giác. Quý vị thấy gộp lại sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật pháp chính là điều này.

Trong ấy có ba chuyện, nói từ phần sau thì điều thứ nhất là Chánh Giác, tức Tam Bồ Đề (Sambodhi), người nào đạt được? A La Hán đạt được! Đạt được bằng cách nào? Đoạn Kiến Tu phiền não. Đã đoạn Kiến Tu phiền não bèn chứng Tam Bồ Đề tức Chánh Giác, được gọi là A La Hán. Lại nâng cao lên một bậc là Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là Tam Miêu Tam Bồ Đề (Samyak Sambodhi), Bồ Tát chứng đắc Chánh Đẳng, cao hơn A La Hán,. Các Ngài chứng đắc bằng cách nào? Bồ Tát không chỉ đoạn Kiến Tu phiền não, mà Trần Sa cũng đã đoạn, Vô Minh cũng phá một phẩm, như vậy thì mới có thể chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác. Đẳng là bằng Phật, nhưng vẫn chưa đạt tới [địa vị] Phật, còn kém một cấp. Địa vị cao nhất là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (Anuttara Samyak Sambodhi), Phật chứng đắc [quả vị này]. Đây là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống. Toàn bộ Vô Thi Vô Minh, Trần Sa phiền não, Kiến Tu phiền não như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói đều đoạn sạch, trở về tự tánh, minh tâm kiến tánh, đó mới là “*liạ khổ, được vui*”. Quý vị thấy A La Hán chứng đắc Chánh Giác, thoát ly nỗi khổ trong lục đạo, chẳng còn luân hồi trong lục đạo, Ngài đạt đến bốn thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác chính là Phật pháp giới trong bốn thánh pháp giới. Đối với sự khổ trong bốn thánh pháp giới thì [những nỗi khổ] trong các pháp giới thấp hơn (lục phàm) đã không còn nữa, Thanh Văn và Duyên Giác đã liạ khổ, Bồ Tát và Phật [trong bốn thánh pháp giới] vẫn còn Thọ, do vẫn còn có khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là Vô Thi Vô Minh, công phu còn phải nâng cao hơn một bậc, nâng cao tới mức chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là thật sự an trụ. Chẳng khởi tâm, không động niệm, lúc ấy bèn chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã thành Phật, vĩnh viễn thoát liạ nỗi khổ trong mười pháp giới. Liạ khổ được vui có cấp bậc, có tầng lớp, thật sự đã liạ khổ! Mười pháp giới đều gọi là thế gian, thật sự xuất thế gian là phải vượt thoát mười pháp giới thì mới thật sự là xuất thế gian, vĩnh viễn thoát khỏi hết thấy các nỗi khổ trong thế gian, liạ khổ được vui. Chẳng phải giống như chúng ta trong hiện tại, không có cái gì để ăn, được cho một chút thức ăn bèn [cảm thấy] liạ khổ được vui; chẳng có cái mặc, được cho một ít quần áo để mặc [bèn cảm thấy là liạ khổ, được vui], không phải vậy, chuyện như vậy quá nhỏ nhặt! Những chuyện ấy đức Phật giao cho chúng ta để chúng ta tự mình lo liệu, còn những chuyện khổ vui to lớn thì Phật, Bồ Tát đến giúp chúng ta lo toan, những việc nhỏ nhặt sẽ do chính ta lo liệu.

Trong thế gian này, trong các phần trước, chúng tôi đã nói rất nhiều, cầu của cải được của cải, cầu thông minh, trí huệ, được thông minh, trí huệ, cầu trường thọ được trường thọ, chẳng có gì quý vị không cầu được! Chỉ cần quý vị nương theo đạo lý và phương pháp do

đức Phật đã dạy để cầu, hữu cầu tất ứng! Nhưng có lúc chúng ta cầu mà chẳng ứng là do nguyên nhân nào? Tôi học những pháp này từ Chương Gia đại sư lúc hai mươi mấy tuổi, lão nhân gia rất từ bi, thường dạy bảo tôi. Thầy nói: “Khi anh cầu mà chẳng có cảm ứng thì chẳng phải là không có cảm ứng, mà là do bản thân anh có nghiệp chướng khiến cho sự cảm ứng ấy bị chướng ngại. Nếu sám trừ nghiệp chướng, cảm ứng sẽ hiện tiền, chẳng phải là không có cảm ứng!” Tôi hướng về thầy thỉnh giáo: “Diệt trừ nghiệp chướng bằng cách nào?” Ngài bảo tôi sám hối. Nói đến sám hối, đại sư dạy tôi: “*Phật pháp trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức*”, dạy tôi pháp môn ấy. Sám hối trên mặt hình thức chẳng quan trọng, phải là từ thực chất. Thực chất là gì? Thực chất là sau đây không làm nữa! Ta biết chính mình đã làm sai, ta cũng hiểu như người Trung Quốc đã nói “*bất nhị quá*” (không phạm lỗi ấy lần nữa), đó là chân sám hối, chẳng chú trọng hình thức. Trong các học trò của Khổng phu tử, chỉ có một người “*bất nhị quá*” thường được phu tử tán thán là Nhan Hồi. Có thể thấy là những người khác đều làm không được, đều vẫn thường phạm làm lỗi. Chỉ có một mình Nhan Hồi rất lỗi lạc, Ngài đạt được “*bất nhị quá*”. Do đó, thầy dạy tôi: Sám trừ nghiệp chướng thì sau ấy hẳn có cầu nhất định có ứng. Vì vậy, chúng ta hiểu rõ: Nếu chúng ta cầu tài, cầu trí huệ, luôn vì tự tư tự lợi mà cầu, sợ rằng đều chẳng có cảm ứng. Nếu chúng ta cầu tài, cầu trí huệ nhằm phục vụ chúng sanh, giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn trong xã hội thì sẽ có cảm ứng. Quý vị thấy: Chẳng vì chính mình thì mới được, vì sao? Chúng ta có thể nghĩ thông suốt lý ấy, [lý ấy] chẳng phải là rất sâu. Nếu là vì tự tư tự lợi bèn cầu Phật, Bồ Tát mà có cảm ứng, chẳng phải là Phật, Bồ Tát cổ vũ, khích lệ chúng ta tự tư tự lợi ư? Chẳng phải là dạy chúng ta làm sai, làm ác ư? Há có Phật, Bồ Tát như vậy? Yêu ma, quỷ quái mới làm chuyện ấy, Phật, Bồ Tát chẳng làm chuyện đó! Chắc chắn là tâm hạnh của chúng ta phải rất gần gũi chư Phật, Bồ Tát, đồng tâm, đồng nguyện, đồng giải, đồng hạnh với chư Phật, Bồ Tát thì chắc chắn có cảm ứng, chẳng hề không có cảm ứng. Do vậy, câu kinh Đại Tập này có ý nghĩa rất sâu, đã chỉ ra tổng phương hướng và tổng mục tiêu trong sự tu học Phật pháp.

“*Hựu như Pháp Hoa Huyền Tán vân: Thi vi khả tắc viết Phương, thiện đậu cơ nghi viết Tiện*” (Lại như sách Pháp Hoa Huyền Tán giảng: “Việc làm có thể nêu gương là Phương, khéo phù hợp cơ nghi là Tiện”). Ở đây, ý nghĩa [chữ Phương Tiện] được giảng rất sâu. “*Thi vi*”: Thi (施) là bố thí, giúp đỡ người khác. “*Khả tắc*”(可則): có thể nêu gương, tạo thành khuôn phép): Tiêu chuẩn trong câu này cao lắm! Việc làm của chúng ta có thể nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội thì gọi là Phương. Ý nghĩa này giống như tại trường đại học sư phạm Bắc Kinh, hình như là phía trước đại lễ đường có treo tám biển ghi tám chữ: “*Học vi nhân sư, thân vi thế phạm*” (học làm thầy người, thân làm gương mẫu cho cõi đời). Tám chữ ấy chính là “*thi vi khả tắc*”. Hôm tôi đến thăm trường ấy, có ông Phó Hiệu Trưởng bồi tiếp, tôi thấy tám chữ ấy, bèn thưa với ông Hiệu Trưởng: “Thưa hiệu trưởng! Tám chữ ấy chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh trong Phật giáo”. Ông ta nghe nói, sững sờ: “Kinh Hoa Nghiêm nói như vậy à?” “Đúng vậy! Cả bộ kinh Hoa Nghiêm nhằm giảng tám

chữ này!” Tôi sửa một chữ, đổi chữ Thân trong câu “*thân vi thể phạm*” thành Hành, Hành có ý nghĩa rộng hơn Thân. Nhà trường cũng chấp nhận, sau đấy họ sửa lại chữ ấy. “*Hành vi thể phạm*” chính là ý nghĩa của chữ Phương. “*Thiện đâu cơ nghi*” (khéo hợp cơ nghi): Thiện xảo phương tiện có thể khiến cho người tiếp nhận đều sanh tâm hoan hỷ. Đó là “*thiện đâu cơ nghi*”, đó là Tiệm. Có thể thấy ý nghĩa được giải thích theo kiểu này còn sâu hơn ý nghĩa trong Pháp Hoa Văn Cú, [nhưng cả hai sách] đều nói đúng, chẳng hề nói sai!

“*Hựu Tịnh Ảnh Sớ vân*” (lại nữa, Tịnh Ảnh Sớ giảng), Tịnh Ảnh Sớ là chú giải kinh Vô Lượng Thọ [của ngài Tịnh Ảnh Huệ Viễn]. Sách ấy giảng: “*Hóa hành thiện xảo, tùy vật sở nghi, chủng chủng dị hiện, danh quyền phương tiện*” (hành vi giáo hóa khéo léo, thuận theo căn cơ của chúng sanh mà hóa hiện thích hợp, các thứ biến hiện lạ lùng thì gọi là Quyền Phương Tiện). Đây là giáo hóa chúng sanh vô cùng hay khéo, vô cùng xảo diệu, chẳng có một pháp nhất định nào. “*Tùy vật sở nghi*”: Do [căn tánh của] mỗi người [mà áp dụng phương pháp] khác biệt, do mỗi sự mà khác biệt. Như trong quá khứ, trưởng lão Tế Công trong Phật môn là người đời Tống, sống cùng thời đại với Nhạc Phi, thật sự có vị ấy, mà cũng thật sự có chuyện ấy, nhưng [những điều] được viết trong tiểu thuyết chẳng đáng tin. Trong Cao Tăng Truyện có [ghi chép truyện của Ngài], tôi nhớ truyện ký về Ngài đặc biệt phong phú, hình như có tới sáu quyển. Truyện ký của người khác chỉ có một trang, hai trang, còn [truyện ký của] Ngài tới sáu quyển. Trong Đại Tạng Kinh có sách ấy. Đó là “*chủng chủng dị hiện*” (các thứ hóa hiện lạ lùng), tác dụng to lớn, chẳng có ngăn mé. Người tầm thường chẳng thể làm được những chuyện ấy, thật sự có thần thông, những chuyện như vậy rất nhiều. Nhất là trong thời cận đại cũng phát hiện một trường hợp như vậy. Trong thời kỳ Kháng Chiến, vị được gọi là Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn) chính là một vị xuất gia tại chùa Kim Sơn ở Nam Kinh. Sư có pháp hiệu là Diệu Thiện, nhưng rất nhiều người trong thế gian chẳng biết pháp danh của Ngài, đều gọi Ngài là Hoạt Phật, gọi Ngài là Kim Sơn Hoạt Phật. Hành trạng trong một đời của vị pháp sư ấy chẳng khác Tế Công đời Tống cho mấy, cũng là đi một đôi dép cỏ^{90[1]} rách nát, mặc một cái áo dài, nói chung bên trong là một cái quần đùi, cả năm bốn mùa đều là dáng vẻ như thế. Trước nay chưa hề giặt quần áo, y phục rách nát, rất bẩn thỉu nhưng Ngài trọn chẳng bận tâm. Suốt đời chẳng tắm gội, cổ áo đóng hờm đen xì, nhưng quý vị ngửi thấy có hương sen thơm ngát. Lại còn có thể chữa bệnh! Thân thể quý vị có chỗ nào chẳng thoải mái, quý vị ngửi mùi ấy sẽ hết bệnh! Hết sức lạ lùng! Lão nhân gia viên tịch tại Miến Điện, Ngài sang Miến Điện giáo hóa chúng sanh, qua đời bên đó. Tín đồ nơi ấy vô cùng cung kính Ngài, nhất định bắt Ngài đi tắm rửa, bắt

90[1] Dép cỏ (thảo hài) là một loại sandal bện bằng cỏ, lác, rơm v.v..., thường dùng nhất là cỏ tranh, hoặc rạ, có nhiều hình thức, thông thường là bện thành hình giống như sandal có quai chéo, có khi bện thành hình một chiếc giày có thể xỏ chân vào. Loại thảo hài này cũng được các dân tộc chung quanh bắt chước sử dụng như loại waraji của Nhật thường bện bằng rạ, hoặc thân cây bắp. Người Đại Hàn dùng cỏ bện thành giày, lót thêm vải và giấy cứng làm đế để có thể sử dụng lâu hơn.

Ngài gột rửa trong khi mưa dầm, Ngài vãng sanh trong khi đang tắm, đứng ở dưới nước vãng sanh, người thật, chuyện thật!

Tại Đài Loan có hai người viết truyện ký về Ngài: Cuốn Sự Tích Kim Sơn Hoạt Phật do pháp sư Chử Vân viết, còn cuốn kia do pháp sư Lạc Quan viết. Pháp sư Lạc Quan từng ở chung với Ngài suốt bốn tháng. Cụ Lạc Quan có cùng bối phận (vai vế) với chúng tôi, Sư từng bảo tôi: “Vị ấy (Kim Sơn Hoạt Phật) thật sự có thần thông. Trong tâm chúng tôi nghĩ gì Ngài đều biết, trong lúc nói giống Ngài nói ra hết. Chúng tôi khởi tâm động niệm bất cứ điều gì, đều chẳng có cách nào giấu Ngài, Ngài đều biết cả. Ngài có Tha Tâm Thông. Tôi thiếu là Ngài có Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, và Tha Tâm Thông. Tôi thiếu là Ngài có những năng lực ấy!” Có Thần Túc Thông hay không? Chẳng có chúng có rõ rệt, nhưng dường như là có. Mọi người đang tụ tập chuyện gẫu, nhắc tới Kim Sơn Hoạt Phật, chưa nói xong, Ngài đã bước vào! Thường có hiện tượng ấy, làm thế nào lại xảo hợp như thế được? Đó là “*chùng chùng dị hiện*”, là Quyền Phương Tiện. Nói chung, cảnh giới ấy phải từ A La Hán trở lên thì mới được. A La Hán có tứ quả, từ Sơ Quả đã có [thần thông], Sơ Quả là Tu Đà Hoàn. Tu Đà Hoàn đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, khôi phục hai thứ trong sáu thứ bản năng (năng lực vốn sẵn có), tức là Thiên Nhãn và Thiên Nhĩ. Người bình thường chúng ta chẳng thấy nhưng Ngài thấy, người bình thường chúng ta nghe không thấu, nhưng Ngài nghe thấu, Ngài có năng lực ấy. Chúng ta giảng kinh trên tầng lầu này, Ngài nhìn thấy những tầng dưới, Ngài biết rõ hoạt động của người trong mỗi tầng, có thể trông thấy chẳng bị chướng ngại! Nếu chúng Nhị Quả sẽ có năng lực càng lớn hơn nữa. Nhị Quả có Tha Tâm Thông, có Túc Mạng Thông, trong tâm người khác nghĩ gì, vị ấy đều biết. Đến Tam Quả bèn có Thần Túc Thông, có thể biến hóa, phân thân, các bậc thánh giả Tiểu Thừa có thể thị hiện. Trong Đại Thừa, như kinh Hoa Nghiêm của Viên Giác đã nói, Sơ Tín vị Bồ Tát có năng lực Lục Thông hoàn toàn giống như Tu Đà Hoàn. Đệ Thất Tín Bồ Tát đoạn phiền não, nay chúng ta nói theo cấp bậc thì Ngài tương đương A La Hán, tức A La Hán trong Tiểu Thừa. Bát Tín tương đương Bích Chi Phật. Cửu Tín là Bồ Tát, tức địa vị Bồ Tát trong mười pháp giới. Thập Tín là địa vị Phật trong mười pháp giới. Tùy theo địa vị, thần thông biến hóa cũng [sai khác] rất lớn. Lũ phàm nhân chúng ta chẳng thể làm được những điều ấy, nhưng các Ngài có thể làm được!

“*Tổng thượng kinh luận*” [nghĩa là] chúng ta tổng hợp những điều kinh luận vừa giảng trên đây, “*cố tri dĩ thiện xảo ốn tiện chi pháp*”, [nghĩa là] dùng những phương pháp khéo léo, ốn thỏa, thích đáng, thuận tiện, “*diệu kế chúng sanh căn cơ*” (khéo léo kế hợp căn cơ của chúng sanh), “*diệu*” có nghĩa là thiện. Vị ấy sử dụng phương pháp rất xảo diệu, hết sức tốt đẹp, khiến cho chúng sanh sau khi tiếp xúc đều sanh tâm hoan hỷ, giác ngộ, có thể phá mê giác ngộ, sanh tâm hoan hỷ. “*Đạo hướng cứu cánh chi quả giác*” (dẫn dắt hướng đến quả giác rốt ráo), quả giác rốt ráo chính là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề như đã nói trong

phần trước, đó là quả giác rất ráo. Vì vậy, từ chỗ này, chúng ta hiểu rõ Phật pháp là gì? Ngàn kinh muôn luận, vô lượng pháp môn, quyết định đều nhằm một mục tiêu là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là Phật pháp. Nếu mục tiêu là Chánh Giác, đó là Tiểu Thừa A La Hán; nếu mục tiêu là Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là Bồ Tát, là Đại Thừa. Nếu mục tiêu là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là pháp Nhất Thừa, là Phật quả rất ráo viên mãn. Chúng ta phải hiểu rõ, minh bạch chuyện này, kinh Vô Lượng Thọ đi theo đường hướng nào? Nói thẳng thừng là dạy chúng ta thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong hết thảy các kinh, nó thuộc loại kinh Nhất Thừa. Kinh Nhất Thừa chẳng có mấy bộ! Tại Trung Quốc, trừ bộ kinh này ra, Hoa Nghiêm là Nhất Thừa, Pháp Hoa là Nhất Thừa. Phạm Võng tuy là Nhất Thừa, nhưng chẳng được dịch hoàn toàn sang tiếng Hán, truyền đến Trung Quốc chỉ có Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm, chỉ có một phẩm. Do mục tiêu của kinh này là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên trong pháp môn này, ở đây, đức Phật dạy chúng ta niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật, “*danh vi hành quyền hoặc hành phương tiện*” (gọi là “hành quyền” hoặc “hành phương tiện”), tổng kết ý nghĩa ấy, giải thích viên mãn từ ngữ “*hành quyền phương tiện*”. Tiếp đó là “*nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn. Nhập giả, Gia Tường Sớ thích vi: Giải khế tông nguyên*” (“Nhập Phật pháp tạng, rốt ráo đạt đến bờ kia”. Gia Tường Sớ giải thích “nhập” là “thông hiểu, khế nhập tông nguyên”). “*Tông nguyên*” là gì? Tông (宗) là chủ yếu, trọng yếu, Nguyên (源) là căn nguyên (cội nguồn). Chúng ta hiểu Tông Nguyên là tự tánh, hết thảy các pháp chẳng lìa tự tánh. Trong tự tánh, đức Thế Tôn đã quy nạp vô lượng vô tận công đức thành ba loại lớn, thứ nhất là trí huệ, thứ hai là đức năng, thứ ba là tướng hảo. Trí huệ là thông đạt, hiểu rõ. Hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian đúng là không gì chẳng biết. Đức năng là thần thông, thiện xảo phương tiện, không gì chẳng thể. Trong tướng hảo có vật chất và tinh thần, tướng hảo viên mãn. Trong cõi Thật Báo, đức Thế Tôn đã giới thiệu với chúng ta: “*Thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo*”. Không giống như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế giới này, thị hiện thân tướng giống như chúng ta, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, kinh thường gọi thân ấy là Liệt Ứng Thân (thân ứng hiện kém cõi). Thị hiện trong lục đạo nhất định phải thị hiện thân giống như chúng sanh. Nếu thị hiện sai biệt quá lớn, kẻ bình phàm chẳng dám tin tưởng. Phải thị hiện thân tốt đẹp hơn một chút thì mọi người mới có thể tin tưởng. Trên cõi trời, đức Phật thị hiện thân trời, trong nhân gian, Ngài thị hiện thân người, trong đường súc sanh, Ngài thị hiện thân súc sanh. Nếu muốn độ chúng sanh trong một loài nào, đầu tiên là phải hiện thân giống như họ. Nếu muốn độ kiến, Ngài cũng hiện thân kiến. Quý vị chẳng hiện thân ấy thì làm sao có thể ở cùng chỗ với họ? Ở cùng một chỗ với họ thì mới có cách dạy họ; do vậy, thị hiện thân đồng loại.

“*Giải khế tông nguyên*” là nói đến Nhập trong “*nhập Phật pháp tạng*”, chúng ta đã hiểu rõ, lý giải [Nhập] là tương ứng với Tánh Đức. Nói cách khác, tương ứng với trí huệ chân thật, chẳng phải là tương ứng với kiến thức và học thuật thông thường. Con người hiện thời

nói đến học thuật và tri thức, chẳng nói tới trí huệ. Nói tới tri thức thì tương ứng với tri thức sẽ chẳng được, đó là pháp thế gian, chẳng phải là pháp xuất thế gian. Vì sao phải nói theo cách như vậy? Bốn chữ ấy (giải khế tông nguyên) có ý nghĩa rất sâu, quả thật là trong thời cận đại, có lắm kẻ đã coi kinh điển nhà Phật như một thứ học thuật để nghiên cứu, nên bị biến chất, biến thành tri thức, [trở thành] kiến thức Phật giáo. Ở những chỗ nào? Trong đại học! Rất nhiều trường đại học dùng kinh điển để giảng dạy. Tại những trường nổi tiếng nhất Âu Châu như đại học Ngu Tân (Oxford), đại học Kiếm Kiều (Cambridge), đại học Luân Đôn (London) đều có khoa Hán Học. Sinh viên đại học, sinh viên chương trình Cao Học, sinh viên theo học chương trình Tiến Sĩ của ngành Hán Học dùng kinh Phật để viết luận án. Họ có tương ứng hay không? Họ tương ứng, nhưng chẳng phải là “*giải khế tông nguyên*”! Chẳng phải vậy! Bởi lẽ, những gì họ học được đều là kiến thức về Phật giáo, chẳng phải là trí huệ trong Phật pháp. Khi tôi đến viếng thăm, cũng có giảng cho họ hai buổi, nhắc nhở họ học Phật, phải học theo đường lối của tổ sư đại đức thì mới thật sự được thọ dụng. Đi theo con đường học thuật cũng hữu dụng, giống như có thể đạt được học vị Tiến Sĩ, tương lai làm giáo sư khoa Triết Học hoặc Phật Học, hoặc làm một nhà Hán Học, có thể đạt được điều ấy, nhưng mong chúng quả Tu Đà Hoàn sẽ chẳng có phần, mong được vãng sanh, cũng chẳng có phần, [bởi lẽ], Phật giáo theo kiểu đó là học thuật. Phật giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo dục Phật giáo, phải hiểu điều này, nó chẳng phải là học thuật. Thời đầu Dân Quốc, Âu Dương đại sư đã nói rất hay, Phật pháp không phải là triết học hay tôn giáo, mà là nhu cầu tất yếu của con người hiện thời. Vì sao? Nó thật sự có thể giải quyết vấn đề, giúp chúng ta hóa giải xung đột, khôi phục sự an định, hòa bình cho xã hội. Phật pháp làm được những điều ấy, giúp chúng ta thoát ly lục đạo luân hồi, giúp chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc, trong một đời chúng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rốt ráo viên mãn, nó có thể thực hiện được những điều ấy. “*Giải khế tông nguyên*” vô cùng quan trọng.

“*Tịnh Ảnh Sớ vân: Chứng hội vi Nhập. Khả kiến nhập giả, vi khế hội chứng nhập chi nghĩa*” (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Chứng nhập, khế hội là Nhập”. Có thể thấy Nhập có nghĩa là khế hội, chứng nhập”). Chữ “*Hội*” (會) có ý nghĩa rất sâu. Quý vị đọc Ngữ Lục của Thiền Tông, thấy thầy dạy trò, thường nói một câu Khẩu Đầu Thiền nhiều nhất. Thầy hỏi trò: “*Nhĩ hội ma?*” (Ngươi hiểu chưa?). Câu này có ý nghĩa sâu xa, Hội là gì? Khế nhập là Hội, quý vị chẳng khế nhập sẽ không hiểu! Khế nhập là “*giải khế tông nguyên*” như đã nói trong đoạn trước, quý vị thật sự thấu hiểu. Chẳng phải là [hiểu] theo mặt văn tự, mà là do văn tự, do ngôn thuyết, quý vị đang xem kinh hay đang nghe giáo bèn khế nhập tự tánh, chúng ta thường nói là “khai ngộ”. Xem kinh bèn khai ngộ, nghe giảng bèn khai ngộ, đó là Nhập. Chẳng có ngộ, chẳng thể coi là Nhập! Thật sự ngộ nhập thì mới là Nhập. Do vậy, Nhập có nghĩa là “khế hội, chứng nhập”. “*Diệc tức Pháp Hoa trung nhập Phật tri kiến trung chi Nhập tự dã*” (cũng chính là chữ Nhập trong “nhập Phật tri kiến” của kinh Pháp Hoa). “*Nhập*” là chúng, là khế nhập. Phật tri Phật kiến là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh, trong Thiền Tông nói

“đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” là nói đến điều này, nói tới chuyện này. Trong Giáo Hạ nói “đại khai viên giải” cũng nhằm nói về chuyện này. Người niệm Phật chúng ta gọi điều này là “Lý nhất tâm bất loạn”, nhất tâm bất loạn bao gồm Sự nhất tâm bất loạn và Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là nhập Phật tri kiến, có cùng cảnh giới với minh tâm kiến tánh trong Thiền Tông, đồng dạng với “đại khai viên giải” trong Giáo Hạ, tầng bậc như nhau. Sự nhất tâm thuộc về giải ngộ, chưa phải là chứng; do vậy, Sự nhất tâm bất loạn sanh về thế giới Cực Lạc sẽ sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, giống như bốn thánh pháp giới trong thế giới này. Nếu là Lý nhất tâm sẽ sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, khác hẳn, đã thành Phật rồi. Do vậy, Sự nhất tâm vẫn là Bồ Tát, chưa thuộc về địa vị Phật. Sự nhất tâm cũng có ba bậc, chín phẩm, trung hạ phẩm là địa vị A La Hán trong Tiểu Thừa, trung thượng phẩm là Bồ Tát. Nhìn theo giáo lý, Tây Phương Cực Lạc thế giới gồm bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, nhưng trên thực tế, chúng ta phải liễu giải: Hoàn cảnh tu học trong thế giới ấy vô cùng đặc biệt, thù thắng, kẻ bình phàm chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng. Đó là gì? Hoàn toàn đắc lực cậy vào bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì; do vậy, họ đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Đây cũng là lý do vì sao nói Tịnh Tông là pháp khó tin, nguyên nhân ở chỗ này, đúng là pháp khó tin!

“*Nhập Phật pháp tạng*”, tiếp theo đó, [cụ Hoàng] giải thích [từ ngữ] “*Phật pháp tạng*”. “*Phật pháp tạng giả, Gia Tường Sớ vân: Danh lý vi Tạng*” (“Phật pháp tạng”: Gia Tường Sớ giảng: “Lý được gọi là Tạng”). Trước hết, giải thích ý nghĩa chữ Tạng. “*Cái vị Phật pháp tạng vi Pháp Tánh chi Lý Thể. Pháp Tánh hàm tàng vô lượng chi Tánh Đức, cố danh Phật pháp tạng*” (ý nói Phật pháp tạng là Lý Thể của Pháp Tánh. Pháp Tánh chứa đựng vô lượng Tánh Đức, nên gọi là Phật pháp tạng). Trên thực tế, “*nhập Phật pháp tạng*” là minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là nhập Phật pháp tạng. Chúng ta niệm Phật, tới ngày nào đó niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn chính là nhập Phật pháp tạng, minh tâm kiến tánh. Do vậy, đây cũng là một cách giải thích rất hay, rất rõ ràng, “*danh Lý vi Tạng*” (gọi Lý là Tạng), Tạng (藏) có nghĩa là hàm chứa. Phật pháp tạng là Pháp Tánh Lý Thể, dùng chữ Tạng [để diễn tả] ý nghĩa “chứa đựng”, giống như một kho tài liệu, dùng ngay chuyện này để tỷ dụ. Pháp Tánh là thật, thật sự chứa đựng vô lượng Tánh Đức, đúng là vô lượng. Tự tánh của mỗi cá nhân đều tương đồng, trong Triết Học gọi nó là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Nó có thể sanh, có thể hiện. A Lại Da có thể biến, A Lại Da cũng chẳng lìa khỏi Phật pháp tạng. Tách rời Phật pháp tạng bèn chẳng có A Lại Da. Phật pháp tạng giống như nước, A Lại Da giống như sóng, lìa nước lấy đâu ra sóng? Bởi lẽ, bản thể của sóng là nước, vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới có cùng một bản thể. Do vậy, đối với kinh Phật, tổ sư đại đức thường dạy chúng ta, trọn khắp pháp giới hư không giới và chúng ta có cùng một Thể. Quý vị thấy chúng ta thường nghe kinh nói: “*Sanh Phật bất nhị*” (chúng sanh và Phật chẳng hai). “*Sanh*” là chúng sanh, “*Phật*” là chư Phật Như Lai, đặt chúng sanh lên đầu, nói đến Phật ở sau; đó là gì? Phật tôn trọng chúng sanh, tôn kính chúng sanh. Vì sao? Chúng sanh là Phật chưa giác

ngộ, Phật là chúng sanh đã giác ngộ. Vị Phật chưa giác ngộ là một vị Phật hồ đồ, chẳng biết tôn trọng người khác; còn chúng sanh đã giác ngộ, đối với bất cứ điều gì cũng đều tôn trọng. Chúng sanh đã giác ngộ bèn là Phật. Lại còn nói: “*Tự tha bất nhị*”, Tự là chính mình, Tha là gì? Tha thì trên là chư Phật, dưới đến chúng sanh trong địa ngục, đều là một, chẳng hai! Lão Tử cũng nói kiểu ấy: “*Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể*” (trời đất và ta có cùng gốc, vạn vật và ta cùng một Thể), có ý nghĩa hoàn toàn giống như lời đức Phật đã nói.

Hiện thời, chúng tôi rất muốn nghe [lời nhận định của] các nhà Vật Lý Học Lượng Tử trong hiện đại, nghe họ [trình bày] những nghiên cứu, phát hiện của họ, để cho họ chứng minh những điều được nói trong Phật pháp là thật, chẳng phải là giả. Vì sao người phải yêu thương người? Cùng một Thể! Chúng ta có cùng một thân thể, vì sao ta phải yêu thương ngón tay này? Vì sao ta phải yêu thương sợi lông này? Nó và ta có cùng một Thể, đạo lý là như thế đó. Pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng có giới hạn, sai biệt ở chỗ nào? Mê hay ngộ, mê bèn gọi là pháp thế gian, giác ngộ bèn gọi là pháp xuất thế gian. Xuất thế gian gọi là Phật pháp, đã giác ngộ là Phật pháp, chưa giác ngộ gọi là chúng sanh pháp, chúng là một, chẳng hai! Do vậy, đúng là trong Pháp Tánh, Pháp Tánh là tự tánh, chứa đựng vô lượng Tánh Đức. Người giác ngộ muốn giúp chúng ta giác ngộ vô lượng Tánh Đức, giúp chúng ta giác ngộ lại chẳng phải là chuyện đơn giản, vì sao? Chưa chắc chúng ta đã tin tưởng họ, chẳng có tín tâm đối với họ, chẳng tôn trọng họ, cho nên chẳng dễ gì dạy được! Nhưng đối với khó khăn trước mắt, chỉ cần lấy ra đôi chút Tánh Đức bèn có thể giải quyết. Cội rễ của Tánh Đức là gì? Người Trung Quốc nói tới Hiếu. Ngũ Luân được bắt đầu bằng câu “*phụ tử hữu thân*” (cha con có tình thân thiết), đó là cội nguồn của Tánh Đức. Vô lượng vô biên Tánh Đức thủy đều lưu lộ từ cội nguồn ấy. Trong Phật pháp, [Hiếu] được gọi là từ bi, trong nhiều tôn giáo, nó được gọi là Ái. Ái và từ bi trong Phật pháp cũng như “*phụ tử hữu thân*” trong Ngũ Luân của Trung Quốc có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau, chẳng kèm thêm bất cứ điều kiện nào, nó là tâm yêu thương vô điều kiện! Người Trung Quốc đã nêu bày Tánh Đức một cách đơn giản bằng mười hai chữ. Mười hai chữ ấy có thể giúp chúng ta sống rất hạnh phúc, rất sung sướng suốt một đời. Mười hai chữ ấy chính là “*hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nhân ái, hòa bình*”, Tánh Đức đấy! Có phải là mười hai chữ ấy vô lượng vô biên? Đúng vậy. Chúng ta suy nghĩ sẽ thấy mười điều trong Thập Thiện, mười đại nguyện vương cũng là mười điều. Khi Bồ Tát mở rộng ra, chúng sẽ biến thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Mười hai chữ ấy của Trung Quốc có phải là tám vạn bốn ngàn tế hạnh trong Bồ Tát đạo hay không? Tôi tin là chúng đã bao trùm chẳng sót, chúng chính là Tánh Đức.

Do vậy, ngày nay chúng ta vận dụng Tánh Đức đôi chút như thế nào, áp dụng đôi chút trong cuộc sống như thế nào? Chúng ta chưa kiến tánh, nhưng những người đã kiến tánh đều hiểu rõ, sẽ nêu bày tự tánh. Nếu chúng ta chịu tin tưởng, chịu y giáo phụng hành thì cũng sẽ sử dụng được, người chưa kiến tánh cũng sử dụng được, phải nghe theo giáo huấn của chư

Phật, Bồ Tát và các vị đại thánh đại hiền. Vì thế, chúng tôi thường nói: “Chúng tôi học tập nhiều năm như thế mới thấu hiểu, những thứ ấy chẳng phải do họ phát minh, chẳng phải do họ sáng tạo, mà do tự tánh lưu lộ”. Trong thời cổ, chúng ta có lý do để tin tưởng Phật, Bồ Tát đã ứng hóa trên lãnh thổ Trung Quốc, nhưng con người thuở ấy chẳng có căn tánh nhạy bén như tại Ấn Độ, căn cơ độn hơn, nên các Ngài dùng những phương pháp ấy để chỉ dạy chúng ta, đó là Tánh Đức tự nhiên lưu lộ, chúng ta phải tôn trọng. Người Ấn Độ căn cơ chín muồi, nên [chư Phật] ứng hóa trong thế gian này, đáng nên dùng thân Phật để đắc độ, liền hiện thân Phật để giáo hóa, Phật hiện thân Phật tại Ấn Độ. Tại Trung Quốc thì Phật hiện các thân như Không Tử, Mạnh Tử, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, hiện thân làm những vị ấy, làm các bậc thánh hiền. Đó là phương tiện thiện xảo, đại dụng chẳng có ngăn mé! Chúng ta học theo thánh hiền, học theo Phật, Bồ Tát là học theo ai? Học theo Tánh Đức của chính mình, nhất định phải hiểu đạo lý này! Những vị từng trải ấy đã triển hiện Tánh Đức cho chúng ta thấy, những kinh luận, sách vở thầy đều từ Tánh Đức lưu lộ. Bởi thế, đại kinh đại luận nói: “*Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải*” (Phật pháp mà không có ai nói thì đâu là người có trí vẫn chẳng thể hiểu). Kẻ thông minh tuyệt đỉnh trong thế gian có thể thông hiểu ý nghĩa trong kinh Phật hay chăng? Không thể hiểu! Do nguyên nhân nào? Kinh điển lưu lộ từ tự tánh. Ai có thể hiểu? Người càng gần với tự tánh sẽ càng có thể lý giải. Gần với tự tánh là như thế nào? Phải loại bỏ những thứ tương phản tự tánh và những điều hư vọng. Những gì là tương phản? Dùng cách nói của Trung Quốc để luận định thì bất hiếu, bất đễ, bất trung, bất tín, vô lễ, vô nghĩa, vô liêm, vô sỉ chính là những thứ tương phản, mọi người hiểu rất rõ những điều ấy. Chúng là gì vậy? Tập khí phiền não từ vô thi kiếp! Chúng ta có thể xa lìa, tẩy gột sạch sành sanh những tập khí ấy, Tánh Đức của chúng ta bèn hiện tiền. Lại còn không ngừng nâng cao hơn, chúng ta cũng có thể đạt tới cảnh giới thánh hiền, lại nâng cao hơn tới mức viên mãn, đó là cảnh giới Phật.

“*Hựu Pháp Tánh trung hàm nhiếp nhất thiết Phật pháp, cố danh Phật pháp tạng*” (lại nữa, trong Pháp Tánh chứa đựng, thâm nhiếp hết thảy Phật pháp, nên gọi là “Phật pháp tạng”). Nói theo Phật pháp thì đúng là như vậy, hết thảy Phật pháp đều sanh từ tự tánh, hễ rời khỏi tự tánh bèn chẳng có một pháp nào để được. “*Tự tánh thanh tịnh viên minh thể*” như sách Hoàn Nguyên Quán đã nói chính là “Phật pháp tạng” đang được nói ở đây. Xuất sanh vô tận, trọn khắp hết thảy, hết thảy các pháp, hết thảy Phật pháp đều do nó sanh ra. Hết thảy phiền não, nghiệp chướng, và tập khí cũng do nó sanh ra. Chuyện này là như thế nào? Hễ giác ngộ sẽ sanh ra hết thảy Phật pháp, đã mê bèn sanh ra hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, xuất hiện những thứ ấy. Do vậy, đối với hết thảy những thứ phi pháp, phản diện ấy, chúng ta cũng chớ nên khi dễ chúng, vì sao? Thể của chúng là Thật, chỉ vì mê nên mới biến thành nông nổi ấy, nếu người ấy giác ngộ sẽ khôi phục bình thường. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát cung kính chúng sanh trong địa ngục, đối với muỗi, trùng, kiến chẳng dám coi rẻ, do nguyên nhân nào? Quý vị nhìn từ một phương diện khác, nếu họ giác ngộ sẽ đều là Phật, họ

vốn là Phật, tuy đang mê, bỗng tánh chẳng mê, phải biết điều này! Bỗng tánh vĩnh viễn thanh tịnh, chẳng bị nhiễm ô, bất sanh, bất diệt. Mê là giả, hễ mê bèn có sanh, có diệt. Mê bèn có nhớ, có tỉnh, có thiện, có ác. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch những chuyện ấy thì trong hết thảy thế gian, tức là hết thảy các thế gian trong mười pháp giới, sẽ sanh khởi tâm bình đẳng, đối với bất luận cảnh giới nào chúng ta đều thấy như nhau. Đó là Phật tri Phật kiến. Phật chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm chấp trước, chẳng khởi tâm động niệm; Bồ Tát có khởi tâm động niệm, nhưng chẳng có phân biệt, chấp trước. Sự học tập của chúng ta phải trải qua những tầng lớp này, nên gọi là Phật pháp tạng.

“Thị cố nhập Phật pháp tạng, tức Pháp Hoa trung thiện nhập Phật huệ, thông đạt đại trí” (do vậy, nhập Phật pháp tạng chính là “khéo nhập Phật huệ, thông đạt đại trí” trong kinh Pháp Hoa), có ý nghĩa này. Dùng phương tiện thiện xảo khéo nhập Phật huệ, “*Phật huệ*” là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh. “*Thông đạt đại trí*”: Đại trí là khởi dụng, là Hậu Đắc Trí, là phương tiện thiện xảo. “*Hựu Chân Giải cử tòng quả hương nhân nghĩa, thích vân*” (Lại nữa, sách Chân Giải dựa theo ý nghĩa từ quả hương đến nhân, nên giải thích như sau), giải thích ý nghĩa ấy: “*Như Lai nhất thiết công đức bảo tạng, Phật quả công đức dã. Thử chi công đức đại bảo hải, thuyết ngôn Phật pháp tạng*” (kho báu hết thảy công đức của Như Lai chính là công đức nơi Phật quả. Biển cả các thứ vật báu công đức ấy được gọi là Phật pháp tạng). “*Tức thị Phật sở đắc Nhất Thừa dã*” (chính là Nhất Thừa do Phật đã đắc). Chư Phật Như Lai chứng đắc Nhất Thừa, Nhất Thừa là Phật Thừa, chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn. Do vậy, trong hết thảy các kinh, có kinh Tiểu Thừa, có kinh Đại Thừa, có kinh Nhất Thừa. Kinh Nhất Thừa có mấy bộ? Hoa Nghiêm là kinh Nhất Thừa, Pháp Hoa là kinh Nhất Thừa, Vô Lượng Thọ là kinh Nhất Thừa. Kho báu hết thảy công đức của Như Lai được nói trong kinh Nhất Thừa chính là Phật quả rốt ráo do Bồ Tát tu hành chứng đắc, trong ấy có trọn đủ các công đức, đó là “*công đức đại bảo hải*”. Hải (biển) là tỷ dụ. Công đức đại bảo hải lấy không cạn, dùng chẳng hết. Vì vậy, nói đến phước báo thì ai có phước báo lớn nhất? Phước báo thế gian hay xuất thế gian không ai có thể sánh bằng Phật, trí huệ lẫn phước báo [của Phật] đều đạt đến viên mãn rốt ráo, nhưng phải hiểu, Phật là tự tánh của chúng ta. Nếu chúng ta minh tâm kiến tánh, bèn thành Phật, trí huệ và phước báo của chúng ta không ai có thể sánh bằng. Đó là Phật pháp tạng, đó là pháp Nhất Thừa do Phật sở đắc, là trí huệ viên mãn trong pháp Nhất Thừa. Vì lẽ đó, Phật pháp tạng chính là “*trí huệ và đức tướng vốn sẵn trọn đủ trong bốn tánh*” như Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm. Ngài nói rất hay: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc*”. Chúng ta có thể buông vọng tưởng và chấp trước xuống sẽ chứng đắc. Quý vị thấy phàm phu thành Phật, nói theo lý luận là trong một sát-na, quý vị chịu buông xuống thì kinh giáo hoàn toàn thuộc về quý vị. Chỉ cần quý vị buông xuống, chẳng cần phải đọc nó, [bởi lẽ] chính mình đã hoàn toàn trọn đủ, hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Chúng ta hiểu rõ đạo lý

này, hiểu chân tướng sự thật này, cho nên mới thật sự làm! Biết lợi ích này quá to lớn, không làm như vậy, chúng ta bị tổn thất quá to, sống cuộc đời khổ sở, nhọc nhằn dường ấy. Thành Phật đắc đại tự tại, vui sướng lắm. Quý vị phải biết [lão cư sĩ] Hứa Triết còn chẳng sánh bằng, không ai có thể sánh bằng. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

Tập 102

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười tám, dòng thứ năm từ dưới đếm lên, đọc từ chỗ “*Hựu Chân Giải*”.

“*Hựu Chân Giải cứ từng quả hướng nhân nghĩa, thích vân: Như Lai nhất thiết công đức bảo tạng, Phật quả công đức dã. Thử chi công đức đại bảo hải, thuyết ngôn Phật pháp tạng, tức thị Phật sở đắc Nhất Thừa dã*” (Lại nữa, sách Chân Giải dựa theo ý nghĩa từ quả hướng đến nhân, nên giải thích như sau: “Kho báu hết thảy công đức của Như Lai chính là công đức nơi Phật quả. Biện cả các thứ vật báu công đức ấy được gọi là Phật pháp tạng, chính là pháp Nhất Thừa do Phật đã đạt được”). Đây là đoạn văn trích từ sách Chân Giải. Người Trung Quốc nói “*chư Phật Như Lai thả chiểu bè Từ*”, cũng có nghĩa là các Ngài đã thành Phật rồi, vì độ chúng sanh mà lập phương tiện, chẳng dùng thân Phật, vì sao? Phật ở địa vị thầy, học trò nhất định phải tôn trọng thầy, đó là “*tôn sư trọng đạo*”. Nếu học trò nghiệp chướng rất nặng, tập khí rất nhiều, chẳng biết hiếu thuận cha mẹ, mà cũng chẳng biết tôn kính sư trưởng, lúc đó, Phật độ kẻ ấy như thế nào? Chắc chắn Phật chẳng dùng đến thân phận Phật, mà dùng thân phận Bồ Tát. Thân phận Bồ Tát rất nhiều, như trong phẩm Phổ Môn đã giới thiệu ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, trừ thân Phật ra, những thân khác đều là phương tiện thiện xảo. Nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy, chẳng có mảy may câu thúc nào! Đúng là “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*” nên mới có thể lợi ích chúng sanh. Từ chỗ này cũng khiến cho chúng ta thấu hiểu: Chư Phật, Bồ Tát từ bi chân thật, xác thực là các Ngài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, hoàn toàn thuận theo tâm ưa muốn của chúng sanh, tùy thuận tập khí phiền não của chúng sanh. Do vậy, Phật, Bồ

Tát muốn độ súc sanh, nhất định hiện thân súc sanh, muốn độ ngựa quý nhất định hiện thân ngựa quý. Chẳng phải là thân đồng loại sẽ chẳng dễ tiếp xúc; do vậy, Ngài nhất định phải hiện thân đồng loại. Đó là “từ quả hướng tới nhân”, dùng ý nghĩa này để giải thích “*Phật pháp tạng*”.

“*Như Lai nhất thiết công đức bảo tạng*” là nói về tự tánh. Tự tánh của chúng ta vốn trọn đủ vô lượng vô biên công đức, “*bảo tạng*” là tỷ dụ. Nếu người thế gian có được kho báu (bảo tạng), sẽ có nhiều của cải, chẳng hứng chịu nỗi khổ bần cùng, mang ý nghĩa này. “*Bảo*” (寶: của báu) có tác dụng, giúp chúng ta đạt được lợi ích thù thắng, công đức vốn trọn đủ trong tự tánh cũng mang ý nghĩa này. Công đức trong tự tánh khai phát, đó là phước huệ viên mãn. Không chỉ là trí huệ viên mãn, mà phước báo cũng viên mãn, cho nên gọi là “*bảo tạng*”. Câu kế tiếp là “*Phật quả công đức dã*” (là công đức nơi Phật quả), Bồ Tát chúng đạt quả vị rốt ráo, chúng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn, trọn đủ công đức nơi quả địa, các công đức trong tự tánh đều khởi tác dụng viên mãn. “*Thử chi công đức đại bảo hải, thuyết ngôn Phật pháp tạng*” (biên cả các thứ báu công đức ấy được gọi là Phật pháp tạng), công đức nơi quả địa được gọi là Phật pháp tạng. Phật pháp, kho báu Phật pháp, “*tức thị Phật sở đắc Nhất Thừa dã*” (chính là Nhất Thừa do Phật đạt được), Ngài chúng đắc pháp Nhất Thừa, [đó là] Nhất Thừa viên mãn. Nhất Thừa là Phật Thừa, Đại Thừa là Bồ Tát Thừa, Tiểu Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, ở đây là nói đến pháp viên mãn rốt ráo.

“*Chân Giải chi thuyết, hiển hội trung chư Bồ Tát giai thị đại quyền thị hiện*” (Thuyết của sách Chân Giải đã chỉ rõ các Bồ Tát trong hội đều là bậc đại quyền thị hiện). Tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ của thiền sư Đạo Ấn người Nhật có tựa đề là [Vô Lượng Thọ Kinh] Chân Giải. Qua lời giải thích trong câu này, Sư đã chỉ rõ trong hội ấy của đức Thế Tôn tại Linh Sơn thuở đó, các vị Bồ Tát tham dự pháp hội số tới một vạn hai ngàn người đều là bậc Đại Quyền Thị Hiện, đều là chư Phật, Bồ Tát hiện đến, đều là Pháp Thân đại sĩ thị hiện, [do vậy gọi] là “*tùng quả hướng nhân*” (từ quả hướng đến nhân). Những vị ấy “*dĩ nhập Như Lai Nhất Thừa quả hải*” (đã nhập biên quả Nhất Thừa của Như Lai), Như Lai là tự tánh. Tự tánh vốn tự trọn đủ trí huệ và đức tướng, ở đây gọi là “*Như Lai Nhất Thừa quả hải*” đều được chúng đắc rốt ráo viên mãn. “*Đản bất xả nhân hạnh*” (nhưng chẳng bỏ các hạnh [đã hành] trong khi tu nhân), “*nhân*” (因) [ở đây] là chưa chứng quả, giống như trong hiện thời chúng ta đều đang thuộc nhân địa (đang tu nhân). Nhân địa: Từ sơ phát tâm mãi cho đến khi [chứng đắc] Đăng Giác đều là nhân, Diệu Giác mới là quả vị. Chư Phật Như Lai tuy đã ở địa vị Diệu Giác vẫn chẳng bỏ nhân hạnh (hạnh trong khi tu nhân), đến giúp Thích Ca Mâu Ni Phật, đến làm một đấng học trò tu học hòng nêu gương tốt đẹp, các Ngài làm gương cho chúng ta, được gọi là Ảnh Hưởng Chúng trong đại chúng. “*Cố lai hội tán trợ Thích Tôn*” (nên đến pháp hội giúp đỡ đức Thích Ca), giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa hết thấy chúng sanh, đến như vậy đó! Chúng ta học “*nhập Phật pháp tạng*” tới đây!

Tiếp đó là nói “*cứu cánh bỉ ngạn*” (rốt ráo đạt đến bờ kia), “*cứu cánh giả, chí cực chi nghĩa*” (Cứu cánh nghĩa là đạt tới cùng cực). Đạt tới chỗ “*đăng phong tạo cực*”, [tức là] chẳng còn có gì cao hơn được nữa, đã đạt tới tuyệt đỉnh! “*Bỉ ngạn*” (彼岸) là trở về tự tánh, tự tánh là bỉ ngạn. Minh tâm kiến tánh như Thiên Tông đã nói chính là “*bỉ ngạn*”, giáo pháp Đại Thừa thường gọi “*minh tâm kiến tánh*” là “*vọng tận hoàn nguyên*” (hết vọng, trở về nguồn). Hoàn nguyên (還源) là bỉ ngạn, hoàn nguyên là trở về tự tánh. Trong Tịnh Độ Tông, trở về Thường Tịch Quang là “*bỉ ngạn*”. “*Trí Độ Luận vân*” [nghĩa là] trong Đại Trí Độ Luận có nói: “*Ba La*”, tiếng Phạn là Ba La, Tâm Kinh nói Ba La Mật (Pāramitā), ở đây, tinh lược âm Mật ở cuối, [Ba La] chính là Ba La Mật. “*Tần ngôn bỉ ngạn*” (tiếng Hán gọi là “bờ kia”), khi ấy, Cưu Ma La Thập đại sư ở Trung Quốc, địa phương Ngài ở có tên gọi là Tần, cho nên [tiếng Hán] được gọi là “*Tần ngôn*”, [tức là ngôn ngữ của] nước Tần. Chỗ ấy nay thuộc hành lang Hà Tây⁹¹[2], thuộc khu vực tỉnh Cam Túc, thủa ấy gọi là “*Tần quốc*”. Đây là nói về tiếng Hán, Ba La Mật dịch sang tiếng Hán là Bỉ Ngạn (bờ kia). “*Hựu vân*” (lại nói), giải thích thêm: “*Dĩ sanh tử vi thử ngạn, Niết Bàn vi bỉ ngạn*” (coi sanh tử là bờ này, coi Niết Bàn là bờ kia). Sanh tử là lục đạo, lục đạo luân hồi có Phần Đoạn sanh tử, đó là bờ bên này. Niết Bàn là bờ bên kia, Niết Bàn là bất sanh, bất diệt. Chứng đắc Niết Bàn sẽ bất sanh, bất diệt.

Niết Bàn có rất nhiều ý nghĩa, ở đây trích dẫn kinh Niết Bàn để nói: “*Niết Bàn Kinh vân: Bỉ ngạn giả, dụ Như Lai dã*” (Kinh Niết Bàn dạy: “Bờ kia ví như Như Lai”). Như Lai là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, sẽ thấy trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên đều được gọi là Như Lai. Các Ngài sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là kiến tánh, nên được gọi là Như Lai. Do vậy, đối với [danh xưng] Như Lai, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều có thể gọi là Như Lai, địa vị có cao hay thấp khác biệt, quả vị rốt ráo là địa vị Diệu Giác. Ở đây, vận dụng cả hai ý nghĩa ấy đều hợp lý. “*Thị dĩ Tịnh Ảnh sư thích cứu cánh Niết Bàn*” (do vậy, ngài Tịnh Ảnh giải thích từ ngữ “Niết Bàn rốt ráo”), Ngài đã nói mấy câu như sau: “*Chương quả tất cánh, Niết Bàn bỉ ngạn, đáo danh Cứu Cánh*” (Nêu rõ quả rốt ráo, Niết Bàn là bờ kia, đạt đến [quả vị ấy] sẽ gọi là “rốt ráo”). “*Chương*” (彰) là tỏ rõ, Bồ Tát tu chứng quả vị đã đạt đến rốt ráo viên mãn rồi, nên nói là “*tất cánh*”, quả vị tu hành đạt tới địa vị “*tất cánh*” (畢竟). “*Tất*” (畢) là nói chúng ta đã tốt nghiệp, đã hoàn tất,

91[2] Hành lang Hà Tây (Hà Tây tẩu lang: 河西走廊) còn gọi là Cam Túc Tẩu Lang, kể từ rặng Ô Tiêu ở phía Đông cho đến ai Ngọc Môn ở phía Tây, nằm giữa Nam Sơn (gồm các rặng Kỳ Liên Sơn, Altyn-Tagh) và Bắc Sơn (Mã Tông Sơn, Hợp Lê Sơn và Long Thủ Sơn). Đây là một vùng bình địa dài và hẹp, trông giống như một hành lang nên được gọi là “*hành lang*”. Lại do vùng này nằm ở phía Tây Hoàng Hà nên gọi là Hà Tây Tẩu Lang. Khu vực này bao gồm khu vực Lan Châu của tỉnh Cam Túc, tức là bao gồm bốn quận Vũ Oai (tức Lương Châu thời cổ), Trường Dịch (thời cổ là Cam Châu), Tửu Tuyên (Túc Châu) và Đôn Hoàng (Sa Châu), kể cả Tây An (kinh đô Trường An thời cổ). Do vùng này thuộc lãnh thổ nước Tần thời Chiến Quốc, nên khi các lãnh chúa chiếm giữ vùng này xưng đế, đều lấy quốc hiệu là Tần.

đã học xong tất cả các khóa học rồi, Cảnh (竟) cũng có ý nghĩa “viên mãn”. Đã đạt đến bờ kia Niết Bàn, đó là “*cứu cánh*” (究竟). Ý nghĩa này được nói theo địa vị Diệu Giác, nếu mở rộng ra, cũng có thể nói bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều thật sự tu chứng bờ kia rốt ráo. Tiếp đó, cụ Hoàng ghi thêm lời tiêu chú: “*Sớ vị chươg minh dĩ đắc chí cực chi giác quả, đáo đạt Niết Bàn bỉ ngạn, danh vi cứu cánh*” (Lời Sớ có ý giảng rõ: Đã đạt đến địa giác quả tốt bậc, đạt đến bờ kia Niết Bàn, nên gọi là “rốt ráo”). Đây là bổ sung ý nghĩa, tức là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều đạt tới rốt ráo viên mãn, chứng đắc quả vị cao nhất là địa vị Diệu Giác, đó là “*cực chi giác quả*” (quả giác tốt bậc), tức là địa vị Diệu Giác, đều là Phật quả viên mãn. “*Án Chân Giải ý, tắc vi chứng nhập Phật chi Nhất Thừa đại công đức bảo hải, khế Phật sở đắc Niết Bàn*” (Xét theo ý của sách Chân Giải thì [cứu cánh bỉ ngạn] là chứng nhập biển báu đại công đức Nhất Thừa, khế hợp Niết Bàn do Phật đã chứng đắc). Hai vị Tịnh Ảnh và pháp sư Đạo Ân nói đến cùng một chuyện, cùng một cảnh giới.

“*Thị chư đại sĩ, viên chứng quả đức dĩ, từng quả hướng nhân, tuân Phổ Hiền đức, phổ hiện thập phương, lai pháp hội trung, đồng hoằng tịnh pháp*” (Các vị đại sĩ ấy đã chứng trọn vẹn quả đức, bèn từ quả hướng đến nhân, tuân theo phẩm đức Phổ Hiền, hiện khắp mười phương, đến trong pháp hội [Vô Lượng Thọ] để cùng hoằng dương tịnh pháp). Đây là nói rõ những vị đại sĩ từ mười phương đến tham dự pháp hội, dùng thân phận Bồ Tát để đến nơi đây; nhưng các vị Bồ Tát đó đều đã thành Phật, từ quả hướng đến nhân, người Hoa nói là “*thả chiếc bè Từ*”, vẫn tuân hành phẩm đức Phổ Hiền, hiện thân trong khắp mười phương. Có ý nghĩa ấy, dụng ý ở chỗ này: “*Tuân Phổ Hiền đức, phổ hiện thập phương*”. Từ chỗ này, chúng ta thấu hiểu phẩm đức của ngài Phổ Hiền chẳng thể nghĩ bàn! “*Phổ hiện thập phương*” chính là thể hiện nguyện cuối cùng trong mười nguyện Phổ Hiền, tức là nguyện “*phổ giai hồi hướng*”. Dùng gì để hồi hướng? Phải dùng thành quả tu hành của chính mình, dùng vô tận phương tiện thiện xảo để giúp hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới giác ngộ, viên thành Phật đạo, đó là “*chân hồi hướng*”. Hồi hướng không phải là nói suông, mà phải dùng công đức chân thật, các Ngài thể hiện ý nghĩa này! Do vậy, các Ngài đến pháp hội, “*đồng hoằng tịnh pháp*” (cùng hoằng dương tịnh pháp), “*tịnh pháp*” là Tịnh Độ Tông, tức là pháp môn Tịnh Độ Tông, cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật chung sức hoằng dương pháp môn này.

Tiếp đó [trích dẫn] lời cư sĩ Bành Tế Thanh: “*Hành quyền phương tiện, nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn*” (Hành phương tiện quyền biến, nhập Phật pháp tạng, đạt đến bờ kia rốt ráo). Hành quyền phương tiện ngay trong cuộc sống hằng ngày, từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, sinh sống, làm việc, đãi người, tiếp vật đều phải thị hiện sống động. Thị hiện gì vậy? Thị hiện nhập Phật pháp tạng, đạt đến bờ kia rốt ráo. Ở đây cũng phải giải thích đơn giản một chút, nhập Phật pháp tạng là trong cuộc sống hằng ngày sẽ giống như Phật. Chúng ta phải thấu hiểu Thích Ca Mâu Ni Phật từ sáng đến tối sống như thế nào thì quý vị

mới có thể học theo. Suốt đời, Thích Ca Phật chỉ làm một chuyện, trừ chuyện ấy ra, chuyện gì cũng chẳng có. Chuyện ấy là giáo hóa chúng sanh, [chỉ có] một chuyện ấy. Vậy thì chúng ta hiểu, ở nơi đây, “*hành quyền phương tiện*” [chính là vận dụng] phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sanh. Đó là độ thoát hết thảy. Giáo hóa chúng sanh nhằm mục tiêu nào? Phải biết: Giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ thì công lao giáo hóa to lớn đã hoàn thành. Do vậy, đức Thế Tôn đã thật sự thực hiện viên mãn câu “*thân hành ngôn giáo*” như cổ thánh tiên hiền Trung Quốc đã nói. Thân biểu hiện bằng gì? Giới luật, [kinh điển] ghi lại ngôn hạnh, cử chỉ của đức Thế Tôn, đó là giới luật. Thực hiện viên mãn, bắt đầu từ Thập Thiện Nghiệp Đạo cho đến Bồ Tát đại giới, [những điều ấy] đều được biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày, đó là “*thân hành*”. Về kinh điển, thuở ấy, đức Thế Tôn giáo hóa hết thảy đại chúng, do căn tánh của hết thảy đại chúng chẳng giống nhau, có người căn tánh thượng thượng thừa, đức Phật giảng cho họ pháp Nhất Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Có người là căn tánh Đại Thừa, đức Phật giảng cho họ những kinh Đại Thừa như Bát Nhã, Phương Đẳng. Có kẻ căn tánh Tiểu Thừa, đức Phật giảng cho họ Tứ A Hàm. Còn có kẻ căn tánh nhân thiên, ngay cả [các pháp] Thanh Văn, Duyên Giác họ đều chẳng màng, căn tánh của họ là nhân thiên. Hiện thời toàn thể chúng ta toàn là hạng căn tánh nhân thiên, vì sao? Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, chúng ta chẳng làm được, đúng không? Chẳng giả! Vì thế, bản thân chúng ta phải biết chính mình thuộc căn tánh gì, có thể học được phần nào trong sự giáo huấn suốt cả một đời Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng thể vượt quá phận được!

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là bộ kinh đầu tiên [trên con đường tu học], là kinh điển nhập môn, là pháp nhân thiên, chư vị phải biết điều này. Quý vị thấy điều thứ nhất trong Tịnh nghiệp tam phước là pháp nhân thiên, chưa nhập môn. “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp*”. Hạng người nào vậy? Chẳng phải là Bồ Tát, cũng chẳng phải là La Hán, ngay cả Tu Đà Hoàn cũng chưa đạt tới. Đây là pháp phải học của chư thiên trong Dục Giới và con người trong nhân gian. Người học tốt đẹp [pháp này] thì mới có thể học Phật. Điều kiện học Phật là học làm người tốt đẹp. Vừa mở kinh bản ra, [ta thấy] đức Phật thường gọi “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, chúng ta thật sự làm được chữ Thiện ấy. “Thiện” ấy chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thật sự làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo thì quý vị mới có thể nhập Phật môn. Nhập Phật môn đầu tiên là tiếp nhận Tam Quy, Ngũ Giới, vậy thì nay chúng ta cũng thọ Tam Quy và Ngũ Giới, còn có rất nhiều đồng tu thọ Bồ Tát Giới, có thật hay không? Trong tâm chúng ta phải hiểu rõ: Chẳng thật! Vì sao? Chẳng làm được! Thiên Thai đại sư nói Lục Tức, chúng ta là Danh Tự Tức Phật, hữu danh vô thực, mang tiếng là đã thọ Tam Quy, nhưng chẳng có thực chất Tam Quy, toàn là giả trá! Chớ nên không biết điều này! Đã là giả, vì sao vẫn phải thọ? Tổ sư đại đức dạy: Tuy giả vẫn nên thọ, vì sau khi đã thọ [những giới ấy, trong tâm ta sẽ] thường ghi nhớ “ta đã quy y Tam Bảo, ta đã thọ Ngũ Giới, phải nghiêm túc học tập”, nó thường cảnh tỉnh quý vị. Chẳng thọ, quý vị sẽ

chẳng có khái niệm ấy. Sau khi đã thọ, thường được nhắc nhở, do có lợi ích ấy nên thọ giới tốt hơn là không thọ! Nhưng đã thọ thì ngàn muôn phần đừng nghĩ ta đã là đệ tử Tam Bảo, ta đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới! Đây là đại vọng ngữ, có tội lỗi, [là vì] quý vị chưa làm được! Sau khi đã thọ phải nghiêm túc, nỗ lực thực hiện, nhất định phải làm được thì mới là tốt đẹp. Bởi lẽ, Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức.

Lúc tôi mới học Phật, được quen biết Chương Gia đại sư, còn chưa quy y. Tôi học với Ngài ba năm, hình như tới năm thứ ba mới quy y, hai năm đầu chẳng quy y. Về sau có rất nhiều người bảo: “Anh thường ở cùng một chỗ với lão nhân gia, có thể nào chẳng quy y?” Gần như là không thể nào chấp nhận, tôi bèn đối trước đại sư quy y, thọ Tam Quy. Đại sư vô cùng từ bi, tuy tôi chưa quy y, Ngài vẫn bằng lòng nhiệt thành giáo huấn, mỗi tuần dành cho tôi hai giờ, rất khó có! Tuy chúng tôi chưa quy y nơi hình thức, nhưng xét đến thực chất thì đã là thật sự quy y, vì nghe lời! Thầy dạy ra sao, chúng tôi đều có thể tiếp nhận, đều chịu y giáo phụng hành. Đó là thật sự quy y, tuy trên hình thức chẳng có, nhưng thật sự quy y thì có. Đó cũng gọi là “*hành quyền phương tiện, nhập Phật pháp tạng*”. Nhất định phải nhập, nhất định phải học theo Phật. Đức Phật dạy chúng ta hai câu, phải vĩnh viễn ghi nhớ, phải vĩnh viễn thực hiện: “*Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”, chẳng sợ chịu khổ, chẳng có gì quan trọng hơn điều này! Có thể chịu khổ, sẽ chẳng bị dao động trong hết thủy cảnh giới, chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Phạm những kẻ học Phật rốt cuộc bị thất bại, đọa lạc, là do bị hoàn cảnh xoay chuyển. Nói thực ra là chẳng thể chịu khổ, không chống được sự dụ dỗ, mê hoặc của cảnh giới, tiếng tăm, lợi dưỡng bên ngoài nên mới bị thất bại. Bởi thế, hai điều giáo huấn ấy của đức Phật trọng yếu dường nào!

Chúng ta học Thập Thiện Nghiệp từ chỗ nào? Trong những năm gần đây, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng học, mà cũng là nhắc nhở chính mình, hãy thực hiện Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên tức là thật sự học Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu [có kẻ nào] hỏi cách học Thập Thiện Nghiệp Đạo là như thế nào, quý vị hãy bảo kẻ ấy: “Hãy nghiêm túc học Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên thì sẽ là học Thập Thiện Nghiệp Đạo”. Đã thành tựu hai thứ ấy, quý vị sẽ viên mãn Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trong Phật pháp, có một pháp môn đặc biệt là kinh Vô Lượng Thọ, tức pháp môn Tịnh Tông. Chỉ cần chúng ta có cơ sở này bèn có thể vãng sanh, cũng có nghĩa là đã có ba căn cơ Nho, Thích, Đạo, thật sự vun bồi vững ba căn ấy, chúng ta nương theo lý luận và phương pháp trong kinh Vô Lượng Thọ để cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định thành tựu. Đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới là đạt đến bờ kia rất rạo. Do vậy, câu nói ở đây chẳng phải là lời giả. Nhập Phật pháp tạng là trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta nhất định phải thực hiện ba căn cội của Nho, Thích, Đạo, quý vị bèn nhập Phật pháp tạng. Nhập nông cạn, chớ sợ! Đã có bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, sự gia trì ấy chính là kinh Vô Lượng Thọ. Mỗi ngày, quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối một lượt, là được A Di Đà Phật gia trì quý vị một lần. Quý vị

niệm mỗi ngày là được gia trì mỗi ngày. Mỗi ngày nghe giảng, hiểu rõ ràng, minh bạch đạo lý trong ấy, quý vị đã được gia trì viên mãn, lẽ nào chẳng vãng sanh!

“*Tam cú nghĩa trung, toàn nhiếp Tịnh Độ pháp môn, Bồ Tát nhất thiết sở hạnh, bất ly phương tiện. Dĩ phương tiện cố, thủ u Tịnh Độ, đắc thường kiến Phật*” (Nghĩa lý trong ba câu ấy đã gồm thâu trọn vẹn pháp môn Tịnh Độ và hết thảy các hạnh của Bồ Tát, chẳng lìa phương tiện. Do dùng phương tiện mà giữ lấy Tịnh Độ, nên thường được thấy Phật). Phương tiện của Tịnh Tông trước hết là làm một người tốt. Chẳng làm một người tốt, sẽ chẳng có cách nào sanh về thế giới Cực Lạc, chẳng có phần, phải làm một người tốt! Nhưng chúng ta cũng thật sự thấy, chẳng phải là giả, có kẻ suốt đời tạo ác, lúc lâm chung gặp gỡ bạn lành khuyên kẻ ấy “quay đầu là bờ”, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, kẻ ấy nghiễm nhiên cũng thành tựu, đó là do nguyên nhân nào? Điều ấy khiến cho nhiều người hoài nghi. Trong ấy có đại đạo lý, đại đạo lý gì vậy? Kẻ suốt đời tạo ác, lâm chung sám hối, biết lỗi, quay đầu, tội nghiệp bèn tiêu tan. Kinh Phật có tỷ dụ “nhà tôi ngàn năm”, căn nhà ấy chẳng có ánh sáng, bao lâu? Một ngàn năm! Quý vị thắp một ngọn đèn soi sáng, tối tăm chẳng còn nữa. Tối tăm ví như tội nghiệp, “ngàn năm” là thời gian tạo tội nghiệp rất dài. Quý vị một niệm quay đầu, tức là quý vị thắp một ngọn đèn, tối tăm chẳng còn nữa. Lời này cho chúng ta biết: Tội lỗi phước đều chẳng phải là thật, chúng đều sanh từ tâm tưởng, là pháp sanh diệt, chẳng phải là thật. Chỉ cần là pháp sanh diệt thì như kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, pháp hữu vi là pháp sanh diệt. Giống như nằm mộng, gặp ác mộng, tạo tội nghiệp là gặp ác mộng, tạo nghiệp chịu khổ. Có người đánh thức quý vị, sau khi tỉnh giấc, mộng hoàn toàn chẳng còn nữa. Khi quý vị ở trong lục đạo, thời gian tạo tác tội nghiệp rất dài, cảm nhận khổ báo trong tam đồ, nay có thiện tri thức đánh thức quý vị, quý vị liền giác ngộ “lục đạo thật là khổ, ta muốn về thế giới Cực Lạc”. Ý niệm vừa chuyển, nghiệp bèn tiêu tan, nó chẳng còn chướng ngại quý vị nữa!

Nghiệp tiêu nhiều hay ít, tùy thuộc tín tâm của quý vị. Tín tâm kiên định, chẳng có mảy may hoài nghi, nghiệp bèn tiêu hết. Có những kẻ như thế nào? Ta tạo nghiệp nhiều quá, thời gian tạo nghiệp quá lâu, như vậy thì có được hay không? Chỉ cần có một niệm như thế, nghiệp của người ấy chỉ có thể tiêu ít ỏi vài phần, còn phần lớn chẳng thể tiêu được, vẫn có thể chướng ngại kẻ ấy. Nếu chúng ta thật sự hiểu đạo lý này, sẽ chẳng còn hoài nghi nữa, biết tội nghiệp như thế nào đi nữa, câu A Di Đà Phật thật sự có thể tiêu trừ [nghiệp ấy], giữ chặt A Di Đà Phật, quyết định chẳng buông lỏng. Trong tâm có A Di Đà Phật, trong miệng có A Di Đà Phật, thân thể tạo tác cũng giống như A Di Đà Phật, còn có thể nào chẳng vãng sanh ư? Ở đây nói “*Bồ Tát nhất thiết sở hạnh, bất ly phương tiện*” (hết thảy các hạnh của Bồ Tát chẳng lìa phương tiện), chẳng khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật ứng hóa trong thế gian này. “*Dĩ phương tiện cố*” (do dùng phương tiện), đó là phương tiện thiện xảo, “*thủ u Tịnh Độ*” (giữ lấy Tịnh Độ), phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này. “*Đắc thường*

kiến Phật” (thường được thấy Phật), tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều có thể tương ứng với những điều đã dạy trong kinh Vô Lượng Thọ. Điều này giống như trong các tôn giáo thường nói: “Ta và thần cùng tồn tại”, chúng ta cũng là cùng A Di Đà Phật tồn tại. Trong Phật pháp, ý nghĩa “cùng tồn tại” này được nói rất thân thiết. Trung Phong quốc sư nói: “*Tâm ta tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm ta*”, đây chẳng phải là ta và A Di Đà Phật cùng tồn tại ư?

“*Dĩ kiến Phật cố, văn pháp tu hành, nhập Phật pháp tạng, viên mãn giác tâm, cứu cánh bỉ ngạn*” (do thấy Phật nên nghe pháp tu hành, nhập Phật pháp tạng, viên mãn giác tâm, đạt đến bờ kia rất ráo). Đây là rất ráo viên mãn thành Phật trong một đời. Nhập Phật pháp tạng, tánh, tướng, lý, sự, nhân quả, viên mãn giác tâm, không gì chẳng thông đạt, hiểu rõ. “*Cứu cánh bỉ ngạn*” là niệm niệm tương ứng tự tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Trong mỗi niệm, chúng ta đều tương ứng với trí huệ và đức tướng trong tự tánh. Đây là đạt đến “*cứu cánh bỉ ngạn*”. Do vậy, kinh phải đọc thuộc, phải hiểu rõ ý nghĩa, phải vận dụng trong cuộc sống hằng ngày. “*Nhược vô phương tiện, vô lượng hành môn chung bất thành tựu*” (nếu không có phương tiện, vô lượng hành môn trọn chẳng thể thành tựu). Trí huệ chân thật, lìa hết thấy tướng, tức là hết thấy các pháp; vì thế, buông xuống là công phu bậc nhất của người tu hành. Buông chấp trước xuống, buông phân biệt xuống, buông khởi tâm động niệm xuống, điều này chẳng dễ gì làm được, nhưng khởi đầu từ [buông xuống] phân biệt và chấp trước thì chúng ta có thể làm được. Tuy chẳng thể viên mãn như Bồ Tát, nhưng chúng ta hãy bắt đầu làm! Thời thời khắc khắc đều có thể cảnh giác, điều này rất trọng yếu. Đặc biệt là trong hoàn cảnh hiện tiền, từ TV, Internet, từ các phương tiện thông tin, chúng ta thấy trên toàn thế giới có nhiều tai nạn chẳng có cách nào tưởng tượng nổi. Đối với người tu hành mà nói, những tai nạn ấy có điểm lợi ích là khiến cho chúng ta cảnh giác thế giới này thật sự khổ sở, chẳng thể trụ trong thế giới này! Mỗi ngày chúng ta thấy trong kinh đức Thế Tôn đã giới thiệu thế giới Cực Lạc, thế giới ấy tốt đẹp lắm! So sánh hai thế giới, nguyện vọng cầu sanh thế giới Cực Lạc sẽ nảy sanh tràn trề, đó là điều tốt đẹp. Nếu trên thế giới này chẳng có tai nạn, chúng ta sẽ không muốn ra đi, tuy niệm A Di Đà Phật vẫn chẳng rời bỏ thế giới này. Do vậy, mỗi lần có đại tai nạn, hiện tượng ấy cũng độ rất nhiều người. Có lắm kẻ thiện căn chưa chín muồi, trông thấy tai nạn ấy, thiện căn bèn chín muồi, thật sự muốn vãng sanh, thật sự buông xuống. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư có nói hai câu rất tuyệt: “*Cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú tại nhân tâm*” (Cảnh duyên chẳng tốt xấu, tốt xấu do lòng người). Quý vị có cách nhìn ra sao, hoàn cảnh chẳng có tốt hay xấu, quan hệ giữa con người với nhau cũng chẳng có tốt hay xấu, [tùy thuộc] quý vị có cách nhìn ra sao! Nếu quý vị dùng tâm thái bình thường để nhìn, sẽ chẳng có gì là bất hảo. Tâm thái bất bình thường, hoàn cảnh gì cũng đều bất hảo, xác thực là cảnh chuyển theo tâm. Hy vọng các đồng học học Phật chúng ta đều có thể dùng tâm để chuyển cảnh giới, đó là điều tốt đẹp!

Tiếp đó, lão cư sĩ trích dẫn kinh Đại Bát Nhã để nói: “*Như Đại Bát Nhã kinh vân: Thị Bồ Tát do dĩ Bát Nhã Ba La Mật Đa tương ứng cố, tùng thử xứ một, sanh dư Phật độ. Tùng nhất Phật quốc, chí nhất Phật quốc, tại tại sanh xứ, thường đắc trị ngộ chư Phật Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, nãi chí Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, chung bất ly Phật*” (Như kinh Đại Bát Nhã nói: “Vị Bồ Tát này do tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa nên từ chỗ này chết đi, sanh trong các cõi Phật khác, từ một cõi Phật này đến một cõi Phật khác, sanh ở nơi đâu cũng đều thường được gặp gỡ chư Phật Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, cho đến [khi chứng đắc] Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Tát, trọn chẳng lìa Phật”). Đây là dạy dỗ chúng ta, chúng ta đã vun bồi vững vàng ba căn bản, tu Tịnh Độ như thế nào? Tu Tịnh Độ cũng phải là “tâm chẳng lìa Phật, hạnh chẳng lìa Phật”, sẽ thành tựu rất nhanh chóng. Ở đây đã nêu một thí dụ, “*Bồ Tát do dĩ Bát Nhã Ba La Mật Đa tương ứng cố*” (Bồ Tát do tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa). Bát Nhã Ba La Mật Đa: Bát Nhã là trí huệ, Ba La Mật Đa là bờ kia, cũng là bờ kia Niết Bàn. Câu này có nghĩa là Bồ Tát có năng lực ấy, trong cuộc sống hằng ngày, Ngài sử dụng trí huệ, chẳng dùng tri thức, Bát Nhã là trí huệ. Tri thức và trí huệ khác nhau! Cơ sở của trí huệ là tâm thanh tịnh, cơ sở của tri thức là tâm ý thức. Trong tâm ý thức có ý niệm, trong tâm thanh tịnh chẳng có ý niệm, nên chúng khác nhau. Tối thiểu là phải buông Kiến Tư phiền não xuống, vẫn chưa thể gọi là Bát Nhã. Buông Kiến Tư phiền não xuống, tâm thanh tịnh, chứng quả A La Hán.

Theo cách nhìn của giáo pháp Đại Thừa thì trong tam đức bí tạng (Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát), A La Hán chỉ có một đức là Giải Thoát, mà giải thoát vẫn chưa viên mãn, được gọi là giải thoát nửa vời, chưa chứng đắc Pháp Thân, chẳng chứng đắc Bát Nhã. Cũng có thể nói là A La Hán chẳng có trí huệ Bát Nhã. Phải nâng cao lên một đẳng cấp, đạt đến Bồ Tát, Bồ Tát có trí huệ Bát Nhã. Pháp Thân Bồ Tát đã chứng đắc Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, nên mới gọi là “*tương ứng*”. Từ tựa đề kinh này, thanh tịnh là điều chứng đắc bởi A La Hán, bình đẳng là chứng đắc của Bồ Tát, giác được chứng đắc bởi Phật, đó là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Bình đẳng không dễ dàng, sau khi đã thanh tịnh rồi thì mới có bình đẳng. Đại chúng trong xã hội hiện thời tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thanh tịnh thì làm sao có thể bình đẳng cho được? Vì sao? Sau Đệ Nhị Thế Chiến, mọi người trên thế giới này đều mong mọi hòa bình xuất hiện, nhưng mãi cho đến hiện thời, hòa bình chẳng xuất hiện! Xã hội mỗi năm một động loạn hơn, tai nạn mỗi năm một nhiều hơn. Do nguyên nhân nào? Tâm con người chẳng thanh tịnh. Nói cách khác, trong xã hội hiện tiền, điều quan trọng nhất là làm sao giúp cho người ta đạt được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là điều mọi người đều luôn mơ ước, mong cầu. Mong cầu tâm thanh tịnh, vì sao chẳng đạt được? Dục vọng quá nhiều, chẳng thể buông dục vọng xuống được. Do vậy, cổ nhân Trung Quốc nói: “*Tri túc thường lạc*” (biết đủ, thường vui sướng). Nếu con người tri túc, tâm thanh tịnh bèn có thể khôi phục. Người nếu chẳng tri túc, tâm kẻ ấy sẽ vĩnh viễn chẳng thanh tịnh. Giống như nước

nổi sóng, chẳng bình lặng. Tri túc, sẽ dần dần lắng xuống, sóng to trở thành sóng nhỏ, sóng nhỏ trở thành gợn sóng, có thể khôi phục thanh tịnh. Vì thế, phải tri túc thì mới được.

Quý vị thấy có phải là Di Lạc Bồ Tát sẽ đến thành Phật trong nhân gian hay không? Hiện thời Ngài ở nơi đâu? Tại Đâu Suất Thiên. Đâu Suất nghĩa là gì? Tri túc. Di Lạc Bồ Tát muốn hạ sanh thành Phật, trước tiên phải tu Tri Túc trong tầng trời Đâu Suất. Tu viên mãn công phu Tri Túc rồi mới có thể làm Phật, phổ độ chúng sanh. Chẳng tri túc thì làm sao được nữa? Vì sao Ngài phải trụ trong Đâu Suất Thiên, chẳng trụ trong Tha Hóa Tự Tại Thiên? Vì sao không trụ trong Đao Lợi Thiên? Mang ý nghĩa biểu pháp, Bồ Xứ Phật, Bồ Xứ Bồ Tát nhất định phải là từ Tri Túc Thiên giáng hạ [nhân gian] làm Phật, toàn là ý vị giáo học. Do vậy, có thể biết: Phật là pháp vương, quốc vương và đế vương trong thế gian cũng phải biết Tri Túc thì ngồi trên ngai hoàng đế mới thật sự có thể ích nước, lợi dân. Ông ta tri túc. Nếu chẳng tri túc, sẽ biến thành một gã vua bạo ngược, dân chúng phải chịu khổ. Hoàng thượng tri túc, dân chúng hưởng phước, cùng một đạo lý! Lại thấp hơn một bậc nữa sẽ là xí nghiệp, nói theo tình trạng hiện thời. Chủ nhân xí nghiệp tri túc, xí nghiệp ấy sẽ là xí nghiệp khôn mẫn. Chủ nhân tri túc, kiếm được tiền sẽ nhất định cứu giúp dân nghèo, thực hiện sự nghiệp phước lợi xã hội, việc kinh doanh càng làm càng to lớn, càng làm càng dồi dào, càng thí càng nhiều! Càng nhiều bèn càng làm nhiều hơn! Quý vị nói xem sự biểu pháp của vị Bồ Tát này có dụng ý sâu xa dường nào? Tri túc bèn thật sự có thể tu phước, có thể tích đức. Kẻ chẳng tri túc sẽ thiếu phước, kẻ không tri túc sẽ bại đức, chẳng biết tu đức.

Mấy câu kinh ấy đã hiển thị thần thông và diệu dụng của Bồ Tát. “*Tùng thử xứ một, sanh dư Phật độ*” (từ chỗ này chết, sanh trong các cõi Phật khác), như Di Lạc Bồ Tát cơ duyên chín muồi, thời tiết, nhân duyên đã chín muồi, bèn từ trời Đâu Suất giáng hạ, giáng sanh trên địa cầu, nói thông tục là “đầu thai”. Chẳng còn ở trong thiên cung Đâu Suất nữa, xuất sanh trong thế giới này, Ngài có năng lực ấy. Thế giới này rất lớn! Phải độ chúng sanh trên địa cầu, có phải độ những tinh cầu khác hay không? Đương nhiên là phải độ, khu vực giáo hóa của Ngài có phạm vi là một tam thiên đại thiên thế giới. Trên mỗi tinh cầu đều có chúng sanh, vì sao? Tinh cầu là y báo, y báo chuyển theo chánh báo. Chẳng có chánh báo sẽ chẳng có y báo! Y báo và chánh báo đồng thời phát sanh; do vậy, trên mỗi tinh cầu đều có chúng sanh sống trong đó. Có các chúng sanh chẳng có cùng chiều không gian với chúng ta, nên chúng ta chẳng thấy họ, mà họ cũng chẳng thấy chúng ta. Chiều không gian cao hơn, có những chiều không gian cao hơn chúng ta, chúng ta sẽ chẳng thấy họ, nhưng họ trông thấy chúng ta. Do vậy, chẳng thể nói chúng ta dùng phi thuyền bay đến thám hiểm tinh cầu khác, phát hiện [ở đó] chẳng có ai, một vùng hoang vắng, thê lương, đó là gì? Nhục nhãn của chúng ta chẳng nhìn thấy, chứ thật ra là có. Trên quả địa cầu này, người và quỷ sống lẫn lộn, nhưng có rất nhiều người chẳng hề thấy quỷ. Ta chẳng tin tưởng, nhưng cũng có chẳng ít người đã thấy quỷ, họ bèn thật sự tin tưởng, duyên phận của mỗi người khác nhau!

Tôi đã gặp một số nghệ sĩ, diễn viên kể với tôi: Họ thật sự thấy [quý]. Trong lúc quay phim, buổi tôi quay ngoại cảnh, quay tại nghĩa trang, sắp đặt các đạo cụ để đóng phim tại đó, quý cũng đến tham gia, thật sự gặp gỡ. Sau khi quay phim xong, mọi người cũng cảm thấy rất đói, thấy gần đó có quán nhỏ bán đồ ăn vặt, mọi người đến cái quán nhỏ ấy để ăn uống. Ăn xong, lái xe ra về, đến ngày hôm sau bị tiêu chảy, [đều nghĩ] do ăn những thứ đã bị hư nên nôn mửa, mửa ra gì? Toàn là những thứ trời ơi đất hỡi! Chuyện gì đây? Lại gọi điện thoại cho mấy người bạn thì họ nói: “Anh sao, tôi cũng vậy, người khác cũng vậy”. Được rồi, chúng ta lái xe đi tìm cái quán nhỏ ấy. Lái xe tới đó, một bãi tha ma, thứ gì cũng chẳng có! Gặp phải quý rồi! Quý mở tiệm mà ta đến đó ăn uống! Chẳng phải là một người nói, mà bảy tám người đều nói như thế! Người và quý sống lẫn lộn mà! Quý vị có thể nói trên mặt trăng chẳng có ai hay không? Quý vị có thể nói Hỏa Tinh chẳng có ai hay chẳng? Có chứ! Nói theo Phật pháp, chỉ cần có cõi nước sẽ có người cư trụ. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, cảnh chuyển theo tâm, lời ấy là thật, chẳng phải giả!

Vì thế, Bồ Tát có thể từ chỗ này chết, sanh sang cõi Phật khác, từ cõi Phật này sanh sang cõi Phật khác, sanh ở chỗ nào đều thường gặp gỡ chư Phật Thế Tôn. Đó là nói những vị Bồ Tát trong pháp hội này, các Ngài chỉ cần thấy vị Bồ Tát nào đó thành Phật một nơi nào đó đều hoan hỷ: “Chúng ta đến tùy hỷ”, bèn mắt ở nơi đây, xuất hiện nơi kia. Đó là một cách nói. Trên thực tế, các Ngài có năng lực quá lớn, chẳng rời khỏi nơi đây mà có thể hiện thân nơi kia, phân thân đầy mà! Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có bản lãnh này. A Di Đà Phật giảng kinh, giáo học, họ nghe nơi đó, bất động. Họ nghe ở nơi đó. Trong thế giới phương khác, Phật đang hoằng pháp bên đó, họ cũng đến, phân thân đến đó, có thể phân vô lượng vô biên thân, đồng thời tham gia pháp hội của hết thầy chư Phật Như Lai, họ có bản lãnh ấy. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thành tựu, vì sao nhanh chóng dường ấy? Thời gian thân cận chư Phật Như Lai nhiều, có phước báo; nghe Phật thuyết pháp nhiều, tăng trưởng trí huệ, thật sự là phước huệ song tu, lợi hại hơn chúng ta nhiều! Chúng ta một vị Phật cũng chẳng gặp, nghe kinh tại đạo tràng này sẽ chẳng thể nghe kinh tại giảng đường sát vách. Họ có thể đồng thời phân thân, đồng thời đều học được, người ta có năng lực ấy, toàn là tiếp xúc chư Phật Như Lai, vượt trời Đẳng Giác, Thập Địa, mỗi ngày thân cận đại thiện tri thức như vậy, lẽ đâu chẳng thành tựu!

Họ gặp gỡ chư Phật Thế Tôn, quý vị thấy đó, “*cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán*”, đó là tu phước; nghe pháp, tiếp nhận sự giáo huấn là tu huệ. Cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề là mục tiêu tu học cao nhất, một phương hướng, một mục tiêu, dũng mãnh tinh tấn, “*chung bất ly Phật*” (trọn chẳng lìa Phật). Hiện thời chúng ta có thể làm được hay không? Có thể làm được. Chúng ta nghiệp chướng nặng nề, lăm phiền não, tuy chẳng thấy Báo Thân của Phật, nhưng trông thấy tượng Phật, thấy kinh Phật. Chỉ cần chẳng lìa khỏi tượng Phật, chẳng lìa khỏi kinh Phật, mỗi ngày lễ bái, thân lạy Phật, miệng niệm Phật, trong

tâm nghĩ tưởng Phật, Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy: “*Ức Phật, niệm Phật*”, Ức (憶) là trong tâm nghĩ tưởng Phật. “*Hiện tiền, đương lai tất định kiến Phật*” (hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Phật có ở cạnh ta hay không? Có, nhưng chúng ta nghiệp chướng nặng nề, chẳng nhìn thấy. Trong tâm chúng ta có cảm, Phật bèn có ứng, Phật ở ngay bên cạnh chúng ta, trước nay chưa hề rời lìa, đó là lòng đại từ đại bi của Phật. Chư Phật Như Lai đã phát nguyện: “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”, làm sao có thể bỏ sót chúng ta cho được? Chẳng thể nào! Thường nghĩ tới ân đức của Phật đối với chúng ta, chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực học tập. Trong kinh điển, đức Phật đã giáo huấn quý báu tốt đẹp như thế, hãy nghiêm túc học tập thì mới là đúng.

“*Đương tri dục bất ly Phật, tu dĩ niệm Phật vi nhân, như Hoa Nghiêm Thập Địa, thí chung bất ly niệm Phật*” (Hãy nên biết, muốn chẳng lìa Phật, hãy nên lấy niệm Phật làm nhân, như trong kinh Hoa Nghiêm, hàng Thập Địa từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật), chúng ta phải ghi nhớ câu này. Thập Địa trong Hoa Nghiêm là Pháp Thân đại sĩ từ Sơ Địa cho đến Thập Địa, trong bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, đặc biệt nêu lên Thập Địa, [nhưng ngụ ý] bao gồm [các địa vị] thấp hơn như Thập Hồi Hướng, Thập Hạnh, Thập Trụ, chẳng có địa vị nào không niệm Phật. Điều cuối cùng trong Tịnh nghiệp tam phước chính là nhập Phật pháp tạng, điều thứ hai chưa nhập, điều thứ ba là đã nhập, “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả*”. Nhân quả ấy không phải là nhân quả bình phàm! Nếu là nhân quả bình phàm thì vì sao Đại Thừa Bồ Tát mới học? Chúng ta đều biết nhân quả phổ thông là “chớ nên sát sanh”, sát sanh là nhân, quả báo là trong tương lai bị kẻ khác giết. Chớ nên trộm cắp, trộm cắp thì trong tương lai quý vị phải trả nợ. Đã trả nợ lại còn phải kèm thêm lợi tức, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Sát sanh phải đền mạng, trộm cắp phải đền tiền. Nhân quả thông khắp ba đời, chẳng phải là một đời! Do vậy, người hiểu nhân quả ba đời, tâm bèn định, tự nhiên tri túc. Bị thua thiệt, bị lừa gạt chẳng sợ, thật đấy, cổ nhân nói chẳng sai: “*Bị thua thiệt là có phước*”, là chuyện tốt, không phải là chuyện xấu. Ta bị thua thiệt, kẻ khác chiếm tiện nghi, đời sau, kẻ ấy phải trả lại cho ta, phải đáp đền. Nay ta hoan hỷ chịu thua thiệt, trong tương lai, kẻ ấy hoan hỷ cúng dường, hoan hỷ trả nợ, như vậy thì có gì là chẳng tốt đẹp? Do vậy, tâm niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác bị đoạn mất; chẳng làm chuyện tổn thương, gây hại cho người khác nữa. Vì sao? Đã giác ngộ, đã hiểu rõ, đã biết chân tướng sự thật. Chúng ta biết những thứ nhân quả ấy, [chẳng lẽ] Bồ Tát không biết? Đương nhiên là biết. Vậy thì Bồ Tát chẳng biết loại nhân quả nào? Thật vậy, “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”, khá nhiều Bồ Tát chẳng biết, chỉ có Phổ Hiền Bồ Tát biết. Do đó, các vị Bồ Tát vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều biết, niệm A Di Đà Phật là nhân, đến thế giới Cực Lạc thành Phật là quả. Trong các phần trước, đối với câu danh hiệu A Di Đà Phật, chúng tôi đã báo cáo nhiều lượt, [câu danh hiệu ấy] vốn là đức hiệu của tự tánh. Ý nghĩa của câu danh hiệu toàn là tiếng Phạn ấy dịch sang tiếng Hán thì A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là Giác, [A Di Đà Phật] là Vô Lượng Giác. Vô Lượng Giác là tự tánh, tức là tự tánh của chúng ta.

Niệm A Di Đà Phật là niệm tự tánh của chúng ta. Tây Phương Cực Lạc thế giới Pháp Tạng Bồ Tát đã thành Phật, Ngài bèn dùng Vô Lượng Giác làm danh hiệu. Vì vậy, niệm danh hiệu này là vừa niệm ngài Pháp Tạng đã thành Phật, vừa niệm đại giác viên mãn trong tự tánh, tự tha bất nhị, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, điều cuối cùng trong Tịnh nghiệp tam phước, “*tin sâu nhân quả*” nhằm nói về chuyện này. Tin sâu “niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”. Niệm Phật thành Phật, quyết định chân thật chẳng dối, hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng.

Tiếp đó, “*đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*”, ba câu trước đó là tự lợi, câu cuối cùng là lợi tha. Chính mình đã thành tựu rồi, nhất định phải giúp người khác, toàn tâm toàn lực giúp đỡ người khác. Làm khi nào? Khi đã có đôi chút thành tựu. Do vậy, Quyền Giáo Bồ Tát, phạm vi này rất rộng, từ sơ phát tâm cho đến địa vị Thập Tín đều là Quyền Giáo Bồ Tát, là tiểu Bồ Tát, chưa kiến tánh. Đã kiến tánh, minh tâm kiến tánh thì là Bồ Tát. Chưa kiến tánh thì đều gọi là Quyền Giáo Bồ Tát. Có làm hay không? Làm! Ta biết bao nhiêu, ta giảng bấy nhiêu, chia sẻ với đại chúng, khuyên người khác là khuyên chính mình. Suốt đời Thích Ca Mâu Ni Phật đã biểu diễn, nêu gương cho chúng ta trong bốn mươi chín năm, chúng ta đã thấy, hiểu rõ, học theo gương ấy là đúng. Cuộc sống giáo học của lão nhân gia trong bốn mươi chín năm là hoạt động chánh đáng bình thường trong Phật giáo. Trong bốn mươi chín năm, chẳng làm kinh sám, Phật sự, chẳng tổ chức pháp hội, cũng chẳng hề cử hành Phật Thất một ngày nào, cũng chẳng hề tụ tập đại chúng cùng nhau niệm Phật suốt một cây hương! Chẳng hề có! Suốt đời làm gì? Cả đời là giáo học, suốt ngày từ sáng đến tối đều chẳng gián đoạn, nhất cử, nhất động, một câu nói, một nụ cười đều nhằm biểu thị pháp, đều là giáo học. Bất luận là đối với nhiều người, hay độ một hai người, chẳng có ai không dạy, nhiệt tình, thành ý chân tâm như vậy cảm động hết thấy chúng sanh. Nhục nhãn của chúng ta chẳng nhìn thấy, trong kinh này có chép, chư thiên các cõi trời Dục Giới và Sắc Giới, tám bộ quý thần, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Có sao [chúng sanh trong] địa ngục cũng đến? Những vị từ địa ngục tham gia pháp hội đều là Bồ Tát, hiện thân [làm tội nhân] địa ngục trong các địa ngục để giáo hóa chúng sanh, nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, giáo học, họ cũng đến. Chẳng phải là kẻ thật sự tạo tội nghiệp đọa địa ngục, hạng người ấy chẳng ra khỏi ngục được, vì họ chẳng có phước báo to lớn ấy. Trong địa ngục có rất nhiều Bồ Tát, các Ngài đến đi tự do. Các Ngài đến địa ngục để độ chúng sanh trong địa ngục, nên hiện tướng địa ngục. Chẳng có một ai rời Phật. Do vậy, ở đây dạy chúng ta: “*Thập Địa Bồ Tát thí chung bất ly niệm Phật*” (Thập Địa Bồ Tát từ đầu tới cuối chẳng lìa niệm Phật), chúng ta có nên không niệm Phật hay chẳng? Bởi lẽ đó, Phổ Hiền Bồ Tát thoải mái đường ấy, khuyên dạy các vị Bồ Tát [trong Hoa Nghiêm hải hội] hãy cùng nhau đến thế giới Cực Lạc, vây đoàn đến thế giới Cực Lạc bái kiến A Di Đà Phật. Thế giới Cực Lạc cũng thật sự rất náo nhiệt, chư Phật, Bồ Tát trong mười phương thế giới đến triều kiến liên miên chẳng dứt.

Đoạn văn ấy do cư sĩ Bành Tế Thanh nói, “*án Bành thị chi thuyết, Bồ Tát độ sanh tu hữu phương tiện, tối thắng phương tiện thị giáo nhân niệm Phật*” (xét theo lời ông Bành đã nói, Bồ Tát độ sanh cần phải có phương tiện, phương tiện thù thắng nhất là dạy người ta niệm Phật). Câu này hết sức quan trọng, chúng ta phải ghi nhớ, suốt đời chẳng rời bỏ. Bất luận chỗ nào, thấy người khác đều là “A Di Đà Phật”, đó là gì? Dạy kẻ ấy niệm Phật, chẳng cần biết kẻ ấy có tin hay không. Kẻ đó chẳng tin thì cũng đã nghe lọt vào tai rồi, hễ lọt qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Chúng tử Phật đã gieo trong ruộng thức thứ tám, gặp mọi người đều là như vậy. Đồng học học Phật nhận điện thoại, cầm lấy điện thoại bèn “A Di Đà Phật”, tốt lắm! Dưỡng thành [thói quen] niệm niệm chẳng rời Phật, niệm niệm chẳng rời A Di Đà Phật. “*Niệm Phật sanh Phật quốc, kiến Phật văn pháp, chung bất ly Phật, cố năng nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn*” (niệm Phật, sanh về cõi Phật, thấy Phật, nghe pháp, trọn chẳng lìa Phật, nên có thể nhập Phật pháp tạng, đạt đến bờ kia rốt ráo), thật vậy, chẳng giả! Chỉ có chính mình niệm Phật, khuyên người khác niệm Phật, hiện thời chưa thể nhập Phật pháp tạng, nhưng thật ra đã gieo cái nhân nhập Phật pháp tạng. Sanh về thế giới Cực Lạc sẽ là nhập Phật pháp tạng. Đoạn văn này của ông Bành Tế Thanh “*thâm đắc kinh chỉ*” (thấu đạt sâu xa tông chỉ của kinh), đây là lời Hoàng lão cư sĩ tán thán ông Bành. Chúng ta còn có thời gian, hãy xem đoạn kinh văn kế tiếp, đoạn này khá dài!

(Kinh) Nguyên w vô lượng thế giới thành đấng Chánh Giác. Xả Đâu Suất, giáng vương cung, khí vị xuất gia, khổ hạnh học đạo. Tác tư thị hiện, thuận thế gian cố. Dĩ Định Huệ lực, hàng phục ma oán. Đắc vi diệu pháp, thành tối Chánh Giác. Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân. Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian, phá phiền não thành, hoại chư dục tiem. Tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch. Điều chúng sanh, tuyên diệu lý, trừ công đức, thị phước điền. Dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ. Thăng quán đánh giai, thọ Bồ Đề ký. Vị giáo Bồ Tát, tác A Xà Lê, thường tập tương ứng vô biên chư hạnh, thành thực Bồ Tát vô biên thiện căn, vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm.

(經) 願於無量世界成等正覺。捨兜率，降王宮，棄位出家，苦行學道，作斯示現，順世間故。以定慧力，降伏魔怨。得微妙法，成最正覺。天人歸仰，請轉法輪。常以法音，覺諸世間。破煩惱城，壞諸欲塹。洗濯垢污，顯明清白。調眾生，宣妙理，貯功德，示福田。以諸法藥，救療三苦。昇灌頂階，授菩提記。為教菩薩，作阿闍黎，常習相應無邊諸行。成熟菩薩無邊善根，無量諸佛咸共護念。

(Chánh kinh: Nguyên trong vô lượng thế giới thành Đấng Chánh Giác. Bỏ Đâu Suất, giáng hạ vương cung, vứt bỏ ngôi vị, xuất gia, khổ hạnh học đạo. Thị hiện như thế để thuận theo thế gian. Dùng sức Định Huệ hàng phục ma oán, đắc vi diệu pháp thành Chánh Giác cao tột. Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân. Thường dùng pháp âm giác ngộ

các thế gian, phá thành phiền não, hoại các hào dục, rửa sạch cấu ô, hiển minh thanh bạch. Điều ngự chúng sanh, tuyên diệu lý, trừ công đức, chỉ bày phước điền. Dùng các pháp dược cứu chữa ba khổ. Lên địa vị quán đảnh, thọ ký cho Bồ Tát. Để dạy Bồ Tát bèn làm A Xà Lê, thường tu tập vô biên các hạnh tương ứng, thành thực Bồ Tát vô biên thiện căn, vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm).

Chúng ta đọc lời chú giải của Hoàng lão cư sĩ: “*Thượng đoạn mật nhị cú, ‘nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn’, tái tán đại sĩ chi Thật Đức. Kim văn cập hạ văn lưỡng đoạn, tắc tái tán Bồ Tát phổ u thập phương thị hiện bát tướng thành đạo chi thù thắng Quyền Đức*” (Hai câu cuối trong đoạn trên, tức “nhập Phật pháp tạng, đạt đến bờ kia rốt ráo” lại khen ngợi Thật Đức của đại sĩ. Hai đoạn văn gồm đoạn văn này và đoạn kế tiếp lại khen ngợi Quyền Đức thù thắng của Bồ Tát thị hiện tám tướng thành đạo trọn khắp mười phương). “*Nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn*”, Bồ Tát thành tựu viên mãn trí huệ và đức tướng, đó là những thứ vốn trọn đủ trong Tánh Đức, sau khi chúng đắc nhất định khởi tác dụng. Khi ấy, khởi tác dụng, chắc chắn chẳng có khởi tâm động niệm, chúng ta phải biết điều này. Giống như Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói minh tâm kiến tánh thì kiến tánh là như thế nào? Ngài nói năm câu, văn tự không nhiều lắm, trên thực tế chỉ có hai mươi chữ, nhưng đã giảng rõ ràng, minh bạch chuyện này, thật sự khó có! Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ở dưới cội Bồ Đề, thị hiện đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Ngài cũng đã nói ra. Ngài dùng mười bốn ngày, cũng là dùng thời gian hai tuần, diễn nói kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm là do đức Thế Tôn thành Phật giảng trong Định, chẳng lưu truyền trong nhân gian, chẳng ai biết. Sau khi đã giảng trong Định xong, Đại Long Bồ Tát thâm cát bộ kinh ấy do đức Phật đã nói trong cung rồng. Số lượng quá lớn, chẳng thể chuyển đến giữ trong địa cầu. Phân lượng nhiều cỡ nào? Sáu trăm năm sau, Long Thọ Bồ Tát rất khó có, có duyên rất sâu với Đại Long Bồ Tát, Đại Long Bồ Tát dẫn Long Thọ tới thăm viếng cung rồng. Ngài Long Thọ thấy [kinh Hoa Nghiêm] là tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm, địa cầu của chúng ta làm sao có thể chứa đựng được? Đó là báo cáo của Thích Ca Mâu Ni Phật trong mười bốn ngày.

Nhưng chư vị phải biết Lục Tổ Huệ Năng đại sư minh tâm kiến tánh, có cùng một cảnh giới với Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Thế Tôn ở Ấn Độ, nên dùng thân Phật để đắc độ, Ngài bèn hiện thân Phật. Huệ Năng đại sư ở Trung Quốc, ở đất Trung Quốc thì chẳng hiện thân Phật, [người Hoa] chẳng có căn tánh tốt đẹp như vậy, nên dùng thân tỳ-kheo để đắc độ, lão nhân gia hiện thân tỳ-kheo trong một đời. Thật ra, cùng một cảnh giới, chẳng khác gì nhau, nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy. Ngài nói hai mươi chữ, triển khai thì là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh; Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh nếu rút gọn sẽ là hai mươi chữ ấy, bất tăng, bất giảm. Nếu người khác hỏi, Đại Phương Quảng

Phật Hoa Nghiêm giảng những gì? Quý vị dùng năm câu nói đó của Lục Tổ để nói bèn nói trọn hết. Câu đầu tiên Ngài nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”. Câu thứ hai nói: “*Vốn chẳng sanh diệt*”, tức là Niết Bàn chẳng sanh, chẳng diệt. Câu thứ ba là “*vốn tự trọn đủ*”, tức là như trong Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, tự tánh vốn tự trọn đủ, tự tánh có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, hết thấy đều là vô lượng, tự tánh vốn trọn đủ mà! Câu thứ tư nói: “*Vốn chẳng dao động*”, điều này thường được kinh Đại Thừa nói là “*tự tánh vốn định*”. Câu cuối cùng: “*Có thể sanh ra vạn pháp*”, vô lượng vô biên các cõi Phật, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do tự tánh sanh, có thể sanh, có thể hiện, hết thấy vạn pháp là cái được sanh, được hiện. Nói rõ tất cả hết thấy vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới đều có cùng một tự tánh, có cùng một tự tánh tức là cùng một Thể. Lão Tử đã nói: “*Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn pháp dữ ngã nhất thể*” (trời đất và ta cùng một căn, vạn pháp và ta cùng một Thể) mang ý nghĩa này. Người Trung Quốc nói luân lý thì luân lý ấy chính là luân lý trong kinh Phật.

Luân lý là nói về quan hệ, ta và người khác có quan hệ gì? Phật pháp nói tới quan hệ rộng lớn, tinh vi, sâu xa, nói rất viên mãn. Không chỉ là quan hệ giữa con người với nhau được nói rõ ràng, mà quan hệ với tất cả động vật, quan hệ với thực vật, quan hệ với hoa cỏ, cây cối, quan hệ với núi, sông, đại địa, quan hệ với toàn thể hư không pháp giới, nói rõ ràng như thế, một Thể mà! Sự nhận biết này quan trọng hơn bất cứ gì khác! Từ bi là đức bậc nhất trong tự tánh, tinh hoa, cốt tủy của Tánh Đức là từ bi. Chúng ta không biết những quan hệ ấy, không biết chúng có quan hệ gì với chính mình, cho nên tâm từ bi chẳng thể sanh khởi. Hiểu rõ quan hệ, tâm từ bi sẽ sanh khởi. Từ bi là lòng yêu thương chân thành, là lòng yêu thương vĩnh viễn chẳng thay đổi, chẳng giả! Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai! Vì sao? Một Thể mà! Người kiến tánh đều biết, kẻ chưa kiến tánh chẳng hiểu, hễ kiến tánh đều biết. Do vậy, sau khi thành Phật, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn có ứng. Trong Ứng thì thù thắng nhất là đại quyền thị hiện, tám tướng thành đạo. Quý vị thấy đó, những điều được nói trong đoạn kinh văn này, từ “*xả Đâu Suất*” đến “*thành tối Chánh Giác, thiên nhân quy ngưỡng*”, mãi cho đến lúc thị hiện diệt độ, chính là tám tướng thành đạo, đây là sự nghiệp trong một đời của Phật, Bồ Tát khi giáng sanh trong thế gian, thị hiện cho chúng ta thấy nhằm dạy chúng ta học tập, thân hành, ngôn giáo mà!

Tiếp đó, cụ Hoàng giải thích đoạn kinh văn này: “*Nguyện u vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác*” (nguyện thành Đẳng Chánh Giác trong vô lượng thế giới). Vì sao nguyện trong vô lượng thế giới? Phật, Bồ Tát trong lúc tu nhân đã phát nguyện ấy, Tứ Hoàng Thệ Nguyện, “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Các đồng học học Phật chúng ta, bất luận là tại gia hay xuất gia đều đã phát, nhưng phiền não, nghiệp chướng quá nặng, thường quên bằng nguyện này, gặp chúng sanh khổ nạn nhưng đã quên sạch sành sanh nguyện này, chẳng

dấy lên ý niệm giúp đỡ họ. Người nhà, quyền thuộc gặp phải khó khăn thì có thể nghĩ tới [nguyện ấy], chứ các chúng sanh có khổ nạn ta chẳng nghĩ đến. Nguyên thật sự phát khởi, đến khi quý vị đại triệt đại ngộ, trở thành Pháp Thân Bồ Tát, chứng đắc Phật quả, sẽ thực hiện nguyện này, thực hiện viên mãn. Chúng sanh không nhất định phải cầu cạnh quý vị, chỉ cần họ gặp khổ nạn, tin tức khổ nạn truyền tới, quý vị nhận được bèn có ứng. Từ sách Hoàn Nguyên Quán, chúng ta thấy ba thứ trọn khắp, bèn hiểu tin tức ấy truyền đi nhanh chóng đến mức nào! Hiền Thủ quốc sư nêu một thí dụ là một vi trần, trong Phật pháp gọi một vi trần là “cực vi vi”, đại khái tương đương với Lượng Tử được phát hiện bởi Lượng Tử Lực Học hiện thời, Lượng Tử còn nhỏ hơn hạt cơ bản. Các nhà khoa học coi hạt nhỏ nhất ấy là cơ sở vật chất, hiện thời họ còn tiến hơn một bước, nghiên cứu [nhận biết] Lượng Tử là tiểu quang tử, nó là một thứ tạo thành vật chất, còn nhỏ hơn hạt cơ bản. Nó có ba thứ đặc tính, kinh Phật đã nói rõ, nhưng các nhà khoa học vẫn chưa thể nói rõ ràng như thế, chưa nói được. Tiểu quang tử dao động, lập tức trọn khắp pháp giới, chẳng có tốc độ nào nhanh hơn nó. Tốc độ ánh sáng hay tốc độ sóng điện từ đều thua kém rất xa. Khi nó động sẽ trọn khắp pháp giới, cho nên tin tức lan truyền hết sức nhanh chóng. Bất luận người ấy hữu tâm, vô tâm, hữu ý, vô ý, những tin tức như vậy bậc Bát Địa Bồ Tát trở lên đều nhận được. Quý vị thấy Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, năm địa vị Phật, Bồ Tát ấy đều nhận được. Sau khi đã nhận được, lẽ nào các Ngài chẳng ứng? Hễ nhận được, nhất định sẽ hồi ứng. Tốc độ hồi ứng gần như đồng thời với tốc độ cảm. Vì sao? Ứng cũng là lập tức trọn khắp pháp giới. Vì thế, cái hay của kiến tánh là ở chỗ này. Tin tức trọn khắp pháp giới hư không giới, chẳng sót một điều gì, hiểu rõ ràng, rành rẽ, người ấy (người đã kiến tánh) khởi tác dụng hồi ứng. Hồi ứng cũng chẳng cần phải suy xét, chẳng hề suy xét, mà tự nhiên hồi ứng, nhất định giúp đỡ quý vị. Sự hồi ứng rõ rệt là tám tướng thành đạo, người ấy đã hồi ứng!

Bởi lẽ, nguyện này là bốn nguyện, là nguyện đã phát nơi nhân địa, hiện thời hoàn toàn thực hiện, có năng lực “*u vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác*” (thành Đẳng Chánh Giác trong vô lượng thế giới), chỉ nói một câu này. Một câu bao hàm những điều khác, quý vị thấy kể cả hiện thân thành Phật hóa độ chúng sanh đều có thể, nên hiện làm Bồ Tát, hiện làm Thanh Văn, hiện làm Duyên Giác, hiện làm quốc vương, đại thần, đồng nam, đồng nữ, cho đến hiện thành hoa cỏ, cây cối, núi, sông, đại địa, không có gì chẳng thể thị hiện. Rốt cuộc Ngài thị hiện bằng cách nào? Chính mình chẳng có ý nghĩ gì! “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm chúng sanh ứng hợp với khả năng nhận biết của họ), kinh Lăng Nghiêm đã nói như vậy. Vì thế, vẫn là do ý niệm của chúng sanh. Chúng sanh có ý niệm như thế nào, Ngài dùng phương pháp như thế ấy để cảm ứng. Chúng ta chớ nên không biết đạo lý như vậy. Hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, mới biết chư Phật, Bồ Tát và chúng ta cảm ứng là sự thật, chẳng giả. Hơn nữa, tốc độ cảm ứng vô cùng nhanh chóng, chúng ta có lúc chẳng thể nhận biết, là do bản thân chúng ta nghiệp chướng quá nặng. Nghiệp chướng nhẹ hơn một chút sẽ có thể cảm nhận. Trong thế gian, có những người được gọi là “có công

năng đặc dị”, họ có thể thấy, nghe, đối với những tin tức truyền đến chư Phật, Bồ Tát họ nghe thấy, có những hiện tượng bị họ trông thấy, chẳng phải là không có. Chúng tôi đi qua nhiều nơi, đã thấy khá nhiều người lạ lùng, có thật hay không? Có thể! Từ kinh Phật luôn có thể tìm thấy những lý luận làm căn cứ [để giải thích những hiện tượng ấy].

“*Nguyện*”, kế tiếp là giải thích nguyện, “*thệ nguyện dã*” (là thệ nguyện), tứ hoàng thệ nguyện. “*Pháp Quật viết: U xuất thế đạo hy cầu vi nguyện. Hy giả, niệm dã, nguyện dã*” (sách Pháp Quật nói: “Mong cầu đạo xuất thế là nguyện. Hy là niệm, là nguyện”). Do vậy, “hy cầu” (悱求) giống như chữ Hy (希) trong hy vọng. Trong tâm chúng ta có điều mong cầu, trong nguyện có điều mong cầu, có điều hy cầu. “*Hựu thế giới giả, Thế chỉ thời gian, Giới chỉ không gian*” (Lại nữa, “thế giới”: Thế chỉ thời gian, Giới chỉ không gian). Kinh Phật thường nói đến thế giới, các nhà khoa học hiện thời nói là “thời - không” (thời gian và không gian). “*Thời - không*” như các nhà khoa học thường nói chính là “thế giới” trong kinh Phật. “*Thủ Lăng Nghiêm Kinh viết: Thế vi thiên lưu, Giới vi phương vị. Nhữ kim đương tri, Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, thượng, hạ vi Giới. Quá khứ, vị lai, hiện tại vi Thế*” (Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy: “Thế là đời đời, Giới là phương vị. Nay ông nên biết: “Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, trên, dưới là Giới. Quá khứ, vị lai, hiện tại là Thế”). Đây là đức Phật giải thích chữ Thế Giới trong hội Lăng Nghiêm. “*Đẳng Chánh Giác, kiến Đường dịch, thị vi tân dịch*” (Từ ngữ Đẳng Chánh Giác thấy trong bản dịch đời Đường, là dịch theo lối mới). Bản Ngụy dịch ghi là “*Đẳng Giác*”, tức là cựu dịch. Đẳng Chánh Giác và Đẳng Giác có cùng một ý nghĩa. Các vị dịch giả như Huyền Trang đại sư dịch thành Đẳng Chánh Giác (Samyak-sambodhi); bản Ngụy dịch theo lối cựu dịch, các bản cổ dịch trước thời Huyền Trang đại sư đều dịch là Đẳng Giác. Đẳng Giác có hai ý nghĩa, thứ nhất là “*Đẳng Giác thị Bồ Tát chi cực vị*” (Đẳng Giác là địa vị tối cực trong hàng Bồ Tát). Bồ Tát đạt đến địa vị này bền viên mãn, chẳng còn có [địa vị Bồ Tát nào] cao hơn nữa. Trên đó là Diệu Giác, mà Diệu Giác là quả vị Phật. “*Tương đắc Diệu Giác chi Phật quả. Kỳ trí huệ công đức đẳng tự Diệu Giác, cố vị chi Đẳng Giác*” (sẽ đắc Phật quả Diệu Giác, trí huệ, công đức gần giống như Diệu Giác, nên gọi là Đẳng Giác). Cũng có nghĩa là là Đẳng Giác Bồ Tát kém Phật một bậc, tiến cao lên nữa sẽ là địa vị Diệu Giác. Theo kinh Hoa Nghiêm, địa vị Bồ Tát có năm mươi một đẳng cấp, thấp nhất là địa vị Thập Tín. Địa vị Thập Tín cũng rất lỗi lạc, từ nhân gian của chúng ta tu hành đến mười pháp giới đều là các địa vị thuộc Thập Tín. Tổ sư tông Hoa Nghiêm đã rất chú tâm nói rõ cặn kẽ sự chứng đắc trong các địa vị này như thế nào, nói theo nguyên tắc chung thì toàn bộ đều là buông xuống.

Do vậy, tôi học Phật, thoát đầu, thầy dạy tôi, tôi hỏi Ngài: “Có bí quyết nào để nhập Phật môn hay không? Có phương pháp nào để khế nhập rất nhanh hay không?” Thầy dạy tôi “nhìn thấu, buông xuống”. Nhìn thấu suốt giúp quý vị buông xuống. Buông xuống lại giúp

quý vị thấy thấu suốt. Hai điều này từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai, giúp nhau thành tựu, bí quyết ở ngay chỗ này. Thầy chẳng lừa gạt tôi, ngay hôm đầu tiên đã dạy tôi bí quyết ấy. Nếu chúng ta muốn tiến cao hơn, chẳng buông xuống sẽ không được. Thầy nói, năm mươi một cấp bậc Bồ Tát ví như năm mươi một tầng của một tòa cao ốc, quý vị chẳng bỏ tầng thứ nhất sẽ không lên được tầng thứ hai. Chẳng bỏ tầng thứ hai, sẽ không lên được tầng thứ ba, luôn luôn bảo quý vị hãy buông xuống. Một mực buông xuống, quý vị sẽ đạt tới chỗ đăng phong tạo cực, sẽ thành công. Chúng ta phàm phu gặp phiền phức là do không buông xuống được, bởi lẽ, chẳng buông xuống được sẽ vĩnh viễn chẳng thể tiến cao hơn. Quý vị thấy vì sao hiện thời chúng ta chẳng thể tiến tới địa vị Sơ Tín? Do chẳng buông Kiến Hoặc xuống được. Buông xuống bèn là Tu Đà Hoàn, tức là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm. Buông Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến xuống, buông xuống năm thứ kiến giải sai lầm đó, quý vị sẽ chứng đắc. Bí quyết không có gì khác, bí quyết là buông xuống! Học Phật, thật sự học Phật chẳng có gì khác! Thật sự học Phật là học buông xuống! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

Tập 103

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi một, dòng thứ nhất, xem từ câu thứ hai.

“*Đẳng Giác hữu nhị nghĩa*” (Đẳng Giác có hai nghĩa), thứ nhất, “*Đẳng Giác thị Bồ Tát chi cực vị, tương đắc Diệu Giác chi Phật quả. Kỳ trí huệ, công đức, đẳng tự Diệu Giác, cố vị chi Đẳng Giác*” (Đẳng Giác là địa vị tột bậc trong hàng Bồ Tát, sắp đắc Phật quả Diệu Giác. Trí huệ và công đức của vị này gần giống như Diệu Giác, nên gọi là Đẳng Giác). Đây là ý nghĩa thứ nhất trong hai ý nghĩa của danh từ Đẳng Giác. Theo kinh Đại Thừa, Bồ Tát có năm mươi một địa vị, nhìn từ dưới lên sẽ là Thập Tín vị Bồ Tát, tiến lên cao hơn là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, đó là năm mươi địa vị, cao hơn Thập Địa là Đẳng Giác. Địa vị cao nhất được gọi là Diệu Giác, Diệu Giác chỉ có một địa vị, đã chứng đắc Phật

quả viên mãn rốt ráo, là Phật; từ Đẳng Giác trở xuống đều gọi là Bồ Tát. Vì thế, trong các địa vị Bồ Tát, địa vị thứ năm mươi một (Đẳng Giác) là cao nhất, là địa vị tột bậc trong hàng Bồ Tát. Sắp đặt được Diệu Giác Phật quả, nếu Ngài tiên cao hơn một bậc nữa sẽ là quả vị Diệu Giác. Trên thực tế, trí huệ và công đức của Ngài cũng chẳng khác địa vị Diệu Giác cho mấy, bằng với Diệu Giác, nên gọi là Đẳng Giác. Đàm Loan đại sư nói: “*Vọng ư Diệu Giác do hữu nhất đẳng*” (xét ra, còn kém Diệu Giác một bậc); so với Diệu Giác, Ngài kém hơn một cấp. “*Tỷ hạ danh Giác*” (So với những địa vị thấp hơn thì gọi là Giác). “*Hạ*” là từ Thập Địa trở xuống, tức năm mươi địa vị từ Thập Địa trở xuống, so với họ, Ngài (Diệu Giác Bồ Tát) giác ngộ cao minh hơn họ rất nhiều, gần như đạt đến viên mãn; vì thế, gọi là Đẳng Giác. Ý nghĩa thứ hai: “*Đẳng Giác là Phật quả*”. Như vậy là Đẳng Giác có hai ý nghĩa như thế.

“*Vãng Sanh Luận Chú viết: Dĩ chư pháp đẳng, cố chư Như Lai đẳng. Thị cố chư Phật Như Lai, danh vi Đẳng Giác*” (Sách Vãng Sanh Luận Chú giảng: “Do các pháp bình đẳng, nên chư Như Lai bình đẳng. Vì thế, chư Phật Như Lai được gọi là Đẳng Giác”). Ý nghĩa này cũng rất hay, đây là luận theo phía hết thảy chư Phật. Do các pháp bình đẳng, trong kinh Bát Nhã, đức Phật thường nói: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao, thấp*”, nên trí huệ, thần thông, và đạo lực của hết thảy Như Lai đều bình đẳng. Do vậy, chư Phật Như Lai đều được gọi là Đẳng Giác. Ý nghĩa này cũng hay, chúng ta nhìn theo ý nghĩa này thì như bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm đều có thể gọi là Đẳng Giác. Vì sao? Trong cõi Thập Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, mỗi người đều “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đã phá vô minh” như trong Thiên Tông đã nói. “*Đã phá vô minh*” tức là nói trong bất luận cảnh giới nào, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm chẳng còn, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, lẽ nào bất bình đẳng cho được? Khởi tâm động niệm là bất bình đẳng. Chẳng khởi tâm, không động niệm, đương nhiên là bình đẳng. Do vậy, cảnh giới ấy thật sự là thế giới bình đẳng, có sao đức Phật lại nói có bốn mươi một tầng cấp? Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác là bốn mươi một tầng cấp. Bốn mươi một tầng cấp ấy trong lúc chúng ta học kinh Hoa Nghiêm đã có học, chẳng thể nói là chúng có, nhưng cũng chẳng thể nói là chúng không có. Vì sao chẳng thể nói chúng là có? Các Ngài chẳng khởi tâm, không động niệm, chia ra tầng cấp bằng cách nào? Chia thành tầng cấp, nhất định là do khởi tâm động niệm, nhất định có phân biệt; nói không có chấp trước thì còn được, chứ chắc chắn là có phân biệt, không có phân biệt thì làm sao có tầng cấp cho được? Do vậy, chẳng thể nói là “chúng có”. Chẳng thể nói “chúng không có” là do lẽ nào? Tuy chẳng khởi tâm, không động niệm, nhưng vô minh đã phá, đức Phật bảo chúng ta: Các vị Bồ Tát ấy còn có tập khí vô minh, chưa đoạn tập khí. Đã là tập khí chưa đoạn, chắc chắn tập khí có dày hay mỏng khác biệt. Có người tập khí rất nặng, có kẻ tập khí rất mỏng. Do vậy, chúng ta hiểu rõ, nói theo phương diện còn mang theo tập khí chưa đoạn, sẽ có bốn mươi một tầng cấp, nói theo phương diện này.

Bốn mươi một tầng cấp ấy tự hành hóa tha có bị chướng ngại hay không? Chẳng có chướng ngại tí nào! Nhưng bốn mươi một phẩm tập khí vô minh ấy chẳng có cách nào đoạn được. Chư vị hãy nghĩ xem, nếu chúng ta muốn có một phương pháp để đoạn, tức là lại khởi tâm động niệm, lại phân biệt, chấp trước mất rồi! Do vậy, trong tình cảnh ấy, các kinh cũng nói, cổ đại đức cũng nói là “*vô công dụng đạo*”, tức là nói ở đây chẳng thể sử dụng sức [hòng đoạn trừ tập khí vô minh] được! Chẳng thể khởi tâm động niệm thì quý vị dùng sức như thế nào đây? Phải làm sao đối với những tập khí vô minh ấy? Không quan tâm đến, để mặc chúng, qua một thời gian lâu dài, chúng sẽ tự nhiên đoạn mất, nhất định phải cạy vào thời gian. Thời gian bao lâu? Kinh nói “*ba đại A-tăng-kỳ kiếp*”, cần phải mất một thời gian dài như thế thì tập khí hoàn toàn chẳng còn nữa. Hoàn toàn chẳng còn nữa mới là địa vị Diệu Giác. Do vậy, bốn mươi một tầng cấp đều có thể gọi là địa vị Đẳng Giác, các Ngài chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa và trong Thiền Tông đều nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Đối với kinh Kim Cang, cư sĩ Giang Vị Nông chú giải kinh Kim Cang đã bảo: Hễ kinh Kim Cang nói tới “*chư Phật Như Lai*” thì chữ “*chư Phật*” chỉ bốn mươi một địa vị [Bồ Tát] này, [các vị Bồ Tát chứng đắc những địa vị ấy] đều được gọi là chư Phật, từ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, cho đến Diệu Giác, đều gọi là “*chư Phật*”, Phật nhiều ngàn ấy. Bởi lẽ đó, hai ý nghĩa của Đẳng Giác đều tồn tại.

Kể đó, [sách Chú Giải] viết: “*Hựu Trí Độ Luận viết: Chư Phật đẳng, có danh vi Đẳng Giác*” (Lại nữa, Trí Độ Luận giảng: “Do chư Phật bình đẳng, nên gọi là Đẳng Giác”). Có thể giải thích từ ngữ “*chư Phật*” này là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, pháp do các Ngài đã đắc là pháp bình đẳng, nên gọi là Đẳng Giác. Sách Hội Sớ cũng nói: “*Đẳng Giác hữu nhị nghĩa*” (Đẳng Giác có hai ý nghĩa), có hai ý nghĩa:

- Thứ nhất là “*Như Lai danh Đẳng Giác*” (Như Lai gọi là Đẳng Giác). Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều được gọi là Như Lai, đều là Như Lai, nên xưng là Đẳng Giác.

- Ý nghĩa thứ hai, “*Nhất Sanh Bồ Xứ vị*” (thuộc địa vị Nhất Sanh Bồ Xứ). Đó là Hậu Bồ Phật. Như Di Lạc Bồ Tát, nay đang ở trong Đâu Suất nội viện, trong tương lai sẽ hạ sanh trong thế gian này, thị hiện thành Phật độ chúng sanh. Ngài đang trụ tại Đâu Suất nội viện, chúng ta gọi Ngài là Bồ Xứ Bồ Tát, Ngài cũng là Đẳng Giác Bồ Tát.

“*U thị chú kinh gia u thử kinh văn, diệc hữu lưỡng thuyết, nhất vị, thị trụ Đẳng Giác vị Bồ Tát, u thập phương thị hiện bát tướng thành đạo*” (Do vậy, đối với đoạn kinh văn này, các nhà chú giải kinh cũng có hai thuyết. Một thuyết là Bồ Tát thuộc địa vị Đẳng Giác thị hiện tám tướng thành đạo trong mười phương). Đó là một cách giảng. Cách giảng khác là: “*Thử nãi quả Phật, tùng quả hương nhân, thị hiện bát tướng, nãi thành Phật hậu chi lực dụng*” (Đó chính là quả Phật (vị Phật đã chứng quả Diệu Giác), từ quả hương đến nhân, thị

hiện tám tướng. Đây là lực dụng sau khi đã thành Phật). Cách nói này khác hẳn thuyết trước. Bồ Tát đã chứng đắc địa vị Diệu Giác, đã thành Phật; tuy thành Phật, chúng sanh có cảm, Ngài bèn ứng. Khi Ngài ứng bèn gọi là “*đạogiá Từ hàng*” (thả chiếc bè Từ), vì chúng sanh thị hiện tám tướng thành đạo, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện làm gương cho chúng ta trong thế gian này. Nói thật ra, Thích Ca Mâu Ni Phật đã sớm thành Phật. Trong hội Phạm Võng, đức Phật cho biết Ngài thị hiện thành Phật, hiện tám tướng thành đạo trên thế giới lần này là lần thứ tám ngàn. Chúng ta bèn biết Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật từ kiếp lâu xa, lần này Ngài đến biểu diễn, thị hiện, mang ý nghĩa này: “*Tổng chi, đại giác diệu dụng, bất khả tư nghị*” (Nói chung, diệu dụng của đại giác chẳng thể nghĩ bàn). Đối với chuyện thị hiện tám tướng thành đạo, qua kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Sơ Trụ Bồ Tát có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Sơ Trụ Bồ Tát quả thật đã phá vô minh, chứng đắc Pháp Thân. [Tam đức bí tạng] Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát tẩy đều chứng đắc, lại còn chứng đắc viên mãn. Sơ Trụ có thể thị hiện tám tướng thành đạo, huống hồ những địa vị cao hơn như Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, lẽ nào chẳng thể thị hiện? Giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói: “*Nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy*”.

Chư Phật Như Lai đến hiện thân giáo hóa trong thế gian, không do ý nghĩ của chính các Ngài, mà do nghiệp cảm của chúng sanh. Chúng sanh có cảm, nghĩ đến Phật, niệm Phật, tin tức ấy truyền đi, Phật, Bồ Tát lập tức tiếp nhận, do nhận được, các Ngài bèn đến. Thế nhưng, sự “cảm” ấy vẫn phải có duyên, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Phật chẳng độ chúng sanh vô duyên*”, Phật độ chúng sanh nhất định phải có duyên. Mỗi cá nhân chúng ta ở trên thế gian này, từ nhỏ đến lớn đã kết duyên với người thế gian và hết thảy chúng sanh vô cùng rộng rãi. Trong ấy, có thiện duyên lẫn ác duyên, mà cũng có duyên chẳng thiện chẳng ác. Khi kết duyên, bất luận hữu tâm hay vô tâm, hữu ý hay vô ý đều như nhau, duyên ấy đều đã kết. Kết duyên càng nhiều, trong tương lai quý vị thành Phật, thành Bồ Tát, trở về tự tánh, những tin tức quý vị nhận được đều từ chúng sanh hữu duyên. Đã có duyên từ đời quá khứ, nên họ mới có thể tiếp nhận sự giáo huấn của quý vị. Nếu chẳng có duyên, quý vị thị hiện trước mặt họ, họ chẳng tin tưởng, chẳng buồn quan tâm đến! Vậy thì có gì quý vị phải đến? Sẽ không thể đến được! Do vậy, hễ đến thì nhất định phải nhằm tiếp dẫn chúng sanh hữu duyên, đạo lý ở chỗ này. Bởi đó, trước khi chúng ta thành Phật, cũng là trước khi đại triệt đại ngộ, phải biết rộng kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh, đó là điều tốt đẹp. Bởi lẽ, trong thiện duyên và ác duyên đều có tình chấp, quả báo rất phiền phức, dây dưa chẳng rạch rời. Pháp duyên mới tốt, pháp duyên là gì? Khuyến mọi người niệm Phật, khuyến mọi người học Phật, điều ấy tốt đẹp!

Phật pháp được hết thảy chúng sanh trong tam giới gọi là Bảo (quý báu), gọi là Tam Bảo. Tác dụng của Bảo là có thể giúp chúng ta giải quyết hết thảy khổ nạn. Khi cuộc sống chúng ta gặp khó khăn, nếu có được vật báu, sẽ có thể giải quyết vấn đề, điều này

so với bảy báu trên phương diện vật chất còn thù thắng hơn! Trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã nói: “*Dĩ đại thiên thế giới thất bảo bố thí*” (dùng bảy báu khắp cả đại thiên thế giới để bố thí), tuyệt quá, ai có thể làm được? Có lẽ chỉ có Ma Hê Thủ La thiên vương mới có thể làm được, Đại Phạm Thiên Vương vẫn chưa làm được, lấy đâu ra những món trân bảo ấy? Trân bảo bố thí nhiều ngàn ấy vẫn chẳng bằng người nói bốn câu kệ, [bốn câu kệ] là Pháp Bảo. Vì sao? Vì kẻ khác nói bốn câu kệ, kẻ ấy có thể khai ngộ, còn quý vị bố thí bảy báu đầy khắp đại thiên thế giới, kẻ ấy có được sẽ rất hoan hỷ, cảm kích quý vị, nhưng chẳng khai ngộ! Do vậy, chúng ta hiểu thứ gì là trân bảo thật sự? Thứ gì có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ thì mới là trân bảo. Thứ gì có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ? Kinh điển, kinh giáo, pháp môn, phương pháp, và đường lối được nói trong Phật pháp, những thứ ấy hữu dụng. Quý vị có được những thứ ấy, tài bảo thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng thiếu thốn, quý vị biết làm như thế nào mới đạt được? Kiến tánh thì chẳng cần phải nói nữa! Kiến tánh thì thứ gì cũng đều trọn đủ, vì sao? Trong tự tánh chẳng có khiếm khuyết, thứ gì cũng đều trọn đủ. Chưa kiến tánh, trí huệ và đức tướng trong tự tánh chẳng hiện tiền, chúng ta sống bằng cách nào? Cuộc sống cày vào những công việc vất vả, kiếm một chút tiền để sống qua ngày, tình hình là như vậy đó. Trong tự tánh, gần như là trong nhà tiền tài cả vạn quan, nhưng khi quý vị rời nhà chẳng cầm theo được. Quý vị lữ hành bên ngoài, hứng chịu các nỗi khổ nạn, chẳng thể không đi làm, chẳng làm việc thì cái ăn sẽ trở thành vấn đề. Chúng ta mê mất tự tánh, làm công vật vãng trong lục đạo hay trong mười pháp giới. Đã kiến tánh thì kiến tánh sẽ chẳng ở trong mười pháp giới, tối thiểu là quý vị ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đặc đại tự tại.

Quay lại tình cảnh hiện tiền của chúng ta, đức Phật chỉ dạy chúng ta, chúng ta cần phải biết: Ở trong mười pháp giới thì phải nói đến nhân quả, chẳng rời khỏi nhân quả; lục đạo càng là như thế. Trong lục đạo, chúng ta mong có được của cải thì phải tu hành, cách tu như thế nào? Tài bố thí. Phải có tâm, nguyện hoan hỷ tu tài bố thí. Khi thấy người khác gặp khó khăn, chúng ta hãy nên toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ. Quả báo hiện tiền rất nhanh chóng, lại còn như thế nào? Càng thí càng nhiều. Chúng ta thấy người phát tài to lớn trong thế gian có ức vạn của cải, đó là người như thế nào? Trong đời quá khứ đã tu tài bố thí rất nhiều, nên cảm được quả báo [giàu có] trong đời này. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ chẳng hâm mộ kẻ ấy, mà dùng cái tâm bình thường để nhìn kẻ đó. Chúng ta mong muốn thì chẳng khó, từ bây giờ hãy bắt đầu nỗ lực tu tài bố thí, quả báo trong tương lai sẽ chẳng kém người ấy, mà còn có thể vượt hơn kẻ ấy. Đây là thâm thập của cải chánh đáng, chẳng dùng những phương pháp bất thiện, tổn người, lợi mình! Của cải có được như vậy vẫn là do trong mạng quý vị đã có. Trong mạng quý vị không có, dùng bất cứ chú ý xấu xa nào cũng đều chẳng thể đoạt được! Quý vị cảm sung để cướp đoạt kẻ khác thì cướp được vẫn là do trong mạng đã có, quý vị nói xem: Có oan uổng hay là không? Trong mạng quý vị chẳng có, quý vị còn chưa cướp được, đã bị cảnh sát thộp cổ! Do vậy, trong mạng đã có thì cần gì phải cướp đoạt, cần gì phải trộm cắp? Dùng những thủ đoạn phi pháp như vậy khiến cho của

cải sẵn có trong mạng của chính mình bị giảm bớt, hao hụt. Trong mạng quý vị vốn có một trăm ức, nay quý vị được năm mươi ức đã cảm thấy ghê gớm lắm rồi! Quý vị chẳng biết: Dùng thủ đoạn phi pháp, tạo tác tội nghiệp [khiến của cải sẵn có trong mạng] bị hụt bớt một nửa, quý vị nói xem có oan uổng hay chẳng? Do vậy, thánh nhân luôn dạy chúng ta, tiền tài bất nghĩa quyết định chớ nên lấy, hễ lấy là sai lầm. Đức Phật dạy chúng ta có đạo lý, có phương pháp. Thông minh, trí huệ là quả báo, pháp bố thí là nhân. Quý vị tu pháp bố thí sẽ được thông minh, trí huệ. Quý vị tu vô úy bố thí, sẽ được khỏe mạnh, sống lâu. Người thế gian chúng ta có ai chẳng muốn ba điều ấy? Chúng ta muốn có của cải, muốn thông minh, trí huệ, muốn khỏe mạnh, sống lâu, thầy đều có thể đạt được! “*Trong cửa nhà Phật, hễ cầu ắt ứng*”. Thật vậy! Chẳng giả tí nào!

Nhưng đối với tài, quý vị phải hiểu, chính mình sống rất đơn giản, rất dễ dàng thỏa mãn, mong có nhiều [tiền của] như thế để làm gì? Nhưng do chúng ta phải giúp đỡ nhiều chúng sanh khổ nạn trên thế giới này, cho nên [của cải trở thành] cần thiết. Sử dụng chánh đáng, sử dụng theo phương cách thuần tịnh, thuần thiện, Tam Bảo gia trì, cũng là “*có cầu ắt ứng*”. Chân tâm, chẳng có chút tư tâm nào. Chư Phật, Bồ Tát vì chúng ta thị hiện trong thế gian này, tổ sư đại đức kiến lập đạo tràng để đại chúng được an trụ, khiến cho đại chúng có hoàn cảnh tu học rất tốt đẹp, cuộc sống được bảo đảm, hoàn cảnh cư trụ tốt đẹp, có thầy hay, bạn tốt. Thế giới Cực Lạc là một gương tốt, thế giới Hoa Tạng là gương tốt, điều ấy chẳng cần phải nói nữa. Đó là [những thế giới] do Tánh Đức lưu lộ, nhưng trong thế gian này, chúng ta chẳng nhờ vào Tánh Đức, mà hoàn toàn cậy vào Tu Đức. Tu Đức có thể cảm động những bậc thiện nhân khác nhau, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp đều tự động dâng hiến, thành tựu sự nghiệp ấy. Thuở đức Phật tại thế, quý vị thấy các quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ nhiệt tâm phụng hiến, thành tựu sự nghiệp giáo hóa của Phật Đà, qua kinh điển chúng ta đã thấy [điều ấy]. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, hộ pháp thuở đầu tiên là đế vương. Thời Hán Minh Đế (28-75), vua phái đặc sứ sang Tây Vực cầu Phật pháp, gặp cao tăng Ấn Độ đang hoằng pháp nơi ấy là Ma Đằng (Kasyapa Matanga) và Trúc Pháp Lan (Dharmaratna). Những vị đặc sứ ấy đã hướng đến hai vị đại đức đó thưa rõ, thuở đó nhằm đời Hán, [họ thưa rõ] lòng thành cầu Phật của hoàng đế, cầu thỉnh hai vị đến Trung Quốc. Hai người ấy đến [Trung Hoa], mang theo tượng Phật, kinh sách. Lúc đó là năm 67 Công Nguyên, hiện thời năm 2010 Công Nguyên. Năm 67 Công Nguyên nhằm năm Vĩnh Bình thứ mười, Phật pháp chánh thức truyền đến Trung Quốc, do đế vương Trung Quốc lễ thỉnh. Hai vị pháp sư tới Trung Quốc, Hán Minh Đế bái các Ngài làm thầy, họ mang thân phận quốc sư. Vua kiến lập đạo tràng cho họ, tức chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Thuở ấy, kinh đô là Lạc Dương⁹²[1]. Ngôi chùa đầu tiên là Bạch Mã Tự⁹³[2], nhằm kỷ niệm ngựa trắng chở kinh

92[1] Cố đô Lạc Dương nay là thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam. Do nằm ở phía Bắc sông Lạc Thủy (Lạc Hà) nên gọi là Lạc Dương (theo cách gọi của người Hoa thời cổ, phía Bắc sông nước gọi là Dương, phía Nam gọi là Âm). Thành phố này còn các tên cổ là Lạc Ấp, Kinh Lạc, Lạc Thành, Đông Đô, Thần Đô, Thành Châu. Theo truyền thuyết, Lạc Dương đã có từ thời nhà Hạ.

sách, tượng Phật, đã có công khó. Chẳng có công lao thì cũng có công khó! Lòng người Hoa có hậu, do mây thốt ngựa ấy chở kinh sách, tượng Phật đến Trung Quốc, nên chẳng thể quên, đặt tên cho ngôi chùa ấy là Bạch Mã nhằm báo ân. Phật giáo truyền đến Trung Quốc như vậy.

Quý vị thấy về sau, đế vương tu phước, biết chúng ta nếu muốn tu đại phước báo thì tu ở chỗ nào? Đều là đến tu trong Phật môn, phước báo trong Phật môn chẳng ai có thể sánh bằng! Hoàng thượng biết tu phước, bình dân cũng đều học theo, học bổ thí Tam Bảo, cúng dường Tam Bảo. Quốc gia ấy, vùng đất ấy, đời đời kiếp kiếp có phước báo. Hai ngàn năm qua, quốc gia ổn định, bền vững, chẳng có tai họa. Mọi người đều biết tu phước, người sống trong vùng ấy có phước, lấy đâu ra tai nạn? Đương nhiên là chẳng có tai nạn. Nếu khu vực ấy chẳng có người biết tu phước, đều tạo tội nghiệp, như vậy thì sẽ phiền phức, tai nạn sẽ nhiều, chúng ta phải liễu giải đạo lý và chân tướng sự thật này. Phật pháp nói phước báo bậc nhất là gì? Là giác ngộ hết thấy chúng sanh, phước báo ấy to lớn. Phật là đại giác, Phật pháp là giáo dục, là giáo học, hoạt động thường xuyên trong tự viện là giảng học. Vào thời cổ là phiên dịch kinh điển. Sau khi kinh điển được dịch ra bèn giảng giải, giảng học. Sau khi người ta hiểu rõ ràng, những đạo lý và giáo huấn trong kinh điển thấy đều được thi hành, thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, sẽ biến thành người có đại phước đức thật sự. Trở thành người đại phước đức và đại trí huệ là như vậy đó.

Nay chúng ta học Phật là học gì? Chúng ta hy vọng đạt được lúc gì? Gần gũi, nông cạn là thân tâm khỏe mạnh, đầu tiên là đạt được điều này. Gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thế giới hòa bình, đạt được những điều ấy, đó là nhu cầu cấp bách của người thế gian chúng ta. Hiện thời, xã hội động loạn, lắm tai nạn ngàn ấy, do nguyên nhân gì? Chúng ta coi thường, bỏ sót sự giáo dục của thánh hiền và tôn giáo, mọi người chẳng học nữa, quan điểm giá trị bị lật ngược. Tại Trung Quốc, trong quá khứ, quan điểm giá trị của cổ thánh tiên hiền trong mấy ngàn năm qua đã sử dụng những gì? Nhân nghĩa, nhân (仁) là yêu thương con người, nghĩa (義) là tuân theo lý. “Nghĩa” (義) là gì? Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều hợp tình, hợp lý, hợp pháp, thuận theo tình người, hợp với đạo lý, tuân phục pháp luật của quốc gia, tình, lý, pháp thấy đều được quan tâm! Do đó, quốc gia bền vững dài lâu, thế giới chung sống hài hòa. Văn hóa truyền thống Trung Quốc là Nho, Thích, Đạo ba nhà. Thế giới hiện thời động loạn, quan điểm giá trị thay đổi, chẳng dùng nhân nghĩa, mà dùng gì? Dùng của cải, chuyện này phiền phức lắm. Của cải thì người ta ắt tranh giành. Nếu

93[2] Chùa Bạch Mã hiện thời vẫn còn, nằm cách thành cổ Lạc Dương mười hai cây số, phía Bắc dựa vào núi Mang Sơn, nhìn ra dòng Lạc Hà. Chùa được kiến tạo vào năm Vĩnh Bình 11 (68) đời Hán Minh Đế. Theo Hậu Hán Thư, vua kiến tạo ngôi chùa này theo kiểu Thiên Trúc để hai vị pháp sư trụ tích và dịch kinh. Do thoát đầu, hai vị ở tạm tại Hồng Lô Tự (cơ quan lo việc nghi lễ trong triều đình), nên khi chùa được xây xong, dùng ngay chữ Tự để gọi tên chùa.

lấy của cải để làm chuẩn mực giá trị thì người với người chắc chắn sẽ tranh đấu, tranh đoạt của cải, khởi tâm động niệm tổn người, lợi mình, xã hội lẽ nào chẳng loạn? Thế giới này làm sao có thể tránh khỏi tai loạn cho được? Tổ tiên có trí huệ, người xưa chẳng hồ đồ, họ hiểu rõ ràng, minh bạch, dạy chúng ta chánh xác. Vì thế, tổ tông chẳng hề xử tệ với thế hệ con cháu, nhưng ngày nay, chúng ta là hậu duệ lại có lỗi với tổ tiên. Coi như chúng ta rất may mắn, rất khó có, vào tuổi trung niên được gặp gỡ Phật pháp. Sau khi gặp Phật pháp mới là người thông hiểu. Trước kia, trót làm rất nhiều chuyện hồ đồ, nay đã hiểu rõ ràng, minh bạch, đoạn ác, tu thiện. Trong đoạn kinh văn này, đức Thế Tôn đã nói đến tám tướng thành đạo, chúng ta phải học tập.

Trong phần trước đoạn kinh văn này nhằm giải thích chữ Đẳng Giác. Ở đây, cụ Niệm Tổ đã tổng kết: *“Tổng chi, đại giác diệu dụng, bất khả tư nghị, tự bất tất ư thủ nhị giả cưỡng chấp nhất thuyết, bất phương tịnh tồn”* (Nói chung, diệu dụng của đại giác chẳng thể nghĩ bàn. Có lẽ đối với hai cách nói này, chẳng cần phải khiên cưỡng chấp lấy một thuyết, mà chấp nhận cả hai thuyết đều chẳng trở ngại). Mỗi cách giảng đều hay, đều hợp lý, ở đây, chúng ta chẳng cần phải phân biệt, chấp trước. *“Cái nhân Bồ Tát chúng đa, cảnh giới bất nhất”* (do các vị Bồ Tát đông đảo, cảnh giới chẳng đồng nhất), đây là chân tướng sự thật, do hết thảy chúng sanh căn tánh không giống nhau, nên cảnh giới rất phức tạp. Vì thế, Bồ Tát diệu dụng không ngăn mé, các Ngài có trí huệ chân thật, có phương tiện thiện xảo.

Tiếp theo đây, bắt đầu [đi vào chi tiết] của việc thị hiện tám tướng, chúng ta phải nên biết học tập như thế nào. Kinh văn gồm bốn câu *“xả Đâu Suất, giáng vương cung, khí vị xuất gia, khổ hạnh học đạo”* (bỏ Đâu Suất, giáng sanh trong vương cung, bỏ ngôi, xuất gia, khổ hạnh học đạo), và đoạn [chú giải] kinh văn kể đó: *“Biểu bát tướng thành đạo, đản kỳ vị bất nhất, phàm hữu ngũ đẳng. Chân Giải viết: Như Hoa Nghiêm Hiền Thủ phẩm cập Khởi Tín Luận, ư Thập Tín mãn vị, thị hiện bát tướng. Chiêm Sát kinh thuyết tứ chủng tác Phật trung, đệ nhất tín mãn tác Phật đương chi”* (Biểu thị tám tướng thành đạo, nhưng địa vị [của vị thị hiện tám tướng thành đạo, xét theo các kinh luận sẽ] khác nhau, gồm có năm loại. Sách Chân Giải nói: “Theo phẩm Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm và luận Khởi Tín, viên mãn địa vị Thập Tín bèn thị hiện tám tướng”. Kinh Chiêm Sát nói trong bốn loại làm Phật, loại thứ nhất là tín mãn sẽ làm Phật). Quý vị thấy thị hiện tám tướng thành đạo thì hạng người nào có năng lực ấy? Người viên mãn địa vị Thập Tín bèn có thể thị hiện. Trong Phật pháp, viên mãn địa vị Thập Tín được gọi là tốt nghiệp Tiểu Học. Thập Tín là Tiểu Học trong Phật giáo, [người thị hiện tám tướng] đã tốt nghiệp [Tiểu Học trong Phật giáo]. Tuy là Tiểu Học, chúng ta thấy họ rất lỗi lạc, vì sao? Họ đã vượt thoát mười pháp giới. Chúng ta thấy những vị Bồ Tát ấy tu hành liền biết, địa vị Sơ Tín, tức là địa vị Sơ Tín trong kinh Hoa Nghiêm, trong phần trước tôi đã thưa trình cùng quý vị, công phu tu hành trong Phật pháp là buông xuống, chẳng có gì khác. Vị ấy (Sơ Tín Bồ Tát) đã buông xuống tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, Kiến (見) là

kiến giải, chúng ta gọi nó là “cách nhìn”. Buông xuống hết thấy cách nhìn sai lầm, bèn chứng địa vị Sơ Tín, tức là lớp Một. Trong Tiểu Thừa, [địa vị ấy] là Sơ Quả Tu Đà Hoàn, đều như nhau, buông cách nhìn sai lầm xuống. Cách nhìn sai lầm rất nhiều, đức Phật quy nạp chúng lại, quy nạp thành năm loại lớn:

- Thứ nhất là Thân Kiến. Chúng ta luôn chấp trước cái thân là Ngã, đức Phật dạy: Thân chúng ta không phải là Ngã. Không phải là Ngã thì là gì? Là ngã sở (cái của ta), tức là cái mà ta sở hữu, giống như quần áo, quần áo không phải là ta, mà là cái ta có. Phải ghi nhớ, thân thể không phải là Ngã, mà là cái ta có. Phải coi thân thể như quần áo, vì thân có sanh diệt, Ngã không có sanh diệt. Hãy ghi nhớ, Ngã không có sanh tử, sanh tử là gì? Thân thể. Thân thể có sanh tử, Ngã không có sanh tử. Thân thể hư hoại, ta vứt bỏ, chẳng cần nó nữa, ta lại đổi lấy một thân thể khác, giống như mặc quần áo đã rách, hoặc là mặc bẩn rồi, thay ra, đổi lấy một bộ quần áo khác. Cách nhìn ấy là chính xác. Coi thân thể này là ta, tức là quý vị đã nhìn trật rồi. Đó là sai lầm thứ nhất, sai lầm này sẽ dẫn khởi rất nhiều sai lầm khác. Vì thế, đầu tiên là phải sửa đổi quan niệm sai lầm này, thân chẳng phải là Ngã. Vậy Ngã là gì? Có những kẻ nói linh hồn là Ngã, thân tuy đã chết, linh hồn chẳng diệt, nó lại đi đầu thai, lại tìm một thân thể khác. Không sai! Có thể nói theo cách ấy, nhưng đức Phật dạy chúng ta, linh hồn vẫn chưa phải là Ngã. Vậy Ngã là gì? Đức Phật nói linh tánh là Ngã, [linh tánh còn gọi là] tự tánh, tự tánh là Ngã, bất sanh, bất diệt. Linh hồn là như thế nào? Đã mê rồi, mê mất tự tánh thì linh tánh gọi là linh hồn, linh hồn giác ngộ là linh tánh. Thế nhưng linh hồn đang mê, do mê nên không thoát khỏi lục đạo luân hồi, không gian hoạt động của nó là trong lục đạo, chẳng có cách nào thoát khỏi lục đạo. Nếu nó giác ngộ, chẳng cần giác ngộ rất lớn, [chỉ cần] biết thân này không phải là Ngã, như vậy là dễ dàng rồi, nó có thể từ từ giác ngộ, nhận biết linh tánh mới là Chân Ngã. Đức Phật giúp chúng ta phá mê khai ngộ, trở về linh tánh. Kiến giải [chấp trước thân thể là Ngã] là sai lầm, nó là cái đầu tiên.

- Thứ hai là Biên Kiến. Nay chúng ta gọi Biên Kiến là “đôi lập”, [Biên Kiến là] chấp trước có hai bên. Tôi và quý vị đôi lập, tôi cùng kẻ khác đôi lập. Đôi lập với người, đôi lập với sự, đôi lập với hết thấy vạn vật, sai mất rồi! Đôi lập sanh ra phiền não, nảy sanh mâu thuẫn và xung đột. Nảy sanh đấu tranh cũng là do đôi lập mà ra. Hóa giải xung đột bắt đầu từ đâu? Hóa giải đôi lập thì tự nhiên chẳng còn xung đột. Mấy năm trước, tôi tham dự hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, chủ đề là “hóa giải xung đột”, dùng phương pháp gì? Phật pháp nói “hóa giải đôi lập”, phải thực hiện từ chỗ này, giải quyết từ căn bản. Đôi lập là sai lầm, vì sao sai lầm? Vũ trụ, vạn pháp và chính mình là một Thể, làm sao có thể đôi lập cho được? Một Thể, mắt, mũi, tai là một Thể. Mắt và mũi có cần đôi lập hay không? Mũi và tai có cần đôi lập hay không? Chẳng phải là sẽ biến thành nông nổi ấy hay sao? Sai rồi! Do đã mê nên mới làm chuyện ngốc nghếch ấy, chứ đã giác ngộ, làm sao đôi lập cho được?

- Một sai lầm to lớn nữa là Thành Kiến, người Trung Quốc thường nói “người nào đó thành kiến rất sâu”, nay chúng ta gọi [thành kiến] là “quan niệm chủ quan”, đừng nên có! Thành kiến có hai loại, có thành kiến nơi nhân và thành kiến nơi quả. Trong Phật pháp, chúng được gọi là Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến. Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến đều trật, đều sai lầm, hãy đều nên buông xuống hết.

- Loại cuối Tà Kiến, [tức là những kiến giải, chấp trước] chẳng thể gộp trong bốn loại [kiến giải] trước thì đều gộp vào Tà Kiến. Những thứ ấy thấy đều buông xuống, quý vị bèn chứng đắc Sơ Quả của Tiểu Thừa, hoặc Sơ Tín vị Bồ Tát trong Đại Thừa, điều kiện là như vậy. Chúng ta có thể buông những thứ ấy xuống thì sẽ là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Thập Tín theo kinh Hoa Nghiêm, hay là Sơ Quả Tiểu Thừa.

Đối với Nhị Tín, chúng ta dùng Tiểu Thừa để nói: Nhị Tín là Sơ Quả tiến đến Nhị Quả Hương, Tam Tín chứng Nhị Quả, Tứ Tín là Tam Quả Hương, Ngũ Tín chứng đắc Tam Quả, Lục Tín là Tứ Quả Hương, Thất Tín gọi là A La Hán, tức Tứ Quả của Tiểu Thừa, Bát Tín là Bích Chi Phật, Cửu Tín là Bồ Tát, Thập Tín là Phật. Bốn tầng cấp từ A La Hán đến Phật là bốn thánh pháp giới, chẳng thuộc trong lục đạo luân hồi. Tứ Quả đã vượt thoát lục đạo luân hồi, tức là địa vị Thất Tín đã vượt thoát lục đạo luân hồi. Từ Sơ Tín cho đến Lục Tín chưa thoát khỏi lục đạo, nhưng các vị ấy đã giác ngộ, chẳng còn mê hoặc. Tuy ở trong lục đạo, chỗ họ tu hành là nhân gian hoặc cõi trời, tuyệt đối chẳng đọa trong tam ác đạo, nên gọi là Vị Bất Thoái, bảo đảm không đọa trong tam ác đạo. Bảy lần qua lại trong cõi trời hay nhân gian. Theo kinh Hoa Nghiêm, chúng đắc địa vị Thất Tín bèn vượt thoát lục đạo luân hồi. Do vậy, quý vị biết Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín, Thập Tín viên mãn Sơ Trụ, vượt thoát mười pháp giới. Vượt thoát mười pháp giới sẽ ở nơi đâu? Đạt đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, Nhất Chân pháp giới, là Sơ Trụ Bồ Tát. Sơ Trụ Bồ Tát đã thành Phật, Ngài đến thế gian này giáo hóa chúng sanh, nên dùng thân Phật để đắc độ bèn thị hiện tám tướng thành đạo, thành Phật, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện. Chư vị nhất định phải biết: Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh tại Ấn Độ là thị hiện tám tướng thành đạo, thấp nhất là địa vị gì? “*Thập Tín tâm mãn*”, là địa vị ấy, là một vị Phật như vậy, Ngài có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo. Kinh Chiêm Sát dạy đó là loại thứ nhất, “*tín mãn*” (đã viên mãn địa vị Thập Tín, chứng Sơ Trụ). Thập Tín đã viên mãn bèn làm Phật, có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo, giống như phẩm Phổ Môn đã nói: “*Nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy*”, đắc đại tự tại!

Loại thứ hai, “*nư Đại Tập kinh trung*” (như trong kinh Đại Tập) đã nói, “*Quán Đảnh Trụ Bồ Tát*”, Quán Đảnh Trụ là Thập Trụ mãn vị (đã viên mãn địa vị Thập Trụ, tiến nhập Sơ Hạnh), “*năng u vô Phật thế giới thị hiện bát tướng. Chiêm Sát Kinh đệ nhị, giải mãn tác Phật đương chi*” (có thể thị hiện tám tướng trong thế giới không có Phật, loại thứ hai trong kinh Chiêm Sát là giải mãn sẽ làm Phật). Cũng có nghĩa là năm địa vị Bồ Tát, tức tín mãn, trụ

mãn, hành mãn (địa vị Thập Hạnh), Thập Hồi Hương mãn (viên mãn), Thập Địa mãn đều thị hiện [tám tướng thành Phật]. Nếu chưa mãn thì sao? Chưa mãn Thập Tín, sẽ chẳng được! Chưa mãn Thập Tín, chắc chắn chẳng thể khởi tác dụng này. Như trong Thập Trụ, Sơ Trụ Bồ Tát có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo, Nhị Trụ đương nhiên không có vấn đề, [địa vị] càng lên cao càng không có vấn đề. Do vậy, bốn mươi một địa vị [Pháp Thân đại sĩ] đều có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Chúng ta đọc đoạn văn này, quý vị bèn hiểu, nên chẳng cần phải nói chi tiết, “*giảimãn làm Phật*”.

Thứ ba là “*Nhân Vương kinh Bồ Tát Giáo Hóa phẩm minh Sơ Địa bát tướng*” (phẩm Bồ Tát Giáo Hóa của kinh Nhân Vương nói đến tám tướng của Sơ Địa), Sơ Địa ấy thuộc về Biệt Giáo. “*Chiêm Sát kinh đệ tam, viên mãn tác Phật*” (kinh Chiêm Sát, loại thứ ba là viên mãn làm Phật). Quý vị thấy tín, giải, hành, chứng.

Thứ tư, “*Nhập Như Lai Trí Đức Bất Tư Nghị Kinh minh Cứu Cánh Địa*” (kinh Nhập Như Lai Trí Đức Bất Tư Nghị nói Cứu Cánh Địa), Cứu Cánh Địa là Nhất Sanh Bồ Xứ, “*bát tướng thị hiện. Chiêm Sát kinh đệ tứ, nhất thiết công đức hành mãn thành Phật đương chi*” (thị hiện tám tướng. Loại thứ tư trong kinh Chiêm Sát là hành viên mãn hết thấy công đức sẽ thành Phật).

Thứ năm, “*Hoa Nghiêm Bất Tư Nghị phẩm chư Phật niệm niệm xuất sanh trí, thử minh Phật Hậu Đắc Trí, xuất sanh bát tướng thị hiện dã. Thử ngũ trung, tiền tứ thị nhân trung thị hiện*” (phẩm Bất Tư Nghị của kinh Hoa Nghiêm nói đến chư Phật niệm niệm xuất sanh trí thì trí ấy là Hậu Đắc Trí của Phật, xuất sanh tám tướng thị hiện. Trong năm loại này, bốn loại đầu là thị hiện nơi nhân), loại thứ năm là quả, “*Phật hậu nghiệp dụng dã*” [nghĩa là sự thị hiện tám tướng thành đạo] chính là nghiệp dụng sau khi đã thành tựu địa vị Phật nơi Quả (Viên Giáo Phật), đức dụng của tự tánh vốn tự nhiên như thế. Ở đây, chúng ta nói đơn giản: Sơ Trụ thành Phật, Thập Tín mãn vị là Sơ Trụ, Sơ Hạnh, Sơ Hồi Hương, Sơ Địa [thành Phật] đều là nói theo nhân. Hạnh mãn, Hồi Hương mãn, Thập Địa Bồ Tát, loại thứ năm là Đẳng Giác thành Phật. Những loại trước đều thuộc về nhân, loại sau thuộc về quả. Giáo Hạ phân biệt và giảng giải như vậy, giúp cho hàng sơ học chúng ta dần dần hiểu rõ chân tướng sự thật.

“*Tư kinh sở minh, nhược y chư sư, đa thị đệ tứ (Bồ Xứ) tác Phật*” ([tám tướng thành đạo] được nói trong kinh này, nếu dựa theo [cách phán định] của các sư (những vị chú giải) thì phần nhiều là loại thứ tư (Bồ Xứ) làm Phật). Phải biết Bồ Xứ là loại thứ năm, loại thứ tư là Thập Địa Bồ Tát, nói cách nào cũng đều được! “*Nhược y kim tông*” (nếu dựa theo tông này), chúng ta là Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Tông “*thử trung vô sở thuộc*” (chẳng thuộc vào loại này), Tịnh Độ Tông chẳng rắc rối như vậy, chẳng chia chẻ, chẳng chia ra vụn vặt như thế. Vì sao? “*Dĩ Di Đà xảo phương tiện hồi hương sở tác cố*” (Do dùng phương tiện thiện

xảo của Di Đà để hồi hướng mà làm), phương tiện thiện xảo của A Di Đà Phật, “*nhân quả cộng bất khả tư nghị*” (nhân lẫn quả đều chẳng thể nghĩ bàn). Nếu phải giống như các vị tổ sư đại đức đã nói thì đối với chuyện thành Phật, người tu Tịnh Tông chúng ta tu hành trong Tây Phương Cực Lạc thế giới phải tu hành đến trình độ nào mới có thể giống như những vị Pháp Thân Bồ Tát, “chúng sanh có cảm, chúng ta bèn ứng, chúng ta cũng tới [chỗ các chúng sanh ấy] thị hiện tám tướng thành Phật”, trình độ gì vậy? Trong thế giới Cực Lạc chẳng có Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hồi Hướng, chẳng có những địa vị ấy, chỉ có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Như vậy thì nói theo cách nào? Thật ra, nếu chúng ta đọc nguyện thứ hai mươi của A Di Đà Phật sẽ hoảng nhiên đại ngộ. Trong nguyện thứ hai mươi, A Di Đà Phật đã nói như thế nào? Ngài nói mỗi người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, dù là người vãng sanh hạ hạ phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí là từ bậc Sơ Trụ trong kinh Hoa Nghiêm trở lên. Nói như vậy, [do người trong cõi Cực Lạc] được bốn nguyện và oai thần từ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì, thần thông, đạo lực, trí huệ và đức tướng của quý vị chẳng khác Pháp Thân Bồ Tát cho mấy, là A Duy Việt Trí Bồ Tát mà! Nói cách khác, quý vị tới thế giới Cực Lạc, thấy A Di Đà Phật, sẽ có năng lực quay lại thế giới Sa Bà để thị hiện tám tướng thành đạo, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta chẳng cần phân chia phiền phức, chia thế này, chia thế nọ, như trong Giáo Hạ, đó là gì? Ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, do được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì cho nên nhân và quả đều chẳng thể nghĩ bàn. “*Nhuộc cưỡng luận chi*” [tức là] nói miễn cưỡng, “*hoặc ưng tại đệ ngũ (Phật hậu) trung yên*” (có lẽ nên thuộc vào loại thứ năm (Phật hậu) vậy). “*Do thượng khả kiến, thị hiện bát tướng thành đạo chi nhân, giai vị hữu ngũ*” (do những điều trên đây, có thể thấy là người thị hiện tám tướng thành đạo có năm địa vị), năm thứ địa vị ấy đều có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Trong Tịnh Độ Tông chúng ta, có thể nói là mỗi người trong ba bậc, chín phẩm thuộc bốn cõi của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có thể thị hiện như vậy. “*Nhất ban chi tri Bồ Xứ thành Phật sở hiện, Chân Giải tắc thiên trọng vi Phật hậu. Chư thuyết bất phương tịnh tôn, ngũ vị bất phương tề hữu, cái thập phương lai hội chi Bồ Tát vô lượng vô biên, kỳ giai vị u bình đẳng trung diệc bất ngại u sai biệt*” (thông thường, người ta chỉ biết bậc Bồ Xứ thành Phật thị hiện [tám tướng thành đạo], sách Chân Giải thiên trọng địa vị Phật hậu. Chấp nhận các thuyết đều chẳng trở ngại gì, năm địa vị cùng tồn tại đều chẳng trở ngại gì; bởi lẽ, các vị Bồ Tát từ mười phương đến dự hội vô lượng vô biên, trong sự bình đẳng mà có các địa vị sai biệt thì cũng chẳng trở ngại gì). Trong pháp Đại Thừa, trong bình đẳng có sai biệt, trong sai biệt có bình đẳng, sai biệt và bình đẳng bất nhị, bình đẳng là chân thật, sai biệt là phương tiện thiện xảo. Bình đẳng là Thật Đức, sai biệt là Quyền Đức, giúp đỡ chúng sanh.

Trong đoạn tiếp theo, lại giải thích tám tướng thành đạo, chuyên nói về Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật: “*Chỉ Bốn Sư Thích Ca dữ nhất thiết chư Phật thị hiện thành đạo chi thông đồ*” (nói về đường lối chung thị hiện thành đạo của đức Bốn Sư và hết thầy chư Phật), nên

dùng thân Phật để đắc độ, nhất định tuân theo phương thức này, rất ít có ngoại lệ, cho nên gọi là “*thông đồ*” (đường lối chung), đều là thị hiện như vậy. “*Đản chư kinh luận nhân khai hợp bất đồng, sở thuyết diệc dị, hoặc thuyết thất tướng, nãi chí cửu tướng, thập tướng*” (nhưng các kinh luận do tách ra hay gộp lại khác nhau nên cũng nói khác nhau, hoặc nói là bảy tướng, cho đến chín tướng, mười tướng), đây là những cách nói khác nhau, nhưng tám tướng được nói nhiều nhất. “*Nãi tòng kinh luận chi đa số dã*” (là [thuyết được nói] nhiều nhất trong các kinh luận), nay nói tới tám tướng thì “*tái giả, bát tướng chi trung, nội dung diệc bất tận đồng*” (lại nữa, trong tám tướng thì nội dung cũng chẳng hoàn toàn giống hết như nhau). Kế đó, nêu ra một thí dụ. “*Đại Thừa Khởi Tín Luận vị bát tướng vị*” (Đại Thừa Khởi Tín Luận nói tám tướng là), [tức là] theo như Khởi Tín Luận đã nói, “*nhất tòng Đâu Suất thiên hạ, nhị nhập thai, tam trụ thai, tứ xuất thai, ngũ xuất gia, lục thành đạo, thất chuyển pháp luân, bát nhập Niết Bàn*” (một là từ trời Đâu Suất giáng hạ, hai là vào thai, ba là ở trong thai, bốn là ra khỏi thai, năm là xuất gia, sáu là thành đạo, bảy là chuyển pháp luân, tám là nhập Niết Bàn), Khởi Tín Luận nói như thế. Nhưng sách Tứ Giáo Nghi lại nói khác biệt, Tứ Giáo Nghi^{94[3]} giảng: “*Nhất tòng Đâu Suất thiên hạ, nhị thác thai, tam xuất sanh, tứ xuất gia, ngũ hàng ma, lục thành đạo, thất chuyển pháp luân, bát nhập Niết Bàn*” (một là từ trời Đâu Suất giáng hạ, hai là nương gá trong thai, ba là xuất sanh, bốn là xuất gia, năm là hàng ma, sáu là thành đạo, bảy là chuyển pháp luân, tám là nhập Niết Bàn). “*Luỡng tương đối chiếu, tiện tri Tứ Giáo Nghi thị khai Khởi Tín Luận chi thành đạo vị hàng ma dĩ thành đạo*” (đối chiếu hai thuyết, liền biết Tứ Giáo Nghi đã tách “thành đạo” của Khởi Tín Luận thành hàng ma và thành đạo), [Khởi Tín Luận] gộp hàng ma và thành đạo trong “thành đạo”. “*Hợp Khởi Tín Luận chi nhập thai dĩ trụ thai u thác thai, khả kiến lưỡng giả chỉ thị khai hợp bất đồng, nội dung vô biệt*” (gộp nhập thai và trụ thai của Khởi Tín Luận thành “thác thai”. Có thể thấy hai thuyết chỉ là tách ra hay gộp vào khác nhau, chứ nội dung chẳng khác nhau). Đây là [nhận định về] chỗ nói khác nhau giữa các kinh. Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo lúc ba mươi tuổi, thị hiện đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh dưới cội Bồ Đề. Chuyển pháp luân là giáo học bốn mươi chín năm; nhập Bát Niết Bàn, đức Phật lìa khỏi thế gian, lúc ấy lão nhân gia bảy mươi chín tuổi. Bảy mươi chín tuổi bèn qua đời.

Chúng ta xem tiếp: “*Gia Tường Sớ y Tứ Giáo Nghi phán Ngụy dịch chi bát tướng*” (Gia Tường Sớ dựa theo Tứ Giáo Nghi để phán định tám tướng trong bản Ngụy dịch), đây là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, trong ấy nói đến tám tướng, “*thậm hợp u thử hội tập bản, cố nhưng y chi*” (rất hợp với bản hội tập này nên vẫn tuân theo). Hoàng lão cư sĩ chú

94[3] Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Thiên Thai Tứ Giáo Nghi, còn gọi là Đệ Quán Lục, do pháp sư Đệ Quán xứ Cao Ly biên soạn. Do nhận lời thỉnh của Ngô Việt Vương, ngài Đệ Quán xin theo học Giáo Quán với ngài Nghĩa Tịch ở Loa Khê. Mười năm sau Sư viên tịch, đồng môn tìm thấy trong tráp của Ngài bản sách này. Nội dung sách rất rộng, giảng về giáo nghĩa đại cương của tông Thiên Thai, yếu lược phép quán tâm, Pháp Hoa ngũ vị, kèm thêm một số giáo nghĩa của tông Hoa Nghiêm.

giải bộ kinh này đã tham khảo phần giảng về tám tướng thành đạo trong Gia Tường Sớ. “*Kinh trung xả Đâu Suất thị đệ nhất tướng*” (“bỏ Đâu Suất” trong kinh là tướng thứ nhất). Bồ Tát tu hành trên trời Đâu Suất, hết tuổi thọ, thọ mạng trên trời Đâu Suất là bốn ngàn năm, một ngày trên trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian chúng ta. Một năm [trên trời Đâu Suất] cũng là ba trăm sáu mươi ngày [vậy thì] bốn ngàn tuổi ứng với năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm trên thế gian này. Hiện thời, Di Lạc Bồ Tát đang ở nơi đó. Đâu Suất nội viện là đạo tràng của Di Lạc Bồ Tát. Đâu Suất Thiên có nội viện và ngoại viện, ngoại viện là nơi phạm phu ở, tức chư thiên cõi trời Đâu Suất, nội viện là đạo tràng tu hành của các vị Bồ Tát. Cõi trời ấy là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, phạm phu chẳng thấy Bồ Tát, Bồ Tát cũng chẳng quấy nhiễu các phạm phu. Đương nhiên, đôi khi gặp kẻ hữu duyên, Phật, Bồ Tát cũng có phương tiện thiện xảo dạy bảo họ.

Giống như trên địa cầu của chúng ta, địa cầu cũng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cũng có rất nhiều vị Bồ Tát và La Hán tu hành trên thế gian này, nhưng phạm phu chúng ta chẳng nhận biết, chẳng gặp gỡ. Đôi khi gặp người hữu duyên, các Ngài cũng thị hiện cho những người ấy được thấy. Như trong quá khứ, vào đời Đường, thiền sư Pháp Chiếu triều báii Ngũ Đài Sơn, thấy đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát là Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sư trông thấy, vô cùng hoan hỷ, nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh. Sau khi nghe xong, hướng về Văn Thù Bồ Tát thỉnh giáo: “Nay thế gian này đang dần dần bước vào thời Mạt Pháp, căn tánh con người chậm lụt, tu pháp môn gì có thể thành tựu?” Văn Thù Bồ Tát dạy Sư pháp môn Niệm Phật. Lại còn niệm vài câu Phật hiệu cho Sư nghe, Sư ghi lại, đó là Ngũ Hội Niệm Phật do Sư lưu truyền; nhưng Ngũ Hội Niệm Phật đúng là đã thất truyền. Trong thời Dân Quốc, có các pháp sư nghĩ đến Ngũ Hội, cũng biên soạn một bản Ngũ Hội Niệm Phật, nhưng bản ấy tuyệt đối chẳng phải do Văn Thù Bồ Tát truyền dạy, mà do chính các pháp sư ấy nghĩ ra. Vì tôi nghe họ niệm Phật giống như ca hát, tiếp dẫn kẻ sơ cơ quả thật rất tốt, nhưng tu hành mà niệm theo cách ấy sẽ chẳng thể nhiếp tâm, nên tôi nghĩ chắc chắn chẳng phải do Văn Thù Bồ Tát truyền dạy. Khi Sư rời Trúc Lâm Tự, đã đánh dấu ven đường để lần sau quay lại chẳng bị lạc đường. Ghi được hai ký hiệu, quay đầu nhìn lại, chùa miếu chẳng thấy nữa, chẳng có gì nữa! Đó là đạo tràng của Bồ Tát, chẳng phải là kẻ thật sự có duyên sẽ chẳng thấy. Thiền sư Pháp Chiếu học Thiền, sau khi gặp Bồ Tát bèn đổi sang tu Tịnh Độ, trở thành tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông. Trong Cao Tăng Truyện có ghi chép tiểu sử của Sư rất rõ ràng. Văn Thù Bồ Tát thật sự trụ tại Ngũ Đài Sơn, nhưng trong chùa miếu tại Ngũ Đài Sơn chẳng có Ngài, chúng ta chẳng thấy được ngôi chùa của Ngài, đó là đạo tràng của Ngài. Như trong Phật môn thường cầu siêu hay cầu sám hối bằng Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, đó là chuyện của quốc sư Ngô Đạt, Ngài cũng là người đời Đường. Tại Tứ Xuyên, Ngài thấy tôn giả Ca Nặc Ca là A La Hán. Đó là do có nhân duyên đặc biệt nên trông thấy. Sư mắc bệnh nặng, phát sanh mụn ghẻ mặt người, tôn giả Ca Nặc Ca điều giải cho Sư, oán thân trái chủ rời khỏi, nên lành bệnh. Sau

khi rời khỏi, lúc quay đầu nhìn lại, đạo tràng chẳng còn nữa, một giải núi hoang! [Những chuyện như vậy] chúng tỏ thế giới này cũng là cõi Phàm Thánh Đồng Cư.

Bồ Tát ở cõi trời Đâu Suất, hết thọ mạng, duyên trong thế gian này đã chín muồi, bèn từ trời Đâu Suất giáng hạ, đó là tướng thứ nhất. Đến đầu thai nơi đâu? Nhất định là trong vương cung. Bồ Tát chẳng mê, sẽ có thể chọn nơi tốt nhất để sanh ra, nhất định xuất sanh trong vương tộc, mang thân phận Thái Tử. Vì sao? Trong tương lai, xuất gia tu hành, người ta mới chịu tin tưởng. Thật vậy, quý vị thấy [chính Ngài] có thể bỏ được ngôi vua, phú quý. Ngài dạy người khác buông xuống, trước hết [chính Ngài] phải buông xuống thì mới được. Người khác tranh giành hòng làm quốc vương, Ngài đã đạt được mà buông xuống, dụng ý ấy rất sâu! Làm quốc vương cũng chẳng dễ dàng. Nếu chẳng phải là đã đoạn ác, tu thiện, tích công, lũy đức từ mười đời trở lên, há có đại phước báo như vậy? Phải tu từ mười đời trở lên! Quý vị thấy làm quốc vương hưởng phước được mấy năm? Mười đời tu hành, hưởng mấy năm đã hết. Trong lịch sử Trung Quốc, hưởng phước dài nhất là hoàng đế Càn Long, chỉ có một người như thế, làm vua sáu mươi năm, còn làm Thái Thượng Hoàng bốn năm, trong lịch sử Trung Quốc chẳng tìm được người thứ hai. Người ấy phải tu phước báo bao nhiêu năm? Chúng ta thường nói là phải tu phước báo một trăm đời, tu phước mà chẳng hưởng phước, tích lũy lại nên mới phước báo to ngàn ấy, chẳng phải là ngẫu nhiên, không phải ai cũng đều có thể làm được. Có những đế vương thời gian tại vị rất ngắn, chưa tới mười năm, rất nhiều, nhìn vào lịch sử Trung Quốc, quý vị thấy hai ba chục năm là rất khá rồi. Phước báo ấy do đời đời kiếp kiếp tu tập tích lũy lại. Người quý hiển, quan quyền, đại phú trưởng giả trong thế gian đều do đời đời kiếp kiếp tích công lũy đức mà đạt được, chẳng có ai là ngẫu nhiên. Nếu bảo là do gặp may mà đạt được thì sẽ là chuyện chẳng thể nào có, tìm không ra một ai! Do vậy, ở trong ấy có nghiệp nhân quả báo, các đồng học học Phật chúng ta đều hiểu rất rõ ràng, minh bạch.

Ngài quyết định chẳng mê hoặc, chọn lựa cung vua để đầu thai. Trong câu “*giáng vương cung*” có tướng thứ hai và tướng thứ ba. Tướng thứ hai là thác thai, tướng thứ ba là xuất sanh. Ngài giáng sanh trong vương cung, câu này bao gồm hai tướng thác thai và xuất sanh. “*Khí vị xuất gia*” (bỏ ngôi xuất gia), nêu gương tốt cho người khác, kẻ khác mê man danh lợi, còn Ngài thứ gì cũng đều có, nhưng chẳng cần đến, buông bỏ. Nói rõ điều gì? Nói rõ xuất gia có ý nghĩa hơn làm quốc vương. Làm quốc vương thì tối đa đương nhiên là quốc vương thánh hiền, giáo hóa nhân dân toàn quốc, có giới hạn. Còn xuất gia sẽ giáo hóa hết thầy chúng sanh chẳng có giới hạn, quý vị giáo hóa chúng sanh vượt trội số lượng nhân dân trong một nước chẳng biết bao nhiêu lần! Làm quốc vương thì nhân dân trong một nước được quý vị dạy bảo, hưởng phước báo của quý vị. Hễ xuất gia thì chúng sanh khắp pháp giới, hư không giới đều hưởng phước âm của quý vị, người bình phàm chẳng biết điều này. Thích Ca Mâu Ni Phật bỏ ngôi vua xuất gia lúc mười chín tuổi, vứt bỏ cuộc sống phú quý trong cung

đình. “*Khổ hạnh học đạo*” là tướng thứ tư. Đều là nêu gương tốt cho người đời sau, chẳng phải là xuất sanh từ một gia đình bần cùng, mà từ gia đình phú quý, nhưng có thể tu khổ hạnh, thật sự có thể buông xuống.

“*Hàng phục ma oán*” là tướng thứ năm. Ma oán cũng là thị hiện, đã thành Phật rồi, lấy đâu ra ma, lấy đâu ra oán? Oán là oán thân trái chủ, Ma là các thứ thử thách, đều chẳng còn nữa; nhưng phải thị hiện như vậy, nhằm giáo hóa những bậc đại đức tu học: Nếu đi theo con đường thành Phật thì cũng chẳng dễ dàng như thế, quý vị phải chịu được khảo nghiệm. Ma oán là khảo nghiệm, phải chịu đựng được. Nhiều nổi vui đập để diệt hết các tập khí phiền não trong tâm quý vị thì quý vị mới có thể thành tựu, thuần tịnh, thuần thiện, lúc ấy mới có thể thành tựu. Do vậy, Bồ Tát phải tu sáu Ba La Mật, thứ nhất là buông xuống tâm tham, keo kiệt, tham lam, dùng gì? Dùng bố thí để buông bỏ keo kiệt, tham lam. Dùng trì giới để buông ác nghiệp xuống, chẳng còn làm ác nữa. Dùng nhẫn nhục và tinh tấn để buông giải đãi xuống. Dùng Thiền Định để buông xuống tán loạn. Dùng trí huệ để buông xuống ngu si. Những thứ ấy đều là ma oán, thật sự có thể buông xuống.

Quý vị thấy tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, trong kinh Kim Cang chỉ nhắc tới bằng một câu, nhưng câu chuyện ấy được kể chi tiết trong kinh Đại Niết Bàn, tức câu chuyện vua Ca Lợi cắt chặt thân thể [Nhẫn Nhục tiên nhân]. Khi Bồ Tát đang tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, vua Ca Lợi thí nghiệm, khảo đảo xem Bồ Tát có thể nhẫn hay không? Được rồi! Lãng trì xử tử, chẳng cho ông ta chết tử tế, mà xẻo từng mảnh thịt, xẻo đến chết mới thôi. Hỏi ông ta có thể nhẫn hay không? Có oán hận hay chẳng? Không oán hận, đến chết vẫn không oán hận, bảo vua Ca Lợi: “Trong tương lai ta thành Phật, người thứ nhất ta độ là nhà vua”. Không oán hận, chỉ có cảm ân, cảm ân gì? Vượt qua lần khảo nghiệm ấy, đã tốt nghiệp, Nhẫn Nhục Ba La Mật đã thành công; vì thế, sớm thành Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật vốn là vị sẽ thành Phật sau Di Lặc Bồ Tát, nhưng do công đức ngàn ấy, công đức thù thắng khôn sánh, vua Ca Lợi đã ban cho tiên nhân cơ hội này, Ngài có thể nhẫn chịu, tâm chẳng có mảy may oán hận, nên thành Phật trước. Ở đây, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, thị hiện thành Phật, chuyển pháp luân. Người đầu tiên chứng quả A La Hán là tôn giả Kiều Trần Như, vị này đời trước là vua Ca Lợi, Thích Ca Mâu Ni Phật là Nhẫn Nhục tiên nhân. Nói sao làm vậy, khi thành Phật đích xác độ ông ta đầu tiên. Chúng ta phải học tập điều này! Nếu đôi chút khó khăn, vất vả, thử thách mà chẳng chịu được, làm sao quý vị có thể thành Phật? Thứ gì quý vị cũng đều phải nhẫn nại chịu đựng thì mới có thể thành tựu.

“*Thành Tới Chánh Giác*”, đây là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, đã thành Phật rồi, là tướng thứ sáu. Sau khi thành Phật, đạo đức của chính mình đã thành tựu, trí huệ thành tựu, học thuật thành tựu. Học thuật là chữ Học trong “*khổ hạnh học đạo*”, [học suốt] mười hai năm, từ mười chín tuổi đến ba mươi tuổi, thật sự học. Do vậy, đạo đức, học vấn, trí huệ, và đức năng đều thành tựu viên mãn. Sau khi thành tựu, bèn triển khai giáo học. “*Thỉnh*

chuyển pháp luân, thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian” (thỉnh chuyển pháp luân, thường dùng pháp âm để giác ngộ các thế gian). Khi đã thành Tối Chánh Giác, người thế gian chúng ta chẳng ai biết, không ai đến thỉnh Ngài. Ngài tự suy nghĩ, không ai thỉnh thì làm như thế nào? Nhập Bát Niết Bàn vậy! Ra đi, lìa khỏi thế giới này. Nhân gian không có ai thỉnh Ngài, nhưng chư thiên trông thấy. Ngũ Bất Hoàn Thiên, tức là Ngũ Bất Hoàn Thiên trong Đệ Tứ Thiên, tức là thiên chúng Tịnh Cư Thiên trông thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện tám tướng thành đạo, thành Phật ở nơi đây. Họ lập tức giáng hạ, thay mặt hết thảy chúng sanh thỉnh pháp, thỉnh Phật trụ thế, thỉnh Phật chuyển pháp luân, triển khai giáo hóa. Đức Phật nhận lời. Do nhận lời, đức Phật bèn đến Lộc Dã Uyển tìm năm người đồng bạn trước kia, họ là những người đã cùng tu hành với Ngài, giảng kinh, thuyết pháp cho họ. Ngài Kiều Trần Như khai ngộ, chứng quả A La Hán, đó là lần chuyển pháp luân đầu tiên tại Lộc Dã Uyển. Từ đó trở đi, suốt đời Thích Ca Mâu Ni Phật giáo học bốn mươi chín năm chẳng gián đoạn, quả thật là “thân hành, ngôn giáo”, những điều Ngài đã dạy trong kinh đều làm được toàn bộ, cho nên mọi người tin tưởng Ngài. Nếu Ngài dạy kẻ khác làm, mà chính Ngài chẳng làm được, đó là giả, chẳng có ai tin tưởng! Bản thân Ngài làm được nên mọi người tin tưởng. “*Cập dĩ hạ chư cú*” (và các câu kệ đó) chính là tướng thứ bảy, Ngài giáo học cả đời. Trong đoạn văn kế tiếp, “*ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ*” (trong hạng trung hạ căn, thị hiện diệt độ) là tướng thứ tám. Trước hết, chỉ rõ tám tướng thành đạo của Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế gian này, sau đó mới giới thiệu từng đoạn một.

Trước tiên, tiếp theo đây, chúng ta xem đoạn thứ nhất: “*Xả Đâu Suất, tức đệ nhất tướng tòng Đâu Suất Thiên giáng sanh*” (bỏ Đâu Suất chính là tướng thứ nhất, từ trời Đâu Suất giáng sanh). Đâu Suất (Tusita) là tiếng Phạn, còn dịch là Đâu Thuật, hoặc Đồ Sử Đa, đều là cùng một chữ Phạn, nhưng do các nhà phiên dịch dùng danh từ [để phiên âm] khác nhau, nhưng đều là cùng một chuyện. “*Bốn thị nhất danh, dịch âm hữu dị*” (vốn là cùng một tên, dịch âm sai khác). Đâu Suất có nghĩa là “*Diệu Túc, Tri Túc, Hỷ Túc, nữ Dục Giới trung đệ tứ thiên*” (Diệu Túc, Tri Túc, Hỷ Túc, chính là tầng trời thứ tư trong Dục Giới). Quý vị nhìn vào cõi trời này, từ chỗ này và qua danh hiệu, chúng ta sẽ biết đức hạnh của chư thiên nơi ấy: Tri Túc (biết đủ). Tri Túc là thành Phật. Quý vị muốn thành Phật, trước tiên phải tri túc. Tu hành trong Tri Túc Thiên biểu thị ý nghĩa này. Làm sao thì mới có thể thật sự tri túc? Thật sự triệt để hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, khi ấy, tâm quý vị như như bất động, trở về tự tánh vốn định, thật sự tri túc. Khi Lục Tổ khai ngộ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn chẳng dao động*”. Tâm chẳng còn động nữa bèn là tri túc. Tâm dao động sẽ chẳng tri túc, tâm Ngài chẳng còn động nữa, tự tánh vốn định. Định sanh Huệ, vô lượng trí huệ trong tự tánh tự nhiên hiện tiền, khi giao tiếp hết thảy chúng sanh, chúng sanh có câu hỏi bèn lập tức trả lời, chẳng cần phải suy nghĩ. Suy nghĩ là trật rồi, suy nghĩ là rơi vào thức thứ sáu, tức Ý Thức, đó là phàm phu. Bồ Tát thành Phật, chuyển tám thức thành bốn trí, chẳng dùng A Lại Da. Chúng ta biết lục đạo dùng A Lại Da, tứ thánh cũng dùng A Lại Da, đó là mười pháp

giới. Chuyển thức thành trí thì mười pháp giới chẳng còn nữa, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Như Lai. Chẳng thấy mười pháp giới nữa, làm sao người ấy có tư tưởng cho được? Tư tưởng đều chẳng còn nữa! Đối với Tư và Tướng, quý vị hãy nhìn vào chữ Hán, chữ Hán là phù hiệu trí huệ, Tư là gì? Trong tâm có phân biệt là Tư. Quý vị xem nhé, phía trên chữ Tâm (心) có một chữ Điền (田), vạch giới hạn như vậy là Tư (思), đã có phân biệt. Tướng (想) là gì? Tướng là trong tâm quý vị vương mắc tướng, trong tâm có tướng gọi là Tướng. Vương mắc tướng là chấp trước. Vì vậy, Tướng là chấp trước, Tư là phân biệt. Phân biệt lẫn chấp trước thấy đều đoạn sạch, chỉ có tâm, thuần túy một cái tâm, trên ấy chẳng có gì cả, sạch lâu, đó là chân tâm. Vì thế, tổ tiên tạo ra những phù hiệu này khiến cho quý vị nhìn vào bèn hiểu ý nghĩa, phù hiệu trí huệ mà! Tri túc trọng yếu vì tri túc thì tư tưởng chẳng còn nữa, đó là chân tri túc. Không chỉ là chẳng có phân biệt, chấp trước trên mặt sự tướng, mà ý niệm [phân biệt, chấp trước] cũng chẳng dấy lên, nên gọi là Diệu Túc. Diệu là diệu ở chỗ này, chẳng khởi tâm, không động niệm. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân thể tiếp xúc đều chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là Diệu Túc.

“Nội viện hiện vi Di Lạc đại sĩ chi Tịnh Độ, ngoại viện tắc vi thiên chúng dục lạc chi xứ” (nội viện nay là Tịnh Độ của Di Lạc đại sĩ, ngoại viện là chỗ dục lạc của thiên chúng). Như vừa mới thưa bày với quý vị, Đâu Suất Thiên là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Chỗ thánh nhân cư trụ gọi là “*nội viện*”, tầng trời này thuộc về Dục Giới. Dục Giới có sáu tầng trời, [Đâu Suất Thiên] là tầng thứ tư. Người Hoa hễ nói tới thiên đạo, quá nửa là nói tới tầng thứ hai, tức Đạo Lợi Thiên (Trayastrimsā), người Hoa gọi Đạo Lợi Thiên Vương là Ngọc Hoàng Đại Đế được sùng bái trong Đạo Giáo, đó là tầng thứ hai. Lại lên cao hơn là Dạ Ma Thiên (Yāma), lên cao hơn nữa là Đâu Suất Thiên. Đâu Suất Thiên cao hơn Đạo Lợi Thiên hai tầng. Ngoại viện là thiên chúng, phạm phu trụ ở đó. Vì những phạm phu ấy đều tri túc nên “*tri túc thường lạc*”. Chư thiên ở đó hết sức sung sướng, chẳng phải lo nghĩ, áo cơm tự nhiên, chính mình chẳng cần phải nhọc nhằn lo toan, phước báo rất lớn, đó là nơi họ hưởng thú vui trong cuộc sống. “*Phổ Diệu Kinh Thuyết Pháp Môn Phẩm vân: “Kỳ Đâu Thuật Thiên, hữu đại thiên cung, danh viết Cao Tràng, quảng trường nhị thiên ngũ bách lục thập lý, Bồ Tát thường tọa, vị chư thiên nhân phu diễn kinh điển”* (Phẩm Thuyết Pháp Môn của kinh Phổ Diệu 95[4] chép: “Cõi trời Đâu Thuật có đại thiên cung tên là Cao Tràng, kích thước hai ngàn năm trăm sáu chục dặm, Bồ Tát thường ngồi [ở nơi ấy] giảng diễn kinh điển cho thiên chúng”). Đây là nói về nội viện, nội viện là đạo tràng của Di Lạc Bồ Tát. Ngài trụ nơi đó, giảng kinh giáo học tại đó. Thiên cung ấy có tên là Cao Tràng, Tràng (幢) có nghĩa là “*cao hiển*”, [tức là] hết sức

95[4] Phổ Diệu Kinh (Lalitavistara), còn có tên khác Phương Đăng Bôn Khởi Kinh, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào năm Vĩnh Gia thứ hai (308) đời Tây Tấn, gồm tám quyển, chủ yếu giảng về lịch sử giảng sanh và chuyển pháp luân của Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

rõ rệt, hết sức cao lớn. Kiến trúc ấy có phạm vi to chừng nào? Dài rộng hai ngàn năm trăm sáu mươi dặm, có phạm vi to dường ấy. Chúng ta thấy là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng chư thiên thân thể cao lớn, chư thiên phước báo to, mỗi tầng một cao hơn. Chư thiên Đâu Suất khá cao lớn, họ ở trong một cung điện to ngàn ấy, cũng chẳng khác gì chúng ta ở trong hoàng cung của nhân gian cho mấy. Tôi nghĩ rất nhiều đồng tu đã đến thăm Bắc Kinh, đến viếng Cố Cung, tức là hoàng cung của ba triều đại Nguyên, Minh, Thanh, quý vị có thể thấy oai thế của đế vương. “*Bồ Tát thường tọa*”, “ngồi” nhằm biểu thị ý nghĩa Định. Người ngồi ở nơi ấy rõ ràng là rất ổn trọng. Đứng hay đi là đang hành động, ngồi xuống giống như nhập Định, ngồi biểu thị ý nghĩa này, biểu thị sự bất động. Tọa Thiền trong Phật môn cũng do ý nghĩa này, tọa Thiền chẳng phải là thân ngồi ở nơi đó bất động, thân [bất động] vô ích, phải bất động thứ gì? Tâm bất động. Mắt thấy cảnh giới bên ngoài vẫn như như bất động, mắt nhập định nơi Sắc Trần. Tai nghe âm thanh, trong khi nghe âm thanh chẳng động tâm, tai đã nhập Định trong Thanh Trần, mang ý nghĩa ấy. Thân đại diện cho sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đối diện với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bên ngoài, đều chẳng động tâm. Đó là “*thường tọa*”, thật sự tri túc. Động tâm sẽ chẳng tri túc, còn mong muốn, còn nghĩ tưởng. Chẳng động tâm: Sáu căn trong cảnh giới sáu trần chẳng động tâm, đó là “*thường tọa*”, vì các vị trời giảng diễn kinh giáo.

“*Phật Địa Luận đệ ngũ*” (Phật Địa Luận quyển thứ năm) có câu như sau: “*Đổ Sử Đa Thiên*” (cõi trời Đổ Sử Đa), tức là Đâu Suất Thiên, “*hậu thân Bồ Tát u trung giáo hóa*” (hậu thân Bồ Tát giáo hóa trong ấy), hậu thân là thân cuối cùng của Bồ Tát, tương lai sẽ thành Phật, chẳng phải là Bồ Tát [thông thường] mà là Đẳng Giác Bồ Tát, tức Bồ Xứ Bồ Tát, “*hậu thân Bồ Tát tức Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát*”. “*Thử thế giới*”, quá khứ, hiện tại, tương lai “*tam thế chi Bồ Xứ đại sĩ, giai tùng thử thiên giáng sanh*” (bậc đại sĩ Bồ Xứ trong ba đời đều từ cõi trời này giáng sanh). Phạm vi nào đến làm Phật [trong nhân gian], trước đó đều ở trong Đâu Suất Thiên, cũng giống như nói Ngài làm công tác chuẩn bị tại đó để rồi giáng sanh thị hiện thành Phật, tám tướng thành đạo. Đâu Suất Thiên mang ý nghĩa dạy chúng ta tri túc, đây là ý nghĩa chánh yếu nhất, con người chẳng thể không tri túc. Chúng ta cũng biết Di Lặc Bồ Tát tượng trưng điều gì? Tượng trưng sự tri túc. Do vậy, người Hoa tạc tượng Di Lặc Bồ Tát là tượng Bồ Đại hòa thượng, suốt ngày từ sáng đến tối cười toe toét, sung sướng dường ấy. Vì sao? Tri túc. Chẳng phải là Ngài hoàn toàn biểu hiện sự tri túc thường lạc (biết đủ sẽ thường vui sướng) ư? Trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, bất luận gặp cảnh giới nào, nghịch cảnh cũng thế, mà thuận cảnh cũng vậy, thiện nhân cũng thế, mà ác nhân cũng vậy, luôn tươi cười, biểu lộ điều này. Chúng ta học Di Lặc Bồ Tát thì phải học tướng trạng ấy, thật sự học được sẽ đạt được sự thọ dụng to lớn. Thọ dụng to lớn gì vậy? Đầu tiên là thân tâm khỏe mạnh, ngạn ngữ thường nói: “*Nhân phùng hỷ sự, tinh thần sáng*” (người gặp chuyện vui, tinh thần sáng khoái). Nếu con người sáng khoái sẽ chẳng ngã bệnh, người chau mày nhăn mặt nhất định ngã bệnh. Nếu con người vui vẻ, sung sướng, làm sao ngã bệnh cho được? Vui

vẻ, sung sướng do đâu mà có? Từ tri túc, biểu thị ý nghĩa này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tập 104

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi ba, hàng thứ năm đếm từ dưới lên, xem từ chỗ “*giáng vương cung*”.

“*Giáng vương cung, giáng sanh ư vương cung, thị trung hàm nhiếp đệ nhị tướng chi thác thai, dữ đệ tam tướng chi xuất sanh. Bản Sư Thích Tôn chi thác thai, như Nhân Quả Kinh vân: U thời, Ma Da phu nhân ư miên ngụ chi tế, kiến Bồ Tát thừa lục nha bạch tượng đặng không nhi lai. Túng hữu hiếp nhập, thân hiện ư ngoại, như xử lưu ly*” (“*Giáng vương cung*”: Giáng sanh trong vương cung. Trong ấy bao gồm tướng thứ hai là thác thai và tướng thứ ba là xuất sanh. Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật thác thai như kinh Nhân Quả đã chép: “Lúc ấy, phu nhân Ma Da trong lúc ngủ, thấy Bồ Tát cỡi voi trắng sáu ngà từ trên hư không giáng xuống, theo hông phải vào trong thân mẹ, thân hiện bóng ra ngoài như đang ở trong lưu ly”). Đây là nói tới giáng sanh và thác thai, Bồ Xứ Bồ Tát thị hiện tám tướng thành đạo thông thường đều có các thụy tướng (tướng tốt lành) này. Tiếp đó là nói về sự thác thai của Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, người bình phàm chúng ta nói “đầu thai”, tức là nói lục đạo phàm phu xả thân, thọ thân, lại tìm một thân thể khác. Thông thường, tìm một thân thể khác thì phải tìm cha mẹ. Cha mẹ và chính mình nhất định là hữu duyên; không có duyên, quý vị sẽ chẳng tìm được! Trong kinh giáo, đức Phật thường dạy con cái và cha mẹ là duyên phận gì? Đức Phật chia duyên phận ấy thành bốn loại lớn, gồm:

1) Báo ân: Kiếp trước cha mẹ có ân với người ấy, đời này gặp gỡ, người ấy cảm ân, đến báo đáp. Đứa con như vậy bẩm tánh hiếu thuận cha mẹ, do đến báo ân, nên rất nghe lời, cũng rất đáng yêu. Đó là loại thứ nhất.

2) Loại thứ hai là báo oán. Cha mẹ và kẻ ấy có cừ oán. Có oán thì có thể là do trong đời quá khứ đã giết hại kẻ ấy. Gặp gỡ lần này, kẻ ấy đến báo oán hoặc báo cừ. Đứa con ấy sẽ chẳng nghe lời, chẳng hiếu thuận với cha mẹ.

3) Loại thứ ba là đòi nợ. Đứa con ấy cũng rất khả ái. Nếu mắc nợ thì hai, ba tuổi, nó đã ra đi. Quý vị đã tốn kém nhiều ngàn đó, nó đòi nợ xong bèn ra đi. Nếu thiếu nợ nhiều, có thể phải tốn tiền cho nó học hành, học đến Trung Học, hoặc học tới Đại Học, vừa giật được mảnh bằng nó liền ra đi. Nó đến đòi nợ, quý vị thiếu nó nhiều nên phải trả nợ nhiều.

4) Một loại khác nữa là trả nợ. Trả nợ thì đối với cha mẹ chẳng có ân tình gì, nhưng đối với cha mẹ chẳng tệ. Trong quá khứ, kẻ ấy đã nợ cha mẹ rất nhiều. Đời này, hẳn chăm sóc cha mẹ về phương diện vật chất rất chu đáo. Nếu mắc nợ ít, đứa con ấy đối xử với cha mẹ khắc bạc. Cuộc sống của chính mình rất khá, nhưng lo cha mẹ có cái ăn cái mặc là đủ rồi, chẳng có hiếu kính chút nào!

Chúng ta hãy lắng lòng quan sát bốn loại tình hình ấy, đều là trong hiện tiền, chúng ta thường luôn có thể thấy bốn loại trạng huống ấy, mới biết những gì đức Phật giảng trong kinh chẳng sai tí nào!

Kẻ chẳng học Phật theo nghiệp thọ báo, khi chịu quả báo nói chung là có oán kết, chuyện này rất phiền phức, lại kết oán mới, oan oan tương báo chẳng ngớt. Vì thế, đây chẳng phải là cách thức [tốt đẹp hòng giải quyết vấn đề]. Chúng ta do duyên phận đến thế gian này, sau khi gặp Phật pháp, đã giác ngộ, phải làm như thế nào để chuyển biến những quan hệ như thế, chuyển ân oán trong đời quá khứ, chuyển quan hệ nợ nần thành pháp quyền, đó là tốt đẹp. Báo ân quá khứ cũng thế, mà báo oán cũng thế, đòi nợ, trả nợ cũng thế, một nét bút xóa sạch, từ nay trở đi, chúng ta đều là đồng tham bạn lữ, vẫn phải vô cùng hiếu thuận, vì sao? Làm cho chúng sanh thấy, tự hành, hóa độ người khác. Chính mình có thể làm như vậy, tuân theo giáo huấn của Phật Đà, làm theo giáo huấn của thánh nhân, nhằm tăng tấn đức hạnh của chính mình, đôi bên đều tăng tấn, chính mình tăng tấn, mà cha mẹ cũng tăng tấn, song phương đều tăng tấn. Đồng thời, thân thích, bằng hữu, hàng xóm của quý vị thấy quý vị một nhà hòa thuận, hiếu thảo, từ bi, họ cũng học theo. Do vậy, sau khi tự hành bèn có thể hóa độ người khác, công đức ấy càng ngày càng thù thắng. Có thể thấy sự giáo dục của thánh hiền lợi ích chúng ta quá lớn, có quá nhiều ưu điểm.

Còn như Phật, Bồ Tát cũng đến thế gian này, có lúc các Ngài nghĩ muốn trụ trong thế gian này lâu hơn một chút. Đó chẳng phải là các Ngài mong muốn. Tôi nói “các Ngài nghĩ muốn” tức là đã nói không chính xác, [phải nói] là chúng sanh hữu duyên. Duyên của chúng sanh và duyên của Bồ Tát rất sâu, nên có thể cảm ứng Bồ Tát trụ trong thế gian này một thời gian, nên Ngài nhất định phải đến đầu thai. Kinh văn gọi sự đầu thai này là “thác thai”, chẳng gọi là “đầu thai”, Ngài đến thác thai (nuơng gửi trong thai). Cũng tìm cha mẹ, cha mẹ ấy chẳng phải là báo ân hay báo oán, mà nhất định là một cặp vợ chồng trong đời quá khứ đã tu thiện tích đức, Phật, Bồ Tát đến thế gian mới tìm họ. Các Ngài tìm người chẳng có quan hệ ân oán, cả nhà người ấy tổ tiên tích đức, vợ chồng tu đức, tìm người như vậy để thác thai. Trong sự thác thai ấy bao gồm cả tướng thứ ba tức là “xuất sanh”, chúng ta đọc Đại Thừa Khởi Tín Luận thấy nói nhập thai, trụ thai và xuất thai, những điều ấy đều được bao gồm trong “thác thai”. Trụ thai cũng là trụ mười tháng, khi mẹ có thai bèn mang thai mười tháng. Đẳng Giác Bồ Tát chẳng phải là người bình phàm, Ngài ở trong thai bào mười tháng như thế có thể độ chúng sanh hay không? Người bình phàm ở trong thai bào mười tháng, kinh Phật

nói là cũng chẳng khác ở trong địa ngục cho mấy, nên gọi là “*thai ngục*”. Mười tháng ấy là thai ngục, ở trong ấy chẳng được tự tại, ở trong đó cũng rất đau khổ. Mẹ uống một chén trà nóng, con giống như ở trong bát nhiệt địa ngục, mẹ uống một chén nước đá, con giống như ở trong bát hàn địa ngục, rất đau khổ! Kể ấy (kể đến đầu thai) chịu đựng nghiệp báo, mang thân nghiệp báo, do nghiệp đã tạo trong đời quá khứ, nên phải chịu quả báo ấy. Nhưng Phật, Bồ Tát khác hẳn, có vị Phật đến thác thai, trong phần trước chúng ta đã thấy “vị hậu Phổ Hiền” đó là vị đã thành Phật, lại “thả chiếc bè Từ” đến hóa độ chúng sanh. Do vậy, Phật, Bồ Tát ở trong thai mẹ đã thuyết pháp độ chúng sanh, điều này chẳng thể nghĩ bàn!

Khoa học hiện thời cho chúng ta biết, trong Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư bảo chúng ta, một vi trần, một hạt vi trần, người hiện thời gọi một hạt vi trần là một hạt cơ bản, các nhà khoa học Lượng Tử cho biết hạt cơ bản còn có thể chia nhỏ, vẫn chưa phải là nhỏ nhất, lại tách ra thành Quang Tử, còn gọi là Lượng Tử. Hiện thời, ta biết Lượng Tử là nhỏ nhất. Đức Phật nói trong một vi trần có vi trần số thế giới, trong các thế giới ấy lại có nhiều chúng sanh. Do vậy, trong khi mẹ mang thai, đức Phật cũng giảng kinh, thuyết pháp trong thai mẹ. Cảnh giới ấy to dường nào? Chẳng khác gì hư không pháp giới bên ngoài, trong Phật pháp nói là “không có lớn, nhỏ”, Tánh Đức trong tự tánh vốn là như thế. Chúng ta mê mất tự tánh nên mới có hiện tượng lớn - nhỏ như vậy, [các hiện tượng ấy] do huyền tướng sanh ra, người minh tâm kiến tánh chẳng có. Trong phần trước, chúng ta đã học “trong vi trần có thế giới”, các nhà khoa học Lượng Tử hiện thời đã chứng thực chuyện này là thật, chẳng giả.

Khi nhập thai, phu nhân Ma Da (Māyā) là mẹ của Thích Ca Mâu Ni Phật, trong khi bà đang ngủ, “*miên ngu*” (眠寤) là lúc ngủ nghe. Tuy ngủ nhưng rất tỉnh táo, chẳng mê hoặc, hiểu rất rõ. Bà thấy Bồ Tát, vị Bồ Tát ấy là Bồ Xứ Bồ Tát, từ trời Đâu Suất giáng hạ, cưỡi voi trắng sáu ngà, Ngài cưỡi con voi ấy, từ không trung hiện đến gặp phu nhân Ma Da, theo hông phải của phu nhân Ma Da vào trong thai. “*Thân hiện ư ngoại*” (thân hiện ra ngoài), phu nhân Ma Da có thể trông thấy, nhưng người khác chẳng thấy. Phu nhân Ma Da có duyên với Ngài, nên trông thấy rõ ràng Bồ Tát theo hông phải vào thai. Trông thấy tình hình như vậy rõ ràng “*như ở Lưu Ly*” (như ở trong lưu ly), toàn thân phu nhân giống như lưu ly, trong suốt, thấy Bồ Tát từ trời Đâu Suất giáng hạ, vào trong thân thể bà ta. Kinh Nhân Quả đã thuật một câu chuyện như thế. Còn về xuất thai thì kinh Niết Bàn có nói: “*Tùng mẫu Ma Da nhi sanh. Sanh dĩ*” (từ mẹ là Ma Da sanh ra. Đã sanh ra), sau khi được sanh ra, “*tức châu hành thất bộ*” (liền đi trọn bảy bước), Ngài đi bảy bước. Đứa trẻ ấy vừa sanh ra liền có thể đi lại. “*Châu hành giả*” (đi trọn khắp là), tiếp đó, sách giải thích, “*nãi chi tứ duy*” (là chỉ bốn phương bàng), nói thật ra, trước đó phải thêm vào bốn phương, tức là bốn phương chánh và bốn phương bàng, “*thượng hạ chi thập phương*” ([cùng với] phương trên và dưới là mười phương). Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*U thập phương các hành thất bộ*” (trong mười phương, mỗi

phương đều đi bảy bước), “*châu hành thất bộ*” là mỗi phương đều đi bảy bước, nên gọi là “*châu*” (周: trọn khắp). “*Thị hiện trượng phu phấn tấn chi lực*” (thị hiện sức trượng phu dũng mãnh), “*trượng phu*” ở đây là đại trượng phu, đã thành Phật, là từ ngữ chúng ta dùng để kính xưng đức Phật. “*U thập phương độc xuất vô úy*” (trong mười phương riêng hiển lộ sự vô úy), hiển lộ các hiện tượng trí huệ, từ bi, thần thông, đạo lực, chẳng sợ hãi. Vì thế, đi bảy bước khắp mười phương. “*Hựu Ngụy dịch viết: Tùng hữu hiệp sanh*” (Lại nữa, bản Ngụy dịch chép: “*Sanh từ hông phải*”). Sách Thích Ca Phổ cũng ghi chép như vậy. “*Bồ Tát tiệm tiệm tùng hữu hiệp xuất*” (Bồ Tát dần dần sanh ra từ hông phải [của mẹ]). Kinh điển ghi chép trạng huống xuất sanh của đức Thế Tôn khác với người bình thường, đó gọi là “*thị hiện*”.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo: “*Khí vị xuất gia, khổ hạnh học đạo*” (vút bỏ ngôi vua, khổ hạnh học đạo). Đây là “*biểu xuất gia chi đệ tứ tướng*” (biểu thị tướng thứ tư là xuất gia), xuất gia là tướng thứ tư trong tám tướng. “*Ngụy dịch thậm tường*” (bản dịch đời Ngụy chép rất tường tận). Trong bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, đoạn này đã được dịch rất tỉ mỉ, kinh văn chép: “*Hiện xử cung trung sắc vị chi gian*” (hiện sống trong cung, trong khoảng sắc vị). Ngài thị hiện sanh trong nhà đế vương, phụ thân là quốc vương. Quốc vương thuở ấy chẳng lớn, giống như thời đại Xuân Thu Chiến Quốc vào triều đại nhà Châu đã được ghi chép trong lịch sử Trung Quốc. [Các triều đại] Hạ, Thương, Châu đều là các sắc dân thuộc về các bộ lạc, nước lớn vẫn chưa to bằng một huyện hiện thời. Quý vị thấy sách cổ Trung Quốc nói hầu quốc (nước chư hầu) rộng một trăm dặm, đó là nước lớn. Hầu (侯) là vua một nước [chư hầu], hầu quốc rộng một trăm dặm, [vua nước ấy được thiên tử nhà Châu phong] tước Hầu⁹⁶[1]. Cương vực quốc gia của ông ta chỉ có một trăm dặm, chẳng to bằng một trăm dặm hiện thời. Hiện thời nói tới cây số thì tại Trung Quốc, một cây số lớn bằng hai dặm của Trung Quốc [thời cổ]. Vì thế, lãnh thổ [của mỗi nước chư hầu] cũng chẳng phải là rất lớn. Theo lịch sử ghi chép, vào đời Châu, trên lãnh thổ Trung Quốc có bao nhiêu quốc gia? Hơn tám trăm chư hầu, tức là hơn tám trăm quốc gia. [Nói về] vua nhà Châu thì Châu cũng là một nước, chẳng lớn! Nước Châu kể ra chẳng lớn, chỉ rộng bảy mươi dặm. Quý vị thấy chỉ có bảy mươi dặm, Châu áp bảy mươi dặm, nhưng vua Châu đức hạnh tốt đẹp, có đạo đức, các vua nước khác bội phục ông ta, hễ có vấn đề gì đều thỉnh giáo ông ta. Vô hình trung, ông ta trở thành người được kính ngưỡng nhất trong các nước, nên mọi người gọi ông ta là Thiên Tử (天子). Thiên Tử thuở đó, quốc gia hoàn toàn chưa thống nhất, [cả nước Trung Hoa] đều là những tiểu chư hầu. Chư hầu nghe theo giáo huấn của Thiên Tử, nhưng mỗi nước chư hầu đều độc

96[1] Đây là nói tổng quát, vì nhà Châu đặt ra năm tước Công, Hầu, Bá, Tử, Nam. Tùy theo mỗi tước mà quy định lãnh thổ rộng bao nhiêu, được dùng bao nhiêu cỗ xe v.v... Chẳng hạn vua nước Ngô (đất phong của Thái Bá và Trọng Ung) chỉ là tước Bá, nước Sái (phong cho Thúc Độ, em trai thứ năm của Châu Vũ Vương) tước Hầu, nước Ung (phong cho người con thứ mười ba của Châu Văn Vương, không rõ họ) với tước Tử, nước Tống (phong cho Vi Tử Khải, hậu duệ nhà Thương) tước Công...

lập, chỉ là những nước chư hầu tôn sùng thiên tử, tâu cống nhà vua. “*Tấn cống*” (進貢) là tặng lễ vật, mỗi dịp Tết phải biếu Thiên Tử một chút lễ vật, Thiên Tử cũng duy trì an toàn cho toàn thể xã hội. Toàn thể xã hội được gọi là “*thiên hạ*” (天下), “*thiên hạ*” thuở ấy nay được gọi là quốc gia Trung Quốc. Do vậy, người Trung Quốc từ xưa tâm lượng cũng rất to, sách cổ rất ít khi nói đến quốc gia, mà đều nói là “*thiên hạ*”. Tâm lượng lớn nên có thể dung nạp, xã hội ấy mới có thể an định, hòa bình.

Do vậy, Bồ Tát thị hiện giáng sanh trong cung đình, hưởng thụ sự phú quý trong nhân gian từ bé. “*Kiến lão, bệnh, tử, ngộ thế phi thường*” (thấy già, bệnh, chết, ngộ cõi đời chẳng thường hằng). Ngài ra ngoài du ngoạn, trên đường thấy người già, thấy người bị bệnh, thấy người tử vong, cảm khái rất sâu, cảm thấy thế gian này vô thường, ngộ cõi đời hết sức vô thường. Con người không thể vĩnh viễn sống trong thế gian, chẳng thể vĩnh viễn không già, bất tử, bọn phàm phu chúng ta thường thấy hiện tượng này, có sao chẳng giác ngộ? Ngài đã giác ngộ. Đã giác ngộ rồi, Ngài cũng giúp cho chúng ta giác ngộ, điều ấy khiến cho chúng ta nghiêm túc suy nghĩ, chúng ta đến thế gian này để làm gì? Vì sao đến thế gian? Đã có người từng hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật vấn đề này, tôi nghĩ chẳng phải chỉ một người, mà chắc chắn là có rất nhiều người hỏi. Đức Phật trả lời bằng một câu: “*Nhân sanh thù nghiệp*” (đời người đền trả nghiệp). Quý vị đến thế gian này để làm gì? Để đền trả nghiệp nhân quý vị đã tạo trong quá khứ. Trong đời quá khứ tạo thiện nhân, quý vị đến thế gian này để hưởng phước, quả báo thì thiện có thiện quả. Nếu trong đời quá khứ đã gây nhân ác, quý vị chịu khổ, [trót tạo cái nhân] bất thiện nhất định mắc khổ báo. Đức Phật đã giảng rõ ràng, minh bạch chuyện này, chúng ta mới thật sự hiểu những gặp gỡ trong suốt một đời, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, thiện duyên thì quý vị suốt đời gặp gỡ người tốt, ác duyên thì suốt đời gặp gỡ người xấu, toàn bộ đã được định sẵn trong mạng. Đúng như cổ nhân đã nói: “*Nhất sanh toàn thị mạng, bán điểm bất do nhân*” (suốt đời toàn là mạng, chẳng do người nữa phần). Quý vị chẳng thể tự mình làm chủ, tất cả hết thảy những sự gặp gỡ trong cuộc đời đều do nghiệp nhân trong đời quá khứ [tạo thành] quả báo trong hiện tiền. Thông đạt, hiểu rõ rồi, chúng ta sẽ an tâm.

Vì thế, cổ nhân nói “*tâm an lý đắc*”, vì sao tâm an? Do đã hiểu rõ đạo lý, chẳng còn dấy lên vọng tưởng nữa. Lý đã hiểu rõ, tâm bèn an, tâm đã an bèn hiểu rõ đạo lý, chúng là nhân và quả lẫn nhau. Sau khi hiểu rõ, chúng ta biết phải nên làm người tốt, phải tiêu trừ nghiệp chướng. Tiêu trừ nghiệp chướng là trong nghịch cảnh, trong lúc khổ nạn, phải nên chịu đựng, chẳng oán trời, không trách người, chính mình đã tạo thì chính mình phải gánh chịu, bình an vượt qua, nghiệp tiêu tan. Suốt một đời này, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chẳng còn tạo tội nghiệp nữa, nghiêm túc nỗ lực đoạn ác, tu thiện. Căn bản của thiện hạnh là hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng. Trước kia có sư trưởng, hiện tại chẳng còn nữa. Trước kia, quan hệ thầy trò vô cùng mật thiết, “*nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ*” (một

ngày là thầy, suốt đời là cha), có mối quan hệ tốt đẹp như vậy, cho nên thầy trò như cha con, quan hệ giữa thầy và trò chẳng kém [quan hệ] cha con. Hiện thời chẳng còn nữa, thầy bây giờ đã biến thành con buôn, mua bán kiến thức, mỗi giờ lên lớp phải trả bao nhiêu tiền học phí, đó là mua bán mất rồi!

Chư vị phải biết: Cổ nhân làm thầy chẳng nói đến học phí, nói đến học phí rất ngượng ngập, thốt không nên lời. Học tập thì sao? Khi học tập thì tùy ý phụ huynh của học sinh dâng biếu. Lại còn chẳng phải là biếu xén hằng tháng, chẳng có số lượng nhất định. Gặp dịp lễ tết, đại khái là Tết Nguyên Đán, Đoan Ngọ, Trung Thu, mỗi năm ba dịp lễ tết bèn biếu xén lễ vật. Tùy theo hoàn cảnh gia đình của chính mình, gia đình giàu có bèn biếu nhiều một chút. Gia đình nghèo hèn bèn biếu ít một chút. Quý vị thấy Khổng Tử dạy học, nhận lễ vật ít nhất, [lễ vật trò biếu thầy] gọi là Thúc Tu. Thúc Tu (束脩) là gì? Nay chúng ta gọi là “*lạp nhục*” (臘肉: thịt muối). Thịt đem muối, tức Lạp nhục, bao nhiêu? Cát lấy một lát nhỏ, đại khái bốn lạng hoặc nửa cân là cùng. Mỗi năm đem biếu thầy chút quà ấy, thầy rất vui vẻ. Thầy chẳng đòi hỏi thứ gì từ quý vị, thầy coi trọng lễ tiết, quý vị chẳng thất lễ. Do vậy, quan hệ thầy trò giống như cha con. Hiện thời là mua bán, trước đây là nói tới giáo học, hiện thời học hành cũng là buôn bán, [giáo viên] cũng là một loại con buôn, sự học đã biến thành thương mại rồi, [nên gọi là] “*học thương*” (kinh doanh sự học), do vậy thì sao? Sư đạo chẳng còn. Sư đạo chẳng còn thì hiếu đạo chẳng còn nữa. Vì sao? Thầy khuyên [trò] hiếu thảo. Cha mẹ dạy con cái nói chung chẳng tiện nói: “Ngươi là con của ta, phải hiếu thuận với ta”, chẳng thể thốt nên lời ấy được. Do vậy, ai dạy hiếu thảo? Thầy có trách nhiệm. Thầy dạy học trò “hiếu thuận cha mẹ”, cha mẹ dạy con cái phải “tôn sư trọng đạo”. Hai bên đều dạy. Hễ thiếu một bên thì bên kia chẳng còn nữa. Vì thế, hiện thời sư đạo chẳng còn thì hiếu đạo đương nhiên cũng chẳng có! Trẻ nhỏ hiện thời chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng biết tôn sư trọng đạo là có nguyên nhân, chẳng phải là vô lý. Đã vứt bỏ giáo dục mà!

Trong quá khứ, đối với trò, thầy e sợ quý vị học không ra gì, nên tận tâm tận lực dạy quý vị. Hiện nay, tôi nghe nói trong rất nhiều trường học, khi lên lớp, thầy dạy rất cầu thả, thầy dạy học trò [qua loa lấy lệ], mở lớp dạy thêm, ép học trò ở trường mình phải theo học lớp dạy thêm của ông ta. Lớp dạy thêm thu học phí, thầy bỏ túi toàn bộ học phí, nên trong lớp ấy thầy sốt sắng dạy những thứ đã giữ lại chẳng dạy trong buổi học chính thức, thầy giấu nghề hòng kiếm tiền! Trong lớp học chính thức, đại khái là trong nhà trường chẳng thu nhập được mấy, mở lớp dạy thêm thu nhập cũng rất dồi dào. Vì thế, hiện thời [hầu như giáo viên nào cũng đều] có ý nghĩ kinh doanh. Thầy giáo cũng học đòi mở tiệm bán chữ, lớp dạy thêm chính là mở tiệm bán chữ! Đó là xã hội hiện tiền, mê mà chẳng giác, còn cổ nhân thật sự là giác chứ không mê. Một đời này, tôi may mắn còn gặp được mấy vị thầy tuân theo nếp nghĩ xa xưa, vì sao? Thuở ấy, tôi rất nghèo khổ, không đóng nộp học phí, một đồng biếu tặng thầy cũng chẳng có, nhưng ba vị thầy đều rất vui lòng dạy dỗ, đặc biệt dành thời gian để dạy tôi,

do nguyên nhân nào? Khi ấy, tôi cũng nghĩ chẳng ra. Mấy chục năm sau mới hiểu rõ, tôi từ nhỏ đã biết tôn sư trọng đạo đôi chút nhờ cha mẹ dạy. Vì vậy, cung kính thầy, học tập rất nghiêm túc. Thầy gặp được một học trò như thế, không lấy học phí, chẳng cần học phí, thầy vẫn nghiêm túc dạy dỗ tôi. Nếu là những thầy giáo như trong nhà trường hiện thời thì chẳng đóng học phí sẽ chẳng dạy! Sáu mươi năm trước và sáu mươi năm sau khác nhau, những vị thầy như sáu mươi năm trước chẳng nhiều, rất hiếm gặp!

Hiện thời có thể nói là những vị thầy như vậy chẳng còn nữa, rất khó tìm được! Không dễ gì tìm được thì làm như thế nào? Chúng ta muốn học thì có cách, làm tư thực đệ tử của cổ nhân, học theo Mạnh Tử. Mạnh Tử hiếu học, mẹ dạy con rất khá, “*Mạnh mẫu tam thiên*” (Bà mẹ Mạnh Tử ba lần dời nhà)^{97[2]}, mẹ dạy dỗ chu đáo, Ngài hiếu học, học theo Khổng Tử. Thuở Ngài sanh ra, Khổng Tử đã qua đời từ lâu, Ngài rất ngưỡng mộ Khổng Tử. Trước tác của Khổng Tử còn đó, Ngài tìm các trước tác của Khổng Tử, y giáo tu hành, hễ gặp khó khăn bèn thỉnh giáo học trò của Khổng Tử, học hết sức nghiêm túc. Những giáo huấn của Khổng Tử Ngài đều có thể làm được, đều có thể thực hiện. Vì thế, thành tựu của Ngài vượt trội tất cả học trò của Khổng Tử trong thuở ấy. Quý vị thấy người đời sau tôn xưng Khổng Tử là Chí Thánh, tôn Mạnh Tử là Á Thánh, trừ Khổng Tử ra là Mạnh Tử! Vì thế, hiện thời, hễ nói tới Nho luôn nói là Khổng Mạnh, chẳng nói tới ai khác. Có thể thấy thầy chẳng còn trên đời, hãy học tập theo trước tác của thầy, cũng có thể học thành giống hệt như thầy, đạt tới trình độ của thầy, trở thành thánh nhân. Mạnh Tử đã mở ra lệ này, khiến cho người hiếu học đời sau ai nấy đều có thể thành tựu, không nhất định phải ở trước mặt thầy. Trong Phật môn cũng có tấm gương ấy, cuối đời Minh, đầu đời Thanh, Ngẫu Ích đại sư là tổ sư đời thứ chín trong Tịnh Độ Tông chúng ta, hết sức ngưỡng mộ Liên Trì đại sư, Liên Trì đại sư là tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông. Tổ Ngẫu Ích học theo Liên Trì đại sư. Liên Trì đại sư cũng đã vãng sanh, chẳng còn tại thế, nhưng trước tác của Liên Trì đại sư vẫn còn, hiện thời vẫn còn, tức là Liên Trì Đại Sư Toàn Tập. Hiện thời Liên Trì Đại Sư Toàn Tập gồm bốn cuốn sách đóng bìa cứng dày như vậy. Ngài noi theo bộ sách ấy để học tập, học rất giống như Liên Trì đại sư, nên trở thành tổ sư đời thứ chín của Tịnh Độ Tông, đã thành công. Đây là pháp thế gian và xuất thế gian [đều đã có những tấm gương], nay chúng ta phải học theo, Muốn tìm thầy,

^{97[2]} Câu chuyện này xuất phát từ bộ Liệt Nữ Truyện, với nhan đề Mẫu Nghi Trâu Mạnh Kha Truyện (truyện về người mẹ gương mẫu của Mạnh Kha ở đất Trâu). Theo đó, lần đầu tiên, nhà Mạnh Tử ở gần nghĩa địa. Mạnh Tử chơi quanh quần trong nghĩa địa, đắp mộ giả, bày trò cúng tế, khóc lóc. Bà mẹ thấy vậy bèn dọn nhà đến phố thị. Con lại bắt chước lái buôn giả buôn bán, nói thách, bà mẹ lại dọn nhà đến gần trường học, con bèn chăm chỉ học hành. Có thuyết khác nói lần thứ hai dọn nhà đến gần người mổ lợn, Mạnh Tử suốt ngày bắt chước làm bộ mổ lợn, chọc tiết. Sách Liệt Nữ Truyện tổng kết câu chuyện này bằng câu: “*Mạnh Kha chi mẫu, vị giáo kỳ tử, tam thiên kỳ cư, tốt sử Mạnh Kha thành đại nho chi danh*” (Mẹ ông Mạnh Kha, vì dạy con, ba lượt thay đổi chỗ ở, rốt cuộc khiến cho Mạnh Kha trở thành bậc đại nho danh tiếng). Tuy ghi nói là ba lượt dọn nhà, thật ra, chỉ dọn nhà hai lần.

nhưng chẳng tìm được một vị thầy đang còn sống thì tìm một vị thầy trong quá khứ. Thầy đã vãng sanh rất nhiều, quý vị tìm một vị, khéo học theo Ngài, nhất định sẽ thành tựu.

Đời này tôi cũng rất khó có, được gặp gỡ lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi thờ Ngài làm thầy. Tôi theo thầy mười năm, thầy rất khiêm hư, rất khách sáo, bảo tôi: “Tôi chỉ có khả năng dạy anh năm năm. Sau năm năm, tôi sẽ giới thiệu một vị thầy khác cho anh”. Tôi hỏi: “Vị nào ạ?” “Án Quang đại sư”. Án Quang đại sư là thầy của cụ, cụ học Tịnh Tông với Án Quang đại sư, cụ giới thiệu Án Quang đại sư cho tôi. Do đại sư chẳng còn nữa, thầy Lý đã từng thân cận Án Quang đại sư, hiện thời chúng ta chẳng có duyên phận ấy, nhưng Án Quang Đại Sư Văn Sao vẫn còn, quý vị thường đọc Văn Sao, thấu hiểu ý chỉ của đại sư, y giáo phụng hành, sẽ là học trò thật sự của Án Quang đại sư. Không nhất định phải gặp mặt, không nhất định phải ở trước mặt Ngài, quý vị vẫn có thể học thành công. Vì đại sư là người cận đại, cách chúng ta không xa, chúng ta xem văn tự của Ngài bèn hiểu. Tuy là văn chương Văn Ngôn, nhưng là văn chương Văn Ngôn rất đơn giản, dễ hiểu. Đó là noi gương cổ nhân, tôn cổ đại đức làm thầy thì chúng ta mới có thể thành tựu. Thật sự chịu học, dù mài chẳng bỏ, mười năm vun bồi căn cội, hai mươi năm bèn xuất đầu lộ diện, chúng ta thường nói là “thành danh”. Thật đấy, chẳng giả đâu! Chính bản thân tôi trong một đời này là một thí dụ rất tốt, tôi tiếp xúc Phật pháp lúc hai mươi sáu tuổi, ba mươi ba tuổi xuất gia, hai mươi năm, [tức là] học Phật hai mươi năm, lúc ngoài bốn mươi tuổi bèn có thành tựu. Ba mươi ba tuổi xuất gia, lúc năm mươi ba tuổi chính mình mới có một đạo tràng nhỏ. To cỡ nào? Đại khái chẳng lớn hơn cái studio này bao nhiêu, có một tiểu giảng đường như thế. Suốt đời, mỗi ngày bận bịu, đại khái cũng có lúc đọc kinh bốn giờ, mỗi ngày giảng kinh chẳng ít hơn hai tiếng đồng hồ. Khi giảng được nhiều nhất thì mỗi ngày giảng chín tiếng, buổi sáng ba tiếng, buổi chiều ba tiếng, buổi tối còn giảng thêm ba tiếng nữa. Đã từng giảng tại Đài Loan, giảng tại Los Angeles của Mỹ, thỡ trẻ yêu thích giảng kinh, chẳng biết mệt. Vì thế, con người chẳng thể không giác ngộ, nhất định phải nghĩ ta đến thế gian này để làm gì. Học Phật bèn hiểu rõ, ta tới thế gian này để học Phật, tới thế gian này để hoằng pháp. Không phải là học Phật, chẳng phải là hoằng pháp thì đến đây để làm gì? Thế gian này, đời loạn cũng vậy, đời thịnh trị cũng vậy, đều chẳng thể quấy nhiễu chúng ta học tập, mà cũng chẳng thể quấy nhiễu chúng ta giáo học, đó là tốt đẹp!

Ở đây, đức Thế Tôn nêu gương cho chúng ta. Thứ nhất, Ngài đã giác ngộ; nếu chẳng giác ngộ, Ngài chẳng thể làm được những điều [kinh văn đã nêu trong các đoạn] kế tiếp. Đầu tiên là giác ngộ thế gian này vô thường, thế gian này chẳng thật. Vì thế, Ngài mới “*khí quốc tài vị*” (bỏ ngôi vua, của cải, địa vị), “*quốc*” là quốc vương. Ngài chẳng làm quốc vương, mà cũng chẳng hưởng sự phú quý trong nhân gian. “*Tài*” ở đây là sự phú quý trong nhân gian, Ngài bỏ được, “*nhập sơn học đạo*” (vào núi học đạo), lúc ấy, Ngài mười chín tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật mười chín tuổi vào núi. Có nhiều vị đạo đức, có tu hành, có trí huệ sống trên

núi. Thuở ấy, tại Ấn Độ, không chỉ các vị đại đức tôn giáo đều ở trên núi, mà nhiều [học giả trong các] học phái như Du Già, Số Luận đều ở trên núi. Những người ấy tu Thiên Định, họ thật sự chứng đắc Tứ Thiên Bát Định. Vì thế, Ngài vào núi để bái phỏng những vị đại đức, trưởng giả ấy, học tập họ. Chúng ta có thể tưởng tượng chàng trẻ tuổi ấy, mười chín tuổi, xuất thân là vương tử, thân phận khác hẳn, thông minh, hiểu học, chúng ta có thể nghĩ là mỗi vị trưởng giả, đại đức thấy học trò như vậy, lẽ nào chẳng vui vẻ, nhất định sẽ nghiêm túc dạy bảo, dạy hết những gì chính mình đã học được.

“*Phục thừa bạch mã, bảo quan, anh lạc, khiến chi linh hoàn*” (Lại cưỡi ngựa trắng, sai đem mào báu, chuỗi ngọc, trở về). Ngài là vương tử, mặc quần áo, cưỡi ngựa trắng, đội mào báu, đeo chuỗi ngọc, vào núi học đạo, giao cho tùy tùng đem những thứ ấy trở về giao cho phụ vương, tỏ ý Ngài thật sự tu khổ hạnh, thật sự có thể bỏ được. “*Xả trân diêu y*” (bỏ y phục quý báu, đẹp đẽ), Ngài vốn mặc y phục quý báu, đẹp đẽ. “*Nhi trước pháp phục*” (để mặc pháp phục), quần áo của những người xuất gia hay tu hành chẳng thể sánh bằng quần áo của vương tử. “*Thế trừ tu phát*” (cạo bỏ râu tóc), gọt sạch đầu tóc, “*đoan tọa thụ hạ, cần khổ lục niên, hành như sở ưng*” (ngồi ngay ngắn dưới cội cây, siêng khổ sáu năm, hành theo đúng lẽ), giống hệt như những vị trưởng giả hoặc các bậc thầy khổ hạnh ấy. Tu khổ hạnh cũng là đêm ngủ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa. Do vậy, “giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây” chẳng phải là quy chế do Thích Ca Mâu Ni Phật sáng lập. Chẳng phải vậy, đó là cuộc sống bình phàm của những người tu hành Bà La Môn và các tôn giáo tại Cổ Ấn Độ; kể cả người học Phệ Đà (Vedas) cũng vậy. Nay chúng ta gọi họ là triết gia, cuộc sống rất đơn giản. Chúng ta thấy họ rất thanh bần, nhưng họ sống rất tự tại, rất vui sướng, chẳng phải lo nghĩ, chẳng có phiền não, không có áp lực, cuộc sống hằng ngày “*tùy ngộ nhi an*”^{98[3]}. Họ đều đặc biệt coi trọng hạnh môn, người bình thường chẳng làm được, nhưng họ hoàn toàn làm được. Chúng ta thường nói là “buông xuống trần duyên”, Trần là trần lao, phiền não, Duyên chỉ hoàn cảnh nhân sự, thấy đều buông xuống. Vật chất và nhân sự hoàn toàn buông xuống, tâm đã định, Định - Huệ hiện tiền, dần dần có thể khế nhập.

Trong kinh Phổ Diêu có nói: “*Nhĩ thời Thái Tử nhật phục nhất ma, nhất mạch, lục niên chi trung kết già phu tọa*” (Lúc bấy giờ, Thái Tử mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch, ngồi xếp bằng trong sáu năm). “*Thái Tử*” là Thích Ca Mâu Ni Phật, trong lúc cuộc sống gian nan nhất; hiện thời, các nhà khoa học cho chúng ta biết, trong tương lai, ước chừng trong tương lai chẳng lâu nữa, có thể có nguy cơ thiếu lương thực. Hiện thời, dấu hiệu báo động đã xuất hiện: Một hai năm gần đây nhất, địa cầu nóng lên, khí hậu đổi khác, thiên tai hết sức dồn dập, sản phẩm nông nghiệp bị suy hụt với một số lượng lớn, thâm hoạch lương

98[3] Đây là một thành ngữ bao hàm ý nghĩa tùy thuận trong mọi hoàn cảnh, không mong cầu quá phận. Thành ngữ này vốn phát xuất từ một câu nói của Lưu Hiến Định trong bộ Quảng Dương Tập Ký: “*Tùy thuận nhi an, tư chân ổn hỷ*” (Yên vui trong mọi hoàn cảnh sẽ thật sự ổn thỏa).

thực sút giảm thì loài người chúng ta ăn gì? Vì thế, có nguy cơ thiếu lương thực. Khi ấy, cũng có thể là đức Thế Tôn gặp phải lúc đói kém, nơi ấy cũng bị hạn hán, hoặc bị lũ lụt, hoa lợi giảm bớt, thức ăn ít ỏi. Làm như thế nào? Phương pháp ứng phó của lão nhân gia là mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch. “Ma” (麻) là “chi ma” (芝麻: mè). Chúng ta chớ nên chấp chết cứng văn tự, hiểu [đúng là] Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc ăn một hạt lúa mạch. Chúng ta nghĩ như vậy kể ra cũng xuôi tai, nhưng chẳng hợp tình hợp lý. Phải nên [hiểu] như thế nào? Đức Thế Tôn ăn uống đơn giản dường ấy, một chút mè, hoặc một chút lúa mạch, [hiểu như vậy] sẽ hợp tình, hợp lý. Chứ nói [chỉ có] một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch sẽ chẳng hợp lý, chẳng hợp lẽ thường! Cuộc sống đơn giản, kham khổ dường ấy, ngay cả gạo cũng chẳng có, các thứ ngũ cốc, các thứ lương thực đều chẳng có!

Trong tương lai, chúng ta cũng gặp nguy cơ thiếu lương thực, làm cách nào? Nhất định chuẩn bị tâm lý sẵn. Nếu trong khi gặp nguy cơ thiếu lương thực, mà chúng ta mỗi ngày ăn một bữa thì cũng tốt lắm. Chúng ta ăn ít một chút để cho người khác có thể ăn nhiều hơn đôi chút. Lương thực thâm hoạch dồi dào thì có thể ăn ba bữa. Lương thực thâm hoạch thiếu kém mà người vẫn đông đảo như thế, mọi người đều phải ăn sẽ chẳng đủ để phân phối, làm như thế nào? Có thể nói là chúng ta mỗi ngày ăn hai bữa, hoặc mỗi ngày ăn một bữa, sẽ có thể vượt qua tai nạn ấy. Hiện thời, mỗi ngày tôi ăn một bữa, sau khi ăn cơm trưa, thứ gì cũng không ăn, chỉ uống một chút nước. Người ta hỏi tôi vì sao? Có phải là tri giới hay không? Chẳng phải! Tôi ứng phó nguy cơ thiếu lương thực. Các nhà khoa học báo cáo như vậy, ta phải chuẩn bị, phải dưỡng thành thói quen ấy. Khi nguy cơ về lương thực thật sự hiện tiền, chúng ta mỗi ngày ăn một bữa là đủ rồi. Tôi đang làm công việc chuẩn bị, ngõ hầu nguy cơ thiếu lương thực chẳng nảy sinh nỗi nguy hại nào đối với tôi, tôi có thể sống bình thường. Thích Ca Mâu Ni Phật có thể làm được, vì sao chúng ta chẳng thể làm?

“Lục niên chi trung kết già phu tọa. Tu tập gian nan cần khổ chi hạnh” (Trong sáu năm, ngồi xếp bằng, tu tập hạnh khó khăn, siêng khổ). Đức Thế Tôn ba mươi tuổi khai ngộ, mười chín tuổi lìa khỏi gia đình, [tu tập suốt] mười hai năm. Ở đây nói, trong mười hai năm ấy, Ngài có sáu năm khổ hạnh, đây là về sau, trong khi giảng kinh, giáo học, lão nhân gia đã cho chúng ta biết, tín, giải, hành, chứng! Đương nhiên chính Ngài trọn đủ tín tâm, đi ra ngoài tham học, tiếp nhận giáo huấn của bậc cao nhân, Ngài đã lý giải. Sau khi hiểu rõ, đã làm được. Mà Ấn Độ thuở ấy, bất luận là tôn giáo hay học thuật đều vô cùng coi trọng Thiền Định. Do vậy, “kết già phu tọa” là tu Định, sáu năm thật sự tu tập. Đầu tiên là học tập Tứ Thiền Bát Định. Chúng đắc Tứ Thiền Bát Định, hoàn toàn hiểu rõ trạng huống trong lục đạo, do Tứ Thiền Bát Định có thể đột phá các chiều không gian của lục đạo. Người có công phu này, hướng lên trên có thể thấy hai mươi tám tầng trời, rõ ràng, rành rẽ, hướng xuống dưới có thể thấy địa ngục A Tỳ, hiểu rõ toàn bộ lục đạo. Lục đạo được nói trong Phật pháp chẳng do Thích Ca Mâu Ni Phật phát hiện, mà cũng chẳng phải do Ngài nói ra [đầu tiên], mà do Cổ Bà

La Môn đã nói. Bà La Môn Giáo là Hưng Đô Giáo (Hinduism) hiện thời, tôi có qua lại với họ. Các trưởng lão của họ bảo tôi, vì họ chẳng coi trọng lịch sử, chẳng có văn tự ghi chép minh xác, theo truyền tụng, đời đời lưu truyền, họ có lịch sử hơn một vạn năm, chúng ta có thể tin tưởng. Hiện thời, những nhà nghiên cứu tôn giáo trên thế giới thừa nhận họ tối thiểu có tám ngàn năm trăm năm lịch sử. Giới học thuật thường nói Ấn Độ Giáo [xuất hiện] sớm hơn Phật Giáo năm ngàn năm, chúng ta có thể tin tưởng cách nói ấy. Vì thế, đối với lục đạo luân hồi, họ liễu giải vô cùng thấu triệt. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, trước hết là theo học với họ, đó là tôn giáo cổ nhất tại Ấn Độ, và cũng là tôn giáo có quyền uy nhất. Thật sự làm!

Vì sao phải làm theo cách như vậy? Tiếp đó, [kinh văn giảng]: *“Tác tư thị hiện, thuận thế gian cố”* (thị hiện làm như vậy vì thuận theo thế gian). Đức Phật đến thế gian này muốn độ chúng sanh trong thế gian, mà quý vị chẳng học những gì người thế gian ngưỡng mộ nhất, bội phục nhất, người ta sẽ xem thường quý vị, chẳng tin tưởng! Quý vị thấy: Quý vị bội phục Bà La Môn nhất, nhưng Ngài đã học hết cả rồi. Những đại triết gia trong các học phái được quý vị kính ngưỡng, Ngài đều đã thân cận, đã từng theo học với họ, đại chúng bình phàm mới có thể sanh khởi tín tâm đối với Thích Ca Mâu Ni Phật. Người Hoa nói *“danh sư xuất cao đồ”*, người ta thấy thầy của quý vị cao minh sẽ có lòng tin đối với quý vị. Quý vị theo học thầy nào, chẳng ai biết, người ta sẽ chẳng tin tưởng quý vị. Đó gọi là *“thuận thế gian cố”* (vì thuận theo thế gian). Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật thân giáo, làm những chuyện thị hiện như thế hồng khế hợp căn cơ của đại chúng thuở ấy. Vì khế cơ nên nhất định phải làm theo cách như vậy. Hai câu trên đây *“xuất tự Đường dịch”* (xuất phát từ bản Đường dịch), tức là kinh văn trong hội Vô Lượng Thọ của kinh Đại Bảo Tích. Hai câu kinh văn ấy rất trọng yếu, *“thâm hiển Pháp Hoa huyền chỉ”* (hiển lộ sâu xa huyền chỉ của kinh Pháp Hoa). Nói như thế nào? Trong phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa có một đoạn văn như sau: *“Nhất thiết thế gian thiên, nhân, cập A Tu La, giai vị kim Thích Ca Mâu Ni Phật, xuất Thích thị cung, khứ Già Da thành bất viễn, tọa u đạo tràng, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”* (hết thầy trời, người và A Tu La trong thế gian đều nói nay Thích Ca Mâu Ni Phật lia cung họ Thích, đến nơi cách thành Già Da chẳng xa, ngồi nơi đạo tràng, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác), có một đoạn ghi chép như thế. Thích Ca Mâu Ni lia cung họ Thích. Khi ấy, đó là một quốc gia, Ngài bỏ ngôi vua, phú quý, địa vị, buông bỏ phú quý, đến một nơi cách thành Già Da chẳng xa. Thành Già Da (Gayā) là nơi tu đạo phổ biến, có chuẩn mực văn hóa rất cao, là nơi có tôn giáo và học thuật vô cùng phát triển. Ở một chỗ cách thành ấy chẳng xa, ngồi nơi đạo tràng, thành Phật, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ở đây cũng là thị hiện rất tốt đẹp.

Bà La Môn Giáo quả thật cũng rất giỏi, họ hiểu rõ ràng, minh bạch lục đạo, những người ấy trong tương lai đều đến nơi đâu? Quá nửa đều sanh lên Sắc Giới Thiên. Cao minh hơn nữa thì họ đến Vô Sắc Giới Thiên. Họ làm tướng tâng cao nhất của Vô Sắc Giới, tức Phi

Tường Phi Phi Tường Xứ Thiên, là cảnh giới Niết Bàn, ngộ sanh lên đó là chứng đắc Bát Niết Bàn. Do vậy, đức Thế Tôn phải xuất hiện tại nơi ấy. Họ tu hành đạt tới mức cao như thế, bất luận quốc gia hay khu vực nào trên cả thế giới đều chẳng đạt được. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc nói đến trời chẳng hề giáng tử mi như thế. Nói thật ra, quá nửa là nói về Dục Giới Thiên, [nói đến] Sắc Giới Thiên rất ít. Trang Tử có ý nghĩ này, Nho Gia chẳng nói đến Sắc Giới Thiên, Đạo Gia có đến Sắc Giới Thiên. Do [ngoại đạo Ấn Độ] nảy sanh các thứ hiểu lầm, nên để dạy họ, Thích Ca Mâu Ni Phật phải học hết những thứ của họ. Nếu quý vị chẳng học, họ sẽ chẳng phục. Sau khi đã học hiểu, chúng ta có thể suy nghĩ, vấn đề vẫn chưa giải quyết. Hiểu rõ ràng, minh bạch [trạng huống] lục đạo, nhưng vì sao có lục đạo? Lục đạo do đâu mà có? Ngoài lục đạo còn có thế giới hay không? Ba vấn đề ấy Bà La Môn Giáo chẳng thể giải đáp, mà Số Luận lẫn Phệ Đà⁹⁹[4] cũng đều chẳng thể giải đáp. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã học mười hai năm, chẳng còn chỗ nào để học nữa, bèn ngồi dưới cội cây Bối Đa La bên bờ sông Hằng, sở học trong mười hai năm cũng buông xuống, nhập Thiên Định càng sâu hơn, khai ngộ như vậy. Vì thế, nói “*dạ đố Minh tinh*” (đêm nhìn sao Mai), đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, những vấn đề ấy đã được giải quyết.

Lục đạo là chuyện như thế nào? Vì sao có lục đạo? Lục đạo do đâu mà có? Ngoài lục đạo còn có gì hay không? Thấy đều được giải quyết! Đã minh tâm kiến tánh, đó là “*đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”. Trong phần trước, tôi đã nói câu này chính là mục tiêu chung cực trong học tập Phật pháp. Học Phật là học gì vậy? Là học một câu này. Câu này dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Người đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được gọi là Phật Đà, người ấy đã thành Phật rồi. Nếu đắc Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng ta gọi người ấy là Bồ Tát. Nếu người ấy chỉ đắc Chánh Giác, chúng ta gọi người ấy là A La Hán. Vì thế, trong một câu này trọn đủ ba ý nghĩa ấy. Phần sau của câu này là Tam Bồ Đề (Sambodhi), tức là Chánh Giác, A La Hán chứng đắc. Tam Miệu Tam Bồ Đề (Samyak Sambodhi) là Chánh Đẳng Chánh Giác của Bồ Tát. Lại còn thêm A Nậu Đa La (Anuttara) là do Phật chứng đắc. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là thật sự học Phật. Ba giai đoạn ấy, người thượng thượng căn có thể đồng thời đạt được. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện đồng thời chứng đắc, đúng là trong một sát-na, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống, đốn xả, đốn siêu, đốn chứng. Chẳng phải là bậc thượng thượng căn, vậy thì quý vị phải tiến từng giai đoạn một, chia thành ba giai đoạn. Trước hết, buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian nữa, quý vị

99[4] Chữ Phệ Đà ở đây đúng ra nên nói là Phệ Đản Đa (Vedānta), tức là một trường phái triết học Ấn Độ dựa trên tư tưởng kinh Vedas. Tuy cũng thuộc về Bà La Môn giáo, nhưng họ không quan tâm tới nghi lễ, cúng bái như các tu sĩ Bà La Môn thông thường, mà chỉ quan tâm nghiên cứu đến triết học. Chữ Vedanta được coi như kết hợp giữa Veda và Anta, và được dịch là “kiến thức tối hậu, kiến thức tối cao”. Trường phái này tập trung nghiên cứu Áo Nghĩa Thư (Upanishad), tức phần triết lý thâm mật nhất trong Tứ Phệ Đà. Về sau, ngoài Tứ Phệ Đà và Áo Nghĩa Thư, cuốn Chí Tôn Ca (Bhagavad Gita) cũng là một thánh điển trọng yếu phải nghiên cứu trong phái Vedanta.

bèn thành Tam Bồ Đề. Tam Bồ Đề là Chánh Giác, quý vị chứng quả A La Hán. Sau khi chứng đắc A La Hán, lại hồi Tiểu hướng Đại, tiếp tục nỗ lực tu hành, buông phân biệt xuống. Sau khi buông phân biệt xuống, quý vị chứng đắc Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tam Miệu Tam Bồ Đề dịch nghĩa là Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là Bồ Tát. Lại tiến cao hơn, buông khởi tâm động niệm xuống, sáu căn đối với cảnh giới sáu trần chẳng khởi tâm, không động niệm, quý vị bèn thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi ấy, đã vượt thoát mười pháp giới, A La Hán vượt thoát lục đạo, Phật vượt thoát mười pháp giới, đó là thật sự học Phật.

Vì vậy, học Phật chẳng phải là cầu phước báo nhân thiên. Cầu phước báo nhân thiên sai lầm quá đỗi, cầu phước báo nhân thiên là phạm phu, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Chư vị nhất định phải biết: Chẳng thoát khỏi luân hồi, chắc chắn ở trong thế gian này khổ nhiều, vui ít. Vì sao? Thời gian lục đạo chúng sanh ở trong ba ác đạo lâu dài, thời gian trụ trong ba thiện đạo rất ngắn ngủi, tạm bợ, đặc biệt là nhân đạo, mấy ai có thể thọ hơn trăm tuổi? Một trăm năm đúng là khảy ngón tay liền qua, quá ngắn ngủi! Người tuổi trẻ chẳng giác ngộ, chứ kể trung niên, sau năm mươi tuổi, sẽ dần dần giác ngộ. Đòi người khổ sở, ngắn ngủi, thật sự đến đây để làm gì? Gặp Phật pháp mới biết nhân gian rất đáng quý, đáng quý ở chỗ nào? Dễ tu hành! Nhất định phải giác ngộ, nhất định phải buông xuống, phải nghiêm túc, phải nỗ lực tu học Tịnh Tông, đòi sau đến thế giới Cực Lạc thân cận A Di Đà Phật, như vậy là hoàn toàn chánh xác, đời này quý vị chẳng uổng công đến đây! Vì sao? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn quý vị có thể đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chứ trong thế gian này chúng ta không đạt được, rất khó, đến thế giới Cực Lạc sẽ dễ dàng.

Chúng ta lại xem đoạn kinh văn kế tiếp: “*Nhiên thiện nam tử*” (nhưng này thiện nam tử). Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật bảo chúng ta, gọi chúng ta là “*thiện nam tử*”. “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, chữ Thiện ấy là mười thiện nghiệp, chúng ta có thể thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo thì kinh gọi [chúng ta] là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, đức Phật giảng kinh, thuyết pháp gọi đại chúng, chúng ta thuộc trong đó. Nếu chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo thì Phật gọi “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, chúng ta thấy mình chẳng có phần trong số những người đó, chẳng bao gồm trong đó. Chớ nên không biết sự thật này, hy vọng “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” được nói trong kinh điển thật sự có phần của ta, đó là bước đầu học Phật. Chúng ta làm như thế nào thì mới đúng với tiêu chuẩn được nói trong kinh Phật? Chúng ta chỉ cần làm được ba căn bản của Nho, Thích, Đạo là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, quý vị sẽ đúng là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” danh phù hợp thật, điều này rất trọng yếu. Ở đây, đức Phật nói: “*Ngã thật thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp*” (thật ra từ khi ta thành Phật đến nay đã là vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp). Thích Ca Mâu Ni Phật nói thật với chúng ta, Ngài chẳng thành Phật trên quả địa cầu này, mà đã thành Phật từ lâu rồi. Lúc nào? Lúc nào thì chúng ta chẳng thể

nói rõ, vì đã từ vô lượng vô biên trăm ngàn vạn lần ức na-do-tha kiếp, dùng đơn vị thời gian để tính toán là kiếp, Ngài đã thành Phật từ lâu. Do vậy, chuyện Ngài đến thế gian này được gọi là “*thị hiện*”. Thị là gì? Đến để làm mẫu, hiện cho mọi người xem. Ta nêu gương, làm mẫu cho quý vị nhìn vào, mọi người học theo kiểu mẫu ấy sẽ có thể thành Phật.

Tám tướng thành đạo là thị hiện cho chúng ta thấy. Kinh Phạm Võng nói rất rõ ràng, lần này đức Phật đến thế gian thị hiện tám tướng thành đạo là lần thứ tám ngàn, Ngài đã thành Phật từ rất lâu. Đức Phật đến biểu diễn tại địa cầu, lần này là lần thứ tám ngàn. Từ chỗ này, chúng ta có thể hiểu đức Thế Tôn từ bi, đại từ đại bi, không bỏ những chúng sanh khổ nạn trong thế gian, thường đến biểu diễn. Mỗi lần biểu diễn đều dẫn một nhóm người ra đi, có những người đã giác ngộ, thật sự thành tựu. Chúng ta rất may mắn, tuy chẳng đích thân thấy lão nhân gia thị hiện, nhưng những chuyện ấy được lưu lại trong kinh điển, chúng ta thấy được điều này từ kinh bản. Kinh bản này sẽ còn lưu truyền trong thế gian chín ngàn năm nữa. Chúng sanh trong giai đoạn chín ngàn năm ấy có duyên gặp gỡ sẽ đều có thể thành tựu. Chúng ta đọc kinh văn: “*Tự tùng thị lai, ngã thường tại thử Sa Bà thế giới thuyết pháp giáo hóa*” (từ đây trở đi, ta thường ở trong thế giới Sa Bà này thuyết pháp, giáo hóa). Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng rời khỏi chúng ta, kinh điển ở chỗ nào là đức Phật ở nơi đó. Trừ thế giới này ra, “*diệc ư dư xứ*” (cũng ở chỗ khác), ở trên tinh cầu khác, ở thế giới phương khác, “*bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ quốc*” (trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ cõi), cõi ở đây là “thế giới”, tức là thế giới của chư Phật ở ngoài thế giới Sa Bà ra, cũng là vô lượng vô biên, Thích Ca Mâu Ni Phật thường đến đó “*đạo lợi chúng sanh*” (hướng dẫn, lợi ích chúng sanh), dẫn dắt, lợi ích hết thảy đại chúng.

“*Như Lai kiến chư chúng sanh, nhạo ư tiểu pháp, đức bạc cấu trọng giả*” (Như Lai thấy các chúng sanh là những kẻ ưa thích pháp nhỏ, đức mỏng, cấu chướng nặng nề), như trong thời đại hiện tiền này, thậm chí trong thời đại ba ngàn năm trước, lúc Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, người địa cầu chúng ta quả thật ưa chuộng tiểu pháp, Trung Quốc là một khu vực tiêu chuẩn [về sự ưa thích tiểu pháp]. Ưa chuộng gì vậy? Chuộng nhân thiên, đời này được làm thân người, hoan hỷ hưởng thụ sự phú quý trong nhân gian, đời sau thì sao? Đời sau hy vọng hưởng thụ sự phú quý trên cõi trời, mong mỗi đời sau sanh lên trời. Theo cái nhìn của đức Phật, hiện tượng ấy là “*đức bạc, cấu trọng*”, “*cấu*” (垢) là phiền não. Tập khí phiền não rất nặng, đức hạnh rất mỏng, chỉ mong tưởng nhân thiên, chẳng mong vượt thoát lục đạo luân hồi. Phải biết: Trong khi hưởng phước nhân thiên, quý vị có tạo tội nghiệp (mầm mống tội lỗi) hay không? Chắc chắn, há có ai chẳng tạo tội nghiệp? Chẳng cần nói chi khác, mỗi ngày quý vị ăn bao nhiêu chúng sanh, nhất là ăn thịt, những chúng sanh ấy có cam tâm tình nguyện dâng hiến thân mạng cho quý vị hay không? Quý vị xem thử đi, quý vị gọi một con lợn, bảo nó: “Lợn ơi! Ngươi hãy đến đây, ta sắp giết ngươi, ngươi hãy dâng thịt của ngươi cho chúng ta ăn”. Quý vị hãy nhìn dáng vẻ của nó, [nó trông thấy] bộ điệu quý

vị cầm dao, [nó bèn] kinh hoảng thất thố, chạy lung tung khắp nơi, muốn trốn khỏi cái chết, đó là gì? Chẳng cam tâm, không tình nguyện! Quý vị giết nó là vì nó yếu, quý vị mạnh, kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, bất quá nó chẳng thể chống lại quý vị, trong lòng nó oán hận, đời sau nó đầu thai làm thân người, còn quý vị thì sao? Đời sau, do tạo tội nghiệt, quý vị vào trong súc sanh đạo, biến thành lợn, nó lại đến giết quý vị, chẳng phải là chuyện như thế hay sao? Oan oan tương báo chẳng ngớt, đời đời kiếp kiếp! Vì thế, chỉ từ ăn uống mà nói, từ chuyện ăn mặc để nói, đã giết rất nhiều chúng sanh. Những thứ áo lông mặc trong mùa Đông là do lột da súc sanh, chúng có tình nguyện hay không? Chẳng tình nguyện, thâm cừ đại hận! Khi chúng ta mặc bèn rất đắc ý, lúc chúng đến lấy mạng sẽ khổ lắm!

Trong thời đại hiện tiền, tôi gặp rất nhiều kẻ thông linh¹⁰⁰[5], chẳng phải là giả, vì chúng ta có thể tìm đôi ba người thông linh, coi họ nói có giống nhau hay không. Họ chẳng quen biết nhau, [một người] nói phía sau một kẻ nào đó có rất nhiều oán thân trái chủ theo sau, chúng ta hỏi một kẻ thông linh khác: Ông có thấy hay không? Người ấy nói thấy. Nói cho chúng ta nghe giống hệt như người kia. Lại tìm một người khác, vẫn nói giống hệt. Điều này chẳng phải là giả, ba người chẳng ở cùng một chỗ, chẳng hề thương lượng, khi chúng ta đột nhiên hỏi họ, họ nói tương tự, chúng tỏ chẳng phải là giả. Chẳng phải là chúng ta nghe một người nói, mà chúng ta tìm một chứng cứ khác, xem có phải là giống nhau hay không. Do vậy, kẻ sát sanh nhiều, phía sau người ấy có cả đồng linh quỷ bám theo thân. Trong khi khí vận của quý vị rất cao, lúc khí rất vượng, những linh quỷ ấy ở cách quý vị rất xa, chẳng dám tới gần, ở cách xa, thậm chí người thông linh chẳng nhìn thấy, thấy trên thân quý vị chẳng có, nhưng nhìn ra xa thì có, nhưng chẳng biết đó là oán thân trái chủ của quý vị. Đến lúc vận mạng quý vị dần dần suy rồi, vận tốt đã hết, chúng sẽ từ từ tiến gần, đó là oán gia trái chủ, chẳng tha lỗi cho quý vị. Kinh điển Đạo Gia thường nói, “sát nhân đền mạng, thiếu nợ trả tiền”, đều là thật, chẳng giả tí nào. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, trong kinh Phật, đạo lý này được giảng thấu triệt, hãy liễu giải chân tướng sự thật. Đạo Gia có nói rất nhiều chân tướng sự thật, sau khi chúng ta hiểu rõ, chẳng còn dám khởi tâm động niệm làm chuyện xấu nữa, hiểu gì? Về sau sẽ có báo ứng. Thiện có thiện quả, ác có ác báo, chẳng phải là không có báo, mà là thời thần chưa đến. Khi đến lúc, báo ứng sẽ hiện tiền, không ai có thể trốn thoát được! Những điều này đều là chân tướng sự thật.

Đây là nói tới chúng sanh, Phật hằng thuận chúng sanh, quý vị tạo ác, Phật cũng thuận theo quý vị, vì sao? Chẳng ngăn được! Phật khuyên mà quý vị chẳng nghe thì làm thế nào? Để mặc quý vị! Nhưng Phật rất từ bi, Phật ở bên cạnh nhìn, thấy quý vị tạo nghiệt, hứng chịu quả báo, rồi sẽ có một ngày quý vị tỉnh ngộ. Khi tỉnh ngộ, Phật đến độ quý vị. Quý vị chưa tỉnh ngộ, Phật đứng bên cạnh nhìn quý vị làm ác, nhìn quý vị biến thành súc sanh, đọa làm

¹⁰⁰[5] Thông linh là khả năng có thể giao tiếp với linh giới, vong linh, quỷ thần.

ngạ quỷ, đọa địa ngục, chịu hết mọi nỗi khổ, sau đấy hối lỗi, “ta sai rồi”, kẻ ấy nhận lỗi. Khi nhận lỗi bèn được cứu, vì sao? Kẻ ấy nghe lời, có thể nghe lời khuyên, có thể nghe lời dạy, Phật có thể dạy kẻ ấy. Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai! Bất luận quý vị tạo tội nghiệt nhiều hay lớn cỡ nào, Phật vẫn ở bên cạnh nhìn quý vị, quý vị chịu quay đầu, chịu tiếp nhận, Phật sẽ dạy quý vị, chẳng có ai không thể giải thoát. Tai nạn gì cũng đều có phương cách hóa giải. Hiện thời, địa cầu lắm tai nạn như thế, có phương pháp gì hóa giải hay không? Có, nhưng con người không tin thì chẳng có cách nào! Thật sự tin tưởng, phương pháp hóa giải chẳng khó, hết sức hữu hiệu. Trong Phật pháp, dùng những lý luận và phương pháp này, các nhà khoa học hiện thời đã chứng thực, đặc biệt là các nhà khoa học Lượng Tử đã nghiên cứu phát hiện giống hệt như trong kinh Phật đã giảng. Chúng tôi tin tưởng đôi ba năm nữa, Lượng Tử sẽ nói rõ ràng hơn, minh bạch hơn. Cho đến khi ấy, tôi tin tưởng các nhà khoa học cũng bằng lòng nghiên cứu kinh Phật. Phật pháp sẽ được các nhà khoa học thúc đẩy, đề xướng, nó chẳng phải là mê tín, trong kinh Phật có khoa học cao cấp, cũng tức là trong kinh Phật có Lượng Tử Lực Học, có vũ trụ vĩ mô.

“*Vị thị nhân thuyết, ngã thiếu xuất gia, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (vì người ấy nói, ta xuất gia chưa lâu bèn chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Các thứ thị hiện đều là vì “*nhạo u tiểu pháp, đức bạc cấu trọng giả*” (kẻ ưa thích tiểu pháp, đức bạc, phiền não nặng nề), vì bọn họ mà thị hiện. Người Đại Thừa biết, trong kinh Đại Thừa đức Phật có nói Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là gì? Là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh, phá mê, khai ngộ, vọng tận, hoàn nguyên. “*Nhiên ngã thật thành Phật dĩ lai, cửu viễn nhược tu, dẫn dĩ phương tiện giáo hóa chúng sanh, linh nhập Phật đạo, tác như thị thuyết*” (nhưng ta thật sự từ khi thành Phật đến nay đã lâu xa như thế, chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sanh khiến cho họ nhập Phật đạo mà nói như thế). Đối với một đoạn này trong phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa và những điều đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ, có thể hợp hai kinh lại để xem, “*lưỡng kinh hợp tham, tín tri Bốn Sư*” (hợp hai kinh lại để tham chiếu, tin biết Bốn Sư), chúng ta tin tưởng, hiểu rõ Thích Ca Mâu Ni Phật “*tác bát tướng thành đạo chi chúng chúng thị hiện, chỉ vị tùy thuận thế gian chúng sanh chi căn cơ, hành quyền phương tiện, phổ giai độ thoát nhi dĩ, thật tặc Thích Tôn cửu dĩ thành Phật*” (hiện tám tướng thành đạo, các thứ thị hiện, chỉ vì tùy thuận căn cơ của chúng sanh trong thế gian, hành phương tiện quyền biến nhằm độ thoát trọn khắp đó thôi, chứ thật ra đức Thích Ca thành Phật đã lâu). Đó là “*tác tu thị hiện, thuận thế gian cố*” (thị hiện như vậy vì thuận theo thế gian). Câu này đã nói rõ ràng, rành rẽ. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện như vậy, những người cùng theo Thích Ca Mâu Ni Phật đến cõi này, kinh thường nói: “*Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ*”. “Ngàn” không phải là một con số, không phải là một con số cố định, mà là để hình dung rất nhiều vị Phật, Bồ Tát đều đến tùy hỷ, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật ở nơi này nhằm giáo hóa chúng sanh, mọi người đều đến phụ giúp. Phụ giúp như thế nào? Cũng đều dần thân vào thế gian này. Trong phần trước chúng ta đã thấy, cũng có vị sanh

trong cung vua, cũng có vị xuất sanh trong nhà đại thần, hay nhà đại phú trưởng giả, hoặc sanh trong nhà bần cùng, gặp gỡ Phật, làm đệ tử Phật, nghe Phật thuyết pháp sanh tâm hoan hỷ, thấy đều đến thị hiện hồng giúp đỡ Phật.

Chúng ta lại suy nghĩ, Phật giáo hóa chúng sanh như vậy, còn các tôn giáo khác cho đến các học phái khác thì sao? Chúng ta hiểu đầy đủ là bản lãnh của Phật Bồ Tát, đều là thị hiện. Người trong khu vực này chủng tộc khác biệt, văn hóa khác nhau, từ xưa đến nay con người hễ gặp tai nạn bèn cầu khẩn ông trời, hoặc luôn cầu khẩn thần tiên, nên trong hoàn cảnh ấy [Phật, Bồ Tát] bèn thị hiện như thế, nên dùng thân gì đặc độ, bèn hiện thân ấy. Nếu quý vị cầu thần tiên, Ngài bèn hiện thân thần tiên đến độ quý vị. Quý vị tin Cơ Đốc (Jesus Christ), Ngài hiện thân Cơ Đốc độ quý vị. Do vậy ta biết: Bất luận người thuộc tôn giáo nào, bất luận theo tôn giáo nào, thờ phụng vị thần nào, trong vũ trụ chân thần là duy nhất, chân thần là một, nhưng tại các nơi, danh xưng khác nhau. Trong Thiên Chúa Giáo (Công Giáo) và Cơ Đốc Giáo (Tin Lành) gọi là Thượng Đế, trong Y Tư Lan Giáo (đạo Hồi, Islam) gọi là Chân Chúa (Allāh), dân gian Trung Quốc gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế, tuy danh xưng khác nhau, chúng ta biết tất cả đều là chư Phật Như Lai hiện các hóa thân khác biệt. Chỉ cần chúng sanh có khổ nạn, quý vị hy vọng loại người nào đến giúp đỡ, Ngài bèn hiện thân ấy. Thật sự hiểu rõ, giác ngộ thì vốn là một chuyện. Nói theo Phật pháp, đều là do chư Phật Như Lai biến hóa. Nói theo Y Tư Lan giáo thì chư Phật, Bồ Tát toàn là do Chân Chúa biến hóa. Nói theo Cơ Đốc Giáo, toàn là do Gia Tô (Jesus) biến hóa, nói như vậy có suông tai hay không? Suông! Chẳng sai tí nào! Đó là *“hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”* như Phổ Hiền Bồ Tát đã nói. Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”* (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ). Trong tâm quý vị ngưỡng mộ nhất là gì, Ngài bèn hiện thân ấy. Quý vị ngưỡng mộ thần, Ngài hiện thân thần. Quý vị ngưỡng mộ tiên, Ngài bèn hiện thân tiên, thị hiện làm tiên nhân. Nói tới cuối cùng, xét đến cội nguồn, rốt cuộc là chuyện ra sao? Nói tới cuối cùng là tự tánh, là chính mình, chẳng phải là ai khác!

Quý vị thấy trong những năm qua, chúng ta đề xướng Tam Thời Hệ Niệm, Tam Thời Hệ Niệm thuộc loại kỳ đảo do thiền sư Trung Phong soạn. Thiền sư Trung Phong là người đời Nguyên, trụ tại Đông Thiên Mục Sơn, hiện thời là đạo tràng của cư sĩ Tề Tổ Bình, bà ta ở nơi đó. Thiền sư bảo chúng ta: *“Tâm ta tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm ta”*. Trong Gia Tô giáo có thể nói như vậy hay không? Tâm ta chính là Gia Tô, Gia Tô chính là tâm ta. Tâm ta tức là Thượng Đế, Thượng Đế tức là tâm ta, đúng vậy. Người Trung Quốc nói tới thánh nhân, tâm ta tức là thánh nhân, thánh nhân tức là tâm ta. Thiền sư Trung Phong nói: *“Tịnh Độ tức là phương này, phương này chính là Tịnh Độ”*. Vật thì chúng ta cũng có thể nói: *“Thiên đường chính là phương này, phương này chính là thiên đường”*, cùng một đạo lý! Ai thừa nhận lời ấy? Các nhà Lượng Tử Lực Học thừa nhận. Vì sao? Qua nghiên cứu, họ phát hiện, khắp pháp giới hư không giới là một tự thể. Những điều được nói trong kinh Phật

đã được họ chứng thực, hết thấy vạn pháp trong toàn thể vũ trụ và chính mình là một Thể, cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, trong mười bốn ngày dưới cội Bồ Đề, giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cho Pháp Thân Bồ Tát, giảng gì? Giảng cảnh giới do Ngài đích thân chứng, vạn pháp trong vũ trụ và chính mình là một Thể.

Kinh Hoa Nghiêm phân lượng rất lớn, Hiền Thủ quốc sư là tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm đã viết một bài luận văn có tựa đề là Tu Hoa Nghiêm Áo Chi Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, đại sư viết bài văn ấy chẳng dài, nhưng đã cô đọng tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm, đơn giản hóa thành sáu cương mục. Sáu điều ấy triển khai sẽ thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Đầu tiên, Ngài nói pháp giới nguyên khởi do đâu mà có? Tự tánh thanh tịnh viên minh thể, chỉ có thứ này. Thứ này là thật, trong Phật pháp gọi nó là tự tánh, chân tâm, vạn sự vạn vật đều do nó biến hiện, nó là Thể, vĩnh hằng chẳng thay đổi. Vạn sự vạn vật được biến hiện bởi nó, toàn là biến hóa, đổi khác trong từng sát-na, đều chẳng thật. Từ một Thể hiển lộ hai tác dụng, một là thân thể của chính mình, ta do đâu mà có? Nêu ra hoàn cảnh sống của ta là vũ trụ, vũ trụ do đâu mà có? Cũng nói ra, lại còn cho biết: Vũ trụ và chính mình có ba loại đặc tánh, tức là ba thứ tánh chất:

- Thứ nhất là “*trộn khắp pháp giới*”. Chúng ta dấy lên một niệm thì cả pháp giới đều nhận được. Dấy lên một niệm giống như phát xạ, đài radio phát ra sóng điện, tất cả hết thấy hiện tượng vật chất và tinh thần trong khắp pháp giới hư không đều thu được.

- Thứ hai là “*xuất sanh vô tận*”, biến hóa vô cùng. Trước đây, chúng tôi dùng kính vạn hoa để làm tỷ dụ. Trên thực tế, [kính vạn hoa] vô cùng đơn giản, nhưng khi quý vị xoay chuyển nó, sẽ là thiên biến vạn hóa. Quý vị chuyển mỗi ngày, thời thời khắc khắc chẳng ngừng chuyển, chuyển suốt cả năm, vẫn chẳng tìm được hai dạng thức (patterns) giống nhau, tự tánh đúng là vi diệu như vậy.

- Đặc tánh thứ ba là “*chứa đựng Có và Không*”, nhà Phật thường nói là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Một hạt vi trần cũng là tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Một ý niệm cũng là như thế, chẳng có ngoại lệ.

Cách nói như vậy đã được các nhà Lượng Tử Lực Học nhìn thấy, nhưng họ chẳng thể nói rõ ràng như trong kinh Phật. Đức Phật thấy bằng cách nào? Thấy trong Thiên Định, đó là cảnh giới Hiện Lượng. Khoa học cũng coi như là Hiện Lượng, nó suy đoán bằng lý luận, phát hiện có khả năng ấy; sau đấy mới dùng những máy móc tinh vi để quan sát. Quan sát bằng máy móc tinh vi được coi như Hiện Lượng, đây là thật, chẳng giả. Do Phật, Bồ Tát thấy từ trong Thiên Định rất sâu, thấy hết sức rõ ràng, còn rõ ràng hơn dùng máy móc. Máy móc là gián tiếp, thông qua máy móc quý vị mới nhìn thấy, còn các Ngài nhìn trực tiếp, chẳng cần

thông qua máy móc, thấy càng giống thật hơn. Quý vị thật sự liễu giải, hiểu rõ ràng, thấu triệt rồi, quý vị mới biết đối trị ra sao. Hễ vấn đề phát sanh, quý vị bèn có phương pháp để đối trị. Trong vũ trụ luôn có trật tự, đôi khi tinh cầu lệch khỏi quỹ đạo, sẽ có biện pháp giúp nó khôi phục, uốn nắn. Ai có năng lực? Mỗi cá nhân chúng ta đều có năng lực! Chỉ cần quý vị buông vọng niệm xuống, tập trung ý niệm vào một điểm, năng lượng của điểm ấy rất lớn, có thể giúp cho tinh cầu chệch quỹ đạo được sửa đúng trở lại, có sức mạnh lớn ngàn ấy. Cổ nhân có nói một câu: “*Phật pháp vô biên*”, câu nói ấy rất có ý vị, đúng là vô biên. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 105

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm hai mươi bốn, coi từ hàng cuối cùng.

“*Dĩ Định Huệ lực, hàng phục ma oán. Thử nhị cú diệt tự Đường dịch, thị đệ ngũ tướng chi hàng ma. Ma giả, Phạn ngữ Ma La chi lược xưng. Thử phiên Chương Ngại, năng vị tu đạo tác chương ngại cố. Hựu phiên Sát Giả, hại nhân thiện cố. Hựu Thường Hành Phóng Dật, đoạn huệ mạng cố. Hựu phiên Ác Giả, đa ái dục cố*” (“Dùng sức Định Huệ, hàng phục ma oán”: Hai câu này cũng trích từ bản Đường dịch, là tướng thứ năm, tức hàng ma. Ma là nói tắt của chữ Ma La trong tiếng Phạn. Cõi này dịch là Chương Ngại vì nó có thể gây chương ngại cho sự tu đạo. Lại dịch là Sát Giả (kẻ giết) vì làm hại điều lành của con người. Lại dịch là Thường Hành Phóng Dật vì đoạn huệ mạng. Lại dịch là Ác Giả (kẻ ác) vì nhiều ái dục). Chúng ta đọc tới chỗ này. Đức Thế Tôn xuất hiện trên thế gian, vì giáo hóa hết thảy chúng sanh, lại thị hiện hàng ma. Phật chẳng có ma, mà Bồ Tát cũng chẳng có ma nạn, nhưng phàm phu thì có. Ma do đâu mà có? Một là phiền não, thứ khác là thiên ma. Thiên ma bao gồm tất cả những thứ chương nạn trên đường Bồ Đề, những thứ ấy đều thuộc loại thiên ma.

Hai câu này đều trích từ kinh văn hội [Vô Lượng Thọ] Như Lai của kinh Đại Bảo Tích, nói về tướng thứ năm. Chữ Ma (魔) này, quý vị thấy nguyên gốc trong các bản kinh sách xưa là chữ Ma (磨) như trong Chiết Ma (hành hạ, vùi dập), phía dưới [chữ Ma] không phải là chữ Quỷ (鬼), mà là chữ Thạch (石), tức tảng đá, tức là chữ Ma (磨) trong Chiết Ma (折磨). Lương Võ Đế là một Phật giáo đồ kiên thành, thật sự toàn tâm toàn lực hộ trì Phật môn. Chữ này do nhà vua tạo ra. Nhà vua nói Chiết Ma quá đáng sợ, giống như ma quỷ, nên thay chữ Thạch bằng chữ Quỷ. Tiếng Phạn là Ma La (Māra), người Hoa chuộng đơn giản, bèn lược bỏ âm cuối, rút gọn, nên gọi bằng một chữ Ma. Chữ ấy dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chướng Ngại vì nó có thể chướng ngại người tu đạo. Nói theo Phật pháp, nó chuyên môn tạo ra các thứ chướng ngại đối với người tu hành; đó là ý nghĩa “vùi dập”. Lại dịch là Sát Giả, vì sao? Gây hại cho điều lành của người ta. Luôn ngăn trở người ta hành thiện, đây cũng là chướng ngại, khiến cho việc thiện của người khác chẳng thể thành tựu, ma thường làm những chuyện ấy. Lại còn dịch là Thường Hành Phóng Dật vì đoạn huệ mạng, biếng nhác, tán loạn, nên chẳng thể nghiêm túc tu đạo, khiến cho đạo nghiệp của quý vị chẳng thể thành tựu, [đó là] “đoạn trí huệ mạng”. Trong chữ Ma có những ý nghĩa ấy. Lại dịch là Ác Giả, vì Ma có nhiều ái dục, tình chấp rất nặng, đều là nhân duyên chướng đạo.

Trong hết thảy các kinh, kinh Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều thường nói đến Tứ Ma, tức bốn loại Ma, “*ma loại tứ chủng*” (ma có bốn loại). Trong Tịnh Ảnh Sớ, đây là tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ, nói đến bốn loại ma đều là những loại thường được các kinh nhắc tới:

1) Loại thứ nhất là “*Phiền Nã Ma, vị tham sân đăng, năng hại thiện pháp*” (Phiền Nã Ma, có nghĩa là tham, sân v.v... có thể làm hại thiện pháp). Chúng ta hãy suy nghĩ, chẳng phải là [những thứ] bên ngoài, mà chính là tham, sân, si của chúng ta, kinh gọi ba thứ ấy là Tam Độc. Các phiền não như tham, sân v.v... còn gọi là Ma. Tham, sân, si đều là Ma, ở đây nói “*tham, sân*”, sau đó có chữ Đăng. Chữ Đăng nhằm nói đến sáu Căn Bản Phiền Nã, tức là tham, sân, si, mạn, nghi, và ác kiến. Ác kiến là kiến giải sai lầm, đó là Phiền Nã Ma. Nếu chẳng thể buông phiền não xuống, đạo nghiệp chẳng thể thành tựu. Vì thế, xưa, nay, trong ngoài nước, bao nhiêu người tu hành, kẻ tu hành đông đảo, có mấy ai thành tựu? Vì sao chẳng thể thành tựu? Tu hành nửa chừng ngã lòng, vì sao ngã lòng? Tập khí phiền não quá nặng, tất nhiên là ngã lòng! Nếu chẳng triệt để buông xuống những phiền não ấy, đến cuối cùng, nó sẽ khởi tác dụng, xóa sạch toàn bộ công sức của người tu hành, hết sức đáng tiếc. Cần phải trừ bỏ cội rễ của phiền não, phải trừ bỏ tâm tham tận gốc rễ. Chẳng phải là thay đổi đối tượng! Có những kẻ chẳng hiểu rõ, đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ trong thế gian đã buông xuống, chẳng tham, nhưng như thế nào? Tham Phật pháp, tham luyến Phật, Bồ Tát, vẫn chưa được! Vẫn là tham. Đức Phật dạy chúng ta đoạn tham, sân, si, chẳng bảo chúng ta thay đổi đối tượng, nhất định phải biết điều này. Tham tài, sắc, danh vọng, ăn uống,

ngủ nghề trong thế gian là bất thiện pháp, nhưng đối với thiện pháp cũng chớ nên tham, Đức Phật bảo chúng ta đoạn tâm tham, phải ghi nhớ: Tuyệt đối chẳng phải là bảo chúng ta thay đổi đối tượng [của tâm tham].

Sân khuê cũng phải đoạn. Nếu chẳng đoạn sân khuê, chẳng thể tháo gỡ sự ràng buộc của oán thân trái chủ được! Sân khuê đã đoạn, không chỉ là hóa giải hiện tiền oán thân trái chủ rất dễ dàng, mà vấn đề oán thân trái chủ từ vô lượng kiếp đến nay cũng có thể giải quyết. Con người chớ nên có tâm tham, đừng nên có tâm sân khuê. Khoa mục tu học của Bồ Tát gồm sáu môn, sáu môn ấy được gọi là Lục Ba La Mật, sáu môn ấy là gì? Sáu môn nhằm đoạn phiền não, mà cũng nhằm xa lìa ma chướng. Vì sao Bồ Tát tu bố thí? Chủ yếu nhằm đoạn tham lam, keo kiệt, nên thí xả. Thí xả cũng là buông xuống. Tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghề đều phải buông xuống. Chúng ta là phàm phu, những tập khí phiền não như vậy rất nặng, buông xuống ngay lập tức há dễ dàng ư? Nói thì đơn giản, chứ buông xuống quả thật chẳng dễ dàng, nhưng chẳng thể không buông xuống! Không buông xuống, sẽ khó đi được nửa bước trên đường Bồ Đề, quý vị chẳng có cách nào tiến lên, vì những thứ ấy buộc ràng, vướng víu. Do vậy, học theo Bồ Tát tu bố thí, khiến cho quý vị dần dần học buông xuống. Căn tánh của mỗi cá nhân chúng ta khác nhau, có người coi Tài rất nặng. Trước hết, quý vị hãy bố thí tài, buông thứ ấy xuống, sẽ dễ buông những thứ khác. Có người rất coi trọng danh vọng, háo danh, trước hết, hãy buông xuống phiền não nghiêm trọng nhất, trước tiên hãy đối trị nó. Giống như chữa bệnh, trên thân người ấy có rất nhiều chứng bệnh, bệnh nào nghiêm trọng nhất có thể khiến cho người ấy mất mạng thì phải trị trước, chữa lành căn bệnh ấy. Tiếp đó, lại thông thả chữa trị những căn bệnh khác, những căn bệnh nhẹ hơn, chẳng quá mức nghiêm trọng. Do vậy, bản thân chúng ta phải nghĩ: Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghề, thứ nào nghiêm trọng thì hãy thực hiện [đối trị] từ nơi nghiêm trọng đó, phải thật sự đối trị. Có khá nhiều người tu học hết sức khó khăn, hỏi tôi phải nên làm sao? Kẻ mới học chẳng ngại điều chỉnh và chuyển biến những thứ chúng ta yêu, ghét, so ra sẽ dễ dàng hơn!

Cổ nhân có một câu nói rất hay: “*Thế vị na hữu pháp vị nùng*” (ý vị thế gian chẳng nòng bằng pháp vị), đã ban cho chúng ta một khái thị rất lớn. Tư vị của Ngũ Dục Lục Trần thế gian dường như đem lại sự sung sướng cho con người, nhưng sự sung sướng ấy là giả! Chúng ta hãy lắng lòng quan sát, tư duy, sẽ nhận ra sự vui sướng ấy giống như gì? Giống như hút thuốc phiện, chích morphine, hưởng thụ xong, cái được chẳng bù nổi cái mất, ném được một chút ngọt ngào, phải trả một giá quá lớn, chẳng đáng! Quý vị lắng lòng quan sát sẽ thấy chẳng đáng! Trong y học Trung Quốc còn nói nhiều hơn nữa, tổn thất là gì? Tổn thương thân thể, đức hạnh bại hoại, bại hoại luân lý, đạo đức, chẳng giá tí nào! Thoạt nhìn, ta thấy những thứ ấy đúng là Ma, chẳng phải giả, không phải là những thứ tốt lành. Cứ khăng khăng kết bạn với chúng, khăng khăng chẳng thể lìa bỏ chúng, đạo nghiệp của quý vị làm sao thành tựu cho

được? Cổ nhân tốt hơn người hiện thời, vì cổ nhân đã học từ nhỏ, học tập giáo huấn của thánh hiền, phòng ngừa, ngăn chặn, đã biết đề phòng từ bé, chẳng dưỡng thành thói quen xấu xa. Đọc sách thánh hiền, ý vị nếm được từ sách thánh hiền gọi là “pháp vị”. Quý vị đọc Luận Ngữ của Nho gia, câu đầu tiên trong Luận Ngữ là: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (học rồi tập tành, cũng chẳng vui sao), niềm vui ấy được gọi là pháp vị. Học tập thánh hiền, sau khi học xong, đều có thể áp dụng những đạo lý và giáo huấn đã học vào cuộc sống hằng ngày của chính mình, vận dụng toàn bộ. Con người hiện thời gọi [chuyện này] là “học linh hoạt, vận dụng sống động”. Trong ấy có nỗi vui sướng, đó là “*bất diệc duyệt hồ*” (cũng chẳng vui sao?) Niềm vui sướng như thế chẳng do các kích thích bên ngoài, chẳng phải là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, chẳng phải là những thứ ấy, những thứ ấy là kích thích bên ngoài, còn những niềm vui sướng như vậy phát xuất từ trong nội tâm.

Nhất là trong Phật pháp, tại Trung Quốc vào thời cổ, nói đến Tam Giáo, Giáo ở đây chẳng phải là tôn giáo, mà là ba thứ giáo huấn của thánh nhân. Nho lấy Khổng Mạnh làm đại biểu, Đạo lấy Lão Trang làm đại biểu, Phật lấy Thích Ca Mâu Ni Phật làm đại biểu, đó là các vị thánh nhân trong Tam Giáo. Tam Giáo đều có thể đem lại pháp lạc và pháp hỷ cho quý vị. Nhà Phật nói “*pháp hỷ sung mãn*”, quý vị có thể đạt được niềm hỷ duyệt từ trong kinh giáo, có thể đoạn trừ Ngũ Dục, Lục Trần thế gian, vì sao? Quý vị biết những thứ ấy bất hảo, trong ấy có độc, chẳng thanh sạch. Giáo huấn từ sách vở của thánh nhân tốt đẹp, trong ấy chẳng có chất độc, có thể giúp chúng ta tăng tấn, giúp chúng ta mở mang trí huệ, giúp chúng ta thành tựu đức năng, thành tựu tướng hảo. Do vậy, Phật pháp nói “*pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ*” là do chỗ này! Học Phật mà chưa thể học được “*thường sanh tâm hoan hỷ*” thì có thể nói là còn cách xa đạo, chưa nếm được ý vị. Khi nếm được ý vị, sẽ là pháp hỷ sung mãn. Tôi chẳng đọc báo, mà cũng không xem TV, đại khái là chẳng dính dáng đến các phương tiện thông tin ước chừng năm mươi năm. Do vậy, người khác hỏi tôi, tôi luôn bảo là tốt lắm, thiên hạ thái bình, chẳng có chuyện gì, tôi đều chẳng biết! Nhưng cũng có những đồng học hảo tâm, cho tôi biết những tin tức quan trọng, tin tức quan trọng là gì? Tai nạn! Khắp nơi đều có tai nạn. Quá nửa là các đồng học đọc từ Internet, hạ tải (download) đem cho tôi xem! Không biết, đúng là tốt, do không biết nên mỗi ngày thiên hạ thái bình. Đã biết thì sao? Thiên hạ vẫn là ngày ngày thái bình. Vì sao? Chúng ta mỗi ngày sống theo Phật pháp. Nếu rời khỏi Phật pháp, trông thấy những trạng huống đó, tự nhiên quý vị lo nghĩ, kinh hãi. Sau khi đã đạt được pháp hỷ, trông thấy những vấn đề ấy, quả thật là giống như thấy mộng, huyễn, bọt, bóng! Đối với Sự Lý, nhân quả trong ấy, nếu các đồng học học Phật khế nhập kinh tạng đôi chút, trong tâm sẽ hiểu rõ vì sao có những tai nạn ấy xuất hiện. Sau khi tai nạn xuất hiện, có biện pháp hóa giải nó hay không? Hiểu rõ ràng, minh bạch, nghe xong, hiểu được, chính mình càng thêm bội phần đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức, thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, những tin tức ấy có lợi cho chúng ta, chẳng có hại, chúng đốc thúc chúng ta quyết định phải có thành tựu trong một đời này!

Có đồng tu đem lời tiên đoán của người Maya về năm 2012 kể với tôi, lại còn đưa đĩa CD cho tôi xem, tôi thật sự coi, coi hơn hai mươi lần. Coi xong, tôi nói với các đồng học: Chúng ta niệm Phật nhằm chuẩn bị vãng sanh khi nào? Năm 2012! Chúng ta chẳng muốn thấy tai nạn, chúng ta có bản lãnh trước khi tai nạn bùng nổ bèn sang thế giới Cực Lạc, di dân sớm một chút! Lại thưa cùng quý vị, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là ra đi khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới đi, đã chết sẽ không đi được! Phải biết điều này! Người vãng sanh lúc sắp ra đi, đầu óc sáng suốt, thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, già biệt người nhà, quyến thuộc, bạn bè: “Tôi ra đi, quý vị hãy gắng tu hành để cũng thành tựu, tương lai gặp lại nhau trong thế giới Cực Lạc. Nếu tu chẳng tốt đẹp thì sao? Trong tương lai, quý vị đọa trong ác đạo, tôi thành Phật trong thế giới Cực Lạc, sẽ đến giúp đỡ quý vị, tôi trở lại độ quý vị”. Tỉnh táo, sáng suốt, minh bạch, chẳng có mảy may ưu lự, kinh hãi nào, đây là lợi ích hiện tiền do Phật pháp ban cho chúng ta. Nếu chúng ta chẳng hiểu sự lý, nhân quả, sẽ chẳng có “không kinh hoàng, chẳng sợ hãi”, kèm thêm những tin tức xấu. Người học Phật đem lại những tin tức tốt, chẳng phải là tin tức xấu, khiến cho chúng ta vãng sanh cũng có thể chắc chắn biết trước lúc mất, ta có thể ra đi khi nào. Hiểu rõ ràng, minh bạch, các chướng ngại chẳng ngăn trở được!

Do vậy, học Phật là học gì? Học buông xuống. Thuở còn trẻ, người xuất gia tôi gặp gỡ đầu tiên là Chương Gia đại sư, tôi gặp gỡ lão nhân gia. Tôi thỉnh giáo Ngài, thưa: “Con biết Phật pháp thù thắng, Phật pháp tốt đẹp, có phương pháp nào khiến cho chúng ta có thể rất nhanh chóng khế nhập hay không?” Lão nhân gia bảo tôi: “Có phương pháp”. “Phương pháp gì ạ?” “Nhìn thấu suốt, buông xuống”. Tôi thật sự tiếp xúc Phật pháp, tiếp xúc người xuất gia, ngày đầu tiên, Ngài dạy tôi phương pháp ấy. Phương pháp ấy là bí quyết chân thật. Học vài chục năm mới thật sự hiểu thấu: Phạm phu thành Phật từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai đều do phương pháp này! Thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống, buông xuống lại giúp quý vị thấy thấu suốt. Hai phương pháp ấy giúp đỡ lẫn nhau thành tựu mãi cho đến khi thành Phật. Cuối cùng, quý vị thấy Bồ Xứ Bồ Tát, chúng ta thấy trong địa vị ấy, đoạn trừ một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, buông xuống như vậy, thành tựu viên mãn, đó là bí quyết thành Phật. Thầy tốt lắm, chẳng giấu diếm mảy may nào, chúng tôi hỏi, thầy thật sự dạy rõ ràng. Nếu quý vị chẳng chịu buông xuống thì trật mất rồi, vì sao phải buông xuống? Sau này thâm nhập kinh tạng, từ kinh giáo Đại Thừa tôi thấy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Nếu đã là hư vọng, chớ nên chấp trước, phải nên buông xuống, chẳng có ngoại lệ. Ngay cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai cũng chẳng phải là ngoại lệ. Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, chẳng nói cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Như Lai là ngoại lệ, chẳng nói lời ấy. Do chẳng nói, chúng ta bèn hiểu cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng là hư vọng.

Qua nhiều năm ngàn ấy, hiện thời kể như chúng tôi đã hiểu rõ, minh bạch, cõi Thật Báo do đâu mà có? Do tập khí vô thi vô minh biến hiện. Nếu chẳng có tập khí vô thi vô minh, cõi Thật Báo Trang Nghiêm sẽ chẳng có. Sau khi chẳng có thì là cảnh giới gì? Trong Tịnh Độ Tông, [cảnh giới ấy] được gọi là Thường Tịch Quang Tịnh Độ hiện tiền. Thường Tịch Quang là tự tánh, là chân tâm bản tánh của chính mình, bất sanh, bất diệt, nên mới vĩnh hằng, điều gì cũng chẳng có, nhưng nó có thể hiện ra vạn pháp. Chẳng phải là Huệ Năng đại sư khi minh tâm kiến tánh đã nói rồi đó ư? Câu cuối cùng “*nào ngờ tự tánh, có thể sanh vạn pháp*”. Cảnh giới ấy mới thật sự là đại tự tại, thật sự chứng đắc “khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể”, tức Pháp Thân. Chứng đắc cảnh giới ấy, trong giáo pháp Đại Thừa quý vị được gọi là Pháp Thân Bồ Tát, quý vị chẳng còn coi [cái thân xác thịt này] là thân, mà gì mới là thân? Toàn thể hư không thể giới là thân của ta. Pháp Thân bất sanh, bất diệt. Thân [máu thịt] này có sanh, có diệt. Có sanh có diệt là giả; bất sanh, bất diệt là thật. Vì vậy, chẳng thể không đoạn phiền não, đoạn như thế nào? Khai trí huệ bèn đoạn. Quý vị thấy đức Phật sử dụng phương pháp, tức ba loại phương pháp Giới, Định, Huệ. Giới nhằm dạy quý vị không chế phiền não, không chế tập khí phiền não là trì giới. Đệ Tử Quy là giới, Cấm Ứng Thiên là giới, Thập Thiện Nghiệp Đạo là giới, Tam Quy Ngũ Giới đều là giới. Trước hết, dùng những phương pháp ấy để không chế phiền não. Nhân Giới đắc Định, không chế [phiền não] rất tốt đẹp, khiến cho phiền não tuy khởi tác dụng, nhưng nó có chừng mực, trọn chẳng thể vượt qua chừng mực ấy. Nó có mức hạn chế, chẳng thể vượt qua. Lâu dần, tâm đã định bèn đắc Định. Định là máu chốt trong tu hành Phật pháp.

Giáo pháp Đại Thừa thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, hoặc vô lượng pháp môn. Pháp là phương pháp, Môn là môn kính (門徑: đường lối). Những phương pháp, đường lối ấy nhằm tu gì? Toàn là tu Thiền Định, chư vị phải biết điều này. Chúng ta niệm Phật cũng là tu Thiền Định. Dùng phương pháp Niệm Phật, phương pháp trì danh niệm Phật để tu Thiền Định. Nếu phương pháp ấy chẳng phải là tu Thiền Định, sẽ chẳng phải là Phật pháp; nếu phương pháp ấy nhằm tu Thiền Định thì là Phật pháp. Nhân Định khai Huệ, Định đã lâu bèn hoát nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đức Phật dùng ba loại phương pháp ấy để giúp đỡ chúng ta, chính Ngài cũng do ba loại phương pháp ấy mà thành tựu, lại còn dùng ba loại phương pháp ấy để dạy chúng ta. Giới là giữ quy củ, chẳng thể không tuân thủ. Không tuân thủ, tâm quý vị chẳng định được, vọng niệm to lớn, phiền phức to lớn. Quan sát kỹ lưỡng kẻ trẻ tuổi hiện thời, chẳng kể nào tâm ý không bộp chộp, hời hợt. Kẻ tâm bộp chộp hời hợt chẳng có cách nào tu đạo, dẫu gặp Phật, Bồ Tát thì Phật, Bồ Tát vẫn chẳng thể dạy được, vì sao? Chẳng có cách nào dạy, kẻ ấy chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể lãnh ngộ! Hạng người nào dễ dạy? Nhà Phật gọi [hạng người ấy] là “pháp khí”, dễ dạy, lão thành, trung hậu, ổn trọng, người như thế dễ dạy. Quý vị dạy người ấy, người ấy có thể tin, hiểu, làm theo. Gặp được người như vậy, Phật, Bồ Tát chẳng bỏ qua, luôn muốn giúp đỡ, thành tựu người ấy, vì sao? Người ấy có thể thành tựu, có điều kiện thành tựu. Không trọn đủ điều kiện thành tựu, quý vị

dạy kẻ ấy sẽ lãng phí thời gian, uổng công! Thời gian lẫn tinh lực đều bị uổng phí. Vậy thì hãy để kẻ ấy lại đó, chờ đến khi nào hắn quay đầu, khi ấy, hắn hội đủ các điều kiện sẽ dạy vãn chẳng trễ! Vì thế, Phiền Nã Ma là tự thân, chẳng đến từ bên ngoài. Những thứ dụ hoặc bên ngoài như tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ đều thuộc loại thứ tư tức Thiên Ma, thuộc về loại ấy. Trong có tham, sân, si, mạn, nghi, ngoài có dụ hoặc, phiền phức to lớn. Điều này chắc chắn chương ngại thiện pháp, chúng ta phải hiểu, phải tránh né nó.

2) Loại thứ hai là “*Ám Ma, vị Ngũ Ám thân, cộng tương tột diệt*” (Ám Ma, tức là thân Ngũ Ám, hủy diệt lẫn nhau), loại này cũng ở trong thân thể của chính mình. Ngũ Ám là gì? Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nói đúng ra là thân thể hiện tiền của chúng ta. Nhục thân này là sắc pháp, Sắc là nói tới vật chất. Nay chúng ta gọi Sắc là vật chất, nhục thân này là vật chất. Con người ngoại trừ thân thể, còn có tinh thần. Vật chất và tinh thần hòa hợp thành thân thể này. Tinh thần là gì? Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nói đến bốn chữ ấy! Thọ (受) là gì? Quý vị có cảm nhận. Người ta khen ngợi quý vị, quý vị vui vẻ, sự vui vẻ ấy là Thọ. Khi người ta chửi quý vị, quý vị nổi cáu, đó cũng là Thọ. Thọ là nói đến sự cảm nhận. Tưởng (想): Sau khi quý vị đã Thọ bèn có vọng tưởng. Vọng tưởng không ngừng, kể cả lúc ngủ vẫn chẳng ngưng dứt, ngủ thì như thế nào? Quý vị nằm mộng. Mộng do đâu mà có? Mộng do vọng tưởng sanh ra. Nếu chẳng có vọng tưởng, lấy đâu ra mộng? Người thiện tâm thường gặp mộng đẹp, nằm mơ những chuyện tốt lành. Kẻ làm chuyện ác, sẽ gặp ác mộng. Tuy những thứ ấy chẳng thật, khi tỉnh giấc chỉ là một giấc mộng, nhưng trong khi nằm mộng, quý vị có cảm nhận, cũng có thể khiến cho quý vị mừng, giận, buồn, vui. Mộng cảnh cũng có thể dẫn phát toàn là phiền não.

Chữ thứ ba là Hành (行), Hành là gì? Hành là chẳng trụ, chẳng ngừng. Rõ rệt nhất là mỗi người chúng ta từ sanh ra cho đến chết đều chẳng ngừng, tinh tấn nhất, chẳng ngừng khắc nào, mỗi ngày càng tiến gần tử vong, có sanh ắt có tử. Không phải là mỗi ngày, mà là mỗi phút, mỗi giây, mỗi giây đều chẳng chịu ngừng, đi đến đâu? Điềm kết thúc cuối cùng của sự hạ sanh là phần mộ. Chẳng có ngoại lệ! Ai nấy đều đi theo con đường ấy! Có người hai, ba mươi năm đã đến, cũng có người năm, sáu mươi năm mới đến, trường thọ một chút thì tám, chín mươi tuổi mới tới, chung quy đều phải đến trạm cuối cùng! Nếu nghĩ đến chân tướng sự thật này, đối với pháp thế gian, quý vị sẽ tâm tình nguội lạnh. Tìm đến tôn giáo, tôn giáo nói có thiên đường. Y Tư Lan Giáo nói có “thiên viên”^{101[1]}, quý vị rất hâm mộ, [thiên

^{101[1]} “*Thiên viên*” (天園: vườn trời) là chữ người Hoa dùng để dịch khái niệm Thiên Đường trong đạo Hồi. Đạo Hồi gọi chốn thiên đường là Jannah, nghĩa gốc của chữ này là “vườn”. Kinh Koran mô tả thiên đường đạo Hồi như một khu vườn lớn, sang trọng, đẹp đẽ, châu ngọc tràn ngập, với những thung lũng rợp bóng, những con suối thơm mùi long não, gừng, quế, sông sữa, sông mật, sông rượu, trái cây ngon ngọt, đủ vị, ngựa và lạc đà trắng muốt tung tăng khắp nơi. Ngôi vườn ấy có tám cổng chính, chia thành nhiều tầng. Tầng cao nhất gọi là Firdaws dành riêng cho đáng tiên tri (Mahomed) và các thánh tử đạo của Hồi giáo.

đường] tốt đẹp hơn thế gian này của chúng ta, có thật hay không? Thừa chư vị, thật sự có, chẳng giả tí nào. Vì sao? Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, thiên viên do tâm tưởng của quý vị sanh ra, nên có thật. Giống như trong thế giới hiện tiền này, thế giới hiện tiền cũng sanh từ tâm tưởng của chúng ta. Vì sao hiện thời thế giới này hỗn loạn, lăm tai nạn như thế? Do tâm tưởng của chúng ta bất thiện, toàn là nghĩ tới tham, sân, si mạn, nghi, toàn nghĩ tới Ngũ Dục, Lục Trần, phản ứng là trạng huống hiện tiền, chúng ta hiểu rất rõ ràng, minh bạch. Nếu quý vị khởi tâm động niệm, trong tâm nghĩ tới nhân nghĩa, đạo đức, lễ nghĩa, liêm sỉ, có những suy nghĩ tốt đẹp ấy, nghĩ tới quốc thái dân an, tai nạn tiêu tan, phước đức đưa đến, thế giới này sẽ biến thành thế giới Cực Lạc, sẽ biến thành thiên đường. Chúng ta phải nhớ kỹ câu kim ngọc lương ngôn sau đây của đức Phật, đó là chân lý: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, trong tâm quý vị nghĩ gì, sẽ hiện ra điều ấy. Nghĩ tới Phật, cảnh giới Phật hiện tiền; nghĩ tới Bồ Tát, cảnh giới Bồ Tát hiện tiền. Con người hiện thời ý niệm chẳng tốt lắm, nghĩ tới gì? Họ nghĩ tới tham, sân, si. Tham, sân, si biến hiện điều gì? Nếu một người niệm niệm đều là tham lam, trong tương lai kẻ ấy sẽ ở trong ngục quỷ đạo, kẻ ấy vào trong quỷ đạo. Niệm niệm nghĩ tới sân khuê, mỗi ngày suy tính dùng phương pháp gì để chinh hoặc hại kẻ khác, kẻ ấy trong tương lai đi vào địa ngục đạo. Thiên đường và địa ngục đều do con người tưởng ra, chẳng có ai kiến tạo. Bởi thế, tôn giáo bèn nói: *“Thiện nhân có thiện quả, ác nhân có ác báo”*.

Điều cuối cùng trong Ngũ Âm là Thức (識), Thức là gì? Thức là A Lại Da Thức. Theo kinh Phật, Hành được gọi là Mạt Na Thức, Tướng là thức thứ sáu, Thọ là năm thức trước. Thức thứ tám được gọi là A Lại Da. A Lại Da cũng là một cái kho, nên gọi là Tạng Thức, giống như chữ Tạng (藏) trong Tây Tạng (西藏), có nghĩa là cất giấu, giống như một cái kho. Mỗi cá nhân chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, những nghiệp quý vị đã tạo đều chứa trong cái kho tư liệu ấy, đều được bảo tồn trong thức ấy vô cùng đầy đủ, tuyệt đối chẳng bị tổn hoại, hề gặp duyên, nó sẽ khởi hiện hành. Vì thế, chúng ta có thể nhớ rõ những chuyện đã từng trải qua, là do có một kho tư liệu như thế. Hiện thời, chúng ta tập khí phiền não quá nặng, chẳng thể tùy ý lấy tài liệu từ trong kho tư liệu ra, có những thứ chúng ta chẳng thể rút ra được. Nếu chúng ta có công phu định lực, chẳng cần trí huệ, công phu định lực càng sâu, quý vị có thể thấy tư liệu trong A Lại Da càng nhiều. Thấy quá khứ, mà cũng có thể thấy vị lai, vì sao? Có thể nghĩ tới vị lai! Năm sau còn chưa tới, nhưng ta đã dấy vọng tưởng nghĩ năm sau sẽ như thế nào, trong kho tư liệu đã có những thứ của năm sau. Đó là một cái kho lớn, những thứ trong ấy rất phong phú, toàn bộ các nghiệp đã tạo trong đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay đều tồn trữ trong ấy. Những thứ ấy, khi đã thành Phật, nó sẽ có tác dụng to lớn, chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí. Đại Viên Kính Trí là gì? Không gì chẳng biết, nói đúng ra là tất cả tư liệu trong đời đời kiếp kiếp. Không chỉ là tư liệu của chính mình, mà tư liệu trong kho tư liệu của người khác ta cũng có thể mượn dùng, chẳng có chút chướng ngại nào, thông suốt! Giống như nối vào mạng Internet hiện thời, mấy

may chướng ngại đều chẳng có. Đối với kho tư liệu của Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị cũng có thể rút ra, giống như của chính mình vậy! Thọ, Tướng, Hành, Thức là tinh thần, Sắc là vật chất, những thứ này nếu chẳng tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền sẽ tạo nghiệp, thân tạo nghiệp, Thọ, Tướng, Hành, Thức càng có thể tạo nghiệp. Vì sao? Đối với Lạc Thọ bèn tham ái, đối với Khổ Thọ bèn oán hận. Quý vị thấy tham ái sẽ đi vào nạ quý đạo, oán hận bèn vào địa ngục đạo. Tuy bản thân Tướng chẳng tạo nghiệp, nhưng Thọ và Sắc tạo nghiệp, vì sao? Chúng nghe theo sự chỉ huy của Tướng. Hành vô cùng chấp trước, chấp trước Ngã kiên cố. Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa đã nói tứ đại phiền não thường đi theo Hành, nó cũng là Ngã Chấp, lại còn là tham, sân, si, ngã ái, ngã mạn, ngã si. Mạn là sân khuê, là phiền não bầm sanh. Thân chúng ta hiện thời là thân Ngũ Âm, “*cộng tương tôi diệt*” (hủy diệt lẫn nhau). “*Cộng tương tôi diệt*” đặc biệt nói về sanh, lão, bệnh, tử, đó là tướng hủy diệt. Nếu chúng ta chú tâm quan sát xã hội hiện tại, sẽ thấy tham, sân, si, mạn chẳng có chừng hạn, mặc sức tạo tác, kết thành quả báo trong đời này như quý vị đã thấy, ba bốn chục tuổi đã chẳng còn mạng nữa. Chúng ta tin tưởng thọ mạng của kẻ ấy không chỉ là ba, bốn mươi tuổi, phải nên là sáu, bảy mươi tuổi, vì sao ba, bốn mươi tuổi mà đã chết mất rồi? Chính mình hủy hoại, phá hư chính mình, trong xã hội hiện thời, hiện tượng ấy quá nhiều.

3) Loại thứ ba là Tử Ma, vì sao gọi Tử là Ma? Đạo nghiệp của quý vị còn chưa tu thành công, thọ mạng đã hết, đó là ma chướng. Có cách nào đối phó ma chướng ấy hay không? Có, đoạn ác, tu thiện, tích công lũy đức, có thể kéo dài thọ mạng. Chư vị hãy đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huấn, tôi học Phật, cuốn sách đầu tiên tôi xem là cuốn sách ấy, do Châu lão tiên sinh đưa cho. Vị lão tiên sinh ấy là người Chiết Giang, ngang vai vế với ông nội tôi. Tôi mới hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi, vị lão tiên sinh ấy đã sáu mươi tám, sáu mươi chín tuổi, tôi quen biết cụ là do bạn bè giới thiệu. Cụ là một Phật giáo đồ kiên thành, là đệ tử của Ấn Quang đại sư, là bạn học của lão cư sĩ Lý Bình Nam, là sư huynh, sư đệ. Thuở đó, tôi còn rất trẻ, cụ rất thích tôi, tặng cho tôi một quyển Liễu Phàm Tứ Huấn để xem, tôi đọc xong rất cảm động. Những tật xấu của tiên sinh Liễu Phàm thuở trẻ, tôi xét thấy chính mình đều có đủ. Không chỉ đã có lỗi mà còn chẳng có lỗi nào chịu thua sút! Tiên sinh còn có một ưu điểm mà so với ông ta, tôi vẫn chẳng có. Do vậy, tôi đọc một hơi gần như là hơn một tháng, đại khái chừng hai tháng, tôi đọc tới ba mươi lần. Khi tôi đọc là đọc nguyên văn, chẳng có chú giải, cảm xúc rất sâu, mới biết cả một đời người đều [bị chi phối bởi] mạng, chẳng có nửa điểm do con người quyết định. Tiên sinh Viên Liễu Phàm được một thầy tướng số là Không tiên sinh đoán sẵn số mạng, vận hạn mỗi năm trong suốt hai mươi năm chẳng sai sót mảy may. Ông ta là người đọc sách, hàng năm đi thi, thứ hạng đỗ đạt đúng như đã đoán định. Tú Tài thuở ấy được hưởng bổng lộc của quốc gia, quốc gia nuôi quý vị, quý vị chẳng cần làm gì mà vẫn sống được, ngô hầu quý vị chuyên tâm học hành. Hàng năm, quốc gia cấp cho ông ta bao nhiêu đó gạo, thuở ấy dùng gạo tẻ, có đến mấy chục thạch gạo, đủ cho ông ta sống. [Không tiên sinh tiên đoán] chẳng sai tí nào, nên ông ta tin tưởng, khăng khăng một mực tin

tương vận mạng, vọng niệm gì cũng chẳng có. Vì sao? Vọng niệm vô dụng, vậy thì cần gì phải dấy vọng niệm?

Có một lần, ông ta đến núi Thê Hà thăm thiền sư Vân Cốc, nơi này nay là núi Thê Hà, Nam Kinh, cùng thiền sư Vân Cốc hai người ngồi tại Thiền đường suốt ba ngày ba đêm, chẳng có một vọng niệm nào. Thiền sư Vân Cốc rất kinh ngạc, thỉnh giáo Viên tiên sinh: “Ông dùng công phu gì vậy? Một người ngồi ba ngày ba đêm trong Thiền đường, chẳng khởi một niệm, chẳng dễ dàng! Tiên sinh Liễu Phàm thưa: “Con chẳng có công phu gì, chỉ là vận mạng đã được người khác đoán sẵn. Hai mươi năm qua, mỗi năm đi thi, thứ hạng đỗ đạt, bổng lộc quốc gia cấp phát mỗi năm chẳng sai mấy may. Con còn nghĩ tưởng gì nữa?” Thiền sư Vân Cốc nghe xong ha hả cười to: “Tôi ngỡ ông là thánh nhân, hóa ra ông vẫn là một kẻ phàm phu”. Được hỏi tới, tiên sinh Liễu Phàm cũng rất kinh ngạc: “Vì sao con là phàm phu?” Thiền sư Vân Cốc phân tích: “Phàm phu chẳng thể nào không có vọng niệm, lẽ đâu chẳng thể có vận mạng? Đều có vận mạng, chỉ vì kẻ bình phàm vẫn suy nghĩ lung tung, chẳng biết vận mạng của chính mình. Bất quá ông rất may mắn, ông biết vận mạng của chính mình nên không nghĩ tới. Đó chẳng phải là công phu, nên ông vẫn là một phàm nhân. Chẳng phải là nhập định, nhập định có thể chế phục vọng niệm. Ông chẳng khởi vọng niệm không do công phu định lực!” Sư dạy ông ta: “Vận mạng có thể thay đổi!” Câu nói ấy khiến tiên sinh Liễu Phàm nẩy sanh hứng thú, có thể thay đổi vận mạng ư? Đúng vậy! Cách thay đổi như thế nào? Sư dạy ông ta sám hối, đoạn ác, tu thiện, trong sách Tứ Huấn đã viết rất cặn kẽ. Sư bảo ông ta: “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Trong mạng ông ta chẳng có công danh, cũng có thể nói là học hành chỉ đậu Tú Tài mà thôi. Nếu đi thi Cử Nhân hoặc Tiến Sĩ sẽ chẳng có phần, trong mạng chẳng có mà! Trong mạng chẳng có con cái, thọ mạng chỉ có năm mươi ba tuổi, cả đời quan tước cao nhất là làm huyện trưởng một huyện bé tí ở Tứ Xuyên. Đó là vận mạng do Khổng tiên sinh đã tiên đoán cho ông ta.

Thiền sư Vân Cốc giúp ông ta, đưa cho ông ta Công Quá Cách. Công Quá Cách là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, nương theo Thái Thượng Cảm Ứng Thiên hòng khéo tu tập. Trong Cảm Ứng Thiên giảng “nhân lành quả lành, nhân ác báo ác”, tổng cộng giảng một trăm chín mươi lăm điều. Hằng ngày phản tỉnh, hề có lỗi phải sửa đổi. Mỗi ngày chính mình kiểm điểm khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của chính mình. Ông ta thật sự làm, phát tâm muốn làm ba ngàn chuyện tốt, ba ngàn chuyện tốt lợi ích đại chúng, lợi ích xã hội, mười năm mới làm viên mãn. Tâm vừa phát, năm thứ hai đi thi, thứ hạng đổi khác. Năm thứ hai đi thi, Khổng tiên sinh đoán ông Viên sẽ đậu hạng ba, ông Viên đậu hạng nhất, ngay lập tức chẳng đúng! Ông ta biết thiền sư Vân Cốc dạy cách [sửa đổi vận mạng ấy] ấy là thật, chẳng giả. Ông ta cầu công danh, đi thi vài lần, thật sự thi đỗ. Trong mạng chẳng đỗ Cử Nhân, nhưng đỗ được. Mạng không có Tiến Sĩ vẫn đậu. Không có con cái, ông ta cầu Phật, cầu Bồ Tát, thật sự sanh được một đứa con ngoan ngoãn, làm quan cũng to, làm đến chức Tri Huyện

huyện Bảo Trì, trực tiếp thuộc quyền quản trị của hoàng đế. Thọ mạng chẳng cầu sống lâu, tự nhiên tăng thọ, sống đến bảy mươi bốn tuổi. Quý vị thấy đó, vốn là thọ năm mươi ba tuổi, nhưng sống đến bảy mươi bốn tuổi, sống lâu hơn hai mươi năm. Do vậy, chính mình có thể làm chủ sanh tử, chẳng vì chính mình. Ta có thọ mạng dài hơn một chút, sẽ làm thay cho xã hội, làm thay cho những người khổ nạn nhiều chuyện hơn, vì đại chúng phục vụ, thọ mạng của quý vị chẳng còn là của chính quý vị nữa! Thọ mạng của chính quý vị có hạn độ, sau đó thì sao? Sau đó, quý vị vì người khác, vì thành tựu đạo nghiệp, thành tựu đạo nghiệp nhằm phổ độ chúng sanh, nên thọ mạng kéo dài, đạo lý là như vậy đó! Phước báo do chính mình tu, cộng thêm phước báo của chúng sanh, [thọ mạng] tự nhiên kéo dài, nhất là đối với Đại Thừa Phật pháp, thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch: Chẳng có sanh tử! Chuyện sanh tử giống như quần áo chúng ta mặc đã sờn sờn thay một bộ quần áo mới, cởi ra. Xác thân này quá già, thời gian sử dụng đã quá lâu, sử dụng chẳng thuận tiện cho lắm, bèn đổi lấy cái mới, chuyện là như vậy đó! Vì thế, sanh tử chẳng có mấy may thống khổ gì, thay đổi thân thể để quay lại tiếp tục học tập. Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch điều này. Vì thế, người thật sự hiểu rõ thân thể, ngày càng thay đổi tốt đẹp hơn: Đời này là thân người, đời sau đổi thành thân trời, thân chư thiên tốt hơn thân thể này rất nhiều, càng thay đổi càng tốt đẹp hơn. Nếu là một kẻ mê hoặc, trong Phật pháp gọi [kẻ ấy] là “người ngu si”, chẳng biết điều này, tham sống, sợ chết, lại còn tạo tác cả đống tội nghiệp. Do vậy, thân thể càng thay đổi càng tệ! Đời này mang thân người, đời sau đổi làm thân súc sanh, như vậy là kém cõi quá nhiều. Thân súc sanh lại đổi thành thân ngạ quỷ, chẳng phải là càng đổi càng tệ hơn ư? Do vậy, người thông minh liễu giải chân tướng sự thật này, học Phật bèn có thể đổi phước được!

Tôi chịu ảnh hưởng rất lớn từ Liễu Phàm Tứ Huấn. Một đời này, mạng tôi kém hơn mạng tiên sinh Liễu Phàm rất nhiều, nay có thể vượt trội ông ta, là vì trong đời này gặp gỡ Phật pháp, [những gì tôi có là] do tu từ Phật pháp, chứ không phải là trong mạng đã có. Trong mạng tôi không có của cải, nay muốn làm một ít việc, cần bao nhiêu tiền sẽ có người đưa đến. Chuyện lạ lùng là tôi cũng chẳng phải hỏi xin tiền ai, cũng chẳng hóa duyên, quyên mộ người khác, cứ tự nhiên mà có. Về thông minh, trí huệ thì giảng kinh năm mươi hai năm, mỗi năm một khác. Có những vị đồng học lâu năm đã nghe tôi giảng kinh trong quá khứ, quý vị biết tôi giảng kinh cảnh giới mỗi năm một khác. Về thọ mạng, tuổi thọ của tôi chỉ là bốn mươi lăm tuổi. Lúc bốn mươi lăm tuổi, đúng là bị bệnh một trận. Tôi trước nay chưa từng bị bệnh, chưa nằm nhà thương, cả đời này chưa nằm bệnh viện. Lần ngã bệnh ấy, tôi biết rõ thọ mạng đã tới, chẳng tìm thầy thuốc, cũng chẳng cần uống thuốc. Bác sĩ chỉ có thể chữa bệnh, chẳng chữa được mạng. Mạng đã tới, tìm bác sĩ vô dụng! Do vậy, tôi niệm Phật cầu vãng sanh, niệm một tháng bèn lành bệnh. Đó là Phật, Bồ Tát gia hộ. Nếu tôi mất lúc bốn mươi lăm tuổi, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì phải là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Quý vị thấy hiện nay tôi tám mươi bốn tuổi, gần như sống lâu hơn bốn mươi năm. Tiên sinh Liễu Phàm chỉ sống lâu hơn [tuổi thọ đã định] hai mươi năm, tuổi

thọ tôi tăng gấp đôi ông ta. Sau bốn mươi năm ấy, nếu hiện thời tôi vãng sanh, đại khái có thể là thượng bồi vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, tăng lên không ít, không có thời gian sẽ chẳng được! Vì vậy, phải dùng thọ mạng để làm gì? Dùng để tăng cao cảnh giới của chính mình, đó là có ý nghĩa, chứ không phải để hưởng thụ trên thế gian. Hưởng thụ là trật mất rồi, thọ mạng đã bị lãng phí. Hãy nên không ngừng nghiêm túc học tập để nâng cao cảnh giới của chính mình, tăng tấn phẩm vị vãng sanh của chính mình trong thế giới Cực Lạc. Chúng tôi cảm tạ Phật, Bồ Tát ban cho tôi thọ mạng, thọ mạng để làm gì? Thọ mạng của tôi để đến làm chuyện này!

Vì vậy, tuổi tác đã cao, đọc kinh, niệm Phật, giảng kinh vui sướng chẳng mệt, những chuyện khác hoàn toàn buông xuống, chẳng có nữa! Cuộc sống tùy ngộ nhi an, tùy duyên sống qua ngày, quý vị nói xem có tự tại lắm hay không? Thứ gì cũng không có, nhưng thứ gì cũng đều chẳng thiếu thốn, đó là phước báo thật sự. Quý vị thứ gì cũng đều có, thứ gì cũng đều bận tâm. Quý vị nghĩ xem: Nếu quý vị có nhà để ở, có phải quan tâm nhà cửa hay không? Tôi thì ngay cả nhà ở cũng chẳng có, thứ gì cũng đều chẳng phải bận lòng! Không có nhà để ở, nhưng mỗi ngày đều có căn nhà tốt đẹp để ở, nhà của người khác thì chính người ấy phải lo toan mọi lẽ! Tôi không có xe, quý vị thấy tôi ra khỏi cửa đều có xe để ngồi, xe chẳng phải của tôi, tôi cũng chẳng phải chăm sóc, yên tâm lên đường! Còn có nhiều người như thế kiếm tôi mời tôi đi giảng kinh thì tôi phải đi, nhiều năm như thế, tôi đã đi khắp thế giới. Trên đường lữ hành, trên thân tôi chẳng có tiền, máy bay bao nhiêu tiền một vé tôi không biết, toàn là do người ta mua sẵn gửi cho, chẳng bận tâm tí nào! Nếu quý vị có tiền, tự mình mua vé, rất phiền! Lại còn phải xếp hàng, quý vị nói xem có phiền lắm hay không? Vì thế, học Phật là hết thấy đều buông xuống, thật sự đắc tự tại!

4) Thứ tư là Thiên Ma, Thiên Ma là cảnh giới bên ngoài. Ba loại trước đều là chính mình: Phiền não là chính mình, Ngũ Âm là bản thân, sanh tử cũng thuộc về chính mình. Bên ngoài đến quấy nhiễu đều gọi là Thiên Ma, thuộc về hoàn cảnh bên ngoài. Bên trong là phiền não, tham, sân, si mạn, nghi. Bên ngoài là gì? Bên ngoài là Ngũ Dục, tức tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Những thứ đó ở bên ngoài, là ngoại ma đến cám dỗ, mê hoặc quý vị. Nếu quý vị có trí huệ có thể không chế phiền não, phiền não chẳng khởi tác dụng, quý vị đã hàng ma! Vì thế, “*dĩ Định Huệ lực, hàng phục ma oán*” (dùng sức Định Huệ hàng phục ma oán), quý vị có công phu định lực sẽ không bị quyến rũ, mê hoặc. Quý vị có trí huệ, trí huệ có thể thấy rõ ràng, tà - chánh phân minh, xa lìa tà ác, gần gũi Phật, Bồ Tát. Người thế gian hưởng lạc, quý vị thấy họ hưởng thụ loại lạc nào? Phiền Não, Ngũ Âm Ma và Thiên Ma hợp lại, họ hưởng loại lạc ấy. Phía sau niềm vui ấy có nỗi khổ, nên nói là nỗi khổ “*cực lạc sanh bi*” (vui quá hóa buồn). Không chỉ có khổ, mà còn có tai nạn. Tai nạn nhỏ là thân tâm nhiễm bệnh, hủy hoại sức khỏe, tai nạn lớn thì hậu họa vô cùng. Có nên tiếp cận những thứ ấy hay không? Đã nhận biết rõ ràng, minh bạch bốn loại đại ma ấy rồi, chúng ta biết chúng nó tồn

tại. Chúng lại còn ở cạnh chúng ta, thời thời khắc khắc chẳng rời khỏi! Chỉ cần quý vị thiếu cẩn thận, sẽ rơi vào ma chướng (bàn tay ma, ý nói bị ma khống chế). Thời thời khắc khắc hãy đề cao cảnh giác, chẳng để cho chúng nó quấy nhiễu. Chúng chẳng thể quấy nhiễu quý vị, sẽ biến thành hộ pháp, lại có thể giúp đỡ quý vị, đó là chuyện tốt đẹp. Giúp đỡ quý vị thì chúng ta có thể làm bạn với họ, có thể cảm hóa họ, đối với cảnh giới bên ngoài giúp họ quay đầu là bờ, giúp kẻ ấy chuyển tà thành chánh, chuyển ác thành lành, chuyển mê thành ngộ, đó là chuyện tốt đẹp. Quan trọng nhất là chính mình phải là Chánh, hạnh phải chánh thì quý vị mới có thể cảm hóa người khác, tự hành rồi thì sau đây mới có thể hóa độ người khác.

Chúng ta đọc lời lão cư sĩ nói trong phần sau: “*Kim kinh sở hàng phục giả chỉ thiên ma*” (nay loại ma được hàng phục trong kinh này là thiên ma), trong bốn thứ ma, đặc biệt nói đến thiên ma. Chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đối phó với thiên ma ra sao? “*Như Bà Sa Luận vân*” (như luận Tỳ Bà Sa¹⁰²[2] nói), đây là một bộ luận trong kinh điển nhà Phật, trong luận ấy đoạn như thế này, trích lục: “*Bồ Tát tích cư Bồ Đề thụ hạ, sơ dạ, ma nữ lai tương my loạn, trung dạ, ma quân tổng lai bức não, tu du giác sát tức nhập Từ Định, linh ma bình chúng tôi bại đọa lạc*” (Thuở trước Bồ Tát ở dưới cội Bồ Đề, đầu đêm, ma nữ đến quấy nhiễu loạn, giữa đêm ma quân ủa đến bức bách não hại, trong khoảnh khắc, Bồ Tát nhận biết liền nhập Từ Định, khiến cho quân ma tan vỡ, thất bại, đọa lạc). Trong luận ấy cũng là trích dẫn kinh văn, trong tám tướng thành đạo của Phật có ghi chép điều này. Đức Phật vừa mới thành đạo, đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đã thành Phật, khi ấy, ma đến gây rối, ma hiện thành gì? Hiện thân người nữ đến cám dỗ, mê hoặc Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Phật nhập định chẳng bị bọn họ quấy nhiễu. Những kẻ ấy đều do Ma Vương sai đến. Cách thức này không dùng được vì Thích Ca Mâu Ni Phật không quan tâm, lại tiến thêm bước nữa, sai ma quân, lũ yêu ma quỷ quái đến bức bách, gia hại Ngài. Nói đúng ra là muốn làm tổn thương, làm hại Ngài, muốn lấy mạng Ngài. Thích Ca Mâu Ni Phật lại nhập Định, trong Định, những đao, thương, côn, gậy đều ủa tới công kích Thích Ca Mâu Ni Phật. Khi đao thương sắp chạm đến Phật, Phật liền có một đóa sen ngăn đỡ đao thương, ma chẳng có cách nào tổn hại đức Thế Tôn, do vậy, rút lui. Đối với cửa ải hàng ma này, ma dùng các thứ phương pháp để cám dỗ, mê hoặc, quý vị phải chịu được khảo nghiệm. Ma đầu hàng, cũng biến thành hộ pháp.

102 [2] Bộ luận này có tên gọi đầy đủ là A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận (Abhidharma Mahāvibhāsa Śāstra), thường gọi là Đại Tỳ Bà Sa Luận, chính là sách chú giải bộ Phát Trí Luận (Jñānaprasthāna Śāstra). Tỳ Bà Sa Luận được coi là luận điển tối cao của Nhất Thiết Hữu Bộ. Theo truyền thống, bộ luận này được coi là công trình của năm trăm vị A La Hán kết tập khoảng sáu trăm năm sau khi đức Phật diệt độ, nhưng người có công biên tập, hệ thống là ngài Ca Chiên Diên Phật (Katyāyāniputra). Hiện thời, có hai bản dịch bộ luận này, một là do ngài Huyền Trang dịch gồm hai trăm quyển và một dịch bản cổ hơn do hai vị Phù Đà Bạt Ma (Buddhavarman) và Đạo Thái dịch vào Bắc Lương.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Hựu Tây Vực Ký vân*” (lại nữa, sách Tây Vực Ký chép), đây là bút ký Tây Du của Huyền Trang đại sư. Ngài sang Ấn Độ thỉnh kinh, trong nhật ký của Ngài có một đoạn như thế này: “*Tập chư thần chúng, tề chinh ma quân, trị binh chán lữ, tương hiệp Bồ Tát*” (Nhóm các thần chúng, tề chỉnh ma quân, sắp bày quân ngũ, kéo đến bức bách Bồ Tát). Nói rõ sự hàng ma, nói khá tỉ mỉ: Ma vương triệu tập các quỷ thần, những loài ma quân ấy đều nghe lệnh Ma Vương toan đến đối phó Bồ Tát. Bồ Tát trải qua việc này mới thành đạo. Đây là khảo nghiệm. Để thành Phật, Bồ Tát, cuối cùng còn phải trải qua cửa ải này, phải trải qua năm cửa ải tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, mỗi cửa ải đều phải vượt qua, chẳng bị cám dỗ, mê hoặc, có thể chịu đựng sự khảo nghiệm. Ma vương Ba Tuần làm các chuyện này để uy hiếp Bồ Tát, “*Bồ Tát u thị nhập Đại Từ Định*” (ngay khi đó, Bồ Tát nhập Đại Từ Định), giống như “*nhập Đại Từ Định*” đã nói trong phần trên. “*Phàm quyết binh trượng*” (phàm các binh khí của bọn chúng), tức là những thứ binh khí và vũ khí do bọn họ xách đến, thấy đều biến thành hoa sen. Toàn bộ đao, thương, côn, bồng chúng cầm trên tay đều biến thành hoa sen. Ma thấy vậy, kinh hãi, bỏ chạy, rút lui. “*Dĩ thượng câu biểu Bồ Tát Định lực*” (những điều trên đây đều biểu thị Định lực của Bồ Tát), Định có thể hàng ma, Huệ có thể cảm hóa ma. “*Hựu Trí Độ Luận vân: Bồ Tát trí huệ lực cố, đại phá ma quân, tác hiển Bồ Tát Huệ lực*” (Lại nữa, Trí Độ Luận viết: “Do sức trí huệ của Bồ Tát nên đại phá ma quân, hiển thị Huệ Lực của Bồ Tát”), quý vị thấy Định Lực và Huệ Lực [đều được vận dụng]. “*Thị cố kinh vân: ‘Dĩ Định Huệ lực, hàng phục ma oán’. Oán chỉ oán gia*” (Vì thế, kinh nói: “Dùng sức Định Huệ hàng phục ma oán”. “Oán” chỉ oán gia), nay chúng ta nói là “oán thân trái chủ”, chúng ta phải học điều này. Nay chúng ta bắt đầu học Phật, những điều gây chướng ngại cho chúng ta rất nhiều, chúng ta muốn đến đây nghe kinh, nhưng bạn thân của quý vị gọi điện thoại hẹn sẵn, khiến cơ hội của quý vị bị phá hoại. Đó là gì? Ma chướng đạo. Kẻ ấy do lòng tốt mời quý vị đi chơi, [tức là ma] ở ngay trong cuộc sống hằng ngày, ở quanh ta. Hôm nay quý vị muốn định tâm, muốn niệm Phật, tính lạy Phật thì có người đến tìm quý vị, quý vị biết đó là ma đến quấy nhiễu. Khi ấy, quý vị tùy thuận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, hay tùy thuận ý nghĩ của ma đi theo họ? Lúc ấy do chính quý vị chọn lựa. Chọn lựa đạo nghiệp thì trong tương lai quý vị có thành tựu. Quý vị chọn lựa thù tạc, đi theo ma, đạo nghiệp sẽ bị hủy mất. Từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật, Phật luôn giúp chúng ta, ma cũng luôn nhiễu loạn chúng ta, năm mươi, năm mươi! Máu chót thành bại chẳng tại Phật, cũng chẳng do ma, mà do chính mình quyết định. Nếu chính mình có thể kiên trì, một phương hướng, một mục tiêu, chẳng có ai không thành tựu. Nếu phương hướng của quý vị quá nhiều, mục tiêu quá nhiều, chắc chắn quý vị chẳng thể thành tựu. Không thể thành tựu thì chắc chắn vẫn luân hồi trong lục đạo. Phải thấy rõ luân hồi trong lục đạo rất khổ, khổ chẳng thể nói nổi. Thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, chẳng còn muốn luân hồi nữa. Thời gian trong lục đạo rất dài, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã chịu lắm nỗi khổ sở oan uổng dường ấy. Bao nhiêu đồng tham đạo hữu đều đã thành Bồ Tát, thành Phật, nhưng chúng ta vẫn luân hồi trong lục đạo, chính mình phải gánh lấy trách nhiệm ấy.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Đắc vi diệu pháp, thành tối Chánh Giác*” (đắc pháp vi diệu, thành Chánh Giác cao tột). “*Hàng ma*” là chẳng còn bị trong ngoài quấy nhiễu, đạo nghiệp của quý vị thành tựu, do vậy, đã thành Phật. “*Thử nhị cú thị đệ lục tướng, thành đạo chi nghĩa. Vi diệu giả, Duy Ma Kinh viết: Vi diệu thị Bồ Đề, chư pháp nan tri cố*” (Hai câu này nói lên ý nghĩa của tướng thứ sáu tức thành đạo. “Vi diệu” là như kinh Duy Ma đã nói: “Vi diệu là Bồ Đề, do các pháp khó biết”). “Vi diệu” là gì? Vi diệu là Bồ Đề. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đại Giác, đại triệt đại ngộ là vi diệu. “*Bồ Đề giả, Phật chi tri kiến, diệc tức Thật Tế Lý Thể, đương nhân tự tánh*” (Bồ Đề là tri kiến của Phật, cũng chính là Thật Tế Lý Thể, là tự tánh của đương nhân). Giảng rất rõ ràng, “vi diệu” là gì? Minh tâm kiến tánh, đó là vi diệu. Trong Hoàn Nguyên Quán, nó được gọi là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Quý vị đã chứng đắc, tìm được cội nguồn của vũ trụ và nhân sinh, đó là viên thành Phật đạo trong Phật pháp. Tốt đẹp ở chỗ nào? Những chỗ tốt đẹp quá nhiều, chỉ cần tìm được điều này, quý vị hoàn toàn đạt được trọn khắp pháp giới hư không giới. Giống như đối với hình tròn, quý vị đã tìm được cái tâm của nó, bất cứ điểm nào trên vòng tròn cũng đều dẫn thẳng đến cái tâm, quý vị hoàn toàn tìm được. Giống như đức Phật đã giảng trong kinh, trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, tánh tướng như trong kinh giáo đã nói (tánh thể của vạn pháp trong vũ trụ, hiện tướng), Lý, Sự, nhân quả, chẳng sót một pháp nào. Hễ đạt được điều này (Bồ Đề), sẽ đạt được hết thấy, trí huệ, thần thông, và đạo lực của quý vị chẳng khác gì chư Phật Như Lai, Tỳ Lô Giá Na Phật, và A Di Đà Phật. Quý vị đã thành tựu, thành tựu viên mãn!

Tri kiến của Phật là như trong kinh Pháp Hoa đã nói “*nhập Phật tri kiến*”, Phật tri Phật kiến, nói đơn giản là “*không gì chẳng biết, không gì chẳng thấy*”. Quý vị chính mắt thấy. Vì sao? Quý vị ở trong đại định, thành Phật là vĩnh viễn ở trong Định Huệ, đi, đứng, ngồi nằm đều trong Định. Định ở đây không chỉ là ngồi khoanh chân nhìn vào vách mới là Định. Đó là lúc mới học, học tu Định. Sau khi tu Định thành công, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ đều ở trong Định. Vì sao? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới Lục Trần bên ngoài, quý vị chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, có phải là Định hay chẳng? Làm mọi việc như vậy, giúp đỡ vô lượng vô biên chúng sanh khổ nạn, nhưng chính người ấy ở trong Định, có cần phải xuất Định để làm mọi việc hay không? Chẳng cần! Chẳng xuất hay nhập Định, hoàn toàn ở trong Định. Chúng ta phải liễu giải điều này. Nhập Định có thể thấy, xuất Định bèn có thể làm việc, đó là Tiểu Định, [là Định của] Tiểu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật, chứ Đại Thừa Bồ Tát không như vậy. Từ kinh Địa Tạng chúng ta thấy mẹ cô Quang Mục đã mất, cô biết mẹ lúc còn sống tạo tội nghiệp rất nặng, chắc chắn đọa ác đạo, bèn cúng dường A La Hán, cầu A La Hán giúp đỡ, nhìn xem mẹ cô đang ở nơi đâu. A La Hán phải nhập Định, nhập Định trông thấy, khi xuất Định, bảo cho cô ta biết tình hình. Tiểu Thừa có xuất nhập, nhưng Pháp Thân Bồ Tát chẳng xuất nhập, do đã kiến tánh. A La Hán chưa kiến tánh, đối với ba tầng chướng ngại chỉ đoạn một tầng, tức là chẳng chấp trước, nhưng vẫn còn

phân biệt, còn có khởi tâm động niệm. Pháp Thân Bồ Tát khởi tâm động niệm cũng đã đoạn, nên chẳng xuất nhập Định, thật sự đắc đại tự tại.

Thật Tế Lý Thể: Câu này có một thuật ngữ tương đương trong Triết Học hiện đại là “bản thể của vũ trụ vạn hữu”, bản thể là gì? Có thể sanh ra muôn hình tượng trong vũ trụ, nó cũng là tự tánh, chính là tự tánh. Danh từ Phật pháp là tự tánh, danh từ Triết Học là bản thể, cổ nhân Trung Quốc gọi nó là bản tánh, [những danh từ ấy] nhằm chỉ điều này, bản tánh bản thiện (bản tánh vốn lành). Dùng Phật pháp để giải thích thì “*bổn thiện*” có nghĩa là Thật Tế Lý Thể, là Phật tri Phật kiến, như vậy thì mới gọi là “*bổn thiện*”. Dùng Phật pháp để giải thích học thuật truyền thống của Trung Quốc, nâng cao nó lên, nâng cao tới cảnh giới viên mãn!

“*Kinh vân: Phi thị ngữ ngôn, phân biệt chi sở năng tri. Cố vân vi diệu nan tri*” (Kinh nói: Chẳng phải là do ngôn ngữ, phân biệt mà có thể biết được, nên nói là “vi diệu, khó biết”). Chuyện này ngôn ngữ chẳng thể diễn tả được, chẳng gán cho nó danh từ, thuật ngữ nào được, chỉ có chứng mới biết. Chỉ cần quý vị buông khởi tâm động niệm xuống, nó sẽ hiện tiền, quý vị sẽ biết. Quý vị tuy biết, vẫn chẳng thể diễn tả được, trong giáo pháp Đại Thừa có một câu tỷ dụ: “*Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri*” (như người uống nước, lạnh nóng tự biết). Một người uống một chén nước, quý vị hỏi người ấy nước có nóng hay không? Nói không được! Cảm nhiệt kế để đo cũng đo không ra, ắt phải do chính quý vị uống thì mới biết rõ! Vì sao? Mỗi người cảm giác khác nhau, tôi uống thấy độ ấm rất hợp, nhưng có thể là người khác uống bèn cảm thấy nóng quá, một người khác nữa cảm thấy quá lạnh, mỗi cá nhân cảm giác khác nhau, làm sao có thể nói được? Đó là hàm nghĩa trong hai chữ Vi Diệu, “*vi diệu nan tri*”. “*Dĩ vi diệu thị Bồ Đề dã*” (và “vi diệu là Bồ Đề”): Bồ Đề là Chánh Giác, “*đương nhân Chánh Giác*” tức là Chánh Giác của chính mình. Chánh Giác của tôi thì quý vị làm sao có thể biết được? Chánh Giác của quý vị, kẻ khác cũng chẳng biết. Chỉ có người công phu cao hơn quý vị mới biết, hoặc kẻ có công phu ngang bằng quý vị là biết. A La Hán biết A La Hán, chẳng biết Bồ Tát; Bồ Tát biết Bồ Tát, mà cũng biết A La Hán. Biết [cảnh giới] của người thấp hơn vị ấy, “*vi diệu*” mang ý nghĩa này.

Trong Tịnh Ảnh Sớ có nói: “*Lý thị diệu pháp, do đắc thử pháp, cố thành Chánh Giác*” (Lý là diệu pháp, do đắc pháp ấy, nên thành Chánh Giác). Lý cũng là Thể, nó là diệu pháp, hết thảy diệu pháp do nó mà có. Nếu quý vị hiểu rõ Lý Thể ấy, đã thấy, bèn thành Chánh Giác. Lý Thể viên mãn là tự tánh viên mãn, Pháp Thân Bồ Tát chứng đắc [Lý Thể]. Thanh Văn, Duyên Giác chứng đắc một phần Lý Thể, chẳng viên mãn. Nói chung, chưa viên mãn sẽ không ra khỏi mười pháp giới, tuy đã vượt thoát lục đạo, nhưng chưa thể vượt khỏi mười pháp giới. Nếu chứng đắc viên mãn, sẽ vượt thoát mười pháp giới. Lý được nói ở đây chỉ Thật Tế Lý Thể. Thật Tế Lý Thể là tự tánh. Minh tâm kiến tánh, thật sự minh tâm kiến tánh, “*thành Chánh Giác*” là thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lý này nếu nói hạn

cuộc, chẳng viên mãn, thì đó là Chánh Giác được chứng bởi A La Hán. Cái được chứng đắc bởi A La Hán, bởi Bồ Tát, hay bởi Phật đều là một Lý Thể, nhưng có cạn hay sâu khác nhau. A La Hán chứng nhập nông cạn, Bồ Tát chứng nhập sâu, Phật chứng đắc rốt ráo viên mãn, thầy đều là nói về tự tánh. “*Hựu Trường A Hàm Kinh viết: Như Lai đại trí, vi diệu độc tôn*” (Lại nữa, kinh Trường A Hàm nói: “Như Lai đại trí, vi diệu độc tôn”), A Hàm là kinh Tiểu Thừa. Lời tán thán này có lý, quả thật A La Hán xung tán Bồ Tát như thế. “*Độc tôn*” ở đây là “chỉ có thành Phật thì mới có thể chứng đắc”. Đối với những địa vị kém hơn Phật quả, cũng có nghĩa là từ bậc Đăng Giác trở xuống, vẫn rành rành là kém hơn Phật!

“*Tổng thượng nhi ngôn*” (tổng hợp những điều trên đây để nói), đây là nói tóm lại, tổng kết rất nhiều những điều do các vị tổ sư đại đức đã nói như trên đây thì “*đắc vi diệu pháp, tức khế Thế Tôn chi Phật trí, nhập Thật Tướng chi diệu lý, chứng chánh chân chi Bồ Đề. Cố thành Chánh Giác. Chánh Giác giả, Như Lai chi Thật Trí. Cố thành Phật viết thành Chánh Giác*” (“đắc vi diệu pháp” là khế nhập Phật trí của đức Thế Tôn, nhập diệu lý Thật Tướng, chứng Bồ Đề chánh chân. Vì thế, thành Chánh Giác. Chánh Giác là Thật Trí của Như Lai. Do vậy, “thành Phật” được gọi là “thành Chánh Giác”). Cách giảng này cũng rất hay, “*khế Thế Tôn chi Phật trí*”, điều được chứng đắc bởi Thích Ca Mâu Ni Phật và hết thầy chư Phật là một, không hai, đây là “*nhập Thật Tướng chi diệu lý*”. Hai chữ Thật Tướng chỉ chân tướng của vạn pháp trong vũ trụ. Thật là chân thật, diệu lý về chân tướng. Chân tướng do đâu mà có? Vì sao có chân tướng? Lý Thể của chân tướng được gọi là Diệu, nó là tự tánh. Công năng và đức dụng trong tự tánh chẳng thể nghĩ bàn, không có cách nào tưởng tượng, gì cũng chẳng có, nhưng nó chẳng thiếu thứ gì, diệu ở chỗ này! Chúng ta hãy suy nghĩ, khi Huệ Năng đại sư khai ngộ, Ngài đã miêu tả Bồ Đề chân chánh, diệu lý Thật Tướng có hình dạng như thế nào? Ngài nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”. Nói theo cách bây giờ, “*nào ngờ tự tánh*” là chẳng nghĩ tự tánh vốn là thanh tịnh. Có bị nhiễm bần hay không? Chẳng có! Hiện thời, tự tánh của chúng ta có bị nhiễm bần hay không? Chẳng có! Chắc chắn chẳng bị nhiễm bần! Đọa súc sanh, đọa ngạ quỷ, đọa địa ngục đều chẳng bị nhiễm bần, đúng là thanh tịnh, là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Không chỉ chẳng bị nhiễm bần, mà còn chẳng có sanh diệt, bất sanh, bất diệt!

“*Bốn tự cụ túc*” (vốn tự trọn đủ), “*cụ túc*” là gì? Trí huệ, đức năng, tướng hảo, cũng là trọn đủ hết thầy các pháp, vì sao? Hết thầy các pháp đều do tự tánh biến hiện, có thể hiện hết thầy các pháp. Kinh Hoa Nghiêm nói đến thế giới Hoa Tạng, phẩm Thế Giới Thành Tựu có nói “*vô lượng vô biên chư Phật sát độ*”. Trong chư Phật sát độ (các cõi nước của chư Phật) có cõi là tịnh độ, có cõi là uế độ. Uế độ giống như địa cầu của chúng ta, trạng huống đại khái giống nhau, thiên biến vạn hóa, trước nay chưa từng ngưng dứt. Tổng chỉ huy, vạch ra sách lược chung của những biến hóa ấy là ai? Thừa quý vị, ý niệm, tức là ý niệm của chúng ta. Chư Phật Như Lai thị hiện trong lục đạo, như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại Ấn Độ vào

ba ngàn năm trước, thị hiện tám tướng thành đạo, người vạch ra sách lược chung, tổng chỉ huy vẫn là chính chúng ta. Ngài là *“tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”* (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ), diệu mà! Sách Hoàn Nguyên Quán gọi chuyện này là *“xuất sanh vô tận”*, gọi nó là “diệu lý”, pháp được gọi là “diệu pháp”. Đối với chữ Diệu này, diệu ở chỗ nào? Chẳng thể nói là nó có, mà cũng chẳng thể nói là nó không có. Đó là Diệu. Quý vị nói “nó là có” thì bản thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được. Quý vị bảo “nó là không”, nó lại thật sự hiện tướng. Tướng là huyền tướng, Lý là lý Không. Lý chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, sáu căn của chúng ta đều chẳng tiếp xúc được. Quý vị nhìn chẳng thấy, mà cũng chẳng nghe thấu, nghĩ cũng chẳng ra, sáu căn không có cách nào tiếp xúc. Nó tồn tại, chẳng phải là không tồn tại, điều này được gọi là Diệu. Lý diệu, Sự diệu, Tướng cũng diệu. Khi nào có thể thấy chân tướng? Khế nhập bèn thấy. Chưa khế nhập sẽ chẳng nhìn thấy. Khế nhập phải có công phu Định Huệ. Chưa có Định Huệ thật sâu thì đến khi nào sẽ định? Định do chúng ta tu tương ứng với tự tánh vốn định. Cổ đại đức nói *“tánh, tu bất nhị”*, tánh định là tự tánh vốn định. Huệ Năng đại sư nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng dao động”*, đó là tánh định. Nay tâm chúng ta loạn, vọng niệm quá nhiều, buông vọng niệm xuống như thế nào? Chúng ta tu Định, tu tương ứng với tự tánh vốn định, Thật Tướng của các pháp hiện tiền, hoàn toàn thấy rõ rệt. Khi ấy sẽ gọi là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, người học Phật phải đặt vững mục tiêu ở nơi đây. Nay chúng ta ở trong thế gian này, tưởng tượng chẳng được, đức Phật dạy chúng ta một phương pháp: Trước hết, hãy về thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc theo A Di Đà Phật, vấn đề ấy sẽ được giải quyết, chúng ta bèn có thể chứng đắc. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

Tập 106

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi sáu, xem từ dòng thứ nhất, coi từ chữ Chánh Giác trong dòng thứ nhất.

“Chánh Giác giả, Như Lai chi Thật Trí, cố thành Phật viết thành Chánh Giác. TỐI Chánh Giác giả, sùng hiển Phật giác chi vô thượng viên mãn cứu cánh” (Chánh Giác là Thật Trí của Như Lai, vì thế, thành Phật được gọi là “thành Chánh Giác”. TỐI Chánh Giác: Đè cao, hiển thị sự giác ngộ của Phật là vô thượng viên mãn rốt ráo). Đoạn này về tướng thứ sáu (tức “thành đạo”) trong tám tướng thành đạo, kinh văn chỉ có hai câu: “ĐẮC VI DIỆU PHÁP, THÀNH TỐI CHÁNH GIÁC”, đoạn này nhằm giải thích TỐI Chánh Giác là gì. Trong phần trước, tôi có nói lão cư sĩ Niệm Tổ đã trích dẫn kinh luận nhằm giải thích từ ngữ “đắc vi diệu pháp” là “khế thể Tôn chi Phật trí”, tức là khế nhập [Phật trí của đức Thế Tôn], “nhập Thật Tướng chi diệu lý” là thành Chánh Giác. Nay lại giải thích, “Chánh Giác giả, Như Lai chi Thật Trí” (Chánh Giác là Thật Trí của Như Lai). [Hễ nói] Như Lai thì quá nửa là nói về tự tánh, là tự tánh của đương nhân. Trong kinh Phật thường nói “đương nhân” thì “đương nhân” (當人) là chính mình, “đương xứ” (當處) là ở ngay nơi đây, cho nên gọi là “đương hạ” (當下: ngay nơi đây, ngay trong lúc này). Trong tự tánh của chính chúng ta vốn sẵn có trí huệ chân thật, trí huệ ấy chẳng giả. Trí huệ chân thật vĩnh viễn chẳng mất đi, vĩnh viễn tồn tại. Không chỉ trí huệ là như thế, mà đức năng cũng là như thế, tướng hảo cũng là như thế, chẳng có một pháp nào không như vậy, pháp nào cũng đều là như vậy, vì hết thảy các pháp chẳng lìa tự tánh, đều do tự tánh biến hiện. Ở đây, cổ đại đức có một tỷ dụ, sánh ví tự tánh như vàng, vàng ròng, sánh ví vạn pháp như các món vật làm bằng vàng, dùng vàng ròng làm thành các dụng cụ. Thí dụ như phổ biến nhất là đồ trang sức, nhẫn, xuyên, vòng đeo cổ, những món trang sức ấy, lắm thứ kiểu dáng, chẳng có cùng tận. Năm xưa tôi ở Mỹ, chúng tôi có một vị đồng tu là cư sĩ Trần Đại Xuyên kinh doanh đồ trang sức. Ông ta làm đồ trang sức giả, tức là [đồ bằng] vàng mạ, chẳng phải là vàng ròng, làm vô cùng xinh đẹp, lại vừa rẻ. Hàng bán hết sức chạy, bán khắp cả thế giới. Có lần, ông ta dẫn tôi đến thăm phòng trưng bày, phòng trưng bày ấy to gần gấp đôi studio của chúng ta, những sản phẩm trong ấy ước chừng gần hai vạn loại, quý vị đến xem, đẹp đẽ khôn xiết, thật xinh đẹp! Người ngoại quốc rất thích những món ấy, chúng hết sức đẹp đẽ, trông còn đẹp hơn đồ thật. Mất đi cũng chẳng đáng giá mấy. Một món đất nhất cũng không hơn mười mấy đồng, đại khái chẳng thể nào mắc hơn hai mươi đồng. Quý vị thấy giá thành rất thấp, rất đẹp, ai đến cũng mua vài món, có thể thường thay đổi để đeo. Quý vị thấy làm ra mấy vạn thứ, hình dạng khác nhau, chúng được gọi là “khí” (器:vật dụng). Tất cả hết thảy các món trang sức có chất liệu đều là hoàng kim, nó là vàng mạ. Cổ đức dùng tỷ dụ này, sánh ví “dĩ kim tác khí, khí khí giai kim” (dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng), “vàng” ấy chính là Thật Trí của Như Lai được nói đến ở đây. Chỉ cần quý vị chứng đắc, tìm được trí huệ chân thật trong tự tánh, tác dụng sẽ vô cùng.

Do vậy, Phật được gọi là TỐI Chánh Giác, TỐI Chánh Giác “sùng hiển”, Sùng (崇) là sùng thượng (đè cao), tôn sùng, Hiển (顯) là hiển thị, “Phật giác chi vô thượng viên mãn cứu cánh” (sự giác ngộ của Phật vô thượng viên mãn rốt ráo). Ba hình dung từ này hay lắm! Vô Thượng là chẳng có gì cao hơn, nó có thể sanh ra vạn pháp. Viên Mãn là chẳng có mấy may

khuyết hãm nào. Cứu Cánh là đạt tới chỗ tốt bậc. Đây là nói về trí huệ hiện tiền, đức năng cũng là vô thượng viên mãn rốt ráo, tướng hảo cũng như thế. Cũng có thể nói là chẳng có pháp nào không phải là vô thượng viên mãn rốt ráo. Chỗ như vậy ở nơi đâu? Tây Phương Cực Lạc thế giới là như vậy, thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật được nói trong kinh Hoa Nghiêm cũng là như vậy, báo độ của hết thầy chư Phật đều là như vậy. Vì sao? Có thể tiến nhập báo độ của Như Lai là ai? Đều là những người tu hành đã đạt địa vị, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thầy đều buông xuống. Do vậy, thế gian ấy là một thế gian bình đẳng, chẳng có cao, thấp. Vì sao? Ai nấy đều đạt đến vô thượng viên mãn rốt ráo. Chẳng phải ở trong cảnh giới ấy, quý vị sẽ chẳng thể tiến vào, thế giới ấy ở ngay trước mặt mà quý vị cũng chẳng nhìn thấy. Các nhà khoa học hiện thời đang nói đến các chiều không gian khác nhau. Chúng có tồn tại trước mặt chúng ta hay không? Ở ngay trước mặt chúng ta! Về căn bản là hiện tiền, chẳng hề rời khỏi, ở ngay đó, nhưng chúng ta chẳng thấy. Giống như chúng ta xem TV, quý vị thấy [những hình ảnh] đều ở trong màn hình này, đang tồn tại. Ở đây (Úc) thì tôi không biết, chứ ở Mỹ có hơn một trăm băng tần TV, đều hiện diện trong một màn hình. Quý vị chẳng mở đúng băng tần, chẳng thể nói nó không có. Nhà Phật nói “*ẩn - hiển*”, nó ẩn chẳng hiển vì quý vị chẳng bắt đúng băng tần. Sau khi ấn nút đúng băng tần, nó bèn hiển hiện, hiển chứ không ẩn. Khi ẩn, quý vị chẳng thể nói là nó không có; khi hiển, quý vị chẳng thể nói là nó có, đó là Diệu! Chẳng phải có, chẳng phải không, đó là Diệu. Trong kinh Phật, chữ Diệu thường được dùng để chỉ ý nghĩa này. Duyên đầy đủ bèn hiển, duyên chẳng đủ bèn chẳng hiển. Trong chân tánh, ở đây [chân tánh được] gọi là Thật Trí, trí huệ chân thật chẳng hiển, giống như chúng ta nhìn vào màn hình TV, chẳng nhấn đúng băng tần, cái gì cũng chẳng có, nhưng hễ gặp duyên, nó có thể hiện tướng, có thể sanh ra vạn pháp. Không chỉ có thể sanh ra vạn pháp, sách Hoàn Nguyên Quán còn cho biết nó “*xuất sanh vô tận*”, biến hóa vô cùng, những điều này đều là thật. Vì sao nó biến hóa vô cùng? Vì nó vô thượng viên mãn rốt ráo!

Cảnh giới này không phải chỉ riêng mình Thích Ca Mâu Ni Phật mới có, cũng chẳng phải là một số vị như A Di Đà Phật và Tỳ Lô Giá Na Phật riêng có, chẳng phải vậy. Đức Phật bảo chúng ta: Hết thầy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới đều có, chỉ vì hiện thời quý vị đang mê chẳng giác, mê mất tự tánh, nên cảnh giới thù thắng khôn sánh chẳng hiện ra. Duyên ấy là gì? Nay chúng ta gọi duyên là nghiệp. Chúng ta hãy suy nghĩ, đại chúng trong xã hội hiện thời đang tạo nghiệp gì? Vì tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, bất hiếu với cha mẹ, bất kính tôn trưởng, kiêu căng, ngã mạn, tạo những nghiệp ấy. Những nghiệp ấy là nghiệp bất thiện. Vì sao hiện thời trên địa cầu có lắm tai nạn như thế? Do nghiệp bất thiện biến hiện. Những điều ấy đều thuộc loại viên mãn rốt ráo, nó có thể biến, tùy duyên biến, [tức là] thuận theo duyên mà biến hiện. Tùy thuận duyên gì vậy? Tùy thuận duyên của hết thầy chúng sanh, chẳng tùy thuận bản thân Phật, Bồ Tát. Nếu là tùy thuận bản thân Phật, Bồ Tát thì hiện tướng gì cũng không có. Điều đó giống như gì? [Giống như] chúng ta nhìn vào

màn hình TV, trong ấy thứ gì cũng đều chẳng có. Đó là duyên của chư Phật Như Lai. Vì sao các Ngài không hiện? Vì các Ngài chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, chư vị nghĩ xem: Há có phân biệt, chấp trước? Các Ngài thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước; do vậy, các Ngài hiện Thường Tịch Quang, một bầu quang minh. Trong đó, chẳng có hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng có hiện tượng tinh thần, giống như chúng ta nhìn vào màn bạc, trên màn bạc thứ gì cũng đều chẳng có, hiện những tướng ấy.

Chư Phật Như Lai hiện tướng, kinh giảng rất rõ ràng: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ), quý vị thấy “*tùy tâm ứng lượng*”, chẳng phải là tùy thuận cái tâm của chính mình, mà thuận theo tâm của chúng sanh. Tâm địa ngục hiện tướng địa ngục, địa ngục là tâm gì? Sân hận, sân khuê bèn hiện tướng địa ngục. Đối với tướng ngạ quỷ thì tâm ngạ quỷ hiện tướng ngạ quỷ, ngạ quỷ là gì? Tham lam, tham lam chẳng chán, đó là ngạ quỷ. Tâm súc sanh là ngu si. Do vậy, tham, sân, si hiện ba ác đạo. Nhân đạo là gì? Nhân đạo là Thập Thiện, Ngũ Giới. Tại Trung Quốc, tổ tiên dạy chúng ta Ngũ Luân, Ngũ Thường là nhân đạo. Hiện thời, làm người khổ quá! Vì sao? Họ chẳng phải là người, con người hiện thời còn khổ hơn ngạ quỷ, vì sao? Đã mất cái tâm người rồi! Tâm người là gì? Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, đó là tâm người. Tổ tiên dạy chúng ta bốn khoa mục ấy, chúng ta phải tìm lại chúng, đó là xã hội phước báo nhân thiên, người trong thế gian này thật sự có phước. Kinh còn dạy chúng ta tu phước, quý vị chẳng tu phước, lấy đâu ra phước báo? Tạo tội mà mong có được phước báo, chẳng có lẽ ấy! Chẳng có đạo lý ấy! Chịu tội chính là bị tai nạn, tai nạn cá nhân là bệnh tật, quả báo của biệt nghiệp và cộng nghiệp chính là thiên tai, nhân họa.

Xã hội hiện thời đầy dẫy thiên tai, nhân họa, vì sao? Người sống trên địa cầu này vứt bỏ thiện nghiệp, chẳng còn học theo điều lành, chẳng biết tu phước, chẳng biết tu đức. Vì thế, xã hội lâm vào tình trạng bình trị hay loạn lạc đều là các phản ứng đối với tâm hạnh và nghiệp cảm của cư dân hiện tiền, chứ chẳng phải là gì khác. Hiểu rõ đạo lý này, liễu giải sự thật này, trông thấy khá nhiều điềm báo bất tường, chúng ta lập tức giác ngộ, lập tức quay đầu, tai nạn sẽ từ từ hóa giải. Nếu chính mình chẳng thừa nhận lầm lỗi của chính mình, chẳng biết sám hối, chẳng biết quay đầu, vẫn thuận theo tập khí phiền não của chính mình để tiếp tục làm thì sẽ bị hủy diệt, chính mình bị hủy diệt, xã hội cũng bị hủy diệt, địa cầu cũng bị hủy diệt, quý vị làm chuyện như thế đó. Những vị đại thánh đại hiền của các sắc dân khác nhau và các tôn giáo bất đồng nhắc nhở, chỉ dạy chúng ta hãy thoát ly biển khổ, đạt tới cuộc sống thật sự hạnh phúc mỹ mãn như thế nào, đó là giáo dục tôn giáo. Văn tự Trung Quốc giải thích hai chữ “tôn giáo” rất hay. Chữ Tôn có ba ý nghĩa, thứ nhất là chủ yếu, thứ hai là trọng yếu, thứ ba là tôn sùng, tôn trọng, đề cao, tôn sùng. Giáo là giáo dục, giáo học. Quý vị thấy hai chữ Tôn Giáo gộp lại rất tuyệt diệu, trong thế gian này, [tôn giáo là] điều nhân dân cần thiết,

là giáo dục trọng yếu nhất, là sự giáo học chánh yếu nhất, là sự giáo hóa đáng tôn sùng nhất, đó là hai chữ Tôn Giáo được giải thích theo Hán văn. Trong mười mấy năm gần đây, chúng tôi tiếp xúc khá nhiều tôn giáo trên thế giới, đem định nghĩa này của Trung Quốc về tôn giáo nói với mọi người, người nghe chẳng có ai không hoan hỷ, chẳng có tôn giáo nào phản đối cách nói ấy. Nghe xong rất hoan hỷ, bởi tôn giáo vốn có ý nghĩa ấy. Đó là gì? Giáo dục tôn giáo là nhu cầu tất yếu của người thế gian. Quý vị có nền giáo dục ấy sẽ có hạnh phúc, có sự mỹ mãn, có hòa hài, có hòa bình. Không có nền giáo dục ấy, xã hội động loạn chẳng biết đến mức nào! Tổ tiên chúng ta tạo ra chữ viết, hàm nghĩa trong các từ vựng (vocabulary) được dùng hết sức sâu xa, [đúng là] văn tự trí huệ, câu chữ trí huệ. Chúng ta phải cảm ân tổ tiên, chớ nên khinh dễ, khinh dễ sẽ có tội với tổ tiên, là đại bất hiếu! Bởi lẽ, đây là trí huệ chân thật vô thượng viên mãn rất ráo của Như Lai.

“*Như Thích Ca Phô viết: Đắc vô thượng chánh chân chi đạo, vi Tối Chánh Giác*” (như sách Thích Ca Phô có nói: “Đắc đạo vô thượng chánh chân là Tối Chánh Giác”). Trong Thích Ca Phô có một câu nói như thế, có thể dùng câu ấy để giải thích ý nghĩa bao hàm trong từ ngữ Tối Chánh Giác. “*Hội Sớ viết: Giác chi trung vi tối cực*” (Sách Hội Sớ giảng [Tối Chánh Giác] là “sự giác ngộ tột bậc”), vì A La Hán đã giác ngộ, nhưng là vừa mới bắt đầu giác ngộ, A La Hán là như vậy. Giác ngộ có lợi ích gì? Bất giác có gì chẳng tốt? Bất giác sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Quý vị sống sống chết chết trong lục đạo luân hồi, vĩnh viễn chẳng thể gián đoạn, thân thể này đã diệt lại đi tìm một cái thân khác, vĩnh viễn ở trong lục đạo. Trong lục đạo, được làm thân người, hay được làm thân chư thiên, cơ hội ấy chẳng nhiều, rất ít. Phải làm thân nạ quý, thân súc sanh, thân địa ngục trong lục đạo, cơ hội ấy quá nhiều! Nghĩ tới điều này, quý vị sẽ hiểu. Do vậy, đức Phật tỷ dụ lục đạo là biển khổ. Câu “*biển khổ vô biên*” hình dung lục đạo luân hồi chẳng có ngần hạn, nên nói là “*biển khổ vô biên*”. Chúng ta hãy suy nghĩ, chẳng cần nói đến năm đường kia, trong nhân đạo hiện thời, hãy nhìn xem con người hiện thời đang sống cuộc đời gì, có thật sự sung sướng hay chẳng? Tôi thấy nhiều vị lãnh đạo quốc gia, tôi cũng từng thấy những phú ông có tài sản ức vạn, nhưng họ chẳng sung sướng! Vì sao tôi biết? Mỗi tối đi ngủ, họ phải uống thuốc ngủ, chẳng có thuốc ngủ sẽ không thể ngủ được! Chẳng có cà-phê đậm đặc, tinh thần sẽ uể oải. Do vậy, tôi hiểu, địa vị rất cao, có nhiều của cải, vẫn chẳng sung sướng, họ vẫn khổ sở. Phật pháp giúp họ lìa khổ được vui. Nếu họ thật sự chịu học, thật sự tin tưởng, thật sự có thể nghe hiểu, y giáo tu hành, sẽ lìa khổ được vui! Lìa khổ được vui là cả đời hạnh phúc mỹ mãn, chẳng liên can đến địa vị cao hay thấp, nghèo giàu, sang hèn! Cả cuộc đời của loài người chúng ta trong thế gian này là để theo đuổi hạnh phúc mỹ mãn hay là để theo đuổi phú quý? Phú quý mà chẳng sung sướng thì chẳng thà nghèo hèn mà sung sướng. Kể tại gia như Nhan Hồi, là môn đệ được Khổng phu tử tán thán nhất, cuộc sống của ông ta hết sức bần hàn, thiếu thốn, nhưng là người sung sướng nhất trong các đồng học. Trong các vị xuất gia, Bồ Đại hòa thượng chẳng có một thứ gì, Ngài đã xuất gia, thứ gì cũng đều buông xuống, kể cả đạo tràng cũng

không có, đi khắp nơi quải đơn, chính mình chẳng có đạo tràng, vui sướng khôn sánh, suốt ngày từ sáng đến tối cười hề hà. Đó là các tấm gương trong giới xuất gia và tại gia, chẳng liên can gì đến phú quý hay nghèo hèn, đắc đại tự tại, được sung sướng to lớn, đắc đại viên mãn. Nhờ vào đâu? Họ nhờ vào đạo, đắc đạo! Đắc đạo là gì? Giác ngộ, hiểu rõ, chẳng còn là kẻ hồ đồ nữa. Vạn sự vạn vật trong vũ trụ họ đều thông đạt, hiểu rõ, lẽ đâu chẳng vui sướng? Triệt để buông xuống, tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, chẳng nhiễm mây trần, lẽ nào chẳng vui sướng?

Vì vậy, “*đắc vô thượng chánh chân chi đạo*” nhusách Thích Ca Phổ đã nói chính là minh tâm kiến tánh. Trong Tịnh Độ Tông, dùng phương pháp Niệm Phật cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy. Đạt tới cảnh giới ấy thì Tịnh Độ Tông dùng thuật ngữ “lý nhất tâm bất loạn”. Đắc lý nhất tâm bất loạn là thành Phật, quý vị đắc đạo vô thượng chánh chân, đó là lý nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm bất loạn bằng với A La Hán, lý nhất tâm bất loạn là đã thành Phật. Kế đó, chúng ta lại thấy lão cư sĩ trích dẫn một câu nói từ sách Hội Sớ, sách Hội Sớ giảng: “*Giác chi trung vi tối cực*” (sự giác ngộ tốt bậc). A La Hán vừa mới bắt đầu giác ngộ, Bồ Tát tuy giác ngộ, nhưng chưa đạt tới tối cực, Phật đã đạt tới tối cực, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. “*Cổ vân thành Tối Chánh Giác. Thành Tối Chánh Giác tức cứu cánh thành Phật*” (nên nói là “thành Tối Chánh Giác”. Thành Tối Chánh Giác chính là rốt ráo thành Phật). Đây là nói đến tướng “thành đạo” trong tám tướng thành đạo của Thích Ca Mâu Ni Phật, chính mình đã tu hành viên mãn.

Sau khi viên mãn bèn làm gì? Sau khi chính mình đã viên mãn, phải giúp người khác viên mãn, phải giáo hóa chúng sanh. Vì thế, đoạn tiếp theo là: “*Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân*” (trời người nương về, ngưỡng mộ, xin chuyển pháp luân), đó là hóa độ chúng sanh, tức là tướng thứ bảy trong tám tướng thành đạo, tướng thứ bảy là “*chuyển pháp luân*”. Chúng ta học Phật, nói thật ra, đòi người gỡ gỡ duyên phận thù thắng như vậy, học Phật là đúng, chẳng học Phật bèn sai mất rồi. Học Phật cũng phải lấy “*thành Tối Chánh Giác*” làm mục tiêu học tập. Trong một đời này, chúng ta có thể đạt được Tối Chánh Giác hay không? Khó lắm! Nói thật ra, chẳng làm được! Chúng ta có thể đoạn tập khí phiền não hay không? Kiến Tư phiền não còn chưa thể đoạn, hưởng hồ Trần Sa, hưởng gì Vô Minh? Nhưng quý vị phải biết: Chẳng đoạn được những thứ ấy là không được! Nghĩ đến lục đạo, nhất định trước hết phải nghĩ đến tam đồ, tam đồ quá khổ, quá đáng sợ. Chúng ta chẳng dễ gì thoát khỏi tam đồ để được làm thân người. Chẳng tiêu trừ tội nghiệp trong tam đồ sẽ không thể thoát khỏi, giống như phạm tội bị xử phạt giam cầm trong tù ngục. Kỳ hạn xử phạt chưa mãn thì quý vị chẳng thoát ra được! Thời hạn bị xử phạt trong tam đồ đã mãn, thoát ra, vào nhân đạo, đã thoát ra nhưng chẳng khéo học, lại làm chuyện xấu, sau khi chết lại trở vào tam đồ. Trong kinh Địa Tạng, các quỷ vương đã nói tới chuyện này. Quý vị thấy đó, vừa mới thả quý vị ra, có sao quý vị bèn quay lại ngay? Quỷ vương chê cười quý vị. Sau khi thoát ra, chớ

nên lộn lại, quý vị bèn thành công. Người nào chẳng còn quay lại nữa? Sau khi thoát ra, gặp gỡ Phật pháp, tu hành chứng quả, người ấy sẽ chẳng quay lại. Chứng quả vị như thế nào? Tối thiểu là quả vị Tu Đà Hoàn. Thật sự chứng đắc Tu Đà Hoàn sẽ không quay lại tam ác đạo, vĩnh viễn sẽ không đọa vào nữa. Trong kinh, đức Phật đã dạy rất nhiều lần: Tuy Tu Đà Hoàn chưa thoát luân hồi, vẫn ở trong lục đạo, nhưng Ngài sanh trong cõi trời hoặc nhân gian, ở trong hai nơi ấy, chẳng đọa tam ác đạo. Lại còn qua lại chỉ tối đa là bảy lần trong cõi trời hoặc nhân gian, sau bảy lần sẽ vượt thoát lục đạo. Không chỉ vĩnh viễn chẳng đọa tam ác đạo, mà còn vĩnh viễn chẳng trở lại lục đạo, kể như là thật sự thành tựu.

Nói thật ra, chúng ta hiện thời ngay cả Tiểu Quả Tu Đà Hoàn còn chẳng có cách nào đạt được. Nếu nói là cần chặt rằng nghiêm túc tu hành thì sẽ có thể đạt được, chẳng phải là không đạt được! Thật sự có thể buông Ngã Chấp xuống, chẳng còn chấp trước thân là ta, đã thấy thấu suốt, buông đối lập xuống, đối với người, đối với sự, đối với vật chẳng có ý niệm đối lập, buông thành kiến xuống, buông hết thấy kiến giải sai lầm xuống, đọc kinh nhuần nhuyễn, biến đạo lý trong kinh Phật thành tư tưởng và kiến giải của chính chúng ta, đó là chính xác, chẳng có vấn đề gì! Chẳng cần niệm quá nhiều, một bộ kinh Vô Lượng Thọ là đủ rồi. Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, đủ rồi, sẽ có thể chứng đắc địa vị Sơ Tín trong Thập Tín Bồ Tát như kinh Hoa Nghiêm đã nói, là thánh nhân, chẳng phải là phàm phu. Sau khi chứng đắc sẽ chẳng bị thoái chuyển, đó là Vị Bất Thoái. Nếu gặp pháp môn Tịnh Độ, quý vị rất may mắn, vì sao? Gặp pháp môn này, quý vị có thể thành Phật trong một đời, chẳng phải là thành Tu Đà Hoàn, mà ngay lập tức vượt qua năm mươi địa vị, có thể thành Phật trong một đời, còn hành những thứ gì khác trong thế gian nữa ư? Thấy đều buông xuống, nhất tâm nhất ý đọc kinh, niệm Phật, chẳng cần phải mất một thời gian rất dài, quý vị có thể biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh. Tự tại vãng sanh, đâu còn thọ mạng trong thế gian này, ta chẳng cần, ra đi sớm, có năng lực ấy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật, chẳng tuyệt diệu ư? Chuyện may mắn như thế mọi người đều gặp gỡ, tùy thuộc ai có thể nắm được vận may này thì sẽ thành công. Bỏ lỡ sẽ rất đáng tiếc, trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, hy hữu khó gặp! Do vậy, thành Tối Chánh Giác là thành Phật rất ráo.

Chúng ta đọc hai câu kệ tiếp: *“Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân”*. Chỉ có đức hạnh và trí huệ của chính mình đã thành tựu, quý vị mới có thể cảm trời, người quy ngưỡng. Quy (歸) là quy y. Nói cách khác, họ đến bái quý vị làm thầy, nương vào sự giáo huấn của quý vị để tu hành, đó là *“quy ngưỡng”* (歸仰). Thỉnh chuyển pháp luân: Chuyển pháp luân là truyền pháp. Vì sao không nói Truyền, mà dùng chữ Chuyển? Lần lượt truyền pháp, Phật truyền cho quý vị, quý vị lại truyền cho người khác, từng người truyền cho nhau, càng truyền càng nhiều, càng truyền càng lâu, chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian này, đạo lý ở chỗ này. Chúng ta đọc lời chú giải của lão cư sĩ: *“Kỳ dĩ hạ chư cú”* (cùng với các câu dưới đó), phần kinh văn kế tiếp rất dài, đều nói về tướng thứ bảy, tức tướng thứ bảy trong

tám tướng thành đạo. Tướng thứ bảy là chuyển pháp luân, hãy ghi nhớ, [chuyển pháp luân là] lần lượt truyền pháp. “*Thiên nhân*” có nghĩa là cõi trời và nhân gian, chúng ta giải thích như vậy càng dễ hiểu. Ở đây, cụ Hoàng giải thích: “*Thiên đạo trung nhân*” (người sống trong cõi trời) được gọi là “*thiên nhân*”, tức là chư thiên. Thiên thượng nhân gian, chúng ta gộp cả nhân gian vào đó. “*Quy giả quy kính, Ngưỡng giả khâm ngưỡng*” (Quy là quy kính, Ngưỡng là khâm phục, ngưỡng mộ). Bồ Tát đã thành Phật, lời chú giải của lão cư sĩ chẳng phải là thiếu đạo lý! Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật, người thế gian chẳng biết, chỉ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tịnh tọa dưới cội cây Tất Bát La. Phạm nhân thấy người ấy đang tịnh tọa, người tu hành tịnh tọa thì họ đi qua cũng chẳng để ý đến. Nếu không có ai thỉnh pháp, đức Phật sẽ diệt độ. Phạm phu chẳng nhận biết, làm sao có thể đến thỉnh pháp cho được? Chư thiên biết, chư thiên nơi nào? Cõi trời Đệ Tứ Thiên, tức chư thiên trong Ngũ Bát Hoàn Thiên thấy biết, họ được gọi là Tịnh Cư Thiên. Kinh Phật gọi Tịnh Cư Thiên là Ngũ Bát Hoàn Thiên. Họ trông thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật dưới cội Bồ Đề, vội vã giáng xuống, biến thành hình dạng của người thế gian, quỳ gối trước đức Phật Thích Ca, thỉnh Phật trụ thế, thỉnh chuyển pháp luân. Phật Thích Ca có người đến khải thỉnh, do có người đến thỉnh nên nhận lời, chẳng nhập diệt. Vì thế, câu “*thỉnh chuyển pháp luân*” ở đây là thỉnh pháp. Chư thiên trời Tịnh Cư giúp chúng ta thỉnh pháp.

Vì vậy, ta có thể biết: Thỉnh pháp liên quan tới pháp vận của Phật pháp hưng hay suy. Có người thỉnh pháp, pháp vận của Phật sẽ hưng vượng. Phật chẳng phan duyên, chư vị phải liễu giải đạo lý này. Phật sẽ chẳng đến tìm quý vị. Chẳng có ai thỉnh pháp, đức Phật sẽ rời khỏi thế gian này, lìa khỏi nhân gian. Vì thế, có thể thỉnh pháp hay không sẽ có liên quan đến sự hưng suy của Phật pháp. Ngày nay, Phật pháp đã mấp mé bên bờ vực tồn vong, chẳng ai biết thỉnh pháp, Phật pháp sẽ thật sự biến mất trên thế gian này, cho nên chúng ta phải biết thỉnh. Thỉnh ai? Xem trong số những người trẻ tuổi, những ai ta biết rõ là người thật sự có đạo tâm, chân thật tu trì, thật sự giác ngộ, chúng ta phải thỉnh người ấy! Người khác chẳng thỉnh vì chẳng nhận biết, chúng ta nhận biết, có thể nào chẳng thỉnh hay không? Hiện thời người ấy là tại gia cư sĩ, ta thấy chính xác người ấy có thể hưng vượng Phật giáo bèn thỉnh cầu người ấy xuất gia, thỉnh cầu người ấy chuyển pháp luân. Chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, chúng sanh mới thật sự có thể tai chướng tiêu tan, có phước, tai nạn tiêu trừ, phước báo hiện tiền, đó là chuyện tốt, là chuyện tốt lành bậc nhất trong thiên hạ, chớ nên không biết. Ngàn vạn phần chớ nên ganh ghét, chướng ngại. Nếu ganh ghét, chướng ngại, chắc chắn sẽ là quả báo trong địa ngục A Tỳ, tuyệt đối chẳng phải là chỗ khác! Chắc chắn quý vị sẽ đọa trong địa ngục A Tỳ. Nếu tâm thái của quý vị chuyển biến, chuyển biến một trăm tám mươi độ, thỉnh Phật trụ thế, công đức ấy còn gì tuyệt diệu bằng? Cứu vớt Phật giáo, cứu vớt xã hội, cứu vớt địa cầu. Tích lũy công đức to tát dường ấy, nếu quý vị mong hưởng thụ phước báo nhân gian, hãy nghĩ xem đó là phước báo gì? Quý vị hưởng phước báo đế vương trong nhân gian. Ngôi vị đế vương ấy nếu truyền cho con cháu sẽ truyền được bao nhiêu đời? Tối thiểu

là truyền được một ngàn năm, phước báo quá to! Đúng là ngàn năm thịnh trị, quý vị tích lũy công đức to tát dường ấy. Duyên phận hy hữu khó gặp như thế, đến nơi đâu để tìm được? Sau khi gặp gỡ lại tu phước báo to như thế, chẳng tuyệt diệu ư? Nhưng nếu quý vị có huệ nhãn, sẽ có thể thấy rõ ràng. Nếu chẳng muốn làm quốc vương trên thế gian, quý vị có phước báo to lớn ngàn ấy, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là đi làm Phật, sẽ thành Phật. Công đức ấy quá lớn, chẳng có bất cứ công đức nào có thể sánh bằng!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới, trong Trí Độ Luận có nói: *“Kim thị Thích Ca Văn Phật đắc đạo hậu, ngũ thập thất nhật tịch bất thuyết pháp”* (Nay đức Thích Ca Văn Phật sau khi đắc đạo, trong năm mươi bảy ngày yên lặng chẳng thuyết pháp). Sau khi thành đạo, đức Phật ngồi dưới cội cây to năm mươi bảy ngày, chẳng nói câu nào. *“Tự ngôn, ngã pháp thậm thâm, nan giải, nan tri, nhất thiết chúng sanh phược trước thế pháp, vô năng giải giả”* (tự nhủ: “Pháp của ta quá sâu, khó hiểu, khó biết, hết thảy chúng sanh bị trói buộc bởi pháp thế gian, không ai có thể hiểu được!”). Đối với người thế gian, *“phược”* (縛) là giống như quý vị bị dây thừng trói chặt, chẳng thể động đậy, *“trước”* (著) là chấp tướng, hai chữ này đều là tên gọi khác của phiền não. Tập khí phiền não quá sâu, mê mà bất giác, nên quý vị nghe chẳng hiểu lời Phật giảng, nghe mà chẳng có hứng thú. *“Bất như mặc nhiên nhập Niết Bàn lạc”* (chẳng thà lặng lẽ nhập trong niềm vui Niết Bàn), đây là lúc chẳng có ai tỉnh, Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Bát Niết Bàn. *“Thị thời chư Bồ Tát cập Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm thiên vương, chư thiên, hợp chướng kính lễ, thỉnh Phật vị chư chúng sanh sơ chuyển pháp luân. Phật thời mặc nhiên thọ thỉnh, đáo Ba La Nại Lộc lâm trung chuyển pháp luân”* (lúc bấy giờ, các vị Bồ Tát và Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm thiên vương, chư thiên, chấp tay kính lễ, thỉnh Phật hãy vì chúng sanh mà chuyển pháp luân lần đầu tiên. Khi đó, đức Phật im lặng nhận lời thỉnh, đến rừng Lộc Uyển trong thành Ba La Nại chuyển pháp luân), đó là giáo hóa năm vị tỳ-kheo. Trong Đại Trí Độ Luận có ghi câu chuyện như vậy. Thật ra, đức Phật ở trong Định, giảng kinh Hoa Nghiêm mười bốn ngày, cũng có kinh nói là hai mươi một ngày, trong Định giảng kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi bảy ngày thì sau khi đã giảng xong kinh Hoa Nghiêm, chẳng có ai đến khải thỉnh, đức Phật ngồi dưới cội cây suốt năm mươi bảy ngày, trừ ba lần bảy là hai mươi một ngày ra, tối đa là đức Phật giảng kinh Hoa Nghiêm trong hai mươi một ngày, thời gian còn lại là chờ đợi, người thế gian mê hoặc, điên đảo, chẳng hay, chẳng biết, chờ đợi trời, người. Chư Bồ Tát trông thấy, người Hoa gọi Thích Đề Hoàn Nhân là Ngọc Hoàng Đại Đế, vị này cũng trông thấy, Đại Phạm Thiên Vương cũng thấy, kể đó là chư thiên, chư thiên cõi trời Tịnh Cư cũng thấy. Trong Thích Ca Phổ chép thiên chúng Tịnh Cư đến thỉnh pháp. Lúc đó, Thích Ca Mâu Ni Phật chấp thuận, im lặng là chấp thuận, chẳng cần phải nói. Nếu chẳng chấp thuận sẽ phải nói, không nói tức là chấp thuận, Ngài đến Lộc Dã Uyển, *“Ba La Nại Lộc lâm trung”* chính là Lộc Dã Uyển, giáo hóa năm tỳ-kheo. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo, bắt đầu giáo hóa chúng sanh từ nơi đây. *“Hựu Pháp Hoa kinh vân”* (lại nữa, kinh Pháp Hoa nói), lão cư sĩ trích dẫn kinh luận rất nhiều, nên chúng ta đọc bản chú

giải này cũng giống như đọc hơn một trăm bộ kinh luận. Đây là chuyện tốt đẹp vô cùng hiếm có, khó gặp, [cụ trích dẫn] tổng cộng một trăm chín mươi ba bộ kinh luận. Tiếp theo đó là: “*Hựu Pháp Hoa kinh vân: Nhĩ thời, chư Phạm Vương, cập chư thiên Đế Thích, hộ thế tứ thiên vương, cập Đại Tự Tại Thiên, tịnh chư dư thiên chúng, quyền thuộc bách thiên vạn, cung kính hợp chưởng lễ, thỉnh ngã chuyển pháp luân*” (Lại nữa, kinh Pháp Hoa nói: “Lúc bấy giờ, các Phạm Vương và chư thiên, Đế Thích, bốn vị thiên vương hộ thế và Đại Tự Tại Thiên, cùng các thiên chúng, quyền thuộc trăm ngàn vạn người, cung kính chấp tay lễ, thỉnh ta chuyển pháp luân”). Trong kinh Pháp Hoa, chính đức Phật tự nói, thuở Ngài thành đạo, loài người chẳng biết, phàm phu mắt thịt chẳng nhìn thấy, nhưng chư thiên trông thấy. Cho nên các thiên vương trong hai mươi tám tầng trời, trừ Vô Sắc Giới Thiên ra, mười tám tầng trời thuộc Sắc Giới và sáu tầng trời thuộc Dục Giới, đều dẫn quyền thuộc của chính mình và đại chúng tới khai thỉnh.

“*Pháp luân*”, lại giải thích chữ Pháp Luân, “*Pháp, chỉ Phật giáo pháp. diễn thuyết Phật chi giáo pháp, xưng vi chuyển pháp luân*” (Pháp: Chỉ giáo pháp của đức Phật. Diễn nói giáo pháp của Phật thì gọi là “chuyển pháp luân”). Chúng ta hiểu rất rõ ý nghĩa của “chuyển pháp luân”. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, thân hành, ngôn giáo nêu gương tốt nhất cho hết thảy chúng sanh, đó gọi là “*chuyển pháp luân*”. Chuyển (轉) là chuyển động, Pháp (法) là thân hành, ngôn giáo, Luân (輪) tượng trưng sự viên mãn, tượng trưng cho sự rốt ráo. Tiếp đó, lại giải thích chữ Luân: “*Luân giả, Chuyển Luân Thánh Vương chi luân bảo, hồi chuyển tứ thiên hạ, triển tột chư oán địch. Cố dĩ thí dụ Phật chi giáo pháp, diệt lưu chuyển nhất thiết chúng sanh giới, phá trừ chư phiền não*” (Luân là luân bảo (bánh xe báu) của Chuyển Luân Thánh Vương, xoay chuyển khắp tứ thiên hạ, nghiền nát các oán địch. Vì thế, dùng nó để sánh ví giáo pháp của Phật cũng lưu chuyển trong hết thảy chúng sanh giới, phá trừ các phiền não). Luân là gì? Hiện thời, đại khái là trong nửa thế kỷ này, trong quá khứ cũng có, nhưng chẳng rõ rệt, trong nửa thế kỷ này thì vô cùng rõ rệt, thường nghe nói có người từ ngoài vũ trụ đến địa cầu chúng ta. Công cụ giao thông của họ là gì? Đĩa bay! Đĩa bay chẳng phải là Luân ư? Nó tròn trĩnh, đó là công cụ giao thông của họ. Khoa học kỹ thuật phát triển hơn chúng ta, nay chúng ta chế tạo máy bay nhưng chẳng có cách nào bay ra ngoài vũ trụ. Quý vị thấy công cụ giao thông của họ tròn xoe, các nhà khoa học bảo hình tròn thích hợp nhất để phi hành. Tất cả hết thảy tinh cầu cũng đều là hình tròn, tốc độ phi hành trong vũ trụ cũng hết sức nhanh chóng. Vì thế, tôi cảm thấy Luân Bảo của Chuyển Luân Thánh Vương như kinh đã nói đại khái là đĩa bay! Chẳng phải là nhà vua đích thân đến, mà vua sai những binh lính cấp thấp đến các tinh cầu để tuần tra một lượt, xem xét tình hình. Vì sao? Đây là khu vực cai trị của vua, phải thường xuyên phái người đến đây tuần tra đôi chút. Vua thuộc về loài người, chẳng phải là thiên đạo. Nếu là thiên đạo, sẽ chẳng cần đến công cụ giao thông. Chư thiên có thần thông, chẳng cần tới công cụ giao thông. Chuyển Luân Thánh Vương vẫn thuộc về nhân đạo, trong nhân đạo chẳng có cách nào đột phá các chiều không gian và thời gian nên nhất

định phải có công cụ giao thông. Do đó, đĩa bay từ tinh cầu khác bay đến, chắc chắn thuộc về nhân đạo. Tôi học Phật nhiều năm như vậy, trong khi giảng kinh mới thấu hiểu [điều này].

“*Hồi chuyển tứ thiên hạ*” (xoay chuyển trong tứ thiên hạ), tứ thiên hạ đều thuộc khu vực quản hạt của Chuyển Luân Thánh Vương. Trong kinh nói Chuyển Luân Thánh Vương có bốn loại, đẳng cấp khác nhau. Kinh Phật nói [bốn loại ấy] là Kim Luân Thánh Vương, Ngân Luân Thánh Vương, Đồng Luân Thánh Vương, và Thiết Luân Thánh Vương. Thiết Luân Thánh Vương nhỏ nhất, cai quản một thiên hạ trong tứ thiên hạ, cai quản một phương. Tứ Thiên Hạ là Đông, Nam, Tây, Bắc, Thiết Luân Thánh Vương cai quản một phương. Đồng Luân Vương cai quản một nửa tứ thiên hạ, tức là cai quản hai phương. Ngân Luân Vương cai quản ba phương. Kim Luân Vương cai quản trọn hết. Đó là bốn loại Chuyển Luân Thánh Vương. Vật báu của Chuyển Luân Thánh Vương là công cụ giao thông, các công cụ giao thông thuộc về nhà vua, nay chúng ta gọi là “không quân”, cũng thuộc loại vũ khí. Luân Bảo của Chuyển Luân Thánh Vương là vũ khí, Luân Bảo có thể đến các nơi thuộc phạm vi của nhà vua, nhưng chẳng thể tới những nơi chẳng thuộc vào phạm vi của ông ta. Chỗ nào vua có thể tới bèn thuộc vào phạm vi của ông ta. Câu tiếp theo khiến cho chúng ta hiểu Luân Bảo là vũ khí: “*Triển tời chư oán địch*” (ngghiền nát các oán địch), đó là vũ khí của ông ta. Dùng nó để tỷ dụ giáo pháp của đức Phật. Hiện thời chúng ta gọi giáo pháp của đức Phật là giáo dục của Phật Đà, mọi người bèn dễ hiểu. Giáo dục Phật Đà lưu chuyển trong hết thủy chúng sanh giới, giúp cho hết thủy chúng sanh đoạn phiền não, khai trí huệ. Do vậy, đức Phật giảng kinh, thuyết pháp ví như Chuyển Luân Thánh Vương đang chỉ huy, đang huy động Luân Bảo để tuần thị (tuần tra, xem xét) tứ thiên hạ. Tứ thiên hạ là mỗi tinh cầu. Ở đây, nếu dựa theo cách nói của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng ta coi một đơn vị thế giới là một hệ Ngân Hà, phạm vi thống lãnh, quản hạt của Kim Luân Thánh Vương là một hệ Ngân Hà. Khu vực quản trị của vị Luân vương nhỏ nhất, tức Thiết Luân Vương, cai quản một phần tư hệ Ngân Hà. Như vậy là công cụ giao thông của ông ta rất lợi hại, có thể trong một khoảng thời gian rất ngắn đã tuần tra trọn hết, quay về, hiểu rõ rệt tình hình. Loại người chúng ta trên địa cầu hiện nay làm càn, làm quấy, họ (các vị Chuyển Luân Thánh Vương) điều tra rõ ràng, gây ra tai nạn cho chúng ta. Điều này rất có thể là như vậy! Con người chẳng học điều tốt lành, không học điều thiện, có khả năng này! Nếu tâm chúng ta biến thành thiện, đoạn ác, tu thiện, tích công lũy đức, Luân Vương sẽ ban thưởng, tặng thưởng chúng ta, chẳng đến trừng phạt. Nêu ra cách nhìn này để mọi người tham khảo!

“*Pháp Hoa Văn Cú vân*” (sách Pháp Hoa Văn Cú nói), đây là trước tác của Trí Giả đại sư, là chú giải kinh Pháp Hoa, “*chuyển Phật tâm trung hóa tha chi pháp, độ nhập tha tâm, danh Chuyển Pháp Luân*” (chuyển pháp hóa độ người khác từ trong tâm Phật vào tâm người khác nên gọi là Chuyển Pháp Luân). Trí Giả đại sư nói: Chuyển phương pháp giáo hóa chúng sanh, kể cả lý luận từ trong tâm Phật. Đây là dạy người khác, nếu kẻ ấy có thể tin, có thể

hiểu, có thể thật sự thấu hiểu, biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày, đó là thật sự “*độ nhập tha tâm*” (đưa vào tâm người khác), người thọ giáo đạt được lợi ích chân thật. Đó là “*chuyển pháp luân*”. Vì thế, giáo pháp của đức Phật được chia thành bốn giai đoạn là tín, giải, hành, chứng. Khi quý vị chẳng tin tưởng, bèn giúp cho quý vị sanh khởi lòng tin. Trong xã hội quá khứ, tại Trung Quốc, kể cả người ngoại quốc nghiên cứu lịch sử Trung Quốc, không ai chẳng bội phục cổ nhân Trung Quốc, đều khẳng định người Hoa có trí huệ rất cao. Mấy ngàn năm qua, một quốc gia to như thế, dân cư đông đúc như thế, nhiều sắc tộc như vậy, có thể sống hòa thuận với nhau, đối đãi bình đẳng, điều này chẳng dễ dàng! Dựa vào đâu? Dựa vào giáo dục của thánh hiền. Đặc biệt là sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, quả thật là đã nâng cao văn hóa bản địa lên một mức độ rộng lớn, giải quyết rất nhiều vấn đề nan giải, công hiến rất lớn đối với xã hội. Vì thế, trên thế giới hiện thời, tuy người tín ngưỡng Phật giáo chẳng nhiều lắm, ít hơn Cơ Đốc Giáo và Y Tư Lan Giáo, nhưng các tôn giáo khác đều tôn trọng Phật giáo, chúng ta thấy được [điều này]. Vì sao? Trong kinh điển [nhà Phật] có đạo lý, những đạo lý ấy có thể thật sự giúp chúng ta giải quyết vấn đề. Phật pháp ở trong thế gian này, nêu gương, giúp đỡ hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, đó là giáo học của Phật pháp, dạy điều gì? Dạy con người lìa khổ được vui. Khổ - vui là quả báo, hiện thời chúng sanh đang chịu khổ, đang mắc nạn, chẳng dễ sống! Nếu Phật pháp được thực hành rộng rãi, khôi phục như thời cổ, tự viện am đường thời cổ giảng kinh, giáo học, là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo. Từ xưa tới nay, đế vương trực tiếp chương quản nền giáo dục ấy, cao tăng đại đức đều được phong làm Quốc Sư, giúp xã hội an định, giúp thế giới hòa hài. Thâu hẹp phạm vi thì Phật pháp có thể giúp cho hết thảy chúng sanh thân tâm thanh tịnh, khỏe mạnh, sống lâu, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an tường, hòa bình, quốc thái dân an, quý vị có thể nói Phật pháp chẳng có công hiến gì hay sao? Do vậy, lịch đại đế vương đều quy y Tam Bảo, chẳng có ai không nghiêm túc học tập. Đại khái những kẻ chẳng nghiêm túc học tập là các đời đế vương cuối cùng [trong mỗi triều đại], do họ chẳng nghiêm túc học tập nên quốc gia bị diệt vong trong tay họ. Từ lịch sử Trung Quốc, quý vị thấy rõ ràng, minh bạch chuyện như vậy.

Chúng ta lại xem phần trích dẫn kế tiếp: “*Gia Tường sư vân: Tự ngã chí bỉ, cố xưng vi Chuyển*” (Ngài Gia Tường nói: “Từ ta đưa tới người khác nên gọi là Chuyển”). “*Ta*” ở đây là Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy bảo, Bỉ (kẻ khác) là người tiếp nhận, kẻ thọ giáo học và hiểu. Đức Phật truyền cho mọi người, mọi người đều học, thấu hiểu; do vậy, Chuyển mang ý nghĩa dạy bảo và truyền lại. “*Hựu, Thám Huyền Ký giải pháp luân viết*” (Lại nữa, sách Thám Huyền Ký giải thích chữ Pháp Luân như sau), Thám Huyền Ký là chú giải kinh Hoa Nghiêm, do tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm là Hiền Thủ quốc sư soạn. Ngài là thầy của ngài Thanh Lương, đã giải thích chữ Pháp Luân như sau: “*Pháp thị quĩ trì nghĩa*” (Pháp có nghĩa là giữ cho đúng với khuôn khổ). Quĩ (軌) là quĩ đạo, nay chúng ta nói là nguyên lý, nguyên tắc, Trì (持) là bảo trì (gìn giữ), ắt phải tuân thủ những nguyên lý,

nguyên tắc ấy, chẳng thể vi phạm. Hễ vi phạm, quý vị sẽ bị phiền phức. Những nguyên lý, nguyên tắc ấy giống như gì? Giống như chân lý, quý vị chẳng thể vi phạm, nên gọi là Quy Đạo (đường lối, khuôn khổ nhất định). “*Thông hữu tứ nghĩa, vị giáo, lý, hành, quả*” (Nói chung, có bốn nghĩa là giáo, lý, hành, quả). Giáo là giáo học, nói theo hiện thời, chú trọng sách giáo khoa. Kinh bản này là Giáo, tức sách giáo khoa. Trong sách giáo khoa có Lý, tức là có đạo lý. Nếu chẳng có Lý, sẽ chẳng có Hành, chẳng có Quả, Giáo ấy chẳng phải là chánh giáo, đương nhiên càng chẳng thể nói là thánh giáo được! Trong thánh giáo, nội dung nhất định gồm có Lý, Hành, Quả, đó là nội dung của nó. Vì thế, nó có đạo lý trong ấy, đạo lý ấy nay được gọi là triết học và khoa học. Thật sự có! Không chỉ có, mà còn là rốt ráo viên mãn, điều này rất khó có. Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói là triết học cao cấp. Hành là phương pháp, những đạo lý này được áp dụng như thế nào trong cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, đó là Hành. Lý nếu chẳng thể hành sẽ biến thành huyền học, làm chẳng được thì chẳng đạt được lợi ích chân thật. Đạt được lợi ích chân thật thì phải hành. Tiếp đó, Quả là quả báo, quả báo thù thắng khôn sánh, [chẳng hạn như] tôi vừa mới nói, thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, quả báo ấy mở rộng thành xã hội hòa hài, thiên hạ thái bình, quả báo như vậy đó! Đối với sự tu hành chứng quả của quý vị mà nói, quý vị thành A La Hán, chứng đắc Bồ Tát, chứng đắc quả vị Phật, đó là Pháp. Do vậy, Pháp có giáo pháp, lý pháp, hành pháp, quả pháp, có bốn loại ấy, giảng rất tỉ mỉ.

“*Luân thị sở thành*” (Luân là cái được hoàn thành [bởi pháp]), Luân tượng trưng cho sự thành tựu, thành tựu viên mãn. Nó cũng có bốn ý nghĩa:

1) Ý nghĩa thứ nhất là viên mãn, “*dĩ ly khuyết giảm cố*” (do lia khuyết giảm), chẳng có khuyết giảm, nó là viên mãn. Luân (輪) là bánh xe. Bánh xe thời cổ là bánh xe ngựa. Cụ Hoàng nêu lên tỷ dụ này, nó có hình tròn. Hình tròn tượng trưng cho viên mãn. Nói theo hình tròn trong Hình Học hiện thời, nó có viên chu (circumference, chu vi đường tròn, độ dài đường tròn) và viên tâm (tâm hình tròn). Đó là hình tròn theo Hình Học hiện thời. Do vậy, Phật pháp dùng hình tròn làm tiêu chí (logo), ý nghĩa này rất sâu! Đường tròn là có, là động, tâm hình tròn là không, trống không. Trong Hình Học, chẳng tìm được một điểm, nhưng “điểm” có hay không? Khẳng định là có. “Điểm” có hình dạng như thế nào? Không có hình tướng, nó là một khái niệm trừu tượng^{103[3]}, thật sự có, nhưng thứ gì cũng chẳng có, điều này tuyệt lắm! Vì thế, đức Phật dùng pháp luân làm biểu hiệu, làm tiêu chí, sử dụng ý nghĩa ấy, chỉ có hình vẽ ấy mới có thể biểu thị [ý nghĩa] “Không và Có bất nhị”. Nó biểu trưng ý nghĩa viên mãn.

^{103[3]} Trong Hình Học, điểm (point) được coi là một khái niệm cơ bản để xây dựng các khái niệm khác, nó thường được coi là có mọi chiều kích thước đều bằng zero. Đường (line) được định nghĩa là tập hợp nhiều điểm.

2) Ý nghĩa thứ hai là “*cụ đức*” (trọn đủ các đức). Bánh xe có trục, tức là có tâm, chúng ta gọi nó là “*cốc lộc*” (轂輻: trục bánh xe, tâm bánh xe). Nó có cãm xe, cãm xe phát xuất từ chính giữa bánh xe. Bánh xe có rất nhiều cãm tõe ra, những cái đó được gọi là “*bức*” (輻: cãm xe). Bên ngoài, vông (輞: vành bánh xe) là phần bao quanh, bọc ngoài bánh xe là vành bánh xe. Đó là ý nghĩa “*cụ đức*”. “*Cụ đức*” có nghĩa là chẳng thiếu thứ gì. “*Tất giai cụ cố*” (do thủy đều có), thứ gì cũng trọn đủ thì hình tướng bánh xe mới viên mãn.

3) Thứ ba là “*hữu dụng, tòi triển Hoặc chướng cố*” (do có công dụng nghiền nát Hoặc chướng), áp dụng vào Phật pháp thì Phật pháp có thể nghiền nát, trừ sạch mê hoặc, nghiệp chướng. Dùng Phật pháp để giúp chúng sanh đoạn phiền não, khai trí huệ, bỏ mê hoặc, bỏ phiền não, chướng ngại, mang ý nghĩa này.

4) Thứ tư, “*chuyển động chi nghĩa*” (nghĩa là chuyển động). Trong thế gian hiện thời, toàn thể khoa học đều phải cậ vào bánh xe chuyển động. Nếu bánh xe không xoay chuyển, cái gì cũng chẳng có. Tác dụng lớn nhất của bánh xe là chuyển động. “*Vị tòng thử hướng bỉ, tức tòng Phật chí chúng sanh, diệt tòng bỉ hướng thử, tức tòng chúng sanh chí Phật quả*” (ý nói từ đây hướng đến kia, tức là từ Phật đến chúng sanh, mà cũng từ kia hướng đến đây, tức là từ chúng sanh hướng đến Phật). Đó là chuyển động. Đức Phật dạy chúng ta, chúng ta có thể tín, giải, hành, chứng, đến cuối cùng, chúng ta thành Phật. Ngài dạy chúng ta là Ngài đến với chúng ta ở nơi đây, sau khi chúng ta thành Phật là chúng ta trở về chôn Phật ngự, chúng sanh và Phật bất nhị. Hai câu này là “*thỉnh pháp*”, tức thỉnh chuyển pháp luân.

Chúng ta lại xem hai câu kệ đó, “*thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian*” (thường dùng pháp âm, giác ngộ các thế gian). Bắt đầu từ câu này, “*tòng thử cú hạ*” (từ câu này trở đi) mãi cho đến trước câu “*u thử trung hạ, nhi hiện diệt độ*” (trong hàng trung hạ căn, thị hiện diệt độ) đều là tướng thứ bảy, tức tướng chuyển pháp luân, đều nói về điều này. Mãi cho đến cuối phẩm toàn là nói về những hình tích giáo hóa chúng sanh của Thích Ca Mâu Ni Phật trong suốt một đời trên thế gian này. Câu này, tức câu “*thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian*”, là nói tổng quát. Đối với “*pháp âm*”, chúng ta hãy nhớ lời giải thích của Hiền Thủ quốc sư, bao gồm giáo pháp, lý pháp, hành pháp, quả pháp, đó là nói theo giáo pháp Đại Thừa. Nói nhiều cách mấy vẫn chẳng ra ngoài bốn loại lớn ấy. Giới thiệu A Di Đà Phật và Tây Phương Cực Lạc thế giới với chúng ta, đó là quả pháp, mong sao chúng ta sau khi hiểu rõ sẽ thật sự tu hành chứng quả, sự giáo học của đức Phật mới coi như viên mãn, mới thật sự được kể là đã đạt đến mục đích. Hai câu này là cương yếu tổng quát trong giáo học, chúng ta hãy đọc lời giải thích kệ đó. “*Pháp âm giả, quảng chí Như Lai giáo pháp, bất cục hạn u ngôn ngữ, thanh âm*” (pháp âm, nói theo nghĩa rộng là giáo pháp của Như Lai, chẳng hạn cuộc trong ngôn ngữ hay thanh âm), vì nhất cử nhất động của đức Phật đều là thuyết pháp, khiến cho người khác khai ngộ.

Ở đây nói rất hay, “*cái Thế Tôn thuyết pháp, nãi trần thuyết, sát thuyết, xỉ nhiên thuyết, vô gián thuyết, thuyết thời thuyết, mặc thời diệc thuyết. Bất đản hữu tình thuyết, vô tình diệc thuyết. Cố bất nghi dĩ pháp âm hạn u Thế Tôn chi ngôn giáo dã*” (bởi lẽ, đức Thế Tôn thuyết pháp chính là vi trần nói, cõi nước nói, nói hùng hực, nói chẳng gián đoạn, lúc nói bèn là nói, mà khi im lặng cũng là nói. Không chỉ là hữu tình nói, mà vô tình cũng nói. Vì vậy, chớ nên hạn cuộc pháp âm trong vòng ngôn giáo của đức Thế Tôn). Phải hiểu ý nghĩa này. Trong quá khứ, chúng tôi học tập những câu kinh văn như thế này rất hoang mang, thường nghĩ “*trần thuyết, sát thuyết*” đều là tỷ dụ, chúng tôi luôn hiểu như vậy. Hiện thời, chúng tôi đã hiểu rõ, đối tượng giáo học của đức Thế Tôn không chỉ là nhân gian. Tuy đức Phật thị hiện trong nhân gian, phạm vi giáo học của Ngài vẫn là khắp pháp giới hư không giới. Trần là thứ nhỏ bé nhất. Nay chúng ta biết một vi trần theo như kinh Hoa Nghiêm đã dạy, trong một vi trần có tin tức của khắp pháp giới hư không giới. Nó giống một đài đầu phát, có thể phát ra tin tức, và cũng có thể thu thập tin tức trong các vi trần thuộc khắp pháp giới hư không giới, giống như mạng lưới điện tử, “*trần thuyết*” là như vậy đó! Lợi ích loài chúng sanh nào? Trong một vi trần có thể giới, thế giới ấy chẳng hai, chẳng khác đại thế giới bên ngoài của chúng ta. Trong thế giới ấy có Phật, có Bồ Tát, có hết thầy chúng sanh. Đối với một vi trần, một lỗ chân lông của Phật, đem các tin tức truyền vào đó, chúng sanh trong thế giới ở trong một vi trần sau khi tiếp nhận cũng có thể khai ngộ, cũng có thể thành Phật, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Vi trần nhỏ nhất, cõi nước lớn nhất, nay chúng ta nói tới “*trần*” là nói thế giới vi mô, “*sát*” (cõi nước) là thế giới vĩ mô. Các nhà vật lý học hiện thời phát triển theo hai hướng, một là chuyên nghiên cứu vật lý vũ trụ, hai là nghiên cứu cái nhỏ nhất tức là vi trần, tức Lượng Tử Lực Học. Phát triển theo hai cực này, đều có thành tựu khá đáng kể. Nay chúng tôi mới hiểu “*trần thuyết*” và “*sát thuyết*” như trong kinh Phật nói là chuyện như thế nào!

“*Xỉ nhiên thuyết*”: Đức Phật rất nhiệt tâm, rất từ bi, chẳng hề mệt mỏi. Kinh Hoa Nghiêm nói “*vô hữu bì yếm*” (chẳng hề mệt nhọc, chán ngán), chẳng chán ngán, chẳng mệt mỏi. Chỉ cốt sao giúp cho chúng sanh giác ngộ, chúng sanh giác ngộ bèn lìa khổ, khổ do mê hoặc mà có. Đã giác ngộ sẽ không mê nữa, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ lẫn tạo tác đều chánh đáng, bèn lìa khổ, chẳng có tai nạn nữa. Hết thầy các pháp đúng là sanh từ tâm tưởng, chuyện này chỉ có đức Phật hiểu rõ ràng, rành rẽ. Nếu chúng ta chẳng huân tập nhiều năm như thế, cũng rất khó tiếp nhận. Hiện tại, càng khó có là các nhà khoa học đã chứng tỏ thế giới vĩ mô như trong kinh Phật đã nói (trọn khắp pháp giới hư không giới) và thế giới vi mô (Lượng Tử Lực Học) đều được chứng tỏ là thật, chẳng giả. Đối với chúng ta, chuyện này hết sức đáng hoan hỷ.

“*Vô gián thuyết*”: Đức Phật thuyết pháp chẳng gián đoạn. Khi Ngài ngủ, có thuyết hay không? Thuyết! Thuyết bằng cách nào? Khi ngủ, trong kinh đức Phật đã dạy, nơi chánh báo

của chúng ta, một sợi lông, hoặc cái nhỏ nhất [trong chánh báo] là tế bào, mỗi tế bào hoặc một sợi lông lan truyền tin tức ấy khắp pháp giới. Sách Hoàn Nguyên Quán nói sự dao động của một vi trần hoặc của một sợi lông sẽ trọn khắp pháp giới, xuất sanh vô tận, hàm chứa Có và Không. Lẽ nào chẳng nói? Có khi nào ngưng nghỉ? Chưa hề ngưng nghỉ. Vì thế, chẳng hạn cuộc nơi ngôn ngữ.

“*Thuyết thời thuyết*”: Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, đó là khi nói năng, Ngài bèn thuyết pháp.

“*Mặc thời diệc thuyết*” [nghĩa là] khi không nói thì Ngài vẫn đang thuyết pháp. Đối tượng chẳng phải là chúng ta, đối tượng nghe pháp thuộc chiều không gian khác nhau, cũng có thể nói là từ nhỏ như thế giới trong một vi trần, cho đến lớn như các cõi Phật trong mười phương. Trong thực tại, giống như chúng ta hiện thời, nay chúng ta đang học tập kinh giáo, người nghe tại giảng đường chẳng nhiều, chúng ta lợi dụng mạng Internet để cùng lúc phát ra, người trên cả thế giới chỉ cần có máy computer, biết địa chỉ trang web của chúng ta, bèn đều có thể tiếp nhận, đạo lý là như vậy đó. Thích Ca Mâu Ni Phật trần thuyết, sát thuyết, chúng sanh thuộc thế giới trong một vi trần đều nhận được, các thế giới trong các cõi Phật cũng nhận được, khắp pháp giới hư không giới chẳng có chỗ nào không nhận được.

“*Bất dẫn hữu tình thuyết, vô tình diệc thuyết*” (không chỉ hữu tình nói mà vô tình cũng nói), chúng ta vừa nói tới điều này. Vì sao? Xứng tánh, Tánh Đức tự nhiên lưu lộ, tự nhiên phát huy. Trong vi trần có nói hay không? Nói! Ai nói? Trong đó có Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng có A Di Đà Phật, vô lượng vô biên chư Phật đều ở trong một vi trần, các Ngài thuyết pháp chẳng gián đoạn. Ai có thể nghe? Kẻ có duyên sẽ nghe, Phật pháp chẳng lìa khỏi nhân duyên. Giống như thế giới vĩ mô và thế giới vi mô, người như thế nào sẽ có duyên? Người tâm thanh tịnh sẽ có duyên, người tâm bình đẳng sẽ có duyên. Nếu người ấy khai ngộ, minh tâm kiến tánh, duyên thật sự trọn đủ. Trong trạng huống ấy, chẳng cần thời gian rất dài, đối với các phương pháp do mười phương ba đời hết thầy chư Phật đã nói, người ấy sẽ viên mãn trong khoảng sát-na. Chúng ta có lý do để tin tưởng, chẳng hoài nghi điều này.

Tiếp đó, lại giải thích chữ Thế Gian: “*Giác chư thế gian*” là đối tượng, “*thường dĩ pháp âm*” là Phật. Phật giáo hóa chúng sanh, “*giác chư thế gian*” là nói tới đối tượng. “*Thế gian giả, La Thập đại sư viết: Thế gian giả, tam giới dã*” (“Thế gian”: La Thập đại sư giảng: “Thế gian là tam giới”). Nói tới tam giới thì rất gần, Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, nói thực tại là lục đạo; vì thế, tam giới lục đạo thường được nói gộp chung lại. Từ Dục Giới Thiên trở xuống, Dục Giới có sáu tầng trời, phía dưới là nhân đạo, dưới nhân đạo là súc sanh đạo, ngạ quỷ đạo, địa ngục đạo, đều thuộc về Dục Giới. Chúng sanh ở trong đó có quá nhiều dục vọng. Dục vọng là phiền não, là cội nguồn tạo tác hết thầy tội nghiệp. Lên cao hơn là Sắc Giới Thiên. Sắc Giới Thiên có hình sắc, nhưng chẳng có dục vọng; vì thế, rõ ràng là họ thanh

tịnh hơn chúng ta, dục vọng đối với sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ đều không có. Họ vẫn có tham, sân, si mạn, nghi, có những thứ ấy, nhưng rất nhẹ ít, hoàn toàn chưa đoạn, nhưng đã buông toàn bộ hoàn cảnh bên ngoài xuống, nên tâm họ thanh tịnh. Kế đó, sách còn viết: “*Tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới dã*” (tức là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới), chính là tam giới.

“*Thế Tôn thọ thỉnh hậu*” (Đức Thế Tôn sau khi được thỉnh), chúng ta phải hiểu người thỉnh pháp là những người thuộc thiên đạo, có địa vị cao cả trong thiên đạo, chẳng phải là thiên chúng bình phàm! Họ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, nên đến thỉnh pháp. Vậy thì chúng ta biết thời gian Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp cho họ sẽ lâu dài, thời gian thuyết pháp cho nhân gian chúng ta ít ỏi, chắc chắn là như vậy! Người ta là người khả thỉnh, đương nhiên chiếu cố nhiều hơn một tí, chúng ta giống như nghe ké, vì chẳng khả thỉnh. Chúng ta hưởng phước của chư thiên, họ khả thỉnh, chúng ta hưởng lây; đạo lý là như vậy. Vì thế, “*quảng diễn nhất đại: Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên chư pháp*” (rộng diễn các pháp Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên trong một đời giáo hóa của đức Phật). Một câu này đại diện hết thảy các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, chúng ta không dễ gì lãnh hội, phạm vi quá rộng lớn. Quý vị nghĩ xem: Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo chúng tôi, theo vũ trụ quan Phật giáo, một đơn vị thế giới là một hệ Ngân Hà, đó là một đơn vị thế giới. Một ngàn đơn vị thế giới hợp thành một tinh hệ, gọi là tiểu thiên thế giới. Tiểu thiên thế giới là một ngàn hệ Ngân Hà. Lại lấy tiểu thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là một trung thiên thế giới; lại lấy trung thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn trung thiên thế giới gọi là một đại thiên thế giới. Phạm vi to như thế là giáo khu của một vị Phật, tức là khu vực giáo hóa của Ngài. Tính ra là bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức hệ Ngân Hà, đó là giáo khu của Thích Ca Mâu Ni Phật, to dường ấy. Ngài thuyết pháp ở bất cứ chỗ nào, giống như hiện thời chúng ta dùng vô tuyến điện để phát sóng, toàn cầu đều có thể thu được. Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, toàn thể đại thiên thế giới, toàn bộ chúng sanh trong mười ức hệ Ngân Hà đều thu được. Có thể hay không? Có thể! Trong quá khứ, chúng ta nghe như vậy bèn hoài nghi, khoa học hiện tại đã chứng tỏ, sách Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư đã giảng rõ ràng, tốc độ ấy rất lớn, chẳng phải là tốc độ ánh sáng hay tốc độ vô tuyến điện [mà hòng sánh được], những tốc độ ấy quá nhỏ!

Sách Hoàn Nguyên Quán cho biết, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, toàn bộ đều là hiện tượng dao động. Chỉ cần sự dao động ấy vừa động, sẽ trọn khắp pháp giới hư không giới. Ba thứ dao động thì thứ nhất là trọn khắp pháp giới. Vừa mới động, tin tức bèn truyền đạt trọn khắp pháp giới. Vẫn chưa phải là lớn, vẫn là rất nhỏ, giáo khu của một vị Phật chỉ là mười ức hệ Ngân Hà. Có phải chỉ là mười ức hệ Ngân Hà hay chẳng? Không chỉ như vậy. Hệ Ngân Hà là giáo khu của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trừ giáo khu của Thích Ca Mâu Ni Phật ra, khắp pháp giới hư không giới đều thu được. Giống như chúng tôi

dạy học nơi đây, trung tâm này là phạm vi của chúng tôi, giống như tam thiên đại thiên thế giới của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng chúng ta dùng Internet, trừ khu vực này của chính mình ra, quý vị đều có thể nhìn, đều có thể thu được, toàn thể địa cầu cũng đều có thể thu được. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, các cõi Phật trong tam giới khắp mười phương thầy đều chịu ân. Rộng diễn giáo pháp trong một đời đức Phật như giáo pháp Đại Thừa, giáo pháp Tiểu Thừa, Quyền Giáo (giáo pháp phương tiện thiện xảo), Thật giáo (giáo pháp minh tâm kiến tánh), Thiên giáo (偏教: giáo pháp có cục hạn, cục bộ), Viên giáo là [giáo pháp] viên mãn. Mấy chữ này tượng trưng cho pháp luân viên mãn được nói bởi chư Phật Như Lai. Mục đích ở chỗ nào? “*Giác tỉnh tam thế nhất thiết chúng sanh*” (giác ngộ, thức tỉnh hết thầy chúng sanh trong ba đời), nhằm mục đích giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, giúp chúng sanh tỉnh mộng, quý vị đang nằm mộng trong tam giới. Tam giới là lục đạo, lục đạo là tam giới; do vậy, phạm vi của tam giới to cỡ nào? Mười ức hệ Ngân Hà!

“*Cổ viết: Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian. Thử thị chuyển pháp luân chi tổng tướng*” (Nên nói: “Thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian”. Đây là tổng tướng chuyển pháp luân). Từ đây trở đi, tức là từ câu “*phá phiền não thành*” trở đi là biệt tướng của chuyển pháp luân. Hai câu này (tức câu “*thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian*”) là nói tổng quát. Nếu có người hỏi chúng ta, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng gì? Quý vị có thể dùng bốn chữ này để trả lời: “*Giác chư thế gian*”, chẳng sai tí nào! Ngài giúp cho hết thầy thế gian giác ngộ. Cũng có thể nói Thích Ca Mâu Ni Phật giảng giải suốt đời nhằm dạy chúng ta làm thế nào lìa khổ được vui. Nói cách này, mọi người rất dễ hiểu: [Đức Phật thuyết pháp cả đời nhằm] dạy chúng ta làm thế nào để lìa khổ được vui. Khổ do đâu mà có? Khổ do mê mà có, lạc do đâu mà có? Lạc do giác mà có. Chỉ cần quý vị phá mê, giác ngộ, sẽ lìa khổ, được vui, thật sự đạt được. Do vậy, khổ - vui trọn chẳng liên quan đến nghèo giàu, sang hèn. Kẻ nghèo hèn sống cả đời sung sướng, quý vị thấy kẻ ấy hạnh phúc lắm, viên mãn lắm. Đó là Phật pháp, quý vị học Phật, vì sao phải học Phật? Do ta muốn vui sướng nên mới học Phật. Điều là thật, chẳng giả tí nào! Hôm nay đã hết thời gian rồi, buổi học này chúng ta học tới đây!

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 107

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi bảy, dòng thứ sáu từ dưới đếm lên, xem từ câu “*phá phiền não thành*”.

“*Phá phiền não thành (kiến Đường dịch).Phiền não giả, tham, sân, si đặng, phiền tâm, não thân, cố danh phiền não*” (“Phá phiền não thành” (câu này trích từ bản Đường dịch). Phiền não là phiền tâm, não thân, nên gọi là “phiền não”). Trước hết, giới thiệu đơn giản danh từ “phiền não”. Vì sao gọi nó là “phiền não”? Nó khiến cho tâm quý vị phiền muộn, khiến cho thân quý vị khổ não, nên gọi là “phiền não”. Tham, sân, si là cội rễ của phiền não, vô lượng vô biên phiền não đều sanh từ chỗ này. Trong Phật pháp, ba cội rễ ấy được gọi là Tam Độc Phiền Não, đúng là bả sanh. Tiếp theo đó, sách viết: “*Hựu tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ, Giới Thủ*” (lại nữa, tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ, Giới Thủ), những thứ này được gọi chung là “*mười loại phiền não*”. Mười loại phiền não này còn gọi là Kiến Tư phiền não. “*Thiên Thai Tông dĩ Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh Tam Hoặc xưng vi tam phiền não*” (Thiên Thai Tông gọi Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh Tam Hoặc là ba phiền não). Các phiền não này được quy nạp lại thành ba loại lớn: Thứ nhất là Kiến Tư. Kiến Tư là mười loại phiền não đã nói trên đây, mười thứ phiền não ấy được gọi là Kiến Tư phiền não. [Hai loại kia là] Trần Sa và Vô Minh, trong phần trước, chúng ta cũng thường nhắc tới [hai loại này]. Tham là tham ái, Sân là sân khuê, [Si là] ngu si, [Mạn là] ngạo mạn, [Nghi là] hoài nghi. Hoài nghi ở đây chẳng phải là hoài nghi thông thường, mà là nghi ngờ Phật pháp, tức là hoài nghi thánh giáo, hoài nghi giáo huấn của thánh nhân. Đó là phiền não nghiêm trọng.

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói đến khởi nguyên của vũ trụ, đây là một vấn đề căn bản trong Phật pháp, triết học và khoa học. Mãi cho đến hiện thời, khoa học và triết học vẫn chưa thể hiểu rõ ràng, minh bạch vấn đề này. Trong mấy năm gần đây nhất, do Lượng Tử Học xuất hiện, chuyện này đã có cách giải thích mới mẻ. Họ tìm ra cách giải thích mới, cách giải thích mới mẻ ấy hết sức gần với kinh Phật. Nói theo Phật pháp, kinh Đại Thừa thường nói: “*Nhất niệm bất giác nhi hữu vô minh*” (do một niệm bất giác bèn có vô minh), từ vô minh biến hiện A Lại Da. Chân tâm là tự tánh. Tự tánh là chân tâm, A Lại Da là vọng

tâm; Vọng do đâu mà có? Đương nhiên chẳng thể rời Chân; rời khỏi Chân há có hư vọng? Giống như chúng ta đứng dưới ánh nắng bèn có bóng, cái bóng ấy là hư vọng. Bóng do đâu mà có? Do thân người mà có. Nếu chẳng có thân người, lấy đâu ra bóng? Chúng ta sánh ví thân người như tự tánh, bóng là A Lại Da. Tự tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, thứ gì cũng đều chẳng phải, trong Tịnh Tông gọi là Thường Tịch Quang. Đồng học Tịnh Tông đều biết Tây Phương Cực Lạc thế giới có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Bốn cõi là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Phương Tiện Hữu Du Độ, và Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư tương đương với lục đạo luân hồi nơi này, cõi Phương Tiện Hữu Du tương đương với bốn thánh pháp giới trong thế giới của chúng ta. Đối với Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cõi Thật Báo giống nhau, cõi Thường Tịch Quang cũng giống nhau. Thường Tịch Quang là bản thể, không đâu chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng hiện hữu, nó là Lý Thể của vạn sự vạn vật trong vũ trụ.

Vọng tâm xuất hiện, A Lại Da xuất hiện. A Lại Da có ba tánh chất. Phật pháp gọi [ba tánh chất ấy] là ba tế tướng, hết sức vi tế, rất khó thấy. Nói theo giáo pháp Đại Thừa, Bát Địa Bồ Tát mới thấy [ba tế tướng ấy]. Đây là nói đến công phu định lực, phải đạt đến mức độ sâu như Bát Địa, tức là đại định rất sâu mới thấy được! Trên Bát Địa còn có Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, và Diệu Giác; do vậy, trong hàng Bồ Tát, kể cả [địa vị] Phật, trong bốn mươi hai địa vị thì năm địa vị tột đỉnh sẽ có thể thấy [ba tế tướng ấy], đương nhiên [những tế tướng ấy] chẳng phải là giả. Một người trông thấy, chưa chắc đã là thật, nhưng chỉ cần chứng đắc từ Bát Địa trở lên, quý vị đều thấy, [tức là những tế tướng ấy] chẳng phải là giả! Do vậy, [cảnh giới] trong Thiên Định là cảnh giới Hiện Lượng, nó có ba tánh chất gì? Nó bao quát [các đặc tánh sau đây], nếu dùng danh từ hiện thời để nói, nó có năng lượng, có hiện tượng vật chất, và hiện tượng thông tin. Thông tin là hiện tượng tinh thần, chúng ta thường nói tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nó có hiện tượng ấy. Những hiện tượng ấy do đâu mà có? Đều là vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh, trong tự tánh sẵn có. Bất quá là bị mê. Tự tánh bị mê bèn gọi là A Lại Da, A Lại Da khiến cho những hiện tượng ấy bị biến chất. Trong tự tánh có trí huệ, có đức năng, có tướng hảo, hễ một thứ bị mê, toàn bộ sẽ bị biến đổi, trí huệ biến thành phiền não, ở đây chúng ta nói là Kiến Tư phiền não. Nói theo tông Thiên Thai, phạm vi sẽ to lớn, Kiến Tư, Trần Sa, và Vô Minh hoàn toàn là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh bị biến chất, biến thành những thứ ấy. Đức năng biến thành tạo nghiệp, khởi tâm động niệm, tạo tác hết thảy nhiễm, tịnh, thiện, ác, cội nguồn của chúng là đức năng trong tự tánh. Lục đạo, mười pháp giới vốn là tướng hảo trong tự tánh, toàn bộ đã bị biến chất, nên trong kinh đức Phật thường nói: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tướng”*. Đức Phật lại thường dạy chúng ta, điều này được nói trong kinh Hoa Nghiêm, vũ trụ và vạn pháp được hình thành như thế nào? *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Cái có thể hiện, có thể sanh là tâm chúng ta; nó có thể biến, sanh ra vô lượng vô biên biến hóa, đó là thức của chúng ta khởi tác dụng. Thức là gì? Phân biệt, chấp trước! Phân biệt, chấp trước bèn sanh ra biến hóa. Chẳng có phân biệt, chấp

trước, nó bèn hiện tướng, chẳng nầy sanh biến hóa, nó có thể hiện ra. Vì thế, cõi Thật Báo Trang Nghiêm là do tâm hiện, trong ấy chẳng có biến hóa vì chẳng có phân biệt, chấp trước.

Phiền não là chuyện như thế đó. Do vậy, tuy phiền não vô lượng, vô biên, Phật, Bồ Tát quy nạp chúng thành mười loại lớn, gọi là mười phiền não. Tông Thiên Thai gọi mười phiền não ấy là Kiến Tư phiền não, [nói chi tiết thì] “tham, sân, si mạn, nghi” là cách nghĩ sai lầm, nên gọi là Tư (思: suy nghĩ), tức Tư Phiền Não. Năm thứ Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Giới Thủ Kiến là cách nhìn sai lầm, [đó là Kiến phiền não]. Đối với mọi chuyện quý vị đã nhìn sai rồi, đó là cách nhìn sai lầm, hợp với cách nghĩ sai lầm trong phần trước, sẽ gồm trọn tất cả những sai lầm, chẳng có gì lọt ra ngoài được! Trần Sa cũng là phiền não, vì sao? Quý vị chưa thể liễu giải chân tướng của nó. Đây là gì? Quá nửa là nói về các hiện tượng vũ trụ. Đối với những gặp gỡ trong đời chúng ta, Lý, Sự, nhân, quả quá phức tạp, quá nhiều, chẳng thể biết rõ số lượng, nên dùng Trần Sa làm tỷ dụ, [sánh ví các phiền não ấy] giống như bụi đất, giống như cát bụi, quá nhiều, chẳng thể biết rõ số, nên gọi là Trần Sa phiền não. Vô Minh: Minh (明) là hiểu rõ. Đối với vạn sự vạn vật trong vũ trụ, quý vị chẳng hiểu rõ: Thể của chúng là gì, hiện hình tượng gì, nhân quả là gì, những gì là Sự, những thứ nào là Lý, đều chẳng hiểu rõ ràng! Do đó, mê hoặc, đày cũng là phiền não. [Phiền não] gồm ba loại lớn, tức Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Trong kinh Hoa Nghiêm, Kiến Tư phiền não được gọi là chấp trước, Trần Sa phiền não được gọi là phân biệt, Vô Minh phiền não được gọi là vọng tưởng. Vì lẽ đó, “vọng tưởng, phân biệt, chấp trước” như kinh Hoa Nghiêm nói có cùng một ý nghĩa [với ba loại đại phiền não] trong tông Thiên Thai; danh xưng khác nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Vô minh là khởi tâm động niệm. Chẳng khởi tâm, không động niệm, trí huệ hiện tiền. Khởi tâm động niệm thì trí huệ chẳng còn, biến thành vô minh phiền não. Cổ đại đức cũng dùng tỷ dụ trong kinh, kinh sánh ví chân tâm như nước. Một ao nước, nước [trong ấy] rất sạch, chẳng có nhiễm ô, thanh tịnh. Nước chẳng nổi sóng, gió lặng, mặt nước giống như một tấm gương, chiếu soi cảnh giới bên ngoài rõ ràng, rành rẽ. Đó là gì? Đó là Minh, minh tâm. Nếu là động thì hể động bèn cuộn sóng, nếu gió nổi lên, nước bèn sanh ra sóng. Nếu nước nổi sóng, sẽ chẳng soi rõ rết cảnh giới bên ngoài. Chân tâm cũng giống như vậy, nên tâm chẳng thể động. Tâm hể động bèn mê, tâm biến thành A Lại Da. Chẳng động thì A Lại Da khôi phục thành chân tâm. Vì thế, Pháp Tướng Tông nói A Lại Da là “nửa chân, nửa vọng, nửa thật, nửa giả”, đúng vậy! [A Lại Da] xác thực có tánh chất ấy. Làm thế nào để gạt bỏ cái phân nửa hư vọng để khôi phục thuần chân thì sẽ thành Phật.

Đại Trí Độ Luận nói: “*Phiền não giả, năng linh tâm phiền, năng tác não có*” (Phiền não là cái có thể làm tâm phiền muộn, có thể khiến cho [thân] khổ não). Ý nghĩa chẳng khác phân trên cho mấy. Những điều này đều là cách giải thích trong kinh luận [đối với chữ “phiền não”] trong câu “*phá phiền não thành*”. “*Thành giả, thành bảo*” (“Thành” là thành lũy), tức

là công sự phòng ngự thời cổ. “Thành bảo” (城堡): Sánh ví phiền não kiên cố giống như thành lũy, rất khó buông xuống, rất khó công phá, phàm phu chúng ta chẳng có cách nào. “Phật diễn diệu pháp, tôi phá chúng sanh thân tâm trung phiền não chi bảo lũy, có viết phá phiền não thành” (đức Phật diễn diệu pháp, phá nát thành lũy phiền não trong thân tâm của chúng sanh, nên nói là “phá phiền não thành”). Đây là giải thích đại ý của câu kinh văn này. Ở đây, chẳng nói “Phật thuyết diệu pháp”, mà dùng chữ Diễn; Diễn (演) là biểu diễn, đức Phật làm cho chúng ta xem, chuyện này thuộc về thân giáo. Thích Ca Mâu Ni Phật giáo học vô cùng thành công, chúng ta phải nghiêm túc học tập những chỗ như thế này. Tại Trung Quốc, Khổng Mạnh giáo học thành công, gây ảnh hưởng trong hai ngàn năm trăm năm cho đến tận ngày nay. Phật Thích Ca giáo dục thành công, chiếu theo cách ghi chép trong lịch sử Trung Quốc, Ngài đã gây ảnh hưởng suốt ba ngàn năm, sau này vẫn còn có người chịu ảnh hưởng của Ngài. Đức Phật tự nói pháp vận của Ngài là một vận hai ngàn năm. Nói theo cách hiện thời, sự giáo học thuở đức Phật tại thế đã ảnh hưởng đến con người trên địa cầu trong suốt một vận hai ngàn năm, thời gian dài như thế đó. Vì sao Ngài dạy thành công như vậy? Ngài làm được [những điều Ngài đã dạy] trước tiên. Ngài dạy chúng ta “phá phiền não thành”, chính Ngài đã phá trước! Chính Ngài chẳng đoạn phiền não thì làm sao có thể giúp chúng ta đoạn phiền não? Phàm những gì đã nói trong kinh, Ngài đều làm được toàn bộ. Những gì Ngài chẳng làm được, Ngài chẳng bao giờ nói. Vì thế, giáo học mới có thể thành công.

Mấy năm trước, năm 2005, chúng tôi mở trường dạy thí nghiệm tại trấn Thang Trì, huyện Lô Giang, tỉnh An Huy, Trung Quốc, nhằm thí nghiệm có thể thực hiện văn hóa truyền thống tại tiểu trấn ấy hay không. Chúng tôi triệu tập một nhóm giáo viên, số lượng chẳng đông, ba mươi mấy vị. Tôi trò chuyện với các giáo viên về vấn đề này: Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật, Khổng Tử, Mạnh Tử giáo học có thành tựu thù thắng như thế? Quan sát cẩn thận, [sẽ thấy]: Người ta trước hết phải làm được, đã làm được rồi mới dạy người khác; đó là thánh nhân. Hễ đã nói bèn chắc chắn có thể làm được, đó là hiền nhân. Nếu chỉ nói, chứ chính mình không thể làm được, ta gọi kẻ đó là phường gạt người. Gạt người thì làm sao có thể thành tựu cho được? Tôi cổ vũ, khích lệ các giáo viên phải học theo thánh nhân, phải hướng theo Khổng Tử, hướng theo Thích Ca Mâu Ni Phật, mong bằng được các Ngài, chúng ta cũng thành thật, thật sự thực hiện giống hệt như các Ngài thì sẽ giáo dục thành công. Ba mươi mấy vị giáo viên ấy vô cùng đáng quý, đúng là họ thật sự làm, đúng là đại thánh, đại hiền. Do đã làm, nên thấy hiệu quả rất nhanh. Cư dân trong tiểu trấn ấy sanh khởi biến hóa, gần như là chuyển biến một trăm tám mươi độ, khiến cho chúng tôi thật sự tin tưởng “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành). Thật sự hiểu rõ: Con người rất dễ dạy! [Con người có những thói hư tật xấu] là vì chẳng có ai dạy. Nếu có người dạy, sẽ rất dễ dạy; hễ được dạy bèn quay đầu, lương tâm hiển hiện, mà cũng chẳng còn làm những chuyện sai trái

đáng hổ thẹn, sẽ thâu được hiệu quả tốt đẹp. Đó là “*lấy thân làm gương*” thì mới thật sự giúp chúng sanh đoạn phiền não, tăng trưởng trí huệ.

Câu kế tiếp là “*hoại chư dục tiệm*” (phá hư các hào dục vọng), Dục ở đây là dục vọng. “*Tịnh Ảnh Sớ viết: Ái dục chi tâm, thâm nhi nan việt, cố thuyết vi Tiệm, giáo đoạn linh hoại*” (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Tâm ái dục sâu thẳm, khó vượt, nên nói là Hào, dạy bảo khiến cho đoạn hoại [cái tâm ái dục ấy]”). Chúng ta đọc tiếp đoạn kế đó: “*Chân Giải viết: Hoại chư dục tiệm giả, xả dục tâm. Ái dục thị chư khổ chi bản. Dục lưu thâm quảng, chúng sanh phiêu nịch chi nhi nan độ, thuyết dĩ vi Tiệm*” (Sách Chân Giải giảng: “Hoại các hào dục là bỏ dục tâm. Ái dục là cội rễ của các sự khổ. Dòng dục sâu rộng, chúng sanh chìm đắm, khó thể vượt qua, nên nói là Hào”). Tiệm (塹) là gì? Dưới đó là chú giải: “*Nhiều thành trường thủy khanh dã*” (mương nước dài bọc quanh thành), người Hoa gọi nó là Hộ Thành Hà (con sông bảo vệ thành), bảo vệ thành lũy. Phía ngoài thành lũy đào một ngòi nước dài; trước kia, để ngăn ngừa địch nhân tấn công thành thì [Hào] là một tuyến chướng ngại. Đây là nói tỷ dụ, sánh ví dục vọng như Hộ Thành Hà, rất khó công phá! “*Ái dục chi tâm, thâm nhi nan việt*” (tâm ái dục sâu thẳm, khó vượt), lòng tham ái của con người là phiền não bảm sanh, chẳng cần phải học. Chúng ta hãy chú tâm quan sát, quý vị thấy trẻ thơ ba, bốn tháng tuổi. Nếu có hai đứa trẻ ở cùng một chỗ, quý vị đặt một miếng đường ở đó, sẽ thấy hai đứa trẻ tranh đoạt. Do từ chỗ này, quý vị nhận thấy trẻ thơ bé bỏng dường ấy, chẳng có ai dạy mà đã có tâm tham, tâm ghen ghét, ta có thể thấy được ái dục. Vì thế, Phật pháp gọi nó là “*câu sanh phiền não*” (phiền não bảm sanh). Nếu chẳng biết ngăn ngừa phiền não ấy, dạy dỗ đàng hoàng, cứ để mặc cho nó tăng trưởng tập khí, sau này sẽ bị phiền phức. Đúng là chuyện gì nó cũng đều có thể làm được! Đó là gì? Tập tánh. Cổ nhân Trung Quốc đúng là có trí huệ, bắt đầu dạy dỗ từ thuở bé, khiến cho trẻ thật sự lý giải đúng, sai, thiện, ác. Ái chẳng đoạn được, mà trong một đời người cũng chẳng thể thiếu nó, nhưng phải có chừng mực, phải có hạn chế, phải dạy điều này! Hợp tình hợp lý thì chấp nhận, phải có hạn độ nhất định, chẳng thể vượt qua. Tổ tiên giáo học bằng Lễ, Lễ là tiết độ (chừng mực, hạn lượng), có chừng mực nhất định, quý vị chẳng thể vượt qua. Hễ vượt qua là trật rồi, phạm lỗi rồi; do vậy, lấy Lễ làm tiêu chuẩn. Trong Phật pháp bèn dùng giới luật làm tiêu chuẩn, quý vị phải giữ giới, phải giữ lễ.

Đệ Tử Quy nói về những quy củ do cổ thánh tiên hiền chế định, những quy củ ấy chẳng phải do họ sáng tạo, mà cũng chẳng do họ phát minh, hoàn toàn là thuận theo Tánh Đức để chế định, giúp chúng ta trong một đời này trở về sự chất phác, chân thật, trong Phật pháp, điều này được gọi là “*vọng tận, hoàn nguyên*”. Vì thế, mục đích chủ yếu của nền giáo dục Trung Quốc là ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết. Quy chân, hoặc hoàn nguyên là đạt đến gì? Đạt đến [địa vị] thánh nhân. Người Trung Quốc nói “thánh nhân”, còn trong sự giáo hóa của đức Phật thì gọi là Phật Đà. Trong phần trước, tôi đã giảng rất nhiều về Chân, Thật Trí của Như Lai, Chân Như, bôn tánh đều là nói về chuyện này. Sách Hoàn Nguyên

Quán đã gọi nó bằng một danh từ rất hay, “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Danh từ dài hơn một chút, nhưng ý nghĩa vô cùng hay, rất rõ ràng, rất minh bạch. Tự tánh, “viên” là viên mãn, giống như Huệ Năng đại sư lúc khai ngộ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”, “*trọn đủ*” có nghĩa là viên mãn, đó là ý nghĩa của Viên. Minh là trí huệ, vô lượng trí huệ, vô lượng tướng hảo. Tướng hảo cũng thuộc vào Viên, đức năng và tướng hảo đều dùng một chữ Viên làm đại biểu, còn trí huệ dùng chữ Minh làm đại biểu. Quý vị thấy Viên Minh Thể chính là bản thể của vạn sự vạn vật. Do vậy, danh từ này rất hay. Trở về bản thể là đúng. Trong Triết Học nói đến bản thể, bản thể của vũ trụ vạn hữu. Tập khí phiền não, nhất là tham, sân, si, là những thứ bảm sanh. Khi đã mê, Tánh Đức biến thành tham, sân, si. Chớ nên tăng trưởng những thứ ấy, vì tăng trưởng sẽ mâu thuẫn với bản tánh, trái nghịch bản tánh. Bản tánh là thiện, còn nó (tham, sân, si...) là bất thiện. Tuy đã mê, bất thiện, chẳng thể lia khỏi bản tánh quá xa, vẫn nhất định là chuyện thuộc trong phạm vi của nó (bản tánh), chẳng thể thoát khỏi. Sau khi chúng tôi học Phật, bèn hiểu rõ cổ thánh tiên hiền đều là chư Phật, Bồ Tát tái lai, các Ngài đã thật sự thành Phật từ bao kiếp xa xôi trước, nên các Ngài hiểu rất rõ ràng. Các Ngài vì chúng ta mà chế ra lễ nhạc, dạy chúng ta phải tuân thủ, dầu một đời này chưa thể khai ngộ, chưa thể trở về tự tánh, nhưng cũng có thể sống một đời hạnh phúc mỹ mãn, đó là chuyện tốt đẹp!

Tổ tiên đã quy nạp lại, nên chỉ dạy chúng ta mười hai chuyện, rất dễ nhớ! Dạy chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chớ nên vượt khỏi phạm vi ấy. Mười hai chữ là “*hiếu, đễ, trung, tín [lễ, nghĩa, liêm, si, nhân, ái, hòa, bình]*”, [nghĩa là] đối cha mẹ phải biết tận hiếu, đối với anh em, người trên phải biết tận hết lòng đễ (cung kính, tôn trọng, hòa hợp, nhường nhịn), đối với quốc gia và nhân dân phải biết tận trung, đối với hết thảy mọi người phải biết giữ chữ tín, chớ nên lừa gạt. Hiếu, đễ, trung, tín! Đãi người, tiếp vật phải biết lễ phép. Lễ vô cùng quan trọng, chớ nên xem thường! Nếu quý vị xem thường lễ, xã hội sẽ động loạn, gia đình bất hòa. Vì thế, cổ nhân hết sức coi trọng lễ. Trong một gia đình, cha con, vợ chồng, anh em, mỗi người đều phải tuân thủ lễ, một nhà hòa thuận, gia hòa vạn sự hưng. Trong xã hội, ai nấy đều hiểu lễ, xã hội an tường, hòa hợp, xã hội an định, hòa hài, lễ rất trọng yếu! “Nghĩa” (義) là đạo nghĩa. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác phải hợp tình, hợp lý, hợp pháp, đó là Nghĩa. Liêm (廉) là liêm khiết, chẳng lấy của cải vượt ngoài bản phận, chẳng chiếm đoạt chút tiện nghi nào của người khác, đều gọi là Liêm. “*Tri si*” (biết hổ thẹn), đức hạnh của chúng ta thua kém người khác, si nhục! Học thuật không bằng người, đó là chuyện thứ yếu, quan trọng nhất là đức hạnh. Dầu nghèo hèn đến mấy, nhưng có đức, có đạo, vẫn được người trong xã hội tôn kính, ngay cả người đời sau cũng thường nhắc tới, sanh lòng tôn kính sâu xa. Chúng ta hãy nghĩ xem, Khổng Tử, Nhan Hồi, hai ngàn năm trăm năm sau, khi nghe [nhắc tới] danh hiệu của họ, [người trong thế gian] vẫn sanh lòng kính ngưỡng. Thuở sinh tiền, họ nghèo túng, cũng chẳng có địa vị gì trong xã hội, có thể gọi là “kẻ nghèo hèn”, nhưng họ có đạo đức, đây là điều trọng yếu! Bốn chữ sau

cùng là “*nhân, ái, hòa, bình*”, Nhân (仁) là “*thôi kỹ cập nhân*” (suy từ mình mà nghĩ đến người khác), nghĩ đến chính mình bèn nghĩ thay cho người khác. “*Kỷ sở bất dục, vật thi u nhân*” (điều gì chính mình không muốn, chớ gây cho người khác). Người có lòng nhân yêu thương con người. Yêu thương con người bèn chẳng hại người. Cuối cùng là hòa bình, xử sự hòa thuận, đối đãi bình đẳng. Quý vị thấy tổ tiên chỉ dạy chúng ta mười hai chữ. Làm được mười hai chữ ấy, thiên hạ thái bình, xã hội hòa hài, đời người hạnh phúc mỹ mãn là do mười hai chữ ấy. Mười hai chữ ấy là Tánh Đức, là tiêu chuẩn do tổ tiên ban cho chúng ta.

Trong Phật pháp, đức Phật dạy chúng ta Thập Thiện Nghiệp Đạo, có ý nghĩa rất gần gũi với [mười hai chữ] của tổ tiên Trung Quốc. Chẳng sát sanh là Nhân, nhân ái. Không chỉ chẳng thể giết người, mà đối với tất cả hết thảy động vật đều phải yêu thương. Người đời thương cỗ ăn thịt. Quý vị thấy trong lịch sử Trung Quốc, được ghi chép sớm nhất là Phục Hy Thị, Phục (伏) là hàng phục, Hy (羲) là gì? Dã thú. Thời cổ, thứ gì cũng chẳng có, làm thế nào để duy trì cuộc sống? Săn bắn! Người và thú đấu tranh. Năm trăm năm sau, Thần Nông Thị (神農氏) xuất hiện, đề xướng trồng trọt. Do vậy, Trung Quốc mấy ngàn năm qua do nghề nông mà lập quốc, nên nông dân có địa vị rất cao. Xưa kia, xã hội Trung Quốc gồm bốn giai cấp là sĩ, nông, công, thương, địa vị cao nhất trong xã hội là người đọc sách. Người đọc sách có sự tu dưỡng đạo đức, có trí huệ của cổ thánh tiên hiền. Vì vậy, thời cổ có một câu nói như thế này: “*Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao*” (muôn loài đều thấp kém, riêng người đọc sách cao) nhằm cổ vũ, khích lệ con người hãy hiếu học, học theo thánh hiền. “*Độc thư chí tại thánh hiền*” (đọc sách với ý muốn kế tục thánh hiền), chẳng phải là nói ta học hành nhằm mai sau đạt được công danh, phú quý, chẳng phải vậy! Không nhằm mục tiêu đó, mà mục tiêu đặt nơi thánh hiền, học theo thánh nhân, học theo hiền nhân. Gương mẫu, mô phạm thánh hiền là Khổng Tử, Mạnh Tử, lấy các Ngài làm đại biểu. Hai vị này suốt đời làm thầy, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật thực hiện viên mãn nhất, chúng ta phải nhận biết điều này: Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là tiên, Ngài là người, chúng ta phải nhận biết Ngài rõ ràng! Ngài mang thân phận gì? Chức nghiệp là thầy. Quý vị nhìn vào tám tướng thành đạo của Ngài bèn hiểu: Sau khi khai ngộ, đức Phật suốt đời giáo học. Ba mươi tuổi khai ngộ bèn bắt đầu giáo học, bảy mươi chín tuổi viên tịch, kinh thường chép: “*Giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm*”. Cả đời Ngài dạy học bốn mươi chín năm, mang chức nghiệp giáo sư. Lại còn chẳng nhận học phí, chẳng lấy đồng nào, lòng dạ rộng lớn. Học trò chẳng phân biệt quốc gia, sắc tộc, chẳng phân biệt tín ngưỡng, người đến chẳng cự tuyệt, kẻ đi chẳng cầm giữ. Thích Ca Mâu Ni Phật là người như vậy, phải nhận biết Ngài rõ ràng! Bản thân Ngài, quý vị thấy trước khi giáo học, Ngài tu khổ hạnh mười hai năm, mười chín tuổi rời khỏi gia đình, đi ra ngoài tầm sư phỏng đạo. Học xong mười hai năm, sau đấy, dưới cội Bồ Đề, ban đêm nhìn sao Mai, đại triệt đại ngộ. Sự nghiệp của bậc thánh hiền là gì? Dạy học.

Trong xã hội Trung Quốc thuở trước, có hai hạng người rất thanh bản, nhưng đặc biệt được mọi người trong xã hội tôn kính:

1) Thứ nhất là người dạy học, dạy học là sự nghiệp thánh hiền. Trong các nghề nghiệp thuở ấy, quý vị làm nghề gì? Đặc ý về phương diện nào? Người dạy học được gọi là Phu Tử (夫子): “Ta làm Phu Tử”. [Ta gọi Khổng Tử là] Khổng phu tử thì “phu tử” là thầy. Ngài theo đuổi nghề nghiệp phu tử, được mọi người trong xã hội tôn kính. Người dạy học cũng giống như Khổng Tử, nhận một chút học phí. Học phí chẳng có tiêu chuẩn. Nếu định giá cả, sẽ thành buôn bán, chẳng còn là bậc thánh hiền nữa! Vì thế, người dạy học sống bằng cách nào? Cây vào phụ huynh học sinh giúp đỡ. Một năm ba dịp lễ tết, tại Trung Quốc là tiết Đoan Ngọ¹⁰⁴[1], Trung Thu, tết Nguyên Đán, phụ huynh học sinh biếu thầy một ít lương thực. Tùy ý! Có nhiều thì biếu thầy nhiều một chút; gia cảnh bần hàn thì biếu ít một chút. Thật sự [cuộc sống của thầy giáo] rất khó khăn, thầy còn phải giúp đỡ học trò, còn phải giúp cho gia đình học trò sinh sống. Điều ấy đáng cho mọi người tôn kính. Thầy là người lưu truyền thánh đạo, chẳng phải là lái buôn! Do vậy, thường là cuộc sống khá kham khổ, người ta thường gọi [thầy giáo] là “*cùng tú tài*” (窮秀才: chàng tú tài túng quẫn), chúng ta phải biết điều này.

2) Hạng người thứ hai được tôn kính là thầy lang. Thầy lang tại Trung Quốc từ thời cổ cho đến thời đầu Dân Quốc, đại khái cho đến năm Dân Quốc 20, 30, chỗ nào cũng đều có thể gặp thầy lang. Thầy lang chữa bệnh cho người khác chẳng nói giá tiền, chẳng nói đến chi phí chữa trị. Chữa lành bệnh thì quý vị tặng thầy lang một ít lễ vật. Khi biếu tặng là tùy ý, chẳng phải là thầy đòi bao nhiêu, chẳng phải vậy. Thầy lang toàn tâm toàn lực cứu người. Chữa bệnh mà ra giá thì chẳng phải là đã biến thành con buôn rồi ư?

Thầy lang chẳng phải là lái buôn, mà là cứu người, cứu thân mạng con người. Phu tử, tức những vị dạy học nhằm cứu huệ mạng của người ta. Trong ấy, quá nửa là nghĩa vụ, cả đời là nghĩa vụ. Thích Ca Mâu Ni Phật càng lại là một người làm công tác thiện nguyện tiêu chuẩn, cơm ăn mỗi ngày đều xin từ bên ngoài, nên học trò muốn cúng dường thầy một đồng, thầy đều chẳng nhận. Trong xã hội, hai hạng người ấy được sùng kính, hẳn nói tới họ, không ai chẳng nảy sanh lòng tôn kính!

¹⁰⁴[1] Đoan Ngọ còn gọi là Đoan Dương Tiết, Ngọ Nhật Tiết, Ngũ Nguyệt Tiết, Ngải Tiết, Đoan Ngũ, Trùng Ngọ, Trùng Ngũ, Ngọ Nhật, Hạ Tiết, Bò Tiết, nhằm ngày mùng Năm tháng Năm Âm Lịch. Đây vốn là ngày trừ khử ôn dịch lúc trời chuyển từ tiết Xuân sang tiết Hè. Về sau, do Khuất Nguyên tự trầm tại sông Mịch La nhằm ngày này, nên Đoan Ngọ được coi là dịp kỷ niệm Khuất Nguyên. Riêng đối với vùng Giang Chiết, đây là dịp tế thần sông vì họ tự nhận là hậu duệ của rồng. Tập tục làm bánh tro, gạo nếp được trộn với lá xương bồ, tỏi, hoa long thuyền để cúng và ném xuống sông với mục đích trừ tà, trừ chướng, cầu phước rất thịnh hành tại Hoa Nam.

Hiện thời đã biến chất mất rồi. Bác sĩ ra giá, đã biến thành con buôn. Trong nhà trường, thầy giáo chẳng sót sáng dạy, ngấm ngấm mở lớp dạy thêm. Trong buổi học chánh thức ở trường, thầy chỉ dạy một nửa, nửa kia chẳng dạy, giữ lại để dạy trong lớp dạy thêm. Không đi học thêm, không được! Học thêm thì phải thu học phí, nên thầy cũng biến thành lái buôn! Xưa kia, Trung Quốc có sĩ, nông, công, thương, nay sĩ, công, nông đều chẳng còn nữa! Chỉ có thương nhân, toàn là thương nhân! [Toàn là] thương nhân sẽ phiền phức lớn, Thương (商) là gì? Thương là chuyên nói tới của cải, đây là thứ ham muốn to lớn của con người, người ta ắt phải tranh giành. Khởi tâm động niệm đều là tổn người, lợi mình, xã hội ấy làm sao có thể hòa hài cho được? Lẽ nào xã hội ấy chẳng động loạn? Do vậy, đọc sách nhiều, đọc những trước tác của cổ nhân, rồi nhìn lại xã hội hiện tại, quý vị sẽ hiểu rõ ràng, rành rẽ gốc bệnh ở nơi đâu, mà cũng hiểu rõ phải dùng phương pháp gì để cứu vãn. Chẳng phải là không thể cứu! Có thể cứu, nhưng phải nghe lời thì mới được. Nếu có thể buông xuống dục vọng của chính mình thì mới có thể cứu. Không thể buông xuống dục vọng, xã hội sẽ chẳng có cách cứu; đến cuối cùng, chính mình và xã hội “*đồng quy u tận*” (cùng chết sạch). Hiện thời, người phương Tây nói đến ngày tận của thế giới, đó chính là “*đồng quy u tận*”. Đường như hiện thời các điềm báo đã xuất hiện. Từ các phương tiện thông tin, chúng ta thấy các xã hội trên toàn thế giới động loạn, địa cầu xảy ra tai nạn liên tiếp, nơi nào cũng có. Những hiện tượng như vậy chưa từng thấy trong lịch sử toàn thế giới! Đó là trời cao đã cảnh cáo chúng ta: Nếu vẫn chẳng quay đầu, sau đây sẽ là tận thế. Thật sự quay đầu, sửa lỗi, đổi mới, sẽ được cứu, chẳng phải là không có cách cứu. Kinh Phật thường nói “*tướng chuyển theo tâm, cảnh chuyển theo tâm*”, cảnh giới cũng chuyển theo tâm, chủ tể là ý niệm của chúng ta. Ý niệm của chúng ta đoan chánh bèn tương ứng với Tánh Đức, hòa hài xuất hiện. Nếu ý niệm của chúng ta là tà tri tà kiến, tai nạn hiện tiền, chuyện là như vậy đó!

Do vậy, [nói đến tướng chuyển pháp luân của] đức Phật ở đây, câu cuối cùng rất trọng yếu, “*giáo đoạn linh hoại*”, [tức là] dạy chúng ta hãy đoạn ái dục, dạy chúng ta hãy buông ái dục xuống, đừng nên vì chính mình, mà hãy vì xã hội, vì quốc gia, vì thế giới, vì hết thảy chúng sanh khổ nạn, đó là “hành Bồ Tát đạo”. Quý vị chẳng còn là phàm phu, mà là từ phàm phu tăng tấn thành Bồ Tát. Vì sao? Ở đây, đã cho chúng ta biết sách Chân Giải giảng như sau: “*Ái dục thị chư khổ chi bản*” (ái dục là cội rễ của các nỗi khổ). Một đời người, hoặc là đời đời, kiếp kiếp, căn nguyên tạo tác hết thảy tội nghiệp đều nhằm thỏa ái dục. Ái là tham, Dục là danh từ chung để chỉ “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ”. Tham tài, tham sắc, tham danh, tham lợi, phiền phức bèn xảy đến. Lòng tham khôn cùng, chẳng đáng sợ ư? Chúng ta nhìn thấy trong xã hội hiện thời, dòng sông ái dục sâu rộng, nhiễm bệnh quá sâu, truyền nhiễm quá rộng. Một người nêu gương, những kẻ khác đều học theo, mọi người trên toàn thế giới đều biến thành phường tham lam, khi ấy, phải làm như thế nào? Luân lý chẳng còn nữa, đạo đức cũng chẳng có, nhân quả cũng chẳng có một ai tin tưởng, pháp luật cũng chẳng quản được, chánh quyền quốc gia cũng chẳng quản được. Nếu tới nông nỗi ấy thì sẽ

như trong tôn giáo nói: “*Thượng Đế phải nhúng tay*”. Thật ra, chẳng phải là Thượng Đế nhúng tay, cuộc sống của Thượng Đế sung sướng lắm, ông ta quan tâm đến chuyện thế gian để làm gì? Thật sự chẳng phải là Thượng Đế nhúng tay, mà là gì? Thiên nhiên muốn trả đũa, thật đấy! Hiện thời, chúng ta mặc sức tham lam, cưỡng đoạt tài nguyên của địa cầu, có lỗi với địa cầu, địa cầu ắt sẽ ra tay trả đũa, đó là thiên tai, tai nạn gì cũng đều xảy ra. Động đất xảy đến, sóng thần xảy đến, bão tố xảy đến, khí hậu biến hóa dị thường, đó là địa cầu trả đũa quý vị, nghĩa là gì? Quý vị đã làm quá lố! Thật sự vì cuộc sống thì nó chẳng trách quý vị. Quý vị muốn kiếm sống, vỡ hoang một cuộc đất, trồng một ít lương thực, đất đai chẳng trách quý vị, vì sao? Đó là chuyện cần nên làm! Nếu quý vị vì dục vọng của chính mình, muốn giàu to, dẫn đến những hành động phá hoại hoàn cảnh sinh thái tự nhiên, sẽ bị phiền phức to lớn, thiên địa quỷ thần chẳng dung quý vị. Chớ nên cho rằng chẳng có, có thật đấy! Cây có thần cây, hoa cỏ có thần hoa cỏ, núi có thần núi, sông có hà bá, đất đai có thổ địa công, thật sự có, chẳng giả tí nào! Quý vị mặc tình tước đoạt tài nguyên của họ, họ chẳng có chỗ thừa gởi, sẽ báo thù! Chân tướng sự thật trong đó đã được kinh Phật giảng rất rõ ràng: “*Tướng do tâm sanh, cảnh do tâm chuyển*”. Chúng ta dùng tâm thái tốt đẹp để đối xử với người, với sự, với thiên địa vạn vật thì thiên địa vạn vật sẽ đối xử tốt đẹp với chúng ta. Chúng ta dùng dục vọng, ác niệm để đối xử với chúng, chúng sẽ trả đũa vô cùng tàn khốc!

“*Chúng sanh phiêu nịch nhi nan độ*” (chúng sanh chìm đắm, khó thể vượt qua), tỷ dụ như cái hào. Tiếp theo đó là lời giải thích đơn giản: “*Tiêm, nhiều thành trường thủy khanh dã*” (Tiêm là hào nước dài bao quanh thành), tức là Hộ Thành Hà. “*Phật pháp kiếm, tiệt dục tiêm, linh tán hoại dã*” (Gươm Phật pháp chặt đứt hào dục, khiến cho nó tan hoại). Gươm là tỷ dụ, tỷ dụ Phật pháp giống như một thanh bảo kiếm, có thể chặt đứt Dục. Đây là nói rõ, đức Phật giảng cho chúng ta những đạo lý, quý vị thật sự hiểu rõ, thật sự thông đạt, sẽ tự nhiên chịu buông xuống, biết Dục chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Trái nghịch tự tánh là tạo nghiệp, tội lỗi rất sâu, vì sao cứ muốn làm? Cũng như trong phần trước chúng tôi đã nói, chuyện vi phạm Tánh Đức chẳng có một tí lợi ích nào đối với chúng ta! Y học của Trung Quốc cũng nói rất hay, “*thương thân, bại đức*” (tồn thương thân thể, bại hoại đức hạnh). Dục vọng quá nhiều, thân thể của chính mình sẽ bị thương tổn, thân thể quý vị sẽ lắm bệnh. Người lắm bệnh rất khổ, hiện thời chẳng có thuốc nào chữa lành, vì sao? Lòng người bất thiện, thuốc tốt cũng biến thành xấu, bị biến chất rồi. Quý vị hãy nghĩ xem, vì sao nó bị biến chất? Con người hiện thời dùng thuốc độc để nhiễm độc đại địa, dục vật sanh trưởng trên đất. Quý vị nhiễm độc đại địa, đại địa sanh trưởng ngũ cốc, các thứ lương thực, những dược thảo sanh trưởng đều dính chất độc, chỉ có một con đường chết, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Quý vị thấy hiện tại trồng trọt dùng thuốc sát trùng, dùng phân bón hóa học. Thuốc sát trùng và phân bón hóa học là chất độc hại đối với đất. Thâu hoạch mùa đầu cũng khá, rất tốt. Mùa thứ hai, thứ ba trở đi, chẳng có thâu hoạch, đất chẳng sanh trưởng thứ gì. Đến khi ấy bèn làm sao? Nguy cơ thiếu lương thực hiện tiền. Nguy cơ thiếu lương thực do đâu mà có? Tự làm, tự chịu, chớ

nên dùng những thứ hóa học ấy để nhiễm độc đất đai. Sử dụng phương thức canh tác bằng sức người cổ truyền, thực vật sẽ lành mạnh nhất. Cổ nhân tế trời đất, núi sông, quý thần, vì sao? Báo ân. Con người hiện thời nghĩ chuyện ấy là mê tín, [chê bai] cổ nhân mê tín, thiếu trí tuệ, chẳng hiểu khoa học, hiện thời họ tin tưởng khoa học, há có quý thần! Cổ nhân mê tín, nhưng cuộc sống tốt đẹp. Người hiện thời chẳng mê tín, nhưng hứng chịu tai nạn mỗi ngày. Ai đúng, ai sai, chúng ta phải lắng lòng quan sát, đừng nên “người khác nói sao, ta hòa theo như vậy”. Nếu hòa theo là đã sai mất rồi! Hãy lắng lòng quan sát, cách làm của cổ nhân có lý! [Quý vị khăng khăng] “chẳng có quý thần”, nhưng hiện thời quý thần đã ở bên cạnh quý vị, quý vị có tin hay không? Quý vị thấy tại Trung Quốc và ngoại quốc, bao nhiêu kẻ bị [quý thần] dựa thân. Tôi giảng kinh mỗi nơi đều gặp những kẻ bị dựa thân. Dựa thân chẳng phải là họ giả vờ, mà đúng là có linh quý dựa thân. Nếu quý vị trông thấy, chẳng thể không tin tưởng, không thể giả vờ được. Thiên địa quý thần đều đến dựa thân, tôi đều thấy cả rồi! Chúng tôi trông thấy cũng chẳng thể nói, hễ nói thì sao? Nói ra tức là chúng tôi cũng mê tín. Tôi hiểu rất rõ, rất minh bạch, tôi biết: Tuân thủ giáo huấn cổ nhân chắc chắn là chánh xác, chúng ta thua xa cổ nhân. Trong giới khoa học gia, quý vị thấy nhiều nhà khoa học là tín đồ tôn giáo kiên thành, họ cũng là mê tín hay sao? Họ chẳng mê tín, còn chúng ta thật sự biến thành mê tín, chớ nên không biết những chân tướng sự thật này!

Câu kệ tiếp: “*Tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch*” (gột rửa như bản, rõ ràng, trắng sạch), nói đến các nguyên lý và nguyên tắc giáo hóa chúng sanh của Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Hợp Tán viết: Kiến ái phiền não, thí như cấu ô, Không Huệ năng trừ, diệt như tẩy trạc. Trừ tà hiển chánh, cố viết hiển minh. Dĩ hộ pháp thành, cố viết thanh bạch. Siêu chư hủy báng, cố viết thanh bạch*” (Sách Hợp Tán giảng: “Phiền não kiến ái ví như như bản, Không Huệ có thể trừ khử, cũng giống như gột rửa. Trừ tà hiển chánh nên nói là ‘hiển minh’. Do bảo vệ pháp thành nên gọi là ‘thanh bạch’. Vượt khỏi các sự hủy báng, nên nói là thanh bạch”). Trong lời chú giải này, sách Hợp Tán nói “*kiến ái phiền não*” thì Kiến là Kiến Hoặc, [bao gồm] Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ, và Giới Thủ. Ái là tham ái, là cội gốc của phiền não. Cội rễ của cội gốc ấy chính là Ngã Kiến, hễ có ta bèn có tư tâm (tâm riêng tư). Do vậy, Phật pháp, đặc biệt là Đại Thừa Phật pháp nói Vô Ngã. Vô Ngã là chân tướng sự thật. Chấp trước thân này là Ngã, sai rồi! Trong giáo pháp Đại Thừa có Chân Ngã, nhưng chúng ta chẳng biết có Chân Ngã. Vì vậy, trong kinh Phật, định nghĩa đơn giản thì Ngã có hai ý nghĩa: Ý nghĩa thứ nhất là chủ thể, ý nghĩa thứ hai là tự tại. Chúng ta hãy suy nghĩ, chúng ta coi thân này là Ngã thì ta có thể làm chủ cái thân này hay không? Có thể tự tại hay không? Nếu thật sự có thể làm chủ thể thì phải nên vĩnh viễn thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử; sanh còn chấp nhận được, chứ lão và bệnh chẳng cần! Có được hay không? Chẳng làm được! Ngày càng già yếu hơn, quý vị không thể làm chủ. Nếu nói tâm là Ngã thì [dựa trên] cách nói của các triết gia ngoại quốc, họ biết thân chẳng phải là Ngã. Gì là Ngã? “*Ta tư duy, nên ta tồn tại*”, ta có thể suy

nghĩ thì đó chính là Ngã. Như vậy thì thử hỏi, cái Ngã suy tưởng ấy có tự tại hay không? Chẳng tự tại! Lấy định nghĩa trong Phật pháp làm tiêu chuẩn, Ngã ấy là giả!

Nhưng trong kinh Phật có nói Chân Ngã. Chân Ngã quả thật có thể làm chủ, đắc đại tự tại. Có thể làm chủ là gì? Chẳng sanh, chẳng diệt. Ngã là gì? Tự tánh là Ngã, tự tánh chẳng sanh, chẳng diệt, tự tánh có thể sanh ra vạn pháp. Người học Phật theo đuổi điều gì? Tìm lại Chân Ngã. Thân thể thật sự là gì? Pháp Thân, Pháp Thân là Chân Ngã. Pháp Thân là gì? Khắp pháp giới hư không giới là Pháp Thân. Khi nào quý vị có thể thừa nhận vạn pháp trong vũ trụ là Pháp Thân của ta, kinh Phật nói như vậy, vì sao chúng là Pháp Thân của quý vị? Chúng là do tự tánh của quý vị biến hiện. Cái có thể biến chính là bản tánh của chính mình. Sở biến (cái được biến) là vạn sự vạn vật. Toàn thể vũ trụ đều do tự tánh của chính quý vị biến hiện. Giống như nằm mộng, lúc một người đang nằm mộng, nếu quý vị bỗng giác ngộ “giác mộng này do ý thức của ta biến hiện”, những gì trong mộng là ta? Toàn thể mộng cảnh là ta, mộng cảnh do ý niệm của ta biến hiện, do vọng niệm biến hiện. Toàn thể mộng cảnh là ta. Trong mộng cảnh có thân thể của chính mình, thân thể người khác cũng do ta biến, đều là ta. Trong Phật pháp nói là “chứng đắc Pháp Thân”, quý vị thật sự khẳng định, chẳng có mảy may hoài nghi nào! Khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, bèn đắc tự tại. Thân thể này đã diệt, thân thể kia chẳng diệt, giống như tế bào trên thân thể chúng ta thay cũ, đổi mới, mỗi ngày thời thời khắc khắc đều có tế bào chết đi, tế bào mới sanh bổ sung. Chẳng có sanh tử, đó là thật! Tất cả hết thảy chúng sanh và chính mình là một Thể, lẽ nào chẳng yêu thương, che chở? Làm sao có thể tổn thương, làm hại được? Há có đạo lý như thế! Đó là người giác ngộ. Kẻ chưa giác ngộ có thiên kiến, chấp trước, thứ gì cũng đều vì vọng niệm mà suy nghĩ, vì cái thân thể hư giả này mà suy nghĩ, vì vọng tâm, vì tấm thân hư giả mà tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp, tương lai vào trong địa ngục gánh chịu quả báo, làm chuyện ngốc nghếch như vậy. Kinh Phật thường nói đó là ngu si.

“*Thí như cầu ô*”, nhiễm ô. Dùng gì để có thể giúp quý vị gột sạch cầu ô? Không Huệ, đức Phật dạy chúng ta điều này. Trí huệ! Trí huệ chẳng rời Không. Hễ đã Không, bèn có trí huệ. Nếu là Có thì trí huệ chẳng còn nữa, phiền não xảy đến. Quý vị muốn đoạn phiền não, phải buông xuống, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật. Quý vị thấy Ngài suốt đời thị hiện cho chúng ta thấy. Cả đời Ngài, tất cả tài sản là “*tam y nhất bát*”, tức là ba tấm y, một cái bát. Đó là toàn bộ tài sản của Ngài. Trừ những món ấy ra, thứ gì cũng chẳng có, chúng ta phải biết điều này. Mỗi ngày đi ra ngoài khát thực, còn mang theo một dụng cụ phòng thân là tích trượng. Phía sau chúng tôi có bày tích trượng. Tích trượng là thứ để phòng thân khi ra ngoài khát thực, đến thôn trang của người ta, chó của họ xông đến cắn quý vị, tích trượng ấy dùng để đuổi chó. Đến trước cửa nhà người ta khát thực, chẳng thể gõ cửa, gõ cửa quá vô lễ, làm cách nào? Rung tích trượng, tích trượng rung lên sẽ vang ra tiếng. Quý vị hãy nhìn cách chế tạo tích trượng, hễ rung lên bèn vang ra tiếng. Người bên trong nghe tiếng biết là có người

xuất gia đến khát thực, sẽ mở cửa tặng cho quý vị một chút cơm hay thức ăn. Do vậy, đi ra ngoài khát thực, nhất định phải cầm theo [tích trượng]. Chỗ nào cũng nghĩ thay cho người khác, chớ nên nhiều loạn sự thanh tịnh của người ta. Qua đêm dưới gốc cây, ngồi xếp bằng dưới cội cây to, đắp ba y trên thân, giống như đắp mền. Do thuở ấy, khu vực du hành của đức Thế Tôn là lưu vực sông Hằng, thuộc vùng nhiệt đới, nên không cần có quần áo dày, ba y là đủ rồi. Làm cho chúng ta thấy, thứ gì cũng đều buông xuống, đặc đại tự tại, thân tâm thanh tịnh, trí huệ sung mãn. Sự nghiệp cả đời là giáo học, trừ giáo học ra, chẳng có sự nghiệp nào khác. Giáo học vĩnh viễn chẳng gián đoạn, trong phần trước, chúng tôi đã nói theo cương lĩnh tổng quát. Đối tượng giáo học vô lượng vô biên, phàm phu chúng ta chẳng nhìn thấy. Phàm phu chỉ thấy loài người, là đồng loại, chứ chẳng thấy mười phương Bồ Tát, chư thiên, chẳng nhìn thấy những vị thiên thần ấy, quý thần cũng chẳng nhìn thấy. Họ có thể thấy Phật, mà đức Phật cũng trông thấy họ. Đức Phật cũng không ngừng giáo hóa, giúp đỡ họ, nên Phật, Bồ Tát giáo học chưa hề gián đoạn. Không Huệ có thể trừ [phiền não], giống hệt như “*tẩy trọc*” (gột sạch).

“*Trừ tà hiển chánh*”, điều này được gọi là “*hiển minh*”, tức là “*hiển minh thanh bạch*”. “*Chánh*” là điều chính mình sẵn có, cổ nhân Trung Quốc gọi nó là “*bổn tánh bổn thiện*”. Ở đây, Thiện được gọi là Chánh, tập tánh bất thiện [nên gọi] là Tà. Hiệu quả giáo dục chính là câu này, giúp chúng ta xa lìa tà tư, tà hạnh, hiển lộ chánh niệm, chánh hạnh của chính mình, nên gọi là “*hiển minh*”. “*Dĩ hộ pháp thành*” (do hộ trì thành pháp), pháp ở đây là pháp của chính mình. Pháp của chính mình gọi là Phật pháp, chư vị phải biết điều này. Vì sao? Pháp là điều vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh, nhưng chúng ta mê mất, nên Thích Ca Mâu Ni Phật phải nêu gương, lại còn phải giảng giải cho chúng ta nghe, [khiến cho] pháp trong tâm tánh của chính chúng ta bèn hiển lộ. Đạo lý là như vậy. Chẳng có cách nào trao pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật cho chúng ta, ắt phải là pháp trong tự tánh của chúng ta. Do Thích Ca Mâu Ni Phật dẫn dắt, pháp trong tự tánh của chúng ta bèn được khai hiển. Đó là đúng. Vì vậy, quý vị tu hành thành Phật, đức Phật có công lao gì đối với quý vị hay không? Đức Phật dẫn dắt quý vị, còn sự thành tựu của quý vị vẫn là bản phận của chính mình, Phật, Bồ Tát chẳng kể công. Nhưng chúng ta phải cảm ơn các Ngài đã khuyên dụ, hướng dẫn. Nếu các Ngài chẳng khuyên dụ, hướng dẫn, chúng ta vĩnh viễn mê hoặc, điên đảo, chỗ tốt đẹp của các Ngài đối với chúng ta chính là chỗ này: Dẫn dắt chúng ta, khiến cho chúng ta giác ngộ chính mình và các Ngài vốn chẳng khác nhau. Các Ngài có thể buông phiền não xuống, ta chỉ cần buông phiền não xuống, sẽ giống hệt các Ngài. Trí huệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tánh toàn bộ đều hiện ra, chẳng phải do từ bên ngoài mà đạt được, chẳng phải do Phật, Bồ Tát ban cho chúng ta, chẳng phải vậy, nhất định phải hiểu tự tánh vốn tự trọn đủ. Do đó, gọi là “*hộ pháp thành*” (gìn giữ pháp thành), bản thân chúng ta phải biết bảo vệ, đó là “*thanh bạch*”. “*Siêu chư hủy báng, cố viết thanh bạch*” (vượt khỏi các thứ hủy báng, nên nói là thanh bạch). Tất cả hết thảy hủy báng đều là giả, đều chẳng thật. Chúng ta làm sai thì mới có hủy

báng. Nay chúng ta tư tưởng thuần chánh, kiến giải thuần chánh, ngôn hạnh thuần chánh, hết thấy hủy báng đều chẳng còn nữa, nên gọi là “*thanh bạch*”.

“*Văn trung pháp thành*” (chữ “*pháp thành*” trong kinh văn) là tỷ dụ, “*chỉ Trí Đoạn chi quả*” (chỉ cái quả của Trí Đoạn), Đoạn là phán đoán, Trí là trí huệ, [Trí Đoạn là] quả báo do sự phán đoán của trí huệ, dùng chữ Thành để làm tỷ dụ. Sách Hợp Tán cũng giảng theo cách như vậy. “*Trí Đoạn chi quả, vị pháp thành*” (quả của Trí Đoạn, gọi là Pháp Thành), nêu ra tỷ dụ này. “*Gia Tường Sớ viết: Khiển trừ mê cấu, cố vân tẩy trạc. Vô tướng chi giải, thị vô lậu minh, cố vân thanh bạch*” (Gia Tường Sớ giảng: “Trừ khử mê cấu (bụi nhơ do mê hoặc), nên gọi là ‘gột rửa’. Hiểu vô tướng, đó là vô lậu minh, nên nói là thanh bạch”). Giải thích kiểu này cũng hết sức hay, ngài Gia Tường giải thích theo cách này dễ hiểu. “*Khiển trừ mê cấu*” (trừ khử mê cấu), Mê (迷) là mê hoặc, chẳng biết chân tướng sự thật. Cấu (垢) là nhiễm ô, tức là các thứ tập khí phiền não, nhất định phải buông những thứ ấy xuống. Buông mê xuống, trí huệ hiện tiền; buông phiền não xuống, đức tướng hiện tiền. Bởi lẽ, chúng là hai mặt của cùng một Thể, nên dùng “*tẩy trạc*” làm tỷ dụ. “*Vô tướng chi giải*” (thấu hiểu vô tướng): Dạy quý vị hãy thật sự liễu giải chân tướng của vạn vật trong vũ trụ giống như đối với thông tin do các nhà Lượng Tử Vật Lý Học đã phát biểu trong thời gian gần đây, chúng tôi thấy vậy bèn dùng những thông tin ấy để giải thích Phật pháp, rất hữu ích cho kẻ sơ học như chúng ta. Họ đã phát hiện vật chất là gì? Tất cả vật chất đều do một loại vật chất cơ bản hợp thành, nó được gọi bằng danh từ khoa học là “*hạt cơ bản*”. Hiện nay họ lại phát hiện hạt cơ bản vẫn còn quá lớn, còn có thể phân tích nó càng nhỏ hơn, càng vi tế hơn, gọi là “*lượng tử*”, đó có phải là “*cực vi vi*” như kinh Phật đã nói hay không? Lượng Tử là vật chất cơ sở, vật chất căn bản, tất cả hết thảy vật chất đều là do nó hợp thành. Thứ ấy là gì? Họ phát hiện nó chính là ý niệm, tức là ý niệm của con người, rất nhiều ý niệm biến thành vật chất. Do đó, vật chất sanh từ tâm tưởng, chẳng có ý niệm sẽ chẳng có vật chất. Vì thế, họ nói [vật chất] là một huyễn tướng của ý niệm tích lũy liên tục, họ phát biểu: Về căn bản, trong vũ trụ chẳng có vật chất tồn tại. Bởi lẽ, hiện tượng vật chất giống như huyễn giác của chúng ta, họ đã tìm được căn nguyên. Cách nói ấy cũng rất gần với Phật pháp, Phật pháp cũng nói như vậy. Quý vị xem kinh Kim Cang [là bản kinh] mọi người thường đọc, trong kinh Kim Cang có nói: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Phát hiện của các nhà Lượng Tử Lực Học chứng tỏ lời ấy là thật, chẳng giả. “*Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, chúng ta ngu si ngỡ những thứ ấy là thật, niệm niệm chẳng bỏ, muốn thỏa mãn dục vọng của chính mình, tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp. Do đó, chúng ta hứng chịu quả báo, phải nhận biết rõ ràng, đó gọi là “*tự làm, tự chịu*”, chứ thật ra, về căn bản, chúng chẳng có!

Họ đã phát hiện, thật sự phát hiện ba tế tướng của A Lại Da, họ gọi [ba tế tướng ấy] là vật chất, thông tin và năng lượng, danh xưng khác với ba tế tướng của A Lại Da, nhưng nói về cùng một chuyện. [Tế tướng] thứ nhất của A Lại Da là Nghiệp Tướng, khoa học gọi

Nghiệp Tướng là năng lượng. [Thứ hai là] Chuyển Tướng, họ gọi Chuyển Tướng là thông tin, tức là ý niệm, là niệm. Thứ ba là Cảnh Giới Tướng, họ gọi nó là vật chất. Chẳng dễ dàng! Vì lẽ đó, đối với khoa học, tôi tin tưởng sau dăm ba năm nữa, các phát hiện của Lượng Tử Lực Học sẽ biến thành những lý luận khiến cho khắp tất cả những kẻ tầm thường như chúng ta đều có thể tin tưởng, sẽ có ích to lớn đối với Phật pháp, khiến cho mọi người sẽ quay lại xem xét Phật pháp, Phật pháp chẳng phải là mê tín! Phật pháp là khoa học, các nhà khoa học sẽ tìm tòi này nọ từ Phật pháp. Họ phát hiện ba tế tướng, nhưng do đâu mà có ba tế tướng họ chẳng biết, còn kinh Đại Thừa thì có [giải thích rõ ràng]. Những người ấy rất thông minh, nếu họ tiếp xúc kinh giáo Đại Thừa, chắc chắn cảnh giới sẽ được nâng cao với một mức độ lớn, có thể giảng các hiện tượng trong vũ trụ rõ ràng hơn, minh bạch hơn, rốt cuộc những hiện tượng ấy là như thế nào, uốn nắn rất nhiều cách nhìn của chúng ta, uốn nắn rất nhiều hành vi sai lầm của chúng ta. Chỉ cần chẳng phạm lỗi lầm, thế giới Cực Lạc hiện tiền, thiên quốc trong tôn giáo bèn ở ngay trước mắt chúng ta, Thượng Đế cũng sẽ xuất hiện trong nhân gian. Đều là do tâm chúng ta bất thiện, nên họ xa lìa chúng ta, khiến cho chúng ta chịu khổ mắc nạn ở nơi đây. Nguyên nhân chủ yếu là do chúng ta chẳng biết chân tướng sự thật chút nào, hoàn toàn bị tập khí vọng tưởng, phiền não làm chủ, cho nên gặp phải tình cảnh như hiện thời!

Do vậy, vô tướng là thật. Vô tướng là nói theo Thế, nó có hiện tượng hay không? Có! Quý vị cũng chẳng thể không thừa nhận. Vì thế, sau vô tướng có một câu: “*Vô tướng, vô bất tướng*”. Vô tướng là Không, vô bất tướng (chẳng phải là không có tướng) là Có; Không là Thế, Có là hiện tượng. Hiện tượng bèn có thể thọ dụng, có thể thương thức, nhưng quý vị chẳng thể đạt được [các tướng ấy]. Nếu quý vị nói “ta có được”, tức là sai mất rồi, quý vị chẳng thể có được. Vì sao chẳng có được? Nó là trống không, về căn bản là chẳng có. Bởi vậy, nếu các nhà khoa học thật sự phát hiện hiện tượng vật chất là do ý niệm tích lũy, về căn bản [vật chất] là giả thì đối với hiện tượng vật chất, chúng ta chẳng còn khởi tâm tham. Giống như chúng ta xem TV, chúng ta có thể thương thức những hình ảnh trong màn hình, nhưng có nắm được những thứ trong TV hay chẳng? Chẳng nắm được! Quý vị sẽ chẳng dấy tâm tham đối với những thứ ở trong TV: “Cái này ta cũng muốn, cái kia ta cũng muốn”, sẽ không dấy lên ý niệm ấy. Vì sao? Quý vị biết chúng là giả. Nếu chúng ta thấy rõ ràng, minh bạch chân tướng của thế giới này, Bồ Tát đạo cũng rất dễ đạt được, sẽ nâng cao cảnh giới của chúng ta lên một mức to lớn, siêu phàm nhập thánh. Như vậy thì hiện tượng là có, tuy có, nhưng chẳng phải là có trong Có - Không, mà là Không trong “*bất không chi không*”. Như vậy thì mới được coi là thật sự nhận biết. “Không” chẳng phải là chẳng có gì, Không là “*bất không chi không*”. Nó có thể hiện tượng, đó gọi là Vô Lộ Minh, Minh là trí huệ. Vô Lộ: Lộ là tên gọi khác của phiền não, cũng có thể nói [Vô Lộ] là mê cấu đều chẳng còn, chân trí huệ hiện tiền, đó là “*thanh bạch*”. Chữ Thanh Tịnh trong tựa đề bản kinh [Vô Lượng Thọ] mang ý nghĩa này.

“*Hựu Chân Giải viết: Tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch, thị chú vũ đức*” (Lại nữa, sách Chân Giải giảng: “Gột sạch dơ bẩn, tỏ rõ sự trắng sạch là nói về phẩm đức của sự tuôn mưa”). “*Chú vũ*” (澍雨) là đổ mưa. Vì sao? Nước mưa có thể gột rửa sạch những thứ dơ bẩn. Tiếp theo đó, sách viết: “*Vũ hữu năng tẩy vật cấu ô*” (nước có năng lực rửa sạch vật bẩn thỉu), nó có thể rửa sạch. “*Năng hiển thanh bạch Thế chi đức*” (có phẩm đức tỏ rõ cái Thế trắng sạch), chỉ cần đoạn hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hoặc như chúng ta nói là “buông xuống” thì Tánh Đức trong tự tánh bèn hiện tiền. Tự tánh là thanh tịnh, Huệ Năng đại sư đã nói rất hay. Chúng tôi tin tưởng hòa thượng Ngũ Tổ Nhân đã chứng minh cho Ngài. Nếu không, sẽ chẳng truyền y bát cho đại sư. Ngài đã thừa trình bằng hai mươi chữ, Nhân hòa thượng trao y bát cho Sư, truyền cho Sư tức là đã chứng minh lời Sư nói là đúng, chẳng nói sai tí nào! Câu đầu tiên Sư nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, tự tánh của chúng ta thanh tịnh, trong sạch, chưa hề bị nhiễm ô. Cái gì bị nhiễm ô? A Lại Da bị nhiễm ô. A Lại Da có thể bị nhiễm ô, chứ tự tánh chưa hề bị nhiễm ô. Vì sao tự tánh của chúng ta chẳng hiển lộ? Đã mê, nên tuy có, mà không biết, tập khí phiền não nắm quyền làm chủ, hồng rồi, lục đạo phạm phu ở trong tình trạng này! Vì lẽ đó, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này nhằm dạy chúng ta chân tướng sự thật, chúng ta đã hiểu rõ, buông tập khí phiền não xuống, Tánh Đức hiện tiền. Vốn tự thanh tịnh, vốn chẳng sanh diệt, đó là thật. Vốn tự trọn đủ, vốn chẳng dao động, có thể sanh ra vạn pháp, đó mới là chính mình thật sự, là Chân Ngã. Vì sao? Đã là chủ tử, thật sự đạt được đại tự tại. Vì thế, hãy tìm lại Chân Ngã, ai nấy đều có Chân Ngã, nhưng chính quý vị phải chịu đi tìm!

“*Như Lai pháp luân tẩy trạc trần lao cấu ô, khai hiển bốn hữu tịnh thể dã*” (Pháp luân của Như Lai gột rửa dơ bẩn, tỏ lộ tịnh thể vốn có). Đây là nói về chúng ta trong hiện tiền, chúng ta phải cậy vào giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, “pháp luân của Như Lai” là giáo dục của Phật Đà, chúng ta nhìn như vậy bèn hiểu: Phải cậy vào giáo dục của Phật Đà giúp đỡ chúng ta gột rửa sạch sẽ những tập khí phiền não ấy, khiến cho sự thanh tịnh mà chúng ta vốn có sẽ được hiển lộ. “*Dĩ thượng Gia Tường, Chân Giải lưỡng số trung, thanh bạch chi giải, u u Hợp Tán*” (Cách giải thích chữ “thanh bạch” trong hai bộ số Gia Tường và Chân Giải như trên đây hay hơn cách giải thích trong Hợp Tán). Giảng hay hơn Hợp Tán, nhưng Hoàng lão cư sĩ đều tập hợp trọn hết những cách giải thích ấy ở đây. Trong bản chú giải này, cụ đã trích dẫn một trăm chín mươi ba thứ kinh luận, nên chúng ta đều được đọc. “*Tổng thượng chư giải, cố tri thanh bạch giả, Trí Đoạn chi quả dã, vô lậu chi minh dã, bốn hữu tịnh thể dã*” (tổng hợp những cách giải thích trên đây, ta biết thanh bạch là quả của Trí Đoạn, là vô lậu minh, là tịnh thể vốn có). Ba câu này có cùng một ý nghĩa. Thanh bạch phải có trí huệ và quả đoạn thì thanh bạch mới có thể hiện tiền, vì sao? Có trí huệ, có quả đoạn, sẽ chẳng mê hoặc! Những tập khí phiền não ấy thầy đều vứt bỏ, chẳng phải là thanh bạch hiện tiền ư? Vì thế, thanh bạch là trí huệ vô lậu, “*vô lậu chi minh*” là trí huệ vô lậu. Trí huệ chẳng xen tạp

tập khí phiền não bèn gọi là “*vô lậu chi minh*”. “Tịnh thể vốn có” là như Huệ Năng đại sư đã nói “*vốn tự thanh tịnh*”.

“*Nhược dung thông Thiên môn*” (nếu dung thông với Thiên môn), [nghĩa là] dùng cảnh giới trong Thiên Tông để giải thích, “*tắc tẩy trạc cấu ô*” (thì gột rửa dơ bẩn) được Thiên môn gọi là “*huýnh thoát Căn Trần*” (vượt thoát Căn Trần). “*Thoát*” là thoát lia, Căn là gì? Sáu căn, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, còn một căn nữa là ý. Trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, những thứ ấy đều là nhiễm ô. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là nhiễm ô bên trong; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là nhiễm ô bên ngoài. Nay thì trong là buồng Căn xuống, ngoài là buồng xuống sáu trần, há có thể chẳng thanh tịnh ư? Tự tánh hiện tiền, vì tự tánh vốn thanh tịnh. Câu đầu tiên của Huệ Năng đại sư là “*vốn tự thanh tịnh*”, thanh tịnh viên minh thể hiện tiền, “*huýnh thoát Căn Trần*”, huýnh (迴) là xa lia, thoát (脫) là vượt khỏi. “*Hiển minh thanh bạch thị linh quang độc diệu*” (tỏ rõ sự trắng sạch là linh quang riêng chiếu rạng ngời). Đây là hai câu trong Thiên Tông: “*Huýnh thoát Căn Trần, linh quang độc diệu*”. Trong Thiên Tông nói đến cảnh giới này, người minh tâm kiến tánh đạt tới cảnh giới ấy. Linh quang (靈光) là trí huệ, khi ấy, bất luận là căn thân hay cảnh giới bên ngoài, không gì chẳng phải là trí huệ viên mãn hiện tiền, nên gọi là “*linh quang độc diệu*”, đó là nói theo Thiên Tông. Tiếp theo đó, “*hội quy Tịnh Tông*” (quy vào Tịnh Tông), Tịnh Độ sẽ nói như thế nào? Tịnh Độ nói “*đô nhiếp lục căn, thị tẩy trạc cấu ô*” (nhiếp trọn sáu căn chính là “gột rửa dơ bẩn”). Nhiếp (攝) là thu nhiếp (收攝: thu tóm), thu hồi sáu căn lại. Mắt nhìn ra bên ngoài, thấy sắc tướng bên ngoài; nay mắt chẳng nhìn ra ngoài nữa, mà nhìn vào trong, trong là gì? Trong là tự tánh, tánh, tướng, thu hồi tướng lại để nhìn vào tánh, đã kiến tánh! Nơi mắt thì gọi là tánh Thấy, chẳng gọi là Căn. Tánh Thấy thấy sắc tánh, nơi tai thì tánh Nghe nghe thanh tánh. Lưỡi ăn thứ này nọ thì tánh Nếm sẽ nếm Vị Tánh, đó gọi là minh tâm kiến tánh. “*Phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*” (xoay cái nghe lại để nghe nơi tự tánh, tánh trở thành đạo vô thượng). Quán Thế Âm Bồ Tát tu hành chứng quả dùng phương pháp này, tức là “*phản văn văn tự tánh*” (xoay cái Nghe lại để nghe nơi tánh Nghe), điều này được nói trong kinh Lăng Nghiêm. Trong Tịnh Tông, quý vị thầy: Nhiếp trọn sáu căn thì “*tịnh niệm tương kế, tự đắc tâm khai, thị hiển minh thanh bạch. Cái nhất thanh Phật hiệu, nhất thanh tâm, niệm Phật tức thị Thi Giác hợp Bốn*” (tịnh niệm tiếp nối, tự được tâm khai chính là hiển lộ sự trắng sạch. Bởi lẽ, một tiếng Phật hiệu là một tiếng tâm, niệm Phật chính là Thi Giác hợp với Bốn Giác). Thi Giác là bắt đầu giác ngộ, tương ứng với Bốn Giác. Dem hai câu kinh này phối hợp với cách nói trong Tịnh Độ, hay ghép vào cách nói trong nhà Thiên, đều nói thông suốt. Một thứ thông, hết thấy đều thông suốt. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

Tập 108

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi tám, dòng thứ hai đếm từ dưới lên, xem từ câu “*điều chúng sanh, tuyên diệu lý*”, chúng ta hãy đọc đoạn văn này.

“*Điều chúng sanh, tuyên diệu lý. Điều giả, hòa dã. Chúng sanh giả, nhất thiết hữu tình dã. Tuyên giả, thị dã. Diệu lý giả, Thật Tướng chi Lý Thể, diệc tức Pháp Hoa Phật chi tri kiến dã. Khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến, nãi tuyên diệu lý dã*” (“Điều chúng sanh, tuyên diệu lý”: “Điều” là điều hòa. “Chúng sanh” là hết thảy các hữu tình. “Tuyên” là chỉ dạy. “Diệu lý” là Thật Tướng Lý Thể, mà cũng chính là “tri kiến của Phật” trong kinh Pháp Hoa. Khai tri kiến của Phật, chỉ bày tri kiến của Phật, chính là “tuyên diệu lý”). Chúng ta xem đoạn này, đoạn này thuộc về hạnh môn thù thắng của Phổ Hiền. Đoạn trước giảng về phá mê khai ngộ, vô cùng trọng yếu. Nếu chúng ta mê chẳng giác, chư Phật, Bồ Tát dẫu từ bi cũng chẳng giúp được. Do vậy, đặt phá mê khai ngộ lên trước, rồi sau đấy mới dạy chúng ta lìa khổ được vui như thế nào. Kinh giáo được xếp theo thứ tự thuận như thế đã ban cho chúng ta một khái thị rất lớn, khiến cho chúng ta nghĩ trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Phật độ kẻ hữu duyên*”. Kẻ hữu duyên là ai? Kẻ có thể tin, giải, hành, chứng, đó là kẻ hữu duyên. Điều kiện thứ nhất đối với kẻ hữu duyên là kẻ ấy có trí huệ, có năng lực phân biệt đúng, sai, tà, chánh. Thiếu điều kiện này sẽ không được. Thiếu điều kiện này thì Phật xuất hiện, Bồ Tát xuất hiện, kẻ ấy chẳng tin tưởng. Phật, Bồ Tát vì kẻ ấy thị hiện, diễn nói, kẻ ấy nghe nhưng chẳng hiểu, đúng là vô duyên, nên chư Phật, Bồ Tát dẫu từ bi vẫn chẳng thể gia hộ. Trọn đủ điều kiện trên đây, giác chứ chẳng mê, hẳn tiếp nhận kinh văn này sẽ bèn bi và trí cứu khổ. Bồ Tát giúp chúng ta lìa khổ được vui, thứ nhất là tâm đại bi, tâm từ bi thúc đẩy. Tâm từ bi ấy lưu lộ từ tự tánh, nó là Tánh Đức. Chỉ cần kiến tánh, nó sẽ tự nhiên lưu lộ. Lòng từ bi ấy chẳng có điều kiện, nên kinh thường nói “*vô duyên Đại Từ, đồng thể Đại Bi*”. Từ là giúp kẻ khác được vui, Bi là giúp người khác lìa khổ, đều chẳng có điều kiện. “*Vô duyên*” là vô điều kiện, hãy nên làm theo cách như vậy, giống như lòng yêu thương, che chở của cha mẹ đối với con cái chẳng có điều kiện. Chư Phật, Bồ Tát sau khi minh tâm kiến tánh, biết hết thảy chúng sanh và chính mình là một Thể. Đã là một Thể, đương nhiên chẳng có điều kiện gì để nói, nên gọi là Đồng Thể Đại Bi. Chúng ta có thể tin, hiểu, hành theo lời các Ngài đã nói.

“*Điều chúng sanh*”: Điều (調) là điều hòa (調和). Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc cũng rất coi trọng chữ Hòa này, “*hòa vi quý*” (hòa thuận là đáng quý). Hết thảy chúng sanh sống trên cuộc đất này, cùng sống trên quả địa cầu này, nếu bất hòa sẽ có tai nạn, thiên tai lẫn

nhân họa đều xảy ra. Bí quyết mầu nhiệm nhất để hóa giải những tai nạn ấy là Hòa; do vậy, Hòa là quý. Con người hòa hợp, chiến tranh chẳng có, tai họa do con người gây ra chẳng có. Nếu con người hòa hợp, núi, sông, đại địa, cây cối, hoa cỏ đều hòa hợp, thiên tai chẳng có. Nếu bất hòa, phiền phức gì cũng đều xuất hiện; do vậy, phải điều hòa. Chúng sanh, ở đây nói là “*hết thấy hữu tình chúng sanh*”, [bởi lẽ], trong hết thấy chúng sanh, hữu tình trọng yếu nhất, vì sao? Hữu tình có thể nầy sanh biến hóa, [khiến cho] vô tình chúng sanh bị biến hóa theo. Chúng (vô tình chúng sanh) chẳng chủ động, không thể chủ động, mà thuận theo hữu tình chúng sanh. Hữu tình chúng sanh tâm thái thiện lương, vô tình chúng sanh cũng thiện lương theo. Nay chúng ta gọi “hữu tình chúng sanh” là “động vật”, trong các động vật, con người lanh lợi nhất. Con người sở dĩ khác với hết thấy động vật là vì con người có thể hiểu lý, thông suốt đạo lý, con người biết sống tùy thuận quy luật thiên nhiên. Con người là như thế đó, tùy thuận thiên nhiên là tùy thuận Pháp Tánh, đó là thiện lương.

Chúng ta thấy người thật sự giác ngộ là ai? Người sống trong Nhất Chân pháp giới, ai nấy đều giác ngộ, chẳng phải là giác ngộ bình phàm, mà là bậc đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh như trong giáo pháp Đại Thừa đã nói, người như vậy đó! Vì thế, những người ấy mới là hòa hài đúng tiêu chuẩn. Vì sao? Chẳng có chính mình, phá trừ Ngã Chấp, như trong kinh Kim Cang đã nói “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, họ ở trong cảnh giới ấy. Không chỉ lìa khỏi hết thấy huyền tướng, chẳng còn chấp trước nữa, chẳng phân biệt, mà ngay cả ý niệm cũng chẳng có nữa. Nửa sau kinh Kim Cang nói “*vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến*”. Kiến (見) là ý niệm, chẳng có ý niệm thì đương nhiên là một bầu hòa hài, người Trung Quốc nói là “một bầu hòa khí”, [điều này] được thấy trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Cõi Thật Báo ở chỗ nào? Trong giáo lý Nhất Thừa, đức Phật đã giảng lời chân thật là “*đương hạ, đương xú*” (ngay lập tức, ngay tại nơi đây). Một mai cư dân trên địa cầu giác ngộ, ý niệm vừa chuyển, nơi đây sẽ là Thật Báo Trang Nghiêm, nơi đây là Nhất Chân pháp giới. Vì sao? Chúng tôi đã tuyên giảng nguyên lý và nguyên tắc nhiều lần: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”. Tư tưởng của chúng ta cong vẹo, lầm lỗi, nên hết thấy các tai nạn hiện tiền. Nếu tư tưởng thiện lương, thuần chánh, hết thấy các tai nạn đều chẳng có. Vì vậy, tai nạn chẳng phải là thật, trong nhãn quan của chư Phật, Bồ Tát, chúng là hư huyền, chẳng thật sự tồn tại. Đây là nói rõ về sự trọng yếu của Hòa.

Do vậy, nay chúng ta là phàm phu, học Phật là bước khởi đầu, học bắt đầu từ đâu? Học từ Hòa. Người khác và ta bất hòa, chúng ta phải hòa thuận với kẻ ấy thì mới là đường lối để giải quyết vấn đề. Người khác và ta bất hòa, nếu ta và kẻ ấy đối kháng, vấn đề sẽ nghiêm trọng, kết thành oán cừ. Sau khi đã kết oán cừ, oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng xong, đúng là khổ chẳng kham nói nổi. Đau khổ chẳng phải chỉ là một phía, đôi bên đều đau khổ, cần gì phải vậy! Chúng ta có thể nhịn thì đôi bên đều có lợi, ta cũng chẳng có phiền não,

quý vị cũng chẳng có tai hại, đúng là đôi bên cùng thắng! Vì vậy, cổ thánh tiên hiền, chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta chớ nên xung đột với người khác, chỗ nào cũng đều phải học nhường nhịn. Cổ nhân dạy “bị thua thiệt là phước”, người bị thua thiệt chẳng sao cả, kẻ bị thua thiệt chẳng bị thiệt thòi, kẻ chiếm tiện nghi bị tai nạn, nên thật sự chẳng chiếm được tiện nghi, mà người bị thua thiệt thật sự chiếm được tiện nghi, đạo lý này rất sâu. Trong kinh, đức Phật thường nhắc nhở, chỉ dạy chúng ta phải luôn nhường nhịn, chớ nên tranh chấp với kẻ khác, biển rộng, trời cao, bất luận đến chỗ nào cũng đều tự tại, vì sao chẳng chịu nhường? Kẻ ấy muốn quả địa cầu này, chúng ta nhường cho kẻ ấy, nhường cho hắn, trong vũ trụ tinh cầu quá nhiều, tìm một chỗ khác thù thắng hơn địa cầu để đến đó ở, chắc chắn là có. Vì sao? Vì quý vị nhường, nhường là Tánh Đức, do tương ứng với Tánh Đức, nên quý vị đến nơi đâu cũng là nơi tốt đẹp. Tranh được chẳng phải là chuyện tốt, dẫu quý vị hoàn toàn đạt được, nhưng sau đó chẳng ngã bệnh thì cũng bị tai nạn, cuộc đời vẫn là chẳng dễ sống! Cổ thánh tiên hiền, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta chánh đạo, chúng ta chớ nên chẳng cảm ân, chớ nên chẳng y giáo phụng hành. Tuyên (宣) là Thị (示), Tuyên là tuyên dương (宣揚), dùng phương pháp gì để tuyên dương? Nêu gương cho chúng ta nhìn vào, chúng ta phải học hiểu.

Một đời này, rất nhiều đồng học theo tôi, [quan sát sẽ] thấy tôi nhường ba lần. Tại Đài Loan, chúng tôi có một đạo tràng nhỏ, chẳng lớn, có kẻ muốn, tôi bèn tặng cho kẻ ấy. Chúng tôi đến Tân Gia Ba; tại Mỹ cũng có đạo tràng, cũng có người muốn, tặng cho kẻ ấy, hễ muốn thì tặng cho kẻ ấy. Ở Tân Gia Ba ba năm, đồng tu các nơi giúp chúng tôi mua một căn chung cư, đại khái hơn một ngàn vạn, có người mong chúng tôi rời khỏi Tân Gia Ba. Chúng tôi rời khỏi, cũng tặng luôn, hoan hỷ. Chúng tôi di dân đến Úc Châu, đến Úc Châu sung sướng. Đất ở Úc rất rẻ, chẳng đắt giá, người ở Úc quá ít, đất đai rất rộng. Chúng tôi càng nhường càng thù thắng, càng nhường càng tự tại, càng nhường càng sung sướng. Tổ tiên, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta nhường nhịn, trong ấy có niềm vui khôn cùng, chẳng ai biết, quý vị có thể y giáo phụng hành, sẽ nếm được [niềm vui ấy]. Có thể nhường thì mới có thể sống hòa thuận với hết thảy chúng sanh. Quý vị chẳng thể nhường thì hòa thuận là giả, chẳng thật, nhất định phải có thể nhường nhịn. Thuở ban đầu, ít nhiều vẫn còn có một chút tình chấp, phải nhẫn, thật sự nhường vài lần thì sẽ chẳng phải là cắn răng nhường, mà sẽ là vui vẻ nhường, nhường rất vui sướng! Người khác chiếm hữu, tuy họ chiếm hữu mà chúng ta còn cảm ơn người ấy, vì sao cảm ơn? Chính mình có thể nhường, cảnh giới được nâng cao, đức hạnh tăng tấn, trí huệ cũng tăng trưởng, lẽ nào chẳng thể không cảm ơn? Đồng thời, phải mong cho người ấy chiếm hữu, người ấy đã vì chúng ta thị hiện, thị hiện có chánh diện và phản diện. Chánh diện thì chúng ta phải đánh lễ, phải cung kính, cúng dường. Kẻ ấy chiếm cứ các tài vật đó để hoằng pháp lợi sanh, làm tốt hơn chúng ta, há lẽ nào chúng ta có thể chẳng nhường? Hễ nhường bèn có đức lớn. Nếu là phản diện, kẻ ấy chẳng làm chuyện hoằng pháp lợi sanh, mà làm chuyện cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, kẻ ấy đã diễn xuất nghiệp nhân quả báo cho chúng ta xem, chúng ta cũng phải cảm ơn. Giống như kẻ ấy diễn tuồng, diễn vai phản diện rất thật. Do nghiệp hạnh

bất thiện, sau này tất nhiên là quả báo địa ngục, nga quý, súc sanh. Đối với chúng ta, đối với hết thầy đại chúng trong xã hội, đó là gì? Lên lớp, dạy một bài học về nhân quả báo ứng, hãy chú tâm quan sát bèn hiểu rõ, sẽ ngưng dứt hết thầy những ý niệm bất thiện trong tâm chúng ta, chẳng dám làm nữa! Giống như thuở đức Phật tại thế, Đề Bà Đạt Đa đã nhiều lần biểu diễn, đều là Bồ Tát, đó là đại thiện tri thức, biểu diễn vai phản diện cho chúng ta xem. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn vai chánh diện cho chúng ta xem, chúng ta có thể nói Đề Bà Đạt Đa chẳng phải là Phật, Bồ Tát ư?

Vì thế, hãy nhìn thấu suốt sự lý, để đạt được một kết luận: “Ai nấy đều là người tốt, chuyện gì cũng đều là chuyện tốt”. Hết thầy nghiệp nhân, quả báo thiện ác đều trong một niệm của chính mình. Tâm hạnh của chúng ta chánh đáng, chẳng có điều gì bất chánh, thì những gì yêu ma quỷ quái biểu hiện trước mặt chúng ta đều là chánh pháp. Nếu trong tâm chúng ta tà vạy, biểu hiện của mười phương chư Phật Như Lai cũng là tà. Đó là gì? Chính là “*hết thầy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, ý niệm của chính mình làm chủ tể hết thầy. Đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Cảnh duyên chẳng tốt, xấu*”, cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự. Trong hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất đều chẳng có gì tuyệt đối đúng, sai, tà, chánh, chẳng có! Đúng, sai, tà, chánh là do ý niệm của chính mình. Ý niệm của chính mình chánh đáng thì không có gì chẳng chánh, tà cũng là chánh. Ý niệm của chính mình bất chánh, chánh cũng biến thành tà, phải hiểu đạo lý này. Sau khi hiểu rõ, chính mình mới biết: Từ tu nhân cho đến chúng quả hoàn toàn do chính mình chịu trách nhiệm, chẳng liên quan đến người khác. Đó là đại căn bản trong bí trí cứu khổ của Phật, Bồ Tát. Thông qua sự giáo học này, chúng ta thật sự thấu hiểu, quý vị mới có thể thật sự lìa khổ được vui, vĩnh viễn lìa khổ, vĩnh viễn được vui. Trong hoàn cảnh nào, quý vị cũng đều vui sướng, đều tự tại. Điều này được gọi là “*diệu lý*”, chớ nên không hiểu lý này.

Diệu lý là gì? Thật Tướng Lý Thế, là tự tánh, trí huệ chân thật và đức hạnh chân thật trong tự tánh, mà cũng là “*Phật chi tri kiến*” được nói trong kinh Pháp Hoa. “*Tự tánh bốn thiện*” như tổ tiên người Hoa đã nói là cùng một chuyện, cùng một cảnh giới với “*Phật chi tri kiến*”. Ta đọc Tam Tự Kinh thấy có câu: “*Nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành), phải biết điều này! Thật sự nhận biết, thật sự tham thấu triệt, đối với kẻ tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác trong thế gian, quý vị trọn chẳng trách móc kẻ ấy, biết vì sao kẻ ấy làm những chuyện xấu xa đó, hiểu rõ ràng, minh bạch. Kẻ ấy đang diễn tuồng ở đó! Trên sân khấu, kẻ ấy diễn vai xấu, diễn vai phản diện, diễn vô cùng khéo, là diễn viên hạng nhất! Diễn vai chánh diện như Thích Ca Mâu Ni Phật, Khổng Tử, Mạnh Tử, là diễn viên hạng nhất; mà diễn vai phản diện cũng là diễn viên hạng nhất. Quý vị có thể nhìn như vậy, tâm sẽ hết sức an bình, thanh tĩnh, chẳng dấy sóng gió. Từ chánh diện lẫn phản diện đều đạt được lợi ích; chẳng có phản diện thì làm sao có thể nổi bật điều thiện của chánh diện? Chẳng có điều thiện nơi chánh diện, làm sao có thể nổi bật cái ác của phản diện? Đạo lý là như vậy đó! Lục

đạo luân hồi, mười pháp giới được cô đọng, biểu diễn mấy phút trên sân khấu cho quý vị xem. Từ chỗ này, quý vị bèn khai ngộ, biết tu hành ra sao, biết tự độ, độ người như thế nào, chính mình lìa khổ được vui như thế nào, giúp hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui ra sao!

Tri kiến của Phật là lý, tức diệu lý. “*Khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến*” có nghĩa là “tuyên dương” [tri kiến của Phật]. Chữ Tuyên ở đây mang ý nghĩa tuyên dương diệu lý, tức là biểu diễn, tỏ lộ đạo lý áo diệu, cao sâu ấy. Thích Ca Mâu Ni Phật đã thực hiện cho chúng ta thấy. Dòng họ Thích Ca gặp một phen tai nạn vô cùng thâm trọng, đau đớn. Vua Lưu Ly dẫn quân tiêu diệt bộ tộc Thích Ca, tức là bộ tộc của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong cuộc chiến ấy, quốc gia tiêu diệt, Thích Ca Mâu Ni Phật có biết hay không? Biết rõ ràng, minh bạch, nhưng đức Phật có cách nào cứu vãn cơn tai nạn ấy hay không? Ngài chẳng có cách nào! Trong kinh giáo đã nói rõ “tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt”, [đức Phật đã] thực hiện câu nói ấy cho chúng ta thấy. Đức Phật có năng lực, có trí huệ, có năng lực là có thần thông, nhưng do nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, sức mạnh của tâm niệm chẳng thể nghĩ bàn, ba sức mạnh ấy bằng nhau. Vua Lưu Ly tiêu diệt dòng họ Thích Ca, nếu Thích Ca Mâu Ni Phật có trình độ [hiểu biết hạn hẹp] giống như chúng ta, dễ lắm, Ngài phát động mười sáu vị đại quốc vương tổ chức liên quân đến cứu dòng họ Thích Ca, có được hay không? Được chứ! Mười sáu vị đại quốc vương đều là đệ tử quy y của Thích Ca Mâu Ni Phật, đức Phật yêu cầu họ tổ chức liên quân dễ dàng, mọi người sẽ nghe lời. Đức Phật chẳng làm như vậy, do nguyên nhân nào? Đức Phật biết nguyên do của cơn tai nạn này, nó là oan oan tương báo, ngăn trở một đời này, tương lai sẽ còn thâm trọng, nặng nề hơn, nên để cho nó báo ứng, báo ứng xong sẽ hết chuyện!

Khởi nguyên của cơn tai nạn này là gì? Khởi nguyên từ nhiều đời nhiều kiếp trước, chẳng phải là một đời này, mà do nghiệp nhân đã tạo trong đời quá khứ. [Thuở ấy], bộ tộc Thích Ca là ngư dân đánh cá tại ven biển, trong thôn ấy có một cái ao nuôi cá. Có một hôm, tộc trưởng hạ lệnh sai thôn dân tháo cạn nước ao, bủa lưới bắt sạch cá trong ao. Trong ao ấy có hai loại cá, cá cũng có vua, chúng nó có tổ chức. Hai con ngư vương cảm thấy người trong thôn trang ấy rất đáng giận: “Giết sạch chúng ta, chẳng chừa con nào!” Trong tâm oán hận, nhất định phải trả thù. Đời này, họ sanh làm người, người dân trong thôn đánh cá là dòng họ Thích Ca, cá bị giết trong ao chính là bộ tộc của vua Lưu Ly. Họ đến báo cừu, trong quá khứ các vị đã làm cho họ bị diệt tộc, nay người ta cũng muốn đến tiêu diệt quý vị, oan oan tương báo, chẳng có cách nào tránh khỏi tai nạn ấy. Do Thích Ca Mâu Ni Phật hiểu rõ ràng, minh bạch, đành chỉ ứa lệ nhìn, chẳng nói một câu nào, khuyên mọi người hãy trốn tránh tai nạn, có thể trốn thì hãy tận hết sức trốn đi, vì chẳng có sức chống đỡ. Một nhóm trốn thoát, trốn sang Tây Tạng, vì họ vượt qua núi Hỷ Mã Lạp Nhã thì bên kia núi là Tây Tạng. Một phần dòng họ Thích Ca trốn sang bên đó. Bộ tộc Thích Ca nghe lời người trong nhà khuyên cáo, trốn sang vùng Hậu Tạng. Sau khi đã trốn đến Hậu Tạng bèn định cư ở Hậu Tạng, chẳng

quay về nữa. Vì thế, hậu duệ của gia tộc Thích Ca Mâu Ni Phật sống tại vùng Hậu Tạng của Trung Quốc. Chương Gia đại sư kể cho tôi nghe câu chuyện này. [Qua chuyện này, đức Phật] đã biểu diễn cho chúng ta thấy oan oan tương báo, oán hận không thể hóa giải thì đời đời kiếp kiếp đều có trả thù.

Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu ra phương cách nhường nhịn: Quý vị muốn quốc gia của chúng tôi, muốn đoạt lãnh thổ này, ta bèn trao cho quý vị, bỏ chạy, đào tẩu, một bộ phận không chịu bỏ chạy đều bị họ giết. Định nghiệp chẳng thể chuyển; do vậy, sát nghiệp thật đáng sợ! Giết người phải đền mạng, giết các động vật vẫn phải đền mạng. Đời sau, những động vật ấy đã chịu hết nghiệp báo và tội báo, lại sanh vào nhân gian. Nói theo Phật pháp, hết thủy hữu tình chúng sanh đều là bất tử. Chết là thân thể chết, [chết] chỉ là thay đổi thân thể mà thôi! Linh hồn bất tử, linh tánh bất tử. Quý vị kết oán cừu với kẻ ấy, chỉ cần kẻ ấy nhớ mãi không quên, phiền phức khôn xiết! Vậy thì cần gì phải kết oán cừu với kẻ khác? Cổ nhân Trung Quốc nói “*bị thua thiệt là có phước*”. Chấp nhận bị thua thiệt, chẳng kết oán cừu với kẻ khác. Quý vị muốn đoạt tài vật, sản nghiệp của ta, ta đều trao hết, đều nhường cho quý vị, mọi chuyện tốt đẹp, chẳng kết oán! Chẳng có may mắn ý niệm oán hận, bèn hóa giải [mọi oán kết], đó là cách làm trí huệ. Thuở ấy, Phật Thích Ca đã nêu gương cho chúng ta thấy, dòng họ Thích Ca và vua Lưu Ly Vương biểu diễn, chúng ta thấy Phật Thích Ca xử trí chuyện ấy ra sao, chúng ta phải học theo. Vì trong một đời này, những chuyện oan oan tương báo của chúng ta cũng rất nhiều. Đã tạo trong đời quá khứ, hoặc bất tri bất giác tạo trong đời này, hễ gặp cảnh giới hiện tiền bèn nhường, hoan hỷ nhường, ta vui vẻ, đối phương cũng vui vẻ. Vậy thì chẳng phải là chúng ta bị thua thiệt to lớn ư? Chẳng bị thua thiệt! Kẻ ấy cũng chẳng chiếm tiện nghi, mà ta cũng không bị thua thiệt. Trong mạng ta đã có, có vứt bỏ, cũng chẳng vứt bỏ được. Nhường chỗ này, lại đạt được ở chỗ khác, lại còn đạt được thù thắng hơn những gì đã nhường, càng nhường càng thù thắng, càng nhường càng nhiều. Điều này chẳng phải là giả, trong Phật pháp nói bố thí là tuân theo đạo lý này, càng thí càng nhiều. Thí tài được của cải, thí pháp được thông minh, trí huệ, thí vô úy được khỏe mạnh, sống lâu. Chỉ cần quý vị chịu nhường, chắc chắn chẳng bị thiệt thòi. Do vậy, quý vị hãy suy nghĩ, sau khi thua thiệt là gì? Là phước, như vậy là chẳng bị thua thiệt! Phía sau thua thiệt chẳng phải là họa, mà là phước, chịu thiệt thòi to lớn sẽ được đại phước, chịu thiệt thòi ít sẽ được phước nhỏ. Phía sau [thiệt thòi] là phước. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, sau đây mới nói với quý vị một câu: “Người chịu thua thiệt là kẻ có phước”, quý vị bèn tin tưởng. Quý vị đã tin tưởng bèn chấp nhận thua thiệt, chịu nhường. Vì lẽ đó, Phật, Bồ Tát rất từ bi, nêu gương cho chúng ta thấy, chính chúng ta sẽ vận dụng đúng pháp. Trong kinh đã có tấm gương ấy, chúng ta gặp phải [cảnh ngộ đòi hỏi phải nhường nhịn] bèn nhường, thật sự học theo. Thật sự học theo thì sẽ thật sự hữu hiệu. Những năm xưa kia có người hoài nghi, về sau thấy chúng tôi càng nhường càng thù thắng, họ tin tưởng, chẳng còn hoài nghi nữa. Chớ nên có tâm chiếm tiện nghi. Do tâm chiếm tiện nghi mà quý vị đạt được là vì trong mạng quý vị có, nhưng quý vị dùng thủ

đoạn phi pháp, bất chánh, thiếu đức, dùng thủ đoạn như thế để đoạt được thì sẽ gặp tai họa, chẳng ngã bệnh thì cũng mắc tai nạn, những thứ ấy sẽ dính cứng quý vị. Vì thế, đoạn ác tu thiện là chân lý, là thiên kinh địa nghĩa, chớ nên không tin tưởng, chớ nên không y giáo phụng hành. Thật sự mong trong một đời này cuộc sống hạnh phúc viên mãn, chắc chắn chẳng thể trái phạm giáo huấn của thánh nhân, chắc chắn là thánh hiền cao minh hơn chúng ta, đức hạnh và trí huệ của chúng ta chẳng bằng họ. Do vậy, phải biết thật thà nghe lời, học tập họ. Đó là đúng.

Chúng ta lại xem tiếp. Câu tiếp theo là: “*Linh nhất thiết hữu tình, ngộ Phật tri kiến, nhập Phật tri kiến, nãi điều chúng sanh dã*” (khiến cho hết thảy hữu tình ngộ tri kiến của Phật, nhập tri kiến của Phật, đó là “điều chúng sanh”). Cảnh giới này rất cao, ngộ Phật tri kiến là Bồ Tát, đã giác ngộ. Nhập Phật tri kiến là thành Phật. Đức Phật dạy bảo chúng ta nhằm mục đích này, hy vọng chúng ta tăng tấn đến cảnh giới Bồ Tát. Quý vị đã khai ngộ, hiểu rõ ràng, từ cảnh giới ấy lại nâng lên cao hơn, đối xử với hết thảy sự vật chẳng khác chư Phật Như Lai, có phương pháp thực hiện giống như chư Phật, Bồ Tát. Tiếp theo đó là một tỷ dụ để chúng ta hiểu ý nghĩa thuyết pháp của đức Phật. “*Điều hòa cầm huyền, dĩ phát chánh âm*” (điều chỉnh dây đàn đúng mực, khiến cho nó phát ra âm thanh chánh xác). Vào thời cổ, đàn Cầm (琴)^{105[2]} của Trung Quốc là loại đàn khay gồm có năm dây, có loại bảy dây, phải chỉnh dây đàn cho đúng thì âm sắc mới đẹp đẽ. Dây quá căng sẽ bị đứt, dây quá chùng chẳng phát ra tiếng, nhất định phải lên dây đàn cho vừa phải, đúng mực, âm thanh đúng cao độ sẽ phát ra. Dùng chuyện này để tỷ dụ tâm tình của chúng sanh, nó cũng cần phải được điều hòa. Phải điều hòa đạt đến Trung Đạo, chớ quá lỏng, mà cũng đừng nên chưa tới mức thì âm sắc mới đẹp đẽ. Vì thế, “*linh khế Trung Đạo*” (khiến cho khế nhập Trung Đạo). Chư vị thấy trong kiến trúc Phật giáo, đối với tự viện am đường, quý vị bước vào cửa chùa, kiến trúc đầu tiên là Thiên Vương Điện, sẽ thấy Tứ Đại Thiên Vương và Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát tuyên thị từ bi ở nơi đó, dùng hình tượng Bồ Đai hòa thượng [để tôn thờ Di Lặc Bồ Tát], khiến cho quý vị vừa vào cửa liền trông thấy. Người học Phật suốt ngày từ sáng đến tối phải giống như Di Lặc Bồ Tát, cười toe toét, vui sướng khôn sánh. Bất luận trong hoàn cảnh nào, bất luận gặp người lành hay kẻ ác đều hoan hỷ, đều dùng nét mặt tươi cười tiếp đón, Ngài đã dạy cho chúng ta một bài học. Quý vị thấy Đông Phương Trì Quốc thiên vương, trên tay cầm đàn tỳ bà. Tỳ bà là nhạc khí sử dụng dây, tượng trưng ý nghĩa gì? Biểu thị Trung Đạo, điều hòa.

^{105[2]} Đàn Cầm, gọi đầy đủ là Dao Cầm (瑶琴), còn gọi là Cổ Cầm, Ngọc Cầm, Huy Cầm, Thất Huyền Cầm, thường được xưng tụng là Thánh Nhân Chi Khí (nhạc khí của bậc thánh nhân), là một thứ nhạc khí rất cổ, được xếp vào loại Ty (dây tơ) trong Bát Âm của cổ nhạc. Theo truyền thuyết, đàn này do vua Phục Hy hoặc vua Thần Nông chế ra. Thân đàn làm bằng gỗ ngô đồng, dài ba thước sáu thốn năm phân (ước chừng từ 1m2 đến 1m3), rộng sáu thốn (ước chừng 20cm), dày hai thốn (6 cm). Thân đàn có hai chỗ eo vào, thoát đầu chỉ có năm dây, về sau tăng lên bảy dây. Tiếng dao cầm được ca tụng là ưu nhã, thanh thoát, có tác dụng dưỡng thần dưỡng tánh nên hầu như giới Nho sĩ đều thích học gảy dao cầm và soạn nhiều cầm khúc. Chính Khổng Tử cũng gảy đàn cầm và có ít nhất ba nhạc khúc được coi là do chính Khổng Tử soạn.

Dây đàn tỳ bà bị chùng sẽ không vang ra tiếng, dây quá căng sẽ đứt. Nhất định phải chỉnh dây vừa phải, chẳng quá căng, mà cũng chẳng quá lơi, nó tượng trưng Trung Đạo. Quý vị thấy danh hiệu của Ngài là Hộ Quốc, dùng gì để hộ quốc? Dùng Trung Đạo. Phải biết mở rộng ý nghĩa này, và thu nhỏ phạm vi của hộ quốc, nhỏ đến mức là một thân, tức là hộ trì bản thân. Hộ pháp trước hết là hộ trì chính mình, tư tưởng và ngôn hạnh của chính mình phải hợp với Trung Đạo. Cổ nhân Trung Quốc nói [Trung Đạo] là đạo Trung Dung.

Quý vị thấy Tứ Thư, tức bộ Tứ Thư do Châu Hy biên soạn, biên soạn rất hay, biến thành một bộ sách nhất định phải đọc của người Hoa. Bộ sách ấy do Châu Hy biên soạn. Cuốn đầu tiên là Trung Dung, Trung Dung là tuyên diệu lý. Đại Học là giảng về phương pháp, diệu lý ấy được vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, đó là phương pháp. Đại Học là phương pháp, Luận Ngữ và Mạnh Tử là biểu diễn. Vì thế, chúng tôi thấy Tứ Thư được biên tập theo quan điểm hết sức giống như kinh Hoa Nghiêm, thuở ấy, tôi thường nghĩ, có phải là Châu phu tử đã được kinh Hoa Nghiêm gợi cảm hứng, nên đã biên tập một bộ sách hay như thế? Rất có thể, vì sao? Ông ta tiếp xúc Phật pháp tiếp xúc quá nhiều, nhiều vị cao tăng đại đức thuở ấy đều là bằng hữu. Kinh Hoa Nghiêm có lý luận, có phương pháp, năm mươi ba lần tham học ở cuối kinh là biểu diễn. Tứ Thư được tạo thành trên quan điểm giống như thế. Trung Dung là lý luận, Đại Học là phương pháp, Khổng Tử biểu diễn, quý vị thấy Ngài đã thực hiện trong cuộc sống hằng ngày. Đạo lý của Trung Dung và phương pháp của Đại Học đã được Ngài thực hiện toàn bộ, Mạnh Tử cũng thực hiện được. Khổng Tử đại diện cho các bậc thánh nhân, Mạnh Tử đại diện cho các hiền nhân. Thánh hiền đều có thể thực hiện các lý luận và phương pháp ấy. Thực hiện phương pháp ấy nơi tự thân, thân tâm khỏe mạnh, há chẳng vui sao? “Vui” là gì? Sung sướng! Trong Phật pháp gọi là “pháp hỷ sung mãn”, người ấy được thọ dụng, nhà người ấy hạnh phúc mỹ mãn. Một cá nhân đã thi hành, chắc chắn gia đình người ấy sẽ thi hành; gia đình thi hành thì gia đình mỹ mãn. Cả nhà người ấy thi hành, nhà người ấy ở trong một thôn trang nhỏ, khu vực đó nhất định được người ấy cảm hóa. Mọi nhà đều làm như vậy, khu vực ấy hòa hài, nơi ấy thái bình. Do vậy, người ấy đúng là “*thân tu, gia tề, quốc trị, thiên hạ bình*”, sanh ra hiệu quả to tát dường ấy! Cảnh giới Hoa Nghiêm trong Phật pháp to lớn, không chỉ là địa cầu, mà còn ảnh hưởng khắp pháp giới hư không giới, hoàn toàn thực hiện đạo lý, phương pháp sống, phương pháp “*xử chúng*” (cư xử với đại chúng) do đức Phật đã ngộ trong kinh Hoa Nghiêm, thực hiện đạo lý và các phương pháp ấy. Năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử là làm cho chúng ta thấy, quý vị thấy Ngài thực hiện trong các nhóm người [khác biệt]. Năm mươi ba lần tham học là vận dụng trong các nhóm người khác biệt, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, tín ngưỡng khác nhau, tôn giáo khác nhau, văn hóa khác biệt, vì sao có thể đối xử tốt đẹp dường ấy?

Bởi lẽ đó, tôi coi Tứ Thư là Tiểu Hoa Nghiêm Kinh. Tôi thường đọc bộ sách ấy, nghĩ Châu phu tử đã lấy cảm hứng từ kinh Hoa Nghiêm để biên tập thành một tác phẩm như vậy,

thật sự hữu dụng. Thuở sanh tiền, Triệu Phổ là Tể Tướng của Triệu Khuông Dận. Triệu Khuông Dận là Tổng Thái Tổ, là hoàng đế khai quốc nhà Tống. Triệu Phổ nói với Triệu Khuông Dận, ông ta dùng nửa bộ Luận Ngữ giúp Triệu Khuông Dận bình định thiên hạ, thống nhất Trung Quốc, nửa bộ Luận Ngữ thôi! Triệu Khuông Dận hết sức hiếu thuận, mẹ nhà vua bảo vua đừng truyền ngôi vị hoàng đế cho con mà nên truyền cho em, nhà vua nghe lời. Sau khi vua chết, ngôi vua được truyền cho em trai là Tổng Thái Tông (Triệu Khuông Nghĩa, còn gọi là Triệu Quang Nghĩa). [Triệu Phổ tâm với] Thái Tông: “*Thần dùng nửa bộ Luận Ngữ giúp bệ hạ trị vì thiên hạ*”. Rất có lý, hai câu ấy là danh ngôn. Bởi lẽ, giáo huấn của thánh nhân là trí huệ chân thật, trọn chẳng phải là hàng phạm phu bình phạm mà hồng sánh bằng. Bất luận tu thân, dưỡng tánh, trị gia, trị quốc, hòa hài thế giới, đều phải coi trọng Trung Đạo, có thể sử dụng Trung Đạo sẽ chẳng thái quá, mà cũng chẳng bất cập, đạt đến vừa phải, đúng mực, trong Phật pháp gọi điều đó là “*phương tiện thiện xảo*”. Phương tiện thiện xảo là đạt đến đúng mức.

Kể đó là: “*Tịnh Độ pháp môn, thị Phật tri kiến. Trì danh niệm Phật, tức thung dung Trung Đạo*” (pháp môn Tịnh Độ là tri kiến của Phật. Trì danh niệm Phật chính là thung dung Trung Đạo). Mấy câu này nói hết sức hay, vì sao? Pháp môn Tịnh Độ do A Di Đà Phật kiến lập, A Di Đà Phật chẳng phải vì chính mình mà kiến lập, trong phần sau chúng ta sẽ đọc đến [phần nói về nguyên do]. Trong bộ kinh này có lịch sử của thế giới Cực Lạc, giảng rõ thế giới Cực Lạc được kiến lập như thế nào? Kiến lập nhằm mục đích giúp đỡ lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật. Lục đạo chúng sanh quá khổ, vượt thoát lục đạo quá khó, Ngài dùng phương tiện thiện xảo kiến lập một thế giới mới mẻ như thế. Thế giới Cực Lạc là mới được kiến lập, vì từ khi kiến lập cho đến nay, nói theo phương diện thời gian thì chỉ có mười kiếp. Trong thời gian và không gian vô tận, mười kiếp rất ngắn ngủi, nó là một thế giới còn mới toanh! Mục đích nhằm giúp đỡ các chúng sanh trong lục đạo chẳng có cách nào đoạn trừ tập khí phiền não, cũng có thể nói là đức Phật đã kiến tạo một hoàn cảnh tu học vô cùng lý tưởng nhằm tiếp dẫn mọi người về nơi ấy cộng tu. A Di Đà Phật đích thân chỉ dạy, hướng dẫn, Ngài là một vị thầy ở bên ấy. Ở bên đó, không chỉ chẳng thấy tất cả các thứ chướng ngại cảm dỗ, mê hoặc chúng ta, mà còn chẳng nghe tới [tên gọi của những thứ chướng ngại ấy], hoàn cảnh tốt đẹp lắm! Tuy trong A Lại Da của chính chúng ta có chủng tử bất thiện, nhưng bên ấy chẳng có duyên bất thiện, nhân mà chẳng có duyên sẽ chẳng thể hiện hành, chẳng khởi tác dụng! Do vậy, cõi ấy là một hoàn cảnh tu học lý tưởng nhất, đức Phật đã dùng thời gian trọn năm kiếp để tạo thành. Tạo thành như thế nào? Nay chúng ta hiểu rõ, nhất là gần đây lại được các nhà Lượng Tử Lục Học chứng thực, xác thực là có thể tạo thành. Trong thời gian năm kiếp, đức Phật dùng nguyện lực tạo thành cõi ấy.

Các nhà khoa học hiện thời cho biết vật chất là chuyện như thế nào? Vật chất do đâu mà có? Vật chất là huyễn tượng sanh bởi ý niệm tích lũy liên tục. Chúng ta thấy kinh Vô

Lượng Thọ nói về lịch sử thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật do nguyện lực của bốn mươi tám nguyện, nguyện lực chẳng phải là niệm lực hay sao? Ngài tham phỏng hai trăm mười ức cõi, “*hai trăm mười ức*” là biểu thị pháp, chẳng phải là một con số, mà là tất cả các cõi Phật trong khắp pháp giới hư không giới Ngài đều đã đến thăm, chọn lấy ưu điểm, loại bỏ khuyết điểm. Vì vậy, thế giới của Ngài tổng hợp toàn vẹn những điểm tốt đẹp trong các thế giới của hết thảy chư Phật. Những điều bất thiện trong hết thảy các thế giới chư Phật đều chẳng có, mọi điều tốt đẹp đều có; thế giới ấy là như vậy đó. Chư Phật tán thán, chư Phật hoan hỷ, chẳng có một vị Phật nào không khuyên các hữu tình chúng sanh trong khu vực giáo hóa của chính mình, đều dạy họ niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến nơi ấy, thành tựu nhanh chóng, thành Phật trong một đời. Tu hành ở nơi khác, thời gian rất dài, nhưng đến chỗ đức Phật ấy rất nhanh chóng; đạo lý là như thế đó. Vì thế, nói pháp môn Tịnh Độ là tri kiến của Phật, câu này nói rất hay! Trì danh niệm Phật là thông dong Trung Đạo, chúng ta tu Trung Đạo như thế nào? Buông vạn duyên xuống, nhất tâm niệm Phật, là tu Trung Đạo. Tới thế giới Cực Lạc là một thế giới Trung Đạo, là một đạo tràng Trung Đạo. Đoạn này giải thích một điều kiện trọng yếu phải hội đủ hồng lìa khổ được vui: Quý vị phải hiểu rõ lý, phải tuân thủ Trung Đạo, đó là trí huệ.

Có trí huệ, không thể chẳng có phước báo. Người thế tục mong cầu phước báo, Phật, Bồ Tát cũng chẳng phản đối. Hai câu tiếp theo nhằm dạy chúng ta tu phước như thế nào? “*Trữ công đức, thị phước điền*” (trữ công đức, chỉ dạy phước điền), hai câu này dạy chúng ta tu phước. “*Trữ*” (貯) là tích chứa, tích trữ, tom góp. Quý vị phải tích đức, chỉ dạy chúng ta về phước điền. Phước điền là gì? Ở đây cũng giải thích rất hay! “*Phước điền giả, phù thế gian chủng đạo chi điền, xưng vi đạo điền, dĩ chi vi dụ*” (Phước điền: Phạm ruộng trồng lúa trong thế gian được gọi là “*ruộng lúa*”, lấy điều này làm tỷ dụ), đây là tỷ dụ: “*Vị chúng sanh thực phước chi sở*” (là chỗ để chúng sanh gieo phước), đó gọi là “*phước điền*”. Phước phải gieo, gieo bèn gọi là Tu. Nếu là kẻ chẳng biết gieo phước, phước do đâu mà có? Đồng học Tịnh Tông chúng ta nhất định phải hiểu, quyết định chớ nên mê tín, mê tín là sai lầm. Quý vị thấy khá nhiều kẻ vô tri bước vào chùa miếu đốt hương, nghe nói đốt một nén hương giá tiền rất cao, đó là mê tín. Đốt hương để cầu gì? Cầu Phật, Bồ Tát phù hộ, ban phước cho kẻ ấy! [Nếu nghĩ như vậy thì khác nào đã coi] Phật, Bồ Tát là tham quan ô lại, vì sao? Quý vị đặt điều kiện với các Ngài. Quý vị xem nhé! “*Bồ Tát, Ngài phù hộ tôi phát tài, hôm nay tôi kiếm được một trăm vạn, sẽ đem một vạn đồng đến cúng dường Ngài*”. Quý vị thấy đó, rất khôn ngoan, ta kiếm được một trăm vạn, ta sẽ đem một vạn đồng biếu cho Ngài, hoàn toàn coi Phật, Bồ Tát như tham quan ô lại, làm sao quý vị có thể cầu phước cho được? Quý vị tạo tội nghiệp ở nơi đó, đã khởi tâm động niệm sai quấy mất rồi! Sao lại hủy nhục Phật, Bồ Tát đến mức ấy? Cho là Phật, Bồ Tát cũng tham tài giống như quý vị! Nếu Phật, Bồ Tát có bản lãnh ấy thì cần quý vị làm quái gì? Vì sao các Ngài chẳng cần một trăm vạn, lại mong một vạn đồng của quý vị? Các Ngài cầm luôn một trăm vạn, chẳng cho quý vị một vạn, há có Phật,

Bồ Tát đại cúng dường ấy ư? Do tâm thái của chúng ta đã hoàn toàn sai trật, nên luôn là mê tín. Chúng ta cúng dường Phật, Bồ Tát, lễ kính Phật, Bồ Tát, nhằm tỏ bày lòng tôn trọng của chúng ta đối với các Ngài, yêu mến, trân trọng, có câu khấn các Ngài điều gì hay không? Chớ nên cầu khấn may mắn nào! Vì sao? Đó là giả, tục ngữ nói: “*Nê Bồ Tát quá hà, tự thân nan bảo*” (Bồ Tát bằng đất sét qua sông, chính mình khó giữ được), làm sao các Ngài có thể phù hộ quý vị cho được?

Thật sự có thể gia hộ quý vị là biểu thị pháp, quý vị vừa nhìn thấy hình tượng Phật, Bồ Tát, bèn nghĩ ta phải nên học những gì, hiểu đạo lý ấy. Ta trông thấy tượng A Di Đà Phật, nghe danh hiệu A Di Đà Phật, danh hiệu có ý nghĩa, quý vị quay lại quán tưởng ý nghĩa ấy, bèn đạt được lợi ích. A Di Đà Phật có nghĩa là Vô Lượng Giác, ta lạy A Di Đà Phật, tôn kính A Di Đà Phật, phải học theo Vô Lượng Giác của A Di Đà Phật, thứ gì ta cũng đều giác chứ không mê, tức là ta đã đạt được lợi ích do A Di Đà Phật ban cho. Ta chẳng nghe danh hiệu Ngài, chẳng thấy hình tượng Ngài, sẽ quên khuấy chuyện này; do vậy, những điều ấy nhằm nhắc nhở ta, mang ý nghĩa như thế đó. Lạy Quán Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát biểu thị lòng đại từ đại bi. Trông thấy Quán Âm Bồ Tát, nghe danh hiệu Quán Âm Bồ Tát, ta liền biết phải đãi người, tiếp vật bằng đại từ đại bi, đó là Bồ Tát gia hộ ta, chứ không phải là Ngài gia hộ quý vị thăng quan phát tài. Thế nhưng ta dùng tâm đại từ đại bi đãi người tiếp vật, lẽ đâu chẳng phát tài? Há chẳng thể thăng quan? Chắc chắn! Quý vị là người có thiện tâm, quý vị tích đức, tích lũy công đức, sẽ đạt được quả báo ấy, đạo lý là như thế đó. Ngàn vạn phần chớ nên làm chuyện mê tín! Làm chuyện mê tín không chỉ chẳng có phước, mà còn tạo tội nghiệp!

Quý vị thấy các ngôi chùa miếu có cung điện tráng lệ, xa hoa, tạc tượng Phật, Bồ Tát thành kim thân để thờ phụng trong ấy, quý vị đều chẳng biết thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời nghỉ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, trên đầu chẳng có nhà cửa. Ngài sống một cuộc đời như thế, chúng ta phải hiểu rõ ràng, phải hiểu minh bạch Ngài sống vô cùng đơn giản, có một túp lều tranh nhỏ tí là đủ rồi! Tâm Phật là vì hết thấy chúng sanh “*điều chúng sanh, tuyên diệu lý*”, làm chuyện ấy! Chúng ta thật sự nghe hiểu rõ ràng những lời lão nhân gia đã giảng, nghe thông hiểu, y giáo phụng hành, đó là “chân cúng dường”. Do vậy, chẳng biết là trong kinh điển đã nói bao nhiêu lượt, dùng bảy báu [trần ngập] đại thiên thế giới để cúng dường, vẫn chẳng bằng vì người khác diễn nói bốn câu kệ. Đối với bốn câu kệ trong kinh Phật, “*diễn*” là ta làm được, biểu diễn cho người khác thấy, ta giảng cho người khác nghe, công đức ấy vượt trời sự cúng dường bằng bảy báu đầy khắp đại thiên thế giới. Chẳng biết lời này đã được nói bao nhiêu lần, nhưng chúng ta đều quên sạch sành sanh, vẫn tạc đắp kim thân, dựng chùa to miếu lớn, ngỡ là có phước, tưởng chính mình có công đức, sai mất rồi! Thuở trước, Lương Võ Đế đã vì Phật pháp kiến tạo bốn trăm tám mươi tòa tự miếu, cúng dường mười mấy vạn người xuất gia, đến gặp Đạt Ma Tổ Sư, khoe khoang công đức. Vua bảo Đạt Ma Tổ Sư: “Ngài xem trăm làm những chuyện ấy, công đức có to hay không?”

Đạt Ma Tổ Sư nói một câu thật thà, bảo nhà vua: “Trợn chẳng có công đức gì!” Ngay lập tức nhà vua cụt hứng, đúng như câu nói: “*Thoại bất đầu cơ bán cú đa*” (nói chuyện chẳng hợp ý, nửa câu đã cảm thấy quá nhiều), bèn sai tiễn khách, sau đây chẳng gặp mặt nữa. Đạt Ma Tổ Sư nói lời thật, chẳng phải là lời giả, nhưng nhà vua nghe chẳng hiểu. Cách tu của nhà vua nhằm đạt được phước báo nhân thiên, chẳng dính líu gì đến công đức. Công đức có thể giúp quý vị liễu sanh tử, thoát tam giới, tu phước chỉ là phước báo trong nhân gian cho đời sau hoặc đời kế tiếp mà thôi, chớ nên không biết điều này. Vì lẽ đó, đức Phật đã vì chúng ta thị hiện, biểu diễn tích trữ công đức như thế nào.

“*Hiện*” (現) là thị hiện, nêu gương, tiếp nhận tứ chúng đồng tu cúng dường, đó là cúng dường bằng vật chất, điều này gọi là Thị (示: chỉ bày). Quả báo của kẻ ấy là “*sanh thế gian phước thiện, như điền sanh vật, cố vân phước điền*” (sanh ra phước thiện thế gian, như ruộng sanh ra sản vật, nên gọi là phước điền). Do Tam Bảo là phước điền, chúng ta dùng tài vật cúng Phật, cúng Pháp, cúng Tăng, nhưng quý vị phải hiểu: Đối tượng ta cúng dường phải là phước thật sự thì mới được! Hiện nay, Phật, Pháp, Tăng đều có thứ giả, có kẻ giả mạo, quý vị phải nhận biết rõ ràng. Nếu quý vị cúng dường thứ giả, giả là như thế nào? Kẻ giả danh ấy phá hoại Phật pháp, tối thiểu là kẻ ấy phá hoại hình tượng Phật pháp, phá hoại hình tượng của Phật giáo, nhưng quý vị vẫn cúng dường kẻ ấy, tức là quý vị tạo tội nghiệp, chẳng phải là tu phước, mà là đang tu ác báo! Điều này rất đáng sợ! Tam Bảo chân chánh thì thuở đức Phật tại thế thuần chân vô vọng, [đó là] chánh pháp của Phật, Tượng Pháp còn giống chánh pháp, hiện thời là thuở Mạt Pháp. Mạt Pháp bao lâu? Mạt Pháp đã một ngàn năm rồi; trong một vạn năm của thời Mạt Pháp, hãy còn chín ngàn năm sau nữa. Nói theo cổ đại đức Trung Quốc, năm nay là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, cũng có nghĩa là thời Mạt Pháp đã trải qua một ngàn lẻ ba mươi bảy năm, thời kỳ Mạt Pháp đã dần dần suy rồi!

Tôi học Phật, Chương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, dặn dò tôi hãy học Thích Ca Mâu Ni Phật. Những cuốn sách đầu tiên Ngài dạy tôi đọc là Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí. Lão nhân gia nói: “Anh muốn học Phật thì trước hết phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật, anh sẽ chẳng bị lạc đường”. Sau khi đọc các sách ấy, tôi mới biết hành trạng suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật: Ngài xuất thân vương tộc, cha là quốc vương, mười chín tuổi bỏ ngôi vua, bỏ đời sống phú quý trong hoàng gia, đi ra ngoài học đạo, đi tham học. Học suốt mười hai năm, ba mươi tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ bèn giảng học, giảng kinh giáo học, bảy mươi chín tuổi nhập diệt. Ngài giảng kinh giáo học bốn mươi chín năm, thọ bảy mươi chín tuổi. Ngài mất lúc bảy mươi chín tuổi. Vì vậy, trong kinh thường nói: “*Giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm*”. Thích Ca Mâu Ni Phật cả đời vì chúng ta thị hiện tấm gương này, suốt đời chẳng kiến lập đạo tràng, quanh năm ở dưới gốc cây, đêm nghỉ dưới cội cây. Cả đời là cuộc sống du hóa, chẳng ở chỗ nào nhất định. Hôm nay ở nơi

đây, ngày mai sang phương khác, sống cuộc đời du hóa, chẳng định cư. Cho thấy Ngài thật sự triệt để buông xuống, thứ gì cũng chẳng cần, chỉ có một mục đích là mong mỗi chúng sanh đều giác ngộ, hy vọng chúng sanh đều lìa khổ, hy vọng chúng sanh đều được vui. Suốt đời đức Phật là một mục tiêu và một nguyện vọng như thế, trừ điều ấy ra, chẳng mong cầu gì cả!

Lão giáo sư Phương Đông Mỹ đã bảo tôi, tôi học Triết với thầy, thầy dạy: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới. Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học trên toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người”*. Lúc đó, tôi mới sửa đổi những quan niệm sai lầm về tôn giáo trong quá khứ. Tiếp xúc Phật pháp, thầy lại bảo tôi: *“Hiện thời, triết học trong kinh Phật chẳng ở nơi chùa miếu”*. Tôi hỏi: *“Ở nơi đâu ạ?”* *“Trong kinh điển. Anh muốn học Phật, phải học từ kinh điển”*. Trong quá khứ, chùa miếu thật sự tượng trưng cho Phật pháp, những người xuất gia trong chùa miếu đều có đức hạnh, có học vấn, thật sự là những vị lỗi lạc; nhưng hiện thời, người xuất gia chẳng học, không còn học tập kinh điển nữa. Chúng ta học Phật thì phải học từ kinh điển. Lời chỉ dạy ấy hết sức trọng yếu. Nếu thầy không nói trước như vậy, tôi đến chùa miếu quan sát, vừa nhìn liền thấy chẳng đúng, sẽ hoài nghi thầy. Do vậy, chỉ dạy ấy hết sức chánh xác. Vì lẽ đó, nay chúng ta muốn gieo phước điền, phải thật sự biết phước điền ở chỗ nào. Chúng ta thấy trong thế gian có rất nhiều kẻ đói nghèo, bệnh tật, họ mê chứ chẳng giác, chúng ta phải giúp đỡ họ. Đó là gieo phước điền, cứu khổ, cứu nạn. Cúng dường vật chất là tích một chút phước đức, nhưng điều trọng yếu nhất chớ nên quên là phải giúp cho người khác giác ngộ. Chúng ta tặng kẻ ấy một ít vật chất, kẻ ấy rất vui vẻ, rất cảm ơn. Do rất cảm kích, kẻ ấy sẽ rất dụng tâm, ngồi xuống nghe quý vị nói mấy câu. Quý vị phải nói với kẻ ấy, tối thiểu phải cho kẻ ấy biết *“vì sao chúng ta khổ như thế, khổ là do tạo tác nghiệp bất thiện cảm vời, chúng ta làm thế nào để thoát ly nghèo khổ”* thì chúng ta sẽ thật sự tu tập, tích lũy phước đức.

Thí dụ như chúng ta chẳng có tiền, là kẻ cùng khổ, khi ấy tôi cũng thị hiện như thế. Thuở trẻ, tôi rất nghèo túng, cuộc sống của chính mình vô cùng gian nan. Chương Gia đại sư thấy tình cảnh ấy, biết tôi trong đời quá khứ chẳng tu phước, đời này đáng phải hứng chịu khổ sở, bèn dạy tôi tu tài bố thí. Tôi thưa cùng thầy: *“Cuộc sống của con cũng rất khó khăn, con lấy đâu ra tiền để bố thí?”* Thầy hỏi tôi: *“Một cắc có hay không?”* *“Dạ, một cắc thì được! Vẫn còn được”* *“Một đồng có được hay không?”* *“Một đồng miễn cưỡng thì vẫn còn được!”* *“Anh phải có tâm bố thí. Hãy bắt đầu bố thí từ một cắc, một đồng, anh phải thật sự làm”*. Tôi rất nghe lời, vì tuổi thầy ngang với ông nội tôi, rất thương yêu bọn trẻ chúng tôi. Chúng tôi rất cảm ơn, nghe lời, bắt đầu bố thí bằng một hai cắc. Thí một hai cắc theo cách nào? Thuở ấy chúng tôi đến chùa, trước kia chẳng đặt chân đến chùa, [nay] đến chùa miếu để làm gì? Tìm kinh sách để đọc. Vì chẳng thể mua kinh sách ngoài chợ, chỉ có trong chùa miếu là có, nên đến chùa miếu để tìm kinh sách đọc. Trong chùa miếu có in kinh, họ cầm một danh sách

đi quyên tiền, chẳng câu nệ bao nhiêu, một hai cắc cũng được. Chúng tôi có thể bỏ ra đôi chút, lại còn có phóng sanh, trong chùa miếu thường làm chuyện này. Có cứu tế, mọi người quyên ra một chút tiền, chúng tôi tùy hỷ một hai cắc, hoặc một đồng, chút ít như thế. Thường xuyên làm, thường là hễ gặp dịp bèn thật sự phát tâm làm. Làm ba bốn năm bèn thật sự hữu hiệu, thâm nhập nhiều hơn, có nhiều bèn làm nhiều hơn!

Phật pháp nói chuyện này là “*càng thí, càng nhiều*”; càng nhiều càng phải thí, chớ nên tích trữ, tích góp của cải, đạo bị chôn vùi. Vì lẽ đó, “tài” được gọi là “*thông hóa*” (hàng hóa lưu thông), giống như nước chảy, bên kia chảy ra, bên này rót vào, bên kia chẳng thông thì bên này cũng chẳng thể rót vào. Do đó, cổ nhân gọi nó là “*thông hóa*”. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, có bao nhiêu bèn thí bấy nhiêu, càng thí càng nhiều. Đúng như Khổng phu tử đã nói: “*Thất thập tùy tâm sở dục, bất du cử*” (bảy mươi tuổi bèn thuận theo lòng muốn, chẳng vượt khỏi quy củ). Khổng phu tử đạt đến cảnh giới ấy. Tôi lúc bảy mươi tuổi cũng chẳng sai biệt cho mấy! Khi bảy mươi tuổi, gần như tâm tưởng sự thành, muốn làm chuyện gì cũng đều thành công, muốn bao nhiêu tiền thì chẳng biết do đâu mà có, làm xong chuyện thì món tiền ấy cũng [vừa khít] chẳng nhiều, chẳng ít, tâm tưởng sự thành! Quý vị nói xem có tự tại lắm hay không! Chân lý Phật giáo, không chỉ là đạo lý, mà còn là chân lý, chỉ cần quý vị thực hiện, nhất định có hiệu quả, đúng là “*có cầu ắt có ứng*”. Đúng như Chương Gia trước kia đã dạy chúng tôi: “*Phật thí môn trung, hữu cầu tất ứng* (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). “*Khi anh có cầu, nhưng chẳng có cảm ứng thì chẳng phải là không ứng, mà là do chính anh có nghiệp chướng. Nếu anh tiêu trừ nghiệp chướng, cảm ứng sẽ hiện tiền*”, thầy dạy như vậy. Tiêu trừ nghiệp chướng ra sao? Thầy dạy hãy sám hối, sám hối chẳng phải là đối trước Phật, Bồ Tát hối lỗi, chẳng phải vậy. Thầy nói đó là hình thức, phải thật sự hối lỗi. Hình thức không trọng yếu, thực chất là trọng yếu, thực chất là gì? Thực chất là không tái phạm làm lỗi, sau này chẳng làm nữa. Biết bản thân sai quấy, sau này chẳng còn phạm lỗi giống như vậy nữa. Đó là “*chân sám hối*”, sẽ hữu dụng, có thể giúp cho quý vị hễ cầu ắt ứng. Nếu sám hối trên hình thức, khóc rờn, ứa lệ sám hối, nhưng ngày mai vẫn làm như vậy; đó là giả, vô ích, chẳng thể có cảm ứng. Vì vậy, chúng ta hiểu: Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức! Thật sự sám hối là sau này không tái phạm. Phạm lỗi chỉ có một lần, chớ nên lặp lại thì mới có thể thành tựu đức hạnh của chính mình, mới có thể khôi phục sự thanh tịnh, bình đẳng, giác của chính mình. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là chân tâm của chúng ta, quả đức là trí huệ, vô lượng thọ, trang nghiêm, [những điều ấy] đều ở trong tựa đề kinh này.

Tiếp theo, “*Chân Giải viết: Phước điền giả, cúng dường Như Lai, sở thí tuy thiểu, hoạch phước hoằng đa*” (Sách Chân Giải giảng: “*Phước điền là cúng dường Như Lai, tuy bố thí ít mà đạt được phước rộng nhiều*”). Tự tánh thanh tịnh, bình đẳng, giác của Như Lai, cũng chính là như chúng ta thường nói “*cúng dường Tam Bảo*”. Ở đây chẳng dùng chữ Tam Bảo, mà nói là Như Lai, Như Lai là Tánh Đức. Tuy bố thí ít, được phước rất lớn, quý vị đạt được

đại phước báo. Chúng tôi thấy trong Liễu Phàm Tứ Huân có một câu chuyện nhỏ, có một cô bé sanh ra ở nông thôn, gia đình hết sức khốn khó. Có một hôm, cô đến chùa, trên người chỉ có hai đồng, xưa kia là hai đồng tiền đúc bằng đồng. Tâm cô chân thành, cung kính, đem hai đồng ấy cúng dường Tam Bảo. Hòa thượng trụ trì ngôi chùa ấy thấy cô rất kiên thành, bèn hồi hướng cầu phước cho cô. Cô bé ấy rời đi, về sau được tuyển vào hậu cung, làm phi tử của hoàng đế, tức là hoàng phi. Trải qua rất nhiều năm, nhớ tới năm xưa đến chùa ấy cúng dường hai đồng tiền, lần này báo ơn Phật, cô ta có phước báo to như thế, làm hoàng phi, bèn mang một ngàn lượng hoàng kim đến chùa cúng dường Tam Bảo. Cúng dường xong xuôi, lão hòa thượng vẫn còn sống. Lão hòa thượng sai một đồ đệ hồi hướng cho cô. Hoàng phi rất bực bội: “Mười mấy năm trước, ta cúng dường hai đồng ở nơi đây, lão hòa thượng đích thân hồi hướng cho ta. Nay ta mang nhiều vàng bạc, của cải đến cúng dường như vậy, có sao ông ta chỉ sai một đồ đệ [hồi hướng qua loa] cho xong chuyện?” Vì thế, bà ta chất vấn lão hòa thượng. Lão hòa thượng bảo bà ta: “Trong quá khứ, khi còn bé, bà cúng hai đồng ấy với tấm lòng chân thành nên mới có địa vị như ngày nay, mới làm hoàng phi. Hiện thời, tuy mang nhiều thứ đến cúng dường như thế, nhưng phước báo chẳng bằng lần trước, phước báo của bà rất nhỏ!” Quý vị thấy tâm ngạo mạn, chẳng có chút khiêm hư, khiêm đức nào! Bà ta vẫn còn khá lắm, vẫn còn có thể tiếp nhận, nên mới thật sự sám hối tạ tội. Do vậy, bố thí được phước báo nhiều hay ít, chẳng do vật phẩm cúng thí nhiều hay ít, mà do tâm chân thành, cung kính của quý vị. Thuở ấy, chân thành, cung kính, trong tâm chẳng mong cầu gì, nên được phước báo to dường ấy. Vì thế, đối với chuyện cúng dường Tam Bảo, chúng ta cần phải biết [như vậy].

Hiện thời, chúng ta cúng dường Như Lai như thế nào? Hiện tại cúng dường, nếu bảo là dựng chùa thì quý vị dựng một ngàn ngôi chùa, chẳng bằng bồi dưỡng một pháp sư giảng kinh! Người có thể hoằng đạo, chẳng phải là đạo có thể hoằng người. Thấy những vị pháp sư tuổi trẻ mới xuất gia, thật sự có đạo tâm, quý vị phải phát tâm chăm sóc người ấy; trong tương lai người ấy thành tựu, quý vị có phước báo to lớn, chẳng thể nghĩ bàn! Tôi suốt đời cảm kích Hàn Quán Trưởng, bà ta hộ trì tôi ba mươi năm. Không được bà ta chăm sóc ba mươi năm, tôi chẳng có thành tựu như hiện thời. Không được bà ta chăm sóc ba mươi năm, chắc là tôi đã hoàn tục. Vì thuở ấy, tôi bị ép đi theo hai con đường: Chẳng hoàn tục thì phải theo đuổi kinh sám. Trong chùa miếu không cần pháp sư giảng kinh, chúng tôi tìm một chỗ để ở cũng tìm không ra, họ không cho quý vị quả đơn! Nếu chúng tôi vứt bỏ chuyện giảng kinh để làm kinh sám Phật sự, mỗi đạo tràng đều hoan nghênh. Ngày nay là thời đại như vậy. Do vậy, chúng ta biết: Nếu thật sự có một nơi nhỏ nhỏ, chẳng cần quá lớn, một cái lều tranh nhỏ là được rồi, càng đơn giản càng hay, có thể dưỡng đạo tâm. Cuộc sống vật chất quá tốt đẹp, đạo tâm chẳng còn nữa. Đức Phật dạy chúng ta, “*lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy*”, không thể trì giới, chẳng thể chịu khổ, làm sao kẻ ấy có thành tựu cho được!

Thật sự chịu khổ, có thể trì giới, có thể y giáo phụng hành, nói thật ra, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng kinh giáo học. Ngài tham học mười hai năm, quảng học đa văn, nhằm nêu gương cho những kẻ mà hiện thời chúng ta gọi là “thành phần trí thức”. Thật sự thâm nhập kinh tạng, chỉ cần một bộ kinh. Một kinh thông, hết thấy kinh thông. Nếu quý vị dùi mài chẳng bỏ một bộ kinh, đổ công sức trên dưới mười năm, sẽ thành tựu. Quý vị nói một bộ kinh Vô Lượng Thọ này, nếu quý vị đọc và giảng mười năm. Sau mười năm, quý vị chính là Vô Lượng Thọ Phật sống trong thế gian này, công đức to lớn! So với kiến tạo một trăm ngôi chùa hay kiến tạo một ngàn ngôi chùa, công đức vẫn to lớn hơn, vì Phật giáo đã được kế thừa. Có chùa mà chẳng có đạo, chẳng thể hưng thịnh giáo pháp. Vì vậy, hiện thời có đạo tràng, tôi luôn kính khuyên mọi người: Đối với những người trẻ tuổi, thấy họ thật sự có thiện căn, biết nghe lời, phải khuyên kẻ ấy dạy học. Cơ sở học tập rất đơn giản, trước hết hãy dành ra một năm để hoàn thành ba cội rễ của Nho, Thích, Đạo, vun quén cội rễ vững vàng, tức là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp nhất định phải làm được, đây là lấy giới làm thầy. Quý vị chẳng làm được những thứ ấy sẽ vô dụng, giả trá! Dầu có học vấn, mà chẳng có đức hạnh, chẳng thể làm thầy người khác được!

Vun quén ba cội rễ ấy, [nghiên cứu, tu tập] một bộ kinh. Hiện nay rất thuận tiện, nếu quý vị muốn nghe kinh, chúng ta thu thành đĩa CD/DVD, quý vị nghe đi nghe lại bộ đĩa ấy, đừng nên thay đổi, suốt mười năm nghe một bộ kinh. Hiện thời, mỗi buổi giảng của chúng tôi là hai giờ đồng hồ, quý vị mỗi ngày nghe một buổi giảng, nghe năm lần là mười tiếng. Quý vị lấy bộ đĩa CD này, mỗi đĩa là hai tiếng đồng hồ, nghe xong một lần, lại nghe lần thứ hai, lại nghe lần thứ ba, nghe năm lần, mỗi ngày mười tiếng, thời gian còn lại là niệm Phật. Một ngày mười tiếng, quý vị nghe suốt mười năm bèn thông suốt. Chúng tôi thường nói là nghe ba bốn năm, quý vị sẽ đắc Niệm Phật tam-muội; sáu, bảy năm quý vị có thể khai ngộ. Tới lúc đó, quý vị đã thông suốt một bộ kinh này, hết thấy các kinh, các kinh chưa học qua, quý vị vừa mở ra xem đều hiểu. Một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông, tốn thời gian mười năm bèn thành tựu. Mười năm ấy rất khổ sở, nhưng quý vị phải thật sự chịu khổ. Chẳng thể chịu khổ mười năm thì thôi rồi! Tâm vô nhị dụng, nhất tâm nhất ý chuyên dồn công sức nơi một bộ kinh, ai nấy đều có thành tựu. Ai là nhân tài? Ai cũng đều là nhân tài, chỉ cần chịu vun bồi vững bền ba căn cội, chịu bỏ công sức mười năm thâm nhập một môn nơi kinh Vô Lượng Thọ.

Lần này tôi cũng do thấy tai nạn rất nhiều, Phật pháp suy vi, tôn giáo sa sút, bèn tạm ngừng giảng kinh Hoa Nghiêm một năm để giảng bộ kinh này cận kề một lượt, hòng dành cho những người thật sự muốn học [có tài liệu để] tham khảo. Thật sự muốn học, chẳng cần phải theo tôi, thân cận tôi vô dụng! Quý vị lấy bộ đĩa này, sẽ hữu dụng. Tôi dạy quý vị phương pháp này, quý vị thật sự chịu làm theo, sau mười năm sẽ vượt trội người khác. Cổ nhân Trung Quốc đã nói: “*Thập tải hàn song, nhất cử thành danh*” (mười năm quanh quẽ,

thi đậu bèn thành danh), chẳng có ai không thành tựu. Mười năm có thể thành tựu mấy vị pháp sư giảng kinh chân thật, đúng lý, đúng pháp, công đức ấy chẳng biết to lớn cỡ nào! Công đức ấy chẳng khác gì cúng dường A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật, chớ nên không biết điều này. Nhân tài là bậc nhất. Nếu chẳng có nhân tài thì thứ gì cũng đều là giả, phải biết điều này! Thật sự cúng dường nhân tài, tốn kém vô cùng ít ỏi, vì sao? Người ấy chịu khổ, chẳng cần rất nhiều cúng dường vật chất, chỉ cần một hoàn cảnh an định là có thể thành tựu. Chính mình gắng học, tôi tin tưởng người ấy học ba năm đã có thể giảng. Khi có thể giảng là đối nội, chẳng cần đối ngoại, náu mình ẩn tích. Chớ nên cầu nổi tiếng, hễ có tiếng tăm sẽ có phiền phức, thôi rồi! Chắc chắn quý vị đã sa sầy, đọa lạc rồi. Sau mười năm hãy đối ngoại, trong vòng mười năm chẳng được phép đối ngoại. [Giảng cho] mấy đồng tham đạo hữu trong nhà, một hai người, ba người cũng được. Đó gọi là thật sự bồi dưỡng nhân tài.

Chúng tôi nói đến cúng dường Như Lai, bố thí tuy ít, được phước rộng nhiều. Kế đó là tỷ dụ, “*do như lương điền, sở chủng tuy thiếu, thu hoạch thật nhiều*” (Giống như ruộng tốt, tuy trồng ít mà thu hoạch được thật nhiều hạt). Đúng là có ý nghĩa ấy! Quý vị có thể đạt được phước báo rất lớn, người như thế phát cái tâm ấy, chính là người tiếp nối huệ mạng Phật, thật sự giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Trong Bồ Tát Bản Hạnh Kinh có hai câu: “*Sở dĩ Phật vì phước điền, trừ vô thượng công đức có*” (sở dĩ Phật là phước điền, vì Ngài chứa chứa công đức vô thượng). Vì thế, ta biết: Kẻ không tin Phật thì làm sao tu phước được? Tiên sinh Phương Đông Mỹ đã dạy một câu: “*Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Quý vị chẳng học Phật, làm sao có thể hưởng thụ cao nhất? Những câu này chúng ta phải thường ghi nhớ.

“*Dĩ thượng chư thích*”, tức là các lời giải thích trên đây, “*giai dĩ kim kinh tương khế*” (đều khế hợp bộ kinh này), tương ứng với những điều được nói trong bộ kinh này. “*Hựu Câu Xá Luận hữu tứ phước điền*”, [nghĩa là: Lại nữa], Câu Xá Luận nói có bốn loại phước điền:

- Thứ nhất là “*thú điền, súc sanh*”. Chẳng tổn hại súc sanh, yêu thương súc sanh. Đó là gieo phước, [tức là gieo phước đối với] ác đạo.

- Loại thứ hai là “*khô điền, bản cùng khốn khổ chi nhân*” (khô điền, tức người nghèo túng, khốn khổ), phải phát tâm chiếu cố họ.

- Thứ ba là “*ân điền*”, ân điền là cha mẹ. Phải hiếu dưỡng cha mẹ.

- Thứ tư là “*đức điền*”, “*đức điền*” là thầy. “*Tam thừa chi hiền thánh*” (hiền thánh trong tam thừa), Tiểu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát. Những vị này đều đang giáo hóa chúng sanh trong thế gian, đều mang thân phận thầy. Đó là nói phước điền theo nghĩa rộng.

Trong Đệ Tử Quy có nói: “*Phàm thị nhân, giai tu ái*” (hễ là người đều phải thương yêu). Yêu thương con người là phước, hại người là tội, quyết định chớ nên hại người. Không chỉ chớ nên hại người, mà cũng đừng nên hại vật. Quý vị thấy quý vị ngược đãi súc sanh là tội, hiện thời do tạo tội quá u nặng nề, nên thế giới mới có lắm tai nạn dường ấy. Quý vị thấy súc sanh bị đối đãi ra sao? Súc sanh có thể nào chẳng báo thù ư? Trước kia, nhà nông nuôi gia súc, chẳng hạn như nuôi một con gà, chăm sóc, yêu thương nó, đến khi nào mới giết? Ít nhất là từ nửa năm cho đến mười tháng, nó thật sự trưởng thành. Hiện nay, một con gà, chúng ta đến trại nuôi gà mà xem, con gà được sanh ngay trong lồng, suốt đời nó chẳng hề được chạy tung tăng trên mặt đất, cả đời giống như bị giam trong lao ngục, nó mang tâm tình gì? Một mảy tự do cũng chẳng có! Hằng ngày cho nó ăn, dùng đèn chiếu sáng, nó không thể ngủ, hòng vỗ béo nó. Vỗ béo bao lâu thì có thể đem bán? Hai tuần! Hai tuần đã vỗ béo xong. Nó ăn gì? Ăn các thực phẩm hóa học để thúc nó béo nhanh, thịt như vậy có thể ăn vào hay không? Sau khi quý vị ăn vào, sẽ bị bệnh. Đó là đối xử với động vật quá thiếu nhân đạo! Nuôi một con lợn, hai tháng đã bán được. Trước kia, nông dân nuôi lợn phải mất một năm, nuôi lợn đến tháng Chạp mới bán, vào dịp Tết mới giết. Nay quý vị thấy đó, lợn là hai tháng, gà, vịt là hai tuần, ngược đãi động vật, lẽ nào quý vị chẳng có lỗi đối với chúng? Vì thế, tâm tình chúng nó chẳng tốt, tham, sân, si rất nặng, nên chúng có chất độc, trong thịt của chúng có chất độc. Sau khi quý vị ăn vào, sẽ mắc phải các chứng bệnh kỳ quái, tức là chúng báo thù quý vị, chớ nên không biết điều này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

Tĩnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 109

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm hai mươi chín, dòng thứ bảy, xem từ câu cuối cùng: “*Hựu Câu*

Xá Luận hữu tứ phước điền”, (lại nữa, Câu Xá Luận nói có bốn loại phước điền), xem từ chỗ này.

“*Nhất, thú điền, súc sanh dã*” (Một là thú điền, tức súc sanh). “*Trừ công đức, thí phước điền*”, câu kinh văn này chỉ dạy chúng ta phải tu phước. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói “*phước điền tâm chúng*” (vun trồng cái tâm phước điền), chúng ta nhất định phải giữ thiện tâm, phải có thiện ý đối đãi hết thảy hữu tình chúng sanh. Nếu chúng ta có thể đối đãi súc sanh bằng lòng thương yêu, che chở, đương nhiên sẽ chẳng thể hại người. Do vậy, trong bốn loại phước điền, Câu Xá Luận xếp súc sanh đầu tiên rất hữu lý. Chẳng hạn như đối với muỗi, trùng, kiến mà chúng ta đều yêu thương, che chở, chẳng tổn hại chúng nó, đương nhiên sẽ chẳng gây tổn thương cho những loài động vật lớn, đó là đạo lý nhất định. Tiểu động vật mà quý vị đều yêu thương, che chở, sẽ chẳng làm hại loài to hơn, càng chẳng thể tổn thương, làm hại loài người. Dụng ý ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết.

Thứ hai là “*khổ điền*”: Thấy kẻ bần cùng, khốn khổ, chúng ta nhất định phải tận tâm tận lực giúp đỡ họ. Chưa đủ sức, người khác bần cùng, khốn khổ, ta cũng bần cùng, khốn khổ, ta chẳng thể giúp kẻ ấy về tài lực thì cũng nên tụng kinh, niệm Phật hồi hướng, cầu phước cho kẻ ấy hồng giúp đỡ kẻ ấy. Nếu có duyên phận có thể tiếp xúc với họ, phải giảng rõ ràng, minh bạch những đạo lý sau đây: Vì sao một đời này chúng ta gặp cảnh bần cùng, khốn khổ? Đó là quả báo. Quả nhất định phải có nhân, chúng ta thật sự có thể tìm ra cái nhân, tiêu trừ từ cái nhân, quả báo sẽ được thay đổi tốt đẹp hơn. Trong các kinh điển giảng về nhân quả, những chuyện này được giảng rất tỉ mỉ, rất rõ ràng. Kinh phổ biến nhất mà chúng ta đều có thể xem là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo Gia, trong ấy đã nêu ra thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo, tổng cộng một trăm chín mươi lăm điều. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, rành rẽ một trăm chín mươi lăm điều ấy, đều có thể thực hiện được, trong một đời này, chúng ta sẽ thật sự lìa khổ được vui. Chúng ta hãy đối chiếu những khổ nhân đã nói trong ấy với những khổ báo [trong hiện thời] của chúng ta, sẽ tìm được cái nhân để sửa đổi nó. Chẳng có cách nào sửa đổi quả, vì nó đã chín muồi, nhưng có thể thay đổi nhân. Nếu ta không tạo cái nhân ấy, cái quả ấy sẽ dần dần chẳng còn hiện tiền nữa. Chúng ta mong có quả báo tốt đẹp, nhất định phải tạo nhân tốt đẹp.

Thời cổ, giáo dục chẳng phát triển như hiện thời, tôi nói lời này cũng phạm khuyết điểm, vì sao? Thời cổ thật sự có giáo dục! Tuy hiện thời, trường học rất nhiều, nhưng chẳng phải là giáo dục, chẳng giống như giáo dục vào thuở xưa tại Trung Quốc. Vào thời cổ, trường học ở Trung Quốc là giáo dục, tốt đẹp mọi lẽ, dạy quý vị làm người như thế nào, làm một người tốt ra sao. Đó là giáo dục. Mục đích giáo học trong giáo dục truyền thống của Trung Quốc chính là ba cương lĩnh đã được giảng rất minh xác, rất rõ ràng trong sách Đại Học, mục đích giáo dục là đâu? Ở trong “*minh minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện*”, đó là mục đích giáo dục thuở trước. Nói đơn giản hơn một chút, dùng một chữ để nêu rõ thì sẽ là như

Tam Tụ Kinh đã nói: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”, mục đích giáo dục là khiến cho chúng ta trở về bản thiện; đây là mục đích giáo dục của Trung Quốc trước kia. Hiện thời, chẳng thể tìm được một nền giáo dục như vậy, chẳng còn nữa! Giáo dục hiện thời là [chú trọng rèn luyện] kỹ thuật, kỹ năng, giúp quý vị kiếm được một việc làm trong xã hội hòng mưu sinh, lấy đó làm mục đích. Nói cách khác, nhằm mục đích kiếm lợi, ích kỷ, lấy kiếm lợi làm mục đích, hoàn toàn tương phản thời cổ. Người xưa đọc sách “*chí tại thánh hiền*” (chỉ mong thành thánh, thành hiền), vì sao ta đọc sách? Ta mong làm thánh nhân hay làm hiền nhân, thánh hiền là trở về bản thiện. Mục đích học hành khác nhau.

Mưu sinh trong xã hội chẳng trọng yếu! [Cổ nhân quan niệm] “trời đã sanh ra ta, đương nhiên ta sẽ có cái ăn, chẳng bị chết đói, làm người mới là quan trọng”. Quý vị thấy hiện thời, trong xã hội hiện tại, những người trẻ tuổi biết làm việc, chứ không biết làm người. Giáo dục thời cổ là vừa biết làm người vừa biết làm việc. Vì sao? Trước hết, dạy quý vị làm người rồi mới dạy quý vị làm việc. Làm người chẳng xong, chẳng cần nói tới làm việc nữa! Từ Luận Ngữ, quý vị thấy Khổng lão phu tử dạy học trò những gì? Thứ nhất là đức hạnh, thứ hai là ngôn ngữ, thứ ba mới là chánh sự, “*chánh sự*” (政事) là khả năng làm việc. Trong tương lai, quý vị muốn theo đuổi một nghề nghiệp nào, sau khi học xong, quý vị có thể kiếm sống. Đức hạnh và ngôn ngữ được xếp trước, cuối cùng mới là văn học, văn học là nghệ thuật, nhằm nâng cao phẩm chất cuộc sống của chính mình. Đó là chuyện cuối cùng. Người hiện thời gọi điều này là “*giá trị quan*” (cách nhận định giá trị), thời cổ chẳng có danh từ này. Giáo học thời cổ theo giá trị quan nào? Giá trị quan của thánh hiền, giá trị quan của quân tử. Hiện thời điên đảo, người hiện tại chỉ cần học sao cho có khả năng kiếm tiền là được rồi, chẳng cần học làm người, nên xã hội rối loạn. Xã hội vừa loạn, địa cầu liền bị bệnh. Quý vị thấy chánh báo của chúng ta xuất hiện vấn đề, y báo bèn trực trực theo! Y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta. Hoàn cảnh sống chẳng tách rời địa cầu, trong một hai năm qua, các thứ tai biến trên địa cầu chưa hề thấy trong lịch sử quá khứ. Có người hỏi vì sao biến thành nông nổi này? Trong kinh Phật đã có câu trả lời: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Câu trả lời ấy của đức Phật hay quá, đã làm sáng tỏ mọi nghi vấn, lo âu của quý vị. Vì sao biến thành nông nổi ấy? [Y báo] chuyển theo chánh báo của quý vị, chánh báo là gì? Ý niệm. Ý niệm của chúng ta bất thiện, chẳng biết tu phước, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, không gì chẳng phải là tội, giống như kinh Địa Tạng đã dạy. Chúng ta tạo những gì thì sẽ hứng chịu những thứ ấy, chớ nên không biết điều này! Không chỉ Nho, Thích, Đạo tại Trung Quốc giảng đạo lý này, chúng ta quan sát cẩn thận, gần như trong kinh điển của các đại tôn giáo trên thế giới đều giảng điều này. Thiện tâm, thiện hạnh sẽ có thiện báo, tâm hạnh bất thiện sẽ mắc ác báo. Đối với cá nhân, [ác báo] nhỏ là thân thể chúng ta nhiễm bệnh, bị bệnh khổ, đó là nhỏ; [ác báo] lớn sẽ biến thành tai nạn. Nếu đại đa số người trong xã hội tạo tác bất thiện, vấn đề sẽ nghiêm trọng. Kẻ tạo tác bất thiện rất đông, người thật sự hành thiện gần như tìm không ra, vấn đề bèn nghiêm trọng.

Hiện thời, các nhà khoa học đã đưa ra một thông tin, cho biết họ đã phát hiện một số chân tướng trong vũ trụ hiện tại. Chúng tôi đang mong sẽ có cách chứng thực. Nếu [những thông tin ấy] là thật, sẽ đem lại hy vọng rất lớn cho chúng ta. Các nhà Lượng Tử Lực Học phát hiện, theo phát hiện mới nhất [của họ] thì những thứ được chúng ta gọi là “vật chất” chẳng phải là vật chất thật sự. Bản chất của vật chất là gì? Họ phát hiện bản chất của vật chất là ý niệm của con người, chúng là huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục sanh ra. Thông tin này hay lắm. Nếu thông tin này là thật, chúng ta sẽ có thể hóa giải các tai nạn trên địa cầu. Vì sao? Chúng do ý niệm biến ra! Chúng ta biết điều này giống như kinh Phật đã dạy, vì sao y báo xảy ra chuyện? Do ý niệm của chúng ta bất hảo, bất thiện. Trong Phật pháp, thiện và ác có tiêu chuẩn rất rõ ràng! Thập Ác là bất thiện, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói dối chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham lam, sân hận, ngu si, mười điều ấy là bất thiện. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác tương ứng với mười điều ấy, đối với chính mình mà nói, luận theo Trung Y, nếu quý vị tương ứng với mười điều ấy, Trung Y bảo quý vị đã làm hại thân thể, tổn hoại đức hạnh của chính mình, thương thân, bại đức! Nếu ngược lại, có thể tương ứng với Thập Thiện, tức là chẳng trộm cắp, chẳng sát sanh, quyết định chẳng có ý niệm tổn thương, gây hại cho hết thảy chúng sanh. Không chỉ là chẳng tổn thương, gây hại động vật, mà còn phải yêu thương, che chở chúng. Thực vật, hoa, cỏ, cây cối đều phải yêu thương, che chở chúng. Núi, sông, đại địa cũng đều phải yêu thương, che chở. Phật môn dạy đối tượng từ bi của chúng ta là mười phương cõi nước, hiện thời, điều này được gọi là “*thế giới vĩ mô*”, khắp pháp giới hư không giới chúng ta đều phải yêu thương, che chở. Câu kế tiếp nói tới “*vi trần pháp giới*”, các nhà Lượng Tử Lực Học gọi chúng là “*thế giới vi mô*”, phải dùng kính hiển vi cao cấp để quan sát hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần. Quý vị thấy từ thế giới vĩ mô đến thế giới vi mô, chẳng có gì không yêu thương, che chở. Thập Thiện trọn khắp pháp giới hư không giới, thật sự đối đãi hết thảy chúng sanh bằng từ bi, thật sự là thiện ý.

Chẳng trộm cắp: Phải hành “chẳng trộm cắp” đến mức quyết định chẳng có ý niệm chiếm tiện nghi của người khác. Hễ nghĩ muốn chiếm tiện nghi một chút, đó là cái tâm trộm cắp. Tuy quý vị chưa có hành vi trộm cắp, nhưng đã có tâm trộm cắp, chẳng tốt! Chẳng tà dâm, chẳng vọng ngữ, có thể làm được hay không? Dùng cái tâm chân thành để đãi người, tiếp vật. Chẳng nói dối chiều. Nói dối chiều là khêu động đúng - sai, tội ấy rất nặng. Nói thêu dệt (ý ngữ) là hoa ngôn xảo ngữ (ăn nói bóng bẩy, ngọt ngào giả dối), có ý niệm lừa gạt người khác, đó là sai quấy! Ác khẩu là thốt lời thô lỗ, khiến cho người khác nghe xong cảm thấy khó chịu. Đừng nên có những điều này! Không tham, không sân, không si; muốn làm được những điều này đôi chút, phải thật sự hiểu nhân quả. Người thật sự liễu giải đạo lý nhân quả, sẽ tự nhiên có thể ước thúc chính mình. Sức mạnh ấy to hơn luân lý, đạo đức và pháp luật. Nếu chẳng tin nhân quả, sẽ như cổ nhân đã nói: Trong các tình huống “danh cao, lợi trọng” sẽ biết rõ mà cố phạm, vẫn phạm sai quấy, tạo tội nghiệp. Thật vậy, từ lịch sử chúng ta

đã thấy, mà trong thế giới hiện tiền, chúng ta còn thấy nhiều hơn nữa! Chúng tôi ở Tân Gia Ba, ngụ tại khách sạn, ông chủ khách sạn đã bảo chúng tôi: Nhân viên phục vụ của họ không ổn định. Do nguyên nhân nào? Tân Gia Ba mở sòng bạc. Sòng bạc tuyển người phục vụ, tìm những người làm trong khách sạn, trả tiền lương cho họ cao hơn một hai trăm đồng, họ bèn bỏ đi hết. Chẳng phải là lợi ích rất lớn! Cho quý vị một chút lợi lộc nhỏ nhất, quý vị liền bỏ đi, giữa người và người chẳng có đạo nghĩa, chẳng có tình cảm, chỉ mong cầu lợi lộc, còn gì đáng sợ hơn? Chư vị hãy suy nghĩ kỹ lưỡng, người như vậy có lòng ái quốc hay không? Mất kẻ ấy chỉ thấy lợi lộc, địch nhân cho hắn một chút tiền, kẻ ấy liền làm Hán gian, sẽ gây tổn hại cho quốc gia của chính mình, kẻ ấy ham tiền mà! Gần đây nhất, chúng ta thấy những chuyện này phổ biến nhất, trong xã hội này, con người chẳng có đạo nghĩa. Người thật sự có đạo nghĩa thì nhân công và chủ nhân một lòng, có nghĩa khí. Xí nghiệp của chủ nhân sắp phải đóng cửa, nhân viên chẳng bỏ đi, không nỡ lòng nhìn chủ nhân gặp nạn, chẳng cần tiền công vẫn làm việc tại đó. Vào thời cổ, thường thấy chuyện như thế trong xã hội, khiến cho người khác phải bội phục những nhân công ấy. Nhân viên đối với chủ là tri ân, báo ân.

Thời cổ, nhà kẻ phú quý thuê người hầu, nhà ấy suy bại, người hầu đều chẳng bỏ đi, vì sao? Có cảm tình, có nghĩa khí, chiếu cố đến cùng. Hiện thời, trên thế giới này, chẳng có người như vậy! Nói “*kiến lợi vong nghĩa*” (thấy lợi quên mất nghĩa) vẫn còn dễ nghe lắm! Về căn bản, kẻ ấy chẳng có nghĩa, lấy gì để vong nghĩa? Kẻ ấy chỉ biết có lợi, chẳng biết đến nghĩa! Vì thế, luân lý chẳng còn, về căn bản là không biết, bất hiếu với cha mẹ, chẳng có tâm kính yêu cha mẹ. Trách móc cha mẹ: “Cha mẹ chẳng kiếm được nhiều hơn một chút để cho con”, thậm chí sát hại cha mẹ, xã hội hiện thời là như vậy đó! Bất kính tôn trưởng là hiện tượng phổ biến trong xã hội hiện thời! Nguyên nhân khiến cho xã hội động loạn cũng là do đã dạy dỗ sai lầm. Dạy dỗ thế hệ kế tiếp thì trước tiên phải bắt đầu từ luân lý, đạo đức, điều này trọng yếu lắm; nhưng hiện thời, quý vị muốn dùng luân lý, đạo đức để dạy thế hệ kế tục nhất định sẽ gặp khó khăn. Vì sao? Toàn thể xã hội chẳng có, một mình nhà quý vị nói đến luân lý, đạo đức, trẻ nhỏ của quý vị ra khỏi cửa, những thứ ấy (luân lý, đạo đức) là những thứ đã cổ lỗ, không dùng được, trẻ có thể tin tưởng hay chẳng? Nó có thể tiếp nhận hay chẳng? Quý vị nói với người già bảy tám mươi tuổi thì được, họ sẽ gật đầu, có lý lắm! Nhưng quý vị nói với kẻ trẻ tuổi, họ lắc đầu, chẳng tin tưởng. Do vậy, trong xã hội hiện thực, chẳng có luân lý, đạo đức, nhân quả, mà cũng chẳng có pháp luật. Pháp luật quản trị người tốt, kẻ xấu tìm tòi những kẽ hở trong pháp luật, nên pháp luật biến thành bảo vệ kẻ xấu. Đối với xã hội hiện tiền, trước kia, Mao Chủ Tịch đã nói là “*vô pháp, vô thiên*”, đúng là như vậy. Vô pháp vô thiên đến tình trạng ấy thì trời cao phải can thiệp, vẫn phải xen vào, chẳng thể mặc kệ được! “Trời” ở đây là thiên nhiên, thiên nhiên đem lại bệnh tật, tai nạn cho quý vị. Những bệnh tật và tai nạn ấy đều do bản thân quý vị tự làm, tự chịu, chẳng phải do ai khác giáng xuống quý vị!

Chúng ta sát hại các chúng sanh, trong Phật pháp đã nói tới lục đạo luân hồi, [thật ra], chuyện này vốn chẳng phải do Phật pháp nói, mà do Bà La Môn của Ấn Độ cổ xưa đã nói, kinh Phật đồng ý với cách nói đó: “*Nhân tử vi dương, dương tử vi nhân*” (người chết làm dê, dê chết làm người). Quý vị giết con dê này, ăn thịt nó, dê chết đi, đầu thai, lại sanh trong nhân gian, làm người. Nó đã chịu hết tội nghiệp làm súc sanh, lại quay về nhân gian. Người sát hại hết thấy chúng sanh, sau khi chết bèn biến thành súc sanh, người đã chết biến thành dê. Đời này, quý vị ăn nó, đời sau nó ăn quý vị, oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng xong, phiền toái quá! Vì vậy, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta, đối với những loài tiểu động vật, trông thấy chúng nó phải sanh tâm thương xót. Vì sao chúng nó phải đầu thai như thế? Trong quá khứ, lúc làm người đã tạo tội nghiệp quá nặng. Nếu sát hại sanh mạng quá nhiều, sẽ hứng chịu quả báo như thế nào? Kinh dạy, như con phù du trên mặt nước, tức là loài trùng nhỏ chạy loăng quăng trên mặt nước! Loài tiểu trùng ấy thọ mạng rất ngắn, chỉ có mấy giờ, chết rồi lại đầu thai, mỗi ngày đều phải sanh tử vài lượt, chẳng biết đến đời nào mới xong! Quý vị sát hại bao nhiêu chúng sanh thì quý vị phải sanh tử bấy nhiêu lượt, mới hòng trả hết nợ! Điều này vẫn chưa thể coi là trả xong nợ, mà là tội nghiệp của quý vị tiêu tan. Sau khi tội nghiệp tiêu tan thì mới trả nợ xong. Kinh dạy: Quý vị ăn kẻ khác nửa cân, phải đền trả kẻ ấy tám lạng. Trả nợ mà! Nợ mạng thì phải đền mạng. Thiếu tiền thì phải đền tiền. Quý vị nói xem có khổ lắm hay không? Mê hoặc, điên đảo, chẳng có trí huệ, làm chuyện ngu ngốc như thế, chớ nên làm!

Khi bất hạnh gặp những tai nạn ấy xảy đến, chúng ta tuy chẳng có tội mà bị chết trong tai nạn. Tai nạn xảy ra, người tốt lẫn kẻ ác cùng chết sạch, có người thấy vậy chẳng phục: “*Vì sao người ấy (người tốt) mắc tai nạn ấy? Gã kia là kẻ xấu, chết là đáng!*” Luôn suy nghĩ theo kiểu ấy. Thật ra, đó là xử sự theo tình cảm, chẳng biết chân tướng. Chân tướng là gì? Cùng nhau gặp nạn là cộng nghiệp, nhưng sau khi đã chết, sẽ đến những nơi khác nhau! Người niệm Phật gặp nạn qua đời, bèn đến thế giới Cực Lạc, đó là chuyện tốt đẹp, chẳng phải là chuyện xấu. Kẻ chẳng học Phật, nhưng suốt đời hành thiện tích đức, bị chết trong tai nạn, bèn sanh lên trời. Người tu thiện tích phước ít hơn một chút bèn quay lại nhân gian, lại đi đầu thai, sanh trong gia đình phú quý của nhân gian, nhất định sẽ tốt đẹp hơn đời này, chẳng phải là chuyện tốt đẹp ư? Kẻ tạo tác ác nghiệp sanh trong tam ác đạo, rất công bằng! Thật sự thấy rõ ràng, minh bạch, quý vị mới thật sự tin tưởng nghiệp nhân quả báo chẳng sai sót mấy may!

Vì lẽ đó, chúng ta nói đến Thù Điền, tức là đối với hết thấy chúng sanh, hết thấy súc sanh, cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa, đều phải dùng tâm từ bi để đối đãi. Khổ Điền là gặp kẻ bần cùng, chúng ta toàn tâm toàn lực giúp đỡ, trọng yếu nhất là phải dạy bảo người ấy. Nghèo khổ về mặt vật chất chẳng kể là nghèo khổ thật sự, nghèo khổ thật sự là gì? Chẳng có trí huệ, chẳng có văn hóa, đó là nghèo khổ thật sự. Chưa từng tiếp nhận giáo huấn của thánh

hiền, kẻ ấy vô tri, đó là nghèo khổ thật sự! Kẻ có cuộc sống vật chất khôn khổ, nếu tiếp nhận giáo dục của thánh hiền sẽ chẳng khổ, sẽ rất sung sướng. Nếu kẻ ấy học Phật, sẽ càng vui sướng hơn. Kẻ ấy có mong mỗi cuộc sống vật chất được cải thiện hay không? Chẳng mong mỗi, vì sao? Ta sống rất vui sướng, cần gì phải tìm phiền phức! Người thật sự học Phật, nhất định nghe theo giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Người ấy sẽ hết sức tuân thủ giáo huấn của đức Phật, thực hiện Đệ Tử Quy, thực hiện Cảm Ứng Thiên, thực hiện Thập Thiện Đạo, thấy đều làm được. Dẫu phải làm kẻ ăn mày, người ấy vẫn rất sung sướng, chẳng mong mỗi cải thiện cuộc sống. Thật đấy, chẳng giả đâu! Vì sao? Người ấy chẳng có dục vọng. Càng học Phật càng thâm nhập, dục vọng bèn giảm xuống, giảm đến mức chẳng còn dục vọng, có thể giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây, đó là cuộc sống của kẻ ăn mày!

Năm xưa, khi tôi mới xuất gia, thọ giới, Giới hòa thượng (vị hòa thượng truyền giới) của chúng tôi là lão pháp sư Đạo Nguyên. Khi thọ giới, Ngài có kể một câu chuyện, chuyện thật, chẳng giả. Ở quê Ngài, hình như Ngài là người vùng Dương Châu, trong thời ấy, lúc Ngài còn bé, có một người ăn mày, quanh năm xin ăn bên ngoài. Buổi tối ở trong một ngôi miếu hoang, hoặc bất cứ chỗ nào có thể đánh một giấc là được rồi. Ban ngày đi khắp nơi du sơn ngoạn thủy, tới chỗ nào xin được một bát cơm lót dạ, người ấy rất vui sướng. Con cái của người ấy làm ăn phát đạt, nên rất nhiều người chửi bới họ: “Cái đồ bất hiếu! Coi bọn người giàu có như vậy, khá giả như thế, sao lại để cho cha phải đi ăn mày?” Đứa con ấy cũng rất mất thể diện, sai rất nhiều người đi khắp nơi kiếm cha về, xếp đặt chu đáo để cha ở yên trong nhà hòng phụng dưỡng. Cha anh ta chẳng quen với cuộc sống ấy, ước chừng ở trong nhà hơn một tháng, thấy người nhà canh chừng lơ lửng một chút liền trốn mất, lại đi xin ăn. Người khác hỏi ông ta vì sao? Vui sướng! Đó chẳng phải là người tầm thường. Quả thật, xin ăn thật là tốt, tấm thân thứ gì cũng chẳng có, cũng không sợ cường đạo cướp bóc, cũng chẳng sợ kẻ cắp vặt trộm cắp, ông ta thứ gì cũng chẳng có. Mỗi ngày du sơn ngoạn thủy, quý vị thấy [đối với ông ta] có cái ăn, có chỗ nghỉ ngơi [là được rồi], thật tự tại! Lão hòa thượng kể cho chúng tôi nghe câu chuyện này. Cuộc sống thật sự hạnh phúc mỹ mãn là cuộc sống sung sướng, không nhất định phải có tiền, cũng không nhất định phải có địa vị. Lão pháp sư nói người ăn mày ấy thật sự hiểu nhân sinh, thật sự hiểu hạnh phúc mỹ mãn. Ông ta có cơ hội, con cái phát tài lớn, ông ta có thể hưởng một chút phước, nhưng không cần. Ông ta nói đó chẳng phải là phước, mà là khổ, chẳng phải là niềm sung sướng. Thân thể vẫn còn khỏe mạnh, quý vị thấy ông ta mỗi ngày du sơn ngoạn thủy thật vui sướng, tìm mấy người ăn mày làm bạn, lẽ nào chẳng vui sướng?

Vì thế, truyền đạo quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Giúp cho người ta một chút vật chất, tặng cho họ một chút, nhưng truyền đạo cho người ấy quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Phật pháp thật sự lợi ích chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, đó là đúng.

Nhất định phải chỉ dạy họ diệt trừ cội rễ bần cùng, dẫu bần cùng, trắng tay đến mấy, vẫn phải biết bố thí. Thật sự chẳng có tiền để bố thí, thì hãy làm công quả trong các đạo tràng như của chúng ta, đó là tài bố thí, được gọi là Nội Tài Bố Thí. Ta đến làm công quả, chẳng cần đến tiền, phục vụ đạo tràng, dùng thân thể của chính mình để bố thí; đó là Nội Tài. Nội Tài bố thí còn đạt được quả báo nhiều hơn Ngoại Tài. Ngoại Tài là quý vị bỏ tiền, dùng vật chất, tiền bạc để cúng dường, nhưng chẳng đích thân đến phục vụ. Vì thế, chúng ta hiểu, suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật có tài bố thí hay không? Có, Ngài dùng thân thể, thời gian và trí huệ của chính mình để giáo hóa chúng sanh hằng ngày, đó là Tài Bố Thí. Bao nhiêu người được lợi ích! Sau khi học trò học thành tài, bèn hoằng dương rộng rãi, rạng rỡ sự nghiệp lợi ích chúng sanh của thầy, lần lượt giáo hóa. Người đã giác ngộ bèn bằng lòng đi theo con đường ấy. Chúng tôi chẳng nhận biết, tức là chẳng may nhận biết Phật giáo, thuở trẻ, nếu quý vị bảo tôi đi xuất gia, bảo tôi làm chuyện này, tôi thà chết chẳng chịu làm, lẽ đâu có thể làm chuyện như thế được? Cả một đời này tôi chẳng nghĩ sẽ làm chuyện như thế!

Tôi theo học Triết Học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, phần cuối cùng trong Triết Học Khái Luận là “triết học trong kinh Phật”, tôi mới thật sự có nhận thức mới mẻ về Phật giáo, mới thật sự liễu giải Phật giáo chẳng phải là tôn giáo. Nhưng hiện thời, Phật giáo đã biến thành tôn giáo, nó xác thực chẳng phải là tôn giáo, mà là giáo dục. Thầy dạy tôi, kinh điển nhà Phật là triết học cao cấp. Tôi nhập môn từ chỗ ấy, học suốt năm mươi chín năm, sang năm là tròn một giáp tý (sáu mươi năm), càng học càng hoan hỷ. Gặp gỡ Chương Gia đại sư, lúc đó tôi một thân trợ trợ ở Đài Loan, chẳng có bất cứ vướng mắc gì. Thầy khuyên tôi xuất gia, dạy tôi hãy học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Thầy hết sức yêu thương tôi, chúng tôi hết sức tôn kính thầy, tiếp nhận ý thầy, nghe lời, đi theo con đường này. Con đường này là nối tiếp huệ mạng của Phật, hiến thân giúp cho chánh pháp trụ thế lâu dài, là chuyện tốt đẹp, là sự nghiệp to lớn, là chuyện tốt lành. Đi theo con đường này năm mươi chín năm, cũng chẳng phải là thuận buồm xuôi gió, thử thách cũng rất nhiều, nhưng vui sướng khôn sánh, dẫu gặp phải thử thách, vẫn rất sung sướng. Vì sao? Hiểu rõ ràng, rành rẽ nghiệp nhân quả báo, hiểu rõ rệt vì sao mỗi lần có thử thách. Hằng ngày giảng kinh, hằng ngày đọc tụng, năm mươi chín năm chẳng hề gián đoạn. Quý vị nói xem có vui sướng, hạnh phúc lắm hay không? Chúng tôi sử dụng Internet [để hoằng pháp] khoảng chừng mười lăm năm, sử dụng Internet khá sớm, sử dụng [truyền hình] vệ tinh cũng đã tám năm rồi, từ ngày Nguyên Đán năm 2003 bắt đầu sử dụng vệ tinh. Những công cụ này phát huy tác dụng rất lớn, vì chúng tôi giảng kinh và học tập tại nơi đây, đồng thời phát sóng, toàn cầu có thể thấy và thu được. Giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Phật độ kẻ hữu duyên*”, những ai hữu duyên? Những người mở TV chọn đúng băng tần này đều là người hữu duyên. Họ dùng computer kiếm được địa chỉ trang nhà của chúng ta, đó là người hữu duyên. Người tiếp sóng, xem chương trình rất nhiều. Do vậy, giúp đỡ hết thảy chúng sanh, nghèo, giàu, sang, hèn, đều phải giúp đỡ họ.

“*Ân điền*” là cha mẹ. Trong Phật pháp còn có hộ pháp. Hộ pháp có ân với chúng ta. Nếu chẳng có nhiều người hộ trì như thế, chẳng có đông người giúp đỡ ngăn ấy, chúng ta phát triển hết sức khó khăn. Phật pháp có thể truyền thừa hay không, chánh pháp có thể trụ thế lâu dài hay không, mấu chốt chẳng do ta, vì ta chẳng có cách nào, mà ở nơi đâu? Nơi hộ pháp. Do vậy, công đức của người hộ pháp lớn hơn công đức của người hoằng pháp. Người hoằng pháp giống như giáo viên trong trường học, hộ pháp là hiệu trưởng. Ông ta tạo lập một đạo tràng ở đây, nếu chẳng mời quý vị, quý vị sẽ chẳng có cơ hội đến đây dạy học. Do ông ta bằng lòng mời quý vị đến, nên quý vị có thể dạy một thời gian ở nơi đây, dạy một hai môn, đó là ân đức của họ. Mọi người nghe pháp ở nơi này, đạt được lợi ích nơi Phật pháp, là nhờ ai mà đạt được? Nhờ hộ pháp tạo lợi ích, phải biết điều này. Người xuất gia là Trụ Trì tự miếu, người tại gia là các vị cư sĩ chủ trì đạo tràng, như ở Mã Lai có nhiều vị hội trưởng Tịnh Tông Học Hội, Phật pháp có thể hưng vượng hay không ở nơi ấy là trách nhiệm của họ. Họ có kiến thức, liễu giải Phật pháp hưng hay suy, bồi dưỡng pháp sư giảng kinh, lễ thỉnh pháp sư giảng kinh đến đó giáo học hay giảng kinh, công đức thuộc về họ. Giống như quản lý trường học, điều hành trường học rất khó, chánh phủ khen thưởng thì sẽ khen thưởng ai? Khen thưởng hiệu trưởng, chẳng khen thưởng giáo viên. Trường học hoạt động lồi thối, phải bị trừng phạt thì hiệu trưởng bị trừng phạt, cũng chẳng phải là giáo viên. Do vậy, những người giảng kinh, bất luận xuất gia hay tại gia, đều có thân phận là giáo viên, phải hiểu rõ ràng, minh bạch điều này. Không ai mời mọc, thì làm như thế nào? Nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhập Bát Niết Bàn, đã đi rồi, vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng còn ở trong thế giới này nữa. Do không ai cầu thỉnh, nên Ngài đã đi rồi. Có người cầu thỉnh tức là hữu duyên, trụ thêm mấy năm nữa, chẳng trở ngại. Chẳng có duyên bèn lập tức ra đi, chẳng lưu luyến thế giới này. Người làm giáo viên tự tại đường ấy, có nơi nào cần đến đó dạy hòng giúp đỡ chúng sanh khổ nạn thì đại từ đại bi [đến đó giáo hóa]. Chẳng có chỗ nào để dạy bèn ra đi, vắng sanh thế giới Cực Lạc hòng thân cận A Di Đà Phật, bản lãnh sâu xa. Vì thế, biết ân, báo ân, những vị hộ pháp đều có ân đức, giống như cha mẹ, phải tôn trọng họ!

Thứ tư là “*đức điền*”, đức điền là Tam Bảo, “*tam thừa hiền thánh*”. Bất luận A La Hán, hay Bích Chi Phật, hoặc là Bồ Tát, bất luận tại gia hay xuất gia, đại đa số là người chủ trì đạo tràng. Vì lẽ đó, Phật pháp có thể hưng vượng, xã hội có thể an định, quốc gia có thể vững bền dài lâu, thế giới có thể hòa bình, tam thừa thánh hiền có công hiến to lớn, họ là những vị phụ trách đạo tràng. Điều thứ nhất là họ có thể lễ thỉnh những vị đại đức hữu tu hữu học, bất luận tại gia hay xuất gia, mời các vị ấy đến nơi ấy giảng kinh, giáo học, đó là chuyện thuộc về bổn phận của họ. Đồng thời, nếu những người ấy còn có thể tiến thêm bước nữa, chẳng phải chỉ là cần dạy học, mà còn muốn bồi dưỡng nhân tài kế tục, công đức của những người ấy sẽ thật to lớn, thật sự cứu vãn Phật giáo. Như vậy có cần mở trường học hay không? Không nhất định. Thật sự phát hiện người tuổi trẻ chịu học hỏi, nhất định trước hết phải vun bồi tốt đẹp ba căn bản, tức là cũng giống như Không lão phu tử, dạy dỗ đức hạnh trước hết.

Quý vị thật sự có thể thực hiện Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên. Đệ Tử Quy gồm một trăm mười ba điều, Cảm Ứng Thiên là một trăm chín mươi lăm điều, quý vị đều có thể làm được, sau đây sẽ thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo rất dễ dàng. Nếu là xuất gia, phải hành mười giới trong Sa Di Luật Nghi, hai mươi bốn môn oai nghi cũng phải thực hiện, nhưng chẳng có khó khăn gì, do trước đó, quý vị đã có căn bản đức hạnh tốt đẹp. Sau khi đức hạnh đã có căn bản, quý vị có thể chọn lựa một bộ kinh, thâm nhập một môn, thật sự có người hộ trì khiến cho quý vị thân tâm yên ổn, chẳng có ưu lự. Cúng dường quý vị áo, cơm, chỗ ở là được rồi, quý vị có chỗ cư trú an định, áo cơm được chiếu cố rất chu đáo là được rồi, chính mình hằng ngày dụng công. Một người tu hành thì một căn phòng nhỏ là được rồi.

Trong quá khứ, Hàn quán trưởng chiếu cố tôi. Tôi ở trong một căn phòng nhỏ tại nhà bà ta, ở nhà bà ta suốt mười bảy năm, chẳng dễ dàng! Mỗi ngày, chuyện của tôi là đọc kinh, giảng kinh. Cơ sở giảng kinh và thính chúng đều do bà ta thay tôi lo liệu, vì tôi tuổi trẻ, vừa mới ra giảng kinh, ai nhận biết quý vị? Ai đến nghe quý vị giảng? Vì thế, Hàn quán trưởng đi khắp nơi lo liệu, mời mọc các bạn bè, đạo hữu của bà [đến nghe], có khi là mười mấy người, có lúc hai mươi mấy người. Sau này, khi tôi giảng kinh thông thường gần như là năm, sáu mươi người nghe, chẳng gián đoạn. Mỗi tối giảng từ một tiếng đến một tiếng rưỡi, thông thường đa số là một tiếng rưỡi. Buổi tối giảng một tiếng rưỡi, thời gian ban ngày tôi dùng để đọc kinh, niệm Phật. Quý vị thấy đó là một tấm gương tốt đẹp, một vị cư sĩ, trong nhà tương đối khá giả, có nhiều phòng bèn dành ra [một phòng], quý vị chiếu cố một người, có thể chiếu cố mười năm thì người [xuất gia] ấy bèn thành công. Tôi ở trong nhà Hàn quán trưởng mười bảy năm. Về sau, thính chúng đông hơn, mọi người bỏ ra một ít tiền, mua một giảng đường. Giảng đường ấy gần như to bằng cái studio này. Mua một giảng đường như thế, chẳng cần mượn giảng đường nữa. Chính mình có một giảng đường như vậy, chúng tôi có nhiều thời gian giảng kinh hơn. Buổi sáng giảng, buổi chiều giảng, buổi tối giảng, vui sướng chẳng mệt. Giảng các kinh khác nhau, nên mỗi ngày giảng ba lần, thính chúng trong ba lần khác nhau, giống như mở lớp vậy, quý vị có thể dành ra thời gian đến nghe. Tôi đã từng có lúc giảng nhiều nhất, mỗi tuần giảng năm sáu loại [kinh luận khác nhau]. Tôi giảng kinh là do học với thầy Lý ở Đài Trung. Hiện thời, bồi dưỡng người giảng kinh thuận tiện rất nhiều. Tôi giảng kinh nhiều năm như thế, lưu lại băng ghi hình, ghi âm, đại khái là từ một vạn năm ngàn giờ trở lên, chẳng ít hơn một vạn năm ngàn giờ. Chúng loại cũng rất nhiều, chỉ cần chọn trong đó một thứ, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, thật sự có thể khổ học một loại trong mười năm, quý vị sẽ thành công. Lúc đó, người ấy xuất gia sẽ là đại pháp sư, tại gia cũng là đại cư sĩ. Người thật sự có tâm bồi dưỡng một, hai người [như vậy], công đức vô lượng vô biên, đó là chân thật. Bất quá, người như vậy cũng rất khó tìm, ai chịu buông xuống muôn duyên, bỏ ra mười năm quanh quẩn, sau đấy mới thi đỗ thành danh? Bởi vậy, phương pháp thì có, mà cũng hoàn toàn chẳng khó khăn, nhưng khó tìm người! Thật sự tìm được, hy sinh

phụng hiến, vì chánh pháp tồn tại lâu dài, vì kế thừa gia nghiệp của Như Lai. Đó là phước điền hiểu theo nghĩa rộng, thật sự tu phước.

Trong phần trước, “*điều chúng sanh, tuyên diệu lý*” là giúp người khác giác ngộ. Sau khi giác ngộ, sẽ dạy người ấy tích công đức, tu phước điền. Có trí huệ, có phước báo, sau đây phải cứu khổ, cứu nạn, chẳng phải là quý vị hưởng phước mà là cứu khổ, cứu nạn. “*Dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ*” (dùng các pháp dược, cứu chữa ba nỗi khổ), đó là độ chúng sanh. Chư Phật, Bồ Tát vĩnh viễn chẳng hề hưởng phước, hưởng lạc, chẳng có! Quý vị thấy trong Phật môn từ xưa đến nay, những vị cao tăng đại đức có hưởng phước hay không? Đối với các Ngài, giáo học là hưởng phước. Dẫu địa vị cao tới đâu đi nữa, trước kia, làm đến Quốc Sư, hoàng đế tôn vị ấy làm thầy, [nên gọi là] Quốc Sư, cuộc sống vẫn rất đơn giản, chẳng hề thay đổi. Những vị tu hành ấy quá nửa là ăn giữa Ngọ, rất nhiều! Cuộc sống hết sức đơn giản, vì sao? Nêu gương cho người khác, may mắn ngạo mạn đều chẳng có! Chẳng phải là địa vị rất cao, bèn ngự cao chót vót, chẳng phải vậy, vẫn tiếp xúc với người nghèo khổ y như cũ, [những vị hành xử như vậy] rất nhiều, đây là đức hạnh. Đối với bậc đại quan, nói theo cách bây giờ là những người thuộc tầng lớp cao trong xã hội, tiếp xúc họ bèn dùng trí huệ giúp họ cai trị quốc gia, qua lại với người bần cùng để giúp họ lìa khổ được vui, bình đẳng giáo hóa. Đối với tam thừa hiền thánh, tam giáo, cửu lưu, hoàn toàn bình đẳng, các Ngài chẳng có phân biệt và chấp trước.

Vì vậy, tiếp đó là lời chú giải như sau: “*Chư Phật độ sanh, ứng bệnh dĩ dược*” (chư Phật độ chúng sanh, cho thuốc phù hợp chứng bệnh), giống như thầy thuốc chữa bệnh. Người ấy mắc bệnh gì, cần dùng thuốc gì để chữa trị, bèn cho thuốc đúng với căn bệnh. “*Dược dụ Như Lai diệu pháp, bệnh dụ chúng sanh tật khổ*” (thuốc ví như diệu pháp của Như Lai, bệnh ví như chúng sanh đau khổ). Thừa cùng quý vị, trong hiện thời, diệu pháp của Như Lai có thể chữa trị xã hội. Tuy tất cả hết thầy mọi người mắc bệnh khác nhau, nhưng thuốc một vị có thể giải quyết, đó là “*phổ thế giáo dục*” (giáo dục trọn khắp cõi đời). Phổ (普) là phổ biến, Thế (世) là thế giới, trọn khắp người đời phải nên tiếp nhận sự giáo dục ấy, tức là giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả. Vì sao? Những nỗi phiền phức xuất hiện trên cả thế giới hiện thời đều vì thiếu những thứ giáo dục ấy. Vào thời cổ thì có, tại Trung Quốc có, mà ở ngoại quốc, các thứ giáo dục tôn giáo cũng được, đều có thể đạt hiệu quả. Hiện thời, tại Trung Quốc, nền giáo dục ấy không được chú trọng, coi thường, bỏ sót, ngoại quốc thì đang dần dần theo đuổi, đề cao khoa học, người tin tưởng tôn giáo ngày càng ít ỏi. Xã hội tôn sùng dục vọng, lợi lộc, nhiều nhân sĩ tôn giáo cũng bị dục vọng, lợi lộc nuốt chửng, đó là hiện tượng thấy rõ trước mắt. Họ cũng tranh danh trục lợi, gạt giáo dục tôn giáo sang một bên, chẳng còn học tập nữa. Đó là nhân tố khiến cho xã hội hiện tiền động loạn, mà cũng là nguyên nhân khiến cho địa cầu đổi khác. Nay chúng ta cứu vãn xã hội, cứu vớt địa cầu, phải tìm lại những thứ ấy, khuyên dạy mọi người hãy khéo làm người, [nguyên nhân] toàn là do

trong chuyện làm người đã xuất hiện vấn đề, liên lụy y báo là địa cầu của chúng ta cũng xuất hiện vấn đề.

Tại Trung Quốc là giáo dục Nho, Thích, Đạo, tại ngoại quốc là giáo dục tôn giáo, thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề này. Nhưng trong hiện thời, bất luận tại Trung Quốc hay ngoại quốc, bậc đại đức thật sự quá ít, chúng ta hãy nên biết tôn trọng và bồi dưỡng như thế nào. Đây là một chuyện khó khăn, hãy nên ghi nhớ chuyện này trong lòng, hễ gặp duyên phận, có người như vậy, chúng ta phải quan tâm, chiêu cố, giúp đỡ, thành tựu người ấy. Vì thế, trong hiện tại, nếu chẳng có thầy chỉ dạy, nhưng thật sự có người như vậy, vun bồi vững vàng ba hoặc bốn căn cội, đó là cơ sở, nhất định yêu cầu người ấy phải làm được. Làm một năm! Chưa làm tròn một năm, sẽ chẳng hộ trì người ấy, mời người ấy đi chỗ khác! Nếu trong một năm, [người ấy] thật sự làm được, chúng ta càng thêm lễ kính, đốc thúc người ấy. Phương pháp đốc thúc rất đơn giản: “Mỗi ngày hãy giảng cho chúng tôi nghe một tiếng rươi”, giảng cho ai nghe? Giảng cho quý vị nghe, chẳng cần có ai khác. Hoặc là người nhà của quý vị, cách mấy tuần họp lại, giảng cho quý vị nghe. Hằng ngày buộc người ấy phải học, mỗi ngày buộc người ấy phải giảng. Học mười năm, giảng mười năm, chẳng phải là đã thành tựu hay sao? Sau mười năm, sẽ đem người ấy giới thiệu với bên ngoài, tìm giảng đường để công khai giảng diễn bên ngoài, nhưng chưa đầy mười năm sẽ chẳng giảng bên ngoài. Đó là huấn luyện gì? Huấn luyện Nhân Nhục Ba La Mật cho người ấy. Người ấy đâu có thông hiểu vẫn phải nhẫn nại mười năm. Nếu người ấy chẳng thể chịu đựng, đi ra ngoài giảng, giảng cũng khá lắm, kẻ cung kính người ấy đông đảo, kẻ cúng dường đông đúc, người ấy sẽ bị sảy chân, biến chất! Lại sa vào danh lợi, tức là chúng ta đã sai rồi! Do vậy, phải quan sát người ấy, thật sự có thể chịu khổ, thật sự có cảm giác gánh vác sứ mạng thì mới có thể thành tựu.

Như kinh Niết Bàn đã dạy: “*Độ chúng sanh cố, vị thuyết vô thượng vi diệu pháp được*” (vì độ chúng sanh mà giảng cho họ các pháp được vô thượng vi diệu). Nói theo cách hiện thời, Độ (度) là giúp chúng sanh, góp sức cho chúng sanh. Chúng sanh có khổ, bị nạn, chúng ta phải giúp họ, tức là giới thiệu cho họ diệu pháp vô thượng rất sâu. Vô thượng vi diệu pháp được là gì? Chính là bộ kinh này, bộ kinh này là vô thượng vi diệu pháp được đúng tiêu chuẩn. Như Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm, Bát Nhã đều là đại kinh đại luận vô thượng vi diệu, có người chỉ dạy thì chẳng có vấn đề gì, có thể học tập, nhưng nếu chẳng có ai chỉ dạy, sẽ hết sức khó khăn. Không ai chỉ dạy thì chúng ta làm như thế nào? Chúng ta chọn bộ kinh này, kinh này được lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập tốt đẹp, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải cặn kẽ, tạo thuận tiện cho chúng ta. Hai vị ấy đều là người cận đại; do đó, chúng tôi phát tâm giảng bản Chú Giải của lão cư sĩ một lượt, coi như tôi báo ân cụ. Lúc cụ tại thế, chúng tôi là bạn già, hằng năm tôi sang Bắc Kinh đôi ba lượt để thăm cụ. Cụ khuất bóng, bạn già ở Bắc Kinh chẳng còn nữa, nên tôi không sang đó. Thuở trước, tôi siêng năng, lẹ làng

sang đó, vì lẽ nào? Do có vị lão hữu ấy, chí đồng đạo học. Hoàng dương bản hội tập này, tức bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, tại hải ngoại một mình tôi, trong nước là một mình cụ Hoàng. Trong ngoài nước cũng chẳng có kẻ thứ hai giảng bộ kinh này, chúng tôi được gặp gỡ, đúng là khó có! Ở Mỹ, chúng tôi mới liên lạc với nhau. Cụ ở Mỹ một tháng, chúng tôi mới [có cơ hội] quen biết. Sau này, cụ chẳng tiện xuất ngoại, còn chúng tôi trở về Trung Quốc thăm viếng khá thuận tiện, nên tôi thường đến thăm cụ. Cụ viết bộ chú giải này chẳng đơn giản, hy vọng bộ kinh này và bản chú giải này có thể lưu truyền đến chín ngàn năm sau trong thời Mạt Pháp. Trong chín ngàn năm của thời Mạt Pháp, các đồng học Tịnh Tông sẽ nương theo pháp môn này mà đắc độ, chúng ta có thể tin tưởng, có lòng tin như vậy. Lần này, do gặp phải tai nạn nhiều ngàn ấy, tôi ngưng giảng kinh Hoa Nghiêm. Giảng viên mãn bộ kinh này, tôi lại giảng tiếp kinh Hoa Nghiêm, hy vọng bộ Diễn Nghĩa này sớm có ngày được lưu thông. Diễn Nghĩa là chú giải của chú giải. Năm xưa, tôi có soạn một bản khoa phán cho bản hội tập này. Bản ấy là phần khoa hội và mi chú của kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, lời mi chú do lão cư sĩ Lý Bình Nam chú giải. Thuở ấy, lão cư sĩ Triệu Phác Sơ còn sống, cụ là đồng hương của tôi^{106[1]}, và cũng là bậc trưởng bối, đối xử với tôi vô cùng tốt. Vì thế, mỗi lần sang Bắc Kinh, chúng tôi nhất định đều gặp nhau. Những vị lão nhân này đều đã khuất, tôi cũng trở nên đặc biệt cô đơn. Sau khi soạn xong Khoa Phán, tôi tặng cho cụ Triệu Phác Sơ một bản, cụ trông thấy vô cùng hoan hỷ, bảo: “*Bản này hay lắm, một bản hội tập hay như thế, có Khoa Phán hoàn chỉnh như thế, lại còn có bản chú giải của cụ Niệm Tổ, người học tập sau này quá thuận tiện*”. Vô thượng vi diệu pháp được chính là nói đến bộ kinh này và bản chú giải này!

Tiếp đó, lại giảng về Tam Khổ: “*Tam Khổ giả, nhất, Khổ Khổ, do khổ sự chi thành, nhi sanh khổ não giả*” (Tam Khổ: Một là Khổ Khổ, do chuyện khổ tạo thành, bèn sanh khổ não). Đối với chuyện khổ, trong kinh đức Phật dạy Bát Khổ, trước hết là bốn thứ Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Sanh, Lão, Bệnh, Tử mỗi cá nhân đều chẳng thể tránh được, nhưng chúng ta quên hết Sanh Khổ. Khi quý vị được sanh ra, khổ lắm, mẹ sanh quý vị ra. Nếu chúng ta đã quên hết thì cũng chẳng có cách nào thấu hiểu, nhưng quý vị có thể chú tâm quan sát trẻ nhỏ sanh ra là như thế nào? Sanh ra bèn đau khổ. Vì sao trẻ nhỏ khóc? Khổ! Khổ quá nên nó mới khóc, quý vị thấy có đứa trẻ nào sanh ra bèn cười ha hả hay không? [Nếu cười], tức là nó chẳng khổ, đã vui sướng rồi! Quý vị biết lúc sanh ra, trong kinh Phật đã nói: “*Như phong đao giải thể*” (như bị đao gió xé thân). Khi nó rời khỏi thân mẹ, thân thể nó da thịt non nớt, cảm thấy gió thổi vào giống như bị đao cắt. Do đó, nó khổ sở, đau khổ, từ từ mới thích ứng. Đó là Sanh Khổ. Lão Khổ, quý vị vẫn chưa già, nhưng thấy người già, mắt đã quáng, tai đã lảng, làm gì cũng chẳng thuận tiện. Nếu chẳng có ai chăm sóc, quý vị biết người ấy tuổi già đáng thương

106[1] Cụ Triệu Phác Sơ quê ở huyện Thái Hồ, tỉnh An Huy, Hòa Thượng Tịnh Không quê ở huyện Lô Giang, tỉnh An Huy.

lắm. Tôi hết sức quan tâm chuyện này, tôi đến khá nhiều nơi trên các quốc gia, mỗi khi đến một nơi nào, điều thứ nhất tôi muốn thấy là sự nghiệp phước lợi dành cho người già ở nơi ấy. Tôi đến tham quan sự nghiệp phước lợi dành cho người già của họ, tức là viện dưỡng lão. Có những quốc gia khá lắm, quốc gia nuôi dưỡng người già, nước Mỹ đứng đầu về chuyện này. Xưa kia, Mỹ có tiền, là giàu nhất trên toàn thế giới. Họ nêu gương, cũng có không ít quốc gia học theo. Hiện thời, Mỹ đã nghèo, sự nghiệp phước lợi người già là một gánh rất nặng đối với họ, nhưng họ cũng chẳng thể phế trừ. Nếu phế trừ, dân chúng sẽ không bỏ phiếu cho họ nữa, không có ai dám phế trừ, nên chuyện này vẫn tiếp tục kéo dài.

Theo như tôi thấy, Úc Châu thực hiện sự nghiệp phước lợi cho người già tốt nhất trên cả thế giới. Chủ yếu là vì đất Úc Châu quá to, đất đai chẳng đất đỏ, cho nên dưỡng lão tại Úc quả thật giống như sống trong công viên. Những quốc gia khác trên thế giới chẳng thể sánh bằng hoàn cảnh vật chất ấy. Vì sao? Đất đai chẳng đất đỏ, mua đất rất dễ dàng, các thiết bị vô cùng tốt đẹp. Thuế tại Úc rất nặng, nhưng chính phủ chăm sóc dân chúng rất chu đáo, thật sự làm được việc. Nhưng điều thiếu sót là cuộc sống tinh thần, đời sống tinh thần của người già rất đáng thương. Xem kỹ những người già, tán chuyện gẫu với họ, họ hết sức hoan hỷ, [do thường là] không có ai nói chuyện phiếm với họ. Nhất là sống tại đó, các sắc dân khác biệt, quốc tịch khác nhau, ngôn ngữ văn hóa, thói quen ẩm thực đều khác nhau, nên rất khổ não. Sau khi chúng tôi thấy vậy, bèn suy nghĩ: Trong viện dưỡng lão, từ viện trưởng cho đến tất cả nhân viên dưới quyền, nếu đều có thể tiếp nhận văn hóa và giáo dục hiếu đạo của Trung Quốc, đối đãi với những cụ già ấy như cha mẹ của chính mình, có tâm hiếu kính, thì do công đức đã tích tập của nhóm người ấy, trong tương lai, ai nấy đều sanh về thiên đường, tích lũy công đức to lớn mà! Người bình phàm tu phước chẳng dễ dàng, nhưng phục vụ tại viện dưỡng lão, tu phước rất dễ dàng, coi người già như cha mẹ của chính mình, dùng tâm hiếu kính để đối đãi. Những nhân viên ở đây đều được huấn luyện, đều đã trúng tuyển khảo hạch, chăm sóc các cụ già chu đáo, nhưng chẳng có tâm hiếu thuận, coi đó như là công chuyện phải làm, chẳng có ý vị tình người, thiếu sót điều này!

Khi xưa, ông Lục Khắc Văn (Kevin Michael Rudd)^{107[2]} được bầu làm Thủ Tướng Úc, tôi đề nghị, sự quen biết giữa ông ta và tôi cũng khá, những nhân viên trong viện dưỡng lão nhất định phải thực hiện hiếu đạo. Ông ta cổ vũ tôi điều hành một viện dưỡng lão để làm mẫu, làm gương. Sau khi tiến hành tốt đẹp, sẽ phổ biến trên toàn quốc, đó là biện pháp tốt đẹp. Hiện thời, làm bất cứ chuyện gì, nói theo người Trung Quốc, nêu gương rất quan trọng.

^{107[2]} Kevin Michael Rudd (sinh năm 1957) là thủ tướng thứ 26 của Úc từ năm 2007 đến năm 2010, thuộc đảng Lao Động. Ông chủ trương điện toán hóa ngành giáo dục Úc, tức là mỗi học sinh từ cấp hai trở lên phải có một máy computer trên bàn học trong trường, đồng thời nói rộng chính sách di dân, tăng thuế, cũng như nhiều chính sách quan trọng khác. Người Hoa đã đọc tên ông ta theo kiểu họ trước tên sau nên trong cộng đồng Hoa Kiều tại Úc, ông ta thường được gọi là Lục Khắc Văn (Rudd Kevin).

Chúng ta thường nói “nêu gương rất quan trọng”, quý vị làm cho người ta thật sự trông thấy, họ liễu giải chuyện ấy tốt đẹp, phải nên làm theo cách thức như vậy. Nhất là đem giáo dục nhân quả nói với họ, họ thật sự thông hiểu, sẽ là tu đại phước báo. Người học Phật chăm sóc người già, tương lai sẽ thành Phật, quyết định vãng sanh. Người tín ngưỡng tôn giáo chắc chắn sẽ sanh lên thiên đường. Đối với người chẳng có tín ngưỡng tôn giáo, quý vị chăm sóc người già là vô úy bố thí, bản thân quý vị sẽ đạt quả báo gì? Khỏe mạnh, sống lâu. Tu ba thứ bố thí nơi đó đều dễ dàng! Quý vị phục vụ họ là Nội Tài Bố Thí. Quý vị thường chuyện trò với họ, thường bầu bạn với họ, đó là Vô Úy Bố Thí và Pháp Bố Thí. Quý vị khiến cho tâm lý họ vui vẻ, chẳng cảm thấy cô đơn, [cảm thấy] viện dưỡng lão ấy giống như gia đình của chính mình, các nhân viên, người phục vụ trẻ tuổi như vậy đều giống như con cái hoặc cháu chắt của chính mình, họ sẽ vui sướng lắm! Phước báo ấy to nhiều! Vì thế, mở viện dưỡng lão là sự nghiệp gì? Sự nghiệp của Phật, Bồ Tát. Mở viện dưỡng lão là sự nghiệp vô thượng phước điền. Chỉ cần điều hành tốt đẹp một viện dưỡng lão, quý vị có thể tạo ảnh hưởng rất nhiều, thậm chí trong tương lai mở rộng đến toàn thế giới. Người tiến hành sự nghiệp như vậy là thần thánh, Phật, Bồ Tát. Quý vị chẳng thể nói: “Các cụ! Tôi chăm nom quý vị ăn cơm, thay quần áo, chăm lo cuộc sống hằng ngày của các cụ [là được rồi]”, chưa đủ! Quý vị phải biết trong tâm họ đau khổ lắm! Vì trong viện dưỡng lão, nói cách khác, cứ mỗi tuần thường có một hai cụ già qua đời, bị khiêng đi, họ trông thấy bèn cảm nhận như thế nào? Chờ đợi ở đây, chờ có ngày sẽ đến lượt họ. Ngồi ăn để chờ chết, quý vị thấy cái cảm giác ấy khó chịu lắm! Chúng ta trông thấy tê tái cõi lòng, thật sự muốn giúp họ. Khi ông Lục Khắc Văn làm Thủ Tướng, đã thúc giục tôi tiến hành ngay lập tức, hiện thời ông ta đã xuống chức, tôi cũng chẳng muốn làm nữa! Chánh phủ phải có tâm, phải có cái tâm ấy, khi thật sự làm, chánh phủ phải khen thưởng. Hễ làm tốt, có thể phát động toàn quốc, có thể phát động cả thế giới, khiến cho người già trên cả thế giới đều được chăm nom rất tốt đẹp. Quý vị nói xem công đức ấy to nhiều ngàn nào? Vì thế, đầu tiên, trọng yếu nhất là từ viện trưởng cho đến nhân viên viện dưỡng lão, tất cả mọi người đều phải tiếp nhận giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, đặc biệt là giáo dục nhân quả. Họ hiểu nhân quả, sẽ có thể toàn tâm toàn lực dốc sức, biết đó là cái nhân tốt, trong tương lai sẽ kết thành cái quả tốt đẹp, quả ấy tốt đẹp chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị đến chỗ nào để tìm được cơ hội gieo phước điền như vậy? Viện dưỡng lão là phước điền, là phước điền thật sự. Chúng ta đến thăm nơi phước điền tốt đẹp như thế, đáng tiếc là họ chẳng biết gieo phước. Mỗi ngày đều ở đó mà chẳng biết gieo phước. Hiếu kính người già là gieo phước, nhưng họ chẳng biết điều ấy, thật đáng tiếc!

Nói đến sanh lão bệnh tử khổ, không ai có thể tránh được! Trừ những điều này ra, còn có “oán tăng hội khổ” (khổ vì oán ghét mà phải gặp gỡ). Trong hoàn cảnh nhân sự, quý vị gặp kẻ oan gia đối đầu, trông chẳng vừa mắt, chẳng muốn gặp hấn, nhưng hằng ngày đều phải chạm mặt, quý vị nói có phiền phức hay không? Học hành trong nhà trường, đứa bạn ta không ưa mà thầy cứ hết lần này tới lần khác xếp nó ngồi chung một chỗ, ngồi cùng một bàn,

oán tăng hội đầy! Kẻ ta ưa thích thường phải xa cách, đó là “*ái biệt ly*”, kẻ yêu thích chẳng thể ở cùng một chỗ. Loại thứ ba là “*cầu bất đắc*”, tức là trong tâm chúng ta mong cầu, ham muốn, nhưng làm chẳng được, [đó là] nỗi khổ Cầu Bất Đắc. Ba loại lớn này, hiện thời mỗi cá nhân đều chẳng có cách nào tránh thoát. Loại cuối cùng là “*Ngũ Âm xí thịnh khổ*”, chẳng phải là bên ngoài, mà là trong tâm. Ngũ Âm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức của chúng ta. Nói theo cách bây giờ, chính là nhục thể và tinh thần của chúng ta chịu đựng nỗi khổ gì? Phiền não, ưu lự, vướng mắc, những thứ ấy. “*Xi thịnh*” (熾盛) là giống như lửa cháy rất mãnh liệt, niềm vui của quý vị lấy đâu ra? Vì thế, chúng được gọi là Khổ Khổ. Trong Phật pháp nói “*bát khổ giao tiên*” (tám nỗi khổ chen nhau nung nấu) là nói đến Khổ Khổ.

Loại thứ hai là Hoại Khổ. Phật pháp đem ba loại khổ này phối hợp với tam giới. Trong Dục Giới, ba loại khổ ấy đều có, [tức là] Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ thấy đều có. Nếu quý vị đắc Thiên Định, do đắc Thiên Định sẽ sanh vào Sắc Giới Thiên. Trong Sắc Giới Thiên chẳng có Khổ Khổ, họ chẳng có tám nỗi khổ như đã nói trong phần trước. Hễ có dục thì tám nỗi khổ ấy đều có. Chẳng có dục, tám nỗi khổ ấy chẳng còn. Dục Giới [Thiên] cao hơn chúng ta. Sanh vào Dục Giới Thiên chẳng phải là đầu thai, mà là hóa sanh, nên chẳng có nỗi khổ nào về thân tình. Họ hóa sanh, tức biến hóa. Sắc Giới có mười tám tầng trời thuộc về Tứ Thiên, chẳng có tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, chẳng có những điều ấy, nên chư thiên Sắc Giới chẳng ngủ nghỉ, tinh thần vĩnh viễn sung mãn, chẳng bị mệt mỏi. Cõi trời ấy tốt đẹp, chứ Dục Giới Thiên chưa được! Dục Giới Thiên vẫn có dục vọng, nhưng nó gồm sáu tầng trời. Càng lên cao, dục vọng càng nhẹ mỏng. Tứ Vương Thiên gần như chẳng khác gì nhân gian chúng ta, tuy lọt lọt hơn chúng ta đôi chút, nhưng chẳng lọt lọt nhiều lắm! Đao Lợi Thiên và chúng ta chênh lệch rất lớn, như chúng ta thấy, họ dục vọng cũng rất ít, tâm cũng dần dần thanh tịnh, càng lên cao càng lọt lọt, nhưng họ có Hoại Khổ. Hoại Khổ là gì? Họ có thọ mạng, khi thọ mạng đã hết, vẫn phải chết. Thọ mạng rất dài, tuy rất dài vẫn có ngày kết thúc. Khi thọ mạng đã hết, họ vẫn phải chết, lúc chết nỗi khổ mới hiện tiền, khổ não hiện tiền. Một người lúc chết bèn cảm thấy khổ não chẳng phải là chuyện tốt, vì sao? Kẻ ấy sẽ đọa lạc xuống dưới. Lúc lâm chung, tâm thanh tịnh, chẳng có cảm thụ khổ hay sướng, sẽ tiến cao hơn, sẽ thăng lên, chẳng đọa lạc, đó là công phu tu trì. Nếu người thuộc Sắc Giới Thiên có công phu Thiên Định sâu, sẽ tiến lên không ngừng. Sắc Giới có mười tám tầng trời, dần dần tiến cao hơn, đó là chuyện tốt. Nhưng nếu lúc hết thọ mạng, đối với hoàn cảnh cư trụ và sinh hoạt vẫn còn lưu luyến, sẽ bị phiền phức to, vị trời ấy sẽ đọa lạc, sẽ thọ sanh trong tầng thấp hơn, chẳng thể sanh lên cao hơn. Đó là có Hoại Khổ. Loại thứ ba là Hành Khổ, có nghĩa là đổi dời. Vì thế, Sắc Giới có hai loại khổ. Đổi dời là gì? Chẳng thể ngừng được, Hành là chẳng dừng được!

Đến Vô Sắc Giới Thiên, chẳng có Hoại Khổ vì Vô Sắc Giới chẳng có thân thể. Sắc Giới có Sắc, chẳng có Dục. Vô Sắc Giới ngay cả thân thể cũng chẳng có, chẳng cần đến thân

thể. Lục đạo đều là phàm phu, chúng ta có thể gọi [chư thiên trong Vô Sắc Giới] là “phàm phu cao cấp”, phàm phu cao cấp chẳng cần tới thân thể. Vào thời cổ, tại Trung Quốc, từ hơn hai ngàn năm trước, quan niệm này đã được Lão Tử nhắc tới. Quý vị đọc Đạo Đức Kinh sẽ thấy Lão Tử đã nói như thế này: “*Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân*” (ta có mối lo nghĩ to lớn vì ta có thân). Ngài nói chính mình có nỗi ưu tư rất lớn, nỗi ưu tư ấy là gì? Ta có thân thể, chẳng có thân thể sẽ tốt lắm! Quan niệm ấy của Lão Tử là quan niệm của Vô Sắc Giới, chẳng có thân thể thật tốt, có thân người sẽ có nhiều phiền phức. Sắc Giới Thiên còn có thân thể, nên họ vẫn phải có nhà cửa để cư trụ. Vô Sắc Giới Thiên thân thể đều chẳng có, cũng chẳng cần đến nhà cửa, họ chẳng cần! Vô Sắc Giới, nếu nói thông tục, sẽ là “linh giới”, tức là nơi ở của linh hồn. Họ chẳng có bất cứ hiện tượng vật chất nào. Nói cách khác, nó chỉ có hiện tượng tinh thần, chẳng có hiện tượng vật chất. Vật chất bị biến hoại, tinh thần vĩnh viễn chẳng thay đổi. Họ vẫn có nỗi khổ gì? Họ cũng có thọ mạng, thọ mạng chính là công phu Thiên Định của họ. Cảnh giới cao nhất là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên (Naivasamjñānāsamjñāyatana). Vô Sắc Giới có bốn tầng, tầng cao nhất là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, công phu Thiên Định của họ là tám vạn đại kiếp. Một đại kiếp chính là tinh hệ, tức thái dương hệ của chúng ta, trải qua một lần thành - trụ - hoại - không. Nói cách khác, sau khi thái dương hệ này hư hoại, sẽ dần dần trở lại như cũ, lại có thành - trụ - hoại - không. Tám vạn lần [thành - trụ - hoại - không như thế], quý vị nói xem thọ mạng ấy dài cỡ nào! Nhưng vẫn có một ngày, cho đến lúc ấy, họ mất công phu Thiên Định, do mất đi nên sanh phiền não. Vì sao? Họ vốn nghĩ chính mình đã thành Phật, tướng chính mình là vĩnh hằng bất sanh, bất diệt. Bất sanh bất diệt là Đại Niết Bàn. Họ cho rằng chính mình đã chứng đắc Đại Niết Bàn, thật ra là hiểu lầm, chẳng thật sự chứng đắc. Công phu Thiên Định mất đi tức là thọ mạng của họ đã tới, khi ấy, họ rất phiền não: “Ta đã chứng đắc Đại Niết Bàn, vì sao còn có sanh tử?” Do vậy, bắt đầu hoài nghi và hủy báng giáo huấn của các bậc thánh hiền: “Các vị thánh hiền gạt ta, ta đã đạt đến cảnh giới này, cơ sao chẳng giống như họ đã nói?” Hễ hoài nghi, hủy báng như thế, tội ấy rất nặng. Kẻ ấy chẳng biết chính mình sai quấy, lại còn toan hủy báng thánh hiền. Người Hoa nói “*bà đắc cao, suất đắc trọng*” (trèo cao, ngã đau), từ chỗ cao tột đỉnh rơi xuống chỗ thấp nhất là địa ngục A Tỳ. Tội hủy báng thánh hiền phải đọa địa ngục A Tỳ. Nói cách khác, chư thiên Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên khi đã hết tám vạn đại kiếp, chẳng có ai không đọa địa ngục.

Điều này khiến cho chúng ta suy sâu, nghĩ chín, chúng ta học đạo phải hiểu rõ, có nên phát tâm sanh vào thiên đạo hay không? Chớ nên! Sanh vào thiên đạo là chọn lựa sai lầm. Vì sao? Chẳng rõ ràng! Tuy phước báo của chư thiên to hơn chúng ta, thọ mạng dài hơn chúng ta, nhưng nếu chúng ta thấy con phù du trên mặt nước, từ lúc sanh ra cho đến khi nó chết đi chỉ có mấy giờ, loài người chúng ta thọ mấy chục năm, chư thiên nhìn chúng ta có khác gì chúng ta nhìn loài phù du hay không? Thọ mạng của chúng ngắn ngủi ngần ấy! Xác thực là như thế, đừng nói là Vô Sắc Giới Thiên, chúng ta nói tới Dục Giới Thiên thì đã khôn sánh

rồi! Đao Lợi Thiên trong Dục Giới Thiên chẳng kể là cao, là tầng thứ hai. Một ngày trong Đao Lợi Thiên bằng một trăm năm trong nhân gian chúng ta. Nếu loài người chúng ta có thể sống một trăm tuổi thì chư thiên Đao Lợi sẽ thấy quý vị sáng sanh tới chết, chư thiên Đao Lợi thấy nhân gian [như vậy]. Một ngày trong Dạ Ma Thiên bằng hai trăm năm trong nhân gian. Đâu Suất Thiên, hiện thời Di Lạc Bồ Tát đang trụ nơi đó, một ngày của họ bằng bốn trăm năm trong nhân gian. Nếu chúng ta dùng hai mươi bốn giờ để xem, chư thiên Đâu Suất thấy nhân gian chúng ta thọ một trăm tuổi bằng mấy giờ [của họ]? Sáu tiếng đồng hồ. Quý vị phải biết chân tướng sự thật này, chẳng có hứng thú sanh thiên, chẳng làm chuyện ấy! Có công đức sanh thiên và tu vi như thế, dùng những thứ ấy để sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng có vấn đề gì, vì sao chẳng sanh về thế giới Cực Lạc? Đến thế giới Cực Lạc mới thật sự giải quyết vấn đề. Nơi ấy mới thật sự là vĩnh sanh (sống đời đời), vô lượng thọ! Thật đấy, vô lượng thọ chẳng giả, thật sự là vô lượng thọ. Trở về tự tánh, thật sự vĩnh viễn chẳng có sanh diệt.

Các lý luận và phương pháp giảng trong bộ kinh này đều nhằm hướng dẫn chúng ta vãng sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật, chứng đắc Đại Bát Niết Bàn chân chánh, chẳng giống như chư thiên cõi trời Phi Tướng tướng làm cảnh giới ấy (cảnh giới Phi Tướng Phi Tướng Định) là Niết Bàn, họ làm rồi. Đã sai lại chẳng nhận lỗi, trách móc Phật, Bồ Tát, tội ấy nặng nề. Đã làm mà thật sự nhận lỗi, vẫn chưa đến nỗi đọa địa ngục, nhưng chắc chắn là họ sẽ đọa xuống dưới, vì chẳng có tầng nào cao hơn nữa, họ đã hưởng hết phước, thời gian họ tu Định đã hết rồi. Công phu Thiên Định mất đi, chắc chắn bị đọa xuống, nhưng chẳng đến nỗi đọa địa ngục A Tỳ, thường là có thể đọa lạc trong nhân gian, từ từ tu lại! Từ chỗ này, chúng ta phải nghĩ: Đức khiêm hư của con người là trọng yếu. Biết lỗi phải sám hối, chớ nên chấp trước, điều này rất trọng yếu. Chư Phật, Bồ Tát là bậc tu hành chứng quả từng trải, các Ngài chẳng lừa gạt chúng ta. Chẳng có lý do gì để các Ngài gạt gẫm chúng ta! Vì sao? Chúng đắc cảnh giới ấy liền biết hết thấy chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới và chính mình có quan hệ gì? Nhất thể. Lẽ nào tự mình gạt gẫm chính mình? Há có lẽ ấy? Nói đến nhất thể thì cũng là nói tới quan niệm luân lý được giảng trong Phật giáo. Luân lý là nói về quan hệ, thật sự nói đến mức viên mãn rất ráo. Tổ tiên Trung Quốc nói đến luân lý thì chỉ nói đến con người, bảo: *“Hễ là người, đều phải yêu thương”*, trọn chẳng nói đến động vật. Do vậy, luân lý kiểu ấy tuy tốt đẹp, nhưng chưa viên mãn. Luân lý Phật pháp nói viên mãn, nói đến cuối cùng là dạy chúng ta: Hết thấy chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới, kể cả núi, sông, đại địa, cây cối, hoa cỏ có cùng một Thể, một Pháp Thân với chính mình! Luân lý ấy đã được giảng tới mức cùng tột, giảng đến rất ráo viên mãn, đạo đức được giảng đến mức rất ráo viên mãn, nhân quả giảng đến mức rất ráo viên mãn, nên mới biết Phật pháp thù thắng, biết Phật pháp vi diệu, hy hữu khó gặp! Vì vậy, *“Hành giả, thiên lưu chi nghĩa. Do nhất thiết chi thiên lưu vô thường, nhi sanh khổ não giả”* (Hành có nghĩa là đời đời. Do hết

thầy đời, vô thường, nên sanh khổ não), đây là sự khổ não của chư thiên trong Vô Sắc Giới Thiên. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này.

Tập 110

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi chín, xem từ giữa dòng thứ hai từ dưới đếm lên:

“*Gia Tường Sớ vân: Tam hữu chi khổ (tức tam giới sanh tử), cố vân tam khổ. Chân Giải vị ‘Tường thích vi ổn’ (chỉ Gia Tường sư chi thích cánh vi ổn thỏa)*” (Gia Tường Sớ viết: “Do [dựa trên] các nỗi khổ trong Tam Hữu (tức tam giới sanh tử) mà nói là Tam Khổ”. Sách Chân Giải nhận định: “Tường thích vi ổn”, ý nói cách giải thích của ngài Gia Tường rất ổn thỏa), ổn trọng, thỏa đáng. Trước hết, chúng ta nói đến Tam Hữu. Đây là danh từ Phật học. Tam là tam giới, theo lời chú thích trong ngoặc đơn, chính là Dục Giới Hữu, Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu, nên gọi là Tam Hữu. Hữu (有) là gì? Có nhân. Có nhân, đương nhiên có quả báo. Hữu ở đây là có nhân. Chúng ta có cái nhân Dục Giới, gặp duyên, hiện tượng Dục Giới bèn hiện tiền. Sắc Giới là phân biệt, Vô Sắc Giới là vọng tưởng, kinh Hoa Nghiêm nói là “chấp trước, phân biệt, vọng tưởng”. Đương nhiên [trong tam giới] ba thứ ấy đều có, chỉ là xét coi thành phần nào nhiều nhất [trong mỗi cõi]. Dục Giới chấp trước vô cùng nghiêm trọng, lại còn kèm thêm phân biệt và vọng tưởng, đó là cái nhân của Dục Giới. Sắc Giới chấp trước nhẹ nhàng, nhưng phân biệt khá nặng, đó là Sắc Giới. Tuy nói khá nặng, vẫn nhẹ hơn Dục Giới rất nhiều, rốt cuộc người ta ở trong mười tám tầng trời của Sắc Giới. Vô Sắc Giới hoàn toàn là mê hoặc, tức là vọng tưởng, nên họ chưa thể giác ngộ, chưa thể vượt thoát tam giới. Tam giới là lục đạo, vượt thoát tam giới cũng là vượt thoát lục đạo luân hồi. Nói theo Phật pháp, chúng là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Ba thứ phiền não ấy đều trọn đủ nên Tam Hữu đều khổ, quả báo ở trong tam đồ lục đạo, rất khó vượt thoát. Có thể nói là chẳng gặp Phật pháp thì về căn bản là chẳng thể nào vượt thoát.

Trong các tôn giáo có giáo dục rất tốt, quá nửa là dạy quý vị đoạn ác tu thiện. Thật sự có thể đoạn ác tu thiện thì trong lục đạo chỉ có thể giữ sao cho chẳng đọa trong tam ác đạo, luân chuyển trong hai đường trời - người, trạng huống ấy vẫn tốt hơn trong tam ác đạo rất nhiều, bởi đó là phước báo nhân thiên. Phước nhất định phải do chính mình tu. Một đoạn kinh văn dài trong phần trước nhằm dạy chúng ta tu phước. Tu phước còn phải có trí huệ, có trí huệ thì quý vị mới nhận biết phước điền thật sự. Nếu quý vị chẳng nhận biết phước điền thật sự, ngỡ giả là thật, không chỉ chẳng gieo phước, mà còn gây tạo tội nghiệp, làm mất rồi! Vì vậy, trí huệ rất trọng yếu. Kinh Đại Thừa còn gọi ba thứ phiền não ấy là Kiến Tư Thập Sử, toàn là nói đến chấp trước, là một vấn đề nghiêm trọng trong lục đạo. Kiến (見) là năm loại sai lầm to lớn trong cách nhìn, Tư (思) là tham, sân, si, mạn, nghi, năm thứ ấy là tư tưởng sai lầm, tạo thành nghiệp nhân sanh tử trong tam giới, đó là các nổi khổ trong Tam Hữu. Đối với cách giải thích này của ngài Gia Tường, pháp sư Đạo Ân của Nhật Bản cũng khẳng định cách giải thích ấy rất hay.

Chúng ta xem phần kế tiếp: “*Cái trừ Tam Hữu sanh tử chi khổ, cánh hợp Tịnh Tông chi chỉ*” (Bởi lẽ, trừ bỏ nổi khổ sanh tử trong Tam Hữu càng hợp với tông chỉ của Tịnh Tông), [nói về] tông chỉ tu học của Tịnh Độ Tông chúng ta. “*Chân Giải thích kinh văn viết: Như Lai đại y vương, năng trị kỳ bệnh, ứng bệnh dĩ dược, trị Tam Hữu chi khổ. Bệnh hữu chúng đa, pháp dược diệt đa, cố vân chư pháp dược*” (Sách Chân Giải giải thích kinh văn như sau: “Như Lai đại y vương biết các bệnh, ứng theo căn bệnh mà cho thuốc để trị nổi khổ trong Tam Hữu. Do có nhiều loại bệnh, nên pháp dược cũng nhiều. Vì thế, nói là chư pháp dược”), đây là một đoạn giải thích trong sách Chân Giải. Như Lai là nói hết thầy chư Phật đều gọi là Như Lai. Sánh ví chúng sanh trong lục đạo và trong mười pháp giới giống như các bệnh nhân. Trong bốn thánh pháp giới, bệnh nhẹ hơn một chút, chúng sanh trong lục đạo bị bệnh rất nghiêm trọng, vô cùng nghiêm trọng. Những vị ấy biết hết thầy chúng sanh mắc bệnh gì, chư Phật Như Lai biết, vì sao các Ngài biết? Các Ngài đã kiến tánh, mấu chốt của căn bệnh ở chỗ nào, không gì chẳng biết. Chỉ cần kiến tánh thì không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Quý vị biết cái gốc bệnh của họ ở chỗ nào, bèn ứng theo chúng bệnh mà cho thuốc. Uống thuốc vào, hết bệnh, thật sự chữa lành bệnh. Vì thế, [nói là] “*ứng bệnh dĩ dược*”. Toàn là tỷ dụ chúng sanh lắm nổi mê hoặc, lắm tập khí phiền não, nên tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp. Những gì quý vị đã tạo nhất định phải thọ báo, chẳng phải là “tạo rồi bèn hết chuyện!” Đức Phật dạy chúng ta tu pháp môn sám hối, tội từ tâm khởi thì vẫn phải dùng tâm để sám. Sám trừ nghiệp chướng, tội bèn tiêu. Tội đã tiêu, có phải là nghiệp chướng chẳng còn nữa hay không? Không luôn luôn là như thế! Vì sao? Trong tâm chúng ta đã chẳng còn nghiệp chướng, nhưng ta tổn thương, làm hại các chúng sanh, họ còn có nghiệp chướng hay không? Nếu họ vẫn còn có nghiệp chướng, sẽ ghi hận, oán cừu chẳng báo chẳng được! Ta tuy thành Phật, thành Bồ Tát, vẫn là đối tượng báo cừu của họ.

Phật, Bồ Tát có phải chịu quả báo hay không? Phải! Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta thị hiện, chúng ta phải hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này; nhưng các Ngài thọ báo chẳng giống như chúng ta thọ báo, chúng ta thọ báo là oán hận, chẳng biết trong quá khứ đã tổn thương, làm hại người ấy, quên sạch chuyện quá khứ! Đời này, người ấy đến hại ta, ta không phục, ta vẫn muốn báo thù. Đó là gì? Oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng xong, chẳng kết thúc, đời bên đời đau khổ, phàm phu làm như vậy. Bồ Tát đã giác ngộ, Ngài thọ báo liền biết vì sao ta gặp phải những chướng nạn ấy. Ngài hiểu, do hiểu nên trong tâm chẳng oán hận, trong lòng vui vẻ, hoan hỷ tiếp nhận, thanh toán xong rồi, kết thúc rồi, chẳng còn oán hận nữa, chẳng còn báo đền nữa, thật sự giải quyết vấn đề. Chúng ta hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này, quý vị nhất định phải giác ngộ, chớ nên tổn thương, làm hại một chúng sanh nào. Muỗi đến chích ta, có nên giết nó hay không? Chớ nên! Quý vị phải hiểu: Nó chích quý vị một phát, cũng chẳng qua là nó muốn ăn uống, tìm được quý vị, tức là quý vị và nó hữu duyên. Bồ Tát từ bi cúng dường nó, để cho nó ăn no rồi nó sẽ bỏ đi. Phàm phu ngu si chẳng biết, thấy muỗi liền đập bóp một cái, chết tươi, đánh chết tức là nợ nó một mạng! Nay ta giết nó, đời sau, khi ta phải biến thành muỗi, nó biến thành người, nó cũng giết chết ta; lục đạo chúng sanh đều làm chuyện hồ đồ này.

Do vậy, Phật, Bồ Tát khác hẳn, Phật, Bồ Tát có thể thỏa mãn dục vọng của hết thảy chúng sanh, quyết định sẽ không thương tổn, làm hại họ. Những loài tiểu động vật có biết hay không? Biết! Từ từ cảm hóa, giác ngộ chúng. Vì sao? Tự tánh của chúng nó và tự tánh của chúng ta là một, một Thể mà! Chúng nó mê nặng hơn ta, ta mê nhẹ hơn chúng một chút. Do chẳng gặp gỡ Phật pháp, chẳng thể giảng rõ ràng đạo lý này cho quý vị, quý vị không hiểu rõ chân tướng, chắc chắn làm chuyện sai quấy. Há có kẻ nào bị oan uổng mà chẳng có mảy may oán hận gì? Chỉ có người hiểu rõ, chỉ có người thật sự giác ngộ liền biết quyết định đừng sát sanh, quyết định chẳng trộm cắp. Chẳng trộm cắp là không cho bèn chẳng lấy. Vật có chủ, chủ nhân chẳng chấp nhận, chớ nên dời động nó, hề dời động đều thuộc về cái tâm trộm cắp. Tuy ta chẳng có hành vi trộm cắp, nhưng ý niệm bất hảo, chủ nhân bày ra như thế, có gì ta phải dời động nó? Không tà dâm: Điều này thuộc về tham, sân, si. Tham, sân, si là tác nhân độc hại gây bệnh nghiêm trọng. Chúng ta bên trong có tham, sân, si, nên mới bị lây nhiễm bệnh ôn dịch bên ngoài. Bên trong, tham, sân, si đã đoạn, dẫu bên ngoài có ôn dịch, chẳng thể cảm nhiễm, y học hiện thời gọi điều này là “khả năng miễn dịch”. Khả năng miễn dịch là gì? Buông tham, sân, si xuống, khả năng miễn dịch bèn viên mãn, bệnh truyền nhiễm gì quý vị cũng chẳng nhiễm phải. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta “*siêng tu Giới, Định, Huệ, diệt mất tham, sân, si*” là có đạo lý to lớn trong ấy!

Đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, tai biến rất nhiều, chúng ta có thể nương theo giáo huấn của Phật, giáo huấn của Bồ Tát, giáo huấn của thánh nhân, đơn giản, ngắn gọn, chẳng phiền phức tí nào. Đó là gì? Trí huệ của Phật, Bồ Tát, trí huệ chân thật đơn giản, dễ hiểu.

Vâng giữ hiếu, đễ, trung, tín, buông tham, sân, si, mạn xuồng, bất luận tai chướng như thế nào quý vị đều sẽ bình an vượt qua. Chớ nên hoài nghi những chuyện này, nếu hoài nghi sẽ chẳng có hiệu quả. Thật đấy! Vì sao người khác hữu hiệu, mà ta vô hiệu? Do ta có nghi hoặc nên chẳng linh, mất hiệu lực rồi. Quyết định chẳng nghi hoặc, chắc chắn Phật, Bồ Tát, các vị thánh hiền nhân là những bậc từng trải, công phu tu hành của người ta đã đạt đến tột bậc, chúng ta há nên chẳng tin? Tin tưởng, nghe lời, y giáo phụng hành, quyết định đạt được lợi ích, sẽ trị liệu nỗi khổ Tam Hữu cho chúng ta. Chúng bệnh rất ư là nhiều, bệnh có tám vạn bốn ngàn thứ, [tức là] tám vạn bốn ngàn phiền não, nên đức Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp môn giống như thuốc, bệnh (khuyết điểm, phiền não) của chúng sanh giống như những thứ bệnh khổ. Pháp môn của đức Phật là thuốc, nên nói là “*chư pháp dược*”. “*Dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ*” (dùng các pháp dược, cứu chữa tam khổ), lia khổ được vui, Bồ Tát giúp quý vị viên mãn.

Kế tiếp là “*thăng Quán Đảnh giai*” (lên địa vị Quán Đảnh), mấy câu kinh văn kể từ câu này trở đi [nói về] sự thọ ký thành Phật. Quý vị đang ở trên đường tu hành, chư Phật hộ niệm quý vị, câu này là thọ ký. “*Kiến Đường dịch*” (thấy trong bản Đường dịch), câu này trích từ kinh Đại Bảo Tích. Trong kinh văn của hội Vô Lượng Thọ [trong kinh Đại Bảo Tích] có câu này (tức câu “*thăng Quán Đảnh giai*”). “*Giai giả, vị dã. Quán Đảnh giả, Ấn Độ cổ đại quốc vương tức vị thời, thủ tứ hải thủy, quán ư vương đảnh*” (“Giai” (階) là địa vị. “Quán Đảnh”: Quốc vương Ấn Độ vào thời cổ, khi lên ngôi, dùng nước bốn biển rưới lên đỉnh đầu nhà vua). Đây là nói về ý nghĩa biểu thị pháp trên mặt hình thức. Thái Tử đăng cơ tiếp nhận ngôi vị quốc vương, bèn cử hành nghi thức này, tức là nghi thức Quán Đảnh. Dùng nước bốn biển: Chúng ta biết Ấn Độ là một bán đảo, ba mặt là đại dương, lấy nước ấy rưới lên đỉnh đầu quốc vương. “*Mật Giáo đồng chi*” (Mật Giáo cũng giống như vậy), Mật Tông trong Phật giáo có lễ Quán Đảnh, “*hữu Quán Đảnh pháp*” (có pháp Quán Đảnh). Tiếp đó là giải thích về Quán Đảnh, Quán Đảnh gồm hai loại, “*Quán Đảnh hữu đa chủng, giản ngôn chi, tắc vi nhị chủng*” (Quán Đảnh có nhiều loại, nhưng nói đơn giản thì có hai loại), nói đơn giản thì nó gồm hai loại lớn. Loại thứ nhất là “*Kết Duyên Quán Đảnh*”, loại này rất phổ biến. Chúng ta gặp một vị Thượng Sư, Thượng Sư làm lễ Quán Đảnh cho chúng ta để kết duyên, chẳng thật, loại này gọi là “*Kết Duyên Quán Đảnh*”. “*Hành nhân khát pháp, vị kết Phật duyên, dẫn nhập Quán Đảnh đàn, thọ dĩ Bốn Tôn chi ấn dĩ chân ngôn. Thủ hậu, hành nhân tức khả y giáo tùy phận tu tập, thị vi kết duyên Quán Đảnh*” (Hành nhân xin thọ pháp, nhằm kết duyên với Phật, [Thượng Sư] bèn dẫn [hành nhân] vào đàn Quán Đảnh, trao truyền ấn khế và chân ngôn của Bốn Tôn^{108[3]}). Từ đây trở đi, hành nhân có thể vâng theo lời dạy, tùy sức tu tập,

108[3] Bốn Tôn (Istha-devatā) là thuật ngữ trong Mật Giáo, tức là vị chủ pháp của một đàn tràng Mạn Đà La. Bốn Tôn có thể là Phật, Bồ Tát hoặc Minh Vương, là đối tượng chánh yếu để quán tưởng, hành trì của một mật pháp nào đó. Chẳng hạn, hành nhân tu chú Đại Bi thì Bốn Tôn là Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm. Bốn Tôn của chú Lục Tự Đại Minh là Tứ Tỳ Quán Âm (Quán Âm bốn tay). Trong các phép tu của Mật Tông, thông thường khi tụng niệm chú, hành giả phải quán tưởng chủng tự (Bija, seed syllable) rành rẽ từng

đó là Kết Duyên Quán Đảnh). Trong Mật Tông Trung Quốc, nếu quy y Thượng Sư, sau khi hành lễ quy y, Thượng Sư quán đảnh cho quý vị. Đại khái là đối với một chén nước dâng cúng trước Phật, dùng đầu ngón tay thấm chút nước rảy lên đỉnh đầu, nghi thức là như vậy. Trọng yếu nhất là Thượng Sư truyền cho quý vị một bài chú ngữ, bảo quý vị hãy thường niệm. Thông thường chú ngữ là Lục Tự Đại Minh Chú, tức “*Án, ma-ni bát-mê hồng*” (Aum, mani padme hum), thường truyền bài chú này. Lúc tôi vừa mới học Phật, quy y Chương Gia đại sư, Ngài cũng cử hành nghi thức này cho tôi. Chúng tôi quy y đông lắm, dường như tới hơn ba mươi người; nhưng Ngài sử dụng nghi thức Quán Đảnh chẳng trực tiếp rảy lên thân từng người, mà dùng tay thấm nước, búng lên không trung, nước rơi xuống trúng đỉnh đầu từng người chúng tôi. Truyền dạy Lục Tự Chân Ngôn, tức Lục Tự Đại Minh Chú, dạy chúng tôi hãy thường niệm câu chú ngữ ấy, giống như Tịnh Độ Tông chúng ta niệm A Di Đà Phật.

Chúng tôi tuổi trẻ, đúng là sơ học cũng chẳng hiểu chuyện, nhưng thầy rất từ bi, chẳng trách móc chúng tôi. Tôi thỉnh giáo lão nhân gia, tôi thưa: “Án, ma-ni bát-mê hồng nghĩa là gì?” Thông thường, trong Mật Tông chẳng giải thích [chú ngữ], chỉ dạy quý vị niệm, tôi cứ nhất định hỏi rõ ý nghĩa. Thầy dạy: Chữ Án (Aum) trong câu chú là nói tới thân thể. Ma-ni là hoa sen, trong kinh giáo chúng ta thường thấy dùng chữ Ma-ni, Ma-ni là danh xưng của hoa sen trong tiếng Phạn. Bát-mê là bảo trì (gìn giữ), Hồng là ý, tức tâm ý. Theo cách hành văn của họ, sẽ là “thân, hoa sen, bảo trì”, tôi liền hiểu rõ. Người Hoa sẽ nói như thế nào? Khẳng định là giữ gìn thân tâm giống như hoa sen. Hoa sen mọc lên từ bùn lầy nhưng chẳng nhuốm bẩn. Câu chú có ý nghĩa dạy chúng ta phải giữ gìn thân tâm trong sạch giống như hoa sen. Tôi nghe xong, ý nghĩa ấy hay quá, giống như cách ngôn, thời thời khắc khắc nhắc nhở thân tâm của chính mình phải thanh tịnh, mang ý nghĩa này. Vì thế, thầy giảng rõ cho chúng tôi, khiến cho chúng tôi hiểu ý nghĩa, điều này rất quan trọng. Vì sao? Mật Tông nhấn mạnh “miệng niệm chú, tâm quán tưởng, tay kết ấn”, gọi là “*tam mật tương ứng*”, thân - khẩu - ý. Do quý vị chẳng biết ý nghĩa này, quý vị quán tưởng bằng cách nào? Quý vị chẳng có cách nào quán tưởng. Vì vậy, tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, Ngài chẳng truyền dạy Mật Pháp cho tôi. Ngài bảo: “Mật pháp nhất định phải có cơ sở Hiển Giáo cao cấp. Nếu chẳng có cơ sở Hiển Giáo cao cấp, sẽ chẳng thể học Mật”. Vì thế, tôi theo Ngài ba năm, toàn bộ là nhằm đặt vững cơ sở nơi Hiển Giáo. Chúng tôi liễu giải: Trong Phật pháp, Mật thuộc loại Phật pháp cao cấp thật sự. Quý vị chẳng có nền tảng cơ sở, chắc chắn sẽ chẳng hành được! Nhất định phải rèn luyện thân tâm sao cho chẳng nhiễm mảy trần đối với cảnh giới bên ngoài thì mới có tư cách học Mật, chẳng dễ dàng! Hiện thời, chúng ta thấy học Mật quá nửa toàn là Kết Duyên Quán Đảnh, tức là [người nhận Quán Đảnh] có tu hay không, thầy chẳng chịu

nét, từ chúng tự ấy lưu xuất Bốn Tôn đúng theo mô tả trong nghi quỹ mà hành nhân đang tu tập. Mật Tông Tây Tạng lại quan niệm có Nội Tam Bảo và Ngoại Tam Bảo. Ngoại Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng, Nội Tam Bảo là Guru (thượng sư), Bốn Tôn và Hộ pháp (Dharmapala) – Không Hành Nữ (Dakini).

trách nhiệm, đó là chuyện của bản thân quý vị! Vì thế, sau khi được nhận nghi thức Quán Đảnh, quá nửa người thọ đều chẳng y giáo phụng hành, nghĩa là chỉ có hình thức, chẳng có thực chất, chẳng thật sự đạt được hiệu quả.

Loại thứ hai, “*Thọ Chúc Quán Đảnh, ư như pháp tích hạnh chi sĩ*” (Thọ Chúc Quán Đảnh là đối với bậc đúng pháp tu hành, tích tập), Tích (積) là tích lũy, Hành (行) là tu hành, thật sự tu hành, tu hành có thành tựu, “*truyền thọ bí pháp, nhi tác quán đảnh. Đắc quán đảnh dĩ, kham thọ sư vị, ư Mật pháp trung tác A Xà Lê, thị vi Thọ Chúc (hoặc Truyền Giáo) Quán Đảnh*” (do truyền trao pháp bí mật mà làm Quán Đảnh. Đã được Quán Đảnh bèn có thể ở vào địa vị thầy dạy, làm bậc A Xà Lê trong Mật pháp. Đó là Quán Đảnh truyền chúc (hoặc truyền giáo)). Loại Quán Đảnh này giống như nghi thức trong điển lễ trao bằng tốt nghiệp. Quý vị học hành trong trường, đã học xong các lớp, sẽ đạt được học vị. Thí dụ như học vị Tiến Sĩ, hiệu trưởng trao bằng học vị Tiến Sĩ cho quý vị; điển lễ ấy được gọi là “*Thọ Chúc Quán Đảnh*”. Phép Quán Đảnh này là thật, chẳng giả, khẳng định quý vị tu học thành tựu, do truyền trao Mật pháp mà cử hành nghi thức này, cũng như báo cho đại chúng biết quý vị có thể làm A Xà Lê. A Xà Lê (Ācārya) là thầy, trong trường học gọi là Giáo Thọ (giáo sư)^{109[4]}. Quý vị có tư cách đảm nhiệm vai trò giáo sư, có năng lực dạy bảo học trò; điều ấy gọi là “*Thọ Chúc Quán Đảnh*”, tức là quý vị đạt được học vị. Nếu chẳng đạt được học vị ấy, quý vị chẳng có tư cách làm giáo sư. Vì vậy, những vị A Xà Lê truyền pháp trong Mật Tông đều phải trải qua Thọ Chúc Quán Đảnh thì mới được khẳng định.

Hiện tại, trong thời đại này, bậc cao tăng đại đức đều chẳng còn. Có thể nói là hiện nay là thời đại cả thế giới hỗn loạn nhất từ trước tới nay. Chúng ta sanh nhằm đời loạn, trong đời loạn, lắm kẻ tạo ra nổi oan nghiệt, ít người hành thiện. Chư Phật, Bồ Tát có trụ thế hay không? Nói theo lý, chúng sanh càng khổ, Bồ Tát càng phải đến. Bồ Tát trụ thế nhằm cứu độ chúng sanh khổ nạn. Nói chung, các Ngài chẳng thể thấy chết mà không cứu, nhất định phải đến. Tuy các Ngài có đến, nhưng chúng ta đều chẳng nhận biết, các Ngài chẳng dùng thân phận Phật để đến, cũng chẳng dùng thân phận Bồ Tát để đến, thậm chí cũng chẳng dùng thân phận A Xà Lê để đến, mà thị hiện giống hệt như kẻ bình phàm chúng ta, nên quý vị cũng chẳng nhìn ra. Vì sao? Thật sự thị hiện làm Phật, Bồ Tát, A Xà Lê, quý vị chẳng tin tưởng. Thị hiện làm nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp trong dân gian; quý vị chú tâm quan sát sự biểu hiện của các Ngài, [sẽ thấy] tâm tưởng, ngôn luận, hành vi của các vị ấy chắc chắn chẳng phải là tạo ác. Chú tâm quan sát, sẽ thấy các Ngài xa lìa Thập Ác, biểu hiện của các Ngài chắc chắn tương ứng với Tánh Đức, tương ứng với Thập Thiện. Người Hoa nói là tương ứng với luân lý, đạo đức thì chúng ta gọi người ấy là “hảo nhân”. Trong thời đại này còn có hảo nhân, rất nhiều hảo nhân là do Phật, Bồ Tát ứng hóa, là bậc đại thánh đại hiền tái lai, đến

^{109[4]} Giáo Thọ là cách người Hoa dịch chữ Professor hiện thời.

hòa quang đồng trần với chúng sanh. Các Ngài ở chỗ nào, chỗ ấy tai nạn khá nhẹ, thời gian xảy ra tai nạn khá ngắn, đại chúng chúng ta được hưởng lây, chuyện là như thế đó. Phật, Bồ Tát chẳng cần quý vị cung kính các Ngài, cũng chẳng cần quý vị tán thán các Ngài, điều gì các Ngài cũng không cần, sống cuộc đời rất bình phàm, quý vị không có cách nào cảm nhận. Nếu chẳng có các vị ấy, tai nạn trong thế giới này sẽ khôn xiết kể! Các Ngài làm cho tai nạn nhẹ bớt, chậm lại, chẳng phải là làm chuyện gì khác.

Tiếp đó, [sách Chú Giải] viết: “*Thượng thị thô phân. Nhược tường luận chi, tắc tại thượng thuật nhị giả chi gian, thượng hữu thường hành chi tứ chủng Quán Đảnh*” (Trên đây là phân chia thô thiển. Nếu luận định cặn kẽ, thì trong hai loại vừa nêu trên đây, còn có bốn loại Quán Đảnh thường được cử hành). Đây là kiến thức thông thường được nói kèm thêm, có bốn loại Quán Đảnh. Loại thứ nhất là “*Bình Quán, đắc tu tập sanh khởi thứ đệ chi tự tại*” (Bình Quán, được phép tự tại tu tập sanh khởi theo thứ tự). Hình thức này là [lễ Quán Đảnh sử dụng] tịnh thủy bình, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát một tay (tay trái) cầm tịnh bình, tay phải cầm cành dương; dùng tịnh bình để quán đảnh¹¹⁰[5]. Thông thường đều có thứ tự tu tập sanh khởi, [nghĩa là] người học, tức là người tu hành, thuật ngữ “*hành nhân*” trong Phật pháp nghĩa là “người tu hành”, [tu tập] có giai đoạn. Như kinh Hoa Nghiêm nói Thập Trụ, đạt đến địa vị cao nhất là địa vị thứ mười có danh xưng là Quán Đảnh Trụ, sẽ cử hành nghi lễ này. Khi từ địa vị Thập Tín đạt đến địa vị Quán Đảnh, tiến lên cao hơn là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, đạt đến địa vị cao nhất trong mỗi tầng cấp. Đó là “tu tập sanh khởi theo thứ tự”. Giống như chúng ta học hành trong nhà trường, tốt nghiệp Tiểu Học, tốt nghiệp Trung Học. Tốt nghiệp Đại Học bèn có học vị. Tốt nghiệp Tiểu Học và Trung Học đều chẳng có học vị. Đây là Bình Quán.

Loại thứ hai, “*Mật Quán, đắc tu khí mạch, minh điểm chi tự tại*” (Mật Quán, được tự tại tu luyện khí mạch, minh điểm¹¹¹[6]). Công phu sâu hơn loại trước. Đây là dùng mật chú,

110[5] Đây là nói theo nghi thức Đông Mật (Đường Mật), chứ Mật Tông Tây Tạng sẽ dùng một loại bình riêng, thường gọi là Bhumpa, thường làm bằng bạc hoặc đồng, có cần đá quý, chạm khắc các phù hiệu cát tường, hoặc mật chú, trên miệng bình có vành loe ra để lạt-ma cầm khi quán đảnh. Bhumpa có thể có vòi hay không. Thay vì cành dương, thường dùng một túm lông công gắn trên một cái cán gỗ, cắm vào bình Bhumpa. Khi quán đảnh sẽ dùng cán lông công ấy rưới nước lên đầu hành nhân (theo truyền thuyết Ấn Độ, loài công có thể ăn chất độc mà không sao, chúng có thể biến chất độc thành những màu sắc rực rỡ trên đuôi, nên lông công mang ý nghĩa tịnh hóa). Đôi khi các lạt-ma còn rót nước ra cho hành nhân uống và bôi lên đầu.

111[6] Minh điểm (Bindu) hoặc thường được biết dưới danh từ Tây Tạng là Thigle. Theo lý thuyết Mật Tông, Minh Điểm là tinh hoa của sanh mạng lực. Minh Điểm cùng với Khí (rLung) tạo thành cái thân vi tế. Mật Tông Tây Tạng cho rằng trong thân thể con người tồn tại hai Minh Điểm, một có màu hồng, thừa hưởng từ mẹ, và Minh Điểm màu trắng do thừa hưởng từ tinh khí của cha. Phái Shakta trong Yoga Ấn Độ đi xa hơn, quan niệm trong cơ thể con người, năng lượng tỏa ra từ Minh Điểm được tụ hội thành những nút chủ chốt gọi là Chakra (thuật ngữ Tây Tạng là Khorlo, thường được dịch là Khí Luân, Luân Tử, Mạch Luân, Khí Quả, hay Xa Luân. Từ ngữ này thường được các sách Yoga của Việt Nam gọi chệch thành Luân Xa). Trong

mật chú có rất nhiều tánh chất, trọn chẳng tương đồng. Có các thứ mật chú giúp quý vị đoạn phiền não, có những mật chú giúp quý vị giải trừ bệnh tật, khôi phục sức khỏe nơi thân thể. Ở trong núi thẳm, hay trên cao nguyên, nhất định phải tu những pháp môn ấy. Vì sao? Sống tại các nơi ấy, việc chữa trị hết sức bất tiện, phải dùng năng lượng của chính mình để giúp cho thân tâm của chính mình khỏe mạnh. Các mật chú ấy dùng một loại âm thanh khiến cho các huyết đạo trong thân thể chúng ta thông suốt, không bị trở ngại. Bệnh là gì? Do khí huyết không thông nên sanh bệnh. Tại Trung Quốc, quá nửa là dùng phương pháp xoa bóp, khiến cho nó được lưu thông, hoặc dùng phương pháp châm cứu, chỗ nào bị bế tắc, trở ngại, bèn đã thông chỗ đó, bệnh tật sẽ lành, đạo lý là như vậy đó. Phương pháp cao minh nhất là không cần dùng đến châm cứu hay xoa bóp, mà dùng âm thanh. Chỗ nào sanh bệnh, bèn dùng chú ngữ ấy, chúng ta gọi nó là “chú ngữ”, trên thực tế là âm thanh. Âm thanh ấy phát ra, chân động chỗ bị ứ tắc, do bị chấn động, nó được khai thông, đạo lý là như vậy đó! Vì thế, trong Đại Tạng Kinh, dùng mật chú để chữa bệnh có rất nhiều chú ngữ, nhưng hiện thời chúng ta niệm các chú ngữ ấy có thể chữa bệnh hay không? Chẳng thể! Do nguyên nhân gì? Chúng ta niệm âm thanh không chuẩn. Âm thanh ấy phải rất chuẩn xác, âm thanh lại còn phải dài, ngắn, mạnh, yếu nhằm chấn động một bộ vị tại một nơi nào đó. Rất hợp lý, chẳng phải là vô lý, đáng tiếc là đã thất truyền, hiện thời chẳng có mấy người biết! Theo những ghi chép trong lịch sử Trung Quốc, vào thời nhà Đường, các chú ngữ chữa bệnh được nói trong kinh điển đều hết sức hữu hiệu. Vì thuở ấy, người xuất gia lẫn tại gia học tập đều rất đúng chân truyền, nên ứng dụng hết sức thuận tiện. Nó có thể khiến cho năng lượng của chính mình tập trung, chẳng tản mát; do vậy, thân thể khỏe mạnh, sống lâu, có thể chống lại phong hàn bên ngoài. Mùa Đông mặc quần áo rất mỏng mà chẳng lạnh; mùa Hè mặc quần áo rất dày, nhưng chẳng nóng. Người ấy có khả năng như thế. Học loại này cũng phải có công phu kha khá.

Loại thứ ba, “*Huệ Quán, đặc cụ Bồ Đề tâm quyết chi tu trì tự tại*” (Huệ Quán: Đạt được bí quyết tự tại tu trì Bồ Đề tâm). Đây là Trí Huệ Quán Đánh, cũng là Thượng Sư gia trì học trò. Các vị tổ sư đại đức Thiên Tông Trung Quốc đã sử dụng phương pháp này để giúp học trò đại triệt đại ngộ, trong Mật Tông gọi phương pháp này là Huệ Quán. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Khi nào vị ấy thấy đũa học trò này hiện thời công phu đạt tới mức, đã chín muồi, nhưng còn kém sút đôi chút. Chúng ta thường nghe nói “*bồng hát*” (棒喝: đánh bằng gậy, quát tháo) trong Thiên Đường, đó là một thứ phương thức [tiếp dẫn]. Khi người ấy sắp khai ngộ, nhưng vẫn chưa khai ngộ, còn kém một chút, vị thầy cao minh bèn giáng cho một gậy, hoặc hét một tiếng, khiến người ấy cả kinh, tỉnh ngộ, giải quyết vấn đề, chẳng cần đến ngôn thuyết, khiến cho người ấy hoát nhiên đại ngộ. Những trường hợp giống

cơ thể con người có bảy Khí Luân như vậy. Chất dịch do Minh Điem tiết ra sẽ được các Khí Luân ngăn chặn hay thúc đẩy lưu khắp cơ thể. Đường luân lưu này được gọi là Khí Mạch. Như vậy, Mật Quán là cách Quán Đánh, dạy cho hành nhân biết cách thở hít, quán tưởng để đã thông các Khí Luân và các khí mạch, cũng như điều chỉnh năng lượng hồng đạt được một mức độ cao hơn trong Thiên Định.

như vậy được ghi chép rất nhiều trong các bộ ngữ lục của Tông Môn, có trường hợp là đại ngộ, có trường hợp là đại triệt đại ngộ.

Loại thứ tư là “*Đại Thủ Ấn Quán, đăc tu Đại Thủ Ấn đạo chi tự tại. Mật Giáo trọng truyền thừa, vị kinh Quán Đảnh, bất đăc thiện tự tu tập, kinh quỹ diệc bất đăc thiện duyệt*” (Đại Thủ Ấn Quán: Được tự tại tu tập theo đường lối Đại Thủ Ấn 112[7]. Mật Giáo coi trọng sự truyền thừa. Người chưa được Quán Đảnh, chẳng được tự tiện tu tập, mà cũng chẳng được tự tiện xem đọc các kinh điển, nghi quỹ). Những điều này [là quy định] trong Mật Tông, nên nó được gọi là Mật. Mật ở đây chẳng phải là thần bí, chẳng phải là bí mật, mà là thâm mật (sâu kín), có đạo lý rất sâu. Nhất định phải có thầy truyền thừa, dẫu quý vị có các kinh điển ấy cũng chẳng thể học tập. Quý vị cũng chẳng thể học thành, ắt phải có người chỉ điểm. Chẳng giống như Hiền Giáo, Hiền Giáo có thể “*vô sư tự thông*” (không có thầy mà tự thông hiểu), chứ Mật Giáo thì không được! Mật Giáo nhất định phải có Thượng Sư. Hơn nữa, tu học chưa thành tựu, chẳng thể rời khỏi Thượng Sư. Rời khỏi Thượng Sư sẽ không thể thành tựu, hết sức coi trọng sư thừa. Tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, lão nhân gia bèn viên tịch; bởi vậy, tôi được đặt vững cơ sở Phật pháp trong ba năm ấy, hết sức khó có! Nếu chẳng có ba năm cơ sở ấy, tôi theo thầy Lý học Giáo mười năm vẫn học chẳng thể thành công! Do ba năm cơ sở ấy, nên học Giáo ở chỗ thầy Lý mười năm mới có căn cơ vững vàng, mới có một chút thành tựu như vậy, rất khó có! Lại nghĩ đến đâu để tìm được một bậc thầy giống như vậy nữa? Tìm chẳng được! Tìm không được thì làm như thế nào? Tôi thường khuyến khích các đồng học, hãy làm tư thực đệ tử của cổ thánh tiên hiền, chư Phật, Bồ Tát, hãy học theo Mạnh Tử, học theo Ngẫu Ích đại sư thì trong một đời này, chúng ta vẫn còn có thể hy vọng. Chớ nên không đặt vững cơ sở đức hạnh. Chẳng có đức hạnh sẽ không thể có học vấn, chắc chắn là như vậy!

Nói cách khác, làm người chưa xong thì làm sao quý vị có thể làm Phật, làm Bồ Tát cho được? Há lẽ nào có chuyện như thế được? Nếu muốn học thánh, học hiền, học Phật, học Bồ Tát, phải làm người tốt đẹp trước đã. Giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm chuyện tốt, làm người tốt, tôi thường nói là “bốn thứ tốt”. “Tốt” có tiêu chuẩn, nhất định phải ghi nhớ tiêu chuẩn, rất đơn giản, chẳng phiền phức: Đệ Tử Quy là tiêu chuẩn của Nho gia, Cảm Ứng

112[7] Đại Thủ Ấn (Mahāmudrā), còn gọi là Đại Viên Mãn. Theo dòng Gelugpa, pháp tu này do ngài Kim Cang Trì (Vajradhara) truyền cho đại sư Tông Khách Ba (Tsong Khapa, sáng tổ Hoàng Giáo Tây Tạng), nhưng tông phái Kargyupa quan niệm phép tu này do chính Phổ Hiền Pháp Thân Phật truyền cho ngài Tilopa, Tilopa truyền cho Naropa, Naropa truyền cho Milarepa và biến thành một phép tu chủ yếu trong tông Kargyupa. Phép tu Đại Thủ Ấn bắt đầu bằng tu Chỉ, chuyển biến mọi kinh nghiệm cảm nhận thành sự ngộ nhập tánh Không. Thông thường, họ quan niệm Đại Thủ Ấn gồm ba khía cạnh Kiến, Tu và Hành. Kiến là trực nhận thể tánh của tâm là sự thống nhất giữa tánh Không và tịnh quang, mỗi hiện tượng đều mang dấu ấn đặc biệt này. Tu là các phép tu để thể hiện sự trực nhập ấy, bao gồm các phép quán tưởng, tụng niệm thần chú, trì giới để tịnh hóa thân tâm. Hành là ứng dụng sau khi đã có kinh nghiệm trực tiếp về Đại Thủ Ấn.

Thiên là tiêu chuẩn của Đạo gia, Thập Thiện Nghiệp là tiêu chuẩn của Phật gia, ba thứ ấy chẳng thể không học! Chẳng có ba thứ ấy, niệm Phật vãng sanh đều chẳng đáng tin cậy, chẳng nắm chắc. Có cơ sở ấy, học cơ sở ấy đến nơi đến chốn, thực hiện một trăm phần trăm, người ta hỏi quý vị niệm Phật vãng sanh có nắm chắc hay không? Quý vị thật sự nắm chắc! Đúng như kinh điển vừa mở ra bèn là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, quý vị sẽ có phần. Thật sự thực hiện, quý vị sẽ pháp hỷ sung mãn, thật sự là như Khổng Tử đã nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (học rồi tu tập, cũng chẳng vui sao), thật sự đạt được pháp hỷ, thật sự hưởng vui sướng, quý vị làm được! Quý vị làm không được bèn có phiền não, ưu lự, đau khổ; hễ quý vị làm được bèn chẳng có [những thứ ấy]. Do người bình phàm học Phật, học Đạo, học Nho đều coi thường, bỏ sót các căn cội ấy, [viện có] hình như chưa nghe nói người xưa đã học những thứ ấy. Thật ra, chúng ta đã hiểu lầm mất rồi. Người Trung Quốc trong thế kỷ trước, đã học từ ngay khi mẹ mang thai, lẽ nào chẳng học? Khi họ học, quý vị chẳng thấy. Giáo dục ba căn cội được giảng dạy vào lúc nào? Do mẹ dạy. Từ lúc sanh ra cho đến ba tuổi, trong một ngàn ngày ấy là vun quén căn bản giáo dục. Cổ ngôn ngữ Trung Quốc có câu: “*Tam tuế khán bất tập*”. Hiện thời, chẳng nghe ai nhắc đến câu này, chứ lúc chúng tôi còn bé thường nghe nói. [Câu ấy] nói rõ căn cội được vun trồng trong một ngàn ngày của ba năm ấy, đến lúc tám mười tuổi vẫn chẳng biến đổi. Căn cội ấy vun bồi rất sâu, căn cội ấy được vun bồi rất kiên cố. Vì thế, người ấy nếu gặp duyên, hễ học Nho bèn thành thánh nhân, hoặc hiền nhân. Học Đạo bèn thành thần tiên. Học Phật sẽ thành Phật, hay thành Bồ Tát, thật đấy, chẳng giả đâu!

Hiện tại thì sao? Hiện tại, trong thế kỷ này rất bất hạnh, thế kỷ này là đời loạn. Sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, sang năm là đúng một trăm năm, suốt một thế kỷ xã hội động loạn là do mọi người coi thường, bỏ sót căn cội này chẳng vun bồi. Nửa thế kỷ gần đây, nói trên danh nghĩa là tiến bộ, chúng ta đi theo đường hướng công nghiệp hóa, công nghiệp hóa là như thế nào? Cạnh tranh. Chồng cạnh tranh trong xã hội, tận hết sức bươn chải vẫn chưa đủ sức, vợ bèn tiếp sức. Hai vợ chồng đều đi làm, con thơ sanh ra chẳng ai chăm sóc, cha mẹ chẳng dạy dỗ. Trong nhà bèn thuê người làm, để người làm dạy dỗ con thơ. Con của quý vị biến thành người làm, chẳng phải là như vậy ư? Quý vị đã làm hư thế hệ kế tục. Người làm dạy như thế nào? Người làm cho trẻ xem TV, trẻ nhỏ bèn ngoan ngoãn, chẳng làm ồn nữa. Do vậy, hiện thời ai dạy dỗ trẻ nhỏ? TV dạy chúng, học Tiểu Học bèn được Internet dạy dỗ. Quý vị hãy nghĩ xem, TV và Internet dạy chúng nó những gì? Dạy chúng nó bạo lực và tình dục, dạy chúng nó giết, trộm, dâm, dối, hủy hoại toàn bộ. Quả báo là gì? Quả báo là xã hội hiện thời động loạn, tai nạn trên địa cầu chẳng phải là không có nguyên nhân. Quả báo hiện tiền, chẳng biết do đâu mà có, vì sao trong quá khứ mấy ngàn năm qua chẳng có những tai nạn như vậy, vì sao hiện tại có lắm tai nạn như thế? Mọi việc ắt có nhân quả, hãy tìm nhân từ nơi quả, từ cái nhân sẽ thấy được quả báo, thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo. Tổ tiên thật sự thương yêu con cháu đời sau, ân đức ấy chẳng có cách nào báo đáp.

Khoa học hiện thời chê tổ tiên ngu độn hơn chúng ta, nay chúng ta ra khỏi cửa bèn ngồi xe hơi, ngồi máy bay, tổ tiên cưỡi ngựa hoặc đi bộ, thua xa chúng ta. [Do vậy], xem thường tổ tiên, đó là gì? Là đại bất hiếu! Thời cổ, đại bất hiếu là quả báo gì? Trời tru đất diệt. Quý vị thấy tai nạn hiện thời có phải là trời tru, đất diệt hay không, bất hiếu mà! Bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng, tai nạn bèn xảy đến. Các đế vương Trung Quốc từ xưa tới nay đề xứng gì? Họ đề xứng hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy. Mỗi hoàng đế đều mong mỏi sau khi chết, thụy hiệu^{113[8]} có chữ Hiếu, họ thông hiếu. Trong xã hội hiện thời, chúng ta chẳng cần đến hiếu kính, tức là quan điểm về giá trị trong xã hội bị đảo ngược, nên nảy sinh biến hóa một trăm tám mươi độ! Trong quá khứ, quan điểm giá trị là “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si”; hiện thời chẳng còn nữa, trào lưu hiện thời là “bất hiếu, bất kính, bất nhân, bất nghĩa”, người sống trong thế gian rất đáng thương. Chúng ta rất may mắn gặp gỡ giáo dục của thánh hiền, gặp gỡ Phật pháp. Hãy suy nghĩ, nếu chúng ta chẳng được gặp Phật pháp, sẽ sống cuộc đời này như thế nào? Rất khổ sở. Tuy nói là làm người, nhưng chúng ta nghĩ xem, có khác gì ngựa quỳ và địa ngục?

Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới, đoạn này vẫn tiếp tục cho chúng ta biết đôi chút kiến thức về Quán Đảnh. Vì nội dung kinh Vô Lượng Thọ vô cùng phong phú, có Hiền Giáo, có

113[8] Thụy hiệu (諡號) là tên đặt cho đế vương, đại thần, hậu phi sau khi đã chết nhằm ca ngợi phẩm đức tu dưỡng của người ấy khi còn sống, hoặc phê phán. Tục lệ này đã có từ đời Châu, tương truyền, người đặt ra thụy hiệu chính là Châu Công. Tục lệ này bị phế trừ vào đời Tần Thủy Hoàng vì ông ta quan niệm: “*Con phê phán cha, bày tôi phê phán vua là đại nghịch bất đạo*”. Tập tục này lại được tái lập dưới đời Hán. Riêng đối với đế vương, khi cúng giỗ chỉ tuyên đọc thụy hiệu trong văn khấn cúng cơm chứ không đọc tên húy. Đối với vua, thoát đầu thụy hiệu chỉ có một chữ, tối đa là ba chữ, chia thành ba loại nhỏ:

- Thượng Thụy nhằm ca ngợi đức hạnh của nhà vua như Văn, Khang, Bình, Mục, Tương v.v... (chẳng hạn sử chép Châu Mục Vương thì Châu Mục Vương là thụy hiệu của nhà vua, khi vua còn sống chỉ dùng niên hiệu).

- Trung Thụy dành cho những vị được coi là minh quân, nhưng vẫn còn có một hai những hành vi không đúng lắm. Chẳng hạn như các chữ Mẫn (biết lo lắng cho đất nước), Hoàn (nhân từ, nhưng hơi hẹp hòi), Kính v.v...

- Hạ Thụy mang tính chất phê phán như Lê (tàn bạo, thiếu người thân cận, thích tàn sát), U (tội tăm), Linh (loạn lạc, chẳng yên), Dượng (ham chuộng những thứ lễ tiết xa xỉ), Ai (đức chẳng đầy đủ, gặp gỡ tai nạn quá nhiều, chết sớm)...

Từ thời Đường trở đi, thụy hiệu bắt đầu dài ra, nhưng đến đời Minh, thụy hiệu của vua gồm mười bảy chữ hoặc hai mươi một chữ, nhà Thanh quy định là hai mươi một chữ hoặc hai mươi ba chữ. Chẳng hạn vua Khang Hy có miếu hiệu là Thanh Thế Tổ, thụy hiệu là Thế Thiên Long Vận Định Thống Kiến Cực Anh Duệ Khâm Văn Hiến Vũ Đại Đức Hoàng Công Chí Nhân Thuần Hiếu Chương Hoàng Đế. Nhà Minh cũng quy định thân vương thụy hiệu chỉ có một chữ, quận vương hai chữ, đại thần hai chữ. Khi nói đến các vị danh thần tận trung, thường không gọi thẳng tên mà gọi bằng thụy hiệu như Tăng Văn Chánh (Tăng Quốc Phiên), Lý Văn Trung (Lý Hồng Chương). Ngay cả trong Phật giáo, khi một vị cao tăng đã mất, các vua cũng có thói quen sắc phong thụy hiệu. Chẳng hạn tổ Bách Trượng Hoài Hải khi tịch được vua ban thụy hiệu là Đại Trí Thiên Sư, tháp hiệu là Đại Bảo Thắng Luân.

Mật Giáo, có Tông Môn, có Giáo Hạ. Kinh văn tuy không dài, nhưng hết thảy các giáo nghĩa do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm đều hiện diện viên mãn trong bộ kinh này. Câu kệ tiếp là: *“Hựu Quán Đảnh phục hữu Sơ Vị dĩ Hậu Vị chi biệt. Sơ Vị giả, như Đại Nhật Kinh Sớ thập ngữ viết: (Hạ văn lược hữu san tiết), thí như thế gian Sát-lợi chi chủng, dục thiệu tự kỳ vị, linh vương chủng bất đoạn cố. Vị kỳ đích tử, nhi tác Quán Đảnh. Thủ tứ đại hải thủy, dĩ tứ bảo bình tịnh chi. Thủy linh lưu chú Thái Tử chi đảnh. Quán thử thủy đã, đại thanh tam xướng”* (Lại nữa, Quán Đảnh có Sơ Vị và Hậu Vị khác nhau. Sơ Vị là như Đại Nhật Kinh Sớ quyển thứ mười lăm chép: (Đoạn văn dưới đây đã được trích lược) “Vị như dòng Sát Đê Lợi (Ksatriya) trong thế gian, do muốn cho ngôi vua được tiếp nối khiến cho dòng vua chẳng bị gián đoạn, bèn làm lễ Quán Đảnh cho đích tử. Lấy nước từ bốn biển cả, dùng bốn cái bình báu để đựng, rưới nước ấy lên đỉnh đầu Thái Tử, lớn tiếng xướng ba lượt”). Kế đó, là lời nhà vua nói: *“Nhữ đẳng đương tri, Thái Tử dĩ thọ vị cánh, tự kim dĩ hậu, sở hữu giáo sắc giai đương phụng hành”* (các người nên biết, Thái Tử đã tiếp nhận chức vị, từ nay trở đi, tất cả mệnh lệnh của Thái Tử đều phải phụng hành). Đó là tại Ấn Độ vào thời cổ, khi Thái Tử tiếp nhận vương vị, trong phần trước đã nói qua, đến chỗ này, bèn trình bày tỉ mỉ. [Quán Đảnh theo lối] Bình Quán, sau khi Quán Đảnh, mấy câu này là truyền lệnh của Thái Tử. *“Nhữ đẳng đương tri”* (các người nên biết): Nhân dân cả nước phải biết, Thái Tử đã tiếp nhận ngôi vị, từ nay trở đi, tất cả các mệnh lệnh của ông ta ai nấy đều phải phụng hành.

Trong Phật pháp, dùng chuyện này làm tỷ dụ: *“Kim Như Lai pháp Vương, diệc phục như thị, vị linh Phật chủng bất đoạn cố, dĩ cam lộ pháp thủy nhi quán Phật tử chi đảnh. Tùng thử dĩ hậu, nhất thiết thánh chủng hàm sở kính ngưỡng, diệc tri thử nhân tất cánh bất thoái u Vô Thượng Bồ Đề, định thiệu Như Lai Pháp Vương chi vị. Dĩ thượng tự hành nhân Sơ Vị nhi thích”* (Nay đáng Như Lai Pháp Vương cũng giống như thế, vì muốn cho dòng dõi Phật chẳng đoạn, nên dùng nước cam lộ rưới lên đỉnh đầu Phật tử. Từ nay trở đi, hết thảy thánh chủng đều cùng kính ngưỡng, và cũng biết người ấy rất ráo chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, chắc chắn nối ngôi vị Như Lai Pháp Vương. Trên đây là lời giải thích về Sơ Vị [Quán Đảnh] của hành nhân). Đây là Thọ Ký Quán Đảnh, người ấy đã thành Phật hay chưa? Chưa thành Phật, nhưng ta biết người ấy tu hành thật sự chẳng thoái chuyển, tương lai nhất định thành Phật. Đó là đức Phật thọ ký cho người học, nên gọi là Sơ Vị. Đức Phật quán đảnh có cần dùng đến nước hay không? Vẫn dùng, nhằm biểu trưng pháp, quý vị phải biết điều đó. Phật pháp trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức, nhưng cần phải có hình thức ấy để biểu diễn cho đại chúng xem, hy vọng đại chúng nhìn vào hình thức ấy, chớ quên ý nghĩa thật sự của việc Quán Đảnh. Quán (灌) nghĩa là gì? Nghĩa là truyền trao. Thầy giảng đạo lý tu hành cho quý vị nghe, quý vị đã hiểu rõ, giác ngộ, đó là Quán Đảnh, quán nhập! Giảng cho quý vị nghe, nhưng quý vị nghe chẳng hiểu rõ, nghe chẳng thông suốt, tức là tuy quán nhưng chẳng lọt vào [tâm của hành nhân] được. Chuyện là như vậy đó. Quý vị thật sự

nghe hiểu, sau khi nghe hiểu, y giáo phụng hành, đạt được lợi ích; cho nên là Sơ Quán. Do điều này, chúng ta phải hiểu: Hình thức chẳng trọng yếu, có hình thức hay không đều chẳng sao! Chúng ta cầu Phật quán đánh cho chúng ta, có cầu được hay không? Có thể! Có quán nhập hay chẳng? Tùy thuộc cá nhân! Cách cầu như thế nào? Quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối một lượt, tức là được mười phương Như Lai quán đánh cho quý vị một lần. Quý vị niệm một lần, thật sự thấu hiểu, thật sự minh bạch, y giáo phụng hành, tức là đã quán nhập. Mỗi ngày niệm hai lần là được quán đánh hai lần, mỗi ngày niệm mười lần là được quán đánh mười lần. Đó là Chân Quán Đánh, chẳng giả. Tuy chẳng có hình thức, nhưng thật sự được truyền thụ. Mười phương ba đời hết thấy Như Lai đều y theo phương pháp trong bộ kinh này để tu hành chứng quả, và cũng nương theo phương pháp ấy để giáo hóa hết thấy chúng sanh, khiến cho hết thấy chúng sanh thành tựu giống như Phật. Đó gọi là Đại Quán Đánh, Chân Quán Đánh, quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này. Từ đầu đến cuối bộ sách này, từng câu từng chữ đều đáng gọi là “*cam lộ pháp thủy*”, hãy thật sự y giáo phụng hành. Quý vị thấy từ nay trở đi, “*nhất thiết thánh chúng hàm sở kính ngưỡng, diệc tri thử nhân tất cánh bất thoái u Vô Thượng Bồ Đề*” (hết thấy thánh chúng đều cùng kính ngưỡng, cũng biết người ấy rốt ráo chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề), tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định chúng đắc “*Như Lai Pháp Vương chi vị*” (địa vị Pháp Vương của Như Lai), khẳng định! Đó là ý nghĩa Quán Đánh trong Phật pháp, dùng chuyện này để biểu thị pháp.

“*Chí u Hậu Vị*” (còn đối với Hậu Vị), “*Hậu Vị*” là Quán Đánh sau khi thành Phật. “*Tắc như Bí Tạng Ký viết: Bồ Tát Sơ Địa nãi chí Đẳng Giác, cứu cánh thiên Phật quả thời*” (thì như sách Bí Tạng Ký 114[9] giảng: “Bồ Tát từ Sơ Địa cho đến Đẳng Giác, khi rốt ráo đạt đến Phật quả”), “*thiên*” (遷) ở đây là chúng đắc, chúng đắc Phật quả, chúng đắc địa vị Diệu Giác, “*chư Phật dĩ Đại Bi thủy quán đánh*” (chư Phật dùng nước Đại Bi rưới đánh), đây là hết thấy chư Phật bằng gia trì bằng ý niệm, nên gọi là “*Quán Đánh*”. Đối với bất cứ một ai, đó là lúc nào? Lúc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, mười phương chư Phật gia trì người ấy. Chúng ta là hạng phàm phu tầm thường chẳng thấy, nhưng chính người ấy biết, chư Phật Như Lai biết, Pháp Thân đại sĩ biết. Không chỉ biết mà còn đều thấy, tin tức ấy lập tức truyền khắp pháp giới, lẽ nào chẳng biết! Chỉ có lục đạo phàm phu, ngoại phàm trong mười pháp giới mê hoặc, điên đảo, những kẻ ấy không biết. Mấy câu kết thúc rất hay, nhằm nêu ra cho chúng ta biết ý nghĩa chân thật của Quán Đánh: “*Hựu Bí Tạng Ký Sao thất*” (lại nữa, Bí Tạng Sao Ký, quyển bảy), trong quyển thứ bảy có một đoạn như thế này, “*Quán giả*”, Quán là gì? “*Đại bi hộ niệm nghĩa*” (nghĩa là đại bi hộ niệm), đó là Quán. Đánh là gì? “*Đánh giả,*

114[9] Bí Tạng Ký là tác phẩm do ngài Không Hải (sáng tổ Chân Ngôn Tông Nhật Bản) viết, ghi lại những điều được khẩu truyền về Mật Pháp từ thầy của ngài là hòa thượng Huệ Quả trong thời gian cầu pháp tại Trung Hoa.

Phật quả tối danh nghĩa” (Đánh: Phật quả là tốt đỉnh). Trong Phật pháp, chỗ vô thượng tối cao, tuyệt đỉnh trong Phật pháp thì gọi là Đảnh.

Thời đại Tùy - Đường là thời đại hoàng kim trong Phật giáo Trung Quốc, tại lãnh thổ Trung Quốc, mười đại tông phái đều được thành lập trong thời đại ấy. Tiểu Thừa có hai tông là Câu Xá Tông và Thành Thật Tông. Đại Thừa có tám tông, trong tám tông ấy có Thiên Tông và Mật Tông, Thiên Tông xưng là Tông Môn, bảy tông phái Đại Thừa còn lại đều gọi là Giáo Hạ, nên gọi là Tông Môn - Giáo Hạ. Vào thời cổ, tại Trung Quốc, Phật giáo được gọi là Tông Giáo, chẳng liên quan gì đến “tôn giáo” nói trong hiện thời. Thời cổ, hễ nói đến Tông Giáo tức là nói đến Tông Môn và Giáo Hạ trong Phật môn, mang ý nghĩa ấy. Chữ Tông chuyên gọi Thiên Tông, chữ Giáo chính là bảy tông phái khác biệt đều gọi là Giáo. Vì sao xưng hô như vậy? Thiên Tông dùng phương pháp giáo học đặc thù, chẳng có văn tự, chẳng phải nương vào kinh điển để giáo học. Những người [là đối tượng của cách giáo học như vậy] được gọi là “thần đồng”. Bậc thượng thượng căn chẳng cần đến văn tự, họ đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Sau khi đã kiến tánh mới học kinh điển, chưa kiến tánh chẳng học kinh điển. Sau khi đã kiến tánh, học kinh điển nhanh chóng, như Long Thọ Bồ Tát, đối với hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, Ngài cần bao nhiêu thời gian để học trọn hết? Học xong toàn bộ trong ba tháng, ba tháng đã tốt nghiệp. Học như thế nào? Mỗi bộ kinh đọc đôi ba câu đã hiểu rõ, chẳng cần đọc kinh ấy nữa, nên học nhanh lắm! Ba tháng là chín mươi ngày, chúng ta có lý do để tin tưởng. Đối với Long Thọ Bồ Tát, chúng ta chưa thấy [kinh sách ghi chép cụ thể để chứng thực điều ấy], nhưng đối với Lục Tổ Huệ Năng đại sư thì chúng ta thấy được. Trong Đàn Kinh đã ghi chép một trường hợp vô cùng hay. Thiên sư Pháp Đạt cũng là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, cả đời là một bộ kinh Pháp Hoa, đại khái đã niệm mười năm, [vì Sư tự cho biết đã] niệm hơn ba ngàn lần. Kinh Pháp Hoa rất dài, đại khái mỗi ngày chỉ có thể niệm một lần, bảy quyển kinh văn dài, niệm ba ngàn lần. Tới bái kiến Lục Tổ đại sư, gặp mặt, cúi đầu lễ, nhưng đầu chẳng sát đất, đánh lễ ba lạy, đầu chẳng sát đất. Đứng lên, Lục Tổ hỏi Sư: “Vừa rồi ông lễ bái, đầu chẳng chạm đất, ông có gì đáng để kiêu ngạo đó chẳng?” Đó là ngạo mạn, [tuy đánh lễ nhưng] đầu chẳng sát đất. Sư rất thành thật, [thưa] “tôi đã niệm ba ngàn biến kinh Pháp Hoa”, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Lục Tổ hỏi Sư: “Kinh Pháp Hoa giảng gì vậy?” Sư chẳng đáp được, niệm rất thuộc, có thể đọc thuộc lòng. Sư thưa hỏi Lục Tổ, Lục Tổ bảo: “Ta chưa nghe kinh ấy”. Lục Tổ không biết chữ: “Ông hãy niệm cho ta nghe”. Kinh Pháp Hoa hai mươi tám phẩm, Sư niệm đến phẩm thứ hai, Lục Tổ bảo: “Được rồi, phần sau chẳng cần niệm nữa, ta đã hiểu rõ toàn bộ rồi”. Quý vị thấy hai mươi tám phẩm kinh, [mới nghe] hai phẩm Ngài đã hiểu toàn bộ, phần sau không cần [nghe nữa]. Trong ba tháng, Long Thọ Bồ Tát hiểu rõ toàn bộ Đại Tạng Kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng! Do vậy, Tông Môn lợi hại, sau khi khai ngộ, đối với Phật pháp, một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông. Thật ra, sáu trăm quyển Đại Bát Nhã được Thích Ca Mâu Ni Phật giảng

trong hai mươi hai năm, kinh Kim Cang là một phần trong ấy. Ngũ Tổ chỉ giảng đại ý kinh Kim Cang cho Lục Tổ, mà cũng chẳng cần đến kinh bản, vào canh ba nửa đêm, chúng tôi ước đoán chẳng giảng lâu hơn hai giờ. Ngài giảng đến câu: “*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, Lục Tổ hoát nhiên đại ngộ, chẳng cần giảng nữa. Những điều khác hoàn toàn chẳng giảng, đã thông hiểu toàn bộ rồi. Ngũ Tổ truyền y bát cho Sư, thọ ký cho Sư: “*Ông giống như A Xà Lê, ông là Tổ Sư đời thứ sáu của Tông Môn*”.

Do cách giáo học đặc thù của Thiền Tông, chẳng phải là bậc thiên tài sẽ chẳng thể học, quý vị học gì cũng chẳng được. Không giống như Giáo Hạ, Giáo Hạ là một trường học thông thường, trong bảy tông phái còn lại, Thiền Thai là Pháp Hoa Tông, Hiền Thủ là Hoa Nghiêm Tông, trừ những tông chúng ta quen thuộc ấy ra, còn có Tam Luận Tông, Pháp Tướng Tông, Luật Tông, Mật Tông (Mật Tông cũng thuộc về Giáo Hạ), và Tịnh Độ Tông. Những tông phái ấy đều dựa theo kinh điển. Giống như dạy học trong nhà trường, từ cạn đến sâu, học từ từ, có Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh, nâng cao từng bước một. Chẳng giống như Thiền Tông, Thiền Tông là “một bước lên trời”, hể khai ngộ tất cả đều hiểu rõ. Tông Môn và Giáo Hạ là hai loại phương thức giáo học khác nhau. Giáo Hạ là cách giáo học thông thường, có thứ lớp. Tông Môn chẳng có thứ lớp, nên rất khó thành tựu. Lục Tổ Huệ Năng đại sư tại Trung Quốc truyền pháp có thể nói là không tiền khoáng hậu, sau Ngài chẳng có ai được như vậy nữa. Trong đời Ngài, dưới sự điều giáo (uốn nắn, giáo hóa) của Ngài, có bốn mươi ba người đại triệt đại ngộ. Trong quá khứ, Tông Môn chẳng có nhiều người [đại triệt đại ngộ] như thế! Một thầy truyền được một hai học trò, làm sao có thể truyền tới bốn mươi ba người? Các vị tổ sư Thiền Tông sau đó truyền tới đa cũng không quá ba, bốn người. Truyền được một người là nhiều nhất, [những vị thiền sư] chẳng có truyền nhân càng nhiều, suốt đời tìm chẳng ra người để truyền pháp!

Tông Môn và Mật Tông đều phải có người truyền, nhất định phải có thầy chân truyền để truyền trao, chẳng có thầy đều chẳng thể thành tựu! Không giống như Giáo Hạ, Giáo Hạ chẳng có thầy, y theo kinh điển vẫn có thể thành tựu, từ từ đạt được. Đặc biệt là Tịnh Độ Tông trong Giáo Hạ, trong kinh Đại Tập đức Phật đã thọ ký cho mọi người chúng ta, lão nhân gia nói rất hay: “*Chánh Pháp thời kỳ, giới luật thành tựu*”, [nghĩa là] kể từ sau khi đức Phật diệt độ, suốt một ngàn năm là thời kỳ Chánh Pháp, thật sự có thể trì giới bèn đắc Định, có thể chứng quả A La Hán. Thành tựu trong nhà Phật là có thể ngay trong đời này vượt thoát lục đạo luân hồi, chứng quả A La Hán, được coi như thành tựu. Chưa thể vượt thoát lục đạo, vẫn luân hồi trong lục đạo, tức là chẳng có thành tựu. Phước báo nhân thiên chẳng thể coi là thành tựu, trong Giáo Hạ nhất định phải hiểu điều này. “*Tượng Pháp thời kỳ*”, Phật giáo truyền đến Trung Quốc, đó là một ngàn năm thứ hai, “*Thiền Định thành tựu*”, nên phong khí Thiền triển khai rộng khắp tại Trung Quốc, pháp vận của Thiền là một ngàn năm. Hiện thời chẳng còn nữa, nay là thời kỳ Mật Pháp, đại khái là hiện thời học Thiền đắc Định đều chẳng

thấy. Thời kỳ Mạt Pháp, đức Phật dạy “*Tịnh Độ thành tựu*”. Mạt Pháp là một vạn năm, hiện thời đã qua một ngàn năm. Từ xưa đến nay, theo sự ghi chép của các bậc cao tăng đại đức Trung Quốc, chúng ta có thể thấy điều này từ các kinh điển bằng tiếng Hán, Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh vào năm hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, tức năm Giáp Dần. Thích Ca Mâu Ni Phật tuổi Cọp, năm Dần là năm Cọp, Giáp Dần mà! Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt vào năm năm mươi ba đời Châu Mục Vương. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế tám mươi tuổi. Người Trung Quốc tính tuổi theo lối hư tuế (tuổi ta), còn người ngoại quốc tính theo tuổi thật nên là bảy mươi chín tuổi. Nếu dựa theo cách tính toán này cho đến hiện thời, tức là từ năm Châu Mục Vương năm mươi ba cho tới hiện thời sẽ là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm. Đến nay, Mạt Pháp đã trải hơn một ngàn năm, tức là một ngàn lẻ ba mươi bảy năm, sang năm là một ngàn lẻ ba mươi tám năm. Nhằm thời Mạt Pháp thì “*Mạt Pháp thời kỳ, Tịnh Độ thành tựu*”, Thích Ca Mâu Ni Phật thọ ký chuyện này. Chúng ta sanh nhằm thời kỳ Mạt Pháp, nhất tâm nhất ý tu pháp môn Tịnh Độ, nghe theo giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài dạy chúng ta hãy tu Tịnh Độ trong thời kỳ này.

Trong các kinh luận Tịnh Độ, bộ kinh này là kinh điển trọng yếu nhất, là đại kinh căn bản của Tịnh Độ, kinh Vô Lượng Thọ thích hợp thời đại này. Trong Tịnh Độ, vào lúc kết thúc một ngàn năm thứ nhất của thời Mạt Pháp, lão cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện trong thế gian, vì chúng ta hội tập một bản kinh viên mãn như vậy, khẳng định kinh bản này còn được lưu truyền chín ngàn năm nữa. Do vậy, tại ngoại quốc, rất nhiều người nói đến tận thế, nhưng Phật pháp chẳng như vậy! Phật pháp hãy còn chín ngàn năm về sau nữa, lẽ đâu có tận thế? Pháp vận chín ngàn năm, trong quá khứ, Chương Gia đại sư bảo tôi, [pháp vận] có hưng, có suy, hễ có hưng, có suy, sẽ chưa phải là diệt pháp, chư Phật, Bồ Tát sẽ chiếu cố. Chúng ta hiện thời đang [ở vào thời kỳ Phật pháp] suy vi, suy đến tột cùng chính là thời đại này. [Phật pháp] có thể hưng khởi hay không? Có thể! Chúng ta lưu ý, có những người trẻ tuổi, thanh thiếu niên thật sự có thiện căn, tôi nghĩ trong số ấy có những vị tái lai, nếu phát hiện những người ấy, chúng ta hãy toàn tâm toàn lực giúp họ, đời này qua đời khác sẽ dần dần hưng vượng lên.

Đây là nói theo nhà Phật, tổ sư đại đức dạy chúng ta ý nghĩa của Quán Đảnh, ý nghĩa thật sự của sự Quán Đảnh được trình bày bằng mấy câu này. “*Đại bi hộ niệm*” là ý nghĩa của chữ Quán, chân quán, Đại Bi hộ niệm! Phật quả tột đỉnh, kinh Vô Lượng Thọ là Phật quả tột đỉnh. Quý vị thấy trong quá khứ, các vị đại đức thời Tùy - Đường cũng nhằm lúc tâm huyết sôi trào, mọi người ngồi lại đàm luận: “Thuở đức Thế Tôn tại thế, giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, bộ kinh nào là đệ nhất, trọng yếu nhất?” Gần như mọi người đều công nhận kinh Hoa Nghiêm là bậc nhất. Vì thế, tôn xưng kinh Hoa Nghiêm là “căn bản pháp luân”. Thuở trước, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật giáo cho tôi, đã nhắc tới kinh Hoa Nghiêm, bảo kinh Hoa Nghiêm là khái luận triết học trong kinh Phật. Theo cách nhìn ấy

của cụ, khái luận triết học trong kinh Phật thì cũng là chí cao vô thượng. Cụ đặc biệt giới thiệu với tôi, trong kinh ấy có lý luận viên mãn, có phương pháp tinh xác, tức là phương pháp tinh mật và xác thực, phía sau lại còn kèm theo biểu diễn. Cụ nói các sách triết học trên toàn thế giới chẳng có sách nào có thể sánh bằng kinh Hoa Nghiêm. Quả thật, kinh Hoa Nghiêm quá hay, cuối kinh là năm mươi ba lần tham học nhằm biểu diễn cho chúng ta thấy. Cuối kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy kinh viên mãn như thế nào? Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, Hoa Nghiêm đạt đến rốt ráo viên mãn. Chư vị phải biết: Nay chúng ta đang đọc phẩm này là phẩm thuộc Tụ Phần, “Đức Tuân Phổ Hiền”. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới gì? Thế giới của Phổ Hiền Bồ Tát, chẳng phải là thế giới Hoa Nghiêm hay sao? Vì thế, nói Hoa Nghiêm đến cuối cùng quy kết về đâu? Quy vào Vô Lượng Thọ. Vô Lượng Thọ là đệ nhất trong đệ nhất, điều này đã được các vị tổ sư đại đức công nhận từ xưa. Ngàn kinh vạn luận chỗ nào cũng chỉ quy, Thích Ca Mâu Ni Phật luôn dẫn dắt chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, nhất định sẽ chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề trong hội A Di Đà Phật. Do vậy, đối với Quán Đảnh, kinh Vô Lượng Thọ mới thật sự là “đảnh pháp” (pháp cao tốt đỉnh), cao hơn kinh Hoa Nghiêm, chúng ta phải biết điều này. Vì thế, gọi là Đảnh. Bởi lẽ đó, đọc bộ kinh này từ đầu [đến đuôi] một lượt tức là được mười phương hết thảy Như Lai quán đảnh một lần, thật đây, chẳng giả. Có thể y giáo phụng hành, lẽ nào chẳng được lợi ích!

“Chư Phật hộ niệm, linh chí Phật đảnh trụ, giai danh Quán Đảnh dã. Kim kinh vân ‘thăng Quán Đảnh giai’, đối dự hội đại sĩ nhi ngôn, nãi chỉ Hậu Vị” (chư Phật hộ niệm khiến cho đạt đến trụ nơi Phật đảnh, đều gọi là Quán Đảnh. Nay kinh này nói “đạt lên địa vị Quán Đảnh”, đối với các vị đại sĩ tham dự pháp hội mà nói thì họ là Hậu Vị [Quán Đảnh]). Sơ Vị đối với Hậu Vị là nâng lên từng bậc, nâng lên tới địa vị Diệu Giác. Chư Phật hộ niệm giúp cho chúng ta thành Phật, đạt đến Phật đảnh trụ, đó là ý nghĩa “Quán Đảnh”. “Nhược chỉ giáo đạo chúng sanh, tắc thọ quán giả thị Sơ Vị” (nếu nói về phía chúng sanh được chỉ dạy thì người thọ Quán Đảnh thuộc Sơ Vị). Nay chúng ta tiếp nhận Phật pháp, tiếp nhận kinh Vô Lượng Thọ, thật sự y giáo tu học, thì là Sơ Vị Quán Đảnh. Quý vị đến thế giới Cực Lạc, tương lai thành Phật, đó là Hậu Vị Quán Đảnh. Ở đây là Sơ Vị. Đoạn này nhằm giải thích ý nghĩa của sự Quán Đảnh.

Đoạn kế tiếp là thọ ký, “thọ Bồ Đề ký”, câu kinh văn này cũng trích từ bản Đường dịch. “Thọ giả, phó dữ chi nghĩa (cấp nhĩ). Ký giả, ký thức chi nghĩa, diệc tức huyền ký chi ký” (Thọ (授) có nghĩa là trao cho (cho quý vị). Ký (記) nghĩa là ghi nhớ, mà cũng là chữ Ký trong huyền ký), giống như nay chúng ta nói là “tiên đoán”, dự báo trước, chứ hiện thời quý vị vẫn chưa đạt được. “Phật đối phát đại tâm chi chúng sanh, thọ dữ đương lai tất định tác Phật chi ký, xưng vi Thọ Ký” (Đức Phật đối với những chúng sanh phát đại tâm, dự đoán người ấy trong tương lai nhất định làm Phật, thì gọi là Thọ Ký). Trước hết, chúng ta phải hiểu

[từ ngữ] “*phát đại tâm chúng sanh*”, “*đại tâm*” là đại Bồ Đề tâm, phát tâm làm Phật, ta trong một đời này muốn thành Phật, đối với những người như vậy đức Phật mới thọ ký. Làm Phật bằng cách nào? Niệm Phật bèn thành Phật. Nói cách khác, thật sự phát tâm tu pháp môn Tịnh Độ, đều là chúng sanh phát đại tâm, vì sao? Tịnh Độ là đại pháp, chẳng phải là tiểu pháp. Tịnh Độ là đại thành tựu, chẳng phải là tiểu thành tựu. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là chúng A La Hán, chẳng phải là chúng quả vị Bồ Tát, đến thế giới Cực Lạc là thành Phật, quý vị và Thích Ca, A Di Đà Phật, Tỳ Lô Giá Na Phật có địa vị giống nhau. Do vậy, thật sự phát tâm niệm Phật chẳng tuyệt diệu ư? Người bình phàm chẳng biết, lục đạo chúng sanh cũng không biết. Không chỉ lục đạo chẳng biết, ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới cũng đều không biết. Mười pháp giới vẫn là phàm phu chưa kiến tánh y như cũ, Phật trong mười pháp giới chưa phải là chân Phật. Vì thế, Thiên Thai đại sư gọi những vị Phật ấy là Trương Tụ Túc Phật, chưa phải là Chân Phật. Minh tâm kiến tánh mới là chân Phật, vị ấy sử dụng chân tâm. Vì lẽ đó, pháp môn này không gì cao hơn, không gì bằng, khôn sánh; chúng ta đã gặp gỡ mà trọn chẳng biết trân quý, chẳng biết giá trị. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng đều chẳng thể sánh bằng pháp môn này, ngay cả Hoa Nghiêm vẫn chẳng sánh bằng. Nếu Hoa Nghiêm thật sự hay hơn, cần gì cuối kinh phải có mười nguyện Phổ Hiền dẫn về Cực Lạc? Chẳng cần thiết! Cuối cùng [kinh Hoa Nghiêm] vẫn phải dùng mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, quý vị nghĩ xem có ý vị gì!

Bản thân tôi biết mình căn tánh chẳng thông lợi, nghiệp chướng rất nặng. Thuở ban đầu học Phật, suốt mười mấy năm chẳng hiểu Tịnh Độ. Thầy khuyên tôi học Tịnh Độ, thầy Lý đã khuyên mười mấy lần, tôi vẫn chẳng động tâm. Thậm chí thầy còn phải thốt ra những lời mà người bình phàm rất khó nói. Thầy bảo tôi: “*Anh cứ tu Tịnh Tông thử coi! Anh thấy bao nhiêu vị đại sư, đại đức từ xưa đều học pháp này. Vạn nhất là bị lừa thì cả đồng người bị lừa như vậy, chúng ta bị gạt lần này cũng chẳng sao!*” Dùng những lời như thế bảo ban, khuyên nhủ tôi, tôi vẫn chẳng tiếp nhận, tôi cười cười, chẳng dám phản bác thầy, nhưng tôi vẫn học Giáo. Khi đó, tôi học Giáo là học Hoa Nghiêm. Tin tưởng [Tịnh Độ] như thế nào? Cũng là có một ngày đột nhiên cảm nhận, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, đó là hai vị đại Bồ Tát được tôn kính nhất trong tâm mục của người học Hoa Nghiêm, tôi nghĩ hai Ngài do học pháp môn gì mà thành tựu? Còn có Thiện Tài đồng tử là môn sinh đặc ý, là đệ tử nhập môn của Văn Thù Bồ Tát, chắc chắn Thiện Tài tu cùng một pháp môn với ngài Văn Thù. Lúc đó, tôi đã giảng kinh Hoa Nghiêm được một nửa, phần sau chưa giảng đến, lật phần sau ra coi, coi đến quyển thứ ba mươi chín trong bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, [nhận thấy] Văn Thù Bồ Tát phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, Phổ Hiền Bồ Tát cũng phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc. Trong phần trước, chúng ta đã niệm hai bài văn phát nguyện của các Ngài. Tôi cảm thấy rờn da gà, chuyện này là như thế nào? Sau đấy, đọc kỹ lưỡng năm mươi ba lần tham học mới thấu hiểu. Vị thiện tri thức thứ nhất trong năm mươi ba lần tham học là tỳ-kheo

Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội. Ban Châu tam-muội là chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Thiện Tài đồng tử tham phỏng vị thiện tri thức ấy tức là gì? Tương trưng “*tiên nhập vi chủ*”! Lại nhìn vào vị thiện tri thức cuối cùng, mười đại nguyên vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Chúng tôi khẳng định, Thiện Tài đồng tử từ đầu tới cuối niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do như vậy, tôi mới tin tưởng Tịnh Độ, mới thật sự không dám khi dễ kinh luận Tịnh Độ. Tôi trở về Tịnh Độ chẳng dễ dàng, nhưng đã quay về bèn thật sự quay đầu, chẳng giả, tôi đã hiểu rõ ràng. Sau khi đã hiểu rõ, tôi mới tin tưởng, mới tiếp nhận. Chưa hiểu rõ ràng, minh bạch, thầy khuyên cách nào, quý vị thấy tôi đều chẳng động tâm.

Vì vậy, những ai đã dẫn tôi vào Tịnh Độ? Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Lúc ấy, tôi ưa thích giảng những kinh điển ấy, giảng đại ý kinh Pháp Hoa, tôi nhớ hình như lúc ấy giảng đại ý kinh Pháp Hoa sáu mươi giờ. Đúng là chẳng dễ dàng, nhận biết rõ ràng, hiểu minh bạch thì mới là “*được Phật thọ ký*”. Quý vị thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, khẳng khẳng một mực tu học pháp môn này, hiện tiền được Phật thọ ký. Khi nào đức Phật sẽ thọ ký cho quý vị? Quý vị đọc đến đoạn kinh văn này, ở đây là thọ ký Bồ Đề. “*Thăng Quán Đảnh giai, thọ Bồ Đề ký*” (lên địa vị Quán Đảnh, thọ ký Bồ Đề), chính là thọ ký cho quý vị. [Nói cách khác], hai câu kinh văn này là đức Phật thọ ký cho quý vị. Chúng ta phải thẳng thừng đảm nhận, chớ nên khách sáo. Nếu nghĩ “*đây là Phật thọ ký cho Bồ Tát, ta chẳng có phần*” thì lỡ làng rồi! Quý vị phải cùng với các vị Bồ Tát tiếp nhận lời thọ ký của đức Phật, đó là chánh xác. Do vậy, quý vị thấy đó, mỗi ngày quý vị đọc kinh này là mỗi ngày khai ngộ, mỗi ngày được Phật quán đảnh, mỗi ngày được Phật thọ ký, khẳng định quý vị phiền não ngày càng nhẹ, chắc chắn trí huệ ngày càng tăng trưởng.

“*Kinh trung*”, câu kinh ấy, “*thọ Bồ Đề ký, biểu dự hội đại sĩ quân môn thọ ký*” (“*thọ Bồ Đề ký*” biểu thị các đại sĩ tham dự pháp hội đều được thọ ký), chúng ta cũng thuộc trong số đó, chẳng lọt ra ngoài. Quý vị chẳng chân tâm tu pháp môn này sẽ chẳng có phần, chẳng thuộc vào đó. Ta chân tâm tu pháp môn này, buông các pháp môn khác xuống, toàn tâm toàn ý chuyên tu pháp môn Niệm Phật, một phương hướng, một mục tiêu, một phương hướng là Tây Phương Tịnh Độ, một mục tiêu là thân cận A Di Đà Phật. Hãy nhớ “*hết thầy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, ý niệm có năng lượng chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta chỉ có một ý niệm này, thân cận A Di Đà Phật, chỉ có một ý niệm ấy, vĩnh viễn theo gót A Di Đà Phật, học tập A Di Đà Phật, đó là đúng. “*Định đương tác Phật*” (nhất định sẽ làm Phật), vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ai không thành Phật. Tuy thành Phật có sớm hay trễ khác nhau, nhưng có thể nói: Đều là thành Phật rất nhanh chóng! Quý vị thấy người hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư là địa vị thấp nhất, đạt đến “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*” chỉ cần mười hai kiếp. Thoạt nhìn, chúng ta thấy mười hai kiếp rất dài, nhưng trong thế giới Cực Lạc [thời gian ấy] rất ngắn, do thọ mạng là vô lượng thọ nên mười

hai kiếp còn chưa bằng mười hai ngày! Trong các thế giới phương khác, chẳng tìm được điều này! Trong các thế giới phương khác, quý vị phải đoạn phiền não, quý vị nghĩ xem phiền não rất khó đoạn. Đoạn Kiến Tư phiền não rồi mới chứng A La Hán, thành Phật càng xa xôi. Càng tiến lên cao, phiền não càng khó đoạn. Do vậy, trong các thế giới phương khác, [chẳng hạn như trong] thế giới Sa Bà của chúng ta, thành Phật phải mất vô lượng kiếp. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chậm nhất là mười hai kiếp, nhanh nhất thì sao? Nhanh nhất là tới đó bèn thành! Chúng ta chưa thể đạt được nhanh nhất, nhưng cũng chẳng đến nỗi chậm nhất. Thông thường trong thế giới Cực Lạc, để thành Phật, ước chừng ba, bốn, năm kiếp là đã thành tựu, thật sự hy hữu, khó gặp. “*Phục chỉ thị chư đại sĩ quảng vị chúng sanh thọ ký tác Phật*” (lại còn có nghĩa là các vị đại sĩ ấy đã thọ ký cho rộng khắp các chúng sanh đều thành Phật), câu này đã bao gồm toàn bộ chúng ta trong đó. Các vị đại sĩ ấy là các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà cũng là các vị Bồ Tát trong mười phương các cõi Phật, chẳng có vị nào không giảng bộ kinh này, chẳng có vị nào không truyền pháp môn này, đều là khuyên trọn khắp hết thấy chúng sanh hãy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Những vị ấy đã thọ ký hết thấy chúng sanh làm Phật, thật vậy, chẳng giả. Chúng ta đã gặp gỡ, phải cảm ân, phải thật sự tu tập. Pháp môn này và kinh điển này đã ban cho chúng ta hy vọng vô cùng, chúng ta phải nhận biết, phải nắm vững cơ duyên này, quyết định thành tựu trong một đời này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 111

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi một, dòng thứ ba từ dưới đếm lên:

“*Vị giáo Bồ Tát, tác A Xà Lê. Thường tập tương ứng vô biên chư hạnh*” (vì dạy Bồ Tát, làm A Xà Lê, thường tập vô biên các hạnh tương ứng). Trước kia, tôi chia hai câu kinh văn này thành hai đoạn:

- Kể từ “*thăng Quán Đánh giai*” là thọ ký sự hộ trì của Phật. “*Thăng Quán Đánh giai, thọ Bồ Đề ký*”, hai câu này là thọ ký. “*Vị giáo Bồ Tát, tác A Xà Lê*”, hai câu này là “*thị giáo*”, tức là thực hiện sự giáo học cho mọi người thấy, nêu tấm gương tốt đẹp.

- Câu kế đó là “*thường tập tương ứng vô biên chư hạnh*” nói đến sự tương ứng. Giáo học nhất định phải tương ứng, tương ứng với Tánh Đức.

Chúng ta xem lời chú giải của Hoàng lão cư sĩ: “*A Xà Lê dịch vi Giáo Thọ*” (A Xà Lê dịch là Giáo Thọ), A Xà Lê (Ācārya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giáo Thọ, tức là tiếng xưng hô dành cho một vị thầy trong nhà trường. “*Hựu dịch Quĩ Phạm Sư*” (còn dịch là Quĩ Phạm Sư), dịch cách khác, ta cũng thường đọc thấy cách dịch này trong kinh điển. Quĩ (軌) là quĩ đạo (đường lối), Phạm (範) là mô phạm, [chữ Quĩ Phạm Sư hàm ý] tư tưởng, kiến giải, và ngôn hạnh của vị thầy ấy có thể làm gương cho chúng ta, làm mẫu cho học trò, cũng như làm nề nếp cho học trò học tập. Chẳng thể lệch khỏi quĩ đạo, nhất định phải đi theo quĩ đạo, giống như xe lửa quyết định chẳng thể rời khỏi đường rầy, bao hàm ý nghĩa này! Tiếp theo đó là lời giải thích: “*Nãi quĩ phạm chánh hạnh, vị Tăng sư phạm giả chi tôn xưng*” (tức là nêu chánh hạnh khuôn phép, là tiếng tôn xưng vị thầy làm khuôn mẫu cho Tăng chúng), là thầy của người xuất gia. Nói theo thực tại thì cũng là như chúng ta thường nói “*học vi nhân sư, hành vi thế phạm*” (học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho cõi đời), “*quĩ phạm chánh hạnh*” chính là “*hành vi thế phạm*”, “*vi tăng sư phạm*” là “*học vi nhân sư*”. Do đó, A Xà Lê là tôn xưng.

“*Thông chỉ giáo thọ thiện pháp chi sư*” ([là từ ngữ] chỉ chung các vị thầy truyền dạy pháp lành), định nghĩa ở đây rất rõ ràng và cũng rất đơn giản: Ngài là vị thầy truyền dạy thiện pháp thì mới có thể gọi là A Xà Lê. Cũng có khi tỉnh lược, gọi là Xà Lê, cũng được, chúng ta thường thấy gọi là Xà Lê. “*Kim kinh thừa ‘thăng Quán Đảnh giai’ nhi ngôn, nãi chuyên chỉ Chân Ngôn A Xà Lê, hựu xưng Kim Cang A Xà Lê*” (trong kinh này, do nói tiếp ngay theo câu “lên địa vị Quán Đảnh”, nên [chữ A Xà Lê ở đây] chuyên chỉ Chân Ngôn A Xà Lê, còn gọi là Kim Cang A Xà Lê). Trong phần trước kinh này, đã nói “*thăng Quán Đảnh giai*”, Mật Tông thường nói như vậy. Do vậy, kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ là Viên Giáo, giáo nghĩa của tám giáo Đại Thừa đều được bao hàm trong ấy. Bởi lẽ, trong kinh này có giáo nghĩa Mật Tông, có giáo nghĩa Thiên Tông, như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Pháp Tướng Duy Thức, cho đến Luật Tông, thầy đều có. Vì thế, từ các câu kinh văn, chúng ta thường có thể thấy và hiểu kinh này mới là kinh điển chí cao vô thượng đại viên mãn. Do tiếp ngay theo câu “*thăng Quán Đảnh giai, thọ Bồ Đề ký*” trước đó, nên cũng có thể nói [chữ A Xà Lê] ở đây [dùng theo ngữ cảnh] Mật Tông, chuyên chỉ Chân Ngôn A Xà Lê, còn gọi là Kim Cang A Xà Lê.

“*Nãi thiệu thừa Kim Cang Tát Đỏa tổ vị, tác truyền pháp quán đảnh giả chi xưng hiệu*” (chính là cách gọi người kế thừa ngôi vị Tổ của ngài Kim Cang Tát Đỏa làm người truyền pháp quán đảnh), đây là một cách xưng hô trong Mật Tông, [tiếp nối] Kim Cang Tát Đỏa tổ vị. Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva) còn được gọi là Kim Cang Thủ Bồ Tát (Vajrapāni). Chân Ngôn Tông là Mật Tông. Trong tám vị tổ sư của Mật Tông¹¹⁵[1], đây là vị tổ đời thứ hai. Đại Nhật Như Lai là đệ nhất tổ, là sơ tổ, Kim Cang Thủ Bồ Tát là nhị tổ. Vị tổ sư này có quan hệ rất mật thiết với Hoa Nghiêm, vì Ngài chính là Phổ Hiền Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm. Phổ Hiền Bồ Tát là nhị tổ trong Mật Tông. Trong Mật Tông, không gọi Ngài là Phổ Hiền, mà gọi là Kim Cang Tát Đỏa, hoặc là Kim Cang Thủ Bồ Tát¹¹⁶[2]. Hiển

115[1] Tám vị tổ này nói đúng ra là cách phán định theo Chân Ngôn Tông (Shingon shū) của Nhật Bản, thường gọi là Đường Truyền Mật Tông (hay gọi tắt là Đường Mật), nhằm phân biệt với Mật Tông Tây Tạng. Tám vị tổ là Đại Nhật Như Lai, Kim Cang Tát Đỏa Bồ Tát, Long Mãnh Bồ Tát, Long Trí Bồ Tát, Kim Cang Trí Tam Tạng (hoặc Thiện Vô Úy Tam Tạng, tùy thuộc phán định theo hệ thống Kim Cang Giới hay Thai Tạng Giới), Quảng Trí Bất Không Tam Tạng, Huệ Quả A Xà Lê (hoặc Nhất Hạnh A Xà Lê), Hoàng Pháp Không Hải đại sư (Kobo Kukai, người Nhật).

116[2] Kinh Chư Phật Cảnh Giới Nhiếp Chân Thật Kinh trong Mật Tạng quyển thượng, phẩm Tựa đã chép như sau (dẫn theo bản dịch của cư sĩ Huyền Thanh): “Bấy giờ, đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai nói về pháp tâm địa bí mật Du Già chân thật thuộc cảnh giới của chư Phật này thì vô lượng vô biên cõi Phật ở mười phương đều chấn động sáu cách. Lầu gác Đại Ma Ni Bảo Tối Thắng của cung Đế Thích trong cõi Tam Thập Tam Thiên trên đỉnh núi Diệu Cao cũng bị chấn động. Trời mưa hoa Mạn Đà La, hoa Ma Ha Mạn Đà La, hoa Mạn Thù Sa, hoa Ma Ha Mạn Thù Sa rải lên trên đức Phật và các đại chúng. Lúc đó, các đại chúng thấy vô lượng vô số hằng hà sa cõi Phật ở mười phương bị chấn động sáu cách và lầu gác Đại Ma Ni Bảo của cung Đế Thích trên đỉnh núi Diệu Cao bị chấn động sáu cách thì khởi niệm rằng: “Hiện nay Đức Như Lai hiện đại thần biến, do nhân duyên nào mà có điềm này?” Bấy giờ đức Như Lai biết tâm niệm của các đại chúng trong hội nên bảo rằng: “Các người ở đây đừng sanh nghi hoặc. Nay ta đã

và Mật là một Thể, Mật là Mật của Hiển, Hiển là Hiển của Mật. Nói cách khác, Hiển giáo là hiển thuyết của Mật Tông. Mật Tông là mật thuyết của Hiển Giáo, là một, không hai! Vì sao có nhiều phương thức giáo học như thế? Vì căn tánh của chúng sanh khác nhau. Pháp Thân đại sĩ, chư Phật Như Lai luôn tùy thuận tâm của chúng sanh để ứng với khả năng nhận biết

nói về pháp thâm diệu là tâm trong tâm của chư Phật ba đời. Tất cả pháp Phật nhiếp vào kinh này, tất cả pháp Phật từ kinh này mà ra. Pháp đó gọi là Đối Pháp Vi Diệu Đại Thừa Du Già thuộc cảnh giới chân thật của tất cả Như Lai. Đây là tâm của tất cả Như Lai, bí mật tối thắng của Kim Cang Chân Ngôn”. Khi ấy, từ tâm của chư Phật xuất ra pháp đó rồi, liền lúc đó, Bạt Già Phạm Phổ Hiền Đà La Ni là pháp bí mật này biến thành vô lượng vô số vành trăng tròn đầy. Vành trăng tròn đầy này hay khiến cho tâm Bồ Đề của chúng sanh được thanh tịnh. Vô lượng vô số vành trăng tròn đầy này ở hai bên phải trái của tất cả Như Lai. Từ vành trăng này hiện ra vô lượng vô số Đại Trí Kim Cang của Như Lai. Đại Trí Kim Cang từ mặt trăng đầy hiện ra lại nhập vào trong tâm của đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Y theo sức diệu kiên cố của Kim Cang Tát Đỏa tam-muội cùng với sức đại oai đức của tất cả Như Lai, cho nên vô lượng vô số trí huệ Kim Cang hợp thành một tụ ngang bằng với hư không, hiện ra đại quang man. Quang man như vậy liền được biến thành Kim Cang Ngũ Cổ (chày kim Cang có năm chấu) là trí tánh bền chắc của diệu thân, ngữ, ý của tất cả Như Lai, từ tâm của chư Phật xuất ra trụ ở trong hai lòng bàn tay của đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Từ Kim Cang này xuất ra mọi thứ sắc quang. Vô lượng vô số ánh sáng của tướng mạo Kim Cang tràn đầy tất cả thế giới, bình đẳng không ngại. Ánh sáng của Kim Cang này lại theo miệng tuôn ra hiện Pháp Thân vô ngại của Như Lai với số lượng ngang bằng số hạt bụi nhỏ của mười giới, tràn đầy biến pháp giới. Do nhân duyên gì mà tràn đầy pháp giới? Ấy là các Như Lai được huệ bình đẳng với đại thần thông, hiện ra “năng giác ngộ” tất cả chúng sanh khiến cho họ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề khéo hay thành tựu mọi thứ diệu hạnh khó suy tư của Phổ Hiền, sức Nhân Chung Tánh của tất cả Như Lai khéo hay gần gũi cung kính cúng dường cây đại Bồ Đề, hay diệt tất cả ác ma Ba Tuần chứng đại Bồ Đề. Tự “Năng Giác Ngộ” hay chuyển pháp luân tối diệu vô thượng cho đến hay giúp đỡ hết tất cả chúng sanh tận giới hư không, hay làm lợi ích an vui. Tất cả Như Lai khéo hay thành tựu Tất Địa tối thắng của đại trí thần biến. Tất cả Như Lai khéo hay thị hiện mọi loại thần biến y theo thể của Phổ Hiền tam-muội với lực hòa hợp bền chắc vi diệu của Kim Cang tam-muội, cho nên xuất hiện thân của Phổ Hiền Đại Bồ Tát. Bấy giờ Phổ Hiền Bồ Tát đứng ở trong tâm của đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai, nói lời kệ rằng: “*Lành thay! Phổ Hiền, ngã hiếm có, Tánh chân thật bền của diệu thể, do sức bền chắc không hình tướng, vì lợi sanh nên hiện sanh thân*”. Khi ấy, Phổ Hiền Bồ Tát từ trong tâm của đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai đi ra, đến trước mặt chư Phật ngồi trong vành trăng, tay phải cầm chày Kim Cang xoay chuyển trong lòng bàn tay. Lúc đó, đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai nhập vào tam-muội Nhất Thiết Như Lai Kim Cang Bất Hoại Trí Đại Tam Ma Gia. Y theo sức tam-muội đó vì Phổ Hiền Bồ Tát khiến cho được đại pháp luân vi diệu của uẩn giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật, lợi ích chúng sanh, đại Tam Ma Gia của trí đại phương tiện cứu độ trọn hết tất cả giới chúng sanh, tất cả tự tại chủ, tất cả đại an lạc thâm tâm ái lạc cho đến trí bình đẳng tánh của tất cả Như Lai, thần thông tối thắng, đối pháp của Đại Thừa. Các quả như thế là Tất Địa của tất cả Như Lai, Kim Cang vì muốn trao vào tay của Phổ Hiền Đại Bồ Tát, vì muốn trao cho thể Chuyển Luân Vương của tất cả Như Lai, vì muốn trao cho sự nghiệp Phật chẳng thể tư nghị của tất cả Như Lai, vì muốn trao cho lụa trắng quán đỉnh của mao báu, cho nên đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai dùng hai tay của Ngài trao cho ấn Kim Cang. Thời tất cả Như Lai cho [Phổ Hiền] danh tự quán đánh, hiệu là Kim Cang Thủ”.

của họ. Nói cách khác, Pháp Thân Bồ Tát, chư Phật Như Lai quyết định chẳng khởi tâm động niệm, chúng ta nhất định phải nhận biết rõ ràng điều này.

Thử Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trên địa cầu này, chúng ta nhìn vào giai đoạn lịch sử ấy, trong tám tướng thành đạo, tướng thứ bảy là Chuyển Pháp Luân. Từ cung trời Đâu Suất giáng hạ, có khởi tâm động niệm hay không? Chẳng có. Nếu khởi tâm động niệm, Ngài là phạm phu, không chỉ chẳng thể xưng là Phật, mà ngay cả danh hiệu Pháp Thân Bồ Tát cũng chẳng kham nổi! Chúng đắc Pháp Thân, Pháp Thân là gì? Tất cả hết thấy hiện tượng trọn khắp pháp giới hư không giới đều gọi là Pháp Thân. Pháp là vạn pháp, vạn pháp nhất Thể thì gọi là Pháp Thân. Đến khi nào quý vị có thể chứng đắc, [sẽ nhận biết] nó (Pháp Thân) ở ngay trước mặt, chưa hề rời khỏi. Vì sao chúng ta mê? Do đã mê nên mới có phân biệt, mới có chấp trước, mới có khởi tâm động niệm. Phân biệt, chấp trước là trật rồi, chẳng biết vạn pháp và chính mình là một Thể! Khi nào quý vị đã giác ngộ, nói theo Phật pháp là “thật sự buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống”, khi ấy, quý vị liền biết khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể. Như trong Hoàn Nguyên Quán đã nói, vũ trụ rất cuộc là chuyện như thế nào? Vốn là một Thể, từ một Thể khởi ra hai tác dụng. Hai tác dụng ấy, một là chánh báo, hai là y báo. Chánh báo là chính mình, y báo là hoàn cảnh mà chúng ta nương tựa vào để sinh tồn và hoạt động. Tiểu hoàn cảnh là một gia đình, đại hoàn cảnh là toàn thể vũ trụ. Những thứ ấy do đâu mà có? Từ một Thể hiển lộ.

Hiển lộ như thế nào? Đã mê bèn hiện, đã giác ngộ sẽ chẳng hiện, chẳng còn nữa. Vì thế, trong Chúng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói rất hay: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú*” (trong mộng rành rành phô sáu nẻo), mộng là mê! Khi mê, rõ ràng có lục đạo luân hồi, có mười pháp giới. “*Giác hậu không không vô đại thiên*” (giác rồi ba cõi rộng toang hoang), sau khi giác ngộ, sẽ chẳng còn nữa. Sau khi đã giác, sẽ là cảnh giới gì? Cảnh giới Thường Tịch Quang, là cảnh giới cao nhất trong Tịnh Độ Tông chúng ta, Thường Tịch Quang! Thường Tịch Quang là tự tánh, đã giác ngộ bèn trở về tự tánh. Khi đã mê, từ tự tánh biến hiện một hiện tượng hư huyền, chẳng thực tại, hiện tượng ấy được gọi là “mười pháp giới”. Bất luận là chánh báo hay y báo, đức Thế Tôn dạy, chúng có các đặc tánh, được gọi là “*tam biến*” (ba thứ trọn khắp), tức “*tam chủng châu biến*”:

1) Thứ nhất là trọn khắp pháp giới. Trọn khắp pháp giới là gì? Nói theo danh từ khoa học hiện thời là “*năng lượng*” hoặc “*dao động*”. Bất luận hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, toàn bộ đều do dao động biến hiện. Chẳng có dao động, sẽ chẳng có cảnh giới ấy, chẳng có A Lại Da. Vì thế, một niệm bất giác thì sự bất giác ấy là dao động, nên mới sanh ra hiện tượng, phát sanh hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất. Quý vị thấy sự dao động ấy có tốc độ lớn chừng nào? Rất nhanh! Ý niệm vừa mới dấy lên bèn trọn khắp pháp giới, vì sao? Pháp Tánh là một Thể, là tự tánh thanh tịnh viên minh thể, là một Thể. Người Trung Quốc có nói: “*Khiên nhất phát nhi động toàn thân*” (lôi một sợi tóc mà động toàn thân),

chúng ta kéo một sợi tóc, toàn thân đều cảm thấy đau đớn. Vì sao? Nó là một Thể. Cho nên một niệm vừa khởi bèn trọn khắp pháp giới. Pháp giới và chính mình là một Thể; do vậy, gọi là Pháp Thân. Quý vị đã thừa nhận Pháp Thân, khẳng định nó, chẳng hoài nghi chút nào. Vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, đó gọi là “*chúng đắc Pháp Thân*”.

Người chúng đắc Pháp Thân bèn thành Phật. Nay chúng ta nghe đức Phật dạy trong kinh như thế, vẫn chẳng thừa nhận. Ai thừa nhận vạn sự vạn vật và chúng ta là một Thể? Chẳng có ai thừa nhận, đó là gì? Phạm phu. Nếu quý vị hỏi Pháp Thân Bồ Tát, hỏi chư Phật Như Lai: “Núi, sông, đại địa, cây cối hoa cỏ có cùng một Thể với quý vị hay không?” [Các Ngài sẽ đáp]: “Đúng vậy. Chẳng sai tí nào! Đúng là một Thể”. Vì sao? Bất luận tinh thần hay vật chất của chúng ta, nhục thân là một hiện tượng. Một niệm vừa động [trong tâm ta], toàn bộ các hiện tượng đều nhận biết [ý niệm ấy], núi, sông, đại địa đều biết. Nếu không biết thì tốt quá, vì sao? Chúng sanh tạo tác ác nghiệp, [do các hiện tượng đều không biết nên] núi, sông, đại địa sẽ chẳng có nhiều phiền phức như thế! Lại nữa, động đất, phong tai, thủy tai gì gì đi nữa, do chúng chẳng có tri giác, sẽ không có những hiện tượng [tai nạn] ấy. Chính vì chúng ta vừa động một niệm, chúng nó biết ngay, nên có phản ứng. Chúng ta dấy động một thiện niệm, chúng có thiện phản ứng. Chúng ta dấy động một niệm bất thiện, chúng liền phản ứng bất thiện. Ý niệm tham lam, nước hiện tiền, nên thủy tai hiện tiền. Ý niệm sân hận, núi lửa bùng nổ, nhiệt độ tăng lên. Ý niệm ngu si, phong tai hiện tiền. Ngạo mạn là động đất. Các tai nạn thiên nhiên là do ý niệm bất thiện của chúng ta dẫn khởi! Nếu ý niệm của chúng ta tốt lành, sẽ đúng như đức Phật đã dạy: “*Tức diệt tham, sân, si, cần tu Giới, Định, Huệ*” (dứt diệt tham, sân, si, siêng tu Giới, Định, Huệ), núi, sông, đại địa và thể giới Cực Lạc bèn như nhau.

Đại địa kiên cố nói trong kinh Địa Tạng sẽ không bị loạn, sẽ chẳng có động đất, cũng không có thủy tai, hạn hán, chẳng có những tình hình như thế, mà là mưa hòa, gió thuận. Là vì tất cả hết thảy hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần giống như được nối vào mạng lưới Internet của chúng ta trong hiện thời, hễ ta vừa động, toàn bộ chúng nó đều biết. Vì thế, toàn thể vũ trụ và chính mình là một Thể. Toàn thể vũ trụ là sống động, chẳng chết cứng, nó có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Mấy năm trước, tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm với nước, phát hiện nước là vật chất, nhưng có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ con người, biến hóa theo ý niệm của chúng ta. Nước có thể [phản ứng như vậy]. Lại xét tới những hiện tượng vật chất khác, chúng đều có thể, cây cối, hoa, cỏ cũng có thể. Có người đã thí nghiệm trên hai cây bồn tài (bonsai). Đối với hai cây bonsai, dùng thời gian và phương thức vun bón giống hệt nhau. Vun bón thành công, quý vị thấy hai cây giống như nhau, đem chúng làm thí nghiệm. Hai chậu đặt ở hai góc phòng. Bên này đặt một chậu, quý vị mỗi ngày cười với nó, nói: “Ta rất thích ngươi, rất yêu mến ngươi”. Còn với chậu kia thì: “Tao ghét mày quá, chẳng ưa mày!” Sau hai tuần, chậu mỗi ngày cười với nó sẽ hết sức

tươi tốt. Chậu mỗi ngày bị quả đáng ghét sẽ dần dần khô héo, chết khô. Quý vị thấy đó: Cây hiểu ý niệm của con người! Đó là nói về cây cối, hoa cỏ. Chúng tôi hiểu đạo lý này; vì thế, tại Úc, chúng tôi trồng một vườn rau lớn, và cũng trồng rất nhiều cây ăn trái. Vườn rất lớn, trồng hơn ba mươi loại cây ăn trái. Chúng tôi hiểu rõ đạo lý này, để cho hoa, cỏ, cây cối mỗi ngày đều nghe Phật hiệu, hoặc mỗi ngày nghe nhạc Phật giáo. Chúng tôi đi qua, đều gọi hoa, cỏ, cây cối là Bồ Tát, cung cung kính kính, cây cối bèn sanh trưởng thật tốt. Chúng tôi chẳng dùng phân bón hóa học, cũng chẳng dùng thuốc sát trùng, hoa nở rất đẹp, quả phát triển rất tươi ngon. Những nông dân trồng cây ăn quả ở gần đó đến thăm chúng tôi, đều kinh ngạc: “Các vị dùng phương pháp gì mà trồng ngon lành như vậy?” Sau đấy, chúng tôi bảo họ, dùng thiện tâm thiện ý để vun bồi. Vì thế, thiện tâm thiện ý đối với núi, sông, đại địa, chúng sẽ không bị loạn động, chẳng có những tai nạn. Chúng ta phải hiểu đạo lý này.

“*Tương ứng*” có nghĩa là “khế hợp”. Trong Phật pháp, nói theo Đại Thừa Phật pháp, chẳng có gì không tương ứng. “*Như tam mật tương ứng dữ cảnh trí tương ứng*” (như tam mật tương ứng và cảnh trí tương ứng): “*Cảnh*” là hoàn cảnh bên ngoài, nay chúng ta gọi là hoàn cảnh vật chất. Nay chúng ta gọi “*trí*” là hoàn cảnh tinh thần. Tam Mật là công phu tu hành. “*Tam*” là gì? Chỉ thân, khẩu, ý, thân phải lễ kính, đối với hết thầy chúng sanh phải biết lễ kính; khẩu nghiệp tán thán; ý là trong tâm cung kính, có lòng thành kính, chân thành cung kính, biểu hiện ra ngoài là lễ, lễ độ. Đối với người như thế, mà đối với sự cũng là như thế, đối với thiên địa vạn vật cũng là như thế, đó là gì? Đó là Tánh Đức trong tự tánh của chúng ta. Phật, Bồ Tát làm được, chúng ta chẳng thể tưởng tượng cảnh giới của các Ngài, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói là “*tự tánh chẳng thể nghĩ bàn*”. Kiến tánh, cũng là tự tánh chẳng có lớn hay nhỏ, tự tánh chẳng có trước hay sau, tự tánh chẳng có xa hay gần, chúng ta không có cách nào tưởng tượng điều này. Trong tự tánh thanh tịnh tịch diệt, Phật pháp thường nói là “*cảnh giới Đại Bát Niết Bàn*”, sống động, hoạt bát, chẳng chết cứng! Tuy trong tự tánh thứ gì cũng chẳng có, nhưng thứ gì nó cũng đều có thể hiện. Do nó có thể hiện, nên chẳng thể nói nó là Không. Do những hình tượng được hiện ấy là huyễn tướng, nên quý vị chẳng thể nói nó là Có, vì sao? Nó là tướng sanh diệt, tốc độ sanh diệt nhanh chóng, nhục nhãn của chúng ta nhìn chẳng ra!

Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học bảo chúng ta, những điều họ nói giống như trong kinh Phật đã nói. Tốc độ [sanh diệt] nhanh chóng, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được, quá nhanh! Trong kinh Phật nói là một cái khảy ngón tay, trong cuộc đối thoại giữa Di Lặc Bồ Tát và đức Thế Tôn, [Di Lặc Bồ Tát đã nói] trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu niệm? Niệm ấy là một niệm sanh diệt, “*ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”. Lấy trăm ngàn làm đơn vị, một trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn là ba trăm hai mươi triệu, quý vị thấy một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu niệm. Nếu chúng ta khảy nhanh, tôi tin tưởng có người khảy nhanh hơn tôi, một giây có thể khảy năm

lần. Nếu khảy năm lần, ba trăm hai mươi triệu nhân với năm, một giây có bao nhiêu lần? Một ngàn sáu trăm triệu, làm sao chúng ta tưởng tượng được? Vì thế, tướng ấy có thật hay chẳng? Chẳng thật. Chúng ta xem những hiện tượng ấy, các nhà Lượng Tử Lực Học đã cho chúng ta biết đó là gì? Vốn là những ý niệm tích lũy liên tục sanh ra huyền tướng. Huyền tướng ấy rất nhiều, mỗi tướng khác nhau, rất nhiều là vì tần suất [dao động] của chúng khác nhau. Tần suất chậm sẽ biến thành chất rắn, chúng ta gọi các vật ấy là hiện tượng vật chất. Hiện tượng vật chất hết sức cứng chắc, giống như kim cương, đá quý, [chúng do các ý niệm dao động với] tần suất chậm [biến ra]. [Tần suất] nhanh hơn một chút, vật chất sẽ khá lỏng lẻo. Hơi nhanh hơn một chút thì vẫn là hiện tượng vật chất, nhưng chẳng cứng chắc như thế. Nếu nhanh hơn chút nữa, sẽ biến thành thực vật, biến thành nhục thể của chúng ta. Nhanh nhất, tức là như sóng điện từ trong khoa học hiện đại, đó là tốc độ nhanh chóng. Do tần suất [dao động] khác nhau [mà có các huyền tướng khác nhau], các nhà khoa học hiện thời đã nói như thế.

Chúng ta biết tam mật tương ứng và cảnh trí tương ứng, vậy thì chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, tự nhiên phải cẩn thận, thận trọng. Chớ nên dấy lên vọng niệm, chớ nên nói bừa, chuyện tà ác quyết định chớ nên làm. Khởi tâm động niệm nhất định tương ứng với Tánh Đức, vì sao? Tánh Đức là tận thiện tận mỹ, tổ tiên Trung Quốc đã nói “*bốn tánh bốn thiện*”, đó là tự tánh, là Tánh Đức. Hễ tương phản thì chẳng phải là tự tánh, đó là sai lầm. Hiện thời, địa cầu trở thành nông nổi này là do nhân gì? Người sống trên địa cầu này, đại đa số đã trái nghịch Tánh Đức, tam nghiệp chẳng tương ứng với cảnh trí, cho nên mới biến thành tam đồ lục đạo, biến thành nông nổi ấy! Khi chẳng sanh biến hóa thì như thế nào? Chẳng sanh biến hóa thì cũng là tam mật và cảnh trí hoàn toàn tương ứng. Người Hoa nói “*minh đức, thân dân, chỉ u chí thiện*”, hoàn toàn tương ứng với Tánh Đức, đó là thế giới gì? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, là thế giới Cực Lạc được giới thiệu trong kinh Vô Lượng Thọ, là thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật được giới thiệu trong kinh Hoa Nghiêm, hoàn toàn tương ứng [với những thế giới ấy].

Do vậy, có thể biết: Nay chúng ta sống trong hoàn cảnh này là hoàn cảnh bất hảo, chớ nên oán trời, trách người, vì sao? Tâm hạnh của chính chúng ta bất thiện đã biến hiện cảnh giới ấy. Có lẽ có người nói “tâm hạnh của tôi rất tốt lành, cứ sao phải ở chung với những người ấy?” Đó là do chúng ta có chung cộng nghiệp với họ; cũng có nghĩa là người trên quả địa cầu này, vạn sự vạn vật đều có duyên với ta. Họ tạo tác bất thiện, ta tạo tác thiện pháp, thiện và bất thiện dung hợp, thiện biến thành bất thiện, mức độ bất thiện bị giảm nhẹ, hòa hoãn hơn! Có nghĩa là gì? Người hành thiện giúp kẻ bất thiện tiêu tan tội nghiệp, chẳng phải là như vậy hay sao? Có phải là chuyện tốt đẹp hay không? Là chuyện tốt đẹp. Chúng ta có bị mắc hại hay không? Chẳng có! Quyết định chẳng bị hại mảy may nào! Nếu do tai nạn ngoài ý muốn, chúng ta cũng chết thì có bị hại hay không? Chẳng có! Đã chết bèn sanh về thế giới

Cực Lạc, chết rồi bèn sanh về Tịnh Độ của chư Phật, hoặc là chết rồi bèn sanh vào thiên đạo, đó là chuyện tốt, chẳng phải là chuyện xấu. Kẻ tạo tội nghiệp bất thiện, cũng chết trong tai nạn ấy, nhưng chết rồi sẽ sanh vào tam đồ, vì sao? Hồng tiêu trừ tội nghiệp, đó là chuyện tốt, không phải chuyện xấu. Người hành thiện cũng là chuyện tốt, đến hưởng phước trên cõi trời, đến Tịnh Độ của chư Phật, chẳng có gì không phải là chuyện tốt! Nếu quý vị thật sự giác ngộ, nhìn thấu suốt, mỗi người trên thế gian này đều là người tốt, mọi chuyện đều là chuyện tốt, trong thế gian này, quý vị sẽ tâm bình khí hòa. Quý vị hiểu rõ rệt, minh bạch, biết chính mình phải làm cách nào hồng thành tựu chính mình, giúp đỡ chúng sanh. Đó là thật sự giác ngộ.

“*Mật Tông dĩ tam mật tương ứng chi chỉ vi chủ*” (Mật Tông coi tông chỉ “tam mật tương ứng” là chủ yếu), đó là phương pháp tu hành trong Mật Tông. Trên thực tế, phương pháp niệm Phật của chúng ta và phương pháp của họ hết sức tương ứng, rất gần gũi. Tam Mật là “miệng niệm chú, ý quán tưởng, tay kết ấn”. Tay kết ấn thuộc về thân nghiệp, quý vị thấy thân - khẩu - ý tương ứng. Chúng ta là đệ tử Phật môn, thông thường dễ trông thấy người khác bèn chấp tay “A Di Đà Phật”, xá người khác, đó là tam mật tương ứng. Chấp tay chính là thủ ấn, là kết ấn. Chấp tay có nghĩa là gì? Mười đầu ngón tay tượng trưng cái tâm rất tán loạn của chúng ta, vọng niệm rất nhiều. Chấp tay có ý nghĩa thu hồi ý niệm của chúng ta, thu hồi vọng niệm lại, biểu thị sự cung kính. Ta nhất tâm, nhất tâm là cung kính; do vậy, chấp tay biểu thị cung kính, đó là kết ấn. Trong tâm biểu lộ thành kính, miệng tán thán, lễ kính và tán thán cũng là tam mật tương ứng. Khi chúng ta niệm Phật, miệng niệm “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, chấp tay là kết ấn, hoặc cầm xâu chuỗi cũng là kết ấn. Trên tay cầm xâu chuỗi có nghĩa là gì? Bình thường, xâu chuỗi biểu thị hai tác dụng:

1) Một tác dụng là nhắc nhở chính mình niệm Phật, sợ quên mất. Rất nhiều người niệm Phật, niệm đến cuối cùng chẳng biết đã quên bằng lúc nào, tâm chẳng biết đã chạy đến đâu rồi, cho nên xâu chuỗi nhắc nhở quý vị.

2) Thứ hai là xâu chuỗi để đếm số, ta mỗi ngày niệm Phật bao nhiêu câu, đếm số [để có công khóa nhất định]!

Có hai tác dụng ấy! Thông thường, đếm số lúc mới sơ học, nhiếp tâm [bằng cách] đếm số, còn nhắc nhở là đối với những người tu hành đã lâu, niệm Phật đã có công phu khá, sợ “thất niệm”. Thất niệm là quên mất, tâm chạy theo vọng tưởng, quên khuấy Phật hiệu. Vì thế, [xâu chuỗi] nhằm nhắc nhở quý vị, có hai loại ý nghĩa ấy.

Trong tâm nghĩ tưởng A Di Đà Phật, Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật). Ưc Phật là nghĩ tới Phật, trong tâm thường nghĩ tới A Di Đà Phật. Vì

thể, khi đã niệm thuộc kinh Vô Lượng Thọ sẽ tốt lắm. Nghĩ tới công đức, đại nguyện, sự tu hành, đại từ đại bi phổ độ chúng sanh của A Di Đà Phật, chẳng nghĩ gì khác, đó gọi là Ưc Phật. Niệm Phật, trì danh hiệu Phật, vì sao? A Di Đà Phật dạy chúng ta như vậy. Nếu quý vị muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hãy thường thường chấp trì danh hiệu. “Chấp” (執) là chấp trước, “trì” (持) là bảo trì (gìn giữ), chớ nên vứt bỏ. Phật pháp luôn dạy chúng ta buông xuống, chỉ riêng Phật hiệu là chẳng thể buông xuống. Buông Phật hiệu xuống, quý vị chẳng có gì để nương cậy! Thứ gì cũng buông xuống, nhưng chuyên môn chấp trước Phật hiệu. Thứ này giống như phi thuyền bay trong vũ trụ, câu Phật hiệu này là tuyến đường bay. Chỉ cần noi theo Phật hiệu, quý vị chẳng bị lạc khỏi tuyến đường hành trình, nó sẽ dẫn quý vị đến thế giới Cực Lạc. Do một câu Phật hiệu niệm niệm đều tương ứng với Tây Phương Cực Lạc thế giới, tâm chúng ta khởi niệm ở nơi đây, A Di Đà Phật ở bên kia liền nhận được. Niệm niệm tương ứng, chẳng lạc lối mảy may, phương pháp này màu nhiệm tột bậc! Quý vị đừng hỏi thế giới Cực Lạc ở nơi đâu, chỉ cần giữ vững danh hiệu ấy, chắc chắn sẽ đạt đến. Đánh mất danh hiệu này, có thể sẽ đi sai chỗ, chẳng đến được! A Di Đà Phật dạy chúng ta phương pháp này là có lý, tuyệt đối chớ nên làm lơ, phải biết phương pháp này là trọng yếu, phương pháp này cũng là một loại Mật pháp.

“Vị linh chúng sanh thân khẩu ý tam nghiệp đốn khế Như Lai tam mật, cố tức thân thành Phật. Cố Mật Tông diệc xưng Tương Ứng Tông” (Vì khiến cho ba nghiệp thân, khẩu, ý của chúng sanh nhanh chóng khế hợp tam mật của Như Lai, cho nên thành Phật ngay trong thân này. Do đó, Mật Tông còn gọi là Tương Ứng Tông). Quý vị xét xem, Tịnh Độ của chúng ta có phải là Tương Ứng Tông hay không? Có cùng một ý nghĩa! Vì thế, tu hành phải thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Khi tổ sư tiếp dẫn đại chúng đã có *“thù thắng di phương tiện”* (phương pháp lạ lùng thù thắng), *“dị”* (異) là pháp phương tiện khác biệt, nêu ra như thế nào? Thiền Tịnh song tu, hoặc Mật Tịnh song tu, nêu ra các phương pháp ấy. Phải biết: Đó là phương tiện thiện xảo của tổ sư vì quý vị quá chấp trước Thiền. Bảo quý vị buông Thiền xuống để chuyên tu Tịnh Độ, quý vị chẳng đành lòng, chẳng muốn, sẽ nảy sinh phiền não. Tổ sư thấy rất rõ ràng, biết quý vị tu Thiền chẳng thành công, khuyên quý vị học Tịnh Độ thì quý vị lại chẳng chịu, bèn dùng pháp phương tiện, [bảo] Thiền Tịnh song tu tốt lắm: *“Có Thiền, có Tịnh Độ, giống như cạp đội sừng”!* Quý vị vừa nghe nói như thế bèn thích thú, cũng niệm Phật kèm thêm. Trên thực tế, nhằm vào ý nghĩa gì? Quý vị tu Thiền chẳng thành công, tu Tịnh bèn thành công, dùng phương pháp như vậy đó. Chúng ta đã tu Tịnh Độ, lại muốn tu Thiền thì trật mất rồi! Tổ sư chẳng nói lời ấy với chúng ta, quý vị đi theo con đường này là chánh xác, đã đi đúng rồi, đừng đi vào ngõ rẽ! Nhìn từ chỗ này, quý vị nhìn vào kinh văn, thấy Tịnh và Mật chẳng hai! Mật là Tịnh, Tịnh là Mật. Hơn nữa, Tịnh và Mật có quan hệ càng mật thiết hơn, vì sao? Đều là tu tâm thanh tịnh. Tịnh Độ tu tâm thanh tịnh, Mật cũng là tu tâm thanh tịnh, cho nên càng gần gũi; nhưng Tịnh thuận tiện hơn Mật, Mật đòi hỏi phải có căn cơ kha khá!

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi: “*Hiện thời học Mật chẳng có ai thành tựu!*” Tôi đến thăm lão nhân gia ở Bắc Kinh, có mấy lần nhắc tới vấn đề này. Trong thời đại này, từ nay về sau, Thiên và Mật đều chẳng thể nào thành tựu, thật sự có thể thành tựu thì chỉ có tri danh niệm Phật! Trong kinh, đức Phật đã dạy điều này, chắc chắn chẳng giả, pháp môn này có thể độ chúng sanh trong một trăm năm cuối cùng của thời Mạt Pháp. Trong một trăm năm cuối cùng ấy, kinh giáo nhà Phật hoàn toàn biến mất trên thế gian này, chẳng còn nữa. Chúng sanh chẳng có phước, kinh giáo hoàn toàn mất đi, nhưng hãy còn có một câu hồng danh sáu chữ “*nam-mô A Di Đà Phật*” trên thế gian. Trong một trăm năm cuối cùng, có người niệm câu Phật hiệu này thì cũng có thể vãng sanh. Vì vậy, trong thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu, đức Phật đã tuyên thuyết điều này.

“*Thử tứ cú dữ tiền ‘thăng Quán Đảnh giai’ nhị cú, thâm biểu Mật Tịnh bất nhị chi chi*” (bốn câu này và hai câu “lên địa vị Quán Đảnh” trong phần trước biểu thị sâu xa ý chỉ “Mật - Tịnh bất nhị”), xác thực là chúng ta có thể hiểu được. “*Biểu hội trung chư đại sĩ, vị hoàng Mật Thừa, nữ giáo đạo chư Bồ Tát, thành vi Kim Cang A Xà Lê, cố bốn thân hằng thường tu tập vô lượng vô biên tương ứng chi hạnh*” (biểu thị các vị đại sĩ trong hội vì hoàng dương Mật Thừa, để dạy các vị Bồ Tát trở thành Kim Cang A Xà Lê. Do vậy, bản thân thường luôn tu tập vô lượng vô biên hạnh tương ứng). Nay chúng ta hiểu “*thường luôn tu tập vô lượng vô biên hạnh tương ứng*” chính là một câu danh hiệu này, trong tâm thật sự có A Di Đà Phật. Phải biến A Di Đà Phật thành bậc ngưỡng mộ nhất, ưa thích nhất, tôn kính nhất, niệm niệm chẳng quên trong tâm chúng ta. Trong tâm quý vị thật sự có Phật, miệng chẳng lia danh hiệu, thân chẳng lia lễ Phật. Bình thường, đối với người, đối với sự, đối với vật, hết thầy cung kính, thân nghiệp tương ứng. Trong khóa lễ sáng tối, có thể lễ bái một trăm lạy, đó là người bình thường, khóa sáng lạy Phật một trăm lạy, khóa tối lạy Phật một trăm lạy, rất hữu ích khiến cho thân thể mạnh khỏe. Lạy Phật là vận động hết sức tốt. Lạy Phật đừng nên dùng đệm lạy, hãy lễ trực tiếp trên sàn thì quý vị mới có thể thâm được hiệu quả từ sự vận động. Nếu có đệm lạy rất cao, sẽ chẳng thâm được hiệu quả này. Thân tâm khỏe mạnh, tam mật tương ứng.

Trong câu tiếp theo, trong quá khứ, tôi đọc câu này liền với câu trên: “*Thường tập tương ứng vô biên chư hạnh, thành thực Bồ Tát vô biên thiện căn*” (thường tu tập vô biên các hạnh tương ứng, thành thực vô biên căn lành của Bồ Tát). Trong Khoa Phán, tôi phân chia theo cách như vậy, có hơi khác đôi chút so với cụ Niệm Tổ. Câu kết thúc là “*vô biên chư Phật hàm cộng hộ niệm*” (vô biên chư Phật đều cùng hộ niệm). Đây là một đoạn nhỏ cuối cùng trong phân đoạn này, [nói về] sự hộ niệm của Phật, [thường gọi tắt là] “*Phật hộ*”. Đối với thiện căn, thành thực vô biên thiện căn của Bồ Tát. “*Thiện căn giả, thân, khẩu, ý tam nghiệp chi thiện, cố bất khả bạt, vị chi Căn*” (Thiện căn là điều lành nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý, vững chắc, chẳng thể nhổ trừ, nên gọi là Căn), đây là ý nghĩa thứ nhất của chữ Căn.

Trong tam nghiệp thiện, nói theo mặt Sự, đối với những điều thiện nơi thân trong Thập Thiện Nghiệp Đạo, quý vị gìn giữ hết sức kiên định, làm được một trăm phần trăm: Thân chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, đó là ba điều thiện nơi thân. Miệng có bốn điều thiện, chẳng vọng ngữ, không nói đôi chiều, không nói thêu dệt, không ác khẩu. Ý cũng có ba điều thiện, tức là chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Thực hiện Thập Thiện một trăm phần trăm là ai? Thừa cùng chư vị, Pháp Thân Bồ Tát thật sự làm được. Quan sát cẩn thận, từ khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, từ sự đãi người tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày của người ấy, quý vị hãy quan sát kỹ lưỡng, từ Thập Thiện mở rộng thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, thiện hạnh đây! Đó chính là “*thành thực Bồ Tát vô biên thiện căn*” như trong phần trước đã nói. Con số “*tám vạn bốn ngàn*” được nói trong kinh chẳng phải là giả, quý vị hãy phân tích từng chuyện, đúng là tám vạn bốn ngàn. Trên thực tế, tám vạn bốn ngàn lại mở rộng ra sẽ là vô lượng vô biên.

Tiếp đó, còn có một ý nghĩa nữa: “*Hựu thiện năng sanh diệu quả, xuất sanh dư thiện, cố vị chi Căn*” (Lại nữa, thiện có thể sanh ra thiện quả, sanh ra các điều lành khác, nên gọi là Căn). Dùng điều này để tỷ dụ, giống như cây cối, hoa, cỏ có rễ. Từ thiện căn, từ Căn ấy có thể sanh ra vô lượng vô biên thiện pháp. Hết thấy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng lìa mười thiện nghiệp ấy; do vậy, Thập Thiện Nghiệp là cội rễ của tất cả hết thấy thiện pháp. Tương phản của Thập Thiện là Thập Ác, đó là mười thứ bất thiện, cũng là nói tất cả hết thấy bất thiện, vô lượng vô biên bất thiện nghiệp của chúng sanh trong tam giới lục đạo đều sanh từ Thập Ác. Chúng ta biết thiện hạnh và ác nghiệp rốt cuộc là chuyện như thế nào, quý vị thấy rõ ràng, thấy minh bạch. Chúng ta mong mỗi làm thiện nhân, hay là mong làm ác nhân, bất thiện? Tư tưởng và ngôn hạnh tương ứng với Thập Ác, toàn bộ đều xấu xa. Là kẻ tương ứng với Thập Ác, chắc chắn thân thể chẳng khỏe mạnh. Thân thể có bệnh, chắc chắn hoàn cảnh cư trụ có rất nhiều tai nạn. Tai nạn có hữu hình và vô hình, vô hình chỉ điều gì? Nhục nhãn chẳng trông thấy oán thân trái chủ, nhưng họ luôn quanh quẩn bên quý vị, nhiễu loạn quý vị. Vì sao? Do nghiệp lực bất thiện cảm vời. Nếu quý vị thật sự tu Thập Thiện, thân, ngữ, ý nghiệp tương ứng với Thập Thiện Nghiệp, giữ vững chẳng bỏ, quý vị chẳng nhìn thấy những thiện thần ở quanh quý vị ủng hộ, cung kính quý vị. Quý vị là người tốt, họ đến giúp quý vị thành tựu thiện hạnh. [Những chuyện này] đều chẳng tách rời nghiệp cảm. Vì thế, thiện nhân có thiện quả, ác nhân có ác báo.

Đệ Tử Quy hướng dẫn trẻ nhỏ, thực hiện Thập Thiện từ đâu? Thực hiện từ Đệ Tử Quy, thực hiện từ Cảm Ứng Thiên, sau đấy, Thập Thiện mới có Căn. Chẳng có Cảm Ứng Thiên, chẳng có Đệ Tử Quy thì Thập Thiện chẳng có Căn. Thời cổ, bất luận xuất gia hay tại gia học Phật, vì sao có thành tựu tốt đẹp như thế? Chẳng có gì khác! Từ bé đã được vun bồi căn cội tốt đẹp. Cha mẹ thật sự yêu thương con cái, vun bồi căn cội tốt đẹp từ bé, đó gọi là “*chân ái hộ*” (thật sự yêu thương). Góc sâu rễ vững, tăng trưởng, bất luận trong cảnh duyên

nào, đều chẳng bị biến đổi. Do vậy, có thể nào chẳng thể cảm ân cha mẹ? Cha mẹ sanh ra chúng ta, nuôi nấng, giáo dục chúng ta, ân đức ấy quá lớn. Cha mẹ dưỡng thành cội rễ ấy, Phật, Bồ Tát tiếp tục dạy bảo quý vị, trong một đời này, quý vị có thể thành Phật, thành Bồ Tát. Phật, Bồ Tát là thầy của chúng ta, tức là A Xà Lê của chúng ta. A Xà Lê là Giáo Thọ, hoặc Quĩ Phạm Sư, là vị thầy giúp chúng ta thành tựu. Người sống trong thế gian phải cảm ân, cội rễ của cảm ân là cha mẹ và sư trưởng, đây là cội nguồn! Nếu chẳng có hai loại cội rễ ấy, bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng thì trong thế gian này, bố thí, thi ân đối với bất luận người nào hay vật nào toàn là giả dối. Vì sao? Ân huệ ấy chẳng có Căn; do vậy, ân huệ ấy chẳng phải là sống, mà là chết, chẳng có Căn mà! Chớ nên chẳng biết đạo lý này!

Chúng ta xem tiếp sự hộ niệm trong phần sau, “*vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm*” (vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm), vì sao? Vì quý vị tương ứng, nên khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác [của quý vị] chư Phật, Bồ Tát hoàn toàn hay biết. Quý vị là thiện nhân, thiện nam tử, thiện nữ nhân, nay quý vị nhất tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, hiếm có, khó được, chư Phật, Bồ Tát biết khởi tâm động niệm, biết sự phát tâm của quý vị, tự nhiên tương ứng đến hộ trì quý vị, hết thảy thiện thần hộ niệm quý vị. Vì sao? Thiện cảm ứng thiện, ác cảm ứng ác. Nếu quý vị làm chuyện ác thì có cảm ứng là yêu ma quỷ quái đều đến hộ trì, La Sát, ác thần đến hộ trì quý vị, giúp quý vị làm ác, đó là cảm ứng. “*Hộ niệm giả, bảo hộ ức niệm dã. Hội Sớ viết: Hộ vị phú hộ, niệm vị ký niệm*” (Hộ niệm là che chở, nghĩ nhớ. Hội Sớ giảng: “Hộ là che chở, bảo vệ. Niệm là ghi nhớ”). “*Phú hộ*” (覆護) là bảo vệ, hộ trì, là điều quý vị đạt được. Phật, Bồ Tát bảo vệ, hộ trì quý vị. Phật, Bồ Tát thường thường nghĩ nhớ quý vị. Bất luận trong hoàn cảnh nào, Phật, Bồ Tát chẳng hề không chiếu cố. Nếu ý niệm của chúng ta sai trái, niệm niệm đều là tham, sân, si, niệm niệm đều là ngũ dục, lục trần, tôi vừa mới nói rồi đó, cũng có kẻ hộ niệm quý vị: Ma Vương Ba Tuần, La Sát, yêu ma quỷ quái, oán thân trái chủ đều hộ niệm quý vị, trợ giúp quý vị tạo ác. Nói cách khác, họ giúp đỡ, dụ dỗ quý vị đi vào đâu? Vào tam đồ, đến các nơi khác nhau, như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đến những nơi đó. Người niệm Phật, Phật hộ niệm quý vị, quý vị sanh về thế giới Cực Lạc. Thiện nhân chẳng niệm Phật, trong tâm muốn sanh lên trời, hoặc muốn đời sau được hưởng phước báo nhân thiên, Phật, Bồ Tát, thiện thần đều gia hộ, hộ niệm quý vị, tâm nguyện nhất định xứng ý đúng lý, nhất định như nguyện. Ở chỗ này, chúng ta thấy kinh giáo nói: Đối hết thảy chúng sanh, chư Phật, Bồ Tát “*tùy tâm ứng lượng*”, [tức là] thuận theo nguyện vọng của quý vị, mà Phật, Bồ Tát thỏa mãn nguyện vọng. Đó là nói rõ sau khi tương ứng, nhất định được hộ niệm!

“*Tịnh Ảnh Sớ viết: Hộ sử ly ác, niệm linh tăng thiện*” (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Hộ khiến lìa ác, Niệm khiến tăng thiện”). Ngài đã tách hộ niệm ra để giảng, Hộ (護) là gì? Bảo vệ quý vị, giúp quý vị lìa hết thảy ác; Niệm (念) là niệm niệm giúp cho quý vị tăng thiện. Cách giảng này cũng hay lắm! “*Cổ tri thử lưỡng cú tổng tán hội trung chư đại sĩ*” (nên biết hai

câu này khen ngợi chung các vị đại sĩ trong hội), tán thán chung những vị Bồ Tát tham dự pháp hội, Đại Sĩ là danh xưng để gọi Bồ Tát, “*tuân tu Phổ Hiền chi đức, sử dư Bồ Tát vô biên thiện căn giai đắc thành thực, cố vô lượng chư Phật tất giai hộ niệm*” (tuân tu đức của Phổ Hiền, khiến cho vô biên thiện căn của các vị Bồ Tát khác được chín muồi. Do vậy, vô lượng chư Phật thấy đều hộ niệm). Thuở ấy, đức Thế Tôn mở pháp hội này tại Linh Sơn, vì chúng ta tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, Bồ Tát tham dự pháp hội lần ấy rất đông. Trong phần trước, kinh văn đã giới thiệu mười sáu vị Chánh Sĩ, trong số ấy, có nhiều vị Bồ Tát từ các phương khác đến, chẳng phải là người trong thế giới Sa Bà. Do vậy, ta có thể biết sự thù thắng của pháp hội. Nhục nhãn của lũ phàm phu chúng ta chẳng trông thấy, nhưng từ A La Hán trở lên đều có thể thấy. Thậm chí Tu Đà Hoàn đã khai thiên nhãn đều có thể trông thấy. Những vị Bồ Tát ấy bất luận là trong cõi này hay nơi phương khác, “cõi này” là nói đến thế giới Sa Bà, khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật là mười ức hệ Ngân Hà, chúng sanh ở trong ấy có bao nhiêu? “*Dư Bồ Tát*” là nói tới các vị Bồ Tát trong mười phương thế giới có duyên với Tịnh Tông, có duyên với A Di Đà Phật, những vị như vậy rất đông! Trong hội này, những vị đại Bồ Tát tu đức của Phổ Hiền đại sĩ có thể ảnh hưởng những vị Bồ Tát có duyên với Tịnh Tông trong mười phương thế giới, giúp họ thành thực thiện căn, nên mới có cách nói này: “*Vô lượng chư Phật thấy đều hộ niệm*”, tức là như kinh văn đã chép: “*Vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm*”. Sau khi chúng ta đọc xong, sẽ có thể cảm nhận được. Nếu chúng ta thật sự tu Tịnh Độ, tâm chân thành tu Tịnh Độ, nhất tâm nhất ý muốn thấy A Di Đà Phật, ý niệm ấy sẽ cảm vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm. Đức Phật nói kinh này chẳng hề nói dối, câu nào cũng chân thật. Đức của Phổ Hiền được giới thiệu đến đây.

Phần kinh văn tiếp theo nói đến trí đức của Văn Thù Bồ Tát, những phần trước đều là “*tuân tu Phổ Hiền chi đức*”, Phổ Hiền là hạnh đức, Văn Thù là trí đức. Hạnh cũng phải có trí huệ. Chẳng có trí huệ, tu hành sẽ nảy sinh vấn đề. Trong Phật pháp, các vị tổ sư đại đức trong quá khứ thường dạy: “*Từ bi vi bản, phương tiện vi môn*” (từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa), đó là Phật pháp, nhưng các Ngài còn nói: “*Từ bi đa họa hại, phương tiện xuất hạ lưu*” (từ bi lắm họa hại, phương tiện thành hạ lưu), đó là gì? Trong từ bi và phương tiện nảy sinh tác dụng phụ, vì sao nảy sinh tác dụng phụ? Xử sự bằng cảm tình, vấn đề bèn nảy sinh. Do vậy, cần phải dùng trí huệ, trí huệ của Văn Thù sẽ không xuất hiện vấn đề. Điều nhằm dạy chúng ta, trong cuộc sống hằng ngày phải dùng lý trí, chớ nên dùng cảm tình. Dùng cảm tình sẽ thường là thiên kiến, dùng trí huệ sẽ chẳng có thiên kiến. Do vậy, đã có hạnh Phổ Hiền, vẫn phải có trí đức của Văn Thù, [hay gọi tắt là] Văn Thù trí. Chúng ta đọc kinh văn:

(Kinh) Chư Phật sát trung, giai năng thị hiện.

(經) 諸佛剎中。皆能示現。

(Chánh kinh: Trong các cõi Phật, đều có thể thị hiện).

Đây là tướng biểu thị của Văn Thù trí đức. Trí huệ là gì? Trí huệ là thật sự có thể buông xuống, có thể thị hiện trong các cõi Phật.

(Kinh) Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng.

(經) 譬善幻師。現眾異相。

(Chánh kinh: Ví như người giỏi huyễn thuật, có thể hiện các tướng lạ).

Đây là nêu tỷ dụ, “thiện huyễn sư” là nhà ảo thuật, tuy chẳng phải là thật, nhưng kẻ ấy có thể hiện ra rất nhiều hình tượng khác nhau!

(Kinh) U bỉ tướng trung, thật vô khả đắc.

(經) 於彼相中。實無可得。

(Chánh kinh: Trong các tướng ấy, thật sự chẳng thể được).

Các tướng trong tỷ dụ ấy là giả, chẳng thật. Đó là trí huệ, hiển lộ trí huệ.

(Kinh) Thử chư Bồ Tát, diệc phục như thị.

(經) 此諸菩薩。亦復如是。

(Chánh kinh: Các vị Bồ Tát ấy cũng giống như thế).

Do vậy, các Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, giáo hóa hết thảy chúng sanh, quyết định chẳng có chấp trước, phân biệt, chẳng khởi tâm động niệm, nên hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm chúng sanh, mà ứng hiện phù hợp với khả năng nhận biết của họ). Đây cũng là nói rõ: Hết thảy các pháp sanh từ tâm tướng, chẳng liên can bất cứ ai. Vì thế, toàn là “tự làm, tự chịu”, phải thừa nhận điều này, chẳng liên can bất cứ ai! Có thể tham cứu thấu suốt đạo lý này, trong bất luận hoàn cảnh nào, quý vị cũng có thể tâm bình khí hòa, chẳng oán trời, trách người. Kẻ tâm bình khí hòa có thể thấy rất rõ ràng. Đó là trí huệ của Văn Thù.

(Kinh) Thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng, cúng dường chư Phật, khai đạo quần sanh, hóa hiện kỳ thân, do như điện quang. Liệt ma kiến võng, giải chư triền phược. Viễn siêu Thanh Văn, Bích Chi Phật địa, nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyên pháp môn, thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa.

(經) 通諸法性。達眾生相。供養諸佛。開導群生。化現其身。猶如電光。裂魔見網。解諸纏縛。遠超聲聞辟支佛地。入空無相無願法門。善立方便。顯示三乘。

(Chánh kinh: Thông hiểu các pháp tánh, thấu hiểu tướng chúng sanh, cúng dường chư Phật, chỉ dạy quần sanh, hóa hiện thân mình giống như tia chớp, xé lưới ma kiến, tháo các triền phược. Vượt xa địa vị Thanh Văn, Bích Chi Phật, nhập pháp môn Không, Vô Tướng, Vô Nguyên, khéo lập phương tiện hiển thị tam thừa).

Đoạn này toàn là nói về trí đức của Văn Thù Bồ Tát, chúng ta hãy đọc lời chú giải: “*Thượng nhất đoạn văn*”, [nghĩa là] đoạn văn vừa đọc trên đây, “*tục diễn*” (tiếp tục diễn nói), Tục (續) là tiếp theo, “*Chuyển Pháp Luân chi đệ thất tướng*” (tướng thứ bảy là Chuyển Pháp Luân), đã nói về hạnh Phổ Hiền, lại còn có Văn Thù Bồ Tát cần phải nói tiếp, nên tiếp tục diễn nói về tướng Chuyển Pháp Luân thứ bảy. “*Bốn phẩm danh vi Đức Tuân Phổ Hiền, chánh biểu kinh trung Phổ Hiền vị liệt Thượng Thủ chi nghĩa*” (phẩm này có tên là Đức Tuân Phổ Hiền, chính là để biểu thị ý nghĩa: Trong kinh này, ngài Phổ Hiền được xếp vào địa vị Thượng Thủ). Vị Thượng Thủ thứ nhất là Phổ Hiền Bồ Tát, giống như kinh Hoa Nghiêm. “*Cái bốn kinh vi Viên Giáo, tòng quả khởi nhân, cố tiên Phổ Hiền, nhi thứ Văn Thù. Phổ Hiền biểu Hạnh, Văn Thù biểu Trí. Vô Trí tắc bất năng khởi Hạnh, cố phục đương tiêu hiển Văn Thù*” (đó là vì kinh này là Viên Giáo, từ nhân dấy lên quả, cho nên trước là Phổ Hiền, kế đến là Văn Thù. Phổ Hiền biểu thị Hạnh, Văn Thù biểu thị Trí. Không có Trí sẽ chẳng thể

khởi Hạnh, do vậy, phải nêu rõ Văn Thù). Đây là nói rõ duyên do của đoạn kinh này, vì sao ở đây phải nói đoạn kinh văn này, nêu ra nguyên nhân. Trong phần trước, đã nói về hạnh Phổ Hiền. Kinh này là Viên Giáo, y chiếu giáo nghĩa của kinh này, viên cực, đốn cực, vì kinh này dạy chúng ta thành tựu trong một đời, nên được gọi là Đốn Giáo, chẳng phải là bảo chúng ta phải tu vài đời, chẳng phải vậy, mà là thành tựu ngay trong một đời! Trong một đời này, ngay khi còn đang sống sờ sờ, có nghĩa là gì? Người niệm Phật chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chư vị nhất định phải biết điều này, là ra đi trong khi còn sống, không phải là chết rồi mới đi. Lúc lâm chung, tôi không nói “sắp chết” mà nói “lúc sắp ra đi”, quý vị thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, đầu óc quý vị rất sáng suốt, tinh táo, chẳng thấy sai lầm. A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đến tiếp dẫn ta, quý vị nói rõ với người chung quanh: “Phật đến đón tiếp tôi, tôi theo Phật ra đi”, chẳng phải là ra đi trong khi còn sống ư? Sau khi ra đi, chẳng cần đến xác thân nữa. Chư vị phải biết điều này: “Ra đi trong khi còn sống”, cho nên là [thành tựu] trong một đời này.

Bản thân quý vị quyết định chẳng có cảm giác quý vị đã chết rồi sanh về bên kia, chẳng có chuyện ấy! Linh tánh của quý vị rời khỏi cơ thể này, theo Phật cùng đến thế giới Cực Lạc. Không phải là chết rồi mới đi, đã chết thì làm sao có thể đi được? Chết rồi mới đi sẽ chẳng dễ dàng, như vậy thì cũng phải rất có thiện căn, đó là gì? Thân Trung Âm đặc độ, có những trường hợp như vậy, nhưng rất ít! Trong hiện thời, những năm qua, chúng ta đề xướng nghi thức Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự do Trung Phong thiền sư biên soạn, rất có hiệu quả, nhằm độ Trung Âm, âm dương đều lợi lạc. Những chúng sanh trong cõi U Minh có vãng sanh [Cực Lạc] hay không? Có, nhưng chẳng nhiều lắm, đại đa số vãng sanh thiên đạo, do nguyên nhân nào? Kẻ hiểu rõ thế giới Cực Lạc quá ít. Do vậy, những đồng tu thường nghe kinh, biết nhiều về thế giới Cực Lạc, chúng ta nghe kinh trong pháp hội này, tại đạo tràng này, không chỉ loài người chúng ta đang nghe, chúng ta chẳng thấy chư linh trong cõi u minh, số lượng đông hơn chúng ta chẳng biết bao nhiêu lần. Chư linh nghe kinh tốt lắm, trong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự, do họ thường đến nghe kinh, sẽ thật sự vãng sanh. Kẻ chẳng thường nghe kinh có ít cơ hội hơn, chúng ta có thể lý giải, suy nghĩ điều này.

Kinh giáo Tịnh Độ chẳng thể không giảng, bản thân chúng ta đọc kinh liễu giải, chính mình đặc độ. Chính mình liễu giải mà nếu không giúp đỡ người khác, chẳng giới thiệu kinh này cho người khác, tức là có lỗi với chính mình, có lỗi với Phật, Bồ Tát, có lỗi với A Di Đà Phật. A Di Đà Phật muốn phổ độ chúng sanh, có sao quý vị chỉ độ chính mình, chẳng đoái hoài kẻ khác? Chẳng tương ứng với bản nguyện của A Di Đà Phật. Chúng ta muốn sanh về thế giới Cực Lạc, hy vọng mang theo một số chúng sanh cùng đi, A Di Đà Phật sẽ hoan hỷ. Vì thế, toàn tâm toàn lực khuyên dạy hết thảy chúng sanh nhận thức Tịnh Độ, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Nói theo Tịnh nghiệp tam phước, chính mình đã thành tựu, chớ nên quên giúp đỡ người khác, đây chính là câu cuối cùng, “*khuyến tấn hành giả*”. Đối với người tu

hành, chúng ta phải khuyên họ phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, thành tựu viên mãn trong một đời, đây mới thật sự là đồng tâm, đồng đức, đồng nguyện, đồng hạnh với A Di Đà Phật. Vì thế, chẳng thể không biết Văn Thù trí. Ở đây có hai câu nói rất hay, “*vô trí tắc bất năng khởi hạnh, cố đương tiêu hiển Văn Thù*” (chẳng có Trí sẽ chẳng thể khởi Hạnh, cho nên phải nêu bày, nói rõ Văn Thù). Bởi lẽ, hạnh là trọng yếu, nhưng trí cũng chẳng thể thiếu.

“*Như Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận viết: Bất độ Văn Thù trí hải, nan nhập Phổ Hiền hạnh môn. Dĩ bất năng liễu tri tự tâm, nhất niệm đốn viên, bình đẳng chánh tánh, phàm thánh cộng hữu, nhất tế vô sai. Dĩ bất liễu cố, sở hữu nguyện hạnh tất bất cụ túc*” (như sách Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận đã nói: “Chẳng vượt biển trí Văn Thù, khó nhập Phổ Hiền hạnh môn. Do chẳng thể hiểu rõ tự tâm, nhất niệm đốn viên, chánh tánh bình đẳng, phàm và thánh đều cùng có, chẳng sai biệt mảy may nào. Do chẳng hiểu rõ nên tất cả hạnh nguyện thay đều chẳng trọn đủ”). Đó là gì? Trí huệ trọng yếu. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng Bát Nhã hai mươi hai năm. Chư vị nghĩ xem, [đức Phật] suốt đời giảng kinh bốn mươi chín năm, giảng Bát Nhã hai mươi hai năm, gần như là một nửa thời gian, đó là gì? Coi trọng trí huệ. Bát Nhã là trí huệ Văn Thù. Luận định thông thường, trong sự giáo học suốt một đời, môn học ấy tốn thời gian dài như thế, nên pháp môn chủ tu trong cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật là Bát Nhã. A Hàm là Tiểu Thừa, là cơ sở. Trong A Hàm giảng “đoạn ác, tu thiện” đều là nói theo Sự, quá nửa quả báo là phước báo nhân thiên, nên rất nhiều người thích học, họ chẳng tách rời phước báo nhân thiên, họ mong muốn thứ ấy. Phương Đẳng là dự bị, Bát Nhã là chánh tu, Pháp Hoa nhằm giúp quý vị tăng tấn. Từ chỗ này chúng ta liễu giải, chủ tu trong Phật pháp là trí huệ, làm sao có thể là mê tín cho được? Phật pháp và mê tín hoàn toàn tương phản! Hai mươi hai năm dạy trí huệ, lẽ nào dạy kẻ khác hồ đồ? Đâu có lẽ nào như thế! Nói Phật giáo là mê tín là do nguyên nhân nào? Do chẳng nhận thức Phật giáo, hiểu lầm mất rồi, chê Phật giáo là mê tín, ngộ Phật giáo là tôn giáo. Phật giáo không phải là tôn giáo, mà là sự giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật.

Mấy câu này có ý nghĩa rất sâu, “*bất độ Văn Thù trí hải*”, “*độ*” (度) là vượt qua, cũng có nghĩa là nói: Quý vị chẳng thâm nhập trí huệ của Văn Thù Bồ Tát, khó thể nhập hạnh môn của Phổ Hiền. Phổ Hiền hạnh nương vào Văn Thù trí. Chẳng có Văn Thù trí, quý vị sẽ không thể hành Phổ Hiền hạnh được! Trong phần trước, đã nói cương lĩnh của Phổ Hiền hạnh là mười đại nguyện vương, [chẳng có Văn Thù trí] sẽ chẳng thể thực hiện mười đại nguyện vương. Mười nguyện ấy, mỗi nguyện sau đều sâu hơn nguyện trước, càng về sau càng khó. Bắt đầu từ đâu? Từ “*lễ kính chư Phật*”, chúng ta có tâm lễ kính hay không? Nếu có Văn Thù trí, tâm ấy sẽ phát khởi. Vì sao có thể phát khởi? Quý vị liễu tri tự tâm. Văn Thù trí chẳng có gì khác, chính là quý vị nhận biết chính mình. Người Hoa thường nói: “*Nhân yếu hữu tự tri chi minh*” (con người phải tự biết mình), quý vị phải nhận biết chính mình. Chính mình là

gi? Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Bổn lai thị Phật*” (vốn sẵn là Phật). Mỗi chúng sanh vốn là Phật, đó là Văn Thù trí, chân thật trí huệ, tâm cung kính mới có thể sanh khởi. Chúng ta học Phật, rất cung kính Phật, hết thấy chúng sanh đều là Phật, phải có tâm cung kính đối với họ giống như cung kính Phật, đối với người, đối với sự, đối với vật, đối với thiên địa vạn vật, thật sự sanh khởi tâm cung kính. Đối với người phải lễ kính, lễ tiết hiện thời là cúi đầu lễ, gập đầu không được, thiếu cung kính! Đúng quy củ đúng đó, gập mình chín mươi độ cúi đầu lễ, ắt phải như vậy. Vào thời cổ, hành lễ là đánh lễ tam bái, đó là cổ lễ, nay chúng ta đối trước tượng Phật vẫn đánh lễ tam bái, chẳng quên cổ lễ. Phật là cổ nhân, chúng ta vẫn dùng phương cách của cổ nhân để hành lễ đối với Ngài.

Đối với con người hiện đại, phải hiện đại hóa; nếu chẳng hiện đại hóa, rất nhiều người hiện thời chẳng thể tiếp nhận. Quý vị nói xem có nhiều kẻ học Phật, bảo kẻ ấy hãy học Phật, gặp mặt pháp sư phải lạy, [kẻ ấy giãy nảy]: “Thôi đi, chẳng học!” Phải thông quyền đạt biến, chẳng thể cố chấp giữ quy củ đã thành nề nếp, con người hiện thời có lễ tiết hiện thời, vậy thì sao? Thấy tượng Phật bèn khom mình cúi đầu ba lượt, đó là lễ kính nhất. Như thế thì họ sẽ đến [với Phật] rất dễ dàng, sẽ có thể tiếp dẫn rất nhiều người. Tới khi nào chính kẻ ấy bái lạy, đó là chuyện của kẻ ấy, chẳng phải là chuyện của chúng ta. Đó là đúng! Quý vị đã học thông suốt Phật pháp, học sống động, vận dụng sống động. Đặc biệt là đối với kẻ sơ học. Nếu quý vị dẫn mấy người sơ học đến nơi đây, họ thấy phải bò toài ra đất khấu đầu, họ sẽ cảm thấy khó chịu, lần sau chẳng đến nữa, quý vị đã dọa họ chạy mất rồi! Họ sẽ nói Phật giáo là mê tín, phong kiến, buộc con người quay lại thời đại cổ lỗ, làm sao họ có thể chịu được? Do vậy, chúng ta nhất định phải biết, Phật giáo hiện thời phải dùng lễ tiết hiện thời, Phật giáo tại ngoại quốc bèn dùng lễ tiết ngoại quốc, họ đều vui vẻ. Thông quyền đạt biến, chớ nên không biết điều này.

Do vậy, liễu tri tự tâm, tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Nhất niệm đốn viên, nhất niệm là vô niệm, hữu niệm là nhị niệm. Nhất niệm là bình đẳng, nhị niệm bèn dấy động sóng gió. “*Nhất niệm đốn viên*”, “*viên*” là viên mãn, “*đốn*” là nhanh chóng, đúng vậy đấy, viên mãn! “*Bình đẳng chánh tánh*”: Mây may sai biệt cũng chẳng có, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều có cùng một pháp tánh, cũng là nói chúng có cùng một tự tánh. “*Phàm thánh cộng hữu, nhất tế vô sai*” (phàm thánh đều cùng có, cùng là một tánh chẳng sai khác), “*nhất tế*” là nhất tánh, nhất tâm, [“*nhất tế vô sai*”] là chẳng sai biệt mây may nào. Không chỉ là phàm lẫn thánh đều cùng có, mà y báo và chánh báo đều cùng có. Kinh Hoa Nghiêm diễn tả “tinh và vô tinh cùng chung có” bằng câu: “*Tinh dữ vô tinh đồng viên chung trí*”, “*đồng*” là bình đẳng, “*viên*” là viên mãn, “*chung trí*” là Nhất Thiết Chung Trí, đó là sự chứng đắc nơi quả địa Như Lai. Quý vị thấy vô tinh cũng đều cùng viên mãn Chung Trí.

Thuở chúng tôi còn trẻ, khi ấy tôi mới ngoài bốn mươi tuổi, dạy học tại Phật Quang Sơn. Lúc đó, tại Phật Quang Sơn có ba vị thầy xuất gia là pháp sư Tinh Vân, pháp sư Hội Tánh và tôi, ba người xuất gia, còn có hai vị tại gia là cư sĩ Phương Luân và cư sĩ Đường Nhất Huyền, họ là đại cư sĩ. Bản lãnh Phật học của họ đều cao hơn chúng tôi, lớn tuổi hơn, thời gian học Phật đều lâu hơn chúng tôi. Chúng tôi đã nhiều lần cùng nhau thảo luận vấn đề này, nhưng chẳng có kết luận, câu *“tình dữ vô tình đồng viên chủng trí”* phải giảng như thế nào? Nếu quý vị nói hữu tình chúng sanh, sau khi [chính mình] đã thành Phật thì [sẽ thấy hết thấy] hữu tình chúng sanh đều thành Phật, vẫn còn tạm được. Chứ sau khi đã thành Phật, có sao hoa, cỏ, cây cối, núi, sông, đại địa cũng thành Phật? Nói không thông! Do vậy, lúc đó, có rất nhiều vấn đề tôi đánh dấu hỏi, tồn nghi! Đức Phật nói chắc chắn chẳng sai, nhưng nay chúng ta chẳng có trí huệ ấy, chẳng nghĩ thông suốt đạo lý ấy! Nay tôi đã minh bạch, hiểu rõ, hiểu rõ như thế nào? Kinh Hoa Nghiêm đã nói thấu triệt, thuở ấy, chúng tôi chẳng đọc thông suốt kinh Hoa Nghiêm, đọc thì đọc vậy, tựa hồ hiểu, nhưng chẳng hiểu, trong ấy có rất nhiều vấn đề. Trong quá khứ, chúng ta đã học tập Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư hai lượt, vấn đề ấy đã được giải quyết. Tình và vô tình đúng là có cùng một Thể. Khi ta đã thành Phật, hết thấy chúng sanh đều thành Phật, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa toàn bộ đều thành Phật, thật vậy, chẳng giả! Kẻ giác ngộ thấy hết thấy các pháp chẳng chấp tướng. Chẳng chấp tướng sẽ thấy gì? Thấy pháp tánh, Tông Môn nói là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Quý vị thấy hết thấy chúng sanh đều có cùng một điều bình đẳng, ở đây, điều bình đẳng ấy được gọi là *“chánh tánh”*, tức là tự tánh, lẽ nào chẳng phải là Phật? Thấy hết thấy cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa là pháp tánh. Chánh tánh và pháp tánh là một tánh, cùng là một tánh với tự tánh, chẳng phải là hai tánh.

Hết sức khó có, cận đại, trong mấy năm gần đây nhất, khoa học tiên tiến, các nhà khoa học Lượng Tử đã cho chúng ta biết, đúng là cùng một Thể. Khó có! Lượng Tử Lực Học cho chúng ta biết vật chất là thứ gì? Là chuyện như thế nào? Họ nói ra sao? [Vật chất] là hiện tượng do ý niệm dao động, điều này đã giúp ích Phật pháp rất lớn. Vì Phật pháp bảo “vạn sự vạn tượng trong vũ trụ là hiện tượng dao động”. Các nhà Lượng Tử Lực Học đã chứng tỏ, đức Phật nói điều này là thật, chẳng giả! Nhất niệm bất giác bèn có vô minh, là hiện tượng dao động. *“Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới vi duyên trường lục thô”* (vô minh bất giác sanh ra ba tế tướng, cảnh giới làm duyên tăng trưởng sáu thô tướng), đó là nói về sự phát triển của vũ trụ, trong ấy sanh ra biến hóa vô lượng vô biên vô tận, chẳng thể nghĩ bàn! Dẫu nói nhiều đến mấy, nó là một huyền tướng, chẳng thật! Nói tóm lại, vạn pháp đều là Không: *“Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp”*. Hai câu này nói rất hay, các nhà khoa học Lượng Tử đã thật sự chứng minh.

Đức Phật muốn chúng ta phải dùng trí huệ ấy, dùng thanh tịnh bình đẳng giác để nhìn thế gian, quý vị mới có thể thấy chân tướng, mới có thể thấy hết thấy vạn pháp chẳng sai

khác mảy may. Không chỉ là phàm - thánh chẳng có sai biệt, mà đều là tự tánh hiện. Phàm - thánh sai biệt ở chỗ nào? Hiểu rõ tự tánh là thánh nhân, mê hoặc tự tánh là phàm phu. Phàm - thánh sai biệt ở chỗ mê hay ngộ, chẳng liên quan gì đến tự tánh. Tự tánh chẳng có mê hay ngộ. Con người có mê hay ngộ, chứ tự tánh chẳng có mê hay ngộ, phải hiểu đạo lý này! Vọng tâm có mê hay ngộ, chân tâm chẳng có mê hay ngộ. Đó là vũ trụ và nhân sinh quan trong nhà Phật. Do vậy, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói: “*Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học trên toàn thế giới*”, câu nói ấy rất hay. Mấy câu nói sau đây có thể chứng minh [lời của cụ Phương], “*liễu tri tự tâm, nhất niệm đốn viên, bình đẳng chánh tánh, phàm thánh cộng hữu, nhất tế vô sai*”.

“*Dĩ bất liễu có, sở hữu nguyện hạnh giai bất cụ túc*” (do chẳng hiểu rõ nên tất cả hạnh nguyện đều chẳng trọn đủ). Nếu chẳng biết chuyện này, sẽ phiền phức lớn. Phiền phức lớn cỡ nào? Mê hoặc, điên đảo, tạo nghiệp thọ báo, luân hồi trong lục đạo. Giác ngộ bèn như thế nào? Chẳng còn luân hồi trong lục đạo, vĩnh viễn vượt thoát. Do vậy, quý vị thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Trong tâm mục của người thế gian, đây mới là thật sự đạt đến cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn rất ráo. Chúng tôi đã nói rất nhiều lần, chuyện này chẳng mảy may liên quan đến giàu, nghèo, sang, hèn! Giàu, nghèo, sang, hèn là gì? Là nghiệp báo của phàm phu. Khi quý vị giác ngộ, sẽ hoàn toàn vượt thoát, vượt thoát lục đạo phàm phu, vượt trở những bậc tiểu thánh, thọ dụng tự nhiên thay đổi. Hôm nay đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta lại tiếp tục học tập.

Tập 112

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi ba, hàng thứ ba, xem từ giữa hàng thứ ba.

“*Như Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận viết*” (như Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận nói), chúng ta xem từ chỗ này. “*Bát độ Văn Thù trí hải, nan nhập Phổ Hiền hạnh môn*” (chẳng vượt biển trí Văn Thù, khó nhập hạnh môn Phổ Hiền), hai câu này vô cùng quan trọng, đặc biệt nhắc nhở các đồng học học Phật chúng ta nhất định phải coi trọng trí huệ. Trong xã hội hiện thời, nhìn trên hình thức, giáo dục dường như rất phát triển, trường học rất nhiều. Quan sát cẩn thận, tất cả sự giáo dục hiện thời, chúng ta thường nói là giáo dục gia đình, giáo dục trong học đường, giáo dục trong xã hội, cho đến giáo dục tôn giáo, đều chẳng nhân mạnh trí huệ, chỉ nhân mạnh kiến thức. Chư vị phải biết: Trí huệ và kiến thức khác nhau, chẳng tương đồng! Trí huệ có thể giải quyết hết thảy vấn đề, giải quyết rất viên mãn, chẳng để lại hậu quả. Kiến thức có hạn chế, nó chẳng thể giải quyết hết thảy vấn đề, có những vấn đề có thể giải quyết được, nhưng cũng có những vấn đề chẳng thể giải quyết, lại còn để lại rất nhiều hậu quả, chúng ta chớ nên chẳng biết điều này! Học rộng nghe nhiều, mà nếu chẳng có trí huệ, sẽ là tri thức (kiến thức). Trí huệ học từ đâu? Trí huệ chẳng lia Giới, Định, Huệ, nhất định là từ Giới - Định mà khai trí huệ, trí huệ mới thấu lộ. Nói cách khác, người tâm thường ở trong Định, sẽ dễ khai trí huệ. Nếu một kẻ tâm bộp chộp, hời hợt, làm sao có trí huệ cho được? Do vậy, vào thời cổ, tại Trung Quốc, đối với người đọc sách, điều trọng yếu nhất là trong cuộc sống hằng ngày phải thể hiện sự ôn trọng, ít nói, động tác rất thông thả. Như trong kinh, đức Phật đã nêu tỷ dụ: “*Na Già thường tại Định, vô hữu bất định thời*” (Na Già thường trong Định, chẳng lúc nào bất định). Na Già (Nāgā) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Long, hoặc Tượng. Chúng ta chưa thấy rồng, nhưng đã thấy voi. Quý vị thấy dáng vẻ của con voi, chúng ta gọi [dáng vẻ ấy] là oai nghi, rất ôn trọng, nó đứng ở đó, bước đi cũng rất chậm. Phải học ôn trọng như vậy, hiển thị đang ở trong Định. Trong đời này, tôi đã gặp một người là Chương Gia đại sư, lão nhân gia giống như kinh nói “*vô hữu bất định thời*” (chẳng lúc nào không định). Ngài nói với tốc độ rất chậm, nói từng chữ một. Tôi nói khá chậm, nhưng so với Chương Gia đại sư, tốc độ của tôi quá nhanh! Tốc độ nói của Ngài hết sức chậm, mỗi câu nói từng chữ một, lại còn giữa mỗi câu nghỉ một chút, chẳng nói tiếp ngay. Đi, đứng, nằm, ngồi vô cùng thông thả. Lúc tôi quen biết Ngài, lão nhân gia sáu mươi lăm tuổi, tôi tin tưởng Ngài đã huấn luyện thành tâm thái như vậy từ nhỏ.

Bởi lẽ đó, gia giáo tại Trung Quốc xưa kia dạy dỗ trẻ nhỏ, từ bé đã dạy con hành động thông thả, dưỡng thành thói quen rất ôn trọng, tâm rất thanh tịnh, rất định, dễ dàng khai trí huệ. Trí huệ có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ. Tiểu ngộ thì gần như mỗi ngày đều có. Đại ngộ một năm cũng có vài lần thì người ấy có trí huệ. Con người hiện tại đòi hỏi tốc độ, chuyện gì cũng đều phải nhanh, nhanh đến mức tâm tánh bộp chộp, hời hợt, chẳng còn ôn trọng, đương nhiên trí huệ cũng chẳng còn nữa, toàn là tri thức, cho nên nảy sinh vấn đề. Vấn đề nảy sinh đầu tiên là thân thể chẳng khỏe mạnh, rất nhiều bệnh tật, đến tuổi trung niên sẽ rất rõ rệt. Vào thời cổ, người có bệnh tật quá nửa là lứa tuổi lão niên, chứ trung niên và tráng niên sẽ chẳng có tình trạng ấy, đều là tuổi lão niên. Hiện thời đã sớm hơn, ngay tuổi

thanh niên cũng xuất hiện vấn đề, bệnh tật đã lộ ra. Do đó, cầu trí huệ là trọng yếu, học ôn trọng là trọng yếu. Nói cách khác, Giới, Định, Huệ là trọng yếu. Giới học từ chỗ nào? Từ Đệ Tử Quy, Cấm Ứng Thiên, hãy nghiêm túc học tập. Chẳng có hai thứ ấy, nói cách khác, người đó chẳng tĩnh tâm được, chẳng định được, biểu hiện bên ngoài chắc chắn là tâm bộp chộp, vội vàng. Chẳng cần xét ai khác, từ chính mình cũng có thể nhận biết, tật xấu ấy chớ nên không sửa. Do vậy, hai câu ở đây nhắc nhở chúng ta phải khai trí huệ, sau khi đã khai trí huệ rồi thì mới có thể bắt tay học tập hạnh Phổ Hiền. Chẳng phải là kẻ bình phàm không học hạnh Phổ Hiền, kẻ bình phàm cũng học, nhưng chẳng phải là hạnh Phổ Hiền. Thí dụ như “*lễ kính chư Phật*”, ta thấy người khác đều rất lễ phép, đó có phải là hạnh Phổ Hiền hay không? Chẳng phải! Hạnh của quý vị giống như hạnh Phổ Hiền, là bề ngoài, trong tâm chẳng phải là Phổ Hiền, vì sao? Trong tâm còn có tự tư tự lợi, còn có tiếng tăm, lợi dưỡng, như vậy thì chẳng phải là hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác chứ không mê, tu lễ kính chư Phật như vậy chính là hạnh Phổ Hiền. Do đó, hai câu này rất chính xác, nếu trí huệ đã khai thì ngôn hạnh sẽ tương ứng với hạnh Phổ Hiền. Nay chúng ta học cách nào cũng chẳng giống, chủ yếu là vì tâm chẳng giống!

Quý vị thấy tâm các Ngài [được diễn tả] bằng năm câu tiếp theo, ngày hôm qua, chúng ta cũng đã đọc rồi, đó là tâm Phổ Hiền. “*Dĩ bất năng liễu tri tự tâm*” (do chẳng thể biết rõ tự tâm), tâm Phổ Hiền là liễu tri tự tâm. Trước đó, chúng ta thêm vào “*bất năng*” (chẳng thể), chẳng thể liễu tri tự tâm bèn là phàm phu. Chẳng thể liễu tri tự tâm là chưa khai ngộ. Không chỉ quý vị chưa chứng ngộ, mà giải ngộ cũng chưa khai. Giải ngộ là hiểu rõ, quý vị vẫn chưa làm được. Hiện thời, căn bản là chúng ta chưa hiểu rõ, vì sao biết là về căn bản chưa hiểu rõ? Có tự tư tự lợi, có đúng, sai, ta, người, có lợi, hại, được, mất, đó là hoàn toàn chưa thể liễu tri. Thật sự liễu tri, những ý niệm ấy sẽ chẳng còn nữa, chẳng có tự tư tự lợi, đúng như cổ đức đã nói “*ái nhân như kỷ*” (thương người như thương chính mình). Không chỉ đối với con người, mà đối đãi tất cả hết thảy sanh vật, hết thảy vạn pháp, đều thân thiết như đối với chính mình. Đó là Phổ Hiền Bồ Tát, là tất cả các vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc, vì sao? Các Ngài đều tu hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền biết vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều do chính mình tâm hiện thức biến, [tức là] do chân tâm của chính mình hiện, do tánh thức của chính mình biến, là một, không hai! Vì thế, “*nhất niệm đốn viên*”, ý niệm vừa dấy lên bèn là công đức viên mãn, chẳng có gì không viên mãn. Như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói “*trí huệ, đức tướng*”, Ngài quy nạp vạn sự vạn vật thành bốn chữ “*trí huệ, đức tướng*”, chẳng có gì không viên mãn. Đức là năng lượng, chúng ta cũng có thể gọi nó là “*năng lực*”, Tướng là tướng hảo, hiện tướng, thấy đều viên mãn. “*Bình đẳng chánh tánh, phàm thánh cộng hữu, nhất tế vô sai*” (bình đẳng chánh tánh, phàm và thánh cùng có, chẳng sai khác mảy may), bản tánh của hết thảy các pháp là một, không hai. Đó là khai ngộ, hiểu rõ. “*Dĩ bất liễu cố, sở hữu nguyện hạnh tất bất cụ túc*” (do chẳng hiểu rõ, nên tất cả nguyện hạnh thấy đều chẳng trọn đủ), vì quý vị không hiểu rõ, chẳng biết, [tức là] chẳng biết chân tướng sự thật này, quý vị tu

hết thầy nguyện hạnh, “*bất cụ túc*” là chẳng viên mãn, chẳng có gì là viên mãn. Chúng ta phải tu công đức ấy viên mãn, tu công đức viên mãn, chẳng thể không biết chân tướng sự thật này. Hiện thời, chân tướng sự thật này được giảng rất nhiều trong kinh giáo Đại Thừa, giảng rất nhiều, giảng rất rõ ràng, luôn luôn nhắc nhở chúng ta, vì chúng ta chưa chuyển đổi ý niệm. Trong khi học tập kinh giáo, nghe cảm thấy hay lắm, gật gù, lúc tan học, quên tuốt luốt, trong hết thầy thời, hết thầy chỗ, vẫn y như cũ, tập khí phiền não nắm quyền làm chủ! Tập khí phiền não tạo nghiệp, nghiệp có thiện nghiệp và ác nghiệp. Ác nghiệp chướng đạo, thiện nghiệp cũng chướng đạo, vì sao? Quý vị tu hành chẳng thể viên mãn, đó là chướng đạo. Phải như thế nào mới chẳng chướng? Đoạn ác, tu thiện, nhưng chẳng chấp trước thiện - ác, trong Phật pháp nói “*tam luân thể không*”, đoạn ác tu thiện phải tu tâm thanh tịnh, trọn chẳng chấp trước.

Tiếp đó nói: “*Hà dĩ cố?*”, [nghĩa là] vì sao phải nói như vậy? Vì quý vị là “*tâm ngoại khởi tu, tức thành hữu lậu*” (khởi tu ngoài tâm bèn thành hữu lậu). “*Tâm ngoại khởi tu*” là gì? Quý vị tu nhưng chẳng tương ứng với tâm nên gọi là “*tâm ngoại khởi tu*”. Lục đạo phàm phu tâm ngoại khởi tu, bốn thánh pháp giới vẫn là tâm ngoại khởi tu. Đến địa vị nào mới chẳng phải là tâm ngoại khởi tu? Nói theo kinh Hoa Nghiêm, thì từ địa vị Sơ Trụ Bồ Tát như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, bắt đầu từ địa vị ấy, sẽ tương ứng. Sơ Trụ Bồ Tát là giai vị gì? Là địa vị gì? Thuộc cấp bậc nào? “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*” như Thiền Tông Trung Quốc đã nói chính là địa vị ấy. Địa vị ấy không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới. Ngài ở nơi đâu? Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Tịnh Độ chúng ta nói tới “*bốn cõi, ba bậc, chín phẩm*”, vị ấy vắng sanh trong cõi Thật Báo. Điều này chẳng dễ dàng, có mấy ai trong hiện thời làm được? Thuở trước, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi, cụ nói trong hiện thời chẳng ai có thể làm được! Lời ấy là thật, chẳng giả. Buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm lợi dưỡng xuống. Buông Ngã Chấp chẳng khó, Tiểu Thừa đã làm được, nhưng tương ứng với Pháp Tánh thì người Tiểu Thừa chẳng làm được. Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng làm được, trong mười pháp giới không ai có thể làm được. Do vậy, lời của cụ Hoàng Niệm Tổ là thật, chẳng giả! Tâm ngoại khởi tu là hữu lậu, “*tâm ngoại*” chẳng tương ứng với tâm, tâm là gì? Tâm là pháp vô vi. Huệ Năng đại sư đã nói rất hay, tâm là thanh tịnh, tâm là bất sanh, bất diệt. Tâm của chúng ta là gì? Tâm của chúng ta là nhiễm ô, chẳng phải là thanh tịnh, chẳng phải là chân tâm. Tâm của chúng ta là sanh diệt, tiền niệm vừa diệt, hậu niệm bèn sanh, nối tiếp nhau, đó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Dùng vọng tâm để tu, tức là chúng ta dùng tâm sanh diệt để tu, dùng tâm nhiễm ô để tu, bèn thành tựu pháp hữu lậu. Hữu lậu là gì? Hữu lậu là phước đức. Tu phước đức có lợi ích gì chẳng? Có lợi ích, thật sự là đoạn ác tu thiện; dùng cái tâm nhiễm ô, dùng cái tâm sanh diệt, quả báo là gì? Nhân thiên phước báo. Tiểu phước báo là hưởng phước trong nhân gian, đại phước báo là hưởng phước trên cõi trời. Vì phước báo ấy là hữu lậu nên kèm theo

tập khí phiền não, chưa đoạn tập khí phiền não. Đoạn hết tập khí phiền não sẽ trở thành pháp vô lậu, như vậy thì sẽ tương ứng với tự tánh.

Vì lẽ đó, chính mình hãy suy nghĩ, tâm của chúng ta có tương ứng với thanh tịnh bình đẳng giác hay không? Nếu tâm chúng ta thanh tịnh, sẽ tương ứng với A La Hán. Tâm chúng ta bình đẳng, bình đẳng là quyết định chẳng có phân biệt, bèn tương ứng với Bồ Tát. Tâm chúng ta giác chứ không mê, sẽ tương ứng với Phật. Tựa đề kinh này hay quá! Tựa đề kinh đã dạy chúng ta tiêu chuẩn tu hành: Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ. Nếu đặt vững mục tiêu tu hành nơi đó, người ấy được gọi là “chân tu”, tức là người tu hành thật sự. Người ấy chẳng cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng cầu phú quý, mà cầu “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, đó là gì? Đó là cầu thành Phật. Quý vị thấy nhé, thanh tịnh thành A La Hán, bình đẳng thành Bồ Tát, giác thành Phật, người ấy tu hành nhằm cầu gì? Cầu làm A La Hán, Bồ Tát, Phật Đà, người ấy thật sự học Phật, được hết thầy chư Phật hộ niệm, được long thiên thiện thần ủng hộ. Chư vị hãy nghĩ xem, nếu tâm thật sự theo đuổi “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, trên thế giới này có tai nạn hay không? Tai nạn gì cũng chẳng liên can đến người ấy, người đó đã giải thoát, vượt thoát, dẫu thế giới này tốt đẹp cách mấy đi nữa, người ấy đã vượt thoát. Vì vậy, người ấy sanh trong cõi Thật Báo. Cõi Thật Báo trang nghiêm thù thắng khôn sánh, người ấy có khởi tâm động niệm ở nơi đó hay không? Chẳng khởi tâm, không động niệm. Người ấy cũng chẳng cảm thấy nơi đó rất tốt đẹp. Nếu cảm thấy nơi ấy tốt đẹp, chẳng phải là tâm phân biệt đã dấy lên rồi sao? Có phân biệt bèn có chấp trước, bèn đọa lạc, người ấy là Phật ở chỗ nào? Do đó, người ta cư trụ trong ấy, nhưng chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, chúng ta bèn có thể nghĩ là người ấy chẳng có phân biệt, chấp trước.

Nếu chúng ta dùng tiêu chuẩn này làm mục tiêu tu học của chính mình, chúng ta thật sự chẳng phải là hành Bồ Tát đạo, mà là Phật đạo, tức là đạo để thành Phật. Khi ấy, Phật pháp là pháp Nhất Thừa, là con đường thành Phật thẳng tắt. Niệm Phật hay lắm! Dùng pháp môn Niệm Phật để tu “đạo thành Phật”, chẳng hề có mảy may tham cầu pháp thế gian hay xuất thế gian, tâm mong cầu đoạn sạch sanh sanh, ta chỉ cầu tâm “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Trong tương lai, sẽ vắng sanh về đâu? Sanh về cõi Thật Báo trong Tây Phương Cực Lạc. Người ấy chẳng sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, cũng chẳng phải là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, mà sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chúng ta có thể làm giống như vậy hay không? Có rất nhiều người hoài nghi “ta tội nghiệp quá nặng, chẳng thể đến cõi Thật Báo. Ta chỉ là hạ hạ phẩm trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư là được rồi, thỏa mãn rồi”. Cũng là khá lắm, chẳng thể nói là quý vị sai lầm, nhưng Thiện Đạo đại sư đã dạy chúng ta một câu. Thiện Đạo đại sư là người đời Đường, là tổ sư đời thứ hai của Tịnh Độ Tông, lịch đại truyền tụng lão nhân gia là A Di Đà Phật ứng hóa đến thế gian. Người Nhật Bản rất tin tưởng, sùng bái pháp sư Thiện Đạo vượt rất xa người Hoa. Người Hoa tôn trọng Thiện Đạo đại sư chẳng

nhieu lắm, chứ người Nhật Bản vô cùng tôn trọng. Quý vị đến Nhật Bản, thấy trong mỗi chùa miếu có đắp hình tượng Thiên Đạo đại sư, lại còn có rất nhiều tự miếu đề tên là Thiên Đạo Tự. Do vậy, hễ chư vị thấy Thiên Đạo Tự thì đó là đạo tràng Tịnh Độ Tông, dùng ngay đức hiệu của Thiên Đạo đại sư làm tên chùa.

Lão nhân gia đã dạy chúng ta một câu như sau: “*Tây Phương thế giới, tứ độ, tam bối, cửu phẩm, tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (Bốn cõi, ba bậc, chín phẩm trong thế giới Tây Phương, nói chung là do gặp duyên khác nhau), câu này nói thật hay! Chúng ta phải tin tưởng, hiểu ý nghĩa câu nói ấy của Thiên Đạo đại sư. Ngài đã dạy rõ: Quý vị vãng sanh cõi nào trong bốn cõi, vãng sanh trong phẩm vị nào, điều ấy được quyết định do gặp duyên khác nhau. Nay chúng ta gặp duyên vô cùng thù thắng, duyên ấy là gì? Duyên ấy là duyên trong cõi Thường Tịch Quang, duyên trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng phải là duyên trong những cõi thấp hơn. Xác thực là chẳng ít, từ xưa đến nay, người như thế rất nhiều. Những ông già bà cả ở nông thôn, chẳng biết chữ, nhưng là người rất thiện lương, nói theo Phật pháp là “có thiện căn”. Nếu họ gặp duyên, hễ gặp duyên, bảo họ niệm kinh, họ chẳng niệm được, cũng chẳng thể ghi nhớ nhiều ngàn ấy. Bảo họ nghe kinh thì cũng chẳng có ai giảng kinh cho họ, mà giảng kinh thì cũng chưa chắc có thể nghe hiểu được! Gặp một người khuyên họ niệm A Di Đà Phật, họ bèn thật thà niệm, lúc lâm chung vãng sanh, những người như thế sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Đó là gặp duyên, nhưng duyên chẳng thù thắng. Nay chúng ta gặp duyên vô cùng thù thắng, gặp kinh Vô Lượng Thọ, gặp kinh Hoa Nghiêm, gặp khá nhiều giáo huấn trong kinh luận Đại Thừa, duyên ấy quá thù thắng, hiểu rõ ràng minh bạch bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Chúng ta cũng hiểu thành Phật, thành Bồ Tát, thành A La Hán như thế nào, đều hiểu rất rõ ràng. Đó là gặp duyên bất đồng! Chúng ta có thể buông hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, dùng tâm “thanh tịnh, bình đẳng, giác” để niệm một câu A Di Đà Phật, chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ sanh về nơi đâu? Công phu tốt đẹp bèn sanh trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ, kém hơn là sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Câu nói ấy đã chỉ rõ vì sao nghe kinh rất quan trọng, nghe kinh có lợi ích ở chỗ nào? Giúp chúng ta tăng cao phẩm vị, lại còn tăng với một mức độ rộng lớn!

Trong hiện tiền, chúng ta sống trên quả địa cầu này, hiện thời tai nạn rất nhiều, pháp môn này giúp đỡ quý vị, bất luận tai nạn nghiêm trọng nào, tâm địa quý vị bình an, chẳng may bị ảnh hưởng bởi tai nạn, tâm quý vị bình thản, tĩnh lặng, chẳng kinh sợ, chẳng hoảng hốt. Quý vị thấy đó, kinh giáo này có sức mạnh to lớn dường ấy. Tâm địa an định, chẳng bị ảnh hưởng, dầu tai nạn bên ngoài to lớn đến mấy vẫn chẳng thể ảnh hưởng quý vị. Dầu là tử vong trong khi tai nạn, quý vị sanh ngay về thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn. Chẳng tìm được lợi ích thù thắng như thế trong các pháp môn khác. Chẳng phải là các pháp môn khác không có [những lợi ích ấy], nhưng công phu đó rất khó thành tựu. Tịnh Tông dễ dàng, chỉ cần quý vị chịu hành, chỉ cần quý vị chịu buông xuống, ai nấy đều có thể

làm được. Buông xuống chẳng phải là buông đặng miệng, mà phải thật sự làm, làm từ đâu? Từ trí giới, chịu khổ. Trước lúc ra đi, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy chúng ta hai câu, Ngài bảo tất cả các đệ tử: “*Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”. Hiện thời, cuộc sống vật chất rất phong phú, chúng ta có cần truy cầu hay chẳng? Chẳng cần, cuộc sống khổ sở một chút sẽ tốt hơn! Nếu có dư dả, hãy giúp đỡ kẻ nghèo khổ nhiều hơn một chút. Chúng ta sống tiết kiệm một chút sẽ có thể giúp rất nhiều người nghèo khổ, đó là lòng dạ Bồ Tát. Như trong Liễu Phàm Tứ Huấn có kể, vợ tiên sinh Viên Liễu Phàm vào mùa Đông may áo bông cho con, dùng loại bông vải thông thường. Tiên sinh Liễu Phàm thấy vậy, hỏi: “Trong nhà ty miên^{117[3]} rất nhiều, sao nàng lại dùng bông vải?” Bà ta nói: “Ty miên đất tiền, bông vải rẻ hơn, thiếp đem ty miên bán đi, mua nhiều bông vải, may nhiều bộ quần áo, con cái có áo mặc, mà những người nghèo cũng được mặc”. Tiên sinh Liễu Phàm nghe nói rất hoan hỷ, con cái thật có phước. Phước do đâu mà có? Người bị thua thiệt bèn có phước, kẻ chịu khổ bèn có phước. Ý nghĩa ấy rất sâu, đó là chân lý!

Vì thế, tuy khoa học kỹ thuật hiện thời phát triển, thứ gì cũng đều thuận tiện, nhất định phải biết tiết kiệm tài nguyên. Phải biết tiết kiệm, chớ nên lãng phí, lãng phí sẽ có tội lỗi! Thứ gì cũng phải ăn hết, chẳng thể ăn chớ nên vứt bỏ, hễ vứt bỏ sẽ mắc tội. Vì sao? Phải nghĩ, thứ này ăn không ngon, nhưng trong thế gian hiện thời vẫn còn rất nhiều người đang lâm vào tình cảnh đói khát, chẳng có gì để ăn. Nếu họ gặp được thứ ấy, sẽ [coi như] của báu, mà chúng ta còn chê ỏng chê eo, chê ỏng chê eo là tạo nghiệp! Chớ nên có phân biệt, đừng nên có chấp trước, nhất định phải biết tiết kiệm, thường có chủ tâm giúp đỡ người khác, đó là điều tốt đẹp. Người thật sự tu hành, có đức hạnh, ở nơi nào, nơi ấy có thiên long thiện thân gia hộ, ít tai nạn. Người thật sự có đức hạnh có thể làm được, chúng ta có thể phát tâm ấy hay không? Làm một người thật sự có đức hạnh hay không? Phải biết thánh hiền là do con người tu thành, Phật, Bồ Tát cũng do con người tu thành. Người ta có thể thành thánh, thành hiền, thành Phật, thành Bồ Tát, vì sao ta chẳng làm được? Vì sao người khác làm được? Họ buông xuống vận duyên nên làm được, vì sao ta chẳng buông xuống được? Hễ buông xuống liền làm được. Buông xuống không được, còn có tham, sân, si, mạn, tức là phạm phũ. Buông tham, sân, si, mạn xuống, trước hết phải buông xuống từ đối tượng, tức là buông tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ xuống. Nhục thân của chúng ta ở trong thế gian này chẳng thể không có những thứ ấy, nhưng vừa phải là được rồi, chớ nên có tâm tham. Vì thế, “*tri chi*” (biết ngừng đúng mức) sẽ gần với đạo! Quý vị thấy Phật, Bồ Tát, từ trong kinh này chúng ta đã đọc thấy, trước khi thành Phật, Bồ Tát dưỡng đạo tại Đâu Suất nội viện, dưỡng gì? Dưỡng “*tri chi*”. Đâu Suất có nghĩa là Tri Túc, Đâu Suất Thiên là Tri Túc Thiên. Chúng ta đối với hết thảy đều biết đủ, trong tương lai sẽ sanh về Đâu Suất Thiên. Kẻ chẳng biết đủ, sẽ chẳng

117[3] Ty miên (絲棉) gọi cho đủ là “*tằm ty miên*”, tức là các sợi tơ tằm đánh xù như bông gòn. Loại này rất đắt. Trên thị trường hiện thời, các loại gọi là ty miên đều là sợi tổng hợp.

thể sanh lên cõi trời ấy! Điều này cho chúng ta biết: Thật sự tri chí, một trăm phần trăm tri chí, người ấy bèn thành Phật. Cổ đại đức Trung Quốc thường nói: “*Tri túc thường lạc*” (biết đủ thường vui), đó là thật. Người ấy chẳng có ưu lự, rất vui sướng, được một chút đã rất thỏa ý, chẳng còn mong mỏi nữa!

Câu kế tiếp vô cùng hay: “*Dĩ vô biên công đức, bất ngoại tự tâm*” (do vô biên công đức chẳng ngoài tự tâm), câu này nói rất hay. Vô lượng vô biên công đức đều do tự tâm của quý vị thành tựu. Chư Phật Như Lai chẳng hề cầu cạnh kẻ khác, ngôn ngữ của Trung Quốc cũng nói rất hay: “*Nhân đáo vô cầu, phẩm tự cao*” (con người đạt đến mức vô cầu, phẩm hạnh tự cao). Phạm phu, đặc biệt là trong xã hội hiện tiền này, nói chung, đối với các tin tức, bất luận là thiện hay bất thiện, thường mong biết nhiều hơn một chút. Thật ra, người tu đạo có cần [biết những tin tức ấy] hay không? Chẳng cần thiết! Khéo tu tự tâm, công đức bèn viên mãn, đó là đạo lý nhất định. Thường giữ gìn tự tâm thanh tịnh, bình đẳng. Thanh tịnh và bình đẳng đều thuộc về Định, thanh tịnh là chẳng nhiễm ô, bình đẳng là chẳng dao động, đó là công phu Thiên Định. “*Tùy thuận Chân Như, tu nhất thiết pháp, tắc năng cụ túc vô biên công đức*” (tùy thuận Chân Như, tu hết thảy các pháp, có thể trọn đủ vô biên công đức). Chân Như là chân tánh, nếu quý vị chẳng biết Chân Như là gì, thì Chân Như chính là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” ngay trong tựa đề kinh, vì nó chẳng giả! Trong cuộc sống hằng ngày, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều tương ứng Chân Như, luôn tương ứng với Chân Như thì gọi là Như. Nói cách khác, tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác, khởi tâm động niệm, tâm địa thanh tịnh, chẳng có nhiễm ô, tâm địa bình đẳng, chẳng bị dao động, đó là tương ứng. Ngôn ngữ, tạo tác đều tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng thì tâm ấy trụ trong Giới, Định, Huệ.

Giới là tự nhiên chẳng vượt ngoài quy củ giống như Không lão phu tử. Không lão phu tử rất khó có, Ngài nói đến lúc bảy mươi tuổi mới đạt được công phu ấy: “*Tùy tâm sở dục, bất du củ*” (thuận theo lòng muốn, chẳng vượt ngoài quy củ). “*Củ*” (矩) là quy củ, đó là giới luật, thuận theo lòng mong muốn, tự nhiên tương ứng với giới luật, chẳng có mảy may miễn cưỡng nào, tự nhiên tương ứng. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn cảnh giới này cho chúng ta thấy, lão nhân gia thuyết pháp bốn mươi chín năm, đã thực hiện được. Không Tử bảy mươi tuổi mới đạt đến cảnh giới ấy. Đó đều là Phật, Bồ Tát thị hiện, biểu diễn cho chúng ta thấy. [Sự biểu diễn của Không Tử] là người bình phạm, còn sự biểu diễn của Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc thượng thượng căn, Ngài chẳng phải là kẻ bình phạm, lúc khai ngộ bèn thực hiện được, ba mươi tuổi bắt đầu giáo học thì đã “*tùy tâm sở dục, bất du củ*” rồi! Không Tử đã cho chúng ta biết tấn độ (mức độ tiến triển) trong sự tu học của Ngài: “*Tam thập nhi lập*”, giống như chúng ta học hành hiện thời, ba mươi tuổi tốt nghiệp chương trình Tiến Sĩ, giành được mảnh bằng Tiến Sĩ, đó là “*nhi lập*”. “*Tứ thập nhi bất hoặc*”, có thể tương ứng với trí tuệ, chẳng còn bị mê hoặc. “*Ngũ thập tri thiên mạng, lục thập nhĩ thuận*”, “*nhĩ thuận*” là gì? Bất

cứ thứ gì cũng đều đã quen thấy, quen nghe, tâm bình đẳng hiện tiền. “*Thất thập tùy tâm sở dục*”, đạt được tự tại, chẳng cần phải miễn cưỡng, mà tự nhiên tương ứng với Chân Như, tự nhiên tương ứng. Bảy mươi tuổi [Không Tử] mới đạt đến cảnh giới ấy. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, đạt tới ngay cảnh giới ấy, biểu diễn cho chúng ta thấy trong suốt bốn mươi chín năm, mãi cho đến khi lão nhân gia viên tịch. “*Tùy thuận Chân Như, tu hết thấy các pháp*”. Nay chúng ta học tập những điều được nói trong kinh này là Chân Như, chỉ dạy chúng ta tùy thuận Chân Như, tu hết thấy các pháp như thế nào! “*Hết thấy các pháp*” là trong cuộc sống thường ngày, khởi tâm động niệm, đả người, tiếp vật, chẳng lìa “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, như vậy thì sẽ có thể trọn đủ vô biên công đức.

“*Thị có, tùng chư Phật sát trung giai năng thị hiện dĩ hạ, tiêu hiển Văn Thù trí đức*” (do vậy, từ câu “trong các cõi Phật đều có thể thị hiện” trở đi là nêu rõ trí đức của ngài Văn Thù). Trong phần trước, chúng ta đã đọc đoạn kinh văn này, từ “*chư Phật sát trung, giai năng thị hiện*” cho đến “*thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa*”, đoạn kinh văn này toàn là nói về trí đức của Văn Thù Bồ Tát. “*Lệ như*” (chẳng hạn như), cụ Hoàng nêu ví dụ, ví dụ này sẽ được giải thích trong phần dưới: “*Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng*” (ví như người giỏi huyễn thuật, hiện các hình tướng lạ), đó là tùy duyên. Hai câu kế đó: “*U bỉ tướng trung, thật vô khả đắc*” (trong các tướng ấy, thật sự là chẳng thể được). Đó là trí huệ của ngài Văn Thù. Trong hết thấy các tướng được hiện, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Vì sao? Biết những tướng được hiện ấy là “Tướng có, Thể không”. Bồ Tát biết tướng chính là Không. Đối với các tướng được hiện ở ngay trước mặt ta, biết chúng là trống không, trọn chẳng thể được, cho nên vị ấy chẳng khởi tâm động niệm. Phàm phu không biết, ngỡ tướng là thật có, nên phân biệt, chấp trước, tạo tác tội nghiệp, chẳng biết tướng chính là Không. Đó là trí huệ chân thật, được gọi là trí huệ Văn Thù. Đối với bốn câu ấy, có thể nói hai câu đầu là Phổ Hiền hạnh. “*Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng*” là Phổ Hiền hạnh; hai câu sau, tức “*u bỉ tướng trung, thật vô khả đắc*” là Văn Thù trí. Chẳng có Văn Thù trí, sẽ tạo tội nghiệp, tạo nghiệp. Có Văn Thù trí bèn chẳng tạo nghiệp. Chữ “*đẳng*” có nghĩa là đoạn kinh văn từ những câu này cho đến “*thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa*” trong phần sau. “*Câu biểu tùng Văn Thù diệu trí, viên mãn Phổ Hiền thắng hạnh*” (đều biểu thị diệu trí Văn Thù viên mãn hạnh thù thắng Phổ Hiền), có nghĩa là viên tu vạn hạnh chẳng lìa Định - Huệ, ý nghĩa này vô cùng quan trọng.

Chúng ta xem tiếp, mỗi câu tiếp theo đây sẽ giải thích, đoạn trước là nói về đại ý. “*Chư Phật sát trung, dĩ hạ cộng bát cú, hiển hội trung Bồ Tát trí đức*” (toàn bộ tám câu kể từ câu “trong các cõi Phật” trở đi, chỉ rõ trí đức của các vị Bồ Tát trong hội), [nghĩa là] tất cả các vị Bồ Tát trong đại hội này đều có Văn Thù trí đức. Trong phần kinh văn ấy, “*chư Phật sát trung, giai năng thị hiện (kiến Đường dịch), biểu chư đại sĩ Phổ Môn thị hiện chi*

đức” (“trong các cõi Phật đều có thể thị hiện” (câu này trích từ bản Đường dịch), biểu thị đức “Phổ Môn thị hiện” của các vị đại sĩ). Thông thường, chúng ta thấy hai chữ Phổ Môn bèn nghĩ đến Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn thị hiện. Trên thực tế, chỉ cần là minh tâm kiến tánh Bồ Tát sẽ đều có năng lực ấy, chẳng có vị nào không phải là Phổ Môn thị hiện. Phổ (普) là phổ biến, Môn (門) là pháp môn, vô lượng, vô biên, vô số, vô tận, chúng sanh có cảm, Ngài bèn có hiện. Đức ấy là năng lực, Ngài có năng lực thị hiện. “*Bát đản u thử quốc độ thị hiện bát tướng, diệc u thập phương thế giới phổ hiện bát tướng*” (không chỉ thị hiện tám tướng trong cõi nước này mà còn hiện trọn khắp tám tướng trong mười phương thế giới), thị hiện tám tướng là biểu trưng, thị hiện thành Phật. Trong Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm có nói: “*Ứng dĩ Phật thân nhi độ thoát giả, tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp*” (nên dùng thân Phật để độ thoát liền hiện thân Phật để thuyết pháp), câu kinh văn này mang ý nghĩa nêu ra một trường hợp [hiện thân], [tức là] Bồ Tát có thể hiện thân Phật. Thân Phật còn có thể hiện, huống hồ các thân khác? Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến đồng nam, đồng nữ, đế vương, tướng quân, tể tướng, cho đến súc sanh, ngựa quý, địa ngục, há lẽ nào chẳng thể hiện? Thân Phật còn có thể hiện mà! Tức là nói phạm vi hiện thân của Ngài rộng lớn ngàn ấy.

Hiện thân gì đều chẳng do ý nghĩ của chính Ngài. Nếu chính Ngài có ý nghĩ, Ngài sẽ chẳng phải là Bồ Tát, mà là phàm phu. Vì sao? Ý nghĩ là phiền não, Ngài chưa chuyển được. Chuyển thức thứ sáu, tức ý thức, thành Diệu Quán Sát Trí, chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí, chẳng còn ý nghĩ nữa. Phàm phu có ý nghĩ, lục đạo chúng sanh có ý nghĩ. Lại thừa cùng quý vị, bốn thánh pháp giới cũng có ý nghĩ, bất quá họ nhạt mông một chút, chẳng nghiêm trọng như chúng ta. Họ có ý nghĩ, nên gọi là “phàm phu”. Lục đạo được gọi là “*giới nội phàm phu*”, “*giới*” (界) là tam giới, [“*giới nội*” là trong tam giới], tức là lục đạo luân hồi, tức là luân hồi trong lục đạo. A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, gọi là “*giới ngoại phàm phu*”, vượt ngoài tam giới, nhưng vẫn là phàm phu, vì sao? Họ chưa chuyển phàm thành thánh. Cũng có nghĩa là người đã chuyển tám thức thành bốn trí thì là thánh nhân, chẳng gọi là phàm phu, mà thật sự là bậc thánh nhân. Chớ nên không biết định nghĩa của phàm phu trong Phật pháp [như đang được nói] ở đây, khác hẳn “thánh nhân” như người Hoa thường nói. “Thánh nhân” của Trung Quốc là thánh nhân trong nhân gian, sanh về thiên đạo cũng là thánh nhân, bậc đại thánh đã sanh thiên. Trong Phật pháp, chẳng phải là như vậy. Phật pháp nói đến “thánh nhân” thì bậc vượt thoát mười pháp giới mới là thánh nhân. Chưa vượt thoát mười pháp giới thì vẫn gọi là phàm phu! Bất quá bốn thánh pháp giới gọi là “ngoại phàm”, ngoại phàm còn được gọi bằng danh xưng khác là “*tiểu thánh*”, nhà Phật gọi họ là “*tiểu thánh*”. Thánh nhân Tiểu Thừa chưa thoát khỏi mười pháp giới. Thoát khỏi mười pháp giới sẽ gọi là “*đại thánh*”, chẳng phải là *tiểu thánh*, mà là *đại thánh*. Đều có thể thị hiện, đó là “*Phổ Môn thị hiện chi đức*”.

Chúng ta biết những vị đại sĩ, đại Bồ Tát ấy ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, dùng tiêu chuẩn trong kinh Hoa Nghiêm để nói, kinh Hoa Nghiêm nói từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi một địa vị ấy. Cư sĩ Giang Vị Nông chú giải kinh Kim Cang, tác phẩm Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa là chú giải của ông ta. Đối với bộ kinh Kim Cang, cổ nhân đối với một bộ kinh, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài suốt bốn mươi năm. Đổ công sức bốn mươi năm nơi một bộ kinh, nên có thành tựu, là người có thẩm quyền nhất về kinh Kim Cang. Do vậy, phàm những ai nghiên cứu hoặc học kinh Kim Cang, chẳng thể nào không đọc bộ Giải Nghĩa của ông ta. Thật sự chịu học, đọc bộ Giải Nghĩa là đủ rồi, chẳng cần tìm đọc các bản chú giải khác. Bản Giảng Nghĩa của ông ta có thể nói là đã tổng hợp hoàn thiện tất cả những lời chú giải kinh Kim Cang xưa nay, rất thuận tiện cho người học kinh Kim Cang. Còn có một vị cư sĩ nữa là cư sĩ Châu Chỉ Am, sống vào thời Dân Quốc, suốt đời chuyên dốc công sức nơi Tâm Kinh, tức Bát Nhã Tâm Kinh. Chư vị đều biết Tâm Kinh chỉ có hai trăm sáu mươi chữ, ông ta dùng thời gian bao lâu? Cũng là tốn bốn mươi năm, viết thành bộ chú giải Tâm Kinh Thuyên Chú, tổng hợp hoàn thiện các lời chú giải Tâm Kinh của các vị đại đức xưa nay, rất tuyệt diệu! Trong thời kỳ Mạt Pháp, hai vị ấy đã nêu gương rất hay cho những người phát tâm nghiên cứu kinh giáo. Gương mẫu ấy chính là “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Thành tựu của họ khiến cho người khác tán thán, bốn mươi năm dùi mài chẳng bỏ một bộ kinh, trở thành người chú giải có thẩm quyền về một bộ kinh. Nay quý vị nói tới kinh Kim Cang hay nói tới Tâm Kinh, chẳng thể không biết đến hai bản chú giải ấy!

Hai vị ấy cuối cùng đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, vãng sanh Tịnh Độ, chúng ta có thể suy ra các vị ấy chẳng ở trong cõi Đồng Cư, mà cũng chẳng ở trong cõi Phương Tiện, hai vị ấy sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Điều này chẳng giả chút nào! Vì sao? Họ có trí huệ! Kim Cang Bát Nhã và Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh đều là trí huệ, lại còn là trí huệ của Văn Thù! Đã có trí huệ Văn Thù, đương nhiên viên mãn hạnh Phổ Hiền thù thắng, chắc chắn là như vậy! Do đó, chúng ta biết: Các vị ấy vãng sanh trong cõi Thật Báo. Chúng ta phải thật sự học theo, gương tốt đã bày ra trước mặt, suốt đời chẳng thay đổi phương hướng, suốt đời chẳng lan man sang pháp khác, chuyên dốc công sức nơi một bộ. Do đó, họ có năng lực ở trong hết thảy các cõi Phật trong mười phương, ứng với lòng cảm của chúng sanh, chúng sanh mong hãy dùng thân Phật để độ, các Ngài sẽ giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, thị hiện tám tướng thành đạo, phổ độ chúng sanh trong thế giới của họ. Sơ Trụ Bồ Tát có năng lực ấy, nên cư sĩ Giang Vị Nông đã dùng bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm để giải thích từ ngữ “*chư Phật Như Lai*” trong kinh Kim Cang. Bốn mươi một địa vị chính là “*chư*”, “*chư*” là nhiều! Bốn mươi một địa vị ấy đều là chư Phật Như Lai. Do vậy, tại Trung Quốc, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”.

Trong Tịnh Độ Tông, phương tiện thù thắng khôn sánh, một người hạ quyết tâm “trong một đời này, ta quyết định phải vãng sanh thế giới Cực Lạc, may mắn hay không chẳng có”, người ấy sẽ thành Phật trong một đời, viên mãn trong một đời. Ai biết? Chư Phật Như Lai biết, chư Phật Như Lai chứng minh cho người ấy. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã dạy chúng ta đạo lý ấy. Người niệm Phật có thể vãng sanh hay không, được quyết định bởi có tín nguyện hay không? Quý vị có lòng chân tín, có chân nguyện, tôi thật sự tin tưởng, thật sự mong về thế giới Cực Lạc, tức là quý vị hội đủ điều kiện vãng sanh thế giới Cực Lạc, nhất định sẽ sanh về. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị cao hay thấp, Ngẫu Ích đại sư nói, đó là do công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn. Công phu tốt đẹp, phẩm vị vãng sanh cao. Công phu kém hơn một chút, phẩm vị thấp hơn. Hai câu ấy nói rất hay. Ấn Quang đại sư bội phục hai câu ấy năm vóc sát đất. Lịch đại tổ sư đại đức giảng kinh Di Đà, chú giải kinh Di Đà, trọn chẳng hé lộ tin tức ấy. Ngẫu Ích đại sư hé lộ cho chúng ta biết, khiến cho người tu Tịnh Độ cầu vãng sanh kiên định tín tâm. Nếu thường xuyên hoài nghi “ta có thể sanh về thế giới Cực Lạc hay không?” thì do thường hoài nghi, sự vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng phải đánh dấu hỏi. Thật vậy! Chẳng biết quý vị có nắm chắc hay không? Người có tín tâm kiên định quyết định được vãng sanh, Ngẫu Ích đại sư đã chứng minh cho quý vị. Người thật sự cầu vãng sanh, chỉ nói miệng suông không được, phải có hành động, hành động là gì? Đối với thế gian này, thật sự chẳng có một mảy may lưu luyến nào, thật sự buông xuống, đáy mới là chân tín, chân nguyện. Nếu còn tham luyến thế gian này, còn có một mảy may chẳng buông xuống được, sẽ chẳng phải là chân tâm, chẳng phải là chân nguyện. Chân tâm, chân nguyện là triệt để buông xuống, chẳng có lưu luyến mảy may nào, người ấy quyết định vãng sanh.

Trong kinh này, “*thí thiện huyễn sư*” là tỷ dụ, “*hiện chúng dị tướng*” (hiện các tướng lạ). Nay chúng ta gọi “*huyễn sư*” là ảo thuật gia, làm trò ảo thuật. Khi chúng ta xem họ biểu diễn, trong các chương trình đại nhạc hội có biểu diễn ảo thuật. Tại Ấn Độ vào thời cổ, họ được gọi là “*huyễn sư*”, người Hoa gọi những người “*biến ma thuật*” (làm trò ảo thuật) là “*ma thuật sư*” (magician). “*Trí Độ Luận viết: Tây Phương hữu huyễn thuật nhân*” (Trí Độ Luận ghi: “Phương Tây có kẻ làm huyễn thuật”), những người làm ảo thuật có thể làm những trò biến hóa. “*Nhất thiết giai năng hóa hiện, cung điện, thành, quách, lang vũ, kết cân vi thố, thụ đới vi xà, chủng chủng biến hiện đẳng*” (hết thảy đều có thể hóa hiện, cung, điện, thành, quách, hành lang, tòa nhà, thắt khăn làm thỏ, dựng dây lưng làm rắn, đủ các thứ biến hiện v.v...), đây là nói tới những kỹ xảo biến hiện của nhà ảo thuật, nêu lên vài thí dụ để nói. Chẳng có cung điện, ông ta có thể biến huyễn cung điện cho quý vị thấy, biến huyễn thành trì, lầu gác, những kiến trúc như cung điện, hành lang dài, có thể biến hiện những hiện tượng, có thể biến một chiếc khăn tay thành con thỏ, biến một chiếc thắt lưng thành con rắn, biến hiện những trò vui ấy cho quý vị xem. Thật ra, quý vị biết tất cả đều là giả, chẳng có thứ gì là thật. Ở đây, đức Phật mượn tỷ dụ này để nói, tỷ dụ cho dễ hiểu. “*Cố kim tá thuật giả chi*

huyễn hóa” (nên nay mượn sự huyễn hóa của người làm ảo thuật), sự biến hóa của người làm ảo thuật, “*dĩ dụ đại sĩ chi Phổ Môn thị hiện*” (hòng tỷ dụ sự Phổ Môn thị hiện của bậc đại sĩ). Những vị Pháp Thân đại sĩ, tức là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong các thế giới chư Phật khắp mười phương, hễ chúng sanh có cảm, các Ngài bèn có ứng, khi ứng bèn hiện thân. Ngài hiện thân thuận theo ý niệm của chúng sanh. Chúng sanh muốn Ngài hiện thân gì, Ngài bèn hiện thân ấy, chẳng phải do chính mình, các Ngài chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Không khởi tâm, không động niệm, đó là Trí. Chính mình thị hiện độ chúng sanh, có chấp tướng độ chúng sanh hay không? Chẳng chấp trước, vì sao? Tướng của chúng sanh là trống không, tướng do chính mình thị hiện cũng là giả, có gì tốt lành để chấp trước? Thấy đều chẳng chấp trước, điều này gọi là “*tam luân thể không*”, tức là chẳng chấp trước tự tướng, chẳng chấp trước tha tướng, và cũng chẳng chấp trước các thứ phương pháp phương tiện thiện xảo được sử dụng để giúp đỡ chúng sanh trong ấy. Thấy đều không chấp trước, biết phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Tự tướng, tha tướng, các thứ hiện tướng, không gì chẳng phải là hư vọng.

Trong mắt các Ngài, hoàn toàn thấy những cảnh giới ấy là hư vọng, hoàn toàn hiển lộ viên mãn trước mắt chúng ta, vì sao chúng ta chẳng thấy? Chúng ta bị những tướng ấy mê hoặc, ngỡ chúng là thật. Điều này có nghĩa là tâm chúng ta bị nhiễm bần. Tâm giống như nước, bị nhiễm bần, dao động. Dao động bèn nổi sóng gió, nước ấy bèn mất đi tác dụng chiếu soi. Tâm Bồ Tát thanh tịnh, bất động, bình đẳng, chẳng dao động, giống như nước trong vắt, chẳng nổi sóng, giống như một tấm gương, chiếu cảnh giới bên ngoài rõ ràng, rành rẽ. Vì vậy, trong cảnh giới, các Ngài chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Chúng ta đánh mất [tác dụng] Chiếu, Chiếu là trí huệ. Do đâu mà có trí huệ? Trí huệ do thanh tịnh bình đẳng mà có, thanh tịnh bình đẳng là Thiên Định. Chư vị phải hiểu: Tâm thanh tịnh bình đẳng là chân tâm của chính mình, nay đang bị nhiễm ô, bị dao động, tâm ấy gọi là vọng tâm. Vọng tâm chẳng rời khỏi chân tâm, là sóng chẳng rời khỏi nước. Nước là chân tâm, sóng là vọng tâm. Thanh tịnh là chân tâm, nhiễm ô là vọng tâm. Chúng ta có chấp trước là nhiễm ô, có phân biệt bèn có dao động. Chúng ta phải học tập trong cảnh giới, học gì vậy? Đầu tiên là học chẳng nhiễm ô, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng bị nó ảnh hưởng. Tiếp xúc, chẳng dấy lên tự tư, tự lợi, chẳng khởi tham, sân, si, mạn, chẳng bị chúng khuấy nhiễu. Trông thấy bèn rất hoan hỷ, tức là bị nhiễm bần. Trông thấy rồi cảm thấy đáng ghét, cũng là bị nhiễm bần. Ta trông thấy bèn mong chiếm hữu, muốn khống chế, đều là bị nhiễm bần. Phải thời thời khắc khắc cảnh giác điều này.

Tới công ty bách hóa một chuyến chẳng sao cả, người thật sự tu hành thường đến đó, vì sao? Thấy những thứ ấy mà chẳng động tâm, đó là chân tu hành, Định - Huệ giữ quân bằng. Xem là gì? Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, sản phẩm khoa học lại đổi khác mỗi ngày mỗi tháng, mỗi ngày đến xem, đó là trí huệ, quý vị hiểu rõ, như như bất động, đó là

“*định công*” (công phu định lực). Thật sự tu Định chẳng phải là ngồi xếp bằng ngó vào vách, mà là đạo trong công ty bách hóa mỗi ngày, chân tu Thiền Định, chân định, chẳng phải giả! Xếp bằng ngó vào vách mấy năm, nhưng đến công ty bách hóa một chuyên vẫn khởi tâm động niệm, thôi rồi! Quý vị xem năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, các vị trưởng lão tu Thiền Định ở chỗ nào? Tu trong công ty bách hóa, là nơi náo nhiệt nhất. Họ đi đạo phở, Thiện Tài đồng tử đến tham phỏng họ, biết họ đang tu Thiền Định trong ấy. Người ta thấy họ đạo phở, cũng xem cái này, cũng ngó cái kia, nhìn Đông, ngó Tây, nhưng Thiện Tài đồng tử biết đó là Thiền Định thật sự. Phải hiểu điều này, phải thật tu, phải thật luyện, phải thật sự luyện công phu, đoạn trừ tham, sân, si, mạn, nghi. Chẳng tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, sẽ chẳng đoạn được, giả trất, chẳng phải là thật. Nếu tiếp xúc mà thật sự đoạn được, đó là thật, chẳng giả. Do vậy, tiên sinh Phương Đông Mỹ thưở trước giới thiệu triết học kinh Phật cho tôi, bảo Phật pháp vốn đạt đến cái thật, chẳng phải là đạt đến cái giả, trải qua thí nghiệm bằng năm mươi ba lần tham học. Chẳng trải qua thí nghiệm thì nói theo khoa học, chẳng thể coi là thật. Thông qua thí nghiệm thì mới là thật, chẳng giả chút nào. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh được giảng đầu tiên sau khi đức Thế Tôn thành đạo, là pháp luân viên mãn, là bộ kinh bậc nhất trong Phật môn.

“*U bi tướng trung, thật vô khả đắc*” (trong các tướng ấy, thật chẳng có gì để có thể được). Chữ “*tướng*” chỉ y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, cũng là như kinh Kim Cang đã nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Phàm những gì có tướng, không chỉ bao gồm mười pháp giới, mà còn kể cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Vì sao? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm có tướng. Trong hết thảy các kinh, đức Phật chưa hề nói: “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, ngoại trừ cõi Thật Báo Trang Nghiêm”, chẳng nói câu ấy! Chẳng nói câu ấy thì chúng ta biết cõi Thật Báo cũng là hư vọng. Gì là chân thật? Chân thật chỉ có một, chẳng có thứ hai, đó là cõi Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang là chân thật, chẳng giả! Vì sao? Vĩnh hằng bất biến. Cõi Thật Báo do đâu mà có? Qua học tập kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi mới biết, chứ trong quá khứ, đây là một nghi vấn, cũng là bao nhiêu năm đều chẳng thể giải quyết, chẳng nghĩ ra. Cõi ấy do đâu mà có? Bồ Tát tu hành đạt đến đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sanh trong cõi Thật Báo. Chúng ta có thể suy tưởng, những người đại ngộ ấy, khởi tâm động niệm đã đoạn trừ. Chẳng khởi tâm, không động niệm, đương nhiên phân biệt và chấp trước đã sớm chẳng còn! Thế giới ấy là thế giới bình đẳng, vì sao có hiện tướng? Phải biết, đúng là Nhất Chân pháp giới thuần chân vô vọng. [Còn các Bồ Tát trong cõi Thật Báo] tuy đã thuần chân, vẫn còn mang theo vọng, nên vẫn chưa bỏ được tướng. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta có thể thấy tin tức ấy, tin tức gì vậy? Kinh Hoa Nghiêm [nói hàng Pháp Thân đại sĩ] còn có bốn mươi một địa vị. Bốn mươi một địa vị do đâu mà có? Người đã đạt đến “không khởi tâm, không động niệm”, còn có địa vị gì nữa? Có địa vị là có phân biệt, có phân biệt thì có chấp trước; do vậy, họ là phàm phu. Vì vậy, chúng ta phải thảo luận vấn đề này. Chúng ta thấy

trong kinh có nói một câu, “*vô thi vô minh phiền não đã đoạn*”, cũng [có nghĩa] là thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm, đã đoạn vô minh phiền não, nhưng tập khí chưa đoạn! Tin tức ấy khiến cho chúng ta cuối cùng tỉnh ngộ. Vô thi vô minh đã đoạn, nhưng tập khí chưa đoạn, bốn mươi một địa vị là do tập khí dày hay mỏng mà chia ra. Càng lên cao, tập khí càng mỏng, cho đến khi tập khí hoàn toàn chẳng còn nữa, vị Bồ Tát như vậy được gọi là Phật Đà, đã đạt đến Phật quả viên mãn rốt ráo, tập khí chẳng còn nữa! Do vậy, ta có thể biết, cõi Thật Báo do tập khí biến hiện. Chẳng có tập khí, cõi Thật Báo cũng chẳng có. Cõi Thật Báo chẳng có thì chỉ còn lại một cõi là Thường Tịch Quang Tịch Độ, đó là thật, là tự tánh, trở về tự tánh là Thường Tịch Quang. Do vậy, cõi Thường Tịch Quang gọi là Diệu Giác, Diệu Giác là Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang là Diệu Giác. Cõi Thật Báo, chẳng có khởi tâm động niệm, nhưng có tập khí. Vô thi vô minh đoạn trừ, nhưng tập khí vô thi vô minh vẫn còn. Chỉ cần tập khí hãy còn thì có tướng cõi Thật Báo. Tập khí chẳng còn, tướng của cõi Thật Báo cũng chẳng còn. Chúng ta mới hiểu rõ ràng, rành rẽ, đúng là “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”.

Những vị Bồ Tát ấy “*nhân thật tri thị huyễn, cố u huyễn bất mê*” (do thật sự biết là huyễn, nên chẳng mê nơi huyễn), các Ngài biết ngay cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai đều là biến huyễn, chẳng phải là thật, hưởng hồ mười pháp giới, hưởng gì lục đạo. Hiểu rõ ràng, minh bạch, đối với các cảnh giới ấy chẳng có mảy may mê hoặc nào. Thật sự khế nhập cảnh giới ấy, nếu quý vị thấy trên địa cầu tai nạn hiện tiền thì sẽ giống như gì? Giống như chúng ta xem phim 2012 trong rạp chiếu bóng, đó là huyễn, chẳng phải là thật sự! Biến ra hình trạng ấy, biểu diễn trước mặt quý vị, quý vị bèn thấy chân tướng, giống như đang xem phim. Có khởi tâm động niệm hay không? Chẳng khởi tâm, không động niệm. Vì sao? Quý vị hiểu nhân như thế, duyên như thế, quả như thế, báo như thế, nó đang biểu diễn ở nơi đó. Diễn gì vậy? Diễn nhân duyên quả báo chẳng sai mảy may! Có liên can với chính mình hay không? Chẳng dính dáng mảy may, vì sao? Thân này của chính mình cũng là huyễn, cũng chẳng thật. Đối với cảnh giới, chẳng khởi tâm động niệm, đối với tự thân, cũng chẳng khởi tâm động niệm, đó là giải thoát, là đắc đại tự tại. Vì thế, chẳng có trí huệ sẽ không được. Chẳng có trí huệ sẽ ngộ là thật, [đã coi là] thật sự bèn có khổ thọ. Quý vị biết là giả sẽ chẳng có khổ. Cổ đại đức cũng nói một câu danh ngôn, dạy chúng ta hãy thật sự thấy thấu suốt, dầu bị giết chặt đầu, vẫn chẳng cảm thấy kinh hãi: “*Trong đầu lâm bạch nhận*” [nghĩa là] đem kềm dao sát cổ, “*do như trảm xuân phong*” (giống như chém gió xuân). Quý vị thấy họ tự tại lắm, tiêu sái dường ấy! Người chưa nhập cảnh giới ấy, sẽ chẳng thốt nên lời ấy được! Do tri huyễn nên người ấy chẳng mê.

“*Như Bảo Tích kinh trung, Học Huyễn thiên tử thuyết kệ tán Phật viết: Như huyễn sư tác huyễn, tự u huyễn bất mê, dĩ tri huyễn hư cố, Phật quán thế diệc nhiên*” (Như trong kinh

Bảo Tích, Học Huyền thiên tử 118[4] đã nói kệ tán Phật: “Nhu huyễn sư biến huyễn, tự chẳng mê nơi huyễn, vì biết huyễn hư vọng. Phật quán sát thế gian, cũng giống như vậy đó”). Mấy câu này nói hay quá. Nay chúng ta sống trong thế giới này, nếu học thông suốt mấy câu này, quý vị chẳng có chút ưu lự nào, mà cũng chẳng có mấy may kinh hãi nào! Huyền sư là ai? Câu này phải nói rõ ràng. “*Huyễn sư*” là ý niệm, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói rất nhiều lần: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, “*huyễn sư*” là tâm tưởng. Phải biết: Chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát chẳng có tâm tưởng, các Ngài chẳng phải là huyễn sư, do chẳng có tâm tưởng. Huyền sư là kẻ có tâm tưởng, đều là huyễn sư, tự làm, tự chịu, chính mình biến hóa trong ấy để chính mình tự thọ dụng. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát biến hóa, mà do chúng sanh trong mười pháp giới biến hóa. Người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm tuy vẫn còn có tập khí vô thi vô minh, nhưng cũng chẳng biến hóa. Do vậy, quý vị phải thấy rõ ràng chỗ này, chẳng phải là Phật, Bồ Tát biến hóa, mà do chúng sanh trong mười pháp giới biến hóa, vì họ hữu tâm, hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, tâm ấy là vọng tâm, họ có vọng tâm. Vọng tâm là gì? Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là huyễn sư; nhưng những kẻ ấy chẳng biết đó là huyễn, đã mê rồi. Những người trong cõi Thật Báo và cõi Thường Tịch Quang đều biết, biết quý vị là huyễn sư, mà cũng biết quý vị biến ra các huyễn pháp ấy, biết rõ ràng, rành rẽ. Các huyễn sư ấy tuy biến huyễn, nhưng chính mình chẳng mê, [giống như] kẻ làm ảo thuật biết rõ. Kẻ ấy làm ảo thuật cho người khác xem, chứ kẻ ấy chẳng mê. Người khác mê, chứ kẻ ấy chẳng mê! Tỷ dụ chỉ có thể sánh ví đến một hạn độ nhất định, chẳng có cách nào tỷ dụ khít khao, chẳng thể nào hoàn toàn phù hợp được!

Nay chúng ta là huyễn sư mà chính mình cũng mê luôn, vấn đề ở chỗ này. Chính mình đã mê, [biến huyễn] cho người khác xem, người khác mê mà chính mình cũng bị mê luôn! Những vị Pháp Thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo và chư Phật Như Lai trong cõi Thường Tịch Quang đều chẳng mê mấy may nào. Do quý vị đã mê, mê là có cảm, cảm có hữu tâm và vô tâm, có hữu ý và vô ý. Tuy nhiên, dầu là vô ý cảm, Phật, Bồ Tát cũng có thể tiếp nhận, cũng có thể hiện thân thuyết pháp, từ bi vô tận mà! Các Ngài biết căn tánh của quý vị, nên Phật, Bồ Tát vì quý vị hiện thân thuyết pháp, quý vị tin tưởng, có thể lý giải, chịu học theo các Ngài, các Ngài bèn đến. Nếu quý vị chẳng tin tưởng, chẳng thể lý giải, các Ngài sẽ không đến. Các Ngài chẳng cần khởi tâm động niệm, người ta là trí huệ chiếu kiến, giống như trong Tâm Kinh đã nói: “*Quán Tự Tại Bồ Tát*”, các vị đại Bồ Tát trong pháp hội này có năng lực bình đẳng với Quán Âm Bồ Tát, chẳng có sai biệt, đều là Pháp Thân đại sĩ, họ biết như thế nào? “*Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không*”, người ta là Chiếu Kiến, giống như một tấm gương, giống như vô tuyến điện trong hiện thời, các Ngài có thể tiếp nhận, mà cũng có thể phát sóng. Bất luận chúng sanh hữu ý hay vô ý, hữu tâm hay vô

118[4] Đoạn này trích từ hội Bồ Tát Kiến Thật trong kinh Đại Bảo Tích, phẩm thứ 20, tức phẩm Tịnh Cư Thiên Tử Kệ Tán, quyển 71.

tâm, hể sóng phát ra, các Ngài đều nhận được. Vừa nhận được, các Ngài liền hoàn toàn hiểu rõ, tự nhiên hiện thân, vì chúng ta thuyết pháp, đến dạy bảo chúng ta, giúp chúng ta giác ngộ, giúp chúng ta quay đầu. Tuyệt đối chẳng có khởi tâm động niệm, nếu khởi tâm động niệm thì các Ngài bèn đọa lạc, biến thành phàm phu! Phàm phu tự cứu mình còn chưa được, làm sao có thể cứu người khác?

“*Dĩ tri huyễn hư cố, Phật quán thế diệt nhiên*” (do biết huyễn là hư vọng, đức Phật quán thế gian cũng giống như thế). Như Lai nhìn thế gian này, thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới giống như Pháp Thân Bồ Tát và chư Phật Như Lai quan sát thế gian này giống hệt như nhau, chẳng có thứ gì là thật, chẳng có thứ gì là thực tại! Đối với chân thật và hư vọng, nhà Phật định nghĩa: Chân là vĩnh hằng bất diệt, đây là Chân. Hể có biến hóa, hể có sanh diệt, thì toàn là giả, đều chẳng thật. Đức Phật nói câu này chúng ta rất khó hiểu, vì sao? Đúng là chúng ta chẳng thể lý giải. Đức Phật nói đến sự sanh diệt, chẳng phải là hiện tượng [sanh diệt] như chúng ta đã nói. Con người được sanh ra là sanh vào thế giới này, người đã chết là diệt mất rồi, chết mất rồi, chẳng phải là ý nghĩa ấy. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát quán sanh diệt là quan sát hiện tượng dao động vô cùng vi tế. Do các nhà khoa học Lượng Tử cận đại đã hé lộ tin tức, chúng ta mới dần dần thấu hiểu ý nghĩa chân thật của mấy lời Phật dạy ấy. Tuy các nhà Lượng Tử Lực Học không hiểu thấu suốt cho mấy, nhưng chỉ cần đôi chút là chúng ta đã có ngộ xứ. Các nhà Lượng Tử Lực Học nói vật chất là giả, chẳng thật, về căn bản bèn chẳng có vật chất. Một sợi lông của chúng ta là vật chất, một hạt cát là vật chất, đem mài hạt cát thành bột, mỗi hạt bột ấy vẫn là vật chất, nhục nhãn của chúng ta còn có thể thấy được, có sao nói vật chất chẳng tồn tại? Bản chất của vật chất là gì? Là ý niệm, nhiều ý niệm tích lũy lại một chỗ, quý vị thấy dường như có thứ gì ở nơi đó, thấy có vật chất, bản chất của vật chất là thứ ấy.

Thông qua tin tức ấy, chúng ta ngay lập tức hiểu rõ lời Phật dạy: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, vật chất sanh từ tâm tưởng, lập tức khiến cho chúng ta quay lại [quán sát] A Lại Da Thức. Trong kinh Phật, đức Phật đã giảng A Lại Da Thức. Ba tế tướng của A Lại Da Thức, thứ nhất là Nghiệp Tướng, [chúng ta] đã biết: Nghiệp Tướng là dao động, tức ý niệm dao động. Thứ hai là Chuyển Tướng, Chuyển Tướng là ý niệm. Ý niệm do đâu mà có? Ý niệm từ dao động mà có, gọi là “*nhất niệm bất giác*”, đó là dao động thứ nhất. Do dao động, Chuyển Tướng mới biến thành Cảnh Giới Tướng, Cảnh Giới Tướng là vật chất. Đối với điều này, chúng tôi đột nhiên hiểu rõ đạo lý đức Phật đã giảng, trước kia tuy đọc, nhưng mơ hồ, đọc chú giải của cổ nhân cũng mơ hồ. Vì thế, đối với Đại Thừa Phật pháp, Lượng Tử Lực Học có công hiến rất lớn, tuy họ chưa nói rất rõ ràng, nhưng nó có rất nhiều lý luận, khiến cho chúng ta vừa tiếp xúc, vừa suy tưởng những điều đã nói trong kinh bèn ngay lập tức hiểu rõ, mới biết tất cả hết thấy hiện tượng trước mắt, “*phàm những gì có tướng, đều là hư vọng*”, chúng ta có thể lý giải. Tuy chưa phải là chứng ngộ, [chỉ là] giải ngộ. Nhưng có

thể giải ngộ, quý vị sẽ có thể xem nhẹ, chẳng còn chấp trước như thế nữa, biết chấp trước là sai lầm, chấp trước là khổ! Trong Phật pháp nói “*bát khổ giao tiên*” (tám nỗi khổ chen nhau nung đốt), do đâu mà có? Do chấp trước mà có. Buông chấp trước xuống, chẳng còn khổ nữa! Nói tóm lại, chẳng có một pháp nào chẳng phải là “tự làm, tự chịu”, phải hiểu rõ ràng, rành rẽ đạo lý này. Đã hiểu rõ thì trong bất cứ hoàn cảnh nào, sẽ chẳng oán trời trách người, sẽ không trách móc kẻ khác có lỗi với ta, sẽ chẳng có ý niệm ấy, đều là “tự làm, tự chịu”. Lại còn nghĩ nghiệp nhân quả báo, chẳng sai sót mảy may!

Vì thế, Phật pháp dùng sáu chữ để bao quát toàn bộ hết thảy các pháp trong vũ trụ, có lý lắm! Sáu chữ ấy là “*tánh - tướng, lý - sự, nhân - quả*”, sáu chữ ấy đã nói trọn hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, không có gì ra ngoài sáu chữ ấy. Trong sáu chữ ấy, chỉ có Tánh là thật. Trừ Tánh ra, Tánh có thể sanh, có thể hiện, những thứ khác toàn là giả, là cái được sanh, được hiện, chẳng có gì là thật. Danh từ Phật giáo gọi căn nguyên của tất cả hết thảy hư huyền là A Lại Da. Nó là cội nguồn, hết thảy hiện tượng phát sanh từ nó. Bản thân nó là hư vọng nên biến hiện tất cả cảnh giới thảy đều hư vọng. Đúng là “*phàm những gì có tướng, đều là hư vọng*”, “*hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng*”. Kế đó, đức Phật nêu tỷ dụ: “*Như lộ, diệt như điện, ưng tác như thị quán*” (như sương, cũng như chớp; hãy nên quán như thế). Quý vị có cách nhìn như vậy, giống như cách nhìn của Phật, Phật tri, Phật kiến, kinh Pháp Hoa bảo là “*nhập Phật tri kiến*”. Chúng ta học Phật, đối với những kinh văn giống như thế này, hãy niệm nhiều, nghe nhiều, xem nhiều, từ từ sẽ bắt tri bắt giác khởi tác dụng, tác dụng gì vậy? Lạt lẽo đối với tất cả hết thảy các pháp thế gian. Thật sự lạt lẽo, sẽ chẳng còn chấp trước như vậy nữa, chẳng còn chấp trước nghiêm trọng như trước kia nữa. Ý niệm chấp trước, phân biệt đã nhạt dần, tâm càng ngày càng thanh tịnh, càng ngày càng bình đẳng, càng ngày càng tương ứng với Phật, Bồ Tát. Càng gần, tức là sẽ thành Phật chẳng xa. Nhất là chúng ta được gặp pháp môn Tịnh Tông, bản thân chúng ta rất có tín tâm, thật sự có thể coi đạu bạc hết thảy, phẩm vị khi vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ sẽ tăng cao với một mức độ lớn, tăng lên tới cõi Thật Báo chẳng phải là chuyện không thể, mà là rất có thể. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 113

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi bốn, hàng thứ hai, xem từ câu cuối.

“*Diệc chánh như Viên Giác kinh viết: ‘Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác. Cố u huyễn tướng vô trước, vô đắc’*” (cũng đúng như kinh Viên Giác đã nói: “Biết huyễn liền lìa, lìa huyễn tức là giác. Vì thế, đối với huyễn tướng chẳng chấp trước, chẳng đạt được”). Trong phần trước, chúng ta đã học qua, các đồng học tu Tịnh Độ chớ nên quên, phải học trí huệ của Văn Thù Bồ Tát, phải học hành môn của Phổ Hiền Bồ Tát; trong các phần trước, chúng tôi đã nói rất nhiều. Điều này là một chuyện rất khó, nhưng chẳng thể không học, pháp môn này thù thắng khôn sánh. Điều trọng yếu nhất là trước hết phải nhận biết nó, mục đích đầu tiên của kinh giáo là nhằm chỉ dạy, hướng dẫn chúng ta nhận biết và liễu giải pháp môn này. Nhận thức càng sâu, liễu giải càng thấu triệt, công phu tu hành tự nhiên đắc lực. Hễ công phu chẳng đắc lực, đều là do chẳng nhận thức rõ ràng chân tướng sự thật; trong kinh luận, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức thường khuyên dạy chúng ta điều này. Trong phần trước, [sách Chú Giải] đã dẫn thí dụ trong kinh Bảo Tích, tiếp theo đó, cũng trích dẫn mấy câu trong kinh Viên Giác, trong ấy có hai câu: “*Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác*”, hai câu này là kinh văn. Chúng ta nhất định phải biết khắp pháp giới hư không giới, trong phần trước, tôi đã thừa cùng chư vị, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng phải là thật, kể cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai cũng chẳng thật. Đối với tiêu chuẩn “chân - vọng”, Phật pháp có một tiêu chuẩn tuyệt đối: Thật sự vĩnh hằng bất biến thì là Chân; nếu có biến hóa, đó là Giả. Vậy thì chúng hãy ta suy nghĩ, trong thế giới hiện thời, đối với các đối tượng tiếp xúc của sáu căn, có thứ nào mắt trông thấy mà chẳng biến hóa? Tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi vị, lưỡi nếm năm vị, cho đến ý căn tiếp xúc pháp trần, đều là các hiện tượng sanh diệt, đều có biến hóa. Nói chung, động vật có sanh, lão, bệnh, tử, sự biến hóa ấy được gọi là “*vô thường*”. Thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, khoáng vật có thành, trụ, hoại, không; chỉ có một thứ chúng ta chẳng

nhìn thấy sự biến hóa của nó, tức là hư không. Trong Bách Pháp [Minh Môn Luận], hư không được xếp vào loại vô vi pháp, tức là Hư Không Vô Vi. Hư không có phải là chân thật hay không? Hư không cũng chẳng phải là thật, pháp vô vi thật sự chỉ có một, tức là Chân Như Vô Vi. Năm thứ kia là Tương Tự Vô Vi, [có nghĩa là] giống như pháp vô vi, nhưng trên thực tế, chúng vẫn có sanh diệt.

Các nhà khoa học hiện thời nói thời gian và không gian chẳng thật. Giáo pháp Đại Thừa bảo chúng ta: Tu hành đến mức đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, quý vị bèn đột phá các chiều không gian. “Đột phá các chiều không gian” là chuyện như thế nào? Thời gian chẳng còn nữa, thời gian là giả. Thời gian không có, bèn chẳng có trước và sau, chẳng có quá khứ, mà cũng chẳng có tương lai, mà là ngay lập tức, quý vị có thể thấy quá khứ, mà cũng có thể thấy tương lai. Chẳng có không gian thì sao? Chẳng có không gian bèn chẳng có khoảng cách, thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay nơi đây! Thật đấy, chẳng giả đâu! Trong phần khai thị của [Tam Thời] Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong đã bảo chúng ta: “*Tâm ta tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm ta; phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này*”. Cảnh giới ấy là cảnh giới đại triệt đại ngộ, chẳng giả! Nếu quý vị đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sẽ chứng đắc cảnh giới ấy. Tại Ấn Độ, các vị Bồ Tát và A La Hán đã chứng đắc; tại Trung Quốc, Huệ Năng đại sư đốn ngộ, đốn chứng. Lịch đại tổ sư khai ngộ trong Tông Môn, quý vị đọc Truyền Đăng Lục và Ngũ Đăng Hội Nguyên [sẽ thấy] ghi chép rất nhiều. Đại khai viên giải của Giáo Hạ và niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn [trong Tịnh Độ] đều là nhập cảnh giới này, cũng tức là quý vị đã hiểu rõ chuyện thời gian và không gian, chúng chẳng phải là thật, mà là giả. Giả thì phải buông xuống, giả thì không chỉ chẳng mang theo được, mà chúng còn gây ra phiền phức. Phiền phức là gì? Phiền phức là mang đến nghiệp báo cho quý vị. Quý vị thiện tâm, thiện hạnh, bèn sanh trong ba thiện đạo; ác niệm, ác hạnh sẽ sanh trong ba ác đạo, phiền phức ở chỗ này.

Vì thế, người thật sự tu hành, người niệm Phật nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Cầu sanh Tịnh Độ vì lẽ gì? Đề thân cận A Di Đà Phật, Ngài là bậc đại thiện tri thức đệ nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian. Ở nơi đây, chúng ta tu hành chứng quả rất khó khăn, dễ gì nói đến chuyện thành Phật? Đến thế giới Cực Lạc bèn rất dễ dàng: Thầy tốt, A Di Đà Phật là thầy; hoàn cảnh tốt đẹp. Nhất là sanh về thế giới Cực Lạc, thọ mạng giống như A Di Đà Phật, ai nấy đều là vô lượng thọ. Bạn học tốt đẹp, tức là các vị thượng thiện nhân, những thiện nhân ấy thuộc địa vị nào? Đẳng Giác Bồ Tát, hoặc Thập Địa Bồ Tát, quý vị là bạn học của các Ngài. Do vậy, hễ sanh về ấy, có thể nói là đảm bảo quý vị thành Phật. Tìm đâu ra một nơi nào khác [giống như vậy]? Ngoại trừ pháp môn Tịnh Độ, chẳng tìm được [pháp môn nào khác]! Do vậy, pháp môn này được gọi là “*môn dư đại đạo*” (đại đạo nằm ngoài các pháp môn khác). Chữ

“môn” ấy chỉ tám vạn bốn ngàn pháp môn, [“môn dư đại đạo” có nghĩa là] đạo thành Phật đặc biệt ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn. Chẳng có duyên phận, chẳng thể gặp gỡ thì thôi, chẳng còn nói gì nữa; nhưng nếu được gặp gỡ mà chẳng nắm vững, chẳng thể thành tựu trong một đời, quá đáng tiếc! Vậy thì quý vị mong nắm chắc trong một đời, thật sự thành tựu trong một đời, điều vô cùng cần thiết là phải thấy thấu suốt. Đoạn kinh văn này dạy chúng ta thấy thấu suốt, bảo cho chúng ta biết thế giới này chẳng thật, toàn là giả. Nếu quý vị chấp trước nó, sai mất rồi! Thí dụ như quý vị mong không chế nó, muốn chiếm hữu nó, thôi rồi, trong tương lai quý vị tiếp tục luân hồi chẳng ngơi trong lục đạo, chẳng có phần thành tựu trong đời này. Do vậy, phải triệt để buông xuống.

Buông xuống! Vì sao kẻ ấy chưa buông xuống được? Chưa thấy thấu suốt, tức là chẳng liễu giải chân tướng sự thật. Đối với các kinh luận, cụ Hoàng Niệm Tổ đã hết sức khó có, trích dẫn khá nhiều khai thị trong các kinh luận nhằm giúp chúng ta thấy thấu suốt. Kinh Bảo Tích giảng: “*Như huyền sư tác huyền, tự u huyền bất mê, dĩ tri huyền hư cố, Phật quán thế diệc nhiên*” (như nhà ảo thuật làm ảo thuật, đối với những thứ huyền bèn chẳng mê, vì biết những thứ huyền ấy là giả. Đức Phật quán cõi đời cũng giống như thế). Trong buổi học trước, chúng tôi đã nói điều này. Một câu kinh rất nổi tiếng trong kinh Viên Giác là “*tri huyền tức ly, ly huyền tức giác*”, hai câu ấy nói hay quá! Vì sao người thế gian chẳng thể lìa? “*Lìa*” là buông xuống, vì sao chẳng thể buông xuống? Do không biết. Chẳng biết thế gian này là giả, chẳng thật. Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú*” (trong mộng rành rành sáu thú), “*lục thú*” (六趣) là lục đạo luân hồi. Mộng là gì? Mộng là nói tới mê. Mê chứ chẳng giác, nên đừng như thật sự có lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi cũng chẳng phải là giả, nhưng phải hiểu nó là một thú trong mộng! Nếu quý vị tỉnh giác, lục đạo chẳng còn nữa, giống hết như mộng vậy! Giác mộng ấy khá lâu dài, thời gian rất dài. Đã giác ngộ, giác ngộ là tỉnh mộng, cũng chẳng còn lưu luyến lục đạo nữa, cũng chẳng còn lưu tâm nơi đó nữa, như vậy là đúng. Đó là thật sự khai ngộ trong Phật môn, sự khai ngộ này chưa phải là đại triệt đại ngộ, nhưng được kể như là đại ngộ. Nhà Phật bảo “*tích tiểu ngộ thành đại ngộ*”. Khi nào biết là đại ngộ? Thật sự buông xuống là đại ngộ, chưa buông xuống thì vẫn đang mê, mê chứ chẳng giác. Ly huyền thì ly huyền là đã giác ngộ. Trong tựa đề kinh có “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, năm chữ ấy trong tựa đề kinh chính là ba giai đoạn tu hành.

Hiện thời, chư vị đều biết, trên khắp thế giới, chẳng riêng một nơi nào, tai nạn quá nhiều, trong lịch sử Trung Quốc lẫn ngoại quốc đều chưa hề có, những tai nạn kỳ quái hiện thời đều bộc phát cả rồi. Hôm qua, có một đồng học hạ tải một bài báo từ Internet đưa cho tôi xem: Ở ngoại quốc, vừa phát hiện một loại virus mới đang truyền

nhiễm, từ Nam Á truyền sang Ấn Độ rồi từ đó truyền đến Âu Châu. Rất có thể loại ôn dịch này sẽ lan truyền khắp thế giới. Rất đáng sợ! Virus ấy rất nghiêm trọng, đó là ôn dịch. Động đất, núi lửa, sóng thần, hạn hán, lụt lội, toàn thể thế giới đều có. Vì sao có các hiện tượng ấy? Chúng ta đã học giáo pháp Đại Thừa nhiều năm ngàn ấy, bèn hiểu rõ. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường bảo các đồng học, thế giới này và thế giới Cực Lạc có gì khác biệt? Nói theo Lý, chẳng có mấy may sai biệt. Không chỉ là hai thế giới, mà mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật, cũng chính là vô số tinh cầu trong hư không mà chúng ta trông thấy vào ban đêm, các thế giới ấy đều là bình đẳng, chẳng có sai biệt. Thầy đều là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, làm sao có sai biệt cho được? Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu Hoa Tạng, giới thiệu Tịnh Độ của A Di Đà Phật tốt đẹp dường ấy? Nhìn thấy địa cầu của chúng ta lắm tai nạn ngàn ấy, là nguyên do gì? Đức Phật đã dạy: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, chớ nên quên câu này! Sanh từ tâm tưởng, chúng ta bèn biết, cư dân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là những người sống trên quả địa cầu đó, nghĩ tưởng gì? Những người ấy luôn nghĩ đến Phật pháp Đại Thừa, ở đây nói là “*u huyễn bất mê, tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác*” (đối với huyễn chẳng mê, biết là huyễn liền lìa, lìa huyễn chính là giác), họ là hạng người như thế đó. Các cõi Phật trong vũ trụ và thế gian của chúng ta khác nhau. Quý vị thấy trong thế giới Cực Lạc, hoặc trong thế giới Hoa Tạng, chẳng nghe nói có quốc gia, chẳng nghe nói có quốc vương, chẳng nghe nói có đại thần, chẳng có chuyện ấy! Chẳng nghe nói có sĩ, nông, công, thương.

Tây Phương Cực Lạc thế giới có hai loại người, chư vị phải biết điều này, thế giới ấy đơn thuần lắm! Hai loại người, một là thầy, A Di Đà Phật là thầy, người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là học trò. Người trong Tây Phương Cực Lạc mỗi ngày làm chuyện gì? Đi học. A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp, các vị Bồ Tát vãng sanh hằng ngày nghe Phật giảng kinh, nghe Phật dạy bảo, bèn chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Họ học tập ở bên ấy đúng là chẳng gián đoạn, ngày đêm đều chẳng gián đoạn. Thế giới Cực Lạc chẳng có ngày đêm, cao hơn chư thiên, Sắc Giới Thiên chẳng có ngày đêm. Do vậy, nói theo cách chúng ta [thường nói], nơi ấy là trường học, là Phật học viện. Trong vũ trụ, A Di Đà Phật lập một Phật học viện, mười phương chư Phật Như Lai, quý vị thấy chẳng có vị Phật nào không khuyên đệ tử của Ngài đến học trong thế giới Cực Lạc. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là đến học trong thế giới Cực Lạc, nay chúng ta nói là “*du học*”, [vãng sanh là] đến du học trong thế giới Cực Lạc. Đến bên kia chắc chắn thành Phật, lại còn hết sức nhanh chóng. Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, mười hai kiếp bèn thành Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật nói lời này trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, quyết định chẳng phải là giả. Trong thế gian này, nếu muốn thành Phật, đức Phật

nói phải trải qua vô lượng kiếp, đến thế giới Cực Lạc [chỉ mất] mười hai kiếp, quý vị thấy đỡ tốn bao nhiêu thời gian! Đây là nói về trường hợp chậm nhất. Nếu công phu tu hành của quý vị khá hơn, có thể vãng sanh trong trung phẩm hoặc thượng phẩm, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đại khái chỉ có hai kiếp hoặc ba kiếp bèn thành công. Nếu là người thật sự niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn, đại triệt đại ngộ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng phải là cõi Đồng Cư, mà cũng chẳng phải là cõi Hữu Du, trực tiếp sanh vào cõi Thật Báo. Những lý sự này đều được đức Phật giảng thấu triệt như vậy trong kinh, chúng ta phải cảm tạ, đó là đại ân đại đức của đức Phật dành cho chúng ta. Chúng ta thật sự hiểu rõ, minh bạch rồi, tâm niệm Phật mới thật sự phát khởi, thật sự tu hành, thật sự niệm Phật. Vì sao? Ta đã hiểu rõ, minh bạch chuyện này, mà cũng hiểu rõ ràng minh bạch thế giới này. Những sự tao ngộ trong mỗi đời của tất cả chúng sanh trong hết thảy các cõi nước, nói một câu chân thật thì đều là “tự làm, tự chịu”. Đó chính là “*hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, trong tâm quý vị nghĩ như thế nào, hoàn cảnh bên ngoài biến hiện như thế ấy, ai là chủ tể? Chính mình là chủ tể! Trong ngàn kinh muôn luận, đức Phật đã dạy điều này chẳng biết bao nhiêu lần. “*Duy tâm sở hiện*”, tâm của ai? Tâm của chính mình; “*duy thức sở biến*”, thức của ai? Phân biệt và chấp trước của chính mình, chẳng liên can đến ai khác! Chớ nên chẳng biết chân tướng sự thật này!

Nếu tâm người trên địa cầu chúng ta đều thiện, chẳng trái phạm Tam Học Giới - Định - Huệ như Phật đã dạy trong kinh giáo, còn người chẳng học Phật, như người Trung Quốc [chẳng hạn] mà có thể tin tưởng giáo huấn của tổ tiên, tuân thủ luân lý, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, đều chẳng lia các tiêu chuẩn ấy, thế giới này sẽ vô cùng tốt đẹp, thế giới này sẽ được gọi là cõi đời thịnh trị. Trước hết, thân tâm mỗi người khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hòa hài, thiên hạ thái bình. Do lòng người chiêu cảm, do lòng người tốt lành, nên núi, sông, đại địa hoàn toàn chẳng có các tai nạn, kinh Phật đã dạy như vậy. Tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm, tướng mạo và thân thể của chúng ta khỏe mạnh là do ý niệm chuyển biến. Ý niệm của ta tốt đẹp, con người bèn khỏe mạnh, sống lâu, chẳng ngã bệnh. Tâm ta lần hành vi đều tốt đẹp, ở nơi đâu, nơi ấy chẳng có tai nạn. Điều này chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng, tình hình vốn là như thế đó. Hoàn cảnh đều là do ý niệm [mà biến hóa]; vì thế, ý niệm rất bất phàm, sức mạnh của nó rất lớn. Ý niệm bất thiện là tai nạn, tâm hạnh của quý vị chẳng lành thì đối với chính mình mà nói, chính mình toàn thân đầy bệnh tật, gia đình bất hòa, công việc chẳng thuận lợi, chỗ ở thường xảy ra tai nạn như hạn hán, lụt lội, động đất, đều do ý

niệm của chính mình phát khởi, biến hiện. Đức Phật đã nói [những điều này] từ mấy ngàn năm trước.

Theo ghi chép của tổ tiên Trung Quốc và lịch đại tổ sư, khác với cách nói của người ngoại quốc, người ngoại quốc nói: Từ lúc Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho đến nay là hơn hai ngàn năm trăm năm mươi năm. Tổ tiên người Trung Quốc ghi chép khác với cách nói ấy, họ chép rất rõ ràng là Thích Ca Mâu Ni Phật sanh nhằm năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, tức là năm Giáp Dần, Dần là cọp, Thích Ca Mâu Ni Phật tuổi Cọp, năm Giáp Dần mà! Đức Phật diệt độ nhằm năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương. Nếu theo cách ghi chép này, từ khi đức Phật diệt độ đến nay phải là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, đó là cách nói được chư tổ tương truyền tại Trung Quốc. Trong quá khứ, lão hòa thượng Hư Vân đã dùng cách nói này, vị thuộc thế hệ trước đó là Ấn Quang đại sư cũng tuân theo cách nói này. Đương nhiên người ngoại quốc cũng có căn cứ, nhưng người Trung Quốc cũng có căn cứ, chẳng cần phải tranh luận chuyện này. Đây chẳng phải là chuyện to tát gì mà là chuyện nhỏ nhoi, chuyện vặt vãnh như lông gà, vỏ tỏi! Đối với văn hóa của chính mình, đối với điều được chư tổ tương truyền, chúng ta phải có tín tâm. Lịch đại tổ sư trong quá khứ tại Trung Quốc là những bậc hữu tu, hữu học, hữu chứng, chẳng phải là kẻ tầm thường, người bình thường sẽ chẳng làm được, các Ngài thật sự là những vị tái lai. Nếu chúng ta chẳng thể tin tưởng các Ngài, chẳng có tín tâm, sẽ chẳng có cách nào học tập!

Điều được kinh điển nói, được các tổ sư truyền, còn rất khó có là các nhà khoa học cận đại, tức là các nhà thuộc ngành khoa học tiên phong là Lượng Tử Lực Học đã phát hiện. Trong những báo cáo do họ đưa ra, rất nhiều điều giống như trong kinh Phật đã nói. Thí dụ như ở đây nói: “*Tri huyễn hư có*” (do biết huyễn là hư vọng), họ đã phát hiện điều này. Phát hiện trong vũ trụ này, bất luận tinh thần hay vật chất đều là giả, đều chẳng phải là thật. Tinh thần và vật chất do đâu mà có? Họ nói là do ý niệm mà có, chúng ta nói là “*niệm đầu*”, cách nói này giống như trong kinh Phật đã nói. Kinh Nhân Vương dạy: Trong một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, một sát-na có chín trăm niệm. Chúng ta học tập kinh giáo biết Thích Ca Mâu Ni Phật nói theo kiểu ấy là nói phương tiện, chẳng phải là chân thật. Nói phương tiện thì được, vì người bình phàm chẳng có cách nào lý giải điều này. Cuộc đối thoại giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát trong kinh Bồ Tát Xử Thai là nói chân thật, chẳng phải là nói phương tiện. Đức Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, phàm phu khởi một niệm, “*tâm hữu sở niệm*” (trong tâm dấy lên một niệm) thì trong một niệm ấy có bao nhiêu tế niệm, tức là [có bao nhiêu] ý niệm vi tế? Có bao nhiêu tướng? Tướng là hiện tượng vật chất. Có bao nhiêu thức? Thức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức; tướng là Sắc, có những hiện tượng như thế xuất hiện. Di Lặc Bồ Tát trả lời, cũng dùng một cái khảy ngón tay, bao nhiêu niệm? Ba

mười hai ức trăm ngàn niệm. Dùng “trăm ngàn” làm đơn vị, chúng ta tính toán hoán đổi, thì [trong thời gian] một cái khảy ngón tay bèn có ba trăm hai mươi triệu [tế niệm], nhiều hơn kinh Nhân Vương đã nói quá nhiều. Nếu chúng ta khảy nhanh, một giây khảy được năm lần, tôi tin là có thể. Tôi có thể khảy bốn lần, tôi tin có người khảy nhanh hơn tôi, thân thể khỏe mạnh hơn tôi, động tác nhanh hơn tôi. Nếu một giây khảy năm lần, bèn là bao nhiêu triệu? Một ngàn sáu trăm triệu, vậy là một giây có bao nhiêu tế niệm? Có một ngàn sáu trăm triệu niệm vi tế.

Niệm nhiều dường ấy, liên tục tích lũy chẳng ngừng, bèn sanh ra huyễn tướng. Trong huyễn tướng ấy có tinh thần và có vật chất, nói theo danh từ Phật pháp là Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức xuất hiện. Đó là ba tế tướng của A Lại Da, các nhà Lượng Tử Học hiện thời đã phát hiện, chúng ta chẳng thể không bội phục họ. Trong kinh đức Phật đã nói, thức thứ sáu là Ý Thức, có công năng phân biệt vô cùng to lớn, đối ngoại, nó có thể duyên khắp pháp giới hư không giới, đối nội, nó có thể duyên đến A Lại Da. Hiện thời, Lượng Tử Học đã duyên đến A Lại Da, nhưng chẳng duyên đến tự tánh. Nếu lại hỏi, các hiện tượng ý niệm ấy do đâu mà có, Lượng Tử Học chẳng có cách nào trả lời, nhưng kinh Phật thì có. Đức Phật dạy, trong vũ trụ có một Lý Thể thật sự, có thể sanh ra vạn sự, vạn vật, Lý Thể ấy được gọi là tự tánh, “minh tâm kiến tánh” là quý vị tìm được điều này. Trong triết học, nó được gọi là “bản thể của vũ trụ vạn hữu”. Nó có thể sanh, có thể hiện, có thể biến; muôn hình muôn vẻ trong toàn thể vũ trụ là cái được sanh, cái được hiện, cái được biến. Khoa học chẳng tìm được cái “có thể sanh, có thể hiện, có thể biến” này. Vì sao? Vì chẳng thể dùng phân biệt, càng chẳng thể dùng chấp trước. Quý vị có phân biệt, có chấp trước, bèn là vọng tâm, vọng tâm chỉ có thể duyên vọng. A Lại Da là vọng, nên có thể duyên đến những hiện tượng hư vọng trong khắp pháp giới hư không giới, nhưng chẳng thể duyên Chân. Phải như thế nào thì mới có thể duyên Chân? Buông vọng xuống sẽ duyên được, thấy được; vì thế nói “*tri huyễn tức ly*”, ly huyễn bèn giác. Giác ấy chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, người ấy (người ly huyễn) đã chứng đắc cảnh giới ấy. Trong Phật pháp, người ấy được gọi là Phật Đà, đã thành Phật. Nhà khoa học, nhà khoa học Lượng Tử hãy còn cách biệt Phật một khoảng, tùy thuộc người ấy có thể buông xuống hay không? Nếu thật sự có thể buông toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, người ấy bèn thành Phật.

Khoa học tiến bộ, tôi tin là dăm ba năm nữa, Lượng Tử Học có thể phổ biến, khiến cho người trong cõi đời đều biết, [chuyện ấy] sẽ có ích vô cùng to lớn cho Phật giáo, [vì] những điều đức Phật đã nói trong kinh đều được chứng tỏ. Nhân loại đã có năng lực xử lý hoàn cảnh, muốn hóa giải tai nạn bèn biết dùng phương pháp gì; để hóa giải các xung đột, đã có biện pháp. Chỉ cần chúng ta tin tưởng, “*tín vi đạo nguyên*,

công đức mầu” (tín là nguồn đạo, mẹ công đức), quý vị chẳng tin thì chẳng có cách nào cả! Vì sao chẳng thể tin? Quý vị chẳng nhận biết điều này, do chẳng nhận biết nên không tin. Khi tôi còn trẻ, đối với những điều này chẳng biết tí gì, học trong nhà trường nghe giáo viên bảo: “Tôn giáo là mê tín, Phật giáo là đa thần giáo, thứ gì cũng lạy, mê tín nhất, mê tín hàng đầu trong các thứ mê tín”. Vì thế, trước nay tôi chưa hề có ý nghĩ tiếp xúc Phật giáo, chẳng có! Chùa miếu đều chẳng đến, thườ trẻ ngoan cố đường ấy. Cũng may là chúng tôi có tâm mong cầu hiểu biết, lúc hai mươi mốt tuổi sanh lòng mê đắm triết học, trong tâm tôi hết sức ưa thích môn khoa học ấy. Lúc hai mươi sáu tuổi, gặp gỡ giáo sư Phương Đông Mỹ là một vị triết gia đương thời mà trong tâm tôi hết sức ngưỡng mộ, tôi theo học Triết với thầy. Trong phần cuối cùng, thầy giảng triết học trong kinh Phật, tôi cảm thấy hết sức kinh ngạc, thưa: “Phật giáo là tôn giáo, là đa thần giáo. Đa thần giáo là tôn giáo thấp kém, làm sao có triết học cho được?” Thầy bảo: “Anh còn trẻ, không biết!” Thầy giảng: “*Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong nền triết học toàn thế giới. Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi theo học môn ấy với thầy, mới sửa đổi quan niệm sai lầm, biết trong ấy có thứ thật tốt đẹp đường ấy, vô cùng khát vọng.

Thầy bảo tôi: “*Hiện thời, trong các chùa miếu chẳng có triết học Phật giáo*”, tôi hỏi thầy phải tìm ở nơi đâu? “*Trong kinh điển*”. Vì sao? Hiện thời, trong chùa miếu chẳng có người học tập nữa. Thầy nói chẳng giống như trong quá khứ. Trong quá khứ, những người xuất gia trong các chùa miếu là bậc đại đức hạnh, đại học vấn! Vì thế, Phật môn thường nói: “*Người xuất gia là thầy của đế vương*”, chẳng sai tí nào! Thật sự có tư cách làm thầy của đế vương. Đế vương, tướng lãnh, đại thần hễ gặp những vấn đề chẳng thể giải quyết bèn thỉnh giáo người xuất gia, người xuất gia thật sự có năng lực chỉ dạy họ. Đáng tiếc là hiện thời họ chẳng học [kinh giáo] nữa. Do vậy, thầy bảo tôi: “*Nếu anh muốn học, [hãy học] từ kinh điển*”, chỉ cho tôi con đường ấy. Thầy chỉ cho tôi con đường ấy vô cùng chánh xác. Nếu thầy chẳng nói trước, tôi mò đến chùa miếu, gặp người xuất gia thỉnh giáo, một câu hỏi là ba điều không biết¹¹⁹[1],

119[1] Đây là một thành ngữ “*nhất vấn, tam bất tri*” (一問,三不知), tức là hỏi đến sự việc gì đều chẳng biết nguyên nhân, diễn biến và kết quả của sự việc ấy. Về sau, thường dùng thành ngữ này với ý nghĩa “hỏi gì cũng chẳng biết, ù ù cạc cạc”. Thành ngữ này phát xuất từ một câu chuyện được chép trong bộ Tả Truyện, phần ghi chép sự kiện vào năm thứ hai mươi bảy đời Lỗ Ai Công. Theo đó, vào năm 468 trước Công Nguyên, đại phu Tuân Dao nước Tấn đem quân phạt Trịnh. Nước Trịnh chống không nổi nên sai quan đại phu là Công Tử Ban sang Tề cầu cứu. Tề Bình Công chẳng muốn Tấn do thôn tính Trịnh mà lớn mạnh thêm, sẽ uy hiếp nước Tề, bèn sai quan đại phu là Trần Thành Tử dẫn quân cứu viện. Khi Trần Thành Tử dẫn quân đến bờ sông Đạt Truy, trời mưa to, sĩ tốt chẳng muốn dầm mưa vượt sông. Viên hướng đạo nước Trịnh là Tử Tư nói: “Quân Tấn đã kéo sát đến chân thành nước Trịnh, vua quan nước Trịnh mong ngóng quân Tề sớm đến cứu nguy. Nếu chẳng tiến lên, e rằng chẳng cứu

chắc chắn tôi sẽ ngờ vực lời thầy, [cho là] lời thầy nói chẳng phải là sự thật. Thầy đã dặn dò trước: “Người xuất gia chẳng nghiêm túc học tập”. Sau khi đã học thì phải làm được, đó là Tập. Quý vị học rồi nhưng chẳng làm được, đó là giả, vô dụng! Há chẳng phải là trong Phật giáo có khoa học cao cấp? Chúng tôi đã học Phật nhiều năm ngàn ấy, biết Phật giáo không chỉ có khoa học cao cấp, mà còn có triết học cao cấp. Khoa học và triết học đều đạt tới đỉnh cao tốt bậc. Những phát hiện gần đây nhất trong Lượng Tử Lực Học giống hệt như trong kinh Đại Thừa đã nói.

Học Phật có lợi ở chỗ nào? Đối với chính mình mà nói thì là thân tâm khỏe mạnh, thân tâm thanh tịnh; ban cho quý vị điều tốt đẹp ấy, chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc, chẳng có áp lực, trí huệ tăng trưởng, đức hạnh tăng trưởng, vui sướng lắm! Vì vậy, người học Phật pháp hỷ sung mãn, trong Đại Kinh thường nói: “*Bồ Tát thường sanh tâm hoan hỷ*”, ở đây quý vị nói là “rất sung sướng”. Vì thế, thầy bảo tôi: “*Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người*”, tôi đã đạt được. Mỗi ngày đều cảm tạ thầy; nếu thầy chẳng chỉ ra con đường này, suốt cuộc đời này tôi sẽ khổ sở chẳng thể nói nổi, há có hạnh phúc, tự tại đường ấy? Thầy chỉ điềm đường lối chánh xác, bản thân chúng ta phải thật sự làm, biết đó là giả. Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, đối với tất cả những tướng được hiện, chúng ta đều chẳng bận tâm, buông xuống hết! Thật sự chẳng có một niệm toan không chế, chẳng có mảy may ý niệm chiếm hữu nào! Thuở tại thế, đức Thế Tôn đã nêu tấm gương tốt nhất. Ngài xuất thân là vương tử, quý tộc, xuất thân từ quý tộc. Mười chín tuổi bỏ ngôi vua, rời gia đình đi học đạo, học suốt mười hai năm. Sống cuộc đời của một vị Tăng khổ hạnh, ba y một bát, giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây, sống suốt cả đời như vậy, vui sướng khôn sánh! Thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Học Tiểu Thừa thành tựu, thành Chánh Giác, Đại Thừa Bồ Tát thành Chánh Đẳng

kip”. Trần Thành Tử bèn khoác áo tơi, cầm mâu xông lên dẫn quân tiến gấp, sẵn sàng giao chiến cùng quân Tấn. Nguyên soái Tuân Dao của quân Tấn thấy quân Tề nghiêm chỉnh, oai vũ, kinh sợ, bảo các bộ tướng: “Ta bói thấy sẽ đánh nước Trịnh, chẳng bói thấy sẽ giao chiến cùng quân Tề. Quân họ sắp đặt tề chỉnh, ta sợ đánh không lại”. Các bộ tướng cũng tán thành, chủ trương lui binh. Tuân Dao vừa hạ lệnh lui quân, vừa sai sứ giả bái kiến Trần Thành Tử. Sứ giả nói: “Nước Tấn xuất quân lần này thật ra là vì báo thù cho Ngài. Dòng họ Ngài từ nước Trần lưu lạc sang Tề. Tuy Trần bị Sở diệt quốc, nhưng đó là tội của nước Trịnh. Do vậy, vua nước tôi sai người đến Trịnh để điều tra nguyên nhân khiến nước Trần diệt quốc và chia sẻ nỗi buồn với Ngài”. Trần Thành Tử biết là dối trá, đuổi sứ giả về. Khi ấy, một bộ tướng của Trần Thành Tử là Tuân Dần nói: “Tôi nghe nói nước Tấn toan đem một ngàn cỗ chiến xa tiêu diệt quân Tề”. Trần Thành Tử nói: “Dẫu cho một ngàn cỗ chiến xa xông tới, chúng ta chẳng thể không giao chiến. Lời ông vừa nói chính là làm nhục ý chí quân ta, tăng khí thế cho quân địch, ta sẽ tâu lại với vua”. Tuân Dần biết mình lỡ lời, bèn than: “*Quân tử chi mưu dã, thử, trung, chung, giai cử chi, nhi hậu nhập yên. Kim ngã tam bất tri nhi nhập chi, bất diệc nạn hồ*” (kẻ quân tử mưu tính, ắt đều xét đến khởi đầu, diễn biến và kết thúc, rồi mới tính mưu kế. Nay ta cả ba điều đều chẳng biết mà đã chen vào tính toán, cũng chẳng gặp rắc trở ư?)

Chánh Giác. Thuở ấy, Ngài biểu hiện cho chúng ta thấy, nêu gương cho hàng hậu học chúng ta.

Trong Phật pháp, để tiến cao hơn thì phải buông xuống. Thuở ấy, Chương Gia đại sư dạy tôi: “Giống như tòa cao ốc một trăm tầng, quý vị có thể buông tầng thứ nhất xuống thì mới có thể tiến lên tầng thứ hai. Có thể buông tầng thứ hai xuống, mới có thể lên tầng thứ ba. Quý vị chẳng chịu buông xuống, chấp trước nơi đó, sẽ vĩnh viễn chẳng thể tiến bộ”. Năm mươi một tầng cấp Bồ Tát, [Thập Tín], Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, giống như một tòa cao ốc gồm năm mươi một tầng. Có thể buông Thập Tín xuống, quý vị đạt tới địa vị Thập Trụ. Có thể buông Thập Trụ xuống, quý vị mới có thể đạt đến địa vị Thập Hạnh, bí quyết là buông xuống. Vì sao chẳng buông xuống được? Do chẳng liễu giải chân tướng sự thật! Vì vậy, trước hết bảo quý vị hãy liễu giải chân tướng sự thật. Trí Văn Thù là thấy thấu suốt, hạnh Phổ Hiền là buông xuống. Thấy thấu suốt giúp buông xuống, buông xuống lại giúp thấy thấu suốt, hai điều này giúp nhau thành tựu từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, đem phương pháp thật sự bí mật này truyền cho quý vị! Tôi gặp gỡ Chương Gia đại sư là lần đầu tiên gặp mặt người xuất gia, tôi bèn hướng về lão nhân gia thỉnh giáo. Tôi thưa: “Tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu cho con biết Phật pháp, con biết Phật pháp thù thắng, biết Phật pháp là đại học vẫn có thể giải quyết hết thảy vấn đề”. Tôi thỉnh giáo lão nhân gia: “Có phương pháp tốt đẹp nào khiến cho con có thể khế nhập rất nhanh chóng hay chẳng?” Ngài dạy tôi “*thấy thấu suốt, buông xuống*”, truyền cho tôi ngay hôm đầu tiên. Tôi học suốt mười mấy năm mới thật sự hiểu rõ đạo lý ấy. Sau khi đã hiểu rõ, cảm kích thầy vô tận. Ngài chẳng giấu giếm mảy may nào, giống như đã đem bí mật thành Phật của hàng Bồ Tát truyền cho tôi. Tuy trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã thường nói [tới bí quyết ấy], nhưng chúng tôi xem mà chẳng hiểu, đọc phớt qua, chẳng hề lưu ý. Thầy vừa chỉ điểm, cảnh tỉnh, chúng tôi bèn chú ý, phát hiện trong kinh điển Đại Thừa, đâu đâu Phật cũng đề ra, chỉ dạy [điều ấy]. Trong những bộ kinh Bảo Tích, Viên Giác, Lăng Nghiêm được nêu ra ở đây, thảy đều có. Đã thật sự liễu giải, nên đối với huyền tướng chẳng chấp, chẳng đắc. “*Chấp*” là chấp tướng. Chẳng còn chấp tướng, bèn chẳng còn có ý niệm được - mất. Đối với hết thảy sự vật, chẳng có ý niệm không chế hay chiếm hữu. Đó là “*vô đắc*”, thật sự thấy thấu suốt.

“*Văn trung thịnh tán đại sĩ chi Quyền Thật nhị đức*” (lời văn nồng nhiệt ca ngợi hai đức Quyền và Thật của đại sĩ), Quyền Đức là buông xuống, Thật Đức là thấy thấu suốt. “*Đại sĩ*” được nói ở đây chính là các vị Bồ Tát tham dự pháp hội này. Ở đây nói tỳ-kheo có tới một vạn hai ngàn người, Bồ Tát vô lượng vô biên, có nhiều vị Bồ Tát từ thế giới phương khác đến. “*Giai năng thị hiện thị Quyền Đức, thật vô khả đắc thị Thật Đức*” (“*Đều có thể thị hiện*” là Quyền Đức, “*thật sự chẳng thể được*” là Thật Đức).

“*Thật vô khả đắc*” là trí huệ, “*giai năng thị hiện*” là phương tiện thiện xảo, nên dùng thân gì để độ được, chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát đều có thể hiện thân, như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm của chúng sanh mà ứng hiện xứng với khả năng hiểu biết của họ). Chư Phật, Bồ Tát hiện thân, xác thực là chẳng hề khởi tâm động niệm, hiện như thế nào? Tự nhiên hiện, thuật ngữ trong Phật pháp là “*pháp nhĩ như thị*”, tức là “vốn là như vậy”. Nếu hỏi, vì sao vốn là như vậy? Do cùng một tự tánh! Chỉ rõ vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ và chính mình là cùng một Thể. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”, thật vậy, chẳng giả tí nào! Do đó nói: “*Vô duyên Đại Từ, đồng thể Đại Bi*”. Pháp Thân Bồ Tát biết, nhận thức, khẳng định hết thấy các pháp và ta là một Thể, phàm phu chẳng biết, phân chia Tự và Tha, nên tự tư tự lợi, tổn người lợi mình, gây tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Tuy tội nghiệp là giả, chẳng thật, nhưng nếu kẻ ấy không tỉnh ngộ thì phải hứng chịu! Hứng chịu rất khổ, giống như mơ thấy ác mộng. Khi kẻ ấy gặp ác mộng, chẳng biết chính mình đang nằm mộng, khổ chẳng thể nói nổi, hễ tỉnh giấc mới biết là một giấc mộng. Chúng sanh luân hồi trong lục đạo là như vậy, chịu khổ, hưởng vui trong lục đạo, ngày nào tỉnh giấc, giác ngộ, lục đạo bèn chẳng còn nữa, mới biết là một giấc mộng to lớn. Lời Vĩnh Gia đại sư đã nói là lời thật, chẳng phải là giả. “*Hội trung chư đại sĩ giai viên cụ Quyền Thật nhị đức*” (Các vị đại sĩ trong hội đều đầy đủ trọn vẹn hai đức Quyền và Thật), viên mãn trọn đủ hai đức ấy. “*Cổ vân: Thử chư Bồ Tát, diệc phục như thị*” (Vì thế nói: “Các vị Bồ Tát ấy cũng giống như thế”). Đây là lời tổng kết một đoạn ngắn, [ý nói] các vị Bồ Tát ấy đều có trí huệ và đức hạnh ấy. Chư vị hãy ghi nhớ: Đức hạnh là buông xuống!

Chúng ta học Phật phải ghi nhớ: Thật sự muốn cầu vãng sanh thì phải trì giới, phải khổ hạnh. Trước khi diệt độ, Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy đệ tử, đức Phật chẳng còn hiện diện trong thế giới này thì hãy “*lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy*”. Bất luận quý vị học Thiền Tông, học Giáo Hạ, học Hiền, học Mật, học Đại Thừa, học Tiểu Thừa, chỉ cần là học Phật thì điều này là căn bản, [tức là] “*lấy giới làm thầy*” là căn bản, “*lấy khổ làm thầy*” là căn bản. Vì sao chẳng trì giới tốt đẹp? Sợ chịu khổ, như vậy là chẳng được rồi! Quý vị thật sự muốn thành tựu, phải nhẫn được điều này, chịu được nỗi khổ kẻ khác chẳng thể chịu, nhẫn được nỗi nhục chẳng thể nhẫn, nay chúng ta gọi [nỗi nhục ấy] là “nhục nhã”, có thể nhẫn được. Thực hiện giới luật từ chỗ nào? Phải bắt đầu bằng Đệ Tử Quy. Đối với Phật giáo hiện thời, chúng tôi đã đến nhiều nơi thuộc các quốc gia, tiếp xúc các vị đồng tu học Phật trong giới Hoa kiều đã nhiều năm, khiến cho chúng tôi nhận thấy hàng xuất gia học Phật chẳng thể hành Sa Di Luật Nghi, hàng tại gia chẳng thể hành Thập Thiện Nghiệp Đạo; do vậy, họ chẳng thể thành tựu. Chẳng

phải là họ không nỗ lực, tôi gặp những người tham Thiên, có người học Giáo, có người học Mật, vì sao họ chẳng thể thành tựu? Đừng nói là so với cổ nhân, ngay cả so với người thuộc thế hệ trước mà đã thua kém rồi! Rốt cuộc, nguyên nhân ở chỗ nào? Vì sao người trước kia có thể làm được, nhưng người hiện thời chẳng làm được? Thâm nhập quan sát mới bèn phát hiện, người thuộc thế hệ chúng ta đã sơ sót trong giáo dục vun bồi căn bản! Chẳng thể nào chê trách người trong thế hệ này được! Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói một lời công bằng: “*Tiên nhân bất thiện (vô tri), bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã*” (người đời trước chẳng lành (không hiểu biết), chẳng biết đạo đức, chẳng có ai nói với họ, trọn chẳng đáng trách). Dường như là nói với người trong thế hệ này, vì cha mẹ họ chẳng biết, sanh trong thời hoạn nạn mà! Ông bà của kẻ ấy cũng chẳng biết, dẫu là ông bà cố của họ, gần như thuộc vào lớp tuổi tôi, vẫn chưa hoàn toàn biết. Vẫn phải là đời trước của tôi, tức là kẻ đến đời cha của tôi thì mới biết. Họ sống vào thời đầu Dân Quốc, tuy văn hóa truyền thống Trung Quốc đã bị coi nhẹ, nhưng vẫn còn ảnh hưởng. Đến thế hệ chúng tôi, hãy còn chịu ảnh hưởng đôi chút, chứ người trẻ hơn tôi đôi ba tuổi đã chẳng biết nữa! Tôi có một người em trai nhỏ hơn tôi sáu tuổi, căn bản là anh ta chẳng biết! Làm sao quý vị có thể trách móc người hiện thời? Cho nên chẳng thể trách móc họ, hãy khéo dạy bảo họ học tập bổ sung những môn học ấy, học bù! Lúc bé chẳng học, nay đã giác ngộ, nếu muốn thật sự thực hiện, nhất định phải học bổ sung các môn học ấy; vì nếu chẳng có những môn học ấy, quý vị chẳng có căn bản, siêng khổ nỗ lực cả đời, nhưng chẳng thể thành tựu! Giống như cây cối, hoa cỏ, chẳng có rễ, quý vị cắm hoa trong bình, vun quén thì nó cũng có thể nở hoa, nhìn cũng đẹp lắm, nhưng chẳng thể kết trái. Chớ nên không hiểu đạo lý này!

Đối với chuyện giáo dục con cái, cổ nhân Trung Quốc hết sức nghiêm ngặt, hết sức coi trọng. Gia tộc quý vị trong tương lai có thể hưng vượng hay không, có thể phát đạt hay không, hoàn toàn cậy vào mai sau có nhân tài xuất hiện hay không? Vì thế, rất coi trọng chuyện dạy dỗ con cái. Bắt đầu dạy từ khi nào? Từ lúc có mang bèn bắt đầu dạy, gọi là “*thai giáo*”. Trẻ nhỏ vừa sanh ra, biết nhìn, biết nghe, quý vị ngàn muôn lần chớ nên nghĩ rằng nó chẳng hiểu chuyện, [nếu nghĩ như vậy], quý vị đã sai mất rồi! Nó rất thông minh, cái gì cũng đều biết, chỉ là chưa thể nói. Vì thế, Đệ Tử Quy chẳng phải là để dạy trẻ nhỏ học, hoặc dạy chúng nó đọc, mà là gì? Cha mẹ phải thật thà thực hiện Đệ Tử Quy, làm cho trẻ thơ xem. “*Dạy con từ thuở còn thơ*”, khiến cho đứa bé ấy, tức là trước khi nó tròn ba tuổi, từ mới sanh ra cho đến ba tuổi là một ngàn ngày, một ngàn ngày ấy gọi là “vun bồi căn bản giáo dục”. Trong một ngàn ngày ấy, người mẹ rất nhọc nhằn, thời thời khắc khắc chăm sóc nó. Nói đúng ra là nó xem thấy, nghe thấy, tiếp xúc toàn là những điều tốt đẹp, quyết định chớ để nó tiếp xúc, hoặc trông

thấy những điều xấu xa. Vì vậy, cha mẹ đã thực hiện Đệ Tử Quy trước mặt con, trẻ thơ đã được học, mỗi ngày nó đều xem và nghe. Vì thế, ngôn ngữ cổ Trung Quốc có câu: “*Tam tuế khán bát thập*”, [nghĩa là] trẻ thơ cho đến ba tuổi đã được vun bồi cội rễ thì đến tám mươi tuổi cũng chẳng bị biến đổi, rễ sâu cội vững mà! Do đó, giáo dục luân lý và giáo dục đạo đức đều do cha mẹ thực hiện cho trẻ thấy, dụng tâm như thế đó! Trẻ cũng biết, cũng làm được, nhưng vì sao phải làm như vậy, nó chẳng biết. Đến sáu, bảy tuổi đi học, dần dần hiểu chuyện, thầy tiếp tục nêu gương cho nó thấy; vì thế, thầy là “*thân hành, ngôn giáo*”. Trẻ nhỏ dần dần hiểu chuyện, bèn giảng cho nó nghe vì sao phải hiếu thuận cha mẹ? Vì sao em phải tôn kính anh, anh phải bảo vệ em? Giảng những đạo lý gần gũi, dễ hiểu cho nó nghe, dần dần nó sẽ hiểu, sự giáo dục này rất trọng yếu. Bởi lẽ đó, trẻ nhỏ Trung Quốc [thuở ấy] năm, sáu tuổi cũng rất biết lễ phép, giống như một người lớn thu nhỏ.

Hiện thời chẳng còn nữa, ngày nay giáo dục trong gia đình chẳng còn nữa. Sự giáo dục trong nhà trường chẳng có môn này, giáo dục xã hội càng chẳng cần nhắc đến nữa! Ngay cả giáo dục tôn giáo cũng chẳng nói đến. Hông rồi! Vì thế, toàn thể xã hội hiện thời động loạn là do nguyên nhân nào? “*Thất giáo*” (chẳng dạy), hai chữ mà thôi! Giáo dục truyền thống bị vứt bỏ, giáo dục tôn giáo bỏ luôn, xã hội biến thành nông nổi này! Tháng Sáu năm nay, chúng tôi cùng đi với đoàn phỏng vấn tôn giáo Mã Lai đến thăm Phạm Đề Cương (Vatican), gặp gỡ Giáo Hoàng của Thiên Chúa Giáo, trao đổi với đại chủ giáo (tổng giám mục) của họ. Họ cũng ý thức điều này, cũng biết vấn đề này rất nghiêm trọng. Do vậy, trong bản báo cáo, tôi đặc biệt nêu lên sự giáo dục tôn giáo. Vì trên cả thế giới hiện thời, các nhân sĩ trong giới học thuật, các thanh thiếu niên học sinh đều nghĩ tôn giáo là mê tín. Người tin theo tôn giáo mỗi năm một ít hơn. Phật giáo chúng ta chẳng có thống kê, chứ Thiên Chúa Giáo có thống kê, hằng năm người chịu rửa tội ít hơn. Chúng tôi cũng đã từng gặp rất nhiều lần, có rất nhiều người chất vấn, nghi ngờ tôn giáo có cống hiến gì cho xã hội? “Chẳng có cống hiến, chẳng có lợi ích, đương nhiên sẽ bị đào thải”, họ suy nghĩ như vậy đó!

Trong quá khứ, tôn giáo có cống hiến cho xã hội, vì sao? Tôn giáo dạy dỗ, đặc biệt là Phật giáo. Phật giáo vào thời cổ, tự viện am đường là trường học. Hòa Thượng Thủ Tọa phân tòa giảng kinh, đó là giáo học. Một ngôi chùa có vài vị Hòa Thượng Thủ Tọa, quý vị thích học bộ kinh điển nào, có thể vào phòng học của vị đó, thật sự có thể học được thứ này, thứ nọ, họ dạy học mà! Vì thế, chúng tôi cực lực đề xướng tôn giáo phải quay về giáo học. Hiện thời nhằm đúng lúc gia đình, nhà trường và xã hội đều chẳng dạy luân lý đạo đức nữa, chúng ta có thể trích lục những kinh luận liên quan tới luân lý, đạo đức, nhân quả trong các kinh điển tôn giáo, bản thân chúng ta nghiêm túc học tập, phổ biến nhằm dạy bảo đại chúng trong xã hội, bù đắp giáo dục xã hội trong

hiện tại đã thiếu mất ba thứ ấy (luân lý, đạo đức, nhân quả) thì tôn giáo sẽ có công hiến vô cùng to lớn đối với xã hội. Người ta chẳng còn có thể nói “tôn giáo chẳng có công hiến gì đối với xã hội”, vì chúng ta có những thứ tốt đẹp này! Phải thật sự làm, phải hiểu, phải biết giá trị. Bản thân chúng ta tu học, chính mình đạt được lợi ích, tôi thường nói là lợi ích cá nhân là khỏe mạnh, sống lâu. Tôi chẳng có đạo tràng, nếu có đạo tràng, đạo tràng ấy hòa hài, sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh thuận lợi, chắc chắn là như thế! Tại gia cư sĩ, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, đại chúng trong hoàn cảnh cư trụ đều có thể hòa hài, điều này tốt lắm! Thật sự có sự tốt đẹp này, thật sự có công hiến. Vì thế, trong sự nhận thức của chúng tôi về tôn giáo, các tôn giáo đều tốt đẹp. [Tôn giáo có] những ảnh hưởng tiêu cực là do trong tôn giáo hiện thời, những người học tập tôn giáo chẳng nghiêm túc nỗ lực, cũng bị thế tục nhuốm dơ, tức là [bị cuốn hút] vào danh vọng, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn, hỷ, rồi, toàn thể tôn giáo bị hủy hoại. Do vậy, chúng ta phải nhận thức rõ ràng: Bản thân tôn giáo chẳng có vấn đề, mà là tín đồ tôn giáo có vấn đề, họ chẳng nghiêm túc học tập. Nếu họ nghiêm túc học tập thì tín đồ tôn giáo ai nấy đều là người tốt, ai nấy đều có công hiến rất lớn đối với xã hội. Chúng ta chớ nên không hiểu rõ ràng, rành rẽ điều này.

Lại xem đoạn kinh văn tiếp theo. Đoạn kinh văn này từ “*thông chư Pháp Tánh, đạt chúng sanh tướng*” (thông hiểu các pháp tánh, thấu đạt tướng của chúng sanh) cho đến đoạn kết thúc “*thiên lập phương tiện, hiển thị Tam Thừa*” (khéo lập phương tiện, hiển thị Tam Thừa). Đoạn này nhằm dạy chúng ta siêu tình ly kiến, triệt để buông xuống. Do kinh Vô Lượng Thọ thông với kinh Hoa Nghiêm, mục tiêu chung trong sự học tập là dạy chúng ta minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, nên mới có kinh văn như vậy. Trong kinh Tiểu Thừa, chẳng thấy kinh văn như thế. “*Thông chư pháp tánh*”, “*chư*” (諸) là chư pháp, tánh của chư pháp là một tánh, giống như Hiền Thủ quốc sư đã nói “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, trong triết học gọi điều này là “*bản thể*”. Hiện thời, triết học và khoa học trên cả thế giới đều chẳng nói đến mức độ này, mà nói “từ một Thể khởi lên hai tác dụng”. Vì vậy, khoa học cũng đúng là khó có, thật sự chẳng dễ dàng, chỉ là họ chưa tìm được căn nguyên. Căn nguyên là tự tánh, ý thức của chúng ta duyên không tới, dùng máy móc tinh vi cũng chẳng nhìn thấy, vì nó chẳng phải là hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần, máy móc tinh vi cỡ nào cũng vô dụng đối với nó! Chỉ có chứng mới biết, thật sự triệt để buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị bèn chứng đắc; đó là căn nguyên của vạn sự vạn pháp trong vũ trụ, [đó là] Pháp Tánh. Thiên Tông gọi “*thông chư pháp tánh*” là minh tâm kiến tánh. “*Đạt chúng sanh tướng*”: Phần trên (tức “*thông chư pháp tánh*”) là Thật Trí, phần dưới (“*đạt chúng sanh tướng*”) là Quyền Trí. “*Đạt chúng sanh tướng*” là Nhất Thiết Chủng Trí. Vạn sự vạn pháp trong

vũ trụ vì sao có thể phát sanh? Phát sanh như thế nào? Vì sao có thể biến hóa? Quý vị biết toàn bộ những chuyện ấy thì là “*đạt chúng sanh tướng*”.

Chúng ta xem cụ Hoàng Niệm Tổ giải thích: “*Pháp Tánh, hựu danh Thật Tướng, hựu danh Chân Như*” (Pháp Tánh còn gọi là Thật Tướng, còn gọi là Chân Như), chữ “*hựu danh*” (又名: lại còn gọi) áp dụng cho tất cả [những danh từ] sau đó, tức là “*hựu danh Pháp Giới, hựu danh Niết Bàn, hựu danh Thật Tế đấng*” (còn gọi là Pháp Giới, còn gọi là Niết Bàn, còn gọi là Thật Tế v.v...), phía sau hãy còn [nhiều danh từ] nữa. Trong kinh, đức Phật nói tới Pháp Tánh, bèn nói các danh tự của nó nhiều tới khoảng chừng mấy chục tên, tổng cộng chừng sáu mươi, bảy mươi danh từ. Vì sao đức Phật nói ra lắm từ ngữ như vậy? Đây là phương tiện thiện xảo trong giáo học, nhằm dạy chúng ta chớ nên chấp trước tướng danh tự. Tướng danh tự chẳng thật, hiểu ý nghĩa của chúng là được rồi, giúp chúng ta phá chấp trước. Hễ chấp trước thì sai mất rồi, chớ nên chấp trước! Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã dạy chúng ta thái độ học tập, Ngài nói rất hay: Nghe kinh cần phải có tâm thái gì để nghe? Đầu tiên là “*ly ngôn thuyết tướng*”, lời lẽ của người ấy (người giảng pháp) nhiều hơn hoặc ít hơn mấy câu, nói sâu hay nói cạn, chẳng quan trọng! Chớ nên chấp trước tướng ấy. Điều thứ hai đừng chấp trước danh tự tướng, tức là “*ly danh tự tướng*”, [“danh tự”] là danh từ, thuật ngữ, như [các từ ngữ] “*Pháp Tánh, Thật Tướng*” được nói đến ở đây. “*Chân Như, pháp giới, Niết Bàn*” đều là các danh từ thuật ngữ trong Phật học, chớ nên chấp trước, hãy hiểu ý nghĩa của chúng, đừng nên chấp trước. Điều thứ ba là “*ly tâm duyên tướng*”, quý vị đừng suy nghĩ những ý nghĩa trong kinh. Vì sao? Quý vị suy nghĩ tức là vọng tưởng, đó chẳng phải là ý nghĩa của Phật, mà là ý nghĩa của chính quý vị. Kinh Phật có ý nghĩa hay không? Thừa thật thà cùng quý vị, kinh Phật chẳng có ý nghĩa gì! Chẳng có ý nghĩa mới là lưu lộ từ tự tánh. Có ý nghĩa là phàm phu, lưu xuất từ trong A Lại Da của quý vị, đó là phàm phu. Bởi lẽ đó, kinh Phật chẳng có ý nghĩa, phải hiểu điều này!

Quý vị suy nghĩ như thế nào thì đó là ý nghĩa của chính quý vị, chẳng phải là ý nghĩa của Phật. Kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, Như Lai chẳng có nghĩa chân thật, chẳng có ý, quý vị giải thích bằng cách nào? Đến khi nào quý vị có thể thật sự hiểu nghĩa chân thật? Khi tâm thanh tịnh hiện tiền, chiếu kiến, chẳng phải là “*tướng kiến*” (sự thấy biết do suy tưởng), tâm bình đẳng hiện tiền, tâm thanh tịnh hiện tiền, quý vị sẽ có thể đạt được vài phần nghĩa chân thật của Như Lai. A La Hán, Bích Chi Phật đã chứng đắc vì các Ngài chẳng chấp trước, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng chấp trước. Bồ Tát cao hơn một bậc, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, Bồ Tát sử dụng tâm bình đẳng. Không chỉ chẳng có chấp trước, mà phân biệt cũng chẳng có. Phân biệt đoạn hết, tức là đã đoạn Trần Sa Hoặc,

đoạn hết chấp trước là đoạn hết Kiến Tư Hoặc, nên Bồ Tát có thể hiểu được nghĩa chân thật nhiều phần, tức là Ngài thấu hiểu hơn một nửa, trọn chẳng phải là dùng tưởng, hề tưởng tức là trật rồi! Tưởng là gì? Rơi vào thức thứ sáu, tức Ý Thức. Vì thế, hiện thời học kinh giáo gặp khó khăn ở chỗ nào? Khó khăn ở ngay chỗ này, suy tưởng nhiều quá! Vừa nhìn, bèn nghĩ cái này có ý nghĩa gì, cái kia có ý nghĩa gì, hoàn toàn là ý tứ của chính mình. Đây là chuyện rất khó khăn. Vì vậy, chúng ta học Giáo, nếu không gặp được một vị thầy thật sự tốt đẹp, lúc vỡ lòng bèn chỉ điểm chúng ta, chúng ta sẽ đi làm chỗ, biến thành gì? Biến thành đạt được lắm tri thức, tức là thường thức trong kinh Phật, đều do chúng ta suy tưởng, biến thành tri thức, mà quý vị cứ ngỡ chúng là trí huệ; chúng ta đã biến trí huệ thành tri thức, hao hụt quá lớn! Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, tri thức chẳng thể!

Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến kết thúc, thế giới này chưa hề thái bình. Kể từ thập niên 70, mỗi năm Liên Hiệp Quốc triệu tập hội nghị hòa bình quốc tế, mời mọc các chuyên gia, học giả thảo luận [cùng một] chủ đề suốt ba mươi năm chẳng thay đổi: *“Làm thế nào để tiêu diệt xung đột, xúc tiến xã hội an định, thế giới hòa bình?”* Đã mở hội nghị hơn ba mươi năm với chủ đề ấy. Trước sau, tôi tham gia mười lần, tôi mới liễu giải trạng huống sự thật. Có hiệu quả hay không? Chẳng có hiệu quả! Quý vị thấy tần số xung đột xã hội mỗi năm một cao hơn, vấn đề ngày càng nghiêm trọng hơn. Chẳng phải là họ không quan tâm chú ý, họ thật sự quan tâm chú ý, vì sao chẳng thể giải quyết vấn đề? Chúng tôi tham dự bèn liễu giải, tri thức đầy mà! Các học giả và chuyên gia đều có học thức vô cùng phong phú, nhưng chẳng phải là trí huệ! Tri thức giải quyết vấn đề là cục hạn, đau đầu bèn chữa đầu, đau chân bèn chữa chân, chẳng thể trị dứt tận gốc, để lại một đống lớn hậu quả! Trí huệ chẳng như vậy! Tại Liên Hiệp Quốc, chúng tôi công hiến rất đơn giản, rất trực tiếp báo cáo cùng mọi người, vấn đề phát sanh ở chỗ nào? Phát sanh từ giáo dục, con người do dạy dỗ mà thành tốt đẹp, cũng do dạy dỗ mà trở thành xấu xa, tùy thuộc cách dạy của quý vị như thế nào? Trong cả thế giới hiện thời, ai dạy? Chánh phủ các nước thiếu sót, sơ sót trong giáo dục nhân văn, thiếu sót giáo dục cách làm người, chỉ biết đến khoa học kỹ thuật. Phương diện ấy đột nhiên phát triển mạnh mẽ, nhưng chẳng biết làm người! Thiếu sót trong giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, cho nên mới dẫn đến xã hội động loạn, mới đem lại tai hại trên địa cầu, vấn đề ở chỗ này. Dùng phương pháp gì để đối trị? Hãy nhanh chóng tìm lại giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, bèn có thể giải quyết vấn đề, đặc biệt là tôn giáo. Tôn giáo có thể công hiến rất tốt trong vấn đề này, vì trong kinh điển của mỗi tôn giáo lớn trên thế giới đều có tài liệu giáo huấn rất phong phú về luân lý, đạo đức, nhân quả. Nếu có thể triệu tập những người ấy, [tức là] những nhà tôn giáo thật sự nhiệt tâm, có thể thật sự hy sinh dâng hiến, bỏ mình vì người, có được chừng năm sáu mươi

người như vậy, Liên Hiệp Quốc sắp xếp để họ mỗi ngày lợi dụng [truyền hình] vệ tinh hoặc Internet, những công cụ ấy rất tốt, để giảng học cho mọi người trên toàn bộ thế giới. Tôi tin là trong một năm thiên hạ sẽ thái bình. Tôi báo cáo như vậy rất nhiều lượt, thánh giả cũng rất vui vẻ, nhưng từ đầu tới cuối chẳng thực hiện, đó là “nghị nhưng chẳng quyết, quyết nhưng chẳng làm!” Hiện thời, tôi không tham gia hội nghị ấy nữa, tuổi đã cao rồi, để cho người trẻ tuổi tiếp tục làm. Như vậy là dấu vấn đề khó khăn đến mấy, Phật pháp đều có phương pháp giải quyết.

Trước tiên, nêu ra mấy danh từ Pháp Tánh, sau đây lại giảng Tánh là gì? [Tánh là] Thể, bản thể, nó có thể sanh, có thể hiện. Tuy nó chẳng phải là tinh thần, mà cũng chẳng phải là vật chất, nó có thể hiện tinh thần và vật chất, nó là bản thể của tinh thần và vật chất. Triết học nói vạn hữu trong vũ trụ có bản thể, nhưng mãi cho đến hiện thời vẫn chẳng có kết luận nhất định. Nói rất nhiều thứ, vẫn chẳng thể khiến cho người ta tâm phục, khẩu phục. Trong Phật pháp dùng chữ Tánh này để nói, có rất nhiều tên gọi khác biệt, “*Thế dã*” (Tánh là Thế). “*Nhất thiết pháp chi tự thể, danh vi Pháp Tánh*” (tự thể của hết thảy các pháp gọi là Pháp Tánh). Tổ tiên xa xưa của người Trung Quốc cũng nói, tổ tiên gọi nó là “*bốn tánh*”, quý vị thấy sách vở xưa đã nói: “*Bốn tánh bốn thiện*” (bốn tánh vốn lành). Tam Tự Kinh là sách để dạy vỡ lòng cho trẻ nhỏ, quý vị nghĩ xem [tổ tiên] đã dạy trẻ nhỏ câu đầu tiên: “*Nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành). Bốn tánh vốn thiện, thiện ở đây chẳng phải là thiện trong “*thiện - ác*”. Thiện trong “*thiện - ác*” có mức độ rất thấp, thiện ở đây là “*viên mãn cụ túc*” (trọn đủ viên mãn) như nhà Phật đã nói, có ý nghĩa này. Đây là một tán thán từ, là một hình dung từ, nhằm tán thán nó viên mãn, chẳng có mây may khiếm khuyết nào, trọn đủ! Trong Phật pháp đã nói, tức là trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất hay: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, Như Lai là tự tánh. Trong tự tánh của hết thảy chúng sanh có trí huệ và đức năng viên mãn (nay chúng ta nói là “*năng lực*”), có tướng hảo viên mãn. Trí huệ và đức năng giống hết như A Di Đà Phật, còn tướng hảo giống như thế giới Cực Lạc được nói trong kinh này. Trong tự tánh của hết thảy chúng sanh thảy đều có, là bình đẳng. Vì vậy, sự bình đẳng được nói trong nhà Phật là bình đẳng thật sự, chúng sanh và Phật bình đẳng. Tự thể của hết thảy các pháp được gọi là Pháp Tánh.

“*Như Khởi Tín Luận Nghĩa Ký viết*” (như Khởi Tín Luận Nghĩa Ký nói). Nghĩa Ký là sách chú giải Khởi Tín Luận, do pháp sư Pháp Tạng ghi chép, tôi chẳng nhớ rõ lắm, tôi đã đọc sách này. Trong ấy có nói: “*Pháp Tánh giả, minh thử chân thể phổ biến nghĩa, thông dữ nhất thiết pháp vi tánh*” (Pháp Tánh, hiểu rõ ý nghĩa phổ biến này của chân thể, là tánh của khắp hết thảy các pháp). Hai câu này viết rất hay, “*minh*” (明) là quý vị thấu hiểu, đã biết rõ. “*Chân thể phổ biến nghĩa*”: Toàn thể vũ trụ, kể cả hư không pháp giới, đều do nó (Pháp Tánh) biến hiện. Vì thế, hư không chẳng thật, “*có thể biến, có thể hiện*” mới là thật, còn “*cái được biến, cái được hiện*” là giả, chẳng thật.

“*Thông ư nhất thiết pháp vi tánh*”: Thể của hết thầy vạn sự vạn vật trong pháp giới hư không giới là Pháp Tánh. Nói cách khác, lìa khỏi Pháp Tánh, sẽ chẳng có một pháp nào để có thể được, pháp là tướng. Cổ nhân có tỷ dụ rất hay, như vàng chế thành đồ vật, món nào cũng đều là vàng. Chúng ta dùng hoàng kim, hoàng kim là Thể, tỷ dụ Pháp Tánh, dùng nó làm thành các thứ vật dụng, quá nhiều vật dụng, chẳng có cùng tận! Năm xưa tôi ở Mỹ, có một đồng tu là tại gia cư sĩ làm đồ châu báu. Ông ta chẳng phải làm đồ thật, mà làm đồ giả, tức là đồ trang sức bằng vàng, là đồ mạ vàng. Chẳng phải là vàng ròng, mà là vàng mạ. Có một hôm, ông ta dẫn tôi đến thăm phòng triển lãm, chính ông ta có công xưởng, chẳng phải là buôn bán nhỏ, mà là sản xuất để phân phối. Vì thế, có rất nhiều người đến đánh giá hàng hóa, đều trước hết đến thăm các mặt hàng triển lãm, chọn lựa kiểu mẫu tại đó. Tôi đến xem, hơn hai vạn món, lóng lánh chói mắt, đẹp đẽ khôn xiết! Tôi nghĩ kinh đã dạy: “*Dùng vàng làm vật dụng, món nào cũng đều là vàng*”, hoàn toàn có thể thấy được tại nơi đó, toàn là vàng. Ông ta làm đồ trang sức giá rẻ, món đắt nhất không hơn hai mươi đồng Mỹ kim, món rẻ chỉ có mấy đồng, năm sáu đồng, nên người bình phàm rất ưa thích, bị mất chẳng tiếc! Các món trang sức giả ấy rất nổi tiếng ở ngoại quốc, được người ta hết sức hoan nghênh, đồ thật bị mất sẽ đau lòng, đồ giả bị mất chẳng xót ruột. Hơn nữa, nhìn bề ngoài còn đẹp mắt hơn đồ thật. Chúng ta dùng những thứ này để làm tỷ dụ cũng rất thích hợp. Vàng là tánh, hết thầy các pháp là các món vật. Rời khỏi vàng, chẳng có đồ vật, tất cả hết thầy các món kim khí đều làm bằng vàng. Điều này nêu rõ mối quan hệ giữa Tánh và Tướng. Tướng do Tánh biến hiện, [Tánh] có thể sanh, có thể hiện. Còn như nó biến hóa, đó là Thức. Do tự tánh hiện, nó hiện, nó sanh, nó hiện, đó là thế giới gì? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Do vậy, trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm chẳng có biến, người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm là vô lượng thọ, chẳng bị già yếu, chẳng thay đổi! Trong cõi Thật Báo, cây cối, hoa quả xanh tươi mãi mãi, lá cây chẳng úa vàng, thật sự vĩnh viễn chẳng rụng. Vì sao? Nó chẳng biến, có thể sanh, có thể hiện, chẳng biến đổi. Vì sao? Nó chẳng có A Lại Da.

Chư vị phải hiểu: Biến thì trong mười pháp giới, biến là do A Lại Da đang biến. Chẳng có A Lại Da, đương nhiên nó sẽ không thể biến. Do đó, chúng ta gọi thế giới ấy là Nhất Chân, con người vĩnh viễn thanh xuân, chẳng biến thành già yếu, mà cũng chẳng có sanh tử, đó là cảnh giới trong cõi Thật Báo. Những vị Bồ Tát trong cõi Thật Báo tiến lên dần dần, chắc chắn sẽ có ngày tiến tới viên mãn, viên mãn là chứng đắc quả vị Diệu Giác. Từ Đẳng Giác chứng đắc Diệu Giác. Khi chứng đắc Diệu Giác, sẽ chẳng thấy cõi Thật Báo Trang Nghiêm, [cõi ấy] vẫn là một giấc mộng, đã tỉnh giấc rồi! Đến nơi đâu? Đến Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang là Pháp Tánh, trở về tự tánh. Quý vị thấy chúng ta từ tự tánh biến hiện, đến cuối cùng mục tiêu chung cực là

trở về tự tánh, trở về tự tánh mới gọi là “chứng đắc quả vị Diệu Giác”. Diệu Giác hiện hình tượng giống như một bầu tịch quang, một bầu quang minh, trong Phật pháp gọi điều ấy là Đại Quang Minh Tạng. Trong ấy chẳng có tinh thần, chẳng có vật chất, hiện tượng gì cũng chẳng có. Do chúng ta sử dụng cái tâm ý thức, tưởng tượng, tư duy, nên vĩnh viễn chẳng đạt được. Ất phải triệt để buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, kể cả tập khí cũng chẳng có, quý vị mới thấy được. Đó là Diệu Giác, tức Phật quả viên mãn rốt ráo. Tuy vị ấy thứ gì cũng đều chẳng phải, nhưng thứ gì cũng đều hiện. Chúng sanh có cảm, Ngài bèn hiện. Pháp Thân Bồ Tát còn mang theo tập khí, nên trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm do tập khí vô thỉ vô minh biến hiện. Tập khí và vô minh khác nhau! Vô minh có thể biến, tập khí chẳng thể biến; do vậy, họ (người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm) đã đoạn vô minh, nhưng hãy còn tập khí vô minh. Cõi Thật Báo do đâu mà có, chúng ta cũng hiểu rõ ràng, minh bạch. Do vậy, chúng ta hãy khéo niệm Phật, thật sự có thể buông xuống, sẽ có thể sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nếu sanh về Thường Tịch Quang, sẽ rất khó khăn, thật sự khó khăn, hết sức khó khăn! Người niệm Phật chúng ta có thể đạt đến cõi Thật Báo.

“Hựu, Duy Thức Thuật Ký viết: Tánh giả, Thê dã. Nhất thiết pháp thê, cố danh Pháp Tánh” (Lại nữa, sách Duy Thức Thuật Ký giảng: “Tánh là Thê. Do là Thê của hết thảy các pháp, nên gọi là Pháp Tánh”). Điều này có ý nghĩa giống như đã giảng trong phần trên, Duy Thức Thuật Ký là tác phẩm của Khuy Cơ đại sư, Ngài là tổ sư của Pháp Tướng Tông, Ngài cũng nói rõ mối quan hệ giữa Tánh và Tướng. Lại xem tiếp: *“Hựu Đại Thừa Nghĩa Chương nhất, viết”* (Lại nữa, sách Đại Thừa Nghĩa Chương quyển một viết), *“nhất”* là quyển thứ nhất. Trong ấy, nói: *“Pháp chi thê tánh, cố vân Pháp Tánh”* (là thê tánh của các pháp, nên gọi là Pháp Tánh). Đó là những điều được nói trong các kinh luận. Sau đó, cụ Niệm Tổ tổng hợp lại để giải thích: *“Cố tri Pháp Tánh nãi vạn pháp chi Thê”* (Do vậy biết, Pháp Tánh là Thê của vạn pháp), chúng ta phải nhận rõ điều này. *“Tại nhiễm, tại tịnh, tại hữu tình số, tại vô tình số, kỳ tánh vô hữu cải biến, cố danh Pháp Tánh”* (Trong nhiễm hay tịnh, trong các pháp hữu tình hay vô tình, tánh ấy chẳng thay đổi, nên gọi là Pháp Tánh). Đặc biệt là trong mười pháp giới, nó biến hóa rất nhiều, chẳng cùng tận. Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư gọi điều này là *“xuất sanh vô tận”*. Sách Hoàn Nguyên Quán giảng hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều có ba thứ công năng, các công năng ấy thù thắng khôn sánh:

Thứ nhất là *“trộn khắp pháp giới”*. Bất luận là tâm pháp hay sắc pháp, sắc pháp là vật chất, tâm pháp là tinh thần. Trong tự tánh, tinh thần còn được gọi là *“kiến, văn, giác, tri”* (thấy, nghe, hay, biết), vì nó chẳng có phân biệt. Trong cõi Thật Báo cũng

gọi là “*kiến, văn, giác, tri*”, trong mười pháp giới, chúng được gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thọ là cảm nhận, Tưởng là ý niệm, Hành là chẳng trụ, niệm trước diệt, niệm sau sanh, niệm này tiếp nối niệm kia, Thức là Thể của nó. Nói thật ra, thức ấy là Pháp Tánh, trọn chẳng tách lìa Lý Thể. Vật chất và tinh thần đồng thời phát sanh, vĩnh viễn chẳng tách rời, một Thể mà!

Nói theo lý luận, tinh thần có trước, vật chất có sau. Trong A Lại Da, quý vị thấy Nghiệp Tướng, Nghiệp Tướng là năng lượng, là hiện tượng dao động; Chuyển Tướng là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nếu nói theo A Lại Da Thức, nó là Thọ, Tưởng, Hành, Thức; Cảnh Giới Tướng là vật chất. Kinh Phật thường gộp chung [các tướng ấy] thành Ngũ Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là hiện tượng tâm lý, chúng vĩnh viễn ở cùng một chỗ, chẳng thể tách rời, chẳng tách rời được! Hiện tượng vật chất là hiện tượng có dao động. Mỗi loại trong bốn loại Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều có hiện tượng dao động. Sự dao động ấy bất luận là hữu ý hay vô ý, hữu tâm hay vô tâm, hễ động bèn trọn khắp thế giới, đấy là đặc tánh thứ nhất. Nó nhanh chóng, tốc độ lạ lùng. Nếu chúng ta hiểu chân tướng sự thật này, quý vị bèn rõ ràng, minh bạch. Ý niệm của quý vị vừa động, bất luận là hữu ý hay vô ý, chẳng cần biết là hữu tâm hay vô tâm, một thiện niệm của quý vị vừa động bèn trọn khắp pháp giới. Người đạt được tâm thanh tịnh trong khắp pháp giới hư không giới đều có thể nhận được tin tức của quý vị. Quý vị động một ác niệm, có chỗ nào lừa người khác được chẳng? Chẳng có! Chẳng thể nào! Quý vị gạt không được! Bởi lẽ, Ngũ Uẩn của chính quý vị là đài phát sóng, mà cũng là đài thu sóng, có thể tiếp nhận tin tức trong khắp pháp giới hư không giới, có thể tiếp nhận, có thể phát ra, chẳng có chuyện gì có thể gạt gẫm người khác được! Những người ấy là Pháp Thân Bồ Tát, hoặc chư Phật Như Lai, chẳng có cách nào giấu diếm các Ngài được, các Ngài hoàn toàn biết.

Thấp hơn là Quyền Giáo Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác cũng đều biết, nhưng các Ngài biết những gì thô hơn một chút, chứ những thứ vi tế tốt bậc các Ngài chẳng biết. Đức Phật nói Bát Địa Bồ Tát biết những ý niệm vi tế tốt bậc. Chúng ta nghĩ đến Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, đối với những người thuộc năm địa vị ấy, dẫu vi tế đến mấy đều biết. Nếu chúng ta thật sự hiểu rõ, thật sự thông hiểu, chúng ta khởi tâm động niệm đều chẳng dám có ác niệm. Người đông ngàn ấy đều thu được, [chúng ta] phát ra ác niệm lẽ đâu chẳng biết xấu hổ? Tự nhiên sanh ra một thứ sức mạnh ước thúc, đó là chân tướng, chân tướng sự thật đấy nhé. Đặc tánh thứ nhất là tốc độ của nó quá nhanh, nhanh hơn vô tuyến điện, nhanh hơn tốc độ ánh sáng! Ánh nắng chiếu đến địa cầu còn phải mất tám phút, niệm ấy vừa mới khởi lên đã trọn khắp pháp giới. Quý vị thấy tốc độ của Pháp Tánh nhanh quá! Mấy may chúng ngại đều chẳng có!

Đặc tánh thứ hai là thiên biến vạn hóa, “*xuất sanh vô tận*”. Đối với cách nói trong đoạn trước, chúng ta học tập chẳng hoài nghi, nhưng đối với điều thứ hai là “*xuất sanh vô tận*”, ta bèn hoài nghi. Vì sao có thể xuất sanh vô tận? Sức mạnh nào khiến cho nó có năng lực to tát ngàn ấy? Tôi cũng thường canh cánh [nỗi nghi này] bên lòng, rất lâu mà vẫn chưa thể giải quyết. Khi giảng kinh Hoa Nghiêm, có một hôm chợt nghĩ đến lúc bé chơi kính vạn hoa. Quý vị thấy có người tặng tôi kính vạn hoa. Vật này rất đơn giản, bên trong là ba miếng thủy tinh, bỏ vào giữa đó mấy mảnh vụn có màu sắc khác nhau. Quý vị xoay chuyển nó, xoay suốt một ngày, chẳng ngừng xoay, chẳng nhìn thấy hai mẫu hoa giống nhau. Quý vị thấy ngay cả vật như vậy mà còn biến hóa vô cùng, xuất sanh vô tận. Tôi nghĩ công năng của tự tánh còn lớn hơn rất nhiều. Được chứng minh từ chuyện này, chẳng còn hoài nghi nữa, kể cả kính vạn hoa cũng xuất sanh vô tận. Tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, rất có giá trị khoa học, tôi đã đến thăm phòng thí nghiệm của ông ta hai lần, nghe ông ta báo cáo, chúng tôi đã biến thành bạn bè thân thiết. Ông ta cho biết: Quan sát mô thức kết cấu của nước kết tinh bằng kính hiển vi, mười mấy năm qua, ông ta chẳng phát hiện có hai mô thức tương đồng, chưa hề thấy [hai mô thức] hoàn toàn giống nhau! Ông ta nêu ra vấn đề này hỏi tôi: “Do nguyên nhân gì?” Tôi nói: Chẳng thể có hai mô thức giống nhau là do nguyên nhân nào? Ý niệm của chúng ta biến hóa trong từng sát-na. Dầu chỉ có một mình ta xem, ta đối với nước ấy tâm yêu thích tràn trề, nó sẽ có mô thức [kết tinh] rất đẹp. Ái tâm trong niệm trước của ta khác ái tâm trong niệm thứ hai, chắc chắn có sai biệt; do vậy, nó chẳng thể nào là một tướng. Có [trường hợp các mô thức] tương tự, nhưng chẳng thể nào hoàn toàn giống nhau. Ông ta nghiên ngẫm đạo lý ấy. Vì sao? Nó sanh từ tâm tưởng. Chúng ta nước có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Tôi bảo ông ta: - Không chỉ là nước, nước là vật chất, tất cả hiện tượng vật chất thấy đều có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Chúng ta ngồi trong căn phòng này, bàn, ghế có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của ta. Trên là trần nhà, dưới là sàn nhà, đều hiểu ý nghĩ của ta, chúng cũng có thể thấy, có thể nghe. Đó là gì? Đây là bản năng (năng lực sẵn có) của vật chất. Đã là vật chất thì nó bèn có hiện tượng tinh thần, tức là có Thọ, Tưởng, Hành, Thức; nói cách khác, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vĩnh viễn chẳng tách rời.

Nếu chúng ta thật sự nhận biết điều này, sau đây, quý vị lại nghĩ: Trong kinh giáo, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm*”. Chúng ta nghe hai câu ấy, trong tâm cảm thấy dễ chịu. Thân thể của chúng ta là tướng, tướng mạo bên ngoài là tướng, ngũ tạng lục phủ bên trong cũng là tướng. Nếu tâm ta là chánh, nếu tâm là thanh tịnh, bình đẳng, giác, thân thể sẽ vĩnh viễn chẳng ngã bệnh. Tuổi tác mỗi năm một lớn hơn, nhưng chẳng già yếu! Tướng do tâm sanh, tâm ta

chẳng già, ý niệm chẳng già, người làm sao có thể già cho được? Già bằng cách nào? Hằng ngày nghĩ tới già: “Ta đã già rồi, già khăng rồi!” Người ấy sẽ thật sự già. Người già nghĩ tới bệnh tật, cho nên bệnh gì cũng có. Hễ bệnh bèn nghĩ đến cái chết, làm sao bắt tử cho được? Sanh từ tâm tưởng mà! Quý vị có thể thật sự hoàn toàn gạt sạch những tư tưởng tiêu cực sẽ tương ứng với tự tánh. Cảnh chuyển theo tâm, “*cảnh*” là hoàn cảnh cư trụ của chúng ta. Chúng ta ở trong cõi này, mỗi ngày học tập đạo thánh hiền, hằng ngày học Phật pháp, đó là “vô thượng thâm thâm vi diệu pháp”, nơi ấy sẽ chẳng có tai nạn, mà cũng chẳng có hạn hán, lũ lụt, động đất, bão lốc, cảnh chuyển theo tâm mà! Nếu một phần trăm dân cư Cát Long Ba (Kuala Lumpur), tức là trong một trăm người mà có một người ý niệm thuần chánh, bảo đảm nơi ấy chẳng có tai nạn, chừng một phần trăm người [như vậy] là được rồi! Đạo lý gì thế? Cổ nhân Trung Quốc nói: “*Tà chẳng thắng chánh*”. Chín mươi chín người tạo tội nghiệt, một người là chánh tri, chánh kiến, chánh tâm, chánh hạnh, bèn có thể gia hộ họ. Trong kinh, đức Phật đã nói như thế, hiện thời các nhà Lượng Tử Học cũng đã chứng tỏ. Vì thế, hiện thời, đối với giáo pháp Đại Thừa, đối với kinh Vô Lượng Thọ, đối với các bộ đại kinh như Hoa Nghiêm, tín tâm của chúng ta trọn đủ mười phần, chẳng có chút hoài nghi nào. Chúng ta y giáo phụng hành, lẽ nào chẳng thành tựu? Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

Tập 114

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi bốn, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, đọc từ câu “*Gia Tường Pháp Hoa Sớ*”:

“*Gia Tường Pháp Hoa Sớ* ngũ viết: ‘*Pháp Tánh tức thị Thật Tướng, Tam Thừa đắc đạo, mạc bất do chi*’. *Hựu Chỉ Quán* nhất viết: *Pháp Tánh danh vi Thật Tướng, thượng phi Nhị Thừa cảnh giới, hà hướng phạm phu*” (Bộ Pháp Hoa Sớ của ngài Gia Tường đã viết: “Pháp Tánh chính là Thật Tướng, Tam Thừa đắc đạo không ai chẳng do nó”. Lại nữa, sách Chỉ Quán giảng: “Pháp Tánh có tên là Thật Tướng, còn chẳng phải là cảnh giới của Nhị Thừa, hướng gì phạm phu”). Đoạn này vẫn nhằm giải thích “*thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng*”, hai câu này là “thông đạt tánh - tướng”. Trong phần trước, chúng ta thấy lão cư sĩ Niệm Tổ trích dẫn sách Duy Thức Thuật Ký của Khuy Cơ đại sư và sách Đại Thừa Nghĩa Chương nói về Pháp Tánh và Pháp Tướng. Hôm nay, chúng ta xem tiếp, thấy trong Pháp Hoa Kinh Sớ cũng là ý nghĩa này. Pháp Tánh là Thật Tướng, chúng ta đã học trong phần trước. “*Tam Thừa đắc đạo, mạc bất do chi*” (Tam Thừa đắc đạo, không ai chẳng do nó). Tam Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, thông thường còn gọi là Đại Thừa, Trung Thừa, và Tiểu Thừa. Tu hành chứng quả đều là minh tâm kiến tánh; trên thực tế, chỉ có Bồ Tát tu hành mới là kiến tánh, kiến tánh bèn thành Phật. Trong Hoa Nghiêm, họ còn được gọi là Pháp Thân Bồ Tát. Kiến tánh là chứng đắc Pháp Thân; trong phần trước, các đồng học chúng ta đều học tập cả rồi. Bởi lẽ, chúng đắc Pháp Thân sẽ thật sự hiểu được, khẳng định “hết thảy vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể”. Đó là kiến tánh, là chứng đắc Pháp Thân. Chuyện này quả thật chẳng dễ dàng, từ vô thi kiếp tới nay, chúng ta đã dưỡng thành một thói quen, “ta là ta, quý vị là quý vị, người khác là người khác”, làm sao là một Thể cho được? Há có lẽ ấy? Dẫu thế nào cũng chẳng thể thừa nhận, chúng ta ngỡ đó là chân tướng sự thật, nhưng Phật, Bồ Tát bảo chúng ta đã hoàn toàn sai lầm mất rồi! Đúng là một Thể. Phải như thế nào thì mới có thể chứng đắc? Đức Phật dạy: Quý vị chẳng còn chấp trước nữa. Chẳng còn chấp trước

thân này là ta, thân kia là quý vị, thân nọ là của người khác. Chẳng có sự chấp trước ấy, thật sự đoạn chấp trước sẽ là gì? Đó là phá Thân Kiến.

Chúng ta minh tâm kiến tánh, đạt tới giai đoạn thứ nhất, đã có thành quả, chẳng còn nhận biết cái thân này là chính mình, thân là gì? Thân là cái của ta có (ngã sở hữu), quyết định chẳng phải là chính mình. Giống như quần áo, quần áo là cái ta có, chẳng phải là chính mình, chúng ta khẳng định điều này. Tiến hơn bước nữa, Phật mong chúng ta hãy khẳng định, thân chẳng phải là chính mình, thân là cái ta có. Thân này là cái ta có, còn thân của người khác thì sao? Cũng là cái ta có. Cây cối, hoa, cỏ là cái ta có; núi, sông, đại địa cũng là cái ta có. Đó là cái ta có, chẳng phải là ta. Có thể khẳng định và nhận thức như vậy thì mới có thể chứng quả A La Hán, Phật pháp nói người ấy đã chứng đắc Chánh Giác. Tiểu Thừa trong Tam Thừa đắc đạo có cách nhìn đối với vũ trụ và nhân sinh khác chúng ta, Bồ Tát càng cao hơn họ. Bồ Tát không chỉ chẳng chấp trước, mà phân biệt cũng chẳng có. Do vậy, Tiểu Thừa A La Hán đắc tâm thanh tịnh. Chỉ cần chấp trước thân này là ta, thân kia là của quý vị, thân nọ là của người khác, tâm thanh tịnh của chúng ta chẳng thể khôi phục! Trong kinh đã dạy chúng ta tiêu chuẩn tu hành là *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”*, chúng ta chẳng đạt được tâm thanh tịnh tức là tu hành chẳng có công phu, chẳng được thọ dụng. Tu hành chẳng có công phu, chẳng được thọ dụng, phiền phức ở chỗ nào? Phiền phức là đời đời kiếp kiếp vẫn phải tiếp tục luân hồi. Thật sự đạt đến cảnh giới A La Hán, biết thân chẳng phải là ta, đoạn hết Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi chẳng thấy nữa, giống như nằm mộng. Tỉnh mộng, chẳng thấy lục đạo luân hồi nữa! Sau khi chẳng thấy, cảnh giới đó là cảnh giới A La Hán, bốn thánh pháp giới xuất hiện. Bốn thánh pháp giới vẫn chưa phải là thật, vẫn là cảnh mộng, vì họ có Trần Sa phiền não, có Vô Minh phiền não, ắt phải đoạn Trần Sa phiền não. Trần Sa phiền não là gì? Phân biệt. Vô lượng vô biên phân biệt ví như bụi cát, vọng niệm phân biệt nhiều như bụi cát, [nên gọi là Trần Sa phiền não]. Buông phân biệt xuống, chẳng còn phân biệt nữa, phân biệt chẳng có gì tốt đẹp! Vì sao? Nó là hư vọng, chẳng thật! Kinh dạy: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, *“hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được”*, kinh Đại Bát Nhã dạy như thế. Như vậy thì mới có thể chứng đắc cảnh giới Chánh Đẳng Chánh Giác của Bồ Tát, tức là *“bình đẳng”* trong tựa đề kinh, tâm bình đẳng hiện tiền, trong hết thấy cảnh giới, quý vị chẳng còn phân biệt nữa! Phật và chúng sanh bình đẳng, kinh Đại Thừa thường nói *“sanh, Phật bình đẳng”*, [nghĩa là] chúng sanh và Phật bình đẳng. Tánh - tướng như nhau, Pháp Tánh và Pháp Tướng là một, chẳng hai. Pháp Tánh có thể sanh, có thể hiện, Pháp Tướng là cái được sanh, cái được hiện, chúng là một, chẳng hai! Lại cao hơn một bậc, không chỉ phân biệt, chấp trước chẳng còn, mà khởi tâm động niệm cũng chẳng có. Chẳng động tâm, không động

niệm, trở về tự tánh, đó gọi là thành Phật, là giác, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đấy là Phật. Thanh Văn, Duyên Giác, và Phật được gọi chung là Tam Thừa. Tam Thừa đặc đạo có quan hệ mật thiết với Pháp Tánh, với Thật Tướng. A La Hán chứng đắc ít phần, Bồ Tát chứng đắc nhiều phần, Phật chứng đắc viên mãn.

Kể đó, “*Chỉ Quán nhất viết*” (sách Chỉ Quán cuốn một nói), đây là bộ Ma Ha Chỉ Quán của ngài Thiên Thai, trong quyển thứ nhất có nói: “*Pháp Tánh danh vi Thật Tướng, thượng phi Nhị Thừa cảnh giới, hà hướng phàm phu*” (Pháp Tánh có tên là Thật Tướng, còn chẳng phải là cảnh giới của Nhị Thừa, hướng hồ phàm phu), nói nghiêm ngặt hơn bộ Pháp Hoa Sớ của ngài Gia Tường. Pháp Hoa Sớ nói theo nghĩa rộng, sách Chỉ Quán giảng theo nghĩa hẹp, chỉ chấp nhận sự chứng đắc của Như Lai mới là Pháp Tánh, [sự chứng đắc của] A La Hán và Bồ Tát đều chẳng kể tới, nhất định là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Do trong Tam Thừa nói A La Hán là tiểu ngộ, nên gọi Tiểu Thừa; Bồ Tát là đại ngộ, xưng là Đại Thừa, nhưng chưa triệt ngộ. Triệt ngộ mới thành Phật, mới minh tâm kiến tánh. Nói thông thường, các vị A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát đều chưa kiến tánh, các Ngài chỉ là tiếp cận, từng bước tiến gần bờ mé. Hai cách nói này đều hợp lý, chúng ta hiểu rõ là được rồi. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, Tiểu Thừa và Đại Thừa còn chưa làm được, hướng gì phàm phu?

“*Hoa Nghiêm Tông vi Chân Như hữu bất biến dữ tùy duyên nhị nghĩa*” (Tông Hoa Nghiêm bảo Chân Như có hai nghĩa là bất biến và tùy duyên), Chân Như là Pháp Tánh, Chân Như là Thật Tướng, quả thật là có hai ý nghĩa bất biến và tùy duyên. “*Dĩ tùy duyên nghĩa, biến tạo nhất thiết chư pháp*” (do nghĩa tùy duyên, tạo khắp hết thảy các pháp), tùy duyên mới có thể tạo khắp hết thảy các pháp. “*Cố xưng Chân Như vi Pháp Tánh*” (vì thế, gọi Chân Như là Pháp Tánh), đó là tùy duyên. Giống như hoàng kim có thể thuận theo ý nghĩ của chúng ta, chúng ta chế nó thành đủ mọi món trang sức, thuận theo ý nghĩ của con người, nó tùy duyên, nó có biến đổi hay không? Nó bất biến! Bất luận quý vị tạo thành món gì, bản chất của nó vẫn là vàng, bất biến mà tùy duyên, tùy duyên nhưng vẫn bất biến; do vậy, nó là thật. Tướng thì sao? Tướng là giả, vì tướng có thể biến đổi bất cứ lúc nào. Chúng ta thích hình dạng nào, bèn có thể chế lại [món đồ theo hình dạng mới ấy]. Vì vậy, gọi Chân Như là Pháp Tánh. “*Hựu dĩ bất biến cố, tùy tùy duyên biến tạo nhiễm tịnh, hữu tình dữ vô tình chủng chủng vạn pháp, nhi Chân Như bất cải, bất biến*” (Lại do bất biến nên tùy duyên tạo khắp nhiễm và tịnh, hữu tình và vô tình, muôn loại pháp, nhưng Chân Như chẳng đổi, chẳng biến). Giống như chúng tôi vừa dùng vàng làm tỷ dụ, vàng là Pháp Tánh, là Chân Như, chế nó thành nhẫn, hay thành vòng đeo cổ, thành vòng đeo tay, cho đến làm thành cái đĩa, hay chế thành chén trà, bất luận làm thành vật gì, vàng vẫn chẳng thay đổi, cho nên nó

có thể tùy duyên. Tùy duyên, nói thật ra là tùy cái duyên nào? Tùy thuận ý niệm của chúng sanh, mà cũng là tùy thuận vọng tưởng của chúng sanh, khởi vô lượng vô biên biến hóa. Tuy khởi biến hóa, nhưng bản chất của nó bất biến, phải hiểu đạo lý này! Quý vị thấy trên thế giới này có bao nhiêu động vật, con người là một loại động vật, thực vật lại có bao nhiêu loài, khoáng vật lại có bao nhiêu thứ? Chẳng thể kể xiết! Đây là Chân Như tùy duyên, nhưng Thể của Chân Như bất biến. Thể của Chân Như là gì? Trong phần trước đã nói rất nhiều! Thật Tướng, pháp giới, Niết Bàn, Thật Tế, chỉ nêu ra mấy danh từ ấy. Trong kinh Phật có hơn mấy chục loại danh từ, đều nhằm nói về cùng một chuyện. Trong phần trước, tôi đã thưa bày cùng quý vị vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật đối với chuyện này bèn nói ra lăm danh tướng như thế? Nói nhiều danh từ thuật ngữ như vậy nhằm dụng ý dạy chúng ta chớ nên chấp trước tướng danh tự. Danh là giả danh, quý vị hiểu ý nghĩa của nó là được rồi, nói như thế nào đều được! Chúng là giả danh, nhằm giúp chúng ta lìa tướng danh tự, chẳng chấp trước tướng danh tự, như vậy là đúng. Pháp Tánh chẳng có lúc nào không tồn tại, không chỗ nào chẳng tồn tại. Nó là bản thể của hết thấy vạn pháp, chẳng phải là hiện tượng tinh thần, mà cũng chẳng phải hiện tượng vật chất. Tuy tồn tại, ở ngay trước mặt chúng ta, nhưng mắt chúng ta chẳng nhìn thấy, tai cũng chẳng nghe thấy, sáu căn chẳng tiếp xúc tới. Nó thật sự có, nhưng sáu căn đều chẳng tiếp xúc đến, nên gọi là Không.

Rất nhiều đồng học niệm Bát Nhã Tâm Kinh thuộc lâu, kinh đã dạy rõ ràng: *“Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc”*. Sắc và Không là một, chẳng hai. Sắc - Không bất nhị. Chúng ta thấy rất khó hiểu, [đức Phật] nói những câu chân thật, đây là nói về mối quan hệ giữa Pháp Tánh và vật chất. Pháp Tánh và tinh thần có quan hệ ra sao? Phần sau Tâm Kinh lại nói: *“Thọ, Tướng, Hành, Thức, cũng giống như thế”*. Thọ, Tướng, Hành, Thức là tinh thần. Mối quan hệ giữa tinh thần và tự tánh giống hệt như mối quan hệ giữa vật chất và tự tánh, cho thấy vật chất và tinh thần đều do Pháp Tánh biến hiện. Pháp Tánh biến hiện thành vật chất, biến hiện thành tinh thần, sáu căn của chúng ta có thể tiếp xúc. Tiếp xúc được thì quý vị phải biết: [Cái mà ta] tiếp xúc được chính là Pháp Tướng, còn Pháp Tánh thì sao? Pháp Tánh chẳng lìa khỏi Pháp Tướng. Giống như vàng làm thành đồ trang sức, ta đem vàng làm thành một cái xuyên, vàng ở chỗ nào? Quý vị cầm lấy cái xuyên là [cầm được] vàng. Quý vị chấp trước cái xuyên, cái xuyên là Pháp Tướng, Thể của nó, tức bản chất của nó là Pháp Tánh. Vì lẽ đó, thấy tướng là thấy tánh. Vì sao chúng ta thấy tướng mà chẳng thấy tánh? Chúng ta thấy tướng bèn chấp tướng, chấp vào tướng mất rồi. Tánh ở ngay trước mặt mà mê, chẳng thấy tánh. Tướng có, tánh không, *“Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng lại như vậy”*. Chúng ta làm thế nào để thấy cái vòng bằng vàng là Không thì quý vị kiến tánh, phải có công

phu ấy. Kẻ bình phàm chẳng thấy điều này, kẻ bình phàm chấp trước điều ấy là thật. [Chấp trước] “nó đúng là một cái xuyên”, chúng ta chẳng thấy nó là Không. Ai có thể thấy? Pháp Thân Bồ Tát thấy. Thừa cùng chư vị, A La Hán vẫn chưa thấy, A La Hán biết, nhưng chẳng thấy; Bồ Tát cũng biết, nhưng vẫn chưa thấy; Pháp Thân Bồ Tát thấy được, “*bản thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được*”, đúng như kinh Bát Nhã đã nói: “*Phàm những gì có tướng, đều là hư vọng*”, Pháp Thân Bồ Tát thật sự thấy!

Các nhà Lượng Tử Lục Học hiện thời đã thấy, họ thấy hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần là gì? Là huyễn tướng do vô lượng vô số ý niệm tích lũy liên tục sanh ra! Tất cả hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều là như vậy, chẳng thật! Vì thế, kinh Bát Nhã đã dạy: “*Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*” (nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, liền thấy Như Lai), thấy Như Lai là kiến tánh. Quý vị thấy Pháp Tánh; từ Pháp Tướng, quý vị thấy được Pháp Tánh. Câu này rất khó hiểu, chẳng phải là kiến thức thông thường, chẳng thuộc vào kinh nghiệm của chúng ta. Chẳng hạn như thứ chúng tôi đang cầm trên tay là gì? Đây là một quyển sách, chẳng sai, chúng ta đã thấy tướng. Người kiến tánh sẽ nói gì? Đó chẳng phải một quyển sách, chẳng có sách, mà là mấy chục trang giấy xếp lại. Họ thấy gì? Mấy chục trang giấy, chẳng phải một quyển sách, mấy chục trang giấy đó thôi! Thấy thứ này là mấy chục trang giấy xếp cùng một chỗ, cao minh hơn cách nhìn “đây là một quyển sách” nhiều lắm. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, chúng ta thấy một người là một thân thể; nhưng người khác sẽ thấy người ấy chẳng phải là thân thể, mà là một đồng lớn gồm mấy trăm triệu, mấy ngàn triệu, mấy vạn triệu tế bào nguyên tử tụ tập cùng một chỗ! Người ấy nói chẳng sai! Chúng ta thấy đây là căn nhà, nhưng người xây dựng nhà nhìn nó sẽ chẳng thấy căn nhà, mà thấy trong ấy có bao nhiêu xi-măng, có bao nhiêu cốt thép, có bao nhiêu viên gạch, bao nhiêu miếng ngói, sắp xếp như thế nào, há có căn nhà? Đức Phật thấy khác với chúng ta. Các nhà khoa học nhìn một căn nhà, sẽ thấy căn nhà do cả đồng hạt cơ bản hợp thành, họ chỉ thấy hạt cơ bản. Các nhà Lượng Tử Lục Học càng sắc sảo hơn, hạt cơ bản vẫn còn quá to, vẫn còn có thể chia tách, chia đến mức nhỏ nhất chẳng còn chia được nữa, bèn gọi là “lượng tử”. Căn nhà này là gì? Là lượng tử chất chứa, chẳng thấy cái nhà, đó gọi là “từ tướng mà thấy tánh”.

Quý vị chấp tướng, tướng bất bình đẳng. Quý vị thấy tánh, tánh là bình đẳng. Nói theo cách hiện thời, bất luận động vật, thực vật, khoáng vật, núi, sông, đại địa, toàn là do lượng tử hợp thành. Vì sao có những thứ kết hợp thành chất rắn? Trong hiện tượng vật chất; cũng có những thứ kết hợp thành chất lỏng lan chảy giống như nước tuôn chảy. Có những thứ biến thành chất hơi, không khí cũng do lượng tử kết hợp thành. Lượng tử xuất hiện như thế nào? Do dao động sanh ra, vô cùng yếu ớt, lại còn

hết sức nhanh chóng, nên kết hợp thành những thứ ấy. Tần suất dao động khác nhau, tần suất chậm sẽ biến thành chất rắn, tần suất nhanh hơn một chút sẽ biến thành chất lỏng, mau hơn nữa sẽ biến thành chất hơi, không khí. Do tần suất khác nhau, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đủ mọi thứ sai biệt. Trên thực tế, tất cả hết thảy hiện tượng đều có thể quy về lượng tử, thứ cơ bản là lượng tử, có thể quy vào đó. Lượng tử có thể quy vào năng lượng, vì lượng tử vẫn là vật chất, nên có thể quy vào năng lượng. Điều này có thể giải thích lời đức Phật đã dạy trong kinh: “*Bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến*”, vì tùy duyên thì mới có thể biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới.

Vì bất biến, nhưng tùy duyên, nên biến thành nhiễm hay tịnh, hữu tình hay vô tình đủ mọi muôn pháp, nhưng tánh chất của nó là vĩnh hằng bất biến. Tánh là Pháp Tánh, pháp là đủ mọi muôn pháp. Tánh của đủ mọi muôn pháp là một tánh, cho nên đồng thể, chẳng sai biệt, có cùng một tự tánh. Vạn sự vạn vật đều do một tự tánh biến ra. Thế giới Cực Lạc là do tự tánh biến. Thế giới Hoa Tạng do tự tánh biến. Hai mươi tám tầng trời do tự tánh biến. Ngạ quỷ, địa ngục A Tỳ cũng do tự tánh biến. Quốc độ thanh tịnh trang nghiêm do tự tánh biến. Xã hội động loạn, khắp nơi có những vùng đất nảy sinh tai nạn, cũng là do tự tánh biến. Rời khỏi tự tánh thì thứ gì cũng chẳng có, đó gọi là “*biết tổng tướng của các pháp*”, A La Hán hiểu được. Vì sao nó có thể thiên biến vạn hóa nhiều đường ấy? Đó gọi là “*biết biệt tướng của pháp*”. A La Hán chẳng biết biệt tướng của các pháp, nhưng Bồ Tát biết, danh từ Phật học gọi [sự thấy biết đó] là Đạo Chung Trí, vạn sự vạn vật được hình thành do đạo lý nào. Chung (種) là chủng loại, ngàn muôn phần sai khác. Vì đạo lý nào mà có thể biến thành tình trạng như vậy? Đối với loại trí huệ ấy A La Hán chẳng biết, nhưng Bồ Tát biết, nên Bồ Tát cao hơn A La Hán một bậc. A La Hán chỉ biết tổng tướng, chẳng biết biệt tướng. Bồ Tát biết tổng tướng, mà cũng biết biệt tướng, nhưng chưa đạt đến rốt ráo, chẳng triệt để. Đến lúc thành Phật Như Lai mới là rốt ráo viên mãn, gọi là chứng đắc Nhất Thiết Chung Trí.

Tiếp đó, sách nêu một tỷ dụ, tỷ dụ này cũng thường được nhắc tới trong kinh. Chúng ta vừa mới dùng vàng và các món vật bằng vàng để làm tỷ dụ, đó là tỷ dụ thường được kinh Phật và cổ đại đức nói tới. Ở đây, dùng nước để tỷ dụ, sánh ví nước như Pháp Tánh, sóng được ví như Pháp Tướng. Nước chuyên động bèn dậy sóng. Nước là tĩnh, sóng là động. Nước có thể chiếu, giống như một tấm gương có thể soi cảnh giới bên ngoài. Sóng chẳng thể chiếu, sóng đã đánh mất tác dụng soi chiếu ấy. Vì thế, sánh ví Pháp Tánh như nước, sánh ví Pháp Tướng như sóng, “*nhi bất biến thất thủy chi tánh*” (mà tánh của nước chẳng biến đổi, bị mất đi), tánh của nước chính là tánh ướt. “*Pháp Tánh Chân Như, thuận thiện vô nhiễm*”. Thiện ở đây chẳng phải là thiện trong thiện - ác, tịnh trong chữ “*thuần tịnh*” chẳng là tịnh trong tịnh - nhiễm, thuận thiện vô nhiễm là tịnh. “*Duy dĩ duyên hữu nhiễm tịnh, nhi sở biến chi pháp hữu*

nhiễm tịnh chi biệt” (chỉ vì duyên có nhiễm hay tịnh, mà pháp được biến bèn có nhiễm hay tịnh sai khác). Duyên có nhiễm hay tịnh, nhưng tánh chẳng có nhiễm hay tịnh. Trong lục đạo, duyên có thiện hay ác, tánh chẳng có thiện hay ác, chớ nên không biết điều này. Trong tự tánh, hễ chư vị nắm vững một nguyên tắc bèn dễ dàng hiểu rõ. Trong tự tánh chẳng có đối lập, vì nó là một Thể, nó là viên dung, chẳng có đối lập. Quý vị thấy chân và vọng, chẳng phải là đã đối lập rồi ư? Trong tự tánh chẳng có chân hay vọng, trong tự tánh chẳng có nhiễm hay tịnh, trong tự tánh chẳng có thiện hay ác, trong tự tánh chẳng có sanh hay diệt. Sanh diệt là tương đối, trong tự tánh chẳng tìm được tương đối. Trong tự tánh chẳng có xa hay gần, xa hay gần là một cặp [đối lập]. Chẳng có xa hay gần, bèn chẳng có không gian. Trong tự tánh chẳng có trước, sau. Chẳng có trước sau, bèn chẳng có thời gian. Do vậy, trong tự tánh chẳng tìm được tương đối. Hễ có tương đối, sẽ chẳng phải là tự tánh, mà là Pháp Tướng. Trong Pháp Tướng có tương đối, trong Pháp Tánh chẳng có. Chúng ta làm như thế nào để chẳng tìm được tương đối trong Pháp Tướng thì quý vị kiến tánh. Phải làm như thế nào mới có thể thoát lìa tương đối? Tương đối là đối lập. [Để đạt đến] chẳng có đối lập thì đức Phật đã dạy chúng ta: Hãy buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, bèn chẳng có đối lập nữa. “Chẳng có” tức là đã kiến tánh. Tánh ở chỗ nào? Tất cả Pháp Tướng chẳng có một pháp nào chẳng phải là [Pháp Tánh], pháp nào cũng đều là, pháp nào cũng đều bình đẳng, pháp nào cũng đều viên dung.

Phàm phu thành Phật, nói theo lý luận là ngay trong một sát-na, chúng ta thật sự có năng lực ấy, buông hết khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, phàm phu bèn thành Phật. Có người như vậy hay không? Có! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, lúc Ngài ba mươi tuổi, Ngài ở dưới cội Bồ Đề buông hết những gì đã học trong mười hai năm xuống, cũng có nghĩa là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước đều cùng buông xuống, bèn thành Phật. Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy thành Phật đơn giản như thế đó! Hễ buông xuống bèn kiến tánh, hễ kiến tánh bèn “không gì chẳng biết, không gì chẳng thể”. Vì sao? Vì quý vị đã trọn đủ “có thể sanh, có thể hiện, có thể biến”, vạn sự vạn vật là sở sanh, sở hiện, sở biến (cái được sanh, cái được hiện, cái được biến). Đã nắm bắt được cội nguồn, vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới quý vị đều hiểu rõ toàn bộ, chúng do tự tánh biến, chẳng đến từ bên ngoài. Ở Trung Quốc cũng có một tấm gương rõ rệt. Đời Đường, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, đã biểu diễn cho chúng ta, tức là Ngài ngay lập tức buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, đó gọi là “đốn xả”, chẳng phải là xả dần dần từng thứ một, mà là buông xuống ngay một lúc, nên gọi là “đốn xả”. Đốn xả nên đốn ngộ và đốn chứng, lập tức chứng đắc. Vì thế, hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn lập tức truyền y bát cho Ngài. Khi đó, Huệ Năng đại sư hai mươi bốn tuổi, thành Phật! Người nào chứng minh cho Ngài? Hòa Thượng Ngũ Tổ Nhẫn đã

chứng minh Lục Tổ đã thành Phật. Thành Phật là buông xuống, triệt để buông xuống, hiểu rõ triệt để vũ trụ, nhân sinh, vạn sự, vạn vật. Trong lịch sử Trung Quốc, có không ít những nhân vật như vậy. Từ hai ngàn năm qua, tối thiểu có hơn hai ngàn người đạt tới cảnh giới này. Trong tu học, buông xuống nhanh chóng nhất thì có thể nói Huệ Năng đại sư là bậc nhất, người khác buông xuống cũng phải mất một khoảng thời gian, một hai năm, hoặc đôi ba năm, hoặc dăm sáu năm, mười mấy năm, những trường hợp như thế rất nhiều. Nhanh chóng như Huệ Năng đại sư có lẽ chỉ có mình Ngài, chẳng tìm được người thứ hai. Có thể so sánh với Ngài, theo kinh điển ghi chép, Thích Ca Mâu Ni Phật buông xuống rất nhanh chóng.

Vì sao chúng ta không buông xuống được? Chúng ta coi những huyền tướng và giả tướng đều là thật, chẳng biết chúng là giả. Vì thế, dấy lên tham luyến đối với chúng, sanh khởi tâm tình yêu mến, đó là chuyện phiền phức! Dầu đọc kinh giáo đã nhiều, đức Phật đã vô số lần nhắc nhở chúng ta, chúng ta biết những thứ ấy (huyền tướng, giả tướng) là giả, nhưng vẫn y như cũ chẳng thể buông xuống được! Tình chấp quá sâu, tập khí phiền não quá nặng, nhưng cần phải biết: Không buông xuống, quyết định sẽ chẳng thể thành công. Không buông xuống, nhất định phải luân hồi trong lục đạo. Nghĩ đến chuyện này, chúng ta bèn chẳng dám không buông xuống. Vì sao? Không buông xuống sẽ rất khổ, quý vị nói xem: Làm người khổ quá đi thôi! Đời này làm người, đời sau có thể làm thân người nữa hay không? Chẳng dám chắc! Vì sao? Đức Phật đã nói rõ ràng, nếu muốn đời sau được làm thân người, chúng ta tu Thập Thiện Nghiệp Đạo tối thiểu phải đạt đến trung phẩm. Cũng tức là chúng ta tu Thập Thiện Nghiệp Đạo giống như được thầy chấm điểm trong nhà trường, tối thiểu chúng ta phải đạt được bảy mươi, tám mươi điểm, đời sau mới hòng được mang thân người! Nếu quý vị có thể đạt được từ chín mươi điểm trở lên, hoặc đạt được một trăm điểm, quý vị đạt tiêu chuẩn sanh vào cõi trời hoặc cõi người trong đời sau. Năm mươi điểm khó đảm bảo, chẳng nhất định có thể được làm thân người. Nói chung, được bảy tám mươi điểm mới kể là chắc chắn đời sau được làm thân người. Chính chúng ta phải suy nghĩ, quý vị đọc kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo mấy lượt, đối chiếu, tự mình chấm điểm bản thân, xem có thể đạt đến bảy, tám mươi điểm hay không? Nếu cảm thấy chẳng được thì sẽ bị phiền phức to lớn. Chớ nên chẳng biết đạo lý và chân tướng sự thật này.

Chúng ta lại xem tiếp: “*Hựu Hội Sớ viết: Bồ Tát hữu nhị chủng trí, năng vi nhất thiết tu hành bản*” (Lại nữa, sách Hội Sớ giảng: “Bồ Tát có hai thứ trí có thể làm căn bản cho hết thảy các sự tu hành”). Tu hành chẳng thể không có trí huệ. Không có trí huệ là “*tu mù, luyến đui*”. Rất nhiều kẻ ngỡ mình đang tu hành, trên thực tế là đang gây tạo oan nghiệt, đang tạo tác bất thiện, kẻ ấy thiếu trí huệ, tự cho là đang tu hành, chuyện như vậy rất nhiều. Vì vậy, thiếu trí huệ là không được. Hai thứ trí huệ ấy làm

căn bản cho hết thấy các sự tu hành. “*Hà giả vi nhị? Nhất vị Như Lý Trí, năng chiếu chư pháp bốn tánh, bất nhất, bất dị, bất sanh, bất diệt, thị danh thông chư pháp tánh*” (Những gì là hai? Một là Như Lý Trí, có thể chiếu bốn tánh của các pháp, chẳng một, chẳng khác, chẳng sanh, chẳng diệt, nên gọi là “thông đạt tánh của các pháp”). Kinh nói đến điều này: Quý vị có Như Lý Trí, có trí huệ như thế, trí huệ ấy là gì? Có thể chiếu bốn tánh của các pháp. Ngài dùng chữ “*chiếu kiến*”, chẳng nói “*thấy (kiến) bốn tánh của các pháp*”. Ngài nói “*có thể chiếu*”, vì sao không dùng Kiến, mà dùng Chiếu? Trong Kiến có phân biệt, có chấp trước, có tình thức trong ấy. Chiếu kiến: Chúng ta cầm một tấm gương, dùng gương để soi một người, gương sẽ chiếu rõ ràng, rành rẽ, nó chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có thích hay không thích, đó là Chiếu Kiến. Trong kinh dùng chữ này, quý vị nên hiểu: Mắt chúng ta thấy sắc bên ngoài, mắt phải giống như một tấm gương, chớ nên có phân biệt, chấp trước, ưa thích, hay chẳng ưa thích. Quý vị vừa dấy niệm bèn là tình chấp, sai mất rồi, mê mất rồi! Dùng Chiếu Kiến, giống như một tấm gương; mắt ta giống như gương, [nhìn sự vật] rõ ràng, rành rẽ, nhưng trong [cái thấy ấy] chẳng có yêu ghét, chẳng có chán nàm, mà cũng chẳng có ưa thích, hoàn toàn là tâm bình đẳng. Đó là Chiếu Kiến. Chiếu Kiến là trí huệ. Có phân biệt, có chấp trước, có yêu ghét, bèn là Tình Kiến, chẳng phải là Chiếu Kiến. Hễ trong ấy có tình thức thì tình thức là mê!

Chư vị hãy nhớ, Tình chẳng phải một chữ tốt đẹp! Trong Phật pháp, nó được gọi là “*mê tình*”, quý vị chẳng có trí huệ! Tình và trí là đối lập; Chiếu là trí, Tình là mê. Chiếu Kiến thì quý vị bèn thấy bốn tánh của pháp, tánh lẫn tướng đều cùng thấy, thấy tướng bèn đồng thời thấy tánh. Thấy tánh là gì? Tánh - tướng chẳng một, chẳng khác, bất sanh, bất diệt; tánh bất sanh, bất diệt; tướng thì sao? Tướng cũng bất sanh, bất diệt. Tướng là có sanh, có diệt; vì sao nói nó chẳng sanh, chẳng diệt? Tốc độ [sanh diệt] quá nhanh, niệm trước vừa diệt, niệm sau bèn sanh. Tốc độ nhanh đến mức độ nào? Dựa trên cuộc đối thoại giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát bảo chúng ta: Một cái khay ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm, cũng có nghĩa là trong một cái khay ngón tay có ba trăm hai mươi triệu lần sanh diệt, quý vị có thể tách ra từng lượt sanh diệt hay chẳng? Vì thế nói sanh diệt giống như chẳng sanh diệt. Đó là nói theo tướng. Tánh thì sao? Trong tánh chẳng có niệm, tánh có thể sanh ra niệm ấy. Chẳng phải là Đại Bồ Tát sẽ không làm được! Cảnh giới ấy mới gọi là “*thông chư pháp tánh*”, quý vị thông đạt, hiểu rõ tánh và tướng của hết thấy các pháp.

Câu kế tiếp là “*đạt chúng sanh tướng*”, đó là Như Lượng Trí. “*Nhị vị Như Lượng Trí, năng chiếu chúng sanh thù tướng*” (hai là Như Lượng Trí, có thể chiếu tướng khác biệt của chúng sanh), “*thù*” (殊) là bất đồng, [“*thù tướng*”] là các hiện tượng thiên sai vạn biệt. “*Mê, ngộ, phạm, thánh các dị*” (mê, ngộ, phạm, thánh, mỗi

mỗi khác biệt), quý vị đều hiểu rõ ràng, minh bạch. “*Thị danh đạt chúng sanh tướng*” (đó gọi là “đạt chúng sanh tướng”). Câu kế tiếp nói rất hay: “*Cố ‘thông chư pháp tánh’ thị Căn Bản Trí, ‘đạt chúng sanh tướng’ thị Sai Biệt Trí*” (vì thế, “thông hiểu tánh của các Pháp” là Căn Bản Trí, “thấu đạt chúng sanh tướng” là Sai Biệt Trí). Căn Bản Trí còn gọi là Thật Trí, thực tại; Sai Biệt Trí cũng gọi là Quyền Trí, tức phương tiện quyền xảo. Khi hóa độ chúng sanh, ở chung với chúng sanh, phải dùng Quyền Trí. Quyền Trí thiên biến vạn hóa; Căn Bản Trí là như như bất động, ở trong động mà chẳng động, nhưng trong không động lại có động. Do vậy, để biểu thị pháp, Phật pháp thường dùng pháp luân để biểu thị pháp, dùng luân, luân là gì? Viên, tức là hình tròn được nói trong Hình Học hiện thời. Đức Phật dùng điều này để biểu thị pháp. Chỉ có Viên thì mới có thể biểu thị trong động mà chẳng động. Viên là nói tới chu vi của nó, chúng ta thấy tấm gương này, cũng là một hình tròn, chu vi hình tròn là động. Vành bánh xe là động, nhưng tâm hình tròn ấy (trục bánh xe) chẳng động, quý vị thấy “trong động lại chẳng động”. Hình tròn có tâm hay không? Đương nhiên là có tâm. Tâm hình tròn ở đâu? Tìm chẳng được! Nó thật sự có tâm, nhưng chắc chắn quý vị chẳng tìm được. Quý vị chấm một điểm ở chỗ đó, cái chấm nhìn dưới kính lúp, do nó có diện tích, nên chẳng phải là điểm, [như vậy là] tìm điểm không được. Trong Hình Học nói “một điểm di động tạo thành đường, đường di động tạo thành mặt”, chúng ta có thể thấy được mặt, chứ đường cũng chẳng nhìn thấy, như vậy thì điểm càng chẳng nhìn thấy¹²⁰[2]. Dấu vết của điểm trọn chẳng tìm được. Nói theo lý luận, nó nhất định có. Chẳng có nó thì làm sao hình thành vòng tròn cho được? Do vậy, nhất định phải có tâm vòng tròn. Đức Phật dùng điều này để biểu thị Phật pháp, tâm đường tròn tượng trưng Pháp Tánh.

Vì thế, Pháp Tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, chẳng tìm Pháp Tánh được, nhưng Pháp Tánh trọn khắp hết thấy các chỗ, hết thấy các hiện tượng đều sanh từ Pháp Tánh. Quý vị thấy hình tròn, hình tròn bé, hình tròn lớn, dấu lớn cách mấy đều chẳng rời khỏi tâm hình tròn. Chẳng có cái tâm ấy, hình tròn sẽ chẳng thể thành lập, khẳng định là có cái tâm ấy. Quý vị thấy cái tâm ấy có thể sanh, có thể hiện, có thể sanh ra đường tròn ấy, có thể hiện hình tròn. Nó có thể hiện, cho nên bắt buộc dĩ dùng chữ Không để tượng trưng cho nó. Kinh Bát Nhã thường nói: “*Sắc tức là Không*”, Sắc là gì? Đường tròn, Sắc là đường tròn. Không là gì? Không là tâm hình tròn. Chúng là một Thể, chẳng thể tách rời. Rời khỏi tâm đường tròn, lấy đâu ra

¹²⁰[2] Trong Hình Học, điểm và đường là các khái niệm trừu tượng. Điểm được định nghĩa là “*một phần không gian có mọi chiều kích thước bằng zero*”. Do vậy, khi ta vẽ hình tròn, chấm tâm hình tròn dễ dàng, nhưng do cái chấm ấy có kích thước nhất định (dù rất bé), nó chẳng phải là điểm, nên chẳng phải là tâm hình tròn. Đường được định nghĩa là “*tập hợp của nhiều điểm*” nhưng không có bề rộng. Khi ta vẽ một đường, do nó có bề rộng nhất định (dù rất bé hầu như không thấy được bằng mắt thường), nên nét vẽ ấy chẳng phải là đường.

tướng bánh xe? Tướng ấy chẳng còn nữa! Vì thế, nhà Phật dùng điều này để biểu thị pháp, gọi hết thấy các pháp là “pháp luân”, pháp luân biểu thị ý nghĩa này. Chúng ta nhìn thấy hình tròn, bèn lập tức biết vũ trụ này chẳng phải Không, chẳng phải Có, mà cũng Không, cũng Có. Biết chân tướng sự thật, trí huệ đã mở mang, biết bản thể của hết thấy các pháp chính là Không, trọn chẳng thể được. Do lẽ đó, hết thấy các pháp có thể thọ dụng, có thể thưởng thức, nhưng chẳng thể chiếm hữu, vì sao? Bản thể của nó chính là Không, quý vị chẳng chiếm hữu được! Không riêng gì bản thể của hết thấy vạn pháp chính là Không, mà bản thể của cái thân chúng ta cũng chính là Không, nên chúng ta mong chiếm hữu, không chế thân thể, sẽ chẳng làm được. Nếu có thể không chế và chiếm hữu thân thể này, ta sẽ khiến cho nó năm nào cũng là mười tám tuổi thì tốt quá, sống đến một ngàn năm vẫn là đáng vẻ mười tám, quý vị mới có năng lực chiếm hữu, không chế nó, nhưng quý vị làm không được. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta có thể thọ dụng, có thể thưởng thức, nhưng quyết định chớ nên có ý niệm không chế hoặc chiếm hữu. [Nếu có ý niệm ấy], quý vị đã tạo nghiệp, hễ tạo nghiệp bèn chắc chắn có khổ báo về sau. Người và người, người và Phật, Bồ Tát, mỗi người và hết thấy chúng sanh đều có duyên phận; người hiểu rõ thì phải nắm vững những duyên phận ấy, biến các duyên phận ấy thành pháp duyên, đừng nên biến thành tình duyên, càng chớ nên biến thành ác duyên, đó là đúng. Biến thành tình duyên sẽ phải trả nợ, biến thành ác duyên sẽ oan oan tương báo, vô cùng đau khổ! Biến thành pháp duyên sẽ tốt đẹp, tất cả mọi người giác ngộ, có thể cùng nhau tu hành, cùng nhau chứng quả, đồng tâm hiệp lực độ chúng sanh mê hoặc, điên đảo, đó là đúng, đây là đi theo cùng một con đường với Phật, Bồ Tát.

Nếu thật sự mong cho thế giới này an định, hòa bình, phương pháp rất đơn giản, con người sanh vào thế gian này, đầu tiên là phải hiểu lý, phải khai trí huệ, quý vị bèn có thể thấy thấu suốt, có thể buông xuống. Sau đây, chúng ta sống vài chục năm trong thế gian này, sống suốt mấy chục năm, theo đuổi một nghề nghiệp, khéo lo toan, thực hiện sự nghiệp ấy tốt đẹp, làm công việc ấy tốt đẹp, hỗ trợ, giúp đỡ những người làm nghề khác, xã hội này sẽ an tường, hòa thuận. Mọi người vâng giữ nghề nghiệp và chức trách của chính mình, đừng nên can thiệp nghề nghiệp của kẻ khác, mỗi cá nhân đều thực hiện tốt nghề nghiệp của chính mình. Giống như một bộ máy, bộ máy do rất nhiều linh kiện hợp thành, mỗi linh kiện đều tốt đẹp thì cỗ máy ấy sẽ vận hành suông sẻ. Nghề nghiệp của người xuất gia là gì? Dạy học, dạy học Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học, chúng ta kế thừa Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật lưu lại sách giáo khoa, hãy nghiêm túc học tập, giảng giải cho những đồng học hữu duyên đến học tập, mọi người cùng nhau học tập, thực hiện tốt đẹp nghề nghiệp này. Nghề nghiệp này chủ yếu là giảng luân lý, đạo đức, nhân quả, mỗi ngành nghề trong

xã hội đều phối hợp sẽ tốt đẹp lắm, đó là chuyện tốt. Đó là tiến hành giáo dục, giáo dục tôn giáo, đối với nhà Phật mà nói, hai chữ “giáo dục” vô cùng thiết thực. Giáo dục của Phật Đà xác thực là sự giáo dục chủ yếu, giáo học trọng yếu, giáo hóa đáng tôn sùng. Không chỉ có công hiến đối với nhân loại, mà đối với chúng sanh trong mười pháp giới đều có công hiến rất lớn, dạy chúng ta chứng đắc Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí. Sai Biệt Trí là Hậu Đắc Trí. Căn Bản Trí là liễu giải chân tướng sự thật, đấy là Căn Bản Trí. Hậu Đắc Trí là phương tiện thiện xảo, ứng dụng Căn Bản Trí vào cuộc sống hằng ngày, đó là Sai Biệt Trí. Chúng ta học “*thông đạt tánh tướng*” tới đây!

Bây giờ chúng ta lại xem tiếp, đoạn thứ hai là “*cúng Phật độ sanh*”, [tức là] cúng dường Phật, phổ độ chúng sanh. Câu này cũng hết sức quan trọng. Kinh văn:

(Kinh) Cúng dường chư Phật. Khai đạo quần sanh.

(經) 供養諸佛。開導群生。

(Chánh kinh: Cúng dường chư Phật, khai thị, giáo hóa chúng sanh).

Đối với hai câu này, chúng ta thấy [cụ Niệm Tổ giảng]: “*Cúng dường hữu nhị*” (cúng dường có hai loại), thứ nhất là tài cúng dường, thứ hai là pháp cúng dường. Chúng ta xem trước: “*Tài cúng dường, cúng dường hương, hoa, ẩm thực đẳng tài vật*” (Tài cúng dường: Cúng dường hương, hoa, thức ăn v.v... các món tài vật). [Chỉ nêu lên] ba thứ này, chứ phạm vi của tài vật rất rộng. Nói đến ba thứ ấy vì ba thứ ấy bao hàm ý nghĩa rất sâu. Hương biểu thị thông tin. Thông tin hiện thời đã phát triển đến truyền hình vệ tinh và mạng Internet. Vào thời cổ, truyền tin phải cậy vào hương. Nếu quý vị có dịp đến Trung Quốc vẫn cảnh, thăm Vạn Lý Trường Thành, quý vị sẽ hiểu đốt hương nhằm ý nghĩa gì. Vạn Lý Trường Thành là tuyến đường dài mấy ngàn dặm, phía ngoài trường thành là Hung Nô. Thời cổ, người Mông Cổ là dân tộc du mục, Trung Quốc là xứ nông nghiệp, lấy nông nghiệp lập quốc, tức là lấy trồng trọt làm chủ yếu. Những dân tộc du mục thường xâm lược, cướp đoạt, nên chánh quyền mới đắp trường thành để làm công sự phòng ngự. Khi họ tấn công thì làm thế nào? Làm cách nào để báo tin cho hoàng thượng để nhà vua nhanh chóng phái binh đến cứu? Do vậy, quý vị thấy trường thành, cứ cách mỗi khoảng lại có phong hỏa đài (烽火台). Phong hỏa đài là lò hương, đó là phong hỏa đài. Đốt gì? Đốt “*lang yên*” (狼煙), [tức là] đem phân chó sói đốt cho bốc khói, khói ấy chẳng dễ bị gió thổi tan. Khói phân sói là như

vậy đó, chẳng bị thổi tan mất. Thấy phong hỏa đài [bên kia] đốt khói phân sôi, phong hỏa đài bên này cũng đốt. Phong hỏa đài từ Ngọc Môn Quan^{121[3]} truyền đến Trường An, thời ấy thủ đô ở Trường An. Chỉ cần khoảng mấy giờ, ba bốn giờ liền truyền đến [kinh đô], Hoàng Thượng lập tức biết biên thù có địch nhân xâm lược. Do vậy, nó nhằm để truyền đạt tin tức.

Trong Phật pháp thì sao? Quý vị thấy lư hương giống như phong hỏa đài, chúng ta thắp một nén nhang là gì? Báo tin cùng Phật, Bồ Tát, có ý nghĩa này. Do vậy, đừng nên đốt hương quá nhiều. Hương đốt quá nhiều sẽ là khói đen mù mịt, không khí cũng bị ô nhiễm. Thắp một nén hương thơm, đó là biểu thị pháp, biểu thị tâm ý của chúng ta giao tiếp với Phật, Bồ Tát, mang ý nghĩa này. Quý vị thấy đó, bảo quý vị cúng dường thứ ấy, chúng ta thiện tâm thiện ý cúng dường Phật, Bồ Tát, mang ý nghĩa này. Hiện thời người đốt hương đông đảo, mấy ai hiểu ý nghĩa này? Ý nghĩa ấy khiến Phật, Bồ Tát hoan hỷ. Hiện thời, đốt hương nhằm ý nghĩa gì? Bợ đỡ Phật, Bồ Tát, cầu Phật, Bồ Tát phù hộ cho tôi thăng quan phát tài. Nếu tôi phát tài to, tôi phát tài một trăm vạn, sẽ đến cúng dường Ngài một vạn! Đàm phán điều kiện, coi Phật, Bồ Tát như tham quan ô lại, thắp hương như vậy làm sao có phước cho được? Há có lẽ ấy? Quý vị đã tính toán quá kỹ! Nếu Ngài phù hộ tôi được một trăm vạn, tôi sẽ đến cúng dường Ngài một vạn, thành ra thẻ thông gì! Ý niệm ấy đã sai be bét, niệm niệm đều tạo tội nghiệp, mà vẫn mong cầu Phật, Bồ Tát giúp kẻ ấy tạo tội nghiệp, lẽ đâu có chuyện như vậy? Trong phần trước, chúng tôi đã nói rất rõ ràng, chức nghiệp của Phật, Bồ Tát là thầy giáo, chỉ quan tâm dạy dỗ tốt đẹp, chuyện gì khác đều chẳng màng tới! Thật vậy! Hạnh hạnh của chính mình cho tốt đẹp, chẳng quản gì khác, đó là đúng. Do vậy, quý vị hãy thật sự hiểu cúng dường Tam Bảo có ý nghĩa như thế đó, ngàn vạn lần đừng nên tạo tội nghiệp, tạo tội nghiệp là sai lầm quá đỗi. Hương cúng dường [là như vậy đó].

Hoa cúng dường là gì? Hoa tượng trưng cho nhân. Quý vị thấy thực vật nở hoa trước, kết trái sau. Chúng ta thấy thực vật trổ hoa tốt đẹp, bèn biết quả nhất định tươi tốt. Nếu hoa nở chẳng tốt, sẽ biết thân hoạch bị trục trặc, quả chẳng kết tốt đẹp. Hoa là như thế đó. Chúng ta tu cái nhân tốt đẹp, đó là hoa. Hoa tượng trưng cho tu nhân. Nếu cúng trái cây thì trái cây tượng trưng cho sự kết quả, chúng ta dùng thiện nhân thiện quả để cúng dường Phật, biểu thị ý nghĩa này. Chẳng phải là Phật muốn ngắm hoa ấy, muốn ăn những quả ấy, chẳng có lẽ đó! Bởi lẽ, trong Phật môn hết thầy đều là giáo học. Cúng trước Phật một chén nước thì nước ấy

^{121[3]} Ngọc Môn Quan còn gọi là Tiểu Phương Bàn Thành, là một cửa ải trọng yếu của Trung Quốc nằm trên tuyến đường Tơ Lụa, là đường giao thông trọng yếu sang Tây Vực. Ngọc Môn Quan ở về phía Tây Bắc thành phố Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc. Cửa ải này được thành lập từ đời Hán. Tuy gọi là Quan, nhưng đây không phải là đường đèo, mà là một cửa thành phân cách Trung Hoa với các nước Tây Vực.

là gì? Nước là tâm chúng ta, tâm chúng ta phải trong sạch như nước, tâm chúng ta phải bình đẳng, đó là như kinh đã nói “thanh tịnh, bình đẳng”. Dùng nước để tượng trưng cho tâm thanh tịnh, bình đẳng. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát muốn uống nước. [Nếu hiểu là cúng nước cho các Ngài uống] thì trật rồi, toàn là để biểu thị pháp. Chúng ta hiểu rõ ý nghĩa này, hãy nhìn thấy những vật cúng ấy, chúng ta bèn hiểu phải làm theo cách nào, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều chớ nên có tà niệm, chớ nên có tà hạnh, [những vật cúng ấy] đều nhằm dạy chúng ta.

[Dâng cúng] thức ăn là báo ân, các Ngài có ăn hay không? Các Ngài không ăn! Phật, Bồ Tát há ăn những thứ ấy? Vì sao dùng thức ăn để cúng dường? Thuở Phật, Bồ Tát tại thế, các Ngài khát thực. Chúng ta tài cúng dường Phật, Bồ Tát, tài cúng dường là một bát cơm. Có khi chẳng phải là một bát, mà là một muống cơm, một chút ít. Vì thế, đức Phật đi khát thực mỗi nhà, xin bảy nhà mới có một bát cơm. Chẳng phải là một nhà cho nhiều như thế, một nhà chẳng có nhiều như thế. Thuở ấy, con người sống rất kham khổ, chính mình bớt ăn một chút để cúng Phật, mang ý nghĩa này. Nay chúng ta chẳng quên gốc, chẳng quên tình trạng cuộc sống của thầy trong thuở ấy. Thầy khát thực, chúng ta cúng dường một chút cơm, chủ yếu là cơm. Nếu cúng dường thức ăn thì ba món thức ăn biểu thị điều gì? Tam đức lục vị, tối đa là sáu món. Sáu món tượng trưng cho sáu vị, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, nhạt, bao gồm sáu vị ấy, đã viên mãn rồi. Vì thế, chớ nên cúng quá nhiều. Cúng quá nhiều là thất lễ, tỏ lộ sự sợ đờ; cúng ít quá thì chẳng cung kính. Vì thế, tốt thiếu là ba món là đúng pháp, biểu thị tam đức, sáu món tượng trưng lục vị, đó là lễ tiết. Phật đối với chúng ta là pháp cúng dường, chúng ta đối với Phật là tài cúng dường. Phật lại chẳng cần tài, chỉ cần một bát cơm. Mỗi ngày đi khát thực là một bát cơm, cho nên cúng dường thức ăn. Những tài vật khác, nói thật ra tùy thuộc vào chỗ [những món ấy] hữu dụng cho sự hóa độ chúng sanh của Phật [thì dâng cúng], chứ chỗ nào chẳng hữu dụng bèn chẳng cần đến. Đức Phật ngũ nhãn viên minh, vào thời ấy, tức là từ ba ngàn năm trước mà có thể thấy xã hội hiện tiền, trong thời đại ấy Ngài có thể chẳng cần đến tiền. Trong thời đại hiện tại, chẳng có tiền sẽ không được. Quý vị ra khỏi cửa ngòi xe hoặc ngòi thuyền chẳng giống như thời cổ. Thời cổ, xe, thuyền hãy gặp người xuất gia bèn chẳng lấy tiền, họ biết cúng dường. Hiện thời chẳng được, bây giờ mà không mua vé, họ chẳng cho quý vị lên. Do vậy, hiện thời, nếu nhận lời thỉnh cầu, phải cần đến tiền đi đường và tiền tiêu dùng. Quý vị đến nơi nào đó, nếu là chỗ chùa, miếu, am, đường thì chẳng sao. Nếu chẳng có, các cư sĩ tạm thời thuê chỗ để thỉnh pháp sư giảng kinh, thường ngụ tại khách sạn, đều phải tốn tiền. Đức Phật nghĩ đủ mọi lẽ, nên sau đây cho quý vị cúng thêm tài vật. Phải nên nhớ, kinh thường nói: *“Trong hết thảy các thứ cúng dường, pháp cúng dường bậc nhất”*. Nếu chẳng có pháp cúng dường, tài cúng dường chỉ tu được một chút phước, tức là

phước báo nhân thiên, vẫn phải là [cúng dường những vị] có đức hạnh và tu trì thật sự, tốt nhất là những vị xuất gia chứng quả, quý vị mới thật sự gieo phước. Nếu chẳng phải là người thật sự tu hành, quý vị đến cúng dường kẻ ấy, tức là đã phạm lỗi, chớ nên không biết những hiện tượng ấy.

Hiện thời, Phật pháp suy vi, suy đến mức nào? Suy đến mức người học Phật chúng ta chẳng đúng pháp. Cứu vớt Phật pháp bằng cách nào? Hiện thời Phật pháp có nguy cơ, phải dùng phương pháp gì để cứu vớt nguy cơ cho Phật pháp? Hãy nghiêm túc học Phật. Nghiêm túc học Phật thì nhất định phải trì giới, phải tu Định, phải khai trí huệ. Tu Định, có nhất định phải tu Thiền Định hay không? Chẳng nhất định! Quý vị phải biết tám vạn bốn ngàn pháp môn được nói trong Đại Thừa Phật pháp, môn nào cũng đều là Thiền Định. Nếu pháp môn nào rời khỏi Giới - Định - Huệ, đó chẳng phải là Phật pháp, phải biết điều này! Phật pháp chân chánh là gì? Phật pháp chân chánh quyết định nương theo Giới - Định - Huệ. Thứ nhất là phải trì giới, chẳng trì giới là giả, chẳng thật. Nếu không trì giới, ngay cả phước cũng chẳng tu được, Định - Huệ càng chẳng cần phải nói nữa! Đầu tiên là trì giới. Trì giới thực hiện từ chỗ nào? Hiện thời, tôi đặc biệt nhắc nhở các đồng học: Hãy thực hiện từ Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy là giới luật căn bản. Có thể làm được Đệ Tử Quy, sẽ tu Cảm Ứng Thiên tốt đẹp, quý vị có thể thực hiện Cảm Ứng Thiên. Hai thứ ấy là căn cơ của Phật pháp, các đồng học học Phật chớ nên không biết. Trong Phật Tạng Kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật, [tôi nói] Phật Tạng Kinh, chẳng phải là Đại Tạng Kinh, trong các bộ kinh Phật có một quyển kinh chẳng lớn, phân lượng chẳng nhiều lắm, tựa đề của kinh là Phật Tạng Kinh. Trong kinh ấy, đức Phật dạy chúng ta, Ngài nói: *“Phật tử”,* tức là đệ tử của Phật, *“chẳng học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa, chẳng phải là đệ tử Phật”*. Đức Phật nói rất nghiêm túc, quý vị học Phật mà chẳng học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa, đức Phật chẳng thừa nhận quý vị là học trò của Ngài. Giống như đi học, trước hết, quý vị phải học Tiểu Học, rồi học Trung Học, rồi học Đại Học, đó là đúng. Nếu quý vị nhảy lớp, chẳng cần đến Tiểu Học mà học ngay vào Đại Học, đức Phật chẳng thừa nhận quý vị.

Vì thế, Phật pháp truyền đến Trung Quốc, kinh điển Tiểu Thừa được phiên dịch hết sức hoàn bị, kinh điển Đại Thừa được tuyển chọn để phiên dịch. Vì sao? Quá nhiều! Thuở ấy giao thông hết sức bất tiện, chuyên chở [kinh điển] đến Trung Quốc rất khó khăn. Do vậy, trong các kinh điển Đại Thừa phải tuyển chọn, tuyển chọn những bộ hay nhất, thích hợp cho người Trung Quốc học tập, chọn lựa những bộ kinh ấy. Có thể là [những kinh Đại Thừa vốn có tại Ấn Độ] truyền đến Trung Quốc chưa được một nửa, chúng ta chớ nên không biết [điều này]. Tiểu Thừa là cơ sở, cơ sở rất trọng yếu, vì thế, kinh Tiểu Thừa được phiên dịch vô cùng hoàn bị. Hiện thời, Tứ A Hàm trong Đại

Tạng Kinh [bằng tiếng Hán] là kinh Tiểu Thừa. Đối chiếu với Nam Truyền Đại Tạng Kinh bằng tiếng Ba Lợi (Pali) của các nước theo [Phật giáo] Nam Truyền như Thái Lan, Miến Điện, điển tịch bằng tiếng Pali so với [các kinh Tiểu Thừa] tiếng Hán đại khái chỉ nhiều hơn năm mươi bộ. Hơn ba ngàn bộ kinh mà chỉ nhiều hơn năm mươi bộ, chẳng đáng kể! Ta biết: Tại Trung Quốc, kinh Tiểu Thừa được dịch hoàn bị như thế. Do vậy, tại Trung Quốc có hai tông phái Tiểu Thừa là Câu Xá Tông và Thành Thật Tông. Đời Đường có [hai tông ấy], đều là trước hết đặt vững cơ sở Tiểu Thừa rồi mới có thể học Đại Thừa. Nhưng nói thật ra, người Trung Hoa đối với văn hóa truyền thống Trung Quốc lưu luyến rất sâu, từ giữa đời Đường trở đi, chẳng học Tiểu Thừa nữa. Có trái nghịch ý nghĩa của Thích Ca Mâu Ni Phật hay không? Chẳng có! Vì những vị cao tăng đại đức Trung Quốc nhận thấy Nho và Đạo của Trung Quốc chẳng thua kém Tiểu Thừa.

Do vậy, ở Trung Quốc, bất luận tại gia hay xuất gia đều chẳng học Tiểu Thừa, mà học Nho, học Đạo. Nho và Đạo là văn hóa bản địa của Trung Quốc, [dùng Nho và Đạo] thay thế Tiểu Thừa bèn thành công. Vì thế, cho tới hiện tại, suốt một ngàn bảy trăm năm qua đều làm như vậy. Trong một ngàn bảy trăm năm ấy, trong mỗi tông phái xuất hiện rất nhiều vị cao tăng, tổ sư, đại đức, chứng tỏ [cách làm ấy] hữu hiệu, dùng Nho và Đạo thay thế Tiểu Thừa hữu hiệu. Vì vậy, tại Trung Quốc, Nho, Thích, Đạo biến thành một nhà, trên hình thức bèn có Nho, Thích, Đạo, nhưng xét theo thực chất, chẳng có gì không học. Người học Phật đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh, cũng học Lão Trang. Đạo trưởng Đạo Giáo cũng học kinh Phật, cũng học sách Nho. Người học Nho gia cũng học Đạo và Phật. Vì vậy, trên thực tế thì đã dung thông từ mấy ngàn năm trước. Tại Thiệu Lâm Tự, chúng tôi phát hiện một tấm bia, theo truyền thuyết, tấm bia ấy được lập vào thời Đường Túc Tông. Đường Túc Tông là con Đường Minh Hoàng, tối thiểu là hơn một ngàn bốn trăm năm. Bia ấy ghi điều gì? “*Tam giáo cứu lưu là một nhà*”. Nay chúng ta nói là “đa nguyên văn hóa”, nói tới tôn giáo đại đoàn kết. Thời đại Đường Túc Tông đã lập bia ở đó, cho thấy đúng là từ thuở ấy, người ta đã bắt đầu quan niệm “*tam giáo cứu lưu là một nhà*”, tư tưởng văn hóa đa nguyên phát triển khá sớm tại Trung Quốc, đã được đề ra từ đời Đường, chẳng phải là một học thuyết thời trang trong hiện tại. Do vậy, pháp cúng dường là trọng yếu.

Ba căn bản Nho - Thích - Đạo rất trọng yếu, ba căn bản ấy là căn bản của giới luật. Học tập nhất định phải khởi sự từ Đệ Tử Quy, thứ hai là Cảm Ứng Thiên, thứ ba là Thập Thiện Nghiệp Đạo, có cơ sở ấy rồi mới học Phật sẽ chẳng có vấn đề gì. Hàng xuất gia còn phải học thêm một quyển nữa là Sa Di Luật Nghi, tức là bốn căn bản. Sau khi đã vun quén vững bền bốn căn bản ấy, bất luận học Nho, học Đạo, hay học Phật, quyết định có thành tựu. Học Nho thành thánh, thành hiền, học Đạo thành thần, thành

tiên, học Phật thành Phật, thành Bồ Tát, thật sự có thể đạt được. Do vậy, quý vị chẳng có căn bản, sẽ không được. Chẳng có căn bản, học nhọc nhằn cả đời, đến cuối cùng vẫn chẳng có kết quả, quý vị hiểu vun bồi căn bản trọng yếu lắm! Có bốn căn bản ấy, Phật giáo sẽ hưng vượng. Chẳng có bốn căn bản ấy, chắc chắn Phật giáo sẽ diệt vong, chúng ta chớ nên không chú ý điều này. Nay chúng ta cúng dường Tam Bảo, hãy dùng giáo dục vun bồi căn bản, sau đó thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, đó là cúng dường thật sự. Sự cúng dường này sẽ khiến cho Phật pháp tồn tại lâu dài trong thế gian, nối tiếp huệ mạng của Phật. Do sự cúng dường chân thật này, đời này sẽ chẳng uổng phí, đời này ta đã kiến công lập nghiệp trong cõi nhân gian này, thật sự có giá trị. Vì thế, hiện tại, chớ nên không biết điều này, hãy đúng pháp tu hành, lợi ích chúng sanh. Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã suốt đời thị hiện, làm cho chúng ta thấy, thân hành, ngôn giáo, những giới luật trong kinh Phật Ngài đã thực hiện toàn bộ. Đối với những gì đã nói trong kinh điển, chẳng có câu nào Ngài chẳng làm được, đấy mới là một vị thầy tốt đẹp!

Vì vậy, chúng ta phải tu cúng dường. Tiếp đó, [sách Chú Giải] lại nói: “*Hựu phân tam chủng*” (lại chia thành ba thứ [cúng dường]), nói đến ba loại cúng dường, cúng dường lại chia ra ba loại. Loại thứ nhất là “*lợi cúng dường*”, trong phần trên, lợi cúng dường được gọi là tài cúng dường, “*phụng hương, hoa, ẩm thực đẳng dã*” (dâng cúng hương, hoa, thức ăn v.v...). Thứ hai là “*kính cúng dường, tán thán cung kính dã*” (kính cúng dường tức là tán thán, cung kính), loại cúng dường này nhằm giới thiệu Phật, Bồ Tát với học trò. Chư vị phải biết Phật pháp là sư đạo, thầy luôn vô cùng khiêm hư, người càng có đức hạnh càng khiêm hư. Quý vị thỉnh giáo họ, họ nói chuyện gì ta cũng đều không biết, quý vị hãy nên tìm người cao minh để thỉnh giáo. Tuyệt đối chẳng có một vị thầy nào nói: “Ta ngon lành lắm nghe! Quý vị đều đến tìm ta, quý vị hẳn không hiểu điều gì đều nên tìm đến ta”, vị thầy ấy chẳng như vậy! Hiện thời thì có, có rất nhiều [vị thầy tự tăng bốc mình như vậy], chứ thời cổ chẳng tìm thấy, thời cổ luôn là khiêm hư. Do đó, trường học hiện thời chiêu sinh; trước kia, chẳng có vị thầy nào dám chiêu sinh, [bởi chiêu sinh tức là] quý vị quá cuồng vọng, quá tự đại! Chiêu sinh tỏ lộ điều gì? Ta là một vị thầy giỏi, ta có năng lực dạy quý vị, các vị đều theo ta, [biểu lộ tâm thái kiêu căng] như vậy đó! Trước kia, thầy chẳng vậy, trước kia thầy khiêm hư. Học trò làm cách nào? Đồng học giới thiệu, tôi học ở đây khá lắm, tôi giới thiệu một vị, vị thầy ấy khá lắm, quý vị có thể cùng với tôi học theo thầy. Giới thiệu thầy, chẳng phải là chiêu sinh. Chúng ta phải tiếp dẫn đại chúng như thế nào? Đại chúng chẳng nhận biết thầy. Vì thế, học trò phải nêu bày tấm gương rất tốt đẹp, cung kính, tán thán thầy, người khác nhìn vào, đó là gì? Cung kính nhằm thay thầy giới thiệu với học trò, có ý nghĩa như thế.

Chẳng phải là thầy nhất định cần chúng ta cung kính, chẳng phải vậy, thầy chẳng nói lời ấy. Trong tâm chúng ta cung kính thầy, tốt lắm, trên hình thức có cần

thiết hay không? Trên hình thức thì không cần, hình thức là diễn tuồng cho người chẳng biết, chẳng nhận biết nhìn vào. Càng là người có địa vị, tín đồ tại gia có địa vị, có học vấn, cung kính người xuất gia đường ấy, người khác trông thấy, [sẽ nghĩ] nhất định [vị xuất gia ấy] có đạo đức, nhất định là bậc lỗi lạc, ai nấy đều kéo đến. Đây là nghĩa vụ phải nên trọn hết của hàng học trò. Một vị thầy tốt đẹp đường ấy, nhưng người ta chẳng nhận biết, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ rất đáng tiếc. Chúng ta biết kẻ hữu duyên mà chẳng giới thiệu cho họ, đó là tội lỗi, chúng ta có nghĩa vụ giới thiệu. Lúc thầy còn sống, phải thường đến thăm thầy, đó là gì? Làm cho đại chúng trong xã hội thấy, biết: Bậc cao nhân ấy tuy im lặng, chẳng nghe tới tiếng tăm, nhưng thật sự có tu trì, thật sự có đạo đức, thật sự có học vấn, hãy giới thiệu rộng rãi. Thầy mất, tạo dựng từ đường kỷ niệm thầy. Thầy để lại trước tác, phải giới thiệu cho người đời sau biết, chịu học theo thầy. Trong giảng đường, phòng học, chúng ta thờ ảnh thầy. Đó là gì? Giới thiệu thầy cùng quảng đại quần chúng, khiến cho mọi người nhận biết thầy. Thầy đã khuất, quả thật vẫn còn trước tác lưu truyền hậu thế, trong tương lai, người ta trông thấy những thứ ấy, biết là của báu, là trước tác của người thật sự có đức hạnh, có học vấn, có tu hành, sẽ hết sức coi trọng, nhất tâm nhất ý học tập vị ấy, mục đích ở chỗ này.

Thuở đức Phật tại thế, mọi người biết Ngài suốt đời chẳng có trụ xứ, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dựng một đạo tràng hay một ngôi chùa miếu nào, chẳng có! Cả đời chẳng làm! Khi viên tịch là ở vùng quê, trong rừng. Sau khi đức Phật khuất bóng, quý vị thấy người đời dựng đại hùng bảo điện giống như hoàng cung, tạc tượng Ngài thờ phụng trong ấy, đó là gì? Đều là khiến cho nhân dân sanh lòng kính ngưỡng đối với thầy. Có thể kính ngưỡng vị thầy ấy, cũng sẽ kính ngưỡng học trò, nảy sanh tín tâm và hứng thú đối với kinh điển di giáo của thầy, các đệ tử đức Phật đến dạy bảo, họ sẽ hoan hỷ tiếp nhận, dụng ý ở chỗ này. Thoạt đầu, tạo lập tự viện am đường thật sự là trường học. Tự viện am đường lên lớp mỗi ngày, chúng ta giảng kinh là lên lớp. Chẳng phải chỉ là một vị thầy, mà những vị thầy thật sự thân hành ngôn giáo, trong đại tự viện có mấy chục vị, tiểu tự viện đại khái cũng có chừng mười vị, cho nên các vị ấy dạy học chẳng gián đoạn. Có lắm lúc, thuận theo yêu cầu của học trò, đặc biệt mở khóa học cho họ. Điện đường là phòng học, mỗi điện đường đều mở lớp, giống như trường học. Nhưng học trò chẳng thể môn nào cũng học, không thể được! Cổ nhân Trung Quốc dạy học, nhấn mạnh “*giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (đạo giáo dục là cốt yếu tinh chuyên), tuy câu này do tổ tiên đề ra, nhưng Phật giáo tuân thủ, nên quý vị học kinh giáo chỉ có thể học một môn, chẳng thể học rất nhiều môn [cùng một lúc].

Giống như hiện thời chúng ta buổi sáng trong hai tiếng đồng hồ học kinh Vô Lượng Thọ ở đây, phòng học sát vách giảng kinh Kim Cang, quý vị nghe tôi giảng ở

đây xong, lại sang bên kia nghe kinh Kim Cang, có được hay không? Không được! Quý vị chỉ có thể học một thứ, chẳng thể đồng thời học rất nhiều thứ. Học một thứ xong, học xong một khoa mục, học hoàn tất một khoa mục này rồi, quý vị có thể chọn một khoa mục khác, lại có thể chọn một bộ kinh khác để tu. Khoa mục này học chưa xong, chẳng thể học khoa thứ hai! Thâm nhập một môn sẽ đắc Định. Do Giới đắc Định, Giới là quy củ, nghiêm ngặt tuân thủ quy củ, tâm người ấy thanh tịnh bèn có thể đắc Định. Thời gian Định đã lâu, lại nghe kinh hằng ngày, bất ngờ một lúc nào đó, hoát nhiên đại ngộ, tức là khai ngộ, đây mới là mục tiêu học tập. Do vậy, mục tiêu học tập của chúng ta, thứ nhất là đắc tâm thanh tịnh, thứ hai là đắc định, thứ ba là khai ngộ, đạt đến khai ngộ sẽ là viên mãn. Sau khi khai ngộ, bất luận là kinh giáo nào hoặc giảng đường của người nào đều hoan nghênh quý vị đến nghe. Trước khi khai ngộ, không được! Quý vị chỉ có thể học một môn, chẳng thể học hai môn. Đây là Kính Cúng Đường, hãy hiểu ý nghĩa chân thật của sự cung kính.

Thứ ba là “*hành cúng dường, thọ trì tu hành diệu pháp*”. Thầy khảo hạch học trò, tức là đối với thành tích của học trò, muốn khảo sát trên phương diện này. Nói cách khác, quý vị có làm được những gì quý vị đã học hay chẳng? Nếu chẳng thể áp dụng những thứ đã học vào cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, tức là quý vị chưa học được! Nói cách khác là thất bại, chẳng thể thọ dụng. Vì thế, Phật pháp thật sự là một học vấn, chẳng giả, học đến mức dùng được, điều này được coi trọng hơn bất cứ chuyện gì khác. Quý vị học xong, chẳng đạt được lợi ích chân thật thì học để làm gì? Lợi ích chân thật đầu tiên là thân tâm thanh tịnh, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, chắc chắn! Đây là lợi ích mà bản thân quý vị đạt được. Quả nhiên, tâm thanh tịnh, trí huệ tăng trưởng, quý vị hãy nên suy nghĩ: Quý vị tại gia học Phật, gia đình quý vị có hạnh phúc hay không? Quý vị có thể mang lại hạnh phúc cho gia đình, có trí huệ, có đức hạnh, sự nghiệp kinh doanh của quý vị là sự nghiệp Bồ Tát. Hiện thời, tại Trung Quốc có mấy chỗ làm mẫu, [chẳng hạn như] công ty xí nghiệp của ông Hồ Tiểu Lâm là Bồ Tát xí nghiệp. Bà tổng giám đốc Lưu Khắc Thành ở Thanh Đảo cũng áp dụng Đệ Tử Quy vào toàn thể công ty, công nhân hơn một ngàn người biến thành người một nhà, bà ta thật sự làm được, thật sự vận dụng, Bồ Tát xí nghiệp đấy. Hành cúng dường quan trọng hơn bất cứ thứ gì khác, thật sự hành, thật sự làm, đó là thật. Làm không được thì hằng ngày niệm kinh, hằng ngày nghe kinh giáo, nhưng làm không được thì vô dụng, chẳng phải là lợi ích chân thật. Thọ (受) là tiếp nhận, Trì (持) là gìn giữ chẳng để mất, Tu (修) là sửa chữa, Hành (行) là hành vi. Trước đây, trong cách nghĩ và cách làm để lo toan nhà cửa, kinh doanh sự nghiệp của quý vị đã sai trật, nay đã giác ngộ, hiểu rõ, bèn nương theo phương pháp của Phật, nương theo phương pháp trong Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên để uôn nắn, vun bồi bền vững ba căn bản ấy

trong gia đình, trong sự nghiệp, vận dụng Phật pháp đã học tập, khiến cho tất cả nhân công và mọi người đều đạt được lợi ích nơi pháp, đó là tu hành.

“*Chân Giải viết: Năng du vô lượng Phật độ, hưng cúng dường vân, cố vân cúng dường chư Phật*” (Sách Chân Giải nói: “Có thể đạo trong vô lượng cõi Phật, nổi mây cúng dường, nên nói là cúng dường chư Phật”). Sau chữ Cúng Dường dùng chữ Vân (雲), trong kinh Phật dùng chữ này rất nhiều, chữ này tượng trưng điều gì? Tượng trưng “chẳng chấp tướng”, là Căn Bản Trí. Mây chẳng phải Không, chẳng phải Có. Chúng ta ở trên mặt đất thấy mây là có, nhưng quý vị ngồi máy bay đến đó, thấy nó chẳng có. Vì vậy, nó tượng trưng điều gì? Hình tướng dường như có, nhưng trên thực tế chẳng có, biểu thị ý nghĩa này. [Điều ấy] dạy quý vị trong cuộc sống hằng ngày, dẫu làm nhiều chuyện tốt đẹp đến mấy, tâm địa quý vị phải thanh tịnh, chớ nên chấp tướng, hễ chấp tướng là trật rồi. Mây tượng trưng “không chấp trước, chẳng phân biệt”, ý nghĩa càng sâu hơn là “chẳng khởi tâm, không động niệm”, biểu thị điều này. Vì vậy, “*hưng cúng dường vân*” (nổi mây

Tập 115

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi lăm, dòng thứ năm từ dưới đếm lên, xem từ câu “*hóa hiện kỳ thân*”.

“*Hóa hiện kỳ thân, do như điện quang. Duy Thức Luận thập vân: Thần lực nan tư, cố năng hóa hiện. Chư đại sĩ vị độ chúng sanh, hóa tác chúng chúng thân hình, hành động chi tốc, tự thêm điện quang. Bồ Tát năng u nhất niệm chi khoảnh, phổ chí thập phương quốc độ, thượng cúng hạ độ, bình đẳng phổ chiếu, diệc vô ưu, liệt, thân, sơ, vật, ngã, bỉ, thử chi*

phân”(hóa hiện thân mình giống như tia chớp. Duy Thức Luận quyển mười nói: “Thần lực khó nghĩ bàn, nên có thể hóa hiện. Các đại sĩ vì độ chúng sanh, hóa ra đủ mọi thứ thân hình, hành động nhanh lẹ giống như tia chớp. Bồ Tát có thể trong một niệm, đến khắp mười phương quốc độ, trên cúng, dưới độ. Bình đẳng chiếu khắp, cũng chẳng phân chia hơn, kém, thân, sơ, vật, người, kia, đây”), đến đây là một đoạn. Hai câu kinh văn này thể hiện chuyện “*vô trụ sanh tâm*” như kinh Bát Nhã đã nói. Lão cư sĩ Niệm Tổ đã trích dẫn hai câu trong quyển thứ mười của Thành Duy Thức Luận: “*Thần lực nan tư, cố năng hóa hiện*” (thần lực khó nghĩ bàn, nên có thể hóa hiện), “*thần lực*” là thần thông lực. Pháp Thân Bồ Tát đã chứng đắc Tam Minh, Lục Thông, hoàn toàn khôi phục năng lực của sáu căn, mắt có thể thấy khắp pháp giới hư không giới, có thể thấy thấu triệt nguồn đáy các pháp, tức là thấy cội nguồn của hết thảy các pháp. Từ Pháp Tướng, các Ngài có thể thấy Pháp Tánh. Trong phần trước đã nói “*thông chư pháp tánh*”, Ngài chẳng có may mắn chương ngại nào! Nói theo danh từ khoa học hiện đại, từ thế giới vĩ mô, Ngài có thể thấy khắp pháp giới hư không giới, các nhà khoa học chẳng làm được, còn Pháp Thân Bồ Tát thấy toàn bộ, chẳng dùng máy móc. Đối với thế giới vi mô, hiện thời, Lượng Tử Lực Học đã thấy bản chất của vật chất. Bản chất của tất cả hết thảy vật chất là huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục. Các vị Phật, Bồ Tát, vị nào cũng thấy rõ ràng, cũng chẳng dùng tới máy móc. Lại còn có thể thấy ý niệm phát sanh như thế nào. Trong hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học đối với những câu hỏi như “ý niệm do đâu mà có? Phát sanh như thế nào? Vì sao nó có năng lượng to tát dường ấy?” vẫn chưa thể nói rõ ràng. Trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật đã giảng những điều này rất rõ ràng, quý vị thấy tầm nhìn sắc sảo hơn rất nhiều.

Chư vị phải biết Phật, Bồ Tát vì chúng ta thị hiện, những thứ giống như thế đều là bản năng (năng lực sẵn có) của chính chúng ta, chúng ta vốn có. Do vậy, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã đôi ba lượt bảo: “*Hết thảy chúng sanh vốn là Phật*”, “*hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Trong kinh, đức Phật luôn nói những lời này, thật vậy, chẳng giả! Vì sao biến thành nông nổi này? Trong kinh Hoa Nghiêm có một câu [giải thích]: “*Chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà không thể chứng đắc*”, phiền phức của chúng ta ở ngay chỗ này. Nếu chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, trừ bỏ chúng, trí huệ và đức tướng của chúng ta sẽ hoàn toàn giống như Phật. “*Thần lực*” chính là năng lực, tức là năng lực của sáu căn, mắt có thể thấy, tai có thể nghe, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, thân có thể đụng chạm, cảnh giới [tiếp xúc bởi sáu căn] đều là khắp pháp giới hư không giới. Năng lượng to lớn ngàn ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Các nhà khoa học hiện thời cho biết: Niệm lực của con người, tức là tâm thái, có năng lượng vô cùng to lớn, chẳng thể nghĩ bàn. Con người đau mắc bệnh rất nghiêm trọng, vẫn có thể dùng niệm lực để khôi phục bình thường, có năng lượng to tát dường ấy! Các nhà khoa học cũng nói: Năng lượng của niệm lực, nhất là ý thức tập trung, ý thức tập thể, chẳng phải là một người, mà là cả một nhóm người, có tới

mấy chục người, hoặc mấy trăm người, mọi người cùng nhau tập trung ý niệm, các nhà khoa học nói sức mạnh ấy vô cùng to lớn, có thể biến đổi hoàn cảnh.

Tiến sĩ Giang Bôn Thắng (Emoto Masuru) của Nhật Bản đã làm thí nghiệm nơi hồ Tỳ Bà (Biwako) ở Nhật Bản. Ai đến Nhật Bản chơi, tôi tin tưởng người ấy nhất định sẽ đến thăm cái hồ lớn này. Hồ này rất lớn, giống như biển cả, trong hồ có một eo biển, eo biển ấy biến thành chỗ nước tù đọng, hình như nước chẳng lưu thông đã hơn hai mươi năm. Nước ấy rất bẩn thiu, tức là nước trong cái eo biển nhỏ ấy rất dơ bẩn, mùi rất khó ngửi. Tiến sĩ Giang Bôn Thắng dẫn hơn một trăm người, thỉnh một vị lão pháp sư. Ông ta bảo tôi, [vị pháp sư ấy] là một vị lão hòa thượng hơn chín mươi tuổi, suất lãnh hơn một trăm người, đại khái có chừng một trăm năm mươi hay sáu mươi người cầu nguyện tại eo biển ấy. Cầu nguyện rất đơn giản, yêu cầu mọi người trong thời gian cầu nguyện, họ cầu nguyện suốt một giờ, trong một giờ ấy, hãy buông xuống tất cả hết thảy ý niệm, tức là chuyện gì cũng đều chớ nên nghĩ tới, dùng tâm thanh tịnh, chỉ nghĩ đến một chuyện, nghĩ nước trong hồ ấy đã sạch, miệng cũng nói “nước hồ đã sạch rồi”. Mọi người cùng nhau nói, cùng nghĩ như vậy. Quý vị thấy [cầu nguyện] đơn giản như thế này: “Nước trong hồ sạch sẽ, nước trong hồ sạch sẽ. Ta yêu mến người, nước trong hồ đã sạch lâu rồi”, nói một câu như vậy. Đối trước nước trong hồ nói một suốt một giờ như thế rồi rời đi. Ba ngày sau, nước hồ thật sự trong sạch, chẳng còn ngửi thấy mùi nữa! Tin tức này được giới thông tin và TV Nhật Bản loan tin, rất chẳng thể nghĩ bàn, thật sự sạch sẽ! Giữ được bao lâu? Giữ được nửa năm. Ông Giảng Bôn Thắng kể cho tôi nghe câu chuyện ấy, tôi bảo ông ta: “Tốt nhất là quý vị cứ hai tháng cầu đảo một lần, nước trong hồ sẽ vĩnh viễn trong sạch. Quý vị thấy kỳ đảo một lần bèn giữ được nửa năm. Nếu hai tháng cầu nguyện một lần, chẳng phải là nước hồ sạch suốt năm hay sao?” Cuộc thí nghiệm ấy đã ban cho chúng ta một khái thị rất lớn, mà cũng là dùng sự thật để chứng tỏ những lý luận của các nhà Lượng Tử Lực Học, tức là “sức mạnh của ý thức tập thể rất lớn, có thể biến đổi hoàn cảnh!”

Hiện thời, địa cầu xuất hiện bất ổn, quý vị thấy khắp nơi núi lửa bùng nổ, lụt lội, hạn hán, nhiệt độ địa cầu tăng lên, có cách nào để thay đổi hay không? Có chứ! Có thể khiến cho địa cầu khôi phục bình thường, các nhà Lượng Tử Lực Học bảo chúng ta điều này. Họ có số liệu vô cùng khoa học, họ dùng căn bậc hai của một phần trăm dân số trên địa cầu để tính toán. Căn bậc hai của một phần trăm toàn bộ dân cư trên thế giới dân cư nói chung vẫn chưa tới tám ngàn người, căn bậc hai của một phần trăm mà! Nói cách khác, nếu trên thế giới có tám ngàn người, thật sự đoạn ác, tu thiện, buông tham, sân, si, mạn xuồng, học tập luân lý, đạo đức, khởi tâm động niệm tương ứng với hết thảy thiện pháp, những pháp ác thảy đều buông xuống, những tai nạn trên địa cầu đều chẳng còn nữa! Lẽ ra tìm được tám ngàn người như vậy chẳng khó. Không nhất định phải ở cùng một chỗ, hoặc tập trung một chỗ, chẳng cần thiết! Quý vị ở ngay chỗ cư trú của mình mà thực hiện là được rồi. Thông qua hệ thống

truyền thông, Internet, vệ tinh, tìm tám ngàn người như vậy, lẽ ra tìm người ghi danh tình nguyện chẳng khó khăn gì! Coi xem ai sẽ là người xướng suất, tình nguyện ghi danh, tên họ, giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, yêu cầu người ấy thật sự “*quay đầu là bờ*”. Nhà Phật nói buông tham, sân, si, mạn, nghi xuống. Lại còn có truyền thống Trung Quốc làm duyên, buông oán, hận, náo, nộ, phiền não xuống, khiến cho tâm địa trở về thuần tịnh, thuần thiện. Tốt nhất là có thể thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo một trăm phần trăm, trên cả thế giới có tám ngàn người như vậy, thế giới bèn được cứu vãn.

Do vậy, ở đây chúng tôi hiệu triệu các đồng học Tịnh Tông chúng ta, chúng ta tới thế gian này để làm gì? Đến hành Bồ Tát đạo, tới cứu khổ, cứu nạn. Quý vị thấy trên thế giới tai nạn nhiều ngàn ấy, chúng ta có chịu phát tâm hay không? Các nhà Lượng Tử Lực Học đã nêu ra đề nghị như thế, chúng tôi cảm thấy rất có thể thực hiện được! Các đồng học Tịnh Tông đã quy y Tam Bảo, hãy nên buông xuống cái Tôi, buông tự tư tự lợi xuống. Chúng tôi giảng kinh đã nhiều năm ngàn ấy, khuyên mọi người buông xuống mười sáu chữ, “*tiếng tăm, lợi dưỡng, tự tư tự lợi, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn*”. Tôi nói mười sáu chữ ấy. Thật sự buông xuống, chúng ta nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cũng đem công đức ấy hồi hướng cho quả địa cầu này, hy vọng hóa giải tất cả tai nạn trên địa cầu. Lần này, tôi từ Hương Cảng đến đây, trước khi tôi đến, tại Hương Cảng cũng triệu tập hơn một trăm đồng học Tịnh Tông cùng nhau phát nguyện tu Lục Hòa Kính, cũng là do ý nghĩa này. Trên quả địa cầu này có tám ngàn người có thể thật sự tu Lục Hòa Kính, thật sự buông tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn xuống, sẽ có thể hóa giải tai nạn, địa cầu được cứu! Đó chính là nói “thật sự có hơn tám ngàn vị Bồ Tát giáng hạ!” Bồ Tát đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn.

Hiện thời, trên địa cầu có khoảng sáu mươi lăm ức người, tám ngàn người như vậy có thể [chuyên biến tai nạn trên địa cầu] hay không? Người đông ngàn ấy đều đang tạo nghiệp, đều đang làm ác, [chỉ vòn vẹn] tám ngàn người tu thiện có hữu hiệu hay không? Có đồng học hỏi tôi, tôi trả lời: “Có thể hữu hiệu”. Vì sao tôi nói “có thể hữu hiệu?” Chúng tôi nhớ cổ nhân Trung Quốc có một câu thành ngữ, có thể giải thích vấn đề, tháo gỡ nghi hoặc này. Câu thành ngữ ấy là “*tà chẳng thắng chánh*”. Hơn sáu mươi ức người có tư tưởng tà, ngôn hạnh tà, tà tri, tà kiến, tà hạnh, tám ngàn người ấy là chánh tri chánh kiến, tuy là thiểu số, nhưng tà chẳng thể thắng chánh! Ý thức của tám ngàn người ấy có thể chuyên biến tai nạn trên cả thế giới, chúng ta có bằng lòng làm hay không? Bằng lòng làm thì phải thật sự phát tâm, phải thật sự trừ bỏ tự tư tự lợi. Đừng hằng ngày cắm cúi nghĩ tới chuyện kiếm tiền; nghĩ chuyện kiếm tiền, tai nạn bèn đưa tới. Tiền đưa tới, thì tai nạn cũng theo tiền mà cùng xộc tới. Chúng ta chẳng cần! Tiếng tăm, lợi dưỡng thấy đều buông xuống, mỗi ngày ba bữa cơm ăn được no, quần áo đủ mặc, có gian nhà nhỏ để che mưa đụt gió là đủ rồi, “*tri túc, thường lạc*” (biết đủ, thường vui), thứ gì cũng chẳng mong cầu! Cầu thế giới hòa bình, cầu xã hội hòa hài.

Chúng ta thấy đề nghị của các nhà Lượng Tử Lực Học bèn thí nghiệm xem có thực hiện được hay không, xem có hiệu quả hay không? Chuyện này nếu có người liên lạc, thống kê, ghi danh đầu tiên, xem thử cả thế giới có được tám ngàn người ghi danh hay không? Xem thử có ai thuộc Tịnh Tông Học Hội có hứng thú làm chuyện này, đứng ra dẫn đầu hay không. Vì tôi thấy thí nghiệm của tiên sĩ Giang Bồn Thắng tại hồ Tỳ Bà, tôi cảm thấy [chuyện này] rất có thể [thực hiện]. Quý vị thấy phạm vi của Đông Kinh (Tokyo) to cỡ nào, bao nhiêu kẻ tạo nghiệp, [vậy mà] một trăm mấy chục người, đại khái là hơn một trăm năm mươi người, cầu nguyện một giờ bèn có thể sanh ra hiệu quả to dường ấy. Thật sự có tám ngàn người hồi đầu hướng thiện, sức mạnh ấy quá lớn. Tôi tin tưởng ý thức tập thể rất có khả năng, lời các nhà khoa học Lượng Tử nói chẳng thể là giả, đáng để thí nghiệm một phen.

Đây là nói về “*thần lực nan tư*”. Thần lực của mỗi người chính là năng lực của sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, gọi là Lục Thông, [tức là] Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thần Túc Thông, Lộ Tận Thông, họ đã khôi phục các năng lực ấy. Vì thế, có thể hóa hiện, họ có năng lực ấy, có thể đối với khắp pháp giới hư không giới, chúng sanh có cảm, họ có thể ứng, nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy, hoàn toàn là “*thuận theo tâm của chúng sanh, ứng với khả năng nhận lãnh của họ*”. Khi các vị Bồ Tát ấy hóa hiện các thứ, có khởi tâm động niệm hay không? Chẳng có! Quyết định chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, đương nhiên lại càng chẳng thể có phân biệt, chấp trước. Hóa hiện trong nhân gian như Thích Ca Mâu Ni Phật thuở Ngài tại thế ứng hiện trong thế gian này, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời có động một niệm hay không? Không có! Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Chẳng khởi tâm động niệm, vì sao có thể thị hiện? Vì sao có thể giảng kinh, có thể thuyết pháp? Vì chúng ta, Ngài biểu diễn trong thế gian này suốt tám mươi năm, từ thuở lão nhân gia giáng sanh cho đến khi viên tịch là tám mươi năm, đó là chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh Phật có một thuật ngữ là “*pháp như như thị*”, [nghĩa là] Ngài vốn là như vậy, xác thực chẳng khởi tâm động niệm. Nếu khởi tâm động niệm, bèn là phàm phu, chẳng phải là Phật, Bồ Tát. Đó mới gọi là “*nan tư*” (khó thể suy nghĩ).

Quý vị đọc tiếp lời giải thích của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ: “*Chư đại sĩ vì độ chúng sanh*” (các đại sĩ vì độ chúng sanh). Câu này nói về sự cảm ứng của chúng sanh. Chúng sanh có cảm thì các Ngài có ứng. Đối với cái thân này và ý niệm, chúng ta coi như bên trong cái thân này bèn có tinh thần, [tức là] có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Thân thể chúng ta là đài phát sóng, mà cũng là đài thu sóng. Chư Phật Như Lai đều ở trong Thường Tịch Quang, [trong cõi] Thường Tịch Quang chẳng có thân thể, mà cũng chẳng có hiện tượng tinh thần, các Ngài là Lý Thể của vạn sự vạn pháp, các Ngài có thể tiếp thu hay không? Có thể! Có thể phát sóng hay không? Có thể. Các Ngài thị hiện chính là phát sóng. Trong ý niệm của chúng ta, chúng ta gặp khó khăn, cầu Phật, cầu Bồ Tát, ý niệm ấy bất luận là hữu ý hay vô ý, hữu tâm hay vô

tâm, các Ngài đều thu được toàn bộ. Ý niệm cực kỳ vi tế, bản thân chúng ta chẳng thể cảm nhận được, nhưng các Ngài đều thu được. Các Ngài cũng là một trạm, giống như là một tổng trạm, còn chúng ta là các phân trạm ở các nơi. Toàn thể vũ trụ giống như một mạng lưới liên lạc, giống như mạng Internet hiện thời, nhưng tốc độ nhanh hơn Internet rất nhiều, chẳng có cách gì so sánh được, sóng điện từ và sóng ánh sáng đều chẳng có cách nào sánh bằng! Quý vị thấy trong Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ đại sư đã căn cứ trên giáo nghĩa Hoa Nghiêm mà bảo: Bất luận vật chất hay tinh thần đều có hiện tượng dao động. Bản thân đã có thể tiếp thu, lại có thể phát ra. Tốc độ cực nhanh. Trong phần Thị Tam Biến (giảng về ba thứ trọn khắp), Ngài đã bảo: “*Trọn khắp pháp giới*”. Niệm vừa mới động bèn trọn khắp pháp giới, tốc độ ấy nhanh lắm! Vì sao? Nó xứng tánh. Tánh không có thời gian, chẳng có không gian. Chẳng có thời gian, bèn không có trước - sau. Chẳng có không gian, bèn không có xa - gần. Vì vậy, niệm vừa động, toàn bộ đều biết, khắp pháp giới hư không giới đều biết.

Phật và các đại sĩ, [“đại sĩ”] tức là Pháp Thân Bồ Tát thuộc bốn mươi một địa vị, các Ngài ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chư Phật Như Lai trụ trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ, đều có thần thông và đạo lực viên mãn. Chúng ta học Phật không có gì khác, mục tiêu chung cực của học Phật chính là mong thành Phật. Thành Phật có gì tốt đẹp? Trí huệ, đức năng và tướng hảo của chúng ta đều khôi phục toàn bộ, minh tâm kiến tánh. Chúng ta cũng có năng lực giống như các Ngài, có thể hóa hiện, biến hóa đủ mọi thân hình trong ở khắp pháp giới hư không giới! Chư vị phải hiểu: Pháp Thân Bồ Tát không có tướng, không có thân tướng mà có thể hiện hết thấy thân tướng. Đối với một thân tướng, chúng ta chấp trước thân tướng ấy, sẽ chẳng thể biến ra thân tướng thứ hai. Chúng ta có thể biến, vì sao chẳng thể biến được? Do chấp trước tướng này là ta, trừ tướng này ra, bèn chẳng phải là ta, làm lỗi ở chỗ này! Vì thế, tu hành trong nhà Phật, điều đầu tiên là phá cái ải này. Đó là gì? Thân Kiến. Chẳng còn chấp trước thân này là chính mình, đó là cái ải đầu tiên. Phá được cái ải này, quý vị mới thật sự tiến nhập Phật môn. Trong Tiểu Thừa, [người như vậy] gọi là Tu Đà Hoàn; trong Đại Thừa, theo kinh Hoa Nghiêm, đó là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Thập Tín vị. Ta chấp trước cái thân này là ta, sẽ chẳng vào được lớp Một, cửa nẻo này rất khó bước vào! Không còn chấp trước thân này là ta, sẽ bước qua cửa ngõ ấy, Thân Kiến đã phá rồi! Phá Biên Kiến, Biên Kiến là gì? Đối lập. Các nhà khoa học nói “tương đối luận” thì tương đối chính là Biên Kiến. Cũng tức là như trong Phật pháp đã nói: Trong tự tánh, tuyệt đối chẳng có đối lập. Bước vào cửa phải trọn đủ điều kiện này. Quý vị thấy chúng sanh và Phật là đối lập, mê và ngộ là đối lập, xa và gần là đối lập, trước và sau là đối lập. Trước - sau đối lập, thời gian đã xuất hiện. Xa - gần đối lập, không gian đã xuất hiện, toàn là giả. Do đâu mà có? Phát sanh từ Biên Kiến! Chỉ cần quý vị có Biên Kiến, sẽ có những thứ ấy. Đã phá trừ Biên Kiến, chúng chẳng còn nữa! Đối với năm cách nhìn sai lầm ấy, hàng Tiểu Thừa Sơ Quả đều buông xuống; tuy buông xuống, vẫn chưa triệt để. Đến khi nào sẽ triệt để buông xuống?

Đạt đến Sơ Trụ Bồ Tát. Cũng có nghĩa là Sơ Quả và địa vị Sơ Tín trong Đại Thừa bắt đầu buông xuống. Buông xuống một phần, được lợi ích một phần; buông xuống hai phần, được lợi ích hai phần; buông xuống mười phần, được lợi ích mười phần. Ân Quang đại sư nói như vậy đó.

Học Phật, trong quá khứ, Chương Gia đại sư bảo tôi, phương pháp tuyệt diệu để phàm phu thành Phật là gì? Chính là “*buông xuống, thấy thấu suốt*”, [đã thấu thấu suốt rồi lại] buông xuống. Thấy thấu suốt là liễu giải chân tướng sự thật, buông xuống bèn tiến cao hơn, cảnh giới được nâng cao hơn. Phương pháp tiến từ Sơ Phát Tâm đến địa vị Như Lai là như thế. Trước hết, bắt đầu bằng buông xuống. Buông xuống một chút, quý vị thấy thấu suốt càng sâu hơn. Sau đó, thấy thấu suốt lại giúp quý vị buông xuống. Buông xuống lại giúp quý vị thấy thấu suốt, chúng giúp nhau thành tựu từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai. Đó là “*tiệm tu*”, trừ bỏ dần dần, giống như lên lầu cao. Năm mươi một tầng cấp Bồ Tát, cấp cao nhất là cấp thứ năm mươi hai, [địa vị] năm mươi hai chính là địa vị Diệu Giác, đó là địa vị Phật viên mãn, là Thường Tịch Quang. Năm mươi một cấp ấy, trước hết là Thập Tín thuộc trong mười pháp giới, chưa ra khỏi mười pháp giới. Sơ Trụ thoát khỏi mười pháp giới. Từ Sơ Trụ trở lên là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, gồm Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, và Đẳng Giác. Bốn mươi một địa vị ấy trụ ở đâu? Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Các vị Pháp Thân đại sĩ ấy, ở đây nói là “*chư đại sĩ*”, các Ngài là Pháp Thân đại sĩ. Trí huệ, thần thông, đạo lực, và tướng hảo của các Ngài đều viên mãn, chỉ cần chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới có cảm, các Ngài bèn ứng. Chúng ta tưởng Phật, niệm Phật, các Ngài bèn ứng.

Chúng ta mỗi ngày niệm Phật, hằng ngày tưởng Phật, hình như chẳng có cảm ứng, đây là do nguyên nhân nào? Chương Gia đại sư chẳng đợi tôi hỏi chuyện ấy, Ngài biết tôi hoài nghi, nên chủ động giảng cho tôi biết. Ngài nói: “Khi anh cầu mà không có cảm ứng, chẳng phải là không có cảm ứng, mà là vì bản thân anh có nghiệp chướng. Nghiệp chướng của anh quá nặng nề, nên sự cảm Phật, Bồ Tát bị nghiệp chướng của anh chướng ngại”. Vậy thì phải làm sao? Sám trừ nghiệp chướng, chướng ngại chẳng còn nữa. Khi ấy, Ngài dạy tôi một câu: “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Nay chúng ta cầu cho quả địa cầu này chẳng nảy sanh tai nạn, có thể ứng hay không? Có thể ứng! Chúng ta còn mong cầu những tinh cầu vận hành trong không gian chẳng lệch khỏi quỹ đạo, có thể làm được hay không? Có thể làm được, sức mạnh ấy to lắm! Có cầu ắt ứng! Chúng ta phải có tín tâm, lão nhân chẳng lừa gạt người khác. Tôi học Phật lúc hai mươi sáu tuổi, Chương Gia đại sư sáu mươi lăm tuổi, vị lão nhân thuộc lứa tuổi ông nội lẽ nào gạt tôi? Chẳng có lý do gì để lừa tôi, cho nên phải tin tưởng. Phật lại càng chẳng thể gạt người. Về căn bản, đức Phật chưa hề khởi tâm động niệm, lẽ đâu Ngài lừa người? Chúng ta phải thật sự tin tưởng. Quý vị thấy, Ngài vì [độ chúng sanh], “*độ*” (度) là

giúp đỡ, vì giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn mà hóa ra các thứ thân hình, đó là “*thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng lãnh hội của họ*”.

“*Hành động chi tốc, tự thêm điện quang*” (hành động nhanh chóng, giống như ánh chớp), dùng tia chớp làm tỷ dụ. Chỉ có thể tỷ dụ phỏng phát; trên thực tế, dùng bất cứ thứ gì vẫn đều chẳng thể sánh bằng tốc độ ấy! Vì sao? Tất cả hiện tượng vật chất trong thế gian này chẳng có cách nào sánh bằng sự dao động trong tự tánh. Vì dao động trong tự tánh cực kỳ vi tế, sự dao động của nó lập tức truyền khắp pháp giới hư không giới. Hiện thời, chúng ta biết, trong các hiện tượng vật chất, tốc độ lớn nhất chính là tốc độ ánh sáng, trong một giây, [ánh sáng] đi được ba mươi vạn cây số. Các nhà Thiên Văn Học dùng tốc độ ấy làm đơn vị đo lường trong Thiên Văn. Tinh cầu này cách địa cầu chúng ta bao xa, dùng tốc độ ánh sáng để đo lường. Tốc độ ấy được dùng làm đơn vị, gọi là quang niên, tức là tốc độ của ánh sáng. Trong một giây, [ánh sáng] đi được ba mươi vạn cây số, [khoảng cách] ánh sáng ấy đi trong một năm thì gọi là một quang niên (light-year). Những ngôi sao gần chúng ta nhất đại khái là đều phải là ba bốn quang niên. Những ngôi sao xa có đến mấy trăm quang niên, đó là những ngôi sao chúng ta có thể dùng viễn vọng kính thông thường để nhìn thấy trong hiện thời. Còn có những ngôi sao xa hơn, cần phải dùng đến viễn vọng kính thiên văn, quý vị có thể thấy càng nhiều hơn. Những ngôi sao ấy cách địa cầu của chúng ta rất xa, ánh sáng của chúng rất mạnh, khoảng cách quá xa. Nhưng ý niệm của chúng ta vừa động, khắp pháp giới hư không giới đều biết. Chẳng phải là tốc độ ánh sáng hay tốc độ điện từ có thể sánh bằng, nó quá nhanh chóng.

Hơn nữa, tốc độ sanh diệt của những ý niệm ấy lại còn vô cùng nhanh lẹ. Trong kinh Bồ Tát Xử Thai, Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát: “*Tâm hữu sở niệm?*” Đó là nói về phạm phu trong lục đạo, trong tâm họ dấy lên một niệm, đức Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, trong một niệm ấy có bao nhiêu tế niệm? Đức Phật hỏi có mấy niệm, có mấy tướng, có mấy thức? Quý vị thấy hỏi rất tuyệt diệu! Tướng là gì? Tướng chính là hiện tượng vật chất, thức là hiện tượng tinh thần, hỏi rất hay. “*Tâm hữu sở niệm*” là trong niệm ấy có mấy niệm, tức là mấy tế niệm, mấy tướng, mấy thức. Di Lặc Bồ Tát trả lời: Trong một cái khảy ngón tay có “ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”. Ba mươi hai ức, đơn vị là một trăm ngàn, một trăm ngàn là mười vạn, nhân với ba mươi hai ức thành ba trăm hai mươi triệu, tức là một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm. “*Niệm niệm thành hình*”, đó là trả lời câu hỏi của đức Thế Tôn về tướng, “*hình*” (形) là hình trạng, là hiện tượng vật chất, quý vị có thể thấy được, “*niệm niệm thành hình*”. “*Hình đều có thức*”, trả lời câu hỏi “*có mấy thức*” của đức Phật, thức là gì? Thọ, Tướng, Hành, Thức. Bát Nhã Tâm Kinh nói Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. Sắc chính là “*hình*”, Thọ, Tướng, Hành, Thức chính là “*thức*”.

Sanh khởi như thế nào? Dao động, tức là một niệm. Niệm ấy chẳng phải là “*tâm hữu sở niệm*”, tâm hữu sở niệm đã tích lũy bao nhiêu? Quý vị thấy đó, trong một cái khảy ngón tay, có lẽ là các nhà khoa học cũng có thể phát hiện, trong một tốc độ nhanh chóng như thế, hiện tượng vật chất nảy sanh, nhưng là vừa sanh ra bèn diệt, quá nhanh chóng, nhanh hơn tia chớp. Tia chớp chúng ta có thể nhìn thấy, nhưng chúng ta chẳng thấy điều này, nó quá nhanh chóng! Quý vị thấy: Nếu để cho chúng ta trông thấy, đại khái thời gian khảy ngón tay một cái là thời gian tia chớp lóe tắt, đã là bao nhiêu tế niệm? Ba trăm hai mươi triệu. Các nhà Lượng Tử Lực Học nói điều ấy, chúng tôi nghe rồi rón da gà, quả thật đã bị họ phát hiện. Họ nói vật chất là gì? Là ý niệm tích lũy, rất nhiều ý niệm tích lũy, nhưng họ chẳng nói là bao nhiêu. Di Lạc Bồ Tát đã nói ra con số. Trong khoảng thời gian dài bằng một cái khảy ngón tay, có ba trăm hai mươi triệu. Nhiều ý niệm như thế tích lũy liên tục sanh ra một hiện tượng, tức là hiện tượng vật chất, quý vị thấy được. Nếu là một, hai niệm, quý vị tuyệt đối chẳng nhìn thấy. Tích lũy đến ba trăm hai mươi triệu, quý vị mới thấy. Trong hiện tượng vật chất ấy lại còn có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức vĩnh viễn chẳng tách rời, vĩnh viễn là một Thể.

Vì thế, tiến sĩ Giang Bồn Thắng dùng nước làm thí nghiệm, phát hiện nước có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người. Nước là hiện tượng vật chất, nó có thấy, nghe, hay, biết, có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Thấy, nghe, hay, biết vốn sẵn có trong tự tánh, tức là có trong Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang không có hiện tượng tinh thần, mà cũng chẳng có hiện tượng vật chất, nhưng nó có thể hiện ra vật chất, mà cũng có thể hiện ra tinh thần. Khi kiến tánh, Huệ Năng đại sư đã thừa trình cùng Ngũ Tổ, Ngài nói câu thứ ba là: “*Hà kỳ tự tánh, bốn tự cụ túc*”. Ngài nói câu ấy, [có nghĩa là] chẳng ngờ trong tự tánh hiện tượng gì cũng không có, nhưng nó trọn đủ, chẳng thiếu thứ gì. Nói cách khác, trong tự tánh có hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, bất quá nó chẳng hiển lộ. Gặp duyên bèn hiển lộ, duyên là gì? Chuyển động. Sự chấn động ấy tốt bậc vi tế, trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật bảo: Hễ vừa động, A Lại Da bèn xuất hiện. A Lại Da từ đâu mà xuất hiện? Từ trong tự tánh biến hiện, đó là vọng tâm. Khi chẳng động, nó là chân tâm; khi động, nó là vọng tâm, A Lại Da đã xuất hiện. A Lại Da hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, A Lại Da biến hiện. Vì thế, vạn sự vạn vật trong vũ trụ này do đâu mà có? Tâm hiện, thức biến, giáo pháp Đại Thừa đã nêu rõ nguyên khởi của vạn sự, vạn vật, nhân sinh và vũ trụ. Bởi lẽ đó, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn ứng, hóa hiện đủ mọi thân hình. Các Ngài ứng với tốc độ nhanh tốt bậc, chẳng có nào tương tượng được!

“*Bồ Tát năng ư nhất niệm chi khoảnh, phổ chí thập phương quốc độ*” (Bồ Tát có thể trong khoảng một niệm đến khắp các cõi nước trong mười phương), đây chính là ba thứ trọn khắp được nói trong Hoàn Nguyên Quán, trong khoảng một niệm, trọn khắp pháp giới. Trong khoảng một niệm, xuất sanh vô tận, tới khắp mười phương quốc độ, xuất sanh vô tận. Chư

Phật, Bồ Tát ở chỗ nào? Thưa cùng quý vị, ở ngay nơi đây. Vì sao? Các Ngài chẳng có khoảng cách, chẳng có không gian, chẳng có thời gian, ngay trong lúc này, ở ngay nơi đây, nên hiện nhanh như vậy. “*Thượng cúng, hạ độ*”, Ngài đến làm gì? Trên là cúng chư Phật, đó là gì? Thân hành, Ngài đến biểu diễn, [đó là] thân giáo; “*hạ độ*” là ngôn giáo, trước hết nêu gương cho quý vị thấy, làm điều gì? Hiếu thuận cha mẹ, tôn sư, trọng đạo, Ngài đều làm cho quý vị thấy, chẳng cần nói năng. “*Bình đẳng phổ chiếu*”, “*bình đẳng*” là nói Ngài chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, đó là bình đẳng. “*Phổ chiếu*”: Phổ (普) là phổ biến, chẳng có giai cấp, [“*phổ chiếu*” là] chiếu trọn khắp pháp giới. Đây chính là câu cuối trong “*ba thứ trọn khắp*” [được giảng trong Hoàn Nguyên Quán], [tức là] “*hàm dung Không Hữu*” (hàm chứa, dung thông Có và Không). Sau đó, trong Phật môn, quý vị đã thấy và học hai câu : “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” là nói về ý nghĩa ấy. Bình đẳng phổ chiếu chính là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, bình đẳng. Cũng có thể nói Chiếu là “*chiếu cố*” (照顧: chăm sóc). Trí huệ, đức năng, tướng hảo, bình đẳng chiếu cố hết thấy chúng sanh, trên là Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới, dưới đến địa ngục A Tỳ, toàn bộ đều chiếu cố. Chúng sanh có thể tiếp thu bao nhiêu? Đó là duyên phận của chính họ. Kẻ nghiệp chướng sâu chẳng tiếp nhận được, người thiện căn sâu dày bèn tiếp nhận. Vì thế, phải biết: Chư Phật, Bồ Tát bình đẳng phổ chiếu, mỗi cá nhân chúng ta nhận được lợi ích [tùy thuộc khả năng] tiếp nhận của chúng ta. Bộ máy tiếp nhận của chúng ta có vấn đề. Có lúc bộ máy tiếp nhận rất tốt, có khi bộ máy tiếp nhận bị hỏng hóc, do bị hỏng hóc nên chẳng nhận được. Do vậy, chúng ta biết: Đoạn ác tu thiện, tích tập thiện căn trọng yếu dường ấy! Quý vị dốc công sức nơi đây, tin tức của hết thấy chư Phật quý vị đều dễ dàng nhận được, giúp cho quý vị tăng trưởng trí huệ và đức hạnh.

“*Diệc vô ưu, liệt, thân, sơ, vật, ngã, bỉ, thử chi phân*” (cũng chẳng phân biệt hơn, kém, thân, sơ, vật, ta, kia, đây), nói theo cách hiện thời, pháp giới vốn là ái (yêu thương), ái là cốt lõi của Tánh Đức. Do vậy, tôi học Phật, thỉnh giáo thầy Lý, tôi thưa: “Cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc như Nghiêu, Thuấn, Văn Vương, Võ Vương, Châu Công, Khổng, Mạnh, có thể là chư Phật, Bồ Tát thị hiện tại Trung Quốc hay không? Người Trung Quốc có cảm, Phật, Bồ Tát đến thị hiện, ứng đến”. Tôi nêu lên câu hỏi như vậy, thầy Lý trả lời: “Nói theo Lý thì suông, nhưng xét theo Sự thì chưa có chứng cứ”. Câu đáp này cũng rất tuyệt, nói theo Lý thì thông suốt. Những vị đại thánh đại hiền ấy ở Trung Quốc, rất nhiều câu nói của các vị đại thánh đại hiền tại Trung Quốc có ý nghĩa tương thông với kinh Phật. Quý vị thấy tổ tiên nói về Ngũ Luân, điều đầu tiên là “*phụ tử hữu thân*” (cha con có tình thân ái), đó là thân ái, là cốt lõi của Tánh Đức. Người Trung Quốc ở khắp thế giới, tôi đã gặp rất nhiều người ngoại quốc thật sự có đức hạnh, có học vấn, họ nghiên cứu lịch sử và văn hóa Trung Quốc, đều bội phục năm vóc sát đất, tôn kính, bội phục! Nhất là tiến sĩ Thang Ân Tỹ (Arnold J. Toynbee)

của Anh Quốc, hết sức tôn sùng văn hóa truyền thống của Trung Quốc, thậm chí còn nói: “*Để giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và học thuyết Đại Thừa Phật pháp*”. Ông ta nói như vậy, đây là một sử gia kiêm triết gia của nước Anh. Người Trung Quốc có trí huệ, thông hiểu giáo dục, có trí huệ trong giáo dục, có phương pháp giáo dục, có kinh nghiệm giáo dục, có thành tích và hiệu quả trong giáo dục, ông ta đã nói đúng, chẳng sai! Cốt lõi trong nền giáo dục của Trung Quốc là gì? Chính là “*phụ tử hữu thân*”, đó là thân ái. Mục đích giáo dục, mục đích bậc nhất trong giáo dục là [khiến cho] tình thân ái như thế trong cả một đời chẳng bị biến chất thì giáo dục bèn thành công. Mục đích thứ hai là phát huy rộng rãi tình thân ái ấy. Lòng yêu thương cha mẹ và anh em của quý vị, nếu mở rộng ra sẽ thành yêu thương gia tộc, yêu thương chòm xóm, láng giềng, yêu xã hội, yêu quốc gia, yêu dân tộc, đến cuối cùng bèn “*hễ là người, đều phải yêu thương*”, mở rộng lòng yêu thương ấy. Tổ tiên dạy bảo hậu duệ ngàn năm, vạn đời, các đức mục quy nạp lại, chẳng ngoài mười hai chữ, “*hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nhân ái, hòa bình*”, toàn bộ được bao gồm trong ấy. Quý vị thấy cốt lõi của mười hai chữ ấy là Ái. Mười hai chữ ấy, mỗi chữ đều lưu xuất từ tâm yêu thương, bản thể của chúng chính là ái. Vì thế, giáo dục của Trung Quốc là giáo dục yêu thương, chúng ta phải hiểu điều này. Quý vị yêu mến con người sẽ chẳng thể hại người.

Nói về quan hệ, Nho gia Trung Quốc cũng có ý nghĩa ấy, nhưng dường như Đạo gia nói càng rõ ràng, minh bạch hơn. Lão Tử bảo: “*Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất Thể*” (trời đất và ta cùng một cội, vạn vật và ta cùng một Thể), chẳng phải là có cùng một ý nghĩa với những điều được nói trong Hoàn Nguyên Quán hay sao? Khấp pháp giới hư không giới và ta có quan hệ gì? Một Thể. Quan hệ vừa nói ấy chính là luân lý. Nhà Phật giảng luân lý đến mức rất ráo viên mãn, khấp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể. Do vậy, đối với lòng yêu thương này, phải yêu thương tất cả động vật, phải yêu thương tất cả thực vật (cây cối, hoa, cỏ), phải yêu thương núi, sông, đại địa, phải yêu thương hư không pháp giới, vì sao? Một Thể mà! Quý vị thấy lòng yêu thương ấy to lớn lắm, phạm vi chẳng biết lớn hơn [quan niệm] “*hễ là người đều nên yêu thương*” bao nhiêu lần. Khấp pháp giới hư không giới, kể cả các chiều không gian khác nhau, hoàn toàn là một Thể với chúng ta. Xác thực là “*tâm yêu thương trọn khấp pháp giới, thiện ý đầy ắp nhân gian*”, xã hội này còn có vấn đề gì nữa? Xã hội an định, hòa hài, hạnh phúc mỹ mãn. Chắc chắn là chúng ta sống trên tinh cầu này giống như Tây Phương Cực Lạc thế giới do đức Phật đã giới thiệu, tận thiện, tận mỹ, chẳng có mảy may tai nạn nào. Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong kinh này đã nói rõ ràng là do “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” biến hiện. Thế giới hiện thời phiền toái rất lớn, những thứ gì biến hiện? Tham, sân, si, mạn, nghi, giết, trộm, dâm, dối, rượu chè, đó là thế giới hiện thời của chúng ta. Vì thế, xã hội động loạn, tai họa gì cũng đều xuất hiện trên địa cầu. Chúng ta hãy lắng lòng suy xét, toàn là tự làm, tự chịu! Thật sự hiểu rõ ràng, minh

bạch rồi, sẽ chẳng còn oán trời, trách người, hiểu gì? Tự làm, tự chịu. Muốn thay đổi, nhất định phải thay đổi từ tâm thái, phải buông tâm thái bất thiện xuống. Thánh hiền xưa nay trong ngoài nước, chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta Thập Thiện Nghiệp Đạo, chuyển ác thành thiện, chuyển mùi ác thành mùi thiện, vấn đề bèn được hóa giải. Chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh, quý vị bèn vượt thoát. Chuyển phàm thành thánh, vượt thoát mùi pháp giới; chuyển mê thành ngộ, vượt thoát lục đạo luân hồi. Chuyển ác thành thiện, tất cả tai nạn và vấn đề trên thế gian này đều được hóa giải.

Thật sự tin tưởng, chớ nên có mảy may hoài nghi nào. Hoài nghi là căn bản phiền não. Căn bản phiền não gồm sáu món là tham, sân, si, mạn, nghi, cuối cùng là ác kiến, toàn là cách nhìn sai lầm, nhìn trật rồi! Đối với Nghi trong sáu căn bản phiền não ấy, chớ nên hoài nghi thánh nhân, chớ nên hoài nghi Phật, Bồ Tát, vì sao? Các Ngài là bậc minh tâm kiến tánh, làm sao có sai lầm cho được? Chúng ta chỉ có một tí thông minh mà thôi, chẳng có trí huệ. Chúng ta dùng trí huệ [kém cỏi, vặt vãnh] của chính mình để phê bình những bậc thánh nhân ấy, tội lỗi quá lớn! Giống như gã trẻ tuổi vô tri, hoặc một đứa học trò bé mọn phê bình Khổng Tử, tội lỗi nặng lắm! Vì vậy, Nghi trong căn bản phiền não chẳng phải là nghi hoặc bình thường. Nghi hoặc bình thường làm sao có thể xếp vào đây cho được? Nghi hoặc giáo huấn của thánh hiền, nghi hoặc sự thành tựu trong tu hành của bậc thánh nhân, vấn đề này nghiêm trọng lắm. Bản thân quý vị nghi hoặc chẳng sao! Bất quá quý vị bị mắc hại là đọa trong tam đồ mà thôi. Nếu ảnh hưởng đến đại chúng trong xã hội, tội ấy rất sâu, quý vị phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả ấy. Vì lẽ đó, Bồ Tát nêu gương tốt nhất trong thế gian này. Quý vị thấy “*thượng cúng*” chính là dạy chúng ta phải biết tôn trọng thánh hiền và giáo huấn của thánh hiền. Đừng nên khinh dễ tổ tông, trí huệ và đức hạnh của tổ tông quả thật cao hơn chúng ta. Tổ tông thấy những khoa học kỹ thuật của chúng ta trong hiện thời là tài nghệ vặt vãnh^{122[1]}, chẳng ra gì! Có đem lại lợi ích cho thế giới hay không? Chưa chắc!

Quý vị thấy trên thế giới hiện thời có lắm tai nạn dường ấy là do khoa học kỹ thuật đem lại. Chẳng biết toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ, may mắn là hiện thời các nhà Lượng Tử Lực Học đã phát hiện. Nếu chẳng phát hiện, Phật giáo vĩnh viễn bị người ta coi là mê tín. Hiện nay ta đã biết cây cối, hoa, cỏ là một thể hữu cơ, chúng có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ con người. Quý vị tùy tiện chặt đốn chúng, chúng chẳng hận quý vị ư? Quý vị yêu thương chúng, chúng bèn ưa thích quý vị. Quý vị tùy tiện giày xéo, chúng sẽ oán hận quý vị.

122[1] Nguyên văn “điều trùng tiểu kỹ” (雕蟲小技), “điều” là điêu khắc. Đây là một thành ngữ châm biếm những tài nghệ quá nhỏ nhặt kém cỏi, chẳng đáng nhắc tới. Câu này có nghĩa là tài nghệ vụn vặt giống như một đứa nhỏ tập tành điêu khắc, hoặc viết lách giống như chữ Điều Trùng. Điều Trùng Thư (鳥蟲書) là một loại văn tự cổ, sơ khai. Do nét chữ nguệch ngoạc như dấu chân chim hoặc ngoằn ngoèo như giun bò, nên gọi là Điều Trùng Thư.

Oán hận bèn báo thù, sanh ra những thứ đều có độc, quý vị ăn vào bèn bị ngã bệnh, đó là chúng nó báo thù quý vị. Núi, sông, đại địa cũng có linh tánh, chúng là hữu cơ. Quý vị nói đến chuyện đào quặng thì đào cạn một chút, chẳng sao, quý vị được thụ dụng đôi chút; nhưng nếu đào quá sâu mà chẳng thương lượng với nó, tôi tin là nó rất bực bội, hễ bực bội bèn lắc thân thể một cái, một trận động đất lớn bèn xảy ra. Quý vị nghĩ tới chỗ này, tổ tông có trí tuệ. Khi tổ tông muốn khai thác núi non, trước hết phải tế Sơn Thần, chẳng phải là mê tín! Trong nhà Phật, muốn chặt mấy cội cây để dựng một túp lều tranh nhỏ, đức Phật dạy chúng ta: Ba ngày trước đó, quý vị xem trúng mấy cây nào thì phải tế lễ, cúng dường, tụng kinh, niệm chú hồi hướng cho các thần cây ấy, mời họ dọn nhà, ba ngày sau mới chặt những cây ấy. Đức Phật nói rất rõ ràng, chỉ cần cây cao quá đầu người sẽ có thần cây. Nay chúng ta biết là chuyện như thế nào: Phải lễ phép, tôn trọng nó, chúng ta yêu thương nó, nó cũng yêu thương chúng ta, sẽ không sanh loạn. Người hiện thời tin tưởng khoa học, hoàn toàn chẳng tin những chuyện này. Chúng tôi hy vọng Lượng Tử Lực Học phát triển nhanh chóng, dăm ba năm nữa sẽ phổ biến trên toàn thể thế giới, mọi người đều hiểu, đều biết nói “tất cả hiện tượng vật chất thấy đều có tác dụng tinh thần”, tức là đều có Thọ, Tướng, Hành, Thức.

Người học Phật chúng ta hiểu rõ, chúng tôi cũng đã làm thí nghiệm suốt mười năm, mười năm ấy rất có thành tựu và hiệu quả, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng tôi đến Úc đã mười năm rồi, sang năm sẽ là kỷ niệm mười năm. Ở Úc, chúng tôi có một vườn rau rất to, trồng rất nhiều loại cây, trồng đến hơn ba mươi loại. Cây ăn trái hằng năm đều thâm hoạch dồi dào. Chúng tôi cung kính, cúng dường những loại rau dưa, hoa cỏ, cây cối ấy, rất dụng tâm chăm sóc. Lại còn cứ cách một khoảng ngắn bèn đặt một máy niệm Phật, cây cối trong cả vườn rau đều nghe Phật hiệu. Chúng tôi chẳng dùng phân bón hóa học, chẳng dùng thuốc trừ sâu. Dùng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu là có lỗi với thực vật. Vì sao? Quý vị hại nó, đem chất độc hại nó, trong thời gian dài, trong rau trái cũng có chất độc, cho nên quý vị ăn vào sẽ bị bệnh. Chúng ta chớ nên hại nó, nó cũng sẽ chẳng hại chúng ta. So với các nông phu trồng rau lân cận, vườn rau của chúng tôi tươi tốt hơn. Họ đến chỗ chúng tôi thăm viếng, hỏi chúng tôi trồng như thế nào? Vì sao có thể trồng tốt tươi tốt như thế? Chúng tôi bảo họ: “Chẳng dùng thuốc trừ sâu, chẳng dùng phân bón hóa học, mà dùng máy niệm Phật để niệm A Di Đà Phật cúng dường chúng nó”. Chúng tôi không có thuốc sát trùng thì [trong vườn rau] có những loài tiểu trùng hay không? Có. Chúng tôi dành ra một khu nhỏ cho loài tiểu trùng, chúng tôi cũng hết sức dụng tâm chiếu cố khu ấy, trồng những rau trái ấy để chuyên cúng dường loài tiểu trùng. Chúng nó đều đến ăn trong khoảnh vườn ấy, khoảnh vườn sát bên cạnh không dành cho chúng ăn, chúng bèn chẳng mò đến. Vì thế, đối xử với tiểu trùng dễ hơn con người, chúng biết nghe lời, rất giữ chữ Tín, chú trọng chữ Tín, coi trọng sự hòa thuận. Đối với các loài chim nhỏ cũng giống như thế, quý vị thấy chúng tôi chẳng cần phải bọc những cây ăn trái lại. Chẳng cần! Đối với những loài chim nhỏ cũng có giao ước, chúng

tôi dành ra cho chúng mấy cây. Đối với mỗi loại, bèn để ra một, hai cây cho loài chim nhỏ, các người ăn thì đến chỗ dành riêng mà ăn. Cây nào chẳng chỉ định dành cho chúng nó ăn, chúng nó cũng rất tuân thủ ước định, chẳng đến ăn [sai chỗ]. Vì thế, mỗi năm chúng tôi thu hoạch dồi dào, mà những loài trùng nhỏ, chim nhỏ ấy cũng rất vui sướng, chúng ta cùng nhau sinh tồn, tăng trưởng, đối xử hòa thuận. Chúng tôi bảo vệ chúng, chúng cũng rất tôn trọng chúng tôi, quý vị nói xem: Tốt đẹp lắm hay không? Chớ nên tổn thương chúng. Đặc biệt là chẳng dùng phân bón hóa học, chẳng dùng thuốc trừ sâu, chúng ta tôn kính đại địa, đại địa sẽ gia hộ chúng ta. Khi chúng ta dùng thuốc trừ sâu và phân bón hóa học sẽ khiến đất bị nhiễm độc, những thứ trồng trọt năm nay khá lắm, nhưng sau hai ba năm sẽ chẳng trồng được nữa! Vì sao? Trong đất có chất độc, chẳng thể trồng được nữa! Đó là ai đã tạo nghiệp? Phải thừa nhận “tự làm, tự chịu”.

Do con người hiện thời rất tệ, bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, chẳng tin tưởng thánh hiền, không tôn trọng. Không chỉ là chẳng tôn trọng con người, mà còn chẳng tôn trọng động vật, mặc tình sát hại. Chẳng tôn trọng hoa, cỏ, cây cối, chẳng tôn trọng núi, sông, đại địa, nên xuất hiện rối loạn nhiều ngàn ấy. Hãy xem thử trên thế giới này có thật sự tìm được tám ngàn vị Bồ Tát, Bồ Tát sống, đến cứu địa cầu này. Nếu chẳng tìm được, tai nạn trên địa cầu này sẽ thật sự xuất hiện. Nếu thật sự có thể tìm được đúng số người như các nhà khoa học đã nói, từ tám ngàn người trở lên, thử thí nghiệm xem, chúng ta đến cầu nguyện, thật sự sửa lỗi đổi mới, đoạn ác tu thiện, hồi hướng công đức ấy cho địa cầu, hồi hướng cho hết thảy chúng sanh, có lẽ sẽ cứu được. Quan điểm ấy là quan điểm của Phật, Bồ Tát. Đó là chánh xác, “*chánh niệm*” là bình đẳng phổ chiếu, chẳng có hơn, kém, thân, sơ, chẳng [phân chia] vật, ta, đây, kia. Thật sự thấy khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, đó là thật sự học Phật. Người thật sự học Phật, chuyện đầu tiên là trừ khử tham, sân, si. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, suốt đời vì chúng ta thị hiện, quý vị thấy Ngài sống đơn giản lắm, giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây, ba y, một bát, sung sướng vô cùng. Quý vị cần gì phải mong mỏi có lắm tiền của dường ấy, đúng là hồ đồ! Của cải có phải là của quý vị hay không? Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng nói quá nhiều lần. Bao nhiêu tiền quý vị bỏ trong túi trên thân bèn là của quý vị. Tiền chẳng ở trên người bèn chẳng phải là của quý vị. Quý vị có biết hay chẳng? Quần áo ta mặc trên người là của ta, khi chẳng mặc trên người bèn chẳng phải là của ta. Quý vị ở trong căn nhà này, cái nhà này là của quý vị. Rời khỏi căn nhà ấy, căn nhà chẳng còn thuộc về quý vị nữa! Nếu quý vị thường có thể quán như thế, quý vị đã “biết đủ, thường vui” rồi! Dầu nhiều đến mấy, chẳng phải là của quý vị. [Tiền] bỏ trong ngân hàng, chẳng dùng được thì chẳng phải là của quý vị. Ngân hàng có thể bị đóng cửa. Hiện thời đang bị khủng hoảng tài chánh, các ngân hàng ngoại quốc bị đóng cửa rất nhiều. Thứ gì là thật? Tích lũy công đức là thật, [công đức] là của chính mình. Quý vị có thể hiếu thuận cha mẹ, tôn trọng trưởng bối, yêu thương, che chở hết thảy chúng sanh, công đức ấy sẽ mang

theo được, nó thật sự là của chính quý vị. Vật ngoài thân toàn là giả, chẳng thể mang theo thứ gì! Trong Phật pháp thường nói: Người thông minh, người có trí huệ phải làm chuyện có thể mang theo được. Ngàn muôn lần chớ nên làm chuyện chẳng mang theo được!

Tiếp theo đó, “*Hội Sớ viết: Điện quang hữu tứ nghĩa*” (Sách Hội Sớ giảng: “*Ảnh chớp có bốn nghĩa*”), thứ nhất là “*tốc tạt nghĩa*” (nghĩa là nhanh chóng), nó quá nhanh. Chúng tôi vừa trình bày cùng quý vị, Di Lạc Bồ Tát bảo chúng ta: Trong một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu lần sanh diệt, tốc độ này quá nhanh. Thứ hai là “*phá ám nghĩa*”, [tức là] soi tan tăm tối, mở rộng thành ý nghĩa “trí huệ phá mê”. Lũ phàm nhân chúng ta mê hoặc, điên đảo, cội gốc mê hoặc ở chỗ nào? Chớ nên không biết điều này, căn cội của mê hoặc là tham. Quý vị thấy Phật pháp xếp tham vào vị trí đầu tiên trong Tam Độc. Vì sao quý vị bị mê? Chính là vì quý vị có tham tâm, tham tâm càng nặng, mê càng sâu, nên tạo nghiệp cũng nặng nề! Thứ hai là sân khuể, tham mà không đạt được bèn nổi giận, chứ tham mà đạt được sẽ chẳng nổi nóng. Vì thế, căn bản là một chữ Tham! Tất cả hết thảy ác nghiệp, hành vi bất thiện đều do chữ Tham này dẫn khởi. Tất cả hết thảy hành vi thiện đều do ái dẫn khởi. Sự thân ái trong “*phụ tử hữu thân*” là căn cội của hết thảy thiện pháp, đó là thiện căn! Tham là căn cội của tất cả hết thảy ác pháp và bất thiện nghiệp. Chúng ta tu hành, trước hết phải phá trừ căn cội này, phải nhổ căn cội ấy. Trước hết, quý vị phải biết tri túc, tri túc thường lạc. Con người đạt đến mức vô cầu, phẩm hạnh tự cao. Quý vị có ức vạn tài vật, mà vẫn mong tương, tham lam, sẽ chẳng có nhân phẩm, quý vị vẫn chưa biết đủ!

Chẳng phải là đức Thế Tôn vì chúng ta thị hiện tri túc ư? Bồ Xứ Bồ Tát muốn đến thị hiện thành Phật trong thế gian này, trước đó Ngài trụ tại đâu? Ở trong Đâu Suất Thiên, Đâu Suất nghĩa là gì? Chính là Tri Túc. Quý vị thấy ý nghĩa biểu thị pháp, trước hết phải dừng chân trong Đâu Suất Thiên. Đâu Suất Thiên thọ mạng bốn ngàn năm, trú chân nơi đó rồi xuống nhân gian thị hiện thành Phật, vẫn là đến thị hiện Tri Túc. Chúng ta phải chú tâm thấu hiểu, dụng ý này rất sâu. Chính mình dư dả thì phải ban cho người thiếu thốn, phải giúp đỡ họ. Bớt thì chẳng bị thiệt thòi, càng thí càng nhiều. Thí tài được của cải, thí pháp được thông minh, trí huệ, thí vô úy được khỏe mạnh, sống lâu. Của cải, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu là những điều quý vị thường mơ tưởng, mong cầu, vì sao chẳng tu ba cái nhân ấy? Tu ba cái nhân ấy sẽ đắc chánh tài (tiền của chánh đáng), tức là những của cải quý vị ắt có. Nếu không phải là tu nhân thì của cải đạt được sẽ chẳng phải là của quý vị, phải biết điều này. Nhất là dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng để mong đạt được của cải, đó là tạo tội nghiệp. Tạo tội nghiệp thì có thể đạt được hay không? Chẳng đạt được! Nếu thật sự có thể đạt được thì tạo tội nghiệp cũng có thể được, thật sự phát tài mà! Chẳng đạt được! Vì thế, dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng mà đoạt được của cải thì vẫn là do trong mạng quý vị vốn có, quý vị nói xem có oan uổng hay không? Khi chẳng dùng tới thủ đoạn ấy, của cải vẫn đưa đến, có thể là đưa đến càng nhiều hơn, vì sao? Đúng mực, bình thường. Dùng thủ đoạn bất bình thường

để đạt được thì đã bị chiết giảm, hao bớt rồi. Trong mạng quý vị có một trăm ức, quý vị dùng thủ đoạn bất chánh đáng [để đoạt lấy] thì chỉ có được năm mươi ức bèn đã cảm thấy tuyệt diệu lắm rồi; thật ra, quý vị đã bị thiếu mất một nửa, nhưng quý vị chẳng biết. Phật, Bồ Tát có thể thỏa mãn dục vọng của hết thầy chúng sanh, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Quý vị mong cầu phát tài, Phật, Bồ Tát cũng chỉ dạy, giúp đỡ quý vị, bởi lẽ, có đại đạo để sanh sôi tiền của. Bồ Tát dạy quý vị điều gì? Dạy quý vị tu tài bố thí. Vì sao trong mạng quý vị có tiền của? Trong đời quá khứ ưa thích tu tài bố thí, trong đời này, trong mạng quý vị có cái kho tiền tài, bất luận theo đuổi nghề nghiệp nào, quý vị cũng kiếm tiền được vì trong mạng vốn có. Trong mạng không có, bất luận kinh doanh thứ gì cũng đều bị cụt vốn, chẳng kiếm được tiền. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, rành rẽ đạo lý này. Vì thế, “*điện quang*” có ý nghĩa phá mê, soi tan tối tăm, có ý nghĩa phá mê, khai ngộ.

Thứ ba là “*bất trụ*” (chẳng trụ), “*bất trụ*” là chẳng ngừng, chẳng trụ, giống như tia chớp vừa lóe sáng bèn chẳng còn nữa. Ý niệm còn nhanh hơn tia chớp. Các nhà khoa học cho biết: Hiện tượng vật chất chẳng thật, đúng là giống như tia chớp, tốc độ của nó quá nhanh chóng. Vì thế, chúng ta thấy hiện tượng vật chất là do rất nhiều ý niệm tích lũy mới thấy được. Di Lặc Bồ Tát đã cho chúng ta biết con số: Ba trăm hai mươi triệu ý niệm tích lũy lại mới giống như tia chớp, tia chớp chẳng nhanh bằng một cái khảy ngón tay. Bởi lẽ, tia chớp ít nhất lâu một giây hoặc nửa giây; trong một giây ấy, người khảy nhanh, tôi có thể khảy bốn lần, trong một giây, tôi tin là có người còn khảy nhanh hơn tôi. Nếu nói là có thể khảy đến năm lần, tức là một giây có thể khảy năm lần, một lần là ba trăm hai mươi triệu, nên nhân với năm thành một ngàn sáu trăm triệu. Quý vị thấy trong một giây sanh diệt một ngàn sáu trăm triệu lần, tốc độ nhanh ngần ấy, nhiều niệm như thế tích lũy lại trong một giây bèn có thể thấy. Nay chúng ta đã thấy hiện tượng vật chất này, quý vị biết đó là bao nhiêu ý niệm, quyết định chẳng phải chỉ có vậy! Một ngàn sáu trăm triệu ý niệm tích lũy liên tục sẽ hiện ra giống như tia chớp, vậy thì những hiện tượng vật chất mà chúng ta thấy được sẽ là bao nhiêu [ý niệm tích lũy]? Hiện thời, điều này đã được các nhà Lượng Tử Học chứng minh.

Kinh Phật dạy chẳng sai, vì nó (các hiện tượng vật chất) niệm niệm chẳng trụ. Do chân tướng sự thật này, đức Phật mới bảo: “*Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng*”, “*hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, đức Phật mới nói những lời ấy. Tổng kết sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã, tôi tổng kết thành mười hai chữ: “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (hết thầy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Đây là nói với quý vị chân tướng, do “*bất khả đắc*” nên quý vị phải buông xuống, buông xuống thì quý vị minh tâm kiến tánh, mới giống như Phật, Bồ Tát. Nếu thật sự có thể đạt được mà Phật, Bồ Tát khuyên chúng ta buông xuống thì chẳng hợp lý! Phật, Bồ Tát thấy chân tướng sự thật, xác thực là “*bất khả đắc*”, ngay cả thân thể này cũng là chẳng thể được, một hơi thở ra chẳng hít vào được nữa, bèn là đời sau, há lẽ nào thân thể này là của chính

mình? Hơi thở chưa dứt, thân thể này là của quý vị. Hơi thở vừa bật, thân thể chẳng còn là của quý vị nữa. Do vậy, nhà Phật nói: “*Sanh mạng trong hơi thở*”. Sau đây, chúng ta mới biết, đời đời kiếp kiếp chúng ta đã sống tại đâu? Sống trong cảnh giới huyền tướng, hoàn toàn chẳng phải là thực tại. Chân tướng là gì? Chân tướng là Không, vạn pháp đều là Không, chân tướng là như vậy đó! Đừng hiểu chữ Không này là Vô! Trong cái Không ấy có huyền tướng sanh diệt trong từng sát-na. Vì nó niệm niệm bất khả đắc nên gọi là Không.

Thứ tư là “*vô phân biệt nghĩa. Bồ Tát nhất niệm nhất thời, phổ chí thập phương thế giới, thượng cúng dường chư Phật, hạ lợi ích chúng sanh, vô hữu xuất nhập tiên hậu tướng, như điện tốc tạt. Bồ Tát năng chiếu chư Phật hội, năng phá chúng sanh ám, như điện phá ám. Bồ Tát năng hóa vô lượng thân ứng hiện vi trần sát, vô hữu trụ xứ, vô hữu trầm tích, như điện kích không trung, vô sở tùng lai, khứ vô định tích. Bồ Tát bình đẳng, vô hữu tiên thủ hậu bị đẳng phân biệt tâm, như điện quang chiếu vật, vô bi thủ tiên hậu phân biệt*” (Ý nghĩa vô phân biệt. Bồ Tát trong một niệm, một thời, tới khắp mười phương thế giới, trên cúng dường chư Phật, dưới lợi ích chúng sanh, chẳng có tướng xuất, nhập, trước, sau, nhanh chóng như chớp. Bồ Tát có thể chiếu chư Phật hội, có thể phá tối tăm cho chúng sanh như tia chớp xua tan tối tăm. Bồ Tát có thể hóa vô lượng thân, ứng hiện trong các cõi nước nhiều như vi trần, chẳng có trụ xứ, chẳng có dấu vết, giống như chớp lóe giữa không trung, chẳng từ đâu đến, chẳng có dấu vết nhất định sẽ đi về đâu. Bồ Tát bình đẳng, chẳng có tâm phân biệt “cái này trước, cái kia sau” v.v..., giống như ánh chớp soi các vật, chẳng phân biệt cái này trước, cái kia sau). Đoạn giải thích này hay quá. Sách Hội Sớ đã giải thích rõ bốn ý nghĩa của ánh chớp. “*Bồ Tát nhất niệm nhất thời*”, bốn chữ này chẳng dễ hiểu, bốn chữ này là lời thật. Niệm chỉ có một niệm, thời chỉ có một thời. Nhất niệm nhất thời chính là như Di Lặc Bồ Tát đã nói “*nhất niệm nhất thời*”. Do vậy, trong kinh Phật, vừa mở đầu, nhất định sẽ là “*như thị ngã văn, nhất thời*”. Ngài chẳng nói năm, tháng, ngày, [vì] năm, tháng, ngày là giả, chẳng thật. Nói “*nhất thời*” là thật. Nhất thời là khi niệm khởi, niệm diệt, vô cùng ngắn ngủi, tạm bợ. Nhất niệm nhất thời mà tới khắp mười phương thế giới chính là “*trọn khắp pháp giới*” như Hoàn Nguyên Quán đã nói, nhất niệm nhất thời trọn khắp pháp giới. Đây là mười phương thế giới chúng sanh có cảm, chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát bèn có ứng, các Ngài ứng hóa trong thế gian này, giúp hết thầy chúng sanh giác ngộ, có ý nghĩa như thế. Chúng sanh đang mê, mười pháp giới đều là mê, chỉ có mê nhẹ hay nặng khác nhau. Đối với người trong mười pháp giới thì bốn thánh pháp giới mê nhẹ, lục đạo mê nặng nề. Có thể nói mười pháp giới chính là do mê ngộ nặng hay nhẹ khác nhau mà hình thành. Hễ mê nhẹ nhất thì là Phật pháp giới trong mười pháp giới, mê nặng nhất là địa ngục A Tỳ, là địa ngục A Tỳ trong các địa ngục. Mê hay ngộ khác nhau mà thôi, trừ điều này ra, chẳng có gì khác nhau, mê hay ngộ bất đồng.

Phật muốn giúp cho hết thầy chúng sanh lìa khổ được vui, giúp như thế nào? Giúp quý vị phá mê khai ngộ. Bồ Tát biết tất cả hết thầy khổ nạn của quý vị do vì mê nên mới tạo thành, tất cả hết thầy sự vui của quý vị do giác ngộ tạo thành, chỉ cần quý vị từ mê hoặc mà giác ngộ, vấn đề đã được giải quyết. Chư Phật, Bồ Tát dùng phương pháp gì để giúp đỡ hết thầy chúng sanh? Dùng giáo học. Thích Ca Mâu Ni Phật nêu gương cho chúng ta thấy, từ ngày thị hiện khai ngộ, Ngài ba mươi tuổi khai ngộ, khai ngộ rồi bèn dạy học. Giúp đỡ đầu tiên là [những người theo Ngài] khi Ngài đi tham học, cha Ngài rất yêu thương, sai mấy người theo Ngài, tổng cộng là năm người, ba người bên nội, hai người kia là họ hàng bên mẹ, năm người ấy đi cùng Ngài, chăm sóc Ngài. Năm vị ấy tu hành tại Lộc Dã Uyển. Ngài khai ngộ bèn độ năm vị ấy đầu tiên, giúp họ phá mê khai ngộ. Rất khó có! Ngài Kiều Trần Như nghe đức Phật thuyết pháp, giác ngộ đầu tiên, chúng quả A La Hán, cũng có thể nói là Ngài thật sự buông hết thầy chấp trước đối với thế gian và xuất thế gian xuống, chẳng còn chấp trước nữa. Buông chấp trước xuống bèn chúng quả A La Hán, thành Chánh Giác, đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài bèn thành Chánh Giác. Đó là thị hiện cho chúng ta thấy. Ân huệ ấy quá lớn, nặng hơn ơn cha mẹ. Cha mẹ sanh ra thân thể này của chúng ta, chẳng có cách nào dạy chúng ta vượt thoát lục đạo luân hồi, Phật, Bồ Tát có thể giúp chúng ta vượt thoát lục đạo, vĩnh viễn chẳng còn luân hồi nữa! Chỉ cần quý vị có thể buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian. Thật sự tùy duyên, thứ gì cũng tốt. Trong cuộc sống hằng ngày, ăn thứ gì cũng ngon, chẳng có chấp trước; mặc thì thứ gì cũng đều được, chẳng cần phải kén chọn, tùy duyên sống qua ngày, vĩnh viễn gìn giữ cái tâm thanh tịnh của chính mình. Buông chấp trước xuống, tâm bèn thanh tịnh, chẳng còn bị pháp thế gian nhuốm bẩn. Tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn đều là nhiễm ô, những thứ ấy chẳng còn nhuốm bẩn quý vị, tâm đã thanh tịnh rồi.

“*Thượng cúng chư Phật*” là nêu gương cho chúng sanh: Trước tiên dạy đại chúng tu hiếu kính, học từ chỗ nào? Hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo, dạy từ chỗ này. Đây là đại căn đại bản của giáo dục thế gian và xuất thế gian. Người dẫu làm nhiều chuyện tốt đến mấy, có công hiến to lớn đối với xã hội, nhưng nếu bất hiếu cha mẹ, chẳng kính trọng thầy, sự tốt lành của kẻ ấy chẳng có cội rễ, bất luận làm thiện sự to tát đến mấy, chẳng có cội rễ thì chẳng phải là chân thiện. Kẻ ấy giáo học, dạy người khác bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng, trong tương lai họ sẽ giống như kẻ ấy, dẫu học tốt đẹp cách mấy, hễ gặp danh cao lợi dày, tâm liền biến đổi. Vì sao biến đổi? Vì chẳng có căn cội. Nếu kẻ ấy có căn cội, sẽ vĩnh viễn chẳng biến. Vì sao? Kẻ ấy biết nghĩ tới cha mẹ, biết nghĩ đến thầy, nếu dọ làm chuyện xấu, lẽ nào chẳng có lỗi với cha mẹ? Lẽ nào chẳng có lỗi với thầy? Nghĩ tới điều đó, dục vọng sẽ bị giảm thấp, từ mê hoặc bèn giác ngộ. Do vậy, đức Phật dạy chúng sanh đầu tiên là tu cúng Phật, đó là dạy tu hiếu kính. Tiếp đó là lợi ích chúng sanh. Thân ngữ ý nghiệp, tức tam nghiệp của

Phật, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác tuyệt đối nghĩ đến lợi ích chúng sanh. Nghĩ cách lợi ích chúng sanh, nói lời lợi ích chúng sanh, làm chuyện nhằm lợi ích chúng sanh, chuyện chẳng có lợi ích cho chúng sanh tuyệt đối chẳng làm, mà cũng tuyệt đối chẳng nghĩ tới. Cả một đời dạy học độ chúng sanh đã được nói trọn trong ấy. Đây là biểu hiện nơi mặt Sự.

Tiếp theo đó, nói về Lý. Dù có những sự tướng ấy, vẫn chẳng có tướng ra, vào, trước, sau. Tâm Bồ Tát bình đẳng, tức là nói Ngài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, tâm Ngài vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng. Tốc độ lại vô cùng nhanh chóng, lạ lùng như chớp. Đó là nói về sự cảm ứng. Chỉ cần chúng sanh có cảm, Bồ Tát lập tức có ứng. Trong Phật pháp cũng có một câu nói, chúng ta phải hiểu rõ, tức là “*Phật độ kẻ hữu duyên*”. Kẻ chẳng có duyên với Phật, Phật có ứng hay không? Phật có ứng. Tuy có ứng, kẻ vô duyên chẳng thể nhận biết, chẳng đạt được lợi ích. Đây chính là như trước kia Chương Gia đại sư đã nói: Kẻ ấy nghiệp chướng quá nặng, chẳng phải là không có cảm ứng, mà do nghiệp chướng quá nặng, chướng ngại kẻ ấy, khiến kẻ ấy chẳng nhận được sự cảm ứng của Phật, Bồ Tát. Nghiệp chướng sâu nặng rất phiền phức, cầu Phật, Bồ Tát, nhưng chẳng nhận được sự cảm ứng của Phật, Bồ Tát; nhưng ma thấy được, khi ma trông thấy bèn ứng, phù hợp khít khao, ma đến ứng để làm gì? Giúp đỡ kẻ ấy làm chuyện xấu. Vì thế, có kẻ làm chuyện xấu, nhưng dường như duyên của kẻ ấy rất thù thắng, đó là gì? Yêu ma quỷ quái [giở trò]. Thiện có thiện cảm ứng, ác có ác cảm ứng. Có thiện tâm nơi ác thì Phật, Bồ Tát chẳng giúp được, nhưng yêu ma quỷ quái được dịp thuận tiện, chúng ta chớ nên không biết điều này.

Do Bồ Tát có thể chiếu pháp hội của chư Phật, đó chính là “*phổ chí thập phương, năng phá chúng sanh ám*” (tới khắp mười phương, có thể phá sự tối tăm của chúng sanh). Nói chung, Bồ Tát chẳng rời “*thân hành, ngôn giáo*”, “*học vi nhân sư, hành vi thế phạm*” (học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời), vĩnh viễn nêu gương tốt đẹp cho đại chúng trong xã hội, đây là Phật đạo chân chánh. “*Như điện phá ám*” [nghĩa là] giống như ánh chớp soi tan tối tăm. Tối tăm là mê, Phật quang chiếu gọi, thân hành và ngôn giáo của Phật là quang, đó là Phật quang. Nếu quý vị có thể thấu hiểu, minh bạch, giác ngộ, tự nhiên chẳng còn mê hoặc nữa. Mê đã phá, ác chẳng còn nữa. Cái nhân ác chẳng còn, quả báo ác cũng không còn. Bồ Tát có thể hóa vô lượng thân ứng hiện trong các cõi nước nhiều như vi trần, đó là nói thần thông và đạo lực của Ngài chẳng thể nghĩ bàn. Trong vi trần có thế giới, đối với chuyện này, Lương Tử Lực Học chỉ thấy vi trần, vẫn chưa phát hiện trong vi trần có thế giới. Đức Phật nói trong vi trần có thế giới, ai có thể tiến nhập thế giới trong vi trần? Kinh nói rất rõ ràng: Phổ Hiền Bồ Tát. Quý vị thấy phẩm này là Đức Tuân Phổ Hiền, thần thông của Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào trong thế giới chư Phật bên trong một vi trần. “*Vô hữu trụ xứ*”, câu này hàm nghĩa vô cùng sâu. Đối với những chúng sanh mê hoặc, điên đảo trong thế gian hiện thời, chúng ta hiểu điều này rất dễ dàng, trước hết là phải kiếm một chỗ để ở (trụ xứ), mong mỗi trụ xứ càng to càng hay, tốt nhất là sống trong hoàng cung. Quý vị phải biết

chư Phật, Bồ Tát chẳng có trụ xứ, đây mới là thông minh! Vô trụ xứ là gì? Chẳng có gánh nặng. Quý vị biết quý vị có một trụ xứ, quý vị ở trong cái nhà càng to, khổ sở càng nhiều!

Năm xưa, tôi ở Mỹ, đi khắp nơi giảng kinh, thường ở trong nhà các đồng học. Nhà cửa rất to, người lại rất ít, hai vợ chồng cùng một, hai đứa con, chẳng có người làm. [Tiền công trả cho] người làm đắt quá, chẳng thuê nổi người làm. Ngày Chủ Nhật kiếm người làm tạm thời, tại Mỹ bèn kiếm người làm tạm thời, trả tiền công theo giờ, mỗi giờ phải tốn bao nhiêu tiền, để họ đến làm giúp cho quý vị mấy giờ, đáng thương lắm! Vì vậy, thuở ấy, tôi giảng kinh ở đó, tôi hỏi họ: “Rốt cuộc là quý vị làm chủ cái nhà, hay cái nhà làm chủ quý vị?” Bao nhiêu người đã biến thành nô lệ của nhà cửa, mỗi ngày phải chăm sóc, dọn dẹp nó, thời gian đều bị lãng phí hết vào đó. Người Trung Quốc chẳng phải vậy, người Trung Quốc không làm chuyện ngu ngốc ấy. Cổ nhân Trung Quốc thích sống ở đâu? Ở trong lều tranh! Lều tranh đơn giản, Đông ấm, Hạ mát. Thuở nhỏ, tôi rời khỏi quê nhà khi gần mười tuổi; nói cách khác, trước khi lên mười, tôi sống trong lều tranh. Lều tranh do chính mình dựng, chẳng cần phải tìm kiếm thứ gì, mấy người trong làng quê là đã cất được. Tường đất, dùng hai tấm vách dựng, lèn đầy đất vào giữa. Tường đất rất dày, Đông ấm, Hạ mát. Phía trên lợp cỏ tranh, rất đơn giản, rất thoải mái, nhà nhỏ thôi! Trong nhà có thêm người thì dựng thêm một gian bên cạnh, bớt rất nhiều việc! Khoa học kỹ thuật đem lại nhiều phiền phức, rườm rà, khổ sở cho con người, thân tâm bất an! Quý vị thấy sống trong lều tranh thoải mái lắm, ngủ rất ấm cúng. Nhà lớn, ngủ chẳng thoải mái, mỗi ngày phải bận tâm, vọng niệm rất nhiều, tâm chẳng định được!

Thức ăn càng đơn giản càng hay, càng khỏe mạnh. Mỗi ngày ăn lắm món như thế, ăn đến nỗi khắp thân toàn bệnh, nhất là đồ ăn hiện thời rất đáng sợ! Tôi thấy một đồng học Tịnh Tông ở vùng Đông Bắc là cư sĩ Lưu Tô Vân đã kể với chúng tôi: Bà ta mời bạn ăn cơm, bạn thân, mời về nhà ăn cơm, chỉ có một món ăn. Người bạn ấy nói: “Một món này có đủ ăn hay không?” [Bà ta đáp]: “Chẳng đủ thì xào thêm một chút nữa!” “Vẫn là món này hả?” Đúng vậy! Một món thôi! Bà ta nói rất rõ ràng, hôm đó, bà ta đãi khách, một món là gì? Giá xào đậu hũ sợi, đúng một món, thật sự bớt việc! Tôi ở Úc Châu, có một hôm, hiệu trưởng trường đại học mời tôi dùng cơm. [Đó là] hiệu trưởng trường Cách Lý Phi Tư (Griffith), rất khó có là ông ta mời tôi đến nhà dùng cơm. Hai vợ chồng [đích thân] xuống bếp [làm cơm], chúng tôi là hai người khách, hai vị chủ nhân, bao nhiêu món ăn? Hai món! Quý vị nói xem: Đơn giản! Ăn rất thoải mái. Ông hiệu trưởng đích thân nấu một món, vợ ông ta nấu một món, thành hai món. Đó là sống qua ngày. Trong cuộc sống phải đại tự tại thì mới tốt, mới thoải mái. Do vậy, chẳng có trụ xứ.

“*Vô hữu trâm tích*”, nay chúng ta gọi “*trâm tích*” (朕跡) là điềm dự báo. Cảm ứng không có điềm dự báo. Vì sao không có trụ xứ? Khấp pháp giới hư không giới chính là trụ xứ

của Ngài, Ngài chẳng trụ một chỗ nào, mà là trụ khắp pháp giới hư không giới. Nơi nào có cảm, bèn ứng nơi đó. Quý vị thấy Ngài trụ tại lăm! Ngài có trụ xứ, sẽ chẳng đại trụ tại như thế. Không có điềm báo là ý nói “đến rất nhanh”. Vì thế, tiếp đó là nói tỷ dụ, như chớp xẹt giữa không trung, chẳng từ đâu đến, mà cũng chẳng đi về đâu! Hôm nay đã hết thời gian, chúng ta học tới đây, ngày mai vẫn giảng kể từ câu này.

Tập 116

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi sáu, dòng thứ nhất, xem từ câu thứ hai: “*Bồ Tát năng hóa*”, xem từ chỗ này!

“*Bồ Tát năng hóa vô lượng thân ứng hiện vi trần sát, vô hữu trụ xứ, vô hữu trầm tích, như điện kích không trung, vô sở tùng lai, khứ vô định tích. Bồ Tát bình đẳng, vô hữu tiên thủ, hậu bị đẳng phân biệt tâm, như điện quang chiếu vật, vô bi, thủ, tiên, hậu phân biệt*” (Bồ Tát có thể hóa vô lượng thân, ứng hiện trong các cõi nước nhiều như vi trần, chẳng có trụ xứ, chẳng có dấu vết, giống như chớp lóe giữa không trung, chẳng từ đâu đến, chẳng có dấu vết nhất định sẽ đi về đâu. Bồ Tát bình đẳng, chẳng có tâm phân biệt “cái này trước, cái kia sau” v.v..., giống như ánh chớp soi các vật, chẳng phân biệt cái này trước, cái kia sau). Đây là ý nghĩa trong Hội Sớ, ý nói các vị Bồ Tát tham dự pháp hội Vô Lượng Thọ lần này của đức Thế Tôn, số lượng vô lượng vô biên, đều là Pháp Thân đại sĩ. Trí huệ, thần thông, và đạo lực của những vị ấy bình đẳng với chư Phật Như Lai, trong hội Hoa Nghiêm, chúng ta đã thấy [điều ấy]. Chỉ là tập khí vô trí vô minh còn chưa đoạn sạch, nhưng trí huệ, thần thông, và đạo lực giống như chư Phật Như Lai. Vì thế, các Ngài có năng lực hóa thân, hóa bao nhiêu thân? Vô lượng vô số vô tận thân tướng, ứng hiện trong vi trần sát độ. Câu nói này khiến cho chúng ta thật sự thấu hiểu những người ấy, tức là những người trong cõi Thường Tịch Quang và cõi Thật Báo, năng lực cảm ứng quả thật chẳng thể nghĩ bàn, thật đấy, chẳng giả đâu!

Chúng sanh trong các cõi nhiều như vi trần có cảm, các Ngài đều có thể ứng. Cũng rất có thể là thế giới của chúng ta trong hiện thời chính là một cõi nước nằm trong một hạt vi trần, bọn phàm phu chúng ta chẳng biết chân tướng rốt ráo. Hơn nữa, cõi nước đúng như cổ đại đức Trung Quốc đã nói: “*Lớn chẳng ra ngoài*”, nhìn từ chỗ lớn, hiện thời gọi là “thế giới vĩ mô”, [sẽ thấy] thế giới chẳng có ngăn mé, chẳng có ranh giới, vô cùng lớn. Nhìn từ chỗ nhỏ, nhìn vào vi trần, trong một mảy vi trần có cõi nước, trong cõi nước ấy lại có vi trần, trong vi trần lại có cõi nước. “*Cái nhỏ chẳng ở trong*”, chẳng tìm được [cái nào rốt cuộc ở] bên trong. Lớn là vô lượng vô biên, nhỏ là vô cùng vô tận, đó là gì? Đây là tự tánh, tự tánh chẳng thể nghĩ bàn!

Như Lai và các vị đại sĩ đã chứng đắc tâm tánh viên mãn, đã minh tâm kiến tánh. Sau khi đã kiến tánh, chúng ta hỏi các Ngài có trụ xứ hay không? Chẳng có! Nếu nói thật với quý vị về trụ xứ thì chỗ nào cũng đều là Thường Tịch Quang, cho nên chẳng có trụ xứ! Nơi nơi đều là cõi Thật Báo, cõi Thật Báo chẳng có nơi chốn nhất định. Chúng sanh trong mười pháp giới có trụ xứ, các trụ xứ ấy do đâu mà có? Chúng ta hiểu: Từ trong ý niệm sanh ra huyền tướng và cảm nhận sai lầm, đây mới là chân tướng sự thật. Không có trụ xứ, nhưng chính mình chấp trước có trụ xứ, không có nơi chốn mà chấp trước có nơi chốn. Các đại sĩ thấy đều buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, nên trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã nói: “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên chẳng trụ vào đâu để sanh tâm). “*Vô hữu trụ xứ*” chính là “*vô sở trụ xứ*”. Thích Ca Mâu Ni Phật đã kiến tánh rồi, trụ “*vô sở trụ*”. “*Vô hữu trẫm tích*”, “*trẫm tích*” (朕跡) chính là diêm báo trước. Ngài đến chẳng có dấu hiệu báo trước, Ngài rời khỏi cũng chẳng có dấu hiệu báo trước. Không từ đâu đến, mà cũng chẳng đi về đâu, chẳng có dấu vết gì! Ở đây, nêu lên một thí dụ: “*Như điện kích không trung*” (như chớp lóe trong không trung). Tia chớp: Trời đổ mưa, chúng ta thấy tia chớp, tia chớp do đâu mà có? Trong một sát-na, ánh sáng ấy chẳng còn nữa, nó đến nơi đâu? Chẳng từ chỗ nào đến, mà đi cũng chẳng có tung tích. Bồ Tát ứng hóa trong đại thiên thế giới, ứng hóa trong mười pháp giới, giống như chớp lóe trong không trung, hiện tượng này xuất hiện trong sát-na. Nói thật ra, ứng thân của Phật, Bồ Tát là như thế. Thân của chúng ta trong mười pháp giới hoặc trong lục đạo chúng sanh được là “*nghiệp báo thân*”, các Ngài chẳng có, các Ngài là “*hễ chúng sanh có cảm, bèn tự nhiên ứng hiện*”, cảm ứng đạo giao trọn chẳng sai thời. Cảm lúc nào bèn ứng lúc đó, chẳng bỏ lỡ lần nào! Chẳng có mảy may bỏ lỡ.

Chúng sanh trong lục đạo hay trong mười pháp giới bị nghiệp lực lôi dắt. Tâm quý vị ô nhiễm, chẳng thanh tịnh, quyết định sanh trong lục đạo luân hồi. Tâm địa thanh tịnh, tịnh mà chẳng nhiễm, chắc chắn là quý vị sanh trong bốn thánh pháp giới. Bốn thánh pháp giới là Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, lục đạo là uế độ Thích Ca Mâu Ni Phật; đó là nói về thế giới Sa Bà. Trong uế độ là lục đạo, có thiện, có ác. Thiện tâm, thiện hạnh sanh trong tam thiện đạo. Nói thông thường, thiên đạo, A Tu La đạo và nhân đạo được gọi là “*tam thiện*”

đạo”. Trên thực tế, đức Phật đã nói về A Tu La rất rõ ràng. Ngoại trừ địa ngục không có A Tu La, bốn đường khác đều có A Tu La. Thiên có A Tu La, ba đường kia: Nhân đạo có A Tu La, súc sanh có A Tu La, quỷ có A Tu La. Trong lục đạo, bốn đạo ấy đều có A Tu La, chỉ có địa ngục là không có. Thiên A Tu La được coi như thiện đạo, ngoài ra, nhân gian A Tu La, súc sanh A Tu La, ngạ quỷ A Tu La đều chẳng thể xem là thiện đạo, chỉ có Thiên A Tu La được kể là thiện đạo. Đối với tam thiện đạo và tam ác đạo, tâm hạnh bất thiện cảm ứng tam ác đạo, tâm hạnh thiện cảm ứng tam thiện đạo. Tiêu chuẩn thiện - ác là kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo do đức Phật đã giảng, đó là tiêu chuẩn. Vì thế, đức Phật khuyên chúng sanh “chẳng thể không tu thiện”, không tu thiện thì đời sau sẽ vào tam đồ, tam đồ quá khổ!

Tuy Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, đặc biệt là trong lục đạo, chúng ta đang ở trong lục đạo, tâm Bồ Tát bình đẳng, thanh tịnh. Tuy Bồ Tát có ứng, nhưng Ngài trước nay chẳng khởi tâm động niệm. Vì thế nói: “*Vô hữu tiên thử hậu bỉ đẳng phân biệt tâm*” (cho nên chẳng có tâm phân biệt như cái này trước, cái kia sau v.v...). Ngài giống như mặt trời chiếu khắp đại địa, chẳng có phân biệt, thứ gì cũng chiếu tới. Chúng ta có nghiệp chướng, tuy mặt trời rạng rỡ cũng chiếu chẳng thấu, nghiệp chướng gì vậy? Quý vị trốn trong phòng, mặt trời chẳng soi thấu. Quý vị ra cửa che dù, mặt trời cũng chẳng chiếu tới quý vị. Đó là chính quý vị có nghiệp chướng, bị chướng ngại, chẳng phải là mặt trời không chiếu quý vị, mà là quý vị chẳng muốn nó chiếu thấu. Phật, Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới giống như thế đó, chiếu khắp hết thảy chúng sanh, “*như điện quang chiếu vật, vô bỉ thử tiên hậu phân biệt*” (giống như ánh chớp soi vật, chẳng có kia, đây, trước, sau phân biệt). Vì sao? Ngài đã chứng đắc “vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể”. Một Thể đương nhiên chẳng có phân biệt “đây - kia, trước - sau”, một Thể mà! Đối với cảnh giới này, người học Phật chúng ta phải phát tâm, các Ngài đã chứng đắc, chúng ta cũng phải nên chứng đắc, đó mới là đúng!

Tiếp theo đó có chú giải. Hoàng lão cư sĩ chú giải: “*Thượng vân Bồ Tát nhất niệm*” (nhất niệm của Bồ Tát như vừa nói trên đây), điều được nói trong phần trước. “*Thượng vân*” (上云) là trong phần trước đã nói, một niệm của Bồ Tát “*phổ chí thập phương*”, tức là khắp pháp giới hư không giới, một niệm trọn khắp pháp giới. “*Cố kỳ thần tốc, siêu quá quang tốc vô lượng ức bội*” (cho nên nó thần tốc, vượt trội tốc độ của ánh sáng vô lượng ức lần), chắc chắn không phải là tốc độ ánh sáng hoặc tốc độ của tia chớp có thể sánh bằng. Điều này giống như điều thứ nhất trong phần “*thị tam biến*” (chỉ bày ba thứ trọn khắp) trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, một niệm vừa mới động bèn trọn khắp pháp giới. Ý nghĩa “*trọn khắp pháp giới*” tương ứng với những điều kinh điển đã nói, vô lượng vô biên thế giới, cho đến vi trần sát độ, nhà Phật thường nói là “*mười phương sát độ, vi trần pháp giới*”. Mười phương cõi nước là thế giới vĩ mô, vi trần pháp giới là thế giới vi mô. Một niệm tới khắp, thảy đều đạt đến. Đó là nói về chuyện “*hóa hiện thân mình giống như ánh chớp*”. Kinh Kim

Cang nói “*vô trụ sanh tâm*”. Do câu này, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đại triệt đại ngộ, “*hãy nên không trụ vào đâu mà sanh tâm*”.

Hai câu kế tiếp [trong chánh kinh] là lia khỏi sự trói buộc của kiến giải: “*Liệt ma kiến võng, giải chur triền phược*” (xé rách lưới ma kiến, tháo gỡ các trói buộc), “*triền*” là chữ triền trong triền nhiễu (纏繞: quấn trói). “*Liệt giả, phá dã*” (Liệt là phá). Lời Chú Giải cho biết Liệt (裂) là phá. “*Ma giả, Trí Độ Luận viết: Đoạt huệ mạng, hoại đạo pháp công đức thiện bản, thị cố danh vi Ma*” (Trí Độ Luận giảng Ma là “đoạt huệ mạng, phá hoại cội gốc lành của đạo pháp và công đức, nên gọi là Ma”). Trên thực tế, Ma có nghĩa là “*chiết ma*” (折磨: vùi dập). Con người bị vùi dập, đau đớn chẳng thể chịu nổi. Lương Vũ Đế cảm thấy vùi dập còn đáng sợ hơn quỷ, nên đổi với chữ Ma (磨), phía dưới chữ Ma vốn là chữ Thạch (石), bỏ chữ Thạch, đổi thành chữ Quỷ (鬼), [ngụ ý sự vùi dập] giống như ma quỷ. Chữ này do Lương Võ Đế sáng chế. Trong cổ tự Trung Quốc chẳng có, [trước thời Lương Võ Đế] không có chữ này. Vì thế, quý vị đọc những sách vở xưa, trong ấy vẫn dùng chữ Ma (磨) trong Chiết Ma (折磨), hãy nên biết hai chữ [磨 và 魔] có ý nghĩa giống nhau. Nó chương ngại Pháp Thân huệ mạng, phá hoại đạo pháp của chúng ta, phá hoại đạo đã học, pháp đã tu, công đức thiện bản mà chúng ta đã tu. Thiện bản là gì? Thiện bản là Thập Thiện. Tất cả hết thảy thiện pháp đều xuất sanh từ Thập Thiện. Thập Thiện giống như cội rễ, nên gọi là “*thiện căn*”, “*thiện bản*” và “*thiện căn*” có cùng một ý nghĩa. Nó phá hoại thiện căn và công đức của quý vị, công đức là Định Huệ. Những thứ ấy gọi là Ma, phạm vi ý nghĩa của chữ Ma vô cùng rộng rãi.

“*Kiến*” (見) chỉ điều gì? Tiếp theo đó, sách viết: “*Chỉ tư lự*” (chỉ các thứ suy nghĩ). Vì vậy, chữ Kiến này hiểu theo nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp. Hiểu theo nghĩa hẹp thì [Kiến] là chúng ta mắt thấy, tai nghe. Dùng một chữ Kiến theo nghĩa rộng để đại diện toàn bộ, sáu căn khởi tác dụng đều dùng một chữ Kiến. Người Trung Quốc chuộng đơn giản, chẳng ưa phiền phức, nên trong chữ Kiến bao gồm cả tư lự, [tức là] tư tưởng, sự tìm tòi nghĩa lý, nghiên cứu, và sự quyết định của chúng ta. Những điều này đều có thể dùng chữ Kiến để tượng trưng. “*Kiến*” có ý nghĩa rất rộng, bao gồm tà, chánh, có chánh kiến, tà kiến. Chánh kiến bèn gọi là Phật, Bồ Tát; tà kiến là ma kiến. Dùng cách nói [trong sách Chú Giải] ở đây, chánh kiến là thành tựu huệ mạng, đạo pháp, công đức, thiện bản của chúng ta. Đó là chánh tri chánh kiến. Nếu nói tới ma kiến thì ma kiến là tà kiến, nó phá hoại huệ mạng, đạo pháp, công đức, thiện bản của chúng ta, đó chính là ma. Chỉ Quán: Quyển thứ năm trong bộ Ma Ha Chỉ Quán của tông Thiên Thai có một đoạn văn như sau: “*Nhất thiết phàm phu, vị giai thánh đạo, giới nhĩ khởi kế, tất giai thị Kiến*” (hết thảy phàm phu chưa đạt đến địa vị thánh đạo, một niệm nhỏ nhoi vừa dấy lên bèn đều là Kiến). Chúng ta đọc câu tiếp đó: “*Hựu Đại Thừa Nghĩa Chương đệ ngũ quyển thuyết: Thôi cầu thuyết chi vi Kiến*” (lại nữa, Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển thứ năm nói: “Tìm tòi nghĩa lý bèn gọi là Kiến”). Do vậy, nó bao gồm tư lự,

quyết định, bao gồm những ý nghĩa ấy. “*Thử thượng thị quảng nghĩa, phàm hữu tư lự, kế giáo, phân biệt, thôi cầu*” (trên đây là nghĩa rộng, hẳn có suy tính, so đo, phân biệt, tìm tòi nghĩa lý), “*kế giáo*” (計較) là chấp trước, “*tư lự*” (思慮) là vọng tưởng, nay chúng ta gọi “*thôi cầu*” (推求) là nghiên cứu, thuộc loại ấy. “*Đẳng đẳng*” (vân vân) đều gọi là Kiến, “*tất danh vi Kiến*” (đều gọi là Kiến).

“*Hựu Chi Quán thập viết: Tác quyết định giải, danh chi vi Kiến*” (Lại nữa, sách Chi Quán quyển mười nói: “Tạo sự hiểu biết quyết định thì gọi là Kiến”), ý nghĩa này khá hẹp. Trong phần trên là nghĩa rộng, ở đây là nghĩa hẹp. “*Duy chỉ cụ quyết định tánh chi tri giải*” (chỉ là nói về sự hiểu biết có tánh chất quyết định). Cũng có thể nói theo kiểu người Trung Quốc là “*thành kiến*”. Người nào đó có thành kiến rất sâu, chấp trước kiến giải của chính mình là chánh xác. Như phàm nhân hiện thời chấp trước “*tôn giáo là mê tín*”, tôn giáo có phải là mê tín hay không? Kẻ ấy nói chính hẳn có nghiên cứu, tôn giáo xác thực là mê tín; nhưng cũng có những người bảo “*tôn giáo tuyệt đối không phải mê tín, tôn giáo là trí huệ*”. Quý vị thấy đó, chấp trước của hai loại người ấy chắc chắn khác nhau, vì sao? Trong ấy có tà và chánh. Có người quyết định là chánh xác, có người quyết định là chẳng chánh xác. Chẳng chánh xác mà ngỡ là chánh xác, đó gọi là “*thành kiến*”. Đức Phật dạy chúng ta phải nên buông xuống. Quý vị thấy ở đây nói: “*Kiến hữu tà chánh*”, có tà kiến, có chánh kiến, có hữu kiến, có vô kiến, có đoạn kiến, có thường kiến, những thứ này đều gọi là tà kiến. Ý nghĩa này sâu lắm, chỉ cần quý vị có kiến giải thì đều gọi là tà kiến, vì sao? Trong tâm tự tánh thanh tịnh chẳng có kiến, chẳng có tà, chánh, mà cũng chẳng có hữu, vô, mà cũng chẳng có đoạn, thường. Trong tự tánh thanh tịnh tâm, Kiến gì cũng không có, đây mới là chánh tri chánh kiến. Tâm chư Phật Như Lai vĩnh viễn “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, chỉ cần có niệm khởi lên sẽ chẳng giác, chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng. Ý nghĩa này rất sâu, nhưng là thật, chẳng giả! “*Ma kiến võng giả, tà kiến sâm si giao lạc, linh nhân nan ư thoát ly, thí như la võng*” (“*Lưới ma kiến*”: Tà kiến rối bời giao xen, khiến cho con người khó thoát lìa, ví như lưới rập); do vậy, kinh Phật thường dùng chữ “*tà kiến võng*”. “*Ma kiến võng*” chính là lưới tà kiến. Kinh Hoa Nghiêm giảng: “*Ngã mạn khái quán, kiến võng tăng trưởng*” (ngã mạn tưới tắm, lưới kiến giải tăng trưởng), thành kiến từ đâu sanh ra? Trong năm thứ Kiến Hoặc, Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến đều là Thành Kiến như người Trung Quốc đã nói. Giới Thủ Kiến là nói theo nhân, Kiến Thủ Kiến là nói theo quả, đều là chấp trước, chấp trước kiên cố, cho chính mình là đúng, người khác là trật. Cội nguồn ở chỗ nào? Cội nguồn ở chỗ ngạo mạn. Tâm sân khuể được bao gồm trong ấy. Kiêu căng, ngã mạn, cuồng vọng tự đại. Ngược lại là cung kính, hư tâm (tâm rỗng rang) thì sẽ chẳng có những khuyết điểm ấy. Hễ tự cho mình là đúng, chắc chắn đọa trong lưới tà kiến, chẳng sanh trí huệ, sẽ sanh phiền não. Như trong phần kế tiếp, Trí Độ Luận quyển thứ mười một có nói: “*Thị nhân tà kiến võng, phiền não phá chánh tri*” (người ấy vướng trong lưới tà kiến, phiền não phá chánh trí). Lưới ma

kiến là lưới tà kiến, trí huệ chẳng còn nữa, trí huệ biến chất, biến thành phiền não. Thật ra, chánh trí là Bát Nhã, đức năng và tướng hảo trọn chẳng bị mất đi, chỉ là biến chất, vì trong tâm quý vị có Tam Độc. Tham, sân, si là Tam Độc, có lúc đức Phật giảng năm điều, gọi là Ngũ Độc, tức là tham, sân, si, kể thêm ngạo mạn và nghi hoặc, nên gọi là tham, sân, si, mạn, nghi, Ngũ Độc. Ngũ Độc tấn công cái tâm, quý vị có thể nào chẳng mê hoặc ư? Chánh trí của quý vị chẳng thấy đâu nữa, phiền não dấy lên. Đức Phật dạy con người tu hành là tu gì vậy? Tu từ nơi đâu? Hãy bắt tay tu từ chỗ này, buông Tam Độc, Ngũ Độc xuống. Có thể buông xuống hay không? Có thể chứ! Vì sao? Chúng chẳng phải là thật. Trong chân tánh không có những thứ ấy; trong chân tánh có Giới, Định, trí huệ.

Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc bảo: Trong chân tánh có Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, tự tánh vốn sẵn có [những thứ ấy]. Dùng một chữ để đại diện những thứ ấy, tức là dùng một chữ để đại diện Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, chữ đó là “Thiện”, bốn tánh vốn thiện. Thiện là gì? Ngũ Luân là thiện, Ngũ Thường là thiện, Tứ Duy là thiện, Bát Đức là thiện. “*Nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” (con người thoát đầu, tánh vốn lành), trong chữ Thiện ấy là bốn khoa mục lớn (Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức). Ngũ Luân là nói tới quan hệ, quan hệ giữa người và người, quan hệ giữa con người và hoàn cảnh tự nhiên, quan hệ giữa con người và núi, sông, đại địa, hiện thời nói đến quan hệ giữa con người và địa cầu, quan hệ giữa con người và vũ trụ. Nói tới các mối quan hệ bèn gọi là luân lý. Phật pháp giảng [luân lý] hoàn bị nhất, thánh nhân Trung Quốc cũng rất lỗi lạc, nghiêm nhiên cũng nói: “*Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể*” (trời đất và ta cùng một căn cội, vạn vật và ta cùng một thể). Điều ấy chẳng khác những gì được nói trong sách Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Phật pháp giảng rõ ràng, minh bạch, còn trong sách vở của cổ Trung Quốc chỉ có mấy câu, lược tả phớt qua mà thôi, chúng ta chớ nên không biết. Kinh thường nói chuyện này “*chỉ có Phật và Phật mới có thể thông hiểu rốt ráo*”. Khi nào quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đã thành Phật, bèn thấu hiểu triệt để chân tướng sự thật này, thấu hiểu triệt để rốt ráo, đúng là do một tự tánh biến hiện. Trong kinh Đại Thừa thường nói: “*Ngoài pháp chẳng có tâm*”, “*pháp*” là Pháp Tướng, Pháp Tướng toàn là do tâm hiện, nên ngoài pháp chẳng có tâm. “*Ngoài tâm chẳng có pháp*”, tất cả hết thảy các pháp đều sanh từ tâm tưởng, rời khỏi tâm tưởng sẽ chẳng có một pháp nào để đạt được. Pháp Tánh và Pháp Tướng là một, không hai, có quan hệ là cùng một loại. Sau khi đã hiểu rõ mối quan hệ ấy, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta xử lý mối quan hệ ấy sao cho tốt đẹp. Đó là Đức.

Người Hoa nói tới Ngũ Thường, “*phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trượng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín*” (cha con có tình thân ái, vợ chồng có trách nhiệm khác biệt, vua tôi có nghĩa, già trẻ có tôn ty trật tự, bạn bè giữ chữ tín), đây là nói tới luân lý, phát triển đến cuối cùng, trong bốn biển đều là anh em. Sự phát triển này nói rõ điều

gì? Nói rõ toàn thể nhân loại là người một nhà. Trong tôn giáo của ngoại quốc có nói con người do đâu mà có? Thủy tổ nguyên thủy của nhân loại là do Chúa tạo ra, Á Đương (Adam) và Hạ Oa (Eve)^{123[2]} là tổ tiên của nhân loại. [Theo họ], toàn bộ nhân loại trên thế giới đều là hậu duệ của Á Đương và Hạ Oa, đều là con cháu của họ, là người một nhà, nói rất hay. Á Đương và Hạ Oa do đâu mà có? Do Chúa tạo. Vì vậy, Chúa mới là cội nguồn thật sự của nhân loại, do Ngài tạo ra. Đây là cách nói trong tôn giáo. Nói theo Phật pháp, tự tánh là vốn có, chẳng phải do bất cứ kẻ nào sáng tạo, mà là vốn sẵn có. Bản tánh vốn sẵn có, bản tánh vốn lành, vốn là sẵn có. Vũ trụ, sanh mạng, vạn vật hình thành như thế nào? Kinh Phật dạy: “*Một niệm bất giác bèn có vô minh*”, vô minh là ba tế tướng của A Lại Da, A Lại Da sanh ra hết thảy vạn vật. A Lại Da là gì? A Lại Da là vọng tâm. Trong kinh luận của Pháp Tướng Duy Thức, đức Phật bảo A Lại Da nửa chân, nửa vọng. Thể của nó là Chân, là chân tánh, nửa kia là vọng. Vọng tức là nó vọng động, nhất niệm bất giác nó bèn động, động rồi bèn dấy lên một niệm. Niệm ấy do lý do gì mà khởi? Chẳng có lý do, khi nào khởi? Chẳng có khi nào. Khởi ở đâu? Chẳng có nơi chốn. Nó vừa động, vọng tâm bèn hiện tiền. Chân tâm có thể hiện, có thể sanh, vọng tâm có thể biến, biến thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là do vọng tâm. Hiện thời các nhà khoa học gọi vọng tâm là “ý niệm”. Trong tâm chúng ta khởi niệm, niệm ấy có thể biến, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là cái được biến, kinh Phật giảng nguyên khởi của vũ trụ là như thế. Chúng ta đọc nhiều, học tập nhiều, sau đây sẽ thông suốt những điều được nói ở đây, cách nói này rất hợp lý. Họ nói là “Chúa tạo”, trong Phật pháp, Chúa là ai? Chúa chính là A Lại Da; vì thế, A Lại Da còn gọi là “thần thức”, đó là danh xưng trong kinh Phật, nó tạo ra vạn vật. Vì vậy, nói “vạn vật do Chúa tạo”, người học Phật chúng ta thừa nhận, [vì Chúa tạo tức là] thần thức tạo, năng lượng của thần thức chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng ta phải phản vọng quy chân (bỏ vọng về với chân), thánh nhân Trung Quốc nói hay lắm: “*Khắc niệm tác thánh*” (khắc chế ý niệm bèn trở thành thánh). “*Niệm*” là vọng niệm, [“*khắc niệm tác thánh*” nghĩa là] quý vị có thể khắc phục vọng niệm bèn là thánh nhân. Phàm phu bị vọng niệm chuyên, khổ chẳng thể nói nổi. Thánh nhân có thể khắc phục vọng niệm, vọng niệm chẳng còn nữa, chánh niệm hiện tiền, đó là thánh nhân. Vọng niệm là phiền não, chánh niệm là trí huệ, danh từ trong nhà Phật [gọi chánh niệm] là Bồ Đề. Chuyển vọng thành Chân chính là “*học Phật*”. Phương pháp cụ thể để khắc phục chính là buông dục vọng xuống, dục vọng chẳng thật. Trong Phật pháp thường nói tới Ngũ Dục, Lục Trần. Ngũ

^{123[2]} Theo ngụ ý, cách phiên âm tên bà Eve thành Hạ Oa là do dựa theo cổ ngữ Do Thái. Trong cổ ngữ Do Thái, tên bà này thường được ghi là Hawwāh, tiếng Do Thái hiện thời ghi là Khavah. Người Hy Lạp ghi tên bà này thành Heúā, và bị biến âm lẫn nữa thành Eva hoặc Eve sau này. Theo suy đoán của giới sử học, cái tên Hawwāh phát xuất từ tên nữ thần Kheba của dân Hurrian (cổ dân cư sống tại vùng Cận Đông và Lưỡng Hà), và Kheba lại là biến thể của Kubau, tức tên một nữ vương của vương triều Kish. Kish là thành phố Tell al-Uhaymir của vương triều Sumer tại Lưỡng Hà (Mesopotamia) sau này.

Dục là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, người trong thế gian ưa thích năm thứ ấy, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, nhưng trong kinh Phật nói năm thứ ấy là gì? Là năm cội rễ của địa ngục! Trong đời người, chẳng thể thiếu khuyết năm thứ ấy, quý vị chẳng có cách nào lìa khỏi chúng. Đức Phật dạy chúng ta, đối với năm chuyện ấy, vừa phải bèn thôi! “Vừa phải bèn thôi” là gì? Trong cuộc sống hằng ngày, sử dụng nó, đừng khởi tâm tham, đừng sanh sân khuể. Nếu ưa thích nó, hãy đừng tham luyến. Nếu chán ghét nó, đừng căm kính. Đó gọi là “vừa phải bèn thôi”. Hiểu rõ nó, chẳng mê hoặc tí nào, đó là chẳng si. Thái độ của chính mình là bất luận trong cuộc sống, đãi người, tiếp vật đều phải khiêm hư, phải cung kính con người lẫn sự vật, chẳng ngạo mạn, tin sâu xa, chẳng nghi ngờ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Quý vị thấy tham, sân, si, mạn, nghi chẳng còn nữa, như vậy là quý vị sống cuộc đời bình thường, đúng mực, sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn.

Thuở trước, giáo sư Phương Đông Mỹ dạy tôi Phật giáo, bảo tôi: “*Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời*”. Hưởng thụ cao nhất là trong cuộc sống hằng ngày chẳng có tham, sân, si, mạn, nghi, đó chính là hưởng thụ cao nhất. Nếu có thể khắc chế ngũ dục, lục trần, cũng là nói “vừa phải bèn thôi”, có một chút ít bèn thỏa mãn, đó là hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời. Nếu tham lam chẳng chán, oán hận chẳng bỏ, cuộc sống của kẻ ấy rất bi ai, mà cũng rất đáng thương, khổ chẳng thể nói nổi! Sống đúng bản phận, như Thích Ca Mâu Ni Phật đã biểu diễn cho chúng ta thấy, mỗi ngày chỉ cần có thể ăn no, mặc đủ ấm, có chỗ để che mưa tránh gió, đủ rồi! Biết đủ, thường vui! Chẳng cần phải tính toán, mong cầu. Tính toán, mong cầu sẽ khổ sở khôn kể xiết, nhất định phải sống trong thế gian này sao cho thân tâm của chính mình chẳng bị áp lực, người hiện thời nói là “không có stress”, thông dong, thoải mái, cuộc sống ấy tốt đẹp lắm, cuộc sống ấy mỹ mãn lắm! Chớ nên tự chuốc lấy khổ, mỗi ngày trong lòng lo âu, toan tính, bận tâm khôn xiết, đó là tự chuốc khổ! Đã giác ngộ, hãy buông triệt để những thứ vàn muôn đầu mối ấy xuống, chẳng phải là không có chuyện gì ư? Buông xuống bèn thành Phật, thành Phật bèn chẳng có chuyện gì nữa! Sau khi thành Phật, giáo hóa chúng sanh, tự tại lắm! Giáo hóa chúng sanh, quý vị thấy “*vô trụ sanh tâm*” có thể hiện vô lượng vô biên thân, chẳng chấp tướng, chẳng khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, có thể hiện hết thấy tướng. Hiện tướng giáo học, vì chúng sanh thị hiện các thứ mà vẫn chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đấy mới là cao minh, cao minh đến tột bậc, đấy mới là pháp hỷ, đấy mới là Cực Lạc. Vì thế, đối với Cực Lạc, một niệm giác quý vị bèn chứng đắc Cực Lạc, một niệm mê sẽ khổ khôn kể xiết! Phật, Bồ Tát giáo hóa hết thấy chúng sanh chẳng có chi khác, không gì chẳng nhằm dạy họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Lìa là buông xuống, bỏ đi, cội nguồn của khổ là tham, sân, si, mạn, nghi, quý vị dẹp trừ những thứ ấy, chúng nó chẳng phải là những thứ tốt đẹp.

Tiếp đó, lão cư sĩ dùng một câu trong Trí Độ Luận để làm chứng: “*Hữu niệm đọa ma võng, vô niệm tắc đắc xuất*” (hữu niệm đọa lưới ma, vô niệm bèn ra khỏi). Ai không có ý

niệm? Có tà niệm bèn đọa lưới ma, lục đạo luân hồi là tà niệm. Có chánh niệm, thiện niệm bèn sanh trong tam thiện đạo, ác niệm sanh trong tam ác đạo, đều chẳng thoát khỏi luân hồi. Vì thế nói thiện niệm hay ác niệm đều là tà niệm, quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Tốt đẹp hơn một bậc là quý vị có tịnh niệm, có chánh niệm, vượt thoát luân hồi, sanh trong bốn thánh pháp giới, Phật, Bồ Tát vẫn nói đó là tà niệm, hễ có niệm bèn đọa trong lưới ma. Vì sao? Quý vị có niệm! Quý vị có Phật niệm, có Bồ Tát niệm, vẫn đọa trong lưới ma. Lưới ma là gì? Bốn thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, tức là Phật trong mười pháp giới, chưa ra khỏi mười pháp giới. Lục đạo là lưới ma nhỏ, bốn thánh pháp giới là lưới ma to. Đã thoát khỏi lưới ma nhỏ, nhưng chưa thoát khỏi lưới ma to. Làm cách nào đây? Vô niệm. Vô niệm bèn thoát khỏi! Tôi lại thật thà thưa cùng quý vị, quý vị vô niệm cũng chẳng thoát được, vì sao? Vì quý vị có vô niệm, vẫn là có niệm, nên quý vị chẳng thoát ra được. Vô niệm là gì? Hữu niệm lẫn vô niệm thấy đều không có thì mới có thể thoát ra. Nếu có vô niệm là hỏng rồi. Bởi lẽ đó, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, nhưng Ngài thường phủ nhận: “Ta chẳng giảng kinh. Quý vị nói ta giảng kinh thì chính là báng Phật!” Vì sao? Chẳng chấp thuận quý vị có ý niệm “Phật”. Trong tâm tự tánh thanh tịnh, niệm gì cũng đều chẳng có. Có sao quý vị giữ chặt ý niệm “Phật” ấy? Chuyện này khó thể hiểu rõ, hữu niệm bèn đọa lạc, vô niệm vẫn đọa lạc, nhưng chúng ta tu Tịnh Độ lại chẳng sợ. Tịnh Độ Tông đã giải quyết vấn đề này. Tịnh Độ Tông chẳng cho phép quý vị có niệm nào khác, chỉ chấp nhận cho quý vị có ý niệm A Di Đà Phật, cách này tuyệt diệu! A Di Đà Phật thì ta vẫn là hữu niệm? Chẳng sai! Ý niệm A Di Đà Phật này vẫn đọa trong lưới, nhưng chẳng phải là lưới ma, mà là đọa trong lưới A Di Đà Phật, bị A Di Đà Phật chụp lấy đem đi; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ diệt trừ ý niệm A Di Đà Phật này, quý vị bèn thành Phật. Cách này đúng là mâu nhiệm tột bậc, thật sự chẳng thể nghĩ bàn, quá hay!

Hiện thời, chúng ta nói là “hữu niệm lẫn vô niệm chắc chắn đoạn chẳng được”, quý vị nói “ta đoạn hết hữu niệm” bèn biến thành vô niệm. Vô niệm chẳng có, bèn biến thành hữu niệm, luôn rơi vào nhị biên, chẳng có cách nào sanh tồn trong nhị biên, mà sanh tồn trong ấy thì cũng trật rồi! Quý vị thấy cổ nhân nói: “*Nhị biên chẳng lập*”, Trung Đạo cũng chẳng còn, trung gian cũng không có, “*Trung Đạo chẳng tồn tại*”. Đây mới là thật sự vô niệm. Vô niệm bèn hồi quy tự tánh, trong tự tánh chẳng có niệm. Chân tâm ly niệm, niệm chẳng còn nữa, chân tâm bèn hiện tiền, đó cũng chính là như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, làm sao quý vị có thể hữu niệm? Chúng ta không có bản lãnh ấy! Tu pháp môn ấy là người thượng thượng căn, chúng ta là kẻ nghiệp chướng sâu nặng, chẳng có cách nào học tập! Chỉ có tu pháp môn Niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng, quyết định có thể xuất ly trong một đời này. Vì thế, pháp môn Niệm Phật được gọi là vô niệm vì chẳng có hết thấy niệm; [mà cũng] nói là hữu niệm vì có một niệm A Di Đà này. Quý vị thấy đối với A Di Đà Phật bèn bảo chấp trì danh hiệu, nhà Phật nói “phá chấp trước”. Ở chỗ

này, dạy quý vị chấp trước, tức là quý vị phải chấp trước danh hiệu, phải gìn giữ, đừng để bỏ mất, niệm đầu nghĩ tại đó, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra, cái gì cũng chẳng có. Chúng ta có thể hành phương pháp này, mỗi người đều có thể làm được. Xác thực là Tịnh Tông đảm bảo hết thảy chúng sanh thoát khỏi lục đạo và mười pháp giới trong một đời, toàn bộ đều được vượt thoát.

Sau đó, cụ Niệm Tổ tổng kết bằng một câu rất hay: “*Khả kiến khởi tâm động niệm giai đọa ma vông, duy hữu tịnh niệm tương kế, vô niệm nhi niệm, phương đắc xuất ly dã*” (có thể thấy khởi tâm động niệm đều đọa trong lưới ma, chỉ có tịnh niệm tiếp nối, vô niệm mà niệm mới được thoát liã). Một câu A Di Đà Phật, ma giới không có, lục đạo không có, mười pháp giới cũng không có, chỉ có trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là có. “*Tịnh niệm tương kế, vô niệm nhi niệm*” (tịnh niệm tiếp nối, không niệm mà niệm), chẳng có hết thảy vọng niệm. Hết thảy các niệm đều là vọng niệm, chỉ niệm A Di Đà Phật. Vô niệm là không có những niệm khác, toàn bộ những niệm khác đều buông xuống, nhưng niệm là hữu niệm, chuyên niệm A Di Đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta [bí quyết] gồm tám chữ, quý vị đọc phẩm Tam Bối Vãng Sanh (ba bậc vãng sanh) sẽ biết: Đức Phật dạy chúng ta “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, tám chữ ấy. Nhất định phải phát Bồ Đề tâm. Nếu không phải là Bồ Đề tâm, dẫu một bề chuyên niệm, vẫn chẳng thể vãng sanh. Bồ Đề tâm là tâm gì? Trong kinh luận đã giảng giải chẳng dễ hiểu, hơn hai mươi năm trước, tối thiểu là hai mươi lăm trước, khi giảng kinh Di Đà tại Mỹ, tôi đã dùng năm chữ (thanh tịnh, bình đẳng, giác) trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ để giảng Bồ Đề tâm, thêm vào trước đó hai chữ “chân thành”, thêm vào sau đó hai chữ “từ bi”, giảng như vậy dễ dàng, mọi người đều dễ hiểu.

Bồ Đề tâm là gì? Tâm chân thành là bản thể của Bồ Đề tâm. Chân thành tâm, Chân là chẳng giả, Thành là chẳng dối, chẳng phải là hư ngụy. Trong cuộc sống hằng ngày, nếu sống bằng tâm chân thành, quý vị sẽ sống rất tự tại. Người khác dùng tâm hư ngụy để đối đãi ta, ta dùng tâm chân thành đối đãi hã, dụng tâm khác nhau. Tâm hư ngụy đối xử kẻ khác, tạo thành nghiệp bất thiện, quả báo trong tương lai là trong tam ác đạo. Ta dùng tâm chân thành đối xử với người khác, trong tương lai, ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật hoan nghênh ta, khác hã! Tâm chân thành là tự thụ dụng. Tâm chân thành cũng là đối xử với chính mình như thế nào. Đây là năm chữ trong tựa đề kinh: “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, tôi thêm một chữ [Chánh] vào thành “*Chánh Giác*”, đó là đối với chính mình. Tâm chân thành đối với chính mình là thanh tịnh, thanh tịnh là chẳng nhiễm ô. Thứ gì là nhiễm ô? Tự tư tự lợi là nhiễm ô; tiếng tăm, lợi dưỡng là nhiễm ô, ngũ dục, lục trần là nhiễm ô, tham, sân, si, mạn là nhiễm ô. Nhiễm ô thảy đều phải bỏ đi, chớ nên tiếp cận nó, tâm quý vị bèn thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Từ tâm thanh tịnh tiến cao hơn thành tâm bình đẳng, bình đẳng cao hơn thanh tịnh. Trong tâm bình đẳng, chẳng phân biệt, chẳng có ngạo mạn, chẳng có ganh ghét. Ngạo mạn và ganh ghét đều là tâm bất bình, chẳng còn [ngạo mạn và

ganh ghét] nữa, tâm đã bình đẳng. Tâm bình đẳng là máu chốt để đại triệt đại ngộ. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh là Chánh Giác. Một đệ tử Phật môn, làm học trò đức Phật, thường dùng điều này để đối đãi với chính mình, quý vị thấy bản thân quý vị vui sướng lắm, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Dùng tâm gì để đối đãi kẻ khác? Đối với chính mình là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đối với kẻ khác là đại từ đại bi. Nói cách khác, dùng tâm yêu thương chân thành, tâm yêu thương thanh tịnh, bình đẳng, tâm yêu thương giác chứ không mê để đãi người, đó là “*phát Bồ Đề tâm*”.

Nếu quý vị hỏi tôi phải làm sao mới có thể thực hiện được? Tôi bảo quý vị, hãy học tập Đệ Tử Quy, học tập Cảm Ứng Thiên, học tập Thập Thiện Nghiệp Đạo, thực hiện ba thứ ấy một trăm phần trăm, quý vị bèn làm được, tâm Bồ Đề của quý vị thật sự phát ra. Sau đó, một mực chuyên niệm, một phương hướng, nhất tâm nhất ý chuyên niệm A Di Đà Phật, chuyên cầu Tây Phương Tịnh Độ. Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng. Trong đời này, quý vị quyết định sanh về thế giới Cực Lạc, quyết định thân cận A Di Đà Phật, công đức của quý vị viên mãn. Tham, sân, si là Tam Độc; kể thêm ngạo mạn và hoài nghi, sẽ là Ngũ Độc, phải buông xuống. Nếu không buông xuống được, phiền phức của quý vị sẽ to lớn. Trong có Ngũ Độc, là mầm bệnh, năm thứ mầm bệnh nghiêm trọng, bên ngoài có cảm nhiễm, lẽ đâu quý vị chẳng bị bệnh? Bên trong trừ khử Tam Độc hoặc Ngũ Độc, quý vị gặp phải những bệnh tật bên ngoài bèn chẳng bị cảm nhiễm, nói theo y học hiện thời là quý vị có sức miễn dịch rất cao, rất mạnh. Bệnh truyền nhiễm gì quý vị cũng chẳng bị lây. Tánh của Bồ Đề tâm là tốt lành mà!

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Giải chur triền phược*”, Triền (纏) là quấn quanh, Phược (縛) là gì? Phược là trói chặt, giống như đem dây thừng buộc quanh, trói chặt quý vị, quý vị chẳng thể cựa quậy được! Đây là hình dung từ. “*Y Cảnh Hưng sư ý*” (theo ý của ngài Cảnh Hưng), Cảnh Hưng là một vị pháp sư Nhật Bản, Ngài nói “*triền phược*” chính là “*bát triền, tam phược*” như trong kinh Phật đã dạy. Chúng ta coi xem chính mình có tám thứ ấy hay không? Tám sợi dây thừng trói chặt quý vị, quý vị chẳng cựa quậy được! Ở đây, cụ Niệm Tổ có ghi một chú thích nhỏ: “*Dư chur gia đa vị thập triền tứ phược*” (các nhà chú giải khác phần nhiều nói là mười triền, bốn phược), cụ dùng thuyết “tám triền, ba phược” của pháp sư Cảnh Hưng. “*Mười triền, bốn phược*” có thể tra trong Phật Học Từ Điển. Điều thứ nhất trong tám triền là Vô Tàm. Chúng ta có Tàm (慚) hay không? Hai chữ Tàm và Quý là Thiện Tâm Sở, Vô Tàm và Vô Quý là phiền não. Tàm (慚) là gì? Người Hoa thường nói người ấy có lương tâm, làm chuyện sai quấy, lương tâm cắn rứt, trong tâm cảm thấy rất khó chịu, đó là có Tàm. Kẻ vô tàm thì sao? Làm đủ mọi chuyện xấu, chẳng cảm thấy đã làm chuyện sai quấy. Người bình thường chúng ta thường nói [kẻ ấy] vô lương tâm, kẻ ấy thiếu lương tri nên gọi là Vô Tàm. Quý (愧) là gì? Quý là sợ người khác chỉ trích. Chúng ta làm chuyện ác, người khác phê bình, chúng ta cảm thấy rất kinh sợ. Vì sợ đại chúng trong xã hội

phê bình, nên chẳng dám làm chuyện xấu, đó là Quý Tâm Sờ, tức là sợ bị dư luận chê trách. Nếu chúng ta làm chuyện xấu, chẳng sợ người khác dị nghị, chẳng màng kẻ khác phê bình, đó là Vô Quý. Quý vị thấy kẻ làm chuyện ác, chẳng bị lương tâm cắn rứt, mà cũng chẳng sợ kẻ khác phê bình thì kẻ ấy chuyện xấu gì cũng dám làm. Đặt hai điều này vào vị trí thứ nhất và thứ hai, có Tâm và Quý sẽ chẳng dám làm chuyện xấu. Nếu hiểu nhân quả, ta vừa dấy ác niệm, thiên địa, quỷ thần sẽ phê phán ta, ngay cả ý niệm bất thiện kẻ ấy cũng chẳng dám dấy lên. Quý vị thấy hai Tâm Sờ này đã sanh ra sức mạnh lớn lắm.

Thứ ba là Tật Đố (ganh ghét). Chúng ta phải lắng lòng suy nghĩ, chúng ta có tâm ganh ghét hay không? Thấy kẻ khác tốt đẹp, chúng ta có cảm xúc gì? Nếu cảm thấy người ấy vượt trội ta, tâm ta bực bội, ta cũng muốn trội hơn kẻ ấy, hoặc là càng làm quá lộ hơn một chút là bôi lọ những ưu điểm của kẻ ấy, phá hoại chuyện tốt của kẻ đó, những điều này đều phát xuất từ thói ganh ghét. Chưống ngại chuyện tốt của người khác, chúng ta có ý niệm ấy hay không? Dầu phiền não của chúng ta nhẹ hơn một chút, nhưng trong tâm chẳng thoải mái, chẳng làm chuyện phá hoại người khác, nhưng vẫn là có tâm ganh ghét. Bồ Tát chẳng có, Bồ Tát thấy điều tốt đẹp của người khác, tâm sanh hoan hỷ. Tu gì? Tu tùy hỷ công đức, người khác làm chuyện tốt, ta bèn tận tâm tận lực giúp kẻ ấy, khiến cho chuyện tốt của người ấy càng được làm tốt đẹp hơn, đó là Bồ Tát. Tuyệt đối chẳng chưống ngại kẻ khác, chưống ngại kẻ khác là ác nghiệp, đều là đọa tam đồ. Quý vị tùy hỷ công đức, người ấy có công đức to nhiều, người tùy hỷ đạt được công đức to như người ấy. Chẳng có năng lực tùy hỷ [bằng cách đóng góp công sức], bèn hoan hỷ tán thán, đến khắp nơi tuyên dương kẻ ấy thì cũng là tùy hỷ, công đức cũng giống hệt. Khi không có sức giúp đỡ quý vị, tôi dùng ngôn ngữ, dùng văn tự để tuyên dương công đức của quý vị, đó cũng là tùy hỷ. Quý vị thấy đó, là phước hay là họa đều thuộc trong một niệm. Chỉ có kẻ mê hoặc mới ganh ghét, chưống ngại; người thông minh có trí huệ chẳng làm chuyện ngu xuẩn ấy. Gặp người khác làm chuyện tốt, đó là cơ hội của chính mình đã đến, chúng ta có cơ hội để chính mình tích lũy công đức. Người ấy cầm đầu, đứng đầu, chúng ta theo sau giúp đỡ người ấy, thành tựu như nhau, chẳng tăng, chẳng giảm. Trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát có nguyện “*tùy hỷ công đức*” là nguyện thứ năm, tiếp ngay theo nguyện “*sám trừ nghiệp chướng*” là “*tùy hỷ công đức*”, phải học hiểu điều này.

Thứ tư là Xan (慳: keo kiệt). Xan và Tham thường gộp chung, Tham là tham cầu, Xan là gì? Chính mình có, nhưng chẳng bỏ ra được để giúp đỡ người khác, tâm lượng rất nhỏ, chỉ cầu tự lợi, chẳng biết lợi tha. Như vậy thì có thể giữ gìn sự phú quý của chính mình hay không? Thừa cùng chur vị, chẳng thể! Quyết định chẳng giữ được, mà còn khiến cho sự phú quý của chính mình bị hao tổn trên một mức độ to lớn! Phú quý do đâu mà có? Phú quý do tâm lượng rộng rãi mà có! Cổ ngôn ngữ Trung Quốc đã nói rất hay: “*Lượng to, phước lớn*”. Lượng nhỏ nhen, phước chẳng lớn, chẳng thể nào có đại phước báo. Lượng to lớn, chịu thí

xả, thấy người khác gặp khó khăn, tự mình toàn tâm toàn lực giúp đỡ, đó là đại phước báo. Giúp người khác nhưng chính mình còn giấu nghề, đó chính là xan tham, bị tổn phước, chẳng phải là tu phước. Nhất định phải giống như Bồ Tát toàn tâm toàn lực thực hiện, phước báo lớn lao. Đức Phật dạy tài phú do đâu mà có? Từ tài bố thí mà có; thông minh và trí tuệ do đâu mà có? Từ pháp bố thí mà có, khỏe mạnh, sống lâu do đâu mà có? Do vô úy bố thí mà có. Thật sự làm, dốc hết tánh mạng thực hiện, càng làm càng thù thắng. Có người nói tôi tuổi tác đã cao ngần ấy vẫn còn giảng kinh! Làm chuyện giảng kinh này, ba thứ bố thí trọn đủ. Thân thể, tinh thần, thể lực là nội tài bố thí, được của cải. Tu hành, giáo học là pháp bố thí, tăng trưởng thông minh, trí tuệ. Người nghe kinh hiểu rõ, thông suốt, y giáo phụng hành, bèn lia khổ được vui, đó là ta đã vô úy bố thí, quả báo là khỏe mạnh, sống lâu. Chẳng giảng kinh thì thọ mạng bèn hết, chẳng khởi tác dụng. Càng giảng càng có tinh thần, càng giảng tuổi thọ càng dài, đạo lý là như vậy đó. Quý vị đồng ý xả, thọ mạng bèn dài. Chẳng chịu xả, thọ mạng ngắn ngủi, chuyện là như vậy đó. Hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch rồi thì tu học và giảng kinh sung sướng hơn bất cứ gì khác. Khỏe mạnh, trường thọ, vĩnh viễn chẳng bị già suy, luôn vừa phải. Thật sự suy lão là chẳng thể cử động. Nếu quý vị nghĩ “hãy keo kiệt một chút, ta đã lớn tuổi, hãy giảng ít đi một chút để thân thể nghỉ ngơi nhiều hơn”, càng nghỉ ngơi càng già khom, càng nghỉ ngơi càng đổ bệnh ra, đạo lý là như vậy đó! Ngày nào chẳng giảng nữa, chẳng giảng bèn vãng sanh, đến thế giới Cực Lạc, cũng chẳng thể chịu khổ sở vì tuổi già ở đây một ngày nào. Già rất khổ, chẳng phải chịu cái tội ấy! Hễ không giảng bèn đi ngay sang thế giới Cực Lạc. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này, nêu gương cho chúng ta.

Thứ năm là Ác Tác, phạm vi ở đây vô cùng rộng rãi, tất cả hết thảy hành vi bất thiện đều được bao gồm trong điều này. Trong cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật, hễ trái phạm những gì đã nói trong Đệ Tử Quy, trái nghịch những gì Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói thì đều gọi là Ác Tác, do trái nghịch tánh đức.

Thứ sáu là Thụy Miên. Chẳng thể nào không ngủ, nhưng chớ nên tham ngủ. Thông thường ngủ nghỉ, ngủ rất ngon thì chừng sáu giờ là đủ rồi, khi tỉnh giấc phải làm việc. Công việc của người học Phật là khi tỉnh giấc bèn rửa ráy, thay quần áo sạch sẽ, tụng kinh, niệm Phật, lạy Phật, hoặc là đọc kinh. Từ tuổi trung niên trở lên, lạy Phật rất trọng yếu. Lạy Phật là vận động, làm chuyện vận động này chẳng lãng phí thời gian, tương ứng với niệm Phật. Kinh hành cũng là một loại vận động tốt, thích hợp cho người lớn tuổi. Kinh hành, niệm Phật, “*ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật). Chớ nên ngủ quá nhiều. Ngủ quá nhiều là lãng phí thời gian quý báu của chính mình, nhất định phải phần chấn tinh thần.

Thứ bảy là Điều Cử (Trạo Cử). Nay chúng ta gọi Điều Cử (掉舉) là tánh khí bộp chộp, tâm chẳng định được, vọng niệm quá nhiều. Đặc biệt là muốn tĩnh lặng, ta tĩnh tọa mấy phút,

vừa tĩnh tọa, vọng tưởng quá nhiều, trạng huống ấy được gọi là Điều Cử, trở ngại rất lớn cho sự tu học. Tâm chẳng đặt tại đó, học gì cũng đều khó khăn.

Điều thứ tám, trái ngược với Điều Cử. Điều Cử là tâm tình bộp chộp, xáo động. Hôn Trầm là ngủ gà ngủ gật, tinh thần uể oải. Quý vị bảo người ấy niệm Phật, niệm được mấy phút đã ngủ mất. Trong Phật Thất chúng ta thường thấy, người hôn trầm có khi nhiều Phật, chân vẫn bước nhiều Phật mà đã ngủ gục, ngáy o o luôn, chẳng phải là niệm Phật mà là ngáy khò khò!

Tám thứ này là phiền não, quán trói quý vị, khiến cho công phu của quý vị chẳng đắc lực, khiến quý vị tu học chẳng thể thành tựu. Đó là Bát Triền. Tam Phược là gì? Chính là Tam Độc phiền não, tham, sân, si. Trong có tham, sân, si, ngoài có tám hiện tượng ấy, người như vậy làm ác rất dễ dàng, hành thiện hết sức khó khăn. Chúng ta biết kẻ có Bát Triền Tam Phược trong tương lai sẽ đến nơi đâu? Chắc chắn là tam đồ, đời sau chẳng có phần trong cõi trời người, đừng mong về thế giới Cực Lạc. Vì thế, các đồng học niệm Phật chúng ta, có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, phải thường xét coi chính mình có tám hiện tượng ấy hay không? Nếu có, phải thống thiết sửa lỗi trước, phải nghiêm túc nỗ lực tinh tấn, đặc biệt là phải hóa giải Tam Độc và Ngũ Độc như chúng tôi đã nói.

“Tịnh Ảnh Sớ viết: Diệt khả nhất thiết chư phiền não kết, thông danh Triền Phược, Bồ Tát giáo nhân đoạn ly, danh Giải” (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Cũng có thể nói là hết thấy các phiền não kết đều gọi là Triền Phược, Bồ Tát dạy người ta đoạn lìa chúng, đó là Giải”), tức là hóa giải triền phược. Tịnh Ảnh Sớ là chú giải kinh Vô Lượng Thọ, trong ấy cũng nói rất hay, phạm vi to lớn. *“Giải chư triền phược”*, phạm vi của triền phược hết sức rộng lớn. *“Nhất thiết chư phiền não kết”*, Kết (結) cũng là tên gọi khác của phiền não. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy có tám vạn bốn ngàn phiền não, quy nạp thành một trăm lẻ tám phiền não. Kinh Phật thường nói điều này, phiền não gồm một trăm lẻ tám thứ. Nói thật ra, trong mỗi thứ đều là vô lượng vô biên, không chỉ là tám vạn bốn ngàn. Trong Tứ Hoảng Thệ Nguyện có nói: *“Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”*. Đức Phật dạy đại chúng, một trăm lẻ tám vẫn là quá nhiều, khi giáo học vẫn chẳng thuận tiện, nên lại quy nạp một trăm lẻ tám thành hai mươi sáu cho dễ nói. Thông thường, đối với những người sơ học đều nói là hai mươi sáu. Hai mươi sáu phiền não gồm sáu căn bản phiền não và hai mươi tùy phiền não. Trong tùy phiền não lại có Trung Tùy, Đại Tùy, và Tiểu Tùy. Hai điều Vô Tàm và Vô Quý là Trung Tùy, Đại Tùy tám điều, Tiểu Tùy mười điều, dễ giảng giải! Sáu căn bản phiền não là năm điều tham, sân, si, mạn, nghi, thêm vào sau đó là ác kiến. Ác kiến là năm thứ Kiến Hoặc, quy nạp chúng lại bèn gọi là ác kiến. Nói cách khác, sáu căn bản phiền não thường được gọi là Kiến Tư phiền não. Kiến phiền não là ác kiến, Tư phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi. Tư (思) là tư tưởng, quý

vị nghĩ sai. Kiến là quý vị thấy sai, cách nhìn và cách nghĩ của quý vị đối với hết thấy các pháp trong vũ trụ đã sai, cho nên rắc rối mới nảy sanh.

Đức Phật đã nêu ra những sai lầm ấy, khiến cho chúng ta giác ngộ, hiểu rõ, bèn buông những sai lầm ấy xuống, chánh tri chánh kiến hiện tiền, chánh tri chánh kiến là “tri kiến của Phật”. Chúng ta là phàm phu, chính mình nhất định phải tự biết rõ mình thì mới có thể học thứ này, thứ nọ. Phải khiêm hư, chớ nên có mấy may cuồng vọng, phải thật thà, phải nghe lời. Trong hoàn cảnh hiện tiền, chúng ta mong thành tựu trong một đời, đầu tiên là phải vun bồi vững vàng ba căn cội, nhất định phải biết [điều này]. Trong quá khứ, người thuộc một thế kỷ trước, bất luận là tại gia học Phật hay xuất gia học Phật, mỗi cá nhân đều vun bồi tốt đẹp ba căn cội ấy, nên họ có thành tựu. Người tu hành hiện thời vì sao chẳng thành tựu? Chư vị chỉ cần lắng lòng tĩnh táo quan sát, trong tâm sẽ hiểu rõ. Chúng ta nói xem: Người tu Tịnh Độ tại gia hay xuất gia, khi lâm chung, chúng ta tiễn họ đi vãng sanh, có mấy người đầu óc tĩnh táo, tinh thần rất sáng suốt? Lúc ra đi, bảo mọi người: “Tôi thấy Phật đến tiếp dẫn tôi, tôi theo Phật ra đi”, đó là thật sự vãng sanh, chẳng giả chút nào! Nếu khi mất mà hôn mê, như vậy là chẳng nhất định [vãng sanh]. Nhưng người đưa đi vãng sanh trợ niệm đông đảo, có thể giúp người ấy chẳng đọa ác đạo, chúng ta có thể tin điều này, có thể khẳng định, người ấy có thật sự sanh vào thế giới Cực Lạc hay không? Chẳng chắc ăn! Nếu mắc phải chứng lú lẫn của người già (Alzheimer's disease) thì chẳng có cách nào, trợ niệm vô hiệu! Mắc chứng si ngốc của người già, mơ hồ, điên đảo ra đi, nghiệp chướng sâu nặng, lúc lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, chẳng thể vãng sanh. Người ra đi như vậy sẽ vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, quý vị nói xem: Chuyện này có phiền phức hay không? Chúng ta là người thật tu, thật hành, phải chú trọng đề phòng chuyện này!

Chúng ta làm thế nào để tĩnh táo, sáng suốt trong lúc lâm chung? Dùng phương pháp gì? Đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức. Phải thực hiện năm chữ “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín” do cổ nhân Trung Quốc đã nói. Chẳng làm được năm chữ ấy, lúc quý vị ra đi sẽ bị chướng ngại. Người thiếu nhân ái, thiếu từ bi, chẳng có lòng nhân ái sẽ mắc bệnh gan, bệnh ở gan. Nếu là kẻ bất nghĩa, thiếu đạo nghĩa, sẽ bị bệnh phổi. Kẻ thiếu lễ bị bệnh tim. Kẻ thiếu trí bị bệnh thận. Kẻ thiếu chữ tín, bệnh tại tỳ vị. Các chứng bệnh đều có nguyên nhân đối ứng. Có thể hành trọn nhân, nghĩa, lễ, trí, tín [sẽ chẳng có bệnh]. Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín và Ngũ Giới trong Phật pháp hoàn toàn giống nhau. Nhân là chẳng sát sanh, Nghĩa là chẳng trộm cắp, Lễ là chẳng tà hạnh, Trí là chẳng uống rượu, Tín là chẳng nói dối, hoàn toàn tương ứng với năm giới, quý vị đều có thể làm được, quyết định chẳng vi phạm, trong đời này, quý vị chẳng mắc bệnh. “*Siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si*”, bản thân chúng ta mới có thể bảo đảm chính mình khi lâm chung chẳng hồ đồ, như vậy thì chắc chắn sẽ vãng sanh. Vãng sanh là trong một niệm cuối cùng. Một niệm cuối cùng là A Di Đà Phật, chẳng phải là điều gì khác. Do vậy, lúc bình thời phải buông xuống, khi lâm chung, quý vị mới chẳng có tạp niệm,

mới chẳng nghĩ cái này, tưởng cái kia, đặc biệt là danh, sắc, tài, ăn uống, ngủ nghỉ cũng đều bỏ, khi lâm chung sạch lầu, chẳng có ô nhiễm. Đã biết hết thấy phiền não thì phải xa lìa, phải tận hết sức xa lìa, càng xa càng hay, vì sao? Đó là triền phược, trói buộc chúng ta ở nơi đây, khiến cho chúng ta chẳng lìa khỏi lục đạo luân hồi, quý vị nói có phiền phức lắm hay không? Bồ Tát dạy chúng ta đoạn sạch, dạy chúng ta rời khỏi, đó là Giải, [tức là] cởi gỡ những trói buộc!

“*Thượng nhị cú, biểu hội trung chư Bồ Tát dĩ thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng, cụ Căn Bản Trí cập Sai Biệt Trí*” (hai câu trên biểu thị các vị Bồ Tát trong hội do thông suốt tánh của các pháp, thấu đạt tướng chúng sanh, trọn đủ Căn Bản Trí và Sai Biệt Trí). “*Thông chư pháp tánh*” là Căn Bản Trí, “*đạt chúng sanh tướng*” là Sai Biệt Trí, tức là không gì chẳng biết. Vì thế, Ngài “*năng vị chúng sanh phá ma kiến vọng, linh ly tà nghiệp*” (có thể vì chúng sanh phá lưới ma, khiến cho họ lìa tà nghiệp), “*ngiệp*” là sự nghiệp, là tạo tác. Sự nghiệp bất thiện quyết định chẳng làm. Ở trong thế giới này, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, hết thấy sự nghiệp đều tạo lợi ích cho người khác, đều có chỗ tốt đẹp, quý vị thực hiện bèn chẳng thiệt thòi, chớ nên không biết [điều này]. Con người sống trên thế gian rất ngắn ngủi, một trăm năm, đối với người trẻ tuổi mà nói thì dường như rất dài, nhưng với lứa tuổi tôi, sẽ thấy một trăm năm như một cái khảy ngón tay, trôi qua rất nhanh, có ý nghĩa gì đâu? Đến tuổi già mới thật sự hiểu mạng người khổ sở, ngắn ngủi. Chẳng sợ khổ là vì nguyên nhân nào? Thời gian khổ sở ngắn ngủi, chẳng dài, ta phải cắn chặt răng vượt qua thời gian ít ỏi này, quyết định chẳng tạo ác nghiệp, đáng giá lắm! Đòi sau sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thời gian lâu dài. Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, thậm chí vãng sanh trong biên địa của Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn chúc mừng quý vị, quý vị được vô lượng thọ, đã lìa hết thấy khổ. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có khổ, nên gọi là Cực Lạc. Quý vị thành Phật ở bên ấy, rất nhanh chóng chứng đắc Phật quả rất ráo. Sau khi thành Phật, quý vị giống như các vị đại Bồ Tát: “*Có thể vì các hữu tình, tháo gỡ các trói buộc, khiến họ lìa phiền não*”. Giúp đỡ chúng sanh hóa giải triền phược. Đó chính là giáo học, quý vị giảng thấu triệt, minh bạch tánh - tướng, lý - sự, nhân - quả của vạn pháp trong vũ trụ. Chúng sanh sau khi nghe xong, giác ngộ, hể giác ngộ bèn quay đầu, xa lìa triền phược, và cũng vĩnh viễn lìa phiền não. Lìa khỏi phiền não, trí huệ hiện tiền, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, trí huệ hướng dẫn người ấy, kẻ ấy chẳng làm ác, chẳng đi vào ngõ rẽ, đảm bảo chính mình đứng mãi, tinh tấn trên con đường thành Phật, vãng sanh bất thoái thành Phật ngay trong một đời. Hiện tại thời gian đã hết rồi, buổi học này chúng ta học tập tới đây!

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 117

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm ba mươi bảy, dòng thứ năm.

“*Viễn siêu Thanh Văn, Bích Chi Phật địa, nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyên pháp môn (kiến Đường dịch). Thử nhị cú trùng tán hội trung đại sĩ chi Thật Đức, sở giác thù thắng, viễn siêu Thanh Văn dĩ Bích Chi Phật chi địa*” (“Vượt xa địa vị Thanh Văn và Bích Chi Phật, nhập pháp môn Không, Vô Tướng, Vô Nguyên (xem bản dịch đời Đường)”: Hai câu này một lần nữa tán thán Thật Đức của các vị đại sĩ trong hội, sự giác ngộ của các Ngài thù thắng, vượt xa các địa vị Thanh Văn và Bích Chi Phật). Mấy câu này dễ hiểu; đoạn kinh văn “*siêu tình ly kiến*” này là đoạn thứ năm, mà cũng là chuyện thứ năm. “*Viễn siêu Nhị Thừa*”, Thanh Văn là Tiểu Thừa, Bích Chi Phật là Trung Thừa. Câu kế tiếp là khế nhập tam-muội, “*nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyên pháp môn*”, những tam-muội này còn gọi là Đại Tam Không Tam-muội. Hai câu này cũng là tán thán đức năng chân thật của các vị Pháp Thân Bồ Tát dự hội. “*Sở giác thù thắng*”: “*Sở giác*” cũng là điều các Ngài chứng đắc, thù thắng ở chỗ nào? Thù thắng ở chỗ vượt trội Nhị Thừa, “*thù thắng*” là nói đến ý nghĩa này!

Tiếp đó, giải thích cho chúng ta biết Thanh Văn là gì? “*Thanh Văn giả, Phật Tiểu Thừa pháp trung chi đệ tử, văn Phật chi giáo, ngộ Tứ Đế pháp chi lý, đoạn Kiến Tư nhị hoặc, xuất Phần Đoạn Sanh Tử, nhi nhập u Niết Bàn giả*” (Thanh Văn là đệ tử trong pháp Tiểu Thừa của đức Phật, nghe giáo pháp của Phật, ngộ lý của pháp Tứ Đế, đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, thoát khỏi Phần Đoạn Sanh Tử, bèn nhập Niết Bàn). Đối với những điều này, phải nói đại lược một phen. Vì sao gọi là Thanh Văn? Nghe đức Phật giảng kinh, giáo học, bèn khai ngộ, ngộ nhập lý của pháp Tứ Đế. Tứ Đế là nói đến Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ là quả thế gian, Tập là nhân thế gian. Cách nói của đức Phật và cách nghĩ của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc giống nhau, đều là nói quả trước rồi mới nói đến nhân. Quả là gì? Quý vị đã từng ném trái, nên khi nhắc tới, quý vị sẽ có cảm xúc vô cùng nhạy bén. Sau đây, lại nói cho quý vị biết cái nhân phát sanh cái quả ấy, chẳng phải là nói nhân trước rồi mới nói đến quả. Vào thời ấy, hễ nói “*Đông Phương và Tây Phương*” thì Đông Phương là Trung Quốc, Tây Phương là Ấn Độ, cách nhìn của cổ nhân tương thông. Đây là hai tầng nhân quả, Diệt và Đạo là nhân quả

xuất thế gian; Diệt là quả, Đạo là nhân. Đó là pháp Tứ Đế. Đế (諦) là chuyện chân thật, người hiện thời gọi nó là “*chân lý*”.

Đức Phật dạy con người: Thế gian này chỉ có khổ, chẳng có vui! Cái gọi là “vui” chính là gì vậy? Khổ tạm thời ngừng trong chốc lát, tạm ngừng, chẳng phải là vĩnh viễn ngưng dứt, quý vị bèn cảm thấy rất vui. Thí dụ như ăn uống, quý vị ăn no nê, ăn rất ngon, rất vui sướng. Nếu quý vị chẳng được ăn một bữa, liền cảm thấy khổ, đói bụng mà! Hai bữa chẳng được ăn càng khổ hơn. Đói tới bảy ngày sẽ chết đói! Lẽ nào chẳng khổ? Khổ chẳng thể biến thành lạc, cho nên khổ là thật, lạc là giả. Thí dụ như ăn thứ gì đó [cảm thấy] rất sung sướng. Ăn thứ quý vị ưa thích, ăn một chén rất vui sướng, ăn hai chén vẫn còn được, nhưng bắt quý vị ăn liên tục tới hai mươi chén, khổ ngay! Đó gọi là gì? Lạc có thể biến thành khổ, nên lạc chẳng phải là thật, nhưng khổ chẳng thể biến thành lạc. Trong kinh, đức Phật đã giảng những chuyện này rất nhiều, rất rõ ràng. Ngài dạy chúng ta, người sống trong thế gian này có tám nỗi khổ. Ngoài tám nỗi khổ (được gọi chung là Khổ Khổ), còn có Hoại Khổ, còn có Hành Khổ. Chúng sanh trong Dục Giới phải chịu đủ ba loại khổ lớn này, ai nấy đều chẳng có cách nào tránh né bốn loại đau trong Khổ Khổ là sanh, lão, bệnh, tử.

“*Thần thức*”: Nhà Phật gọi là “thần thức”, người thế gian gọi là “linh hồn”. Linh hồn đi đầu thai. Đến đầu thai thì nhất định là có duyên với cha mẹ. Chẳng có duyên, kẻ ấy chẳng đến! Có người mong có con cái, mong ngóng cả đời vẫn chẳng có! Người ấy chẳng có duyên, chẳng có duyên gặp gỡ. Duyên gì vậy? Trong kinh, đức Phật đã dạy, duyên rất nhiều, rất phức tạp, nhưng chẳng ngoài bốn loại lớn, bốn loại lớn ấy gọi là “*tứ duyên sanh pháp*”. Trong bốn loại lớn ấy, thứ nhất là báo ân. Đứa trẻ ấy sanh vào nhà quý vị hết sức ngoan ngoãn, khéo léo, thông minh, đáng yêu, nó đến báo ân. Người Hoa gọi [đứa con như vậy] là “*hiếu tử, hiền tôn*” (con hiếu, cháu hiền). Vì thế, người ta phải báo ân đức, vì sao? Trong tương lai, con cháu đến báo ân đông đảo. Nếu kết oán cừu cùng kẻ khác, chuyện này sẽ phiền toái lắm! Trong tương lai, đứa trẻ sanh vào nhà quý vị để báo cừu, chẳng phải là phiền phức hay sao?

Thuở trước, hơn bốn mươi năm trước, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm tại Đài Bắc. Trong thính chúng có một vị, nay đã mất, cụ đã vãng sanh. Vị lão cư sĩ ấy lớn tuổi hơn chúng tôi rất nhiều, đại khái lớn hơn tôi hai mươi tuổi. Lão cư sĩ đến nghe kinh mỗi ngày. Chúng tôi nói đến những chuyện trong kinh, cụ bảo tôi: “Những chuyện ấy là thật, chẳng giả!” Trước thời Kháng Chiến, [tức là] trước khi cuộc kháng chiến [chống Nhật] bùng nổ, cụ sống tại Thượng Hải. Khi ấy, cụ đã buôn bán, chính mắt trông thấy. Không phải là chuyện của chính cụ, mà là chuyện của một người bạn cụ, tuổi cũng xấp xỉ tuổi cụ, hết sức thân thiết, cũng là đồng hương, họ là người tỉnh Chiết Giang. Người bạn ấy giúp việc cho một doanh nhân người Đức. Người Đức ấy kinh doanh một công ty cỡ nhỏ về tàu bè, hình như chỉ có một chiếc tàu.

Người bạn ấy hết sức thật thà, làm việc hết sức có trách nhiệm, nên rất được ông chủ tin nhiệm. Sau khi cuộc Kháng Chiến bùng nổ, vị chủ nhân là người Đức, trở về nước, ủy thác công ty cho ông ta, dặn ông ta hãy cố gắng kinh doanh. Sau khi [ông chủ] trở về nước, ngay cả tin tức cũng chẳng có, cũng chẳng biết là còn sống hay không. Ông ta kinh doanh công ty ấy rất thuận lợi, tiền kiếm được lại dùng mua thêm mấy chiếc tàu nữa, biến thành một công ty tàu bè [cỡ lớn]. Khi đó, đang trong thời Kháng Chiến, người Nhật chiếm đóng Thượng Hải; ông ta kinh doanh khá lắm, cũng kết hôn, sanh được một đứa con quả thật cũng rất đáng yêu, cũng rất ngoan ngoãn, khéo léo, đó là một bé trai. Sau khi Kháng Chiến thắng lợi, vị bằng hữu ấy tuổi cũng đã rất cao, dường như là nhằm sinh nhật thứ năm mươi, đứa con lên mười. Đứa nhỏ ấy hết sức thích dùng tiền, học Tiểu Học mà luôn đem theo mười mấy đồng. Thuở ấy, mười mấy đồng rất lớn. Trong thời gian Kháng Chiến, có thể nói là mười đồng gần như có thể dùng làm tiền chi dụng cả một tháng cho một gia đình bốn người. Đồng tiền rất có giá! Có một hôm, đứa bé ấy đi đường, làm rớt tiền, một cụ già nhặt được. Cụ già ấy là bạn của cha nó, do quen biết, nên cụ gọi tên đứa bé, cầm tiền trên tay, bảo: “Người gọi ta một tiếng bác, ta sẽ trả món tiền này cho người”. Đứa bé ấy nói như thế nào? “Ông gọi tôi một tiếng bác, tôi cho lại ông mười đồng”. Đứa bé ấy láu lĩnh đến mức độ ấy. Đến hôm sinh nhật, ông ta đột nhiên thấy con mình biến đổi, [có hình dạng giống như] ông chủ khi trước, nên mới hoảng nhiên đại ngộ: Ông chủ của ông ta đã chết, đầu thai đến nơi đây, tài sản này là của ông ấy. Do ông ta rất thông minh, ngay lúc ấy bèn tuyên bố toàn bộ tài sản của công ty này giao cho con ông ta, còn ông ta làm thuê cho con. Vị lão cư sĩ kể cho chúng tôi nghe câu chuyện này, đứa bé ấy đến đòi nợ. [Đòi trước], nó ủy thác quý vị kinh doanh, chẳng tặng cho quý vị, nên lại [đầu thai] đến [đòi nợ]. Người ấy thật thà, lão thành, sau khi tuyên bố, bèn giữ thân phận làm công, về sau vẫn sống bình yên.

Cuối cùng, vị cư sĩ họ Ô ấy đến Đài Loan, cũng chẳng có liên lạc, nhưng tôi tin tưởng kết quả cuối cùng của [Ô cư sĩ] sẽ tốt đẹp, vì ông ta hiểu nhân quả, chẳng có tâm tham, vẫn chăm sóc đứa con rất chu đáo; bởi lẽ, ông ta hiểu rõ đứa con đến đòi nợ. Quý vị đối xử tốt với nó, nó cũng đối xử với quý vị tốt đẹp, cũng giống như trong quá khứ ông chủ đã tin tưởng, tín nhiệm quý vị. Đức Phật giảng chẳng sai, con cái bất hiếu, khinh lờn cha mẹ, thậm chí giết hại cha mẹ, đó là đến báo oán. Còn có trường hợp đến đòi nợ, hoặc đến trả nợ. Đức Phật chia [mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái] thành bốn loại lớn ấy. Sau khi đã giác ngộ, bất luận là quan hệ gì, mọi người cùng nhau học Phật, biến thành đồng tham đạo hữu. Chính mình đã khai ngộ, cũng giúp người nhà quyền thuộc ai nấy đều giác ngộ, đó là tốt đẹp! Đây cũng là như trong kinh thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Bất luận đối với quý vị là oán hay thân, là tranh chấp hay nợ nần, nói chung đều là kẻ có duyên, hễ gặp gỡ, đều phải dùng Phật pháp để giải quyết, đó là đúng!

Trong tám khổ, chẳng ai trốn khỏi sanh, lão, bệnh, tử. Sống một trăm tuổi, vẫn phải chết. Sanh Khổ, chúng ta không biết, ai nấy đều quên sạch. Trong kinh, đức Phật dạy rõ những nỗi đau khổ khi trẻ thơ sanh ra. Ở trong thai mẹ mười tháng, kinh Phật hình dung nỗi khổ ấy bằng từ ngữ “*thai ngục*”, chẳng khác địa ngục cho mấy! Mẹ uống một chén nước nóng, con như ở trong tám địa ngục nóng. Mẹ uống một chén nước đá, con như ở trong tám địa ngục lạnh. Tâm tình, nhất cử, nhất động của mẹ đều gây ảnh hưởng rất lớn cho con. Con phải ở trong bào thai mười tháng, ngạn ngữ nói là “*sống một ngày giống như cả năm*”; đau khổ như thế đó. Lão Khổ thì chúng ta trông thấy. Quý vị thấy nhiều cụ già, đặc biệt là đến thăm viện dưỡng lão, quý vị sẽ thấy vận mạng bi thảm của người già trong tuổi xế chiều, nhất định quý vị sẽ nghĩ ngợi: “Ta về già có gặp tình cảnh này hay không?” Nếu con cái bất hiếu, chẳng phải là sẽ đưa quý vị vào viện dưỡng lão ư? Rất có thể! Không có con cái, tuổi đã cao, chánh phủ cũng đưa quý vị vào viện dưỡng lão. Bên ngoài quốc, theo quy chế của ngoại quốc, như ở Mỹ, Úc Đại Lợi, những quốc gia ấy còn đỡ, quý vị đã già, sau khi về hưu, quốc gia cấp tiền dưỡng lão, tiền chi dụng mỗi tháng cứ đúng kỳ bèn gởi tới, về phương diện đời sống vật chất chẳng có vấn đề gì! Quá nửa là [con cái gởi cha mẹ] vào viện dưỡng lão, vì quý vị tuổi đã cao, cần có người chăm sóc, chẳng có cách nào sống trong gia đình của chính mình. Vì thế, tự mình bán nhà, đến sống trong viện dưỡng lão. Cuộc sống vật chất có thể sống được, nhưng chẳng có cuộc sống tinh thần. Nếu quý vị hỏi những người già: “Tình trạng cuộc sống của quý vị là như thế nào?” Họ sẽ trả lời bằng một câu: “Ngồi ăn chờ chết”. Viện dưỡng lão đông người, nói chung, mỗi tuần có một, hai trường hợp tử vong, được khiêng đi. Hằng ngày trông thấy tình hình ấy, “ngày nào sẽ đến lượt ta?” Quý vị nói xem, bi thảm dường nào? Lão Khổ đây!

Cổ nhân Trung Quốc, lúc tuổi cao bèn dưỡng lão trong gia đình, đông con, lắm cháu, con cháu đầy nhà, hưởng niềm vui thiên luân. Vì thế, xã hội cổ Trung Quốc đã giải quyết vấn đề này. “*Dục ấu*” (育幼) là giáo dục trẻ nhỏ, do gia tộc chịu trách nhiệm. Trường học do gia tộc thành lập gọi là Tư Thục. Tư Thục là trường học của con em trong gia tộc. Trước kia là đại gia đình, đông người, nên học trò đi học cũng tới mấy chục đứa. Gia tộc thông thường, một nhà đại khái có khoảng ba trăm người. Đại gia tộc, nhân đình hưng vượng, năm, sáu trăm người; nhân đình ít ỏi thì cũng có chừng hai trăm người. Cho nên [việc giáo dục trẻ thơ] do gia tộc chịu trách nhiệm, chế độ ấy hay lắm! Đệ Tử Quy là quy củ trong gia đình. Quý vị nói xem, gia đình đông người như thế, thiếu quy củ thì làm sao được! Chẳng phải là gia đình ấy sẽ rối beng ư? Vì thế, gia tộc đều có gia đạo, có gia quy; Đệ Tử Quy là gia quy chung. Còn có chỗ khác nhau là do mỗi gia tộc còn có [những quy chế] đặc biệt, vì sở học khác nhau, sự nghiệp kinh doanh khác nhau, nên còn có những quy củ đặc biệt. Những gia quy ấy do tổ tiên chế định, đều chép trong gia phả!

Gia phả là lịch sử của gia đình, đời đời truyền thừa, [ghi chép rành rẽ] dòng họ của quý vị do từ chỗ nào mà có, khi nào bắt đầu có dòng họ này. lịch sử gia đình được ghi chép rất rõ ràng. Theo cách nhìn của tôi, tuy không có căn cứ để chứng minh, nhưng tôi tin tưởng, đại khái Hán tộc tại Trung Quốc đều là “*Viêm Hoàng thế trụ*” (con cháu Viêm Hoàng), [Viêm là] Viêm Đế (炎帝) thuộc họ Thần Nông, [còn Hoàng] là Hoàng Đế (黃帝) [thuộc họ Hiên Viên]. Người Hán đều là con cháu của Viêm Đế và Hoàng Đế, một mạch truyền thừa! Trước đó là Phục Hy Thị. Nhân dân trong thời Phục Hy Thị sống cuộc đời nguyên thủy, săn bắn để sinh nhai, ở trong hang núi, chưa có nhà cửa. Đến thời Thần Nông Thị mới bắt đầu biết trồng trọt, chẳng lấy săn bắn làm chủ yếu nữa, mà sống chủ yếu bằng cấy cấy. Từ Thần Nông đến Hoàng Đế là năm trăm năm. Theo lịch sử ghi chép, Hoàng Đế mới kiến tạo nhà cửa. Cung điện là do Hoàng Đế phát minh. Năm ngàn năm lịch sử của Trung Quốc, lịch sử lâu dài! Trong hai mươi lăm người con của Hoàng Đế, mười bốn người có “*tánh thị*”. Tánh thị¹²⁴[1] thuở ấy là gì? Họ được phong tước vị. Do vậy, chúng tôi tin tưởng, trước kia đọc sách Bách Gia Tánh¹²⁵[2] của Trung Quốc, hơn bốn trăm dòng họ đều là người một nhà.

124[1]Tánh thị (姓氏) hiểu theo nghĩa hiện thời là những tiêu chí (criteria) để phân biệt các gia tộc khác biệt. Tánh thị có tác dụng phân biệt những người cùng thị tộc (có quan hệ huyết thống trực tiếp) để tránh xảy ra hôn nhân giữa những người có cùng huyết thống. Thoạt đầu, Tánh và Thị là hai khái niệm khác nhau. Nghĩa gốc của Tánh là con cái do cùng một mẹ sinh ra, vì thời cổ chưa có chế độ phụ hệ. Do đó, các họ cổ như Cơ, Tục, Quy, Diêu, Khương, Doãn... đều viết với bộ Nữ. Sau này, khi chế độ phụ hệ thành lập, Tánh mới gọi theo tên cha, và mang ý nghĩa, những người cùng Tánh là những người có cùng một ông tổ. Do con cháu ngày càng nhiều, hình thành các chi họ khác nhau, sống rải rác khắp nơi, thường lấy tên đất, tên chức quan, tên tự của ông tổ, hoặc nghề nghiệp để gọi các chi họ, hình thành nên khái niệm Thị. Như vậy, Tánh là danh xưng chung của toàn thể gia tộc, còn Thị là danh xưng của một chi tộc. Thời Tam Đại (Hạ, Thương, Châu), quy tộc hôn nhân dựa trên tánh Thị: Cùng Tánh, chẳng cần biết là Thị giống nhau hay khác nhau đều chẳng được lấy nhau. Thị giống nhau, nhưng Tánh khác nhau thì có thể lấy nhau. Lại còn quy định nam dùng Thị, nữ dùng Tánh. Về sau, hầu như Thị đóng vai trò chủ yếu để phân định dòng họ và Tánh Thị được gộp chung lại để chỉ dòng họ. Rất nhiều Thị thoạt đầu tuy cùng một tổ tiên, nhưng do quá trình thiên di và sinh hoạt, được coi như là những dòng họ riêng biệt. Một thí dụ nổi tiếng là Chúc Dung Bát Tánh, tức là con cháu của vua Chúc Dung (cháu bốn đời của Viêm Đế, họ Khương) được chia thành tám họ là Kỷ, Đổng, Bành, Vân, Tào, Châm, Thốc, Tân. Trong khi đó, riêng chính họ Khương lại chia thành các họ Lã, Tề, Tạ, Cao, Lư, Thôi v.v... Câu “*Hoàng Đế có hai mươi lăm người con, mười bốn người có tánh thị*” xuất phát từ thiên Ngũ Đế Bản Kỷ trong Sử Ký của Tư Mã Thiên, theo đó, những Thị ban đầu là Cơ, Đậu, Kỳ, Kỷ, Đằng, Châm, Nhậm, Tuân, Hy, Cật, Hoàn, Y v.v...

125[2] Sách Bách Gia Tánh là một cuốn sách ghi các họ phổ biến tại Trung Quốc, không rõ ai là tác giả. Sách được hình thành vào đầu thời Bắc Tống, thoạt đầu chỉ ghi 411 họ, về sau, tăng thêm thành 504 họ. Trong đó, có 444 họ đơn và 60 họ kép (như Tư Mã, Thượng Quan, Âu Dương, Lệnh Hồ, Hoàng Phủ, Tư Đồ, Vũ Văn, Hồ Diên, Đoan Mộc, Uất Trì, Hạ Hầu, Hiên Viên, Tư Khấu, Tư Đồ, Công Dã, Thuần Vu, Độc Cô, Nam Cung...). Thứ tự các họ không được ghi theo số lượng người mang họ ấy mà ghi sao đọc lên cho thuận miệng. Họ Triệu được xếp đứng đầu vì là họ của các vua nhà Bắc Tống. Sách ghi theo kiểu bốn chữ một, xin trích đoạn mở đầu như sau: “*Triệu, Tiền, Tôn, Lý. Chu, Ngô, Trịnh, Vương. Phùng, Trần, Chủ, Vệ. Tưởng, Trầm, Hàn, Dương. Châu, Tần, Vu, Hứa. Hà, Lã (Lữ), Thích, Trương. Khổng, Tào, Nghiêm, Hoa. Kim, Ngụy, Đào, Khương...*”

Trung Quốc hiện nay có năm mươi sáu dân tộc, bao nhiêu dòng họ? Hơn hai vạn bốn ngàn dòng họ; do đó, hiện thời không phải là Bách Gia Tánh mà là Vạn Gia Tánh.

Quý vị thấy đó, người đông như thế, nhiều sắc dân như thế, cương vực to lớn như thế, mấy ngàn năm chung sống hòa thuận, bền vững lâu dài, dựa vào gì? Dựa vào giáo dục. Bởi lẽ, người Trung Quốc biết gia giáo, có đại gia đình, [xã hội Trung Hoa thời cổ] là xã hội nông nghiệp, đông người dễ làm việc, theo đuổi canh tác hay theo đuổi việc khai khẩn đều cần nhân lực. Thuở đó, chẳng có máy móc, đời đời truyền thừa cho đến đầu thời Dân Quốc. Tại Trung Quốc, nông thôn khá nhiều; thật vậy, hiện thời nói tới xã hội cũ thì là đại gia tộc. Quý vị thấy đó, một thôn nọ gọi là Vương thôn (thôn họ Vương), người cùng một gia tộc. Thôn kia gọi là Trương thôn, cũng là người một nhà. Vì vậy, một nhà dạy dỗ tốt đẹp, gia trưởng có trách nhiệm, dạy dỗ người trong một gia tộc tốt đẹp. Hễ nhà đã tề, nước bèn trị! Biết dạy dỗ, dạy cho ai nấy đều là người tốt, đều biết hiếu, đễ, trung, tín, đều biết lễ, nghĩa, liêm, sỉ, đều hướng tới nhân ái, hòa bình, xã hội làm sao bất hảo cho được? Vì lẽ đó, xã hội an định, chánh trị trong sáng, thiên hạ thái bình. Chúng ta thấy xã hội hiện thời, nhìn ra toàn thể thế giới, vấn đề quá ư là nhiều! Vì sao có lắm vấn đề ngàn ấy? Thiếu sót trong giáo dục! Hiện thời trường học rất nhiều, nhưng chẳng phải là giáo dục, mà là thứ gì vậy? [Trường học] là cơ sở để truyền thừa, huấn luyện khoa học và công nghệ, tôi cảm thấy danh xưng ấy rất thích hợp, chẳng thể gọi là “nhà trường”. Trường học phải tiến hành giáo dục, giáo dục nhằm dạy con người điều gì? Dạy con người làm người, dạy luân lý, [khiến cho] quý vị biết quan hệ giữa con người với nhau. Dạy đạo đức, quý vị biết con người cư xử với nhau như thế nào. Dạy nhân quả, thật sự hiểu “thiện nhân, thiện quả; ác nhân, ác báo”, tự quý vị biết ước thúc khởi tâm động niệm, chẳng dám làm chuyện xấu. Quý vị làm chuyện xấu, sẽ có báo ứng.

Nhân quả là nói đến ba đời. Con người không phải chỉ có một đời này. Chúng ta có đời quá khứ, có đời vị lai. Đời này khổ sở một chút, đời sau tốt đẹp. Nếu đời này hưởng hết phước, đời sau chịu khổ. Người tin theo nhân quả sẽ nói là “*phong thủy luân lưu xoay chuyển*”. Vì lẽ đó, chúng ta chẳng hâm mộ kẻ phú quý, vì sao? Trong quá khứ, người đó tu nhân lành, nay người ấy phải được phú quý. Đời quá khứ, chúng ta chẳng tu nhân lành, đời này phải sống khổ sở một chút. Hiểu rõ đạo lý này, tuy cuộc sống của chúng ta thanh bần, ta tu nhiều thiện nhân, tu thiện nhân rất siêng năng, vận mạng của ta bèn chuyển biến ngay trong đời này! Tuổi trẻ chịu khổ một chút, tuổi già hưởng phước, đời sau tốt đẹp hơn. Người hiểu rõ đạo lý này, trong xã hội sẽ chẳng cạnh tranh cùng kẻ khác. Cạnh tranh là phiền não, là tạo nghiệp. Vì thế, cổ nhân biết: “*Cả đời đều là mạng, chẳng do người nửa phần*”, quý vị tranh chẳng được! Nếu thật sự có thể tranh được, Khổng Tử cũng tham gia cạnh tranh! Vì sao Khổng Tử chẳng tranh giành? Khổng Tử biết là tranh chẳng được. “*Trong mạng đã có thì rất cuộc sẽ có, trong mạng chẳng có, chớ cưỡng cầu*”, cầu chẳng được! Đối với chuyện tu nhân, đức Phật đã giảng đạo lý này, chúng ta phải hiểu rõ. Nhà Phật dùng phương pháp gì để tu

nhân? Dùng bổ thí. Chúng ta hy vọng phát tài, hãy tu tài bổ thí. Hy vọng được thông minh, trí huệ, hãy tu pháp bổ thí. Hy vọng khỏe mạnh, sống lâu, hãy tu vô úy bổ thí; đức Phật dạy chúng ta những điều ấy. Vì thế, “*trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Đức Phật dạy quý vị phương pháp và đạo lý, bản thân quý vị nương theo đạo lý ấy để tu học, quả báo bèn hiện tiền. Phát tài, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu, có phải là do Phật, Bồ Tát ban cho quý vị hay không? Chẳng phải! Phật, Bồ Tát ban cho quý vị lý luận, phương pháp, quý vị tự cầu nhiều phước. Chớ nên không biết điều này!

Đối với Khổ, trừ sanh, lão, bệnh, tử ra, còn có Ái Biệt Ly Khổ. Người quý vị ưa thích, chuyện quý vị ưa chuộng, hoàn cảnh cuộc sống ưa thích đều cứ phải chia lìa. Quý vị chẳng có cách nào hưởng thụ trong một thời gian dài. Đó là Ái Biệt Ly Khổ. Kế đó, đức Phật nói tới Oán Tắng Hội Khổ, oan gia đối đầu chẳng muốn gặp gỡ, mà cứ thường chạm mặt! Loại thứ ba là Cầu Bất Đắc Khổ. Loại cuối cùng trong tám khổ là Ngũ Ấm Xí Thịnh Khổ. Ngũ Ấm Xí Thịnh là gì? Là áp lực (stress) như người hiện thời đã nói; lo lắng, vướng mắc, bận lòng, mệt trí đều thuộc về loại này. Cuộc sống tinh thần và thân thể của quý vị rất khổ cực. Ai có thể lìa khỏi tám thứ ấy? Đức Phật nói chư thiên Dục Giới có đủ tám nỗi khổ ấy. Chư thiên Sắc Giới đã lìa dục, nhưng trọn chẳng đoạn. Họ buông xuống, tạm thời buông xuống, tám nỗi khổ ấy bèn chẳng còn nữa. Con người sanh lên trời chẳng phải là thai sanh, nên họ chẳng có Sanh Khổ. Từ trời Đạo Lợi trở lên đều là hóa sanh. Nếu quý vị tu định, đắc Thiền Định, tu đã thành công, bèn sanh trong Sắc Giới Thiên. Sắc Giới Thiên chẳng có những nỗi khổ ấy, nhưng còn có thọ mạng. Khi thọ mạng đã hết, sự khổ ấy bèn hiện tiền, năm tướng suy hiện tiền. Khi đó, thời gian năm tướng suy hiện tiền chẳng dài, trong kinh thường nói là bảy ngày, nhưng trong bảy ngày ấy, khổ chẳng thể nói nổi. Hoại Khổ đấy! Thân sắp hư hoại, chết rồi thì thân phải hư hoại. Cung điện vị ấy cư trụ cũng bị hư hoại, vị ấy chính mắt thấy. Vô Sắc Giới Thiên là phạm phu cao cấp trong lục đạo, họ chẳng cần thân thể, giống như Lão Tử của Trung Quốc đã nói: “*Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân*”, [tức là] Ngài nói Ta có mối lo nghĩ rất lớn, lo gì vậy? Ta có thân thể. Người thông minh chẳng cần đến thân thể; chẳng có thân thể thì đương nhiên cũng không cần chỗ cư trụ. Vì thế, chúng ta có thể nói Vô Sắc Giới Thiên là “*linh giới*” (cõi của linh hồn), vì họ có tinh thần, nhưng chẳng có vật chất. Họ có khổ hay không? Có, khổ gì vậy? Hành Khổ. Cảnh giới của họ tốt đẹp, nhưng chẳng thể giữ được vĩnh viễn, hoàn toàn cậy vào Định lực của họ. Định lực của họ mất đi thì cảnh giới ấy chẳng còn nữa. Đó là Hành Khổ. Mỗi sát-na [trôi qua] là họ càng gần với điểm kết thúc, nhưng họ chẳng thể ngăn chặn, đó là Hành, tức là họ chẳng thể giữ vĩnh viễn cảnh giới thù thắng như vậy. Do đó, đức Phật nói “*ba cõi đều khổ*”. Quý vị thấy Dục Giới có tám khổ, Sắc Giới có Hoại Khổ, Vô Sắc Giới có Hành Khổ; đức Phật thường nói là “*ba cõi đều khổ*”.

Qua Tứ Đế, đức Phật đã nêu bày chân tướng sự thật ấy, mọi người hiểu rõ, suy nghĩ sẽ thấy đúng là khổ! Nỗi khổ ấy do đâu mà có? Khổ do Tập mà có. Tập là gì? Gom góp hết thảy

các nhân thiện và bất thiện. Gom góp thiện nhân, sanh trong ba đường lành. Nói Tam Khổ và Bát Khổ đều là nói về tam thiện đạo. Nếu gom góp những cái nhân bất thiện, thì vì tự tư tự lợi, làm những chuyện hòng đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn, làm những thứ ấy, đòi sau quý vị sẽ vào trong ba ác đạo, biến thành súc sanh, biến thành ngạ quỷ, biến thành địa ngục, càng là khổ chẳng thể nói nổi! Giảng rõ ràng nhân và quả của lục đạo, chúng ta liền biết. Người thật sự thông minh, giác ngộ, sẽ nghĩ: “Ta chẳng muốn trụ trong lục đạo, có cách nào vượt thoát lục đạo hay không?” Đức Phật bảo người ấy: “Có”. Vượt thoát lục đạo thì dùng phương pháp gì? Quả là gì? Quả là Diệt, Diệt chính là Niết Bàn. Niết Bàn (Nirvāṇa) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Diệt, diệt gì? Diệt khổ, diệt phiền não tức là diệt khổ. Phiền não là nhân, Tam Khổ và Bát Khổ là quả; nhân đã diệt, quả đương nhiên chẳng còn. Phải dùng phương pháp gì để diệt những cái nhân ấy? Tu Đạo. Vì thế, Diệt là quả thuộc về pháp xuất thế. Đạo là cái nhân của pháp xuất thế. Quý vị thấy đó: [Tứ Đế là] nhân và quả của pháp thế gian và xuất thế gian. Đức Phật giảng những đạo lý và phương pháp này cho người sơ học. Đó là Tứ Đế.

Thử ấy, sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, thuyết pháp cho mọi người, chủ yếu giảng pháp này, giảng bao nhiêu năm? Mười hai năm, dạy người ta phải đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Hoặc (惑) là ngu si, do ngu si mới làm chuyện sai trái. Kiến (見) là sai lầm về mặt kiến giải, Tư (思) là sai lầm về tư tưởng. Nói cách khác, quý vị suốt ngày từ sáng đến tối, từ đầu năm đến cuối năm, những gì quý vị thấy đều là sai lầm, những gì quý vị nghĩ đều là sai lầm. Kiến giải và tư tưởng sai lầm nên tạo tội nghiệp, quả báo là trong tam đồ. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta, Kiến Hoặc là cách nhìn của quý vị sai lầm. Đức Phật quy nạp vô lượng vô biên sai lầm [thành hai loại lớn] là kiến giải sai lầm và tư tưởng sai lầm, quy nạp [Kiến Hoặc] thành năm loại lớn cho dễ dạy. Sai lầm thứ nhất, chúng ta nói đến kiến giải, quý vị đã thấy sai. Sai lầm thứ nhất là quý vị lầm tưởng cái thân là chính mình. Điều này gọi là Thân Kiến, coi cái thân là chính mình, sai mất rồi! Thân chẳng phải là chính mình. Thân này chẳng phải là ta, ta chẳng phải là thân. Thân là gì? Trước chữ Thân, bèn thêm vào một thứ nữa, “thân của ta”, [hiểu như vậy] là đúng. Nó chẳng phải là ta. Giống như chúng ta mặc quần áo, quần áo của ta, đó là đúng, quần áo chẳng phải là ta. Quý vị thấy lục đạo chúng sanh mê muội sâu đậm, có ai chẳng coi thân là chính mình? Đều vì thân này mà tạo nghiệp, sau này chịu khổ báo vô cùng, sai mất rồi! Nếu quý vị biết thân chẳng phải là ta, quý vị thấy đó, đầu tiên là buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, phiền não của quý vị bèn ít đi quá nửa! Con người đều vì cái thân này mà tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, tạo giết, trộm, dâm, dối, chẳng phải đều là vì thân này ư? Thân chẳng phải là chính mình, quý vị thấy có oan uổng hay không? Đạo lý này rất sâu, chẳng phải là mấy câu đơn giản bèn có thể nói rõ ràng. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho mọi người suốt

mười hai năm, có thể thấy những thứ này sâu xa, phải nghiêm túc khéo học. Đó là kiến giải sai lầm đầu tiên.

Thứ hai là Biên Kiến, Biên (邊) là nhị biên (hai bên). Các nhà khoa học hiện thời nói đến “tương đối”, tương đối là Biên Kiến. Tất cả hết thảy các pháp đều là đối lập. Đối lập với lớn là nhỏ, đối lập với dài là ngắn, đối lập với chánh là tà. Quý vị thấy đều là tương đối. Đối lập với ta là người khác, toàn là tương đối. Quan niệm ấy là sai lầm, vì sao? Chẳng biết khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, nên tự nhiên nảy sinh đối lập. Chúng ta nói đơn giản là “đối lập với người, đối lập với sự, đối lập với hết thảy vạn vật”. Đối lập chẳng phải là chuyện nhỏ, mà là chuyện to tát, tất cả hết thảy các hành vi sai lầm đều phát sanh từ chỗ này. Thế giới hiện thời có quá nhiều xung đột, xung đột do đâu mà có? Do mâu thuẫn mà có, do lợi hại mà có. Mâu thuẫn và lợi hại do đâu mà có? Do đối lập mà có. Quý vị đi tìm cội nguồn, sẽ thấy là đối lập. Nếu chẳng có đối lập, sẽ chẳng có mâu thuẫn, chẳng có lợi hại, nên chẳng có xung đột. Xung đột ở một mức độ cao hơn sẽ là đấu tranh, mức cao hơn nữa của đấu tranh là chiến tranh. Vì thế, đối lập là cội nguồn của hết thảy nhân họa (tai họa do con người gây ra), đức Phật dạy phải lìa khỏi nó. Đức Phật lại nói: Thành kiến là sai lầm. Thành kiến là gì? Tự cho mình là đúng, ta đúng, kẻ khác sai quấy, đó là thành kiến. Thành kiến được chia ra: Thành kiến đối với nhân và thành kiến đối với quả, chia thành hai loại. Thành kiến đối với nhân gọi là Giới Thủ Kiến, thành kiến đối với quả là Kiến Thủ Kiến; những điều này biến thành hành vi, tạo tác hết thảy thiện và bất thiện. Loại cuối cùng là Tà Kiến, tức là tất cả những cách nhìn sai lầm ở ngoài bốn loại trên đây đều gộp vào trong Tà Kiến.

Nếu quý vị buông xuống, đoạn trừ năm thứ kiến giải sai lầm này, bèn chứng quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa. Tiểu Thừa có bốn quả, quý vị đã đạt được quả thứ nhất. Quý vị đạt tới Tu Đà Hoàn, trí huệ và năng lực của quý vị được khôi phục đôi chút. Trong Phật pháp nói là chút ít, nhưng khi người thế gian chúng ta thấy [sự khôi phục ấy, bèn ca ngợi] quý vị rất phi phàm! Trong sáu thứ thần thông, quý vị đắc Thiên Nhãn và Thiên Nhĩ, thì cũng là nói: Người khác nhìn không thấy những gì quý vị có thể thấy. Quý vị có thể thấy quỷ thần, có thể thấy thiên thần. Đó là tiểu thông, năng lực hoàn toàn chẳng to, nhưng mạnh mẽ hơn người bình thường rất nhiều, tường vách chẳng thể chướng ngại. Những người ở phòng sát vách đang làm gì, quý vị bèn thấy thấu suốt, đều trông thấy. Chúng ta nhìn xuống mỗi tầng dưới trong tòa cao ốc này, họ đang làm gì, quý vị cũng thấy rất rõ ràng. Quý vị chỉ cần buông xuống năm thứ Kiến Hoặc, năng lực ấy bèn khôi phục.

Tư Hoặc là cách nghĩ sai lầm, những thứ gì bị nghĩ lầm? Tham là suy nghĩ sai lầm, sân khuê cũng sai lầm, ngu si cũng sai lầm, ngạo mạn cũng sai lầm, hoài nghi cũng sai lầm. Vì sao? Trong tâm thanh tịnh không có những thứ ấy. Những thứ ấy là bệnh căn của hết thảy các

điều bất thiện. Do vậy, trong Phật pháp, chúng còn được gọi là Tam Độc. Tham, sân, si là Tam Độc. Kể thêm Mạn và Nghi, bèn thành Ngũ Độc. Những thứ độc ấy là bệnh độc (virus), đúng là virus, con người ngã bệnh, vì sao ngã bệnh? Vì trong tâm quý vị có năm thứ bệnh độc ấy, bên ngoài còn phải có cái nhân gây ra bệnh. Đó là cảm ứng, quý vị bèn ngã bệnh. Nếu bên trong đã dứt trừ năm thứ bệnh độc ấy, hết thấy các thứ cảm nhiễm bên ngoài sẽ chẳng thể cảm nhiễm! Y học bảo là “quý vị có năng lực miễn dịch cao, nên chẳng bị lây bệnh”. Năm thứ ấy được gọi là Tu Phiền Não, tức là quý vị đã nghĩ sai rồi. Chớ nên có ý niệm tham, chớ nên có niệm sân khuê, chớ nên ngu si, chớ nên ngạo mạn, chớ nên hoài nghi, tâm của quý vị bèn khôi phục rất bình thường. Tâm bình thường là gì? Tâm thanh tịnh. Chúng ta thấy tựa đề kinh này có chữ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, quý vị đã đạt được điều thứ nhất. Tâm thanh tịnh hiện tiền là quả báo Tiểu Thừa. Quý vị đã thành tựu Tiểu Thừa, còn bình đẳng là [điều chứng đắc] của Bồ Tát học Đại Thừa. Vì thế, quý vị thấy: Kiến Tu phiền não đã đoạn thì tham, sân, si, mạn, nghi chẳng còn nữa. Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến chẳng còn, quý vị bèn vượt thoát lục đạo luân hồi, đắc thanh tịnh tâm. Thanh tịnh tâm là chân tâm.

“*Xuất Phần Đoạn Sanh Tử*”: Phần Đoạn là lục đạo. Lục đạo là từng giai đoạn một. Lần này chúng ta được làm thân người, trụ trong thân người chừng ấy năm, từ sống đến chết là một giai đoạn, đó là Phần Đoạn Sanh Tử. Thật ra, nói lời thật với quý vị: Chẳng có sanh tử! Sanh tử là gì? Thân thể sanh tử. Vì sao bảo quý vị “chẳng có sanh tử?” Linh hồn của quý vị bất tử! Hiện thời, trong những năm gần đây, tức là trong ba mươi năm gần đây nhất, thôi miên hết sức phổ biến trong thế giới phương Tây. Các bác sĩ tâm lý đã tiến hành thôi miên, chứng minh linh hồn con người bất tử. Họ cũng chứng tỏ người sau khi chết sẽ đầu thai. Từ thôi miên, có thể liễu giải con người đã qua lại thế gian này rất nhiều đời, xác thực là có lúc trong đời quá khứ làm người, lần này lại đến nhân gian. Còn có trường hợp đời quá khứ làm súc sanh, đời này sanh vào nhân gian. Họ còn phát hiện đời trước sống trên một tinh cầu khác, đời này đến địa cầu. Chúng ta xem những báo cáo nghiên cứu của các nhà thôi miên, từ các báo cáo của họ, quý vị bèn khẳng định luân hồi là thật, chẳng giả. Do vậy, chứng minh con người chẳng chết.

Kẻ bình phàm nói đến “linh hồn”, nhưng Phật giáo chẳng gọi nó “linh hồn”, mà gọi nó là “thần thức”. Vì nó có thể biến, những tướng được hiện là cái được biến (sở biến), nó chẳng chết. Gọi là “linh hồn”, nhưng thật ra nó chẳng linh, nó bị mê, phải gọi là “mê hồn” thì mới đúng, chẳng thể gọi nó là linh hồn, nó chẳng linh! Nếu nó linh, nó có thể chọn lựa nơi rất tốt đẹp để đi đầu thai. Vì sao đến đầu thai trong nhà người bần cùng, nghèo khổ? Nó chẳng linh! Vì sao đến đầu thai trong loài súc sanh, lại còn đến đầu thai trong loài ngựa quý hay trong địa ngục? Có thể thấy nó chẳng linh, mà đúng là mê hoặc, điên đảo. Đã giác ngộ, bèn gọi là “linh tánh”; khi nào người ấy giác ngộ? Khi người ấy thành Thanh Văn hay Bích Chi Phật bèn giác

ngộ. Thanh Văn là A La Hán, người ấy chứng đắc A La Hán quả, vượt thoát lục đạo, vĩnh viễn chẳng còn trở vào lục đạo. Nếu người ấy vào trong lục đạo, người ấy rất sáng suốt, chẳng mê. Người ấy đến làm gì? Đến độ chúng sanh, chẳng phải là đến để chịu báo, vì cái nhân của lục đạo đã đoạn mất, cái nhân ấy là Kiến Tư phiền não; người ấy đã đoạn hết Kiến Tư phiền não, nên chẳng có cái nhân của lục đạo. [Hàng Bồ Tát] vào trong lục đạo để độ chúng sanh. Do lẽ đó, “*xuất Phần Đoạn Sanh Tử*” là [thoát khỏi] sự sanh tử trong lục đạo.

“*Nhi nhập u Niết Bàn giả*” (mà nhập Niết Bàn), Niết Bàn là dịch âm một danh từ trong tiếng Phạn của Ấn Độ, có nghĩa là “*bất sanh, bất diệt*”. Sanh tử trong lục đạo chẳng còn nữa, bất sanh, bất diệt. Người ấy đã chứng đắc bất sanh, bất diệt, nhưng chẳng rốt ráo, chưa viên mãn, [đó là] Tiểu Thừa Niết Bàn. Đức Phật chứng đắc Đại Bát Niết Bàn (Mahāparinirvāṇa), đây mới là rốt ráo. Niết Bàn là lia khô, được vui thật sự. Tịnh Ảnh Sớ chép: “*Như Lai sở thuyết ngôn giáo danh Thanh. Xan thanh ngộ giải, cố viết Thanh Văn*” (ngôn giáo do đức Như Lai đã nói được gọi là Thanh. Do ném pháp vị của Thanh mà ngộ giải, nên gọi là Thanh Văn). Đây là trích dẫn cách giảng trong Tịnh Ảnh Sớ, ý nghĩa đại khái giống nhau, đều là nghe đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, bèn khai ngộ. “*Xan thanh ngộ giải*”: Xan (餐) là ăn cơm, tức là nói đến pháp vị. [Xan Thanh] là ném trái pháp vị. Đây là tỷ dụ, nghe Thanh, tức là nghe thanh giáo (giáo huấn bằng âm thanh) và ngôn luận của Thích Ca Mâu Ni Phật bèn khai ngộ. Khai ngộ là buông Kiến Tư phiền não xuống. Nếu khai ngộ mà chẳng buông xuống, vô dụng, đó là giải ngộ, không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Khi khai ngộ, thật sự buông Kiến Tư phiền não xuống, chẳng thấy lục đạo nữa. Lục đạo là giả, chẳng thật, giống như giấc mộng, đã tỉnh giấc bèn gọi là Thanh Văn.

Bích Chi Phật là gì? Bích Chi (Pratyeka) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán, có nghĩa là Nhân Duyên. Nhân duyên ấy gồm mười hai mỗi nhân duyên, “*Phật*” dịch là Giác. “*Cổ cựu dịch Bích Chi Phật vi Duyên Giác*” (nên dịch theo lối cổ thì là Duyên Giác). Ngài giác ngộ nhờ nhân duyên, chứ không nhất định cậy vào Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp. Nói thông thường, ngộ tánh của Ngài rất cao, chúng ta thường nói là những “đứa bé thiên tài”. Chẳng nhất định gặp nhân duyên nào, Ngài khai ngộ, hiểu minh bạch ngay lập tức, hoặc là Ngài thấy, nghe, tiếp xúc [các nhân duyên bèn khai ngộ]. Những vị ấy suốt một đời này, tuy chẳng nghe đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, nhưng khẳng định là trong đời quá khứ đã từng nghe, có thiện căn, nên gặp duyên bèn có thể khai ngộ. Nếu vị ấy không có thiện căn, duyên đâu nhiều đến mấy, vẫn chẳng thể khai ngộ! “*Tân dịch vi Độc Giác*” (dịch theo lối mới là Độc Giác), Độc Giác càng thông minh hơn nữa. Theo sách Đại Thừa Nghĩa Chương đã giảng, Duyên Giác có hai cách giải thích. Loại thứ nhất là “*quán Thập Nhị Nhân Duyên, đoạn Hoặc, chứng Chân, từng duyên đắc giác, cố danh Duyên Giác*” (quán mười hai nhân duyên, đoạn Hoặc, chứng Chân, do duyên mà giác ngộ, nên gọi là Duyên Giác). Mười hai nhân duyên, đầu tiên là Vô Minh (Avidyā). Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức. Vô

Minh ở đây chẳng phải là Căn Bản Vô Minh, mà là Chi Mạt Vô Minh, cũng có nghĩa là những vô minh đã được nói trong lục đạo đều rất thô, hoàn toàn chẳng giống Căn Bản Vô Minh, phá được Căn Bản Vô Minh bèn thành Phật. Trong lục đạo, loại vô minh này (Chi Mạt Vô Minh) biến hiện lục đạo. Khi phá được loại vô minh này, lục đạo chẳng còn nữa. Do vô minh, quý vị mới tạo nghiệp. “*Hành*” (Saṅkhāra) là tạo nghiệp trong đời quá khứ. Mười hai nhân duyên nói về nhân quả ba đời, Vô Minh và Hành là nhân quả đời quá khứ. Có nhân trong đời quá khứ, nên quý vị mới đến đầu thai. “*Thức*” (Vijñāna) là thần thức, chúng ta thường gọi nó là “linh hồn”. Linh hồn đến đầu thai, tìm cha mẹ, cha mẹ và kẻ ấy có duyên. Trong phần trước đã nói, có ân, có oán, có nợ nần, có những mối quan hệ ấy, nên kẻ đó bèn đến. Chẳng có những mối quan hệ ấy, kẻ đó sẽ chẳng tìm quý vị. Vì thế, con cái là duyên. Tôi nhớ năm 1977, lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh tại giảng đường của lão hòa thượng Thọ Dã tại đường Lam Đường (Blue Pool Road) ở Hương Cảng, tức là Quang Minh Giảng Đường. Lão hòa thượng Thọ Dã học Hoa Nghiêm, tôi giảng tại chỗ Ngài hai tháng, giảng Lăng Nghiêm. Trong giảng đường, có một cặp câu đối do chính lão pháp sư viết. Vế trên là “*phu thê thị duyên, hữu thiện duyên, hữu ác duyên, oan oan tương báo*” (vợ chồng là duyên, có thiện duyên, có ác duyên, oan oan tương báo), nói về [mối quan hệ] vợ chồng. Vế dưới là “*nhi nữ thị trái, hữu thảo trái, hữu hoàn trái, vô trái bất lai*” (con cái là nợ, có đời nợ, có trả nợ, không nợ chẳng đến). Câu đối ấy rất đáng cảnh tỉnh. Tôi ở nơi ấy hai tháng, mỗi ngày đều thấy, nên có thể nhớ kỹ đôi câu đối ấy. Lúc đó, lão pháp sư đã di dân sang Mỹ; khoảng mấy năm sau, tôi cũng di dân đến Mỹ, gặp Ngài tại Nữ Ước, lão pháp sư và tôi rất có duyên phận. Do vậy, trong thế gian này, phải thấy thấu suốt sự việc, phải tham thấu thì quý vị mới có thể thật sự hạ quyết tâm chẳng muốn luân hồi nữa, chẳng làm chuyện ngốc nghếch ấy!

Quý vị thấy Thức, Thức (Vijñāna) là thần thức, [gọi thông tục là] linh hồn đi đầu thai. Đầu thai trong thai mẹ bèn gọi là Danh Sắc, có hình dạng một người chưa phát triển đầy đủ, thường nói là [thai mới tượng hình] hai ba tuần, tức là cần thai hai ba tuần, chưa có hình dạng con người, nên gọi là Danh Sắc (Nāmarūpa). Danh là gì? Danh là tinh thần, nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là nó có nhục thể, nhưng chưa có hình dạng con người hoàn bị. Dần dà, khoảng chừng năm sáu tháng, bèn có hình dạng con người, có đầu, có mắt, quý vị có thể nhìn thấy; khi ấy, chẳng gọi là Danh Sắc nữa, mà gọi là Lục Nhập (Ṣaḍāyatana). Nó giống như con người, nhưng vẫn ở trong tử cung của mẹ, chúng ta thường nói là “*trụ thai*”. Mười tháng, thời gian trụ thai đã mãn, bèn ra khỏi thai, được sanh ra. Sanh ra là gì? Sanh ra chẳng gọi là “*xuất sanh*”, mà gọi là Xúc (Sparsa), vì thân thể của nó tiếp xúc với ngoại giới, có cảm nhận, [đó là] Thọ (Vedanā), nó có Ái (Trṣṇā), có Thủ (Upādāna), có Hữu (Bhava). Nói cách khác, những tập khí phiền não của nó khởi lên hiện hành. Ái, Thủ, Hữu là suốt cả một đời, từ lúc quý vị lọt lòng cho đến khi già chết, suốt một đời [luôn là Ái, Thủ, Hữu]. Sáu căn của quý

vị tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, điều gì hợp với ý mình, quý vị bèn tham ái. Từ tham ái, quý vị mong đạt được; đạt được là Thủ. Ta muốn không chế nó, muốn chiếm hữu nó, đó là hành vi. Có hành vi ấy thì là Hữu. Hữu là gì? Có nghiệp, trong A Lại Da Thức bèn kết nghiệp. Nghiệp có thiện nghiệp và ác nghiệp, nghiệp lực dẫn dắt quý vị thọ báo trong đời sau. Vì thế, đời sau lại có sanh, lại có lão tử, vĩnh viễn tuần hoàn.

Mười hai điều này trong luân hồi, được gọi là Thập Nhị Luân (Dvādaśanidāna), đó là nhân duyên. Chỉ cần phá vỡ được một thứ trong mười hai món, toàn thể sẽ bị phá, đoạn hết; nhưng phải phá nơi nhân, chứ không thể phá nơi quả. Đối với nhân, quý vị biết là hai điều trước, tức là Vô Minh và Hành thuộc về đời quá khứ, chúng ta chẳng có cách nào trở lại đời quá khứ để giải quyết vấn đề. Sanh, lão, tử là vị lai, nói đến ba đời, cũng chẳng có cách nào! Vị lai vẫn chưa xảy tới, chúng ta cũng chẳng thể giải quyết vấn đề trong vị lai, phải [giải quyết] ngay trong hiện tại. Giải quyết vấn đề ngay trong hiện tại thì nơi nhân chỉ có ba chữ. Do Xúc là quả báo, chẳng thể giải quyết nơi quả. Người giải quyết nơi quả là gì? Tụ sát là giải quyết nơi quả; tụ sát chẳng thể giải quyết vấn đề. Giải quyết nơi nhân bèn có ba thứ là Ái, Thủ, Hữu. Có thể đoạn được một trong ba điều ấy, bèn chứng quả Bích Chi Phật, chư vị phải biết điều này. Ái là mê hoặc, quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật. Thủ là quý vị tạo tác, nói theo hiện thời là quý vị muốn không chế, muốn chiếm hữu, quý vị đã tạo nghiệp! Không chế tạo nghiệp nhẹ, chiếm hữu tạo nghiệp nặng. Trong tạo nghiệp, lại có thiện, ác, có thiện nghiệp, có ác nghiệp, những điều này đều gọi là Hữu. Trong đời này, quý vị lại tạo nhân, đời sau phải chịu quả báo. Do đó, đời sau lại có sanh, lại có lão tử. Người thông minh tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, đổ công dốc sức đoạn trừ Ái. Trong một chữ Ái, bao gồm Tam Độc, tham, sân, si, vì sao? Ưa thích bèn yêu mến, chẳng ưa thích bèn hận, hận là sân. Cội rễ của tham dục và sân khuể là ngu si. Do đó, một chữ Ái bao gồm tham, sân, si. Thủ là hành động, Ái là ý niệm, còn chưa có hành động, bao gồm oán hận, sân khuể, nhưng chưa phát tác. Trong tâm có ý niệm ấy, nhưng chưa phát tác. Thủ là đã phát tác; hễ phát tác, nghiệp bèn thành tựu. Cổ nhân nói: *“Muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân”*, “có” là nghiệp, quý vị có nghiệp. Quý vị đã tạo nghiệp, đời sau có quả báo, đời sau lại có sanh, đã sanh bèn có lão tử. Đó là mười hai chữ!

Đức Phật giảng mười hai nhân duyên, những người ấy thông minh hơn Thanh Văn, Thanh Văn phải giảng Tứ Đế thì mới có thể khai ngộ. Đức Phật giảng những điều này đơn giản hơn Tứ Đế, vừa nói, người ấy bèn hiểu rõ. Nếu đoạn trừ Ái, sẽ là người thông minh nhất, thật sự dốc sức từ Kiến Tư phiền não, sẽ đoạn sạch lậu lậu. Tập khí phiền não, nghiệp chướng sâu nặng, đoạn trừ Thủ. Tuy có ý niệm, nhưng chẳng tạo các nghiệp ấy; biết tạo nghiệp thì về sau phải chịu báo, nên chẳng Thủ, chẳng có hành động. Có ý niệm, nhưng không có hành động thì cũng được, cũng có thể vượt thoát. Loại thứ ba rất cao, quý vị thấy nhé, người ấy có Ái, có Thủ, nhưng sau đó là gì? Người ấy chẳng có Hữu, lợi hại lắm! Đó là

gi? Tâm địa người ấy thanh tịnh, chẳng lưu lại dấu vết, kẻ bình phàm chẳng thể làm được chuyện này; do đó, đây là một người tu hành chân chánh. Người tu hành chân chánh vì sao còn có Ái và Thủ? Ái và Thủ là phương tiện thiện xảo. Đại đa số chẳng có Hữu, đó là gì? Là Bồ Tát đến thế gian này, nên dùng thân Thanh Văn để đắc độ, liền hiện thân Thanh Văn để độ thoát. Nên dùng thân Duyên Giác để độ người khác, liền hiện thân Duyên Giác để độ. Đó là bậc Bồ Tát tái lai, kẻ bình phàm chẳng thể nào làm được! Trong tiểu thuyết, chư vị thấy Tế Công có Ái, có Thủ, nhưng chẳng có Hữu. Lợi hại lắm, chẳng phải là chuyện kẻ bình phàm hòng làm được. Ngài cười hi hi, hà hà với mọi người, cũng ăn, uống, vui chơi, nhưng người khác tạo tội nghiệp, Ngài chẳng tạo tội nghiệp, lợi hại lắm! Vì sao? Tâm địa Ngài thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Ngài cùng mọi người chơi đùa, nhưng Ngài chẳng động niệm. Trong ý Ngài, chẳng có phân biệt, chấp trước, người như vậy thì mới được!

Tế Công là nhân vật có thật, thật sự có chuyện ấy, chẳng giả. Ngài sống vào thời Tống, sanh nhằm đời Nam Tống, cùng thời với Nhạc Phi, họ đều là người thời ấy. Bồ Đại hòa thượng cũng là người thời ấy. Nhưng vào thời đầu Dân Quốc, lại xuất hiện một vị dường như chẳng khác gì Tế Công, được gọi là Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn). Vị này có thật, chẳng giả. Ngài cũng là người xuất gia, lời thô, lách tếch, ở lẫn lộn với người tại gia, cũng là có ăn, có uống, có cười cợt, có nói năng ồn ào, nhưng chẳng nhiễm mảy trần. Thuở trẻ, tôi giảng kinh tại Đài Bắc. Lão pháp sư Lạc Quan là người thuộc thế hệ trưởng bối của chúng tôi, nay Ngài đã mất, bảo tôi Sư đã từng gặp gỡ Kim Sơn Hoạt Phật. Kim Sơn Hoạt Phật có pháp danh là Diệu Thiện. Pháp sư Diệu Thiện ở cùng một chỗ với Sư suốt bốn tháng, nên Sư biết Ngài rất rõ. Sư nói [pháp sư Diệu Thiện] quả thật giống như Tế Công, lời thô, ăn vận kỳ quặc, thật sự đi một đôi hài cỏ đã rách, khoác một cái áo dài, bên trong mặc một cái quần ngắn, quanh năm suốt tháng mặc bộ quần áo ấy, tới tiết Đông cũng chẳng lạnh, trời Hè cũng chẳng nóng, rất lợi hại! Suốt đời Ngài chẳng tắm rửa, nhưng trên người có hương thơm hoa sen. Cả đời không tắm rửa, cũng chẳng giặt quần áo, nên cổ áo đóng đầy những thứ đen xì, dơ bẩn, nhưng quý vị ngửi thì vẫn có mùi thơm. Lại còn khi ngửi, có rất nhiều người bị bệnh vừa ngửi liền lành bệnh, [ngửi mùi] có thể trị bệnh!

Đúng là Ngài có thần thông. Lão hòa thượng Lạc Quan bảo tôi: “*Nếu ngài Diệu Thiện chẳng phải là A La Hán thì tối thiểu cũng là A Na Hàm*”. Vì Lậu Tận Thông [phàm nhân sẽ] chẳng nhìn ra. Ngài có thể phân thân, cùng một lúc thấy Ngài đến chỗ này, mà ở chỗ khác, Ngài cũng tụ hội với những người ở đó, Ngài có thể phân thân! Về sau, người ta thấy: “Ngày nọ, thầy ở chỗ tôi”. “Đâu có! Thầy ở chỗ tôi mà!”, cho nên biết Ngài có thể phân thân. Quý vị hỏi Ngài có phân thân hay không? Ngài cười khúc khích, chẳng trả lời. Vì thế, những sự tích thần kỳ về Ngài rất nhiều. Pháp sư Lạc Quan đã viết một quyển sách về Ngài, có tựa đề là Kim Sơn Hoạt Phật Thần Dị Lục. Tại Đài Loan, còn có một vị pháp sư là pháp sư Chử Vân cũng viết một quyển sách ghi các chuyện kỳ lạ của Ngài, nhưng pháp sư Chử Vân chưa

hề gặp Ngài! Sư đến khắp nơi hỏi dò, thỉnh giáo những vị lão hòa thượng biết những chuyện ấy, kể lại chuyện xưa, Sư ghi chép lại thành cuốn Kim Sơn Hoạt Phật Truyền Kỳ. Như vậy thì quán mười hai nhân duyên, đoạn Hoặc, chứng Chân, từ duyên mà khai ngộ, nên gọi là Duyên Giác.

Loại thứ hai, “*nhân kiến phong động thụ đẳng đẳng ngoại giới sự tướng chi duyên, nhi đắc giác ngộ, viết Duyên Giác*” (do thấy những sự tướng bên ngoài như gió lay động cây v.v... làm duyên mà giác ngộ, nên gọi là Duyên Giác). Đó là gì? Ra đời nhằm lúc chẳng có Phật pháp tồn tại trong thế gian. Do vị ấy thiện căn sâu dày, chẳng nhất định do nhân duyên nào, thấy gió thổi lá rụng, mưa rơi trên tàu chuối, bèn khai ngộ. Chẳng nhất định là lúc nào, chẳng nhất định là nơi chốn nào, duyên của vị ấy đã đến. Vì thế, chúng tôi tin tưởng, vị ấy gặp những sự biến hóa trong đại tự nhiên giới đều là do Phật, Bồ Tát gia trì, duyên của vị ấy đã chín muồi. Phật, Bồ Tát biết nên dùng phương pháp gì để giúp vị ấy giác ngộ. Vì vậy, Phật, Bồ Tát không nhất định hiện thân người, mà có thể hiện thân mưa, gió, có thể hiện ra những hiện tượng tự nhiên, khiến cho vị ấy vừa nhìn bèn hoát nhiên khai ngộ. Đó là Duyên Giác.

Tiếp đó, [sách Chú Giải] nói: “*Thiên Thai nhất gia cánh khu phân thử nhị danh viết*” (tông Thiên Thai lại còn phân biệt địa vị ấy thành hai danh xưng). Đây là do Thiên Thai đại sư nói. Thông thường, trong Phật pháp, quá nửa là sử dụng [các giáo thuyết] của tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai nói [Bích Chi Phật] là Duyên Giác và Độc Giác. “*Xuất hữu Phật thế, quán thập nhị nhân duyên nhi đắc ngộ giả, vị Duyên Giác*” (người xuất sanh nhằm lúc cõi đời có Phật, quán mười hai nhân duyên, đắc ngộ, thì là Duyên Giác). Nghe đức Phật giảng mười hai nhân duyên, khai ngộ. [Tông Thiên Thai] chẳng nói là “*nghe*”, mà nói là Quán. Quán là gì? Sử dụng trí huệ, còn Nghe là dùng Nhĩ Thức. Kẻ bình phàm dùng Nghe, những gì quý vị nghe được là tri thức. Dùng Quán thì những gì quý vị ngộ là trí huệ, khác hẳn. Vì thế, Quán có tác dụng mạnh mẽ hơn Nghe. Nghe là dùng Nhĩ Thức, Quán là dùng tánh Nghe, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát “*phản văn, văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*” (xoay trở lại nghe nơi tự tánh, tánh trở thành đạo vô thượng). Ngài chẳng sử dụng Nhĩ Thức, mà dùng tánh Nghe. Tánh Nghe nghe Thanh Tánh bèn khai ngộ, có ý nghĩa khác hẳn! Nay chúng tôi nói là tri thức và trí huệ thì mọi người sẽ dễ hiểu. Dùng Nhĩ Thức thì những gì quý vị nghe được là tri thức (kiến thức); nếu dùng tánh Nghe, quý vị nghe được trí huệ, hoàn toàn là chuyện khác nhau! Ở đây, dùng tánh Nghe để nghe mười hai nhân duyên, vị ấy khai ngộ, được gọi là Duyên Giác, [xuất thế] nhằm lúc cõi đời có Phật. “*Xuất vô Phật thế*” (ra đời nhằm lúc chẳng có Phật), lúc vị ấy xuất sanh, trong thế gian này chẳng có Phật pháp, chẳng có Tam Bảo. Trong hoàn cảnh ấy, vị ấy “*quán phong xuy thụ động, diệp lạc, hoa phi chi ngoại duyên*” (quán duyên bên ngoài như gió thổi cây rung động, lá rụng, hoa bay), trông thấy những hiện tượng tự nhiên ấy, vị ấy khai ngộ. Hoặc thấy tia chớp, hoặc nghe tiếng sấm

cũng khai ngộ, loại người ấy được gọi là Độc Giác. Vì thế, có thể biết Độc Giác là người vô cùng thông minh, thiện căn sâu dày. Chúng ta cũng có thể hiểu và tin tưởng người ấy trong đời quá khứ đều là đời đời kiếp kiếp tu hành trong Phật môn, do thiện căn sâu dày, nên gặp những duyên ấy mới có thể xúc động.

Chúng ta lại xem phần kinh văn tiếp theo: “*Thượng chi Thanh Văn, Bích Chi Phật, Nhị Thừa, quân vi Phật đệ tử trung chi hạ căn*” (Hàng Nhị Thừa Thanh Văn và Bích Chi Phật trên đây đều là kẻ hạ căn trong các đệ tử của đức Phật), thượng căn là Bồ Tát, hạ căn là Thanh Văn và Duyên Giác. “*Kim chư đại sĩ*”, [nghĩa là] nay kinh này toàn nói đến các vị đại sĩ, những vị Bồ Tát ấy “*viễn siêu u thử*”, [nghĩa là] vượt trội bọn họ (hàng Nhị Thừa) quá nhiều. “*Như Chân Giải viết: Nhị Thừa tuy đắc tam Không môn*” (Như sách Chân Giải nói: “Nhị Thừa tuy đắc ba Không môn”), trong phần sau sẽ nói về ba Không môn là Không, Vô Tướng, Vô Nguyên, họ cũng đạt được [ba môn ấy]. Tuy đạt được, “*duy trầm Thiên Không*” (chỉ chìm đắm nơi Thiên Không), đọa trong Thiên Chân Niết Bàn, đã lệch về Không. Do đó, chẳng thể thọ dụng, chẳng thể đắc đại tự tại, chỉ có thể chứng tiểu quả. Trong ba học vị, họ chỉ đạt được học vị thứ nhất. A La Hán và Bích Chi Phật là học vị thứ nhất, đều gọi là Tiểu Thừa. Bồ Tát là học vị thứ hai, Phật Đà là học vị thứ ba, là học vị cao nhất. Thanh Văn và Duyên Giác giống như học vị Học Sĩ (Cử Nhân) trong nhà trường hiện thời; Bồ Tát là Thạc Sĩ (Cao Học), Phật Đà là Tiến Sĩ. Tỷ dụ như vậy thì mọi người rất dễ hiểu!

“*Bồ Tát bất nhiên, năng đạt huyễn võng*” (Bồ Tát chẳng vậy, có thể thấu đạt lưới huyễn). Bồ Tát chẳng giống họ, cao minh hơn họ rất nhiều. Bồ Tát thông đạt y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều chẳng thật. “*Huyễn võng*” (幻網) là tỷ dụ, huyễn là giả, mộng, huyễn, bọt, bóng, chẳng thật. Nhưng người Tiểu Thừa coi chúng là thật, thật sự tách rời chúng, chẳng dám tiến lên nữa, tiến lên thì sợ đọa lạc. Do vậy, họ trụ trong Chân Không, ngộ Không là thật. Bồ Tát thông đạt “*tướng là giả tướng, tướng chẳng có chương ngại*”. “*Đắc bình đẳng pháp, cố tuy trụ tam Không môn, nhi bất trụ vô vi, bất trụ hữu vi*” (đắc pháp bình đẳng, nên tuy trụ trong ba Không môn, mà chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi), điều này cho thấy các Ngài cao minh hơn Nhị Thừa quá nhiều. Nhị Thừa thì như thế nào? Đã vượt trội pháp hữu vi, nhưng trụ trong pháp vô vi. Nhị Thừa trụ Không, vô vi là Không, hữu vi là Có. Có là Huyền Hữu, Không là Chân Không. Chân Không và Huyền Hữu là một, chẳng hai. Người Nhị Thừa chẳng biết điều này, chẳng đạt tới cảnh giới này. Bởi lẽ đó, như ngài Tế Công tuy hiện thân La Hán, nhưng trên thực tế, Ngài vượt xa hàng A La Hán, vì sao? Không lẫn Có đều chẳng trụ, đắc đại tự tại. A La Hán trụ Không, chẳng trụ Có, chẳng đến nhân gian. Những vị đến nhân gian đều do duyên phận đặc thù, đến giúp đỡ người khác.

Như trong Từ Bi Tam Muội Thủy Sám có nói quốc sư Ngô Đạt có duyên phận đặc biệt với một vị A La Hán là tôn giả Ca Nặc Ca. Vị A La Hán ấy biết trong tương lai Sư sẽ gặp

chuyện không may, sẽ gặp tai nạn lớn, Ngài sẽ giúp Sư hóa giải tai nạn ấy. Vì thế, Ngài biến hóa thành một gã ăn mày, lại còn là một gã ăn mày bệnh tật rất nặng, thân thể tươm mù, hôi thối khôn sánh, người bình phàm đều chẳng muốn đến gần! Vị A La Hán ấy cố ý khiến cho quốc sư Ngô Đạt trông thấy. Lúc đó, ngài Ngô Đạt còn chưa là quốc sư, còn chưa nổi tiếng. Quốc sư Ngô Đạt là cao tăng mười đời. Sư xuất gia tu hành lần này là đời thứ mười, mỗi lần mất đi lại trở vào nhân gian, lại xuất gia, mười đời đều là xuất gia cao tăng, làm thầy của đế vương. Vì thế, người xuất gia lỗi lạc hơn mọi người đều chẳng phải do một đời tu thành, mà là mười đời! Khi Sư chưa nổi danh, gặp người ăn mày ấy, thấy người ấy rất đáng thương. Sư thật sự giúp đỡ, dùng đầu lưỡi liếm vết thương ứa máu, hút chất độc ra, người bình thường chẳng thể làm được! Vị A La Hán ấy khảo nghiệm Sư, thấy Sư từ bi chân thật, chẳng giả, từ bi đến mức độ nào? Khá lắm! Ngài thấy rất vừa lòng, bèn bảo quốc sư Ngô Đạt: “Trong tương lai, nếu thầy gặp tai nạn to lớn, hãy đến tìm tôi”. Ngài nói: “Tôi ở Tứ Xuyên”, cho Sư biết địa phương đó. “Thầy lên trên núi, thấy trên núi có hai cây tùng mọc cùng một chỗ, đến chỗ cây ấy gọi tên tôi, tôi sẽ xuất hiện”.

Chẳng biết trải qua bao nhiêu năm, Hoàng Thượng thật sự bái Sư làm thầy, phong làm Quốc Sư. Có một ngày, Hoàng Thượng tặng Sư một bảo tọa bằng trầm hương. Quý vị thấy đồng tu tặng tôi chuỗi hạt bằng trầm hương này, nghe nói mấy hạt này rất quý, tôi chẳng biết, trước nay tôi chưa hề dùng thứ trân quý này. Người ở Đài Loan tặng cho tôi, phải đến mười mấy vạn đồng Đài Loan mới có được một chuỗi hạt như vậy! Trầm Hương làm thành ghế Thái Sư^{126[3]}, rất nổi tiếng quý báu. Bảo tọa trầm hương ấy, hai người chẳng khiêng được! Hoàng Thượng tặng Sư bảo tọa ấy. Sư ngồi trên đó cảm thấy rất đặc ý, cảm thấy dường như chính mình tuyệt diệu lắm, người xuất gia nào trong thiên hạ cũng chẳng thể sánh bằng ta! Tâm niệm ngạo mạn vừa sanh khởi, thần hộ pháp lia bỏ. Thần hộ pháp vừa rời khỏi, oán thân trái chủ tìm đến bên thân. Oán thân trái chủ rất lợi hại, [đời trước], Sư và kẻ ấy cùng làm quan đời Hán, là đồng sự của nhau. Quốc sư Ngô Đạt thuở ấy hại chết, hãm hại kẻ ấy, khiến cho Hoàng Thượng xử tử kẻ ấy. Kẻ ấy niệm niệm chẳng bỏ lòng oán hận, muốn báo cừ; nhưng Sư đã xuất gia, tu hành rất nghiêm túc, có thần hộ pháp bảo vệ, quỷ hồn chẳng thể kè

126[3] Ghế Thái Sư (Thái Sư Ý) là một loại ghế dựa xuất hiện từ thời Tống. Ghế Thái Sư hiện thời phổ biến nhất theo kiểu đời Thanh, lưng cao, thường chạm rồng. Ghế làm bằng gỗ quý (như tử đàn, hồng mộc, lê hoa v.v...), lưng ghế thường chạm trở thành hình hoa lá, có chỗ để dựa tay hai bên. Chỗ dựa tay cũng chạm rồng thành hình mây cuộn, hoa, lá, hoặc chữ Triện, chữ Thọ, chữ Phước v.v... Thái Sư Ý kiểu đời Thanh đòi hỏi lưng dựa và hai chỗ dựa tay phải tạc liền một khối. Ghế thường to và rộng, không lót đệm. Thoạt đầu, loại ghế này chỉ dùng trong cung đình, hoặc nha môn. Về sau, chỉ có những người có địa vị, quan chức trong xã hội mới được dùng. Hiện thời, ghế Thái Sư thường được trưng bày trong tư gia như một cách khoe giàu sang kín đáo (vì do làm bằng gỗ quý và tốn nhiều công chạm trở nên khá đắt tiền). Chỉ từ đời Thanh trở đi, mới bắt đầu có khuynh hướng gắn một phiến đá quý (thường là đá Đại Lý chạm trở thành hình sơn thủy gắn vào giữa lưng ghế), nhưng kiểu ghế Thái Sư có gắn đá vẫn không được ưa chuộng cho lắm. Thậm chí có người chê kiểu ghế Thái Sư có lưng gắn đá là thô tục.

cận. Lần này, làm quốc sư, thần hộ pháp càng nhiều hơn. Vì nhận lãnh bảo tọa trầm hương ấy, dấy lên một niềm tâm ngạo mạn, thần hộ pháp bỏ đi, oan gia bèn tới dựa vào thân Sư, khiến cho trên đầu gôi Sư mọc lên một mụn ghẻ hình mặt người, gần như sắp mất mạng. Vị này là thầy của Hoàng Thượng, những thầy thuốc giỏi nhất nước và ngự y đều trị liệu, nhưng chẳng có cách nào [chữa lành]. Sư đột nhiên nhớ tới thuở trước từng gặp một gã ăn mày. Nghĩ tới người ấy, Sư nói: “Nay ta gặp phải đại nạn này, hãy đi tìm thử xem!” Tới nơi đã được chỉ ở Tứ Xuyên, quả nhiên thấy hai cây tùng. Sư bèn gọi to ở đó. Vừa gọi, bèn thấy sau cây có chùa miếu, A La Hán Ca Nặc Ca tôn giả bèn xuất hiện. Vừa thấy Ngài xuất hiện, xa lìa đã lâu nay mới gặp gỡ: “Ta bảo ông tới, quả nhiên ông thật sự tới”. Ngài bèn giảng cho Sư biết nhân duyên nhiễm bệnh: “Mười đời trước, các ông là đồng sự^{127[4]}, các ông là bạn bè. Do ông ghen ghét, chướng ngại bèn hại ông ta. Người ta niệm niệm chẳng quên”. Do vậy, dùng nước Từ Bi Tam Muội rửa ghẻ mặt người để hóa giải, điều đình, hóa giải. Đối phương đã nhận lời, mới oán kết ấy được hóa giải, ghẻ mặt người bèn khỏi hẳn! Quý vị ngắm xem, cao tăng mười đời, lỡ hại chết một người, mà kẻ đó chẳng bỏ mối oán cừu ấy, đợi cơ hội để báo thù, đáng sợ quá!

Pháp sám hối Từ Bi Thủy Sám vẫn còn lưu truyền. Hiện thời, trong Phật môn, lạy Thủy Sám rất nhiều. Lạy Thủy Sám thì nhất định phải nói rõ ràng, minh bạch chuyện này. Con người phải dùng cái tâm từ bi thật sự để đối đãi người khác, tiếp độ vật, chớ nên hại người. Sát sanh hại mạng, quý vị hại người ta, người ta hận quý vị. Quý vị hại súc sanh, quý

127[4] Đời trước, quốc sư Ngô Đạt là Viên Áng (200-150 trước Công Nguyên), tự là Ty, là người nước Sở, rất tài giỏi, được người thời ấy xưng tụng là Vô Song Quốc Sĩ. Viên Áng làm quan dưới thời Hán Văn Đế, do can vua quá thẳng thừng, khiến vua nổi giận, đuổi ra làm Thứ Sử Lũng Châu. Sau đó, Viên Áng được phái làm Thừa Tướng cho Ngô Vương (Lưu Ty) rất được trọng đãi (thời ấy, tông thất nhà Hán được phong vương, đất phong được gọi là Quốc, nên mới có nước Ngô, nước Sở v.v... và mỗi nước chư hầu ấy cũng có triều đình riêng). Tiều Thố (200-154 trước Công Nguyên) được coi là “*trí nang*” (cái túi khôn) của Hán Văn Đế, quê ở Dĩnh Châu, thoát đầu giữ chức quan Thái Thường đời Hán Văn Đế. Về sau, lần lượt giữ các chức Thái Tử Xá Nhân, Bác Sĩ, Thái Tử Gia Lệnh (thầy dạy Thái Tử). Thái Tử Lưu Khải (tức Hán Cảnh Đế sau này) hết sức tôn trọng ông, thường dùng mỹ hiệu “*trí nang*” để gọi ông thay vì gọi thẳng tên. Đầu thời Cảnh Đế, Tiều Thố giữ chức Ngự Sử Đại Phu. Ông từng dâng thư xin vua chú trọng nông nghiệp, tăng cường phòng vệ biên cương, tập trung quyền lực bằng cách tước đoạt binh quyền và đất phong của chư hầu. Thế là vua bẫy nước chư hầu gồm Ngô Vương Lưu Ty, Sở Vương Lưu Mậu, Giao Tây Vương Lưu Ngang, Giao Đông Vương Lưu Hùng Cừ, Truy Xuyên Vương Lưu Hiền, Tế Nam Vương Lưu Tích Quang và Triệu Vương Lưu Toại phất cờ làm phản, cùng kéo binh về kinh đô, giương chiêu bài “*tru Tiều Thố, thanh quân xỉ*” (giết Tiều Thố, dọn sạch những kẻ kết bè kéo cánh bên cạnh nhà vua). Do sẵn ganh tỵ và đụng chạm từ trước, Viên Áng lén vào cung khuyên vua giết Tiều Thố để xoa dịu quân phản loạn. Vua nghe lời, sai người lôi Tiều Thố ra chợ chém ngang lưng. Tuy Tiều Thố đã chết, quân phản loạn không rút lui, Ngô Vương tự xưng là Hoàng Đế. Cuối cùng nhờ Thái Úy Châu Á Phu và Đại Tướng Quân Đâu Anh đốc sức mới dẹp tan quân phản loạn. Tuy vậy, do khéo ăn nói và khéo đón gió, Viên Áng rất được vua tin dùng. Về sau, do Viên Áng can ngăn vua đừng lập Lương Vương Lưu Vũ làm Thái Tử, nên kết oán với Lương Vương, bị Lương Vương thuê thích khách giết chết.

vị giết nó, ăn nó, nó có cam tâm tình nguyện hay chẳng? Do vậy, nghĩ đến chỗ này, [sẽ cảm thấy] hết sức đáng sợ; quý vị còn dám ăn thịt chúng sanh hay không? Trong kinh, đức Phật có nói: “Quý vị ăn kẻ khác tám lạng, đời sau phải trả kẻ ấy nửa cân128[5]”. Nợ mạng phải trả bằng mạng, thiếu nợ phải đền tiền. Nhân quả ba đời chẳng trốn được! Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, trong cuộc đời này, đãi người tiếp vật, tâm bèn bình lặng. Nếu chúng ta bị thua thiệt, người ta dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng để tước đoạt tài vật của chúng ta, chúng ta cười, chắc là đời trước ta thiếu nợ hắn, hãy trả lại cho hắn, chẳng có tâm oán hận! Nếu ta chẳng nợ hắn, hắn đoạt đi cũng chẳng sao! Đời sau hắn còn phải trả kèm thêm tiền lời cho ta. Tâm bình khí hòa để xử lý chuyện này, đó là chánh xác. Hắn cướp đoạt những thứ của ta, đó là trộm lầy, là “đạo tâm” (盜心: cái tâm trộm cắp). Nếu ta dùng thủ đoạn để lấy lại thì cũng là “đạo tâm”, cũng phạm vào sai lầm. Kẻ ấy phạm lỗi lầm, ta chẳng phạm lỗi lầm, chẳng cần phải so đo, hãy thành tựu đức hạnh của chính mình. Không chỉ chẳng oán hận, mà còn phải cảm tạ. Giống như khảo thí, công phu của ta rốt cuộc như thế nào? Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, trải qua sự việc để luyện tâm, trải qua những chuyện ấy để khảo nghiệm chính mình có thành tựu hay không. Vì thế, luôn dùng cái tâm cảm ơn để xử lý.

Phàm là kẻ hủy báng, ganh ghét, lăng nhục, tổn thương ta, ta đều cảm ơn. Vì sao? Toàn là đến khảo nghiệm ta để xem rốt cuộc ta là học Phật thật sự hay giả vờ học. Nếu đối với những nghịch cảnh và các kẻ ác ấy mà còn có tâm oán hận, chúng tỏ chúng ta đã học Phật uổng công rồi! Đức Phật dạy như thế nào, đều quên sạch cả rồi! Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật trong lúc tu nhân, tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, gặp phải vua Ca Lợi, bị lăng trì xử tử, Bồ Tát chẳng có chút tâm oán hận nào, Nhẫn Nhục Ba La Mật bèn viên mãn. Nếu không gặp tình cảnh ấy, Ngài vẫn chưa tu viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật. Trong lần khảo đảo to lớn cuối cùng ấy, Ngài trúng cách, vượt qua, chẳng oán hận vua Ca Lợi, mà còn cảm tạ nhà vua. Lúc sắp chết, bảo vua Ca Lợi: “*Trong tương lai, ta thành Phật, sẽ độ nhà vua đầu tiên*”. Đó là báo ân, như vậy mới là đệ tử đức Phật, chúng ta hãy nên học tập điều này. Đúng là thật sự học hiểu, chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi. Bất luận trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, đều chẳng động tâm, giữ gìn sự “thanh tịnh, bình đẳng, giác” của chính mình, vĩnh viễn giữ tâm cảm ân, tâm báo ân, đó là đúng. Đừng sợ bị thua thiệt. Bị thua thiệt là có phước, đừng chiếm tiện nghi của kẻ khác. Chiếm tiện nghi là họa hại, là tai họa, biết bị thua thiệt là phước, cổ thánh tiên hiền nói chẳng sai! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

128[5] Một cân là mười sáu lạng. Cân tại Hương Cảng, Macao và Đài Loan chừng 605g, cân tại Trung Hoa Đại Lục chỉ có 500g.

Tập 118

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi bảy, dòng thứ hai từ dưới đếm lên, xem từ câu cuối cùng, xem từ “*như Chân Giải viết*” (như sách Chân Giải nói), xem từ đoạn này.

“*Như Chân Giải viết: Nhị Thừa tuy đắc tam Không môn, duy trảm Thiên Không. Bồ Tát bất nhiên, năng đạt huyễn vông, đắc bình đẳng pháp. Cố tuy trụ tam Không môn, nhi bất trụ vô vi, bất trụ hữu vi. Cố năng hành Thanh Văn, năng hành Duyên Giác, nhi siêu việt Thanh Văn, Duyên Giác chi địa*” (như sách Chân Giải nói: “Nhị Thừa tuy đắc ba Không môn, nhưng chỉ chìm đắm trong Thiên Không. Bồ Tát chẳng vậy, có thể thấu đạt lưới huyễn, đắc pháp bình đẳng. Vì thế, tuy trụ trong ba Không môn, nhưng chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi. Vì thế, có thể hành Thanh Văn, có thể hành Duyên Giác, vượt trội địa vị Thanh Văn và Duyên Giác”). Trong buổi học trước, chúng ta học đến chỗ này, hôm nay, tôi sẽ nói từ đoạn này. Đây là nói những vị Bồ Tát tham dự pháp hội này đều đắc ba Không môn, kinh nói Tam Không là “*nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyên pháp môn*”, ba môn này Tiểu Thừa và Đại Thừa đều nói tới. Tuy người Nhị Thừa là Thanh Văn và Duyên Giác chấp trước Không, họ chấp trước Không Môn, nhập Không Môn, bèn chấp trước Không Môn; do đó, họ chẳng có cách nào tiến cao hơn. Bồ Tát thông minh hơn họ, Bồ Tát có thể thấu đạt lưới huyễn, biết Hữu Môn là huyễn. Hữu chẳng phải là Chân Hữu, Không cũng chẳng phải là Chân Không. Không và Hữu bất nhị. Đại Thừa Bồ Tát liễu giải chân tướng sự thật này, nhưng Tiểu Thừa chẳng liễu giải, nên nhập Không bèn trụ Không, nghe đức Phật nói hết thủy Hữu là giả: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, họ bèn buông tướng hư vọng xuống, trụ vào Không. Thật ra, đó vẫn là sai lầm, chẳng phải là thật sự giác ngộ. Bồ Tát biết chân tướng của Không và Hữu, nên đắc pháp bình đẳng, Không và Hữu bất nhị, Không và Hữu như một; đó là pháp bình đẳng. Tuy trụ ba Không môn, Ngài chẳng chấp trước hai bên Không và Hữu, mà cũng có thể nói là đối với hai bên Không và Hữu, tức là hai bên Tánh và Tướng, Tánh là Không, Tướng là Hữu; đối với hai bên đều chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Vì thế, Ngài có thể hành Thanh Văn, mà cũng có thể hành Duyên Giác. Thanh Văn, nếu nói theo hiện thời, là từ giáo học mà khai ngộ, Ngài có thể dùng phương pháp này, mà cũng có thể dùng hiện tượng đại tự nhiên như một thứ chỉ dạy, khơi gợi người tu hành, đó là Duyên Giác. Ngài đã đạt đến cảnh giới vô chướng ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại; vì thế, có thể vượt trội các địa vị Thanh Văn và Bích Chi Phật.

“*Hựu Đại Bảo Tích Kinh, Thiện Đức Thiên Tử Hội thuyết*” (lại nữa, trong hội Thiện Đức Thiên Tử của kinh Đại Bảo Tích), hội này cũng do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng; trong ấy, đức Phật có nói mấy câu như thế này: “*Dĩ Thanh Văn pháp giáo hóa chúng sanh, cố ngã thị Thanh Văn. Dĩ Bích Chi Phật pháp hóa ích chúng sanh, cố ngã thị Bích Chi Phật. Dĩ đại bi pháp giáo hóa chúng sanh, cố ngã thị Bồ Tát. Ư nhất thiết pháp đắc giải thoát, nhất thiết vô ngại cố. Tùng sở hóa chúng sanh, hoặc dĩ Thanh Văn pháp hóa ích, hoặc dĩ Bích Chi Phật pháp hóa ích, hoặc dĩ Bồ Tát pháp hóa ích. Cố ngã thị Thanh Văn, ngã thị Duyên Giác, ngã thị Bồ Tát*” (Dùng pháp Thanh Văn giáo hóa chúng sanh, nên ta là Thanh Văn. Dùng pháp Bích Chi Phật giáo hóa, lợi ích chúng sanh, nên ta là Bích Chi Phật. Dùng pháp đại bi giáo hóa chúng sanh, nên ta là Bồ Tát. Trong hết thảy các pháp đắc giải thoát, nên hết thảy vô ngại. Do giáo hóa chúng sanh, hoặc dùng pháp Thanh Văn để giáo hóa, lợi ích, hoặc dùng pháp Bích Chi Phật để giáo hóa, lợi ích, hoặc dùng pháp Bồ Tát để giáo hóa, lợi ích, nên ta là Thanh Văn, ta là Duyên Giác, ta là Bồ Tát). Đoạn kinh này nói rõ, các vị Pháp Thân Bồ Tát và Như Lai chẳng sai biệt, nên dùng thân gì để giáo hóa, các Ngài bèn hiện thân ấy. Ở chỗ này, đối tượng toàn là đệ tử trong Phật môn, có duyên với Phật. Phật, Bồ Tát có thể hiện thân A La Hán, tức là Thanh Văn, dùng thân phận A La Hán để giáo hóa chúng sanh. Vì sao? Chúng sanh là căn tánh Tiểu Thừa, quý vị phải dùng thân phận căn tánh Tiểu Thừa để dạy họ. Họ là căn tánh Duyên Giác Thừa, quý vị bèn thị hiện Duyên Giác. Họ là căn tánh Bồ Tát, quý vị bèn hiện làm Bồ Tát. Chúng tôi dùng tỷ dụ để nói, chư vị sẽ hiểu rõ hơn. Phật, Bồ Tát là nhà đại giáo dục, là một vị thầy tốt thật sự, đối với học trò Tiểu Học, dạy học tại trường Tiểu Học, các Ngài là giáo viên Tiểu Học. Dạy học tại trường Trung Học, các Ngài là giáo viên Trung Học. Dạy học tại Đại Học, các Ngài là giáo sư Đại Học, hoàn toàn tùy thuộc đối tượng. Đối tượng như thế nào, các Ngài bèn chuyển biến thân phận [như thế ấy]. Đoạn này nhằm nói lên ý nghĩa sau đây: Tùy loại hóa thân. Nếu nói theo tôn giáo, đối tượng là tín đồ Phật giáo bèn dùng thân phận trong Phật giáo để giáo hóa, nay chúng ta gọi [những vị ấy] là A Xà Lê trong Phật môn. Nếu đối tượng là thân phận Cơ Đốc Giáo, là căn tánh Cơ Đốc Giáo, các Ngài bèn hiện thân phận Gia Tô (Jesus) để dạy họ, khác nhau! Căn tánh gì bèn hiện thân tướng đó. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, tức là thật sự thấu hiểu: Các tôn giáo trên thế giới là một nhà. Tôi qua lại với rất nhiều tôn giáo, [nhận thấy] tất cả những vị thánh nhân sáng lập tôn giáo đều là hóa thân của một Chân Thần. Tôi nói như vậy, quý vị có tin hay không? Nhiều năm qua, chẳng có ai phản đối, mọi người đều cảm thấy có lý, xác thực là một chân thần thị hiện nơi đó. Trong đoạn kinh văn này, những vị Pháp Thân đại sĩ tượng trưng cho chân thân. Quý vị thấy: Do căn tánh của chúng sanh bất đồng, các Ngài bèn hiện các thân bất đồng, thuyết pháp bất đồng, khiến cho hết thảy chúng sanh ai nấy đạt được lợi ích hiện tiền. Mọi người hiểu rất rõ lợi ích hiện tiền cần thiết của chính mình, các Ngài cũng đem lại cho họ lợi ích vĩnh viễn, đó mới là viên mãn.

Cuối cùng, cụ Hoàng Niệm Tổ tổng kết: “*Thử minh chư đại sĩ thiện xảo phương tiện*” (đây là nói rõ phương tiện thiện xảo của các vị đại sĩ). Nói rõ trong đại hội Vô Lượng Thọ, trong hội ấy, đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, những vị đại Bồ Tát, các vị đại sĩ đến tham gia pháp hội, các vị đại sĩ là đại Bồ Tát. Quý vị thấy người Hoa thường nói Quán Âm Đại Sĩ, gọi theo tiếng Phạn sẽ là Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Tát (Mahasattva) là Đại Bồ Tát, tức Pháp Thân Bồ Tát. Những vị Bồ Tát này trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chư Phật Như Lai, chỉ có chư Phật Như Lai trụ trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ, kinh Hoa Nghiêm nói là Diệu Giác, Diệu Giác trụ trong Thường Tịch Quang. Bốn mươi một địa vị từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác trụ trong cõi Thật Báo đều được gọi là Đại Sĩ. Quý vị thấy các Ngài phương tiện thiện xảo. “*Tùy cơ độ sanh*”: Nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Các Ngài chẳng có thân, chẳng có thân bèn gọi là Pháp Thân; do chẳng có thân, nên có thể hiện hết thấy các thân. Trong loài người chúng ta, quý vị thấy loài người vẽ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Biến Tướng Đồ 129[6] thì trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là người; Phật, Bồ Tát cũng là thân người. Nếu là chư thiên, đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ trên cõi trời, giảng về thế giới Cực Lạc thì trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đồ toàn là thân tướng chư thiên. Phải hiểu điều này! Chẳng phải là cố định, chẳng nhất định, Phật không có pháp cố định để có thể nói. Đức Phật chẳng có pháp để có thể nói, đức Phật thuyết pháp luôn “*thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng hiểu biết của họ*”. Do vậy, chúng tôi bèn liên tưởng, nếu những vị đại Bồ Tát thấy duyên của chúng sanh trong súc sanh đạo đã chín muồi, sẽ thật sự hiện thân súc sanh để giảng về thế giới Cực Lạc, khuyên dạy các súc sanh ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chuyện này chẳng giả! [Khi đó], các Ngài vẽ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đồ toàn là súc sanh. Trong ngạ quỷ đạo, Cực Lạc Thế Giới Biến Tướng Đồ toàn là ngạ quỷ, nhất định phải hiểu đạo lý này. Đó gọi là “*phương tiện thiện xảo, tùy cơ độ chúng*”.

Vì thế, ở đây, các Ngài “*thị hiện Nhị Thừa*”. Tuy thị hiện Nhị Thừa “*nhị ly Thanh Văn, Bích Chi Phật chi tướng*” (nhưng lìa tướng Thanh Văn, Bích Chi Phật), đó là siêu việt, là nguyên lý. Trong loài người, Bồ Tát thị hiện thân người, hóa độ mọi người thì cũng chẳng lìa tướng người, nhưng Ngài chẳng chấp tướng. Bất luận thị hiện ở chỗ nào, thị hiện trong đường nào, chúng ta hãy nhớ một nguyên tắc, các Ngài chắc chắn chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Nguyên tắc này vĩnh hằng bất biến, nên gọi là chân lý. Trong kiến trúc của Phật giáo Trung Quốc, chúng ta đến viếng một ngôi chùa, quý vị thấy đầu tiên là sơn môn, Thiên Vương Điện và thần Hộ Pháp. Hai bên sơn môn thờ Tứ Đại Thiên Vương, chính giữa thờ Di Lặc Bồ Tát. Tượng Di Lặc Bồ

129[6] Biến Tướng Đồ (變相圖, hay còn gọi tắt là Biến) là những tranh ảnh hoặc điêu khắc trong Phật giáo nhằm thể hiện những câu chuyện trong kinh. Biến Tướng Đồ phổ biến nhất là các loại miêu tả địa ngục hay Tịnh Độ của chư Phật như Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ hoặc cõi Lưu Ly của Dược Sư Phật.

Tát luôn tạc hình Bồ Đại hòa thượng đời Tống. Lúc lâm chung, Bồ Đại hòa thượng bảo mọi người Ngài là Di Lạc Bồ Tát hóa thân. Nói xong, ngài xếp bằng mà tịch, đó là thật, chẳng giả. Nói là Phật, Bồ Tát chi đó tái lai, nói xong chẳng đi, tức là giả, chẳng thật! Thân phận vừa bộc lộ, bèn ngay lập tức ra đi, bất luận do chính mình nói hay do người khác nói; nếu thân phận bị bộc lộ bèn ra đi. Do vậy, tại Trung Quốc, từ đó trở đi, hễ tạo tượng Di Lạc Bồ Tát, bèn tạc tượng Bồ Đại hòa thượng. Tại Trung Quốc, Bồ Đại hòa thượng biểu thị pháp gì? Biểu thị đại từ đại bi, phô ra khuôn mặt tươi cười đón tiếp người khác, biểu thị sự đối đãi bình đẳng, đối xử hòa hài với nhau, biểu thị điều này. Người biết nhìn, sẽ có thể thấy sâu hơn nữa, Ngài biểu thị buông xuống, buông xuống vạn duyên. Ngài hằng ngày khát thực trên đường, người khác cúng dường Ngài thứ gì, Ngài đều bỏ vào trong túi vải; mỗi ngày Ngài xách một cái túi vải to. Đã có người hỏi Ngài: “Phật pháp là gì?” Lão nhân gia buông túi vải xuống đất, hai tay buông thõng. Người khác thấy dáng vẻ ấy liền biết là buông xuống. Buông xuống là Phật pháp, người ta nhìn bèn hiểu là “buông xuống”. Lại hỏi lão nhân gia, sau khi đã buông xuống thì nên làm như thế nào? Ngài cầm lấy túi vải, đặt trên lưng bước đi, chẳng ngoảnh đầu lại. Ý nghĩa gì vậy? Sau khi đã buông xuống, bèn nâng lên; nâng lên là hóa độ chúng sanh. Buông xuống là chính mình, giống như Ly (rời lìa) đang được nói ở đây; Ly là buông xuống. Quý vị thấy “*thị hiện Thanh Văn, Bích Chi Phật*” là nâng lên, [tức là] nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Tuy hiện thân độ chúng sanh, chính mình chẳng chấp trước dấu vết, đó là buông xuống. Buông xuống và nâng lên là cùng một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Thấy thấu suốt vốn là buông xuống, buông xuống là thấy thấu suốt. Hoặc chúng ta nói cách khác, nâng lên là buông xuống, buông xuống là nâng lên, là một, không hai. Đó là diệu pháp. Buông xuống nhưng chẳng nâng lên, nâng lên mà chẳng buông xuống thì pháp ấy chẳng diệu! Quý vị thấy diệu ở chỗ “*hành thế gian pháp, nhưng chẳng chấp thế gian pháp*”, đó là Diệu. Cùng hết thấy chúng sanh hòa quang đồng trần, nhưng trên thực tế, chẳng nhiễm mảy trần, cùng đại chúng hòa quang đồng trần, nhưng chẳng nhiễm mảy trần. Đó là Bồ Tát đại triệt đại ngộ chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi, có thể hành thế gian pháp, nhưng y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng mảy may trở ngại Ngài, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

Câu kế tiếp là “*khé nhập tam-muội*”. Ba chuyện này còn gọi là Tam Giải Thoát Môn. Chữ Giải (解) đọc giọng Khứ Thanh, đọc giống như Tạ (謝)130[7], dùng làm động từ, chẳng phải là danh từ, mà dùng như động từ. Quý vị thật sự đắc đại tự tại, thật sự đắc giải thoát.

130[7] Đây là cách đọc theo âm Quan Thoại. Chữ Giải dùng như danh từ sẽ đọc là Jiě, còn dùng như động từ sẽ đọc là Xiè (giống như âm đọc của chữ Tạ trong Quan Thoại). Âm Hán Việt chỉ đọc là Giải (tuy có một số trường hợp, theo cụ Thiều Chửu, phải đọc là Giái (với ý nghĩa giải tù đi, hoặc đỗ đầu khoa thi Hương được gọi là Giái Nguyên), hoặc Giới như con Giới Trãi (解薦) là một loài thú giống như hươu, nhưng chỉ có một sừng; nhưng do thói quen, chẳng ai đọc chữ này là Giái hoặc Giới).

“Giải” là giải trừ phiền não, tập khí chẳng còn nữa. “Thoát” là thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới, thoát ly sanh tử khổ não, [gồm có] ba môn! Trước hết, chúng tôi giới thiệu ba môn ấy đôi chút, sau đó mới đọc những dẫn chứng trong sách Chú Giải. [Định nghĩa giản lược của] ba môn giải thoát [như tôi sẽ trình bày dưới đây] được trích lược từ Tam Tạng Pháp Số 131[8], có xuất xứ là trích dẫn từ sách Pháp Giới Thứ Đệ 132[9] của tông Hoa Nghiêm. Trước hết là phần giới thiệu sơ lược, “*giải thoát, tức tự tại chi nghĩa dã*” (giải thoát nghĩa là tự tại). Thành Phật là chứng đắc Tam Đức Bí Tạng. Tam Đức Bí Tạng là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát, ba điều này vốn có trong tự tánh. Như chúng tôi vừa mới nói, Bồ Tát có thể hiện thân khắp pháp giới, hiện vô lượng vô biên thân, tự tại. Hiện thời, chúng ta chẳng có bản lãnh ấy, còn Ngài đắc đại tự tại. Trọn đủ trí huệ viên mãn, tướng hảo viên mãn. Tướng hảo viên mãn là thứ gì cũng chẳng khiếm khuyết, có thể hiện y báo và chánh báo trang nghiêm của Phật, Bồ Tát, mà cũng có thể hiện ngạ quỷ, địa ngục, không có điều gì chẳng thể hiện, đây mới là tướng hảo trang nghiêm. Quý vị có thể hiện Phật, Bồ Tát, chẳng thể hiện thân địa ngục, thì tướng hảo của quý vị chẳng thể coi là viên mãn. Thứ gì cũng đều có thể hiện, như tỷ dụ của cổ đại đức: “*Dùng vàng làm đồ vật, món gì cũng đều là vàng*”. Chúng ta dùng một khối vàng tạc tượng Phật, mong người trông thấy ưa thích, thờ tại đó, hằng ngày lễ bái. Chúng ta vẫn dùng bức tượng Phật ấy, đúc lại thành hình tượng ngạ quỷ hay đúc thành hình tượng địa ngục, vẫn là cùng một bức tượng, chẳng thay đổi, chỉ là hình dạng bị biến đổi. Quý vị bèn khởi lên phân biệt, chấp trước, đây là tướng ngạ quỷ, đây là tướng địa ngục, sanh tâm khinh mạn đối với nó, chẳng cung kính ngàn ấy nữa! Sai mất rồi! Nó vốn là tượng Phật, là tượng Phật được đúc lại [thành hình dạng khác], nó vốn là tượng Phật mà! Do vậy, đức Phật nói “*hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”. Tổ tiên chúng ta thường nói “*bổn tánh vốn lành*”, lành chính là Phật. Vốn là Phật, có sao tướng ấy mới biến đổi đôi chút, quý vị bèn dấy lên phân biệt, chấp trước? Sai mất rồi. Trong chân tâm, không có phân biệt, không có chấp trước, không có nhiễm bần, không có dao động, như như bất động, chẳng có khởi tâm động niệm. Nay chúng ta đã mê, mê mất chân tâm, trong hết thấy hiện tượng bèn sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mê nơi tướng, chẳng thấy tánh. Xin hỏi quý vị, đó là ai? [Quý vị trả lời] là Bồ Tát, là chư thiên, là ngạ quỷ, là súc sanh, quý vị mê nơi tướng! Hỏi quý vị vàng ở

131[8] Tam Tạng Pháp Số, tên gọi đầy đủ là Đại Minh Tam Tạng Pháp Số, là một từ điển về các danh từ thuật ngữ Phật Học do ngài Nhất Như chủ biên vào đời Minh, gồm năm mươi quyển, hoàn thành trong niên hiệu Vĩnh Lạc. Nội dung gồm 1.555 từ ngữ, khởi đầu bằng Nhất Tâm và kết thúc bằng Bát Vạn Tứ Thiên Pháp Môn. Mỗi từ ngữ đều được chú giải tỉ mỉ, ghi rõ những lời trích dẫn phát xuất từ kinh, luận nào. Ngài Nhất Như quê ở Cối Kê, là đệ tử của cao tăng Cụ Am, trụ tại chùa Thiên Trúc. Năm Vĩnh Lạc 17 (1419), Sư vâng chiếu giáo duyệt Đại Tạng Kinh và biên soạn tác phẩm này.

132[9] Pháp Giới Thứ Đệ có tên gọi đầy đủ là Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn do ngài Trí Khải (Trí Giả đại sư, Thiên Thai đại sư) soạn vào đời Tùy, nương theo thứ tự các nghĩa lý để giải thích các danh từ pháp số thường gặp.

chỗ nào? [Quý vị khăng khăng]: “Chẳng có vàng! Nơi đây không có vàng, chỉ có tượng Bồ Tát, chỉ có hình tướng súc sanh, chỉ có tướng ngựa quý, chẳng có vàng!” Kẻ ấy chẳng biết các tướng đó là vàng, phạm phu thuộc vào trạng thái như thế, đã mê mất rồi! Nếu giác ngộ, vàng ở chỗ nào? Tùy tiện cầm lấy thứ nào, cũng đều là vàng, chẳng sai, toàn thể đều là vàng! Nói theo Tánh thì hoàn toàn bình đẳng. Nói theo Tướng bèn khác nhau. Bồ Tát thông đạt Tánh - Tướng bất nhị; phạm phu mê mất tự tánh, chấp trước huyền tướng, trong bất nhị lại phân biệt thành hai, chấp trước thành hai, phiền phức nảy sanh từ đó. Vì thế, Giải Thoát có nghĩa là “tự tại”. “Môn” có nghĩa là thông đạt, chẳng phải là thật sự có Môn ấy!

“*Vị do thủ tam giải thoát môn, tắc năng thông chí Niết Bàn, cố danh tam giải thoát môn*” (Nghĩa là do giữ lấy ba môn giải thoát, nên có thể thông đạt Niết Bàn; vì thế, gọi là Tam Giải Thoát Môn). Quý vị thấy ba thứ giải thoát môn này có thể kiến tánh, có thể thấy chân tánh. Bất cứ một môn nào trong ba môn đều được. Môn thứ nhất là Không, có thể từ Không Môn trực tiếp minh tâm kiến tánh. Môn thứ hai là từ Vô Tướng, biết tất cả hết thấy các tướng chẳng thật, tướng đều là huyền tướng. Kinh thường nói là “*lià hết thấy tướng, tức là hết thấy các pháp*”, hề lià tướng bèn là tánh. Loại thứ ba là Vô Tác. Vô Tác còn gọi là Vô Nguyện, chẳng có bất cứ điều gì mong cầu, vì sao? Mong cầu là vọng tưởng, trong tự tánh chẳng có vọng tưởng, buông hết thấy mong cầu xuống bèn kiến tánh. Vô nguyện, vô cầu, tự tánh hiện tiền. Do ba môn này, có thể trực tiếp minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Trước hết, chúng tôi giới thiệu những môn này đôi chút. Thứ nhất là “*Không giải thoát môn, vị quán nhất thiết pháp, giai từng nhân duyên hòa hợp nhi sanh, tự tánh bốn Không*” (Không giải thoát môn, nghĩa là quán hết thấy các pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà sanh, tự tánh vốn là Không). Hết thấy các pháp chẳng có tự thể; tự tánh, tánh là thể chất. [Các pháp] chẳng có tự thể, nên Thể đúng là Không. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học bảo chúng ta, vật chất rốt cuộc là gì? Hiện tại, đây là ngành khoa học kỹ thuật tiên phong, họ đã phát hiện: Chẳng có vật chất. Vật chất là một huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục. Nói theo cách này thì tự tánh vốn Không, nên nếu chúng ta chấp trước [vật chất] là có thì sai mất rồi, đã mê rồi! Quý vị phải biết: Có là Không, Không là Có. Tâm Kinh dùng Sắc để làm đại biểu, Sắc đại biểu vật chất. “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”, cùng một thứ! Không và Sắc là cùng một thứ. Sắc là gì? Là Không, Không là vọng niệm. Vọng niệm tích lũy thành hiện tượng. Bốn câu trong Tâm Kinh đã giảng thấu suốt: “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”. Giảng thấu suốt, hiện thời điều này đã được các nhà khoa học Lượng Tử chứng minh.

Quý vị hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật “*vạn pháp đều là Không*”. Có Tướng hay không? Tướng là có. Tướng có trở ngại Không hay chẳng? Chẳng trở ngại Không! Không cũng chẳng trở ngại Có, Không và Có vô ngại. Đó là quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ! Vì thế, nói hết thấy các pháp là do các duyên hòa hợp sanh ra; ý niệm là nhân, tích

lũy là duyên, vọng niệm tích lũy liên tục thành hiện tượng. Chúng ta coi chúng là vật chất, thấy chúng là Sắc pháp. Hiện tượng vật chất vô lượng vô biên, thiên sai vạn biệt. Có những thứ vật chất hết sức kiên cố, [thí dụ như] những thứ kim loại nặng hết sức kiên cố, đó là gì? Các nhà khoa học cho biết, hiện tượng sinh khởi chẳng ngoài chấn động. Chấn động thuộc về năng lượng. Chấn động đương nhiên có tần số. Tần số khác nhau. Tần số chậm bèn biến thành kim loại nặng. Tần số chấn động nhanh hơn một chút, bèn biến thành bùn cát. Cây cối, hoa, cỏ, da dẻ trên thân thể chúng ta đều là những chấn động tương đối nhanh một chút. Nhanh hơn chút nữa bèn biến thành sóng điện từ trong hiện thời. Hiện thời, nhân loại ứng dụng sóng điện từ để chế tạo nhiều thứ máy móc chạy bằng điện, như hiện nay chúng ta coi TV, truyền tin bằng vô tuyến điện, hay mạng Internet, đó là những thứ có tần số chấn động cao. Hiện tượng vật chất dầu nhiều, nhưng toàn là tần số chấn động khác nhau, nên những hiện tượng được hiện ra cũng chẳng thật. Vì lẽ đó, bất cứ hiện tượng vật chất hay tinh thần nào đều có thể trở về năng lượng, tức là các thứ chấn động đều có thể quy hồi [năng lượng], chẳng khác nhau, là pháp bình đẳng. Do vậy, trong ấy là Vô Ngã. Chữ Vô này thông với những chữ sau, tức là Vô Ngã, Vô Ngã Sở. Ngã còn không có, đương nhiên chẳng có Ngã Sở. Nói đến những thứ được sở hữu bởi Ngã thì là chuyện chẳng có, Ngã và Ngã Sở đều bất khả đắc.

“Nhược năng như thị thông đạt, tắc ư chư pháp nhi đắc tự tại, cố danh Không giải thoát môn” (nếu có thể thông đạt như thế, bèn được tự tại nơi các pháp; vì thế, gọi là Không Giải Thoát môn). Nếu quý vị hoàn toàn hiểu rõ, minh bạch, thông đạt đạo lý này, quý vị được đại tự tại trong hết thảy các pháp, vì sao? Chẳng còn chấp trước nữa, mà cũng chẳng còn phân biệt nữa. Nay chúng ta chẳng tự tại trong hết thảy các pháp, nguyên nhân ở chỗ nào? Ta muốn chiếm hữu, muốn không chế chúng, há có thể tự tại ư? Thân còn chẳng chiếm hữu được, chẳng không chế được, lại toan chiếm hữu vật ngoài thân, há chẳng phải là dấy vọng tưởng ư? Đó là tự chuốc khổ! Nếu có thể không chế cái thân, sẽ là [thân] Kim Cang bất hoại thì tốt hơn nhiều! Chẳng cần nói tới các vị Pháp Thân Bồ Tát, chúng ta nói tới phàm phu cao cấp; trong bốn thánh pháp giới, họ có thể không chế thân thể chẳng ngã bệnh, có thể không chế thân thể không ngã bệnh, tức là có thể không chế thân thể trường sanh bất lão. A La Hán có bản lãnh ấy. Bản lãnh của các Ngài do đâu mà có? Trong phần trước đã nói, họ đạt được ba môn giải thoát này. Các Ngài đạt được ở mức độ nông cạn, vì còn có chướng ngại, do trụ vào Không, chẳng trụ Có. Vì thế, các Ngài chẳng có hết thảy phiền não chướng ngại về Có, các Ngài đã buông xuống. A La Hán trụ nơi Không; thật ra, trụ nơi Không là sai lầm. Trụ Không thì chính mình đắc tự tại, nhưng chẳng thể giúp đỡ người khác! Bồ Tát biết Không và Có bất nhị, Không là Có, Có là Không, nên Bồ Tát có thể giúp đỡ hết thảy chúng sanh, có thể cảm ứng thuận theo ý niệm của chúng sanh. Chúng sanh muốn thấy thân nào, Ngài bèn hiện

thân như thế ấy, quý vị thấy tự tại lắm chứ! Đây là giảng cho chúng ta biết chân tướng sự thật.

Loại thứ hai là “*Vô Tướng giải thoát môn, vị kỳ tri nhất thiết pháp Không, cố quán nam nữ, nhất dị đẳng tướng, thật bất khả đắc*” (Vô Tướng giải thoát môn, nghĩa là đã biết hết thấy các pháp là Không, nên quán các tướng như nam, nữ, một, khác v.v... thật sự chẳng thể được). Tướng là huyền tướng, cảnh giới ấy chẳng dễ hiểu. Hiện thời có những thứ khoa học kỹ thuật rất hữu ích cho sự học Phật của chúng ta, Phật pháp là khoa học. Xưa kia, tôi theo thầy Phương học Triết, thầy bảo tôi: “*Phật pháp là triết học*”. Khi thầy giới thiệu Phật pháp cho tôi, [đã bảo]: “*Thích Ca Mâu Ni Phật là vị triết gia vĩ đại nhất thế giới, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học, là đỉnh cao nhất trong triết học của toàn thể thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi được dẫn dắt vào Phật môn như thế, học gần sáu mươi năm, nay đã biết: Không chỉ là đỉnh cao nhất trong triết học, mà còn là đỉnh cao nhất trong khoa học. Thích Ca Mâu Ni Phật không chỉ là một triết gia vĩ đại, mà còn là một khoa học gia vĩ đại, thật đấy, chẳng giả đâu! Ba ngàn năm sau khi đức Phật diệt độ, hiện thời các nhà Lượng Tử Lực Học mới phát hiện “*vật chất là hiện tượng do ý niệm tích lũy liên tục*”, nhưng từ ba ngàn năm trước, trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói tới rồi. Do vậy, kinh Phật vượt trội khoa học hiện đại. Lượng Tử Học là ngành khoa học mới nhất, mà đã lạc hậu ba ngàn năm so với Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Phật giảng rõ ràng, minh bạch. Các hiện tượng ấy, giống như nay ta xem TV, hoặc xem phim ảnh, thấy [hình ảnh] trên màn bạc. Chúng ta biết [những hình tượng] trên màn bạc chẳng thật, ta có thể nhìn, nhưng chẳng thể không chế nó, chẳng thể chiếm hữu nó, ta có thể thương thức nó. Nếu có một người, vào một ngày nào đó, giống như những nhà khoa học Lượng Tử thật sự hiểu rõ, thật sự thông đạt, có phải là sẽ thấy hết thấy các hiện tượng trong hiện thời, thấy hết thấy nam nữ, thấy hết thấy các thứ một và khác; “một” là giống nhau, “khác” là chẳng giống nhau, tức là nói đối với hết thấy vạn vật, [họ] có thấy là “thật sự chẳng thể được” hay không? Có! Họ đã thấy được! Chúng tôi đọc báo cáo của họ, thấy đã nói tới chuyện ấy, nhưng họ như thế nào? Họ vẫn có ý niệm chiếm hữu, vẫn có ý niệm không chế, họ vẫn đang thật sự làm, đó là gì? Nói theo Phật pháp, nhà khoa học giải ngộ, đã hiểu rõ, nhưng chưa đoạn tập khí phiền não. Họ khác với người tu hành trong Phật môn! Người tu hành trong Phật môn là chứng ngộ. Quý vị thấy một đẳng là giải ngộ, một đẳng là chứng ngộ. Nay chúng ta gọi giải ngộ là tri thức (kiến thức), chứng ngộ là trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, chẳng để lại hậu quả. Tri thức có thể giải quyết vấn đề, nhưng sau đó có hậu quả! Quý vị thấy họ nói giống như Phật pháp, nhưng họ vẫn một mực tranh danh đoạt lợi, vẫn có tự tư tự lợi. Đó là hậu quả, thuộc về giải ngộ, chẳng phải là chứng ngộ. Chứng ngộ hữu dụng, chính mình được thọ dụng, chính mình thật sự vượt thoát. Trong phần trước đã nói là “*vượt thoát Nhị Thừa*”. Chứng ngộ thì mới có thể vượt thoát, giải ngộ sẽ chẳng thể vượt thoát. Giải ngộ thì quý vị biết nhiều hơn Nhị Thừa,

nhưng quý vị thọ dụng chẳng bằng Nhị Thừa, vẫn là phàm phu! Nói cách khác, trước kia, thầy Lý thường nói: “*Đáng luân hồi như thế nào thì vẫn luân hồi như thế ấy, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi*”. Hàng Nhị Thừa vĩnh viễn thoát luân hồi, tuy chưa thoát ly mười pháp giới, nhưng đã thoát ly luân hồi. Các nhà khoa học chẳng có cách nào thoát ly luân hồi. Nếu họ thật sự giác ngộ, chẳng bận lòng vì thế giới hư huyền này, chẳng khởi tâm, không động niệm nơi cảnh giới, bèn vượt thoát, nhập vào [các địa vị] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đã chứng đắc.

Phật pháp chú trọng hành - chứng, tín - giải, đó là phương tiện. Công phu đặc lực do hành. Có hành và có chứng thì mới thật sự thọ dụng. Chẳng có hành, chẳng có chứng, chỉ dốc công đổ sức nơi tín giải, chưa đủ! Đó là gieo thiện căn trong Phật môn mà thôi! Thiện căn cũng cần thiết, vì người hành chứng trọn chẳng phải là thành tựu ngay trong một đời! Đời đời kiếp kiếp, vô lượng kiếp tu hành thì mới có thể chứng đắc. Chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta thị hiện, biểu diễn: Mười chín tuổi, rời khỏi gia đình đi ra ngoài tham học, ba mươi tuổi buông xuống vạn duyên, nhập Định dưới cội Bồ Đề, đêm nhìn sao Mai, giống như Duyên Giác, cũng chẳng có thầy, nhìn ngôi sao ấy mỗi ngày nhưng chẳng khai ngộ. Ngày hôm ấy bèn khai ngộ, có nhiệm màu hay chẳng? Hằng ngày nhìn thấy mà chẳng khai ngộ, ngày hôm ấy trông thấy bèn khai ngộ là vì ngày ấy khác hẳn, tình tự khác nhau, cảnh quan bên ngoài của ngày hôm ấy được Phật lực gia trì, linh tánh dẫn dắt, hoát nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, có phải là ngẫu nhiên hay chẳng? Là biểu diễn. Trên thực tế thì sao? Trong kinh Phạm Võng, đức Phật đã nói thật: Ngài giáng thế lần này là thị hiện thành Phật lần thứ tám ngàn. Ngài đã sớm thành Phật, quý vị nói xem công phu hành chứng của Ngài sâu cỡ nào? Chúng ta là kẻ sơ học, làm sao có thể đạt đến cảnh giới ấy? Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã thị hiện: Hai mươi bốn tuổi đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, cảnh giới của Ngài hoàn toàn bình đẳng với Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng hai, chẳng khác. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật [quán sát căn cơ của chúng sanh, thấy] nên dùng thân Phật để độ, Ngài bèn hiện thân Phật. Huệ Năng đại sư ở Trung Quốc, hoàn cảnh của Trung Quốc thuở đó đã chẳng thích hợp thị hiện thân Phật, nên Ngài thị hiện thân tỳ-kheo, dùng thân tỳ-kheo để xuất hiện, nhưng cảnh giới bình đẳng, chẳng khác nhau. Điều này nói rõ: Dẫu trong một đời này, chúng ta chẳng thể khế nhập cảnh giới này, chúng ta ngừng ở nơi tín giải, cũng có thể nói là tích lũy tín giải trong một thời gian rất lâu rồi mới có chân hành. Hiện thời, chúng ta đều chẳng phải là chân hành. Vì sao? Xen tạp vọng tưởng, tạp niệm, tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ít nhiều gì thì trong ấy cũng xen tạp, chẳng thuần! Muốn đạt tới không xen tạp, trong kinh Đại Thừa, Phật, Bồ Tát thường dạy chúng ta, mà [pháp môn] Niệm Phật cũng dạy chúng ta. Ngài Đại Thế Chí dạy chúng ta “*tịnh niệm tiếp nối*”. Tịnh niệm là gì? Chúng ta niệm Phật mà hoài nghi thế giới Cực Lạc thì ý niệm chẳng thanh tịnh. Chúng ta niệm Phật còn xen tạp, vẫn thường nghĩ đến chính mình, niệm ấy chẳng thanh tịnh. Niệm

thanh tịnh, chẳng có hoài nghi, chẳng xen tạp, trong tâm đúng là một câu Phật hiệu bèn hữu dụng!

Cư sĩ Lưu Tố Vân mắc chứng hồng ban lang sang (Systemic Lupus Erythematosus) gần mất mạng, còn nghiêm trọng hơn ung thư, đối với chứng bệnh này, Trung Y lẫn Tây Y đều chẳng có cách nào. Bà ta niệm Phật được lành, hiệu quả khiến cho kẻ khác kinh ngạc. Khi lành bệnh, trên mặt ngay cả một vết sẹo cũng không có! Điều này khiến vị bác sĩ điều trị chánh yếu của bà ta cũng chẳng có cách nào tưởng tượng được! Bà ta lành bệnh như thế nào? Thừa cùng quý vị, tịnh niệm tiếp nối! Bà ta thật sự làm được câu ấy, bà ta niệm A Di Đà Phật, chẳng hoài nghi tí nào, chẳng xen tạp chút nào! Từ tấm gương của bà ta, chúng ta có thể hiểu: Thân thể chúng ta bất luận bệnh tật gì, khi quý vị thật sự là “*tịnh niệm tiếp nối*”, sẽ niệm lành bệnh, có đạo lý hay không? Có! Đạo lý gì vậy? Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng. Thân và tâm của quý vị do tâm tưởng của chính quý vị sanh ra, nên tâm tưởng của chính quý vị có thể biến đổi nó. Tâm tưởng của chúng ta bất thiện, nó bèn phát triển theo hướng trái nghịch, bèn ốm đau, tử vong, đi theo phương hướng ấy. Nếu chúng ta là tịnh niệm tiếp nối, nó bèn phát triển theo phương hướng tốt đẹp. Tốt đẹp là gì? Khỏe mạnh, sống lâu, đạo lý là như vậy đó! Có cần đến thuốc men hay không? Chẳng cần! Cư sĩ Lưu Tố Vân đã nêu gương khó có. Con người hiện thời chẳng có một mẫu gốc 133[10] ở chỗ nào thì mọi người chẳng tin. Hễ có tấm gương thì quý vị bèn tin tưởng. Chúng ta nói “*con người tánh vốn lành*”, Tam Tự Kinh đã nói [như thế], [điều ấy] đã được học mấy ngàn năm: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”. Con người do giáo dục mà tốt đẹp, nhưng chẳng có ai tin tưởng. Mọi người nghe xong đều rất hoan hỷ, đều rất tán thán, nhưng làm chẳng được! Đó là lý tưởng, há có thể làm được? Chúng tôi làm thí nghiệm tại Thang Trì, chính chúng tôi cũng chẳng ngờ làm ba bốn tháng liền thành công, hiệu quả rõ rệt. Chúng tôi cảm tạ, bội phục tổ tiên, sao mà con người dễ dạy dường ấy? Chỉ cần có người cầm đầu, có giáo viên tốt nêu gương cho họ thấy, xướng suất, họ tin tưởng, thật sự học theo. Quý vị thấy sau ba, bốn tháng, [người dân Thang Trì] bèn quay đầu. Quay đầu là bờ, phàm phu vừa quay đầu bèn là Phật, Bồ Tát.

Trong thế giới hiện tiền, bất luận làm gì đều phải có gương tốt, có điển hình tốt; nếu chẳng có, người ta chẳng tin! Phật pháp tốt đẹp như thế, thật sự có mấy người làm gương rõ rệt, xác thực là thân tâm của chính mình khỏe mạnh, gia đình hòa thuận, sự nghiệp rất thuận lợi, đối xử hòa hài với xóm giềng làng nước nơi ta cư trụ, xã hội an định, thế giới hòa bình, [những điều này] có thể làm được, chẳng phải là không làm được! Do vậy, quý vị nhất định phải hiểu: Đây là trí huệ chân thật, hoàn toàn giống như kinh Đại Bát Nhã đã nói. Kinh Đại

133[10] Nguyên văn là “*tiêu bản*” (標本), hiểu theo nghĩa hẹp là một thứ gì để làm mẫu, làm gốc trong sinh vật học. Chẳng hạn như người ta cắt một lát mô của một con vật ép lên một phiến thủy tinh mỏng để dễ quan sát hoặc dùng trong giảng dạy. Hiểu theo nghĩa rộng, tiêu bản là cái để nêu gương, làm mẫu.

Bát Nhã đã dạy: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc*”. Có rất nhiều người thấy điều này, [trông là Bát Nhã] dường như quá tiêu cực! Bất khả đắc thì ta học nó để làm gì? Bất khả đắc mà hết thấy quý vị đều đạt được, quý vị đạt được gì? Quý vị đạt được tận hư không, khắp pháp giới. Quý vị có sở đắc, dốc hết tánh mạng mong cầu, nhưng đạt được hết sức hữu hạn, đạt một chút ít như thế! Lại nữa, một tí tạo ấy, đến cuối cùng, quý vị vẫn chẳng mang theo được. Thứ gì quý vị cũng đều chẳng đạt được. Khi quý vị bất khả đắc, thứ gì cũng đều đạt được, quý vị đạt được toàn thể pháp giới. Quý vị thấy chẳng phải là các vị Bồ Tát ấy đã đạt được hay sao? Khắp pháp giới hư không giới, chúng sanh có cảm, các Ngài bèn có thể hiện thân thuyết pháp, chẳng phải là các Ngài đã đạt được ư? Tự tại lắm! Tuy hiện hết thấy các thân, tuy nói hết thấy các pháp, nhưng tâm địa của chính mình là tâm thanh tịnh, bình đẳng, chẳng nhiễm trước mảy may, chẳng kể công, chẳng nói “hôm nay ta làm chuyện tốt”. Chẳng có ý niệm ấy, làm mà chẳng làm! Tiếp đó, nói tới Vô Tác thì Vô Tác mang ý nghĩa này.

Bồ Tát, như Thích Ca Mâu Ni Phật đã biểu diễn trong thuở trước: Mỗi ngày đều vì mọi người giảng kinh, thuyết pháp, giáo học chẳng ngưng nghỉ. Một người tìm đến bèn dạy một người, hai người tìm đến bèn dạy hai người. Mấy trăm, mấy ngàn người tìm đến, bèn dạy mấy trăm, mấy ngàn người. Hằng ngày, người từ bốn phương tám hướng tìm đến rất náo nhiệt. Chúng ta thấy Phật giáo học khá vất vả, nhưng thật ra, đức Phật có mệt hay không? Đức Phật chẳng mệt! Vì sao? Ngài chẳng chấp tướng, Ngài chẳng làm, làm mà không làm. “Không làm” là về mặt tướng thì có làm, về mặt Sự thì có làm; nhưng theo Lý, chẳng làm; trong tâm chẳng làm! Ngài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, Ngài làm gì? Do vậy, có người hỏi Ngài: “Vô Tác thì làm sao làm được?” Đức Phật dùng chuông, trống làm tỷ dụ. Ngài nói: “Quý vị thấy cái chuông đó, trong chuông có gì hay không?” “Trống không!” “Trong bụng cái trống có gì hay không?” “Trống không!” Gõ to bèn kêu to, gõ nhỏ bèn kêu nhỏ. Chẳng gõ, chẳng kêu! Khi quý vị gõ, trống có chẳng kêu hay không? Chẳng có! Chuông có chẳng kêu hay không? Không có. Chuông chẳng nói: “Quý vị gõ ta một tiếng, ngay lập tức ta dùng âm thanh đáp ứng”. Chẳng có! [Chuông, trống] chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Gõ là gì? Đức Phật bảo “*pháp nhĩ như thị*”, [nghĩa là] tự nhiên là như vậy. Chúng ta phàm phu thì không được! Người ta nêu câu hỏi, chúng ta suy nghĩ phải trả lời người ấy như thế nào; đó là hữu tác, hữu vi. [Đối với Phật, Bồ Tát], căn bản là chẳng nghĩ ngợi gì cả, thuận theo tự nhiên mà trả lời, vô tác, vô vi! Vô tác, vô vi là Tánh Đức khởi dụng; hữu tác, hữu vi là ý thức khởi dụng, khác hẳn! Ý thức khởi dụng là tạo nghiệp, tự tánh khởi dụng chẳng tạo nghiệp. Phật, Bồ Tát chẳng làm, không làm mà làm, làm mà không làm. Chư Phật, Bồ Tát hiện thân, hiện mà vô hiện, vô hiện mà hiện. Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, vô thuyết mà thuyết, thuyết nhưng vô thuyết, màu nhiệm ở chỗ này! Từ chỗ này, chúng ta có thể biết: Tam Không của Tiểu Thừa đúng là khác hẳn Tam Không của

Đại Thừa. Tam Không của Tiểu Thừa có Tự Thọ Dụng, chẳng có Tha Thọ Dụng, cho nên chẳng viên mãn! Tam Không của Đại Thừa thì Tự Tha Thọ Dụng bình đẳng, chẳng có chướng ngại. Đó gọi là viên mãn, là Đại Tam Không tam-muội.

Tiếp đó, sách viết: *“Nhược năng như thị thông đạt chư pháp vô tướng, tức đắc tự tại, cố danh Vô Tướng giải thoát môn”* (Nếu có thể thông đạt các pháp vô tướng như thế, liền đắc đại tự tại, nên gọi là Vô Tướng Giải Thoát Môn). Tu môn giải thoát ấy, tôi tin tưởng người biết tu sẽ chẳng cần một thời gian rất dài, chắc chắn ba năm sẽ nhập tam-muội. Cách tu như thế nào? Xem TV phải biết xem. Khi xem TV mà chẳng biết xem, hoàn toàn bị ô nhiễm bởi TV. Khi biết xem, bản thể chính là Không, trọn chẳng thể được! Hằng ngày, quý vị thấy những gì diễn ra trên TV hoàn toàn giống như thế gian này. Những thứ ấy là giả, thế gian cũng là giả. Xem bằng cách như vậy suốt ba năm, quý vị bèn khai ngộ, xem TV bèn có thể thành Phật! Chẳng biết xem, sẽ đọa địa ngục, quý vị bị nó làm hư, trong tương lai, quý vị khởi tâm động niệm đều là tự tư tự lợi, tổn người, lợi mình, nên đọa địa ngục A Tỳ. Biết xem sẽ khai ngộ, biết xem là gì? Nguyên lai toàn là giả, chẳng có gì là thật, quý vị đắc tự tại! Vô tướng giải thoát, từ trong tướng mà thấy vô tướng. Do vậy, trong cảnh giới chẳng có thiện hay ác thật sự. Nói cách khác, hết thấy các pháp chẳng có đối lập. Thiện và ác là đối lập, chân và vọng là đối lập, tốt và xấu là đối lập, không có những thứ ấy. Chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, nêu ra năm mươi ba pháp môn đều có thể chứng Vô Thượng Bồ Đề, đều có thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, há có chướng ngại! Nơi pháp chẳng có chướng ngại, nơi Lý và Sự chẳng có chướng ngại, chư pháp chẳng có chướng ngại. Chướng ngại là do vọng niệm của chính mình, đức Phật quy nạp các vọng niệm ấy thành ba món chướng ngại: Khởi tâm động niệm là món thứ nhất, phân biệt là món thứ hai, chấp trước là món thứ ba, những thứ ấy gây chướng ngại. Buông phân biệt, chấp trước xuống, chướng ngại bèn giảm một nửa. Đã đắc ba môn giải thoát của Tiểu Thừa, buông khởi tâm động niệm xuống bèn đắc ba môn giải thoát của Đại Thừa. Người Tiểu Thừa nhập cảnh giới, đắc Thiên Chân Niết Bàn, buông phân biệt, chấp trước xuống, vượt thoát lục đạo luân hồi. Đại Thừa buông khởi tâm động niệm xuống, vượt thoát mười pháp giới, đắc đại tự tại.

Thứ ba, *“Vô Tác giải thoát môn. Vô Tác, hựu vân Vô Nguyên, vị nhược tri nhất thiết pháp vô tướng, tắc u tam giới vô sở nguyện cầu”* (Vô Tác giải thoát môn. Vô Tác còn gọi là Vô Nguyên, ý nói: Nếu biết hết thấy các pháp vô tướng, sẽ đối với tam giới chẳng có mong mỏi gì). Quý vị biết *“phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, sẽ trừ bỏ ý niệm mong cầu. Khế nhập cảnh giới gì? Khế nhập *“khắp pháp giới hư không giới và ta là một Thể”*. Thân của chúng ta là vật chất, bên trong là tinh thần, tinh thần của chúng ta tương ứng với tự tánh. Kinh Hoa Nghiêm nói Pháp Tánh, quý vị thấy đã mở rộng cỡ nào? Khôi phục đến mức viên mãn, thân thể chúng ta và tất cả vật chất trong pháp giới hư không giới trở thành một Thể. Tâm là Pháp Tánh, thân là Pháp Tướng, đó là Pháp Thân Bồ Tát, là minh tâm kiến tánh.

Minh tâm kiến tánh bèn chẳng còn chấp trước thân này là ta, [mà sẽ nhận biết] Pháp Tướng là thân ta, Pháp Tánh là tâm ta. Thân tâm ta còn lớn hơn cả vũ trụ, toàn thể vũ trụ là một hiện tượng do thân tâm của ta biến hiện, đó là Diệu Giác, viên mãn thành Phật. Trong khắp pháp giới hư không giới, quý vị khởi tác dụng là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm nhằm giảng chuyện như thế. Tâm và Pháp Tánh kết hợp thành một Thể, thân và Pháp Tướng dung hợp thành một khối. Chuyện là như vậy đó, nói về chuyện này, đó gọi là “*nhập Đại Bát Niết Bàn*”, vĩnh viễn chẳng có sanh tử. Trong ấy tràn ngập trí huệ, tràn đầy đức năng, tràn đầy tướng hảo. Cổ nhân có hai câu nói: “*Chẳng đọc Hoa Nghiêm, chẳng biết sự phú quý do thành Phật*”. Quý vị đọc Hoa Nghiêm rồi mới biết, thật sự đạt được phú quý viên mãn! Vua chúa trong nhân gian quá nhỏ. Đại Phạm Vương vẫn thua kém quá nhiều, Ma Hê Thủ La Thiên Vương vẫn chẳng sánh bằng! Cảnh giới ấy lại là bình đẳng, ai nấy đều có thể chứng đắc.

Bởi lẽ, hễ có nguyện cầu thì trật mắt rồi! Chúng ta học Phật, Phật còn bảo chúng ta phát nguyện, cầu sanh Tịnh Độ, vì sao? Cảnh giới [Cực Lạc] tốt đẹp như thế! Trong hoàn cảnh lục đạo của cõi này, chúng ta học chẳng thành công. Hoàn cảnh hiện thời bất lợi cho tu hành, quá nhiều chướng duyên; trong hoàn cảnh này, nếu chẳng có thiện tri thức chân chánh, thiện tri thức chân chánh là Phật, nhưng Phật chẳng tại thế, chẳng có đồng tham đạo hữu chân chánh, nên tu học vô cùng khó khăn. Đức Phật bảo chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nhằm thay đổi hoàn cảnh học tập. Hoàn cảnh trong cõi kia tốt đẹp, chẳng có chướng ngại, thầy ở bên kia là A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật, còn có mười phương chư Phật Như Lai đều giúp A Di Đà Phật giáo hóa. Các Ngài thường đến thế giới Cực Lạc chẳng gián đoạn, thường xuyên lui tới. Nếu chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc, sẽ có cơ hội thường xuyên gặp gỡ chư Phật, nghe các Ngài dạy bảo, thỉnh giáo các Ngài, hoàn cảnh ấy quá tốt đẹp. Trong hoàn cảnh ấy, muốn gì bèn có nấy, khi chẳng dùng, nó sẽ không còn nữa. Ở nơi đây, chúng ta cần tài liệu thì vẫn phải dùng kệ sách chất một đống lớn. Ở bên đó, họ muốn có tài liệu gì, nó liền bày ra trước mặt. Chẳng cần thì chẳng còn nữa. Không cần tồn trữ, quý vị nói xem có tự tại lắm hay không? Do vậy, giảng đường trong Tây Phương Cực Lạc thế giới sạch lâu, chẳng nhiễm mấy trần, một chút thừa thãi cũng chẳng có. Khi cần bèn biến hiện ở ngay trước mặt. Khi chẳng cần, bèn không còn nữa. Quý vị nói xem: Tự tại lắm, đúng là thuận theo lòng muốn!

Hoàn cảnh tốt đẹp dường ấy, quý vị muốn ăn, thích ăn, đến thế giới Cực Lạc muốn ăn thứ gì, thứ ấy bèn bày ngay trước mặt, chẳng cần phải nấu nướng, mùi vị đều là ngon lành nhất. Ăn xong, chẳng cần rửa chén, đĩa, chúng chẳng còn nữa, chẳng thấy nữa, giống như ảo thuật biến hiện. Chúng ta phải tin tưởng lời đức Phật nói là chân thật, chẳng phải là lời lẽ giả dối. Cách nói ấy chẳng phải là ảo tưởng, các nhà khoa học đã chứng thực. Nói theo Lý thì thông suốt, nhưng trên mặt Sự vẫn chưa làm được, vì sao không làm

được? Khoa học kỹ thuật chưa đủ sức, vẫn chưa đạt tới cảnh giới ấy. Nói theo Lý thì năng lượng và vật chất có thể chuyển biến [thành lẫn nhau]. Họ có năng lượng ấy, trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn. Điều ấy thuộc về đức năng, họ có năng lực dùng niệm lực biến đổi năng lượng thành vật chất. Khi chẳng cần, bèn biến những vật chất ấy trở về năng lượng, chẳng còn nữa! Các nhà Vật Lý Học cận đại đã biết chuyện này, nghe nói bom nguyên tử được phát minh theo đạo lý này, từ vật chất giải phóng năng lượng. Hiện thời, chẳng có cách nào biến năng lượng thành vật chất, [phương pháp] khoa học kỹ thuật ấy vẫn chưa có. Nếu có, mọi người chẳng cần tranh đoạt tài nguyên như trong hiện tại, tự mình có thể biến ra! Tất cả vật chất đều do năng lượng biến hiện; hiện thời, mọi người đều hiểu đạo lý này. Chúng ta cần có vàng, bèn biến năng lượng thành vàng, vàng dùng chẳng hết. Hiện thời đã hiểu đạo lý sau đây: Hiện tượng vật chất khác nhau, có nhiều thứ vật chất là do tần số dao động khác nhau. Khi nào có thể khống chế tần số dao động, há chẳng phải là “*thuận theo lòng muốn*” ư? Người kiến tánh có bản lãnh, kẻ đã mê mất tự tánh bèn đánh mất bản năng (năng lực sẵn có). Đức Phật dạy chúng ta: Chẳng phải là thật sự đánh mất, mà là tạm thời mất đi; khi nào quý vị giác ngộ, nó bèn trở lại nguồn. Ngày nào giác ngộ, ngày ấy trở lại nguồn! Khi mê bèn mất đi, khi ngộ bèn trở lại nguồn, nó là Tánh Đức, Tánh Đức vĩnh viễn chẳng mất đi. Vì thế, có thể thật sự lý giải điều này, sau đây khắc chế chính mình, nghiêm túc tu hành, tu hành như thế nào? Chẳng tạo tác nghiệp sanh tử.

“*Nhược vô sanh tử chi nghiệp, tức vô quả báo chi khổ nhi đắc tự tại*” (nếu không có nghiệp sanh tử, sẽ được tự tại vì chẳng có nỗi khổ do quả báo). Nghiệp sanh tử là gì? Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói, kinh này cũng có nói, Kiến Tư phiền não là nghiệp sanh tử, đừng nên tạo tác những nghiệp ấy nữa. Kiến Tư phiền não quy nạp thành sáu điều là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Chẳng còn tạo sáu chuyện ấy, sẽ chẳng có sanh tử. Sanh tử là nghiệp luân hồi, [chẳng còn tạo Kiến Tư phiền não, sẽ] chẳng còn luân hồi trong lục đạo nữa. Do vậy, chớ nên tham. Đức Phật bảo chúng ta đoạn tâm tham, chẳng bảo chúng ta thay đổi đối tượng, nhất định phải hiểu rõ điều này. Vì sao? Rất nhiều người học Phật, sanh khởi tâm tham đối với Phật pháp, sai mất rồi! Đó là thay đổi đối tượng, chứ quý vị chẳng đoạn tâm tham. Như Lương Vũ Đế xưa kia, Lương Vũ Đế tham công đức, tham Phật pháp. Nhà vua chẳng làm chuyện ác, đã đoạn hết thấy ác, nhưng tham tu hết thấy thiện, đó là sai lầm! Đoạn ác tu thiện là đúng, chẳng sai, nhưng trong ấy chẳng có tham, sân, si, mạn, nghi, thì là đúng, đó là Phật pháp. Đoạn ác tu thiện, nhưng trong ấy còn có tham, sân, si, mạn, nghi, thì chỉ có thể nói là thiện pháp thế gian! Tu những thiện pháp ấy, đắc phước báo nhân thiên, chẳng đọa lạc tam đồ, nhưng không thoát khỏi luân hồi, chớ nên không biết điều này! Trong đoạn ác tu thiện, chẳng vì tự tư tự lợi, chẳng có đúng, sai, ta, người, chẳng có tham, sân, si, mạn, bèn thoát khỏi lục đạo. Nếu niệm Phật, đem công đức ấy hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, quyết định

được sanh, không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới, công đức ấy thù thắng khôn sánh. Đây là cách giải thích thông thường đối với ba môn giải thoát.

Nay chúng ta quay lại đọc lời chú giải, tức chú giải kinh Vô Lượng Thọ: “*Không, Vô Tướng, Vô Nguyên giả, Tịnh Ảnh Sớ viết: Chúng sanh cập pháp, tất vô tự tánh, cố danh vi Không*” (Không, Vô Tướng, Vô Nguyên: Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Chúng sanh và pháp đều chẳng có tự tánh, nên gọi là Không”). “*Chúng sanh và pháp*”: Nói thật ra, chúng sanh và pháp là một chuyện. Trong vũ trụ, Phật pháp gọi [vũ trụ] là “pháp giới”, chẳng gọi là vũ trụ mà gọi là pháp giới, pháp giới to hơn vũ trụ. Vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới phẩm loại vô lượng, vô biên, vô số, vô tận; trong giáo học, nhằm thuận tiện, đức Phật dùng một danh từ để gọi chung [vạn sự vạn vật] là Pháp. Vì thế, Pháp là danh từ chung thay cho hết thảy sự vật trong khắp pháp giới hư không giới. Chúng sanh và pháp do đâu mà có? Do các duyên hòa hợp sanh khởi, nên gọi là “*chúng sanh*”. Vì thế, “*chúng sanh*” có ý nghĩa vô cùng rộng rãi, chẳng có pháp nào sanh khởi độc lập, mà đều là các duyên hòa hợp. Thí dụ như hiện thời nói đến vật chất, các nhà khoa học thoạt đầu nói tới nguyên tử, nghĩ nguyên tử là nhỏ nhất. Về sau, khoa học tiến bộ hơn, biết nguyên tử chẳng phải là nhỏ nhất, còn có thể phân chia, chia thành điện tử, lại chia thành các hạt, lại chia thành những hạt cơ bản, gọi là Khoa-khắc (Quark). Nay lại biết thứ này vẫn có thể chia nhỏ, chia thành lượng tử (Quantum). Lượng tử còn gọi là tiểu quang tử, đại khái chẳng thể chia nhỏ hơn nữa. Phật pháp gọi những hiện tượng ấy là “vi trần”, hạt bụi rất nhỏ là “vi trần”. Vi trần vô cùng vi tế, trong kinh Phật cũng dùng tỷ dụ. Thô nhất, nhục nhãn vẫn có thể thấy được thì gọi là Ngưu Mao Trần (Go-rajā). Lông bò rất thô, trên đầu sợi lông bò có một mảnh bụi dính ở đó, nay chúng ta biết nó có sức hút, vật chất có sức hút khiến mảnh trần ấy chẳng rơi xuống. Hạt trần ấy chia thành bảy phần, một phần bảy bèn gọi là Dương Mao Trần (Avi-rajā). Lông dê mịn hơn lông bò, hạt trần dính trên đầu một sợi lông dê [thì gọi là Dương Mao Trần]. Dương Mao Trần lại chia thành bảy phần, một phần ấy gọi là Thổ Mao Trần (Śāśa-rajā). Lông thỏ càng mịn hơn nữa. Người Trung Quốc dùng bút lông, rất nhiều loại bút chế bằng lông thỏ. Thổ Mao Trần rất nhỏ, dính trên đầu sợi lông [con thỏ] chẳng rớt. Thổ Mao Trần lại chia thành bảy phần, một phần ấy gọi là Thủy Trần (Ap-rajā). Thủy là hiện tượng vật chất, nó có những kẽ hở, nhìn dưới kính hiển vi, những kẽ hở ấy rất lớn. Hạt bụi ấy có thể bơi qua bơi lại không chướng ngại giữa các khe hở của [những phân tử nước], nên gọi là Thủy Trần. Thủy Trần lại chia thành bảy phần thì một phần ấy gọi là Kim Trần (Loha-rajā). Kim loại có mật độ cao, nhưng vẫn có các kẽ hở [giữa các phân tử]. Các hạt ấy có thể di chuyển tự do giữa các kẽ hở [của các phân tử] trong kim loại, chẳng bị chướng ngại. Hạt này quá nhỏ, nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy được. Kim Trần lại chia thành bảy phần, một phần ấy gọi là Vi Trần (Aṇu), kinh dạy: Thiên Nhãn của A La Hán có thể thấy vi trần, chẳng cần dùng máy móc mà có thể thấy. Vi Trần còn có thể chia nhỏ, lại chia thành bảy phần thì một phần ấy gọi là Sắc Tự Cự Vi

(Paramāṇu), A La Hán chẳng nhìn thấy, nhưng Bồ Tát có thể nhìn thấy. Sắc Tụ Cực Vi vẫn còn có thể chia nhỏ, lại chia thành bảy phần thì một phần gọi là Cực Vi Chi Vi, các vị Bồ Tát bình phàm chẳng nhìn thấy, đại khái là từ Thất Địa Bồ Tát trở lên mới có thể thấy. Vì thế, đức Phật dùng Trần làm đại biểu. Di Lạc Bồ Tát nói “*một hạt vi trần*” thì đại khái là nói tới Cực Vi Chi Vi, nhục nhãn của chúng ta tuyệt đối chẳng thấy được, trong một hạt vi trần ấy có thể giới. Có lẽ các nhà khoa học đã nhìn thấy Cực Vi Chi Vi như đức Phật đã nói, đó là gì vậy? Nhà khoa học nói tiểu quang tử, còn gọi là lượng tử, rất có thể là Cực Vi Chi Vi như Phật đã nói. Đức Phật nói trong ấy có thể giới, khoa học chưa nói đến. Người nào có thể tiến vào thế giới ấy? Kinh Hoa Nghiêm nói Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào thế giới trong một vi trần. Thế giới trong vi trần và thế giới của chúng ta to như nhau, cũng có mười phương các cõi Phật, cũng náo nhiệt. Phổ Hiền Bồ Tát có thể tiến nhập thế giới trong vi trần để tham học. Trong mỗi vi trần đều có thế giới, trong thế giới ấy còn có vi trần, trong vi trần còn có thế giới, trùng trùng vô tận, chẳng thể nghĩ bàn! Do nguyên nhân gì? Công đức của tự tánh vốn là như thế. Tuyệt đối chẳng một ai có thể suy lường hay tưởng tượng được. Tự tánh vốn trọn đủ đức tướng, [tức là] đức năng và tướng hảo, trùng trùng vô tận. Đúng như hai câu nói của cổ nhân: “*Không gì lớn ra ngoài, không gì nhỏ chẳng ở trong*”. Dùng Phật pháp để giải thích hai câu ấy sẽ giảng thấu triệt, chẳng sai tí nào! Cổ nhân Trung Quốc chẳng giảng rõ hai câu ấy. Vì thế, Phật giáo truyền đến Trung Quốc, đúng như ông Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) đã nói: “*Phong phú hóa văn hóa bản địa của Trung Quốc*”. Tổ tiên đã nêu ra quan niệm này, đức Phật đã giải thích nó, chẳng khác nhau! Do vậy, trong Phật pháp có khoa học cao cấp, chẳng giả! Tin tưởng khoa học thì phải học ở nơi đâu? Phải học Phật. A Di Đà Phật là đại triết gia, đại khoa học gia. Các nhà khoa học phải đến du học trong thế giới Cực Lạc thì mới có thể đạt tới mức đẳng phong tạo cực. Nếu không, học những thứ khoa học [trong hiện thời], đều là những thứ khoa học trong vườn trẻ, chẳng mang lại hạnh phúc cho chúng sanh, mà đem lại tai nạn, nay chúng ta đã nếm mùi đau khổ rồi! Khi khoa học vừa mới khởi đầu hình thành, tuy rất ấu trĩ, nhưng rất khá, đem lại rất nhiều thuận tiện cho chúng ta, vì sao? Chẳng phá hoại thiên nhiên nghiêm trọng! Hiện thời, khoa học phát triển, nhưng chẳng liễu giải chân lý khoa học, mà cũng chẳng liễu giải triết học, thuận theo tham, sân, si mạn của chính mình mà phá hoại sự cân bằng sinh thái trong thiên nhiên, nay thiên nhiên trả thù, đó là dẫn đến hậu quả. Đấy chẳng phải là trí huệ, mà là tri thức. Trong tri thức vẫn có ngu mê y như cũ! Các nhà khoa học chẳng sánh bằng Thanh Văn, Duyên Giác. Thanh Văn, Duyên Giác đã đạt được vô ngã, vô tư, còn các nhà khoa học Ngã Chấp hết sức kiên cố, vì tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm tôn người, lợi mình. Khoa học dùng các thứ kỹ thuật để làm gì? Mở rộng tham, sân, si, mạn của họ, sai mất rồi! Vì thế, mang lại tai nạn cho cả địa cầu, chúng ta chớ nên không biết điều này. Chúng ta phải lý giải ý nghĩa của chúng sanh và pháp.

Sau đó, bảo quý vị, “*tất vô tự tánh*” (đều chẳng có tự tánh). Tự tánh là thể tánh của chính mình. Chẳng có tự tánh. Chúng do các duyên hòa hợp, duyên tụ thì có, duyên tán bèn chẳng còn nữa. Giống như căn nhà này, căn nhà chẳng có tự thể. Tự tánh là tự thể, thực thể; chẳng có [tự thể], nó do các duyên hòa hợp. Quý vị thấy cốt sắt, xi-măng, gạch, ngói, những thứ vật liệu xây dựng, do sức người kết hợp lại. Đó là các duyên hòa hợp, dựng lên căn nhà. Phá hủy đi, chất đồng tại đó, bèn là vật liệu xây dựng, chẳng thấy nhà nữa! Đức Phật bảo chúng ta, tất cả hết thảy các pháp tướng đều là các duyên hòa hợp mà hiện. Duyên tụ bèn có, duyên tán bèn diệt; vì thế, chúng chẳng phải là thật, mà là giả. Quý vị phải biết: Chúng chẳng có tự thể, chẳng có tự tánh, nên gọi là Không. Không là gì? Bản thể của nó chính là Không, căn nhà có tồn tại hay không? Người hiểu rõ ràng điều ấy, nó chẳng có bản thể, chỉ là [các duyên] kết hợp mà thôi, hễ tách rời [các duyên] bèn chẳng còn nữa! Vì thế, phải biết: Không là thật, Có là giả, chớ nên chấp trước giả hữu! “*Nãi chí nhân duyên, tương diệt bất hữu*” (cho đến nhân duyên cũng chẳng có tướng); nhân duyên cũng chẳng thể đạt được. “*Thuyết vi Vô Tướng*” (nên nói là Vô Tướng). Chúng sanh và pháp đều vô tự tánh, nên gọi là Không. Vô Tướng do đâu mà có? Tướng nhân duyên cũng chẳng thật, nên gọi là Vô Tướng.

“*Thủ ly sở thủ*” (do vượt khỏi những cái bị giữ lấy), thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch. Thủ (取) là chiếm hữu, khống chế. Đối với hết thảy các pháp, chẳng có ý niệm khống chế, chẳng chiếm hữu, kể cả thân thể của chính mình. Điều này rất trọng yếu. Vì nếu ta chiếm hữu thân thể này, ta muốn có thân thể này, thân thể sẽ sanh bệnh, vì sao? Tâm quý vị chẳng bình thường, tâm ấy là vọng tâm. Phật, Bồ Tát chẳng có tâm ấy, vô ngã, không có ta, nên thân thể các Ngài là tự nhiên. Thân thể của các Ngài tương ứng với Pháp Tánh, tương ứng với Pháp Tướng. Vì thế, các Ngài vĩnh viễn chẳng suy, vĩnh viễn chẳng già, đạo lý là ở chỗ này. “*Viễn ly vọng tưởng năng thủ chi tâm*” (Xa lìa cái tâm vọng tưởng chấp lấy), Ngài chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. “*Cố viết Vô Nguyện*” (nên nói là Vô Nguyện). Vô Nguyện chẳng phải là không làm chuyện gì, [mà là] chuyện gì cũng đều làm. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, lấy Ngài làm thí dụ. Ngài xuất sanh trong thế gian này, vì chúng ta giảng kinh, giáo học suốt bốn mươi chín năm, vui sướng, chẳng mệt nhọc; nhưng suốt một đời Ngài, Ngài chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên gọi là Vô Nguyện. Vô Nguyện chẳng phải là không làm lụng, mà là làm lụng hết sức siêng năng. Do đó, nói: “*Làm nhưng chẳng làm thì gọi là Vô Nguyện, còn gọi là Vô Tác*”. Tướng mà vô tướng, chẳng chấp tướng, biết tướng ấy là huyễn tướng. Đối với hết thảy cảnh giới, đối với người, đối với sự, đối vật, đều phải làm như thế nào? Phải thực hiện hiểu để, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ, nhân ái, hòa bình. Tuy đã làm được, nhưng tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần, đó gọi là Vô Tướng. Tiểu Thừa gặp rắc rối ở chỗ nào? Tiểu Thừa thật sự rớt vào Không, họ chẳng làm, chẳng có nguyện, thật sự không làm, thật sự chẳng nghĩ tới, nên thật sự không làm. Vì thế, họ rơi vào bên Không, được gọi là Thiên Chân Niết Bàn. Trong Thiên Chân Niết

Bàn, có sự vui sướng gì? Thanh tịnh! Thanh tịnh vô vi, họ hưởng thụ điều ấy. Bất quá, trong kinh, đức Phật đã nói: Họ hưởng thụ đã lâu, bèn từ từ giác ngộ, phải mất bao lâu? Hai vạn đại kiếp! Bích Chi Phật thông minh hơn họ, Bích Chi Phật một vạn đại kiếp bèn quay đầu. A La Hán phải mất hai vạn đại kiếp mới hồi Tiểu hưởng Đại, hành theo Bồ Tát, cũng có thể ở trong tướng mà chẳng chấp tướng, tuy làm mà chẳng chấp tướng, mang ý nghĩa này.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo: “*Hữu vân: ‘Quán chư pháp Không, thị danh Không’*” (Lại nói: “Quán hết thấy các pháp là Không, nên gọi là Không”), biết hết thấy các pháp vô tự tánh. “*Ư Không trung, bất khả thủ tướng*” (Trong cái Không, chẳng thể giữ lấy tướng). “*Thủ tướng*” là quý vị chấp trước. Trong Không, chẳng thể chấp trước Không. Chấp trước Không thì sai mất rồi! Vì vậy, trong Không chẳng thể giữ lấy tướng. “*Thị thời, Không chuyển danh Vô Tướng*” (khi ấy, Không đổi tên thành Vô Tướng). Vô Tướng là Không, Không là Vô Tướng, thay đổi danh từ, chúng ta gọi nó là Vô Tướng. “*Vô Tướng trung, bất ưng hữu sở tác*”, [nghĩa là] nếu là vô tướng, [tuy vẫn làm] nhưng chớ nên thấy có làm chuyện gì. “*Vi tam giới sanh, thị thời, Vô Tướng chuyển danh Vô Tác (tức Vô Nguyên)*” (để sanh trong tam giới, khi ấy, Vô Tướng đổi tên thành Vô Tác, tức là Vô Nguyên) Đây là giải thích ý nghĩa của ba danh từ, tương đồng với những ý nghĩa đã nói trong phần trước. Tiếp theo là một tỷ dụ: “*Thí như thành hữu tam môn, nhất nhân thân bất đắc nhất thời tòng tam môn nhập*” (Ví như cái thành có ba cửa, một thân người chẳng thể cùng một lúc vào được ba cửa). Mỗi người chúng ta có một thân thể, quý vị chẳng có cách nào vào ba cửa cùng một lúc. Quý vị chỉ có thể vào một cửa, một cửa thì quý vị có thể tiến vào được. “*Nhược nhập, tắc tòng nhất môn*” (nếu vào thì theo một cửa). “*Chư pháp Thật Tướng thị Niết Bàn thành*” (Thật Tướng của các pháp là thành Niết Bàn). Thật Tướng của chư pháp là Pháp Tánh, là tự tánh. Nếu quý vị muốn kiến tánh, tức là “*nhập Niết Bàn thành*”. Vào như thế nào? Thành có ba cửa, có Không, có Vô Tướng, có Vô Tác, có ba môn ấy. “*Nhược nhân nhập Không môn, bất đắc thị Không, diệc bất thủ tướng, thị nhân trực hạ sự biện*” (Nếu người theo cửa Không mà vào, chẳng thấy là Không, cũng chẳng chấp tướng, thì người ấy ngay khi đó đã xong việc), [tức là] người ấy đã viên mãn. “*Có bất tu nhị môn*” (nên chẳng cần đến hai cửa kia nữa), không cần theo hai cửa khác [để vào thành nữa], hễ vào được [một cửa] thì hết thấy đều đạt được! “*Bất đắc thị Không*” là chẳng chấp Không, “*diệc bất thủ tướng*” là chẳng chấp Có, tức là như trong phần trước đã nói: “*Chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi*”. Quý vị thật sự kiến tánh! Nếu quý vị chấp Không, chấp Có, trọn chẳng vào được, chẳng tiến nhập được! Do hàng Tiểu Thừa chấp Không, chẳng chấp Có, tự nghĩ chính mình đã tiến nhập, nhưng [sự nhập ấy] chẳng thật, nên gọi là Thiên Chân Niết Bàn (Niết Bàn chấp chặt nơi Chân Đế). Nói cách khác, đó là tương tự Niết Bàn, chẳng phải là thật sự. [Niết Bàn] thật sự là nhị biên đều chẳng thể chấp, đó là Bồ Tát nhập. Bồ Tát nhập Bát Niết Bàn bèn thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói người nào nhập đại tam không tam-muội? Đại Thừa, tức là Sơ Trụ Bồ Tát bèn nhập Không, Vô Tướng, Vô

Nguyện. Sơ Trụ Bồ Tát dựa vào đâu để nhập? Ngài chẳng chấp trước. Ý niệm chấp trước đã đoạn, tâm phân biệt đã đoạn, khởi tâm động niệm cũng đã đoạn. Khởi tâm động niệm là Vô Minh, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Quý vị thấy đã đoạn Kiến Tư, đã đoạn Trần Sa, đã đoạn Vô Minh, vị ấy bèn minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, bèn chứng đắc Sơ Trụ trong Viên Giáo, vừa mới chứng đắc [ba môn giải thoát ấy]. Ngài trụ nơi đâu? Thật sự trụ trong thành Đại Niết Bàn. Thành Đại Niết Bàn là chỗ nào? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai.

Chúng ta bèn hiểu đoạn văn này giảng về cảnh giới của cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chúng ta chưa đạt tới cảnh giới này, quý vị chẳng tương ứng với nó. Cõi Thật Báo chẳng có cửa, đi vào bằng cách nào? Khí phận phù hợp bèn tiến nhập! Người ta tâm rất thanh tịnh, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều chẳng có. Nếu chúng ta nói chính mình đã đoạn hết phân biệt, chấp trước, nhưng còn khởi tâm động niệm, [như vậy thì] sẽ chẳng vào được! Còn khởi tâm động niệm sẽ đến nơi đâu? Đến bốn thánh pháp giới, là “Niết Bàn thành” của Tiểu Thừa. Cõi Thật Báo là “Niết Bàn thành” của Đại Thừa Bồ Tát, khác hẳn. Chúng ta phải hiểu những điều này, phải liễu giải rất sâu, phải nhận thức rất rõ rệt, giúp chúng ta nâng cao cảnh giới, giúp chúng ta thật sự chịu buông xuống. Chẳng liễu giải sẽ chẳng chịu buông xuống; chẳng biết buông xuống tốt đẹp dường ấy! Buông xuống là trở về quê nhà, phải biết Thường Tịch Quang Tịnh Độ là quê hương của chúng ta. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc, đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của A Di Đà Phật, là đến cửa ngõ của quê hương. Phải biết điều này! [Đã đến cửa ngõ, nhưng] chưa vào cửa, vì sao? Tập khí vô minh chưa đoạn sạch. Trong kinh Phật có nói: Đoạn sạch tập khí của bốn mươi một phẩm vô minh, quý vị bèn bỏ địa vị Đẳng Giác, chứng đắc Diệu Giác, nhập Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Chúng ta từ Thường Tịch Quang mà ra, chư vị phải biết điều này. Thường Tịch Quang là quê nhà, từ Thường Tịch Quang đi ra. Thường Tịch Quang được sách Hoàn Nguyên Quán gọi là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, đó là bản thân chân thật của chúng ta, là quê nhà của chúng ta. Do một niệm bất giác, bèn ra khỏi, từ Thường Tịch Quang biến hiện cõi Thật Báo, nhưng chúng ta vẫn chưa hưởng thụ cõi Thật Báo, đọa quá nhanh, đọa xuống dưới. Một niệm bất giác, xuất hiện ba tế tướng, tức là ba tế tướng của A Lại Da; khi ấy, có thể biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới. Khởi tâm động niệm, vô minh dấy lên, kế đó là phân biệt, từ phân biệt, ngay lập tức dấy lên chấp trước. Phân biệt là bốn thánh pháp giới xuất hiện, chấp trước là lục đạo luân hồi xuất hiện. Đến như thế nào, trở về ra sao, phải hiểu rõ ràng, phải minh bạch điều này!

Chúng ta cũng chẳng bỏ nơi đây được! Vẫn lưu luyến như thế đó, rất phiền! Quý vị có phải quay về hay không? Phải quay về, dù sớm hay trễ! Quý vị đã lưu luyến, bỏ chẳng được, thôi rồi! Quý vị lại luân hồi trong lục đạo! Phật, Bồ Tát thừa kiên nhẫn, Phật, Bồ Tát thật sự từ bi, các Ngài chờ quý vị bên đó, ngày nào quý vị thật sự [cảm nhận] chịu tội trong lục đạo

đủ rồi, chẳng muốn chịu nữa, Phật, Bồ Tát bèn đưa tay giúp đỡ, đến dạy quý vị. “*Thượng căn lợi trí, thiện căn sâu dày*” là gì? Đó là gì? Trong lục đạo chịu hết mọi nỗi khổ, đã giác ngộ, chẳng muốn luân hồi nữa. Oan oan tương báo với các chúng sanh, đòi nợ, trả nợ chẳng xong, chẳng hết! Hằng ngày diễn những trò đó, chẳng biết những thứ ấy toàn là rỗng tuếch, là một giấc mộng. Thật sự hiểu rõ thì như kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, đòi người như giấc mộng, thật đấy, chẳng giả đâu! Tạo thiện bèn hưởng vui trong mộng; tạo ác bèn chịu khổ trong mộng. Tỉnh giấc, hoàn toàn rỗng tuếch, thứ gì cũng chẳng có, đạo lý này rất sâu, rất khó hiểu. Do vậy, thuở tại thế, đức Phật giảng chuyện này, giảng đạo lý này, giảng Bát Nhã suốt hai mươi hai năm. Hai mươi hai năm chẳng kể là dài, đã thật sự giác ngộ, quý vị sẽ vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, chẳng làm chuyện ngốc nghếch nữa. Duyên đặc biệt thù thắng, chúng ta rất may mắn, chúng tôi đang nói điều gì vậy? Nói quý vị gặp gỡ pháp môn Tịnh Độ, quý vị thật may mắn, Bồ Tát đều hâm mộ quý vị, gặp gỡ Tịnh Độ là thành Phật trong một đời! Chẳng phải là thành A La Hán, chẳng phải chỉ thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới, mà còn thoát ly cõi Thật Báo, trực tiếp trở về tự tánh, trở về tự tánh viên minh thể, tuyệt diệu quá! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 119

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi tám, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên, xem từ đoạn này.

“*Hữu vân: Quán chư pháp Không, thị danh Không. Ư Không trung, bất khả thủ tướng, thị thời, Không chuyển danh Vô Tướng. Vô Tướng trung, bất ưng hữu sở tác vi tam giới sanh, thị thời, Vô Tướng chuyển danh Vô Tác (tức Vô Nguyên)*” (Lại nói: “Quán các pháp là Không, nên gọi là Không. Trong cái Không đó, chẳng thể giữ lấy tướng, ngay khi ấy, cái Không đổi tên là Vô Tướng. Trong Vô Tướng, chớ nên có thứ gì được làm đấng sanh trong tam giới, nên ngay khi ấy, Vô Tướng đổi tên là Vô Tác, tức là Vô Nguyên). Chúng ta xem từ chỗ này, vẫn là những điều được nói trong Trí Độ Luận, dạy chúng ta trong cuộc sống hằng ngày thấy thấu suốt và buông xuống như thế nào. “*Quán chư pháp Không*” được kinh Bát Nhã giảng nhiều nhất. Trong các đồng học, rất nhiều vị đã đọc kinh Kim Cang Bát Nhã. Kinh Kim Cang chẳng dài, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư khai ngộ do kinh ấy. Do vậy, bộ kinh ấy trở thành kinh bậc nhất và cơ bản trong Thiên Tông, biến thành một khóa trình phải tu học. Kinh văn chẳng dài lắm, đại khái chỉ có hơn năm ngàn chữ, do ngài Cưu Ma La Thập phiên dịch, vô cùng thích hợp khẩu vị của người Trung Quốc, nên người niệm [kinh Kim Cang] đặc biệt nhiều. Câu quan trọng nhất trong kinh, cũng là câu khiến cho ngài Huệ Năng khai ngộ là “*ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (đừng nên trụ vào đâu để sanh tâm). Câu ấy dạy chúng ta cách nhìn vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ, nói rất đơn giản, rất rõ ràng, dạy chúng ta thấy hết thấy sự vật: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Đó là quán các pháp Không, tức là Không Giải Thoát môn trong ba môn giải thoát.

Không ở chỗ nào? Không ở trong Sắc, Sắc tức là Không. Không chẳng ở bên ngoài, mà ở ngay trong vạn sự, vạn pháp, quý vị thấy Không. Vì sao có thể thấy Không? Quý vị thấy tất cả hết thấy các pháp đều do nhân duyên sanh, như Trung Quán Luận đã nói: “*Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không*” (pháp do nhân duyên sanh, ta nói chính là Không), “*ta*” ở đây là đức Phật nói. Các pháp do nhân duyên sanh, chẳng có tự thể. Chúng ta thường cầm tràng hạt (xâu chuỗi), chúng ta thấy nó là một chuỗi, hãy thấy bản thể của nó là Không. Tràng hạt là từng hạt một, do một sợi dây xâu lại, nó là duyên sanh (do các duyên hội tụ mà sanh ra). Chúng ta tháo sợi dây ấy ra, từng hạt từng hạt một [tách rời], tướng tràng hạt chẳng còn nữa. Đối với từng hạt, chúng ta thấy nó là hạt cây, do cây sanh ra, nên [mỗi hạt] cũng là pháp sanh bởi nhân duyên. Duyên tụ, bèn có một hạt xâu chuỗi; khi duyên tán, hạt xâu chuỗi chẳng còn nữa, biến thành bột! Bỏ đã lâu, quý vị chẳng dùng đến nó, bỏ mặc đó, nó sẽ biến thành bột, gió vừa thổi bèn tan mất. Tụ thì nó có tướng; tán thì tướng chẳng còn nữa! Chẳng cần chờ nó tán, quý vị mới biết là Không, mà hiện thời đã biết nó là Không. Tướng của nó chẳng thể duy trì vĩnh cửu! Nói chung, sẽ có ngày nó hư hoại, tan mất, bản thể chính là Không, đó là trí huệ. Chúng ta thấy hết thấy các pháp đều như thế, kể cả các tinh cầu cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Nếu chúng ta có dịp đến thăm đài Thiên Văn, gần như sẽ thường thấy các tinh cầu bùng nổ trong không gian, những tinh cầu ấy chẳng còn nữa. Vì thế, đối với sự tồn tại của tinh cầu, kinh Phật nói là “*thành, trụ, hoại, không*”, tinh cầu chẳng có!

Cũng rất có thể là chúng ta thường phát hiện: Ở nơi đây vốn chẳng có tinh cầu, đột nhiên xuất hiện một ngôi sao sáng lấp lánh, chúng ta biết là một ngôi sao mới hình thành. Đây cũng là nói các ngôi sao già đã tử vong, hủy diệt; trong vũ trụ có thành, trụ, hoại, không. Quý vị biết thứ gì cũng đều là vô thường, không chỉ là “*biển xanh, nương dâu*”. Nếu chúng ta rất lạnh lùng quan sát, sẽ biết hết thấy các pháp “*hễ duyên tụ bèn có, duyên tán bèn không*”, nên biết là Không! Đã biết là Không, nên đối với Không, chớ nên chấp tướng!

Già là Không? Tướng là Không, tất cả các tướng là Không. Tất cả các tướng, động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thời gian tồn tại chẳng dài. Con người sống trong thế gian này, chúng ta nghĩ tới các thế hệ trước, thế hệ cha mẹ đã khuất, thế hệ ông bà đã khuất. Trong dòng thời gian dài vô hạn, họ chỉ tồn tại một thời gian ngắn, trước giai đoạn ngắn ngủi đó, chẳng có họ, sau giai đoạn ngắn ngủi đó, cũng chẳng có họ, đều chẳng còn! Sau đây, lập tức nghĩ đến chính mình, bản thân chúng ta cũng chiếm một khoảng ngắn trong dòng thời gian dài dằng dặc. Có người thời gian ngắn một chút, ba bốn mươi tuổi đã mất, thời gian ngắn chùn! Có người thời gian dài hơn một chút, nhưng bảy tám mươi tuổi cũng đi. Cổ nhân Trung Quốc nói người ngoài bảy mươi tuổi là: “*Nhân sanh thất thập cổ lai hy*” (người bảy mươi tuổi xưa nay hiếm), người trên bảy mươi chẳng nhiều lắm, người chưa đến bảy mươi đã mất rất nhiều. Do vậy, chúng ta phải hiểu toàn là rỗng tuếch. Nếu toàn là rỗng tuếch, ở đây, “*bất khả thủ*” (chẳng thể chấp lấy) là “*đừng chấp tướng*”. Chấp tướng là sai mất rồi! Đối với những tướng ấy, chớ nên chấp trước, chớ nên phân biệt. Đại Thừa Bồ Tát không chỉ chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, mà đối với hết thấy các tướng đều chẳng khởi tâm, không động niệm, hạ người nào vậy? Kinh nói những vị đại sĩ, các vị Bồ Tát, được gọi là cao nhân, các Ngài chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng có phiền não, chẳng tạo nghiệp, vô cùng cao minh. Các Ngài trọn chẳng bỏ tướng, vì sao? Chẳng cần thiết! Tướng là huyền tướng, đều là chẳng thật. Đã hiểu rõ, đối với những tướng ấy, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, những vị ấy là Phật, là Pháp Thân Bồ Tát. Khi đó, chẳng gọi là Không, mà gọi là Vô Tướng. Thấy những tướng ấy, chẳng dùng danh từ Không, mà dùng chữ Vô Tướng.

Tiếp đó, chúng ta biết tướng là giả. Do tướng là giả, chớ nên có những “*tác vi*” (tạo nghiệp) khiến phải sanh trong tam giới. Tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, đó là nói tới lục đạo luân hồi, chớ nên có những tác vi trong lục đạo. “*Tác vi*” là gì? Làm thiện, làm ác, làm vô ký (chẳng thiện, chẳng ác). Khoan nói đến vô ký, chúng ta chỉ bàn về thiện và ác, chớ nên tạo tác. Nếu quý vị làm lành, sẽ là ba thiện đạo, quả báo ở trong ba đường lành. Nếu quý vị tạo nghiệp bất thiện, quả báo ở trong ba đường ác, [nhưng làm lành hay làm ác] đều là tạo nghiệp luân hồi. “*Bất ung hữu sở tác*” (chớ nên có tác vi) là gì? Học theo Phật, Bồ Tát. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng thị hiện trụ trong thế gian này tám mươi năm, người ngoại quốc nói là bảy mươi chín tuổi, nói theo tuổi thật, người Trung Quốc nói theo “*hu tuế*” (tuổi ta) là tám mươi tuổi, cũng là sống một khoảng thời gian dài ngắn ấy. Quý vị thấy Ngài có thể “*làm mà*

chẳng làm, chẳng làm mà làm”, đó là đúng. Suốt cả một đời là như thế nào? Chẳng tạo nghiệp, chẳng tạo ác nghiệp, thiện nghiệp cũng không tạo, cao lắm! Ngài chẳng luân hồi. Trong phần trước, chúng tôi đã nói với quý vị về mười hai nhân duyên. Trong mười hai nhân duyên, Ái, Thủ, Hữu là tạo nhân trong một đời này, các Ngài có bản lãnh. Quý vị thấy: Biểu hiện Ái, biểu hiện Thủ, nhưng sau đó chẳng có Hữu. Đó là chuyện như thế nào? Vị ấy chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, đó là Tiểu Thừa. Nếu vị ấy chẳng khởi tâm, không động niệm thì là Đại Thừa. Chúng ta có thể lý giải vì sao các Pháp Thân Bồ Tát chẳng tạo nghiệp. Pháp Thân Bồ Tát ai nấy đều là bậc minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, các Ngài có thể hằng thuận chúng sanh, hòa quang đồng trần cùng chúng sanh, chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước. Biểu hiện giúp đỡ chúng sanh bằng vô tận phương tiện thiện xảo. Giúp đỡ chúng sanh, thành tựu chúng sanh; trong ấy, quan trọng nhất là khơi gợi, dẫn dắt chúng sanh, giúp họ khai trí huệ, khiến cho họ dần dần giác ngộ. Chưa thể giác ngộ thì kéo họ tới gần giác ngộ; rất gần với giác ngộ, giúp cho họ hoát nhiên đại ngộ. Các vị Phật, Bồ Tát có năng lực như thế, xác thực là trong tự tánh tỏ lộ trí huệ và đức năng. Nếu nghiệp chướng của chúng ta không quá nặng, sau khi gặp gỡ, chắc chắn sẽ thành tựu trong một đời. Kẻ nghiệp chướng sâu nặng gặp gỡ, phải tiêu trừ nghiệp chướng trên một mức độ lớn. Chúng ta dùng mười hai nhân duyên để nói thì: Về biểu hiện, bèn có Ái và Thủ, nhưng chẳng phân biệt, chấp trước; khi ấy, gọi là Vô Tác. Trong Phật pháp thường nói: “*Làm mà chẳng làm, chẳng làm mà làm*” chính là ý nghĩa này. Chẳng làm, nhưng có làm thì vẫn là không làm, vô nguyện mà! Nguyện và Tác có cùng một ý nghĩa.

“*Thí như thành hữu tam môn*” (Ví như cái thành có ba cửa). Một người là một thân thể, chẳng có cách nào cùng một lúc vào cả ba cửa, muốn vào chỉ có thể theo một cửa. “*Chư pháp Thật Tướng*” (Thật Tướng của các pháp) được tỷ dụ là “*Niết Bàn thành*”. “*Thành hữu tam môn: Không, Vô Tướng, Vô Tác. Nhược nhân nhập Không môn, bất đắc thị Không, diệc bất thủ tướng*” (thành có ba cửa: Không, Vô Tướng, Vô Tác. Nếu người theo cửa Không mà vào, chẳng thấy là Không, cũng chẳng chấp tướng). Tốt lắm, theo cửa Không để vào. “*Bất đắc thị Không*” là chẳng chấp trước Không, “*diệc bất thủ tướng*” là chẳng chấp Có, trong phần trước nói là “*chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi*”. “*Vi*” (為) là làm. “*Chẳng chấp trước vô vi*” là chẳng chấp trước Không; “*chẳng chấp trước hữu vi*” là chẳng chấp trước Có. Hai bên Không và Có đều chẳng chấp trước, người ấy đã tiến nhập. Nhập là gì? Đã khai ngộ, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Do vậy, đối với hai môn sau là Vô Tướng và Vô Nguyện, chẳng cần phải quan tâm tới, vì đã vào được cửa rồi! Chỉ cần nhập một môn, môn nào công đức cũng viên mãn, thành tựu viên mãn.

“*Nhược nhân nhập Không môn thủ tướng đắc thị Không*”, [nghĩa là] [người ấy] theo cửa Không để vào bèn chấp Không, chấp lấy tướng “đã đắc Không”, người ấy là ai? Tiểu Thừa A La Hán, hoặc Tiểu Thừa Bích Chi Phật, họ đích xác là như thế, cho nên [cảnh giới

học chứng đắc] gọi là Thiên Chân Niết Bàn, chấp trước Không! Niết Bàn ấy chẳng phải là Niết Bàn thật sự, chấp trước Không mà! Hàng Nhị Thừa chấp Không, Quyền Giáo Bồ Tát chấp Có. Quyền Giáo Bồ Tát tức là Bồ Tát trong mười pháp giới. Chấp Có, bèn chẳng có cách nào chúng Đại Bát Niết Bàn. Thanh Văn và Duyên Giác chứng Tương Tự Tiểu Niết Bàn, tự cho là đã tiến nhập ba giải thoát môn, nhưng do chấp vào tướng “tiến nhập”, nên chẳng có tác dụng! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật gọi chấp tướng là “hàm vô vi”. Hàng Tiểu Thừa rớt vào hàm vô vi, nhưng họ có thể thoát ra. A La Hán chậm lụt hơn, phải hai vạn kiếp mới hồi Tiểu hướng Đại, thoát ra. Chỉ cần chẳng chấp trước bèn thoát ra. Duyên Giác thông minh hơn, một vạn đại kiếp bèn giác ngộ, cũng thoát ra. Vừa thoát ra, Ngài bèn thành Bồ Tát, thuộc tầng thứ ba trong bốn thánh pháp giới. Tầng cao nhất là Phật. Thiên Thai đại sư gọi vị Phật ấy là Tương Tự Tức Phật, chẳng phải là Chân Phật, mà là tương tự. Vì sao chẳng phải là chân Phật? Phật và phàm phu khác biệt [ở chỗ]: Phật dùng chân tâm, phàm phu dùng vọng tâm, tức là dùng A Lại Da, ngũ A Lại Da là chân tâm. Phật và Bồ Tát trong bốn thánh pháp vẫn dùng A Lại Da, cũng có thể nói là chưa thể “chuyển tám thức thành bốn trí”. Nếu thật sự chuyển được, chuyển biến A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, sẽ là chân Phật, chẳng phải là giả Phật! Hễ chuyển, mười pháp giới chẳng còn nữa! Chư vị phải biết vì sao? Mười pháp giới do A Lại Da biến, A Lại Da vừa chuyển thành Đại Viên Kính Trí, cái nhân chẳng còn, nhân của mười pháp giới bèn đoạn. Do vậy, họ từ mười pháp giới tinh ngộ, giống như nằm mộng, đã tỉnh mộng rồi! Tỉnh ngộ là cảnh giới gì? Là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, thật sự đã thành Phật; lúc ấy, Thiên Thai đại sư gọi người đó là Phần Chứng Tức Phật.

Sau đó còn có [những quả vị] viên mãn hơn, người ấy chưa chứng đắc viên mãn, viên mãn là Thường Tịch Quang. Người ấy phải đợi một thời gian trong cõi Thật Báo, ở trong ấy để làm gì? Chờ cho tập khí vô thi vô minh tự nhiên tiêu trừ. Ở đây, chẳng có phương pháp! Nếu nói ta dùng phương pháp gì để diệt trừ tập khí vô minh, thì vừa động niệm bèn hỏng mất rồi, lại mê rồi! Vì thế, trong cảnh giới ấy, cứ để mặc nó. Sau một thời gian dài, sẽ tự nhiên chẳng còn nữa! Phải mất thời gian bao lâu? Kinh Đại Thừa nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Vì thế, ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng phải là nói gì khác, mà là nói về chuyện này, tính từ ngày đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh! Tức là nói: Tính từ lúc quý vị chứng đắc địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, tính từ lúc quý vị sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tập khí tự nhiên chẳng còn nữa. Bồ Tát khi đó, trong kinh này cũng có một thuật ngữ là “vô công dụng đạo”, trong Tông môn gọi là “thử xứ dụng bất đắc lực” (ở nơi đây, sử dụng chẳng đắc lực), chẳng có cách nào ra sức, có muốn cũng chẳng thể được, nó tự nhiên sẽ chẳng còn. Thật sự đoạn vô minh phiền não, thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm. Vì thế, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, nói theo thực tế là pháp giới bình đẳng, thật sự bình đẳng, trí huệ, thần thông, đạo lực đều bình đẳng, một chút tập khí vô thi vô minh chẳng trở ngại sự. Trong cảnh giới ấy, Bồ Tát còn có sự hay không? Có chứ! Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni

Phật giảng kinh, vị ấy có đến nghe hay không? Đến làm Ảnh Hưởng Chúng, đó là Sự. Ngài đến thế giới này để nghe kinh, đến đi tự tại. Đồng thời, nếu Ngài và chúng sanh có duyên, Ngài bèn có thể ứng theo khả năng hiểu biết của chúng sanh; đó là “Sự” của Ngài. Tuy có vô lượng vô biên sự, Ngài chẳng hề khởi tâm động niệm; đó là Vô Tác. Chẳng làm mà làm, làm mà chẳng làm!

Tuy cảnh giới ấy cách biệt chúng ta rất xa, nhưng chúng ta biết. Trong kinh, chúng ta đã nghe đức Phật dạy như thế, chúng ta đã hiểu rõ, đã nghe hiểu. Đã nghe hiểu, sẽ có ích rất lớn cho sự tu hành của chúng ta. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta phải học tập, bất luận làm chuyện gì, chúng ta đều có tập khí, phải học như thế nào? Tập khí của chúng ta nhạt bớt một chút thì tốt! Mỗi năm một nhạt bớt hơn, điều này cũng rất đặc lực. Nếu có thể là mỗi tháng một nhạt bớt hơn, quý vị sẽ nhanh chóng đạt đến cảnh giới thành công. Đặc biệt là phải cảnh tỉnh chính mình, chính mình phải có tánh cảnh giác; trong hết thấy các cảnh giới, chớ nên có tình chấp quá nồng đậm, đó chẳng phải là chuyện tốt đẹp, mà là nghiệp chướng. Phải dần dần nhạt bớt tình chấp, phải dùng Phật pháp để cảm hóa người nhà, quyến thuộc. Chúng ta tu rất khá, một nhà hòa thuận, một nhà hoan hỷ. Người khách thấy quý vị rất vui vẻ, tự nhiên hướng về quý vị học tập. Đối với những chuyện chẳng đúng pháp của họ, quý vị phải có phương tiện thiện xảo, chớ nên nói “chẳng quen nhìn”, quý vị đang tạo tội nghiệp đấy! Nhất là quý vị học Phật, ăn chay, họ vẫn còn ăn thịt, chớ nên chướng ngại họ, hãy tùy thuận, họ sẽ vui vẻ. Nếu quý vị phê bình họ, trong tâm họ rất khó chịu, họ và quý vị trở thành hai phía đối lập, sai mất rồi! Hãy làm cho họ dần dần tự giác ngộ, quay đầu.

Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến kết thúc, tôi đến Đài Loan, đến một mình. Tại Đài Loan, gặp gỡ Phật pháp, cũng xuất gia tại Đài Loan, thuở ấy cũng giảng kinh khắp nơi trên đảo Đài Loan. Năm 1977, tôi đến Hương Cảng giảng kinh lần đầu, kết pháp duyên với đồng tu Hương Cảng. Hình như là vào năm Dân Quốc 82 (1993) hay năm 83 (1994), tôi bắt được liên lạc với người nhà. Gián đoạn suốt ba mươi sáu năm, ba mươi sáu năm chẳng có tin tức, nay biết mẹ và em trai vẫn còn. Một năm sau đó, tôi đến Hương Cảng giảng kinh [lần nữa], bảo họ đến Hương Cảng, mẹ và tôi gặp mặt, gián đoạn suốt ba mươi sáu năm, lần đầu tiên gặp lại tại Hương Cảng. Bà thấy tôi đã xuất gia, thấy tôi giảng kinh thính chúng đông đảo, cũng rất hoan hỷ. Tại Hương Cảng, chúng tôi ở tại Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán do lão pháp sư Đàm Hư sáng lập, buổi tối tôi giảng kinh ở đó. Bữa trưa cũng dùng cơm tại đó. Tôi hỏi mẹ tôi muốn ăn gì? Bà muốn ăn cá. Tôi dặn nhà bếp mỗi ngày chung cho bà hai con cá nhỏ. Bà ở đó suốt một tuần, thấy tình hình của chúng tôi như vậy, tôi chẳng khuyên bà ăn chay, mà kể với bà những điều tốt đẹp trong Phật pháp, khuyên bà niệm A Di Đà Phật, đương nhiên có thể ăn chay là tốt nhất. Tôi nói với mẹ: “Con đã ăn chay vài chục năm rồi, thân thể rất khỏe”. Sau khi bà trở về Thượng Hải, bà ở nhà em trai tôi, họ sống tại Thượng Hải, sau khi quay về, bà đã ăn chay trường. Tốt lắm! Chớ nên khuyên, khuyên sẽ gây ác cảm. Vì thế, nhất định phải

dùng lòng quan tâm, yêu thương để giúp đỡ họ, dần dần chuyển biến họ. Người bình thường chẳng biết lợi ích do ăn chay, nghĩ ăn chay bị thiếu dinh dưỡng, đó là quan niệm sai lầm. Chúng ta biết lợi ích của sự ăn chay, ăn chay khỏe mạnh. Đã nhiều năm qua, nhất là trong mười mấy năm gần đây, chúng tôi mở rộng phạm vi hoạt động, tham dự hội nghị hòa bình quốc tế của Liên Hiệp Quốc, đi khắp nơi, quen biết rất nhiều bằng hữu mới. Trong nhiều năm qua, vấn đề nóng bỏng nhất mỗi khi bạn bè tụ hội là họ hay hỏi tôi cách bảo dưỡng thân thể như thế nào? Mọi người đều hỏi chuyện này, có thể thấy họ rất quan tâm thân thể. Tôi bảo họ, có hai phương pháp bảo dưỡng thân thể: Một là tâm thanh tịnh, hai là ăn chay. Tôi nói: “Quý vị hỏi tôi, thì tôi bảo dưỡng như vậy đó, chẳng dùng bất cứ loại thuốc bổ nào, mà cũng chẳng có thuốc men gì! Cuộc sống của tôi rất đơn giản, lại còn ăn rất ít, không ăn vặt, không có thói quen ăn vặt!”

Năm xưa, tôi học Giáo với thầy Lý tại Đài Trung, đã từng giữa trưa ăn một bữa suốt năm năm, chỉ ăn một bữa. Thầy Lý mỗi ngày ăn một bữa, thầy ăn suốt mấy chục năm, thân thể khỏe mạnh! Lúc thầy tám mươi tuổi, quý vị thấy thầy giống như người năm sáu mươi tuổi, chẳng nhìn ra tuổi thầy. Bọn học sinh chúng tôi ước đoán thầy có thể sống đến một trăm hai mươi hay một trăm ba mươi tuổi, mọi người cùng có cách nhìn ấy. Thầy mất lúc chín mươi bảy tuổi, vì sao mất? Trúng độc vì đồ ăn, điều này rất oan uổng! Thầy do bị trúng độc đồ ăn mà ra đi. Vì thế, khi thầy ngã bệnh, tôi đến thăm thầy, thầy dặn dò, nhắc nhở tôi rất nhiều lượt: “Đừng ăn thứ gì ngoài tiệm, những thứ trong tiệm chẳng sạch”. Bản thân thầy là một vị thầy thuốc giỏi; chính vì là một thầy thuốc giỏi nên thầy bị hại. Vì người ta tặng thầy thức ăn gì, thầy có thói quen ăn hết trước mặt người ấy khiến cho người ta hoan hỷ. Thầy là người Sơn Đông, thích ăn những thứ làm bằng bột mì. Trúng độc lần thứ nhất, thầy biết, trong từng vắt mì sợi đều có bỏ thuốc chống hư, đã khô rồi, đại khái là đã để quá lâu, quá hạn rồi! Các đồng học thiếu kiến thức thông thường, đem nấu mời thầy ăn. Thầy ngửi mùi, biết ngay là có vấn đề, nhưng vẫn ăn. Sau khi ăn xong, quay về bèn uống thuốc giải, thật sự giải được chất độc ấy. Còn như chúng ta không hiểu, chẳng dám ăn. Thầy ăn xong có thể uống thuốc giải. Sau nửa năm, lại bị một lần nữa, cũng gặp tình hình ấy, thầy cũng ăn như vậy. Khi trở về uống thuốc giải thì chẳng kịp nữa, chất độc đã khuếch tán, khuếch tán rất nhanh; rốt cuộc là do tuổi đã cao, chín mươi bảy tuổi rồi, thầy sơ sót điểm này!

Vì thế, đối với phương diện ẩm thực, thầy đặc biệt nhắc nhở những kẻ trẻ tuổi chúng ta phải chú ý: Hễ mùi vị biến đổi đôi chút, đừng nên ăn! Đặc biệt là những thứ như đậu hủ, đã có mùi chua, mùi vị đã biến đổi, chớ nên ăn! Trợn chẳng phải hoang phí thực phẩm. Nếu lúc quý vị phát tâm, thứ đã có mùi chua, đã hư rồi, nhưng vẫn ăn, chẳng dám không ăn, sợ không ăn là lãng phí, có lẽ sẽ phạm lỗi phung phí lương thực, sai rồi! Sợ phung phí lương thực, nếu quý vị ăn vào sanh bệnh, thậm chí tử vong, vẫn chấp nhận thì sai mất rồi. Đức Phật chẳng dạy người ta như vậy. Thuở đức Phật tại thế, khi khát thực được thứ gì, phải ăn hết ngay trong

hôm ấy. Nếu ăn không hết, bèn cho chim, thú ăn, bố thí cho súc sanh, không thể ăn những thứ để qua đêm. Đó là giới luật nhà Phật. Vì trong quá khứ chẳng có tử lạnh, không thể ăn những thứ để qua đêm. Vì thế, chúng tôi nghĩ lời răn dạy của đức Phật hợp tình, hợp lý, hợp pháp, đối với cuộc sống khỏe mạnh của bọn phàm phu chúng ta, đức Phật hết sức quan tâm. Chúng ta phải nghĩ một tăng đoàn đông như thế, hơn một ngàn người thường theo Ngài, đó là Thường Tùy Chúng; [ngoài ra] còn có những vị tạm thời tham gia, chúng tôi phỏng đoán, tuyệt đối chẳng thể ít hơn ba ngàn người, thường theo hầu bên cạnh lão nhân gia.

Điều được giảng ở đây cũng là một pháp môn hết sức trọng yếu, chúng ta hãy vận dụng linh hoạt trong cuộc sống. Quán Không hết sức trọng yếu, hãy thường nghĩ kinh Kim Cang đã dạy: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, hoặc nghĩ kinh Đại Bát Nhã đã nói: *“Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc”*. Trong lúc lợi danh bày ra trước mặt mà chúng ta động tâm, hãy niệm những câu ấy nhiều lượt thì ý niệm vừa nghĩ ấy, tức là ý niệm vọng tưởng sẽ ngưng dứt. Có những kẻ nghiệp chướng nặng nề, khi danh lợi hiện tiền, bèn quên bẵng Phật, chẳng nghĩ tới nữa. Vì thế, phải có lòng cảnh giác cao độ, hễ cảnh giới hiện tiền, cổ nhân nói: *“Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”*, phải giác ngộ nhanh chóng, ta có thể ngưng dứt, chẳng tạo nghiệp nữa!

Từ Không môn, người ấy chấp trước Không, *“u thị nhân bất vi môn, thông đồ cánh tắc”* (do vậy, môn ấy chẳng thích hợp cho người đó, đường thông hóa nghẽn), tức là đọa trong “hàm vô vi”. Đối với người ấy mà nói thì Không chẳng phải là môn để kẻ ấy ngộ nhập, vì kẻ ấy chấp trước Không. Chấp trước Không, bèn gặp ngay chướng ngại, *“tắc”* (塞) là chướng ngại. *“Nhược trừ Không tướng”* (nếu trừ tướng Không), người ấy có thể buông tướng Không xuống, biết tướng Không cũng là bất khả đắc, tướng Không cũng là duyên sanh. *“Thị thời tòng Vô Tướng môn nhập”* (khi ấy bèn theo cửa Vô Tướng để vào), có thể được! Chỉ cần chẳng chấp trước Không là được, có thể chứng quả A La Hán, hoặc có thể chứng quả Bích Chi Phật. *“Nhược u Vô Tướng tướng”* (nếu đối với tướng Vô Tướng), người ấy biết tướng Vô Tướng, nhưng chấp trước, chấp gì vậy? Chấp vào tướng Vô Tướng thì cũng không được; chỉ cần có chấp trước tức là sai lầm mất rồi. *“Tâm trước sanh hý luận”* (tâm chấp trước, sanh ra hý luận), chấp vào tướng Vô Tướng có thể sanh ra hý luận. Hý luận là nói giỡn chơi, chẳng phải là sự thật. *“Thị thời trừ Vô Tướng tướng”* (khi ấy, trừ bỏ tướng Vô Tướng), cũng có thể buông tướng Vô Tướng xuống, tâm thanh tịnh hiện tiền, đó gọi là *“Vô Tác môn”*. Đây là nói ba loại người có căn tánh khác nhau, đều có thể nhập ba môn giải thoát trong Tiểu Thừa.

Tiếp đó, cụ Hoàng Niệm Tổ giải thích: *“Cái vị Không, Vô Tướng, Vô Nguyện”* (ấy là nói Không, Vô Tướng, Vô Nguyện), sánh ví những môn ấy như cửa nẻo. *“Do thử pháp môn, khế nhập chư pháp Thật Tướng chi Niết Bàn thành”* (do pháp môn này mà khế nhập thành Niết Bàn Thật Tướng của các pháp), Thật Tướng của các pháp là Pháp Tánh, *“khế nhập”* là minh

tâm kiến tánh, tỷ dụ minh tâm kiến tánh giống như thành Niết Bàn. “*Nhược nhân tùng Không môn nhập, diệc bất kiến Không tướng*” (nếu người theo cửa Không để vào, cũng chẳng thấy tướng Không), trực nhập như vậy, từ Không môn nhập mà chẳng chấp trước Không, đó mới là thật sự chứng nhập. Nếu có Không để đắc, thì cái “đắc Không” ấy là chấp tướng! “*Nhược đắc Không tướng*” (nếu đắc tướng Không), tức là quý vị chẳng thể nhập! Cái Không ấy là chấp trước; đã chấp vào Không, quý vị chẳng thể chứng nhập. “*Nhược trừ Không tướng*” (nếu trừ tướng Không), đó là “*tùng Vô Tướng môn nhập*” (từ Vô Tướng môn để vào), Vô Tướng vẫn là Không môn. Thay đổi danh từ, vì trước đó, quý vị đã chấp vào tướng Không, nay đã giác ngộ, tướng Không cũng buông xuống, nên gọi là “*tùng Vô Tướng môn nhập*”. “*Thẳng trước u Vô Tướng chi tướng, tức Vô Tướng tướng*” (nếu chấp vào tướng của Vô Tướng thì đó chính là tướng Vô Tướng), quý vị chấp vào Vô Tướng, chấp vào tướng Vô Tướng, điều này rất vi tế, như vậy là quý vị đã vướng vào tướng của Vô Tướng, cũng chẳng thể nhập, cũng nảy sinh chướng ngại. Ất cũng phải diệt trừ tướng Vô Tướng, đây chính là “*tùng Vô Tác môn trực nhập thủ thành*” (từ cửa Vô Tác, vào thẳng thành này). Vô Tác cũng là Vô Nguyên thì mới có thể trực nhập Thật Tướng của các pháp. “*Có viết: Nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyên pháp môn*” (nên nói là “nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyên pháp môn”). Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều có ba môn giải thoát ấy, tức là ba thứ đường lối để giải thoát, chỉ là nghĩa lý cạn hay sâu khác nhau! Hoặc là từ Không để nhập, hoặc từ Vô Tướng để nhập, hoặc từ Vô Nguyên để nhập, đều có thể thành tựu.

Thông thường, trong học tập kinh giáo, chúng tôi nói đơn giản hơn mà cũng rất rõ ràng, chẳng đi vòng vèo như vậy. Đức Phật dạy chúng ta, người thượng thượng căn thiện căn sâu dày, có thể đồng thời buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, trong Phật pháp gọi điều này là “*đốn xả*”. Xả là buông xuống, đốn tu, đốn ngộ, đốn chứng. Ý niệm vừa chuyển, phàm phu bèn thành Phật. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta biểu diễn cảnh giới này. Vào đời Đường, Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiên Tông đã vì chúng ta biểu diễn, cũng là chuyện này, tuyệt đối chẳng phải là kẻ bình phàm có thể làm được! Bản thân kẻ bình phàm hiểu rất rõ, phiền não, tập khí nặng nề dường ấy, muốn đoạn mà chẳng đoạn được, vì sao người ta ngay lập tức đoạn được? Hễ đoạn, bèn vĩnh viễn đoạn trừ. Do làm không được, bèn biết chúng ta chẳng phải là bậc thượng thượng căn. Không chỉ là chúng ta chẳng có phần nơi thượng thượng căn, mà đối với thượng căn, chúng ta cũng chẳng sánh bằng. Nói thực tại, chúng ta là kẻ trung hạ căn, phải hiểu rõ điều này. Kẻ trung hạ căn thì phải buông xuống từng chút một. Quý vị không buông xuống, sẽ chẳng vào được cửa, mà cũng chẳng thể quay đầu, nhất định phải buông xuống!

Buông xuống, phải từ ngoài vào trong; trước hết, hãy buông xuống từ bên ngoài. Khi mê là từ trong ra ngoài, khi buông xuống thì phải từ ngoài vào trong. Tầng ngoài cùng nhất là lục đạo. Lục đạo hình thành như thế nào? Vọng tướng, phân biệt, chấp trước, những thứ ấy

hình thành lục đạo luân hồi. Lục đạo do chính mình tạo, vốn chẳng có lục đạo. Lục đạo chẳng do Phật tạo, mà cũng chẳng do Thượng Đế tạo, cũng chẳng do vua Diêm La tạo, mà do tự tánh biến hiện, do khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, kinh Hoa Nghiêm dạy như vậy. Như thế nào thì mới có thể thoát ly lục đạo? Buông chấp trước xuống bèn thoát ly, cũng có nghĩa là trong cuộc sống hằng ngày, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chúng ta chớ nên chấp trước. Chúng ta rốt cuộc là cần tánh gì? Cần tánh trung hạ chúng ta vẫn chẳng làm được! Nói thật thà, chúng ta là cần tánh hạ hạ, nghiệp chướng quá nặng. Phải học buông xuống từng chút một, phải buông xuống mỗi ngày, phải buông xuống mỗi tháng, phải buông xuống mỗi năm. Quý vị buông xuống càng nhiều, tín tâm sẽ dần dần sanh khởi, vì sao? Tâm thanh tịnh, phiền não ít đi, trí huệ hiện tiền. Phiền não ít, trí huệ sanh, khá lắm! Quý vị sẽ có tín tâm đối với sự buông xuống, cuộc sống ngày càng tự tại hơn.

Nói cụ thể, buông xuống là gì? Buông xuống là bỏ thí, bỏ thí là buông xuống. Chúng ta tham luyến tài sản, bỏ chẳng được để buông xuống, phải học! Học buông xuống! Đối với vật ngoài thân, phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Buông ra, [bèn lo lắng, bản thân ta] chẳng có gì nữa thì sẽ ra sao? Đừng lo lắng! Bởi lẽ, ở đây, nhân quả sẽ giúp đỡ chúng ta. Trong mạng ta đã có, càng buông ra, sẽ càng có nhiều. Chớ nên nói “càng buông ra, sẽ không có nữa”, chẳng thế nào! Đó là vi phạm nguyên tắc nhân quả. Khẳng định là càng buông ra, sẽ càng nhiều, càng nhiều, càng buông ra, quyết định chớ nên tích lũy. Trong kinh Đại Thừa lần Tiểu Thừa, đức Phật đã dạy: “*Tích tài táng đạo*” (tích lũy tiền của, đạo bị chôn vùi). Vì sao người tu hành không thể thành tựu? Lúc chẳng có tiền tài, buông xuống còn khá dễ dàng, dù sao cũng đâu có gì! Khi càng có tiền, càng chẳng nỡ bỏ thí; vì thế, kẻ ấy thoái chuyển! Tài sản thật sự hại người, hại quý vị chẳng thể khai ngộ, hại quý vị chẳng thể chứng quả, thậm chí hại quý vị chẳng thể vắng sanh, quý vị nói xem: Có phiền phức hay không?

Phải buông tài xuống, pháp cũng phải buông xuống. Quý vị thấy ở đây nói đến tướng Không, đều là pháp. Tướng Vô Tướng cũng là pháp. Nếu quý vị chẳng buông xuống, sẽ nảy sanh chướng ngại, chẳng có cách nào đắc quả Nhị Thừa. Nó là pháp, pháp cũng phải buông xuống. Buông pháp xuống, đắc thông minh, trí huệ. Vì thế, Phật, Tổ dạy chúng ta: “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Ta chỉ nắm lấy một môn, toàn bộ những môn khác đều buông xuống. Buông xuống là gì? Ta đi đến cùng một môn này thì toàn bộ đều đạt được, nguyên lai là chuyện như thế đó. Nếu không buông xuống thì sao? Khi không buông xuống, từ đầu đến cuối, quý vị chẳng đạt đến đích, thứ gì quý vị cũng chẳng đạt được. Quý vị thấy đó, buông của cải xuống bèn được của cải, buông hết thảy các pháp xuống bèn được thông minh, trí huệ. Còn phải có tâm từ bi giống như Phật, Bồ Tát, tâm từ bi sẵn có trong tự tánh, thấy người khác gặp khổ nạn, nhất định phải giúp đỡ. Đó là gì? Đó là tu vô úy bố thí, khiến cho hết thảy khổ nạn chúng sanh là khỏi sợ hãi. Vì vậy, các đồng học phát tâm, muốn lập cô nhi viện hay mở viện dưỡng lão, đó là chuyện tốt, đó là gì? Đó là vô úy bố thí, quả báo là khỏe mạnh, sống lâu. Quý

vị có thể chăm sóc kẻ khác đang bệnh khổ, có thể giúp đỡ người khác giác ngộ. Chẳng giác ngộ là chuyện khổ sở, là cội nguồn của hết thảy các nỗi khổ. Giúp đỡ người khác giác ngộ là trừ diệt cội nguồn khổ, trừ diệt cội rễ của khổ và lạc, chuyện này thuộc về đại vô úy bồ thí, quả báo thù thắng chẳng thể nghĩ bàn!

Những Lý mà đức Phật đã nói trong kinh giáo là chân lý, Sự thật sự, thực tại, chẳng hư giả mảy may! Chúng ta học tập, tôi đã trải qua năm mươi chín năm, chúng thực chẳng giá tí nào! Xã hội hiện thời động loạn, tai nạn trên địa cầu nhiều ngàn ấy, chúng ta thấy rõ ràng. Thấy gì? Biết do nhân gì, do nguyên nhân gì tạo thành nông nỗi ấy, cũng hiểu rõ nên dùng phương pháp gì để đối đãi. Giải quyết những tai nạn trên địa cầu chẳng khó, ngay cả các tinh cầu vận hành trong vũ trụ, quỹ đạo bị sai lệch, chúng ta cũng đều có cách khiến cho chúng khôi phục bình thường, những tai nạn nhỏ nhặt trên địa cầu thắm vào đâu! Quý vị nhất định phải biết: Tất cả hết thảy tai nạn đều do tâm hạnh chẳng lành cảm vờ! Nếu chuyển biến tâm thái, tai nạn sẽ lập tức tiêu trừ. Ở chỗ này, nhất định phải trước hết là hiểu rõ ràng, minh bạch lý luận và chân tướng sự thật. Vì quý vị chẳng hiểu rõ, tín tâm chẳng thể sanh khởi! Tín tâm chẳng sanh khởi, ý niệm của quý vị chuyển biến, dầu có chuyển, nhưng chẳng kiên cố, vẫn còn có hoài nghi. Nỗi hoài nghi ấy phá hoại thiện niệm của quý vị, dầu chẳng thể phá hoại hoàn toàn, nhưng đã giảm bớt năng lượng ấy trên một mức độ lớn. Chỉ có tín tâm kiên định, chẳng có mảy may hoài nghi thì sức mạnh ấy sẽ khiến cho con người hết sức kinh ngạc!

Do vậy, những báo cáo nghiên cứu của các nhà khoa học cận đại có ích rất lớn đối với sự tu học của chúng ta. Những Lý và Sự giống như thế này được nói rất rõ ràng, chúng ta vừa nhìn vào liền hiểu rõ, kinh Phật vốn đã nói tới [những chuyện ấy] từ ba ngàn năm trước, nhưng chúng ta do dự, chẳng quyết đoán, chẳng dám sử dụng. Khoa học hiện thời vừa chứng minh, chẳng còn bàn cãi chi nữa, giúp chúng ta đoạn nghi, sanh tín. Đối với sự thành tựu trong một đời này của chúng ta, đặc biệt là thành tựu trong niệm Phật vọng sanh, tín tâm vẹn mười. Niệm niệm chẳng có ý niệm nào khác, chỉ có thể giới Cực Lạc là nhà của chúng ta, A Di Đà Phật là vị thầy, là gia trưởng của chúng ta. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là trở lại quê nhà, đúng vậy, chẳng giả! Há lẽ nào chẳng có phần? Nói chung, quê nhà luôn có phần của chúng ta, vấn đề là quý vị có nhận biết hay không? Người Hoa nói: *“Lang thang rất lâu ở bên ngoài, nay đã nhận biết tổ tiên, trở về nguồn cội”*. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là *“nhận biết tổ tiên, trở về với cội nguồn”*, đúng thế, chẳng giả! Trước kia, đúng là đã mê mất, nay quý vị đã có tín tâm kiên định, lẽ nào chẳng thành tựu? Chúng ta học đoạn Tam Không tam-muội này tới đây.

Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo: *“Thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”* (khéo lập phương tiện, bày rõ tam thừa). Đây là lợi tha, phần trước là tự lợi, [trong phần này], chính mình đã thành tựu, bèn muốn giúp đỡ người khác. Giúp đỡ người khác thì phải khéo lập phương tiện. *“Hiển thị tam thừa”* thì mới có thể kế cơ; căn tánh như thế nào thì chúng ta và

Bồ Tát giống hệt, phải dùng phương pháp gì để đối trị. “*Phuonggiả, phuong pháp*”[nghĩa là] “*phuong*” là phương pháp. “*Tiện giả, tiện dụng*”, [nghĩa là] Tiện là thuận tiện, mang ý nghĩa ấy. Chúng ta nói phương pháp tiện lợi là phương pháp thích hợp nhất, là phương pháp hay khéo nhất, là phương pháp tốt nhất, có ý nghĩa ấy. Phương pháp tốt nhất, hay khéo nhất chẳng có nhất định, do mỗi người mà khác nhau, do mỗi thời mà khác biệt, do mỗi sự mà không giống nhau. Đó là trí huệ, trong Phật pháp dùng một danh từ khác là “*phuong tiện thiện xảo*”, phải thêm vào chữ “*thiện xảo*”. Bởi lẽ, có trí huệ thì mới biết dùng.

“*Pháp Hoa Văn Cú viết: Phuonggiả, pháp dã. Tiện giả, dụng dã*” (Sách Pháp Hoa Văn Cú nói: “Phương là cách thức, Tiện là sử dụng”). Đây là cách giải thích của cô đức. Trong sách Pháp Hoa Huyền Tán có nói: “*Thi vi khả tắc viết Phuong, thiện đậu cơ nghi viết Tiện*” (Thực hiện đáng làm khuôn mẫu thì gọi là Phương. Khéo phù hợp cơ nghi là Tiện). “*Thi vi*” (施為) là “*thiết thi, tác vi*” (設施作為: lập bày ra cách thức để thực hiện), có thể nêu gương tốt cho đại chúng noi theo thì gọi là Phương. Chỗ này nói nghiêm ngặt hơn trong phần trước đôi chút; phần trước là nghĩa rộng, ở đây nói theo nghĩa hẹp. Hết thấy các hành vi, hoạt động của chư Phật, Bồ Tát đều có thể nêu gương tốt cho chúng sanh, điều đó gọi là Phương trong Phật môn. “*Thiện đậu cơ nghi*” (善逗機宜: Khéo phù hợp cơ nghi), Cơ (機) là [căn cơ của] hết thấy chúng sanh. Quý vị rất xảo diệu, khiến cho hết thấy chúng sanh dùng phương pháp ấy đều hết sức hoan hỷ, đều nghiêm túc học tập, chẳng cảm thấy khó khăn, đó gọi là “*tiện lợi*”. Trong Pháp Hoa Nghĩa Sớ có nói: “*Phuong tiện thị thiện xảo chi danh*” (Phương tiện là tên gọi khác của thiện xảo). Do vậy, kinh Phật thường gộp chung thiện xảo và phương tiện, gọi là “*thiện xảo phuong tiện*”. “*Thiện xảo giả, trí chi dụng dã*” (thiện xảo là tác dụng của trí). Đây là trí huệ, trí ấy là Hậu Đắc Trí, Quyền Trí, quyền nghi, quyền xảo!

Kinh Đại Tập nói: “*Năng điều chúng sanh, tất linh thú hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thị danh Phuong Tiện*” (có thể điều phục chúng sanh, khiến cho họ đều hướng đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì gọi là Phương Tiện). Kinh Đại Tập nói đến phương tiện thiện xảo của Bồ Tát. Bồ Tát có thể giúp đỡ hết thấy chúng sanh. “*Thú hướng*” (趣向) là theo một phương hướng, theo một con đường, tức là con đường thành Phật. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là con đường thành Phật, hoàn toàn là dịch âm tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán, dịch sang văn tự Trung Quốc, thì A dịch là Vô, Nậu Đa La dịch là Thượng, [A Nậu Đa La là] Vô Thượng, Tam dịch là Chánh, Miệu dịch là Đẳng, sau đó lại có chữ Tam cũng là Chánh, Bồ Đề là Giác, cho nên cả câu này nói gộp lại sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là ba giai đoạn trên con đường Bồ Đề của người học Phật. Giai đoạn thứ nhất là Tam Bồ Đề, tức Chánh Giác, A La Hán chứng đắc. A La Hán thành Chánh Giác là thành Tam Bồ Đề. Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, Bồ Tát chứng đắc Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đối với Phật, lại thêm chữ Vô Thượng, A Nậu Đa La là Vô Thượng. Do vậy, đây là con đường thành Phật.

Theo kinh Hoa Nghiêm, Tam Bồ Đề là địa vị Thất Tín. Trong mười địa vị Tín của Bồ Tát, Thất Tín là Tam Bồ Đề. Nói theo đẳng cấp đoạn phiền não và chứng Bồ Đề thì Thất Tín Bồ Tát và Tiểu Thừa A La Hán bình đẳng, nhưng trí huệ [của Thất Tín Bồ Tát] vượt trội Tiểu Thừa, trí huệ Tiểu Thừa chẳng sánh bằng các Ngài. Chánh Đẳng Chánh Giác là Phật hoặc Bồ Tát trong mười pháp giới, sở chứng của các Ngài là Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu thêm Vô Thượng vào, bèn vượt trội mười pháp giới. Trong mười pháp giới có Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng không có Vô Thượng. Vô Thượng thì phải đoạn hết vô minh, kinh Hoa Nghiêm nói đến vọng tưởng thì [vọng tưởng] cũng là “*khởi tâm động niệm*” như chúng ta thường nói. Sáu căn đối trước cảnh giới lục trần mà chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật đã chứng đắc [cảnh giới ấy], Ngài vượt thoát mười pháp giới, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Người tu hành thông thường, được gọi là “*thông đồ*” (đi theo đường lối chung), quá nửa sanh vào thế giới Hoa Tạng, còn người niệm Phật sanh về thế giới Cực Lạc. Cực Lạc và Hoa Tạng, nói thật ra là cùng một chuyện. Hoa Tạng giống như một tòa thành lớn, thế giới Cực Lạc như một con phố trong tòa thành lớn ấy, nói như vậy cho mọi người dễ hiểu, [thế giới Cực Lạc] là một con phố thù thắng nhất. Khi tôi giảng ở Tân Gia Ba, thường dùng Tân Gia Ba làm tỷ dụ. Thế giới Hoa Tạng giống như Tân Gia Ba, thế giới Cực Lạc giống như con đường Ô Tiết (Orchard Road), mọi người rất dễ hiểu. Vì vậy, sanh vào Tịnh Độ là đã sanh trong Hoa Tạng, nhưng sanh trong Hoa Tạng, chưa chắc sanh về Tịnh Độ! Phải hiểu điều này, quý vị mới biết Tịnh Độ thù thắng.

“*Hựu Hội Sớ viết: Duy Ma Cật kinh vân: ‘Trí Độ Bồ Tát mẫu, phương tiện dĩ vi phụ’, đạt Không, Vô Tướng thị đại trí, tùy nghi thiết thi danh PhươngTiện*” (Lại nữa, sách Hội Sớ nói: “Kinh Duy Ma Cật bảo ‘Trí Độ là mẹ của Bồ Tát, phương tiện là cha’, thấu đạt Không, Vô Tướng là đại trí, tùy nghi lập bày, vận dụng, bèn gọi là PhươngTiện”). Trong kinh Duy Ma có hai câu như vậy. Trí Độ (Bát Nhã Ba La Mật) là mẹ của Bồ Tát vì có thể sanh ra chư Phật, Phật chẳng lìa khỏi trí huệ. Vì sao? Trí huệ thì mới có thể đoạn phiền não. Không có trí huệ, làm sao quý vị có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống? Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống là đại trí huệ. Do thật sự thấu suốt, nên mới có thể triệt để buông xuống; chẳng có trí huệ, sẽ không thể bỏ xuống. Không có trí huệ là quý vị còn có phiền não, còn có tình chấp, chẳng buông xuống được! Quý vị còn có sợ hãi, còn có hoài nghi, những thứ ấy đều là tập khí phiền não. Trí huệ chân chánh hiện tiền, [những phiền não, tập khí] bị quét sạch sành sanh, chẳng có chướng ngại nữa. “*Phương tiện dĩ vi phụ*” là phương tiện thiện xảo trong tu hành pháp môn. Tiếp đó, giải thích cho chúng ta biết: “*Đạt Không, Vô Tướng thị đại trí*”, “*đạt*” (達) là thông đạt, [nghĩa là] quý vị thông đạt, hiểu rõ, vạn pháp đều là Không, tương tức là phi tướng, đó là “*đạt vô tướng*”. Tương tức là vô tướng, bản thể của

nó chính là Không, trọn chẳng thể được, đó là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh, nên gọi là “đại trí”, trí huệ ấy sẵn có trong tự tánh.

Vì thế, Phật pháp được truyền đến Trung Quốc từ thời Hán Minh Đế, ảnh hưởng rất lớn đến văn hóa bản địa của Trung Quốc. Tiến sĩ Thang Ân Tử (Arnold J. Toynbee) nói chẳng sai, ông ta nói người Trung Quốc tâm lượng to lớn, có thể dung nạp văn hóa của dị tộc. Ấn Độ là ngoại quốc, chẳng phải là Trung Quốc, là dị tộc, văn hóa dị tộc truyền đến Trung Quốc. Ông ta hết sức tán thán, có thể dung nạp văn hóa của dị tộc! Văn hóa Phật giáo đã nâng cao văn hóa truyền thống của Trung Hoa trên một mức độ lớn, đúng vậy, chẳng giả tí nào! Nho và Đạo vận dụng những nguyên tắc và nguyên lý trong Phật pháp rất nhiều. Ba thứ văn hóa Nho, Thích, Đạo dung hợp thành một Thể, đó là văn hóa truyền thống của Trung Hoa, một Thể! Do vậy, người Hoa cầu điều gì? Cầu trí huệ. Nho cũng là cầu trí huệ, Đạo cũng là cầu trí huệ. Ý niệm “cầu trí huệ” học từ Phật giáo. Chẳng hề cầu tri thức, mà cầu trí huệ. Cầu như thế nào? Từ Giới, Định, Huệ. Do vậy, phương pháp Giới, Định, Huệ được Nho học theo, mà Đạo cũng học theo. “Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ”, “thâm nhập một môn, huân tu lâu dài” là phương pháp đắc cầu trí huệ, chẳng phải là cầu tri thức. Tri thức là học rộng, nghe nhiều. Trí huệ là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, khác nhau! Tri thức có phải cầu hay không? Tri thức phải cầu, nhưng đặt nó vào cuối cùng; sau khi khai ngộ mới cầu tri thức. Quý vị thấy thứ tự trong Phật pháp [được diễn tả bằng] Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Đầu tiên bảo quý vị phát nguyện, “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, điều này là nguyện. Ba điều sau thì sao? Nhằm thành tựu điều thứ nhất. Điều thứ hai là “phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”. Đoạn phiền não như thế nào? Trì giới, tu định, khai trí huệ, phiền não chẳng còn nữa. Do đó, “phiền não vô tận thệ nguyện đoạn” phải dùng Giới, Định, Huệ. Trí huệ đã khai, chiếu kiến Ngũ Uẩn đều không, thấu đạt chúng sanh tướng. Sau khi trí huệ đã khai, lại học pháp môn, “pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”, đó là chuyện sau khi trí huệ đã khai. Trí huệ chưa khai, đối với hai chuyện sau, đâu quý vị nghĩ cách nào cũng chẳng đạt được! Do vậy, hiện thời, rất nhiều người học Phật chẳng thể thành tựu là do nguyên nhân nào? Quên bẵng hai chuyện trước, bắt đầu từ chỗ nào? Bắt đầu từ “pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, học rộng, nghe nhiều. Chẳng có cơ sở phía trước, giống như xây một tòa cao ốc bốn tầng, nhưng chẳng có tầng thứ nhất và tầng thứ hai, mong xây tầng thứ ba, rốt cuộc xây cả đời cũng xôi hỏng bỏng không, chẳng thể thành tựu, đạo lý ở chỗ này! Đây là chỗ Nho và Đạo đều phải học theo nhà Phật.

Vâng giữ quy củ là trì giới, quyết định chẳng thể vượt cấp được! Quý vị thấy giáo học của Trung Quốc xưa kia, học từ chỗ nào? Học từ Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy chẳng phải là bảo trẻ nhỏ đọc, mà cũng chẳng bảo nó nói, cũng chẳng phải là giảng cho nó nghe. Đệ Tử Quy là căn bản làm người, cha mẹ thực hiện cho trẻ nhỏ thấy. Trẻ thơ vừa sanh ra, mở mắt ra, nó có thể thấy, đôi tai bé bỏng của nó có thể nghe, nó đã học tập, bắt chước. Quý vị chớ nên xem

thường nó, [tưởng lầm] nó vô tri, điều gì cũng đều không hiểu! Thật ra, nó hiểu nhiều hơn quý vị [nghĩ], là linh quang thật sự, tai nghe, mắt thấy, nó học toàn bộ. Tuy nó chẳng thể nói, nhưng thứ gì cũng đều hiểu. Do vậy, cha mẹ, người lớn ở trước mặt trẻ thơ phải rất chú tâm cẩn thận, khiến cho nó thấy, nghe, tiếp xúc, toàn là những điều chánh đáng. Cũng như chúng tôi thường nói: Phải khiến cho nó thấy hiểu, đễ, trung, tín, thấy lễ, nghĩa, liêm, si, thấy nhân ái, hòa bình, nghe cũng nghe những chuyện ấy, tiếp xúc cũng là tiếp xúc những chuyện ấy, đó là “*đưỡng chánh*”, tức là “*đồng môn dưỡng chánh*” (bồi dưỡng những điều chánh đáng cho lứa tuổi vỡ lòng), là căn cội của sự dưỡng chánh, [thời gian vun bồi là] ba năm. Ba năm làm một ngàn ngày, trẻ thơ chẳng có vọng niệm, chẳng có tạp niệm, căn cơ được vun bồi rất sâu, nên ngôn ngữ mới có câu: “*Tam tuế khán bát thập*”. Một ngàn ngày vun bồi căn cội, trong tương lai, bất luận tiếp xúc nghịch cảnh nào, kẻ ấy cũng chẳng thể biến thành xấu, mà có năng lực phân biệt đúng, sai, tà, chánh, thiện, ác. Nền giáo dục như thế, thưa cùng quý vị, chỉ riêng Trung Quốc là có, nên Trung Quốc đời đời xuất hiện hiền nhân, xuất hiện thánh nhân, đạo lý ở chỗ này!

Trong thời cổ, lịch sử đã ghi chép “*Châu gia tam thái*” (ba bà Thái của nhà Châu) đã làm rất thành công. Bà nội của Châu Văn Vương là Thái Khương, là mẹ của Vương Quý, Vương Quý là cha của Văn Vương. Mẹ của nhà vua là Thái Nhậm, phi tử của vua là Thái Tự, sanh ra Vũ Vương và Châu Công, đều là những bậc thánh nhân mà Khổng Tử bội phục nhất. Chẳng phải là từ lúc trẻ nhỏ sanh ra, mà ngay trong khi mang thai, chính mình đã bắt đầu dùng những điều chánh đáng để ảnh hưởng thai nhi. Bắt đầu [giáo dưỡng] từ lúc có mang gọi là “*thai giáo*”, thật sự vun bồi cội rễ sâu chắc. Phương pháp giáo học như thế chính là gia giáo, mãi cho đến những năm cuối đời Mãn Thanh, các gia tộc đông đảo vẫn dùng phương pháp này. Xưa kia, trường học ít ỏi, con gái ít có cơ hội học hành, nhưng [nữ nhân] đều có thể dạy dỗ con thơ, đều biết Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, đều hiểu, chẳng có một ai không biết. Lại còn có thể biểu hiện [những giềng mối ấy] trong cuộc sống hằng ngày, do các bà đã làm được, nên rất biết cách dạy dỗ!

Trẻ nhỏ sáu bảy tuổi, đi học, thầy dạy dỗ. Thầy thật sự gánh trách nhiệm, những gì thầy đã dạy, thầy đều làm được; không làm được sẽ chẳng thể dạy trẻ nhỏ, thầy nêu gương cho trẻ thơ. Thầy có đức hạnh, có tâm yêu thương, có phương pháp vận dụng phương tiện thiện xảo để khuyên nhủ, hướng dẫn bọn trẻ. Gia trưởng mời thầy, bèn đi các nơi nghe ngóng. Thật sự là một vị thầy tốt, bèn lễ thỉnh. Thỉnh đến, trước hết làm lễ bái sư, gia trưởng phải lay thầy, phải hành đại lễ với thầy, tức là ba lần quỳ, chín lần khấu đầu. Thầy tiếp nhận gia trưởng đối đãi bằng đại lễ như vậy, nếu không nghiêm túc dạy trẻ cho tốt đẹp, há chẳng có lỗi đối với gia trưởng? Tận tâm tận lực dạy dỗ, khác với trường học hiện thời. Học trò thấy gia trưởng, cha mẹ, ông bà của chính mình cũng ba lần quỳ, chín lần khấu đầu đối với thầy, há học trò còn có thể chẳng nghe lời thầy ư? Còn có thể không tôn trọng thầy ư? Chẳng thể nào! Người

trên làm, kẻ dưới bắt chước theo! Quý vị thấy cha mẹ rất tôn trọng thầy, trong tâm mục của trò, thầy chẳng khác cha mẹ, bình đẳng! Hiếu thuận cha mẹ thì cũng phải hiếu thuận thầy. Do vậy, nếu quý vị nhìn vào cổ lễ Trung Quốc, sẽ hiểu con người xưa kia khác hẳn. Mấy ngàn năm qua, là nước lễ nghĩa, là sự thật, chẳng giả! Người ngoại quốc nghiên cứu lịch sử Trung Quốc, không ai chẳng bội phục Trung Quốc. Mấy ngàn năm qua, vĩnh viễn duy trì sự thống nhất to lớn, điều này được người ta tôn kính nhất. Quý vị thấy ở Âu Châu, sau khi đế quốc La Mã tiêu vong, từ đầu đến cuối chẳng thể thống nhất, mà đã chia vụn ra. Chỉ có người Trung Quốc thống nhất, mãi đến hiện thời vẫn thống nhất. Sự thống nhất ấy vô cùng đáng quý, nói lên điều gì? Nói rõ xã hội hòa hài, nhân dân đoàn kết, đó là văn hóa ở một mức độ cao.

Có đại trí thì mới có phương tiện, tùy nghi thiết lập, thi hành. “*Nghi*” (宜) là cần thiết, định ra một loạt phương pháp nhằm thích hợp với nhu cầu trước mắt. Ngày nay, cả thế giới động loạn, nguyên nhân là gì? Chúng ta thường quên bằng sự giáo dục làm người, chẳng dạy con người làm người, chỉ chú trọng giáo dục kỹ năng, chỉ coi trọng sự mưu sinh trong tương lai. Tại Trung Quốc, kiểu cách ấy chẳng được gọi là giáo dục! Vì thế, thoát đầu, tôi xuất gia tại chùa Lâm Tế ở Viên Sơn, Đài Bắc. Mới xuất gia làm tiểu hòa thượng, trong tự viện cũng giao phó việc cho chúng tôi làm. Công việc của tôi là quét sân, quét dọn cửa chính. Sư huynh, sư đệ ba người, sáng sớm mỗi ngày quét dọn cửa chính. Cửa chính có rất nhiều cây, lá rụng mỗi ngày nên phải quét dọn. Có một hôm vào lúc quét dọn, tôi thấy bốn đứa sinh viên. Phía sau chùa chúng tôi có một con đường dẫn đến công viên Viên Sơn, có thể theo con đường ấy để vào [công viên], không có ai canh cửa, chẳng phải mua vé vào cửa, chứ đi cửa chính thì phải có vé vào cửa. Do biết có con đường tắt ấy, chúng nó đi ngã sau. Tôi thấy bốn đứa sinh viên ấy, vừa nói chuyện phiếm vừa tản bộ, trèo lên núi. Tôi rất cảm thán, thốt lên: “Đáng tiếc! Những kẻ trẻ tuổi này chẳng được giáo dục”. Họ nghe thấy lời ấy, ngay lập tức quay lại tìm tôi, chất vấn: “Ông vừa mới nói gì đó?” “Tôi đã nói rồi đó, tôi nói: Rất đáng tiếc, các vị chẳng có giáo dục”. Họ rất tức giận: “Bọn tôi là sinh viên năm thứ tư ngành Pháp Luật của Đại Học Đài Loan, cơ sao ông nói chúng tôi chưa được giáo dục?” Tôi nghe lời ấy, đáp: “Hóa ra là sinh viên đại học. Tôi đã coi thường quý vị mất rồi. Thôi được, tôi xin thỉnh giáo quý vị”. Tôi nói: “Giáo là gì? Dục là gì? Giáo dục là gì? Xin quý vị hãy giảng cho tôi nghe ba vấn đề ấy”. Tôi vừa hỏi như thế đã khiến bọn họ ú ớ, đúng là chẳng đáp được. Các sinh viên thỡ ấy còn khá lắm, vẫn rất khiêm hư, họ thỉnh giáo ngược lại tôi, thái độ rất khiêm tốn và cũng rất cung kính. Tôi đem những gì Lễ Ký đã giải thích, giảng cho họ nghe, họ chưa hề học đến.

Sau đó họ hỏi tôi, họ nói: “Vậy thì trường đại học của chúng tôi nay nên coi là gì?” Tôi đáp: “Tốt nhất là đại học nên đổi danh xưng thành viện nghiên cứu kỹ thuật cao cấp. Danh xưng ấy rất thích hợp với quý vị. Quý vị không chỉ chưa học giáo dục cao đẳng, mà giáo dục tiểu học cũng chưa học!” Họ cảm thấy rất lạ lùng, giáo dục tiểu học ư? Tôi nói: “Quý vị có

biết ăn cơm hay không?” “Ai mà chẳng biết ăn cơm?” “Đâu có đơn giản như vậy! Tôi bày bốn món ăn cho quý vị, phương hướng của bốn món ấy được sắp đặt theo phương vị của Ngũ Hành, quý vị có xếp được hay không?” [Không xếp được tức là] chưa biết ăn cơm, quý vị chưa học qua! Tôi nói: “Quý vị đã học quét đất hay chưa? Ứng đối, quét tước chính là giáo dục tiểu học, quý vị chưa hề học, mặc quần áo lấm ăn cơm đều chẳng biết!” Tôi nói: “Đó gọi là trường học, đó là giáo dục”. Như vậy là những sinh viên ấy cũng còn rất khá, thuở ấy, gần như là sáu mươi năm trước đây, các sinh viên còn khá lắm, đều rất có thể chịu học hỏi. Nay thì chúng ta có gặp cũng chẳng dám nói; nếu chọc giận họ, họ sẽ động võ với quý vị, chúng ta đâu có chịu nổi. Đây là giáo dục nảy sinh vấn đề, chẳng biết làm người! Vì thế, hiện thời có rất nhiều người đi học có bằng Tiến Sĩ, nhưng chẳng tìm được việc. Khá nhiều công ty, hãng xưởng hết sức cần nhân tài, biết họ có khả năng, nhưng chẳng biết làm người, nên chẳng dám dùng họ! Đây là hiện tượng phổ biến trong xã hội hiện thời. Vì thế, sự giáo dục trong *Đệ Tử Quy* và *Cảm Ứng Thiên* là giáo dục làm người. Quý vị biết làm người, lại còn biết làm việc, ai cũng thích, chủ nhân nào cũng đều thích dùng quý vị!

Nay chúng ta nói “*tùy nghi thiết thi*” thì giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Chúng tôi nói với người khác, người ta nghe xong cũng gật đầu, nhưng chẳng có ai tin tưởng, chẳng có ai dám thực nghiệm. Trong xã hội hiện thời, muốn làm chuyện tốt thì phải có địa điểm làm mẫu, đó là chuyện tốt. Địa điểm làm mẫu được thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ chính mình. Chính cá nhân ta là người nêu gương. Làm được điều này, quý vị lại thực hiện trong gia đình, biến gia đình của chính mình thành một nơi gương mẫu. Hiện thời là tiểu gia đình, trong xã hội có nhiều tiểu gia đình nêu gương để cho người khác đến thăm, quan sát sinh hoạt thường nhật của gia đình quý vị, một nhà hòa thuận, thân ái, một nhà hỗ trợ hợp tác, thực hiện được điều ấy. Quý vị có công ty, bất luận công ty lớn hay nhỏ, quý vị biến công ty thành một tấm gương, làm gương cho tất cả các công ty khác. Đó là gì? Đó là *Bồ Tát*. Cá nhân quý vị làm được, quý vị thành *Bồ Tát*. Quý vị chăm nom gia đình tốt đẹp, đó là gia đình *Bồ Tát*, người nhà của quý vị đều là *Bồ Tát*. Quý vị hướng dẫn một công ty hay hãng xưởng tốt đẹp, công ty hay hãng xưởng ấy sẽ là công ty *Bồ Tát*, chẳng bị lỗ vốn, sẽ sinh lợi. Một người điều hành xí nghiệp ở Bắc Kinh là cư sĩ Hồ Tiểu Lâm, sau khi quen biết tôi, tôi đã dạy ông ta phương pháp này, thực hiện ba cội rễ, chính mình thực hiện trước, sau đó ảnh hưởng tới gia đình, cuối cùng áp dụng vào công ty, làm rất tự tại, làm rất thành công, đó là một tấm gương tốt. Ở Thanh Đảo, cũng có một xí nghiệp gia là bà Lưu Khắc Thành, cũng làm hết sức thành công. Những gương như vậy đều là điển hình. Quý vị đã nghe nền văn hóa giáo dục truyền thống này, hãy tự đến xem, xem người ta làm như thế nào!

Ba nhà Nho, Thích, Đạo của Trung Quốc đều coi trọng hành chứng, không thể chỉ có tín, giải, mà sau đó chẳng có hành, chứng. Nếu như vậy thì sẽ biến thành học thuật, biến thành huyền học, biến thành tri thức, chẳng phải là trí huệ. Quý vị có thể thực hiện những điều đã

học, vận dụng trong cuộc sống, đạt được lợi ích trong cuộc sống, thân tâm khỏe mạnh, phiền não nhẹ bớt, trí huệ tăng trưởng. Áp dụng vào gia đình, gia đình hạnh phúc; vận dụng trong sự nghiệp, sự nghiệp thuận lợi. Quý vị ảnh hưởng xóm giềng, làng nước, khu vực nhỏ nơi quý vị cư trú nhất định sẽ hòa hài, một chốn lễ nghĩa nho nhỏ đã xuất hiện, sẽ thấy xã hội hài hòa. Mấy năm sau, ảnh hưởng ngày càng lớn hơn, có thể ảnh hưởng cả một thành thị hay một khu vực. Đã nêu gương, đã nêu khuôn mẫu, lại mở rộng, sẽ ảnh hưởng toàn thể thế giới. Vì sao? Toàn thể thế giới đều cần thiết, nhưng họ chẳng tìm được một nơi nào, họ đến [chỗ quý vị] để xem xét, thật sự mong học theo. Người trên cả thế giới đều đến chỗ quý vị học tập, công đức to lớn! Chớ nên coi thường, sự nghiệp Bồ Tát đây nhé! Đó gọi là “*tùy nghi thiết thi*” (thuận theo cơ nghi mà thiết lập, thực hiện).

“*Phương tiện hữu nhị chủng*” (phương tiện có hai thứ), thứ nhất là “*thâm giải Không nhi bất thủ tướng, thọ chứng*” (hiểu Không sâu xa, nhưng chẳng giữ lấy tướng, hoặc thấy có chứng). Đối với những nghĩa lý như “*vạn pháp đều là không*”, “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc*” đều phải thấu hiểu sâu xa. Do chúng ta lý giải chưa đủ sâu, nên quý vị chưa thể thực hiện. Sau khi thấu hiểu sâu xa, quý vị tự nhiên thực hiện được. Thực hiện là gì? Quý vị làm được. Chẳng phải là quý vị đọc kinh hay nghiên cứu kinh, mà là thực hành kinh! Biến lý luận trong kinh giáo thành tư tưởng, biến giáo huấn trong kinh điển thành hành vi của mình, đây mới là “*khánhập*”. Hiểu Không, chẳng chấp tướng, quý vị mới chứng đắc, cái đã chứng đắc chính là ý nghĩa chân thật do Như Lai đã nói trong kinh, quý vị đã thấu hiểu. Hễ quý vị chấp tướng, sẽ chẳng hiểu, chẳng biết nghĩa chân thật của Như Lai. Nghĩa chân thật của Như Lai là chân lý uẩn tàng trong tự tánh.

Thứ hai, “*dĩ Thật Tướng lý thâm mạt năng tín thọ, yếu tu phương tiện dụ dẫn quần sanh, linh kỳ tiệm ngộ*” (Do lý Thật Tướng sâu xa, chưa thể tin nhận, nên phải dùng phương tiện để dẫn dụ quần sanh khiến cho họ dần dần ngộ). Điều thứ hai là giúp đỡ, độ người khác. Điều thứ nhất là tự lợi, điều thứ hai là lợi tha. “*Lợi Tha*”: Lý Thật Tướng quá sâu, trong phần trước đã nói: “*Thâm giải Không, nhi bất thủ tướng*” (thấu hiểu Không sâu xa, nhưng chẳng chấp lấy tướng), người bình phàm chẳng thể lý giải điều này; chính mình đã đạt được, phải giúp đỡ người khác. Giúp đỡ người khác thì phải có phương tiện, phải có lòng kiên nhẫn, có tâm nhẫn nại và có phương tiện. Phương tiện là gì? Phương tiện là chính mình đã làm được thì phải thường nói với người nhà. Đối với công việc thì người nhà có công việc, trẻ nhỏ phải đi học, khi tan sở hoặc tan học, sáng tối dùng bữa với nhau, hoặc lúc rảnh rỗi, giảng những đạo lý trong kinh giáo cho mọi người nghe. Đức Phật dạy chúng ta sống như thế nào, làm lụng ra sao, khiến cho mọi người đều hiểu rõ những giáo huấn ấy. Họ thấy quý vị thực hiện, thực hiện tự tại đường ấy, thật sự hữu dụng! Hữu dụng là cuộc sống và công việc đâu bận bịu đến mấy, người ấy vẫn rất thông dong, chẳng có phiền não, vui sướng, chẳng có ưu lự, tăng

trường trí huệ, có ai chẳng vui vẻ? Học từ đâu? Học từ trong giáo dục truyền thống! Mọi người mới biết các thứ truyền thống là tốt đẹp. Quý vị chẳng nêu gương, quý vị giảng cho họ nghe, họ chẳng tin! Phương pháp hữu hiệu nhất là trong cuộc sống hằng ngày, hãy sống đơn giản, chẳng lãng phí mảy may! Hoàn cảnh cư trú tuy nhỏ bé, nhưng ngăn nắp, sạch sẽ, chớ nên quá lớn, quá lớn thì sao? Dọn dẹp các phòng lãng phí rất nhiều thời gian, phải lãng phí rất nhiều tinh lực, càng đơn giản càng hay, càng đơn giản càng vui sướng. Người khác sống trong một căn nhà lớn, chớ nên hâm mộ, vì sao? Rất khổ! Sống trong một căn nhà to là chịu tội, phải mất bao nhiêu thời gian và tinh lực để chăm sóc căn nhà ấy, chẳng đáng! Trong nhà người khác có hoa viên, nhà ta có vườn rau. Rau có thể ăn, luôn luôn là hữu dụng, có liên quan đến cuộc sống của ta. Thực hiện được thì thân thể khỏe mạnh, vui sướng, suốt ngày từ sáng đến tối hoan hỷ, điều này rất khó có!

Quý vị thấy người hiện thời, có mấy ai suốt ngày luôn lộ vẻ tươi cười? Toàn là mặt ủ mày chau! Quý vị biết tâm tình của họ có rất nhiều điều trái ý. Họ thấy chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối hoan hỷ. Khi tôi sống ở Mỹ, có một hôm, hàng xóm đến hỏi tôi: “Các vị làm gì? Đang làm nghề gì? Vì sao mỗi ngày quý vị vui sướng dường ấy?” Họ hỏi tôi chuyện ấy. Chúng tôi bảo họ: “Chúng tôi học Phật”. Họ không hiểu, học Phật ư? Phật là tôn giáo, [họ nghĩ] chúng tôi học Phật giáo. Họ hỏi: “Phật giáo là gì? Các vị học gì?” “Chúng tôi học Tịnh Độ”. “Tịnh Độ là gì?” Thế giới Cực Lạc! Chúng tôi học vui sướng, học thanh tịnh, học khỏe mạnh, sống lâu. Họ nói: “Chúng tôi cũng muốn học những thứ ấy”. Được! Hoan nghênh quý vị đến học. Chúng tôi có một tiểu đạo tràng, họ đều là giáo đồ Cơ Đốc. Tôi nói: Quý vị Chủ Nhật đi nhà thờ, Thứ Bảy đến Phật đường, chẳng có xung đột. Quý vị và Thượng Đế có quan hệ cha con. Quý vị đến Phật đường là quan hệ thầy trò, đến học, nghe giảng. Họ thật sự rất vui, chẳng có xung đột! Quý vị tín ngưỡng tôn giáo, nhưng con cái của quý vị chẳng đều đi học hay sao? Phật giáo là trường học, dạy quý vị vui sướng như thế nào? Tu tâm thanh tịnh ra sao? Đạt được vui sướng như thế nào? Thân tâm khỏe mạnh như thế nào? Dạy những chuyện ấy. Thân tâm khỏe mạnh, bền sống lâu! Vô Lượng Thọ. Ai nấy đều mong sống lâu, đều muốn khỏe mạnh, vậy thì hãy đến chỗ của tôi. Quý vị thấy chúng tôi học ở đây, hằng ngày luôn hoan hỷ, bất luận khi nào quý vị đến xem, đều thấy vẻ mặt luôn tươi cười. Đó là phương tiện dẫn dụ quần sanh, khiến cho họ dần dần giác ngộ.

“Kỳ đức quảng đại, bất Nhị Thừa (tức phi Nhị Thừa) sở năng vi, cố ngôn thiện lập” (đức ấy họ rộng lớn, chẳng phải là hàng Nhị Thừa có thể làm được, nên nói là “khéo lập”). Người Nhị Thừa chẳng làm được, người Nhị Thừa trí huệ chưa khai, họ có Giới và Định, nhưng trí huệ chưa khai. Bồ Tát có Giới, có Định, trí huệ cũng đã khai, nên có phương tiện thiện xảo, cho nên có thể dẫn dụ chúng sanh, đều có thể đối xử hòa thuận với hết thảy chúng sanh, quyết định chẳng phát sanh xung đột với hết thảy chúng sanh. Lúc tôi vừa mới đến Úc, khi ấy, thường trở về Tân Gia Ba, giảng kinh tại Tân Gia Ba mỗi năm vài lần. Ở Úc cũng có

hội nghị tôn giáo nhằm đoàn kết tôn giáo do chánh phủ tổ chức. Có một viên chức địa vị không cao, giống như khoa trưởng^{134[1]} của khoa tôn giáo, địa vị chẳng cao lắm! Mỗi tháng, họ triệu tập đại biểu của các tôn giáo khác nhau đến họp, cùng họp lại nghiên cứu, thảo luận: “Tôn giáo hỗ trợ hợp tác như thế nào?” Tôi di dân đến Úc, tham gia hội nghị này, mỗi tháng họp hành, tôi nhất định đến tham dự. Đối với các tôn giáo khác nhau, chúng tôi đối đãi với nhau rất khá. Họ thường tranh luận một vấn đề: “Rốt cuộc Phật giáo là gì?” Chúng tôi bảo họ: “Phật giáo là giáo dục”. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giáo học. Giống như trong một quốc gia, Phật giáo chuyên lo giáo dục, làm công tác giáo dục. Tôi nói: [Phật giáo] chẳng xung đột với quý vị, Thượng Đế của quý vị trông nom việc hành chánh, giống như người đứng đầu một đất nước. Chúng tôi cũng chẳng phải là bộ trưởng giáo dục, chúng tôi là dân thường, giống như Khổng lão phu tử, là giáo học dân gian. Giúp đỡ, thành tựu quý vị, Phật giáo chẳng phản đối bất cứ tôn giáo nào. Phật giáo thừa nhận thần của quý vị, giống như thừa nhận người lãnh đạo quốc gia; nhưng Phật giáo chẳng tham gia chánh trị, mà là một loại giáo học dân gian. Họ nói: “Người sau khi chết đi thì sao?” “Chúng tôi lên thế giới Cực Lạc”. Họ nói: “Người sau khi đã chết thì ai là người phán quyết cuối cùng?” Tôi nói quyền phán quyết là Thượng Đế, họ rất hoan hỷ. Tôi nói Phật giáo chẳng phán quyết người khác, Phật giáo chỉ dạy bảo con người, chỉ dạy người ta đoạn ác, tu thiện, chứ Phật giáo chẳng xét đoán con người. Trong Phật giáo chẳng tìm được chuyện phán quyết. Vì thế, chúng tôi đối xử với nhau rất vui vẻ, tôn trọng họ, quý vị là người lãnh đạo quốc gia, quý vị là bộ trưởng Tư Pháp. Tôi nói Phật giáo chẳng vậy, Phật giáo là giáo học dân gian. Dạy những gì? Dạy người ta đoạn ác, tu thiện. Trong kinh điển của họ đều có những chuyện này. Từ từ, những sự đối lập giữa các tôn giáo dần dần được hóa giải.

Khi chúng tôi tiến hành hoạt động tôn giáo trên quốc tế, nhất là những hoạt động hòa bình của Liên Hiệp Quốc, tôi luôn mời các tôn giáo cùng đi, cùng nhau tham gia. Tại đại hội Liên Hiệp Quốc, chúng tôi biểu diễn một chút, các tôn giáo nắm tay nhau, cầu nguyện cho thế giới hòa bình. Chính họ vui vẻ, mà đơn vị đứng ra tổ chức cũng vui vẻ. Điều khó có là có nhiều tôn giáo bất đồng như vậy đến cầu nguyện cho hòa bình, chuyện này hay lắm! Đặc biệt là Phật giáo, có thể nói Phật giáo là giáo dục dân gian. Hành trạng suốt một đời đức Thích Ca Mâu Ni Phật và Khổng Tử hết sức giống nhau, chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này. Dùng phương thức giáo dục để giúp đỡ quốc gia, giúp xã hội an định, giúp xã hội hòa hài, giúp đỡ chúng sanh giác ngộ. Đối với người căn tánh nhay bén, bèn giúp đỡ họ trở về tự tánh. Do

^{134[1]} Theo hành chánh của Đài Loan, khoa trưởng là một viên chức quản trị hành chánh cấp thấp. Nếu dựa theo hệ thống cấp bậc trong chính phủ Trung Hoa Dân Quốc thì cao nhất là Thủ Tướng (Quốc Vụ Viện Tổng Lý), Khoa Trưởng được xếp vào cấp thứ chín đếm từ trên xuống, tương ứng với Nha Trưởng trong một cơ cấu chánh phủ. Chúng tôi đoán Khoa Trưởng được dùng ở đây có lẽ là người đứng đầu tiểu ban tôn giáo của chính phủ.

vậy, chúng ta phải nhận thức rõ rệt, Phật giáo chẳng phải là mê tín, phải uốn nắn cho đúng quan niệm sai lầm của người đời đối với Phật giáo. Uốn nắn chẳng phải là nói suông, mà phải nêu gương cho người khác nhìn vào. Các đồng tu của Tịnh Tông Học Hội có sứ mạng này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

Tập 120

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi chín, dòng thứ tư từ dưới đếm lên, xem từ chính giữa, xem từ chữ “tam thừa”:

“Tam thừa giả, thừa giả, xa dã. Tứ Giáo Nghi Tập Chú viết: Thừa dĩ vận tải vi nghĩa, vận xuất tam giới, quy u Niết Bàn” (Tam thừa: Thừa là cỗ xe. Sách Tứ Giáo Nghi Tập Chú 135[2] giảng: “Thừa có nghĩa là chuyên chở, chuyên chở thoát khỏi tam giới, trở về Niết Bàn”). Chúng tôi giải thích đoạn này. Câu này [nhằm giải thích một câu] trong kinh văn là “thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”. Chúng ta đã học về “thiện lập phương tiện”, nay xem đến Tam Thừa. Chữ Thừa (乘) đọc theo cổ âm là Thặng, hiện thời đọc là Thừa; đọc Thặng mọi người đều chẳng biết nghĩa là gì, có lẽ có người nói chúng ta đọc sai, nên thuận theo tập tục [mà đọc là Thừa]! Thừa là cỗ xe. Trong Tứ Giáo Nghi Tập Chú có một câu giải thích như thế này: Thừa là cỗ xe, xe có ý nghĩa chuyên chở, ở đây dùng ý nghĩa ấy. “Vận xuất tam giới, quy u Niết Bàn” (chở ra khỏi tam giới, trở về Niết Bàn). Phật pháp dùng Thừa làm tỷ dụ, giống như cỗ xe, Phật pháp có thể giúp chúng ta vượt khỏi tam giới, giống như chúng ta ngồi xe có thể đi xa, mang ý nghĩa này. Tam giới là lục đạo luân hồi, nói “tam giới” hay nói “lục đạo”, ý nghĩa hoàn toàn giống nhau. Tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Dục Giới có sáu tầng trời, dưới Tha Hóa Tự Tại Thiên có sáu tầng trời, kể cả A

135[2] Tứ Giáo Nghi Tập Chú do ngài Mông Nhuận soạn vào đời Nguyên. Sách này căn cứ theo giáo nghĩa của phái Sơn Gia trong tông Thiên Thai để chú giải bộ Tứ Giáo Nghi của Thiên Thai đại sư. Tác phẩm này tinh xác, rất thuận tiện cho kẻ sơ học, nên lại được ngài Tánh Quán đời Thanh chú sớ thêm, tạo thành bộ Tứ Giáo Nghi Chú Vựng Bồ Phụ Hoàng Ký.

TuLađạo, nhân đạo, súc sanhđạo,ngạ quỷ,địa ngục đều thuộc về Dục Giới.Vihọ chẳng lia khỏinăm thứ ham muốn là “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ”, nên gọi là Dục Giới.Dục Giới càng lên cao, ngũ dục càng nhạt ít, càng đi xuống, càngngghiêm trọng. Chúng ta chó nên không biết điều này!

Hễ liễu giải chúng ta bèn hiểu rõ: Mong vượt thoát, nhất định phải buông ngũ dục lục trần xuống.Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là ngũ dục.Lục trần làđối tượng tiếp xúc của sáu căn; mắt, tai, mũi, lưỡi,thân và ý làsáu căn,đối tượng tiếp xúc làsắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ý là ý niệm,ý đối ứng với PhápTrần. Những thứ này đều phải nhạt bớt, càng nhạt bớt càng hay! Thật sự có thể buông xuống,sẽ vượt thoát Dục Giới, đến nơi đâu? Đến Sắc Giới. Chư vị phải hiểu Sắc Giới có mười tám tầng trời, đó là chư thiên. Chư thiên Sắc Giới trọn chẳng đoạn dục, chư vị phải biết điều này. Vì sao họ chẳng có dục?Họ có công phu Thiên Định. Khi họ nhậpĐịnh, Định có công năng chế ngự ngũ dục, lục trần, nên họ là Phục Đoạn (đoạn trừ bằng cách chế phục), chẳng phải là Diệt Đoạn (đoạn trừ sạch sành sanh), nhưng họ có Sắc. Lên cao hơn là VôSắc Giới Thiên,đây là tầng cao nhất trong lục đạo.VôSắc Giới thì ngay cả nhục thân cũng chẳng có, chữ Sắc chỉ thân thể vật chất và hiện tượng vật chất. Do vậy có thể biết,trong bốn tầng trời của Vô Sắc Giới, chỉ có hiện tượng tinh thần tồn tại, chẳng có vật chất, chẳng có nhục thân vật chất, mà cũng chẳng có những kiến trúc vật chất, quý vị đều chẳng nhìn thấy. Chúng ta thường gọi những cõi trời ấy là “*linh giới*”,linh hồn của họ tồn tại. Đó là phạm phu cao cấp.

VôSắc Giới Thiêntuykhá lắm, nhưng chẳng vượt thoát tam giới, tức là chẳng vượt thoát lục đạo luân hồi. VôSắc Giới Thiêntốt đẹp, trong ấy gần như là Niết Bàn. Niết Bàn làbát sanh, bất diệt,cõi trờiấygiống như Niết Bàn,nhưng chẳng phải là Niết Bàn thật sự. Chư thiên Sắc Giới đạt tới cảnh giới cao nhất trong Tứ Thiên Bát Định,tương làm VôSắc Giới Thiên là Niết Bàn.VôSắc Giới Thiên vẫn có thọ mạng, thọ mạng dài nhất là tám vạn đại kiếp, thời gian ấy thật dài. “*Đại kiếp*”: Một đại kiếp là một lần “thành, trụ, hoại, không” của thế giới này, đứhấythế giới này vô thường. Một lần thành-trụ-hoại-khônggọi là một đại kiếp. Thành-trụ-hoại-không tám vạn lần, quý vị nghĩ xem,thời gian ấy dài lắm! Tuy dài, rốt cuộc vẫn có ngày chấm dứt, đến ngày ấy, họ đánh mất công năng Thiên Định. Công năng Thiên Định vừa mất đi, phiền não bèn hiện tiền. Ý niệm sai lầm đầu tiên là kẻ ấy tưởng làm[Vô Sắc Giới Thiên]là bất sanh, bất diệt; có sao lại có sanh diệt? [Do hiểu lầm], bèn hủy báng thánh hiền. Thánh hiền đã nói “*Niết Bàn bất sanh, bất diệt*”, nay kẻ ấy đã mất công năng Thiên Định, phiền não hiện hành, bèn nghĩ các vị thánh hiền lừa gạt họ, ý niệm ấy chính là đại bất kính đối với các vị thánh hiền. Đại bất kính đối với thầy,đối với thánh hiền thì tội nghiệt ấy có cùng mức độ với tội bất hiếu với cha mẹ. Nếu kẻ nào bất hiếu với cha mẹ, không tôn trọng thánh hiền, quả báo là trong địa ngục A Tỳ.Do đó, quý vị thấy trèo lên cao nhất, trèo đến tầng trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, té lộn nhào xuống cũng nặng nhất,roi xuốngđịa ngục A Tỳ,

cầu làm thân người chẳng được! Trong kinh điển, đức Phật giảng chuyện này rất nhiều, và cũng giảng rất rõ ràng. Dụng ý nhằm đặc biệt nhắc nhở chúng ta, chúng ta mong thành Phật, chúng ta phải sanh về Tây Phương Tịnh Độ, đừng cầu thiên đạo! Đạt đến chỗ cao nhất trong thiên đạo, vẫn chẳng thể giải quyết vấn đề! Hai mươi tám tầng trời chẳng thể giải quyết vấn đề, huống hồ Dục Giới! Người bình phàm sanh lên trời, tuyệt đại đa số đều là sanh trong Tứ Vương Thiên hoặc Đạo Lợi Thiên, vì sao? Tình chấp và dục vọng chưa đoạn, khá hơn người bình phàm chúng ta một chút, nhạt bớt một chút, nhưng chưa đoạn, nên họ tiến cao hơn vô cùng khó khăn! Đó là ý nghĩa của tam giới. “*Vận xuất tam giới*” (chở thoát ra tam giới), nương theo Phật pháp tu hành, có thể vượt thoát tam giới, “*quy u Niết Bàn*” (trở về Niết Bàn). Tiểu Niết Bàn, chẳng phải là Niết Bàn thật sự, mà là Tương Tự Niết Bàn, là sở chứng của A La Hán, vượt thoát tam giới là chứng đắc [của hàng A La Hán], điều này trong phần sau chúng tôi sẽ còn nhắc tới.

Chúng ta lại xem phần tiếp theo: “*Hựu dụ như vận tải công cụ, sử nhân thừa chi các đảo kỳ quả địa, Pháp Hoa dĩ dương, lộc, ngưu chi tam xa, dụ Tiểu, Trung, Đại tam thừa. Tiểu giả, Thanh Văn Thừa. Trung giả, Duyên Giác Thừa. Đại giả, Bồ Tát Thừa*” (lại ví như công cụ vận tải, khiến cho người ngồi trên đó ai nấy đều đạt đến quả địa. Kinh Pháp Hoa lấy ba loại xe dê, nai, trâu để sánh ví ba thừa Tiểu, Trung, Đại. Tiểu là Thanh Văn Thừa. Trung là Duyên Giác Thừa. Đại là Bồ Tát Thừa). Đoạn này giảng rõ hơn sách Tứ Giáo Nghi, đây chính là những điều được nói trong kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa nói “*tam thừa*” là ba cỗ xe. Xe chính là ý nghĩa của Thừa. Nói đến ba loại xe, xe dê, xe nai và xe trâu. Xe dê thời cổ rất nhỏ, chỉ có thể chở được một người. Xe nai lớn hơn một chút, có thể ngồi hai người. Xe trâu rất lớn, đại khái có thể ngồi năm, sáu người. Trên thực tế, kinh Pháp Hoa nói “*đại bạch ngưu xa*” thì Đại Bạch Ngưu Xa chính là xe ngựa trong hiện tại 136[3]. Hiện thời, công cụ giao thông này chẳng còn nữa, được thay thế bằng xe hơi. Thời xưa, đừng nói là rất xưa, ngay trong lứa tuổi của tôi, nhằm lúc tôi học Tiểu Học và Trung Học, chúng tôi cũng ngồi xe ngựa. Tôi còn nhớ, lúc học Tiểu Học, ngồi xe ngựa; lũ học trò bé, một xe ngựa có thể ngồi được mười bốn, mười lăm đứa. Dùng chuyện này để tỷ dụ nó có thể chuyên chở bao nhiêu người, mà nói là Đại, Trung, Tiểu. Xe nhỏ ví như Thanh Văn, Thanh Văn là A La Hán, A La Hán gọi Tiểu Thừa. Người Tiểu Thừa chỉ cầu tự độ, chẳng phát tâm giúp đỡ người khác. Trung Thừa là Duyên Giác, tức Bích Chi Phật, thông minh hơn A La Hán, nhưng tâm lượng cũng chẳng lớn lắm. Chẳng phải là thiếu tâm từ bi, mà là tâm từ bi chẳng to lớn. Quý vị đến tìm họ, nếu họ thích quý vị thì sẽ có thể dạy quý vị, do có duyên với quý vị. Họ chẳng thích thì sẽ không ngó ngang tới quý vị. Đó là Thanh Văn và Duyên Giác. Bồ Tát khác hẳn, quý vị

136[3] Trong các chú giải kinh Pháp Hoa, kể cả bộ Pháp Hoa Luân Quán của tổ Ngẫu Ích đều giảng rõ người Tây Trúc gọi ngựa là “*bạch ngưu*”. Ở đây, chúng tôi vẫn dùng ba chữ “dê, nai, ngựa” theo cách dịch phổ biến của người Việt khi dịch đoạn kinh văn này.

không đi tìm các Ngài, mà các Ngài chủ động đến dạy quý vị. Các Ngài chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm ưa ghét, nên Bồ Tát được gọi là Đại Thừa.

Trong phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa có một đoạn như thế này: “*Như Lai hữu vô lượng trí huệ, lực, vô sở úy, chư pháp chi tạng, năng dĩ nhất thiết chúng sanh Đại Thừa chi pháp*”(Như Lai có vô lượng trí huệ, lực, vô sở úy, các pháp tạng, có thể ban cho hết thảy chúng sanh pháp Đại Thừa),chữ Đại Thừa chỉ NhấtPhật Thừa, “*dẫn bất năng tận thọ*” (nhưng [chúng sanh] chẳng thể nhận lãnh hết được). Tuy đức Phật rất từ bi, nhưng phápNhất Thừa là phương pháp thànhPhật, người bình phàm chẳng thể tiếp nhận. “*Xá Lợi Phất*”,câu này nói với ngài Xá Lợi Phất, “*dĩ thị nhân duyên, đương tri chư Phật phương tiện lực cố, u nhất Phật Thừa, phân biệt thuyết tam*” (do nhân duyên ấy, hãy nên biết chư Phật do sức phương tiện, đối với Nhất Phật Thừa mà phân biệt nói thành ba), tam thừa do vậy mà có.Phậttâm bình đẳng,Phật nguyện rộng sâu, Phật mong mọi hết thảy chúng sanhđều có thể thành Phật. Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Hết thảy chúng sanh vốn làPhật*”.Phậtgiúp đỡ chúng sanh, nhất định dạy họ trở về tự tánh. Trở về tự tánhbèn thành Phật, [bởi lẽ], họ vốn làPhật.Mê mất tự tánh, chẳng quay về được! Muốn trở về cũng chẳng phải là chuyện đơn giản như thế, vẫn chẳng thể trở về, đó là phàm phu trong lục đạo. Lục đạo phàm phu, nhân gian, Dục Giới Thiên chẳng mong trở về, nhưng Sắc GiớiThiênvà VôSắc Giới Thiên thật sự muốn quay về! Họ muốn quay về mà cũng chẳng về được, hưởng gì các phàm phu trong Dục Giới! Đức Phật bất đắc dĩ, phân biệt NhấtPhật Thừa thành ba giai đoạn, mỗi giai đoạn sau nâng cao hơn giai đoạn trước. Điều này giống như mở trường học, thầy và cha mẹ đều hy vọng học trò đưa nào cũng đạt được học vị Tiên Sĩ, đây làPhật tâm.Nhưng có phải là ai nấy đều đạt được hay không? Chẳng phải! Chẳng phải là người nào cũng đều có thể đạt được;do vậy, nhà trường mới lập ra ba học vị, có HọcSĩ,ThạcSĩ, và TiênSĩ,khả giống với tam thừa!

Mấy câu trong phần trước nói về Như Lai, nhưng trên thực tế là nói về chính mình. “*Như Lai có vô lượng trí huệ*”, Ngài chẳng nói “Phật”,chẳng nói “chưPhật có vô lượng trí huệ”,mà nói “Như Lai”.Kinh Đại Thừa nói “chưPhật” thì quá nửa là nói theo tướng;nói “Như Lai” đều là nói theo tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”,nói Như Lai,chẳng nói Phật! Nói Như Lai là nói theo tự tánh. Hết thảy chúng sanh đều có Phậttánh;đã có Phậttánh, đương nhiên có thể thànhPhật. Trong Phậttánh có vô lượng trí huệ, có vô lượng lực. Lực là gì? Năng lực, nay chúng ta gọi [năng lực] là “tài nghệ”. Có vô lượng tài nghệ, quý vị có năng lực. Trong kinh Phật có nói: ChưPhậtNhư Lai có mười thứ năng lực, “*mười*” tượng trưng cho sự viên mãn, không phải là con số, đúng là “*không gì chẳng biết*” là tríhuệ, “*không gì chẳng thể*” là mười lực. Mười lực tượng trưng cho “*không gì chẳng thể*”, chẳng có gì không làm được! “*Vô sở úy*” là bốn thứ không sợ hãi. “*Chư pháp chi tạng, năng dĩ nhất thiết chúng sanh Đại Thừa chi pháp*” (tặng các pháp có thể ban cho hết thảy chúng sanh pháp Đại Thừa), đức Phật có năng lực ấy, có

năng lực giúp đỡ hết thảy chúng sanh chúng đắc Phật quả rốt ráo trong một đời. Nói theo lý luận, phàm phu thành Phật mất thời gian bao lâu? Trong một niệm! Một niệm giác, phàm phu bèn thành Phật. Một niệm mê, quý vị là phàm phu. Câu này hoàn toàn là lời thật. Một niệm mê là niệm gì? Theo cuộc đối thoại giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát, trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, [“một niệm bất giác” vừa nói trên đây] chính là một niệm trong [một cái khảy ngón tay]. Chỉ cần một niệm giác, phàm phu bèn thành Phật, bất giác thì chẳng có cách nào. Trong tựa đề kinh này cũng chỉ rõ tam thừa, quý vị thấy tựa đề kinh, về phần tu nhân là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Thanh tịnh là Tiểu Thừa, Tiểu Thừa bao gồm cả Duyên Giác; bình đẳng là Đại Thừa, là Bồ Tát, chữ Giác sau cùng là Nhất Thừa, đó là thành Phật. Vì vậy, kinh này cũng là đức Thế Tôn vì hết thảy chúng sanh mà hiển thị tam thừa.

Chúng ta tu học, nếu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong một đời này, vấn đề ấy đã được giải quyết, bèn thành Phật. Nếu chẳng đạt được cảnh giới này, hãy tùy phần tu học, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi A Di Đà Phật lập trường học. Trường gì vậy? Trường dạy phàm phu thành Phật, bảo đảm quý vị thành Phật. Điều này rất khó có, một phẩm phiền não chưa đoạn mà vẫn có thể vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc, một phẩm phiền não cũng chẳng đoạn đấy nhé! Thật sự đoạn mấy phẩm phiền não, chẳng hạn như các loại phiền não nặng nhất và thô nhất trong Kiến Tư phiền não là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và Tà Kiến, trong phần trước đã giảng rất nhiều. Năm loại Kiến Hoặc ấy có tất cả là tám mươi tám phẩm. Đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc ấy chính là Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn, tức là Tiểu Thừa Sơ Quả, người như vậy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng ở trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Vì sao? Người ấy chẳng phải là phàm phu. Nói theo thế gian này, người ấy là thánh nhân, là bậc thánh nhân nhỏ nhoi, chẳng phải là phàm phu. Bậc thánh nhân nhỏ nhoi tuy vị trí rất thấp, nhưng cao minh hơn bọn lục đạo phàm phu chúng ta quá nhiều. Sau khi vị ấy chứng đắc Sơ Quả, Ngài có năng lực, ở trong lục đạo luân hồi, qua lại bảy lần trên cõi trời hoặc trong nhân gian, chắc chắn chẳng đoạn trong tam ác đạo, bảo đảm chuyện này! Và cũng chỉ có bảy lần, chẳng có lần thứ tám, [chỉ là] bảy lần, chắc chắn vượt thoát tam giới lục đạo, chứng quả A La Hán. Người như vậy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư, chẳng ở trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đó là Tiểu Thừa. Ở nơi đây tu đến cảnh giới Tiểu Thừa, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn sanh trong cõi Phương Tiện. Nếu ở nơi đây, chúng ta tu hành đạt tới cảnh giới Bồ Tát, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, mà sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, có địa vị bình đẳng với các vị Pháp Thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo Tịnh Độ của chư Phật Như Lai. Trong Phật giáo Trung Quốc, những người ấy là những vị được Thiên Tôn gọi là “đại triệt đại ngộ,

minh tâm kiến tánh”, Giáo Hạ gọi họ là “đại khai viên giải”, trong Tịnh Độ Tông gọi là “Lý nhất tâm bất loạn”. Chúng đắc Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi Thật Báo. Đến thế giới Cực Lạc, chúng Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang là trở về tự tánh viên mãn.

Bổn nguyện của đức Phật đích xác là hy vọng mỗi cá nhân chúng ta đều có thể viên thành Phật đạo ngay trong một đời. Phạm phu viên thành Phật đạo trong một đời thì chỉ có pháp môn này. Phật pháp nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất cứ pháp môn nào quý vị cũng đều chẳng thể thành tựu trong một đời! Chỉ có pháp môn Niệm Phật Vãng Sanh này là thật sự thành tựu ngay trong một đời! Trong đời này, chúng ta có thể gặp gỡ pháp môn này, [quả thật] chẳng dễ dàng. Đã gặp gỡ thì nhất định phải quý trọng, phải nắm chặt pháp này, ngàn vạn phần chớ nên khinh dễ bỏ qua; [nếu bỏ lỡ] thì chính là làm lần quá đời! Gặp được pháp môn này, đúng như cổ đại đức đã nói: “*Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”. Vào đời Thanh trước kia, ông Bành Tế Thanh đã nói: “*Hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”, ông ta nói pháp môn này hiếm có, khó gặp trong vô lượng kiếp! Đời này, quý vị gặp gỡ, hãy nắm vững nó, pháp môn này “*vạn người tu, vạn người đến*”, câu này do Thiên Đạo đại sư nói, chẳng phải là lời giả! Nhưng học Phật, bất luận học pháp môn nào, nói chung, nhất định phải biết buông xuống. Buông những gì xuống? Buông phiền não xuống, buông tập khí xuống. Cổ đại đức thường dạy chúng ta, hễ điều gì chẳng mang theo được, bèn buông xuống. Chúng ta suy ngẫm, người đã chết có thể mang theo gì vậy? Tài sản của quý vị chẳng mang theo được, thân tình chẳng mang theo được, tước vị chẳng mang theo được, kể cả thân thể của quý vị cũng chẳng mang theo được! Phải hiểu rõ chỗ này. Chẳng mang theo được thì hãy buông xuống, đó là giả, chẳng thật. Điều nào mang theo được thì quý vị bèn đổ công dốc sức nơi đó. Đức hạnh mang theo được, công đức có thể mang theo được. Trì giới hữu công, tam-muội là đức, tam-muội là Thiên Định. Thiên Định là Công, khai trí huệ là Đức, những điều này có thể mang theo được. Ngược lại, những tội nghiệp do quý vị đã tạo cũng có thể mang theo. Nếu mang theo một thân tội nghiệp, đời sau sẽ sanh trong tam ác đạo. Suốt đời này, quý vị làm rất nhiều chuyện tốt, những chuyện ấy cũng có thể mang theo được. Do những chuyện tốt ấy, đời sau sanh lên trời, nhưng đều chẳng bằng buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật. Niệm Phật có thể mang theo được, niệm Phật có thể vãng sanh Tịnh Độ. Do vậy, phải thường nghĩ tới những gì có thể mang theo được, chúng ta nghiêm túc nỗ lực thực hiện. Học tập kinh giáo giúp chúng ta khai ngộ. Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, học tập kinh Vô Lượng Thọ, tăng trưởng sự hiểu biết đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự nhận biết rõ ràng, minh bạch, tín tâm mới có thể kiên định, nguyện tâm chẳng lùi; đó là điều kiện ắt phải hội đủ hồng vân sanh thế giới Cực Lạc.

Tiếp đó, chúng ta lại xem [những lời giảng giải về] phương tiện, “*thiện lập phương tiện*”: “*Hựu, Pháp Hoa Văn Cú viết: ‘Phương tiện giả, môn dã’* (lại nữa, sách Pháp Hoa Văn Cú nói: “*Phương tiện là cửa*”). Đây là tỷ dụ. “*Vị chân thật tác môn, chân thật đắc hiển, công*

do phương tiện. Y thừa thích, tức Tiểu Thừa vi nhập Đại Thừa chi môn, cố vị chi phương tiện giáo. Hựu, tam thừa vi thông ư Nhất Thừa, cố diệc danh phương tiện giáo. Dĩ thượng kinh luận, chánh hiển ‘thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa’ chi chí” (làm cửa để thâm nhập chân thật, hiển lộ được sự chân thật, toàn do công của phương tiện. Theo cách giải thích này, Tiểu Thừa là cái cửa để vào được Đại Thừa, nên Tiểu Thừa được gọi là giáo pháp phương tiện. Hơn nữa, do tam thừa thông với Nhất Thừa, nên tam thừa cũng gọi là giáo pháp phương tiện. Những đoạn kinh, luận trên đây thật sự tỏ rõ yếu chỉ “thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”). “Phương” là phương pháp, “Tiện” là thuận tiện. Nói cách khác, là phương pháp rất thích hợp, phương pháp tốt nhất, phương pháp mẫu nhiệm nhất. Trong Phật pháp, thường dùng chữ “thiện xảo”, “thiện xảo” là phương tiện. Do vậy, phương tiện chẳng phải là phương pháp nhất định; do mỗi người mỗi khác, do mỗi chuyện mỗi khác, tùy thuộc vào đó mà biến hóa vô cùng. Khéo dùng phương tiện là trí huệ; thiếu trí huệ sẽ chẳng biết dùng. Trong những người có trí huệ, Phật là bậc trí huệ viên mãn. Như Lai có vô lượng trí huệ, nên phương tiện môn của Ngài cũng là vô lượng vô biên, vô lượng phương tiện! Sánh ví phương tiện như cửa, cửa có ý nghĩa “có thể tiến vào”. Vì sao? “Vị chân thật tác môn” (làm cửa để thâm nhập sự chân thật). Tông môn gọi “chân thật” là “minh tâm kiến tánh”, đó là chân thật. Chân là chẳng giả, Thật là chẳng huyễn. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy: “Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”, hư vọng chẳng phải là chân thật, chân thật chẳng phải là hư vọng. Chân thật là gì? Chân thật là tự tánh, chỉ có điều này là chân thật. Vũ trụ do nó biến hiện, vạn pháp cũng do nó biến hiện. Do vì tự tánh có thể sanh, có thể hiện, nên nó là thật, còn những cái được sanh, được hiện chẳng thật. Thật ra, cái được sanh, cái được hiện sanh diệt trong từng sát-na, sát-na chẳng trụ. Trong kinh Phật, thường thấy có câu như vậy. “Sát-na chẳng trụ” là sanh diệt trong từng sát-na, chẳng thật, chỉ có tự tánh là bất sanh, bất diệt. Vì thế, ngôn ngữ cổ của Ấn Độ là tiếng Phạn, gọi [bất sanh bất diệt] là Niết Bàn. Niết Bàn có nghĩa là “bất sanh, bất diệt, chân thật”. “Chân thật đặc hiển”: Quý vị thấu hiểu, chứng đắc. “Công” là có phương tiện, công phu là phương tiện; phương tiện có công, chân thật bèn hiển hiện. Nếu quý vị chẳng từ phương tiện môn, quả thật chẳng có cách nào minh tâm kiến tánh!

Theo cách giải thích này, tiếp đó bèn nói: “Tức Tiểu Thừa vi nhập Đại Thừa chi môn” (Tiểu Thừa là cửa để nhập Đại Thừa), đó là pháp phương tiện. Thuở đức Phật tại thế, tiếp nhận lời thỉnh pháp của chư thiên trời Tịnh Cư, họ thỉnh đức Phật trụ thế, thỉnh Ngài chuyên pháp luân, tức là thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật trụ trong thế gian giáo hóa chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật nhận lời. Sau khi đã nhận lời, bèn bắt đầu giáo học. Đầu tiên là những người hữu duyên. Ngài rời khỏi gia đình, đi tham học bên ngoài, cha mẹ Ngài rất quan tâm, sai năm người đi theo chăm sóc. Năm vị ấy ở Lộc Dã Uyển. Sau khi đức Phật khai ngộ, rời cội Bồ Đề, đến Lộc Dã Uyển tìm năm người ấy. Tìm được năm người ấy, bèn giảng cho họ nghe pháp Tứ Đế, giảng Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Năm người nghe xong, tôn giả Kiều Trần Như giác

của ngài Khang Tăng Khải. Tích Sa Tạng là bản in [kinh Đại Tạng] đời Tống, và bản chép trong Cao Ly Tạng đều có hai chữ “*trung hạ*”, tức “*u thứ trung hạ*”. Tiếp đó, cụ có giải thích “*trung hạ*” là gì, “*nhi hiện Niết Bàn*” là thị hiện diệt độ. Nói cách khác, Ngài chẳng nói đến bậc thượng, chẳng nói tới thượng thượng. Vì sao? Người thượng thượng căn đã biết Thích Ca Mâu Ni Phật có hiện Bát Niết Bàn hay không? Chẳng có! Kẻ căn tánh trung hạ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Bát Niết Bàn. “*Thử thị bát tướng thành đạo trung chi đệ bát, Bát Niết Bàn tướng*” (đây là tướng thứ tám trong tám tướng thành đạo, tức là tướng Bát Niết Bàn), đây là tướng nhập diệt của Thích Ca Mâu Ni Phật. Niết Bàn (Nirvāṇa), là tiếng Phạn, tức là ngôn ngữ của Ấn Độ [cổ đại], “*cựu dịch vi Diệt Độ, tân dịch vi Viên Tịch*” (dịch theo lối cổ là Diệt Độ, dịch theo lối mới là Viên Tịch). Chúng ta phải hiểu ý nghĩa hai chữ Tân và Cựu này. “*Cựu dịch*” là [cách dịch thuật] trước thời Huyền Trang đại sư, do các vị cổ đại đức phiên dịch. Các Ngài dịch Niết Bàn là Diệt Độ, ý nghĩa cũng rất hay. Diệt (滅) là gì? Diệt phiền não, Độ (度) là “độ sanh tử” (vượt thoát sanh tử), độ luân hồi. Diệt Kiến Tư phiền não, Độ là vượt thoát. Vượt thoát tam giới lục đạo, diệt Trần Sa phiền não, diệt Vô Minh phiền não, vượt thoát mười pháp giới, quý vị mới có thể đạt tới. Độ là đạt đến, đạt đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chu Phật Như Lai. Diệt có ý nghĩa sau đây: Diệt phiền não, diệt ba thứ phiền não, tức Kiến Tư, Trần Sa, và Vô Minh. “*Tân dịch*” là [cách dịch tuân theo quy định của] Huyền Trang đại sư, những kinh được phiên dịch từ thời Huyền Trang đại sư trở đi gọi là Tân Dịch. Họ dịch hai chữ Niết Bàn thành Viên Tịch, cách dịch này rất hay. Viên (圓) là viên mãn, Tịch (寂) là thanh tịnh tịch diệt, mang ý nghĩa này. Kéo đó là: “*Diệt độ giả, diệt sanh tử chi nhân quả, độ sanh tử chi baolưu*” (Diệt độ là diệt nhân quả sanh tử, vượt thoát dòng nước lũ sanh tử), “*baolưu*” (瀑流) là tỷ dụ, giống như sóng to, là cảnh giới sóng to gió lớn, tức là nói đến sự sanh tử trong lục đạo.

“*Niết Bàn kinh viết: Diệt chư phiền não, danh vi Niết Bàn. Ly chư hữu giả, danh vi Niết Bàn*” (Kinh Niết Bàn nói: “Diệt các phiền não, gọi là Niết Bàn. Lìa các hữu gọi là Niết Bàn”). Điều này chẳng khác các ý nghĩa vừa nói cho lắm. “*Diệt chư phiền não*” là nói [diệt trừ] Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Đó là ý nghĩa của Diệt, là ý nghĩa của Niết Bàn. “*Ly*” có nghĩa là Độ. “*Ly chư hữu*”: Chư Hữu là tam giới, tức Dục Giới Hữu, Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu, có gì vậy? Có nhân, có quả. Quý vị có cái nhân Dục Giới thì mới có quả báo Dục Giới. Quý vị có cái nhân Sắc Giới, bèn có quả báo Sắc Giới. Có cái nhân Vô Sắc Giới, bèn có quả báo Vô Sắc Giới. Vì thế, nếu đổ công dốc sức nơi quả sẽ chẳng thể giải quyết vấn đề! Quả báo hiện tiền, nhất định phải giải quyết từ nhân. Do nhân tâm (cái tâm chứa đựng cái nhân) chẳng còn, quả báo chẳng hiện, quả bị tiêu diệt. Vì tam giới

tính chân xác của Đại Tạng Kinh này, các bản in hiện thời của Đài Loan và Hoa Lục phần lớn dựa theo bản này.

lục đạo là huyễn tướng, chẳng thật, cổ đại đức sánh ví nó như mộng, huyễn, bọt, bóng. Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói rất hay: “*Trong mộng rành rành phô sáu nẻo*”, “*sáu nẻo*” là lục đạo luân hồi, “*giác rồi ba cõi rộng toang hoang*”. Quý vị giác ngộ giống như đã tỉnh giấc. Sau khi tỉnh giấc, cảnh mộng chẳng còn nữa! Nếu thật sự giác ngộ, buông Kiến Tu phiền não xuống, thật sự giác ngộ, chẳng thấy lục đạo nữa. Chẳng thấy lục đạo, xuất hiện cảnh giới gì? Xuất hiện bốn thánh pháp giới, bốn thánh pháp giới là Tịnh Độ, là Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Cảnh giới ấy vẫn chưa đạt đến rốt ráo, vì sao? Quý vị vẫn chẳng có cách nào thoát ly mười pháp giới. Thoát ly lục đạo thì vẫn còn có bốn thứ pháp giới trong mười pháp giới là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật, quý vị chẳng có cách nào rời khỏi, nên vẫn phải buông xuống. Buông phân biệt xuống, quý vị mới có thể tiến lên. Từ Thanh Văn, Duyên Giác, tiến lên Bồ Tát, từ Bồ Tát lại tiến lên Phật. Đến địa vị Phật, nhất định phải buông vô minh xuống, buông Vô Minh phiền não xuống. Buông vô minh xuống thì mới có thể thoát ly mười pháp giới, mười pháp giới cũng đều chẳng còn. Vì vậy, mười pháp giới cũng chẳng thật. Lục đạo đúng là cảnh mộng trong mộng! Thoát ly mười pháp giới, Nhất Chân pháp giới hiện tiền, đó là thật, chẳng giả, trở về Nhất Chân.

Nhưng đối với Nhất Chân ở đây, theo kinh Hoa Nghiêm còn có bốn mươi một địa vị, bốn mươi một địa vị ấy do đâu mà có? Đã đoạn vô minh phiền não, cũng có nghĩa là chúng ta đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. Khởi tâm động niệm là vô minh phiền não. Chẳng khởi tâm, không động niệm, lấy đâu ra các đẳng cấp? Không khởi tâm, chẳng động niệm là cảnh giới bình đẳng thật sự hiện tiền; hễ khởi tâm động niệm, sẽ không bình đẳng. Bình đẳng thật sự hiện tiền, vì sao đức Phật còn có bốn mươi một đẳng cấp? Trong Sơ Sao của Thanh Lương đại sư, tức là trong chú giải [kinh Hoa Nghiêm], Ngài đã nói: “*Những vị ấy gọi là Phật cũng được, mà gọi là Pháp Thân Bồ Tát cũng được*”. Tuy các Ngài đã đoạn vô thỉ vô minh, nhưng tập khí vẫn còn. Vì thế, chúng ta hiểu: Bốn mươi đẳng cấp ấy là do tập khí vô thỉ vô minh có dày hay mỏng khác nhau. Người vừa mới phá vô minh phiền não, đương nhiên tập khí nặng hơn một chút; người đã buông xuống khởi tâm động niệm rất lâu, tập khí sẽ mỏng hơn một chút. [Bốn mươi một địa vị] là nói theo tập khí dày hay mỏng. Tập khí dày hay mỏng có liên quan đến sự tu hành và sự hóa độ người khác của chính mình hay không? Thưa quý vị, chẳng liên quan! Chẳng có may mắn chướng ngại. Vì thế, Sơ Trụ Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, trí huệ, đức tướng và quả vị rốt ráo chẳng khác chư Phật Như Lai, Sơ Trụ đã thành Phật. Giống như trong phẩm Phổ Môn miêu tả Quán Thế Âm Bồ Tát, nên dùng thân gì để đắc độ, Ngài có thể hiện thân ấy. Nên dùng thân Phật để độ, Ngài liền hiện thân Phật. Nên dùng thân Bồ Tát để độ, Ngài liền hiện thân Bồ Tát, Ngài có thể tùy loại hiện thân. Kinh Lăng Nghiêm có nói: “*Thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận lãnh của họ*”, trí huệ và đức tướng tột viên mãn. Ngài Thanh Lương đã giúp chúng ta hóa giải nghi vấn này. Đối với sự tu học của chúng

ta mà nói thì Ngài đã hóa giải, đột phá một tầng chướng ngại. Vì thế, “*ly chur Hữu*” cũng là ý nghĩa của Niết Bàn. Niết Bàn có hai nghĩa là Diệt và Độ.

“*HưuHiền Thủ TâmKinhLượcSớ*” (lại nữa, bộ Tâm Kinh Lược Sớ của ngài Hiền Thủ). Trong tông Hoa Nghiêm, Hiền Thủ đại sư là thầy của ngài Thanh Lương, là tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm, Ngài có tác phẩm chú giải Tâm Kinh gọi là Lược Sớ. Trong ấy cũng có nói: “*Niết Bàn, thủ vân Viên Tịch*” (Niết Bàn được cõi này dịch là Viên Tịch). Đây là Tân Dịch, nên dịch [Niết Bàn] thành Viên Tịch. “*Vị đức vô bất bị xung Viên, chướng vô bất tận viết Tịch*” (ý nói: Chẳng đức nào không trọn nên gọi là Viên, chẳng chướng ngại nào không hết nên gọi là Tịch), nêu ra một tiêu chuẩn để giải thích hai chữ này. Viên là gì? Trí huệ, đức tướng, cũng như đức Thế Tôn đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Trí huệ, đức năng và tướng hảo của Như Lai thấy đều trọn đủ, chẳng bị khiếm khuyết mảy may, nên nói là “*đức vô bất bị*” (đức không gì chẳng trọn đủ). Đó là ý nghĩa của Viên, có ý nghĩa viên mãn, chẳng khiếm khuyết. “*Tịch*”: Tịch là nói đến chướng, chướng là gì? Phiền não, còn gọi là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thấy đều đoạn sạch, hoặc như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói là “*Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não*” thấy đều đoạn hết. Đó là Tịch. Tịch là nói theo Đoạn Đức. Đó là ý nghĩa của hai chữ Viên Tịch.

“*Hưu, Chân Giải viết*” (lại nữa, sách Chân Giải nói), Chân Giải là [tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ] của người Nhật. Pháp sư Nhật Bản sang Trung Quốc du học, thân cận Trí Giả đại sư, thân cận Thiên Đạo đại sư, sau khi quay về Nhật Bản, họ chính là những người đã làm cho Đại Thừa Phật giáo [tại Nhật] hưng vượng. Trong tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ ấy, có mấy câu: “*Nghĩa sung pháp giới, đức bị hằng sa, vi Viên*” (Nghĩa đầy áp pháp giới, đức trọn vẹn như cát sông Hằng là Viên), đó là ý nghĩa của Viên, cách nói này cũng rất hay! “*Nghĩa*” là gì? Nghĩa là Lý, cũng là nói đến trí huệ và đức tướng, đầy áp trọn khắp pháp giới. Khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, chỉ có người chứng đắc rốt ráo mới biết, chỉ có người chứng đắc trong Phật pháp mới biết: Chư Phật Như Lai, vạn sự vạn vật trong vũ trụ và chính mình là một Thể. Nếu chúng ta hỏi, vạn sự vạn vật trong vũ trụ và ta có phải là một Thể hay không? Thừa chư vị, là [một Thể]! Ta và bất cứ người nào cũng đều là một Thể, ta và bất cứ vật gì cũng đều là một Thể. Tuy là một Thể, nhưng nay quý vị chẳng thừa nhận, tức là quý vị chẳng chứng thực nó. “*Chúng*” là chứng thực, chứng minh. Vì sao quý vị chẳng thể chứng thực? Vì quý vị có phiền não, có tập khí, có chướng ngại. Nhà Phật nói có hai thứ chướng ngại, tức là hai loại lớn: Một là Phiền Não Chướng, hai là Sở Tri Chướng, có những thứ ấy chướng ngại, khiến quý vị không thể chứng đắc. Hai thứ chướng ngại ấy nếu đều diệt trừ, quý vị bèn chứng đắc, hoằng nhiên đại ngộ, đúng là một, không hai. Hiền Thủ quốc sư có một bài luận văn hết sức nổi danh trong giới Phật giáo là Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Bài luận văn ấy chẳng dài, giảng về chuyện

này, giảng khởi nguyên của vũ trụ và khởi nguyên của sanh mạng, hết thủy vạn pháp rốt ráo là chuyện như thế nào, đặc biệt là có quan hệ gì với chúng ta, giảng hết sức rõ ràng, hết sức minh bạch. “*Thê cùng chân tánh, diệu tuyệt tướng lụy, vi Tịch*” (thê cùng tột chân tánh, khéo léo dứt tuyệt hoàn toàn sự phiền lụy do vướng mắc vào hình tướng là Tịch). Thê là Lý Thê, triết học hiện tại gọi nó là “bản thể” của vạn vật trong vũ trụ, cũng có thể giải thích được, mà chúng ta cũng có thể hiểu được, thấu hiểu điều gì? Thấu hiểu chân tánh. Thê là chân tánh, chân tánh là Thê. Trong Tâm Kinh có mấy câu: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”. Không là chân tánh, Sắc là tướng, chúng là một, chẳng hai! Tướng có, Thê không. Do Thê là Không, nên gọi là Chân Không. Không ở đây không phải là chẳng có gì. Hiện thời, kẻ bình phàm chúng ta ngỡ Không là “cái gì cũng không có”, chẳng phải vậy! Không là thứ gì cũng đều có, điều này khó hiểu. Tướng có, Có tức là Phi Hữu, Chân Không chẳng rỗng không. Diệu Hữu chẳng phải là Có, Chân Không chẳng rỗng không. Đó là ý nghĩa của Tịch, viên tịch mà! Khến hận cảnh giới này, quý vị đắc đại tự tại. Hai chữ “*diệu tuyệt*” là [nói đến] phương tiện, phương tiện thiện xảo, quý vị đắc đại tự tại trong cuộc sống, được hưởng niềm vui chân chánh. Vì sao? Quý vị chẳng mệt mỏi. Nay chúng ta gọi mệt mỏi là áp lực, phiền não, lo âu, vướng mắc, những thứ này đều thuộc vào chữ Lụy. Quý vị hoàn toàn chẳng có [phiền lụy], bèn đắc đại tự tại trong hết thủy cảnh duyên. “*Cảnh*” là hoàn cảnh vật chất, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự. Đắc đại tự tại trong hoàn cảnh nhân sự và trong hoàn cảnh vật chất, đó là ý nghĩa của chữ Tịch. Cách nói này hay lắm, được trích từ sách Chân Giải.

“*Thượng chi kinh luận*”, đối với những điều trên đây, kinh do đức Phật nói, luận do tổ sư đại đức trước tác, “*biểu Pháp Thân đại sĩ chuyên chí Phật quả, bất trụ hôn diệt, đản vi nhiêu ích trung hạ Nhị Thừa, thiện xảo phương tiện, thị hiện nhập diệt chi tướng*” (biểu thị Pháp Thân đại sĩ chuyên dốc chí nơi Phật quả, chẳng trụ trong “hôn thân diệt trí”, chỉ vì tạo lợi ích cho hàng Nhị Thừa căn tánh trung hạ, mà dùng phương tiện thiện xảo, thị hiện tướng nhập diệt). Đây là nói rõ hai chữ “*trung hạ*”. Hạ là gì? Tiểu Thừa, [“trung hạ” là] Trung Thừa và Tiểu Thừa, vì họ mà thị hiện. Bậc thượng thượng thừa, người Đại Thừa hiểu rõ ràng, minh bạch: Thích Ca Mâu Ni Phật đang diễn tuồng cho họ xem; nhưng kẻ trung hạ căn không biết, ngỡ Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự diệt độ. Ở đây, chúng ta phải học, học theo Pháp Thân đại sĩ “*chuyên chí Phật quả, bất trụ hôn diệt*”. “*Hôn diệt*” có nghĩa là gì? Hôn thân diệt trí (灰身滅智) là hàng Tiểu Thừa. Trong Phật môn, thần thức rời khỏi thân thể, chúng ta nói người ấy đã chết. Đã chết bèn hỏa táng, mai táng bằng lửa là “*hôn diệt*” 139[6]. Trong kinh Tiểu Thừa thường nói đến “*hôn thân diệt trí*”: Thân thể đã đốt sạch, đó “*hôn thân*”. Đối với hết

139[6] “*Hôn*” (灰) có nghĩa là tro. Do hỏa táng chỉ còn lại tro, nên gọi là “*hôn diệt*” hoặc “*hôn thân*”. Hiểu theo nghĩa rộng là thân chẳng trụ trong thế gian, tâm trí nguội lạnh, đắm chìm trong niềm vui tịch diệt nơi Thiên Chân Niết Bàn nên gọi là “*hôn thân diệt trí*”.

thầy vạn pháp, chẳng có tâm cầu lấy, đó là “*diệt trí*”, hỡi thân diệt trí [lành vậy đó]! Pháp Thân Bồ Tát chẳng làm chuyện này, các Ngài chuyên dốc chí nơi Phật Thừa. Phật Thừa là Nhất Phật Thừa, trong Phật môn, [thừa này] gọi là Nhất Thừa giáo. Nhất Thừa giáo để nói với ai? Nói với bậc thượng thượng căn, chẳng phải để nói với Đại Thừa. Đại, Trung, Tiểu là Tam Thừa, đó là pháp phương tiện; Nhất Thừa là rốt ráo, quả rốt ráo gọi là Nhất Thừa. Xưa nay, tổ sư đại đức công nhận kinh Nhất Thừa có ba bộ, kinh điển để thành Phật gọi là “*Nhất Thừa kinh*”, tức Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, và Phạm Võng. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa được truyền sang Trung Quốc, kinh Phạm Võng chỉ có một phẩm, chẳng truyền toàn bộ sang Trung Quốc, chỉ có một phẩm là Bồ Tát Tâm Giới Phẩm. Nhưng một quyển kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ chúng ta đang học đây, cũng được cô đại đức pháp định thuộc về pháp Nhất Thừa. Vì sao? Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đến cuối cùng mới viên mãn rốt ráo, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc thì kinh Hoa Nghiêm mới viên mãn. Bộ kinh này chuyên giảng về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng có nghĩa là đến cuối cùng, chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Vô Lượng Thọ, cho nên bộ kinh này biến thành kinh Nhất Thừa bậc nhất trong các kinh Nhất Thừa. Cách nói này chính xác!

Do vậy, vào đời Thanh xưa kia, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đã lấy quyển cuối cùng trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, tức là phần giảng về mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, đặc biệt rút ra từ trong kinh Hoa Nghiêm, in kèm thêm vào phía sau Tịnh Độ Tam Kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Điều này đã ban cho chúng ta một khái thị rất lớn. Ông ta làm như vậy có đúng hay không? Đúng, có lý do! Quý vị thấy hiện thời chúng ta đọc bộ kinh do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập, chúng ta học phần này là phẩm thứ hai, [có nhan đề là] Đức Tuân Phổ Hiền. Chúng ta liền biết Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới Phổ Hiền Bồ Tát, hễ là người vãng sanh thế giới Cực Lạc đều tu gì? Thấy đều tu pháp môn Phổ Hiền. Chúng ta cũng đọc từ kinh điển, thấy kinh điển đã dạy: Bồ Tát chẳng tu pháp Phổ Hiền, sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Do vậy, bất cứ vị Bồ Tát nào cũng phải học tập pháp Phổ Hiền thì mới có thể thành Phật. Chẳng tu hạnh Phổ Hiền, chẳng thể thành Phật! Thế giới Cực Lạc hoàn toàn là tu Phổ Hiền hạnh. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm bình đẳng. Trong niên hiệu Càn Long, cư sĩ Bàn Tế Thanh đã nói: “*Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bản Hoa Nghiêm*”. Ông ta thốt ra lời ấy. Nói cách khác, kinh Hoa Nghiêm là Đại Bản Vô Lượng Thọ Kinh; lại còn có Phật Thuyết A Di Đà Kinh, đó là Tiểu Bản Hoa Nghiêm. Kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm. Đánh giá ba bộ kinh ấy ngang nhau, hoàn toàn bình đẳng, từ chỗ này chúng ta biết giá trị của bộ kinh [Vô Lượng Thọ] này.

Từ nay về sau, pháp vận của đức Phật này còn chín ngàn năm. Tổ tiên người Trung Quốc hết sức coi trọng lịch sử, khác với người Ấn Độ. Người Ấn Độ quả thật chẳng coi trọng lịch sử, mà coi trọng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, đời đời truyền thừa. Nhưng tại Trung Quốc, theo ghi chép của cổ thánh tiên hiền, Thích Ca Mâu Ni Phật sanh nhằm thời Chiêu Vương nhà Châu

của Trung Quốc, tức là vào năm Giáp Dần, nhằm năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch nhằm năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương. Nếu theo cách tính này, từ lúc Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch cho tới hiện thời là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm. Đó là cách ghi chép của người Trung Quốc, khác với cách ghi chép của người ngoại quốc. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm, Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, đã hai ngàn năm trôi qua. Phật pháp truyền đến Trung Quốc nhằm thời kỳ Tượng Pháp, cũng có nghĩa là Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ một ngàn năm, Phật pháp truyền đến Trung Quốc vào thời Tượng Pháp. Mạt Pháp là một vạn năm, một ngàn năm đầu tiên đã qua, hiện thời là một ngàn năm thứ hai, đã qua ba mươi bảy năm, thời gian vẫn còn rất dài. Vì thế, rất nhiều tôn giáo khác nói đến tận thế, Phật giáo chẳng có thuyết tận thế. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật hãy còn chín ngàn năm nữa, một ngàn năm thứ hai mới được ba mươi bảy năm. Pháp vận của Phật giáo có hưng, có suy, đó là hiện tượng bình thường; có hưng, có suy, nhưng chẳng bị diệt. Đến lúc nào sẽ diệt? Sau chín ngàn năm nữa, Phật pháp mới bị diệt, bị tiêu diệt trong thế gian này. Bị diệt cuối cùng là bản kinh chúng ta đang học đây. Sau khi bản này diệt, còn sót lại sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*” trong nhân gian, còn lưu lại một trăm năm. Chúng ta liễu giải sự thật này thì tín tâm đối với việc học Phật mới có thể tăng trưởng.

Thế gian này có tai nạn hay không? Khẳng định là có. Tai nạn phát sanh như thế nào? Trong kinh, đức Phật đã dạy, do tâm hạnh bất thiện của cư dân ở nơi ấy chiêu cảm, như Thái Thượng Cảm Ứng Thiên đã nói: “*Họa, phước chẳng có cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy*”. Chiêu phước như thế nào? Cư dân nơi ấy tâm địa thiện lương, hành vi thiện lương, phước bèn đưa đến, tai tiêu, phước đến. Nếu tâm hạnh của cư dân nơi ấy bất thiện, trái nghịch luân lý, đạo đức, nói theo văn hóa truyền thống Trung Quốc là tư tưởng và ngôn hạnh của chúng ta trái phạm Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, bèn chẳng có phước, phước tiêu tan, họa xảy đến, tai nạn đưa đến là do đạo lý như thế đó. Nếu ngược lại, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều có thể tương ứng với bốn khoa mục ấy, cũng như chúng ta nghiêm túc học tập Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, tai họa bèn tiêu tan, phước đưa đến, đạo lý là như thế đó. Đạo lý ấy rất sâu! Vô cùng khó có, những nhà khoa học ngoại quốc gần đây, tức các nhà Lượng Tử Vật Lý Học đã chứng thực chuyện này. Họ nói tâm thái có thể biến đổi hết thảy, kể cả hoàn cảnh, giống như đức Phật dạy. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã nói [như thế], hiện thời họ mới phát hiện, họ nói rất hay! Nếu có thể phổ biến chuyện này, trọn khắp mọi người đều biết, đối với những tai nạn trên địa cầu hiện thời, chúng ta có khả năng và năng lực hóa giải chúng, bất bình thường cũng có thể khôi phục bình thường. Vì thế, chúng tôi cũng khuyên lon những nhà khoa học hãy nên nghiên cứu Phật học. Nếu họ nghiên cứu, chắc chắn sẽ khiến cho khoa học tăng cao trên một mức độ lớn, chúng ta phải có tín tâm!

Tôi thường nói, trong kinh có ba câu chẳng thể không nhớ. Câu đầu tiên là đức Phật nói: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Các nhà Lương Tử Lực Học cận đại nói điều này là *“ý niệm làm chúa tể hết thấy”*, còn Phật pháp nói *“hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Họa, phước chẳng có cửa, do chính quý vị nghĩ như thế nào. Hễ quý vị nghĩ tới thiện, thì đến đản. Nếu quý vị nghĩ tới bất thiện, tai họa xảy đến. Không phải là có một chúa tể nào khác, mà chính mình là chúa tể, chớ nên không biết điều này. Hai câu khác hết sức hiện thực: *“Tướng do tâm sanh”* và *“cảnh chuyển theo tâm”*. Thật sự triệt để liễu giải những đạo lý và chân tướng sự thật này, chúng ta yên tâm thoải mái, hiểu rõ đạo lý. Trong hoàn cảnh, tâm quý vị an định, chẳng bị lay động bởi cảnh giới bên ngoài. Biết *“tướng do tâm sanh”* thì đời với thân thể và tình trạng sức khỏe của chúng ta, chỉ cần tâm tánh thiện lương, chỉ cần ý niệm tốt đẹp, hành vi tốt đẹp, quý vị suốt đời chẳng ngã bệnh, tuổi cao đến mấy vẫn chẳng già yếu, tướng do tâm sanh mà! Nếu ý niệm bất thiện, trong tâm đầy ách tham, sân, si, danh vọng, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần. Tham, sân, si, mạn là gốc bệnh, há lẽ nào chẳng ngã bệnh! Nhất định phải chuyển những ý niệm ấy. Ý niệm đã chuyển, thân tâm khỏe mạnh, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an tường, hòa bình, kể cả những tai nạn trên địa cầu cũng có thể hóa giải, có đạo lý to lớn trong ấy!

Vì thế, các vị Pháp Thân đại sĩ chuyên chí nơi Phật quả. Chí hướng và tâm nguyện của chúng ta phải chuyên, suốt đời này chúng ta cầu điều gì? Cầu thành Phật; học Phật là muốn thành Phật. Thành Phật như thế nào? Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương, chúng ta có thể y giáo phụng hành, sẽ có thể đạt tới hiệu quả giống như Ngài. *“Bất trụ hôn diệt”* là chẳng giống Tiểu Thừa, *“hôn thân diệt trí”* là tiêu cực. Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện tướng này? Nhằm lợi ích hàng Nhị Thừa trung hạ căn. Vì sao nói là lợi ích? Tiếp đó, có nói rõ, có giải thích, đó là dophương tiện thiện xảo, Ngài bèn thị hiện tướng nhập diệt, chẳng phải là thật sự. Tiếp đó, [sách Chú Giải] giải thích, *“như Pháp Hoa Thọ Lượng phẩm viết: Nhược Phật cửu trụ u thế, bạc đức chi nhân, bất chủng thiện căn, bản cùng hạ tiện, tham trước ngũ dục, nhập u ức tướng vọng kiến vọng trung”* (như phẩm Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa đã nói: *“Nếu Phật trụ lâu dài trong cõi đời, kẻ đức mỏng, chẳng gieo thiện căn, nghèo túng, hèn kém, tham đắm ngũ dục, lọt vào lưới u ức tướng, kiến giải sai lầm”*). Đó là gì? Nếu Phật trụ lâu dài trong thế gian, đúng là *“kẻ đức mỏng chẳng gieo thiện căn”*. Vì sao? Phật thường trụ, [những kẻ ấy sẽ nghĩ] chẳng có gì gấp gáp! Hôm nay đã qua thì hãy còn có ngày mai, năm nay đã qua thì còn có năm sau, chẳng học Phật không sao cả! Sang năm mới học, dẫu sao Phật vẫn còn đó mà! Nếu Phật chẳng còn nữa, họ bèn lo âu, chẳng thể không thật sự hành. Trong tâm người bình phàm đều có khuynh hướng này. Lấy thí dụ trước mặt để nói, năm xưa tôi theo học Giáo với thầy Lý tại Đài Trung, tôi nghiêm túc hơn kẻ khác. Vì sao? Tôi chẳng phải là người Đài Trung, tôi đến Đài Trung để học tập, thời gian có hạn. Các đồng học ở Đài Trung thấy thầy ở đó chẳng đi đâu, bèn giải đãi, họ chẳng dụng công siêng gắng như tôi. Vì tôi biết tôi

có thể phải ra đi bất cứ lúc nào, có được thời gian một ngày thì phải nghiêm túc nỗ lực học chăm chỉ một ngày. Họ chẳng có nghĩ ấy, [cứ nghĩ] thầy thường ở chỗ này, hầy còn có ngày mai, còn có năm sau, ngày tháng mai sau hầy còn rất dài, đạo lý là như thế đó! Tôi học thành tựu ở noidó, nhưng họ học chẳng thành tựu, nguyên nhân là như trong kinh văn này đã nói. Vì thế, đối với những kẻ ấy, đức Phật chẳng thể không thị hiện diệt độ. Hễ thị hiện diệt độ, bèn đổ rất nhiều người. Thầy đã mất, trò bèn nghĩ phải làm sao? Trước kia, thầy dạy gì? Suy nghĩ kỹ càng, bèn nghiêm túc học tập, [sự thị hiện diệt độ ấy] có thể kích thích, phát khởi một số người giác ngộ, thông hiểu. Vì thế, thị hiện diệt độ cũng là một phương pháp nhằm giúp đỡ chúng sanh giác ngộ. Kẻ sắp ngộ, nhưng vẫn chưa khai ngộ, [do thấy đức Phật] vừa thị hiện diệt độ bèn khai ngộ. Thuở trước, khi tôi mới học Phật, thân cận Chương Gia đại sư. Mỗi tuần, đại sư dành cho tôi hai giờ. Ngày Chủ Nhật, tôi được nghỉ, đến tìm Ngài, thỉnh giáo lão nhân gia. Ba năm sau, lão nhân gia vãng sanh. Để hỏa táng, [các môn đệ] đặc biệt tạo riêng một lò thiêu. Khi ấy, có Cam Châu Hoạt Phật dựng lều bên cạnh lò thiêu. Tôi cũng dựng lều ở cạnh đó ba ngày, trong ba ngày, nghiêm túc tư duy, trong ba năm thầy đã dạy tôi những gì, tôi học được điều gì? Nghiêm túc phản tỉnh. Nếu lão nhân gia thường hiện hữu, chúng tôi sẽ không thể nghiêm túc suy nghĩ vấn đề này. Vì vậy, Ngài vừa ra đi, đối với tôi chính là “*một gậy, một tiếng hét giáng vào đầu cảnh tỉnh*”. Cũng may là thời gian ba năm tuy không dài, nhưng căn cơ học Phật của tôi đã được đặt vững; về sau, thân cận thầy Lý mười năm, mới có một chút thành tựu. Nếu chẳng có ba năm đặt vững căn cơ ấy, dù ở trong hội của thầy Lý mười năm, tôi cũng chẳng thể có thành tựu. Vì vậy, các thứ thị hiện, đối với người học tập chúng ta mà nói, nói theo phía học trò, đều có lợi ích rất thù thắng!

Mấy câu này nói rất hay. “*Kẻ đức mỏng*” chẳng phải là nói kẻ thiếu đức hạnh, mà là không đủ dày để chống lại tập khí phiền não! “*Không gieo thiện căn*”, thiện căn là gì? Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo có thể sanh ra hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, nên gọi là “*thiện căn*”. Hiện thời Phật pháp suy vi, suy ở chỗ nào? Mọi người chẳng gieo thiện căn. Bất luận tại gia hay xuất gia, chẳng học Thập Thiện Nghiệp Đạo đàng hoàng, chẳng thực hiện. Xuất gia không chỉ phải thực hành Thập Thiện Nghiệp, mà còn phải thực hành Sa Di Luật Nghi. Nếu chẳng thể thực hiện Sa Di Luật Nghi thì chẳng phải là kẻ xuất gia, là giả, chẳng thật. “*Bản cùng hạ tiện*” là từ ngữ hình dung, bản cùng gì vậy? Đạo nghiệp bản cùng, Tam Học Giới-Định-Huệ bản cùng, quý vị chẳng có. Không phải là nói về của cải thế gian, không phải nói về những thứ ấy, mà nói về Tam Học Giới-Định-Huệ, đối với điều này, quý vị thiếu khuyết quá nhiều! “*Tham trược ngũ dục*” (tham đắm ngũ dục), ngũ dục là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. “*Nhập ư ức tượng, vọng kiến võng trung*” (lọt vào lưới ức tượng, kiến giải sai lầm). Suốt ngày ảo tưởng, chúng ta thường nói là tâm hạnh, tính tình bộp chộp. “*Nhược kiến Như Lai thường tại bất diệt, tiện khởi kiêu tư, nhi ho ài yếm đãi, bất năng sanh nan tao chi tướng, cung kính chi tâm*” (nếu thấy Như Lai thường hiện hữu, chẳng diệt độ, liền

sanh lòng kiêu căng, ôm lòng chán ngán, lười nhác, chẳng thể sanh ý tưởng khó gặp gỡ và tâm cung kính). Nếu Như Lai thường trụ, học trò sẽ nảy sanh những quan niệm sai lầm, kiêu mạn, đối với việc học tập dần dần sẽ chán ngán, lười nhác, cảm thấy chán ghét, những điều này đều là do chẳng gieo thiện căn. Quý vị truy cứu nguyên nhân căn bản thì là vì thiếu thiện căn. Vì thế, ba căn bản ấy vô cùng trọng yếu. Vì sao thời cổ, chẳng cần nói rất lâu, một trăm năm trước, một thế kỷ trước, người học Phật bắt luận tại gia hay xuất gia đều có thể thành tựu, nguyên nhân ở chỗ nào? Thiện căn sâu dày. Đối với thầy, thật sự có lòng cung kính, tôn sư trọng đạo, hiếu thuận cha mẹ, căn cội được vun bồi thỏa. Trong xã hội hiện tại, chẳng thấy chuyện này nữa! Trẻ nhỏ chẳng hiếu thuận cha mẹ, không tôn trọng thầy, nên hiện thời tìm chẳng được một vị thầy tốt. Không có một vị thầy tốt, cũng tức là sư đạo chẳng còn nữa. Chư vị nhất định phải biết: Sư đạo được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Chẳng có hiếu đạo, sẽ chẳng có sư đạo. Hiện thời, chúng ta mong có một chút thành tựu trong Phật môn, chẳng thể không học bổ sung các khóa trình này. Nay nói đến chuyện học bù thì phải học bổ sung các khóa trình này. Bổ sung Thập Thiện Nghiệp Đạo, nhưng vì sao hiện thời chẳng thể thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo? Thập Thiện Nghiệp Đạo còn có cội rễ. Cội rễ của Thập Thiện Nghiệp Đạo là gì? Thái Thượng Cảm Ứng Thiên là cội rễ của Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên còn có cội rễ, là gì vậy? Đệ Tử Quy là cội rễ của Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Vì thế, hiện thời chúng ta phải học từ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, phải học từ chỗ này. Đệ Tử Quy giống như tầng thứ nhất trong xây nhà. Cảm Ứng Thiên là tầng thứ hai, Thập Thiện Nghiệp Đạo là tầng thứ ba. Không có tầng thứ nhất, lấy đâu ra tầng thứ hai? Quý vị phải biết cách học như thế nào! Sau khi đã có ba tầng ấy, người xuất gia lại còn thêm Sa Di Luật Nghi, là tầng thứ tư. Sau đây, bắt luận học Nho, học Đạo, học Phật, đều có thành tựu. Học Nho có thể thành thánh, thành hiền, học Đạo có thể thành thần, thành tiên, học Phật có thể thành Phật, có thể thành Bồ Tát. Chẳng có căn thì làm sao được nữa? Căn quá trọng yếu!

Dẫu cho chúng ta hiện thời nói tới niệm Phật và sanh Tịnh Độ, nhưng nếu quý vị chẳng học Thập Thiện Nghiệp Đạo, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng thành công! Vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới cho chúng ta, có một câu rất trọng yếu, quyết định chớ nên coi thường. Ngài nói người trong thế giới Cực Lạc đều là “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*”. Những ai tới đó? Thượng thiện. Thiện ở đây là Thập Thiện, [“thượng thiện” là] thượng phẩm Thập Thiện. Người bình phàm tu thượng phẩm Thập Thiện quá nửa sanh trong trời Đao Lợi, chẳng mong thoát khỏi lục đạo luân hồi bèn sanh trong Đao Lợi. Vì thế, đó là điều kiện tiêu chuẩn để sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau đó còn có những thứ mà người sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhất định phải tu, tức là thiện căn, phước đức, nhân duyên! [Kinh Di Đà dạy] “*chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy*”. Câu này trọng yếu lắm! Quý vị phải có thiện căn,

phải có phước đức. Nhân duyên, duyên phận là gặp gỡ. Quý vị gặp kinhđiềnnày, gặp pháp môn này,tứclàquý vị có nhân duyên. Thiện cănlàgì? Có thể tin, có thể hiểu. Phước đức làgì?Thật sự làm. “Thật sự làm” bao gồm cả ba căn cội, tứcĐệ Tử Quy,Cảm Ứng Thiên,vàThập Thiện Nghiệp. Nếu quý vị chẳngthật sự làm,thật sự học, vẫn chẳng thểđếnTây Phương Cực Lạc thế giới được!Chớ nên khôngbiếtđiều này.Phật chẳnglừa chúng ta, kinh đã nói rõ ràng, rành rẽ;đến khi ấy chẳng thểvãng sanh, chính mình phải chịutrách nhiệm. Thật sự làngườihiểu lý, hiểu rõ và minh bạch cácđạo lý thế gian và xuất thế gian, mới biết: Bất cứ những gặp gỡ trong đờimỗingười đều do chính mình chịu trách nhiệm, đều là tự làm, tự chịu! Chẳng phải làdoThượng Đế đénlàm chủ. Chẳng có lẽấy!Phật, Bồ Tát phù hộ, cũng chẳng có đạo lýấy.Phật, Bồ Tát gia hộlàPhật, Bồ Tát dạy quý vị những thứđể quý vị tự gia hộ. Quý vị nghe xong, đã hiểu, họcđã hiểu rồi, bèn chiếu theo đóđể làm,đó chính làPhật, Bồ Tát gia hộ quý vị.Nếu không thật sự chịu làm,quý vị lại bỏ lỡđời này mất rồi!

Nhất là trong hiện tại,tai nạn rất nhiều.Đối vớicác chúng sanh tử vong vitài nạn,đạo tràng chúng ta tu hành mỗi ngày, giảng kinh ởđâyđều hồi hướng cho họ. Nhữngngười ấy qua đời,đi vềđâu?Đều là theo nghiệp lưu chuyển,đó mới làđại sựthật sự. Điều khó bậc nhất trong đờingười,đại sự bậc nhấtlàgặpgỡPhật pháp. Sau khi đã gặp, có thể tin, có thể hiểu,có thể y giáo phụnghành,đời này có thể vĩnh viễn thoát luân hồi. Không chỉ thoát luân hồi, mà cònvĩnh viễn thoát khỏimười pháp giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận là vãng sanh trong phẩm vị nào, [đềuđược] bốn nguyện và oai thần củaA Di Đà Phật gia trì, đều là A DuyViệt TríBồ Tát,tuyệt diệu thay! Quý vị thật sự muốnvãng sanh, hãy vun bồi vững chắc ba căn cội, tức làĐệ Tử Quy,Cảm Ứng Thiên,Thập Thiện Nghiệp,phảithật sự làm được; sau đây,pháttâm,nhất tâm niệmPhậtcầu sanh Tịnh Độ, không một ai chẳngvãng sanh. Nhữngđiều kiệnnhukinhđã dạy chúng ta đều hộiđủ,điều này vô cùngtrọng yếu.

Vì vậy,đức Thế Tôn thị hiện tướng diệtđộ thứ tám, không gì chẳng nhằm khiến chochúngsanhkhởi lêný tưởng khó gặp gỡ, dấy lên tâm cung kính. “*Thị cố Như Lai tuy bất thật diệt,nhi ngôn diệt độ*” (do vậy, Như Lai tuy chẳngthật sự diệt, mà nói là diệtđộ).Đó là nói thật với quý vị.ĐứcPhật có diệt độ hay không? Không có!Đó là làm ra dáng vẻ cho người căn tánh trung hạ thấy. “*Phi diệt hiện diệt, cố vân thị hiện*” (chẳng phải là diệtđộ, mà hiện diệtđộ, nên nói là Thị Hiện),chẳng phải làthật. “*Tác thử thị hiện, vị độ trung hạ chi cơ cố. Nhược thị thượng căn, tác kiến Như Lai vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ, bốn ly sanh diệt,hà hữu Niết Bàn*” (thị hiệnđiều này nhằmđộ căn cơ trung hạ. Nếu là bậc thượng căn sẽ thấy Như Lai chẳng từđâuđến, mà cũng chẳngđi vềđâu,vốn là sanh diệt,há cóNiết Bàn). Đúng vậy! Kinh Kim Cang đã giảng vềNhư Lai, “*vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ*” bèn gọi làNhư Lai,đó là thật,đạo lý này rất sâu. Kinh Hoa Nghiêm đã giảng thấu triệt; thật ra, mỗingười chúng ta đều như nhau, xác thực chẳng khác gìPhật. Chỉ vì chúng ta mê muội,bất giác, cònđangtạo tội nghiệp; chuPhật, Bồ Tát giácchứ không mê, đắcdại tự tại, xác thực cùng chúng ta hòa quang

đồng trần. Trên thực tế, các Ngài chẳng nhiệm mảy tằm. “Thị cố, Tùy TríGiả đại sư đọc Pháp Hoa Dược Vương phẩm, thân kiến Linh Sơn nhất hội nghiêm nhiên vị tán” (do vậy, đời Tùy, Trí Giả đại sư đọc phẩm Dược Vương kinh Pháp Hoa, đích thân thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan), thật đấy, chẳng giả đâu! Quý vị nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ, nay Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn đang giảng kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu. Trí Giả đại sư là người đời Đường 140 [7], cách Thích Ca Mâu Ni Phật hơn một ngàn năm. Quý vị thấy Ngài đọc kinh Pháp Hoa, đọc đến phẩm Dược Vương bèn nhập Định. Trong Định, đột phá các chiều của thời gian và không gian, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu. Ngài còn nghe giảng hết một khóa, tức là nghe hết một buổi giảng, trở về xuất Định, kể với mọi người: Thích Ca Mâu Ni Phật ở tại Linh Sơn, một hội kinh Pháp Hoa cho tới nay vẫn chưa tan, còn đang tiếp tục giảng. Con người có thể trở về quá khứ, và cũng có thể tiến nhập tương lai. Có công phu Thiền Định là được!

Do vậy, những điều được nói trong kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật, nếu nói theo tiên sinh Phương Đông Mỹ, sẽ là triết học cao nhất, khoa học cao nhất. Những vấn đề mà triết học và khoa học hiện tại chẳng thể giải quyết, trong kinh Phật đã có toàn bộ [những giải pháp]. Do tôi học Phật, được thầy giới thiệu, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học của toàn thế giới. Thuở ấy, tôi học Triết với thầy, tôi chẳng theo thầy học Phật pháp. Thầy bảo tôi, Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới. Tôi đã học năm mươi chín năm, nay đã phát hiện: Không chỉ là triết học cao nhất, mà cũng là khoa học cao nhất. Các nhà Vật Lý hiện đại phát hiện Lượng Tử, nhưng trong kinh Phật đều có, còn nói rõ ràng và viên mãn hơn họ. Đức Phật thấy bằng cách nào? Thấy trong Định. Trong Định, tất cả các chiều không gian [khác nhau] đều bị đột phá toàn bộ, chính mắt thấy, chẳng cần dùng máy móc. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

140[7] Ở đây, hòa thượng có lẽ nói nhầm chữ Tùy thành Đường, vì tổ Trí Khải sanh năm 538 (tức năm Đại Đồng thứ tư đời Lương Vũ Đế), tịch năm 597. Năm 597 là năm thứ 17 trong niên hiệu Khai Hoàng của Tùy Văn Đế. Ngài sống qua các triều đại Lương, Trần và Tùy, nhưng viên tịch trước khi nhà Đường thành lập vào năm 618 (khi Lý Uyên xưng đế).